Table of Contents

Quyển :Kinh Pháp cú - Hình ảnh chuyển dịch thơ Tâm Minh Ngô Tằng Giao 1

Lời nói đầu 1

1. PHẨM SONG SONG 6

2. PHẨMKHÔNG BUÔNG LUNG 26

3. PHẨM TÂM 38

4. PHẨM HOA 49

5. PHẨM NGƯỜI NGU 66

6. PHẨM NGƯỜI TRÍ 81

7. PHẨM A LA HÁN (*) 96

8. PHẨM NGÀN 105

9. PHẨM ÁC 121

10. PHẨM DAO GẬY 135

11. PHẨM GIÀ 152

12. PHẨM CHÍNH MÌNH 163

13. PHẨM THẾ GIAN 173

14. PHẨM ĐỨC PHẬT 185

15. PHẨM AN LẠC 203

16. PHẨM YÊU THÍCH 215

17. PHẨM PHẪN NỘ 227

18. PHẨM DƠ BẨN 241

19. PHẨM TRỌNG PHÁP 261

20. PHẨM CON ĐƯỜNG 279

21. PHẨM TẠP LỤC 296

22. PHẨM ĐỊA NGỤC 311

23. PHẨM VOI 325

24. PHẨM ÁI DỤC 339

25. PHẨM TỲ KHEO 366

26. PHẨM BÀ LA MÔN (*) 389

Quyển :Song ngữ - HT Thích Thiện Siêu 432

Giảng giải - Thiền sư Pháp Minh 911

Tiểu sử thiền sư đầu đà Pháp Minh 911

Kệ lễ bái trước khi học 914

MỤC LỤC 916
I. PHẨM SONG ĐỐI (YAMAKA VAGGA) 919
I.1- Tích TRƯỞNG LÃO CAKKHUPĀLA 919
I.2- Tích CẬU KIM HOÀN 941
I.3- Tích TRƯỞNG LÃO TISSA 954
I.4- Tích NGƯỜI SANH LÀM NỮ DẠ XOA 964
I.5- Tích CÁC TỲ KHƯU Ở KOSAMBI 978
I.6- Tích TIỂU HẮC VÀ ĐẠI HẮC 990
I.7- Tích DEVADATTA ĐƯỢC Y QUÝ 1002
I.8- Tích ÔNG SAÑJAYA KHÔNG ĐẦU PHẬT 1010
I.9- Tích ĐẠI ĐỨC NANDA 1041
I.10- Tích ĐỒ TỂ CUNDA 1055
I.11- Tích THIỆN NAM SÙNG ĐẠO DHAMMIKA 1060
I.12- Tích DEVADATTA 1066
I.13- Tích SUMANĀDEVĪ 1083
I.14- Tích HAI VỊ TỲ KHƯU BẠN 1088
II. PHẨM CHUYÊN NIỆM (APPAMĀDA VAGGA) 1096
II.1- Tích HOÀNG HẬU SĀMĀVATĪ 1096
II.2- Tích KUMBHAGHOSAKA 1155
II.3- Tích TRƯỞNG LÃO TIỂU BẦN ĐẶC 1164
II.4- Tích CÁI TẾT THÁC LOẠN 1178
II.5- Tích ĐẠI ĐỨC MAHĀKASSAPA 1183
II.6- Tích HAI VỊ TỲ KHƯU BẠN 1186
II.7- Tích ĐỨC SAKKA 1190
II.8- Tích VỊ TỲ KHƯU QUÁN LỬA RỪNG 1205
II.9- Tích ĐẠI ĐỨC TISSA Ở THỊ XÃ 1209
III. PHẨM TÂM (CITTA VAGGA) 1212
III.1- Tích TRƯỞNG LÃO MÊ KỲ DẠ 1212
III.2- Tích VỊ TỲ KHƯU Ở THỦY LƯU THÔN 1217
III.3- Tích VỊ TỲ KHƯU BẤT MÃN 1226
III.4- Tích ĐẠI ĐỨC HỘ TĂNG ĐIỆT 1230
III.5- Tích ĐẠI ĐỨC PHỤC TÂM 1235
III.6- Tích CÁC TỲ KHƯU QUÁN TỰ NGÃ 1244

III.7- Tích ĐẠI ĐỨC TISSA THÚI THÂY 1250
III.8- Tích NAN ĐÀ CHỦ TRẠI BÒ 1255
III.9- Tích ĐẠI ĐỨC TU LỆ DA 1259
IV. PHẨM HOA (PUPPHAVAGGA) 1266
IV.1- Tích 500 VỊ TỲ KHƯU ĐÀM LUẬN VỀ ĐỊA ĐẠI 1266
IV.2- Tích TỲ KHƯU QUÁN BÀO ẢNH 1271
IV.3- Tích VIḌŪḌABHA (LƯU LY VƯƠNG) 1274
IV.4- Tích NÀNG SỰ PHỤ 1294
IV.5- Tích BÁ HỘ KHAN NANG 1299
IV.6- Tích TU SĨ NGOẠI ĐẠO TIỂU ĐIỆP 1307
IV.7- Tích THIỆN NAM TẢN THỦ 1312
IV.8- Tích ĐẠI TÍN NỮ THIỆN CHI 1318
IV.9- Tích ĐẠI ĐỨC ĀNANDA VẤN ĐẠO 1345
IV.10- Tích ĐẠI ĐỨC MAHĀKASSAPA ĐƯỢC VUA TRỜI ĐỂ BÁT 1350
IV.11- Tích ĐẠI ĐỨC CỒ ĐIỆT VIÊN TỊCH 1357
IV.12- Tích ÔNG OÁN TRÁCH THÍ 1363
chu-giai-kinh-phap-cu-quyen2-ebook.pdf
MỤC LỤC 1376
V. PHẨM NGU NHƠN (BĀLAVAGGA) 1380
V.1- Tích TRAI NGHÈO CÓ VỢ ĐẸP 1380
V.2- Tích ĐỆ TỬ CỦA ĐẠI ĐỨC MA HA CA DIẾP 1394
V.3- Tích TRƯỞNG GIẢ A NAN 1400
V.4- Tích NGƯỜI ĐIẾM MÓC TÚI 1405
V.5- Tích ĐẠI ĐỨC ƯU ĐÀ DI 1408
V.6- Tích NHÓM TỲ KHƯU BẠT ĐỀ 1411
V.7- Tích ÔNG THIỆN GIÁC CÙI 1414
V.8- Tích NGƯỜI NÔNG PHU MẮC NẠN 1419
V.9- Tích NGƯỜI HÀNG HOA HẢO Ý 1423
V.10- Tích NỮ THÁNH UPPALAVAṆṆĀ 1430
V.11- Tích JAMBŪKĀJĪVAKA 1435
V.12- Tích NGẠ QUỶ MÌNH RẮN 1445
V.13- TÍCH NGẠ QUỶ ĐẬP ĐẦU 1451
V.14- Tích ĐẠI ĐỨC THIỆN PHÁP 1457

V.15- Tích ĐẠI ĐỨC ĐỀ XÁ Ở RỪNG 1467
VI. PHẨM HIỀN TRÍ (PAṆḌITAVAGGA) 1483
VI.1- Tích ĐẠI ĐỨC LA ĐÀ 1483
VI.2- Tích ÁC TĂNG 1489
VI.3- Tích ĐẠI ĐỨC SA NẶC 1492
VI.4- Tích ĐẠI ĐỨC MA HA KIẾP TÂN NA 1495
VI.5- Tích SA DI TRÍ GIẢ 1507
VI.6- Tích ĐẠI ĐỨC BẠT ĐÀ LÙN 1522
VI.7- Tích MẸ CÔNG CHÚA CÀ NA 1525
VI.8- Tích NĂM TRĂM VỊ TỲ KHƯU 1530
VI.9- Tích ĐẠI ĐỨC HỢP PHÁP 1534
VI.10- Tích NGHE THUYẾT PHÁP 1538
VI.11- Tích KHÁCH TĂNG 1543
VII. PHẨM A LA HÁN 1549
VII.1- Tích NGỰ Y KỲ BÁ BĂNG CHÂN PHẬT 1549
VII.2- Tích TRƯỞNG LÃO MA HA CA DIẾP BỊ CHÊ 1553
VII.3- TÍCH TRƯỞNG LÃO BÊ LÁT THÁ XI XÔ 1557
VII.4- Tích TRƯỞNG LÃO A NẬU LÂU ĐÀ 1561
VII.5- Tích TRƯỞNG LÃO MA HA CA CHIÊN DIÊN 1565
VII.6- Tích TRƯỞNG LÃO XÁ LỢI PHẤT BỊ CÁO GIAN 1569
VII.7- Tích TRƯỞNG LÃO ĐỀ XÁ Ở KIỀU THƯỞNG DI 1573
VII.8- Tích TRƯỞNG LÃO XÁ LỢI PHẤT TỰ TIN 1578
VII.9- Tích TRƯỞNG LÃO LY BÀ ĐA Ở RỪNG KEO 1582
VII.10- Tích PHỤ NỮ GHẸO THIỀN SƯ 1591
VIII. PHẨM NGÀN (SAHASSAVAGGA) 1594
VIII.1- Tích ĐAO PHỦ THỦ NANH ĐỒNG 1594
VIII.2- Tích TRƯỞNG LÃO BA HÍ DÁ MẶC Y VỎ CÂY 1600
VIII.3- Tích TỲ KHƯU NI TÓC QUĂN 1607
VIII.4- Tích BÀ LA MÔN HỎI PHÁP VÔ ÍCH 1617
VIII.5- Tích BÀ LA MÔN CẬU CỦA TRƯỞNG LÃO XÁ LỢI PHẤT 1622
VIII.6- Tích BÀ LA MÔN CHÁU CỦA TRƯỞNG LÃO XÁ LỢI PHẤT 1625
VIII.7- Tích BÀ LA MÔN BẠN CỦA TRƯỞNG LÃO XÁ LỢI PHẤT 1628
VIII.8- Tích CẬU BÉ ÍCH THỌ 1631

VIII.9- Tích SADI ĐÒN XÓC 1636
VIII.10- Tích TRƯỞNG LÃO KIỀU TRẦN NHƯ GỐC CÂY 1647
VIII.11- Tích TRƯỞNG LÃO XÀ NÔ 1651
VIII.12- Tích NÀNG SA ĐỌA ĐẮC A LA HÁN 1656
VIII.13- Tích NÀNG KIỀU ĐÀM ÔM ĐẮC A LA HÁN 1664
VIII.14- Tích TỲ KHƯU NI ĐA TỬ ĐẮC A LA HÁN 1670
IX. PHẨM ÁC (PĀPAVAGGA) 1673
IX.1- Tích BÀ LA MÔN MỘT ÁO 1673
IX.3- Tích THIÊN NỮ CỐM RANG 1681
IX.4- Tích ÔNG CẤP CÔ ĐỘC ĐUỔI THIÊN NỮ 1686
IX.5- Tích TỲ KHƯU KHINH GIỚI NHỎ 1693
IX.6- Tích BÁ HỘ CHÂN MÈO 1696
IX.7- Tích PHÚ THƯƠNG TRÁNH HIỂM LỘ 1701
IX.8- Tích THỢ SĂN KÊ HỮU 1705
IX.9- Tích THỢ SĂN GẶP THIỀN SƯ 1712
IX.10- Tích TRƯỞNG LÃO ĐỀ XÁ VÀ ANH THỢ NGỌC 1716
IX.11- Tích BA NHÓM TỲ KHƯU 1721
IX.12- Tích VUA THIỆN GIÁC BỊ ĐẤT RÚT 1727
X. PHẨM ĐAO TRƯỢNG (DAṆḌAVAGGA) 1731
X.1- Tích NHÓM LỤC SƯ HÀNH HUNG 1731
X.2- Tích NHÓM LỤC SƯ ĐE DỌA 1734
X.3- Tích LŨ TRẺ ĐẬP RẮN 1737
X.4- Tích TRƯỞNG LÃO KON ĐÁ THA NÁ 1741
X.5- Tích BÁT QUAN TRAI CỦA PHỤ NỮ 1749
X.6- Tích NGẠ QUỶ MÌNH TRĂN 1752
X.7- Tích TRƯỞNG LÃO MỤC KIỀN LIÊN NÍP BÀN 1757
X.8- Tích TỲ KHƯU NHIỀU VẬT DỤNG 1767
X.9- Tích ĐẠI THẦN SAN TÁ TÍ 1774
X.10- Tích TRƯỞNG LÃO KHỐ RÁCH 1780
X.11- Tích SADI HẠNH PHÚC 1785
chu-giai-kinh-phap-cu-quyen3-ebook.pdf
MỤC LỤC 1798
XI. PHẨM LÃO (JARĀVAGGA) 1802

XI.1- Tích BẠN BÀ THIỆN CHI SAY 1802
XI.2- Tích NÀNG XÍ RÍ MA 1807
XI.3- Tích TRƯỞNG LÃO NI ÚT TÁ RA BỊ TÉ 1813
XI.4- Tích NHÓM TĂNG THƯỢNG MẠN 1816
XI.5- Tích TỲ KHEO NI SẮC NAN ĐÀ 1819
XI.6- Tích HOÀNG HẬU MẠT LỴ THĂNG HÀ 1825
XI.7- Tích TRƯỞNG LÃO LÔ LƯU ĐÀ DI LẪN THẪN 1831
XI.8- Tích PHẬT THÀNH ĐẠO 1836
XI.9- Tích ĐẠI PHÚ PHÁ SẢN 1840
XII. PHẨM TỰ NGÃ (ATTAVAGGA) 1846
XII.1- Tích BỒ ĐỀ VƯƠNG TỬ 1846
XII.2- Tích THÍCH TỬ UPANANDA 1852
XII.3- Tích TRƯỞNG LÃO ĐỀ XÁ TINH TẤN THIỀN 1857
XII.4- Tích MẸ CỦA TRƯỞNG LÃO CA DIẾP ĐỒNG TỬ 1861
XII.5- Tích THIỆN NAM MÁ HA KA LÁ 1868
XII.6- Tích ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA GÂY TỘI ÁC 1872
XII.7- Tích CỐ Ý CHIA RẼ TĂNG 1875
XII.8- Tích TRƯỞNG LÃO KA LÁ 1878
XII.9- Tích THIỆN NAM TIỂU KA LÁ 1882
XII.10- Tích TRƯỞNG LÃO TỰ LỢI 1885
XIII. PHẨM THẾ GIAN (LOKA VAGGA) 1889
XIII.1- VỊ TỲ KHƯU TRẺ 1889
XIII.2- ĐỨC VUA SUDDHODANA 1893
XIII.3- CHƯ TỲ KHƯU TU THIỀN QUÁN 1898
XIII.4- HOÀNG TỬ ABHAYA 1901
XIII.5- TRƯỞNG LÃO SAMMAJJANA 1905
XIII.6- TRƯỞNG LÃO ANGULIMĀLA 1909
XIII.7- CON GÁI NGƯỜI THỢ DỆT 1912
XIII.8- CHUYỆN BA MƯƠI VỊ TỲ KHƯU 1919
XIII.9- NÀNG CIÑCAMĀṆAVIKĀ 1922
XIII.10- ĐẠI THÍ VÔ SONG 1929
XIII.11- CÔNG TỬ KĀLA 1937
XIV. PHẨM PHẬT ĐÀ (BUDDHA VAGGA) 1942

XIV.1- CON GÁI MA VƯƠNG 1942
XIV.2- THỂ HIỆN SONG THÔNG NHIẾP NGOẠI ĐẠO 1951
XIV.3- LONG VƯƠNG ERAKAPATTA 1975
XIV.4- VỀ CÂU HỎI CỦA TRƯỞNG LÃO ĀNANDA 1981
XIV.5- VỊ TỲ KHƯU KHÔNG HOAN HỶ 1987
XIV.6- QUỐC SƯ AGGIDATTA 1993
XIV.7- CÂU HỎI TRƯỞNG LÃO ĀNANDA 2005
XIV.8- CHUYỆN CHƯ TỲ KHƯU 2008
XIV.9- BẢO THÁP CỦA ĐẤNG KASSAPA 2011
XV. PHẨM AN LẠC (SUKHA VAGGA) 2016
XV.1- HAI HOÀNG TỘC TRANH GIÀNH NƯỚC 2016
XV.2- MA VƯƠNG TRÊU PHẬT 2023
XV.3- ĐỨC VUA KOSALA BẠI TRẬN 2026
XV.4- MỘT THIẾU NỮ GIA GIÁO 2029
XV.5- ÔNG THIỆN NAM ĐƯỢC ĂN CƠM PHẬT 2032
XV.6- ĐỨC VUA PASENADI BỚT ĂN 2036
XV.7- ĐẠI ĐỨC TISSA CÚNG DƯỜNG CAO THƯỢNG 2040
XV.8- THIÊN VƯƠNG ĐẾ THÍCH SĂN SÓC PHẬT 2043
XVI. PHẨM HỶ ÁI (PIYA VAGGA) 2050
XVI.1- BỘ BA CHA - MẸ - CON XUẤT GIA 2050
XVI.2- MỘT GIA TRƯỞNG KHÓC CON 2057
XVI.3- TÍN NỮ VISĀKHĀ KHÓC CHÁU GÁI 2061
XVI.4- CÁC VƯƠNG TỬ LICCHAVĪ GIÀNH KỲ NỮ 2064
XVI.5- CÔNG TỬ ANITTĀGANDHA 2067
XVI.6- ÔNG BÀ LA MÔN THẤT HỨA 2071
XVI.7- NĂM TRĂM CẬU BÉ DÂNG BÁNH ĐẾN NGÀI KASSAPA 2075
XVI.8- ĐẠI ĐỨC A NA HÀM 2079
XVI.9- NANDIYA VỀ TRỜI 2082
XVII. PHẨM PHẪN NỘ (KODHA VAGGA) 2088
XVII.1- THÍCH NỮ ROHINĪ 2088
XVII.2- TỲ KHƯU ĐỐN CÂY RỪNG 2094
XVII.3- TÍN NỮ UTTARĀ 2098
XVII.4- MOGGALLĀNA VẤN ĐẠO 2107

XVII.5- CHƯ TĂNG VẤN ĐẠO 2111
XVII.6- NỮ TỲ PUNṆĀ 2115
XVII.7- THIỆN NAM ATULA 2119
XVII.8- NHÓM TỲ KHƯU LỤC SƯ 2127
XVIII. PHẨM CẤU UẾ (MALA VAGGA) 2133
XVIII.1- CON TRAI ÔNG HÀNG BÒ 2133
XVIII.2- ÔNG BÀ LA MÔN TUẦN TỰ 2142
XVIII.3- ĐẠI ĐỨC TISSA GIỮ Y 2145
XVIII.4- ĐẠI ĐỨC LOḶUDĀYI DỐT PHÁP 2149
XVIII.5- MỘT CÔNG TỬ BỊ CẤM SỪNG 2153
XVIII.6- TỲ KHƯU CŪḶASĀRI TÀ MẠNG 2158
XVIII.7- NĂM CẬN SỰ NAM (VỚI NĂM GIỚI) 2163
XVIII.8- TISSA NHÀ SƯ TRẺ (HAY CHÊ) 2168
XVIII.9- NĂM CẬN SỰ NAM THÍNH PHÁP 2173
XVIII.10- TRƯỞNG GIẢ MEṆḌAKA 2178
XVIII.11- ĐẠI ĐỨC UJJHĀNASAÑÑĪ 2187
XVIII.12- DU SĨ SUBHADDA 2190
XIX. PHẨM PHÁP TRỤ (DHAMMAṬṬHA VAGGA) 2195
XIX.1- CÁC QUAN TÒA 2195
XIX.2- NHÓM LỤC SƯ GÂY RỐI 2200
XIX.3- ĐẠI ĐỨC EKUDĀNA 2203
XIX.4- ĐẠI ĐỨC LAKUṆṬAKA BHADDIYA 2207
XIX.5- NHIỀU VỊ TỲ KHƯU THAM VỌNG 2211
XIX.5- HATTHAKA TRỚ TRÊU 2215
XIX.6- THẦY BÀ LA MÔN KHẤT SĨ 2219
XIX.7- NGOẠI ĐẠO LÀM THINH 2223
XIX.8- NGƯỜI DÂN CHÀI TÊN ARIYA 2228
XIX.9- NHIỀU VỊ TỲ KHƯU TỰ MÃN 2231
chu-giai-kinh-phap-cu-quyen4-ebook.pdf
MỤC LỤC 2238
XX. PHẨM CHÁNH ĐẠO (MAGGA VAGGA) 2243
XX.1- NĂM TRĂM TỲ KHƯU LUẬN ĐẠO 2243
XX.2- NĂM TRĂM TỲ KHƯU QUÁN VÔ THƯỜNG 2251

XX.3- QUÁN KHỔ NÃO 2254
XX.4- QUÁN PHI NGÃ 2256
XX.5- ĐẠI ĐỨC TISSA NÔN TU 2258
XX.6- NGẠ QUỶ HEO 2262
XX.7- ĐẠI ĐỨC POTHILA 2268
XX.8- CÁC ĐẠI ĐỨC GIÀ 2272
XX.9- ĐỆ TỬ ĐẠI ĐỨC SĀRIPUTTA 2277
XX.10- ĐẠI PHÚ THƯƠNG 2282
XX.11- NÀNG KISĀ GOTAMĪ 2286
XX.12- NÀNG PATĀCĀRĀ 2289
XXI. PHẨM TẠP LỤC (PAKIṆAKA VAGGA) 2293
XXI.1- HẠNH NGHIỆP CỦA ĐỨC PHẬT 2293
XXI.2- THIẾU NỮ ĂN TRỨNG GÀ 2300
XXI.3- CHUYỆN TỲ KHƯU XỨ BHADDIYA 2303
XXI.4- TRƯỞNG LÃO LAKUṆṬAKA BHADDIYA 2307
XXI.5- CON TRAI ÔNG DĀRUSĀKAṬIKA 2312
XXI.6- TỲ KHƯU VAJĪPUTTA 2322
XXI.7- TRƯỞNG GIẢ CITTA 2326
XXI.8- NÀNG CŪḶASUBHADDĀ 2329
XXI.9- TRƯỞNG LÃO EKAVIHĀRĪ 2334
XXII. PHẨM KHỔ CẢNH (NIRAYA VAGGA) 2337
XXII.1- NỮ NGOẠI GIÁO SUNDARĪ 2337
XXII.2- CHUYỆN KHỔ NHÂN 2341
XXII.3- Tích CHƯ TỲ KHƯU TRÚ GẦN SÔNG VAGGUMUDĀ 2344
XXII.4- THANH NIÊN KHEMAKA 2347
XXII.5- TỲ KHƯU ĐA NGÔN 2351
XXII.6- CHUYỆN NỮ NHÂN HỜN GHEN 2356
XXII.7- CHUYỆN TĂNG KHÁCH 2359
XXII.8- CHUYỆN NIGANTHA 2362
XXII.9- MÔN ĐỒ NGOẠI GIÁO 2366
XXIII. PHẨM VOI (NĀGA VAGGA) 2370
XXIII.1- CHUYỆN BẬC ĐẠO SƯ 2370
XXIII.2- CHUYỆN MỘT TĂNG SĨ 2376

XXIII.3- BÀ LA MÔN LÃO NIÊN 2379
XXIII.4- QUỐC VƯƠNG PASENADIKOSALA 2385
XXIII.5- SA DI SĀNU 2388
XXIII.6- THỚT TƯỢNG PĀVERAKA 2394
XXIII.7- CHUYỆN CHƯ TỲ KHƯU 2397
XXIII.8- CHUYỆN MA VƯƠNG 2404
XXIV. PHẨM ÁI DỤC (TAṆHĀ VAGGA) 2410
XXIV.1- TÍCH CON CÁ KAPILA 2410
XXIV.2- CHUYỆN CON HEO NÁI 2421
XXIV.3- CHUYỆN VỊ TỲ KHƯU HOÀN TỤC 2432
XXIV.4- CHUYỆN KHÁM ĐƯỜNG 2436
XXIV.5- HOÀNG HẬU KHEMĀ 2441
XXIV.6- CÔNG TỬ UGGASENA 2445
XXIV.7- HIỀN TRÍ CŪḶADHANUGGAHA 2452
XXIV.8- CHUYỆN MA VƯƠNG 2457
XXIV.9- DU SĨ UPAKA 2462
XXIV.10- ĐỨC THIÊN VƯƠNG ĐẾ THÍCH 2465
XXIV.11- VỊ TRƯỞNG GIẢ KHÔNG CON 2469
XXIV.12- THIÊN TỬ AṄKURA 2473
XXV. PHẨM TỲ KHƯU (BHIKKHU VAGGA) 2479
XXV.1- NĂM VỊ TỲ KHƯU 2479
XXV.2- VỊ TỲ KHƯU GIẾT HẠC 2485
XXV.3- TỲ KHƯU KOKĀLIKA 2490
XXV.4- TRƯỞNG LÃO DHAMMĀRĀMA 2494
XXV.5- HAI VỊ TỲ KHƯU NGHỊCH GẶP NHAU 2498
XXV.6- BÀ LA MÔN PAÑCAGGADĀYAKA 2503
XXV.7- NHIỀU VỊ TỲ KHƯU 2507
XXV.8- CHUYỆN 500 VỊ TỲ KHƯU 2524
XXV.9- TRƯỞNG LÃO SANTAKĀYA 2527
XXV.10- TRƯỞNG LÃO NAṆGALAKŪṬA 2530
XXV.11- TRƯỞNG LÃO VAKKALI 2535
XXV.12- SADI SUMANA 2539
XXVI. PHẨM BÀ LA MÔN (BRĀHMAṆA VAGGA) 2552

XXVI.1- VỊ BÀ LA MÔN NHIỀU ĐỨC TIN	2552
XXVI.2- NHIỀU VỊ TỲ KHƯU	2555
XXVI.3- CHUYỆN MA VƯƠNG	2558
XXVI.4- MỘT VỊ BÀ LA MÔN	2561
XXVI.5- TRƯỞNG LÃO ĀNANDA	2564
XXVI.6- CHUYỆN MỘT NGƯỜI XUẤT GIA	2567
XXVI.7- TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA	2570
XXVI.8- TRƯỞNG LÃO NI MAHĀ PAJĀPATIGOTAMĪ	2575
XXVI.9- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA	2578
XXVI.10- CHUYỆN BÀ LA MÔN JĀṬILA	2581
XXVI.11- BÀ LA MÔN KUHAKA	2584
XXVI.12- NÀNG KISĀGOTAMĪ	2588
XXVI.13- CHUYỆN VỊ BÀ LA MÔN	2591
XXVI.14- NGÀI UGGASENA	2594
XXVI.15- CHUYỆN HAI VỊ BÀ LA MÔN	2597
XXVI.16- BÀ LA MÔN AKKOSAKA BHĀRADVĀJA	2600
XXVI.17- TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA	2603
XXVI.18- TRƯỞNG LÃO NI UPPALAVAṆṆĀ	2606
XXVI.19- CHUYỆN MỘT VỊ BÀ LA MÔN	2609
XXVI.20- TRƯỞNG LÃO NI KHEMĀ	2612
XXVI.21- TRƯỞNG LÃO TISSA NGỤ TRONG NÚI	2615
XXVI.22- CHUYỆN NHIỀU VỊ TỲ KHƯU	2620
XXVI.23- CÁC SADI	2623
XXVI.24- TRƯỞNG LÃO MAHĀPAṆṬHAKA	2628
XXVI.25- TRƯỞNG LÃO PILIṆḌAVACCHA	2631
XXVI.26- CHUYỆN MỘT VỊ TỲ KHƯU	2634
XXVI.27- TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA	2637
XXVI.28- TRƯỞNG LÃO MOGGALLĀNA	2640
XXVI.29- TRƯỞNG LÃO REVATA	2642
XXVI.30- TRƯỞNG LÃO CANDĀBHA	2645
XXVI.31. TRƯỞNG LÃO SĪVALI	2651
XXVI.32- TRƯỞNG LÃO SUNDARASAMUDDA	2654
XXVI.33- TRƯỞNG LÃO JOTIKA	2660

XXVI.34- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO JĀṬILA	2673
XXVI.35- CHUYỆN VỊ TỲ KHƯU KHIÊU VŨ (THỨ NHẤT)	2681
XXVI.36- CHUYỆN VỊ TỲ KHƯU KHIÊU VŨ (THỨ HAI)	2684
XXVI.37- TRƯỞNG LÃO VAṄGĪSA	2686
XXVI.38- TRƯỞNG LÃO NI DHAMMADINNĀ	2691
XXVI.39- TRƯỞNG LÃO ANGULIMĀLA	2695
XXVI.40- BÀ LA MÔN DEVAHITA	2698

KINH PHÁP CÚ

Illustrated Dhammapada

Illustrations by Mr. P. Wickramanayaka



Tâm Minh Ngô Tằng Giao

CHUYỂN DỊCH THƠ

Lôi noi ñau

"Kinh Pháp Cú" là một trong 15 quyển kinh thuộc Tiểu Bộ Kinh trong Kinh Tạng Pali. Đây là một quyển kinh Phật giáo rất phổ thông và đã được dịch ra nhiều thứ tiếng quan trọng trên thế giới. Nhiều tác giả coi bộ kinh này như là Thánh Thư của đạo Phật. "Pháp" có nghĩa là đạo lý, chân lý, giáo lý. "Cú" là lời nói, câu kệ. "Pháp Cú" là những câu nói về chánh pháp, những lời dạy của đức Phật nên "Kinh Pháp Cú" còn được gọi là "Kinh Lời Vàng" hoặc "Lời Phật Dạy".

Kinh Pháp Cú là một tập hợp những câu dạy ngắn gọn nhưng đầy ý nghĩa của đức Phật Thích Ca trong ba trăm trường hợp giáo hóa khác nhau. Những câu này do chính đức Phật khi còn tại thế nói ra trong suốt gần nửa thế kỷ thuyết pháp của Ngài. Các câu này về sau được các vị đại đệ tử của đức Phật sắp xếp thành 423 bài "kệ", chia ra làm 26 "phẩm" và tụng đọc trong Đại Hội Kết Tập Kinh Điển lần đầu tiên sau khi đức Phật nhập diệt.

Kinh Pháp Cú tóm thâu tinh hoa giáo lý của đức Phật. Đọc những bài kệ trong kinh này người đọc cảm thấy như chính mình được trực tiếp nghe lời Phật dạy từ hơn 2500 năm trước vọng lại. Mỗi bài kệ có thể xem là chứa đựng một cách súc tích và trung thành nhất những lời dạy, những giáo lý căn bản nguyên thủy của đức Phật. Mỗi phẩm trong Kinh Pháp Cú đặt trọng tâm vào một đề tài chính. Mỗi bài kệ trong từng phẩm đều

chứa đựng một nội dung tu học rất sâu sắc và phong phú. Nhiều bài đơn giản và dễ hiểu nhưng nhiều bài không thể nào chỉ đọc một lần mà hiểu ngay hết được. Cần phải đọc đi đọc lại nhiều lần, đọc thêm các tích truyện đi kèm và tra cứu thêm các bản chú giải.

Người đọc nếu sẵn nhiệt tâm hướng về đạo pháp nên nghiền ngẫm và thường xuyên suy niệm về những lời vàng ngọc chứa đựng trong kinh rồi đem ra thực hành, áp dụng vào cuộc sống hàng ngày của mình. Chắc chắn người đọc có thể thâu hoạch được một niềm vui về tinh thần vượt lên cao hơn tất cả những thứ hạnh phúc khác trên thế gian, sẽ gặt hái được nhiều lợi ích cho chính bản thân mình ngay trong hiện tại cũng như trong tương lai. Lời kinh khơi nguồn cảm hứng cao đẹp và mở ra một lối đi đầy hương hoa, tạo ra một sức mạnh diệu kỳ giúp cho người đọc có một niềm tin vững chắc hơn trên con đường tu học để tiến đến bến bờ giác ngộ và nhờ đó mà được giải thoát.

Nhiều học giả quốc tế chuyên về tôn giáo và thần học đã từng nói đại ý rằng: “Kinh điển của Phật giáo thật quả là nhiều, nhưng nếu giả dụ một ngày nào đó tất cả các kinh điển này bị thất lạc hay bị thiêu hủy đi hết mà chỉ còn lưu giữ lại được một cuốn Kinh Pháp Cú này thôi thì chúng ta cũng tạm coi như có đủ những gì cần thiết để noi theo giáo lý của đức Phật”.

Trong Kinh Pháp Cú người đọc sẽ thấy những lời dạy về triết lý và luân lý cho cả hai giới xuất gia và tại gia. Những lời dạy cho hàng xuất gia tất nhiên không bao hàm hàng tại gia, nhưng những lời dạy cho hàng tại gia đương nhiên có thể áp dụng cho cả hàng xuất

gia. Do đó dù ở cương vị nào người đọc cuốn kinh này cũng thu nhập được nhiều lợi ích thanh cao. Hơn nữa những người muốn đi tìm chân lý, dầu theo tín ngưỡng nào chăng nữa, đều có thể thấy hứng thú và bổ ích khi đọc cuốn Kinh Pháp Cú này, vì nói chung kinh điển Phật giáo thường chỉ nêu ra chân lý cho toàn thể nhân loại chứ không mang tính chất giáo điều.

Đức Phật đã từng tuyên bố rõ ràng rằng Ngài chỉ là người dẫn đường chỉ nẻo chứ Ngài không thể "cứu rỗi" hay tu thay cho ai được cả, và con người phải tự mình tu để giải thoát cho chính mình. Ước mong sao những lời dạy của đức Phật trong tập Kinh Pháp Cú sẽ là ngọn đuốc rực rỡ soi sáng dẫn đường, là ngón tay chỉ hướng cho mọi hành động, ngôn ngữ, tâm tư của người đọc và do đó đem lại an lạc và hạnh phúc. Tự mình nghe theo lời Phật dạy mà tu sửa, rồi tự mình sẽ giác ngộ và sự giác ngộ đó sẽ giúp cho mình được giải thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử đầy khổ đau.

Khi soạn thảo cuốn Kinh Pháp Cú chuyển dịch thành thể thơ "lục bát" này soạn giả đã tham khảo một số tài liệu quý báu về Kinh Pháp Cú viết bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Các tác phẩm tiếng Anh đa số được dịch trực tiếp từ nguyên bản tiếng Pali. Các tác phẩm tiếng Việt thì được dịch từ nguyên bản Pali hay được dịch theo bản chữ Hán hoặc tiếng Anh.

Muốn cho đại đa số quần chúng khi đọc kinh này cảm thấy dễ hiểu, soạn giả đã cố gắng xử dụng chữ Việt với những ngôn từ bình dị, tránh dùng nhiều chữ Hán và những danh từ triết học hoặc đạo học cao siêu. Đôi khi một vài lời giải thích cũng đã được chuyển

thành thơ và thêm vào trong bài. Để hoàn thành tác phẩm soạn giả trong khi sắp xếp ngôn từ và tứ thơ đôi khi đã phải thêm bớt một vài chữ, hoán chuyển một vài câu trong cùng một bài, nhưng vẫn cố gắng chuyên chở đầy đủ ý nghĩa trong các lời dạy của đức Phật.

Mong rằng những vần thơ "lục bát", một thể loại thơ đầy tình tự dân tộc, sẽ để lại trong tâm tư người đọc cũng như người nghe những tình cảm nhẹ nhàng thanh thoát vì thơ đầy nhạc tính và vang lên những âm điệu thân thương như những lời ru nơi quê mẹ. Ngôn ngữ có bình dị mới dễ hiểu. Thêm vần thêm điệu mới dễ đọc, dễ nghe. Từ đó mới dễ nhớ, dễ thuộc. Có nhớ, có thuộc mới dễ áp dụng những lời vàng ngọc Phật dạy vào cuộc sống hàng ngày.

Tại các nước theo Phật giáo Nam Tông các Sa Di phải học thuộc lòng Kinh Pháp Cú này. Riêng tại Việt Nam ta kinh này không được xếp vào danh sách các kinh để tụng niệm hàng ngày nên kinh ít được biết đến.

Xin trân trọng giới thiệu đến các độc giả một cuốn sách mà chúng tôi thiết nghĩ là vừa lý thú và vừa hữu ích. Mong rằng tác phẩm này sẽ góp được một phần nhỏ bé và khiêm tốn trong việc truyền bá Phật pháp.

Dieu Phöông

(Mùa Phật Đản năm 2003)

(Soạn giả nhuận sắc lại vào tháng 10 năm 2011 và có thêm hình vẽ minh họa trích dẫn trong cuốn *Illustrated Dhammapada* By Ven. Weragoda Sarada Maha Thero, Illustrations by Mr. P. Wickramanayaka.)

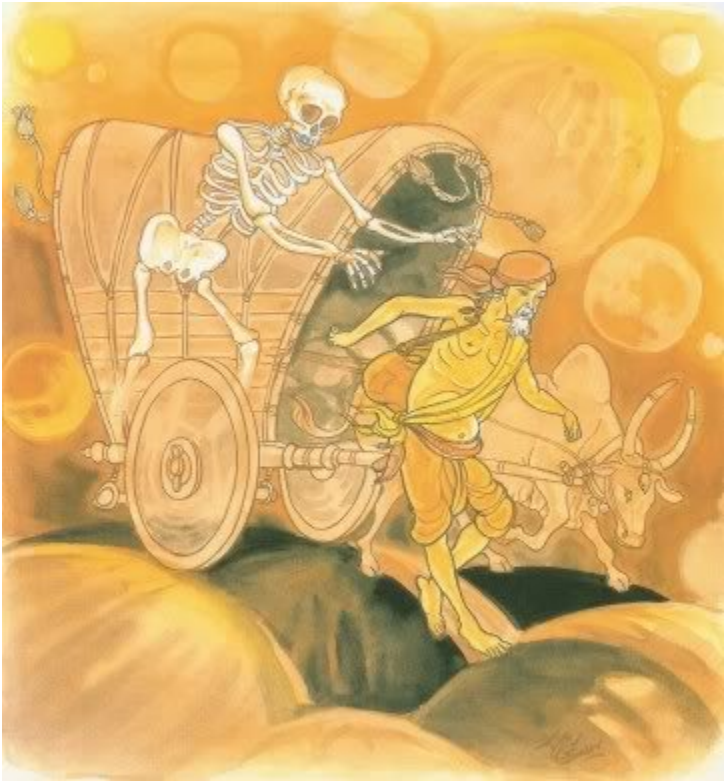

1. PHẨM SONG SONG

(1)
Việc làm của bản thân ta
Do tâm, do ý tạo ra, dẫn đầu
Nói năng, hành động trước sau
Ý mà ô nhiễm: khổ đau theo kề
Tựa như là cái bánh xe
Theo chân con vật kéo lê trên đường.

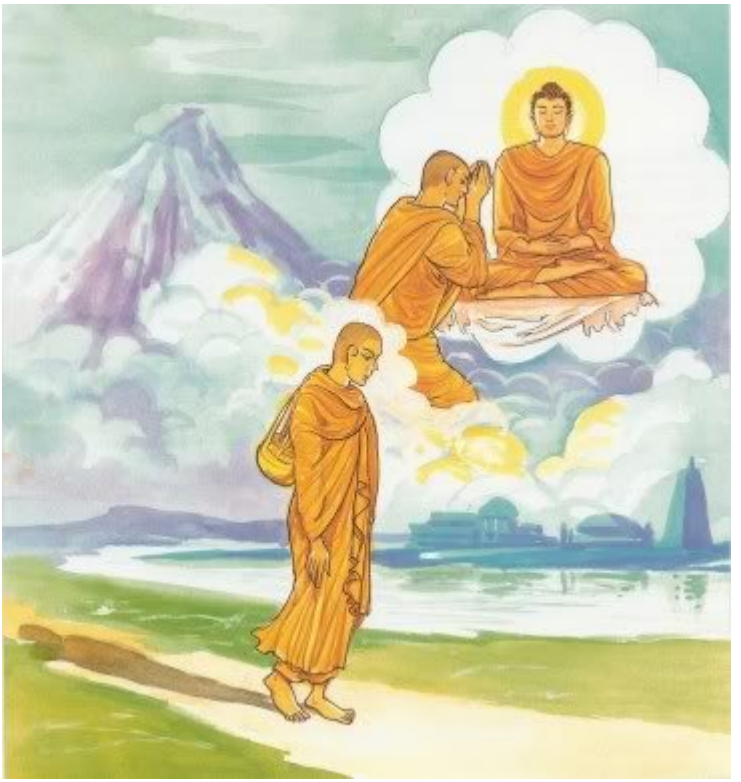

(2)
Việc làm của bản thân ta
Do tâm, do ý tạo ra, dẫn đầu
Nói năng, hành động trước sau
Ý mà thanh tịnh: dạt dào niềm vui
Và bao hạnh phúc trên đời
Theo ta như bóng khắp nơi theo hình.



(3)
“Người kia chửi bới, đánh tôi
Lại còn lấn lướt, cướp hoài. Giận thay!”
Ai mà nghĩ mãi điều này
Làm sao dứt bỏ được ngay hận thù.



(4)
“Người kia chửi bới, đánh tôi
Lại còn lấn lướt, cướp hoài. Giận thay!”
Ai không còn nghĩ điều này
Sẽ mau dứt bỏ được ngay hận thù.

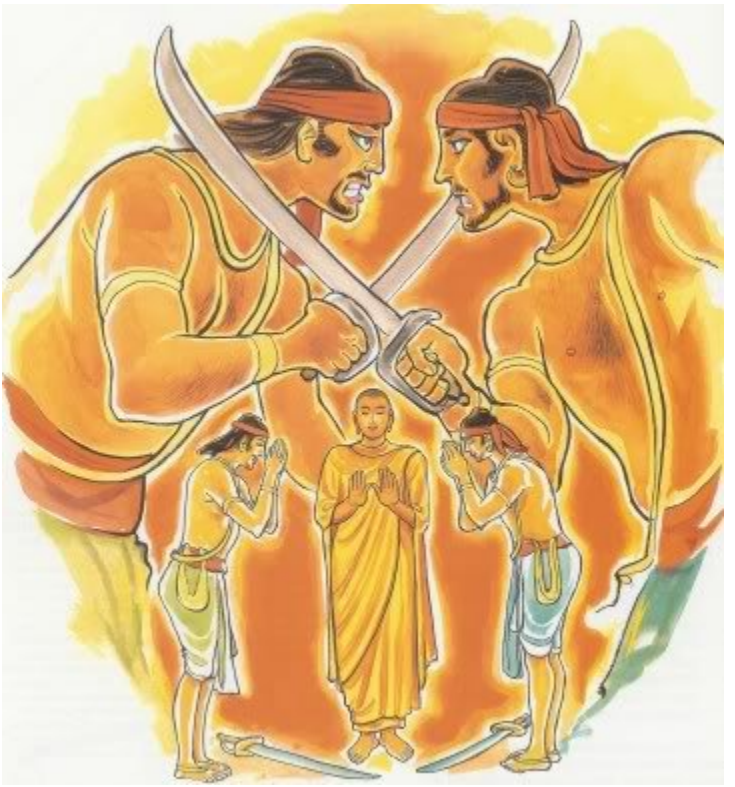

(5)
Khắp nơi trong cõi dương gian
Hận thù đâu thể xua tan hận thù
Chỉ tình thương với tâm từ
Làm tiêu oán hận, giải trừ hờn căm
Đó là định luật ngàn năm.



(6)
Người ham cãi cọ nào hay
Chúng ta đều chết một ngày gần đây
Khi ai hiểu rõ điều này
Chẳng ham tranh cãi thêm gây muộn phiền.



(7)
Ham theo lạc thú nổi trôi
Giác quan buông thả sống đời mê say
Uống ăn vô độ hàng ngày
Lại thêm biếng nhác, chẳng hay chuyên cần
Con người bị cuốn đến gần
Ma vương dục vọng ngàn lần hại ta
Như cơn gió lốc thổi qua
Cây cành nghiêng ngả, lá hoa tơi bời.

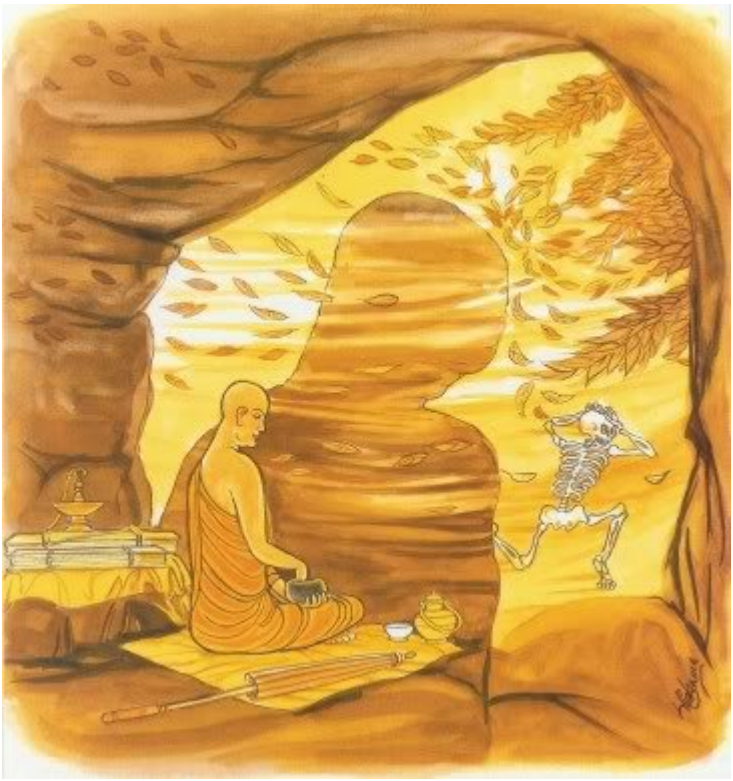

(8)
Nhận ra ô uế thân người
Giác quan kiềm chế, sống đời tịnh yên
Uống ăn điều độ giữ gìn
Lại thêm bền vững đức tin, chuyên cần
Người đâu dễ bị cuốn gần
Ma vương dục vọng ngàn lần thua ta
Khác gì cơn gió thổi qua
Núi cao, vách đá khó mà lung lay.

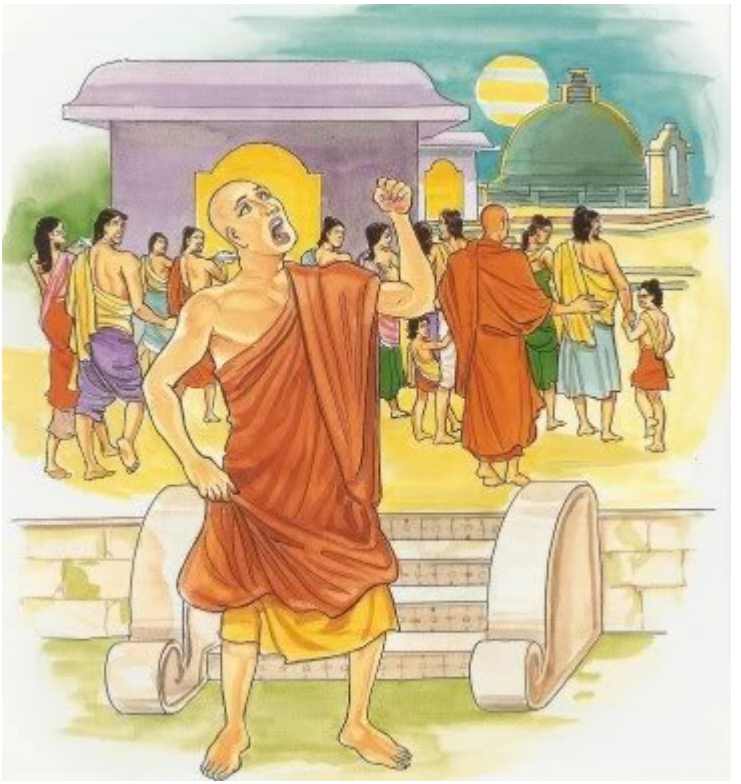

(9)
Nếu mà mặc áo cà sa
Lòng còn ô uế, tâm tà quẩn quanh
Chưa tự chế, thiếu chân tình
Xứng đâu mà khoác vào mình áo kia.

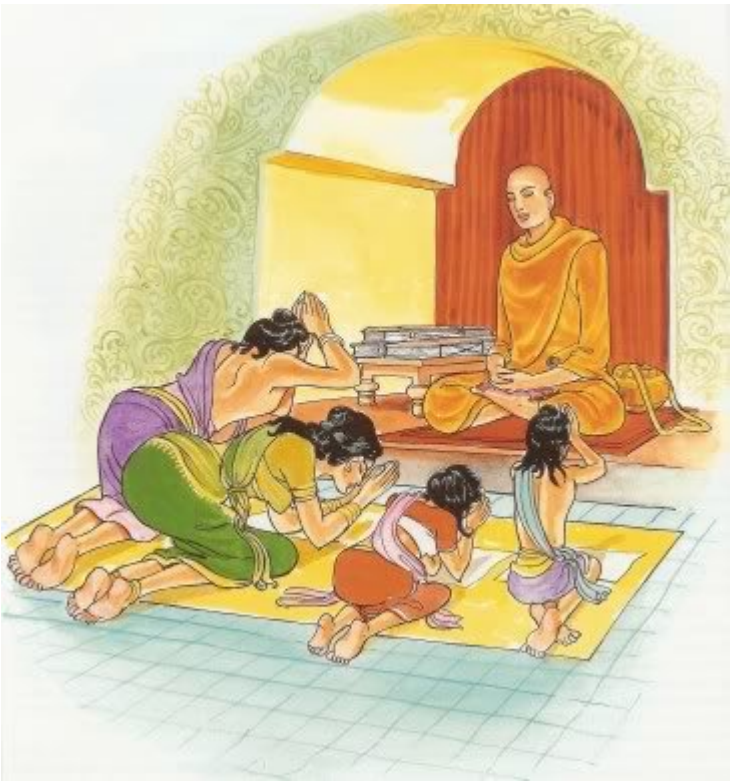

(10)
Người mà ô nhiễm chẳng vương
Giữ gìn giới luật vững vàng, nghiêm minh
Luôn tự chế, rất chân tình
Áo cà sa khoác vào mình xứng thay.

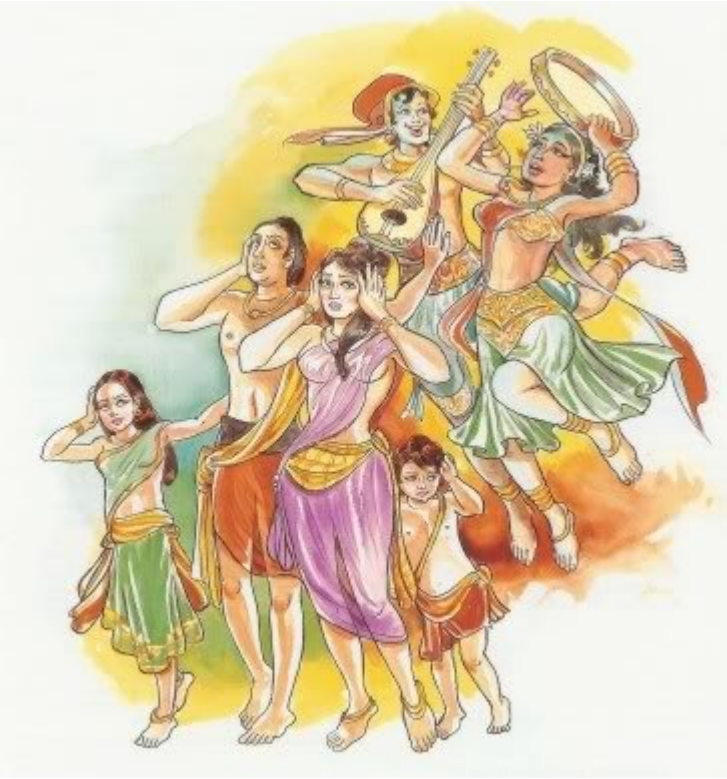

(11)
Những gì không thật, hão huyền
Lại cho là thật và tin vô bờ,
Những gì chân thật lại ngờ
Lại cho không thật, chỉ là giả thôi,
Nghĩ suy lầm lạc mất rồi
Thấy sao chân thật rạng nơi pháp mầu.



(12)
Biết đây là thật để tin
Biết kia không thật, hão huyền mà thôi
Nghĩ suy theo đúng đường rồi
Thấy ngay chân thật rạng nơi pháp mầu



(13)
Căn nhà lợp chẳng kỹ càng
Mưa tuôn thấm dột dễ dàng lắm thay
Tâm mà tu vụng có ngày
Bị nhiều tham dục lọt ngay khác gì.

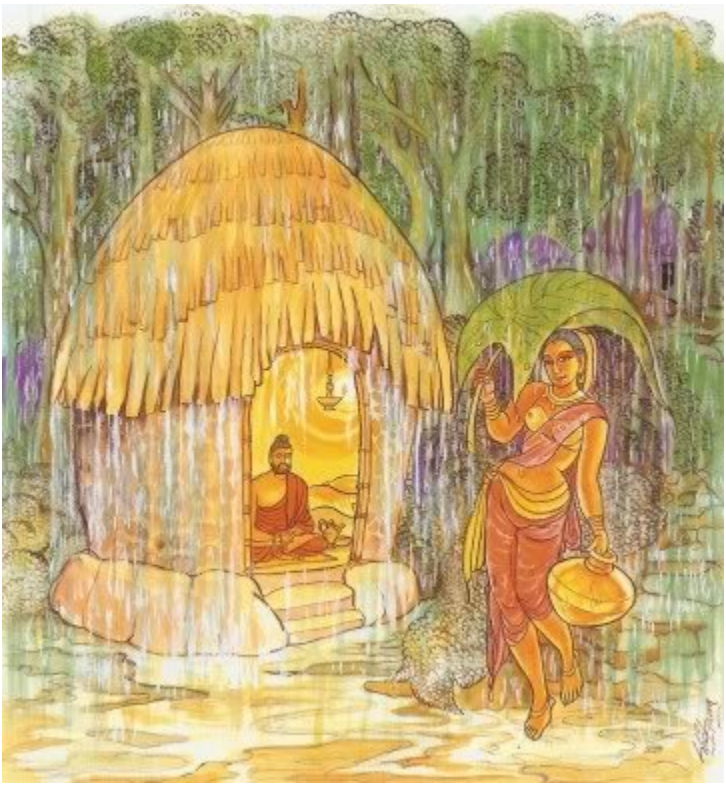

(14)
Căn nhà lợp thật kỹ càng
Mưa tuôn đâu dột dễ dàng mấy khi
Tâm mà tu khéo sợ gì
Bao nhiêu tham dục dễ chi lọt vào.

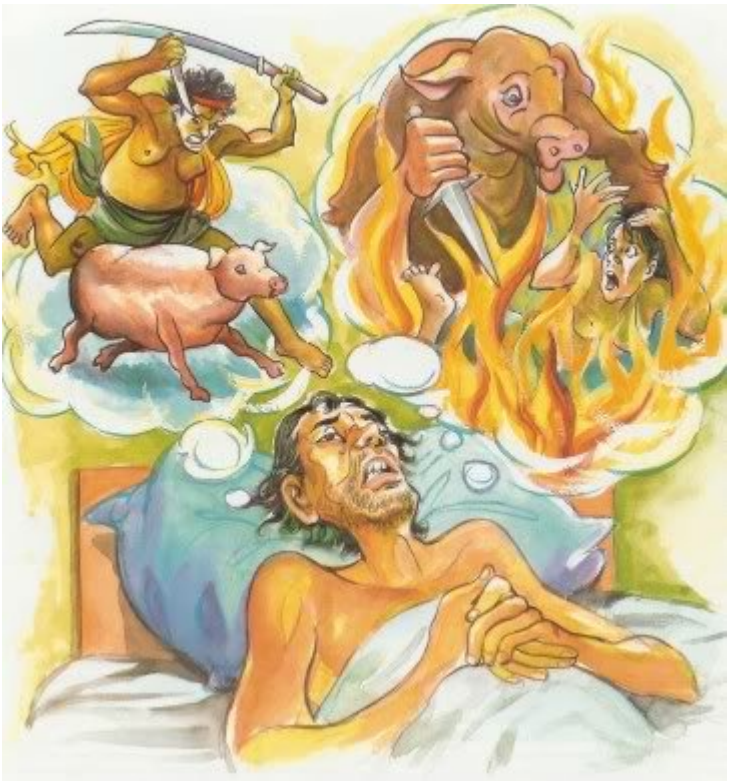

(15)
Đau buồn ngay ở kiếp này
Kiếp sau cũng lại tràn đầy buồn đau:
Người làm điều ác hay đâu
Buồn kia theo mãi dài lâu bên mình
Quay nhìn việc ác tạo thành
Chết mòn thân xác, héo nhanh tâm hồn.



(16)
Vui mừng ngay ở kiếp này
Kiếp sau cũng lại tràn đầy mừng vui:
Người làm điều thiện ở đời
Thấy chân hạnh phúc khắp nơi theo mình
Quay nhìn việc thiện tạo thành
Sướng vui dào dạt, an lành chứa chan.



(17)
Kiếp này tràn ngập khổ đau
Khổ đau cũng lại kiếp sau ngập tràn
Người gây nghiệp ác thở than:
“Bao điều gian ác mình làm trước đây!”
Bây giờ đường ác đọa đầy
Trầm luân cõi khổ biết ngày nào xong.



(18)
Đầy tràn vui sướng kiếp này
Sướng vui cũng lại tràn đầy kiếp sau:
Người làm nghiệp thiện vui sao
Nhủ lòng: “Mình tạo biết bao phước lành!”
Kiếp sau sẽ được tái sinh
Vào nơi hạnh phúc an bình chứa chan.

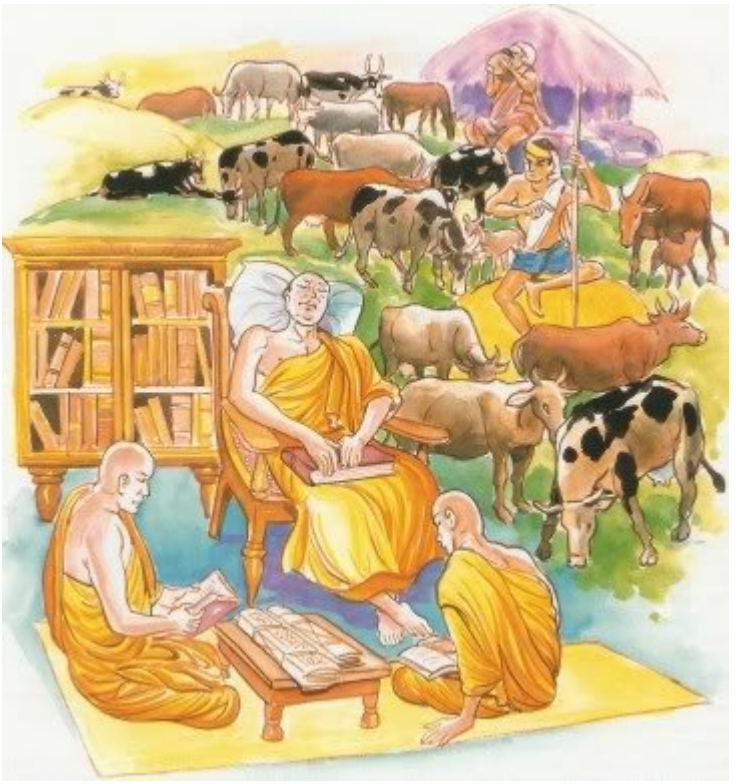

(19)
Dù cho có tụng nhiều kinh
Không theo giáo pháp thực hành sớm hôm
Tu hành lợi ích đâu còn
Khác chi một kẻ luôn luôn chăn bò
Chăn thuê nên chỉ âu lo
Đếm bò cho chủ, sữa bò hưởng đâu?



(20)
Dù cho chỉ tụng ít kinh
Nhưng theo giáo pháp thực hành sớm khuya
Hết tham, hết cả sân, si
Lòng luôn tỉnh giác, tâm thì hiền lương
Trước sau giải thoát mọi đường
Tu hành lợi ích ngát hương muôn đời.

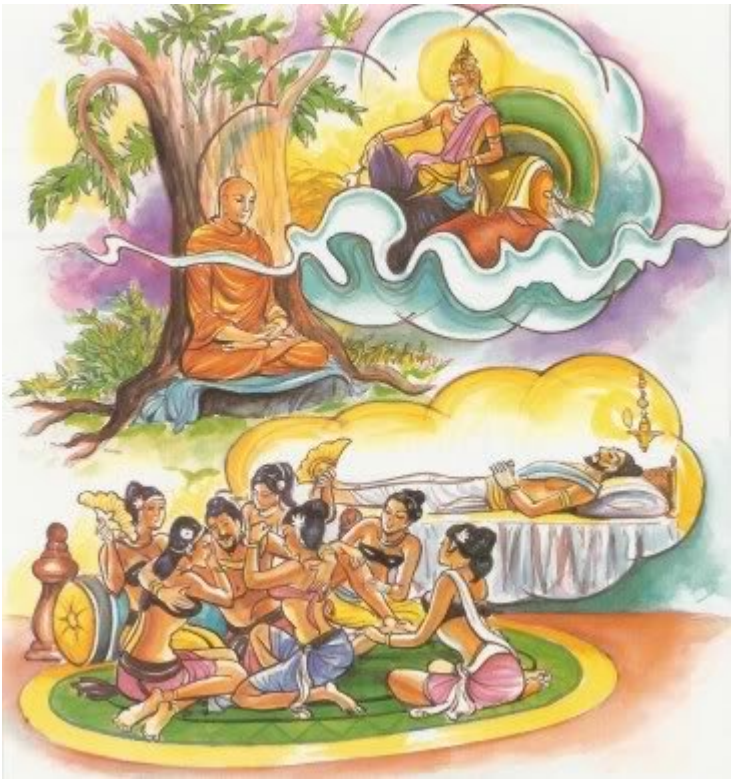

2. PHẨM
KHÔNG BUÔNG LUNG

(21) - (22)
Người chuyên niệm, chẳng buông lung (*)
Coi như sống mãi, thoát vòng tử vong
Kẻ phóng dật, kẻ buông lung
Coi như đã bị mệnh chung lâu ngày
Sống mà như chết nào hay,



Người hiền trí biết điều này từ lâu
Cho nên gìn giữ trước sau
Dám đâu phóng dật, há nào buông lung
Luôn luôn cảnh giác vô cùng
Nhập vào cõi thánh vui mừng, bình an.

(*) *Buông lung: không biết tự kiềm chế, sống bừa bãi bất chấp hậu quả, đồng nghĩa với chữ phóng dật.*

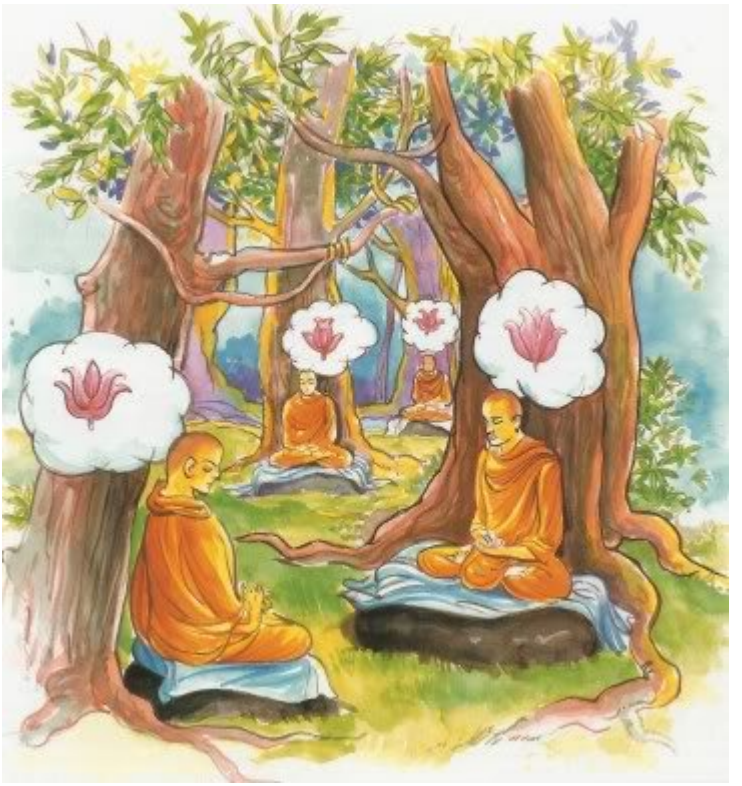

(23)
Nhờ tu thiền định thâm sâu
Tháng năm kiên nhẫn, trước sau chuyên cần
Người hiền trí được bình an
Thân tâm giải thoát, Niết Bàn hưởng vui.

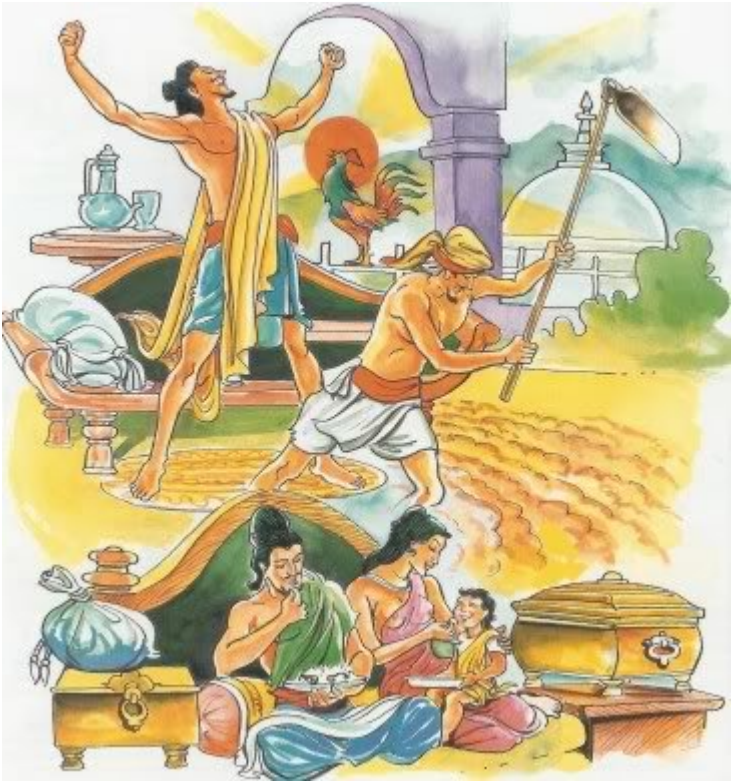

(24)
Luôn cố gắng, chẳng buông lung
Nghĩ suy chín chắn, tấm lòng hăng say
Bản thân tự chế hàng ngày
Sống theo chánh pháp, tốt thay cuộc đời
Tiếng lành tăng trưởng mãi thôi.

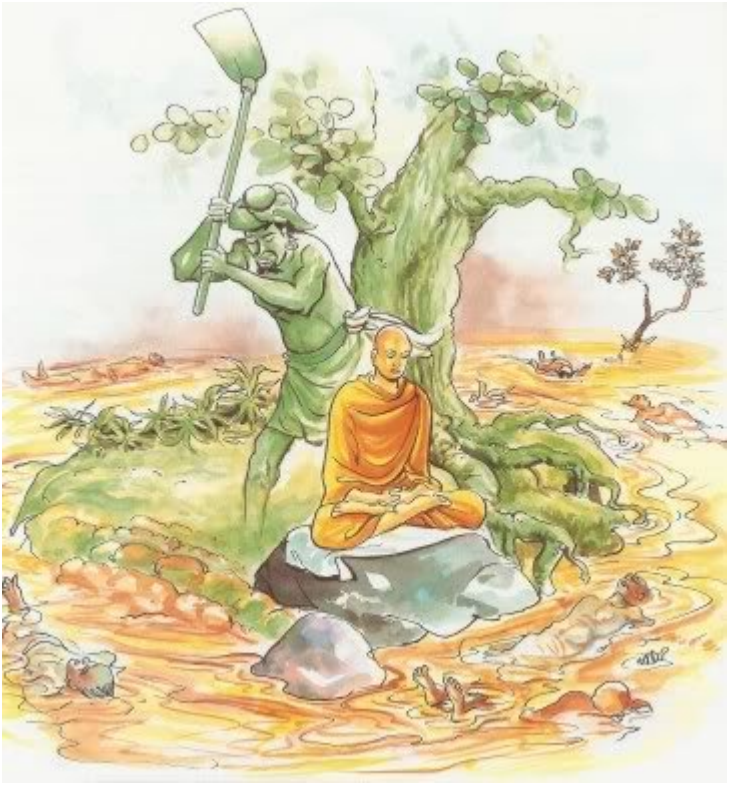

(25)
Luôn luôn cố gắng nhiều bề
Lại thêm hăng hái, không hề buông lung
Tự mình khắc chế mọi đường
Những người hiền trí vô cùng tinh anh
Tạo ra hòn đảo cho mình
Vượt trên sóng nước vây quanh thét gào
Não phiền theo ngọn sóng trào
Dễ gì quấy nhiễu dâng cao ngập tràn.

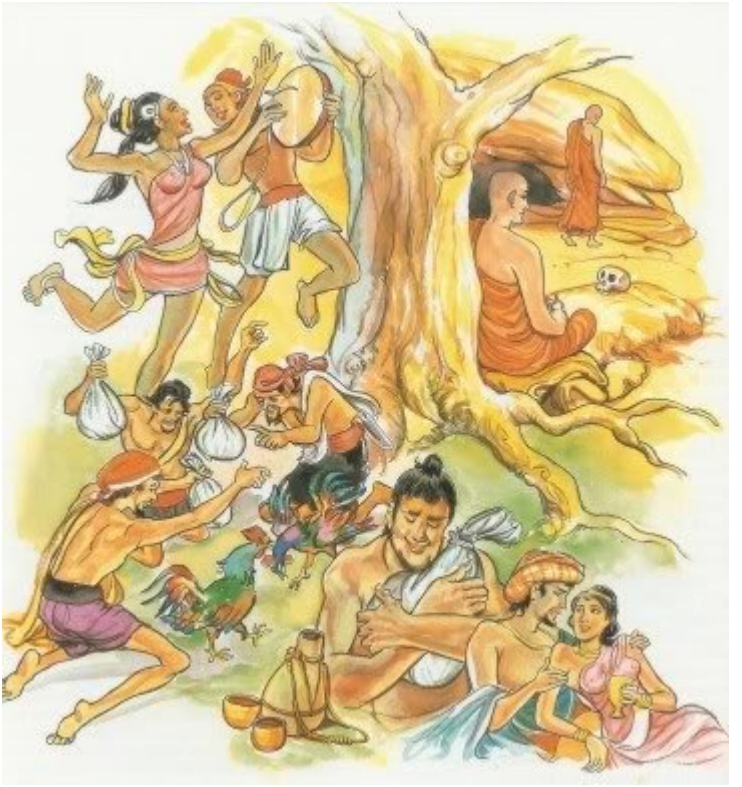

(26)
Kẻ ngu si bị đắm chìm
Trong đời phóng dật, trong miền buông lung
Nhưng người hiền trí tìm đường
Chăm lo gìn giữ tâm đừng buông lung
Tựa người bạc bể tiền rừng
Chăm lo báu vật, trông chừng quý kim.

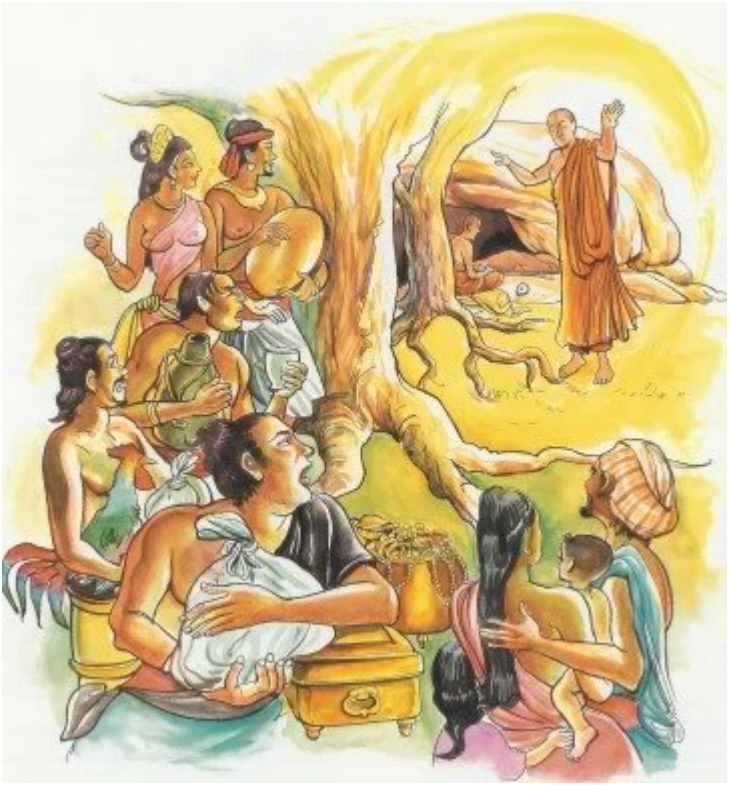

(27)
Chớ nên chìm đắm xuôi theo
Buông lung, phóng dật là điều chẳng hay,
Chớ nên dục lạc mê say
Hãy nên tỉnh giác tâm này cho mau
Tu thiền định thật chuyên sâu
Mới mong phước báu, mới cầu bình an.

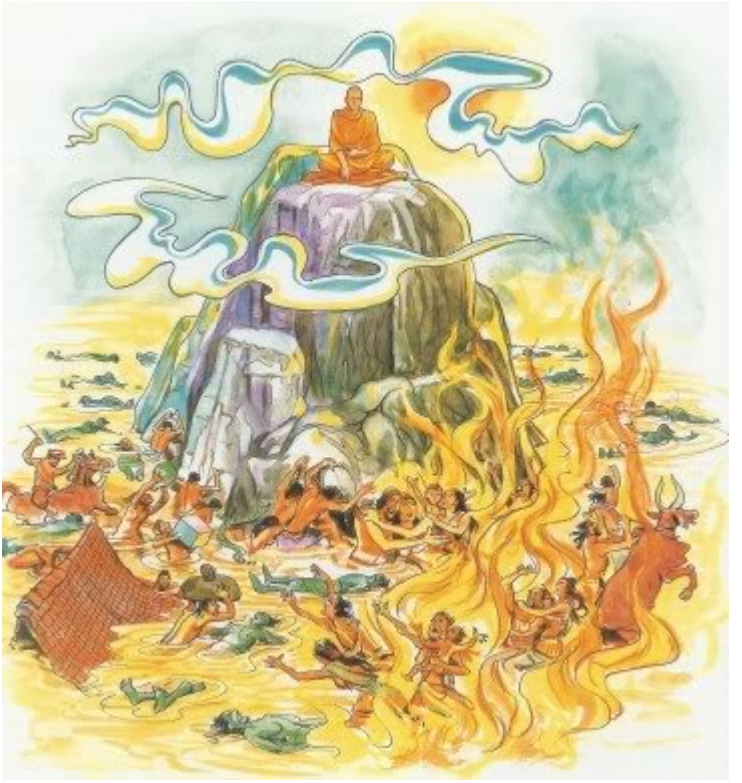

(28)
Nhờ trừ được hết buông lung
Những người hiền trí sẽ không lo gì:
- Tựa như bậc thánh hiền kia
Lên đài trí tuệ nhìn về dưới chân
Thấy bao nhiêu kẻ ngu đần
Trăm bề đau khổ, bội phần lo âu,
- Tựa người leo tới núi cao
Cúi nhìn muôn vật lao xao dưới ghềnh
Đắm chìm trong chốn vô minh.



(29)
Giữ cho tinh tấn trong lòng
Giữa bao nhiêu kẻ buông lung tràn trề
Giữ cho tỉnh táo mọi bề
Giữa bao nhiêu kẻ ngủ mê li bì
Kìa trông kẻ trí khác gì
Như con tuấn mã phóng đi hào hùng
Phía sau bỏ lại trên đường
Ngựa gầy hèn yếu não nùng lết theo.



(30)
Nhờ tinh tấn, chẳng buông lung
Khiến cho Đế Thích thành ông thánh hiền
Được làm chủ cõi chư thiên
Muôn người cùng cất tiếng khen ngợi hoài,
Kẻ phóng dật bị chê bai
Mọi người khinh miệt, chẳng ai nể vì.



(31)
Tỳ Kheo sợ tính buông lung
Chuyên tâm chú niệm, dốc lòng chuyên tu
Tiến mau biết mấy cho vừa
Đốt tiêu phiền não tựa như lửa hồng,
Đốt dây to nhỏ chập chùng
Từ lâu trói buộc người trong luân hồi.

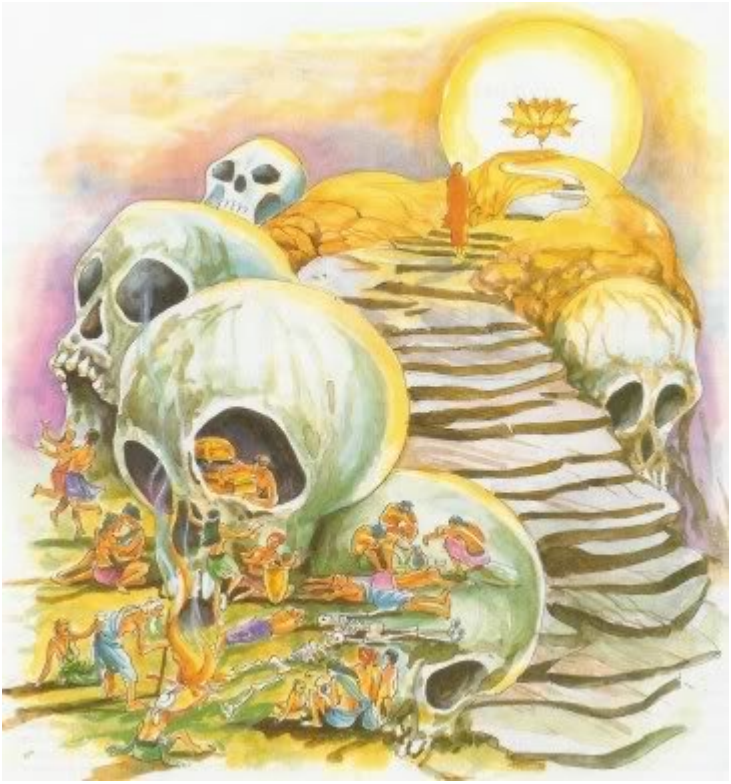

(32)
Tỳ Kheo sợ tính buông lung
Chuyên tâm chú niệm, dốc lòng tu thân
Niết Bàn đã tiến đến gần
Hố sâu đọa lạc trăm phần thoát qua.



3. PHẨM TÂM

(33)
Thường thường tâm kẻ phàm phu
Chập chờn, dao động, lu mờ, khó canh
Khó mà chế phục được nhanh,
Chỉ riêng kẻ trí tâm mình giữ yên
Giữ cho ngay thẳng lâu bền
Như tay thợ khéo uốn tên lành nghề
Tên luôn ngay ngắn mọi bề.



(34)
Tựa như cá ở hồ ao
Bị đưa khỏi nước quăng vào bờ kia
Vẫy vùng, sợ sệt kể chi,
Tâm người nên vậy khác gì cá đâu
Phải vùng vẫy, phải lo âu
Cố mà phấn đấu thoát mau tâm mình
Khỏi tay Ma giới dục tình.



(35)
Tâm phàm phu cứ xoay vần
Chạy theo dục vọng muôn phần đảo chao
Khó mà nắm giữ được nào,
Chỉ riêng những kẻ thanh cao tính tình
Đã điều phục được tâm mình
Mới mong hạnh phúc, an bình mãi thôi.

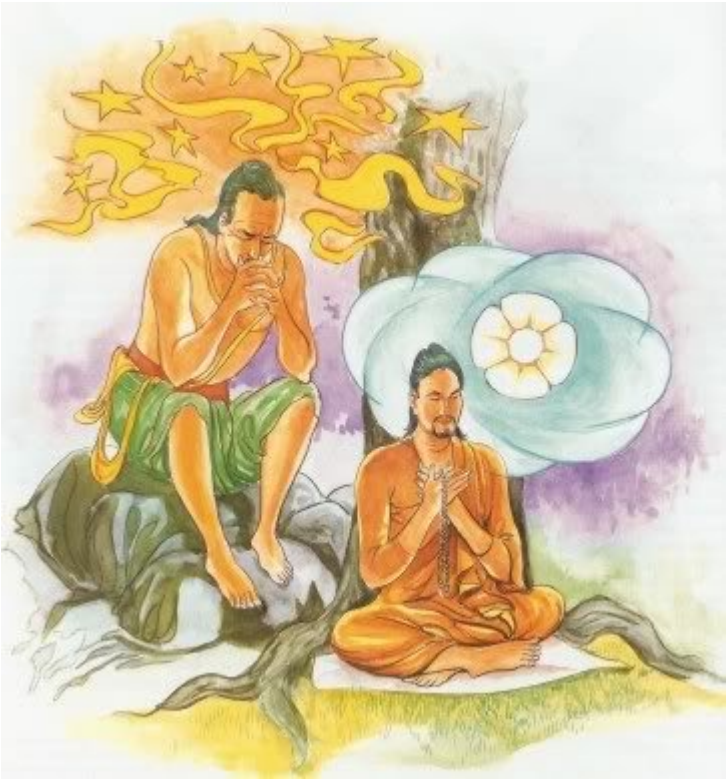

(36)
Tâm phàm phu cứ xoay vần
Chạy theo dục vọng muôn phần đảo chao
Tinh vi, khó thấy được nào
Chỉ riêng người trí lo âu thật tình
Canh phòng nghiêm ngặt tâm mình
Cho nên hạnh phúc, an bình mãi thôi.



(37)
Tâm phàm phu cứ lao mình
Âm thầm, đơn độc du hành rất xa
Nào đâu hình dạng phô ra
Hang kia ẩn náu thật là thẳm sâu,
Tâm ai điều phục được mau
Thoát Ma trói buộc, lụy đâu dục tình.



(38)
Người không an định được tâm
Không rành chánh pháp, không thông đạo mầu
Lòng tin lại chẳng bền lâu
Tất nhiên trí tuệ dễ đâu hoàn thành.

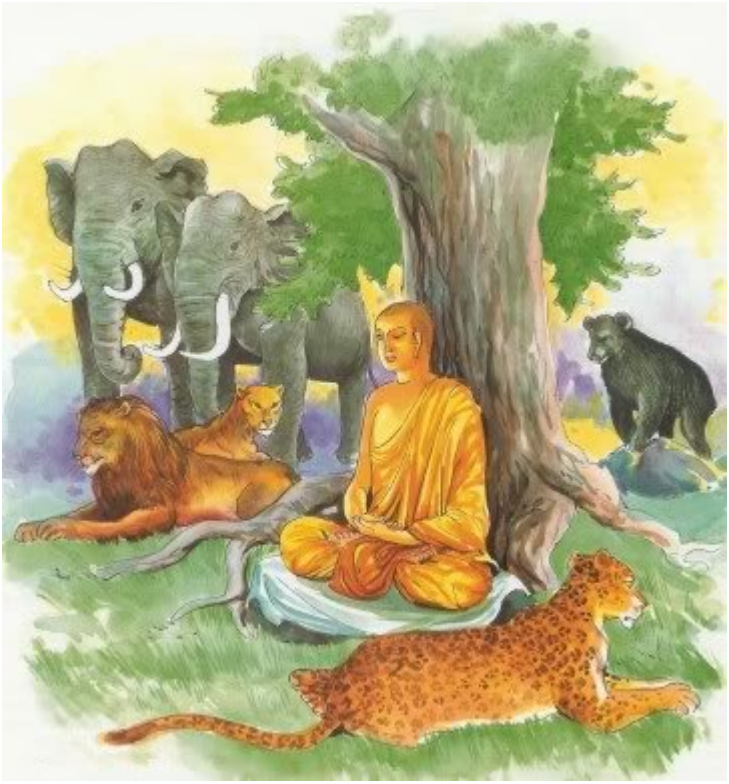

(39)
Người nào thanh tịnh trong tâm
Không còn tham ái và sân hận gì
Vượt lên thiện, ác đôi bề
Là người giác ngộ chẳng hề sợ chi.

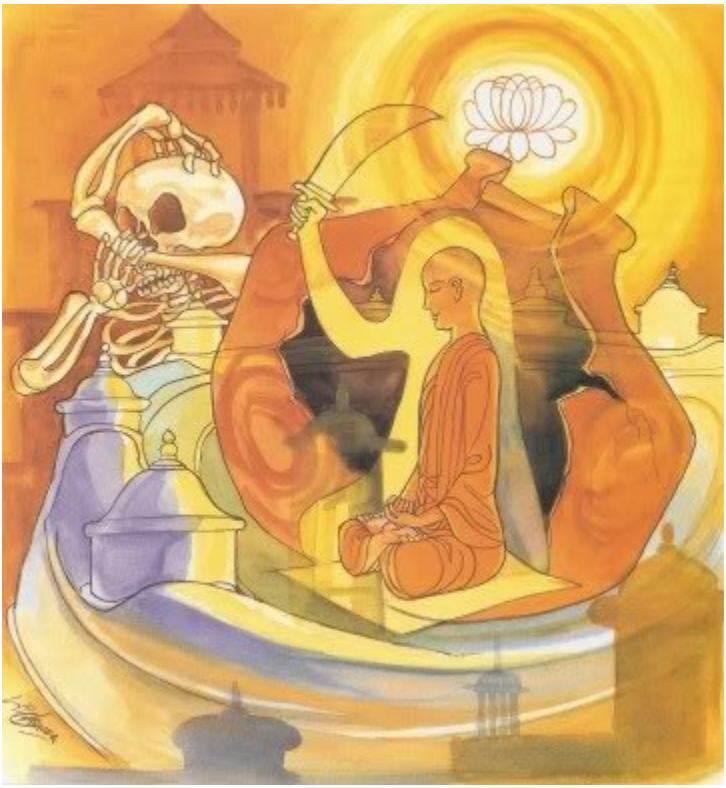

(40)
Thân như đồ gốm mong manh
Giữ tâm cho vững như thành vây quanh
Với gươm trí tuệ tinh anh
Hãy mau đánh dẹp tan tành quân Ma
Dẹp Ma dục vọng quấy ta
Thắng rồi nỗ lực để mà tiến thêm
Giữ gìn chiến thắng cho bền
Vượt vùng luyến ái, thoát miền nhiễm ô.

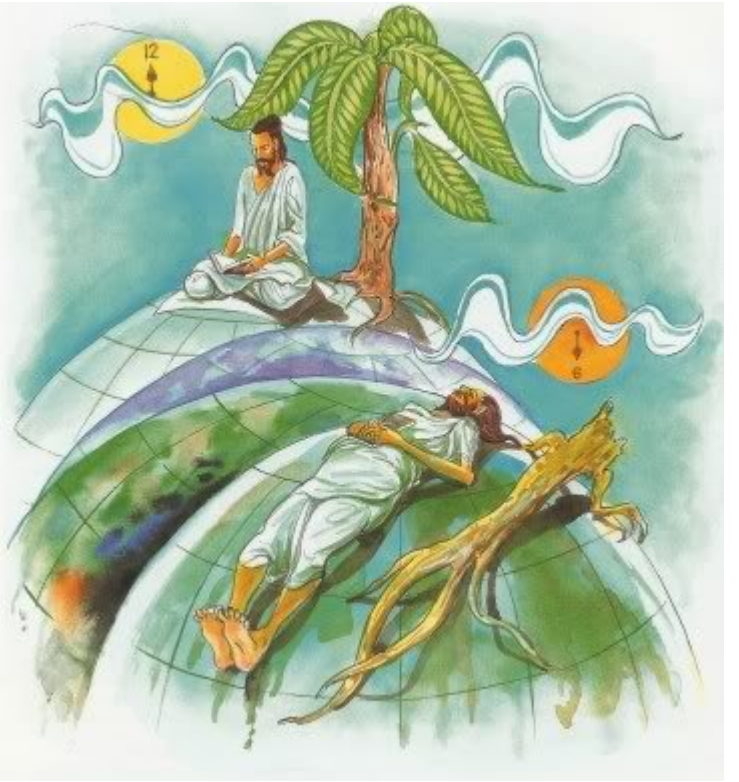

(41)
Thân này rồi chẳng bao lâu
Nằm dài dưới đất, chôn sâu ngủ vùi
Đâu còn ý thức chuyện đời
Tựa cây gỗ mục vứt nơi bụi bờ.



(42)
Kẻ thù gây hại cho nhau
Hay người oán hận trước sau rửa hờn
Cũng đâu gây hại nhiều hơn
Hại do hạnh ác trong tâm tạo thành
Gây ra cho chính thân mình.



(43)
Dù cha mẹ hoặc thân nhân
Giúp ta chỉ được một phần thăng hoa
Chính nhờ tâm tốt của ta
Tìm về việc thiện, hướng qua hạnh lành
Làm mình cao thượng thật nhanh.



4. PHẨM HOA

(44)
Ai mà tinh tấn nhận chân
Địa cầu và chính bản thân của mình,
Nhận chân được cõi nhân sinh
Khổ đau bốn cảnh dập dình vây quanh,
Nhận chân cõi thế gian mình
Cũng như cảnh giới thiên đình cao xa,
Khéo mang Pháp Cú giảng ra
Như người thợ khéo nhặt hoa làm tràng?



(45)
Người còn tu học nhận chân
Địa cầu và chính bản thân của mình,
Nhận chân được cõi nhân sinh
Khổ đau bốn cảnh dập dình vây quanh,
Nhận chân cõi thế gian mình
Cũng như cảnh giới thiên đình cao xa,
Khéo mang Pháp Cú giảng ra
Như người thợ khéo nhặt hoa làm tràng!



(46)
Chúng sinh nên biết thân này
Như là ảo ảnh rồi đây chóng tàn
Như là bọt nước mau tan
Nên hoa dục vọng chớ màng làm chi
Mũi tên cám dỗ bẻ đi
Dẹp Ma dục vọng còn gì hại thân,
Vượt qua tầm mắt tử thần.



(47)
Tựa như nước lũ cuốn đi
Xóm làng say ngủ li bì nửa khuya
Tử thần cũng sẽ rước về
Những người phóng túng, đam mê tối ngày
Chỉ chuyên thu nhặt luôn tay
Cánh hoa dục lạc chất đầy trong tâm.



(48)
Những người chỉ biết đam mê
Cánh hoa dục lạc hái về trong tay
Với tâm phóng túng đọa đầy
Không hề thỏa mãn, tối ngày cuồng say
Chính là nô lệ tốt thay
Tử thần sẽ tới lôi ngay đi rồi.



(49)
Sa môn khất thực trong làng
Ví như ong lượn nhịp nhàng bên hoa
Kiếm tìm mật nhụy hút ra
Xong rồi tung cánh bay qua cuối vườn
Không làm hoa tổn sắc hương.



(50)
Chớ nên dòm ngó lỗi người
Để xem họ đã làm rồi hay chưa,
Lỗi mình đừng có làm lơ
Phải nên nhìn lại đừng chờ đợi chi
Coi mình làm được những gì
Hay còn nhiều việc sẵn kia chưa làm.



(51)
Hoa kia sắc đẹp phô trương
Tiếc rằng chẳng có chút hương thơm nào
Khác chi người nói ngọt ngào
Trăm điều hoa gấm, trăm câu tốt lành
Nói xong không chịu thực hành
Chẳng đem lợi ích, cũng thành uổng đi.



(52)
Hoa kia sắc đẹp vô cùng
Lại thêm hương tỏa thơm lừng biết bao
Khác chi người nói ngọt ngào
Trăm điều hoa gấm, trăm câu tốt lành
Nói xong quyết chí thực hành
Tương lai kết quả tạo thành đẹp thay.



(53)
Như từ một đống hoa tươi
Lựa ra ghép lại cho đời tràng hoa
Nhiều tràng phô sắc mặn mà,
Người đời cũng vậy khác xa đâu nào
Thân tâm an lạc, thanh cao
Làm nên việc thiện kể sao cho vừa.

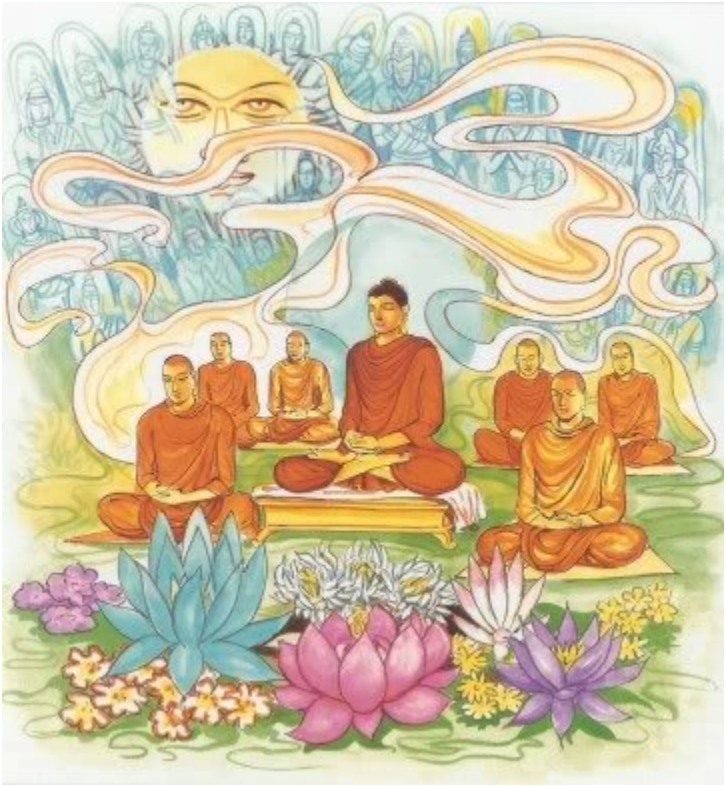

(54)
Hương thơm hoa quý vườn kia
Ngược chiều gió thổi dễ gì thoảng bay,
Hương người đức hạnh thơm thay
Dù cho ngược gió dâng đầy muôn phương.



(55)
Muôn hương tỏa ngát thơm tho
Từ vườn hoa quý, từ hồ sen thanh
Dễ chi hơn được hương lành
Do người đức hạnh lưu danh cho đời.

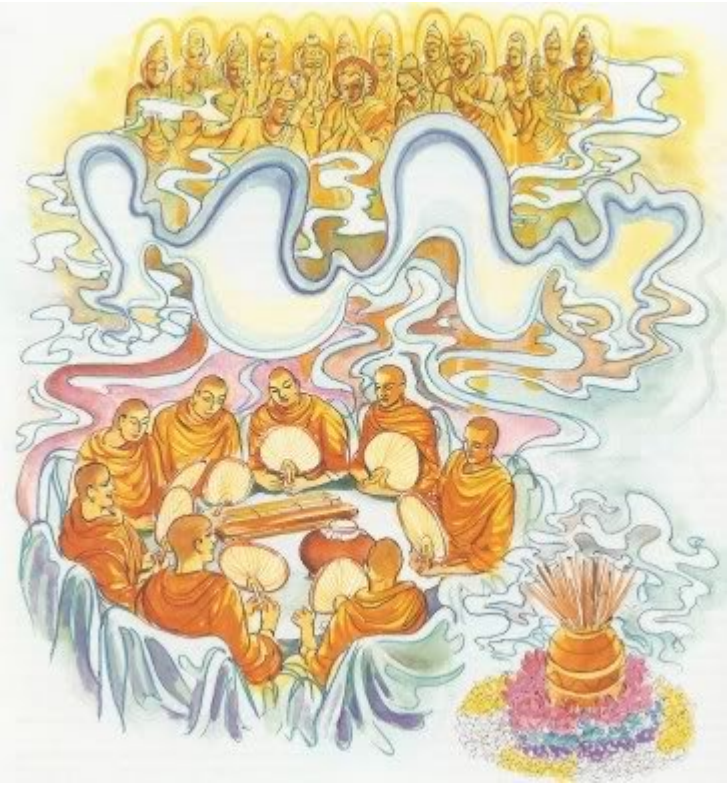

(56)
Hương thơm hoa quý thua xa
Hương người đức hạnh chan hòa vượt trên
Xông lên mãi tận chư Thiên
Tỏa ra ngan ngát khắp miền trời cao.



(57)
Ai hằng ngày chẳng buông lung
Lại thêm giới hạnh vô cùng thanh cao
Có nguồn trí tuệ dạt dào
Thân tâm giải thoát há nào sợ chi
Ma vương dòm ngó dễ gì.

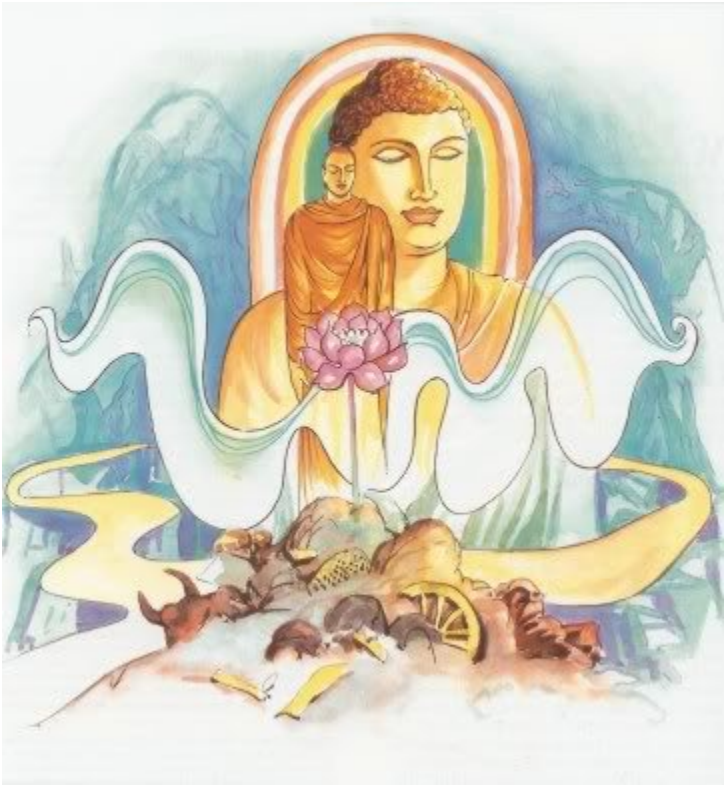

(58) - (59)
Như từ trong đống bùn nhơ
Bên đường nước đọng, ai ngờ nở ra
Hoa sen phô sắc mặn mà
Tỏa hương thanh khiết gần xa đẹp lòng,

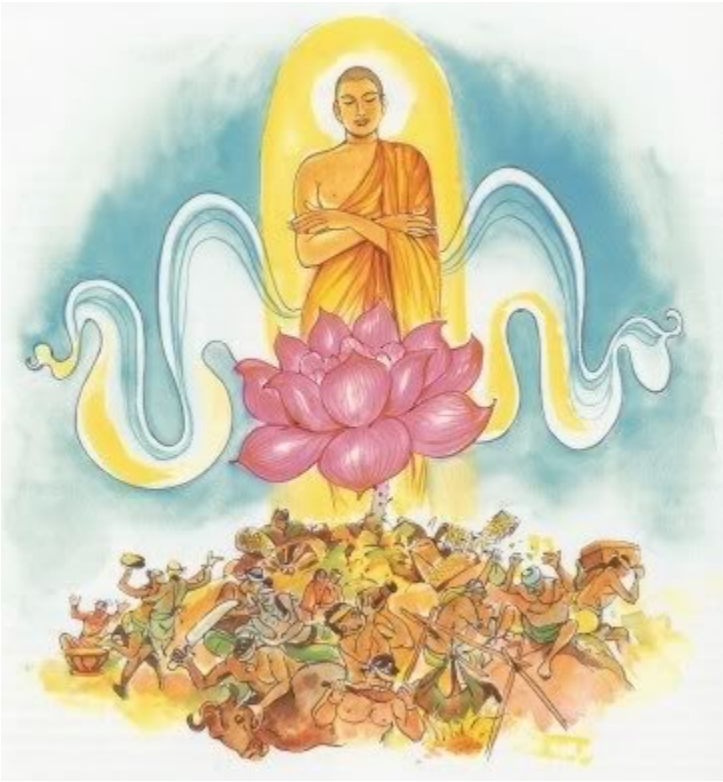

Khác chi giữa chốn bụi hồng
Giữa phường mê muội ngập trong não phiền
Nảy sinh Phật tử trung kiên
Rạng soi trí tuệ khắp miền nhân gian.

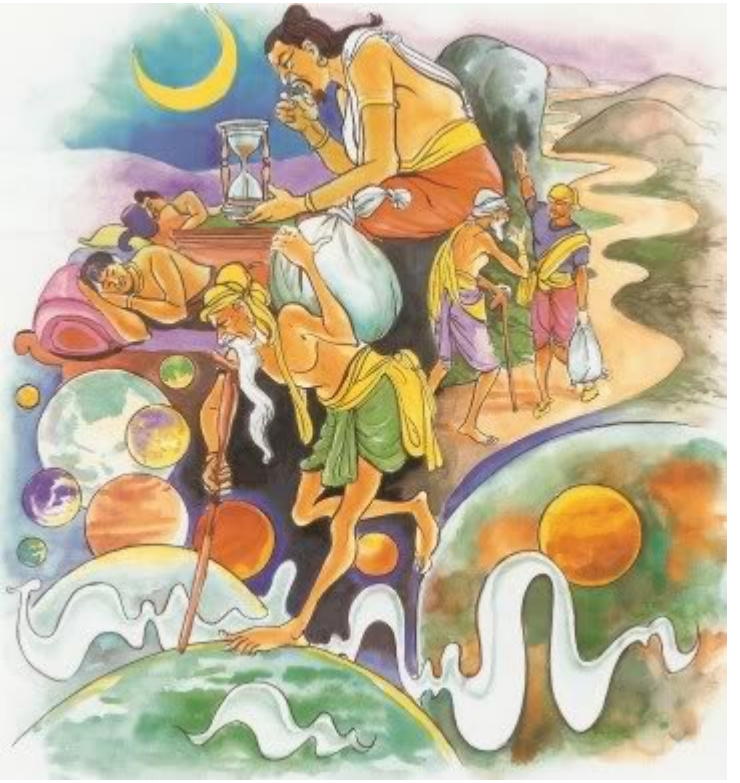

5. PHẨM NGƯỜI NGU

(60)
Người mất ngủ thấy đêm dài
Bộ hành mỏi mệt than hoài đường xa
Luân hồi cũng vậy thôi mà
Chập chùng tiếp nối thật là tái tê
Với người ngu dại, u mê
Biết gì chánh pháp, hiểu chi đạo mầu.

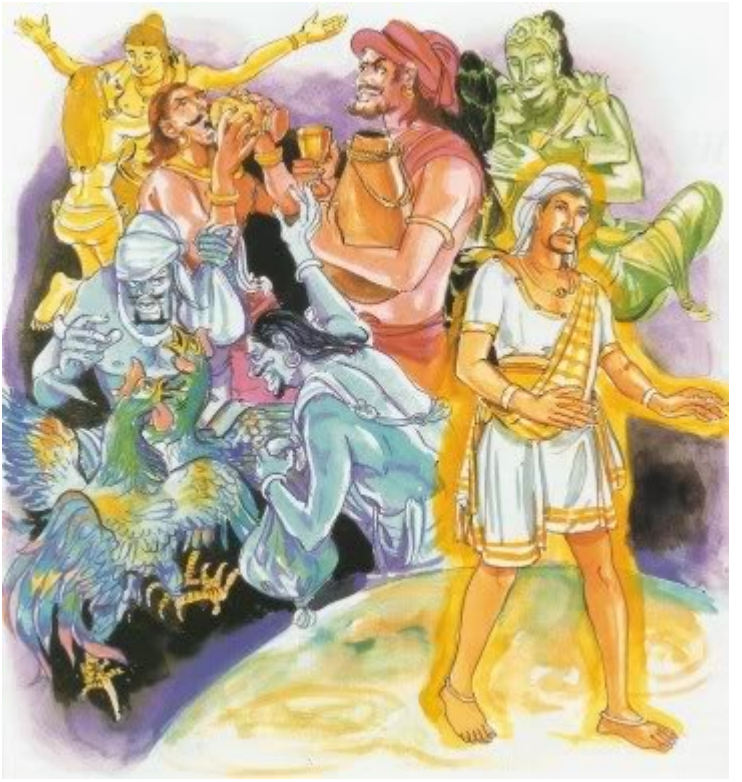

(61)
Khi cùng sánh bước đường đời
Nếu không tìm được một người so ra
Hơn ta hay chỉ bằng ta
Một mình rong ruổi thế mà lại hay,
Gặp người ngu muội phiền thay
Chớ nên kết bạn có ngày khổ đau.

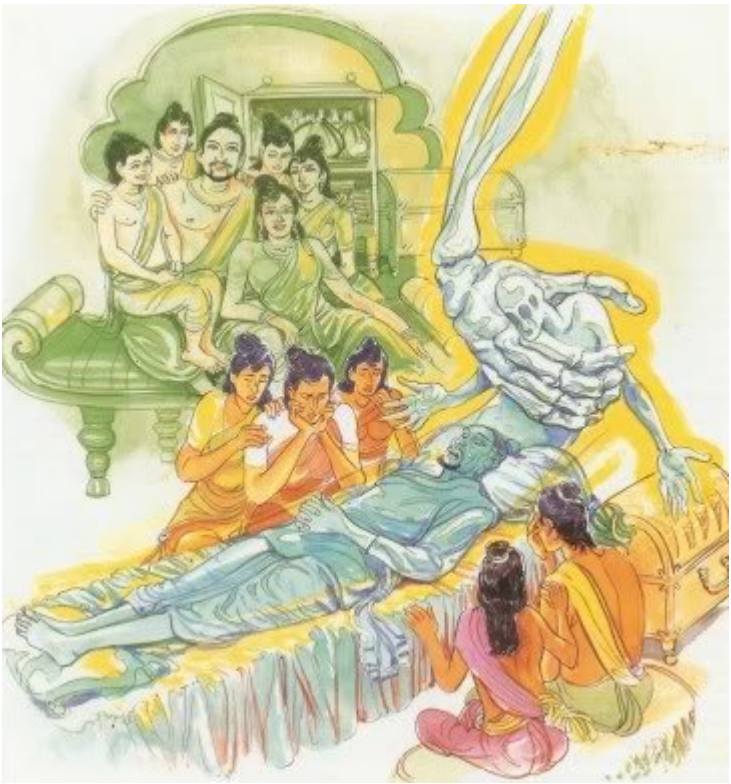

(62)
“Đây là con cái của tôi
Đây là của cải mấy đời chắt chiu!”
Người ngu chỉ nghĩ bấy nhiêu
Nào hay biết được một điều thâm sâu:
Chính thân ta cũng có đâu
Mà đòi con nọ, mà cầu của kia.

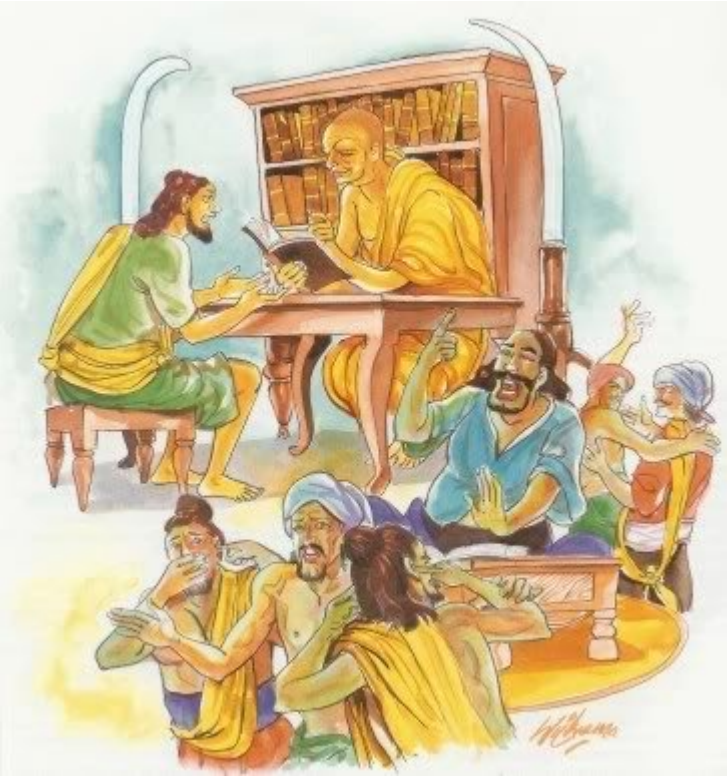

(63)
Người ngu tự biết mình ngu
Thế là có trí, người xưa dạy rồi,
Ngu mà cứ tưởng khôn thôi
Mới là một kẻ muôn đời thật ngu.



(64)
Người ngu suốt cả một đời
Gần bên người trí cũng hoài công thôi
Hiểu đâu chánh pháp cao vời,
Như thìa, như muỗng múc nồi canh kia
Múc hoài từ sáng tới khuya
Vị canh ngon ngọt hưởng gì được đâu.

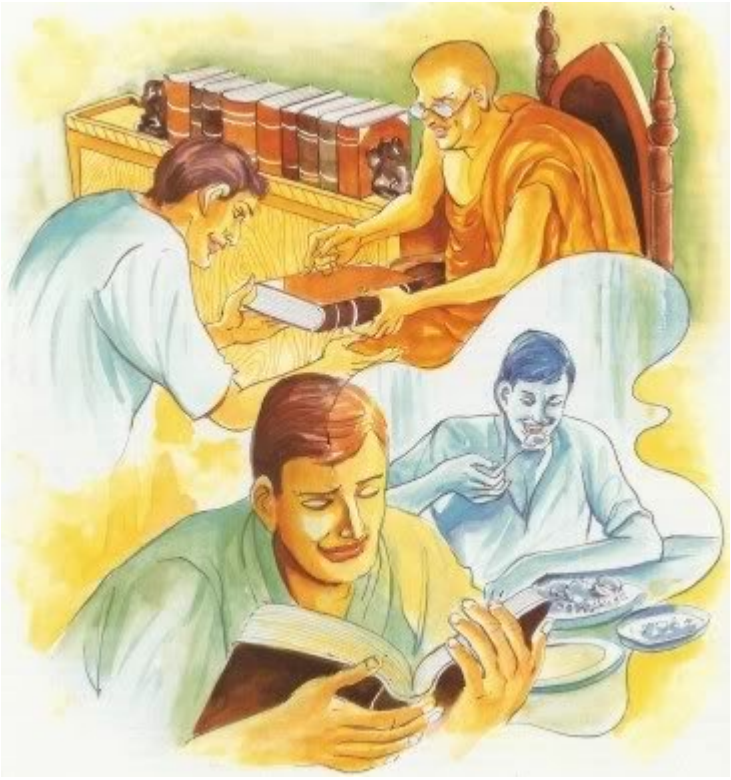

(65)
Người thông minh dễ dàng thay
Gần người trí tuệ hiểu ngay đạo mầu
Hiểu ngay chánh pháp thâm sâu
Khác chi cái lưỡi nếm vào canh kia
Biết ngay hương vị khó chi.



(66)
Những người ngu dại, u mê
Thiếu phần trí tuệ, thiếu bề tinh anh
Tự mình lại biến chính mình
Thành ra thù địch quẩn quanh theo hoài
Tạo muôn nghiệp ác nào hay
Chuốc vào hậu quả đắng cay sau này.

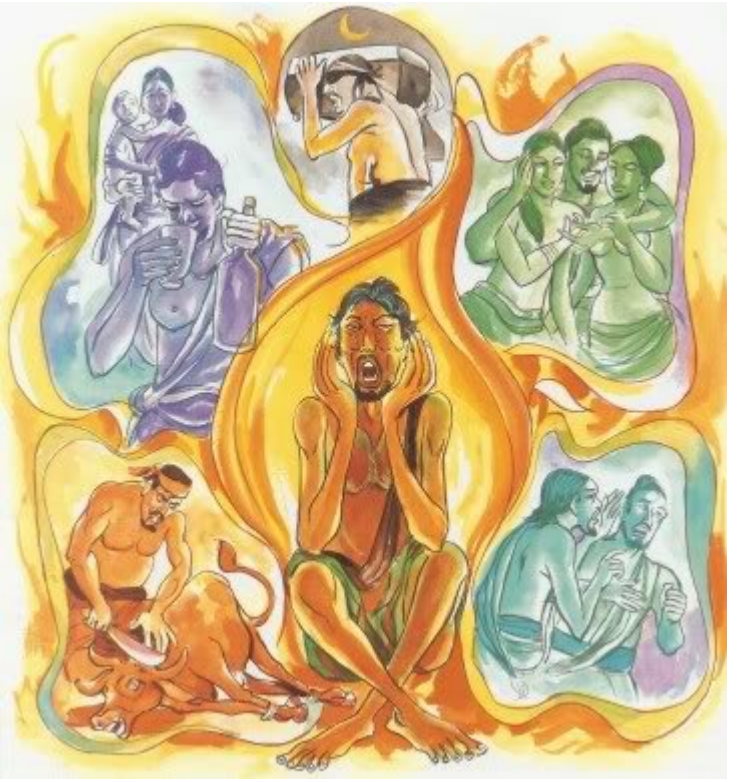

(67)
Việc làm chẳng thiện, chẳng lành
Nếu làm xong lại tự mình ăn năn
Dầm dề nhỏ lệ khóc than
Biết rằng quả báo dữ dằn tương lai.



(68)
Việc làm rất thiện, rất lành
Nếu làm xong thấy lòng mình thảnh thơi
Chẳng ăn năn, lại mừng vui
Tương lai quả báo đẹp tươi tốt lành.

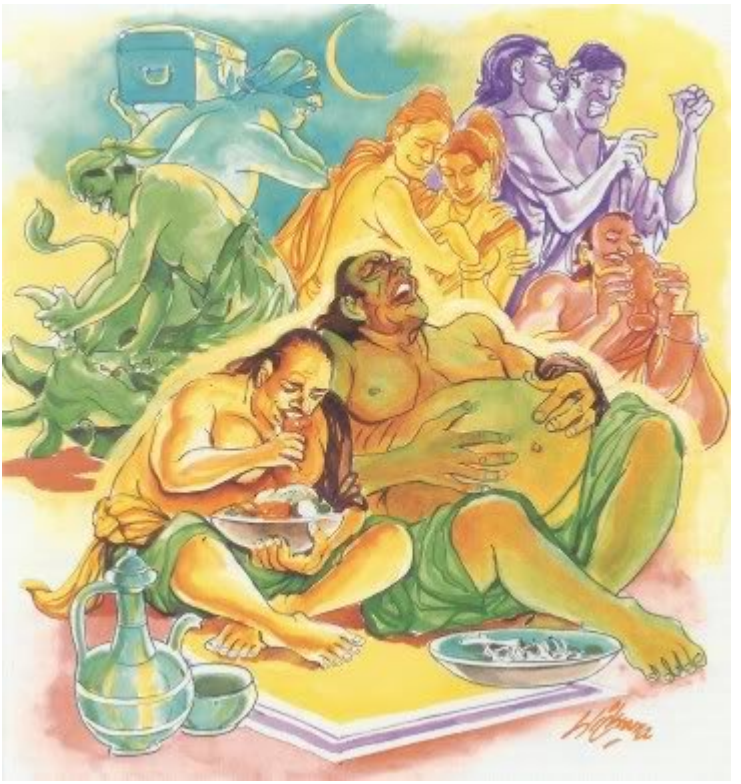

(69)
Khi mà nghiệp ác chưa thành
Chưa gây hậu quả thật tình thảm thương
Người ngu cảm thấy bình thường
Tưởng như được nếm mật đường ngọt thay,
Nhưng khi quả báo đọa đày
Người ngu chịu khổ, đắng cay não nề.



(70)
Với đầu ngọn cỏ mong manh
Người ngu dùng bới cho mình thức ăn
Tu theo khổ hạnh nhọc nhằn
Nhịn ăn, nhịn uống quanh năm võ vàng
So ra đâu có phước bằng
Một phần mười sáu của hàng chân tu
Hiểu thông chánh pháp từ xưa.



(71)
Người ngu nghiệp ác tạo nên
Nào đâu hậu quả thấy liền nơi đây
Tựa như sữa chẳng đông ngay,
Tuy nhiên nghiệp báo đêm ngày ngầm theo
Giống như ngọn lửa thầm reo
Trong than hồng ủ dưới nhiều lớp tro.

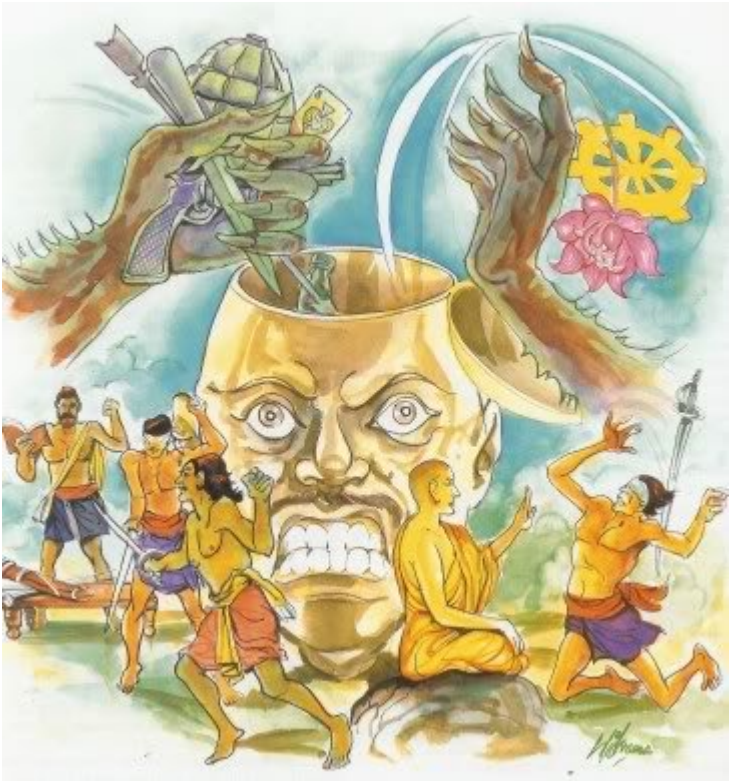

(72)
Chút tài mọn, chút hư danh
Dù thêm vào được cho mình nay mai
Người ngu vẫn tự hại đời
Tự đưa mình tới cuối trời diệt vong
Để rồi hạnh phúc chẳng còn
Tiêu tan đầu não, héo hon trí người.



(73)
Kẻ ngu thường muốn hư danh
Ngồi trong Tăng chúng muốn giành chỗ trên,
Trong Tăng viện muốn uy quyền,
Muốn người cung kính đến xin cúng dường.

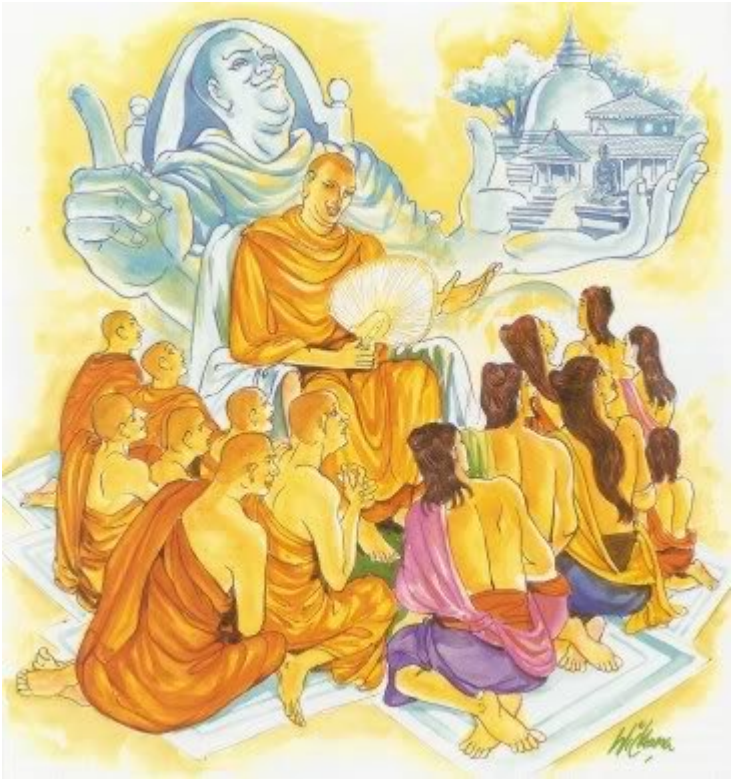

(74)
Để cho kẻ tục, người Tăng
Phục ta và phải nghĩ rằng ta đây:
“Chính ta làm được việc này!”
Hay: “Ta ra lệnh đó đây thi hành!”
Kẻ ngu cuồng vọng khoe mình,
Lòng tham, ngạo mạn tăng nhanh với đời.

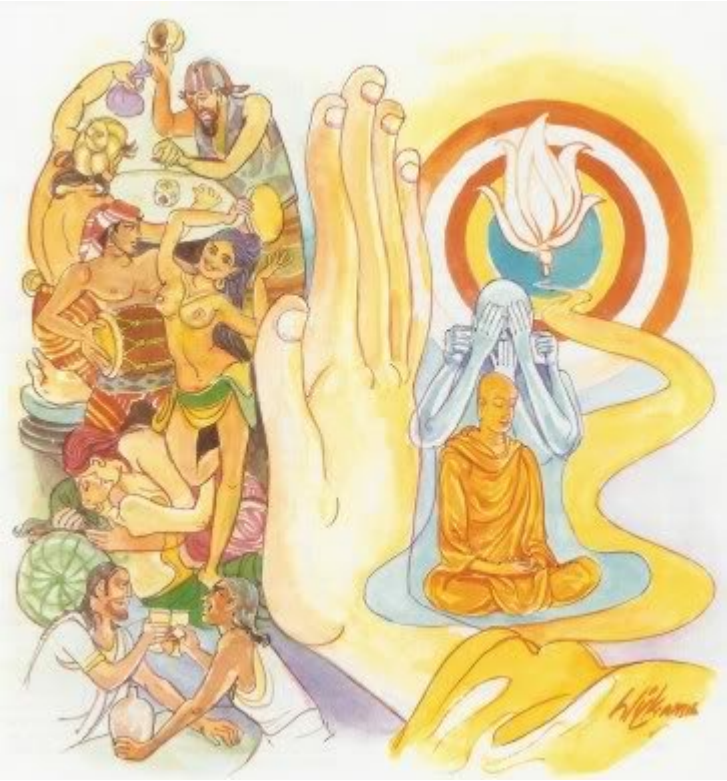

(75)
Một đường danh lợi thế gian
Một đường đưa tới Niết Bàn cao xa
Tỳ Kheo đệ tử Phật Đà
Nhủ lòng cho rõ để mà bước chân,
Đừng nên tham đắm lợi trần,
Đạo mầu giải thoát chuyên tâm trau dồi!



6. PHẨM NGƯỜI TRÍ

(76)
Nếu ta gặp được kẻ hiền
Chỉ bày điều lỗi, trách phiền chuyện sai
Giống như gặp được một người
Chỉ cho vật quý chôn nơi kho tàng
Hãy mau cùng họ kết thân
Trăm phần lợi ích, mười phân tốt lành.



(77)
Ai thường khuyên dạy người ta
Đừng gần điều ác, tránh xa lỗi lầm,
Người lành yêu họ vô ngần
Chỉ riêng người dữ muôn phần ghét chê.

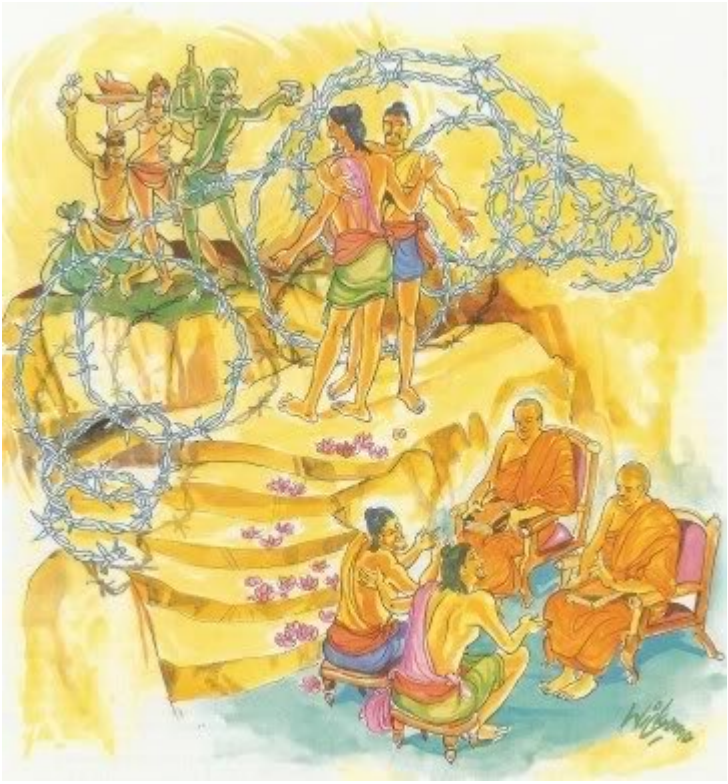

(78)
Người gian ác, kẻ tiểu nhân
Chớ nên làm bạn, kết thân với mình
Chỉ nên kết bạn người lành
Tác phong quân tử, tính tình thanh cao.

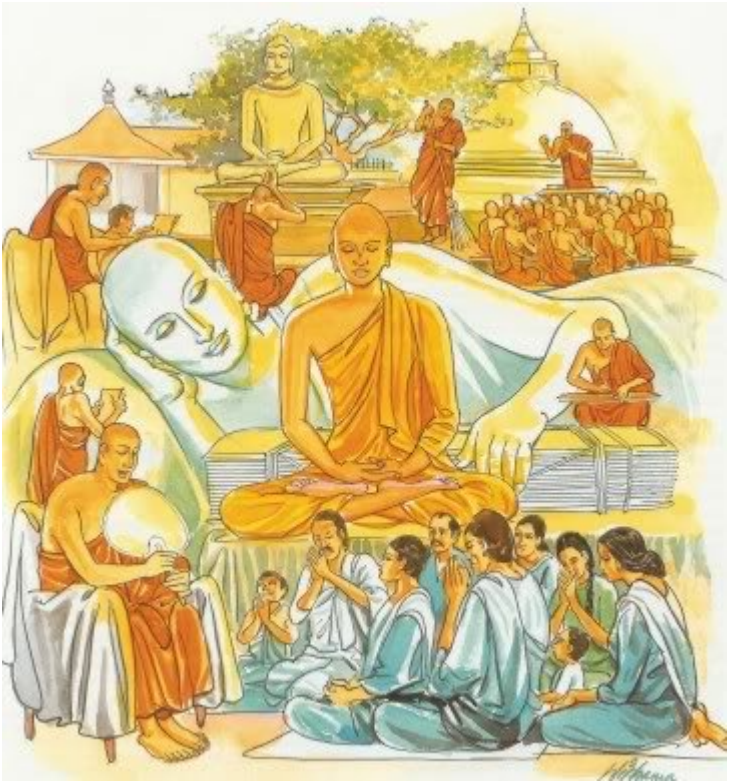

(79)
Một khi chánh pháp thấm nhuần
Tươi vui cuộc sống, bình an tâm hồn
Cho nên người trí, người khôn
Hân hoan nghe Pháp thánh nhân giảng truyền.

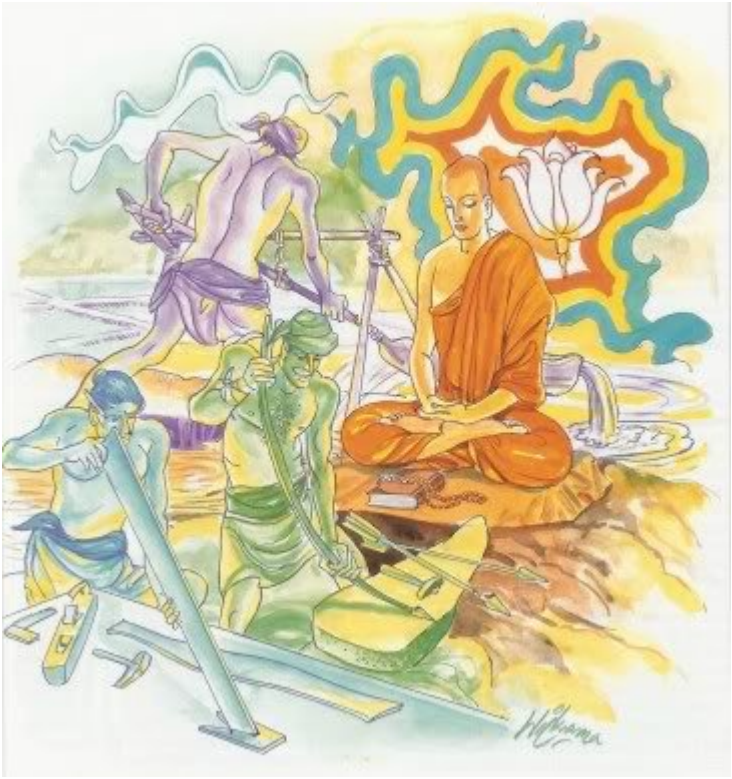

(80)
Những người tưới nước chăm lo
Đào mương dẫn nước vào cho khắp miền,
Những người thợ vót cung tên
Cung tên lo uốn triền miên tháng ngày,
Những người thợ mộc khéo tay
Xẻ cây, uốn ván thẳng ngay tài tình,
Còn như người trí tinh anh
Chăm lo thuần hóa thân mình cho nhanh.

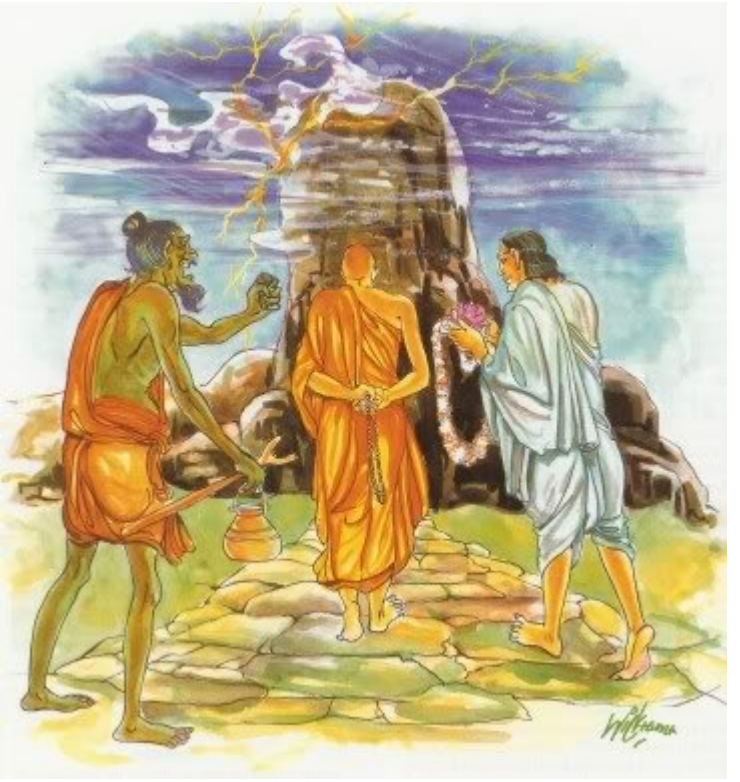

(81)
Gió nào lay núi đá cao
Và người trí lớn khác nào núi kia
Tiếng đời trần tục khen chê
Tán dương, phỉ báng, dễ gì động tâm.

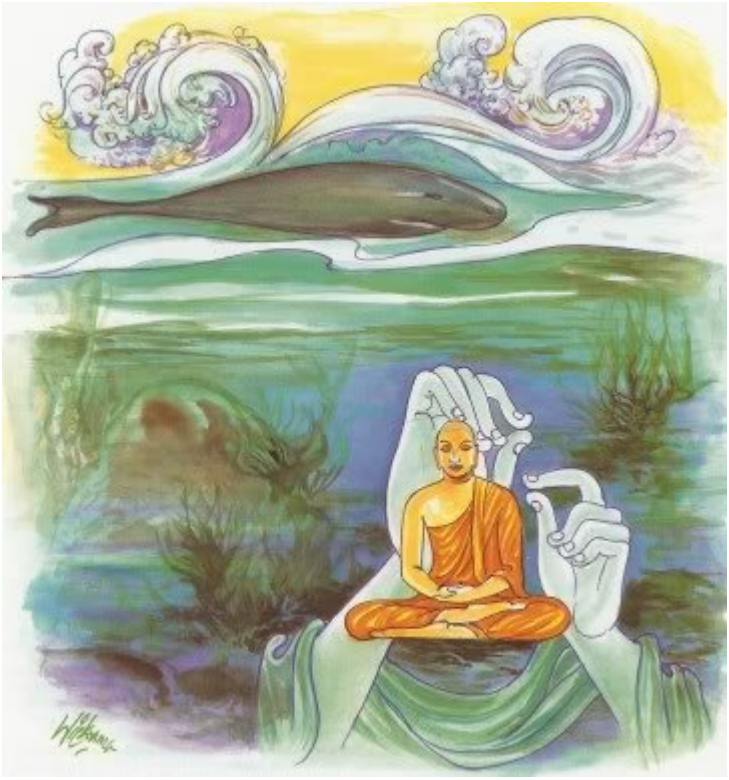

(82)
Như là hồ nước thẳm sâu
Phô dòng phẳng lặng, khoe mầu sạch trong
Những người có trí, có lòng
Khi nghe chánh pháp cũng không khác gì
Thân tâm tịnh lạc kể chi.

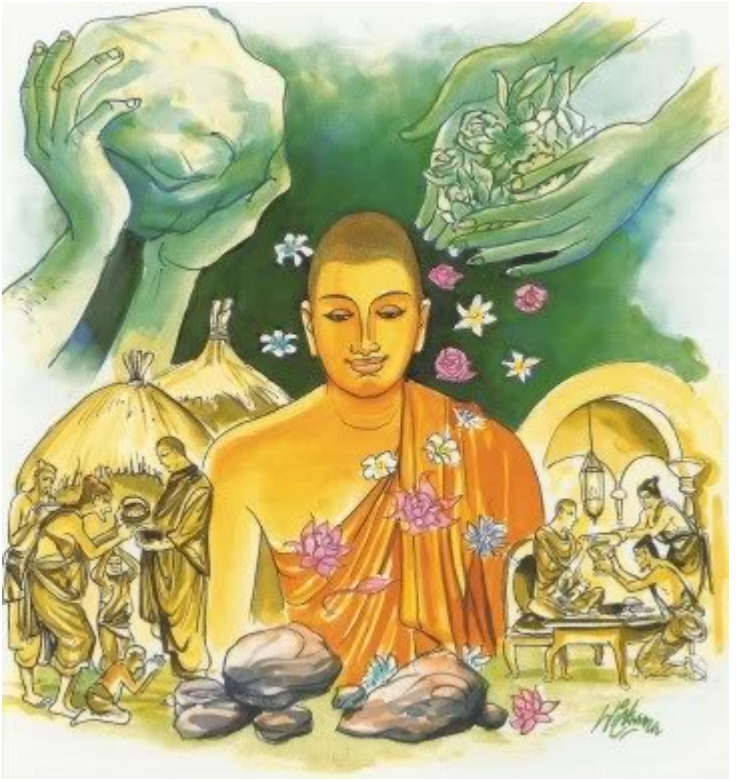

(83)
Người lành thường mãi lìa xa
Mọi điều dục lạc bỏ qua chẳng bàn,
Người hiền trí gặp vui buồn
Dù đầy hạnh phúc, hay tràn khổ đau
Không hề dao động trước sau
Tinh thần luôn vững, há nào mừng lo.

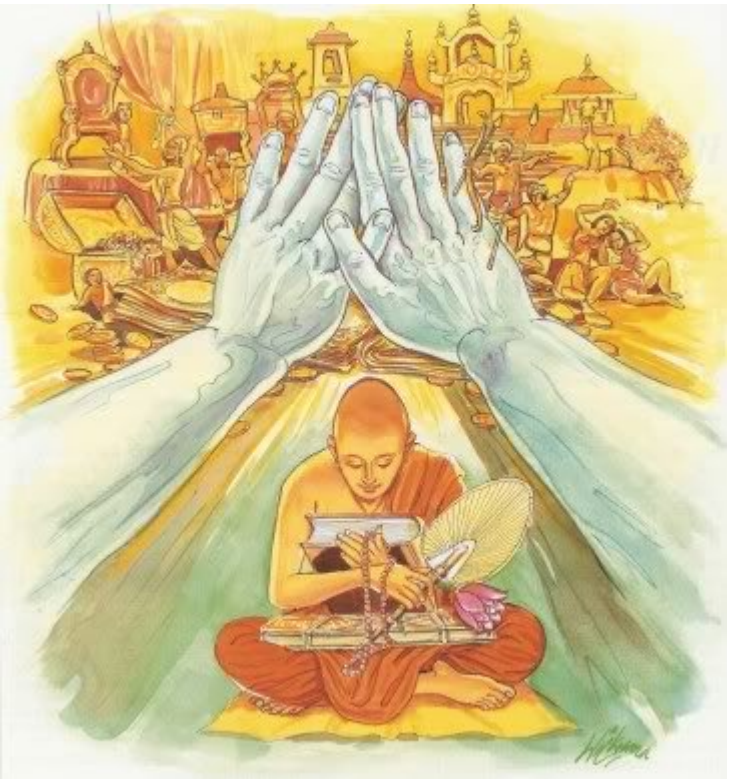

(84)
Đừng vì mình hay vì người
Ham cầu con cái, ham nơi ruộng tiền
Hay ngai vàng để ngự lên
Mà dùng mưu kế đảo điên ở đời,
Muốn thành công chớ hại ai
Thấy điều bất chính lầm sai tránh đường
Sống đời đức hạnh thơm lừng
Rạng vầng trí tuệ, ngát hương đạo mầu.



(85)
Đám đông nhân loại quanh ta
Ít người đạt được tới bờ bên kia
Còn bao kẻ khác kể chi
Ngược xuôi quanh quẩn sớm khuya bờ này
Trầm luân sinh tử thương thay!



(86)
Ai mà có đủ duyên may
Được nghe chánh pháp giảng bày phân minh
Đúng theo chánh pháp tu hành
Sẽ mau thoát cảnh tử sinh bờ này
Trùng dương dục vọng vượt ngay
Bên kia bờ giác dang tay đón chờ.

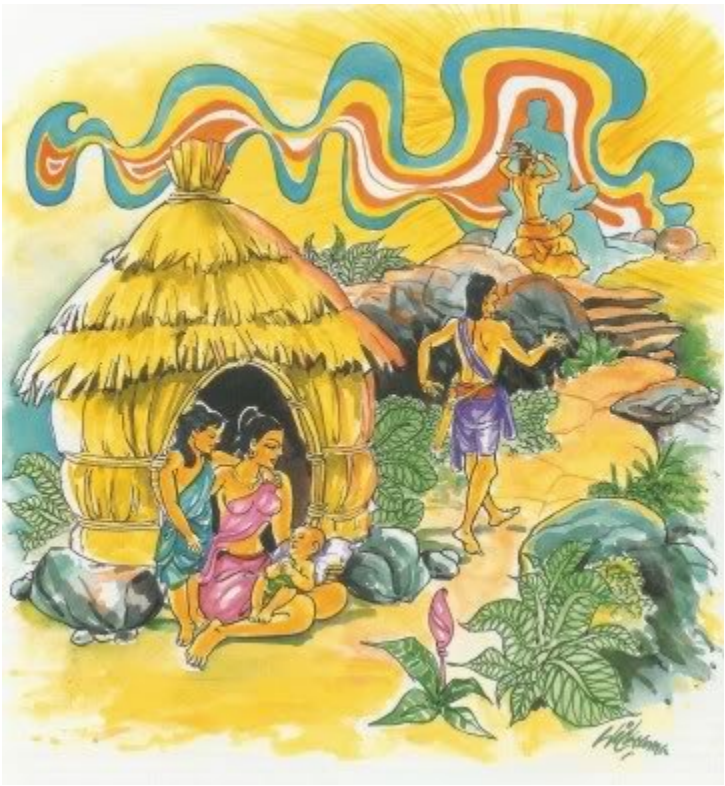

(87) - (88)
Người hiền trí rời bỏ ngay
Con đường bất thiện giăng đầy bóng đêm
Tìm qua nẻo thiện vượt lên
Ánh vàng rực rỡ xuôi miền an vui,
Gia đình nhỏ hẹp lìa thôi

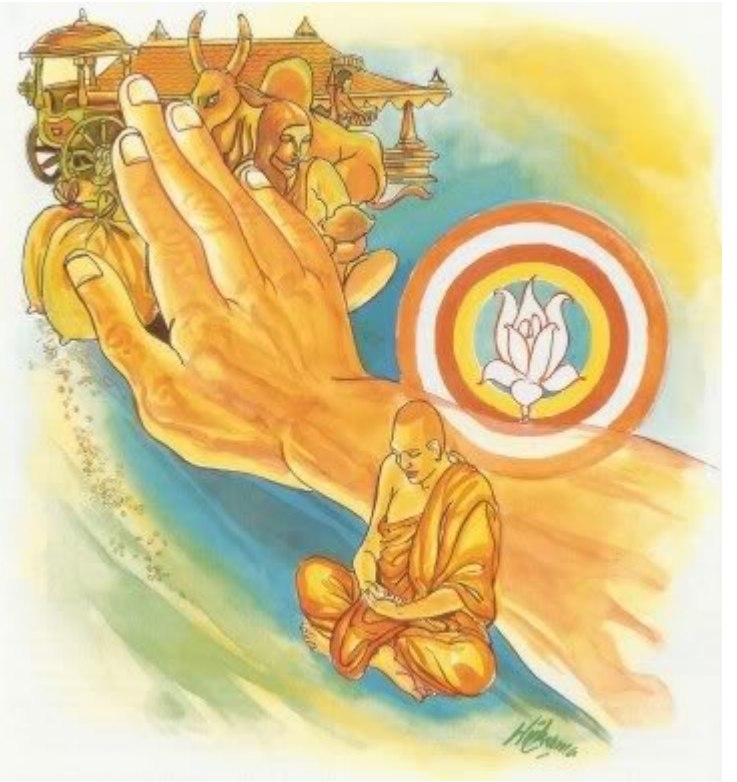

Xuất gia và sống cuộc đời độc thân
Đúng theo phép tắc Sa Môn
Gột đi ô nhiễm trong tâm kỹ càng
Cầu vui chánh pháp Niết Bàn
Bao nhiêu dục lạc buộc ràng tránh xa.



(89)
Người nào tu tập chuyên cần
Nương theo chánh pháp chuyên tâm một đường,
Xa lìa cố chấp thói thường
Sợi dây luyến ái chẳng vương bận lòng
Não phiền đã diệt hết xong
Trở nên sáng suốt. Ngay trong đời này
Niết Bàn chứng ngộ được ngay.

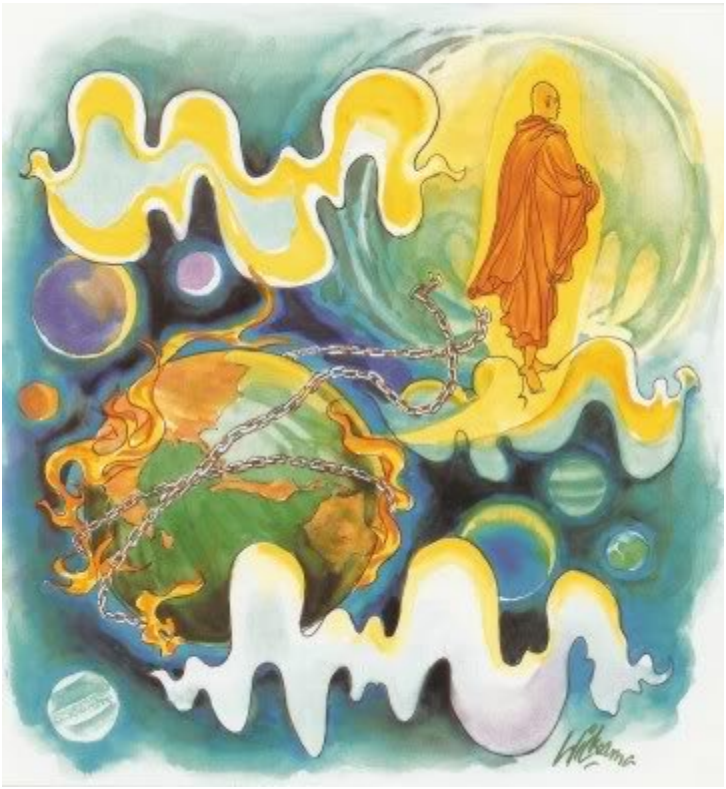

7. PHẨM A LA HÁN (*)

(90)
Với người hoàn tất hành trình
Ưu phiền vương vấn bên mình dứt đi
Hoàn toàn siêu thoát mọi bề
Bao nhiêu ràng buộc cắt lìa đã xong
Lửa tham ái sẽ chẳng còn
Một khi tới đích thoát vòng khổ đau.

(*) *A La Hán: tức là bậc thánh đã dứt hết phiền não, chứng Niết Bàn, không bị sinh tử nữa.*

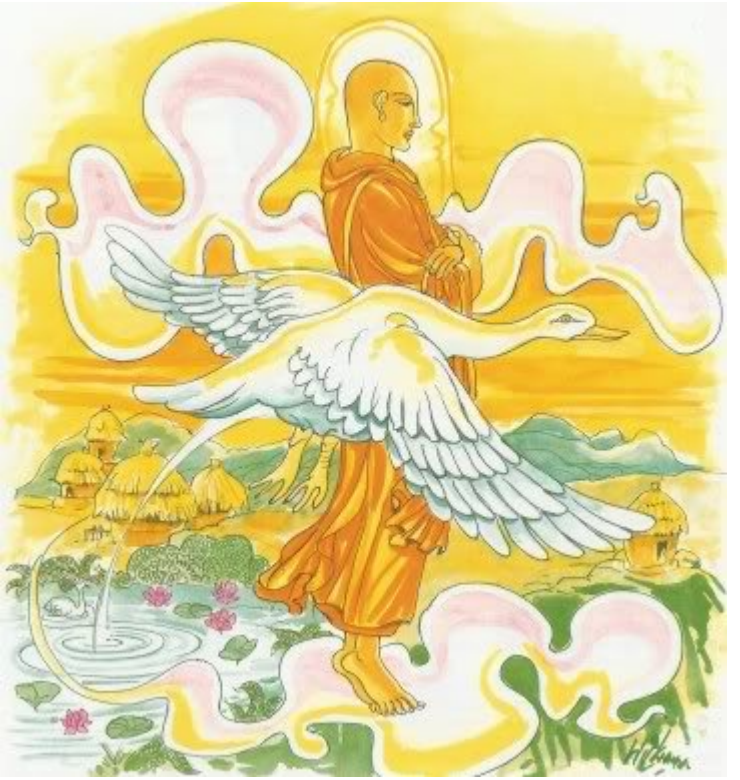

(91)
Những người cố gắng tu thân
Luôn luôn hăng hái, tinh thần thật cao
Đâu còn lưu luyến là bao
Nơi ăn chốn ở thuở nào tại gia
Ví như những cánh thiên nga
Rời ao hồ cũ bay xa tít mù
Đâu còn nhớ tiếc nơi xưa.

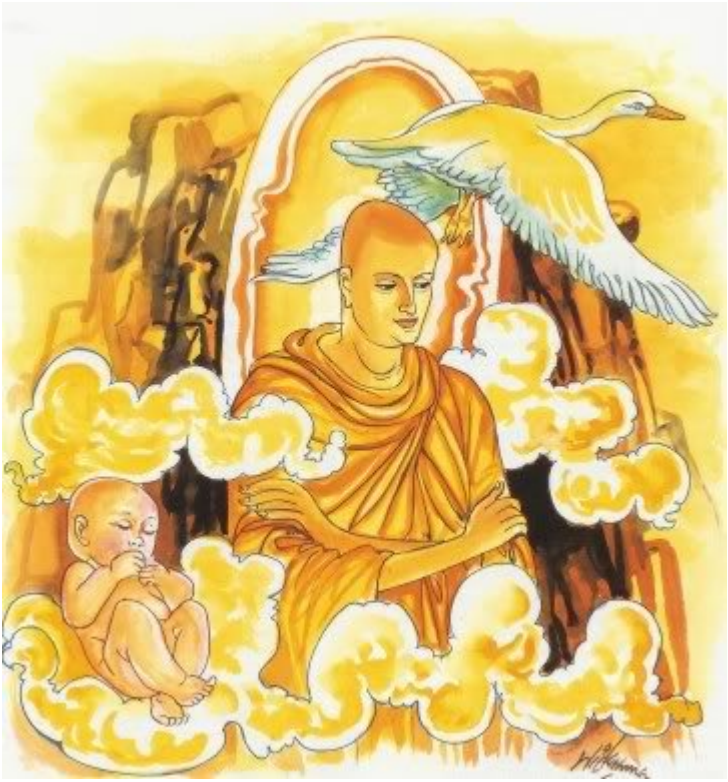

(92)
Không màng tài sản chứa đầy
Uống ăn chừng mực qua ngày để tu
Thoát vòng đau khổ, ưu tư
Thảnh thơi theo cánh gió đưa Niết Bàn
Như chim bay giữa không gian
Tìm chim, dấu vết vô vàn khó thay.

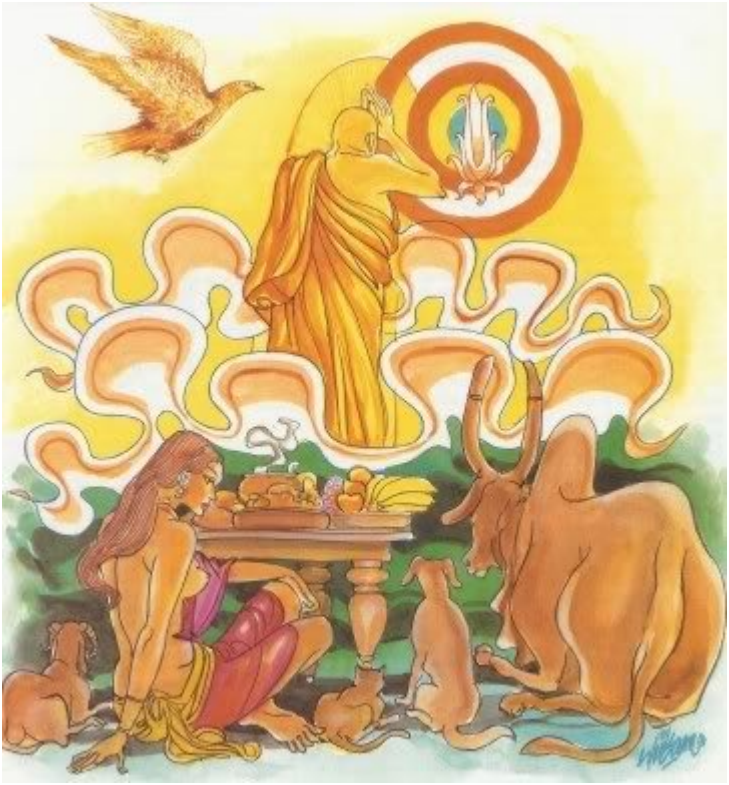

(93)
Nhiễm ô, ham muốn diệt ngay
Uống ăn chừng mực qua ngày để tu
Thoát vòng đau khổ, ưu tư
Thảnh thơi theo cánh gió đưa Niết Bàn
Như chim bay giữa không gian
Tìm chim, dấu vết vô vàn khó thay.

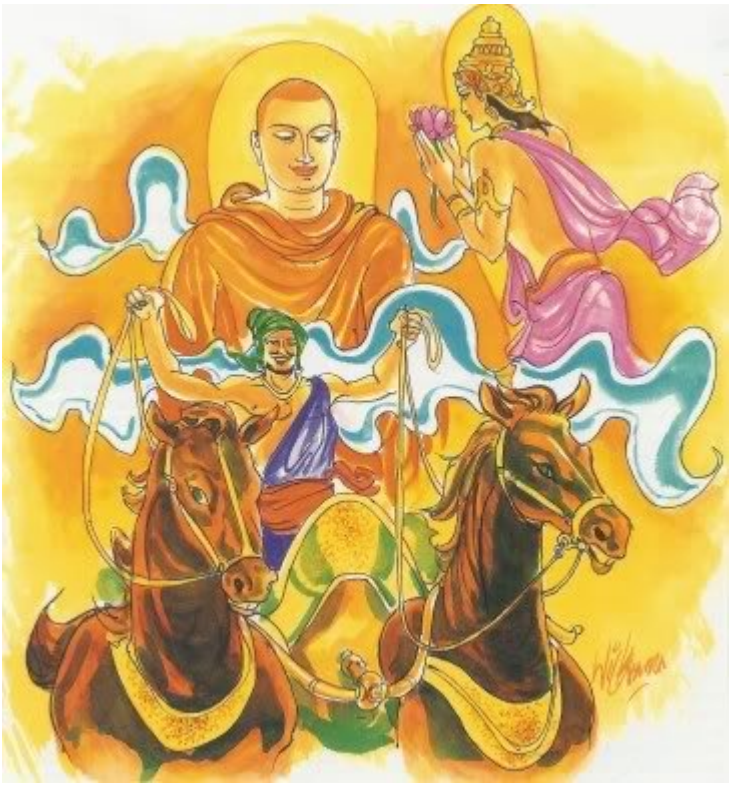

(94)
Ai mà chế ngự sáu căn
Như người cưỡi ngựa muôn phần giỏi giang
Ngựa đi thuần thục dễ dàng,
Không còn kiêu ngạo, hết vương não phiền
Chư thiên ái mộ vô biên.

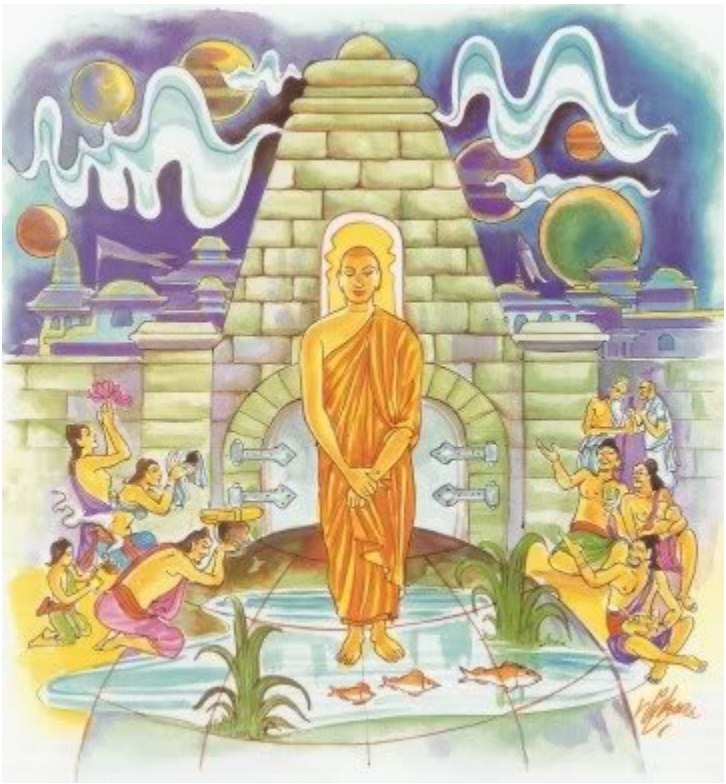

(95)
Bao sân hận chẳng vương mang
Tâm như một cõi đất bằng phẳng kia
Và như trụ đá kiên trì
Như hồ trong lắng không hề bùn nhơ
Người như vậy chẳng bao giờ
Luân hồi sinh tử diễn ra được nào.

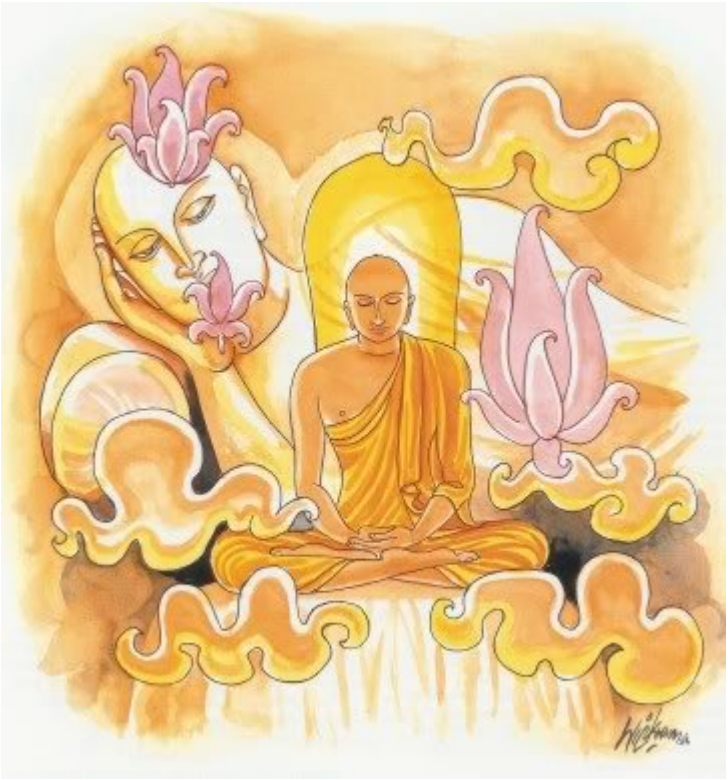

(96)
Ai mà thanh thản trong tâm
Lại thêm ngôn ngữ thâm trầm nơi nơi
Thêm hành động thật khoan thai:
Là người hiểu biết đúng sai mọi đường
Đã mau siêu thoát nhẹ nhàng
Luôn luôn tịnh lạc, hoàn toàn bình yên.

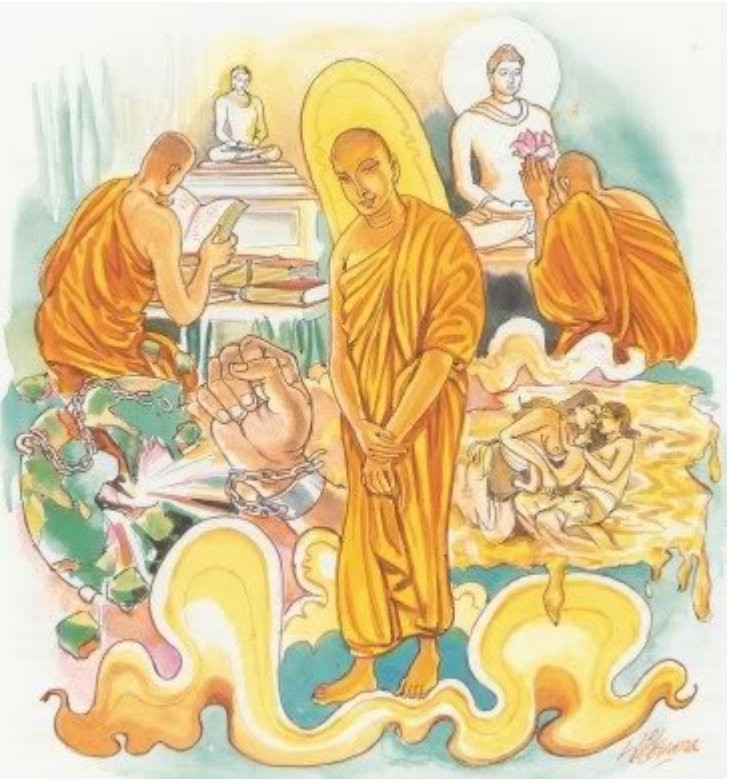

(97)
Tự mình biết, chẳng tin ai
Tự mình giác ngộ hiểu nơi đạo mầu
Dương trần hệ lụy dứt mau
Nguyên nhân thiện, ác trước sau diệt trừ
Lòng tham ái chẳng còn ưa
Con người cao quý khó ư sánh cùng.

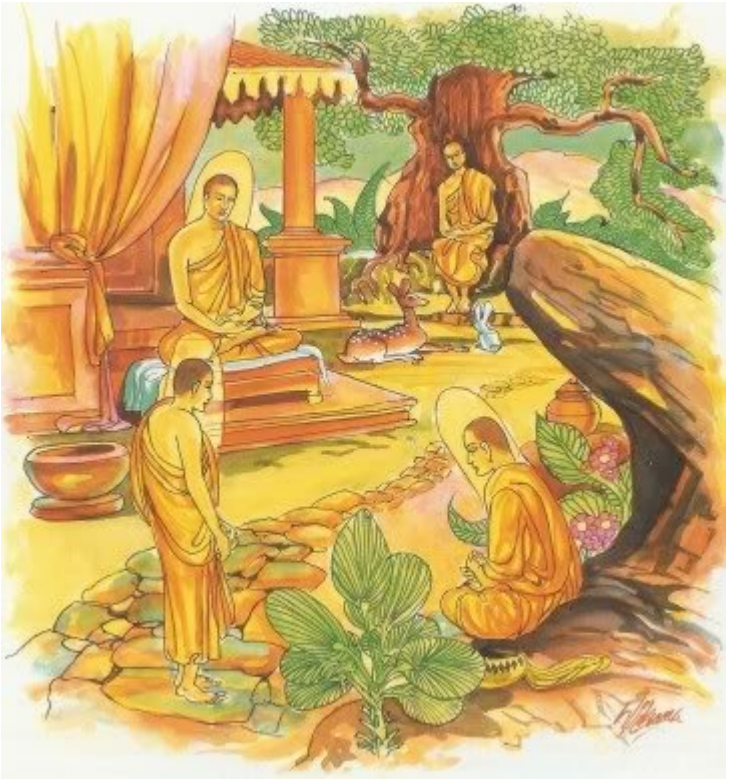

(98)
Dù làng xóm, hay núi rừng
Dù nơi vực thẳm, hay vùng non cao
A La Hán ở chỗ nào
Nơi này an tịnh, dạt dào niềm vui.

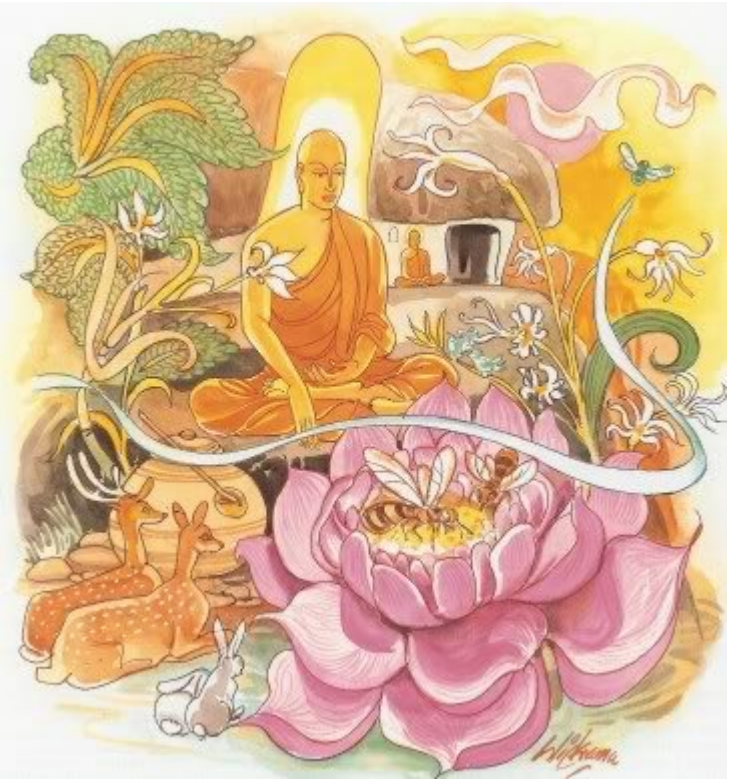

(99)
Núi rừng tịnh lạc, nên thơ
Nhưng người phàm lại không ưa chốn này,
Riêng người giải thoát khác thay
Tỏ ra thích ở nơi đây vô cùng
Vì bao dục lạc dứt xong.



8. PHẨM NGÀN

(100)
Dù ngàn lời nói với nhau
Nếu đều vô nghĩa, ích đâu cho đời
Chẳng bằng chỉ nói một lời
Một lời nghĩa lý, mọi người mừng thay
Nghe xong tâm tịnh lạc ngay.



(101)
Kệ kia nói đến ngàn câu
Nếu đều vô nghĩa, ích đâu cho đời
Một câu nói cũng đủ rồi
Nếu đầy nghĩa lý, mọi người mừng thay
Nghe xong tâm tịnh lạc ngay.



(102)
Kệ kia tụng đến trăm câu
Nếu đều vô nghĩa, ích đâu cho đời
Chẳng bằng Pháp Cú tuyệt vời
Một lời giáo pháp mọi người mừng thay
Nghe xong tâm tịnh lạc ngay.

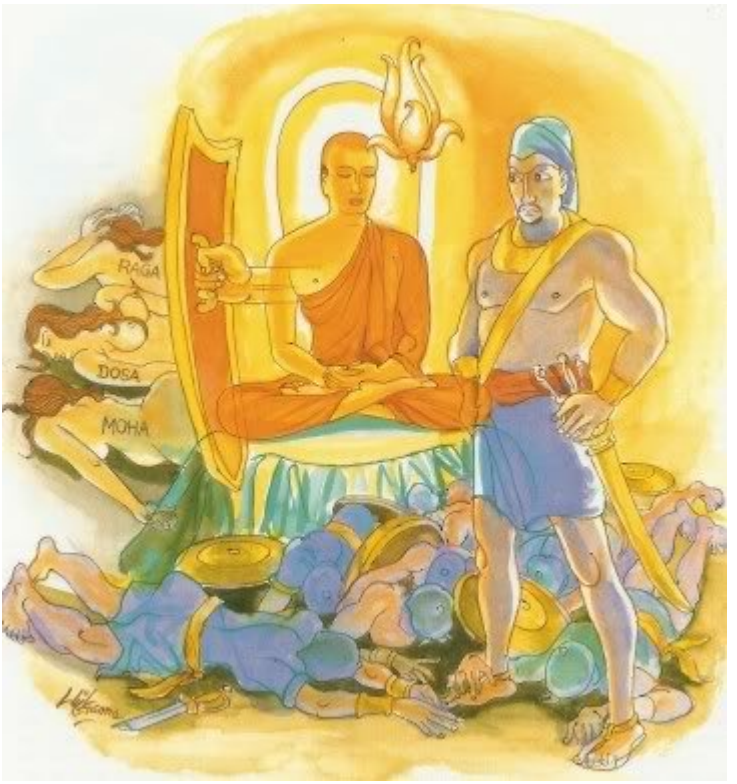

(103)
Thắng ngàn, ngàn địch chiến trường
Chẳng bằng tự thắng bản thân của mình
Thắng mình oanh liệt thật tình
Mới là chiến thắng xứng danh hàng đầu.

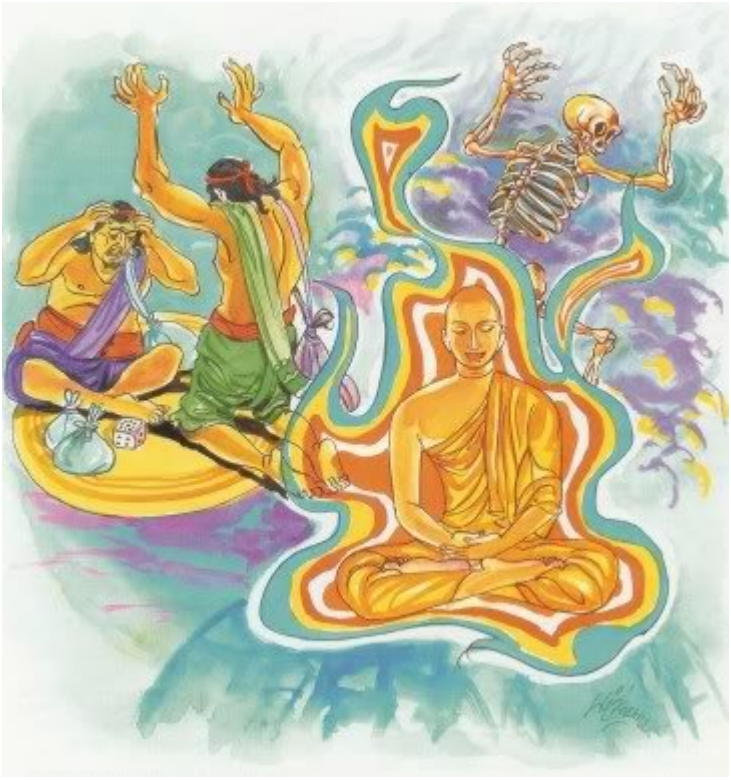

(104) - (105)
Những người tự thắng bản thân
Vẻ vang hơn thắng địch quân hiểm nghèo
Thắng mình phải tiết chế nhiều
Bỏ lòng dục vọng, bỏ điều tham lam,



Dù ma quỷ, hay thiên thần
Chẳng ai thắng nổi khi cần đua tranh
Với người tự thắng chính mình.

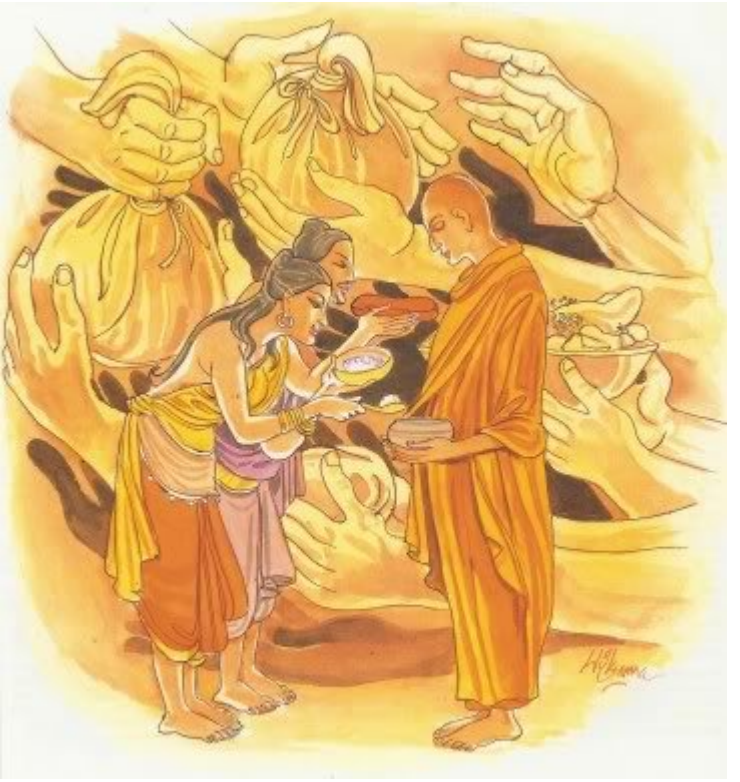

(106)
Ngàn vàng tháng tháng bỏ ra
Trăm năm cúng tế thật là uổng thay
Chẳng bằng giây lát duyên may
Cúng dường đúng bậc ngày ngày chân tu
Thật là ích lợi vô bờ
Hơn là cúng tế mê mờ trăm năm.



(107)
Trăm năm ở tại rừng sâu
Dốc lòng thờ lửa cũng đâu sánh bằng
Chỉ trong giây lát cúng dường
Những người đạo hạnh một đường chân tu
Thật là công đức vô bờ
Hơn là thờ lửa mê mờ trăm năm.



(108)
Suốt năm bố thí, cúng dường
Để cầu phước báu chẳng bằng so ra
Phần tư công đức của ta
Khi ta kính lễ những nhà chân tu
Thanh cao, chính trực vô bờ.

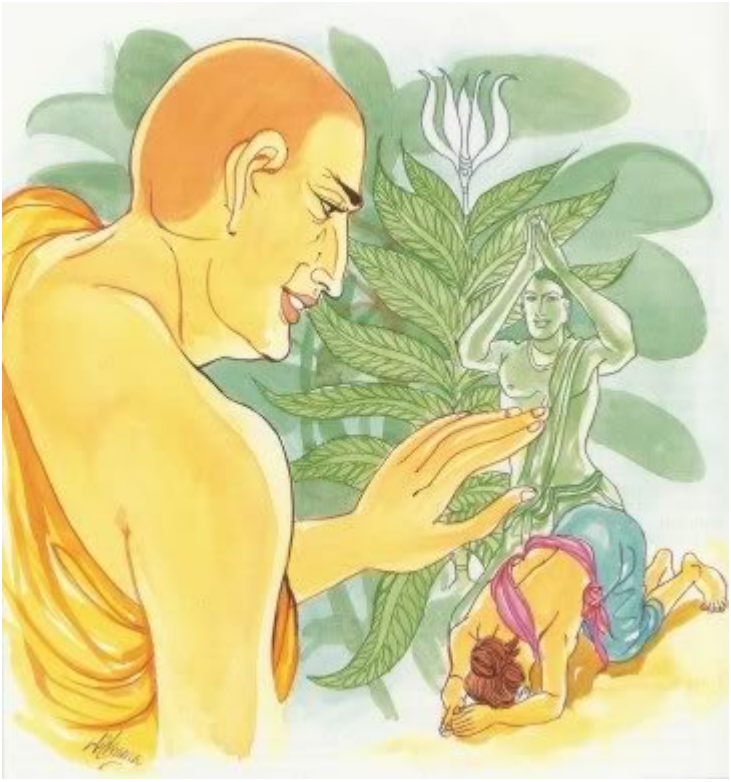

(109)
Ai tôn kính bậc cao niên
Tuổi cao, đức trọng khắp miền kính yêu
Được thêm tăng trưởng bốn điều:
Kéo dài tuổi thọ, sắc nhiều đẹp tươi
Muôn phần hạnh phúc yên vui
Tấm thân khỏe mạnh sống đời an khang.

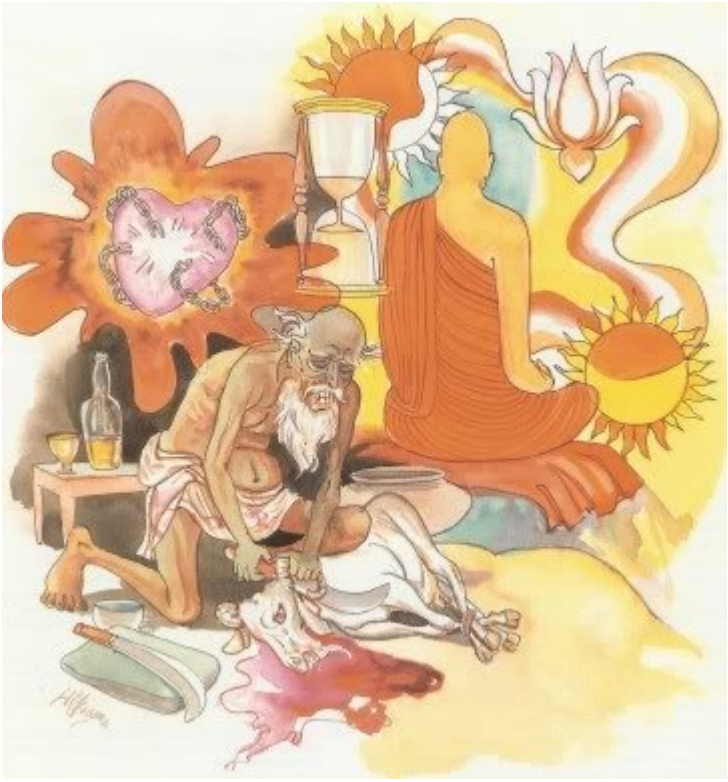

(110)
Cho dù sống đến trăm năm
Chỉ hay phá giới, không chăm tu thiền
Chẳng bằng sống một ngày liền
Mà luôn giữ giới, mà chuyên tu thiền.

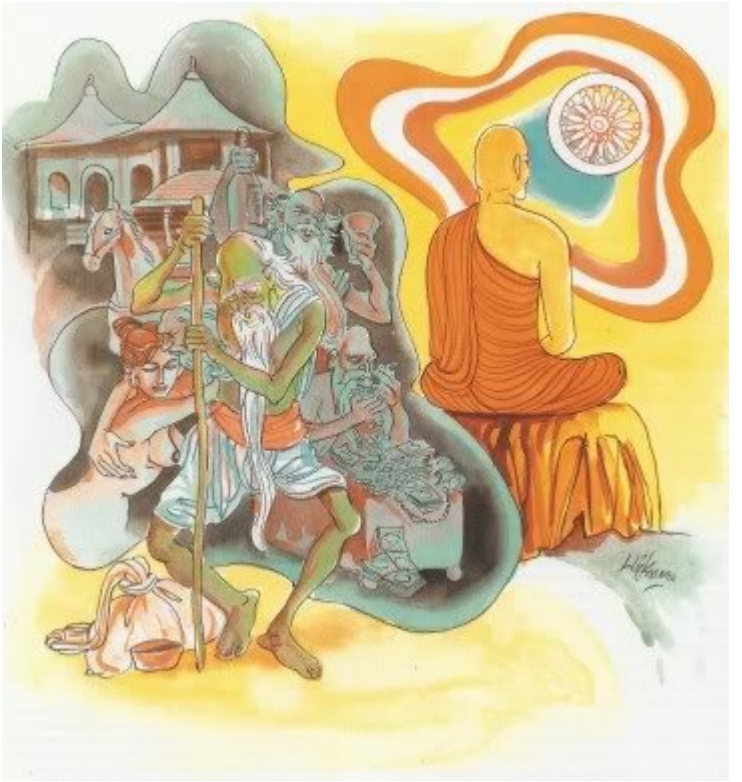

(111)
Cho dù sống đến trăm năm
Không còn trí tuệ, không chăm tu thiền
Chẳng bằng sống một ngày liền
Mà đầy trí tuệ, mà chuyên tu thiền.

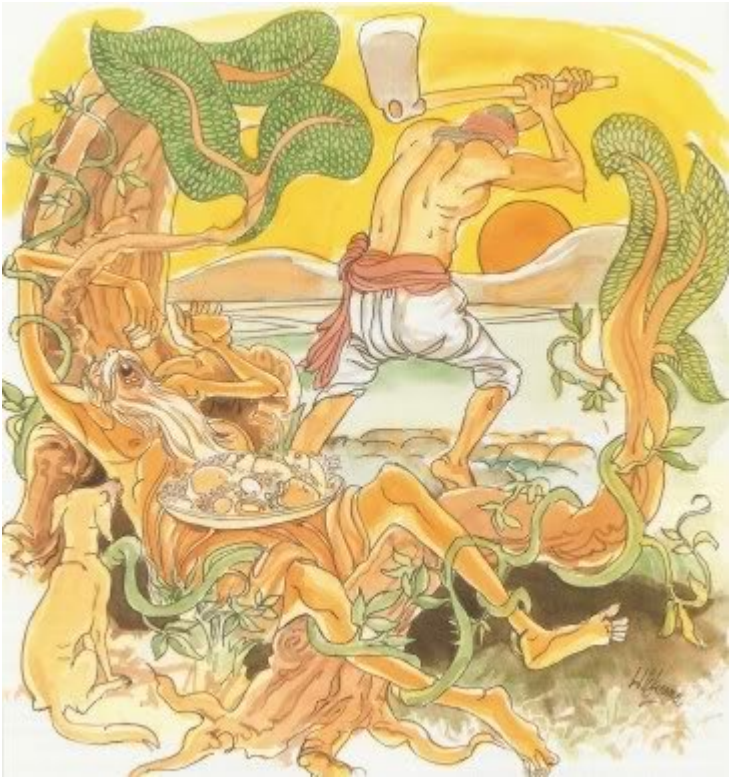

(112)
Trăm năm dù sống dài lâu
Mà luôn lười biếng không cầu tiến lên
Chẳng bằng sống một ngày liền
Chuyên cần, tinh tấn tiến thêm mọi đường.

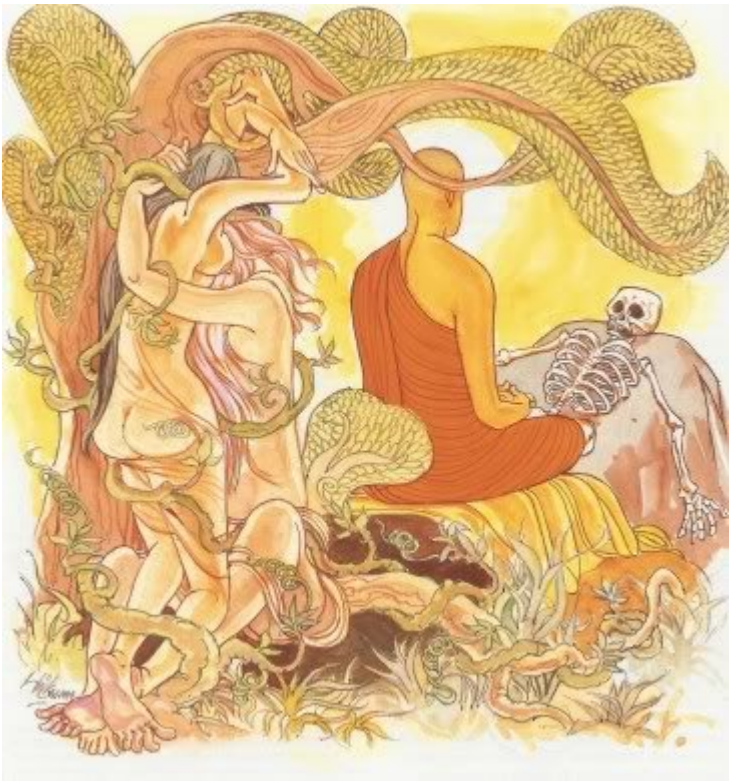

(113)
Trăm năm sống chẳng nhận ra
Pháp kia sinh diệt. Thật là uổng thay!
Chẳng bằng sống chỉ một ngày
Mà hay vạn vật chốn này giả thôi
Vô thường, tạm bợ, nổi trôi
Sinh ra rồi diệt, diệt rồi lại sinh.



(114)
Trăm năm sống chẳng nhận ra
Pháp kia bất tử. Thật là uổng thay!
Chẳng bằng sống chỉ một ngày
Mà rồi giác ngộ thấy ngay Niết Bàn
Nơi bất diệt, đẹp vô vàn
Không trò bệnh lão, không màn tử sinh.

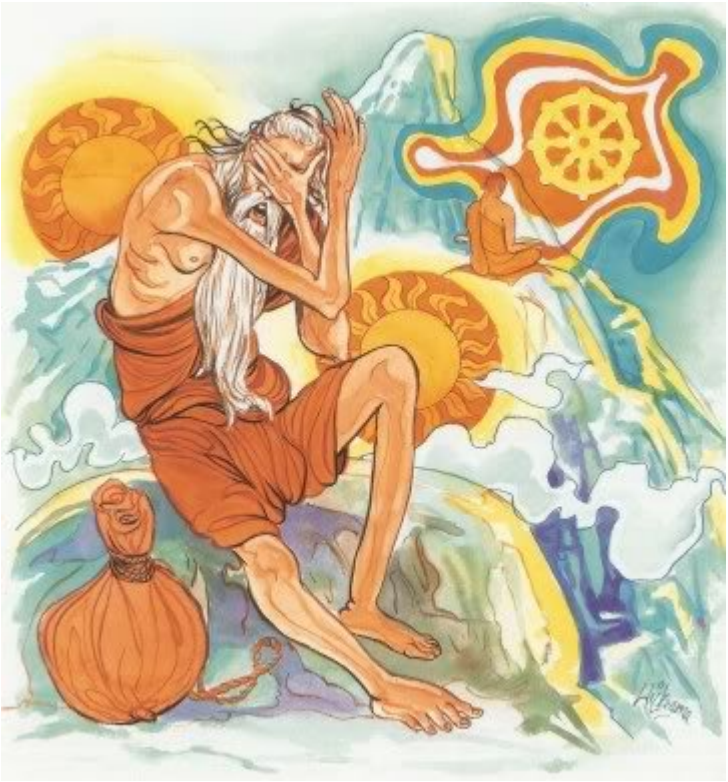

(115)
Trăm năm sống chẳng nhận ra
Pháp kia tối thượng. Thật là uổng thay!
Chẳng bằng sống chỉ một ngày
Mà hay rằng giáo pháp đầy thâm sâu
Dạt dào chân lý tối cao.

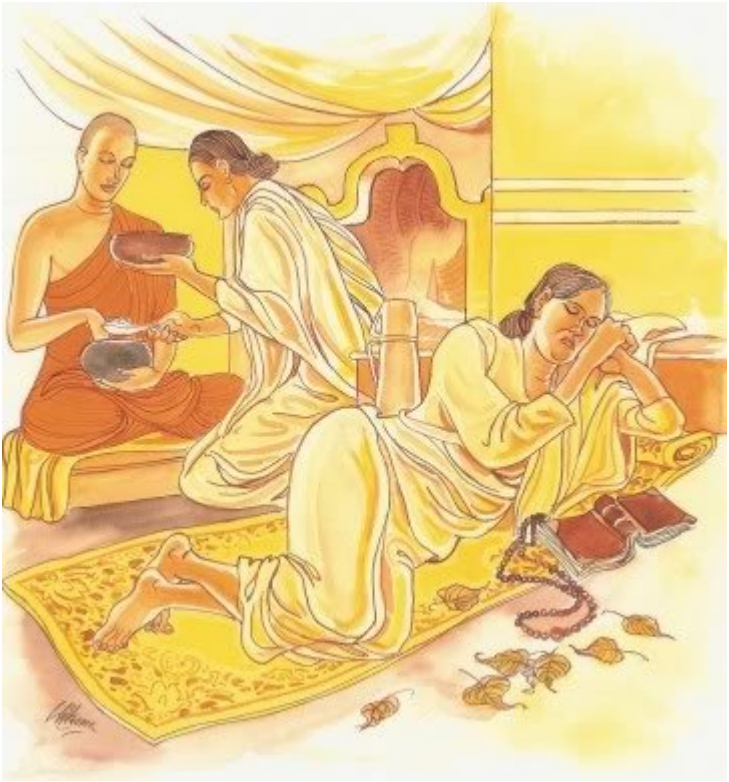

9. PHẨM ÁC

(116)
Hãy mau thực hiện điều lành
Còn bao điều ác tránh nhanh đừng làm,
Điều lành lười biếng không ham
Làm càng chậm trễ lại càng khổ đau
Trong tâm chuyện ác đến mau.

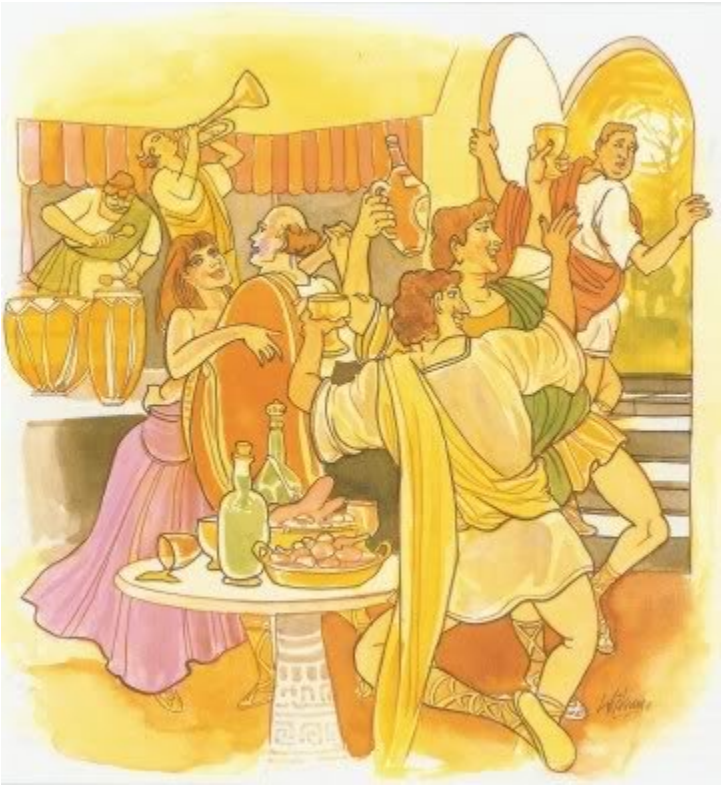

(117)
Lỡ làm việc ác mất rồi
Chớ nên tiếp tục bước đời lầm sai
Chớ vui với việc ác này
Tâm hay chứa ác có ngày khổ đau.

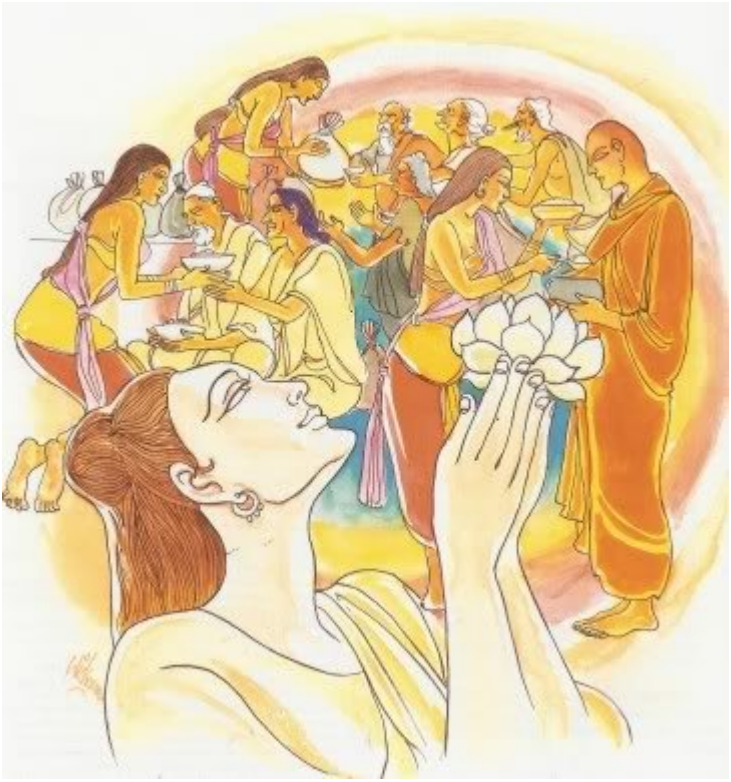

(118)
Đã làm việc thiện, việc lành
Hãy nên tiếp tục thực hành hăng say
Hãy vui với việc lành này
Tâm hay làm thiện có ngày hưởng vui.

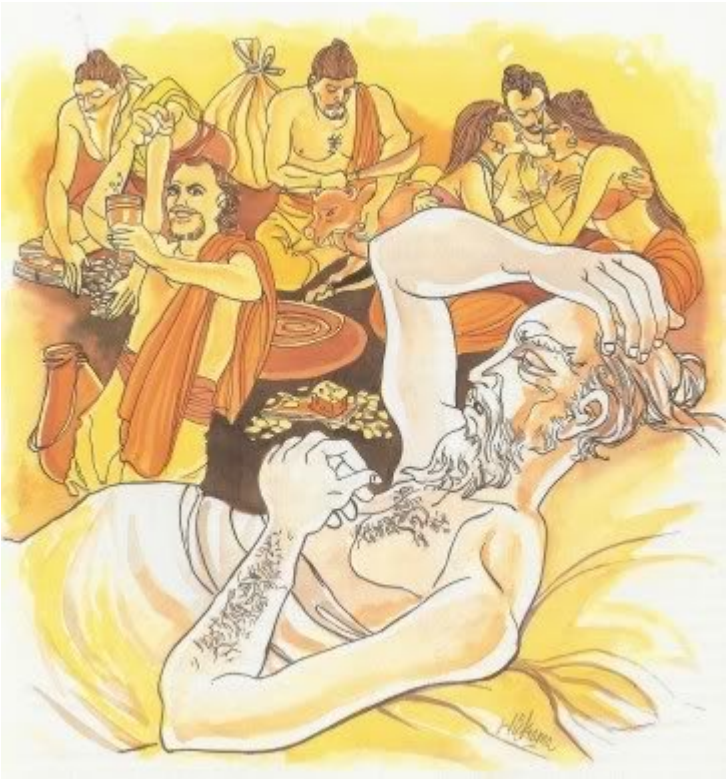

(119)
Khi mà nghiệp ác chưa thành
Người làm điều ác tưởng mình vui thôi!
Đến khi nghiệp ác tới rồi
Người ta mới thấy cuộc đời khổ đau.

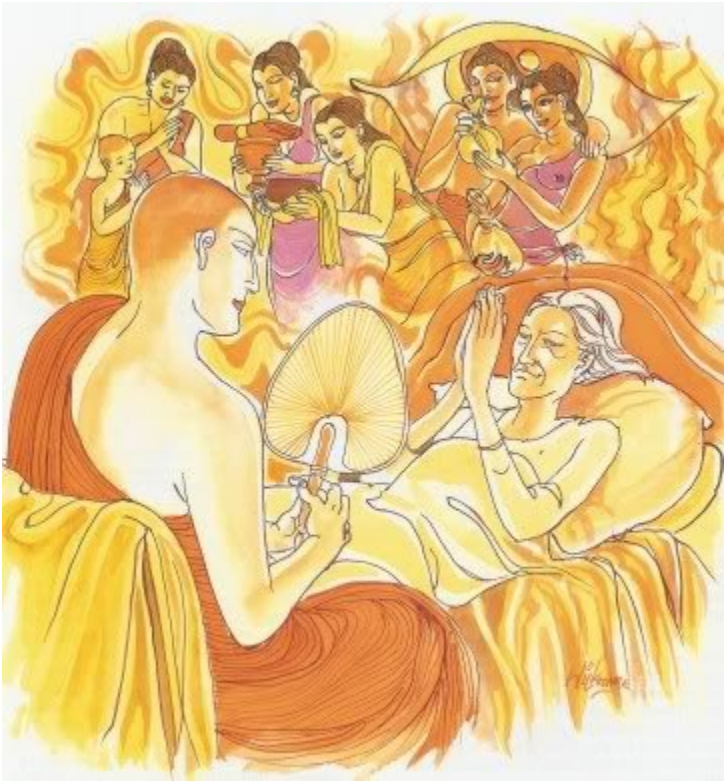

(120)
Khi mà nghiệp thiện chưa thành
Người làm điều thiện tưởng mình khổ thôi!
Đến khi nghiệp thiện tới rồi
Người ta mới thấy cuộc đời an vui.

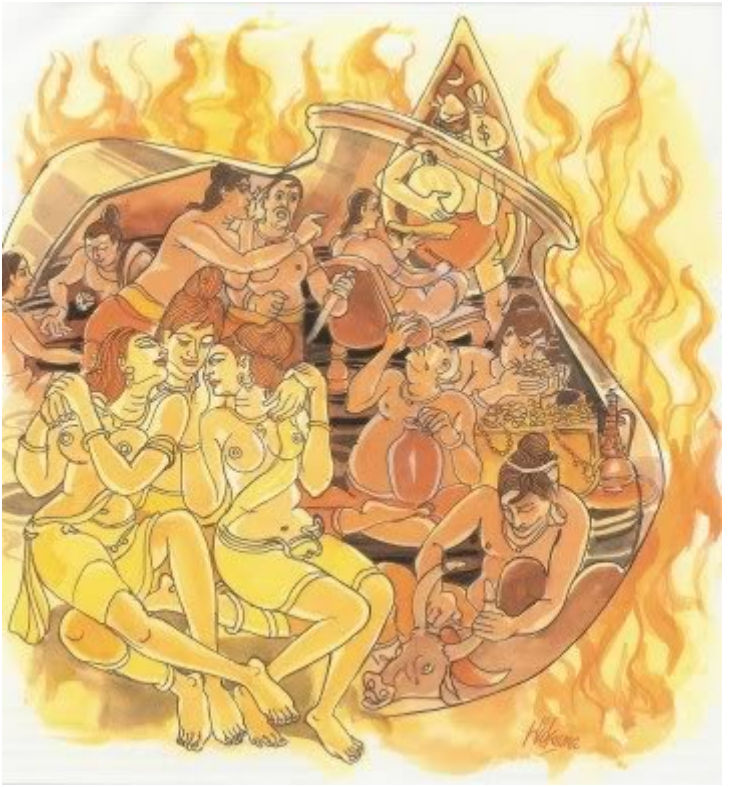

(121)
Chớ khinh điều ác nhỏ nhoi
Cho rằng: “Quả báo mình thời chịu đâu!”
Nhớ rằng giọt nước nhỏ lâu
Mỗi ngày một chút cũng mau đầy bình,
Người ngu gom góp vào mình
Bao điều ác nhỏ dần thành họa to.

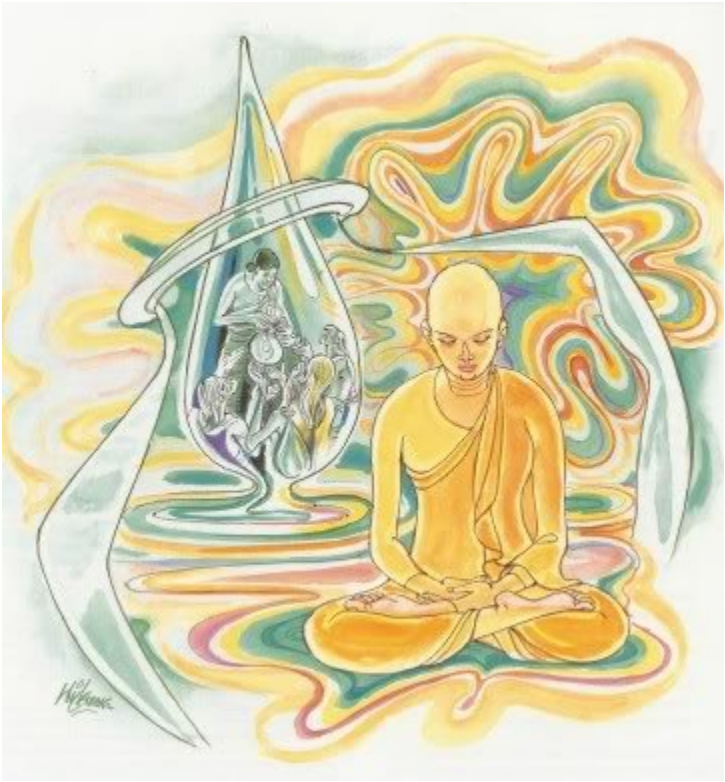

(122)
Chớ khinh điều thiện nhỏ nhoi
Cho rằng: “Quả báo mình thời hưởng đâu!”
Nhớ rằng giọt nước nhỏ lâu
Mỗi ngày một chút cũng mau đầy bình,
Người hiền trí chứa tâm mình
Bao điều thiện nhỏ dần thành phước to.



(123)
Tựa như một kẻ đi buôn
Có mang nhiều của nhưng không bạn bè
Tránh đường nguy hiểm chẳng đi,
Hay người tham sống chẳng khi nào gần
Tránh liều thuốc độc vô ngần,
Chúng sinh noi đó lo thân tâm mình
Tránh xa điều ác cho nhanh.



(124)
Bàn tay không có vết thương
Dù cầm thuốc độc chẳng phương hại gì
Người không làm ác sợ chi
Chẳng bao giờ bị ác kia hại mình.

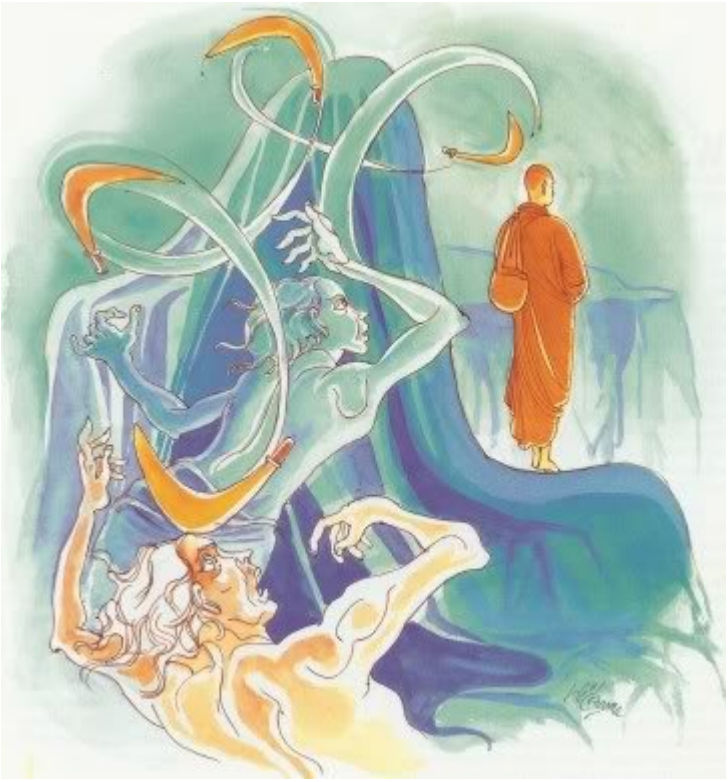

(125)
Khi mà kẻ ác hại người
Tâm tư trong sạch, cuộc đời hiền lương,
Ác kia trở lại thảm thương
Gây cho kẻ ác trăm đường khổ thay
Tựa như ngược gió vung tay
Tung ra bụi bẩn, bụi bay lại mình.



(126)
Con người sinh tự bào thai
Và từ nơi đó ra đời. Lành thay!
Thế nhưng kẻ ác sinh ngay
Vào miền địa ngục đọa đầy triền miên,
Những người chính trực lành hiền
Sau này sẽ được sinh lên cõi trời,
Nhiễm ô ai diệt hết rồi
Mới lên được cõi thảnh thơi Niết Bàn.



(127)
Dù bay lên tận không trung,
Hay là lặn xuống tận cùng bể khơi,
Chui vào hang thẳm núi đồi
Khắp trên trần thế chẳng nơi an toàn
Thoát tay nghiệp ác chót mang.

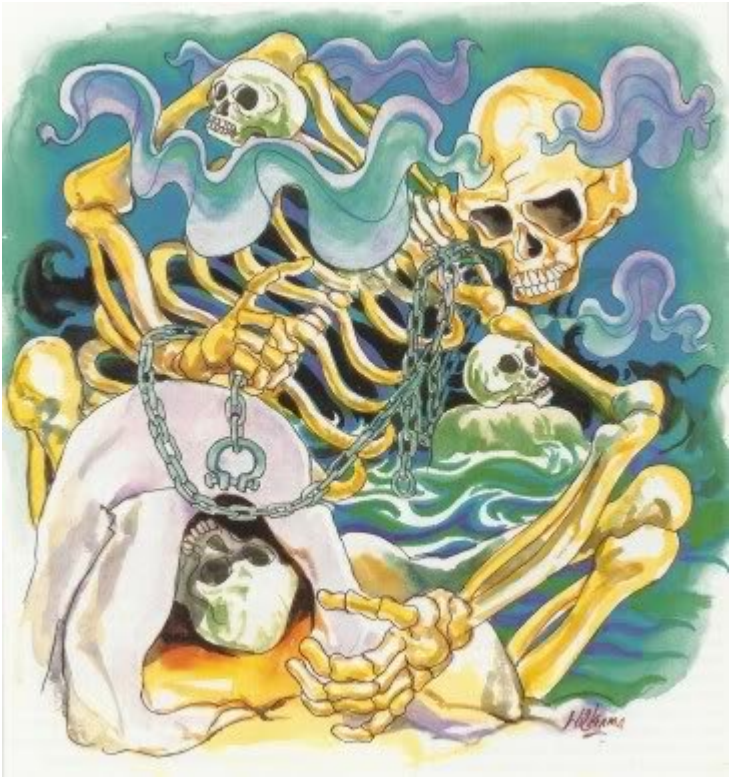

(128)
Dù bay lên tận không trung
Hay là lặn xuống tận cùng bể khơi,
Chui vào hang thẳm núi đồi
Khắp trên trần thế chẳng nơi an toàn
Thoát tay thần chết kinh hoàng.



10. PHẨM DAO GẬY

(129)
Sợ thay gậy gộc, gươm đao
Sợ tay thần chết hại bao cuộc đời
Suy lòng mình ra lòng người
Chớ nên giết hại hoặc xui giết người.



(130)
Sợ thay gậy gộc, gươm đao
Yêu thương mầm sống, khát khao cuộc đời
Suy lòng mình ra lòng người
Chớ nên giết hại hoặc xui giết người.

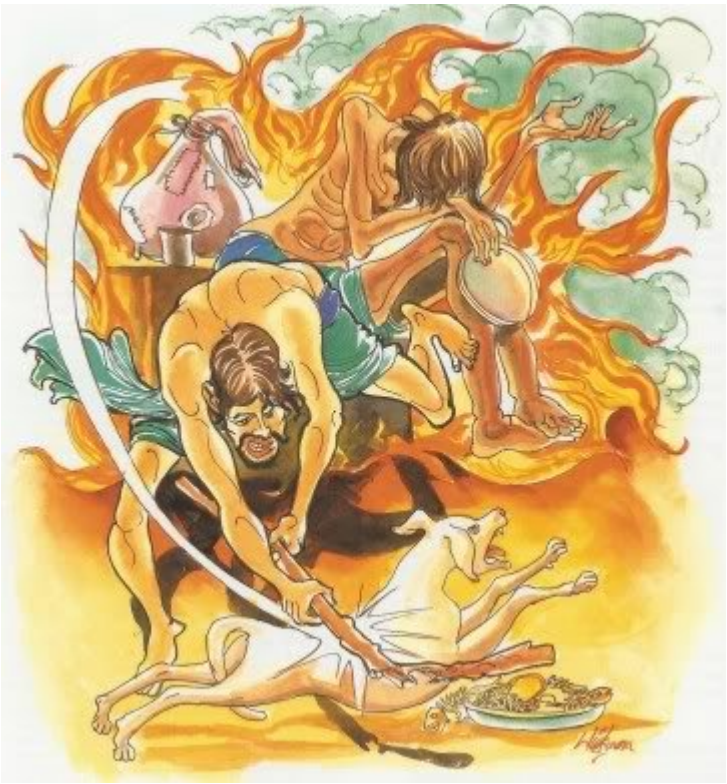

(131)
Ai cầu hạnh phúc cho mình
Mà dùng dao gậy gian manh hại người
Khiến người tan nát cuộc đời,
Kiếp sau mình chẳng an vui được nào.

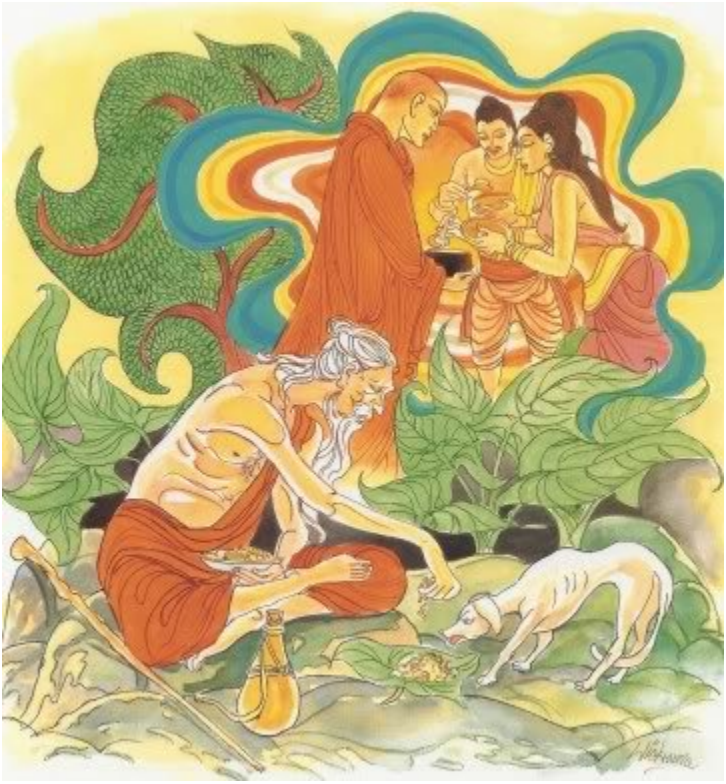

(132)
Ai cầu hạnh phúc cho mình
Không dùng dao gậy gian manh hại người
Không gây tổn hại cho đời,
Kiếp sau mình sẽ an vui vô cùng.

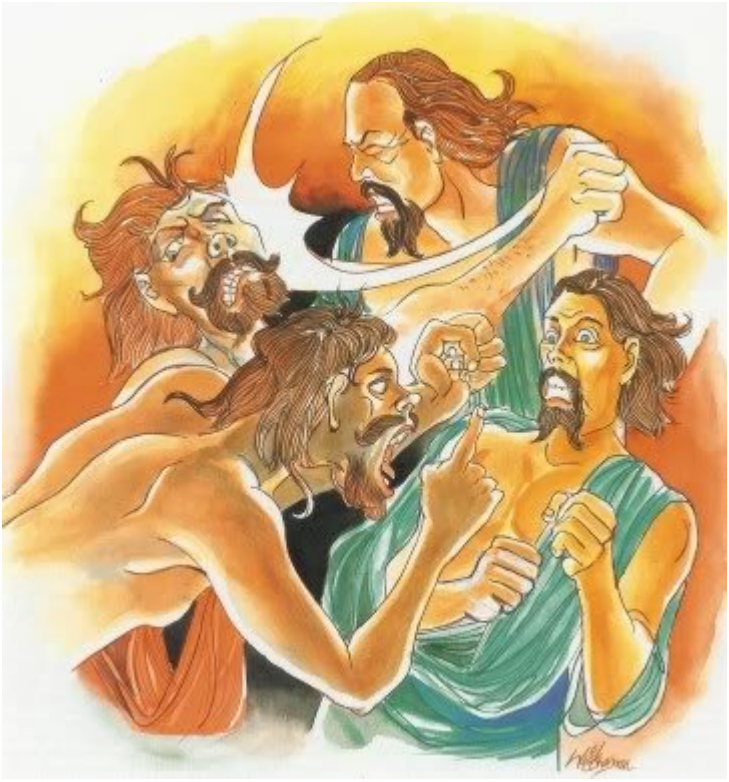

(133)
Đừng nên mở miệng nói câu
Tục tằn, ác độc khiến đau lòng người
Người ta cũng nói trả thôi,
Những lời độc địa muôn đời khổ thay
Lời qua tiếng lại đắng cay
Như bao dao gậy phạt ngay thân mình.

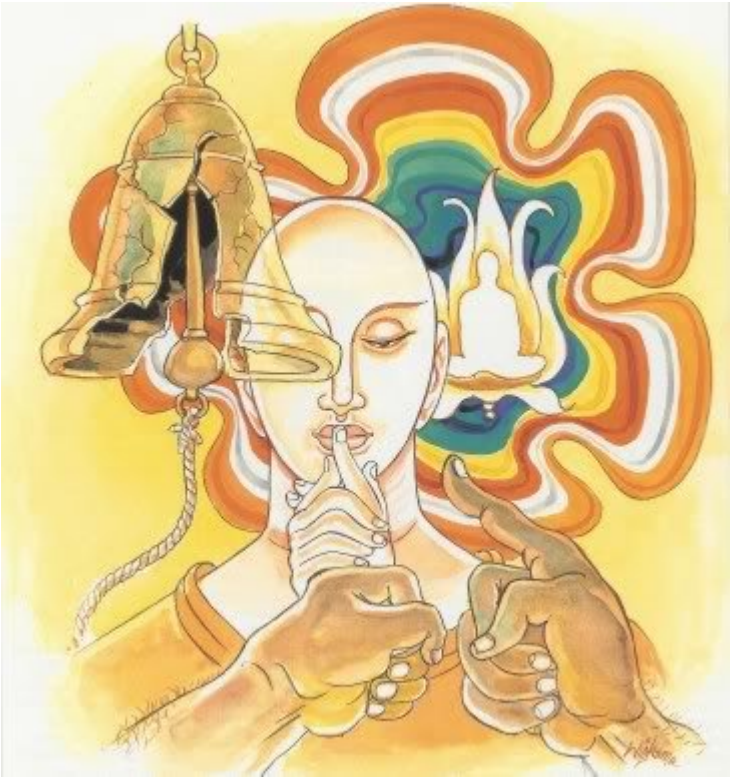

(134)
Nếu mà ngươi giữ lặng yên
Như chuông bể nứt im lìm chẳng vang
Trước lời ác độc phũ phàng
Niết Bàn ngươi đã thênh thang bước vào:
Chẳng còn sân hận chút nào.

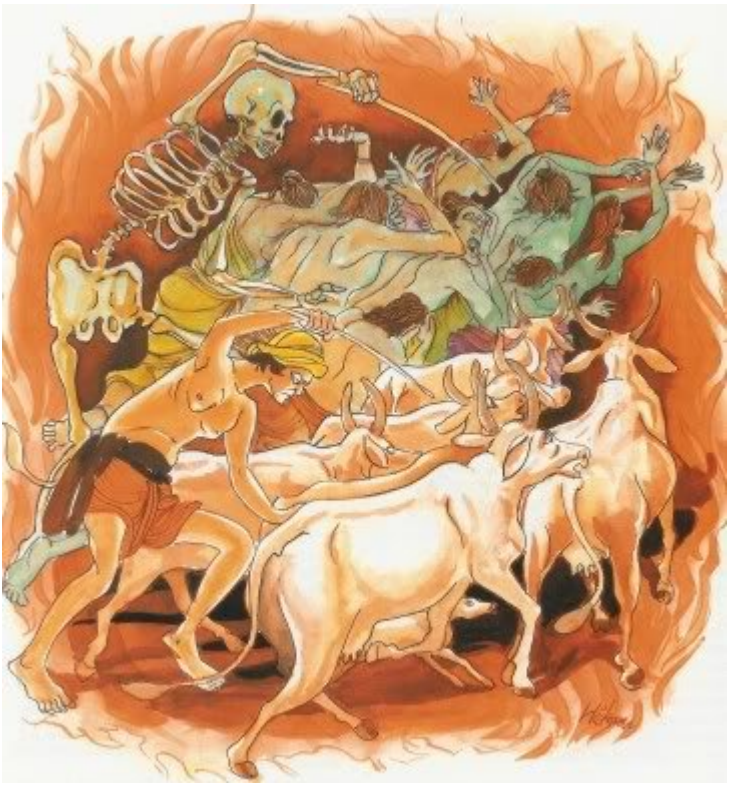

(135)
Người chăn cầm gậy đi sau
Lùa đàn bò nọ chạy mau ra đồng,
Già nua, chết chóc đều cùng
Xua người đến chốn tử vong khác gì.



(136)
Kẻ ngu nghiệp ác gây nên
Để rồi quả báo đến liền hay đâu,
Tương lai chịu vạn khổ đau
Như là lấy lửa thiêu mau chính mình.

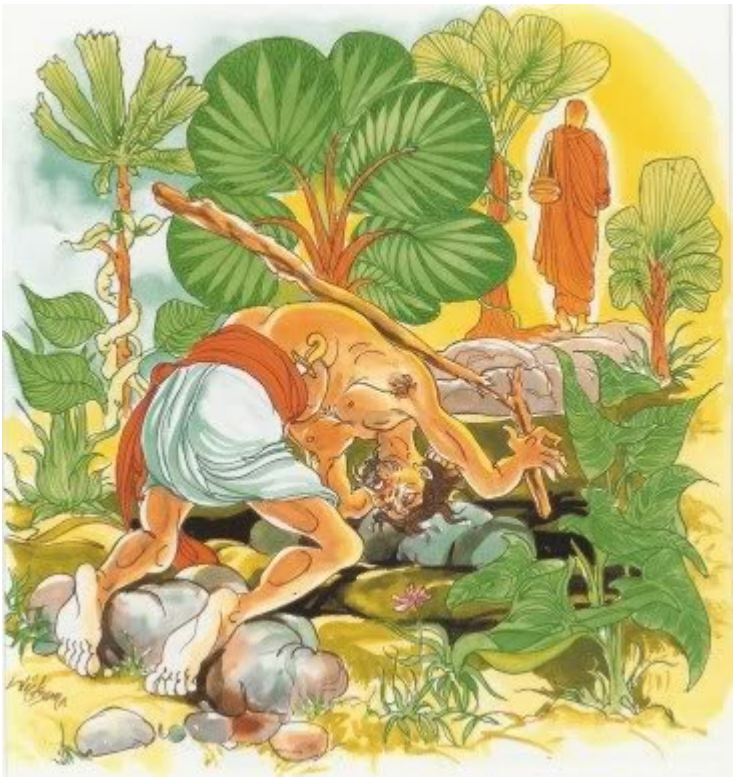

(137) - (140)
Ai dùng gậy gộc, gươm đao
Hại người lương thiện, thoát nào đớn đau
Mười điều khổ não trước sau
Tự mình lại sẽ rước vào thân thôi:



“Một là thống khổ kinh người,
Hai là thương tích khắp nơi thân mình,
Ba là bệnh nặng thật tình,
Bốn là tán loạn, thần kinh rối bời,

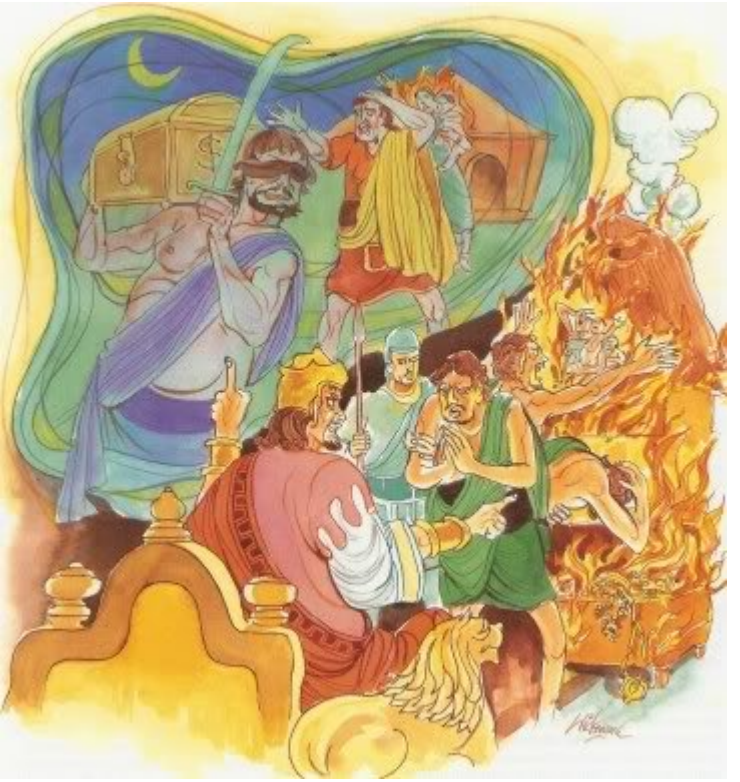

Năm là tai họa trong đời
Vua, quan áp bức, hại thời tránh đâu,
Sáu là tội nặng ngập đầu
Bị người vu cáo dài lâu, phiền hà,
Bảy là quyến thuộc trong nhà
Bà con ly tán xót xa bội phần,



Tám là tài sản xa gần
Tiêu ma giây phút, nát tan sớm chiều,
Chín là sẽ bị hỏa thiêu
Cửa nhà cháy hết, tiêu điều tang thương,
Mười là chết khó tránh đường
Đọa vào địa ngục, diêm vương đón chờ.”

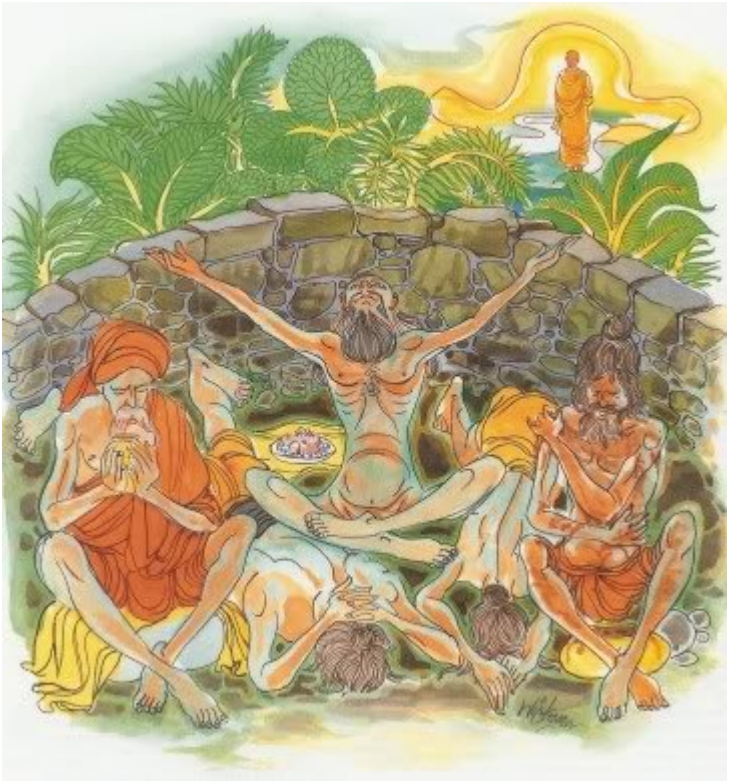

(141)
Dù tu khổ hạnh triền miên
Trần truồng, bện tóc, tro đen xoa mình
Nhịn ăn, nằm đất, lăn sình
Sống dơ, ngồi xổm để hành xác thân
Nào đâu thanh tịnh được tâm
Nếu không trừ dứt đi phần hoài nghi.



(142)
Người nào sống thật trang nghiêm
Thân tâm an tịnh, giữ gìn đường tu
Bao nhiêu dục vọng diệt trừ
Không hề buông thả hững hờ giác quan
Lại thêm giới hạnh chu toàn
Sinh linh chẳng hại, tính luôn ôn hòa
Dù cho ăn mặc xa hoa
Vẫn là tu sĩ, là Bà La Môn.



(143)
Biết điều hổ thẹn bản thân
Để mà tự chế, tự ngăn cấm mình
Thế gian ít kẻ đạt thành
Nhưng khi đạt được, thân lành biết bao
Tránh lời khiển trách khổ đau,
Như là ngựa giỏi roi nào quất đâu.



(144)
Giống như ngựa giỏi chạy hăng
Thêm roi thúc giục lại càng hay hơn
Ngươi mau giữ giới chuyên cần
Niềm tin, đạo đức quyết tâm giữ gìn,
Trau dồi trí tuệ vững bền
Pháp môn thiền định nên chuyên thực hành
Theo và hành đạo nhiệt thành
Để mau tiêu diệt ngọn ngành khổ đau.



(145)
Những người tưới nước chăm lo
Đào mương dẫn nước vào cho khắp miền,
Những người thợ vót cung tên
Cung tên lo uốn triền miên tháng ngày,
Những người thợ mộc khéo tay
Xẻ cây, uốn ván thẳng ngay tài tình,
Còn như người trí tinh anh
Chăm lo kiểm soát thân mình cho nhanh.



11. PHẨM GIÀ

(146)
Làm sao thích thú vui cười
Khi ta ở giữa cõi đời nóng thiêu
Lửa tham dục cháy trăm chiều
Vô minh tăm tối dập dìu vây quanh
Sao không tìm ánh quang minh
Nhờ đèn trí tuệ giúp mình thoát ra.

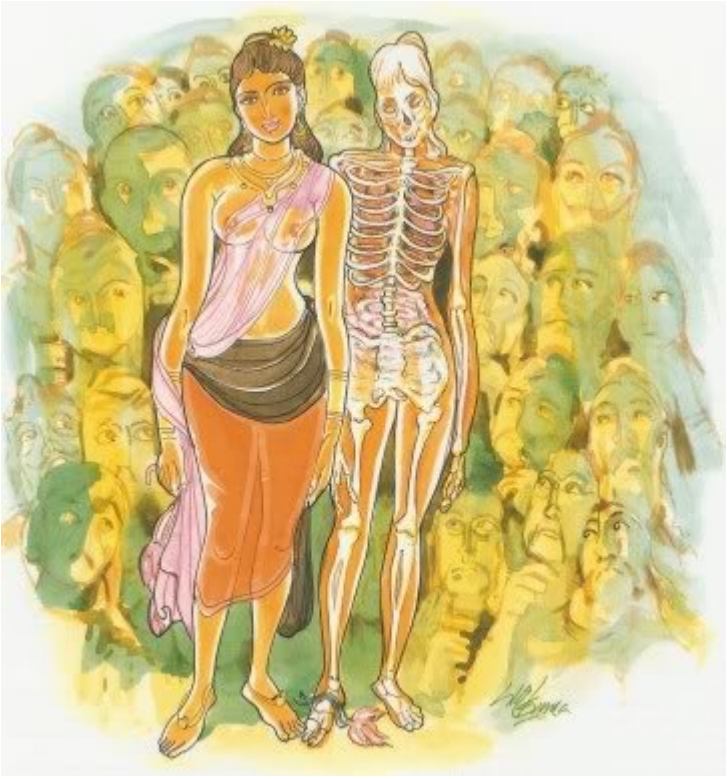

(147)
Hãy nhìn cái tấm thân này
Bề ngoài đẹp đẽ, trong đầy nhớp nhơ
Đống xương lở lói vô bờ
Mang bao tật bệnh, cứ ngờ tốt tươi
Chứa gì bền vững ở đời
Đâu tồn tại mãi mà người bận tâm.



(148)
Thân này suy yếu, già nua
Dễ dàng hư nát tựa như khu rừng
Tập trung bệnh tật chập chùng
Thời gian hủy hoại, cuối cùng tan đi
Có sinh có tử lạ gì.

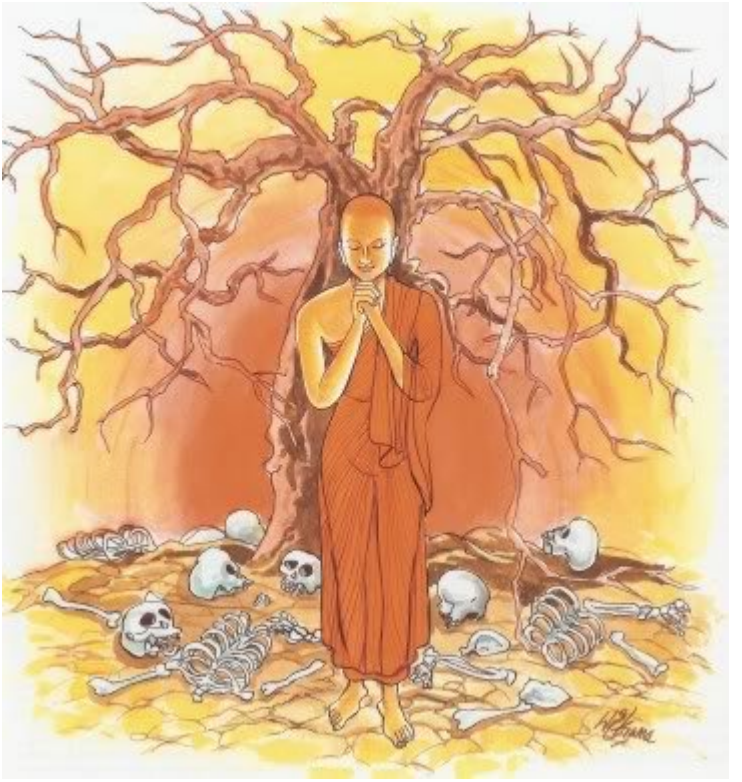

(149)
Trái bầu khi tới mùa thu
Bị quăng vì héo vì khô mất rồi,
Thân này cũng vậy mà thôi
Tàn đời thành đống xương phơi bạc mầu
Nhìn xem vui thú gì đâu.

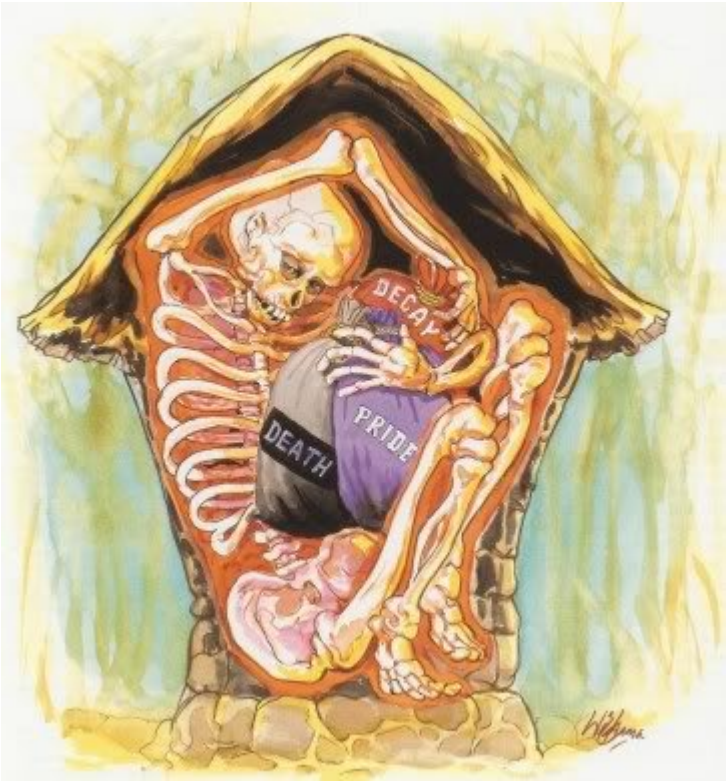

(150)
Thân này là một cái thành
Xây bằng xương cốt và quanh bốn bề
Quết tô máu thịt bao che
Để mà chứa chất não nề bên trong
Sự già nua, sự tử vong
Chứa chan kiêu ngạo, chất chồng dối gian.

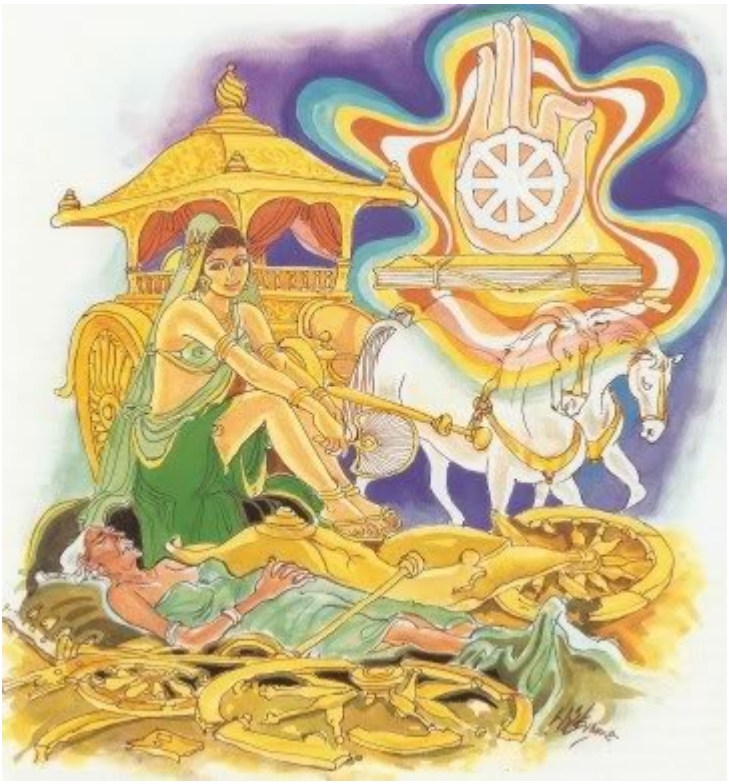

(151)
Cái xe vua chúa thường đi
Trang hoàng lộng lẫy còn gì quý hơn
Rồi ra hư cũ, nát tan
Khác chi so với tấm thân con người
Dù cho chăm sóc tuyệt vời
Cũng già cũng yếu cuối đời tránh sao,
Chỉ trừ giáo pháp tối cao
Của người thánh thiện không bao giờ tàn
Luôn luôn sáng tỏ rỡ ràng
Người lành truyền tụng, vô vàn quý thay.



(152)
Người không chịu học, chịu nghe
Giống như bò với trâu kia vô ngần,
Trâu bò lớn mạnh thịt gân
Nhưng mà trí tuệ trăm phần y nguyên
Nào đâu phát triển được thêm.

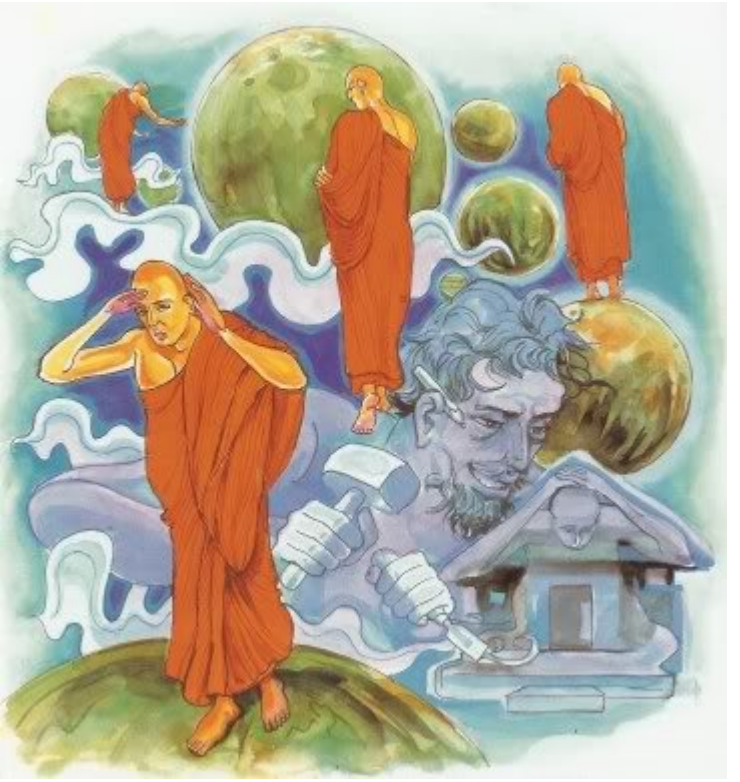

(153) - (154)
Lang thang khắp nẻo luân hồi
Qua bao tiền kiếp nổi trôi ta bà
Tìm không gặp kẻ làm nhà
Chuyên gây cuộc sống diễn ra rối bời,
Nay ta bắt gặp ngươi rồi
Kẻ làm nhà hỡi, ngừng thôi đừng làm!

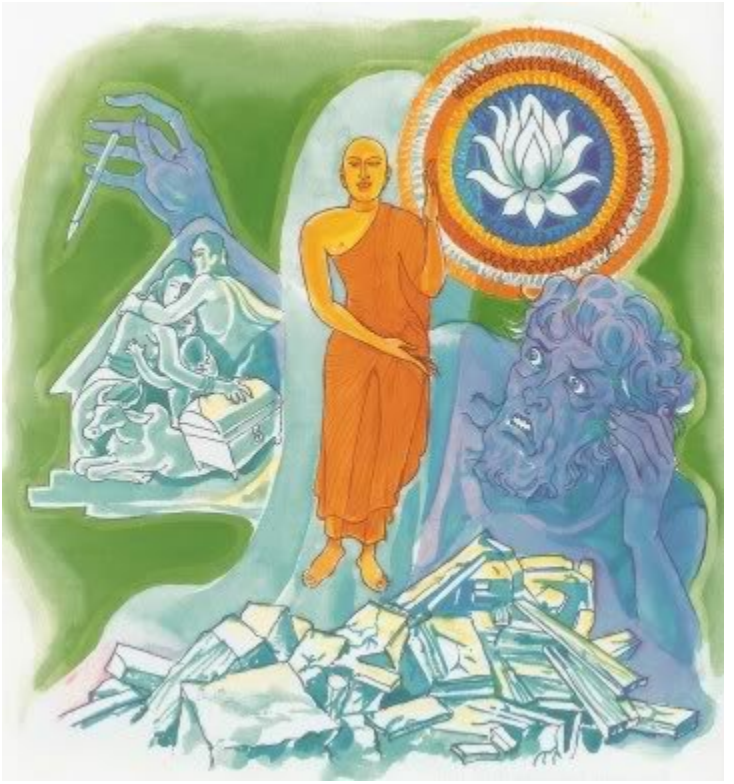

Rui mè ngươi đã gãy ngang
Rui mè dục vọng tan hoang đã đành,
Cột kèo ngươi cũng tan tành
Cột kèo tăm tối vô minh hại người!
Niết Bàn ta chứng đắc rồi
Bao nhiêu tham ái dứt nơi tâm này.



(155)
Lúc còn cường tráng thiếu niên
Đã không tạo dựng được thêm gia tài
Tu hành biếng nhác, chây lười
Đến khi luống tuổi con người giống sao
Cò già buồn đứng bờ ao
Ao khô cạn nước kiếm sao ra mồi
Chết mòn thân xác mất thôi!



(156)
Lúc còn cường tráng thiếu niên
Đã không tạo dựng được thêm gia tài
Tu hành biếng nhác, chây lười
Khi già nằm xuống dáng người khác chi
Cây cung bị gãy vứt kia
Buồn than dĩ vãng trôi đi mất rồi.

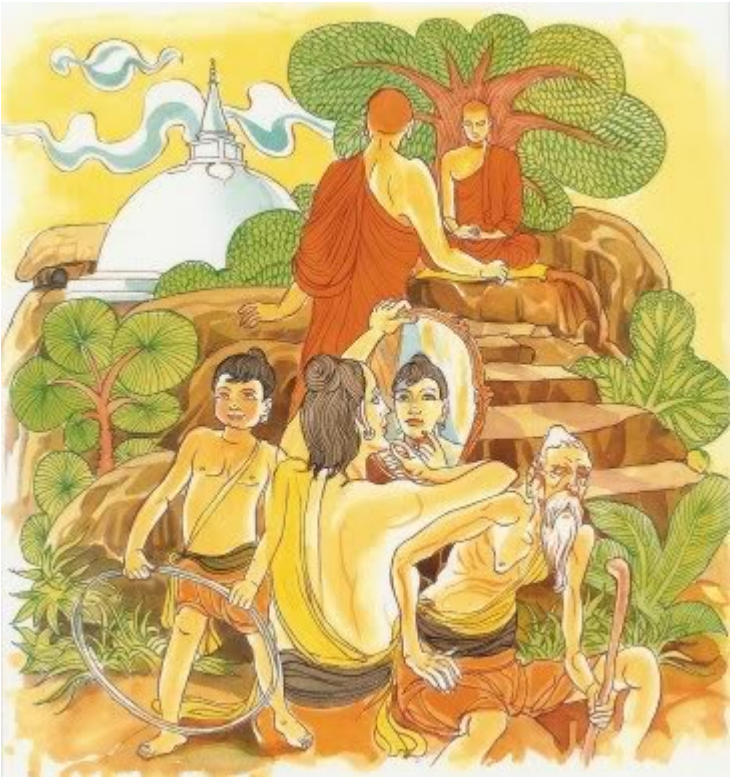

12. PHẨM CHÍNH MÌNH

(157)
Ai mà biết tự thương mình
Phải nên bảo vệ nhiệt tình bản thân
Trong ba giai đoạn đường trần
Trẻ trung, lớn tuổi và luôn về già
Người hiền trí hãy tỉnh ra
Tìm đường giác ngộ, lìa xa mê lầm.

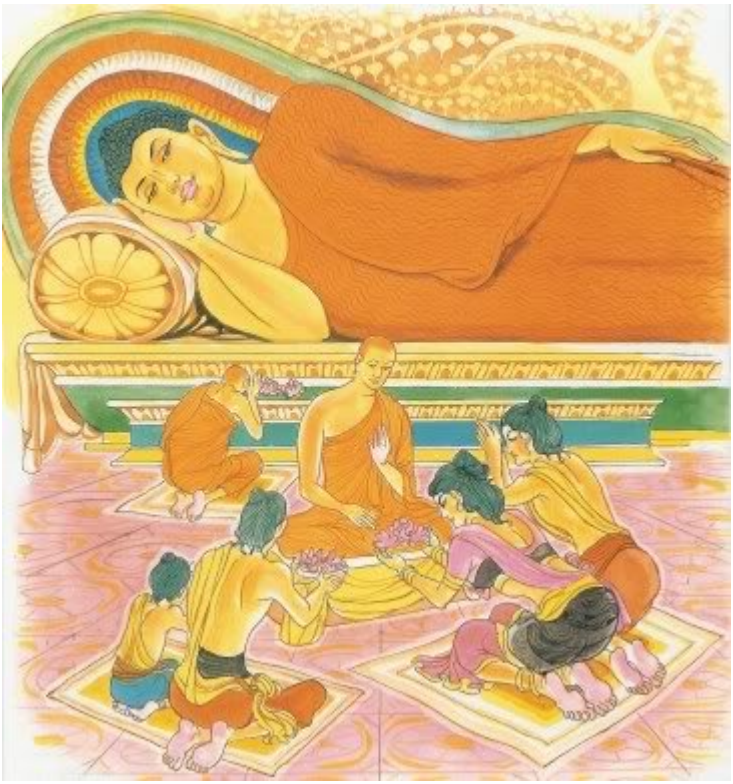

(158)
Đầu tiên hãy tự đặt mình
Vào đường chân chính quang minh rạng ngời
Về sau mới giáo hóa người,
Kẻ hiền, kẻ trí luôn noi gương này
Nào ai chê trách nữa đây.

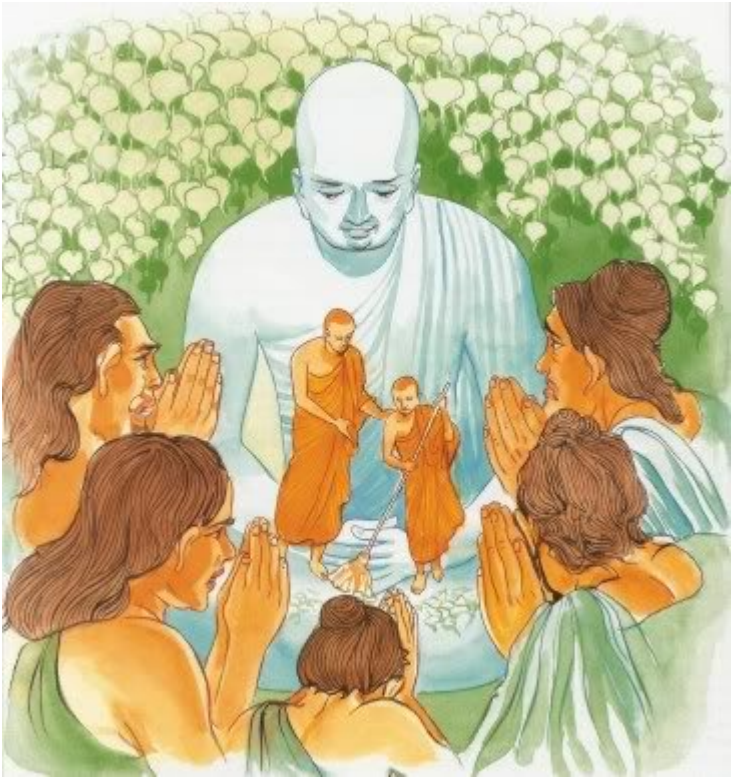

(159)
Muốn khuyên, muốn dạy dỗ ai
Trước tiên hãy tự sửa nơi chính mình
Đích thân gương mẫu thực hành
Rồi sau mới dạy điều lành điều hay
Sửa mình quả thật khó thay!

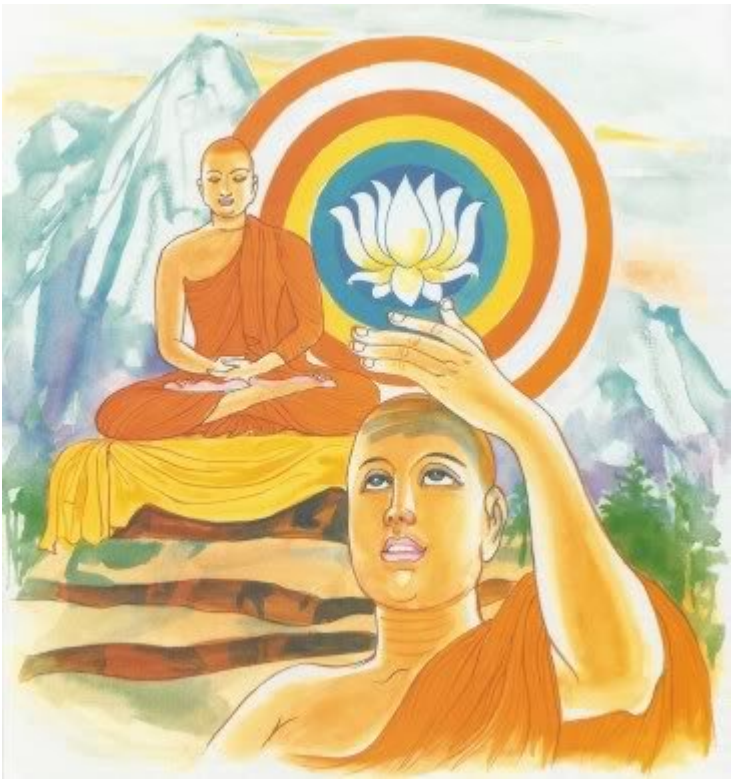

(160)
Tự mình là vị cứu tinh
Tự mình nương tựa vào mình tốt thay
Nào ai cứu được mình đây?
Tự mình điều phục hàng ngày cho chuyên
Thành ra điểm tựa khó tìm.



(161)
Khi mà nghiệp ác sinh ra
Do mình tự tạo, khó mà thoát thân
Nghiệp này nghiến kẻ ngu đần
Kim cương nghiến đá muôn phần giống nhau.

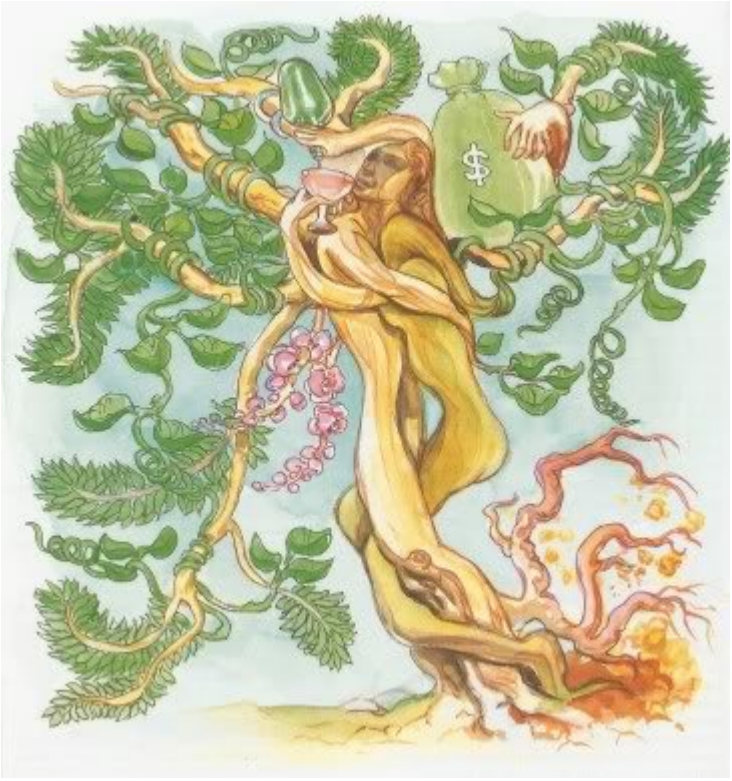

(162)
Người phá giới tự hại mình,
Như dây chùm gửi leo quanh cây vườn
Dần dần siết chết cây luôn,
Người này gieo hại bản thân vô bờ,
Gieo điều xấu, ác mong chờ
Mà quân thù địch ước mơ hại mình.

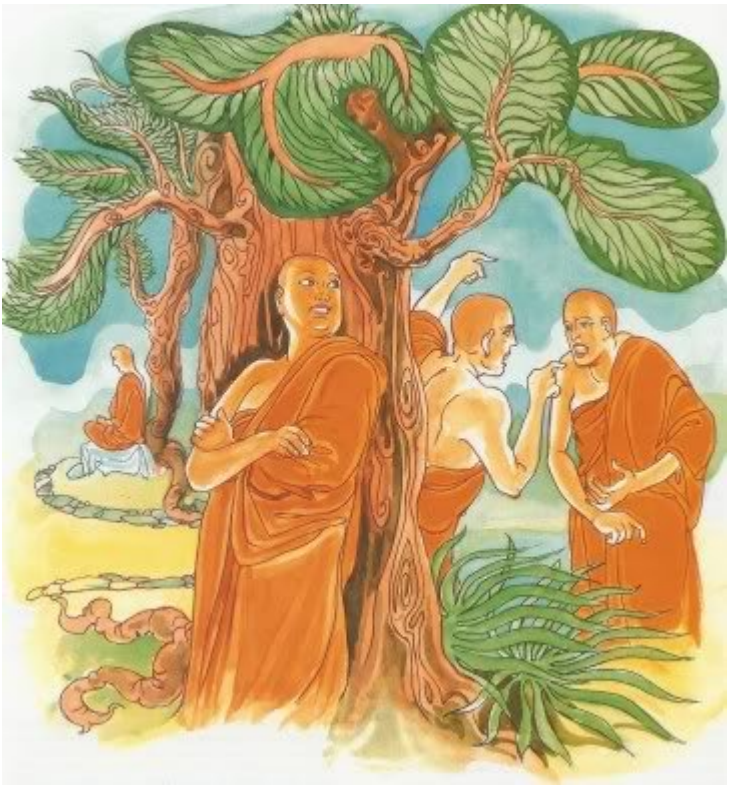

(163)
Làm điều gây hại cho mình
Dù cho hung ác, thật tình dễ sao,
Việc lành, việc tốt biết bao
Dù cho lợi ích làm nào dễ đâu.

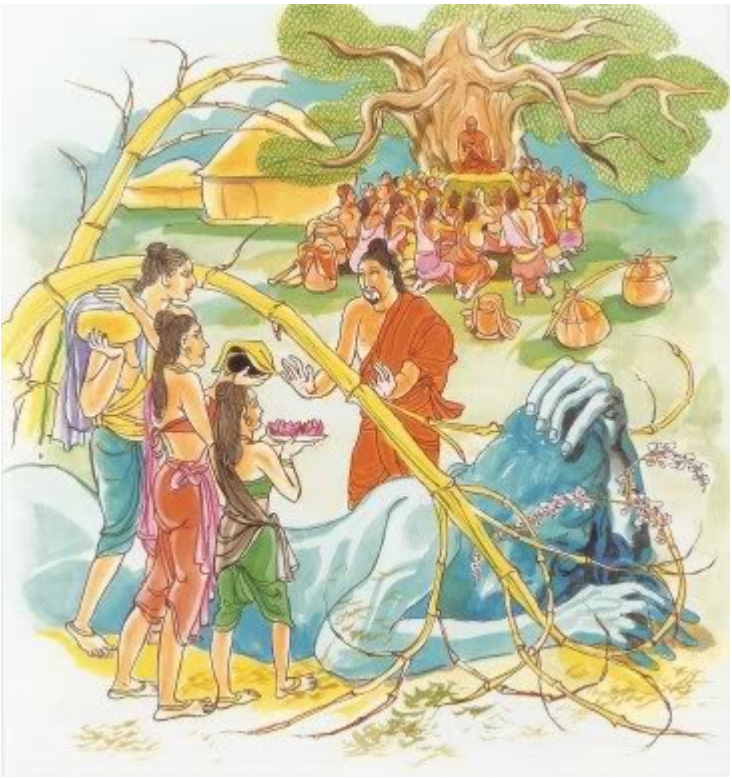

(164)
Đám người khờ dại, ngu si
Vì nhìn sai lạc, khinh khi đạo mầu
Khinh khi giáo pháp thâm sâu
Nhạo người chánh đạo từ lâu tu hành,
Đám này rước khổ vào mình
Giống cây lau nọ khi sinh quả rồi
Sẽ liền tự diệt mà thôi.

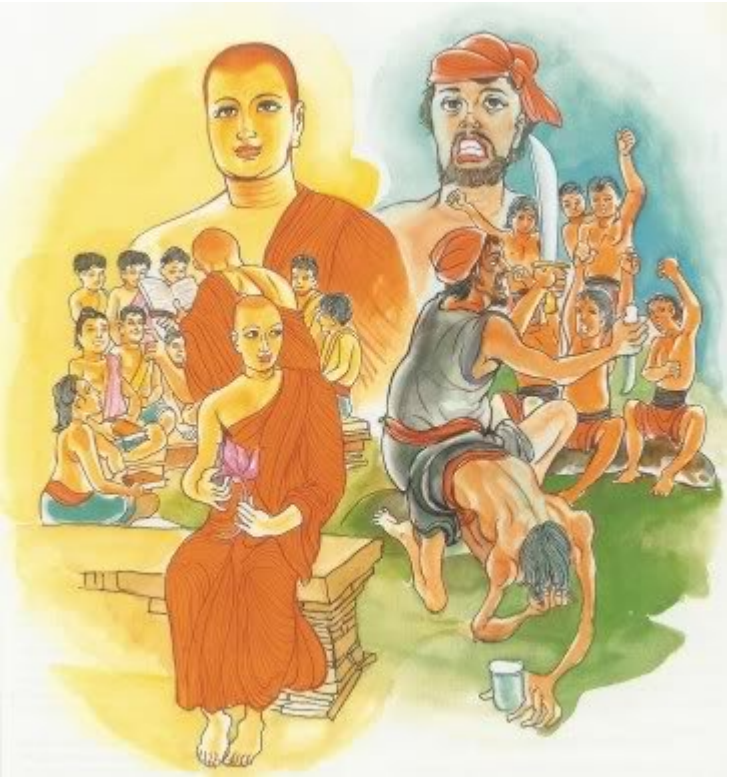

(165)
Làm điều ác cũng bởi ta
Nhiễm ô cũng vậy tạo ra bởi mình
Và khi làm những điều lành
Hoặc là thanh tịnh cũng mình tạo ra,
Tịnh hay không tịnh do ta
Chính ta tự tạo, ai mà khác đâu!

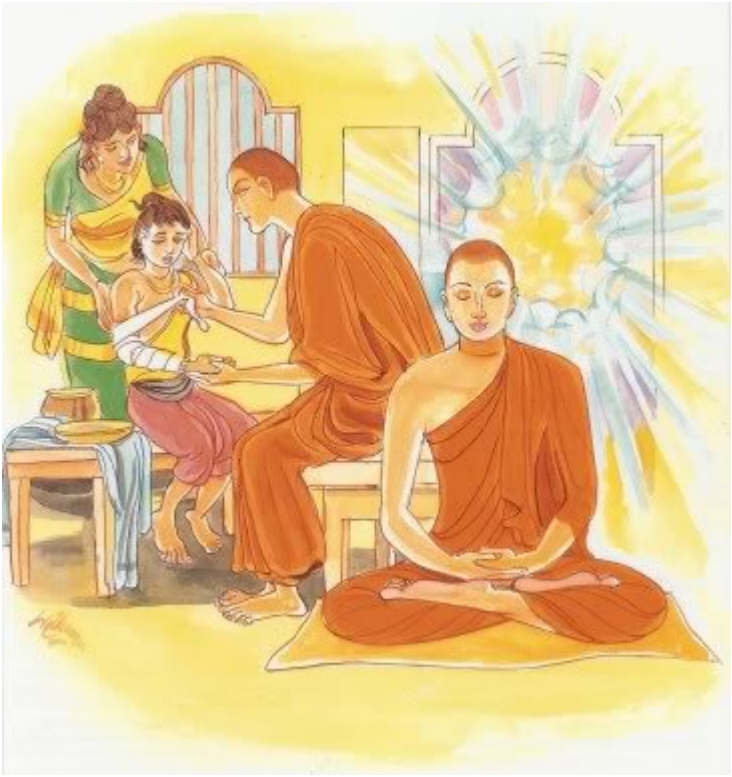

(166)
Chớ vì lợi ích cho người
Mà quên lợi ích cho nơi chính mình
Mục tiêu giải thoát tử sinh
Ai lo lợi ích cho mình chớ quên
Quyết tâm đạt được cho bền.



13. PHẨM THẾ GIAN

(167)
Đừng theo dục vọng thấp hèn
Sống đừng buông thả đắm chìm bản thân
Đừng mang thành kiến sai lầm
Đừng tăng thêm mãi dương gian não phiền
Luân hồi sinh tử triền miên.



(168)
Luôn hăng hái, chớ buông lung
Sống theo chánh pháp vô cùng tịnh thanh
Những người chánh hạnh thực hành
Đời này cảm thấy thân mình an vui
Đời sau sung sướng thêm thôi.



(169)
Thực hành chánh hạnh chuyên cần
Đừng theo đường ác, chớ làm điều sai
Ai theo chánh pháp đời này
Niềm vui mãi hưởng kéo dài đời sau.

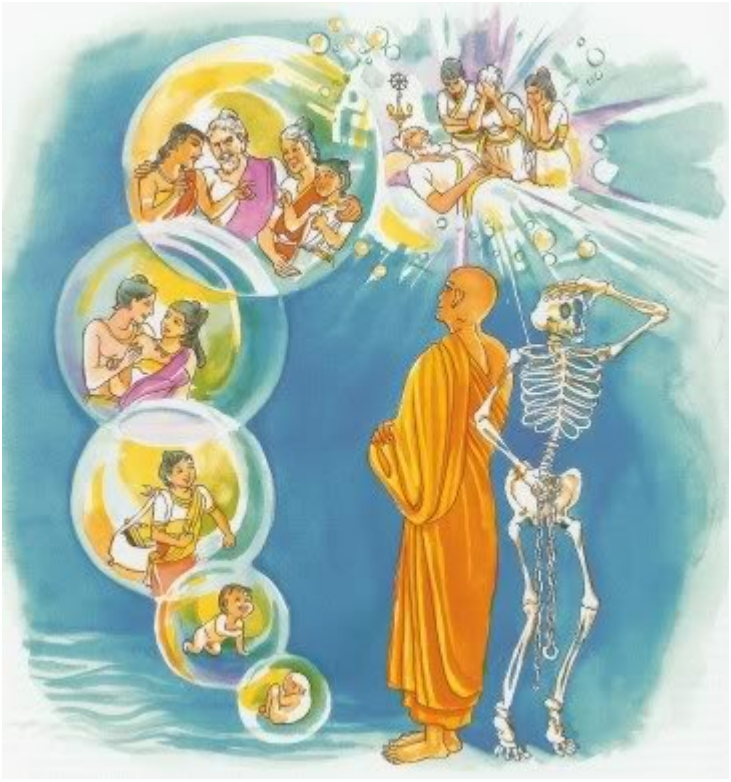

(170)
Tựa như bọt nước trôi sông,
Lâu đài, phố chợ bềnh bồng biển sương
Toàn là ảo ảnh vô thường
Nhìn đời như vậy còn vương vấn gì
Tử thần ta há sợ chi.



(171)
Dù nhìn trần thế của ta
Xa hoa lộng lẫy như là xe vua
Kẻ cuồng dại mới thích ưa
Mới mong tham đắm mê mờ ngu si
Còn như người trí thiết chi
Có đâu luyến ái, dễ gì bận tâm.

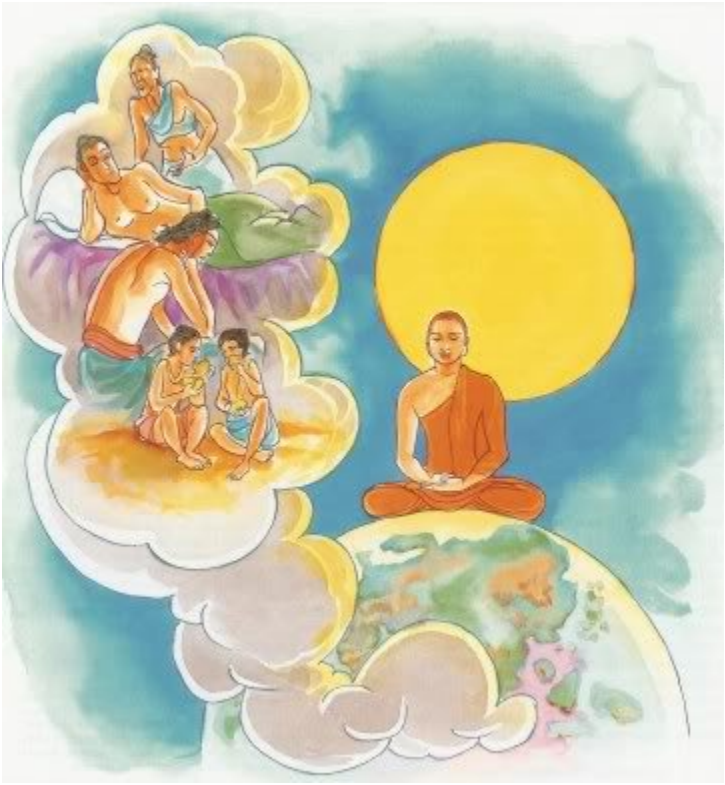

(172)
Người nào trước sống buông lung
Sau không phóng dật, một lòng chuyên tu
Như trăng thoát khỏi mây mù
Sáng soi trần thế, đẹp phô ánh vàng.



(173)
Người nào làm những việc lành
Xóa mờ nghiệp ác của mình thuở xưa
Như trăng thoát khỏi mây mù
Sáng soi trần thế, đẹp phô ánh vàng.



(174)
Đời này mù quáng vô vàn
Ít người thấy được rõ ràng mà thôi
Như chim thoát khỏi lưới rồi
Ít con bay thẳng hướng trời cao xa.



(175)
Thiên nga tung cánh thảnh thơi
Chỉ bay theo hướng mặt trời hừng đông,
Người quyền phép nhờ thần thông
Chỉ bay lượn giữa hư không dễ dàng,
Riêng người trí lớn vô vàn
Dẹp trừ dục vọng Ma quân kia rồi
Mới bay khỏi thế gian thôi.

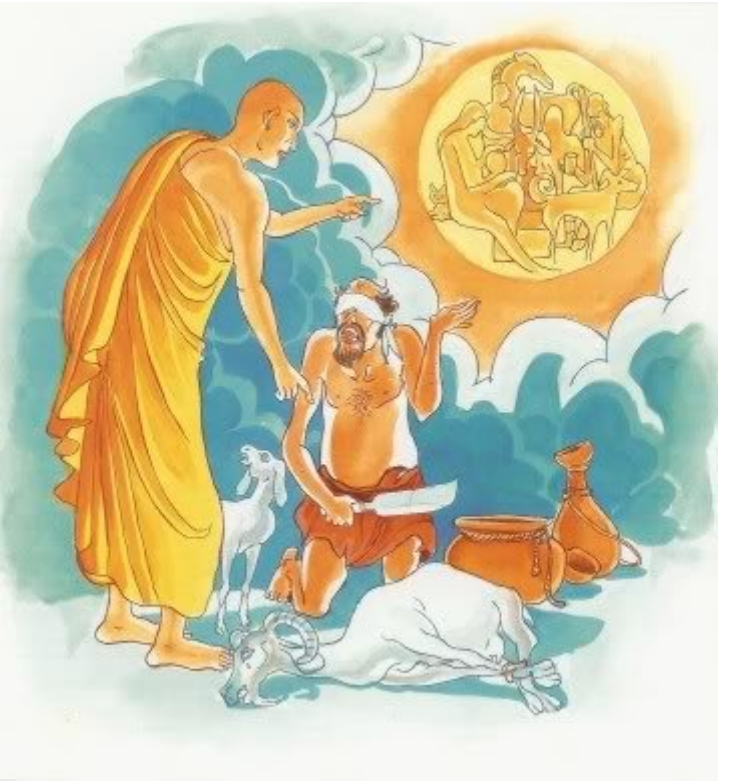

(176)
Ai vi phạm giáo pháp rồi,
Ai ưa gian dối thốt lời dài lâu,
Ai tin chẳng có đời sau,
Bao điều xấu, ác họ đâu sợ gì
Sẵn sàng làm, có ngại chi.

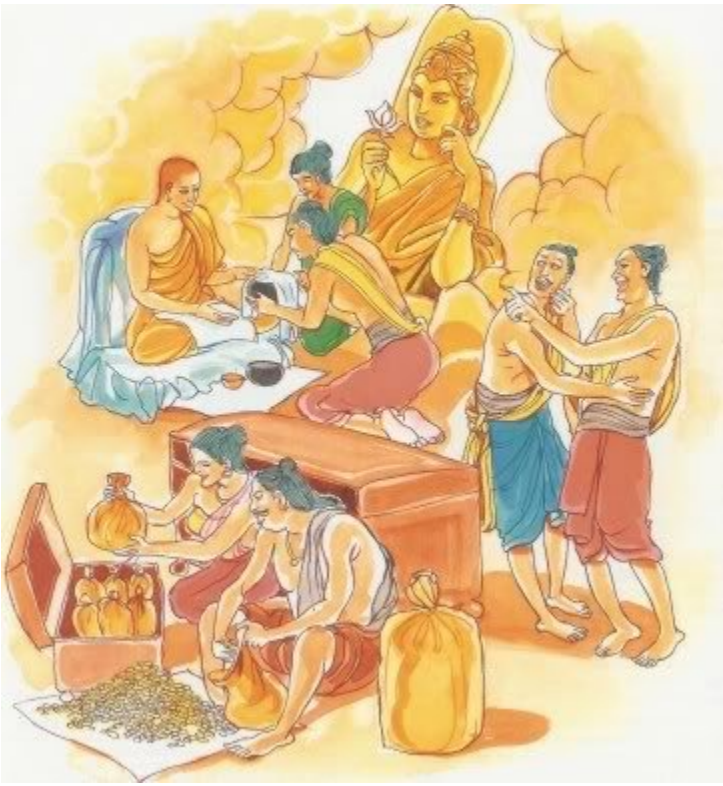

(177)
Những người keo kiết ở đời
Sinh đâu vào được cõi trời mai sau
Những người ngu muội dài lâu
Ghét lời bố thí, ghét câu cúng dường,
Chỉ riêng người trí tìm đường
Mở tâm quảng đại cúng dường lòng vui
Đời sau an lạc mãi thôi.



(178)
Dù làm bá chủ thế gian,
Dù sinh vào chốn vẻ vang cõi trời,
Dù làm chúa tể cao vời
Chủ trì vũ trụ khắp nơi huy hoàng,
So ra cũng chẳng sánh ngang
Người xuôi dòng tới Niết Bàn thênh thang
"Nhập lưu" đắc quả vẻ vang.



14. PHẨM ĐỨC PHẬT

(179)
Chẳng ai hơn nổi con người
Đã từng thắng phục được nơi dục tình
Người như vậy chính thân mình
Ở đời không sợ dục tình dõi theo
Mênh mông Phật giới cao siêu
Tham, sân, si dấu tích đều còn đâu
Các ngươi cám dỗ dễ nào.



(180)
Lưới mê được giải tỏa rồi
Dục tình kia khó tìm người dõi theo
Mênh mông Phật giới cao siêu
Tham, sân, si dấu tích đều còn đâu
Các ngươi cám dỗ dễ nào!

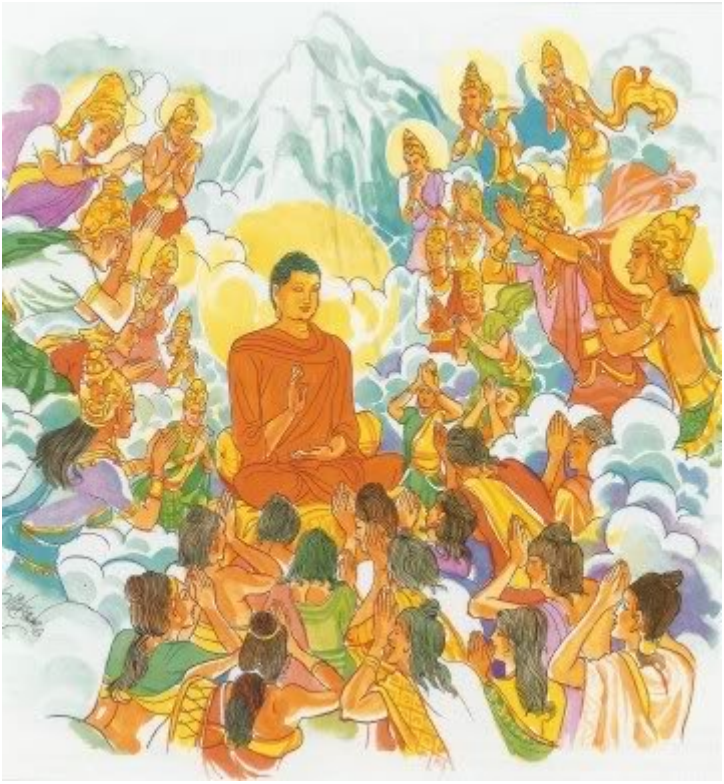

(181)
Người hiền trí chuyên tu thiền
Ưa hương giải thoát, thích miền tịnh yên
Nghĩ suy giác ngộ vô biên
Chúng sinh yêu kính, chư thiên nể vì.

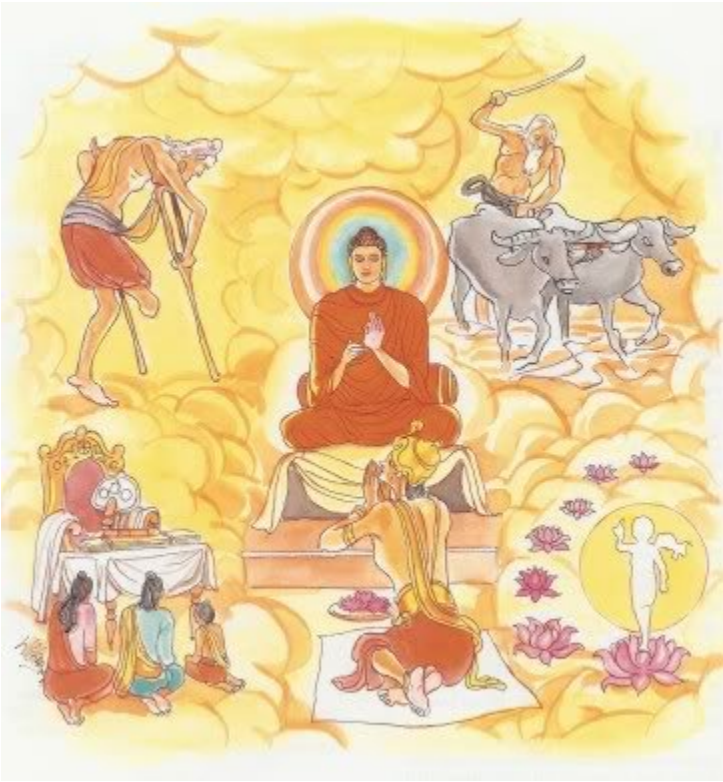

(182)
Khó mà sinh được làm người,
Rồi ra sống được trọn đời khó hơn,
Được nghe chánh pháp tuyên dương
Cũng là điều khó trăm đường mà thôi,
Duyên may gặp Phật ra đời
Là điều hy hữu, tuyệt vời biết bao.



(183)
Chớ làm điều ác bao giờ
Làm điều lành tốt người chờ, người mong
Giữ tâm, giữ ý sạch trong
Là lời Phật dạy ghi lòng chớ quên.



(184)
Phật thường dạy đã lâu rồi
Niết Bàn là chốn tuyệt vời cao siêu
Cũng như nhẫn nhục trăm chiều
Lấy điều khổ hạnh làm điều tối cao,
Xuất gia chẳng hại ai nào
Sa Môn tu tập nỡ sao hại người.



(185)
Chớ nên phỉ báng một ai
Đừng gây tổn hại cho người xung quanh
Giữ gìn giới luật nghiêm minh
Uống ăn chừng mực cho thành thói quen
Lánh riêng sống chỗ tịnh yên
Chuyên tu thiền định, hướng miền thanh cao
Lời chư Phật dạy lành sao!



(186) - (187)
Dù cho mưa xuống bạc vàng
Cũng đâu thỏa mãn lòng tham con người
Người hiền trí biết rõ thôi
Dục tình vui ít để rồi khổ thêm,



Cõi trời cao ngất từng trên
Dục tình dù có, chớ nên ham cầu,
Người con Phật hiểu pháp mầu
Chỉ mong tham ái được mau diệt trừ.

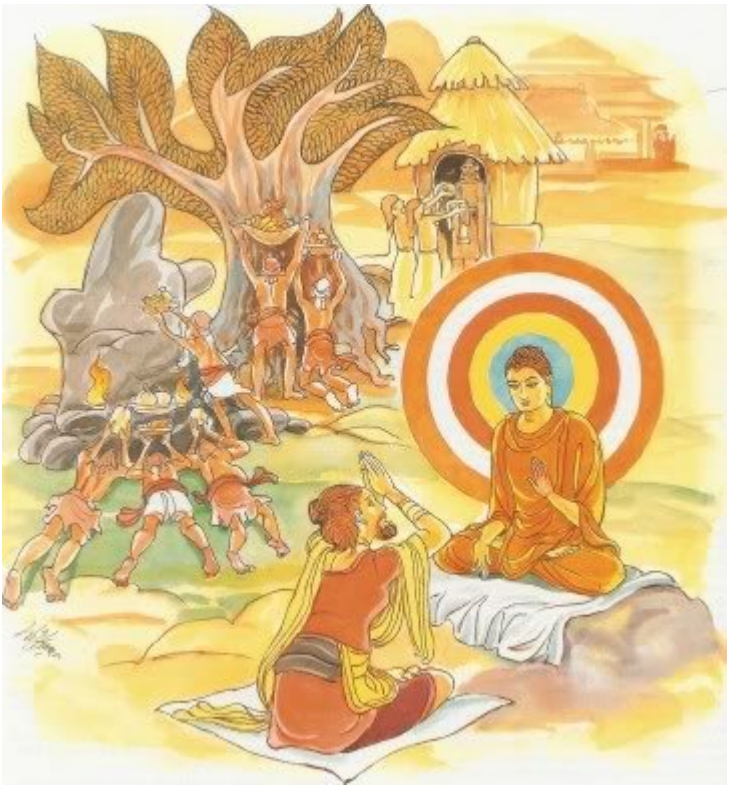

(188) - (192)
Loài người hãi sợ kinh hoàng
Nên tìm nhiều chỗ vội vàng quy y
Thánh thần núi nọ, rừng kia
Hoặc nơi cây cối, tháp bia, miếu đền

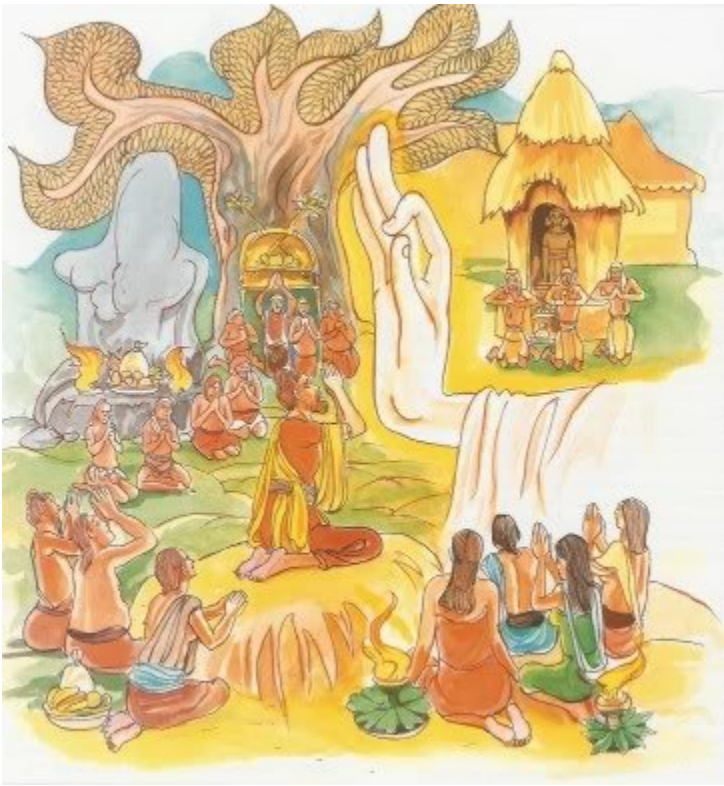

Nào đâu nương tựa được yên
Quy y như vậy não phiền còn vương,

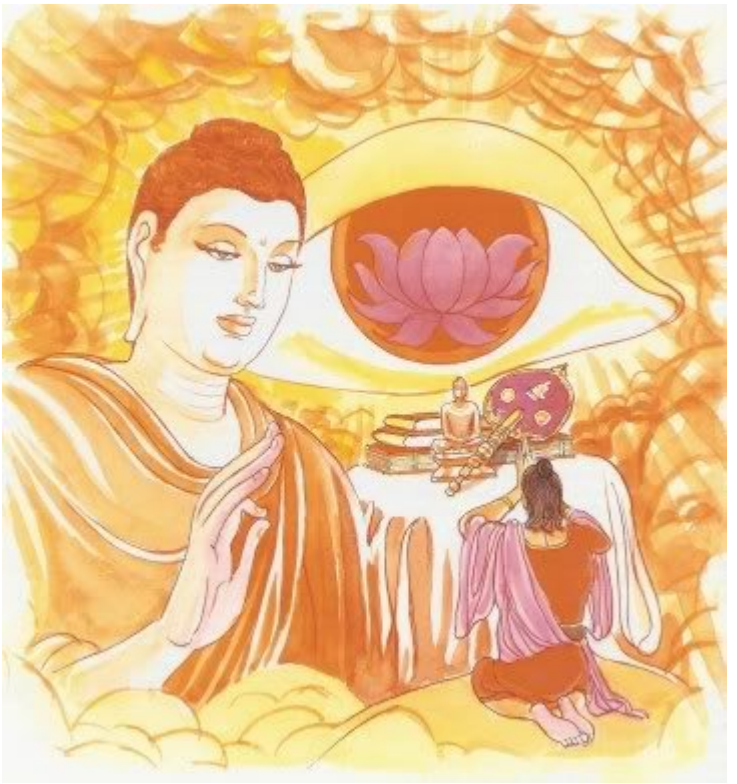

Nếu quy y Phật, Pháp, Tăng
Riêng phần trí tuệ vinh thăng nhiệm mầu

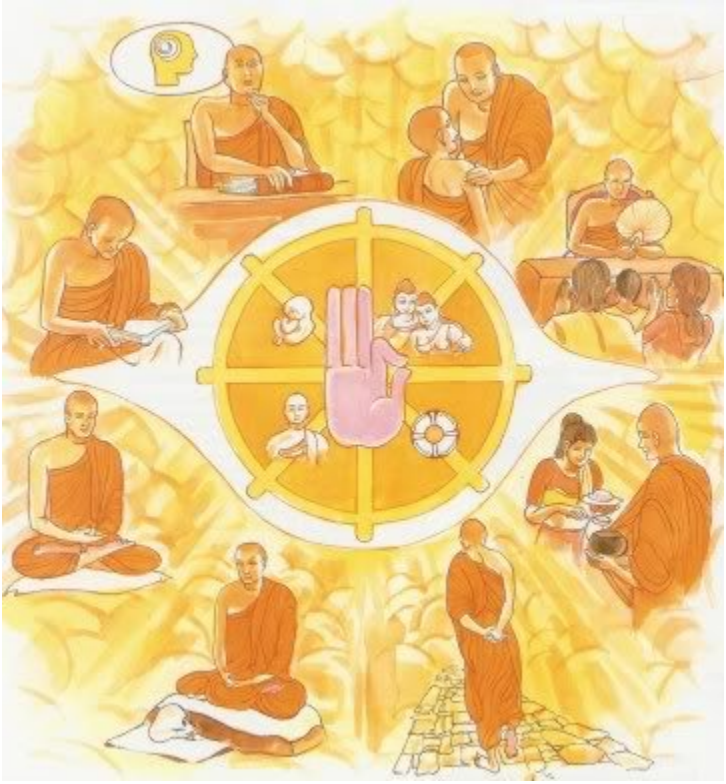

Hiểu ra Tứ Đế thâm sâu:
Biết rằng trần thế khổ đau là gì,
Hiểu ra nguồn gốc khổ kia,
Biết đường diệt hết khổ đi là rồi
Biết Bát Chánh Đạo tuyệt vời
Tám đường chân chính con người nên theo



Quy y chỗ đó cao siêu
An toàn, giải thoát trăm điều khổ đau.



(193)
Khó mà gặp được thánh nhân
Là người trí tuệ muôn phần cao siêu
Người như vậy chẳng có nhiều,
Chỗ nào kẻ trí sớm chiều sinh ra
Gia đình hạnh phúc chan hòa.

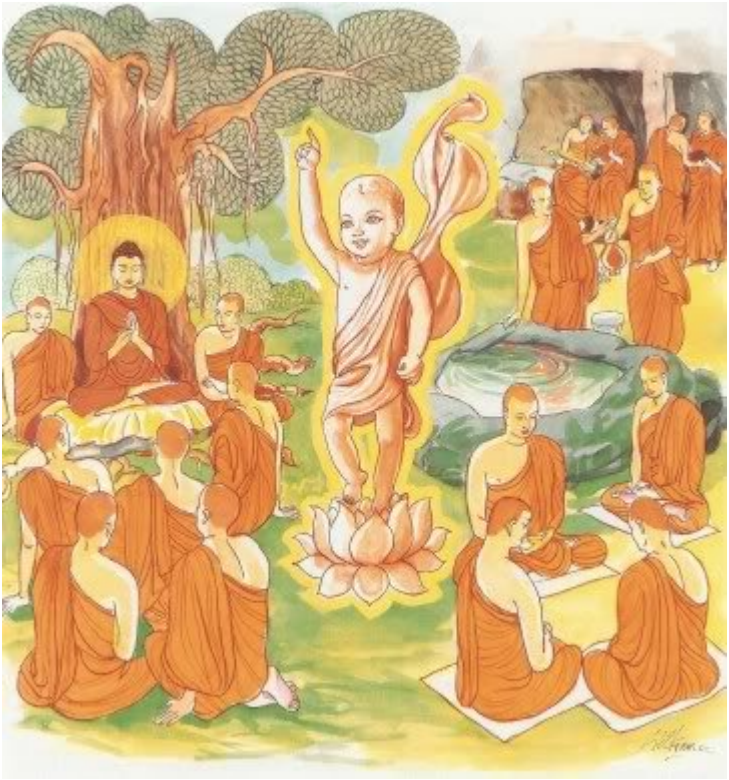

(194)
Vui thay đức Phật ra đời!
Vui thay giáo pháp giảng nơi cõi trần!
Tăng hòa hợp đẹp muôn phần!
Đẹp thay giới luật xa gần đồng tu!

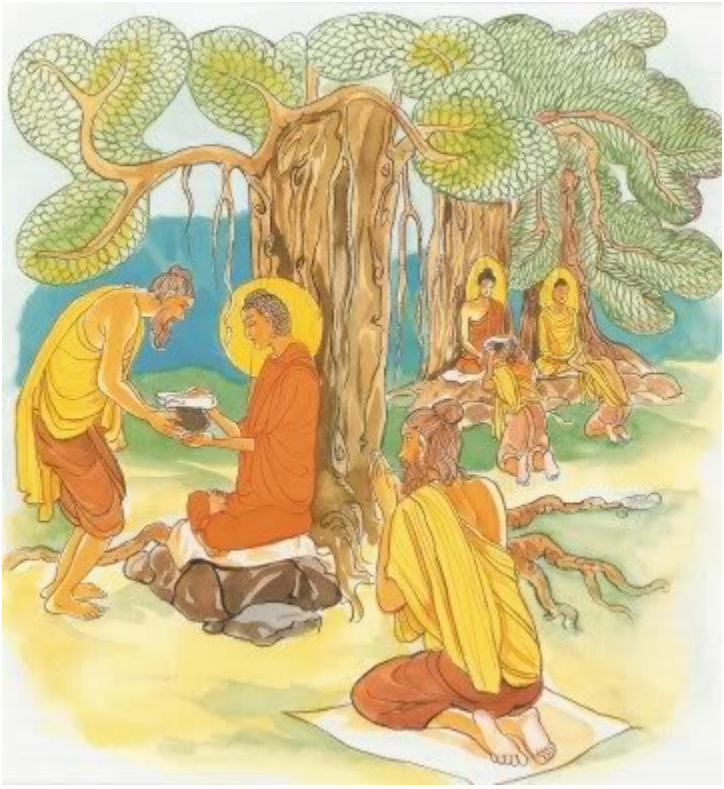

(195) - (196)
Cúng dường vị đáng cúng dường
Phật hay đệ tử thân thương của Ngài
Là người khắc phục, anh tài
Vượt qua chướng ngại, thoát ngoài lo âu

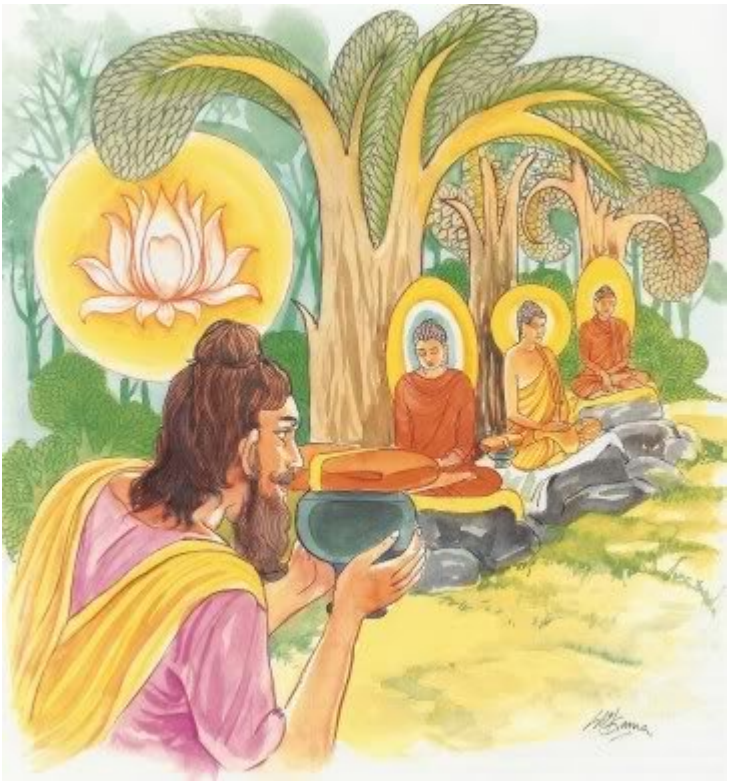

Không còn phiền não muộn sầu
Lửa tham, lửa dục từ lâu tắt rồi
Cúng dường như thế tuyệt vời
Gây bao công đức nào ai sánh cùng.

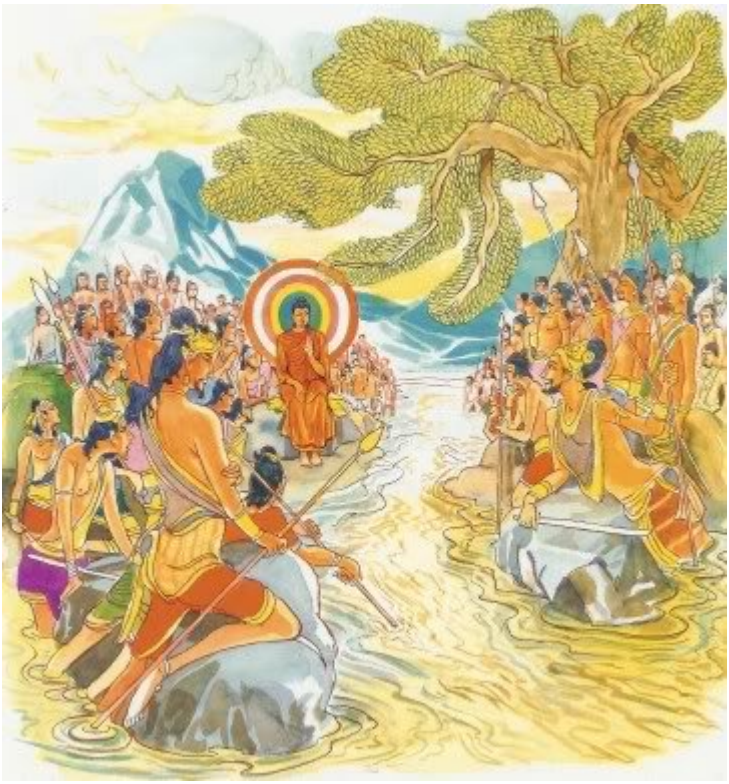

15. PHẨM AN LẠC

(197)
Ở ngay giữa đám nhân sinh
Dù người hờn oán, nếu mình thảnh thơi
Sống không thù hận cùng người
Thật là sung sướng, cuộc đời thơm hương.

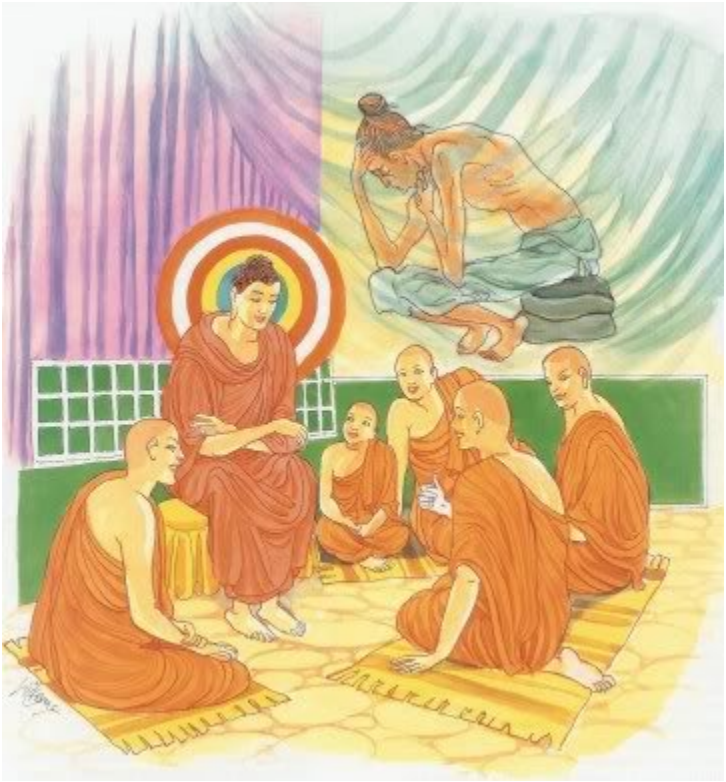

(198)
Ở ngay giữa đám nhân sinh
Khi người đau ốm, nếu mình thảnh thơi
Sống không tật bệnh trong người
Thật là sung sướng, cuộc đời thơm hương.

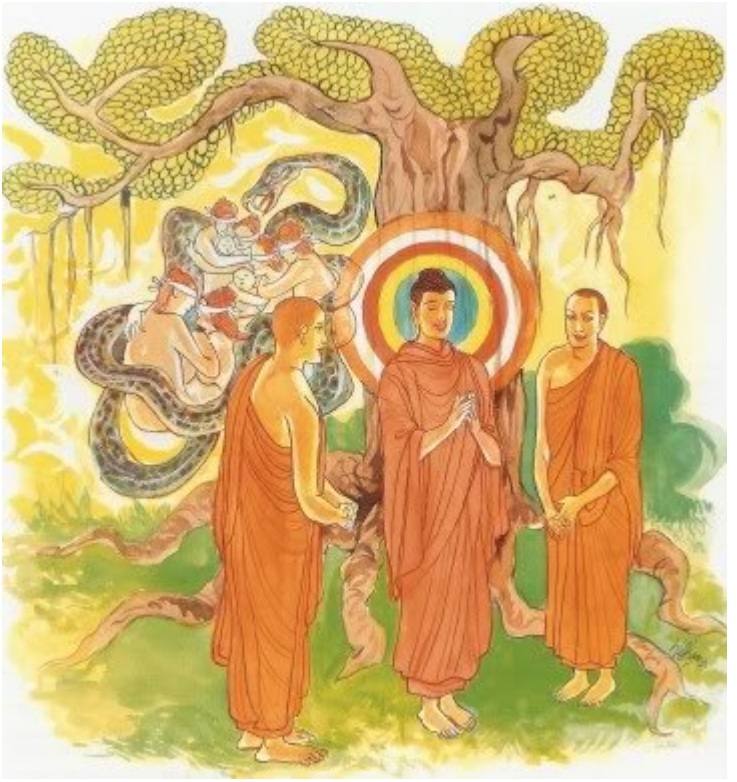

(199)
Ở ngay giữa đám nhân sinh
Mặc người tham ái, nếu mình thảnh thơi
Sống không dục vọng như người
Thật là sung sướng, cuộc đời thơm hương.

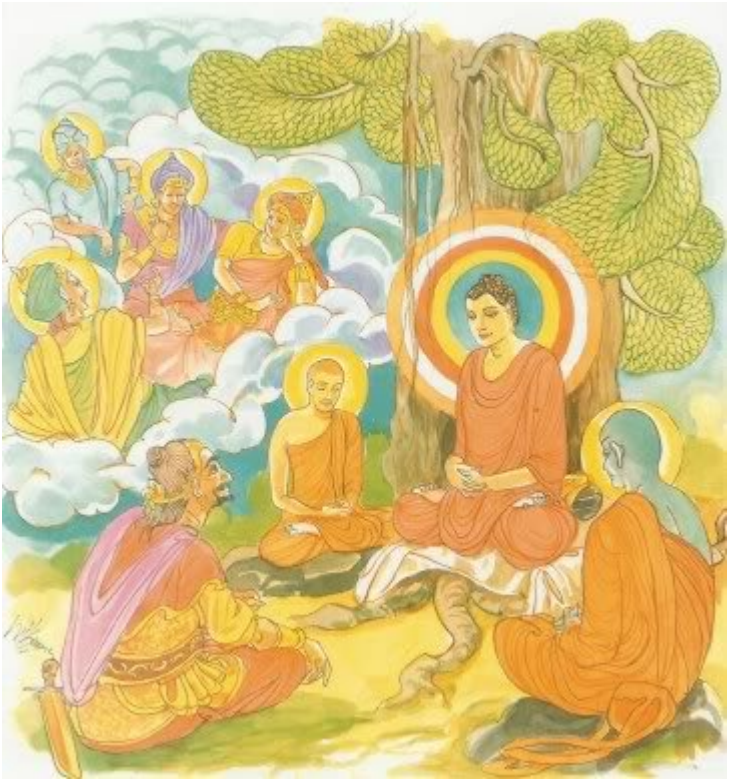

(200)
Chúng ta hạnh phúc vô biên
Khi không chướng ngại, não phiền nổi trôi
Sống đời hỷ lạc tuyệt vời
Tựa như những vị cõi trời Quang Âm.

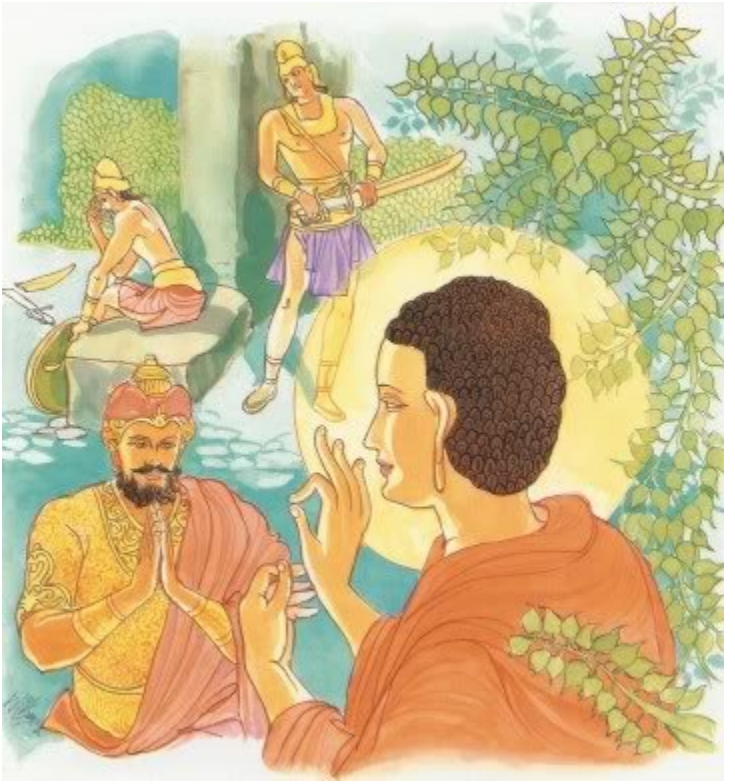

(201)
Khi mà thắng lợi vẻ vang
Sinh ra thù oán ngập tràn. Nguy thay!
Khi mà thất bại chua cay
Sinh ra đau khổ chất đầy tâm can!
Chi bằng thắng bại chẳng màng
Cuộc đời tịnh lạc, bình an vô cùng.

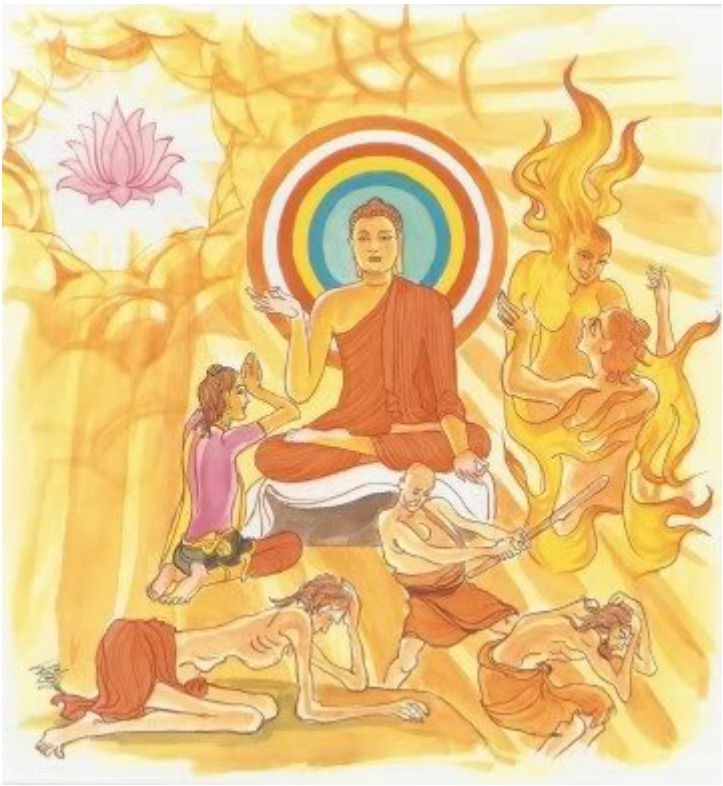

(202)
Lửa nào lại sánh được ngang
Lửa tham lửa dục cháy tan dữ dằn,
Ác nào lại sánh cho bằng
Ác sân ác hận hung hăng oán hờn,
Khổ nào lại vượt được hơn
Khổ thân ngũ uẩn hợp tan sớm chiều,
Vui kia so sánh đủ điều
Sao bằng vui chốn cao siêu Niết Bàn.



(203)
Đói là chứng bệnh lớn lao,
Vô thường ngũ uẩn khổ đau nhất đời,
Nếu ai hiểu đúng vậy rồi
Coi như đạt đến cực vui Niết Bàn.

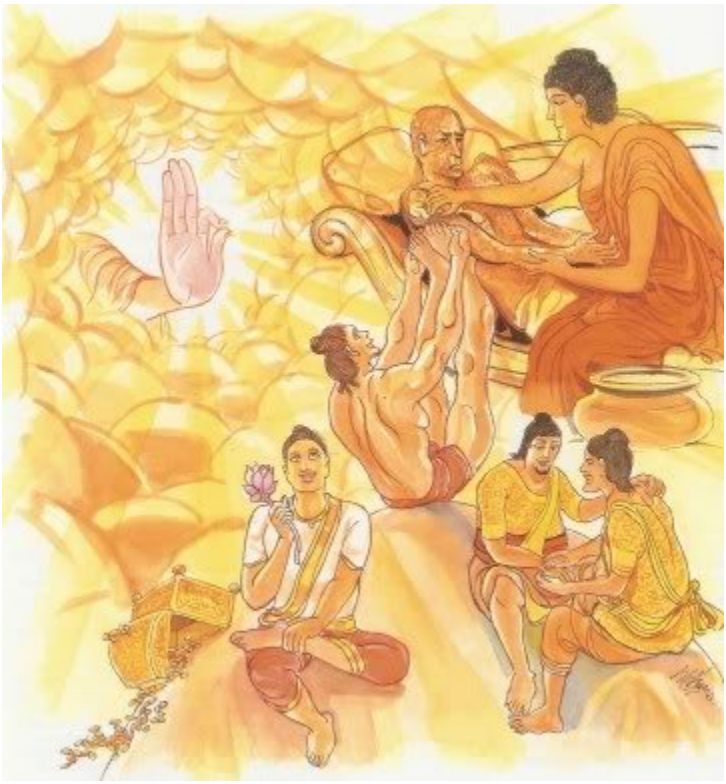

(204)
Ai không bệnh, lợi nhất đời
Ai mà biết đủ là người giàu sang
Ai thành tín là bạn vàng
Và nơi cực lạc: Niết Bàn là đây.

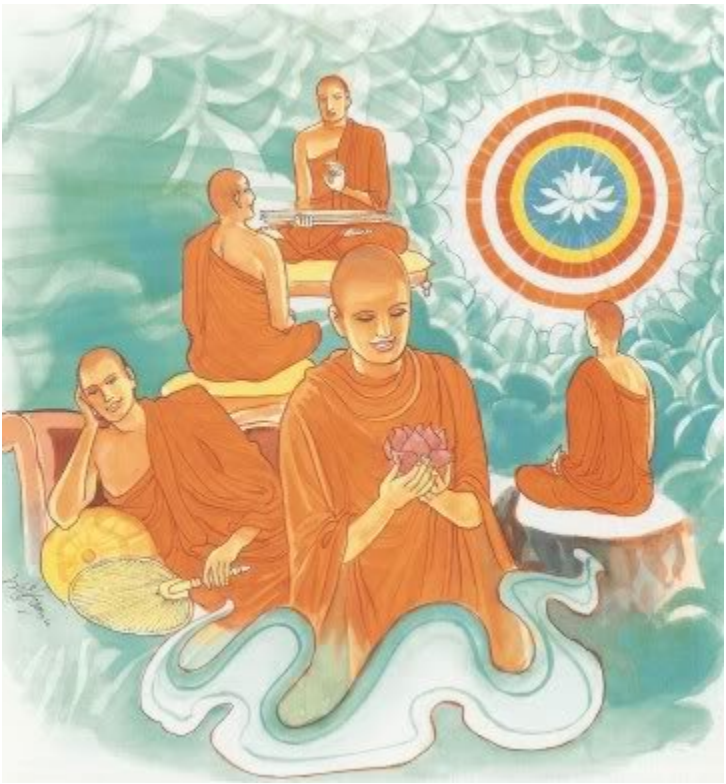

(205)
Ai từng vui sống một mình
Ai từng hưởng thú an bình, tịnh yên
Sẽ không đau khổ não phiền
Niềm vui chánh pháp hưởng thêm dạt dào.

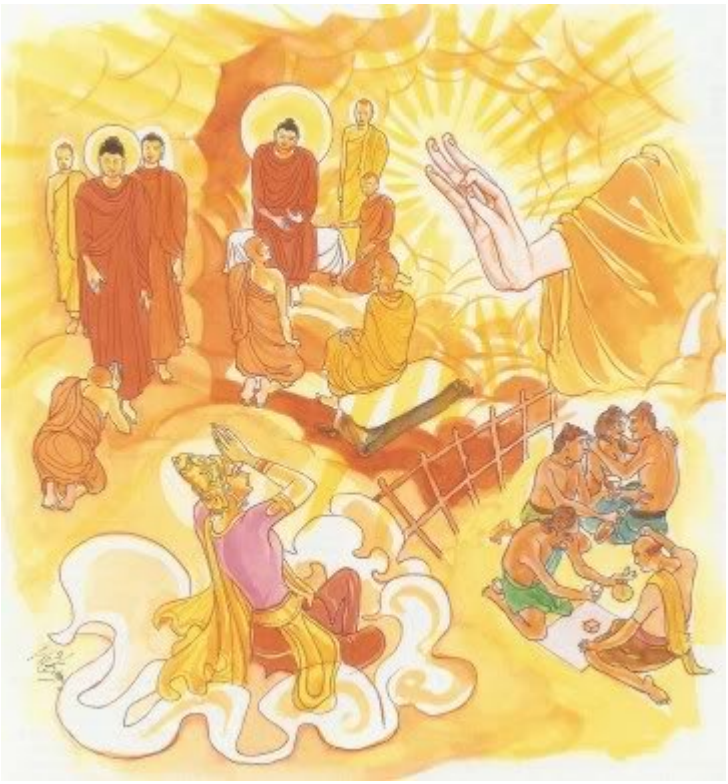

(206)
Lành thay gặp được thánh nhân
Cạnh người ta hưởng thêm phần an vui,
Muốn cho hạnh phúc lâu dài
Những người ngu dại ta thời tránh mau.

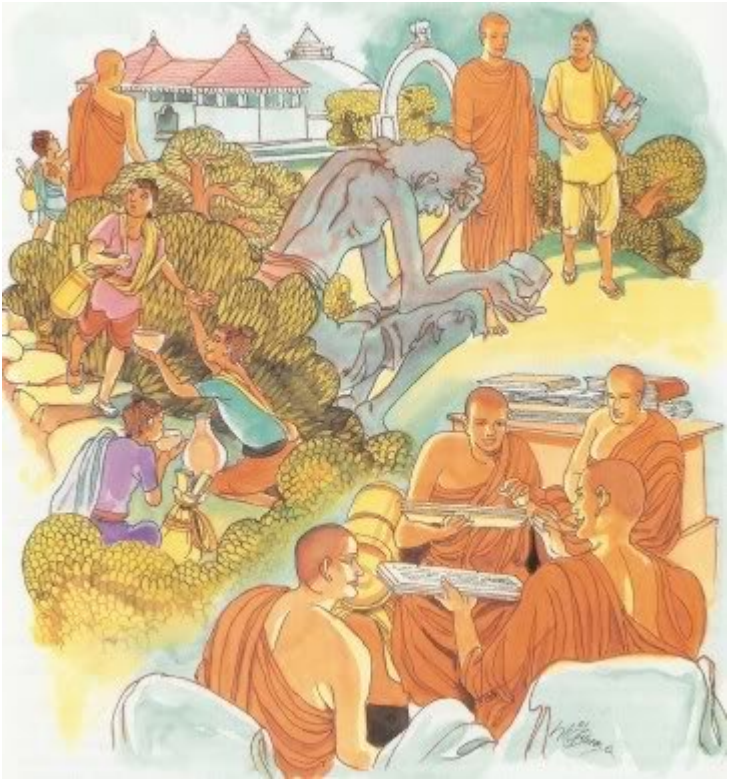

(207)
Sống chung, thân cận người ngu
Lúc nào cũng thấy buồn lo phập phồng,
Khổ thay gần kẻ ngu đần
Khác nào sống cạnh địch quân hiểm nghèo,
Sống cùng người trí lành nhiều
Vui như bên kẻ thân yêu, họ hàng.



(208)
Đúng như vậy! Thật rõ ràng:
Nếu gần gũi được những hàng thánh nhân,
Người hiền trí, người đa văn
Những người trì giới thành tâm, kiên trì
Nên theo gót họ mọi bề
Như trăng theo mãi đường đi sao trời.

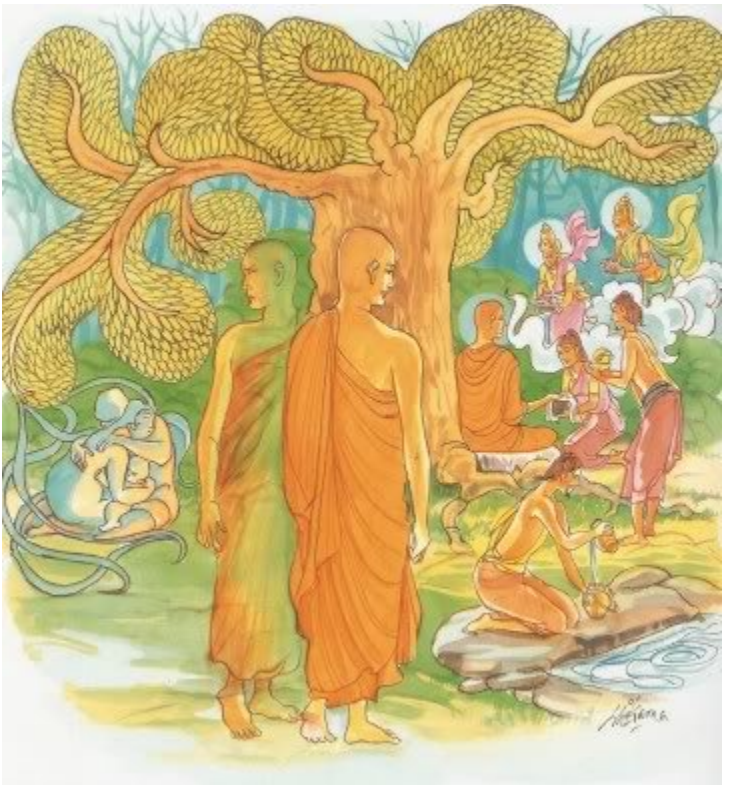

16. PHẨM YÊU THÍCH

(209)
Siêng làm việc chẳng đáng làm
Lơ là những việc vô vàn thiết thân
Quên đi mục đích tối cần
Chạy theo dục lạc muôn phần lầm sai
Ai mà như vậy muôn đời
Tỵ hiềm, ganh ghét những người chuyên tu.

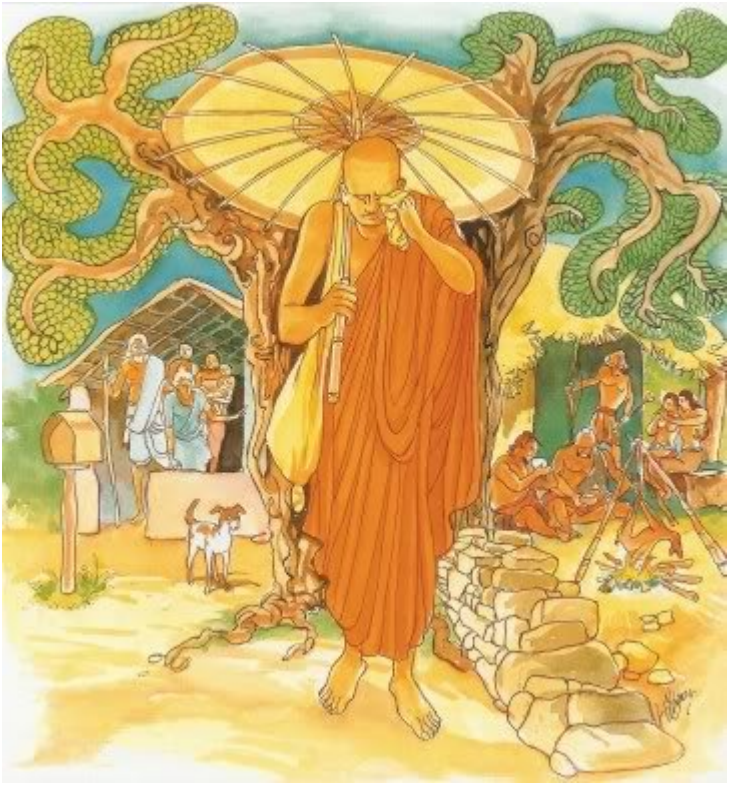

(210)
Chớ kề cận kẻ yêu thương,
Chớ gần gũi kẻ mình thường chẳng ưa,
Ở đời khổ mấy cho vừa
Khi yêu không gặp, khi ưa chẳng kề
Cũng đau cũng đớn kể chi
Ghét này phải gặp, oán kia phải kề.

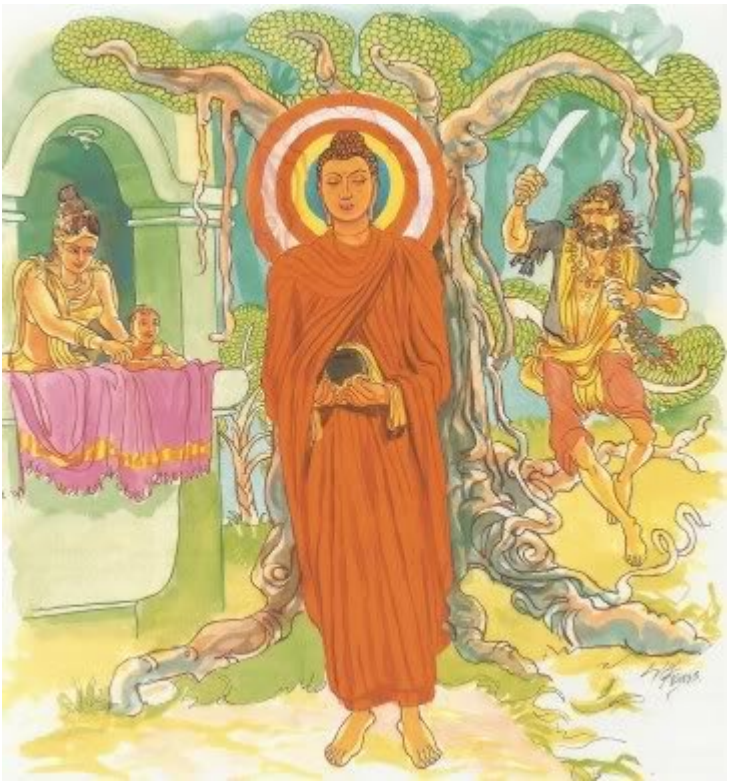

(211)
Đừng yêu đến độ say mê
Kẻo khi ly biệt não nề héo hon
Nếu mà yêu ghét không còn
Chẳng chi ràng buộc, tâm hồn thảnh thơi.

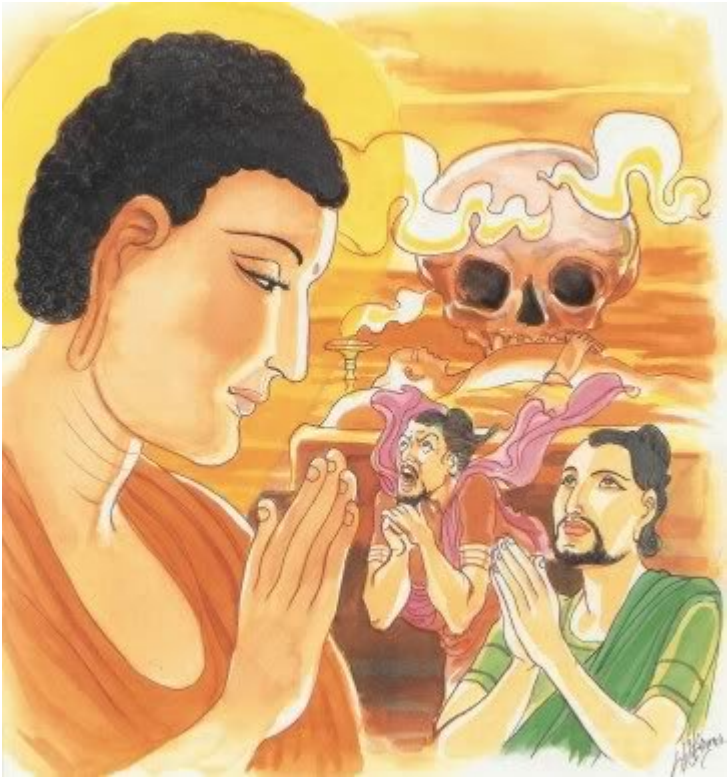

(212)
Khởi từ tình ái sinh ra
Chứa chan hãi sợ, chan hòa lo âu
Thân yêu, tình ái lìa mau
Chẳng còn lo sợ, ưu sầu tiêu tan.



(213)
Khởi từ luyến ái sinh ra
Chứa chan hãi sợ, chan hòa lo âu
Mến thương, luyến ái lìa mau
Chẳng còn lo sợ, ưu sầu tiêu tan.



(214)
Khởi từ hỷ ái sinh ra
Sinh lo, sinh sợ khó mà tránh đi
Khi mà hỷ ái xa lìa
Chẳng còn lo sợ chút gì nữa đâu.



(215)
Khởi từ dục ái sinh ra
Sinh lo, sinh sợ khó mà tránh đi
Khi mà dục ái xa lìa
Chẳng còn lo sợ chút gì nữa đâu.



(216)
Khởi từ tham ái sinh ra
Sinh lo, sinh sợ khó mà tránh đi
Khi mà tham ái xa lìa
Chẳng còn lo sợ chút gì nữa đâu.

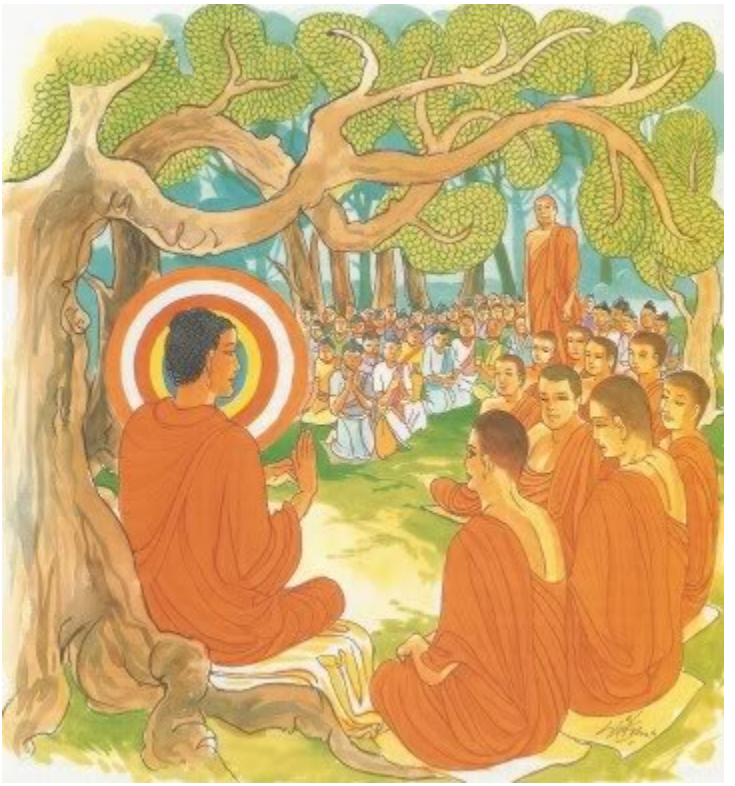

(217)
Người mà giới hạnh chu toàn
Sáng soi trí tuệ, vững vàng đạo tâm
Bao điều chân lý thấm nhuần
Làm tròn bổn phận mười phân vẹn mười
Là người đáng kính tuyệt vời.

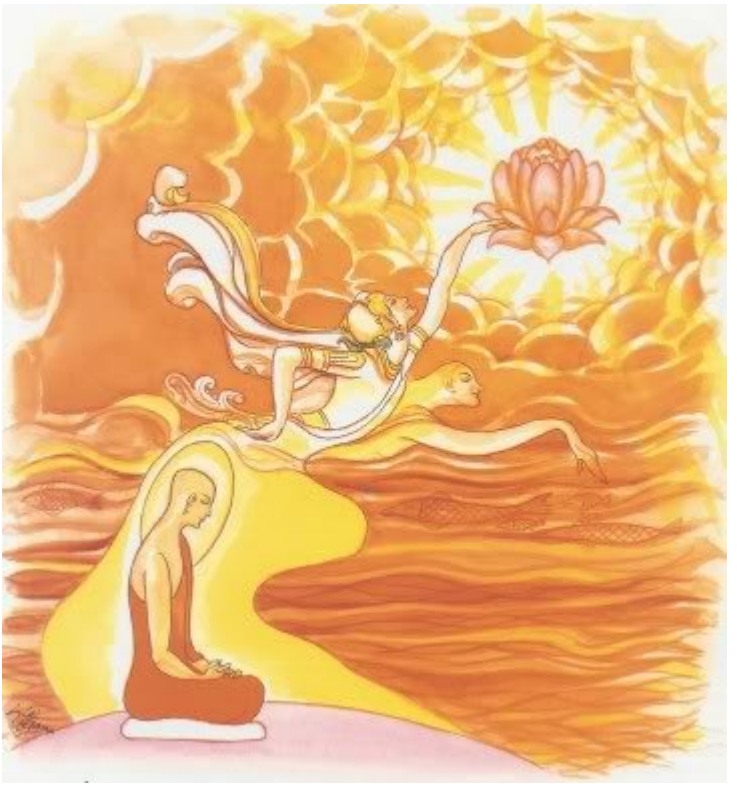

(218)
Ai mà tâm nguyện dạt dào
Mong tìm lên chốn tối cao Niết Bàn
Thú vui ái dục chẳng màng
Đáng tôn bậc ấy là hàng “thượng lưu”.

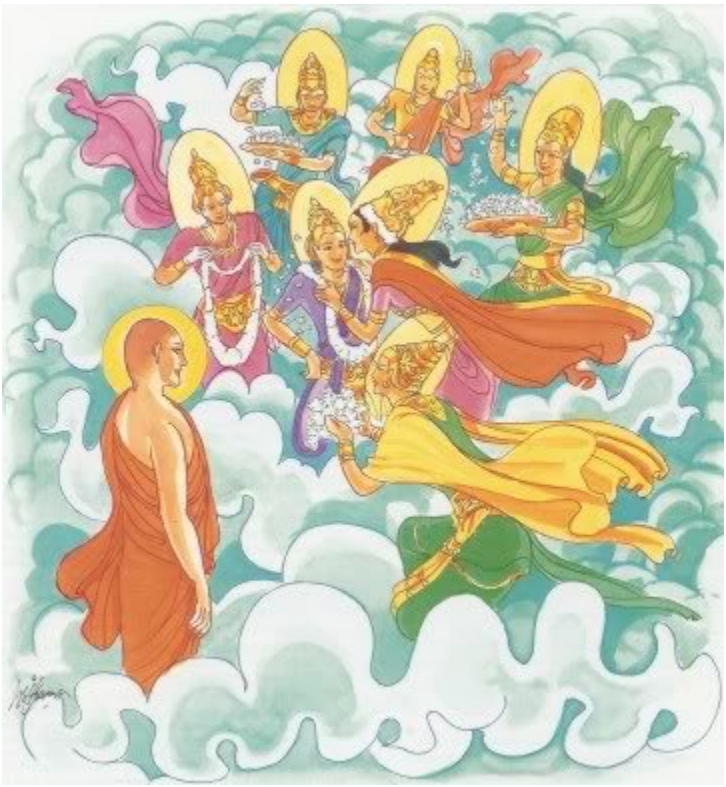

(219) - (220)
Hãy nhìn người khách ly hương
Lâu ngày an ổn từ phương xa về
Bà con cùng với bạn bè
Hân hoan chào đón tràn trề niềm vui,



Người làm lành cũng vậy thôi
Tạo ra nghiệp phước để rồi mất đâu
Qua đời này đến đời sau
Bao nhiêu nghiệp phước khác nào người thân
Đón mừng họ rất ân cần.

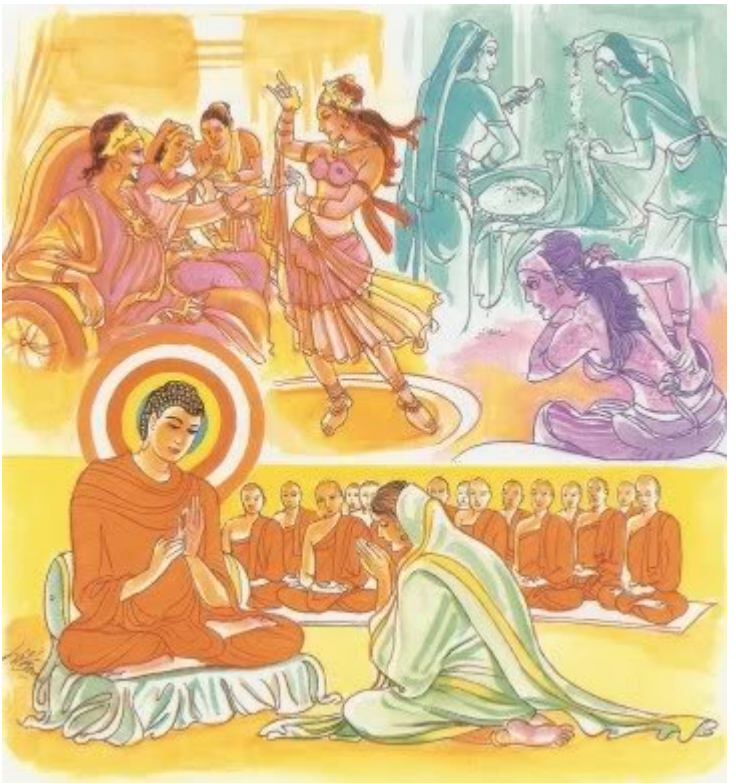

17. PHẨM PHẪN NỘ

(221)
Lìa mau lòng giận dữ đi
Chớ hề ngạo mạn, chớ hề kiêu căng
Hãy mau giải thoát buộc ràng
Đừng ham danh sắc, đừng màng thân tâm
Không còn dục vọng xa gần
Khổ đau sẽ chẳng quẩn chân gây phiền.

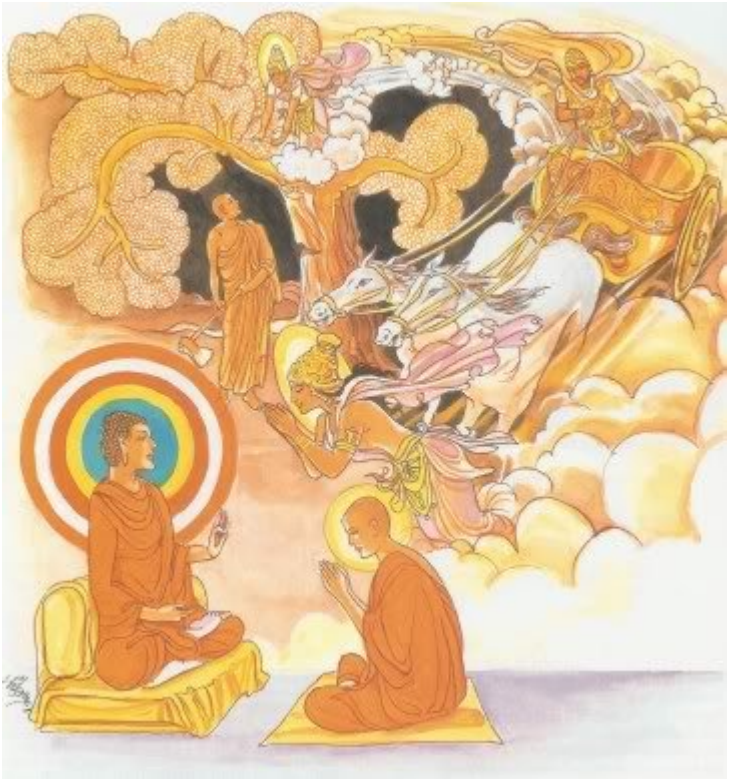

(222)
Khi cơn giận dữ bùng ra
Ai mà ngăn được mới là người hay
Giỏi như hãm lại được ngay
Chiếc xe đang chạy chở đầy, phóng nhanh,
Nếu không thì bản thân mình
Cầm cương hờ hững tài tình gì đâu.

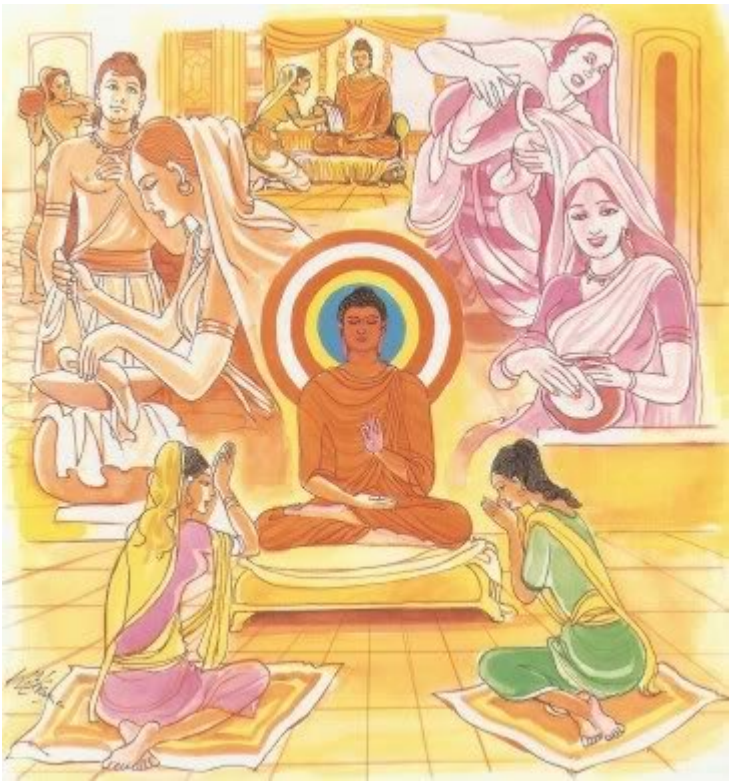

(223)
Lấy từ bi, lấy ôn hòa
Thắng cơn nóng giận bùng ra thét gầm
Lấy hiền lành, lấy thiện tâm
Thắng lòng hung ác bất nhân khó lường
Lấy tâm bố thí cúng dường
Thắng hàng keo kiệt, thắng phường tham lam
Lấy chân thật để đập tan
Những trò hư ngụy, dối gian ở đời.

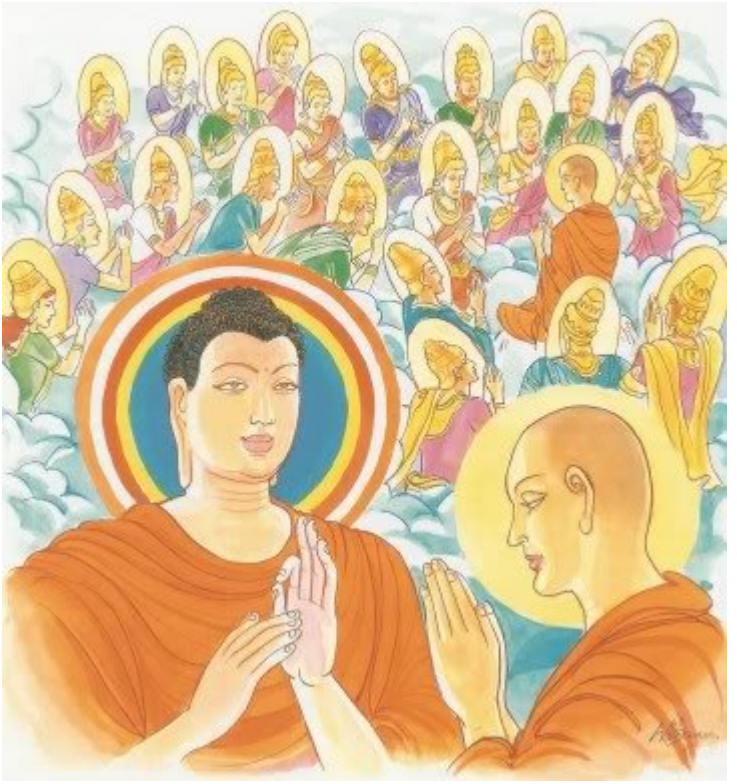

(224)
Nói lời chân thật luôn luôn,
Dẹp cơn nóng giận dỗi hờn khó coi,
Dù ta có ít của thôi
Cũng chia bố thí cho người đến xin,
Nhờ ba việc tốt lành trên
Đưa ta đến cõi chư thiên, cõi trời.

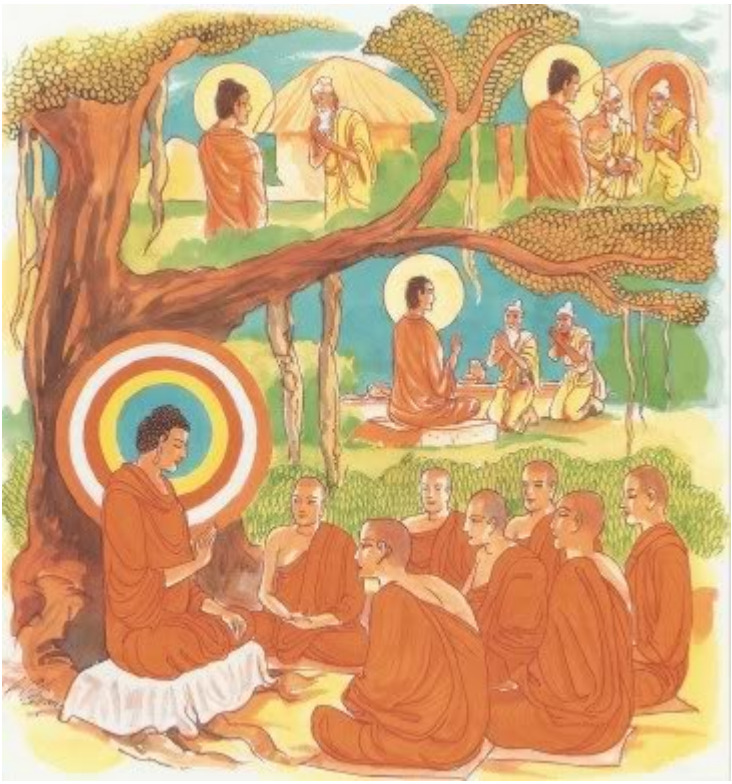

(225)
Bậc hiền lương chẳng hại ai
Thân tâm lo chế ngự hoài trước sau
Đến nơi bất tử thật mau
Niết Bàn chốn ấy hết sầu, hết bi.

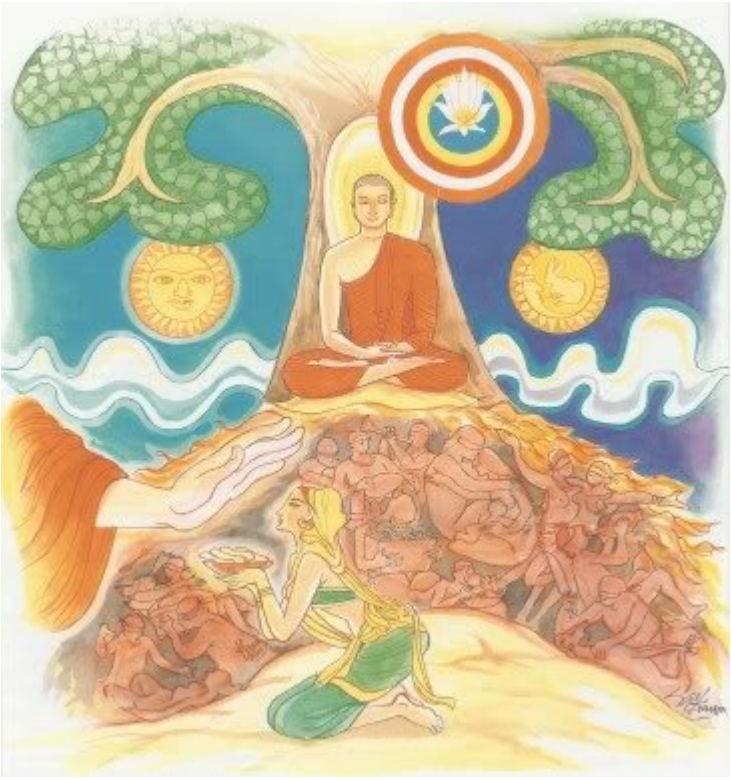

(226)
Những người giác tỉnh thường xuyên
Dốc lòng tu tập ngày đêm chuyên cần
Quyết tâm hướng đến Niết Bàn
Thì bao phiền não tiêu tan chẳng còn.



(227)
Người con Phật hãy nghe đây
Chuyện không phải chỉ đời này mà thôi
Từ đời xưa đã nói rồi:
“Làm thinh thời sẽ có người chê bai,
Nói nhiều cũng bị chê hoài,
Dù cho nói ít cũng người chê thôi”.
Làm người không bị chê cười
Thực là chuyện khó ở nơi cõi trần.



(228)
Ở đời toàn bị chê bai
Hay toàn nghe tiếng người ngoài khen ta
Từ xưa chẳng thấy xảy ra,
Tìm trong hiện tại thật là khó sao,
Tương lai cũng chẳng có nào.



(229) - (230)
Hàng ngày tự xét bản thân
Tránh bao hành động sai lầm xấu xa
Luôn luôn trí tuệ phô ra
Nêu gương phẩm hạnh sáng lòa không trung

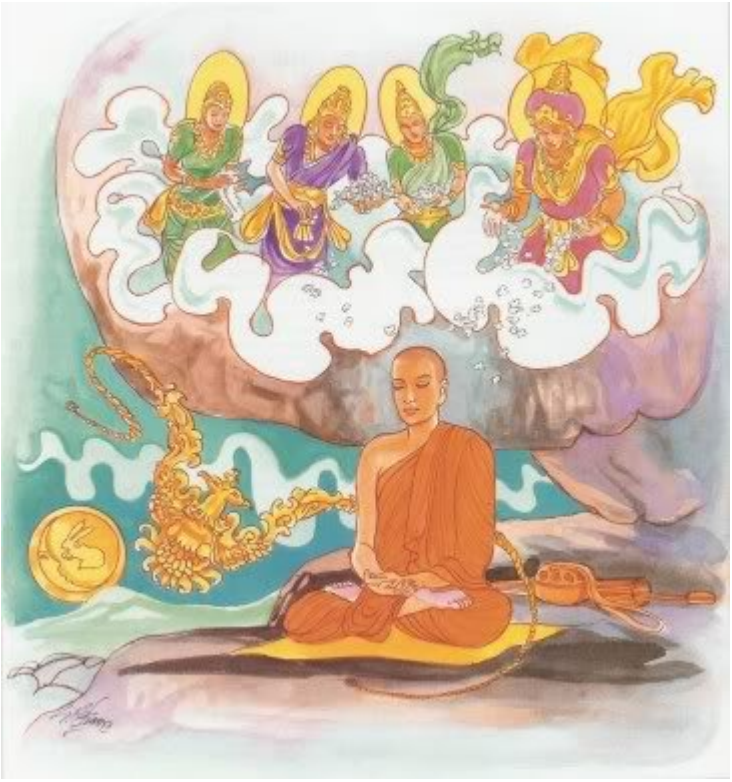

Tựa vàng ròng, quý vô cùng
Ai mà còn dám tìm đường chê bai
Chư thiên cũng tán dương hoài
Phạm thiên, người trí hết lời ngợi khen.

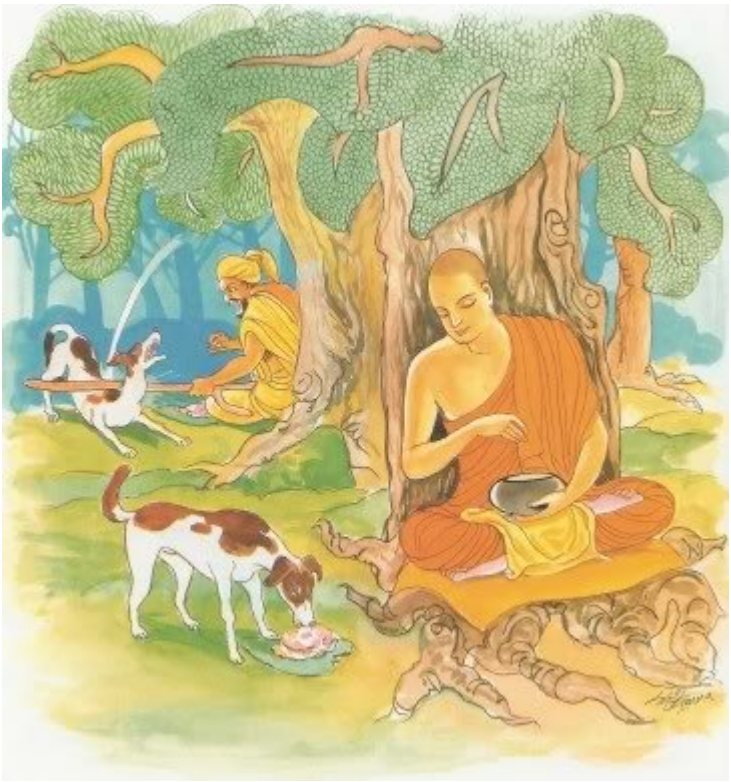

(231)
Giữ gìn kiểm soát Thân người
Đừng vì nóng giận để rồi làm sai
Thân đừng làm ác, hại ai
Làm lành, làm thiện miệt mài tu thân.



(232)
Giữ gìn kiểm soát Lời người
Đừng vì nóng giận để rồi nói sai
Lời đừng nói ác, hại ai
Nói lành, nói thiện miệt mài tu thân.

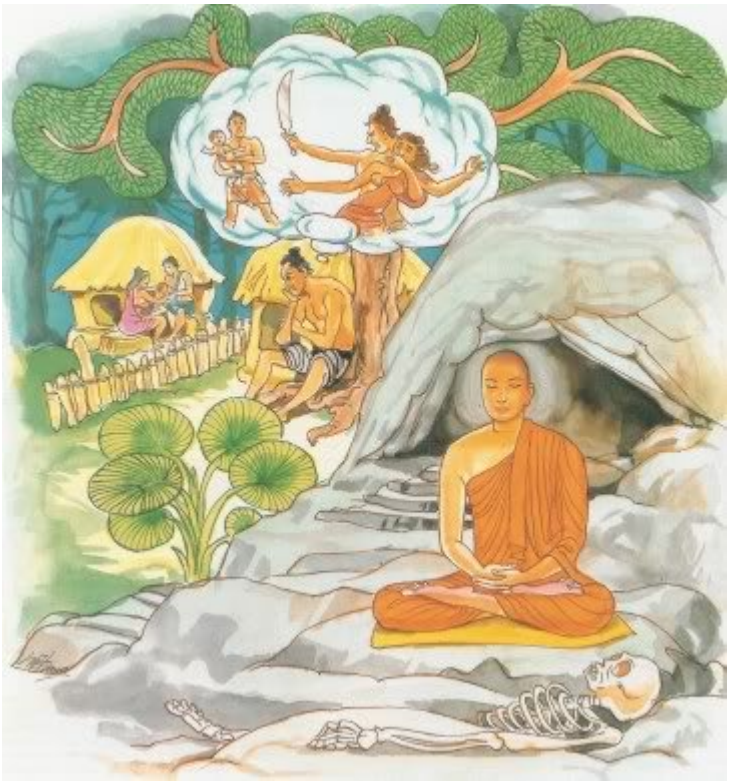

(233)
Giữ gìn kiểm soát Ý người
Đừng vì nóng giận để rồi nghĩ sai
Ý đừng nghĩ ác, hại ai
Nghĩ lành, nghĩ thiện miệt mài tu thân.

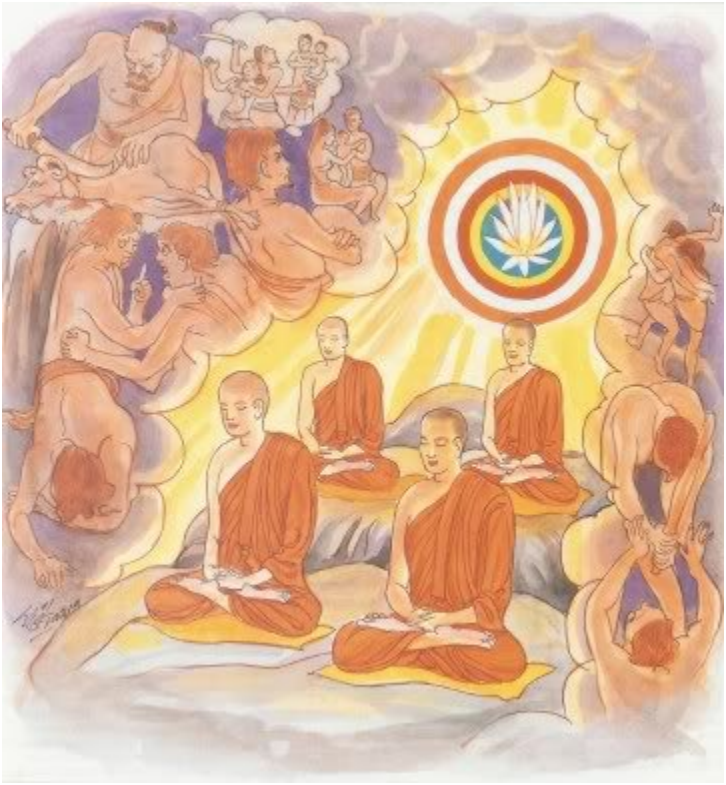

(234)
Những người trí, những kẻ hiền
Luôn lo kiểm soát, giữ gìn tấm thân
Lời ăn tiếng nói lo luôn
Lại lo cho ý, cho tâm của mình
Chăm lo ba nghiệp nhiệt tình.



18. PHẨM DƠ BẨN

(235)
Ngươi nay giống lá héo khô
Diêm vương sứ giả đang chờ đợi ngươi
Đứng trên ngưỡng cửa tử rồi
Hành trang, lương thực ngươi thời không mang
Không hề chuẩn bị kỹ càng
Chuyến đi thăm thẳm vô vàn dài lâu.

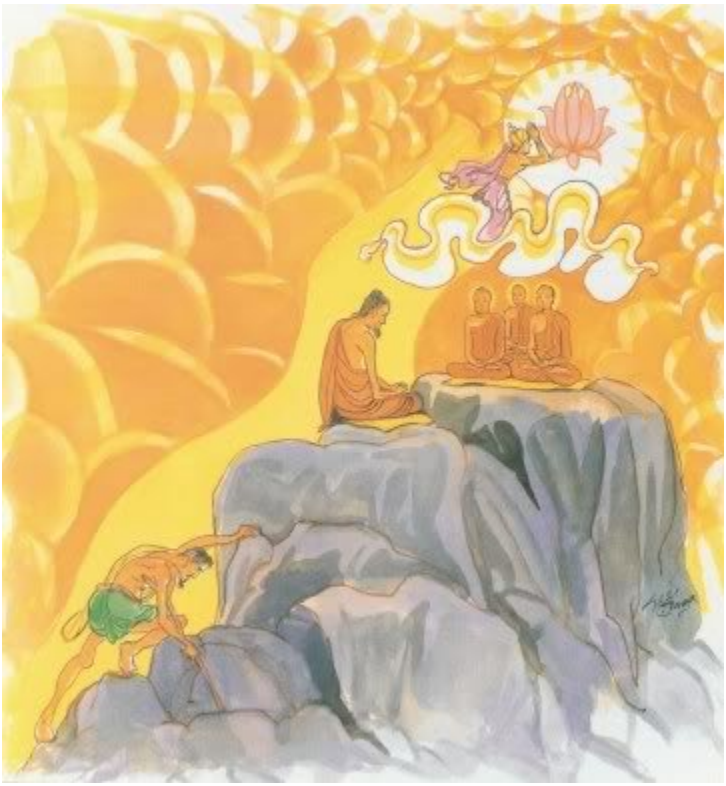

(236)
Hãy lo tự tạo cho mình
Một hòn đảo để tu hành bình an
Tinh cần, trí tuệ, khôn ngoan
Gột đi dục vọng, phá tan não phiền
Bước lên cảnh giới chư thiên.



(237)
Đời ngươi sắp lụn sắp tàn
Ngươi đang lê bước đến gần diêm vương
Không nơi ngơi nghỉ dọc đường
Hành trang, lương thực không mang theo mình
Không hề chuẩn bị hành trình.



(238)
Hãy lo tự tạo cho mình
Một hòn đảo để tu hành bình an
Tinh cần, trí tuệ, khôn ngoan
Gột đi dục vọng, phá tan não phiền
Sẽ không quay trở về miền
Quẩn quanh sinh lão, triền miên luân hồi.

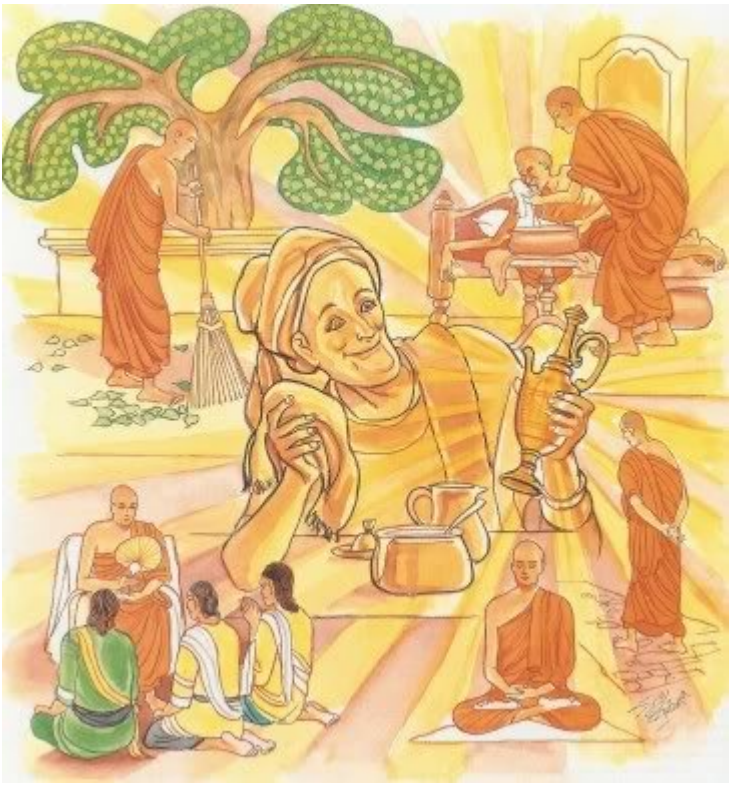

(239)
Từng giây, từng phút, từng giờ
Những người hiền trí âu lo trừ dần
Bao nhiêu dơ bẩn bản thân
Như thợ vàng mãi chuyên cần khổ công
Gột trừ cặn bã cho xong
Giữ lại toàn chất vàng ròng mà thôi.

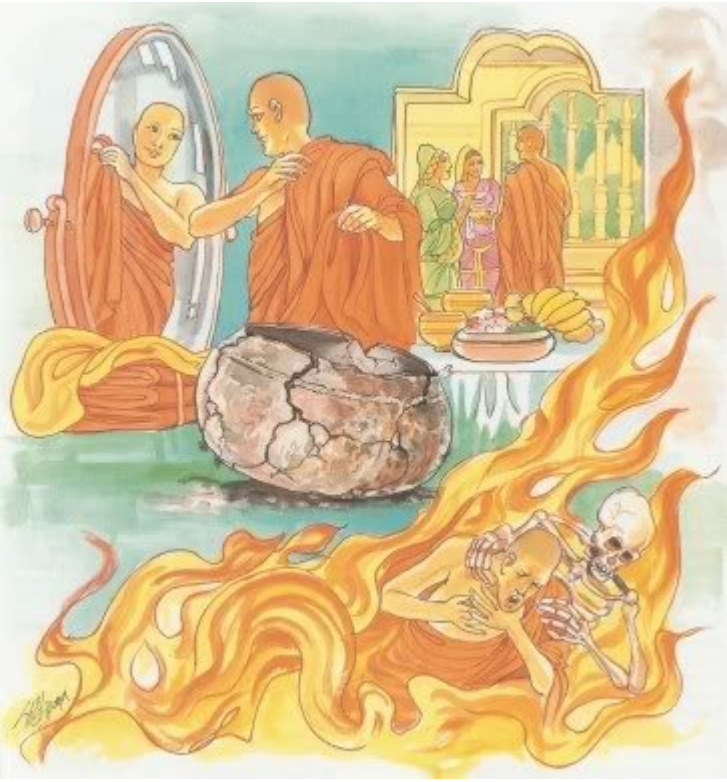

(240)
Sét kia do sắt sinh ra
Để rồi trở lại ăn qua sắt này
Khác chi nghiệp ác người gây
Nghiệp kia trở lại hại ngay người rồi
Đưa người vào cõi ác thôi.

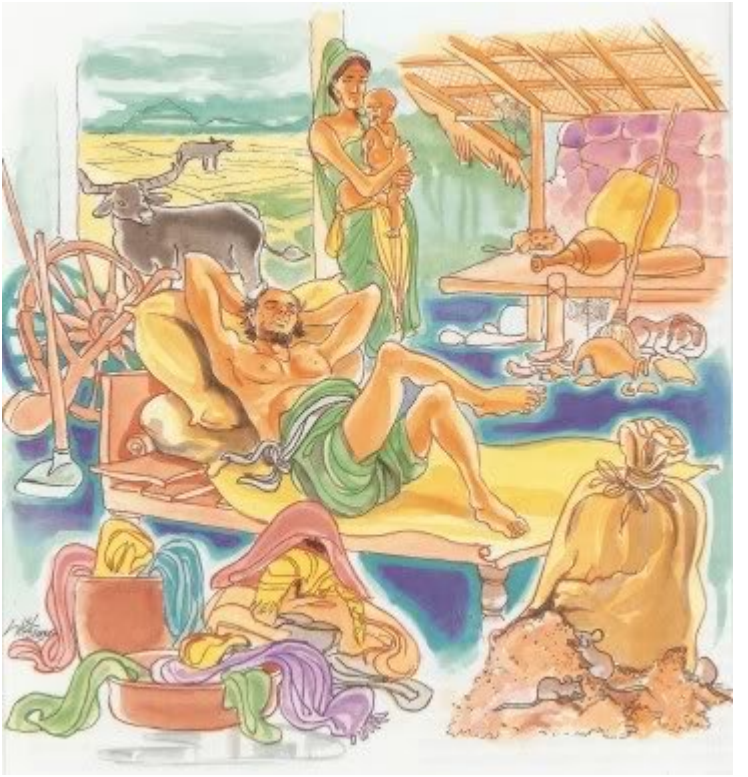

(241)
Không chuyên tụng niệm, uổng kinh
Không siêng chăm sóc, hại nhanh cửa nhà
Biếng lười, thân sắc xấu xa;
Buông lung, tâm lạc nẻo tà nhớp nhơ
Vì canh phòng quá ơ hờ.

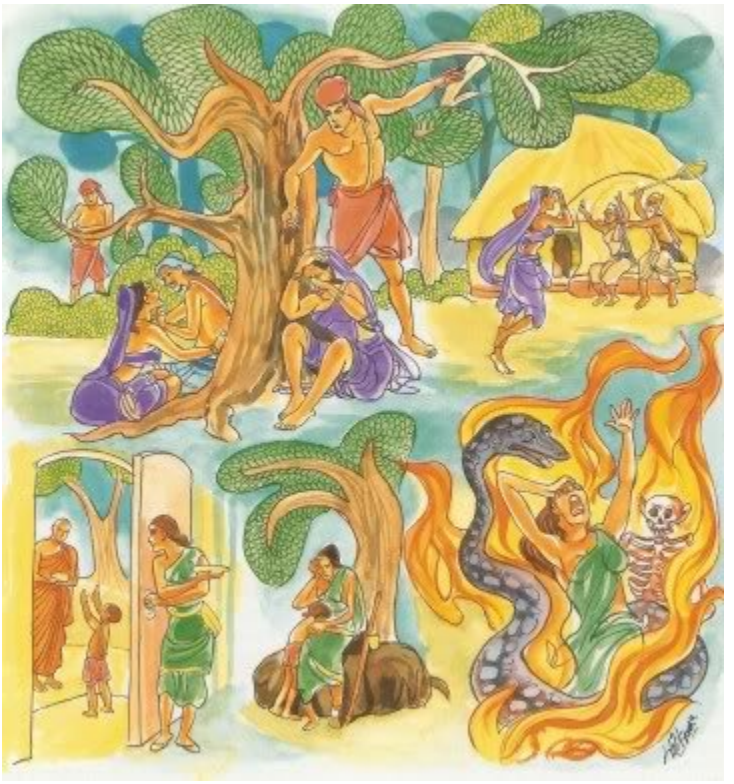

(242)
Hư thân, mất nết, hạnh tà
Vết nhơ đối với đàn bà tính hoang,
Lòng người keo kiệt, tham lam
Vết nhơ của kẻ không ham cúng dường,
Nhưng riêng tội ác, bất lương
Luôn là một vết nhơ trong cõi này
Và luôn trong cõi tới đây.

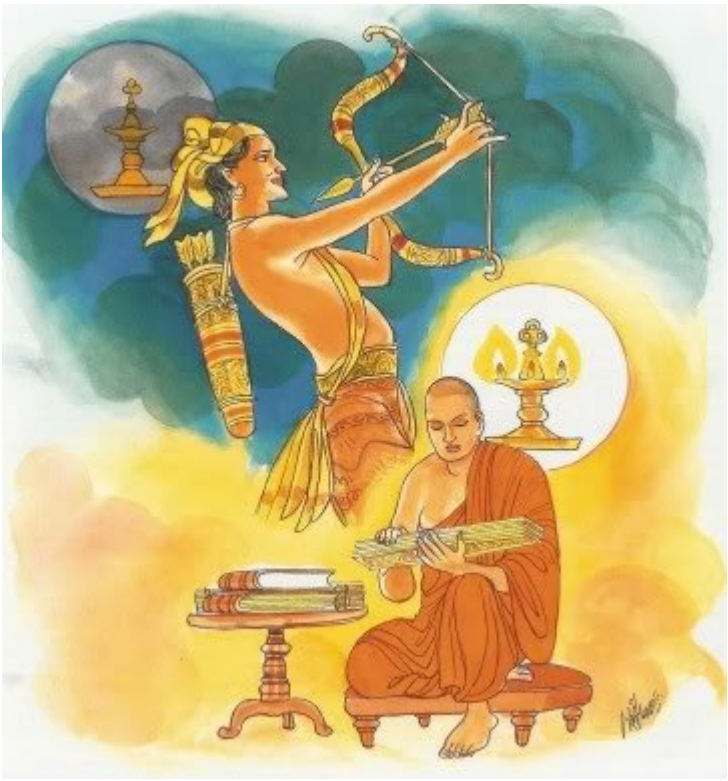

(243)
Điều dơ bẩn, việc xấu xa
Đứng đầu tất cả chính là vô minh
Tỳ Kheo nên diệt tận tình
Diệt trừ cho hết vô minh, ngu đần
Thành người thanh tịnh thân tâm.

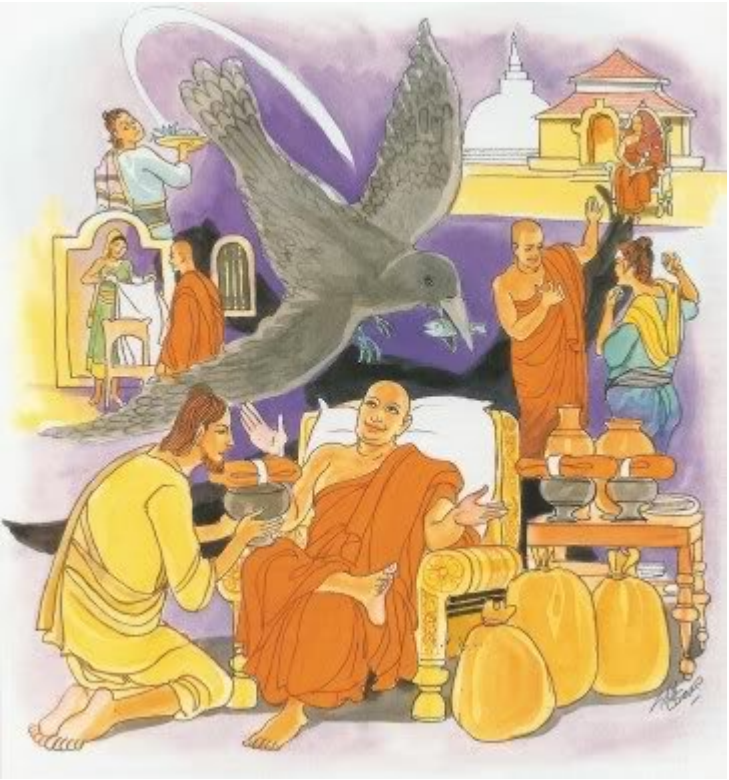

(244)
Sống không xấu hổ bao giờ
Lại thêm lỗ mãng giống như quạ diều
Chê bai, khoác lác đủ điều
Khoa trương, ngạo mạn, tự kiêu tháng ngày
Sống như vậy thật dễ thay!

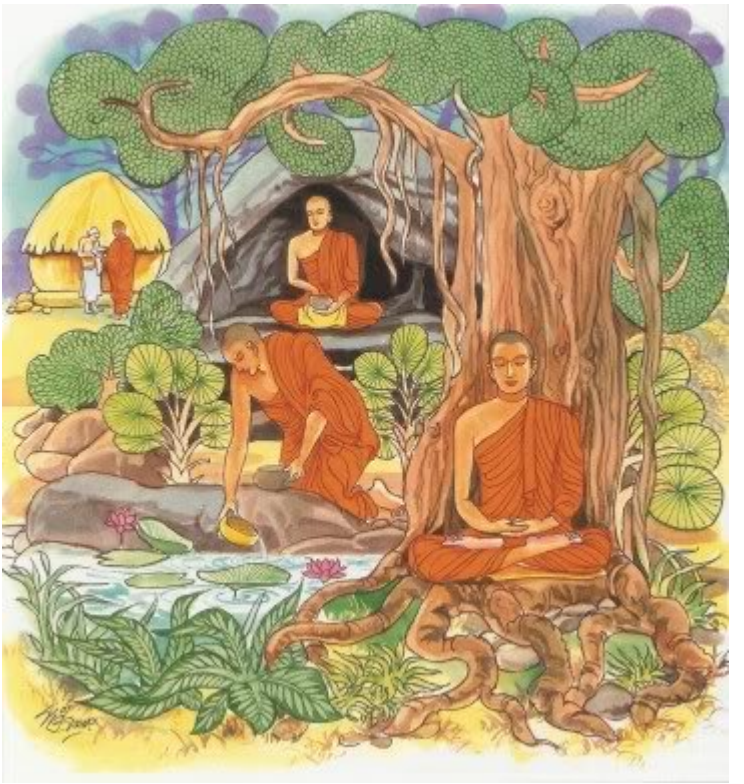

(245)
Sống mà hổ thẹn răn mình
Thường cầu thanh tịnh, dục tình chẳng ham
Tính tình khiêm tốn vô vàn
Nghĩ suy sáng suốt, tinh thần sạch trong
Sống như vậy mới khó khăn!

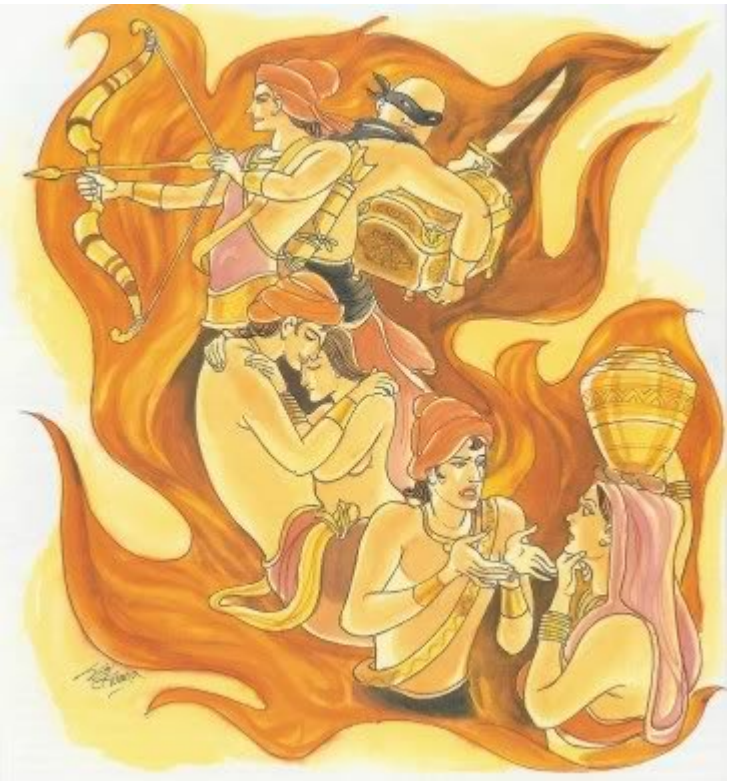

(246) - (247)
Ai mà có thói sát sinh
Nói năng gian dối, tính tình tà dâm
Say sưa, trộm cắp, hư thân

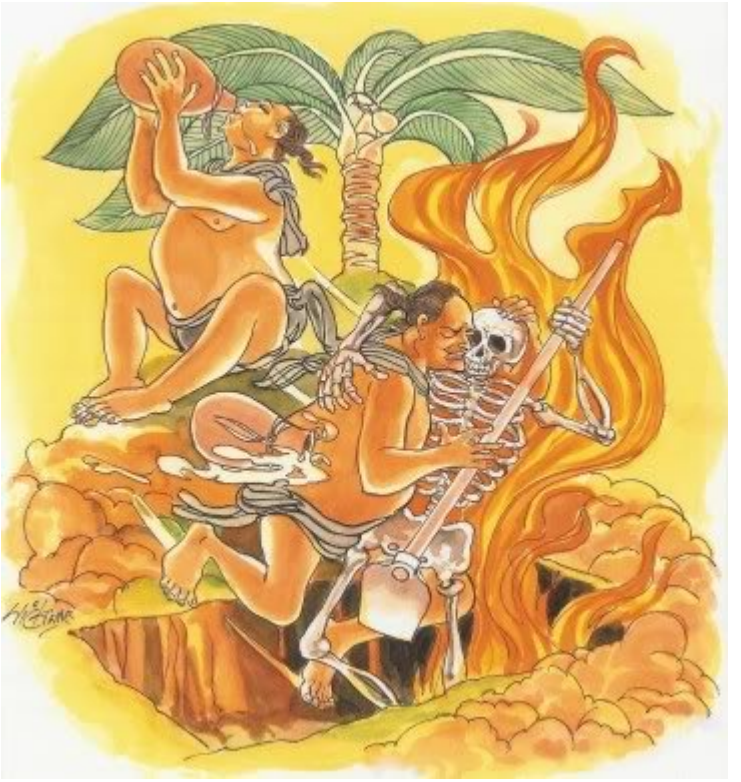

Sống đời như thế trầm luân vô vàn
Coi như ngay cõi nhân gian
Tự đào bỏ mất thiện căn của mình.



(248)
Các ngươi nên biết rõ rằng
Dễ gì chế ngự việc làm ác đâu
Tham lam, tội lỗi hố sâu
Kéo ta xuống chốn khổ đau đời đời.

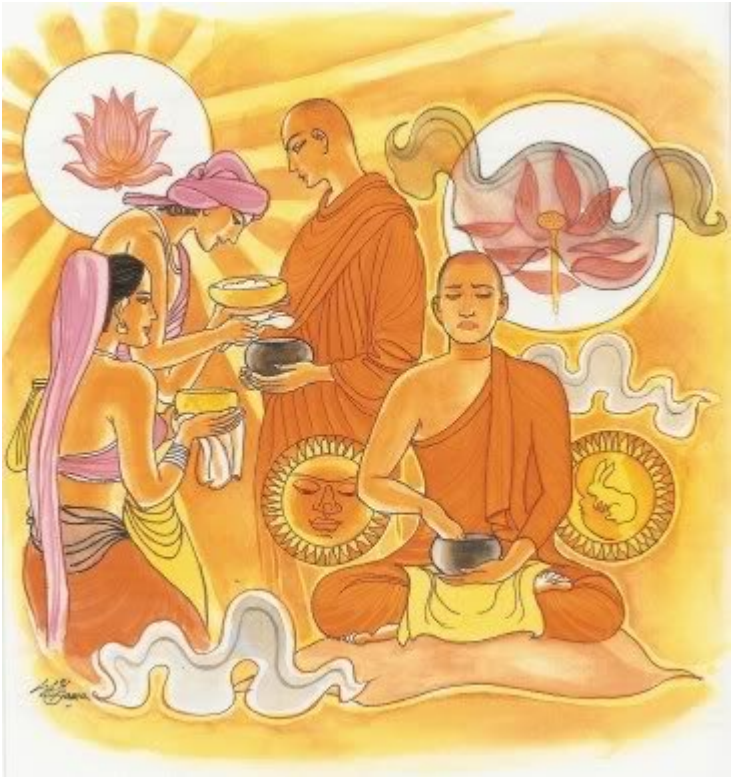

(249)
Do lòng tin, bởi niềm vui
Người người bố thí, nơi nơi cúng dường
Kẻ mà tâm xấu buông lung
Thấy ai được hưởng, trong lòng ghét ganh
Ngày đêm sẽ mãi quẩn quanh
Không hề an tịnh tâm mình được lâu.

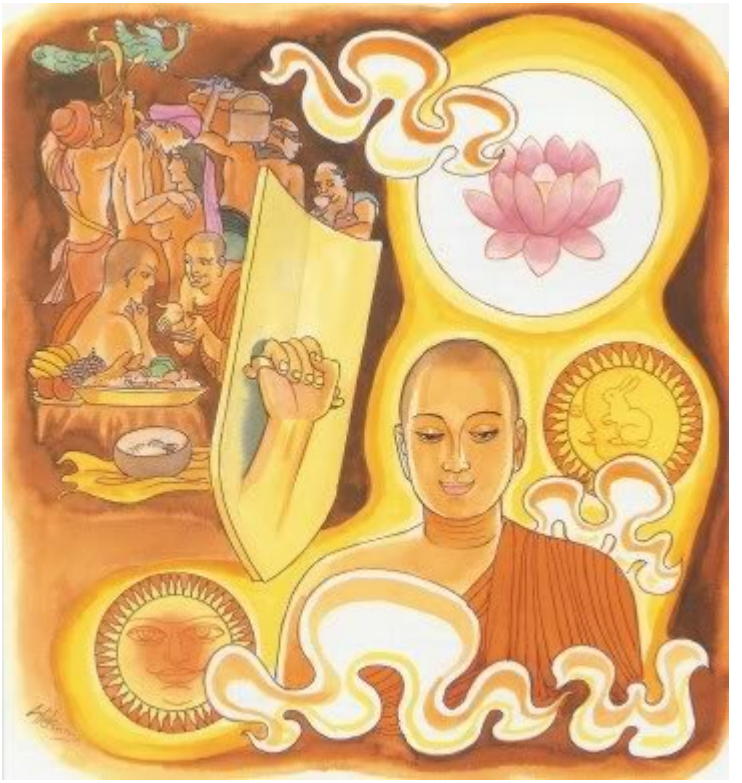

(250)
Chỉ riêng người hiểu pháp mầu
Nên lòng ganh ghét trước sau diệt trừ
Ngày đêm hương đạo thơm đưa
Cõi lòng an tịnh, tâm tư thanh nhàn.

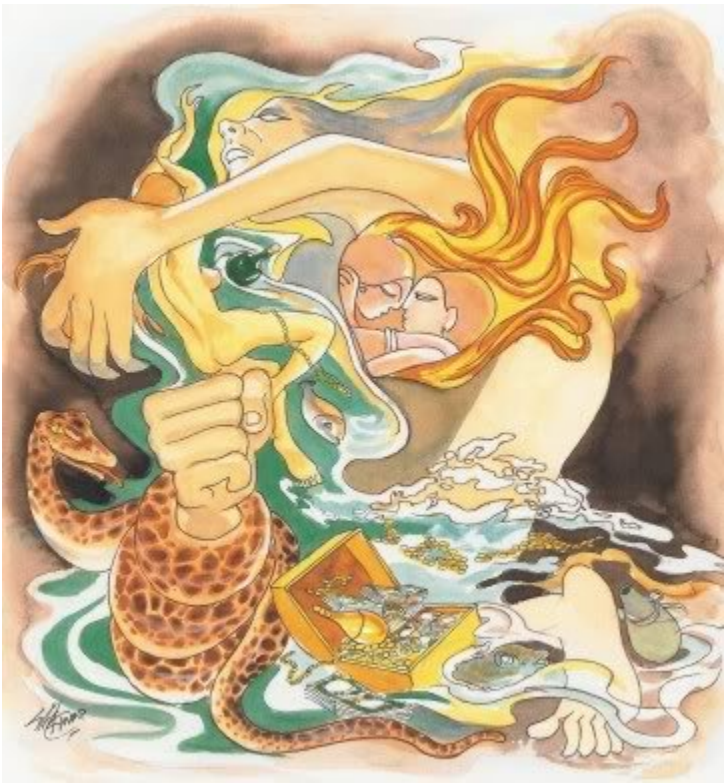

(251)
Lửa nào có thể sánh ngang
Lửa tham dục nọ dữ dằn vô biên,
Không còn cố chấp nào bền
Bằng tâm sân hận nổi lên cấp kỳ,
Lưới nào trói buộc dầm dề
So ra với lưới ngu si buộc ràng,
Sông nào chìm đắm cho bằng
Dòng sông ái dục cuốn phăng bao người.

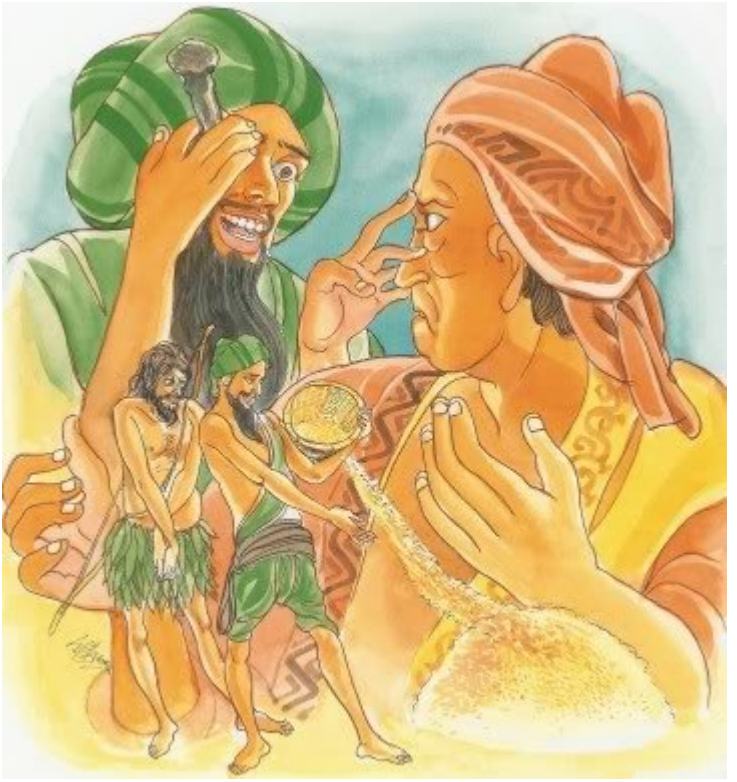

(252)
Lỗi người dễ thấy biết bao
Lỗi ta khó thấy ai nào muốn khui,
Lỗi người cứ cố phanh phui
Như tìm trấu lẫn trong nồi gạo kia
Lỗi ta lại giấu giếm đi
Tựa người săn bắn muốn che dấu mình
Hay như con bạc cố tình
Cờ gian bạc lận lưu manh giấu bài.

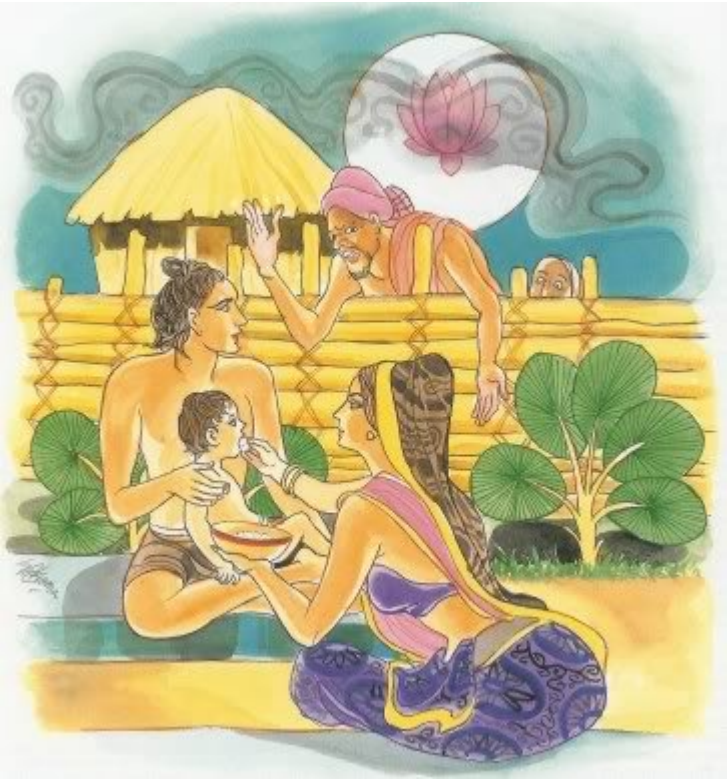

(253)
Nếu ta thấy được lỗi người
Tâm ta nóng giận tức thời dễ sinh
Tăng thêm phiền não thật nhanh,
Xa lìa an tịnh, quẩn quanh muộn sầu,
Lỗi người chẳng để tâm lâu
Còn chi sầu muộn, còn đâu não phiền.

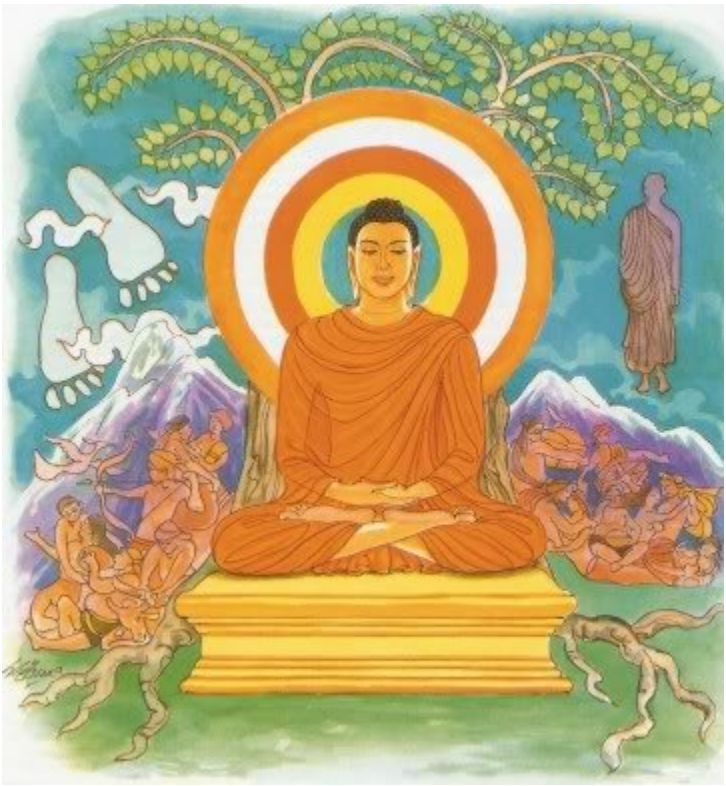

(254)
Hư không đâu dấu vết chi,
Bên ngoài chánh pháp dễ gì tìm ra
Bóng Sa Môn tỏa hương xa,
Riêng điều hư vọng tâm tà ngu si
Chúng sinh thích thú say mê,
Như Lai hư vọng đã lìa từ lâu
Bao nhiêu chướng ngại còn đâu.

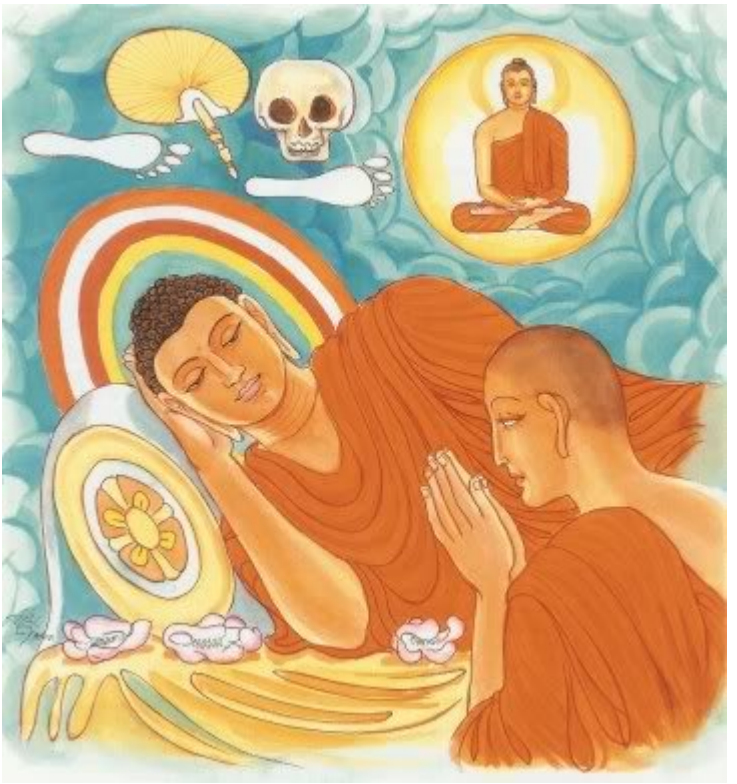

(255)
Hư không đâu dấu vết chi,
Bên ngoài chánh pháp dễ gì tìm ra
Bóng Sa Môn tỏa hương xa,
Còn như năm uẩn thường là chóng tan
Vì rằng vật chất dễ tàn,
Riêng chư Phật với thời gian trường tồn
Không hề dao động chập chờn.

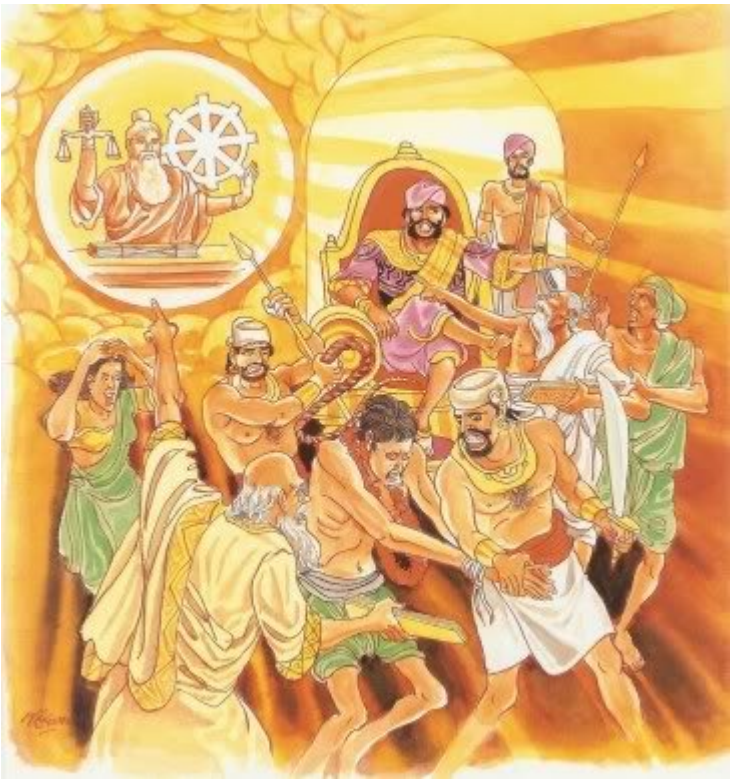

19. PHẨM TRỌNG PHÁP

(256)
Người mà phân xử vội vàng
Tỏ ra khinh suất. Công bằng còn đâu!
Chánh, tà phân biệt trước sau
Mới là kẻ trí, đạo mầu luôn theo.

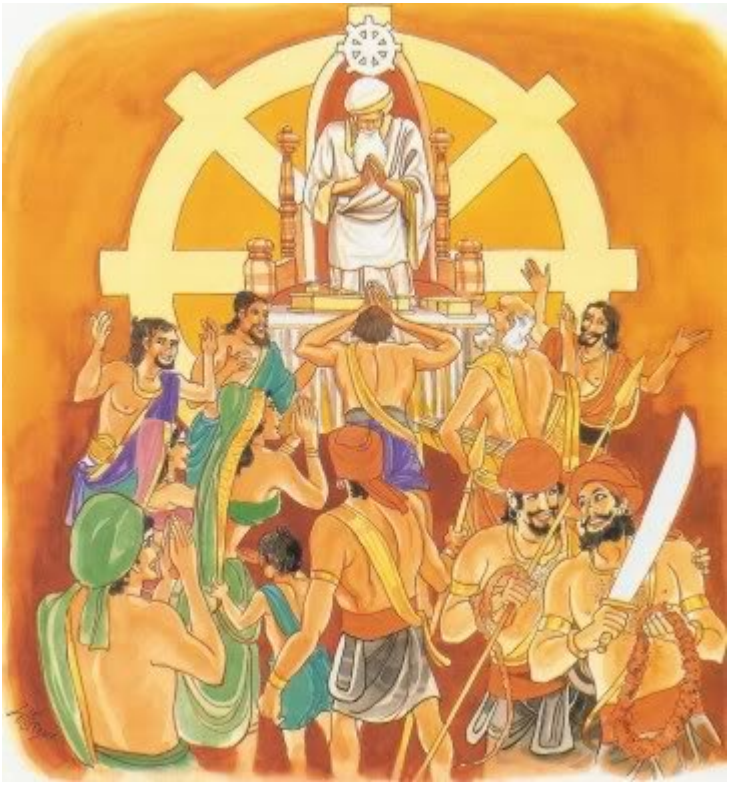

(257)
Không hề khinh suất sai lầm
Đúng theo luật pháp, luôn luôn công bình
Hộ trì chánh pháp nhiệt tình
Mới là lãnh đạo tinh anh hàng đầu
Nương theo luật pháp dài lâu.

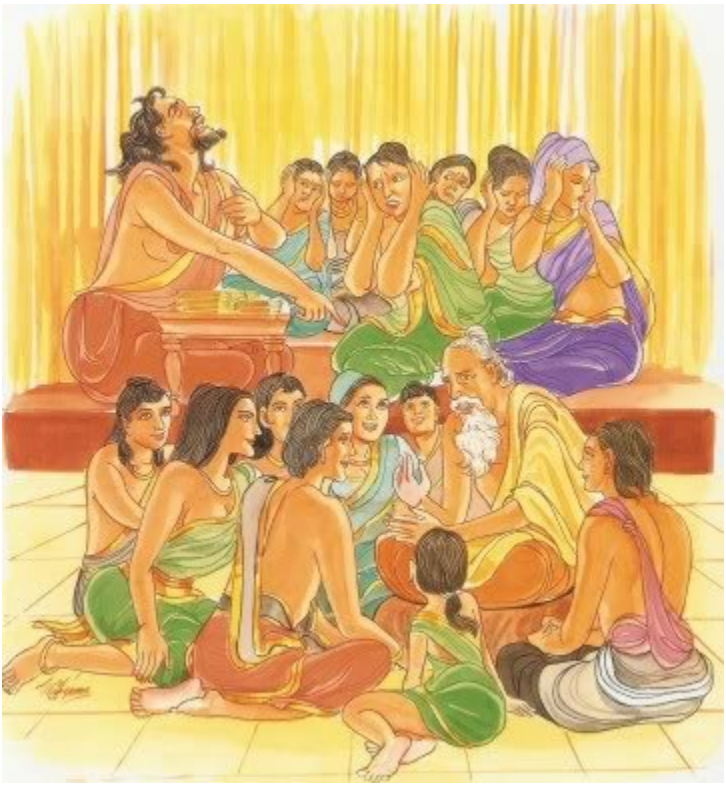

(258)
Nào đâu cứ phải nhiều lời
Mới là kẻ trí, chuyện đời tinh thông
Ai mà an tịnh thân tâm
Oán thù, hãi sợ trăm phần dẹp nhanh
Mới là người trí xứng danh.

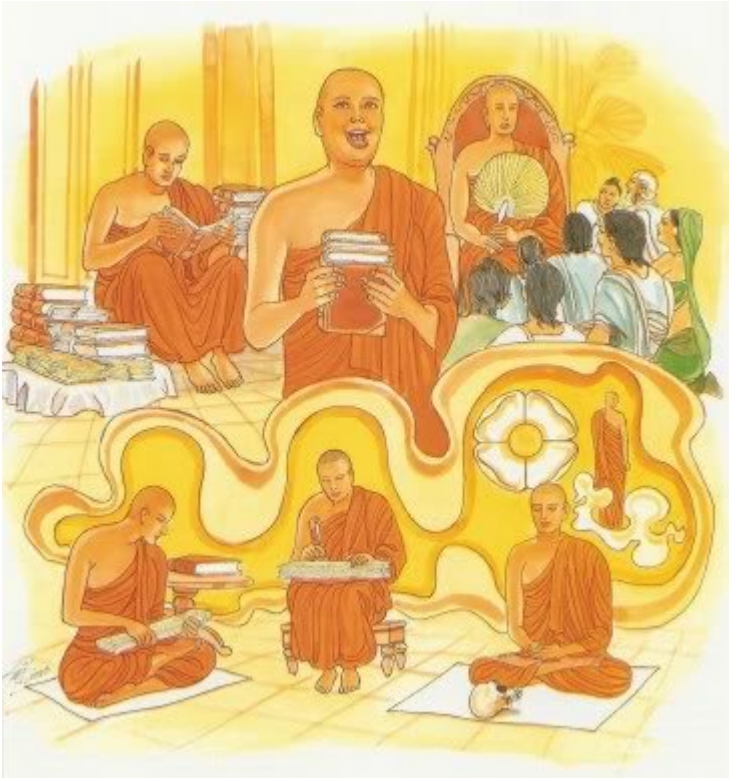

(259)
Nào đâu cứ phải nói nhiều
Là người chánh pháp chuyên theo hộ trì,
Ai tuy ít học, ít nghe
Nhưng mang chánh pháp quyết đi thực hành
Chẳng buông lung, rất tâm thành
Hộ trì như vậy xứng danh hàng đầu.

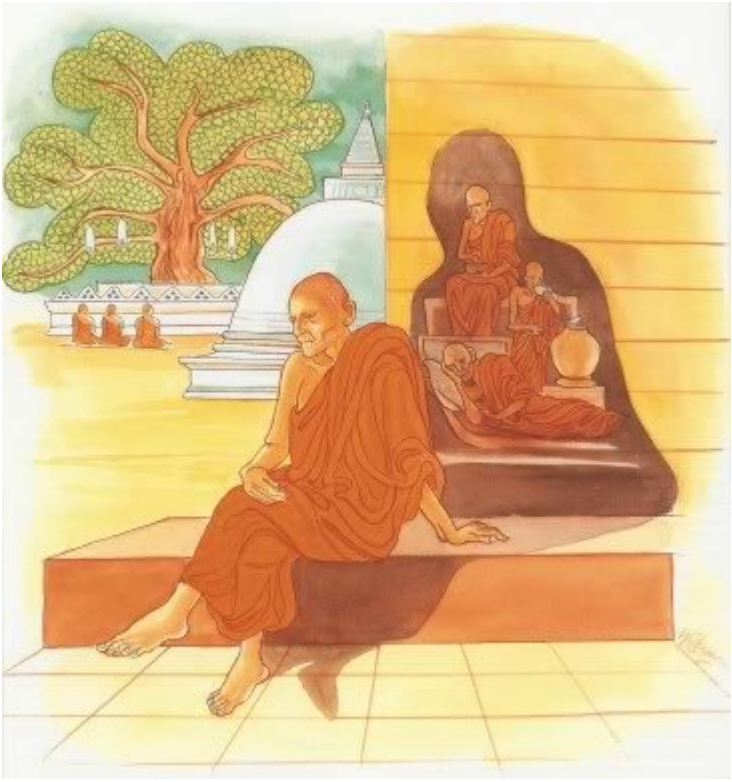

(260)
Chỉ vì mái tóc bạc đầu
Mà xưng trưởng lão (*) có đâu hợp tình,
Vì cao tuổi tự xưng mình
Là bậc trưởng lão cũng thành khó nghe
Danh suông, rỗng tuếch còn chi.

(*) *Trưởng lão: tiếng tôn xưng người đã giữ giới Tỳ Kheo mười năm trở lên.*



(261)
Ai mà chân lý đã thông
Giữ theo chánh hạnh luôn luôn tâm thành
Không hề sát hại sinh linh
Tự mình chế phục chính mình trước sau
Hạng người trí tuệ dạt dào
Nhiễm ô thanh lọc từ lâu hết rồi
Xứng danh trưởng lão ở đời.

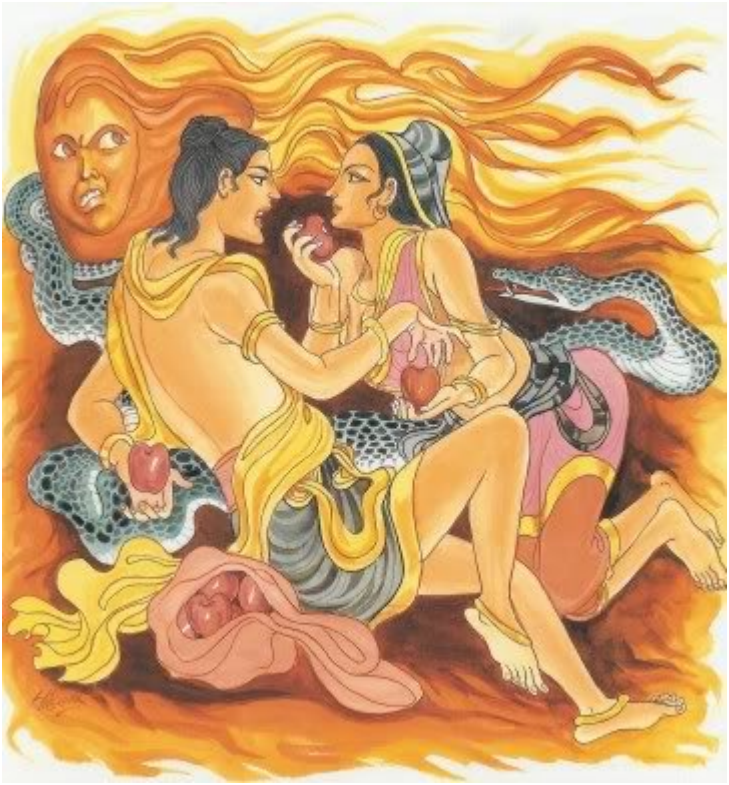

(262)
Người hay ganh tị, dối gian
Lại thêm ích kỷ, kiêu căng ở đời
Dù cho ăn nói có tài
Dù cho tướng mạo bề ngoài bảnh bao
Chắc đâu được liệt ngay vào
Thành người lương thiện dễ nào hơn ai!

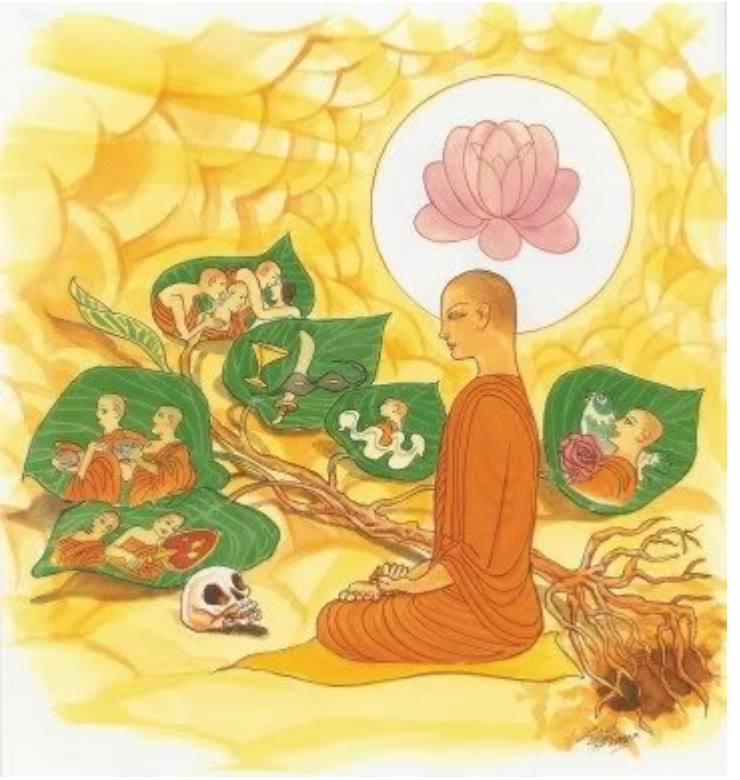

(263)
Chỉ riêng người trí người hiền
Diệt lòng sân hận não phiền cho mau
Đoạn trừ tận gốc từ lâu
Là người lương thiện ai nào sánh ngang.

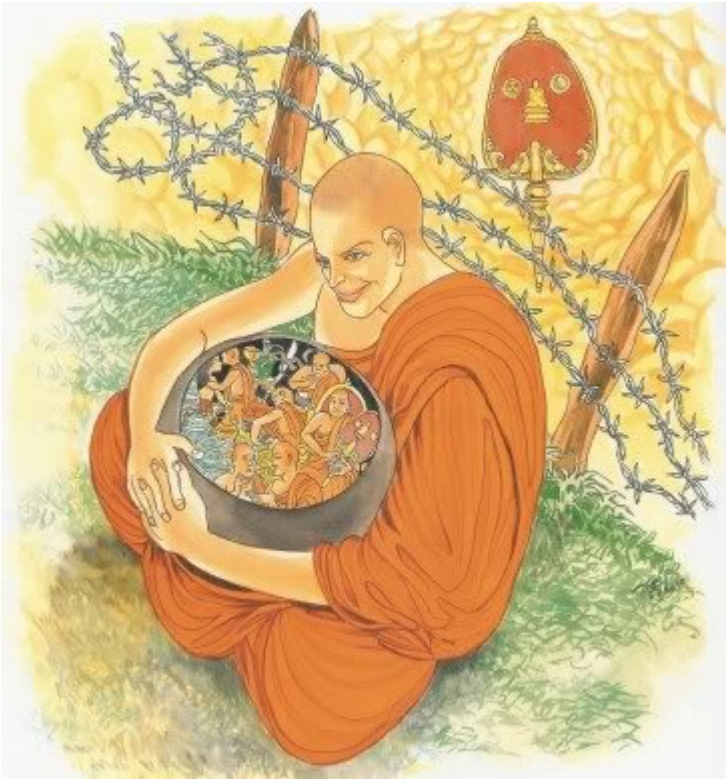

(264)
Người mà nói dối, nói sai
Lại thêm phá giới, sống đời buông lung
Dù đầu cạo tóc hết luôn
Cũng chưa xứng gọi Sa Môn tu hành
Huống còn tham dục đầy mình
Làm sao lại xứng trở thành Sa Môn.

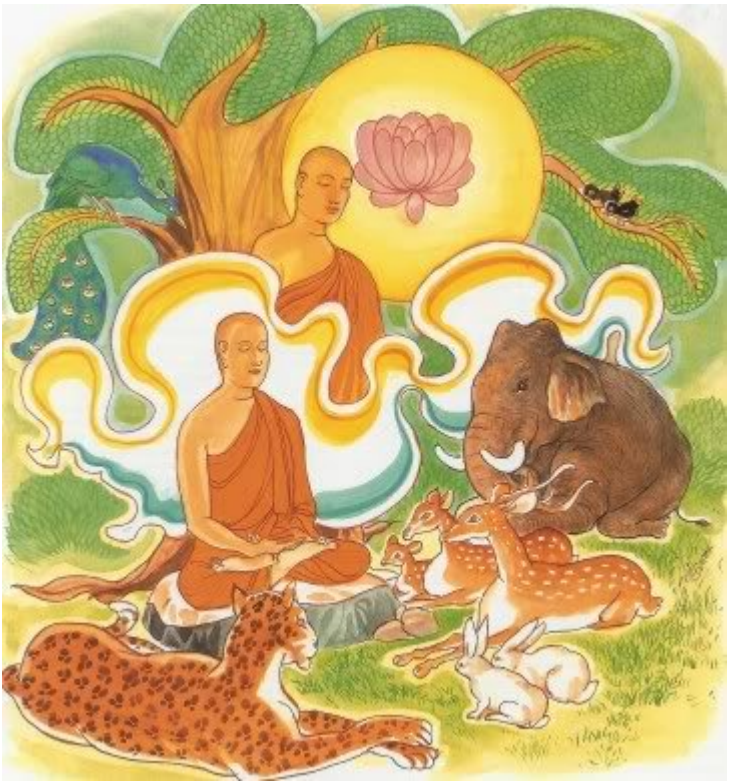

(265)
Bao nhiêu điều ác ở đời
Dù cho lớn, nhỏ ai người dứt luôn
Chính nhờ điều ác không còn
Xứng danh được gọi Sa Môn tu hành.

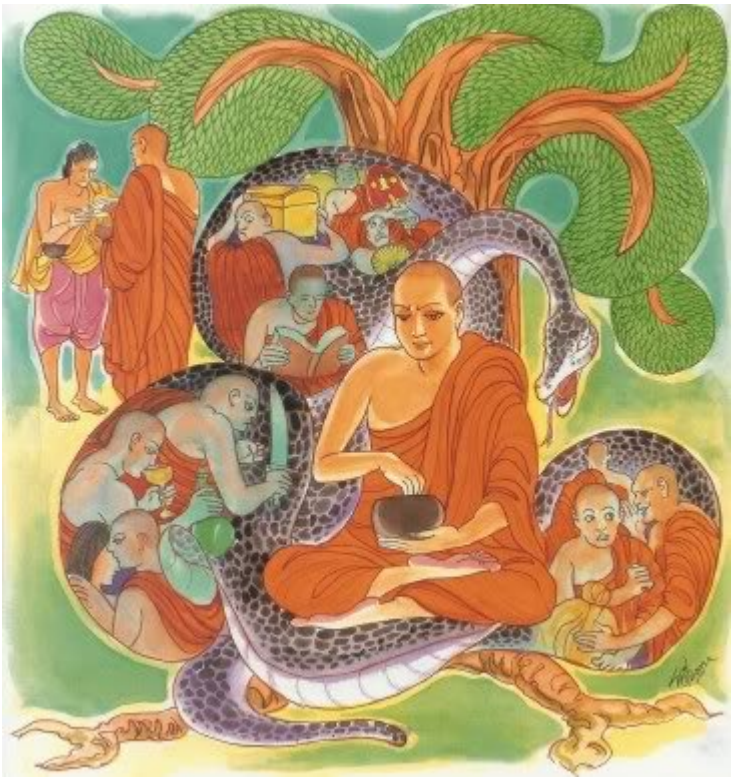

(266)
Chỉ đi khất thực từng nhà
Làm sao đủ gọi được là Tỳ Kheo,
Người tu chân chánh phải theo
Bao nhiêu giới luật là điều tối cao
Gọi Tỳ Kheo xứng làm sao,
Chỉ riêng khất thực lẽ nào xứng danh.

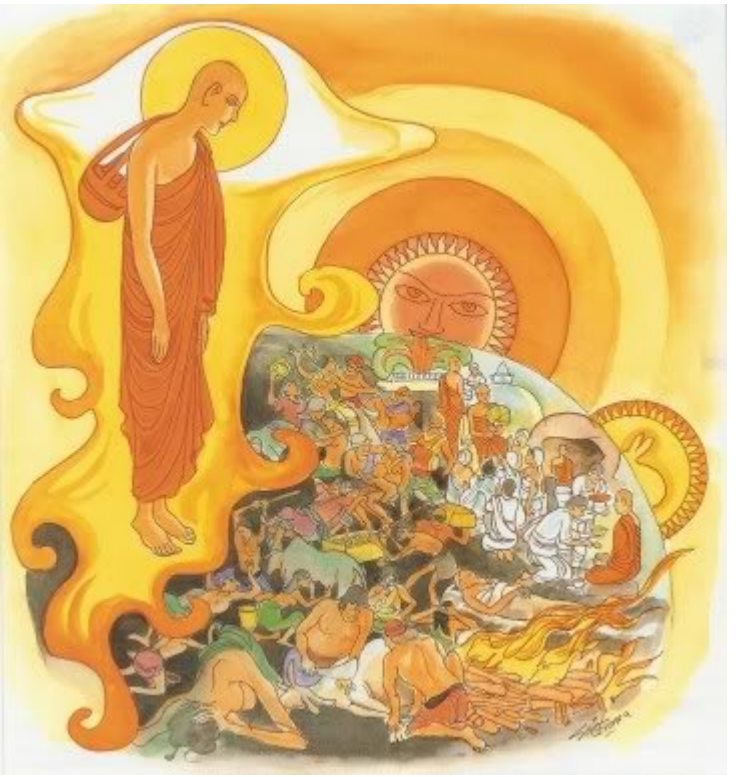

(267)
Bao nhiêu thiện, ác vượt xong
Tu hành thanh tịnh, tác phong cao vời
Sống đầy hiểu biết ở đời
Xứng danh được gọi là người Tỳ Kheo.

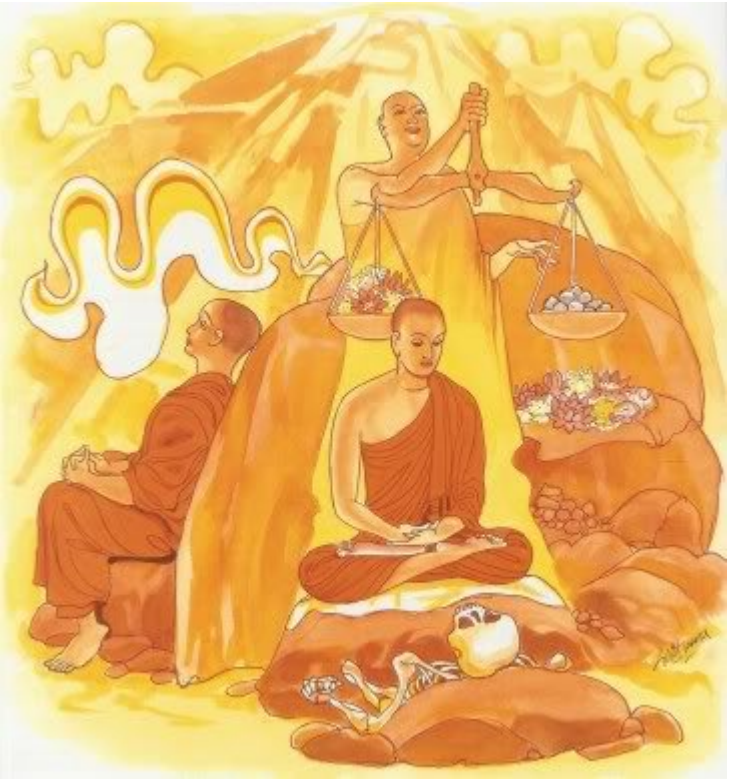

(268)
Kẻ ngu đần dù lặng yên
Đâu thành một vị thánh hiền ẩn danh,
Nhưng người trí tuệ tinh anh
Cầm cân nảy mực phân ranh tỏ tường
Chọn lành, bỏ dữ chẳng màng
Mới là ẩn sĩ thuộc hàng xứng danh.



(269)
Chọn lành, bỏ dữ cho nhanh
Nội giới, ngoại giới biết rành cả hai
Thế gian hai chốn trong ngoài
Suốt thông ngũ uẩn đôi nơi ngọn ngành
Của người lẫn của chính mình
Mới là ẩn sĩ, xứng danh thánh hiền.

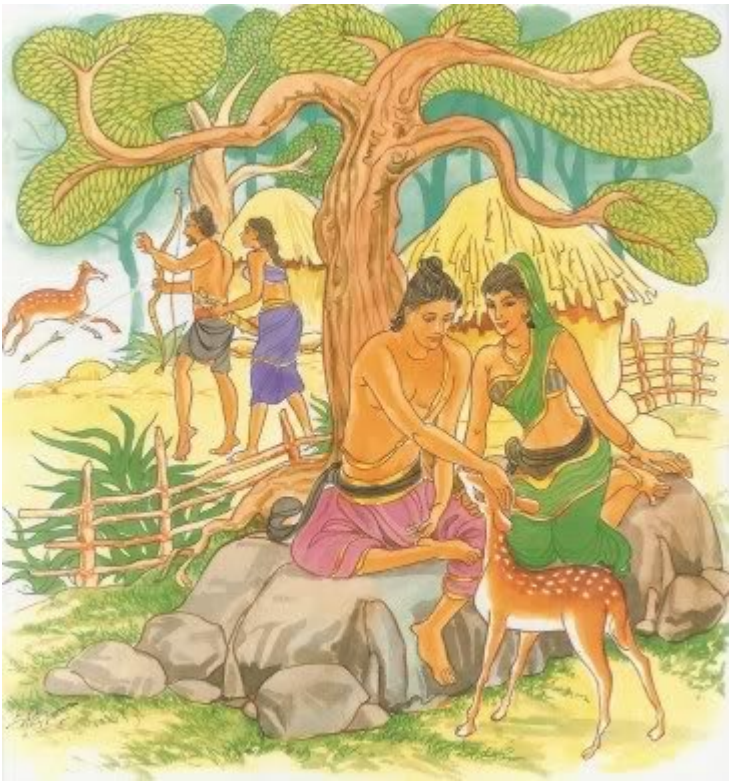

(270)
Sinh linh sát hại triền miên
Thánh hiền đâu xứng là tên của mình,
Không còn sát hại sinh linh
Thánh hiền mới thật xứng danh vô cùng.



(271) - (272)
Không vì giới luật luôn theo
Không vì học rộng, nghe nhiều giỏi thêm
Không vì chứng ngộ tu thiền
Hay là cô độc sống riêng một mình

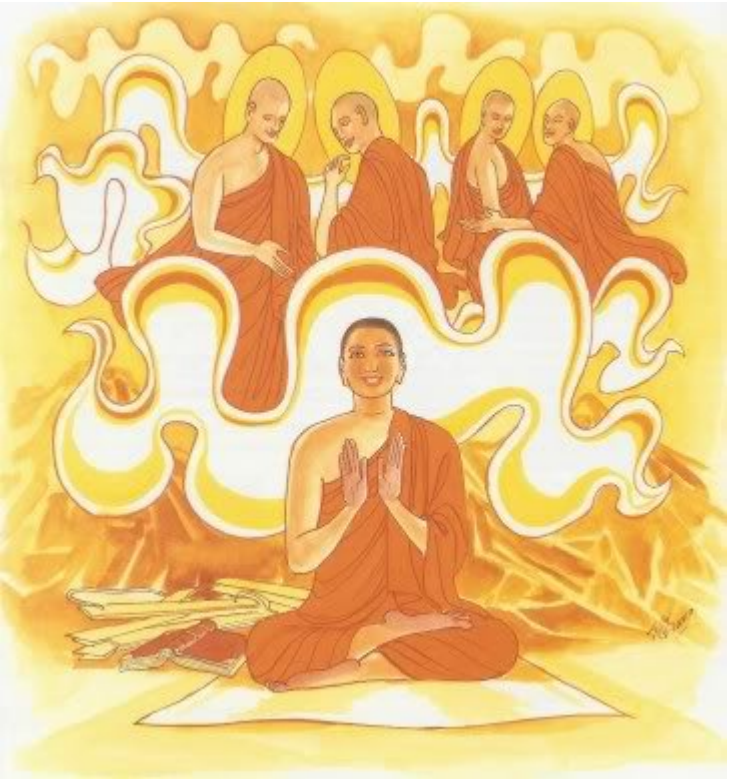

Mà cho là đã đạt thành
"Niềm vui giải thoát, hương lành xuất gia
Phàm phu không thể sánh qua!"
Tỳ Kheo chớ có tỏ ra bằng lòng
Khi mà trừ diệt chưa xong
Mê lầm, phiền não còn trong tâm mình.

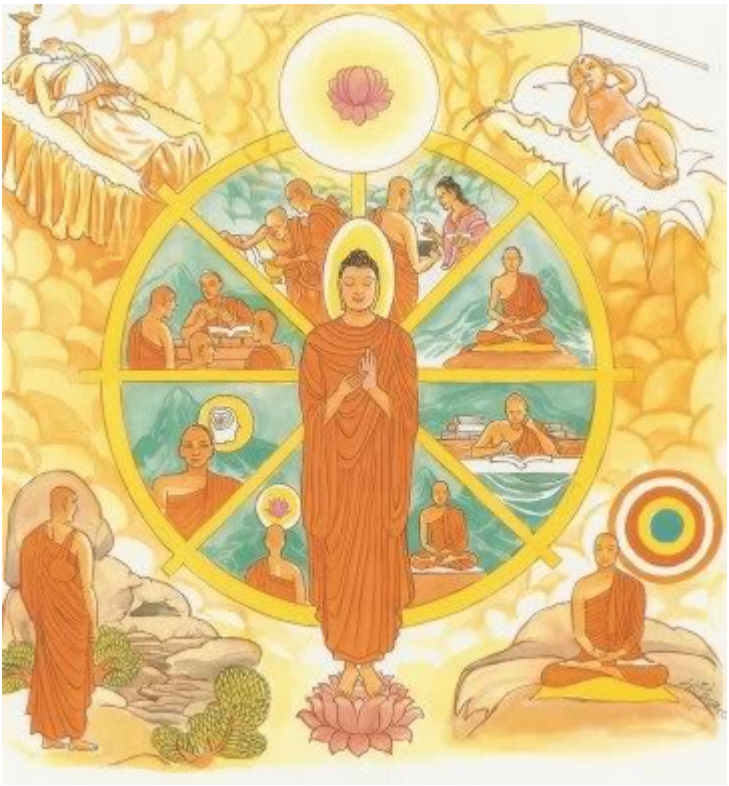

20. PHẨM CON ĐƯỜNG

(273)
Con đường cao thượng hàng đầu
Là "Bát Chánh Đạo" nhiệm mầu biết bao,
Bốn điều chân lý tối cao
Là "Tứ Diệu Đế" dễ nào sánh ngang,
Không còn luyến ái vấn vương
Là điều cao thượng thơm hương Niết Bàn,
Trong loài động vật hai chân
Thì Đấng Toàn Giác vô ngần tối cao.

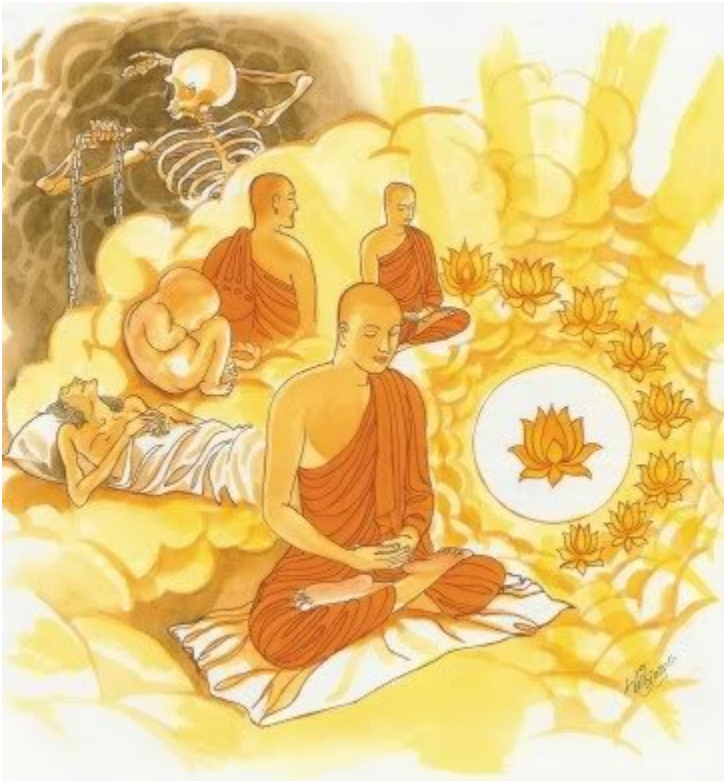

(274)
Con đường duy nhất dẫn vào
Đâu còn tìm được đường nào khác hơn
Khiến cho thanh tịnh nhãn quan,
Các ngươi theo đúng lối vàng nói trên
Ma vương mê loạn ngay liền
Chẳng còn dục vọng gây phiền cho ngươi.



(275)
Thuận tu theo chánh đạo rồi
Bao nhiêu khổ não tức thời tiêu tan,
Sau khi chứng ngộ đạo vàng
Biết phương cách diệt vô vàn chông gai
Diệt bao chướng ngại hại người
Ta nay truyền dạy các ngươi con đường.

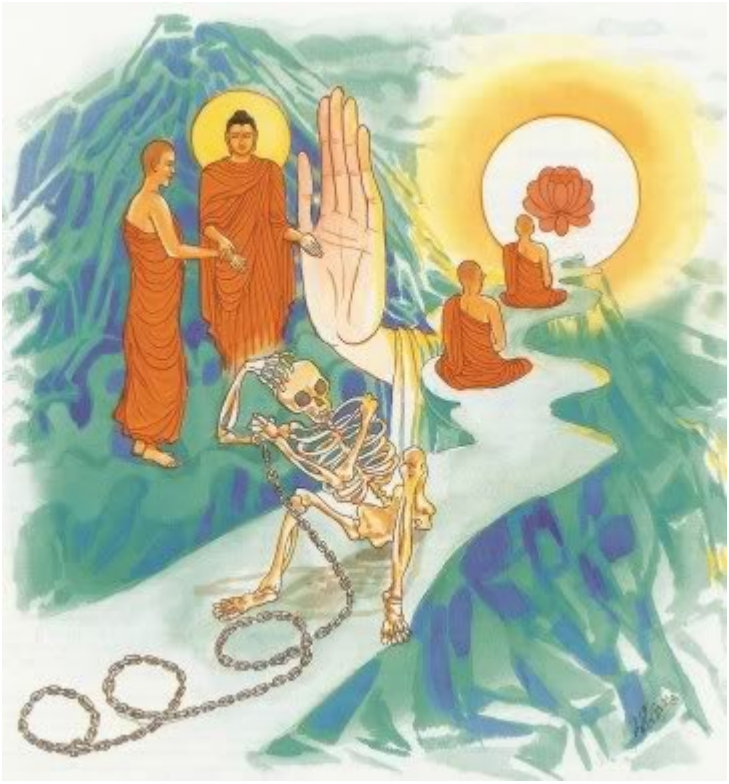

(276)
Các ngươi phải tự gắng công
Ta là thầy dạy chỉ đường mà thôi
Con đường giác ngộ tuyệt vời,
Tự ngươi thiền định theo nơi đúng đường
Thoát ra khỏi lưới Ma vương.

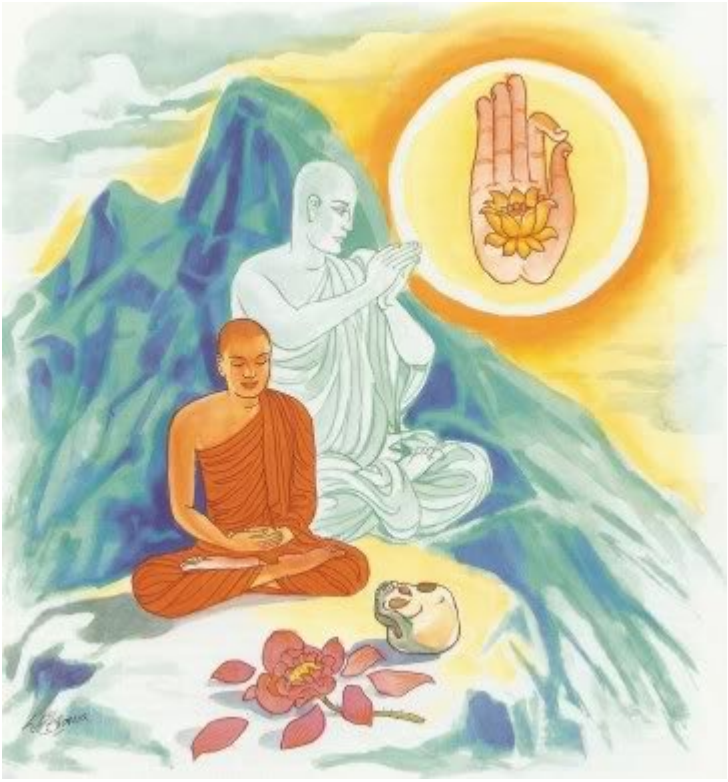

(277)
Mọi sinh vật vốn “vô thường”
Trí người nếu hiểu tận tường như trên
Thoát ly ngay mọi não phiền
Theo đường thanh tịnh vào miền sạch trong.

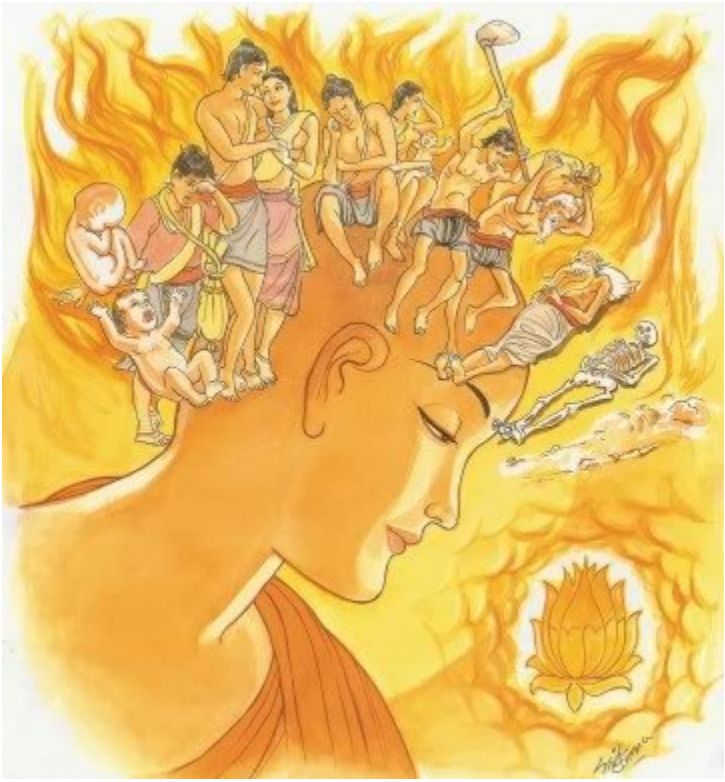

(278)
Mọi sinh vật vốn “khổ đau”
Trí người sáng suốt hiểu mau điều này
Não phiền sẽ thoát ly ngay
Theo đường thanh tịnh tràn đầy sạch trong.

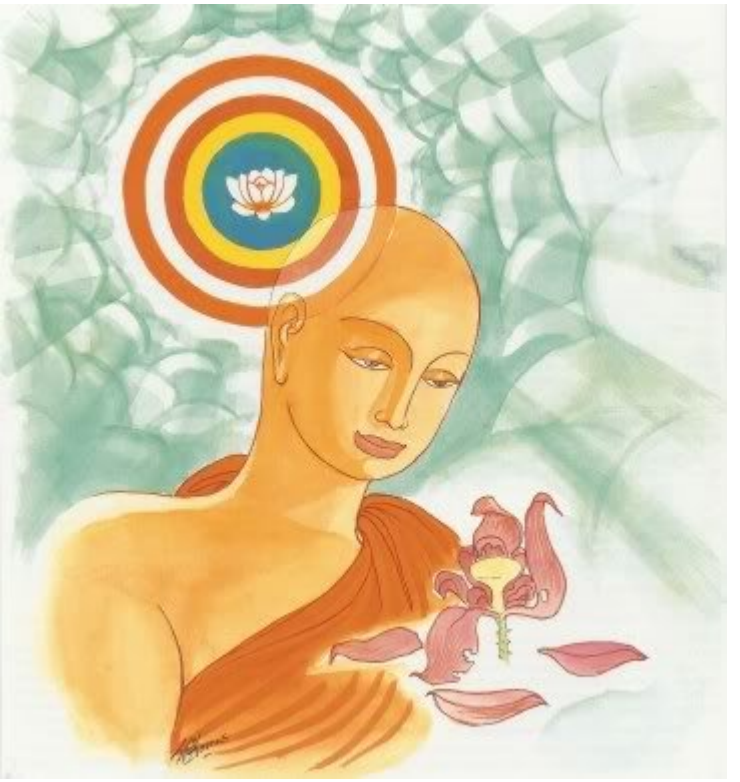

(279)
Mọi sinh vật có thật đâu
Thảy đều "vô ngã", "ta" nào là "ta"
Trí người nếu hiểu rõ ra
Thoát ly phiền não cho xa tức thời,
Theo đường thanh tịnh tuyệt vời.

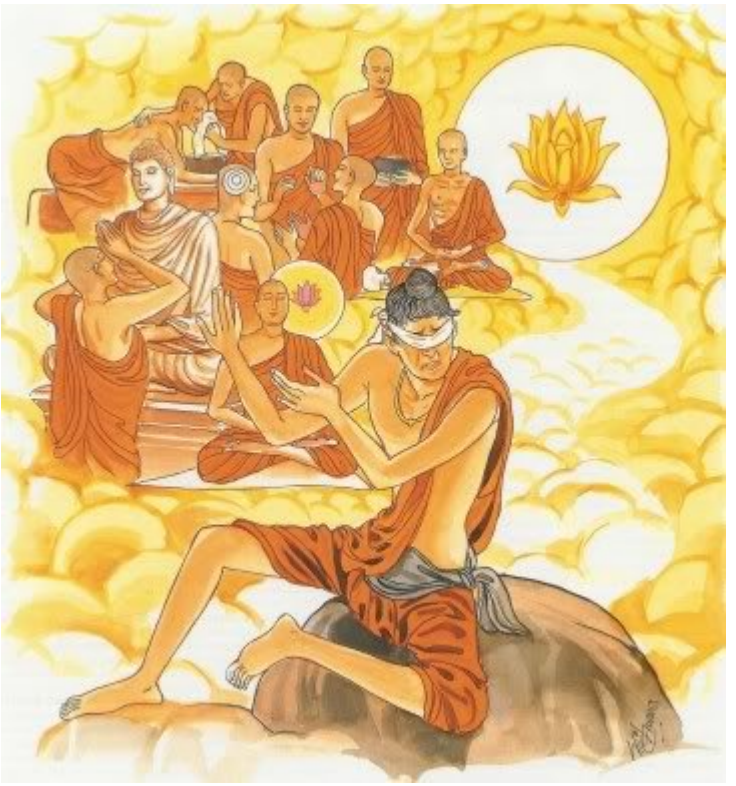

(280)
Lúc cần nỗ lực lại lười
Dù đang cường tráng, dù thời thiếu niên,
Tinh thần suy nhược triền miên
Còn đâu trí tuệ mà tìm được ra
Con đường ngộ đạo thơm hoa.

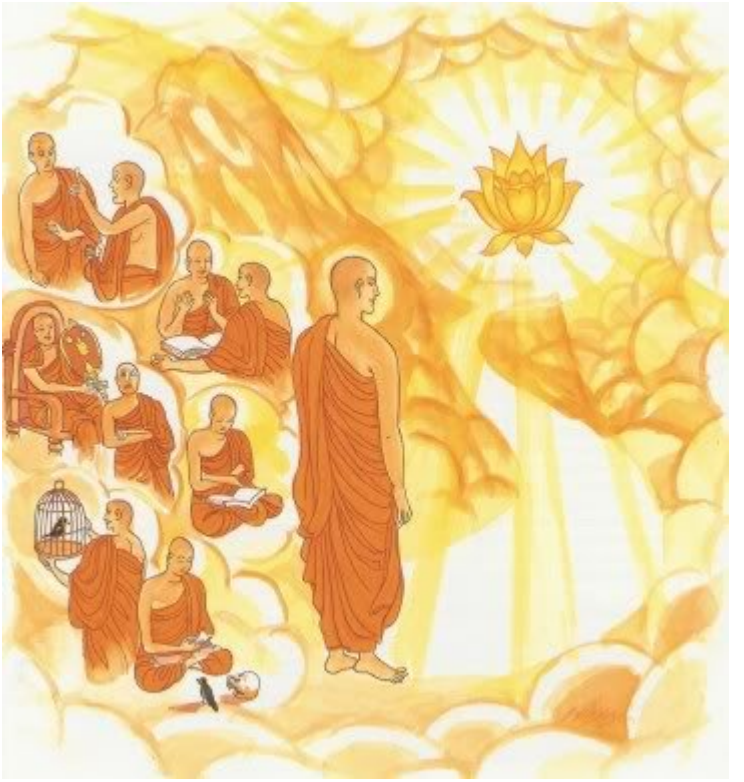

(281)
Lời nên thận trọng mọi bề,
Ý luôn kiềm chế chớ hề buông lung,
Thân đừng làm ác, bất lương
Cố mà thanh lọc ba đường kể trên
Sẽ mau chứng đạo thánh hiền.

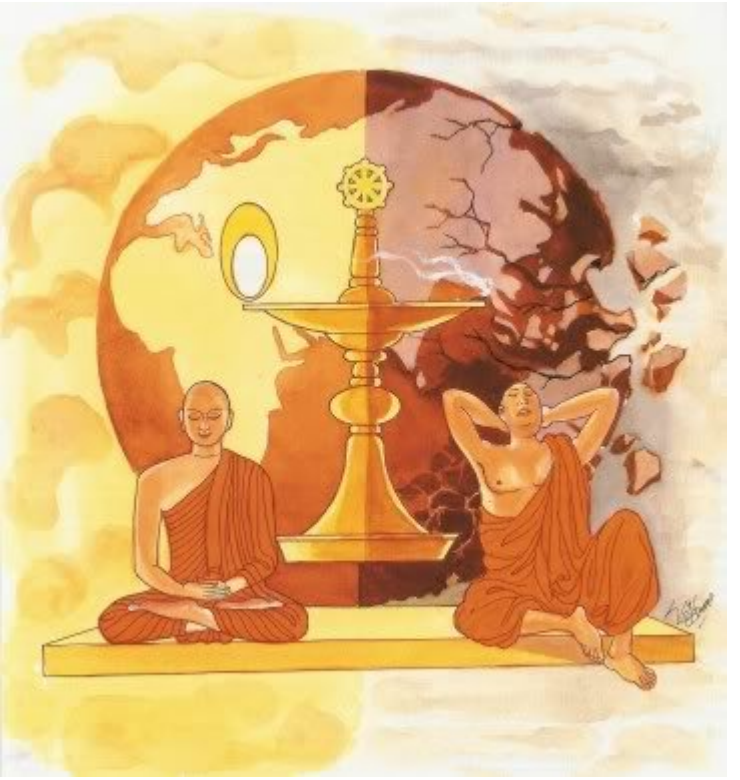

(282)
Tu thiền trí tuệ phát sinh,
Bỏ thiền trí tuệ rời mình trôi ngay
Ai mà thông suốt điều này
Biết so lợi hại, dở hay đôi đường
Tự mình nỗ lực tăng cường
Thêm phần trí tuệ ngát hương thơm lành.



(283)
Đốn rừng nhưng chớ chặt cây,
Đốn rừng tham ái với đầy sân si
Chính do rừng dục vọng kia
Mà bao sợ hãi dễ bề sinh ra
Rừng to, rừng nhỏ quanh ta
Cả hai rừng đó mau mà đốn đi,
Các Tỳ Kheo hãy thoát ly
Thoát rừng dục vọng muôn bề tối tăm.

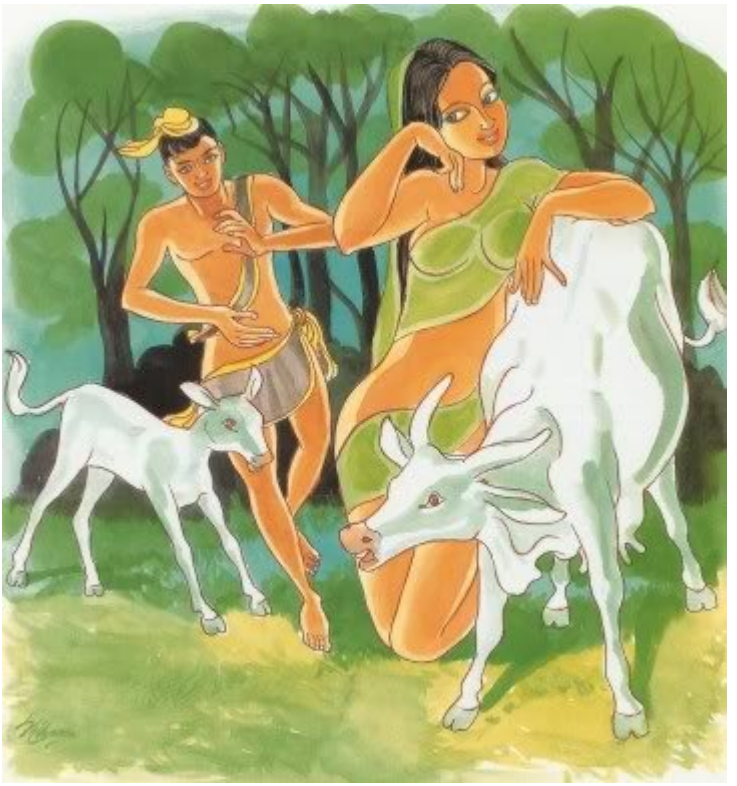

(284)
Dây tình nam nữ, gái trai
Nếu mà chưa dứt, còn hoài vương mang
Thì tâm, ý vẫn buộc ràng
Như bê bú mẹ luôn ham, chẳng rời.

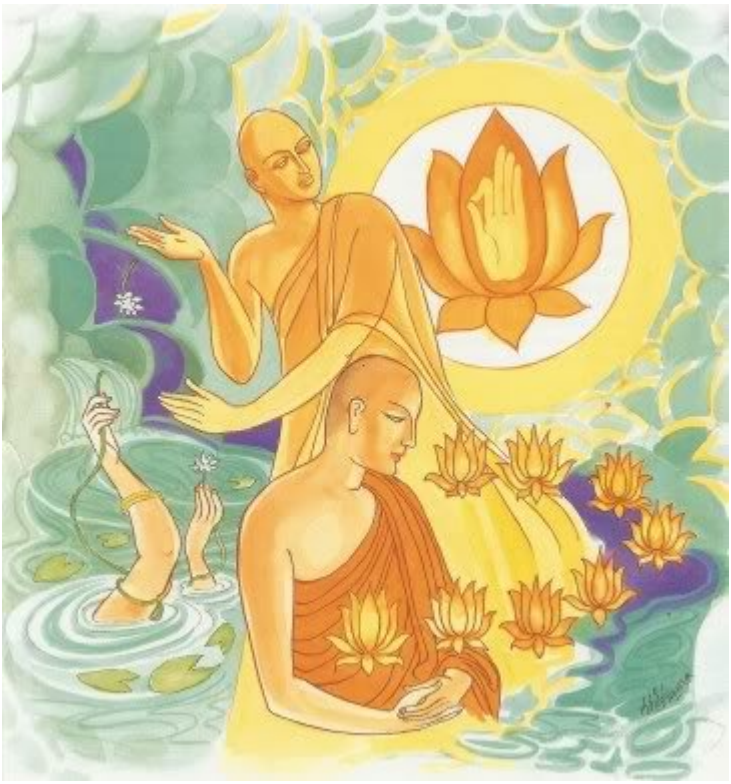

(285)
Dây tình ái hãy dứt liền
Như tay ngắt bỏ cành sen thu tàn
Siêng tu an tịnh đạo vàng
Là đường Phật dạy tìm sang Niết Bàn.

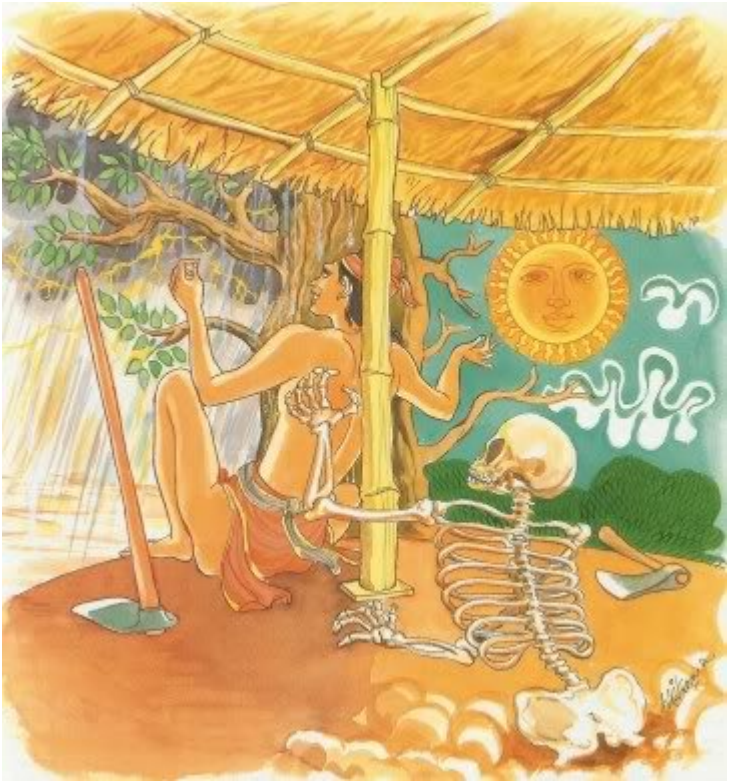

(286)
“Nơi đây ta ở mùa mưa,
Đông về, hạ tới cũng ưa chốn này”
Người ngu nghĩ dại khờ thay
Nào hay nguy hiểm cạnh ngay tử thần
Luôn luôn cái chết rất gần.



(287)
Người mà tâm mãi hằng ngày
Cháu con, gia sản đắm say chẳng ngừng
Khó mà thoát khỏi tử thần
Giống như thảm họa xóm làng ngủ say
Bị cơn nước lũ cuốn ngay.



(288) - (289)
Tử thần khi đến kêu mình
Bà con thân thuộc cũng đành bó tay
Cha con tình có tràn đầy
Dễ gì giúp được nhau ngay lúc này.

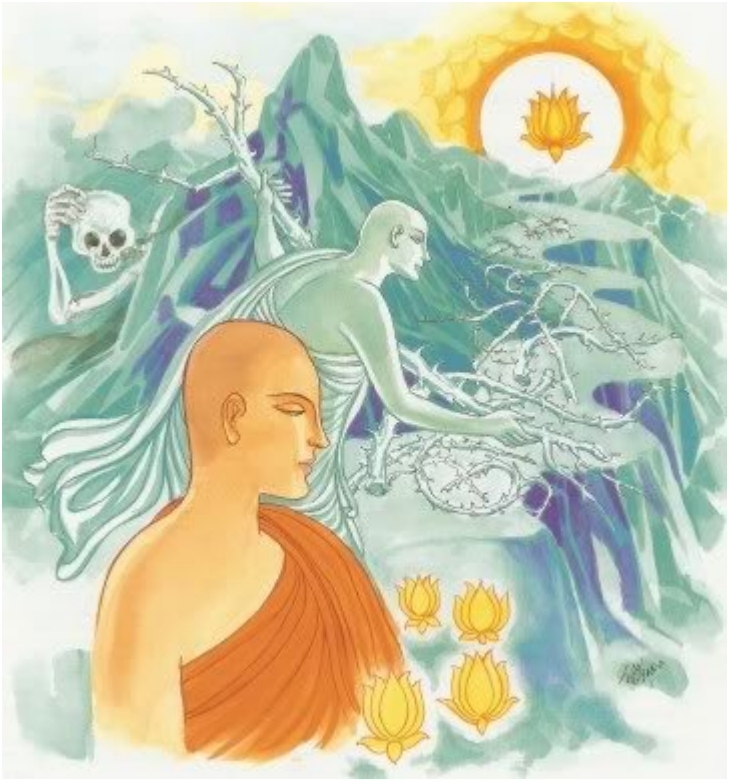

Khi ta hiểu lẽ trên đây
Người nào giới hạnh hàng ngày luôn theo
Lại thêm trí tuệ cao siêu
Sẽ mau mở lối đi nhiều hương hoa
Niết Bàn chốn đó tìm qua.



21. PHẨM TẠP LỤC

(290)
Nếu niềm vui nhỏ buông đi
Đón về hạnh phúc trăm bề lớn hơn,
Người khôn vui nhỏ chẳng vương
Đón niềm vui lớn ngát hương tâm hồn.



(291)
Gieo đau gieo khổ cho người
Để mong cầu được niềm vui cho mình
Sẽ gây oán hận thật tình
Không sao thoát khỏi quẩn quanh hận thù.

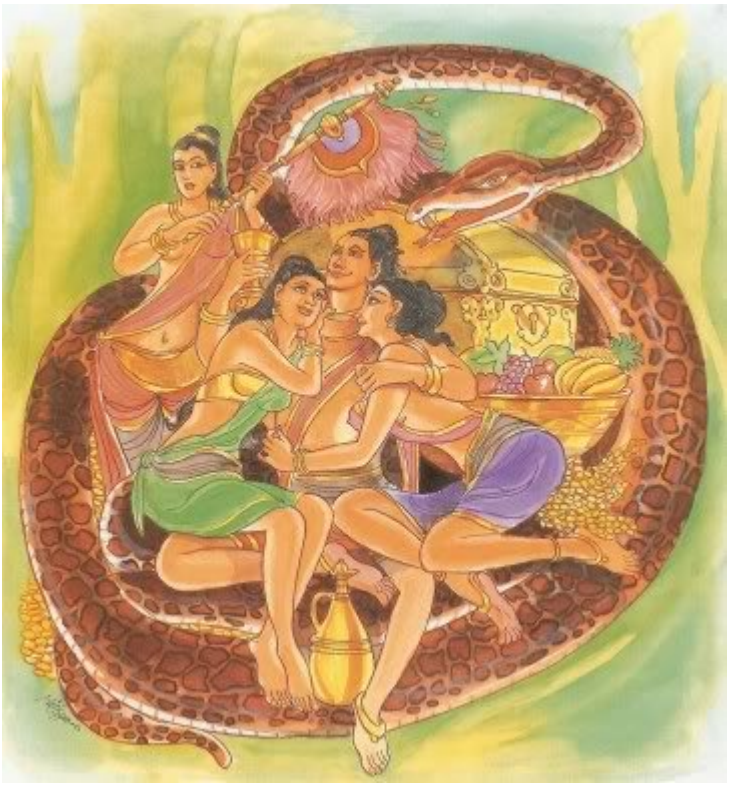

(292)
Việc nên làm lại không làm
Đi làm những việc không cần thiết chi
Những người phóng túng kiêu kỳ
Não phiền, tội lỗi ắt thì gia tăng.

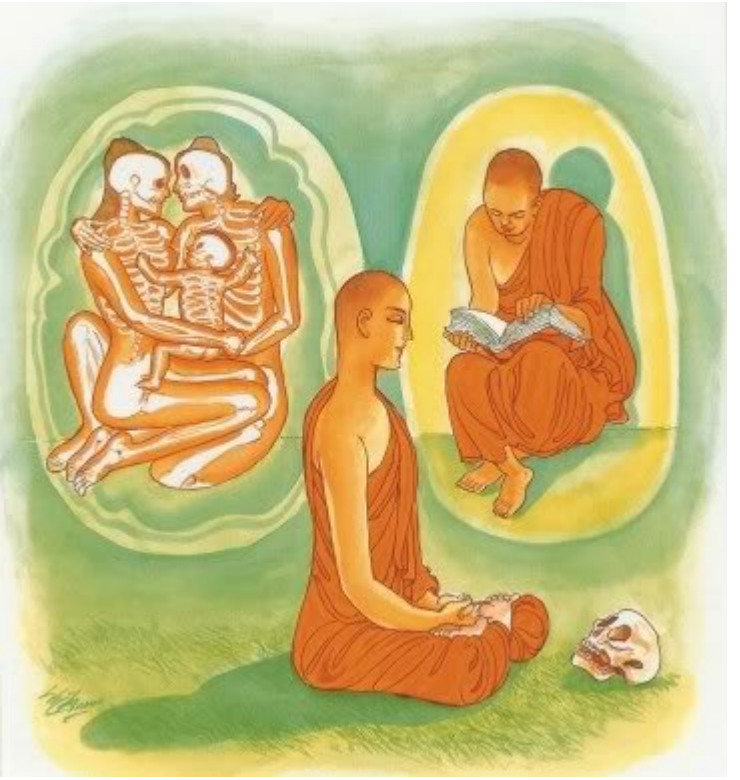

(293)
Những người cần mẫn siêng năng
Thường lo quán sát kỹ càng bản thân
Không làm những việc chẳng cần,
Việc cần cố gắng chu toàn cho xong
Suy tư, sáng suốt, tinh khôn
Não phiền, tội lỗi không còn vương mang.



(294)
Trừ mẹ ái dục cho mau, (*)
Trừ cha kiêu ngạo, tự hào, khoe khoang, (**)
Trừ hai Vua nọ kiêu căng
Tham vọng, hiếu chiến, ý càng lầm sai
Chẳng tin nhân quả, luân hồi
Khó mà giải thoát, muôn đời hại dân,
Trừ thêm vương quốc kia luôn
Hạ mười hai xứ: sáu trần, sáu căn
Tự mình làm chủ giác quan
Tạo ra an lạc thân tâm bội phần,
Trừ luôn cả vị đại thần
Bo bo gìn giữ kho tàng quốc vương
Khác gì một kẻ lầm đường
Ham mùi luyến ái, vấn vương cuộc đời
Trừ xong mọi việc trên rồi
Vị A La Hán thảnh thơi cõi lòng
Ra đi, sầu muộn chẳng còn.

(*) (**) *Đây là lời ẩn dụ. Trừ mẹ ái dục, trừ cha ngã mạn không phải là trừ Cha Mẹ thật của mình. Ý nói đã diệt trừ xong các nguyên nhân khiến con người phải tái sinh trong cõi đời này. Diệt trừ xong ái dục và ngã mạn để thoát khỏi vòng luân hồi.*



(295)
Trừ mẹ ái dục cho mau, (*)
Trừ cha kiêu ngạo, tự hào luôn luôn, (**)
Trừ hai Vua Bà La Môn
Luôn mang tư tưởng sai lầm mãi thôi
Chẳng tin nhân quả luân hồi
Khó mà giải thoát, muôn đời ngu si
Trừ con đường nọ hiểm nguy
Giăng năm chướng ngại ngăn che mắt trần
Giống năm vị tướng dữ dằn
Hoài nghi là tướng đứng hàng thứ năm,
Trừ xong mọi việc khó khăn
Vị A La Hán thênh thang cõi lòng
Ra đi, sầu muộn chẳng còn.

(*) (**) *Đây là lời ẩn dụ. Trừ mẹ ái dục, trừ cha ngã mạn không phải là trừ Cha Mẹ thật của mình. Ý nói đã diệt trừ xong các nguyên nhân khiến con người phải tái sinh trong cõi đời này. Diệt trừ xong ái dục và ngã mạn để thoát khỏi vòng luân hồi.*

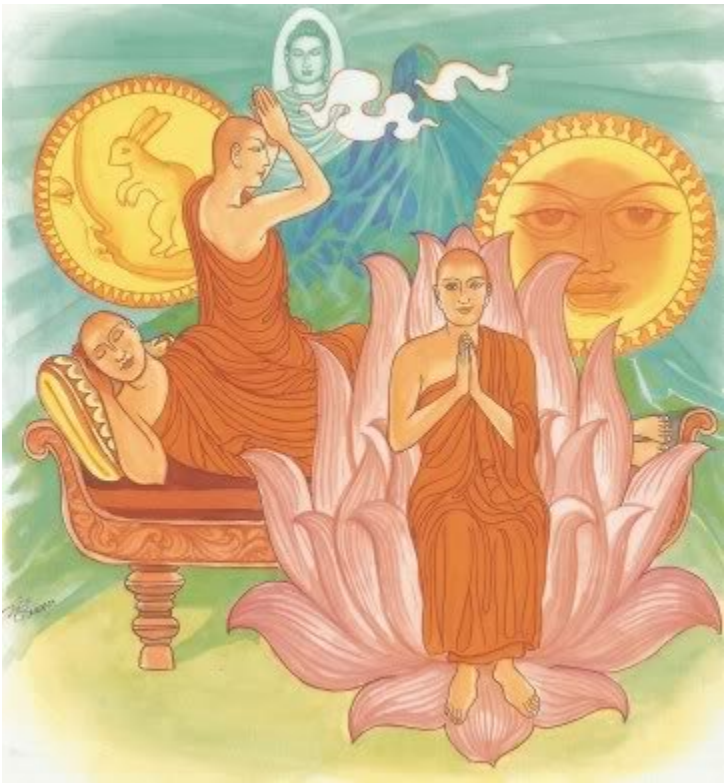

(296)
Những người đệ tử Phật Đà
Đêm ngày tỉnh giác để mà nghĩ suy
Nghĩ về Đức Phật từ bi
Một lòng tưởng niệm sớm khuya chuyên cần.

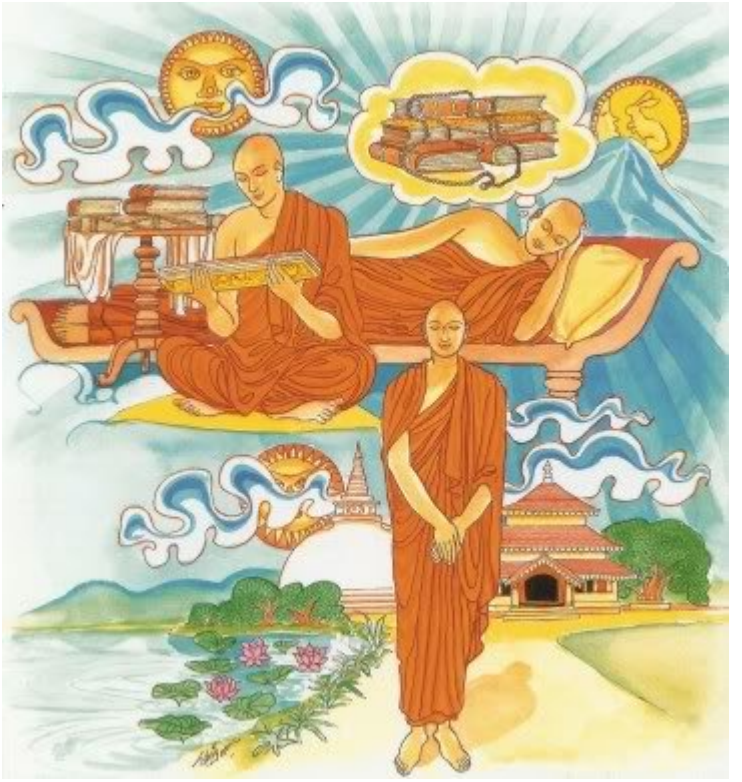

(297)
Những người đệ tử Phật Đà
Đêm ngày tỉnh giác để mà nghĩ suy
Nghĩ về Chánh Pháp từ bi
Một lòng tưởng niệm sớm khuya chuyên cần.

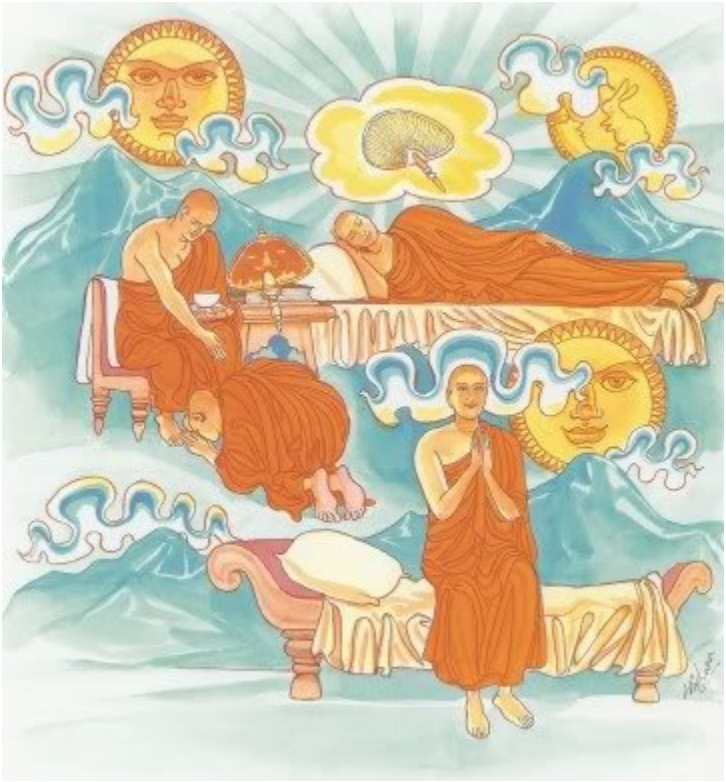

(298)
Những người đệ tử Phật Đà
Đêm ngày tỉnh giác để mà nghĩ suy
Nghĩ về Giáo Hội từ bi
Chư Tăng hòa hợp sớm khuya tu hành.

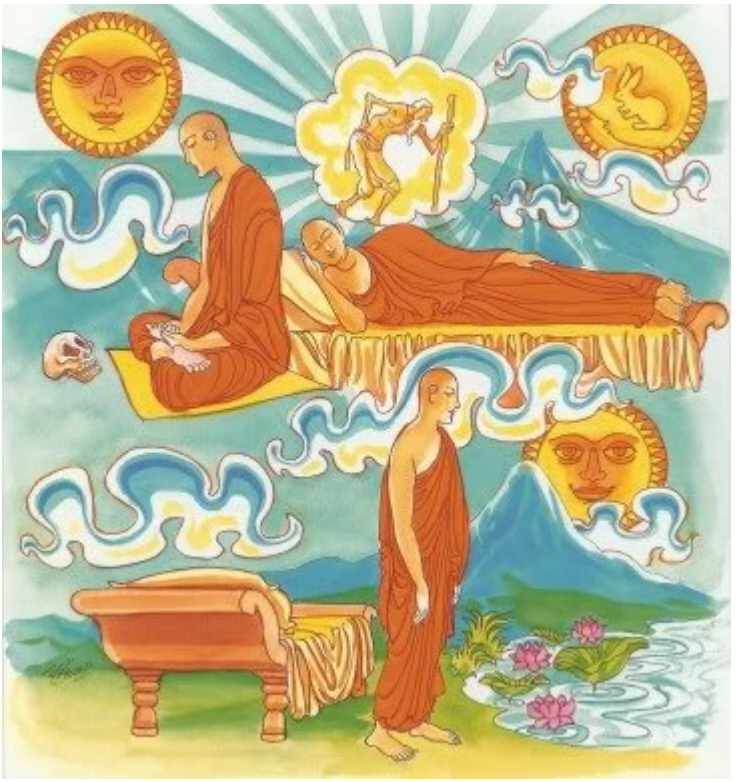

(299)
Những người đệ tử Phật Đà
Đêm ngày tỉnh giác để mà nghĩ suy
Sắc thân bất tịnh kể chi
Nên tìm hiểu rõ mọi bề cho mau.

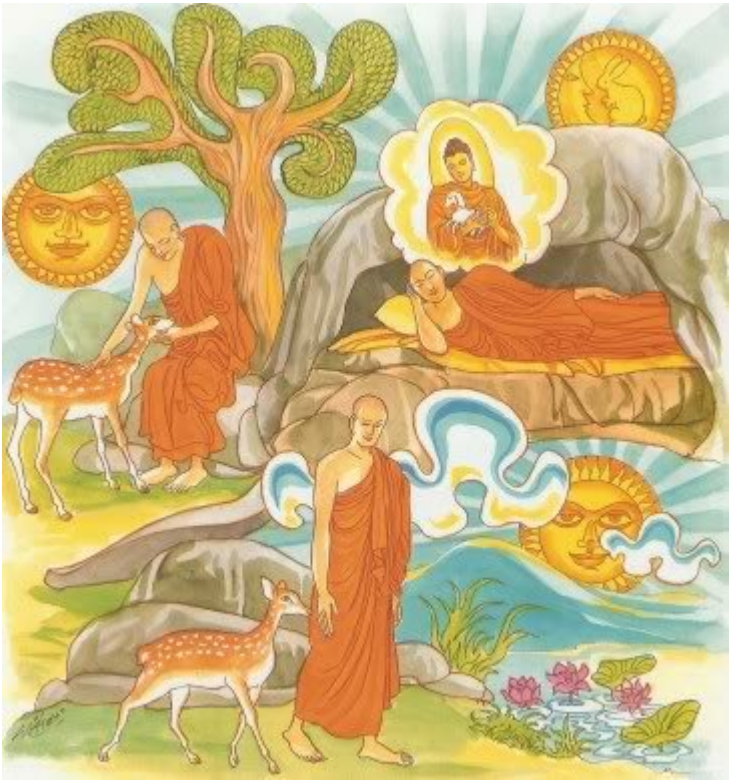

(300)
Những người đệ tử Phật Đà
Đêm ngày tỉnh giác để mà nghĩ suy
Về niềm vui lớn kể chi:
Chớ gây tổn hại chút gì cho ai



(301)
Những người đệ tử Phật Đà
Đêm ngày tỉnh giác để mà nghĩ suy
Về niềm vui lớn kể chi:
Lo tu thiền định sớm khuya chuyên cần.



(302)
Khó thay diệt ái dục rồi
Để mà vui sống cuộc đời xuất gia,
Khó thay cuộc sống tại nhà
Trần gian sinh hoạt thật là thương đau,
Khổ thay phải sống gần nhau
Khi không ý hợp tâm đầu êm xuôi,
Khổ thay cứ mãi nổi trôi
Trong vòng sinh tử luân hồi quẩn quanh,
Vậy lo vượt thoát cho nhanh
Khổ đau nơi ấy, tử sinh chốn này.

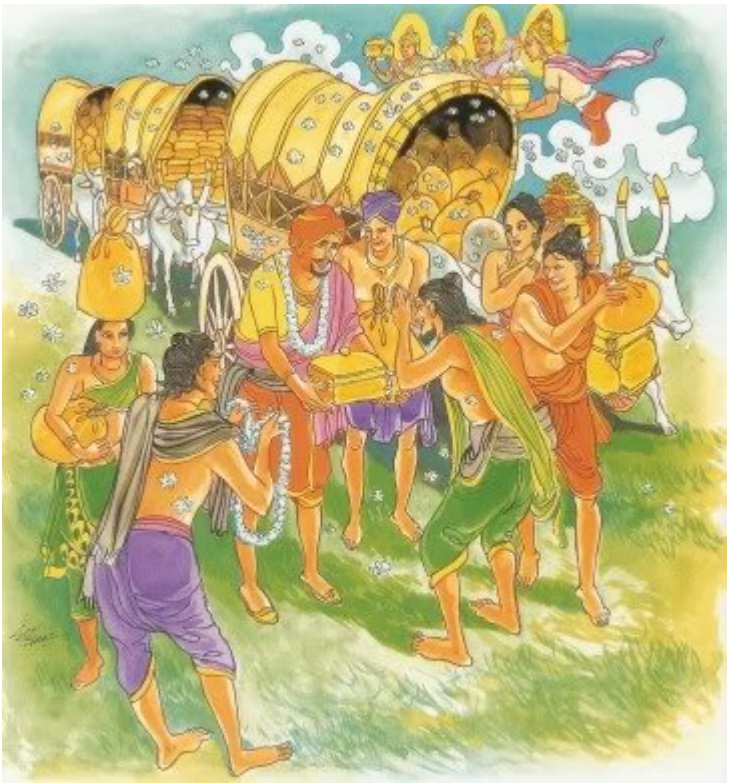

(303)
Tâm ai tràn ngập niềm tin
Lại thêm giới hạnh giữ gìn thanh cao
Có thêm tài đức dồi dào
Đi đâu cũng được đón chào tôn vinh.

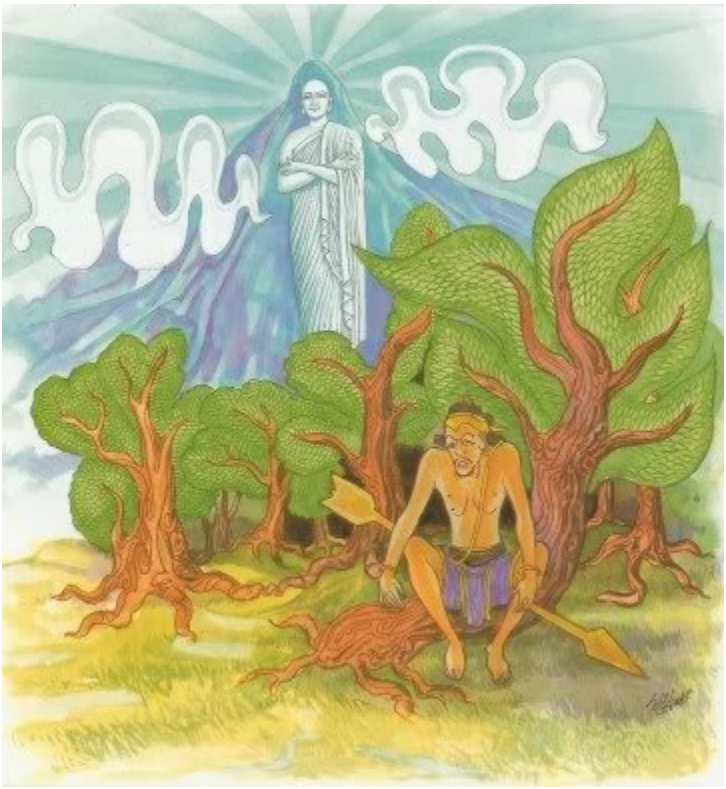

(304)
Người lành dầu ở chốn xa
Vẫn luôn tỏ rạng như là núi cao,
Còn như người ác lạ sao
Dù cho kề cận ai nào thấy đâu
Như tên bắn giữa đêm thâu.

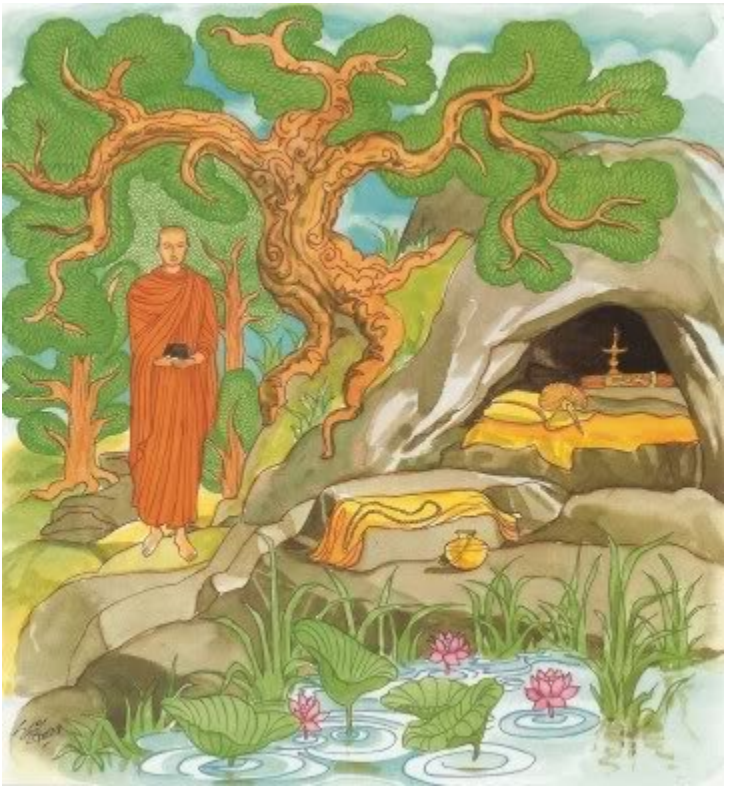

(305)
Một mình đi đứng nằm ngồi
Chẳng hề buồn chán sống nơi âm thầm
Tự mình điều phục thân tâm
Dù trong rừng vắng muôn phần sống vui.



22. PHẨM ĐỊA NGỤC

(306)
Nói lời xảo trá dối gian,
Làm rồi lại chối không làm, không hay
Ai mà tạo những nghiệp này
Chết vào địa ngục đọa đày tránh đâu
Làm người ty tiện dài lâu.

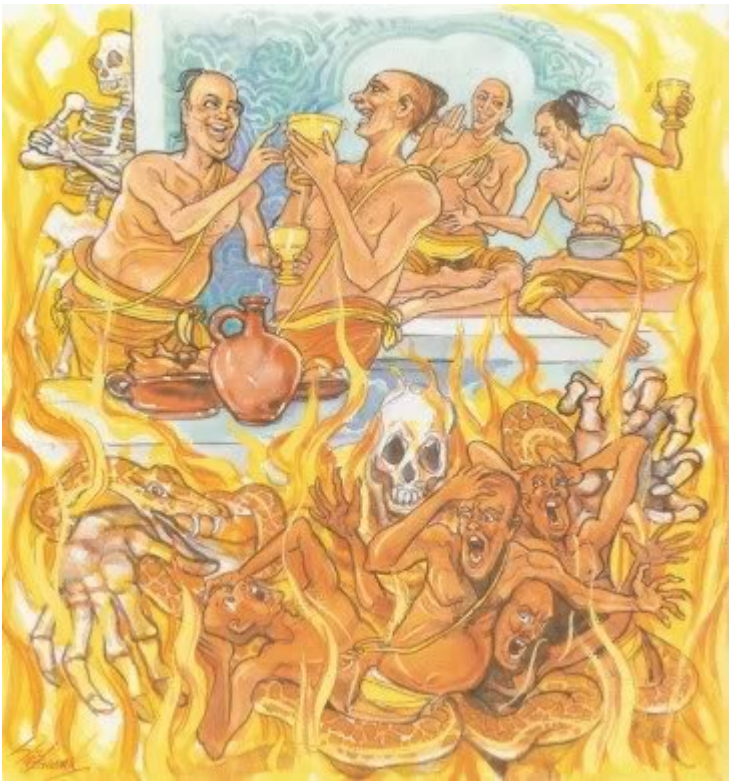

(307)
Dù cho mặc lắm cà sa
Nhưng mà hạnh ác, gian tà chẳng ngăn
Sau vì nghiệp ác mình làm
Chết vào địa ngục gian nan đọa đày.



(308)
Hay phá giới, chẳng tu hành
Thà nuốt sắt đỏ vào mình nóng ran
Như cho lửa cháy đốt thân
Còn hơn thọ lãnh nhân dân cúng dường.

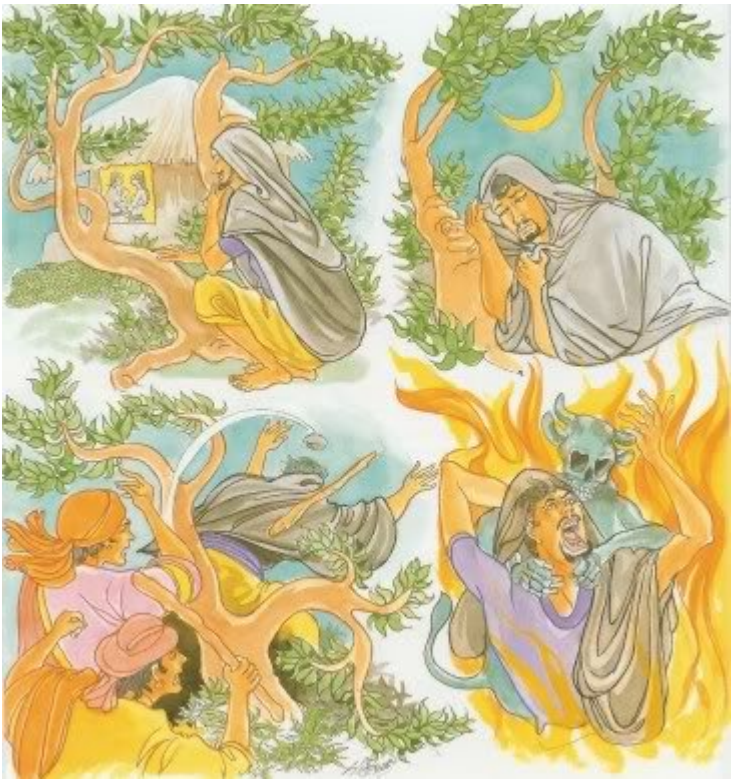

(309)
Buông lung theo vợ, chồng người
Mắc vào bốn nạn khiến đời bất an:
Bản thân tội lỗi vương mang,
Ngủ đêm trằn trọc, tâm can rối bời
Bà con khinh bỉ chê cười
Chết vào địa ngục là nơi đọa đày.



(310)
Mang về vô phước cho mình,
Đọa làm ác thú. Cuộc tình vui chi
Vì đang lo sợ mọi bề,
Thêm Vua phạt tội nặng nề bản thân,
Cho nên phải giữ thân tâm
Vợ, chồng người chớ tà dâm hoang đàng.



(311)
Cỏ kia sắc tựa lưỡi dao
Những người vụng dại nắm vào đứt tay,
Sa Môn tà hạnh còn đầy
Tất nhiên địa ngục đọa ngay tức thì.

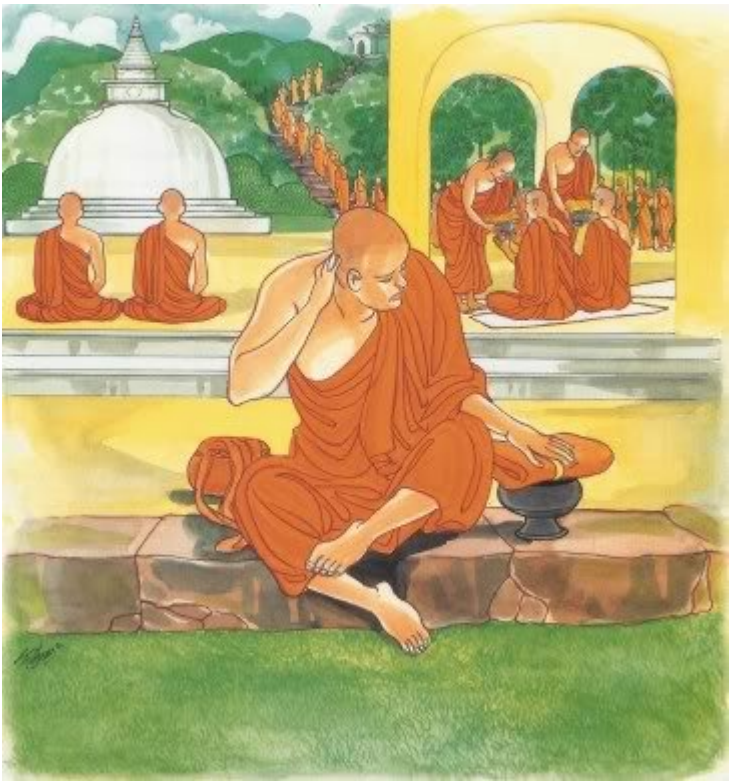

(312)
Ai mà phóng đãng buông lung
Không theo giới cấm, vô cùng nhiễm ô
Sống đời đạo hạnh đáng ngờ
Không sao chứng quả, khó mà thành công.

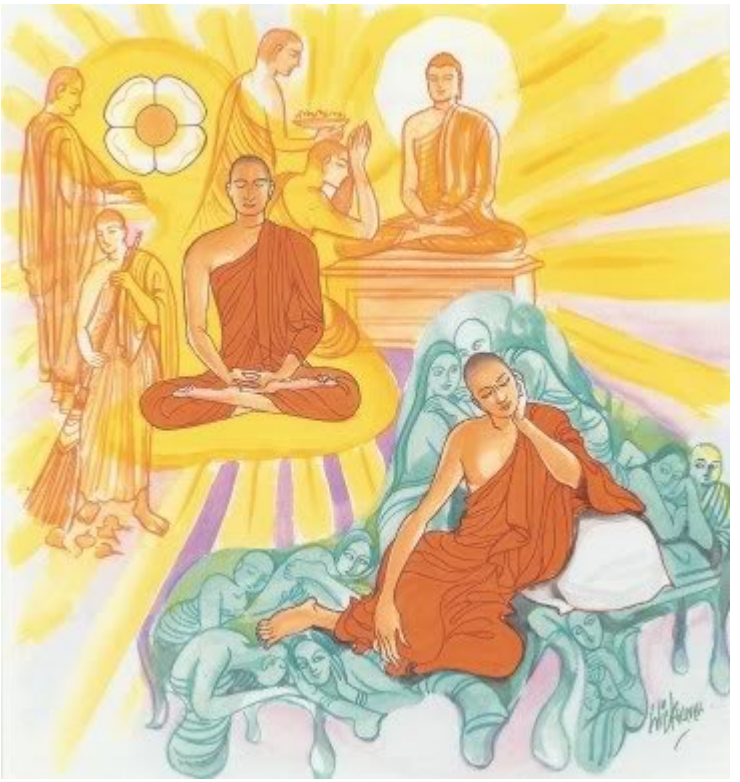

(313)
Việc cần làm, phải nên làm
Làm cho hết sức, tận tâm, nhiệt tình,
Xuất gia mà chẳng giữ mình
Hành vi phóng đãng, tu hành buông lơi
Chỉ gieo cát bụi cho đời.

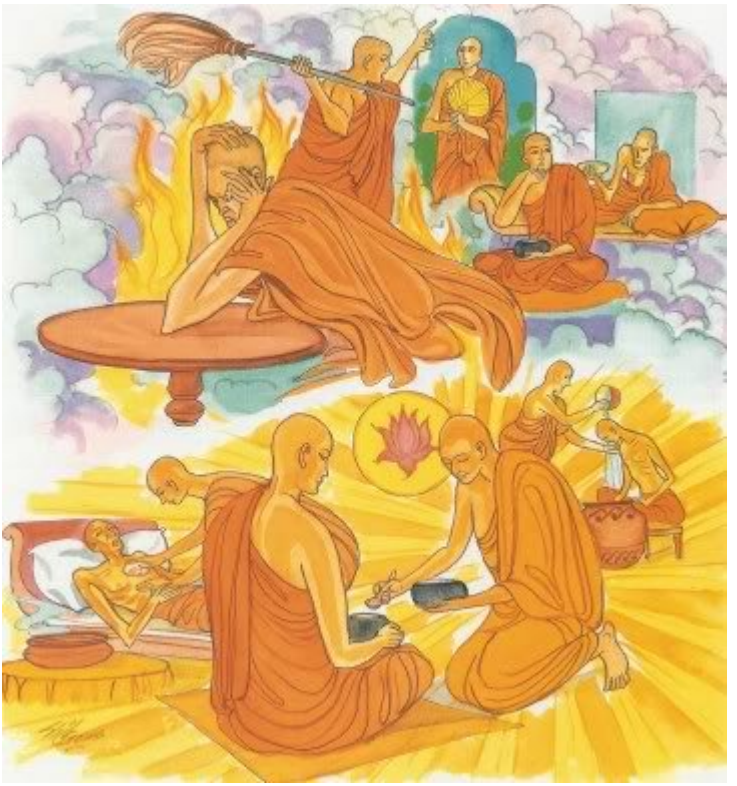

(314)
Đừng làm ác, chẳng lợi gì!
Gieo đi độc ác, gặt về khổ đau
Làm lành, làm tốt cho mau
Không hề hối tiếc, trước sau đẹp lòng.

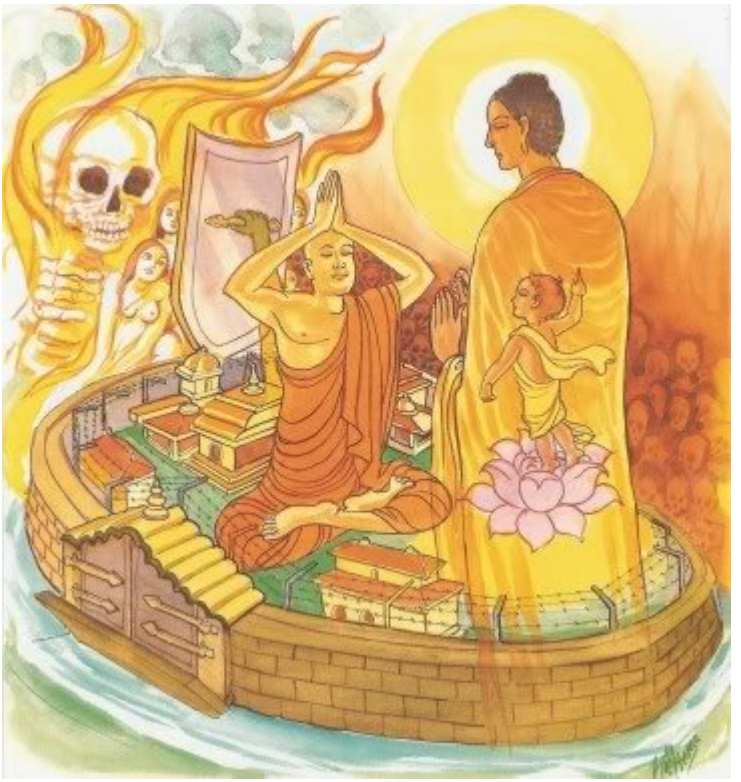

(315)
Tựa như thành ở biên cương
Trong ngoài phòng thủ kỹ càng nghiêm minh
Ta nên phòng hộ thân mình
Chớ nên chểnh mảng mặc tình buông lung,
Buông lung nguy hiểm vô cùng
Đọa đày địa ngục trong chừng phút giây.



(316)
Việc không đáng hổ thẹn gì
Mà ta hổ thẹn, lạ kỳ làm sao?
Việc kia đáng thẹn biết bao
Mà ta chẳng thẹn chút nào cho cam
Cứ ôm nhận định sai lầm
Đọa đày địa ngục trăm phần tránh đâu!

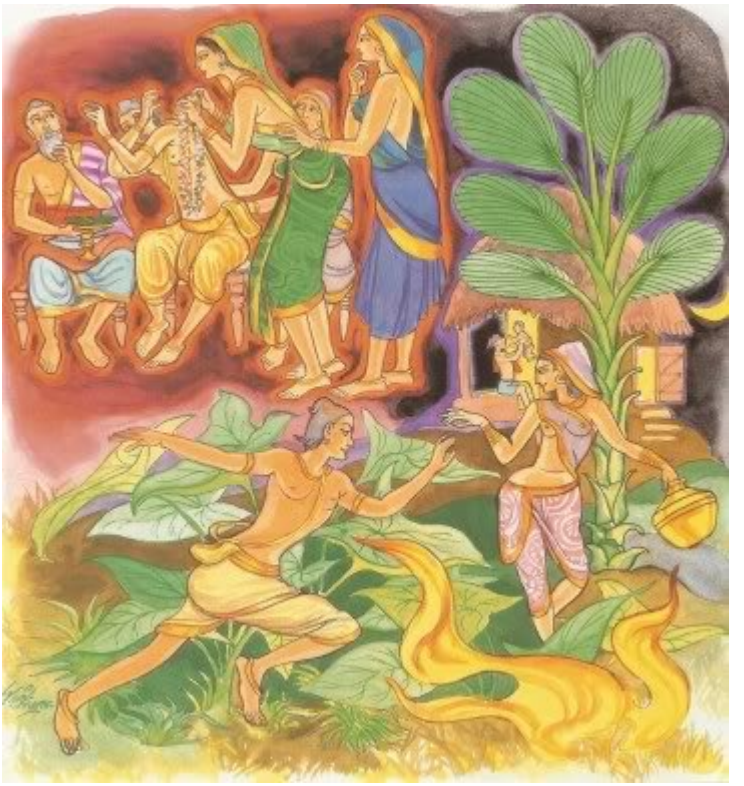

(317)
Việc không đáng sợ hãi gì
Mà ta sợ hãi, lạ kỳ làm sao?
Việc kia đáng sợ biết bao
Mà ta chẳng sợ chút nào cho cam
Cứ ôm nhận định sai lầm
Đọa đày địa ngục trăm phần tránh đâu!



(318)
Việc không lầm lỗi chút gì
Mà ta tưởng lỗi, lạ kỳ làm sao?
Việc kia lầm lỗi biết bao
Mà không thấy được chút nào cho cam
Cứ ôm nhận định sai lầm
Đọa đày địa ngục trăm phần tránh đâu!



(319)
Khi làm lỗi, nhận lỗi mình
Khi không làm lỗi biết rành rằng không
Nghĩ suy sáng suốt luôn luôn
Đúng sai, phải trái nhận chân đôi đường
Cảnh nhàn chờ đón thơm hương.



23. PHẨM VOI

(320)
Như voi ra trước trận tiền
Luôn luôn hứng chịu cung tên bắn mình
Như Lai nhẫn nhục tu hành
Chịu điều phỉ báng cũng đành lòng thôi,
Sống vô tư cách lắm người
Xa điều giới luật, ghét nơi cửa Thiền.

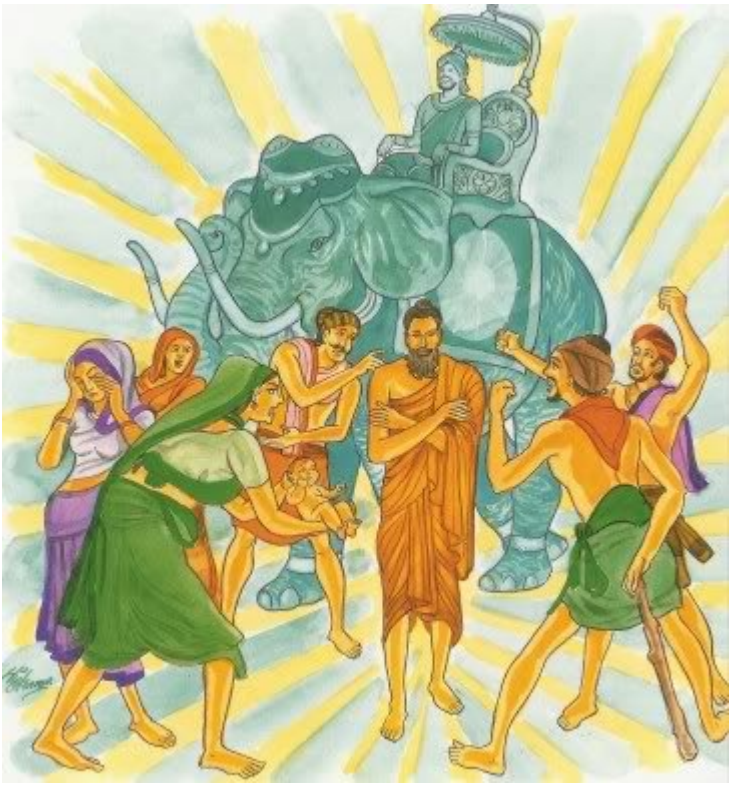

(321)
Luyện voi dự hội, tài thay
Luyện voi vua cưỡi cũng hay vô cùng,
Nhưng mà nếu luyện được lòng
Luôn luôn nhẫn nhục, chẳng còn nổi sân
Khi nghe phỉ báng bản thân
Mới là điêu luyện, muôn phần tài hơn.

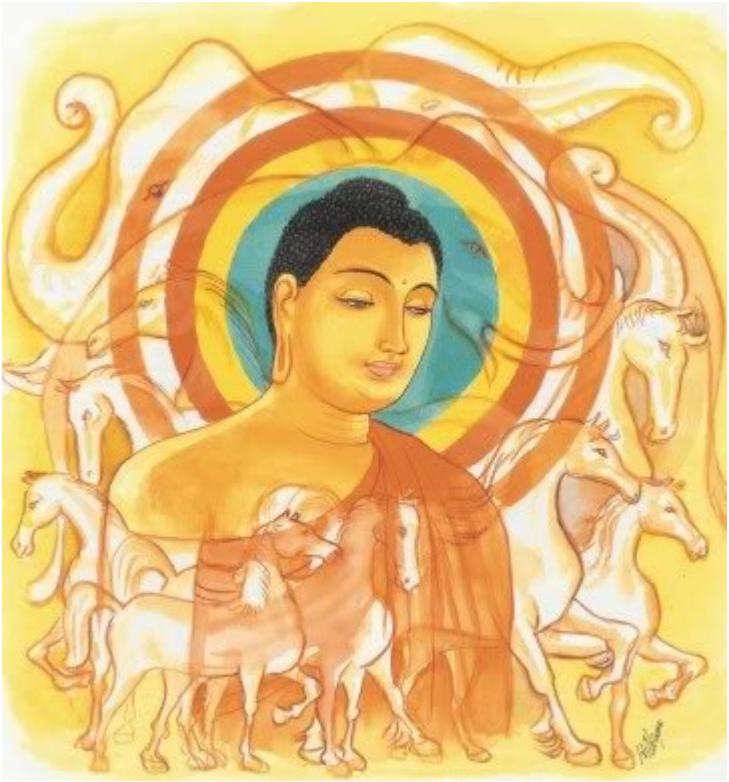

(322)
Con la được huấn luyện qua
Trở nên thuần tánh, tỏ ra tốt lành,
Ngựa nòi sinh chốn sông xanh
Sau khi huấn luyện, trở thành ngựa hay,
Voi ngà to lớn quý thay
Sau khi huấn luyện voi này tuyệt luân,
Con người nếu chính bản thân
Tự mình thuần hóa được luôn chính mình
Mới là người thật tài tình!

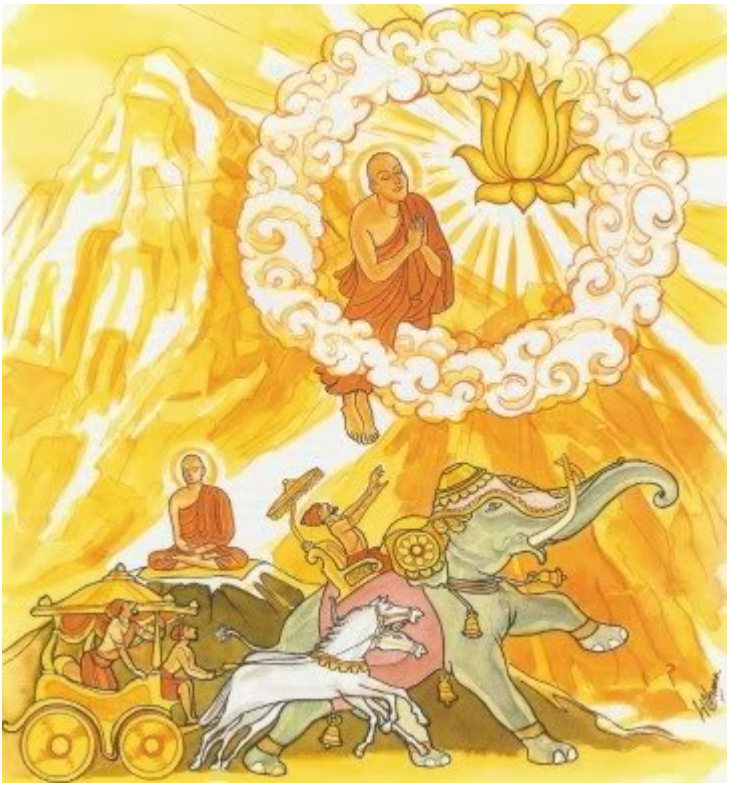

(323)
Nào đâu nhờ những xe này
Mà ngươi lại đến được ngay Niết Bàn
Chỉ người tu luyện đàng hoàng
Tự mình điều phục bản thân tốt lành
Niết Bàn mới đến được nhanh.

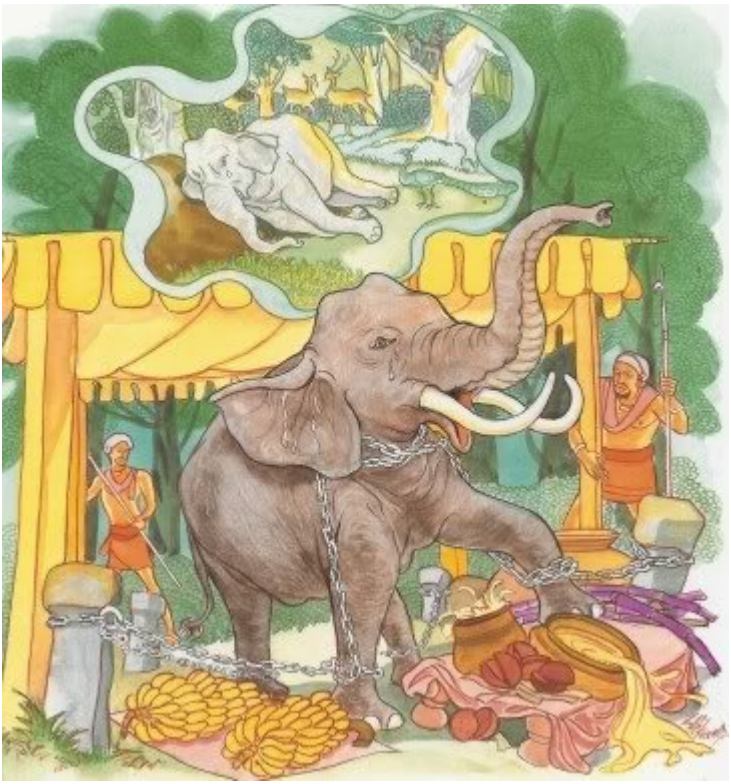

(324)
Voi kia khó trị vô vàn
Đến kỳ phát dục lại càng hung hăng
Khi chân bị trói, bị ràng
Ngày không ăn uống, đêm hằng nhớ thương
Nhớ đàn, nhớ mẹ, nhớ rừng.



(325)
Người phàm, ngu muội, tham ăn
Lại thêm ưa ngủ, nằm lăn lóc hoài
Như heo ăn bụng no rồi
Tái sinh chịu mãi, luân hồi tránh đâu.

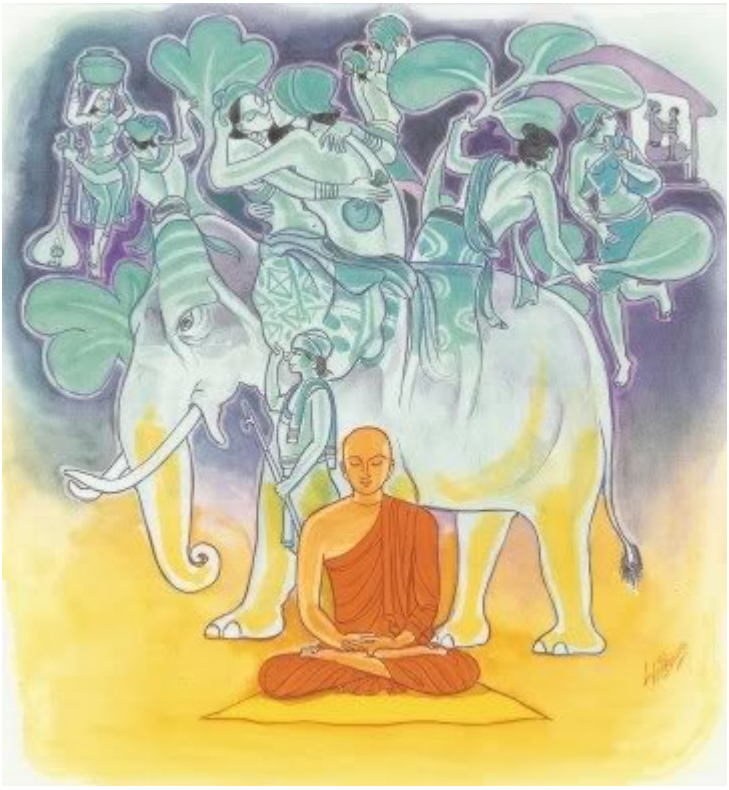

(326)
Như Lai thuở trước buông lung
Bao nhiêu tham dục cứ thường chạy theo,
Tâm ta nay đã xoay chiều
Nhờ vào chánh niệm ta điều phục tâm
Như voi hung dữ vô ngần
Nhờ tay quản tượng sẽ thuần tính ngay.



(327)
Canh phòng tâm thật kỹ càng
Tươi vui, sáng suốt, siêng năng, nhiệt tình
Mình lo tự cứu lấy mình
Khỏi đường tà ác chúng sinh đọa đày
Như voi kia bị sa lầy
Rút chân gắng sức vượt ngay đầm bùn.

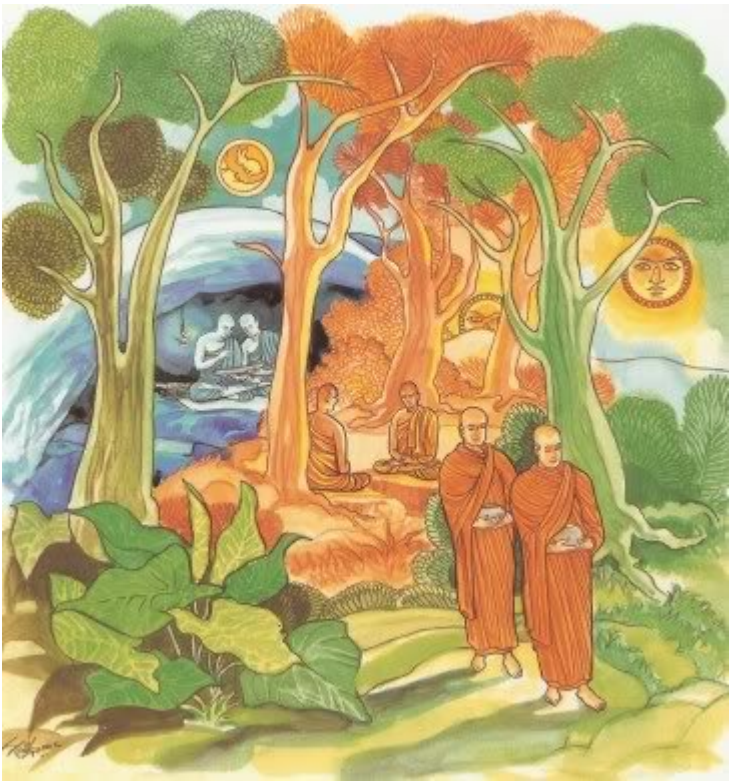

(328)
Nếu mà gặp bạn đồng hành
Hiền lương, trí tuệ cùng mình đi xa
Hãy vui sánh bước hoan ca
Bên người khôn khéo vượt qua hiểm nghèo.

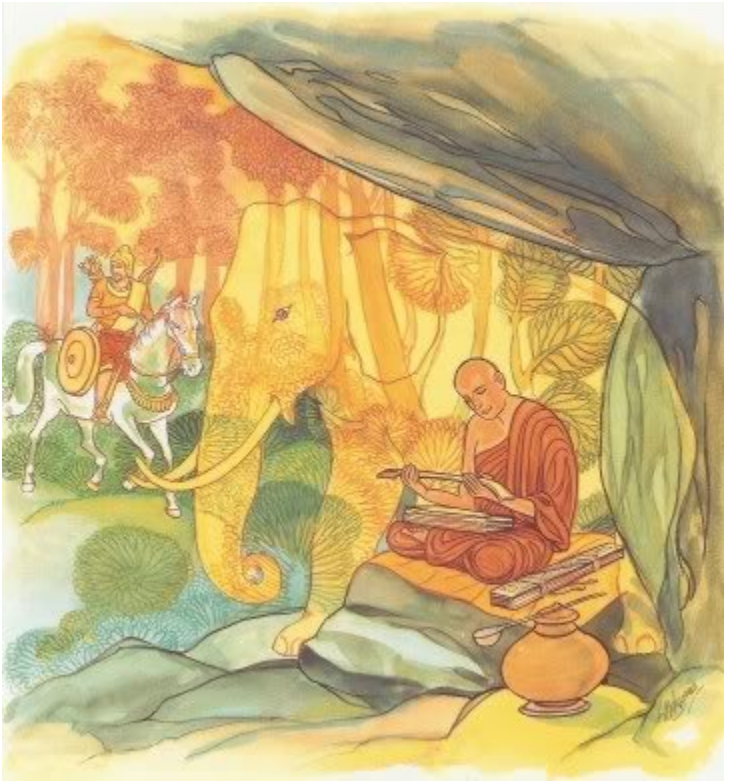

(329)
Nếu không gặp bạn đồng hành
Hiền lương, trí tuệ cùng mình đi xa
Ta nên sống một mình ta
Như vua lánh khỏi nước nhà bại vong,
Như voi kia sống thong dong
Một mình thanh thản ở trong rừng già.

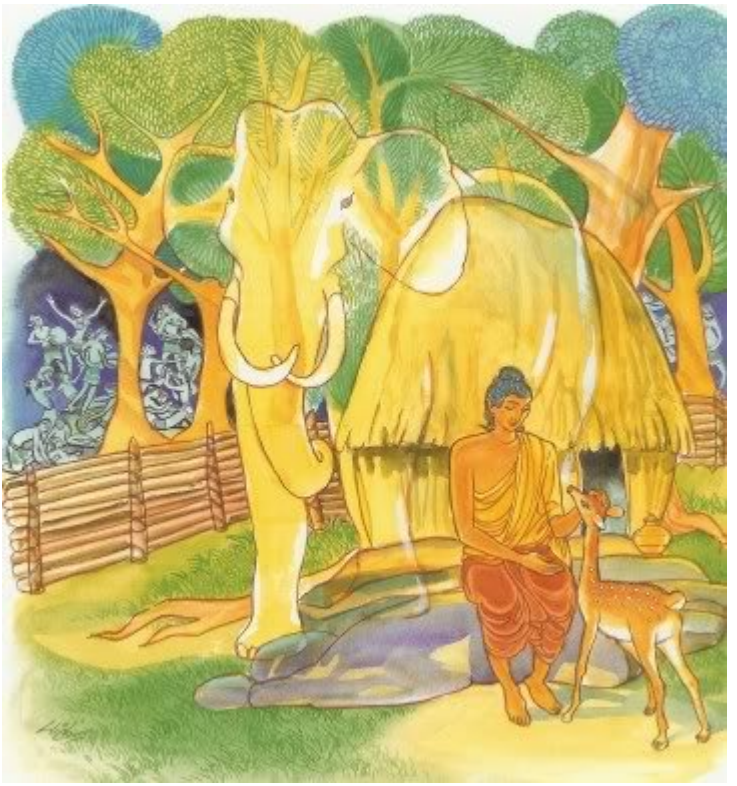

(330)
Thà ta cứ ở một mình
Còn hơn có bạn đồng hành ngu si,
Mình ta rong ruổi bước đi
Tránh làm điều ác có chi phiền lòng,
Như voi kia sống thong dong
Một mình thanh thản ở trong rừng già.

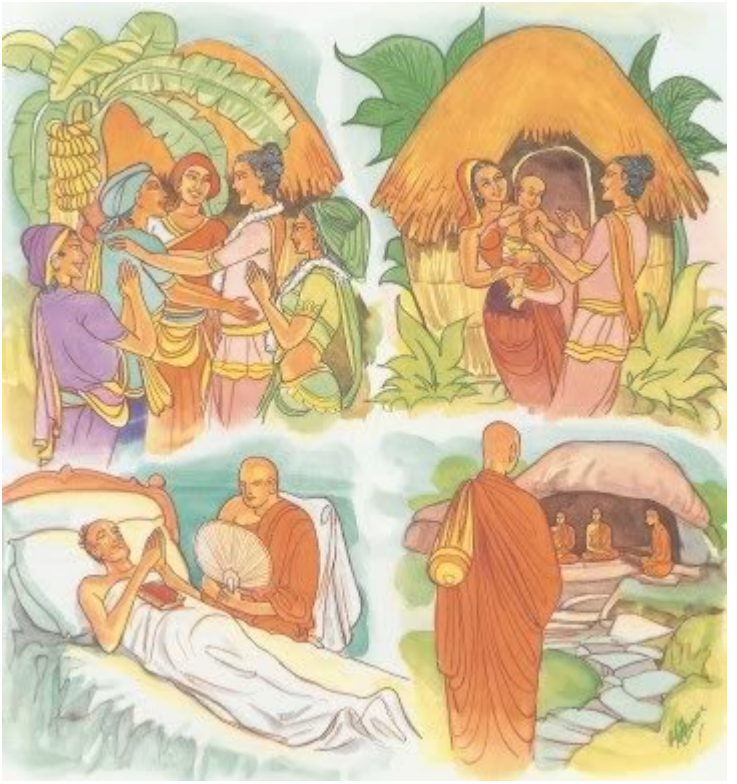

(331)
Vui thay có bạn khi cần!
Vui thay thấy đủ trong tầm đôi tay
Với gì mình có hiện nay!
Vui thay khi chết thân này tạo ra
Nghiệp lành nở đẹp như hoa!
Vui thay thống khổ lìa xa chẳng còn!

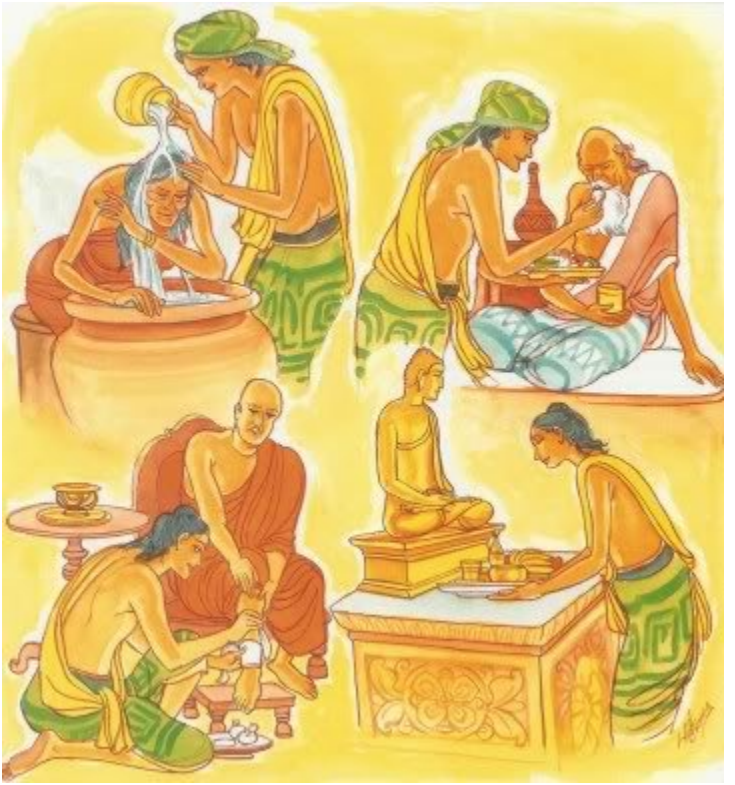

(332)
Ở đời còn có nhân duyên
Kính yêu, phụng dưỡng mẹ hiền là vui,
Công cha như núi cao vời
Kính yêu phụng dưỡng được người là vui,
Cũng vui thay nếu ở đời
Có lòng tôn kính tìm nơi cúng dường
Sa Môn cùng với thánh nhân.



(333)
Vui thay từ trẻ đến già
Luôn luôn giữ giới thiết tha chẳng rời,
Vui thay khi sống làm người
Niềm tin chân chánh muôn đời chẳng thay!
Vui thay trí tuệ tràn đầy!
Vui thay điều ác hàng ngày tránh xa!

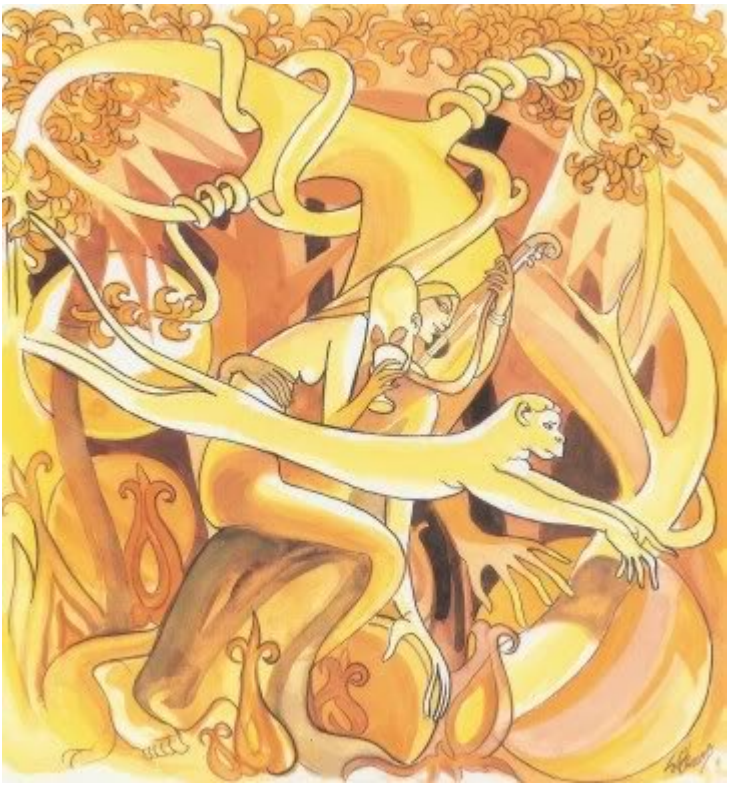

24. PHẨM ÁI DỤC

(334)
Sống đời say đắm buông lung
Thì lòng ái dục vô cùng tăng nhanh
Giống như giữa chốn rừng xanh
Dây leo, cỏ dại mặc tình tràn lan,
Đời người tiếp nối miên man
Khác gì khỉ, vượn đang tham quả rừng
Chuyền cây liên tục chẳng ngừng.



(335)
Nếu mà ở cõi trần gian
Bị điều ái dục buộc ràng vây quanh
Thời bao sầu khổ tăng nhanh
Như là cỏ dại thỏa tình hứng mưa.

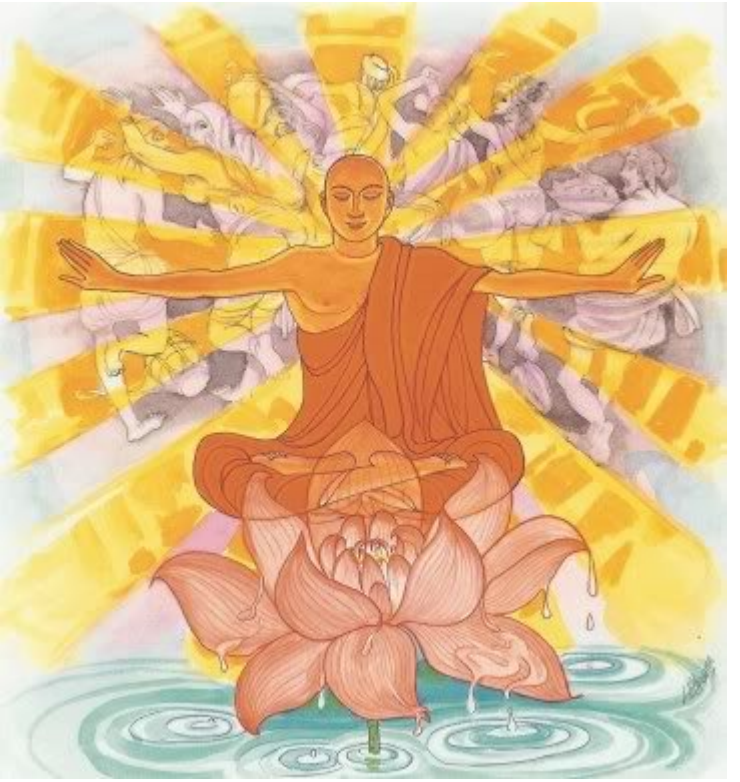

(336)
Đời này nếu bản thân ta
Khi điều ái dục vượt qua chẳng màng
Thời bao sầu khổ lìa tan
Như mưa trơn tuột khỏi hàng lá sen.



(337)
Điều Như Lai dạy các ngươi:
“Lành thay cho kẻ họp nơi chốn này
Nhổ cho sạch gốc rễ ngay
Diệt trừ ái dục thẳng tay từ nguồn
Như là nhổ rễ cỏ hoang
Chớ nên để lũ Ma quân dục tình
Quẩn quanh phá hoại tâm mình
Như cơn nước lũ tung hoành bụi lau.”

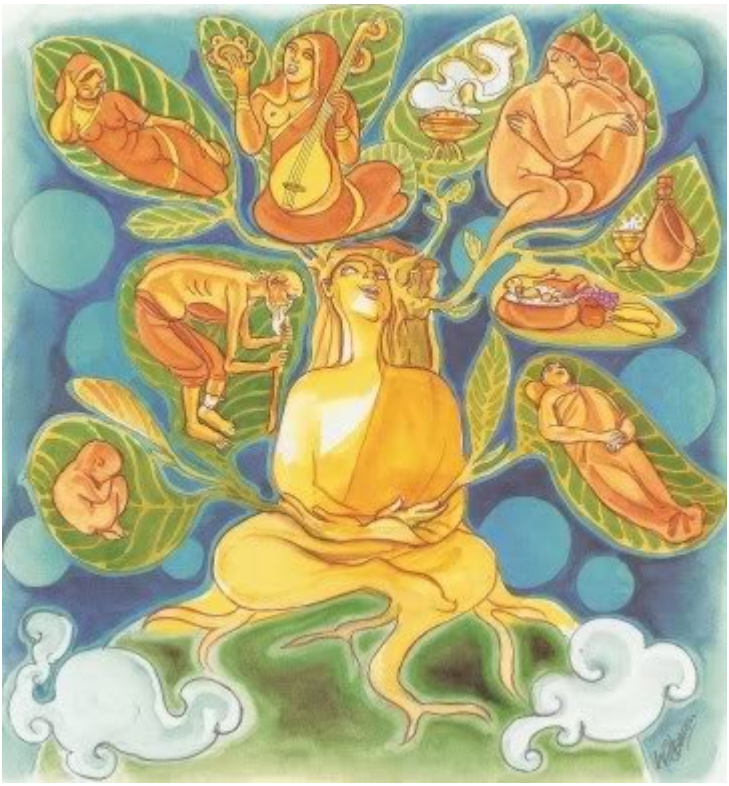

(338)
Đốn cây mà chẳng chịu đào
Hết luôn gốc rễ bám vào đất sâu
Thì cây lại mọc ra mau,
Đoạn trừ ái dục khác nào đốn cây
Đoạn cho căn gốc sạch ngay
Nếu không khổ não mãi quay trở về.

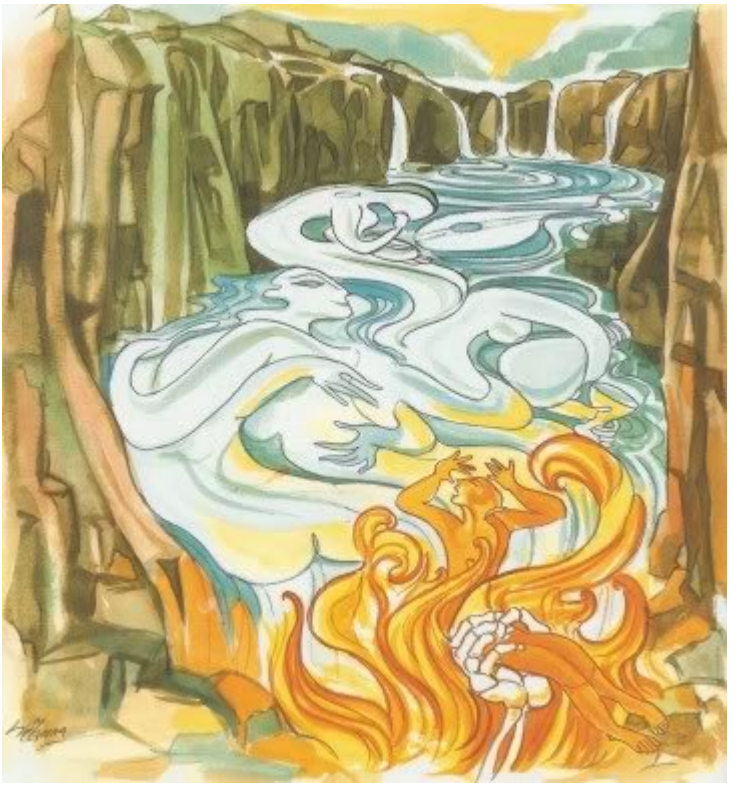

(339)
Người ham ái dục luôn luôn
Theo ba mươi sáu dòng tuôn bạo tàn
Cuốn vào cảnh dục dễ dàng.
Những người ái dục dâng tràn trong tâm
Bị dòng ái dục cuốn phăng.



(340)
Dòng sông ái dục dâng tràn
Như dây leo dại mọc lan khắp miền,
Thấy dây leo mới nhô lên
Dùng gươm trí tuệ diệt liền cho mau
Diệt trừ tận gốc thật sâu.

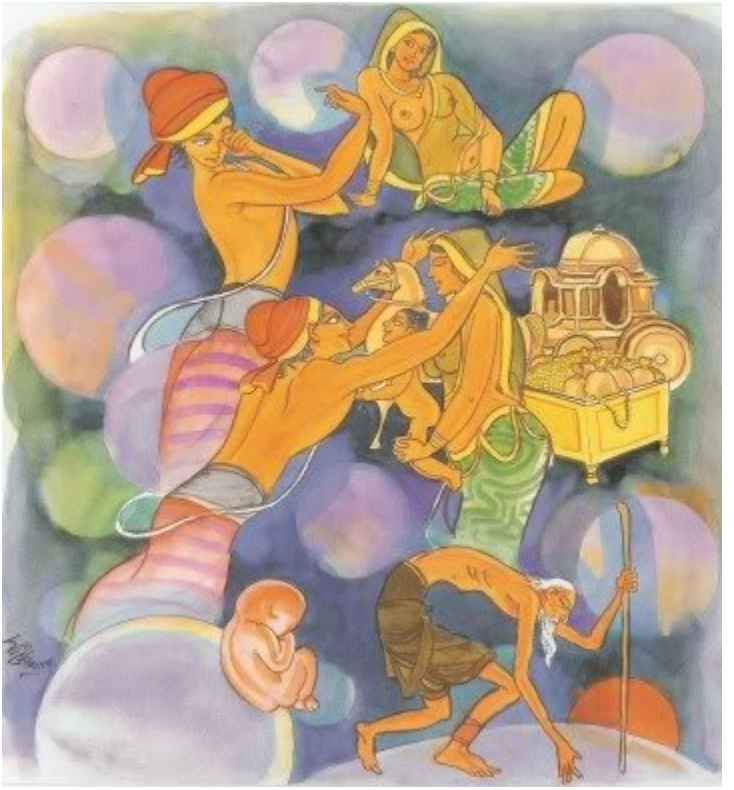

(341)
Người đời ái dục thích ham
Nên ưa rong ruổi theo làn sóng xô
Ngụp chìm biển dục vô bờ
Tuy cầu hạnh phúc khó mà thành công
Vẫn còn trong chốn trầm luân
Quẩn quanh sinh tử vẫy vùng thoát đâu.



(342)
Người mà ái dục bao trùm
Kinh hoàng như thỏ vẫy vùng lưới kia
Sa vào bẫy, sợ kể chi,
Não phiền, ái dục chẳng lìa cho mau
Khổ đau càng chịu dài lâu.

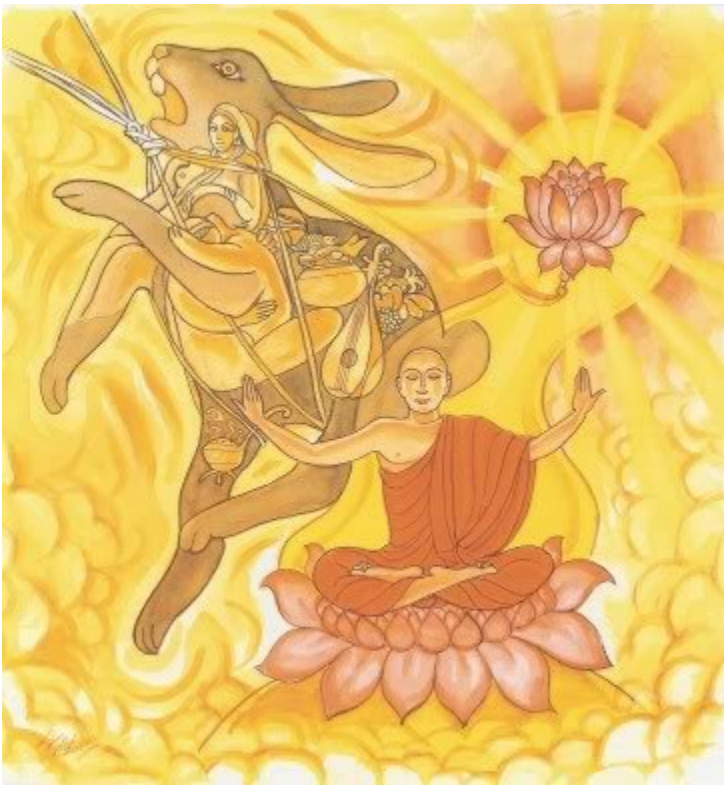

(343)
Người mà ái dục bao trùm
Kinh hoàng như thỏ vẫy vùng lưới kia
Sa vào bẫy, sợ kể chi,
Tỳ Kheo ái dục gắng lìa cho mau
Niết Bàn giải thoát xa đâu.

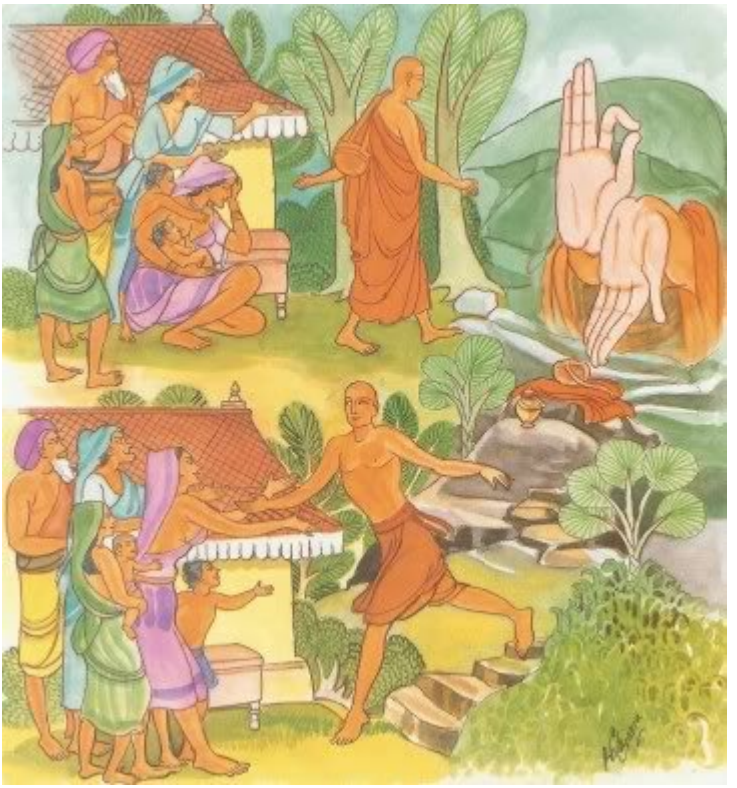

(344)
Người lìa ái dục, xuất gia
Sống vui ở chốn rừng già, núi sâu
Để rồi một sớm quay đầu
Xuôi dòng ái dục thương đau về nhà,
Kẻ hoàn tục đáng xót xa
Cởi ra rồi lại tự ta trói vào.

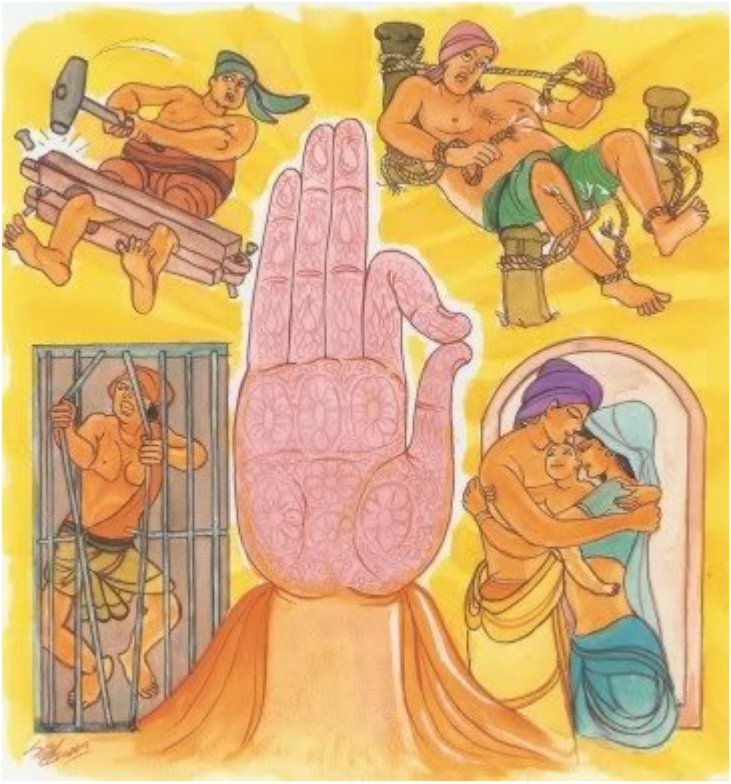

(345)
Với người trí tuệ mở mang
Dù cho trói buộc bằng phương tiện gì:
Dây gai, cây, sắt sá chi
Nào đâu vững chắc, chẳng hề bền lâu!
Riêng lòng luyến ái khát khao
Vợ con, châu báu quyện vào chẳng xa,
Trói này sao gỡ cho ra!

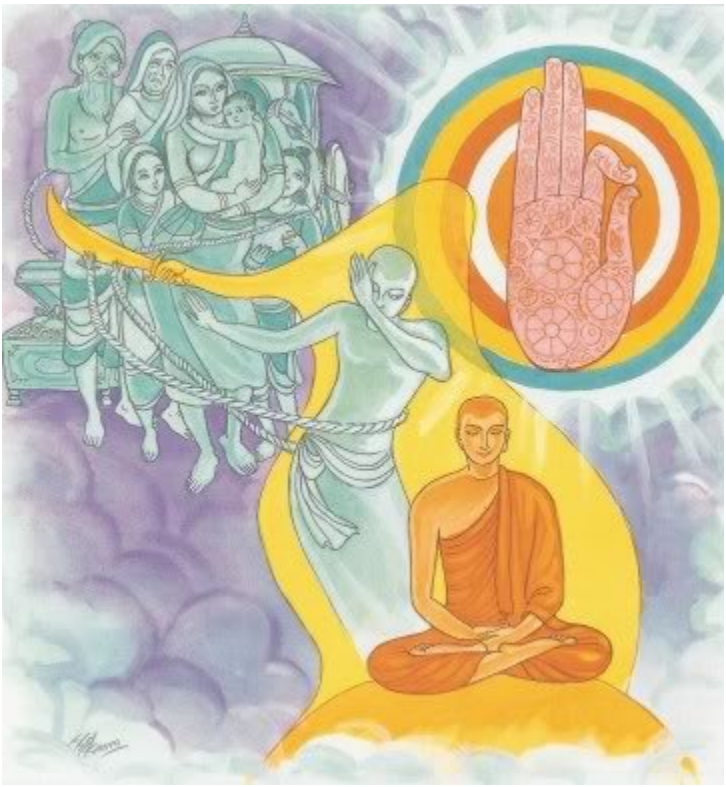

(346)
Những người có trí nói rằng:
“Dây này trói buộc ngày càng chắc thêm!”
Dây tuy mềm mại, êm đềm
Nhưng mà sao dễ nhận chìm người ta
Khó mà tháo gỡ cho ra
Thế nên người trí lìa xa dục tình
Cắt dây luyến ái cho nhanh
Tự mình giải thoát, tu hành bản thân.



(347)
Những người ái dục đắm chìm
Xuôi dòng ái dục vào miền khổ đau
Lọt vòng dây trói trước sau
Tựa như con nhện mắc vào lưới giăng.
Ai mà dứt mọi buộc ràng
Không còn ái dục, chẳng vương não phiền.



(348)
Mặc cho quá khứ trôi đi
Níu chi hiện tại, chờ gì tương lai
Rời mau bến thảm cuộc đời
Vượt qua bờ nọ là nơi tuyệt vời
Khi tâm đã giải thoát rồi
Đâu còn sinh lão nổi trôi xoay vần.



(349)
Người nào bị khuấy động nhiều
Bởi tâm xấu ác, bởi điều bất lương
Thường ham dục lạc vô cùng,
Người mà dục lạc cầu mong tăng nhiều
Tự mình một sớm một chiều
Trói mình thêm chặt vào theo não phiền.

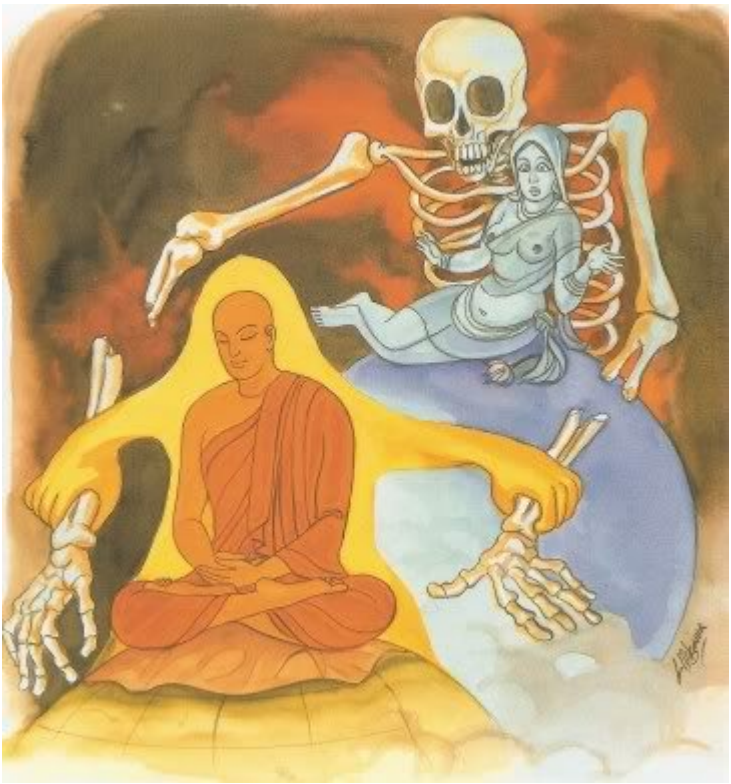

(350)
Ai vui vì chẳng còn vương
Tư tưởng bất thiện, bất lương loại trừ,
Xác thân bất tịnh suy tư
Giữ gìn chánh niệm, thích ưa điều lành
Sẽ trừ ái dục vây quanh
Ma Vương ràng buộc phá nhanh dễ dàng.

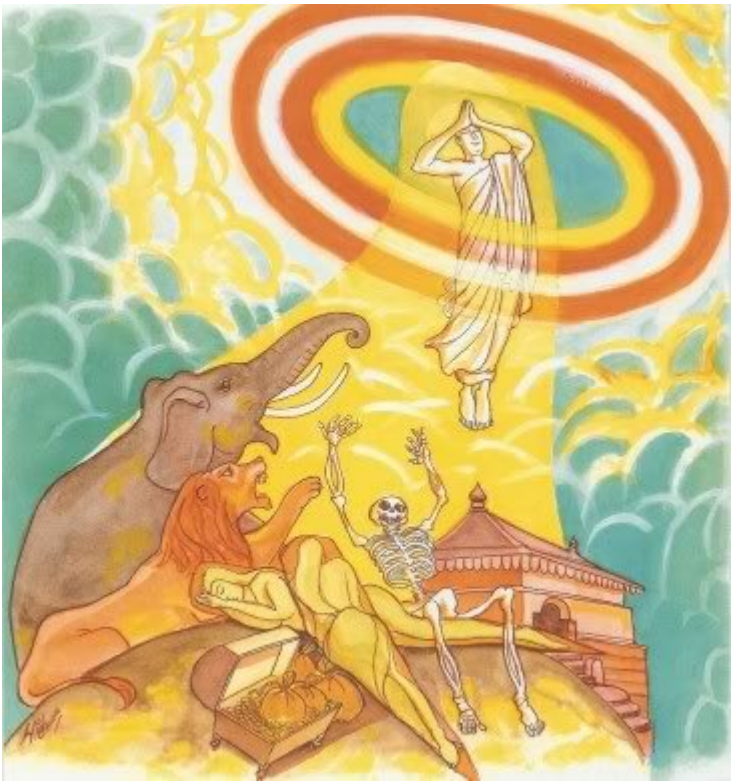

(351)
Mục tiêu ai đạt tới nơi
Không còn sợ hãi. Xa rời nhiễm ô
Xa lìa ái dục êm ru
Cắt đi gai chướng nhỏ to trong đời
Mũi tên sinh tử nhổ rồi
Thân này là cuối, luân hồi còn đâu.

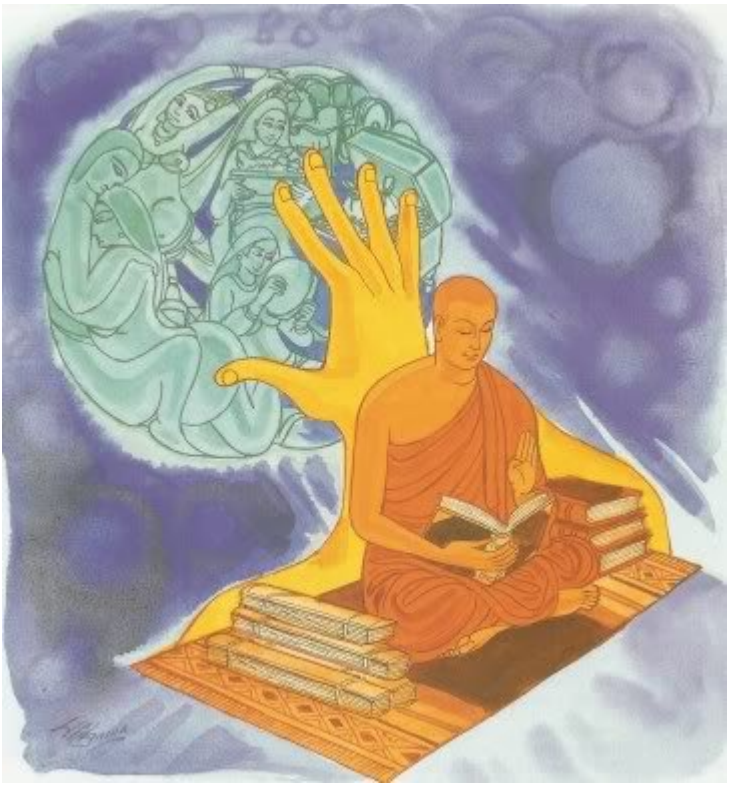

(352)
Xa lìa ái dục tầm thường
Không còn luyến tiếc vấn vương bận lòng
Bao nhiêu giáo pháp tinh thông
Lời văn, ý nghĩa vô cùng hiểu sâu
Là người trí tuệ hàng đầu
Vĩ nhân đáng kính, còn đâu luân hồi,
Thân này là cuối cùng rồi.

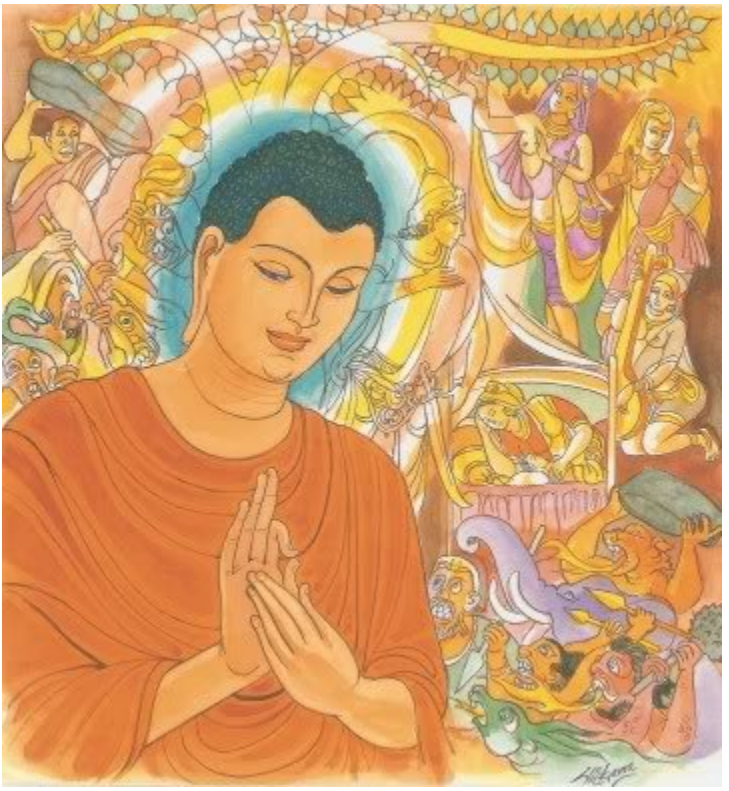

(353)
Như Lai vượt tất cả rồi
Lại còn thông suốt, sáng soi mọi bề
Bao nhiêu trói buộc dứt lìa
Thoát ly tất cả còn gì vấn vương
Chú tâm trọn vẹn một đường
Diệt đi ái dục tầm thường thế gian
Tự mình chứng ngộ đạo vàng
Ta còn xưng tụng ai làm thầy đây!

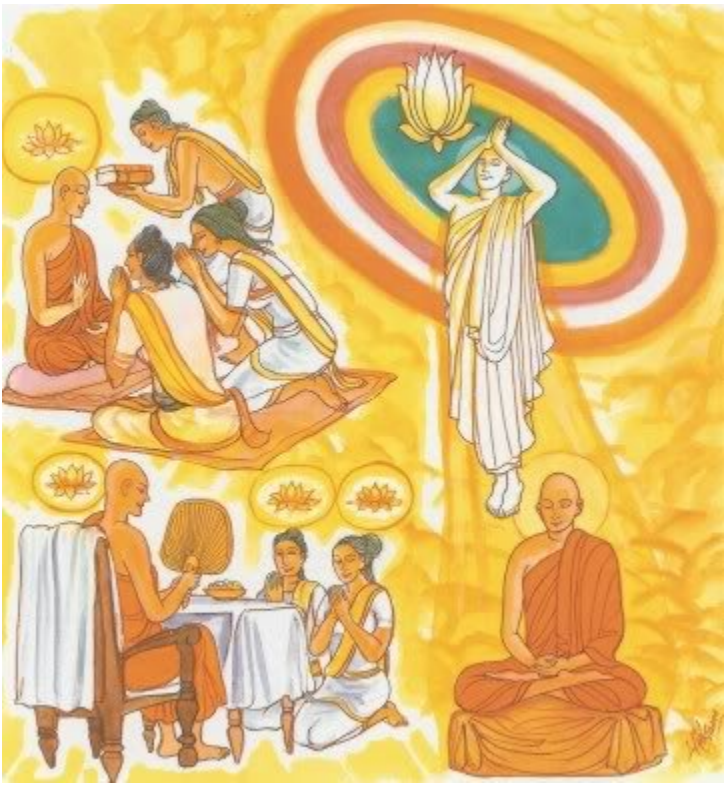

(354)
Coi như bố thí hàng đầu
Là đem Chân Lý nhiệm mầu tặng nhau,
Coi như hương vị tối cao
Hương vị Chân Lý ngọt ngào dài lâu
Coi như hoan hỷ hàng đầu
Niềm vui Chân Lý thấm sâu tuyệt vời,
Người nào ái dục diệt rồi
Vượt qua phiền não, xa rời khổ đau.



(355)
Giàu sang, tài sản dồi dào
Chỉ làm hại được kẻ nào ngu thôi,
Dễ gì hại được những người
Đang cầu giác ngộ hướng nơi Niết Bàn,
Chỉ vì ham muốn giàu sang
Kẻ ngu tự hại bản thân đã đành
Hại thêm cả kẻ xung quanh.

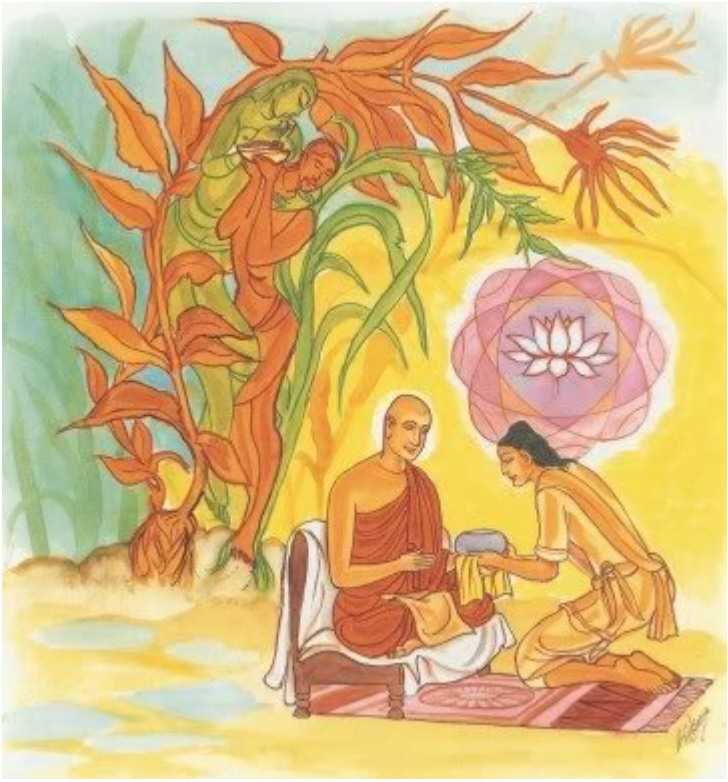

(356)
Cỏ hoang làm hại ruộng vườn
Tham lam gây hại nhiều hơn cho người,
Tham lam ai đã lìa rồi
Cúng dường vị ấy chẳng nơi nào bằng
Hưởng về phước báu vô vàn.

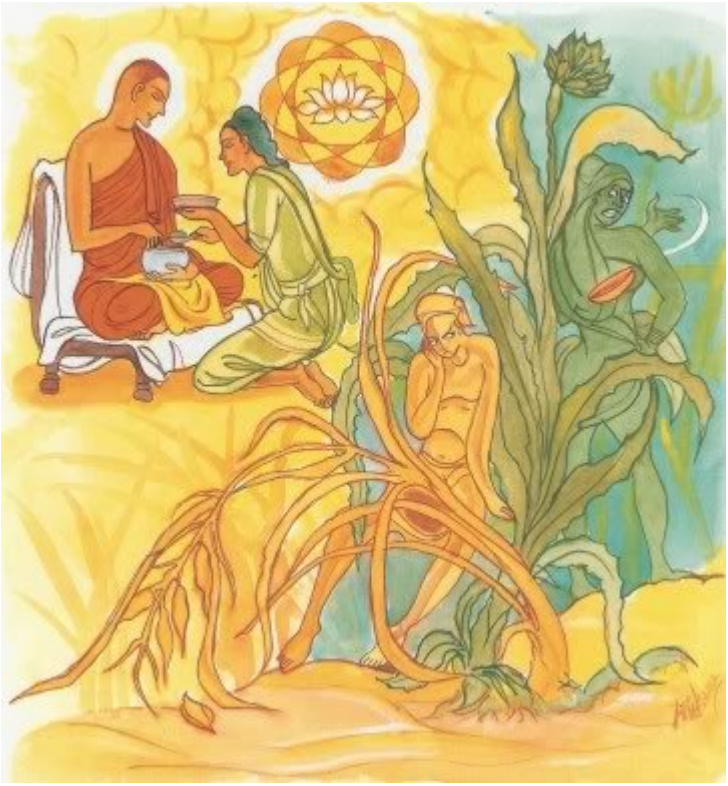

(357)
Cỏ hoang làm hại ruộng vườn
Lòng sân gây hại nhiều hơn cho người,
Ai lìa sân hận được rồi
Cúng dường vị ấy chẳng nơi nào bằng
Hưởng về phước báu vô vàn.

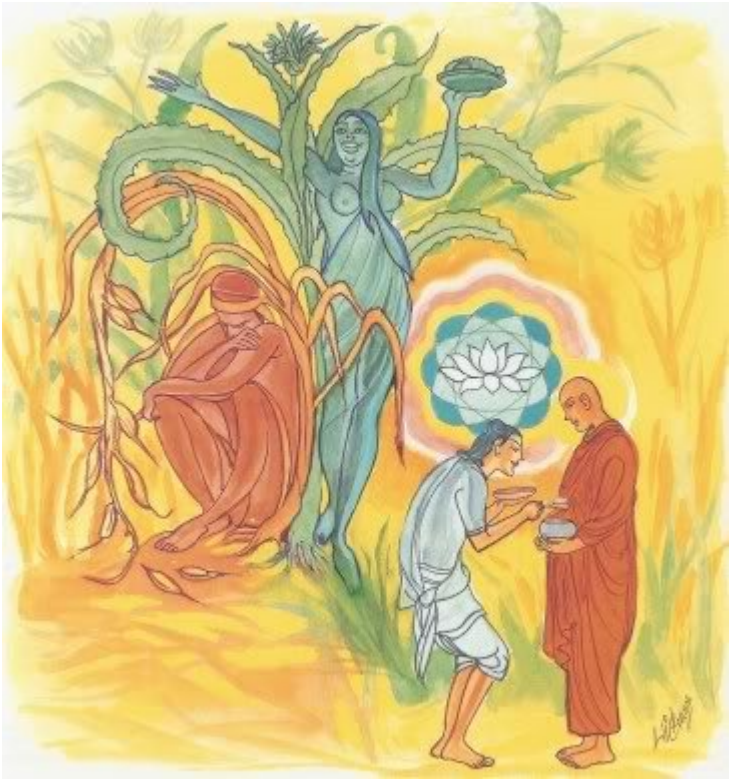

(358)
Cỏ hoang làm hại ruộng vườn
Si mê gây hại nhiều hơn cho người,
Si mê ai đã lìa rồi
Cúng dường vị ấy chẳng nơi nào bằng
Hưởng về phước báu vô vàn.

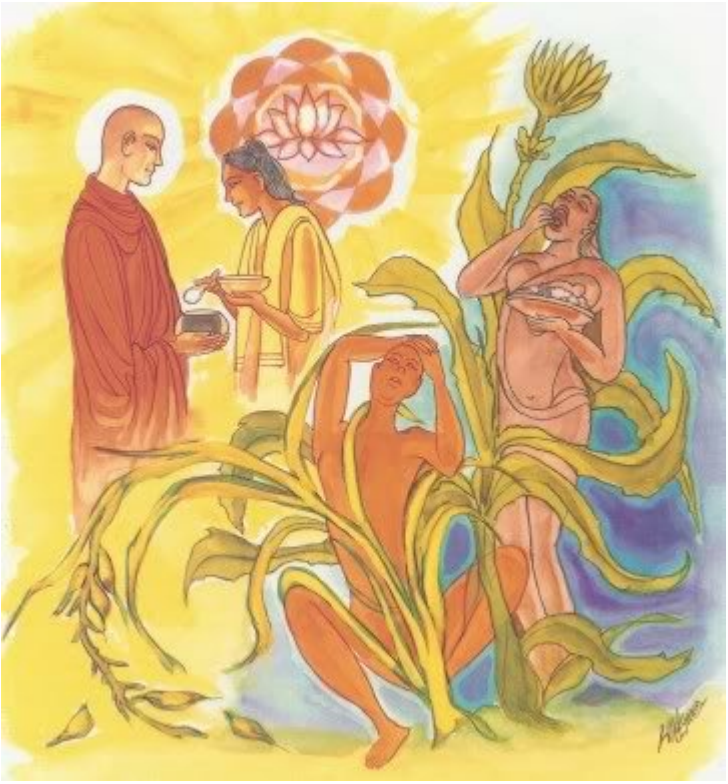

(359)
Cỏ hoang làm hại ruộng vườn
Ái dục gây hại nhiều hơn cho người,
Ai lìa ái dục được rồi
Cúng dường vị ấy chẳng nơi nào bằng
Hưởng về phước báu vô vàn.

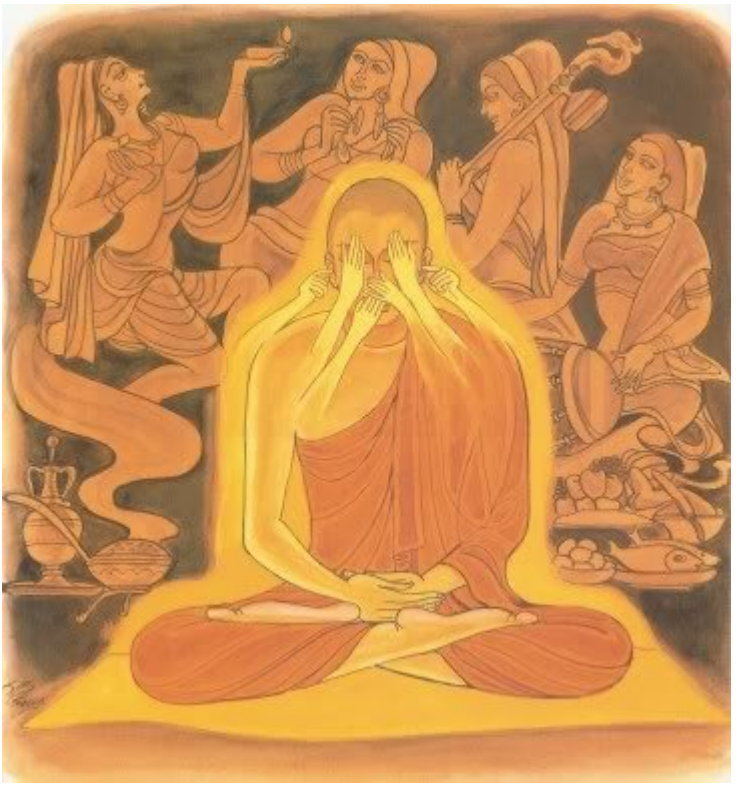

25. PHẨM TỲ KHEO

(360) - (361)
Người nào chế ngự được ngay
Mắt, tai, mũi, lưỡi: lành thay vô ngần!
Lại thêm chế ngự được thân
Cũng như lời nói và tâm ý mình

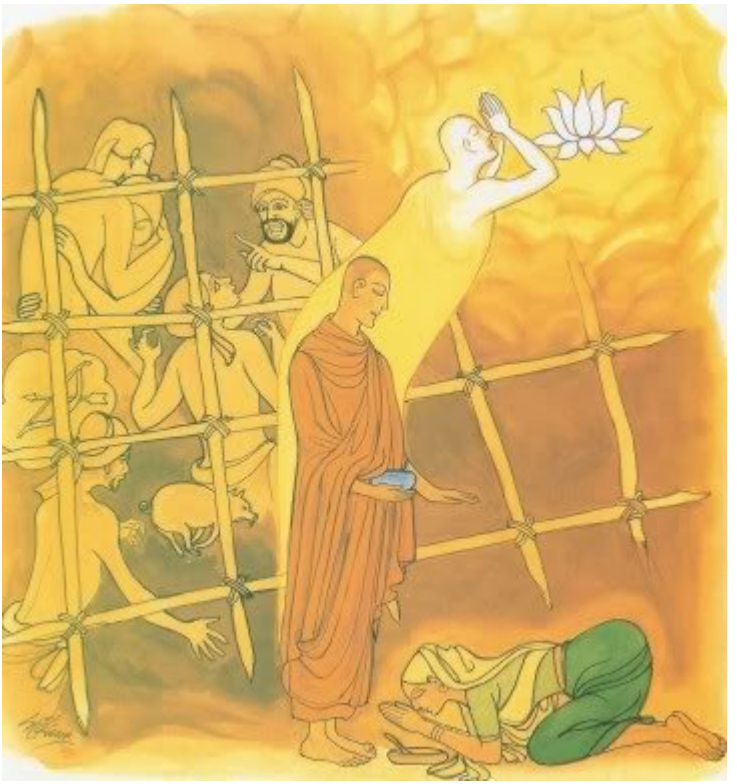

Nói chung quả thật tài tình!
Tỳ Kheo nào bản thân mình thật hay
Chế ngự xong mọi điểm này
Khổ đau giải thoát, đọa đày tiêu tan.

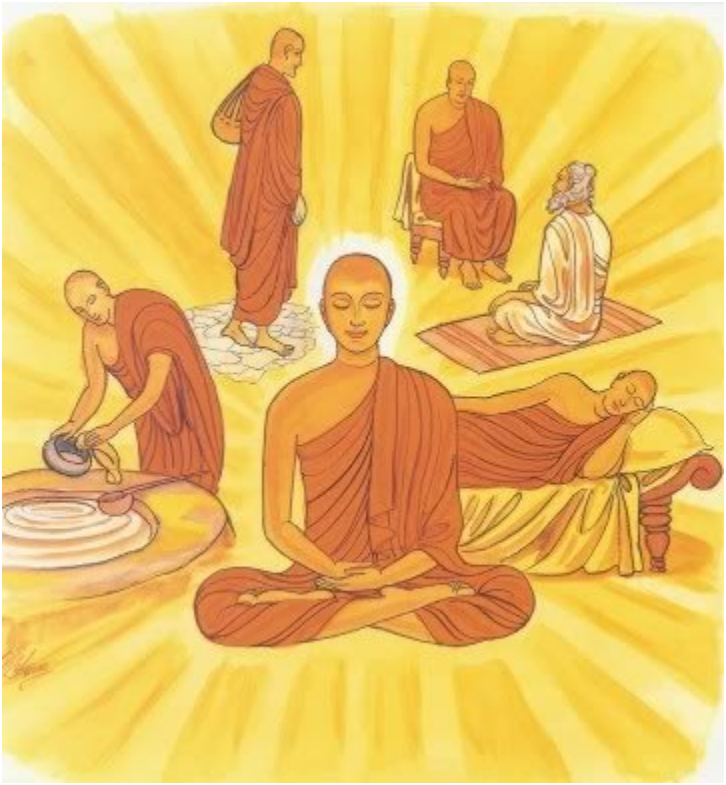

(362)
Người nào chế ngự tay chân
Giữ gìn lời nói và tâm ý mình
Thích ưa thiền định nhiệt thành
Độc thân, tự tại, tu hành cô liêu
Biết đầy đủ, chẳng ham nhiều
Xứng danh là bậc Tỳ Kheo vô cùng.



(363)
Tỳ Kheo ngôn ngữ thuần rồi
Nói câu khôn khéo, tránh lời tự cao
Thì khi giảng Pháp ngọt ngào
Muôn phần êm dịu, xiết bao rõ ràng.



(364)
Tỳ Kheo chánh pháp tuân theo
Một lòng suy tưởng, mến yêu đạo mầu
Tư duy chánh pháp thâm sâu
Sẽ không sa đọa. Chẳng bao giờ rời
Mãi theo chánh pháp tuyệt vời.



(365)
Điều mình thọ lĩnh được rồi
Chớ nên coi rẻ, buông lời khinh khi,
Người ta thọ lĩnh được chi
Chớ thèm, chớ muốn thứ gì của ai,
Tỳ Kheo ganh tỵ người ngoài
Khó mà an trú cho nơi tâm mình
Bao điều thiền định tốt lành.

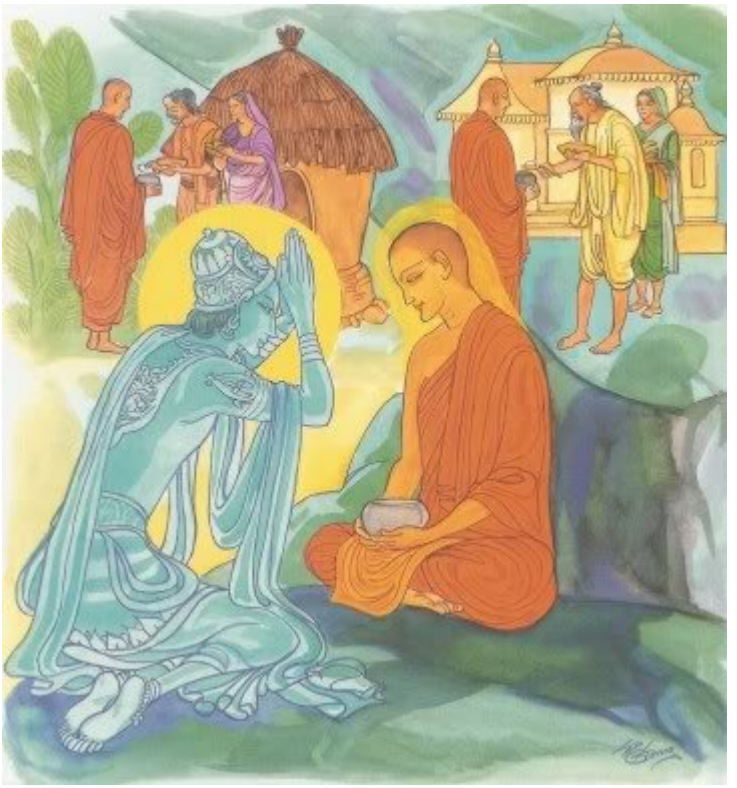

(366)
Tỳ Kheo thọ lĩnh cúng dường
Ít nhiều cũng chẳng coi thường khinh chê
Cứ luôn sinh hoạt mọi bề
Siêng năng, thanh tịnh không hề buông lơi
Chư thiên khen ngợi hết lời.



(367)
Thân tâm, danh sắc biết ra
Cái “ta” không chấp, “của ta” chẳng màng,
Ưu tư, sầu não sẽ tan
Khi “ta” không chấp, chẳng màng “của ta”
Người như vậy thật cao xa
Xứng danh đáng được gọi là Tỳ Kheo.

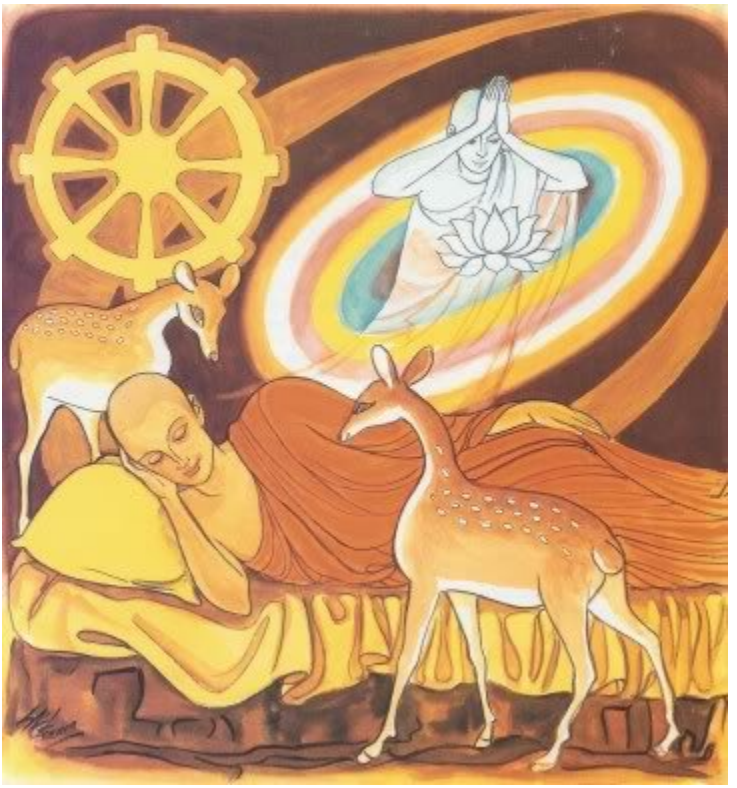

(368)
Tỳ Kheo chất chứa trong tâm
Từ bi hoa nở hương thầm bay xa
Vui trong giáo pháp Phật Đà
Sẽ mau đạt cảnh thăng hoa Niết Bàn
Nhanh siêu thoát, sớm bình an
Chẳng còn phiền não, vô vàn sướng vui.

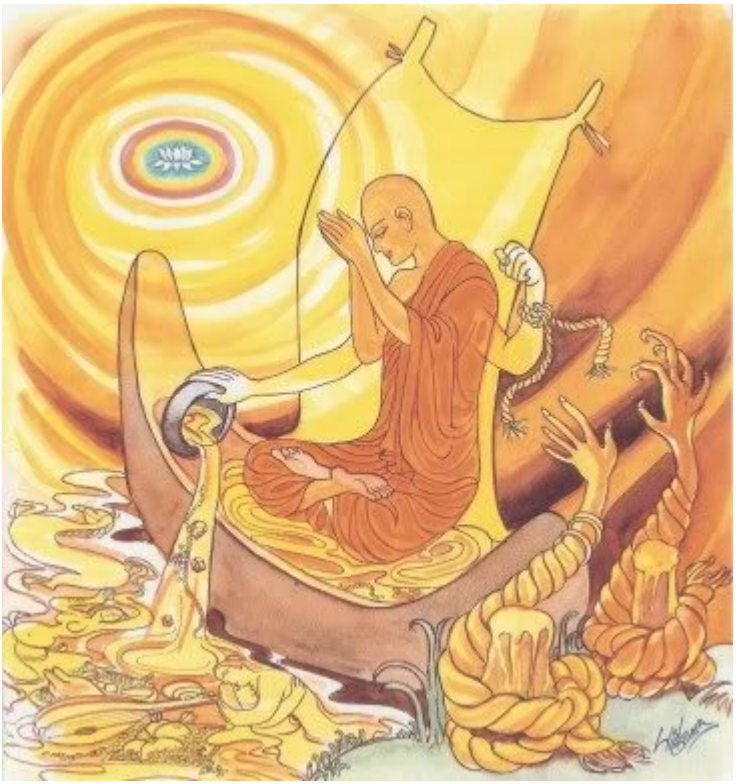

(369)
Tỳ Kheo tát nước thuyền này
Thuyền không nhẹ nhõm xuôi ngay theo dòng,
Tham và sân trừ diệt xong
Thân này cũng nhẹ thoát vòng nhiễm ô
Niết Bàn mau chóng qua bờ.



(370)
Tỳ Kheo nào cắt đứt xong
Năm điều phiền não chẳng còn vấn vương,
Năm điều ô trược dứt luôn,
Năm căn lành tốt tìm phương trau dồi,
Năm điều trói buộc vượt rồi
Xứng danh được gọi là người thành công
"Vượt dòng nước lũ" mênh mông.

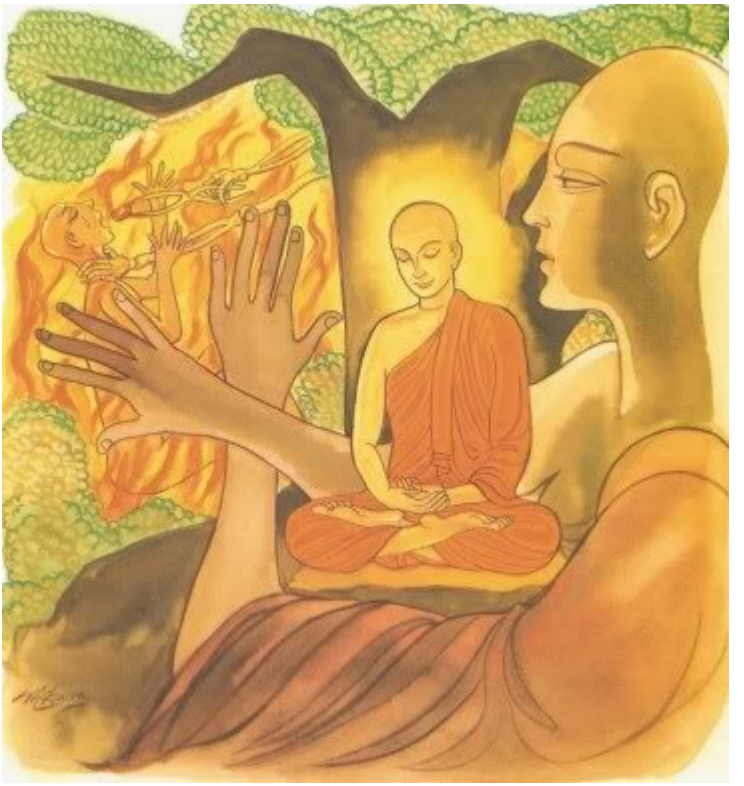

(371)
Tỳ Kheo hãy cố tu thiền
Chớ nên buông thả, chớ nên lơ là
Tâm mình ái dục tránh xa
Đừng chờ nuốt sắt nóng mà kêu than:
“Thân thiêu đốt khổ vô vàn!”

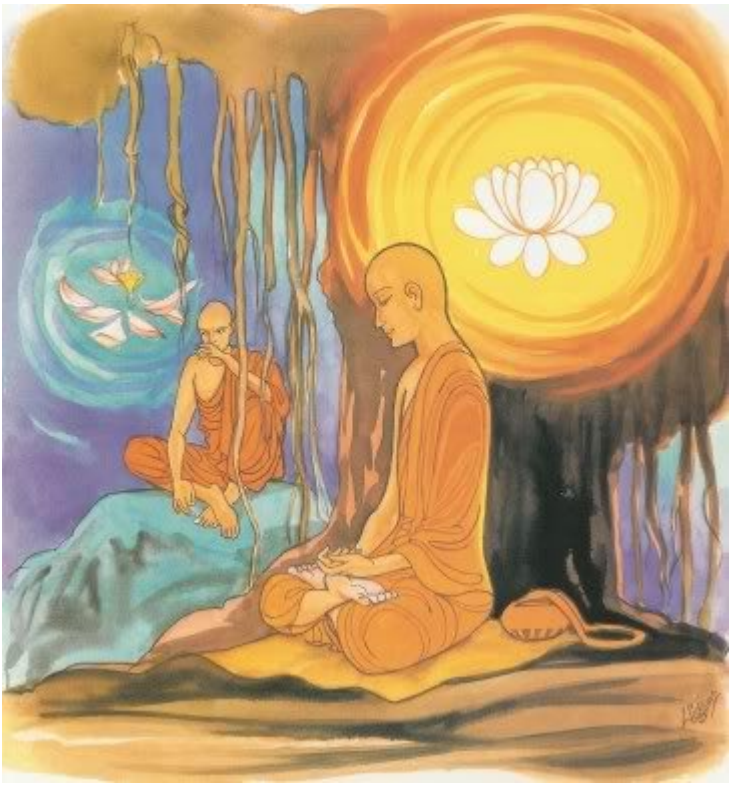

(372)
Khi mà trí tuệ thiếu rồi
Thời bao thiền định trôi xuôi theo dòng,
Khi mà thiền định chẳng còn
Thời bao trí tuệ theo dòng trôi xuôi,
Ai mà định, tuệ đủ đôi
Sóng vàng đưa lối kề nơi Niết Bàn.

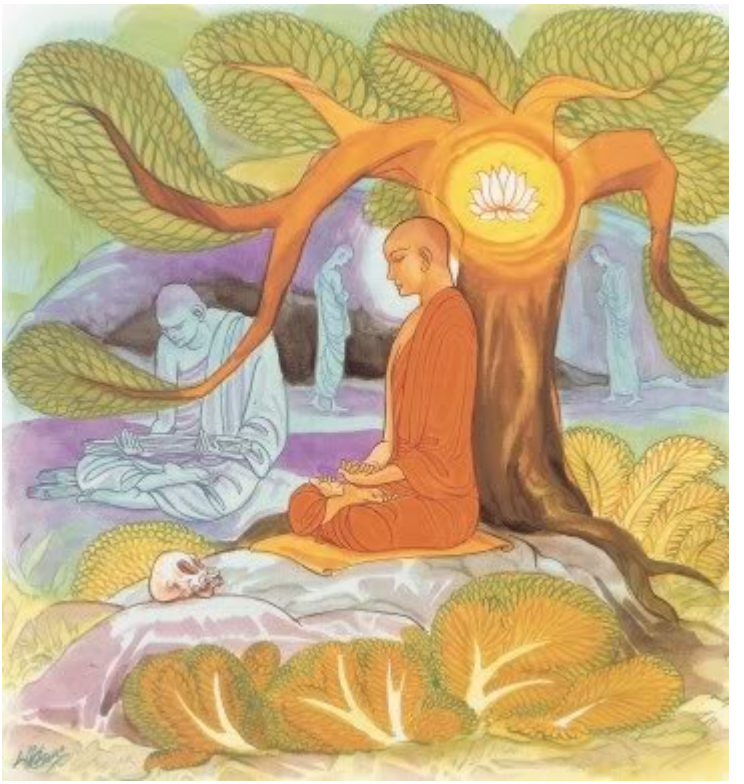

(373)
Tỳ Kheo ẩn dật sống nhàn
Luôn luôn yên tịnh vô vàn trong tâm
Bao điều chánh pháp nhận chân
Sẽ vui hưởng thú siêu nhân hơn người.

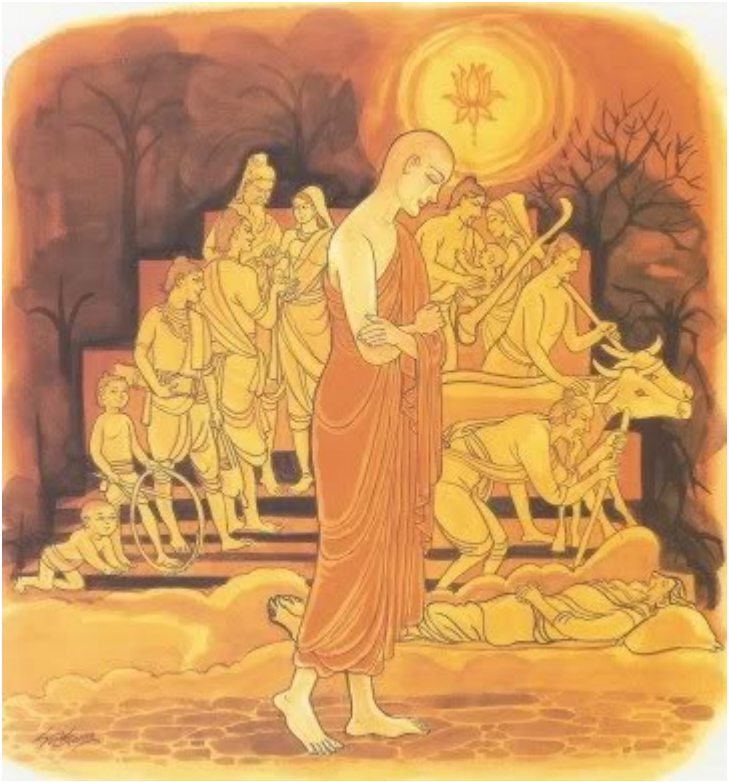

(374)
Ai mà suy nghĩ, nhận chân
Lẽ sinh diệt của thân tâm này rồi
Thân tâm ngũ uẩn con người,
Hưởng ngay hạnh phúc, niềm vui tốt lành
Của người thoát khỏi tử sinh.

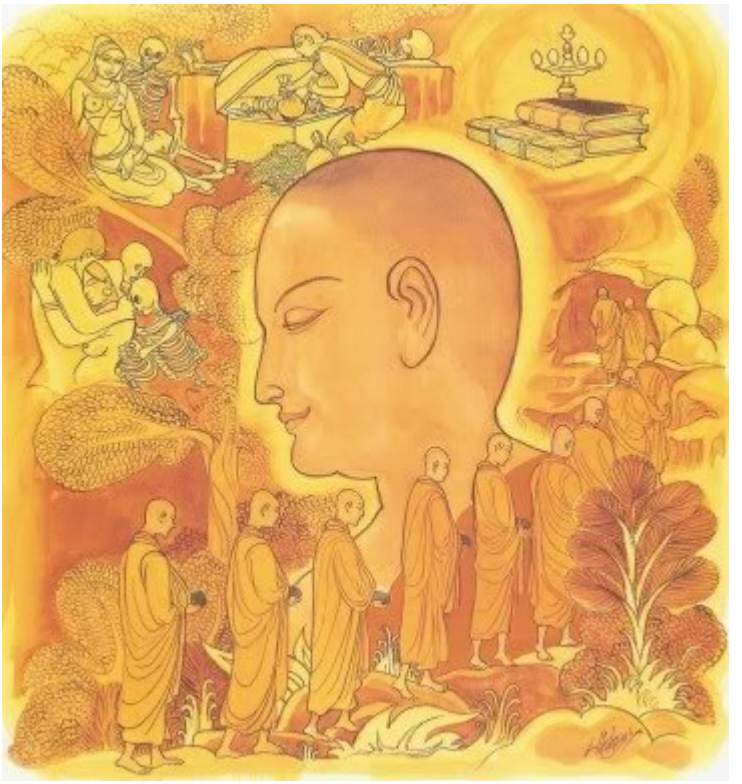

(375) - (376)
Tỳ Kheo có trí hiểu rằng
Phải lo chế ngự lục căn cho lành,
Tự mình biết đủ phần mình,
Đạo mầu giới luật nghiêm minh giữ gìn
Kết thân với các bạn hiền
Có tài, có đức lại thêm chuyên cần.

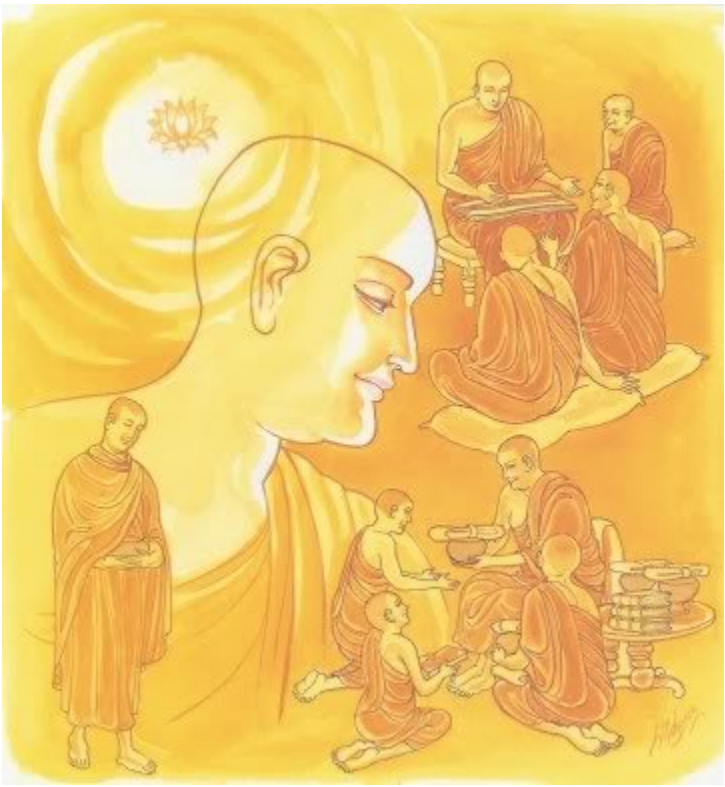

Chân thành giao thiệp xa gần
Tác phong đoan chính muôn phần thanh cao,
Được như vậy tốt là bao
Xua đi phiền não, đón vào sướng vui.



(377)
Như hoa lài lúc héo tàn
Buông rơi cánh úa theo làn gió kia,
Tỳ Kheo theo đó khác chi
Tham và sân xả hết đi mọi đường.

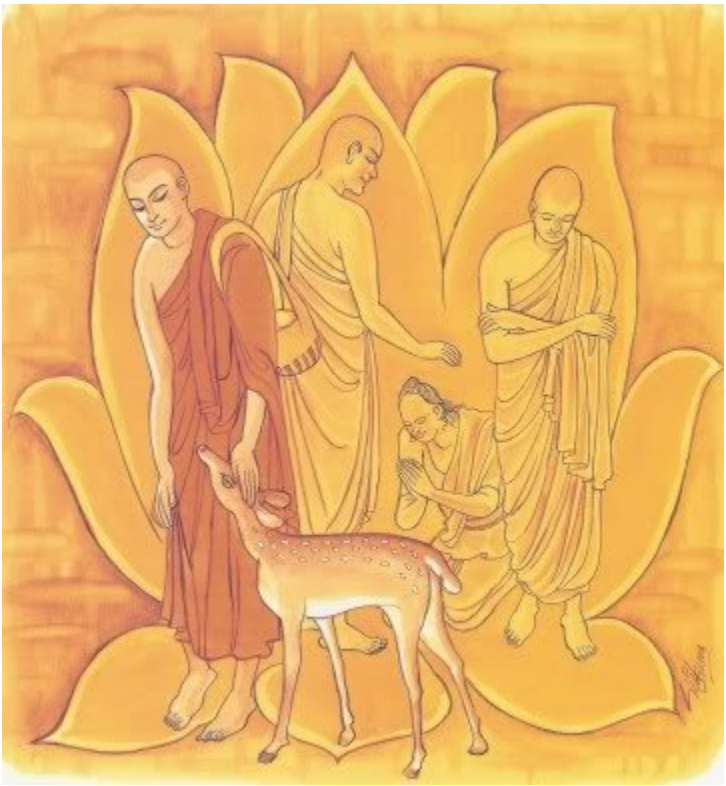

(378)
Tỳ Kheo thanh tịnh bản thân
Ôn hòa ngôn ngữ, bình an tâm hồn
Ung dung tự tại luôn luôn
Không màng dục lạc thế nhân thường tình
Con người an tịnh xứng danh!

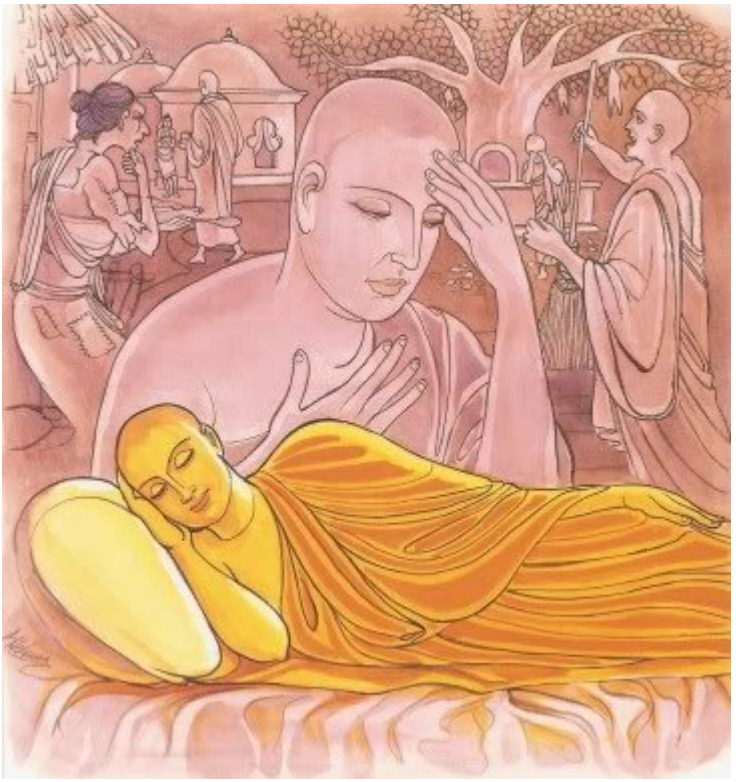

(379)
Tự mình hãy kiểm soát mình
Tự mình dò xét chân thành bản thân
Tự mình giác tỉnh canh phòng
Tỳ Kheo sẽ sống vô cùng an vui.

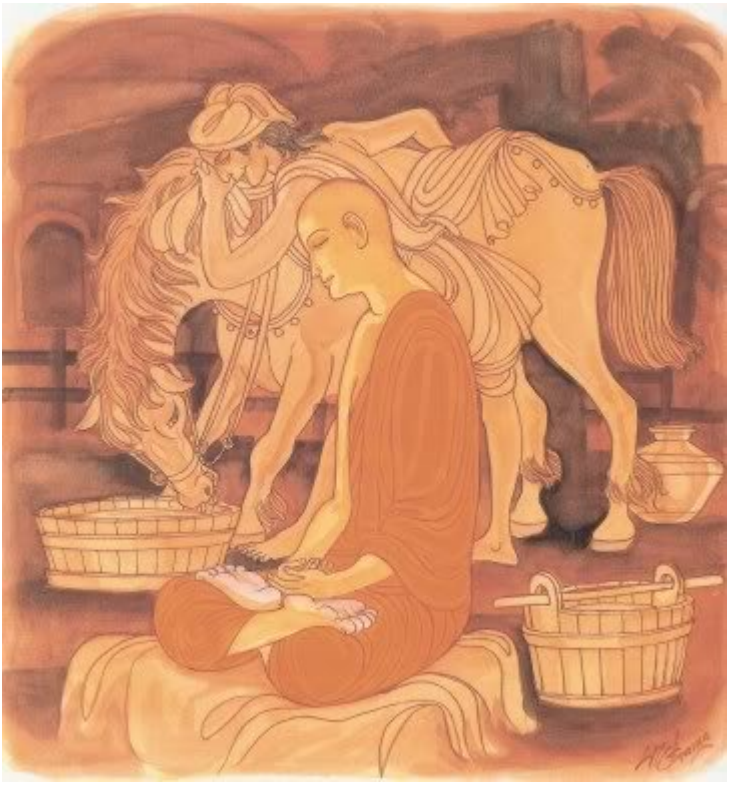

(380)
Tự mình bảo vệ bản thân
Tự mình nương tựa chẳng cần nhờ ai,
Vậy nên kiềm chế thân người
Như là chàng lái buôn ngồi ngựa hay
Lo kiềm chế ngựa luôn tay.

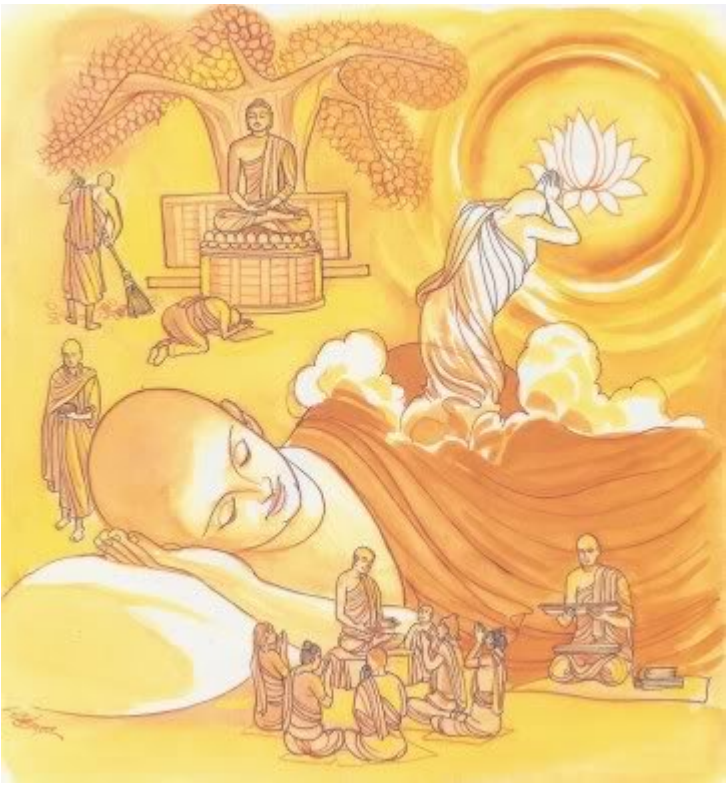

(381)
Tỳ Kheo hoan hỷ bản thân
Tin theo Phật pháp với tâm chân thành
Sẽ mau đạt cảnh an lành
Thân tâm phiền não sớm thanh tịnh liền.

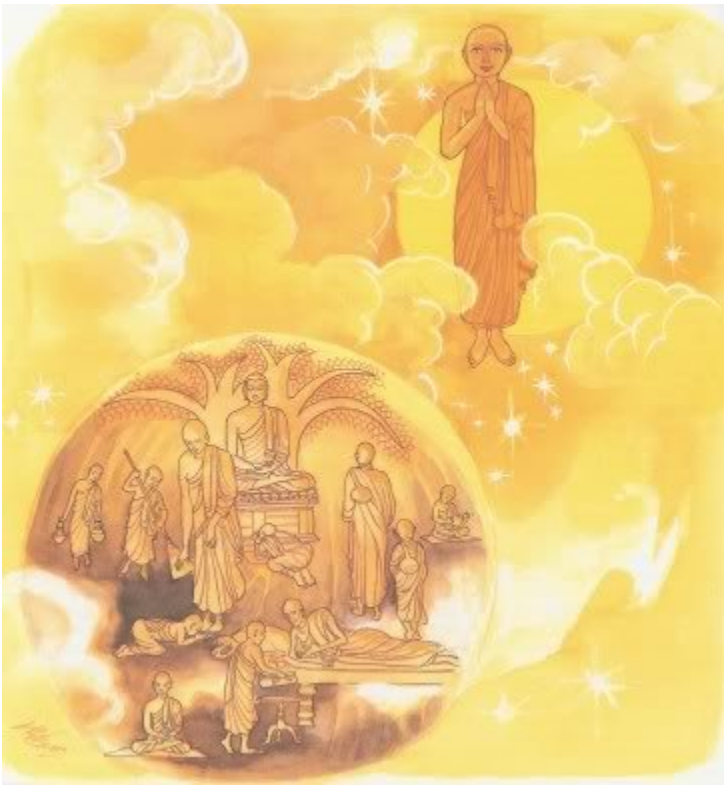

(382)
Tỳ Kheo tuy trẻ tuổi thôi
Nhưng mà Phật pháp tu thời siêng năng
Sẽ là ánh sáng huy hoàng
Rạng soi toàn cõi thế gian mịt mờ
Như trăng ra khỏi mây mù.

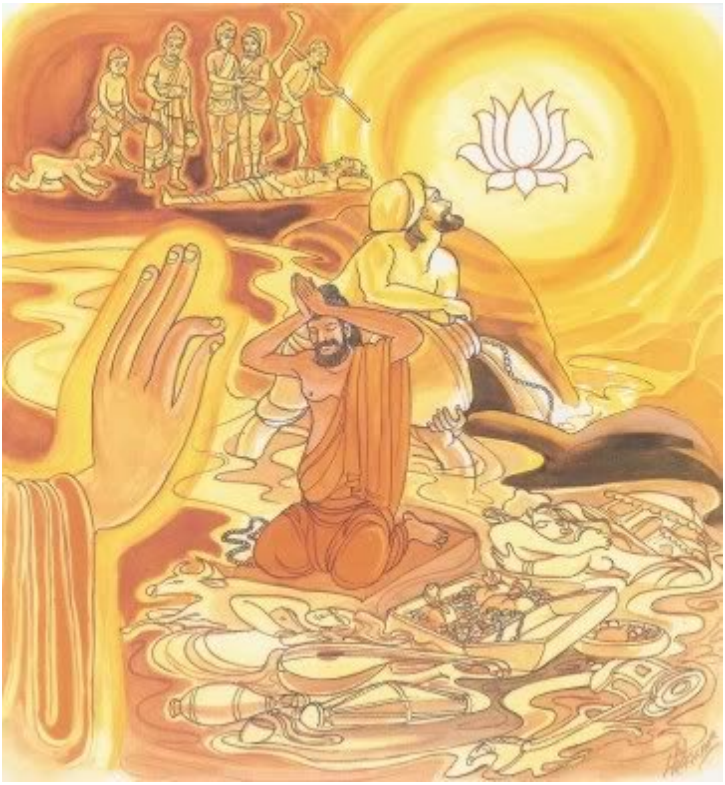

26. PHẨM BÀ LA MÔN (*)

(383)
Bà La Môn dũng cảm lên
Đoạn trừ ái dục lụy phiền cho nhanh
Một khi thấu hiểu thân mình
Là do ngũ uẩn tạo thành mà thôi
Thân mau tận diệt rã rời
Các người liền thấy được nơi Niết Bàn.

(*) *Bà La Môn: tiếng chỉ chung người đạo hạnh thanh tịnh chứ không theo nghĩa thông thường để chỉ giai cấp đạo sĩ Bà La Môn*

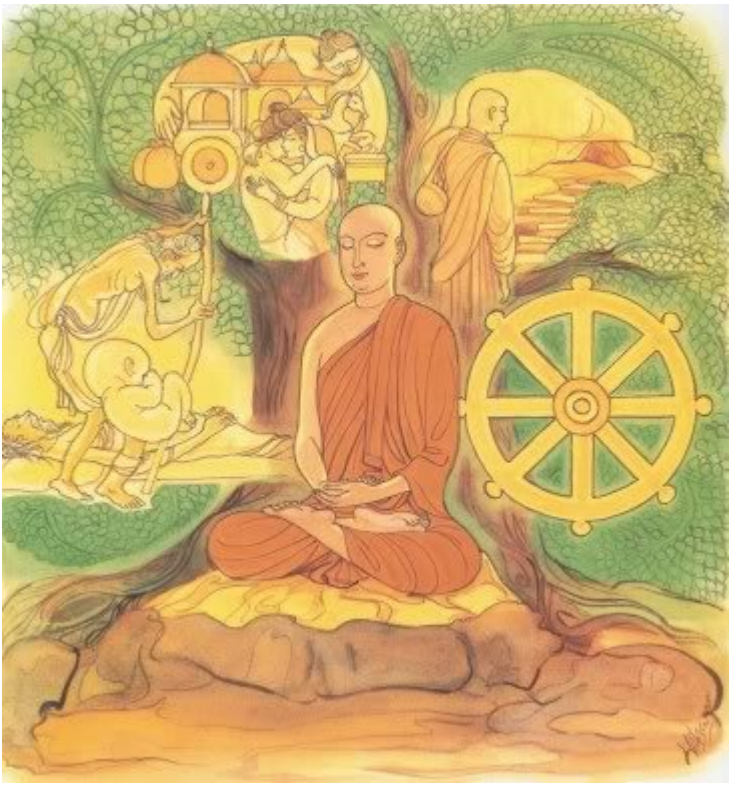

(384)
Chính nhờ hai pháp tu thiền
Ngưng lại, quan sát, xét xem mọi bề
Bà La Môn đến bờ kia
Bao nhiêu ràng buộc dứt lìa tiêu tan
Do nơi trí tuệ rỡ ràng.

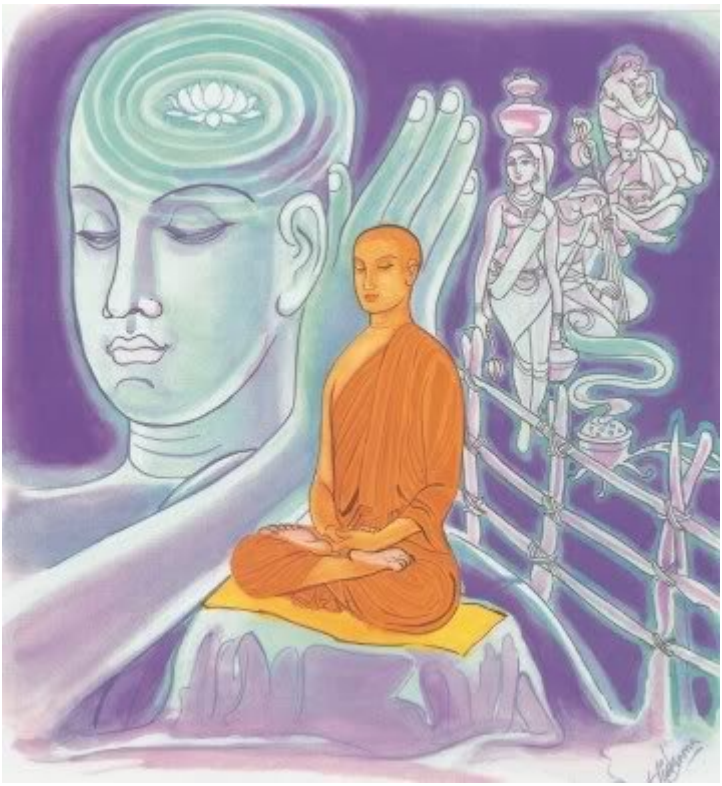

(385)
Không bờ này với lục căn,
Cũng không ôm giữ lục trần bờ kia
Hai bờ mau chóng thoát ly
Buông cho phiền não trôi đi nhạt nhòa
Buộc ràng dục vọng lìa xa
Như Lai gọi họ là Bà La Môn.

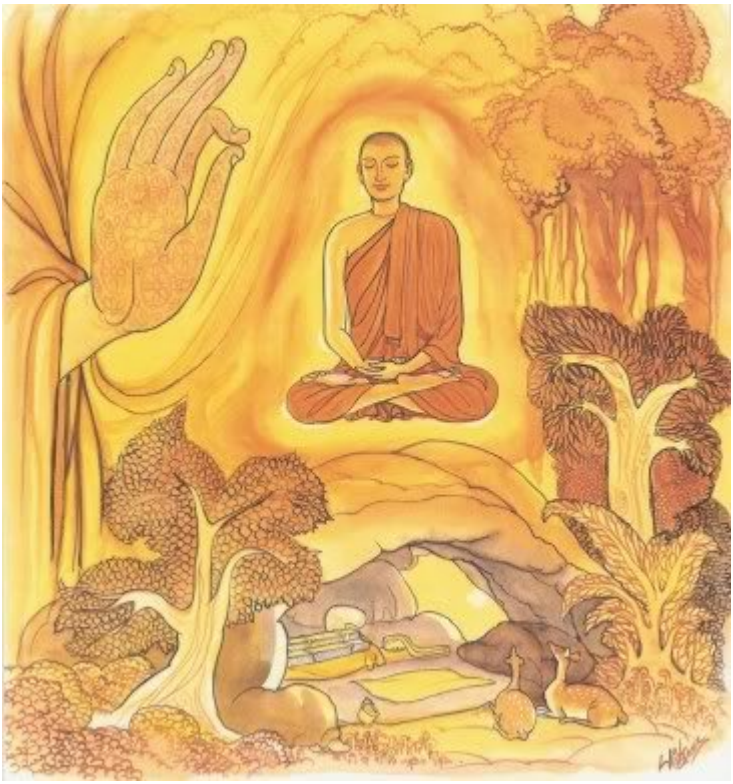

(386)
Siêng năng ẩn dật tu thiền
Nhiễm ô dứt bỏ, não phiền buông trôi
Tu tâm nhiệm vụ xong xuôi
Mục tiêu tối thượng tuyệt vời đạt nhanh
Bà La Môn thật xứng danh!

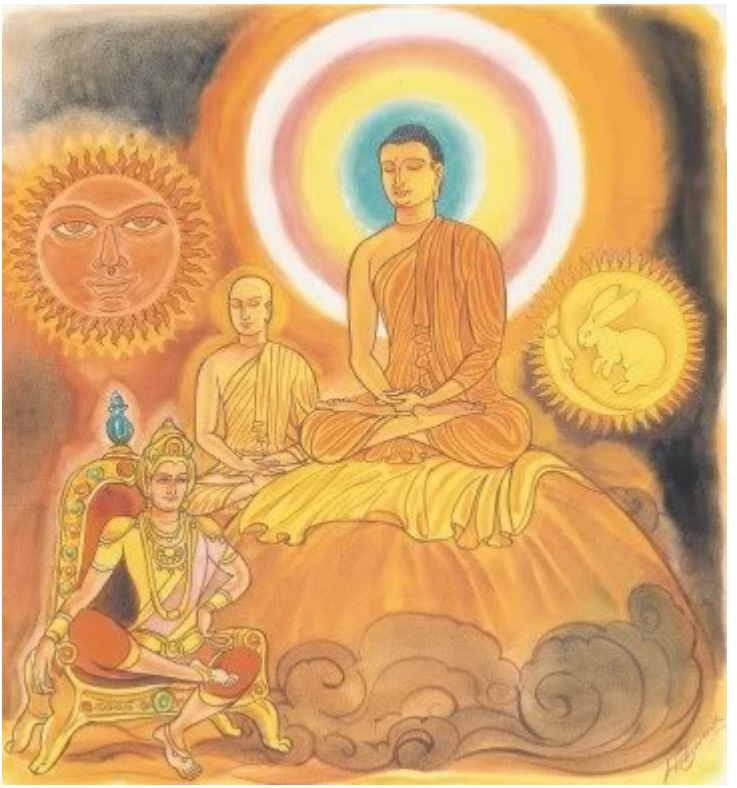

(387)
Mặt trời chiếu sáng ban ngày
Mặt trăng đêm xuống tỏa đầy ánh quang,
Gươm đao, nhung giáp huy hoàng
Trận tiền chiếu sáng rỡ ràng cho Vua,
Bà La Môn vốn từ xưa
Hào quang chiếu sáng khi tu hành thiền,
Nhưng hào quang Phật vô biên
Ngày đêm chiếu sáng khắp miền nhân gian.

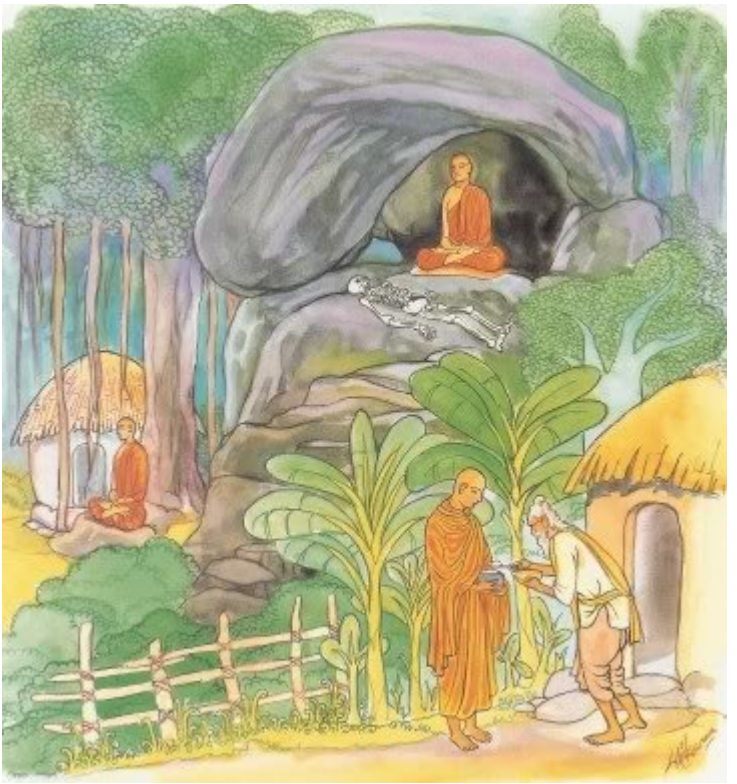

(388)
Người mà nghiệp ác dứt xa
Xứng danh tên gọi là Bà La Môn
Người mà an tịnh luôn luôn
Xứng danh tên gọi Sa Môn tu hành,
Người mà ô nhiễm diệt nhanh
Mới là một bậc thuần thành xuất gia.



(389)
Chớ nên đánh Bà La Môn!
Bà La Môn chớ nổi sân cùng người!
Đánh người xấu hổ một hai,
Nếu người bị đánh giận hoài không nguôi
Nổi cơn sân hận mãi thôi
Mới là hổ thẹn gấp mười lần hơn.

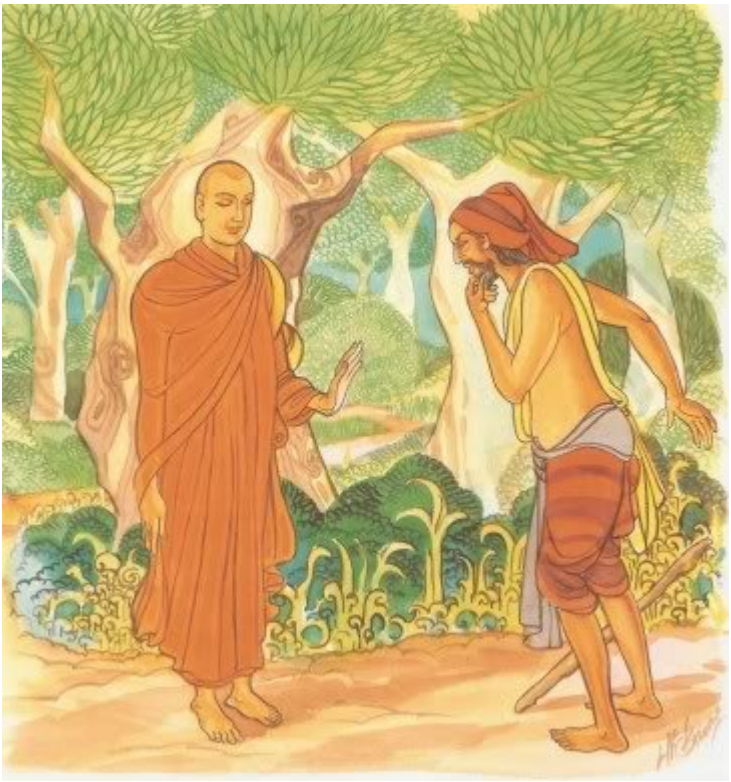

(390)
Bà La Môn chẳng hận thù
Lợi này không nhỏ từ xưa vậy rồi
Khi mà luyến ái đã rời
Khi mà tâm muốn hại người đã yên
Mới mong diệt hết não phiền
Và khi đó mới xa miền khổ đau.

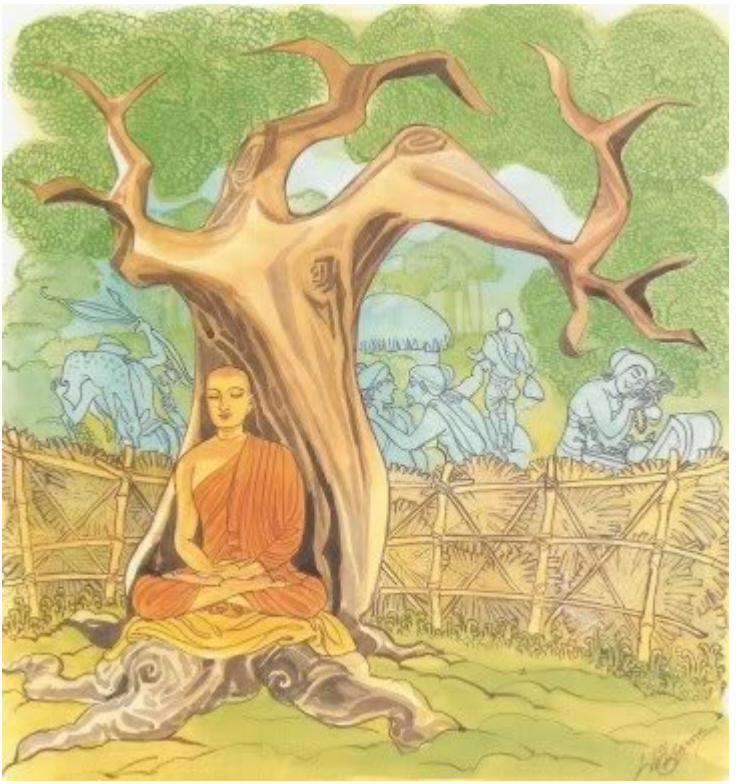

(391)
Người không tạo nghiệp ác chi
Hành vi, lời nói, nghĩ suy đúng đường,
Khi thân, khẩu, ý đàng hoàng
Tự mình chế ngự, sẽ mang tốt lành
Bà La Môn thật xứng danh!



(392)
Ai mà hướng dẫn cho ta
Hiểu thông giáo lý Phật Đà cao xa
Ta nên kính lễ thiết tha
Như người thờ lửa dòng Bà La Môn (*)
Thành tâm kính lễ lửa thần.

(*) *Bà La Môn: ở đây, riêng trong câu này, chỉ giáo đồ Bà La Môn.*

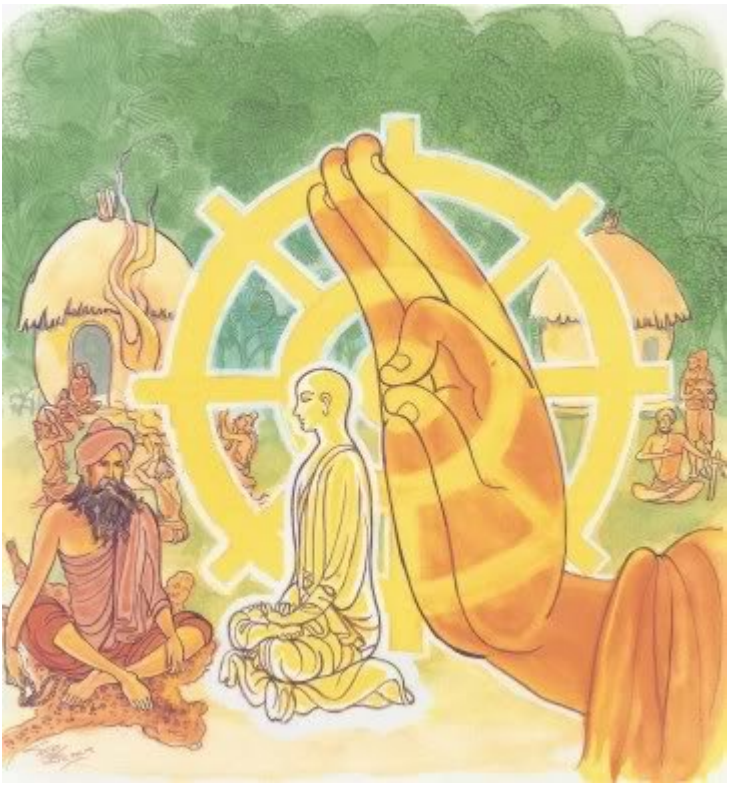

(393)
Mệnh danh là Bà La Môn
Nào vì bện tóc ở luôn trên đầu
Nào vì chủng tộc mình đâu
Cũng không vì đã dựa vào nơi sinh,
Riêng ai hiểu biết thật tình
"Bốn Điều Chân Lý" tâm thành nhận ra
Tinh thông "Chánh Pháp" Phật Đà
Và luôn thanh tịnh, là Bà La Môn.

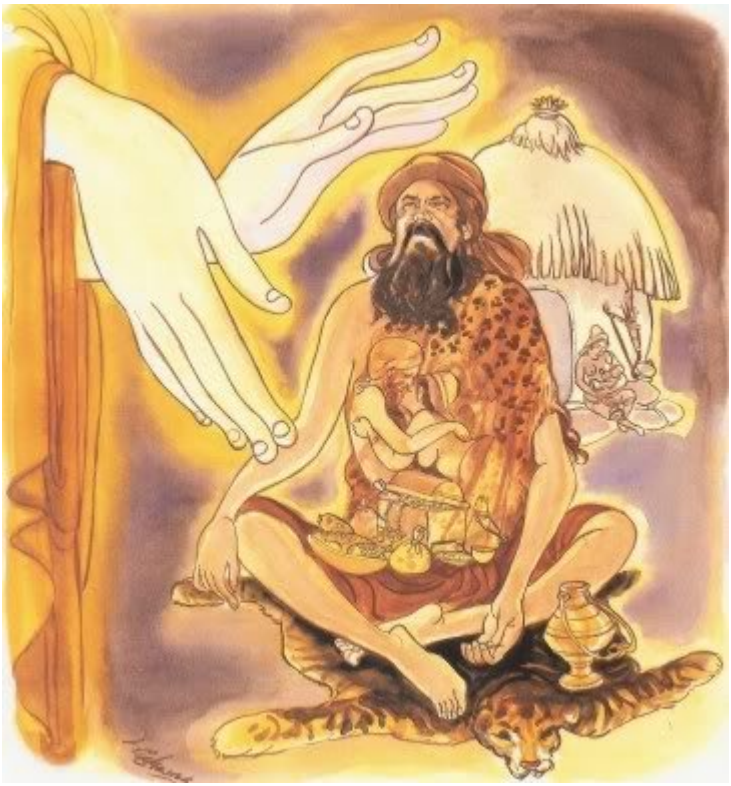

(394)
Kẻ ngu bện tóc trên đầu
Da dê may áo mặc đâu ích gì,
Lòng đầy tham dục chưa lìa
Điểm trang ngoài mặt làm chi cho thừa.

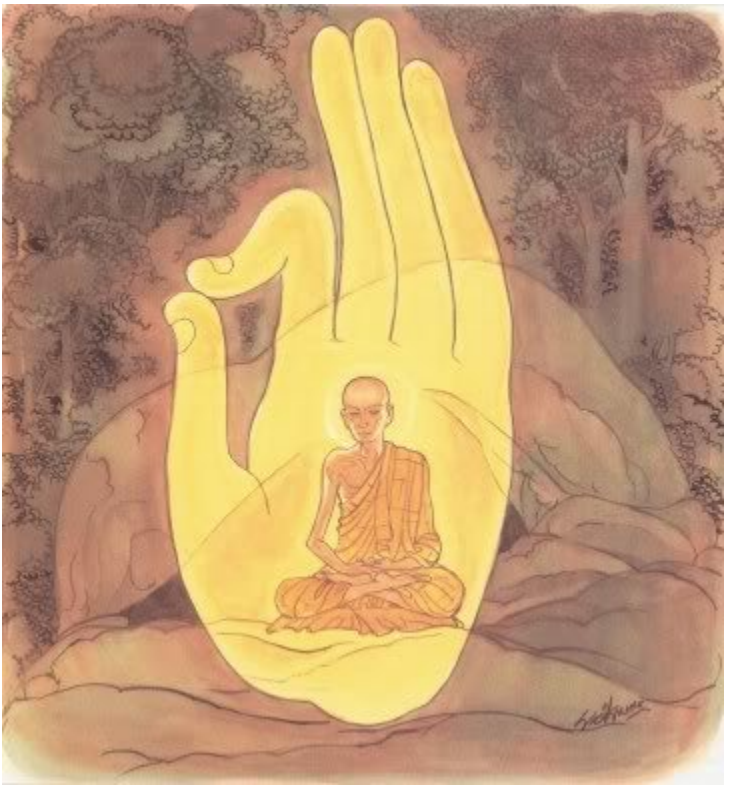

(395)
Ai tuy áo vá tầm thường
Ốm gầy đến lộ gân xương thân hình
Tu thiền rừng vắng một mình
Bà La Môn gọi xứng danh vô cùng.



(396)
Không vì do mẹ sinh ra
Một người được gọi là Bà La Môn
Nếu còn phiền não trong tâm
Thì người chỉ được gọi bằng tên suông,
Ai mà chướng ngại dứt luôn
Chẳng còn luyến ái vấn vương tâm mình
Bà La Môn mới xứng danh.

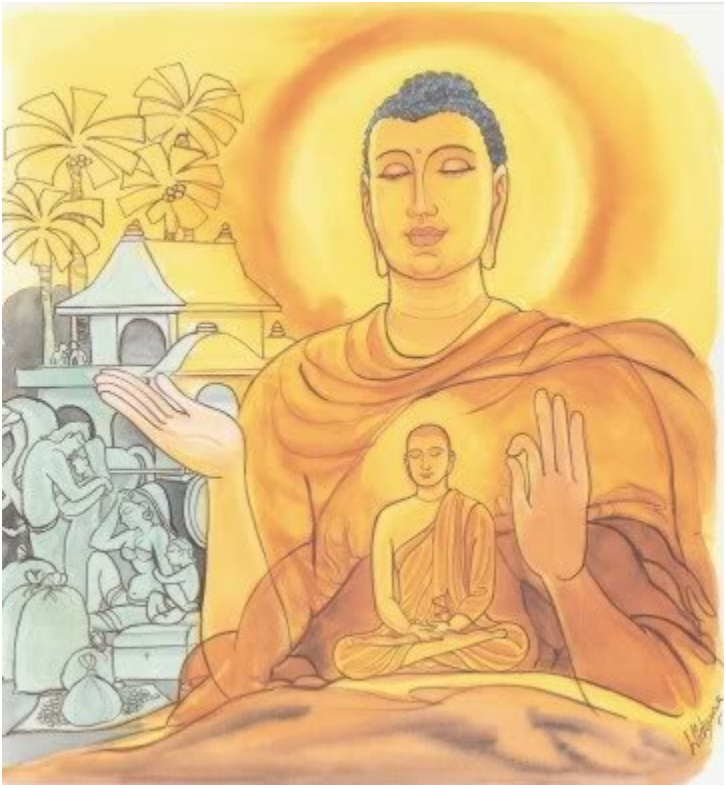

(397)
Ai mà dứt hết não phiền
Từng phen lèo lái, xích xiềng thân ta
Bao cơn sợ hãi vượt qua
Chẳng còn dính mắc, lìa xa buộc ràng
Bà La Môn xứng tên vàng.

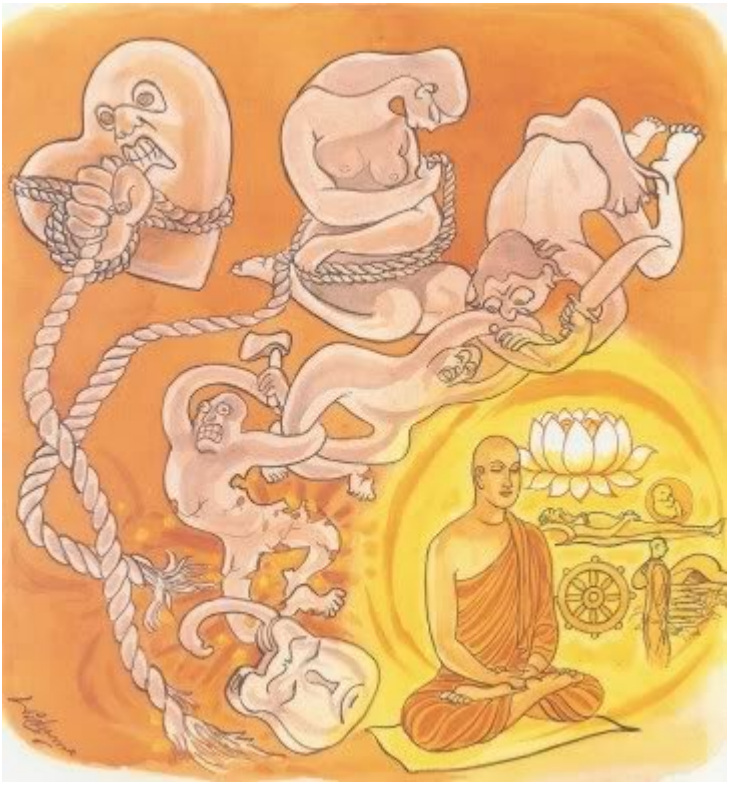

(398)
Bỏ đai da sân hận đi
Bỏ cương luyến ái chớ hề vấn vương
Bỏ dây tà kiến lầm đường
Bỏ đồ phụ thuộc buộc ràng quẩn quanh
Bỏ đi cây trục vô minh
"Bốn Điều Chân Lý" thật tình hiểu ra
Con người giác ngộ tiến xa
Xứng danh tên gọi là Bà La Môn.

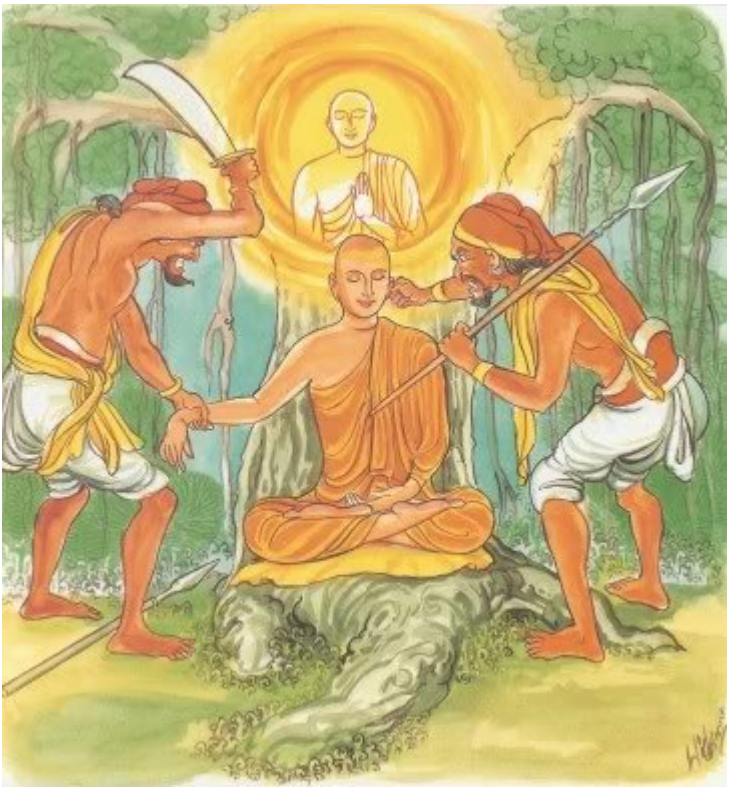

(399)
Ai không tức giận với người
Chịu lời khiển trách, đòn roi, phạt hình
Lấy điều nhẫn nhục lặng thinh
Làm quân lực bảo vệ mình một bên
Bà La Môn thật xứng tên.

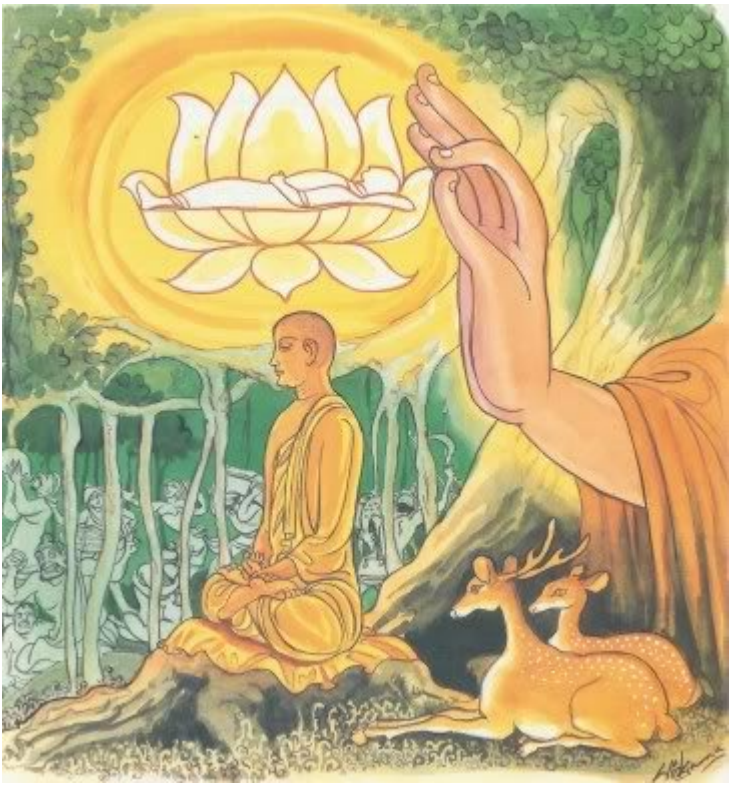

(400)
Ai không nóng giận với người
Chu toàn bổn phận, sống đời trang nghiêm
Không tham ái, biết tự kiềm
Xác thân hiện tại trở nên cuối cùng
Luân hồi sinh tử chẳng còn
Bà La Môn gọi tên không sai gì.

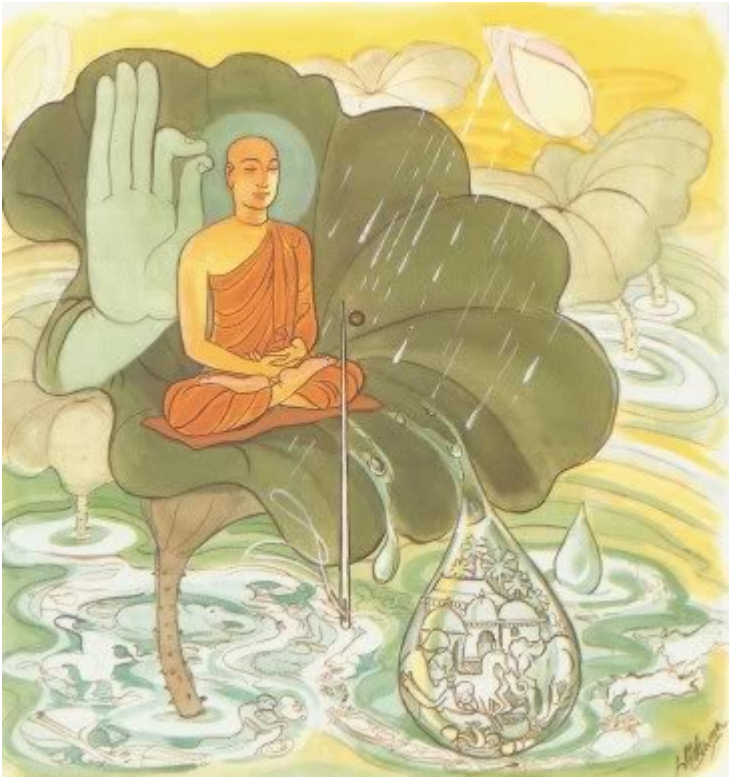

(401)
Người mà ái dục thoát ly
Không còn đắm nhiễm chút gì dài lâu
Tựa như giọt nước trôi mau
Chẳng còn dính lại trên tàu lá sen
Hay hột cải đặt đầu kim
Không còn dính lại ở trên được nào,
Bà La Môn xứng danh sao!

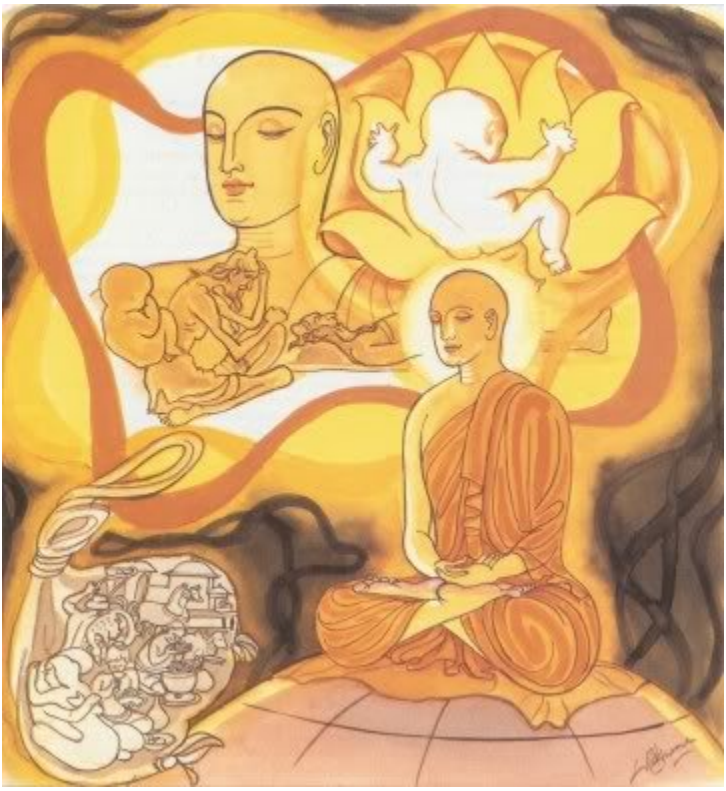

(402)
Ai tu ở thế gian này
Tự mình giác ngộ được ngay đạo mầu
Diệt trừ hết mọi khổ đau
Thân tâm nặng gánh bỏ mau bên đường
Để rồi siêu thoát nhẹ nhàng
Bà La Môn thật vô vàn xứng danh.

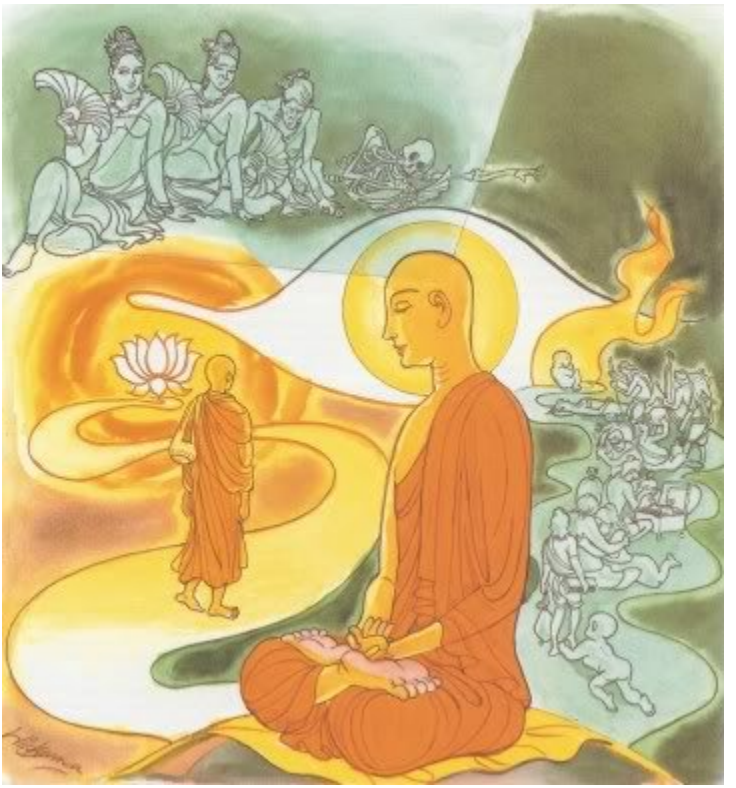

(403)
Người nào trí tuệ sâu xa
Nhận chân đường chánh, nẻo tà phân minh
Mục tiêu tối thượng đạt thành
Bà La Môn thật xứng danh vô cùng.

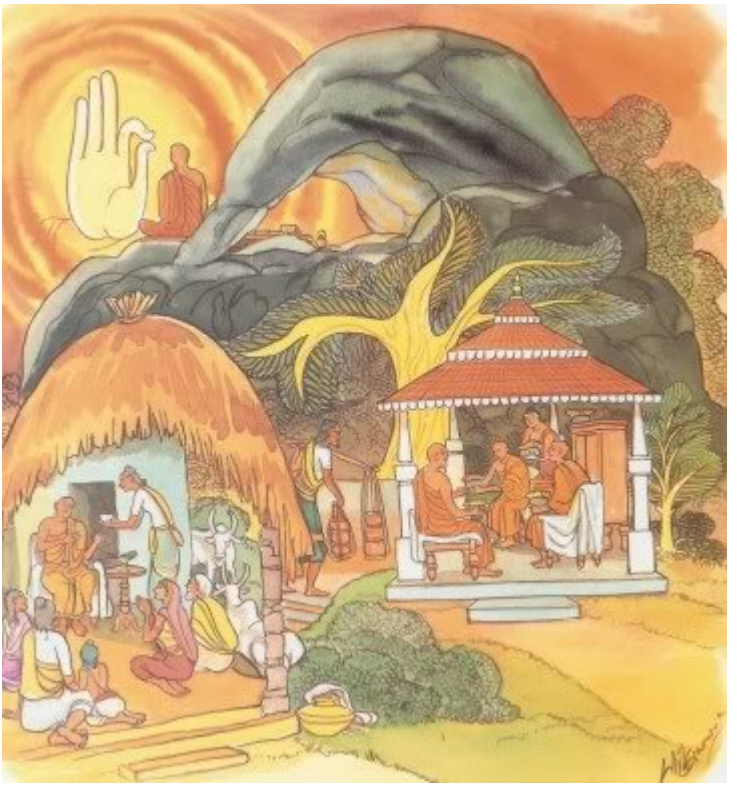

(404)
Ai mà không thích kết thân
Với người thế tục hay hàng xuất gia
Lang thang đơn độc, không nhà
Không còn ham muốn thiết tha dục tình
Bà La Môn thật xứng danh.

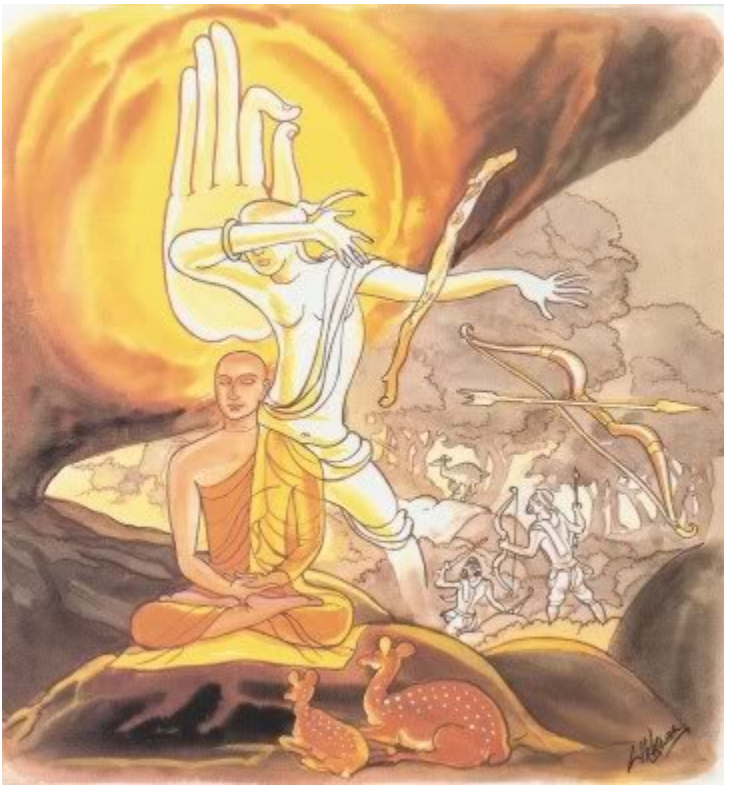

(405)
Ai không dao gậy bạo hành
Trong khi tiếp xúc chúng sinh ở đời
Dù người mạnh, yếu vậy thôi
Không gây thương tổn hay đòi sát sinh
Bà La Môn thật xứng danh.



(406)
Tỏ ra thân thiết chân tình
Giữa người thù nghịch quanh mình gần xa,
Tỏ ra thiện chí ôn hòa
Với người tính khí thật là hung hăng,
Không còn luyến ái vương mang
Bên người cố chấp buộc ràng vây quanh,
Bà La Môn thật xứng danh.



(407)
Người mà phủi sạch tham lam
Và bao sân hận, kiêu căng, tỵ hiềm
Không còn bám lại gây phiền,
Tựa như hột cải đặt trên kim này
Mũi kim giữ cải khó thay,
Bà La Môn thật xứng ngay tên người.

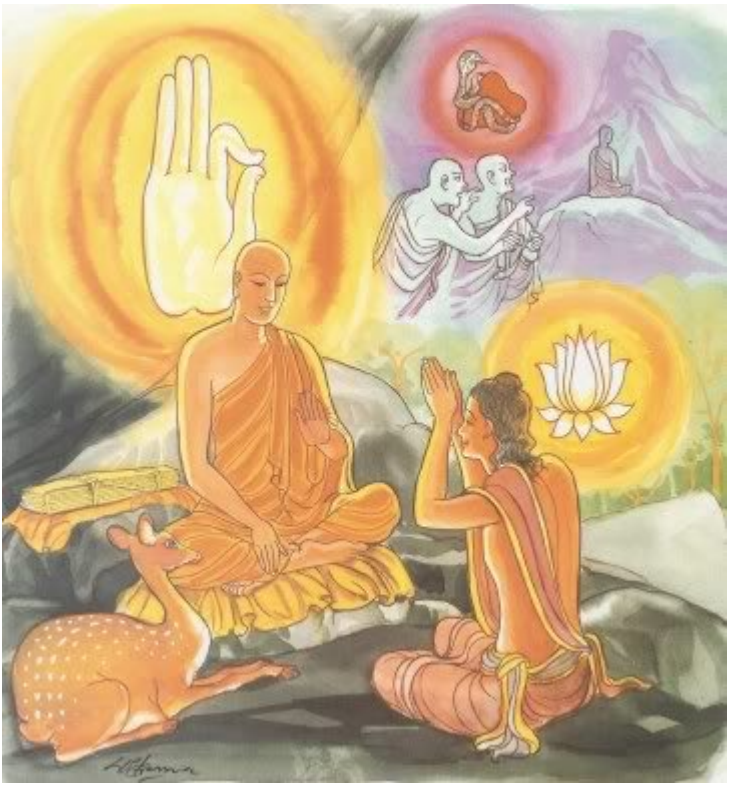

(408)
Nói lời êm dịu, ôn hòa
Lại thêm lợi ích, thật thà mãi thôi
Không hề xúc phạm đến ai
Bà La Môn gọi tên người xứng sao!

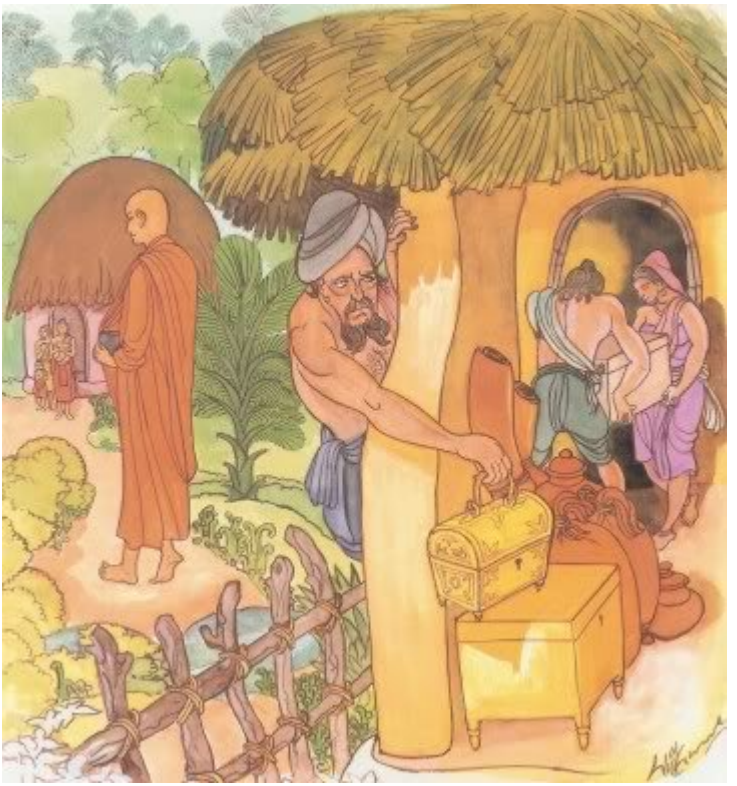

(409)
Thế gian hễ cứ một ai
Không hề lấy vật mà người không cho
Dài hay ngắn, nhỏ hay to
Dù tốt hay xấu, dù hư hay lành
Bà La Môn thật xứng danh.

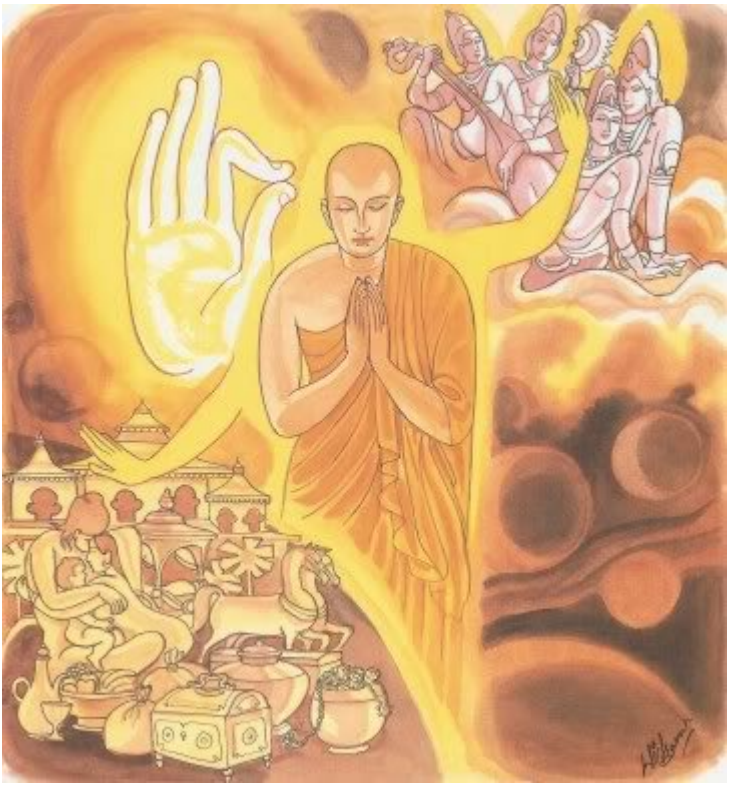

(410)
Dù đời này hay đời sau
Người không dục vọng khát khao chút gì
Dễ dàng siêu thoát mọi bề
Bà La Môn gọi tên thì xứng sao.

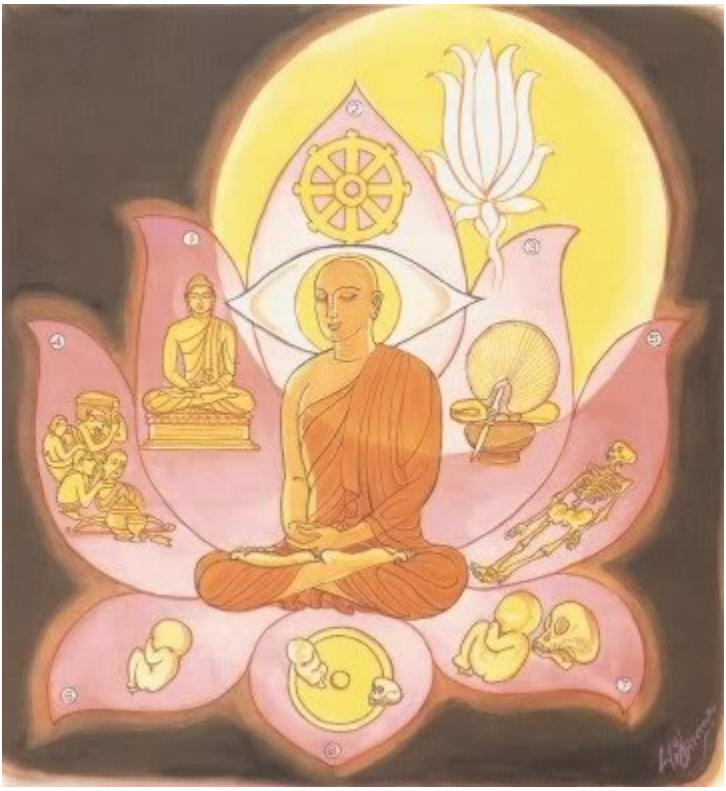

(411)
Người nào tham ái dứt luôn
Do nhờ có trí không còn nghi nan
Đã mau chứng ngộ đạo vàng
Niềm vui bất tử Niết Bàn tiến nhanh
Bà La Môn thật xứng danh.

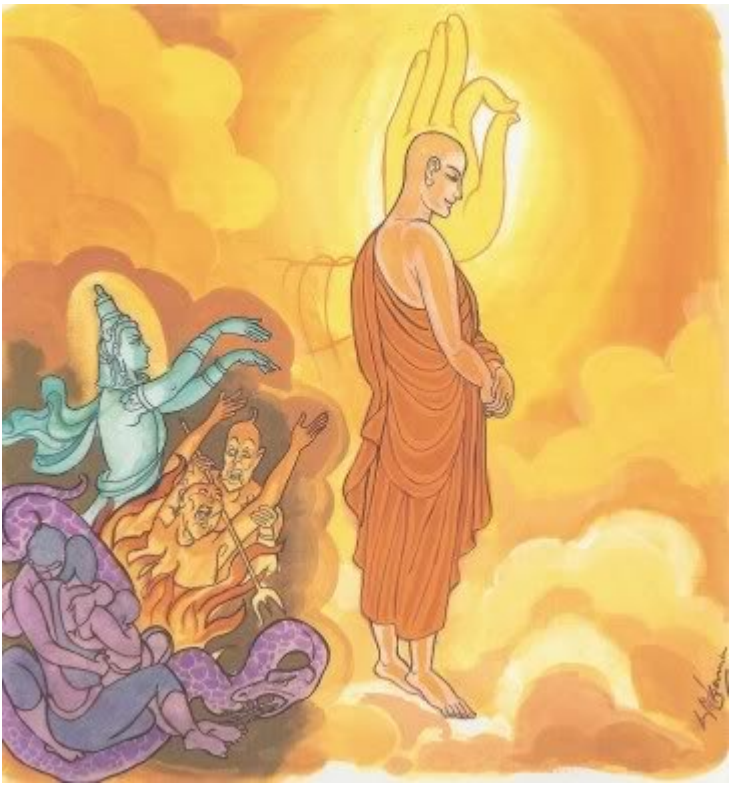

(412)
Những người sống ở đời này
Hai điều thiện, ác vượt ngay qua rồi
Chẳng còn ràng buộc tâm người
Chẳng còn phiền muộn rối bời vây quanh
Không ô nhiễm, rất tịnh thanh
Bà La Môn thật xứng danh gọi người.

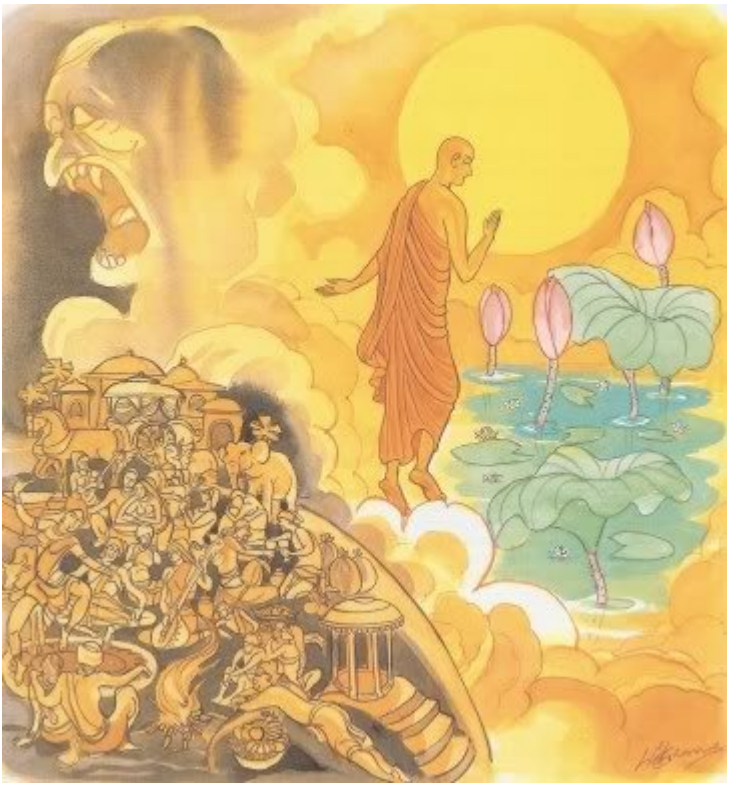

(413)
Người nhơ bẩn phủi sạch rồi
Như trăng vằng vặc sáng ngời trong đêm
Rất thanh tịnh, rất lặng yên
Diệt trừ ái dục quẩn bên hại mình
Bà Là Môn thật xứng danh.

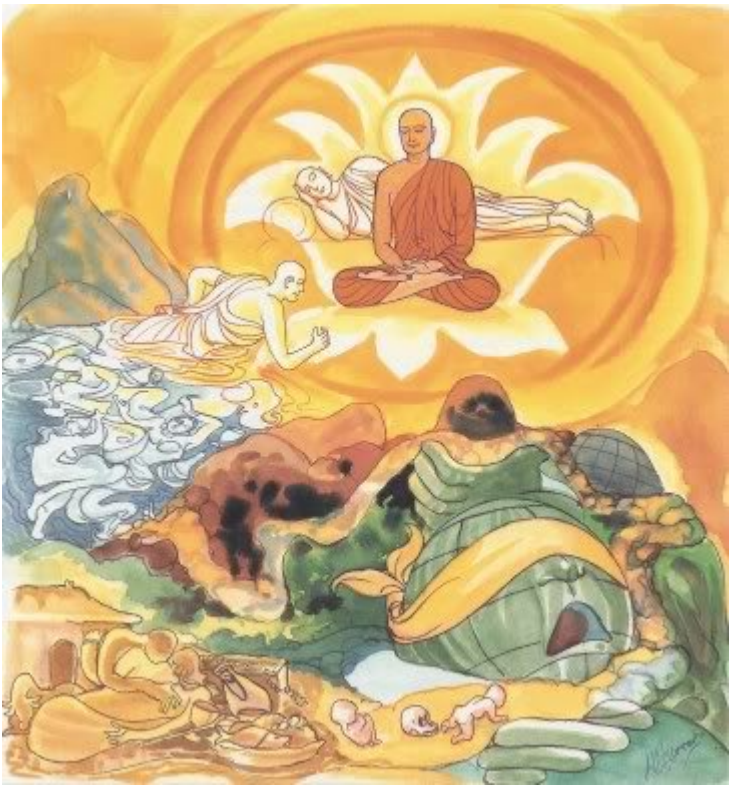

(414)
Vũng lầy tham ái tránh xa
Con đường dục vọng vượt qua được rồi,
Si mê u tối đã rời
Thoát ra khỏi biển luân hồi cuồng quay,
Bờ kia thiền định sang ngay,
Rũ mau nghi hoặc vương đầy trước kia
Người không bám víu điều chi
Dặm trường hoàn tất nẻo đi Niết Bàn
Bà La Môn xứng tên vàng.

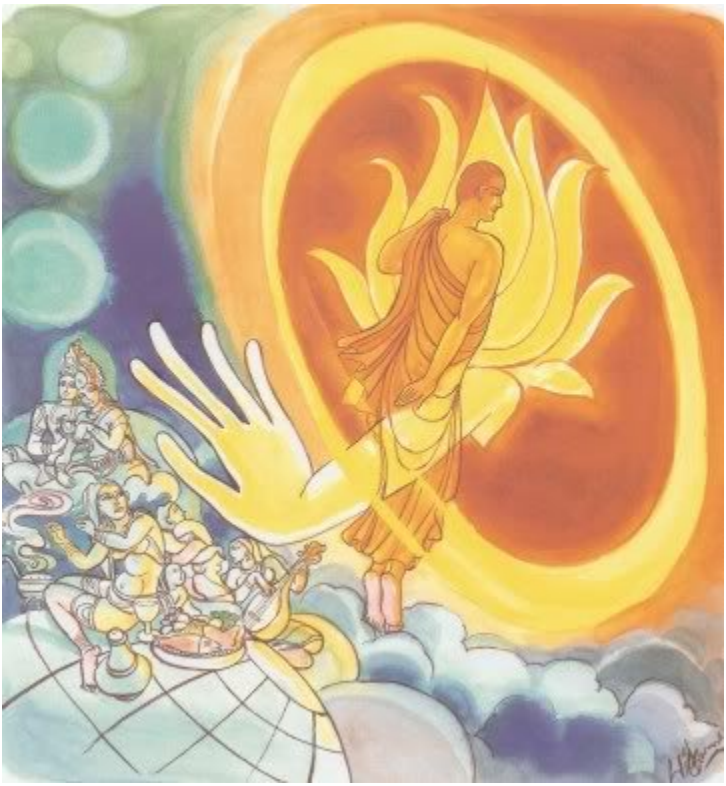

(415)
Ở trên cõi thế gian này
Người nào dục lạc bỏ ngay chẳng màng
Khước từ đời sống trần gian
Lìa nơi nhà cửa, nhập hàng xuất gia
Ngăn dục lạc tái sinh ra
Như Lai gọi họ là Bà La Môn.

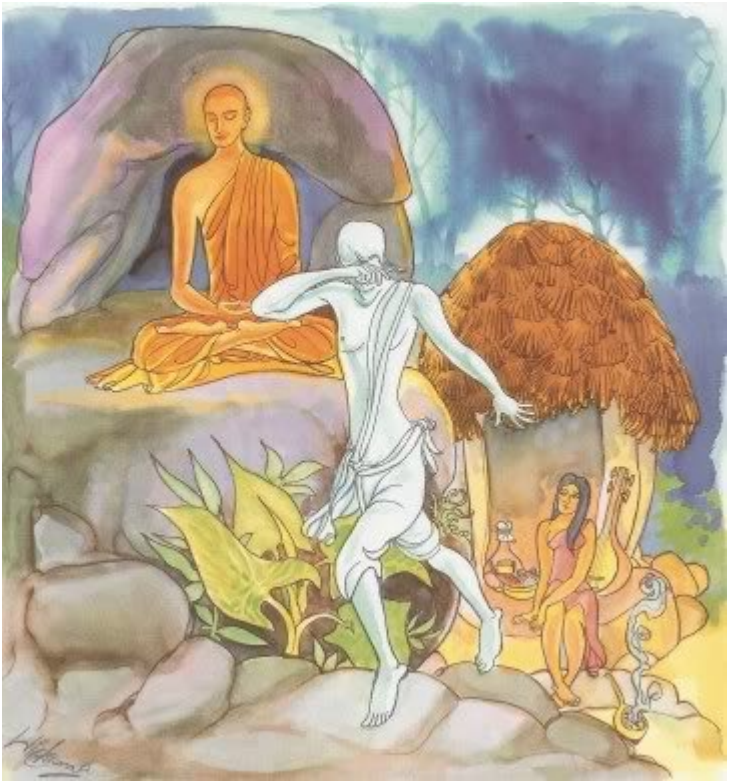

(416)
Ở trên cõi thế gian này
Người nào ái dục bỏ ngay chẳng màng
Khước từ đời sống trần gian
Lìa nơi nhà cửa, nhập hàng xuất gia
Ngăn ái dục tái sinh ra
Như Lai gọi họ là Bà La Môn.

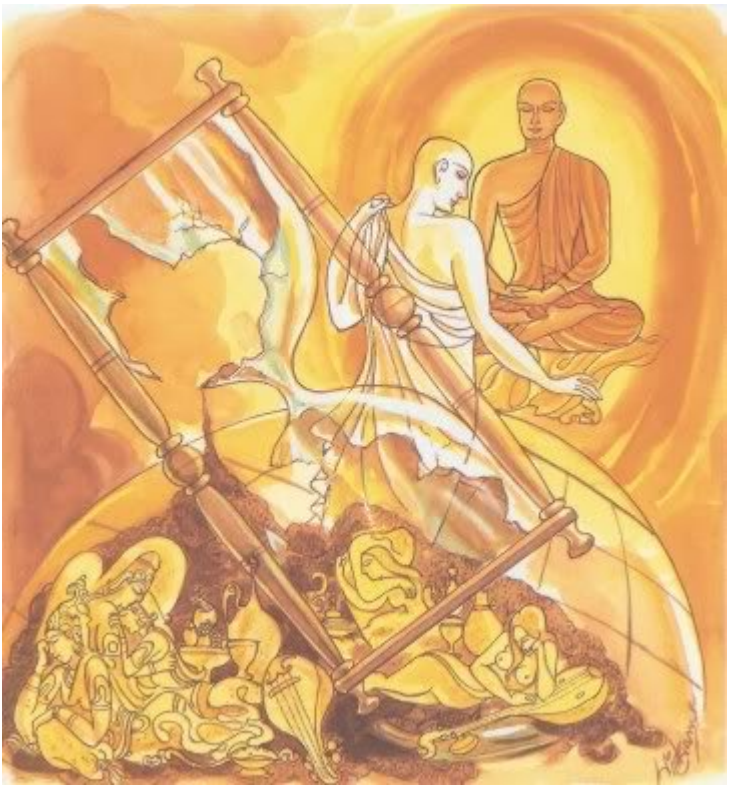

(417)
Xa lìa trói buộc nhân gian,
Vượt qua trói buộc trên hàng trời cao,
Buộc ràng giải thoát hết mau
Bà La Môn thật tên đâu xứng bằng.

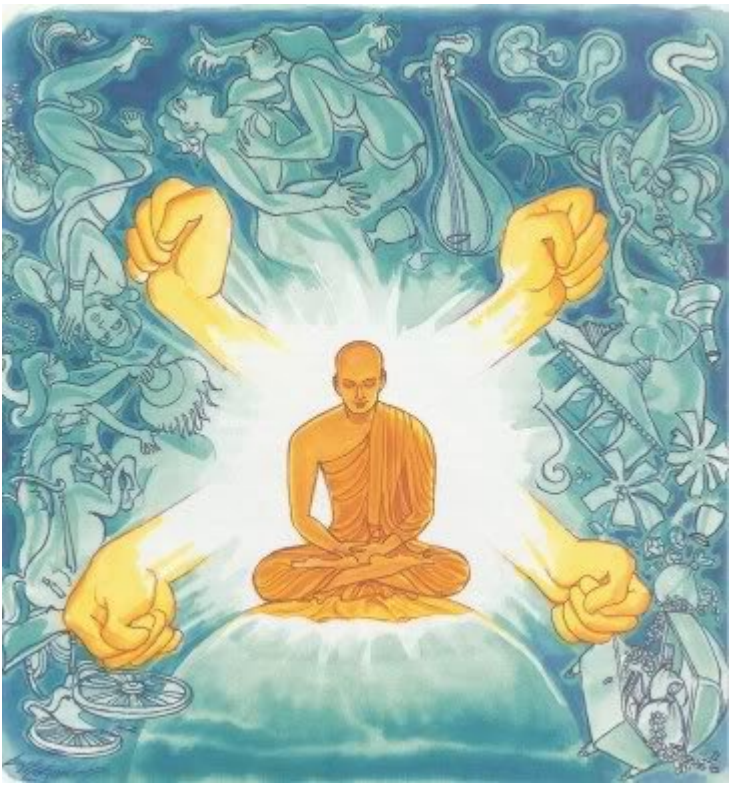

(418)
Bỏ điều ưa ghét một bên
Nhiễm ô chẳng vướng, thản nhiên nhìn đời
Thế gian ngũ uẩn thắng rồi
Kiên trì, cố gắng, con người đáng khen
Bà La Môn thật xứng tên.

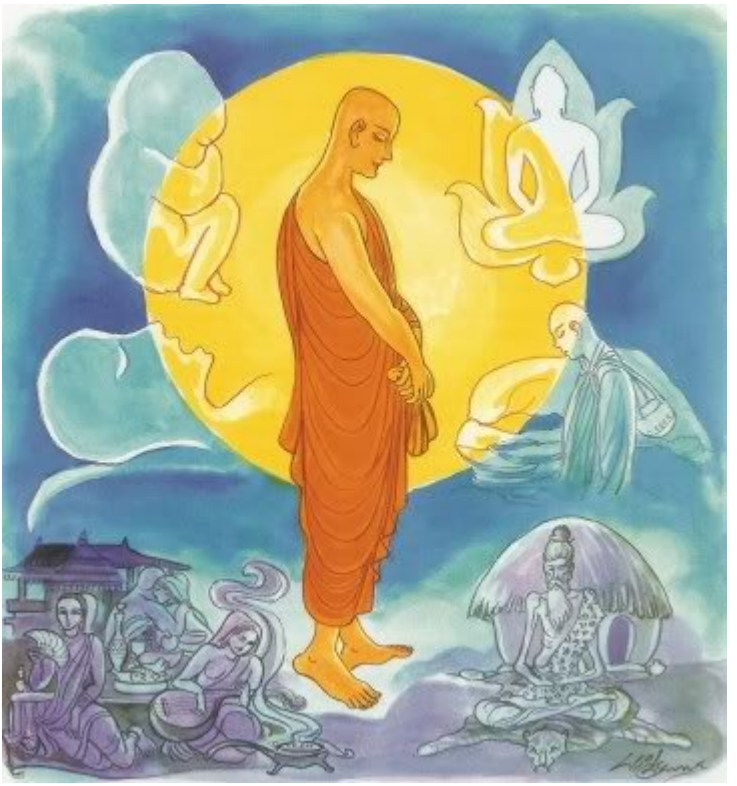

(419)
Người nào hiểu rõ chúng sinh
Sinh ra, hoại diệt quẩn quanh thế nào
Để rồi khéo vượt qua mau
Một khi giác ngộ, xa đâu Niết Bàn
Bà La Môn xứng tên vàng.

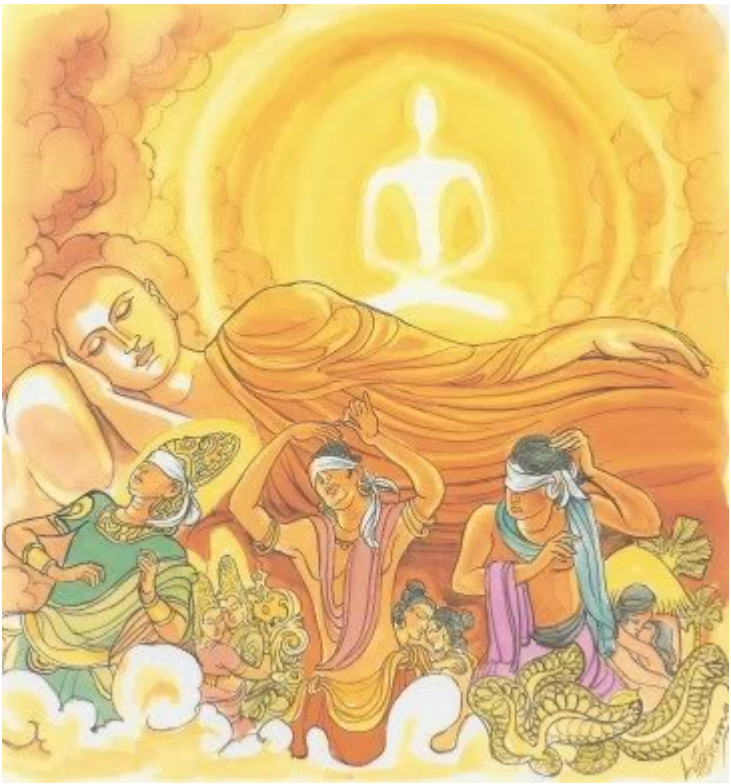

(420)
Ai mà sau lúc qua đời
Dù chư thiên hoặc loài người khắp nơi
Hay chúng sinh ở cõi trời
Không hay biết họ về nơi chốn nào,
Họ là bậc đáng tự hào
Nhiễm ô, dục vọng diệt bao lâu rồi
Chẳng còn sinh tử luân hồi
Bà La Môn xứng tên người biết bao!

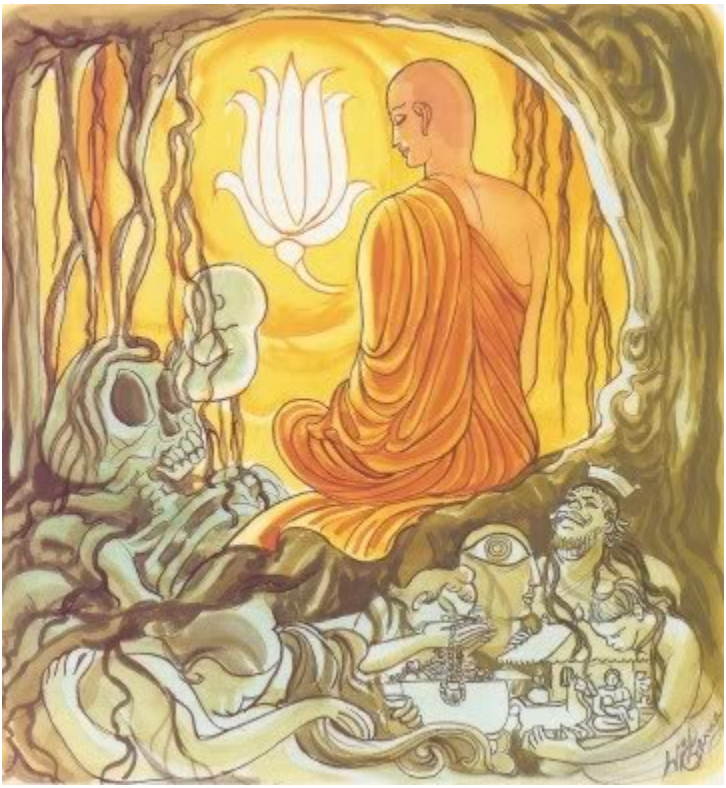

(421)
Người không bám víu vật chi
Dù trong quá khứ hay về tương lai
Hoặc trong hiện tại lúc này
Chẳng ham nắm giữ trong tay chút gì
Bà La Môn xứng tên chi.

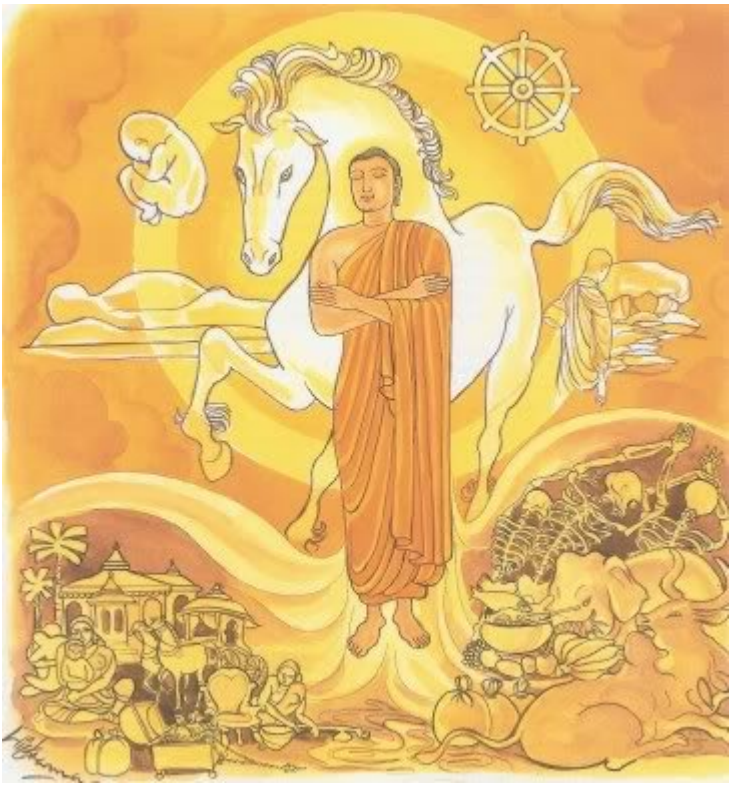

(422)
Như trâu dũng mãnh đầu đàn
Chẳng hề sợ hãi trong tâm điều gì
Anh hùng, cao thượng kể chi
Bao nhiêu dục vọng xấu kia đã rời
Rửa đi ô nhiễm sạch rồi
Sáng bừng giác ngộ hướng nơi Niết Bàn
Bà La Môn xứng tên vàng.

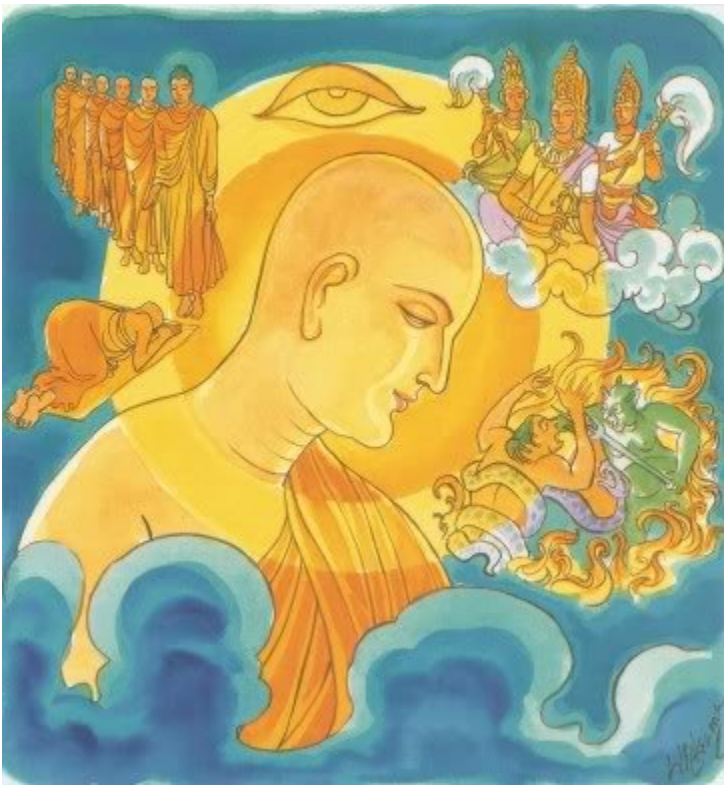

(423)
Thánh hiền không chỉ thấy rành
Cuộc đời quá khứ của mình mà thôi,
Thấy thêm nhàn nhã cảnh trời
Thấy luôn cõi khổ nơi nơi đọa đầy,
Tử sinh chấm dứt đời này,
Tự mình cải tiến được ngay cho mình
Nhờ vào trí tuệ tinh anh
Trọn đời đạo hạnh tốt lành thiêng liêng
Bao nhiêu dục vọng dứt liền
Bà La Môn thật xứng tên vô cùng.

Tai lieu tham khao

TRANH VẼ MINH HỌA:

Illustrated Dhammapada
By Ven. Weragoda Sarada Maha Thero
Illustrations by Mr. P. Wickramanayaka
Special Copyright Notice: "All parts of this book may be reproduced without written permission."
(First edition November 1993)

TIẾNG ANH:

(1) ***The Dhammapada***
Narada Thera,
Reprinted by The Corporate Body Of The Buddha Educational Foundation (Taiwan), 1993.
(2) ***The Dhammapada***
Juan Mascaró,
Penguin Classics, 1973.
(3) ***The Dhammapada***
The Sayings of The Buddha,
John Ross Carter and Mahinda Palihawadana
Oxford World's Classics, 2000.
(4) ***Dhammapada, a translation***
Thanissaro Bhikkhu
Dhamma Dana Publications, 1999.
(5) The Dhammapada, the path of truth
Ananda Maitreya
Parallax Press, 1995

(6) ***The Dhammapada,***
An Anthology Of Buddhist Verses
John Richards
Pembrokeshire, United Kingdom,1993
(7) ***Dhammapada, The Sayings of The Buddha***
Thomas Byrom
Shambhala Boston & London, 1993.

TIẾNG VIỆT:

(1) ***Kinh Pháp Cú***
Thích Trí Đức
Sài Gòn, 1959.
(2) ***Lời Phật Dạy,***
Thích Thiện Siêu
Hoc Viện Phật Giáo Việt Nam, Huế, 2000.
(3) ***Kinh Lời Vàng***
Thích Minh Châu
Viện Đại Học Vạn Hạnh, Sài Gòn, 1969.
(4) ***Kinh Pháp Cú***
Thích Minh Châu
Viện Nghiên Cứu Phật Học VN, TP.HCM, 1996.
(5) ***Trích Tụng Pháp Cú Nam Tông***
Thích Trí Quang
NXB Tôn Giáo, VN, 2001
(6) ***Kinh Pháp Cú***
Phạm Kim Khánh
(dịch The Dhammapada của Narada Thera)
Chùa Đức Viên, CA, USA, 1988.
(7) ***Thi Kệ Pháp Cú Kinh***
Tịnh Minh
(dịch The Dhammapada của Narada Thera)
Trường Cao Cấp Phật Học TP.HCM, 1995.
(8) ***Lời Phật Dạy***
Đinh Sĩ Trang (Australia)
Văn Nghệ, CA, USA, 2001.

(9) ***Kinh Lời Vàng***
Giới Đức (Minh Đức - Triều Tâm Ảnh)
(thi hóa Dhammapada)
Huyền Không, Huế, 1995.
(10) ***Suối Nguồn Vi Diệu***
Phạm Thiên Thư
(thi hóa tư tưởng Pháp Cú Kinh)
Chùa Khánh Anh (Pháp), 1993.
(11) ***Tìm Hiểu Và Học Tập Kinh Pháp Cú***
Thiện Nhựt (Canada), 2002.
(12) ***Tích Truyện Pháp Cú***
Viên Chiếu (NXB TP.HCM), 2000.

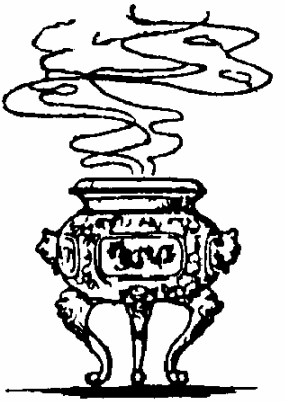

LIÊN LẠC:
giaongo@msn.com

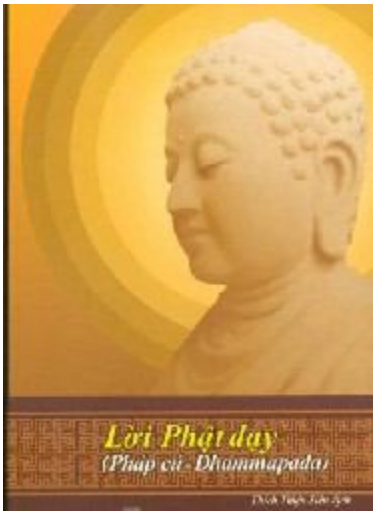

KINH PHÁP CÚ (DHAMMAPADA)

& Tranh minh họa

Đa ngữ: Việt - Anh - Pháp - Đức
Multilingual: Vietnamese, English, French, German
Multilingue: Vietnamien, Anglais, Français, Allemand
Mehrsprachig: Vietnamesisch, Englisch, Französisch, Deutsch

Dịch Việt: Hòa thượng Thích Thiện Siêu, 1959, 1998
Bản dịch Anh ngữ: Hòa thượng NARADA, Colombo, Sri Lanka, 1963, 1971
TỊNH MINH dịch Việt / thể kệ - Sài Gòn, PL. 2539 - TL. 1995
Sưu tập và hiệu đính: Nguyên Định, Mùa Phật Đản PL.2550- 2006; bổ sung, Mùa Vu Lan PL.2555- 2011

Readable at weblink:

http://www.flipsnack.com/flips/cd5a89ae16397900e58e85571q209578

MỤC LỤC

Lời các dịch giả

Bản dịch nghĩa Việt - HT Thích Thiện Siêu …. tr. 3 - 37

Bản dịch Việt thể kệ - Tịnh Minh …. tr. 39 - 41

Bản đa ngữ …. tr. 43 - 465

01 - Phẩm Song Yếu - Twin Verses (01-20)

02 - Phẩm Tinh Cần - Heedfulness ((21-32)

03 - Phẩm Tâm Ý - The Mind (33-43)

04 - Phẩm Hoa Hương - Flowers (44-59)

05 - Phẩm Ngu Si - Fools (60-75)

06 - Phẩm Hiền Trí - The wise (76-89)

07 - Phẩm A La Hán - The Worthy (90-99)

08 - Phẩm Muôn Ngàn - Thousands (100-115)

09 - Phẩm Ác Hạnh - Evil (116-128)

10 - Phẩm Hình Phạt - The Rod or Punishment (129-145)

11 - Phẩm Già Yếu - Old Age (146-156)

12 - Phẩm Tự Ngã - The Self (157-166)

13 - Phẩm Thế Gian - The world (167-178)

14 - Phẩm Phật Đà - The Enlightened One (179-196)

15 - Phẩm An Lạc - Happiness (197-208)

16 - Phẩm Hỷ Ái - Affection (209-220)

17 - Phẩm Phẫn Nộ - Anger (221-234)

18 - Phẩm Cấu Uế - Impurities or Taints (235-255)

19 - Phẩm Pháp Trụ - The Righteous (256-272)

20 - Phẩm Chánh Đạo - The way or the Path (273-289)

21 - Phẩm Tạp Lục - Miscellaneous (290-305)

22 - Phẩm Địa Ngục - Hell or Woeful state (306-319)

23 - Phẩm Voi Rừng - The Elephant (320-333)

24 - Phẩm Tham Ái - Craving (334-359)

25 - Phẩm Tỳ Kheo - The Bhikkhu (360-382)

26 - Phẩm Bà La Môn - The Brahmana (383-423)

Version franÇaise, Link …. Page 466

Deutsche Fassung, Link …. Seite 466

Wikipedia about Dhammapada …. Page 467

Other translations, Links …. Page 476

Readable at weblink:
http://www.flipsnack.com/flips/cd5a89ae16397900e58e85571q209578

0O0

LỜI PHẬT DẠY

(Pháp cú – Dhammapada)
THÍCH THIỆN SIÊU dịch

Lời dịch giả

KINH PHÁP CÚ là cuốn Kinh chọn lọc những lời dạy của đức Phật Thích Ca Mâu Ni khi còn tại thế. Suốt trong 45 năm thuyết pháp, đức Phật đã nói rất nhiều Pháp ngữ, bao gồm nghĩa lý thâm thiết để cởi mở nghiệp khổ cho chúng sanh mà đưa họ đến Niết bàn an lạc. Những giáo pháp ấy, ngay ba tháng sau khi Phật diệt độ, các vị Cao đồ đã hội họp kết tập thành Tam tạng để truyền lại cho hậu thế noi theo. Đồng thời, những câu dạy ngắn gọn đầy ý nghĩa của Phật trong ba trăm trường hợp giáo hóa khác nhau, cũng được kết tập thành kinh Pháp cú này và lưu truyền mãi cho đến ngày nay.

Thường thường chúng ta thấy trong báo chí, sách vở của các nhà nghiên cứu Phật học hay trích dẫn những câu nói ngắn gọn nhưng rất có giá trị của đức Phật, là phần nhiều ở Kinh này mà ra.

Cuốn Kinh này gồm 26 Phẩm, 423 câu (bài kệ), là cuốn thứ hai trong 15 cuốn thuộc **Kinh Tiểu Bộ (Khuddaka-Nikaya)** trong Kinh tạng Pali và đã được dịch ra nhiều thứ tiếng ở Á Châu và Âu Mỹ. Theo chỗ chúng tôi được biết, có bản chữ Anh của Giáo sư C.R. Lanman, do Đại học đường Havard tại Mỹ quốc xuất bản ; bản chữ Nhật của Phước đảo Trực tứ lang, xuất bản tại Nhật, và các bản Hán dịch rất cổ với danh đề Pháp cú kinh, Pháp tập yếu tụng v.v...

Xưa nay các nước Phật giáo Nam truyền như Tích Lan, Miến Điện v.v...đều đặc biệt tôn bộ Kinh này làm bộ Kinh nhật tụng quý báu ; hàng Tăng giới ít ai không biết, không thuộc, không hành trì, và hàng Cư sĩ cũng lấy đó phụng hành để sống một đời sống an lành thanh khiết.

Riêng tại Việt Nam, lâu nay thấy có trích dẫn, nhưng chưa ai dịch hết toàn bộ. Nay nhân dịp may, tôi gặp được bản kinh Pháp cú do Pháp sư Liễu Tham vừa dịch từ nguyên bản Pali ra Hán văn, với sự tham khảo chú thích rạch ròi, có thể giúp chúng ta đọc như đọc thẳng bản văn Pali, nên tôi kính cẩn dịch ra để góp vào kho Phật kinh tiếng Việt, mà chúng ta hy vọng một ngày nào đó sẽ được thực hiện đầy đủ.

Gần đây **Hoà Thượng Thích Minh Châu** cũng đã dịch toàn văn kinh Pháp cú từ bản Pali và in song song cả hai thứ chữ Việt - Pali, tạo thuận lợi rất nhiều cho việc học hỏi thêm chính xác và sâu sắc hơn đối với lời Phật dạy.

Đọc xong kinh Pháp cú, độc giả sẽ thấy trong đó gồm những lời dạy về triết lý cho cả hai giới xuất gia và tại gia. Những lời dạy cho hàng xuất gia tất nhiên không bao hàm tại gia, nhưng những lời dạy cho hàng tại gia đương nhiên trùm cả hàng xuất gia. Do đó dù ở hạng nào, đọc cuốn kinh này, cũng thu thập được nhiều ích lợi thanh cao.

Tôi tin rằng những lời dạy giản dị mà thâm thúy trong kinh Pháp cú có thể làm cho chúng ta mỗi khi đọc đến thấy một niềm siêu thoát lâng lâng tràn ngập tâm hồn, và những đức tính từ bi hỉ xả, bình tĩnh, lạc quan vươn lên tỏa rộng giữa những ngang trái, hẹp hòi, khổ đau, điên đảo của cuộc thế vô thường.

Bản dịch này tôi đã xuất bản lần đầu tiên năm 1959 (*) và sau đó đã nhiều lần tái bản. Nay, lại có thiện duyên, bản dịch này được tái bản để pháp bảo lưu thông rộng rãi.

Phật Lịch 2542-1998

Ngày Phật Thành Đạo
THÍCH THIỆN SIÊU

(*) với pháp tự Trí Đức

I. PHẨM SONG YẾU [1]
(YAMAKAVAGGO)

1. Trong các pháp[2], tâm dẫn đầu, tâm làm chủ, tâm tạo tác. Nếu nói hoặc làm với tâm ô nhiễm, sự khổ sẽ theo nghiệp kéo đến như bánh xe lăn theo chân con vật kéo[3] .

2. Trong các pháp, tâm dẫn đầu, tâm làm chủ, tâm tạo tác. Nếu nói hoặc làm với tâm thanh tịnh, sự vui sẽ theo nghiệp kéo đến như bóng theo hình.

3. "Nó lăng mạ tôi, đánh đập tôi, phá hoại tôi, cướp đoạt tôi", ai còn ôm ấp tâm niệm ấy, thì sự oán hận không thể dứt.

4. "Nó lăng mạ tôi, đánh đập tôi, phá hoại tôi, cướp đoạt tôi", ai bỏ được tâm niệm ấy, thì sự oán hận tự dứt.

5. Ở thế gian này, chẳng phải hận thù trừ được hận thù, chỉ có từ bi trừ được hận thù. Đó là định luật ngàn thu [4].

6. Người kia[5] không hiểu rằng : "Chúng ta săp bị hủy diệt[6]" (mới phí sức tranh luận hơn thua). Nếu họ hiểu rõ điều đó thì chẳng còn tranh luận nữa.

7. Người chỉ muốn sống khoái lạc[7], không nhiếp hộ các căn, ăn uống vô độ, biếng nhác chẳng tinh cần, người ấy thật dễ bị ma[8] nhiếp phục, như cành mềm trước cơn gió lốc.

8. Người nguyện ở trong cảnh chẳng khoái lạc [9], khéo nhiếp hộ các căn, ăn uống tiết độ, vững tin và siêng năng, ma không dễ gì thắng họ, như gió thổi núi đá.

9. Mặc áo cà sa mà không rời bỏ cấu uế [10], không thành thật khắc kỷ, thà chẳng mặc còn hơn.

10. Rời bỏ các cấu uế, khéo giữ gìn giới luật, khắc kỷ và chân thành, người như thế đáng mặc ao cà sa.

11. Phi chơn[11] tưởng là chân thật, chơn thật[12] lại thấy là phi chơn, cứ tư duy một cách tà vạy, người như thế không thể đạt đến chân thật.

12. Chơn thật nghĩ là chơn thật, phi chơn biết là phi chơn, cứ tư duy một cách đúng đắn, người như thế mau đạt đến chân thật.

13. Nhà lợp không kín ắt bị mưa dột ; cũng vậy, người tâm không khéo tu ắt bị tham dục lọt vào.

14. Nhà khéo lợp kín ắt không bị mưa dột ; cũng vậy, người tâm khéo tu ắt không bị tham dục lọt vào.

15. Đời này chỗ này buồn, chết rồi chỗ khác buồn, kẻ làm điều ác nghiệp, cả hai nơi đều lo buồn , vì thấy ác nghiệp mình gây ra, kẻ kia sinh buồn than khổ não.

16. Đời này chỗ này vui, chết rồi chỗ khác vui, kẻ làm điều thiện nghiệp, cả hai nơi đều vui, vì thấy thiện nghiệp mình đã làm, kẻ kia sinh ra an vui, cực vui.

17. Đời này chỗ này khổ, chết rồi chỗ khác khổ, kẻ gây điều ác nghiệp, cả hai nơi đều khổ, buồn rằng "ta đã tạo ác" phải đọa vào ác thú khổ hơn[13].

18. Đời này chỗ này hoan hỷ, chết rồi chỗ khác hoan hỷ, kẻ tu hành phước nghiệp, cả hai nơi đều hoan hỷ, mừng rằng "ta đã tạo phước" được sinh vào cõi lành hoan hỷ hơn.

19. Dù tụng nhiều kinh mà buông lung không thực hành thì chẳng hưởng được phần ích lợi của Sa môn, khác nào kẻ chăn bò thuê, lo đếm bò cho người [14].

20. Tuy tụng ít kinh mà thường y giáo hành trì, hiểu biết chân chánh, từ bỏ tham sân, si, tâm hiền lành, thanh tịnh, giải thoát, xa bỏ thế dục, thì dù ở cõi này hay cõi khác, người kia vẫn hưởng phần ích lợi của Sa môn.

CHÚ THÍCH

1. Những pháp yếu được diễn nói theo cách song đối.
2. Pháp tức là Dhamma. Ở đây chỉ về pháp bất thiện, ở câu thứ hai chỉ về pháp thiện.
3. Nguyên văn : Cakkam va vahato padam, nên dịch là : "Như bánh xe lăn theo chân con thú kéo xe".
4. Nguyên văn : Sanantano, có nghĩa là đời xưa. Cổ pháp (Sanantano Dhamma, hoặc Paranako Dham-ma) tức chỉ cho tất cả pháp tắc vĩnh cửu bất dịch mà chư Phật và đệ tử quá khứ đã gìn giữ và truyền dạy.
5. Chỉ người tranh luận. Nhân khi Phật ở Kỳ đà lâm, đối với các vị Tỷ kheo ưa tranh luận tại Câu sanh bì (Kosambi)ù mà nói kinh này, nên có sự xưng hô đó.
6. Nguyên văn : Mayametthayamamasa, ý nói thắng thì "chúng ta sắp bị diệt vong vì luật vô thường".
7. Tự cho thân mình trong sạch rồi đắm ưa hoài
8. Ma vương (Ma ra) ở đây chỉ tình dục.
9. Chẳng khoái lạc (asubha) chỉ phép bất tịnh quán, như quán thân với 32 điều bất tịnh v.v...
10. Chỉ tham dục v.v...
11. Như bốn thứ tư cụ là áo, cơm, thuốc uống, nhà ở và mười thứ tà kiến v.v...
12. Như giới, định, huệ và chánh kiến v.v...
13. Do tạo ác nghiệp mà đưa đến sự bi ai trong đời này gọi là "Buồn tôi đã tạo ác". Nhưng mà nỗi bi ai này còn có hạn chứ tương lai đọa vào ác đạo thọ báo lâu dài, cái khổ này mới vô cùng.
14. Kẻ chăn bò thuê cứ sáng sớm dắt bò ra đồng, tối lại lùa bò về chuồng giao cho chủ, ngày ngày chỉ đếm bò mà đổi lấy ít tiền công, còn sữa, lạc, sanh tô, đề hồ của bò thì anh ta không hưởng được. Tụng kinh mà không tu hành theo kinh thì chẳng hưởng được lợi ích của kinh, của kẻ tu hành.

II. PHẨM KHÔNG BUÔNG LUNG
(APPAMADAVAGGO)

21. Không buông lung đưa tới cõi bất tử [15], buông lung đưa tới cõi tử vong, người không buông lung thì không chết, kẻ buông lung thì sống như thây ma[16].

22. Kẻ trí biết chắc điều ấy[17] nên gắng làm theo sự không buông lung. Không buông lung thì đặng an vui trong các cõi thánh[18].

23. Nhờ kiên nhẫn, dõng mãnh tu thiền định[19], kẻ trí được giải thoát an ổn, chứng nhập vô thượng Niết bàn.

24. Không buông lung, cố gắng, hăng hái, chánh niệm, khắc kỷ theo tịnh hạnh, sinh hoạt đúng như pháp, thì tiếng lành càng tăng trưởng.

25. Bằng sự cố gắng, hăng hái, không buông lung, tự khắc chế lấy mình, kẻ trí tự tạo cho mình hòn đảo[20] chẳng còn ngọn thủy triều[21] nào nhận chìm được.

26. Người ám độn ngu si đắm chìm trong buông lung, nhưng kẻ trí lại chăm giữ tâm không buông lung, như người giàu chăm giữ của báu.

27. Chớ đắm chìm theo buông lung, chớ mê say dục lạc ; hãy tỉnh giác tu thiền, mới mong đặng đại an lạc.

28. Nhờ trừ hết buông lung, kẻ trí không còn lo sợ gì. Bậc thánh hiền bước lên lầu trí tuệ, nhìn thấy kẻ ngu si còn nhiều lo sợ, như được lên núi cao, cúi nhìn muôn vật trên mặt đất.

29. Tinh tấn giữa đám người buông lung, tỉnh táo giữa đám người mê ngủ, kẻ trí như con tuấn mã thắng tiến, bỏ lại sau con ngựa gầy hèn.

30. Nhờ không buông lung, Ma già[22] được làm chủ chư thiên. Không buông lung được người khen ngợi, buông lung bị người khinh chê.

31. Tỷ kheo thường ưa không buông lung, hoặc sợ thấy sự buông lung, ta ví họ như ngọn lửa hồng đốt thiêu tất cả kiết sử[23] lớn nhỏ.

32. Tỷ kheo nào thường ưa không buông lung, hoặc sợ thấy sự buông lung, ta biết họ gần tới Niết bàn, nhất định không bị đọa lạc dễ dàng như trước.

CHÚ THÍCH

15. Niết bàn (Nibbàna)
16. Bởi vì người không buông lung thì được chứng nhập Niết bàn và không còn luân hồi sanh tử tiếp nối nữa. Còn người buông lung tuy sống mà vẫn như thây chết, không biết hướng thiện, nỗ lực làm lành.
17. Bài này tiếp bài trên, khuyên đừng nên phóng dật mà gắng chuyên cần.
18. Cảnh giới của chư Phật, Bích chi và A la hán.
19. Muốn chứng đặng Niết bàn thì phải trừ 4 ách : dục ách (Kamayogo sự tham dục), hữu ách (Bha-vayogo mê chấp ba cõi), kiến ách (Ditthiyogo điều tà kiến, ác kiến), vô minh ách (Avijjayogo sự mê mờ).
20. Như cõi đất cao có thể tránh khỏi thủy tai. Kẻ trí khi chứng được A la hán thì không còn bị phiền não quấy nhiễu, nhận chìm.
21. Các phiền não tham, sân, si buộc ràng và sai sử chúng sanh trong vòng ba cõi.
22. Ma già (Maghavà) tên khác của trời Đế Thích (Sarka) khi chưa đủ phúc báo để làm trời, Đế Thích ở nhân gian tên là Ma già, nhờ công đức siêng năng quét tước sạch sẽ mà được làm chủ cõi chư Thiên.
23. Kiết sử (Samyojana) tức là phiền não (Kilesa) danh từ chuyên môn nhà Phật.

III. PHẨM TÂM
(CITTAVAGGO)

33. Tâm kẻ phàm phu thường dao động hốt hoảng khó chế phục, nhưng kẻ trí chế phục tâm làm cho chính trực dễ dàng, như thợ khéo uốn nắn mũi tên.

34. Như cá bị quăng lên bờ, sợ sệt vùng vẫy thế nào, thì cũng như thế, các người hãy đem tâm lo sợ, phấn đấu để mau thoát khỏi cảnh giới ác ma.

35. Tâm phàm phu cứ xoay vần theo ngũ dục, dao động không dễ nắm bắt. Chỉ những người nào đã điều phục được tâm mình mới được yên vui.

36. Tâm phàm phu cứ xoay vần theo ngũ dục, biến hóa u ẩn khó thấy, nhưng người trí lại phòng hộ tâm mình, và được yên vui nhờ tâm phòng hộ ấy.

37. Tâm phàm phu cứ lén lút đi một mình, rất xa, vô hình vô dạng, như ẩn náu hang sâu[24] ; ai điều phục được tâm, thì giải thoát khỏi vòng ma trói buộc.

38. Người tâm không an định, không hiểu biết Chánh pháp, lòng tin không kiên cố, thì trí tuệ khó thành.

39. Người tâm đã thanh tịnh, không còn các hoặc loạn, vượt trên thiện và ác[25], là người giác ngộ chẳng sợ hãi.

40. Hãy biết thân này mong manh như đồ gốm, giam giữ tâm ngươi như thành quách, ngươi hãy đánh dẹp ma quân với thanh huệ kiếm và giữ phần thắng lợi [26], chớ sanh tâm đắm trước [27].

41. Thân này thật không bao lâu sẽ ngủ một giấc dài dưới ba thước đất, vô ý thức, bị vứt bỏ như khúc cây vô dụng.[28]

42. Cái hại của kẻ thù gây ra cho kẻ thù hay oan gia đối với oan gia, không bằng cái hại của tâm niệm hướng về hạnh tà ác[29] gây ra cho mình.

43. Chẳng phải cha mẹ hay bà con nào hết, nhưng chính tâm niệm hướng về hành vi chánh thiện[30] làm cho mình cao thượng hơn.

CHÚ THÍCH

24. Mấy câu này đều hình dung cái tâm.
25. Khi chứng được A la hán thì vô lậu thiện nghiệp viên mãn, hữu lậu ác nghiệp và hữu lậu thiện nghiệp đã hết rồi, không còn tạo nghiệp mới nữa, và tuy ở trong đạo quả viên mãn mà thường làm những việc lợi tha một cách tự nhiên.
26. Kết quả thắng lợi là chỉ có cảnh giới Thiền định được tiến bộ.
27. Không nên nhiễm trước vào Thiền cảnh đã chứng được, phải nỗ lực cầu tiến mãi.
28. Phật giáo đồ các nước Phật giáo nam phương mỗi khi lâm chung có lệ thỉnh chư Tăng đến để cúng dường làm phước lần chót. Chư Tăng liền tụng bài bài kệ này ba biến.
29. Đem tâm hướng về 10 hạnh ác (Akusala) : sát sinh (Panatipato), thâu đạo (Adinnadanam), tà dâm (Kamesumicchacara), vọng ngữ (Musavado), lưỡng thiệt (Pisunavaca), thô ác ngữ (Pharusava-ca), ỷ ngữ (samphap palapo), tham (abhijjha), sân (Viyapado), tà kiến (Micchadithi).

30. Đem tâm hướng về 10 hạnh lành (Kusala) : cúng dường (Danam), trì giới (Silam), tu thiền định (Bhavana), tôn kính (Apacaijannam), tác sự (Vey-yavaccam), hồi hướng công đức (Pattidacam), tùy hỷ công đức (Pattanumodana), thính pháp (Dham-musavanam), thuyết pháp (Dhammadesana), chánh kiến (Dithujjukamman).

IV. **PHẨM HOA** [31]
(PUPHAVAGGO)

44. Ai chinh phục[32] địa giới[33], diêm ma giới[34], thiên giới[35], và ai khéo giảng Pháp cú [36] như người thợ khéo[37] nhặt hoa làm tràng ?

45. Bậc hữu học[38] chinh phục địa giới, diêm ma giới, thiên giới và khéo giảng Pháp cú như người thợ khéo nhặt hoa làm tràng[39] .

46. Nên biết thân này là pháp huyễn hóa như bọt nổi, để bẻ gãy mũi tên cám dỗ của ma quân[40] mà thoát ngoài vòng dòm ngó của tử thần.

47. Như nước lũ cuốn phăng những xóm làng say ngủ[41], tử thần sẽ lôi phăng đi những người sinh tâm ái trước những bông hoa dục lạc mình vừa góp nhặt được.

48. Cứ sinh tâm ái trước, tham luyến mãi những bông hoa[42] dục lạc mà mình vừa góp nhặt được, đó chính là cơ hội tốt cho tử thần lôi đi.

49. Hàng Sa môn (Mâu ni)[43] đi vào xóm làng khất thực, ví như con ong đi kiếm hoa, chỉ lấy mật rồi đi chứ không làm tổn thương về hương sắc.

50. Chớ nên dòm ngó lỗi người, chớ nên coi họ đã làm hay không làm[44] ; chỉ nên ngó lại hành động của mình, coi đã làm được gì hay chưa làm được gì.

51. Như thứ hoa đẹp chỉ phô trương màu sắc mà chẳng có hương thơm, những người chỉ biết nói điều lành mà không làm điều lành thì chẳng đem lại lợi ích.

52. Như thứ hoa tươi đẹp vừa có màu sắc lại có hương thơm, những người nói điều lành và làm điều lành sẽ đem lại kết quả tốt.

53. Như từ đống hoa có thể làm nên nhiều tràng hoa ; như vậy, từ nơi thân người có thể tạo nên nhiều việc thiện.

54. Hương của các loài hoa chiên đàn, đa già la hay mạt lỵ[45] đều không thể bay ngược gió, chỉ có mùi hương đức hạnh của người chân chính, tuy ngược gió vẫn bay khắp muôn phương.

55. Hương chiên đàn, hương đa già la, hương bạt tất kỳ[46], hương sen xanh, trong tất cả thứ hương chỉ thứ hương đức hạnh hơn cả.

56. Hương chiên đàn, hương đa già la đều là thứ hương vi diệu nhưng không bằng thứ hương đức hạnh xông ngát tận chư thiên.

57. Người nào thành tựu các giới hạnh, hằng ngày chẳng buông lung, an trụ trong chính trí và giải thoát, thì ác ma không thể dòm ngó được.

58-59. Như từ trong đống bùn nhơ vất bỏ trên đường lớn sinh ra hoa sen thanh khiết ngọt ngào, làm đẹp ý mọi người ; cũng thế, chỉ từ nơi chốn phàm phu ngu muội mới sản sanh những vị đệ tử bậc Chánh giác, đem trí tuệ soi sáng thế gian.

CHÚ THÍCH

31. Ngài Ngô Chi Khiêm dịch là Phẩm Vương Hoa.
32. Chinh phục (Vijessati), là theo Pali nguyên chú. Bản chú thích kinh Pháp cú rất xưa và đầy đủ chi tiết bằng văn bản Pali của Ngài Buddahaghosa, căn bản của các lời chú thích sau này. Bản do E.W.Burlinghame dịch ra Anh văn trong loại sách Harvard Oriental serie là hiểu xác thật. Bản ở Miến Điện chép là vicessati, thì nên dịch là "chọn tìm" hoặc "dò xét ".
33. Địa giới (Pathavi) là chỉ tự kỷ hay tự thân (Atta-bhava). Bản Dhammapada Anh văn của Đại đức Narada dịch, trang 8, có chú thích rằng : "This is one who will understand this self as if really is". câu này có nghĩa "như thật tự biết rõ mình".
34. Diêm ma giới (Yamalokà), theo nguyên chú thì bao quát cả 4 giới (Catudbhidam apayalokan ca) : địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh và a tu la (Asura). Bản chú thích bằng Anh văn của Ngài Narada nói : "The fourwoeful states, viz : Hell (địa ngục), Animal kingdom (súc sanh), Peta realm (ngạ quỉ) and the Asura realm(A tu la)".
35. Thiên giới (Sadevakam), theo nguyên chú thì bao quát 6 cõi trời dục giới và nhân giới (Imamsade- Vakanit mannussalokanca). Ngài Narada chú : " Namely the world of human beings and the six celestial realm's".
36. Pháp cú (Dhammapada tức là pháp tích, pháp, như ba mươi bảy đạo phẩm (Bodhipakkhikadham-ma) v.v...

37. Thợ khéo là thợ làm tràng hoa, để ví dụ cho người khéo giảng nói Pháp cú, có lớp lang, không lộn xộn, như thợ xâu hoa vậy.
38. Hữu học (Sekha) tức là các vị chứng sơ quả Tu đà hoàn (Sotapattiphala), nhị quả Tư đà hàm (Sa-kadagamiphala), tam quả A na hàm (Anagam-phala), và sơ quả hướng, nhị quả hướng, tam quả hướng, tứ quả hướng, vì những vị này còn phải học tập giới, định, huệ. Đến khi chứng tứ quả A la hán mới được gọi là Vô học (Asekha).
39. Bài tụng trên là hỏi, bài này đáp.
40. Sự dụ hoặc của dục cảnh.
41. Những người đang say ngủ trong xóm làng giữa đêm khuya, bị nước lũ cuốn đi mà không hay biết gì. Người mê miết trong dục lạc cũng vậy.
42. Cảnh dục lạc.
43. Mâu ni (Muni) có nghĩa là người trầm lặng, nhân từ, trí tuệ, thánh giả, ở đây chỉ hàng Sa môn khất thực.
44. Nguyên văn của câu này là "Naparesam kataka-tam" dịch thẳng là "Chẳng nên dòm ngó người khác làm hay không làm".
45. Chiên đàn na (Candana) Đa gia la (tagara), tên hai thứ cây thơm, Mạt lị ca (Malika) là một thứ hoa nhỏ thơm mọc tùm lum như giây bìm.
46. Bạt tất kỳ (Vassiky) là vũ quý hoa.

V. PHẨM NGU
(BALAVAGGO)

60. Đêm rất dài với người mất ngủ, đường rất xa với kẻ lữ hành mỏi mệt. Cũng thế, dòng luân hồi[47] sẽ tiếp nối mãi với kẻ ngu si không minh đạt Chánh pháp.

61. Không gặp kẻ hơn mình cũng không gặp kẻ ngang mình để kết bạn, thà quyết chí ở một mình còn hơn kết bạn với người ngu.

62. "Đây là con ta, đây là tài sản của ta", kẻ phàm phu thường lo nghĩ như thế, nhưng chẳng biết chính "ta" còn không có, huống là con ta hay là tài sản ta.

63. Ngu mà tự biết mình ngu tức là trí, ngu mà xưng rằng trí chính đó mới thật là ngu.

64. Người ngu suốt đời gần gũi người trí, vẫn chẳng hiểu gì Chánh pháp, ví như cái muỗng múc thuốc chẳng bao giờ biết được mùi vị thuốc.

65. Người trí gần gũi với người trí trong khoảng khắc cũng hiểu được Chánh pháp, chẳng khác gì cái lưỡi mới tiếp xúc với thuốc đã biết được mùi vị của thuốc.

66. Kẻ phàm phu không giác tri nên đi chung với cừu địch một đường. Cũng thế, những người tạo ác nghiệp nhất định phải cùng ác nghiệp chịu khổ báo.

67. Người gây điều bất thiện, làm xong ăn năn, khóc lóc nhỏ lệ dầm dề, vì biết mình sẽ thọ lấy quả báo tương lai[48].

68. Người tạo các nghiệp thiện, làm xong chẳng ăn năn, còn vui mừng hớn hở, vì biết mình sẽ thọ lấy quả báo tương lai.[49]

69. Khi ác nghiệp chưa thành thục, người ngu tưởng như đường mật ; nhưng khi ác nghiệp đã thành thục, họ nhất định phải chịu khổ đắng cay.

70. Từ tháng này qua tháng khác, với món ăn bằng đầu ngọn cỏ cô sa (cỏ thơm) [50] người ngu có thể lấy ăn để sống, nhưng việc ấy không có giá trị bằng một phần mười sáu của người tư duy Chánh pháp[51].

71. Người cất sữa bò không chỉ sáng chiều đã thành vị đề hồ[52] được. Cũng thế, kẻ phàm phu tạo nghiệp ác tuy chẳng cảm thụ ác quả liền, nhưng nghiệp lực vẫn âm thầm theo họ như lửa ngún giữa tro than.

72. Kẻ phàm phu lòng muốn được tri thức mà hành động lại dẫn tới diệt vong, nên hạnh phúc bị tổn hại mà trí tuệ[53] cũng tiêu tan.

73. Kẻ ngu thường muốn hư danh : chỗ ngồi cao trong Tăng chúng, viện chủ trong Tăng viện, mọi người xin đến cúng dường.

74. Hãy để cho người Tăng kẻ tục nghĩ rằng : "Sự này do ta làm, mọi việc lớn nhỏ đều theo lệnh của ta". Kẻ ngu cứ tưởng lầm như thế nên lòng tham lam ngạo mạn tăng hoài.

75. Một đàng đưa tới thế gian, một đàng đưa tới Niết bàn, hàng Tỷ kheo đệ tử Phật hãy biết rõ như thế, chớ nên tham đắm thế lợi để chuyên chú vào đạo giải thoát.

CHÚ THÍCH

47. Luân hồi (samsara) chỉ sự sanh tử luân chuyển mãi không ngừng.
48. Thọ quả báo lành dữ trong tương lai tức là thân dị thục (vipaka) ở đây chỉ riêng ác quả.
49. Đây chỉ thiện quả.
50. Cô sa (kusa) tên cỏ thơm, nguyên văn là Kusag-gena, tức là dùng đầu ngọn cỏ cô sa.
51. Người tư duy Chánh pháp (Sankhata dhamman) là người thâm nhập Chánh pháp, đây là người giác ngộ Tứ đế.
52. Muốn sữa đông đặc thành đề hồ không phải một ngày một đêm mà đông được kịp.
53. Trong Hán văn chữ này cũng gọi là đầu thủ, đầu não.

VI. **PHẨM HIỀN TRÍ** [54]
(PANDITAVAGGO)

76. Nếu gặp được người hiền trí chỉ bày lầm lỗi và khiển trách mình những chổ bất toàn, hãy nên kết thân cùng họ, xem như bậc trí thức chỉ cho kho tàng bảo vật. Kết thân với người trí lành mà không dữ.

77. Những người khéo khuyên răn dạy dỗ, can ngăn tội lỗi kẻ khác, được người lành kính yêu bao nhiêu thì bị người dữ ghét bỏ bấy nhiêu.

78. Chớ nên kết bạn với người ác, chớ nên kết bạn với người kém hèn, hãy nên kết bạn với người lành, với người chí khí cao thượng[55].

79. Được uống nước Chánh pháp thì tâm thanh tịnh an lạc, nên người trí thường vui mừng nghe thánh nhơn[56] thuyết pháp.

80. Người tưới nước lo dẫn nước, thợ làm cung tên lo uốn cung tên, thợ mộc lo nảy mực đo cây, còn người trí thì lo tự điều phục lấy mình[57].

81. Như ngọn núi kiên cố, chẳng bao giờ bị gió lay, những lời phỉ báng hoặc tán dương chẳng bao giờ lay động được người đại trí.

82. Như hồ nước sâu, yên lặng trong sạch, những người có trí sau khi nghe Pháp, tâm họ cũng thanh tịnh và yên lặng.

83. Người lành thường xa lìa mà không bàn đến những điều tham dục. Kẻ trí không còn niệm mừng lo, nên chẳng bị lay động vì khổ, lạc.

84. Không vì mình cũng không vì người để làm chuyện ác, không vì cầu con trai, giàu có hay mưu việc thiên hạ để làm việc ác, không vì cầu phồn vinh cho mình bằng những phương tiện bất chánh. Người này thật là người giới hạnh, trí tuệ và chánh pháp.

85. Trong đám nhân quần, một ít người đạt đến bờ kia[58], còn bao nhiêu người khác thì đang quanh quẩn tại bờ này [59].

86. Những người hay thuyết pháp, theo Chánh pháp tu hành, thì được đạt tới bờ kia, thoát khỏi cảnh giới tà ma khó thoát[60].

87. Người trí hãy mau từ bỏ hắc pháp (ác pháp) tu tập bạch pháp (thiện pháp), xa gia đình nhỏ hẹïp, xuất gia sống độc thân theo phép tắc Sa môn.

88. Người trí cần gột sạch cấu uế trong tâm, cầu cái vui Chánh pháp, xa lìa ngũ dục, chẳng còn vướng mắc chi.

89. Người nào chính tâm tu tập các pháp giác chi[61] xa lìa tánh cố chấp[62], rời bỏ tâm nhiễm ái, diệt hết mọi phiền não[63] để trở nên sáng suốt, thì sẽ chứng Niết bàn ngay trong đời hiện tại.

CHÚ THÍCH

54. Bản chữ Nhật dịch là Hiền phẩm.
55. Người không còn điều ác ở thân khẩu ý nữa, chuyên việc tế độ chúng sanh.
56. Chư Phật và A la hán.
57. Khắc chế năm căn đừng cho thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc điều quấy.
58. Cảnh giới Niết bàn.
59. Cảnh giới sanh tử.
60. Cảnh giới sanh tử. Câu này ý nghĩa liên quan với câu trên.
61. Giác chi (Sambodhiyangam) là thất Bồ đề phần hay là "thất giác chi" là : niệm giác chi (Satisanm-bojjhango), trạch pháp giác chi (Dhammavicayas-shojjhango), tinh tấn giác chi (Viriyasambojjhan-go), hỷ giác chi (Pitisam bojjhango), khinh an giác chi (Passadhisambojjhango), định giác chi (Sama-dhisambojjhango), xả giác chi (Upekhasambojjha-ngo).
62. Chứng được Niết bàn, giải thoát tự tại.
63. Nguyên văn : Khinasava, dịch nghĩa là "Dứt hết các lậu" hoặc "các lậu đã sạch hết ", tức là dứt hết mọi phiền não.

VII. **PHẨM A LA HÁN** [64]
(ARAHANTAVAGGO)

90. Người đã giải thoát hết thảy, đã dứt hết thảy buộc ràng[65], là người đi đường đã đến đích[66], chẳng còn chi lo sợ khổ đau.

91. Kẻ dũng mãnh chánh niệm, tâm không ưa thích tại gia ; ví như con ngỗng trời, khi ra khỏi ao, chúng bỏ lại cái ao hồ không chút nhớ tiếc[67].

92. Những vị A la hán không chất chứa tài sản[68] biết rõ mục đích sự ăn uống[69], tự tại đi trong cảnh giới : "không, vô tướng, giải thoát"[70], như chim bay giữa hư không, khó tìm thấy dấu vết.

93. Những vị A la hán đã dứt sạch các lậu hoặc[71], không tham đắm uống ăn, tự tại đi trong cảnh giới "không, vô tướng, giải thoát" như chim bay giữa hư không, khó tìm thấy dấu vết.

94. Những vị A la hán đã tịch tịnh được các căn như tên kỵ mã đã điều luyện được ngựa lành, nên không còn phiền não ngã mạn, được hàng nhơn thiên kính mộ.

95. Những vị A la hán đã bỏ hết sân hận, tâm như cõi đất bằng, chí thành kiên cố như nhân đà yết la[72], như ao sâu không bùn, nên chẳng còn bị luân hồi xoay chuyển.

96. Những vị A la hán ý nghiệp thường vắng lặng, ngữ nghiệp, hành nghiệp thường vắng lặng, lại có chánh trí giải thoát, nên được an ổn luôn.

97. Những vị A la hán chẳng còn phải tin ai[73], đã thấu hiểu đạo vô vi, dứt trừ vĩnh viễn nguyên nhân[74] cùng quả báo ràng buộc[75], lòng tham dục cũng xa lìa. Thật là bậc Vô thượng sĩ.

98. Dù ở xóm làng, dù ở núi rừng, dù ở đất bằng, dù ở ngõ trũng[76], bất cứ ở chốn nào mà có vị A la hán thì ở đấy đầy cảnh tượng yên vui.

99. Lâm dã là cảnh rất vui đối với vị A la hán, nhưng người đời chẳng ưa thích ; trái lại, dục lạc là cảnh ưa thích đối với người đời, vị A la hán lại lánh xa.

CHÚ THÍCH

64. A la hán (Arahant) tức là bậc thánh đã dứt hết phiền não, chứng Niết bàn, không bị sanh tử nữa.
65. Trói buộc (Gantha) có bốn thứ : Tham (Abhijjha), sân (Vijjapada), giới cấm thủ (Sibbhataparomasà), kiến thủ (Idan saccabhinivesa).
66. Con đường hữu vi lậu nghiệp đã đi cùng. Có chỗ gọi là "các lậu đã dứt sạch, việc tu hành đã xong, phạm hạnh đã thành lập".
67. Con ngỗng mỗi khi ra khỏi ao thì chẳng còn nghĩ tưởng đến mồi, cỏ, nước trong ao là của mình. Vị A la hán đã xuất gia rồi thì không còn luyến tưởng tới gia tài của cải nữa.
68. Chẳng còn hoạt động theo nghiệp lực.
69. Biết rõ sự ăn uống là cốt để duy trì tánh mạng mà tu hành.
70. Chứng được Niết bàn gọi là giải thoát (Vimokha) ; lại gọi là không (Sinnàta), vì không còn tham, sân, si, phiền não ; lại gọi là vô tướng (Animitta) vì từ nay đã được tự tại không còn đắm trước tưởng tham dục.
71. Lậu có bốn thứ : dục lậu (Kamasava), hữu lậu (Bhavasava), kiến lậu (Ditthasava), vô minh lậu (Avijjasava).
72. Nhân đà yết la (Indakhila), nhiều bản dịch là môn hạn (chấn cửa) tức là đặt một tảng đá giữa chỗ cửa lớn, dùng chấn then cửa để đóng cho chắc. Có một chỗ nói indakhila theo Phạn tự là indra-khila tức là cái trụ của Nhân đà la (Đế thích). Ở tại chỗ tiến vào thành, dựng một cái trụ lớn để tượng trưng chỗ ở của Nhân đà la (thần bảo hộ của dân Ấn Độ). Chính ngày xưa đã dịch là cái tràng kiên cố, là bảy tràng Đế Thích, là đài tọa.
73. Vô tín (Assaddha) hoặc dịch là bất tín, ý nói vị Thánh nhân tự mình chứng biết chứ không phải do ai làm cho giác ngộ.
74. Các nghiệp thiện, nghiệp ác trong vòng hữu lậu thế gian.
75. Sanh tử luân hồi.
76. Nguyên văn chép : Nina là chỗ thấp, Thala là chỗ cao.

VIII. **PHẨM NGÀN**

(SAHASSAVAGGO)

100. Tụng đến ngàn câu vô nghĩa chẳng bằng một câu có nghĩa lý, nghe xong tâm liền tịch tịnh.

101. Tụng đến ngàn câu kệ vô nghĩa, chẳng bằng một câu kệ có nghĩa lý, nghe xong tâm liền tịch tịnh.

102. Tụng đến trăm câu kệ vô nghĩa chẳng bằmg một Pháp cú [77], nghe xong tâm liền tịch tịnh.

103. Thắng ngàn quân giặc ở chiến trường chẳng bằng tự thắng. Người tự thắng là chiến sĩ oanh liệt nhất.

104. Tự thắng mình còn vẻ vang hơn thắng kẻ khác. Muốn thắng mình phải luôn luôn tiết chế lòng tham dục[78].

105. Dù là Thiên thần, Càn thát bà[79], Ma vương[80], hay Phạm thiên[81], không một ai chẳng thất bại trước người đã tự thắng[82].

106. Mỗi tháng bỏ ra hàng ngàn vàng để sắm vật hy sinh tế tự cả đến trăm năm, chẳng bằng giây lát cúng dường bậc chân tu ; cúng dường bậc chân tu trong giây lát thắng hơn tế tự quỉ thần cả trăm năm.

107. Cả trăm năm ở tại rừng sâu thờ lửa, chẳng bằng trong giây lát cúng dường bậc chân tu, cúng dường bậc chân tu trong giây lát thắng hơn thờ lửa cả trăm năm.

108. Suốt năm cúng dường để cầu phước, công đức chẳng bằng một phần tư sự kính lễ bậc chánh trực, chánh giác[83].

109. Thường hoan hỷ tôn trọng, kính lễ bậc trưởng lão[84] thì được tăng trưởng bốn điều : sống lâu, đẹp đẽ, vui vẻ, khỏe mạnh[85].

110. Sống trăm tuổi mà phá giới, không tu thiền, chẳng bằng sống chỉ một ngày mà trì giới, tu thiền định.

111. Sống trăm tuổi mà thiếu trí tuệ, không tu thiền, chẳng bằng sống chỉ một ngày mà đủ trí tuệ, tu thiền định.

112. Sống trăm tuổi mà giải đải không tinh tấn, chẳng bằng sống chỉ một ngày mà hăng hái tinh cần.

113. Sống trăm tuổi mà không thấy pháp vô thường sanh diệt[86], chẳng bằng sống chỉ một ngày mà được thấy pháp sinh diệt vô thường.

114. Sống trăm tuổi mà không thấy đạo tịch tịnh vô vi, chẳng bằng sống chỉ một ngày mà thấy đạo vô vi tịch tịnh.

115. Sống trăm tuổi mà không thấy pháp tối thượng, chẳng bằng sống chỉ một ngày mà thấy pháp tối thượng.

CHÚ THÍCH

77. Theo bản Tích Lan thì chữ này là Dhammapada nên dịch là "Pháp cú" nhưng theo bản của "Hiệp hội xuất bản Pali thánh điển" thì chép là Gathapada, chữ này nên dịch là "nhất cú kệ".
78. Câu này liên quan với câu trên.
79. Càn thát bà (Gandhàbha) tên một vị thần ở Thiên giới.
80. Tên một vị Thiên thần.

81. Phạm thiên tức là Bà la môn thiên (Brahma).
82. Nguyên văn : "Yitthamva hutamva", nghĩa là cúng hy sinh, là tế tự, là cúng dường, v.v... Đồng nghĩa là cúng dường trong hội hè, lễ tiết ; hutam thì có nghĩa là dự bị cung cấp khách qua đường, hoặc làm việc cúng dường dựa theo một tín ngưỡng về tác nghiệp và quả báo mà mình tin tưởng.
83. Chỉ tứ quả thánh nhân.
84. Người tuổi cao đức trọng.
85. Các tăng lữ ở các nước Nam phương, mỗi khi thọ người lễ kinh thì đọc bài tụng này.
86. Năm uẩn sanh diệt tức là các phép do nhân duyên hòa hợp không thường trú.

IX. **PHẨM ÁC**
(PAPAVAGGO)

116. Hãy gấp rút làm lành, chế chỉ tâm tội ác. Hễ biếng nhác làm lành giờ nào thì tâm liền ưa chuyện ác giờ ấy.

117. Nếu đã lỡ làm ác, chớ tiếp tục làm thêm, chớ vui làm việc ác. Hễ chứa ác nhất định thọ khổ.

118. Nếu đã làm việc lành, hãy nên tiếp làm mãi, nên vui làm việc lành. Hễ chứa lành nhất định thọ lạc.

119. Khi nghiệp ác chưa thành thục, kẻ ác cho là vui ; khi nghiệp ác đã thành thục kẻ ác mới hay là ác.

120. Khi nghiệp lành chưa thành thục, người lành cho là khổ ; khi nghiệp lành đã thành thục, người lành mới biết là lành.

121. Chớ khinh điều ác nhỏ[87], cho rằng "chẳng đưa lại quả báo cho ta". Phải biết giọt nước nhiều lâu ngày cũng đầy bình. Kẻ ngu phu sở dĩ đầy tội ác bởi chứa dồn từng chút từng chút mà nên.

122. Chớ khinh điều lành nhỏ cho rằng : "chẳng đưa lại quả báo cho ta". Phải biết giọt nước nhiều lâu ngày cũng làm đầy bình. Kẻ trí sở dĩ toàn thiện bởi chứa dồn từng chút từng chút mà nên.

123. Như người đi buôn mang nhiều của báu mà thiếu bạn đồng hành, tránh xa con đường nguy hiểm làm sao, như kẻ tham sống tránh xa thuốc độc như thế nào, thì các ngươi cũng phải tránh xa điều ác thế ấy.

124. Với bàn tay không thương tích, có thể nắm thuốc độc mà không bị nhiễm độc ; với người không làm ác thì không bao giờ bị ác.

125. Đem ác ý xâm phạm đến người không tà vạy, người thanh tịnh vô nhiễm, tội ác sẽ trở lại làm cho kẻ ác như ngược gió tung bụi.

126. Con người sinh ra từ bào thai, nhưng kẻ ác thì đọa vào địa ngục, người chính trực thì sinh lên chư Thiên, còn cõi Niết bàn chỉ dành riêng cho những ai đã diệt sạch nghiệp sanh tử.

127. Chẳng phải bay lên không trung, chẳng phải lặn xuống đáy bể, chẳng phải chui vào hang sâu núi thẳm, dù tìm khắp thế gian này, chẳng có nơi nào trốn khỏi nghiệp ác đã gây.

128. Chẳng phải bay lên không trung, chẳng phải lặn xuống đáy bể, chẳng phải chui vào hang sâu núi thẳm, dù tìm khắp thế gian này, chẳng có nơi nào trốn khỏi tử thần.

CHÚ THÍCH

87. Nguyên văn : Mappamannatha có hai nghĩa :
(a) Mappanati, là "chớ khinh thị ".
(b) Mappamannati, là "chớ tưởng ít ".

X. **PHẨM ĐAO TRƯỢNG** [88]
(DANDAVAGGO)

129. Ai cũng sợ dao gậy, ai cũng sợ chết ; hãy lấy lòng mình suy lòng người, chớ giết, chớ bảo giết.

130. Ai cũng sợ dao gậy, ai cũng thích sống ; hãy lấy lòng mình suy lòng người, chớ giết, chớ bảo giết.

131. Người nào cầu an vui cho mình mà lại lấy dao gậy não hại kẻ khác, thì sẽ không được yên vui.

132. Người nào cầu an vui cho mình mà không lấy dao gậy não hại kẻ khác, thì sẽ được yên vui.

133. Chớ nên nói lời thô ác. Khi ngươi dùng lời thô ác nói với người khác thì người khác cũng dùng lời thô ác nói với ngươi. Thương thay những lời nói nóng giận, thô ác, chỉ làm cho các ngươi đau đớn khó chịu như dao gậy mà thôi.

134. Nếu ngươi yên lặng như cái đồng la bể trước lời thô ác cãi vã thì ngươi đã tự tại đi trên đường Niết bàn, người kia chẳng tranh cãi với ngươi được nữa.

135. Như với chiếc gậy, người chăn trâu xua trâu ra đồng ; sự già, sự chết cũng thế, thường xua chúng sanh đến tử vong.

136. Kẻ ngu tạo ác nghiệp vẫn không tự biết có quả báo. Người ngu tự tạo ra nghiệp để chịu khổ, chẳng khác nào tự lấy lửa để đốt mình.

137 - 140. Nếu lấy dao gậy hại người toàn thiện, toàn nhân[89], lập tức kẻ kia phải thọ lấy đau khổ trong mười điều này : Thống khổ về tiền tài bị tiêu mất, thân thể bị bại hoại, bị trọng bệnh bức bách, bị tán tâm loạn ý, bị vua quan bách hại, bị vu trọng tội, bị quyến thuộc ly tán, bị tài sản tan nát, phòng ốc nhà cửa bị giặc thiêu đốt, và sau khi chết bị đọa vào địa ngục.

141. Chẳng phải đi chân không, chẳng phải bện tóc, chẳng phải xoa tro đất vào mình, chẳng phải tuyệt thực, chẳng phải nằm trên đất, chẳng để mình nhớp nhúa, cũng chẳng phải ngồi xổm[90] mà có thể trở nên thanh tịnh, nếu không dứt trừ nghi hoặc[91].

142. Người nào nghiêm giữ thân tâm tịch tịnh, chế ngự, khắc phục ráo riết trên đường tu Phạm hạnh, không dùng dao gậy gia hại sinh linh, thì chính người ấy là Bà la môn, là Sa môn, là Tỷ kheo vậy.

143. Biết lấy điều hổ thẹn để tự cấm ngăn mình, thế gian ít người làm được. Nhưng người đã làm được, họ khéo tránh điều khổ nhục như ngựa hay khéo tránh roi da.

144. Các ngươi hãy nỗ lực sám hối như ngựa đã hay còn thêm roi. Hãy ghi nhớ lấy chánh tín, tịnh giới, tinh tiến, tam ma địa (Thiền định) trí phân biệt Chánh pháp, và minh hành túc[92] để tiêu diệt vô lượng thống khổ.

145. Người tưới nước lo dẫn nước, thợ làm tên lo uốn tên, thợ mộc lo nẩy mực cưa cây, người làm lành thì lo tự chế ngự.

CHÚ THÍCH

88. Đao trượng (Danda) cũng dịch là hình phạt.
89. Chỉ vị A la hán đã sạch hết các lậu hoặc.
90. Đây là một cách ngồi xổm, đặc biệt là người tu ngoại đạo xưa Ấn Độ, thường dùng để hành hạ xác thân.
91. Bài này nói về cách tu khổ hạnh vô ích, không thể chứng được Niết bàn.
92. Trí và hành đầy đủ.

XI. **PHẨM GIÀ** [93]
(JARAVAGGO)

146. Làm sao vui cười, có gì thích thú, khi ở trong cõi đời luôn luôn bị thiêu đốt [94]. Ở trong chỗ tối tăm bưng bít[95] sao không tìm tới ánh quang minh[96]?

147. Hãy ngắm cái thân trang sức này chỉ là đống xương[97] lở lói[97], chồng chất tật bịnh mà người ta tưởng là êm ái[99], cái thân ấy tuyệt đối không có gì trường tồn.

148. Cái hình hài suy già này là cái rừng già tập trung bịnh tật, dễ hư nát. Đã có tụ tất có tán, có sinh tất có tử

149. Trái hồ lô (trái bầu) về mùa thu thì khô rụng, thân này cũng vậy, rốt cuộc chỉ còn một đống xương màu lông hạc, rõ thật chẳng có gì vui.

150. Thân này là cái thành xây bằng xương cốt, tô quét bằng máu thịt, để cất chứa sự già và sự chết, ngã mạn và dối gian[100].

151. Cái xe vua đi dù được trang hoàng lộng lẫy cũng phải hư hoại, thân này dù có trau tria cũng phải già yếu. Chỉ trừ pháp của bậc thiện nhân[101] là không bị suy già mà cứ di chuyển từ người lành này sang người lành khác.

152. Người ngu ít nghe, kém học, suốt đời như trâu, gân thịt dẫu lớn mạnh mà trí tuệ không tăng thêm.

153 - 154. Ta lang thang trong vòng luân hồi qua bao kiếp sống, tìm mãi mà không gặp kẻ làm nhà. Đau khổ thay kiếp sống cứ tái diễn mãi ! Hỡi kẻ làm nhà! Nay ta gặp được ngươi rồi. Ngươi không thể làm nhà nữa. Cột và đòn tay của ngươi đều gãy cả, nóc và xà nhà của ngươi đã tan vụn rồi. Ta đã chứng đắc Niết bàn, bao nhiêu dục ái đều dứt sạch[102].

155. Lúc thiếu niên cường tráng đã không kiếm ra tài của, cũng chẳng lo tu hành, thì khi già chẳng khác gì con cò già bên bờ ao, không kiếm ra mồi, phải ủ rũ chết mòn.

156. Lúc thiếu niên cường tráng đã không kiếm ra tài của, cũng chẳng lo tu hành, nên khi già nằm xuống, dáng ngươi như cây cung gãy, cứ buồn than về dĩ vãng.

CHÚ THÍCH

93. Nói về sự già.
94. Thế giới bị 11 thứ lửa này thường thiêu đốt : tham (raga), sân (dosa), si (moha), bệnh (vyad-hi), lão (jara), tử (marana), sầu (soda), bi (Pariv-eda), khổ (dukkha), ưu (domandsa), não (upya-sa).
95. Ví vô minh.
96. Dụ trí tuệ.
97. Chín chỗ nơi thân : hai mắt, hai mũi, hai tai, miệng, đường đại, đường tiểu.
98. Thân này do trên 300 đốt xương hợp thành.
99. Lầm nghĩ thân này mỹ lệ êm đềm.
100. Hư ngụy (makkho), xưa dịch là che lấp (phủ)
101. Chỉ Phật, Bích chi, La hán.
102. Đây là lời đức Thích ca khi thành đạo, tâm sinh hoan hỷ mà nói ra. Sau này có lần nhân ngài A-nan hỏi nên Phật nói lại lời đó. Kẻ làm nhà chỉ nguyên nhân luân hồi, lòng tình dục, nhà là chỉ thân thể, rui mè là chỉ các thứ dục khác, kèo cột là chỉ vô minh.

XII. PHẨM TỰ NGÃ
(ATTAVAGGO)

157. Nếu biết tự thương mình, phải tự gắng bảo hộ, trong ba thời có một, người trí nên tỉnh ngộ, chớ mê man[103].

158. Trước hãy tự đặt mình vào chánh đạo rồi sau giáo hóa kẻ khác, hiền giả như vậy mới tránh khỏi điều lỗi lầm xảy ra.

159. Nếu muốn khuyên người khác nên làm như mình, trước hãy sửa mình rồi sau sửa người. Tự sửa mình vốn là điều khó nhất.

160. Chính tự mình làm chổ nương cho mình [104] chứ người khác làm sao nương được ? Tự mình khéo tu tập mới đạt đến chỗ nương dựa nhiệm mầu [105].

161. Aùc nghiệp chính do mình tạo, từ mình sinh ra. Aùc nghiệp làm hại kẻ ngu dễ dàng như kim cang phá hoại bảo thạch.

162. Sự phá giới làm hại mình như giây man la bao quanh cây Ta la làm cho nó khô héo[106]. Người phá giới là làm điều mà kẻ thù muốn làm cho họ.

163. Việc ác dễ làm nhưng chẳng lợi gì cho ta, trái lại, việc lành có lợi cho ta thì lại rất khó làm.

164. Những người ác tuệ ngu si, vì tâm tà kiến mà vu miệt giáo pháp A la hán, vu miệt người hành chánh đạo và giáo pháp đức Như lai để tự mang lấy bại hoại, giống như cỏ Cách tha, hễ sinh quả xong liền tự diệt [107].

165. Làm dữ bởi ta, mà nhiễm ô cũng bởi ta ; làm lành bởi ta, mà thanh tịnh cũng bởi ta. Tịnh hay không tịnh đều bởi ta, chứ không ai có thể làm cho ai thanh tịnh được .

166. Chớ vì lợi ích cho kẻ khác mà quên hẳn lợi ích cho chính mình[108]. Người biết lo lợi ích mình mới thường chuyên tâm vào những điều ích lợi tất cả.

CHÚ THÍCH

103. Thông thường nói ba thời là đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm. Ở đây ba thời chỉ vào một đời người thanh niên, trung niên, lão niên. Người ta lúc thanh niên nên nỗ lực học tập, trung niên nên hoằng pháp, tu Thiền định v.v... Nhưng trong hai thời gian đó mà chưa kịp thích thời hành sự thì lúc lão niên phải tinh ngộ học tập gấp rút, nếu không thì luống uổng một đời, mang lấy thống khổ chẳng ích chi.
104. Phật giáo chủ trương mỗi cá nhân phải tự lực lo giải thoát cho mình. Phật giáo đồ phát nguyện quy y phật, Pháp, Tăng, Tam Bảo, không có nghĩa là phát 1 lời cầu đảo để Tam Bảo lo giải thoát cho. Song Tam Bảo là thầy chỉ đạo tu hành đúng đường để được giải thoát. Vậy nên, muốn đến cảnh giới giải thoát tự tại thì tự mỗi người phải gắng sức thực hành đúng lời Tam Bảo chỉ dạy.
105. Chỉ quả vị La hán.
106. Mạn la phạm (Maluva) một loại dây bìm. Cây ta la khi đã bị nó leo quấn vào thì khô chết ngay.
107. Cách tha cách (Kattha), loại cây lau. Có tên là Cách tha cách trúc (Velusankhatakattha), hễ ra hoa kết trái rồi thì chết liền.
108. Chỉ việc giải thoát sanh tử.

XIII. **PHẨM THẾ GIAN**
(LOKAVAGGO)

167. Chớ theo điều ty liệt, chớ đem thân buông lung. Chớ nên theo tà thuyết, chớ làm tăng trưởng tục trần[109].

168. Hăng hái đừng buông lung, làm theo Chánh pháp. Người thực hành Chánh pháp, đời này vui, đời sau vui[110].

169. Khéo thực hành Chánh pháp, chớ làm điều ác hành. Người thực hành Chánh pháp, đời này vui, đời sau vui.

170. Như bọt nước trôi sông, như lầu sò chợ bể[111]. Nếu xem đời bằng cặp mắt ấy, thần chết không tìm tới được.

171. Giả sử thế gian này có được lộng lẫy như chiếc xe của vua, thì trong số người xem thấy, chỉ người ngu mới tham đắm, chứ kẻ trí chẳng hề bận tâm.

172. Người nào trước buông lung sau lại tinh tấn, người đó là ánh sáng chiếu cõi thế gian, như vầng trăng ra khỏi mây mù.

173. Người nào lấy việc lành tiêu trừ việc ác, người đó là ánh sáng chiếu cõi thế gian như vầng trăng ra khỏi mây mù.

174. Như chim thoát khỏi lưới, chẳng mấy con bay thẳng lên trời cao, trong thế gian này chẳng mấy người sáng suốt trông thấy cao xa.

175. Con thiên nga chỉ bay được giữa không trung, người có thần thông chỉ bay được khỏi mặt đất, duy bậc đại trí, trừ dẹp ma quân mới bay được khỏi thế gian này.

176. Những ai vi phạm đạo nhất thừa[112], những ai ưa nói lời vọng ngữ, những ai không tin có đời sau, thì chẳng có điều ác nào mà họ không làm được.

177. Người xan tham không thể sanh lên cõi trời, người ngu si không ưa tán dương việc cúng dường, nhưng người trí thấy việc cúng dường lại tùy hỷ và tương lai họ sẽ được phần an lạc.

178. Người thống suất cõi đất, người làm chủ chư Thiên, hết thảy vị thế chúa ấy chẳng sánh kịp một vị đã chứng quả Tu đà hoàn[113].

CHÚ THÍCH

109. Ở Tích Lan (Xri Lanca) giải thích là luân hồi.
110. Sau khi đức Phật thành đạo, lần đầu Ngài trở về hoàng cung tại thành Ca tỳ la (Kapila), sáng hôm sau Ngài vẫn chiếu lệ mang bát đi khất thực. Vua Tịnh Phạn (Suddhodana) thấy vậy vội bước đến trước Phật mà nói rằng : "Này con ơi ! Sao con làm nhục nhà ta vậy ? Con vốn là chủ thành này, từng ở trên châu báu, nay cứ cầm bát lần đi từng nhà, không hổ nhục cho ta lắm sao ?" . Đức Phật liền nói cho vua nghe đó là phép tắc lâu đời của chư Phật, và nói hai bài này. Nên theo chỗ chú giải xưa này thì hai bài này có nghĩa như sau : bài 168 : "Chớ nhác bỏ việc lần theo từng nhà khất thực. Cẩn thận giữ thật đúng hạnh trì bát này, ai làm theo hạnh này thì đời này, đời sau đều khoái lạc" ; bài 169 : "Cẩn thận làm đúng hạnh này, chớ làm theo sự buông thả. Ai làm theo đúng hạnh này thì đời này, đời sau đều được khoái lạc ".
111. Lầu sò chợ bể là dịch nghĩa từ chữ "Thần lâu hải thị" để chỉ thị cảnh huyễn hóa không thật. Những làn khí bốc lên trên mặt biển, đụng phải ánh nắng, hoặc là không khí tương phản mà hiện ra những bóng hình nhìn xa như lâu đài chợ búa. Người xưa tin những làn khí ấy là hơi của giống sò thần tự dưới đáy bể phun lên.
112. Nhất pháp (Ekham Dhanman) tức la chân đế, chân lý (Saccam).
113. Dự lưu quả (Sotapattiphalam) là quả vị đầu trong bốn quả vị Niết bàn Thanh văn.

XIV. **PHẨM PHẬT ĐÀ**
(BUDDHAVAGGO)

179. [114] Chẳng ai hơn nổi người đã thắng phục dục tình. Người đã thắng phục dục tình không còn bị thất bại trở lại[115], huống Phật trí mênh mông không dấu tích, các ngươi lấy gì mà hòng cám dỗ được ?

180. Người dứt hết trói buộc, ái dục còn khó cám dỗ được họ, huống Phật trí mênh mông không dấu tích, các ngươi lấy gì mà hòng cám dỗ được ?

181. Người tu trì Thiền định, ưa xuất gia, ở chổ thanh vắng. Người có chánh niệm chánh giác, bao giờ cũng được sự ái kính của Thiên, nhơn.

182. Được sinh làm người là khó, được sống trọn đời còn khó hơn, được nghe Chánh pháp là khó, được gặp Phật ra đời là khó.

183. Chớ làm điều ác, gắng làm việc lành, giữ tâm ý trong sạch. Ấy, lời chư Phật dạy.

184. Chư Phật thường dạy Niết bàn là quả vị tối thượng. Nhẫn nhục là khổ hạnh tối cao. Xuất gia mà não hại người khác, không gọi là Sa môn[117].

185. Chớ nên phỉ báng, đừng làm não hại, giữ giới luật tinh nghiêm[118], uống ăn có chừng mực, riêng ở chổ tịch tịnh, siêng tu tập Thiền định[119]. Ấy lời chư Phật dạy.

186 - 187. Giả sử mưa xuống bạc vàng cũng chẳng làm thỏa mãn lòng tham dục. Người trí đã biết rõ ái dục vui ít mà khổ nhiều. Thế nên, dù sự dục lạc ở cõi trời, ngươi cũng chớ sanh tâm mà mong cầu. Đệ tử đấng Chánh giác chỉ mong cầu diệt trừ ái dục mà thôi.

188-192. Vì sợ hãi bất an mà đến quy y thần núi, quy y rừng cây, quy y miếu thờ thọ thần[120], nhưng đó chẳng phải là chỗ nương dựa yên ổn, là chỗ quy y tối thượng. Ai quy y như thế khổ não vẫn còn nguyên. Trái lại, quy y Phật, Pháp, Tăng, phát trí tuệ chơn chánh, hiểu thấu Bốn Lẽ mầu : Biết khổ, biết khổ nhân, biết khổ diệt, và biết Tám chi Thánh đạo[121] diệt trừ hết khổ não. Đó là chỗ quy y an ổn, là chỗ quy y tối thượng. Ai quy y được như vậy, giải thoát hết khổ đau.

193. Rất khó gặp được bậc Thánh nhơn, vì chẳng phải thường có. Phàm ở đâu có người trí ra đời thì ở đó gia tộc được an lành.

194. Hạnh phúc thay đức Phật ra đời, hạnh phúc thay diễn nói Chánh pháp ; hạnh phúc thay Tăng già hòa hợp, hạnh phúc thay dõng tiến đồng tu.

195 - 196. Cúng dường những vị đáng cúng dường là Phật hay đệ tử của Ngài -những vị thoát ly hư vọng, vượt khỏi mọi lo âu. Công đức của người cúng dường bậc Tịch tịnh vô úy như vậy không thể kể lường.

CHÚ THÍCH

114. Hai bài này Phật đối Ma nữ mà nói.
115. Ý toàn câu là "Cái tình dục đã bị chinh phục rồi, thì dù đang ở thế gian này, nó cũng không thể theo dõi người kia nữa".
116. Đã bỏ hết ái dục.
117. Trong Tứ phần (giới bản) đức Như Lai Tỳ Bà Thi dạy : "Nhẫn nhục đệ nhất đạo, Phật thuyết vô vi tối, xuất gia não tha nhơn, bất danh vi Sa môn".
118. Nguyên văn : Patimokkha tức là Biệt giải thoát luật nghi giới, gồm 227 giới điều chủ yếu mà tất cả Tỷ kheo phải giữ.
119. Chỉ tám định (Atthasalacattu) : bốn thiền định và bốn không định.
120. Thọ chi đề (Rukkhacetia) là "thọ miếu", vị thọ thần của Aán Độ tín ngưỡng. Lấy cây làm đối tượng sùng bái, như đối với tháp miếu vậy.
121. Bát Chánh đạo (Ariyam utthangikkhamamagam) : chánh kiến (Samaditthi), chánh tư duy (Sammasan-kappa), chánh ngữ (Sammavaca), chánh nghiệp (Samakamanta), chánh mạng (Sammajiva), chánh tinh tấn (Sammavayama), chánh niệm (Samma-sati), chánh định (Samasamadhi). Hai câu này chỉ về đạo diệt khổ, nói gọn là Đạo đế.

XV. **PHẨM AN LẠC**[122]
(SUKHAVAGGO)

197. Sung sướng thay chúng ta[123] sống không thù oán giữa những người thù oán. Giữa những người thù oán, ta sống không thù oán.

198. Sung sướng thay chúng ta sống không tật bệnh giữa những người tật bệnh [124]. Giữa những người tật bệnh, ta sống không tật bệnh .

199. Sung sướng thay chúng ta sống không tham dục giữa những người tham dục! Giữa những người tham dục, ta sống không tham dục.

200. Sung sướng thay chúng ta sống không bị điều gì chướng ngại[125], ta thường sống với những điều hỷ lạc như những vị trời Quang âm[126].

201. Thắng lợi bị thù oán, thất bại bị đau khổ ; chẳng màng tới thắng bại, sẽ sống hòa hiếu an vui.

202. Không lửa nào bằng lửa tham dục, không ác nào bằng ác sân hận. Không khổ nào bằng khổ ngũ uẩn và không vui nào bằng vui Niết bàn.

203. Đói là chứng bệnh lớn, vô thường[127] là nỗi khổ lớn ; biết được đúng như thế, đạt đến Niết bàn vui tối thượng.

204. Không bệnh là điều rất lợi, biết đủ là kẻ rất giàu, thành tín là nơi chí thân, Niết bàn là vui tối thượng.

205. Ai từng nếm mùi độc cư, ai từng nếm mùi tịch tịnh, người ấy còn ưa nếm mùi pháp vị, để xa lìa mọi tội ác, sợ hãi.

206. Gặp được bậc Thánh nhơn là rất quí, vì sẽ chung hưởng sự vui lành. Bởi không gặp kẻ ngu si, nên người kia thường hoan hỷ.

207. Đi chung với người ngu, chẳng lúc nào không lo buồn ; ở chung với kẻ ngu khác nào ở chung với quân địch. Ở chung với người trí vui như hội ngộ với người thân.

208. Đúng thật như vậy[128] : Người hiền trí, người đa văn, người trì giới chân thành và bậc Thánh giả, được đi theo những bậc thiện nhân, hiền tuệ ấy, khác nào mặt trăng đi theo quỷ đạo tinh tú.

CHÚ THÍCH

122. Nhật bản dịch là An lạc phẩm.
123. Phật tự xưng.
124. Tật bệnh đây chỉ các phiền não thống khổ .
125. Không còn các phiền não chướng như tham, sân, si v.v…
126. Lúc Phật ở tạm nơi thôn của một Bà la môn tên Ngũ ta la (Pancasala), một hôm Ngài vô xóm làng khất thực, không gặp ai cúng dường, một kẻ Ma vương đứng ở cửa làng thấy Phật mang bát đi về không, mới cười chọc nói rằng : "Ngài chưa được thực phẩm, ắt phải đi vào thôn xóm khất thực để giải quyết sự đói ". Nhân đó Phật nói bài này.
127. Nguyên văn : Sankhara dịch là hành, tức là pháp hữu vi có sanh diệt, trong Pali chú thích uẩn (khandha).
128. Câu này là câu tiếp liền trên dưới.

XVI. **PHẨM HỶ ÁI**
(PIYAVAGGO)

209. Chuyên tâm làm những việc không đáng làm, nhác tu những điều cần tu, bỏ việc lành mà chạy theo dục lạc, người như thế dù có hâm mộ kẻ khác đã cố gắng thành công, cũng chỉ là hâm mộ suông[129].

210. Chớ kết giao với người đáng ưa, chớ kết giao với người không đáng ưa. Không gặp được người thương yêu là khổ, gặp người cừu oán cũng khổ.

211. Thế nên chớ đắm yêu, vì đắm yêu bị biệt ly là khổ. Nếu không còn những niệm yêu ghét thì không điều gì ràng buộc được.

212. Từ hỷ ái sinh lo, từ hỷ ái sinh sợ ; xa lìa hết hỷ ái, chẳng còn lo sợ gì.

213. Từ tham ái sinh lo, từ tham ái sinh sợ ; xa lìa hết tham ái, chẳng còn lo sợ gì.

214. Từ tham dục sinh lo, từ tham dục sinh sợ ; xa lìa hết tham dục, chẳng còn lo sợ gì.

215. Từ lạc dục sinh lo, từ lạc dục sinh sợ; xa lìa hết lạc dục, chẳng còn lo sợ gì.

216. Từ ái dục sinh lo, từ ái dục sinh sợ ; xa lìa hết ái dục, chẳng còn lo sợ gì [130].

217. Đầy đủ giới hạnh và chánh kiến, an trú Chánh pháp[131], rõ lý chơn thường [132], viên mãn các công hạnh[133], ấy mới là người đáng ái mộ.

218. Khát cầu pháp ly ngôn, sung mãn tâm cứu xét, không đắm mê dục lạc, ấy là bậc thượng lưu[134].

219 - 220. Người khách ly hương lâu ngày, từ phương xa trở về an ổn, được bà con thân hữu đón mừng như thế nào, thì người tạo phước nghiệp cũng vậy, khi từ cõi đời này sang cõi đời khác, phước nghiệp của họ là kẻ thân hữu đón mừng họ.

CHÚ THÍCH

129. Những Tỷ kheo vì bị dục lạc mê hoặc, bỏ việc hành đạo để sinh hoạt theo thế tục, sau thấy kẻ khác tu hành có công quả, lại luống tỏ lòng hâm mộ, chứ tự mình không thành được chi.
130. Năm câu 212-216, theo bản dịch của Đại đức Na ra da là : "From endearment spings gief, from endearment spings fear for him who is free from endearment there is no gief, much less fear. From affection … From delight … From lust …, From craving … ".
131. Chỉ bốn hướng, bốn quả và Niết bàn, cộng là chín pháp thù thắng.
132. Chỉ bốn Thánh đế.
133. Chỉ giới, định, tuệ.
134. Bậc thượng lưu (Ubddhamsoto), chỉ quả vị Bất hoàn (Anagami) gần đến Niết bàn A la hán.

XVII. **PHẨM PHẪN NỘ**
(KODHAVAGGO)

221. Xa bỏ lòng giận dữ, trừ diệt tính kiêu căng, giải thoát mọi ràng buộc, không chấp trước danh sắc[135], người không có một vật chi ấy, sự khổ chẳng còn theo dõi được.

222. Người nào ngăn được cơn giận dữ nổi lên như dừng được chiếc xe đang chạy mạnh, mới là kẻ chế ngự giỏi, ngoài ra chỉ là kẻ cầm cương hờ[136].

223. Lấy không giận thắng giận, lấy lành thắng chẳng lành, lấy cúng dường thắng xan tham, lấy chân thật thắng hư ngụy.

224. Nói chân thật, không giận hờn, san sẻ cho người xin[137] ; đó là ba việc lành đưa người đến cõi chư Thiên.

225. Không làm hại người thanh tịnh, thường chế phục thân tâm, thì đạt đến nơi bất tử chẳng còn ưu bi.

226. Những người thường giác tỉnh, ngày đêm chuyên tu học, chí hướng đến Niết bàn, thì mọi phiền não dứt sạch.

227. A đa la[138] nên biết : Đây không phải chỉ là chuyện đời nay mà đời xưa đã từng nói : làm thinh bị người chê, nói nhiều bị người chê, ít nói cũng bị người chê ; làm người không bị chê thực là chuyện khó có ở thế gian này.

228. Toàn bị người chê cả, hay toàn được người khen cả, là điều quá khứ chưa từng có, hiện tại tìm không ra, và vị lai cũng không dễ gì thấy được.

229. Cứ mỗi buổi mai thức dậy, tự biết phản tỉnh, hành động không tỳ vết, trí tuệ hiển minh, giới hạnh thanh tịnh, đó là người đáng được kẻ trí tán dương.

230. Phẩm chất đúng loại vàng Diêm phù [139] ; thì ai chê bai được ? Đó là hạng Bà la môn được chư Thiên tán thưởng.

231. Giữ thân đừng nóng giận, điều phục thân hành động, xa lìa thân làm ác, dùng thân tu hạnh lành.

232. Giữ lời đừng nóng giận, điều phục lời chánh chân, xa lìa lời thô ác, dùng lời tu hạnh lành.

233. Giữ ý đừng nóng giận, điều phục ý tinh thuần, xa lìa ý hung ác, dùng ý tu hạnh lành.

234. Người trí điều phục thân, cũng điều phục ngôn ngữ, điều phục luôn tâm ý, cả ba nghiệp thảy điều phục.

CHÚ THÍCH

135. Danh sắc (Namarapa) tức là tinh thần và vật chất, tâm và thân.
136. Nếu tự chủ, ngăn trừ nóng giận kịp thời, mới là người thiện ngự, ngoài ra toàn như kẻ cầm cương hờ, chứ không khống chế được con ngựa.
137. Nguyên văn còn có một chử "thiểu", ít (Appam), tức là mình có vật gì dù ít, cũng có thể chia sớt cho người đến xin được .
138. A đa la (Atula) là tên một người Phật tử xưa.
139. Diêm phù kim (jambunaba) là tên đặc biệt để chỉ 1 thứ vàng phẩm chất rất quí. Ý nói vàng này từ sông Diêm phù (Jambu) mà có.

XVIII. **PHẨM CẤU UẾ**
(MALAVAGGO)

235. Ngươi đã giống như ngọn lá khô, Diêm ma sứ giả (tứ thần) ở sát bên mình. Ngươi đang đứng trước ngưỡng cửa chết, bước lữ hành của ngươi thiếu hẳn lương thực.

236. Ngươi hãy tự lo tạo lấy cho mình một hòn đảo an toàn, gấp rút tinh cần làm kẻ khôn ngoan, gột sạch phiền não trần cấu, để bước lên thánh cảnh chư Thiên[140].

237. Đời sống ngươi sắp lụn tàn, ngươi đang dịch bước đến gần Diêm vương, giữa đường không nơi ngơi nghỉ, bước lữ hành của ngươi thiếu hẳn lương thực.

238. Ngươi hãy tạo lấy cho mình một hòn đảo an toàn, gấp rút tinh cần làm kẻ khôn ngoan, gột sạch phiền não trần cấu, chớ trở lui đường sanh lão nguy nan.

239. Hết sát na này đến sát na khác, người trí lo gột trừ dần những cấu uế nơi mình, như người thợ vàng cần mẫn gột trừ cặn bã khỏi chất vàng ròng.

240. Như sét do sắt sinh ra rồi trở lại ăn sắt, ác nghiệp do ngươi gây ra rồi trở lại dắt ngươi đi vào cõi ác.

241. Không tụng tập là vết nhơ của sự học kinh điển, không siêng năng là vết nhơ của nghiệp nhà, biếng nhác là vết nhơ của thân thể và nơi ăn chốn ở, phóng túng là vết nhơ của phép tự vệ.

242. Tà hạnh là vết nhơ của người đàn bà, xan lẫn là vết nhơ của sự cúng dường. Đối với cõi này hay cõi khác thì tội ác chính là vết nhơ.

243. Trong các nhơ cấu đó, vô minh cấu là hơn cả. Các ngươi hãy trừ hết vô minh để thành Tỷ kheo thanh tịnh.

244. Sống không biết xấu hổ, lỗ mãng như quạ diều, sống chê bai kẻ khác, sống đại đởm khoa trương, sống ngạo mạn tà ác ; sống như thế chẳng khó khăn gì.

245. Sống biết hổ thẹn, sống thường cầu thanh tịnh, sống không đam mê dục lạc, sống khiêm tốn, trong sạch và dồi dào kiến thức ; sống như thế mới thực khó làm.

246 - 247. Trong thế gian này, ai hay sát sinh, hay nói dối, hay lấy cắp, hay phạm dâm, hay say đắm rượu chè; ai có các hành vi đó tức là đã tự đào bỏ thiện căn của mình ngay ở cõi đời này.

248. Các ngươi nên biết : "Hễ không lo chế ngự tức là ác". Vậy chớ tham, chớ làm điều phi pháp, để khỏi sa vào thống khổ đời đời.

249. Vì có tâm tin vui nên người ta mới cúng dường, trái lại kẻ có tâm ganh ghét người khác được ăn, thì ngày hoặc đêm kẻ kia không thể định tâm được.

250. Nhưng kẻ nào đã đoạn được, nhổ được, diệt được tâm tưởng ấy thì ngày hoặc đêm, kẻ kia đều được định tâm.

251. Không lửa nào dữ bằng lửa tham dục, không cố chấp nào bền bằng tâm sân giận, không lưới nào trói buộc bằng lưới ngu si, không dòng sông nào đắm chìm bằng sông ái dục.

252. Thấy lỗi người thì dễ, thấy lỗi mình thì khó. Lỗi người ta cố phanh tìm như tìm thóc lẫn trong gạo ; còn lỗi mình, ta cố che giấu như kẻ cờ gian bạc lận thu giấu quân bài.

253. Nếu thấy lỗi người thì tâm ta dễ sinh nóng giận mà phiền não tăng thêm, nếu bỏ đi thì phiền não cũng xa lánh.

254. Giữa hư không thì làm gì có dấu vết, trong ngoại đạo thì làm gì có Sa môn[141]. Chúng sanh thì thích điều hư vọng mà Như lai làm gì còn hư vọng[142].

255. Giữa hư không thì làm gì có dấu vết, trong ngoại đạo thì làm gì có Sa môn. Năm uẩn thì không thường trú mà Như lai thì chẳng loạn động bao giờ.

CHÚ THÍCH

140. Thánh cảnh hàng chư Thiên đây là chỉ 5 cõi trời Tịch cư (Panca Anddhvasabhumi) : Vô phiền (A-viha), Vô nhiệt (Atappa), Thiện hiện (Suddassa), Thiện kiến (Suddssi), Sắc cứu kính (Akanittha) là năm chỗ của hàng A na hàm ở.
141. Sa môn (samano) ở đây chỉ những vị chứng ngộ bốn thánh quả.
142. Nguyên văn : Papanca, gồm có nghĩa hư vọng và chướng ngại. Ở đây đặc biệt chỉ cho Aùi (Tan-ha), Kiến (Ditthi), Mạn (Mano).

XIX. **PHẨM PHÁP TRỤ**[143]
(DHAMMATTHAVAGGO)

256. Xử sự lỗ mãng[144] đâu phải hạnh của người phụng thờ Chánh pháp, vậy người trí cần biện biệt đâu chánh và đâu tà.

257. Không khi nào lỗ mãng, đúng phép và công bình mới là người dẫn đạo. Kẻ trí nhờ sống đúng pháp nên gọi là người an trụ pháp.

258. Chẳng phải cậy nhiều lời cho là người có trí, nhưng an tịnh không cừu oán, không sợ hãi, mới là người có trí.

259. Chẳng phải cậy nhiều lời cho là hộ trì pháp, nhưng tuy ít học mà do thân thực [145] thấy pháp, không buông lung, mới là người hộ trì pháp.

260. Trưởng lão[146] chẳng phải vì bạc đầu. Nếu chỉ vì tuổi tác cao mà xưng trưởng lão, thì đó là chỉ xưng suông.

261. Đủ kiến giải chân thật[147], giữ trọn các pháp hành[148], không sát hại sinh linh, lo tiết chế [149] điều phục[150], người có trí tuệ đó trừ hết các cấu nhơ, mới xứng danh trưởng lão.

262. Những người hư ngụy, tật đố và xan tham, tuy có biện tài lưu loát, tướng mạo đoan trang, cũng chẳng phải người lương thiện.

263. Những người trí nhờ diệt trừ tận gốc lòng sân hận, mới là người lương thiện.

264. Người vọng ngữ và phá giới, dù cạo tóc cũng chưa phải là Sa môn ; huống còn chất đầy tham dục, làm sao thành Sa môn ?

265. Người nào dứt hết các điều ác, không luận lớn hay nhỏ, nhờ dứt hết các ác mà được gọi Sa môn.

266. Chỉ mang bát khất thực, đâu phải là Tỷ kheo ? Chỉ làm nghi thức tôn giáo cũng chẳng phải Tỷ kheo vậy .

267. Bỏ thiện[151] và bỏ ác, chuyên tu hành thanh tịnh, lấy "Biết"[152] mà ở đời, mới thật là Tỷ kheo.

268 - 269. Kẻ ngu muội vô trí, dù làm thinh cũng không thể gọi được là người tịch tịnh. Kẻ trí tuệ sáng suốt như bàn cân, biết cân nhắc điều thiện lẽ ác mà chọn lành bỏ dữ, mới gọi là người tịch tịnh. Biết được cả nội giới và ngoại giới, nên gọi là người tịch tịnh.

270. Còn sát hại chúng sanh, đâu được xưng là Thánh hiền, không sát hại chúng sanh mới gọi là Thánh hiền[153].

271 - 272. Chẳng do giới luật, đầu đà[154], chẳng phải do nghe nhiều, học rộng[155], chẳng phải do chứng được tam muội, chẳng phải do ở riêng một mình, đã vội cho là "hưởng được cái vui xuất gia, phàm phu không bì kịp". Các ngươi chớ vội tin điều ấy, khi mê lầm phiền não của các ngươi chưa trừ.

CHÚ THÍCH

143. Pháp trụ (Dhammattha), có nghĩa là thực hành đúng pháp, an trụ phụng thờ đúng pháp, nên cũng dịch là "Phụng pháp".
144. Lỗ mãng (Sahasa), bao hàm nghĩa cẩu thả, khinh xuất, độc đoán. Ở đây chỉ cho cái quan niệm bất chính xác, bởi chịu ảnh hưởng của tham, sân, si, bố úy mà sinh ra.
145. Do thân (Kayena), nguyên chú thích là "do danh thân" (Namakayena). Trong văn Pali chia năm uẩn ra hai loại : A. Danh thân (Namakayena), tức danh uẩn là thọ, tưởng, hành, thức uẩn ; B. Sắc thân (Rupakayena) tức là sắc uẩn. Như vậy, do thân thật thấy Chánh pháp tức là nói do tâm thật thấy Chánh pháp, là do tự nội tâm chứng ngộ Chánh pháp, đích thực, chứ không vịn lấy chỗ ngộ do người làm cho mình ngộ … Chữ thân là một chứa nhóm, đồng nghĩa với chữ uẩn.
146. Trưởng lão (Thera), tiếng tôn xưng người đã giữ giới Tỷ kheo mười năm trở lên, nhưng vốn trọng về thực tu thực chứng, nếu không thì chỉ là cách gọi suông.
147. Chỉ lý Tứ Đế .
148. Chỉ bốn quả, bốn hướng và Niết bàn.
149. Chỉ hết thảy giới luật.
150. Đặc biệt chỉ điều phục năm căn: nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân.
151. Thiện đây chỉ cái thiện hữu lậu, là cái Thiện làm với tâm bỉ thử ngã nhân.
152. Biết giới, biết định, biết tuệ.
153. Chữ Ariya có nghĩa là hiền đức, cao thượng. Phật đối với người đánh cá tên Ariya mà nói ra bài này.
154. Giới luật đây chỉ cho Biệt giải thoát luật nghi giới, căn bản luật nghi giới. Đầu đà (Dhutanga) là hạnh tu kham khổ, tiết độ trong việc ăn, mặc, ở, để dứt sạch phiền não, gồm có mười hai hạnh, riêng cho một số người tu.
155. Học ba tạng (Tripitaka).

XX. PHẨM ĐẠO
(MAGGAVAGGO)

273. Bát chánh đạo là đạo thù thắng hơn các đạo, Tứ đế [156] là lý thù thắng hơn các lý, ly dục[157] là pháp thù thắng hơn các pháp, cụ nhãn[158] là bậc thù thắng hơn các bậc thánh hiền.

274. Chỉ có con đường này[159], chẳng còn con đường nào khác có thể làm cho tri kiến các ngươi thanh tịnh. Các ngươi thuận làm theo thì bọn ma bị rối loạn.

275. Các ngươi thuận tu theo Chánh đạo trên đây, thì khổ não sẽ dứt hết, và biết rằng đạo ta nói có sức trừ diệt chông gai[160].

276. [161] Các ngươi hãy nỗ lực lên ! Như Lai chỉ dạy cho con đường giác ngộ[162]. Sự trói buộc của ma vương sẽ tùy sức Thiền định của các ngươi mà được giải thoát.

277. "Các hành[163] đều vô thường" ; khi đem trí tuệ soi xét được như thế, thì sẽ nhàm lìa thống khổ. Đó là đạo thanh tịnh.

278. "Các hành đều là khổ" ; khi đem trí tuệ soi xét được như thế, thì sẽ nhàm lìa thống khổ. Đó là đạo thanh tịnh

279. "Các pháp đều vô ngã" ; khi đem trí tuệ soi xét được như thế, thì sẽ nhàm lìa thống khổ. Đó là đạo thanh tịnh.

280. Khi đáng nỗ lực không nỗ lực, thiếu niên cường tráng đã biếng lười, ý chí tiêu trầm và nhu nhược ; kẻ biếng nhác ấy làm gì có trí để ngộ đạo !

281. Thận trọng lời nói, kềm chế ý nghĩ, thân không làm ác, ba nghiệp thanh tịnh, là được đạo Thánh nhơn.

282. Tu Du già[164] thì trí phát, bỏ Du già thì tuệ tiêu. Biết rõ hai lẽ này thế nào là đắc thất, rồi nỗ lực thực hành, sẽ tăng trưởng trí tuệ.

283. Hãy đốn rừng dục vọng, chớ đốn cây thọ lâm ; từ rừng dục vọng sinh sợ, hãy thoát ngoài rừng dục.

284. Sợi dây tình giữa trai gái chưa dứt, thì tâm còn bị buộc ràng như bò con chẳng rời vú mẹ.

285. Tự mình dứt hết ái dục như lấy tay bẻ cành sen thu, siêng tu đạo tịch tịnh. Đó là Niết bàn mà đức Thiện thệ[165] đã truyền dạy.

286. "Mùa mưa ta ở đây, đông, hạ, ta cũng ở đây", đấy là tâm tưởng của hạng người ngu si, không tự giác những gì nguy hiểm[166].

287. Người đắm yêu con cái và súc vật, thì tâm thường mê hoặc, bị tử thần bắt đi, như xóm làng đang say ngủ mà bị cơn nước lũ cuốn trôi.

288. Một khi tử thần đã đến, chẳng thân thuộc nào có thể thay thế, dù cha con thân thích cũng chẳng làm sao cứu hộ.

289. Biết rõ lý lẽ trên[167] người trí gắng trì giới, thấu hiểu đường Niết bàn, mau làm cho thanh tịnh.

CHÚ THÍCH

156. Bốn đế (tứ cú) : Khổ (dukkha), khổ tập (dukkha-ssamudaya), khổ diệt (dukkhanirodha) khổ diệt đạo (dukkhaniaodhagaminipatipada). Xưa dịch là : khổ, tập, diệt, đạo.
157. Chỉ Niết bàn
158. Chỉ Phật đà. Phật đủ năm mắt : nhục nhãn (namsa-cakkhu), thiên nhãn (dibhacakkhu), huệ nhãn (panna-cakkhu), Phật nhãn (Buddhacakkhu), nhất thế trí nhãn (Samantacakkhu)
159. Tứ đế, Bát chánh đạo, Niết bàn
160. Chỉ cho tham, sân , si v.v…
161. Các Tăng già Tích Lan mỗi khi khai một hội nghị để luận bàn việc trọng đại, thường lấy bài này làm khẩu hiệu kêu gọi.
162. Như Lai chỉ bày chánh đạo, còn hành đạo là do người.
163. Tất cả hiện tượng .
164. Du già (Yoga) tức là định.
165. Thiện Thệ (Sugato) tức là Phật đà.
166. Chẳng biết sự nguy hiểm về cái chết là cách nào, ở đâu, lúc nào.
167. Chỉ ý nghĩa của bài trên.

XXI. **PHẨM TẠP**
(PAKINNAKAVAGGO)

290. Nếu bỏ vui nhỏ mà được hưởng vui lớn, kẻ trí sẽ làm như thế.

291. Gieo khổ cho người để cầu vui cho mình, thì sẽ bị lòng sân hận buộc ràng, không sao thoát khỏi nỗi oán ghét.

292. Việc đáng làm không làm, việc không đáng làm lại làm, những người phóng túng ngạo mạn, thì lậu tập mãi tăng thêm.

293. Thường quan sát tự thân, không làm việc không đáng, việc đáng gắng chuyên làm, thì lậu tập dần tiêu tan.

294. [168]Hãy diệt mẹ (ái dục) và cha (kiêu căng), diệt hai vua dòng Sát đế lợi[169], diệt Vương quốc[170] luôn cả quần thần [171] mà hướng về Bà la môn vô ưu[172].

295. Hãy diệt mẹ (ái dục) và cha (kiêu căng), diệt hai vua dòng Bà la môn, diệt luôn hổ tướng "nghi" thứ năm [173], mà hướng về Bà la môn vô ưu.

296. Đệ tử Kiều đáp ma[174], phải luôn tự tỉnh giác, vô luận ngày hay đêm, thường niệm tưởng Phật đà.

297. Đệ tử Kiều đáp ma, phải luôn tự tỉnh giác, vô luận ngày hay đêm, thường niệm tưởng Đạt ma.

298. Đệ tử Kiều đáp ma, phải luôn tự tỉnh giác, vô luận ngày hay đêm, thường niệm tưởng Tăng già.

299. Đệ tử Kiều đáp ma, phải luôn tự tỉnh giác, vô luận ngày hay đêm, thường niệm tưởng sắc thân[175].

300. Đệ tử Kiều đáp ma, phải luôn tự tỉnh giác, vô luận ngày hay đêm, thường vui điều bất sát.

301. Đệ tử Kiều đáp ma, phải luôn tự tỉnh giác, vô luận ngày hay đêm, thường ưa tu Thiền quán.

302. Xuất gia dứt hết ái dục là khó, tại gia theo đường sinh hoạt là khó, không phải bạn mà chung ở là khổ, qua lại trong vòng luân hồi là khổ. Vậy các ngươi đừng qua lại trong vòng sanh tử luân hồi ấy.

303. Chánh tín mà giới hạnh, được danh dự và thánh tài[176]; người nào được như thế, đến đâu cũng tôn vinh.

304. Làm lành thì danh được vang xa, tỏ rạng như Tuyết sơn[177] ; làm ác thì mù mịt như bắn cung ban đêm.

305. Ngồi một mình, nằm một mình, đi một mình không mệt mỏi, một mình tự điều luyện, vui trong chốn rừng sâu.

CHÚ THÍCH

168. Hai bài này đều mượn ví dụ để cắt nghĩa.

169. Dụ thường kiến (Sassataditti) và đoạn kiến (Ucc-hedaditthi).
170. Chỉ 12 xứ (dvrdasatana) mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp.
171. Chỉ sự dục lạc (nadirago).
172. Chỉ quả vị lậu tận A la hán.
173. Hổ tướng thứ năm (veyyagghapancaman) tức bằng với nghi thứ 5 (Vicikicchannivarana). Vì trong năm cái (ngăn, cheancanivarana) thì nghi cái (vicikicchannivarana)ở về thứ 5. Năm cái là : tham dục (kamacchanda), sân nhuế (viavada), hôn trầm thùy miên (thinamiddha), trạo cử ác tác (Uddhaccukukkucca), nghi (Vikicikiccha).
174. Kiều đáp ma (Gotama) tức là đức Phật.
175. Sắc thân gồm có 32 thứ bất tịnh : Tóc, lông, móng , răng, da v.v..
176. Thánh tài là gia tài của Thánh giả (nhờ đó mà thành đạo quả), có 7 : tín, giới, tàm, quý, văn, xả, huệ.
177. Tuyết sơn (Himayanto) tức Hy mã lạp sơn

XXII. **PHẨM ĐỊA NGỤC**
(NIRAYAVAGGO)

306. Thường nói lời vọng ngữ, có làm nói không làm, người tạo hai nghiệp ấy, chết cùng đọa địa ngục.

307. Dù mặc nhiều cà sa, không ngăn trừ ác hạnh, người ác vì nghiệp ác, chết đọa vào địa ngục.

308. Phá giới chẳng tu hành, thà nuốt hòn sắt nóng, hừng hực lửa đốt thân, còn hơn thọ lãnh của tín chủ.

309. Buông lung theo vợ người, phải mắc vào bốn nạn : mắc tội, ngủ không yên, bị chê, đọa địa ngục.

310. Vô phước, đọa ác thú, thường sợ hãi, ít vui, quốc vương kết trọng tội : Vậy chớ theo vợ người.

311. Vụng nắm cỏ cô sa (kusa) tức bị họa đứt tay, Sa môn theo tà hạnh, tức bị đọa địa ngục.

312. Những người giải đãi, giới hạnh nhiễm ô, hoài nghi việc tu Phạm hạnh, không thể chứng quả lớn.

313. Việc đáng làm nên làm, phải làm cho hết sức, xuất gia mà phóng túng rong chơi, chỉ tăng thêm dục trần.

314. Không làm nghiệp ác là hơn, làm ác nhất định thọ khổ, làm các nghiệp lành là hơn, làm lành nhất định thọ vui.

315. Như thành ở biên khu, được phòng hộ trong ngoài, tự phòng hộ mình cũng vậy, giây lát chớ buông lung, hễ giây lát buông lung là giây lát đọa vào địa ngục.

316. Không đáng hổ lại hổ, việc đáng hổ lại không ; cứ ôm tà kiến ấy, địa ngục khó lánh xa.

317. Không đáng sợ lại sợ, việc đáng sợ lại không ; cứ ôm tà kiến ấy, địa ngục khó lánh xa.

318. Không lỗi tưởng là lỗi, có lỗi lại tưởng không ; cứ ôm tà kiến ấy, địa ngục khó lánh xa.

319. Có lỗi biết có lỗi, không lỗi biết không lỗi ; giữ tâm chánh kiến ấy, đường lành thấy chẳng xa.

XXIII. **PHẨM VOI**
(NAGAVAGGO)

320. Như voi xuất trận hứng chịu cung tên, ta nhẫn chịu mọi điều phỉ báng, bởi đời lắm người phá giới (thường ghét kẻ tu hành).

321. Luyện được voi để đem dự hội, luyện được voi để cho vua cỡi là giỏi, nhưng nếu luyện được lòng ẩn nhẫn trước sự chê bai, mới là người có tài điêu luyện hơn cả mọi người.

322. Con la[178] thuần tánh là con vật lành tốt, con tuấn mã Tín độ[179] là con vật lành, con voi lớn Kiều la[180] cũng là con vật lành, nhưng kẻ đã tự điều luyện được mình lại càng lành hơn [181].

323. Chẳng phải nhờ xe hay ngựa mà đến được cảnh giới Niết bàn, chỉ có người khéo điều luyện mình mới đến được Niết bàn.

324. Con voi Tài hộ Dhamapalako[182] (hộ vệ tài sản) đến kỳ phát dục thì lung lăng khó trị, buộc trói thì bỏ ăn mà chỉ nhớ nghĩ rừng voi [183]).

325. Như heo kia ưa ngủ lại tham ăn, kẻ phàm ngu vì tham ăn ưa ngủ, nên phải bị tiếp tục vào bào thai.

326. Trong những thời quá khứ, tâm ta[184] thường chạy theo dục lạc, tham ái, ưa nhàn du, nhưng nay ta đã điều phục tâm như người quản tượng lấy móc câu chế ngự con voi luông tuồng.

327. Hãy vui vẻ siêng năng, phòng hộ, tự cứu khỏi nguy nan, như voi cố gắng vượt khỏi chốn sa lầy.

328. Nếu gặp bạn đồng hành hiền lương, giàu trí lự, hàng phục được gian nguy ; hãy vui mừng mà đi cùng họ.

329. Nếu không gặp bạn đồng hành hiền lương, giàu trí lự, hãy sống một mình, như vua tránh nước loạn, như voi sống ở rừng.

330. Thà ở một mình hơn cùng người ngu kết bạn. Ở một mình khỏi điều ác dục, như voi một mình thênh thang giữa rừng sâu.

331. Gặp bạn xa lâu ngày là vui, sung túc phải lúc là vui, mệnh chung có được thiện nghiệp là vui, lìa hết thống khổ là vui.

332. Ở đời được kính dưỡng mẹ hiền là vui, kính dưỡng thân phụ là vui, kính dưỡng Sa môn là vui, kính dưỡng Thánh nhơn là vui.

333. Già vẫn giữ giới là vui, thành tựu chánh tín là vui, đầy đủ trí tuệ là vui, không làm điều ác là vui.

CHÚ THÍCH

178. Lừa và Ngựa giao hợp với nhau sinh ra con gọi là La.
179. Tín độ (Sidha) là con sông Aán Độ. Giống ngựa Tuấn sinh ở địa phương này.
180. Kiều la (Kunjara) tên voi.
181. Ý nói người chưa điêu luyện thì tánh hung hăng hơn cả voi ngựa, nhưng khi tu luyện được rồi thì quí hơn nhiều.
182. Voi đến kỳ phát dục thường tiết ra một thứ nước thối tha và tính tình hung hăng khó trị.
183. Cổ tích kể voi có lòng nhớ mẹ nó là có ý để khuyên người ta hãy hiếu thuận cha mẹ.
184. Phật tự xưng.

XXIV. **PHẨM ÁI DỤC**
(TANHAVAGGO)

334. Nếu say đắm buông lung thì tham ái tăng lên hoài như giống cỏ mạn la mọc tràn lan, từ đời này tiếp đời nọ như vượn chuyền cây tìm trái.

335. Ở thế gian này nếu bị ái dục buộc ràng thì những điều sầu khổ càng tăng, như loài cỏ tỳ la gặp mưa.

336. Ở thế gian này nếu hàng phục được ái dục khó hàng phục, thì sầu khổ tự nhiên rụng như nước giọt lá sen.

337. Đây là sự lành mà ta bảo với các ngươi : Các ngươi hãy dồn sức vào để nhổ sạch gốc ái dục, như người muốn trừ cỏ tỳ la thì phải nhổ gốc nó. Các ngươi chớ lại để bị ma làm hại như loài cỏ lau gặp cơn nước lũ.

338. Đốn cây mà chưa đào hết gốc rễ sâu bền thì cây vẫn sinh ra, đoạn trừ ái dục mà chưa sạch căn gốc thì khổ não vẫn sanh trở lại mãi.

339. Những người có đủ ba mươi sáu dòng ái dục[185], họ mạnh mẽ dong ruỗi theo dục cảnh. Thế nên người có tâm tà kiến hằng bị những tư tưởng ái dục làm trôi giạt hoài.

340. Dòng ái dục tuôn chảy khắp nơi[186] như giống cỏ mạn la mọc tràn lan mặt đất. Ngươi hãy xem giống cỏ đó để dùng tuệ kiếm đoạn tận gốc đi.

341. Đời thường vui thích theo ái dục, ưa dong ruỗi lục trần, tuy họ có hướng cầu an lạc, vẫn bị quanh quẩn trong sanh tử vẫy vùng.

342. Những người trì trục theo ái dục, vùng vẫy khác nào thỏ bị sa lưới. Càng buộc ràng với phiền não càng chịu khổ lâu dài.

343. Những người trì trục theo ái dục, vùng vẫy khác nào thỏ bị sa lưới. Hàng Tỷ kheo vì cầu vô dục[187] nên phải tự gắng lìa dục.

344. Người đã lìa dục xuất gia, vui ở chốn sơn lâm[188] rồi trở lại nhà theo dục[189], ngươi hãy xem hạng người đó là đã được mở ra rồi lại tự trói vào !

345. Đối với người trí, sự trói buộc bằng dây gai, bằng cây, bằng sắt, chưa phải bền chắc, chỉ có lòng luyến ái vợ con, tài sản, mới thật là sự trói buộc chắc bền.

346. Đối với người trí, những gì dắt người vào sa đọa mới là sự trói buộc chắc bền. Nó hình như khoan dung hòa hoãn mà thật khó lòng thoát ra. Hãy đoạn trừ đừng dính mắc, lìa dục mà xuất gia.

347. Những người say đắm ái dục, trôi theo ái dục là tự lao mình vào lưới trói buộc, như nhện mắc lưới. Ai dứt được sự buộc ràng, không còn dính mắc, thì sẽ lìa mọi thống khổ mà ngao du tự tại [(190)].

348. Bỏ quá khứ, hiện tại, vị lai[(191)] mà vượt qua bờ kia ; tâm giải thoát hết thảy, không còn bị sanh già.

349. Những kẻ bị tư tưởng xấu ác làm tao loạn, cầu mong dục lạc thật nhiều. Người mong dục lạc tăng nhiều là tự trói mình thêm bền chắc.

350. Muốn lìa xa ác tưởng, thường nghỉ tới bất tịnh, hãy trừ hết ái dục, đừng để ác ma buộc ràng.

351. Bước tới chổ cứu kính[(192)] thì không còn sợ hãi, xa lìa ái dục thì không còn nhiễm ô, nhổ lấy mũi tên sanh hữu thì chỉ còn một thân này là cuối cùng[(193)].

352. Xa lìa ái dục không nhiễm trước, thông đạt từ vô ngại, thấu suốt nghĩa và pháp vô ngại, và thứ lớp của tự cú[(194)], đó là bậc đại trí, đại trượng phu, chỉ còn một thân này là cuối cùng.

353. Ta đã hàng phục được tất cả, ta đã rõ biết tất cả, ta không nhiễm một pháp nào, ta xa lìa hết thảy, diệt dục mà giải thoát và tự mình chứng ngộ, thì còn ai là thầy ? [(195)].

354. Trong các cách cúng dường, pháp thí là hơn cả ; trong các chất vị, pháp vị là hơn cả ; trong các hỷ lạc, pháp hỷ là hơn cả ; người nào trừ hết mọi ái dục là vượt trên mọi khổ đau.

355. Tài sản giàu có chỉ làm hại người ngu chứ không phải để cầu sang bờ kia. Người ngu bị tài dục hại mình, như mình đã vì tài dục mà hại người khác.

356. Cỏ làm hại ruộng vườn, tham dục làm hại thế nhân.Vậy nên cúng dường cho người lìa tham, sẽ được quả báo lớn.

357. Cỏ làm hại ruộng vườn, sân nhuế làm hại thế nhân.Vậy nên cúng dường cho người lìa sân, sẽ được quả báo lớn.

358. Cỏ làm hại ruộng vườn, ngu si sẽ làm hại thế nhân. Vậy nên cúng dường cho người lìa si, sẽ được quả báo lớn.

359. Cỏ làm hại ruộng vườn, ái dục làm hại thế nhân. Vậy nên cúng dường cho người lìa dục, sẽ được quả báo lớn.

CHÚ THÍCH

185. Ái dục có ba thứ : a) Dục ái (kamatanha), b) Hữu ái (Bhavatanha sự ái dục dính líu với thường kiến) c) Phi hữu ái (Vibhavatanha) sự ái dục tương quan với đoạn kiến. Trong sáu căn, ngoài sáu trần, đều là ái, họp thành 12 : Dục ái 12,hữu ái 12, phi hữu ái 12, cộng thành 36 ái dục, 36 ái dục thường lưu động không ngừng như dòng nước, nên gọi là dục lưu.
186. Là từ sáu căn phát ra.
187. Chỉ Niết bàn.
188. Lìa thế dục để xuất gia.

189. Xuất gia rồi lại hoàn tục.
190. Chứng Niết bàn.
191. Bỏ sự tham đắm theo ngũ uẩn quá khứ, hiện tại và vị lai .
192. Chỉ A la hán.
193. Từ đây không còn luân hồi sanh tử nữa.
194. Câu này theo nguyên văn là : Niruttipada Kovido, dịch thẳng là thông đạt và tha cú ; tức chỉ cho bốn thứ biện giải vô hại (Catupatisambbida) : Nghĩa vô hại (Atha) là thông suốt lý nghĩa ; Pháp vô ngại (Dhamma) là thông suốt giáo pháp như 3 tạng 12 bộ ; Từ vô hại (Nirutti), là thông suốt lời lẽ văn cú ; Biện thuyết vô ngại (Patibhana), là giảng nói (biết thứ lớp của tự, cú, là chỉ môn biện thuyết vô ngại).
195. Sau khi Phật thành đạo, từ Bồ đề tràng đi tới Lộc dã uyển, giữa đường gặp nhà tu của đạo khác, tên Ưu ba ca (Upaka), hỏi Phật rằng : "Ông xuất gia theo ai ?" "Thầy ông là ai" ? "Ông tin tôn giáo nào ?" Phật liền nói bài trên để trả lời.

XXV. PHẨM TỶ KHEO
(BHIKKUVAGGO)

360-361. Chế phục được mắt, lành thay, chế phục được tai, lành thay, chế phục được mũi, lành thay, chế phục được lưỡi, lành thay, chế phục được thân, lành thay, chế phục được lời nói, lành thay, chế phục được tâm ý, lành thay, chế phục được hết thảy, lành thay ; Tỷ kheo nào chế phục được hết thảy thì giải thoát hết khổ.

362. Gìn giữ tay chân và ngôn ngữ, gìn giữ cái đầu cao[196], tâm ưa thích Thiền định, ở riêng một mình và tự biết đầy đủ ; ấy là bậc Tỷ kheo.

363. Tỷ kheo biết thuần hóa ngôn ngữ, khôn khéo mà tịch tịnh, thì khi diễn bày pháp nghĩa, lời lẽ rất hòa ái, rõ ràng.

364. Tỷ kheo nào an trú trong lạc viên Chánh pháp, mến pháp và tùy pháp, tư duy nhớ tưởng pháp, thì sẽ không bị thối chuyển.

365. Chớ nên khinh điều mình đã chứng, chớ hâm mộ điều người khác đã chứng. Tỷ kheo nào chỉ lo hâm mộ điều người khác tu chứng, cuối cùng mình không chứng được Tam ma địa (chánh định) [197] .

366. Tỷ kheo nào dù tu chứng được chút ít mà không khinh ghét sự chút ít đã được ấy, cứ sinh hoạt thanh tịnh và siêng năng, mới thật đáng được chư Thiên khen ngợi.

367. Đối với danh và sắc không chấp "ta" "của ta". Không "ta" và "của ta" nên không ưu não. Người như vậy mới đáng gọi là Tỷ kheo.

368. Tỷ kheo an trú trong tâm từ bi, vui thích giáo pháp Phật đà, sẽ đạt đến cảnh giới tịch tịnh an lạc, giải thoát các hành (vô thường).

369. Tỷ kheo tát nước thuyền này[198], hễ hết nước thì thuyền nhẹ và đi mau. Đoạn hết tham dục và sân nhuế trong thân này thì mau chứng Niết bàn.

370. Tỷ kheo nào đoạn năm điều[199], bỏ năm điều[200], siêng tu năm điều[201], vượt khỏi năm điều say đắm[202], Tỷ kheo ấy là người đã vượt qua dòng nước lũ[203].

371. Hãy tu định, chớ buông lung, tâm chớ mê hoặc theo dục. Đừng đợi đến khi nuốt hòn sắt nóng mới ăn năn than thở.

372. Không có Trí tuệ thì không có Thiền định, không có Thiền định thí không có Trí tuệ. Người nào gồm đủ Thiền định và Trí tuệ thì gần đến Niết bàn.

373. Tỷ kheo đi vào chổ yên tĩnh, thời tâm thường vắng lặng, quán xét theo Chánh pháp, được thọ hưởng cái vui của siêu nhân.

374. Người nào thường chánh niệm đến sự sanh diệt của các uẩn thì sẽ được vui mừng. Nên biết : Người đó không chết.

375. Nếu là Tỷ kheo sáng suốt, dù ở trong đời, trước tiên vẫn lo nhiếp hộ các căn và biết đủ, lo hộ trì giới luật.

376. Thái độ thì phải thành khẩn, hành vi thì phải đoan chánh. Được vậy, họ là người nhiều vui và sạch hết khổ não.

377. Cành hoa Bạt tất ca[204] bị úa tàn như thế nào, Tỷ kheo các ông cũng làm cho tham sân úa tàn như thế.

378. Tỷ kheo nào thân tịch tịnh, ngữ tịch tịnh, tâm an trú tam muội, xa lìa dục lạc, Tỷ kheo ấy là người tịch tịnh.

379. Các ngươi hãy tự cảnh sách, các ngươi hãy tự phản tỉnh ! Tự hộ vệ và chánh niệm, mới là Tỷ kheo an trụ trong an lạc.

380. Chính các ngươi là kẻ bảo hộ cho các ngươi, chính các ngươi là nơi nương náu cho các ngươi. Các ngươi hãy gắng điều phục lấy mình như thương khách lo điều phục con ngựa lành.

381. Tỷ kheo đầy đủ tâm hoan hỷ, thành tín theo giáo pháp Phật đà, sẽ đạt đến cảnh giới tịch tịnh an lạc, giải thoát hết các hành (vô thường).

382. Tỷ kheo tuy nhỏ tuổi mà siêng tu giáo pháp Phật đà, thì họ là ánh sáng chiếu soi thế gian như mặt trăng ra khỏi đám mây mù.

CHÚ THÍCH

196. Cái đầu nằm ở chổ cao nhất nơi thân ta.
197. Ý nói chỉ hâm mộ việc của người thì chẳng ích gì cho việc của mình.
198. Thuyền dụ thân thể, nước dụ ác tâm phiền nảo.
199. Bỏ năm điều là : Bỏ năm kết sử của hạ giới (ngũ hạ phần kết - Panca orambhagiyasamyaja-nani): Dục giới tham (Khamatogo) là sự tham lam ở tại dục giới ; sân (Vyapado) ; thân kiến (Satka-yaditthi) là chấp thân thật hữu ; giới cấm thủ (Si-labhataparamato) là cố chấp các giới cấm tà vạy ; nghi (Vicikischa).
200. Đoạn 5 điều là : Bỏ năm kiết sử của thượng giới (ngũ thượng phần kiết - panca uddhambha-giyasamiokanani) : Sắc giới tham (Ruparaga) là tham đắm ở tại Sắc giới ; Vô sắc giới tham là tham đắm thiền định ở Vô sắc giới ; Trạo cử (uddhacca) là loạn động ; Mạn (mana) là ngạo mạn ; Vô minh (Avijja).
201. Tu năm điều là tu năm căn lành : tín, tấn, niệm, định, huệ.
202. Ngũ trược, là năm điều say đắm : tham, sân, si, mạn, ác kiến.
203. Bộc lưu là dòng nước lũ (Ogho), chỉ cho 4 thứ : dục lưu, hữu lưu, kiến lưu, vô minh lưu.
204. Bạt tất ca (Vassika), tên một thứ hoa thơm hơn các hoa khác.

XXVI. **PHẨM BÀ LA MÔN**[205]
(BRAHMANAVAGGO)

383. Dũng cảm đoạn trừ dòng ái dục, các ngươi bỏ dục mới là Bà la môn. Nếu thấy rõ các uẩn[206] diệt tận, các ngươi liền thấy được Vô tác (Niết bàn).

384. Nếu thường trú trong hai pháp[207], hàng Bà la môn đạt đến bờ kia ; dù có bao nhiêu ràng buộc cũng đều bị dứt sạch do trí tuệ của người kia.

385. Không bờ kia cũng không bờ này[208], cả hai bờ đều không, xa lìa khổ não [209], không bị trói buộc ; đó gọi là Bà la môn.

386. Ai nhập vào Thiền định, an trú ly trần cấu, việc cần làm đã làm xong, phiền não lậu dứt sạch, chứng cảnh giới tối cao ; đó là Bà la môn.

387. Mặt trời chiếu sáng ban ngày, mặt trăng chiếu sáng ban đêm, khí giới chiếu sáng dòng vua chúa, Thiền định chiếu sáng kẻ tu hành, nhưng hào quang đức Phật chiếu sáng cả ngày đêm.

388. Người dứt bỏ ác nghiệp gọi là Bà la môn ; người hành vi thanh tịnh gọi là Sa môn ; người tự trừ bỏ cấu uế, gọi là người xuất gia.

389. Chớ đánh đập Bà la môn ! Bà la môn chớ sân hận ! Người đánh đập mang điều đáng hổ, người sân hận lại càng đáng hổ hơn.

390. Bà la môn, đây không phải là điều ích nhỏ. Nếu biết vui mừng chế phục tâm mình, tùy lúc đoạn trừ tâm độc hại thì thống khổ được ngăn chận liền.

391. Không dùng thân, ngữ, ý tạo tác nghiệp ác, chế ngự được ba chỗ đó, đó gọi là Bà la môn.

392. Bất luận nơi đâu được nghe đấng Chánh Đẳng Chánh Giác thuyết pháp, hãy đem hết lòng cung kính như Bà la môn[210] kính thờ lửa.

393. Chẳng phải vì bện tóc, chẳng phải vì chủng tộc, cũng chẳng phải tại nơi sanh mà gọi là Bà la môn ; nhưng ai hiểu biết chân thật[211], thông đạt Chánh pháp, đó là kẻ Bà la môn hạnh phúc[212].

394. Người ngu bện tóc và mặc áo da[213] đâu có ích chi ? Trong lòng còn chứa đầy tham dục, thì dung nghi bên ngoài chỉ là trang điểm suông.

395. Ai mặc áo phấn tảo[214], gầy ốm lộ gân xương, ở rừng sâu tu định ; đó gọi là Bà la môn.

396. Gọi là Bà la môn, không phải từ bụng mẹ đẻ ra. Nếu cứ chấp chặt các phiền não thì chỉ được gọi là ”Bồ” suông [215]. Người nào lìa hết chấp trước, đó gọi là Bà la môn.

397. Ai đoạn hết kiết sử, người đó thật không còn sợ hãi. Không bị đắm trước, xa lìa ràng buộc ; đó gọi là Bà la môn.

398. Như ngựa bỏ đai da, bỏ cương, bỏ dây và đồ sở thuộc, người giác trí bỏ tất cả chướng ngại, đó gọi là Bà la môn[216].

399. Nhẫn nhục khi bị đánh mắng không sinh lòng sân hận, người có đội quân nhẫn nhục hùng cường, đó gọi là Bà la môn.

400. Người đầy đủ đức hạnh không nóng giận, trì giới không dục nhiễm, chế ngự và đạt được thân cuối cùng, người như thế, Ta gọi là Bà la môn.

401. Như nước giọt lá sen, như hột cải đặt đầu mũi kim, người không đắm nhiễm ái dục cũng như thế, Ta gọi họ là Bà la môn.

402. Nếu ngay tại thế gian này, ai tự giác ngộ và diệt trừ đau khổ, trút bỏ gánh nặng mà giải thoát, Ta gọi họ là Bà la môn.

403. Người có trí tuệ sâu xa, biết rõ thế nào là đạo, phi đạo và chứng đến cảnh giới vô thượng, đó gọi là Bà la môn.

404. Chẳng lẫn lộn với tục luân, chẳng tạp xen với Tăng lữ, xuất gia lìa ái dục, đó gọi là Bà la môn.

405. Bỏ hết đao trượng, không tự mình giết, không bảo người khác giết đối với tất cả hữu tình mạnh yếu ; người như thế Ta gọi là Bà la môn.

406. Ở giữa đám người cừu địch mà gây tình hữu nghị, ở giữa đám người hung hăng cầm gậy mà giữ khí ôn hòa, ở giữa đám người chấp đắm mà không chấp đắm, người như thế Ta gọi là Bà la môn.

407. Từ lòng tham dục, sân nhuế, kiêu mạn, cho đến lòng hư ngụy, đều thoát bỏ như hột cải không dính đầu mũi kim, người như thế Ta gọi là Bà la môn.

408. Chỉ nói lời chân thật hữu ích, không nói lời thô ác, không xúc phạm đến người, đó gọi là Bà la môn.

409. Đối với vật gì xấu hay tốt, dài hay ngắn, thô hay tế, mà người ta không cho thì không lấy, đó gọi là Bà la môn.

410. Đối với đời này cũng như đời khác, không móng lòng dục vọng, vô dục nên giải thoát, đó gọi là Bà la môn.

411. Người không còn tham dục, liễu ngộ không nghi hoặc, chứng đến bậc vô sanh, đó gọi là Bà la môn.

412. Nếu ở thế gian này không chấp trước thiện và ác, thanh tịnh không ưu lo, đó gọi là Bà la môn.

413. Cái ái dục làm tái sanh đã được đoạn tận, như trăng trong không bợn, đứng lặng mà sáng ngời, đó gọi là Bà la môn.

414. Vượt khỏi đường gồ ghề, lầy lội[217], ra khỏi biển luân hồi ngu si mà lên đến bờ kia, an trú trong Thiền định, không nghi hoặc, không chấp đắm, chứng Niết bàn tịch tịnh, người như thế Ta gọi là Bà la môn.

415. Xả bỏ dục lạc ngay tại đời này mà xuất gia làm Sa môn không nhà, không cho dục lạc phát sinh lại, người như thế Ta gọi là Bà la môn.

416. Xả bỏ ái dục ngay tại đời này mà xuất gia làm Sa môn không nhà, không cho ái dục phát sinh lại, người như thế Ta gọi là Bà la môn.

417. Lìa khỏi trói buộc của nhân gian, vượt khỏi trói buộc ở thiên thượng, hết thảy trói buộc đều lìa sạch, đó gọi là Bà la môn.

418. Xả bỏ đều ưa ghét, thanh lương không phiền não, dũng mãnh hơn thế gian [218], đó gọi là Bà la môn.

419. Nếu biết tất cả loài hữu tình tử thế nào, sinh thế nào, không chấp trước, khéo vượt qua, đó gọi là Bà la môn.

420. Dù Chư thiên, Càn thát bà hay nhân loại, không ai biết được nơi chốn của vị A la hán đã dứt sạch phiền não ; vị ấy Ta gọi là Bà la môn.

421. Quá khứ vị lai hay hiện tại, người kia chẳng có một vật chi, người không chấp thủ một vật chi ấy gọi là Bà la môn.

422. Hạng người dũng mãnh, tôn quí như trâu chúa[219], hạng người thắng lợi[220], vô dục như đại tiên, hạng người tẩy sạch[221], không nhiễm và giác tỉnh, hạng người như thế Ta gọi là Bà la môn.

423. Vị Mâu ni (thanh tịnh) hay biết đời trước, thấy cả cõi Thiên và cõi khổ (ác thú), đã trừ diệt tái sinh, thiện nghiệp hoàn toàn, thành bậc Vô thượng trí ; bậc viên mãn thành tựu mọi điều như thế Ta gọi là Bà la môn.

CHÚ THÍCH

205. Bà la môn (Bhramana) ở đây là tiếng chỉ chung người hành đạo thanh tịnh, chớ không phải như nghĩa thông thường chỉ riêng về giai cấp đạo sĩ Bà la môn. Phẩm này Phật dạy, gọi là Bà la môn là cốt ở tư cách xứng đáng của họ, chứ không phải là tại dòng dõi, nơi sinh hay những gì hình thức bên ngoài .
206. Các yếu tố cấu thành sanh mạng .
207. Hai pháp là chỉ và quán.
208. Bờ kia là chỉ sáu căn bên trong (Ajjhatikani cho Ayatanani) ; Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Bờ này là chỉ sáu trần bên ngoài (Bahirani cho ayatanani) : sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Không chấp trước ta và của ta, nên nói là không bờ này, bờ kia.
209. Nguyên văn là : dara, cũng có thể dịch là bố úy.
210. Ở đây chỉ giáo đồ Bà la môn.
211. Chỉ tứ đế.
212. Hạnh phúc (sukhí) bổn của Tích Lan viết là Suci, nên dịch thanh tịnh.
213. Một số ngoại đạo Ấn Độ hay dùng da nai làm đồ trải ngồi và áo mặc.
214. Áo phấn tảo (Pansukula civara), là thứ vải rẻo người ta vứt, người xuất gia lượm lấy giặt sạch chắp lại may áo cà sa mà mặc.
215. Nguyên văn là Bhovadi, tức là Bho-vadi, dịch là "thuyết bồ". Đây là tiếng tôn xưng nhau của giáo đồ Bà la môn dùng riêng với nhau trong khi nói chuyện.
216. Bài này toàn dùng những đồ để khớp ngựa mà ví dụ : Đai da dụ lòng sân nhuế, cương dụ ái dục, dây dụ 62 tà kiến, sở thuộc (dây buộc ngựa) dụ những tập tánh tiềm tàng (anusaysg xưa dịch là "Tùy miên", có 7 thứ : dục, tham, sân, mạn, ác kiến, nghi, vô minh). Chướng ngại dụ vô minh.
217. Chỉ các phiền não tham dục.
218. Khắc phục ngũ uẩn không cho tái sanh.
219. Nguyên văn là Usabaha, dịch là trâu nái hay trâu chúa. Ở đây hàm chỉ sự thù thắng, là chỉ người hùng mạnh, vô úy, siêu quần.
220. Thắng phục phiền não ma, uẩn ma và tử ma, gọi là người thắng lợi.
221. Người Ấn Độ mê tín nước sông Hằng có thể rửa sạch tội lỗi, nhưng ở đây lại ý nói không còn các cấu nhiễm trong tâm người Bà la môn.

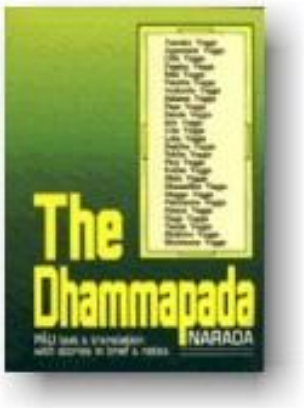

PREFACE

Dhammapada is one of the best known books of the Pitaka. It is a collection of the teachings of the Buddha expressed in clear, pithy verses. These verses were culled from various discourses given by the Buddha in the course of forty-five years of his teaching, as he travelled in the valley of the Ganges (Ganga) and the sub-mountain tract of the Himalayas. These verses are often terse, witty and convincing. Whenever similes are used, they are those that are easily understood even by a child, e.g., the cart's wheel, a man's shadow, a deep pool, flowers. Through these verses, the Buddha exhorts one to achieve that greatest of all conquests, the conquest of self; to escape from the evils of passion, hatred and ignorance; and to strive hard to attain freedom from craving and freedom from the round of rebirths. Each verse contains a truth (dhamma), an exhortation, a piece of advice.

Dhammapada Verses

Dhammapada verses are often quoted by many in many countries of the world and the book has been translated into many languages. One of the earliest translations into English was made by Max Muller in 1870. Other translations that followed are those by F.L. Woodward in 1921, by Wagismara and Saunders in 1920, and by A.L. Edmunds (Hymns of the Faith) in 1902. Of the recent translations, that by Narada Mahathera is the most widely known. Dr. Walpola Rahula also has translated some selected verses from the Dhammapada and has given them at the end of his book "What the Buddha Taught," revised edition. The Chinese translated the Dhammapada from Sanskrit. The Chinese version of the Dhammapada was translated into English by Samuel Beal (Texts from the Buddhist Canon known as Dhammapada) in 1878.

In Burma, translations have been made into Burmese, mostly in prose, some with paraphrases, explanations and abridgements of stories relating to the verses. In recent years, some books on Dhammapada with both Burmese and English translations, together with Pali verses, have also been published.

The Dhammapada is the second book of the Khuddaka Nikaya of the Suttanta Pitaka, consisting of four hundred and twenty-three verses in twenty-six chapters arranged under various heads. In the Dhammapada are enshrined the basic tenets of the Buddha's Teaching.

000)()(000

THI KỆ PHÁP CÚ KINH (DHAMMAPADA)

TỊNH MINH dịch và chú giải từ vựng Anh-Việt
Trường Cao cấp Phật học,
Sài Gòn, PL. 2539 - TL. 1995

Link: http://www.buddhanet.net/budsas/uni/u-kinh-phapcu-ev/pctm-00.htm

LỜI NGƯỜI DỊCH

Kinh Pháp Cú được coi là Kinh Lời Vàng. Đức Phật đã thuyết giảng giáo pháp của Ngài suốt 45 năm, trong đó có những bài kệ ngắn gọn, hàm súc, linh hoạt, thú vị, thực tế với từng trường hợp và rất ích lợi cho những ai tự nguyện tu tâm dưỡng tánh hoặc lên đường hành đạo giải thoát.

Kinh Pháp Cú đã được phiên dịch ra nhiều thứ tiếng và được phổ biến trên khắp thế giới. Riêng ở nước ta, một số dịch bản đã được ấn hành và cũng đang được phổ cập sâu rộng, đặc biệt là trong giới thiền môn.

Bản dịch Thi Hóa Pháp Cú Kinh đây không ngoài mục đích là góp nhặt thi tứ, sắp xếp ngôn từ, chuyên chở ý nghĩa từ dịch bản tiếng Anh mà đại đức Narada đã dày công phiên dịch, chú giải từ nguyên bản Pali để sao cho có chút âm hưởng thi ca, nghĩa là có vần, có điệu, ngõ hầu giúp người đọc dễ đọc, dễ học, dễ thuộc, dễ nhớ, dễ áp dụng lời Phật dạy vào nếp sinh hoạt hằng ngày của mình qua mọi thời đại, cũng như tục ngữ ca dao, nhờ nhạc điệu và tính chất trữ tình đặc thù của nó mà lòng người dễ dàng cảm nhận, suy gẫm, hành xử qua bao thế hệ.

Bản dịch Thi Hóa Pháp Cú Kinh gồm 26 phẩm, 423 bài kệ với những truyện tích và chú giải toàn bộ. Đây là phần thi hóa trích ngang, và vì thi hóa nên người dịch xin mạo muội thêm bớt một vài từ, chuyển hoán một vài câu, dĩ nhiên là cùng trong bài kệ, để sao cho nhạc điệu, lời thơ và ý kinh được nhất quán theo nghĩa lý và văn mạch tiếng Việt, và cũng vì từ tản văn đến thi hóa nên khó mà tránh khỏi đôi chỗ chưa chỉnh; mong các bậc cao minh, độc giả hỷ xả và chỉ giáo cho.

Ước gì phần thi hóa này được phổ biến đến các thiền môn và đến tay các chú các cô sa di như bộ luật "Tỳ Ni Nhựt Dụng Thiết Yếu" vậy.

Sau cùng, xin cảm ơn Thượng tọa Thích Phước Sơn và Thầy Nguyên Hồng, những vị đã trực tiếp khuyến khích và giúp đỡ tôi hoàn tất bản dịch này.

Đầu xuân năm Đinh Mão 1987
TỊNH MINH

-ooOoo-

ĐÔI LỜI TÁI BẢN

Bản dịch này đã được phép lưu hành nội bộ tại Trường Cơ Bản Phật Học thành phố Hồ Chí Minh năm 1990 với tựa đề Thi Hóa Pháp Cú Kinh và cũng đã được một số văn nghệ si nổi tiếng ở Sài Gòn ngâm vào băng cassette.

Để tránh sự hiểu nhầm từ "Thi Hóa" và để đảm bảo tính nghiêm túc của bản dịch, tựa đề Thi Hóa Pháp Cú Kinh nay được đổi là THI KỆ PHÁP CÚ KINH.

Và cũng để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu Phật Pháp qua tiếng Anh ngày càng gia tăng, đặc biệt là giúp tăng ni sinh tại các Trường Cơ Bản và Cao Cấp Phật Học có tài liệu tham khảo và tự học, nay dịch giả da công hiệu đính lại bản Việt ngữ, thêm phần Anh ngữ và chú giải từ vựng từng kệ để việc tra cứu hay tham khảo được dễ dàng hơn.

Những từ Anh ngữ chú thích trong bản tiếng Anh này được trích từ bản Buddhist Legends của tác giả Eugene Watson Burlingame do hội Pali Text tái bản năm 1990 tại Anh quốc.

Phật Pháp nhiệm mầu, ngôn từ đa dạng; văn chương thi phú khó mà được như ý tất cả. Vậy nếu ai đó nhặt được đôi câu tâm đắc trong bản dịch này âu cũng là túc duyên nhiều đời nhiều kiếp của quý vị đối với Phật Pháp vậy.

Mùa xuân năm Ất Hợi 1995
Dịch giả cẩn chí
TỊNH MINH

-ooOoo-

LỜI TỰA

Kinh Pháp Cú là một bộ sưu tập Đá Quý và hẳn là kim chỉ nam cho mỗi phật tử. Nội dung bản kinh nên được đọc đi, đọc lại, nghiên cứu, quán triệt và, trên hết, là phải áp dụng hằng ngày.

Những câu danh ngôn vàng ngọc được thể hiện trong bản Kinh này đã minh chứng hùng hồn những lời dạy đạo đức và triết học của Đức Phật.

Độc giả sẽ nhận thấy sự so sánh giản dị được Đức Phật ứng dụng trong Kinh Pháp Cú mà ngay cả một em nhỏ cũng có thể hiểu được. Ví dụ như so sánh bánh xe bò, bóng người, căn nhà lợp vụng, ngôi làng đang ngủ, hồ nước sâu thẳm v.v... Sự vĩ đại của Đức Phật là ở chỗ Ngài trình bày những sự thật uyên thâm bằng những ngôn từ giản dị.

Trong Kinh Pháp Cú có nhiều trường hợp cho thấy Đức Phật không những thuyết giảng cho giới trí thức và hàng trưởng lão, mà còn giáo dục trẻ em bằng ngôn ngữ của riêng chúng.

Trong đợt in lần thứ hai này, do Hội Đại Bồ Đề (Maha Bodhi Society) xuất bản, bản dịch đã được sửa đổi ở nhiều chỗ.

Bản văn Pali đây đã được in theo kiểu chữ Rômanh để độc giả có thể thuộc được những câu Kệ (Gàthàs) trong lúc nhàn rỗi và thán phục vẻ đẹp, vẻ phong phú của ngôn từ nguyên thủy.

Trong khi chuẩn bị bản dịch này, tôi đã tham khảo tất cả những bản dịch có giá trị, và tôi phải thừa nhận rằng chúng vô cùng ích lợi cho tôi.

NÀRADA MAHATHERA
Tháng 7 ngày 14 năm 1962
Tu viện Vajiràràma, Colombo, Sri Lanka

-ooOoo-

MỤC LỤC CÁC PHẨM:

01 - Phẩm Song Yếu - Twin Verses (01-20)
02 - Phẩm Tinh Cần - Heedfulness ((21-32)
03 - Phẩm Tâm Ý - The Mind (33-43)
04 - Phẩm Hoa Hương - Flowers (44-59)
05 - Phẩm Ngu Si - Fools (60-75)
06 - Phẩm Hiền Trí - The wise (76-89)
07 - Phẩm A La Hán - The Worthy (90-99)
08 - Phẩm Muôn Ngàn - Thousands (100-115)
09 - Phẩm Ác Hạnh - Evil (116-128)
10 - Phẩm Hình Phạt - The Rod or Punishment (129-145)
11 - Phẩm Già Yếu - Old Age (146-156)
12 - Phẩm Tự Ngã - The Self (157-166)

13 - Phẩm Thế Gian - The world (167-178)
14 - Phẩm Phật Đà - The Enlightened One (179-196)
15 - Phẩm An Lạc - Happiness (197-208)
16 - Phẩm Hỷ Ái - Affection (209-220)
17 - Phẩm Phẫn Nộ - Anger (221-234)
18 - Phẩm Cấu Uế - Impurities or Taints (235-255)
19 - Phẩm Pháp Trụ - The Righteous (256-272)
20 - Phẩm Chánh Đạo - The way or the Path (273-289)
21 - Phẩm Tạp Lục - Miscellaneous (290-305)
22 - Phẩm Địa Ngục - Hell or Woeful state (306-319)
23 - Phẩm Voi Rừng - The Elephant (320-333)
24 - Phẩm Tham Ái - Craving (334-359)
25 - Phẩm Tỳ Kheo - The Bhikkhu (360-382)

26 - Phẩm Bà La Môn - The Brahmana (383-423)

Readable at weblink:

http://www.flipsnack.com/flips/cd5a89ae16397900e58e85571q209578

00 OO 00

KINH PHÁP CÚ (DHAMMAPADA)

& Tranh minh họa

Đa ngữ: Việt - Anh - Pháp - Đức
Multilingual: Vietnamese, English, French, German
Multilingue: Vietnamien, Anglais, Français, Allemand
Mehrsprachig: Vietnamesisch, Englisch, Französisch, Deutsch

Sưu tập và hiệu đính: Nguyên Định, Mùa Phật Đản PL.2550- 2006; bổ sung, Mùa Vu Lan PL.2555- 2011

BUDDHANET.NET PRESENTS

THE ILLUSTRATED DHAMMAPADA

Treasury of Truth

Phẩm I
YAMAKA VAGGA - THE TWIN VERSES - PHẨM SONG YẾU (1)


PC1

1. Trong các pháp (2), tâm dẫn đầu,

Tâm làm chủ, tâm tạo tác;

Nói, làm với tâm ô nhiễm,

Khổ sẽ theo nghiệp kéo đến

Như xe theo chân con bò (3) .

CHÚ THÍCH (CT) :

(1). Những pháp yếu được diễn nói theo cách song đối.

(2). Pháp tức là Dhamma. Ở đây chỉ về pháp bất thiện, ở câu thứ hai chỉ về pháp thiện.
(3). Nguyên văn : Cakkam va vahato padam, nên dịch là : "Như bánh xe lăn theo chân con thú kéo xe".

Mind is the forerunner of (all evil) states.

Mind is chief; mind-made are they.

If one speaks or acts with wicked mind,

because of that, suffering follows one,
even as the wheel follows the hoof of the draught-ox. – 1

1. Tâm dẫn đầu các pháp.

Tâm là chủ, tạo tác.

Nếu nói hay hành động,

Với tâm niệm bất tịnh,

Khổ não liền theo sau,
Như xe theo bò vậy.

1 - Le mental est l'avant coureur des conditions, le mental en est le chef, et les conditions sont façonnées par le mental; si avec un mental impur, quelqu'un parle ou agit, alors la douleur le suit comme la roue suit le sabot du bœuf.

1. Die Erscheinungen werden vom Herz / Geist angeführt, vom Herz / Geist beherrscht, vom Herz / Geist hervorgebracht; Wenn ihr mit verdorbenem Herz / Geist sprecht oder handelt, folgt euch Leid wie das Rad des Wagens der Spur des Ochsens, der ihn zieht.

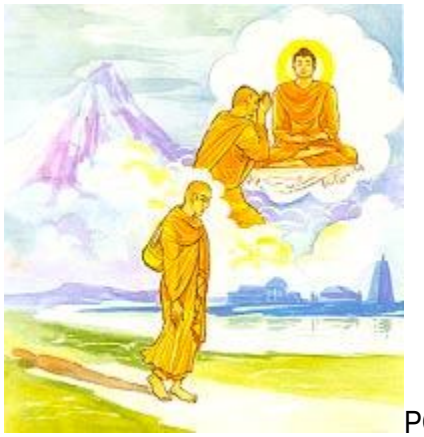
PC2

2. Trong các pháp, tâm dẫn đầu,

Tâm làm chủ, tâm tạo tác;

Nói, làm với tâm thanh tịnh,

Vui đến như bóng theo hình.

Mind is the forerunner of (all good).

Mind is chief; mind-made are they.

If one speaks or acts with pure mind,

because of that, happiness follows one,
even as one's shadow that never leaves.—2

2. Tâm dẫn đầu các pháp.

Tâm là chủ, tạo tác.

Nếu nói hay hành động,

Với tâm niệm thanh tịnh,

An lạc liền theo sau,
Như bóng chẳng rời hình.

2 - Le mental est l'avant coureur des conditions, le mental en est le chef, et les conditions sont façonnées par le mental; si avec un mental pur, quelqu' un parle ou agit, alors le bonheur le suit comme l'ombre qui jamais ne le quitte.

2. Die Erscheinungen werden vom Herz / Geist angeführt, vom Herz / Geist beherrscht, vom Herz / Geist hervorgebracht; Wenn ihr mit ruhigem, klarem Herz / Geist sprecht oder handelt, folgt euch Glück, wie ein Schatten, der nie weicht.


PC3

3. “Nó lăng mạ, đánh đập tôi,

Phá hoại tôi, cướp đoạt tôi”,

Ai còn ôm tâm niệm ấy,

Sự oán hận không thể dứt.

"He abused me, he beat me,

he defeated me, he robbed me",

in those who harbour such thoughts
hatred is not appeased. -- 3

3. Hắn mắng tôi, đánh tôi,

Hắn hạ tôi, cướp tôi,

Ai ôm niềm hận ấy,
Hận thù không thể nguôi.

3 - " Il m'a maltraité, il m'a battu, il m'a vaincu, il m'a volé ", la haine de ceux qui chérissent de telles pensées n'est pas apaisée.

3. “Er beschimpfte mich, schlug mich, besiegte mich, beraubte mich” -- jenen, die darüber grübeln, kommt ihre Feindseligkeit nicht zum Erliegen.


PC4

4. “Nó lăng mạ, đánh đập tôi,

Phá hoại tôi, cướp đoạt tôi”,

Ai bỏ được tâm niệm ấy,

Thì sự oán hận tự dứt.

"He abused me, he beat me,
he defeated me, he robbed me",
in those who do not harbour such thoughts
hatred is appeased. -- 4

4. Hắn mắng tôi, đánh tôi,
Hắn hạ tôi, cướp tôi,
Ai xả niềm hận ấy,
Hận thù tự nhiên nguôi.

4 - "Il m'a maltraité, il m'a battu, il m'a vaincu, il m'a volé ", la haine de ceux qui ne chérissent pas de telles pensées est apaisée .

4. “Er beschimpfte mich, schlug mich, besiegte mich, beraubte mich” -- jenen, die nicht darüber grübeln, kommt ihre Feindseligkeit zum Erliegen.



PC5

5. Ở thế gian làm gì có

Hận thù trừ được hận thù,

Chỉ từ bi trừ hận thù;

Đó là định luật ngàn thu (4)

CT (4) Nguyên văn : Sanantano, có nghĩa là đời xưa. Cổ pháp (Sanantano Dhamma, hoặc Paranako Dham-ma) tức chỉ cho tất cả pháp tắc vĩnh cửu bất dịch mà chư Phật và đệ tử quá khứ đã gìn giữ và truyền dạy.

Hatred never cease through hatred in this world;

through love alone they cease.
This is an eternal law. -- 5

5. Hận thù diệt hận thù,

Đời này không thể có,

Từ bi diệt hận thù,
Là định luật nghìn thu.

5 - Jamais la haine n'éteint les haines en ce monde ; Par l'amour seul les haines sont éteintes ; C'est une ancienne loi .

5. Feindseligkeiten kommen nicht durch Feindseligkeiten zum Erliegen, egal was passiert. Feindseligkeiten kommen durch Liebe zum Erliegen: dies ist eine nie endende Wahrheit.


PC6

6. Người kia (5) không hiểu rõ rằng :

"Chúng ta sắp bị hủy diệt (6) "

(mới phí sức tranh hơn thua);

Nếu họ hiểu rõ điều đó

Thì chẳng còn tranh luận nữa.

CT (5): Chỉ người tranh luận. Nhân khi Phật ở Kỳ đà lâm, đối với các vị Tỷ kheo ưa tranh luận tại Câu sanh bì (Kosambi)ù mà nói kinh này, nên có sự xưng hô đó.
CT (6): Nguyên văn : Mayametthayamamasa, ý nói thẳng thì "chúng ta sắp bị diệt vong vì luật vô thường".

The others know not that in this quarrel we perish;
those of them who realize it,
have their quarrels calmed thereby. -- 6

6. Người kia không biết rằng,
Ta chết vì cãi nhau,
Ai nhận ra điều đó,
Tranh cãi lắng dịu mau.

6 - Les autres ne savent pas qu'ici nous périssons ; ceux qui réalisent cela en ont leurs querelles apaisées .

6. Nicht so wie jene, die nicht erkennen, daß wir hier am Rande des Todes sind; Für die, die es erkennen: ihre Streitigkeiten sind zum Erliegen gekommen.


PC7

7. Người muốn sống khoái lạc (7),

Không nhiếp hộ các căn,

Ăn uống lại vô độ,

Biếng nhác chẳng tinh cần,

Dễ bị ma (8) nhiếp phục,

Như cành mềm trước gió.

CT (7): Tự cho thân mình trong sạch rồi đắm ưa hoài.
CT (8): Ma vương (Ma ra) ở đây chỉ tình dục.

Whoever lives contemplating pleasant things,
with senses unrestrained,
in food immoderate,
indolent inactive,
him verily Maara overthrows,
as the wind (overthrows) a weak tree. -- 7

7. Ai sống theo lạc thú,
Không nhiếp hộ các căn,
Ăn uống thiếu tiết độ,
Lười biếng kém siêng năng,
Sẽ bị Ma vương kéo,
Như cây yếu gió quằn.

7 - Celui qui demeure contemplant le plaisant, avec des sens non contrôlés, immodéré en nourriture, paresseux, inerte, celui là, en vérité, Mâra le renversera comme le vent renverse un arbre frêle.

7. Jemand, der sich immer auf das Schöne konzentriert, der seine Sinne nicht unter Kontrolle hat, der beim Essen kein Maß kennt, gleichgültig und schlaff ist: Ihn überwältigt Mara wie der Wind einen schwachen Baum.


PC8

8. Người nguyện chẳng khoái lạc (9),

Khéo nhiếp hộ các căn,

Ăn uống lại tiết độ,

Vững tin và siêng năng,

Ma không dễ gì thắng,

Như gió thổi núi đá.

CT (9): Chẳng khoái lạc (asubha) chỉ phép bất tịnh quán, như quán thân với 32 điều bất tịnh v.v...

Whoever lives contemplating "the Impurities",
with senses restrained,
in food moderate,
full of faith, full of sustained energy,
him Maara overthrows not,
as the wind (does not overthrow) a rocky mountain. -- 8

8. Ai sống quán bất tịnh,
Nhiếp hộ được các căn,
Ăn uống có tiết độ,
Thành tín và siêng năng,
Ma vương không chuyển nổi,
Như núi đá gió qua.

8 - Celui qui demeure contemplant le déplaisant, avec des sens bien contrôlés, modéré en nourriture, avec confiance et effort soutenu, Mâra ne peut le renverser comme le vent ne peut renverser une montagne de roc.

8. Jemand, der sich immer auf das Abstoßende konzentriert, seine Sinne unter Kontrolle hat, beim Essen Maß hält, voller Überzeugung und Tatkraft ist: Ihn überwältigt Mara nicht, wie der Wind keinen Felsberg.

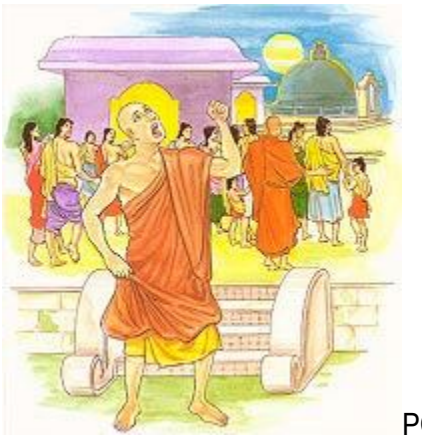
PC9

9. Người mặc áo cà sa

Không rời bỏ cấu uế (10),

Không thành thật khắc kỷ,

Thà chẳng mặc còn hơn.

CT (10): Chỉ tham dục v.v...

Whoever, unstainless,
without self control and truthfulness,
should don the yellow robe,
is not worthy of it. -- 9

9. Ai mặc áo cà sa,
Tâm chưa sạch uế trược,
Không tự chế, không thực,
Không xứng mặc cà sa.

9 - Celui qui, non sans purulences, dénué de contrôle de soi même et de véracité, porterait la robe ocre n'en serait pas digne.

9. Derjenige, der verdorben, bar jeglicher Wahrheitsliebe und Selbstkontrolle, die ockergelbe Robe anzieht, verdient die ockergelbe Robe nicht.


PC10

10. Rời bỏ các cấu uế,

Khéo giữ gìn giới luật,

Khắc kỷ và chân thành,

Người đáng mặc cà sa.

He who is purged of all stain,
is well-established in morals
and endowed with self-control and truthfulness,
is indeed worthy of the yellow robe. -- 10

10. Ai tẩy trừ uế trược,
Giới luật khéo nghiêm trì,
Tự chế, sống chân thực,
Xứng đáng mặc pháp y.

10 - Celui qui a vomi toutes les purulences, qui est bien établi dans les règles morales, pourvu du contrôle de soi même et de véracité, est vraiment digne de la robe ocre d'un bhikkhou.

10. Aber der, welcher frei von Verderbtheit, voller Wahrheitsliebe und Selbstkontrolle, fest verankert ist in den Gelübden, verdient die ockergelbe Robe eines Bhikkhus wirklich.



PC11

11. Phi chơn (11) tưởng chơn thật,

Chơn thật (12) thấy phi chơn,

Cứ tư duy tà vạy,

Người không đạt chơn thật.

CT (11): Như bốn thứ tư cụ là áo, cơm, thuốc uống, nhà ở và mười thứ tà kiến v.v...
CT (12): Như giới, định, huệ và chánh kiến v.v...

In the unessential they imagine the essential,

in the essential they see the unessential,

- they who entertain (such) wrong thoughts
never realize the essence. -- 11

11. Phi chân tưởng chân thực,

Chân thực thấy phi chân,

Ai ôm ấp tà vọng,
Không bao giờ đạt chân.

11 - Dans le non réel, ils voient le réel, dans le réel, ils voient l'irréel ; Ceux qui demeurent dans le champ des idées fausses, jamais n'arrivent au réel.

11. Diejenigen, die Unwesentliches für wesentlich und Wesentliches für unwesentlich halten, gelangen nicht zum Wesentlichen und befinden sich im Reich falscher Vorsätze.



PC12

12. Chơn thật nghĩ chơn thật,

Phi chơn biết phi chơn,

Tư duy cách đúng đắn,

Người mau đạt chơn thật.

What is essential they regard as essential,
what is unessential they regard as unessential,
- they who entertain (such) right thoughts,
realize the essence. -- 12

12. Chân thực, biết chân thực,
Phi chân, biết phi chân,
Ai nuôi dưỡng chánh niệm,
Ắt hẳn đạt được chân.

12 - Ce qui est réel, ils le connaissent comme réel, ce qui est non réel, ils le connaissent comme non réel ; Ceux qui demeurent dans le champ des idées justes, arrivent au réel.

12. Die aber, welche Wesentliches für wesentlich und Unwesentliches für unwesentlich halten, gelangen zum Wesentlichen und befinden sich im Reich richtiger Vorsätze.



PC13

13. Nhà lợp không kín

Ắt bị mưa dột;

Người không khéo tu

Ắt tham dục vào.

Even as rain penetrates
as ill-thatched house,
so does lust penetrate
an undeveloped mind. -- 13

13. Như ngôi nhà vụng lợp,
Nước mưa len lỏi vào,
Tâm không tu cũng vậy,
Tham dục rỉ rả vào!

13 - De même que la pluie pénètre dans une maison au mauvais chaume, ainsi le désir pénètre une psyché non entraînée.

13. Wie Regen in eine schlecht gedeckte Hütte dringt, so Leidenschaft in den ungeübten Geist.


PC14

14. Nhà khéo lợp kín

Ắt mưa không dột,

Người tâm khéo tu

Tham dục không vào.

Even as rain does not penetrate
a well-thatched house,
so does lust not penetrate
a well-developed mind. -- 14

14. Như ngôi nhà khéo lợp,
Nước mưa không thấm vào,
Tâm khéo tu cũng vậy,
Tham dục khó lọt vào!

14 - De même que la pluie ne pénètre pas dans une maison au chaume en bon état, ainsi le désir ne pénètre pas dans une psyché bien entraînée.

14. Wie Regen nicht in eine gut gedeckte Hütte dringt, so Leidenschaft nicht in den geübten Geist.



PC15

15. Đời này chỗ này buồn,

Chết rồi chỗ khác buồn,

Kẻ làm điều ác nghiệp,

Cả hai nơi đều buồn,

Thấy ác nghiệp gây ra,

Sinh buồn than, khổ não.

Here he grieves, hereafter he grieves.
In both states the evil-doer grieves.
He grieves, he is afflicted,
perceiving the impurity of his own deeds. -- 15

15. Nay buồn, đời sau buồn,
Làm ác hai đời buồn.
Hắn u buồn, tàn tạ,
Thấy uế nghiệp mình luôn.

15 - Il s'afflige dans cette vie, il s'afflige après cette vie, dans tous les mondes, celui qui fait le mal s'afflige : il s'afflige et périt, voyant son action impure.

15. Hier grämt er sich, er grämt sich danach. In beiden Welten grämt sich der Übeltäter; Er grämt sich, er ist bekümmert, wenn er das Schlechte seiner Taten sieht.



PC16

16. Đời này chỗ này vui,

Chết rồi chỗ khác vui,

Kẻ làm điều thiện nghiệp,

Cả hai nơi đều vui,

Thấy thiện nghiệp đã làm,

Sinh an vui, cực vui.

Here he rejoices, hereafter he rejoices.

In both states the well-doer rejoices.

He rejoices, exceedingly rejoices,
perceiving the purity of his own deeds. -- 16

16. Nay vui, đời sau vui.

Làm phúc hai đời vui.

Hắn an vui, hoan hỷ,
Thấy tịnh nghiệp mình nuôi.

16 - Il se réjouit dans cette vie, il se réjouit après cette vie, dans tous les mondes, le faiseur de bien se réjouit ; Il se réjouit, il se réjouit extrêmement, en voyant ses actions pures.

16. Hier freut er sich, er freut sich danach; In beiden Welten freut sich der inneren Reichtum Schaffende; Er freut sich, ist glücklich, wenn er das Makellose seiner Taten sieht.



PC17

17. Đời này chỗ này khổ,

Chết rồi chỗ khác khổ,

Kẻ gây điều ác nghiệp,

Cả hai nơi đều khổ,

Rằng "ta đã tạo ác",

Đọa ác thú khổ hơn (13).

CT (13): Do tạo ác nghiệp mà đưa đến sự bi ai trong đời này gọi là "Buồn tôi đã tạo ác". Nhưng mà nỗi bi ai này còn có hạn, chứ tương lai đọa vào ác đạo thọ báo lâu dài, cái khổ này mới vô cùng.

Here he suffers, hereafter he suffers.

In both states the evil-doer suffers.

"Evil have I done" (thinking thus), he suffers.
Furthermore, he suffers, having gone to a woeful state. -- 17

17. Nay than, đời sau than.

Làm ác hai đời than.

Hắn than: "Ta làm ác"
Đọa cõi khổ, càng than.

17 - Il se lamente dans cette vie, après cette vie il se lamente, dans tous les mondes celui qui fait le mal se lamente ; "J'ai fait le mal", ainsi se lamente-t-il ; Encore plus se lamente-t-il, allé vers les états misérables.

17. Hier quält er sich, er quält sich danach; In beiden Welten quält sich der Übeltäter; Er quält sich mit dem Gedanken: "Ich habe falsch gehandelt"; Nachdem er zu einem schlechten Zustand gelangt ist, wird er noch mehr selber gequält.


PC18

18. Đời này chỗ này hoan hỷ,

Chết rồi chỗ khác hoan hỷ,

Kẻ tu hành tròn phước nghiệp,

Cả hai nơi đều hoan hỷ,

Mừng rằng "ta đã tạo phước"

Sinh cõi lành hoan hỷ hơn.

Here he is happy, hereafter he is happy.

In both states the well-doer is happy.

"Good have I done" (thinking thus), he is happy.
Furthermore, he is happy, having gone to a blissful state. -- 18

18. Nay mừng, đời sau mừng.

Làm phúc hai đời mừng.

Hắn mừng: "Ta làm phúc"
Sanh cảnh lành, mừng hơn.

18 - Il est joyeux dans cette vie, il est joyeux après cette vie ; celui qui fait le bien, dans tous les mondes il est joyeux ; "J'ai fait le bien", encore plus est-il joyeux, allé vers les états heureux.

18. Hier ist er glücklich, er ist danach glücklich; In beiden Welten ist der inneren Reichtum Schaffende glücklich; Er ist glücklich bei dem Gedanken " Ich habe inneren Reichtum geschaffen"; Nachdem er zu einem guten Zustand gelangt ist, ist sein Glück noch größer.



PC19

19. Dù tụng đọc nhiều kinh kệ

Nhưng buông lung, không thực hành,

Chẳng ích gì này Sa môn,

Khác nào kẻ chăn bò thuê,

Lo đếm bò cho người ta (14).

CT (14): Kẻ chăn bò thuê cứ sáng sớm dắt bò ra đồng, tối lại lùa bò về chuồng giao cho chủ, ngày ngày chỉ đếm bò mà đổi lấy ít tiền công, còn sữa, lạc, sanh tô, đề hồ của bò thì anh ta không hưởng được. Tụng kinh mà không tu hành theo kinh thì chẳng hưởng được lợi ích của kinh, của kẻ tu hành.

Though much he recites the Sacred Texts,
but acts not accordingly,
that heedless man is like a cowherd
who counts others' kine.
He has no share in the fruits of the Holy Life. -- 19

19. Dầu đọc tụng nhiều kinh,
Tâm buông lung cẩu thả,
Như kẻ chăn bò thuê,
Khó hưởng Sa môn quả.

19 - Quoiqu'il récite beaucoup les textes, s'il n'agit pas en accord avec eux; cet homme inattentif est comme un gardien de troupeaux qui compte le troupeau des autres ; il n'a aucune part dans les béatitudes de l'ascète.

19. Wenn jemand viel heiliges Textbuch aufsagt, jedoch als unwachsamer Mensch nicht nach ihnen handelt; dann ist er wie ein Viehhirte, der das Vieh anderer zählt, und ernt nicht Frucht eines kontemplativen Lebens.



PC20

20. Tuy tụng đọc ít kinh kệ

Mà thường y giáo hành trì,

Lại hiểu biết chân chánh,

Từ bỏ tham, sân, si,

Tâm hiền lành, thanh tịnh,

Giải thoát, xa bỏ thế dục,

Ở cõi này hay cõi khác,

Vẫn ích lợi này Sa môn.

Though little he recites the Sacred Texts,
but acts in accordance with the teaching,
forsaking lust, hatred and ignorance,
truly knowing, with mind well freed,
clinging to naught here and hereafter,
he shares the fruits of the Holy Life. – 20

20. Dầu đọc tụng ít kinh,
Nhưng hành trì giáo pháp,
Như thật, tâm giải thoát,
Từ bỏ tham sân si,
Hai đời không chấp trì,
Thọ hưởng Sa môn quả.

20 - Quoiqu'il récite peu les textes, il agit en accord avec le Dhamma, et se défaisant du plaisir sensuel, de la haine et de l ' ignorance, connaissant selon la vérité, avec un esprit totalement libre, Attachant à rien ci et après, il prend part aux béatitudes de l'ascète.

20. Wenn jemand selten Textbuch aufsagt, aber dem Dhamma folgt, in Übereinstimmung mit dem Dhamma handelt, Leidenschaft, Abneigung, Täuschung aufgibt, und wach ist, mit freiem Geist, nicht anhaftet weder hier noch danach, ernt er doch Frucht eines kontemplativen Lebens.

Phẩm II
APPAMAADA VAGGA - HEEDFULNESS - PHẨM KHÔNG BUÔNG LUNG



PC21

21. Không buông lung đưa tới bất tử (15),

Buông lung đưa tới cõi tử vong;

Người không buông lung, không chết,

Buông lung, sống như thây ma (16).

CT (15): Niết bàn (Nibbàna)
CT (16): Bởi vì người không buông lung thì được chứng nhập Niết bàn và không còn luân hồi sanh tử tiếp nối nữa. Còn người buông lung tuy sống mà vẫn như thây chết, không biết hướng thiện, nỗ lực làm lành.

Heedfulness is the path to the deathless,
heedlessness is the path to death.
The heedful do not die;
the heedless are like unto the dead. -- 21

21. Tinh cần là đường sanh,
Buông lung là ngõ tử,
Tinh cần là bất tử,
Buông lung như thây ma!

21- La vigilance est le sentier vers le sans mort, la négligence est le sentier vers la mort ; Le vigilant ne mourra pas, le négligent est comme il était déjà mort .

21. Wachsamkeit ist der Pfad zur Todlosigkeit ; Unwachsamkeit ist der Todespfad; Die Wachsamen sterben nicht; Die Wachlosen sind eigentlich schon tot.



PC22

22. Kẻ trí biết chắc điều ấy (17)

Nên cố gắng không buông lung,

Không buông lung, đặng an vui

Trong các cõi những bậc thánh (18).

CT (17): Bài này tiếp bài trên, khuyên đừng nên phóng dật mà gắng chuyên cần.
CT (18): Cảnh giới của chư Phật, Bích chi và A la hán.

Distinctly understanding this (difference),
the wise (intent) on heedfulness,
rejoice in heedfulness,
delighting in the realm of the Ariyas. -- 22

22. Hiểu rõ sai biệt ấy,
Người trí luôn tinh cần,
Hoan hỷ không phóng dật,
Vui thánh quả xuất trần.

22- Comprenant cela distinctement, le sage est vigilant, il se réjouit dans la vigilance, se délectant dans le champ des Nobles Aryas.

22. Indem sie dies als echten Unterschied erkannt haben, erfreuen sich jene Weisen an Wachsamkeit und genießen das Reich der Edlen.



PC23

23. Kiên nhẫn, dõng mãnh thiền định (19),

Kẻ trí giải thoát an ổn,

Chứng nhập vô thượng Niết bàn.

CT (19): Muốn chứng đặng Niết bàn thì phải trừ 4 ách : dục ách (Kamayogo sự tham dục), hữu ách (Bha-vayogo mê chấp ba cõi), kiến ách (Ditthiyogo điều tà kiến, ác kiến), vô minh ách (Avijjayogo sự mê mờ).

The constantly meditative,
the ever steadfastly ones
realize the bond-free,
supreme Nibbaana. -- 23

23. Ai chuyên tập thiền định,
Quyết tâm tu vững vàng,
Giải thoát mọi trói buộc,
Chứng vô thượng Niết bàn.

23 - Ceux qui méditent constamment, ceux qui toujours s'efforcent ardemment, réalisent le Nirvana, libre de liens, l'incomparable .

23. Diejenigen, die sich unaufhörlich in Meditation vertiefen, beharrlich, standhaft in ihrem Bemühen: Sie erreichen Nirwana, die unübertroffene Ruhe vom Joch.


PC24

24. Không buông lung, cố gắng,

Hăng hái, giữ chánh niệm,

Khắc kỷ theo tịnh hạnh,

Sinh hoạt đúng như pháp,

Tiếng lành càng tăng trưởng.

The glory of him who is energetic,
mindful pure in deed,
considerate, self-controlled, right-living,
and heedful steadily increases. -- 24

24. Ai nỗ lực, chánh niệm,
Trong sạch và nghiêm cần,
Tự chế, sống chân chánh,
Tiếng lành tăng trưởng dần.

24 - Par degrés s' accroît la gloire de celui qui est énergique, attentif, pur en actions, qui discrimine, contrôle, qui est de vie droite, et vigilant.

24. Jene mit Antrieb, geistesgegenwärtig, rein im Handeln, umsichtig, in ihren Handlungen wachsam ist , beherrscht, den Dhamma lebend: ihr Ruhm wächst.



PC25

25. Bằng sự cố gắng, hăng hái,

Không buông lung, tự khắc chế,

Kẻ trí tự tạo hòn đảo (20)

Chẳng thủy triều (21) nào nhận chìm.

CT (20): Như cõi đất cao có thể tránh khỏi thủy tai. Kẻ trí khi chứng được A la hán thì không còn bị phiền não quấy nhiễu, nhận chìm.
CT (21): Các phiền não tham, sân, si buộc ràng và sai sử chúng sanh trong vòng ba cõi.

By sustained effort, earnestness,

discipline and self-control

let the wise man make for himself an island,
which no flood overwhelms. -- 25

25. Nhờ nhiệt tâm cố gắng,

Tự chế, sống nghiêm trang,

Người trí xây hòn đảo,
Nước lụt khó ngập tràn.

25 - Par l'effort, l'ardeur, la discipline et le contrôle, que le sage fasse pour lui même une île qu' aucun flot ne pourra submerger.

25. Durch innere Bemühungen, Wachsamkeit, Beherrschung und Selbstkontrolle schafft der Weise eine Insel, die keine Flut überkommen kann.


PC26

26. Người ám độn ngu si

Đắm chìm trong buông lung,

Kẻ trí quyết chăm giữ

Tâm không được buông lung,

Như người giàu giữ của.

The ignorant, foolish folk
indulge in heedlessness;
the wise man guards earnestness
as the greatest treasure. -- 26

26. Kẻ đần độn ngu si,
Thích buông lung phóng dật,
Người trí luôn nhiếp tâm,
Như giữ kho bảo vật.

26 - Les ignorants, les sots se plaisent dans la négligence, mais le sage protège la vigilance comme le plus grand trésor .

26. Sie sind der Unwachsamkeit verfallen, daher sind sie Stumpfsinnige, Narren, während jemand, der weise ist, die Wachsamkeit pflegt als sein höchstes Gut.



PC27

27. Chớ đắm chìm buông lung,

Chớ mê say dục lạc,

Hãy tỉnh giác tu thiền,

Mới mong đại an lạc.

Indulge not in heedlessness;

have no intimacy with sensuous delights.

Verily, the earnest, meditative person
obtains abundant bliss. -- 27

27. Không say sưa dục lạc,

Không phóng dật buông lung,

Người chuyên tu thiền định,
Được an lạc vô cùng.

27- Ne vous plaisez pas à la licence, ne fréquentez pas les plaisirs sensuels ; Celui qui est ardent et méditatif obtient un bonheur abondant.

27. Gib der Unwachsamkeit keinen Raum oder der Hingabe an Sinnesfreuden; der wachsame Mensch, in Meditation vertieft, erhält reichlich Wohlergehen.



PC28

28. Nhờ trừ hết buông lung,

Kẻ trí không lo sợ,

Bước lên lầu trí tuệ,

Nhìn kẻ ngu lo sợ,

Như leo lên núi cao,

Nhìn muôn vật dưới đất.

When an understanding one discards heedlessness by heedfulness,

he, free from sorrow,
ascends to the palace of wisdom and surveys the sorrowing folk as a wise mountaineer surveys the ignorant groundlings. -- 28

28. Nhờ diệt trừ phóng dật,

Người trí hết ưu phiền,

Lên lầu cao trí tuệ,

Nhìn chúng khổ triền miên,

Như người hiền trên núi,
Nhìn đám ngu đất liền.

28 - Quand l' homme sagace rejette la licence à l'aide du mental sain, ce sage sans chagrin monte au palais de sagesse et promène sa vue sur les ignorants qui souffrent, comme un montagnard promène sa vue sur les gens de la plaine.

28. Wenn der Weise Unreinheiten durch Wachsamkeit vertreibt, nachdem er den hohen Turm der Einsicht erklommen hat, frei von Leid, beobachtet er die leidende Menge, wie der kluge Mensch, der einen Gipfel bestiegen hat, die Narren auf dem Grund unten beobachtet.



PC29

29. Tinh tấn giữa đám người buông lung,

Tỉnh táo giữa đám người mê ngủ;

Kẻ trí như tuấn mã thẳng tiến,

Bỏ lại sau con ngựa gầy hèn.

Heedful amongst the heedless,
wide awake amongst the slumbering,
the wise man advances as does a swift horse,
leaving a weak jade behind. -- 29

29. Tinh cần giữa phóng dật,
Tỉnh thức giữa ngủ mê,
Người trí như tuấn mã,
Bỏ xa con ngựa hèn.

29 - Vigilant parmi les négligents, bien éveillé parmi les dormeurs, le sage avance comme un cheval rapide, laissant derrière lui une faible haridelle.

29. Wachsam unter den Unwachsamen, wach unter den Schlafenden; Wie ein schnelles Pferd voran eilt, die Schwachen hinter sich lassend, so auch der Weise.



PC30

30. Nhờ siêng năng không buông lung,

Ma-già (22) làm chủ chư thiên;

Không buông lung người khen ngợi,

Buông lung bị người khinh chê.

CT (22): Ma-già (Maghavà) tên khác của trời Đế Thích (Sarka) khi chưa đủ phúc báo để làm trời, Đế Thích ở nhân gian tên là Ma-già, nhờ công đức siêng năng quét tước sạch sẽ mà được làm chủ cõi chư Thiên.

By earnestness Maghavaa
rose to the lordship of the gods.
Earnestness is ever praised;
negligence is ever despised. -- 30

30. Đế Thích đạt thiên vương,
Nhờ tinh cần đi tới,
Tinh cần được ca ngợi,
Buông lung bị trách chê.

30- Par l'ardeur, Sakka devint le chef des Deva; l'ardeur est toujours louée ;
La négligence est toujours méprisée.

30. Durch Wachsamkeit gewann Inra die Herrschaft über die Götter; Wachsamkeit wird gelobt;
Unwachsamkeit wird immer verurteilt.



PC31

31. Tỷ kheo ưa không buông lung,

Hoặc sợ thấy sự buông lung,

Họ như ngọn lửa hồng kia

Đốt thiêu tất cả kiết sử (23).

CT (23): Kiết sử (Samyojana) tức là phiền não (Kilesa) danh từ chuyên môn nhà Phật.

The Bhikkhu who delights in heedfulness,

and looks with fear on heedlessness,

advances like fire,
burning all fetters great and small. -- 31

31. Tỳ kheo sợ phóng dật,

Thích nỗ lực tinh cần,

Như ngọn lửa lan dần
Thiêu sạch mọi kiết sử.

31- Le Bhikkou qui fait ces délices de l'ardeur et regarde avec crainte la négligence, avance comme le feu, brûlant tous les liens, petits et grands.

31. Der Mönch, der sich der Wachsamkeit erfreut und Wachlosigkeit gefährlich findet, eilt wie ein Feuer voran, große und kleine Fesseln verbrennend.


PC32

32. Tỷ kheo ưa không buông lung,

Hoặc sợ thấy sự buông lung,

Ta biết họ gần Niết bàn,

Không bị đọa lạc dễ dàng.

The Bhikkhu who delights in heedfulness,
and looks with fear on heedlessness,
is not liable to fall.
He is in the presence of Nibbaana. -- 32

32. Tỳ kheo thích tinh cần,
Sợ hãi nhìn phóng dật,
Ắt không bị thối thất,
Nhất định gần Niết bàn.

32- Le Bhikkhou qui fait ses délices de l'ardeur, considère la négligence avec crainte, n'est pas exposé à la rechute, il est proche du Nirvana.

32. Der Mönch, der sich der Wachsamkeit erfreut und Unwachsamkeit gefährlich findet, der nicht mehr zurückfallen kann, steht an der Schwelle zur völligen Befreiung.

Phẩm III
CITTA VAGGA - MIND - PHẨM TÂM


PC33

33. Tâm phàm phu dao động

Hốt hoảng khó chế phục;

Kẻ trí chế phục tâm

Làm chính trực dễ dàng,

Như thợ khéo uốn tên.

The flickering, fickle mind,
difficult to guard, difficult to control -
- the wise person straightens it
as a fletcher straightens an arrow. -- 33

33. Tâm dao động bất thường,
Khó hộ trì nhiếp phục,
Người trí điều tâm phúc,
Như thợ tên uốn tên.

33 - Cette psyché vacillante, inconstante, difficile à garder, difficile à contrôler, le sage la rectifie comme le faiseur de flèches rend droite une flèche.

33. Unstetig, schwankend, schwer zu hüten und in Zaum zu halten: so ist der Geist; Der Weise glättet ihn, wie ein Pfeilmacher den Schaft eines Pfeils.



PC34

34. Như cá quăng lên bờ,

Sợ sệt và vùng vẫy,

Thì cũng như thế đó,

Hãy đem tâm lo sợ,

Phấn đấu thoát cảnh ma.

Like a fish that is drawn
from its watery abode
and thrown upon land,
even so does this mind flutter.
Hence should the realm of the passions be shunned. -- 34

34. Như cá vớt khỏi nước,
Quăng trên bờ đất khô.
Tâm lo sợ vùng vẫy,
Vượt thoát cảnh ma đồ.

34 - Comme un poisson qui est tiré de l 'eau et jeté sur la terre, ainsi cette psyché s'agite ; Ainsi le pouvoir de Mara devrait être évité.

34. Wie ein Fisch, der aus seinem Revier im Wasser gezogen und auf die Erde geworfen wurde: Genauso zappelt der Geist hin und her, um Mara Regiment zu entkommen.



PC35

35. Tâm phàm theo ngũ dục,

Dao động không dễ nắm;

Chỉ những người trí tuệ

Điều phục được tâm mình

Mới được hưởng yên vui.

The mind is hard to check,
swift, flits wherever it listeth:
to control it is good.
A controlled mind is conducive to happiness. -- 35

35. Tâm đổi thay khó kiểm,
Vun vút theo dục trần,
Lành thay điều phục tâm,
Điều tâm thì an lạc.

35 - La psyché est difficile à contenir, rapide, elle voltige où elle le désire ; son contrôle est bon ; une psyché contrôlée conduit au bonheur.

35. Der Geist ist schwer unter Kontrolle zu halten, wechselhaft, läßt sich nieder, wo er will; Gut ist es daher, ihn zu zähmen; Denn ein gezähmter Geist bringt Wohlergehen.


PC36

36. Tâm kẻ phàm phu

Xoay theo ngũ dục,

Biến hóa khó thấy;

Nhưng người trí tuệ

Phòng hộ tâm mình,

Và được yên vui.

The mind is very hard to perceive,
extremely subtle, flits wherever it listeth.
Let the wise person guard it;
a guarded mind is conductive to happiness. -- 36

36. Tâm tế vi, khó thấy,
Vun vút theo dục trần,
Người trí phòng hộ tâm,
Phòng tâm thì an lạc.

36 - La psyché est difficile à percevoir, extrêmement subtile, elle voltige où elle le désire ; Que le sage la garde, la psyché gardée conduit au bonheur .

36. Schwer zu sehen, überaus fein, läßt sich nieder, wo er will: so ist der Geist; Der Weise sollte auf ihn achten, denn ein behüteter Geist bringt Wohlergehen.


PC37

37. Tâm kẻ phàm phu

Lén lút một mình,

Rất xa, vô hình,

Ẩn náu hang sâu (24);

Ai điều phục tâm,

Thoát vòng ma buộc.

CT (24): Mấy câu này đều hình dung cái tâm.

Faring far, wandering alone,

bodiless, lying in a cave, is the mind.

Those who subdue it
are freed from the bond of Maara. -- 37

37. Tâm lang thang cô độc,

Vô hình, ẩn hang sâu (*),

Người điều phục tâm rồi,

Hẳn thoát vòng ma buộc.
(*) Trú xứ của thức

37 - Partant au loin, errant solitaire, sans corps, gisant dans une grotte, voici la psyché ; Ceux qui la contrôlent sont libres des liens de Mara.

37. Weit umherschweifend, allein, körperlos, in einer Höhle liegend: so ist der Geist; Diejenigen, die ihn in Zaum halten, werden befreit von den Fesseln Maras.



PC38

38. Người tâm không an định,

Không hiểu biết Chánh pháp,

Lòng tin không kiên cố,

Thì trí tuệ khó thành.

He whose mind is not steadfast,

he who knows not the true doctrine,

he whose confidence wavers -
the wisdom of such a one will never be perfect. -- 38

38. Người tâm không an định,

Chánh pháp không liễu tri,

Tín tâm bị lung lạc,
Trí tuệ chẳng đạt gì.

38 - Celui dont la psyché n'est pas ferme, celui qui ne connaît pas le Dhamma excellent, celui dont la confiance vacille : sa sagesse ne sera jamais parfaite.

38. In einem Menschen mit unstetem Geist, der den wahren Dhamma nicht kennt, der heitere Ruhe in den Wind geschlagen hat: so kommt ihm die Weisheit nicht zur Vollendung.



PC39

39. Người tâm đã thanh tịnh,

Không còn các hoặc loạn,

Vượt trên thiện và ác (25),

Giác ngộ, chẳng sợ hãi.

CT (25): Khi chứng được A la hán thì vô lậu thiện nghiệp viên mãn, hữu lậu ác nghiệp và hữu lậu thiện nghiệp đã hết rồi, không còn tạo nghiệp mới nữa, và tuy ở trong đạo quả viên mãn mà thường làm những việc lợi tha một cách tự nhiên.

He whose mind is not soaked (by lust),
he who is not affected (by hatred),
he who has transcended both good and evil -
for such a vigilant one there is no fear. -- 39

39. Người tâm không ái dục,
Không bị sân nhuế hành,
Vượt trên mọi thiện ác,
Tỉnh giác, hết sợ quanh.

39 - Celui dont la psyché n'est pas humectée par le désir, celui qui n'est pas affecté par la haine, celui qui a écarté et le bien et le mal, pour ce vigilant il n'y a pas de peur.

39. Für jemanden mit nicht aufgeweichtem Geist, unangefochtenem Gewahrsein, der Gute und Böse überwindet, und erwacht ist, gibt es keine Furcht mehr.

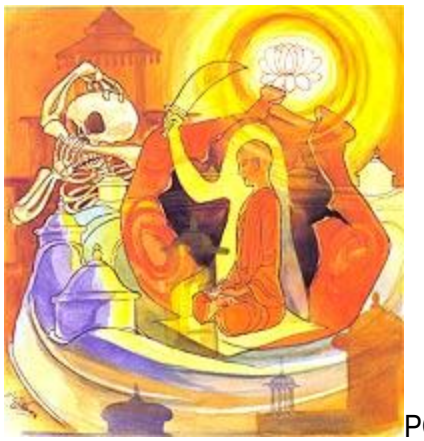 PC40

40. Biết rằng thân này đây

Mong manh như đồ gốm,

Quyết tâm giữ thành quách,

Dẹp ma với tuệ kiếm

Tất giành phần thắng lợi (26),

Chớ sanh tâm đắm trước (27).

CT (26): Kết quả thắng lợi là chỉ có cảnh giới Thiền định được tiến bộ.
CT (27): Không nên nhiễm trước vào Thiền cảnh đã chứng được, phải nỗ lực cầu tiến mãi.

Realizing that this body is (as fragile) as a jar,

establishing this mind (as firm) as a (fortified) city,

he should attack Maara with the weapon of wisdom.
He should guard his conquest, be without attachment- 40

40. Biết thân như nồi đất,

Trụ tâm như thành trì,

Đánh ma bằng gươm trí.
Thủ thắng, đừng lụy gì.

40 - Réalisant que ce corps est fragile comme une jarre, établissant cette psyché ferme comme une cité fortifiée, il doit attaquer Mara avec l'arme de la sagesse, garder sa maîtrise et être sans peur.

40. Wißt, daß dieser Körper wie ein Tonkrug ist, sichert diesen Geist wie eine Festung, und greift Mara mit dem Speer der Einsicht an; Hütet dann, was ihr erlangt habt, ohne euch dort festzusetzen.



PC41

41. Thân này không bao lâu

Ngủ dài ba thước đất,

Vô thức, bị vứt bỏ

Như khúc cây vô dụng (28).

CT (28): Phật giáo đồ các nước Phật giáo nam phương mỗi khi lâm chung có lệ thỉnh chư Tăng đến để cúng dường làm phước lần chót. Chư Tăng liền tụng bài bài kệ này ba biến.

Before long alas! this body will lie upon the ground,

cast aside, devoid of consciousness,
even as a useless charred log. -- 41

41. Rồi đây thân xác này,

Sẽ nằm dài trên đất,

Bị vất nằm vô thức,
Như gỗ mục bên đường.

41 – Après quelques temps ce corps gésira sur la terre, jeté de côté, dépourvu de conscience, comme une bûche sans utilité.

41. Nur zu bald wird dieser Körper auf der Erde liegen, beiseite geworfen, des Bewußtseins beraubt, wie ein unnützes Holzscheit.



PC42

42. Cái hại kẻ thù gây ra

Oan gia đối với oan gia,

Không bằng hại do chính ta

Tâm niệm bao điều tà ác (29).

CT (29): Đem tâm hướng về 10 hạnh ác (Akusala) : sát sinh (Panatipato), thâu đạo (Adinnadanam), tà dâm (Kamesumicchacara), vọng ngữ (Musavado), lưỡng thiệt (Pisunavaca), thô ác ngữ (Pharusava-ca), ỷ ngữ (samphap palapo), tham (abhijjha), sân (Viyapado), tà kiến (Micchadithi).

Whatever (harm) a foe may do to a foe,

or a hater to a hater,
an ill-directed mind can do one far greater (harm). -- 42

42. Kẻ thù hại kẻ thù,

Oan gia hại oan gia,

Không bằng tâm niệm ác,
Do chính ta hại ta.

42 - Quelque mal que puisse faire un ennemi à un ennemi ou un haineux à un haineux ; une psyché mal dirigée peut faire un plus grand mal.

42. Was auch immer ein Feind dem Feind oder ein Widersacher dem Widersacher antun mag, der fehlgeleitete Geist vermag euch sogar noch Schlimmeres anzutun.



PC43

43. Chẳng phải là cha mẹ

Hay bà con nào hết,

Nhưng chính tâm niệm ta

Hướng về hành chánh thiện (30)

Làm mình cao thượng hơn.

CT (30): Đem tâm hướng về 10 hạnh lành (Kusala) : cúng dường (Danam), trì giới (Silam), tu thiền định (Bhavana), tôn kính (Apacaijannam), tác sự (Vey-yavaccam), hồi hướng công đức (Pattidacam), tùy hỷ công đức (Pattanumodana), thính pháp (Dham-musavanam), thuyết pháp (Dhammadesana), chánh kiến (Dithujjukamman).

What neither mother, nor father,
nor any other relative can do,
a well-directed mind does
and thereby elevates one. -- 43

43. Mẹ cha hay bà con,
Không làm gì được cả,
Chính nhờ tâm nguyện lành,
Đưa ta lên cao cả.

43 - Ce qu'une mère ou un père ou aucun autre parent ne pourra jamais faire, une psyché bien dirigée peut le faire, et par elle on s'élève.

43. Was auch immer Mutter, Vater oder ein anderer Verwandter für euch tun können, der wohlgeleitete Geist vermag es sogar noch besser.

Phẩm IV
PUPPHA VAGGA - FLOWERS - PHẨM HOA


PC44

44. Ai chinh phục (32) địa giới (33),

Diêm ma giới (34), thiên giới (35),

Và khéo giảng Pháp cú (36)

Như thợ (37) làm tràng hoa?

CT (31): Ngài Ngô Chi Khiêm dịch là Phẩm Vương Hoa.
CT (32): Chinh phục (Vijessati), là theo Pali nguyên chú. Bản chú thích kinh Pháp cú rất xưa và đầy đủ chi tiết bằng văn bản Pali của Ngài Buddahaghosa, căn bản của các lời chú thích sau này. Bản do E.W.Burlinghame dịch ra Anh văn trong loại sách

Harvard Oriental serie là hiểu xác thật. Bản ở Miến Điện chép là vicessati, thì nên dịch là "chọn tìm" hoặc "dò xét ".
CT (33): Địa giới (Pathavi) là chỉ tự kỷ hay tự thân (Atta-bhava). Bản Dhammapada Anh văn của Đại đức Narada dịch, trang 8, có

chú thích rằng : "This is one who will understand this self as if really is". câu này có nghĩa "như thật tự biết rõ mình".
CT (34): Diêm ma giới (Yamalokà), theo nguyên chú thì bao quát cả 4 giới (Catudbhidam apayalokan ca) : địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh và a tu la (Asura). Bản chú thích bằng Anh văn của Ngài Narada nói : "The fourwoeful states, viz : Hell (địa ngục), Animal

kingdom (súc sanh), Peta realm (ngạ quỉ) and the Asura realm(A tu la)".
CT (35): Thiên giới (Sadevakam), theo nguyên chú thì bao quát 6 cõi trời dục giới và nhân giới (Imamsade- Vakanit

mannussalokanca). Ngài Narada chú : " Namely the world of human beings and the six celestial realm's".

CT (36): Pháp cú (Dhammapada tức là pháp tích, pháp, như ba mươi bảy đạo phẩm (Bodhipakkhikadham-ma) v.v...
CT (37): Thợ khéo là thợ làm tràng hoa, để ví dụ cho người khéo giảng nói Pháp cú, có lớp lang, không lộn xộn, như thợ xâu hoa vậy.

Who will comprehend this earth (self),

and this realm of the Yama,

and this together with the devas? Who will investigate the well taught Path of Virtue, even as an expert (garland maker) will pick flowers? -- 44

44. Ai chinh phục thiên giới,

Địa cầu và Dạ-ma,

Thông giảng kinh Pháp cú,
Như người khéo hái hoa.

44 - Qui conquerra cette terre et le royaume de Yama et ce monde avec le monde des Deva ? Qui investiguera le sentier du Dhamma, bien enseigné, de même qu'un faiseur de guirlandes cueillerait des fleurs ?

44. Wer wird diese Welt und dieses Reich des Todes mit all seinen Göttern durchdringen? Wer wird den gelehrten Dhammaspruch aufspüren, wie der geschickte Blumenbinder die Blume pflückt?



PC45

45. Hữu học (38) chinh phục địa giới,

Diêm ma giới, cùng thiên giới

Và lại khéo giảng Pháp cú,

Như thợ khéo làm tràng hoa (39).

CT (38): Hữu học (Sekha) tức là các vị chứng sơ quả Tu đà hoàn (Sotapattiphala), nhị quả Tư đà hàm (Sa-kadagamiphala), tam quả A na hàm (Anagam-phala), và sơ quả hướng, nhị quả hướng, tam quả hướng, tứ quả hướng, vì những vị này còn phải học tập giới, định, huệ. Đến khi chứng tứ quả A la hán mới được gọi là Vô học (Asekha).
CT (39): Bài tụng trên là hỏi, bài này đáp.

A disciple in training (sekha), will comprehend this earth, and this realm of Yama together with the realm of the devas.
A disciple in training will investigate the well-taught Path of Virtue, even as an expert (garland-maker) will pick flowers. -- 45

45. Hữu học (*) chinh phục đất,
Thiên giới và Dạ -ma,
Thông giảng kinh Pháp cú,
Như người khéo hái hoa.

(*) Vị chứng quả Dự lưu cho đến Bất lai

45 - Celui qui s'entraîne dans le Dhamma conquerra cette terre et le royaume de Yama et ce monde avec le monde des Devas ; Celui qui s'entraîne investiguera le sentier du Dhamma bien enseigné, de même qu'un expert faiseur de guirlandes cueillerait des fleurs.

45. Der 'Lernende auf dem Pfad' wird diese Welt durchdringen und dieses Reich des Todes mit all seinen Göttern; Er wird den gelehrten Dhammaspruch aufspüren, wie der geschickte Blumenbinder die Blume pflückt.


PC46

46. Nên biết thân này đây

Huyễn hóa như bọt nổi,

Hãy bẻ gãy mũi tên

Cám dỗ của ma quân (40),

Thoát vòng của tử thần.

CT (40): Sự dụ hoặc của dục cảnh.

Knowing that this body is like foam,

and comprehending its mirage-nature,

one should destroy the flower-shafts of sensual passions
and pass beyond the sight of the King of Death. -- 46

46. Hình hài như huyễn hóa,

Thân xác tợ bọt bèo,

Bẻ tên hoa dục vọng,
Tử thần hết dõi theo.

46 - Sachant que ce corps est comme de l'écume et comprenant sa nature de mirage, l'on doit détruire les flèches fleuries de Mara et passer par-delà la vue du Roi de la mort .

46. Indem du weißt, daß dieser Körper gleich Schaum ist, sein Wesen eines Trugbildes erkennst, schneidet du die Blüten von Mara aus, und gehst , wohin der Herr des Todes nicht sehen kann.



PC47

47. Như nước lũ cuốn phăng

Những xóm làng say ngủ (41),

Tử thần lôi phăng đi

Những người sinh tâm ái

Trước bông hoa dục lạc

Họ vừa góp nhặt được.

CT (41) : Những người đang say ngủ trong xóm làng giữa đêm khuya, bị nước lũ cuốn đi mà không hay biết gì. Người mê miết trong dục lạc cũng vậy.

The man who gathers flowers (of sensual pleasure),
whose mind is distracted,
death carries off
as a great flood sweeps away a sleeping village. -- 47

47. Người hái hoa dục lạc,
Tâm tham nhiễm say sưa,
Tử thần sẽ kéo bừa,
Như lụt cuốn làng ngủ.

47 - L'homme qui cueille les fleurs sensuelles, dont le mental est distrait, la mort l'emportera comme un grand flot emporte le village endormi.

47. Der Mensch, versunken ins sinnlichen Blütenpflücken, mit erregtem Herzen: der Tod rafft ihn hinweg, wie eine große Flut ein schlafendes Dorf.



PC48

48. Cứ sinh tâm ái trước,

Tham bông hoa (42) dục lạc

Người vừa góp nhặt được,

Đó là cơ hội tốt

Tử thần lôi đi mau.

CT (42): Cảnh dục lạc.

The man who gathers flowers (of sensual pleasure),
whose mind is distracted,
and who is insatiate in desires,
the Destroyer brings under his sway. -- 48

48. Người hái hoa dục lạc,
Tâm tham nhiễm say sưa,
Dục vọng, ý chưa vừa,
Đã bị tử thần kéo.

48 - L'homme qui cueille les fleurs sensuelles, dont le mental est distrait et qui est insatiable dans les désirs, le Destructeur l'amène en sa puissance.

48. Der Mensch, versunken ins sinnlichen Blütenpflücken, mit erregtem Herzen, unersättlich in seinem sinnlichen Vergnügen: der Todeshenker hat ihn in seiner Gewalt.


PC49

49. Hàng Sa môn (Mâu ni) (43)

Vào xóm làng khất thực,

Như ong đi kiếm hoa,

Chỉ lấy mật rồi đi

Không tổn thương hương sắc.

CT (43): Mâu ni (Muni) có nghĩa là người trầm lặng, nhân từ, trí tuệ, thánh giả, ở đây chỉ hàng Sa môn khất thực.

As a bee without harming the flower,

its colour or scent,

flies away, collecting only the honey,
even so should the sage wander in the village. -- 49

49. Tỳ kheo vào làng xóm,

Như ong đến vườn hoa,

Lấy mật xong bay ra,
Không hại gì hương sắc.

49 - Comme une abeille, sans nuire à la fleur, à sa couleur ou à son parfum s'envole, emportant seulement le miel : ainsi le sage doit parcourir le village.

49. Wie eine Biene, die ohne die Blüte, ihre Farbe, ihren Geruch zu beschädigen, ihren Nektar nimmt und davonfliegt: so sollte der Weise durch ein Dorf gehen.


PC50

50. Chớ dòm ngó lỗi người,

Coi làm hay không làm (44);

Chỉ ngó hành động mình,

Coi làm hay chưa làm.

CT (44): Nguyên văn của câu này là “Naparesam kataka-tam” dịch thẳng là “Chẳng nên dòm ngó người khác làm hay không làm”.

Let not one seek others' faults,

things left done and undone by others,
but one's own deeds done and undone. -- 50

50. Đừng tò mò vạch lỗi,

Việc người làm hay chưa,

Hãy nhìn lại việc mình,
Đã làm hay vất bừa.

50 - On ne doit pas scruter les fautes des autres, non plus que les choses par eux faites ou non faites, mais ses propres actes faits et non faits.

50. Achte nicht auf die Fehler anderer, nicht auf das, was sie getan oder zu tun unterlassen haben, sondern auf das, was du getan oder zu tun unterlassen hast.



PC51

51. Như thứ hoa kia đẹp

Chỉ phô trương màu sắc

Mà chẳng có hương thơm,

Người chỉ nói điều lành

Mà không làm điều lành

Chẳng đem lợi ích gì.

As a flower that is lovely and beautiful
but is scentless,
even so fruitless is the well-spoken word
of one who does not practise it. -- 51

51. Như bông hoa tươi đẹp,
Có sắc nhưng không hương,
Nói hay, làm không được,
Kết quả có chi lường.

51 - Comme une fleur qui est charmante et belle, mais qui est sans parfum, ainsi est sans fruit le mot bien dit de celui qui n'agit pas selon.

51. Wie eine Blüte mit leuchtenden Farben aber ohne Duft ist, so kommt ein treffend gesprochenes Wort nicht zum Tragen , wenn es nicht befolgt wird.



PC52

52. Như hoa tươi đẹp

Vừa có màu sắc

Lại có hương thơm,

Người nói điều lành

Và làm điều lành

Đem lại quả tốt.

As a flower that is lovely, beautiful,

and scent-laden,

even so fruitful is the well-spoken word
of one who practises it. -- 52

52. Như bông hoa tươi đẹp,

Có sắc lại thêm hương,

Nói hay và làm giỏi,
Kết quả thật vô lường.

52 - Comme une fleur qui est charmante, belle et très parfumée, ainsi est fructueux le mot bien dit de celui qui le met en pratique.

52. Wie eine Blüte mit leuchtenden Farben, voller Wohlgeruch ist, so kommt ein treffend gesprochenes Wort zum Tragen, wenn es befolgt wird.



PC53

53. Như từ đống hoa

Làm nên nhiều tràng,

Từ nơi thân người

Tạo nhiều việc thiện.

As from a heap of flowers
many a garland is made,
even so many good deeds should be done
by one born a mortal. -- 53

53. Nhiều tràng hoa được kết,
Từ những đóa hoa tươi,
Thân sanh diệt kiếp người,
Phải làm nhiều việc thiện.

53 - De même que d'un monceau de fleurs il est fait plus d'une guirlande, de même beaucoup de bonnes actions doivent être faites par celui qui est né mortel.

53. Wie aus einem Haufen Blumen viele Girlanden angefertigt werden können, genauso sollte jemand, der geboren wurde und sterblich ist, viel gute Tat leisten.



PC54

54. Hương các loài hoa chiên-đàn,

Đa-già-la hay mạt-lỵ (45)

Đều không thể bay ngược gió;

Hương đức hạnh người chân chính,

Tuy ngược gió vẫn bay khắp.

CT (45): Chiên đàn na (Candana) Đa gia la (tagara), tên hai thứ cây thơm, Mạt lị ca (Malika) là một thứ hoa nhỏ thơm mọc tùm lum như dây bìm.

The perfume of flowers blows not against the wind,

nor does the fragrance of sandalwood, tagara and jasmine

but the fragrance of the virtuous blows against the wind;
the virtuous man pervades every direction. -- 54

54. Hương các loại hoa thơm,

Không thể bay ngược gió,

Hương người đức hạnh đó,
Ngược gió bay muôn phương.

54 - Le parfum des fleurs ne remonte pas le vent, non plus le parfum du bols de santal, du Tagara ou du jasmin ; Le parfum de l'attentif peut remonter le vent ; l'homme excellent parfume toutes les directions.

54. Der Dufthauch keiner Blume verbreitet sich gegen den Wind, eben nicht Sandelholz, Jasmin, Tagara; Der Hauch des Guten dagegen, der verbreitet sich gegen den Wind; Der Redliche weht einen Hauch in alle Richtungen.


PC55

55. Hương chiên-đàn, đa-già-la,

Hương bạt-tất-kỳ (46), hương sen,

Trong tất cả các thứ hương

Hương đức hạnh là hơn cả.

CT (46): Bạt tất kỳ (Vassiky) là vũ quý hoa.

Sandalwood, tagara, lotus, jasmine:

above all these kinds of fragrance,
the perfume of virtue is by far the best. -- 55

55. Hương chiên đàn, già la,

Hương sen và vũ quí,

Ngần ấy loại hương vị,
Không sánh bằng giới hương!

55 - Le parfum du bols de santal, du Tagara , du lotus ou du jasmin, ne peut être comparé à celui de vertu.

55. Sandelholz, Tagara, Lotus oder Jasmin: Unter diesen Düften ist der Hauch der Tugend der beste.


PC56

56. Hương chiên-đàn, đa-già-la

Đều là thứ hương vi diệu,

Nhưng không bằng hương đức hạnh

Xông ngát đến tận chư thiên.

Of little account is the fragrance of tagara or sandal;

the fragrance of the virtuous,
which blows even amongst the gods, is supreme. -- 56

56. Hương chiên đàn, già la,

Chưa phải là thơm phức,

Hương người có giới đức,
Xông ngát cả chư thiên.

56 - Le parfum du bols de santal, du Tagara , compte peu à celui d'une personne de vertu, qui monte au monde des saints.

56. Fast nichts ist dieser Wohlgeruch von Sandelholz, Tagara, während der Hauch des Tugendhaften zu den Göttern alles überragend weht.



PC57

57. Thành tựu các giới hạnh,

Hằng ngày chẳng buông lung,

Trụ chính trí, giải thoát,

Ác ma không dòm ngó.

Maara finds not the path of those
who are virtuous, careful in living,
and freed by right knowledge. -- 57

57. Những ai sống đức hạnh,
Cẩn trọng và trang nghiêm,
Giải thoát bằng chánh trí,
Ác ma không thể tìm.

57. Mara ne peut pas poursuivre le chemin d'une personne de vertu, pleine de vigilance, libérée par sagesse.

57. Jene, die ihre Tugend vervollkommnet haben, die in Wachsamkeit verweilen, die durch rechtes Wissen befreit sind, so kann Mara ihren Spuren nicht folgen.



PC58

58. Từ trong đống bùn nhơ,

Vất bỏ trên đường lớn,

Sinh hoa sen thanh khiết,

Làm đẹp ý mọi người.

As upon a heap of rubbish thrown on the highway,
a sweet-smelling lovely lotus may grow -- 58

58. Giữa đống rác bẩn thỉu,

Vất bỏ bên đường hoang,

Hoa sen thơm ngào ngạt,
Đẹp lòng khách qua đàng.

58- Sur un tas d 'ordures, jeté sur la grand route, un lotus charmant au doux parfum peut plaire au passant.

58. Mitten in einem Abfallhaufen, der in den Straßengraben geworfen wurde, wächst ein Lotus von reinem Geruch, das Herz der Passante erfreuend.



PC59

59. Từ chốn phàm phu ngu muội

Sanh đệ tử bậc Chánh giác,

Đem trí tuệ soi thế gian.

Even so amongst worthless beings,
a disciple of the Fully Enlightened One
outshines the blind worldlings in wisdom. -- 59

59. Cũng vậy giữa nhân gian,
Ngập tràn rác trần thế,
Đệ tử bậc chánh giác,
Soi sáng khắp quần mê.

59 - De même que sur un tas d 'ordures de la vie, parmi le rebut des êtres, un disciple du Pleinement Éveillé éclipse par sa sagesse les mondains aveugles.

59. So glänzt inmitten der Abfall Gleichen, den gewöhnlichen und blinden Leuten, der Schüler des Erwachten mit Weisheiten.

Phẩm V
BAALA VAGGA - FOOLS - PHẨM NGU



PC60

60. Đêm dài với người mất ngủ,

Đường xa với kẻ lữ hành,

Cũng thế, vòng quay luân hồi (47)

Tiếp nối mãi với kẻ ngu,

Không chứng đạt đến Chánh pháp.

CT (47): Luân hồi (samsara) chỉ sự sanh tử luân chuyển mãi không ngừng.

Long is the night to the wakeful;
long is the league to the weary;
long is Sa'msaara to the foolish
who know not the Sublime Truth. -- 60

60. Mất ngủ thấy đêm dài,
Mệt nhoài thấy đường xa,
Kẻ ngu luân hồi mãi,
Chánh pháp biết đâu là!

60 - Longue est la nuit pour celui qui veille ; longue est la lieue pour celui qui est las ; longue cette errance (samsara) pour le stupide qui ne connaît pas l'Excellente vérité.

60. Lang ist für den Schlaflosen die Nacht; Lang ist für den Erschöpften eine Meile; Für Narren, in Unkenntnis des wahren Dhamma ist Samsara lang.



PC61

61. Không gặp kẻ hơn mình,

Không gặp kẻ ngang mình,

Thà quyết ở một mình,

Hơn kết bạn người ngu.

If, as the disciple fares along,

he meets no companion who is better or equal,

let him firmly pursue his solitary career.
There is no fellowship with the foolish. -- 61

61. Nếu tìm không gặp bạn,

Hơn mình hay ngang mình,

Thà quyết sống một mình,
Chớ thân cận kẻ ngu.

61 - Si, quand il va, il ne rencontre pas un compagnon qui lui est supérieur ou égal, qu'il s'affermisse dans sa course solitaire ; il n'y a pas de compagnonnage avec un fou.

61. Wenn du auf deinem Weg keinen Ebenbürtigen, keinen Besseren triffst, setze deinen Weg fort, entschlossen und allein; Mit Narren sollte keine Verbindung geben.


PC62

62. “Đây con ta, tài sản ta”,

Phàm phu thường nghĩ như thế;

Chẳng biết “ta” còn không có,

Huống con ta, tài sản ta.

"Sons have I; wealth have I":

Thus is the fool worried.

Verily, he himself is not his own.
Whence sons? Whence wealth? -- 62

62. Con ta, tài sản ta,

Kẻ ngu mãi lo xa,

Chính ta còn không có,
Tài sản, con đâu ra?

62 – J'ai des enfants ! J'ai des biens, ainsi le stupide se tracasse ; En vérité, lui, lui-même n'est pas à lui, à qui les enfants, à qui les biens ?

62. "Ich habe Kinder, ich habe Besitz", so quält der Narr sich ab; Wenn nicht einmal er selber sich gehört, wie dann Kinder? Wie dann Reichtum?



PC63

63. Ngu biết ngu là trí,

Ngu mà xưng rằng trí,

Đó mới thật là ngu.

The fool who knows that he is a fool
is for that very reason a wise man;
the fool who thinks that he is wise
is called a fool indeed. -- 63

63. Người ngu biết mình ngu,
Nhờ vậy thành có trí,
Người ngu cho mình trí,
Thật đáng gọi chí ngu!

63 - Un stupide qui pense qu'il est un stupide est pour cette raison même un sage ; Le stupide qui pense qu'il est un sage est appelé vraiment un stupide.

63. Ein Dumm, der spürt, daß er ein Dumme ist, ist zumindest weise; Ein Dumme jedoch, der sich für weise hält, wird zu Recht ein Dumme genannt.



PC64

64. Người ngu gần lâu người trí,

Vẫn chẳng hiểu gì Chánh pháp,

Ví như cái muỗng múc canh

Chẳng biết được mùi vị canh.

Though a fool, through all his life,
associates with a wise man,
he no more understands the Dhamma
than a spoon (tastes) the flavour of soup. -- 64

64. Kẻ ngu dầu trọn đời,
Thân cận với người trí,
Cũng không hiểu pháp vị,
Như muỗng trong nồi canh.

64 - Quoique, toute sa vie, un fou s'associe à un sage il ne comprendra pas plus le Dhamma qu'une cuillère ne connaît la saveur de la soupe.

64. Wenn der Narr sogar sein ganzes Leben mit dem Weisen verbringt, nimmt er nichts vom Dhamma wahr, wie der Löffel nichts vom Geschmack der Suppe hat.



PC65

65. Người trí gần gũi người trí

Khoảng khắc cũng hiểu Chánh pháp,

Khác gì lưỡi tiếp xúc canh

Liền biết được mùi vị canh.

Though an intelligent person,

associates with a wise man for only a moment,

he quickly understands the Dhamma
as the tongue (tastes) the flavour of soup. -- 65

65. Người trí với người trí,

Gần nhau trong phút giây,

Chánh pháp nhận ra ngay,
Như lưỡi nếm canh vậy.

65 - Si, seulement pour un moment, une personne intelligente s'associe à un sage, elle comprend rapidement le Dhamma comme la langue connaît la saveur de la soupe.

65. Wenn der Einsichtige nur einen Augenblick mit dem Weisen verbringt, nimmt er den Dhamma sofort wahr, wie die Zunge den Geschmack der Suppe fühlt.



PC66

66. Kẻ phàm phu không giác tri

Nên đi chung với cừu địch,

Cũng thế, người tạo ác nghiệp

Theo ác nghiệp chịu khổ báo.

Fools of little wit move about
with the very self as their own foe,
doing evil deeds
the fruit of which is bitter. -- 66

66. Kẻ ngu si thiếu trí,
Tự ngã hóa ra thù,
Ác nghiệp tạo lần hồi,
Phải chịu quả cay đắng.

66 - Les fous de petit jugement errent avec leur propre soi comme leur propre ennemi, faisant de mauvaises actions dont le fruit est amer.

66. Narren mit geringer Einsicht sind ihre eigenen Feinde, während sie durchs Leben schreiten und Schlechtes tun, was bittere Früchte bringt.



PC67

67. Người gây điều bất thiện,

Làm xong thấy ăn năn,

Khóc nhỏ lệ dầm dề,

Biết mình sẽ thọ lấy

Quả báo ác tương lai (48).

CT (48): Thọ quả báo lành dữ trong tương lai tức là thân dị thục (vipaka); ở đây chỉ riêng ác quả.

That deed is not well done when,
after having done it, one repents,
and when weeping, with tearful face,
one reaps the fruit thereof. -- 67

67. Người tạo nghiệp bất thiện,
Làm xong sanh ăn năn,
Mắt đẫm lệ than rằng,
Phải chịu quả cay đắng.

67 – Quant on achève une mauvaise action, on s'en repent après, et le fruit de laquelle on mûrit, pleurant, le visage plein de larmes.

67. Wenn ihr eine schlechte Tat begeht, die ihr, wenn ihr sie begangen habt, bereut, deren Frucht ihr weinend erntet, mit tränenüberströmtem Gesicht.


PC68

68. Người tạo các nghiệp thiện,

Làm xong chẳng ăn năn,

Còn vui mừng hớn hở,

Biết mình sẽ thọ lấy

Quả báo lành tương lai (49).

CT (49): Đây chỉ thiện quả.

That deed is well done when,
after having done it, one repents not,
and when, with joy and pleasure,
one reaps the fruit thereof. -- 68

68. Người tạo được thiện nghiệp,
Làm xong không ăn năn,
Hoan hỷ, lòng phơi phới,
Hái quả phúc thường hằng.

68 – Quand on achève une bonne action, on ne s'en repent pas après ; on ceuille le fruit de laquelle avec joie et plaisir.

68. Wenn ihr eine gute Tat begeht, die ihr, wenn ihr sie begangen habt, nicht bereut, deren Frucht ihr dankbar erntet, mit glücklichem Herzen.



PC69

69. Khi ác nghiệp chưa thành thục,

Người ngu tưởng như đường mật,

Khi ác nghiệp đã thành thục,

Nhất định chịu khổ đắng cay.

As sweet as honey is an evil deed,

so thinks the fool so long as it ripens not;
but when it ripens, then he comes to grief. -- 69

69. Ác nghiệp chưa chín muồi,

Kẻ ngu tưởng đường mật,

Ác nghiệp khi chín thật,
Kẻ ngu gánh khổ đau.

69 - Aussi doux que le miel, ainsi pense le fou d'une mauvaise action qui n'a pas mûri, mais quand cela arrive alors il va vers la peine.

69. Solange Schlechtes noch reifen muß, hält der Narr es irrtümlich für Honig; Aber wenn dieses Schlechte reif wird, verfällt der Narr dem Leid.

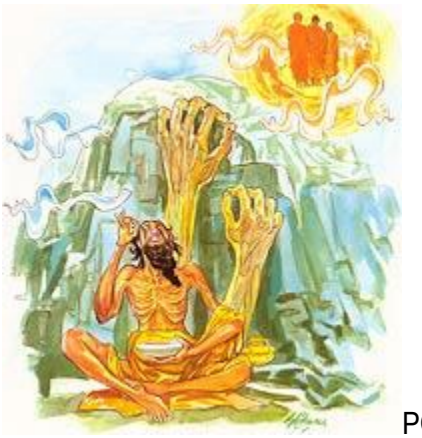

PC70

70. Tháng này qua tháng khác,

Ăn ngọn cỏ cô-sa (cỏ thơm) (50),

Người ngu ăn để sống,

Việc ấy không giá trị

Bằng một phần mười sáu

Người tư duy Chánh pháp (51).

CT (50) : Cô sa (kusa) tên cỏ thơm, nguyên văn là Kusag-gena, tức là dùng đầu ngọn cỏ cô sa.
CT (51) : Người tư duy Chánh pháp (Sankhata dhamman) là người thâm nhập Chánh pháp, đây là người giác ngộ Tứ đế.

Month after month a fool may eat only as much food
as can be picked up on the tip of a kusa grass blade;
but he is not worth a sixteenth part of them
who have comprehended the Truth. -- 70

70. Kẻ ngu sống hằng tháng,
Nhờ ngọn cỏ cô-sa,
Chưa bằng phần mười sáu,
Người hiểu chánh pháp mà!

70 - Mois après mois, un fou peut bien manger sa nourriture avec un brin d'herbe précieux Kusa, mais il ne vaut pas le seizième de ceux qui ont compris le Dhamma.

70. Monat um Monat mag der Narr Grasspitze wertvoller Nahrung essen; er wäre dennoch nicht den sechzehnten Teil derer wert, die den Dhamma ergründet haben.



PC71

71. Cất sữa không chỉ sáng chiều

Để thành vị đề hồ (52) được,

Kẻ phàm phu tạo nghiệp ác

Chẳng cảm thụ ác quả liền,

Nghiệp lực vẫn âm thầm theo

Như lửa ngún giữa tro than.

CT (52): Muốn sữa đông đặc thành đề hồ (da ua) không phải một ngày một đêm mà đông được kịp.

Verily, an evil deed committed does not immediately bear fruit,
just as milk curdles not at once;
smouldering, it follows the fool
like fire covered with ashes. -- 71

71. Ác nghiệp chưa kết trái,
Như sữa chưa đông ngay,
Nung đốt kẻ ngu này,
Tựa lửa phủ tro vậy.

71 - En vérité, une mauvaise action commise ne porte pas immédiatement son fruit, de même que le lait ne caille pas de suite, couvant, il suit le fou, comme le feu couvert par les cendres.

71. Eine schlechte Tat, die begangen wurde, kommt nicht --wie fertige Milch-- gleich zum Vorschein; Sie folgt dem Narren, schwelend wie Feuer, das unter der Asche verborgen ist.



PC72

72. Có tri thức, danh vọng,

Manh động dẫn tiêu vong,

Hạnh phúc bị tổn hại,

Trí tuệ (53) cũng tiêu tan.

CT (53): Trong Hán văn chữ này cũng gọi là đầu thủ, đầu não.

To his ruin, indeed, the fool gains knowledge and fame;
they destroy his bright lot and cleave his head. -- 72

72. Kiến thức và danh vọng,

Trở lại hại kẻ ngu,

Tiêu diệt ngay vận tốt,
Bửa nốt cả đầu ngu.

72 - Le fou, vraiment pour sa ruine, gagne connaissance et renommée ; Elles détruisent son brillant destin et fendent sa tête.

72. Nur zu seinem Verderben wird dem Narren Kentnisse und Ruhm zuteil; Kentnisse und Ruhm plündern jedoch sein strahlendes Glück und sprengen ihm den Kopf.



PC73

73. Kẻ ngu muốn hư danh:

Ngồi cao trong Tăng chúng,

Viện chủ trong Tăng viện,

Mọi người đến tán dương.

The fool will desire undue reputation,
precedence among monks,
authority in the monasteries,
honour among other families. -- 73

73. Kẻ ngu ham danh hão,
Khoái ngồi trước sa môn,
Ưa quyền trong tu viện,
Thích mọi người suy tôn.

73 - Le fou désire une réputation indue, priorité parmi les moines, autorité dans les monastères, honneurs parmi les autres.

73. Der Dumme will einen unverdienten Rang, eine Vorzugsstellung unter den Mönchen, Einfluß innerhalb der Klöster, Ehrerbietung von Laienfamilien.



PC74

74. Để cho người kia nghĩ rằng :

“Sự này do ta làm nên,

Mọi việc theo lệnh của ta”;

Kẻ ngu tưởng lầm như thế,

Tham lam ngạo mạn tăng hoài.

Let both laymen and monks think,
"by myself was this done;
in every work, great or small, let them refer to me".
Such is the ambition of the fool;
his desires and pride increase. -- 74

74. Hãy để cả tăng tục,
Cho rằng: "Việc ta làm,
Mặc dù lớn hay nhỏ,
Đều phải theo ý ta."
Kẻ ngu ôm khát vọng,
Dục, mạn lớn dần ra.

74 - « Que tant les laïcs que les moines pensent que par moi-même ceci fut fait ; Pour chaque ouvrage, petit ou grand, qu'ils se rapportent à moi » ; Telle est la pensée du fou; son désir et son orgueil augmentent.

74. "Laien sowie Mönche sollen denken, daß ich allein all dies getan habe; Möge nur ich festlegen, was Soll ist und was nicht" ; so ist die Ambition eines Narren ; so wachsen auch seine Begierde und sein Stolz.



PC75

75. Một đàng đưa tới thế gian,

Một đàng đưa tới Niết bàn,

Đệ tử Phật biết rõ như thế,

Chớ nên tham đắm thế lợi,

Chuyên chú vào đạo giải thoát.

Surely the path that leads to worldly gain is one,
and the path that leads to Nibbaana is another;
understanding this,
the bhikkhu, the disciple of the Buddha,
should not rejoice in worldly favours,
but cultivate detachment. -- 75

75. Đường này đến thế gian.
Đường kia đến Niết bàn.
Tỳ kheo, đệ tử Phật,
Phải ý thức rõ ràng.
Đừng đắm say thế lợi.
Hãy tu hạnh ly tham.

75 - Sûrement le chemin qui mène au gain mondain est un, et le chemin qui mène au Nirvana est autre ; Comprenant ainsi, le bhikkhou, le disciple de Bouddha ne doit pas se réjouir en faveurs mondaines, mais doit cultiver la retraite.

75. Der Weg zu materiellem Gewinn geht in die eine Richtung, der Weg zur geistigen Befreiung in die andere; Da er dies erkennt, sollte der Mönch, ein Schüler des Erwachten, keinen Geschmack finden an weltliche Gaben, sondern sich üben in Abgeschiedenheit.

Phẩm VI

PANDITA VAGGA - THE WISE - PHẨM HIỀN TRÍ (54)

CT (54): Bản chữ Nhật dịch là Hiền phẩm.



PC76

76. Gặp người hiền trí

Chỉ bày lầm lỗi

Và khiển trách mình

Những chỗ bất toàn,

Hãy nên kết thân,

Như bậc trí thức

Chỉ kho bảo vật;

Kết thân người trí,

Lành mà không dữ.

Should one see a wise man,
who, like a revealer of treasure,
points out faults and reproves;
let one associate with such a wise person;
it will be better, not worse,
for him who associates with such a one. -- 76

76. Nếu gặp bậc hiền trí,
Chỉ trách điều lỗi lầm,
Hãy tha thiết kết thân,
Như người chỉ kho báu,

Kết thân người như vậy,
Không xấu, tốt hơn nhiều.

76 - Si quelqu'un voit un homme sage qui, comme s'il indiquait un trésor, fait remarquer les fautes et les réprouve, qu'il associe avec une telle sage personne ; le meilleur sera, non le pire, pour celui qui suivra une telle personne.

76. Begegnet einen Weisen, der, wenn er eure Fehler sieht, euch zurechtweist, bleibt bei solchen Weisen, der Schätze zeigt; Für denjenigen, der bei einem solchen Weisen bleibt, wird alles besser, nicht schlechter.


PC77

77. Người khuyên răn dạy dỗ,

Can ngăn tội lỗi kẻ khác,

Người lành kính yêu bao nhiêu,

Người dữ ghét bỏ bấy nhiêu.

Let him advise, instruct,
and dissuade one from evil;
truly pleasing is he to the good,
displeasing is he to the bad. -- 77

77. Những ai thường khuyên dạy,
Ngăn chận tội ác sanh,
Được người hiền tán thành,
Bị kẻ ác ghét bỏ.

77 - Qu'il avise, instruise et dissuade du mal, il est aimé de l'homme intelligent, mais détesté par le stupide.

77. Jemand, der euch ermahnt, belehrt, von schlechten Umgangsformen wegführt, wird bewundert von Weisen, aber bekämpft von Narren.


PC78

78. Chớ kết bạn với người ác,

Chớ kết bạn người đê hèn;

Hãy kết bạn với người lành,

Với người chí khí cao thượng (55).

CT (55): Người không còn điều ác ở thân khẩu ý nữa, chuyên việc tế độ chúng sanh.

Associate not with evil friends,
associate not with mean men;
associate with good friends,
associate with noble men. -- 78

78. Chớ thân bạn xấu ác.
Chớ thân kẻ đê hèn,
Hãy thân bạn hiền lành.
Hãy thân người cao thượng.

78 - Ne vous associez pas avec de mauvais amis ou avec des hommes médiocres, associez-vous avec des amis bons et des hommes excellents.

78. Laßt euch nicht mit schlechten Freunden ein; Laßt euch nicht mit Niederträchtigen ein; Laßt euch mit bewundernswerten Freunden ein; Laßt euch mit den Besten ein.


PC79

79. Được uống nước Chánh pháp,

Tâm thanh tịnh an lạc,

Người trí thường vui mừng,

Nghe thánh nhơn (56) thuyết pháp.

CT (56) : Chư Phật và A la hán.

He who imbibes the Dhamma
abides in happiness with mind pacified;
the wise man ever delights in the Dhamma
revealed by the Ariyas. -- 79

79. Ai thấm nhuần chánh pháp,
Người ấy tâm an bình,
Bậc trí vui chánh pháp,
Do thánh nhơn thuyết minh.

79 - Celui qui s'abreuve profondément au Dhamma demeure en bonheur ; Avec son esprit clarifié, le sage constamment se réjouit dans leDhamma révélé par les saints.

79. Wenn man den Dhamma trinkt, vom Dhamma erfrischt ist, lebt man friedlich, mit klarem Bewußtsein und ruhig; Am Dhamma, der von den Erhabenen dargelegt wird, erfreut sich immer der Weise.



PC80

80. Người tưới nước lo dẫn nước,

Thợ cung tên uốn cung tên,

Thợ mộc nảy mực đo cây,

Người trí lo tự điều phục (57).

CT (57): Khắc chế năm căn đừng cho thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc điều quấy.

Irrigators lead the waters;
fletchers bend the shafts;
carpenters bend the wood;
the wise control themselves. -- 80

80. Người đem nước dẫn nước,
Tay làm tên vót tên,
Thợ mộc uốn gỗ bền,
Bậc trí tự điều phục.

80 - Les irrigateurs conduisent les eaux, les faiseurs de flèches façonnent les flèches, les charpentiers courbent le bols, les sages se contrôlent eux-mêmes.

80. Bewässerungsbauer lenken das Wasser; Pfeilmacher glätten den Schaft des Pfeils; Zimmerleute hobeln das Holz; Die Weisen beherrschen sich selbst.


PC81

81. Như một ngọn núi kiên cố,

Chẳng bao giờ bị gió lay,

Những phỉ báng hay tán dương

Chẳng lay động được người trí.

As a solid rock is not shaken by the wind,

even so the wise are not ruffled
by praise or blame. -- 81

81. Như tảng đá kiên cố,

Không gió nào chuyển lay,

Bậc trí cũng thế này,
Khen chê chả dao động.

81 - De même qu'un roc solide n'est pas ébranlé par le vent, ainsi le sage n'est pas agité par louange ou blâme.

81. Wie eine einzelne Felsplatte sich nicht im geringsten im Wind rührt, so werden die Weisen nicht bewegt von Lob oder von Tadel.



PC82

82. Như hồ nước sâu,

Yên lặng trong sạch,

Những người có trí

Sau khi nghe Pháp,

Thanh tịnh, yên lặng.

Just as a deep lake is clear and still,

even so, on hearing the teachings,
the wise become exceedingly peaceful. -- 82

82. Như hồ nước sâu thẳm,

Yên lặng và trong xanh,

Bậc trí nghe giáo pháp,
Tâm thanh tịnh an lành.

82 - Ainsi qu'un lac est profond, clair et tranquille, le sage devient parfaitement clarifié et pacifié en entendant le Dhamma.

82. Wie ein tiefer See, klar, unbewegt und ruhig, so werden die Weisen klar, ruhig, wenn sie die Worte des Dhamma hören.



PC83

83. Người lành thường xa lìa

Không bàn những tham dục;

Kẻ trí không mừng lo,

Lay động vì khổ, lạc.

The good give up (attachment for) everything;

the saintly prattle not with sensual craving:

whether affected by happiness or by pain,
the wise show neither elation nor depression. -- 83

83. Hiền giả bỏ tất cả,

Thánh giả xả ái dục,

Khổ đau hay hạnh phúc,
Trí giả chả mừng lo.

83 - L'homme excellent abandonne l'attachement pour toutes choses, l'homme pur ne bavarde pas avec des pensées de désir ; atteint par le bonheur ou la souffrance , le sage ne montre ni exaltation ni dépression.

83. Überall, wirklich, halten sich die Redlichen abseits, die Heiligen plappern nicht in Hoffnung auf sinnlichen Gewinn; Wenn sie einmal von Freude einmal von Leid getroffen werden, zeigen die Weisen weder Hochstimmung noch Niedergeschlagenheit.

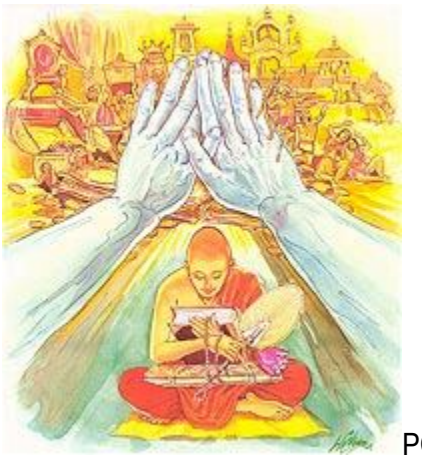

PC84

84. Không vì mình hay người

Để làm những chuyện ác,

Không cầu con, giàu sang

Hay mưu việc thiên hạ

Mà làm những việc ác,

Không vì cầu phồn vinh

Bằng phương tiện bất chánh:

Người là người giới hạnh,

Trí tuệ và chân chánh.

Neither for the sake of oneself
nor for the sake of another
(does a wise person do any wrong);
he should not desire son, wealth or kingdom
(by doing wrong):
by unjust means he should not seek his own success.
Then (only) such a one is indeed virtuous,
wise and righteous. -- 84

84. Đừng vì mình vì người,
Làm điều gì sai trái,
Đừng mong cầu con cái,
Tài sản hay đất đai,
Bằng hành động lầm sai,

Thành công do bất chánh,

Người ấy thật đức hạnh,
Trí tuệ và chân thành.

84 - Ni par égard pour soi, ni par égard pour un autre, un sage ne doit faire aucun mal ; il ne doit pas désirer des enfants, des richesses, un royaume, en faisant le mal ; Par des moyens injustes, il ne doit pas désirer le succès ; un tel homme est vraiment moral, sage et droit.

84. Jemand dem nicht--weder für sich noch für andere-- nach Reichtum, einem Kind, einem Königreich, persönlicher Erfüllung durch unredliche Mittel verlangt: so jemand ist redlich, reich an Tugend und Weisheiten.


PC85

85. Xem trong đám nhân quần,

Ít người đến bờ kia (58),

Còn bao nhiêu người khác

Quanh quẩn tại bờ này (59).

CT (58): Cảnh giới Niết bàn.
CT (59): Cảnh giới sanh tử.

Few are there amongst men
who go Beyond;
the rest of mankind
only run about on the bank. -- 85

85. Ít người giữa nhân loại,

Đến được bờ bên kia,

Bao nhiều người còn lại,
Quanh bờ bên này kìa!

85 - Peu parmi les hommes vont à l'Autre Rive, le reste des humains court çà et là sur cette rive.

85. Wenige gibt es, die das Andere Ufer erreichen; Die anderen hetzen einfach an diesem Ufer entlang.

 PC86

86. Những người hay thuyết pháp,

Lại tu hành Chánh pháp,

Được đạt tới bờ kia,

Thoát cảnh giới tà ma (60).

CT (60): Cảnh giới sanh tử. Câu này ý nghĩa liên quan với câu trên.

But those who act rightly according to the teaching,
which is well expounded,
those are they who will reach the Beyond - Nibbaana -
(crossing) the realm of passions, so hard to cross. -- 86

86. Ai tu tập đúng pháp,
Được thuyết giảng rõ ràng,
Sẽ đạt đến Niết bàn,
Vượt cõi dục khó vượt.

86 - Il y a ceux qui agissent droitement, en accord avec le Dhamma, qui est bien exposé, ce sont ceux qui atteindront l'Autre Rive (traversant) le royaume de La Mort Mara si difficile à traverser.

86. Jene aber, die Dhamma praktizieren, in Übereinstimmung mit dem vorzüglich gelehrten Dhamma werden das Reich des Todes überschreiten, das so schwer zu überschreiten ist.



PC87

87. Người trí bỏ hắc pháp (ác pháp),

Chuyên tu tập bạch pháp (thiện pháp),

Xa gia đình nhỏ hẹp,

Xuất gia sống độc thân

Tuân theo phép Sa môn.

Coming from home to the homeless,
the wise man should abandon dark
and cultivate the bright. -- 87

87. Người trí bỏ pháp đen,
Tu tập pháp trắng cả,
Từ giã nhà, xuất gia,
Vui viễn ly, tịch tịnh.

87. Allant du foyer à l'état sans foyer, l'homme sage doit abandonner les états sombres et cultiver les brillants ; il doit chercher un grand délice dans la Retraite, si tranquille.

87. Der Weise sollte dunkle Gepflogenheiten aufgeben und Lichte entwickeln, nachdem er aus dem Haus in die Heimatlosigkeit, die Abgeschiedenheit gegangen ist, an der er Ruhe findet.

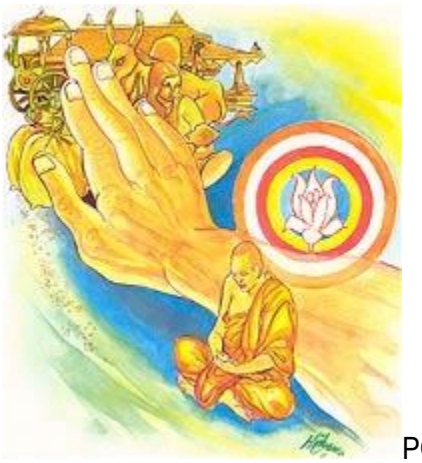

PC88

88. Người trí gột sạch uế,

Cầu cái vui Chánh pháp,

Quyết xa lìa ngũ dục,

Chẳng còn vướng mắc chi.

He should seek great delight in detachment (Nibbaana),
so hard to enjoy.
Giving up sensual pleasures, with no impediments,
the wise man should cleanse himself
of the impurities of the mind. -- 88

88. Từ bỏ mọi dục lạc,
Giải thoát hết chướng phiền,
Người trí nên trước tiên,
Thanh lọc tâm ô nhiễm.

88. Abandonnant les plaisirs sensuels sans empêchements, l'homme sage doit se nettoyer lui-même des souillures de l'esprit.

88. Dort sollte er sich nach Freude sehnen, indem er Begierde aufgibt-- er, der nichts hat; Er sollte sich reinigen von dem, was den Geist verunreinigt.


PC89

89. Người nào hành chính tâm

Tu các pháp giác chi (61),

Xa lìa tánh cố chấp (62),

Rời bỏ tâm nhiễm ái,

Diệt hết mọi phiền não (63)

Để trở nên sáng suốt,

Thì sẽ chứng Niết bàn

Ngay trong đời hiện tại.

CT (61). Giác chi (Sambodhiyangam) là thất Bồ đề phần hay là "thất giác chi" là : niệm giác chi (Satisanm-bojjhango), trạch pháp giác chi (Dhammavicayas-shojjhango), tinh tấn giác chi (Viriyasambojjhan-go), hỷ giác chi (Pitisam bojjhango), khinh an giác chi (Passadhisambojjhango), định giác chi (Sama-dhisambojjhango), xả giác chi (Upekhasambojjha-ngo).
CT (62). Chứng được Niết bàn, giải thoát tự tại.
CT (63). Nguyên văn : Khinasava, dịch nghĩa là "Dứt hết các lậu" hoặc "các lậu đã sạch hết ", tức là dứt hết mọi phiền não.

Whose minds are well perfected
in the Factors of Enlightenment,
who, without clinging,
delight in "the giving up of grasping" (i.e., Nibbaana),
they, the corruption-free, shining ones,
have attained Nibbaana even in this world. -- 89

89. Ai chánh tâm tu tập.
Hành pháp Thất giác chi,
Từ bỏ tâm ái nhiễm,
Vui đoạn tánh chấp trì,

Sẽ thanh tịnh sáng chói,
Đạt Niết bàn đời nay

89 - Ceux dont la psyché a bien accompli les sept facteurs de l'Eveil, ceux qui sans s'attacher se réjouissent dans la renonciation du désir, ceux-là, les libres de corruption, les resplendissants, ont atteint le Nirvana même en ce monde.

89. Diejenigen, deren Geist voll entwickelt ist in den Sieben Bestandteilen der Erleuchtung, die sich an Nicht-Anhaften erfreuen, indem sie Ergreifen aufgeben, strahlend: sie erreichen Nirwana in dieser Welt.

Phẩm VII

ARAHANTA VAGGA - THE WORTHY - PHẨM A-LA-HÁN (64)

CT (64): A la hán (Arahant) tức là bậc thánh đã dứt hết phiền não,
chứng Niết bàn, không bị sanh tử nữa.



PC90

90. Người giải thoát hết thảy,

Dứt hết mọi buộc ràng (65),

Người đi đã đến đích (66),

Còn chi lo khổ đau.

CT (65): Trói buộc (Gantha) có bốn thứ : Tham (Abhijjha), sân (Vijjapada), giới cấm thủ (Sibbhataparomasà), kiến thủ (Idan saccabhinivesa).
CT (66): Con đường hữu vi lậu nghiệp đã đi cùng. Có chỗ gọi là "các lậu đã dứt sạch, việc tu hành đã xong, phạm hạnh đã thành lập".

For him who has completed the journey,
for him who is sorrowless,
for him who from everything is wholly free,

for him who has destroyed all ties,
the fever (of passion) exists not. -- 90

90. Ai đi đường đến đích,

Diệt trừ hết ưu sầu,

Giải thoát mọi ràng buộc,
Tham dục chẳng còn đâu.

90 - Pour celui qui a achevé le voyage ; pour celui qui est sans chagrin ; pour celui qui est entièrement libéré de toutes choses ; pour celui qui a détruit toutes les attaches, la fièvre de la passion n'existe pas .

90. Bei dem, der den ganzen Weg gegangen ist, frei von Leid ist, völlig befreit ist in jeglicher Hinsicht, alle Fesseln abgeworfen hat: bei ihm wird kein Fieber der sinnlichen Begierde gefunden.


PC91

91. Kẻ dũng mãnh chánh niệm,

Tâm không ưa tại gia,

Ví như con ngỗng trời,

Khi rời bỏ ao hồ

Không chút nào tiếc thương (67).

CT (67): Con ngỗng mỗi khi ra khỏi ao thì chẳng còn nghĩ tưởng đến mồi, cỏ, nước trong ao là của mình. Vị A la hán đã xuất gia rồi thì không còn luyến tưởng tới gia tài của cải nữa.

The mindful exert themselves.

To no abode are they attached.

Like swans that quit their pools,
home after home they abandon (and go). -- 91

91. Ai nỗ lực chánh niệm,

Không lưu luyến nơi nào,

Như ngỗng trời rời ao,
Từ bỏ mọi chỗ trú.

91 - Les attentifs s'exercent sur eux-mêmes, à aucune demeure ils ne sont attachés ; Comme des cygnes quittent leur étang, ils abandonnent abri après abri sans regret.

91. Die Achtsamen mühen sich ständig, sind an nichts gebunden; Sie geben jedes Zuhause auf, wie Schwäne, die von einem See ohne Wehmut abheben.



PC92

92. Những vị A la hán

Không chất chứa tài sản (68),

Biết mục đích ăn uống (69),

Tự tại trong cảnh giới

"Không, vô tướng, giải thoát" (70),

Như chim giữa hư không,

Khó tìm thấy dấu vết.

CT (68): Chẳng còn hoạt động theo nghiệp lực.

CT (69): Biết rõ sự ăn uống là cốt để duy trì tánh mạng mà tu hành.
CT (70): Chứng được Niết bàn gọi là giải thoát (Vimokha) ; lại gọi là không (Sinnàta), vì không còn tham, sân, si, phiền não ; lại gọi là vô tướng (Animitta) vì từ nay đã được tự tại không còn đắm trước tưởng tham dục.

They for whom there is no accumulation,

who reflect well over their food,

who have Deliverance, which is Void and Signless,

as their object

- their course like that of birds in the air,
cannot be traced. -- 92

92. Ai từ bỏ tích lũy,

Quán tưởng khi uống ăn,

Không - vô tướng - giải thoát,

Theo hướng đó tu hành,

Như giữa trời chim lượn,
Tìm đâu ra mối manh!

92 - Ceux qui n'accumulent pas les activités karmiques et les possessions, qui sont bien attentifs durant les repas, méditent sur la Vacuité, le Sans-Forme, la Délivrance, leur chemin ne peut être tracé, comme celui des oiseaux dans l'air.

92. Sie horten Habseligkeiten nicht, sie bewahren Achtsamkeit beim Essen, meditieren über Leerheit, Formlosigkeit und Befreiung; Demnach kann ihre Spur, wie die der Vögel durch die Luft, nicht verfolgt werden.


PC93

93. Những vị A la hán

Dứt sạch các lậu hoặc (71),

Không tham đắm uống ăn,

Tự tại trong cảnh giới

"Không, vô tướng, giải thoát"

Như chim giữa hư không,

Khó tìm thấy dấu vết.

CT (71): Lậu có bốn thứ : dục lậu (Kamasava), hữu lậu (Bhavasava), kiến lậu (Ditthasava), vô minh lậu (Avijjasava).

He whose corruptions are destroyed,
he who is not attached to food,
he who has Deliverance, which is Void and Signless,
as his object
- his path, like that of birds in the air,
cannot be traced. -- 93

93. Ai dứt trừ lậu hoặc,
Ăn uống chẳng tham tranh,
Không - vô tướng - giải thoát,
Theo hướng đó tu hành,
Như giữa trời chim lượn,
Tìm đâu ra mối manh!

93 - Celui dont les Purulences sont détruites, qui n'est pas attaché à la nourriture, dont l'objet est la Vacuité, le Sans-Forme, la Délivrance, son chemin ne peut être tracé, comme celui des oiseaux dans l'air.

93. Sie beenden Unreinheiten, bewahren Mässigkeit beim Essen, meditieren über Leerheit, Formlosigkeit und Befreiung; Demnach kann ihre Spur, wie die der Vögel durch die Luft, nicht verfolgt werden.



PC94

94. Những vị đắc A la hán

Đã tịch tịnh được các căn

Như kỵ mã luyện ngựa lành,

Không còn phiền não ngã mạn,

Được hàng nhơn thiên kính mộ.

He whose senses are subdued,
like steeds well-trained by a charioteer,
he whose pride is destroyed
and is free from the corruptions,
- such a steadfast one even the gods hold dear. -- 94

94. Ai nhiếp hộ các căn,
Như chiến mã thuần thục,
Mạn trừ, lậu hoặc dứt,
Chư thiên cũng kính phục.

94 - Celui dont les sens sont contrôlés, tels des coursiers bien entraînés par le conducteur de char, celui dont l'orgueil est détruit et qui est libre de Purulences , de tels hommes fermes, même les Dieux les tiennent pour chers.

94. Er, dessen Sinne gezügelt sind wie Pferde, die der Wagenlenker gut trainiert hat, dessen Hochmut aufgegeben ist, frei von Unreimheiten, wird sogar von den Göttern verehrt.


PC95

95. Những vị A la hán

Đã bỏ hết sân hận,

Tâm như cõi đất bằng,

Chí thành tâm kiên cố,

Như nhân-đà- yết-la (72),

Như ao sâu không bùn,

Chẳng bị luân hồi chuyển.

CT (72): Nhân đà yết la (Indakhila), nhiều bản dịch là môn hạn (chấn cửa) tức là đặt một tảng đá giữa chỗ cửa lớn, dùng chấn then cửa để đóng cho chắc. Có một chỗ nói indakhila theo Phạn tự là indra-khila tức là cái trụ của Nhân đà la (Đế thích). Ở tại chỗ tiến vào thành, dựng một cái trụ lớn để tượng trưng chỗ ở của Nhân đà la (thần bảo hộ của dân Ấn Độ). Chính ngày xưa đã dịch là cái tràng kiên cố, là bảy tràng Đế Thích, là đài tọa.

Like the earth a balanced
and well-disciplined person resents not.
He is comparable to an Indakhiila.
Like a pool unsullied by mud, is he;
to such a balanced one
life's wanderings do not arise. -- 95

95. Như đất không hiềm hận,
Như trụ chấn kiên trì,
Như hồ không vẩn đục,
Luân hồi hết chuyển di.

95 - Comme la terre, comme un poteau d'Indra, une personne vertueuse et ferme n'est pas ébranlée, elle est comme un étang non souillé par la boue ; Pour un tel être qui ne peut changer, il n'y a plus d'errance.

95. Wie Erde reagiert er nicht mit Hass, beständig wie ein INDRAS Pfeiler, wie ein See ohne Schlamm; Für ihn gibt es kein Weitervegetieren.


PC96

96. Những vị A la hán

Ý nghiệp thường vắng lặng,

Ngữ, hành nghiệp vắng lặng,

Có chánh trí giải thoát,

Nên được an ổn luôn.

Calm is his mind, calm is his speech, calm is his action,
who, rightly knowing, is wholly freed,
perfectly peaceful, and equipoised. -- 96

96. Người tâm thường an tịnh,

Ngôn hành đều tịnh an,

Chánh trí, chơn giải thoát,
An tịnh thế hoàn toàn.

96 - Calme est son mental, calme est sa parole, calme son action, de celui qui, ayant la parfaite connaissance, est pleinement libre, parfaitement paisible et équilibré.

96. Ruhig ist sein Geist, ruhig seine Rede, ruhig seine Tat; Jemand, der durch rechtes Wissen befreit ist, ist somit ganz befriedet.



PC97

97. Những vị A la hán

Chẳng còn phải tin ai (73),

Thấu hiểu đạo vô vi,

Dứt trừ mọi nguyên nhân (74)

Cùng quả báo ràng buộc (75),

Tham dục cũng xa lìa:

Thật là Vô thượng sĩ.

CT (73): Vô tín (Assaddha) hoặc dịch là bất tín, ý nói vị Thánh nhân tự mình chứng biết chứ không phải do ai làm cho giác ngộ.

CT (74): Các nghiệp thiện, nghiệp ác trong vòng hữu lậu thế gian.
CT (75): Sanh tử luân hồi.

The man who is not credulous,

who understands the Uncreate(Nibbaana),

who has cut off the links,

who has put an end to occasion (of good and evil),

who has all eschewed all desires,
he indeed, is a supreme man. -- 97

97. Không tin nơi người khác,

Thông đạt lý vô sanh,

Cắt đứt mọi hệ lụy,

Triệt tiêu các mối manh,

Tận diệt mọi tham ái,
Bậc thượng sĩ tu hành.

97 - L'homme qui n'est pas crédule, qui connaît le non-fait (Nirvana), qui a coupé les liens des naissances et des morts, qui a mis fin à toutes occasions de mal et de bien, qui a renoncé à tout désir, celui là est vraiment l'homme suprême.

97. Der Mensch ist nicht leichtgläubig, hat das Ungeschaffene erkannt, alle Beziehungen abgeschnitten, hat Abhängigkeiten beendet; so ist der hervorragendste Mensch auf dem Weg der Vervollkommung.



PC98

98. Dù ở làng hay rừng,

Đất bằng hay ngõ trũng (76),

Bất cứ ở chốn nào

Có vị A la hán

Cảnh tượng liền yên vui.

CT (76): Nguyên văn chép : Nina là chỗ thấp, Thala là chỗ cao.

Whether in village, or in forest,

in vale or on hill,

wherever Arahants dwell,
-delightful, indeed, is that spot. -- 98

98. Làng mạc hay núi rừng,

Thung lũng hay đồi cao,

La hán trú chỗ nào,
Nơi ấy được an lạc.

98 - Que ce soit dans un village ou dans une forêt, dans la vallée ou sur la colline, où que les saints Arahants demeurent, délicieux, vraiment, est ce lieu .

98. In Dörfern, der Wildnis, Tälern oder Ebenen: Der Ort ist schön, wo Arhats weilen.



PC99

99. Lâm dã là cảnh rất vui

Đối với vị A la hán,

Nhưng người đời chẳng ưa thích;

Dục lạc là cảnh ưa thích

Đối với người đời tầm thường,

Vị A la hán lánh xa.

Delightful are the forests where worldlings delight not;

the passionless will rejoice (therein),
(for) they seek no sensual pleasures. -- 99

99. Phàm phu không ưa thích,

An trú giữa núi rừng,

Bậc ly tham vui mừng,
Vì không tìm dục lạc.

99 - Délicieuses sont les forêts, qui ne plaisent pas aux mondains ; Ceux qui sont sans passions s'y réjouiront, car ils n'y cherchent pas les plaisirs sensuels.

99. Schöne Wildnis, wo es die Masse nicht schön findet, finden es die, die frei von Begierde sind schön, da sie nicht nach Sinnesvergnügungen suchen.

Phẩm VIII
SAHASSA VAGGA - THOUSANDS - PHẨM NGÀN



PC100

100. Tụng ngàn câu kinh vô nghĩa

Chẳng bằng một câu nghĩa lý,

Nghe xong tâm liền tịch tịnh.

Better than a thousand utterances,
comprising useless words,
is one single beneficial word,
by hearing which one is pacified. -- 100

100. Chỉ một lời lợi ích,
Nghe xong tâm bình an,
Hơn tụng cả muôn ngàn,
Lời lời đều vô dụng.

100 - Meilleur que mille mots sans utilité, est un seul mot bénéfique, qui pacifie celui qui l'entend.

100. Besser wie wenn es Tausende bedeutungsloser Wörter gäbe, ist ein bedeutungsvolles Wort, das Frieden bringt, wenn man es hört.

 PC101

101. Tụng ngàn câu kệ vô nghĩa,

Chẳng bằng một câu nghĩa lý,

Nghe xong tâm liền tịch tịnh.

Better than a thousand verses,

comprising useless words,

is one beneficial single line,
by hearing which one is pacified. -- 101

101. Chỉ một câu hữu ích,

Nghe xong tâm bình an,

Hơn tụng cả muôn ngàn,
Những lời kệ vô dụng.

101 - Meilleur que mille versets de mots inutiles, est une seule ligne bénéfique,
qui pacifie celui qui l'entend.

101. Besser wie wenn es Tausende bedeutungsloser Verse gäbe ist ein bedeutungsvoller Vers,
der Frieden bringt, wenn man ihn hört.


PC102

102. Tụng trăm câu kệ vô nghĩa,

Chẳng bằng một câu Pháp cú (77),

Nghe xong tâm liền tịch tịnh.

CT (77): Theo bản Tích Lan thì chữ này là Dhammapada nên dịch là "Pháp cú" nhưng theo bản của "Hiệp hội xuất bản Pali thánh điển" thì chép là Gathapada, chữ này nên dịch là "nhất cú kệ".

Should one recite a hundred verses,

comprising useless words,

better is one single word of the Dhamma,
by hearing which one is pacified. -- 102

102. Chỉ một lời chánh pháp,

Nghe xong tâm bình an,

Hơn tụng cả muôn ngàn,
Những lời kệ vô dụng.

102 - Réciterait-on cent stances de mots inutiles, qu'il vaudrait mieux réciter un seul verset du Dhamma, qui pacifie celui qui l'entend.

102. Besser wie wenn man Hunderte bedeutungsloser Verse singen würde ist ein Dhamma-Spruch, der Frieden bringt, wenn man ihn hört.



PC103

103. Thắng ngàn quân giặc chẳng bằng tự thắng;

Người tự thắng, chiến sĩ oanh liệt nhất.

Though one should conquer a men in battlefield,

yet he, indeed, is the noblest victor
who has conquered himself. -- 103

103. Dầu tại bãi chiến trường,

Thắng ngàn ngàn quân địch,

Không bằng tự thắng mình,
Chiến công ấy - kỳ tích!

103 - Conquerrait-il mille fois mille hommes sur le champ de bataille, en vérité,
il est le victorieux le plus noble, s'il se conquiert lui-même.

103. Ein größerer Krieger als der, welcher tausendmal tausend Männer besiegt, ist der, welcher nur einen, der sich selber besiegt.


PC104

104. Tự thắng mình vẻ vang hơn thắng người;

Muốn thắng mình, luôn tiết chế tham dục (78).

CT (78): Câu này liên quan với câu trên.

Self-conquest is, indeed, far greater
than the conquest of all other folk. -- 104

104. Tự thắng mình vẻ vang,

Hơn chinh phục kẻ khác,

Người điều phục được mình,
Thường tự chế an lạc.

104 - La conquête de soi-même surpasse, en vérité, de loin la conquête de tous autres ; Celui qui contrôle soi-même, vivra en paix.

104. Besser sich selber besiegen als andere; Jemand, der selber kontrolliert, lebt in Frieden.



PC105

105. Thiên thần, Càn-thát-bà (79),

Ma vương (80), hay Phạm thiên (81),

Không ai chẳng thất bại

Trước người đã tự thắng (82).

CT (79): Càn thát bà (Gandhàbha) tên một vị thần ở Thiên giới.

CT (80): Tên một vị Thiên thần.

CT (81): Phạm thiên tức là Bà la môn thiên (Brahma).
CT (82): Nguyên văn : "Yitthamva hutamva", nghĩa là cúng hy sinh, là tế tự, là cúng dường, v.v... Đồng nghĩa là cúng dường trong hội hè, lễ tiết ; hutam thì có nghĩa là dự bị cung cấp khách qua đường, hoặc làm việc cúng dường dựa theo một tín ngưỡng về tác nghiệp và quả báo mà mình tin tưởng.

Neither a god nor a Ghandabba,
nor Maara together with Brahmaa,
can win back the victory of such a person
who is self-subdued
and ever lives in restraint. -- 105

105. Thiên thần, Càn thát bà,
Ma vương, hay Phạm thiên,
Không thể chinh phục nổi,
Người điều phục tự nhiên.

105- Ni un Deva ou un Gandharva, non plus un Mara avec Brahma, ne pourraient changer en défaite la victoire de celui qui s'est dompté et qui vit en se contrôlant sans cesse.

105. Wenn ihr geübt seid und in ständiger Selbstbeherrschung lebt, könnte weder ein Deva noch Gandhara, noch ein Mara gemeinsam mit Brahmans, diesen Sieg wieder in eine Niederlage verwandeln.



PC106

106. Mỗi tháng bỏ ra

Đến hàng ngàn vàng

Sắm vật tế tự

Cả đến trăm năm,

Chẳng bằng giây lát

Cúng dường chân tu;

Cúng dường chân tu

Dù trong giây lát

Hơn tế quỉ thần

Suốt cả trăm năm.

Though month after month with a thousand,

one should make an offering for a hundred years,
yet, if, only for a moment, one should honour (a Saint) who has perfected himself
- that honour is, indeed, better than a century of sacrifice. -- 106

106. Tháng tháng cúng ngàn vàng,

Tế tự cả trăm năm,

Không bằng trong giây lát,

Kính lễ bậc thánh tăng,

Kính lễ vậy hơn bằng
Tế tự hàng thế kỷ.

106 - Quoique mois après mois, par milliers de pièces de monnaie on fasse des offrandes pendant cent ans, si, même pour un instant, on rend hommage à un saint bien entraîné ; cet hommage est, en vérité, meilleur qu'un siècle de sacrifices.

106. Monat um Monat könntet ihr um den Preis von Tausenden Goldbarren, hundert Jahre lang Opferungen begehen, oder einen einzigen Augenblick einem, der sich vervollkommnet hat, Ehre erweisen. Besser als hundert Jahre der Opferungen wäre dieser kurzzeitige Akt der Ehrenerbietung.


PC107

107. Trăm năm ở rừng thờ lửa,

Chẳng bằng chỉ trong giây lát

Cúng dường lên bậc chân tu;

Cúng dường chân tu giây lát

Hơn thờ lửa cả trăm năm.

Though, for a century
a man should tend the (sacred) fire in the forest,
yet, if, only for a moment,
he should honour (a Saint) who has perfected himself
- that honour is, indeed, better than a century of fire-sacrifice. -- 107

107. Dầu trăm năm thành kính,
Thờ lửa tại rừng xanh,
Không bằng trong giây lát,
Kính lễ bậc thánh tăng,
Kính lễ vậy hơn bằng
Bái lửa hằng thế kỷ.

107 - Si un homme pendant un siècle entretient le feu sacré dans la forêt,
et si seulement pour un moment il rend hommage à un saint bien entraîné,
cet hommage est en vérité meilleur qu'un siècle de sacrifices.

107. Hundert Jahre lang könntet ihr in einem Wald heilige Feuer huldigen, oder einen einzigen Augenblick einem der sich vervollkommnet hat, Ehre erweisen; Besser als hundert Jahre der Feuer-Huldigungen wäre dieser Akt der Ehrenerbietung.


PC108

108. Suốt năm cúng dường để cầu phước,

Công đức chẳng bằng một phần tư

Kính lễ bậc chánh trực, chánh giác (83).

CT (83): Chỉ tứ quả thánh nhân.

In this world whatever gift or alms a person seeking merit should offer for a year,
all that is not worth a single quarter
of the reverence towards the Upright which is excellent. -- 108

108. Cầu phước suốt cả năm,
Cúng dường hoặc bố thí,
Không bằng một phần tư,
Kính lễ bậc chánh trí.

108 - En ce monde, quelque don ou quelque aumône qu'une personne
cherchant du mérite offre pendant un an, tout cela ne vaut pas un seul quart ;
Meilleur est l'hommage rendu à l'homme de droiture.

108. Alles, was auf dieser Welt ein ganzes Jahr lang von jemandem, der inneren Reichtum sucht, dargebracht oder geopfert wird bringt nicht ein Viertel; Besser ist es, einem Weisen Ehren zu bezeugen, die den rechten Weg gegangen sind.



PC109

109. Thường hoan hỷ tôn trọng

Kính lễ bậc trưởng lão (84)

Được tăng trưởng bốn điều:

Thọ, đẹp, vui, khỏe (85).

CT (84): Người tuổi cao đức trọng.
CT (85): Các tăng lữ ở các nước Nam phương, mỗi khi thọ người lễ kính thì đọc bài tụng này.

For one who is in the habit of constantly honouring
and respecting the elders,
four blessings increase
- age, beauty, bliss, and strength. -- 109

109. Thường tôn trọng kính lễ,
Bậc trưởng lão cao minh,
Bốn phước lành tăng trưởng,
Thọ-vui-khỏe-đẹp xinh.

109 - Pour celui qui, habituellement, honore et respecte les aînés, quatre choses croissent: l'âge, la beauté, le bonheur et la force .

109. Wenn ihr aus Gewohnheit ehrerbietig seid und fortwährend die Ehrwürdigen hochachtet, vermehren sich vier Dinge in euch: langes Leben, Schönheit, Glück und Stärke.



PC110

110. Dù sống dai đến trăm tuổi

Mà phá giới, không tu thiền,

Chẳng bằng sống chỉ một ngày

Mà trì giới, tu thiền định.

Though one should live a hundred years,
immoral and uncontrolled,
yet better, indeed, is a single day's life
of one who is moral and meditative. -- 110

110. Dù sống đến trăm năm,
Phá giới, không an tịnh,
Chẳng bằng sống một ngày,
Trì giới, tu thiền định.

110 - Vivrait-on cent ans, immoral et non contrôlé, mieux en vérité est vivre un seul jour, moral et méditatif.

110. Besser als hundert Jahre verbracht ohne Tugend, unkontrolliert, ist ein Tag von einem Tugendhaften verbracht und mit Versenkung in Meditation.



PC111

111. Dù sống dai đến trăm tuổi

Thiếu trí tuệ, không tu thiền,

Chẳng bằng sống chỉ một ngày

Đủ trí tuệ, tu thiền định.

Though one should live a hundred years
without wisdom and control,
yet better, indeed, is a single day's life
of one who is wise and meditative. -- 111

111. Dù sống đến trăm năm,
Không trí tuệ, an tịnh,
Chẳng bằng sống một ngày,
Có trí tuệ, thiền định.

111 - Vivrait-on cent ans, sans sagesse et sans contrôle ; meilleur en vérité est un seul jour de la vie de celui qui est sage et méditatif.

111. Und besser als hundert Jahre verbracht ohne Einsicht, unkontrolliert, ist ein Tag mit Weisheiten und Versenkung in Meditation.



PC112

112. Dù sống dai đến trăm tuổi

Mà giải đải không tinh tấn,

Chẳng bằng sống chỉ một ngày

Mà hăng hái chuyên tinh cần.

Though one should live a hundred years
idle and inactive,
yet better, indeed, is a single day's life
of one who makes an intense effort. -- 112

112. Dù sống đến trăm năm,
Lười biếng không tinh tấn,
Chẳng bằng sống một ngày,
Nỗ lực tu tinh tấn.

112 - Vivrait-on cent ans, borné et inerte ; meilleur en vérité est un seul jour de celui qui fait un effort intense .

112. Und besser als hundert Jahre verbracht in Gleichgültigkeit und Faulheit ist ein Tag verbracht mit Tatkraft und Anstrengungen.


PC113

113. Dù sống dai đến trăm tuổi

Không thấy vô thường sanh diệt (86),

Chẳng bằng sống chỉ một ngày

Thấy pháp sanh diệt vô thường.

CT (86): Năm uẩn sanh diệt tức là các phép do nhân duyên hòa hợp không thường trú.

Though one should live a hundred years
without comprehending
how all things rise and pass away,
yet better, indeed, is a single day's life
of one who comprehends
how all things rise and pass away. -- 113

113. Dù sống đến trăm năm,
Không thấy pháp sanh diệt,
Chẳng bằng sống một ngày,
Thấy được pháp sanh diệt.

113 - Vivrait-on cent ans, sans comprendre la loi de surgissement et disparition, meilleur en vérité, est un seul jour de la vie de celui qui comprend la loi de surgissement et disparition.

113. Besser als hundert Jahre verbracht ohne Prinip des Entstehens und Vergehens zu sehen ist ein Tag verbracht damit, dieses Prinzips zu sehen.



PC114

114. Dù sống dai đến trăm tuổi

Không thấy tịch tịnh vô vi,

Chẳng bằng sống chỉ một ngày

Thấy đạo vô vi tịch tịnh.

Though one should live a hundred years
without seeing the Deathless State,
yet better, indeed, is a single day's life
of one who sees the Deathless State. -- 114

114. Dù sống đến trăm năm,
Không thấy pháp bất diệt,
Chẳng bằng sống một ngày,
Thấy được pháp bất diệt.

114 - Vivrait-on cent ans, sans voir « l'État sans mort », meilleur, en vérité,
est un seul jour de la vie de celui qui voit « l'État sans mort ».

114. Besser als hundert Jahre vebracht ohne die 'Todlosigkeit' zu sehen ist ein Tag verbracht damit, die 'Todlosigkeit' zu sehen.


PC115

115. Dù sống dai đến trăm tuổi

Mà không thấy pháp tối thượng,

Chẳng bằng sống chỉ một ngày

Mà thấy được pháp tối thượng.

Though one should live a hundred years
not seeing the Truth Sublime,
yet better, indeed, is a single day's life
of one who sees the Truth Sublime. -- 115

115. Dù sống đến trăm năm,
Không thấy pháp tối thượng,
Chẳng bằng sống một ngày,
Thấy được pháp tối thượng.

115- Vivrait-on cent ans, sans voir l'incomparable Dhamma, meilleur, en vérité, est un seul jour de la vie de celui qui voit l'incomparable Dhamma.

115. Besser als hundert Jahre verbracht ohne den letztendlichen Dhamma zu sehen ist ein Tag verbracht damit, den letztendlichen Dhamma zu sehen.

Phẩm IX
PAAPA VAGGA - EVIL - PHẨM ÁC



PC116

116. Hãy gấp rút làm lành,

Chế chỉ tâm tội ác;

Không làm lành giờ nào

Tâm ưa ác giờ ấy.

Make haste in doing good; check your mind from evil;
for the mind of him
who is slow in doing meritorious actions
delights in evil. -- 116

116. Hãy gấp rút làm lành,
Đừng để tâm ác sanh,
Ai chậm làm việc thiện,
Ác nghiệp sẽ lộng hành.

116 - Hâtez-vous de faire des actions bénéfiques, empêchez votre psyché de faire le mal ; car le mental de celui qui est lent à faire des actions méritoires se réjouit dans le mal.

116. Seid schnell darin, Gutes zu tun; Verschließt euren Geist dem Schlechten; Wenn ihr langsam darin seid, inneren Reichtum zu schaffen, erfreut Schlechtes den Geist.



PC117

117. Nếu đã lỡ làm ác,

Chớ tiếp tục làm thêm,

Chớ vui làm việc ác,

Chứa ác nhất định khổ.

Should a person commit evil,

he should not do it again and again;

he should not find pleasure therein:
painful is the accumulation of evil. -- 117

117. Đã phạm phải điều ác,

Chớ tiếp tục phạm hoài,

Đừng ham làm việc ác,
Tích ác, khổ dằng dai.

117 - Si une personne fait le mal, elle ne doit pas le faire de nouveau et encore, elle n'y doit pas trouver plaisir, douloureuse est l'accumulation du mal.

117. Wenn jemand Schlechtes tut, sollte er es nicht wieder und wieder tun, sollte er keinen Hang dazu entwickeln; Schlechtes anzuhäufen bringt langlebiges Leid.



PC118

118. Nếu đã làm việc lành,

Hãy nên tiếp làm mãi,

Nên vui làm việc lành,

Chứa lành nhất định lạc.

Should a person perform a meritorious action,

he should do it again and again;

he should find pleasure therein:
blissful is the accumulation of merit. -- 118

118. Đã làm được việc thiện,

Nên tiếp tục làm thêm,

Hãy vui làm việc thiện,
Tích thiện, sống êm đềm.

118 - Si une personne accomplit des actions méritoires, elle doit le faire de nouveau et encore, elle doit y trouver du plaisir ; car l'accumulation de mérite est bien heureuse.

118. Wenn jemand gute Taten vollbracht, sollte er es wieder und wieder tun, sollte er einen Hang dazu entwickeln; Gute Wirken anzuhäufen bringt Freude.


PC119

119. Nghiệp ác chưa thành thục,

Kẻ ác cho là vui;

Khi nghiệp ác thành thục,

Kẻ ác hay là ác.

Even an evil-doer sees good
as long as evil ripens not;
but when it bears fruit,
then he sees the evil results. -- 119

119. Kẻ ác lại gặp may,
Khi ác chưa thật chín,
Một khi trái ác chín,
Kẻ ác gặp ác ngay.

119 - Même un malfaisant croit à la chance aussi longtemps que le mal n'a pas mûri ; mais quand il porte ses fruits, alors il récolte les mauvais résultats.

119. Sogar die Schlechten haben Glück solange ihr schlechtes Wirken noch im Reifen begriffen ist; Aber wenn es herangereift ist, dann ernten sie Schlechtes.



PC120

120. Nghiệp lành chưa thành thục,

Người lành cho là khổ;

Khi nghiệp lành thành thục,

Người lành biết là lành.

Even a good person sees evil
so long as good ripens not;
but when it bears fruit,
then the good one sees the good results. -- 120

120. Người thiện lại gặp ác,
Khi thiện chưa chín muồi,
Khi trái thiện chín muồi,
Người thiện lại gặp phúc.

120 - Même une bonne personne rencontre la malchance aussi longtemps que sa bonne action n'a pas mûri, mais quand porte ses fruits, alors elle récolte résultats heureux.

120. Sogar die Guten haben Pech solange ihr gutes Wirken noch im Reifen begriffen ist; Aber wenn es herangereift ist, dann treffen sie auf Glück.


PC121

121. Chớ khinh điều ác nhỏ (87),

“Chẳng đưa lại quả báo”,

Nước nhểu lâu đầy bình,

Kẻ ngu đầy tội ác

Bởi dồn chứa từng chút.

CT (87): Nguyên văn : Mappamannatha có hai nghĩa :

(a) Mappanati, là “chớ khinh thị ”.
(b) Mappamannati, là “chớ tưởng ít ”.

Do not disregard evil,
saying, "It will not come nigh unto me";
by the falling of drops even a water-jar is filled;
likewise the fool, gathering little by little,
fills himself with evil. -- 121

121. Chớ khinh thường điều ác,
Cho rằng "chưa đến ta".
Như nước nhỏ từng giọt,
Từ từ bình tràn ra,
Kẻ ngu đầy tội ác,
Do chất chứa dần dà.

121 - Ne négligez pas le mal, disant « il ne m'atteindra pas » ; Même par des gouttes qui tombent une jarre est remplie ; De même le fou, amassant peu à peu, se remplit de mal.

121. Seid nicht achtlos gegenüber Schlechtem, sagt nicht ' Es wird mich nicht treffen'; Denn ein Wasserkrug wird voll, sogar mit Wasser, das in Tropfen fällt; Mit Schlechtem füllt sich der Narr nach und nach auf.



PC122

122. Chớ khinh điều lành nhỏ

“Chẳng đưa lại quả báo”,

Nước nhểu làm đầy bình,

Kẻ trí được toàn thiện

Bởi dồn chứa từng chút.

Do not disregard merit,
saying "It will not come nigh unto me";
by the falling of drops even a water-jar is filled;
likewise the wise man, gathering little by little,
fills himself with good. -- 122

122. Đừng khinh thường việc thiện,
Cho rằng: "Chưa đến ta."
Như nước nhỏ từng giọt,
Từ từ bình tràn ra,
Người trí được toàn thiện,
Do tích lũy dần dà.

122 - Ne négligez pas le bien, disant « ce n’est pas à moi ». Même par des gouttes qui tombent, une jarre est rempile ; De même le sage, amassant peu à peu, se remplit de bien.

122. Seid nicht achtlos gegenüber gutes Wirken, sagt nicht 'Es ist nicht meine Aufgabe'; Ein Wasserkrug wird voll, sogar mit Wasser, das in Tropfen fällt; Mit gutem Wirken vervollkomment sich der Weise nach und nach.


PC123

123. Như gười buôn nhiều của

Mà thiếu bạn đồng hành,

Tránh con đường nguy hiểm,

Tham sống tránh thuốc độc,

Các ngươi hãy tránh ác.

Just as a merchant,
with a small escort and great wealth,
avoids a perilous route,
just as one desiring to live avoids poison,
even so should one shun evil things. -- 123

123. Như thương gia nhiều của,
Ít bạn, tránh đường nguy,
Muốn tránh chất độc hại,
Ác nghiệp phải tránh đi.

123 - Exactement comme un marchant, avec une petite escorte et d'importantes marchandises, évite une route périlleuse ; exactement comme celui qui désire vivre évite le poison ; ainsi chacun doit éviter complètement les actions mauvaises.

123. Wie ein Händler mit einer kleinen aber gut bestückten Karawane eine gefährliche Straße vermeidet; so sollte ein Mensch, der kein Gift will, Abstand nehmen von schlechten Taten.



PC124

124. Bàn tay không thương tích,

Nắm thuốc độc không sao;

Người không làm điều ác

Sẽ không bị ác báo.

If no wound there be in one's hand,

one may carry poison in it.

Poison does not affect one who has no wound.
There is no ill for him who does no wrong. -- 124

124. Bàn tay không thương tích,

Cầm thuốc độc không sao,

Người không làm việc ác,
Không bị ác nhiễm vào.

124 - Une main qui n'a pas de plaies peut porter du poison ; le poison n'affecte pas celui qui n'a pas de plaies ; il n'y a pas de mal pour celui qui n'agit pas erronément.

124. Wenn keine Verwundung auf der Hand ist, kann diese Hand Gift tragen; Gift dringt nicht ein, wo keine Wunde ist; Denen widerfährt nichts Schlechtes, die es nicht tun.



PC125

125. Đem ác ý xâm phạm

Đến người không tà vạy,

Hay thanh tịnh vô tư,

Kẻ ác sẽ bị hại

Như bụi tung ngược gió.

Whoever harms a harmless person,
one pure and guiltless,
upon that very fool the evil recoils
like fine dust thrown against the wind. -- 125

125. Hại người không ác tâm,
Thanh tịnh và vô tội,
Tội ác dội kẻ ngu,
Như ngược gió tung bụi.

125 - Sur celui qui offense un homme inoffensif, pur et innocent, sur ce vrai fou, le mal retombe comme une fine poussière jetée contre le vent.

125. Wer sich vergeht an einem unschuldigen Menschen, einem reinen Menschen, ohne Makel; das Schlechte kommt direkt auf den Narren zurück, wie feiner Staub, der gegen den Wind geworfen wird.



PC126

126. Tuy sinh từ bào thai,

Kẻ ác đọa địa ngục,

Người chính trực lên Thiên,

Cõi Niết bàn dành riêng

Người sạch nghiệp sanh tử.

Some are born in a womb;
evil-doers (are born) in woeful states;
the well-conducted go to blissful states;
the Undefiled Ones pass away into Nibbaana. -- 126

126. Một số sanh bào thai,
Kẻ ác đọa ngục hình,
Người hiền lên thiên giới,
La hán chứng vô sinh.

126 - Certains naissent d'une matrice, les malfaisants naissent en enfer ;
Ceux qui se conduisent bien vont dans les cieux ; ceux qui sont sans purulences réalisent le Nirvana.

126. Einige werden wiedergeboren im Mutterleib; Übeltäter aber in der Hölle; jene Weise auf dem richtigen Pfad geht in den Himmel; doch jene Arahats geht in Nirwana.


PC127

127. Chẳng phải bay lên không trung,

Chẳng phải lặn xuống đáy bể,

Chẳng phải vào hang núi thẳm,

Dù tìm khắp thế gian này,

Chẳng nơi nào trốn nghiệp ác.

Not in the sky, nor in mid-ocean,
nor in a mountain cave,
is found that place on earth
where abiding one may escape
from (the consequences) of one's evil deed. -- 127

127. Không trời cao biển rộng,
Không hang động núi rừng,
Đã tạo nghiệp ác độc,
Trên đời hết chỗ dung.

127 - Nulle part dans les airs, ni au milieu de l'océan, ni au fond d'une profonde grotte, n'est trouvée une place sur terre où, y demeurant, l'on puisse échapper aux conséquences des mauvaises actions.

127. Nicht oben in der Luft, noch in der Mitte des Meeres, noch wenn ihr in eine Felsspalte im Gebirge geht, nirgends auf der Welt kann ein Platz gefunden werden, wo ihr Resultat eurer schlechten Taten entrinnen könntet.



PC128

128. Chẳng phải bay lên không trung,

Chẳng phải lặn xuống đáy bể,

Chẳng phải vào hang núi thẳm,

Dù tìm khắp thế gian này,

Chẳng nơi nào khỏi tử thần.

Not in the sky, nor in mid-ocean,

nor in a mountain cave,

is found that place on earth
where abiding one will not be overcome by death. -- 128

128. Không trời cao biển rộng,

Không hang động núi rừng,

Đã tạo nghiệp ác độc,
Tử thần quyết không dung.

128 - Nulle part dans les airs, ni au milieu de l'océan, ni au fond d'une grotte profonde, n'est trouvée une place sur terre où, y demeurant, l'on ne puisse être vaincu par la mort.

128. Nicht oben in der Luft, noch in der Mitte des Meeres, noch wenn ihr in eine Felsspalte im Gebirge geht, nirgends auf der Welt kann ein Platz gefunden werden, wo ihr sein könntet und dem Tod nicht unterworfen wärt.

Phẩm X

DANDA VAGGA - THE ROD - PHẨM ĐAO TRƯỢNG (88)

CT (88). Đao trượng (Danda) cũng dịch là hình phạt.



PC129

129. Ai cũng sợ dao gậy,

Ai cũng khiếp sợ chết,

Lấy lòng mình suy người,

Chớ giết, chớ bảo giết.

All tremble at the rod. All fear death.

Comparing others with oneself,
one should neither strike nor cause to strike. -- 129

129. Hình phạt, ai cũng kinh,

Mất mạng, ai cũng khiếp.

Lấy ta suy ra người,
Chớ giết, chớ bảo giết.

129 - Tous tremblent devant le châtiment, tous craignent la mort ; Comparant les autres avec soi-même, on ne doit jamais tuer ou encourager le tuer.

129. Alle Menschen zittern vor der Rute, alle haben Angst vor dem Tod; Zieht den Vergleich zu euch selbst und tötet nicht, noch dazu ermutigt, daß andere töten.


PC130

130. Ai cũng sợ dao gậy,

Ai cũng thích sống lâu,

Lấy lòng mình suy người,

Chớ giết, chớ bảo giết.

All tremble at the rod. Life is dear to all.

Comparing others with oneself,
one should neither strike nor cause to strike. -- 130

130. Hình phạt ai cũng kinh,

Sinh mệnh, ai cũng tiếc,

Lấy ta suy ra người,
Chớ giết, chớ bảo giết.

130 - Tous tremblent devant le châtiment, à tous la vie est chère ; Comparant les autres avec soi-même, on ne doit jamais tuer ou encourager le tuer.

130. Alle Menschen zittern vor der Rute, alle lieben ihr Leben;. Zieht den Vergleich zu euch selbst und tötet nicht, noch dazu ermutigt, daß andere töten.



PC131

131. Cầu vui cho mình

Lại lấy dao gậy

Não hại kẻ khác,

Sẽ không được vui.

Whoever, seeking his own happiness,

harms with the rod other pleasure-loving beings,
experiences no happiness hereafter. -- 131

131. Ai mưu cầu hạnh phúc,

Bằng cách hại chúng sanh,

Các loài thích an lành,
Đời sau chẳng hạnh phúc.

131 - Quiconque désirant le bonheur pour lui-même, moleste avec le bâton ou couteau les êtres aimant le plaisir, n'obtient pas le bonheur dans l'au-delà.

131. Wer eine Rute oder Messer nimmt, um lebenden Wesen, die Glück wünschen zu schaden, wenn er selber Glück sucht, wird nach dem Tod kein Glück erlangen.


PC132

132. Cầu vui cho mình

Không lấy dao gậy

Não hại kẻ khác,

Sẽ được yên vui.

Whoever, seeking his own happiness,

harms not with rod other pleasure-loving beings,
experiences happiness hereafter. -- 132

132. Ai mưu cầu hạnh phúc,

Bằng cách không sát sanh,

Các loài thích an lành,
Đời sau được hạnh phúc.

132 - Quiconque, désirant le bonheur pour lui-même, ne moleste pas avec le bâton ou couteau les êtres désirant le bonheur, obtiendra le bonheur dans l'au-delà.

132. Wer keine Rute oder Messer nimmt, um lebenden Wesen, die Glück wünschen zu schaden, wenn er selber Glück sucht, wird nach dem Tod Glück erlangen.



PC133

133. Chớ nên nói lời thô ác,

Người kia trả lời thô ác,

Những lời nóng giận, thô ác,

Làm cho đau đớn khó chịu

Cũng như dao gậy mà thôi.

Speak not harshly to anyone.

Those thus addressed will retort.

Painful, indeed, is vindictive speech.
Blows in exchange may bruise you. -- 133

133. Chớ buông lời cay nghiệt,

Nhiếc người, người nhiếc ta,

Khổ thay lời hiềm hận,
Xung đột mãi lại qua.

133 - Ne dites à personne des paroles dures, ceux qui les reçoivent riposteront ;
Pleines de souffrances, vraiment, sont les paroles coléreuses ; L'échange de coups peut vous meurtrir.

133. Sprecht niemanden barsch an, denn die Worte werden direkt auf euch zurück geworfen werden; Zank und Streit sind qualvoll, denn ihr werdet eurerseits die Ruten spüren.

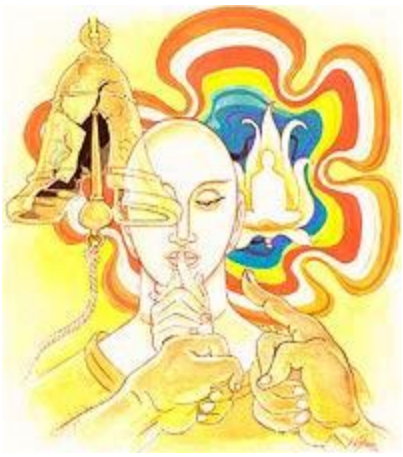

PC134

134. Yên lặng như chuông nứt

Trước lời thô cãi vã,

Tự tại đến Niết bàn,

Chẳng tranh cãi với ai.

If, like a cracked gong, you silence yourself,
you have already attained Nibbaana:
no vindictiveness will be found in you. -- 134

134. Nếu tự mình im lặng,
Như chuông nứt nhiều đàng,
Người ấy chứng Niết bàn,
Hận thù không còn nữa.

134 - Si, comme un gong brisé, vous vous taisez, vous avez déjà atteint Nibbâna ; aucun ressentiment ne peut être trouvé en vous.

134. Wenn ihr, wie ein flach gehämmerter Gong keinen Widerhall gebt, habt ihr eine Befreiung gefunden; in euch findet sich keine Streitlust.



PC135

135. Như với chiếc gậy kia,

Người xua trâu ra đồng,

Sự già, chết cũng thế,

Xua người đến tử vong.

As with a staff the herdsman drives his kine to pasture,

even so do old age and death
drive out the lives of beings. -- 135

135. Như gậy người chăn bò,

Lùa bò ra đồng cỏ,

Già chết cũng thế đó,
Xua người đến diệt vong.

135 - De même qu'avec un bâton le bouvier conduit les vaches à la pâture, ainsi font la mort et l'âge qui conduisent à leur fin, la vie des êtres.

135. Wie ein Viehhirte mit einer Rute die Kühe auf das Feld jagt, so jagen Altern und Tod das Leben der lebenden Wesen.



PC136

136. Kẻ ngu tạo ác nghiệp

Không biết có quả báo,

Tạo nghiệp rồi chịu khổ,

Như lấy lửa đốt mình.

So, when a fool does wrong deeds,

he does not realize (their evil nature);

by his own deeds the stupid man is tormented,
like one burnt by fire. -- 136

136. Kẻ ngu gây ác nghiệp,

Không biết việc mình làm,

Tự chuốc khổ thở than,
Như bị lửa thiêu đốt.

136 - Quand un fou commet des actions mauvaise, il ne réalise pas leur mauvaise nature ; Par ses propres actions l'homme stupide est consumé, comme s'il était brûlé par le feu.

136. Während er schlechte Taten tut, macht sich der Narr keine Gedanken; Der Dummkopf wird von seinen eigenen Taten gequält, wie wenn er von einem Feuer verbrannt würde.


PC137

137. Lấy dao gậy hại thiện nhân (89),

Liền thọ đau khổ mười điều :

CT (89). Chỉ vị A la hán đã sạch hết các lậu hoặc.

He who with the rod harms the rodless and harmless,
soon will come to one of these states:- -- 137

137. Dùng hung khí trừng phạt,

Người hiền thiện từ tâm,

Sẽ bị nghiệp hành thân,
Một trong mười oan nghiệt:

137 - Celui qui avec un bâton blesse celui qui est sans bâton, subira bientôt l'une de ces dix conséquences :

137. Wer sich mit einer Rute an einem unschuldigen, unbewaffneten Menschen vergeht, verfällt schnell einem von zehn Dingen:



PC138

138. Hoặc tiền tài bị tiêu mất,

Hoặc thân thể bị bại hoại,

Hoặc mang trọng bệnh bức bách,

Hoặc bị tán tâm loạn ý,

He will be subject to acute disaster, bodily injury,
or even grievous sickness, or loss of mind. -- 138

138. Hoặc khổ đau khốc liệt,
Hoặc tai biến tổn thân,
Hoặc bịnh ác vô ngần,
Hoặc tán tâm loạn ý.

138 - Il sera sujet à des souffrances aiguës, au désastre, au dommage corporel, ou même à une grave malade, ou à la perte de la psyché.

138. Er erleidet grobe Schmerzen, oder Verwüstung, oder ruinierten Körper, oder schwere Krankheit, oder Wahnsinn.



PC139

139. Hoặc bị vua quan bách hại,

Hoặc bị vu oan trọng tội,

Hoặc bị quyến thuộc ly tán,

Hoặc bị tài sản tan nát,

Or oppression by the king, or heavy accusation,

or loss of relatives,
or destruction of wealth. -- 139

139. Hoặc bị vua bức bách,

Hoặc bị tội vu oan,

Hoặc quyến thuộc ly tan,
Hoặc gia tài đổ nát.

139. Il sera sujet à l'oppression du roi, ou à une lourde accusation, ou à la perte de ses parents ou à la destruction de ses biens.

139. Er erleidet Ärger mit der Regierung, oder üble Verleumdung, oder Verlust von Verwandten, oder Auflösung des Besitzes.



PC140

140. Hoặc nhà cửa bị thiêu đốt,

Khi chết bị đọa địa ngục.

Or ravaging fire that will burn his house.

Upon the dissolution of the body
such unwise man will be born in hell. -- 140

140. Hoặc nhà cửa cháy mạt,

Hoặc mất mạng, tán thân,

Kịp đến khi mãn phần,
Chắc chắn đọa địa ngục.

140. Il subira au feu ravageant qui brûlera ses maisons, ou à la perte ou destruction du corps, cet homme non-sage renaîtra en enfer après sa mort.

140. Er hat niedergebrannte Häuser, oder verliert ein Teil oder sein ganzes Körper; Wenn der Körper auseinanderfällt, findet sich der Uneinsichtige in der Hölle wieder.



PC141

141. Chẳng phải đi chân không,

Chẳng phải bện lọn tóc,

Xoa tro đất vào mình,

Chẳng phải nguyện tuyệt thực,

Chẳng phải nằm trên đất,

Chẳng để mình nhớp nhúa,

Cũng chẳng phải ngồi xổm (90)

Để trở nên thanh tịnh,

Nếu không dứt nghi hoặc (91).

CT (90): Đây là một cách ngồi xổm, đặc biệt là người tu ngoại đạo xưa Ấn Độ, thường dùng để hành hạ xác thân.
CT (91): Bài này nói về cách tu khổ hạnh vô ích, không thể chứng được Niết bàn.

Not wandering naked, nor matted locks,
nor filth, nor fasting, nor lying on the ground,
nor dust, nor ashes,
nor striving squatting on the heels,
can purify a mortal
who has not overcome doubts. -- 141

141. Chẳng phải sống lõa thể,
Bện tóc, mình trét bùn,
Tuyệt thực, nằm trên đất,
Bôi tro, ngồi xổm chân,
Là sạch được thân tâm,
Nêu chưa dứt nghi hoặc.

141 - Ni l'errance, nu, ni les cheveux tressés, ni l'ordure, ni le jeûne, ni se coucher sur le sol, ni la poussière, ni la boue, ni s'accroupir sur les talons ne peut purifier un homme qui n'a pas surmonté les doutes.

141. Weder Nacktheit, verfilztes Haar, Schlamm, Nahrungsverweigerung, Schlafen auf bloßem Boden, noch Staub und Schmutz oder Askese durch Hocken reinigen den Sterblichen, der nicht über Zweifel hinaus gekommen ist.



PC142

142. Dù bề ngoài lộng lẫy,

Nếu giữ tâm tịch tịnh,

Chế ngự, tu Phạm hạnh,

Không giết hại sinh linh,

Đó là Bà la môn,

Sa môn hay Tỷ kheo.

Though gaily decked, if he should live in peace,
(with passions) subdued, (and senses) controlled,
certain (of the four Paths of Saint-hood), perfectly pure, laying aside the rod (in his relations)
towards all living beings,
a Braahmana indeed is he, an ascetic is he,
a bhikkhu is he. -- 142

142. Dù trang sức lộng lẫy,
Nhưng nhiếp phục an bình,
Tự chế, tu phạm hạnh,
Không sát hại sanh linh,
Đó là Bà -la -môn,
Tỳ kheo hay khất sĩ.

142 - Quoique paré de couleurs gaies, s'il vit en paix avec les passions subjuguées et les sens contrôlés, ayant la certitude (des Quatre Degrés Aryas), de vie pure, ayant laissé de côté le bâton envers tous les êtres vivants, celui-là est un Brahmane vraiment, un samana, un Bhikkhou.

142. Wenn jemand, obwohl er geschmückt ist, ein Leben in Einklang mit dem reinen Leben führt, beruhigt, gezähmt und gefestigt, nachdem er die Rute für alle Wesen weggelegt hat, dann ist er wirklich ein Praktizierender, ein Brahman, ein Bettelmönch.



PC143

143. Biết lấy điều hổ thẹn

Để tự cấm ngăn mình,

Thế gian ít người làm,

Nhưng người nào làm được,

Sẽ khéo tránh khổ nhục

Như ngựa khéo tránh roi.

(Rarely) is found in this world anyone who,

restrained by modesty, avoids reproach,
as a thorough-bred horse (avoids) the whip. -- 143

143. Hiếm thấy ai ở đời,

Biết tự chế khiêm tốn,

Tránh mọi lời thương tổn,
Như ngựa hiền tránh roi.

143 – Rare dans ce monde est un homme qui, retenu par la modestie, évite les reproches comme un cheval bien dressé évite le fouet.

143. Selten auf dieser Welt ist ein Mensch, der sich selbstherrschend und bescheiden Gewissen benimmt, und der jeglichen Tadel vermeidet, wie ein gutes Pferd die Peitsche?



PC144

144. Như ngựa hay bị thêm roi,

Hãy ghi nhớ lấy chánh tín,

Tịnh giới, tinh tiến, thiền định,

Trạch pháp, và minh hành túc (92)

Hầu diệt vô lượng thống khổ.

CT (92): Trí và hành đầy đủ.

Like a thorough-bred horse touched by the whip,
even so be strenuous and zealous.
By confidence, by virtue, by effort,
by concentration, by investigation of the Truth,
by being endowed with knowledge and conduct,
and by being mindful,
get rid of this great suffering. -- 144

144. Như ngựa hiền phải roi,
Hãy nhiệt tâm hăng hái,
Giới đức, tín, tinh cần,
Trạch pháp, tu thiền định,
Minh hạnh, tâm chánh tịnh,
Diệt thống khổ ưu phiền.

144 - Comme un cheval bien dressé, touché par le fouet ; De même, sois ardent et rempli d'émotion ; Par la confiance, la moralité, l'effort, la concentration, l'investigation du Dhamma, en étant doué de connaissance et de conduite, et en étant attentif, débarrasse toi de cette souffrance sans limites.

144. Wie ein gutes Pferd, das von einer Peitsche getroffen wird, sei inbrünstig und rein; Durch Überzeugung, Tugend, Ausdauer, Konzentration, Urteilsvermögen, vollendet in Wissen und Benehmen, geistesgegenwärtig, wirst du jegliche Leid aufgeben.



PC145

145. Người tưới nước lo dẫn nước,

Thợ làm tên lo uốn tên,

Thợ mộc nẩy mực cưa cây,

Người đức hạnh lo tự chế.

Irrigators lead the waters.

Fletchers bend the shafts.

Carpenters bend the wood.
The virtuous control themselves. -- 145

145. Người đem nước dẫn nước,

Tay làm tên vót tên,

Thợ mộc uống gỗ bền.
Bậc trí tự điều phục.

145 - Les irrigateurs conduisent les eaux ; Les faiseurs de flèches façonnent les flèches ; Les charpentiers courbent le bois ; Ceux de bonne conduite se contrôlent eux-mêmes.

145. Bewässerungsbauer lenken das Wasser; Pfeilmacher glätten den Schaft des Pfeils;

Zimmerleute schnitzen das Holz: Jene, die gut praktizieren beherrschen sich selbst.

Phẩm XI

JARAA VAGGA - OLD AGE - PHẨM GIÀ (93)

CT (93): Nói về sự già.


PC146

146. Làm sao vui cười được,

Khi cõi này lửa thiêu (94),

Trong tối tăm bưng bít (95),

Sao không tìm ánh sáng (96)?

CT (94): Thế giới bị 11 thứ lửa này thường thiêu đốt : tham (raga), sân (dosa), si (moha), bệnh (vyad-hi), lão (jara), tử (marana), sầu (soda), bi (Pariv-eda), khổ (dukkha), ưu (domandsa), não (upya-sa).

CT (95): Ví vô minh.
CT (96): Dụ trí tuệ.

What is laughter, what is joy,
when the world is ever burning?
Shrouded by darkness,
would you not seek the light? -- 146

146. Hân hoan vui thú gì,
Khi trần gian hực lửa?
Tối tăm mãi vây bủa,
Sao không tìm ánh sáng?

146- Quel rire, quelle exultation peut-il y avoir, alors que le monde brûle à jamais ? Étant submergé par l'obscurité, pourquoi ne cherchez-vous pas la lumière ?

146. Was für ein Lachen, warum Freude bei diesen immerwährenden Flammen? Von Dunkelheit umschlossen , warum suchst du keine Leuchte?



PC147

147. Hãy ngắm thân trang sức này

Chỉ là đống xương (97) lở lói (97),

Chồng chất bao nhiêu tật bịnh

Mà cứ tưởng là êm ái (99),

Thân ấy có gì trường tồn.

CT (97): Chín chỗ nơi thân : hai mắt, hai mũi, hai tai, miệng, đường đại, đường tiểu.

CT (98): Thân này do trên 300 đốt xương hợp thành.
CT (99): Lầm nghĩ thân này mỹ lệ êm đềm.

Behold this beautiful body, a mass of sores,

a heaped-up (lump), diseased, much thought of,
in which nothing lasts, nothing persists. -- 147

147. Nhìn hình hài xinh đẹp,

Một khối nặng khổ đau,

Bịnh tật, nhiều lo nghĩ,
Có gì vĩnh cửu đâu!

147 - Vois ce corps paré, masse de souffrances, masse d'infirmité, auquel constamment s'applique la psyché, duquel rien ne dure, rien ne persiste.

147. Schau diese schöne Gestalt an, die aber ein Haufen eiternder Wunden beherbergt; sie ist krank, aber der Gegenstand vieler Vorsätze, wo da nichts Beständiges oder Gewisses ist.



PC148

148. Hình hài già yếu này

Nơi bịnh tật, hư nát,

Có tụ tất có tán,

Có sinh tất có tử.

Thoroughly worn out is this body,
a nest of diseases, perishable.
This putrid mass breaks up.
Truly, life ends in death. -- 148

148. Thân xác này kiệt quệ,
Ổ tật bịnh hoại hư,
Khối nhiễm ô tan rã,
Chết kết thúc mạng người!

148- Complètement usée, cette forme, nid de maladies, périssable, masse putride, se brisera. En vérité, la vie se termine dans la mort.

148. Zermürbt ist der Körper, ein Nest von Krankheiten, in Auflösung; Diese verderbliche Anhäufung fällt mit Sicherheit auseinander; denn das Leben ist vom Tod umschlossen.



PC149

149. Như mùa thu bầu khô rụng,

Thân này lăn lóc vất vưởng

Một đống xương màu lông hạc,

Thật chẳng có gì để xem.

Like gourds cast away in autumn
are these dove-hued bones.
What pleasure is there
in looking at them? -- 149

149. Những que xương trắng đục,
Như trái bầu mùa thu,
Bị vất nằm lăn lóc,
Vui sướng gì ngắm ư!

149- Comme des courges jetées en automne, ces os grisâtres ; Quel plaisir à les regarder ?

149. Wenn du jene Knochen siehst, abgelegt wie Flaschenkürbisse im Herbst, taubengrau ; welche Freude das anzusehen?



PC150

150. Thân này là thành quách

Được xây bằng xương cốt,

Tô quét bằng máu thịt,

Chứa chấp sự già, chết,

Ngã mạn và dối gian (100).

CT (100) : Hư ngụy (makkho), xưa dịch là che lấp (phủ).

Of bones is (this) city made,
plastered with flesh and blood.
Herein are stored decay, death,
conceit, and detraction. -- 150

150. Thành này xây bằng xương,
Trét tô bằng thịt máu,
Già chết và kiêu mạn,
Hủy báng chứa nơi đây.

150- D'os est faite cette cité, habillée de chair et de sang. Là dedans sont déposés le déclin, la mort, la suffisance, le dénigrement.

150. Eine Stadt aus Knochen, bedeckt mit Fleisch und Blut, ihre verborgenen Schätze sind darin: Stolz und Verachtung, Alter und Tod.



PC151

151. Xe vua lộng lẫy cũng sẽ hư hoại,

Thân này trau tria cũng sẽ già yếu;

Duy pháp bậc thiện nhân (101) không suy già

Di chuyển từ người lành sang người lành.

CT (101) : Chỉ Phật, Bích chi, La hán.

Even ornamented royal chariots wear out.

So too the body reaches old age.

But the Dhamm of the Good grows not old.
Thus do the Good reveal it among the Good. -- 151

151. Xe vua đẹp sẽ cũ,

Thân xác này sẽ già,

Pháp thiện nhơn bất lão,
Do thiện nhơn truyền ra.

151- Même les chars royaux ornés s'usent, le corps aussi arrive à la vieillesse ; mais le Dhamma du sage ne décline point, ainsi que les Sages le révèle parmi les Sages.

151. Sogar prächtig ausstaffierte königliche Kutschen verschleißen, so auch der Körper, der dem Alter unterworfen ist; Aber der Dhamma der Guten ist nicht dem Alter unterworfen; so vermitteln es die Guten den Gebildeten.



PC152

152. Người ít nghe, kém học,

Suốt đời như trâu bò,

Gân thịt dẫu lớn mạnh

Trí tuệ không tăng thêm.

The man of little learning grows old like the ox.
His muscles grow; his wisdom grows not. -- 152

152. Người ít nghe kém học,

Phát triển như trâu bò,

Thịt xương ngày một to,
Trí tuệ chẳng tăng trưởng.

152- Cet homme de petit savoir vieillit comme le bœuf ; ses muscles croissent, sa sagesse ne s'accroît pas.

152. Der Mann, der nicht zuhört, keine Ausbildung durchmacht, reift wie ein Ochse; Seine Muskeln wachsen, aber seine Erkenntnisse nicht.



PC153

153. Lang thang qua bao kiếp sống,

Tìm không gặp kẻ làm nhà,

Khổ thay kiếp sống tái diễn!

Through many a birth I wandered in Sa'msaara,

seeking, but not finding, the builder of the house.
Sorrowful is it to be born again and again. -- 153

153. Lang thang bao kiếp sống,

Ta tìm kẻ xây nhà,

Tìm mãi vẫn không ra,
Nên luân hồi đau khổ.

153- A travers tant de naissances, j'ai erré dans le Samsara, cherchant mais ne trouvant pas le bâtisseur de cette maison ; Pleine de souffrance est la naissance répétée.

153. Den Kreis vieler Geburten durchwanderte ich ohne Lohn, ohne Rast, auf der Suche nach dem Hausbauer; Wiedergeburt ist qualvoll.



PC154

154. Ta gặp người làm nhà rồi,

Ngươi không thể làm nhà nữa,

Cột và đòn tay đều gãy,

Nóc và xà tan vụn rồi,

Ta đã chứng đắc Niết bàn,

Bao dục ái đều dứt sạch (102).

CT (102): Đây là lời đức Thích ca khi thành đạo, tâm sinh hoan hỷ mà nói ra. Sau này có lần nhân ngài A-nan hỏi nên Phật nói lại lời đó. Kẻ làm nhà chỉ nguyên nhân luân hồi, lòng tình dục, nhà là chỉ thân thể, rui mè là chỉ các thứ dục khác, kèo cột là chỉ vô minh.

O house-builder! Thou art seen.
Thou shalt build no house again.
All thy rafters are broken.
Thy ridge-pole is shattered.
My mind has attained the Unconditioned.
Achieved is the end of craving. -- 154

154. Hỡi kẻ làm nhà kia! (1)
Ta thấy mặt ngươi rồi,
Rui mè (2) đòn dông (3) gãy,
Ngươi hết làm nhà thôi,
Tâm ta chừ tịch tịnh,
Tham ái dứt bặt rồi.

(1) Ái dục ; (2) Phiền não;
(3) Vô minh

154- Ô bâtisseur de maison, vous êtes vu, vous ne construirez plus de maison ; toutes les poutres sont cassées, ton faîte est brisé, vers la dissolution va ma psyché ; L'extinction de la soif, je l'ai atteinte.

154. Hausbauer, du bist entdeckt! Du wirst kein Haus mehr bauen; All deine Sparren sind zerbrochen, der Firstbalken zerstört; dahingegangen in die 'Formlosigkeit', ist der Geist am Ende der Begierde angelangt.


PC155

155. Lúc thiếu niên cường tráng

Không kiếm ra tài của,

Cũng chẳng lo tu hành,

Khi già khác gì cò

Ủ rũ bờ ao khô,

Làm gì kiếm ra mồi.

They who have not led the Holy Life,
who in youth have not acquired wealth,
pine away like old herons
at a pond without fish. -- 155

155. Lúc trẻ không phạm hạnh,
Tiền của chả góp gom,
Như cò già ủ rũ,
Bên hồ không cá tôm!

155 - Ceux qui n'ont pas mené dans leur jeunesse la vie de chasteté et qui n'ont pas acquis de biens, languissent à bel l'âge comme de vieux hérons au bord d'un lac sans poissons.

155. Sie leben weder das reine Leben in ihrer Jugend, noch kommen sie zu Reichtum und schwinden im Alter so dahin wie alte Reiher in einem ausgetrockneten, abgefischten See.


PC156

156. Lúc thiếu niên cường tráng

Không kiếm ra tài của,

Cũng chẳng lo tu hành,

Nên khi già nằm xuống,

Dáng như cây cung gãy,

Cứ buồn than dĩ vãng.

They who have not led the Holy Life;
who in youth have not acquired wealth,
lie like worn-out bows,
sighing after the past. -- 156

156. Lúc trẻ không phạm hạnh,

Tiền của chả góp gom,

Như cánh cung mòn gãy,
Than dĩ vãng chẳng còn!

156- Ceux qui n'ont pas mené dans leur jeunesse la vie de chasteté ou qui n'ont pas acquis de biens, gisent à bel âge comme des arcs hors d'usage, ils soupirent après le passé.

156. Sie leben weder das reine Leben in ihrer Jugend, noch kommen sie zu Reichtum und liegen im Alter so herum wie verschliessende Bogen , und jammern über alte Zeiten.

Phẩm XII
ATTA VAGGA - THE SELF - PHẨM TỰ NGÃ


PC157

157. Nếu biết tự thương mình,

Phải tự gắng bảo hộ,

Trong ba thời liên tục,

Người trí tu tỉnh thức,

Giữ mình chớ mê man (103).

CT (103): Thông thường nói ba thời là đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm. Ở đây ba thời chỉ vào một đời người thanh niên, trung niên, lão niên. Người ta lúc thanh niên nên nỗ lực học tập, trung niên nên hoằng pháp, tu Thiền định v.v... Nhưng trong hai thời gian đó mà chưa kịp thích thời hành sự thì lúc lão niên phải tỉnh ngộ học tập gấp rút, nếu không thì luống uổng một đời, mang lấy thống khổ chẳng ích chi.

If one holds dear, one should protect oneself well.

During every one of the three watches
the wise man should keep vigil. -- 157

157. Nếu ta yêu quí ta,

Phải bảo vệ tối đa,

Một trong ba canh ấy,
Người trí phải tỉnh ra.

157- Si l'on sait que le moi est cher à soi-même, l'on doit bien protéger le moi ;
Pendant chacune des trois veilles, le Sage doit rester vigilant.

157. Wenn du dich liebst, hüte, hüte dich gut; Der Weise bleibt wach, und kümmert sich um sich in jeder der drei Nachtwachen, den drei Stadien des Lebens.

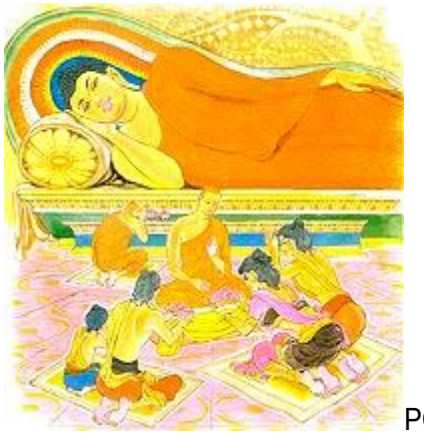
PC158

158. Đặt mình vào chánh đạo,

Giáo hóa kẻ khác sau,

Mới tránh khỏi lỗi lầm.

Let one first establish oneself in what is proper,

and then instruct others.
Such a wise man will not be defiled. -- 158

158. Người trí trước đặt mình,

Vào nếp sống chánh hạnh,

Sau ra giáo hóa người,
Ắt khỏi bị khiển trách.

158 - On doit en premier s'établir soi-même dans ce qui convient ; Seulement alors on peut instruire un autre ; Un tel Sage ne peut être blâmé.

158. Zuerst macht er sich heimisch in dem was richtig ist, erst dann lehrt er andere; Er befleckt seinen Namen nicht; er ist weise.



PC159

159. Khuyên người làm như mình,

Sửa mình rồi sửa người,

Tự sửa, điều khó nhất.

As he instructs others so should he himself act. Himself fully controlled, he then control others; for oneself, indeed,
is difficult to control. -- 159

159. Hãy làm cho kỳ được,
Những điều mình dạy người,
Khéo nhiếp mình, nhiếp người,
Khó thay tự điều nhiếp!

159- Comme il instruit les autres, il doit agir lui-même ; lui-même pleinement contrôlé, il peut contrôler les autres ; car difficile, vraiment, est le contrôle de soi.

159. Wenn ihr euch selbst so formen würdet wie ihr es andere lehrt, dann, gut geübt, zur Tat schrittet und zähmtet ; denn, was schwer zu zähmen ist, das bist du selbst.


PC160

160. Mình là chỗ nương tựa (104),

Sao lại nương tựa người ?

Tự mình khéo tu tập

Nơi nương tựa nhiệm mầu (105).

CT (104) : Phật giáo chủ trương mỗi cá nhân phải tự lực lo giải thoát cho mình. Phật giáo đồ phát nguyện quy y phật, Pháp, Tăng, Tam Bảo, không có nghĩa là phát 1 lời cầu đảo để Tam Bảo lo giải thoát cho. Song Tam Bảo là thầy chỉ đạo tu hành đúng đường để được giải thoát. Vậy nên, muốn đến cảnh giới giải thoát tự tại thì tự mỗi người phải gắng sức thực hành đúng lời Tam Bảo chỉ dạy.

CT (105) : Chỉ quả vị La hán.

Oneself, indeed, is one's saviour,

for what other saviour would there be?

With oneself well controlled,
one obtains a saviour difficult to find. -- 160

160. Hãy nương tựa chính mình,

Chứ nương tựa ai khác?

Người khéo điều phục mình,
Đạt chỗ tựa khó đạt.

160 - Le Moi est le protecteur du moi, car quoi d'autre pourrait être un protecteur ? Par un moi pleinement contrôlé on obtient un refuge qui est dur à gagner.

160. Euer eigenes Selbst ist euer wichtigster Halt, denn wer könnte sonst euer wichtigster Halt sein? Dadurch, daß ihr selbst gut geübt seid, erlangt ihr den wichtigsten Halt, was schwer zu erlangen ist.



PC161

161. Ác nghiệp do mình tạo,

Ác nghiệp hại kẻ ngu

Như kim cang nghiền ngọc.

By oneself alone is evil done;
it is self-born, it is self-caused.
Evil grinds the unwise
as a diamond grinds a hard gem. -- 161

161. Ác nghiệp do mình gây,
Ác nghiệp do mình tạo,
Ác nghiệp nghiền kẻ ngu,
Như kim cương mài ngọc.

161- Par le moi seulement, le mal est fait, il est né du moi, causé par le moi ;
Le mal écrase le non sage comme le diamant écrase une gemme dure.

161. Das Schlechte, das jemand selbst getan hat, ist von ihm selbst-geboren, selbst-erschaffen und zermalmt den Dummkopf, wie ein Diamant einen kostbaren Stein zermalmt.



PC162

162. Phá giới làm hại mình

Như mạn-la bao quanh

Làm Ta-la khô héo (106),

Phá giới là làm điều

Kẻ thù mong mình làm.

CT (106): Mạn-la-phạm (Maluva) một loại dây bìm. Cây ta-la khi đã bị nó leo quấn vào thì khô chết ngay.

He who is exceedingly corrupt,

like a maaluvaa creeper strangling a sal tree,
does to himself what even an enemy would wish for him. -- 162

162. Kẻ vung tay phá giới,

Như cây bị giây leo,

Tự chuốc lấy hiểm nghèo,
Kẻ thù muốn như vậy.

162- Celui qui est corrompu à l'excès, comme la liane Maluva étranglant un arbre Sal, se fait à lui-même ce qu'un ennemi même souhaiterait pour lui.

162. Wenn ihr zügellos von schlimmstem Laster überwuchert seid, wie ein Baum von einer Schlingpflanze, fügt ihr euch das zu, was ein Feind sich wünschen würde.


PC163

163. Việc ác dễ làm,

Chẳng lợi gì ta,

Việc lành có lợi,

Lại rất khó làm.

Easy to do are things that are hard
and not beneficial to oneself, but very, very difficult, indeed, to do is that which is beneficial and good. -- 163

163. Việc ác rất dễ làm,

Nhưng chẳng lợi cho ta,

Việc ân ích từ thiện,
Thật khó làm lắm thay!

163- Faciles à faire sont les choses qui sont mauvaises et non bénéfiques au moi ; mais en vérité, très, très dur à faire ce qui est bénéfique et bon.

163. Das ist leicht zu tun, was nicht gut ist und euch nichts nützt; Was wirklich nützlich und gut ist, ist wirklich schwerer als schwer zu tun.



PC164

164. Những người ác tuệ ngu si,

Vu miệt pháp A la hán,

Vu miệt người hành chánh đạo,

Và giáo pháp đức Như lai,

Sẽ tự mang lấy bại hoại,

Giống như cỏ Cách-tha kia,

Sinh quả xong liền tự diệt (107).

CT (107) : Cách-tha-cách (Kattha), loại cây lau. Có tên là Cách-tha-cách Trúc (Velusankhatakattha), hễ ra hoa kết trái rồi thì chết liền.

The stupid man, who, on account of false views,
scorns the teaching of the Arahants,
the Noble Ones, and the Righteous,
ripens like the fruit of the kaashta reed,
only for his own destruction. -- 164

164. Kẻ ngu ôm tà kiến,
Khinh miệt pháp Thánh tăng,
Bậc La hán, chánh hạnh,
Sẽ tự diệt căn lành,
Như trái cây lau chín,
Tự hủy hoại thân nhanh

164- L'homme insensible qui, à cause des vues fausses, méprise le Dhamma, des Arahats, des Ariya et des Justes, fructifie, comme les fruits du roseau Kashta uniquement pour sa propre destruction.

164. Die Lehre jener, die den Dhamma leben, Würdige, Edle: wer sie herabsetzt , wie ein Dummkopf von schlechten Ansichten beeinflußt, bringt Früchte zu seiner eigenen Zerstörung hervor wie die Bambuspflanze.

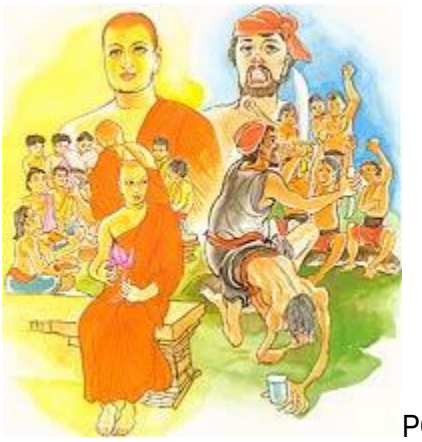

PC165

165. Làm dữ bởi ta,

Nhiễm ô bởi ta,

Làm lành bởi ta,

Thanh tịnh bởi ta,

Tịnh hay không tịnh,

Đều do bởi ta,

Không ai có thể

Làm cho ai được.

By oneself, indeed, is evil done;
by oneself is one defiled.
By oneself is evil left undone;
by oneself indeed, is one purified.
Purity and impurity depend on oneself.
No one purifies another. -- 165

165. Tự ta gây ác nghiệp.
Tự ta nhiễm cấu trần,
Tự ta tránh ác nghiệp,
Tự ta tịnh thân tâm.
Nhiễm tịnh do ta cả.
Không ai thanh tịnh ai.

165- Par le moi seul le mal est fait, par le moi on est souillé, par le moi le mal n'est pas accompli ; Par le moi on est purifié. Pureté et impureté dépendent du moi ; Nul ne purifie un autre.

165. Schlechtes wird von einem selbst begangen, durch sich selbst wird man befleckt ;
Schlechtes bleibt ungetan durch einen selbst ; durch sich selbst wird man gereinigt; Reinheit oder Unreinheit sind das eigene Tun; Niemand reinigt jemand anderen.

 PC166

166. Chớ vì lợi ích kẻ khác

Mà quên lợi ích chính mình (108),

Người biết lo lợi ích mình

Mới làm ích lợi kẻ khác.

CT (108) : Chỉ việc giải thoát sanh tử.

For the sake of others' welfare, however, great, let not one neglect one's own welfare.Clearly perceiving one's own welfare,
let one be intent on one's own goal. -- 166

166. Dù lợi người bao nhiêu,
Cũng đừng quên tự lợi,
Hiểu rõ được tự lợi,
Quyết chí đạt lợi riêng.

166 - A cause du bien-être des autres, quelque grand qu'il puisse être, le propre bien être de soi-même ne doit pas être négligé ; Percevant bien son propre bien être, qu'il soit fortement appliqué au propre but.

166. Opfere nicht dein eigenes Wohlergehen für das eines anderen, egal wie groß; Erkenne deine eigene Zielsetzung und arbeite auf das Ziel hin.

Phẩm XIII
LOKA VAGGA - THE WORLD - PHẨM THẾ GIAN


PC167

167. Chớ theo điều ty liệt,

Chớ đem thân buông lung,

Chớ nên theo tà thuyết,

Chớ tăng trưởng tục trần (109).

CT (109): Ở Tích Lan (Xri Lanca) giải thích là luân hồi.

Do not serve mean ends,
Do not live in heedlessness.
Do not embrace false views.
Do not be a world-upholder. -- 167

167. Chớ theo đòi ti tiện.
Chớ nương thói buông lung.
Chớ vương víu tục trần.
Chớ ôm ấp tà vọng.

167 - Ne suivez pas les petites choses, ne vivez pas en négligence ; N'embrassez pas les vues fausses, ne soyez pas un mondain.

167. Laß dich nicht auf minderwertige Eigenschaften ein; Habe nichts mit Unwachsamkeit zu tun; Laß dich nicht auf falsche Ansichten ein; Beschäftige dich nicht mit der Welt.



PC168

168. Hăng hái đừng buông lung,

Quyết làm theo Chánh pháp,

Người thực hành Chánh pháp,

Đời này, đời sau vui (110).

CT (110): Sau khi đức Phật thành đạo, lần đầu Ngài trở về hoàng cung tại thành Ca tỳ la (Kapila), sáng hôm sau Ngài vẫn chiếu lệ mang bát đi khất thực. Vua Tịnh Phạn (Suddhodana) thấy vậy vội bước đến trước Phật mà nói rằng : "Này con ơi ! Sao con làm nhục nhà ta vậy ? Con vốn là chủ thành này, từng ở trên châu báu, nay cứ cầm bát lần đi từng nhà, không hổ nhục cho ta lắm sao ?" . Đức Phật liền nói cho vua nghe đó là phép tắc lâu đời của chư Phật, và nói hai bài này. Nên theo chỗ chú giải xưa này thì hai bài này có nghĩa như sau : bài 168 : "Chớ nhác bỏ việc lần theo từng nhà khất thực. Cẩn thận giữ thật đúng hạnh trì bát này, ai làm theo hạnh này thì đời này, đời sau đều khoái lạc" ; bài 169 : "Cẩn thận làm đúng hạnh này, chớ làm theo sự buông thả. Ai làm theo đúng hạnh này thì đời này, đời sau đều được khoái lạc ".

Be not heedless in standing (at people's doors for alms).

Observe (this) practice scrupulously.

He who observes this practice lives
happily both in this world and in the next. -- 168

168. Tinh cần, chớ phóng dật.

Chánh hạnh, chớ buông lung.

Người chuyên tâm chánh hạnh,
Đời đời vui khôn cùng.

168 - Soyez vigilant ! Ne soyez pas négligent! Menez une vie de droiture ; L'homme droit vit heureux dans ce monde et dans le suivant.

168. Steh auf! Sei wachsam und strenge dich an; Führe ein rechtes Leben; Jemand, der ein rechtes Leben führt, lebt glücklich in dieser Welt und der nächsten.



PC169

169. Khéo thực hành Chánh pháp,

Chớ làm điều ác hạnh,

Người thực hành Chánh pháp,

Đời này, đời sau vui.

Scrupulously observe (this) practice.

Do not observe it unscrupulously.

He who observes this practice
lives happily both in this world and in the next. -- 169

169. Hãy sống đời chánh hạnh,

Chớ phóng dật buông lung,

Người chuyên tâm chánh hạnh,
Đời đời vui khôn cùng.

169 - Menez une vie de droiture, mais non une vie de corruption et non-vigilance.
L'homme droit vit heureux dans ce monde et dans le suivant.

169. Führe ein rechtes Leben; Sei wachsam und strenge dich an; Jemand, der ein rechtes Leben führt, lebt glücklich in dieser Welt und der nächsten.



PC170

170. Như bọt nước trôi sông,

Như lầu sò chợ bể (111),

Xem đời bằng mắt ấy,

Thần chết không tìm tới.

CT (111): Lầu sò chợ bể là dịch nghĩa từ chữ "Thần lâu hải thị" để chỉ thị cảnh huyễn hóa không thật. Những làn khí bốc lên trên mặt biển, đụng phải ánh nắng, hoặc là không khí tương phản mà hiện ra những bóng hình nhìn xa như lâu đài chợ búa. Người xưa tin những làn khí ấy là hơi của giống sò thần tự dưới đáy bể phun lên.

Just as one would look upon a bubble,
just as one would look upon a mirage
- if a person thus looks upon the world,
the King of Death sees him not. -- 170

170. Như bọt nước trôi sông.
Như huyễn hóa bềnh bồng.
Nếu nhìn đời như vậy,
Tử thần hết thấy ông.

170 - Juste comme on verrait une bulle, juste comme on verrait un mirage, si une personne considère ainsi le monde, le Roi de la Mort ne la verra pas.

170. Sieh sie als Blase, sieh sie als Trugbild: jemanden, der die Welt so betrachtet sieht der König des Todes nicht.



PC171

171. Xem thế gian này lộng lẫy

Như chiếc xe kia của vua,

Chỉ người ngu mới tham đắm,

Chứ kẻ trí chẳng bận tâm.

Come, behold this world
which is like unto an ornamented royal chariot,
wherein fools flounder,
but for the wise there is no attachment. -- 171

171. Hãy xem thế gian này,
Như xe vua lộng lẫy,
Kẻ ngu ngắm mê mải,
Người trí chả bận tâm.

171 - Viens, vois ce monde semblable au char royal orné! les fous s'y ébrouent, mais pour le Sage, il n'y a pas d'attachement.

171. Komm, schau diese Welt an ausstaffiert wie eine Königskutsche, wo sich Narren hinein stürzen, während die Weisen sie nicht bemerken.


PC172

172. Người trước buông lung

Sau lại tinh tấn,

Đó là ánh sáng

Chiếu cõi thế gian,

Như vầng trăng kia

Ra khỏi mây mù.

Whoever was heedless
before and afterwards is not;
such a one illumines this world
like the moon freed from clouds. -- 172

172. Ai trước sống buông lung,
Sau tinh chuyên chánh hạnh,
Sẽ soi sáng nhân gian,
Như trăng lên mây tạnh.

172 - Quiconque auparavant est négligent et qui ensuite ne l'est plus, celui là illumine ce monde comme la lune hors des nuages.

172. Wer früher nicht wachsam war, es später aber wachsam und ein rechtes Leben führt, erhellt diese Welt wie der Mond, wenn sich die Wolken verzogen haben.


PC173

173. Người lấy việc lành

Tiêu trừ việc ác,

Đó là ánh sáng

Chiếu cõi thế gian,

Như vầng trăng kia

Ra khỏi mây mù.

Whoever, by a good deed, covers the evil done,

such a one illumines this world
like the moon freed from clouds. -- 173

173. Ai xua tan ác nghiệp,

Bằng thiện ý, hạnh lành,

Sẽ soi sáng quần sanh,
Như trăng lên mây tạnh.

173 - Quiconque, par de bonnes actions couvre le mal fait, celui-là illumine le monde comme la lune hors des nuages.

173. Seine frühere Untat wird mit Geschick und gute Tat ersetzt: Er erhellt diese Welt wie der Mond, wenn sich die Wolken verzogen haben.


PC174

174. Như bầy chim thoát khỏi lưới,

Chẳng mấy con vút lên trời,

Trong thế gian bao kẻ mù,

Chẳng mấy người mắt thấy xa.

Blind is this world.

Few are those who clearly see.

As birds escape from a net
few go to a blissful state. -- 174

174. Thiên hạ thật mù quáng,

Mấy ai sáng suốt nào,

Như chim thoát khỏi lưới,
Mấy con vút trời cao.

174 - Aveugle est ce monde; peu sont ceux qui ici voient clairement ; Comme des oiseaux qui s'échappent d'un filet, sont-ils, ceux qui vont aux cieux.

174. Diese Welt ist blind , wie wenige hier sehen klar! Wie es Vögel, die einem Netz entkommen sind, wenige gibt, gibt es wenige Menschen, die einen Himmel daraus machen.


PC175

175. Thiên nga bay lên không trung,

Thần thông bay khỏi mặt đất,

Chỉ bậc đại trí, dẹp ma

Mới bay khỏi thế gian này.

Swans wing along on the path of the sun.
(Men) go through air by psychic powers,
The wise are led away from the world,
having conquered Maara and his host. -- 175

175. Như thiên nga giữa trời,
Thần thông bay khắp nơi,
Hàng phục ma quân hết,
Bậc trí siêu thoát đời.

175 - Les cygnes voyagent sur le chemin du soleil; ceux qui sont doués de pouvoirs voyagent dans l'espace ; Les sages (dhira) sont conduits hors de ce monde, ayant conquit Mara et son armée.

175. Schwäne fliegen den Sonnenweg; jene mit der Fähigkeit fliegen durch den Raum; die Erleuchteten fliehen die Welt, nachdem sie die Heere Maras besiegt haben.



PC176

176. Ai vi phạm đạo nhất thừa (112),

Ai ưa nói lời vọng ngữ,

Ai không tin có đời sau,

Chẳng ác nào họ không chừa.

CT (112): Nhất pháp (Ekham Dhanman) tức là chân đế, chân lý (Saccam).

There is no evil that cannot be done by the liar,
who has transgressed the one law (of truthfulness)
and who is indifferent to a world beyond. -- 176

176. Ai nói lời hư vọng,
Ai phá pháp nhất thừa,
Ai bát đời sau ấy,
Không ác nào không chừa!

176 - Il n'y a pas de mal qui ne puisse être fait par quelqu'un qui ment, qui a transgressé la loi unique, et qui est indifférent à un autre monde.

176. Ein Mensch, der lügt, der in dieser einen Sache zu weit geht, indem er Bedenken wegen der jenseitigen Welt hinter sich läßt: Es gibt nichts Schlechtes, was er nicht tun könnte.



PC177

177. Người xan tham không sanh cõi trời,

Người ngu si không ưa cúng dường,

Người trí lại tùy hỷ cúng dường,

Trong tương lai sẽ hưởng an lạc.

Verily misers go not to the celestial realms.

Fools do not indeed praise liberality.

The wise man rejoices in giving
and thereby become happy thereafter. -- 177

177. Kẻ ngu ghét hào phóng,

Người bần chẳng sanh thiên.

Bậc trí vui bố thí,
Đời sau hưởng phúc điền.

177 - En vérité, les avares ne vont pas dans les royaumes célestes ; Les fous ne louent pas la générosité ; mais l'homme sage se réjouit en donnant, et par cela devient heureux dans la vie future.

177. Geizige gehen nicht zur Welt der Heiligen Devas; Jene, die Freigebigkeit nicht loben sind Narren; Die Klugen zeigen Freigebigkeit und finden so Freude in der jenseitigen Welt.



PC178

178. Người thống suất cõi đất,

Người làm chủ chư Thiên,

Các vị chúa tể ấy

Chẳng sánh kịp một vị

Chứng quả Tu đà hoàn (113).

CT (113). Dự lưu quả (Sotapattiphalam) là quả vị đầu trong bốn quả vị Niết bàn Thanh văn.

Better than absolute over the earth,
better than going to heaven,
better than even lordship over all the worlds
is the Fruit of a Stream-Winner. -- 178

178. Đắc quả Tu-đà-hoàn,
Hơn chinh phục nhân gian,
Hơn tái sanh thiên giới,
Hơn bá chủ trần gian.

178 - Meilleur qu'une unique souveraineté sur terre ou meilleur qu'aller au ciel, meilleur même que le pouvoir sur tous les mondes, est le fruit de celui « qui est-entré-dans le courant ».

178. Alleinige Gewalt über die Erde, in den Himmel Kommen, Herrschaft über alle Welten: die Frucht des “Eintretens in den Strom” übertrifft das alles.

Phẩm XIV
BUDDHA VAGGA - THE BUDDHA - PHẨM PHẬT ĐÀ


PC179

179. Chẳng ai hơn nổi

Người thắng dục tình (114),

Làm sao thất bại (115),

Phật trí mênh mông

Không một dấu tích,

Các ngươi lấy gì

Mà hòng cám dỗ ?

CT (114): Hai bài này Phật đối Ma nữ mà nói.
CT (115): Ý toàn câu là "Cái tình dục đã bị chinh phục rồi, thì dù đang ở thế gian này, nó cũng không thể theo dõi người kia nữa".

Whose conquest of passion is not turned into defeat,
no conquered passion of his in this world follows him, that trackless Buddha of infinite range, by which way will you lead him? -- 179

179. Sạch dục lạc tham ái,
Bặt khát vọng trên đời,
Trí lực Phật vô lượng.
Cám dỗ sao được ư?

179 - Celui de qui la conquête des passions n'est pas changée en défaite, dont aucune passion conquise dans ce monde ne le suit, ce Bouddha sans trace, de rang suprême, par quel moyen le conduirez-vous vers la tentation ?

179. Wessen Sieg nicht zunichte gemacht werden kann, an wessen Sieg niemand auf der Welt heranreichen kann; erwacht, seine Weide grenzenlos, weglos: mit welchem Mittel willst du Buddha in die Irre führen?


PC180

180. Người đã hết trói buộc,

Ái dục khó cám dỗ

Phật trí thật mênh mông,

Không có một dấu tích,

Lấy gì cám dỗ được (116)?

CT (116): Đã bỏ hết ái dục.

Him in whom there is not that entangling,
embroiling craving to lead (to any life),
him the trackless Buddha of infinite range,
- by which way will you lead him? -- 180

180. Giải thoát mọi ràng buộc,
Bặt ái dục trên đời,
Trí lực Phật vô lượng,
Cám dỗ sao được ư?

180 - En celui dans lequel il n'y a pas cette soif enchevêtrante, embrouillante, de mener une quelconque vie, ce Bouddha sans sentier, de rang suprême, par quel sentier le conduirez vous.

180. In wem keine Begierde ist -- die lästige Verführerin--um ihn, wo auch immer nur hin zu führen; erwacht, seine Weide grenzenlos, weglos: mit welchem Mittel willst du Buddha in die Irre führen?



PC181

181. Người tu trì Thiền định,

Ưa xuất gia, thanh vắng,

Bậc chánh niệm chánh giác,

Thiên, nhơn luôn ái kính.

The wise ones who are intent on meditation,
who delight in the peace of renunciation ,
such mindful perfect Buddhas
even the gods hold most dear. -- 181

181. Người trí chuyên thiền định,
Thích an tịnh viễn ly,
Bậc chánh giác, chánh niệm,
Chư thiên cũng kính qui.

181 - Ces sages, qui sont absorbés en méditation et qui se réjouissent dans la tranquillité de la renonciation, même les Dieux les tiennent pour les plus chers.

181. Sie, die Erleuchteten, bedacht auf Meditation, erfreuen sich am Stillwerden und Aufgeben, sind selbst-erwacht und geistesgegenwärtig: sogar die Heiligen Devas schauen mit Ehrebietung auf sie.


PC182

182. Được sinh làm người là khó,

Sống trọn đời còn khó hơn,

Được nghe Chánh pháp là khó,

Gặp Phật ra đời khó hơn.

Rare is birth as a human being.

Hard is the life of mortals.

Hard is the hearing of the Sublime Truth.
Rare is the appearance of the Buddhas. -- 182

182. Khó thay được làm người!

Khó thay sống vui tươi!

Khó thay nghe diệu pháp!
Khó thay Phật ra đời!

182 - Rare est la naissance comme homme, difficile est la vie que les mortels mènent, difficile est l'ouïe du Dhamma Sublime, rare est l'apparition d'un Bouddha.

182. Schwer ist das Erlangen einer Geburt als Mensch; Schwer ist das Leben der Sterblichen; Schwer ist die Möglichkeit, den wahren Dhamma zu hören; Schwer ist das Erscheinen von Erwachten.


PC183

183. Chớ làm điều ác,

Gắng làm việc lành,

Tâm ý trong sạch,

Ấy, lời Phật dạy.

Not to do any evil,

to cultivate good,

to purify one's mind,
this is the Teaching of the Buddhas. -- 183

183. Đừng làm các điều ác,

Tu tập mọi hạnh lành

Giữ tâm ý trong sạch.
Đó là lời Phật dạy.

183 - S'abstenir de tout mal, cultiver le bien, purifier son esprit, voici l'enseignement des Bouddhas.

183. Das Nichttun von allem Schlechten, das Ausführen von guten Handlungen, das Reinigen des eigenen Geistes: das ist die Lehre des Erwachten.


PC184

184. Niết bàn quả vị tối thượng,

Nhẫn nhục khổ hạnh tối cao,

Xuất gia mà hại người khác,

Không thể gọi là Sa môn (117).

CT (117): Trong Tứ phần (giới bản) đức Như Lai Tỳ Bà Thi dạy : "Nhẫn nhục đệ nhất đạo, Phật thuyết vô vi tối, xuất gia não tha nhơn, bất danh vi Sa môn".

Forbearing patience is the highest austerity.

Nibbaana is supreme, say the Buddhas.

He, verily, is not a recluse who harms another.
Nor is he an ascetic who oppresses others. -- 184

184. Chư Phật thường giảng dạy:

Nhẫn nhục hạnh tối cao,

Niết bàn quả tối thượng,

Xuất gia không nhiễu người,
Sa môn không hại người!

184 - La patience et l'endurance sont l'ascétisme le plus haut, Nirvana est suprême, disent les Bouddhas ; Car n'est pas un disciple (pabbajita), celui qui blesse autrui, non plus un ascète (samana) celui qui moleste les autres.

184. Geduldiges Ertragen ist die höchste Askese; Befreiung ist das Höchste, so sagen die Erwachten; Wer einen anderen verletzt ist kein Praktizierender; Wer einen anderen schlecht behandelt, kein Mönch.



PC185

185. Chớ nên phỉ báng,

Đừng làm não hại,

Giới luật tinh nghiêm (118),

Uống ăn chừng mực,

Ở chỗ tịch tịnh,

Tu tập Thiền định (119),

Ấy, lời Phật dạy.

CT (118): Nguyên văn : Patimokkha tức là Biệt giải thoát luật nghi giới, gồm 227 giới điều chủ yếu mà tất cả Tỳ kheo phải giữ.
CT (119): Chỉ tám định (Atthasalacattu) : bốn thiền định và bốn không định.

Not insulting, not harming,
restraint according to the Fundamental Moral Code,
moderation in food, secluded abode,
intent on higher thoughts,
- this is the Teaching of the Buddhas. -- 185

185. Chớ hãm hại, hủy báng.
Giới căn bản nghiêm trì.
Ăn uống có tiết độ.
An trụ nơi viễn ly.
Chuyên tu tập thiền định.
Lời chư Phật nhớ ghi!

185 - Ne pas insulter, ne pas blesser, se restreindre selon le Code fondamental de discipline, se modérer en nourriture, vivre dans un endroit solitaire, pratiquer les plus hauts états de conscience (jhana) : ceci est l'Enseignement des Bouddhas.

185. Nicht verächtlich machen, nicht verletzen, Zurückhaltung in Übereinstimmung mit den Mönchregeln, Mäßigung beim Essen, Verweilen in Abgeschiedenheit, Bindung an den vertieften Geist: das ist die Lehre des Erwachten.



PC186

186. Giả sử mưa xuống bạc vàng

Chẳng thỏa mãn hết tham dục,

Người trí biết rõ ái dục,

Vui ít mà thêm khổ nhiều.

Not by a shower of gold coins
does contentment arise in sensual pleasures.
Of little sweetness, and painful,
are sensual pleasures. -- 186

186. Dầu mưa tuôn vàng bạc,
Dục lạc vẫn chưa vừa,
Càng khoái lạc say sưa,
Ắt khổ nhiều, vui ít.

186 - Le contentement dans les plaisirs sensuels ne s'élève pas d'une pluie de pièces d'or ; De petite douceur, mais douloureux sont les plaisirs sensuels.

186. Nicht einmal wenn es Goldmünzen regnete, hätten wir genug an sinnlichen Freuden, die mehr Leiden und wenig Glück schaffen.



PC187

187. Ngay dục lạc cõi trời,

Chớ sanh tâm cầu mong,

Đệ tử đấng Chánh giác

Chỉ quyết diệt ái dục.

Knowing thus, the wise man finds no delight

even in heavenly pleasures.

The disciple of the Fully Enlightened One
delights in the destruction of craving. -- 187

187. Biết vậy nên người trí,

Chẳng thích lạc chư thiên.

Đệ tử bậc Chánh giác,
Quyết diệt tham ái liền.

187 - Connaissant cela, l'homme sage ne trouve aucun délice même dans les plaisirs célestes ;.
Le disciple du Pleinement Illuminé se réjouit dans la destruction de la soif sensuelle.

187. Da er das weiß, findet der Weise keinen Gefallen sogar an himmlischen sinnlichen Freuden. Er ist einer, der sich erfreut am Aufhören der Begierde, ein Schüler des “wahrhaft Selbst-Erwachten”.

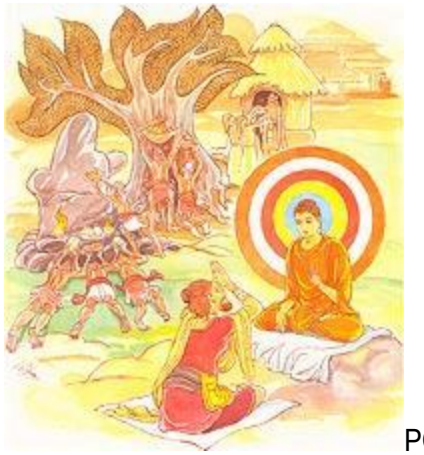

PC188

188. Vì sợ hãi bất an

Đến quy y thần núi,

Hay quy y rừng cây,

Hay miếu thờ thọ thần (120),

CT (120): Thọ chi đề (Rukkhacetia) là "thọ miếu", vị thọ thần của Ấn Độ tín ngưỡng. Lấy cây làm đối tượng sùng bái, như đối với tháp miếu vậy.

To many a refuge fear-stricken men
betake themselves
- to hills, woods, groves,
trees, and shrines. -- 188

188. Lắm người sợ hoảng hốt,
Tìm nhiều chỗ nương vào,
Hoặc rừng thẳm núi cao,
Hoặc vườn cây đền tháp.

188 - Les hommes frappés de peur vont en maints refuges, dans les collines, les bois, les jardins, les arbres et les temples.

188. Sie nehmen vielerorts ihre Zuflucht, in Bergen und Wäldern, zu Park- und Baumaltären: Menschen, die von einer Gefahr bedroht sind.

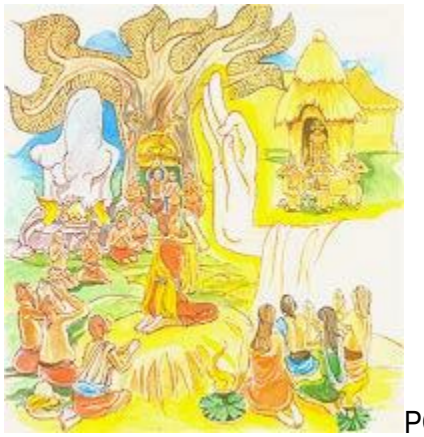
PC189

189. Nhưng đó chẳng phải là

Chỗ nương dựa yên ổn,

Chỗ quy y tối thượng;

Ai quy y như thế

Khổ não vẫn còn nguyên.

Nay no such refuge is safe,
no such refuge is supreme.
Not by resorting to such a refuge
is one freed from all ill. -- 189

189. Nương tựa vậy chưa yên,
Chưa tối thượng phước điền,
Người nương tựa như vậy,
Thoát sao hết ưu phiền!

189 - Mais un tel refuge n'est pas sûr, un tel refuge n'est pas suprême; recourant à un tel refuge, on n'est pas libéré de tout mal.

189. Das ist nicht die sichere Zuflucht, nicht die überragende Zuflucht, das ist nicht die Zuflucht, wo du, wenn du sie genommen hast, frei wirst von allem Leid und Unglück.


PC190

190. Trái lại, tối thượng là

Quy y Phật, Pháp, Tăng,

Phát trí tuệ chơn chánh,

Hiểu thấu Bốn Lẽ mầu.

He who has gone
for to the Buddha, the Dhamma, and the Sangha,
sees with right knowledge
the four Noble Truths -- 190

190. Ai nương tựa theo Phật,
Chánh pháp và thánh tăng,
Dùng chánh kiến thấy rõ,
Bốn thánh đế thường hằng.

190 - Celui qui cherche refuge dans le Bouddha, le Dhamma et le Sangha, voit avec une juste connaissance les Quatre nobles vérités.

190. Aber wenn du, nachdem du zu Buddha, Dhamma und Sangha Zuflucht genommen hast, mit rechter Einsicht die vier edlen Wahrheiten verstehst.


PC191

191. Biết khổ, biết khổ nhân,

Biết khổ diệt, và biết

Tám chi Thánh đạo (121) là

Diệt trừ hết khổ não.

CT (121): Bát Chánh đạo (Ariyam utthangikkhamamagam) : chánh kiến (Samaditthi), chánh tư duy (Sammasan-kappa), chánh ngữ (Sammavaca), chánh nghiệp (Samakamanta), chánh mạng (Sammajiva), chánh tinh tấn (Sammavayama), chánh niệm (Sammasati), chánh định (Samasamadhi). Hai câu này chỉ về đạo diệt khổ, nói gọn là Đạo đế.

- Sorrow, the Cause of Sorrow,
the Transcending of Sorrow
and the Noble Eightfold Path
which leads to the Cessation of Sorrow. -- 191

191. Một khổ, hai nguyên nhân,
Ba vượt khổ, xuất trần,
Bốn là đường tám nhánh,
Tận diệt khổ, khổ nhân.

191 - La souffrance, la cause de la souffrance, le passage au delà de la souffrance et l'Octuple sentier qui mène à la cessation de la souffrance.

191. Erstens Leiden, zweitens die Ursache von Leiden, drittens die Beendigung von Leiden und viertens den edlen achtfachen Pfad zur Beruhigung von Leiden.


PC192

192. Đó là quy y an ổn,

Là chỗ quy y tối thượng;

Ai quy y được như vậy,

Thời giải thoát hết khổ đau.

This, indeed, is refuge secure.

This, indeed, is refuge supreme.

By seeking such refuge
one is released from all sorrow. -- 192

192. Nương tựa vậy là yên,

Là tối thượng phước điền,

Người nương tựa như vậy,
Giải thoát hết ưu phiền.

192 - Ceci, vraiment est le sûr refuge; ceci, vraiment, est le refuge suprême. Cherchant un tel refuge, on est libéré de la souffrance.

192. Das ist die sichere Zuflucht, das ist die überragende Zuflucht, das ist die Zuflucht, wo du, wenn du sie genommen hast, frei wirst von allem Leid.


PC193

193. Khó gặp bậc Thánh nhơn,

Vì chẳng phải thường có;

Ở đâu sanh người trí

Gia tộc được an lành.

Hard to find is a man of great wisdom:

such a man is not born everywhere.

Where such a wise man is born,
that family thrives happily. -- 193

193. Thánh nhân rất khó gặp,

Vì không hiện khắp nơi,

Bậc trí sanh ở đâu,
Gia tộc đó an lạc.

193 - L'homme accompli est difficile à trouver, il ne naît pas n'importe où. La famille où est né un tel sage prospère heureusement.

193. Es ist schwierig, einem höchst kultivierten Menschen zu begegnen. Es ist einfach nicht wahr, daß er überall geboren wird. Wo immer er geboren wird, ein Erleuchteter, gedeiht die Familie und ist glücklich.


PC194

194. Hạnh phúc thay đức Phật ra đời,

Hạnh phúc thay diễn nói Chánh pháp,

Hạnh phúc thay Tăng già hòa hợp,

Hạnh phúc thay dõng tiến đồng tu.

Happy is the birth of Buddhas.

Happy is the teaching of the sublime Dhamma.

Happy is the unity of the Sangha.
Happy is the discipline of the united ones. -- 194

194. Vui thay Phật đản sinh!

Vui thay Pháp thuyết minh!

Vui thay Tăng hòa hợp!
Vui thay Chúng tu hành!

194 - Heureuse est la naissance du Bouddha ; Heureux est l'enseignement de l'Excellent Dhamma ; Heureuse est l'unité du Sangha ; Heureuse est la cultivation des disciples.

194. Ein Segen ist das Erscheinen des Erwachters; Ein Segen ist das Lehren von wahrem Dhamma; Ein Segen ist die Eintracht der Sangha; Ein Segen ist die gemeinsame Übung der Laien.



PC195

195. Những vị đáng cúng dường

Là Phật hay đệ tử,

Những vị thoát hư vọng,

Vượt khỏi mọi lo âu.

He who reverences those worthy of reverence,

whether Buddhas or their disciples;

those who have overcome the impediments
and have got rid of grief and lamentation, -- 195

195. Kính lễ bậc đáng kính,

Chư Phật hay môn đồ,

Các bậc vượt chướng ngại,
Đoạn ưu khổ tế thô.

195. Honore des Vénérables, le Bouddha ou ses disciples, qui ont surpassé des obstacles, griefs et lamentations.

195. Verehre die Ehrwürdigen, Buddha oder seine Schüler, die jenseits gegangen sind von Unreinheiten, Klagen und Kummer.



PC196

196. Công đức người cúng dường

Bậc Tịch tịnh vô úy

Không thể nào kể lường.

The merit of him who reverences
such peaceful and fearless Ones
cannot be measured by anyone
as such and such. -- 196

196. Công đức người kính lễ,
Bậc vô úy, tịch tịnh,
Thật vô lượng vô biên,
Không thể nào lường định.

196. Le mérite de l' honorification des Vainqueurs de peur et des combattants de paix est immense, non mesurable.

196. Wenn du jene verehrst, die der Verehrung würdig sind, die Furchtlosen und Friedensstiefer sind: dann gibt es kein Maß, das Frucht dieser Verehrungstat messen kann.

Phẩm XV

SUKHA VAGGA - HAPPINESS - PHẨM AN LẠC (122)

CT (122): Nhật bản dịch là An vui.

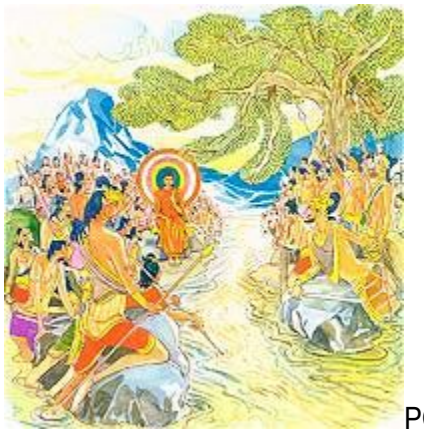
PC197

197. Sung sướng thay chúng ta (123)

Sống không có kẻ thù,

Giữa những người thù oán;

Giữa những người thù oán,

Ta sống không thù oán.

CT (123): Phật tự xưng.

Ah, happily do we live without hate
amongst the hateful;
amidst hateful men
we dwell unhating. -- 197

197. Lành thay ta vui sống,
Từ ái giữa oán thù,
Giữa những người oán thù,
Ta sống không thù oán.

197 - Heureux vivons-nous sans haine parmi les haineux ; au milieu des hommes qui haïssent nous demeurons sans haine.

197. Wie überaus glücklich leben wir, frei von Feindseligkeit unter denen, die feindselig sind; Unter feindseligen Menschen, frei von Feindseligkeit, weilen wir.


PC198

198. Sung sướng thay chúng ta

Sống khỏe không tật bệnh,

Giữa những người tật bệnh (124) ;

Giữa những người tật bệnh,

Ta sống không tật bệnh.

CT (124): Tật bệnh đây chỉ các phiền não thống khổ.

Ah, happily do we live in good health
amongst the ailing;
amidst ailing men
we dwell in good health. -- 198

198. Lành thay ta vui sống,
Khỏe mạnh giữa yếu đau,
Giữa những người yếu đau,
Ta sống không đau yếu.

198 - Heureux vivons-nous en santé parmi les souffrants (des souillures) ; au milieu des souffrants nous demeurons en santé.

198. Wie überaus glücklich leben wir, frei von Elend unter denen, die sich elend fühlen; Unter elenden Menschen, frei von Elend, weilen wir.


PC199

199. Sung sướng thay chúng ta

Sống không chút tham dục,

Giữa những người tham dục;

Giữa những người tham dục,

Ta sống không tham dục.

Ah, happily do we live without yearning
(for sensual pleasures)
amongst those who yearn (for them);
amidst those who yearn (for them)
we dwell without yearning. -- 199

199. Lành thay ta vui sống,
Vô dục giữa khát khao,
Giữa những người khát khao,
Ta sống không khao khát.

199 - Heureux vivons-nous sans languir (pour les plaisir sensuels), parmi ceux qui languissent ;
Au milieu de ceux qui languissent nous demeurons sans languir.

199. Wie überaus glücklich leben wir, frei von Begierden unter denen, die begierig sind; Unter begierigen Menschen, frei von Begierden weilen wir.


PC200

200. Sung sướng thay chúng ta

Sống không chướng ngại gì (125);

Ta sống với hỷ lạc

Như vị trời Quang âm (126).

CT (125): Không còn các phiền não chướng như tham, sân, si v.v…
CT (126): Lúc Phật ở tạm nơi thôn của một Bà la môn tên Ngũ ta la (Pancasala), một hôm Ngài vô xóm làng khất thực, không gặp ai cúng dường, một kẻ Ma vương đứng ở cửa làng thấy Phật mang bát đi về không, mới cười chọc nói rằng : "Ngài chưa được thực phẩm, ắt phải đi vào thôn xóm khất thực để giải quyết sự đói ". Nhân đó Phật nói bài này.

Ah, happily do we live,
we who have no impediments.
Feeders of joy shall we be
even as the gods of the Radiant Realm. -- 200

200. Lành thay ta vui sống,
Không chướng ngại ngấm ngầm,
Tận hưởng nguồn hỷ lạc,
Như chư thiên Quang Âm.

200 - Heureux vivons nous, nous qui n'avons pas d'attachements mondains, nous sommes nourris de joie extrême, comme les Dieux radieux.

200. Wie überaus glücklich leben wir, wir die kein Anhaften haben. Wir werden uns von Verzückung ernähren wie die Strahlenden und Erschallenden Götter.


PC201

201. Thắng lợi bị thù oán,

Thất bại bị đau khổ,

Chẳng màng tới thắng bại,

Sống hòa hiếu an vui.

Victory breeds hatred.

The defeated live in pain.

Happily the peaceful live,
giving up victory and defeat. -- 201

201. Chiến thắng gây thù hận,

Thất bại chuốc khổ đau,

Từ bỏ mọi thắng bại,
An tịnh liền theo sau.

201 - La victoire engendre la haine, le vaincu vit dans la souffrance ; Le paisible vit heureux, abandonnant victoire et défaite.

201. Gewinnen schafft Feindseligkeit; Verlieren führt dazu, daß man sich kummervoll niederlegt; Die zur Ruhe Gekommenen legen sich glücklich nieder; sie haben Gewinnen und Verlieren beiseite gelegt.


PC202

202. Lửa nào bằng lửa tham dục,

Ác nào bằng ác sân hận,

Khổ nào bằng khổ ngũ uẩn,

Vui nào bằng vui Niết bàn.

There is no fire like lust,

no crime like hate.

There is no ill like the body,
no bliss higher than Peace (Nibbaana). -- 202

202. Lửa nào bằng lửa tham.

Ác nào bằng ác hận.

Khổ nào bằng khổ thân.
Vui nào bằng Tịch tịnh.

202 - Il n'y a pas de feu comparable à la convoitise ; Pas de crime comparable à la haine ; il n'y a pas de mal comparable au corps ; pas de bonheur plus haut que la Paix durable Nirvana.

202. Es gibt kein Feuer gleich der Leidenschaft, keinen Verlust gleich dem Zorn, keinen Schmerz gleich den Körperleiden, keine Freude außer dem ewigen Frieden.


PC203

203. Đói là chứng bệnh lớn,

Vô thường (127) nỗi khổ lớn,

Biết được đúng như thế,

Đạt Niết bàn tối thượng.

CT (127): Nguyên văn : Sankhara dịch là hành, tức là pháp hữu vi có sanh diệt, trong Pali chú thích uẩn (khandha).

Hunger is the greatest disease.

Aggregates are the greatest ill.

Knowing this as it really is,
(the wise realize) Nibbaana, bliss supreme. -- 203

203. Đói bụng, bịnh tối trọng.

Thân xác, khổ vô vàn.

Hiểu đúng sự thật ấy,
Đạt vô thượng Niết bàn.

203 - La faim est la plus grande des maladies, le corps le plus grand mal.
Sachant ceci comme il en est réellement, le sage réalise Nirwana, le suprême bonheur.

203. Hunger ist die höchste Krankheit; Körper ist das höchste Leid; Jemand, der diese Wahrheit so erkennt, wie sie wirklich ist, hat die höchste Befreiung (Nirwana) erreicht.



PC204

204. Không bệnh, điều rất lợi,

Biết đủ, kẻ rất giàu,

Thành tín, nơi chí thân,

Niết bàn, vui tối thượng.

Health is the highest gain.

Contentment is the greatest wealth.

The trusty are the best kinsmen.
Nibbaana is the highest bliss. -- 204

204. Sức khỏe là lợi ích.

Biết đủ là giàu sang.

Thành tín là họ hàng.
Niết bàn là hạnh phúc.

204 - La santé est le plus haut des gains ; le contentement est la plus grande richesse ; les parents de confiance sont les meilleurs ; Nirvana est le suprême bonheur.

204. Gesundheit ist der höchste Gewinn; Zufriedenheit ist der höchste Reichtum; Vertrauen ist die höchste Verwandtschaft; Nirwana ist die höchste Freude.


PC205

205. Ai từng nếm mùi độc cư,

Ai từng nếm mùi tịch tịnh,

Tất ưa nếm mùi pháp vị,

Xa mọi tội ác, sợ hãi.

Having tasted the flavour of seclusion
and the flavour of appeasement,
free from anguish and stain becomes he,
imbibing the taste of the joy of the Dhamma. -- 205

205. Ai nếm mùi tịch tịnh,
Hưởng hương vị độc cư,
Thoát âu lo cấu nhiễm,
Pháp hỷ được cả người.

205 - Ayant goûté la saveur de la parfaite retraite et de la Paix, il est sans chagrin ni tache, savourant le goût de la haute joie du Dhamma.

205. Wenn man den Labsal trinkt, den Geschmack von Abgeschiedenheit und Ruhe , ist man befeit von Schlechtem, ohne Leid, erquickt vom Labsal der Verzückung von Dhamma.


PC206

206. Gặp Thánh nhơn là quí,

Chung hưởng sự vui lành,

Không gặp kẻ ngu si,

Nên thường vui hoan hỷ.

Good is the sight of the Ariyas:

their company is ever happy.

Not seeing the foolish,
one may ever be happy. -- 206

206. Lành thay gặp thánh nhân,

Phúc thay được kết thân,

Không gặp kẻ ngu muội,
Thực an lạc muôn phần.

206 - Excellente est la rencontre avec des saints Ariya; leur compagnie est toujours bénéfique ; ne voyant pas les fous, on sera toujours heureux .

206. Es ist angenehm, Edle zu treffen; In ihrer Gesellschaft ist man immer glücklich; Dadurch, daß man keine Narren trifft , ist man glücklich auf Dauer.

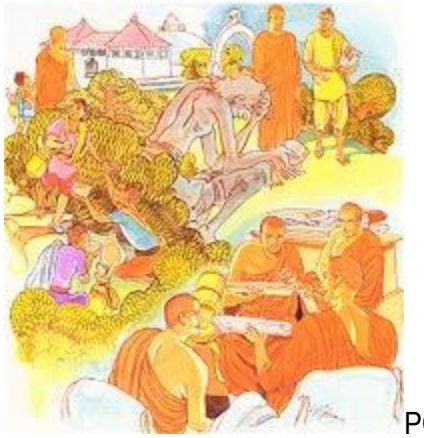
PC207

207. Đi chung với người ngu,

Lúc nào không lo buồn,

Ở chung với kẻ ngu,

Khác nào chung quân địch;

Ở chung với người trí,

Vui hội ngộ người thân.

Truly he who moves in company with fools
grieves for a long time.
Association with the foolish
is ever painful as with a foe.
Happy is association with the wise,
even like meeting with kinsfolk. -- 207

207. Sống với kẻ si mê,
Ắt bốn bề sầu tủi.
Gần gũi người ngu muội,
Khổ như gần kẻ thù.
Thân cận bậc trí tu,
Vui như gặp thân thuộc.

207 - En vérité, celui qui marche en compagnie des fous s'attriste pour longtemps, l'association avec les fous est toujours douloureuse, telle l'association avec un ennemi; heureuse est l'association avec un sage (dhira), comme est la rencontre avec des parents.

207. Wenn man mit einem Narren zusammen lebt, hat man lange Kummer; Der Umgang mit Narren ist leidvoll, so wie mit einem Feind fast immer; Glücklich ist man im Umgang mit Weisen, so wie in einer Begegnung mit Verwandten.


PC208

208. Đúng thật như vậy (128):

Người hiền trí, đa văn,

Người trì giới chân thành

Và các bậc Thánh giả,

Đi theo những vị ấy,

Chẳng khác nào mặt trăng

Theo quỹ đạo tinh tú.

CT (128): Câu này là câu tiếp liền 2 câu trên .

Therefore:- With the intelligent, the wise, the learned,
the enduring, the dutiful and the Ariya -
with a man of such virtue and intellect
should one associate,
as the moon (follows) the starry path. -- 208

208. Nên gần bậc hiền trí,.
Bậc trì giới đa văn,
Bậc đạo hạnh, thánh tăng,
Bậc thiện nhơn, túc trí,
Thân cận vậy thật quí,
Như trăng theo đường sao.

208 - En vérité, il faut suivre les Ariya, qui sont intelligents, sages, instruits, sincères et respectueux, comme la lune suit le chemin des étoiles.

208. Deswegen folgt dem weisen Mensch, der klug, gelehrt, duldend, pflichtbewußt, edel, intelligent, rechtschaffend ist, wie der Mond dem Kurs der Sterne des Tierkreiszeichens folgt.

Phẩm XVI
PIYA VAGGA - AFFECTION - PHẨM HỶ ÁI



PC209

209. Làm việc không đáng làm,

Nhác tu điều cần tu,

Bỏ lành theo dục lạc,

Người như thế dù có

Hâm mộ kẻ thành công,

Chỉ là hâm mộ suông (129).

CT (129): Những Tỷ kheo vì bị dục lạc mê hoặc, bỏ việc hành đạo để sinh hoạt theo thế tục, sau thấy kẻ khác tu hành có công quả, lại luống tỏ lòng hâm mộ, chứ tự mình không thành được chi.

Applying oneself to that which should be avoided,
not applying oneself to that which should be pursued,
and giving up the quest, one who goes after pleasure
envies them who exert themselves. -- 209

209. Miệt mài điều đáng tránh,
Buông xả việc nghiên tầm,
Ganh tị bậc chuyên tâm,
Bỏ đích, theo dục lạc.

209 - Se joignant à ce qui doit être évité, ne se joignant pas à ce à quoi il faut adhérer, abandonnant la recherche, celui là qui est attaché au plaisir envie celui qui s'exerce.

209. Nachdem er sich mit dem befaßt hat, was nicht seine eigenen Übungen waren, und sich mit dem nicht befaßt hat, was sie waren, nachdem er das Ziel mißachtet hat, um nach dem zu greifen, was ihm lieb war, beneidet er jetzt jene, die auf sich geachtet haben, sich in die Pflicht genommen haben.


PC210

210. Chớ kết giao người đáng ưa,

Chớ kết giao người không ưa,

Không gặp người thương là khổ,

Gặp người cừu oán cũng khổ.

Consort not with those that are dear,
never with those that are not dear;
not seeing those that are dear
and seeing those that are not dear,
are both painful. -- 210

210. Chớ gần người yêu quí,
Chớ thân kẻ ghét hờn,
Yêu không gặp, héo hon,
Ghét phải gần, đau khổ.

210 - Ne fréquenter pas ceux qui vous sont chers, non plus que ceux qui ne vous sont pas chers;
Ne pas voir ceux qui sont chers et voir ceux qui ne sont pas chers est également douloureux.

210. Verbindet euch niemals--ganz gleich was passiert-- mit Liebenswertem oder Unliebsamem;
Es ist schmerzhaft, das nicht zu sehen, was einem lieb ist oder das zu sehen, was einem unlieb ist.

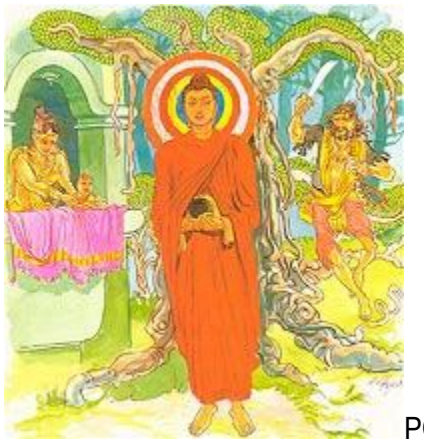

PC211

211. Thế nên chớ đắm yêu,

Vì bị biệt ly là khổ,

Không còn những yêu ghét,

Không điều gì ràng buộc.

Hence hold nothing dear,
for separation from those that are dear is bad;
bonds do not exist for those to whom
naught is dear or not dear. -- 211

211. Yêu xa nhau là khổ,
Thế nên chớ vấn vương,
Người dứt niệm ghét thương,
Là thoát vòng trói buộc.

211 - Donc, ne tenez rien pour cher car la séparation d'avec ceux qui sont chers est mauvaise ; les liens n'existent pas pour celui à qui rien n'est cher ou non cher.

211. Betrachtet also nichts lieb, denn es ist schrecklich, von dem getrennt zu sein, was einem lieb ist; Für jene, für die es lieb und unliebsam nicht gibt, kann man keine Fesseln finden.

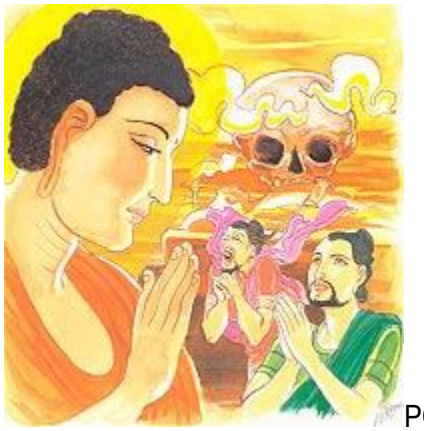
PC212

212. Từ hỷ ái sinh lo,

Từ hỷ ái sinh sợ,

Xa lìa hết hỷ ái,

Chẳng còn lo sợ gì.

From endearment springs grief,

from endearment springs fear;

for him who is wholly free from endearment
there is no grief, much less fear. -- 212

212. Thân ái sinh ưu sầu,

Thân ái sinh sợ hãi,

Ai thoát khỏi thân ái,
Ắt hết mọi âu lo.

212 - De l'amour naît le chagrin, de l'amour naît la crainte ; pour celui qui est complètement libre d'amour, il n'y a pas de chagrin, d'où alors la crainte ?

212. Aus dem, was einem lieb ist, entsteht Leid, aus dem, was einem lieb ist, entsteht Furcht; Für jemanden, der befreit ist von dem, was ihm lieb ist, gibt es kein Leid, wie dann Furcht?


PC213

213. Từ tham ái sinh lo,

Từ tham ái sinh sợ,

Xa lìa hết tham ái,

Chẳng còn lo sợ gì.

From affection springs grief,

from affection springs fear;

for him who is wholly free from affection
there is no grief, much less fear. -- 213

213. Hỷ ái sinh ưu sầu,

Hỷ ái sinh sợ hãi,

Ai thoát khỏi hỷ ái,
Ắt hết mọi âu lo.

213 - De l'affection naît le chagrin, de l'affection naît la crainte ; pour celui qui est complètement libre d'affection, il n'y a pas de chagrin, d'où alors la naît la crainte ? Pour celui qui est complètement libre d'attachement, il n'y a pas de chagrin, d'où alors la crainte ?

213. Aus Freude entsteht Leid, aus Freude entsteht Furcht ; Für jemanden, der von Freude befreit ist gibt es kein Leid, wie dann Furcht?

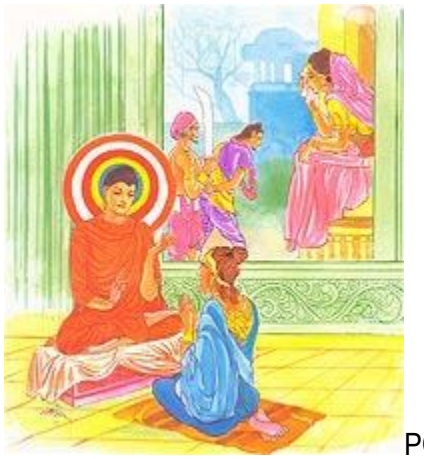
PC214

214. Từ tham dục sinh lo,

Từ tham dục sinh sợ,

Xa lìa hết tham dục,

Chẳng còn lo sợ gì.

From attachment springs grief,

from attachment springs fear;

for him who is wholly free from attachment
there is no grief, much less fear. -- 214

214. Luyến ái sinh ưu sầu,

Luyến ái sinh sợ hãi,

Ai thoát khỏi luyến ái,
Ắt hết mọi âu lo.

214. De l'attachement naît le chagrin, de l'attachment naît la crainte ; pour celui qui est complètement libre d'attachement, il n'y a pas de chagrin, d'où alors la crainte ?

214. Aus Verbundenheit entsteht Leid, aus Verbundenheit entsteht Furcht; Für jemanden, der von Verbundenheit befreit ist gibt es kein Leid, wie dann Furcht?



PC215

215. Từ lạc dục sinh lo,

Từ lạc dục sinh sợ,

Xa lìa hết lạc dục,

Chẳng còn lo sợ gì.

From lust springs grief,

from lust springs fear;

from him who is wholly free from lust
there is no grief, much less fear. -- 215

215. Dục ái sinh ưu sầu,

Dục ái sinh sợ hãi,

Ai thoát khỏi dục ái,
Ắt hết mọi âu lo.

215 - Du désir sensuel naît le chagrin, du désir sensuel naît la crainte ; pour celui qui est complètement libre du désir sensuel, il n'y a pas de chagrin, d'où alors la crainte ?

215. Aus Sinnlichkeit entsteht Leid, aus Sinnlichkeit entsteht Furcht; Für jemanden, der von Sinnlichkeit befreit ist, gibt es kein Leid, wie dann Furcht?



PC216

216. Từ ái dục sinh lo,

Từ ái dục sinh sợ,

Xa lìa hết ái dục,

Chẳng còn lo sợ gì (130).

CT (130): Năm câu 212-216, theo bản dịch của Đại đức Narada là : "From endearment spings gief, from endearment spings fear for him who is free from endearment there is no gief, much less fear. From affection ... From delight ... From lust ..., From craving ... ".

From craving springs grief,

from craving springs fear;

for him who is wholly free from craving
there is no grief, much less fear. -- 216

216. Tham ái sinh ưu sầu,

Tham ái sinh sợ hãi,

Ai thoát khỏi tham ái,
Ắt hết mọi âu lo.

216 - De la soif naît le chagrin, de la soif naît la crainte ; pour celui qui est complètement libre de soif, il n'y a pas de chagrin, d'où alors la crainte ?

216. Aus Begierde entsteht Leid, aus Begierde entsteht Furcht;. Für jemanden, der von Begierde befreit ist, gibt es kein Leid, wie dann Furcht?

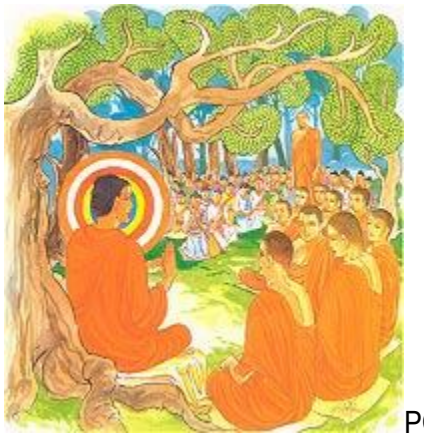
PC217

217. Đầy đủ giới hạnh,

Phát triển chánh kiến,

An trú Chánh pháp (131),

Rõ lý chơn thường (132),

Viên mãn công hạnh (133),

Người đáng ái mộ.

CT (131): Chỉ bốn hướng, bốn quả và Niết bàn, cộng là chín pháp thù thắng.

CT (132): Chỉ bốn Thánh đế.
CT (133): Chỉ giới, định, tuệ.

Whoso is perfect in virtue, and insight,

is established in the Dhamma,

has realized the Truths, and fulfils his own duties,
- him do folk hold dear. -- 217

217. Đủ giới đức chánh kiến,

Liễu ngộ pháp chân như,

Thành tựu mọi công hạnh,
Quần chúng yêu kính người.

217 - Celui qui est parfait en moralité et connaissance, qui est établi dans le Dhamma, qui a réalisé les vérités et qui remplit ses propres devoirs, celui-là les gens le tiennent pour cher.

217. Den Vollkommenen an Tugend und Einsicht, der vernünftig ist, die Wahrheit spricht, sich um seine Angelegenheiten kümmert: Ihn liebt die Welt.


PC218

218. Khát cầu pháp ly ngôn,

Sung mãn tâm cứu xét,

Không đắm mê dục lạc,

Ấy là bậc thượng lưu(134).

CT (134): Bậc thượng lưu (Ubddhamsoto), chỉ quả vị Bất hoàn (Anagami) gần đến Niết bàn A la hán.

He who has developed a wish for the Undeclared (Nibbaana),
he whose mind is thrilled (with the three Fruits),
he whose mind is not bound by material pleasures,
such a person is called
an "Upstream-bound One". -- 218

218. Tu tập pháp ly ngôn,
Tâm thành cầu thánh quả,
Ý dục lạc buông xả,
Xứng gọi bậc Thượng lưu (*).
(*) quả Bất lai

218 - Celui qui a développé un souhait pour atteindre le Non Déclaré (Nirvana) ,
celui dont esprit est pénétré par les trois fruits, celui dont esprit n'est pas lié par les désirs sensuels, une telle personne est appelée " celui qui est dans le courant supérieur ".

218. Wenn jemand einen Wunsch hervorgebracht hat nach etwas, was nicht ausgedrückt werden kann, sein Herz von drei Früchten durchdringt, sein Geist nicht verstrickt ist in sinnliche Begierden: dann ist er ein “ im aufwärts fließenden Strom” .


PC219

219. Khách ly hương lâu ngày,

Từ xa trở về an ổn,

Bà con thân hữu mừng.

A man long absent
and returned safe from afar,
his kinsmen, friends, and well-wishers
welcome on his arrival. -- 219

219. Bao lâu xa cố hương,
Ngày về được an khương,
Bà con và bạn hữu,
Mừng đón người thân thương.

219 - Cet homme, depuis longtemps absent et qui revient sauf, de loin, les parents, les amis et ceux qui lui souhaitent du bien, lui font bon accueil à son arrivée.

219. Ein Mensch, der lange weg war, kehrt sicher von weither heim. Seine Verwandten, seine Freunde, seine Gefährten freuen sich über seine Rückkehr.


PC220

220. Người tạo phước cũng vậy,

Cõi này sang cõi khác,

Phước nghiệp đón họ như

Bà con thân hữu mừng.

Likewise, his good deeds will receive the well-doer
who has gone from this world to the next, as kinsmen will receive a dear one on his return. -- 220

220. Người làm phước cũng vậy,

Được thiện nghiệp đón chào,

Đời này và đời sau,
Như bà con thân thuộc.

220 - De même, ses bonnes actions recevront celui qui les a faites, qui a quitté ce monde pour le prochain, comme les parents résolvent un être cher à son retour.

220. Auf die gleiche Weise werden euch empfangen, wenn ihr Gutes getan habt und von dieser Welt in die nächste Welt gegangen seid, samt eurer guten Taten empfangen, wie Verwandte einen Lieben, der heimgekehrt ist.

Phẩm XVII
KODHA VAGGA - ANGER - PHẨM PHẪN NỘ

 PC221

221. Xa bỏ lòng giận dữ,

Trừ diệt tính kiêu căng,

Giải thoát mọi ràng buộc,

Không chấp trước danh sắc (135),

Không có điều chi ấy,

Khổ chẳng theo dõi được.

CT (135): Danh sắc (Namarapa) tức là tinh thần và vật chất, tâm và thân.

One should give up anger. One should abandon pride.
One should overcome all fetters. Ills never befall him
who clings not to mind and body
and is passionless. -- 221

221. Diệt phẫn nộ kiêu mạn,
Dứt phiền não buộc ràng,
Đoạn chấp thủ, danh sắc.
Khổ não hết đeo mang.

221 - On doit renoncer à la colère, on doit renoncer à l'orgueil, on doit surmonter les entraves ; Les maux n'échoient jamais à celui qui ne s'attache pas à la psyché et au corps et qui est sans passion.

221. Gebt den Ärger auf, macht Schluß mit dem Dünkel, überwindet jede Fessel; Wenn ihr an Name und Form keine Anhaftung habt, dann können euch keine Leiden, keine Belastungen angreifen.


PC222

222. Ngăn được cơn giận nổi lên,

Như dừng xe đang chạy nhanh,

Mới là kẻ chế ngự giỏi,

Ngoài ra là cầm cương hờ (136).

CT (136) : Nếu tự chủ, ngăn trừ nóng giận kịp thời, mới là người thiện ngự, ngoài ra toàn như kẻ cầm cương hờ, chứ không khống chế được con ngựa.

Whoso checks his uprisen anger
as though it were a rolling chariot,
him I call a true charioteer.
Other charioteers are mere rein-holders. -- 222

222. Ai dằn cơn phẫn nộ,
Như hãm xe đang lăn,
Vị ấy đánh xe thật,
Người khác phu cương phanh.

222 - Celui qui, comme un char roulant, contient sa colère qui s'élève, je l'appelle un vrai conducteur, les autres ne sont que des teneurs de rênes.

222. Wer, wenn Ärger aufkommt, völlige Kontrolle behält wie bei einem Renngespann: den nenne ich einen meisterlichen Wagenlenker; Jeden anderen, einen Zügelhalter -- mehr nicht.


PC223

223. Lấy không giận thắng giận,

Lấy lành thắng chẳng lành,

Cúng dường thắng xan tham,

Chân thật thắng hư ngụy.

Conquer anger by love.

Conquer evil by good.

Conquer the stingy by giving.
Conquer the liar by truth. -- 223

223. Từ bi thắng sân hận.

Hiền thiện thắng hung tàn.

Bố thí thắng xan tham.
Chân thật thắng hư ngụy.

223 - Dompter le colère par la non-colère ; Dompter le mal par le bien ; Dompter l'avarice par le don ; Dompter le mensonge par la vérité.

223. Besiegt den Ärger mit fehlendem Ärger, schlecht mit gut; Geiz mit Großzügigkeit, einen Lügner mit Wahrheit.


PC224

224. Nói chân thật, không giận,

San sẻ cho người xin (137),

Đó là ba việc lành

Đưa đến cõi chư Thiên.

CT (137): Nguyên văn còn có một chữ "thiểu", ít (Appam); tức là mình có vật gì dù ít, cũng có thể chia sớt cho người đến xin được .

One should utter the truth. One should not be angry.

One should give even from a scanty store to him who asks. Along these three paths one may go to the presence of the gods. -- 224

224. Hãy nói lời chân thật.

Bố thí, chớ giận hờn.

Làm được ba điều ấy,
Đạt đến cảnh thiên chơn.

224 - On doit parler en vérité, on ne doit pas se mettre en colère, on doit donner sur ses rares provisions à qui demande ; Par ces trois choses, on peut aller en présence des saints Devas.

224. Die Wahrheit sagen; nicht ärgerlich werden; geben, wenn man darum gebeten wird egal wie wenig man hat: durch diese drei Dinge geht man in die Gegenwart der Heiligen Devas ein.

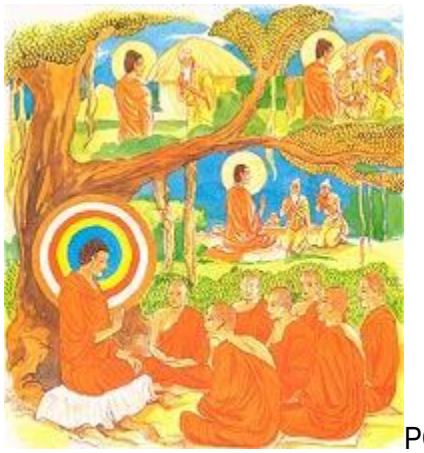 PC225

225. Không hại người thanh tịnh,

Thường chế phục thân tâm,

Tất đạt đến bất tử,

Chẳng còn chút ưu phiền.

Those sages who are harmless,
and are ever restrained in body,
go to the deathless state (Nibbaana),
whither gone they never grieve. -- 225

225. Hiền sĩ không sát hại,
Điều phục thân mạng hoài,
Đạt cảnh giới bất tử,
Giải thoát hết bi ai.

225 - Les Sages (Muni) qui sont non violents et sont toujours contrôlés quant au corps, vont à l'état sans mort, libres de souffrance.

225. Gütige Weise, die sich körperlich stets im Griff haben, sind auf dem Weg zum unerschütterlichen Zustand, wo es, wenn sie dorthin gelangt sind, kein Leid gibt.

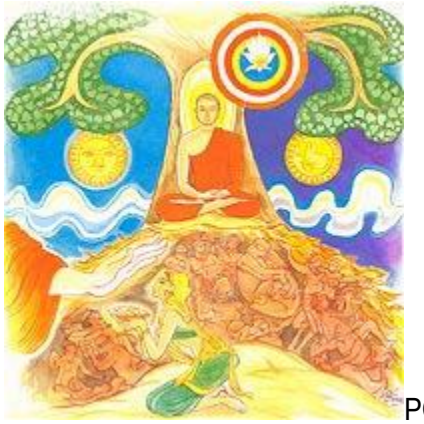 PC226

226. Những người thường giác tỉnh,

Ngày đêm chuyên tu học,

Chí hướng đến Niết bàn,

Mọi phiền não dứt sạch.

The defilements of those who are ever vigilant,
who discipline themselves day and night,
who are wholly intent on Nibbaana,
are destroyed. -- 226

226. Ai ngày đêm tu tập,
Chuyên tâm hướng Niết bàn,
Thời thời thường tỉnh giác,
Lậu hoặc ắt tiêu tan.

226 - Ceux qui sont toujours vigilants, s'entraînant eux-mêmes jour et nuit et qui sont complètement tendus vers le Nirvana, les purulences s'évanouissent.

226. Jene, die immer wachsam bleiben und Tag und Nacht üben im Streben nach Befreiung: Ihre Unreimheiten nähern sich dem Ende.



PC227

227. A-đa-la (138) nên biết:

Không phải chuyện đời nay

Mà đời xưa từng nói,

Làm thinh bị người chê,

Nói nhiều bị người chê,

Ít nói cũng bị chê;

Làm người không bị chê

Khó có ở thế gian.

CT (138) : A- đa- la (Atula) là tên một người Phật tử xưa.

This, O Atula, is an old saying; it is not one of today only: they blame those who sit silent,
they blame those who speak too much.
Those speaking little too they blame.
There is no one who is not blamed in this world -- 227

227. Vậy đó A-đa-la,
Xưa nay đều thế cả,
Ngồi im bị đả phá,
Nói nhiều bị người chê,
Nói ít bị người phê,
Không ai không bị trách,
Trên trần thế bộn bề!

227 - C'est un vieux dicton, ô Atula. il n'est pas seulement d'aujourd'hui : « ils blâment ceux qui s'assoient silencieux et ceux qui parlent de trop, ceux qui parlent peu, ils les blâment aussi, dans ce monde, il n'est personne qui ne soit blâmé ».

227. Das gibt es schon von alters her, Atula, und nicht erst seit heute: sie haben etwas auszusetzen an jemandem, der still da sitzt ; sie haben etwas auszusetzen an jemandem, der viel spricht ; sie haben etwas auszusetzen an jemandem der seine Worte abwägt ; Es gibt niemanden auf der Welt, an dem nichts ausgesetzt wird.


PC228

228. Toàn bị người chê cả,

Toàn được người khen cả,

Quá khứ chưa từng có,

Hiện tại tìm không ra,

Vị lai không dễ gì.

There never was, there never will be,

nor does there exist now,
a person who is wholly blamed or wholly praised. -- 228

228. Xưa, vị lai, và nay,

Đâu có sự kiện này,

Kẻ hoàn toàn bị trách,
Người chỉ được khen hay!

228 - I1 n'y eut jamais, il n'y aura jamais, et il n'y a pas maintenant, une personne qui est totalement blâmée ou totalement louée.

228. Es gab nie, wird nie, noch gibt es jetzt jemanden, der nur herabgesetzt oder nur gelobt wird.


PC229

229. Buổi mai thức dậy,

Tự biết phản tỉnh,

Hành động trong sạch,

Trí tuệ hiền minh,

Giới hạnh thanh tịnh,

Kẻ trí tán dương.

Examining day by day, the wise praise him
who is of flawless life, intelligent,
endowed with knowledge and virtue. -- 229

229. Ai ngày ngày phản tỉnh,
Sống trong sạch đường đường,
Đầy đủ giới định tuệ,
Bậc trí thường tán dương.

229 - Examinant jour après jour, ce qui est intelligent loue celui qui est sans défauts, composé et doué de connaissance et de moralité.

229. Wenn gut unterrichtete Leute ihn dafür loben, nachdem sie ihn Tag für Tag beobachtet haben, daß er in seinem Verhalten einwandfrei, intelligent, mit Erkenntnis und Tugend versehen ist.


PC230

230. Phẩm chất đúng như

Loại vàng Diêm phù (139),

Ai chê bai được ?

Đó là hạng người

Được Phạm thiên và

Chư Thiên tán thưởng.

CT (139): Diêm phù kim (jambunaba) là tên đặc biệt để chỉ 1 thứ vàng phẩm chất rất quí; Ý nói vàng này từ sông Diêm phù (Jambu) mà có.

Who deigns to blame him
who is like a piece of refined gold?
Even the gods praise him;
by Brahma too he is praised. -- 230

230. Người hạnh tợ vàng y,
Ai dám chê trách gì,
Chư thiên còn ca ngợi,
Phạm thiên cũng kính qui.

230 - Qui ose blâmer celui qui est semblable à l'or raffiné ? Même les saints Devas le louent, par Brahma également il est loué.

230. Gleich einem Goldbarren, wer kann da etwas an ihm aussetzen? Sogar Devas loben ihn ; Sogar von Brahma wird er gelobt.


PC231

231. Giữ thân đừng nóng giận,

Điều phục thân hành động,

Xa lìa thân làm ác,

Dùng thân tu hạnh lành.

One should guard against misdeeds
(caused by) the body,
and one should be restrained in body.
Giving up evil conduct in body,
one should be of good bodily conduct. -- 231

231. Giữ thân đừng nóng giận,
Điều phục thân an hòa,
Từ bỏ thân làm ác,
Thân chánh trực hiền hòa.

231 - On doit se garder des colères causées par le corps, on doit être contrôlé quant au corps, abandonnant la mauvaise conduite du corps, on doit être de bonne conduite quant au corps .

231. Hütet euch vor Ärger in Handlung, der sich körperlich Bahn schafft; habt euch körperlich im Griff; Nachdem ihr körperliches Fehlverhalten aufgegeben habt, ergeht euch in körperlichem Wohlverhalten.


PC232

232. Giữ lời đừng nóng giận,

Điều phục lời chánh chân,

Xa lìa lời thô ác,

Dùng lời tu hạnh lành.

One should guard against misdeeds
(caused by) speech,
and one should be restrained in speech.
Giving up evil conduct in speech,
one should be of good conduct in speech. -- 232

232. Giữ lời đừng nóng giận,
Điều phục lời nhu hòa,
Từ bỏ lời thô ác,
Lời từ tốn ôn hòa.

232 - On doit se garder des colères exprimées par la parole ; on doit être contrôlé quant à la parole, abandonnant la mauvaise conduite de la parole ; on doit être de bonne conduite quant à la parole .

232. Hütet euch vor Ärger in Sprechen, der sich verbal Bahn schafft; habt euch verbal im Griff; Nachdem ihr verbales Fehlverhalten aufgegeben habt, ergeht euch in verbalem Wohlverhalten.



PC233

233. Giữ ý đừng nóng giận,

Điều phục ý tinh thuần,

Xa lìa ý hung ác,

Dùng ý tu hạnh lành.

One should guard against misdeeds
(caused by) the mind,
and one should be restrained in mind.
Giving up evil conduct in mind,
one should be of good conduct in mind. -- 233

233. Giữ ý đừng nóng giận,
Điều phục ý khiêm hòa,
Từ bỏ ý độc ác,
Ý quảng đại bao la!

233 - On doit se garder des colères causées par le mental. On doit être contrôlé quant au mental, abandonnant la mauvaise conduite du mental, on doit être de bonne conduite quant au mental.

233. Hütet euch vor Ärger, der sich in Gedanken Bahn schafft; habt euch geistig im Griff; Nachdem ihr geistiges Fehlverhalten aufgegeben habt, ergeht euch in geistigem Wohlverhalten.


PC234

234. Người trí điều phục thân,

Cũng điều phục ngôn ngữ,

Điều phục luôn tâm ý,

Ba nghiệp thảy điều phục.

The wise are restrained in deed;
in speech, too, they are restrained.
The wise, restrained in mind,
are indeed those who are perfectly restrained. -- 234

234. Điều phục được thân nghiệp,
Chế ngự được ngôn từ,
Thúc liễm được tâm tư,
Bậc trí khéo tự chế.

234 - Les sages (dhira) sont contrôlés en action, en parole aussi ils sont contrôlés, ils sont contrôlés aussi bien en mental. En vérité, ils sont pleinement contrôlés.

234. Die Weisen beherrschen den Körper , die Rede sowie den Geist; Sie verfestigen totale Selbst-Beherrschung.

Phẩm XVIII
MALA VAGGA - IMPURITIES OR TAINTS - PHẨM CẤU UẾ

 PC235

235. Giống như ngọn lá khô,

Tử thần ở sát bên,

Ngươi trước ngưỡng cửa chết,

Lữ hành thiếu lương thực.

Like a withered leaf are you now.

The messengers of death wait on you.

On the threshold of decay you stand.
Provision too there is none for you. -- 235

235. Ngươi nay như lá héo,

Diêm sứ đang ngóng chờ,

Trước cửa chết trơ vơ,
Tư lương ngươi chẳng có.

235 - Comme une feuille qui se dessèche, êtes-vous maintenant ; les messagers de la Mort vous attendent, vous vous tenez sur le seuil du déclin ; et il n'y a aucun recours pour vous.

235. Du bist jetzt wie ein gelb gefärbtes Blatt; Schon stehen Todes- Gehilfen bereit; Du stehst an der Schwelle aufzubrechen, mußt dich aber noch für die letzte Reise rüsten.

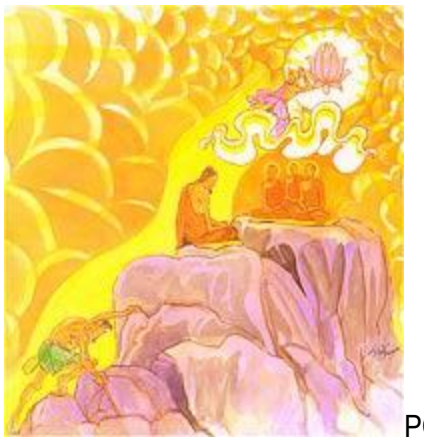

PC236

236. Tự tạo lấy cho mình

Một hòn đảo an toàn,

Gấp tinh cần, sáng suốt,

Sạch phiền não trần cấu,

Đạt thánh cảnh chư Thiên (140).

CT (140) : Thánh cảnh hàng chư Thiên đây là chỉ 5 cõi trời Tịch cư (Panca Anddhvasabhumi) : Vô phiền (A-viha), Vô nhiệt (Atappa), Thiện hiện (Suddassa), Thiện kiến (Suddssi), Sắc cứu kính (Akanittha) là năm chỗ của hàng A na hàm ở.

Make an island unto yourself.

Strive quickly; become wise.

Purged of stain and passionless,
you shall enter the heavenly stage of the Ariyas. -- 236

236. Hãy tự xây hòn đảo.

Sáng suốt gấp tinh chuyên,

Trừ tham dục, cấu uế,
Lên thánh địa chư thiên.

236 - Faites une île de vous-même, efforcez vous durement et devenez sage; purgé des impuretés et sans passion, vous entrerez dans la Terre céleste des Ariyas

236. Schafft euch eine Insel! Macht schnell! Seid weise! Wenn eure Unreinheiten völlig weggeblasen sind und ihr makellos seid, werdet ihr den göttlichen Bereich der Edlen erreichen.


PC237

237. Đời sống sắp lụn tàn,

Bước đến gần Diêm vương,

Giữa đường không nơi nghỉ,

Lữ hành thiếu lương thực.

Your life has come to an end now.

To the presence of death you are setting out.

No halting place is there for you by the way.
Provision too there is none for you. -- 237

237. Đời ngươi nay úa tàn,

Sắp bị diêm sứ mang,

Đường trường không chỗ nghỉ,
Chẳng còn chút hành trang.

237 - Votre vie est arrivée à sa fin maintenant ; La mort vous assigne en sa présence ; En chemin, il n'y a aucune place de repos pour vous ; Aucun recours non plus pour vous.

237. Ihr steht jetzt fast am Ende eurer Zeit; Ihr schreitet auf Todes-Gehilfe Gegenwart zu, ohne einen Rastplatz am Weg; müßt euch aber noch für die Reise rüsten.


PC238

238. Hãy tạo lấy cho mình

Một hòn đảo an toàn,

Gấp tinh cần, sáng suốt,

Sạch phiền não trần cấu,

Không trở lui sanh lão.

Make an island unto yourself.

Strive without delay; become wise.

Purged of stain and passionless,
you will not come again to birth and old age. -- 238

238. Hãy tự xây hòn đảo,

Sáng suốt gấp tinh chuyên,

Trừ tham dục cấu uế,
Dứt sanh lão ưu phiền.

238 - Faites une île de vous-même, efforcez vous durement, devenez sage, purgé des impuretés et sans passions, vous ne soufferez plus la naissance et le vieillissement.

238. Schafft euch eine Insel! Macht schnell! Seid weise! Wenn eure Unreinheiten völlig weggeblasen sind und ihr makellos seid, werdet ihr nicht wieder Geburt und Altern erleiden.

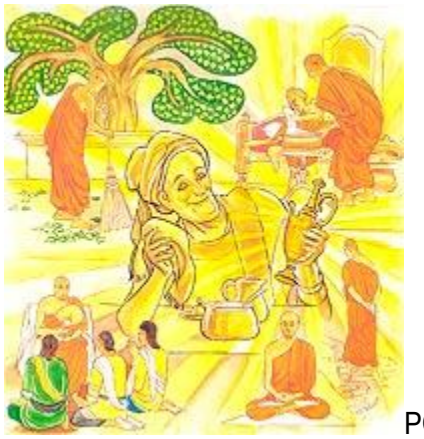

PC239

239. Sát na này, sát na khác,

Người trí lo gột trừ dần

Những cấu uế nơi thân mình,

Như người thợ vàng cần mẫn

Lọc cặn bã khỏi vàng ròng.

By degrees, little by little, from time to time,

a wise person should remove his own impurities,
as a smith removes (the dross) of silver. – 239

239. Bậc trí tẩy cấu uế,

Gột rửa từng sát na,

Như thợ bạc tinh luyện,
Từ từ lọc quặng ra.

239 - Par degrés, petit à petit, de moment en moment, un homme sage doit enlever ses propres impuretés, comme un orfèvre enlève les scories de l'argent.

239. Wie ein Silberschmied Schritt um Schritt, Stück für Stück, Augenblick um Augenblick, die Unreinheiten des geschmolzenen Silbers wegbläst, so tut der Weise es mit seinen.



PC240

240. Như sét do sắt sinh

Rồi trở lại ăn sắt,

Ác nghiệp ngươi gây ra

Rồi trở lại dắt ngươi

Đi dần vào cõi ác.

As rust sprung from iron
eats itself away when arisen,
even so his own deeds
lead the to states of woe. -- 240

240. Sét phát sanh từ sắt,
Lại ăn sắt dần dà,
Phạm nhân chịu đau khổ,
Do ác nghiệp mà ra.

240 - Comme la rouille, sortie du fer, se détruit d'elle-même lorsqu'elle apparaît, ainsi ses propres actions conduisent le transgresseur dans les états de malheur.

240. So wie Rost genau das Eisen auffrißt, das ihn hervorgebracht hat, so führen die Taten des Verbrechers den Verbrecher an seine unglückliche Lage.


PC241

241. Không tụng tập, vết nhơ kinh điển,

Không siêng năng, vết nhơ nhà cửa,

Biếng nhác, vết nhơ của thân thể,

Lơ đãng, vết nhơ người bảo vệ.

Non-recitation is the rust of incantations;
non-exertion is the rust of homes;
sloth is the taint of beauty;
carelessness is the flaw of a watcher. -- 241

241. Không tụng, sét sách kinh,
Không siêng, dơ cửa nhà,
Lười biếng, bẩn thân ta.
Bê tha, nhớp người gác.

241 - La non répétition est la rouille des sutras, le non effort est la rouille des maisons, l'indolence est la corruption de la beauté, l'inattention est le défaut du veilleur.

241. Keine Rezitation der Sutras bringt die vernichtende Unreinheit der Liturgie; Keine Tatkraft bringt die Unsauberkeit des Haushalts; Nachlässigkeit verursacht die Unreinheit des Körpers; Unachtsamkeit bringt Nachlässigkeit des Wächters.


PC242

242. Tà hạnh, vết nhơ người đàn bà,

Keo kiệt, vết nhơ người cúng dường,

Đối với cõi này hay cõi sau

Thì vết nhơ chính là việc ác.

Misconduct is the taint of a woman.
Stinginess is the taint of a donor.
Taints, indeed, are all evil things
both in this world and in the next. -- 242

242. Tà hạnh, nhơ đàn bà,
Keo kiệt, bẩn kẻ thí,
Ác phép, vết han rỉ,
Cả đời nay đời sau.

242 - La mauvaise conduite est l'impureté de la femme ; l'avarice est l'impureté du donneur ; les impuretés, en vérité, sont toutes mauvaises choses dans ce monde et le prochain.

242. Bei einer Frau ist ungebührliches Verhalten eine Unreinheit; Bei einem Geber Geiz; Schlechte Taten sind die wirklichen Unreinheiten in dieser und der nächsten Welt.


PC243

243. Trong các vết nhơ đó,

Vô minh, nhơ hơn cả,

Hãy trừ hết vô minh,

Thành Tỷ kheo, thanh tịnh.

A worse taint than these
is ignorance, the greatest taint.
Abandoning this taint,
be taintless, O Bhikkhus! -- 243

243. Trong các loại bẩn ấy,
Vô minh nhớp tột cùng,
Trừ cấu uế, thanh tịnh,
Tỳ kheo ắt viên dung.

243 - Une plus mauvaise impureté que celles-ci est l'ignorance, la plus grande ;
Abandonnant cette impureté, soyez sans impuretés, ô Bhikkhous.

243. Unreiner als diese Unreinheiten ist die höchste Unreinheit: Unwissenheit; Wenn ihr diese Unreinheit aufgegeben habt, Mönche, seid ihr vollkommen und rein.

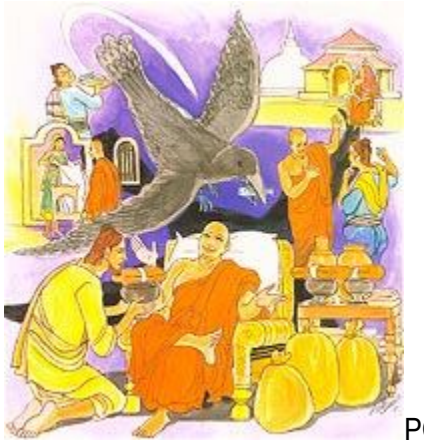
PC244

244. Sống không biết xấu hổ,

Lỗ mãng như quạ diều,

Sống chê bai kẻ khác,

Sống đại đởm khoa trương,

Sống ngạo mạn tà ác,

Như thế chẳng khó gì.

Easy is the life of a shameless one
who is as impudent as a crow,
back-biting, presumptuous,
arrogant, and corrupt. -- 244

244. Dễ thay sống trơ tráo,
Lỗ mãng như quạ diều,
Miệng bêu rêu, ngạo mạn.
Lòng ô nhiễm, tự kiêu.

244 - Facile à vivre est la vie de celui qui est sans honte, qui est impudent comme la corneille, médisant, hardi, arrogant et corrompu.

244. Das Leben ist so leicht, einfach für jemand, der skrupellos, listig wie eine Krähe, verderbt, verleumderisch, dreist und unverfroren ist.


PC245

245. Sống biết điều hổ thẹn,

Sống thường cầu thanh tịnh,

Sống không mê dục lạc,

Sống khiêm tốn, trong sạch

Và dồi dào kiến thức,

Như thế mới thực khó.

Hard is the life of a modest one

who ever seeks purity, is detached,
humble, clean in life, and reflective. -- 245

245. Khó thay sống khiêm tốn.

Thanh tịnh tâm vô tư,

Giản dị đời trong sạch,
Sáng suốt trọn kiếp người.

245 - Dure est la vie de celui qui est modeste, qui cherche constamment la pureté, est détaché, humble, de vie propre et intelligent.

245. Aber für jemanden, der fortwährend skrupelhaft, vorsichtig, aufmerksam, ernsthaft, rein in seiner Lebensführung, makellos in seinem Trachten ist, ist das Leben schwierig.


PC246

246. Trong thế gian này,

Ai hay sát sinh,

Ai hay nói dối,

Ai hay lấy cắp,

Ai hay phạm dâm,

Whoso in this world destroys life,

tells lies,

takes what is not given,
goes to others' wives, -- 247

246. Ở đời ai sát sanh,

Láo khoét không chân thật,

Lừa đảo trộm tài vật,
Gian díu vợ người ta,

246 - Celui qui, en ce monde, tue des vivants, dit des mensonges, prend ce qui n'est pas donné, va vers la femme des autres,

246. Wer tötet, lügt, stiehlt, zur Frau eines anderen geht,


PC247

247. Ai say rượu chè,

Ai thường nghiện ngập:

Có hành vi đó

Tự bỏ thiện căn

Ngay cõi đời này.

And is addicted to intoxicating drinks,

such a one digs up
his own root in this world. -- 247

247. Say sưa đến sa đà,

Nghiện ngập suốt ngày tháng,

Hạng người ấy không quản,
Bứng gốc mình đời nay.

247 - et l'homme qui s'adonne aux intoxicants et boissons, un tel homme déterre sa propre racine dans ce monde ci.

247. und abhängig von Drogen und Drinken ist, untergräbt seine eigenen Wurzeln schon in dieser Welt.


PC248

248. Các ngươi nên biết:

“Không lo chế ngự

Tức là ác đến”;

Vậy chớ tham lam,

Làm điều phi pháp,

Để khỏi sa vào

Thống khổ đời đời.

Know thus O good man:

"Not easy of restraint are evil things".

Let not greed and wickedness
drag you to protracted misery. -- 248

248. Bậc thiện nhơn nên biết,

Không tự chế là ác,

Đừng để tham, phi pháp,
Dìm ngươi khổ triền miên.

248 - Sache ainsi, ô brave homme ! « Malaisées à contrôler sont les mauvaises choses » ; Ne laisse pas la convoitise et la perversité te traîner vers la misère prolongée.

248. Wisse denn, mein Guter, daß schlechte Taten rücksichtslos sind; Laß dich nicht von Gier und Unredlichkeit mit langfristigem Leid bedrängen.


PC249

249. Vì có tín tâm hoan hỷ

Nên người ta mới cúng dường;

Ai ganh người khác ăn uống,

Ngày đêm không thể định tâm.

People give according to their faith
and as they are pleased.
Whoever therein is envious
of others' food and drink,
gains no peace either
by day or by night. -- 249

249. Do tín tâm hoan hỷ,
Nên người ta bố thí,
Ai đem lòng ganh tị,
Miếng ăn uống của người,
Kẻ ấy trong tâm tư,
Ngày đêm chẳng an tịnh.

249 - Les gens donnent suivant leur confiance et leur contentement ; quiconque, en cela, est envieux de la nourriture et de la boisson des autres, ne parvient pas à la paix mentale que ce soit de jour ou de nuit.

249. Menschen geben entsprechend ihrem Glauben, entsprechend ihrer Überzeugung; Wenn man sich aufregt über Essen und Trinken, das anderen gegeben wird, erlangt man keine Geistes-Sammlung bei Tag oder bei Nacht.

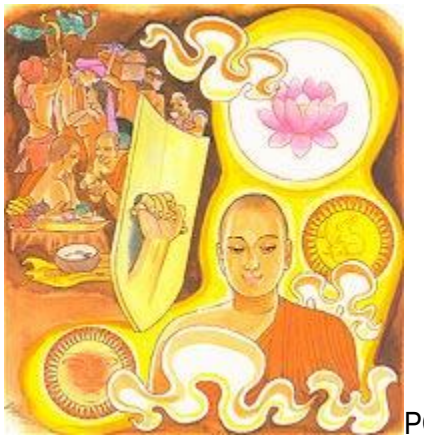 PC250

250. Kẻ nào đoạn được,

Diệt tâm tưởng ấy,

Thì ngày hoặc đêm,

Đều được định tâm.

But he who has
this (feeling) fully cut off,
uprooted and destroyed,
gains peace by day and by night. -- 250

250. Ai nhổ, chặt gốc rễ,
Tận diệt thói ghét ghen,
Người ấy cả ngày đêm,
Tâm thường được an tịnh.

250 - Mais celui qui a coupé complètement ceci : le sentiment, l'a déraciné, l'a détruit, atteint à la paix mentale de jour et de nuit.

250. Jemand jedoch, in dem dies durchschnitten, entwurzelt, ausgelöscht ist, erlangt Geistes-Sammlung bei Tag und Nacht.


PC251

251. Lửa nào dữ bằng lửa tham dục,

Cố chấp nào bền bằng sân giận,

Lưới nào buộc bằng lưới ngu si,

Sông nào hiểm bằng sông ái dục.

There is no fire like lust,

no grip like hate,

no net like delusion,
no river like craving. -- 251

251. Lửa nào bằng tham dục.

Chấp nào bằng hận sân.

Lưới nào bằng si ám.
Sông nào bằng ái ân.

251 - Il n'y a pas de feu semblable au désir, pas d'étreinte semblable à la haine, il n'y a pas de filet semblable à l'illusion, pas de flot semblable à la soif.

251. Kein Feuer brennt wie Leidenschaft, kein Griff hält wie Ärger, keine Schlinge fängt wie Täuschung, kein Fluß strömt wie Begierde.


PC252

252. Thấy lỗi người thì dễ,

Thấy lỗi mình thì khó;

Lỗi người, ta cố tìm

Như tìm thóc trong gạo;

Lỗi mình, ta cố che

Như cờ gian bạc lận

Cố thu giấu quân bài.

Easily seen are others' faults,
hard indeed to see are one's own.
Like chaff one winnows others' faults,
but one's own (faults) one hides,
as a crafty fowler conceals himself by camouflage. -- 252

252. Lỗi người thật dễ thấy.
Lỗi mình khó thấy thay!
Lỗi người thì cố bới,
Như sàng sảy trấu mày.
Lỗi mình thì cố giấu,
Như bẫy chim, núp ngay.

252 - Facilement vue les fautes des autres, difficiles à voir nos propres fautes, comme de la menue paille on trie la faute des autres ; mais on cache les siennes comme se dissimule un habile oiseleur.

252. Es ist leicht, die Fehler der anderen, aber schwierig, die eigenen zu sehen; Die Fehler der anderen siebt man heraus wie Spreu, die eigenen verbirgt man, wie ein Falschspieler einen unglücklichen Wurf.


PC253

253. Nếu thấy lỗi người ta,

Tâm dễ sinh nóng giận,

Làm phiền não tăng thêm,

Lậu hoặc khó tiêu trừ.

He who sees others' faults,

and is ever irritable,

-the corruptions of such a one grow.
He is far from the destruction of corruptions. -- 253

253. Nhìn thấy lỗi của người,

Mình sanh tâm tức giận,

Thế là phiền não tăng,
Lậu hoặc khó diệt tận.

253 - Celui qui voit les fautes des autres et est toujours irritable, ses purulences croîtront ; il est loin de la destruction des purulences.

253. Wenn du dich auf die Fehler anderer konzentrierst und dauernd an ihnen herumnörgelst, gedeihen deine Ausbrüche; Du bist von ihrem Aufhören weit entfernt.


PC254

254. Hư không làm gì có dấu vết,

Ngoại đạo làm gì có Sa môn (141);

Chúng sanh vốn thích điều hư vọng,

Như lai làm gì còn hư vọng (142).

CT (141) : Sa môn (samano) ở đây chỉ những vị chứng ngộ bốn thánh quả.
CT (142) : Nguyên văn : Papanca, gồm có nghĩa hư vọng và chướng ngại. Ở đây đặc biệt chỉ cho Ái (Tan-ha), Kiến (Ditthi), Mạn (Mano).

In the sky there is no track.

Outside there is no Saint.

Mankind delights in obstacles.
The Tathaagatas are free from obstacles. -- 254

254. Hư không không dấu vết,

Ngoại đạo không sa môn,

Nhân loại thích chướng ngại.
Như Lai thoát chướng phiền.

254 - Dans l'espace, il n'y a pas de sentier ; pas d'ascètes en dehors de la communauté ; les hommes trouvent leurs délices dans les obstacles ; les Bouddhas sont libres d'obstacles.

254. Es gibt im Raum keine Spur; außerhalb der Gemeinde keinen Mönch; Die Leute sind in Komplikationen verwickelt; frei von Komplikationen sind jedoch die Buddhas.

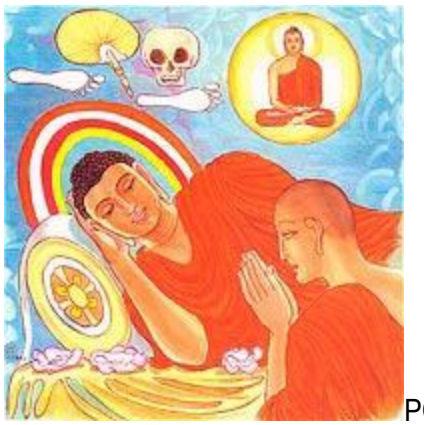 PC255

255. Hư không làm gì có dấu vết,

Ngoại đạo làm gì có Sa môn;

Năm uẩn làm gì không thường trú,

Như lai chẳng loạn động bao giờ.

In the sky there is no track.

Outside there is no Saint.

There are no conditioned that are eternal.
There is no instability in the Buddhas. -- 255

255. Hư không không dấu vết,

Ngoại đạo không sa môn,

Năm uẩn không vĩnh cửu,
Chư Phật không động sờn

255 - Dans l'espace il n'y a pas de sentier ; il n'y a pas d'ascètes en dehors de la communauté ; il n'y a pas de conditionné qui soit éternel ; il n'y a pas d'instabilité dans les Bouddhas.

255. Es gibt im Raum keine Spur, außerhalb der Gemeinde keinen Mönch, keine Gestaltungen sind ewig; kein Hin und Her in den Erwachten.

Phẩm XIX

DHAMMATTHA VAGGA - THE JUST OR RIGHTEOUS -

PHẨM PHÁP TRỤ (143)

CT (143): Pháp trụ (Dhammattha), có nghĩa là thực hành đúng pháp, an trụ phụng thờ đúng pháp, nên cũng dịch là "Phụng pháp".

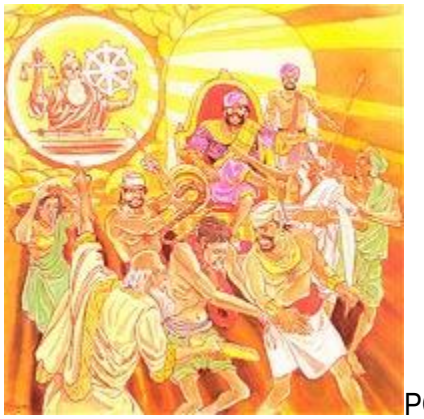 PC256

256. Xử sự lỗ mãng (144), vội xét đoán,

Đâu phải hạnh người theo Chánh pháp,

Người trí phân biệt đâu chánh, tà.

CT (144) : Lỗ mãng (Sahasa), bao hàm nghĩa cẩu thả, khinh xuất, độc đoán. Ở đây chỉ cho cái quan niệm bất chính xác, bởi chịu ảnh hưởng của tham, sân, si, bố úy mà sinh ra.

He is not thereby just
because he hastily arbitrates cases.
The wise man should investigate
both right and wrong. -- 256

256. Người ấy thiếu công bình,
Vì phân xử vội vã.
Bậc trí nên xét cả,
Hai trường hợp chánh tà.

256 - Il n'est pas juste celui qui juge hâtivement ; l'homme sage doit rechercher et le vrai et le faux.

256. Schnell ein Urteil zu fällen bedeutet nicht, daß man ein guter Richter ist; Der Weise, der beides abwägt, das richtige Urteil und das falsche, beurteilt andere unparteiisch.

 PC257

257. Không khi nào lỗ mãng,

Đúng phép và công bình

Mới là người dẫn đạo;

Kẻ trí sống theo pháp

Gọi là an trụ pháp.

The intelligent person who leads others
not falsely but lawfully and impartially,
who is a guardian of the law,
is called one who abides by the law
(dhamma.t.tha). -- 257

257. Bậc trí hướng dẫn người,
Vô tư và đúng pháp.
Người bảo vệ luật pháp,
Hẳn tôn trọng pháp luật.

257 - L'homme intelligent qui conduit les autres non faussement mais selon le Dhamma et impartialement et qui est gardien du Dhamma est appellé un « juste ».

257. In Übereinstimmung mit dem Dhamma, den Dhamma bewahrend, vom Dhamma geleitet, intelligent: so jemand ist ein Richter.

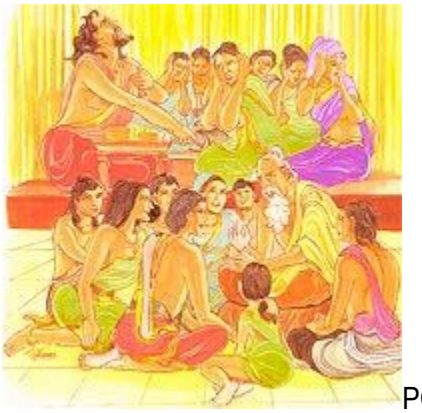 PC258

258. Chẳng phải cậy nhiều lời

Cho là người có trí;

An tịnh không cừu oán,

Không sợ, mới là trí.

One is not thereby a learned man
merely because one speaks much.
He who is secure, without hate,
and fearless is called "learned". -- 258

258. Không phải vì nói nhiều,
Là xứng danh bậc trí.
Người an tâm, vô úy,
Thân thiện là hiền tài.

258 - Ce n'est pas un sage simplement parce qu'il parle beaucoup ; celui qui est sûr, sans haine et sans peur est appellé un sage.

258. Wenn man einfach nur viel redet, heißt das nicht, daß man weise ist; Wer sicher ohne Feindseligkeit, furchtlos ist, gilt als weise.

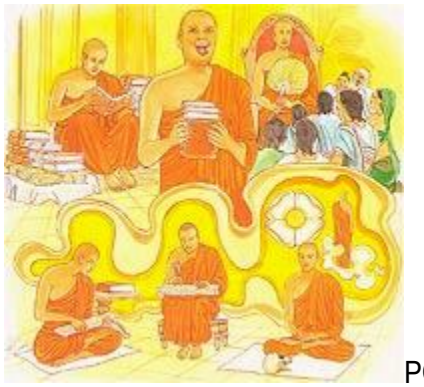
PC259

259. Chẳng phải cậy nhiều lời

Cho là hộ trì pháp,

Tuy ít học mà do

Thân thực (145) thấy chánh pháp,

Không buông lung, tu tập

Mới là người hộ trì.

CT (145): Do thân (Kayena), nguyên chú thích là "do danh thân" (Namakayena). Trong văn Pali chia năm uẩn ra hai loại : A. Danh thân (Namakayena), tức danh uẩn là thọ, tưởng, hành, thức uẩn ; B. Sắc thân (Rupakayena) tức là sắc uẩn. Như vậy, do thân thật thấy Chánh pháp tức là nói do tâm thật thấy Chánh pháp, là do tự nội tâm chứng ngộ Chánh pháp, đích thực, chứ không vịn lấy chỗ ngộ do người làm cho mình ngộ … Chữ thân là một chứa nhóm, đồng nghĩa với chữ uẩn.

One is not versed in the Dhamma
merely because one speaks too much.
He who hears little
and sees the Dhamma mentally,
and who does not neglect the Dhamma,
is, indeed, versed in the Dhamma. -- 259

259. Không phải vì nói nhiều,
Là thọ trì chánh pháp.
Người nghe ít diệu pháp,
Nhưng trực nhận viên dung,
Chánh pháp không buông lung,
Là thọ trì chánh pháp.

259 - Il n'est pas « versé dans le Dhamma» simplement parce qu'il parle beaucoup ; celui qui écoute peu et voit le Dhamma par le corps et esprit est en vérité « versé dans le Dhamma» ; ainsi en est-il de celui qui n'est pas négligent vis-à-vis du Dhamma .

259. Wenn man einfach nur viel redet, pflegt man nicht den Dhamma; Wer auch immer, obwohl er fast nichts vom Dhamma gehört hat, den Dhamma mit dem Körper sieht, nicht achtlos gegenüber dem Dhamma ist: Er pflegt den Dhamma.

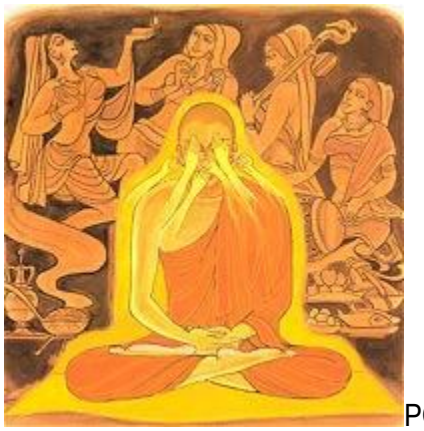 PC260

260. Trưởng lão (146) chẳng vì bạc đầu,

Nếu chỉ vì tuổi tác cao

Xưng trưởng lão, chỉ xưng suông.

CT (146): Trưởng lão (Thera), tiếng tôn xưng người đã giữ giới Tỷ kheo mười năm trở lên, nhưng vốn trọng về thực tu thực chứng, nếu không thì chỉ là cách gọi suông.

He is not thereby an Elder (thera)

merely because his head is grey.

Ripe is he in age.
"Old-in-vain" is he called. -- 260

260. Không phải vì bạc đầu,

Là xứng danh Trưởng lão.

Vị ấy dù tuổi cao,
Nhưng là sư già hão!

260 - Pas plus est-il un « Théra » simplement parce que sa tête est grise et que son âge est mur : «un vieux en vain » serait-il appelé.

260. Wenn man ein graues Haupt hat, bedeutet das nicht, daß man ein “Ehrwürdiger” ist; Man ist in die Jahre gekommen und wird nur ein “alter Depp” genannt.

 PC261

261. Đủ kiến giải chân thật (147),

Giữ trọn các pháp hành (148),

Không sát hại sinh linh,

Lo tiết chế (149) điều phục (150),

Người có trí tuệ đó

Trừ hết các cấu nhơ,

Mới xứng danh trưởng lão.

CT (147): Chỉ lý Tứ Đế .

CT (148): Chỉ bốn quả, bốn hướng và Niết bàn.

CT (149): Chỉ hết thảy giới luật.
CT (150): Đặc biệt chỉ điều phục năm căn: nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân.

In whom are truth, virtue,
harmlessness, and control,
that wise man who is purged of impurities,
is, indeed, called an Elder. -- 261

261. Sống chân thật, chánh hạnh,
Vô hại, điều phục mình,
Bậc trí trừ cấu uế,
Là Trưởng lão cao minh.

261 - Celui en qui sont vérité, vertu, non violence, contrôle et discipline, cet homme sage (dhira) qui a rejeté les impuretés est, en vérité, appelé un « Thera ».

261. Aber jemand mit Wahrhaftigkeit, Zurückhaltung, Rechtschaffenheit, Freundlichkeit, Selbstkontrolle, er wird als 'Ehrwürdiger' bezeichnet, der seine Unreinheiten ausgespien hat.


PC262

262. Những người hư ngụy kia,

Tật đố và xan tham,

Tuy biện tài lưu loát,

Tướng mạo tuy đoan trang,

Chẳng phải người lương thiện.

Not by mere eloquence,
nor by handsome appearance,
does a man become good-natured,
should he be jealous, selfish,
and deceitful. -- 262

262. Không phải tài hùng biện,
Hay vóc dáng đường đường,
Là ra bậc hiền lương,
Nếu ganh, tham, dối trá!

262 - Non par seule éloquence, non par belle apparence, un homme devient-il « de bonne nature », s'il est jaloux, égoïste ou menteur.

262. Nicht durch gutes Reden oder ein lotusfarbiges Gesicht wird ein neidischer, elender Betrüger ein vorbildlicher Mensch.


PC263

263. Người trí nhờ diệt trừ

Tận gốc lòng sân hận,

Mới là người lương thiện.

But in whom these are wholly cut off,
uprooted and extinct,
that wise man who is purged of hatred,
is, indeed, called good-natured. -- 263

263. Nhổ chặt sạch gốc rễ,
Dập tắt tâm tham lường,
Bậc trí diệt sân hận,
Là xứng danh hiền lương.

263 - Mais celui en qui ces défauts sont complètement coupés, arrachés et éteints, cet homme sage (medhavi) qui a rejeté la haine est appelé, en vérité, « de bonne nature ».

263. Jemand jedoch, bei dem die Unreinheiten durchschnitten, ausgelöscht sind, wird vorbildlich genannt, seinen Widerwillen hat er ausgespien, er ist wirklich weise.

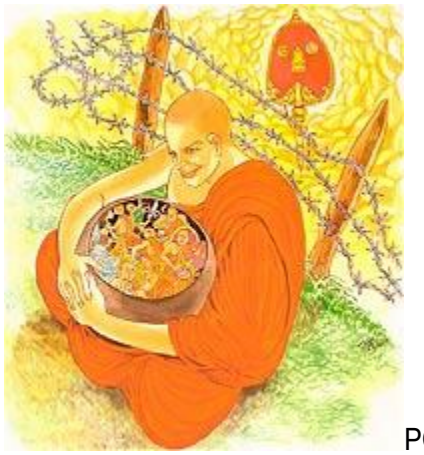

PC264

264. Người vọng ngữ và phá giới,

Cạo tóc chưa là Sa môn,

Huống còn chất đầy tham dục,

Làm sao gọi là Sa môn ?

Not by a shaven head
does an undisciplined man,
who utters lies, become a monk.
How will one who is full of desire and greed
be a monk? -- 264

264. Không phải đầu cạo nhẵn,
Là nên danh sa môn,
Nếu buông lung láo khoét,
Đầy tham dục tâm hồn!

264 - Ce n'est pas en se rasant la tête qu'un homme indocile qui profère des mensonges devient un ascète ; Comment serait un ascète, lui qui est plein de désir et de convoitise ?

264. Ein kahlrasierter Kopf weist nicht auf einen Bhikkhu hin; Ein Lügner, der seine Verpflichtungen nicht einhält, der mit Gier und Verlangen erfüllt ist : was ist das für ein Bhikkhu?

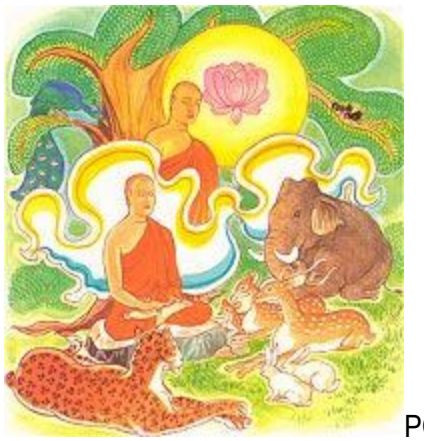
PC265

265. Dứt hết các điều ác,

Không luận lớn hay nhỏ,

Nhờ trừ hết các ác,

Mới được gọi Sa môn.

He who wholly subdues evil deeds

both small and great

is called a monk
because he has overcome all evil. – 265

265. Ai hàng phục trọn vẹn,

Mọi ác nghiệp tế thô,

Vị ấy là sa môn,
Nhờ trừ nghiệp thô tế.

265 - Celui qui a subjugué totalement le mal - petit et grand - est appelé un ascète, parce qu'il a vaincu tout mal.

265. Wer aber die Mißklänge seiner schlechten Eigenschaften, ob groß oder klein, in jeglicher Hinsicht bereinigt, indem er das Schlechte zum Schweigen bringt : der wird ein Bhikkhu genannt.


PC266

266. Chỉ mang bát khất thực,

Đâu phải là Tỷ kheo?

Sống đúng theo giới luật

Mới thật là Tỷ kheo.

He is not thereby a bhikkhu
merely because he begs from others;
by following the whole code (of morality)
one certainly becomes a bhikkhu and
not (merely) by such begging. – 266

266. Không phải đi khất thực,
Là đích thực tỳ kheo,
Bậc đích thực tỳ kheo,
Là sống theo giới luật.

266 - Non plus est-il un Bhikkhou simplement parce qu'il obtient des fidèles sa nourriture ; En adoptant des manières offensantes, on ne deviendra certainement pas un Bhikkhou, mais doit observer les règles des Bhikkhous.

266. Wenn man von anderen Gaben erbittet, heißt das nicht, daß man ein Mönch ist; Man ist wirklich ein Mönch, wenn man die Mönchregeln respektiert.



PC267

267. Bỏ thiện (151) và bỏ ác,

Chuyên tu hành thanh tịnh,

"Biết" (152) chánh pháp mà tu,

Mới thật là Tỷ kheo.

CT (151) : Thiện đây chỉ cái thiện hữu lậu, là cái Thiện làm với tâm bỉ thử ngã nhân.
CT (152): Biết giới, biết định, biết tuệ.

Herein he who has transcended
both good and evil,
whose conduct is sublime,
who lives with understanding in this world,
he, indeed, is called a bhikkhu. -- 267

267. Ai siêu việt thiện ác,
Sống đức hạnh tuyệt vời,
Thấu triệt được lẽ đời,
Là tỳ kheo đích thực.

267 - En ceci, qu'il a abandonné le mérite et le démérite, qu'il est brahmacarya, qu'il vit dans ce monde avec compréhension, vraiment il est appelé un Bhikkhou.

267. Wer aber Reichtum, Schaden, Gute und Böse beiseite legt und das Zölibat lebt, wer wohlüberlegt die Welt durchschreitet: der gilt als Mönch.


PC268

268. Kẻ ngu muội vô trí,

Dù làm thinh cũng không

Gọi là người tịch tịnh;

Kẻ trí tuệ sáng suốt

Biết cân nhắc điều thiện

Bỏ ác mà chọn lành.

Not by silence (alone) -
does he who is dull and ignorant become a sage;
but that wise man who,
as if holding a pair of scales,
embraces the best and shuns evil,
is indeed a sage. -- 268

268. Im lặng nhưng ngu si,
Đâu phải là hiền trí,
Như cầm cân công lý,
Bậc trí chọn điều lành.

268 - Non par le silence seulement, il deviendra un sage (muni), celui qui est inerte et ignorant ; mais l'homme sage (pandito), qui, comme s'il se saisissait d'une balance, prend le meilleur et fuit le mal, est vraiment un sage.

268. Nicht durch Schweigen wird ein Verwirrter und Unwissender zum Weisen; Gleich wenn jemand zwei Waagschalen hielte und das Vorzügliche wählte, so weist ein Weiser schlechte Taten zurück und wählt gute Taten.



PC269

269. Bỏ dữ, chọn điều lành

Gọi là người tịch tịnh;

Biết đời này, đời sau,

Gọi là người tịch tịnh.

For that reason, he is a sage.

He who understands both worlds
is, therefore, called a sage. -- 269

269. Từ bỏ mọi ác pháp,

Là xứng danh bậc trí,

Người được gọi hiền sĩ,
Am hiểu cả hai đời.

269. Pour cette raison, il est un sage, celui qui rejette le mal et comprend ce monde et l'avenir est, en conséquence, appelé un Sage.

269. Schlechte Taten zurückweist: der ist ein Weiser; Diese Welt und die nächste Welt verstehen: dadurch gilt man als Weiser.


PC270

270. Còn sát hại chúng sanh,

Đâu phải là Thánh hiền;

Không sát hại chúng sanh,

Mới gọi là Thánh hiền (153).

CT (153): Chữ Ariya có nghĩa là hiền đức, cao thượng. Phật đối với người đánh cá tên Ariya mà nói ra bài này.

He is not therefore an Ariya (Noble)
in that he harms living beings;
through his harmlessness
towards all living beings
is he called an Ariya (Noble). -- 270

270. Còn sát hại chúng sanh,
Đâu phải là hiền thánh,
Không sát hại chúng sanh,
Là đích thị thánh hiền.

270 - Non plus est-il un Ariya celui qui blesse les êtres vivants ; Par la non-violence envers tous les êtres vivants, il est appelé, un Ariya.

270. Nicht indem man Leben verletzt wird man edel; Man wird zum Edlen dadurch, daß man zu allem Lebendigen Schaden nicht verursacht oder die sogar tötet.

 PC271

271. Chẳng do giới luật đầu đà (154),

Chẳng do nghe nhiều, học rộng (155),

Chẳng do chứng được tam muội,

Chẳng do ở riêng một mình,

Mà phát sanh tâm tự mãn.

CT (154): Giới luật đây chỉ cho Biệt giải thoát luật nghi giới, căn bản luật nghi giới. Đầu đà (Dhutanga) là hạnh tu kham khổ, tiết độ trong việc ăn, mặc, ở, để dứt sạch phiền não, gồm có mười hai hạnh, riêng cho một số người tu.
CT (155): Học ba tạng (Tripitaka).

Not only by mere morality and austerities
nor again by much learning,
nor even by developing mental concentration,
nor by secluded lodging, -- 271

271. Không phải giữ giới luật,
Khổ hạnh hay học nhiều,
Thiền định, hay ẩn dật,
Mà sanh tâm tự kiêu.

271 - Non à cause d'une simple moralité et accomplissement des devoirs, non plus à cause de beaucoup d'études, ni même à cause de l'acquisition de la concentration, ni à cause de la réclusion, ne devez-vous vous reposer satisfait, sans atteindre l'extinction des purulence (asava).

271. Mönch, laß nie zu, daß du wegen deiner Gelübdebefolgung, großer Gelehrsamkeit, Meditationserfolgen, Leben in Abgeschiedenheit je zuläßt, daß du selbstzufrieden wirst, solange das Ende der Unreinheiten noch nicht erreicht ist.


PC272

272. Đừng vội cho là mình

”Hưởng được vui xuất gia,

Phàm phu không bì kịp”,

Các ngươi chớ tự mãn,

Khi mê lầm phiền não

Của các ngươi chưa trừ.

(thinking) "I enjoy the bliss of renunciation
not resorted to by the worldling"
(not with these) should you, O bhikkhu, rest content
without reaching the extinction of the corruptions. -- 272

272. "Ta hưởng phúc xuất thế,
Phàm phu hưởng được nào",
Tỳ kheo, chớ tự mãn,
Lậu hoặc hãy triệt tiêu.

272 - En pensant: « je jouis de la béatitude de la renonciation, non fréquentée par le mondain », ne devez-vous vous reposer satisfait, sans atteindre l'extinction des purulence (asava).

272. Mönch, laß nie zu, daß du dem Gedanken: ' Ich bin in Berührung mit dem Wohlgefühl der Zurückgezogenheit, das gewöhnliche Leute nicht kennen' je zuläßt, daß du selbstzufrieden wirst, solange das Ende der Unreinheiten noch nicht erreicht ist.



BUDDHANET.NET PRESENTS

THE ILLUSTRATED DHAMMAPADA

Treasury of Truth

CHAPTER 20, THE PATH

Phẩm XX
MAGGA VAGGA - THE PATH - PHẨM ĐẠO



PC273

273. Bát chánh đạo là đạo

Thù thắng hơn các đạo,

Tứ đế (156) là chân lý

Thù thắng hơn các lý,

Ly dục (157) là pháp hạnh

Thù thắng hơn các pháp,

Cụ nhãn (158) là cấp bậc

Thù thắng hơn thánh hiền.

CT (156): Bốn đế (tứ cú) : Khổ (dukkha), khổ tập (dukkha-ssamudaya), khổ diệt (dukkhanirodha) khổ diệt đạo (dukkhaniaodhagaminipatipada). Xưa dịch là : khổ, tập, diệt, đạo.

CT (157): Chỉ Niết bàn

CT (158): Chỉ Phật đà. Phật đủ năm mắt : nhục nhãn (namsa-cakkhu), thiên nhãn (dibhacakkhu), huệ nhãn (panna-cakkhu), Phật nhãn (Buddhacakkhu), nhất thế trí nhãn (Samantacakkhu).

The best of paths is the Eightfold Path.

The best of truths are the four Sayings.

Non-attachment is the best of states.
The best of bipeds is the Seeing One. -- 273

273. Tám chánh, đường thù thắng,

Bốn câu, lý tuyệt luân.

Ly tham, pháp tối thượng.
Pháp nhãn, đấng siêu quần.

273 - Des sentiers, l'octuple est le meilleur ; Des vérités les Quatre Déclarations sont les meilleures. L'état sans passions est le meilleur des états ; Des êtres à deux pieds, le voyant est le meilleur.

273. An Pfaden ist der achtfache unübertroffen; An Wahrheiten, die vier; An guten Eigenschaften, Leidenschaftslosigkeit; An zweibeinigen Wesen, der mit den sehenden Augen.


PC274

274. Chỉ con đường chánh pháp (159),

Chẳng con đường nào khác

Làm tri kiến thanh tịnh,

Các ngươi thuận làm theo,

Ác ma bị rối loạn.

CT (159): Tứ đế, Bát chánh đạo, Niết bàn.

This is the only Way.

There is none other for the purity of vision.

Do you follow this path.
This is the bewilderment of Maara. -- 274

274. Hướng tri kiến thanh tịnh,

Duy chỉ có đường này.

Nếu ngươi theo đường này,
Ma vương ắt rối loạn.

274 - Ceci est la seule Voie, il n'y en a pas d'autre pour la pureté de la vision ; entrez dans ce sentier, c'est la déroute de Mâra.

274. Genau dies ist der alleinige Pfad, um die geistige Sehkraft zu reinigen; Folgt ihm, das wird Mara in Bestürzung versetzen.


PC275

275. Thuận tu theo Chánh đạo,

Khổ não sẽ dứt hết,

Biết rằng đạo ta nói

Sẽ trừ diệt chông gai (160).

CT (160) : Chỉ cho tham, sân, si v.v…

Entering upon that path,

you will make an end of pain.

Having learnt the removal of thorns,
have I taught you the path. -- 275

275. Đi trên đường Tám Chánh,

Là tránh mọi đau thương.

Ta dạy ngươi con đường,
Nhổ sạch mọi gai gốc.

275 - Entrant dans cette Voie, vous mettrez fin à la douleur ; L'ayant appris, je vous ai enseigné le sentier de l'enlèvement des épines.

275. Wenn ihr ihm folgt, beendet ihr Leid und Unglück ; Ich habe euch diesen achtfachen Pfad gelehrt, um das Herausziehen der Pfeile zu ermöglichen.

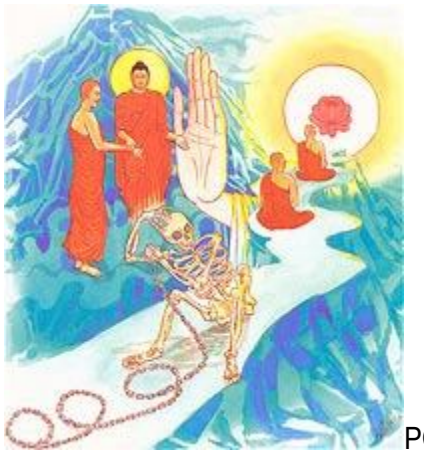
PC276

276. Các ngươi hãy nỗ lực lên (161)!

Như Lai chỉ dạy con đường (162),

Tùy sức Thiền định các ngươi,

Ma vương hết đường trói buộc.

CT (161): Các Tăng già Tích Lan mỗi khi khai một hội nghị để luận bàn việc trọng đại, thường lấy bài này làm khẩu hiệu kêu gọi.

Striving should be done by yourselves;
the Tathaagatas are only teachers.
The meditative ones, who enter the way,
are delivered from the bonds of Maara. -- 276

276. Hãy nỗ lực tinh tấn,
Như Lai bậc dẫn đường.
Ai tu tập thiền định,
Ắt thoát vòng Ma vương.

276 - Vous, vous-mêmes, devez faire un effort, les Tathagata sont seulement des instructeurs ; les méditatifs qui entrent dans la voie sont libérés des liens de Mâra.

276. An euch ist es, sich zu mühen mit Begeisterung; Die Buddhas zeigen einfach nur den Weg; Jene, die meditieren, werden befreit von den Fesseln Maras.

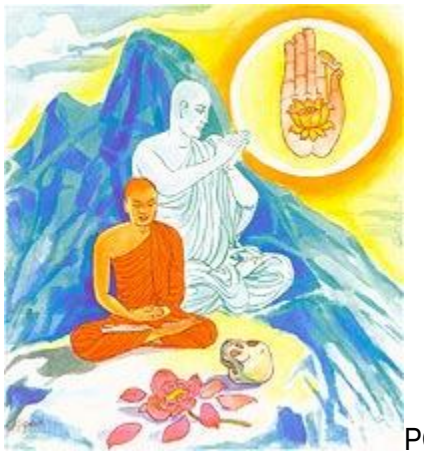
PC277

277. "Các hành (163) đều vô thường",

Đem trí tuệ soi xét,

Sẽ nhàm lìa thống khổ,

Đó là đạo thanh tịnh.

CT (163): Tất cả hiện tượng .

Transient are all conditioned things:
when this, with wisdom, one discerns,
then is one disgusted with ill;
this is the path to purity. -- 277

277. Nhờ trí tuệ quán chiếu,
Thấy các hành vô thường;
Thế là chán đau thương,
Đây chính đường thanh tịnh.

277 - « Impermanentes sont toutes choses conditionnées » ; Quand on discerne ceci avec sagesse, on est dégoûté de l'insatisfaisant ; Ceci conduit au sentier de la Pureté.

277. Wenn man mit Einsicht erkennt: "alle Gestaltungen sind unbeständig", so wird man von Beständigkeit entzaubert; Das ist der Pfad zur Reinheit.

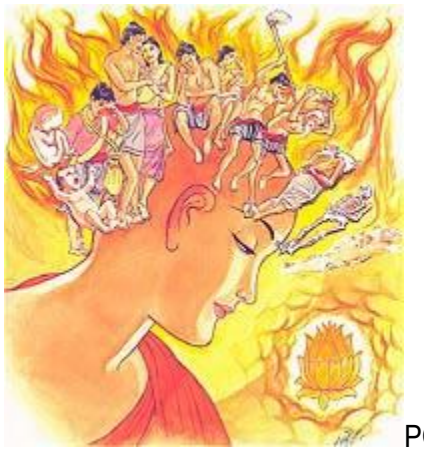
PC278

278. “Các hành đều là khổ”,

Đem trí tuệ soi xét,

Sẽ nhàm lìa thống khổ,

Đó là đạo thanh tịnh.

"Sorrowful are all conditioned things":
when this, with wisdom, one discerns,
then is one disgusted with ill;
this is the path to purity. -- 278

278. Nhờ trí tuệ quán chiếu,
Thấy các hành khổ đau;
Thế là chán khổ đau,
Đây chính đường thanh tịnh.

278 - « Malheureuses sont toutes choses conditionnées » ; quand on discerne ceci avec sagesse, on est dégoûté du malheur ; Ceci est le sentier de la Pureté.

278. Wenn man mit Einsicht erkennt: ”alle Gestaltungen bereiten Unglück”; so wird man von Glück entzaubert; Das ist der Pfad zur Reinheit.

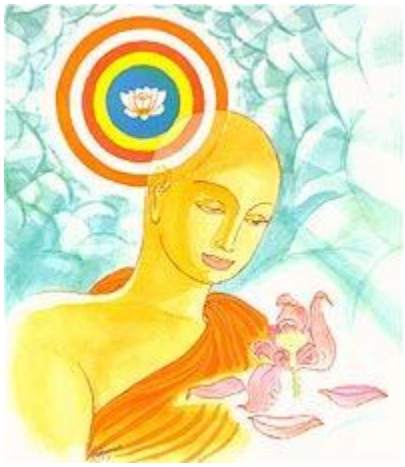
PC279

279. “Các pháp đều vô ngã”,

Đem trí tuệ soi xét,

Sẽ nhàm lìa thống khổ,

Đó là đạo thanh tịnh.

"All Dhammas are without a soul":
when this, with wisdom, one discerns,
then is one disgusted with ill;
this is the path to purity. -- 279

279. Nhờ trí tuệ quán chiếu,
Thấy pháp vô ngã rồi;
Thế là chán khổ thôi,
Đây chính đường thanh tịnh.

279 - « Sans essence sont toutes choses » ; quand on discerne ceci avec sagesse, on est dégoûté de l'insatisfaisant ; Ceci est le sentier de la Pureté .

279. Wenn man mit Einsicht erkennt: “alle Erscheinungen sind Nicht-Selbst”; so wird man von Selbst (Ego) entzaubert; Das ist der Pfad zur Reinheit.

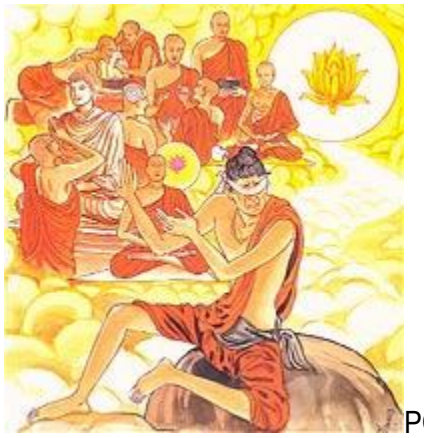 PC280

280. Đáng nỗ lực, không nỗ lực,

Thiếu niên cường tráng lười biếng,

Ý chí tiêu trầm nhu nhược,

Sao có trí để ngộ đạo !

The inactive idler who strives not
when he should strive,
who, though young and strong, is slothful,
with (good) thoughts depressed,
does not by wisdom realize the Path. -- 280

280. Khi cần không nỗ lực,
Tuy trẻ khỏe nhưng lười,
Chí cùn, trí thụ động,
Ngộ đạo sao được ngươi!

280 - Le nonchalant qui ne lutte pas quand il doit lutter, qui, bien qu'il soit jeune et fort, est indolent, dont l'intention d'aspiration est affaiblie, qui est paresseux, ne réalisera pas la Voie par la Connaissance transcendante.

280. Wenn Zeit ist, den ersten Schritt zu tun, bleibt er untätig; Jung, stark, aber träge, die Vorsätze seines Herzens ermattet, so verliert der Träge, Faule, den Pfad zur Einsicht.


PC281

281. Thận trọng lời nói,

Kềm chế ý nghĩ,

Thân không làm ác,

Ba nghiệp thanh tịnh,

Là đạo Thánh nhơn.

Watchful of speech, well restrained in mind,
let him do nought unskilful through his body.
Let him purify these three ways of action
and win the path realized by the sages. -- 281

281. Thân không được làm ác,
Khéo giữ ý giữ lời,
Thường thanh tịnh ba nghiệp,
Đạt đạo thánh nhân thôi.

281 - Gardé en paroles, bien contrôlé en mental, qu'il ne fasse rien de non méritoire par le corps, qu'il purifie ces trois modes d'action et conquière le sentier réalisé par les Sages.

281. Aufmerksam beim Sprechen, gezügelt im Gedanken, solltet ihr nichts Ungeeignetes mit dem Körper tun; Reinigt diese drei Wege des Tuns; Bringt zur Reife den Pfad, den Weiser verkündet haben.

 PC282

282. Tu Du-già (164) trí phát,

Bỏ Du-già tuệ tiêu,

Biết rõ hai lẽ này,

Thế nào là đắc thất,

Rồi nỗ lực thực hành,

Sẽ tăng trưởng trí tuệ.

CT (164): Du già (Yoga) tức là thiền định.

Verily, from meditation arises wisdom.
Without meditation wisdom wanes.
Knowing this twofold path of gain and loss,
let one so conduct oneself
that wisdom may increase. -- 282

282. Tu thiền trí tuệ sanh.
Bỏ thiền trí tuệ diệt.
Được mất khéo phân biệt,
Biết rõ đường chánh tà,
Tự nỗ lực theo đà,
Trí tuệ dần tăng trưởng.

282 - De la méditation naît la sagesse, sans méditation la sagesse s'évanouit ; Connaissant ce double sentier de perte et de gain, que l'on se conduise de façon à ce que la Sagesse puisse croître.

282. Aus Meditation entsteht Weisheit; ohne Meditation, das Ende der Weisheit; Indem ihr diese Wege zu Entwicklung oder zu Verfall kennt, verhaltet euch so, daß sich die Weisheit vermehrt.


PC283

283. Hãy đốn rừng dục vọng,

Chớ đốn cây thọ lâm,

Từ rừng dục sinh sợ,

Hãy thoát ngoài rừng dục.

Cut down the forest (of the passions), but not real trees.

From the forest (of the passions) springs fear.

Cutting down both forest and brushwood
(of the passions),be forestless, O bhikkhus. -- 283

283. Đốn rừng chớ đốn cây,

Vì rừng gây sợ hãi.

Nên đốn rừng tham ái,
Tỳ kheo, hãy ly tham.

283 - Coupez la forêt des passions mais non les arbres réels ; Car de la forêt des passions naît la peur ; Coupant la forêt et les taillis, soyez libres , ô Bhikkhous .

283. Fällt den Wald der Begierde, nicht den Wald von Bäumen; Aus dem Wald der Begierde kommen Gefahr und Furcht; Wenn ihr diesen Wald gefällt habt und sein Unterholz, Mönche, seid entwaldet.

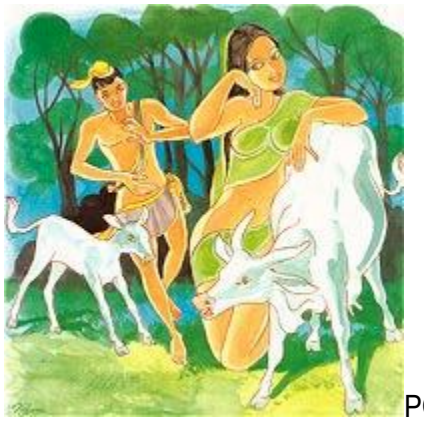 PC284

284. Dây tình trai gái chưa dứt,

Tâm còn bị buộc ràng như

Bò con chẳng rời vú mẹ.

For as long as the slightest brushwood (of the passions)
of man towards women is not cut down,
so long is his mind in bondage,
like the milch calf to its mother-cow. -- 284

284. Bao lâu chưa đoạn tuyệt,
Ái dục giữa gái trai,
Tâm tư đeo đuổi hoài,
Như bê con theo mẹ.

284 - Car aussi longtemps que le taillis (des passions) d'un homme envers les femmes n'est pas coupé, restât-il un brin, aussi longtemps son mental est dans les liens ; comme le veau qui tète encore est lié à sa mère.

284. Denn so lange wie das kleinste bißchen Unterholz eines Mannes für Frauen nicht gerodet ist, ist das Herz gebunden, wie ein säugendes Kalb an seine Mutter.

 PC285

285. Tự mình dứt hết ái dục

Như tay bẻ cành sen thu,

Siêng năng tu đạo tịch tịnh,

Niết bàn Thiện thệ (165) truyền dạy.

CT (165): Thiện Thệ (Sugato) tức là Phật đà.

Cut off your affection,

as though it were an autumn lily, with the hand.

Cultivate the very path of peace.

Nibbaana has been expounded
by the Auspicious One. -- 285

285. Hãy cắt tiệt ái dục,

Như tay ngắt sen thu.

Đạo tịch tịnh gắng tu,
Bậc Thiện Thệ dạy vậy.

285 - Coupez votre affection, comme avec la main un lotus d'automne ;
Cultivez ce véritable sentier de Paix ; Ceci a été exposé par le Bien Allé.

285. Macht euren Sinn zur Selbst Verlockung zunichte, wie eine Herbstlotusblüte in der Hand;
Pflegt nur den Pfad zum Frieden, wie er vom 'Vollständig Gegangenen' gelehrt wurde.

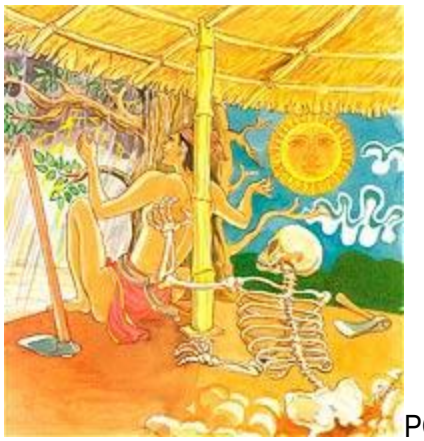
PC286

286. “Mùa mưa ta ở đây,

Đông, hạ, cũng ở đây”,

Tâm tưởng người ngu si,

Không tự giác hiểm nguy (166).

CT (166): Chẳng biết sự nguy hiểm về cái chết là cách nào, ở đâu, lúc nào.

Here will I live in the rainy season,

here in the autumn and in the summer:

thus muses the fool.
He realizes not the danger (of death). -- 286

286. Mùa mưa ta ở đây,

Hè thu ta ở đây.

Kẻ ngu si nghĩ vậy,
Nào đâu thấy hiểm nguy.

286 - Je veux demeurer ici à la saison des pluies, là en automne et en été, ainsi le fou rêve ; il ne réalise pas le danger de mort.

286. “Hier werde ich während der Regenzeit bleiben. Hier im Sommer und Winter”; Das malt sich der Narr aus und ist sich keiner Gefahr bewußt.


PC287

287. Người đắm yêu con,

Súc vật đầy đàn,

Tâm thường mê hoặc,

Tử thần bắt đi,

Như làng say ngủ

Nước lũ cuốn trôi.

The doting man with mind set on children and herds,
death seizes and carries away,
as a great flood (sweeps away)
a slumbering village. -- 287

287. Người ham nhiều con cái,
Thích súc vật dư thừa,
Tử thần sẽ kéo bừa,
Như lụt cuốn làng ngủ.

287 - L'homme possédé par le désir ardent, dont le mental est fixé sur les enfants et les troupeaux, la mort le saisit et l'emporte comme un grand flot le village endormi.

287. Den sein-Sohn-und-Vieh-Betrunkenen, der geistig völlig verstrickt ist: Der Tod fegt ihn hinweg, wie eine große Flut ein schlafendes Dorf.

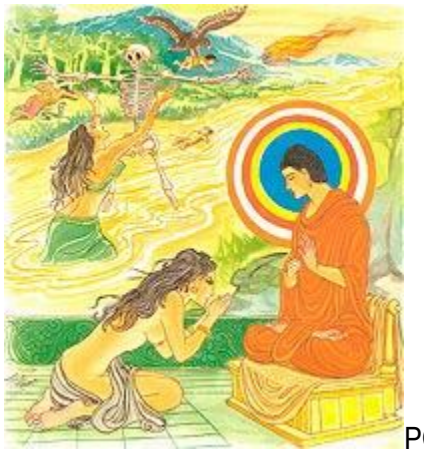 PC288

288. Một khi tử thần đến,

Chẳng thân thuộc nào thay,

Dù cha con thân thích

Chẳng làm sao cứu hộ.

There are no sons for one's protection,

neither father nor even kinsmen;

for one who is overcome by death
no protection is to be found among kinsmen. -- 288

288. Con cái nào chở che,

Mẹ cha nào o bế,

Thân thích nào bảo vệ,
Khi bị thần chết lôi.

288 - Là, aucun fils comme protection, ni père ni même des parents ; Pour celui qui est vaincu par la mort, là, pas de protection par des parents.

288. Es gibt keine Söhne die einen schützen, keinen Vater, keine Familie für den, den der Tod im Griff hat, keinen Schutz unter Verwandten.

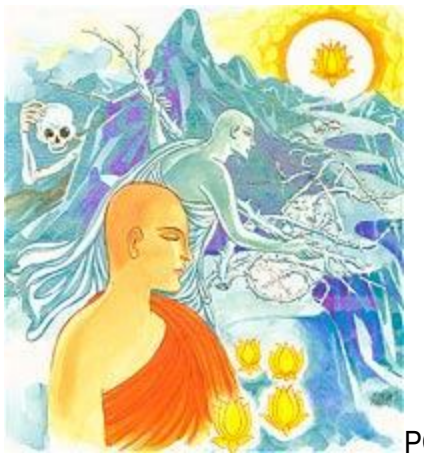
PC289

289. Biết rõ lý lẽ trên (167)

Người trí gắng trì giới,

Thấu hiểu đường Niết bàn,

Mau làm cho thanh tịnh.

CT (167): Chỉ ý nghĩa của bài trên.

Realizing this fact,

let the virtuous and wise person

swiftly clear the way
that leads to Nibbaana. -- 289

289. Hiểu rõ sự lý trên,

Bậc trí nên trì giới,

Khai sáng đường đi tới,
Trực chỉ đến Niết bàn.

289 - Comprenant ce fait, que l'homme sage, moralement contrôlé, dégage rapidement la vole qui mène à Nirvana.

289. Im Bewußtsein dieser zwingenden Einsicht sollte der Weise, von Tugend geleitet, den Pfad rein machen sofort, der bis hin zur Befreiung führt.

Phẩm XXI
PAKINNAKA VAGGA - MISCELLANEOUS - PHẨM TẠP

 PC290

290. Nếu bỏ vui nhỏ

Được hưởng vui lớn,

Kẻ trí làm vậy.

If by giving up a lesser happiness,

one may behold a greater one,

let the wise man give up the lesser happiness
in consideration of the greater happiness. -- 290

290. Nếu bỏ hạnh phúc nhỏ,

Để được hạnh phúc to,

Bậc trí chẳng đắn đo,
Bỏ ngay hạnh phúc nhỏ.

290 - Si en renonçant à quelque petit bonheur, on peut obtenir un plus grand ; que l'homme sage (dhira) renonce au petit considérant le plus grand bonheur.

290. Wenn er dadurch, daß er auf ein begrenztes Wohlergehen verzichtete, reichliches Wohlergehen erführe, würde der weise Mensch auf das begrenzte Wohlergehen verzichten, des reichlichen zugunsten.

 PC291

291. Gieo khổ cho người

Cầu vui cho mình,

Sân hận buộc ràng,

Sao thoát nỗi oán.

He who wishes his own happiness

by causing pain to others

is not released from hatred,
being himself entangled in the tangles of hatred. -- 291

291. Mình mưu cầu hạnh phúc,

Lại gây khổ cho người,

Thế là chuốc hận thù,
Không sao trừ hết hận.

291 - En infligeant la douleur aux autres, celui qui désire son propre bonheur n'est pas soulagé de la haine, étant lui-même embarrassé dans les liens de la haine .

291. Er sucht sein eigenes Glück, indem er anderen Unglück bereitet; Da er in das Hin und Her von Feindseligkeiten verstrickt ist, wird er nicht befreit von Feindseligkeit.


PC292

292. Việc đáng làm không làm,

Việc không đáng lại làm,

Người phóng túng ngạo mạn,

Lậu tập mãi tăng thêm.

What should have been done is left undone,

what should not have been done is done.

Of those who are puffed up and heedless
the corruptions increase. -- 292

292. Việc đáng làm không làm.

Việc không đáng lại làm.

Kẻ phóng dật ngạo mạn,
Lậu hoặc dần dần lan.

292 - Ce qui doit être fait est laissé non fait, ce qui ne doit pas être fait est fait ;
Les purulences de ceux qui sont arrogants et inattentifs augmentent.

292. Wer nicht tut, was man tun und das tut, was man nicht tun soll, der ist achtlos, anmaßend;
somit gedeihen in ihm die Ausflüße.

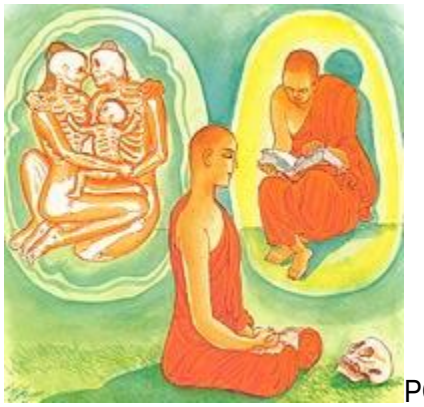 PC293

293. Thường quan sát tự thân,

Không làm việc không đáng,

Việc đáng gắng chuyên làm,

Lậu tập dần tiêu tan.

Those who always earnestly practise
"mindfulness of the body",
who follow not what should not be done,
and constantly do what should be done,
of those mindful and reflective ones
the corruptions come to an end. -- 293

293. Người tinh chuyên cần mẫn,
Tu tập pháp niệm thân,
Không làm việc không đáng,
Thực hành pháp chánh cần,
Tâm thường niệm tỉnh giác,
Lậu hoặc tiêu tan dần.

293 - Ceux qui toujours, énergiquement, pratiquent l'attention au corps, qui ne suivent pas ce qui ne doit pas être fait, qui toujours font ce qui doit être fait, les purulences de ceux-là, attentifs et réfléchis, vont à leur fin.

293. Aber bei denen, die ihren Sinn fortwährend fest richten auf die Wachsamkeit, die völlig mit dem Körper befaßt ist, die nicht dem frönen, was man nicht tun sollte und unbeirrt mit dem fortfahren, was man sollte, bei ihnen neigen sich die Ausflüsse dem Ende zu.



PC294

294. Diệt mẹ (ái dục), cha (kiêu căng) (168),

Diệt hai vua dòng Sát đế lợi (169),

Diệt Vương quốc (170) và cả quần thần (171)

Hướng về Bà la môn vô ưu (172).

CT (168): Hai bài này đều mượn ví dụ để cắt nghĩa.

CT (169): Dụ thường kiến (Sassataditti) và đoạn kiến (Ucc-hedaditthi).

CT (170): Chỉ 12 xứ (dvrdasatana) mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp.

CT (171): Chỉ sự dục lạc (nadirago).
CT (172): Chỉ quả vị lậu tận A la hán.

Having slain mother (craving) and father (conceit)
and two warrior kings
(views based on eternalism and nihilism),
and having destroyed a country
(sense-avenues and sense-objects)
together with its revenue officer (attachment),
ungrieving goes the Brahmana (Arahant). -- 294

294. Giết cả mẹ lẫn cha, (1)
Hạ hai vua Đế lỵ, (2)
Diệt quê hương quốc sĩ, (3)
Phạm thiên (4) đạt vô ưu .
(1) Ái dục và kiêu mạn.
(2) Thường kiến và đoạn kiến
(3) Lục căn và lục trần.
(4) A la hán

294 - Ayant tué la mère (la soif), le père (l'égotisme), deux rois guerriers (opinions sur l'éternalisme et le nihilisme) et ayant détruit un pays (les sens et leurs objets) avec son gardien du trésor (attachement père), imperturbé va le Brahmane (l'Arhat) .

294. Nachdem er Mutter und Vater, zwei Kriegskönige, das Königreich und seine Kolonien vernichtet hat, zieht der Brahmane unbesorgt weiter.


PC295

295. Diệt mẹ (ái dục), cha (kiêu căng),

Diệt hai vua dòng Bà la môn,

Diệt luôn hổ tướng "nghi" thứ năm (173),

Hướng về Bà la môn vô ưu.

CT (173): Hổ tướng thứ năm (veyyagghapancaman) tức bằng với nghi thứ 5 (Vicikicchannivarana). Vì trong năm cái (ngăn, cheancanivarana) thì nghi cái (vicikicchannivarana) ở về thứ 5. Năm cái là : tham dục (kamacchanda), sân nhuế (viavada), hôn trầm thùy miên (thinamiddha), trạo cử ác tác (Uddhaccukukkucca), nghi (Vikicikiccha).

Having slain mother and father and two brahmin kings,
and having destroyed the perilous path (hindrances),
ungrieving goes the Brahmana (Arahant). -- 295

295. Giết cả mẹ lẫn cha,
Hạ hai vua Phạm chí,
Diệt luôn tướng tài trí, (1)
Phạm thiên đạt vô ưu.
(1) Nghi

295 - Ayant tué le père et la mère, deux Rois Brahmines et ayant détruit le périlleux cinquième (le doute), imperturbé va le Brahmane.

295. Nachdem er Mutter und Vater, zwei gelehrte Könige, und gar einen talentierten General (der Zweifel), zieht der Brahmane unbesorgt weiter.


PC296

296. Đệ tử Kiều-đáp-ma (174),

Phải luôn tự tỉnh giác,

Vô luận ngày hay đêm,

Thường niệm tưởng Phật đà.

CT (174): Kiều-đáp-ma (Gotama) tức là đức Phật Thích Ca Cồ Đàm.

Well awakened the disciples of Gotama ever arise
- they who by day and night
always contemplate the Buddha. -- 296

296. Tự thân luôn tỉnh giác.
Đệ tử Gô-ta-ma,
Bất luận ngày hay đêm,
Chuyên tâm niệm Phật-đà.

296 - Bien éveillés, les disciples de Gotama toujours s'élèvent, eux qui jour et nuit constamment mettent leur attention sur le Bouddha.

296. Sie erwachen, immer völlig wach, sind somit wirklich die Schüler Gotamas, deren Achtsamkeit Tag und Nacht fortwährend völlig mit dem Buddha befaßt ist.

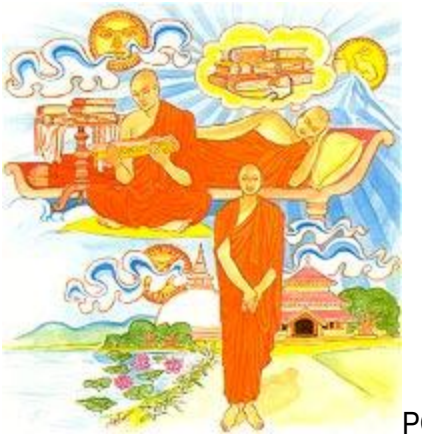

PC297

297. Đệ tử Kiều-đáp-ma,

Phải luôn tự tỉnh giác,

Vô luận ngày hay đêm,

Thường niệm tưởng Đạt ma (Pháp).

Well awakened the disciples of Gotama ever arise
- they who by day and night
always contemplate the Dhamma. -- 297

297. Tự thân luôn tỉnh giác,
Đệ tử Gô-ta-ma,
Bất luận ngày hay đêm,
Chuyên tâm niệm Đạt-ma.(*)
(*) Dhamma: Pháp

297 - Bien éveillés, les disciples de Gotama toujours s'élèvent, eux qui, jour et nuit, constamment mettent leur attention sur le Dhamma .

297. Sie erwachen, immer völlig wach, sind somit wirklich die Schüler Gotamas, deren Achtsamkeit Tag und Nacht fortwährend völlig mit dem Dhamma befaßt ist.


PC298

298. Đệ tử Kiều-đáp-ma,

Phải luôn tự tỉnh giác,

Vô luận ngày hay đêm,

Thường niệm tưởng Tăng già.

Well awakened the disciples of Gotama ever arise
- they who by day and night
always contemplate the Sangha. -- 298

298. Tự thân luôn tỉnh giác
Đệ tử Gô-ta-ma,
Bất luận ngày hay đêm,
Chuyên tâm niệm Tăng-già.

298 - Bien éveillés, les disciples de Gotama toujours s'élèvent, eux qui, jour et nuit, constamment mettent leur attention sur le Sangha.

298. Sie erwachen, immer völlig wach, sind wirklich die Schüler Gotamas, deren Achtsamkeit Tag und Nacht fortwährend völlig mit der Sangha befaßt ist.

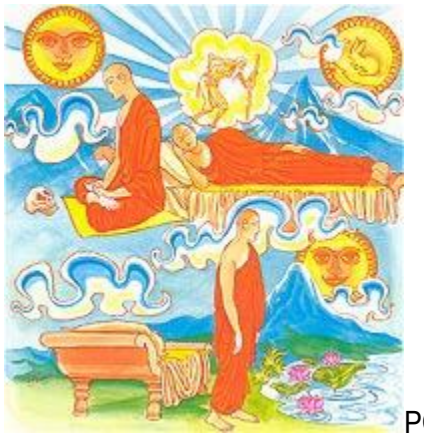
PC299

299. Đệ tử Kiều-đáp-ma,

Phải luôn tự tỉnh giác,

Vô luận ngày hay đêm,

Thường niệm tưởng sắc thân (175).

CT (175): Sắc thân gồm có 32 thứ bất tịnh : Tóc, lông, móng , răng, da v.v…

Well awakened the disciples of Gotama ever arise
- they who by day and night
always contemplate the body. -- 299

299. Tự thân luôn tỉnh giác,
Đệ tử Gô-ta-ma,
Bất luận ngày hay đêm.
Chuyên quán niệm thân xác.

299 - Bien éveillés, les disciples de Gotama toujours s'élèvent, eux qui, jour et nuit, constamment mettent leur attention, sur le corps.

299. Sie erwachen, immer völlig wach, sind wirklich die Schüler Gotamas, deren Achtsamkeit Tag und Nacht fortwährend völlig mit den Körper befaßt ist.



PC300

300. Đệ tử Kiều-đáp-ma,

Phải luôn tự tỉnh giác,

Vô luận ngày hay đêm,

Thường vui điều bất sát.

Well awakened the disciples of Gotama ever arise
- they who by day and night
delight in harmlessness. -- 300

300. Tự thân luôn tỉnh giác,
Đệ tử Gô-ta-ma
Bất luận ngày hay đêm.
Tâm vô hại hiền hòa.

300 - Bien éveillés, les disciples de Gotama toujours s'élèvent, eux dont le mental, jour et nuit se réjouit dans la non-violence et la gentillesse.

300. Sie erwachen, immer völlig wach, sind wirklich die Schüler Gotamas, deren Herzen sich Tag und Nacht an der Gewaltlosigkeit und Arglosigkeit erfreuen.

 PC301

301. Đệ tử Kiều-đáp-ma,

Phải luôn tự tỉnh giác,

Vô luận ngày hay đêm,

Thường vui tu Thiền quán.

Well awakened the disciples of Gotama ever arise
- they who by day and night
delight in meditation. -- 301

301. Tự thân luôn tỉnh giác.
Đệ tử Gô-ta-ma,
Bất luận ngày hay đêm,
Vui trong cảnh thiền-na.

301 - Bien éveillés, les disciples de Gotama toujours s'élèvent, eux dont le mental jour et nuit se réjouit dans la méditation.

301. Sie erwachen, immer völlig wach, sind wirklich die Schüler Gotamas, deren Herzen sich Tag und Nacht an der Meditation erfreuen.



PC302

302. Xuất gia dứt ái dục là khó,

Tại gia theo sinh hoạt là khó,

Không phải bạn ở chung là khổ,

Qua lại trong luân hồi là khổ,

Vậy đừng qua lại trong luân hồi.

Difficult is renunciation, difficult is it to delight therein.

Difficult and painful is household life.

Painful is association with those who are incompatible.

Ill befalls a wayfarer (in Sa'msaara).
Therefore be not a wayfarer, be not a pursuer of ill. -- 302

302. Khó thay vui xuất gia,

Khổ thay sống tại gia,

Khổ thay bạn không hợp,

Khổ thay khách ta bà;

Thế nên đừng phiêu bạt,
Đừng đeo đuổi khổ đau.

302 - Difficile est la renonciation, difficile est de s'en réjouir ; difficile et pénible est la vie du foyer ; Pénible est l'association avec ceux qui ne vivent pas en harmonie ; Les maux accablent un voyageur dans le Samsara ; Par conséquent, ne soyez pas un voyageur dans la vie ; ne soyez pas un poursuiveur d'insatisfaction.

302. Schwierig ist das Leben der Hinausgegangenen, schwierig daran Gefallen zu finden; Schwierig ist das elende Leben des Haushälters; Es ist leidvoll mit Leuten zu sein, mit denen man nicht harmoniert, leidvoll unterwegs zu sein, So sei weder Reisender noch voll Leid.



PC303

303. Chánh tín và giới hạnh,

Danh dự và thánh tài (176),

Người nào được như thế,

Đâu cũng được tôn vinh.

CT (176): Thánh tài là gia tài của Thánh giả (nhờ đó mà thành đạo quả), có 7 : tín, giới, tàm, quý, văn, xả, huệ.

He who is full of confidence and virtue,
possessed of fame and wealth,
he is honoured everywhere,
in whatever land he sojourns. -- 303

303. Đủ giới hạnh chánh tín,
Nhiều tài sản, danh cao,
Dù đi đến nơi nào,
Cũng được người cung kính.

303 - Celui qui est rempli de confiance et de vertu, possesseur de renommée et de richesses, en quelque pays qu'il se trouve, il est partout honoré.

303. Der Mensch mit Grundsätzen, begabt mit Tugend, Ansehen und Reichtum: wohin er geht, wird er geehrt.


PC304

304. Làm lành danh vang xa,

Tỏ rạng như Tuyết sơn (177),

Làm ác thì mù mịt

Như cung bắn ban đêm.

CT (177): Tuyết sơn (Himayanto) tức Hy mã lạp sơn

Even from afar like the Himalaya mountain
the good reveal themselves.
The wicked, though near,
are invisible like arrows shot by night. -- 304

304. Người hiền dù ở xa,
Hiện ra như núi tuyết.
Kẻ ác dù đứng gần,
Như tên bắn trong đêm.

304 - Même de loin, les bons sont visibles comme l'Himalaya, alors que les mauvais sont invisibles comme des flèches lancées dans la nuit.

304. Die Guten erstrahlen von weitem wie die Schneeberge des Himalaya; Die Schlechten sieht man nicht einmal aus der Nähe, gleich Pfeilen, die in die Nacht geschossen werden.

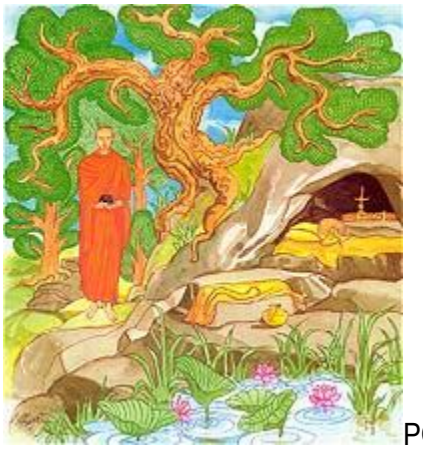
PC305

305. Ngồi một mình, nằm một mình,

Đi một mình không mệt mỏi,

Tự điều luyện, vui rừng sâu.

He who sits alone, rests alone, walks alone unindolent,
who in solitude controls himself,
will find delight in the forest. -- 305

305. Ai ngồi nằm đơn độc,
Tinh tấn đi một mình,
Điều phục được chính mình,
Sẽ vui nơi rừng thẳm.

305 - Celui qui s'assied solitaire, celui qui marche solitaire, celui qui demeure solitaire, celui qui est ardent, celui qui, solitaire, subjugue le Soi, cherchera ses délices dans les profondeurs des forêts.

305. Allein sitzen, allein ruhen, allein gehen, unermüdlich; Indem er sich selbst zähmt, wird er glücklich allein, allein im Wald.

Phẩm XXII
NIRAYA VAGGA - WOEFUL STATE - PHẨM ĐỊA NGỤC


PC306

306. Thường nói lời vọng ngữ,

Có làm nói không làm,

Người tạo hai nghiệp ấy,

Chết cùng đọa địa ngục.

The speaker of untruth goes to a woeful state,

and also he who, having done aught, says, "I did not".

Both after death become equal,
men of base actions in the other world. -- 306

306. Người mồm miệng láo khoét,

Kẻ làm rồi nói không.

Cả hai chết tương đồng,
Đê tiện, đọa địa ngục.

306 - Le menteur va dans l'état malheureux, aussi celui qui ayant fait, mais dit : « je n'ai pas fait » ; Tous deux, partant dans l'enfer, deviennent égaux, hommes d'actions viles.

306. Der geht zur Hölle, der behauptet, was nicht war, genau wie der, der etwas tut und dann sagt: ' Ich tat es nicht'; Beide , minderwertig handelnde Menschen, werden sich da gleich nach dem Tod in der jenseitigen Welt.

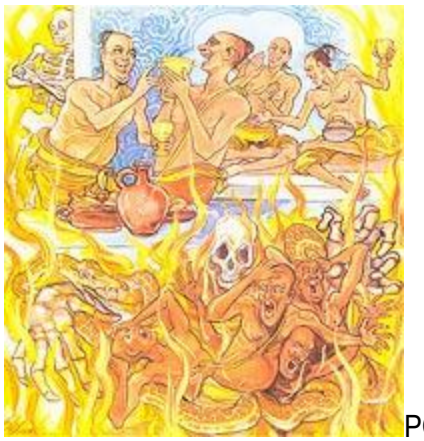 PC307

307. Dù khoác áo cà sa,

Không ngăn trừ ác hạnh,

Người ác vì nghiệp ác,

Chết đọa vào địa ngục.

Many with a yellow robe on their necks
are of evil disposition and uncontrolled.
Evil-doers on account of their evil deeds
are born in a woeful state. -- 307

307. Nhiều người khoác cà sa,
Ác hạnh, không điều phục,
Kẻ ác, do nghiệp thúc,
Phải đọa địa ngục thôi.

307 - Beaucoup, sur le cou desquels est la robe jaune, sont de mauvaise nature, incontrôlés et mauvais ; A cause de leurs mauvaises actions, ils renaissent dans l'état malheureux de l'enfer.

307. Jene mit einer ockerfarbenen Robe eines Bhikkus haben aber schlechte Eigenschaften, sind unbeherrscht, gehen nach dem Tod aufgrund ihrer schlechten Taten in der Hölle.

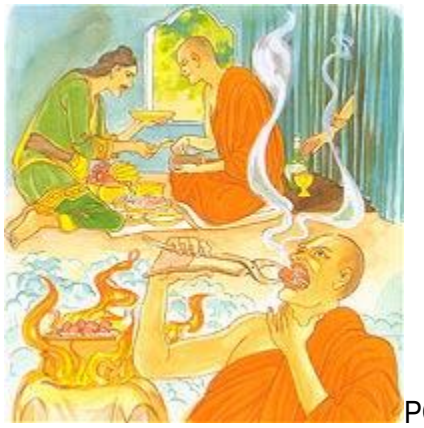 PC308

308. Phá giới chẳng tu hành,

Thà nuốt hòn sắt nóng,

Hừng hực lửa đốt thân,

Hơn thọ lãnh tín chủ.

Better to swallow a red-hot iron ball
(which would consume one) like a flame of fire,
than to be an immoral and uncontrolled person
feeding on the alms offered by people. -- 308

308. Thà nuốt hòn sắt nóng,
Như ngọn lửa hừng hừng,
Hơn phá giới buông lung,
Ham nhờ cơm tín thí.

308 - Mieux vaut avaler une boule de fer rouge, semblable à une flamme de feu, que de manger davantage des aumônes, mais vivre sans moral et incontrôlé.

308. Ihr tätet besser daran, eine Eisenkugel glühend, brennend zu essen, als daß ihr, haltlos und zügellos, die Almosen der Glaubigen eßt.

 PC309

309. Buông lung theo vợ người,

Phải mắc vào bốn nạn:

Mắc tội, ngủ không yên,

Bị chê, đọa địa ngục.

Four misfortunes befall a careless man
who commits adultery:
- Acquisition of demerit, disturbed sleep,
thirdly blame, and fourthly a state of woe. -- 309

309. Bốn tai họa ập đến,
Hành hạ kẻ ngoại tình,
Mang tiếng, ngủ không an,
Bị chê, đọa địa ngục.

309 - Quatre infortunes accablent un homme insouciant qui commet l'adultère le démérite, le sommeil perturbé, le blâme en troisième, l'état malheureux en quatrième.

309. Vier Dinge ereilen den achtlosen Mann, der sich zur Frau eines anderen legt: eine Fülle von Schuld; ein Mangel an wohltuendem Schlaf; drittens, Mißbilligung, viertens, die Hölle.


PC310

310. Vô phước, đọa ác thú,

Thường sợ hãi, ít vui,

Quốc vương kết trọng tội,

Vậy chớ theo vợ người.

There is acquisition of demerit as well as evil destiny.
Brief is the joy of the frightened man and woman.
The King imposes a heavy punishment.
Hence no man should frequent another's wife. -- 310

310. Mang tiếng, đọa ác thú,
Lo sợ, tâm ít vui,
Quốc vương phạt trọng tội,
Kẻ gian díu vợ người.

310 - L'acquisition de démérite cause une naissance future malheureuse, brève est la joie de l'homme inquiet et de la femme: le Roi impose une lourde punition. Donc qu'aucun homme ne fréquente la femme d'un autre.

310. Eine Fülle von Schuld, eine schlechte Bestimmung und ein kurzes Glück eines angsterfüllten Mannes mit einer angsterfüllten Frau, und der König erlegt eine harte Strafe auf: Somit sollte sich kein Mann zur Frau eines anderen legen.

 PC311

311. Vụng nắm cỏ cô-sa (kusa)

Tức bị họa đứt tay,

Sa môn theo tà hạnh,

Tức bị đọa địa ngục.

Just as kusa grass, wrongly grasped, cuts the hand,
even so the monkhood wrongly handled
drags one to a woeful state. -- 311

311. Vụng nắm cỏ cu-xa,
Là tay ta bị cắt,
Hạnh sa môn, tà hoặc,
Tất đoạn địa ngục thôi.

311 - Exactement comme l'herbe Cusa, qui cueille maladroitement, coupe la main de qui la cueille, de même la vie ascétique, maladroitement menée, mène à l'état malheureux de l'enfer.

311. Wie messerscharfes Gras, wenn man es falsch anlangt, die Hand verletzt, die es hält, so zieht einen das Mönch-Leben, wenn man es falsch anpackt, in die Hölle hinab.

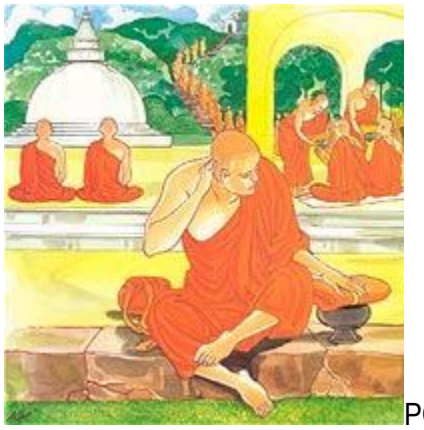 PC312

312. Những người giải đãi,

Giới hạnh nhiễm ô,

Nghi tu Phạm hạnh,

Không chứng quả lớn.

Any loose act, any corrupt practice, a life of dubious holiness
- none of these is of much fruit. -- 312

312. Sống buông lung phóng dật,

Chạy theo thói nhiễm ô,

Hoài nghi đời phạm hạnh,
Thành quả đạt chi mô!

312 - Tout acte relâché, toute observance corrompue, un train de vie douteuse, rien de ceci n'est de grand fruit .

312. Eine lose Handlung oder verletzte Regeloder, ein betrügerisches keusches leben trägt je keine große Frucht.

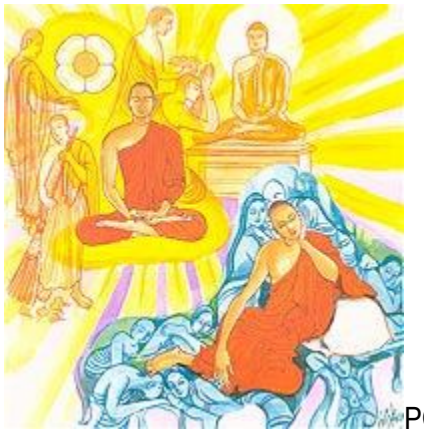 PC313

313. Việc đáng làm nên làm,

Phải làm cho hết sức,

Xuất gia mà phóng túng,

Chỉ tăng thêm bụi trần.

If aught should be done, let one do it.
Let one promote it steadily,
for slack asceticism
scatters dust all the more. -- 313

313. Nếu việc cần phải làm,
Hãy quyết làm hết sức;
Thiếu công phu, nghị lực,
Chỉ tung cát bụi mù!

313 - Si quelque chose doit être fait, qu'il le fasse, qu'il l'entreprenne énergiquement, car l'ascétisme relâché, tout au plus, fait de la poussière.

313. Wenn etwas getan werden muß, arbeitet entschlossen daran, denn ein nachlässiges Vorgehen wirbelt ja nur viel Staub auf.

 PC314

314. Không làm nghiệp ác là hơn,

Làm ác nhất định thọ khổ,

Làm các nghiệp lành là hơn,

Làm lành nhất định thọ vui.

An evil deed is better not done:
a misdeed torments one hereafter.
Better it is to do a good deed,
after doing which one does not grieve. -- 314

314. Chớ phạm phải điều ác,
Làm ác khổ vô vàn,
Việc thiện nên chu toàn,
Làm xong khỏi ân hận.

314 - Il est mieux de ne pas faire une mauvaise action, après, on s'en tourmente ; Il est mieux de faire une bonne action, l'ayant faite, on ne s'en repent pas après.

314. Es ist besser eine Untat ungetan zu lassen; Eine Untat verbrennt euch später; Besser ist es, eine gute Tat zu tun, die euch, nachdem ihr sie getan habt, nicht bereuet.


PC315

315. Như thành ở biên cương,

Được phòng hộ trong ngoài,

Phòng hộ mình cũng vậy,

Giây lát chớ buông lung,

Tức thì đọa địa ngục.

Like a border city,
guarded within and without,
so guard yourself.
Do not let slip this opportunity,
for they who let slip the opportunity
grieve when born in a woeful state. -- 315

315. Như thành sát biên thùy,
Trong ngoài canh nghiêm mật,
Hãy phòng hộ chính mình,
Đừng để cơ hội mất.
Ai để cơ hội mất,
Đọa địa ngục khổ đau.

315 - Comme une ville frontière gardée au dehors et au dedans, gardez-vous vous mêmes ; Sûrement ne laissez pas glisser cette opportunité, car ceux qui laissent glisser cette opportunité, souffrent quand ils naissent dans les états malheureux.

315. Wie eine Grenzburg, die innen und außen bewacht wird, so bewache dich selbst; Laß den Augenblick nicht verstreichen; Jene, für die der Augenblick verstrichen ist, grämen sich, wenn sie für die Hölle bestimmt sind.

 PC316

316. Không đáng hổ lại hổ,

Việc đáng hổ lại không,

Cứ ôm tà kiến ấy,

Địa ngục khó lánh xa.

Beings who are ashamed of what is not shameful,
and are not ashamed of what is shameful,
embrace wrong views
and go to a woeful state. -- 316

316. Việc đáng hổ không hổ,
Việc không đáng lại hổ,
Do ôm ấp tà kiến,
Chúng sanh bị khốn khổ.

316 - Les êtres qui ressentent de la honte pour ce qui n'est pas honteux, qui ne ressentent pas de honte pour ce qui est honteux, embrassent des vues fausses.

316. Beschämt über das, was nicht schändlich ist, nicht beschämt über das, was es ist, schreiten Wesen, die falsche Vorstellungen übernehmen, auf eine schlechte Bestimmung zu.

 PC317

317. Không đáng sợ lại sợ,

Việc đáng sợ lại không,

Cứ ôm tà kiến ấy,

Địa ngục khó lánh xa.

Beings who see fear in what is not to be feared,

and see no fear in the fearsome,

embrace false views
and go to a woeful state. -- 317

317. Việc đáng kinh không kinh,

Việc không đáng lại kinh,

Do ôm ấp tà kiến,
Chúng sanh bị ngục hình.

317 - Les êtres qui voient de la crainte là où il n'y en a pas, qui ne voient pas la crainte dans ce qui doit être craint, embrassent des vues fausses et vont vers les états malheureux.

317. Gefahr sehend, wo keine ist und keine Gefahr, wo eine ist, schreiten Wesen, die falsche Vorstellungen übernehmen, auf schwere Strafen zu.


PC318

318. Không lỗi tưởng là lỗi,

Có lỗi lại tưởng không,

Cứ ôm tà kiến ấy,

Địa ngục khó lánh xa.

Beings who imagine faults in the faultless
and perceive no wrong in what is wrong,
embrace false views and go to a woeful state. -- 318

318. Không lỗi lại tưởng có,
Có lỗi lại thấy không,
Do ôm ấp tà kiến,
Chúng sanh khổ vô ngần.

318 - Les êtres qui imaginent le faux dans ce qui ne l'est pas, qui ne voient pas l'erreur dans ce qui est erroné, embrassent des vues fausses et vont vers les états malheureux.

318. In Einbildung eines Irrtums, wo keiner ist und keines Irrtums, wo einer ist, schreiten Wesen, die falsche Vorstellungen übernehmen, auf schwere Strafen zu.


PC319

319. Có lỗi biết có lỗi,

Không lỗi biết không lỗi,

Giữ tâm chánh kiến ấy,

Đường lành thấy chẳng xa.

Beings knowing wrong as wrong
and what is right as right,
embrace right views and go to a blissful state. -- 319

319. Có lỗi biết rằng có,
Không lỗi biết rằng không,
Nhờ hàm dưỡng chánh kiến,
Chúng sanh sướng vô ngần.

319 - Les êtres connaissant le faux comme faux et ce qui est juste comme juste, embrassent des vues justes et vont vers l'état heureux.

319. Aber in Kenntnis des Irrtums als Irrtum und des Nicht-Irrtums als Nicht-Irrtum schreiten Wesen, die richtige Vorstellungen übernehmen, auf gute Wohlgefühle zu.

Phẩm XXIII
NAAGA VAGGA - THE ELEPHANT - PHẨM VOI



PC320

320. Như voi xuất trận

Hứng chịu cung tên,

Ta nhẫn nhục chịu

Mọi điều phỉ báng;

Người đời thị phi,

Ghét kẻ tu hành.

As an elephant in the battlefield
withstands the arrows shot from a bow,
even so will I endure abuse;
verily most people are undisciplined. -- 320

320. Như voi giữa chiến địa,
Kháng cự mọi cung tên,
Ta chịu đựng hủy báng,
ác giới biết bao người.

320 - Comme un éléphant sur le champ de bataille résiste aux flèches tirées de l'arc, ainsi endurerai-je les injures ; En vérité la plupart des gens sont de mauvaise nature.

320. Wie ein Elefant in der Schlacht die Pfeile erträgt, die von einem Bogen abgeschossen wurden, so werde ich falsche Anschuldigungen ertragen, die einige Leute verbreitet haben.

 PC321

321. Luyện voi để đem dự hội,

Luyện ngựa vua cỡi là giỏi,

Luyện ẩn nhẫn trước chê bai,

Người có tài luyện hơn cả.

They lead the trained (horses or elephants) to an assembly.

The king mounts the trained animal.
Best among men are the trained who endure abuse. -- 321

321. Kẻ luyện voi dự hội,

Người luyện ngựa dâng vua,

Bậc tôi luyện thượng thừa,
Chịu đựng mọi hủy báng.

321 – L'un conduit un éléphant dressé à une assemblée. ; l'autre présente un cheval dressé au roi ; Les meilleurs parmi les hommes, sont les hommes dressés qui endurent l'injure.

321. Den gezähmten Elephant nehmen sie zu Versammlungen mit; Das gezähmte Pferd besteigt der König; Der Gezähmte, der eine falsche Anschuldigung erträgt, ist unter Menschen, der beste.


PC322

322. Con la (178) thuần tánh,

Tuấn mã Tín-độ (179),

Voi lớn Kiều-la (180)

Đều là vật lành,

Nhưng kẻ tự luyện

Lại càng lành hơn (181).

CT (178): Lừa và Ngựa giao hợp với nhau sinh ra con gọi là La.

CT (179): Tín độ (Sidha) là con sông Aán Độ. Giống ngựa Tuấn sinh ở địa phương này.

CT (180): Kiều la (Kunjara) tên voi.
CT (181): Ý nói người chưa điêu luyện thì tánh hung hăng hơn cả voi ngựa, nhưng khi tu luyện được rồi thì quí hơn nhiều.

Excellent are trained mules,

so are thoroughbred horses of Sindh

and noble tusked elephants;
but far better is he who has trained himself. -- 322

322. Quí thay lừa thuần thục,

Quí thay giống ngựa Sindh.

Quí thay voi ngà báu,
Tuyệt thay bậc luyện mình.

322 - Excellentes sont les mules dressées, ainsi sont les mules du cheval sindh, complètement entraînées et les nobles éléphants porteurs de défenses ; mais de loin, le plus excellent est celui qui s'entraîne lui-même.

322. Hervorragend sind gezähmte Maultiere, gezähmte Vollblute gezähmte Pferde aus Sindh; Hervorragend sind die gezähmten, großen Elefanten mit den starken Stoßzähnen; Noch hervorragender sind aber jene, die sich selbst gezähmt haben.

 PC323

323. Chẳng phải nhờ xe hay ngựa

Đến được cảnh giới Niết bàn,

Chỉ có người khéo luyện mình

Mới đến được cảnh Niết bàn.

Surely never by those vehicles
would one go to the untrodden land (Nibbaana),
as does one who is controlled
through his subdued and well-trained self. -- 323

323. Chẳng phải nhờ voi ngựa,
Đưa ta đến Niết bàn,
Chính bậc tự điều phục,
Đạt đến bờ thênh thang.

323 - Sûrement on n'ira jamais vers la terre infoulée (Nirvana) en montant ces animaux, l'homme contrôlé par le soi subjugué le fait.

323. Mit den Reittieren könnte man sich nicht in das unerreichte Land begeben; aber der Gezähmte tut es zum Nirwana, indem er sich selbst zähmt.

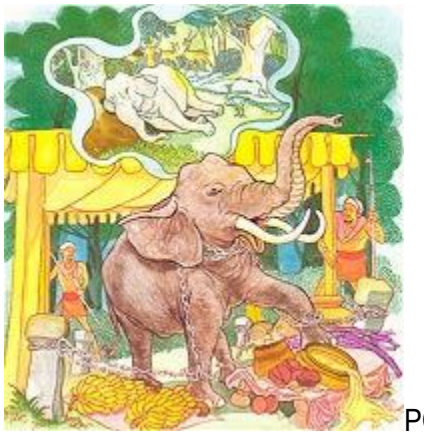
PC324

324. Con voi Tài hộ

Dhamapalaka (182) (hộ vệ tài sản)

Đến kỳ phát dục

Lung lăng khó trị,

Buộc trói bỏ ăn

Chỉ nhớ đến rừng (183).

CT (182): Voi đến kỳ phát dục thường tiết ra một thứ nước thối tha và tính tình hung hăng khó trị.
CT (183): Cổ tích kể voi có lòng nhớ mẹ nó là có ý để khuyên người ta hãy hiếu thuận cha mẹ.

The uncontrollable, captive tusker named Dhanapaalaka,
with pungent juice flowing, eats no morsel;
the tusker calls to mind the elephant forest. -- 324

324. Voi kia tên Tài hộ,
Phát dục tiết mùi hăng,
Bất trị bị giam giữ,
Bỏ ăn, nhớ rừng xanh.

324 - Le porteur de défenses nommé Dhanapalako, au temps du rut, incontrôlable, captif, ne mange plus une bouchée ; Le porteur de défenses se souvient de la forêt des éléphants.

324. Der Elefant Dhanapalaka, ist mitten in der Brunst schwer zu kontrollieren; Angebunden, will er kein bißchen fressen: der Elefant vermißt den Elefantenwald.


PC325

325. Heo ưa ngủ lại tham ăn,

Kẻ phàm tham ăn ưa ngủ,

Nên tiếp tục vào bào thai.

The stupid one, when he is torpid,
gluttonous, sleepy, rolls about lying
like a great hog nourished on pig-wash,
goes to rebirth again and again. -- 325

325. Kẻ ngu si ám độn,
Ham ăn ngủ như heo,
Bạ đâu nằm lăn đó,
Luân hồi mãi cuốn theo.

325 - Quiconque est torpide, glouton, endormi, qui erre de ci de là, ou qui gîte comme un gros porc nourri d'eaux sales, cet homme stupide, encore et encore, subira la matrice de la renaissance.

325. Wenn er träge und überfressen den müden Kopf hin und her rollt wie ein fettes, gemästetes Schwein: so tritt ein Schwachkopf wieder und immer wieder in den Mutterleib ein.

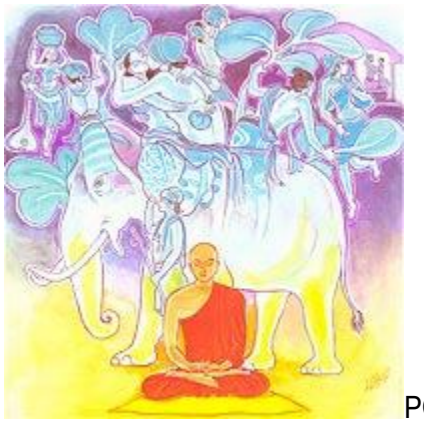
PC326

326. Xưa tâm ta (184) theo dục lạc,

Tham ái, lại ưa nhàn du,

Nay ta đã điều phục tâm,

Như quản tượng lấy móc câu

Chế ngự con voi luông tuồng.

CT (184): Phật tự xưng.

Formerly this mind went wandering where it liked,
as it wished and as it listed. Today with attentiveness
I shall completely hold it in check,
as a mahout (holds in check)
an elephant in must. -- 326

326. Xưa tâm này phóng đãng,
Theo dục lạc đua đòi,
Nay chuyên tâm nhiếp phục,
Như quản tượng điều voi.

326 - Précédemment, cette psyché allait errante comme elle voulait, où elle désirait, comme il lui plaisait ; Aujourd'hui, avec attention, je la maintiendrai complètement, comme un mahout avec son croc, l'éléphant en rut.

326. Zuvor wanderte mein Geist wie es ihm gefiel, wohin er wollte, auf welchem Weg ihm recht war; Heute werde ich ihn geschickt unter Kontrolle halten, wie jemand mit einem Haken einen brünstigen Elefanten.

 PC327

327. Vui vẻ siêng năng,

Phòng hộ, tự cứu,

Voi vượt sa lầy.

Take delight in heedfulness.

Guard your mind well.

Draw yourselves out of the evil way
as did the elephant sunk in the mire. -- 327

327. Hãy tinh cần, vui vẻ,

Khéo giữ tâm ý thầy,

Tự thoát khỏi ác đạo,
Như voi vượt sình lầy.

327 - Réjouissez-vous dans la non négligence ; Gardez bien votre psyché ;
Dégagez-vous de la mauvaise voie comme l'éléphant enfoncé dans la fange se dégage.

327. Erfreut euch der Achtsamkeit; Wacht über euren eigenen Geist; Erhebt euch aus dem ungangbaren Pfad, gleich einem Elefanten, der sich aus dem Schlamm rettet.

 PC328

328. Gặp bạn đồng hành hiền lương,

Trí lự, hàng phục gian nguy,

Vui mừng mà đi cùng họ.

If you get a prudent companion (who is fit) to live with you, who behaves well and is wise, you should live with him joyfully and mindfully, overcoming all dangers. -- 328

328. Nếu gặp bạn sáng suốt,
Cẩn trọng sống hiền lương,
Hàng phục mọi nguy biến,
Hoan hỷ kết bạn đường.

328 - Si vous trouvez un compagnon prudent qui convient pour vivre avec vous, qui se conduise bien et est sage, vous pouvez vivre avec lui, joyeusement et attentivement, surmontant tous dangers.

328. Wenn ihr einen geistig reifen Gefährten findet, der rechtschaffen lebt , überwindet alle Gefahren, dann geht mit ihm, dankbar, geistesgegenwärtig.

 PC329

329. Không gặp bạn đồng hành hiền lương,

Giàu trí lự, hãy sống một mình,

Như vua tránh loạn, voi ở rừng.

If you do not get a prudent companion
who (is fit) to live with you,
who behaves well and is wise,
then like a king who leaves a conquered kingdom,
you should live alone
as an elephant does in the elephant forest. -- 329

329. Nếu không gặp bạn trí,
Cẩn trọng, sống hiền lành,
Nên như vua từ bỏ,
Vương quốc bị xâm lăng,
Hãy sống đời đơn độc,
Như voi giữa rừng xanh.

329 - Si vous ne trouvez pas un compagnon qui convient pour vivre avec vous, qui se conduise bien et qui est sage, alors, comme un Roi quitte un royaume conquis, vous devez vivre seul comme un éléphant dans la forêt des éléphants.

329. Wenn ihr keinen geistig reifen Gefährten findet, der wachsam, friedlich lebt, dann geht alleine wie ein König, der sein Königreich aufbigt, wie der Elefant frei im Matanga Wald.

 PC330

330. Thà ở một mình

Hơn kết bạn ngu,

Khỏi điều ác dục,

Như voi một mình

Thênh thang rừng sâu.

Better it is to live alone.

There is no fellowship with the ignorant.

Let one live alone doing no evil, care-free,
like an elephant in the elephant forest. -- 330

330. Thà sống cảnh cô đơn,

Hơn bạn bè kẻ ngốc,

Sống lẻ loi đơn độc,

Không gây nghiệp ác hành,

Như voi giữa rừng xanh,
Thênh thang vô tư lự.

330 - Meilleur est de vivre seul, il n'y a pas de compagnonnage possible avec un stupide ; Que l'on vive seul, ne faisant aucun mal et que l'on soit libre de soucis, comme un éléphant dans la forêt des éléphants.

330. Alleine zu gehen ist besser, mit einem Narren gibt es keine Gemeinschaft; Geht alleine und tut nichts Schlechtes, friedlich, wie der Elefant in der Matanga Wildnis.


PC331

331. Vui gặp bạn lúc cần,

Vui biết sống tri túc,

Vui mệnh chung thiện nghiệp,

Vui lìa hết thống khổ.

When need arises, pleasant (is it to have) friends.

Pleasant is it to be content with just this and that.

Pleasant is merit when life is at an end.
Pleasant is the shunning of all ill. -- 331

331. Vui thay được bạn giúp!

Vui thay sống tri túc!

Vui thay chết phước duyên!
Vui thay hết khổ nhục!

331 - Heureux les amis quand le besoin survient ; Heureux le contentement avec juste ceci ou cela ; Heureux le mérite quand la vie est à sa fin; Heureuse est la destruction de toute souffrance.

331. Ein Segen: Freunde, wenn man sie braucht; Ein Segen: Zufriedenheit mit dem, was gerade ist; Innerer Reichtum beim Beenden des Lebens: ein Segen; Ein Segen: Das Aufgeben von allem Leid.


PC332

332. Vui kính dưỡng mẹ hiền,

Vui kính dưỡng thân phụ,

Vui kính dưỡng Sa môn,

Vui kính dưỡng Thánh nhơn.

Pleasant in this world is ministering to mother.
Ministering to father too is pleasant in this world.
Pleasant is ministering to ascetics.
Pleasant too is ministering to the Noble Ones. -- 332

332. Vui thay hầu mẹ hiền!
Vui thay hầu cha lành!
Vui thay hầu hiền thánh!
Vui thay hầu sa môn!

332 - Heureux, en ce monde, d'assister sa mère ; Heureux aussi d'assister son père ; Heureux d'assister les ascètes ; Heureux aussi d'assister les bikkhous.

332. Ein Segen in der Welt: Dienst an eure Mutter; Ein Segen: Dienst an euren Vater; Ein Segen in der Welt: Dienst an einen Weisen; Ein Segen: Dienst an einen Bhikkhu.

 PC333

333. Vui già vẫn giữ giới,

Vui thành tựu chánh tín,

Vui đầy đủ trí tuệ,

Vui không làm điều ác.

Pleasant is virtue (continued) until old age.

Pleasant is steadfast confidence.

Pleasant is the attainment of wisdom.
Pleasant is it to do no evil. -- 333

333. Vui thay già đức hạnh!

Vui thay tâm tín thành!

Vui thay ác không tạo!
Vui thay tuệ viên thành!

333 - Heureuse est la vertu jusqu'à la vieillesse ; Heureuse la confiance inébranlable ; Heureuse l'obtention de la Connaissance Transcendante ; Heureuse l'abstention du mal.

333. Ein Segen im Alter ist Tugend; Ein Segen: eine gefestigte Überzeugung; Ein Segen: die erlangte Erkenntnis; Das Nicht Tun von Schlechtem ist ein Segen.

Phẩm XXIV
TANHAA VAGGA - CRAVING - PHẨM THAM ÁI


PC334

334. Buông lung, tham ái tăng lên

Như cỏ mạn-la tràn lan,

Từ đời này tiếp đời nọ,

Như vượn chuyền cây tìm trái.

The craving of the person addicted to careless living
grows like a creeper.
He jumps from life to life
like a fruit-loving monkey in the forest. -- 334

334. Kẻ buông lung phóng dật,
Tham ái tợ dây leo,
Đời đời vọt nhảy theo,
Như khỉ chuyền hái trái.

334 – Le désir d'un homme livré à une vie négligente croît comme une liane ;
il saute de vie en vie comme un singe aimant les fruits de la forêt.

334. Wenn ein Mensch achtlos lebt, wächst seine Begierde wie eine Kriechpflanze; Er rennt jetzt hierhin und dann dorthin, als ob er Früchte suchte, wie ein Affe im Wald.

 PC335

335. Ai bị ái dục buộc ràng,

Những điều sầu khổ càng tăng,

Như loài cỏ Bi gặp mưa.

Whomsoever in this world
this base clinging thirst overcomes,
his sorrows flourish
like well-watered biirana grass. -- 335

335. Ai sinh sống trên đời,
Bị ái dục lôi cuốn,
Khổ đau mãi tăng trưởng,
Như cỏ Bi gặp mưa.

335 - Quiconque en ce monde, si cette soif indigne et agrippante le vainc, ses chagrins fleurassent comme l'herbe Birana bien arrosée.

335. Wenn jemand von der klebrigen, plumpen Begierde in der Welt überwältigt wird, wachsen seine Sorgen wie wildes Gras nach dem Regen.


PC336

336. Hàng phục được ái dục,

Sầu khổ tự nhiên rụng

Như nước giọt lá sen.

Whoso in the world overcomes this base unruly craving,

from him sorrows fall away
like water-drops from a lotus-leaf. -- 336

336. Ai sinh sống trên đời,

Hàng phục được tham ái,

Khổ đau sẽ vuột khỏi,
Như nước trượt lá sen.

336 - Quiconque, en ce monde, vainc cette soif indigne et déréglée, les chagrins tombent de lui, comme les gouttes d'eau de la feuille du lotus.

336. Wenn diese plumpe Begierde, der schwer zu entkommen ist, von jemandem in der Welt überwältigt wird, perlen die Sorgen an ihm ab, wie Wassertropfen an einem Lotusblatt.


PC337

337. Ta bảo với các ngươi:

Các ngươi hãy dồn sức

Nhổ sạch gốc ái dục,

Như muốn trừ cỏ Bi

Phải nhổ tận gốc nó,

Các ngươi chớ lại để

Bị ma làm hại như

Cỏ lau gặp nước lũ.

This I say to you:
Good luck to you all who have assembled here!
Dig up the root of craving
like one in quest of biira.na's sweet root.
Let not Maara crush you again and again
as a flood (crushes) a reed. -- 337

337. Các ngươi họp nhau đây,
Ta có lời dạy này:
Hãy bới gốc tham ái,
Như đào rễ cả Bi,
Đừng để Ma vương hại,
Như lau bị lụt đầy.

337 - Ceci, je vous le dit ! Bonne chance à vous qui êtes assemblés ici : creusez profond pour déraciner la soif comme quelqu'un en quête de la douce racine de Birana ; Ne laissez pas Mara vous écraser encore et encore, comme le torrent un roseau.

337. Euch allen, die ihr hier versammelt seid, sage ich: viel Glück, grabt die Begierde mit der Wurzel aus, wie das wilde Gras beim Heilwurzel Suchen ; Laßt euch nicht von Mara beugen, wie ein Schilfrohr von einem reißenden Fluß, immer und immer wieder.


PC338

338. Đốn cây chưa hết

Gốc rễ sâu bền

Vẫn sinh ra chồi,

Đoạn trừ ái dục

Chưa sạch căn gốc

Khổ não lại sanh.

Just as a tree with roots unharmed and firm,
though hewn down, sprouts again,
even so while latent craving is not rooted out,
this sorrow springs up again and again. -- 338

338. Đốn cây không đào gốc,
Chồi tược sẽ lên hoài,
Tham ái chưa nhổ rễ,
Khổ đau mãi dằng dai.

338 - Juste comme un arbre aux racines non endommagées et solides, quoique coupé, fera des rejets ; de même, si la soif latente n'est pas déracinée, ce chagrin s'élèvera encore et encore.

338. Wenn seine Wurzel unbeschädigt und stark bleibt, wird ein Baum, auch wenn er gefällt wurde, wieder nachwachsen; In der gleichen Weise kehrt, wenn unterschwellige Begierde nicht mit der Wurzel entfernt wird, dieses Leiden wieder und wieder zurück.

 PC339

339. Ba mươi sáu dòng ái dục (185),

Mạnh mẽ dong ruỗi dục cảnh,

Người có tâm tà đeo đẳng

Dòng ái dục làm trôi hoài.

CT (185): Ái dục có ba thứ : a) Dục ái (kamatanha), b) Hữu ái (Bhavatanha sự ái dục dính líu với thường kiến) c) Phi hữu ái (Vibhavatanha) sự ái dục tương quan với đoạn kiến. Trong sáu căn, ngoài sáu trần, đều là ái, họp thành 12 : Dục ái 12,hữu ái 12, phi hữu ái 12, cộng thành 36 ái dục, 36 ái dục thường lưu động không ngừng như dòng nước, nên gọi là dục lưu.

If in anyone the thirty-six streams (of cravings)
that rush towards pleasurable thoughts are strong,
such deluded person,
torrential thoughts of lust carry off. -- 339

339. Ba mươi sáu dòng ái,
Tuôn chảy theo dục trần,
Ý tham dục cuồn cuộn,
Cuốn phăng kẻ mê đần.

339 - En celui en qui les trente six courants de désirs qui coulent vers les objets de plaisir sont forts, des pensées pulsantes, pleines de désir emportent cet homme à la mauvaise compréhension.

339. Die 36 Ströme der Begierde , die Strömungen der Leidenschaft gründen, tragen ihn, jemanden mit minderwertigen Ansichten, hinfort.


PC340

340. Dòng ái dục chảy khắp nơi (186)

Như cỏ mạn-la mọc tràn,

Dùng tuệ kiếm đoạn tận gốc,

Như chặt gốc cỏ bìm leo.

CT (186). Là từ sáu căn phát ra.

The streams (craving) flow everywhere.

The creeper (craving) sprouts and stands.

Seeing the creeper that has sprung up,
with wisdom cut off root. -- 340

340. Dòng ái dục chảy khắp,

Như dây leo mọc tràn,

Thấy dây leo vừa lan,
Liền dùng tuệ đốn gốc.

340 - De partout coulent les flots de désirs ; Les lianes naissent et demeurent ;
Voyant cette liane qui a surgi, avec Connaissance transcendante (panna), coupez donc les racines.

340. Sie fließen überall hin, die Ströme, aber die sich verzweigende Schlingpflanze bleibt an ihrem Platz; Wenn ihr nun seht, daß die Schlingpflanze entsprossen ist, schneidet ihr durch Erkenntnis die Wurzel ab.


PC341

341. Vui thích theo ái dục,

Ưa dong ruỗi lục trần,

Tuy hướng cầu an lạc,

Nhưng vẫn bị quanh quẩn

Trong sanh tử lao đao.

In beings there arise pleasures that rush
(towards sense-objects)
and (such beings) are steeped in craving.
Bent on happiness, they seek happiness.
Verily, such men come to birth and decay. -- 341

341. Kẻ đam mê ái dục,
Say đắm theo lục trần,
Tuy mong cầu an lạc,
Sanh tử vẫn hoại thân.

341 - Vers ces êtres, là, s'élèvent des plaisirs qui se ruent vers les objets des sens et qui sont imbibés de désir ; Ces hommes penchés sur le plaisir, ne cherchant que le bonheur, vont, en vérité, à la naissance et au déclin.

341. Gelockert und geölt sind die Freuden eines Menschen; Leute, die von Verlockungen gefesselt nach Wohlergehen suchen: Sie sind auf dem Weg zu Geburt und Altern.


PC342

342. Người chạy theo ái dục,

Vùng vẫy, lo sợ như

Thỏ kia bị sa lưới,

Càng buộc với phiền não

Càng chịu khổ lâu dài.

Folk enwrapt in craving are terrified

like a captive hare.

Held fast by fetters and bonds,
for long they come to sorrow again and again. -- 342

342. Người bị ái buộc ràng,

Hẳn lo sợ hoang mang,

Như thỏ bị trói chặt,
Đau khổ mãi cưu mang.

342 - Les hommes, enveloppés par la soif, sont terrifiés comme un lièvre captif ; tenus fermes par les entraves et les lacs, pour longtemps, ils vont vers le chagrin, encore et encore.

342. Von Begierde umringt hüpfen die Menschen im Kreis herum wie ein Hase, der in eine Schlinge geraten ist; Mit Fesseln und Banden gebunden gelangen sie dann zu Leid, wieder und wieder, lange Zeit.


PC343

343. Người chạy theo ái dục,

Vùng vẫy, lo sợ như

Thỏ kia bị sa lưới;

Tỷ kheo cầu vô dục (187)

Phải tự gắng lìa dục.

CT (187): Chỉ Niết bàn.

Folk, enwrapt in craving, are terrified like captive hare.

Therefore a bhikkhu who wishes

his own passionlessness (Nibbaana)
should discard craving. -- 343

343. Người bị ái buộc ràng,

Như thỏ bị trói ngang;

Tỳ kheo cầu Niết bàn,
Phải dứt trừ tham dục.

343 - Les hommes, enveloppés par la soif, sont terrifiés comme un lièvre captif ;
Par conséquent, un Bhikkhou, qui souhaite l'état sans passion (Nirvana) doit écarter la soif.

343. Von Begierde umringt hüpfen die Menschen im Kreis herum wie ein Hase, der in eine Schlinge geraten ist; So sollte ein Mönch für sich Begierde auflösen, und nach Nirwana anstreben.

 PC344

344. Người lìa dục xuất gia,

Vui ở chốn sơn lâm (188),

Trở lại nhà theo dục (189),

Người đã được mở ra

Rồi lại tự trói vào !

CT (188): Lìa thế dục để xuất gia.
CT (189): Xuất gia rồi lại hoàn tục.

Whoever with no desire (for the house-hold)
finds pleasure in the forest (of asceticism)
and though freed from desire (for the household),
(yet) runs back to that very home.
Come, behold that man!
Freed, he runs back into that very bondage. -- 344

344. Cắt ái đi xuất gia,
Khổ hạnh trong rừng già,
Đã giải thoát dục vọng,
Nhưng lại trở về nhà;
Kìa xem hạng người ấy,
Mở rồi buộc lại ta!

344 - Celui qui, vide de désir, (pour le foyer), est attaché à la forêt de l'ascétisme et étant libre de désir (pour le foyer) retourne en courant à ce même foyer ; Contemple cet homme ! libre, il retourne en courant à ce lien même.

344. Befreit vom Haushalt, los gezogen in den vom Wald, rennt er nun nach Haus; Kommt, schaut euch diesen Menschen an, der befreit war und geradewegs zurück in die gleichen alten Ketten rennt.

 PC345

345. Người trí dạy rằng,

Trói bằng dây gai,

Bằng cây, bằng sắt,

Chưa phải bền chắc,

Vợ con, tài sản,

Trang sức, phấn son,

Trói buộc chắc hơn.

That which is made of iron, wood or hemp,

is not a strong bond, say the wise;

the longing for jewels, ornaments, children, and wives
is a far greater attachment. -- 345

345. Bậc trí giảng dạy rằng:

Dây đay, gai, gỗ, sắt,

Chưa phải loại buộc chặt,

Ham châu báu vợ con,

Mê trang sức phấn son,
Thứ đó buộc chắc nhất.

345 - Ce n'est pas un lien puissant, dit le sage (dhira), que celui qui est fait de fer, de bois ou de chanvre ; De loin est plus puissante cette soif pour les joyaux et les ornements, les enfants et les épouses.

345. Das sind keine starken Fesseln, die aus Eisen, Holz oder Gras bestehen, so sagen die Weisen; Hingerissen, bezaubert sein von Juwelen und Schmuck, das Verlangen nach Kindern und Frauen, das sind starke Fesseln.


PC346

346. Người trí dạy rằng:

Dắt vào sa đọa

Trói buộc chắc bền,

Khoan dung hòa hoãn

Khó lòng thoát ra,

Hãy đừng dính mắc,

Lìa dục xuất gia.

That bond is strong, say the wise.
It hurls down, is supple, and is hard to loosen.
This too the wise cut off, and leave the world,
with no longing, renouncing sensual pleasures. -- 346

346. Bậc trí giảng dạy rằng:
Trói buộc đó rất chắc,
Trì kéo xuống thật chặt,
Khó tháo gỡ vô vàn,
Bậc trí nên cắt ngang,
Từ khước mọi tham ái.

346 - Ce lien est fort, dit le sage (dhira). il jette à bas, il est lâche, il est difficile à délier ; Ceci aussi, ils le coupent et abandonnant les plaisirs sensuels, ils renoncent, sans plus au désir.

346. Das sind starke Fesseln, welche die einzwängen, elastisch sind und schwer zu lösen; Aber nachdem sie sie durchtrennt haben, gehen die Weisen hinaus, frei von Verlangen, sinnliche Begierde hinter sich lassend.

 PC347

347. Say đắm ái dục,

Trôi theo ái dục,

Là tự lao mình

Vào lưới trói buộc,

Như nhện mắc lưới;

Dứt được buộc ràng,

Không còn dính mắc,

Lìa mọi thống khổ,

Ngao du tự tại (190).

CT (190): Chứng Niết bàn.

Those who are infatuated with lust
fall back into the stream
as (does) a spider into the web spun by itself.
This too the wise cut off and wander,
with no longing, released from all sorrow. -- 347

347. Người đắm say ái dục,
Là tự lao xuống dòng,
Như nhện sa vào lưới,
Do chính nó làm xong;
Bậc trí dứt tham ái,
Ắt thoát khổ, thong dong.

347 - Ceux qui sont enivrés de convoitise tombent dans le courant comme une araignée tomberait dans la toile qu'elle a tissée ; Ceci aussi le sage (dhira) l'a coupé et il erre, sans désir, renonçant à tous chagrins.

347. Jene, die von Leidenschaft gepackt sind, fallen zurück in einen selbst geschaffenen Strom, wie eine Spinne, die sich in ihrem selbstgesponnenen Netz verfangen hat; Aber nachdem sie sie abgeschnitten haben, machen sich die Weisen auf den Weg, frei von Verlangen, alles Leid und allen Verlockungen hinter sich lassend.

 PC348

348. Bỏ tham đắm quá khứ,

Hiện tại hay vị lai (191)

Cố vượt qua bờ kia,

Tâm giải thoát hết thảy,

Không còn bị sanh, lão.

CT (191): Bỏ sự tham đắm theo ngũ uẩn quá khứ, hiện tại và vị lai .

Let go the past. Let go the future.

Let go the present (front, back and middle).

Crossing to the farther shore of existence,

with mind released from everything,
do not again undergo birth and decay. -- 348

348. Bỏ quá hiện vị lai,

Tâm ý thoát ai hoài,

Vượt sang bờ hiện hữu,
Dứt sanh lão bi ai!

348 - Abandonnez le passé, abandonnez le futur, abandonnez le présent (devant, arrière et milieu) ; Traversant pour aller sur l'autre rive de l'existence avec le mental libéré de toute chose, ne subissez pas de nouveau la naissance et le déclin.

348. Wenn ihr über die Vergangenheit, Gegenwart und Zukunft hinaus gegangen seid, laßt ihr vorne los, hinten los, dazwischen los; Mit einem Herz / Geist, das überall losläßt, geratet ihr nicht wieder in Geburt und Altern.

 PC349

349. Tư tưởng xấu làm tao loạn,

Cầu mong dục lạc thật nhiều,

Tự trói mình thêm bền chắc.

For the person who is perturbed by (evil) thoughts,

who is exceedingly lustful, who contemplates pleasant things, craving increases more and more. Surely, he makes the bond (of Maara) stronger. -- 349

349. Kẻ vọng tâm tà ý,

Say đắm theo dục trần,

Tham ái ngày tăng trưởng,
Tự làm dây buộc thân.

349 - Pour la personne qui est agitée par de mauvaises pensées, qui est de fortes passions, qui ne voit que le plaisant, la soif grandit fermement; vraiment, elle renforce les liens.

349. Bei einem Menschen, der von seinem Denken weiter getrieben wird, in seiner Leidenschaft heftig ist, sich auf das Schöne konzentriert, wächst die Begierde um so mehr; Er ist jemand, der die Fesseln enger macht.

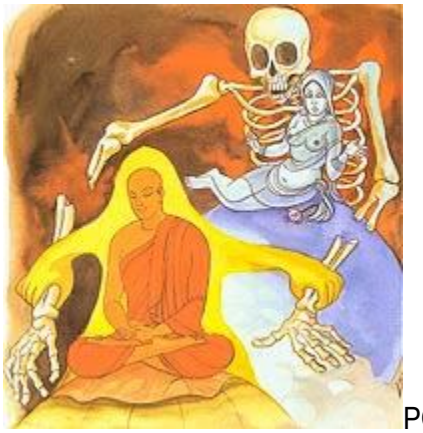
PC350

350. Muốn lìa xa ác tưởng,

Thường nghĩ tới bất tịnh,

Hãy trừ hết ái dục,

Đừng để ác buộc ràng.

He who delights in subduing (evil) thoughts,

who meditates on "the loathsomeness" (of the body)
who is ever mindful, - it is he who will make an end (of craving). He will sever Maara's bond. -- 350

350. Người thích trừ tà ý,

Quán bất tịnh, niệm thường,

Sẽ đoạn diệt tham ái,
Cắt đứt vòng Ma vương.

350 - Celui qui se réjouit en subjuguant les pensées, qui médite sur l'impureté, celui qui est toujours attentif, celui là mettra une fin au désir ; il coupera le lien de Mara.

350. Aber jemand, der Freude hat am Beruhigen der Gedanken, immer achtsam, die Konzentration auf das Ekelerregende pflegt: Er wird ein Ende der Begierde erreichen, er wird Maras Fesseln durchschneiden.

 PC351

351. Tới chỗ cứu kính (192),

Không còn sợ hãi,

Xa lìa ái dục,

Không còn nhiễm ô,

Nhổ tên sanh hữu,

Thân này cuối cùng (193).

CT (192) : Chỉ A la hán.
CT (193) : Từ đây không còn luân hồi sanh tử nữa.

He who has reached the goal,
is fearless, is without craving, is passionless,
has cut off the thorns of life.
This is his final body. -- 351

351. Đến đích hết sợ hãi,
Ly ái, tham tiêu tùng,
Cắt tiệt gai sanh tử,
Thân này thân cuối cùng.

351 - Celui qui a atteint le But, qui est sans peur, qui est dépourvu de soif, qui est sans passions, qui a coupé les épines de la vie ; ce sien corps est le dernier.

351. Er hat die Vollendung erreicht, furchtlos, unbefleckt, frei von Begierde und hat die Pfeile des wandelnden Lebens weggeschnitten; Diese körperliche Anhäufung ist seine letzte.

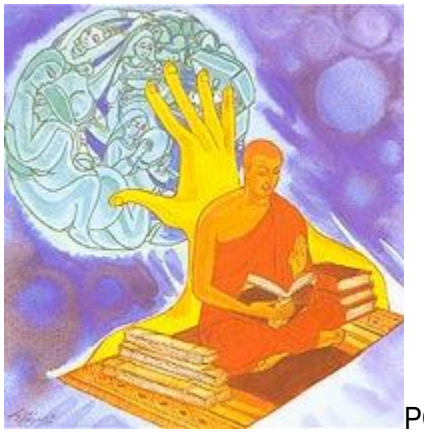 PC352

352. Xa lìa ái dục không nhiễm trước,

Thông đạt từ vô ngại, thấu suốt

Nghĩa và pháp, thứ lớp tự cú (194),

Là bậc đại trí, đại trượng phu,

Chỉ còn thân này là cuối cùng.

CT (194): Câu này theo nguyên văn là : Niruttipada Kovido, dịch thẳng là thông đạt và tha cú ; tức chỉ cho bốn thứ biện giải vô hại (Catupatisambbida) : Nghĩa vô hại (Atha) là thông suốt lý nghĩa ; Pháp vô ngại (Dhamma) là thông suốt giáo pháp như 3 tạng 12 bộ ; Từ vô hại (Nirutti), là thông suốt lời lẽ văn cú ; Biện thuyết vô ngại (Patibhana), là giảng nói (biết thứ lớp của tự, cú, là chỉ môn biện thuyết vô ngại).

He who is without craving and grasping,
who is skilled in etymology and terms,
who knows the grouping of letters and their sequence,
- it is he who is called the bearer of the final body,
one of profound wisdom, a great man. -- 352

352. Đoạn ái dục, chấp thủ,
Khéo giải từ, ngữ nguyên,
Thấu triệt dạng cú pháp,
Phối hợp chúng liền liền,
Mang sắc thân lần cuối,
Bậc đại nhân, thâm uyên.

352 - Celui qui est dépourvu de soif et libre d'attachement, celui qui est habile en étymologie et en vocabulaire, celui qui connaît le groupement des syllabes et leur assemblage, il est celui qui est appelé le porteur du dernier corps, celui de profonde Connaissance Transcendante, un grand homme.

352. Frei von Begierde, ohne Ergreifen, scharfsinnig im Ausdruck, die Kombination der Laute kennend, welcher vorher und welcher nachher kommt; Er trägt sein Körper zum letzten Mal, und wird als großer Mensch mit großer Einsicht bezeichnet.

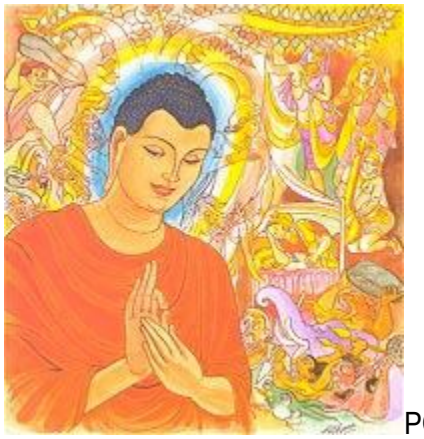
PC353

353. Ta đã hàng phục tất cả,

Ta đã rõ biết tất cả,

Ta không nhiễm một pháp nào,

Xa lìa hết thảy, diệt dục,

Giải thoát, tự mình chứng ngộ,

Còn ai gọi là thầy ta? (195)

CT (195): Sau khi Phật thành đạo, từ Bồ đề tràng đi tới Lộc dã uyển, giữa đường gặp nhà tu của đạo khác, tên Ưu-ba-ca (Upaka), hỏi Phật rằng : "Ông xuất gia theo ai ?" "Thầy ông là ai" ? "Ông tin tôn giáo nào ?" Phật liền nói bài trên để trả lời.

All have I overcome, all do I know.
From all am I detached.
All have I renounced.
Wholly absorbed am I in "the destruction of craving".
Having comprehended all by myself,
whom shall I call my teacher? -- 353

353. Ta hàng phục tất cả,
Ta hiểu rõ ngọn ngành,
Ta rũ sạch các pháp,
Ta đoạn tuyệt mối manh,
Ta diệt ái giải thoát,
Ta liễu ngộ viên thành,
Ai là thầy ta nữa?

353 - "J'ai tout vaincu, je connais tout, De tout je suis détaché, à tout j'ai renoncé. Je suis pleinement libéré par la destruction de la soif. Ayant tout compris par moi-même, qui pourrai - je appeler mon Maître ?"

353. Allbezwingend, allwissend bin ich, in bezug auf alle Dinge, nicht anhaftend. Alles-aufgebend, freigesetzt in das Aufhören der Begierde: Ich habe alles selber erkannt, wen soll ich als meinen Lehrer bezeichnen?

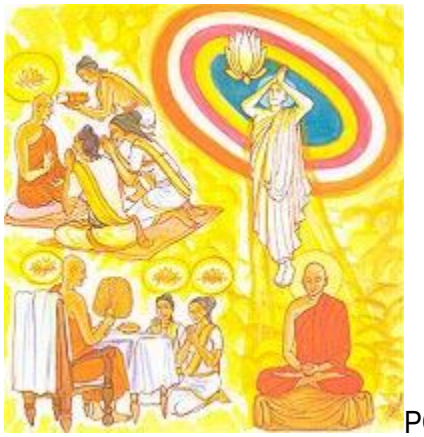
PC354

354. Trong các cách cúng dường,

Pháp thí là hơn cả,

Trong tất cả các vị,

Pháp vị là hơn cả,

Trong các loại hỷ lạc,

Pháp hỷ là hơn cả,

Ai trừ hết ái dục,

Vượt trên mọi khổ đau.

The gift of Truth excels all (other) gifts.
The flavour of Truth excels all (other) flavours.
The pleasure in Truth excels all (other) pleasures.
He who has destroyed craving overcomes all sorrow. -- 354

354. Thí nào bằng pháp thí!
Vị nào bằng pháp vị!
Hỷ nào bằng pháp hỷ!
Diệt ái hết khổ lụy!

354 - Le don du Dhamma surpasse tous les dons.
La saveur du Dhamma surpasse toutes les saveurs.
Le délice dans le Dhamma surpasse tous les délices.
Celui qui a détruit la soif surmonte toutes les douleurs.

354. Ein Dhamma Geschenk überwiegt alle Geschenke; der Geschmack des Dhamma alle Geschmäcker; ein Vergnügen am Dhamma alle Vergnügen; das Aufhören der Begierde alles Leid und Unreinheiten.


PC355

355. Tài sản hại người ngu

Không hại kẻ giải thoát,

Tài dục hại người ngu,

Lại thêm hại người khác.

Riches ruin the foolish,
but not those in quest of the Beyond (Nibbaana).
Through craving for riches,
the ignorant man ruins himself
as (if he were ruining) others. -- 355

355. Của cải hại kẻ ngu,
Không tìm người trí giác;
Kẻ ngu ham tiền bạc,
Tự hại mình, hại người.

355 - Les richesses ruinent le fou, mais non ceux en quête du « par-delà » ;
Par la soif des richesses, l'homme sans intelligence se ruine, comme s'il ruinait les autres.

355. Reichtum ruiniert den Narren, aber nicht jene, die das Jenseitige suchen; Indem er Reichtum begehrt ruiniert sich der Narr ebenso wie andere.

 PC356

356. Cỏ làm hại ruộng vườn,

Tham dục hại thế nhân,

Cúng dường người lìa tham,

Sẽ được quả báo lớn.

Weeds are the bane of fields,

lust is the bane of mankind.

Hence what is given to those lustless
yields abundant fruit. -- 356

356. Cỏ dại hại ruộng đồng,

Tham dục hại thế nhân;

Cúng dường bậc ly dục,
Quả phúc thật vô ngần.

356 - La mauvaise herbe est la souillure des champs ; l'attachement est la souillure de l'homme ; Par conséquent, ce qui est donné à ceux qui sont sans passion porte un grand fruit.

356. Felder werden durch Unkraut verdorben, wie Menschen durch Begierde; Deswegen trägt das, was man denen gibt, die frei von Begierde sind, eine große Ernte.

 PC357

357. Cỏ làm hại ruộng vườn,

Sân hận hại thế nhân,

Cúng dường người lìa sân,

Sẽ được quả báo lớn.

Weeds are the bane of fields,

hatred is the bane of mankind.

Hence what is given to those rid of hatred
yields abundant fruit. -- 357

357. Cỏ dại hại ruộng đồng,

Sân hận hại thế nhân;

Cúng dường bậc ly hận,
Quả phúc thật vô ngần.

357 - La mauvaise herbe est la souillure des champs; la haine est la souillure de l'homme ; Par conséquent, ce qui est donné à ceux qui sont libres de haine, porte un grand fruit.

357. Felder werden durch Unkraut verdorben, wie Menschen durch Abneigung; Deswegen trägt das, was man denen gibt, die frei von Abneigung sind, eine große Ernte.

 PC358

358. Cỏ làm hại ruộng vườn,

Ngu si hại thế nhân,

Cúng dường người lìa si,

Sẽ được quả báo lớn.

Weeds are the bane of fields,

delusion is the bane of mankind.

Hence what is given to those rid of craving
yields abundant fruit. -- 358

358. Cỏ dại hại ruộng động,

Si ám hại thế nhân;

Cúng dường bậc ly ám,
Quả phúc thật vô ngần.

358 - La mauvaise herbe est la souillure des champs, l'illusion est la souillure de l'homme ; Par conséquent, ce qui est donné à ceux qui sont libres d'illusion porte un grand fruit.

358. Felder werden durch Unkraut verdorben, wie Menschen durch Täuschung; Deswegen trägt das, was man denen gibt, die frei von Täuschung sind, eine große Ernte.


PC359

359. Cỏ làm hại ruộng vườn,

Ái dục hại thế nhân,

Cúng dường người lìa dục,

Sẽ được quả báo lớn.

Weeds are the bane of fields,
craving is the bane of mankind.
Hence what is given to those rid of craving
yields abundant fruit. -- 359

359. Cỏ dại hại ruộng đồng,
Tham ái hại thế nhân;
Cúng dường bậc ly ái,
Quả phúc thật vô ngần.

359 - La mauvaise herbe est la souillure des champs ; le désir est la souillure de l'homme. Par conséquent, ce qui est donné à ceux qui sont sans désir, porte un grand fruit.

359. Felder werden durch Unkraut verdorben, wie Menschen durch Verlangen; Deswegen trägt das, was man denen gibt, die frei von Verlangen sind, eine große Ernte.

Phẩm XXV
BHIKKHU VAGGA - THE BHIKKHU - PHẨM TỲ KHEO

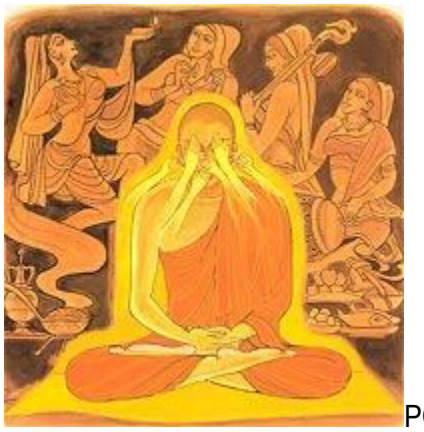 PC360

360. Chế phục mắt, lành thay,

Chế phục tai, lành thay,

Chế phục mũi, lành thay,

Chế phục lưỡi, lành thay.

Good is restraint in the eye;
good is restraint in the ear;
good is restraint in the nose;
good is restraint in the tongue. -- 360

360. Lành thay điều phục mắt!
Lành thay điều phục tai!
Lành thay điều phục mũi!
Lành thay điều phục lưỡi!

360 - Il est bon de contrôler l'œil ; il est bon de contrôler l'oreille; il est bon de contrôler le nez ; il est bon de contrôler la langue.

360. Kontrolle über das Auge ist gut; gut ist Kontrolle über das Ohr; Kontrolle über die Nase ist gut; gut ist Kontrolle über die Zunge.

 PC361

361. Chế phục thân, lành thay,

Chế phục lời, lành thay,

Chế phục ý, lành thay,

Chế phục hết, lành thay,

Tỷ kheo nào chế phục

Hết thảy, giải thoát khổ.

Good is restraint in deed;
good is restraint in speech;
good is restraint in mind;
good is restraint in everything.
The bhikkhu, restrained at all points,
is freed from sorrow. -- 361

361. Lành thay hàng phục thân!
Lành thay hàng phục ý!
Lành thay lời chế chỉ!
Lành thay phòng mọi điều!
Hàng phục được bấy nhiêu,
Tỳ kheo ấy thoát khổ.

361 - Il est bon de contrôler l'acte ; il est bon de contrôler la parole ; il est bon de contrôler le mental ; il est bon de contrôler toutes choses ; Le Bhikkhou contrôlé de toutes parts est libre de toute souffrance.

361. Kontrolle über den Körper ist gut; gut ist Kontrolle über die Sprache; Kontrolle über das Herz / Geist ist gut; gut ist Kontrolle in allen Bereichen; Ein Mönch, der sich in allen Bereichen unter Kontrolle hat, ist von allem Leid befreit.

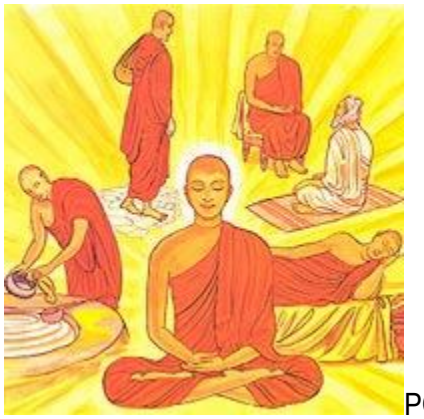 PC362

362. Kiểm soát tay chân,

Ngôn ngữ, đầu óc (196),

Tâm thích Thiền định,

Ở riêng một mình,

Tự biết đầy đủ,

Ấy là Tỷ kheo.

CT (196) : Cái đầu nằm ở chỗ cao nhất nơi thân ta.

He who is controlled in hand, in foot, in speech,
and in the highest (i.e., the head);
he who delights in meditation, and is composed;
he who is alone, and is contented,
- him they call a bhikkhu. -- 362

362. Điều phục cả chân tay,
Điều phục ngay đầu óc,
Điều phục lời ngang dọc,
Đơn độc vui hành thiền,
Tri túc sống an nhiên,
Tỳ kheo là vậy đó!

362- Celui qui est contrôlé quant à la main, au pied, au langage, et au plus haut - la tête ; celui qui se réjouit en méditation, et qui est composé; celui qui est seul et satisfait ; celui-là je l'appelle un Bhikkhou.

362. Die Hände unter Kontrolle, Füße unter Kontrolle, Sprache unter Kontrolle, im höchsten Maße unter Kontrolle, sich an dem erfreuend, was innen ist, zufrieden, gesammelt, alleine: ihn bezeichnet man als Mönch.

 PC363

363. Thuần hóa ngôn ngữ,

Khôn khéo tịch tịnh,

Diễn bày pháp nghĩa,

Hòa ái, rõ ràng,

Ấy là Tỳ kheo.

The bhikkhu who is controlled in tongue,
who speaks wisely, who is not puffed up,
who explains the meaning and the text,
- sweet, indeed is his speech. -- 363

363. Tỳ kheo điều phục lưỡi,
Khiêm ái không tự cao,
Diễn giải nghĩa kinh điển,
Lời êm dịu ngọt ngào.

363 – Le Bhikkhou qui a le contrôle de la langue, qui parle avec sagesse, qui n'est pas infatué, qui explique le sens et le texte ; douce, en vérité, est sa parole.

363. Ein Mönch, der seine Äußerungen unter Kontrolle hat, ruhig Rat gibt, Lehre und Bedeutung verkündet: Was er sagt, ist wohlklingend.

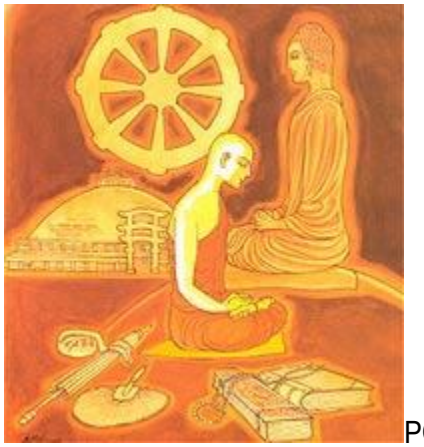 PC364

364. Tỷ kheo an trú

Lạc viên Chánh pháp,

Mến pháp tùy pháp,

Tư duy nhớ pháp,

Không bị thối chuyển.

That bhikkhu who dwells in the Dhamma,
who delights in the Dhamma, who meditates on the Dhamma, who well remembers the Dhamma, does not fall away from the sublime Dhamma-- 364

364. Tỳ kheo trụ chánh pháp,
Quí pháp, thường hành thiền,
Niệm pháp, tâm tinh chuyên,
Ắt không rời Chánh pháp.

364 - Le Bhikkhou qui demeure dans le Dhamma, qui se réjouit dans le Dhamma, qui médite sur le Dhamma, qui se rappelle bien le Dhamma, ne tombe pas hors du Dhamma Excellent.

364. Dhamma ist sein Aufenthalt; Dhamma seine Freude ; ein Mönch, der über den Dhamma nachdenkt, sich den Dhamma ins Gedächtnis ruft, fällt nicht ab vom wahren Dhamma.

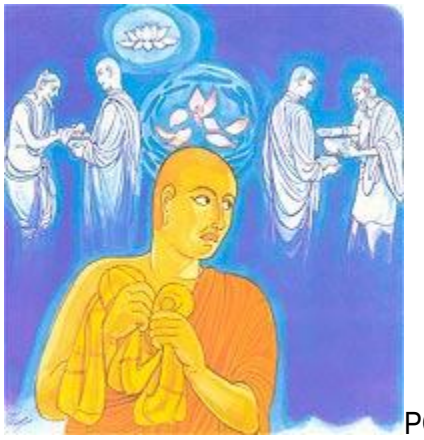 PC365

365. Chớ khinh điều mình đã chứng,

Chớ hâm mộ điều người chứng,

Hâm mộ điều người khác chứng,

Không chứng được Tam ma địa (chánh định) (197) .

CT (197) : Ý nói chỉ hâm mộ việc của người thì chẳng ích gì cho việc của mình.

Let him not despise what he has received,
nor should he live envying (the gains of) others.
The bhikkhu who envies (the gains of) others
does not attain concentration. -- 365

365. Chớ chê điều mình đạt,
Chớ ganh ghét của người;
Tỳ kheo vọng tâm tư,
Không sao vào chánh định.

365 - Qu'il ne méprise pas ce qu'il a reçu, qu'il n'aille pas enviant le gain des autres ; Le Bhikkhou qui envie le gain des autres, n'atteint pas à la concentration.

365. Behandle die eigenen Gaben nicht mit Geringschätzung, mache dich nicht auf, die der anderen zu begehren; Ein Mönch, der die der anderen begehrt, erlangt keine geistige Sammlung.

 PC366

366. Tu chứng được chút ít,

Không khinh ghét điều ấy,

Cứ thanh tịnh, siêng năng,

Được chư Thiên khen ngợi.

Though receiving but little,

if a bhikkhu does not despise his own gains,

even the gods praise such a one
who is pure in livelihood and is not slothful. -- 366

366. Tỳ kheo dù nhận ít,

Nhưng tâm không khinh thường,

Sống thanh tịnh, tinh tấn,
Chư thiên cũng tán dương.

366 - Quoiqu'il ait peu reçu, si un Bhikkhou ne méprise pas ce peu, les Devas le loueront, lui qui est de vie pure et n'est pas indolent.

366. Sogar wenn er so gut wie nichts bekommt, behandelt er seine Gaben nicht mit Verachtung; Unermüdlich führt er ein reines Leben: Er ist es, den die Devas loben.

 PC367

367. Đối với danh và sắc

Không chấp "ta", "của ta",

Không phiền điều không có,

Ấy gọi là Tỷ kheo.

He who has no thought of "I" and "mine"
whatever towards mind and body,
he who grieves not for that which he has not,
he is, indeed, called a bhikkhu. -- 367

367. Đối với cả thân tâm,
Không chấp ta, của ta,
Không buồn điều không có,
Đó gọi là tỳ kheo.

367 - Celui qui n'a aucune conception de "moi et mien", que ce soit envers le corps ou la psyché, celui qui ne se chagrine pas pour ce qu'il n'a pas, celui-là en vérité, est appelé un Bhikkhou.

367. Für jemanden, für den es so etwas wie Selbst in Name und Form in jeglicher Hinsicht nicht gibt und der nicht um das betrübt ist, was nicht ist: Der wird zurecht ein Mönch genannt.

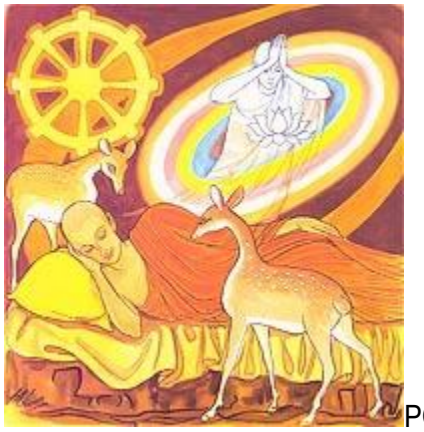 PC368

368. An trú tâm từ bi,

Vui giáo pháp Phật đà,

Đạt cảnh giới an lạc,

Giải thoát khỏi các hành (vô thường).

The bhikkhu who abides in loving-kindness,
who is pleased with the Buddha's Teaching,
attains to that state of peace and happiness,
the stilling of conditioned things. -- 368

368. Tỳ kheo vui pháp Phật,
An trụ tâm từ bi,
Chứng đạt cảnh an tịnh,
Giải thoát pháp hữu vi.

368 – Le Bhikkhou qui demeure en Amour Bienveillant ; Qui est content de l'Enseignement du Bouddha, atteint à cet état de Paix et de bonheur la tranquillisation des agrégats d 'existence.

368. Ein Mönch mit Vertrauen in die Lehre des "Erwachten", der in Güte verweilt, erlangt den guten Zustand, den friedvollen Zustand: das Beruhigen-der-Gestaltungen Wohlergehen.


PC369

369. Tát hết nước thuyền này (198),

Thuyền nhẹ và đi mau,

Hết tham dục, sân hận,

Tỳ kheo chứng Niết bàn.

CT (198): Thuyền dụ thân thể, nước dụ ác tâm phiền não.

Empty this boat, O bhikkhu!
Emptied by you it will move swiftly.
Cutting off lust and hatred,
to Nibbaana you will thereby go. -- 369

369. Tỳ kheo tát sạch nước,
Thuyền này nhẹ lướt nhanh,
Trừ tham dục, sân hận,
Niết bàn tất viên thành.

369 - Videz ce bateau, ô Bhikkhou ! vidé par vous, ira rapidement ; Coupant votre convoitise et votre animosité, par ce moyen, vous irez vers le Nirvana.

369. Mönch, schöpf dieses Boot aus; Es wird dich leicht tragen, wenn es ausgeschöpft ist; Nachdem du Leidenschaft und Abneigung durchschnitten hast, gehst du von dort zum Nirwana.

 PC370

370. Bỏ năm điều (199), đoạn năm điều (200),

Tu năm điều (201), vượt năm điều (202),

Tỷ kheo vượt dòng nước lũ (203).

CT (199) : Bỏ năm điều là : Bỏ năm kết sử của hạ giới (ngũ hạ phần kết - Panca orambhagiyasamyaja-nani): Dục giới tham (Khamatogo) là sự tham lam ở tại dục giới ; sân (Vyapado) ; thân kiến (Satka-yaditthi) là chấp thân thật hữu ; giới cấm thủ (Si-labhataparamato) là cố chấp các giới cấm tà vạy ; nghi (Vicikischa).
CT (200) : Đoạn 5 điều là : Bỏ năm kiết sử của thượng giới (ngũ thượng phần kiết - panca uddhambha-giyasamiokanani) : Sắc giới tham (Ruparaga) là tham đắm ở tại Sắc giới ; Vô sắc giới tham là tham đắm thiền định ở Vô sắc giới ; Trạo cử (uddhacca) là loạn động ; Mạn (mana) là ngạo mạn ; Vô minh (Avijja).

CT (201) : Tu năm điều là tu năm căn lành : tín, tấn, niệm, định, huệ.

CT (202) : Ngũ trược, là năm điều say đắm : tham, sân, si, mạn, ác kiến.
CT (203) : Bộc lưu là dòng nước lũ (Ogho), chỉ cho 4 thứ : dục lưu, hữu lưu, kiến lưu, vô minh lưu.

Five cut off, five give up, five further cultivate.
The bhikkhu who has gone beyond the five bonds
is called a "Flood-Crosser". -- 370

370. Tỳ kheo đoạn diệt năm, (1)
Bỏ năm (2), tu tập năm (3)
Vượt qua năm vòng xích (4),
Xứng gọi bậc vượt dòng.

(1) Tham, sân, thân kiến, giới cấm thủ, nghi.

(2) Sắc ái, vô sắc ái, trạo cử, kiêu mạn, vô minh.

(3) Tín, tấn, niệm, định, huệ.
(4) Tham, sân, si, mạn, tà kiến.

370 - Cinq Supprimes, cinq abandonnés, de plus cinq cultives, le Bhikkhou qui a été au delà des cinq obstacles est appelé le « traverseur-de-courant » .

370. Schneide fünf durch, laß fünf gehen und entwickle vor allem fünf ; Von einem Mönch, der fünf Anhaftungen hinter sich gelassen hat, heißt es, daß er die Flut überquert hat.

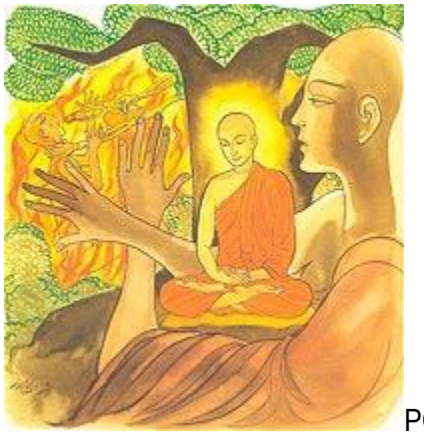
PC371

371. Tu thiền định, chớ buông lung,

Tâm chớ mê hoặc theo dục,

Đừng đợi khi nuốt sắt nóng

Mới biết ăn năn than thở.

Meditate, O bhikkhu! Be not heedless.

Do not let your mind whirl on sensual pleasures.

Do not be careless and swallow a ball of lead.
As you burn cry not "This is sorrow". -- 371

371. Chớ buông lung, dục lạc,

Tỳ kheo, hãy tu thiền.

Phóng dật, nuốt sắt nóng,
Bị đốt chớ than phiền!

371 - Méditez ô Bhikkhou ! Ne soyez pas inattentifs ; Ne laissez pas votre esprit tournoyer sur les plaisirs sensuels ; Ne soyez pas négligents et n'avalez pas une bille de fer brûlante; et si vous vous brûlez, ne vous lamentez pas « ceci est souffrance ».

371. Praktiziere Mediation, Mönch, und sei nicht achtlos; Laß deinen Geist nicht an sinnlichen Gestaden umherstreifen; Verschlucke nicht achtlos die glühende Eisenkugel; Bei Verbrennung klage nicht dann: “Das schmerzt”.

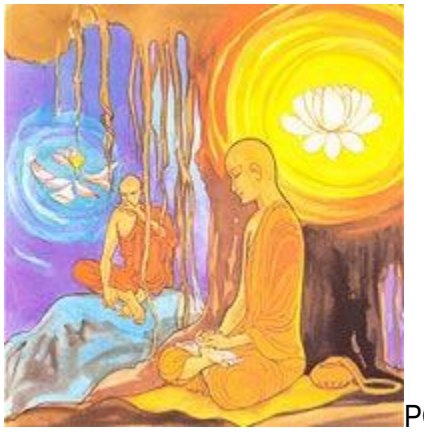 PC372

372. Không Trí tuệ, không Thiền định,

Không Thiền định, không Trí tuệ,

Gồm đủ Thiền định, Trí tuệ

Đạt gần đến cõi Niết bàn.

There is no concentration in one who lacks wisdom,

nor is there wisdom in him who lacks concentration.

In whom are both concentration and wisdom,
he, indeed, is in the presence of Nibbaana. -- 372

372. Không trí tuệ, không định,

Không định, không trí tuệ;

Người có tuệ, có định,
Đạt Niết bàn viên tịnh.

372 - Il n 'y a pas de méditation (jhana) sans Connaissance Transcendante ;
I1 n'y a pas de Connaissance Transcendante sans méditation; Celui en qui il y a Connaissance Transcendante et méditation est, en vérité, en présence de Nirvana.

372. Es gibt kein Meditation für jemanden ohne Einsicht, keine Einsicht für jemanden ohne Mediation; Aber jemand mit Meditation und Einsicht ist an der Schwelle zum Nirwana.

 PC373

373. Vào chỗ yên tĩnh,

Tâm thường vắng lặng,

Quán xét Chánh pháp,

Hưởng vui siêu nhân.

The bhikkhu who has retired to a lonely abode,

who has calmed his mind,

who perceives the doctrine clearly,
experiences a joy transcending that of men. -- 373

373. Tỳ kheo sống đơn độc,

An định được nội tâm,

Trực quán theo chánh pháp,
Vui nguồn vui siêu nhân.

373 - Le Bhikkhou qui s'est retiré dans une demeure solitaire, qui a calmé son esprit et perçoit clairement le Dhamma expérimente une joie supra humaine.

373. Ein Mönch mit ruhigem Geist, der in eine leere Behausung geht und den Dhamma klar und richtig sieht: Seine Freude ist mehr als menschlich.

 PC374

374. Người thường chánh niệm

Sanh diệt các uẩn,

Sẽ được vui mừng,

Người đó không chết.

Whenever he reflects on the rise and fall
of the Aggregates,
he experiences joy and happiness.
To "those who know"
that (reflection) is Deathless. -- 374

374. Người nhiếp tâm thường niệm,
Các uẩn thường diệt sanh,
Thọ hưởng niềm an lành,
Đạt cảnh giới bất tử.

374 - Celui, qui est continuellement et pleinement vigilant (sati) de l 'origine et de la disparition des agrégats expérimente joie et ravissement, réalisant le sans-mort .

374. Wie auch immer er mit dem Entstehen und Vergehen der Anhäufungen in Berührung kommt: er erlangt Verzückung und Freude; das ist, für jene, die es kennen, frei von Tod, das 'Todlose'.

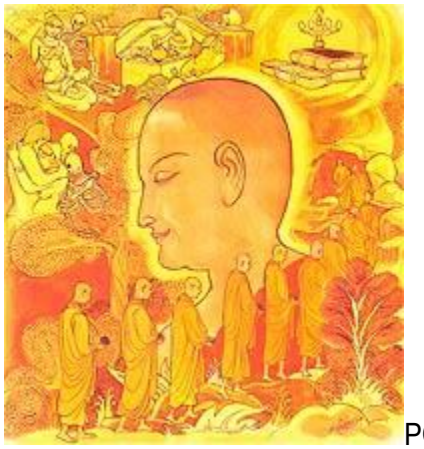
PC375

375. Sáng suốt trong đời sống,

Nhiếp hộ căn, biết đủ,

Lo hộ trì giới luật,

Gần gũi các bạn lành

Và nổ lực tinh tấn,

Sống chánh mạng trong sạch.

And this becomes the beginning here
for a wise bhikkhu:
sense-control, contentment, restraint
with regard to the Fundamental Code
(Paatimokkha),
association with beneficent and energetic friends
whose livelihood is pure. -- 375

375. Tỳ kheo có trí tuệ,
Thường phòng hộ các căn,
Tri túc, giữ giới bổn,
Thân cận các bạn lành,
Sống nổ lực tinh tấn,
Hợp chánh mạng cao thành.

375 - Et voici le commencement pour un sage bhikkhou : contrôle des sens, contentement, restreinte en rapport avec le Patimokka (Code Fondamental de Moralité) association avec des amis énergiques et bénéfiques de vie pure.

375. Die ersten Dinge für einen einsichtigen Mönch sind hier die Sinne hüten, Zufriedenheit, Disziplin in Übereinstimmung mit dem Möncheregeln; Er sollte sich mit bewundernswerten Freunden zusammentun.

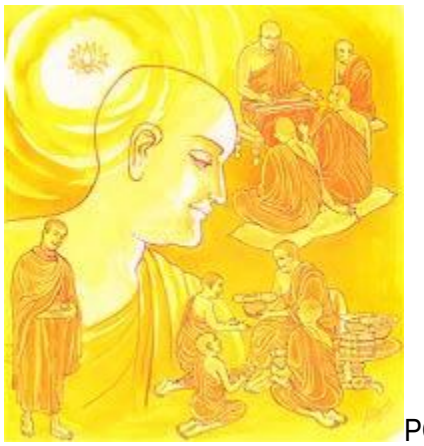
PC376

376. Thái độ thành khẩn,

Hành vi đoan chánh,

Tất được an vui,

Sạch hết khổ não.

Let him be cordial in his ways and refined in conduct;

filled thereby with joy,
he will make an end of ill. -- 376

376. Người hành xử chân thành,

Tác phong thật đoan chánh,

Hưởng nguồn vui phạm hạnh,
Dứt sạch mọi khổ đau.

376 - Qu'il soit cordial en ses manières et raffiné en conduite; Par cela, plein de joie, il mettra fin à la souffrance.

376. Wer ein reines Leben führt, unermüdlich, aus Gewohnheit gastfreundlich und gekonnt in seinem Benehmen ist und so vielfache Freude erfährt, der wird Leiden ein Ende setzen.

 PC377

377. Hoa lài Bạt-tất-ca (204)

Rụng úa tàn thế nào,

Tỷ kheo dính tham sân

Cũng úa tàn như thế.

CT (204) : Bạt tất ca (Vassika), tên một thứ hoa thơm hơn các hoa khác.

As the jasmine creeper sheds its withered flowers, even so, O bhikkhus, should you totally cast off lust and hatred. -- 377

377. Tỳ kheo hãy vất bỏ,

Mọi ý niệm tham sân,

Như hoa lài tàn úa,
Rơi rụng khỏi cành thân.

377 - Comme la liane du jasmin laisse tomber ses fleurs fanées, ainsi, ô Bhikkhous, devez-vous rejeter totalement la convoitise et l'agressivité.

377. Laßt Leidenschaft und Abneigung fallen, Mönche, wie ein Jasmin seine verwelkten Blüten.

 PC378

378. Thân tịch tịnh, ngữ tịch tịnh,

Tâm an trú, lìa dục lạc,

Tỷ kheo khéo đạt tịch tịnh.

The bhikkhu who is calm in body, calm in speech, calm in mind, who is well-composed,

who has spewed out worldly things,
is truly called a "peaceful one". -- 378

378. Tỳ kheo thường điềm tĩnh,

Thân - khẩu - ý tịch tịnh,

Từ bỏ mọi việc đời,
Xứng danh bậc an tịnh.

378 - Le Bhikkhou qui est calme en son corps, calme en sa parole, tranquille, qui est bien composé, qui vomi toutes choses mondaines, est vraiment appelé un "Paisible".

378. Wenn er körperlich zur Ruhe gekommen ist, im Reden zur Ruhe gekommen ist, völlig gesammelt und ruhig ist, die Köder der Welt ausgespien hat, gilt ein Mönch als vollkommen zur Ruhe gekommen.

 PC379

379. Tự cảnh sách, tự phản tỉnh,

Tự hộ vệ và chánh niệm,

Tỷ kheo đạt đến an lạc.

By self do you censure yourself.

By self do you examine yourself.

Self-guarded and mindful,
O bhikkhu, you will live happily. -- 379

379. Tự mình kiểm điểm mình,

Tự mình xem xét mình,

Tự phòng hộ, chánh niệm,
Tỳ kheo sống khương ninh.

379 - Par le moi, censurez le moi ; par !e moi, examinez le moi ; Gardé par le moi et attentif, ô Bhikkhous, vous vivrez heureux.

379. Du selbst solltest dich tadeln, solltest dich selbst prüfen; Als Mönch, der sich selbst behütet, mit behütetem Selbst, achtsam, lebst du in Wohlbehagen.

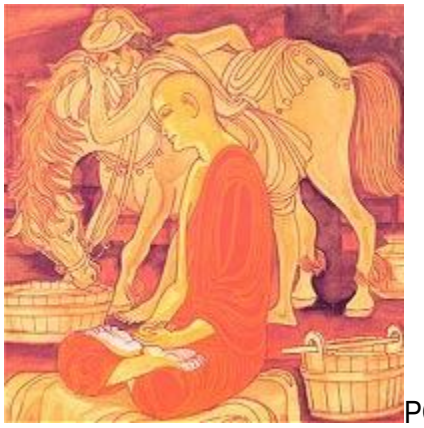 PC380

380. Tự bảo hộ mình,

Nương náu chính mình,

Gắng điều phục mình,

Như thương gia lo

Điều phục ngựa lành.

Self, indeed, is the protector of self.

Self, indeed, is one's refuge.

Control, therefore, your own self
as a merchant controls a noble steed. -- 380

380. Chính ta bảo vệ ta,

Chính ta nương tựa ta,

Chính ta tự điều phục,
Như ngựa theo thương gia.

380 - Le moi, en vérité, est le protecteur du moi ; Le moi, en vérité, est le refuge du moi ;
Contrôlez, par conséquent votre propre moi comme un marchand contrôle un noble coursier.

380. Euer eigenes Selbst ist eure wichtigste Stütze; Euer eigenes Selbst ist euer eigener Führer;
Deswegen solltet ihr auf euch selbst aufpassen, wie ein Händler auf ein gutes Pferd.

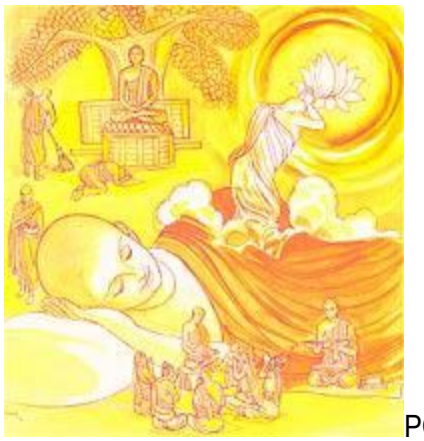 PC381

381. Tỷ kheo tâm hoan hỷ,

Thành tín theo pháp Phật,

Đạt cảnh giới an lạc,

Giải thoát hết các hành (vô thường).

Full of joy, full of confidence in the Buddha's Teaching, the bhikkhu will attain the Peaceful State,
the stilling of conditioned things,
the bliss (supreme). -- 381

381. Tỳ kheo thường hoan hỷ,
Thành tín pháp Phật-đà,
Chứng đạt cảnh an tịnh,
Các hành an lạc ra.

381 - Plein de joie, plein de confiance dans l'Enseignement du bouddha, le Bhikkhou atteindra l'état de Paix, et tranquillisait des choses conditionnées.

381. Ein Mönch mit vielfältiger Freude, mit Vertrauen zu den Lehren des Erwachten, wird den guten Zustand erlangen, den friedvollen Zustand: das Beruhigen-der-Gestaltungen Wohlergehen.

 PC382

382. Nhỏ tuổi siêng tu pháp Phật,

Ánh sáng chiếu soi thế gian,

Như mặt trăng khỏi đám mây.

The bhikkhu who, while still young,
devotes himself to the Buddha's Teaching,
illumines this world like the moon
freed from a cloud. -- 382

382. Tỳ kheo tuy trẻ tuổi,
Chuyên tu pháp Phật-đà,
Như trăng thoát mây chắn,
Soi sáng trần gian ta.

382 – Le Bhikkhou qui, pendant qu'il est encore jeune, se dévoue à l 'enseignement du Bouddha illumine ce monde comme la lune sortant des nuages.

382. Ein junger Mönch, welcher sich in der Lehre des 'Erwachten' Mühe gibt, erhellt die Welt wie der Mond, der hinter einer Wolke hervortritt.

Phẩm XXVI
BRAHMANA VAGGA - THE BRAHMANA - PHẨM BÀ LA MÔN(205)

CT (205) : Bà la môn (Brahmana) ở đây là tiếng chỉ chung người hành đạo thanh tịnh, chớ không phải như nghĩa thông thường chỉ riêng về giai cấp đạo sĩ Bà la môn. Phẩm này Phật dạy, gọi là Bà la môn là cốt ở tư cách xứng đáng của họ, chứ không phải là tại dòng dõi, nơi sinh hay những gì hình thức bên ngoài .

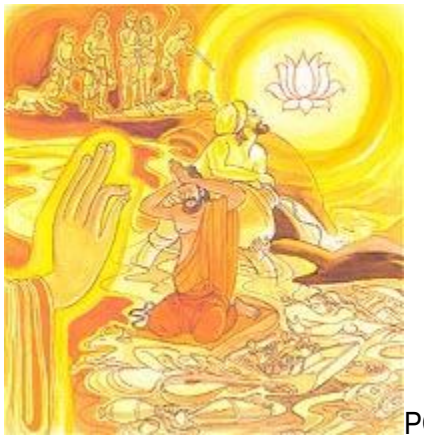 PC383

383. Đoạn trừ dòng ái dục,

Thấy các uẩn (206) diệt tận,

Mới là Bà la môn,

Mới thấy được Vô tác (Niết bàn).

CT (206): Các yếu tố cấu thành sanh mạng .

Strive and cleave the stream.
Discard, O brahmana, sense-desires.
Knowing the destruction of conditioned things,
be, O brahmana, a knower
of the Unmade (Nibbaana). -- 383

383. Này đây Bà la môn,
Hãy đoạn dòng tham ái,
Thấu triệt pháp suy hoại,
Chứng đạt bậc Vô sanh.

383 - Luttez et divisez le courant ; Écarte, ô Brahmane, les désirs des sens ; Connaissant la destruction des constituants de la vie, sois, ô Brahmane, le Connaisseur de l'incréé (Nirvana).

383. Du hast Anstrengungen unternommen, Brahmane, schneide nun den Strom ab; Vertreibe sinnliche Leidenschaften; Wenn du das Aufhören der Gestaltungen kennst, Brahmane, kennst du das 'Ungeschaffene'.

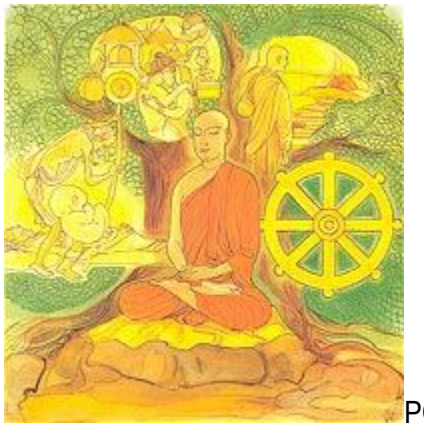 PC384

384. Thường trú trong hai pháp (207),

Người đạt đến bờ kia,

Dù bao nhiêu ràng buộc

Cũng đều bị dứt sạch:

Trí tuệ Bà la môn.

CT (207) : Hai pháp là chỉ và quán.

When in two states a brahmana
goes to the Farther Shore,
then all the fetters of that "one who knows"
pass away. -- 384

384. Bà la môn trí tuệ,
An trụ hai pháp lành (*)
Vượt sang bờ bên đó,
Dứt phiền não mối manh.
(*) Chỉ và Quán

384 - Quand en deux états (tranquillisation de la psyché et vue pénétrante) un Brahmane va sur l'autre rive, alors tous les liens de ce connaissant tombent.

384. Wenn der Brahmane in das Jenseits mit Hilfe von zwei Methoden gelangt ist, gehen all seine Fesselungen ihrem Ende zu.

 PC385

385. Không bờ kia, bờ này (208),

Cả hai bờ đều không,

Đã xa lìa khổ não (209),

Không bị trói buộc gì,

Ta gọi Bà la môn.

CT (208): Bờ kia là chỉ sáu căn bên trong (Ajjhatikani cho Ayatanani) ; Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Bờ này là chỉ sáu trần bên ngoài (Bahirani cho ayatanani) : sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Không chấp trước ta và của ta, nên nói là không bờ này, bờ kia.
CT (209): Nguyên văn là : dara, cũng có thể dịch là bố úy.

For whom there exists
neither the hither nor the farther shore,
nor both the hither and the farther shores,
he who is undistressed and unbound,
- him I call a brahmana. -- 385

385. Không bờ kia, bờ này,
Không hai bờ đó đây (*),
Không khổ đau buộc trói,
Ta gọi Bà la môn.
(*) Sáu căn và sáu trần

385 - Pour qui il n'existe pas cette rive-ci (les six sens internes) ou cette rive-là (les six sens externes), non plus qu'à la fois cette rive-ci et cette rive-là, celui qui est sans détresse et non île, lui, je l'appelle un Brahmane.

385. Jemand dessen Jenseits oder Nicht-Jenseits oder Jenseits-&-Nicht-Jenseits nicht zu finden ist; ungebunden, sorgenfrei: Ihn nenne ich einen Brahmanen.

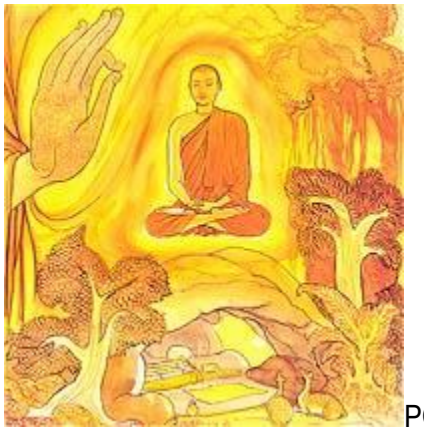 PC386

386. Ai nhập vào Thiền định,

An trú, ly trần cấu,

Việc cần làm đã xong,

Phiền não lậu dứt sạch,

Chứng cảnh giới tối cao,

Ta gọi Bà la môn.

He who is meditative, stainless and secluded,

he who has done his duty and is free from corruptions,

he who has attained the Highest Goal,
- him I call a brahmana. -- 386

386. Ẩn cư, thiền, thanh tịnh,

Vô lậu, tu viên thành,

Đạt đến đích tối thượng,
Ta gọi Bà la môn.

386 - Celui qui est méditatif, sans taches, et fixé, celui qui a fait son devoir et est libre de purulences, celui qui a atteint le plus haut But, lui, je l'appelle un Brahmane .

386. Er sitzt ruhig, staublos, in Meditation vertieft, seine Aufgabe ist erfüllt, die Begierde sind verschwunden, er hat das letzte Ziel erreicht: Ihn nenne ich einen Brahmanen.

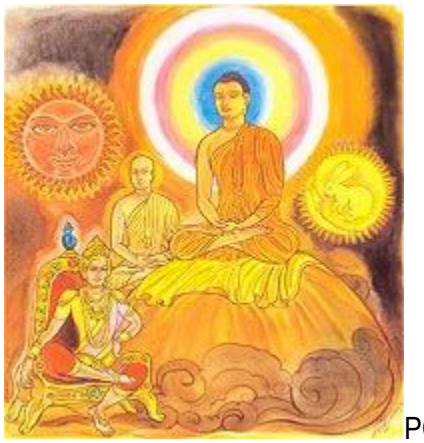 PC387

387. Mặt trời chiếu sáng ban ngày,

Mặt trăng chiếu sáng ban đêm,

Khí giới chiếu sáng vua chúa,

Thiền định chiếu sáng kẻ tu,

Hào quang Phật sáng ngày đêm.

The sun shines by day; the moon is radiant by night.

Armoured shines the warrior king.

Meditating the brahmana shines.
But all day and night the Buddha shines in glory. -- 387

387. Mặt trời sáng ban ngày,

Mặt trăng sáng ban đêm,

Binh khí sáng vương tướng,

Thiền sáng Bà la môn;

Riêng hào quang đức Phật,
Rực sáng cả ngày đêm.

387 - Le Soleil brille le jour, la Lune brille la nuit, le guerrier armé brille, le Brahmane méditant brille ; Mais la gloire du Bouddha brille jour et nuit.

387. Am Tag erstrahlt die Sonne; in der Nacht der Mond; in der Rüstung der Krieger; im Meditation der Brahmane; Aber den ganzen Tag und die ganze Nacht, jeden Tag und jede Nacht erstrahlt der “Erwachte” in heller Pracht.

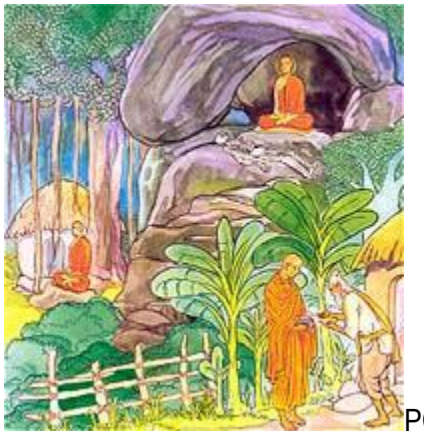 PC388

388. Dứt bỏ ác nghiệp, gọi Bà la môn,

Hành vi thanh tịnh, gọi là Sa môn,

Tự trừ bỏ cấu uế, gọi Xuất gia.

Because he has discarded evil,
he is called a brahmana;
because he lives in peace,
he is called a samana;
because he gives up the impurities,
he is called a pabbajita (recluse). -- 388

388. Dứt ác gọi Phạm Chí,
An tịnh gọi sa môn,
Trừ sạch mọi cấu uế,
Gọi ẩn sĩ tu hành. (*)
(*) Bậc xuất gia

388 - Parce qu'il a écarté le mal, il est appelé un Brahmane; parce que sa conduite est équilibrée, il est appelé un Samana ; puisqu'il a renoncé à ses impuretés, il est appelé un "En allé" (Pabbajito).

388. Er wird ein Brahmane genannt, weil er das Schlechte in sich vertrieben hat, ein Praktizierender, weil er im Gleichklang lebt, ein Hinausgegangener, weil er seine eigenen Unreinheiten aufgegeben hat.

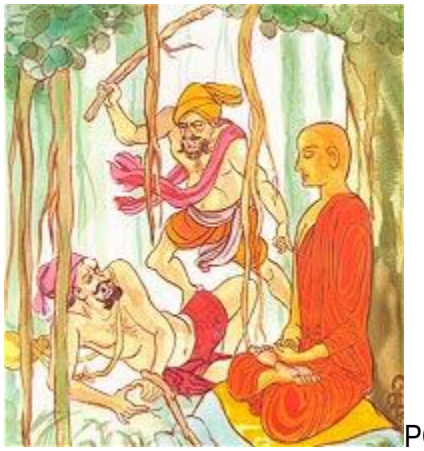 PC389

389. Chớ đánh đập Bà la môn,

Bà la môn chớ sân hận,

Người đánh đập kia đáng hổ,

Người sân hận đáng hổ hơn.

One should not strike a brahmana,
nor should a brahmana vent (his wrath)
on one who has struck him.
Shame on him who strikes a brahmana!
More shame on him who gives vent (to his wrath)! -- 389

389. Chớ đánh đập Phạm Chí,
Phạm chí chớ hận sân,
Xấu thay đánh Phạm Chí,
Sân hận càng xấu hơn.

389 - On ne doit pas frapper un Brahmane ; Non plus ce Brahmane ne doit pas donner libre cours à sa colère contre celui qui le frappe ; Honte à celui qui frappe un Brahmane ; Plus grande honte sur le Brahmane qui donne libre cours à sa colère.

389. Man soll einen Brahmane nicht schlagen, noch sollte der Brahmane seinem Ärger freien Lauf lassen; Schande dem Mörder eines Brahmane; Größere Schande dem Brahmane, dessen Ärger freier Lauf gelassen wird.

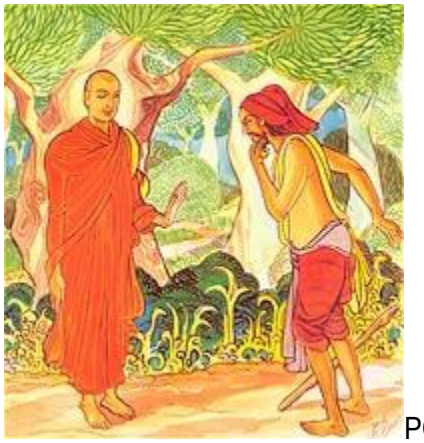
PC390

390. Này hỡi Bà la môn,

Đây không là ích nhỏ:

Vui chế phục tâm mình,

Đoạn trừ tâm độc hại,

Thống khổ được ngăn chận.

Unto a brahmana that (non-retaliation)
is of no small advantage.
When the mind is weaned from things dear,
whenever the intent to harm ceases,
then and then only doth sorrow subside. -- 390

390. Đối với Bà là môn,
Điều này lợi không nhỏ,
Tâm yêu thương từ bỏ,
Ý độc hại dứt ngay,
Điều phục được thế này,
Khổ đau hẳn đoạn tuyệt.

390 - Pour un Brahmane, cette non revanche n'est pas de petit avantage ; Quand le mental est sevré des choses chères, et que l'intention de blesser cesse, c'est seulement alors que la souffrance s'apaise.

390. Nichts ist für den Brahmanen besser, wie wenn der Geist von dem, was lieb ist und nicht, zurückgehalten wird; In dem Maße, wie sich seine schädliche Einstellung verbraucht, kommen seine Unreinheiten einfach zum Erliegen.

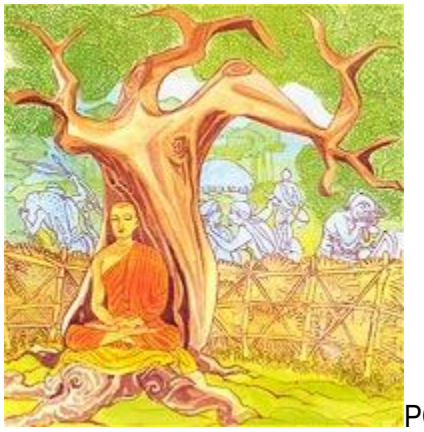 PC391

391. Không dùng thân, ngữ, ý

Tạo tác bao nghiệp ác,

Chế ngự ba nghiệp đó,

Ta gọi Bà la môn.

He that does no evil through body, speech or mind,

who is restrained in these three respects,
- him I call a brahmana. -- 391

391. Người không tạo ác hạnh,

Bằng chính thân khẩu ý,

Ba nghiệp được chế chỉ,
Ta gọi Bà la môn.

391 - Celui qui ne fait aucun mal par le corps, la parole ou le mental ; Celui qui est contrôlé en ces trois modes, celui là je l'appelle un Brahmane.

391. Wer kein Unrecht tut mit Körper, Sprache, Ideen, ist auf diese drei Wege selber kontrolliert: Ihn nenne ich einen Brahmanen.

 PC392

392. Nghe bậc Chánh Giác thuyết pháp,

Hãy đem hết lòng cung kính,

Như Bà la môn (210) thờ lửa.

CT (210): Ở đây chỉ giáo đồ Bà la môn.

If from anybody one should understand the doctrine
preached by the Fully Enlightened One,
devoutly should one reverence him,
as a brahmin reveres the sacrificial fire. -- 392

392. Nhờ ai ta hiểu pháp,
Bậc chánh giác thuyết minh,
Vị ấy ta tôn vinh,
Như Phạm chí thờ lửa.

392. Celui qui est parfaitement illuminé et t'a aidé à comprendre le Dhamma, celui là devrait être honoré et vénéré, comme un Brahmane le feu sacré.

392. Der Mensch, von dem du den Dhamma lernst, den der 'wahrhaft selbst Erwachte' lehrte: den sollst du achten und ehren, wie ein Brahmane das Opferfeuer.

 PC393

393. Chẳng phải vì bện tóc,

Chẳng phải vì chủng tộc,

Chẳng phải tại nơi sanh,

Gọi là Bà la môn,

Nhưng hiểu biết chân thật (211),

Và thông đạt Chánh pháp:

Bà la môn hạnh phúc (212).

CT (211): Chỉ tứ đế.
CT (212): Hạnh phúc (sukhí) bổn của Tích Lan viết là Suci, nên dịch thanh tịnh.

Not by matted hair, nor by family, nor by birth
does one become a brahmana.
But in whom there exist both truth and rightousness,
pure is he, a brahmana is he. -- 393

393. Được mệnh danh Phạm Chí,
Đâu phải đầu bện tóc,
Đâu phải vì gia tộc,
Đâu phải gốc thọ sanh,
Người chánh, tịnh, chân thành,
Thật xứng danh Phạm chí.

393 - Ce n'est pas par le tressage des cheveux ni par la famille ni par naissance que l'on devient Brahmane ; Mais celui en qui existe à la fois la vérité et le Dhamma, il est pur, il est Brahmane.

393. Nicht durch dressiertes Haar, Sippe oder Geburt ist jemand ein Brahmane; Wer Wahrheit und Rechtschaffenheit hat, der ist ein Reiner, der ist ein Brahmane.

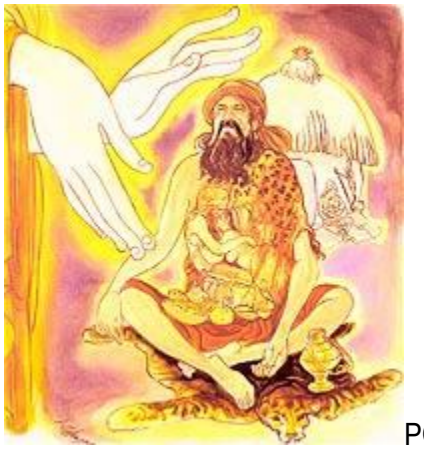

PC394

394. Người ngu bện tóc

Và mặc áo da (213)

Đâu có ích chi?

Lòng đầy tham dục,

Dung nghi bên ngoài,

Chỉ trang điểm suông.

CT (213) : Một số ngoại đạo Ấn Độ hay dùng da nai làm đồ trải ngồi và áo mặc.

What is the use of your matted hair, O witless man?
What is the use of your antelope skin garment?
Within, you are full of passions;
without, you embellish yourself. -- 394

394. Ơ kìa kẻ ngu si!
Thắt tóc bím ích chi?
Khoác da nai ích gì?
Trong chứa đầy tham dục,
Ngoài trang điểm dung nghi!

394 - Pourquoi ces cheveux tressés, ô homme sans intelligence ? Pourquoi ce vêtement en peau d'antilope ? intérieurement vous êtes plein de passions, extérieurement vous vous parez.

394. Was nützt dein dressiertes Haar, du Dummkopf? Was nützt dein Umhang aus Hirschfell? Das Knäuel ist in dir; Du kämmst das Äußere.

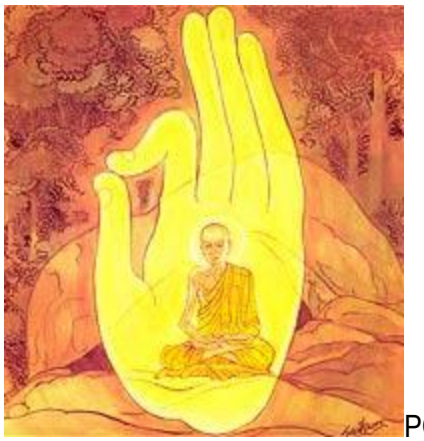 PC395

395. Ai mặc áo phấn-tảo (214),

Gầy ốm lộ gân xương,

Ở rừng sâu tu định,

Ta gọi Bà la môn.

CT (214) : Áo phấn-tảo (Pansukula civara), là thứ vải rẻo người ta vứt, người xuất gia lượm lấy giặt sạch chắp lại may áo cà sa mà mặc.

The person who wears dust-heap robes,

who is lean, whose veins stand out,

who meditates alone in the forest,
- him I call a brahmana. -- 395

395. Người đắp y chắp vá,

Gầy ốm gân lộ ra,

Thiền định giữa rừng già,
Bà la môn ta gọi.

395 - La personne qui porte des robes trouvées sur les tas d ' ordures, qui est maigre, dont les veines sont apparentes, qui médite seule dans la forêt, celle-là je l'appelle un Brahmane .

395. Jemand, der weggeworfene Fetzen trägt mit ausgemergeltem und geädertem Körper, in Meditieren versunken, allein im Wald: Ihn nenne ich einen Brahmanen.

 PC396

396. Gọi là Bà la môn,

Không phải từ bụng mẹ,

Chấp chặt các phiền não,

Chỉ gọi là "Bồ" suông (215),

Người lìa hết chấp trước,

Ta gọi Bà la môn.

CT (215): Nguyên văn là Bhovadi, tức là Bho-vadi, dịch là "thuyết bồ". Đây là tiếng tôn xưng nhau của giáo đồ Bà la môn dùng riêng với nhau trong khi nói chuyện.

I do not call him a brahmana
merely because he is born of a (brahmin) womb
or sprung from a (brahmin) mother.
He is merely a "Dear-addreser",
if he be with impediments.
He who is free from impediments, free from clinging,
- him I call a brahmana. -- 396

396. Không gọi Bà la môn,
Vì thai sanh, mẹ sanh,
Chỉ gọi tánh danh thường,
Nếu tâm còn điên đảo.
Không chấp thủ, phiền não,
Ta gọi Bà la môn.

396 - Je ne l'appelle pas un Brahmane, simplement parce qu'il est né ou issu d'une mère Brahmane ; Il est simplement «Monsieur», s'il a conservé les obstacles ; Mais celui qui est libéré des obstacles, libre d'attachements, lui, je l'appelle un Brahmane.

396. Ich heiße niemanden einen Brahmanen dafür, daß er von einer Mutter geboren wurde oder einem Mutterleib entsprungen ist; Er wird "Bho-Sager" genannt, wenn er überhaupt etwas hat; Jedoch jemand mit nichts, der sich an kein Ding hängt: Ihn nenne ich einen Brahmanen.

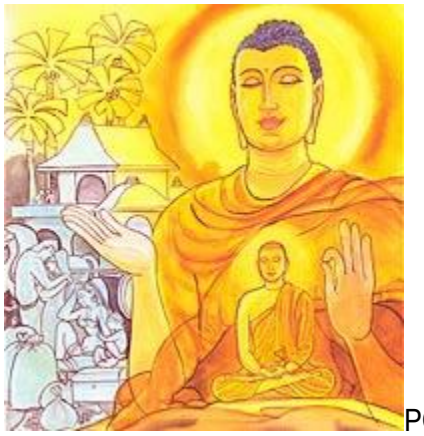 PC397

397. Ai đoạn kiết sử,

Không còn sợ hãi,

Không bị đắm trước,

Xa lìa ràng buộc:

Là Bà la môn.

He who has cut off all fetters, who trembles not,

who has gone beyond ties, who is unbound,
- him I call a brahmana. -- 397

397. Đoạn hết mọi kiết sử,

Không khiếp sợ kinh hồn,

Vượt xiềng xích, đắm trước.
Ta gọi Bà la môn.

397 - Celui qui a coupé tous les liens, celui qui ne tremble pas ; celui qui a été au-delà des obstacles ; celui qui est sans attaches, lui, je l'appelle un Brahmane.

397. Nachdem jemand jede Fessel durchschnitten hat, wird er nicht unruhig, jenseits von Anhaften, ungebunden: Ihn nenne ich einen Brahmanen.

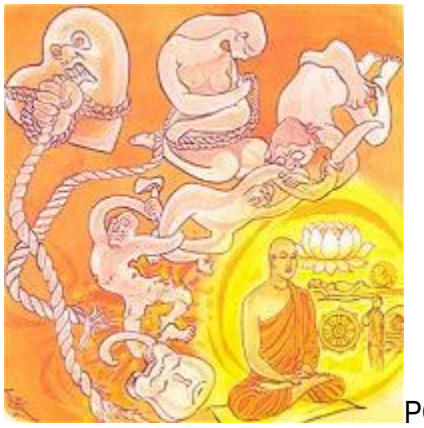
PC398

398. Như ngựa bỏ đai da,

Bỏ cương, dây, sở thuộc,

Người bỏ hết chướng ngại,

Ta gọi Bà la môn (216).

CT (216): Bài này toàn dùng những đồ để khớp ngựa mà ví dụ : Đai da dụ lòng sân nhuế, cương dụ ái dục, dây dụ 62 tà kiến, sở thuộc (dây buộc ngựa) dụ những tập tánh tiềm tàng (anusaysg xưa dịch là "Tùy miên", có 7 thứ : dục, tham, sân, mạn, ác kiến, nghi, vô minh). Chướng ngại dụ vô minh.

He who has cut the strap (hatred),
the thong (craving), and the rope (heresies),
together with the appendages (latent tendencies),
who has thrown up the cross-bar (ignorance)
who is enlightened (Buddha),
- him I call a brahmana. -- 398

398. Cắt dây cương (1), đai da (2),
Dứt dây (3), đồ phụ xa (4),
Bỏ trục ngang (5), giác ngộ,
Ta gọi Bà la môn.

(1) Ái dục; (2) Sân hận; (3) Tà kiến; (4) Tùy miên (5) Vô minh

398 - L'Éveillé qui a coupé la courroie (la haine), la sangle (l'attachement) et la corde (les hérésies), tout ensemble avec les dépendances (les tendances latentes) ; celui qui a enlevé la traverse (L'ignorance) lui, je l'appelle un Brahmane.

398. Wer Gurt und Riemen, Leine und Zaumzeug gekappt und das Querholz abgeschüttelt hat ;
Er ist erwacht: Ihn nenne ich einen Brahmanen.

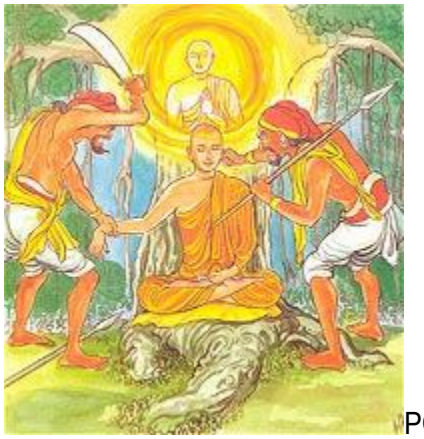 PC399

399. Nhẫn khi bị đánh mắng,

Không sinh lòng sân hận,

Như đội quân hùng cường,

Ta gọi Bà la môn.

He who, without anger,

endures reproach, flogging and punishments,

whose power and the potent army is patience,
- him I call a brahmana. -- 399

399. Ai chịu đựng không sân,

Trước hủy báng, áp bức,

Lấy nhẫn làm quân lực,
Ta gọi Bà la môn.

399 - Celui qui, sans colère, supporte le reproche, le fouet et les punitions ; celui dont le pouvoir, l'arme puissance est la patience, lui, je l'appelle un Brahmane.

399. Er hält, ohne sich zu ärgern, Beleidigungen, Angriffe und Gefangenschaft aus; Seine Armee ist Stärke; seine Stärke Geduld: Ihn nenne ich einen Brahmanen.

 PC400

400. Người đầy đủ đức hạnh,

Không nóng giận, trì giới,

Không dục nhiễm, chế ngự,

Đạt được thân cuối cùng,

Ta gọi Bà la môn.

He who is not wrathful, but is dutiful,
virtuous, free from craving, self-controlled
and bears his final body,
- him I call a brahmana. -- 400

400. Giữ giới đức, ly ái,
Tròn bổn phận không sân,
Lần cuối tự điều thân,
Bà la môn ta gọi.

400 - Celui qui n'est pas haineux, mais est soumis, vertueux, non imbibé de désir, contrôlé et qui porte son dernier corps, lui, je l'appelle un Brahmane.

400. Frei von Ärger, Verpflichtungen eingehalten, hat Grundsätze, ohne anmaßenden Stolz, ist geübt, ein 'letzter Körper': Ihn nenne ich einen Brahmanen.

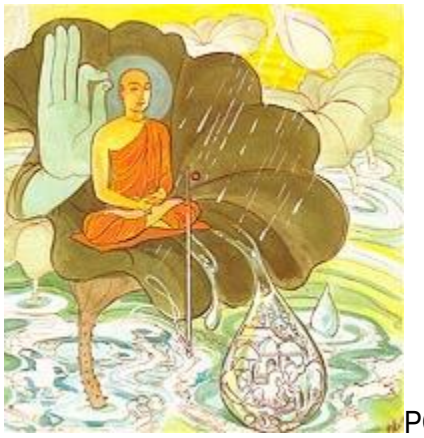 PC401

401. Như nước giọt lá sen,

Hột cải đầu mũi kim,

Người không nhiễm ái dục,

Ta gọi Bà la môn.

Like water on a lotus leaf,

like a mustard seed on the point of a needle,

he who clings not to sensual pleasures,
- him I call a brahmana. -- 401

401. Như nước trên lá sen,

Đầu kim hạt cải mèn,

Dục lạc không vướng mắc,
Ta gọi Bà la môn.

401 - Comme l'eau sur la feuille de lotus, comme une graine de moutarde sur la pointe d'une aiguille ; celui qui ne s'attache pas aux plaisirs des sens, lui, je l'appelle un Brahmane.

401. Wie Wasser auf einem Lotusblatt, ein Senfkorn auf der Spitze eines Pfriems, hängt er nicht an sinnlichen Vergnügen: Ihn nenne ich einen Brahmanen.

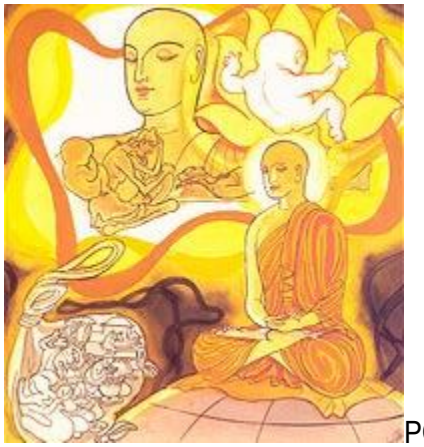 PC402

402. Ngay thế gian này,

Ai tự giác ngộ,

Diệt trừ đau khổ,

Trút bỏ gánh nặng,

Giải thoát, an lạc,

Là Bà la môn.

He who realizes here in this world
the destruction of his sorrow,
who has laid the burden aside and is emancipated,
- him I call a brahmana. -- 402

402. Ai tại thế gian này,
Chứng đắc sự diệt khổ,
Bỏ gánh nặng, siêu độ,
Ta gọi Bà la môn.

402 - Celui qui réalise, ici, par lui-même, la destruction de sa souffrance ; celui qui a déposé le fardeau et est émancipé, lui, je l'appelle un Brahmane.

402. Er erkennt genau hier für sich selber sein eigenes Beenden der Unreinheiten; Er ist ungebunden, seine Last hat er abgelegt: Ihn nenne ich einen Brahmanen.

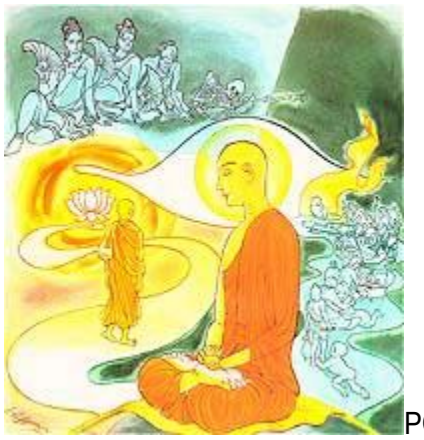 PC403

403. Người trí tuệ sâu xa,

Biết rõ đạo, phi đạo,

Chứng cảnh giới vô thượng,

Ta gọi Bà la môn.

He whose knowledge is deep, who is wise,

who is skilled in the right and wrong way,

who has reached the highest goal,
- him I call a brahmana. -- 403

403. Người trí tuệ sâu xa,

Quán triệt đường chánh tà,

Đạt đến đích tối thượng,
Ta gọi Bà la môn.

403 - Celui dont la Connaissance transcendante est profonde ; celui qui est sage ; celui qui est habile dans la Voie et la non-Voie ; celui qui a atteint le plus haut but, lui, je l'appelle un Brahmane.

403. Weise, tiefgründig an Einsicht, scharfsinnig in Bezug auf das, was der Pfad ist und was nicht; sein letztes Ziel hat er erreicht: Ihn nenne ich einen Brahmanen.

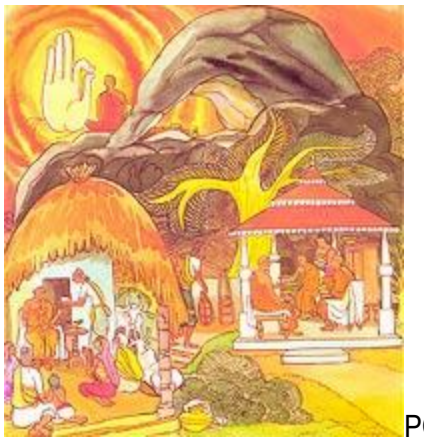 PC404

404. Chẳng lẫn lộn với thế tục,

Chẳng tạp xen với Tăng lữ,

Xuất gia lìa ái dục,

Ta gọi Bà la môn.

He who is not intimate either with householders

or with the homeless ones, who wanders without an abode, who is without desires,
- him I call a brahmana. -- 404

404. Chẳng quan tâm thân thiện,

Hàng thế tục, xuất gia,

Sống vô dục, không nhà,
Ta gọi Bà la môn.

404 - Celui qui n'a aucune intimité ni avec les maîtres de maison, ni avec les sans foyer ; celui qui erre sans demeure ; celui qui est sans êtres chers, lui, je l'appelle un Brahmane.

404. Unbedrückend sowohl von Haushältern als auch von Hauslosen, lebt er ohne Zuhause mit nahezu keinen Bedürfnissen: Ihn nenne ich einen Brahmanen.

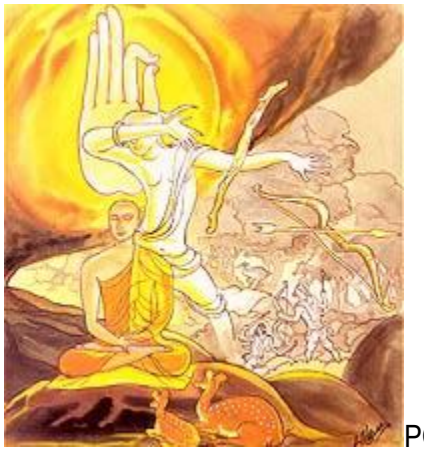 PC405

405. Bỏ hết đao trượng,

Không tự mình giết,

Không bảo người giết

Đối với tất cả

Hữu tình mạnh yếu,

Là Bà la môn.

He who has laid aside the cudgel
in his dealings with beings,
whether feeble or strong,
who neither harms nor kills,
- him I call a braahma.na. -- 405

405. Không đánh đập chúng sanh,
Mạnh khỏe hay yếu đuối,
Không sát hại tàn rụi,
Ta gọi Bà la môn.

405 - Celui qui a laissé le gourdin et ne frappe plus, soit faibles soit forts ; celui qui jamais ne tue ou n'est cause d'un meurtre, lui, je l'appelle un Brahmane

405. Er hat Gewalt beiseite gelegt gegen Wesen, furchtsame oder starke; er tötet niemanden noch stiftet andere dazu an: Ihn nenne ich einen Brahmanen.

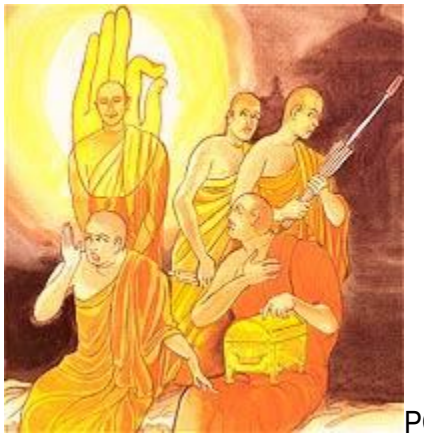
PC406

406. Hữu nghị giữa cừu địch,

Ôn hòa giữa hung hăng,

Buông bỏ giữa chấp đắm,

Ta gọi Bà la môn.

He who is friendly amongst the hostile,
who is peaceful amongst the violent,
who is unattached amongst the attached,
- him I call a brahmana. -- 406

406. Ôn hòa giữa bạo động,
Thân thiện giữa địch thù,
Buông xả giữa chấp thủ,
Ta gọi Bà la môn.

406 - Celui qui est amical parmi les hostiles ; celui qui est paisible parmi les violents ; celui qui n'est pas attaché, lui, je l'appelle un Brahmane.

406. Friedlich inmitten von Feindseligkeit, freundlich unter den Gegnern, nicht festhaltend unter den Hartknackigen: Ihn nenne ich einen Brahmanen.

 PC407

407. Không tham dục, sân hận,

Bỏ kiêu mạn, hư ngụy,

Như hột cải đầu kim,

Ta gọi Bà la môn.

In whom lust, hatred, pride, detraction are fallen off

like a mustard seed from the point of a needle,
- him I call a brahmana. -- 407

407. Vất tham dục, sân hận,

Bỏ kiêu mạn, tị hiềm,

Như hạt cải đầu kim,
Bà la môn ta gọi.

407 - Celui en qui la convoitise, la haine, l'orgueil, le dénigrement, sont tombés comme une graine de moutarde de la pointe d'une aiguille, lui, je l'appelle un Brahmane.

407. Leidenschaft, Abneigung, Dünkel und Verachtung sind von ihm abgefallen, wie ein Senfkorn von der Spitze eines Pfriems: Ihn nenne ich einen Brahmanen.

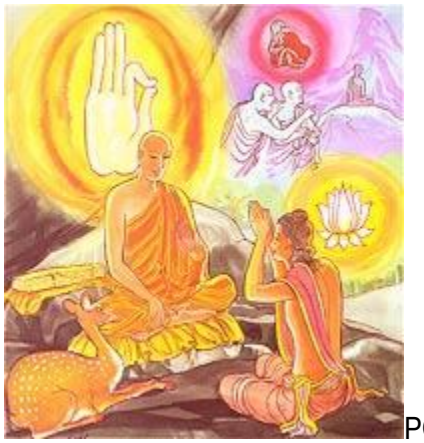 PC408

408. Lời chân thật hữu ích,

Không nói lời thô ác,

Không xúc phạm đến người,

Ta gọi Bà la môn.

He who utters gentle, instructive, true words,

who by his speech gives offence to none,
- him I call a brahmana. -- 408

408. Người nói lời chân thật,

Ích lợi và từ hòa,

Không xúc phạm ai cả,
Ta gọi Bà la môn.

408 - Celui qui prononce des paroles aimables, instructives et vraies ; celui qui ne fait offense à personne, lui, je l'appelle un Brahmane.

408. Er sagt was angenehm, lehrreich, wahr ist, und beschimpft niemanden: Ihn nenne ich einen Brahmanen.

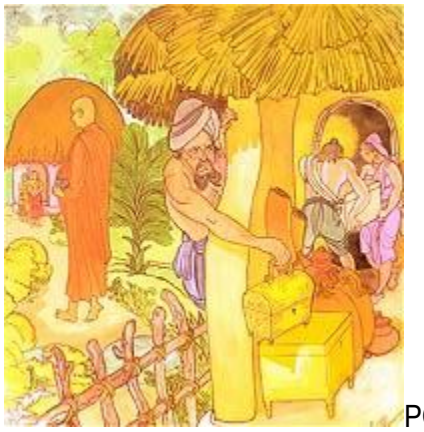 PC409

409. Vật xấu hay tốt,

Dài ngắn, thô tế,

Không cho không lấy,

Là Bà la môn.

He who in this world takes nothing that is not given,

be it long or short, small or great, fair or foul,
- him I call a brahmana. -- 409

409. Vật ngắn, dài, lớn nhỏ,

Đẹp, xấu có trên đời,

Không cho, không động tới,
Ta gọi Bà la môn.

409 - Celui qui dans le monde ne prend rien qui ne soit donné, que ce soit long ou court, petit ou grand, agréable ou sordide, lui, je l'appelle un Brahmane.

409. Hier auf der Welt nimmt er nichts, was nicht gegeben wurde, ob lang, kurz, groß, klein, anziehend oder nicht: Ihn nenne ich einen Brahmanen.

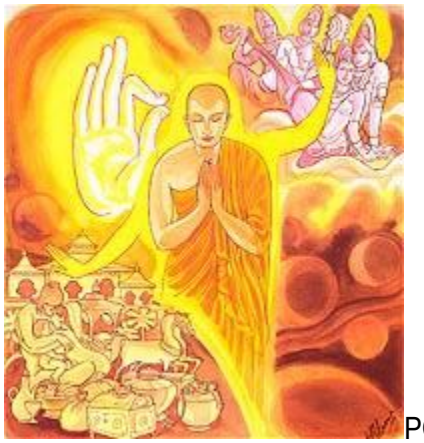 PC410

410. Đời này như đời khác,

Không móng lòng dục vọng,

Vô dục nên giải thoát,

Ta gọi Bà la môn.

He who has no longings,
pertaining to this world or to the next,
who is desireless and emancipated,
- him I call a brahmana. -- 410

410. Cả đời nay, đời sau,
Không vọng cầu thôi thúc,
Giải thoát hết tham dục,
Ta gọi Bà la môn.

410 - Celui qui n'a pas de désir pour ce monde ou le prochain ; celui qui est sans désir et émancipé, lui, je l'appelle un Brahmane.

410. Sein Sehnen nach dieser und der nächsten Welt ist nicht zu finden; frei von Sehnen, ungebunden: Ihn nenne ich einen Brahmanen.

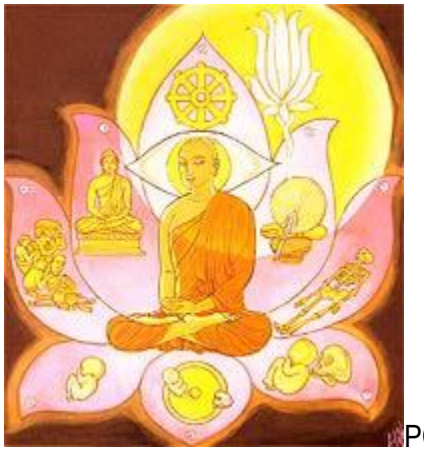 PC411

411. Người không còn tham dục,

Liễu ngộ không nghi hoặc,

Chứng đến bậc vô sanh,

Ta gọi Bà la môn.

He who has no longings, who, through knowledge, is free from doubts,
who has gained a firm footing in the Deathless (Nibbaana), - him I call a brahmana. -- 411

411. Không mong cầu, nghi hoặc,

Nhờ trí tuệ viên minh,

Đạt bất tử vô sinh,
Bà la môn ta gọi.

411 - Celui qui n'a pas de désir, celui qui par connaissance est libre de doutes ; celui qui a plongé dans le Sans Mort, lui, je l'appelle un Brahmane.

411. Seine Anhaftungen, seine Zuhause sind nicht zu finden; Aufgrund von Wissen ist er nicht verunsichert; Er hat das Eintauchen in die 'Unsterblichkeit' erlangt: Ihn nenne ich einen Brahmanen.

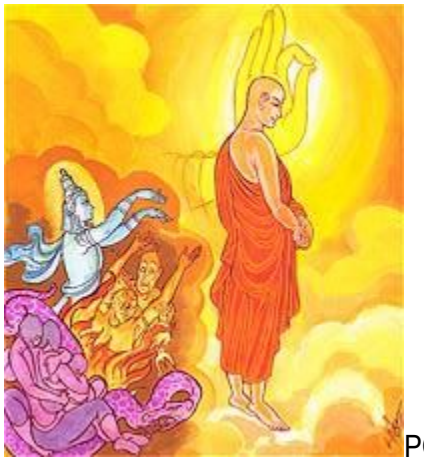 PC412

412. Không chấp trước thiện ác,

Thanh tịnh không ưu lo,

Ta gọi Bà la môn.

Herein he who has transcended
both good and bad and the ties as well,
who is sorrowless, stainless, and pure,
- him I call a brahmana. -- 412

412. Người siêu việt thiện ác,
Dứt phiền não buộc ràng,
Thanh tịnh sống thênh thang,
Bà la môn ta gọi.

412 - Celui qui a transcendé et le bon et le mauvais aussi bien que les peines ; celui qui est sans chagrin, sans taches et pur, lui, je l'appelle un Brahmane.

412. Er hat hier die Anhaftung überwinden, an inneren Reichtum und Schaden, sorglos, staubfrei und rein: Ihn nenne ich einen Brahmanen.

 PC413

413. Ái dục đoạn tận,

Trăng trong không bợn,

Đứng lặng sáng ngời,

Là Bà la môn.

He who is spotless as the moon,

who is pure, serene, and unperturbed,

who has destroyed craving for becoming,
- him I call a brahmana. -- 413

413. Như mặt trăng lồng lộng,

Không dao động, sáng, trong,

Người diệt ái hữu xong,
Bà la môn ta gọi.

413 - Celui qui est sans tache comme la lune, celui qui est pur, serein et tranquille, celui qui a détruit les désirs, lui, je l'appelle un Brahmane.

413. Makellos, rein, wie der Mond, klar und ruhig; seine Vergnügen, seine Wünsche sind völlig verschwunden: Ihn nenne ich einen Brahmanen.

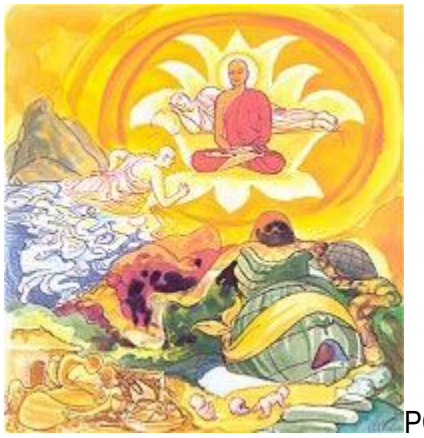 PC414

414. Vượt gồ ghề, lầy lội (217),

Khỏi luân hồi ngu si,

Gắng lên đến bờ kia,

An trú trong Thiền định,

Không nghi hoặc, chấp đắm,

Chứng Niết bàn tịch tịnh,

Ta gọi Bà la môn.

CT (217): Chỉ các phiền não tham dục.

He who has passed beyond this quagmire,
this difficult path, the ocean of life (samsaara),
and delusion, who has crossed and gone beyond,
who is meditative, free from craving and doubts,
who, clinging to naught, has attained Nibbaana,
- him I call a brahmana. -- 414

414. Vượt sình lầy đường hiểm,
Thoát sinh tử, si mê,
Thiền định, sang bờ kia,
Đoạn nghi, diệt trừ ái,
Chứng Niết bàn, vô ngại,
Ta gọi Bà la môn.

414 - Celui qui a passé cette fondrière, ce sentier difficile, l'errance (samsara) et l'illusion ; Celui qui a traversé et est allé au delà, celui qui est méditatif, libre de désirs et de doutes, attaché à rien, atteint Nirvana, lui, je l'appelle un Brahmane.

414. Er hat seinen Weg über diesen schwierigen Pfad hinaus gemacht, weg von Samsara, Täuschung, ist übergesetzt, ist jenseits gegangen, ist frei von Mangel von Unsicherheit, versunken in Meditation, keine Anhaftung mehr, und befreit: Ihn nenne ich einen Brahmanen.

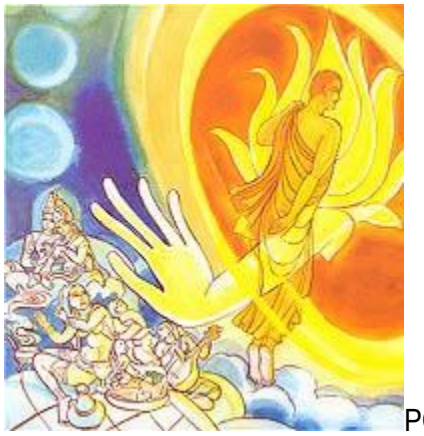
PC415

415. Xả dục lạc đời này,

Xuất gia làm Sa môn,

Không cho dục lạc sinh,

Ta gọi Bà la môn.

He who in this world giving up sense-desires, would renounce worldly life and become a homeless one, he who has destroyed sense-desires and becoming, - him I call a brahmana. -- 415

415. Từ bỏ mọi dục lạc,

Xuất gia làm sa môn,

Đoạn diệt sạch dục, hữu,
Ta gọi Bà la môn.

415 - Celui qui en ce monde, abandonnant les désirs sensuels, a renoncé et devient un sans foyer, celui qui a détruit les désirs des sens et l'obtention, lui, je l'appelle un Brahmane.

415. Wer hier sinnliche Leidenschaften aufgibt und sein Zuhause verläßt; seine sinnlichen Begierden, Wünsche sind völlig verschwunden: Ihn nenne ich einen Brahmanen.

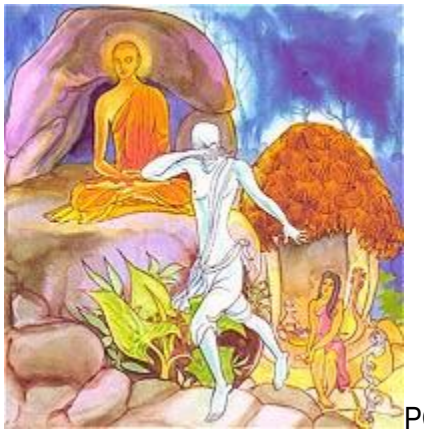 PC416

416. Xả ái dục đời này,

Xuất gia làm Sa môn,

Không cho ái dục sinh,

Ta gọi Bà la môn.

He who in this world giving up craving,
would renounce worldly life
and become a homeless one,
he who has destroyed craving and becoming,
- him I call a brahmana. -- 416

416. Từ bỏ mọi tham ái,
Xuất gia làm sa môn,
Đoạn diệt sạch ái, hữu,
Ta gọi Bà la môn.

416 - Celui qui en ce monde, abandonnant la soif, renonce et devient un sans-foyer, celui qui a détruit les désirs et l'obtention, lui, je l'appelle un Brahmane.

416. Wer hier Begehren aufgibt und sein Zuhause verläßt; seine Begierden, Wandlungen sind völlig verschwunden: Ihn nenne ich einen Brahmanen.

 PC417

417. Lìa trói buộc nhân gian,

Vượt trói buộc thiên thượng,

Mọi trói buộc dứt sạch,

Ta gọi Bà la môn.

He who, discarding human ties
and transcending celestial ties,
is completely delivered from all ties,
- him I call a brahmana. -- 417

417. Bỏ trói buộc nhân gian,
Dứt buộc ràng thiên thượng,
Vượt thoát mọi lụy vướng,
Ta gọi Bà la môn.

417 - Celui qui, écartant les liens humains et, transcendant les liens célestes, est complètement délivré de tous les liens, lui, je l'appelle un Brahmane.

417. Wer die menschliche Fessel hinter sich gelassen und seinen Weg über das Göttliche hinaus gemacht hat, von allen Fesseln entbunden: Ihn nenne ich einen Brahmanen.

 PC418

418. Xả bỏ điều ưa ghét,

Thanh lương không phiền não,

Dũng mãnh hơn thế gian (218),

Ta gọi Bà la môn.

CT (218): Khắc phục ngũ uẩn không cho tái sanh.

He who has given up likes and dislike,
who is cooled and is without defilements,
who has conquered the world and is strenuous,
- him I call a brahmana. -- 418

418. Từ bỏ niệm ưa ghét,
Thanh lương, không nhiễm ô,
Quyết nhiếp phục thế giới,
Ta gọi Bà la môn.

418 - Celui qui a abandonné goûts et dégoûts et qui est sans substrat (upadhi), celui qui a conquis le monde et est énergique, lui, je l'appelle un Brahmane.

418. Er hat Gefallen und Mißfallen hinter sich gelassen, ist abgekühlt, ohne Bereicherungen, ein Held, der die ganze Welt erobert hat: Ihn nenne ich einen Brahmanen.

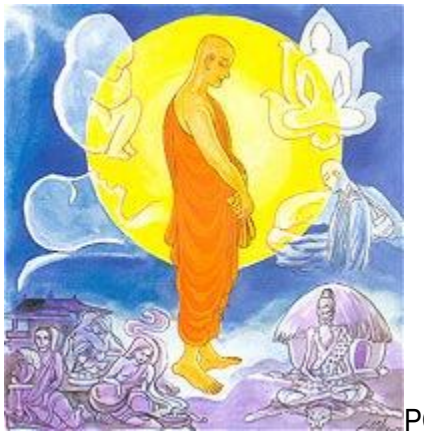 PC419

419. Biết hữu tình sinh tử thế nào,

Tự giác ngộ, không chấp, khéo vượt,

Ta gọi đó là Bà la môn.

He who in every way knows the death
and rebirth of beings,
who is non-attached, well-gone, and enlightened,- him I call a brahmana. -- 419

419. Lẽ sanh tử chúng sanh,
Hiểu rõ, không chấp trước,
Tự giác ngộ, siêu vượt,
Ta gọi Bà la môn.

419 - Celui qui en toutes façons, connaît la mort et la renaissance des êtres, celui qui est détaché, bien allé (sugata), et éveillé, lui, je l'appelle un Brahmane.

419. Er kennt in jeglicher Hinsicht das Verscheiden und Wiederentstehen der Wesen, ist ungebunden, erwacht, dahingegangen: Ihn nenne ich einen Brahmanen.

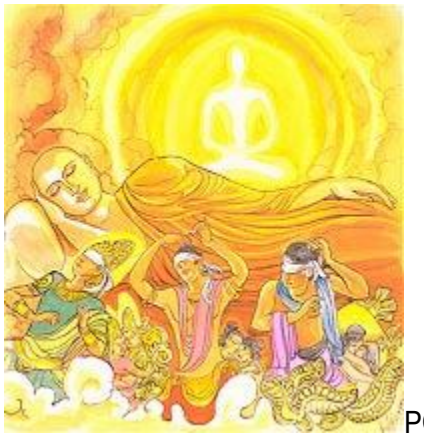 PC420

420. Trời, người hay Càn thát bà,

Không ai biết nơi chốn ở

A la hán dứt phiền não,

Đó gọi là Bà la môn.

He whose destiny neither gods nor gandhabbas
nor men know, who has destroyed all corruptions,
and is far removed from passions (Arahant),
- him I call a brahmana. -- 420

420. Trời người, Càn thát bà,
Không nhận ra số kiếp,
Bậc La hán lậu diệt,
Ta gọi Bà la môn.

420 - Celui dont la destinée n'est connue ni des Devas, ni des Gandhabbas ni des hommes, celui qui a détruit toutes les purulences et est un Arahat, lui, je l'appelle un Brahmane.

420. Sie kennen seinen Weg nicht, die Devas, Gandhabbas oder Menschen ; seine Unreinheiten haben aufgehört; er ist ein Arhat: Ihn nenne ich einen Brahmanen.

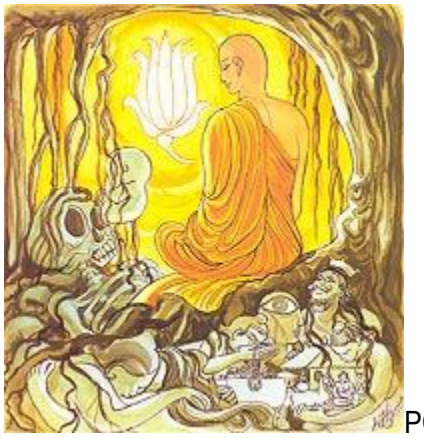 PC421

421. Quá khứ, vị lai, hiện tại,

Người chẳng có một vật chi,

Không chấp thủ một vật chi,

Ta gọi là Bà la môn.

He who has no clinging to Aggregates
that are past, future, or present,
who is without clinging and grasping,
- him I call a brahmana. -- 421

421. Ai quá-hiện-vị lai,
Ngũ uẩn không bám trụ,
Không cưu mang, chấp thủ,
Ta gọi Bà la môn.

421 - Celui qui n'a pas d'attachement pour les agrégats qui sont passés, futurs ou présents, celui qui est sans attachement ni convoitise, lui, je l'appelle un Brahmane.

421. Er, der nichts hat, vorne, hinten, dazwischen, der mit nichts, der an nichts hängt: Ihn nenne ich einen Brahmanen.

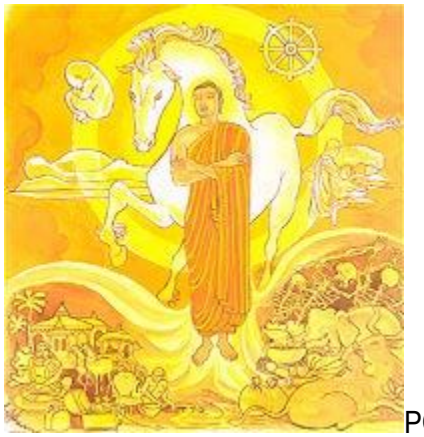 PC422

422. Hạng người dũng mãnh,

Quí như trâu chúa (219),

Hạng người thắng lợi (220),

Vô dục, đại tiên,

Hạng người tẩy sạch (221),

Không nhiễm, giác tỉnh,

Là Bà la môn.

CT (219): Nguyên văn là Usabaha, dịch là trâu nái hay trâu chúa. Ở đây hàm chỉ sự thù thắng, là chỉ người hùng mạnh, vô úy, siêu quần.

CT (220): Thắng phục phiền não ma, uẩn ma và tử ma, gọi là người thắng lợi.
CT (221): Người Ấn Độ mê tín nước sông Hằng có thể rửa sạch tội lỗi, nhưng ở đây lại ý nói không còn các cấu nhiễm trong tâm người Bà la môn.

The fearless, the noble, the hero,
the great sage, the conqueror,
the desireless, the cleanser (of defilements),
the enlightened,
- him I call a brahmana. -- 422

422. Bậc cao thượng, vô úy,
Bậc anh hùng, đại sĩ,
Bậc điều phục, vô tham,
Bậc thanh tẩy, giác trí,
Tất cả các bậc ấy,
Ta gọi Bà la môn.

422 - Le Sans peur, le noble, le héros, le grand Sage, le Conquérant, le Sans désir, l'Éveillé, lui, je l'appelle un Brahmane.

422. Ein prächtiger Bulle, Eroberer, Held, großer Seher, frei von Bedürfnissen, erwacht, gewaschen: Ihn nenne ich einen Brahmanen.

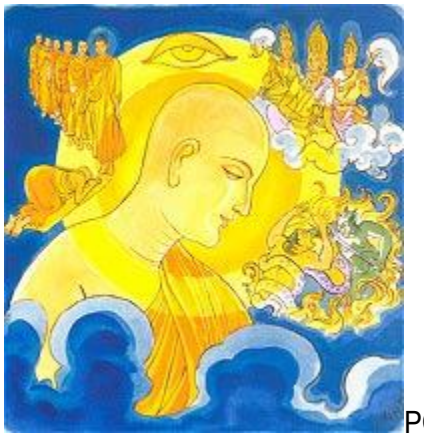 PC423

423. Mâu ni (thanh tịnh) biết đời trước,

Thấy cõi Thiên, cõi khổ (ác thú),

Diệt tái sinh, toàn thiện,

Thành bậc Vô thượng trí,

Bậc thành tựu mọi điều,

Ta gọi Bà la môn.

That sage who knows his former abodes,
who sees the blissful and the woeful states,
who has reached the end of births,
who, with superior wisdom, has perfected himself,
who has completed (the holy life),
and reached the end of all passions, - him I call a brahmana. -- 423

423. Ai biết được kiếp trước,
Thấy thiên giới ngục tù,
Đoạn sanh tử luân hồi,
Viên thành vô thượng trí,
Thành tựu bậc đạo sĩ,
Ta gọi Bà la môn.

423 - Le Sage qui connaît ses anciennes demeures de ses vies antérieures, qui voit les cieux et les enfers, qui a atteint la fin des naissances, qui avec une sagesse supérieure s'est parfait lui-

même, qui a achevé la vie sage, la consomption totale des passions, lui, je l'appelle un Brahmane.

423. Jemand kennt seine früheren Leben, sieht Himmel und leidvolle Zustände, erlangte das Aufhören von Geburt; Er ist ein Weiser, der Allwissenheit gemeistert hat, seine Meisterschaft völlig gemeistert hat: Ihn nenne ich einen Brahmanen.

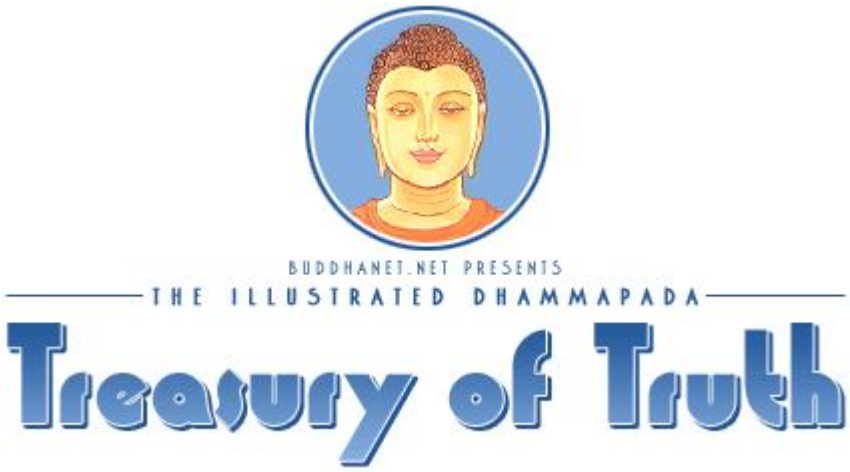

-ooOoo-

Version française:

LE DHAMMAPADA

Les Dits du Bouddha
Traduit du pâli par L'ANAGARIKA PRAJÑANANDA

I-VERSETS CONJUGUES
II-VERSETS SUR LA VIGILANCE
III-VERSETS SUR LA PSYCHÉ
IV-VERSET SUR LES FLEURS
V-VERSETS SUR LES FOUS
VI-VERSETS SUR LE SAGE
VII-VERSETS SUR L'ARAHANT
VIII-VERSES SUR LES MILLE
IX-VERSETS SUR LE MAL
X-VERSETS SUR LE CHÂTIMENT
XI-VERSETS SUR LA VIEILLESSE
XII-VERSETS SUR LE MOI
XIII-VERSETS SUR LE MONDE
XIV-VERSETS SUR LE BOUDDHA
XV-VERSETS SUR LE BONHEUR
XVI-VERSETS SUR LES AFFECTIONS
XVII-VERSETS SUR LA COLÈRE
XVIII-VERSETS SUR LES IMPURETÉS
XIX-VERSETS SUR LE JUSTE
XX-VERSETS SUR LE SENTIER
XXI-VERSETS DIVERS
XXII-VERSETS SUR LES ÉTATS MALHEUREUX
XXIII-VERSETS SUR L'ÉLÉPHANT
XXIV-VERSETS SUR LA SOIF
XXV-VERSETS SUR LE BHIKKOU
XXVI-VERSETS SUR LE BRAHMANE

Deutsche Fassung:

DHAMMAPADA

Deutsche Übersetzung von Schenpen Sangmo

1. Paare (Verse 1-20)
2. Achtsamkeit (21-32)
3. Der Geist (33-43)
4. Blüten (44-59)
5. Narren (60-75)
6. Der Weise (76-89)
7. ARHATS (90-99)
8. Tausende (100-115)
9. Das Schlechte (116-128)
10. Die Rute (129-145)
11. Das Altern (146-156)
12. Selbst (157-166)
13. Welten (167-178)
14. Erwacht (179-196)
15. Glücklich (179-196)
16. Liebgewonnenes (209-220)
17. Ärger (221-234)
18. Unreinheiten (235-255)
19. Der Richter (256-272)
20. Der Pfad (273-289)
21. Verschiedenes (290-305)
22. Hölle (306-319)
23. Elefanten (320-333)
24. Begierde (334-359)
25. Mönche (360-382)
26. Brahmanen (383-423)

Source:

Các Bản Kinh Pháp Cú Khác:

Kinh Pháp Cú, HT. Thích Minh Châu

Kinh Lời Vàng, Thi hóa Dhammapada Sutta - Tỳ kheo Giới Đức

Tích Truyện Pháp Cú, Thiền Viện Viên Chiếu - Nguyên Tác: "Buddhist Legends"

Kinh Pháp Cú (Thi hóa), Tâm Minh Ngô Tằng Giao chuyển dịch thơ

Đọc Pháp Cú Nam Tông, HT. Thích Trí Quang

http://www.budsas.org/uni/u-kinh-phapcu-ev/dhp_idx.htm

http://www.accesstoinsight.org/canon/sutta/khuddaka/dhp/index.html

http://perso.orange.fr/pensee.sauvage/dharma/indx.html

http://www.dhammapada.de/

Links: Pali text; English translation by Max Muller

http://www.tipitaka.net/pali/dhp/
http://etext.library.adelaide.edu.au/d/dhammapada/dhammapada.html

Complete Illustrated **Dhammapada** (by Ven W Sarada Maha Thero):

http://www.buddhanet.net/dhammapada/index.htm

00O00

Wikipedia about Dhammapada:

Dhammapada From Wikipedia, the free encyclopedia

The ***Dhammapada*** (Pāli; Prakrit: □□□□□□ *Dhamapada*;[1] Sanskrit: धर्मपद*Dharmapada*) is a versified Buddhist scripture traditionally ascribed to theBuddha himself. It is one of the best-known texts from the Theravadacanon.[2]

The title, *Dhammapada*, is a compound term composed of *dhamma* and*pada*, each word having a number of denotations and connotations. Generally, *dhamma* can refer to the Buddha's "doctrine" or an "eternal truth" or "righteousness" or all "phenomena";[3] and, at its root, *pada* means "foot" and thus by extension, especially in this context, means either "path" or "verse" (cf. "prosodic foot") or both.[4] English translations of this text's title have used various combinations of these and related words.[5][6]

□History

According to tradition, the Dhammapada's verses were spoken by the Buddha on various occasions.[7]Most verses deal with ethics.[8] The text is part of theKhuddaka Nikaya of the Sutta Pitaka,

although over half of the verses exist in other parts of the Pali Canon.[9] A 4th or 5th century CE commentaryattributed to Buddhaghosa includes 305 stories which give context to the verses.

Although the Pāli edition is the best-known, a number of other versions are known:[10]

- "**Gāndhārī Dharmapada**" – a version possibly ofDharmaguptaka or Kāśyapīya origin[11] in Gāndhārī written in Kharosthi script[12]
- "**Patna Dharmapada**" – a version in Buddhist Hybrid Sanskrit,[13] most likely Sammatiya[14]
- "**Udānavarga**" – a seemingly related Mula-Sarvastivada or Sarvastivada text[15][16] in
  - 3 Sanskrit versions
  - a Tibetan translation, which is popular in traditional Tibetan Buddhism
- "**Mahāvastu**" – a Lokottaravada text with parallels to verses in the Pāli Dhammapada's*Sahassa Vagga* and *Bhikkhu Vagga*.[17]
- "**Fajiu jing**" – 4 Chinese works; one of these appears to be an expanded translation of the Pali version; this has not traditionally been very popular.

Comparing the Pali Dhammapada, the Gandhari Dharmapada and the Udanavarga, Brough (2001) identifies that the texts have in common 330 to 340 verses, 16 chapter headings and an underlying structure. He suggests that the three texts have a "common ancestor" but underlines that there is no evidence that any one of these three texts might have been the "primitive Dharmapada" from which the other two evolved.[18]

The Dhammapada is considered one of the most popular pieces of Theravada literature.[2] Acritical edition of the Dhammapada was produced by Danish scholar Viggo Fausbøll in 1855, becoming the first Pali text to receive this kind of examination by the European academic community.[19]

Literary merits

The literary merits of the Dhammapada are a matter of disagreement.[10] Pali scholar K.R. Norman notes that some readers have claimed that the Dhammapada is a "masterpiece of Indian literature", but that this assessment is not universally shared.[10] John Brough, who wrote extensively on the subject of the related Gāndhārī *Dharmapada*, believed that the text had largely been composed from a patchwork of cliches, and that while it contained a few novel and well-constructed verses, suffered from an "accumulation of insipid mediocrity."[23] While he believed that the Dhammapada did not warrant the high praise sometimes lavished upon it, Brough did note that it contained "small fragments of excellent poetry", and that the Dhammapada fared well when considered alongside other,

similarly composite works.[23] Several scholars have noted that much of the Dhammapada consists of vague moral aphorisms, many of them not clearly specific to Buddhism at all.[19]

English translations

- Tr F. Max Müller, in *Buddhist Parables*, by E. W. Burlinghame, 1869; reprinted in *Sacred Books of the East*, volume X, Clarendon/Oxford, 1881; reprinted in *Buddhism*, by Clarence Hamilton; reprinted separately by Watkins, 2006; reprinted 2008 by Red and Black Publishers, St Petersburg, Florida, ISBN 978-1-934941-03-4; the first English translation (a Latin translation by V. Fausböll had appeared in 1855)
- Tr J. Gray, American Mission Press, Rangoon, 1881
- Tr J. P. Cooke & O. G. Pettis, Boston (Massachusetts?), 1898
- *Hymns of Faith*, tr Albert J. Edmunds, Open Court, Chicago, & Kegan Paul, Trench, Trübner & Co., London, 1902
- Tr Norton T. W. Hazeldine, Denver, Colorado, 1902
- *The Buddha's Way of Virtue*, tr W. D. C. Wagiswara & K. J. Saunders, John Murray, London, 1912
- Tr Silacara, Buddhist Society, London, 1915
- Tr Suriyagoda Sumangala, in *Ceylon Antiquary*, 1915
- Tr A. P. Buddhadatta, Colombo Apothecaries, 1920?
- *The Buddha's Path of Virtue*, tr F. L. Woodward, Theosophical Publishing House, London & Madras, 1921
- In *Buddhist Legends*, tr E. W. Burlinghame, Harvard Oriental Series, 1921, 3 volumes; reprinted by Pali Text Society[1], Bristol; translation of the stories from the commentary, with the Dhammapada verses embedded
- Tr R. D. Shrikhande and/or P. L. Vaidya (according to different bibliographies; or did one publisher issue two translations in the same year?), Oriental Book Agency, Poona, 1923; includes Pali text
- "Verses on Dhamma", in *Minor Anthologies of the Pali Canon*, volume I, tr C. A. F. Rhys Davids, 1931, Pali Text Society, Bristol; verse translation; includes Pali text
- Tr N. K. Bhag(w?)at, Buddha Society, Bombay, 1931/5; includes Pali text
- *The Way of Truth*, tr S. W. Wijayatilake, Madras, 1934
- Tr Irving Babbitt, Oxford University Press, New York & London, 1936; revision of Max Müller
- Tr K. Gunaratana, Penang, Malaya, 1937

- *The Path of the Eternal Law*, tr Swami Premananda, Self-Realization Fellowship, Washington DC, 1942
- Tr Dhammajoti, Maha Bodhi Society, Benares, 1944
- Tr Jack Austin, Buddhist Society, London, 1945
- *Stories of Buddhist India*, tr Piyadassi, 2 volumes, Moratuwa, Ceylon, 1949 & 1953; includes stories from the commentary
- (see article) Tr Sarvepalli Radhakrishnan, Oxford University Press, London, 1950; includes Pali text
- *Collection of Verses on the Doctrine of the Buddha*, comp Bhadragaka, Bangkok, 1952
- Tr T. Latter, Moulmein, Burma, 1950?
- Tr W. Somalokatissa, Colombo, 1953
- Tr Narada, John Murray, London, 1954
- Tr E. W. Adikaram, Colombo, 1954
- Tr A. P. Buddhadatta, Colombo, 1954; includes Pali text
- Tr Siri Sivali, Colombo, 1954
- Tr ?, Cunningham Press, Alhambra, California, 1955
- Tr C. Kunhan Raja, Theosophical Publishing House, Adyar/Madras, 1956; includes Pali text
- Free rendering and interpretation by Wesley La Violette, Los Angeles, 1956
- Tr Buddharakkhita, Maha Bodhi Society, Bangalore, 1959; 4th edn, Buddhist Publication Society, Kandy, Sri Lanka, 1996; includes Pali text
- Tr Suzanne Karpelès?, serialized in *Advent* (Pondicherry, India), 1960–65; reprinted in*Questions and Answers*, Collected Works of the Mother, 3, Pondicherry, 1977
- *Growing the Bodhi Tree in the Garden of the Heart*, tr Khantipalo, Buddhist Association of Thailand, Bangkok, 1966; reprinted as *The Path of Truth*, Bangkok, 1977
- Tr P. Lal, New York, 1967/70
- Tr Juan Mascaró, Penguin Classics, 1973
- Tr Thomas Byrom, Shambhala, Boston, Massachusetts, & Wildwood House, London, 1976 (ISBN 0-87773-966-8)
- Tr Ananda Maitreya, serialized in *Pali Buddhist Review*, 1 & 2, 1976/7; offprinted under the title *Law Verses*, Colombo, 1978; revised by Rose Kramer (under the Pali title), originally published by Lotsawa Publications in 1988, reprinted by Parallax Press in 1995
- *The Buddha's Words*, tr Sathienpong Wannapok, Bangkok, 1979
- *Wisdom of the Buddha*, tr Harischandra Kaviratna, Pasadena, 1980; includes Pali text
- *The Eternal Message of Lord Buddha*, tr Silananda, Calcutta, 1982; includes Pali text

- Tr Chhi Med Rig Dzin Lama, Institute of Higher Tibetan Studies, Sarnath, India, 1982; tr from the modern Tibetan translation by dGe-'dun Chos-'phel; includes Pali & Tibetan texts
- Tr & pub Dharma Publishing, Berkeley, California, 1985; tr from the modern Tibetan translation by dGe-'dun Chos-'phel
- Commentary, with text embedded, tr Department of Pali, University of Rangoon, published by Union Buddha Sasana Council, Rangoon (date uncertain; 1980s)
- Tr Daw Mya Tin, Burma Pitaka Association, Rangoon, 1986; probably currently published by the Department for the Promotion and Propagation of the Sasana, Rangoon, and/or Sri Satguru, Delhi
- *Path of Righteousness*, tr David J. Kalupahana, Universities Press of America, Lanham, Maryland, c. 1986
- Tr Raghavan Iyer, Santa Barbara, 1986; includes Pali text
- (see article) Tr Eknath Easwaran, Arkana, London, 1986/7(ISBN 978-1-58638-019-9); reissued with new material Nilgiri Press 2007, Tomales, CA (ISBN 9781586380205)
- Tr John Ross Carter & Mahinda Palihawadana, Oxford University Press, New York, 1987; the original hardback edition also includes the Pali text and the commentary's explanations of the verses; the paperback reprint in the World's Classics Series omits these
- Tr U. D. Jayasekera, Colombo, 1992
- *Treasury of Truth*, tr Weragoda Sarada, Taipei, 1993
- Tr Thomas Cleary, Thorsons, London, 1995
- *The Word of the Doctrine*, tr K. R. Norman, 1997, Pali Text Society, Bristol; the PTS's preferred translation
- Tr Anne Bancroft?, Element Books, Shaftesbury, Dorset, & Richport, Massachusetts, 1997
- Tr F. Max Müller (see above), revised Jack Maguire, SkyLight Pubns, Woodstock, Vermont, 2002
- Tr Glenn Wallis, Modern Library, New York, 2004 (ISBN 978-0-8129-7727-1)
- Tr Gil Fronsdal, Shambhala, Boston, Massachusetts, 2005 (ISBN 1-59030-380-6)
- Tr Bhikkhu Varado, Inward Path, Malaysia, 2007; *Dhammapada in English Verse*

See also online translations listed below.

Musical Settings

- Ronald Corp, 2010, a cappella choral setting of Francis Booth's translation, released on Stone Records

Notes

1. ^ See, e.g., the Gāndhārī Dharmapada (GDhp), verses 301, 302, in: Brough (1962/2001), p. 166; and, Ānandajoti (2007), ch. 4, "Pupphavagga" (retrieved 25 November 2008 from "Ancient Buddhist Texts" at http://www.ancient-buddhist-texts.net/Buddhist-Texts/C3-Comparative-Dhammapada/CD-04-Puppha.htm).
2. ^ [a] [b] See, for instance, Buswell (2003): "rank[s] among the best known Buddhist texts" (p. 11); and, "one of the most popular texts with Buddhist monks and laypersons" (p. 627). Harvey (2007), p. 322, writes: "Its popularity is reflected in the many times it has been translated into Western languages"; Brough (2001), p. xvii, writes: "The collection of Pali ethical verses entitled*Dhammapada* is one of the most widely known of early Buddhist texts."
3. ^ See, e.g., Rhys Davids & Stede (1921-25), pp. 335-39, entry "Dhamma," retrieved 25 November 2008 from "U. Chicago" at http://dsal.uchicago.edu/cgi-bin/philologic/getobject.pl?c.1:1:2654.pali.
4. ^ See, e.g., Rhys Davids & Stede (1921-25), p. 408, entry "Pada," retrieved 25 November 2008 from "U. Chicago" at http://dsal.uchicago.edu/cgi-bin/philologic/getobject.pl?c.2:1:1516.pali.
5. ^ See, for instance, C.A.F Rhys David's "Verses on Dhamma," Kalupahana's "The Path of Righteousness," Norman's "The Word of the Doctrine," Woodward's "The Buddha's Path of Virtue," and other titles identified below at "English translations".
6. ^ See also Fronsdal (2005), pp. xiii-xiv. Fronsdal, p. xiv, further comments: "... If we translate the title based on how the term *dhammapada* is used in the verses [see Dhp verses 44, 45, 102], it should probably be translated 'Sayings of the Dharma,' 'Verses of the Dharma,' or 'Teachings of the Dharma.' However, if we construe *pada* as 'path,' as in verse 21 ..., the title could be 'The Path of the Dharma.' Ultimately, as many translators clearly concur, it may be best not to translate the title at all."
7. ^ Pertinent episodes allegedly involving the historic Buddha are found in the commentary (Buddharakkhita & Bodhi, 1985, p. 4). In addition, a number of the Dhammapada's verses are identical with text from other parts of the Pali tipitaka that are directly attributed to the Buddha in the latter texts. For instance, Dhammapada verses 3, 5, 6, 328-330 can also be found in MN 128 (Ñāṇamoli & Bodhi, 2001, pp. 1009-1010, 1339 *n*. 1187).
8. ^ Harvey (2007), p. 322, line v.b., refers to the Dhammapada as "a popular collection of 423 pithy verses of a largely ethical nature." Similarly, Brough (2001)'s preface (p. xvii) starts: "The collection of Pali ethical verses entitled *Dhammapada* is one of the most widely known of early Buddhist texts."
9. ^ Geiger (2004), p. 19, para. 11.2 writes:

More than half the verses may be found also in other canonical texts. The compiler of the [Dhammapada] however certainly did not depend solely on these canonical texts but also made use of the great mass of pithy sayings which formed a vast floating literature in India.

In a similar vein, Hinüber (2000), p. 45, para. 90 remarks: "The contents of the [Dhammapada] are mainly gnomic verses, many of which have hardly any relation to Buddhism."

10. ^ [a] [b] [c] *Buddhist Studies Review*, 6, 2, 1989, page 153, reprinted in Norman, *Collected Papers*, volume VI, 1996, Pali Text Society, Bristol, page 156
11. ^ Brough (2001), pp. 44–45, summarizes his findings and inferences as:

"... We can with reasonable confidence say that the Gāndhārī text did not belong to the schools responsible for the Pali Dhammapada, the Udānavarga, and the Mahāvastu; and unless we are prepared to dispute the attribution of any of these, this excludes the Sarvāstivādins and the Lokottaravāda-Mahāsānghikas, as well as the Theravādins (and probably, in company with the last, the Mahīśāsakas). Among possible claimants, the Dharmaguptakas and Kāśyapīyas must be considered as eligible, but still other possibilities cannot be ruled out."

12. ^ Brough (2001). The original manuscript is believed to have been written in the first or second century CE.
13. ^ See, e.g., Cone (1989).
14. ^ *Journal of the Pali Text Society*, volume XXIII, pages 113f
15. ^ Brough (2001), pp. 38-41, indicates that the Udanavarga is of Sarvastivadin origin.
16. ^ Hinüber (2000), p. 45, para. 89, notes:

More than half of [the Dhammapada verses] have parallels in corresponding collections in other Buddhist schools, frequently also in non-Buddhist texts. The interrelation of these different versions has been obscured by constant contamination in the course of the text transmission. This is particularly true in case of one of the Buddhist Sanskrit parallels. The Udānavarga originally was a text corres[p]onding to the Pāli Udāna.... By adding verses from the Dhp [Dhammapada] it was transformed into a Dhp parallel in course of time, which is a rare event in the evolution of Buddhist literature.

17. ^ Law (1930), p. iv; and, Ānandajoti (2007), "Introduction," "Sahassavagga" and "Bhikkhuvagga."
18. ^ Brough (2001), pp. 23–30. After considering the hypothesis that these texts might lack a "common ancestor," Brough (2001), p. 27, conjectures:

On the evidence of the texts themselves it is much more likely that the schools, in some manner or other, had inherited from the period before the schisms which separated them, a definite tradition of a Dharmapada-text which ought to be included in the canon, however fluctuating the contents of this text might have been, and however imprecise the concept even of a 'canon' at such an early period. The differing developments and rearrangements of the inherited material would have proceeded along similar lines to those which, in the Brahmanical schools, produced divergent but related collections of texts in the different Yajur-veda traditions.

He then continues:

... [When] only the common material [is] considered, a comparison of the Pali Dhammapada, the Gandhari text, and the Udanavarga, has produced no evidence whatsoever that any one of these has any superior claim to represent a 'primitive Dharmapada' more faithfully than the others. Since the contrary appears to have been assumed from time to time, it is desirable to say with emphasis that the Pali text is *not* the primitive Dharmapada. The assumption that it was would make its relationship to the other texts altogether incomprehensible.

19. ^ [a] [b] v. Hinüber, Oskar (2004). "Dhammapada". In Buswell, Jr., Robert E.. *Macmillan Encyclopedia of Buddhism*. USA: Macmillan Reference USA. pp. 216–17. ISBN 0028659104.
20. ^ English chapter titles based on Müller (1881).
21. ^ [a] [b] Pali retrieved 2008-03-28 from "Bodhgaya News" (formerly, La Trobe U.) starting athttp://www.bodhgayanews.net/tipitaka.php?title=&record=7150, and from "MettaNet - Lanka" athttp://www.metta.lk/tipitaka/2Sutta-Pitaka/5Khuddaka-Nikaya/02Dhammapada/index.html.
22. ^ Brough (2001) orders the chapters of the Gandhari Dharmapada as follows: I. Brāhmaṇa; II. Bhikṣu; III. Tṛṣṇā; IV. Pāpa; V. Arhant; VI. Mārga; VII. Apramāda; VIII. Citta; IX. Bāla; X. Jarā; XI. Sukha; XII. Sthavira; XIII. Yamaka; XIV. Paṇḍita; XV. Bahuśruta; XVI. Prakīrṇaka (?); XVII. Krodha; XVIII. Pruṣpa; XIX. Sahasra; XX. Śīla (?); XXI. Kṛtya (?); XXII. Nāga, or Aśva (?); XXIII. - XVI. [*Lost*].[Parenthesized question marks are part of Brough's titles.] Cone (1989) orders the chapters of the Patna Dharmapada as follows: 1. Jama; 2. Apramāda; 3. Brāhmaṇa; 4. Bhikṣu; 5. Attha; 6. Śoka; 7. Kalyāṇī; 8. Puṣpa; 9. Tahna; 10. Mala; 11. Bāla; 12. Daṇḍa; 13. Śaraṇa; 14. Khānti; 15.Āsava; 16. Vācā; 17. Ātta; 18. Dadantī; 19. Citta; 20. Māgga; 21. Sahasra; [22. Uraga].
23. ^ [a] [b] Brough, John (2001). *Gandhari Dharmapada (Buddhist Tradition) (v. 43)*. Delhi: Motilal Banarsidass. pp. xxi-xxii. ISBN 81-208-1740-0. Retrieved 2009-02-01.

[]Sources

- Ānandajoti Bhikkhu (2007). *A Comparative Edition of the Dhammapada*. U. of Peradeniya. Retrieved 25 Nov 2008 from "Ancient Buddhist Texts" at http://www.ancient-buddhist-texts.net/Buddhist-Texts/C3-Comparative-Dhammapada/index.htm.
- Brough, John (2001). *The Gāndhārī Dharmapada*. Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Private Limited.
- Buswell, Robert E. (ed.) (2003). *Encyclopedia of Buddhism*. MacMillan Reference Books.ISBN 978-0028657189.
- Cone, Margaret (transcriber) (1989). "Patna Dharmapada" in the *Journal of the Pali Text Society* (Vol. XIII), pp. 101–217. Oxford: PTS. Retrieved 06-15-2008 from "Ancient Buddhist Texts" at http://www.ancient-buddhist-texts.net/Buddhist-Texts/C5-Patna/index.htm. [On-line text interspersed with Pali parallels compiled by Ānandajoti Bhikkhu (2007).]
- Eknath Easwaran *The Dhammapada*. Nilgiri Press (2007). ISBN 978-1586380205.
- Fronsdal, Gil (2005). *The Dhammapada*. Boston: Shambhala. ISBN 1-59030-380-6.
- Geiger, Wilhelm (trans. by Batakrishna Ghosh) (1943, 2004). *Pāli Literature and Language*. New Delhi: Munshiram Manoharlal Publishers. ISBN 81-215-0716-2.
- Harvey, Peter (1990, 2007). *An Introduction to Buddhism: Teachings, History and Practices*. Cambridge: Cambridge University Press. ISBN 0-521-31333-3.
- Hinüber, Oskar von (2000). *A Handbook of Pāli Literature*. Berlin: Walter de Gruyter. ISBN 3-11-016738-7.
- Law, Bimala Churn (1930). *A Study of the Mahāvastu*. Calcutta: Thacker, Spink & Co. Retrieved 26 Nov 2008 from "Archive.org" at http://ia331310.us.archive.org/flipbook/flipbook.php?identifier=studyofthemahava031355mbp&datapath=/3/items/studyofthemahava031355mbp&dataserver=ia331310.us.archive.org.
- Müller, F. Max (1881). *The Dhammapada* (Sacred Books Of The East, Vol. X). Oxford University Press. Retrieved 2008-04-02 from "WikiSource" athttp://en.wikisource.org/wiki/Dhammapada_(Muller).
- Ñāṇamoli, Bhikkhu (trans.) & Bhikkhu Bodhi (ed.) (2001). *The Middle Length Discourses of the Buddha: A Translation of the Majjhima Nikāya*. Boston: Wisdom Publications. ISBN 0-86171-072-X.
- Rhys Davids, T.W. & William Stede (eds.) (1921-5). *The Pali Text Society's Pali–English Dictionary*. Chipstead: Pali Text Society. A general on-line search engine for the PED is available from "U. Chicago" at http://dsal.uchicago.edu/dictionaries/pali/.

External links

Wikisource has original text related to this article:

Dhammapada

Translations

- Dhammapada at HolyeBooks.org
- by Bhikkhu Varado and Samanera Bodhesako(2008)
- by Ajahn Munindo (2005)
- by John Richards (1993)
- by Thomas Byrom (1993)
- by Buddharakkhita (1985) (pdf has intro by Bhikkhu Bodhi)
- by Thanissaro (1997)
- Detailed word-by-word translation of the Dhammapada, including explanation of grammar

MP3

- Readings (mp3) from the Dhammapada by Gil Fronsdal

Các Bản Kinh Pháp Cú Khác::

Kinh Pháp Cú, HT. Thích Minh Châu

Kinh Lời Vàng, Thi hóa Dhammapada Sutta - Tỳ kheo Giới Đức

Tích Truyện Pháp Cú, Thiền Viện Viên Chiếu - Nguyên Tác: "Buddhist Legends"

Kinh Pháp Cú (Thi hóa), Tâm Minh Ngô Tằng Giao chuyển dich thơ

http://www.budsas.org/uni/u-kinh-phapcu-ev/dhp_idx.htm

http://www.accesstoinsight.org/canon/sutta/khuddaka/dhp/index.html

http://perso.orange.fr/pensee.sauvage/dharma/indx.html

http://www.dhammapada.de/

Links: Pali text; English translation by Max Muller

http://www.tipitaka.net/pali/dhp/
http://etext.library.adelaide.edu.au/d/dhammapada/dhammapada.html

Complete Illustrated **Dhammapada** (by Ven W Sarada Maha Thero):

http://www.buddhanet.net/dhammapada/index.htm

000O000

MỤC LỤC

Lời các dịch giả

Bản dịch nghĩa Việt - HT Thích Thiện Siêu …. tr. 3 - 37

Bản dịch Việt thể kệ - Tịnh Minh …. tr. 39 - 41

Bản đa ngữ …. tr. 43 - 465

01 - Phẩm Song Yếu - Twin Verses (01-20)
02 - Phẩm Tinh Cần - Heedfulness ((21-32)
03 - Phẩm Tâm Ý - The Mind (33-43)
04 - Phẩm Hoa Hương - Flowers (44-59)
05 - Phẩm Ngu Si - Fools (60-75)
06 - Phẩm Hiền Trí - The wise (76-89)
07 - Phẩm A La Hán - The Worthy (90-99)
08 - Phẩm Muôn Ngàn - Thousands (100-115)
09 - Phẩm Ác Hạnh - Evil (116-128)
10 - Phẩm Hình Phạt - The Rod or Punishment (129-145)
11 - Phẩm Già Yếu - Old Age (146-156)
12 - Phẩm Tự Ngã - The Self (157-166)
13 - Phẩm Thế Gian - The world (167-178)
14 - Phẩm Phật Đà - The Enlightened One (179-196)
15 - Phẩm An Lạc - Happiness (197-208)
16 - Phẩm Hỷ Ái - Affection (209-220)
17 - Phẩm Phẫn Nộ - Anger (221-234)
18 - Phẩm Cấu Uế - Impurities or Taints (235-255)
19 - Phẩm Pháp Tru - The Righteous (256-272)
20 - Phẩm Chánh Đạo - The way or the Path (273-289)
21 - Phẩm Tạp Lục - Miscellaneous (290-305)
22 - Phẩm Địa Ngục - Hell or Woeful state (306-319)
23 - Phẩm Voi Rừng - The Elephant (320-333)
24 - Phẩm Tham Ái - Craving (334-359)
25 - Phẩm Tỳ Kheo - The Bhikkhu (360-382)

26 - Phẩm Bà La Môn - The Brahmana (383-423)

Version franÇaise, Link …. Page 466

Deutsche Fassung, Link …. Seite 466

Wikipedia about Dhammapada …. Page 467

Other translations, Links …. Page 476

Readable at weblink:

http://www.flipsnack.com/flips/cd5a89ae16397900e58e85571q209578

0000 OOO 0000

KINH PHÁP CÚ (DHAMMAPADA) & Tranh minh họa

Đa ngữ: Việt - Anh - Pháp - Đức
Multilingual: Vietnamese, English, French, German
Multilingue: Vietnamien, Anglais, Français, Allemand
Mehrsprachig: Vietnamesisch, Englisch, Französisch, Deutsch

Dịch Việt: **Hòa thượng Thích Thiện Siêu**

Bản dịch Anh ngữ: **Hòa thượng NARADA**, Colombo, Sri Lanka, 1963, 1971

Tịnh Minh dịch Việt / thể kệ - Sài Gòn, PL. 2539 - TL. 1995
Sưu tập và Hiệu đính: **Nguyên Định,** Mùa Phật Đản PL.2550, 2006; bổ sung, Mùa Vu Lan PL.2555-2011.

Readable at weblink:
http://www.flipsnack.com/flips/cd5a89ae16397900e58e85571q209578

000)()( )(000

THÁNH ĐIỂN PĀLI

PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

Dịch giả

Trưởng Lão Thiền Sư PHÁP MINH

Chú giải Kinh Pháp Cú

Quyển 1

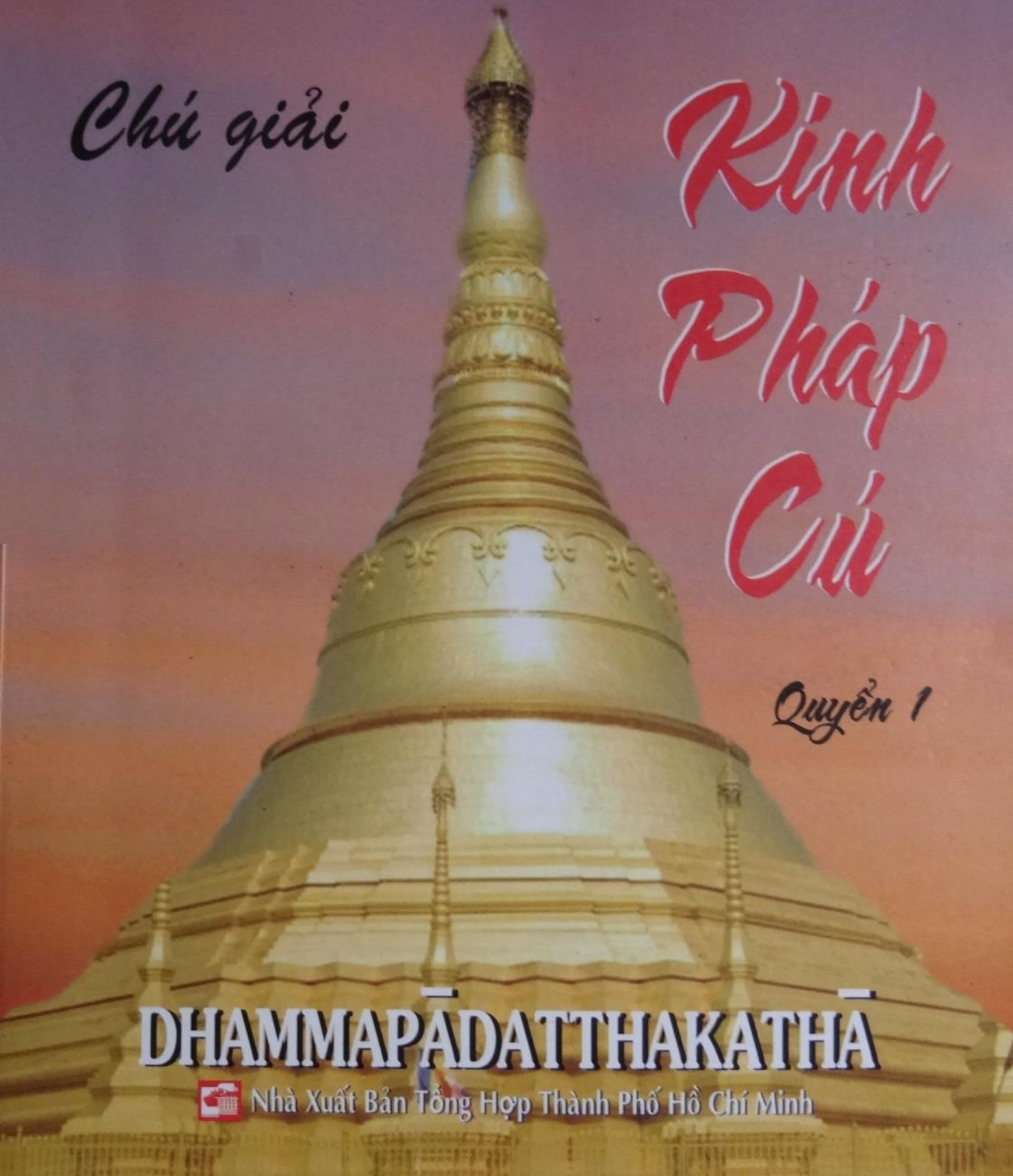

DHAMMAPĀDATTHAKATHĀ

Nhà Xuất Bản Tổng Hợp Thành Phố Hồ Chí Minh

TIỂU SỬ
THIỀN SƯ ĐẦU ĐÀ PHÁP MINH

Ngài Thiền Sư PHÁP MINH thế danh là NGUYỄN VĂN LONG, sinh ngày 15-3-1918, tại Làng Phước Hải, Huyện Long Đất, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Thân phụ của Ngài là Cụ NGUYỄN VĂN TÀI, thân mẫu là Bà PHẠM THỊ MINH.

Ngài xuất thân trong một gia đình có tinh thần yêu nước, có truyền thống đạo đức lâu đời, thuộc gia đình trí thức, ngài đậu bằng Diplome (Trung học).

Năm 1965, Ngài xuất gia Sa di với Hòa thượng BỬU CHƠN tại chùa Phổ Minh, Gò Vấp, Gia Định, lúc 10 giờ 30 ngày 7-2, tức tháng 6 Â. L. năm Ất Tỵ.

Ngày 6-1-1968, tại chùa Pháp Bảo, Mỹ Tho, Ngài thọ Đại giới Tỳ kheo với Thầy Tế độ là Hòa thượng GIỚI NGHIÊM.

Sau khi tu tại chùa Phổ Minh một thời gian, Ngài vân du hành đạo tại chùa Phước Hải Vũng Tàu. Sau đó, Ngài đến Tịnh Xá Ngọc Hương, Thủ Dầu Một.

Năm 1967, Ngài đi hành đạo ở Tịnh Xá An Lạc, Bắc Mỹ Thuận. Cuối năm ấy, Ngài về Tổ Đình Bửu Quang ở Gò Dưa để thực hành pháp môn Đầu đà, độc cư thiền tịnh.

Năm 1968, Ngài rời chùa Bửu Quang đến Núi Nhỏ Vũng Tàu, tìm nơi độc cư thiền định. Năm 1969, Ngài lại trở về Tổ Đình Bửu Quang để tiếp tục sự nghiệp tu hành.

Tháng 12-1974, theo lời thỉnh cầu của Ban Quản Trị Thích Ca Phật Đài Vũng Tàu, Ngài đến khu Thắng Tích để hành đạo và hoằng dương Chánh Pháp.

Từ năm 1975 đến 1976, bước chân Ngài đã vân du đến Tô Châu, Hà Tiên, Rạch Giá.

Năm 1977, 1978, 1979, 1980, Ngài lại trở về Tổ Đình Bửu Quang để thiền định. Từ đó đến nay, Ngài sống Hạnh độc cư, trì bình khất thực tại Cốc Bình Thủy, Gò Dưa, Thủ Đức.

Vào lúc 9 giờ ngày thứ Tư 27 tháng 1 năm 1993 (mùng 5 tháng giêng năm Quý Dậu), Ngài đã an nhiên thị tịch trong khi ngồi thiền định với tư thế kiết già liên hoa tọa.

Từ khi xuất gia cho đến giờ viên tịch, Ngài luôn luôn thực hành pháp hạnh Đầu Đà khất thực, hạnh đầu đà không nằm… Ngài giữ hạnh tri túc, thường ít nhận tứ sự cúng dường của chư Tăng và các Phật tử, Ngài sống vô cùng đơn giản.

Trong thời gian còn sinh tiền, Ngài đã soạn dịch nhiều tác phẩm Kinh điển như:

Bộ Chú Giải Kinh Pháp Cú.

Sưu Tập Kệ Pāli.

Ngài đã trước tác nhiều tác phẩm mà hiện nay vẫn còn là bản thảo, như:

1. Sổ Tức Quan thực tập 1, 2, 3…

2. Cổng vào Niết Bàn.

3. Lâm Tuyền Pháp.

4. Chiến Sĩ Thượng Thặng.

5. Ba cách Làm Phước.

6. Siêu Pháp Tiết Chế Tình Dục.

7. Việc Tập Tâm.

8. Tứ Oai Nghi.

9. Hạnh Nguyện Bồ Tát.

10. Thiền Luận.

11. Tùy Bút Pháp Hành.

12. Kệ Kinh Tam Bảo Pāli…

Ngài thông suốt nhiều ngoại ngữ như Tiếng Pháp, Anh, Thái, Khơmer, Pāli…

Ngài còn là một họa sĩ, nhạc sĩ, thi sĩ, y sĩ… Ngài hiểu biết sâu sắc trong khoa học và nghệ thuật.

Trong thời gian còn sinh tiền, Ngài đã từ bi tế độ cho nhiều hành giả thực hành pháp môn Thiền Quán Minh Sát Khổ có kết quả, nhiều hành giả đã ngồi thiền bảy giờ (07 giờ) liên tục với tư thế Kiết già liên hoa tọa.

Ngài Thiền Sư PHÁP MINH là một trong những vị Cao Tăng, chân tu, thực hành Hạnh Đầu đà vô cùng tinh tấn của Hệ phái Tăng già Nguyên Thủy Việt Nam. Ngài ra đi nhưng Ngài vẫn còn sống mãi với hình ảnh là một bậc chân tu khả kính, thực hành GIỚI-ĐỊNH-TUỆ, in đậm nét trong tâm trí của toàn thể chư Tăng, Tu nữ và hàng Phật tử gần xa.

Toàn thể Tăng Tín đồ Phật giáo Nguyên Thủy Việt Nam cung kính nghiêng mình trước đạo hạnh Cố Đại Đức Thiền Sư Đầu Đà PHÁP MINH.

Tỳ Khưu BỬU CHÁNH

Phụng soạn



Kính Cáo

Sau mỗi tích chuyện có phần Cẩn đề là những bài kệ vịnh trích ra từ bộ Chú giải Kinh Pháp Cú mới dịch xong trong mùa Hạ kỳ 1984 nầy. Mong rằng các hành giả sơ cơ đang cần học tập, ôn nhuần Kinh Pháp Cú để áp dụng vào đời sống thực tế của mình cho hạp theo Chánh Pháp, sẽ được gợi hứng để có thể hoàn tất sự học cũng như chúng tôi đã hoàn tất sự dịch ra Việt ngữ vậy.

Ngoài ra, với những kệ nầy, quý bạn thức đêm đầu đà có thể bày ra những câu đố về sự tích hoặc căn bản giáo lý chứa đựng trong bộ Pháp Cú mà các Phật tử phương Tây rất quý trọng, nhất là ở Tây Đức.

Nếu mọi người hiểu rành Kinh Pháp Cú và thực hành theo đó thì thế giới có thể hòa bình, an lạc.

Rất mong thay!

Tỳ khưu PHÁP MINH

PANĀMA GĀTHĀ
(KỆ LỄ BÁI TRƯỚC KHI HỌC)

1. Mahāmohatamonaddhe, loke lokantadassinā;
   Yena saddhammapajjoto, jālito jalitiddhinā.

2. Tassa pāde namassitvā, sambuddhassa sirīmato;
   Saddhammañcassa pūjetvā, katvā saṅghassa cañjaliṃ.

3. Taṃ taṃ kāraṇamāgamma, dhammādhamesu kovido;
   Sampattasaddhammapado, satthā dhammapadaṃ subhaṃ.

4. Desesi karuṇāvega-samussāhitamānaso;
   Yaṃ ve devamanussānaṃ, pītipāmojjavaḍḍhanaṃ.

5. Paramparābhatā tassa, nipuṇā atthavaṇṇanā;
   Yā tambapaṇṇidīpamhi, dīpabhāsāya saṇṭhitā.

6. Na sādhayati sesānaṃ, sattānaṃ hitasampadaṃ;
   Appeva nāma sādheyya, sabbalokassa sā hitaṃ.

7. Iti āsīsamānena, dantena samacārinā;
   Kumārakassapenāhaṃ, therena thiracetasā.

8. Saddhammaṭṭhitikāmena, sakkaccaṃ abhiyācito;
   Taṃ bhāsaṃ ativitthāra-gatañca vacanakkamaṃ.

9. Pahāyāropayitvāna, tantibhāsaṃ manoramaṃ;
   Gāthānaṃ byañjanapadaṃ, yaṃ tattha na vibhāvitaṃ.

10. Kevalaṃ taṃ vibhāvetvā, sesaṃ tameva atthato;
    Bhāsantarena bhāsissaṃ, āvahanto vibhāvinaṃ;
    Manaso pītipāmojjaṃ, atthadhammūpanissitanti.

1. Kính lạy dưới chân Ngài Đại Giác,
   Bậc oai hùng trên các Nhân Thiên,
   Kính lạy Chánh Pháp chân truyền,
   Kính lạy Tăng chúng hữu duyên của Ngài.

2. Cõi phàm tục lâu dài tăm tối.
   Vì si mê lạc lối đọa sa,
   Pháp đăng, ngọn đuốc Thiền na,
   Ngài soi rõ thấu ngõ ra luân hồi.

3. Phật thông suốt đường lui, nẻo tới,
   Chánh hay tà, nhân bởi tại đâu?
   Từ Bi, Ngài dạy lắm câu,
   Pháp Cú, nghĩa lý thâm sâu ngọt ngào!

4. Khắp nhân thiên dồi dào hỉ lạc,
   Đón mừng kinh tuyệt tác của Ngài,
   Từ xưa cho đến đời nay,
   Một bản chú giải rất hay còn truyền.

5. Đảo Tích Lan là miền hữu phước,
Được thấm nhuần di chúc Phật Đà,
Nhưng còn có biết bao là,
Nhân dân Phật tử gần xa mong cầu.

6. Tôi được nghe rõ câu ước nguyện,
Ngài Ca Diếp[1] thánh thiện thốt ra,
Thành tâm, tin tưởng thiết tha,
Ngài mong Chánh Pháp chan hòa mọi nơi.

7. Do đó tôi vâng lời chỉ dạy,
Ráng dịch và sửa lại rõ ràng,
Những câu thổ ngữ mơ màng,
Thành kinh Nam Phạn đàng hoàng để coi.

8. Chú giải thật rạch ròi cặn kẽ,
Những điểm nào Pháp kệ không soi,
Nhưng bao giờ tôi cũng noi,
Đúng theo diệu lý hẳn hòi kệ ngôn.

9. Mong rằng khắp chư Tôn trí giả,
Hỷ hoan cùng bản đã dịch đây,
Cốt làm phát triển đủ đầy,
Lý, Pháp, Tâm, Tuệ liền đây chẳng rời[2].

10. Chúng con sanh trong thời Tượng Pháp,
Nguyện rằng công tu tập Kệ ngôn,
Hầu đến Ân Phật Thế Tôn,
Cúng dường cao thượng Pháp môn chân truyền.

[1] Kumāra Kassapathera.

[2] Lời dịch của Ngài Buddhaghosa, theo đây thì Ngài Buddhaghosa không phải là tác giả mà chỉ là soạn giả, có công sưu tập và ghi chép bộ Chú Giải Pháp Cú vào khoảng 450 sau Công nguyên, mười năm sau bộ Chú Giải Bổn Sanh Kinh (Burlingame).

MỤC LỤC

I. PHẨM SONG ĐỐI....1
(YAMAKA VAGGA) 1
I.1- Tích TRƯỞNG LÃO CAKKHUPĀLA 1
I.2- Tích CẬU KIM HOÀN 23
I.3- Tích TRƯỞNG LÃO TISSA....36
I.4- Tích NGƯỜI SANH LÀM NỮ DẠ XOA....46
I.5- Tích CÁC TỲ KHƯU Ở KOSAMBI 60
I.6- Tích TIỂU HẮC VÀ ĐẠI HẮC 72
I.7- Tích DEVADATTA ĐƯỢC Y QUÝ 84
I.8- Tích ÔNG SAÑJAYA KHÔNG ĐẦU PHẬT....92
I.9- Tích ĐẠI ĐỨC NANDA....123
I.10- Tích ĐỒ TỂ CUNDA 137
I.11- Tích THIỆN NAM SÙNG ĐẠO DHAMMIKA 142
I.12- Tích DEVADATTA 148
I.13- Tích SUMANĀDEVĪ 165
I.14- Tích HAI VỊ TỲ KHƯU BẠN 169
II. PHẨM CHUYÊN NIỆM 178
(APPAMĀDA VAGGA)....178
II.1- Tích HOÀNG HẬU SĀMĀVATĪ 178
II.2- Tích KUMBHAGHOSAKA 237
II.3- Tích TRƯỞNG LÃO TIỂU BẦN ĐẶC....246
II.4- Tích CÁI TẾT THÁC LOẠN 260
II.5- Tích ĐẠI ĐỨC MAHĀKASSAPA 265
II.6- Tích HAI VỊ TỲ KHƯU BẠN....268
II.7- Tích ĐỨC SAKKA 272
II.8- Tích VỊ TỲ KHƯU QUÁN LỬA RỪNG....287
II.9- Tích ĐẠI ĐỨC TISSA Ở THỊ XÃ 291
III. PHẨM TÂM 294
(CITTA VAGGA)....294

III.1- Tích TRƯỞNG LÃO MÊ KỲ DẠ.....294
III.2- Tích VỊ TỲ KHƯU Ở THỦY LƯU THÔN 299
III.3- Tích VỊ TỲ KHƯU BẤT MÃN.....308
III.4- Tích ĐẠI ĐỨC HỘ TĂNG ĐIỆT.....312
III.5- Tích ĐẠI ĐỨC PHỤC TÂM.....317
III.6- Tích CÁC TỲ KHƯU QUÁN TỰ NGÃ 326
III.7- Tích ĐẠI ĐỨC TISSA THÚI THÂY.....332
III.8- Tích NAN ĐÀ CHỦ TRẠI BÒ.....337
III.9- Tích ĐẠI ĐỨC TU LỆ DA.....341
IV. PHẨM HOA 348
(PUPPHAVAGGA) 348
IV.1- Tích 500 VỊ TỲ KHƯU ĐÀM LUẬN VỀ ĐỊA ĐẠI.....348
IV.2- Tích TỲ KHƯU QUÁN BÀO ẢNH 353
IV.3- Tích VIḌŪḌABHA (LƯU LY VƯƠNG).....356
IV.4- Tích NÀNG SỰ PHỤ 376
IV.5- Tích BÁ HỘ KHAN NANG.....381
IV.6- Tích TU SĨ NGOẠI ĐẠO TIỂU ĐIỆP.....389
IV.7- Tích THIỆN NAM TẢN THỦ 394
IV.8- Tích ĐẠI TÍN NỮ THIỆN CHI 400
IV.9- Tích ĐẠI ĐỨC ĀNANDA VẤN ĐẠO.....427
IV.10- Tích ĐẠI ĐỨC MAHĀKASSAPA ĐƯỢC VUA TRỜI ĐỀ BÁT.....432
IV.11- Tích ĐẠI ĐỨC CỒ ĐIỆT VIÊN TỊCH.....439
IV.12- Tích ÔNG OÁN TRÁCH THÍ.....445

I. PHẨM SONG ĐỐI

(YAMAKA VAGGA)

☸

- 20 bài kệ: Pháp cú 01-20

- 14 tích truyện

☸

I.1- Tích TRƯỞNG LÃO CAKKHUPĀLA

(Cakkhupālattheravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 01)

"Manopubbaṅgamā dhammā,	***"Tâm đi trước các Pháp,***
Manoseṭṭhā manomayā;	***Tâm chủ, duy tâm tác,***
Manasā ce paduṭṭhena,	***Nếu bằng tâm nhơ đục,***
Bhāsati vā karoti vā,	***Nói năng hoặc hành vi,***
Tato naṃ dukkham anveti,	***Khổ sẽ theo người như,***
Cakkaṃ'va vahato padaṃ".	***Bánh xe chân bò giật".***

Kệ Pháp Cú này được thuyết tại đâu? Tại thành Sāvatthī (Xá Vệ). Nói về ai? –Về Trưởng lão Cakkhupāla (Đại đức Hộ (Mù) Nhãn).

Tương truyền rằng:

Thuở ấy, trong thành Sāvatthī có ông Trưởng lão tên là Mahāsuvaṇṇa (Đại Kim) là một bậc phú hào, gia tài đồ sộ, sự sản kinh dinh, nhưng lại hiếm muộn con cái.

Một hôm, nhân dịp đi tắm ở bến tắm về, dọc đường ông gặp một cây Đại lâm thọ, tàng nhánh sum suê: "Trên cây nầy chắc có thọ thần oai linh ngự trị". Nghe như thế, ông bèn thuê công dọn sạch chỗ gốc cây, khiến xây một vòng tường rào và cho trải cát bên trong, đoạn ông trần thiết cờ xí, trang hoàng cho cây đại thọ, rồi khấn vái rằng: "Xin cho tôi có được một đứa con, dầu trai hay gái tôi cũng sẽ làm đại lễ cúng tế Tôn thần". Nguyện xong ông lui gót về nhà.

Rồi thì, không bao lâu vợ ông thọ thai, ông chăm lo thuốc thang cơm nước đầy đủ cho bà để bảo dưỡng thai nhi. Mười trăng vừa mãn, bà trổ sanh một mụn trai, ông Mahāsuvaṇṇa tin rằng: "Nhờ ta bảo hộ cây rừng, mới được đứa con cầu tự". Nên ông đặt cho nó là Pāla. Kế đó, bà lại sanh thêm một quý tử nữa, đứa con trai sau, phú ông đặt tên là Culla Pāla (Tiểu Hộ) và đứa trước ông kêu là Mahā Pāla (Đại Hộ) cho khỏi trùng nhau.

Khi hai trẻ lớn khôn, ông bà Mahāsuvaṇṇa lựa chỗ xứng đáng cho con kết mối duyên lành. Tháng ngày qua, lần lượt mẹ cha thành người thiên cổ. Tất cả gia sản được chia đồng đều cho hai anh em.

Thời bấy giờ, Đức Bổn Sư đã chuyển bánh xe Pháp bảo, sau khi tuần tự trải đi hoằng hóa nhiều nơi, Ngài tạm dừng bước du hành ngự đến an ngự tại Jetavana Mahāvihāra (Đại tự Jetavana), do nhà cự phú Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) đã xuất của kho kiến tạo, phí tổn lên tới năm trăm bốn mươi triệu đồng vàng. Nơi đây Đức Phật đã khai thông con đường thiên giới và con đường Niết Bàn, tiếp độ vô số chúng sanh chứng đắc đạo quả.

Đức Như Lai chỉ có lưu trú trong một mùa an cư (ba tháng mưa) tại ngôi chùa Nigrodha vốn là công trình của hai lần tám muôn quyến thuộc trong hoàng tộc Thích Ca (tám muôm bên họ ngoại và tám muôn bên họ nội).

Thế mà, tại Đại Tự Jetavana của ông Anāthapiṇḍika, Ngài đã an cư mùa mưa tất cả là mười chín hạ và tại Pubbārāma (Đông Phương Tự) của bà Visākhā, xây cất với phí tổn là hai trăm bảy mươi triệu tiền vàng (27 koṭi), Ngài cũng đã an cư mùa mưa sáu hạ. Đó là nhờ công đức lớn lao của hai gia tộc nầy mà Đức Giáo Chủ đã ngự an cư trong khoảng thời gian hai mươi lăm năm gần thành Sāvatthī.

Ông Anāthapiṇḍika cũng như bà Visākhā đại tín nữ, hằng ngày đến hầu cận Đức Như Lai thường xuyên, mỗi ngày hai lượt và họ chẳng khi nào đến với tay không vì mỗi lần từ nhà ra đi hai người đều nhớ rằng: "Mấy vị Sa di nhỏ đang mong chờ ta đến dâng cúng (họ sẽ nhìn tay ta)". Đi trước buổi ngọ, họ bảo gia nhơn cùng đi, mang theo vật thực loại cứng và loại mềm, đi sau bữa ngọ họ cho mang theo năm món thuốc ngừa bệnh (là bơ, sữa, mật, đường, dầu ăn) và tám thứ nước giải khát (nước cốt trái cây như nước trâm, xoài, chuối viết, thanh trà, thị, cam…). Còn tại nhà riêng của mỗi người luôn luôn lúc nào cũng dự bị sẵn sàng chỗ ngồi cho hai ngàn vị Tỳ khưu về phần cơm nước, thuốc men vị sư nào cần dùng món chi đều được cúng dường theo như ý muốn.

Tuy nhiên, không có ngày nào mà ông Anāthapiṇḍika hỏi Đức Thầy một câu về đạo lý. Theo truyền ngôn thì sỡ dĩ ông không vấn đạo là vì ông quá tôn sùng ngưỡng mộ Đức Bổn Sư, ông tự nhủ: "Đức Như Lai là một vị Phật Chí Tôn, một vị Vương chí Thánh, thuộc dòng dõi quyền quý cao sang, nếu Ngài thấy ta hộ độ Ngài nhiều rồi thuyết pháp cho ta nghe, sợ e ngài phải hơi hao tốn sức".

Nhưng ông Anāthapiṇḍika vừa an tọa thì Đức Bổn Sư lại nghĩ rằng: "Trưởng giả này cứ lo gìn giữ cho Ta, ở chỗ mà Ta chẳng cần chi phải gìn giữ", trải qua bốn A tăng kì (Asaṅkheyya) và một trăm ngàn đại kiếp (mahākappa) của quả địa cầu, Ta đã từng cắt thủ cấp khôi ngô tuấn tú của chính mình, Ta đã từng móc mắt Ta, Ta đa từng rứt thịt nơi quả tim Ta, Ta đã từng đoạn ly vợ con yêu dấu nhất đời mà Ta quý trọng chẳng khác nào mạng sống của tự thân Ta, nhất nguyện để hoàn thành hạnh Pāramī (Ba La Mật) ngõ hầu để có thể tuyên dương chánh pháp, phổ độ quần sanh. Cái ông này cứ lo gìn giữ cho Ta cái chỗ mà Ta chẳng cần chi phải gìn giữ". Thế rồi Đức Bổn Sư thuyết ngay một thời pháp.

Thuở ấy, thành Savatthi rất là phồn thịnh và đông đúc dân cư, sau khi nghe Đức Thế Tôn thuyết pháp thì phần lớn nhập dòng Thánh vức, chứng bậc Thinh Văn (Sāvaka).

Chư Thánh cư sĩ Thinh Văn có hai phận sự: Buổi sáng thì lo để bát hộ chư Tăng, buổi chiều thì cụ bị lễ vật để đi nghe pháp. Khi đi, các vị ấy cầm hương hoa trên tay và dắt theo người để mang vải hoặc y, thuốc ngừa bệnh và nước giải khát.

Một hôm, Trưởng giả Mahāpāla trông thấy các Thánh cư sĩ Thinh Văn đi chùa trên tay có cầm hương hoa, bèn hỏi: "Hàng đại chúng đi đâu mà đông vậy?", có tiếng trả lời rằng: "Đi nghe thuyết pháp".

- Tôi cũng đi nữa.

Nói xong, Trưởng giả nhập theo đoàn người đi chùa. Đến nơi đảnh lễ Đức Bổn Sư, rồi ngồi xuống một nơi sau cùng ngoài vòng cử tọa.

Trước khi thuyết pháp, chư Phật luôn luôn quán xét căn cơ và trình độ của thính chúng rồi mới tùy nhân duyên mà giảng giải về pháp trợ trì Quy giới, hoặc pháp xuất gia chẳng hạn. Bởi thế ngày ấy Đức Giáo Chủ sau khi quán xét căn cơ trình độ của Trưởng giả Mahāpāla, Ngài đã thuyết bài pháp gọi là "Tuần tự pháp thoại" (Anupubbīkathā), nghĩa là ngài lần lượt giảng giải liên tục về năm pháp kế tiếp nhau từ bố thí, trì giới, các nhàn cảnh đến tội ngũ trần và phước báu của bậc xuất gia.

Ngồi yên nghe pháp, Trưởng giả Mahāpāla ngẫm nghĩ: "Khi mình lìa đời đi sang thế giới bên kia, thì con trai con gái đều chẳng theo mình, nhà cửa ruộng vườn cũng đều bỏ lại, thậm chí xác thân cũng không còn làm bạn đồng hành, nào có ích chi mà ta mải miết đeo giai gánh nặng gia đình, ta phải xuất gia mới được".

Đợi dứt thời pháp thoại, Trưởng giả đến gần Đức Bổn Sư và ngỏ lời cầu xin xuất gia nhập đạo.

Khi ấy Đức Phật bèn hỏi:

- Ông có quyến thuộc nào để cần hỏi lại ý kiến (từ giã) không?

- Bạch Ngài! Con còn có đứa em trai!

- Vậy ông hãy về hỏi lại ý kiến của em ông đi.

- Dạ vâng.

Sau khi đảnh lễ tạm biệt Đức Phật, Trưởng giả Mahāpāla trở về nhà, cho mời Trưởng giả Cullapāla đến và bảo:

- Em à! Tất cả tài sản hữu thức và vô thức (gồm có tôi tớ và súc vật, động sản và bất động sản) trong nhà này anh giao hết cho em trọn quyền làm chủ.

- Còn anh thì sao? Thưa anh.

- Anh sẽ đến xuất gia với Đức Tôn Sư.

- Anh ơi, sao anh nói chi lời ấy, từ khi thân mẫu từ trần thì em sớ cậy chỗ anh thay vào chỗ mẹ. Đến khi thân phụ quá cố thì em cũng nhờ nơi anh thế chỗ của cha. Vả lại anh là một bậc phú gia, của tiền thừa thải, anh cứ ở nhà mà làm việc phước đức cũng được, hà tất anh phải xuất gia như vậy.

- Em ơi! Anh vừa được nghe chánh pháp của Đức Tôn Sư, Ngài đã thuyết một thời pháp tuyệt diệu cả đoạn đầu, đoạn giữa và đoạn cuối, giải rành ba tướng mong

manh (Saṇhasukhumaṃ) là Vô thường, Khổ não, Phi ngã khiến cho anh nghe qua ngán ngẩm sự đời, không thể tiếp tục ở nhà mà mong kiện toàn đạo hạnh cao siêu, cho nên anh phải xuất gia.

- Thưa hiện giờ anh cũng là thanh niên tráng kiện, xin hãy nán lại, chờ khi già cả rồi hãy xuất gia.

- Em à, con người khi già nua thì chắc chắn tay chân không còn tự chủ, không thể điều khiển theo như ý muốn của mình. Chính ngay bản thân hãy còn như vậy thay, huống hồ là gia nhơn quyến thuộc, bởi thế anh không làm theo lời khuyến dụ của em, trái lại anh sẽ đi ngay bây giờ để thực hành đầy đủ giới hạnh của bậc Sa môn.

"Jarājajjaritā honti,
Hatthapadā anassavā;
Yassa so vihatatthāmo,
Kathaṃ dhammaṃ carissati".

"Tuổi già làm suy yếu,
Tay chân khó dạy biểu,
Người lực kiệt sức cùng,
Lấy chi hành pháp diệu".

Sau bài kệ, Trưởng giả Mahāpāla nói tiếp:

- Này em! Chí anh đã quyết, dầu em có can gián cách nào, anh cũng quyết định xuất gia mà thôi.

Thế rồi, bỏ mặc người em kêu gào than khóc, trưởng giả Mahāpāla dứt tình ra đi, đến chỗ Đức Bổn Sư đang ngự và xin xuất gia nhập đạo nơi Ngài.

Thọ Cụ túc giới xong, vị Tỳ Khưu mới phải ở chung cùng với các vị Đại Đức Tăng để học tập thu thúc trong thời gian năm hạ. Đến mãn hạ thứ năm, làm lễ Tự Tứ xong, Tỳ khưu Mahāpāla tìm đến Đức Bổn Sư đảnh lễ Ngài, rồi bạch hỏi rằng:

- Bạch Đức Tôn Sư! Trong tôn giáo của Ngài có bao nhiêu pháp chánh yếu cần phải hành trì?

- Này Tỳ khưu! Chỉ có hai pháp tất yếu mà thôi, đó là pháp học và pháp hành vậy.

- Bạch Ngài! Pháp học là sao và pháp hành là thế nào?

- Tùy theo trí tuệ của mình, học hỏi ôn nhuần một hay hai bộ kinh (Nikāya) hoặc toàn bộ Tam Tạng (Tipiṭaka) ghi chép Phật Ngôn, sau khi đã thành thuộc đem ra đọc tụng thuyết giảng để giáo hóa chúng sanh, đó gọi là Pháp học (Ganthadhura).

Còn như cam chịu sống cảnh thanh bần đạm bạc (Sallahukavutti) vui thích ở nơi vắng vẻ hẻo lánh (Pantasenāsanabhirata), ngày đêm hằng nhớ tưởng đến tánh chất vô thường dị diệt của bản ngã (Attabhavekkayaviya), rồi bền chí kiên gan, hành thiền đắc Tuệ Minh Sát để dứt trừ phiền não, để chứng bậc Vô sanh (Arahattagahana), đó gọi là pháp Hành (Vipassanādhura) vậy.

- Bạch hóa Tôn Sư! Đệ tử nay là kẻ cao niên xuất gia (Mahāllakakālepabbajita) không kham theo đuổi Pháp học cho đến ngày thành tựu hoàn toàn, còn Pháp hành thì đệ tử còn có thể làm cho kết quả mỹ mãn được. Cúi xin Tôn Sư truyền dạy đề mục (Kammaṭṭhāna) cho đệ tử.

Thể theo lời thỉnh cầu của Tỳ khưu Mahāpāla, Đức Bổn Sư đã truyền dạy cho thầy câu thoại đầu (đề mục) để niệm cho đắc quả Vô sanh (A La Hán).

Sau khi đảnh lễ từ tạ Đức Tôn Sư, thầy đi tìm thêm được sáu mươi vị Tỳ khưu làm bạn đồng tu, rồi cùng nhau cất bước ra đi hành đạo, đi được quãng đường một trăm hai mươi do tuần (Visayojanasatamagga). Chư Sư đến một thị trấn nhỏ sát biên giới, Đại đức Mahāpāla hướng dẫn cả đoàn chư Tăng vào đó trì bình khất thực.

Dân chúng trông thấy chư vị Tỳ khưu đầy đủ oai nghi tế hạnh, nên phát sanh lòng ngưỡng mộ. Họ bảo nhau sắp đặt chỗ ngồi thỉnh chư Tăng an tọa và dâng cúng vật thực ngon lành, xong mới hỏi rằng:

- Bạch chư Đại đức, chẳng hay các Ngài định đi đâu vậy?

- Này chư thiện nam! Chúng tôi đi tìm một chỗ tiện nghi thuận cảnh.

Nghe đáp như vậy, những vị trí thức trong nhóm người ấy tự nhiên là hiểu biết chư Tăng đang cần có chỗ để kiết hạ an cư, họ bèn thỉnh khéo rằng:

- Bạch Đại đức Tăng, nếu quý Ngài có thể lưu lại nơi đây nhập hạ ba tháng này, thì rất tiện bề cho chúng tôi là có được chỗ nương nhờ vững chắc để thọ trì Tam quy và Ngũ giới.

Chư Tăng cùng nghĩ: "Chúng ta nương nhờ các gia tộc nầy hộ độ, may ra có thể tu hành siêu xuất ba cõi được chăng?". Thế nên quý Ngài nhận lời cầu thỉnh.

Nhóm người ấy, sau khi được sự chấp nhận của chư Tăng, liền khởi công xây dựng một ngôi Tịnh xá kiến tạo các cơ sở cần thiết để chư Tăng tùy nghi sử dụng trong lúc ban ngày hoặc ban đêm (Rattitthanadivāthānāni), rồi dâng cúng tất cả đến chư Tăng, chư Tăng chỉ còn việc là hằng ngày ôm bát vào thị trấn nhỏ để khất thực mà thôi.

Sau khi ấy, có một vị y sĩ tìm đến Tịnh xá, hứa cung tụng chư Tăng về phương tiện trị liệu thuốc thang. Ông nói: "Bạch Đại đức Tăng! Chỗ nào người ở đông đảo thì không sao tránh khỏi phát sanh bệnh tật. Vậy nếu trong quý Ngài có vị nào đau yếu, xin hoan hỷ báo tin cho tôi biết, tôi nguyện sẽ tận tâm chữa trị và cúng dường thuốc men đến cho quý Ngài dùng".

Ngài làm lễ nhập hạ an cư, Đại đức Mahāpāla hội các vị Tỳ khưu lại nói rằng:

- Này chư hiền hữu! Trong ba tháng hạ nầy, chư hiền hữu sẽ giữ mấy oai nghi?

- Bạch Ngài! Chúng tôi sẽ giữ hết bốn oai nghi (đi, đứng, nằm, ngồi).

- Nói thế có hợp không, hỡi chư hiền hữu? Chúng ta đương nhiên là chẳng buông lung giải đãi vì trước khi ra đến tận chỗ nầy, chúng ta đã trọ trì đề mục Minh sát từ nơi Đức Phật hiện thế và ân huệ của Đức đương kim Đại Giác, chẳng có thể hưởng được từ một thái độ lưng chừng. Trái lại ta phải có thái độ dứt khoát một lòng thiết tha vì đạo mới được, vả lại bốn khổ cảnh ác đạo hiện như đang hườm sẵn chờ người phóng dật, kẻ nào buông lung ắt sẽ về đó như về nhà của mình chẳng sai. Vậy chư hiền hữu hãy nên tinh cần dũng mãnh.

- Bạch Ngài! Còn Ngài thì sao?

- Về phần tôi, thì tôi nguyện sẽ giữ ba oai nghi, tôi sẽ không đặt lưng nằm xuống trong ba tháng hạ.

- Sadhu! Lành thay! Bạch Đại đức! Chúng tôi cầu chúc cho Ngài chuyên cần tinh tấn y như sở nguyện.

Cuối tháng thứ nhất, Đại đức Mahāpāla cảm thấy đôi mắt xốn xang vì sự bỏ ngủ. Qua tháng thứ hai Ngài bị đau mắt thật sự, từ hai khóe mắt nước mắt cứ chảy xuống ròng ròng như hai vòi nước tuôn ra từ một cái lu nước lủng. Tuy vậy, Đại đức vẫn tiếp tục hành thiền Minh sát cả đêm thâu, mãi đến lúc mặt trời sắp rạng, Đại đức mới vào ngồi tịnh trong cốc.

Khi đến giờ đi bát, các Tỳ khưu đến thỉnh Đại đức:

- Bạch Ngài đã đến giờ đi khất thực.

- Thế thì chư hiền hữu cụ bị y bát sẵn sàng đi.

Nói rồi, Đại đức cũng tự mình đắp y mang bát ra đi, chừng ấy các Tỳ khưu mới nhận thấy hai mắt của Đại đức ràn rụa nước mắt bèn hỏi:

- Bạch Ngài! Ngài làm sao vậy?

- Này chư hiền hữu, tôi bị gió làm xốn mắt.

- Bạch Ngài! Vị y sĩ lúc nọ đã chẳng hứa lời giúp đỡ trị bệnh chư Tăng hay sao? Để chúng tôi báo tin cho vị ấy biết.

- Phải đó, chư hiền hữu!

Chư Tỳ khưu báo tin cho vị y sĩ. Vị nầy liền chế một thứ thuốc dầu, gởi chư Tăng đem về dâng lên Đại đức Mahāpāla, Ngài vẫn giữ oai nghi ngồi mà nhỏ thuốc lên mũi. Nhỏ thuốc xong, Đại đức đi vào làng vị y sĩ trông thấy bèn hỏi:

- Bạch Đại đức, nghe nói Đại đức bị trúng gió đau mắt phải không?

- Phải đó ông thiện nam.

- Bạch Đại đức, thứ thuốc dầu của tôi chế để nhỏ lên mũi, tôi có gửi dâng Đại đức. Đại đức đã dùng qua chưa?

- Ta đã dùng rồi ông thiện nam.

Vị y sĩ nghĩ thầm: "Thứ thuốc của mình chế gởi dâng Đại đức, chỉ cần nhỏ qua một lần là đủ lành bệnh, nhưng nay Đại đức dùng rồi mà chưa hết bệnh là bởi cớ sao?", rồi ông lên tiếng hỏi nữa rằng: "Bạch Đại đức chẳng hay Đại đức nằm hay ngồi mà nhỏ thuốc vậy?".

Đại đức Mahāpāla làm thinh, mặc dù vị ấy lặp lại câu hỏi ấy nhiều lần, Ngài vẫn nín lặng không đáp.

Vị y sĩ tính thầm: "Để rồi mình sẽ đến Tịnh xá xem qua chỗ ngụ của Đại đức". Ông bèn nói: "Thôi vậy cũng được, xin Đại đức cứ đi".

Sau khi tiễn chân Đại đức Mahāpāla vị y sĩ đi ngay đến Tịnh xá, xem xét chỗ ngụ của Đại đức, thì thấy có một chỗ đi kinh hành và một chỗ ngồi, còn chỗ nằm thì

tuyệt nhiên không thấy đâu cả, ông lại hỏi: "Bạch Đại đức, lúc nhỏ thuốc đó Đại đức ngồi hay nằm?". Đại đức làm thinh.

Thấy thế vị y sĩ khẩn đoán yêu cầu: "Bạch Đại đức, xin Đại đức đừng làm như vậy không nên. Một bậc Sa Môn cũng cần phải bảo dưỡng xác thân đầy đủ sức khỏe để mà hành đạo. Yêu cầu Đại đức hoan hỷ nằm xuống đặng nhỏ thuốc cho có hiệu quả".

Giây lâu, Đại đức mới đáp: "Thôi hiền hữu hãy về đi. Để ta bàn tính lại rồi sẽ quyết định".

Ngay bấy giờ, Đại đức Mahāpāla không có gia đình quyến thuộc chỉ ở tại nơi ấy để cùng thảo luận hoặc thăm dò ý kiến. Vì thế Đại đức tự mình hỏi lấy mình rằng: "Hỡi này Pāla hiền hữu, hãy nói cho ta biết hiền hữu xem đôi nhục nhãn của mình hay giáo pháp của Đức Giác Ngộ là đáng quý trọng hơn?".

Và Đại đức cũng tự trả lời câu hỏi của mình như vầy: "Từ đời vô thủy dĩ lai, trải qua hằng hà sa số kiếp, chìm nổi trôi dạt trong biển luân hồi, hiền hữu vẫn sống mãi trong cảnh đui mù tăm tối. Trong khoảng thời gian ấy không thể đem kể xiết là bao nhiêu trăm Đức Phật, bao nhiêu ngàn Đức Đại Giác đã thành đạo chứng quả, còn kiến văn, tri thức của hiền hữu không đủ bao trùm thời kì của một Đức Phật trong số chư Phật quá khứ, bây giờ đây hiền hữu đã phát nguyện: "Trong hạ kỳ nầy! Ta sẽ ngăn oai nghi nằm suốt cả ba tháng". Vậy thì dù cho đôi mắt của hiền hữu có đui mù hư hoại đi chăng nữa cũng mặt kệ cho nó đui mù hư hoại. Hiền hữu chỉ cần kiên trì Giáp pháp của Đức Đại Giác mà thôi".

Rồi như để dạy bảo thân xác mình. Đại đức ngâm lên mấy câu kệ:

"Cakkhūni hāyantu mamāyitāni,
Sotāni hāyantu tatheva kāyo;
Sabbampidaṃ hāyatu dehanissitaṃ,
Kiṃ kāraṇā pālita tvaṃ pamajjasi".

"Cakkhūni jīrantu mamāyitāni,
Sotāni jīrantu tatheva kāyo;
Sabbampidaṃ hāyatu dehanissitaṃ,
Kiṃ kāraṇā pālita tvaṃ pamajjasi".

"Cakkhūni bhijjantu mamāyitāni,
Sotāni bhijjantu tatheva kāyo;
Sabbampidaṃ hāyatu dehanissitaṃ,
Kiṃ kāraṇā pālita tvaṃ pamajjasi".

"Mắt ta dù có đui mù,
Tai ta dù điếc, thân dầu bất an.
Trong thân tất cả cơ quan,
Dầu tê liệt hết, há màng chi sao.
Hộ ơi! Đừng vịn cớ nào?
Buông lơi mối đạo, lãng xao Pháp hành".
"Mắt ta dầu có quáng manh,
Tai ta dầu nặng, thân đành bất an.

Trong thân tất cả cơ quan,
Dầu hư hoại hết, há màng chi sao!
Hộ ơi! Đừng vị cớ nào?
Buông lơi mối đạo, lãng xao Pháp hành".
"Mắt ta dầu có tan tành,
Tai ta dầu lủng, thân đành bất an.
Trong thân tất cả cơ quan,
Dầu tiêu tán hết há màng chi sao!
Hộ ơi! Đừng vị cớ nào?
Buông lơi mối đạo, lãng xao Pháp hành".

Ngâm bài kệ dài ba kệ khúc để tự huấn dụ lấy mình xong. Đại đức Mahāpāla vẫn giữ oai nghi ngồi như trước, lấy thuốc nhỏ lên mũi, rồi đi vào làng khất thực. Vị y sĩ trông thấy Ngài bèn hỏi:

- Bạch Đại đức! Hôm nay Đại đức có nhỏ thuốc lên mũi không?

- Có rồi! Ông thiện nam.

- Vậy bây giờ Đại đức thấy thế nào?

- Vẫn còn đau nhức như cũ, ông thiện nam.

- Sao thế? Đại đức nằm xuống hay cũng vẫn ngồi mà nhỏ thuốc?

Đến đây Đại đức Mahāpāla làm thinh, dầu cho vị y sĩ có hỏi đi hỏi lại nhiều lần, Ngài cũng chẳng thốt ra một lời để đối đáp. Khi ấy vị y sĩ nói:

- Đại đức đã không cần làm cho mình được tiện nghi thoải mái thì thôi, nhưng tôi yêu cầu Đại đức từ nay về sau đừng nói với ai là: "Có ông thầy đó đã chế thuốc trị bệnh cho ta và tôi cũng chẳng nhìn nhận là đã chế thuốc trị bệnh cho Đại đức".

Đại đức bèn đáp:

- Ta sẽ không nói thế đâu.

Bị vị y sĩ chạy bịnh không chịu cứu chữa, Đại đức trở về Tịnh xá, lòng tự nhủ rằng: "Này ông Sa môn ơi! Thầy thuốc đó bỏ rơi ông thì bỏ, chứ ông đừng bỏ rơi hạnh nguyện của mình nhé".

Ngài lại sướng lên bốn câu kệ:

"Paṭikkhitto tikicchāya,
Vejjenāpi vivajjito;
Niyato maccurājassa,
Kiṃ pālita pamajjasi?".

"Diệu dược vô phương chữa trị rồi,
Lương y bất lực cũng đành lui,
Giờ đây có nước chờ Diêm Chúa,
Hộ hỡi làm sao dám dễ duôi?".

Sau bài kệ tự huấn ấy, Đại đức thu thúc hành Sa môn pháp một cách rốt ráo. Đến cuối canh giữa đêm ấy không trước không sau, thì hai mắt của Ngài vĩnh biệt ánh

sáng, nhưng đồng thời tâm của Ngài cũng đoạn ly tất cả tiềm miên phiền não. Ngài hưởng thụ nguồn an vui tự tại trong sự giác ngộ nội tâm của quả vị A La Hán, rồi vào ngồi trong tịnh thất.

Đến giờ đi bát, chư tăng đến thỉnh:

- Bạch Ngài! Đã đến giờ đi khất thực.

- Tới giờ rồi sao chư hiền hữu?

- Dạ, bạch Ngài đã tới giờ rồi.

- Nếu vậy chư hiền hữu hãy đi đi.

- Dạ! Còn Ngài thì sao? Bạch Ngài.

- Mắt ta (hỏng mất) hết thấy đường rồi chư hiền hữu.

Các Tỳ khưu sau khi nhìn thấy đôi mắt mù của Đại đức Mahāpāla, cả thảy đều động lòng, quanh tròng lệ ứa, đồng tỏ lời an ủi rằng: "Bạch Ngài! Xin Ngài đừng bận tâm lo nghĩ chi nhiều, đã có chúng tôi chăm lo cho Ngài đàng hoàng tử tế".

Kế đó, sau khi thi hành mọi việc cần thiết thuộc về phận sự của mình, chư Tăng vào làng đi bát, không trông thấy vị Đại đức, nhiều người bèn hỏi chư Tăng: "Bạch chư Đại đức! Ngài Cả của chúng tôi đâu? Không thấy đi đây?".

Khi được nghe câu chuyện rõ ràng, họ gởi cháo nhờ chư Tăng đem về trước dâng lên Đại đức điểm tâm. Phần họ đích thân dự bị cơm nước đem theo để bát. Đến Tịnh xá họ đảnh lễ Đại đức, rồi nằm lăn xuống đất bên chân Ngài mà khóc lóc thở than.

Một lát sau, trước khi từ tạ ra về, họ an ủi Đại đức rằng: "Chúng tôi hứa chắc chắn sẽ chu cấp, phụng dưỡng Đại đức tới cùng, xin Đại đức cứ an tâm đừng lo nghĩ".

Từ đó trở đi, mỗi ngày họ đều gởi cháo, cơm, vật thực đến Tịnh xá đều đều không khi nào ngớt.

Đại đức Mahāpāla vẫn thường khuyên bảo nhắc nhở các bạn đồng đạo và chư Tỳ khưu cũng biết phục thiện, tinh tấn thực hành theo lời chỉ dạy của vị trưởng đoàn một cách rốt ráo, cho đến kì Tự Tứ sau đó, tất cả sáu mươi vị Thiền Sư cũng đều đắc quả A La Hán với Tuệ phân tích.

Sau lễ ra hạ, chư Tỳ khưu muốn về hội kiến với Đức Bổn sư, nên bạch xin với Đại đức:

- Bạch Ngài! Chúng tôi muốn về yết kiến Đức Thế Tôn.

Khi nghe chư Tăng ngỏ ý như vậy, Đại đức Mahāpāla suy nghĩ: "Ta nay mù lòa yếu đuối, đường xa lại trắc trở gian nan, phải xuyên qua truông rậm rừng hoang đầy rẫy phi nhơn ác quỷ. Nếu ta đi chung với chư Tăng thì cả đoàn đều khó mỏi, còn e một nỗi không thể đi bát kiếm được món ăn. Chi bằng Ta hãy để cho chư Tăng đi về trước là hơn".

Đại đức ứng tiếng bảo chư Tỳ khưu:

- Nầy chư hiền hữu, các bạn hãy về trước đi.

- Còn phần Ngài thì sao? Bạch Ngài.

- Ta nay yếu đuối, đường xa lại trắc trở gian nan, phải xuyên qua truông rậm rừng hoang có nhiều phi nhơn trấn thủ, nếu ta cùng đi với chư hiền hữu thì càng gây thêm trở ngại và làm chậm trễ cuộc hành trình, thôi chư hiền hữu cứ tự tiện về trước đi.

- Bạch Ngài! Xin Ngài đừng làm vậy, dầu sao chúng tôi cũng quyết sẽ về một lượt với Ngài mà thôi.

- Nầy chư hiền hữu! Không nên cố nài ép làm như thế thật ta chẳng hài lòng. Khi nào gặp mặt chư hiền hữu, đứa em trai của ta có hỏi về ta thì xin quý vị hãy hoan hỷ báo tin cho chú nó biết là ta đã bị mù đôi mắt, chắc chắn chú nó sẽ cho người đến đón ta về. Chư hiền hữu cho ta gởi lời đảnh lễ Đức Thập Lực (Đức Phật) với tám mươi vị Đại đức Trưởng lão Chưởng quán Giáo Hội Tăng Già.

Sau khi dặn dò, Đại đức thốt lời tiễn biệt, chư Tỳ khưu đồng thanh sám hối vì đã nài ép Ngài, rồi cùng nhau đi vào làng.

Chư thiện tín thỉnh chư Tăng an tọa, cúng dường cơm nước như thường lệ, rồi mới hỏi rằng:

- Bạch Đại đức Tăng! Hôm nay quý Ngài sửa soạn đi đâu? Có thể cho chúng tôi biết được chăng?

- Nầy chư thiện tín! Chư Tăng chúng tôi sắp về yết kiến Đức Bổ Sư.

Nhóm thiện tín lúc ấy nài nỉ cầm cọng nhiều phen, đến khi biết rõ chư Tăng nhất định ra đi, thì cầm lòng không đậu, khóc lóc bịn rịn, theo tiễn chân chư Tăng hai dặm đường mới chịu trở lại.

Chư Tăng đi bộ lần hồi về đến Jetavana vào ra mắt Đức Bổn Sư và Bát thập đại Trưỡng lão để đảnh lễ và chuyển lời xin đảnh lễ của vị Đại đức Mahāpāla.

Hôm sau, lúc đi bát chư Tỳ khưu nhắm ngay con đường có ngôi nhà của vị em trai Đại đức mà đi tới.

Trưởng giả Cullapāla nhận ra các vị Tỳ khưu quen thuộc thì niềm nỡ chào mừng, trải chiếu mời thỉnh chư Tăng an tọa, xong mới hỏi rằng:

- Sư huynh của đệ tử hiện giờ ở đâu?

Lúc đó chư Tăng tường thuật mọi điều khúc chiết, khiến cho Trưởng giả Cullapāla nghe qua, nhào lăn bên chân các sư mà khóc lóc thở than, giây lâu mới hỏi tiếp rằng: "Bạch quý Sư huynh! Bây giờ đệ tử phải làm sao đây?".

- Đại đức mong ước ông gửi đến cho Ngài một người, để Ngài theo chân người ấy trở về.

- Bạch quý Sư huynh! Đây là thằng Tế Hộ, đứa cháu ruột kêu đệ tử bằng cậu. Quý Sư huynh hãy sai nó đi đi.

- Cho đi như thế không được đâu? Vì lộ trình nguy khổ lắm, phải cho nó xuất gia trước rồi hãy sai nó đi.

- Bạch quý Sư huynh! Xin quý Sư huynh hãy làm như vậy rồi sai nó đi.

Khi ấy, chư Tăng làm lễ Sa di cho Tế Hộ, giữ ông lại trong nữa tháng để kềm tập những oai nghi thường thức, nhất là tập cách đắp y cho đàng hoàng, xong rồi chỉ vẽ đường đi nước bước và cầu chúc cho vị tu sĩ thiếu niên thượng lộ bình an.

Sa di Tế Hộ ra đi một mình, lần hồi đến nơi trị trấn nhỏ ở sát biên giới. Tại cổng làng, Tế hộ gặp một vị bô lão, bèn đón lại hỏi thăm:

- Kính thưa lão trượng! Gần thôn trang này có ngôi Thiền lâm Tịnh xá nào chăng?

- Bạch sư có.

- Vị Đại sư nào trụ trì ở nơi đó, thưa lão trượng?

- Có một vị Đại đức tên là Mahāpāla hiện trụ nơi đó, bạch Sư.

- Xin lão trượng hoan hỷ chỉ đường cho tôi đến đó.

- Bạch Sư, Sư là ai?

- Thưa lão trượng! Tôi là cháu ruột kêu vị Đại đức đó bằng cậu.

Khi ấy vị bô lão dẫn đường đưa vị Sư trẻ đến nơi Tịnh xá.

Sau khi đảnh lễ vấn an Đại đức Mahāpāla, Sa di Tế Hộ ở luôn nơi Tịnh xá nữa tháng, chăm lo quán xuyến các việc lớn nhỏ, giúp đỡ tay chân cho vị Sư mù, hết lòng phụng dưỡng người cậu tật nguyền của mình một cách chu đáo, sau đó ông bạch với Đại đức: "Bạch Sư cửu. Cậu Cullapāla ở nhà, hiện đang mong chờ Sư cửu! Xin thỉnh Sư cửu đi về với con".

- Thế thì con hãy cầm gậy dắt ta đi.

Vị Sư trẻ nắm lấy một đầu gậy, cùng vị Đại đức đi vào trung tâm thị trấn nhỏ, nhóm thiện tín đón rước, mời ngồi đoạn hỏi Đại đức: "Bạch Đại đức! Đại đức sửa soạn đi đâu, có thể cho chúng tôi biết được chăng?".

- Được lắm. Nầy chư thiện tín, ta hôm nay đi về đảnh lễ Đức Tôn Sư.

Chư thiện tín thỉnh cầu Đại đức ở lại, đến năm lần bảy lượt cũng không được. Họ bèn theo tiễn chân, đưa một đỗi đường, đến lúc cáo từ lui gót, họ còn ngậm ngùi lưu luyến, mắt lệ chứa chan.

Vị Sa di tay vẫn không rời gậy, dắt vị Đại đức tiếp tục cuộc hành trình. Đi đến một thôn trang ở ven rừng tên là Katthanagara (Mộc Thanh), gần nơi đó Ngài có tịnh cư một lúc trước.

Vừa ra khỏi làng, bỗng nghe trong rừng vọng ra tiếng hát của một người đàn bà (itthī) đang mót củi, vị Sư trẻ phát động tình xuân, luyến ái tiếng hát của người phụ nữ.

(Nói về năng lực làm cho toàn thân của người nam xao xuyến mê ly thì không có thứ âm thanh nào mãnh liệt cho bằng tiếng hát ru hồn của người phụ nữ). Cho nên Đức Thế Tôn đã có lần khuyến cáo:

"Nāhaṃ, bhikkhave aññaṃ ekasaddampi samanupassāmi yaṃ evaṃ purisassa cittaṃ pariyādāya tiṭṭhati, yathayidaṃ, bhikkhave, itthisaddo'ti"[1].

"Nầy các Tỳ khưu! Như Lai biết chắc là không hề có một thứ thinh âm nào khác có năng lực chiếm đoạt trọn vẹn quả tim của một người nam, ngoài thứ thinh âm nầy: Đó là âm thinh (tiếng nói) của người nữ vậy".

Mê mẩn vì giọng hò tiếng hát ấy, vị Sa di buông rơi đầu gậy vừa bạch với vị Đại đức rằng: "Xin Sư cứ đứng đây chờ, con đi có chút việc…". Nói đoạn ông ta đi ngay đến chỗ người nữ, cô này ngưng ngang tiếng hát khi thấy ông Sa di và ông ta phá giới, làm hư phạm hạnh với người phụ nữ ấy.

Vị Đại đức đứng một mình suy nghĩ: "Ta vừa mới nghe tiếng hát véo von rõ ràng là tiếng phụ nữ, sao bây giờ im bặt lặng thinh. Chắc ông Sa di này đã làm hư hỏng phạm hạnh".

Sau khi xong việc tư riêng, Tế Hộ trở lại bạch với Đại đức:

- Bây giờ mình lên đường đi Sư cửu.

Khi ấy Đại đức mới hỏi: "Nầy ông Sa di, ông đã làm chuyện tội lỗi rồi phải không?".

Vị Sa di nín thinh, dầu bị cật vật nhiều lần vẫn không đáp lời chi cả. Vị Đại đức bèn nói:

- Kẻ phạm tội như ông, không bao giờ ta cho nắm giữ gậy của ta.

Vị Sa di trẻ kinh hoàng hối hận, liền cởi xả bộ y vàng, mặc lại bộ đồ của hàng cư sĩ. Rồi ông nói:

- Bạch Sư cửu! Khi trước con là một Sa di, nhưng bây giờ con đã xả giới hoàn tục (gihījāto), con chỉ miễn cưỡng xuất gia vì đã e ngại đường xá hiểm trở, chớ thật lòng con không có ý muốn đi tu luôn. Thôi bây giờ cậu cháu mình hãy đi ra khỏi chốn này.

- Ông bạn (āvuso) cứ đi, Đại đức nói: Hễ kẻ nào làm tội thì đã là kẻ phạm tội, dù là cư sĩ hay bậc xuất gia cũng vậy. Khi còn là Sa di ông đã không giữ tròn phạm hạnh, bây giờ hoàn tục ông sẽ làm được việc thiện gì sao? Một kẻ tội phạm như ông, không bao giờ ta cho nắm giữ gậy của ta.

- Bạch Sư cửu! Đoạn đường này có nhiều phi nhơn khuấy nhiễu mà Sư cửu lại mù lòa, làm sao ở lại nơi đây một mình cho được.

Khi ấy Đại đức đáp:

- Nầy ông bạn, ông chớ lo chi điều ấy. Ta sẽ nằm đây chờ chết, hoặc đi lang thang một mình đây đó cũng mặc kệ ta, còn đi chung với ông nữa, chuyện đấy chắc chắn không thể đâu đừng hòng…

Ngẫu hứng Đại đức tiếp ngâm luôn mấy câu kệ rằng:

[1] Aṅguttara I – Tăng Chi Bộ Kinh 1.

"Handāhaṃ hatacakkhusmi,
Kantāraddhānamāgato;
Seyyamāno na gacchāmi,
Natthi bāle sahāyatā".

Handāhaṃ hatacakkhusmi,
Kantāraddhānamāgato;
Marissāmi no gamissāmi,
Natthi bāle sahāyatā".

"Than ôi mắt đã bị mù!
Đường còn xa vắng âm u lạnh lùng.
Thà nằm giữa chốn mông lung,
Quyết không kết bạn, đi cùng đứa ngu".

Than ôi mắt đã bị mù!
Đường còn xa vắng âm u lạnh lùng.
Đành liều thân, chịu mạng chung,
Quyết không kết bạn, đi cùng đứa ngu".

Nghe qua bài kệ, Tế Hộ càng thêm kinh hoàng, hối hận kêu lớn mấy tiếng: "Hỡi ơi! Việc quấy rầy của ta làm, quả thật nặng nề ác liệt". Rồi tự ôm chầm lấy hai vai, chàng khóc than rên rỉ và đi tuốt vô rừng biệt dạng.

Khi ấy, trên cung trời Đao lợi, Đích Thiên Vương Đế Thích (Sakka) đang ngự trên chiếc ngai bằng thạch anh vàng, có màu tươi như hoa hồng nhung (jayasumana), có thể tự động hạ xuống hay vươn lên tùy lúc đức vua Trời ngồi hay đứng. Chiếc ngai ấy bị ảnh hưởng oai lực giới đức cao độ của Đại đức nên bỗng nhiên phát nhiệt. Đức Đế Thích nói thầm: "Kẻ nào muốn truất ngôi của ta đây kìa". Đoạn Ngài dùng Thiên nhãn (Dibbacakkhu) quan sát thấy vị Đại Đức.

Người xưa (Porāṇā) có bài thơ vịnh rằng:

"Sahassanetto devindo,
Dibbacakkhuṃ visodhayi;
Pāpagarahī ayaṃ Pālo,
Ājīvaṃ parisodhayi".
Sahassanetto devindo,
Dibbacakkhuṃ visodhayi;
Dhammagaruko ayaṃ Pālo,
Nisinno sāsane ratoti".

"Vua trời ngàn con mắt,
Giữ "mắt thần" trong sạch.
Thánh Hộ lánh tội tình,
Sống đời tu khiết bạch"
Chúa Trời ngàn con mắt,
Gìn Thiên nhãn trong sạch.
Sư Hộ trong giáo điều,
Vui đạo ngồi tự đắc".

Khi ấy, Đức Đế Thích nghĩ thầm: "Nếu ta bỏ qua không tiếp độ một người có tâm trong sạch, biết ghê sợ tội lỗi, tôn trọng giới luật như vị Sư nầy, chắc có lẽ đầu ta nứt bể thành bảy mảnh. Ta phải xuống đó giúp người mới được". Thế rồi:

"Sahassanetto devindo,
Devarajjasirindharo;
Taṅkhaṇena āgantvāna,
Cakkhupālaṃ upāgami".

"Ngọc Đế ngàn con mắt,
Cao sang nhất cõi trời.
Phút chốc đến tận nơi
Sư Hộ mù đôi mắt".

Khi đáp xuống cách chỗ Đại Đức Mahāpāla không xa, Đức Đế Thích nhấn mạnh bước chân cho nghe tiếng xào xạc. Đại Đức bèn hỏi: "Ai đó?".

- Bạch Ngài! Tôi đây, tôi là một khách lữ hành.

- Ông thiện nam! Ông đi đâu vậy?

- Bạch ngài! Tôi về thành Sāvatthī.

- À thôi! Ông bạn đi đi.

- Bạch Ngài! Còn Ngài đi đâu?

- Ta cũng sẽ về nơi đó.

- Nếu vậy thì tiện quá. Bạch Ngài, ta hãy cùng đi một lượt cho vui.

- Ta yếu đuối, đi chung với ta sẽ trở ngại, phiền phức cho hiền hữu lắm.

- Bạch Ngài! Không sao, tôi đi đây không có chuyện gì cần kíp. Vả lại, cùng đi với Ngài tôi có thể thực thi phần nào trong mười việc thiện để bòn chút phước báu, thôi ta hãy cùng nhau lên đường.

Đại Đức Mahāpāla tự nghĩ: "Ông này chắc là một nhà hảo tâm quân tử chẳng sai". Rồi Ngài nói:

- Vậy thì, ông thiện nam, hãy cầm lấy một đầu gậy của ta.

Đức Đế Thích vâng lời vị Đại Đức, rồi dùng phép thu đất, rút ngắn con đường, cho nên sáng hôm sau hai khách lữ hành đã đến Đại Tự Jetavana. Khi nghe tiếng cồng, tiếng sáo rộn rã, Đại Đức hỏi Đế Thích:

- Đây là đâu mà nghe tiếng tiêu thiều nhạc trỗi dậy?

- Bạch ngài! Đây đã tới thành Sāvatthi.

- Ủa! Sao lúc trước ta đi với chư Tỳ khưu lâu lắm mới tới đây mà.

- Dạ! Tại vì tôi biết một lối đi tắt đó, bạch Ngài.

Ngay lúc ấy, hốt nhiên Đại Đức tự hiểu biết rằng: "Ông này không phải là người ta, chắc có lẽ là một vị Chư Thiên".

Quả thật:

"Sahassanetto devindo,
Devarajjasirindharo;
Saṅkhipitvāna taṃ maggaṃ,
Khippaṃ Sāvatthimāgami".

"Ngọc Đế ngàn con mắt,
Cao sang nhất cõi Trời.
Thâu đường ngàn dặm khơi,
Đến Vệ Thành tức khắc".

Đức vua Trời dẫn vị Đại Đức đến cốc lá của Trưởng giả Cullapāla đã cất riêng cho anh mình về ở tịnh. Dìu Đại đức ngồi xuống một cái đôn, rồi biến hình hóa ra một người bạn thân thiết của Trưởng giả Cullapāla, đến trước và ông kêu lớn:

- Bạn Cullapāla ơi!

- Chuyện chi đó bạn?

- Bạn có biết tin Đại đức đã về đây chưa?

- Chưa biết, nhưng có phải thật Đại đức đã về đây không?

- Thật mà! Chính tôi vừa đến Tịnh xá, thấy Đại đức ngồi ngoài cái cốc lá mà bạn cất cho ngài, kế về qua đây.

Nói rồi, Đức Đế Thích đi luôn.

Trưởng giả Cullapāla đi đến Tịnh xá, gặp mặt Đại đức Mahāpāla thì nữa mừng nữa tủi, nằm lăn xuống đất bên chân Đại đức mà khóc nức nở cà nói:

- Trước kia em đã hết sức cấm cản mà Ngài không nghe, để bây giờ chịu khổ như vậy.

Sau những lời hàn thuyên an ủi của người anh bất hạnh của mình, Trưởng giả về nhà chọn lựa hai đứa tiểu đồng, đưa đến cho xuất gia Sa di làm đệ tử của Đại đức, rồi giao phó cho chúng phận sự trông nom, phục dịch thầy Tế Độ và dặn thêm rằng:

- Hai Sư mỗi ngày đi bát, thọ lãnh cháo cơm vật thực đem về dâng lên Đại đức nghe!

Hai vị Sa di nhỏ vâng lời, chăm lo tất cả mọi việc trong tịnh thất và hộ độ Đại đức rất chu đáo.

Một ngày kia, có nhóm Tỳ khưu ở phương xa về Jetavana để yết kiến Đức Bổn Sư về đến nơi đảnh lễ Đức Thầy và ra mắt tám mươi vị Đại Trưởng lão xong, chư Tăng cùng nhau đi tản bộ trong vòng Tịnh xá, gần đến tịnh thất của Đại đức Mahāpāla, chư Tăng rủ nhau: "Chiều nay ta cũng nên đến thăm Đại đức một chút".

Nhưng chiều tối, lúc chư Tăng sắp sửa đi thăm Đại đức thì trời vần vũ, mưa to gió lớn nổi lên khiến chư tăng phải quay trở lại và hẹn nhau: "Bây giờ trời đã tối, mà mưa bão tới nơi rồi, thôi để mai sáng chúng ta hãy đi thăm Đại đức".

Mua tuôn xối xả từ canh đầu đến canh giữa mới tạnh.

Đại đức Mahāpāla bản tánh chuyên cần tinh tấn, năng đi kinh hành nên đến canh cuối đã xuống chỗ kinh hành, không ngờ lúc ấy từ dưới lòng đất ướt lạnh vì trận mưa đầu hôm, mấy con mối cánh chúng lên cả đàn cả lũ, vị Đại đức đi đi lại lại đạp chết rất nhiều. Hai ông Sa di chưa kịp quét dọn chỗ Đại đức kinh hành ấy. Khi các khách Tăng đến viếng chỗ ngụ, thấy xác mối mới chết còn nằm la liệt trên đường kinh hành, bèn hỏi:

- Ai vừa mới đi trên đường nầy vậy?

- Bạch chư Đại đức, đó là Đại đức thầy của chúng tôi. – Hai vị Sa di đáp.

Chư Tăng bất mãn, buông lời phiền trách rằng: "Chư hiền hữu hãy coi! Hành vi của ông Sa môn này, khi còn sáng mắt ông ta cứ nằm mãi không làm chi hết, để bây giờ với đôi mắt mù, ông ta lại tính "Ta đi kinh hành", rồi sát hại bấy nhiêu chúng sanh đó. Miệng ông ta nói: "Ta sẽ hành động đúng đắn, lợi ích", nhưng việc làm của ông ta thì không đúng đắn, lợi ích chút nào!".

Thế rồi, chư Tăng đem chuyện này bạch Đức Như lai:

- Bạch Ngài! Đại đức Mahāpāla tính thầm: "Ta sẽ đi kinh hành", rồi giết rất nhiều chúng sanh.

- Chính mắt các ông có thấy ông ta giết chết những chúng sanh ấy hay không?

- Bạch Ngài! Chúng con không thấy.

- Các ông không thấy ông ta như thế nào, thì ông ta cũng không trông thấy những chúng sanh kia như thế ấy. Nầy các Tỳ khưu, các bậc đã dứt trừ lậu hoặc không còn tác ý sát sanh.

- Bạch Ngài! Đại đức Mahāpāla có đầy đủ căn lành để đắc quả A La Hán như thế, tại sao còn phải chịu mù?

- Nầy các Tỳ khưu! Đó là tiền nghiệp bất thiện của ông ta vậy!

- Bạch Ngài! Chẳng hay Đại đức tã tạo nghiệp gì?

- Nầy các Tỳ khưu! Các ông hãy lắng nghe đây:

Thời quá khứ, dưới triều của quốc vương Bārāṇasī (Ba La Nại) đang trị vì tại thành Bārāṇasī, có một ông y sĩ du phương, trải đi khắp nơi trong xứ, từ thành thị đến thôn quê, để hành nghề nuôi mạng, khi gặp một phụ nữ đau mắt, ông ta hỏi:

- Bà chị có bệnh phải không?

- Dạ! Mắt tôi đau không thấy đường.

- Đâu đưa tôi xem thử.

- Dạ đây! Thầy coi liệu chưa trị được không?

- Nếu tôi trị hết bệnh, bà chị trả công thuốc cho tôi bao nhiêu?

- Dạ! Nếu thầy làm sao cho mắt tôi sáng lại như thường, tôi tình nguyện đưa cả con gái đến làm tôi mọi cho thầy suốt đời.

- Được lắm.

Nói rồi, y sĩ lo chế thuốc nhỏ mắt trao cho phụ nữ ấy, chỉ nhỏ có một lần thuốc, mắt bà ta đã thấy rõ lại như thường, nhưng bà ta suy tính ngấm ngầm: "Mình trót hứa đem gả con gái đến làm tôi đòi cho ông thầy thuốc, nhưng e rồi đây thế nào ông ta cũng nặng nhẹ khó dễ, hành hạ mẹ con mình, chi bằng kiếm lời tráo trỡ dối gạt ông ta là hơn".

Vì thế, lúc y sĩ đến nhà hỏi thăm bệnh tình: "Mắt bà chị hôm nay ra sao?". Phụ nữ ấy đáp: "Lúc trước chỉ hơi đau sơ sơ chút ít thôi, còn bây giờ thì nhức nhối quá chừng quá đỗi".

Vị y sĩ nghĩ thầm: "Mụ này muốn gạt ta để quỵt số tiền công thuốc của ta đây. Ta chẳng cần đòi số tiền thù lao của mụ, nhưng ta sẽ làm cho hai mắt của mụ mù luôn cho hết nói dối".

Ông y sĩ về nhà, có thuật lại câu chuyện trên đây cho vợ nghe, nhưng vợ ông ta làm thinh không phát biểu ý kiến gì cả. Ông bèn chế ra mọt thứ thuốc có sức công phạt rất mạnh, đi ngay đến nhà phụ nữ nói dối, giục thúc rằng: "Bà chị hãy nhỏ thứ thuốc này liền bây giờ đi".

Nhỏ thuốc vừa xong, hai con mắt của phụ nữ tắt lịm ánh sáng, y như ngọn đèn hết dầu.

Ông thầy thuốc có dã tâm ấy là Tỳ khưu Cakkhupāla hiện nay vậy. Nầy các Tỳ khưu! Nghiệp ác chưa trả quả vẫn đeo đuổi con của Như Lai mãi cho đến hết kiếp này. Vì nghiệp ác luôn luôn theo đuổi theo kẻ làm ác, y như bánh xe theo sát gót chân con bò kéo xe vậy.

Sau khi chấm dứt câu chuyện tiền khiên, chĩ rõ mối tương quan chặt chẽ giữa nhân và quả, Đức Chánh Pháp Vương xướng lên bài kệ như sau đây, chẳng khác gì một vị Hoàng Đế đóng ấn Ngọc tỷ lên trên chỗ đất xi (patitthapitamattika) để niêm phong một bức cẩm nang từ Thánh chỉ:

"Manopubbaṅgamā dhammā,
Manoseṭṭhā manomayā;
Manasā ce paduṭṭhena,
Bhāsati vā karoti vā;
Tato naṃ dukkham anveti,
Cakkaṃ'va vahato padaṃ".

"Tâm đi trước thọ, tưởng, hành,
Tâm là chủ pháp, tâm thành nghiệp duyên.
Ai mà tâm dục (chẳng hiên),
Nói làm chi cũng lụy phiền theo sau.
Chân con vật kéo nơi nào,
Bánh xe lăn cũng theo sau đành rành".

☸

CHÚ GIẢI:

Tâm[1] đi trước[2] các pháp[3],
Tâm chủ[4] duy tâm tác[5];
Nếu bằng tâm nhơ đục[6],
Nói năng hoặc hành vi[7],
Khổ sẽ theo người[8] như,
Bánh xe chân bò giật[9].

(1) Tâm hay ý *(mano)* trong kệ ngôn nầy chính là tâm *(citta)* trong Thắng Pháp tập yếu *(Abhidhammatthasaṅgaha)*, theo đó phân loại thì có Tứ địa tâm *(Catubbhūmikacitta)*, là tâm trong bốn giới, nhất là Dục giới bất thiện tâm *(Kāmāvacara-akusalacitta)* nếu y cứ theo tâm của vị y sĩ, phát sanh lên trong lúc tạo nghiệp ác mà định nghĩa cho phân minh chính xác, thì chữ tâm trong câu Pháp Cú nầy là tâm Câu hữu ưu tương ưng hận *(domanassasahagataṃ paṭighasampayuttacittaṃ)*.

(2) Đi trước *(pubbaṅgamā)*, nghĩa là dẫn đầu và đi chung một thể.

(3) Các pháp *(Dhammā)*, căn cứ trên đặc tánh không phải là chúng sanh *(Nissatta)* không có mạng sống *(Nijjīva)*. Theo nghĩa tổng quát trong Kinh Tạng thì có bốn pháp tất cả là: Pháp (*Dhamma* – thiện tâm), phi pháp (*Adhamma* – bất thiện tâm) và hai Dị thục quả tâm *(Vipākacitta)*. Có Phật ngôn giải về đặc tính các pháp như sau:

"Na hi dhammo adhammo ca,
Ubho samavipākino;
Adhammo nirayaṃ neti,
Dhammo pāpeti sugatin' ti''.

"Pháp cùng phi pháp chẳng đồng,
Thì Tâm dị thục cũng không ngang hàng.
Pháp đưa lên cõi thiên đàng,
Phi pháp dắt xuống suối vàng âm ti".

Ngoài ra chữ Pháp có nhiều nghĩa khác nhau nữa, chẳng hạn như: Trong kinh có chỗ Đức Phật nói: "Nầy chư Tỳ khưu, Như Lai sắp thuyết cho các ông nghe thời pháp tuyệt diệu cả đoạn đầu…". Thì chữ Pháp chỗ đó có nghĩa là bài thuyết pháp.

Ở một chỗ khác Đức Phật nói: "Nầy các Tỳ khưu, nơi đây có một số con nhà gia giáo *(kulaputta)* đã học thuộc lòng pháp…". Thì chữ Pháp ở đây có nghĩa là Phật ngôn, Kinh kệ, gọi chung là Pháp bảo vậy.

Cũng có chỗ Đức Phật nói: "Có những Pháp, có những uẩn…". Thì những pháp ấy gọi là phi chúng sanh Pháp *(Nissattadhammo)*. Những pháp vô sanh mạng *(Nijjīvadhammo)* cũng đồng một nghĩa lí như thế.

Giải rộng ra thêm nữa, thì những pháp có hai đặc tính trên đây gồm có ba Vô sắc uẩn là: Thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn.

Tâm (tức là thức uẩn) dẫn đầu tất cả những Tâm sở kia, cho nên có tiếng nói là tâm đi trước các pháp.

Vì sao đồng đi chung với các sỡ hữu tâm *(Cetasika),* đồng một vật *(Vatthu),* đồng một cảnh *(Ārammaṇa),* đồng sanh lên trong một sát na *(Ekakhaṇa)* mà gọi là tâm đi trước.

Vì do tâm làm chuyên sanh khởi các pháp vậy, cũng ví như có nhiều kẻ cướp đồng một lượt xông vào giết hại cướp bóc trong làng xã chẳng hạn, thì thử hỏi:

"Ai là kẻ cầm đầu bọn cướp lúc đó?". Cố nhiên kẻ làm duyên khởi cho chúng nương theo mà tạo nghiệp cướp bóc ấy, kẻ ấy dù là bạn hay cái chi cũng có thể gọi là kẻ cầu đầu. Ta nên trả lời câu hỏi trên đây một cách đầy đủ như vậy.

Do lẽ làm duyên khởi cho các Pháp sanh lên mà gọi là tâm đi trước các Pháp. Quả thật không bao giờ có pháp sanh lên khi tâm chưa sanh, nhưng trái lại tâm vẫn sanh lên được mặt dù có một vài nhóm sỡ hữu tâm chưa sanh.

(4) Tâm chủ *(Manoseṭṭhā)*: Do vì tâm làm chúa các pháp Vô sắc nên nói là tâm chủ. Theo ví dụ trên, tên đầu đảng của bọn cướp là chúa tướng, là chủ của bọn chúng như thế nào, thì nơi đây là tâm ác chỉ các pháp (ác) cũng như thế.

(5) Duy tâm tác *(Manomayā)*: Khi ta dùng gỗ chẳng hạn, để sản xuất các thứ đồ mộc khác nhau, nhưng tựu trung cũng chỉ là của gỗ là bản chất, ta quen nói các món đồ gỗ ấy làm bằng gỗ *(dārumayā)* cũng đồng một cách như thế, các pháp Vô sắc đều do tâm mà sanh ra, có tâm là bản thể, ta cũng gọi là pháp làm bằng tâm hay duy tâm tác.

(6) Nếu bằng tâm nhơ đục *(Manasā ce paduṭṭhena)*: là tâm vừa mới bị những sở hữu tâm khác như tham, sân chẳng hạn xâm nhập, làm cho nhiều chỗ nhiễm ô, nhơ đục.

Quả nhiên, tâm bình thường *(Pakatimano)* tức là Hữu phần tâm *(Bhavṅgacitta),* tự tánh vốn trong sạch chưa bị nhiễm ô (tánh bổn thiện), nhưng một khi đã sân hận *(Dosa),* nhứt là tham lam *(Abhijjhā)* gia nhập làm cho trở nên nhơ đục, không còn là tâm bình tịnh, nhứt là Hữu phần như trước, chẳng khác nào là một dòng nước trong bị những màu bất khiết, nhứt là màu chàm mới vừa lẫn vào làm cho biến sắc, thành ra nước xanh chàm *(Nīlodaka)* không còn là nước thuần chất, cũng không còn trong sạch như thưở ban đầu vậy.

Đức Thế Tôn có dạy rằng: *"Pabhassaramidaṃ, bhikkhave, cittaṃ, tañca kho āgantukehi upakkilesehi upakkilitthanti".*

"Nầy các Tỳ khưu! Tâm này bản chất tịnh quang sáng suốt, nhưng bị các pháp mới ô nhiễm xâm nhập, làm cho trở nên nhơ đục". Từ ngữ "bằng tâm nhơ đục" có ý nghĩa như thế.

(7) Nói năng hoặc hành vi *(Bhāsati vā karoti vā)* kẻ có sẵn tâm ác, hễ mở miệng nói ra lời là phạm nhằm bốn tội về khẩu ác hạnh *(Vacīduccarita),* bằng như ra tay hành động thì phạm nhằm ba tội về thân ác hạnh *(Kāyaduccarita)* nhược bằng làm thinh không nói, không làm đi nữa cũng phạm ba tội về ác ý ác hạnh *(Manoduccarita),* tất cả các tội ác chung quy cũng đều do nơi tâm đã bị tham lam, oán thù, tà kiến làm cho nhơ đục mà ra. Lộ trình của mười nghiệp bất thiện *(Dasa akusalakammapathā)* trải đi tròn đủ ba cửa thân, khẩu, ý là như thế.

(8) Khổ sẽ theo người: *(Tato naṃ, dukkhamanveti),* kẻ thủ phạm tạo ba ác hạnh từ lúc nào thì sự khổ bắt đầu theo dõi kẻ ấy từ lúc đó, do năng lực của ác hạnh, kẻ ấy sẽ sa xuống bốn ác đạo *(Apāya)*, hoặc trở lại làm người thế gian, nhưng trong đời kiếp nào, thân căn và cả các căn khác tức là những sở hữu tâm liên hệ với thân căn đã giải rành mạch trên đây của kẻ ấy cũng bị quả khổ theo sát một bên.

(9) Như bánh xe theo chân bò giật *(Cakkaṃ vā vahato padaṃ).* Thường thường bò tơ mới tập giật (kéo xe), thì thay tháo trút, tánh còn hung hăng, khi bị mắc cổ vào ách thì chạy vụt đi, lôi cả chiếc xe chở đồ nặng, ý muốn tự do như trước, nhưng nào có được, con bò ấy dầu cho kéo một ngày, hai ngày, năm ngày, mười ngày hay nữa tháng cũng không thể nào tách rời ra chiếc bánh xe đang lăn phía sau, mỗi khi con bò muốn vươn mình tới trước thì bị cái ách đè nặng trên cổ, không cho vượt qua, còn muốn thụt về phía sau thì bị bánh xe đụng cọ vào thịt đùi không cho lùi lại, thành thử ra do hai lẽ ấy mà con bò đành chịu để cho hai bánh xe cứ mãi theo sát hai bên chân của nó vậy.

Con người có tâm nhơ đục, đã làm tất cả ba ác hạnh rồi, nhứt định phải sa vào ác đạo như địa ngục chẳng hạn, là nơi mà vì gốc ác hạnh, cả thân tâm của người ấy đều bị tội khổ đuổi theo.

☸

Kệ ngôn vừa dứt, nhiều vị Tỳ khưu đắc quả A La Hán với Tuệ phân tích, kỳ dư thính chúng câu hội nơi ấy đều được chánh quả, nhờ nghe thời pháp của Đức Bổn Sư.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Vì tâm niệm ác lúc chưa tu,
Thánh Hộ đời nay phải chịu mù.
Chế thuốc cho người công chẳng thí.
Dùng mưu hại chúng tội đành bù.
Nhân gieo ý chí vui vài phút.
Quả hái thân còn cực mấy thu.
Sớm biết hồi đầu lo giải thoát,
Răn lòng, chẳng trễ buổi công phu.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO CAKKHUPĀLA



Suffering pursues the evil-doer, as the cart-wheel the hoof of the draught ox.

01. Đau khổ đi theo sau người làm ác nghiệp. Như bánh xe đi theo chân con vật kéo.

I.2- Tích CẬU KIM HOÀN

(Maṭṭhakuṇḍalivatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 02)

"Manopubbaṅgamādhammā,	***"Tâm đi trước các pháp,***
Manoseṭṭhā manomayā;	***Tâm chủ, duy tâm tác.***
Manasā ce pasannena,	***Nếu bằng tâm trong sạch,***
Bhāsati vākaroti vā;	***Nói năng hoặc hành vi.***
Tato naṃ sukkhamanveti,	***Phúc lạc sẽ theo người,***
Chāyāva anupāyīnīti".	***Như bóng theo hình thật".***

Kệ Pháp Cú thứ nhì cũng được thuyết tại thành Sāvatthī, nhưng đề cập đến cậu Maṭṭhakuṇḍali (Kim Hoàn).

Tương truyền rằng: Thuở ấy, tại thành Sāvatthī, có ông Bà la môn tên là Adinnapubbaka (Vị Tằng Thí). Ông ta chưa hề bố thí cho ai chút gì, nên người đời gán cho ông cái biệt danh như thế.

Ông ta có một đứa con trai duy nhất mà ông ta rất thương yêu trìu mến, ông ta muốn đặt thợ bạc làm một món đồ trang sức cho cậu con trai cưng, nhưng lại đắn đo suy nghĩ rằng: "Nếu ta đưa vàng cho thợ làm thì phải mất tiền trả công cho thợ". Suy tính như vậy rồi, ông ta lấy vàng ra tự tay đập, uốn thành một đôi vòng tai bằng vằng cho cậu con đeo. Do đó, cậu công tử nầy được mệnh danh là Maṭṭhakuṇḍali (Kim Hoàn).

Cậu Maṭṭhakuṇḍali lúc lên mười sáu thì bị mắc bệnh huỳnh đản (Paṇḍurogo). Mẹ cậu nhìn cậu, rồi kêu chồng:

- Nầy ông Bà la môn, con trai ông mang bệnh rồi đó! Ông lo rước thầy chữa bệnh cho nó đi.

- Bà ơi! Nếu ta rước thầy chạy thuốc thì ta phải tốn tiền công tiền thuốc. Bà chẳng dòm ngó đến tài sản của ta, muốn cho dễ bị sứt mẻ hao hớt hay sao? Ta tính cách nào, miễn là không hao hớt sứt mẻ tài sản của ta thì thôi.

Nói xong, ông Bà la môn đến viếng nhiều vị lương y lần lựa hỏi thăm: "Gặp bệnh nhân như phát chứng như vậy, như vậy đó, thường quý thầy cho uống thứ thuốc chi?".

Các y sĩ điềm chỉ cho ông ta thứ nọ, thứ kia, như là vỏ cây chẳng hạn. Ông ta nghe lời đi kiếm mấy thứ ấy đem về sắc làm thuốc cho con trai ông uống. Mặc dầu đã xoay đủ cách, bệnh tình của cậu con trai Maṭṭhakuṇḍali đã không thuyên giảm mà còn trở nên trầm trọng nan y. Đến khi thấy con trai đã kiệt quệ, ông Bà la môn mới cho mời thầy lang đến, nhìn thấy khí sắc của bệnh nhân, thầy thuốc nói:

- Tôi bữa nay bận quá! Xin tôn huynh cảm phiền rước thầy thuốc nào khác đến coi mạch, hốt thuốc cho cậu ấy.

Kiếm cớ chạy bệnh như thế rồi, ông y sĩ vội vã rút lui.

Ông Bà la môn nhìn con mình sắp chết, lại tính thầm rằng: "Nếu cứ để nó ở đây, ai đến thăm viếng nó cũng đều ngó thấy đồ đạc của cải trong nhà ta hết. Ta phải đem nó ra nằm ngoài mới được".

Tính rồi, ông sai người đem cậu con trai ra đặt nằm ngoài mái hiên hàng ba.

Ngày ấy vừa sáng tinh sương, Đức Thế Tôn xuất Định đại bi, dùng Phật nhãn quan sát thế gian, bủa lưới Chánh giác bao trùm khắp cả mười ngàn cõi Ta bà để tìm xem kẻ nào đã từng phát nguyện từ thời chư Phật quá khứ, kẻ nào có đầy đủ căn lành đáng được tiếp độ.

Hình ảnh cậu Maṭṭhakuṇḍali bị đem nằm bỏ dưới mái hiên lọt vào Giác võng của Đức Thế Tôn, vừa thấy cậu Maṭṭhakuṇḍali Đức Thế Tôn biết ngay là cậu bị đem ra khỏi nhà, bỏ nằm ngoài mái hiên như thế. Đức Thầy tự vấn: "Cậu bé nầy có đầy đủ duyên lành để Như Lai tiếp độ không?".

Ngài liền thấy biết như sau: "Cậu bé nầy sẽ đặt niềm tin trong sạch nơi Ta!", rồi nhắm mắt từ giã cõi đời, sanh lên cõi Trời Đao Lợi ở trong một tòa Kim điện có cả đoàn Thiên nữ theo hầu".

Vị chư thiên sau khi ngắm nhìn thân hình mới mẻ của mình, cao đến ba phần tư dặm (12 cây số), đeo giắt những đồ trang sức có thể chất đầy năm mươi cỗ xe bò, có hàng ngàn Thiên nữ chầu chực chung quanh thì tự nghĩ: "Do nhờ nghiệp lành nào mà ta hưởng quả vinh hạnh nầy đây?".

Khi quán xét thấy rõ nhờ tâm trong sạch đối với Như Lai mà được phước ấy, rồi vị chư thiên nhớ đến cha cũ của mình, tự nhủ rằng: "Thân phụ ta vì sợ sứt mẻ tài sản mà không dám rước thầy trị bệnh cho ta, bây giờ lại ra mộ địa mà than khóc nhớ tiếc ta, để ta làm cho người thay đổi tính tình mới được". Vì tình phụ tử vị chư thiên biến hình thành một thiếu niên giống hệt cậu Maṭṭhakuṇḍali, hiện xuống cách nơi mộ địa không xa, sẽ nằm xuống đất mà than khóc. Khi ấy ông Bà la môn sẽ hỏi: "Cậu là ai?".

- Con là Maṭṭhakuṇḍali của cha đây mà.

- Con được sanh về cảnh giới nào?

- Ở Đao Lợi Thiên.

- Con đã tạo nghiệp gì?

Nghe cha hỏi vậy, chư thiên sẽ đáp là nhờ nơi có tâm trong sạch đối với Như Lai mà được siêu sanh. Ông Bà la môn sẽ đến chất vấn Như Lai: "Có người nào chỉ nhờ có tâm trong sạch đối với Ngài không thôi mà được siêu sanh về nhàn cảnh không?".

Khi ấy, Như Lai sẽ đáp: "Chẳng những chỉ có hàng trăm, hàng ngàn, hàng trăm ngàn người như vậy, nhiều không thể đếm xiết". Và Như Lai sẽ đọc bài kệ Pháp Cú, khi dứt bài kệ tám muôn bốn bốn ngàn chúng sanh sẽ tỏ ngộ giáo pháp Như Lai, Maṭṭhakuṇḍali sẽ chứng Nhập Lưu (Tu Đà Hoàn), cả ông Bà la môn cũng thế, ấy là do duyên lành của cậu công tử nầy mà đại chúng sẽ tỏ ngộ Chánh pháp chẳng sai.

Đức Phật đã quan sát thấy rõ đầu đuôi câu chuyện diễn tiến như thế, nên sáng hôm ấy, sau khi tắm gội sạch sẽ, Ngài đắp y chỉnh tề cùng với Đại chúng Tỳ khưu vào thành Sāvatthī khất thực, rồi đi lần đến cửa ngõ ông Bà la môn.

Lúc bấy giờ, cậu Maṭṭhakuṇḍali đang nằm quay mặt vô nhà, Đức Bổn Sư biết cậu thiếu niên không nhìn thấy kim thân của Ngài, nên Ngài phóng hào quang ra. Thiếu niên tự hỏi: "Ánh sáng gì đây?", từ chỗ nằm cậu quay mặt ra nhìn, liền thấy Đức Phật, cậu nói thầm một mình: "Ta mắc phải ông cha mù quáng si mê, thành ra không có cơ hội đến gần một bên Đức Phật như vầy để mà hầu hạ cúng dường vật thực hoặc nghe kinh, thính pháp. Bây giờ gặp được Ngài nhưng chân tay đã bị tê liệt, không cử động được, trông gì mạnh lại để làm những việc ấy". Nghĩ rồi, thiếu niên đem hết lòng tin trong trắng hướng lên Đức Phật.

Đức Bổn Sư nói: "Thôi bấy nhiêu đủ rồi" và Ngài ngự đi luôn.

Cậu Maṭṭhakuṇḍali nằm nhìn theo mãi cho đến khi hình bóng của Đức Từ Phụ đã ra ngoài tầm mắt của cậu. Trong khi cậu đang trong sạch như thế, cậu tắt hơi luôn, như một người mới ngủ thức giấc, cậu thác sanh lên cõi trời, ở trong một tòa kim ốc rộng đến ba mươi do tuần.

Ông Bà la môn thiêu xác con rồi, từ đó bỏ phế việc nhà, cứ ra mộ địa khóc lóc bi ai, mạch sầu chẳng dứt. Mỗi ngày ông mỗi ra đó kêu gào kể lể: "Con trai duy nhất của ta đâu rồi?".

Khi ấy vị chư thiên kiếp trước là con của ông Bà la môn đang nhìn ngắm mọi vẻ huy hoàng tráng lệ của mình và tự hỏi: "Do nghiệp gì mà ta được như vậy đây?".

Khi được biết là nhờ có tâm trong sạch đặt cả niềm tin nơi Đức Bổn Sư, vị chư thiên lại nói thầm: "Ông Bà la môn nầy, khi trước ta mang bệnh nặng, không dám bỏ tiền chạy thuốc cho ta, bây giờ lại ra mộ địa khóc than kêu réo. Ta phải lập cách cho ông chừa bỏ tật cũ mới được".

Liền đó vị chư thiên liền biến thành cậu Maṭṭhakuṇḍali trở lại, xuống gần chỗ mộ địa tỏa sáng, đứng khoanh tay than khóc nức nở.

Ông Bà la môn trông thấy cậu con trai thì tự nói thầm: "Như ta vì thương nhớ con cưng mà than khóc đã đành, còn cậu nhỏ kia có việc gì mà cũng khóc lóc. Để ta hỏi thử cho biết".

Rồi ông ứng tiếng ngâm bài kệ hỏi vị thiếu niên như vầy:

"Alaṅkato maṭṭhakuṇḍalī,
Mālābhārī haricandanussado;
Bāhā paggayha kandasi,
Vanamajjhe kiṃ dukkhito tuvanti?".

"Hỡi cậu tai đeo kim hoàn,
Mình đầy hoa với huỳnh đàn thơm tho
Khoanh tay rên rỉ nhỏ to,
Giữa rừng than khóc nguyên do khổ gì?".

Cậu trai liền đáp:

"Sovaṇṇamayo pabhassaro,
Uppanno rathapañjaro mama;
Tassa cakkayugaṇ na vindāni,
Tena dukkhena jahissāmi jīvitanti".

"Tôi vừa mới được tức thì,
Chiếc xe không bánh vàng y sáng ngời,
Tôi tìm hai bánh hết hơi,
Khổ thân tôi phải lìa đời chết đi".

Khi ấy, ông Bà la môn hỏi lại:

"Sovaṇṇamayaṃ maṇimayaṃ,
Lohamayaṃ attha rūpiyamayam;
Ācikkhame bhaddamāṇava,
Cakkayugaṃ paṭilābhayāmi teti".

"Bằng vàng, bằng ngọc ma ni,
Bằng đồng, bằng bạc, bằng gì nói ra.
Hỡi chàng son trẻ tài hoa,
Bánh xe đủ cặp, để ta cho chàng".

Nghe vậy vị thiếu niên nghĩ thầm: "Ông nầy trước đã không dám rước thầy chạy thuốc cho con, bây giờ trông thấy ta giống tạc con ông, ông ta lại làm đổng nói cho, là sẽ cho ta cặp bánh bằng vàng ngọc… để ta hạ bớt ông ta xuống cho ông ta hết lớn lối".

Thiếu niên cất tiếng hỏi: "Ông định làm cặp bánh chừng bao lớn để lắp vào chiếc xe của tôi?".

- Cậu em muốn bao lớn cũng được, tùy ý. – Ông Bà la môn trả lời.

- Tôi muốn được mặt trời và mặt trăng. – Cậu trai đáp. – Ông cho tôi hai mặt đấy đi.

Để năn nỉ xin xỏ:

"So māṇavo tassa pāvadi,
Candasūriyā ubhayettha dissare;
Sovaṇṇamayo ratho mama,
Tena cakkayugena sobhatīti".

"Thiếu niên đáp lại vội vàng,
Mặt nguyệt, mặt nhựt hai chàng sinh đôi,
Lấy làm hai bánh cho tôi,
Lấy xe vàng nọ, sáng ôi chi bằng".

Ông Bà la môn liền trách:

"Bālo kho tvamasi māṇava,
Yo tvaṃ paṭṭhayase apaṭṭhiyaṃ;
Maññāmi tuvaṃ marissasi,
Na hi tvaṃ lacchasi candasuriyeti".

"Rõ em khờ dại nghĩ rằng,
Em đòi những vật lăng nghăng khó lòng.
"Qua" nghi em sẽ mạng cùng,
Trời, trăng không thể đèo bồng một hai".

Nhưng thiếu niên không chịu lép, hỏi vặn lại rằng: "Tôi khóc vì đòi những vật còn thấy bóng hình, còn ông khóc người đã cách âm dương. Tôi với ông, không biết ai là kẻ ngu khờ số một?

Thiếu niên ngâm luôn mấy câu kệ rằng:

"Gamanāgamanampi dissati,
Vaṇṇadhātu ubhayattha vīthiyā;
Peto kālakato na dissati,
Ko nīdha kandataṃ bālyataroti?"

"Chúng còn hình bóng vãng lai,
Sắc màu còn thấy rọi hai bên đường,
Vọng mơ đâu thấy chán chường,
Khóc là ngu dại ai nhường hơn ai?

Nghe qua mấy lời biện bạch, ông Bà la môn như chợt tỉnh ngộ nghĩ thầm: "Cậu trai nầy nói đúng lý", nên ông lên tiếng chịu thua:

"Saccaṃ kho vadesi māṇava,
Ahameva kandataṃ bālyataro;
Candaṃ vaya dārako rudaṃ,
Puttaṃ kālakatābhipaṭṭhayanti".

"Lời em quả thật chánh nhơn,
Chính ta khóc dại khờ hơn em à!
Như đòi trăng, trẻ khóc la,
Ta đòi con đã ra ma mất rồi".

Đến đây bỗng dưng trút bỏ được nỗi sầu tư, nhờ nghe kịp những lời biện minh của người bạn trẻ, ông Bà la môn ngâm lên hai câu kệ tán dương ca tụng thiếu niên:

"Ādittaṃ vata maṃ santaṃ,
Ghatasittam va pāvakaṃ;
Vārinā vija osiñciṃ,
Sabbaṃ nibbāpaye daraṃ.
Abbahī vata me sallaṃ,
Sokaṃ hadayanissitaṃ;
Yo me sokaparetassa,
Puttalokaṃ apānudi.
Svāhaṃ abbūḷhasallosmi,
Sītibhūtosmi nibbuto;
Na socāmi na rodāmi,
Tava sutvāna māṇavāti".

"Lúc trước tâm ta tợ lửa lò,
Còn châm dầu nữa,cháy thêm to.
Em đem nước tưới lên lò lửa,
Lửa tắt: lòng ta hết khổ lo,
Em nhổ giùm ta mũi tên trù,
Cho lòng ta trắng hận ngàn thu,
Cho ta hết khổ sầu con chết,
Chẳng thế ta nào sống được ru.
Tên khổ trong tâm nhổ sạch rồi,
Giờ ta hạnh phúc biết an vui,
Nhờ nghe giác đắc lời trai trẻ,
Thôi dứt sầu thương, khóc cũng thôi".

Kế đó, ông Bà la môn hỏi tiếp thiếu niên rằng:

Cậu là ai?

"Devatā nusi gandhabbo,
Ādū sakko purindado;
Ko vā tvaṃ kassavā putto,
Kathaṃ jānemu taṃ mayanti"?

"Cậu em là Càn Thát Bà,
Là vua Đế Thích hay chư Thiên.
Là ai? Con kẻ lạ, quen?
Làm sao cho lão biết tên thử nào?".

Thiếu niên đáp:

"Yañca kandasi yañca rodasi,
Puttaṃ āḷāhane sayaṃ ḍahitvā;
Svāhaṃ kusalaṃ karitvāna kammaṃ,
Tidasānaṃ sahabyataṃ gatoti".

"Chính con ông khóc ông gào,
Ông đem thiêu xác bỏ vào rừng hoang.
Con nhờ thiện nghiệp thế gian,
Sanh lên Đao Lợi dự hàng chư Thiên".

Khi nghe chư thiên cho biết nguyên do như thế, ông Bà la môn hỏi nữa rằng:

"Appaṃ vā bahuṃ vā nāddasāma,
Dānaṃ dadantassa sake agāre;
Uposatthakammaṃ vā tādisaṃ
Tena kammena gatoti devalokanti?".

"Ta không thấy trẻ chuyên cần,
Cúng dường nhiều ít làm duyên tại nhà,
Bát quan trai chẳng giữ qua,
Sanh lên thiên giới được là do đâu?".

Thiếu niên giải thích rằng:

"Ābādhikohaṃ dukkhito gilāno,
Ātūrarūpomhi sake nivesane;
Buddhaṃ vigatarajaṃ vitiṇṇakaṅkhaṃ,
Addakkhiṃ sugataṃ anomapaññaṃ;
Svāhaṃ muditamano pasannacitto,
Añjaliṃ ākariṃ tathāgatassa;
Tāhaṃ kusalaṃ karitvaṃ kammaṃ;
Tidasānaṃ sahabyataṃ gatoti".

"Nghĩ thân bệnh hoạn khổ sầu,
Nằm nhà còn những lo âu não phiền.
Thấy Phật vô nhiễm vô khiên,
Thiện Thệ diệu trí hóa duyên qua đường,
Tâm con phấn khởi lạ thường,
Chắp tay tưởng Phật cúng dường đức tin.
Tâm thành là nghiệp siêu sinh,
Bạn cùng Đao Lợi, thiên đình quốc vương".

Trong khi nghe qua những lời giảng giải của vị chư thiên, ông Bà la môn phát sanh phỉ lạc khắp cả châu thân, để tỏ niềm hân hoan, ông ngân lên bài tán thán:

"Acchariyaṃ vata abbhutaṃ,
Añjalikammassa ayamīdiso vipāko;
Ahampi muditamano pāsannacitto,
Ajjeva buddhaṃ saranaṃ vajāmīti".

"Thật là huyền diệu phi thường,
Chắp tay là nghiệp, quả dường thế ư?
Tôi cũng đem hết tâm tư,
Quy y Phật Bảo kể từ hôm nay".

Thấy ông Bà la môn đã có chánh kiến, thiếu niên bèn dạy ông rằng:

"Ajjeva buddhaṃ saranaṃ vajāhi,
Dhammañca saṅghañca pasannacitto;
Tatheva sikkhāpadāni pañca,
Akhaṇḍaphullāni samādiyassu.
Pānātipātā viramassu khippaṃ,
Loke adinnaṃ parivajjayassu;
Amajjapo no ca musā bhaṇāhi,
Sakena dārena ca hoti tuṭṭhoti".

"Hôm nay ông có tâm thành thật,
Hãy quy y cùng Phật, Pháp, Tăng.
Năm điều học, Phật cấm ngăn.
Gọi là ngũ giới, chớ hằng đơn sai.
Tội sát sanh chừa ngay tức khắc,
Của trong đời hoạnh đắc không tham
Rượu say, nói dối không làm,

Vợ nhà tri túc, chớ nên dâm tà".

Ông Bà la môn hoan hỷ nhận lãnh mấy lời chỉ giáo của vị chư thiên bằng tiếng "Sādhu – Lành thay!". Đoạn ông ngâm kệ rằng:

"Atthakāmosi me yakkha,
Hitakāmosi devatā;
Karomi tuyhaṃ vacanaṃ,
Tvamasi ācariyo mama.
Upemi saraṇaṃ buddhaṃ,
Dhammañcāpi anuttaraṃ;
Saṅghañca naradevassa,
Gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.
Pānātipātā viramāmi khippaṃ,
Loke adinnaṃ parivajjayāmi;
Amajjapo no ca musā bhaṇāmi,
Sakena dārena ca homi tuṭṭhoti".

"Chư thiên hoặc Dạ xoa, người hỡi!
Muốn an lành lợi ích cho ta,
Tôn người làm thầy, làm cha,
Lời người ta sẽ hành qua y kỳ,
Nay tôi nguyện y Đức Phật,
Và quy y Pháp thật cao siêu,
Quy y Tăng hội đủ điều,
Thinh Văn đệ tử hàng triều Thích Ca.
Tội sát sanh nguyện xa tức khắc,
Của trong đời hoạnh đắc không tham,
Rượu say, nói dối không làm,
Vợ nhà tri túc chẳng ham dâm tà".

Khi vị chư thiên bảo ông Bà la môn: "Nầy ông Bà la môn, nhà ông có nhiều tiền của, ông nên tìm đến Đức Bổn Sư cúng dường để bát, thỉnh pháp, nghe kinh và hỏi han đạo lý".

Vừa dứt lời vị chư thiên biến mất. Ông Bà la môn trở về nhà bảo vợ rằng: "Nầy bà nó! Ta sẽ thỉnh Đức Sa môn Gotama về nhà để hỏi đạo, vậy bà hãy lo sắp đặt lễ vật để cúng dường chư Tăng".

Đoạn ông đi ngay đến Tịnh xá tìm Đức Bổn Sư, gặp Ngài ông chẳng biết đảnh lễ, cũng chẳng tỏ lời hoan hỷ theo pháp xã giao, ông chỉ biết nép một bên và nói: "Bạch Ngài Gotama, xin Ngài vui lòng nhận bữa Trai Tăng hôm nay tại nhà tôi, cùng chư Tỳ khưu Tăng".

Đức Bổn Sư im lặng nhận lời.

Khi được biết Đức Bổn Sư chấp nhận lời mình, ông Bà la môn vội vã trở về hối người nhà lo nấu nướng vật thực loại cứng và loại mềm cho kịp giờ dâng cúng.

Đức Giáo Chủ cùng với đại chúng Tỳ khưu tùy cùng đông đảo, ngự đi bộ đến nhà ông Bà la môn và ngồi lên những chỗ ngồi đã dọn sẵn. Ông Bà la môn phục dịch Đức Thế Tôn thật cung kính.

Bên ngoài quần chúng tụ tập rất đông, theo truyền ngôn khi có người tà kiến thỉnh Phật cúng dường Trai Tăng, thì có hai dạng người thường tụ hội nơi chỗ cuộc lễ để chờ nghe vấn đạo. Bên phe tà kiến nghĩ rằng: "Hôm nay chúng ta sẽ được mục kích Sa môn Gotama bối rối vì bí lối, không giải đáp được những câu vấn nạn". Nhóm người chánh kiến lại nghĩ khác: "Hôm nay chúng ta sẽ được chứng kiến thần oai đại lực của Đức Chánh Giác".

Khi thấy Đức Như Lai đã độ xong bữa ngọ, ông Bà la môm bèn đến bên chân Ngài, ngồi xuống một chỗ dưới thấp và bắt đầu mở lời nói rằng:

- Bạch Ngài Gotama! Có người nào không từng cúng dường để bát cho Ngài, không từng nghe Ngài thuyết pháp , giảng kinh, không từng giữ Bát quan trai giới, chỉ có tâm chí thành khẩn thiết đối với Ngài không thôi, mà được siêu sanh Thiên giới hay chăng?

Đức Bổn Sư trả lời bằng cách hỏi lại câu như vầy:

- Nầy ông Bà la môn, tại sao ông còn chất vấn Như Lai. Vậy chứ đứa con trai cưng của ông là thiếu niên Maṭṭhakuṇḍali đã chẳng nói cho ông biết là cậu ấy sinh lên cõi trời chỉ vì có tâm chí thành khẩn thiết đối với Như Lai hay sao?

- Bạch Ngài Gotama! Có nói tại đâu?

- Vậy chớ hôm qua ông qua mộ địa kêu khóc, ông há chẳng thấy gần nơi thiêu xác con ông có một thiếu niên đang khoanh tay kêu khóc, rồi ông ngâm kệ hỏi như vậy hay sao:

"Hỡi cậu trai đeo kim hoàn,
Mình đầy hoa với huỳnh đàn thơm tho…".

Đức Bổn Sư đọc lại hết câu chuyện vấn đáp của hai người và kể luôn tiểu sử cậu Maṭṭhakuṇḍali nữa.

Do nhân duyên như vậy, Đức Thế Tôn mới thuyết lên một câu Phật ngôn:

"Na kho, brāhmaṇa, ekasataṃ na dve satāni atha kho mayi manaṃ pasādetvā sagge nibbattānaṃ gaṇanā nāma natthīti".

"Nầy ông Bà la môn! Không phải một trăm, không phải hai trăm đâu, số người nhờ có đức tin trong sạch đối với Như Lai mà được siêu sanh Thiên giới nhiều không thể đếm".

Đám đông đang dự thính còn đang bán tin bán nghi. Hiểu rõ tâm trạng của quần chúng, Đức Bổn Sư bèn nguyện rằng: "Thiên tử Maṭṭhakuṇḍali hãy hiện xuống nơi đây với cả tòa Kim ốc".

Thiên tử Maṭṭhakuṇḍali bỗng nhiên hiện đến tức khắc, bề cao ba phần tự dặm, khắp mình trang điểm bằng những vật báu cõi trời từ trên tòa đền bằng vàng bước xuống, đảnh lễ Đức Bổn Sư rồi đứng nép một bên. Khi ấy Đức Thế Tôn cất tiếng hỏi:

- Ông nhờ tạo nghiệp gì mà được phước báu cao sang dường ấy?

Rồi Đức Bổn Sư ngâm luôn bài kệ hỏi rằng:

"Abhikkantena vaṇṇena,
Yā tvaṃ tiṭṭhasi devate;
Obhāsentī disā sabbā,
Osadhī viya tārakā;
Pucchāmi tvaṃ deva mahānubhāvaṃ,
Manussabhūto kimakāsi puññanti".

"Chư thiên đứng nơi kia,
Dung nhan đẹp quán thế,
Sáng dường sao một thể,
Nghe Như Lai hỏi đây,
Hỡi vị trời oai vệ,
Tạo phước gì đáng kể?".

Đức Bổn Sư vừa dứt lời vị chư thiên vội vàng đáp trả rằng:

- Bạch Ngài! Con nhớ kiếp trước đặt hết niềm tin nơi Ngài mà được phước báu cao thượng nầy đây?

- Ông chỉ nhờ có tâm trong sạch tin tưởng Như Lai mà được như thế nầy phải không?

- Bạch Ngài đúng vậy.

Quần chúng trầm trồ ngắm nhìn vị chư thiên rồi tỏ lời khâm phục rằng: "Huyền diệu thay ân huệ của chư Phật, con trai của Bà la môn Adiṇṇapubbaka chẳng có làm phước lành chi khác, chỉ nhờ đặt lòng tin trong sạch vào Đức Giáo Chủ mà được vinh quang dường ấy". Và quần chúng lấy làm hoan hỷ.

Khi ấy Đức Bổn Sư phán dạy quần chúng rằng:

"Tất cả nghiệp thiện và bất thiện của con người tạo ra đều do tâm đi trước dẫn đầu, tâm làm chủ, người có tâm trong sạch tạo nghiệp gì, khi sanh lên cõi trời, cõi người nghiệp ấy vẫn còn theo dính kế cận bên mình, như hình với bóng không lúc nào rời nhau".

Sau khi chấm dứt câu chuyện bằng cách chỉ rõ mối tương quan chặt chẽ giữa Nhân quả. Đức Chánh Pháp Vương xướng lên bài kệ như sau, chẳng khác nào vị Hoàng Đế để đóng ấn ngọc tỷ lên trên chỗ đất xi để niêm phong một bức cẩm nang mang tờ Thánh chỉ:

"Manopubbaṅgamādhammā,
Manoseṭṭhā manomayā;
Manasā ce pasannena,
Bhāsati vākaroti vā;
Tato naṃ sukkhamanveti,
Chāyāva anupāyīnīti".

"Tâm đi trước thọ, tưởng, hành,
Tâm là chủ pháp, tâm là nghiệp duyên.
Ai mà tâm sạch lành hiền,
Nói làm chi cũng yên vui theo mình.
Ví như bóng nọ tùy hình,
Hình đâu bóng đó như in hẳn hòi".

CHÚ GIẢI:

Tâm[(1)] đi trước[(2)] các Pháp[(3)]
Tâm chủ[(4)] duy tâm tác[(5)]
Nếu bằng tâm trong sạch[(6)]
Nói năng hoặc hành vi[(7)]
Phúc lạc sẽ theo người[(8)]
Như bóng theo hình thật[(9)]

(1) Tâm hay ý *(Mano)* tức là tâm *(citta)* theo cách phân loại tổng quát thì có tất cả Tứ địa tâm *(catubbhūmikacitta),* nghĩa là tâm trong bối cõi: Dục, Sắc, Vô Sắc và Siêu thế. Theo ý nghĩa trong kệ ngôn nầy mà phân định cho chính xác, thì đây chỉ nói riêng về tám thiện tâm ở cõi Dục mà thôi. Còn theo chuyện tích nầy, tâm của cậu Maṭṭhakuṇḍali là tâm câu hữu hỷ tương ưng trí *(Somanassasahagataṃ ñāṇasamyuttaṃ).*

(2) Đi trước *(Pubbaṅgamā*), là dẫn đầu và đi chung một thể.

(3) Các Pháp *(Dhamma),* chỉ thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn.

Do lẽ tâm câu hữu với hỷ tương ưng trí làm duyên sanh khởi cho các uẩn kia, nên gọi là tâm đi trước. Ví như có nhiều người đồng làm phước một lượt trong một cuộc lễ dâng y, đặt bát, dâng vật dụng đến chư Tỳ khưu Tăng, hoặc chưng đèn, dọn hương, treo hoa kết lụa để cúng dường cao thượng ở một nơi thuyết pháp công cộng, thì thử hỏi: "Ai là người dẫn đầu trong nhóm ấy?", cố nhiên ta phải trả lời rằng: "Người mà ai nấy đều nương theo để làm chung cuộc phước ấy, dầu là ông Giáp, ông Ất chi cũng gọi là người cầm đầu".

Do lẽ tâm làm duyên khởi cho các pháp sanh lên mà gọi là tâm đi trước dẫn đầu, quả nhiên không bao giờ các pháp sanh lên mà không có tâm sanh, trái lại khi tâm sanh rồi thì cũng có một vài nhóm tâm sở không cùng sanh.

(4) Tâm chủ *(Manoseṭṭhā)* vì tâm là chúa tể các pháp, nên gọi là tâm là chủ pháp, cũng vì thủ lãnh của một đảng được tôn xưng là chúa đảng, hoặc vị chủ tịch trong cuộc nhóm họp thì được gọi là hội chủ. Nơi đây nói tâm là chủ cũng y như thế.

(5) Tâm tác *(Manomayā)*: Ví như ta lấy vàng làm nguyên liệu, để chế ra nhiều món đồ kim loại, ta thường nói các món đồ ấy làm bằng vàng *(suvaṇṇamayā),* nghĩa là do vàng mà làm ra *(duy kim tác),* các pháp do tâm làm nguyên liệu hay bản thể mà sanh ra nên gọi là duy tâm tác cũng đồng một lý như thế.

(6) Nếu bằng tâm trong sạch *(Manasā ce pasannena)* là bằng tâm thuần thiện, không bị tham, sân, si, tà kiến làm cho nhiễm ô, nhơ đục.

(7) Nói năng hoặc hành vi *(bhāsati vā karoti vā)*: Người có tâm trong sạch như thế nói ra toàn là 4 thứ lời lành (không vọng ngữ, lưỡng thiệt, thô ngữ, hí ngữ), thuộc về khẩu thiện hạnh, còn làm chi cũng trong ba nghiệp lành (không sát sanh, trộm cắp, tà dâm) thuộc về thân thiện hạnh, nhược bằng không nói, không làm chi hết cũng có đầy đủ ba nghiệp lành (không tham, sân, si) thuộc về ý thiện hạnh. Lộ trình của thập thiện nghiệp trải qua ba cửa thân, khẩu, ý tròn đủ như thế.

(8) Phúc lạc sẽ theo người *(Tato sukhamanveti)*: Hễ con người tạo thiện nghiệp qua thân, khẩu, ý từ giờ nào thì phúc lạc sẽ theo bên người từ giờ đó, do mười nghiệp quả ba cửa đã giải trên đây, con người được siêu sanh về nhàn cảnh để hưởng sự an vui hạnh phúc vì nơi ấy thân căn và các căn tùy thuộc gọi là thân căn tâm sở của người ấy, hằng có quả an vui theo sát một bên (hỷ thần tùy chí) chẳng khi nào rời.

(9) Như bóng theo hình thật *(Chāya vā anupāyinīti)*, là như bóng rọi của thân mình luôn luôn dính liền theo thân, thân đi thì bóng cũng đi, thân đứng bóng cũng đứng, thân ngồi bóng cũng ngồi, không thể dùng biện pháp dịu dàng hay thô bạo hoặc mềm mỏng hay cứng rắn mà tách rời ra được. Chẳng hạn như nói nhỏ nhẹ "Bóng ơi! Hãy đi chỗ khác" hoặc đánh đập, la hét "Tại sao bóng cứ theo ta mãi vậy" cũng chẳng ly khai bóng với hình cho được.

Cũng như thế ấy, trên lộ trình của người, thiện nghiệp nầy con người đã có sẵn thiện tâm, dầu đã thực hành hay chưa thực hành, khi sanh về cõi nào nhất là cõi Dục giới thì thân căn và các thiện căn tâm sở tùy thuộc đều có quả an vui theo dính một bên, như bóng với hình không rời nhau vậy.

Kệ ngôn vừa dứt, tám muôn bốn ngàn chúng sanh được tỏ ngộ Chánh Pháp. Thiên tử Maṭṭhakuṇḍali chứng quả Dự Lưu, cả ông Bà la môn *Adiṇṇapubbaka* cũng vậy. Ông nầy về sau đem cả gia sản khổng lồ của mình ra gieo trồng vào phước điền ở trong Phật giáo.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Nhờ tâm niệm thiện chí chân thành,
Khiến cậu Kim Hoàn được vãn sanh,
Cha đã thương tiền liều mạng trẻ,
Phật còn nhớ nguyện độc căn lành,
Lâm chung một niệm, nhân dầu chậm,
Phước báu ngàn xuân, quả khá nhanh!
Chẳng đợi cúng dường cùng thọ giới,
Thiên đường, Kìm ốc cũng thơm danh.

DỨT TÍCH CẬU MAṬṬHAKUṆḌALI

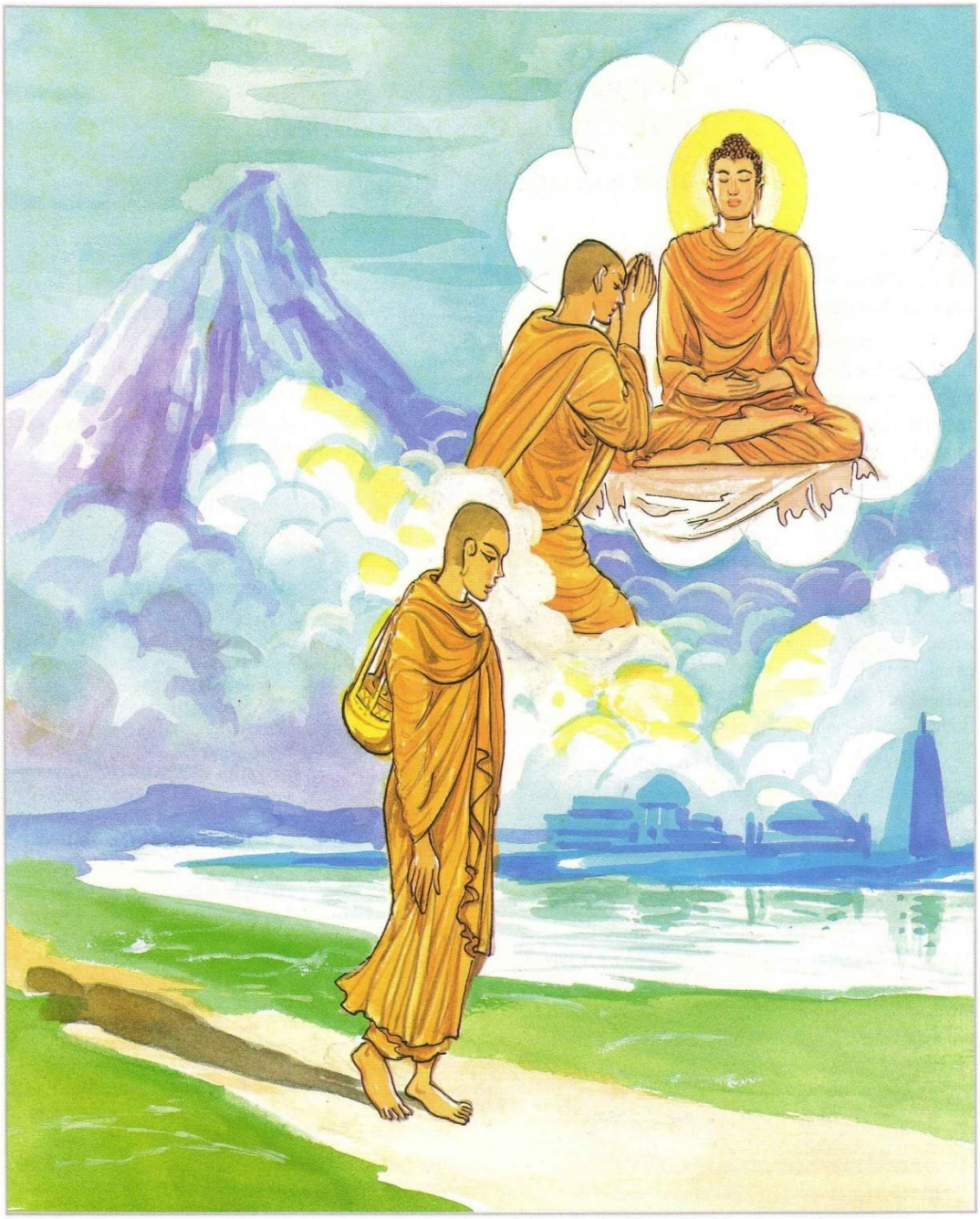

Happiness follows the doer of good, as the shadow that leaves not the person.

02. Hạnh phúc đi theo sau người làm thiện nghiệp, như bóng không rời người.

I.3- Tích TRƯỞNG LÃO TISSA

(Tissatheravatthu)

☸

<u>Kệ NGÔN: (Pháp Cú câu 03-04)</u>

03. "Akkocchi maṃ avadhi maṃ,	***"Nó mắng tôi, đánh tôi,***
Ajini maṃ ahāsi me;	***Áp chế tôi, cướp tôi,***
Ye ca taṃ upanayhanti,	***Người cố chấp niệm ấy,***
Veraṃ tesaṃ na sammati".	***Hận lòng người chẳng nguôi".***
04. "Akkocchi maṃ avadhi maṃ,	***"Nó mắng tôi, đánh tôi,***
Ajini maṃ ahāsi me;	***Áp chế tôi, cướp tôi,***
Ye ca taṃ nūpanayhanti,	***Người không chấp niệm ấy,***
Veraṃ tesūpasammatīti".	***Hận lòng tự khắc nguôi".***

Kệ Pháp Cú (3 và 4) nầy do Đức Bổn Sư đã thuyết ra, trong khi Ngài an cư tại Đại Tự Jetavana, đề cập đến Trưởng lão Tissa.

Tương truyền rằng: Trưởng lão Tissa vốn dòng hoàng tộc, xuất gia nhập đạo lúc tuổi đã cao niên, nhằm thời kỳ Phật giáo hưng thịnh, được nhiều lợi lộc, Trưỡng lão thọ dụng đầy đủ, thân thể phì mỹ đẫy đà. Trưởng lão ưa đắp y giặt giũ dằn nếp thật sạch sẽ thẳng thớm, lại thích ngồi chễm chệ trong phòng nhóm Tăng hội ngay giữa chánh điện.

Nhiều vị Tỳ khưu từ phương xa mới về để yết kiến Đức Bổn Sư, trông thấy Trưởng lão, ngỡ rằng: "Chắc đây là vị cao Tăng Đại đức", nên đến gần xin hầu hạ, đấm bóp tay chân cho Trưởng lão. Trưởng lão làm thinh nhận lời, nhưng bất ngờ thay có một vị Tỳ khưu hỏi Trưởng lão:

- Bạch Ngài, năm nay Ngài được bao nhiêu hạ? (tuổi đạo của Tỳ khưu).

- Ta chưa có hạ nào hết. Ta tuy lớn tuổi nhưng vừa mới xuất gia.

Vị sư trẻ phát nói nặng lời rằng:

- Nầy ông sư già mất dạy, cống cao ngã mạn, không biết tự lượng, ông trông thấy các Ngài Đại đức trong nhóm đây mà không chào hỏi theo pháp. Các Ngài ngỡ ông cao hạ nên xin phục dịch ông, ông cũng làm thinh, đã vậy mà còn trân tráo, không tỏ ra vẻ gì là biết ăn năn hối ngộ.

Nói rồi vị sư trẻ bật ngón tay kêu ra tiếng trước mặt Trưởng lão. Trưởng lão Tissa khí phách hãy còn hiên ngang, bị người chạm đến lòng tự tôn tự đại của dòng Sát Đế Lỵ (Khattiya vua chúa) bèn hỏi ngay lại rằng:

- Các ông đến đây tìm ai?

- Chúng tôi về thỉnh an Đức Tôn Sư.

- Vậy mà đối với ta, các ông lại hỏi lẫn nhau "Ông đó là ai?" phải không? Ta sẽ nhổ tận gốc dòng họ các ông cả thảy bây giờ.

Nói rồi, Trưởng lão Tissa vừa khóc mếu máo vừa đi tìm Đức Bổn Sư, trong tâm uất ức sầu khổ lắm!

Thấy Trưởng lão, Đức Bổn Sư bèn hỏi:

- Nầy Tissa! Ông làm gì mà buồn rầu khổ sở, mặt mày đẫm lệ, đến đây còn khóc vậy?

Nhóm khách Tăng bảo nhau: "Nếu để ông ta đi một mình, ông ta có thể gây ra nhiều chuyện rắc rối", nên cũng đi theo Trưởng lão, đến nơi đảnh lễ Đức Tôn Sư rồi ngồi qua một bên.

Sẵn dịp đó, Trưởng lão Tissa "mét" với Đức Bổn Sư:

- Bạch Ngài! Mấy ông Tỳ khưu nầy đã mắng nhiếc tôi.

- Lúc ấy ông ngồi tại đâu?

- Bạch Ngài, trong chỗ Tăng hội, ngay chỗ giữa chánh điện.

- Mấy Tỳ khưu nầy đến, ông có thấy không?

- Bạch Ngài! Có thấy.

- Ông có đứng dậy đi đón tiếp mấy vị nầy không?

- Bạch Ngài! Không có đi.

- Ông có lời xin rước bát, xách phụ đồ đạc cho mấy vị không?

- Bạch Ngài, không có hỏi.

- Ông có hỏi xin hầu hạ dâng nước cho mấy vị nầy không.

- Bạch Ngài, không có làm chi hết.

- Nầy Tissa! Đối với những Tỳ khưu lớn hạ, ông có bổn phận phải làm tất cả các việc trên đây, bởi vì ông sư nào không giữ những phép hành ấy, thì không được quyền ngồi giữa chánh điện, vậy thì chính ông có lỗi, ông hãy xin sám hối với các vị Tỳ khưu nầy đi.

- Bạch Ngài! Mấy ông nầy đã mắng nhiếc tôi, tôi không thể sám hối với mấy ông nầy đâu?

- Nầy Tissa, không nên như thế, ông phải xin sám hối đi.

- Bạch Ngài, tôi nhứt định không sám hối đâu?

Chư Tăng thấy vậy bạch rằng:

- Bạch Ngài! Ông nầy thật đúng là một ông sư ương ngạnh (cứng đầu).

Nghe vậy, Đức Tôn Sư bảo chư Tăng rằng:

- Nầy các Tỳ khưu, đây không phải là lần đầu tiên đâu. Trong tiền kiếp ông ta cũng đã tỏ ra ương ngạnh như vậy rồi.

- Bạch Ngài, hiện tại đây ông ta bướng bỉnh thế nào chúng con đã thấy biết, còn trong kiếp quá khứ chẳng hay ông ta đã làm gì?

Nghe chư Tăng hỏi, Đức Bổn Sư liền đáp:

- Nầy các Tỳ khưu, nếu các ông muốn biết thì hãy lắng tai nghe.

Và Ngài nhắc lại chuyện cổ tích như vầy:

"Xưa kia, dưới triều Quốc vương Bārāṇasī, trị vì thành Bāraṇasī (Ba La Nại), có ông Đạo sĩ tên là Devila, sau tám tháng cần tu khổ hạnh trong miền núi Himalaya (Hy Mã Lạp sơn), đạo sĩ muốn về thành để an cư trong bốn tháng mưa, để tiện bề kiếm thức ăn có vị, mùi chua, mặn…

Từ miền Tuyết Sơn về đến cổng thành, đạo sĩ gặp mấy đứa nhi đồng, bèn kêu lại, hỏi thăm:

- Mấy vị xuất gia tu hành về đến thành nầy thường ngụ ở đâu?

- Bạch Ngài, trong trại làm đồ gốm.

Đạo sĩ xăm xăm đến chỗ trại làm đồ gốm, đứng ngoài cửa nói vọng vào:

- Xin gia chủ hoan hỷ cho bần đạo tá túc một đêm trong quí trại.

Chủ lò gốm đáp:

- Chúng tôi không có làm đêm trong trại, trại rộng có thiếu chi chỗ trống. Ngài cứ tùy tiện vào đó ngủ nghỉ.

Nói xong, chủ lò gốm cho người người quét dọn trong gian trại ngoài. Đạo sĩ Devila vừa vào trại ngồi nghỉ chân, thì bên ngoài có vị đạo sĩ khác tên là Nārada, cũng từ núi Tuyết Sơn lặn lội về thành, đến trại ông chủ lò gốm xin ngủ nhờ một đêm.

Ông chủ lò gốm nghĩ thầm: "Ông đạo sĩ đến trước có vui lòng cho ông nầy ngủ chung hay không, điều ấy không can gì đến ta", nghĩ rồi bèn nói:

- Bạch Ngài, nếu vị đạo sĩ đến trước bằng lòng thì Ngài cứ tha hồ vào đó nghỉ ngơi.

Vì thế, đạo sĩ Nārada đến xin hỏi đạo sĩ Devila:

- Bạch thầy, xin thầy hoan hỷ cho tôi ngủ chung một đêm được không?

- Gian trại rộng thinh, thầy hãy vào đây nghỉ ở một phía đi.

Nghe vậy, đạo sĩ mới đi vào phía trong cổng, ngồi sau chỗ đạo sĩ Devila, hai bạn tu hành chuyện vãn hàn huyên một hồi, kể tới giờ tắt đèn đi ngủ.

Trước khi nằm xuống, đạo sĩ Nārada để ý ghi nhớ chỗ cửa ra vào và chỗ nằm của đạo sĩ Devila, không dè ông nầy không nằm ngay chỗ mình đã ngồi, mà lại đến nằm ngang cửa cái.

Ban đêm, đạo sĩ Nārada đi ra, rủi đạp nhằm bính tóc của đạo sĩ Devila, ông nầy hỏi:

- Ai đi đạp ta vậy?

- Bạch thầy, tôi. – Đạo sĩ Nārada đáp.

- Đồ giả tu, – Devila mắng – Ngươi từ rừng rú về đây để đạp tóc ta phải không?

- Bạch thầy, tôi thật tình không biết thầy ra nằm đây. Xin thầy hoan hỷ thứ lỗi cho tôi.

Nói rồi, đạo sĩ Nārada đi luôn ra ngoài không lưu ý đến đạo sĩ Devila đang còn nằm khóc tức tưởi. Một lát sau, ông nầy nằm nói thầm một mình: "Nếu ta nằm nguyên chỗ cũ, hắn ta trở vào và đạp nhằm ta nữa". Ông bèn nằm day đầu về phía dưới chân.

Đến khi đạo sĩ Nārada trở vào, cũng tính thầm: "Lần trước ta đi phía nầy, đã đạp nhằm bính tóc của ông thầy, bây giờ ta đi vô phải tránh xuống phía dưới chân ông thầy mới được". Nhưng vừa bước vô, đạo sĩ Nārada đã đạp trúng cần cổ của đạo sĩ Devila, ông ta la lên: "Ai đó?".

- Bạch thầy, tôi.

Đạo sĩ Nārada vừa lên tiếng, đã bị đạo sĩ Devila mắng rằng:

- Đồ giả tu! Lần trước đã đạp bính tóc của ta, lần nầy lại còn đạp lên cổ của ta nữa, ta sẽ nguyền rủa nhà ngươi cho mà coi.

Nghe vậy, đạo sĩ Nārada phân trần, biện minh rằng:

- Bạch thầy, khi đi vô thì tôi nghĩ rằng: "Lúc nãy tôi đã đạp trúng tóc của thầy, bây giờ ta phải đi phái dưới chân của ông thầy", không phải lỗi nơi tôi vì tôi không biết thầy nằm như vậy, tôi lỡ đạp nhằm, xin thầy hoan hỷ miễn thứ.

- Đồ giả tu! Ta sẽ nguyền rủa nhà ngươi.

- Xin thầy đừng làm như vậy.

Không đếm xỉa đến lời xin lỗi của đối phương, đạo sĩ Devila cất tiếng nguyền rủa rằng:

"Sahassaraṃsi satatejo,
Suriyo tamavinodano;
Pāto udayanto suriye,
Muddhā te phalatu sattadhāti".

"Với nghìn tia sáng, trăm ngọn lửa,
Mặt trời quét sạch cảnh u minh.
Cho đầu ngươi nứt ra bảy mảnh,
Lúc mặt trời mai ló dạng hình".

Đạo sĩ Nārada nói:

- Thầy ơi! Tôi là người không có lỗi chi mà thầy chẳng kể lời tôi, cứ nguyền rủa đại như thế, ai có lỗi thì người ấy bị nứt đầu, chứ người vô tội có hề chi.

Nói rồi đạo sĩ Nārada cũng thốt lời nguyền rủa lại:

"Sahassaraṃsi satatejo,
Suriyo tamavinodano;
Pāto udayanto suriye,
Muddhā te phalatu sattadhāti".

"Với nghìn tia sáng, trăm ngọn lửa,

Mặt trời quét sạch cảnh u minh.
Cho đầu ngươi nứt ra bảy mảnh,
Lúc mặt trời mai ló dạng hình".

Đạo sĩ Nārada vốn là một bậc thần thông quảng đại, có thể biết được bốn mươi kiếp quá khứ, bốn mươi kiếp vị lai, cộng chung là tám mươi kiếp trái đất (kappa). Sau khi nguyền rủa, đạo sĩ hỏi: "Ai sẽ mắc lời thề độc nầy?", nhờ tịnh tâm quán xét đạo sĩ thấy biết: "Ông nầy sẽ bị bể đầu", nên động mối từ tâm muốn ra tay tế độ, bèn dùng thần lực ếm không cho mặt trời mọc lên.

Dân chúng trong thành thấy mặt trời không mọc, kéo nhau đến cửa hoàng cung than khóc, kêu ca rằng: "Lịnh thiên tử là chúa cả giang san thiên hạ, ngày nay mặt trời không mọc, mong ân lịnh Thiên tử sử dụng vương quyền khiến sai mặt trời mọc lên cho con dân được nhờ".

Đức vua tự thẩm xét các nghiệp do thân, khẩu, ý của mình đã tạo, thấy không có điều chi phạm lỗi đối với Thánh thần hoặc Tiên vương, bèn nghĩ thầm: "Vì duyên cớ nào đây? Chắc có lẽ các vị xuất gia đạo sĩ đã tranh chấp nhau đây chứ gì?".

Để dứt lòng nghi, đức vua phán xét hỏi dân chúng rằng:

- Trong thành hiện nay, có vị xuất gia tu hành nào chăng?

- Muôn tâu Thánh thượng! Chiều hôm qua có hai vị đạo sĩ mới đến, tá túc tại trại đồ gốm.

Nghe vậy, đức vua lập tức truyền lịnh khiến quân thắp đuốc soi đường, đoạn Ngài thân hành ngự giá đến trại đồ gốm, đảnh lễ đạo sĩ Nārada xong, ngồi xuống một bên rồi hỏi bằng kệ rằng:

"Kammantā nappavattanti,
Jambūdīpassa nārada;
Kena loko tamobhūto,
Taṃ me akkhāhi pucchitoti".

"Kính bạch Na La Đa đạo sĩ,
Cõi Diêm Phù bởi lý do chi,
Bóng đêm bao phủ khắp tứ vi,
Khiến cho dân chúng không đi ăn làm.
Chắc có lẽ Ngài am hiểu đạo,
Trẫm xin Ngài chỉ giáo phân minh".

Đạo sĩ Nārada đem hết sự việc thuật lại cho vua nghe, rồi nói:

- "…Vì lẽ ấy, Ta bị đạo huynh nầy nguyền rủa và ta cũng có nguyền rủa lại như vậy. Ta không có lỗi chi, nếu ai có lỗi thì cho đầu nầy nứt ra làm bảy mảnh. Nhưng sau lời nguyền, ta chú tâm quán xét tìm coi ai sẽ mắc lời thề độc, thì ta hiểu biết là khi mặt trời ban mai vừa ló dạng, đầu của đạo huynh đây sẽ nứt làm bảy mảnh, bởi vì lòng từ bi, không nỡ để cho đạo huynh ấy bị nạn, ta đã cầm mặt trời lại không cho mọc lên.

- Bạch Ngài! Làm sao cho vị đạo sĩ nầy khỏi bị tai hại?

- Nếu đạo huynh ấy chịu sám hối với ta thì khỏi bị tai hại.

- Vậy thì đạo trưởng hãy sám hối với Ngài đi.

- Hắn đã đạp tóc, đạp cổ ta, không bao giờ ta lại đi sám hối với kẻ giả tu như thế.

- Bạch đạo trưởng! Đừng nên làm thế hãy chịu sám hối đi.

- Ta không sám hối đâu?

- Đầu đạo trưởng sẽ bị nứt ra làm bảy mảnh.

Dầu nghe lời hăm dọa như thế, đạo sĩ Devila cũng nhứt quyết không chịu sám hối, khi ấy đức vua phán:

- Chắc đạo sĩ nầy không tự mình xuống nước nhận lỗi phải không?

Nói rồi, đức vua truyền lịnh cho thị vệ nắm tay, nắm chân, nắm lưng, nắm cổ của đạo sĩ Devila, đè ông ta xuống bắt phải mọp đầu dưới chân đạo sĩ Nārada.

Đạo sĩ Nārada nói: "Thôi, thầy (ācariya) hãy bình thân, ta miễn lỗi cho thầy rồi đó". Rồi đạo sĩ Nārada tâu với đức vua:

- Tâu Đại Vương! Vì đạo huynh đây không tự mình chịu sám hối, xin Đại Vương hãy ra lịnh đem ông ta đến một cái ao hồ, không xa độ thành, để hòn đất lên đầu ông ta và bắt ông ta đứng dưới sâu ngập tới cổ.

Đức vua làm y như lời, rồi đạo sĩ Nārada dặn đạo sĩ Devila:

- Bạch thầy! Tôi sẽ thị hiện thần thông, khiến cho mặt trời mọc lên, khi ấy thầy lặn xuống dưới nước và trồi đầu lên ở một nơi khác và chạy đi luôn.

Đức Bổn Sư thuyết tích nầy, còn giải thêm rằng:

"Nầy các Tỳ khưu, đức vua lúc bấy giờ là Ānanda, Devila nay là Tissa và Nārada chính là Như Lai. Thuở xưa ông ta cũng tỏ ra bướng bỉnh, ương ngạnh như thế đó".

Đức Bổn Sư quay qua dạy thêm Trưởng lão Tissa, đoạn Ngài kết luận rằng:

- Nầy Tissa, nếu Tỳ khưu nào cố chấp mãi trong tâm như vậy: "Ông đó nhiếc mắng tôi, ông đó đánh đập tôi, ông đó áp chế tôi, thì Tỳ khưu đó sẽ không nguôi ngoai được mối căm thù, hờn giận. Nhưng nếu tỳ khưu ấy không cố chấp niệm ấy trong tâm thì tự khắc nỗi căm thù oán hận sẽ nguôi ngoai".

Tiếp sau đó, Đức Bổn Sư nói lên bài kệ sau đây:

"Akkocchi maṃ avadhi maṃ,
Ajini maṃ ahāsi me;
Ye ca taṃ upanayhanti,
Veraṃ tesaṃ na sammati".
"Akkocchi maṃ avadhi maṃ,
Ajini maṃ ahāsi me;
Ye ca taṃ nūpanayhanti,
Veraṃ tesūpasammatīti".

"Nó mắng tôi, nó đánh tôi,
Áp chế tôi, cướp giựt tôi kia mà.
Người còn cố chấp phiền hà,
Hận lòng người ấy chắc là khôn nguôi".
Nó mắng tôi, nó đánh tôi,
Áp chế tôi, cướp giựt tôi kia mà.
Người không cố chấp phiền hà,
Hận lòng người ấy chắc là chóng tan".

☸

CHÚ GIẢI:

Nó mắng[(1)] tôi, đánh[(2)] tôi,
Áp chế[(3)] tôi, cướp[(4)] tôi.
Người[(5)] cố chấp niệm ấy[(6)],
Hận lòng người ấy chẳng nguôi[(7)]
.....
Người không chấp niệm ấy[(8)],
Hận lòng người sẽ nguôi[(9)].

(1) Nó mắng *(Akkocchi)*, đây là nhiếc mắng, chửi rủa.

(2) Đánh *(Avadhi)* là đánh đập.

(3) Áp chế *(Ajini)* là bắt phải khuất phục bằng lời nói xuôi ngược, hoặc việc làm cao thấp để đè ép.

(4) Cướp *(Ahāsi)* là giựt lấy, sang đoạt của cải, tài vật, nhất là y của nhà sư.

(5) Người *(Ye)*: Là bất luận ai, kể cả chư thiên và nhân loại, tại gia hoặc xuất gia.

(6) Cố chấp niệm ấy *(Taṃ upanayhanti)*: Là cứ ôm ấp, chất chứa trong tâm rằng "Nó đánh tôi, nó mắng tôi" rồi hờn giận mãi, chẳng khác nào người lấy nhiều nước cỏ thơm (kusa) che đậy mớ cá ươn, chở trên một chiếc xe bò.

(7) Hận lòng người chẳng nguôi *(Veraṃ tesaṃ na sammati)*: Ở những người cố chấp như trên, hễ có sự căm hờn nổi lên ắt là không nguôi ngoai, không lắng dịu được.

(8) Người không chấp niệm ấy *(Ye ca taṃ nūpanayhanti)*: Là không nhớ tưởng, không lưu tâm để ý, hoặc là biết suy nghĩ về nghiệp quả , nên dù có bị mắng, bị đánh, bị áp đảo, bị cướp bóc cũng không hờn giận: "Hồi trước chắc mình có mắng người, có đánh người, có áp đảo người, có cướp bóc người, nên nay người mới trả đũa lại, nghĩ như vậy nên không cựu thù, chuốc oán".

(9) Hận lòng người sẽ nguôi *(Veraṃ tesūpasammati)*: Người sau nầy có dể duôi quên mình, để cho sự sân hận sanh lên, thì mối căm thù tự khắc cũng nguôi ngoai tan rã, nhờ không cố chấp, cũng như lửa không gặp bổi (nhiên liệu) hay dầu vậy.

☸

Thời pháp vừa dứt, một trăm ngàn vị Tỳ khưu đắc Thánh quả Tu Đà Hườn, kỳ dư đại chúng thính pháp đều được hưởng sự lợi ích và số người bướng bỉnh, ương ngạnh nhờ đó trở nên mềm mỏng dễ dạy.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Thấy lỗi người, không thấy lỗi mình,
Hận lòng, Trưởng lão khó làm thinh.
Quyết đưa cả nhóm ra hỏi tội,
Nào nhận riêng ta đáng phạt hình.
Mãn cậy thân già, dòng dõi quý,
Mà quên hạ nhỏ, bạn bè khinh.
Lắng nghe Phật thuyết nhân tiền nghiệp,
Giải được tâm thù hận chúng sanh.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO TISSA

ଓ☸ଌ

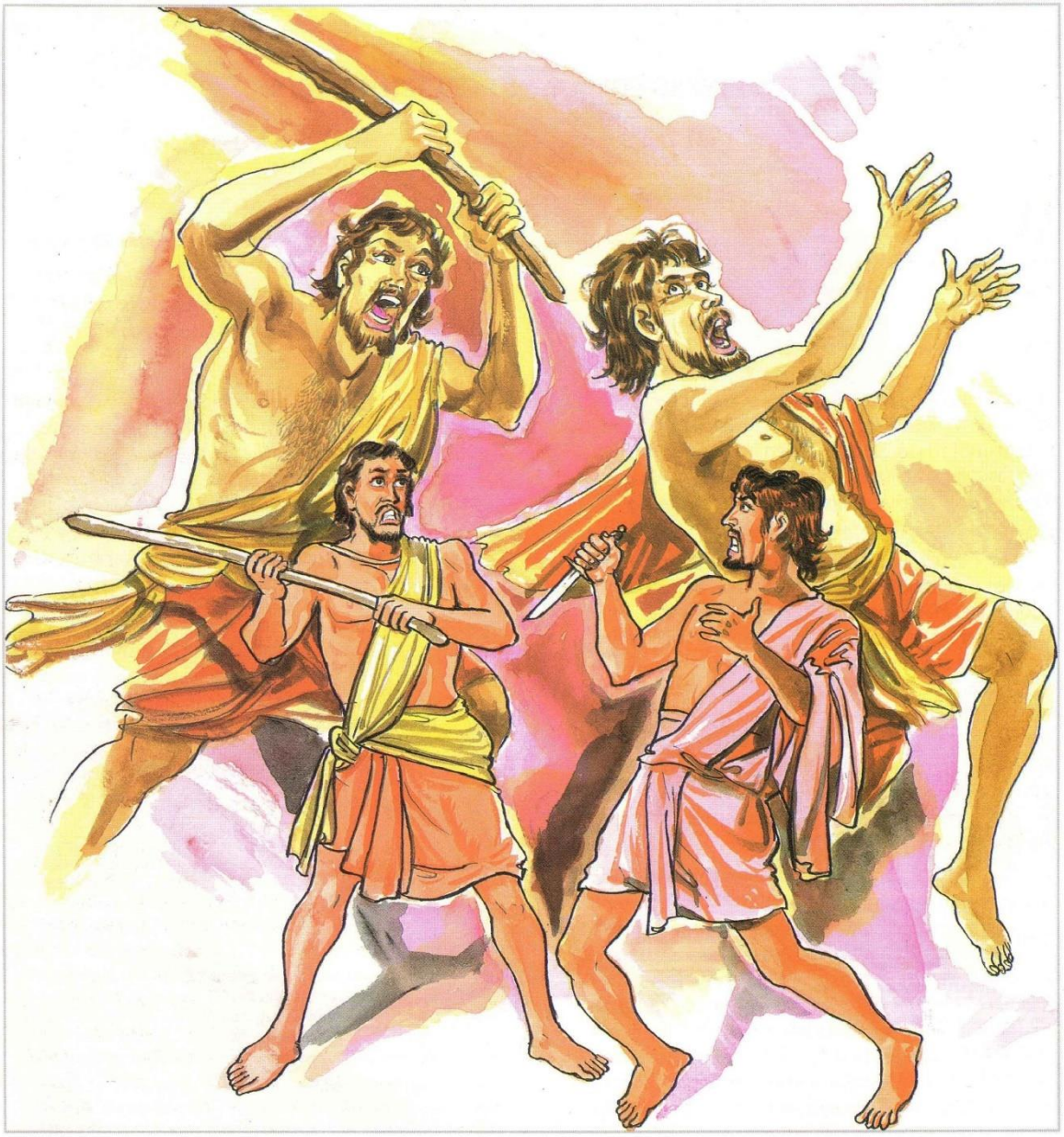

The hatred of those who mull over the wrong done to them keeps on growing.

03. Nỗi hận thù tiếp tục tăng lên trong lòng những ai nghĩ mãi đến sự bất công mà kẻ khác gây cho họ.

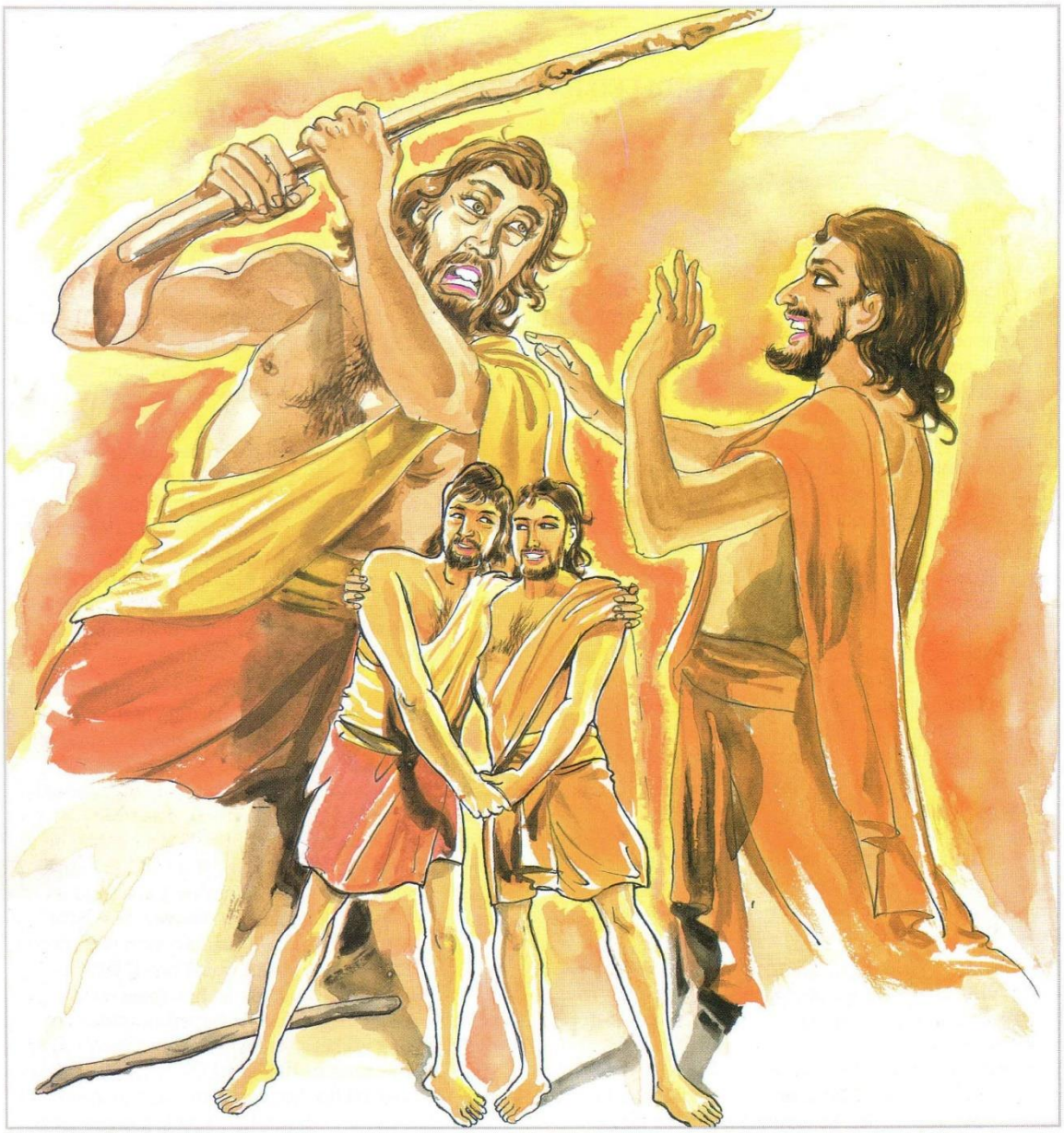

Those who do not mull over the harm done to them are appeased.

04. Những ai không nghĩ đến điều tai hại mà kẻ khác gây cho họ, sẽ được nguôi dần.

I.4- Tích NGƯỜI SANH LÀM NỮ DẠ XOA

(Kālīyakkhinīya upatti vatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 05)

"Na hi verena verāni,	***"Đời nầy hận rửa hận,***
Sammantīdha kudācanaṃ;	***Muôn thuở chẳng sạch thù.***
Averena ca sammanti,	***Từ bi rửa sạch hận,***
Esa dhammo sanantanoti".	***Là định luật thiên thu".***

Kệ Pháp Cú số 5 nầy, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Đại Tự Jetavana, đề cập đến nàng Vañhiṭṭhiṃ (Thạch Nữ).

Tương truyền rằng: Thuở ấy có một công tử thiếu niên, khi cha mới qua đời, một tay cậu chăm lo phụng dưỡng từ thân vừa phải đảm đang coi sóc mọi việc trong nhà, ngoài ruộng.

Bà mẹ thấy con đơn chiếc, mới bảo cậu rằng:

- Để má lo bề gia thất cho con, nghe không.

- Má ơi! Má đừng nói chuyện ấy, má còn sống đến ngày nào con nguyện ở vậy nuôi má đến ngày ấy, cho đến trọn đời.

- Con à, một mình con mà gánh vác luôn cả mọi việc ruộng nương nhà cửa, lòng má áy náy không vui, con để má lo đôi bạn cho con.

Thiếu niên từ chối nhiều phen, nhưng bà mẹ cứ thúc giục, dỗ dành mãi, nên cậu làm thinh nhận chịu.

Khi ấy, mẹ cậu ra đi, định đến dạm hỏi con gái của một gia đình nọ, thiếu niên muốn biết ý mẹ, bèn nói với rằng:

- Má định nói con ai vậy?

- Cô con gái nhà ông Mỗ, bà mẹ đáp.

Thiếu niên nghe rồi, cản mẹ lại và ngỏ lời chỉ nhà cô gái mà cậu ưng ý.

Chiều lòng con, bà mẹ đi ngay đến nhà ấy, dạm hỏi con gái chủ nhà cho con trai mình, định ngày làm lễ cưới. Và đến ngày ấy rước dâu về, cho con có người nội trợ.

Cô vợ hiếm hoi, ở với chồng một thời gian khá lâu mà không sinh nở, thấy vậy bà mẹ bảo người con trai:

- Con à! Con vợ mà con ưng ý, biểu má cưới đem về, bây giờ mới biết là nó hiếm hoi, không sanh nở được. Chẳng lẽ để nhà ta tuyệt tự vì không con nối dòng, con để má kiếm đứa khác cho con.

Thiếu niên không chịu, đáp tắt ngang: "Thôi đi má", nhưng bà mẹ chẳng nản lòng, cứ theo òn ỉ nói mãi.

Cô Vañhiṭṭhiṃ nghe lõm được chuyện nầy, tự nghĩ: "Áo mặc sao qua khỏi đầu, làm con làm sao cãi được lời cha mẹ. Một mai chồng ta cưới vợ bé đem về, nếu nó có con chắc mọi người trong gia đình sẽ cưng trọng nó mà khinh rẻ ta, xem ta như hạng tôi đòi. Ôi! Hay là ta hãy kiếm vợ bé cho chồng, để ta được trọn quyền chọn lựa người theo ý muốn của ta".

Thế rồi cô Vañhiṭṭhiṃ lân la đến một gia đình nọ, dạm hỏi một cô thiếu nữ để làm vợ bé cho chồng, nhưng ban đầu cô ta bị cha mẹ cô gái cự tuyệt, hỏi rằng:

- Thím ơi! Sao thím nói gì lạ vậy?

- Dạ! Bởi vì tôi hiếm hoi, không thể sanh con cho chồng tôi khỏi tuyệt tự… nếu dì nó đẻ con trai, dì nó sẽ được trọn quyền cai quản cả gia đình, làm chủ luôn cả tài sản nữa.

Sau cùng, cô Vañhiṭṭhiṃ thuyết phục được gia đình cô gái và dắt cô ta đem về, cho làm vợ bé chồng mình.

Nhưng rồi tâm cô Vañhiṭṭhiṃ nảy sanh như vầy: "Nếu con nhỏ này sanh con trai hoặc con gái thì một mình nó sẽ nắm hết quyền hành trong nhà ta. Ta phải mưu tính cách nào, không cho nó sanh con mới được".

Thế nên, cô đinh ninh dặn dò cô vợ bé rằng:

- Dì nó à! Khi nào dì cấn thai thì báo cho chị biết nghe không.

Cô vợ bé vô tình đáp lại: "Dạ…dạ".

Y theo lời hứa, khi biết mình có nghén, cô vợ bé bèn báo tin cho cô Thạch Nữ hay.

Cô nầy đã có dụng ý từ trước, nên hằng ngày thường làm ra vẻ yêu thương, tự tay nấu cơm cháo bưng đem cho cô vợ bé ăn.

Khi biết được tin cô vợ bé thọ thai, cô ta bèn trộn lẫn thuốc phá thai vào vật thực cho cô vợ bé và kết quả là cái thai bị xảo.

Cô vợ bé thọ thai lần thứ hai, cũng thiệt tình nói cho cô Thạch Nữ biết, cô nầy lại hạ độc thủ, làm cô vợ bé trụy thai lần thứ hai.

Các phụ nữ lối xóm, có người tò mò hỏi cô vợ bé rằng: "Có phải chị bị bà lớn lập tâm hãm hại chăng?".

Cô vợ bé bèn tỏ hết tâm sự gia đình, liền bị các cô bạn trách rằng: "Chỉ có chị là mù quáng, dại dột mới tin nghe vợ lớn như vậy. Con mẹ sợ mất chủ quyền trong nhà, nên hốt thuốc phá thai cho chị uống, chị tin lời con mẻ nên mới bị hư thai, từ rày đừng thèm nghe theo con mẻ nữa".

Mấy lời rỉ tai nói nhỏ của mấy cô bạn láng giềng khiến cho cô vợ bé sinh nghi, nên khi có thai lần thứ ba, cô ta không tiết lộ cho cô vợ lớn biết, nhưng rồi bụng càng ngày càng to cô ta bị vợ lớn hạch hỏi rằng: "Sao dì có thai mà không bảo cho chị biết?".

Túng nước, cô vợ bé phải đáp thật rằng: "Chị đã báo hại làm cho em hư thai hết hai lần rồi, bây giờ bảo em nói cho chị biết nữa hay sao?".

Cô Vañhithiṃ nghĩ thầm: "Mưu kế của ta bị bại lộ rồi". Từ đó, cô ta rình rập, chờ dịp nào cô vợ bé sơ ý ra tay, đến khi cái thai đã lớn, cô ta mới gặp cơ hội, bèn trộn thuốc phá thai vào thang thuốc bổ của cô vợ bé.

Cái thai đã già ngày tháng, nên không xảo ra, quay lại nằm ngang cửa tử cung, dựng phụ nghe dạ dưới đau trăn dữ dội, nghi mình sắp thiệt mạng vì tay cô vợ lớn, nên vừa khóc vừa thề nguyền rằng: "Một tay mày sát hại ba đứa con tao. Bây giờ tới tao cũng chết vì tay mày, chết rồi tao sẽ đầu thai làm nữ Dạ Xoa (Yakkhinī) để ăn thịt mấy đứa con mầy lại mà rửa hận".

Dứt lời, cô ta tắt hơi luôn, thọ sanh làm con mèo cái (majjārī) trong nhà.

Còn cô Vañhiṭṭhiṃ bị chồng lôi ra mắng rằng:

- Con ác phụ, mầy đã báo hại làm cho tao phải tuyệt tự.

Chưa đã cơn giận, chồng cô còn thúc cùi chỏ, lên gối, thẳng tay đấm đá một cách tàn nhẫn.

Bị trận đòn chí tử, cô Vañhiṭṭhiṃ đau nặng bỏ mình luôn, chuyển kiếp làm con gà mái trong nhà.

Không bao lâu, con gà mái lớn lên, bắt đầu đẻ trứng, con mèo rình ăn trộm ổ trứng đầu tiên của nó. Lứa trứng thứ hai, thứ ba cùng con gà mái cũng bị ăn luôn. Con gà mái căm thù con mèo mới thề rằng:

- Mày ăn của tao hết ba lứa trứng, bây giờ còn muốn ăn thịt của tao nữa, tao mà chết rồi đầu thai kiếp khác tao thề sẽ ăn thịt lũ con mầy lại báo oán.

Thế rồi con gà mái chết, đầu thai làm con beo cái, còn con mèo cái khi chết đầu thai làm con nai cái.

Đến khi con nai cái sinh con, ba lần đều bị con beo cái tìm đến ăn thịt con cả ba lần. Khi biết mình sắp chết, con nai cái thề rằng: "Mầy ăn thịt con tao ba lần, bây giờ còn sắp ăn thịt tao nữa, tao thề kiếp sau sẽ ăn thịt cả mầy lẫn con mầy mới hả dạ tao".

Nguyện rồi, con nai cái chết hóa thân làm Hắc Nữ Dạ Xoa (bà chằn đen), còn con beo cái sau khi chết, đầu thai làm con gái một gia đình Trưởng giả ở kinh thành Sāvatthī.

Cô con gái lớn lên được gả về làm dâu trong một gia đình ở tận cổng làng, đến khi thiếu phụ sanh đứa con đầu lòng, Dạ Xoa cái hiện đến hóa hình giống như bạn chí thân của thiếu phụ, giả vờ hỏi thăm người nhà của thiếu phụ rằng:

- Chị bạn thân thiết của tôi đâu?

- Nằm ở trong buồng, mới sinh con.

Nghe vậy, nữ Dạ Xoa nói:

- Để tôi vô thăm coi sanh trai hay gái.

Dạ Xoa vô buồng giả vờ ẵm đứa hài nhi sơ sinh, ăn thịt rồi biến mất.

Lần thứ hai thiếu phụ sinh con, cũng bị nữ Dạ Xoa hiện đến ăn thịt như thế.

Đến lần thứ ba, khi mang thai gần đến ngày sinh, thiếu phụ bảo chồng rằng: "Mình ơi! Tại đây có con chằn cái, nó đã ăn thịt con ta hai lần rồi, kỳ nầy em muốn về nhà ba má em để nằm chờ".

Và thiếu phụ sanh đứa con thứ ba tại nhà cha mẹ ruột của mình tại thành Sāvatthī.

Trong khi ấy nữ Dạ Xoa có phận sự phải đi đội chuyền nước.

Vì tất cả Dạ Xoa ở quốc độ của vua Vessavana (Tỳ Sa Môn) là vị Đại Thiên Vương trấn thủ phương Bắc, đều bị bắt đi đội chuyền nước từ hồ Anottattā (Thiên Lãnh). Công việc làm sau nầy kéo dài đến bốn năm tháng, khi được phóng thích, các Dạ Xoa khác đều bị bỏ mạng vì quá nhọc xác.

Còn Dạ Xoa Kāḷī (Hắc nữ), khi mãn hạn được thả ra, lật đật trở lại nhà của thiếu phụ và hỏi rằng:

- Cô bạn của tôi đâu?

- Cô ấy lánh mặt đi nơi khác rồi, kiếm không gặp đâu. Vì ở đây có sanh đứa con nào cũng bị bà chằn tinh tới bắt ăn thịt hết, nên kì nầy cô về nhà cha mẹ ruột của cô rồi.

Nghe đáp như vậy, nữ Dạ Xoa lấy làm tức tối, nói thầm một mình: "Dầu cho đi đàng nào, mày cũng không thoát khỏi tay tao", lòng đang sôi sục hận thù, nó vụt chạy về phía trong thành Sāvatthī.

Ngày ấy, nhằm ngày lễ đặt tên cho đứa con mới sinh, thiếu phụ tắm rửa cho con sạch sẽ, đặt tên cho nó và nói cho chồng:

- Anh ạ! Bây giờ chúng mình trở về nhà.

Nói đoạn, thiếu phụ bồng con theo chồng lên đường trở về chốn cũ.

Khi đi ngang qua Tịnh xá Jetavana, tới chỗ ao hồ, thiếu phụ trao con cho chồng ẵm, lội xuống tắm dưới ao, tắm xong nàng lên bờ ẵm con cho chồng xuống tắm. Thiếu phụ đứng trên bờ hồ đang cho con bú, bỗng thấy dáng con Dạ Xoa lù lù chạy tới. Khi nhận biết đích xác là nó rồi, thiếu phụ lớn tiếng ríu rít kêu chồng: "Anh ơi! Anh ơi! Mau lên, con Dạ Xoa nó tới đây rồi nè".

Liệu chồng lên không kịp, thiếu phụ ẵm con quày quả cắm đầu chạy ngay vào trong Tịnh xá.

Lúc bấy giờ, Đức Bổn Sư đang ngồi thuyết pháp giữa tứ chúng. Thiếu phụ đặt đứa hài nhi dưới chân Đức Như Lai, rồi bạch rằng: "Con xin cúng dường Đức Ngài đứa con nhỏ nầy, xin Ngài từ bi tế độ cứu sanh mạng con của con".

Ngoài cổng tam quan, nữ Dạ Xoa bị chư thiên Sumana (Thiện Ý) đứng trấn giữ nơi đó chận lại, không cho vào Tịnh xá. Đức Bổn Sư bèn kêu Đại đức Ānanda và dạy rằng:

- Nầy Ānanda, hãy ra gọi nữ Dạ Xoa vào. Thiếu phụ la lên:

- Bạch Ngài! "Nó" vào đó.

Đức Bổn Sư bảo:

- Cứ để yên cho nó vô, đừng làm ồn.

Khi nữ Dạ Xoa vào đến nơi, đứng trước Đức Bổn Sư, Ngài khiển trách rằng:

- Tại sao ngươi làm như vậy? Nếu các người không có duyên lành được diện kiến một vị Phật như Ta, thì các ngươi còn buộc oan trái với nhau mãi mãi cho đến hết một kiếp của quả địa cầu nầy (kappa) như con rắn với con mông thử (Nāgamissatha) hễ gặp nhau là run rẩy, sừng sộ, sôi sục hận thù, hay như con quạ với con chim cú vậy.

Tại sao các ngươi lấy hận rửa hận, lấy oán báo oán, thù hận chỉ có thể dập tắt bằng từ bi, chứ không phải bằng hận thù được.

Nói rồi Đức Bổn Sư đọc bài kệ:

"Na hi verena verāni,
Sammantīdha kudācanaṃ;
Averena ca sammanti,
Esa dhammo sanantanoti".

Khắp cùng trên cõi nhân gian,
Có đâu thù hận dẹp tan hận thù.
Từ bi cởi mở hận thù,
Đó là định luật thiên thu lưu truyền".

CHÚ GIẢI:

"Đời nầy hận rửa hận" – Muôn thuở chẳng sạch thù (Na hi verena verāni, sammantīdha kudācanaṃ): Chẳng khác nào ta lấy nước dơ như nước bọt, nước mũi chẳng hạn, để rửa chỗ dính phẩn uế, thì không chỗ nào sạch sẽ thơm tho được, trái lại chỗ rửa ấy càng nhơ nhớp hôi thúi lên. Cũng như thế khi bị người mắng, mắng lại người, khi bị người đánh, đánh lại người, để mong trả thù rửa hận thì mối oan trái đó sẽ không giải tỏa, mà còn thắt chặt thêm và hận thù cũng chẳng được trấn an nên ngày càng tăng trưởng.

"Từ bi rửa sạch hận thù" (Averena ca sammanti): Chẳng khác nào lấy nước trong sạch để tẩy rửa vết nước miếng, nước mũi, phẩn uế, thì chỗ rửa ấy mới được sạch sẽ, hết mùi hôi thối.

Cũng y như thế vết nhơ hận thù nhờ thứ nước nhẫn nhục, từ bi tẩy sạch được, người biết lưu tâm chiêm nghiệm, thấu triệt được chân lý thì tự khắc bao nhiêu hận lòng cố kết, cũng đều tan rã.

"Là định luật thiên thu" (Esa dhammo sannantanoti):

Pháp dùng nước từ bi để tẩy sạch hận thù là một pháp hoàn toàn bất di bất dịch, đã có từ ngàn xưa mà tất cả chư Phật Độc Giác và Thinh văn Giác đều công nhận.

☸

Bài kệ vừa dứt, nữ Dạ Xoa chứng được quả Tu Đà Hườn, thính chúng câu hội nơi ấy cũng đều hưởng được sự lợi ích.

Kế đó, Đức Bổn Sư bảo thiếu phụ:

- Con hãy trao đứa hài nhi qua nữ Dạ Xoa.

- Bạch Ngài, con không dám.

- Chớ nên sợ vô lý, không can gì đâu.

Thiếu phụ bạo gan đưa con mình qua tay nữ Dạ Xoa, nữ Dạ Xoa tiếp ẵm đứa bé vào lòng, hôn hít, nựng nịu rồi trao trả lại cho mẹ nó, rồi phát khóc ấm ức. Đức Bổn Sư liền hỏi:

- Sao ngươi lại khóc?

- Bạch Ngài, lúc trước con dùng đủ phương nầy chước nọ để nuôi mạng sống mà còn đói lên đói xuống, không được no lòng, bây giờ con sẽ sống bằng cách nào đây.

- Ngươi chớ nên quá lo âu.

Sau khi an ủi Dạ Xoa, Đức Bổn Sư quay qua bảo thiếu phụ rằng:

- Con hãy đem nó về nhà, cho nó ở chung và cấp dưỡng cao lương mỹ vị cho nó.

Thiếu phụ dắt nữ Dạ Xoa về nhà, cho ở một chái phía sau và hằng ngày cúng dường cơm cháo bánh trái, toàn thứ ngon lành thượng hạng.

Tới khi trong nhà đập lúa, Dạ Xoa thấy đòn xóc giơ lên cao, sợ giáng xuống trúng đầu mình nên nói với thiếu phụ:

- Tôi không thể nào ở đây lâu hơn nữa, bạn kiếm cho tôi một chỗ khác.

Thiếu phụ đưa Dạ Xoa đi lựa chỗ, lần lượt từ chái nhà kho trữ đòn xóc và nhà tắm vào nhà bếp vào chòi dựa xoài, rồi ra chỗ đống rác, ra tận cổng làng… Đến chỗ nào Dạ Xoa cũng lắc đầu không chịu ở, nói rằng: "Ở đây thấy đòn đập lúa giơ lên xuống, tôi sợ trúng nhằm đầu tôi sẽ bể hai… Ở đây con nít tạt xối nước dơ… Ở đây có chó nằm… Ở đây trẻ con phóng uế… Ở đây người ta đổ rác.. Ở đây, lũ trẻ trong làng làm thầy coi tướng v.v…".

Cuối cùng, thiếu phụ đưa nữ Dạ Xoa ra tới ngoại ô, chọn một địa điểm an tịnh vắng lặng. Nữ Dạ Xoa bằng lòng ở đó, hằng ngày thiếu phụ vẫn đem món ăn thượng vị cung cấp cho nó.

Nữ Dạ Xoa tự nghĩ: "Cô bạn của ta đối xử với ta rất mực thâm tình, ta phải làm sao đền đáp ân đức trọng hậu của người trong muôn một".

Rồi nữ Dạ Xoa nói cho cô bạn biết rằng: "Năm nay trời sẽ mưa nhiều, bạn nên gieo trồng trên chỗ đất gò".

"Năm nay nắng hạn, bạn nên gieo trồng trên chỗ đất bưng".

Nhờ đó, năm nào thiếu phụ cũng được trúng mùa, cửa nhà sung túc, trong khi mùa màng của những người khác đều bị hư hại vì mưa già hay nắng hạn.

Bạn bè hàng xóm hỏi thăm thiếu phụ: "Nầy chị sao mùa màng của những người khác đều bị hư hoại, mùa màng của chị gặp năm dư nước, thiếu nước chị cũng không bị hư hại như của người khác, hình như là từ khi đầu mùa chị đã tiên đoán biết trước năm nào mưa dầm, năm nào nắng hạn vậy phải không? Hay là chị làm cách nào?".

Thiếu phụ tỏ thật rằng:

- Tôi có cô bạn nữ Dạ Xoa, cô ta tiên đoán biết trước thời tiết mỗi năm mưa nhiều hay nắng nhiều, đều có nói cho chúng tôi hay, chúng tôi theo lời cô ta chỉ dẫn mà làm mùa, nhờ vậy năm nào chúng tôi cũng trúng. Vậy chứ bà con không thấy ngày ngày chúng tôi đem cơm cháo, bánh trái đi ra hay sao? Đó là những vật thực chúng tôi đem đến cung cấp cho cô ta vậy. Bà con muốn cậy cô ta chỉ biếu giùm cho, thì cứ đem vật thực ngon lành đến biếu cô ta là được chớ gì.

Khi ấy, cư dân trong thành tranh nhau mang lễ vật đến.

Từ đó về sau, nữ Dạ Xoa làm bà thầy hướng dẫn nông nghiệp cho mọi người, được cúng dường lợi lộc dồi dào và quy tụ rất đông tín đồ đệ tử.

Sau đó, bà ta có lập ra tám thứ thực phẩm do người bắt thăm dâng cúng (Salākabhattāni) và cái lệ này vẫn còn gìn giữ cho đến ngày nay.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Tranh chấp tranh quyền nghịch lẫn nhau,
Giết con tình địch họa càng sâu.
Gà beo, lộn kiếp hai đời khổ,
Chằng, thú, bàng sanh mấy đọa sầu.
Có oán nào từng vui đến trước,
Thâm thù chỉ để hận về sau.
Vâng lời Phật dạy: Từ, bi, xả,
Cùng sống nương theo lý đạo mầu.

DỨT TÍCH NGƯỜI SANH LÀM NỮ DẠ XOA

CHÚ GIẢI:

I- Ngài Buddhaghosa, tác giả bộ Chú Giải Pháp Cú Kinh, là một Tỳ khưu ở xứ Thaton, dòng dõi Bà la môn xuất gia theo Phật giáo vào thế kỷ thứ V, Ngài rất thông suốt Tam Tạng và được Phật giáo Nam Tông xem là một vị Thánh Tăng, đã có công chấn chỉnh Phật giáo suy đồi ở Tích Lan, hủy bỏ những kinh điển mà Ngài cho là không đúng đường lối của Đức Phật và có viết lại bằng Pāli những Bộ Chú Giải, nhất là bộ Visuddhimagga (Thanh Tịnh Đạo) mà chư Tăng ngày nay lấy làm kinh chánh để tu học về GIỚI – ĐỊNH – TUỆ.

Tuy nhiên, gần đây có một số chư Tăng ở Thái Lan bắt đầu ngờ vực những công trình của Ngài. Vì lẽ, dòng dõi Bà la môn của Ngài bao giờ cũng có chủ tâm dẹp bỏ Phật giáo, hay ít nhất cũng hạ bệ Phật và sắp Ngài vào hàng dưới Phạm Thiên của họ,

biết đâu chừng những kinh chính thống Phật giáo đã bị thiêu đốt và thay thế bằng những giáo lý lai Bà la môn?

(Lúc Đức Phật còn tại thế, Ngài không cho ghi chép kinh vì sợ tam sao thất bổn. Mấy tổ về sau giỏi chữ nghĩa văn chương nhất là các vị Bà la môn sẽ có thể thêm bớt làm sai lệch nguyên bổn, Ngài chỉ thuyết bằng tiếng Pāli, tiếng bình dân xứ Magadha, không có chữ Nam Phạn, chữ Bắc Phạn (Sanskrit) là của đạo Bà la môn, tuy hơi giống như tiếng Pāli, nhưng không phải là một thứ tiếng như tiếng Việt Nam ở hai miền Nam, Bắc của xứ ta).

Trong quyển Legénde de Gautama, trang 372, có đoạn nói về Ngài, xin trích dịch ra dưới đây:

Người đầu tiên có công sưu tập một bản sao của Tam Tạng là Ngài Buddhaghosa, tu sĩ xứ Thaton, dòng Bà la môn, người này xuống thuyền ở Thaton, lúc bấy giờ ở ven biển gần đó, địa phương nầy nằm ở trong xứ Ramagnia và dân bổn xứ gọi là người Moun. Ngài đã đáp thuyền buồm đi Tích Lan trong năm 1.043 – 400 năm sau Dương Lịch. Dưới triều đại của vua Mahānāma. Ngài ở lại đảo ba năm viết (chép) Tam Tạng bằng chữ Miến Điện trên lá bối (lá buôn) theo các bản viết chữ Tích Lan. Ở một bản kinh khác, chúng tôi đọc thấy Ngài viết ra tiếng Pāli những bản kinh bằng tiếng Tích Lan. Ngài Buddhaghosa lưu lại xứ Tích Lan ba năm để hoàn thành công trình đã dự định. Trong thời gian Ngài ở đảo nầy, dân chúng rất hâm mộ kính mến Ngài, nên khi Ngài từ giã, họ dâng cúng Ngài rất nhiều vật dụng quý giá, Ngài mang về xứ Suvaṇṇabhūmi (Kim Thành), ở xứ Ramagnia nguyên bộ Tam Tạng.

II- Những phước báu dành cho tín đồ sau khi qua đời, đúng theo tỉ lệ của các việc làm phước thiện của họ lúc còn sống. Các cõi trời tiếp theo cõi người, nhưng ở dưới mười sáu cõi dành cho các Phạm Thiên Hữu sắc, được mở ra tiếp đón các thiền tín tu, các dục lạc ở cõi chư thiên hoàn toàn thuộc loại cảm quan. Tất cả những gì con người có thể tưởng ra để làm thỏa mãn ngũ quan, được dồn trên các nhàn cảnh ấy và chư thiên ở cõi đó tha hồ mà hưởng thụ một cách tự do, rộng rãi. Thú vui bằng Ngũ trần thì không thể nào tả hết cho được, ta chỉ cần biết là: Ở cõi trời Dục giới phái tính vẫn còn. Trong hai cõi thấp nhất là Tứ Đại Thiên và Đao Lợi, sự hành dâm vẫn có giữa hai phái tính nhưng không có sự chửa đẻ, trong cõi Dạ Ma chư thiên nam và nữ chỉ ôm nhau hôn hít là đủ thỏa mãn tình dục, trong cõi Đâu suất hai bên chỉ nắm tay nhau, trong cõi Hóa Lạc vợ chồng chỉ nhìn mặt nhau. Và trong cõi Tha Hóa Tự Tại, hai người chỉ cần gặp nhau ở một nơi nào đó. Về phái tính trong Dục giới thiên, chúng ta có thể nhận thấy hai điểm:

A- Là dục lạc càng mất vẻ thô tục và càng trở nên thanh bai, tế nhị khi càng lên cõi cao hơn. Hễ lúc còn sống, thiện tín làm phước càng thanh cao to lớn, thì sau đó sẽ được sanh lên cõi càng thanh cao và hưởng thụ được những cảnh vui tế nhị. Do đó, Đức Phật Gotama của chúng ta, trong tiền kiếp đã tạo nhiều giới đức tối cao nên được sanh lên cõi trời Đâu Suất (Tusita) là cõi trời dục thứ tư.

B- Thời gian thụ hưởng dục lạc cứ tăng gấp đôi từ cõi dưới thấp lên cõi trên kế tiếp. Nghĩa là những thú vui ở cõi Đao Lợi được xem như thọ hưởng lâu hơn gấp đôi cõi Tứ Đại Thiên, cõi Dạ Ma thì gấp đôi cõi Đao Lợi, cứ như thế tăng dần cho đến cõi trời thứ sáu.

Trong các bài pháp mà chư Tỳ khưu thuyết cho quần chúng nghe để khuyến khích họ tinh tấn, nhất là về hạnh bố thí, các Sư hết sức rộng rãi trong các lời hứa hẹn về phước báu ở trên nhàn cảnh, lấy đó làm một phương tiện mạnh mẽ để duy trì sự tinh tấn bố thí cúng dường của chư thiện tín, chư Tăng đã thành công rực rỡ trong các chương trình đã dự định. Đối với đại đa số thính giả, người ta không thể phủ nhận rằng: "Những Phật giáo đồ là những nạn nhân của sự gạt gẫm nầy", đã trọn tin những lời thuyết của Pháp sư. Về vấn đề cõi trời Dục giới đó là đức tin chung trong đại chúng Phật giáo đồ, thỉnh thoảng người ta có thể gặp một số ít người phủ nhận các truyện ngụ ngôn ấy. Nhưng số ít nầy không được quan tâm lưu ý vì phần chính thống của Giáo hội xem họ như những người tự do tư tưởng, thuần lí luận (Vie de gandama trang 281).

Trường hợp cậu Maṭṭhakuṇḍali được vãng sanh lên cung trời Đao Lợi, không phải do làm phước hay giữ giới, mà chỉ giữ tâm trong sạch hướng đến Đức Phật là được như vậy.

Điều nầy mới nghe qua, như phản lại lời các Pháp sư thường ca tụng về pháp Bố thí và Trì giới, nhưng chính Đức Phật đã xác nhận và vị chư thiên Maṭṭhakuṇḍali là một bằng chứng: Chỉ bằng tâm trong sạch, dầu nói hoặc làm, hoặc nghĩ cũng được phước cả. Nguyên nhân tạo nghiệp là ý (mano). Ở nơi khác, Đức Phật còn dạy rằng tâm (tác ý) tức là nghiệp. Như cố Đại đức Hộ Tông đã từng giải bày thứ quả của tài thí đều do tâm cả, xin nhắc lại là:

1- Bố thí với sự mong mỏi phước báu thì sẽ được sinh lên cõi trời thấp nhất (Tứ Đại Thiên).

2- Bố thí và nghĩ đến việc làm thiện thì sanh lên cõi trổ thứ hai (Đao Lợi).

3- Bố thí vì phong tục tập quán sẽ sanh lên cõi trời thứ ba là Dạ Ma.

4- Bố thí theo Phật giáo thì sẽ được sanh lên cõi trời thứ tư là Đâu Suất.

5- Bố thí bằng tâm vui thích thì sẽ sanh lên cõi trời thứ năm là Hóa Lạc.

6- Bố thí bằng tâm giúp cho người được an vui đầy đủ thì được sanh lên cõi trời thứ sáu là Tha Hóa Tự Tại.

7- Bố thí không cầu mong hưởng quả, chỉ để xả ly tham, sân, si, nhất là lòng bỏn xẻn thì được sanh lên cõi Phạm Thien (vì đã hết dục vọng).

Phần nhiều thiện tín không thích quả phước vô lậu của cách bố thí với tâm xả ly để sớm đạt được đạo quả Niết Bàn, mà chỉ bố thí để hồi hướng cho người đã quá vãng và để dành cho mình kiếp sau được hưởng quả. Ít người hiểu biết rành vì không được chư Tăng giải rành mạch, tận tường, là mình đã bố thí hết cả phần phước của mình trong khi đọc bài Phước căn… không chừa lại chút gì cả, mà còn đọc tiếp lời nguyện xả ly những phiền não tức là những dục vọng ham muốn, hưởng dục lạc ngũ trần trong ngày vị lai. Một lẽ nữa, là chư thiện tín hiểu lầm Niết Bàn là cõi tịch diệt, không không rỗng tuếch, đoạn diệt tất cả nên ngán sợ Niết Bàn.

Trong số chư Tăng có vị chưa nhận thức rằng, một Thánh nhân bậc thấp nhất, tuy nghèo xơ xác về mặt vật chất cũng không phải là người vô sản cùng đinh. Do lẽ đó, Đức Phật đã từng khuyên các hành giả: "Vị Tỳ khưu nên ở chỗ nào pháp dễ phát

sanh mặc dù thiếu thốn vật thực" và Ngài cũng nhắc nhở các đệ tử: "Hãy là người thừa tự pháp, chớ đừng làm người thừa tự vật thực của Như Lai".

Nhiều vị cư sĩ muốn xuất gia mà ngại thiếu thốn vật thực vật chất, không thể tu được nên ráng làm phước để dành làm hậu bị thực. Các vị quá sợ khổ như vậy, không thể nào dám Minh sát Khổ và nếu ráng học nhiều pháp thì chỉ biết cái khổ bằng lí thuyết suông. Vả lại đem hết tài sản bố thí cúng dường lớn lao trọng đại như ông Anāthapiṇḍika hay bà Visākhā, phước báu chẳng hơn gì người thợ hàng hoa Sumana được Phật thọ ký là Phật Độc Giác sau nầy.

Trong Tăng Chi Bộ Kinh, Đức Phật có giải về phước hữu lậu của Ngài đã làm trong kiếp còn là Bồ Tát Velāma nhiều vô số kể, nhưng so ra chẳng bằng một phần mười sáu của hành giả thấy Pháp Sanh Diệt, tức là Minh sát Khổ cho tới khi hết khổ, không còn tái sanh cái khổ, tức là chứng được pháp Vô Sanh (của cái khổ).

Sự tích cậu Maṭṭhakuṇḍali về lý thì giống như pháp niệm Phật A Di Đà của phái Tịnh Độ, nghĩa là nhờ tha lực bằng đức tin mãnh liệt nơi Đức Phật vào lúc lâm chung mà được siêu sanh, tuy nhiên chẳng phải dễ gì niệm tưởng Đức Phật trong khi từ giã cõi đời được, nếu không có sự trợ duyên.

Trong sách Quần Nghi Luận có kể mười trường hợp lâm chung không thể niệm Phật, xin chép ra đây:

1- Không gặp người trí thức nên không đi khuyên niệm Phật.

2- Nghiệp khổ buộc trong thân, không rảnh trí mà niệm Phật.

3- Trúng gió tắt tiếng, không xưng niệm hiệu Phật được.

4- Cuồng tâm loạn trí không thể niệm Phật được.

5- Chết chìm, chết thiêu không thể niệm Phật được.

6- Gặp nạn hùm, gấu mà không có ai nhắc niệm Phật được.

7- Gặp bạn ác khuyên điều tà, không tin Phật nên chẳng niệm được.

8- Ăn no quá độ rồi bị hôn mê mà chết nên không thể niệm Phật được.

9- Chết trong trận giặc không thể niệm Phật được.

10- Té xuống từ núi cao mà chết, không niệm Phật được.

Hành giả Minh sát Khổ thường xuyên giác ngộ lý Tứ Đế không sợ mê muội vào lúc lâm chung, dù không niệm Phật nhưng vẫn chánh niệm, giác tỉnh thì không bao giờ sa đọa xuống khổ cảnh. Nhưng hành giả không nên giải đãi dể duôi, mà phải bắt đầu cho sớm thành thói quen, đừng đợi tuổi già mới Minh sát Khổ.

Mạc đại lão lai phương quán khổ
Cô phần đa thị thiếu niên nhân.

III- Xã hội Ấn Độ trước thời Đức Phật, đã phân ra làm bốn giai cấp. Theo Luật Đức Bàn Cổ (Mano) đã ấn định bốn cách nầy căn cứ vào bốn dòng dõi, tuy sống chung trong một xứ nhưng mỗi dòng chỉ kết hôn với người đồng dòng với mình thôi, chứ không chịu thứ con lai hai dòng. Cấp Bà la môn là cấp tu sĩ, cao nhất vì tự cho

mình là quý phái, trong sạch, thánh thiện, được phép làm chủ các việc tế tự. Đức trời Phạm Thiên là đấng tạo hóa ra mọi loài vạn vật. Cấp thứ hai là cấp chiến sĩ hay vua chúa, gọi là Khattiya (Bắc phạn là Ksatrya), Tàu âm là Sát Đế Lỵ. Đức Thích Ca thuộc dòng chiến sĩ, nhưng ngài đã cách mạng, phá bỏ hàng rào giai cấp, nghĩa là lập ra giai cấp A La Hán, hay đúng hơn là định nghĩa lại tiếng Bà la môn, là bậc có giới đức đáng được lãnh đạo, chứ không phải là do cha mẹ Bà la môn sanh ra mà được tôn trọng là Bà la môn (cấp tối cao). Theo Ngài, hai giai cấp sau là Phệ Xá (thương buôn, thợ thuyền) và cấp Thủ Đà La (cùng đinh, du mục), nếu tu hành đúng đắn thì cũng được gọi là Bà la môn.

Theo Phật sử thì Đức Phạm Thiên (mà tu sĩ Bà la môn cho là đấng Tạo hóa tối tôn) còn nhỏ hơn Đức Phật và không đủ khả năng bằng Ngài, nên đã ba lượt yêu cầu Ngài ra đi hoằng pháp độ sanh sau khi Ngài đắc đạo. Do đó, dòng Thích Ca được Đức Phật làm nổi bật lên (chính danh hiệu Thích Ca – Sakya – nghĩa là Thắng nhân) đã kiêu căng càng thêm ngã mạn, như trường hợp Đại Đức Tissa hay Trưởng lão Channa (Xa Nặc) và Đại Đức Ānanda. Hai Ngài nầy, sau khi Đức Phật Niết Bàn rồi, mới chịu bỏ tánh tự tôn và đắc quả A La Hán.

Để phá bỏ sự chấp ngã mà Phật gọi là một tà kiến, Ngài đã thuyết minh Vô Ngã Tướng (Anattalakkhaṇasutta) cho năm vị Kiều Trần Như nghe và năm vị đệ tử đầu tiên đã lần lượt đắc quả A La Hán, nhờ giác ngộ rằng Ngũ uẩn không phải là ta, ta không phải là Ngũ uẩn... Tiếng *Anatta* chính Đức Phật đã giải thích rằng: *"N'etaṃ mama nesohamasmivana me so atta"* như đã dịch ở trên, nhưng ngày xưa các Ngài Đại đức thông Hán tự nên dịch là Vô Ngã, khiến cho lắm phật tử hiểu lầm là không có cái ngã. Vả lại, các Pháp sư nhất là luật sư dùng thuyết Vô Ngã để chống lại chủ trương Bà la môn giáo: họ cho con người là một tiểu ngã, sau khi hết luân hồi sẽ trở về nhập cái Đại Ngã (Mahā – atmaṃ) tức là đấng tạo hóa, Phạm Thiên, đây chỉ là một phương tiện huyền ảo, một thứ khí giới để thắng phục địch thủ giỏi biện luận, một phương thuốc đặc biệt để trị bệnh ngã chấp của giai cấp Bà la môn và nhiều nhóm ngoại đạo khác chuyên môn lí luận. Đây không phải là môn thuốc trị bá chứng hoặc môn thuốc hay nhất của vị Y vương, nếu uống không nhằm bệnh người Phật tử vô ý sẽ phát khùng, cho rằng Đức Phật khẳng định rằng tất cả các Pháp là Vô Ngã (Anattā), hiểu sai như vậy thì hết muốn tu hành vì có ai đâu nhập Niết Bàn và có ai đâu sa địa ngục.

Quý bạn tinh ý nên đọc qua đoạn đầu Tạng Luật, chỗ Đức Phật đính chánh, những tiếng đồn về Ngài là người chủ trương pháp Vô vi là hiểu đừng làm cái chi cả và thuyết Hư vô (Nevayiko) nghĩa là tất cả đều không.

Tinh hoa của Đạo Phật là Tứ Diệu Đế hay bốn chân lý của Bậc Thánh Nhân. Tiếng Phật chỉ định người đã giác ngộ Tứ đế và đem ra dạy lại người khác. Tiếng Vô minh chỉ sự dốt về Tứ đế, nên không biết lối nào để thoát khổ và tiếng Giải thoát tri kiến chỉ sự thấy, biết con đường đi đến sự diệt khổ. Sau khi đã hành qua pháp Minh sát Khổ, nghĩa là với sự ghi nhớ của mình, ngồi quan sát rõ ràng sự diễn tiến của cái khổ từ khi sanh tới khi diệt, hay nói cách khác với trí Bát Nhã (hay tâm không chấp trước) bình tĩnh trải qua bốn giai đoạn Tứ đế (Khổ, Tập, Diệt, Đạo).

Phần đông nhân loại vẫn còn ở trong trạng thái vô minh, nên chỉ nhìn Đức Phật và đạo Phật một cách siêu hình, thần thánh không chút gì thiết thực cả và chưa bỏ được tánh ỷ lại thần quyền như dân tộc cổ sơ, nên đi lạc vào tà kiến ngoại đạo mà không ngờ, cứ tự phụ cho mình là chánh kiến và vẫn còn nơm nớp lo sợ lắm chuyện vu vơ.

Câu chuyện tiền kiếp của Trưởng lão Tissa chỉ là một thứ ngụ ngôn, nhưng Đức Phật đã khéo dùng đúng lúc vui vui, khiến cho ai đọc đến kết cuộc cũng bật cười cho sự bướng bỉnh của đạo sĩ Devila. Đại đức Tissa và tiền kiếp của Ngài có thật hay không? Không thành vấn đề, điều quan trọng là phần giáo lý thực tiễn, chứa đựng trong sự tích làm cho hiểu rõ thêm nghĩa và nhớ dai. Hai câu Pháp Cú 3-4 nếu gặp trường hợp như vậy, ta hãy đem trí tuệ mà thuyết phục cái tánh ngã mạn vô lối của ta thì ta là người thấu triệt chân lý ẩn trong câu chuyện cổ tích nầy.

IV- Yakkha (Dạ Xoa) là một trong Bát bộ được kể dưới đây (theo tài liệu Từ Bi Âm số 28.. năm 1935)

1- Càn Thát Bà (Gandhabba) Tàu dịch là Hương Âm, nghĩa là dùng các thứ mùi hương mà thọ dụng.

2- Tỳ Xá Xà (Pisaca) Tàu dịch là Đạm tinh khí, nghĩa là ăn uống những đồ tinh khí của người và các giống bắp đậu.

3- Cưu Bàn Trà (Kumbhaṇḍa), Tàu dịch là Ưng hình, nghĩa là nam căn giống như cái vò vậy.

4- Chư Long (Nāga) nghĩa là các thứ Rồng.

5- Bích Lệ (Peta), Tàu dịch là Ngạ quỷ, nghĩa là thứ quỷ đói khát.

6- Phú Đơn Na (Pūtana) Tàu dịch là Xú ngạ quỷ, nghĩa là thứ ngạ quỷ đói mà thân thể rất hôi thúi.

7- Dạ Xoa (Yakkha) Tàu dịch là Dòng Kiện quỷ, nghĩa là thứ quỷ rất mạnh bạo.

8- La Sát (Rasasa) Tàu dịch là Bạo ác, nghĩa là thứ quỷ rất dữ tợn, hay ăn thịt người ta.

Tám bộ quỷ thần trên đây, có phát tâm hộ trì chánh pháp, cho nên Phật thuyết pháp đến đâu thì cũng có các bộ nầy đến hộ vệ và nghe pháp cả. Những chúng sanh nầy, Phật giáo Nam Tông gọi là chư thiên cõi thấp ở bốn cõi trời Tứ Đại Vương.

V- Cõi Tứ Đại Thiên là cõi trời thấp nhất trong sáu cõi trời Dục giới (sáu cõi nầy còn có vợ chồng, có dâm dục, có ăn uống như nhân gian, nên gọi là trời Dục giới như đã giải ở trên).

Theo chú giải kinh Bắc Tông (Từ Bi Âm) thì bắt đầu từ dưới chân núi Sinezu, tính là bốn muôn hai ngàn do tuần, mỗi do tuần là sáu mươi km, đó là chỗ ở của trời Tứ Đại Thiên.

(Theo pāli một do tuần là mười sáu km, ở đây có lẽ dịch lộn mười sáu thành sáu mươi do chữ tánh là Chaddasa).

Bốn cõi Thiên Vương trấn bốn phương trời, một ông là Dhatarattha (Trì Quốc Thiên Vương), đất nơi đó toàn bằng bạc trắng, thành của ông kêu là thành Thượng Hiền. Ông lãnh một bộ thần Càn Thát Bà và một bộ quỷ Tì Xá Xà, ở phía đông núi Sineru, hộ người Đông Thắng Thần Châu.

Một ông tên là Viruḷhaka (Tăng Trưởng Thiên Vương), thành của ông ở tên là Sudassana (Thiện kiến), đất nơi đó bằng ngọc lưu ly xanh, ông lãnh coi Cưu Bàn Trà và một bộ quỷ đói, ở phía nam núi Sineru, hộ người Nam Thiện Bộ Châu.

Một ông tên Vessavana (Đa Văn Thiên Vương) hay Kuvera, có ba thành là: Thành Khả Úy, Thành Thiên Kính và Thành Chúng Quy, đất nơi đó bằng vàng, ông lãnh bộ quỷ Dạ Xoa và La Sát, ở phía Bắc núi Tu Di, hộ người Bắc Cưu Lưu Châu. Tên vị Trời nầy Trung Hoa âm dịch là Tỳ Sa Môn, theo trong tích Nữ Dạ Xoa Kāli, mà chúng ta có nói đến.

Bốn vị vua Trời nầy, mỗi ông có ba mươi hai vị Tướng quân và chín mươi mốt vị Thái tử. Vị nào cũng đủ oai lực ủng hộ mười phương, ngày đêm nơi cõi nầy bằng ở cõi người năm mươi năm.

Thân của bốn vị Trời ấy đều cao bảy mươi mốt trượng (mỗi trượng dài mười thước), còn tuổi thọ thì lâu đến năm trăm cõi ấy, bằng chín triệu năm ở cõi người.

Tại sao bốn cõi Trời ấy hưởng phước được như vậy? Vì kiếp trước ở cõi người, bốn Trời ấy tu đủ mười nghiệp lành thượng phẩm, hoặc là giữ một giới sát sanh không phạm tới hay giữ Bát quan trai trong một ngày một đêm rất tinh thành, nên hưởng được phước báu như thế.

Tại từng trời ấy, mặt trời, mặt trăng đi quanh theo mà soi bốn hướng ở bốn phía núi Sineru.

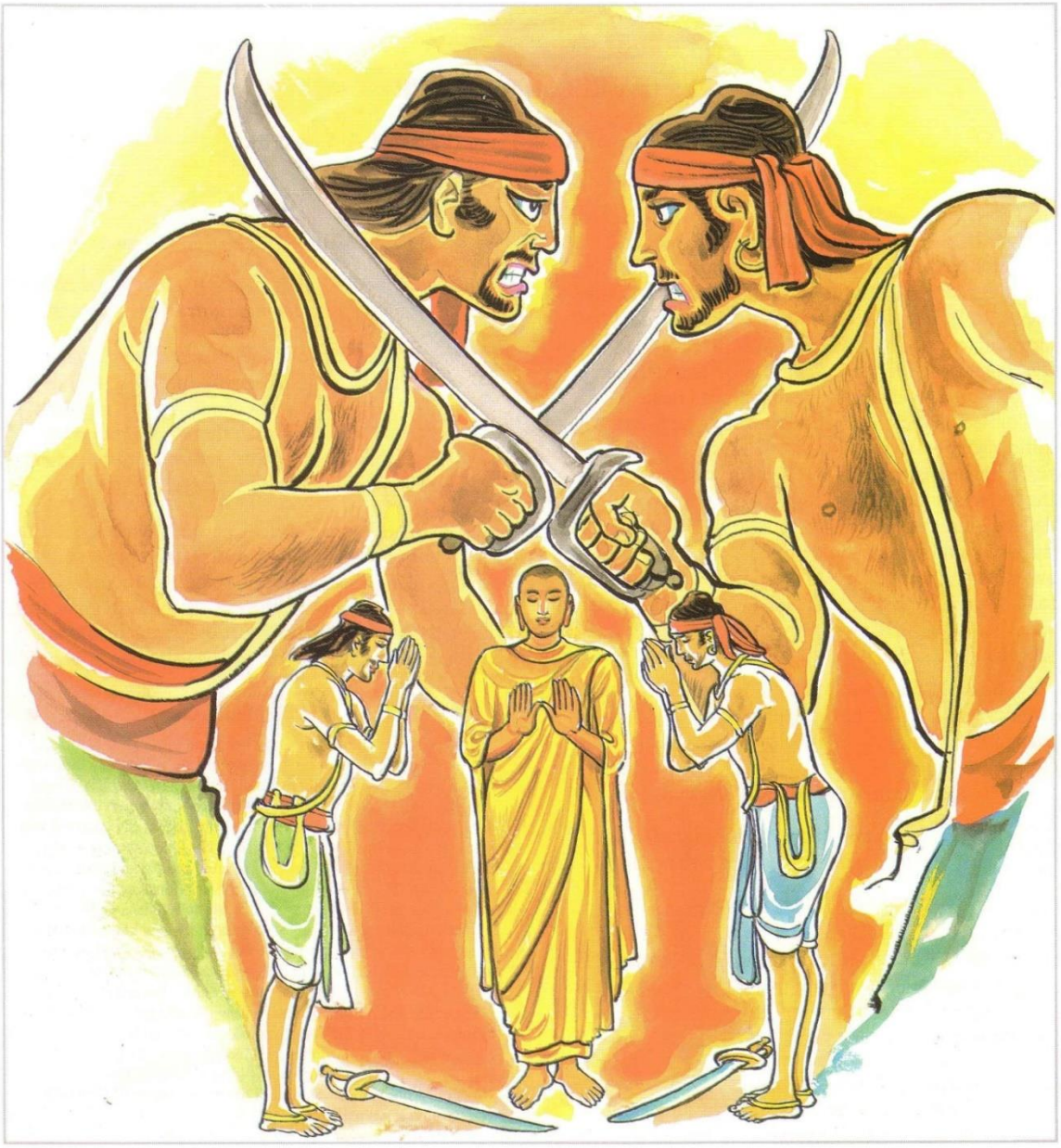

Hatred never conquers hatred. Only non-hatred conquers hatred.

05. Sân hận không bao giờ nhiếp phục sân hận, chỉ vô sân nhiếp phục sân hận mà thôi.

I.5- Tích CÁC TỲ KHƯU Ở KOSAMBI

(Kosambakavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 06)

"Pare ca na vijānanti,	***"Nhóm kia không hiểu biết,***
Mayam'ettha yamāmase;	***Nơi đây ta tự diệt.***
Ye ca tattha vijānanti,	***Người am hiểu lẽ nầy,***
Tato sammanti medhagā".	***Từ nay thôi biện thuyết".***

Kệ Pháp Cú số 6 nầy, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến các Tỳ khưu ở thành Kosambi.

Thời ấy, gần thành Kosambi có hai vị Tỳ khưu cùng an cư trong ngôi chùa Ghosita (Lôi Âm), một vị chuyên thuyết pháp, một vị thông suốt Tạng Luật. Vị nào cũng có năm trăm đệ tử túc trực bên mình.

Một hôm vị Pháp sư đi đại tiện trong cầu xí, rửa ráy xong đi ra, còn chừa nước dư trong cái gáo mà không úp xuống.

Kế đó vị Luật sư đi cầu vô thấy nước dư trong cái gáo, đến khi trở ra gặp vị Pháp sư bèn hỏi:

- Nầy đạo hữu, phải đạo hữu đi cầu còn chừa nước dư trong cái gáo không?

- Dạ phải! Thưa đạo hữu.

- Đạo hữu không biết làm vậy là phạm giới (Tác ác) sao?

- Dạ! Thật tôi không biết.

- Làm vậy là phạm giới đó thưa đạo hữu.

- Thế thì để cho tôi xin sám hối tội ấy.

- Nhưng nếu đạo hữu không cố ý, không niệm tưởng trong khi làm thì không phạm.

Nghe vậy vị Pháp sư phạm giới cho là mình không có lỗi, nên bỏ qua không sám hối.

Vị Luật sư không kín miệng, đem nói với nhóm đệ tử của mình: "Vị Pháp sư nầy phạm giới mà không biết".

Những vị nầy, khi gặp mặt những vị đệ tử của vị Pháp sư, bèn chê trách: "Thầy Tế độ của mấy đạo hữu đã phạm giới mà không biết là mình có lỗi".

Đệ tử của vị Pháp sư đem chuyện nầy bạch với thầy mình. Vị Pháp sư nói rằng: "Cái ông Luật sư nầy, lúc trước đã bảo là ta không phạm, bây giờ lại nói là ta phạm. Vậy ông ta là người vọng ngữ".

Thế rồi, hai bên sanh sự cãi nhau, trước nhỏ sau to, lần lần gây ra lớn chuyện. Kế đó vị Luật sư nắm được cơ hội, nhóm hết chư Tăng, đọc tuyên ngôn trục xuất vị Pháp sư. Viện cớ rằng vị nầy phạm giới mà không chịu nhận lỗi.

Từ đó, những thí chủ thường dâng cúng vật thực vật dụng và những người hộ độ chư Tăng trong chùa bắt đầu chia ra làm hai phe.

Cho đến chư Tỳ khưu Ni thỉnh Tăng dạy đạo, chư thiên hộ pháp cùng các bạn mới bạn cũ, chư thiên trên hư không cũng như chư Phạm Thiên, tất cả những vị còn phàm tâm thảy đều chia ra làm hai phe đối lập, tranh luận nhau, tiếng xôn xao thấu đến cõi trời Sắc Cứu Cánh Thiên (kaniṭṭhabhavana).

Lúc ấy, một vị Tỳ khưu đem chuyện tranh chấp giữa hai nhóm Tăng về bạch lên Đức Thế Tôn, nói rằng: "Nhóm Tăng đọc tuyên ngôn trục xuất vị Pháp sư cho rằng mình hành đúng pháp luật, nhưng nhóm binh vực vị nầy phản ứng bản trục xuất, cho là không đúng pháp luật, nên vẫn giao thiện thân cận vị Pháp sư".

Đức Thế Tôn hai lần nhắn lời khuyên bảo: "Hãy nên hòa hiệp", nhưng Ngài được tin trả lời: "Bạch Ngài, họ vẫn không chịu hòa nhau".

Lần thứ ba được tin cho hay Tăng chúng đã phân ly, Đức Thế Tôn phải thân hành ngự đi đến tận nơi tranh chấp giải bày chỗ bất lợi trong hành vi thái độ của cả hai bên, bên Luật sư đọc tuyên ngôn trục xuất và bên Pháp sư phạm giới mà không chịu sám hối.

Rồi Ngài phán dạy chư Tăng hãy làm lễ Phát lồ chung nhau ngay lúc đó và hành Tăng sự chung trong một chỗ có Kiết giới (Sīmā). Ngài ban hành điều lệ, cho phép các Tỳ khưu đã tranh chấp nhau nơi Trai Tăng đường hay bất luận nơi nào, hãy nên ngồi xen kẽ nhau (āsanatarikāya) trong Trai Tăng đường.

Dàn xếp xong xuôi, Đức Thế Tôn trở về chùa Jetavana.

Kế đó, lại có tin cho hay: Chư Tỳ khưu ở Kosambi lại cạnh tranh với nhau nữa. Đức Thế Tôn lại thân thành ngự đến tận chùa Ghosita để hòa giải. Ngài mở lời cản ngăn rằng: "Thôi đi, các Tỳ khưu đừng chia rẽ, tranh chấp nữa".

Đoạn Ngài dạy tiếp rằng:

- Nầy các Tỳ khưu, những sự chia rẽ tranh chấp, cãi lẫy, kình chống nhau, đều chẳng lợi ích chi, cũng vì tranh chấp nhau mà con chim cút Ấn Độ (Lututika) bé tí hon đã làm thiệt mạng một thớt tượng chúa (Hatthināga).

Sau khi kể tích Bổn Sanh (Jātaka) về con chim cút, Đức Thế Tôn khuyên nhủ rằng: "Nầy các Tỳ khưu, các ông hãy nên hòa hợp nhau, đừng kình chống nhau nữa. Vì kình chống nhau mà cả trăm ngàn con chim cút thường (vattatā) phải bỏ mạng".

Và Đức Bổn Sư kể thêm về tiền tích con chim cút.

Nhưng chư Tăng vẫn giữ lập luận của mình, bất chấp những huấn từ của Đức Thế Tôn.

Một vị Pháp sư háo thắng, muốn cho Đức Thế Tôn khỏi phải cực lòng nói mãi vô ích, lên tiếng can rằng: "Bạch Thế Tôn là Đức Pháp Chủ, xin Ngài hãy về ngơi

nghỉ dưỡng nhàn và hưởng thụ sự an vui nhãn tiền hiện hữu. Để cho chúng Tăng nhờ sự chia rẽ, tranh chấp, cãi lẫy, kình chống nầy mà danh tiếng được lẫy lừng".

Nghe vậy, Đức Thế Tôn lại phán: "Nầy các Tỳ khưu, xưa kia tại thành Bārāṇasī, có vị Quốc vương tên là Brahmadatta (Phạm Thí) là vua xứ Kāsi.

Vua Brahmadatta xâm chiếm nước Kosala của vua Dīghīti (Trường Thọ), bắt hành quyết vị Vương tẩu quốc, sau dược Thái tử Dīghāyu (Trường Sanh) dung tha mạng sống, không báo thù, từ đó hai họ giao hòa, đồng vinh cộng lạc".

Kể tích nầy, Đức Bổn Sư kết luận: "Nầy các Tỳ khưu, rất đỗi là các bậc vua chúa anh hùng mã thượng, từng trải việc kiếm cung chinh chiến mà còn nhẫn nại giao hòa được như thế thay, hà huống là chư Tăng đã xuất gia Sa môn, dự hàng Thinh Văn đệ tử của Như Lai mà không làm sao sáng tỏ đức nhẫn nhục hiền hòa, cho mọi người trông thấy được sao?".

Mặc dầu đã tận tình khuyến giới, Đức Bổn Sư cũng không hòa giải được nhóm đệ tử của Ngài.

Thấy Tăng chúng phân ly, Đức Thế Tôn chẳng được hài lòng. Ngài tự nghĩ: "Các Tỳ khưu không vâng lời ta giáo hóa, tình trạng chia rẽ nầy chỉ làm Ta bận rộn hay là Ta lánh xa nơi đô hội, một mình ra đi tìm chỗ tịnh cư".

Nghĩ rồi, Đức Thế Tôn vào thành Kosambi khất thực, sau đó không từ giã chư Tăng, Ngài mang y bát đơn thân độc hành, ngự ngay đến làng Balaka của người làm muối (Lonakaranaṃ). Nơi đó Ngài thuyết cho Đại đức Bhagutthera về hạnh độc hành (Ekacarikavatta). Rồi Ngài ngự đến rừng Pācinavamasamigadāya (Trúc Lộc Viên), thuyết về phước báu hương vị của pháp hòa hợp cho ba mươi vị thiếu niên công tử nghe.

Đoạn Ngài trực chỉ vô miền Pālileyyaka.

Nghe rằng Đức Thế Tôn đã nhập một hạ an vui nơi đó, dưới gốc cây Tāla xinh đẹp trong khu rừng Rakkhitavana (Vệ Lâm) gần vùng Pālileyyaka có con Tượng chúa Pālileyyaka hộ độ.

Ở Kosambi, những thiện nam tử đi chùa không thấy Đức Bổn Sư, bèn hỏi chư Tăng:

- Bạch các Ngài! Đức Bổn Sư ngự tại đâu?

- Ngài đi vào rừng Pālileyyaka rồi.

- Bạch Ngài vì lý do nào?

- Vì Ngài đã cố gắng hết sức giảng hòa mà chư Tăng chúng tôi không chịu đoàn kết với nhau.

- Bạch các Ngài! Các Ngài đã xuất gia làm đệ tử của Đức Bổn Sư, mà Đức Bổn Sư dạy các Ngài hòa hợp đoàn kết, các Ngài không chịu đoàn kết với nhau hay sao?

- Quả thật như thế đó, nầy các đạo hữu.

Mọi người nghe vậy, bảo nhau: "Mấy ông nầy là môn đồ của Đức Bổn Sư mà lại cãi lời Thầy, không chịu đoàn kết. Tại mấy ông mà chúng ta không diện kiến Đức

Bổn Sư được, vậy ta đừng nên thỉnh ngồi, đảnh lễ, chào mừng, kính trọng mấy ông nầy nữa". Từ đó trở đi, khi gặp chư Tăng ở Kosambi, không ai thèm để ý chào đón chi hết.

Chư Tỳ khưu đi khất thực cũng ít người để bát, phải nhịn đói hết hai ba ngày liền, nhờ đó mới tỉnh ngộ cùng nhau sám hối và tha thứ tội lỗi cho nhau, đoạn báo tin cho thiện tín hay rằng:

- Nầy chư thiện tín, chư Tăng đã hòa hợp, các ông hãy trong sạch như trước.

- Các Ngài có xin sám hối với Đức Bổn Sư chưa?

- Nầy các đạo hữu, chư Tăng chưa sám hối với Ngài.

- Nếu vậy, các Ngài hãy xin sám hối với Đức Bổn Sư đi. Chừng nào các Ngài xin sám hối với Đức Bổn Sư chừng ấy chúng tôi sẽ trong sạch với các Ngài như trước.

Lúc ấy vì chưa mãn hạ, không thể đi sám hối với Đức Bổn Sư nên các Tỳ khưu phải ráng sống lây lất khổ cực lắm.

Trái lại, Đức Bổn Sư nhập hạ một mình trong rừng được an vui nhờ có Tượng chúa Pālileyyaka hộ độ.

Tượng chúa này cũng lìa đàn, đi vô rừng sâu một mình để được an tịnh.

Tượng chúa tự nghĩ: "Ở trong đàn chung chạ bực bội quá! Nào là voi đực voi cái voi lứa voi con… bao nhiêu đầu ngọn cỏ của ta đều bị chúng gặm trước, bao nhiêu nhánh cây ta bẻ sẵn xuống đều bị chúng dành nhau ăn, chỗ ta uống nước đều bị chúng quậy cho nổi bùn. Ta xuống ngâm mình dưới ao hồ nào cũng bị con voi cái đeo theo kỳ cọ trên mình ta. Hay là ta hãy lánh đi, tìm chỗ sống riêng biệt một mình". Nghĩ rồi Tượng chúa quyết định lìa đàn, đi ngay vô khu rừng Rakkhitavana trong vùng Pālileyyaka, đến dưới gốc cây Tāla xinh đẹp, chỗ Đức Thế Tôn đang ngự, đảnh lễ Ngài xong, Tượng chúa nhìn quanh không thấy có vật chi khác hết, Tượng chúa bèn lấy chân đạp mạnh vào gốc cây Tāla xinh đẹp làm cho cây ngã xuống, đoạn dùng vòi tét một cánh cây, lấy làm chổi quét sân.

Kế đó, Tượng chúa dùng vòi lấy vỏ cây đi múc nước để sẵn.

Khi nhớ nước nóng cần phải có, tượng nghĩ lập cách nấu nước, làm sao đây? Tượng dùng vòi kéo cây cứng cọ nhau cho nháng lửa, đoạn nó chất thêm củi khô cho cháy lên có ngọn, lượm đá nhỏ bỏ vô đống lửa, nướng cho nóng, rồi dùng vòi cầm gậy khều đá ra, lăn đùa đi cho đá rớt xuống các hồ nước thiên nhiên trên một hốc đá (sondi).

Thỉnh thoảng Tượng lấy vòi thăm chừng, khi độ biết nước vừa đủ ấm, nó đến đảnh lễ Đức Bổn Sư.

Đức Ngài hỏi nó: "Ngươi nấu nước nóng rồi phải không Pālileyyaka?". Đoạn Đức Thầy đến chỗ tắm.

Kế đó, Tượng chúa mang nhiều thứ trái cây dâng lên Đức Bổn Sư. Tới giờ Đức Bổn Sư vào làng khất thực, Tượng chúa lấy y bát đội lên đầu đi theo hầu Ngài.

Khi tới cận xóm, Đức Bổn Sư dừng lại, bảo tượng rằng: "Nầy Pālileyya, kể từ đây ngươi không thể theo ta được nữa, hãy trao y bát lại cho ta".

Lấy y bát rồi, Đức Bổn Sư ngự đi một mình vào làng khất thực.

Con Tượng chúa đứng mãi nơi bìa rừng, chờ cho tới khi Đức Bổn Sư đi bát về, chạy ra rước lấy y bát, đội lên đầu và lục thục theo Ngài trở về chỗ ngự.

Về đến nơi, nó để y bát xuống đàng hoàng, lại tiếp tục làm lại những công việc hàng ngày nó vẫn làm để phục dịch Đức Bổn Sư, khi rãnh việc nó cầm cây làm quạt để quạt hầu Ngài.

Ban đêm, Tượng cầm một khúc cây to, thức để canh phòng thú dữ, nó nói thầm: "Ta sẽ hộ vệ Đức Bổn Sư", rồi nó đi tới đi lui, tuần hành theo các khoảng trống trong rừng cho tới khi mặt trời mọc.

Theo tục truyền, khu rừng được mệnh danh kể từ đó.

Khi mặt trời mọc lên, Tượng chúa dâng nước rửa mặt, cây đánh răng… đến Đức Bổn Sư xong, nó lo làm những phận sự hằng ngày đã kể ở trước.

Gần nơi đó, có con khỉ chúa, ngày ngày trông thấy Tượng chúa dậy sớm, hầu hạ phục dịch Đức Như Lai, khỉ chúa tự nghĩ: "Ta cũng sẽ làm việc chút ít chứ".

Trong khi nhảy nhót la cà nhiều chỗ, một hôm khỉ ta gặp được một ổ mật ong, đóng trên một nhánh cây, thấy ong đã bỏ đi hết, nó bèn bẻ nhánh cây ấy, cầm đi đem về gần tới Đức Bổn Sư nó bứt lá chuối lót dưới ổ mật ong, rồi dâng lên cho Ngài dùng.

Ngài chỉ tiếp nhận và làm thinh.

Khỉ chúa đứng chờ coi Đức Bổn Sư có thọ dụng ổ mật đó không. Nhưng nó chỉ thấy Ngài cầm lên và để xuống chứ không dùng. Khi ta tự hỏi: "Có cái gì đây?", nó bèn cầm lấy nhánh cây có ổ ong lên, lật qua lật lại xem thật kỹ, thì thấy còn sót trứng ong trong ổ, nó bèn cẩn thận gạt bỏ hết trứng ong, rồi dâng ổ mật lại Đức Bổn Sư.

Lần này Ngài thọ lãnh và thọ dụng.

Thấy vậy, khỉ chúa mừng quýnh, tung tăng nhảy nhót chuyền hết cành nầy tới cành kia.

Đang lúc cao hứng, không cẩn thận đề phòng, khỉ chúa với tay chụp phải một nhánh cây giòn yếu, nhánh nắm trong tay gãy, nhánh đạp dưới chân cũng gãy luôn, khỉ ta rơi từ trên cao xuống, trúng nhằm một gốc cây bén nhọn, chết liền tại chỗ.

Nhờ tâm trong sạch đối với Đức Bổn Sư, khỉ được siêu sanh lên cõi Tam thập tam thiên (Tāvatiṃsa) ở trong một tòa đền bằng vàng rộng ba mươi do tuần, có hàng ngàn thiên nữ theo hầu. Khắp cõi Diêm Phù Đề đều hay biết tin Đức Bổn Sư kiết hạ an cư trong rừng Rakkhitavana, có Tượng chúa hộ độ.

Từ thành Sāvatthī Trưởng giả Anāthapiṇḍika và bà Visākhā cùng nhiều đại gia tộc khác gởi thơ yêu cầu Đại đức Ānanda:

"Bạch Ngài, xin cho chúng tôi được yết kiến với Đức Tôn Sư".

Năm trăm vị Tỳ khưu nhập hạ ở tha phương, khi mãn hạ về gặp Đại đức Ānanda, cũng yêu cầu:

- Nầy đạo hữu Ānanda! Từ khi chúng tôi hội kiến với Đức Tôn Sư, được nghe pháp thoại của Ngài đến nay cũng đã quá lâu, xin đạo hữu hoan hỷ giúp chúng tôi được yết kiến Ngài để được nghe những lời vàng ngọc do Ngài ban bố.

Đại đức Ānanda bèn hướng dẫn chư khách Tăng đi tìm Đức Bổn Sư.

Khi gần đến nơi, Đại đức nghĩ thầm: "Đức Như Lai đã sống biệt cư trong ba tháng qua, ta chẳng nên đưa khách Tăng cùng vào một lượt mà làm mất sự yên tịnh của Ngài".

Để chư Tăng ở lại bên ngoài, Đại đức đi một mình vào rừng Rakkhitavana.

Tượng chúa Pālileyyaka vừa thấy dáng người lạ đã cầm gậy chạy xông tới.

Đức Bổn Sư nhìn tượng chúa và kêu: "Pālileyyaka hãy dang ra đừng đứng cản đường. Đó là vị thị giả của Như Lai".

Tượng chúa lập tức bỏ gậy xuống, đến xin rước bát của Đại đức, nhưng Đại đức không đưa. Tượng chúa nghĩ thầm: "Nếu vị nầy thông hiểu Giới Luật thì không dám để đồ đạc của mình lên thạch bàn chỗ Đức Bổn Sư an tọa".

Đại đức đặt y bát xuống đất (những vị Tỳ khưu hiểu Luật không bao giờ để đồ đạc của mình lên chỗ ngồi, chỗ nằm của các bậc Thầy Tổ).

Tượng chúa thấy vậy, phát tâm trong sạch đối với Đại đức.

Sau khi đảnh lễ Đức Tôn Sư, Đại đức ngồi xuống một bên. Đức Bổn Sư bèn nói:

- Nầy Ānanda! Ông lại đây có một mình ông sao?

Khi nghe Đại đức Ānanda cho Ngài biết có năm trăm vị Tỳ khưu cùng đi với Đại đức, Ngài lại nói:

- Chư Tăng ấy hiện giờ ở đâu?

- Vì không biết được tôn ý, nên con vào đây có một mình, chư Tăng còn ở lại phía ngoài.

- Hãy gọi chư Tăng ấy vào đây.

Đại đức vâng lời dạy; chư Tăng vào đến nơi, đảnh lễ Đức Thầy xong, ngồi nép qua một bên.

Đức Bổn Sư thân mật hỏi han chư Tăng về việc tự túc và hành đạo rồi, chư Tăng bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Ngài là một vị Phật Chí Tôn, một vị Vương tối thượng, lá ngọc cành vàng mà ở rừng suốt ba tháng hạ, không người hộ độ, dâng nước hầu cơm khi ngồi, khi đứng, khuya sớm một mình chắc là cực khổ lắm!

Nghe vậy, Đức Bổn Sư đáp:

- Nầy các Tỳ khưu! Đã có tượng chúa Pālileyyaka làm hết mọi việc cần thiết giúp Ta, nếu ai có được bạn đồng cư như Tượng chúa nầy, người ấy có thể vui sống chung, bằng không được vậy thì sống lẻ loi cô độc còn hơn.

Nói rồi, tiếp đọc ba câu kệ dưới đây về sau được ghi chép lại trong phẩm Voi (Nāga vagga) của kinh Pháp Cú.

"Sace labhetha nipakaṃ sahāyaṃ,
Saddhiṃ caraṃ sādhuvihāri-dhīraṃ;
Abhibhuyya sabbāni parissayāni,
Careyya ten'attamano satīmā.
No ce labhetha nipakaṃ sahāyaṃ,
Saddhiṃ caraṃ sādhuvihāridhīraṃ;
Rājāva raṭṭhaṃ vijitaṃ pahāya,
Eko care mātaṅgaraññeva nāgo.
Ekassa caritaṃ seyyo,
Natthi bāle sahāyatā;
Eko care na ca pāpāni kayirā,
Appossukko mātaṅgaraññeva nāgoti".

"Nếu may gặp bạn đồng hành,
Hiền minh chơn chánh hiểu rành lối đi.
Tinh tường thắng phục gian nguy,
Hãy nên hoan hỷ, nhớ ghi kết tình.
Nếu không gặp bạn đồng hành,
Hiền minh chơn chánh, hiểu rành lối đi.
Như vua bỏ nước vong suy,
Như voi rừng thẳm thà đi một mình.
Thà rằng chiếc bóng độc hành,
Không cùng đứa dại kết tình thâm giao.
Độc cư chẳng phạm lỗi nào,
Thanh nhàn như tượng ra vào rừng sâu".

Kệ ngôn vừa dứt, năm trăm vị Tỳ khưu đều đắc quả A La Hán. Kế đó Đại đức Ānanda chuyển lời thỉnh cầu của ông Anāthapiṇḍika và các thiện tín khác, Đại đức nói:

- Bạch Ngài! Năm mươi triệu Thánh Thinh Văn có ông Anāthapiṇḍika là người lãnh đạo, kính gởi lời xin cung thỉnh Đức Tôn sư trở về Jetavana.

Đức Thế Tôn phán:

- Thế thì nầy Ānanda, ông hãy mang bát của Ta đi.

Đại đức Ānanda vừa lấy y bát của Đức Bổn Sư bước đi, thì Tượng chúa đứng đường cản lại. Chư Tăng thấy Tượng làm vậy bèn hỏi Đức Thế Tôn:

- Bạch Ngài! Tượng chúa làm cái gì đây?

- Nầy các Tỳ khưu! Tượng chúa tỏ ý muốn cúng dường thực phẩm đó. Tượng nầy có công hộ độ Như Lai lâu ngày, chớ nên làm buồn lòng nó. Chư Tăng hãy ở nán lại.

Đức Bổn Sư dẫn chư Tăng quay trở lại chờ.

Tượng chúa đi sâu vô rừng, kiếm chuối và nhiều thứ trái cây khác, chất lên trên đầu, đội về để dành qua ngày sau dâng cúng đến chư Tăng, năm trăm vị Tỳ khưu độ cũng không hết.

Khi chư Tăng thọ thực xong, Đức Bổn Sư lấy y bát ra đi.

Tượng chúa rẽ lối đi chen vào chư Tăng, đến đứng ngay trước mặt Đức Bổn Sư. Chư Tăng lại bạch hỏi:

- Bạch Ngài! Tượng chúa định làm gì vậy?

- Nầy các Tỳ khưu! Tượng chúa muốn tiễn đưa các ông về cho sớm và giữ Ta ở lại.

Đức Bổn Sư quay qua bảo Tượng chúa rằng:

-Nầy Pālileyyaka, hôm nay Như Lai ra đi không còn trở lại. Vĩnh biệt nhà ngươi. Trong kiếp hiện tại nầy ngươi chẳng mong gì đắc Thiền định, Minh sát hay chứng được đạo quả chi đâu. Thôi ngươi hãy nán lại ở đây nghe.

Nghe vậy, Tượng chúa đút vòi vào miệng, từ từ thụt lùi lại phía sau vừa đi vừa rống lên những tiếng bi ai sầu thảm (nếu nó cầm được Đức Như Lai ở lại, có lẽ nó sẽ hết lòng phụng dưỡng Ngài mãi mãi cho đến hết đời của nó).

Ra tới bìa rừng, Đức Bổn Sư kêu Tượng chúa và bảo:

- Nầy Palileyyaka! Từ đây trở ra không phải là địa phận của ngươi, nếu ngươi đi xa hơn nữa vào tới nhà cửa xóm làng có người ở, ắt là sẽ nguy hiểm cho ngươi. Thôi ngươi hãy dừng lại!

Tượng chúa bèn dừng lại, rống lên nghe rất thảm thiết. Nó giương đôi mắt nhìn theo Đức Bổn Sư cho đến khi khuất dạng rồi bị nứt tim, nó chết ngay tại chỗ đó, nhờ đang có tâm trong sạch với Đức Như Lai, nó được sanh về cõi Tāvatiṃsa (Đao Lợi) ở trong một tòa lâu đài bằng vàng ba mươi do tuần, có cả ngàn thiên nữ theo hầu và được mệnh danh là Pālileyyaka Thiên tử (Devaputta).

Đức Bổn Sư ngự hành lần hồi về tới Jetavana. Các Tỳ khưu ở Kosambi hay tin Đức Bổn Sư đã trở về thành Sāvatthī, bèn kéo nhau đến để xin sám hối.

Quốc vương xứ Kosala nghe tin chư Tăng tranh chấp ở Kosambi đi vào thành Kosala, bèn ngự đến đảnh lễ Đức Thế Tôn và bạch:

- Bạch Ngài! Quả nhân cấm không cho các Tỳ khưu ngỗ nghịch ấy vào nước của quả nhân.

- Tâu Đại Vương! Tất cả những Tỳ khưu ấy đều là hạng người có giới đức thanh cao, chẳng qua vì tranh giành, kình chống lẫn nhau mà không vâng lời Như Lai đó thôi. Nay họ đã biết ăn năn đến để xin sám hối Như Lai. Đại Vương hãy để cho họ đến.

Ông Anāthapiṇḍīka cũng đến bạch với Đức Thế Tôn:

- Bạch Ngài! Con không cho mấy ông đó vào chùa.

Đức Bổn Sư lại giải thích cho ông nghe, như Ngài giải thích với đức vua, nên ông lẳng lặng đi ra.

Khi các Tỳ khưu ở Kosambi đến, Đức Bổn Sư ra lệnh sắp đặt chỗ ở riêng biệt một phía cho họ ở chung, ngoài ra các Tỳ khưu khác không được ngồi chung, đứng chung hay tiếp xúc chuyện trò của họ.

Nhiều người nghe tiếng đồn, kéo nhau đến chùa hỏi thăm Đức Bổn Sư: "Bạch Ngài! Các vị nào là những vị Tỳ khưu tranh chấp ở Kosambi đâu?".

Đức Bổn Sư chỉ ngay họ cho thiện tín thấy. Rồi hết người nọ đến người kia, họ lấy tay chỉ truyền nhau: "Nghe nói là mấy ông Sư đó đó".

Thế rồi, chư Tỳ khưu ấy hổ thẹn chẳng dám ngước mặt ngó lên đến quỳ mọp dưới chân Đức Bổn Sư và xin sám hối với Ngài.

Đức Bổn Sư quở rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Việc làm của các ông thật là đáng tội, các ông được xuất gia tu hành với một vị Phật như Ta, mà các ông bất chấp lời khuyên dạy, chẳng khứng hiệp hòa. Bậc hiền trí thuở xưa lãnh lời di chúc của song thân sắp thọ tử hình, dầu cho song thân có bị thảm sát chết đi rồi, cũng không dám vi phạm lời di chúc ấy. Về sau được thống lãnh cả hai quốc gia.

Nói rồi, Đức Bổn Sư nhắc lại tích đức vua xứ Kosala một lần nữa và Ngài kết luận rằng:

"Nầy các Tỳ khưu, dầu cho Phụ vương và Mẫu hậu đã bị hành quyết rồi, Thái tử Trường sanh cũng không trái lời đi chúc của Tiên vương. Về sau được vua Brahmadatta phong làm phò mã và nhường cả ngai vàng, thành ra một mình thống lãnh cả hai lãnh thổ là xứ Kāsi và Kosala. Còn các ông bây giờ cãi, không nghe lời Ta. Tội lỗi của các ông nặng nề biết mấy".

Đến đây Đức Bổn Sư đọc lên bài kệ rằng:

"Pare ca na vijānanti,
Mayam'ettha yamāmase;
Ye ca tattha vijānanti,
Tato sammanti medhagāti".

"Nhóm kia tranh luận đảo điên,
Không ngờ: Mình tự tìm niềm diệt vong.
Nhóm nầy lý nọ hiểu thông,
Ta đây dứt sự lòng vòng hơn thua".

CHÚ GIẢI:

Pare ca: Theo nghĩa thông thường là *"những người khác"* nhưng ở đây không có nghĩa là người ngoài cuộc, mà ám chỉ những người đang tranh chấp. Gây sự xáo

trộn trong đoàn thể, là những người thiếu sự hiểu biết, tương đối với nhóm này là nhóm hiểu biết, không tranh chấp. Hoặc giả chỉ nhóm Tăng mà Như Lai đã khuyến giới: "Nầy các Tỳ khưu, đừng nên chia rẽ nhau"… mà chẳng chịu nghe lời, lại còn đáp rằng: "Vì chúng tôi còn tham sân…".

Na vijānanti: Nghĩa là *không hiểu biết,* tức là không hiểu biết rằng: Đoàn kết là sống, chia rẽ là chết. Hoặc giả là dốt nát đảo điên, chấp theo tà kiến, gắng làm tăng trưởng mầm sống chia rẽ tranh chấp với hi vọng rằng: "Làm vậy chúng tôi sẽ được danh tiếng".

Mayam'ettha: Nghĩa là *chúng ta nơi đây,* ý nói trong việc tranh chấp, chia rẽ nầy, hoặc là ở nơi đây có sự chia rẽ nầy.

Yamāmase: Sự tiêu diệt, chư Tăng đang hòa hợp sống chung, bỗng nhiên sanh ra tranh giành, cãi vã, bất hòa, ấy là tự mình chận đứng bước tiến của mình, tự mình tiêu diệt mình, tự mình đưa nhau đến chỗ suy vong mà không tự biết.

Ya ca tattha: Nghĩa là *những người ở tại đây,* chỉ nhóm người không tranh chấp, đối lại với nhóm kia ở câu kệ trên.

Hoặc giả chỉ những Tỳ khưu tranh chấp, nhưng sớm biết ăn năn tự hối, nhờ có sự lưu tâm, suy xét, cân phân lợi hại.

Vijānanti: Nghĩa là *hiểu biết,* tức là hiểu biết sự tai hại của sự chia rẽ và sức mạnh của sự đoàn kết to lớn dường nào.

Tato: *Từ đây* hay là *do đây,* từ đây là kể từ lúc người hiền trí nhờ lưu tâm quán xét thống thấu được rằng: Sự tranh chấp chia rẽ là con đường đưa đến chỗ diệt vong.

Còn nói do đây, là do những người sớm biết lưu tâm quán xét tự nhận tội lỗi để cùng nhau hợp hòa trở lại, do người như vậy làm gương cho người khác noi theo.

Samanti medhagāti: Các sự tranh chấp, cãi lẫy hiện thuyết hơn thua, phải quấy thảy đều yên lặng chấm dứt, không còn kéo dài lòng thòng nữa.

Đến cuối câu kệ, chư Tỳ khưu đều đắc quả nhất là quả Tu Đà Hườn.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Hai nhóm Tỳ khưu Kiều Thưởng Di,
Nghịch nhau bởi cớ chẳng ra gì.
Nước thừa, lại phá Tăng hòa hiệp,
Giới nhỏ sao làm chúng đoạn ly.
Phật dạy không nghe lời quý ích,
Thầy chung sẽ được tiếng cao kỳ.
Từ Tôn vắng bóng còn ai hộ.
Bụng đói thì thôi hết thị phi.

DỨT CHUYỆN CÁC TỲ KHƯU Ở KOSAMBI



Some know not that life ends in death. Thought of death prevents quarrelling.

06. Một số người không biết rằng đời sống chấm dứt bằng cái chết, suy tư về cái chết sẽ ngăn chặn mọi tranh chấp

I.6- Tích TIỂU HẮC VÀ ĐẠI HẮC

(Cullakāḷamahākaḷa vatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 07-08)

07. "Subhānupassiṃ viharantaṃ,	***"Ai sống theo thị dục,***
Indriyesu asaṃvutaṃ;	***Các căn chẳng thu thúc,***
Bhojanamhi amattaññuṃ,	***Ăn uống vô độ điều,***
Kusītaṃ hīnavīriyaṃ;	***Biếng lười không tận lực,***
Taṃ ve pasahati māro,	***Ma thắng người ấy như,***
Vāto rukkhaṃ'va dubbalaṃ".	***Gió đè cây yếu sức".***
08. "Asubhānupassiṃ viharantaṃ,	***"Ai bất tịnh quán tu,***
Indriyesu susaṃvutaṃ;	***Các căn khéo nhiếp thu,***
Bhojanamhi ca mattaññuṃ,	***Ăn uống có tiết độ,***
Saddhaṃ āraddhavīriyaṃ;	***Chánh tín và cần cù,***
Taṃ ve nappasahati māro,	***Ma chẳng thắng người ấy.***
Vāto selaṃ'va pabbatanti".	***Như gió thổi sơn dầu".***

Kệ Pháp Cú 7 và 8 nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự gần thành Setabya, trong rừng Simsapa, đề cập đến hai anh em Cullakāḷa và Mahākāḷa.

Cullakāḷa (Tiểu Hắc), Majjhimakāḷa (Trung Hắc) và Mahākāḷa (Đại Hắc) là ba anh em Trưởng giả ở thành Setabya. Trong ba người, anh cả và em út chuyên đi xứ xa bổ hàng trở về bằng năm trăm cỗ xe bò, người giữa ở lại xứ nhà lo việc buôn bán.

Công việc hợp tác buôn bán giữa ba anh em vẫn trôi chảy đều đều như vậy, cho đến một lúc nọ sau khi chất đủ thứ hàng hóa đầy năm trăm cỗ xe bò. Hai vị thương khách lên đường trở về thành Sāvatthī. Đến khoảng giữa đường của thành Sāvatthī và chùa Jetavana. Họ cho đoàn xe dừng lại và mở thả bò ra, nghỉ đêm tại đó.

Sáng hôm sau, Trưởng giả Mahākāḷa trông thấy các thánh Thinh Văn ở thành Sāvatthī, tay cầm hương hoa lễ vật đi nghe thuyết pháp. Trưởng giả Mahākāḷa bèn hỏi:

- Mấy người nầy đi đâu vậy?

Khi biết mục đích của cuộc hành hương. Trưởng giả Mahākāḷa nói thầm: "Ta cũng đi nữa".

Nghĩ rồi Trưởng giả kêu em út và dặn rằng:

- Nầy em! Em hãy ở đây trông chừng đoàn xe, để anh đi nghe thuyết pháp.

Dặn em rồi, Mahākāḷa ra đi, đến đảnh lễ Đức Như Lai xong, ngồi xuống một nơi ngoài vòng cử tọa.

Ngày ấy, tùy theo trình độ của Mahākāḷa, Đức Bổn Sư đã thuyết tuần tự pháp, giảng giải kinh Khổ Uẩn và các kinh khác nữa, chỉ rành chỗ tai hại, lầm lỗi, ô nhiễm của Ngũ trần dục lạc.

Mahākāḷa nghe pháp xong tự nghĩ: "Trước sau gì con người cũng phải một lần ra đi, phủi tay bỏ hết những vật hiện hữu, một mình lẻ loi sang cảnh giới khác, của tiền, thân quyến nào có ai theo. Vậy ta còn nấn ná ở nhà làm gì? Ta nhất định sẽ xuất gia".

Chờ cho đại chúng trong hội trường đảnh lễ Đức Bổn Sư ra về hết. Mahākāḷa đến xin Đức Bổn Sư cho mình được xuất gia.

Đức Bổn Sư bèn hỏi:

- Ông còn có ai mà phải từ giã không?

- Bạch Ngài! Con còn có đứa em trai út.

- Nếu vậy, ông hãy trở về từ giã đứa em trai út của ông đi.

- Sādhu! Bạch Ngài.

Đáp xong Mahākāḷa trở về chỗ đoàn xe, tìm gặp Cullakāḷa và bảo: "Nầy em! Em hãy nhận làm chủ hết cả tài vật nầy đi".

- Còn anh thì sao? Thưa anh! Anh sẽ đi đâu?

- Anh sẽ đến xuất gia với Đức Bổn Sư.

Cullakāḷa viện đủ lí lẽ để anh mình từ bỏ ý định xuất gia, nhưng không được. Rốt cuộc Cullakāḷa bảo:

- Sādhu! Lành thay, xin Trưởng huynh hãy làm theo ý định.

Mahākāḷa bèn xuất gia với Đức Bổn Sư.

Kế đó, Cullakāḷa cũng xuất gia, nhưng trong tâm tính thầm rằng: "Hễ lôi kéo anh ta ra được rồi thì ta cũng sẽ hoàn tục". Thời gian sau, Mahākāḷa thọ Cụ túc giới, tu lên bậc trên xong, bèn đến đảnh lễ Đức Bổn Sư và hỏi về hai pháp trọng yếu trong Phật giáo.

Sau khi nghe Đức Bổn Sư thuyết minh về hai pháp ấy, Mahākāḷa bạch rằng:

- Bạch Ngài! Con nay đã lớn tuổi rồi mới xuất gia, chắc không kham nổi Pháp học cho trọn đủ được, nhưng con có thể hy vọng thành tựu pháp hành Minh Sát.

Thế rồi, Tỳ khưu Mahākāḷa học lấy đề mục bất tịnh (tử thi) để niệm cho đắc quả A La Hán và thọ trì chi đầu đà ngụ nơi mộ địa (Sosanikadhutaṅga).

Lối cuối canh đầu, khi mọi người đều an giấc, Trưởng lão Mahākāḷa đi vào mộ địa hành thiền và khi mặt trời gần sáng, trước khi thiên hạ thức dậy, Trưởng lão trở về chùa.

Khi ấy, người giữ mộ địa là một phụ nữ, tên là Kāḷī, có phận sự thiêu xác chết, thấy bóng Trưởng lão Mahākāḷa thấp thoáng giữa canh khuya, khi đứng, khi ngồi, hoặc đi tới đi lui trong nghĩa địa, bèn tự hỏi: "Ai mà vào chi đây, ta phải rình coi cho biết mặt".

Nhưng rình coi mãi cũng không thể đoán biết được người ấy là ai? Một hôm Kāḷī thắp một cây đèn treo trong nhà thiêu xác rồi dắt con trai, con gái ra núp ở một phía bên ngoài. Gần nữa đêm Kāḷī thấy Trưởng lão đi đến, bèn ra đảnh lễ Trưởng lão và hỏi:

- Bạch Ngài! Một vị Sư cao quí như Ngài mà ngụ ở chỗ nầy sao?

- Phải đó, cô tín nữ.

- Bạch Ngài, Ngài cư ngụ nơi mộ địa cần phải tuân theo một vài thủ tục.

Trưởng lão không nói: "Cô tưởng rằng ta sẽ làm theo những quy tắc của cô đưa ra hay sao?". Nhưng Trưởng lão chỉ hỏi:

- Nầy cô tín nữ! Tôi phải tuân hành theo những thủ tục gì?

- Bạch Ngài! Người cư ngụ nơi mộ địa cho vị trụ trì chùa mình và cho vị xã trưởng trong làng mình hay biết.

- Vì lí do nào?

- Dạ! Bởi vì bọn ăn trộm sua khi lấy được đồ, khi bị chủ nhà rượt đuổi theo, túng nước thường hay ném tang vật vào trong mộ địa để thoát thân. Bởi thế người ta mới hăm dọa những người cư ngụ trong mộ địa, nhưng nếu Ngài đã có trình báo đàng hoàng với nhà chức trách, thì khỏi lo phiền phức về sau vì đã được những người có thẩm quyền chứng nhận rằng: "Chúng tôi chứng nhận vị Đại đức nầy có khai báo trong thời gian cư ngụ nơi đây vị nầy không phải là kẻ trộm". Do đó mà Ngài cần trình báo với người hữu trách đúng theo thủ tục.

Trưởng lão lại hỏi:

- Ngoài ra còn phải làm gì nữa không?

- Bạch Ngài, trong thời gian cư ngụ nơi mộ địa, Ngài phải kiêng cử cả thịt, cá, mè, trứng, đường mật, bột… Ngài không được ngủ ngày, không nên lười biếng. Ngài phải luôn luôn tinh cần dũng mãnh, không có sự gian dối, phải có nhiều thiện chí. Buổi tối chờ khi mọi người ngủ hết rồi, Ngài mới nên từ chùa đến đây. Gần sáng mọi người chưa thức dậy, Ngài nên trở về chùa.

Bạch Ngài, nếu như Ngài cư ngụ nơi đây, hành y như thế mà đạt đến mục đích tối cao của đời tu sĩ, thì hễ khi nào có tử thi mang đến vứt bỏ tại đây, tôi sẽ đem xác ấy vô nhà thiêu dùng hương hoa lễ vật cúng tế vong linh của người quá cố.

Nhược bằng Ngài không thành tựu được theo cách ấy thì tôi sẽ đặt tử thi lên giàn hỏa châm lửa đốt, lại lấy cây cọ nhồi đâm cho xì nước, rồi lôi ra ngoài dùng búa đẻo chặt đứt ra nhiều khúc ném trở vào lửa, để Ngài chứng kiến rồi lấy đó làm đề mục tham thiền.

Nghe xong, Trưởng lão đáp:

- Sādhu! Lành thay, vậy khi cô thấy có xác nào có thể làm đề mục niệm tử thi được, thì báo tin cho ta.

Sau đó, trong khi chờ đợi, Trưởng lão Mahākāḷa vẫn noi theo bổn nguyện hành Sa môn pháp ở nơi mộ địa.

Trưởng lão Cullakāḷa vốn tánh hoạt bát, hiếu động, không thích ngồi yên, chỉ tưởng nghĩ đến gia đình, thương nhớ vợ con, Trưởng lão nói thầm: "Anh ta lựa chi con đường tu hành quá khổ khắc như thế không biết".

Khi ấy, có một thiếu phụ con nhà giàu sang vướng bịnh thình lình, sớm đau chiều chết, nên thi thể không sút kém tồi tàn.

Đầu hôm, thân quyến bạn bè của cô đưa xác cô ta vào mộ địa với củi khô, dầu và các món vật dụng để thiêu xác, rồi bảo cô giữ mộ địa: "Hãy thiêu xác nầy đi".

Trả trước lệ phí, những người ấy giao xác cho cô giữ mộ địa.

Khi cô giữ mộ địa cởi hết y phục của thiếu phụ chết ra. Thì thấy lồ lộ nguyên cả thân hình, tròn trịa xinh xắn, một màu vàng ánh. Cô ta nghĩ ngay rằng: "Tử thi nầy là một đề mục thích ứng vừa cho ta thỉnh Trưởng lão tới quán niệm".

Cô ta lập tức đi tìm Trưởng lão, đảnh lễ xong rồi bạch rằng:

- Tôi vừa mới được một tử thi làm đề mục niệm tốt vô cùng, xin thỉnh Ngài đến quán sát.

- Sādhu! Lành thay!

Đáp lời xong, Trưởng lão đến ngay, khiến giở lớp y phục che phủ trên tử thi và nhìn kỹ từ gót chân lên ngọn tóc. Rồi Trưởng lão bảo: "Hãy ném cái xác thân đẹp đẽ vàng ánh nầy vào lửa và khi nào lửa bắt đầu cháy xém xác thân thì hoan hỷ báo cho ta biết".

Dặn rồi Trưởng lão trở về chỗ cũ của mình và ngồi xuống. Cô giữ mộ địa làm theo lời dặn rồi đến báo cho Trưởng lão biết. Trưởng lão đến quan sát tử thi, khi lửa bén cháy tới thịt thì xác thân trở nên màu giống như con bò cái, rồi hai chân rớt ra đánh tòn ten, hai tay rút lại cong queo, chỗ trán không còn chút da.

Trưởng lão nghĩ thầm: "Cái thi hài nầy khi nãy, ai nhìn tới ắt cũng sanh lòng thương yêu lưu luyến, mà bây giờ tiêu hoại rã tan như vậy".

Trở về chỗ cũ, Trưởng lão ngồi xuống, quán xét thấy rõ lý hoại diệt (Khayavaya) cảm kích ngâm lên mấy câu kệ vô thường:

"Aniccā vata saṅkhārā
Uppādavayadhammino
Uppajjitvā nirujjhanti
Tesaṃ vūpasamo sukhoti".

Lược dịch:

"Hữu vi quả thật chẳng miên trường,
Sanh diệt xưa nay vẫn sự thường.
Các pháp tự sanh rồi tự diệt,
Diệt sanh tịch tịnh mới an khương".

Đọc xong bài kệ, Trưởng lão tăng tiến pháp Thiền Minh sát, đắc quả A La Hán với Tuệ phân tích.

Lúc Trưởng lão đắc A La Hán thì Đức Bổn Sư cùng đại chúng Tỳ khưu cất bước du hành ngự đến gần thành Setabya vào tịnh cư trong rừng Siṃsapa.

Mấy bà vợ của Cullakāḷa nghe đồn: "Đức Bổn Sư đã về gần đây", bèn bàn tính với nhau: "Chúng ta sẽ bắt chồng ta trở lại mới được", tính rồi họ cho người đi thỉnh Đức Bổn Sư.

Theo thông lệ của chư Phật, nhà nào muốn thỉnh Phật và chư Tăng thì phải sắp đặt chỗ ngồi cho có trật tự đúng pháp, thường thì một vị sư được phái đến đó trước để chỉ biểu cách thức như vậy: Ngay chính giữa là chỗ danh dự để Đức Phật ngự một mình, phía phải là chỗ của Đại đức Sāriputta, phía tay trái là chỗ của Đại đức Moggallāna, kể từ đó sắp hai dãy ghế của chư Tăng.

Lúc ấy, Đại đức Mahākāḷa đang đứng trong chỗ để y bát, bèn bảo Trưởng lão Cullakāḷa: "Sư về đó chỉ biểu sắp đặt chỗ ngồi trước đi".

Từ lúc người nhà trông thấy Cullakāḷa, họ bày ra chuyện trớ trêu, đem chỗ ghế thấp sắp ngay hàng đầu nơi chỗ dành riêng cho chư Đại đức và sắp những ghế cao vào các nơi những vị mới tu.

Tỳ khưu Cullakāḷa nhắc đi nhắc lại:

- Đừng làm như vậy, đừng sắp ghế thấp ở chỗ cao và ghế cao ở chỗ thấp.

Bảo đến lần thứ ba, họ đã chẳng thèm nghe mà hỏi lại:

- Chớ còn ông làm gì mà chẳng chịu ra tay sắp chỗ ngồi, cứ ở không đi tới đi lui hoài vậy? Lúc đi tu ông có từ giã ai không? Ai cho ông xuất gia? Ông về đây làm gì?

Nói rồi họ ráp nhau xé rách y trong, y ngoài của Trưởng lão Cullakāḷa, lấy thường phục màu trắng thay cho ông rồi nói:

- Bây giờ ông đi thỉnh Đức Bổn Sư đi để chúng tôi ở nhà mà sắp đặt chỗ ngồi.

Vừa mới tu lên Tỳ khưu chưa có hạ nào, kế hoàn tục vừa theo sở thích nên Cullakāḷa chẳng chút hổ thẹn, cũng không thắc mắc ngại ngùng vì lối phục sức đó. Ông ta đi ngay đến nơi Đức Bổn Sư, đảnh lễ Ngài xong, xin rước luôn chư Tăng có Đức Phật làm chủ tọa trở về nhà.

Mấy bà vợ của Trưởng lão Mahākāḷa tính với nhau: "Hai cô nầy đã bắt được chồng họ quay trở về, chúng ta phải bắt chồng chúng ta quay trở về mới được".

Tính rồi, mấy bà chờ chư Tăng độ ngọ xong, bèn thỉnh Đức Bổn Sư và chư Tăng ngày hôm sau, thọ thực nơi nhà của mình.

Lần nầy một vị Tỳ khưu lạ đến trước, chỉ bảo cách sắp đặt chỗ ngồi, mấy bà không có cơ hội để bắt cóc chồng cũ, bèn thỉnh Đức Phật và chư Tăng an tọa xong, dâng vật thực.

Lúc bấy giờ có đủ mặt hai bà vợ của Cullakāḷa, bốn bà vợ của Majjhimakāḷa, tám bà vợ của Mahākāḷa.

Chư Tăng vị nào muốn thọ thực trong nhà thì ngồi đó dùng, còn vị nào muốn ra ngoài thì sau khi thọ bát rồi đứng dậy ra đi. Đức Bổn Sư ngồi luôn nơi đó thọ thực.

Khi Ngài dùng xong bữa, các phụ nữ ấy bạch rằng:

- Bạch Ngài! Trưởng lão Mahākāḷa còn phải ở lại tụng kinh hồi hướng phước báu, xin cung thỉnh Ngài hoan hỷ trở về trước với chư Tăng.

Đức Bổn Sư đáp: "Sādhu!".

Rồi Ngài ra về trước, để Trưởng lão Mahākāḷa ở lại một mình. Về đến cổng thành, chư Tăng mới lên tiếng than phiền rằng:

- Tại sao Đức Tôn Sư làm như vậy, không biết là Ngài cố ý hay vô tình? Hôm qua cho Cullakāḷa về nhà trước đã làm hại cuộc đời tu hành của ông ta rồi. Hôm nay phái một vị Tỳ khưu lạ đến trước, nên không có sự tai hại nào xảy ra, bây giờ Đức Bổn sư lại bảo Mahākāḷa ở lại một mình và Ngài ngự ra về trước, tội nghiệp Tỳ khưu Mahākāḷa giới đức chơn chánh, không biết có bị mấy bà vợ cũ làm hư phạm hạnh, kết liễu cuộc đời tu sĩ hay không?

Nghe chư Tăng bàn tán, Đức Bổn Sư dừng bước quay lại hỏi:

- Nầy các Tỳ khưu! Các ông đang nói chuyện gì vậy?

Chư Tăng lặp lại lời vừa nói với Đức Bổn Sư. Ngài nói:

- Nầy các Tỳ khưu! Các ông cũng tính rằng Mahākāḷa cũng bị như Cullakāḷa hay sao?

- Bạch Ngài! Đúng như vậy vì Cullakāḷa chỉ có hai vợ, còn Mahākāḷa có đến tám vợ. Nếu tám bà nầy ráp nhau vây bắt, ông ta làm sao thoát khỏi, bạch Ngài.

Đức Bổn Sư dạy rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Các ông chớ nên nói như thế, Cullakāḷa đã quen sống đời phóng túng, bằng thứ tư tưởng chạy theo dục lạc ngũ trần, như cây mềm yếu mọc dựa bờ sông. Trái lại con của Như lai Mahākāḷa sống không ham dục lạc, hành thiền quán bất tịnh như núi đá kiên cố không bị lay chuyển.

Nói rồi, Đức Bổn Sư ngâm hai bài kệ sau đây:

"Subhānupassiṃ viharantaṃ,
Indriyesu asaṃvutaṃ;
Bhojanamhi amattaññuṃ,
Kusītaṃ hīnavīriyaṃ;
Taṃ ve pasahati māro,
Vāto rukkhaṃ'va dubbalaṃ".

"Asubhānupassiṃ viharantaṃ,
Indriyesu asaṃvutaṃ;
Bhojanamhi ca mattaññuṃ,
Saddhaṃ āraddhavīriyaṃ;
Taṃ ve nappasahati māro,
Vāto selaṃ'va pabbatanti".

"Người ham khoái lạc vui đùa,
Lục căn chẳng giữ lại ưa ăn nhiều.
Biếng lười phận sự bỏ liều,
Ma vương mới dễ dắt dìu khiến sai.
Cây mềm gió lốc dễ bay,
Người hèn khó thoát khỏi tay dục tình".

"Lục căn khôn khéo giữ gìn,
Uống ăn tiết độ vững tin pháp thiền.
Thanh bần giữ một lời nguyền,
Quán thân bất tịnh, tinh chuyên tu hành.
Như dông đụng núi đá xanh,
Ma Vương muốn thắng cũng đành bó tay".

CHÚ GIẢI:

***Subhānupassiṃ** (theo thị dục):* là ưa thích sự khoái lạc về thể xác, ở đây có nghĩa là buông thả tâm hồn, tư tưởng cho chạy theo đối tượng là người nữ (itthārammaṇa).

***Viharantaṃ** (sống):* là nương vào, là cần phải có, người nam nào đang ấp ủ một bóng sắc mà mình say mê, đang nắm giữ những nét kiều diễm mà mình đắm đuối, luôn miệng trầm trồ: "Móng tay đẹp quá, ngón tay đẹp quá"… hai tay, hai chân, bắp chuối chân, ngực, háng, bụng, vú, cổ, môi, răng, miệng, mũi, mắt, tai, mày, trán, tóc đẹp quá, rồi lấy tay rờ rẫm, cầm vuốt ve… tóc, răng, móng, da đẹp rồi lấy tay rờ… màu da đẹp, dung nhan đẹp… rồi chiếm hữu giữ gìn. Như vậy gọi là chạy theo khoái lạc.

Câu "Ai sống theo thị dục" chỉ hạng người như thế.

***Indriyesu** (các căn):* là Lục căn: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý.

***Asaṃvutaṃ** (chẳng thu thúc):* là không gìn giữ sáu căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý.

***Amattaññuṃ** (vô độ lượng):* là không biết tri túc, không có chừng mực trong sự tìm kiếm, trong sự thọ lãnh, trong sự dùng xài.

***Bhojanamhi amattaññuṃ** (ăn uống vô độ):* Là trong sự ăn uống không biết quán tưởng, không biết từ chối, không biết phân biệt rằng: Món thực phẩm nầy hợp lẽ đạo (dhammiko), món thực phẩm kia không hợp lẽ đạo (adhammiko).

***Kusītaṃ** (biếng lười):* là biếng lời trong sự suy xét để thấy rõ tội lỗi ác hại của Ngũ trần dục lạc.

***Hīnavīriyaṃ** (kém tinh tấn):* là không tấn lực, không cố gắng, thiếu sự tinh cần dũng mãnh hành trì trong bốn oai nghi.

***Pasahati māro** (Ma thắng):* là ma vương thâu phục, lấn áp, đè nén.

***Vāto rukkhaṃ'va dubbalanti** (như gió đè cây yếu):* là như dông to gió lớn thổi rạp những cây yếu ớt mọc ở bờ sông, dông gió ấy làm cho bông trái, lá đọt phải rơi rụng, nhánh nhỏ phải đứt đoạn, nhánh lớn phải gãy lìa, gốc rễ tróc bật lên, cả cây phải nằm chỏng gọng, gốc trở lên trời, ngọn cắm xuống đất.

Con người tu hành mà yếu đuối nhu nhược, cũng bị phiền não Ma vương quật ngã như thế ấy, những giới nhỏ của Tỳ khưu như tác ác, ác khẩu, Ưng học pháp ví như bông trái, lá, đọt, của cây, những giới vừa là Ưng xả đối trị và Ưng đối trị ví như nhánh nhỏ, mười ba giới Tăng tàng ví như những nhánh lớn. Còn bốn giới Bất cộng trụ ví như gốc rễ của cây. Người tu mà yếu hèn chịu nằm ẹp dưới quyền lực của phiền não Ma vương để cho dục tình chi phối sai sử rồi thì bao nhiêu giới nhỏ, lớn cũng đều

vi phạm và cuối cùng phải hư hỏng phạm hạnh, sa ngã là người cư sĩ bạch y, không còn dự hàng Thinh Văn đệ tử của Đức Phật nữa.

Asubhānupassiṃ *(Bất tịnh quán):* là quán niệm một trong mười đề bất tịnh (tử thi) hoặc niệm ba mươi hai thể trược, niệm thuận khởi đầu từ tóc là vật bất tịnh rồi đến lông, móng, răng, da, tất cả hình hài nầy là vật bất tịnh.

Viharantaṃ *(tu):* là tinh tấn quán niệm như trên.

Indriyesu *(các căn):* là sáu căn đã giải.

Susaṃvutaṃ *(khéo nhiếp thu):* là dứt được say mê nữ sắc, đóng chặt các cửa, không cho tâm tiếp xúc với Lục trần là sắc, thinh, hương vị, xúc, pháp.

Bhojanamhi ca mattaññuṃ *(Ăn uống có tiết độ):* là ăn uống có chừng mực, nghịch hẳn với sự vô tiết độ.

Saddhaṃ *(Chánh tín):* là có đức tin nơi nghiệp quả tương quan, đức tin của phàm nhơn gọi là phàm tín (lokiyassaddha) nhờ sự suy xét hành thiền và nhận thức được tin có ba cõi Dục, Sắc và Vô sắc. Đức tin của bậc Thánh nhân là Thánh tín (Lokuttarassaddha) nhờ được giải thoát mà tin nơi đạo quả và Niết Bàn.

Āraddhavīriyaṃ *(Cần cù):* là có sự tinh tấn bền bỉ, dẻo dai có nhiều nghị lực chịu được gian khổ.

Taṃ ve *(Người ấy):* là người giới hạnh như vậy.

Nappasahati māro *(Ma không thắng):* là Ma vương không thể lấn áp, thâu phục.

Vāto selaṃ'va pabbatanti *(như gió thổi núi đá):* là như gió, dầu cho mạnh đến bực nào cũng không lay chuyển, đàn áp được khối đá to mà vững chắc như núi.

Cũng như thế, phiền não Ma vương không thể đàn áp, lay huyển đối với tâm tánh của người có giới đức kiên cố được.

Đại đức Mahākāḷa còn ở lại một mình, bị tám bà vợ cũ ráp lại bao vây mà hỏi: "Ông đi tu có từ giã ai không? Bây giờ ông chịu hoàn tục hay không?".

Hỏi rồi, tám bà ra tay lột bộ y vàng của Đại đức. Thấy tình thế nguy ngập, Đại đức vội vã đứng dậy, dùng thần thông bay lên phá trống nóc nhà thoát ra ngoài, theo đường hư không bay theo kịp Đức Bổn Sư lúc Ngài vừa đọc dứt hai kệ ngôn. Đại đức đứng ở giữa hư không, tán tụng kim thân của Đức Bổn Sư, rồi đáp xuống đất, đảnh lễ dưới chân Ngài.

Cùng lúc kệ ngôn chấm dứt, những Tỳ khưu có mặt nới đó đều chứng Tu Đà Hườn.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Tiểu Hắc tâm còn luyến thế gian,
Theo anh tạm khoác bộ y vàng.
Của đời chưa chán mùi cam chỉ,
Đường đạo nào kham bị khổ toan.
Lấp lửng chờ anh, anh bước thẳng,
Chàng ràng kiếm vợ vợ lôi ngang.
Đội hoa lại mặc đồ cư sĩ,
Chẳng tị hiềm chi chẳng hổ hang.
Đại Hắc lòng không luyến tục trần,
Mong tìm đạo quả bậc siêu nhân.
Nữa đêm đứng quán bên thi thể,
Hằng bữa ngồi tu sát mộ phần.
Thấu lẽ vô thường sanh với diệt,
Quên niềm phu phụ ái và ân.
Xem chừng tám ả vừa sanh sự,
Trổ nóc phi đằng giải thoát thân.

DỨT TÍCH TIỂU HẮC, ĐẠI HẮC

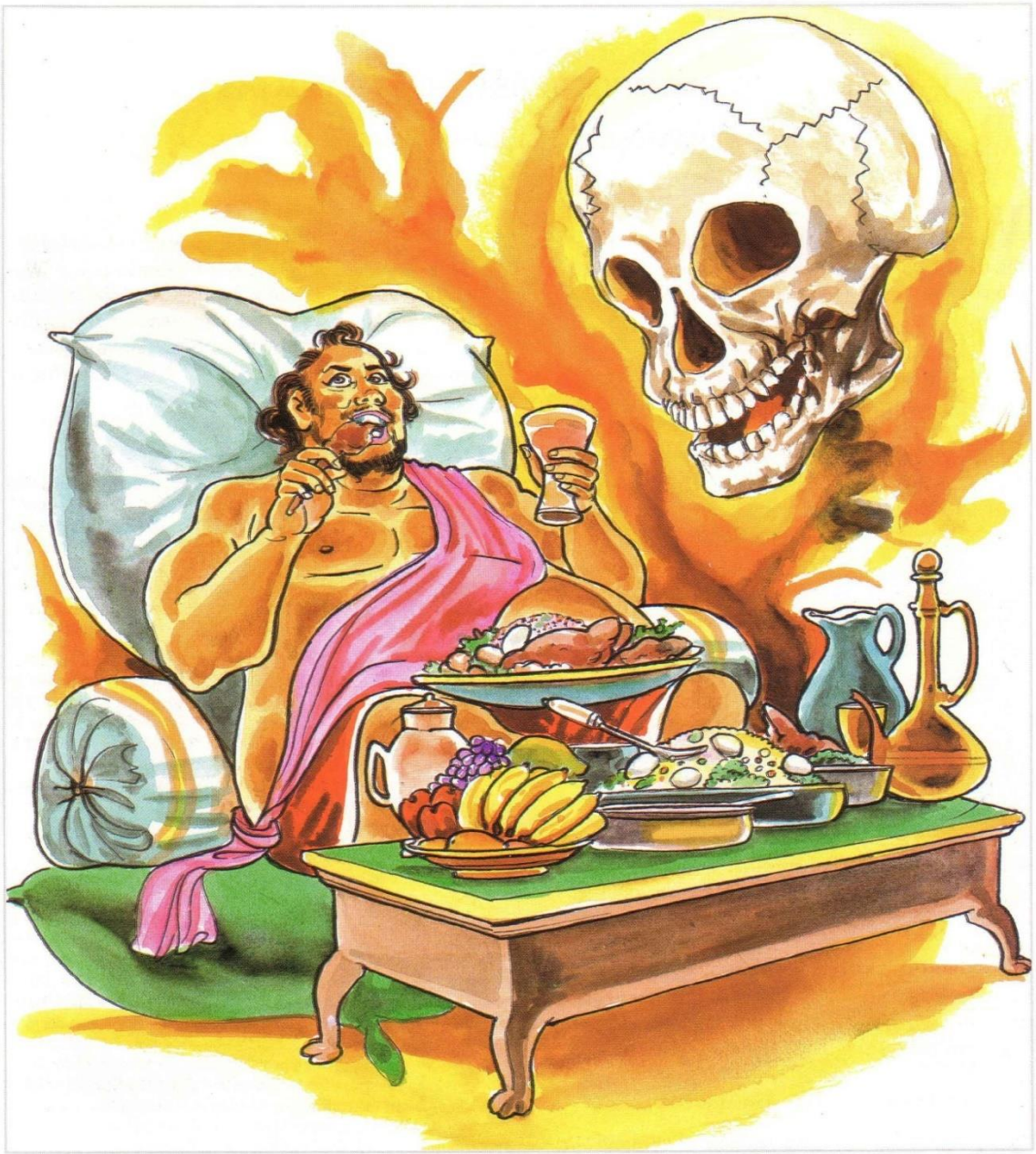

Death overpowers the sensuous, undisciplined and gluttonuous like the wind a weak tree.

07. Tử thần đánh bại những kẻ thích dục lạc, phóng dật và tham ăn, như ngọn gió đánh ngã một cây yếu ớt.

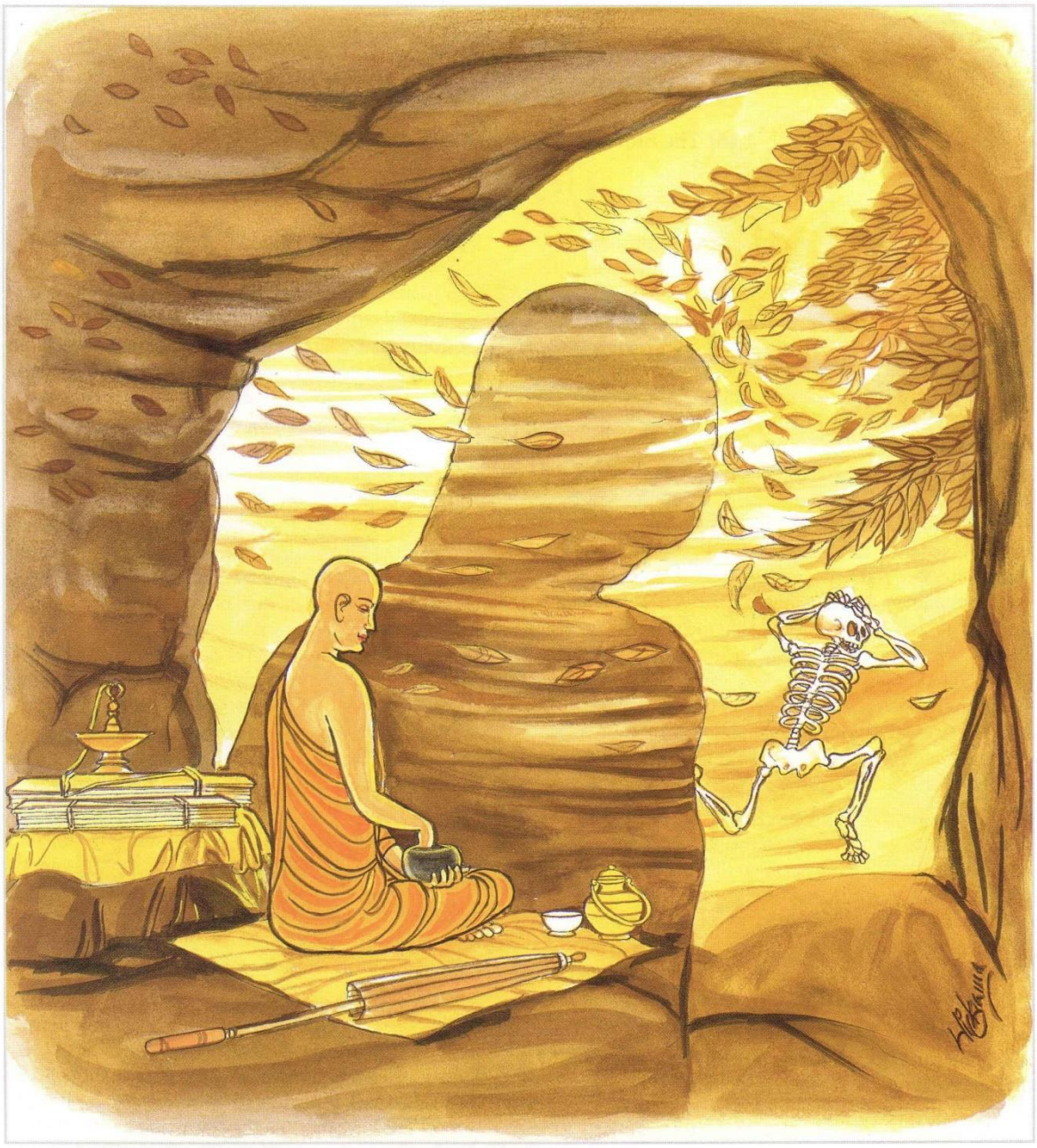

Death overpowers not the steadfast thinker just as the wind does not tremble a firm rock.

08. Tử thần không chiến thắng người Quán Minh Sát tinh cần,
cũng như ngọn gió không làm rung động tảng đá kiên cố.

I.7- Tích DEVADATTA ĐƯỢC Y QUÝ

(Devadattassa Kāsāvalabha vatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 09-10)

"Anikkasāvo kāsāvaṃ,	***"Ai muốn đắp huỳnh y,***
Yo vatthaṃ paridahessati;	***Phiền trược chưa đoạn ly.***
Apeto damasaccena,	***Không chơn thật tự chủ,***
Na so kāsāvam arahati".	***Y, người chẳng thích nghi".***
"Yo ca vantakāsāv'assa,	***"Ai phiền trược đoạn ly,***
Sīlesu susamāhito;	***Giới luật khéo tu trì.***
Upeto damasaccena,	***Tự chủ cách chơn thật,***
Sa ve kāsāvam arahati".	***Người ấy xứng huỳnh y".***

Kệ Pháp Cú (9 và 10) nầy, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Devadatta thọ lãnh y quý giá ở thành Rājagaha (Vương Xá).

Một thuở nọ, hai vị Thượng Thinh Văn, mỗi vị dắt theo năm trăm Tỳ khưu tùy tùng, đến từ giã Đức Bổn Sư, đảnh lễ Ngài rồi cùng nhau rời chùa Jetavana, lên đường sang thành Rājagaha.

Dân chúng ở thành nầy hiệp nhau từng nhóm hai ba người hoặc nhiều hơn nữa, thỉnh Tăng để bát, theo phép cúng dường mỗi Tỳ khưu mới đến.

Một hôm nhân cơ hội đó, Đại đức Sāriputta trong khi hồi hướng phước báo có thuyết giảng rằng:

"Nầy chư thiện tín, một người tự mình làm phước cúng dường không khuyên rủ ai khác, kiếp sau tái sanh ở nơi nào chỉ được đầy đủ tiền của (Bhogasampadā) chứ không được đầy đủ những người tùy thuộc (parivārasampadā).

Một người không làm phước cúng dường, lại không kêu gọi ai khác thì kiếp sau tái sanh ở nơi nào cũng cô độc bần cùng, cơm hẩm ngày hai bữa chẳng đủ no bụng.

Còn một người vừa tự mình làm phước cúng dường vừa khuyến rủ nhiều người khác làm chung với mình, thì hàng trăm hoặc hàng ngàn hoặc hàng trăm kiếp tái sanh ở nơi nào cũng được đầy đủ cả hai phương diện tài sản dồi dào, tùy thuộc đông đảo! Còn một người không làm phước cúng dường, nhưng lại khuyên rủ người khác làm phước, thì sanh ở nơi nào sẽ bần cùng, nhưng có nhiều tùy thuộc".

Nghe vậy, một vị trí thức nghĩ rằng: "Ông ơi! Thời pháp vừa thuyết thật huyền diệu làm sao, hy hữu làm sao đâu. Chỉ cách tạo phước lành đầy đủ cả hai chi. Ta phải ráng thực hành để tạo phước báu đầy đủ cả hai phương diện".

Nghĩ rồi vị ấy bèn thỉnh Đại đức:

- Bạch Ngài, chúng tôi xin thỉnh Trai Tăng ngày mai.

Đại đức hỏi:

- Nầy ông thiện nam, ông cần thỉnh bao nhiêu vị?

- Bạch Ngài! Ngài có bao nhiêu vị tùy tùng?

- Một ngàn, nầy thiện nam.

- Bạch Ngài! Xin thỉnh Ngài luôn với tất cả chư Tăng ngày mai đến nhà để thọ thực.

Đại đức im lặng nhận lời.

Trên đại lộ vào thành, gặp người nào ông thiện nam ấy cũng rủ: "Nầy quý ông bà, tôi xin thỉnh Trai Tăng được một ngàn vị sư. Quý ông có thể hùn phước cúng dường chừng bao nhiêu vị? Quý bà chừng bao nhiêu vị?".

Mỗi người hứa cúng nhiều ít tùy theo phương tiện của mình. Họ nói: "Chúng tôi xin cúng mười vị, chúng tôi hai mươi vị, chúng tôi ba mươi vị, chúng tôi một trăm vị…".

Vị trí thức bèn xếp đặt tất cả câu hội tại nhà của mình ông nói: "Thế thì chúng ta hãy hợp nhau lại một chỗ để nấu nướng và dâng cúng cho tiện? Quý bạn hãy đem tất cả vật thực như dầu mè, gạo bơ, đường… đến nhà tôi".

Lúc ấy, có một ông Trưởng giả hùn phước một xấp vải may y xứ Gandhāra, trị giá một trăm ngàn đồng và nói: "Nếu quý vị góp vật thực còn thiếu thì hãy bán vải y nầy gộp thêm cho đủ, nếu như không thiếu thì tùy ý muốn dâng cúng đến vị Đại đức nào thì dâng".

Sau khi mọi người chung đậu để làm phước Trai Tăng đủ cả, không còn thiếu món chi, ông chủ lễ bèn hỏi phần đông rằng: "Vải y vô giá nầy của ông Trưởng giả hùn phước với những lời dặn như vậy đó. Bây giờ chúng ta làm phước đầy đủ rồi, còn dư ra vậy chúng ta nên dâng đến vị Sư nào?".

Một nhóm người đề nghị: "Hãy dâng đến Đại đức Sāriputta".

Một nhóm khác nói: "Đại đức chỉ đến với chúng ta một năm một kỳ trong mùa lúa chín. Còn Sư Devadatta là người bạn thường trực của chúng ta, cả trong những ngày lễ và ngày thường, lúc nào cũng gần gũi sẵn sàng bên chúng ta như bình nước uống. Vậy chúng ta nên dâng vải nầy đến Sư".

Sau khi thảo luận rất lâu, nhiều người vì chỗ cảm tình quen biết, đồng ý chấp thuận dâng xấp vải y quý giá đến Tỳ khưu Devadatta.

Được vải, Devadatta cắt đôi ra làm y nội và y vai trái (hạ và thượng y) may, nhuộm xong, liền mặc y mới đi tới đi lui.

Nhiều người thấy chướng mắt phê bình rằng: "Y nầy coi Devadatta mặc không xứng đáng. Phải Đại đức Sāriputta mặc mới xứng. Vậy mà Devadatta vận y vàng không xứng với mình, đi tới đi lui coi thật không được".

Khi ấy, có một vị Tỳ khưu du hành từ thành Rājagaha về thành Sāvatthī, đảnh lễ Đức Bổn Sư và thỉnh an Ngài xong, Ngài bèn hỏi thăm sự an vui của hai vị Đại đệ tử. Vị nầy bèn bạch hết câu chuyện bộ y quý về tay người không xứng đáng với Đức Thế Tôn. Đức Bổn Sư nói:

- Nầy Tỳ khưu! Không phải kiếp nầy Devadatta mới lạm đắp y vàng đâu. Hồi tiền kiếp, ông ta cũng từng lạm đắp y vàng như thế rồi.

Nói xong, Ngài kể luôn chuyện tiền thân của nhà Sư vô sĩ:

"Xưa kia, dưới triều của Quốc vương Brahmadatta, đóng đô tại thành Bārāṇasī, có một người thợ săn cư ngụ trong thành. Anh ta chuyên nghề săn bắn voi lấy ngà, móng, ruột và thịt nạc voi đem bán để chi độ hộ khẩu.

Lúc ấy, trong rừng già có đoàn voi gom cả ngàn thớt về quần tụ để kiếm ăn, đi theo đường gặp những vị Phật Độc Giác. Từ đó về sau, mỗi khi qua lại ngang chỗ chư Phật ngồi tịnh, đàn voi đều quỳ gối đảnh lễ các Ngài rồi mới dậy đi.

Một hôm, tên thợ săn trông thấy hành động ấy của đàn voi, thì thầm nghĩ rằng: "Những con tượng nầy ta đến gần hạ chúng được rất là khó khăn, thế mà mỗi lần qua lại, chúng đều dừng chân đảnh lễ chư Phật Độc Giác, không biết chúng nhìn thấy cái chi mà chúng đảnh lễ?".

Sau khi suy nghĩ, tên thợ săn nói thầm: "Chắc tại thấy bộ y vàng".

Anh ta bèn tính thầm: "Ta cần phải kiếm cho được một bộ y vàng". Nhơn dịp một vị Phật Độc Giác xuống tắm dưới ao, anh ta lén lấy trộm, rồi ra chỗ đường mà voi năng đi lại, tay lăm le cầm cây lao nhọn đắp y lên che kín, ngồi chờ.

Đàn voi đi tới, tưởng lầm anh ta là một vị Độc Giác Phật, nên dừng chân đảnh lễ, rồi mới đi qua. Tên thợ săn chờ cho đàn voi qua hết, rút lao ra phóng giết con đi sau cùng, lấy ngà, móng, ruột, thịt nạc rồi còn dư bao nhiêu đều đào đất chôn cho mất tích, đoạn anh ta rời khỏi rừng đi về thành.

Thời gian sau, nhằm lúc Đức Bồ Tát giáng sanh làm tượng chúa, cầm đầu cả đoàn voi, tên thợ săn vẫn còn dùng cách ấy. Đức Bồ Tát là tượng chúa, thấy đàn voi của mình ngày một hao hụt, bèn hỏi những voi khác rằng: "Những voi nầy đi đâu mất mà đàn ta ngày càng thưa thớt vậy?".

- Thưa chúa Tượng, chúng tôi không biết.

Nghe đáp như vậy, chúa Tượng tự nghĩ: "Chúng đi đâu mà chẳng hỏi xin ta kìa, chắc không phải đi đâu, có lẽ chúng đã bị tai nạn".

Rồi Tượng chúa phát nghi rằng: "Chắc là chúng bị hại chỗ người đắp y vàng chẳng sai".

Nghĩ thế, Tượng chúa bèn ra lệnh cho cả đoàn voi đi trước, để một mình đi đoạn hậu vừa đi vừa quan sát.

Tên thợ săn là vị Phật giả mạo, chờ đàn voi đảnh lễ qua hết rồi, khi thấy Bồ Tát từ từ đi tới phía sau cùng, bèn lập tức vén y lên, nhắm ngay chỗ nhược của Tượng chúa phóng cây lao tới.

Tượng chúa đã đề phòng trước, nên thối lui tránh được cây lao. Bồ Tát liền nghĩ: "Đây là kẻ sát hại đàn voi của ta" nên xông tới quyết bắt cho được.

Nhưng hắn ta chay núp sau một thân cây, Bồ Tát tính thầm "Ta sẽ lấy vòi quấn luôn cả cây lẫn người hắn mà chà đạp xuống đất".

Ngay lúc ấy, tên thợ săn đã cởi tốc chiếc y vàng lên cao cho Tượng chúa thấy.

Tượng chúa nghĩ thầm: "Nếu ta sát hại tên nầy, thì ta sẽ mất mặt đối với chư Phật Toàn Giác, Độc Giác và A La Hán chẳng sai". Vì thế, nên tượng chúa dằn lòng nhẫn nhịn và hỏi rằng:

- Chính nhà ngươi đã sát hại những voi trong đàn của ta phải không?

- Dạ phải, thưa ông Tượng.

- Tại sao ngươi tạo nghiệp ác nặng nề như thế, tự mình không xứng đáng mà dám lạm khoác bộ y vàng của bậc đã dứt trừ tham dục, làm như vậy ngươi đã tạo nghiệp ác rất nặng nề.

Nói rồi, Bồ Tát đọc hai bài kệ khuyến cáo tên thợ săn như sau:

"Cà sa mặc ở bên ngoài,
Tâm còn ô nhiễm cũng hoài lá y,
Buông lung giả dối hay gì?
Thà rằng không mặc, mới y hợp thời.
Trong tâm tẩy sạch bụi đời,
Chân thành khắc kỷ, chẳng rời luật nghi,
Người tu y với lá y,
Cà sa Tăng và từ bi khách thiền".

Đọc kệ rồi, Bồ Tát còn thêm câu kết luận:

- Việc làm của ngươi thật không xứng đáng chút nào, nói rồi thả hắn đi.

Khi chấm dứt thời pháp, Đức Bổn Sư dẫn giải rằng:

- Tên thợ săn voi lúc trước nay là Devadatta và Tượng chúa cho tên thợ săn bài học đó chính là Như Lai vậy.

Nầy Tỳ khưu, đây không phải là lần đầu tiên Devadatta mặc y không xứng đáng với người của ông ta đâu. Trong tiền kiếp ông ta cũng đã từng làm như thế đó rồi.

Đến đây Đức Bổn Sư lặp lại bài kệ trên:

"Anikkasāvo kāsāvaṃ,
Yo vatthaṃ paridahessati;
Apeto damasaccena,
Na so kāsāvam arahati".

"Yo ca vantakāsāv'assa,
Sīlesu susamāhito;
Upeto damasaccena,
Sa ve kāsāvam arahatīti".

Nêu lên làm sáng tỏ nghĩa lý nầy bằng tích Tượng chúa sáu ngà.

☸

CHÚ GIẢI:

Anikkasāvo *(Chưa dứt triền phược):* là chưa tẩy sạch phiền não trong tâm là tham, sân, si.

Kāsāvaṃ*: là y cà sa,* tức là y vàng của Tỳ khưu.

Paridahessati *(sẽ đắp):* là sẽ vận mặc, trùm phủ khoác lên mình.

Apeto damasaccena *(không chơn thật tự chủ):* là không chế ngự được lục căn, không nói lời chân thật, đúng theo chơn lý Thánh Đế.

Na so kāsāvam arahati: là kẻ kém đức thiếu tài, như vậy không xứng đáng mặc y vàng cà sa.

Vantakāsāv'assa *(đã dứt triền phược):* là đã dứt bỏ, đã xa lìa những ô nhiễm phiền não, noi theo bốn Thánh Đạo.

Sīlesu *(trong Giới luật):* là Tứ thanh tịnh giới: thu thúc trong giới bổn, thu thúc lục căn, thu thúc theo chánh mạng, thu thúc theo quán tưởng tứ vật dụng.

Susamāhito *(khéo tu trì):* là khéo thọ, khéo giữ và hành theo cách chắc chắn.

Upeto damassaccena *(có sự tự chủ chơn thật):* là thật sự thu thúc sáu căn, có lời nói chơn thật.

Sa ve kāsāvam arahati: người giới hạnh như vậy xứng đáng mặc bộ y vàng.

☸

Bài kệ vừa dứt vị Tỳ khưu du hành đắc quả Tu Đà Hườn, nhiều vị khác cũng chứng đắc đạo quả nhất là quả Nhập Lưu. Kỳ dư thính chúng đều hưởng sự lợi ích.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Dịp may dong ruổi khiến Đề Bà,

Vớ được y vàng mặc nhởn nha!

Giới hạnh không bì người lạ xứ,

Tài năng chỉ cậy chỗ quen nhà.

Gặp thời vênh váo quên điều phải,

Đắc thế kiêu kỳ chấp cái ta.

Đường cũ ngựa quen từ kiếp trước,

Săn voi cũng lạm đắp cà sa.

DỨT TÍCH DEVADATTA ĐƯỢC Y QUÝ

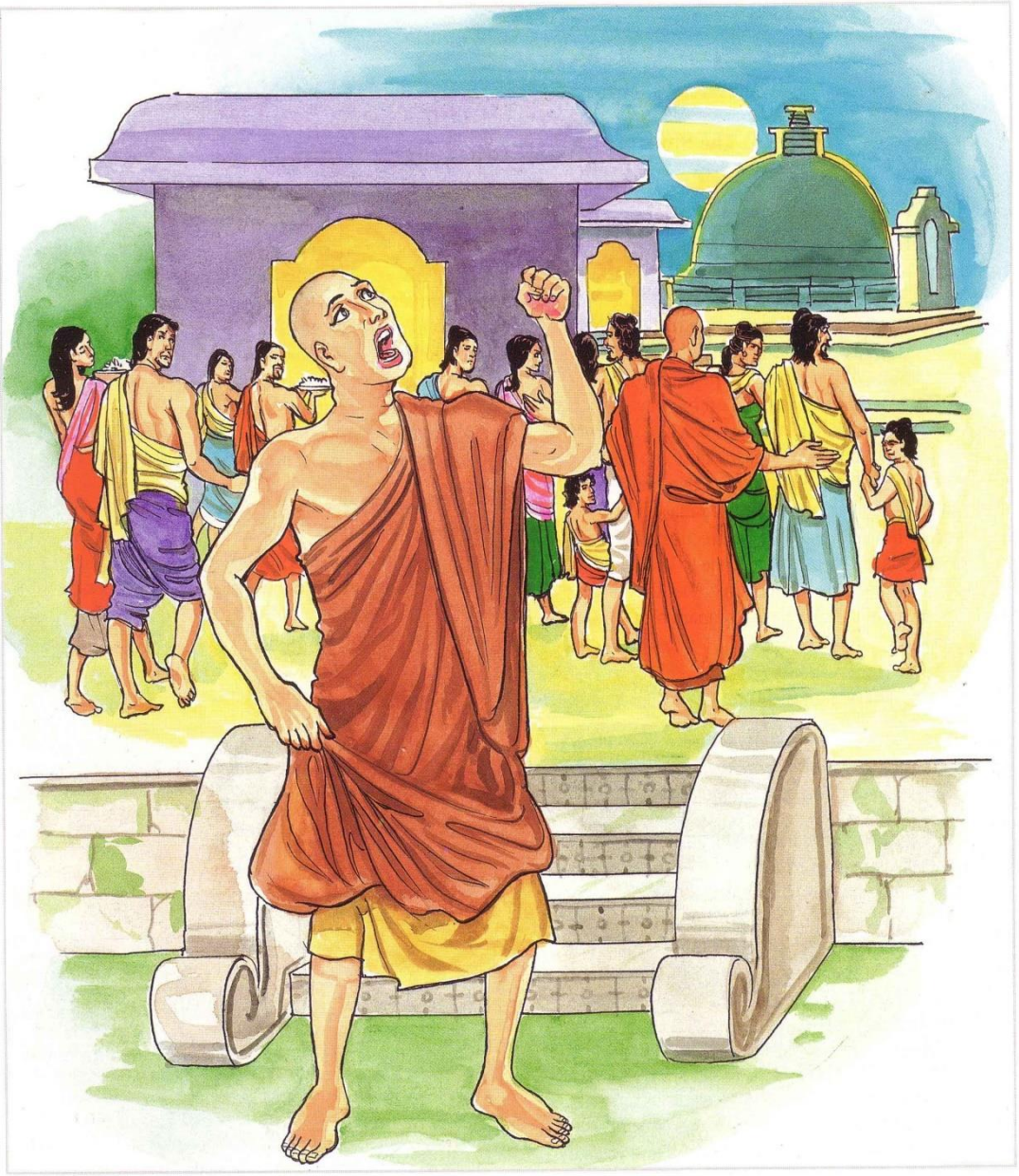

Those who are tainted, unrestrained and devoid of truthfulness do not deserve the robe.

09. Những người có tâm cấu uế, không tự chế ngự và thiếu chân thật, không xứng đáng với chiếc y casa.

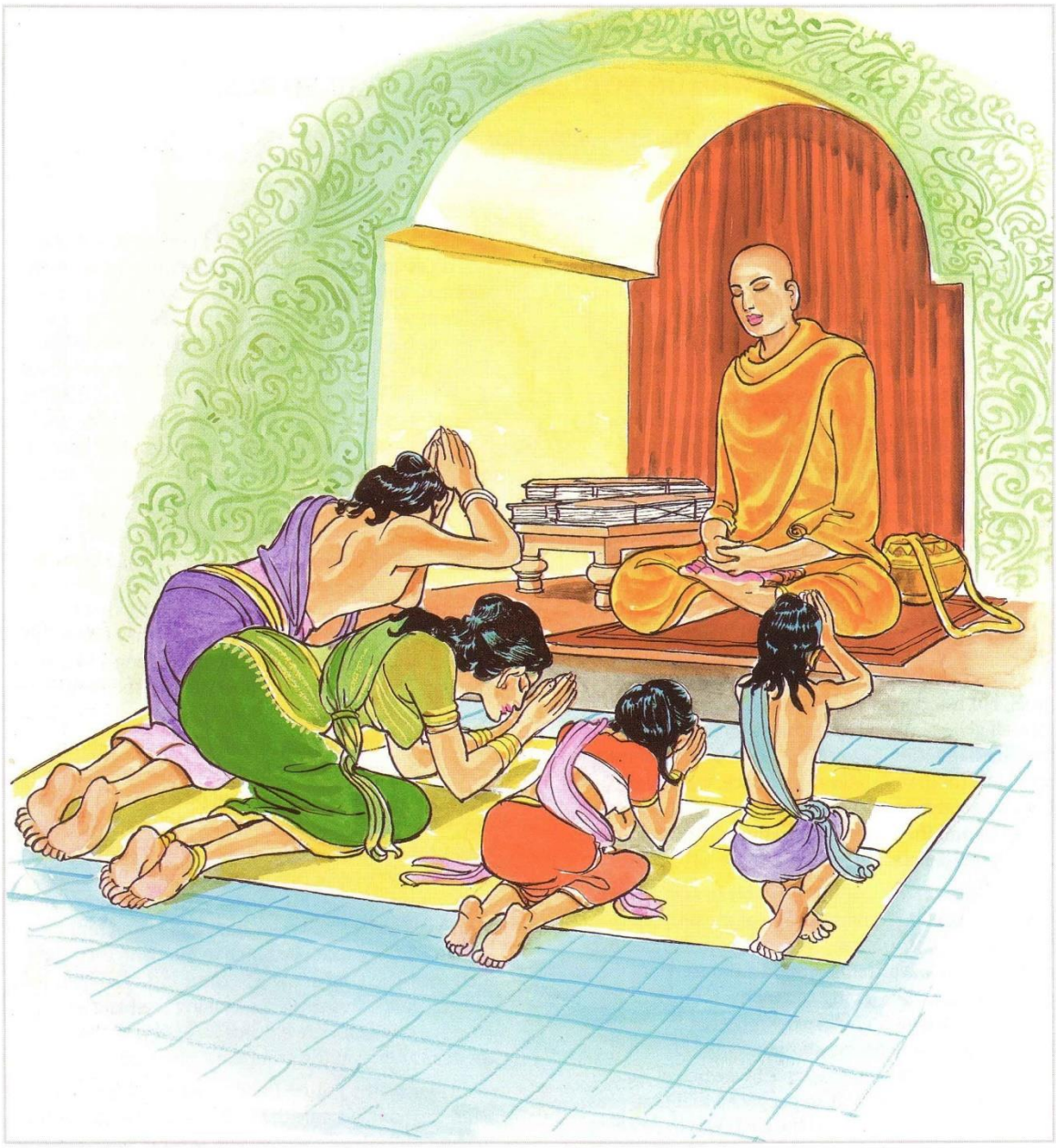

The taintless and firm in conduct, restrained and truthful, are worthy of the stained robe.

10. Những người có đạo hạnh vô nhiễm và kiên cố, tự chế ngự và chân thật, mới xứng đáng với chiếc y casa.

I.8- Tích ÔNG SAÑJAYA KHÔNG ĐẦU PHẬT

(Sañjayassānāganavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú 11-12)

"Asāre sāramatino,	***"Việc không cần tưởng cần,***
Sāre cāsāradassino;	***Việc cần thấy không cần.***
Te sāraṃ nādhigacchanti,	***Người tư duy tà vạy,***
Micchāsaṅkappagocarā".	***Không đạt thấy lí chân".***
"Sārañ ca sārato ñatvā,	***"Việc cần biết là cần,***
Asārañ ca asārato;	***Không cần biết không cần.***
Te sāraṃ adhigacchanti,	***Người tư duy đúng đắn***
Sammasaṅkappagocarā".	***Hằng đạt thấy lý chân".***

Kệ Pháp Cú (11-12) nầy, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Veḷuvana (Trúc Lâm), đề cập đến ông Sañjaya không khứng theo về với Ngài, như lời tường trình của hai vị Thượng thủ Thinh Văn (Aggasāvaka) đầu đuôi câu chuyện diễn tiến như sau:

Cách nay bốn A tăng kỳ (Asaṅkheyya) và một trăm ngàn đại kiếp (kappa) quả địa cầu. Đức Bổn Sư Thích Ca còn là một vị công tử dòng Bà la môn (Brahmaṇa), cư ngụ trong thành Amaravatī (Bất Tử). Sau khi học tập tinh thần bá nghệ thì song thân đều khuất bóng, công tử bèn xả hết tài sản vô số triệu ra bố thí rồi xuất gia làm đạo sĩ, ẩn tu trong miền Tuyết Sơn (Himavanta) tục gọi là núi Ma Thiên Lãnh.

Trong lúc hành thiền, đắc pháp Thần thông, đạo sĩ bay lên hư không ngó xuống thấy thiên hạ đang quét dọn con đường từ ngôi Tịnh xá Sudassana (Thiện Kiến) của đấng Thập Lực Dīpaṅkara Nhiên Đăng Phật vào tới thành Amaravatī.

Đạo sĩ cũng tự mình lãnh một phần công quả, ráng hết sức làm nhưng không xong kịp, khi Đức Bổn Sư ngự đến, để bổ khuyết một đoạn đường ngắn còn dở dang, đạo sĩ bèn trải tấm tọa cụ bằng da beo của mình lấp chỗ sình lầy, nằm xấp xuống bắt cầu và nguyện rằng: "Đức Bổn Sư cùng với Thánh chúng (Sāvakasaṅgha) không từng dẫm lên chỗ bùn nhơ, xin các Ngài bước lên mình ta mà đi qua cho sạch".

Thấy vậy, Đức Cổ Phật thọ ký rằng: Vị nầy có Phật căn (Buddhakura), còn bốn A tăng kỳ và một trăm ngàn đại kiếp nữa sẽ thành Chánh quả hiệu là Gotama".

Sau thời kỳ Đức Phật Dīpaṅkara, lần lượt đến thời Đức Phật Koṇḍañña, Phật Sumaṅgala, Phật Sumana, Phật Revata, Phật Sobhita, Phật Anomadassī, Phật Padumuttara, Phật Sumedha, Phật Sujāta, Phật Piyadassī, Phật Atthadassī, Phật Dhammadassī, Phật Siddhattha, Phật Tissa, Phật Pussa, Phật Vipassī, Phật Sikhī, Phật Vessabhū, Phật Kakusandha, Phật Konāgamana và Phật Kassapa.

Hai mươi ba vị Phật trên đây nối tiếp nhau, xuất hiện trong đời, khiến cho cõi thế từng hồi rạng ngời ánh đạo từ bi.

Đức Bồ Tát (Bodhisatta) tinh tấn bổ túc người pháp Pāramī, mười pháp Upapāramī, mười pháp Paramatthapāramī. Đức Bồ Tát hoàn thành Tam thập độ (Tiṃsapāramī). Trong kiếp thọ sanh làm Thế tử Vessantara đã khiến cho quả địa cầu rung động bảy lần. Khi Ngài thực hành đủ năm pháp đại thí (Mahāpariccāga), dứt tình thân ái, hy sinh cả vợ và con.

Sau khi thăng hà, Đức Vessantara sanh lên cõi Tusita (Đâu Suất), sống hết bốn ngàn tuổi thọ như ý (năm trăm bảy mươi sáu triệu năm nhân loại) thì chư thiên trong mười ngàn cõi Sa bà (cakkavāḷa) vân tập đến trước ngọc giai cung thỉnh Ngài giáng sinh làm Phật, bằng kệ ngôn rằng:

"Kāloyan te mahāvīra,
Uppajja mātu kucchiyaṃ;
Sadevakaṃ tārayanto,
Bujjhassa amataṃ padanti".

"Bậc Đại Hùng, giờ thiêng đã điểm,
Cung thỉnh Ngài lãnh nhiệm đầu thai.
Gót vàng giã biệt thiên giai,
Mở đường bất tử, Phật đài ngự yên".

Nghe vậy, Đức Bồ Tát suy ngẫm năm điều đại quán (Mahāvilokanāni). Chư thiên lại nhắc rằng:

"Kālaṃ desañña dīpañca,
Kulaṃ māterameva ca;
Ime pañca viloketvā,
Upajjanti mahāyasāti".

"Chọn thời, xứ, chọn luôn châu nữa,
Lựa dòng sang, rồi lựa mẹ hiền.
Năm điều đại quán đủ duyên,
Xin cung thỉnh Đại hoàng thiên lâm phàm".

Mạng chung từ cõi trời, Đức Bồ Tát giáng sanh trong hoàn tộc Sakya, toại hưởng ngũ trần của đế nghiệp. Dần dà hết thời thơ ấu, đến tuổi hoa niên Đức Bồ Tát được làm chủ ba tòa cung điện hợp theo thời tiết ba mùa với nếp sống huy hoàng vương giả, chẳng khác nào ở cõi Thượng Thiên.

Nhưng có ba hôm, nhân lúc dạo chơi vườn Ngự Uyển, Đức Bồ Tát lần lượt xúc kiến ba vị Sứ trời (Devadūta) mệnh danh là Lão (Jiṇṇa), Bịnh (Byādhi) và Tử (Mata). Cả ba lần Ngài đều phát tâm kinh cảm, bàng hoàng quay gót về cung.

Đến kì du ngoạn thứ tư, Đức Bồ Tát gặp được một vị Sa môn từ đó ý Ngài thiết tha hoài vọng con đường thoát tục "Ta phải xuất gia".

Ngự vào vườn ngự uyển, Đức Bồ Tát ngồi trên bờ hồ Hạnh Phúc (Maṅgalapokkharaṇī) cho đến hết ngày hôm ấy.

Sau khi Đức Bồ Tát nhận lấy y phục của quan nội thị, thì chư thiên Vissakamma (Tỳ Thủ Yết Ma) tự nhiên hiện đến. Ngài còn đang nhờ vị nầy sắp đặt hóa trang, chợt nghe tin báo rằng Thái tử Rāhula vừa mới chào đời, vốn biết rằng tình phụ tử sâu xa mãnh liệt, Đức Bồ Tát nói: "Sợi dây luyến ái nầy, Ta phải cắt đứt nó ngay khi nó chưa ràng buộc được Ta". Nghĩ rồi, Bồ Tát bộ hành vào thành, bỗng nghe cô em họ của Ngài là công chúa Kisāgotamī hát rằng:

"Nibbutā nūna sā mātā
Nibbuto nūna so pitā
Nibbutā nūsa sā nārī
Yassāyaṃ īdiso patīti".

"Hạnh phúc thay mẹ chàng tuổi trẻ,
Hạnh phúc thay cha đẻ chàng ta,
Hạnh phúc thay bạn quần thoa.
Có chồng anh tuấn hào hoa như chàng".

Nghe qua bài kệ, Đức Bồ Tát nói thầm: "Phải chăng cô nầy là sứ giả, giục Ta lên đường phúc lạc trường niên (Nibbutapada)".

Đưa tay lên cổ tháo chuỗi trân châu, Đứt Bồ Tát tặng thưởng cô em họ, đoạn Ngài ngự về vương thất tịnh tọa trên long sàng.

Đêm ấy, trong chốn thâm cung, cảnh tượng các vũ nữ, phi tần sật sừ ngây ngủ, xiêm y lệch lạc, mắt mũi bơ phờ, càng khiến Đức Bồ Tát sanh tâm chán chường phiền muộn, Ngài ra lịnh bảo thị thần Channa (Sa Nặc) thắng ngựa Kaṇṭhaka (Kiền Trắc) đến cho Ngài. Lên yên thần mã, đèo thêm Channa làm bạn đồng hành, Đức Bồ Tát bắt đầu chuyến đi lịch sử, có đủ mặt chư thiên trong mười ngàn cõi Sa bà tụ hội lại tiễn đưa.

Ra khỏi đế đô vượt qua dòng sông Vô Thượng (Anoma), Đức Bồ Tát tự xuất gia, rồi lần hồi tiến đến thành Rājagaha. Vào thành Rājagaha, khất thực xong, Ngài đình bộ an tọa trên sườn Paṇḍarapabbata (Bạch Sơn), đức vua Magadha thân ngự đến thỉnh Đức Bồ Tát về triều, nhưng Ngài đã khước từ vương vị và về sau Ngài đắc quả Toàn Tri (Sabbaññū). Buổi đầu tiên, trên bước đường tầm phương tự thắng, Đức Bồ Tát có tìm đến thọ giáo với hai tu sĩ tự xưng đã đắc đạo mầu là Ālara và Uddaka, Nhưng sau lúc nhập môn, Ngài nhận thấy Đạo quả của hai vị nầy chưa đạt đến chỗ cao siêu tuyệt

đối. Đức Bồ Tát lại tách ra đi tìm chân lý với chí cương quyết xả thân cầu đạo, nhưng chỉ tự mình khổ hạnh cần tu, sau sáu năm trời đằng đẳng trôi qua.

Một buổi sáng bình minh vào ngày rằm tháng tư âm lịch (Visākha). Độ xong bữa cơm sữa đề hồ do nàng Sujātā dâng cúng. Đức Bồ Tát ném bát vàng xuống sông Nerañjara (Ni Liên Thiền) và khiến bát ấy trôi ngược dòng sông theo ước nguyện.

Dựa mé sông Ni Liên lặng lờ, trong rừng Mahāvana (Đại Lâm) u nhã, Đức Bồ Tát tinh tấn công phu suốt ngày hôm ấy. Mãi đến xế chiều, có ông lão Sotthiya (An Hòa) hiến dâng cho Ngài một bó cỏ. Ngài nhận lãnh xong thì Long Vương (Nāgarāja) hiện đến ca tụng ân đức của Ngài.

Tại gốc cây Bồ Đề (Bodhimaṇḍa) theo lời nguyện của Bồ Tát tự nhiên có một bảo tọa nổi lên, Ngài trải cỏ ra làm bồ đoàn, rồi phát lời đoạn thệ rằng:

"Na tāvimaṃ pallaṅkaṃ bhindissāmi, yāva me anupādāya asevehi cittaṃ na vimuccissati" – "Ta nhất định không bao giờ từ bỏ thế ngồi nầy, cho đến bao giờ tâm Ta được giải thoát, tất cả lậu hoặc (āsava) không còn chấp thủ nữa mới thôi".

Đoạn Ngài ngự lên bồ đoàn, ngồi quay mặt về hướng Đông, mặt trời chưa lặn, Ngài đã thắng đội binh Ma vương (mārabala).

Canh một đầu hôm, Ngài đắc Túc mạng minh (Pubbenivā – saññāṇa), canh giữa Ngài đắc Sanh tử minh (Cutūpatātaññāṇa) và đến canh cuối Ngài đắc Minh thấu triệt nhân sanh khởi của vạn pháp (Paccayākarenāṇa).

Khi vầng thái dương ló dạng, Ngài chứng đạo quả Toàn Giác gồm đủ ân đức của một vị Thập Lực (Dasabala) nhất là bốn Thần túc (Dục – Cần – Tâm – Thẩm).

Trải qua bảy thất (bốn mươi chín ngày), Ngài không lìa xa cội Bồ Đề, đến thất thứ tám, Ngài ngự đến gốc cây Ajapāla nigrodha, ngồi trầm tư mặc tưởng nguyên lí cao thâm mầu nhiệm của Chánh Pháp.

Thấy Ngài an nhiên bất động vua trời Phạm Thiên Sahampati với mười ngàn Phạm chúng Thiên theo hầu vội xuống khấn đầu thỉnh Ngài đi hoằng pháp độ sinh. Dùng Phật nhãn quan sát thế gian xong, Ngài chấp nhận lời Đại chúng Thiên cung thỉnh.

"Thời Pháp đầu tiên, Như Lai nên thuyết cho ai đây?", sau khi tự vấn, Ngài thấy rõ hai thầy Ālara và Uddaka đã mệnh chung, Ngài đi đến nhóm năm thầy Kiều Trần Như có nhiều duyên lành, bèn từ chỗ ngồi đứng dậy khởi hành sang xứ Kāsi.

Giữa đường, Ngài có gặp du sĩ Upaka. Ngày rằm tháng sáu âm lịch (āsāḷha), Ngài mới tới chỗ ngụ của năm vị Tỳ khưu (Pañcavaggiya) trong rừng Isipataṇa migādāya. Đối với sai lầm của những nhóm đệ tử nầy, Ngài đã vạch rõ lề lối thích nghi, rồi Ngài bắt đầu Chuyển Pháp Luân (Dhamma cakkaṃ pavatteti), khiến cho một

trăm tám mươi triệu Phạm Thiên với vị lãnh đạo là Koṇḍañña uống được nước nguồn bất tử (Amataṃ pāyati).

Quay bánh xe Bảo pháp đến ngày thứ năm Ngài độ các vị Tỳ khưu trong nhóm nầy đắc quả A La Hán. Cũng trong ngày ấy, Ngài quán sát thấy duyên lành của công tử Yasa đã đến, nên ngồi nán chờ, nửa đêm công tử phát tâm nhàm chán gia đình, lìa nhà ra đi thơ thẩn, không ngờ đến ngay chỗ ngự của Đức Thế Tôn.

Ngài lên tiếng gọi: "Lại đây Yasa". Nội trong ngày ấy, Ngài thuyết pháp độ công tử Yasa đắc quả Nhập Lưu (Sotāpatti) và tiếp qua ngày sau đắc quả A La Hán.

Kế đó, Ngài tiếp độ năm mươi bốn người bạn thân của công tử Yasa bằng cách bảo cho họ xuất gia Ehibhikkhu (Thiện lai Tỳ khưu) và đắc luôn quả A La Hán.

Như thế là trên cõi phàm trần đã có sáu mươi mốt vị A La Hán.

Ra hạ đầu tiên, chư Tăng làm lễ Tự tứ xong, Đức Bổn Sư phán rằng: "Caratha, bhikkhave, cārikanti" – "Nầy các Tỳ khưu! Hãy cất bước vân du". Phái sáu mươi vị sứ đồ đi tản mác tứ phương, rồi Đức Bổn Sư thân hành ngự qua miền rừng Uruvela (Quãng Đại Biên). Tới khu Kappāsikavanasaṇḍa (Miên Hoa Viên Lâm) là rừng trồng bông vải ở khoảng giữa đường, Đức Bổn Sư hóa độ cả ba mươi vị công tử trong nhóm quý tộc Bhadda vaggiya. Trong số nầy các vị thấp kém nhất đắc quả Tu Đà Hườn vị ưu tú nhất đắc A Na Hàm. Nhưng rồi Đức Bổn Sư cũng độ cho các vị đó xuất gia bằng cách Ehibhikkhu và phái đi tha phương hành đạo.

Ngài tiếp tục ngự hành đến rừng Uruvela, biến hóa ba ngàn năm trăm phép lạ (pātihāriya) thu phục ba anh em ngoại đạo tóc bện (Jaṭila) đứng đầu là đạo sĩ Uruvela Kassapa cùng với một ngàn đệ tử của họ, Ngài cho tất cả xuất gia Ehibhikkhu cho nhóm trong xứ Gayāsīla, rồi Ngài thuyết thời pháp Viêm Nhiệt Luân (Aditta pariyāya) "Giải về lửa phiền não", hóa độ cho tất cả đắc quả A La Hán. Với đoàn Thánh Tăng một ngàn vị A La Hán ấy, Đức Thế Tôn ngự về Laṭṭhivanuyyāna (Công Viên Tiểu Thợ Lâm) ở phụ cận thành Rājagaha, Ngài nghĩ rằng: "Như Lai sẽ thanh toán hai điều giao ước cùng Quốc vương Bimbisāra (Tân Bà Sa) lúc trước".

Nghe tin đồn: "Đức Bổn Sư đã trở lại", Đức Vua dẫn theo mười hai muôn Bà la môn và gia trưởng đến yết kiến Đức Bổn Sư. Đức Thầy dùng lời dịu ngọt thuyết pháp phủ dụ xong, thì đức vua với mười một muôn vị tùy giá đắc quả Nhập Lưu, còn một muôn vị phát khởi đức tin và quy y Tam Bảo.

Qua ngày thứ sáu, nhờ Thiên Vương Đế Thích (Sakka) biến hình làm một thanh niên tán dương oai đức của Ngài vừa đi trước mở đường. Đức Bổn Sư nhập thành Rājagaha, ngự vào hoàng cung, sau bữa thọ thực, Đức Bổn Sư nhận lãnh Tịnh xá Veḷuvana và ngự an nơi đó. Chính tại ngôi chùa nầy mà Đại đức Sāriputta và Moggallāna tìm đến xuất gia đầu Phật. Đây lần lượt kể tiếp chuyện như sau:

Trước thời Đức Chánh Biến Tri Gotama giáng thế, cách thành Rājagaha không xa, có hai làng Bà la môn là Upatissa và Kolita. Ngày ở làng Upatissa, cô Bà la môn Sārī thọ thai thì ở làng Kolita, cô Bà la môn Moggallī cũng kiết tử nhâm thần.

Theo tục truyền, hai gia tộc nầy từ bảy đời liên tiếp đã từng giao hảo mật thiết với nhau, thân nhân của hai bên cho hai dựng phụ uống thuốc dưỡng thai cùng ngày. Chẵn mười tháng, hai nàng đồng hạ sanh con trai.

Đến ngày lễ đặt tên, con bà Sārī được mệnh danh là Sāriputta vì là trưởng nam của một trưởng tộc trong làng Upatissa nên còn có tên gọi là Upatissa, con của bà Moggallī thì có tên là Kolita vì là con trai đầu lòng của một thế gia chủ tể trong làng Kolita.

Đến tuổi trưởng thành, hai công tử đều tỏ ra xuất chúng trong mọi nghề nghiệp. Khi công tử Upatissa muốn đi du hí ở sông hoặc ở công viên thì có năm trăm chiếc kiệu vàng đứng đón đưa. Còn công tử Kolita mỗi khi đi chơi lại dắt theo cả đoàn năm trăm cỗ xe tuấn mã, hai công tử cậu nào cũng có năm trăm thiếu niên tùy tùng hộ tống.

Trong thành Rājagaha hàng năm có lệ dân chúng họp nhau ăn chơi trên chóp núi, gọi là Sơn Đảnh Hội (Giraggamajja). Hai chiếc giường của hai công tử được kết dính liền ở một nơi, hai cậu cùng ngồi bên nhau chủ tọa và thưởng thức cuộc lễ, đến chỗ vui nhộn hai cậu cùng cười, đến chỗ bi thương hai cậu cùng khóc. Đến lúc lạc quyên thì hai cậu cùng bố thí một lượt với nhau. Họ hành động như vậy trong nhiều ngày.

Cho đến một hôm, trí hóa của hai người trở nên già giặn, họ không còn vui cười trước cảnh trào lộng hay nhỏ lệ trước cảnh tâm ly, bố thí cho kẻ lạc quyên như những ngày trước nữa.

Theo truyền ngôn thì hai chàng đang bị một định kiến như vầy ám ảnh: Có chi đâu mà ta phải ở đây nhòm ngó, không đầy một trăm năm nữa, tất cả mọi thứ nầy đều phải tiêu tan không còn lại chút hình bóng. Ta nên gia công tìm kiếm đạo giải thoát khỏi luật vô thường là hơn.

Với ý nghĩ như thế trong đầu, hai chàng ngồi xuống băn khoăn... Sau cùng công tử Kolita hỏi bạn rằng: "Hiền huynh Upatissa, sao hiền huynh không có vẻ hài lòng toại ý như những ngày qua? Hôm nay hiền huynh lại ra chiều bất mãn... Chẳng hay điều chi đang làm cho hiền huynh thắc mắc ưu phiền?".

Công tử Upatissa bèn đáp: "Hiền huynh Kolita à! Xem mãi các trò chơi nầy, tôi nhận thấy tất cả đều trống rỗng vô ích. Chi bằng ta mau đi tìm pháp môn giải thoát, độ lấy thân mình còn hơn, đó là điều tôi ngồi yên tư lự. Còn hiền huynh vì sao cũng lộ vẻ không vui?".

Công tử Kolita cũng đáp lời như vậy. Khi biết bạn mình đồng một chí nguyện với mình, công tử Upatissa bèn ngỏ lời tâm sự rằng: "Hiền huynh, chúng ta cùng chung một lý tưởng cao đẹp, cùng mong tầm cầu lấy con đường giải thoát vậy ta hãy xuất gia một lượt để cùng nhau tu học. Ta nên xuất gia với vị Đạo trưởng nào đây?".

Ngay lúc bấy giờ, có thầy Sañjaya là một giáo chủ ngoại đạo cùng với một số đông đệ tử du sĩ vào thành Rājagaha.

Hai công tử tính rằng: "Ta sẽ đến xuất gia, ta sẽ theo ông nầy", nên giải tán bớt năm trăm thiếu niên thủ hạ và bảo họ: "Hãy lấy tất cả kiệu và xe rồi đi đi". Còn lại năm trăm vị tùy tùng, hai công tử dắt theo đến xuất gia học đạo cùng với thầy Sañjaya. Từ khi có hai công tử xuất gia, thầy Sañjaya càng được dồi dào lợi đắc và lừng lẫy thanh danh hơn bao giờ hết, nhưng chỉ trong vài ngày, hai trò mới đã học hết giáo lý của ông thầy. Họ bèn hỏi: "Bạch thầy! (ācariya) Giáo lý của thầy hiểu biết chỉ có bấy nhiêu hay còn cao siêu hơn nữa?".

- Có bao nhiêu thì hai trò đã học hiểu qua tất cả rồi đấy.

Nghe dứt lời, họ thầm nghĩ: "Nếu quả như thế ta còn theo làm đệ tử của thầy nữa cũng vô ích, con đường giải thoát khỏi sự sanh tử mà ta bỏ cửa lìa nhà ra đi tìm kiếm, ta không thể gặp trong đạo của thầy. Nhưng cõi Diêm Phù Đề (Jambūdīpa) rộng lớn bao la, ta hãy chịu khó lê chân qua khắp kinh đô, phố phường, làng mạc, chắc có ngày ta cũng sẽ hạnh ngộ bậc thầy minh triết, giảng rành về đạo giải thoát cho ta".

Kể từ hôm ấy, hễ nghe có tiếng đồn có vị Bà la môn, Sa môn hiền trí ở tận đâu đâu thì hai chàng du sĩ (paribbājaka) cũng tìm đến nơi đó để luận đạo, nhưng những câu hai chàng hỏi mấy vị kia trả lời không được, trái lại mấy câu vấn nạn của họ hai chàng giải đáp dễ dàng.

Cùng nhau chu du khắp cõi Diêm Phù mà chẳng gặp Minh sư, hai chàng đành quay gót về quê. Trước khi chia tay để đi lang thang mỗi người một ngã, du sĩ Upatissa giao ước với bạn rằng: "Hiền huynh Kolita ạ! Trong hai đứa mình hễ ai gặp đạo bất tử (amata) trước, thì phải nhớ nói lại cho người kia biết nghe".

Thời ấy, nhằm lúc Đức Bổn Sư đã vân du đến thành Rājagaha, nhận lãnh Tịnh xá Veḷuvana và an ngự nơi đó.

Từ ngày được lịnh: "Nầy các Tỳ khưu! Vì lợi ích của chúng sanh, hãy đi vân du hành đạo" thì sáu mươi vị A La Hán lãnh sứ mạng ra đi, ngõ hầu tán dương ân đức của Tam Bảo.

Một trong số chư Thánh Tăng ấy là Đại đức Assaji, thuộc nhóm năm thầy Kiều Trần Như của Đức Thế Tôn, đã quay gót trở lại, đi về phía thành Rājagaha. Và sáng hôm sau, đắp y mang bát vào nội thành khất thực.

Cùng trong lúc ấy, du sĩ Upatissa sau khi đi bát thọ thực từ sáng sớm, đang trở về chùa của môn phái mình, thì gặp Đại đức Assaji, chàng khen thầm: "Từ trước đến giờ, ta chưa từng thấy một vị xuất gia nào phong độ như vị Sư nầy. Trong cõi trần ai ví như có ai đắc quả A La Hán hoặc đạt được A La Hán đạo, thì vị nầy phải là một trong số những thánh Tăng ấy chẳng sai. Ta hãy thử đến tiếp xúc hỏi thăm Ngài".

- Bạch đạo huynh vì tôn chỉ nào mà đạo huynh xuất gia? Vị nào là thầy của đạo huynh? Giáo pháp của ai mà đạo huynh thuyết giảng?

Nhưng chàng xét lại: "Giờ chưa phải lúc ta vấn đạo vị Tỳ khưu nầy vì người đang đi trì bình khất thực từng nhà. Ta hãy chậm rãi nối bước theo chân người, y theo lề lối của kẻ mong cầu học hỏi".

Khi thấy Đại đức thọ bát rồi, còn đi tìm chỗ ngồi cho phải lệ, du sĩ Upatissa hiểu ý, bèn đặt cái ghế du sĩ nhỏ của mình xuống đất và thỉnh Đại đức an tọa.

Sau bữa cơm, chàng lại tiếp dưng nước trong bầu của mình đến Đại đức, sau khi làm đúng theo pháp như một đệ tử phục dịch thầy, du sĩ chờ Đại đức xong bữa đàng hoàng, mới chào một cách thân thiện hoan hỷ, nói rằng: "Bạch đạo huynh, thật là quang minh thanh tịnh, nước da của đạo huynh thật là mịn màng tươi sáng. Chẳng hay đạo huynh xuất gia vì tôn chỉ nào? Ai là sư phụ của đạo huynh? Đạo huynh truyền bá giáo pháp cho ai?".

Đại đức nghĩ thầm: "Những du sĩ ngoại đạo bình thường hay chống đối Phật giáo lắm, vậy ta sẽ chỉ cho chàng nầy thấy cái thâm sâu vi diệu của chánh pháp".

Đoạn Đại đức mở lời khiêm nhường, tỏ thật rằng mình mới xuất gia và nói: "Nầy đạo hữu! Bần Tăng còn non nớt lắm. Vì ta xuất gia nhập đạo chưa được bao lâu, ta không đủ khả năng thuyết pháp luận giải dài dòng".

Chàng du sĩ vội đáp: "Xin đạo huynh cứ tùy theo khả năng của mình mà thuyết pháp nhiều ít chi cũng được hết, Upatissa nầy sẽ cố công thấu triệt giáo lý bằng trăm ngàn cách".

Nói đoạn đọc kệ rằng:

"Appaṃ vā bahuṃ vā bhāsassu,
Atthaññeva me brūhi;
Attheneva me attho,
Kiṃ kāhassi byañjanaṃ bahunti".

"Ít nhiều xin nói ngay,
Điều cốt yếu chỉ bày;
Tôi chỉ cần cốt yếu,
Lắm lời cũng không hay".

Nghe vậy Đại đức đọc kệ đáp rằng:

"Ye dhammā hetuppabhavā,
Yesaṃ hetuṃ tathāgato;
Tesañca yo nirodho ca,
Evaṃ vadī mahāsamaṇoti".

"Những pháp nào có nhân,
Nhân pháp Đức Như Lai,
Pháp với nhân nào diệt,
Đức phật dạy không sai".

Chỉ nghe qua hai câu của bài kệ, chàng du sĩ đã đắc ngay Tu Đà Hườn quả, lãnh hội cả giáo nghĩa bằng cả ngàn cách.

Khi chàng đắc Sơ quả rồi, Đại đức đọc tiếp hai câu sau và chấm dứt bài kệ. Nhưng vị Thánh Nhập Lưu mới nầy không chứng đắc những quả vị cao hơn.

"Đây chắc là tại một nguyên do", thầm nghĩ như thế, chàng bèn bạch với Đại đức rằng:

- Bạch Ngài! Xin Ngài đừng thuyết pháp cao siêu hơn nữa đây, bấy nhiêu cũng tạm đủ rồi. Chẳng hay Tôn Sư bây giờ đang ngự ở đâu?

- Ở Veḷuvana, nầy đạo hữu.

- Bạch Ngài! Nếu vậy xin thỉnh Ngài đi trước, đệ tử còn một người bạn. Cả hai chúng tôi có giao ước với nhau rằng: "Hễ ai đạt đạo bất tử (amata) trước thì phải thông tin với người kia hay". Bây giờ đệ tử lo giữ lời hứa, trở về rủ bạn của đệ tử, rồi sẽ theo con đường của Ngài đi mà tìm đến yết kiến Đức Tôn Sư.

Nói rồi, du sĩ Upatissa gieo năm vóc xuống đất, nằm mọp bên chân Đại đức, đoạn đứng lên nhiễu quanh Đại đức ba vòng từ trái sang phải.

Sau khi tiễn biệt đại đức Assaji, du sĩ Upatissa đi ngay về chùa của Ngài Sañjaya, trông thấy chàng về từ đàng xa, du sĩ Kolita nói thầm: "Hôm nay sắc diện bạn ta không giống như những ngày thường, có lẽ bạn ta thấu đạt con đường bất tử rồi chăng?". Kolita liền đón bạn, hỏi ngay:

- Gặp đạo bất tử rồi chăng?

- Gặp đạo bất tử rồi bạn ạ.

Sau khi báo tin lành, Upatissa đọc luôn bài pháp kệ mình học được cho bạn nghe. Bài kệ vừa dứt, du sĩ Kolita cũng đắc Tu Đà Hườn. Chàng vội hỏi:

- Hiền huynh có nghe Đức Tôn Sư hiện ngự tại đâu không?

- Nghe nói Ngài ngự ở Veḷuvana, hiền huynh à! Chính Đại đức Assaji là Thầy Tiếp dẫn của tôi bảo thế.

- Vậy thì chúng ta nên đến ngay nơi đó để yết kiến Đức bổn Sư đi hiền huynh.

Du sĩ nầy có tên là Sāriputta vốn là người có đặc tính bao giờ cũng cung kính ông thầy đầu tiên của mình, cho nên chàng lại nhắc bạn mình rằng:

- Nầy hiền huynh! Ta hãy bạch cho thầy của ta là du sĩ Sañjaya hay biết chúng mình đã gặp đạo bất tử. Nếu thầy thức tỉnh kịp, thầy sẽ thông cảm cho chúng ta, chẳng như thầy không thông cảm thầy cũng phải tin theo lời thành thật của ta mà yết kiến Đức Bổn Sư. Chừng được nghe pháp của bậc Đại Giác, chắc thầy sẽ đắc đạo quả không sai vậy.

Hai bạn đồng ý, cùng nhau đi đến tiếp xúc với thầy Sañjaya. Thấy mặt hai chàng, thầy liền hỏi:

- Hai hiền hữu đã tìm gặp một vị Đạo sư nào chỉ rành cho mình con đường bất tử chưa?

- Dạ! Bạch thầy, tìm gặp rồi, Đức Phật đã xuất thế, Đức Pháp đã xuất thế, Đức Tăng đã xuất thế. Vậy mà thầy còn lang thang trên con đường hư ảo vô đề vô căn (tucche asāre). Xin thầy đi với chúng tôi, chúng ta cùng đến học đạo với Đức Tôn Sư.

- Các đồ đệ hãy đi đi, phần ta không thể đi được.

- Bạch thầy vì sao vậy?

- Vì ta nay dù sao cũng là thầy của hàng đại chúng rồi, nếu ta hạ mình đi làm đệ tử cho người, thì kể như nước trong vò đang yên lặng bỗng nhiên dao động nổi sóng lên, ta không thể đi làm Sa môn sinh của ai được.

- Bạch Thầy, xin thầy chớ nên cố chấp như thế.

- Thôi đừng bận tâm lo lắng cho ta nữa, các hiền đồ cứ đi, còn ta thì không thể nào đi được.

- Bạch thầy, từ khi Đức Phật xuất thế, hàng đại chúng đều quy ngưỡng nơi Ngài, hằng bữa thường cầm hương và hoa đem đến cúng dường không ngớt, chúng tôi cũng sẽ quy y đầu Phật. Bạch Thầy, rồi đây thầy sẽ làm gì?

- Nầy các hiền đồ, hiện tại trong đời nầy có nhiều kẻ ngu hay người trí?

- Bạch Thầy, kẻ ngu nhiều, người trí thì hiếm.

- Nếu vậy, nầy các hiền đồ, những người trí hãy đi nhập chung với những người trí là Sa môn Gotama, còn những kẻ ngu hãy ở lại đây, làm bạn với những kẻ ngu như ta. Các hiền đồ hãy đi đi, ta sẽ không đi đâu.

Thuyết phục thầy cũ không được, hai chàng còn ráng nói thêm một câu thòng:

- Bạch Thầy, rồi thầy sẽ được rạng danh.

Đoạn hai chàng cáo biệt.

Hai chàng vừa đi, giáo đoàn môn hạ của thầy Sañjaya cũng vừa tan rã, ngay từ lúc ấy cảnh chùa trở nên vắng vẻ, quạnh hiu, thấy chùa trống trơn không còn đệ tử, thầy ta giận ói máu tươi.

Năm trăm du sĩ thuộc hạ cũ theo tiễn chân hai chàng một đổi, rồi phân nữa số đó trở về với Sañjaya, còn phân nữa ở lại hai chàng thâu nhận làm đệ tử và dắt luôn đến chùa Veḷuvana (Trúc Lâm).

Đang ngồi thuyết pháp giữa Tứ chúng (Catuparisā), Đức Bổn Sư trông thấy hai chàng từ xa đi đến, từ đàng xa, Ngài gọi chư Tăng lại và giới thiệu trước rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Hai người bạn mới đến kia là Kolita và Upatissa. Họ sẽ là cặp Thinh Văn Thượng Thủ của Như Lai, một cặp Thượng thủ quý báu nhất (Aggabhaddayuga).

Nhóm du sĩ đảnh lễ Đức Bổn Sư rồi đồng ngồi nép qua một bên, ngồi yên chỗ xong, họ bạch Đức Thế Tôn như vầy:

- Bạch Đức Thế Tôn, chúng con muốn được xuất gia nơi Đức Ngài, chúng con muốn xin thọ Cụ túc giới.

Đức Thế Tôn bèn phán: "Etha bhikkhavoti (Thiện lai chư Tỳ khưu)". Lại đây hỡi các Tỳ khưu! Giáo phái đã được hiển dương, hãy hành trì phạm hạnh cho chánh đáng, ngõ hầu chấm dứt mọi khổ đau".

Kim ngôn vừa dứt, do thần thông của Đức Thế Tôn, tất cả nhóm Tỳ khưu mới nầy đều có đủ y bát, trang mạo giống như những vị Đại đức Tăng bằng trăm tuổi hạ.

Khi ấy, Đức Bổn Sư càng gia công thuyết Pháp để giáo hóa nhóm đệ tử mới, cho họ biết chấp theo lề lối ngoại đạo. Trừ hai vị Thượng Thinh Văn siêu việt trí (Sāvaka pāramīññṇa), tất cả đều đắc A La Hán quả.

Riêng về Đại đức Moggallāna, từ ngày xuất gia đầu Phật, đến nương ngụ gần thôn Kallavāla, trong xứ Māgadha, hành thiền được bảy hôm, kế bị hôn trầm dã dượi. Nhờ Đức Bổn Sư thức tỉnh, Đại đức phát tâm kinh sợ thắng phục được hôn trầm, tinh tấm niệm đề mục Tứ đại (Dhātu kammaṭṭhāna), do Đức Thế Tôn truyền giáo, thành tựu ba đạo quả cao thượng và đạt đến đỉnh của Thinh Văn siêu việt.

Còn Đại đức Sāriputta sau ngày xuất gia vẫn còn ở trong thành Rājagaha với Đức Bổn Sư, nương nhờ trong một hang đá Trư Quật, tục gọi là hang heo đào (Sākarakhātalena). Mãi đến nữa tháng sau, Đại đức nghe Đức Phật thuyết bài kinh Vedanā pariggaha sutta (Đa Thọ Học) để hóa độ du sĩ Dīghanakha là cháu kêu Đại đức bằng cậu. Nhờ đưa trí theo dõi lời kinh, Đại đức lần lượt đạt đến mức cùng tột

của Thinh Văn siêu việt trí. Cũng như người được no lòng nhờ ăn bữa cơm dọn cho người khác vậy. (Đại đức Sāriputta có tiếng là bậc thông minh quán chúng (Mahāpaññā) mà tại sao lại chứng quả Thinh Văn siêu việt trí sau Đại đức Moggallāna lâu đến thế?).

Trong trường hợp nầy, ta nên giải thích chính đáng như vậy: "Tại vì phải chuẩn bị kĩ càng hơn ví như người nhà nghèo muốn đi đâu thì đi ngay không có gì phải sửa soạn, còn các bậc vua chúa thì phải chờ sắp đặt long xa phụ cán chỉnh tề đội ngũ rồi mới khởi hành".

Một ngày, Đại đức Sāriputta đắc chứng A La Hán với Tuệ phân tích lúc bóng xế tà (Vaḍḍhamānakacchāyāya), Đức Bổn Sư cho triệu tập Thinh Văn Hội đề cử hai Đại đức lên địa vị Thượng thủ Thinh Văn (Aggasāvaka), rồi truyền đọc giới bổn Pāṭimokkha.

Chư Tỳ khưu thì thầm dị nghị rằng: "Đức Tôn Sư chỉ coi mặt (mukhalokanena) mà ân tứ cho các Tỳ khưu, hai chức Thượng thủ Thinh Văn đáng lẽ Ngài nên phong cho những đồ đệ đầu tiên là năm vị trong nhóm Kiều Trần Như (Pañca vagga) mới phải. Nếu không kể các vị ấy, thì Ngài nên huệ cố đến nhóm có năm mươi lăm vị Tỳ khưu có Đại đức Yasa đứng đầu mới hợp lý.

Ngoài mấy vị nầy ra, còn có ba chục vị trong nhóm quý tộc Bhadda vaggiya cũng xứng đáng được Ngài lưu ý, còn không nữa thì còn nhóm ba anh em Uruvelakassapa, sao Ngài chẳng tấn phong?

Đằng nầy, Ngài lại bỏ các vị cũ ra đề cử mấy ông mới xuất gia sau nầy lên làm hai đệ tử đứng đầu tất cả các chư Tăng… Thật Đức Bổn Sư coi mặt mà ân tứ vậy".

Thấy vậy, Đức Bổn Sư phán hỏi: "Nầy các Tỳ khưu, các ông bàn luận chuyện chi đó?".

Khi nghe chư Tăng phúc đáp xong, Đức Bổn Sư thanh minh rằng: "Nầy chư Tỳ khưu! Chẳng phải Như Lai coi mặt mà ân tứ cho các Tỳ khưu đâu? Như Lai giao phó nhiệm vụ cho các ông ấy đều đúng theo sở nguyện cá nhân của từng người một. Như Aññasikoṇḍañña tuy có lòng cúng dường chín lần bằng những sản phẩm đầu tiên trong một vụ mùa, nhưng trong lúc dâng cúng không phát nguyện thành Thượng thủ Thinh Văn. Trái lại trong lúc ông để bát ông chỉ phát nguyện chứng đắc pháp tối thượng (Aggadhamma) tức là A La Hán quả trước hơn tất cả mọi người mà thôi".

- Bạch Đức Thế Tôn! Chuyện ấy xảy ra từ bao giờ?

- Nầy các Tỳ khưu! Các ông hãy lắng tai nghe.

- Dạ vâng, bạch Ngài.

Đức Thế Tôn bèn nhắc lại tiền tích sau đây:

"Nầy các Tỳ khưu, cách đây chín mươi mốt đại kiếp, có Đức Thế Tôn Vipassī giáng thế. Thời ấy có hai anh em là Mahākāḷa và Cullakāḷa, là hai trưởng giả, đã cho người gieo trồng lúa Sāli (thứ lúa đại mạch quý giá nhất Ấn Độ) trong một thửa ruộng lớn.

Ngày nọ, Trưởng giả Cullakāḷa đi thăm ruộng, bứt một hột Sālī đòng đòng (Sālī gabbhaṃ: Lúa mới tượng hình) bỏ vào miệng nhai, nhận thấy hột lúa non nầy có hương vị thơm ngọt vô cùng. Trưởng giả nảy ra ý định muốn để bát cúng dường Sālī non đến Tỳ khưu Tăng có Đức Phật làm hội chủ.

Trưởng giả liền trở về gặp anh mình và rủ: "Anh à! Chúng ta hãy cho người cắt Sāḷī đòng đòng, nấu chín hợp theo lẽ đạo của chư Phật, rồi chúng ta để bát cúng dường nghe anh?".

- Chú nói sao? Cắt lúa Sālī đòng đòng nấu chín để bát à? Tự cổ chí kim chưa từng có ai làm vậy, mà trong tương lai cũng chẳng có ai làm vậy. Thôi chú đừng có phá cho hư hại mùa màng.

Cullakāḷa nằng nặc quyết một, cứ theo gót chân anh nói mãi, sau cùng Mahākāḷa nói: "Thôi được! Bây giờ ta hãy phân chia đôi. Ruộng lúa Sālī, phần nào của anh, chú chớ có rớ đụng tới, còn phần riêng của chú, mặc chú muốn làm gì thì làm".

Được cởi mở tấm lòng, Cullakāḷa vội đáp "Lành thay".

Chia ruộng xong Cullakāḷa liền thuê nhiều nhân công cắt lúa Sālī đòng đòng đem về, nấu với sữa tươi không pha nước, chín rồi trộn chung thêm gia vị cam trân như bơ, sữa lỏng (sappi), mật ong và đường.

Sau khi để bát chư Tăng có Đức Phật Vipassī làm hội chủ. Cullakāḷa chờ cho các Ngài độ xong, mới bạch rằng: "Bạch Ngài! Do sự cúng dường thù thắng (aggadāna) bằng những lúa Sālī trỗ đòng đòng nầy. Xin cho con được đắc pháp thù thắng (Aggadhamma) tức là A La Hán quả trước hơn tất cả mọi người".

Đức Tôn Sư chúc phúc cho ông: "Vạn sự như ý" (Evaṃ hotuti).

Sau đó Trưởng giả Cullakāḷa lại đi thăm ruộng, thấy lúa Sālī trỗ đồng phát sanh như cũ, gié đơm đầy như là lúa đã được bó lại, ông phát sanh năm loại phỉ lạc nói thầm: "Thật là may quá!".

Trưởng giả liền kêu thôn dân phụ lực để làm phước cúng dường thù thắng. Cứ như thế, mỗi vụ lúa, Cullakāḷa cứ cúng dường kết quả đầu tiên: Khi lúa vừa ngậm sữa thì dâng lúa vừa ngậm sữa đầu tiên, khi gặt lúa thì dâng lúa gặt đầu tiên, khi đập lúa thì dâng lúa đập đầu tiên, khi quạt lúa thì dâng lúa quạt đầu tiên, khi vựa lúa thì dâng lúa vựa đầu tiên. Chỉ trong một mùa lúa, Cullakāḷa đã cúng dường thù thắng được chín lần. Trong tất cả những lần ấy, chỗ lúa được đem đến cúng dường lại hoàn trả như cũ một cách tự nhiên, mùa lúa ấy Trưởng giả Cullakāḷa trúng quá sức tưởng

tượng, đúng như câu: "Thiện hữu thiện báo", hễ ai hộ pháp thì được pháp độ trì. Cho nên , Đức Thế Tôn có thuyết rằng:

"Dhammo have rakkhati dhammacāriṃ,
Dhammo suciṇṇo sukhamāvahāti;
Esānisaṃso dhamme suciṇṇe,
Na duggatiṃ gacchati dhammacārīti".

"Chánh pháp hộ trì người nương chánh pháp
Nương pháp thì an lạc biết bao,
Phước báu nương pháp thanh tao,
Nương pháp khởi đọa trần lao, thoát nàn".

Trong thời kỳ Đức Chánh Biến tri Vipassī, Aññasikoṇḍañña đã làm phước cúng dường chín lần thù thắng như thế đó, nhưng chỉ ước nguyện đắc pháp thù thắng trước hơn tất cả mọi người mà thôi. Và trong thời kì Đức Phật Padumuttara, cách nay một trăm ngàn đại kiếp. Khi ở trong thành Haṃsavatī (Thiên Nga), ông có cúng dường trọng thể (Mahādāna) trong bảy ngày đêm liên tiếp, rồi mọp bên chân Đức Thế Tôn thời ấy, nguyện cầu đắc pháp thù thắng trước hết thảy mọi người.

Cho nên đời nay, Như Lai đã căn cứ theo nguyện vọng của ông mà ân tứ. Chẳng phải Như Lai coi mặt mà ân tứ cho các Tỳ khưu đâu.

- Bạch Ngài! Còn năm mươi lăm vị công tử đó Đại đức Yasa làm trưởng đoàn chẳng hay tạo nghiệp gì?

Đức Thế Tôn đáp rằng: "Nầy các Tỳ khưu! Mấy ông ấy đối với một vị Phật quá khứ , cũng phát nguyện thành A La Hán và đã có tạo nhiều phước nghiệp, nhất là trong kiếp sau, thời Đức Phật chưa giáng thế và thành lập một ban phước thiện, chuyên lo tống chung những xác chết bần tiện, cô đơn.

Một hôm thấy một phụ nữ có mang, họ bèn xúm nhau đưa vào bãi tha ma để hỏa táng:

- Các anh đem thiêu nhé!

Năm người được chỉ thị ở lại mộ địa, kỳ dư bao nhiêu đều trở về làng. Thanh niên Yasa đứng chỉ huy việc thiêu này, chàng dùng cây nhọn đâm lưng cái xác cho chảy bớt nước và lật qua lật lại cho mau cháy. Chăm chỉ nhìn cây đuốc thịt đang biến thành than, chàng bỗng đâm ra nhờm gớm cái tử thi một cách lạ thường, đó là triệu chứng trong tâm chàng phát sanh bất tịnh tưởng (Asubhasaññā).

Yasa kêu bốn chàng kia lại chỉ: "Quý vị ơi! Hãy nhìn cho kỹ xác chết nầy, da của nó nứt nẻ loang lổ từng đốm giống hệt như miếng da bò, thật là bẩn thỉu, hôi tanh, đáng tởm làm sao?".

Bốn người bạn Yasa ngay lúc ấy cũng đều phát sanh bất tịnh tưởng. Xong phận sự đốt thây ma, năm chàng trở về làng kể chuyện vừa qua với các bạn kia. Chàng Yasa thuật lại chuyện ấy trong gia đình chàng nghe, nên cha mẹ chàng cũng phát sinh bất tịnh tưởng (Asubhasaññā).

Đó là tiền nghiệp của nhóm Tỳ khưu Yasa, chính do nhân ấy mà đang ở trong lâu đài, nhìn những mỹ nữ ngủ, Yasa có cái cảm giác như đang ở trong mộ địa với những thây ma và cũng nhờ tích lũy những nghiệp lành trong những kiếp đã qua, nên kiếp nầy tất cả những người trong nhóm mới đắc chứng những quả đặc thù (Vivesadhigama) là A La Hán quả.

Như thế thì, những Tỳ khưu nầy cũng đắc quả đúng theo nguyện vọng của họ. Chẳng phải Như Lai coi mặt mà ân tứ cho các Tỳ khưu đâu.

Chư Tăng lại hỏi thêm nữa rằng:

- Bạch Ngài, còn những bằng hữu trong nhóm quý tộc Bhadda, chẳng hay đã tạo nghiệp gì?

Đức Thế Tôn đáp:

- Nầy các Tỳ khưu! Các công tử ấy cũng đã cúc cung đối với Đức Phật quá khứ, phát nguyện thành A La Hán và đã làm nhiều chuyện phước đức. Tiếp theo đó, trong thời Đức Phật chưa giáng thế, họ đầu thai làm ba mươi tên lưu manh lãng tử, nhờ nghe huấn từ của Đức Thế Tôn ban cho ông Tuṇḍīla mà cải tà quy chánh, thọ trì ngũ giới được sáu muôn năm. Do đó, kiếp chót nầy, các ông ấy chứng đắc quả vị đúng theo bổn nguyện cá nhân từ những kiếp trước. Chẳng phải Như Lai coi mặt mà ân tứ cho các Tỳ khưu đâu".

- Bạch Ngài! Còn những vị trong nhóm của đạo sĩ Uruvelakassapa đã làm gì?

- Các ông ấy đã phát nguyện thành A La Hán và cũng tạo nhiều phước nghiệp.

Thật vậy, cách đây chín mươi hai đại kiếp Kappa nầy có hai vị Phật giáng sanh là Đức Phật Tissa và Đức Phật Pussa.

Đức Phật Pussa vốn là vị đông cung Thái tử, con đức vua Mahinda (Đại Đế). Sau khi Ngài đắc quả Chánh Biến Tri thì có Thượng thủ Thinh Văn là Hoàng tử út, em Ngài, Đệ nhị Thinh Văn là vị công tử con quan Lễ bộ Thượng thư đương triều.

Nhân dịp đến yết kiến Đức Bổn Sư, đức vua tự hỏi thầm: "Thái tử của trẫm là Đức Phật, Hoàng tử út là Đệ nhất Thinh Văn, con quan Lễ bộ Thượng thư là đệ nhị Thinh Văn (Dutiyasāvaka)".

Ngước nhìn lên ba Ngài, đức vua càng thỏa thích với ý nghĩ: "Đức Phật cũng của trẫm, Đức Pháp cũng của trẫm, Đức Tăng cũng của trẫm". Nên cao hứng cất tiếng niệm ba lần: "Namo tassa bhagavato arahato sammā sambuddhassa" (Kính lạy Đức

Ngài, Đức Đại Phúc, Đức Ứng Cúng, Đức Chánh Biến Tri"). Đoạn đức vua phủ phục long thể trước chân Đức Bổn Sư và bạch rằng:

- Bạch Ngài! Năm nay quả nhân sống đã đúng chín muôn tuổi thọ, chỉ còn đợi giờ an giấc trường niên. Trong những ngày tàn của quả nhân, xin thỉnh Ngài đừng đi bát nhà ai, mà chỉ nhận tứ vật dụng (chỗ dùng để ăn, mặc, ở, trị bịnh) của một mình quả nhân dâng cúng.

Đức Bổn Sư nhận lời.

Từ đó, đức vua Mahinda chăm lo hộ độ Đức Phật Pussa thường xuyên mỗi bữa.

Ngoài hai vị xuất gia, đức vua còn có ba Hoàng tử nữa, vị đầu có năm trăm tùy tướng, vị kế có ba trăm tùy tướng, vị út có hai trăm tùy tướng.

Ba vị Hoàng tử muốn để bát hộ độ anh mình là Đức Phật Pussa, nhưng xin phép vua cha nhiều lần không được.

Đến khi biên thùy nổi loạn chống lại triều đình, ba Hoàng tử được lịnh sai đi bình giặc. Dẹp yên bờ cõi, ba Hoàng tử khải hoàn phục vị vua cha.

Quốc vương ôm con vào lòng, hôn lên đầu và phán rằng: "Vương nhi các con, trẫm chuẩn ân thưởng cho các con tùy theo ước nguyện".

- Dạ xin vâng! Tâu lịnh phụ vương.

Ba Hoàng tử phụng hành lời hứa của vua cha mà thôi. Cách mấy hôm sau, Quốc vương lại nhắc:

"Các vương nhi hãy nhận lãnh phần thưởng của mình đi".

Ba Hoàng tử bèn tâu rằng: "Tâu phụ vương, chúng con không ước nguyện chi khác hơn là từ rày về sau chúng con được phép cúng dường hộ độ vương huynh của chúng con. Xin lịnh phụ vương ban cho chúng con ân huệ ấy".

- Nầy các Vương nhi! Việc ấy trẫm không thể ân tứ được.

- Tâu phụ vương, nếu phụ vương không chuẩn tấu cho chúng con cúng dường thường trực, thì xin phụ vương ân tứ cho chúng con mỗi người trong bảy năm.

- Nầy Vương Nhi! Việc ấy, trẫm không thể ân tứ được.

- Nếu không thì xin phụ vương ân tứ cho chúng con trong sáu năm… năm năm… bốn năm… ba năm… hai năm… một năm… Hoặc trong bảy tháng… sáu tháng… năm tháng… bốn tháng… ba tháng… hai tháng… Hoặc một tháng.

- Nầy các vương nhi! Việc ấy trẫm không thể ân tứ được.

- Tâu đại vương! Xin phụ vương cho chúng con mỗi người một tháng, nhập chung là ba tháng liền nhau.

- Được rồi, trẫm y tấu, các vương nhi hãy lo hộ độ vương huynh trong ba tháng liền nhau.

Ba Hoàng tử hân hoan khấu biệt Quốc vương trở về cung. Thời thường, ba Hoàng tử chung nhau chỉ có một viên quản khố và một viên thiện tế viên quan coi việc bếp núc có đến mười hai viên thủ hạ thanh niên.

Ba Hoàng tử ra lệnh đòi hai viên quan ấy đến và bảo rằng: "Ba tháng tới đây, chúng ta sẽ mặc nhị y, thọ trì Thập giới và nhập hạ với Đức Bổn Sư. Hai khanh hãy thay ba ta và tiếp tục coi việc xuất kho những thực phẩm cứng và mềm, cho nấu nướng, rồi mỗi ngày để bát cúng dường đến chín muôn vị Tỳ khưu, luôn cả ba ta cùng một ngàn tùy tướng của ta nữa. Thôi hai khanh hãy ráng tự lo liệu lấy, ba ta chẳng còn việc chi phải nói thêm nữa".

Thế rồi, dắt theo cả ngàn tùy tướng thân tín, ba Hoàng tử xin thọ trì Thập giới. Xuất gia tạm, đắp nhị y và nhập hạ tại chùa.

Hai quan quản khố và thiện tế hợp chung nhau, luân phiên lo liệu việc cúng dường, mỗi ngày đều cho người vào kho của ba Hoàng tử, xuất ra đủ thứ thực phẩm cứng và mềm, sắp đặt xong rồi cho làm lễ Trai Tăng.

Trong khi các đầu bếp nấu cơm, cháo vật thực dọn ra thì lũ con nhỏ của họ la khóc đòi ăn. Hai quan Tổng quản thấy vậy lấy món ăn chúng đòi ăn đưa cho chúng ăn trước khi chư Tăng ngự tới. Vì thế, chư Tăng chỉ thọ thực một bữa thừa, không đầy đủ nguyên vẹn như khi mới dọn.

Lần lần về sau, hai quan Tổng quản trông thấy thực phẩm mới dọn, cũng sanh thèm, nhịn không được, giả bộ nói: "Ta hãy đem cho lũ trẻ", rồi lấy đem đi ăn vụng.

Cả đám từ nhỏ đến lớn có tám muôn bốn ngàn vị phạm tội ăn bớt thực phẩm mà họ có phận sự cúng dường Đại Đức Tăng, sau khi tan rã thân xác, đều bị sanh đọa vào cõi ngạ quỷ (Petti visaya).

Ba anh em Hoàng tử với một ngàn thuộc hạ, sau khi từ giã cõi đời, được siêu sanh lên Thiên giới, rồi luân hồi chuyển kiếp, khi thì ở cõi trời, khi thì ở cõi người. Trải qua chín mươi hai đại kiếp mới đến ngày nay. Mỗi khi tạo nghiệp lành họ đều nguyện thành A La Hán. Cho nên cả ba vị đều đắc Thánh quả đúng theo nguyện vọng của mình. Chẳng phải Như Lai coi mặt mà ân tứ đâu.

Quan thiện tế của ba vị Hoàng tử nay là vua Bimbisāra, còn quan quản khố nay là cận sự nam Visākha. Những người phụ tá của họ, khi ấy sau khi chết bị đọa sanh vào cõi ngạ quỷ (ma đói), rồi chuyển kiếp, khi làm người, khi làm chư Thiên, khi ở khổ cảnh địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a tu la.

Cho đến hiền kiếp nầy, họ sanh sống trong cõi ngạ quỷ suốt trong khoảng thời gian nối liền bốn chu kỳ có Phật xuất thế. Họ đã đến gặp Đức Phật Kakusandha là vị

Chánh Đẳng Giác đầu tiên xuất hiện trong hiền kiếp nầy, Ngài có tuổi thọ là bốn muôn năm, họ bạch hỏi Ngài: "Xin Ngài cho biết đến bao giờ chúng tôi mới có được thức ăn?".

Đức Phật đáp: "Trong thời Như Lai, các ngươi chưa có gì ăn được, sau nầy địa đại sẽ cao lên một do tuần, chừng ấy có Đức Phật danh hiệu là Konāgamana sẽ giáng thế. Các người ráng chờ đến vị Phật nầy mà hỏi thăm".

Các ngạ quỷ chờ đợi suốt khoảng giữa hai đời Phật và khi Đức Chánh Biến Tri Konāgamana xuất thế, chúng đến bạch hỏi Ngài: "Xin Ngài chỉ dạy cho biết, bao giờ chúng tôi mới được có thức ăn?".

Đức Phật Konāgamana cũng đáp: "Trong thời của Như Lai các người cũng chưa có gì ăn được. Sau nầy khi địa đại cao thêm một do tuần, chừng ấy có Đức Phật Kassapa sẽ ra đời, các ngươi nên chờ hỏi vị Phật ấy!".

Các ngạ quỷ đành phải chịu đói, chờ thêm khoảng thời gian không Phật nữa. Khi gặp Đức Phật Kassapa, chúng cũng tới hỏi thăm và nghe trả lời mường tượng như trước: "Trong thời của Như Lai các người cũng chưa có gì ăn được. Sau nầy khi địa đại cao thêm một do tuần, chừng ấy Đức Phật có hồng danh Gotama sẽ giáng lâm, thân nhân của các ngươi là đức vua Bimbisāra sẽ cúng dường đến Đức Thế Tôn và hồi hướng phước báu đến cho các ngươi, chừng ấy các ngươi sẽ có được thức ăn".

Thời gian không có vị Phật sau cùng nầy đối với ngạ quỷ chỉ thoáng qua mau hầu như đầu hôm sớm mai vậy (bởi chúng vui mừng vì sắp được ăn).

Khi Đức Như Lai xuất thế vua Bimbisāra cúng dường Trai Tăng bữa đầu, chúng ngạ quỷ không thọ hưởng được quả báu (vì thí chủ không hồi hướng đến), chúng đợi tới khuya về báo mộng cho đức vua ngó thấy và rú lên những tiếng rùng rợn.

Sáng hôm sau, đức vua ngự hành đến chùa Veḷuvana thuật lại chuyện ma hiện hình cho Đức Như Lai nghe.

Đức Bổn Sư dạy rằng: "Tâu đại vương! Cách đây chín mươi hai đại kiếp trong thời Đức Chánh Biến Tri Phussa, những ngạ quỷ ấy là thân bằng quyến thuộc của đại vương. Vì tội ăn vớt thực phẩm mà chúng có phận sự cúng dường đến Đại đức Tăng nên bị đọa xuống cõi ngạ quỷ, rồi lại luân hồi lên xuống nhiều kiếp. Đến thời của mỗi vị Phật, chúng đều hỏi thăm cả ba vị Chánh Biến Tri là Đức Kakusandha, Đức Konāgamana và Đức Kassapa, đều trả lời như vầy… như vầy…, chúng đã nóng lòng chờ đợi suốt cả thời gian ấy, nhưng hôm qua sau khi đại vương làm lễ Trai Tăng chúng không lãnh được phước báu, cho nên mới hiện hình kêu la như thế đó!".

Nghe vậy, đức vua Bimbisāra bạch hỏi rằng: "Bạch Ngài! Như buổi Trai Tăng ngày mai, họ có lãnh được phước báu hay không?".

- Có lãnh được! Tâu đại vương.

Hôm sau, đức vua lại thỉnh Tỳ khưu Tăng có Đức Phật làm hội chủ đến thọ thực. Sau bữa Trai Tăng trọng thể (mahādāna), đức vua hồi hướng phước báu rằng: "Bạch Ngài! Do sự phước thí nầy xin cho những vong linh quyến thuộc của trẫm có đầy đủ cơm nước của hàng chư Thiên".

Ngay lúc ấy, các ngạ quỷ đều thoát khỏi sự đói khát nhờ thọ hưởng được phước hồi hướng. Nhưng đến hôm sau chúng lại hiện cho đức vua thấy thân chúng lõa lồ.

Đức vua ngự đến bạch hỏi Đức Tôn Sư: "Bạch Ngài, đêm qua những vong linh ấy hiện hình lõa lồ cho trẫm thấy, là ý nghĩa làm sao?".

Hôm sau, Đức vua cúng dường y và vải cho chư Tăng có Đức Phật là hội chủ và nguyện rằng: "Do phước nầy, xin cho các vong linh quyến thuộc của trẫm được mặc y phục của hàng chư Thiên".

Ngay lúc ấy, những y phục chư thiên tạo phát sanh đầy đủ sẵn đến các vong linh lõa thể, cởi lớp ngạ quỷ, họ trở thành những chư thiên có hình thái xinh đẹp sáng chói.

Khi chúc phúc, Đức Bổn Sư đọc bài kinh bắt đầu bằng: "Tirokuddesu tiṭṭhanti… (các hàng ngạ quỷ đã đến nhà quyến thuộc rồi…) để dạy bảo cho các thí chủ và các vong nhân cách thức hồi hướng phước báu cho nhau (Xem Kinh Tụng của cố Đại đức Hộ Tông).

Bài kinh Ngạ quỷ đứng ngoài vách nhà vừa dứt thì tám muôn bốn ngàn chúng sanh được lãnh hội giáo pháp (trong khi kể về tiền thân của ba anh em Uruvelakassapa, Đức Bổn Sư đã đề cập đến tích các ngạ quỷ như trên).

- Bạch Ngài! Còn hai vị Thượng thủ Thinh Văn đã làm gì?

- Hai vị Thượng thủ Thinh Văn đã phát nguyện làm Thượng thủ Thinh Văn.

Quả vậy, cách đây lối một A Tăng Kỳ và một trăm ngàn đại kiếp, Sāriputta sanh ra trong một gia đình đại phú thuộc giai cấp Bà la môn quý danh là công tử Sārada (Kim Thu), còn Moggallāna sanh trong một vọng tộc đại gia, có tên là Sirivaḍḍhana (Tân Lợi), hai chàng là đôi bạn cố giao, thân thiết với nhau từ thuở còn dọc đất chơi bùn.

Đến khi thân phụ qua đời, công tử Sārada được thừa hưởng trọn cả gia tài to tát, nhưng không lấy thế làm vui. Một hôm công tử ngồi tư lự một mình: "Ta chỉ biết được phần nào kiếp sống của ta trong đời hiện tại, chứ không biết gì về kiếp vị lai. Đã là giống hữu tình (satta) hễ sanh lên tất có ngày chịu chết. Nào ai thoát khỏi công lệ đó đâu, âu là ta hãy xuất gia sống đời phiêu bạt, để tìm con đường giải thoát tử sanh".

Nghĩ rồi, công tử Sārada đến nhà bạn hỏi rằng: "Bạn Sirivaḍḍhana ơi! Tôi định sẽ tìm cách xuất gia, tìm đạo giải thoát, bạn có thể xuất gia chung với tôi chăng?".

Trưởng giả Sirivaḍḍhana bèn đáp: "Bạn ơi! Chắc tôi không đi được, xin bạn cảm phiền đi xuất gia một mình".

Công tử Sārada tự nghĩ: "Đến chung cuộc rồi, không ai có thể dắt cả thân bằng quyến thuộc đi sang thế giới bên kia. Thôi thì việc ai nấy làm, đường ai nấy đi".

Từ đó, công tử mở rộng cửa kho vàng ra bố thí cho những kẻ khốn cùng, bần tiện xin ăn. Xong cuộc đại thí, công tử đi vào tận chân núi xuất gia làm đạo sĩ.

Ban đầu chỉ một, hai, ba người xuất gia tu theo đạo sĩ Sārada, nhưng lần lần số đệ tử tăng lên đến bảy muôn bốn ngàn.

Đạo sĩ Sārada hành đắc chứng được Ngũ thông, Bát thiền bèn đem cách niệm đề mục thiền tịnh (kasiṇa parikamma) chỉ dạy cho các đạo sĩ tóc bện đệ tử, nhờ vậy tất cả đều đắc Ngũ thông, Bát thiền như nhau.

Thời ấy, Đức Phật hồng danh là Anomadassī giáng lâm nơi thành Buddhamatī (Giác Tuệ) cũng có khi gọi là Candavatī (Thái Âm), phụ vương Ngài tên Yasavanta thuộc giai cấp Sát Đế Lỵ (Khattiya), mẫu hậu Ngài là Yasodharā nương tử.

Ngài giác ngộ dưới cội cây Long Thọ (Ajjuna), có Tỳ khưu Nisabha (Trác Lạc) và Anoma (Vô Thượng) là nhị vị Thượng thủ Thinh Văn, có thiện nam Varuṇa là đại thí chủ, có Tỳ khưu ni Sundarā (Mỹ Lệ) và Tỳ khưu ni Sumanā là hai nữ đệ tử (aggasāvikā). Tuổi thọ của Ngài là mười muôn năm, bề cao của Ngài là năm mươi tám hắc tay (hatta: lối năm tất tây), hào quang từ thân Ngài chiếu ra xa mười hai do tuần, Ngài có mười muôn Tỳ khưu tùy tùng.

Một hôm, hừng sáng Ngài xuất định Đại Bi quán thế gian, thấy đạo sĩ Sārada, Ngài nghĩ rằng: "Hôm nay do nhờ duyên lành của đạo sĩ Sārada mà chánh pháp sẽ được tuyên dương. Sārada sẽ phát nguyện thành Thượng thủ Thinh Văn. Bạn của đạo sĩ Sārada là Trưởng giả Sirivaḍḍhana sẽ nguyện làm đệ nhị Thượng Thinh Văn. Dứt thời pháp, tất cả tùy tùng của đạo sĩ Sārada có bảy muôn bốn ngàn đạo sĩ tóc bính sẽ đắc quả A La Hán. Vậy Như Lai nên ngự đến đó".

Sau khi quán sát thấy rõ như thế, Đức Phật Anomadassī không nói cho ai hay biết, Ngài lặng lẽ đắp y mang bát ra đi một mình như chúa sơn lâm.

Lúc ấy, những đạo sĩ đệ tử của Sārada đã đi tứ tán vào rừng hái trái cây, đạo sĩ ở lại tịnh thất một mình.

"Ta hãy cho đạo sĩ biết Ta là vị Phật", nghĩ như thế Đức Tôn Sư trừ trên hư không đáp xuống, đứng trước mặt đạo sĩ Sārada. Khi thấy rõ oai lực của Đức Phật và tướng hảo quang minh của Ngài, đạo sĩ lẩm nhẩm ôn lại bài kệ mô tả tướng tốt của bậc Đại Nhân (Mahāpurisa), rồi đạo sĩ nói thầm: "Người có đầy đủ tướng tốt như vậy, nếu không xuất gia thì sẽ trở thành vị Chuyển Luân Vương. Còn nếu xuất gia thì sẽ

làm vị Phật Toàn Giác vén màn vô minh bao trùm cõi thế. Người nầy quyết chắc là một vị Phật không còn nghi ngờ chi nữa".

Biết rõ như vậy, đạo sĩ tiến bước đến trước Đức Phật gieo năm vóc xuống đảnh lễ Ngài, đoạn sắp chỗ ngồi và thỉnh Ngài an tọa.

Đức Thế Tôn ngự lên chỗ ngồi dọn sẵn, đạo sĩ Sārada tự mình cũng chọn một chỗ phải lẽ, ngồi nép qua một bên.

Bảy muôn bốn ngàn đạo sĩ tóc bính hái được đủ thứ trái cây ngon quý, bổ dưỡng rồi trở về với đạo trưởng. Về đến nơi họ nhìn chỗ ngồi của Đức Phật, rồi nhìn chỗ ngồi của thầy mình và nói: "Bạch Thầy, chúng đệ tử đã từng chu du khắp chốn, chưa từng gặp ai cao thượng hơn thầy. Nhưng người nầy so với thầy, chúng đệ tử thấy còn cao thượng hơn".

Nghe vậy, đạo sĩ Sārada đáp: "Các con nói chi. Đừng có tính đem hột cải bé tí teo mà đọ với núi Sineru có bề cao tám muôn bốn ngàn do tuần. Đừng đem thầy ra mà so sánh với Đức Phật Toàn Giác, nghe các con!".

Khi ấy, các đạo sĩ nghĩ thầm: "Nếu người nầy là một kẻ tầm thường vô vị thì thầy ta đã không đưa ra một ví dụ như thế. Chắc hẳn đấy là một bậc Ứng Cúng (Arahā) không sai".

Nghĩ rồi, cả thảy đồng quỳ xuống, mọp đầu đãnh lễ Đức Tôn Sư.

Kế đó, đạo sĩ Sārada bảo các đệ tử rằng: "Nầy các trò, hiện đây chúng ta chẳng có gì xứng đáng để cúng dường Đức Phật, Ngài đến nhằm giờ chúng ta đi khất thực. Chúng ta hãy tùy tài lực của mình mà cúng dường, vậy các trò hãy tìm cách kiếm đủ thứ trái cây ngon quý, bổ dưỡng đem về đây nghe".

Khi có trái cây đem về, đạo sĩ Sārada rửa tay sạch sẽ, đích thân để bát cúng dường đấng Như Lai. Lúc Tôn Sư thọ bát, chư thiên thêm chất tự dưỡng thiên, tạo phước để vào trong bát của Ngài.

Kế đó, đạo sĩ Sārada cũng tự mình lọc nước cho Đức Tôn Sư. Đức Tôn Sư thọ thực xong vẫn ngồi nguyên chỗ cũ. Đạo sĩ Sārada cho gọi tất cả đệ tử của mình, đi đến ngồi gần Đức Tôn Sư vấn an Ngài theo xả giao. Khi ấy, Đức Tôn Sư nguyện thầm: "Hai vị Thượng thủ Thinh Văn cùng đi với Tăng chúng hãy đến nơi đây". Hai vị Đại đệ tử thần giao cách cảm, được lịnh của Đức Tôn Sư, bèn dắt cả đoàn Tăng chúng gồm có mười muôn Thánh Lậu Tận (A La Hán) đến chỗ Đức Tôn Sư, đảnh lễ Ngài và đứng nép qua một bên.

Thấy vậy, đạo sĩ Sārada cho gọi các đệ tử vào bảo: "Nầy các trò, ghế chỗ chư Phật ngồi thấp quá. Ghế để mười muôn vị Sa môn ngồi cũng không có. Hôm nay các trò cũng nên nhân dịp nầy mà làm một cuộc lễ cúng dường trọng thể đến chư Phật.

Vậy các trò hãy đi vào chân núi, tìm hái đủ thứ kỳ hoa dị thảo, sắc đẹp hương nồng đem về đây".

Tục ngữ có câu "Kathānakālo papañco… Nhàn thoại vô công" chẳng có ai ước lượng được giới hạn thần thông của một bậc pháp thuật cao cường cho được. Chỉ trong chốc lát, các đạo sĩ đã lần lượt đem về vô số những hoa vừa thơm vừa đẹp.

Bảo tọa của Đức Phật được kết bằng hoa rộng lớn cả một do tuần, bảo tọa của hai vị Thượng thủ Thinh Văn rộng ba phần tư do tuần, kỳ dư bảo tọa của chư vị Tỳ khưu rộng từ nữa do tuần (hai gāvuta) sắp xuống, của các vị mới xuất gia thì rộng lối bảy chục thước tây (một trăm bốn mươi usabha).

Ta chớ lấy làm lạ, đặt nghi vấn rằng: "Làm cách nào mà sắp xếp bao nhiêu bảo tọa to lớn như vậy trong ngôi đạo tràng ấy?". Đó là do phép thần thông làm ra mới có được như thế.

Các bảo tọa chưng dọn xong, đạo sĩ Sārada đến trình Đức Như Lai, chắp tay cung kính bạch rằng:

- Bạch Ngài! Cung thỉnh Ngài ngự lên bảo tọa, cho chúng tôi được sự tấn hóa, sự bình an lâu dài.

Vậy có kệ rằng:

"Nānāpupphañca gandhañca,
Sannipātetvāna ekato;
Pupphāsanaṃ paññāpetvā,
Idaṃ vacamabraviṃ;
Idaṃ me āsanaṃ vīra,
Paññattaṃ tavanucchaviṃ".

"Mama cittaṃ pasādento,
Nisīdi pupphamāsane;
Sattarattindivaṃ buddho,
Nisīdi pupphamāsane;
Mama cittaṃ pasādetvā,
Hāsayitvā sadevaketi".

"Hương hoa nhiều thứ gộp chung,
Kết xong bảo tọa, cúc cung bạch rằng:
Bạch Đại Hùng nên chăng bảo tọa?
Tôi vì Ngài kết đã thành công;
Thỉnh Ngài lên bảo tọa bông,
Cho tâm tôi sạch, cho lòng tôi vui.
Trên đài hoa, Phật ngồi bảy bữa,

Khiến tâm tôi sạch rửa trần ai.
Chư thiên dỉ chí muôn loài,
Chúng tôi hỷ dạ Phật oai nhiệm mầu".

Đức Bổn Sư nhận lời, ngự lên đài an tọa, kế đó là hai vị Thượng thủ Thinh Văn và kỳ dư chư Tỳ khưu đều lần lượt ngồi lên những bảo tọa dành riêng cho từng vị.

Đạo sĩ Sārada tay cầm lộng hoa vĩ đại, đứng che trên đầu Đức Như Lai.

Đức Tôn Sư chú nguyện rằng: "Do sự cúng dường lễ bái nầy quả phước lớn lao hãy phát sanh đến các đạo sĩ tóc bính".

Phúc chúc xong rồi, Đức Tôn Sư ngồi yên, nhập vào Thiền Diệt (Nirodha samāpatti). Thấy biết Tôn Sư đã ở trong trạng thái Diệt Thọ Tưởng Định, hai vị Thượng Thủ Thinh Văn và tất cả chư Tăng cũng đều nhập định luôn.

Sau khi nhập Thiền Diệt, Đức Như Lai ngồi nguyên trong một tư thế bảy ngày liền.

Trong thời gian ấy, mỗi ngày các đạo sĩ đệ tử của Sārada đều đứng chắp tay hầu bên Phật, ngoại trừ giờ đi khất thực, phải chia nhau đi kiếm trái cây rừng lót dạ mà thôi.

Riêng một mình đạo sĩ Sārada không đi kiếm ăn, đạo sĩ đứng yên, tay cầm lộng hoa suốt bảy ngày liền, trong lòng tràn ngập một niềm vui phơi phới (pīti).

Khi xuất Thiền Diệt, Đức Bổn Sư gọi vị Thượng Thủ Thinh Văn tay phải là Đại đức Nisabha, bảo: "Nầy Nisabha, con hãy chúc phúc cho các đạo sĩ đã có lòng tôn kính cúng dường những bảo tọa hoa".

Khi ấy, như một tướng soái oai hùng vừa được Đức Chuyển Luân Vương đích thân ban thưởng, Đại đức Nisabha phát tâm hoan hỷ, trụ vào Thinh Văn siêu việt trí, mở lời chúc phúc cho các đạo sĩ cúng dường những bảo tọa hoa.

Sau thời pháp của vị Thủ Thinh Văn, Đức Tôn Sư quay lại gọi đệ nhị Thinh Văn ngồi bên tay trái của Ngài và bảo: "Nầy Tỳ khưu! Con cũng hãy thuyết pháp đi".

Vâng lời Đức Bổn Sư, Đại đức Anoma niệm tưởng những Phật ngôn trong Tam Tạng, rồi thuyết ra một thời pháp.

Mặc dầu cả hai vị thượng Thinh Văn thay nhau thuyết pháp, nhưng tất cả đạo sĩ trong hội trường không có một ai lãnh hội được giáo nghĩa.

Khi ấy, Đức Bổn Sư trụ tâm vào Vô Biên Phật Cảnh Trí (Aparimāṇa buddhavisaya) rồi thuyết ra một thời pháp.

Thời pháp dứt, trừ đạo sĩ Sārada, tất cả bảy muôn bốn ngàn đạo sĩ tóc bính đều đắc quả A La Hán. Các đạo sĩ ấy bèn xin xuất gia với Đức Tôn Sư.

Đức Ngài đưa tay ra vẫy gọi: "Thiện Lai Tỳ khưu…", tức thì tất cả tóc râu của các đạo sĩ ấy đều biến mất hết và họ trở thành Tỳ khưu có tám món phụ dính liền theo thân là ba y, bát, dây lưng, ống đựng kim, ống lược nước, dao cạo.

Thử hỏi: Vì sao đạo sĩ Sārada không đắc A La Hán?

Xin đáp: Tại vì tâm không định.

Theo truyền ngôn thì từ khi vị Thủ Thinh Văn ngồi trên bảo tọa thứ nhì kế bên Đức Phật, trụ tâm vào Thinh Văn siêu việt trí thuyết pháp. Đạo sĩ Sārada sau khi nghe được thời pháp nầy rồi, đâm ra mơ ước: "Ôi! Phải chi mình được lãnh nhiệm vụ của vị Đại đệ tử nầy trong Giáo pháp của một vị Phật vị lai". Vì mãi bận tâm lo nghĩ như vậy, nên đạo sĩ không đắc quả chi hết.

Đạo sĩ đảnh lễ Đức Như Lai. Rồi đứng đối diện với Ngài và bạch hỏi: "Bạch Ngài! Chẳng hay trong giáo pháp của Ngài vị Tỳ khưu ngồi sát bên cánh tay phải của Ngài mệnh danh là gì?".

- Tỳ khưu nào theo phụ lực với Như Lai, quay chuyển bánh xe pháp, đã đạt tới mức thượng đỉnh của Thinh Văn Siêu Việt Trí (Sāvakapārāmi ñāṇassakoṭippatto), đã hiểu biết mười sáu vấn đề (Solasapaññā) (tức là mười sáu lý của Tứ Diệu Đế - xem Kho Tàng Pháp Bảo) Tỳ khưu ấy mệnh danh là Thủ Thinh Văn (Aggasāvaka) trong Giáo Pháp của Như Lai.

- Bạch Ngài! Do nơi công đức của con đứng cầm lộng tôn kính che mát cho Ngài trong bảy ngày liền, con không cần được phước báu làm Đế Thích (Sakka) hoặc Phạm Thiên (Brahma) chi hết. Con chỉ nguyện làm Thủ Thinh Văn của một Đức Phật vị lai, y như Đại đức Nisabha ngày hôm nay vậy.

Nghe đạo sĩ phát nguyện xong, Đức Tôn Sư tự vấn: "Lời nguyện của chàng nầy có thành tựu hay không?". Ngài phóng tầm Giác Lực (Sañāṇa) của Ngài về thời vị lai, quan sát thấy sau một A Tăng kỳ và một trăm ngàn đại kiếp nữa, lời nguyện ấy sẽ được kết quả.

Thấy vậy, Ngài bảo đạo sĩ Sārada rằng: "Lời nguyện của ngươi không phải là vô hiệu quả (mogha), sau một A tăng kỳ và một trăm ngàn đại kiếp nữa vị Phật danh hiệu là Gotama sẽ giáng thế, thân mẫu Ngài là Mahāmāyā, thân phụ Ngài là Suddhodana, thái tử Ngài là Rāhula, thị giả Ngài tên Ānanda, đệ nhị Thinh Văn Ngài là Moggallāna, ngươi sẽ là vị Thủ thinh Văn của Ngài, là vị Tướng quân chánh pháp (Dhammasenāpati) tên là Sāriputta. Thọ ký cho đạo sĩ rồi, Đức Phật thuyết pháp phủ dụ, đoạn Ngài cùng tất cả Thánh Tăng đằng vân bay đi.

Đạo sĩ Sārada (Sāradatāpasa) đến gần chư Tỳ khưu đệ tử cũ, nhờ các vị nầy chuyển lời đến bạn mình là Trưởng giả Sirivaḍḍhana. Đạo sĩ nói:

- Bạch các Ngài! Xin các Ngài hoan hỷ nói giùm với bạn tôi rằng: Đạo sĩ Sārada là người đã quỳ dưới chân của Đức Phật Anomadassī, phát nguyện làm vị Thủ Thinh Văn trong giáo pháp của Đức Phật Gotama giáng thế trong thời vị lai. Vậy người có muốn làm đệ nhị Thinh văn hay không?

Tuy đã nhắn lời như thế, nhưng đạo sĩ cũng theo một lối tắt đi trước các Trưởng lão, đến trước nhà của Trưởng lão Sirivaḍḍhana. Trông thấy bạn cố tri, Trưởng giả kêu lên:

- Chà! Thật lâu quá mới thấy đạo huynh về thăm tôi.

Đoạn Trưởng giả kéo ghế mời đạo sĩ ngồi và tự mình cũng ngồi ở một chỗ thấp hơn.

- Bạch Ngài! Ngài không có giáo đồ đệ tử chi hết sao? Trưởng giả hỏi.

- Thật vậy bạn à! Đức Phật Anomadassī đã đến Tịnh xá của chúng tôi, chúng tôi đã tùy theo tài lực của mình mà làm lễ cúng dường. Rồi Đức Tôn Sư đã thuyết pháp cho chúng tôi nghe. Dứt thời pháp, trừ tôi ra, tất cả đều đắc quả A La Hán và xuất gia Tỳ khưu hết rồi, vì tôi thấy Đại đức Nisabha là vị Thinh Văn của Đức Bổn Sư, tôi đã phát nguyện thành vị Thủ Thinh Văn trong giáo pháp của Đức Phật Gotama sắp giáng thế trong thời vị lai. Còn bạn, bạn hãy phát nguyện làm vị đệ tử nhị Thinh Văn trong giáo pháp của Đức Phật ấy đi.

- Bạch Ngài! Tôi không được thân cận, quen biết với chư Phật.

- Để tôi lãnh phần thỉnh chư Phật cho, bạn cứ yên trí ở nhà lo sắp đặt cuộc đại lễ Trai Tăng đi nhé.

Nghe lời bạn, Trưởng giả Sirivaḍḍhana cho người dọn miếng đất trước cửa nhà mình thành một cái sân rộng độ tám sào đất vuông (Karīsa) tráng thật bằng phẳng. Trải cát trắng khắp mặt sân, rắc thêm năm thứ hoa đồng nội (Lāja) dựng lên một cái nhà lồng nóc lợp bằng hoa sen xanh, như là để nghinh tiếp một bậc Đế Vương vậy.

Trưởng giả lại cho sửa soạn bảo tọa của chư Phật, sắp đặt chỗ Ngồi của chư Thánh Tăng, chuẩn bị lễ vật cúng dường rất long trọng, rồi báo tin cho đạo sĩ Sārada hay để cung nghinh chư Phật.

Đạo sĩ thỉnh được chư Tăng có Đức Phật làm hội chủ, rồi cùng đi theo các Ngài trở về nhà bạn Trưởng giả Sirivaḍḍhana.

Trưởng giả thân hành ra nghinh tiếp chư Tăng, thỉnh bát nơi bàn tay của Đức Như Lai, rước Ngài ngự vào Thanh Liên Đình.

Khi Đại đức Tăng có Đức Phật làm hội chủ đã an tọa trên những ngôi vị đã sắp đặt sẵn, Trưởng giả Sirivaḍḍhana lấy nước rót lên tay Đức Bổn Sư theo nghi lễ cúng dường (dakkhiṇodaka) xong, liên tiếp dâng cúng những thực phẩm cam trân mỹ vị.

Sau bữa Trai Tăng, Trưởng giả lại dâng đầy đủ y quý giá đến Đại đức Tăng có Đức Phật làm hội chủ, rồi bạch rằng: "Bạch Ngài! Cuộc lễ Trai Tăng nầy không phải được tổ chức với mục đích tầm thường nhỏ nhen. Xin thỉnh Ngài từ bi hoan hỷ lưu lại nơi đây, để con được cúng dường như vậy trong bảy ngày liên tiếp".

Đức Bổn Sư nhận lời.

Khi lễ đại thí trong bảy ngày liền vừa chấm dứt, Trưởng giả Sirivaḍḍhana đảnh lễ Đức Bổn Sư, đoạn đứng chấp tay bạch rằng:

- Bạch Ngài! Bạn của tôi là đạo sĩ Sārada đã nguyện làm Thủ Thỉnh Văn của Đức Phật nào, thì tôi cũng nguyện xin là đệ nhị Thinh Văn của Đức Phật ấy.

Đức Thế Tôn quán sát thời vị lai, thấy lời nguyện Trưởng giả sẽ thành tựu, bèn thọ ký rằng: "Từ đây về sau một A tăng kỳ và một trăm ngàn đại kiếp nữa, người sẽ là đệ nhị Thinh Văn của Đức Phật Gotama".

Nghe Đức Phật thọ ký, Trưởng giả vui mừng không kể xiết. Phúc chúc xong, Đức Tôn Sư cùng đoàn Thinh Văn về Tịnh Xá.

Thuật xong tiền tích của hai vị Đại đức Sāriputta và Moggallāna, Đức Bổn Sư dạy tiếp:

- Nầy các Tỳ khưu, đó là lời nguyện mà hai con của Như Lai đã phát ra từ thời quá khứ. Hai vị Tỳ khưu nầy trước đã phát nguyện đắc quả vị nào thì nay đắc quả vị đó, đúng theo bổn nguyện của mình vậy thôi. Chẳng phải Như Lai coi mặt mà ân tứ cho các Tỳ khưu đâu.

Đức Bổn Sư dứt lời, hai vị Thượng thủ Thinh Văn đảnh lễ và bạch rằng: "Bạch Ngài! Khi còn ở ngoài đời, chúng con đã có lần lên xem lễ hội trên đỉnh núi…". Hai vị lần lượt kể hết chuyện mình trong kiếp hiện tại từ lúc dự kiến cuộc lễ Sơn Đảnh Hội, cho đến khi hạnh ngộ Đại đức Assaji, được chứng quả Tu Đà Hườn. Rồi thuật tiếp rằng:

- Bạch Ngài! Chúng con đã rủ thầy Sañjaya cùng đến hầu hạ bên chân Ngài, chúng con đã chỉ cho thầy thấy chủ thuyết lập luận (laddhi) của thầy là vô căn vô bổn (nissāra), chúng con đã giải cho thầy nghe về phước báu của sự quy y đầu Phật, nhưng thầy đáp rằng: "Nếu giờ ta thay bậc đổi ngôi, hạ mình làm môn đồ cho người, thì cũng giống như nước trong vò đang yên mà làm cho phát sanh sự dao động (cātiyā udaka calana bhāvappattisadiso) ta không thể đi làm học trò cho ai được".

Chúng con lại nói: "Bạch Thầy, giờ đây hàng đại chúng ai ai cũng đều cầm hương hoa đi chùa lễ Phật. Còn thầy thì sao?".

Thầy lại hỏi rằng: "Trong đời nầy có nhiều người trí (paṇḍitā) hay nhiều kẻ ngu (dandhā)?"

Chúng con đáp lại: "Bạch Thầy, kẻ ngu thì nhiều, những người trí thì rất hiếm".

Nghe vậy, thầy bảo chúng con: "Thế thì người trí nên đi nhập chung với người trí là Sa môn Gotama. Còn kẻ ngu hãy ở lại với kẻ ngu như ta, các trò cứ đi đi".

Thầy nói như thế, rồi không chịu đến đây, bạch Ngài.

Nghe xong câu chuyện của hai vị Thủ Thinh Văn, Đức Bổn Sư dạy rằng: "Nầy các Tỳ khưu! Thầy Sāñjaya tự mình mang nặng tà kiến việc không cần cho là cần, việc cần cho là không cần. Còn các Tỳ khưu, tự nghĩ mình là bậc hiền trí việc cần biết là cần, việc không cần biết là không cần. Nhờ vậy mới dứt bỏ được việc không cần yếu mà kiên trì lấy việc cần yếu".

Đến đây, Đức Bổn Sư thuyết kệ ngôn rằng:

"Asāre sāramatino,
Sāre cāsāradassino;
Te sāraṃ nādhigacchanti,
Micchāsaṅkappagocarā".

"Sārañ ca sārato ñatvā,
Asārañ ca asārato;
Te sāraṃ adhigacchanti,
Sammasaṅkappagocarāti".

"Việc không cần cứ cần chuyên,
Việc cần yếu lại chẳng siêng tu hành.
Tư duy tà kiến đã đành,
Người như thế chẳng đạt thành lý chân".

"Việc cần thì biết là cần,
Việc không cần yếu cũng phân biết rành.
Tư duy chánh kiến tu hành,
Người như thế sẽ đạt thành lý chân".

☸

CHÚ GIẢI:

Trong hai bài kệ trên đây, đoạn đầu *"Asāre sāramatino sare cāsāradassino", (việc không cần tưởng cần việc cần thấy không cần),* đề cập tới hạng người chấp theo mười thứ tà kiến (dasa vatthukāmicchādiṭṭhi), rồi do sự suy nghĩ sai lầm trong những điều không cần yếu (asāre) như tứ vật dụng (cattāro paccayā): (Thức ăn, y phục, chỗ ở, thuốc men), lại nhận thấy là cần yếu, quan trọng thiết thực (Sāradassino).

Ngược lại, trong những điều cần yếu (sāra) cho sự tu hành giải thoát như mười thứ Chánh kiến (dasavatthukā sammādiṭṭhi) và Giới (sīla), Định (samādhi), Tuệ (paññā), Giải thoát (vimutti), Giải thoát tri kiến (vimuttiñāṇa dassana), Thánh đế (paramattha) và Níp Bàn (Nibbāna) thì lại thấy là không cần yếu quan trọng thiết thực (asāre dassino).

Mười thứ tà kiến nầy là Thập vô tướng kiến (dasa natthilakkhaṇa diṭṭhi), là cho rằng:

1- Bố thí không có phước.

2- Cúng dường không có phước.

3- Báo hiếu, đáp ân không có phước.

4- Không có nhân quả tốt xấu.

5- Đời nay không thật có.

6- Đời sau sẽ không có.

7- Mẹ không phải mẹ.

8- Cha không phải thật cha.

9- Hạng hóa sanh vô hình không có.

10- Không ai chứng đắc thần thông, đạo quả.

Đoạn kệ *"Te sāraṃ nādhigacchanti; micchā saṅkappa gocarā" (người tư duy tà vạy không đạt thấu chân lý).* Kết luận bài kệ trên đây, quả quyết rằng họ (là những người chấp cứng theo tà kiến vì nhận thức sai lầm mà chỉ lo theo đuổi ngũ trần dục lạc (Kāma vitakka), phù phiếm vô căn (asāraṃ) để người tận hưởng thú vui tạm bợ trong một kiếp rồi thả tâm theo tà tư duy (micchāsaṅkappa gocara), không khi nào suy tư đến những điều quan yếu thiết thực, cho nên họ không đạt thấu lý chân như (sāraṃ nādhigacchanti), không đắc Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến, Thánh đế và Níp Bàn.

Trong bài kệ sau, đoạn đầu *"Sārañca sārato ñatvā, asārañca asārato" (việc cần biết là cần, không cần biết không cần),* đề cập đến hạng người tu hành chính chắn, nương theo mười thứ Chánh kiến, nghịch với mười thứ tà kiến đã kể trên, biết nhận thức đúng đắn thấy Giới, Định, Tuệ… là chủ yếu (sārañca asārato ñatavā), còn tứ vật dụng là phụ thuộc, không mấy quan trọng trong đạo giải thoát (asārañca asārato).

Đoạn kết luận "Te sāraṃ adhigacchanti sammāsaṅkappa gocarāti" quả quyết rằng họ (te) là những bậc hiền trí giữ mình nương theo Chánh kiến hằng niệm tưởng sự ly dục (nekkhamma) để tâm trong Chánh tư duy (sammāsaṅkappa gocara).

Những người như thế mới khả dĩ đạt đến mục đích, cứu cánh của đời tu hành là chân lý, là giải thoát Níp Bàn vậy.

Kệ ngôn vừa dứt, rất nhiều người đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả. Kỳ dư thính chúng đều được hưởng sự lợi ích.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Gặp Phật ra đời có dễ đâu?
Thương ông Tân Nhã chẳng hồi đầu!
Ham gom lễ vật, lo gìn giữ,
Tránh gặp Bổn Sư sợ lạy hầu.
Ác kiến hồ tư ngu hóa trí,
Si tâm loạn tưởng đá thành châu!
Tham lam tự chuốc thêm hờn giận,
Đến chết chưa thông lý đạo mầu…
Xả kiến tư tài để xuất gia,
Ưu Ba Đề Xá dạo Ta bà,
Hai câu kệ ngắn thay niềm tục,
Nữa dặm đường xa bỏ nẻo tà!
Vắng bạn không quên lời hẹn cũ,
Lìa thầy vẫn nhớ lễ con nhà…
Chân thành đại nguyện từ bao thưở,
Mới được ngồi bên Đức Thích Ca.
Nhắn khách tầm tu dứt tử sanh,
Xả thân cầu đạo, chẳng cầu danh!
Sải con, sải cả đừng câu chấp,
Mâm nhỏ, mâm to chớ giựt giành!
Cảnh vắng an lòng ly thế tục,
Đồ ngon nhịn miệng tụng chơn kinh!
Trước sau giữ vẹn niềm nguyên thủy,
Tròn đủ nhân duyên gặp bạn lành.

DỨT TÍCH SAÑJAYA KHÔNG ĐẦU PHẬT

☸

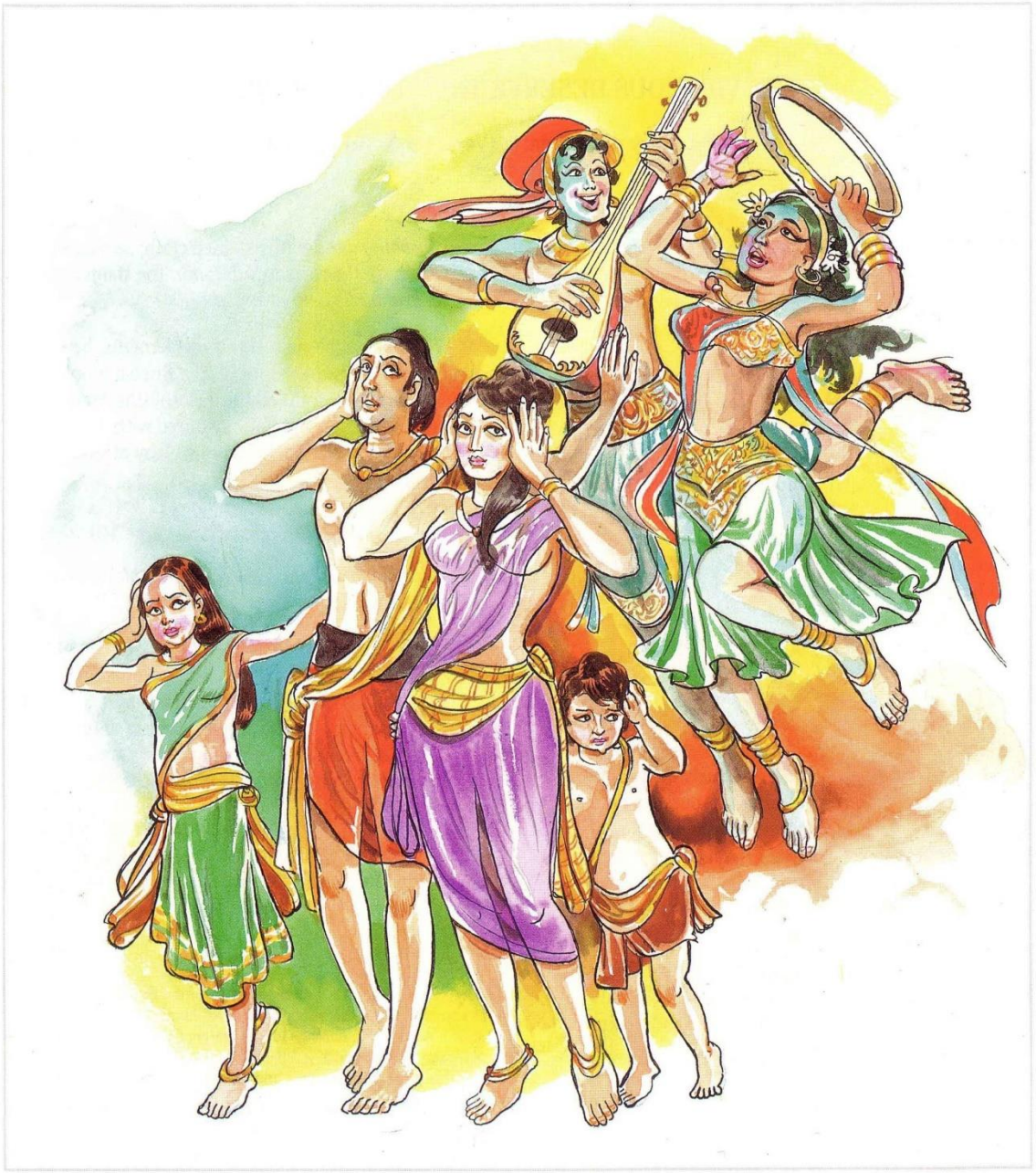

Those who view the unreal as real and the real as unreal reach not upto the real, misled as they are.

11. Những ai thấy phi chân là chân thật và chân thật là phi chân tất nhiên không đạt đến chân thật, vì họ bị lầm lạc.

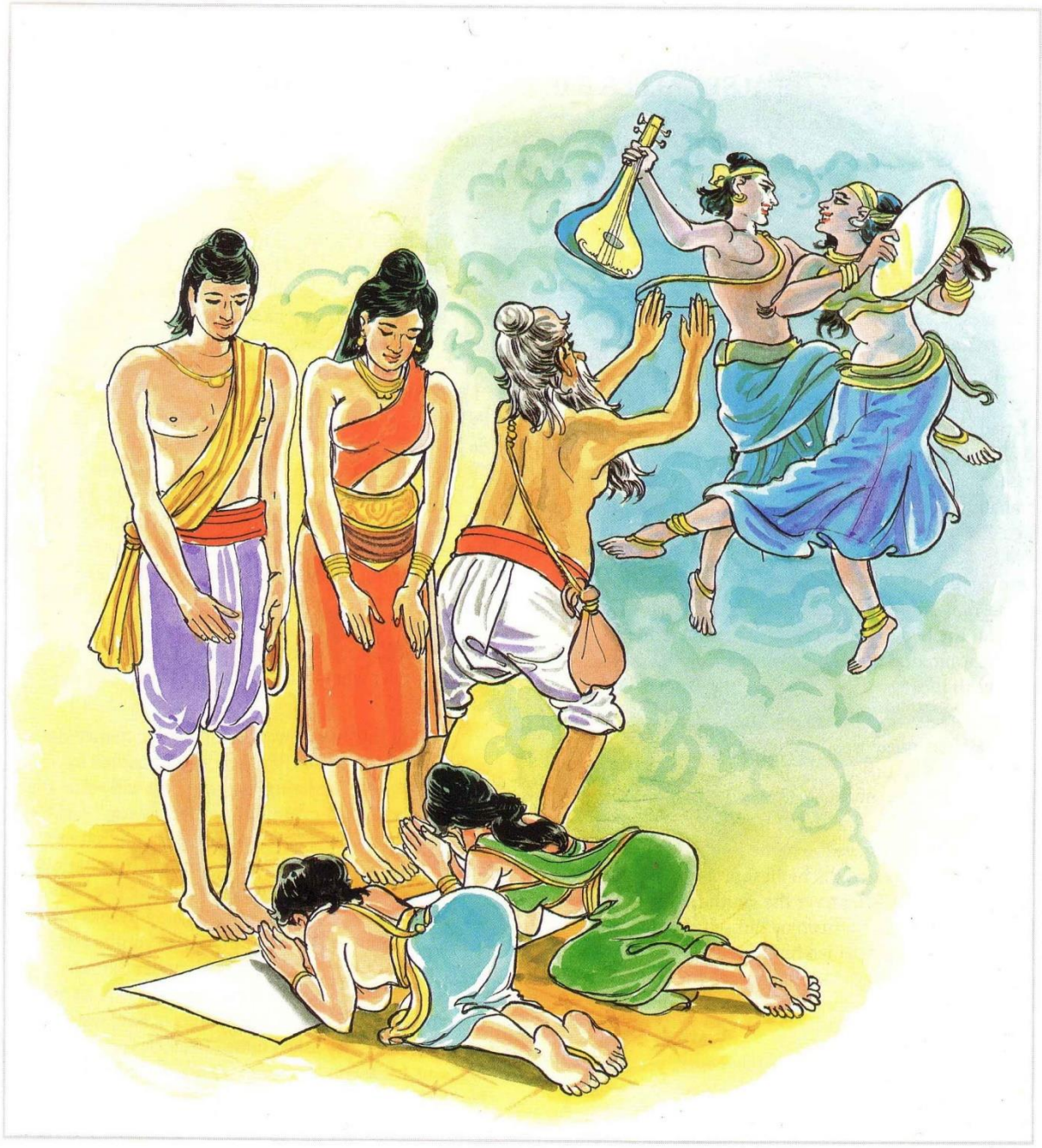

Viewing the real as real, the unreal as unreal, they being correctly guided, reach the real.

12. Những ai thấy chân thật là chân thật, phi chân là phi chân tất nhiên đạt chân thật vì họ có chánh kiến.

I.9- Tích ĐẠI ĐỨC NANDA

(Nandathera vatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 13-14)

"Yathā'gāraṃ ducchannaṃ,	**"*Như nhà mái lợp thưa,***
Vuṭṭhi samativijjhati;	***Dễ bị dột nước mưa.***
Evaṃ abhāvitaṃ cittaṃ,	***Tâm không tu luyện kỹ,***
Rāgo samativijjhati".	***Tham dục vào có thừa".***
"Yathā'gāraṃ succhannaṃ,	***"Như nhà lợp kín tốt,***
Vuṭṭhi na samativijjhati;	***Nước mưa không thể dột.***
Evaṃ subhāvitaṃ cittaṃ,	***Tâm tu luyện kỹ càng,***
Rāgo na samativijjhati".	***Tham dục vào chẳng lọt".***

Kệ Pháp Cú 13-14 nầy, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Đại đức Nanda.

Quả nhiên, lúc Đức Giáo chủ là đấng Chuyển Pháp Luân vân du đến thành Rājagaha (Vương Xá) và đang ngự tại Tịnh xá Veḷuvana (Trúc Lâm), thì đại vương Suddhodana (Tịnh Phạn) dồn dập biệt phái mười đoàn sứ giả với lời ủy thác: "Chư hiền khanh khá mau qua đó rước Thái tử về, cho quả nhân được gặp mặt con".

Từng đợt, hàng ngàn thị giả theo vị đoàn trưởng nối tiếp ra đi, để rồi tất cả đều đắc A La Hán quả và nhập luôn vào Giáo hội Tăng già, đến lượt cuối cùng vị đoàn trưởng là Đại đức Kāḷudāyi nhận biết là đã đúng thời kỳ thỉnh Phật, bèn ngâm lên sáu mươi bài kệ, ca tụng con đường trở lại cố đô.

Với đoàn Thánh Tăng hai muôn vị Lậu Tận (A La Hán), giữa cảnh trùng phùng với tất cả vương gia quyến thuộc, Đức Thiên Nhơn Sư đã khiến cho một trận mưa hồng rơi xuống như hoa (Pakkharavassa) để làm sống lại một thời xưa, rồi nhân đó Ngài nhắc tích Bồ Tát Vessantara là tiền thân của Ngài.

Qua ngày sau, lúc ngự vào thành khất thực, Đức Bổn Sư độ cho phụ vương Ngài đắc quả Nhập Lưu (Sotāpattiphala) với bài kệ Pháp Cú:

"Uttiṭṭhe nappamajjeyya,
Dhammaṃ sucaritaṃ care;
Dhammacārī sukhaṃ setī,
Asmiṃ loke paramhi ca".

"Pháp môn khất thực chớ khinh thường,
Chánh hạnh Tỳ khưu pháp đáng nương.
Kẻ y chánh pháp hằng an lạc,
Kiếp trước đời sau vạn kiết trường".

Và với bài kệ sau đây:

"Dhammañcare sucaritaṃ,
Na naṃ duccaritaṃ care;
Dhammacārī sukhaṃ seti,
Asmiṃ loke paramhica".

"Chánh hạnh hành theo pháp đáng thương,
Tà hạnh đừng nên giữ lệ thường.
Kẻ y chánh pháp hằng an lạc,
Kiếp trước đời sau vạn kiết trường".

Ngài đã độ cho Di mẫu Mahāpajāpaṭi Gotamī đắc quả Nhập Lưu và đưa Phụ vương Ngài tiến lên quả Nhất Lai (Sakadāgāmi).

Kế đó, sau một bữa thọ thực trong hoàng cung, Đức Bổn Sư thuyết tích nàng Candakinnarī, là một chúng sanh mình chim đầu người vốn là tiền thân của nàng Yasodharā, ngõ hầu để cho ân nghĩa mẹ Rāhula đối với chính Ngài từ những lúc còn mang kiếp thú…

Đến ngày thứ ba, đang lúc Thái tử Nanda tưng bừng cử hành song lễ là tức vị Quốc vương cùng tấn phong Hoàng hậu, thì Đức Bổn Sư ngự vào biệt điện hoàng gia để lấy bát. Thọ thực xong, Ngài trao bát tận tay Thái tử Nanda, ban lời chúc phúc, rồi từ bảo tọa đứng lên cất bước ra đi, không thâu hồi bát lại.

Thái tử vì lòng tôn kính Đức Như Lai, không dám mở lời kêu gọi: "Bạch Ngài! Xin hãy lấy bát đi".

Lẳng lặng theo hầu Đức Thầy, Thái tử nghĩ thầm: "Tới cầu thang chắc Ngài sẽ lấy bát", nhưng tới đó Đức Bổn Sư không dừng chân lại lấy bát. Thái tử lại tính thầm: "Chắc là xuống chân cầu thang, thì Ngài sẽ lấy lại chẳng sai" nhưng đến đấy Đức Bổn Sư vẫn làm ngơ đi luôn một mạch. Thái tử lại tự nhủ: "Thế nào tới sân ngự trước đền rồng, Ngài cũng sẽ thâu bát lại" nhưng đến nơi đây, Đức Bổn Sư cũng vẫn điềm nhiên đi thẳng".

Mặc dầu trong thân tâm vẫn muốn quay gót trở lui, Thái tử vì nể Đức Thầy, không hề dám hở môi kêu nài: "Ngài ơi! Xin Ngài lấy bát lại giùm".

Vừa đi vừa mong ước lầm thầm: "Tới đây Ngài sẽ lấy bát lại… tới đằng ấy Ngài sẽ lấy bát lại…". Cứ như thế, Thái tử lầm lùi theo sau chân Đức Bổn Sư, làm một vị thị tùng miễn cưỡng.

Ngay lúc ấy, có bọn cung tần trông thấy Thái tử ra đi, bèn chạy đi báo tin cho bà tân Hoàng hậu là công nương Janapadakaḷyānī (Hoa Khôi) được biết.

- Tâu lịnh nương nương, Đức Thế Tôn đã dắt tân vương đi rồi vậy lịnh bà phải liệu làm sao, một khi tân vương vắng mặt…

Nghe tin cấp báo công nương không cầm được suối lệ, lật đật bới sơ đầu tóc đang chải dở dang, bương bả chạy theo gọi với:

- Hoàng tử ơi! Xin khá mau trở lại trào ca.

Những lời kêu than thiết tha của ý trung nhân, dường như châm thấu trái tim đa cảm của vị Hoàng tử si tình, khiến chàng phải bàng hoàng ngơ ngẩn… Nhưng Đức Bổn Sư Ngài vẫn tiếp bước, không hề quay lại thâu hồi bình bát, để cho Hoàng tử được rảnh tay.

Dắt chàng đến chùa, Đức Bổn Sư phán hỏi:

- Nanda! Có muốn xuất gia không?

Vì quá tôn kính Đức Tôn Sư, Thái tử không thể từ chối rằng: "Không", nên ngập ngừng đáp lại:

- Dạ thưa… Muốn! Bạch Ngài.

Đức Giáo Chủ liền bảo: "Nếu vậy, nầy các Tỳ khưu, các ông làm lễ xuất gia cho Thái tử Nanda".

Đức Bổn Sư độ cho Thái tử Nanda xuất gia đúng vào ngày thứ ba kể từ ngày Ngài trở về thành Kapilavatthu.

Trong ngày thứ bảy, mẫu thân của Thái tử Rāhula, cho con vận một bộ triều phục sang trọng hoa mỹ dạy con hãy đến gần Đức Thế Tôn và đinh ninh dặn rằng: "Vương nhi thấy không! Vị Sa môn da như vàng ròng, hình dáng như Phạm Thiên, có đến hai muôn Sa môn khác theo hầu hạ, chính là phụ vương của con đó, khi phụ vương ra đời thì người có được những hầm châu báu vĩ đại, nhưng từ khi người xuất gia đến giờ mẫu hậu không còn trông thấy được nữa. Vậy vương nhi, con hãy đến xin người ban cho con phần di sản ấy. Con thưa như vầy nghe: Bạch Ngài Đại Sa môn, con là trưởng tử của Ngài. Sau khi kế vị ngai vàng, con sẽ là một Chuyển Luân Vương giàu sang bốn biển, nên con cần phải có những kho sản quý giá vì lẽ phụ nghiệp thì tử năng thừa, xin Ngài ân tứ cho con những hầm châu báu của Ngài".

Thái tử Rāhula đến gần Đức Thế Tôn, đảnh lễ xong thì phát tâm yêu mến phụ thân mình nên âu yếm thỏ thẻ rằng: "Bạch Ngài Sa môn! Bóng mát của Ngài làm con vui sướng làm sao".

Đoạn Thái tử đứng lên, nói thêm những lời lẽ, bày tỏ nguyện vọng của mình. Sau khi thọ thực và phúc chúc xong, Đức Thế Tôn từ bảo tọa đứng dậy ra về.

Thái tử Rāhula cũng vội vã đi theo Đức Thế Tôn và nhắc đi nhắc lại: "Xin Ngài Đại Sa môn ân tứ phụ sản cho con, xin Ngài Đại Sa môn ân tứ phụ sản cho con…".

Đức Thế Tôn lặng thinh, không bảo Thái tử quay gót trở về. Nội thị triều thần trông thấy Thái tử đi chung với Đức Bổn Sư thì cũng không ai dám đứng ra ngăn cản lại. Do đó, Thái tử theo Đức Thế Tôn đi luôn cho đến vườn chùa.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nghĩ rằng: "Thứ phụ sản mà Rāhula mong mỏi, chỉ là thứ tài sản luân lưu giả tạm (Vaṭṭānugata) không được trường tồn vĩnh cữu. Vậy để Như Lai ban cho nó Thánh sản (Ariyadhana) có Thất bảo mà Như Lai đã đắc nơi cội Bồ Đề của Như Lai vậy".

Liền đó, Đức Thế Tôn kêu Đại đức Sāriputta: "Ông hãy cho Rāhula xuất gia".

Đại đức y lịnh, làm lễ xuất gia cho Thái tử.

Nghe được tin nầy, đức vua Suddhodana hết sức buồn phiền. Không thể nhẫn nại làm thinh, đức vua ngự đến yết kiến Đức Thế Tôn, bày tỏ nỗi lòng sầu khổ và đưa ra thỉnh nguyện như vầy: "Bạch Thế Tôn, xin Ngài đừng cho chư Tăng làm lễ xuất gia cho đứa trẻ vị thành niên nào chưa được cha mẹ cho phép".

Đức Thế Tôn chấp nhận lời yêu cầu của đức vua. Hôm sau, khi Đức Thế Tôn ngự trong đền vua, dùng bữa điểm tâm (pātarāsa) xong, Tịnh Phạn Vương ngồi nép một bên và bạch rằng:

- Bạch Ngài, trong thời gian Ngài tu khổ hạnh có một vị chư thiên đến mách bảo quả nhân rằng: "Thái tử của đại vương đã mệnh chung". Quả nhân nhất định không tin lời vị chư thiên ấy, cho nên phản đối ngay rằng: "Không bao giờ Thái tử của trẫm có thể mạng chung, trước khi đắc thành Thánh quả".

Nghe vậy, Đức Thế Tôn bảo rằng:

- Tâu đại vương, trong kiếp nầy làm sao đại vương còn tin được vì trong kiếp trước cũng chính người đó trưng cho đại vương thấy một bộ xương và nói: "Con ông đã chết", nhưng đại vương nghe xong chẳng chút gì tin.

Nhân dịp nầy, Đức Thế Tôn thuyết tích Bổn Sanh nói về công tử Mahādhammapāla (Đại Hộ Pháp).

Nghe đến đoạn kết, đức Tịnh Phạn Vương liền đắc quả A Na Hàm (Anāgāmi).

Sau khi độ cho phụ vương Ngài đắc ba quả Thánh rồi, Đức Giáo Chủ cùng với tất cả Tỳ khưu Tăng thị tùng lên đường trở lại gần thành Vương Xá.

Từ đấy, do theo lời hứa với Trưởng giả Anāthapiṇḍika, Đức Bổn Sư ngự hành sang qua Sāvatthī, để chủ tọa lễ khánh thành ngôi Đại Tự Jetavava vừa kiến trúc xong và ngự an nơi đó.

Trong thời gian Đức Thầy ngự an nơi Jetavana như thế, Đại đức Nanda cảm thấy bực bội, bứt rứt, nóng nảy, bồn chồn nên hằng thở than với chư Tăng rằng:

- Các sư hữu ơi! Tôi không thấy chút gì hứng thú khi hành theo phạm hạnh. Chắc là tôi không sống được đời tu sĩ lâu, có lẽ rồi đây ta sẽ xả giới và trở về cương vị cũ của tôi khi trước.

Khi Đức Bổn Sư nghe chư Tăng tường trình câu chuyện nầy, Ngài cho gọi Đại đức Nanda đến và phán hỏi:

- Nầy Nanda! Nghe nói ông đã thốt với nhiều Tỳ khưu những lời như vầy: "Các sư hữu! Tôi không thấy hứng thú trong sự hành theo phạm hạnh, chắc là tôi không sống cuộc đời tu sĩ được lâu. Có lẽ rồi đây tôi sẽ xả giới mà trở về cương vị cũ của tôi lúc trước". Có quả thật vậy chăng?

- Bạch Ngài! Quả thật vậy.

- Nầy Nanda! Ông mắc chứng cớ gì mà không thấy hứng thú trong sự tu hành theo phạm hạnh, không ưng sống cuộc đời tu sĩ, toan xả giới xuống cương vị của ông như cũ?

- Bạch Ngài! Tôi không thể quên nàng Thích Nữ của tôi là công chúa Kaḷyānī, khi nàng từ trong biệt điện hoàng gia, tóc chải nữa chừng, mắt chưa ráo lệ. Nàng đã van lơn: "Hoàng tử ơi! Xin chàng hãy mau trở lại trào ca". Bạch Ngài! Tôi nhớ mãi hình bóng của nàng mà không thấy chút gì hứng thú trong sự hành theo phạm hạnh, không ưng sống cuộc đời tu sĩ và sẽ xả giới lui về cương vị tân vương.

Liền đó, Đức Thế Tôn nắm tay Đại đức Nanda, dùng thần thông đưa Đại đức lên Đao lợi thiên cung, dọc đường bay Đức Thế Tôn chỉ cho Đại đức lưu ý đến một con khỉ cái sứt tai, sứt mũi, đứt đuôi, ngồi chết rục trên một gốc cây cháy nám, trong một cánh đồng khi hỏa hoạn.

Trên cung trời Đao Lợi, Đức Thế Tôn dẫn cho Đại đức Nanda được vào xem cảnh năm trăm thiên nữ đang chầu hầu đức Ngọc Đế (Sakka), năm trăm Hằng Nga yêu kiều diễm lệ, gót đỏ như son thắm, tựa như chân chim bồ câu. Cho xem mãn nhãn rồi, Đức Thế Tôn mới hỏi: "Nầy Nanda! Ông nghĩ thế nào? Nếu đem so sánh năm trăm Ngọc nữ yểu điệu nầy với Thích Nữ Kaḷyānī, thì ai diễm lệ ai mỹ miều, ai khả ái hơn ai?".

Nghe Thế Tôn hỏi, Đại đức vội đáp: "Bạch Ngài, nếu đem so nàng Thích Nữ Kaḷyānī với năm trăm ngọc nữ nầy, thì nàng ấy xấu như con khỉ cái ngồi chết rục sứt cả tai, mũi và cụt đuôi kia vậy. Về nhan sắc nàng thua kém quá xa mười phần không bằng được một, lẽ dĩ nhiên năm trăm tiên nga nầy yêu kiều mỹ lệ, mỹ miều, khả ái hơn nhiều".

- Nếu vậy thì nầy Nanda, ông hãy vui lên, hãy vui lên đi. Như Lai cam đoan là ông sẽ được năm trăm ngọc nữ yểu điệu gót son nầy.

Nghe vậy Đại đức Nanda mừng rỡ, trả lời rằng:

- Bạch Thế Tôn, nếu Ngài chịu đứng chủ hôn giúp cho tôi cưới được năm trăm ngọc nữ gót son yểu điệu ấy, thì tôi nguyện sẽ vui vẻ luôn và thực hành phạm hạnh, bạch Ngài.

Liền khi ấy, Đức Thế Tôn nắm tay Đại đức Nanda, biến mất trên cung trời Đao Lợi và hiện xuống nơi Tịnh xá Veḷuvana.

Giữa chư Tăng có tiếng đồn đãi rằng: "Nghe nói Đại đức Nanda, là em một cha khác mẹ với Đức Thế Tôn, cố công hành đạo chỉ vì mong mỏi được gần ả thiên nga… Nghe nói Đức Thế Tôn cam đoan sẽ giúp cho Đại đức Nanda được gần năm trăm ngọc nữ gót son yểu điệu".

Từ khi ấy, các Tỳ khưu bạn của Đại đức Nanda hễ gặp mặt Đại đức là buông lời khinh chê, chọc ghẹo nào là: Đại đức tu hành theo lối người ở đợ; nào là: Đại đức làm như kẻ nô lệ, cố công hành đạo chỉ vì muốn cưới năm trăm ngọc nữ yểu điệu gót son mà Đức Thế Tôn đã hứa chủ hôn thành toàn cho Đại đức.

Cứ nghe bạn đồng tu lặp đi lặp lại mãi những lời chế nhạo gay gắt ấy, Đại đức Nanda cảm thấy khó chịu, bực mình, chán ngán quá, nên lánh đi tìm một chỗ khuất tịch vắng vẻ, đem hết tâm tư chuyên thực hành phạm hạnh Sa môn pháp. Không bao lâu Đại đức đạt tới mục tiêu cứu cánh của đời phạm hạnh, tự mình chứng ngộ sự tri kiến các pháp và an tâm nơi đó, cũng như bất cứ con nhà gia giáo, thoát ly gia đình, xuất gia hành đạo, tu theo chánh pháp vậy.

Đại đức tự mình giác ngộ: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã tròn, việc phải làm đã làm, sau kiếp nầy ta sẽ không còn kiếp nào khác nữa".

Thế là từ đây, trên cõi trần ai có thêm một vị A La Hán nữa là Đại đức Nanda vậy.

Khi ấy vào khoảng nửa đêm, một vị chư thiên hiện xuống, hào quang chiếu sáng khắp cả Jetavana, đến bên Đức Bổn Sư đảnh lễ Ngài xong, mách bảo rằng: "Bạch Ngài! Đại đức Nanda là em cùng cha khác mẹ với Ngài, đã diệt trừ lậu hoặc, thành bậc Vô Lậu, có tâm giải thoát, có tuệ giải thoát, tự mình chứng đắc các pháp tri kiến và an tâm nơi đó rồi".

Kế đó, khi đêm gần tàn, Đại đức Nanda cũng về gần Đức Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Xin Ngài hủy bỏ lời cam đoan hứa đứng chủ hôn cho tôi với năm trăm ngọc nữ gót son, từ nay tôi không tính tưởng đến việc ấy nữa.

- Nầy Nanda! Như lai nhờ Tha tâm thông đã biết rõ rằng là Nanda đã tận trừ lậu hoặc, thành bực Vô Lậu, có tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự mình đã chứng ngộ các pháp tri kiến và an tâm nơi đó rồi… Nầy Nanda! Ông được tâm giải thoát tất cả lậu hoặc, nhờ buông bỏ chấp thủ từ giờ phút nào thì lời cam đoan của Như Lai cũng được cởi mở từ giờ phút ấy.

Thế rồi, Đức Thế Tôn ngâm kệ hoan hỷ tán thán rằng:

"Yassa tiṇṇo kāmapaṅko,
Maddito kāmakaṇṭako;
Mohakkhayamanuppatto,
Sukhadukkhe na vedhatīti".

"Vũng bùn dục lạc đã băng qua,
Gai ngũ trần kia đã đạp chà.
Ai dứt bỏ si mê thì giác ngộ,
Khổ vui chẳng động đến tâm mà".

Sau đó, có một hôm các Tỳ khưu cật vấn Đại đức Nanda rằng:

- Nầy sư hữu! Lúc trước sư hữu thường hay than phiền bất mãn, thế bây giờ thì ra sao?

- Nầy các sư hữu! Tôi không còn muốn hoàn tục đâu.

Nghe qua lời ấy, chư Tăng bảo nhau rằng: "Đại đức Nanda đã nói lời giả dối, có ý không muốn cho ta biết rõ sự thật, những ngày trước, chính Đại đức than phiền luôn miệng là: Tôi chán nản quá, mà bây giờ lại nói: Tôi không còn muốn hoàn tục nữa là sao?

Thế rồi, chư Tăng đem câu chuyện nầy bạch lên Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Vì trong dĩ vãng tâm tư Nanda giống như gian nhà mái lợp thưa thớt, còn bây giờ tâm ông ta giống như gian nhà mái lợp kín đáo rồi vậy. Quả thật từ khi nhìn thấy các Thiên nữ về sau ông đã tịnh tâm tu hành để đạt đến mục đích tối thượng của đời xuất gia, nhờ vậy mà nay ông đã kỳ sở nguyện.

Dứt lời, Đức Thế Tôn xướng lên hai bài kệ sau đây:

"Yathā'gāraṃ ducchannaṃ,
Vuṭṭhi samativijjhati;
Evaṃ abhāvitaṃ cittaṃ,
Rāgo samativijjhati".
"Yathā'gāraṃ succhannaṃ,
Vuṭṭhi na samativijjhati;
Evaṃ subhāvitaṃ cittaṃ,
Rāgo na samativijjhati".

"Mái thưa mưa thấm dột lần.
Tâm không tu luyện dục tham lọt vào.
Mái dầy ngăn giọt mưa rào,
Tâm tu luyện kỹ, tham nào lọt vô".

<u>CHÚ GIẢI:</u>

Chữ Agāraṃ trên đây nghĩa là gian nhà, bất cứ là nhà nào.

Ducchannaṃ: nghĩa là che lợp thưa thớt trống trải (Viralacchannaṃ) có nhiều kẽ hoặc lỗ hở (chiddāvacchaddaṃ)

Samatiivijjhati *(dột):* là nước mưa xuyên qua được.

Abhāvitaṃ *(không tu luyện):* ví như giang nhà mái lợp thưa trống thì nước mưa dột được. Tâm người không tu luyện bằng thiền định thì tham dục mới có thể lọt vào, chẳng phải hoàn toàn chỉ có tham dục mà thôi. Ngoài ra còn có nhiều thứ phiền não khác nữa như sân hận, si mê, ngã mạn… dễ xâm chiếm được cái tâm không tu luyện ấy.

Subhāvita *(tu luyện kỹ):* là tu luyện đúng bằng thiền Chỉ quán (samatha vipassanā bhāvanāni). Tâm được tu luyện đúng đắn kỹ càng như thế, thì các thứ phiền não nhất là tham dục (rāga) không thể lọt vào, y như gian nhà mái lợp đầy đặn kín đáo, thì nước mưa không thể dột được như vậy.

☸

Khi bài kệ vừa chấm dứt, nhiều vị Tỳ khưu đắc quả Nhập Lưu, đại chúng cũng hưởng được sự lợi ích nhờ nghe thời pháp của Đức Bổn Sư.

Kế đó, chư Tăng tụ tập trong giảng đường (Dhammasabhāyaṃ) tiếp tục bình luận về câu chuyện vừa qua.

- Nầy các sư hữu! Chư Phật quả thực là oai lực phi thường. Như Đại đức Nanda đã chán đời phạm hạnh vì si tình công chúa Kalyāṇī. Thế mà Đức Thế Tôn đã khéo áp dụng miếng mồi Thiên nữ để giáo hóa và thuyết phục khiến cho ông trở nên con người tốt, dễ dạy (Vinīto).

Đức Thế Tôn ngự trở vào giảng đường và phán hỏi:

- Nầy các Tỳ khưu! Đây không phải là mới lần đầu tiên mà Nanda được cả hóa bằng miếng mồi nữ sắc đâu. Chuyện nầy đã từng xảy ra trong tiền kiếp của ông ta y như thế rồi.

Chư Tăng nghe đến đây, liền thỉnh cầu Đức Thế Tôn dẫn tích tiền thân, Ngài bèn nhắc lại cổ tích như sau:

Thuở xưa, trong thành Bārāṇasī, dưới triều quốc vương Brahmadatta, có một người lái buôn tên là Kappaka.

Ông Kappaka có nuôi một con lừa để kéo xe, chở đồ gốm, mỗi ngày đi được bảy do tuần.

Một lúc nọ ông lái buôn chất đầy hàng hóa lên xe cho con lừa kéo đi đến thành Takkasilā. Đến nơi ông dừng xe lại bán hàng và thả lừa ra cho nó đi kiếm ăn tự do.

Trong lúc lang thang dọc theo bờ mương bên đường, lừa ta chợt thấy một nữ lưu đồng chủng, bèn mon men đến gần đó để làm quen.

Cô lừa thân mật chào mừng khách lạ đường xa, rồi hỏi rằng:

- Nầy anh lừa! Anh ở đâu lại đây vậy?

- Anh ở thành Bārāṇasī.

- Anh lại đây làm chi vậy?

- Lại để buôn bán em à.

- Anh chở hàng gì vậy anh?

- Anh chở đồ gốm.

- Kéo một xe đồ nặng anh đi được bao nhiêu do tuần?

- Anh đi được bảy do tuần em ạ.

- Tới chỗ nghỉ ngơi có ai bóp cẳng đấm lưng cho anh không?

- Chà nếu vậy thì đời anh chẳng những là cực khổ nhọc nhằn mà còn quạnh quẽ cô đơn lắm vậy.

(Dĩ nhiên súc vật thì chẳng hề có ai bóp cẳng, đấm lưng bao giờ, nhưng cô lừa nói như vậy là để lấy lòng bạn mới, hy vọng có thể thắt chặt mối tình sơ giao).

Chú lừa bị ảnh hưởng cuộc gặp gỡ qua đường, từ đó bỗng nhiên sanh tâm bất mãn.

Khi người lái buôn bán hàng xong, định thu xếp trở về, quay lại thấy con lừa bèn bảo nó:

- Lừa ơi! Ta hãy lên đường.

- Ông cứ đi đi, tôi không đi đâu hết.

Người chủ lừa dùng lời dịu ngọt vỗ về khuyên bảo con vật của mình nhiều lần, không thấy kết quả mới tính thầm rằng:

- Nó không chịu đi thì ta hăm cho nó sợ mới được.

Nghĩ rồi ông Kappaka ngâm kệ:

"Patodante karissāmi,
Soḷasaṅgulikaṇṭakaṃ;
Sañchindissāmi te kāyaṃ,
Evaṃ jānāhi gadrabhāti".

"Ta sẽ làm đót nhọn,
Mũi dài mười sáu phân.
Đâm lủng nát thây lừa,
Biết thân thì lựa chọn".

Lừa nghe xong, đáp trả lại ngay: "Nếu quả như thế, lừa nầy cũng biết cách đối phó với ông vậy". Nói rồi lừa cũng kệ rằng:

"Patodante karissāmi,
Soḷasaṅgulikaṇṭakaṃ;
Purato patiṭṭhahitvāna,
Uddharitvāna pacchato;
Bhaṇḍaṃ te pātayissāmi,
Evaṃ jānāhi kappakāti"…

"Ông cứ làm đót nhọn,
Mũi dài mười sáu ngón.
Cẳng trước tôi đứng yên,
Giò sau tôi búng gọn.
Liệu hồn, đừng xăm xỏn…".

Ông Kappaka nghe con lừa của mình trả lời trịch thượng như vậy, thì tự hỏi thầm: "Do đâu mà hắn dám hỗn xược với ta như thế?".

Đưa mắt nhìn quanh, ông trông thấy con lừa cái tơ, mới chợt hiểu rằng: "À! Hèn gì hắn ta dám giở giọng bướng bỉnh. Chắc con lừa cái nầy đã dạy hắn ta những điều học ấy. Được rồi, để ta bảo với hắn: Lừa ơi! Ta sẽ kiếm cho ngươi một con vợ hình dung giống y như con kia, ta phải dùng miếng mồi nữ sắc để câu nhử mà sai khiến nó đi mới được".

Nghĩ diệu kế, ông Kappaka ngâm kệ hứa với lừa rằng:

"Catuppadiṃ saṅkhamukhiṃ,
Nāriṃ sabbaṅgasobhiniṃ;
Bhariyaṃ te ānayissāmi,
Evaṃ jānāhi gadrabhāti".

"Một kiều nữ tứ túc,
Mặt ngọc, dáng ngoại mục.
Ta sẽ cưới cho lừa,
Mặt dạ đẹp lòng chưa?".

Nghe chủ hứa như vậy, lừa ta vui mừng khấp khởi bèn kệ đáp rằng:

"Catuppadiṃ saṅkhamukhiṃ,
Nāriṃ sabbaṅgasobhiniṃ;
Bhariyaṃ me ānayissasi,
Evaṃ jānāhi kappaka;
Kappaka bhiyyo gamissāmi,
Yojanāni catuddasāti".

"Một kiều nữ tứ túc,
Mặt ngọc dáng ngoạn mục.
Nếu ông cưới cho lừa,
Lừa nguyện sẽ tiếp tục.
Kéo xe nặng đàng xa,
Mười bốn dặm mỗi lúc".

Thấy êm rồi, ông Kappaka gọi con lừa:

- Thôi mau lại đây đi con.

Nắm được con lừa, ông dắt nó bắt kê vào xe, đánh về chốn cũ.

Về nhà được vài hôm, con lừa nhắc chủ nó rằng:

- Thưa ông! Ông có nhớ lời hứa sẽ kiếm vợ cho lừa hay chăng?

Ông lái buôn đáp: "Ừ ta nhớ và ta sẽ giữ lời hứa. Ta sẽ lo kiếm vợ cho lừa, nhưng ta giao trước: Ta chỉ chạy ăn cho mỗi mình lừa thôi. Khi có vợ, lừa phải tự liệu san sẻ phần ăn với vợ, khi có đôi bạn rồi thì sẽ có con đàn con lũ. Chừng ấy chúng bây hãy tự tiện liệu mà chia sớt vật thực cho nhau, đó là chuyện riêng của chúng bây".

Nghe ông Kappaka trình bày cặn kẽ như vậy, con lừa mất hết hi vọng, không còn ước mong có đôi bạn nữa.

Đức Bổn Sư thuyết tích đến đây bèn kết luận rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Con lừa cái kia xưa nay là công chúa Kaḷyānī, con lừa đực nay là Tỳ khưu Nanda, còn ông lái buôn Kappaka nay chính là Như Lai vậy.

Ấy, từ quá khứ Nanda đã từng được Như lai giáo hóa (Vinīto) bằng cách dùng mồi nữ sắc để thuyết phục.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Một đấng quân vương nặng chữ tình,
Nan Đà hạnh đắc quả Vô sanh!
Áo vua bỏ lại gìn y bát,
Tay vợ lìa ra giữ kệ kinh!
Chẳng thiết hoa khôi hiền thế tục,
Không ham ngọc nữ chốn thiên đình!
Nương cùng Chánh Giác hành chơn đạo,
Như thuở còn mang khổ nhục hình!

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC NANDA



Lust pierces the undeveloped and uncultured mind like rain the ill-thatched roof.

13. Tham dục xâm nhập tâm không tu tập giống như mưa xâm nhập mái nhà vụng lợp.



Lust pierces not the developed and cultured mind as rain does not the well-thatched roof.

14. Tham dục không xâm nhập tâm khéo tu tập giống như mưa không xâm nhập mái nhà khéo lợp.

I.10- Tích ĐỒ TỂ CUNDA

(Cundasūkarikavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 15)

"Idha socati pecca socati,	***"Sống khổ, chết cũng khổ,***
Pāpakāri ubhayattha socati;	***Kẻ ác hai đường khổ,***
So socati so vihaññati, disvā	***Đã khổ càng thêm sầu,***
Kammakiliṭṭhamattano".	***Thấy nghiệp mình lem ố".***

Kệ Pháp Cú 15 nầy, Đức Tôn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Tịnh xá Veḷuvana, đề cập đến ông đồ tể giết heo tên là Cunda.

Theo như khẩu truyền, ông đồ tể này đã từng sát hại dòng heo suốt cả năm mươi lăm năm trường để lấy thịt, lớp ăn, lớp bán mà nuôi mạng sống.

Gặp năm mất mùa đói kém, ông ta lấy xe bò chở lúa về miền đồng quê, dạo qua các làng để mua heo con, mỗi con trả giá một hoặc hai lon lúa là nhiều, ông ta trở về nhà với một xe heo đầy, thả heo vào chuồng lộ thiên phía sau nhà, nguyên là một miếng đất trống mà ông đã rào kín bốn mặt, ông cho heo ăn đủ thứ rau cỏ và cả đồ dơ, nuôi cho tới lớn.

Muốn làm thịt con heo nào, ông bắt trói thúc ké nó vào gốc cột, lấy cây đòn tay vuông đập khắp mình nó cho thịt mềm ra và nở phù ra cho nặng cân.

Xong rồi ông cạy răng, banh mỏ heo ra, nhét một khúc cây vào cáng miệng, không cho nó ngậm kín lại, đoạn ông lấy nước nóng đang sôi chế vào cổ họng heo.

Nước nóng chảy tuột vào bụng heo làm loãng phẩn trong ruột nó và lôi cuốn ra ngoài hậu môn, hễ ruột heo còn chút ít phẩn dơ thì nước chảy ra còn đục, bao giờ ruột tẩy thật sạch, nước chảy ra thật trong thì mới thôi.

Còn nước sôi trong ấm, ông chế luôn lên lưng heo, cạo cho vuột lớp da bên ngoài, ông lấy đuốc đốt râu heo, rồi dùng gươm bén chặt đầu nó ra, huyết heo chảy xuống, ông hứng vào chậu để dành rưới lên thịt khi quay heo.

Thịt chín rồi, ông ta ngồi vào bàn cùng ăn với vợ con, còn dư bao nhiêu ông để bán cho khách hàng.

Ông Cunda đã sanh sống bằng nghề đồ tể, tạo nghiệp sát sanh như vậy trong hơn năm mươi lăm năm qua.

Mặc dầu Đức Như Lai ngự trong ngôi chùa gần nhà, ông chớ hề nhìn ra ngày nào mà bước chân đến đó dâng cúng một nắm hoa, để bát chừng một vá cơm, hoặc làm chút ít công quả chi để bòn phước về sau.

Một hôm, thình lình ông phát bệnh nặng, tuy chưa bỏ xác, ông cũng bị ngọn lửa A tỳ thiêu đốt ngày đêm. Hỏa lực của địa ngục Vô gián nầy cũng có thể làm nổ mắt người, mặc dù đứng cách xa đến hàng trăm do tuần… Do đó có câu kệ:

"Samantā yojanasataṃ;

Pharitvā tiṭṭhati sabhadāti".

"Nóng xa hàng trăm do tuần
Lửa A tỳ cháy tưng bừng ngày đêm".

(Để mô tả sức nóng dữ dội của lửa đại địa ngục hơn thứ lửa thường đến mức độ nào. Đại đức Nāgāsena đã từng đưa ra sự so sánh sau đây, để đáp lại câu hỏi của vua Milanda: "Tâu đại vương! Nếu có một tảng đá to bằng cái nhà, rớt vào trung tâm hỏa ngục, thì chỉ trong giây lát là nó sẽ cháy tan ra tro bụi ngay. Vậy mà, do bởi nghiệp quả nặng nề, những kẻ làm ác đọa sanh chẳng khác nào bào thai ở trong bụng mẹ vậy).

Trong lúc bị thiêu đốt nóng nảy như thế, ông Cunda có những hành động kỳ dị khác thường, như tiếng heo la rồi ông xuống gối, bò hai chân ra phía trước nhà, rồi bò vô phía sau nhà, gia nhân quyến thuộc xúm nhau kềm và bụm miệng ông lại cũng không ngăn được ác nghiệp tới thời trả quả. Thế rồi họ cũng buông thả ông ta ra để mặc ông bò lê bò la lung tung trong nhà, la hét luôn mồm như heo bị cắt cổ vậy.

Ở xung quanh đó, cách xa độ bảy căn nhà, không ai có thể ngủ yên giấc với ông ta, cho đến người trong nhà ông cũng kinh hãi. Vì thấy ông là hiện thân của Tử thần nên không dám ở chung để săn sóc gìn giữ, họ tấn cánh cửa lại, nhốt một mình ông ta trong nhà, còn tất cả đều ra ngoài, luân phiên canh gác chung quanh nhà, để phòng ngừa ông có thể thoát ra.

Ông Cunda vẫn bò lê lết trong nhà, bị lửa địa ngục thiêu đốt nóng nảy, nên la hét như heo suốt trong bảy ngày đêm như thế… đến ngày thứ tám ông mới tắt hơi bỏ xác, đọa sanh vào địa ngục Vô gián.

Địa ngục Vô gián nầy, ta nên mô tả theo như trong quyển Thiên Sứ Kinh (Devadūtasuttanta).

Vài Tỳ khưu đi ngang qua nhà ông Cunda, nghe tiếng kêu la tưởng lầm là tiếng của heo kêu, nên về đến chùa vào ngồi bên Đức Phật mà bạch rằng:

- Bạch Ngài! Lão Cunda đóng bít cửa nhà lại để giết heo, kể hôm nay là bảy ngày rồi, chắc họ sắp làm tiệc lớn ăn mừng việc chi đấy, bạch Ngài! Thử nghĩ coi, ông ta đã sát hại biết bao nhiêu heo rồi, mà chẳng chịu nghỉ tay, thật quả vậy, ông ta không còn một chút tâm từ, tâm bi nào cả, thiết tưởng trên đời nầy không có một chúng sanh nào mà ác độc, hung bạo đến thế bao giờ.

Đức Bổn Sư giải rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Lão Cunda không có giết heo trong bảy ngày nay đâu. Vì nghiệp quả (Kammavipāka) đã chín mùi, nên ông bị lửa địa ngục A tỳ nổi lên thiêu đốt ngay khi còn sống, bị thọ khổ hình, ông ta nóng nảy la hét như heo và bò lê lết trong nhà suốt bảy ngày qua. Hôm nay mới bỏ xác, đọa sanh vào địa ngục A tỳ.

Chư Tăng bèn bạch rằng: "Bạch Ngài! Lão Cunda lúc sống đã chịu quả khổ như thế mà chết rồi còn phải đọa sanh vào khổ cảnh ác đạo nữa sao?".

Đức Bổn Sư đáp:

- Đúng vậy, nầy các Tỳ khưu! Kẻ nào dể duôi (Pamatto), mặc dầu còn tại gia hay đã xuất gia cũng đều chịu đau khổ trong hai cảnh giới như thế cả.

Rồi Ngài đọc tiếp bài kệ sau đây:

"Idha socati pecca socati,
Pāpakāri ubhayattha socati;
So socati so vihaññati,
Disvā kammakiliṭṭhamattano".

"Những tay bạo ác hung đồ,
Dù cho thác xuống dưới mồ chưa yên.
Kiếp nầy đau khổ triền miên,
Kiếp sau vương vấn hận phiền không thôi.
Thấy mình ác nghiệp gieo rồi,
Cả trong hai kiếp ngậm ngùi ăn năn".

❁

CHÚ GIẢI:

Chữ Pāpakārī trong bài kệ trên đây chỉ kẻ tạo nghiệp ác bằng nhiều đường lối, đến khi lâm chung, hồi tưởng lại lúc mình sanh tiền, thấy rằng: "Quả thật ta chưa từng làm việc lành nào cả, ta chỉ có làm việc ác không mà thôi". Thế rồi, kẻ ấy ăn năn hối hận, ân sầu khổ não.

Đó là nghiệp khổ trong đời nầy (idha).

Còn quả khổ kế tiếp sau là: Sau khi chết rồi, kẻ ác tái sanh vào khổ cảnh vào cảnh giới khác cũng còn phải chịu ảnh hưởng của sự buồn rầu, sầu khổ trong hiện kiếp ấy nữa.

Vì là kẻ ác phải chịu đau khổ trong hai cảnh giới như thế, nên lão Cunda đồ tể, đã khổ trong khi còn sống mà còn khổ thêm sau khi thác rồi nữa.

Disvā kammakiliṭṭhamattano *(thấy nghiệp mình lem ố):* Sau khi nhìn thấy tự mình đã tạo nghiệp xấu xa, nhơ nhớp thì kẻ ác sanh tâm buồn rầu, càng than van rên rỉ, lại càng ăn năn hối tiếc.

❁

Sau bài kệ, có nhiều Tỳ khưu đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả. Đại chúng thính pháp cũng đều được hưởng ít nhiều lợi ích.

❁

Dịch Giả Cẩn Đề

Giết lợn nuôi mình với vợ con,
Năm lăm năm chẵn, nghiệp vuông tròn!
Một cơn nóng sảng mơ thành thú,
Bảy bữa rên la tưởng bị đòn!
Ngọn lửa A Tỳ cao ngất núi,
Tội ông đồ tể lớn tày non!
Ác lai ác báo mau cùng chậm,
Sống chết hai nơi khổ vẫn còn.

DỨT TÍCH ĐỒ TỂ CUNDA

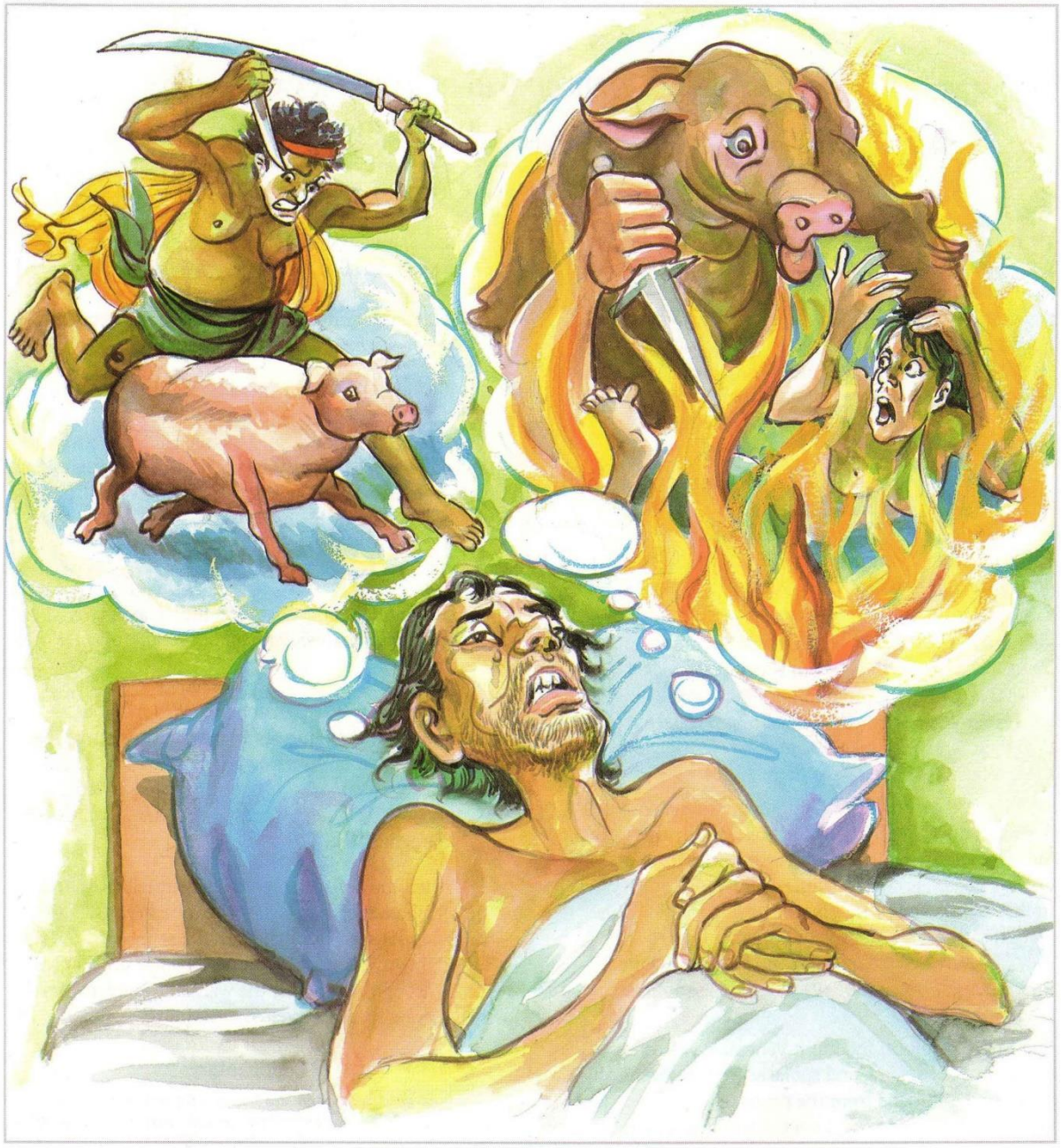

Seeing one's own impure action the evil doer grieves and is vexed here and hereafter.

15. Thấy nghiệp cấu uế của mình, người ác hạnh ưu phiền, khổ não ở đời này và đời sau.

I.11- Tích THIỆN NAM SÙNG ĐẠO DHAMMIKA

(Dhammika upāsaka vatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 16)

"Idha modati pecca modati,	***"Sống vui thác cũng vui,***
Katapuñño ubhayattha modati;	***Người thiện hai đời vui,***
So modati so pamodati, disvā	***Đã vui càng hoan hỷ,***
Kammavisuddhimattano".	***Thấy nghiệp mình sạch rồi".***

Kệ Pháp Cú (16), Đức Phật thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana (Kỳ Viên), đề cập đến ông thiện sự nam sùng đạo Dhammika.

Tương truyền rằng: Thuở ấy, tại thành Sāvatthī (Xá Vệ), có đến năm trăm ông thiện nam, toàn là những nhà hâm mộ tôn sùng Phật Pháp, mỗi ông sùng đạo nầy quy tụ được năm trăm cư sĩ trong mỗi nhóm của mình.

Vị thủ lãnh của tất cả các nhóm cư sĩ có được mười bốn người con, bảy trai và bảy gái. Mỗi người con ông đều rất trong sạch trong sự hộ độ Tăng, thường xuyên để bát bằng cách rút thăm, để dâng cháo, cơm vật thực đến Tăng (Salākabhatta), để bát một ngày nào trong mỗi kỳ nửa tháng (pakkhikabhattaṃ), làm lễ Trai Tăng đang nhập hạ tại chùa (vassavāsikaṃ).

Ông Dhammika với vợ và mười bốn người con mà ông mệnh danh là đoàn hậu sanh của ông, hiệp nhau thành mười sáu người thiện tín đắc lực, thay phiên nhau chăm lo cúng dường thực phẩm đến Tăng.

Ông đứng ra làm gương mẫu giới đức cho cả gia đình ông và tất cả thiện tín và ông hoan hỷ thỏa thích trong sự cúng dường Tăng Bảo luôn luôn như vậy.

Một thời gian sau, ông Dhammika nhuốm bịnh và sức lực suy giảm rất nhiều.

Biết mình kiệt quệ, ông muốn được nghe kinh, nên bảo người nhà đến đảnh lễ Đức Thế Tôn và xin cho tám hoặc mười sáu vị Tỳ khưu rành rẽ về kinh tụng.

Đức Bổn Sư ra lịnh cho các Tỳ khưu đến nhà ông.

Chư Tăng đến nơi, ngồi lên những chỗ đã dọn sẵn hai bên giường bịnh của ông.

- Bạch Đại Đức Tăng! - Ông cố gắng nói, - Vì con yếu quá không thể đảnh lễ chư Tăng được, xin các Ngài từ bi hoan hỷ tụng bố thí cho con một bài kinh.

Chư Tăng hỏi: "Ông thiện nam muốn nghe kinh gì?".

- Bạch! Xin các Ngài tụng Niệm Xứ Kinh (Satipaṭṭhānasutta).

Nghe vậy chư Tăng bắt đầu tụng:

"Ekayāno ayaṃ, bhikkhave, maggo sattānaṃ visuddhiyāti…".

"Chỉ có con đường nầy, các Tỳ khưu! Là lối đi duy nhất, dắt dẫn chúng sanh đến nơi hoàn toàn thanh tịnh…".

Ngay khi ấy, từ sáu cung trời Dục giới (Tứ Đại Thiên, Đao Lợi, Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc và Tha Hóa Tự Tại Thiên), có sáu chiếc thiên xa chạy xuống, mỗi chiếc dài năm mươi do tuần, trang bị đầy đủ bằng mọi thứ mỹ phẩm xuê xang lộng lẫy, do một ngàn con tuấn mã kéo đi. Mỗi vị chư thiên đứng trên thiên xa đồng thanh nói với Dhammika: "Tôi xin mạn phép rước ông về thiên cung của chúng tôi…".

Ông Dhammika chưa kịp trả lời, chư thiên đã nói rằng:

- Ông ơi! Ví như cái bát đất đã bể mà đổi được cái bát bằng vàng, ai sanh về thiên cung của chúng tôi sẽ được hưởng muôn ngàn lạc thú, xin ông hãy về với chúng tôi.

Ông thiện nam Dhammika đang nằm nghe kinh, không muốn dứt đoạn nữa chừng, nên bảo chư Thiên: "Thôi đi, khoan đã…".

Các thầy Tỳ khưu nghe vậy, ngỡ là ông nói với mình, bèn thôi không tụng kinh nữa.

Khi ấy các con trai của ông, phát khóc lên ầm ĩ, kể lể rằng:

- Trước kia phụ thân ta nghe kinh không bao giờ chấn động, sao hôm nay bảo thỉnh chư Tăng đến tụng, rồi lại bảo "Thôi đi" như vậy. Ôi! Đến phút lâm chung đối diện với Tử thần chắc không chúng sanh nào không hãi hùng kinh sợ.

Chư Tăng thấy tình cảnh ấy cũng nhắc bảo nhau không tụng kinh nữa thì ra về, nói rồi đồng đứng dậy cáo từ ra đi.

Một lúc sau ông Dhammika hồi tỉnh, nghe tiếng con khóc mới hỏi rằng:

- Sao các con lại khóc?

- Thưa cha! Cha đã bảo thỉnh chư Tăng đến tụng kinh cho cha nghe, thế mà khi chư Tăng đang tụng thì cha lại ngăn cản bảo thôi đi, các con khóc vì nghĩ rằng: "Không có chúng sanh nào mà không sợ mặt Tử thần".

- Thế chư Tăng bây giờ đâu rồi?

- Các Ngài nói: "Không tụng kinh nữa thì ta về" và đã đi về hết rồi cha ạ.

- Nầy các con! Không phải cha nói lời ấy với chư Tăng đâu!

- Thế thì cha nói với ai vậy? Thưa cha.

- Có sáu vị chư thiên từ sáu cõi trời đưa đến sáu chiếc thiên xa, trang trí lộng lẫy, đậu ngay giữa hư không, họ đứng trên xe cất tiếng hỏi cha: "Mời Ngài hoan hỷ về cõi chư thiên với chúng tôi". Cha bảo "Thôi đi" là nói với chư thiên ấy.

- Thưa cha! Nhưng thiên xa nào đâu, chúng con không thấy.

- Hiện ở nơi đây, ta có vòng hoa nào không?

- Thưa cha có.

- Trong các cõi trời, cõi nào là an lạc nhất hở các con?

- Thưa cha! Cõi trời an lạc nhất là cõi Đâu Suất thiên (Tusitabhavanaṃ) là nơi tịnh cư của tất cả chư Bồ Tát và của phụ mẫu chư vị Đại Giác trong kiếp thành đạo ở thế gian.

- Vậy thì các con hãy lấy vòng hoa liệng lên hư không và nguyện: "Xin vòng hoa nầy dính trên chiếc thiên xa của cõi trời Đâu Suất".

Các con ông Dhammika y lời, ném một vòng hoa dính vào gọng xe là lơ lửng giữa hư không.

Tất cả mọi người túc trực nơi đó đều thấy vòng hoa lơ lửng giữa hư không mà không ai thấy chiếc thiên xa cả.

Ông thiện nam hỏi:

- Các con có thấy vòng hoa không?

- Dạ! Thưa thấy.

- Vòng hoa dính trên chiếc thiên xa từ cõi Đâu Suất đưa xuống, cha nay sắp về thiên cảnh ấy vậy các con chớ nên bi thảm, nếu muốn tái sanh về đó để phụ tử được trùng phùng thì các con nên noi gương cha mà tạo nhiều phước báu ở cõi trần gian nầy đi vậy.

Dứt lời, ông Dhammika từ giã cõi đời, bước lên thiên xa về cung Đâu Suất. Liền đó, ông hóa thành vị chư thiên bề cao ba phần tư do tuần, khắp mình đeo giắt những món trang sức, có thể chất đầy sáu mươi cỗ xe bò, có hàng ngọc nữ theo hầu và được một tòa Kim ốc phát sanh lên rõ rệt.

Nói về chư Tăng, khi vào đến Tịnh xá vào đảnh lễ, phục lịnh Đức Bổn Sư, Ngài phán hỏi:

- Nầy các Tỳ khưu! Ông cận sự nam có nghe các ông tụng kinh không?

- Bạch Ngài! Có, nhưng đến nữa bài kinh thì ông ấy lên tiếng bảo thôi, rồi đàn con ông phát khóc ầm lên. Chúng con thấy ở nán lại cũng không làm gì nên đứng dậy ra về.

- Nầy các Tỳ khưu! Không phải ông Dhammika đã nói các lời ấy với các ông đâu. Có những chư thiên từ trên sáu cõi trời đưa sáu chiếc thiên xa trang trí lộng lẫy và thỉnh ông lên xe về thiên cảnh, ông ấy không muốn nghe dở bài kinh đang tụng, nên đã thốt lời ấy với chư Thiên.

- Bạch Ngài, có vậy mà chúng con không biết.

- Quả thực vậy đó, các Tỳ khưu.

- Bạch Ngài! Bây giờ ông ấy đang thọ sanh về đâu?

- Nầy các Tỳ khưu! Hiện giờ ông ấy ở cõi Đâu Suất thiên.

- Bạch Ngài! Lúc ông ấy còn sanh tiền, đã vui sống giữa thân bằng quyến thuộc, bây giờ chết rồi lại được thọ sanh vào nhàn cảnh để hưởng thêm hạnh phúc nữa sao?

- Đúng vậy, này các Tỳ khưu! Những người không dể duôi (appamattā) dầu còn tại gia hay đã xuất gia, cũng đều hưởng được sự yên vui trong hai cảnh giới. Lúc sống và sau khi chết rồi cũng đều như thế cả.

Đến đây, Đức Bổn Sư nói lên kệ ngôn rằng:

"Idha modati pecca modati,
Katapuñño ubhayattha modati;
So modati so pamodati,
Disvā kammavisuddhimattano".

"Những người đã sẵn thiện căn,
Kiếp nầy, kiếp nữa, lòng hằng an vui.
Thấy mình phúc nghiệp gieo rồi,
Cả trong hai kiếp đều vui sướng hoài".

❁

CHÚ GIẢI:

Trong câu kệ Phạn ngữ, chữ *Katapuñña* chỉ cho người tạo thiện nghiệp bằng nhiều đường lối, khi lâm chung xét thấy rằng: Quả thật, ta chưa từng làm việc quấy ác, ta chỉ làm những việc thuần thiện mà thôi… Nhờ đó mà y được an vui với nghiệp lành trong đời hiện tại.

Sau khi chết, y cũng còn nhờ ảnh hưởng của quả lành, tiếp tục theo mà được an vui kiếp sau nữa, nên mới gọi là hai đời vui (ubhayattha modati).

Kammavisuddhiṃ: nghiệp sạch, như cận sự nam Dhammika. Sau khi xét thấy tự mình đã tạo nhiều nghiệp trong sạch (thuần thiện), tự mình đầy đủ phước nghiệp (kammapuñña) rồi, đến khi lâm chung cũng hưởng được sự an vui trong kiếp hiện tại và sau khi mệnh chung lại được thọ sanh vào cảnh giới khác lại càng hưởng nhiều thiên phúc lạc hơn nữa.

❁

Sau bài kệ nầy, chư Tỳ khưu đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả. Đại chúng thính pháp cũng được hưởng ít nhiều lợi ích.

❁

Dịch Giả Cẩn Đề

Suốt cả đời tu, chưởng phước điền,
Chánh tâm sùng đạo, cảm chư Thiên,
Sáu xe túc trực, chờ tôn khách,
Ngàn ngựa bôn phi đón đại hiền?
Tăng tụng kinh dài, ai khiến nghỉ?
Con lo bố khổ, dạ sao yên?
Trấn an, may có vòng hoa lạ,
Lơ lửng trên không việc nhãn tiền.

DỨT CHUYỆN CẬN SỰ NAM DHAMMIKA

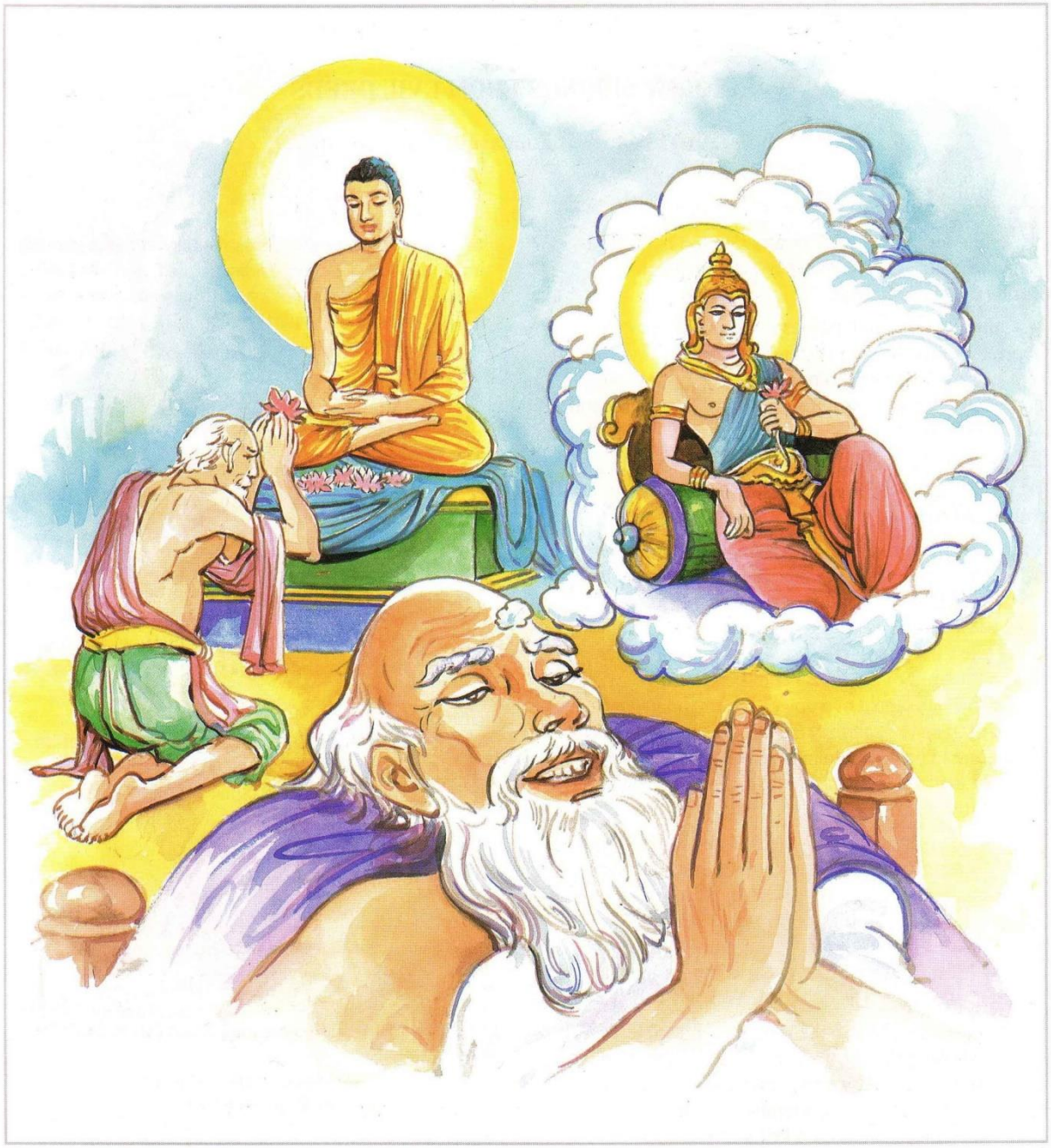

Seeing the purity of one's own action the doer of good continues to rejoice in both worlds.

16. Thấy nghiệp thanh tịnh của mình, người thiện hạnh hân hoan mãi ở đời này và đời sau.

I.12- Tích DEVADATTA

(Devadatta vatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 17)

"Idha tappati pecca tappati,	**"*Sống than, chết cũng than,***
Pāpakārī ubhayattha tappati;	***Kẻ ác hai đời than.***
"Pāpaṃ me katan"ti tappati,	***Than "mình lỡ tạo ác",***
Bhiyyo tappati duggatiṃ gatoti".	***Càng than khi đọa lạc".***

Kệ Pháp Cú (17) này, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Devadatta.

Tiểu sử của Devadatta từ khi xuất gia đến ngày bị đất rút, tất cả Kinh Bổn Sanh (Jātakāni) đều có tường thuật đầy đủ chi tiết.

Dưới đây chỉ là một sự tích tóm lược mà thôi.

Thuở ấy, nhằm lúc Đức Bổn Sư ngự an trong vườn xoài của ông Anupiya, trong thị trấn Mallā (Nigama mallāna) thuộc địa phận xứ Anupiya.

Khi ấy, tám muôn quyến thuộc của Ngài hội nhau lại thảo luận với nhau rằng:

- Từ khi thầy tướng tiên đoán Đức Như Lai sau nầy sẽ thành bậc Đại Giác hoặc sẽ tước vị Đế Vương, chúng ta đã hứa lời sẽ cho con cháu của chúng ta trong tông tộc Sát Đế lỵ (Khattiya) đi theo để hầu hạ Ngài. Vậy bây giờ ta nên giữ lời hứa đó.

Thế rồi, hoàng tộc Thích Ca cho tám muôn vị Thái tử xuất gia theo Phật, trừ ra sáu vị là đức vua Bhaddiya và các vương tử Anuruddha, Ānanda, Bhagu, Kimbila và Devadatta còn ở lại nhà.

Vì thế trong hoàng tộc Thích Ca, có người lại đưa sự kiện nầy ra hội thảo và kêu nài rằng:

- Tất cả chúng ta đều có cho con mình xuất gia đúng theo lời hứa, còn sáu họ Thích nầy không phải là thân tộc của chúng ta hay sao, mà không cho con xuất gia.

Nghe vậy, Thái tử Mahānāma (Đại Danh) đến nói với em mình là Anuruddha rằng:

- Nầy em! Trong gia đình ta chưa có người nào xuất gia, vậy bây giờ em đi hay là để anh đi xuất gia đây?

Hoàng tử Anuruddha từ nhỏ tới giờ chỉ quen sống trên nhung lụa, an hưởng cuộc đời vương giả cao sang phú túc, chưa hề nghe đến tiếng "không có" bao giờ.

Cho đến một hôm nọ, sáu Vương tử trên đây ráp nhau chơi đánh cầu (Vulalīla), Anuruddha bị thua cuộc phải chịu đãi bánh, nên cho thị giả về nhà xin bánh.

Chơi đi chơi lại ván nào cũng thua, Anuruddha cho người về xin bánh mãi, bà mẹ sắp bánh gửi đến được ba lần, đến lần thứ tư bà chỉ nhắn lời nói: "Bánh không có". Ông hoàng trẻ tuổi chưa từng nghe tiếng không có cho nên ngẫm nghĩ: "Đó là

thứ bánh gì vậy há?", đoạn ông bảo tùng giả hãy cứ đi về lấy Bánh Không Có đem đến vậy.

Người nầy y lời về bẩm lại: "Tâu lịnh bà! Xin bà hãy gởi Bánh không Có đến cho điện hạ". Nghe vậy, bà mẹ suy nghĩ: "Con ta chưa hề nghe tiếng "không có" bao giờ. Vậy nhân đây ta phải áp dụng cách nầy, dạy cho nó biết".

Thế rồi, bà lấy một cái đĩa bằng vàng, đậy úp trên một cái đĩa không nữa cũng bằng vàng và trao cho người hầu đem đi. Lúc đó chư thiên ngự trong thành ấy nghĩ rằng: "Thái tử Anuruddha đã từng nhịn ăn phần ăn của mình trong một mùa đói kém để cúng dường một vị tối thượng Độc Giác Phật thời quá khứ và đã phát nguyện: "Xin cho tôi đừng bao giờ nghe đến tiếng không có. Xin cho tôi đừng bao giờ bận tâm biết đến vấn đề lương thực". Hôm nay, nếu để cho Thái tử thấy cái đĩa không thì chúng ta còn mặt mũi nào về dự Đại hội chư thiên và có lẽ đầu chúng ta sẽ nứt ra làm bảy mảnh".

Nghĩ rồi, chư thiên lấy những bánh trời đặt vào đầy đĩa cho Thái tử Anuruddha.

Khi vị tùng giả mang đĩa đến chỗ sân đánh cầu, Thái tử đến giở ra, thì mùi bánh thơm ngon sực nức bay lan khắp cả châu thành. Thái tử cắn thử một miếng ngậm vào miệng, nghe hương vị thanh thoát lạ thường, không thể tả sao cho xiết.

Khi ấy Thái tử Anuruddha nghĩ rằng: "Từ trước mẹ ta không yêu ta, nên chưa có lần nào người làm thứ bánh Không Có nầy cho ta ăn. Kể từ đây về sau, ta nhứt định không thèm dùng thứ bánh nào khác nữa".

Thái tử đi ngay về nhà, bảo mẹ rằng:

- Thưa mẹ! Mẹ có yêu con hay không?

- Mẹ có yêu quý con ví như người chột mắt quý con mắt sáng của mình, hay như mọi người yêu quý quả tim của mình vậy con à.

- Thế sao hồi đó tới giờ, chưa có lần nào mẹ làm thứ bánh Không Có cho con ăn hở mẹ?

Bà mẹ quay lại hỏi người hầu Thái tử:

- Nầy con! Con thấy trong đĩa có chút gì không?

- Tâu lịnh bà! Đĩa đầy bánh, toàn là thứ bánh lạ từ trước tới giờ con chưa được thấy.

Bà mẹ lẩm bẩm: "Con ta quả thật là một bậc đại phước, đại lộc, đã tạo nhân lành từ đời kiếp trước, cho nên chư thiên mới để bánh đầy đĩa gởi đến cho nó như thế".

Ông hoàng con lại nũng nịu, nói với mẹ rằng:

- Thưa mẹ, từ rày về sau con nhứt định không ăn thứ bánh gì khác hết, mẹ phải làm ròng một thứ bánh Không Có cho con ăn nghe mẹ.

Kể từ ngày ấy, mỗi khi Anuruddha đòi ăn bánh thì bà mẹ lại y như trước, lấy cái đĩa không đậy úp lên một cái đĩa không khác, rồi gởi lên cho con.

Trong suốt thời gian Thái tử còn ở trong gia đình, chư thiên vẫn hằng cung cấp bánh trời cho Thái tử như thế mãi. Vì không bận tâm lo nghĩ đến những nhu cầu về vật chất cho nên dầu là một vấn đề thông thường, Thái tử cũng không biết rõ, nói chi đến chuyện xuất gia.

Khi nghe Thái tử Mahānāma hỏi, Anuruddha không đáp lời anh, mà còn hỏi lại:

- Xuất gia nghĩa là đi làm gì vậy hoàng huynh?

Thái tử giải thích sơ lược rằng: "Cạo bỏ râu tóc, khoác bộ y vàng, nằm ván cứng giường thô, đi trì bình khất thực, sống một đời sống không gia đình, như thế gọi là xuất gia vậy".

Nghe vậy, Thái tử Anuruddha đáp:

- Vậy thì hoàng huynh ơi! Em chỉ quen sống an nhàn dục lạc, em không xuất gia hành đạo được đâu.

- Vậy thì em hãy ráng học tập công nghệ (Kammantā) rồi ở lại nhà, để anh đi xuất gia cho gia đình ta khỏi thất hứa.

Hoàng tử Anuruddha lại hỏi:

- Hoàng huynh! Anh vừa nói đến hai tiếng công nghệ, thế nghĩa là gì vậy hoàng huynh?

Lệ thường, các con nhà quyền quý, không ai léo hánh đến các chỗ nấu ăn, mó tay vào việc cơm nước, bếp núc bao giờ, có đâu mà biết quán xuyến công nghệ gia đình cho được.

Cho đến vật thực hằng ngày, các vị vương tử cũng không biết xuất xứ từ đâu. Cho nên, có một hôm giữa ba vị Hoàng tử có một câu hỏi sau đây được nêu lên: "Đố biết vật thực ta ăn, từ đâu mà có?".

Kimbila bảo: "Từ nhà kho mang lại". Bhaddiya vội cãi: "Biểu đệ không biết nên nói sai rồi, vật thực nầy trong nồi múc ra". Anuruddha nhất định nói rằng: "Cả hai biểu huynh đều nói trật hết. Vật thực nầy là do dĩa ngọc chén vàng phát sanh ra".

Theo tục truyền, sở dĩ ba Thái tử giải thích khác nhau, đó là mỗi vị chấp theo quan kiến của mình.

Kimbila thường xuyên thấy người ta vào kho, lấy lúa đem ra xay, cho nên mới cho là vật thực từ kho mang lại.

Bhaddiya có lúc thấy người ta bới cơm từ trong nồi ra, cứ tưởng là vật thực từ trong nồi múc ra.

Còn Anuruddha chưa từng thấy ai xay lúa, nấu cơm rồi bới ra, chỉ thấy vật thực đã dọn sẵn trên chén dĩa trong giờ ăn, nên quả quyết rằng: "Vật thực phát sanh từ nơi chén dĩa".

Thật ra, ba vị con nhà quý tộc nầy cũng chưa biết rõ vật thực xuất xứ từ đâu.

Do đó, Hoàng tử Anuruddha mới hỏi lại anh mình câu hỏi:

- Tiếng công nghệ nghĩa là chi vậy hoàng huynh?

Thái tử Mahānāma giải thích rằng: "Từ đầu mùa lo dọn đất nhất là cày bừa ruộng nương rồi lo trồng trọt lúa, bắp, đậu, mè... Kế đến cuối mùa thì lo gặt hái phơi, nhập vào kho tích trữ... Mỗi năm, năm nào cũng phải làm đi làm lại bấy nhiêu công việc đồng áng như vậy".

Nghe vừa dứt lời, Anuruddha nói thầm rằng: "Chà! Công việc gia đình làm biết bao giờ mới hết và biết đến bao giờ ta mới được rảnh rang để toại hưởng phú quý vinh hoa".

Sau khi nêu rõ lý do là: "Công việc gia đình làm mãi cũng không rồi" Hoàng tử cương quyết thưa với anh:

- Thôi hoàng huynh cứ ở lại nhà mà lo công nghệ gia đình, còn em không thích làm những việc ấy đâu!

Nói rồi, Hoàng tử đi tìm thân mẫu và thưa rằng:

- Thưa mẹ! Xin phép mẹ cho con đi xuất gia.

Anuruddha đến xin ba lần, bà mẹ cũng không cho phép. Sau cùng bà đưa ra điều kiện nầy: "Nếu bạn con là vua Bhaddiya cùng đi xuất gia với con thì mẹ chấp thuận ngay".

Nghe vậy, Anuruddha đến gặp bạn mình và thưa rằng:

- Tâu hoàng huynh! Tiểu đệ vì kẹt có hoàng huynh mà chậm trễ đi xuất gia.

Hoàng tử cứ đeo theo năn nỉ và đưa ra nhiều lý do để thúc đẩy, giục nhà vua. Nên sau cùng đức vua Bhaddiya hẹn trong bảy hôm nữa sẽ đi xuất gia một lượt.

Rồi đó, đức vua Bhaddiya trong dòng họ Sakya (Thích Ca) hiệp với Anuruddha, Ānanda, Bhagu, Kimbila và Devadatta. Tất cả là sáu vị Sát Đế Lỵ cùng với ông thợ cạo Upāli nữa là bảy người. Trong bảy ngày liên tiếp chung nhau tận hưởng mọi lạc thú vinh sang trong đời, như những chư thiên nơi miền Cực lạc.

Đến ngày khởi hành, bảy vị xuất gia được quân binh hộ giá rầm rộ tiến lên, y như các đấng quân vương ngự du trong vườn Thượng Uyển, đi đến biên thùy, bảy vị ấy ra lịnh cho đoàn quân hộ tống trở về, rồi cùng nhau lần lượt vượt qua giới tuyến, đi sang địa phận quốc gia khác.

Nơi đây, sáu vị Hoàng tử cởi bỏ hết trang sức đeo trên mình ra, bỏ thành một đống, kêu ông thợ cạo và bảo: "Nầy Upāli! Bạn hãy thu hết của nầy và trở lại xứ nhà, bấy nhiêu đây chắc cũng đủ cho bạn sống một cuộc đời bạn được".

Ông Upāli sụp lạy tạ các vị hoàng gia, khóc lóc bịn rịn. Vì không dám cãi lịnh các chủ cũ, ông buộc lòng đứng dậy, xách gói bảo vật quảy lên vai, rồi quay chân trở lại.

Sáu vị vương giả đứng nhìn theo bóng ông thợ cạo trở về cố quốc, ai ai cũng đều lưu luyến ngậm ngùi, thật là:

Não nùng theo cảnh chia phôi,
Rừng cây ủ dột, núi đồi tang thương.

Trên nẻo đường về, ông vừa đi chậm vừa suy nghĩ rằng:

"Dòng Thích Ca xưa nay vẫn có tiếng là hung hãn (Caṇḍa), nếu họ tưởng lầm ta hạ sát các Hoàng tử nầy mà đoạt của báu thì thế nào họ cũng giết ta bỏ mạng vả lại các vương gia Thích Tử nầy đã vứt bỏ những đồ trang sức quý giá của họ, như là nhổ cục nước miếng, để được rảnh rang đi tu, thì ta dại gì chẳng noi theo gương ấy".

Nghĩ vậy, ông cởi đồ trang sức đang quảy trên vai ấy, đem treo lên trên một nhánh cây và nói: "Ai cần dùng thì cứ lấy" rồi ông hối hả chạy theo các vị đi xuất gia.

Thấy ông chạy theo, các vị ấy ngừng lại hỏi:

- Sao ông còn trở lại?

Ông Upāli bèn tỏ thật cảm nghĩ và quyết định của mình. Các vị Hoàng tử bèn dắt luôn ông đi theo, đến đảnh lễ Đức Thế Tôn và bạch rằng: "Bạch Ngài, dòng họ Thích Ca của chúng ta vẫn thường có tính ngã mạn. Người nầy đã từng phục dịch chúng ta lâu năm, xin Ngài hãy cho ông ta xuất gia trước nhất, để chúng tôi cung kính lễ bái ông theo bậc Sư huynh, ngõ hầu phá bỏ cái tánh ngã mạn của chúng tôi".

Tiếp theo lời thỉnh cầu ấy, Đức Bổn Sư cho ông Upāli xuất gia đầu tiên, rồi lần lượt đến phiên sáu vị Hoàng tử.

Trong nhóm Tỳ khưu mới nầy, Đại đức Bhaddiya đắc Tam Minh (Tevijjā) trong mùa hạ đầu, Đại đức Anuruddha trước đắc Thiên Nhãn Thông (Dibbacakkhu), rồi sau đó đắc A La Hán do nhờ nghe bài Kinh Mahāpurisa vitakka, Đại đức Ānanda đắc quả Tu Đà Hườn, hai vị Đại đức Bhagu và Kimbila trong thời gian sau nhờ tinh cần hành thiền Minh Sát (Vipassanā) cũng đều đắc quả A La Hán, Devadatta thì đắc Thần thông phàm (Puthujjhanikaṃiddhiṃ).

Sau đó một thời gian, khi Đức Bổn Sư ngự tại thành Kosambi thì có rất nhiều lợi lộc phát sanh đến Đức Như Lai và Thánh chúng. Hằng ngày thiện tín nườm nượp đến chùa, đem theo lễ vật trọng thể đến để cúng dường và hỏi thăm Đức Thế Tôn ngự nơi đâu? Đức Sāriputta ở đâu? Đại đức Mahā Kassapa ở đâu?

Họ vừa đi vòng quanh nhìn vào chỗ tám mươi vị Thinh Văn và luôn miệng hỏi thăm Đại đức Bhaddiya ở đâu? Đại đức Anuruddha ở đâu? Đại đức Kimbila ở đâu?

Các Tỳ khưu vị nào cũng được mọi người săn đón, nhưng không ai nghe hỏi về Đại đức Devadatta ngồi ở đâu? Hoặc đứng tại đâu cả?

Thấy không ai lưu ý đến mình, Đại đức tự ti mặc cảm, nghĩ thầm rằng: "Ta cũng đồng xuất gia một lượt với những Tỳ khưu ấy, họ là dòng dõi Sát Đế Lỵ xuất gia, ta cũng là dòng dõi Sát Đế Lỵ, thế sao họ được người đời săn đón trọng hậu, còn ta thì không có ma nào động đến tên! Bây giờ ta biết ai là người mà ta có thể làm cho phát tâm trong sạch để họ cúng dường đến ta?".

Khi ấy, Đại đức Devadatta tính thầm: "Với Bimbisāra đã đắc Tu Đà Hườn một lượt với mười một muôn vị tùy gia trong buổi sơ ngộ với Đức Thầy, ta không thể hiệp tác được. Với vua Kosala, ta cũng không thể liên kết. Chỉ còn Thái tử Ajātasattu (A Xà Thế), con của vị chúa tể một quốc gia cường thịnh mới là người mà ta thu phục để làm bạn tri kỷ vậy".

Sau khi quyết định như vậy, Devadatta rời Kosambi đi đến thành Rājagaha (Vương Xá), tự biến hình thành một thanh niên, khắp mình quấn đầy những con độc xà, hai con làm vòng tay, hai con làm kiềng chân, một con làm kiềng cổ, một con đội trên đầu, một con vắt vào bên vai.

Đại đức từ trên hư không đáp xuống với cách trang bị bằng rắn như thế, ngồi trên bắp vế của Thái tử Ajātasattu.

Thái tử giật mình kinh hãi, kêu lên rồi hỏi rằng:

- Ngươi là ai?

- Ta là Devadatta.

Nói rồi, để cho Thái tử hết sợ, Đại đức liền hiện nguyên hình là một vị Tỳ khưu có đầy đủ tam y nhất bát đứng ngay trước mặt Thái tử, làm cho Thái tử phát tâm trong sạch, từ đó bắt đầu cúng dường lễ vật đầy đủ mọi thứ.

Khi được cúng dường trọng hậu rồi, Đại đức Devadatta cũng chưa toại nguyện, Đại đức còn mong rằng: "Ta sẽ đứng ra lãnh đạo Tăng chúng" tà niệm vừa phát khởi trong tâm thì các pháp thần thông (iddhi) cùng với Tứ Thần Túc (catuppāda) của Devadatta tự nhiên biến mất.

Đại đức Devadatta trở về Veḷuvana, đến chỗ cư ngụ của Đức Bổn Sư, nhằm lúc Ngài đang thuyết pháp, có đức vua cùng hàng tứ chúng ngồi nghe, Đại đức đảnh lễ Đức Bổn Sư rồi đứng dậy chắp tay thỉnh cầu rằng: "Bạch Thế Tôn! Hiện nay Ngài đã già nua, niên kỷ cao tường rồi, không còn hoạt bát như xưa. Vậy Ngài cũng nên nhàn cư tịnh lạc cho yên thân, tôi nguyện sẽ đứng ra lãnh đạo chư Tăng, xin Ngài giao cho tôi lèo lái con thuyền Giáo hội".

Nghe qua mấy lời đường đột khiếm nhã ấy, Đức Thế Tôn không thể nào chấp nhận được.

Bất mãn vì bị từ chối, Devadatta bỏ ra đi, tuy ngoài miệng làm thinh, nhưng trong thâm tâm đã buộc oan trái với Đức Như Lai kể từ khi ấy.

Liền đó vâng lệnh Đức Thế Tôn, chư Tăng nhóm tất cả thiện tín trong thành Rajāgaha và đọc tuyên ngôn không thừa nhận Đại đức Devadatta là người của Giáo hội Tăng Già nầy nữa. Hay tin nầy, Devadatta nói rằng: "Kể từ giờ phút nầy, ta đã bị Sa môn Gotama sa thải rồi, ta phải lập tâm báo thù, rửa cái nhục nầy mới được".

Nói rồi, Devadatta đến hội kiến với Thái tử Ajātasattu, kiếm cách dẫn dụ rằng: "Tâu điện hạ, đời xưa con người trường thọ nhưng đời nay chẳng ai sống được lâu, chẳng lẽ điện hạ ở mãi cái địa vị làm ông hoàng con cho đến khi xuống lỗ. Vậy tốt hơn điện hạ nên lo thí phụ vương mà soán đoạt ngôi trời, còn ta thì sẽ lo hạ sát Đức Thế Tôn mà tranh giành quả Phật".

Sau khi dụ hoặc được Thái tử Ajātasattu, Devadatta thuê bốn người nam bản xứ đi hành thích Đức Như Lai, nhưng họ đã đắc quả Tu Đà Hườn và họ trở về không.

Thấy mưu sự bất thành, Devadatta tự mình leo lên núi Gijjhakūṭa (Linh Thứu) lăn đá xuống, cố ý đoạt mạng Đức Thế Tôn, nhưng chỉ làm cho người trầy da chảy máu.

Chưa hả giận, Devadatta lại lừa dịp, phóng thích thớt tượng Nāḷāgiri để cho nó đến chà đạp Đức Thế Tôn. Thấy tượng hung hăn chạy lại, Đại đức Ānanda đứng ra cản đường, quyết liều mạng mình mà cứu Đức Bổn Sư, nhưng Đức Giáo Chủ chỉ rải lòng từ (mettā) thu phục được voi dữ, ngự ra khỏi thành và trở về Tịnh xá bình yên vô sự.

Ngày ấy, hàng ngàn thiện tín câu hội tổ chức đại lễ Trai Tăng, sau đó trước sự hiện diện của hầu hết dân cư trong thành Rājagaha, độ cho tám muôn bốn ngàn chúng sanh giác ngộ Chánh Pháp (dhammābhisamayo).

Chư Tăng đều ca tụng lòng dũng cảm của Đại đức Ānanda đã dám liều mình cản đường một con voi dữ đang nổi cơn điên để che chở Đức Bổn Sư.

Nghe vậy, Đức Thế Tôn dạy rằng: "Nầy các Tỳ khưu, đây không phải là lần đầu tiên Ānanda dám liều mình vì Như Lai đâu". Theo lời thỉnh cầu của chư Tăng, Đức Thế Tôn bèn dẫn lại điển tích nói về hai con thiên nga với con cua (Cullahaṃsamahāhaṃ sakakkaṭaka).

Cơ mưu của Devadatta mong lòng hại Phật, cả ba lần đều bị thất bại cả ba, nhưng hai lần trước là thuê người ám toán và lăn đá phi tang đều còn âm thầm, chỉ còn có sự phóng thích voi điên là quá lộ liễu, nên đã làm chấn động tất cả quần chúng và thấu đến tai đức vua.

Thiên hạ đồn đãi rùm lên: "Nào là Devadatta thuê người hành thích Phật, lăn đá đè Phật, bây giờ còn manh tâm thả voi Nāḷāgiri ra để hãm hại Đức Phật nữa. Tội ác tày trời như thế phải đưa ra quốc vương xử trị mới được".

Đức vua nghe dân chúng dị nghị quá, bèn ra lịnh chấm dứt sự cúng dường năm trăm nồi cháo sữa và từ đó tuyệt giao, không hộ độ cho Devadatta nữa. Đã vậy, những nhà thiện tín trong thành cũng nghĩ luôn, không ai còn để bát cho ông ta.

Không kham nhẫn với sự thiếu thốn lợi lộc, Devadatta vì mưu đồ sinh kế, lại dở trò quỷ quyệt đến đảnh lễ Đức Bổn Sư và xin quyết năm điều.

Đức Thế Tôn phán rằng: "Thôi đi ông hỡi! Devadatta, Tỳ khưu nào muốn ở trong rừng thì cứ ở rừng, Tỳ khưu nào muốn ở xóm thì cứ ở trong xóm".

Chụp ngay lấy cớ Đức Bổn Sư không chấp thuận năm điều thỉnh nguyện của mình, Devadatta rêu rao lên rằng: "Các đạo hữu ơi! Giữa Như Lai và ta, ai là người nói lời thanh bạch (vacanaṃ sobhaṇaṃ). Với thật tâm muốn bảo tồn Chánh Pháp, ta đã nói rằng: "Bạch Ngài! Xin Ngài chế định cho chư Tỳ khưu mãi mãi suốt đời nương theo năm pháp là ngụ ở trong rừng, đi bát mà ăn, mặc y phấn tảo, ngồi dưới cội cây, không dùng thịt cá, thế mà Ngài không chấp nhận lời ta".

Vậy bạn nào muốn giải thoát trần lao, xin cứ theo ta mà hành đạo". Nói rồi, ông ta bỏ đi.

Nhiều Tỳ khưu mới xuất gia, kém hiểu biết cho rằng: "Đại đức Devadatta nói phải lắm, chúng ta nên nương tựa theo Đại đức mà hành đạo cao thượng". Rồi họ nhập một đoàn với ông ta.

Với số năm trăm Tỳ khưu tách ra đi theo mình, Devadatta hành theo năm điều kể trên, làm ra vẻ rách rưới lang thang, thọ thực nơi các gia đình trong sạch với người tu khổ hạnh và quyết tâm chia rẽ Giáo Hội Tăng Già.

Hay tin nầy, Đức Thế Tôn triệu tập Thinh Văn hội và chất vấn ông ta: "Nầy Devadatta, nghe đồn ông lập tâm chia rẽ Tăng, ý muốn phá hoại Giáo hội phải không?".

Devadatta xác nhận rằng: "Quả thật vậy, bạch Thế Tôn".

- Nầy Devadatta, chia rẽ Tăng là một tội nặng. – Đức Bổn Sư tiếp theo là huấn từ, chỉ dạy những hậu quả của sự chia rẽ và sự hòa hiệp.

Devadatta không đếm xỉa gì đến kim ngôn ngọc ngữ của Đức Thầy, bỏ phòng nhóm ra đi một nước.

Khi gặp Đại đức Ānanda đang đi trì bình khất thực trong thành Rājagaha, ông ta kêu Đại đức và nói nhắn: "Nầy đạo hữu Ānanda! Kể từ nay ta sẽ hành lễ Phát lồ (lễ sám hối của chư Tỳ khưu) và hành Tăng sự riêng biệt, không cần có Đức Thế Tôn và không cần có Tăng chúng nữa".

Đại đức Ānanda trở về Tịnh xá, bạch lại chuyện với Đức Thế Tôn, khi nghe hết đầu đuôi, Đức Thế Tôn động lòng bi mẫn than rằng: "Devadatta đã phá hoại con đường Thiên giới, tự mình tạo nghiệp Vô gián để sau phải chịu thiêu đốt trong địa ngục A tỳ". Ngài trầm tư một lúc rồi ngâm kệ lên rằng:

"Sukarāni asādhūni,
Attano ahitāni ca;
Yaṃ ve hitañca sādhuñca,
Taṃ ve paramadukkaranti!".

"Dễ làm việc bất lương,
Và tự chịu tai ương,
Còn việc phước việc thiện,
Lại khó làm phi thường".

Dứt bài kệ Pháp Cú 163. Đức Thế Tôn lại đọc tiếp một bài kệ ngẫu hứng (Udāna) như vầy:

"Sukaraṃ sādhunā sādhu,
Sādhu pāpena dukkaraṃ;
Pāpaṃ papena sukaraṃ,
Pāpamariyehi dukkaranti".

"Thiện nhơn hành thiện dễ dàng thay!
Ác nhơn hành thiện khó chi tày!
Ác nhơn hành ác như chơi giỡn.
Thánh nhơn hành ác chẳng quen tay".

Nói về Devadatta, chờ đến ngày làm lễ phát lồ vào trong chỗ kiết giới, ngồi qua một phía cùng với đồng lõa của mình, rồi tuyên bố rằng: "Sư nào ưng hành theo năm điều do tôi đề xướng thì xin biểu quyết bằng cách rút thăm". Năm trăm Tỳ khưu mới

tu, con dòng Vajjī vì ít cảm mến Đức Thế Tôn nên đã đồng tình bỏ Đức Bổn Sư mà theo về phe Devadatta.

Chia rẽ Tăng rồi, ông ta dắt các Tỳ khưu phe mình đi về phía Gayāsīsa (Tượng Đầu Sơn).

Khi nghe tin Devadatta đi về xứ ấy, Đức Bổn Sư phái hai vị Thủ Thinh Văn đến đó để dắt những Tỳ khưu kia trở về. Hai vị Đại đệ tử vâng lời ra đi, đến nơi trổ hết tài nghệ đặc biệt của mình, một vị thuyết pháp, một vị thì thi thố thần thông, dẫn độ cho năm trăm vị Tỳ khưu mới tu kia đều được nếm hương vị Niết Bàn. Rồi dắt nhau bay về Tịnh xá.

Khi ấy, Devadatta đang nằm ngủ, Kokālika là Tỳ khưu đồng lõa trong việc chia rẽ Tăng vội kêu ông ta dậy: "Dậy đi, đạo hữu Devadatta. Sāriputta và Moggallāna đã dắt cả đoàn Tỳ khưu của đạo hữu đi hết rồi".

- Tôi đã căn dặn đạo hữu rồi mà, đừng có tin tưởng bọn Sāriputta và Moggallāna. Bọn nầy có nhiều tà tâm tư ý, chưa thoát khỏi vòng nô lệ của những dục vọng xấu xa đê hèn.

Nói rồi, Kokālika lấy đầu gối thúc mạnh vào ngực của Devadatta, ngay quả tim ông ta, đã làm ông ta ói máu tươi ra tại chỗ.

Chư Tăng ở chùa thấy Đại đức Sārīputtta và Moggallāna dẫn đoàn Tỳ khưu theo đường hư không bay về thì bạch với Đức Thế Tôn: "Bạch Ngài, Đại đức Sāriputta lúc đi chỉ có một mình Moggallāna là bạn đồng hành, bây giờ trở về dắt theo một đoàn Tăng lữ, coi thật là huy hoàng xán lạn".

Đức Bổn Sư đáp: "Nầy các Tỳ khưu, đây không phải là lần đầu tiên mà Sāriputta có vẻ huy hoàng xán lạn! Thời quá khứ, khi còn mang lớp thú, con của Như Lai cũng từng trở về với Như Lai đầy vẻ huy hoàng như thế". Thuyết đến đây Đức Bổn Sư đọc bài kệ Bổn Sanh Lakkhaṇa (Con Tướng):

"Hoti sīlavataṃ attho,
Paṭisaṇṭhāra vuttinaṃ;
Lakkhaṇaṃ passa āyataṃ,
Ñātisaṅghapurakkhataṃ;
Atha passasinaṃ kālaṃ,
Suvihīnaṃva ñātibhīti".

"Kẻ giới đức tính tình thân thiện,
Sống một đời vinh hiển cao sang.
Hãy xem con Tướng huy hoàng,
Dẫn đầu quyến thuộc hiên ngang trở về.
Rồi nhìn lại ê chề buồn bã.
Con thời kia mất cả thân bằng".

Kế đó, chư Tăng bạch rằng:

- Bạch Ngài nghe đồn Devadatta có đặt để hai vị Tỳ khưu làm Thủ Thinh Văn, ngồi hai bên mình bắt chước Ngài mà phát ngôn rằng: "Ta nay sẽ thuyết pháp độ đời, đem ân huệ của một vị Đại Giác mà ban bố cho tất cả chúng sanh".

Nghe vậy, Đức Bổn Sư đáp: "Nầy các Tỳ khưu! Đây không phải mới lần thứ nhất đâu, trong thời quá khứ ông ta đã từng cố gắng bắt chước Như Lai và cũng đã thất bại rồi".

Nói đoạn, Đức Bổn Sư ngâm bài kệ Bổn Sanh Nadīcarakāka (Giang Hành Điểu).

"Api vīraka passesi,
Sakuṇaṃ mañjubhāṇakaṃ;
Mayūragīvasaṅkāsaṃ,
Patiṃ mayhaṃ saviṭṭhakaṃ.
Udakathalacarassa pakkhino,
Niccaṃ āmakamacchabhojino;
Tassānukaraṃ saviṭṭhako,
Sevāle paliguṇṭhito mato'ti".

"Quạ hùng ơi! Người đi đâu đó,
Có gặp chim, cầm cổ giống công,
Tiếng kêu lảnh lót đẹp lòng,
Tên Xa Biệt Thác là chồng của ta,
Dầu dưới nước hay là trên bộ,
Thấy chim kia hăng độ cá tươi,
Chồng cô bắt chước như người,
Không may vướng rễ rong tươi chết chìm".

Dứt bài kệ ngôn Bổn Sanh, Đức Bổn Sư kể luôn sự tích con quạ hùng (Vīraka) cho chư Tăng nghe. Những ngày sau đó, Đức thầy cũng còn đề cập đến chuyện trên đây, khi Ngài ngâm kệ Bổn Sanh:

"Acāri vatāyaṃ vitudaṃ vanāni,
Kaṭṭhaṅgarukkhesu asārakesu;
Athāsadā khadiraṃ jālasāraṃ,
Yatthābhidā raruḷo uttamaṅganti ca,
Lasī ca te nipphalitā,
Katthako ca vidālito;
Sabbā te phāsuka bhaggā,
Dāni samma virocasīti".

"Đi khắp rừng tung hoành khoét đục,
Những cây mềm nhánh mục gãy tan.
Gặp keo lõi cứng mổ càn,
Ô hô! Kim sí vỡ toang cả đầu.
Đại bàng nay còn đâu,
Óc người văng tứ phía,
Sọ người nứt hai đầu,
Sườn người đều gãy lọi,
Trông người thật đáng sầu".

Tiếp qua ngày sau, khi nghe lời bình phẩm: "Devadatta là kẻ bội ơn". Đức Bổn Sư lại thuyết Tích Bổn Sanh mà ngâm kệ rằng:

"Akaramhā va te kiccaṃ,
Yaṃ balaṃ ahuvamha se;
Migarāja namo tyatthu,
Api kiñci lābhamha se.
Māma lohitabhakkhassa,
Niccaṃ luddāni kubbato;
Dantantaragato santo,
Taṃ bahuṃ yampi jīvasīti".

"Lộc vương con việc chi cứ bảo,
Thân hết lòng nguyện báo ơn Ngài,
Trung thành chẳng dám đơn sai,
Ơn trên xuống phước một hai chàng nào?
Ta cần uống máu đào để sống,
Và luôn luôn bạo động mà thôi,
Răng ta đã ngậm miếng mồi,
Nãy giờ người sống nhiều rồi còn chi?".

Và một lần nữa, nhân nhắc đến Devadatta có tâm sát hại Đức Bổn Sư, Ngài lại ngâm kệ Bổn Sanh và thuyết tích con hoẵng (một thứ nai), kệ rằng:

"Ñātametaṃ kuruṅgassa,
Yaṃ tvaṃ sepaṇṇi seyyasi;
Aññaṃ sepaṇṇiṃ gacchāmi,
Na me te ruccate phalanti".

"Hoẵng đã biết việc nầy đích thật,
Trái Xê ban, ngươi vất xuống mà,
Cây kia ta hãy băng qua,
Cây nầy quả chẳng ưa ta chút nào".

Lại một hôm khác, nhân nghe chư Tăng bình luận bảo nhau: "Devadatta đã mất hai điều lợi ích là lợi lộc và phẩm vị Sa môn". Đức Bổn Sư bèn dạy rằng: "Nầy các Tỳ khưu, đây không phải mới lần đầu Devadatta đã mất cả hai đường lợi ích như thế". Nói rồi, Ngài ngâm kệ và thuyết tích Bổn Sanh Ubhatobhaṭṭha (Tham thì thâm).

"Akkhī bhinnā paṭo naṭṭho.
Sakhīgehe ca bhaṇḍanaṃ;
Ubhato paduṭṭhakammantā.
Udakamhi thalamhi cati".

"Mặt bị nổ, áo quần tiêu hết,
Vợ lăng loàn gia thất rã tan,
Hai nơi sự nghiệp tiêu tan,
Dưới sông cũng hỏng, trên ngàn cũng hư".

Cứ như thế, trong thời gian cư ngụ trong thành Rājagaha (Vương Xá), Đức Bổn Sư đã thuyết rất nhiều kinh và tích Bổn Sanh đề cập đến Devadatta. Sau đó, Ngài rời thành Rājagaha, ngự sang thành Sāvatthī (Xá Vệ) và an ngự tại Đại Tự Jetavana (Kỳ Viên).

Về phần Devadatta, bị bịnh nằm liệt giường suốt chín tháng, sau cùng muốn gặp Đức Bổn Sư, ông bảo đệ tử của ông rằng: "Ta muốn yết kiến Đức Thế Tôn, các trò hãy làm sao đưa ta đến gặp Ngài".

- Bạch Ngài! – Đệ tử đáp – lúc bình thời Ngài cột oan trái với Đức Bổn Sư, nên đã bỏ ra đi, chúng tôi sẽ không đưa Ngài trở về gặp Đức Bổn Sư đâu!

Devadatta xuống nước nhỏ, năn nỉ với các đệ tử rằng: "Các trò chớ làm ta tuyệt vọng vì không được sám hối với Đức Bổn Sư. Thật ra ta có buộc oan trái với Ngài, nhưng ngược lại Ngài đối với ta không mảy may có chút thù hằn".

Nói đến đây, Devadatta, đọc lên bài kệ rằng:

"Vadhake devadattamhi,
Core aṅgulimālake;
Dhanapāle Rāhule ca,
Sabbattha samamanasoti".

"Với sát nhân Đề Bà,
Hoặc tướng cướp Vô Não,
Hộ tài Ra Hầu La,
Ngài hằng bình đẳng đạo".

Rồi ông khẩn khoản yêu cầu: "Hãy đưa hộ ta đến bái kiến Đức Bổn Sư đi các trò ơi". Sau cùng nhóm đệ tử ông đặt ông lên cái chõng và kiêng ông đi.

Nghe tin Devadatta đang trở về Tịnh xá, chư Tăng vào bạch Đức Thế Tôn: "Bạch Đức Thế Tôn! Nghe đồn rằng Devadatta trở lại đây để yết kiến Ngài".

- Nầy các Tỳ khưu! Trong kiếp hiện tại nầy (attabhāva) ông ta không thể vào thấy mặt Như Lai đâu.

(Có thuyết cho rằng: Vị Tỳ khưu nào đã xin giữ năm điều của Devadatta thì từ đó về sau luôn luôn không còn gặp Đức Phật nữa).

Chư Tăng lần lượt báo tin lên Đức Bổn Sư: "Bạch Ngài, ông ta tới chỗ kia… chỗ nọ".

- Ông ta muốn làm gì thì làm, nhưng ông ta không giáp mặt được Như Lai đâu.

Chư Tăng vẫn tiếp tục thông tin: "Ông ta về còn cách đây độ một do tuần… độ nữa do tuần… Bạch Ngài, ông ta đã về đến hồ sen trong Tịnh xá Jetavana".

- Dầu cho đã về trong vòng chùa Jetavana nầy, y cũng không giáp mặt được Như Lai đâu.

Các Tỳ khưu khiêng Devadatta về đến hồ sen trong chùa, bèn để giường xuống bên hồ và xuống hồ tắm rửa. Khi ấy, Devadatta tự mình ráng ngồi dậy, định bước xuống giường, vừa đặt chân đứng lên thì ông ta bị đất sụp lún mất hai bàn chân, kế đến hai mắt cá, rồi hai đầu gối, hai bắp vế, lần tới ngực, cuối cùng khi xương quai hàm của ông nằm ngang mặt đất thì ông góp hết hơi tàn đọc lên bài kệ tuyệt mạng sau đây:

"Imehi aṭṭhīhi tamaggapuggalaṃ,
Devātidevaṃ naradammasārathiṃ;
Samantacakkhuṃ satapuññalakkhaṇaṃ,
Pāṇehi buddhaṃ saraṇaṃ gatosmīti".

"Bằng hơi sót với xương tàn trên đất,
Con quy y cùng Đức Phật tuyệt luân.
Chúa chư Thiên, thầy huấn luyện nhân quần,
Bậc Phổ Nhãn, có tướng thuần trăm đức".

Tới giai đoạn nầy, có giả thuyết cho rằng: "Đức Như Lai đã làm lễ cho Devadatta xuất gia Tỳ khưu lại vì Ngài nghĩ rằng: "Nếu không như vậy thì ông ta chỉ là người cư sĩ, không có hy vọng giữ được đức tin Tam Bảo trong ngày vị lai và chịu đựng hậu quả nặng nề của tội ngũ nghịch mà ông đã phạm".

Khi ông đã được xuất gia lại rồi, thì dù cho nghiệp quả có nặng nề đi nữa, ông vẫn còn giữ được đức tin và nhẫn nại mà chịu đền tội, do đó Đức Bổn Sư đã cho ông xuất gia lại".

(Về sau khi mãn một trăm ngàn đại kiếp của quả địa cầu, Devadatta ta sẽ đắc quả Bích Chi Phật (Paccekabuddha), tức là Phật Độc Giác, có hồng danh là Aṭṭhissara.)

Sau khi bị đất rút chôn sống, Devadatta đọa sanh vào địa ngục Vô gián bề rộng một trăm do tuần, thân hình ông ta cũng vươn lên cao một trăm do tuần, đầu của ông ta lọt vào một cái lọ bằng sắt (ayaka palla) chụp đến vành tai, chân ông ta đứng trên một cái nền cũng bằng sắt lún tới ngang mắt cá, một cây đòn sắt lớn bằng cây thốt nốt từ trong bức tường phía Tây, xỉa ra đâm thẳng vào phía lưng thủng qua tới trước ngực ông ta rồi cắm luôn vào bức tường phía Đông.

Một cây đòn sắt khác, từ bức tường phía Nam xỉa ra đâm thẳng hông bên phải, thấu qua hông bên trái của ông ta, rồi cắm luôn vào bức tường phía Bắc. Lại có một cây đòn sắt khác, từ nơi cái lọ sắt từ nơi cao đâm thủng xương sọ, thấu qua mình ông ta cắm luôn xuống nền bằng sắt.

Nơi hỏa ngục mà ông phải chịu khổ hình trong tư thế bất động như vậy, khi ấy giữa Tăng chúng, câu hỏi sau đây được nêu lên để làm đề tài cho một cuộc bình luận khác: "Từ phương trời xa xăm, Devadatta được về đến nơi đây mà không được giáp mặt Đức Thế Tôn. Lại còn bị đất chôn sống nữa". Nghe vậy, Đức Bổn Sư minh định rằng: "Nầy các Tỳ khưu, đây không phải là lần đầu mà Devadatta đắc tội với Như Lai và bị đất chôn sống đâu, trước kia ông ta cũng có lần bị đất rút như thế rồi".

Để chứng minh, Đức Bổn Sư nhắc lại câu chuyện đã xảy ra trong một tiền kiếp của Ngài, khi Ngài mang lớp tượng chúa: "Thuở ấy, Ngài chỉ đường cho một kẻ lạc lối, cho hắn trèo cỡi lên lưng Ngài, đưa hắn ra đến nơi an toàn, về sau hắn phỉnh ơn Ngài. Trở lại ba lần, lần đầu để cưa khúc chót cái ngà của Ngài, lần kế cưa khúc giữa của ngà, lần cuối cưa sát tận gốc ngà, làm cho ngài phải đổ máu. Kẻ bội bạc ấy đi khuất tầm mắt Ngài, thì liền bị đất sụp chôn sống ngay". Dứt chuyện dĩ vãng, Đức Bổn Sư ngâm bài kệ vịnh Bổn Sanh giới đức tượng (sīlavanāga) để vịnh như sau:

"Akataññussa posassa,

Niccaṃ vivaradassino;
Sabbañce paṭhaviṃ dajjā
Neva naṃ abhirādhayeti".

"Đối với phường vong ân phản phúc,
Thường chớ khi nước đục thả câu,
Dẫu đem tất cả địa cầu,
Tặng y, y cũng tóm thâu chưa vừa".

Sau khi nghe hết tích chuyện ấy, chư Tăng vẫn còn bàn luận về vấn đề Devadatta bị đất rút tái đi tái lại mãi. Nhân đó, Đức Bổn Sư thuật lại thêm một Bổn Sanh, trong đó tiền thân Devadatta là vua Kālābura cũng bị đất rút chôn sống vì đắc tội với đạo sĩ Khantivādi, là tiền thân của Ngài. Devadatta còn bị đất rút chôn sống trong một tiền kiếp nữa khi ông ta là vua Mahā Patāpa (Đại Huy Hoàng) đã tạo tội đối với tiền thân của Đức Bổn Sư là Bồ Tát Culladhammapāla. Tích nầy Đức Bổn Sư cũng có kể cho chư Tăng nghe.

Việc Devadatta bị đất sụp chôn sống làm cho dân chúng ai cũng vui mừng thỏa thích. Họ tự động treo cờ xí hoặc cột lá chuối phất phơ, châm đầy các lu và đổ nước đầy các đồ chứa, đoạn cử hạnh đại lễ ăn mừng và nói: "Ông ấy chết quả thật là một đại lợi cho nhà ta".

Khi chư Tỳ khưu đem chuyện nầy tường trình lên Đức Thế Tôn, Ngài cho rằng: "Nầy các Tỳ khưu, đây không phải là lần đầu tiên mà dân chúng ăn mừng cái chết của Devadatta, thời dĩ vãng dân chúng của đã thỏa thích về cái chết của ông ta như thế".

Để chứng minh, Đức Phật thuật lại tiền tích đức vua Piṅgala (Cát Huỳnh) ở thành Bārāṇasī, là một vị vua độc tài chuyên chế, có cặp mắt vàng sậm mà tất cả muôn dân đều ta thán, cho nên ai ai cũng ăn mừng khi được tin nhà vua hung tàn bạo ngược nầy băng hà và Đức Bổn Sư đọc luôn bài kệ Piṅgala như sau:

"Sabbo jano hiṃsito piṅgalena,
Tasmiṃ mate paccayaṃ vedayanti;
Piyo na te āsi akaṇhanetto,
Kasmā tvaṃ rodasi dvārapāla.
Na me piyo āsi akaṇhanetto,
Bhāyāmi paccāgamanāyā tassa;
Ito gato hiṃseyya maccurājaṃ,
So hiṃsito āneyya naṃ puna idhāti".

"Triều Cát Huỳnh triệu sanh linh đồ thán,
Bạo chúa băng, dân thoát nạn âu ca.
Môn quan ơi! Ngài khóc phải chăng là,
Vì mến tiếc chúa băng hà huỳnh mục.
Ta với hắn không chút tình cốt nhục,
Ta chỉ e hắn bình phục hồi sinh,
Đây hắn đi khủng bố chúa Diêm Đình,
Người sợ họa, hườn hồn linh hắn lại".

Cuối cùng, chư Tăng còn bạch hỏi Đức Bổn Sư: "Bạch Ngài! Hiện giờ Devadatta thọ sanh về đâu?".

- Nầy các Tỳ khưu! Ông ta hiện ở trong đại địa ngục Vô gián (Avīci).

- Bạch Ngài, lúc sống ông ta than thở nhiều rồi, mà sau khi chết ông ta còn đi thọ sanh vào chỗ cực hình để than thở nữa hay sao?

Để kết luận, Đức Bổn Sư ngâm kệ ngôn Pháp Cú sau đây:

"Idha tappati pecca tappati,	"*Sống than, chết cũng than,*
Pāpakārī ubhayattha tappati;	*Kẻ ác hai đời than.*
"Pāpaṃ me katan"ti tappati,	*Than "mình lỡ tạo ác",*
Bhiyyo tappati duggatiṃ gatoti".	*Càng than khi đọa lạc".*

CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ Phạn ngữ:

***Idha tappati** (Ở đây than):* nghĩa là còn sống trong kiếp hiện tại đây, kẻ ác đã phải ưu bi sầu khổ vì nghiệp (Kammatappati).

***Pecca** (Sau khi thác):* là nói sau khi qua cảnh giới khác, kẻ ác cũng còn than thở vì ảnh hưởng của việc làm ác quá khứ. Gọi là than thở vì quả (vipāka tappati) và lại than thở hơn khi bị sa vào ác đạo, để chịu nhiều thứ khổ hình nặng nề ác liệt nữa.

***Pāpakārī** (Kẻ làm ác):* là chỉ kẻ đã tạo nghiệp ác bằng nhiều đường lối khác nhau.

***Ubhayattha** (Ở hai nơi):* là khi còn sống và sau khi chết như đã giải. (Xem tích đồ tể Cunda).

***Pāpaṃ me katanti** (Ta đã làm ác):* là khi than thở vì nghiệp, kẻ ác chỉ thở than chút ít thôi, đến lúc than thở vì quả thì kẻ ác lại than thở nhiều hơn chút nữa và đến khi đọa sanh vào khổ cảnh địa ngục thì kẻ ác còn than thở gấp bội, than thở nhiều hơn bao giờ hết, than thở tới mức cùng cực tối đa.

Khi Đức Bổn Sư chấm dứt bài kệ, nhiều Tỳ khưu đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả, đại chúng thính pháp cũng đều được hưởng sự lợi ích.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Luật Tạng còn ghi tội rẽ Tăng,
Đề Bà phản Phật bởi tham xằng,
Ba phen ám toán không thành tựu,
Ngàn thuở điêu linh khó thượng thăng!
Dương thế đất dầy còn sụp lún,
Âm ty sắt đỏ mới cân bằng!
Càng gây oan trái càng thêm hận,
Hỷ, xả, từ, bi phải sướng chăng?

DỨT TÍCH DEVADATTA

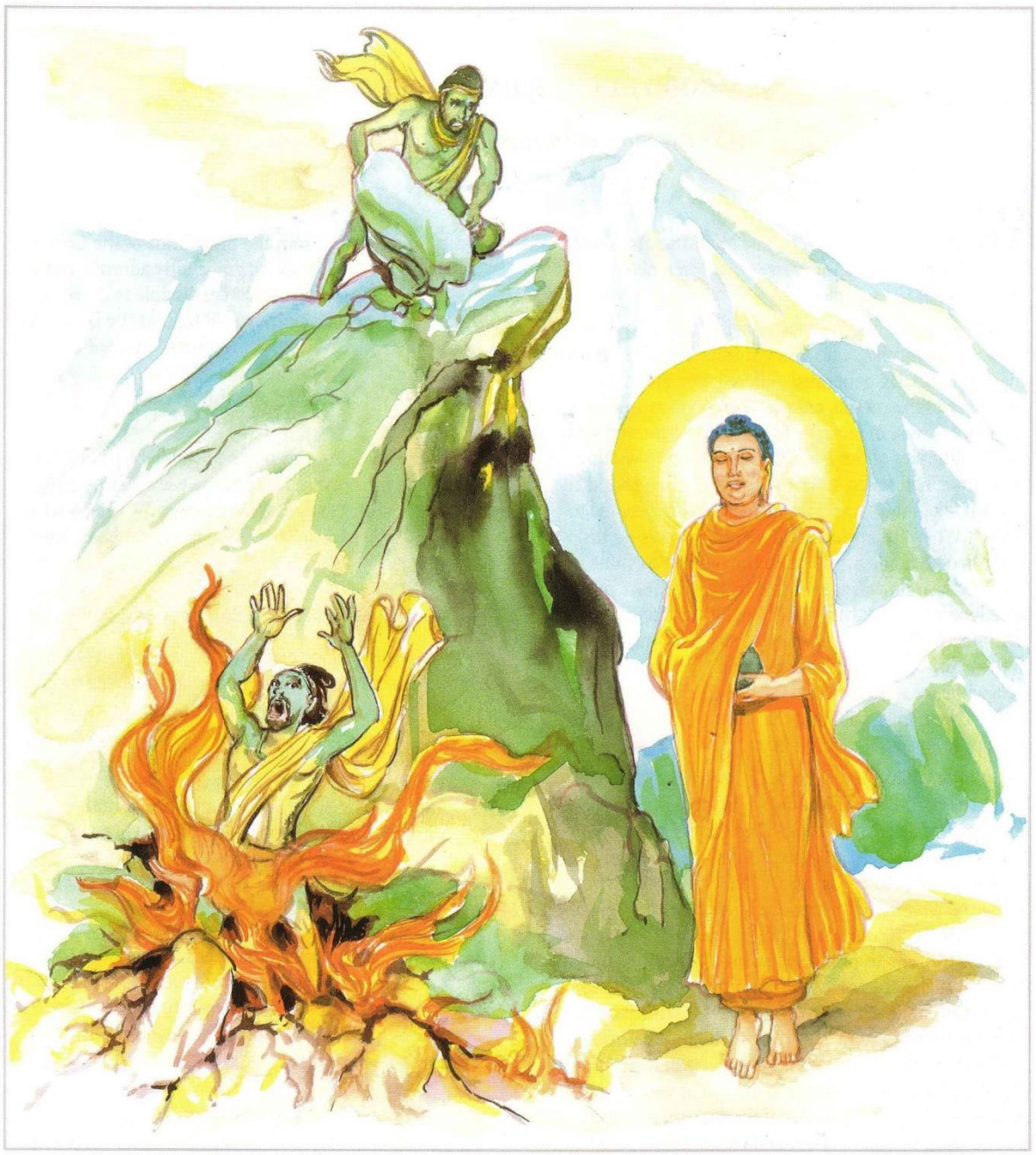

The evil doer suffers here and hereafter and more so when he is born in realms of woe.

17. Người ác hạnh đau khổ đời này lẫn đời sau và càng đau khổ hơn khi tái sanh vào cõi ác dữ.

I.13- Tích SUMANĀDEVĪ

(Sumanādevīvatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 18)

"Idha nandati pecca nandati,	***"Sống sướng, chết cũng sướng,***
Katapuñño ubhayattha nandati;	***Kẻ thiện hai đời sướng.***
Puññaṃ me katan"ti nandati,	***Sướng thấy mình làm lành,***
Bhiyyo nandati sugatiṃ gatoti".	***Càng sướng khi vãng sanh".***

Kệ Pháp Cú (18) nầy, Đức Bổn Sư thuyết tại Đại Tự Jetavana, khi Ngài an trú nơi ấy, trong thành Sāvatthī, đề cập đến nàng Sumanādevī.

Vào thời ấy, trong thành Sāvatthī, mỗi ngày nơi nhà ông Trưởng giả Anāthapiṇḍika đều có hai ngàn vị Tỳ khưu đến thọ thực và nơi nhà của bà tín nữ Visākhā cũng có số chư Tăng đông như vậy.

Các thiện tín khác trong thành Sāvatthī, bất cứ là ai nếu muốn làm phước Trai Tăng đều phải thông qua hai vị ấy hoặc sở cậy đến sự chỉ dẫn của họ. Tại sao vậy? Bởi vì dầu cho thí chủ nào dám chịu tốn kém xuất ra hằng trăm đồng vàng để làm cuộc lễ phước lớn hơn ông Anāthapiṇḍika hay bà Visākhā, thì cũng vẫn chưa vừa lòng chư Tăng, mà còn bị xầm xì rằng: "Cuộc phước thí gì đâu ấy?".

Thật ra, hai vị đại thí chủ nhờ thân cận quen ý chư Tăng nên thành tựu trong việc dâng cúng thực phẩm hạp theo sở thích của các Ngài. Do đó, mọi người khi muốn làm phước cúng dường vật chi đến chư Tăng, đều rủ hau vị ấy cùng đi.

Chỉ ngặt có một điều là khi họ đi lo việc giúp người khác thì không có ai trông coi hộ Tăng trong nhà của họ. Bà Visākhā nghĩ thầm: "Ta biết chọn ai thay thế cho ta trông coi hộ độ chư Tăng đến đây lấy bát".

Thấy đứa cháu nội gái, bà lấy làm ưng ý, bèn giao cho cô ta đứng trông nom việc ấy và nơi nhà bà Visākhā đã có cô cháu của bà đảm trách phận sự hộ Tăng đến thọ thực.

Về phần ông Anāthapiṇḍika, ông cũng chỉ định con gái lớn của ông tên là Mahā Subhaddā (Diệu Hiền), thay mặt cho ông, cô này lo phục dịch chư Tăng, nghe kinh thính pháp đắc quả Tu Đà Hườn, rồi có chồng đến cưới rước đi.

Kế đó, ông Anāthapiṇḍika giao trách nhiệm cho người con gái kế là Culla Subhaddā (Tiểu Diệu Hiền), cô nầy cũng làm y như cô chị trước, cũng đắc quả Tu Đà Hườn, rồi có chồng đến rước đi.

Sau cùng, cô con gái út của ông tên là nàng Sumanādevī (Tố Tâm nương tử), đứng ra thay mặt cho cha mà đảm trách phận sự hộ Tăng, cô nghe pháp đắc quả Tư Đà Hàm, nhưng vẫn ở vậy vì không có người đến xin cưới hỏi. Buồn vì tiếng gái lỡ thời cô bỏ ăn nằm liệt giường và nhắn cha cô về gặp mặt.

Ông Anāthapiṇḍika đang ở trong trai đường được tin gấp rút của con gái út. Bèn lật đật trở về nhà hỏi con gái:

- Sumanā con! Con đau làm sao vậy?

- Nầy cậu út, cậu nói chi vậy?

- Sumanā con à! Con nói tầm xàm.

- Chị không nói xàm đâu? Cậu út à.

- Samanā con! Con sợ chết phải không?

- Chi không sợ chết đâu cậu út à.

Nói dứt lời, nàng Sumanādevī làm thinh rồi tắt hơi, đi luôn sang cảnh giới khác.

Dầu đã đắc Sơ quả (Tu Đà Hườn), Trưởng giả Anāthapiṇḍika không sao khuây khỏa nỗi ưu sầu mến tiếc đứa con gái yêu đã mất. Lo việc hỏa táng thi hài cho con xong, ông vừa khóc vừa đi đến chỗ ngụ của Đức Bổn Sư, thấy ông đến Ngài hỏi:

- Nầy gia chủ, có việc chi ông đến đây mà còn khóc? Trông ông có vẻ khổ sở sầu bi, mặt đầy nước mắt vậy?

- Bạch Ngài! – Ông đáp – con gái út của con là Sumanādevī vừa mới từ trần.

- Vậy sao ông khóc, ông há chẳng biết rằng tất cả chúng sanh đều phải chịu chết hay sao?

- Bạch Ngài, con cũng biết lắm, nhưng con gái út của con nó có đầy đủ sự hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi. Thế mà nó lại mất trí mê tâm nói bậy, nói xàm trong lúc lâm chung. Đó là điều con hết sức buồn rầu đau khổ.

- Nầy phú Trưởng giả, chẳng hay con gái ông đã nói những gì?

- Bạch Ngài, khi con hỏi nó: "Nầy Sumanādevī, con đau làm sao?" thì nó đáp rằng: "Nầy cậu út, cậu út nói chi?". Con lại bảo nó "Sumanā, con nói xàm", thì nó đáp lại rằng: "Chị không nói xàm đâu cậu út à". Con nói "Sumanādevī con sợ chết phải không?", nó đáp: "Chị không sợ chết đâu cậu út à" rồi nó làm thinh tắt hơi đi luôn, không trối trăn lời chi nữa hết.

Khi ấy, Đức Thế Tôn dạy rằng: "Nầy phú Trưởng giả, con gái của ông không nói xàm đâu!".

- Thế sao nó nói lạ kỳ vậy?

- Nầy gia chủ, sở dĩ con gái ông nói như vậy là vì kể về đạo quả, thì ông phải là em út nhỏ hơn con gái của ông, quả thật ông chỉ chứng bậc Tu Đà Hườn, con gái ông đã chứng bậc Tư Đà Hàm. Tức là về đạo quả con gái ông lớn hơn ông một bậc.

- Bạch Ngài! Thật vậy sao?

- Quả thật vậy đó gia chủ.

- Thế Bạch Ngài! Bây giờ nó sanh về đâu?

- Nầy gia chủ, con ông hiện đang ở Đâu Suất Đà Thiên.

- Bạch Ngài, con gái út của con khi còn sống ở gia đình hằng vui vẻ hoan hỷ, nay chết rồi lại sanh về nơi hoan hỷ như thế nữa sao?

Đức Bổn Sư đáp: "Đúng vậy, nầy gia chủ, kẻ nào không bung luông (appamattā) dầu còn tại gia hay đã xuất gia đều được hoan hỷ trong kiếp nầy và luôn kiếp sau như thế cả".

Nói rồi Ngài ngâm kệ rằng:

"Idha nandati pecca nandati,
Katapuñño ubhayattha nandati;
"Puññaṃ me katan"ti nandati,
Bhiyyo nandati sugatiṃ gatoti".

"Kiếp nầy hoan hỷ bao nhiêu,
Kiếp sau cũng vẫn còn nhiều hỷ hoan.
Nghĩ mình phúc nghiệp vẹn toàn,
Cả trong hai kiếp đều hoan hỷ hoài.
Lại càng hoan hỷ lâu dài,
Khi sanh lên cõi Bồng Lai thiên đường".

☸

CHÚ GIẢI:

Chữ ***Idha*** *(nơi đây):* nghĩa là trong đời kiếp nầy thì hoan hỷ với nghiệp hỷ (kammanandana).

Pecca *(sau khi chết):* nghĩa là trong đời sau thì hoan hỷ với quả hỷ (vipāka nandati).

Katapuñño *(kẻ thiện):* chỉ người làm việc thiện việc lành việc phước bằng nhiều đường lối khác nhau.

Ubhayattha *(hai nơi):* khi còn sống ở đời nầy, hay xét rằng: "Ta chỉ làm việc lành, ta không từng làm việc ác rồi phát tâm hoan hỷ" chết rồi thọ sanh ở cảnh giới khác, cũng nhờ ảnh hưởng quả của nghiệp mà hoan hỷ thêm nữa.

Puññaṃ me *(ta làm lành):* người thiện đang vui vẻ trong kiếp hiện tại là nhờ có ý nghĩ: "Ta đã làm việc lành, sự vui nầy chưa có bao nhiêu vì chỉ căn cứ trên nghiệp hỷ, càng vui vẻ hơn là khi do quả hỷ mà được siêu sanh về nhàn cảnh".

Sugatiṃ: Tuổi thọ lâu đến năm trăm bảy mươi sáu triệu năm (satta paññā savassa koṭiyo satthiñca vassa sata sahassāni), tuổi hưởng phước lộc của chư thiên nơi cung trời Đâu Suất thì càng hoan hỷ vô cùng tận.

☸

Bài kệ vừa dứt, có nhiều vị Tỳ khưu đắc Thánh quả nhất là Tu Đà Hườn, đại chúng thính pháp cũng đều hưởng được lợi ích.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Con gái mà xưng chị với cha,
Tố Tâm nương tử khéo thay là!
Tiến cung Đâu Suất lên thềm ngọc,
Rời chốn trần lao bỏ kiếp hoa!
Thính pháp bất ngờ lên Nhị quả,
Hộ Tăng đâu tính dạo thiên hà?
Lòng trinh một tấm dầu chưa tỏ,
Trưởng giả cầu ân Phật Thích Ca.

DỨT TÍCH NÀNG SUMANĀDEVĪ

☸



The doer of good is happy here and hereafter and happier when born in a blissful state.

18. Người thiện hạnh sung sướng đời này lẫn đời sau và càng sung sướng hơn khi tái sanh vào cõi lành.

I.14- Tích HAI VỊ TỲ KHƯU BẠN

(Dvesahāyakabhikkhuvatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 19-20)

"Bahumpi ce sahitaṃ bhāsamāno, **Na takkaro hoti naro pamatto;** **Gopo'va gāvo gaṇayaṃ paresaṃ,** **Na bhāgavā sāmaññassa hoti".**	***"Kinh nhiều năng thuyết tụng,*** ***Pháp không hành, phóng túng;*** ***Như giữ đếm bò người,*** ***Chẳng hưởng Sa môn dụng".***
"Appampi ce sahitaṃ bhāsamāno, **Dhammassa hoti anudhammacārī;** **Rāgañca dosañca pahāyamohaṃ,** **Sammappajāno suvimuttacitto;** **Anupādiyāno idha vā huraṃ vā,** **Sa bhāgavā sāmaññassa hoti".**	***"Kinh nhiều ít thuyết tụng,*** ***Chánh pháp hành trì đúng,*** ***Trí minh, tâm giải phóng,*** ***Tất hưởng Sa môn dụng".***

Kệ Pháp Cú nầy (19 – 20), Đức Bổn Sư thuyết ra khi ngự tại Đại Tự Jetavana, đề cập đến hai người bạn cùng xuất gia một lượt.

Thời ấy, ở thành Sāvatthī, có hai vị công tử kết bạn với nhau, sau khi đi chùa nghe Đức Bổn Sư thuyết pháp, họ bèn từ bỏ ngũ trần dục lạc cùng nhau quy ngưỡng giáo lý của Đức Thầy rồi xuất gia luôn.

Khi mãn thời hạn năm năm nương nhờ các vị Cao Tăng, Đại đức (A Xà Lê và Trưởng lão). Hai bạn Tỳ khưu cùng đến đảnh lễ Đức Thế Tôn bạch hỏi về pháp chủ yếu của bậc xuất gia.

Nge Đức Thế Tôn giảng giải rành mạch về Pháp hành (Vipassanā dhura) và Pháp học (Gantha dhura), một vị nói:

- Bạch Ngài! Con vì lớn tuổi mới xuất gia, chắc không kham kiện toàn Pháp học, nhưng Pháp hành thì con có thể thành tựu viên mãn.

Thế rồi vị ấy xin Đức Bổn Sư chỉ dạy cách hành thiền, gia công gắng sức tu tập, nên đắc A La Hán quả với Tuệ phân tích.

Còn vị kia lại bạch rằng: "Bạch Ngài, con sẽ thành tựu được Pháp học". Sau khi lần lượt học hết Phật ngôn, thông suốt Tam Tạng vị nầy đi đến đâu cũng đem sở học của mình ra mà thuyết pháp giảng đạo, chú giải kinh điển, thu phục được năm trăm Tỳ khưu đệ tử và trở thành vị Pháp sư, cầm đầu mười tám đoàn Tăng lữ đông đảo.

Nhiều Tỳ khưu, sau khi thọ giáo đề mục thiền định nơi Đức Bổn Sư, cùng nhau đến đạo tràng của vị Thiền sư nói trên để mong nương nhờ hành đạo. Nhờ hết lòng vâng giữ hành theo những huấn từ của vị thầy chỉ dẫn (ācāriya), tất cả đều đắc quả A La Hán. Sau đó, chư Tăng đến đảnh lễ vị Thiền sư và bạch: "Bạch Ngài, chúng tôi muốn đến yết kiến Đức Bổn Sư". Vị Thiền sư tiễn biệt chư Tăng và dặn rằng: "Chư hiền hữu cứ đi đi và cho ta kính lời đảnh lễ Đức Bổn Sư và tám mươi vị Đại Thinh Văn và hãy nhân danh ta mà vấn an Đại đức Pháp Sư bạn ta giùm một chút".

- Các Tỳ khưu về đến Tịnh xá vào đảnh lễ Đức Bổn Sư và tám mươi vị Đại Thinh Văn đệ tử Phật, xong rồi liền đi tìm Đại đức chuyên về Pháp học và bạch rằng: "Bạch Ngài! Thầy chỉ dẫn của chúng con có lời đảnh lễ Ngài".

Vị Pháp sư hỏi: "Thầy của các ông là ai?".

- Bạch Ngài! Đó là vị Tỳ khưu bạn của Ngài.

Mấy lần đầu, khi nhận được tin của vị Tỳ khưu bạn cũ nhắn thăm như thế thì vị Pháp sư còn nhắn lại được. Nhưng về sau hết tốp nầy đến tốp kia, những đệ tử của vị Thiền sư cứ đem tin về mãi, khiến cho vị Pháp sư không dằn tâm ngã mạn được mỗi khi nghe chư Tỳ khưu bạch đi bạch lại rằng: "Thầy của chúng con kính lời đảnh lễ Ngài".

Vị Pháp sư hỏi: "Thầy của các ông là ai?".

- Bạch Ngài! Đó là vị Đại đức bạn cũ của Ngài.

Nghe đáp như vậy vị Pháp sư cật vấn các đệ tử của bạn mình rằng: "Các ông đã học được những gì nơi thầy của các ông, có học được bộ nào trong các kinh, nhất là Trường Bộ Kinh không? Có được Tạng nào trong tam tạng chưa?...".

Rồi vị Pháp sư tự nói thầm: "Ông sư nầy chẳng thuộc nổi bài kệ Tứ cú nào mà cũng dám làm thầy dạy người ta. Vừa xuất gia ông ta liền thọ pháp Đầu đà, mặc y phấn tảo, ngự luôn trong rừng, quy tụ cho thật nhiều đệ tử, để khi ông về giáp mặt ta sẽ chất vấn ông ta vài câu mới được".

Sau đó, một thời gian vị Thiền sư trở về để bái yết Đức Bổn Sư, có ghé qua gởi y bát của mình nơi vị Pháp sư bạn cũ.

Sau khi đảnh lễ, thỉnh an Đức Bổn Sư và tám mươi vị đại Trưởng lão, Thiền sư trở về chỗ ngụ của Pháp sư. Đại đức nầy chào đón bạn của mình đúng theo phép của vị trụ trì đối với khách Tăng, xong rồi mới ngồi ngang hàng, trong bụng tính thầm: "Ta sẽ chất vấn ông sư nầy mới được".

Trong khi ấy, Đức Bổn Sư biết rõ tâm lý của vị trụ trì Pháp sư, Ngài nghĩ rằng: "Nếu để Tỳ khưu nầy làm khổ con Như Lai như thế, thì ông ta sẽ sa địa ngục".

Động lòng bi mẫn, muốn ra tay tế độ, Đức Thế Tôn làm như đi quan sát quanh ngôi Tịnh xá rồi ngự ngay đến nơi chỗ hai Tỳ khưu bạn đang ngồi đàm đạo, Ngài ngự lên Phật Bảo tọa đã được dành soạn sẵn.

(Chư Tăng giữ lệ: Thường thường trước khi ngồi luận đạo bất cứ nơi đâu cũng phải dọn sẵn một Bảo tọa để dành phòng khi Đức Phật ngự đến thình lình. Vì thế, Đức Bổn Sư đến là ngự ngay lên Phật Bảo tọa đã dọn sẵn).

Khi an tọa, Đức Bổn Sư bèn hỏi vị Tỳ khưu chuyên về Pháp học (Ganthika bhikkhu) một câu hỏi về Sơ thiền (Pathamajjhāna) vị Pháp Sư chịu bí không trả lời được (Tasmiṇ akathite). Đức Bổn Sư lần lượt hỏi tiếp về các pháp siêu nhân (Uttarimanussa dhamma) khác, từ Nhị thiền lên cao đến Bát thiền, từ thiền Hữu sắc đến thiền Vô sắc.

Vị Đại đức chuyên về Pháp học chịu phép bí luôn không đáp được câu nào cả (Ganthikattheropi ekampi kāthetuṃ nāsakkhi).

Kế đó, Đức Bổn Sư lại chất vấn về Tu Đà Hườn đạo vị Pháp sư cũng không đáp được. Đức Bổn Sư quay qua hỏi vị Đại đức Lậu Tận, Đại đức giải đáp trôi chảy hết.

Đức Bổn Sư hết sức hoan hỷ, tán dương rằng: "Lành thay! Lành thay!". Đoạn Ngài hỏi tiếp về Tư Đà Hàm đạo, A Na Hàm đạo, A La Hán đạo.

Vị Đại đức Pháp sư không trả lời được câu nào cả, còn vị Đại đức A La Hán thì mỗi câu mỗi trả lời một cách rành mạch.

Cứ mỗi lần vị Thiền sư đáp trúng thì Đức Bổn Sư lại hoan hỷ tán dương: "Sādhu! Lành thay!" và tất cả chư Thiên, từ quả địa cầu cho đến cõi Đại Phạm Thiên, luôn cả Long Vương và Kim Sí Điểu (suppaṇṇa) đều đồng thanh hoan hô vang dậy: "Lành thay! Lành thay!".

Đức Bổn Sư khen vị Thiền sư bốn lượt như vậy, sau khi nghe tiếng "Sādhu! Lành thay!" lần cuối cùng, nhóm thị giả và đệ tử của vị Pháp sư đều bất bình, than phiền trách móc rằng: "Tại sao Đức Bổn Sư lại làm như vậy, vị Đại đức già dốt kia có biết chi đâu mà Đức Bổn Sư Ngài lại quá khen lão sādhu đến bốn lượt như thế. Còn vị Pháp sư là thầy của chúng ta đã thuộc nằm lòng tất cả Phật ngôn trong Tam Tạng lại là vị Tăng trưởng của năm trăm Tỳ khưu thì Ngài chẳng tán thưởng lần nào cả".

Nghe chư Tăng đang xầm xì to nhỏ, Đức Bổn Sư quay lại hỏi rằng: "Nầy các Tỳ khưu! Các ông đang nói chi đó vậy", nghe chư Tăng đáp xong Đức Bổn Sư dạy rằng: "Nầy các Tỳ khưu! Giáo sư của các ông đang ở trong Giáo pháp của Như Lai chẳng khác nào mục đồng chăn giữ bò cái cho người, còn con của Như Lai thì giống như chủ đàn bò, có thể tùy thích thọ dụng năm thứ phẩm vị của bò (pañcagorasa)".

Nói xong, Đức Thế Tôn ngâm hai bài kệ dưới đây:

"Bahumpi ce sahitaṃ bhāsamāno,
Na takkaro hoti naro pamatto;
Gopo'va gāvo gaṇayaṃ paresaṃ,
Na bhāgavā sāmaññassa hoti".

"Appampi ce sahitaṃ bhāsamāno,
Dhammassa hoti anudhammacārī;
Rāgañca dosañca pahāyamohaṃ,
Sammappajāno suvimuttacitto;
Anupādiyāno idha vā huraṃ vā,
Sa bhāgavā sāmaññassa hoti".

"Tụng kinh thuyết pháp thường thường,
Mà lòng khinh xuất chẳng nương Pháp hành.
Người còn dính mắc lợi danh,
Không chi hưởng được quả lành Sa môn.
Khác nào mục tử cô thôn,
Vì người chuyên có một môn đếm bò".

"Kinh dù tụng chẳng mấy pho,

Nhưng y giáo pháp đắn đo hành trì.
Diệt trừ tham với sân, si,
Hiểu biết chân chánh tâm ly dục trần.
Đời nầy đời nữa không cần,
Ắt là hưởng được phước phần Sa môn".

☸

CHÚ GIẢI:

Chữ ***Sahitaṃ*** trong hai bài kệ trên đây chỉ những Phật ngôn ghi chép trong Tam Tạng kinh điển Pāli (Tipiṭaka). Tỳ khưu theo lời thầy A Xà Lê (ācāriya) học hiểu rành rẽ rồi đem ra thuyết giảng đọc tụng cho người khác nghe. Dầu cho có thuyết giảng thật nhiều mà người không vâng giữ hành theo những lời chỉ dạy của Đức Phật thì đến ngày vô thường (aniccā divasa) trong khoảng khắc ngắn ngủi bằng con gà trống vỗ cánh, người ấy cũng không sao giữ được bình tĩnh sáng suốt để tránh khỏi bị sa đọa.

Bao giờ cũng vậy, kẻ chăn bò cái mướn, đến hết ngày thì lùa gom bò, đếm cho đủ số giao lại cho chủ rồi nhận lãnh chút ít tiền công, chứ không được tùy thích thọ hưởng năm thứ phẩm vị của bò cái (sữa tươi, sữa chua, lạc, sanh tô, đề hồ). Cũng y như thế vị Pháp sư năng thuyết bất năng hành cùng với toàn thể nhóm Tỳ khưu đệ tử của mình chia nhau làm công việc lớn nhỏ, rồi chia nhau hưởng lợi lộc vật chất (mà Đức Phật cho là không cần yếu) chớ không được chia hưởng phần phước cao quý của bậc Sa môn đắc đạo quả.

Trái lại, người chủ bò, bao giờ cũng có thể tùy theo sở thích, thọ dụng năm thứ phẩm vị của bầy bò mà kẻ chăn giữ đem về giao lại cho mình.

Cũng y như thế, người nghe thuyết pháp rồi, ráng vâng giữ hành theo cho đúng đắn, lần lượt chứng nhập từ các bậc thiền từ Sơ thiền trở lên, hoặc là tăng tiến pháp hành Minh Sát chứng đắc đạo quả tức là được chia hưởng phần phước cao quý của quả vị Sa môn, như người chủ bò được hưởng năm thứ vị của bò cái vậy.

Trong bài kệ đầu, Đức Bổn Sư không nói động đến người phá giới (dussīla), Ngài chỉ đề cập đến vị Tỳ khưu giới đức (Sīlasampanna), quảng kiến, đa văn (bahussuta), nhưng có tánh dể duôi khinh suất (pamāda) đến ngày vô thường còn giữ được tâm trí bình thản nên không bị sa đọa.

Kệ thứ nhì: Đề cập đến người dầu không nghe nhiều, học rộng, nhưng rất cẩn thận, luôn luôn lưu ý đến nghiệp mình đang làm.

Trong kệ nầy, *appampi ce* đề cập đến người, dầu cho chỉ biết chút ít, như chừng một hai phẩm kinh chi đó, mà thôi.

Dhammassa anudhammacārī *(Chánh pháp trì hành đúng),* để rõ được nghĩa kinh, thông được lý pháp, Tỳ khưu hành trì các pháp thích nghi đưa đến pháp siêu Thế (Nava lokuttara dhamma), gọi là giai đoạn đầu của con đường tu (pubba bhāga paṭipadā), gồm có Tứ thanh tịnh giới: Thu thúc giới bổn, quán tưởng, chánh mạng, hạnh đầu đà: mười ba Pháp đầu đà, nhất là mặc y phấn tảo, đi bát mà ăn, ngụ ở trong rừng… Thiền quán bất tịnh (mười đề mục tử thi). Như thế mới là người hành theo chánh pháp (anudhammcārī).

Ví như hôm nay hoặc hôm nào chẳng hạn vị ấy nguyện giải nghĩa lý thâm sâu vi diệu của Phật ngôn và bắt đầu hành đạo theo chánh pháp, nhờ sự thực hành đúng đắn, từ bỏ tham, sân, si làm cái nhân chân thật vị ấy giác ngộ chứng pháp cần giác ngộ, tẩy sạch mọi thứ phiền não ngủ ngầm trong tâm do theo năm lối: là do Minh sát tuệ (vikkhambhana), do Thánh đạo (samuccheda), do Thánh quả (paṭi passaddhi), do nhập Níp Bàn tức là được giải thoát (nissaddhi), do nhập Níp Bàn tức là được giải thoát (nissaraṇa).

Anupādiyāno idha vā huraṃ vā *(không chấp đây hoặc kia là)* nghĩa là không chấp trước ngoại cảnh hay nội tâm (ajjhatta bāhirā), không chấp trước các uẩn, căn và chất (khandhāyatanadhātu), không chấp bốn cái thủ (cố chấp trong ngũ trần, kiến thức, giới cấm thủ, bản ngã), nhờ đó mà hành giả chứng được bậc Đại Lậu Tận (Mahā khīṇāsava) đạt đến con đường có tên là Sa môn đạo, để đắc Sa môn quả là như thế, tức là chia hưởng được phần phước của Sa môn, thọ dụng năm môn của bậc Vô học (asekkha dhammakkhandha) như là ngôi nhà được cơi lên một cái gác nhọn (ratanakūṭa), bực hành giả chơn chánh, nhờ nghe thuyết pháp rồi ráng vâng giữ hành theo mà đạt đến quả vị tối cao là A La Hán vậy.

Kệ ngôn vừa dứt, nhiều Tỳ khưu đắc Thánh quả nhất là Tu Đà Hườn quả, đại chúng thính pháp cũng đều được hưởng sự lợi ích.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Học để độ người chẳng độ mình,
Cậy tài hoạt bát trí thông minh.
Muốn ai cũng biết qua nhiều pháp,
Cười kẻ không rành, thuộc ít kinh.
Tham dục còn, thì chưa bất tử,
Sân si hết, mới thật vô sinh.
Thuyết hay, hay thuyết, đều vô bổ,
Nếu chẳng kèm thêm chút Pháp hành!
Pháp học không kham giữ Pháp hành,
Cần tu hạnh đắc quả vô sanh.
Người hay cứ thuyết cho nhiều pháp,
Ta dở cam đành thuộc ít kinh,
Phiền não thanh yên, còn giác tuệ,
Sân si giũ sạch, hết vô minh.
Trần ai, ai biết ta cũng chẳng,
Muốn độ tha nhân, trước độ mình.

DỨT TÍCH HAI VỊ TỲ KHƯU BẠN

☸

DỨT PHẨM SONG YẾU

ꕥ☸ꕥ

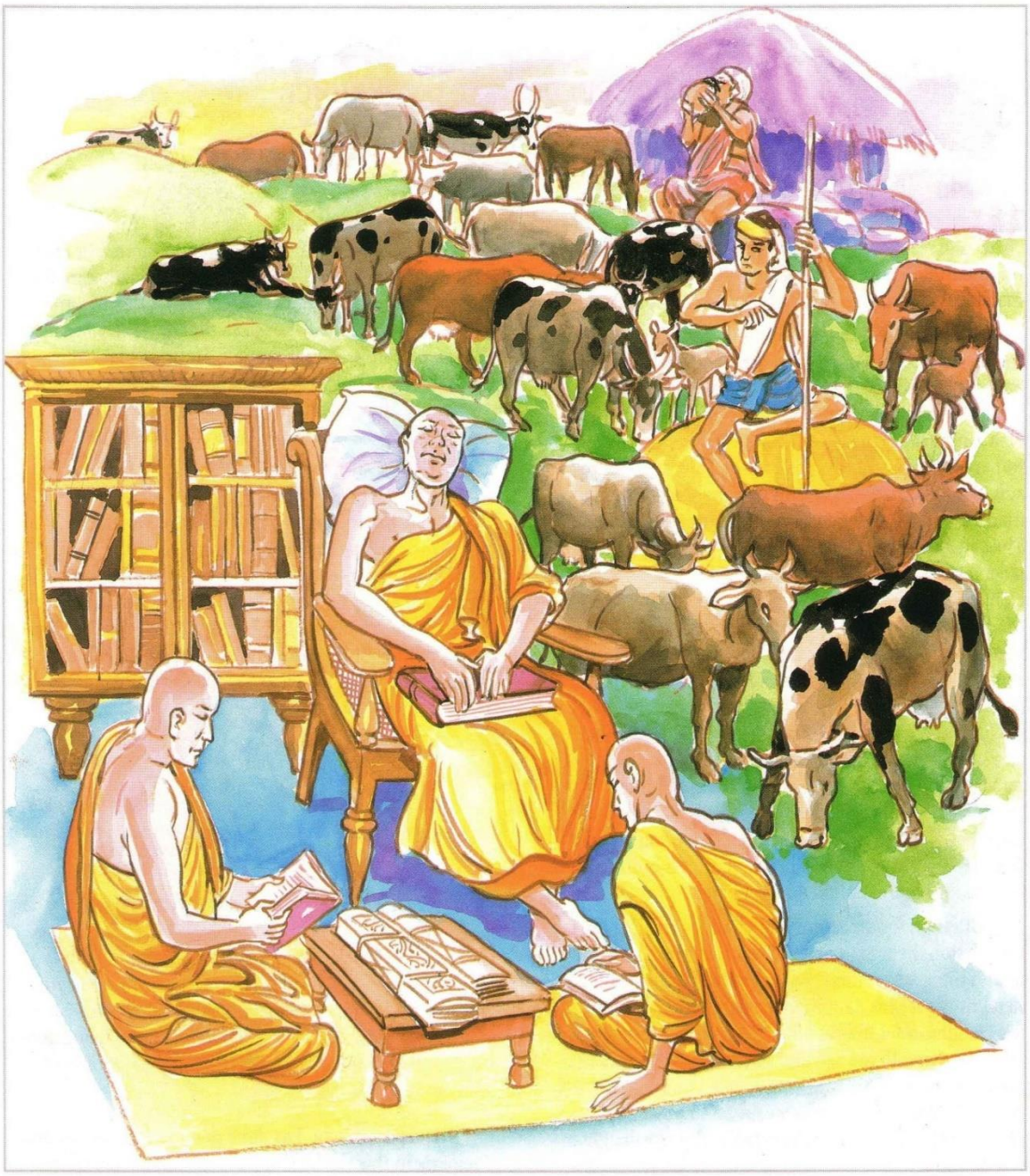

Reciting Dhamma, without practice of it, is fruitless like a cowherd's count of another's cattle.

19. Tụng kinh! Nhưng không hành pháp sẽ không có kết quả, giống như kẻ chăn bò của người khác.

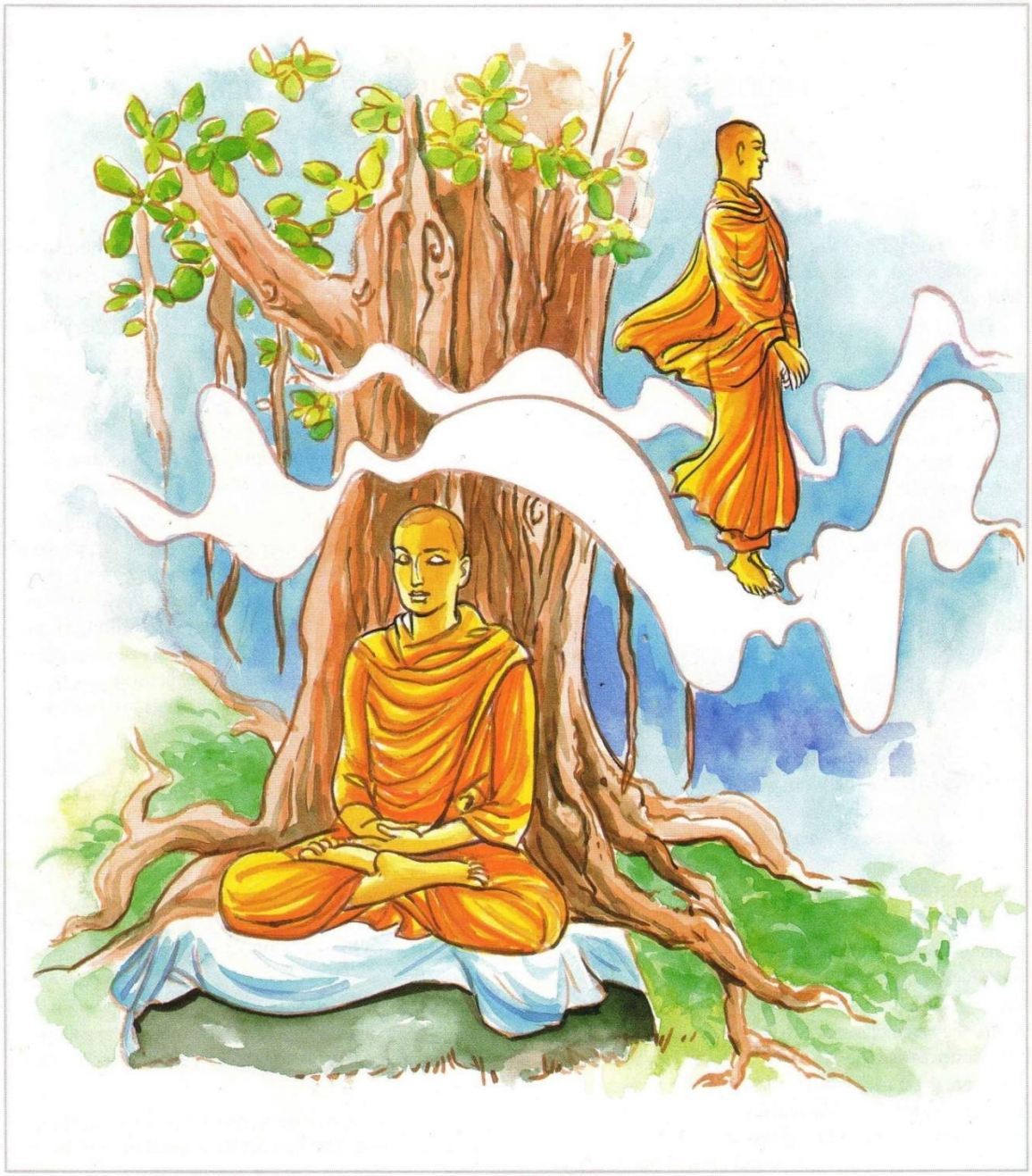

Practice of Dhamma, with less of recital, totally unattached, qualifies one for recluseship.

20. Hành pháp, ít tụng kinh, tâm ly tham vô chấp thủ, tức là có khả năng sống đời sa-môn.

II. PHẨM CHUYÊN NIỆM

(APPAMĀDA VAGGA)

- 12 bài kệ: Pháp Cú số 21-30

- 09 tích truyện

☸

II.1- Tích HOÀNG HẬU SĀMĀVATĪ

(Sāmāvatī vatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú 21-22-23)

"Appamādo amataṃ padaṃ,	***"Chuyên cần đường bất tử,***
Pamādo maccuno padaṃ;	***Giải đãi lộ tiêu vong;***
Appamattā na mīyanti,	***Người chuyên cần chẳng chết,***
Ye pamattā yathā matā".	***Kẻ biếng sống như không".***
"Etaṃ visesato ñatvā,	***"Nhờ tri giác như thế,***
Appamādamhi paṇḍitā;	***Bậc trí chẳng buông lung;***
Appamāde pamodanti,	***Hoan hỷ chuyên cần mãi,***
Ariyānaṃ gocare ratā".	***Tôi, Thánh được thung dung".***
"Te jhāyino sātatikā,	***"Người chuyên cầu thiền định,***
Niccaṃ daḷhaparakkamā;	***Hằng tinh tấn dụng công;***
Phusanti dhīrā nibhānaṃ,	***Bậc trí thoát triền phược,***
Yogakkhemaṃnuttaranti".	***Chứng Níp Bàn vô song".***

Những kệ ngôn Pháp Cú (21-22-23) nầy được Đức Thế Tôn đã thuyết pháp khi Ngài an ngự tại Ghositārāma (Lôi Âm Tự), gần thành Kosambi, đề cập đến cái chết của Hoàng hậu Sāmāvatī cùng năm trăm phi tần của cô và cái chết của Thứ hậu Māgandiyā luôn cả năm trăm cung nữ, quyến thuộc của nàng.

Đầu đuôi câu chuyện như sau:

Trong thời quá khứ, nơi quốc lộ Allakappa (An Lạc Kiếp), có Allakappa Quốc vương và nơi quốc độ Veṭṭhadīpaka (Bệ Tha Đảo), có Veṭṭhadīpaka Quốc vương. Hai nhà vua là đôi bạn thâm giao. Hai người kết nghĩa kim bằng từ thời thơ ấu, đã từng sống chung, học tập nghề văn nghiệp võ với một ông thầy. Khi phụ vương của mỗi vị băng hà, ai về nước nấy để nối ngôi thiên tử, thống lãnh giang sơn tiểu quốc (Dasadasayojanika raṭṭha). Tuy nhiên, hai vị tân vương thỉnh thoảng vẫn còn tương hội, cùng sánh vai nhau đi đứng, nằm ngồi.

Một hôm luận đàm thế sự, nhìn thấy dân gian lớp mới sanh, lớp đã già, đều đi lần đến cõi chết, hai bạn tri kỷ đồng than: "Hỡi ơi! Huỳnh tiền di lộ, bất đắc tương

tùy, hơi thở dứt đi thì thân nầy cũng bỏ, cơ đồ sự nghiệp, quyến thuộc gia đình… chung quy cũng là ảo mộng mà thôi. Vậy ta hãy xuất gia tu hành cho rảnh".

Phán rồi, hai nhà vua cả quyết phú thác sơn hà xã tắc lại cho thê nhi, cùng nhau xuất gia đạo sĩ vào ẩn cư trong miền Tuyết Lãnh (Himavanta).

Ở chung nơi đây, hai bạn đạo bảo nhau rằng: "Chúng ta bỏ vương quyền đế vị là hy cần đắc đạo, nhập thánh siêu phàm, chẳng lẽ không tự túc cánh sinh, nếu ta còn lưu luyến chung cư thì có khác nào lúc xưa ta còn ở thế? Thôi ta nên ở riêng mỗi người một phía, bạn ở núi kia tôi ở núi nầy, mỗi kỳ nữa tháng, đến ngày Phát lồ (sám hối) ta sẽ hội họp một lần nữa mà thôi".

Hai đạo sĩ lại đồng ý thêm rằng: "Như thế ta cũng còn mong mỏi đến ngày tương hội, tốt hơn hết là đến ngày ấy, bạn nổi lửa bên núi bạn, tôi nổi lửa bên núi tôi. Bằng cách ấy, ta thông tin nhau biết là mình còn sống".

Thế rồi, hai đạo sĩ chia tay, giữ đúng lời giao ước. Một thời gian sau, đạo sĩ Veṭṭhadīpaka chết, thọ sanh làm một vị Thiên vương có nhiều thần lực.

Đến kỳ Phát lồ nữa tháng, không thấy khói lửa phía núi bên kia vị đạo sĩ còn sống biết rằng: "Bạn ta đã mãn phần".

Còn vị thiên, sau khi hóa sanh, ngẫm xem thân hình đổi mới, cao sang lộng lẫy, bèn tìm hiểu duyên nghiệp đã làm cho được quả phước hiện tại, thì được biết rằng: Do nhờ ta xuất gia tu hành. Rồi vị ấy tính thầm: "Ta hãy xuống thăm bạn ta coi nào?".

Liền đó, xóa bỏ hình dáng chư thiên vị ấy biến thành một khách lữ hành, đến đảnh lễ vị đạo sĩ và đứng qua một bên.

Thấy người lạ, đạo sĩ hỏi:

- Đạo hữu ở đâu lại đây?

- Bạch Ngài! Tôi là khách lữ hành ở tận một phương xa, bạch Ngài cho phép tôi hỏi thăm: Nơi đây có ai khác nữa ở chung với Ngài không?

- Có, ta có một người bạn.

- Ngài ấy ở đâu?

- Vị ấy ở núi bên kia, hôm nay đến kỳ Phát lồ mà sao không thấy nổi lửa, có lẽ vị ấy chết rồi chăng?

- Bạch Ngài, đúng vậy.

- Đạo hữu biết chắc ư?

- Bạch Ngài vị ấy chính là tôi đây.

- Đạo hữu sanh về cảnh giới nào?

- Tôi sanh lên cõi trời, làm vị Thiên vương có nhiều thần lực, nay vì muốn thăm bạn cũ, nên trở xuống đây. Bạch Ngài! Nơi đây Ngài có gặp điều chi trở ngại, khó khăn phiền phức không?

- Thưa đạo hữu, có. Tôi bị mấy con voi thường đến quấy phá.

- Bạch Ngài, chẳng hay mấy con voi ấy quấy nhiễu Ngài bằng cách nào?

- Đàn voi đến phóng uế trên sân, chỗ tôi đã quét sạch sẽ và dậm chân quần thảo làm cho bụi bay lên tứ tung, tôi phải mất công hốt phân voi và đổ đất lấp các lỗ chân voi.

- Chắc Ngài muốn đàn voi đừng trở lại nữa?

- Phải đó, đạo hữu.

- Vậy thì để tôi chỉ Ngài cách nầy làm cho bọn chúng sẽ từ biệt nơi đây.

Nói rồi, Thiên vương tặng cho đạo sĩ cây đàn thần ba dây và dạy cho đạo sĩ niệm chú để sai khiến loài voi. Lần lượt chỉ vào ba dây đàn, Thiên vương giảng:

- Khi nào Ngài khảy dây đàn nầy và niệm chú nầy thì đàn voi chạy thẳng một mạch, không thể quay đầu nhìn lại phía sau. Còn khi nào Ngài khảy dây đàn nầy và niệm câu chú nầy, thì đàn voi "phản tiền vi hậu", quay đầu lại vừa chạy vừa nhìn về phía Ngài. Còn nếu Ngài khảy dây đàn nầy và niệm câu thần chú này thì con Tượng chúa lập tức chạy đến đưa lưng cho Ngài cởi.

Đoạn Thiên vương đảnh lễ đạo sĩ và cáo từ lui gót.

Nhờ phép niệm chú và khảy đờn rất linh nghiệm, khiến cho đàn voi chạy lảng xa hết, đạo sĩ từ đó mới được nhận sự nhàn lạc tịnh cư nơi miền sơn dã.

Đồng thời với đạo sĩ, có đức vua ngự, hiệu là Parantapa (Phổ Chiếu), đóng đô tại thành Kosambi.

Một hôm nhân buổi chiều hè nóng bức, quốc vương cùng Chánh hậu đang hoài thai ra khỏi hoàng cung, ngự tọa trên sân thượng lộ thiên của tòa biệt điện.

Hoàng hậu được đức vua khoác trên mình chiếc long bào triều phục bằng gấm đỏ trị giá bằng mười vạn đồng vàng, trong khi ấu yếm chuyện trò, đức vua lại cởi chiếc nhẫn ngọc ấn trị giá cũng mười vạn đồng vàng nơi tay Ngài mà lồng qua ngón tay của Hoàng hậu.

Tình cờ khi ấy, trên không có con chim đại bàng (hatthiliṅgasakuṇa) từ xa bay đến, trông thấy Hoàng hậu mặc chiếc hồng bào, nó tưởng là đống thịt đỏ tươi, nên xếp đôi cánh lại lao mình xuống nhanh như cắt, phát ra tiếng gió ào ào nghe đến lạnh mình. Đức vua kinh hãi đứng dậy, chạy ngay xuống lầu. Hoàng hậu cũng hốt hoảng hoang mang, nhưng vì đang lúc hoài thai nên không thể lanh chân tẩu thoát kịp. Vì thế đại bàng điểu xớt được Hoàng hậu, kẹp cứng trong móng vuốt của nó, rồi vỗ cánh bay lên.

Theo lời xưa kể lại, giống đại bàng nầy là một giống kên kên (Thốc thứu) có mỏ dài như vòi voi, có sức mạnh tha mồi bằng năm con tượng, cho nên khi sớt mồi rồi là nó bay đi, tùy thích đáp xuống mà ăn thịt. Đang lúc bị chim đại bàng tha bay lên không, Hoàng hậu phập phồng sợ chết, tự nghĩ thầm rằng: "Giống thú hay sợ tiếng người, nếu ta kêu la, nó nghe tiếng ta, ắt là buông bỏ ta rơi xuống đất, như thế ta cùng thai nhi cũng đều vong mạng. Chi bằng chờ khi nó đậu chỗ nào, sắp sửa ăn thịt ta, chừng ấy ta sẽ cất tiếng la to để xua đuổi nó".

Nhờ thông minh tinh trí, nghĩ ra diệu kế, Hoàng hậu nhẫn nại làm thinh.

Nơi miền Tuyết Sơn, có một cây đa rất to lớn, mọc lên đã lâu đời, thân cây sừng sững giữa trời, tàn nhánh tròn xoe, sum suê mát mẻ, chim đại bàng vẫn thường sớt tha thú rừng đem về gác trên cây đa cổ thụ mà ăn. Cho nên hôm ấy nó cũng tha Hoàng hậu Parantapa về đậu trên cháng hai ấy và đưa mắt quan sát con đường về. Theo tục truyền giống chim nầy có thói quen là luôn luôn quan sát con đường về như thế.

Ngay khi ấy, Hoàng hậu tính rằng: "Bây giờ là lúc ta phải xua đuổi nó đây".

Duỗi hai cánh tay ra, Hoàng hậu vừa vỗ tay vừa la lớn tiếng, đuổi được con chim đại bàng bay mất.

Chiều tàn, bóng ô vừa khuất, Hoàng hậu bỗng nghe thai nhi chuyển động. Bầu trời lúc bấy giờ lại vần vũ mây đen, tứ bề chớp giăng sấm nổ.

Thảm thay cho một trang quốc mẫu, lá ngọc cành vàng.

"Rừng khuya tân khổ cơ hàn
Ai người bầu bạn trấn an cho mình".

Đến khi đêm tàn mưa tạnh vừa hồng lố dạng trời đông, Hoàng hậu xổ lòng sanh được một hoàng nam. Để kỷ niệm bầu trời quang đãng với mặt nhật đang lên, báo hiệu một ngày tươi sáng. Hoàng hậu Parantapa đặt tên con là Udena (Cao Thắng). Chỗ Hoàng hậu thọ nạn, cách chỗ ngụ của đạo sĩ Allakappa không bao xa.

Thói thường trong những ngày mưa, đạo sĩ sợ cảm hàn không dám vào rừng hái trái cây, đạo sĩ chỉ đi đến dưới gốc cây đa cổ thụ, chờ đại bàng điểu ăn xong thì hốt mót xương thừa, thịt vụn, đem về giã nát ra, cho thêm gia vị nấu thành nước canh mà húp.

Sáng hôm ấy, đạo sĩ cũng tính thầm: "Ta đi lượm mót xương", đến gốc cây đa, đạo sĩ còn đang nhặt xương gom lại, bỗng nghe tiếng khóc của trẻ thơ ở phía trên cây.

Đạo sĩ ngước mắt nhìn lên, thấy Hoàng hậu ẵm con, bèn hỏi rằng:

- Nàng là giống chi?

- Thưa thiếp bị đại bàng điểu xớt tha về đây.

- Nàng muốn xuống đất không?

- Thưa muốn! Nhưng thiếp e giữa thiếp với người có chỗ cách biệt về dòng dõi không?

- Nàng thuộc về giai cấp nào?

- Thưa thiếp thuộc dòng Sát Đế Lỵ (Khattiya).

- Bần đạo cũng dòng Sát Đế Lỵ.

- Thế thì xin Ngài hãy kể những kiến thức đặc biệt của dòng Sát Đế Lỵ thử coi.

Nghe đạo sĩ kể đúng rồi, Hoàng hậu hết nghi nan, bèn yêu cầu: "Xin Ngài trèo lên ẵm ấu tử giùm cho tiện thiếp".

Đạo sĩ lập cách mở một lối lên đến cháng cây đa, đoạn trèo lên để bồng ấu tử và dặn rằng: "Nàng khá thủ lễ, chớ đụng tay vào mình bần đạo không nên".

Hoàng hậu y lời, khi trao hài nhi qua cho đạo sĩ ẵm xuống giữ gìn không cho đụng chạm, rồi Hoàng hậu cũng xuống theo luôn.

Đạo sĩ bồng ấu tử trở về tới thảo am, ra tay tế độ nuôi nấng nhưng dè dặt chẳng cho đứt giới người tu, đạo sĩ vào rừng kiếm mật ong nguyên chất và nước trái thốt nốt, đem về nấu cháo lỏng cho ấu tử bú.

Thấy đạo sĩ chăm non dưỡng dục con mình mà còn gìn giữ tư cách, Hoàng hậu buồn thân tủi phận nói thầm rằng: "Như ta nay đường đi chẳng biết, nẻo về cũng không hay, ở lại thì đạo sĩ đối với nữ nhân bơ phờ lạnh nhạt, không chút cảm tình. Nếu rủi bị ông ấy bỏ rơi thì mẹ con ta biết sẽ lưu lạc về đâu? Chắc chắn cả hai đều phải chết, ta phải làm sao cho đạo sĩ phá bỏ giới hạnh, chớ đừng bỏ rơi hai mẹ con ta".

Nghĩ vậy, Hoàng hậu bắt đầu ăn vận rách rưới lang thang, dùng chất liễu bồ nhược chất mà lung lạc tâm kẻ tu hành. Đạo sĩ rốt cuộc phải xiêu lòng. Từ đó nam nữ sống chung thuận hòa hợp êm ấm.

Tháng ngày qua… Một hôm đạo sĩ nhìn xem thiên tượng, thấy khí số của vua Parantapa đã hết, bèn kêu vợ bảo rằng:

- Nầy hiền nội, đức vua Parantapa trong thành Kosambi đã băng hà rồi.

- Sao phu quân nói vậy, đức vua với phu quân có thù nghịch chi chăng?

- Không đâu! Nầy hiền nội, ta nhìn xem thiên tượng thấy sao ứng ra điều ấy, nên nói như thế.

Hoàng hậu sụt sùi đổ lệ.

Đạo sĩ hỏi:

- Sao nàng lại khóc.

Khi được biết vua Parantapa là chồng cũ của vợ mình, đạo sĩ an ủi: "Thôi hiền nội đừng nên bị lụy, ở đời hễ có sanh là có tử, đó là lẽ đương nhiên".

- Thưa phu quân, thiếp cũng biết như vậy.

- Thế sao nàng lại khóc?

- Vì con trai của thiếp là đông cung Thái tử, có quyền kế vị ngai vàng, đáng lẽ hưởng được phú quý vinh hoa tột bực thế mà Thái tử bây giờ phải chịu làm kẻ thường dân, cho nên thiếp tủi buồn cho thân con mà lưu lệ đó phu quân!

- Hiền nội cứ an tâm, đừng lo rầu nữa, nếu Thái tử muốn hồi trào để thừa hưởng được phú quý vinh hoa tột bực thì ta có cách giúp cho Thái tử thành toàn ý nguyện chẳng sai.

Hoàng hậu mừng rỡ đáp: "Thưa phu quân, nếu được vậy thì còn chi quý bằng".

- Được rồi, hiền nội.

Tiếp theo lời hứa, đạo sĩ lấy cây đàn thần ba dây ra trao cho Thái tử và truyền dạy ba câu mật chú điều khiển loài voi.

Hồi ấy vẫn có vô số tượng rừng ra vào gần đấy, tập trung quanh các gốc cây to kể hơn trăm ngàn thớt. Đạo sĩ liền dặn Thái tử rằng: "Lúc đàn voi chưa đến, con phải trèo lên ngồi trước trên cây cao. Hễ thấy chúng nó đến thì con niệm câu chú nầy và khảy dây đàn nầy, tất nhiên cả đàn voi sẽ quay đầu lại chạy thẳng một mạch không dám liếc nhìn lại phía sau. Chờ cả đàn voi qua hết, con hãy tuột xuống mà về".

Thái tử vâng lời dưỡng phụ, một mình vào rừng thí nghiệm phép linh, xong rồi trở về thảo am thuật lại chuyện.

Qua ngày thứ hai, đạo sĩ lại dạy thêm Thái tử:

"Bữa nay con niệm câu chú nầy và khảy sợi dây đàn nầy, đàn voi sẽ phản tiền vi hậu vừa chạy vừa nhìn về phía con".

Thái tử cũng vâng lời ra đi, thí nghiệm xong liền trở về phục lịnh dưỡng phụ.

Khi ấy, đạo sĩ gọi Hoàng hậu và bảo: "Nầy hiền nội, nàng có cần nhắn tin chi, thì hãy nói với con đi! Thái tử trở về phen nầy ắt sẽ lên ngôi cửu ngũ".

Hoàng hậu gọi Thái tử vào ngỏ lời tâm sự rằng: "Nầy vương nhi, con chính là đông cung Thái tử, con vua Parantapa xứ Kosambi, lúc mẹ mang con trong lòng thì bị đại bàng điểu xớt đi...".

Thuật hết lai lịch tông tích của mình rồi, Hoàng hậu lại kể đích danh các đại thần trong triều, nhất là tên quan Nguyên soái cho Thái tử biết và tiếp rằng: "Đến lúc cần, con hãy trưng ra chiếc Hồng Cẩm bào và chiếc Vương chỉ hoàn nầy vốn là triều phục và ngọc ấn của phụ vương con để làm tin".

Dặn dò xong, Hoàng hậu tiễn biệt Thái tử. Thái tử quay lại hỏi đạo sĩ rằng:

- Thưa dưỡng phụ! Bây giờ con phải làm gì?

- Con hãy trèo lên cây, ngồi trên một nhánh thấp rồi con niệm câu chú nầy và khảy sợi dây nầy, tức thì Tượng chúa đến đưa lưng cho con cưỡi, con tuột xuống ngồi lên lưng Tượng trở về cố quốc kế vị ngai vàng của phụ vương con.

Thái tử sụp xuống bái biệt song thân, rồi theo lời dạy của dưỡng phụ, gọi con Tượng chúa đến cỡi lên lưng nó và kê miệng gần tai nó, xuống lịnh phán rằng: "Ta là Thái tử Udena, con vua Parantapa xứ Kosambi, xin Tượng chúa hãy đưa ta về triều phục quốc, để kế vị ngai vàng!".

Nghe vậy, Tượng chúa rống to lên, dùng ngôn ngữ của loài voi kêu gọi hợp đàn: "Vô số ngàn thớt tượng hãy tập trung tất cả nơi đây".

Quả nhiên, có vô số ngàn thớt tượng vâng lịnh chúa đàn quy tụ rất đông.

Với lực lượng hùng hậu vô số ngàn voi chiến Thái tử lên đường trở lại cố đô, đến biên ải, Thái tử kêu gọi dân chúng: "Ta là đông cung Thái tử trở về trào phục quốc, thần dân khá mau hộ giá mà lập công danh".

Từ đó trở đi dân chúng gia nhập càng ngày càng đông, Thái tử kết tập cả đoàn dân quân cùng với tượng binh kéo dốc toàn lực về vây thành Kosambi và phái sứ giả

vào triều trao tối hậu thư, kết thúc bằng hai điều vắn tắt: "Muốn chiến tranh hay là quy hoàn vương vị cho ta".

Trào thần đáp lại sứ giả rằng: "Cả hai câu hỏi của quý Ngài chúng tôi không thể trả lời dứt khoát. Quả thật, Hoàng hậu hoài thai có bị đại bàng điểu xớt tha đi, nhưng từ đó đến nay biệt tích vắng tăm, còn mất thế nào chưa rõ, bao giờ chúng tôi nghe đích xác tin tức Hoàng hậu rồi, chúng tôi mới có thể biểu quyết chiến tranh hay hoàn vương vị lại cho chúa của quý Ngài".

Sứ giả về tâu lại với Thái tử những lời thương nghị của trào thần, Thái tử bèn thân hành đến tận cổng thành, bắt loa phán rằng: "Ta là đông cung Thái tử Udena, con của Hoàng hậu mất tích đây". Rồi Thái tử gọi đích danh các quan đại thần, nhất là tên vị Nguyên nhung. Thấy họ còn hoài nghi, Thái tử bèn trưng ra hai tín vật, bá quan nhận thấy chiếc Hồng cẩm bào và chiếc ngọc ấn chỉ hoàng là tín hiệu của quốc vương Parantapa, bèn mở rộng cửa ngọ môn nghinh tiếp Thái tử với ba quân tướng sĩ vào thành và chọn ngày làm lễ đăng quang để tôn Thái tử lên ngôi cửu ngũ.

(Trên đây là sự tích đản sanh của Thái tử Udena).

Nơi quốc độ Allakappa, trong một năm mất mùa, nạn đói hoành hành rất khốc liệt, có một anh chàng nọ tên là Kotuhaliko (Háo Kỳ) nghèo xác nghèo xơ, không nuôi sống nỗi gia đình là một vợ, một con thơ chưa rời vú mẹ. Chàng bảo vợ: "Chúng mình hãy đi Kosambi để tìm lối sống!".

Nói rồi, anh ta góp nhóp được chút ít lương khô để dành ăn theo đường, dắt vợ ẵm con bỏ nhà ra đi.

Anh Kotuhaliko chạy tị nạn đói, nhưng cũng có người cho rằng anh ta chạy tránh bịnh thiên thời dịch khí, làm cho nhân dân chết lây liều yếu vậy.

Hai vợ chồng đi được một quãng đường thì vật thực hết sạch vừa đói vừa lả vì kiệt sức và còn phải đèo theo đứa con thơ, Kotuhaliko chán nản, than thở với vợ rằng:

- Mình ơi! Chúng ta còn sống thì còn sanh con, ta hãy bỏ đứa nầy lại nơi đây mà đi cho đỡ khổ nghe mình.

Động lòng từ mẫn, Kālī (Thị Thời) phản đối chồng rằng:

- Con còn sống, em không đành bỏ nó đâu?

- Vậy thì ta phải làm sao?

- Thì ta thay phiên nhau mà ẵm nó chứ sao?

Người mẹ lãnh phiên đầu, đeo đứa bé như một vòng hoa, đặt nó nằm yên trên ngực mình, một lúc sau thiếu phụ trao con cho chồng. Kotuhaliko ẵm con đi, dừng lại từng hồi từng chập chỗ nọ, chỗ kia. Mỗi khi bụng đói cồn cào, khổ đau quá sức. Thỉnh thoảng anh ta nhắc đi nhắc lại với vợ rằng: "Mình ơi! Ta còn sống thì còn sanh con, ta hãy bỏ đứa nầy đi cho rảnh".

Kālī hễ nghe chồng mở miệng nói, là phản đối liền, nhất định không chịu lìa con. Đứa bé được hai người thay phiên nhau ẵm bồng. Một lúc sau mòn mỏi ngủ thiếp trên tay cha nó.

Kotuhaliko thấy con ngủ, bèn giục vợ đi trước, một mình ở lại sau, anh kiếm lá lót trải dưới một bụi cây, se sẽ đặt con nằm xuống rồi bỏ đi.

Kālī quay lại kiếm chồng, không thấy con bèn hỏi:

- Con đâu, mình?

- Anh để nó nằm dưới bụi cây kia kìa.

Kālī đấm ngực khóc than kể lể: "Mình ơi! Mình làm khổ cho em, không có con chắc em không sống được, mình đem con giao trả lại cho em".

Kotuhaliko phải miễn cưỡng trở lại ẵm con theo, nhưng đến nữa đường đứa trẻ cũng chết.

(Do nhân dứt bỏ con thơ nhiều chỗ trong kiếp ấy mà Kotuhaliko phải trả quả, bị đem dứt bỏ bảy lần trong một kiếp sau. Thấy đó, ta không nên khinh thường những tội lỗi nhỏ nhen mà cho rằng sẽ không trả quả).

Vợ chồng Kotuhaliko khi được rảnh tay lại tiếp tục lộ trình gian khổ và sau cùng đi đến nông trại của một chủ nuôi bò.

Hôm ấy, nhằm ngày trong trại tổ chức lễ mừng cho con bò cái giống (dhenumaṅgala) của chủ trại mới đẻ con so. Thường nhật có một Phật Độc Giác hằng đến thọ thực trong trại chủ bò. Chủ trại để bát cúng dường Đức Phật Độc Giác trước, rồi mới cử hành cuộc lễ, bữa ăn thịnh soạn cơm trắng chưng dọn ê hề.

Chủ trại nhìn thấy vợ chồng Kotuhaliko mới đến, bèn hỏi rằng: "Hai em ở đâu lại đây?".

Sau khi nghe tường thuật những nỗi đoạn trường của kẻ tị nạn đói, ông bèn khiến gia đình đem đến cho họ khá nhiều cơm trắng với sanh tô (sappi).

Kālī nói: "Mình ơi! Hễ mình sống là em sống vậy mình hãy ráng ăn cho no nê đi đặng bù lại khi trước mình đã chịu đói lâu ngày".

Nói rồi, người vợ đem gần hết phần cơm trắng, sanh tô của mình sớt qua bát của chồng, chỉ chừa lại ăn chút ít thôi. Anh Kotuhaliko vì bị đói trong bảy ngày liền, bây giờ gặp được mỹ vị cao lương, ăn nhiều bao nhiêu cũng chưa đã thèm.

Sau khi sai người bố thí cơm trắng cho hai nạn nhân, chủ trại bò ngồi vào bàn ăn để dùng bữa.

Anh Kotuhaliko ngồi nhìn chủ trại, thấy ông ấy ném vắt cơm sữa xuống cho con chó cái đang nằm dưới gầm bàn thì phát sanh ý nghĩ như vầy: "Con chó cái nầy quả thật có phước mới được chủ cho ăn ngon lành như thế hằng ngày".

Đêm ấy, anh Kotuhaliko bị trúng thực, phát ách, đau bụng mà chết, tâm thức nhập vào thai bào của con chó cái nói trên.

Kālī lo an táng chồng rồi, còn nán ở lại làm công việc trong nhà chủ trại bò. Lãnh được một gáo gạo, chị bèn nấu cơm để bát cúng dường Đức Phật Độc Giác và phát nguyện rằng: "Xin cho phước nầy thấu đến chồng con", nguyện rồi chị tự nghĩ: "Ta nên ở lại đây phục dịch vì Ngài Đại đức mỗi ngày đều đến đây thọ bát. Dầu ta có cúng dường hay không, mỗi ngày ta cũng được dịp lễ bái phục dịch Ngài. Như vậy,

chắc chắn ta sẽ tạo được nhiều phước báu cho đời vị lai". Thế là từ đó chị Kālī ở luôn làm công cho chủ trại.

Độ vài tháng sau, con chó cái đẻ, trong bầy con, nó chỉ có một con đực, chủ trại bò cưng con chó con nầy lắm, nên lấy sữa của một con bò cái cho nó bú, không bao lâu nó lớn, mỗi ngày trong khi thọ thực, Đức Phật Độc Giác đều cho nó một vắt cơm, vì được cho ăn quen lệ, con chó nầy cảm mến Đức Phật Độc Giác.

Thường thường chủ trại bò đến hộ Đức Phật Độc Giác ngày hai lần. Đi đường đến chỗ có thú dữ , ông ta lấy gậy đập lên bụi cây, hay đập xuống đất, miệng la: "Hiu, hiu, hiu" ba tiếng làm cho thú dữ hoảng sợ bỏ chạy, mỗi lần ông đi, con chó chạy theo ông.

Một hôm, chủ trại bò ngỏ lời yêu cần Đức Phật Độc Giác rằng:

- Bạch Ngài! Khi nào con không được rảnh thì con sẽ cho con chó nầy đến thỉnh Ngài, xin Ngài hoan hỷ chấp nhận lời yêu cầu của con.

Từ đó về sau, mỗi khi bận việc, chủ trại bò sai con chó:

- Nầy con, con hãy đi thỉnh Ngài Đại đức.

Chỉ nghe chủ nói qua một lần là con chó lập tức đi. Tới chỗ mà chủ nó hay đập gậy lên bụi cây hay đập xuống đất, nó đứng lại sủa ba tiếng, khi chắc ý là thú dữ nghe tiếng nó sủa bỏ chạy xa rồi, nó mới sửa bộ tịch cho chỉnh tề, đi đến thảo am, chỗ Đức Phật Độc Giác đang ngự, thấy Ngài ngồi trong am nó đứng ngay trước cửa sủa ba tiếng ra hiệu cho biết là có nó đến, đoạn nó vào nằm bên Ngài. Đoán biết Đức Phật Độc Giác sắp ra đi, nó vừa sủa vừa chạy trước dẫn đường.

Để thử trí khôn của con chó, Đức Phật Độc Giác thường rẽ qua lối này lối nọ, thấy vậy, nó chạy vọt tới trước, đứng cản đường và sủa lên để kêu Ngài trở lại con đường kia, một hôm Đức Phật Độc Giác cũng rẽ qua lối khác như thường lệ, con chó cũng chạy tới trước đón đường, nó ráng sức sủa, nhưng Ngài không đổi hướng, lại nắm chân nó vẹt qua để đi tới, khi thấy Ngài đi luôn, con chó chạy theo níu chéo y của Ngài lôi ngược lại, để chỉ cho Ngài biết con đường nên đi. Sự gần gũi thân mật như thế khiến cho mối tình quyến luyến của con chó đối với Đức Phật Độc Giác càng ngày càng gia tăng.

Một thời gian sau, khi thấy y của Đức Phật Độc Giác cũ quá, ông chủ trại bò xin dâng Ngài vải may y. Khi ấy, Đức Phật Độc Giác bảo rằng: "Nầy đạo hữu, việc cắt may y rất khó mà làm một mình, vậy để ta đem vải đến chỗ có người tiếp tay phụ may cho dễ".

- Bạch Ngài, xin thỉnh Ngài hoan hỷ ở đây may y.

- Không thể được đâu đạo hữu!

- Bạch Ngài, nếu vậy xin Ngài đừng đi ở đó quá lâu.

Khi chủ trại bò hầu chuyện cùng Đức Phật Độc Giác con chó ở một bên để ý lắng nghe.

Đức Phật từ giã thí chủ rồi, liền bay bổng lên hư không đoạn Ngài trực chỉ bay luôn về núi Gandhamādana (Hương Đản).

Thấy Đức Phật Độc Giác bay đi, con chó đứng dưới đất nhìn theo mà sủa mãi, cho đến khi hình bóng của Ngài mờ dần và tan biến trong hư không thì tim nó vỡ tan ra. Ôi, súc vật cũng có nhiều con trung nghĩa trung thành, trái với tiếng lòng muôn dạ thú, còn loài người cũng lắm kẻ mật miệng gươm lòng, hiệp với câu: "Giáp mặt lời ra, lòng xa ngàn núi (đối diện dữ, nhữ tâm cách thiên san).

Do nhờ tánh trung nghĩa chân thật, sau khi chết, con chó được thọ sanh lên cung trời Đao Lợi, có một ngàn ngọc nữ theo hầu hưởng được phước lộc của một Thiên vương, đức vua trời này có giọng nói rất to. Dầu khi kề tai nói nhỏ, tiếng Ngài cũng vang rền xa mười sáu do tuần. Do đó, Thiên vương được mệnh danh là Lôi Âm thiên tử (Ghositadevaputta).

Nhờ gieo nhân nào mà Ngài được phước ấy, nhờ trong kiếp chó Ngài đã sủa Đức Phật Độc Giác bằng cả tấm lòng trìu mến vậy.

Lôi Âm thiên tử không được trường thọ để hưởng lộc trời. (Trên Thiên giới, chư thiên mạng chung vì hết tuổi thọ, hoặc vì hết phước, vì quên thọ thực hay vì quá sân hận). Vị nào do tạo nhiều phước nghiệp, thọ sanh lên cõi trời nào, sống mãi tùy theo số tuổi thọ của chư thiên cõi ấy, chết rồi sanh đi sanh lại cũng chưa hết phước, như vậy gọi là mạng chung vì hết tuổi thọ. Vị nào tạo chút ít phước thọ sanh lên cõi trời nào, khi hưởng hết phước để dành thì phải chết ví như người gởi vào công khố độ bốn, năm lon lúa, lấy ra hết rồi thôi, như thế mạng chung vì hết phước. Còn vị nào đang mê say thọ hưởng ngũ trần, mãi ham vui mà quên lãng việc thọ thực vị ấy cũng phải chết vì xác thân không được dinh dưỡng, như thế gọi là mạng chung vì quên thọ thực. Và vị nào thấy vị khác có nhiều oai lực phước báu hơn mình mà phát sanh lòng ganh tị, hễ cơn giận nổi lên thì cũng chết, như vậy gọi là mạng chung vì sân hận.

Ghositadevaputta mãi vui say với ngũ trần dục lạc mà quên thọ thực nên phải mạng chung, đầu thai vào lòng một cô gái lầu xanh ở trong thành Kosambi. Vừa sanh con, cô kỹ nữ (sobhinī) đã hỏi đứa tỳ nữ: "Trai hay gái?".

- Dạ thưa cô, trai!

Không cần thấy mặt anh nhi, sản phụ vội bảo:

- Vậy mầy hãy bỏ thằng nầy vào một cái giỏ xách bằng mây, rồi đem liệng nó ra trên đống rác.

Đứa nữ tỳ vâng lịnh chủ, đem vứt đứa bé vô thừa nhận. (Các cô ả làng chơi ở đô thành chỉ nuôi ròng coi gái, chớ không dùng con trai vì con gái mới nối được nghiệp nhà).

Nằm trơ trên đống rác, hòn máu bỏ rơi bị chó và quạ xúm lại bao vây, nhưng chẳng con nào dám xáp lại gần do nhờ phước báu đã sủa Đức Phật Độc Giác với tâm trìu mến trong kiếp làm chó của nó.

Thời may, trong giây phút ấy có người đàn ông đi ra đồng, thấy quạ và chó chùm chum một chỗ, nên để ý tự hỏi:

- Đằng đó có cái gì vậy?

Rảo bước đến nơi, người đàn ông thấy đứa hài nhi thì sanh lòng thương như con đẻ, bèn bế xốc nó lên và tri hô rằng:

- Ta xí được đứa con trai, đoạn người ấy bồng nó đem về nhà.

Ngày sanh đứa trẻ không cha là ngày ông Thiên hộ thành Kosambi vào triều bái kiến đức vua. Lúc vào hoàng thành ông gặp quan Khâm thiên giám từ trong cung nội đi ra, bèn nghiêng mình thi lễ và hỏi rằng:

- Kính thưa Quốc sư, chẳng hay Ngài đã xem thiên văn để tiên đoán quốc sự ngày bữa nay hay chưa?

- Thưa phú Trưởng giả, đó là bổn phận hằng ngày của bổn chức.

- Vậy thưa Ngài, trong nước có chuyện chi lạ xảy ra không?

- Chẳng có chi khác, ngoài việc đứa bé sanh ra trong đô thành ngày hôm nay, sau nầy sẽ là đệ nhất phú Trưởng giả.

Lúc ấy bà Thiên hộ cũng có thai gần ngày sanh, cho nên ông Thiên hộ hối hả sai tên gia đinh theo hầu:

- Nầy con! Con về xem coi bà đã lâm bồn chưa nghe!

Tùng giả vâng lời chạy ngay về nhà, hỏi: "Bà Thiên Hộ đã lâm bồn chưa?".

Nghe người nhà đáp: "Bà chưa sanh", tùng giả bèn chạy trở vô thành, lập y lại với chủ "Bà chưa sanh".

Khi hay tin vợ chưa sanh, phú ông vào triều thỉnh an đức vua xong vội vã trở về nhà, cho đòi con tỷ tất Kālī (Hắc Nô) đến, giao cho nó một ngàn đồng vàng và dặn bảo: "Con hãy đi rảo khắp trong thành dò xét, nếu gặp đứa bé nào mới sanh ra nội ngày bữa nay thì con xuất hết một ngàn đồng vàng mua nó đem về cho ông".

Nàng kālī (Hắc Nô) đi hỏi thăm lần hồi, nhờ người điềm chỉ đến ngay nhà người đàn ông xí được đứa bé, liền hỏi vợ chủ nhà:

- Thằng nhỏ này thím sanh được bao lâu rồi?

- Dạ mới sanh bữa nay.

- Cho tôi xin nó đi.

Rồi cô kỳ kèo trả giá, từ một đồng lên tới một ngàn đồng vàng mới mua được đứa con rơi đem về cho ông Thiên hộ.

Phú ông bề ngoài làm ra vẻ yêu mến đứa con nuôi, cho cất nhà riêng để nó ở, nhưng trong thâm tâm ông dự tính rằng: "Nếu vợ ta sanh con gái thì ta sẽ gả cho thằng nầy và truyền chức Thiên hộ cho rể, nhược bằng vợ ta sanh con trai thì ta sẽ thủ tiêu nó ngay".

Cách vài ngày sau, phú bà xổ lòng, sanh được một trai. Phú ông nghĩ rằng: "Bây giờ ta phải tìm cách hạ sát đứa con hoang thì đứa con ruột của ta sẽ giữ chức đệ nhất phú gia trong thành Kosambi nầy".

Ông Thiên hộ gọi con tỷ tất Kālī và dặn riêng nó rằng: "Con đem thằng bé ngoại tộc nầy đến cửa chuồng bò, chờ khi người ta sắp thả bò ra, thì con bỏ nó nằm ngay giữa lối đi, cho bò cái dặm nhẹp xác nó! Con chờ coi, thấy nó bị đạp chết rồi, hãy về cho ông biết tin".

Nữ tỳ Kālī ẵm đứa bé đi, chờ một lúc thấy mục đồng mở cửa chuồng bò, bèn đặt nó nằm ngang cửa lối đi của bò. Mọi bữa khác thì con bò đực đầu đàn đi ra sau chót hết, nhưng hôm nay nó lại ra trước nhất, đến ngay chỗ đứa bé nằm nó đứng dang bốn chân ra, che chở tứ phía.

Bầy bò cái không biết mấy trăm con, chạy túa ra làm hai hàng, chạm vào hai bên hông con bò mộng, người chăn bò thấy chuyện lạ, nói thầm rằng: "Con bò mộng nầy lúc nào cũng đi ra sau cùng, sao hôm nay lại phát chứng chạy ra trước nhất, đứng chận ngay cửa chuồng vậy cà? Không biết có cái gì ở đó?".

Khi đến gần, trông thấy đứa bé tí hon đang nằm dưới con bò mộng, người chăn bò sanh lòng thương như con ruột của mình, bèn hô hớn lên: "Ta xí được đứa con trai" rồi ẵm luôn nó vô nhà.

Kālī về phục dịch chủ, đem hết mọi sự trình lại cho ông Thiên hộ nghe. Phú ông lại giao cho nó một ngàn đồng vàng và dặn: "Bây giờ con đem số tiền nầy đi, ráng chuộc thằng bé về cho ông".

Tỷ tất Kālī thực hành lịnh chủ, xuất hết một ngàn đồng vàng chuộc được đứa bé mang về cho ông Thiên hộ. Khi ấy, phú ông lại nhỏ to sở cậy đứa tớ gái tâm phúc rằng: "Nầy Kālī con, hôm nay trong đô thành có năm trăm cỗ xe bò sắp khởi hành một chuyến buôn xa, sẽ đi tờ mờ sáng vậy con hãy mang thằng bé nầy đem bỏ giữa đường lộ cho bò đạp, cho xe cán nó nát thây, đứt đầu chết đi cho rảnh, con chờ xem thấy nó chết thật rồi, hãy về cho ông hay".

Con nữ tỳ lại mang đứa bé đi bỏ nằm ngang giữa lộ. Lúc khởi hành vị đoàn trưởng cho xe mình đi trước dẫn đường, đến chỗ đứa bé nằm, cặp bò đứng khựng lại, bị chủ la hét thúc giục, chúng lại lộn nài bẻ ống không chịu đi tới nữa. Vì cặp bò hướng đạo sanh chứng, tháo trút như vậy, nên cả đoàn xe phải dừng lại. Vị đoàn trưởng đang mãi đứng loay hoay gác ách lên cổ bò thì trời rựng sáng.

Khi ấy ông trưởng đoàn lái buôn nhìn xuống đường để xem coi: "Tại sao mấy con bò sanh chứng kì vậy?", khi trông thấy đứa hài nhi ông mừng thầm: "Hay lắm, công việc nầy thật phù hợp với vợ ta", rồi ông bồng đứa bé lên và đem nó về nhà.

Thấy Kālī về, ông Thiên hộ lật đật hỏi thăm, khi nghe đứa tớ gái tường thuật hết sự tình, ông lại sai nó đi:

- Thôi con ráng đi một lần nữa, đem một ngàn đồng vàng nầy chuộc nó đem về đây.

Con nữ tỳ làm theo lời chủ dặn.

Ông Thiên hộ lại bảo nó: "Bây giờ con đem thằng nhỏ bỏ vào bãi tha ma, để cho cầm thú, nhất là chó mèo nhai xương nó, cho phi nhân, ngạ quỷ đánh đập nó chết đi, chừng con thấy nó thật chết rồi thì về cho ông biết tin".

Kālī lại mang đứa hài nhi ra đi, quạ hay là các giống phi nhân đều không dám xáp lại gần kề bên nó, nó chỉ có một mình trơ trọi, chẳng có cha, có mẹ, có anh chị nào khác bảo bọc, che chở cho nó hết cả. Vậy thì ai hộ trì nó? Đó là nhờ phước nó đã tạo trong kiếp chó, bằng cách sủa kêu Đức Độc Giác Phật với tâm trìu mến, hộ trì cho nó vậy.

Khi ấy có một người chăn dê, đuổi hằng trăm ngàn con dê ra đồng cỏ cho ăn, đi xuyên qua bãi tha ma, một con dê cái đi kiếm lá cây ăn, nên tách ra đi riêng, chui vào một bụi rậm, thấy đứa bé nó dừng lại, quỳ hai gối đưa vú cho đứa bé bú, nghe người chăn giả tiếng kêu "be be", nó cũng không chạy ra, người nầy định bụng ta sẽ đập cho nó mấy gậy.

Khi chui vào chỗ lùm cây bụi rậm, thấy con dê cái đang đứng chàng hảng cho đứa bé nút sửa của nó, người chăn dê cảm thấy thương đứa bé ấy như con mình, bèn tri hô lên rồi ẵm nó đem đi.

Con Kālī mục kích được chuyện nầy, trở về phúc trình tường tận cho ông phú hộ biết, ông ta lại sai nó mang một ngàn đồng tiền vàng chuộc đứa bé mang về và nó lại thi hành mệnh lệnh của chủ.

Khi ấy, ông Thiên hộ lại dặn dò cô tớ gái thân tín: "Nầy Kālī con! Phen nầy con ráng đem thằng nầy trèo lên núi, tới chỗ vực thẳm mà người ta sẽ xô bọn cướp xuống hành hình (Corappabbata), con vứt nó xuống hố sâu cho nó va chạm vào vách đá đập nát thây nhi, chừng con thấy nó rớt xuống đất thật chết rồi thì con về cho ông hay".

Con nữ tỳ đai đứa bé, trèo lên chót núi rồi quăng nó xuống.

Ngay chỗ ấy, từ sườn núi phía dưới có một lùm tre lớn theo khe đá nứt mọc lên, trên đầu ngọn tre một đám cam thảo rừng (jiñjuka) bao phủ rậm rạp, đứa bé rơi nhằm trong đó như là nằm trên tấm thảm to vậy.

Ngày ấy, ông thợ cả trong nhóm người đan thúng rổ cần dùng tre, ông ta xách rựa đi với đứa con trai lên núi, đến chỗ lùm tre dọn gai ốc để đốn, bị động đứa trẻ khóc ré lên. Nghe tiếng con nít khóc dậy, ông đốn tre nói: "Tiếng gì y như tiếng con nít khóc vậy?". Đoạn ông ta tìm lối trèo lên đầu ngọn tre, thấy đứa hài nhi ông mừng rỡ tri hô lên: "Ta xí được đứa con trai". Rồi ông bồng nó đem đi.

Con Kālī trở về gặp ông Thiên hộ, ông hỏi thì nó thấy sao nói vậy, tình thật khai ngay, phú ông lại đưa ra một ngàn đồng vàng, biểu nó di chuộc đứa bé đem về cho ông và nó cứ y lời, không dám cãi lịnh chủ.

Mặc dù bị dưỡng phụ là ông Thiên hộ lập phương nầy thế nọ để sát hại như thế, đứa con trai mồ côi cũng chẳng hề hấn gì, nó lớn dần lên và được mọi người gọi là Ghosaka (Lôi Âm công tử) vì tiếng nói của nó vang rền như sấm, nó như là cái gai nhọn châm vào mắt Trưởng giả, ông ta thù ghét nó đến nỗi ông ta không muốn trông thấy mặt nó, bị những ý tưởng đen tối ám ảnh, ông Thiên hộ lại cố tìm cho ra mưu kế để giết nó cho khuất mắt mình, ông ta bèn đến chỗ ngụ của người làm nghề lò gốm và nói:

- Chừng nào bạn đốt lò?

- Ngày mai.

Nghe vậy, ông Thiên hộ nói: "Thế thì bạn cứ cầm lấy một ngàn đồng tiền vàng nầy mà xài, rồi tiếp theo làm việc nầy giúp tôi nhé!".

- Việc chi vậy?

- Tôi có một thằng con nuôi, tôi sẽ sai nó đến đây bạn hãy dắt nó vào phòng kín, lấy dao bén phân thây nó ra từng mảnh, ném vào lò hầm. Đây một ngàn đồng vàng nầy tôi biếu trước cho bạn, khi nào xong việc tôi còn nhiều quà tặng thù lao cho bạn nữa.

Chủ lò gốm nhận lời đáp: "Dạ thưa, được rồi". Hôm sau, ông Thiên hộ cho đòi Ghosaka (Lôi Âm) đến, bảo rằng:

- Con à! Hôm qua cha có đặt cho ông chủ lò gốm làm một công việc, giờ con hãy đến nhắc ông ta như vầy: "Hôm qua cha tôi có đặt cho chú làm chuyện chi đó, thì chú cứ làm đi".

Công tử Ghosaka: "Dạ vâng", rồi ra đi.

Khi ấy, con ruột của ông Thiên hộ đang chơi bắn cu li (Golakīḷā) với bọn trẻ, thấy Ghosaka ra đi, kêu lại hỏi: "Anh Ghosaka, anh đi đâu đó?".

- Cha sai anh đi đến nhà người chủ lò gốm có việc.

- Để em đi thế cho, mấy đứa nầy ăn của em nhiều đạn quá, anh hãy ở đây chơi, gỡ lại giùm em.

- Anh sợ cha rầy lắm.

- Anh đừng sợ, để em đi đưa tin thế cho anh, em bị thua nhiều lắm, anh ráng gỡ lại giùm em, trước khi em trở về nhà.

Công tử Ghosaka có tiếng là chơi bắn đạn rất giỏi nên con Trưởng giả mới theo nài nỉ như vậy.

Sau cùng công tử chiều theo ý em và bảo: "Ừ thôi, thì em đến nhắc với chủ lò gốm rằng: Nghe nói hôm qua cha tôi có đặt cho chú làm công việc chi đó vậy bây giờ chú cứ làm đi".

Cậu con ruột của ông Thiên hộ đến tìm gặp ông chủ lò gốm và nói y theo lời Ghosaka đã dặn. Cậu ta không dè ông chủ lò gốm đã nhận tiền của cha cậu, nên y theo mật ước, giết chết và phân thây cậu và ném vào lò hầm.

Công tử Ghosaka ở chơi bắn đạn, mãi đến chiều tối mới trở về nhà. Ông Thiên hộ thấy cậu liền hỏi: "Ủa sao con chưa đi mà còn ở đây?".

Công tử Ghosaka bèn cho dưỡng phụ biết lí do: Cậu không đi là vì em cậu đã giành đi thế cho cậu.

Nghe vừa dứt lời, ông Thiên hộ tưởng như máu nóng sôi trào trong khắp người ông, ông kêu thét lên hai tiếng: "Đừng giết," rồi ông oằn oại chắp tay, lảo đảo đi đến lò gốm vừa đi vừa than khóc: "Chú lò gốm ơi! Chú đừng có giết hại tôi hi hi, chú đừng có giết hại tôi hi hi…".

Chủ lò gốm thấy ông Thiên hộ đi đến vội vã chạy ra đón rước và cho biết rằng: "Thưa ông chủ, xin ông đừng to tiếng việc ấy tôi đã thi hành rồi".

Ông Thiên hộ bị mối sầu tựa như mối đè nặng tâm tư, nhưng ông chỉ còn nước ngậm hờn, nuốt tủi, thầm ôm mối hận ngàn đời.

Đó là tội báo của kẻ nhiễm ô, manh tâm muốn hãm hại người trong sạch, đề cập đến việc nầy, Đức Thế Tôn có thuyết bài kệ Pháp Cú được ghi trong phẩm Đao Trượng (Hình phạt).

"Yo daṇḍena adaṇḍesu,
Appaduṭṭhesu dussati;
Dasannaṃ aññataraṃ ṭhānaṃ,
Khippameva nigacchati".
"Vedanaṃ pharusaṃ jāniṃ,
Sarīrassa ca bhadanaṃ;
Garukaṃ vāpi ābādhaṃ,
Cittakkhepaṃ va pāpuṇe".
"Rājato vā upassaggaṃ;
Abbhakkhānaṃ va dāruṇaṃ;
Parikkhayaṃ va ñātīnaṃ,
Bhogānaṃ va pabhaṅguṇaṃ".
"Atha v'āssa agārāni,
Aggi ḍahati pāvako;
Kāyassa bhedā duppañño;
Nirayaṃ so'papajjati".

"Cầm đao trượng đối tay không,
Ác nhân muốn hại người trong sạch thì,
Quả kia sẽ trả cấp kỳ,
Trong mười điều khổ, thọ y một điều:
Tâm thần đau đớn trăm chiều,
Hoặc thân ngộ nạn nát tiêu, rã rời,
Hoặc lâm bịnh nặng khổ đời,
Hoặc cuồng tâm, hóa ra người khùng điên,
Hoặc vua hình phạt, cùm xiềng,
Hoặc người vu cáo oan khiên tội tình,
Hoặc ly tán cả gia đình,
Hoặc là tài sản tan tành hư hao,
Hoặc là cửa rộng nhà cao,
Lửa hồng một ngọn cháy ào tan hoang.
Rã thây rồi, kẻ ngu ngoan,
Còn sa địa ngục chịu toàn khổ đau".

Tuy đau khổ vì con chết do lòng hiểm độc của mình, phú Trưởng giả vẫn chưa tỉnh ngộ hối quá, mà lại càng ghét cay ghét đắng công tử Ghosaka, muốn thủ tiêu ngay cậu cho khỏi xốn mắt, mỗi khi nhìn thấy cậu, ông lại moi óc tìm ra được một kế

khác "Ta sẽ sai thằng nầy đi đến mượn tay cậu quản lý ở Gāmasata (Ba Thôn) của ta giết nó".

Ông liền thảo một bức thư, đại khái nói rằng: "Thằng nầy là con nuôi của ta, nhờ cậu giết nó chết và trừ cho mất xác, rồi ta sẽ đền công ơn xứng đáng".

Trao phong thư cho công tử Ghosaka, phú ông hạ thấp giọng bảo rằng: "Nầy Ghosaka con! Cha có một viên quản lý ở Gāmasata, con mau mang thơ nầy đến trao tận tay ông ấy".

Dặn dò xong, phú ông buộc bức thư cẩm nang vào vạt áo của cậu Ghosaka. Chàng công tử nầy đã đến tuổi thiếu niên mà còn dốt chữ vì thất học. Từ bé đến giờ, chàng bị người dưỡng phụ ác tâm cứ mãi tìm cách giết chàng cho khuất mắt, nhưng chẳng thành công, có đâu mà chăm lo đến sự học vấn của chàng.

Vì thế, chàng ta vẫn vô tình để cho dưỡng phụ buộc cẩm nang, trong đó dựng bản án của chàng vào vạt áo. Lúc ra đi chàng chỉ hỏi: "Thưa cha, con chưa có vật thực chỉ để ăn theo đường".

- Con khỏi cần đem theo vật thực cho mất công. Con đi giữa đường thì đến làng mổ, nơi đó có ông Trưởng giả là bạn của cha, con ghé nhà ông ấy dùng cơm rồi hãy đi nữa.

- Dạ thưa vâng!

Công tử Ghosaka cúi lạy từ giã dưỡng phụ, đi đến làng mổ hỏi thăm nhà ông Trưởng giả, rồi đến gọi cổng thì gặp bà Trưởng giả.

- Cháu ở đâu lại đây? – Phú bà hỏi.

- Dạ thưa bác! Cháu ở thành nội. – Thiếu niên đáp

- Cháu là con ai?

- Dạ thưa bác cháu là con ông Thiên hộ.

- Phải cháu tên là Ghosaka không?

- Dạ thưa bác phải.

Bà Trưởng giả thấy mặt Ghosaka và nghe tiếng chàng đối đáp tự nhiên sanh lòng mến thương chàng như con đẻ.

Ông bà Trưởng giả chỉ có một nàng tiểu thư tuổi vừa mới cặp kê, nhan sắc mỹ miều, khả ái. Ông bà cắt riêng một đứa nữ tỳ để theo săn sóc và phục dịch cho tiểu thư. Tiểu thư ở trên từng lầu thứ bảy, tối ngày chẳng hề bước chân ra khỏi căn phòng.

Bà Trưởng giả thấy con hầu của tiểu thư xuống lầu bèn kêu hỏi nó: "A hoàn ạ! Mầy đi đâu vậy?".

- Bẩm bà! Tiểu thư sai con đi chợ.

Bà Trưởng giả bảo: "Thôi mầy khoan đi chợ đã! Lại đây lo sửa soạn ghế cho công tử ngồi, trải chiếu mời công tử nằm nghỉ đâu đó xong xuôi đàng hoàng, rồi hãy đi chợ nghe".

Con a hoàn vâng lịnh bà Trưởng giả, lo xong công việc rồi mới đi chợ. Khi nó về, tiểu thư thấy nó đi lâu nên trách mắng, hăm he, nó bèn phân trần: "Thưa tiểu thư, xin tiểu thư đừng giận, mắc bị có công tử Ghosaka là trưởng nam của ông Thiên hộ mới đến, bà biểu phải làm công kia việc nọ cho công tử trước rồi hãy đi chợ sau, nên em về trễ".

Vừa nghe đến tên công tử Ghosaka, tiểu thư bỗng nhiên sửng sốt ngẩn ngơ: Tình yêu công tử bộc phát như xuyên qua khỏi làn da, chạm đến tận xương tủy của nàng xử nữ.

- Trong tiền kiếp công tử Ghosaka chính là chàng Kotuhaliko còn tiểu thơ là nàng Kālī vợ của chàng, nàng nhờ để bát một bát cơm cúng dường Đức Phật Độc Giác, nên kiếp nầy được sanh vào nhà đại phú, tình yêu chồng từ kiếp trước như lửa bừng cháy lại, khiến cho nàng xúc động tâm tư. Bởi thế nên Đức Thế Tôn mới thuyết kệ rằng:

"Pubbevasannivāsena,
Paccuppannahitena vā;
Evantaṃ jāyate pemaṃ,
Uppalaṃ va yathodaketi".

"Xưa từng chung chạ ra vào,
Giờ nay tái ngộ, lòng nào chẳng lay.
Men tình vừa nhắp đã say,
Bèo xanh gặp nước ngày ngày gia tăng".

Khi ấy, tiểu thư hỏi con a hoàn: "Công tử hiện nay ở đâu vậy em?".

- Thưa cô! Công tử đang nằm ngủ trên giường.

- Công tử có cầm vật chi trên tay không?

- Thưa tiểu thư, ở vạt áo công tử có buộc một bức cẩm nang.

Tiểu thư nghĩ thầm: "Đó là thư từ chi vậy?".

Trong khi công tử Ghosaka còn đang say giấc nồng, tiểu thư không cho cha mẹ hay biết, rón rén lén xuống thơ phòng, mở lấy cẩm nang buộc nơi vạt áo của công tử, đoạn trở lên khuê các, đóng cửa cài then mở thơ ra đọc, tiểu thư vốn là bậc văn hay chữ giỏi, đọc suốt hết lời lẽ trong thơ rồi chép miệng than rằng: "Ôi! Công tử khờ khạo làm sao, ai lại buộc theo vạt áo một bức thơ giết mình mà đi lang thang như vậy? Nếu ta không thấy kịp còn chi là đời của công tử".

Tiểu thư liền xé bỏ bức thư độc hại, nhái theo tuồng chữ và lời lẽ của ông Trưởng giả vắn tắt như vầy: "Đây là trưởng tử của tôi tên là Ghosaka. Xin túc hạ thay mặt tôi, tương lễ vật từ Gāmasata, lo cho nó đẹp duyên cùng ái nữ của ông Trưởng giả bạn tôi, cắt chia nữa phần đất giữa làng chỗ túc hạ ở, cất một ngôi nhà xung quanh có tường rào và thuê người canh gác cẩn mật phòng vệ chu đáo, xong rồi gởi thư phúc đáp: "Tôi đã làm như vầy… như vầy…" thì ta hậu tạ chẳng dám quên ơn". Thảo xong bức thơ bỏ vào cẩm nang, tiểu thơ vội vã trở xuống chỗ Ghosaka đang ngủ, buộc trở lại vào áo công tử như trước.

Ngủ một giấc đỡ mệt, công tử dậy dùng cơm trưa, rồi cất bước lên đường, đi suốt cả đêm, sáng hôm sau công tử Ghosaka đến Gāmasata, gặp viên quản lý đang đi công cán trong làng. Thấy Ghosaka viên quản lý bèn hỏi:

- Có việc chi vậy công tử?

- Cha tôi gởi thơ qua cho ông đây.

- Thư gì đâu, công tử cho tôi coi thử.

Tiếp lấy bức cẩm nang viên quản lý mở thơ ra đọc rồi phân bua với dân làng: "Bà con ơi! Bà con coi đây, ông chủ thương tôi hết mình, ông gởi thư biểu tôi: "Hãy lo cưới vợ cho trưởng nam của ta". Vậy anh em hãy ráng lo sắp đặt củi nước sẵn sàng nghe chưa".

Phân chia công tác cho các gia chủ dự bị cuộc lễ hôn phối xong viên quản lý khiến dọn miếng đất gọn gàng giữa làng và lo kiến tạo một ngôi nhà mới.

Kế đó viên quản lý sắp sanh lễ vật cầu hôn, đến rước tiểu thư ái nữ của ông Trưởng giả về cử hành lễ tân hôn và tân gia cho công tử Ghosaka, đoạn cho người báo hỷ tín cho ông Thiên hộ biết: "Tôi đã phụng hành mệnh lệnh Thiên hộ, làm như thế…như thế…".

Tiếp được hỷ tín, ông Thiên hộ càng thêm tức tối bội phần, ngày đêm vào thở ra than: "Việc ta chủ mưu sao không thành, còn việc ta không chủ mưu thành sự như thế làm chi".

Lớp sầu con chết, lớp giận Ghosaka, hai mối ưu phiền dồn dập, khiến ông Thiên hộ phát chứng đau bụng sanh ra kiết ly.

Đây nói về tiểu thơ con ông Trưởng giả, khi về ở nhà mới, nàng dặn dò hết các gia tộc: "Nếu có người nhà của ông Thiên hộ qua đây, mà chưa gọi sai biểu các người thì các người khoan đi báo tin cho công tử biết nghe không?".

Còn ông Thiên hộ nằm trên giường bịnh, ông tính một mình: "Nghĩa tử là kẻ ngoại thân, ta nhất định sẽ không lập nó lên là kẻ thừa kế sản nghiệp của ta".

Nghĩ rồi, ông cho đòi quản gia đến bảo rằng: "Nầy cậu, ta muốn gặp mặt nghĩa tử của ta. Vậy cậu sai một đứa bộ hạ đi kêu nó về đây!".

- Dạ thưa vâng! – Viên quản lý đáp, rồi ông ấy thảo một bức thư, trao cho một gia đinh cầm đi qua Gāmasata để rước công tử Ghosaka.

Khi nghe tin báo có đứa gia đinh của ông Thiên hộ mới qua, còn đứng ngoài cổng ngõ chờ lịnh, tiểu thư con ông Trưởng giả cho gọi nó vào nhà và hỏi: "Cậu qua đây có việc chi?".

- Thưa tiểu thư, ông Thiên hộ bịnh, sai con đi rước công tử về cho ông thấy mặt.

- Nầy, cậu thấy ông bịnh mà còn khỏe hay yếu sức rồi?

- Thưa tiểu thư, ông còn khỏe, thấy ông vẫn ăn uống như thường?

- Thôi được, cậu cứ ở lại đây chơi, đợi lúc nào cô bảo về hãy về.

Tiểu thơ lấy tiền thưởng công cho tên gia đinh, sai người dọn chỗ cho nó ở lại, nhưng cấm tuyệt không ai được thông báo cho công tử biết.

Ông Thiên hộ nằm chờ tin, lại hỏi viên quản gia: "Sao lâu quá vậy cậu! Hay là cậu chưa sai đứa nào kêu con ta về đây phải không?".

- Dạ thưa Thiên hộ, tôi đã sai gia đinh đi rồi, nhưng nó chưa về.

- Nếu vậy, cậu sai đứa nào khác đi tiếp theo coi.

Viên quản gia lại sai thêm một tên gia đinh khác. Đứa sau nầy qua Gāmasata cũng bị tiểu thư đón hỏi thăm tin và lưu giữ lại như đứa trước.

Bịnh tình của ông Thiên hộ bỗng đâu biến chứng trở nên trầm trọng, cơm cháo ông cho vào một bát thì cũng cho ra một bát. Lần thứ ba, ông hỏi viên quản gia: "Sao lâu giữ vậy? Hay cậu không cho đứa nào đi gọi con ta về?".

- Thưa Thiên hộ, tôi đã sai thêm đứa khác đi nữa rồi, nhưng nó cũng chưa về.

- Thế thì hãy sai thêm đứa khác đi nữa đi.

Viên quản gia lại sai thêm đứa khác đi qua rước công tử.

Đứa gia đinh thứ ba nầy cũng bị tiểu thư đón lại hỏi thăm: "Bịnh tình của ông Thiên hộ lúc nầy ra sao?". Nó đáp: "Thưa tiểu thư ông Thiên hộ bịnh nặng lắm, ông tuyệt thực, nhắm chắc ông phải chết, ông bị ngay sống trường, ăn vô chút nào thì xổ ra hết chút nấy".

Tiểu thơ nghĩ thầm: "Lúc nầy chính là lúc nên đi". Tiểu thơ bèn vào thưa với chồng: "Có tin nhắn cho hay nghiêm đường thọ bệnh".

- Hiền thê nói chi?

- Dạ thưa lang quân, phụ thân của chàng quý thể bất an.

Công tử Ghosaka lại hỏi vợ rằng: "Bây giờ ta phải làm gì đây há?".

Tiểu thơ đáp: "Thưa lang quân! Ta nên đem theo sản phẩm ở Gāmasata để làm lễ vật khi về thăm viếng gia nghiêm".

- Ờ phải rồi!

Công tử khiến người mang lễ vật chất đầy mấy cỗ xe bò, đem đi theo, rồi hai vợ chồng khởi hành.

Đi được nữa đường, tiểu thơ nói với chồng:

- Lịnh nghiêm đường đau yếu, ta về thăm mà mang nhiều lễ vật kềnh càng bất tiện lắm. Thôi chàng hãy cho trả trở lại hết đi.

Nói rồi, tiểu thư cho xe đem tất cả về hết nhà ông Trưởng giả cha nàng. Tiểu thơ lại dặn chồng: "Lang quân à! Lát nữa về thăm lịnh nghiêm, chàng hãy đứng phía dưới chân, để thiếp đứng phía trên đầu nghe chàng".

Vào tới trong nhà, công tử Ghosaka đứng phía dưới chân dưỡng phụ, còn nàng thì đứng phía trên đầu ông.

Trong giờ ấy, ông Thiên hộ nằm ngửa, mắt nhắm thiêm thiếp, viên quản gia đang ngồi bóp chân cho ông, bèn lên tiếng:

- Thưa Thiên hộ, có công tử mới về đây.

- Nó đâu?

- Dạ công tử đang đứng dưới chân Thiên hộ đó.

Trông thấy công tử Ghosaka, ông Thiên hộ cho mời viên tổng quản tài sản của ông đến hỏi rằng:

- Gia tài của ta tất cả được bao nhiêu?

- Thưa Thiên hộ về tiền mặt, đồ vật dùng và xa xí phẩm độ bốn trăm triệu, còn làng ấp, ruộng vườn, sản vật lương tức, tứ túc, xe cộ, mỗi thứ dược chừng nầy, chừng nầy…

Nghe viên tổng quản phúc trình xong, ông Thiên hộ có ý muốn di chúc rằng: "Chừng ấy tài sản của ta, Ghosaka là nghĩa tử, ta không cho quyền thừa kế". Nhưng khi thốt ra lời, ông Thiên hộ nói lộn là "Ta cho quyền thừa kế". Tiểu thơ nghe dứt tiếng, nàng mừng thầm tự nghĩ: "Nếu cho ông ấy nói sửa trở lại thì tình thế sẽ đảo ngược hết". Tiểu thơ liền giả cách bi thương, bứt tóc dậm chân khóc kể rằng: "Cha ơi là cha, cha nói làm chi lời ấy, làm cho hai con nghe qua càng thêm đau khổ quá chừng! Cha ơi là cha ơi…".

Dứt lời, tiểu thơ giả vờ chồm tới trước, đập đầu ngay ngực ông Thiên hộ, rồi nằm lì nơi đó khóc nỉ non tức tưởi, cốt ý không cho cha chồng mở miệng sửa lại chúc ngôn. Nhưng ông Thiên hộ cũng vừa tắt thở ngay trong phút giây ấy.

Gia nhân vào trào bái kiến đức vua Udena để báo tin: "Ông Thiên hộ đã thất lộc". Quốc vương ban cho gấm vóc để đem về khâm liệm tống chung phú ông, đúng theo nghi lễ và phán hỏi:

- Thiên hộ có con trai hay con gái chi không?

- Muôn tâu bệ hạ, Thiên hộ có một người con trai là công tử Ghosaka. Trước khi thất lộc, Thiên hộ có chúc ngôn truyền hết tài sản lại cho công tử.

Sau đó một thời gian, đức vua triệu công tử Ghosaka vào triều bệ kiến.

Hôm ấy nhằm trời mưa to, trong sân ngự chỗ nào cũng có nước đọng vũng, công tử Ghosaka tính thầm: "Ta đi chầu vua", rồi một mình đi vào cung nội. Đức vua đứng trong biệt điện, mở cửa sổ nhìn ra, thấy công tử đi đến đang nhảy tránh các vũng nước trong sân mà vào cung.

Đến chỗ vua ngự, công tử triều bái, tung hô vạn tuế, rồi đứng lên. Đức vua phán hỏi công tử:

- Khanh đây phải là Ghosaka không?

- Muôn tâu bệ hạ, phải! Hạ thần chẳng may nên nghiêm đường đã sớm thất lộc.

- Khanh đừng bị lụy, để trẫm phong chức Thiên hộ cho khanh, để khanh được nối chức của cha.

Phán xong, đức vua ân tứ cho công tử mấy chung ngự tửu, rồi truyền bãi chầu: "Trẫm cho phép khanh về".

Khi Ghosaka về, đức vua còn đứng nhìn theo, thấy công tử đi thẳng một đường, lội luôn qua các vũng nước, chứ không nhảy tránh như lúc vào cung. Đức vua lấy làm lạ về cử chỉ của công tử Ghosaka, bèn triệu hồi và phán hỏi công tử:

- Nầy hiền khanh, tại sao lúc vào cung để triều kiến trẫm thì khanh nhảy tránh các vũng nước, còn khi trở về khanh lội phăng xuống nước, đi thẳng một đường?

- Muôn tâu Thánh thượng, hạ thần lúc vào cung còn là một công tử, cho nên còn giữ tánh bay nhảy bông lông, bây giờ đã được lịnh cửu trùng chẩn hứa sẽ ban cho tước lộc triều đình, hạ thần không dám kinh suất như trước, cho nên phải đi đứng chỉnh tề như thế.

Nghe công tử biện bạch, Quốc vương Udena cảm mến, khen rằng:

- Thiếu niên nầy có đủ tư cách, đáng được thụ phong ngay từ bây giờ.

Phán rồi, đức vua hạ chiếu chỉ, phong cho công tử Ghosaka giữ chức Thiên hộ của cha, được phép thu thuế công đền công thổ một trăm thôn ấp như trước.

Công tử Ghosaka về nhà vinh quy bái tổ, công tử đứng trên một chiếc xe hoa, nhiễu qua thành phố dân chúng khắp nơi tưng bừng chào đón, tiếng hoan hô vang dậy.

Tiểu thơ ở nhà đang trò chuyện với bà vú Kāḷī, tiểu thơ hỏi rằng: "Nhũ mẫu Kāḷī, vú có biết rằng tất cả sản nghiệp của con trai vú, nhờ một tay con mà có không?".

- Nhờ bằng cách nào hả con?

- Lúc trước công tử qua nhà con, bên vạt áo có buộc một phong thư mượn người hạ sát chàng. Khi ấy chính tay con xé bỏ bức thư độc hại ấy và viết tráo một bức thư khác, mượn người đứng chủ hôn cho công tử đứng cưới con. Nhờ con cứu mạng mà công tử mới được sống sót đến ngày nay.

- Con à! Con chỉ biết thấy có bao nhiêu đó thôi. Chớ thật ra lão Thiên hộ đã lập tâm mưu sát công tử nhiều lần, kể từ thuở công tử hãy còn bé thơ. Nhưng lão đã thất bại hoàn toàn mặc dầu lão đã tung ra rất nhiều tiền của.

- Nhũ mẫu à! Lão Thiên hộ đã tạo thật nhiều nghiệp hết sức nặng nề, tội lỗi phải không?

Thấy công tử đã nhiễu qua thành phố, trở về đến nhà, Tiểu thơ cười rằng: "Công tử nhờ một tay thiếp mới được vinh hiển như thế".

Thiên hộ Ghosaka thấy vợ cười thì hỏi:

- Tại sao nàng cười?

- Tại vì một lẽ riêng.

- Lẽ gì? Nói ta nghe thử.

Tiểu thư nín thinh, làm ra vẻ bí mật. Ghosaka rút kiếm ra giả vờ hăm dọa: "Nếu thực không chịu khai, ta sẽ chém mi đứt hai bây giờ".

Tiểu thơ nói: "Thiếp cười vì chàng nhờ thiếp mới được làm chủ bấy nhiêu sản nghiệp nầy đây?".

Ghosaka bảo vợ: "Tất cả tư sản nầy là của gia nghiêm truyền giao cho ta, ta thừa hưởng là lẽ dĩ nhiên, nàng có công lao chi mà kể lể".

Thiên hộ vẫn vô tình, không biết chi về ác tâm của dưỡng phụ trong thời gian qua, nên khi nghe vợ kể công, thì chàng không tin.

Tiểu thơ bèn đem tất cả những điều ẩn khúc thuật lại một hồi: "Dưỡng phụ sai chàng mang thơ, mượn tay người thủ tiêu chàng, mà chàng vô tình nào biết. Nhờ thiếp đã làm như vậy… như vậy… để cứu mạng và che chở cho chàng sống đến ngày nay".

- Không tin chàng cứ hỏi bảo mẫu Kāḷī thì biết.

- Thưa bảo mẫu vợ con nói đây có thật không?

- Thật thế con à, dưỡng phụ con mưu tính giết con khi con còn măng sữa nhưng không được. Người đã xuất rất nhiều tiền sai đem bỏ con bảy lần ở bảy chỗ, mà con đều thoát chết. Nên bây giờ con mới sống mà thừa hưởng di sản, được vua phong chức Thiên hộ và ân tứ quyền thu thuế một trăm thôn ấy đó con.

Nghe hết tự sự, Thiên hộ Ghosaka giật mình, than thầm: "Ôi! Nghiệp báo của ta quả thật nặng nề, cho nên mới chết hụt nhiều lần như vậy. May sao mà ta còn toàn mạng… Nếu ta cứ buông lung phóng dật chẳng là trái đạo lắm ư? Từ rày ta không nên dễ duôi nữa!".

Nghĩ rồi, mỗi ngày Thiên hộ xuất ra một ngàn đồng tiền vàng để làm việc phước thiện, như giúp kẻ lỡ đường, nuôi người tàn phế, châu cấp cho kẻ cô bần quả nhược… Thiên hộ giao phó công việc chuẩn thí cho Trưởng giả Mittakuṭumbika trông coi.

DỨT TÍCH THIÊN HỘ GHOSAKA

❁

Thuở ấy, nơi kinh thành Bhaddavatī, có viên ngoại là bạn đồng điệu "tương giao tương kiến" (adiṭṭhapubba-sahāyako) của Thiên hộ Ghosaka.

Do những lái buôn từ thành Bhaddavatī đến Kosambi, Thiên hộ được nge danh tiếng giàu sang của nhà cự phú ở nước láng giềng, sanh lòng ái mộ, muốn kết tình hữu nghị nên gửi tặng phẩm đến cho viên ngoại. Bánh ích đi bánh quy lại, hai nhà giao hảo như thế, nhưng chưa có dịp gần nhau. Một thời gian sau, nhà viên ngoại Bhaddavatī bị nhiễm bịnh thiên thời (ahivātarogo). Ruồi lằn chết trước tiên, kế đến kiến mối, chuột, bọ, gà vịt, heo, chó, mèo, bồ câu, tớ gái, tớ trai. Sau cùng tất cả gia nhân đều chết trụi, những người sợ chết lây, bỏ nhà chạy đi lánh nạn thì còn được sống sót. Trong số đó có viên ngoại Bhaddavatī, bà vợ và cô con gái tên là Sāmā (Ô Nhi: Con đen).

Chạy thoát nơi tử địa rồi viên ngoại tính muốn qua thăm Thiên hộ Ghosaka, bèn cùng vợ con lên đường đi Kosambi. Họ đi mới được nữa đường thì hết lương thực.

Dầu dãi phong sương, nhịn đói, nhịn khát thân thể mệt mỏi, tay chân rũ liệt, gian nan lắm họ mới đi đến thành Kosambi. Kiếm chỗ có nước tắm rửa sạch sẽ cho mát mẻ, rồi họ vào nghỉ trong một ký túc xá (sālā) ở đầu cổng thành.

Tạm trú yên nơi viên ngoại bảo vợ rằng: "Bà ơi! Chúng ta tiều tụy như vầy mà đến nhà ai, dầu là nhà mẹ sanh đi nữa, coi cũng khiếm nhã, nghe đồn bạn ta là Thiên hộ Ghosaka hằng ngày xuất cả trăm đồng tiền vàng để cứu giúp những người lỡ chân trái bước, áo rách đói cơm, ta hãy sai con Sāmā đến đó xin vật thực, ta dùng đỡ một đôi ngày cho lại sức, rồi hãy đến nhà viếng thăm bằng hữu của ta vậy".

Bà Bhaddavatī cũng đồng tình: "Phải đó ông à". Đêm ấy ba người ngủ luôn nơi ký túc xá, sáng hôm sau, khi thấy đám bần nhân kéo đến xin vật thực, ông bà viên ngoại kêu con gái:

- Con ơi! Con đi xin vật thực về cho cha mẹ đi con.

Than ôi! Một thiên kim tiểu thơ đến hồi mạt vận, cũng phải ráng dằn lòng chịu nhục, ôm bát đi chung với đám ăn mày, đến đứng trước cửa nhà Trưởng giả Mitta.

- Cô bé đây lãnh mấy phần?

Nghe Trưởng giả hỏi, tiểu thơ đáp:

- Dạ thưa ba phần.

Trưởng giả cấp cho nàng ba phần ăn.

Lãnh thực phẩm xong, tiểu thư đem về ký túc xá cùng ngồi ăn chung với cha mẹ.

Bà viên ngoại nói: "Gia tài sự nghiệp của ta đều tiêu tan, nhưng cũng có ngày tạo lại được cái khác, bây giờ ông nên bảo trọng thân thể, cứ ăn cho no đi, đừng lo cho mẹ con tôi, mà cũng đừng nghĩ ngợi gì nữa".

Bị hai người cố nài ni ép ăn viên ngoại Bhaddavatī thọ thực quá nhiều, nên bị trúng thực phát ách, đau bụng cả đêm và trút hơi thở cuối cùng vào lúc mặt trời mới rạng.

Hai mẹ con bà viên ngoại vật mình than khóc, tình cảnh ái ly tử biệt thật là thống thiết bi ai…

Sáng hôm ấy, tiểu thư Sāmā vừa gạt lệ sầu vừa đi đến chỗ phát chẩn. Thấy tiểu thư, Trưởng giả Mitta lại hỏi:

- Cô bé lãnh mấy phần?

Tiểu thư đáp: "Dạ thưa hai phần".

Trưởng giả bèn cấp cho tiểu thư hai phần ăn, tiểu thư đem thực phẩm xin được về dâng hết cho mẹ và yêu cầu bà ăn cho no, chiều theo lòng con gái, bà viên ngoại dùng bữa ăn quá sức mình vật thực không tiêu hóa được làm cho bà sình bụng, phát ách và từ trần luôn ngày ấy.

Tiểu thư Sāmā còn sống một mình, hết khóc lại than, muôn sầu vạn thảm, quê người vò võ, tứ cố vô thân, chút phận liễu yếu đào tơ, luống chịu truân chuyên nhiều nỗi.

Đã khổ tâm còn đói bụng, ngày sau tiểu thư phải gắng gượng đi xin ăn vừa đi vừa gạt lệ sầu.

Cô bé lãnh mấy phần ăn?

Dạ thưa, chỉ một phần.

Từ ba ngày nay, Trưởng giả Mitta thấy cô bé nầy mỗi ngày mỗi giảm một phần ăn, nên khi nghe cô đáp "một phần", thì nói giọng khinh miệt rằng: "À cô bé ăn mày! Bữa nay mày mới tiết độ rồi hả?".

Tiểu thư Sāmā cảm thấy xót xa tủi nhục như vừa bị ai xát muối vào vết thương lòng, nhưng cũng còn gượng hỏi lại rằng:

- Dạ thưa, ông nói chi?

- Bữa đầu mày lãnh ba phần, hôm qua lãnh hai phần, hôm nay lãnh một. Vậy là hôm nay mày biết tiết độ rồi đó.

- Dạ thưa ông chủ, xin ông đừng hiểu lầm là tôi xin về ăn một mình tôi.

- Thế thì tại sao cô bé đã lãnh tới ba phần?

- Bữa đầu, chúng tôi cả thảy ba người, hôm qua còn hai, bữa nay còn một mình tôi mà thôi.

Trưởng giả chưa hiểu rõ nguyên nhân, hỏi tiếp: "Tại làm sao, đâu em nói rành rẽ cho ta nghe thử?".

Sau khi tiểu thư Sāmā kể hết nỗi nhà tan tác vì tai biến, trôi nổi thân lạc loài. Trưởng giả Mitta cầm lòng không được, nước mắt tuôn rơi.

Trưởng giả an ủi tiểu thư: "Thôi chuyện đã qua rồi, em đừng khêu gợi lại nữa. Con gái của viên ngoại Bhaddavatī cũng như con gái của ta, từ giờ trở đi ta nhận con làm nghĩa nữ".

Nói rồi, Trưởng giả hôn lên đầu Sāmā, dắt nàng vào nhà, lập nàng lên làm trưởng nữ của mình.

Khi ấy, trong phước xá (Dānagga) có nhiều tiếng ồn ào huyên náo. Tiểu thư Sāmā hỏi dưỡng phụ rằng:

- Thưa cha, sao cha không bảo đám người kia êm lặng và cha bố thí cho họ vậy?

- Không có cách nào làm cho họ im lặng được con à!

- Thưa cha, con có cách làm được.

- Làm sao được hả con?

- Thưa cha! Cha hãy cho xây rào ngang phía trước phước xá chỉ chừa hai bên cửa ra vào, rồi cha dặn hò: "Đi vô bên nầy, đi ra bên kia". Làm như vậy thì cha sẽ giữ được trật tự. Họ hết chen lấn ồn ào, ai cũng đi vô lãnh phần mình và đi ra êm thắm.

Trưởng giả Mitta nghe dứt lời khen rằng: "Hay quá, phương pháp của con hay quá". Rồi Trưởng giả làm y như lời đề nghị của cô nghĩa nữ.

Tiểu thư trước đây tên là Sāmā, nay vì có sáng kiến làm hàng rào trước phước xá, nên được người gọi là Sāmāvatī. Từ đó về sau, trong phước xá dứt hẳn tiếng ồn ào náo nhiệt, sự thay đổi nầy làm cho Thiên hộ Ghosaka để ý, lúc trước mỗi khi nghe tiếng người lao xao vọng đến nhà mình, Thiên hộ rất hài lòng, nói thầm: "Tiếng huyên náo ở phước xá ta đó". Cách hai ba bữa nay, nghe trong phước xá lặng trang, Thiên hộ lấy làm lạ, bèn đích thân đến gặp Trưởng giả Mitta để gạn hỏi cho biết nguyên nhân.

- Công việc chẩn thí vẫn tiếp tục như thường chứ.

- Dạ vâng, thưa Thiên hộ.

- Tại sao hai ba bữa nay nghe lặng trang, không có tiếng tăm chi hết vậy?

- Thưa Thiên hộ vì tôi áp dụng phương pháp khiến họ được im lặng trước khi lãnh phần cấp thí.

- Thế sao từ trước ông không áp dụng phương pháp ấy?

- Thưa Thiên hộ vì trước kia tôi chưa biết.

- Sao bây giờ lại biết?

- Thưa Thiên hộ, nhờ có trưởng nữ của tôi nó bày cách cho tôi.

- Ủa lạ, từ hồi trước tới giờ, ta chưa nghe nói là ông có con gái mà.

Trưởng giả Mitta bèn đem hết lai lịch của tiểu thư Sāmāvatī, từ khi viên ngoại chết đi cho đến lúc Trưởng giả nhận tiểu thư Sāmāvatī làm trưởng nữ của mình, thuật lại một hồi. Nghe xong, Thiên hộ Ghosaka trách rằng:

- Chuyện như vậy, mà sao ông không cho ta hay? Con gái của bạn ta tức là con gái của ta. Ông kêu nó ra đây cho ta hỏi coi.

Thiên hộ nói tiểu thư Sāmāvatī rằng:

- Con là ái nữ của viên ngoại Bhaddavatī phải không?

- Dạ thưa Ngài, phải.

- Nếu vậy con đừng buồn lo nữa, ta nhận con làm con gái của ta, con chịu chăng?

Thiên hộ Ghosaka hôn lên mái tóc đen huyền của cô gái mồ côi, cấp cho cô năm trăm nữ tỳ và đặt lên địa vị tiểu thư, trưởng nữ của thiên hộ.

Ngày lễ Quốc khánh trong thành Kosambi, nhân dân vui chơi tưng bừng, rộn rịp. Theo tục lệ, ngầy nầy ai ai cũng được tự do, mấy cô thiếu nữ "khuê môn bất xuất" đều dắt cả nhóm thị tỳ của mình đi bộ ra bờ sông để tắm gội.

Nhân dịp lễ hội, tiểu thư Sāmāvatī cùng với năm trăm thị nữ dắt nhau đi tắm sông. Họ diễu ngang qua sân ngự trước đền vua.

Quốc vương Udena đứng trong hoàng cung nhìn qua song cửa sổ, thấy tiểu thư Sāmāvatī, bèn phán hỏi thị thần: "Vũ nữ nầy là của ai?".

- Tâu bệ hạ! Nàng là ái nữ của Thiên hộ Ghosaka, mỹ danh là Sāmāvatī.

Quốc vương Udena từ lúc thấy tiểu thư Sāmāvatī thì đem lòng sủng ái, bèn hạ chiếu chỉ truyền lệnh cho Thiên hộ Ghosaka đưa tiểu thư tiến cung.

- Muôn tâu Thánh thượng, thần không thể nào đưa con gái tiến cung. – Thiên hộ Ghosaka đáp.

- Khanh chớ vi lịnh quả nhân như thế. Hãy mau đưa lịnh ái tiến cung lập tức.

- Muôn tâu chúa thượng, luật nước tuy nghiêm minh, không có lệ xử phạt, giam cầm người vô tội. Quyền cha thì hữu hạn thì làm sao hạ thần áp chế, đánh đập, ép uổng duyên con. Hạ thần không thể đem con gái mình mà hiến nạp vào cung.

Đức vua nổi trận lôi đình chỉ bộ, ra lịnh cho quan quân niêm phong nhà cửa của Thiên hộ Ghosaka, dắt hai ông bà đại phú đuổi tống ra bên ngoài.

Tiểu thư đi tắm về bị cấm cửa, không vào nhà được, bèn hỏi ông Thiên hộ:

- Sao có việc nầy vậy thưa cha?

- Nầy con, đức vua đưa sứ đến, đòi tuyển con vào cung, cha mẹ không phục tùng vương lịnh. Đức vua phẫn nộ ra lịnh niêm phong nhà cửa, đuổi tống cha mẹ ra ngoài như vậy đây.

- Thưa cha, - tiểu thư nói - Cha đã phạm tội khi quân, tội ấy rất nặng. Phàm đạo làm tôi không nên cãi lịnh nhà vua. Thưa cha, con thiết tưởng, cha nên tâu cùng đức vua, xin cho cả đoàn thị nữ cùng nhập cung với con.

- Hay thay! Nếu con đã thuận tình gần gũi quân vương thì cha mẹ sẽ chiều ý con mà tâu lên Thiên tử.

Nói rồi Thiên hộ Ghosaka cho người dâng sớ tâu lên Thiên tử. Đức vua chấp nhận bằng lời chuẩn tấu, đoạn khiến quân binh đến rước tiểu thư Sāmāvatī với đoàn thị nữ nhập cung. Đức vua tấn phong tiểu thư là chánh cung Hoàng hậu, còn năm trăm thị nữ của tiểu thư đều được chuẩn nhận làm cung nữ.

DỨT TÍCH TIỂU THƯ SĀMĀVATĪ

☸

Đức vua Udena còn có một bà Thứ hậu tên là Vāsuladatta (Hòa Tu Lạc Thí), là công chúa con vua Caṇḍapajjota (Huy Đăng) trị vì Ujjenīya.

Hoàng đế Caṇḍapajjota là một vị vua có nhiều tham vọng hằng mong đi chinh phạt các nước nhược tiểu để mở rộng bờ cõi nước mình.

Một hôm, trên đường du ngoạn trở về nhà vừa háo chiến vừa tự đắc nhìn ngắm giang san của mình, rồi phán hỏi quần thần: "Có lãnh thổ của quốc vương nào bì kịp với lãnh thổ của trẫm đây chăng?".

Bá quan tâu rằng: "Muôn tâu Chúa thượng, nếu so với lãnh thổ của Quốc vương Udena thì đất nước của chúng ta chưa thấm vào đâu cả vì xứ Kosambi là một xứ rộng lớn vô cùng".

Nghe vậy, Hoàng Đế Caṇḍapajjota phán rằng:

- Thế thì trẫm sẽ tương tập binh, thôn tính xứ Kosambi.

- Muôn tâu Thánh thượng, không thể được.

- Tại vì sao thế?

- Vì vua Udena biết phép điều tượng, miệng niệm mật chú, tay khảy đàn thần vua ấy có thể huy động đàn voi chiến chạy tới chạy lui đúng theo binh pháp. Nước ta không có tượng binh hùng hậu và người tài giỏi như vua ấy đâu?

- Trẫm không bắt sống được vua ấy sao?

- Muôn tâu chúa thượng, nếu chúa thượng quyết bắt cho được vua Udena thì phải dụng mưu kế như vầy: Chúa thượng nên khiến thợ mộc rành nghề, chế tạo một con tượng bằng gỗ, rồi cho quân đem thả gần ranh giới nước vua Udena. Hễ vua ấy nghe đồn có voi chiến, hoặc ngựa chiến ở đâu, thì dầu cho xa xôi cách mấy cũng tìm đến tận nơi, khi ấy ta phục binh thì bắt được vua Udena dễ dàng như trở bàn tay.

Hoàng đế Caṇḍapajjota nghe tâu rất đẹp ý, bèn khiến tuyển nhiều thợ khéo, đặt cho họ làm một con tượng máy bằng gỗ, bên ngoài lấy vải cũ xù xì như da voi phủ lên, bên trong sắp đặt cơ quan điều động, đứng xa trông có vẻ linh hoạt như là voi sống thật sự, xong rồi Hoàng đế Caṇḍapajjota khiến quân sĩ đem tượng máy đến tận biên thùy, đặt nó đứng trên bờ của một hồ nước, trong bụng voi có đến sáu mươi quân sĩ điều khiển cho nó đi tới đi lui chỗ nầy, chỗ nọ. Họ đem theo phẩn voi để trải đường voi đi. Một người thợ rừng xứ Kosambi trông thấy con bạch tượng trước nhất "Thớt tượng nầy rất xứng với quân vương ta". Nghĩ vậy, người ấy về trào tâu với vua Udena:

- Muôn tâu chúa thượng! Hạ thần đi rừng gặp một con voi trắng phau nhau như ngọn núi tuyết. Thật là một thứ bạch tượng quý rất xứng đôi với chúa thượng.

Lập tức vua Udena phong cho thợ rừng làm hướng đạo viên, rồi vua cưỡi voi cùng với đoàn quân hộ giá lên đường đi săn bạch tượng.

Thấy vua Udena trúng kế, bọn thám tử thông tin cho Hoàng đế Caṇḍapajjota hay.

Vua Caṇḍapajjota ngự giá đến nữa đường, khiến quân sĩ an dinh hạ trại, đoạn bố trí hai đội quân mai phục hai bên con đường chẹt, chờ vua Udena đến.

Vua Udena không hay biết cơ mưu của địch, chỉ cứ mải riết rượt theo con bạch tượng giả, bị đuổi gần, bọn người trong mình con voi gia tăng tốc độ, hướng về nơi có phục binh chạy tới.

Vua Udena giở thuật niệm chú, khảy đàn để trục hồi tượng chúa, nhưng con voi gỗ không tuân theo phép, bỏ chạy đi luôn.

Thấy cưỡi voi rượt không kịp, đức vua Udena liền bỏ voi, thót lên một con tuấn mã, thúc ngựa đuổi theo.

Ngựa vua phi nước đại, bỏ cả đoàn quân hộ tống rớt lại phía sau, đưa một mình vua vào nơi hiểm địa.

Khi ấy hai đội binh của hoàng đế Caṇḍapajjota rời chỗ mai phục, xông ra đón đường vây bắt được vua Udena, đem về nạp cho chúa tướng.

Đoàn quân hộ giá của vua Udena chạy trờ tới, thấy vua mình bị sa lưới địch, đã bị sanh cầm, bèn lập tức thối lui, đồn trú ngoài biên giới.

Sau khi dùng mưu bắt sống được vua Udena, Hoàng đế Caṇḍapajjota ra lịnh hạ ngục nhà vua thất thế, sai lính canh phòng cẩn thận, đoạn mở tiệc khao quân, ăn mừng thắng trận trong ba ngày liền. Đến ngày thứ ba vua Udena kêu gọi các lính canh: "Chúa tướng các ngươi đâu?".

- Đang uống rượu mừng bắt được vua nước địch.

Nghe vậy vua Udena quát mắng rằng: "Chúa tướng của chúng bây hành động y như là hạng phụ nữ. Lẽ thường, trên chiến địa hễ bắt được vua nước nghịch, một là tha, hai là giết, chớ có đâu mà giam cầm cô gia mãi, để cùng nhau uống rượu ăn mừng".

Bọn lính canh chạy đi tâu lại những lời trên đây với chúa tướng. Hoàng đế Caṇḍapajjota thân ngự đến đề lao, hỏi vua Udena: "Phải quốc vương đã buông lời khiển trách khiếm nhã đối với quả nhân như thế chăng?".

- Tâu đại vương, phải.

- Quả nhân nghe đồn Quốc vương biết pháp điểu khiển tượng, nếu Quốc vương truyền dạy quả nhân phép ấy, quả nhân sẽ thả Quốc vương ra ngay.

- Được rồi, cô gia sẽ dạy, nhưng trước khi thọ giáo, đại vương phải làm lễ bái sư, nào đại vương đảnh lễ đi.

- Quả nhân chẳng đảnh lễ ai cả.

- Đại vương không khứng hạ mình làm lễ bái sư hay sao?

- Quả nhân không làm lễ bái sư.

- Thì cô gia cũng không truyền phép điều tượng.

- Nếu Quốc vương giấu nghề, quả nhân sẽ đưa Quốc vương theo chầu tiên đế.

- Thân ta như cá nằm trên thớt, đại vương cứ giết phứt ta đi, chớ đừng mong làm chủ được tâm ta.

Nghe tù nhân phẫn uất la to, Hoàng đế Caṇḍapajjota biết không thể thị oai, nghĩ rằng: "Bây giờ ta phải tìm cách nào học lấy mật chú nầy cho kỳ được. Ta không nên để tiết lộ ra ngoài. À hay ta hãy cho Công chúa con ta đến học với hắn, rồi sau đó ta sẽ học lại của Công chúa".

Suy nghĩ chín chắn rồi, Hoàng đế Caṇḍapajjota hỏi lại vua Udena: "Nếu có ai khác đảnh lễ Quốc vương để thọ giáo thì quốc vương sẽ truyền dạy mật chú cho người ấy phải chăng?".

- Tâu đại vương, phải.

- Nếu vậy, trong hoàng cung có đứa con gái lưng gù, để quả nhân bảo nó ngồi bên trong bức rèm đảnh lễ , còn Quốc vương thì hãy đứng bên ngoài mà dạy nó học.

- Tâu đại vương! Gù lưng hay què cẳng chi cũng được, miễn là làm lễ bái sư, thì cô gia sẽ truyền bí thuật.

Hoàng đế Caṇḍapajjota liền trở về cung điện bảo công chúa Vāsuladatta: "Nầy công chúa, có một thanh niên cùi phong lở lói mà biết câu mật chú quý giá vô cùng, phụ vương không muốn hắn tiết lộ cho kẻ nào biết được. Vậy con hãy ngồi sau bức rèm làm lễ bái sư, rồi học câu chú ấy. Còn hắn ta, phụ vương sẽ khiến đứng phía ngoài bức rèm mà dạy con học, thôi để phụ vương dắt hắn đến đây".

Hoàng đế Caṇḍapajjota đã bịa ra cô gái gù lưng và gã thanh niên cùi như thế, để cho hai bên ghê sợ lẫn nhau mà không dám suồng sã lả lơi.

Bị bức rèm ngăn cách, hai đàng không trông thấy rõ nhau. Chờ Công chúa đảnh lễ và ngồi xuống xong vua Udena đứng bên ngoài nói vọng vào để truyền dạy mật chú.

Suốt cả ngày hôm ấy, ông thầy nhắc đi nhắc lại có một câu chú, mà cô học trò nói theo cũng không đúng giọng. Vua Udena bực mình gắt gỏng: "Cô gái lưng gù nầy đây, môi và má cô dầy quá đi thôi. Tôi phải tát tai cô mới được. Cô phải đọc trúng giọng như vầy nè".

Công chúa nổi giận cũng mắng trả lại: "Cái thằng cha cùi phong lở lói nầy đừng có ăn nói hàm hồ, người như ta mà ngươi dám kêu là cô gái gù lưng phải không?".

Công chúa vén rèm lên nhìn vua Udena. Vua Udena hỏi:

- Tiểu thư là ai?

- Ta là công chúa Vāsuladatta.

- Đại vương đã nói với ta rằng: "Công chúa là cô gái lưng gù".

- Phụ vương cũng nói với ta rằng: "Quốc vương là gã thanh niên cùi phong lở lói".

Hai người đồng chung một ý nghĩ: "Chắc phụ hoàng sợ chúng ta gần gũi thân mật nhau nên nói vậy".

Rồi họ đưa nhau vào bên trong bức rèm tư tình với nhau. Từ đó về sau, không còn có chuyện dạy chú thuật, học thuật chi nữa cả. Hoàng đế Caṇḍapajjota không hay biết chuyện nầy và thường hỏi thăm công chúa: "Con có học pháp thuật không con?".

- Tâu phụ vương, con vẫn đang học.

Nấn ná ở nước ngoài được ít lâu. Một hôm vua Udena than thở cùng công chúa Vāsuladatta: "Công chúa ơi! Tình nghĩa vợ chồng đậm đà, thắm thiết dù cho cha mẹ, anh em ruột cũng chẳng sánh bằng. Nếu công chúa thật dạ yêu ta, thì ráng giúp ta được đào sanh cùng nhau trở về cố quốc, ta sẽ phong cho Công chúa làm Hoàng hậu và cấp cho năm trăm cung phi mỹ nữ theo hầu".

- Nếu như quân vương đoan thệ giữ lời kim thạch thì thần thiếp nguyện sẽ tận tình mà khai lộ đào sanh.

- Ái hậu ơi! Trẫm sẽ giữ đúng như lời đã hứa.

- Thôi được rồi, xin Quân vương hãy vững dạ.

Hôm ấy, Công chúa vào vương cung bái kiến phụ hoàng, rồi đứng qua một bên. Hoàng đế Caṇḍapajjota liền phán hỏi:

- Công chúa, con học hết phép điều tượng rồi phải không?

- Tâu phụ vương, con học chưa hết.

Vua lại phán:

- Thế thì con có điều chi muốn tỏ trần?

- Tâu phụ vương! Chúng con cần có một cửa thành riêng biệt và một con vật thần hành (Vāhana).

- Để làm chi vậy con?

- Tâu phụ vương, người thí nghiệm thần chú cần phải ra phía ngoài thành trong lúc ban đêm để kiếm một vị thuốc, cho nên chúng con cần phải có một cửa thành đặc biệt và một con vật thần hành để tiện dụng trong lúc xuất thành chánh thời hoặc phi thời cũng được.

Đức vua chuẩn tấu. Đôi tình nhân vui mừng hớn hở, đích thân ra khai một cửa thành đặc biệt.

Hoàng đế Caṇḍapajjota có đến năm vật thần hành. Một con voi cái tên là Bhaddavatī (Hiền Ly) mỗi ngày đi được năm mươi do tuần. Một quan nội thị tên là Kāla (Ô Nha) mỗi ngày đi sáu mươi do tuần, hai con thiên lý mã là Velakaṃsi và Muñjakesi mỗi ngày chạy được một trăm do tuần và con voi chúa Nāḷāgiri mỗi ngày đi được một trăm hai mươi do tuần.

Tương truyền rằng: Trong tiền kiếp, trước thời kỳ Đức Phật Tổ Gotama giáng sanh, Hoàng Đế Caṇḍapajjota là bộ hạ của Tổng trấn (Issara).

Một ngày nọ, nhằm lúc quan tổng trấn ra ngoài ngoại ô để tắm, đang đi trở về thì gặp vị Phật Bích Chi (Paccekabuddha) vào thành khất thực, bị Ma vương cản trở khiến toàn thể dân chúng không ai để bát, nên Ngài chẳng thọ dụng chút ít vật thực nào hết, bèn ôm bát không trở ra.

Đã vậy, Ma vương còn hóa hiện ra một người lạ mặt đứng đón Ngài tại cổng thành để hỏi: "Bạch Ngài! Ngài đi bát có được chút ít gì không?". Đức Phật Độc Giác hỏi lại Ma vương:

- Vì cớ nào mà ngươi phá rối, làm cho ta đi bát không được chi hết vậy?

- Thế thì Ngài hãy trở lại thành, phen nầy tôi không phá Ngài nữa đâu.

Kỳ thật nếu Đức Phật Độc Giác trở vào thành thì Ma vương sẽ nhập vào mình toàn thể dân chúng khiến cho họ vỗ tay cười rộ lên chế nhạo Ngài. Nhưng Đức Phật từ khước không vào lại thành, thấy gạt Đức Phật không được, Ma vương biến mất.

Khi ấy, quan Tổng trấn trông thấy Đức Phật Độc Giác ôm bát không đi ra, bèn kính cẩn đảnh lễ Ngài, rồi hỏi rằng:

- Bạch Ngài, chẳng hay Ngài đi bát có được chút chi chăng?

- Nầy đạo hữu! Đi vào rồi, bây giờ ta đi ra.

Quan Tổng trấn ngẫm nghĩ: "Đại đức không trả lời câu hỏi của ta, mà lại nói lảng qua chuyện khác, chắc là Ngài không được chi hết".

Khi đến xin Đức Phật Bích Chi cho xem bát, quan Tổng trấn nhìn thấy bát trống không, ý muốn xin thỉnh bát mà chưa dám vì không biết chắc ở nhà mình cơm nước đã chín sẵn chưa?

- Bạch Ngài! Xin thỉnh Ngài đi thong thả lại một chút.

Nói rồi quan Tổng trấn bươn bả trở về nhà, hỏi rằng: "Ở nhà cơm nước có chín sẵn chưa hả?".

- Thưa sẵn cả rồi.

Nghe vậy, quan Tổng trấn gọi tên bộ hạ thân tín, bảo rằng:

- Nầy con! Nội nhà không có ai chạy lẹ bằng con vậy con ráng hết tốc lực chạy theo cho kịp Ngài Đại đức, bạch Ngài cho con thỉnh cái bát, rồi ôm bát chạy bay trở về đây.

Quan Tổng trấn vừa dứt tiếng nói thì tên bộ hạ đã phát sải như giông, chạy lấy bát đem về tức khắc. Quan Tổng trấn đem phần cơm ăn của mình đặt vào đầy bát rồi trao cho tên bộ hạ: "Nầy con, con chạy ra cho mau dâng bát thực phẩm nầy lên Ngài Đại đức! Phần phước của sự cúng dường nầy, ông cho con hết đó".

Tên bộ hạ nhận lãnh bát vật thực, lại vội vã chạy thật nhanh, đến dâng bát lên Đức Phật Độc Giác, rồi gieo năm vóc xuống đất, đảnh lễ Ngài xong, phát nguyện rằng: "Bạch Ngài, do phước báu đã chạy đi cấp tốc, chạy về cũng cấp tốc của tôi hôm nay, xin cho tôi làm chủ được năm vật thần hành thiên lý, đi được năm mươi, sáu mươi, một trăm và một trăm hai mươi do tuần mỗi ngày trong đời cận lai. Do sự nồng nhiệt của thân tôi khi chạy đi chạy lại dưới ánh mặt trời gay gắt, xin cho tôi tái sanh lên cõi nào cũng được oai lực sáng chói như ánh mặt trời. Do nơi phước báu để bát của chủ tôi cho tôi, xin cho tôi chứng được phép mầu cũng như Ngài vậy".

Đức Phật Bích Chi đáp: "Mong cho được như ý" và Ngài đọc bài kệ phúc chúc như sau:

"Icchitaṃ patthitaṃ tuyhaṃ,
Khippameva samijjhatu;
Sabbe pūrentu saṅkappā,
Cando paṇṇaraso yathā".

"Icchitaṃ patthitaṃ tuyhaṃ,
Khippameva samijjhatu;
Sabbe pūrentu saṅkappā,
Maṇi joti raso yathā".

"Cầu cho bao nhiêu phước đã ước nguyền,
Của thí chủ mau kết quả nhãn tiền.
Bao nhiêu tư duy đạt thành viên mãn,
Như tối rằm, trăng chiếu sáng khắp miền.
Cầu cho bao nhiêu phước đã ước nguyền,
Của thí chủ mau kết quả nhãn tiền.
Bao nhiêu tư duy đạt thành viên mãn,
Như ngọc Ma ni, như ý chơn truyền".

Theo huyền thoại, hai bài kệ phúc chúc nầy đã có từ thời Đức Phật Bích Chi và được truyền tụng mãi đến ngày nay.

Trong bài kệ sau, thành ngữ Maṇijotiraso chỉ thứ ngọc Ma ni bảo châu, giúp cho sở hữu chủ có thể thành tựu tất cả mọi điều mong ước.

Tên bộ hạ của quan tổng trấn trong thời dĩ vãng, nay là Hoàng đế Caṇḍapajjota, do phước báu của tiền nghiệp đã kể, mà năm món vật thần hành phát sanh đến Hoàng đế vậy.

Một hôm, Hoàng đế xuất thành du ngoạn trong vườn thượng uyển. Vua Udena nghĩ: "Hôm nay, ta phải nhân lúc đại vương đi vắng mà tẩu thoát cho mau". Vua tom góp vàng, bạc dồn đầy mỗi thứ trong một cái bao da thật lớn, chất lên lưng con voi cái Bhaddavatī, rồi cùng với Công chúa Vāsuladatta cỡi voi bôn đào.

Huỳnh môn quan trông thấy hai người chạy trốn, bèn tức tốc báo với Hoàng đế Caṇḍapajjota. Hoàng đế hạ lịnh cho tướng sĩ dẫn binh rượt theo truy nã, thấy đại quân đuổi gần theo phía sau. Vua Udena mở miệng bao đựng tiền vàng ra, ném rải xuống đất, quân sĩ đang chạy nhanh, bỗng dừng lại tranh nhau lượm cho hết tiền vàng, rồi mới lên ngựa rượt đuổi theo nữa. Vua Udena lại mở miệng cái bao đựng bạc, ném rải tứ tung theo đường, tướng sĩ mãi ham lo lượm bạc nên đình bộ lần thứ hai.

Nhờ vậy vua Udena với Công chúa Vāsuladatta chạy vượt qua khỏi biên giới về tới địa phận xứ Kosambi.

Đội quân đồn trú nơi biên ải, thấy vua Udena đã về, liền nhổ trại hộ tống Quốc vương trở lại kinh đô. Về đến nơi vua Udena giữ lời hứa tấn phong Công chúa Vāsuladatta làm thứ cung Hoàng hậu.

DỨT TÍCH HOÀNG HẬU VĀSULADATTA

☸

Ngoài hai bà chánh cung và thứ cung, Hoàng đế Udena còn có một người ái phi tên là Māgandiyā (Tam Địa), sau khi nàng tiến cung, được vua Udena phong làm Hoàng hậu thứ ba.

Nghe nói, nàng nầy người gốc Kuru, con dòng Bà la môn, cả cha và mẹ nàng cùng trùng một tên với bà là Māgandiyā. Bà có một người chú (Cūḷapitu) cũng tên là Māgandiyā.

Tiểu thư Māgandiyā có nhan sắc hoa nhường nguyệt thẹn, đẹp như là tiên nữ giáng trần, mặc dầu đã có nhiều bậc vương tôn công tử, con nhà quyền quý đến cầu hôn. Tiểu thư vẫn còn treo giá ngọc vì phụ thân nàng chưa kén được rể đồng sàng. Ông nói ngay: "Các cậu không xứng với con gái ta". Khiến cho bọn người rắp ranh bắn sẻ tỉu nghỉu rút lui, về sau không còn ai dám nuôi hi vọng được làm chồng của tiểu thư nữa.

Một bữa nọ, theo lệ thường vào lúc tinh sương, Đức Bổn Sư dùng tuệ nhãn quan sát thế gian, thấy ông Bà la môn Māgandiyā với vợ ông, đều có căn lành có thể đắc quả A Na Hàm trong ngày hôm ấy. Vì thế, Ngài tự mang y bát một mình ngự đến ngôi đền thờ thần lửa của ông Bà la môn ở ngoại ô thị trấn.

Ngắm nhìn tướng hảo quang minh siêu phàm tuyệt sắc của Đức Như Lai. Ông Bà la môn nghĩ thầm: "Trên đời nầy nhất định không có cậu trai nào khác có thể sánh cặp với cậu trai nầy. Cậu nầy thật xứng đôi vừa lứa với con gái ta, ta sẽ dắt con gái ta ra tại đây mà gả không cho cậu".

Nghĩ vậy, ông Bà la môn kêu Đức Bổn Sư và nói:

- Nầy ông Sa môn! Lão có một đứa con gái mà lâu nay lão vẫn kén rể đồng sàng, nhưng chưa gặp cậu trai nào có thể sánh duyên cùng con gái lão, nay lão gặp ông nếu đem so ông với nó thì hai đàng thật là xứng đôi vừa lứa, sắc cầm hảo hiệp. Vậy ông hãy đứng đây chờ, lão về dắt con gái ra mà gả cho ông.

Đức Bổn Sư im lặng, không đáp lời chi cả, ông Bà la môn lật đật chạy về gọi bà vợ: "Bà ơi! Bà à! Ta đã gặp được chàng rể xứng đáng với nhà ta, bà lo trang điểm con gái lẹ lẹ lên đi". Khi tiểu thư đã trang điểm tươm tất rồi, ông Bà la môn với vợ dắt con gái chạy ra kiếm Đức Bổn Sư. Khắp cả châu thành đều xôn xao náo động, dân chúng bàn tán rằng: "Ông lão nầy lúc trước rêu rao là không có ai xứng đáng với con gái của lão và không chịu gả con cho ai hết cả. Bây giờ phát thinh nói: "Hôm nay lão đã gặp được người xứng với con gái lão. Để ta tới xem mắt chàng rể quý của ông lão xem ra sao?".

Thế là, người nọ rủ người kia, họ ùn ùn chạy theo ông Bà la môn. Khi ông Bà la môn dắt con gái đến chỗ hẹn với Đức Bổn Sư, thì Ngài không còn đứng ở chỗ đó nữa, nhưng Ngài có lưu lại một dấu chân, trước khi sang qua đứng ở chỗ khác.

Pháp Phật thật là kỳ diệu vô cùng, sau khi đã nguyện, chư Phật dậm chân lên tại chỗ nào thì ngay tại chỗ ấy có dấu bàn chân của Ngài in hình rõ rệt, còn ở những chỗ khác ngoài chỗ nguyện thì không thấy dấu vết chi cả.

Vả lại, những dấu chân của chư Phật không ai có thể xóa nhòa, dầu cho người ấy có phép hô phong hoán vũ, đảo hải di sơn, khiến cho gió táp mưa sa, tượng dày thú đạp đi nữa để làm mất dấu Phật tích nầy cũng không thể được.

Khi ấy, bà Bà la môn hỏi chồng: "Chàng rể đâu?".

- Cậu ấy mới vừa đứng đây, sao bây giờ đi đâu rồi?

Vừa nói, ông Bà la môn đưa mắt nhìn quanh, thấy dấu chân Đức Phật, ông bảo bà: "Đây dấu chân cậu ấy ràng ràng đây".

Bà Bà la môn vốn là người thông suốt ba bộ kinh Phệ Đà (Veda), rành về khoa tướng số, nên lẩm nhẩm duyệt lại những bài kệ "thân tướng", xem kỹ dấu chân Đức Phật, rồi quyết đoán rằng: "Nầy ông Bà la môn, dấu chân nầy không phải là của người phàm tục đâu!".

Rồi bà đọc kệ rằng:

"Rattassa hi ukkuṭikaṃ padaṃ bhave,
Duṭṭhassa hoti sahasānupīḷitaṃ;
Mūḷhassa hoti avakaḍḍhitaṃ padanti,
Vivaṭṭachadassa idamīdisaṃ padanti".

"Đầu chân túm người đầy tham dục,
Dấu lõm sâu phàm tục xấu xa,
Dấu kéo lê, tánh la cà,
Dấu nầy hiển lộ, quả là chánh tâm".

Ông Bà la môn vội ngăn vợ: "Thôi thôi hãy dẹp mấy câu chú ngữ của bà đi, đừng có giở giọng thầy bói nói đui, hít tới hít lui, hít ra kẻ trộm nằm trên máng xối…".

- Nầy ông Bà la môn! Ông muốn nói chi thì nói, chớ dấu chân nầy, theo tôi nhận biết, thì không phải của người đắm nhiễm ngũ trần.

Ông Bà la môn ngó quang quất, trông thấy Đức Bổn Sư thì kêu lên:

- Cậu ấy đây rồi.

Ông ta đi ngay đến chỗ Đức Phật và gọi: "Nầy ông Sa môn lão đem con gái lão ra mà gả không cho ông đây".

Đức Bổn Sư không đáp ngay: "Ta cần hoặc ta không cần dùng con gái của ông". Ngài ôn tồn bảo rằng: "Nầy ông Bà la môn, để Như Lai kể lại cho ông nghe một câu chuyện".

- Ông Sa môn kể đi.

Thế rồi, Đức Bổn Sư nhắc lại lộ trình hành đạo của Ngài, từ khi mới phát đại nguyện xuất gia cho tới khi cảm thắng Ma vương dưới cội Bồ Đề và kết luận: "Dưới gốc cây Bồ Đề, Như Lai đã vượt qua ngũ dục ấy rồi".

Thấy chuyện trên đây chưa dứt được nỗi ưu phiền tuyệt vọng của ông Bà la môn, Đức Bổn Sư giảng thêm chuyện ba cô Ma nữ, con gái của Ma vương đã từng dùng kế mỹ nhân để cám dỗ Ngài một cách vô ích: "Khi ấy Như Lai cũng chẳng còn thèm nữa là". Nói rồi, Đức Bổn Sư ngâm kệ rằng:

"Disvāna taṇhaṃ aratiñca rāgaṃ,
Nā hosi chando api methunasmiṃ;
Kimevidaṃ muttakarīsapuṇṇaṃ,
Pādāpimaṃ samphusitaṃ na iccheti".

"Khát vọng, tật đố, dục tình,
Đã từng bạo dạng trêu hình mà chơi.
Chán chường bướm lả ong lơi,
Xá chỉ phẩn uế đầy người thế a.
Chớ mong đây đó hiệp hòa,
Dầu đưa chân đụng cũng là chẳng ưng".

Bài kệ vừa dứt, cả hai ông bà Bà la môn đều chứng đắc A Na Hàm quả, còn tiểu thư Māgandiyā bị chạm tự ái, nên sanh lòng thù hận mà buộc oan trái với Đức Bổn Sư: "Nếu Sa môn nầy không cần ta thì ông ta nên nói ngay là ông không cần ta mới phải. Sao ông lại miệt thị ta là phẩn uế đầy người với mức sang giàu trẻ đẹp như ta, nguyện sao ta đạt đến địa vị mẫu nghi thiên hạ, cao quý tột phẩm triều đình, để chừng ấy ta sẽ liệu phương chước mà hạ nhục Sa môn Gotama nầy mới được".

(Đức Bổn Sư biết hay không biết việc tiểu thư Māgandiyā kết buộc oan trái với Ngài vì bài kệ trên đây? Cố nhiên là Ngài biết chớ lẽ nào không, Ngài biết mà tại sao Ngài ngâm kệ ấy?

Vì Ngài muốn tiếp độ cho hai người kia, bao giờ cũng vậy chư Phật chỉ thuyết pháp tế độ cho chúng sanh chứng đắc đạo quả mà thôi, chớ không phải để gây oan trái).

Ông Bà la môn Māgandiyā dắt tiểu thư đến gởi nhà chú út của tiểu thư là Cūḷa Māgandiyā, bảo bọc chu toàn. Rồi cả hai người đến xin xuất gia với Đức Bổn Sư và về sau đều đắc quả A La Hán.

Ông Cūḷa Māgandiyā sau khi nhận lãnh trách nhiệm thành toàn giai ngẫu cho tiểu thư Māgandiyā thì suy tính rằng:

- Cháu gái ta, nếu đem gả cho kẻ thấp hèn dân dã thì không xứng đáng. Chỉ có bậc vua chúa mới xứng với nó mà thôi.

Nghĩ rồi, ông bèn đưa cháu gái lên thành Kosambi, mua sắm đủ thứ thời trang lộng lẫy để tô điểm cho tiểu thư thêm mỹ lệ, dắt tiểu thư hiến nạp vua Udena và tâu rằng: "Muôn tâu Thánh thượng, bảo nữ (Itthīratana) nầy xứng với chúa thượng, hạ thần mong ân chúa thượng doãn nạp".

Vua Udena thấy tiểu thư Māgandiyā quả là một trang quốc sắc thiên hương, bèn đem lòng sủng ái vua cấp cho năm trăm cung nữ theo hầu tiểu thư, phong cho tiểu thư làm Hoàng hậu thứ ba, được dự vào hàng mẫu nghi thiên hạ.

DỨT TÍCH TIỂU THƯ MĀGANDIYĀ

☸

Thế là Quốc vương Udena có đến ba Hoàng hậu với tổng số một ngàn năm trăm cung nữ hầu hạ dưới trướng.

Đồng thời trong thành Kosambi cũng có ba nhà Thiên hộ là Thiên hộ Ghosaka, Thiên hộ Kukkuṭa (Hùng Kê) và Thiên hộ Pāvārika (Hắc Y).

Hằng năm cứ đến mùa mưa, thì có năm trăm vị đạo sĩ từ miền Tuyết Sơn về thành để kiết hạ an cư. Một hôm ba nhà Thiên hộ thấy các đạo sĩ đang đi khất thực thì phát tâm thành tín, mời các đạo sĩ vào ngồi trong nhà, cúng dường vật thực xong, thỉnh cầu các vị ấy nhập hạ bốn tháng ở gần nhà mình; mãn hạn kỳ, ba nhà đại phú lại tiếp thỉnh các Ngài trở lại nhập hạ mùa sau, rồi mới tiễn đưa các vị ấy lên đường về núi.

Sau tám tháng hành đạo trong miền Tuyết Sơn, các đạo sĩ lại về thành an cư gần gần trú xứ của ba nhà Thiên hộ.

Từ đó trở đi, họ cứ luân lưu như thế mãi cho đến một kỳ hạ nọ, các đạo sĩ cũng quen lệ, rời miền tuyết giá, đi xuyên qua một khu rừng, thấy một cây đa to, họ đến ngồi xung quanh gốc cây ấy để nghỉ mệt. Vị đạo sĩ trưởng đoàn nghĩ thầm: "Vị thọ thần ngự trên cây nầy không phải là hạng tầm thường thấp kém đâu? Chắc hẳn là một vị Thiên vương có nhiều oai lực, ước gì Ngài ban cho cả đoàn đạo sĩ nước uống giải khát".

Quả nhiên, thọ thần ban cho họ nước giải khát, vị trưởng đoàn ước muốn có nước để tắm, thọ thần ban cho họ nước tắm. Đạo sĩ ước muốn có cơm ăn, thọ thần cũng cho họ cơm ăn. Kế đó đạo sĩ trưởng nói thầm: "Ta mong ước vật kia vật nọ. Thiên vương nầy đều ban cho tất cả, ước gì ta được giáp mặt Thiên vương".

Thọ thần làm cho cây nứt đôi và hiện hình trong chỗ nứt ấy. Các đạo sĩ xúm nhau hỏi: "Tâu Thiên vương! Quyền lực của Ngài thật to tát, chẳng hay Ngài đã tạo nghiệp gì mà được hưởng phước nầy?".

- Bạch xin các Ngài đừng tra hỏi tôi.

- Tâu Thiên vương! Xin Ngài hoan hỷ trả lời.

Hổ thẹn vì tiền nghiệp của mình quá nhỏ nhen, thọ thần không muốn phô trương ra, nhưng bị các đạo sĩ nài ép, yêu cầu mãi, thọ thần phải chiều theo: "Thôi vậy, xin các Ngài lắng nghe".

Thế rồi, Thiên vương bắt đầu kể chuyện: Theo lời tự thuật, thọ thần kiếp trước là một người đàn ông nghèo khó, đi xin việc làm để kiếm ăn, may được ông Anāthapiṇḍika thu nhận, cho ở làm công, nhờ đó mà yên thân, tạm sống qua ngày.

Một hôm nhằm ngày Bát quan trai, ông Anāthapiṇḍika đi chùa về, hỏi gia nhân: "Có ai nói chú mới đến ở mướn biết: Hôm nay cả nhà ta giữ bát quan không?".

- Dạ thưa ông chủ! Không có ai nói cả.

- Vậy thì hãy lo nấu nướng cơm chiều cho chú ấy nghe.

Vâng lịnh chủ, người nhà lo nấu cơm chiều, để dành phần cho chú mới đến ở. Chú ấy làm lụng cả ngày trong rừng, đến chiều mới trở về nhà, kêu lên: "Nấu cơm rồi thì dọn cho tôi ăn, tôi đói bụng quá".

Gia nhân dọn cơm ra, nhưng chú ấy bỗng nhiên ngừng lại, chưa vội ăn: "Mọi bữa thì giờ nầy trong nhà rần rần, đầu nầy kêu cơm, đầu kia gọi canh, đầu nọ xin thêm đồ ăn, om sòm tở lở, bữa nay ai nấy đều nằm ngủ im lìm. Họ dọn cơm chỉ một mình ta ăn, có việc chi vậy cà?".

Chú làm mướn quay lại hỏi gia nhân: "Bộ mấy người kia ăn cơm hết rồi phải không?".

- Họ không ăn.

- Tại vì lý do gì vậy?

- Nhà nầy không có ai dùng cơm chiều trong những ngày Bát quan cả vì tất cả đều là những người thọ trì Bát giới. Cho đến trẻ con còn bú, phú Trưởng giả cũng bắt cho súc miệng rồi cho ngậm kẹo bộ dầu (catumadhura) để làm người thọ trì Bát giới nữa. Tối đến, khi lũ trẻ nhỏ lớn gì đều đi ngủ rồi, người ta đốt đèn và hương trầm lên ngồi tham thiền đề mục ba mươi hai thể trược. Vì quên không nói cho chú biết bữa nay trong nhà giữ Bát quan trai, nên tôi phải ráng nấu cơm chiều cho chú ăn. Thôi chú cứ dùng cho no bữa đi.

Chú làm rừng nói: "Nếu bữa nay trong nhà giữ Bát quan trai thì tôi cũng xin giữ nữa".

Gia nhân đáp: "Nếu muốn vậy phải bẩm cho ông chủ biết!".

- Ồ! Anh hỏi giùm ông chủ coi.

Gia nhân đi hỏi ý kiến phú Trưởng giả, ông đáp: "Nếu bây giờ chú ấy chưa ăn, chú ấy súc miệng cho sạch rồi nguyện trọ trì Bát quan phần (uposathaṅgāni) thì chú sẽ được hưởng phước báu của nữa ngày Bát quan".

Chú mới ở nghe vậy, bèn làm theo cách ấy, vì ráng nhịn đói sau một ngày làm lụng cực nhọc, chú ấy bị cảm gió đau bụng. Chú phải lấy một dây lưng thắt chặt ngang bụng, một tay đè giữ mối thắt, nằm úp sấp mà chịu.

Hay tin nầy, phú Trưởng giả sai gia nhân cầm đuốc và đem theo kẹo mật, bơ dầu đi với ông đến thăm người bịnh, ông hỏi: "Con đau làm sao?".

- Con bị trúng gió, đau bụng.

- Không sao, con ráng ngồi dậy, lấy kẹo mật, bơ dầu nầy ngậm đi.

- Dạ, mà ông chủ cũng ngậm kẹo nầy chứ.

- Không vì ông không có bịnh, con có bịnh thì ngậm ấy kẹo mà ăn.

Chú ở không chịu ăn, đáp rằng:

- Dạ, thưa ông chủ, con đã trót lỡ không được thọ trì Bát quan trọn cả một ngày, thì bây giờ con nguyện giữ đừng cho đứt giới Bát quan phần trong nữa ngày còn lại.

- Con đừng làm vậy, không nên.

Dầu cho ông chủ nói gì thì nói, chú ở vẫn một mực từ chối và rồi chú ấy tắt thở vào lúc mặt trời mọc, bỏ xác nằm trơ như một đóa hoa tàn. Tâm thức của chú thọ sanh làm vị Thiên vương, ngự trên cây đa nầy đây.

Sau khi kể hết tiền nghiệp của mình, thọ thần kết luận:

- Phú Trưởng giả Anāthapiṇḍika là người tín ngưỡng Đức Phật (Buddhamāmako), là người tín ngưỡng Đức Pháp, là người tín ngưỡng Đức Tăng. Nhờ làm theo lời ông chủ biểu, thọ trì nữa ngày Bát quan trai, ta mới tạo được phước báu là nhân duyên sanh quyền lực của ta vậy.

Nghe đến tiếng Đức Phật (Buddho), năm trăm vị đạo sĩ đồng thời đứng lên, chắp tay yêu cầu Thiên vương hãy niệm Đức Phật ba lần cho chúng tôi niệm theo với. Tiếng niệm Đức Phật vang lên nghe như rung chuyển cả một góc trời.

Các đạo sĩ bồi hồi cảm kích, buột miệng tự nhủ: "Tiếng niệm vang rền như vậy, cũng khó mà được nghe trong thế gian". Đoạn họ thốt lời cảm tạ thọ thần: "Thiên vương ơi! Cái tiếng mà chưa từng nghe từ vô lượng kiếp, trăm ngàn đại kiếp, nhờ Thiên vương mà chúng tôi mới được nghe đây!".

Khi ấy, các đạo sĩ đệ tử bạch cùng đạo sĩ trưởng:

- Vậy chúng ta đi tìm Đức Phật ngay bây giờ đi.

- Nầy các trò, từ lâu nay chúng ta đã nhờ ân ba nhà Thiên hộ giúp đỡ rất nhiều vậy mai nầy sau khi thọ thực tại nhà ba vị ấy, ta phải báo tin cho họ biết và từ giã họ. Các trò hãy khoan, đừng vội đi gấp.

Các đệ tử vâng lịnh thầy, đều ở nán lại.

Ngày hôm sau, khi nhớ chừng hôm nay là ngày quý vị đạo sĩ của mình trở về, ba nhà Thiên hộ khiến gia nhân nấu cơm cháo, sắp (soạn) chỗ ngồi trước sẵn sàng, rồi ra đi nghinh tiếp các đạo sĩ, thỉnh vào ngồi trong nhà và cúng dường vật thực.

Sau bữa cơm, các đạo sĩ đứng dậy nói: "Chúng tôi xin cáo từ gia chủ để đi nơi khác".

- Bạch các Ngài! Các Ngài đã nhận lời thỉnh cầu của chúng tôi, hứa ở đây nhập hạ bốn tháng mà sao các Ngài còn định đi nữa?

- Nghe rằng: Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng đã giáng thế, cho nên chúng tôi đi tìm gặp Đức Bổn Sư.

- Ngoài các Ngài ra, những người khác có thể tháp tùng với quý Ngài, đi đến gặp Đức Đạo Sư được chăng?

- Những người khác đi cũng được, không có chi trở ngại đâu đạo hữu.

- Bạch Ngài, nếu vậy xin các Ngài khoan đi, chờ sắp đặt hành trang, chúng tôi cùng đi nữa.

- Nếu chờ quý gia chủ sắp đặt hành trang thì sợ e trì hoãn lâu lắc mất nhiều thì giờ, thôi để bần đạo chúng tôi khởi hành đi trước, rồi quý gia chủ sẽ nối gót theo sau.

Nói rồi, đoạn đạo sĩ vội vã đăng trình đến gặp Đức Chánh Biến Tri, họ vội vàng quỳ xuống đảnh lễ Ngài rồi nép qua một bên. Khi ấy, Đức Bổn Sư thuyết thời pháp gọi là Tuần Tự Pháp Thoại (Anupubbīkathaṃ), nghe hết thời pháp, tất cả năm trăm đạo sĩ đều đắc A La Hán quả với Tuệ phân tích, nên ngỏ lời xin xuất gia.

Đức Bổn Sư lại phán: "Lại đây, hỡi các Tỳ khưu". Ngài vừa dứt lời, thì tự nhiên do thần thông của Ngài các vị sư mới liền được đắp y mang bát giống như các vị Đại đức hàng trăm tuổi hạ.

Sau các đạo sĩ, ba nhà triệu phú cùng nhau ra đi, mỗi người cùng mang theo năm trăm cỗ xe bò, chở đủ thứ thập vật đồ cúng dường như là vải, y phục, đường, mật, bơ, dầu… đến Đại Tự Jetavana, đi bộ vào chùa, đảnh lễ Đức Bổn Sư rồi ngồi nghe pháp. Nghe hết thời pháp, họ đắc chứng Tu Đà Hườn quả. Họ ở nán lại Jetavana độ nữa tháng để làm phước Trai Tăng ngày ngày được gần gũi Đức Bổn Sư.

Khi muốn trở về Kosambi, ba nhà Thiên hộ đến đảnh lễ cáo từ Đức Bổn Sư và xin Ngài ngự sang xứ mình để hoằng dương chánh pháp, Đức Bổn Sư chuẩn nhận bằng lời dạy rằng:

- Nầy các gia chủ, chư Như Lai chỉ an cư tịnh lạc trong chỗ rừng xa, nhà vắng mà thôi.

Nghe vậy, ba nhà triệu phú đáp: "Bạch Ngài, chúng con hiểu rồi. Để chúng con lo liệu về sắp đặt chỗ nơi, xong rồi sẽ phái người sang thỉnh Ngài".

Về đến Kosambi, ba nhà cự phú bèn xúc tiến công việc kiến thiết cảnh già lam (ārāma), Thiên hộ Ghosaka cất Ghositārāma (Lôi Âm Tự), Thiên hộ Kukkuṭa thì cất Kukkuṭārāma (Hùng Kê Tự), Thiên hộ Pāvarika thì cất Pāvarikārāma (Hắc Y Tự). Xong rồi, họ phái người đi thỉnh Đức Bổn Sư. Khi nghe tin sai của ba nhà Thiên hộ đến cung thỉnh. Đức Bổn Sư liền ngự sang thành Kosambi.

Ba nhà cự phú ra khỏi thành nghinh tiếp Đức Bổn Sư, lần lượt thỉnh Ngài vào ngồi nơi chùa mới của mình và tuyên bố trong cuộc lễ: "Ngôi đạo tràng nầy, chúng tôi xin dâng đến tứ phương Tỳ khưu Tăng, có Đức Phật làm hội chủ".

Sau cuộc lễ dâng chùa, ba nhà cự phú thay nhau hộ độ chư Tăng. Đức Bổn Sư mỗi ngày ngự trong mỗi một ngôi chùa, hễ ở chùa của vị nào thì Ngài trì bình đến trước cửa nhà vị ấy mà thọ bát.

Thuở ấy có ông Sumana (Hảo Ý) là nhà chuyên môn làm tràng hoa để cung cấp cho ba nhà Thiên hộ. Một hôm, ông Sumana nói với ba vị thân chủ của mình rằng: "Tôi là người phục vụ cho ông chủ đã lâu rồi, bây giờ tôi muốn để bát cúng dường Đức Bổn Sư, tôi phải nghỉ việc một ngày đặng lo sắp đặt sự cúng dường".

- Nếu vậy, ngày mai chú để bát đi.

- Dạ vâng, thưa ông chủ.

Hôm sau, ông Sumana cung thỉnh Đức Bổn Sư đến nhà và cúng dường thực phẩm.

Vào thời ấy vua Udena ban cho Hoàng hậu Sāmāvati mỗi ngày tám đồng vàng để mua hoa, số tiền đó thường được giao cho một thế nữ tên là Khujjuttarā đi lấy hoa ở nhà ông Sumana.

Ngày ấy, khi cô thế nữ lưng gù đến, ông Sumana nói: "À! Hôm nay tôi mới vừa thỉnh được Đức Bổn Sư, tôi phải để dành những thứ hoa đẹp quý thượng hạng mà cúng dường Ngài, cô ở đây phụ tiếp với tôi, một lát nữa nghe pháp xong rồi thì cô lấy số hoa còn lại mà đem đi". Cô thế nữ đáp: "Dạ được", rồi cô ở lại chờ.

Sau khi để bát cúng dường chư Tỳ khưu Tăng có Đức Phật làm hội chủ xong, ông Sumana phát nguyện hồi hướng phước báu đến chư thiên và các bậc hữu ân đã quá vãng. Nhân đó, Đức Bổn Sư thuyết giảng về công đức hồi hướng phước báu. Ngồi chăm chú theo dõi thời pháp của Đức Bổn Sư, cô Khujjuttarā chứng đắc quả vị Tu Đà Hườn. Cô gái lưng gù nầy trong những ngày khác thì cô chỉ mua có bốn đồng hoa mà thôi, còn bốn đồng thì cô ăn lời, nhưng trong ngày ấy cô mua đủ tám đồng hoa đem về. Thấy nhiều hoa, Hoàng hậu hỏi cô thế nữ:

- Nầy con! Có lẽ hôm nay đức vua tăng lên gấp đôi số tiền mua hoa cho ta phải chăng?

- Tâu Chánh Hậu, không phải.

- Không thì tại sao hôm nay nhiều hoa thế?

- Những ngày khác thì con ăn lời, cất bớt bốn đồng vàng, chỉ mua đem về có bốn đồng mà thôi.

- Bữa nay, sao con không ăn lời?

- Nhờ nghe thời pháp của Đức Bổn Sư con đã chứng ngộ được chánh pháp.

Khi ấy, thay vì hăm he trách mắng cô thể nữ "Mi là con thị tỳ xấu xa, bấy lâu nay mi đã ăn cắp giữ bao nhiêu đồng vàng, thì mi phải trả hết lại cho ta", Hoàng hậu lại phán bảo:

- Nầy con, con đã hữu duyên uống được nước nguồn bất tử vậy con hãy cho chúng ta uống với.

Cô Khujjuttarā đáp:

- Nếu vậy, xin cho con được tắm gội sạch sẽ đã.

Nghe vậy, Hoàng hậu cho các cung nữ lo tắm rửa cho cô thể nữ bằng mười sáu bầu nước thơm và ban cho cô hai cái y choàng bằng lụa thật tốt, cô lấy một cái để mặc một cái chô choàng lên phủ kín mình. Cô chỉ biểu cho cung nữ dọn một pháp tòa và đem đến cho cô một cây quạt.

Lên ngồi đàng hoàng trên pháp tọa, một tay cầm cây quạt tuyệt đẹp, cô Khujjuttarā mở lời kêu gọi năm trăm cung nữ và thuyết lại cho họ nghe y nguyên thời Pháp mà cô đã được nghe Đức Bổn Sư thuyết.

Xong rồi, tất cả năm trăm cung nữ ấy đều đắc quả Tu Đà Hườn.

Tất cả đều đảnh lễ cô gái gù lưng và nói: "Chị ơi! Từ giờ trở đi xin chị đừng làm các công việc gì nặng nhọc nữa, xin chị giữ địa vị làm mẹ và bà giáo của chúng tôi. Chị cứ ở không để đi nghe pháp của Đức Bổn Sư để về cùng thuyết lại cho chúng tôi nghe với".

Cô Khujjuttarā làm y như lời yêu cầu về sau trở thành một nữ Tam Tạng Pháp Sư.

Khi ấy, Đức Bổn Sư đặt cô lên hàng đệ tử ưu tú: "Nầy các Tỳ khưu! Cao minh nhất trong các nữ cận sự Thinh Văn về đệ nhất thuyết pháp là thể nữ Khujjuttarā nầy vậy".

Năm trăm cô cung nữ yêu cầu cô thể nữ lưng gù:

- Chị ơi! Chúng tôi muốn bái kiến Đức Bổn Sư. Chị làm sao đưa giùm chúng tôi đến gặp Ngài để chúng tôi cúng dường hương hoa lễ vật đến Ngài.

- Thưa quý nàng! Thể thống của hoàng gia rất trọng đại, tôi không dám dắt đưa các nàng ra khỏi hoàng cung.

- Chị ơi! Đừng để chúng tôi mỏi mòn thất vọng, chị ráng làm cách nào giúp chúng tôi được bái kiến Đức Bổn Sư.

- Thôi thì các nàng, mỗi người trổ một lỗ trống trong vách phòng của mình, rộng vừa đủ để trông thấy rõ bên ngoài và cho người mang lễ vật, hương hoa để sẵn nơi đó, chờ khi Đức Bổn Sư đi ngang qua để đến cổng ba nhà Thiên hộ, thì các nàng lại chỗ lỗ trống của phòng mình mà nhìn xem, hay là giơ tay ra ngoài lễ bái và dâng cúng lễ vật.

Các phi tần làm y theo như vậy, họ chờ Đức Bổn Sư đi ngang qua, lúc Ngài ngự đến hoặc lúc trở về để nhìn ngắm kim quang hoặc lễ bái, cúng dường tùy theo sở thích.

Bất ngờ, một hôm Thứ hậu Māgandiyā từ trong tư cung bước ra, trong khi thung thăng bách bộ, bà đi đến chỗ ngự của năm trăm nàng cung phi ấy.

Trông thấy các lỗ trống trong vách cung phòng, Thứ hậu bèn hỏi: "Lỗ gì vậy?".

Các nàng cung nữ không biết việc Thứ hậu Māgandiyā ôm lòng thù hận, ngầm buộc oan trái với Đức Bổn Sư, nên tình thật đáp rằng: "Khi nào Đức Bổn Sư ngự vào thành, chúng tôi đứng đó mà lễ bái và dâng cúng lễ vật đến Ngài".

Thứ hậu nghĩ thầm: "Sa môn Gotama vào thành lúc nầy, thật là dịp may ta lập cách tẩy thù, phục hận, rửa được cái nhục ngày xưa. Còn mấy con tiện tỳ nầy là bọn a dua, thị tùng của hắn, thì ta cũng sẽ làm cho biết tay".

Lập tâm như thế rồi, Thứ hậu Māgandiyā vào trào, mật tấu với vua Udena: "Tâu đại vương! Năm trăm cung nữ của Chánh hậu Sāmāvatī âm mưu tư thông với bên ngoài, dự bị hành thích đại vương trong vài ngày tới đây".

Đức vua không tin đáp rằng: "Các cung nữ ấy không dám làm việc tày đình ấy đâu".

Mặc dầu Thứ hậu tâu đi tâu lại, đức vua cũng không lưu ý, thấy vu cáo đến ba lần mà đức vua cũng không tin lời mình, Thứ hậu bèn tâu rằng: "Nếu đại vương không tin, thì xin đại vương quang lâm đến chỗ ngụ của các cung nữ ấy mà quan sát thì sẽ rõ ngay gian".

Đức vua ngự đến các cung phòng, trông thấy những lỗ trổ trong vách, phán hỏi lỗ gì đây vậy.

Sau khi nghe các cung nữ trình bày hợp lý, đức vua chẳng giận hờn trách mắng chi họ, mà còn cho lịnh đến lắp các lỗ trống lại và gắn cửa sổ mắt cáo (khuddacchiddakavātapānāni) vào vách của tất cả các cung nữ. Tương truyền rằng: "Những cửa sổ mắt cáo có từ khi nầy vậy".

Bị thất bại trong việc vu cáo các cung nữ, Thứ hậu Māgandiyā tự nghĩ: "Bây giờ ta phải đối phó với Sa môn Gotama trước đã!".

Thứ hậu bèn vãi tiền ra mướn dân chúng trong thành: "Ai thấy Sa môn Gotama vào thành thì kéo hết kẻ ăn người làm trong gia đình ra mà mắng nhiếc, lăng mạ xua đuổi ông ta đi". Bọn người tà kiến, không có đức tin nơi Tam Bảo, sau khi lớn tiếng mắng chửi, lăng mạ Ngài: "Ngươi là kẻ cướp, là kẻ ngu, là kẻ khùng, ngươi là con lạc đà, là con bò, là con lừa, ngươi là giống quỷ sứ, là giống súc sanh, ngươi sẽ không bao giờ được siêu sanh lên nhàn cảnh, ngươi nhất định sẽ sa vào ác đạo". Bị xúc phạm bằng mười thứ thô ác ngữ như trên. Đại đức Ānanda bạch với Đức Bổn Sư: "Bạch Ngài, dân chúng miền nầy mắng nhiếc, lăng mạ ta. Vậy ta hãy đi qua nơi khác".

- Đi đâu hở Ānanda?

- Bạch Ngài, ta đi qua thành khác.

- Nếu dân chúng ở đó mắng nhiếc ta thì ta sẽ đi đâu nữa hở Ānanda?

- Bạch Ngài! Thì ta sẽ bỏ đó mà đi qua thành khác nữa.

- Nầy Ānanda! Không nên làm như vậy, chỗ nào có sự khẩu thiệt (adhikaraṇa) phát sanh, thì ta phải lưu lại đó cho đến khi những tiếng thị phi lắng dịu hết rồi mới nên đi qua chỗ khác. Họ mắng nhiếc bằng những lời lẽ nào vậy Ānanda?

- Bạch Ngài, họ giăng đủ cả thập ác thô ngữ.

- Nầy Ānanda! Như Lai chẳng khác nào con tượng chúa khi lâm trận phải hứng chịu tất cả bao nhiêu mũi tên địch từ bốn phía bắn vào, cũng như nơi đây, dầu cho những kẻ không giới hạnh có thốt ra nhiều lời bất nhã như thế kia, Như Lai cũng vẫn nhẫn nhục chịu đựng được hết.

Nói rồi, Đức bổn Sư thuyết pháp, tự đề cập đến Ngài và kết thúc bằng ba bài kệ Pháp Cú sau đây, được ghi chép trong Phẩm Voi:

"Ahaṃ nāgo va saṅgāme,
Cāpāto patitaṃ saraṃ;
Ativākyaṃ titikkhissaṃ,
Dussīlo hi bahujjano".

"Dantaṃ nayanti samitiṃ,
Dantaṃ rājābhirūhati;
Danto seṭṭho manussesu,
Yoti vākyaṃ titikkhati".

"Varamassatarā dantā,
Ājānīyā ca sindhavā;
Kuñjarā ca mahānāgā,
Attadanto tato varanti".

"Như voi xuất trận gan lì,
Hứng tên cung bắn vào bì chẳng nao.
Như Lai hứng chịu biết bao,
Những lời phỉ báng thấp cao tục tằn".

"Thế gian lắm kẻ làm nhăn,
Phá hư giới hạnh thiện căn của mình.
Voi thuần được đến hội đình,
Voi thuần được chúa thích tình ngự du.
Cao hơn nhân loại người tu,
Nhịn lời phỉ báng phàm phu tục tằn".

"Quý thay là giống la thuần!
Quý thay ngựa tuấn người hằng khéo nuôi!
Quý thay tượng chúa đàn voi!
Người tự điều chế hẳn hòi quý hơn".

Sau khi thuyết giảng như thế, Đức Bổn Sư phán:

- Nầy Ānanda! Ngươi chớ nên tư lự, họ chỉ mắng nhiếc trong vòng bảy ngày mà thôi. Đến ngày thứ tám họ sẽ tự động im lặng ngay.

Quả nhiên đối với chư Phật, mọi sự khẩu thiệt chỉ tồn tại trong bảy ngày chớ không bao giờ kéo dài hơn nữa.

Khi thấy mướn người mắng nhiếc, xua đuổi Đức Bổn Sư không kết quả, Thứ hậu Māgandiyā tự nghĩ: "Bây giờ ta sẽ làm gì đây? À lũ cung tần và Sāmāvatī là những kẻ hậu thuẫn của Sa môn Gotama. Ta phải tiêu diệt lũ nó".

Một hôm nọ, Thứ hậu được chỉ định trông coi việc ngự thiện, làm quản đốc nơi tòa ngự yến lâu (Rañño surāpānaṭṭhāna). Nhân cơ hội đó, Thứ hậu gởi mật thư cho chú mình như vậy: "Xin tin cho Quốc tượng rõ, con đang cần dùng gà trống, tám con sống và tám con chết. Quốc trượng nên mang gà đến ngự yến lâu, đứng túc trực nơi chân cầu thang và thông tin cho con biết tin Quốc trượng đến. Khi có lệnh truyền cho vào. Quốc trượng cũng đừng lên lầu, lần đầu tiên Quốc trượng gởi cho nội thị tám con gà trống còn sống và lần sau hãy gởi mấy con kia".

Mặc khác, Thứ hậu đút lót vàng bạc mua chuộc viên quan hầu rượu của vua (Cūḷupatthāko) và căn dặn: "Khanh nhớ ráng làm đúng theo lời ta ủy thác nha".

Tiếp được mật thơ, Quốc trượng Cūḷa Māgandiyā thân hành đi vào hoàng cung, khiến nối thị thông báo cho đức vua biết. Quốc vương truyền lịnh cho vào. Quốc trượng thối thác với nội thị rằng: "Nơi Quốc vương yến ẩm, ta không dám lên".

Thứ hậu bèn phán bảo bồi yến quan: "Hiền khanh hãy xuống tiếp kiến Quốc trượng đi".

Quan bồi yến xuống lầu, được Quốc trượng gởi tám con gà trống còn sống đem lên dâng đức vua: "Tâu Quốc vương, đây là lễ vật của Quốc trượng hiến nạp".

Quốc vương rất đẹp ý, phán rằng: "Quý hóa thay! Được thêm món trân tu mỹ vị nầy cô gia không biết nên giao cho ai nấu nướng đây".

Thứ hậu Māgandiyā tâu: "Tâu đại vương, năm trăm cung phi do Chánh hậu Sāmāvatī chưởng quản hiện đang ở không, đi dông đi dài. Xin đại vương gởi món nầy đến bảo họ nấu nướng rồi mang lại đây".

Quốc vương ra lịnh cho quan bồi yến:

- Khanh đem mấy con gà nầy đến giao tận tay các cung nữ, chớ đừng giao cho ai khác và tâu rằng: "Đức vua muốn quý lịnh bà tự tay mình làm thịt gà và nấu món ăn dâng lên đức vua".

- Hạ thần xin tuân Thánh lịnh.

Nói rồi, quan bồi yến ra đi, đến gặp các cung nữ và truyền lịnh vua. Các cung nữ từ chối, đáp rằng: "Chúng tôi giữ giới không dám sát sanh".

Quan bồi yến trở về phục lịnh đức vua. Khi ấy Thứ hậu Māgandiyā tâu rằng:

- Tâu đại vương! Muốn biết thật các cung nữ nầy có giữ giới cấm sát sanh hay là họ chỉ mượn cớ thối thác, không tuân vương lịnh, thì xin đại vương thử phán bảo họ: "Nấu xong thực phẩm đem dâng cúng dường Sa môn Gotama", xem ra sao?

Quốc vương y tâu, lại sai viên quan hầu rượu ra đi một lần nữa. Bồi yến quan đem gà xuống lầu, giả cách như đem thẳng vào thâm cung, nhưng sự thật thì ông giao trả Quốc trượng tám con gà trống sống mà tráo lấy tám con gà trống chết, đem qua chánh cung, tâu với vương phi rằng: "Có lịnh vua khiến quý vương phi làm thịt mấy con gà nầy, nấu thành thực phẩm gởi đến cúng dường Đức Tôn Sư".

Các cung nữ ra rước lấy mấy con gà chết và nói:

- Bây giờ, công việc nầy là phận sự của chúng tôi đây.

Thấy quan hầu rượu trở về phục lịnh, đức vua phán hỏi:

- Thế nào vậy khanh?

- Bồi yến quan tâu: "Muôn tâu chúa thượng, vừa nghe nói nấu để cúng dường Sa môn Gotama, thì các cung nữ liền chạy ra đón đường hạ thần và rước mấy con gà rồi". Thấy vậy, Thứ hậu Māgandiyā liền tâu rằng:

- Đại vương hãy coi đó, có phải rõ ràng là các cung phi ấy chỉ có tâm xu hướng ngoại nhân chớ không có lòng tín ngưỡng đại vương chăng, thế mà đại vương còn chẳng tin lời thần thiếp.

Quốc vương làm thinh giữ vẻ trầm ngâm để cho Thứ hậu Māgandiyā tha hồ tâu rỗi. Thấy vậy, Thứ hậu nghĩ thầm: "Bây giờ, ta phải làm sao đây?".

Thời ấy đức vua luân phiên ngự vào cung của ba bà Hoàng hậu Sāmāvatī, Vāsuladatta và Māgandiyā. Vua tuần tự lưu lại trong mỗi hậu cung bảy ngày đêm liền.

Sau khi hỏi vua để biết trước "Mai hay mốt đức vua sẽ ngự hành sang qua chánh cung", Thứ hậu Māgandiyā sai một người thân tín đến dinh Quốc trượng Cūḷa Māgandiyā, để xin một con rắn độc đã nhổ hết mấy cái răng độc về cho mình cần dùng. Quốc trượng làm y như lời đứa cháu gái cưng.

Quốc vương Udena, mỗi khi thân hành ngự đến nơi nào cũng mang cây đàn điều tượng đem theo, thùng đàn có một lỗ nhỏ, Thứ hậu Māgandiyā lùa cho con độc xà chui qua lỗ ấy mà vào trong thùng đàn, đoạn lấy một chùm hoa nhét trám miệng lỗ. Đến ngày Quốc vương xuất hành, Thứ hậu giả vờ hỏi:

- Hôm nay đại vương ngự đến cung nào?

- Đến cung chánh hậu Sāmāvatī.

Nghe vậy, Thứ hậu can rằng: "Tâu đại vương! Đêm hôm quan thần thiếp nằm mộng, thấy một điềm bất thường là lịnh Thiên tử không nên ngự qua chánh cung được".

- Trẫm nhất định qua đó.

Thứ hậu can ngăn đức vua đủ ba lần, rồi mới nói:

- Nếu đại vương quyết như thế, thì thần thiếp xin cùng đi với đại vương.

Nói rồi, Thứ hậu theo sát cánh Quốc vương, ra khỏi phạm vi đệ tam cung, Thứ hậu cũng không quay về, lại nói rằng:

- Tâu chúa thượng! Thần thiếp rất e ngại, không biết sắp xảy ra biến cố nào đây.

Khi Quốc vương ngự đến chánh cung, Hoàng hậu Sāmāvatī và đoàn cung nữ ra nghinh tiếp, khoác lên long thể những đồ trang điểm quý giá tràng hoa và hương trầm. Đức vua cứ để nguyên các phục sức ấy mà ngự dụng các món thiện soạn (subhojanaṃ). Xong bữa rồi, đức vua ngự lên long sàng để an giấc, buông bỏ cây đàn kế bên đầu nằm.

Thứ hậu Māgandiyā giả vờ đi quan sát chỗ nọ, chỗ kia, rồi thừa lúc vắng người lén đến rút bỏ chùm hoa nhét trám cái lỗ trên thùng đàn.

Con rắn nằm yên trong thùng đàn hai ba ngày qua, liền theo lỗ trống bò ra ngoài, ngóc đầu lên phùng mang thở khem khem rồi trườn lên nằm trên long sàn. Thấy vậy, Māgandiyā kêu thét lên: "Chúa thượng ơi! Có con rắn!". Rồi như ngây như dại, Thứ hậu mắng nhiếc cả Quốc vương, Chánh hậu cùng các cung nữ:

- Hôn quân bất hạnh, không nghe lời ta can gián. Lũ tiện tỳ nầy cũng vô phước vậy mà cũng học đòi chầu chực Quốc vương. Có lẽ chúng bây mong mỏi đức vua thăng hà để cho bây được sống an vui, nếu đức vua còn tại vị thì chúng bây sống chịu cực khổ phải không?

Chúa thượng ơi! Sáng nay thần thiếp đã thấy triệu bất thường, biết là Chúa thượng chẳng nên ngự đến cung của chánh hậu Sāmāvatī nầy. Thần thiếp đã hết lời can gián mà Chúa thượng chẳng tin nghe thần thiếp.

Nhìn thấy con rắn, Quốc vương kinh hoàng, nghĩ đến cái chết:

"Mấy cung nữ nầy có thể làm cho trẫm thăng hà được lắm. Ôi! Thật trẫm quá ngu khờ mới không tin lời Thứ hậu đã lắm lần chỉ rõ ác tâm của bọn họ cho trẫm thấy. Lần đầu tiên họ khoét lỗ vách cung phòng để ngồi ngó ra ngoài, lần kế đó họ trả mấy con gà trống của trẫm đưa đến cho họ làm thịt và bữa nay họ thả rắn lên long sàn trong lúc trẫm ngủ say".

Nghĩ đến đây, Quốc vương phừng phừng nổi giận, nộ khí xung thiên.

Chánh hậu Sāmāvatī điềm tĩnh bảo năm trăm cung nữ:

- Nầy các em. Chẳng có ai có thể che chở cho chị em mình hết. Vì các Thiên vương, Thiên hậu với chị em mình cũng ngang đồng bậc, chẳng khác chi nhau, các em cứ lo rải tâm từ đừng ái ngại chi hết.

Quốc vương lấy chiếc cung vàng có sức bắn đi mạnh gấp ngàn cây cung thường (sahassathāmasiṅgadhanu), cầm lên tay búng thử dây cung, lắp mũi tên có tẩm thuốc độc vào, rồi truyền lịnh bắt Chánh hậu Sāmāvatī đứng đầu, cả đoàn cung phi sắp hàng đứng nối theo sau. Đoạn Quốc vương nhắm ngay ngực Hoàng hậu Sāmāvatī bắn mũi tên ra.

Do mãnh lực từ tâm của Hoàng hậu, mũi tên quay đầu trở lại bay thẳng về phía Quốc vương, suýt đâm thủng tim Quốc vương mới dừng lại. Quốc vương giật mình, ngẫm nghĩ rằng: "Mũi tên của trẫm bắn ra, dầu cho gặp đá cứng nó cũng xuyên thủng đi qua, còn trên hư không nó đâu có đụng bá chỗ nào, sao tự nhiên nó quay đầu trở lại, chực bay xỉa vào tim của trẫm? Ôi! Rất đỗi là một mũi tên, là thứ đồ bắn bỏ, là giống vô tình, là vật vô sanh mà nó còn nhận thức được giới đức của Hoàng hậu, trẫm là

giống con người mà sao trẫm thua vật vô tri". Quốc vương ném phăng chiếc cung vàng xuống đất, chắp tay ngồi xổm bên chân Hoàng hậu Sāmāvatī rồi đọc kệ rằng:

"Sammuyhāmi pamuyhāmi,
Sabbā muyhanti me disā;
Sāmāvatī maṃ tāyassu,
Tvañca me saraṇaṃ bhavāti".

"Trẫm quên, trẫm lạc mất đường,
Trẫm không còn nhớ hướng phương đi về.
Ô Nhi Ly hãy phá mê,
Cho trẫm nương tựa cận cề được chăng?".

Nghe Quốc vương thốt ra những lời khiêm tốn, tự hạ mình như vậy, Chánh hậu không nói "Phải đó Chúa thượng, Chúa thượng hãy qui y với thần thiếp". Nhưng Chánh hậu lại tâu rằng:

- Tâu đại vương! Hễ thần thiếp quy y với vị nào thì đại vương cũng nên quy y với vị đó.

Hoàng hậu bèn đọc bài kệ rằng:

"Idaṃ vatvā sāmāvatī,
Sammāsambuddhasāvikā;
Mā maṃ tvaṃ saraṇam gaccha,
Yamahaṃ saraṇam gatā.
Esa buddho mahārāja,
Esa buddho anuttaro;
Saraṇaṃ gaccha taṃ buddhaṃ,
Tvañcame saraṇaṃ bhavāti".

"Ô Nhi Ly nữ Thinh Văn.
Của Đức Toàn Giác đáp rằng: Chúa ơi!
Chúa đừng quy ngưỡng theo tôi,
Hãy quy ngưỡng Phật đang ngồi từ bi.
Mà tôi cũng đã quy y,
Phật đó cao thượng không chi sánh bằng.
Phật đó, đại vương nhớ chăng?
Để tôi nương tựa hầu gần Đại vương".

Đức vua Udena nghe dứt bài kệ của Hoàng hậu Sāmāvatī, bèn nói: "Bây giờ, trẫm càng hoang mang lo sợ hơn bao giờ hết".

Đoạn vua lại ngâm kệ rằng:

"Esa bhiyyo pamuyhāmi,
Sabbā muyhanti me disā;
Sāmāvati maṃ tāyassu,
Tvañca me saraṇaṃ bhavāti".

"Phật càng làm trẫm lạc đường,
Trẫm không còn nhớ hướng phương đi về;

Ô Nhi Ly hãy phá mê,
Cho trẫm nương tựa cận kề ái khanh".

Dầu cho đức vua yêu cầu mấy lượt, Hoàng hậu cũng vẫn từ nan như trước.

- Thôi thì để trẫm quy y với Đức Bổn Sư và đồng thời trẫm ban cho ái khanh một ân huệ tùy ý ái khanh chọn lựa.

Nghe vua chuẩn hứa, Chánh hậu đáp: "Tâu đại vương, thần thiếp vui lòng nhận lãnh ân huệ vua ban".

Quốc vương Udena bèn đến chỗ Đức Bổn Sư đang ngự xin quy y với Ngài, rồi cung thỉnh Tỳ khưu Tăng quang lâm vào hoàng cung thọ thực, sau cuộc lễ Trai Tăng liên tiếp bảu ngày, quốc vương phán bảo Hoàng hậu Sāmāvatī: "Bây giờ ái khanh muốn được trẫm ân tứ vật gì, ái khanh cứ nói cho trẫm biết".

- Tâu đại vương! Thần thiếp không cần dùng châu báu, bạc vàng chi cả. Thần thiếp chỉ xin chúa thượng ban cho ân huệ nầy là: Chúa thượng thỉnh Đức Bổn Sư với năm trăm Tỳ khưu hằng ngày vào hoàng cung để thần thiếp và các cung nhân được nghe thuyết pháp.

Quốc vương bèn đảnh lễ Đức Bổn Sư, rồi bạch rằng:

- Bạch Ngài! Trẫm xin cung thỉnh Ngài với năm trăm vị Tỳ khưu, hằng ngày vào thọ thực nơi đây để cho Chánh hậu cùng đoàn cung nhân được dịp đảnh lễ và thính pháp.

- Tâu đại vương! Đồng danh với chư Phật Như Lai, không nên đi mãi một chỗ nào vì đại chúng ở khắp nơi còn đang ngóng đợi Như Lai.

- Bạch Ngài! Nếu vậy xin Ngài biệt phái một Tỳ khưu đại diện cho Ngài.

Đức Bổn Sư bèn chỉ định Đại đức Ānanda.

Từ đó về sau, mỗi ngày Đại đức Ānanda đều dắt năm trăm vị Tỳ khưu vào hoàng cung thọ thực, Chánh hậu cùng đoàn cung nhân vẫn chăm lo sớt bát cúng dường và nghe kinh, thính pháp đều đều không ngớt.

Một hôm, sau khi nghe dứt thời pháp do Đại dức Ānanda thuyết, đoàn cung nhân phát tâm thành tín hết sức trong sạch bèn dâng năm trăm lá y vai trái (Uttarasaṅgā) để cúng dường Pháp Bảo, thứ y nầy rất quý, mỗi lá trị giá đến năm trăm đồng vàng.

Khi thấy các cung nhân không còn một lá y quý báu nào hết, Quốc vương phán hỏi:

- Những y vai trái của các ái khanh để đâu?

- Chúng tôi đã cúng dường Ngài Đại đức.

- Đại đức đã nhận hết cả ư?

- Tâu chúa thượng, Đại đức đã thu nhận hết cả.

Quốc vương đến đảnh lễ Đại đức Ānanda và phán hỏi về các cung nhân cúng dường năm trăm lá y Uất Đà La Tăng. Khi Đại đức xác nhận rằng: Các cung nhân có

dúng dường và Đại đức có thọ lãnh số y ấy, Quốc vương bèn hỏi: "Bạch Ngài bấy nhiêu y đó há chăng phải là quá nhiều lắm sao? Vậy Ngài dùng làm gì cho hết?".

- Tâu đại vương, ta chỉ thọ dùng vừa phải thôi, còn dư ra thì ta bố thí cho các vị mặc y cũ rách.

- Có y mới, các vị ấy sẽ dùng y cũ của mình làm gì?

- Họ sẽ bố thí cho những vị có y cũ rách hơn.

- Rồi các vị sau nầy sẽ làm gì với những y cũ rách của mình.

- Chư Tăng sẽ lấy làm tấm trải lót giường.

- Còn những tấm trải lót giường cũ , chư Tăng để làm gì?

- Chư Tăng sẽ lấy làm tấm trải lót dưới đất.

- Những tấm trải lót dưới đất cũ, chư Tăng để làm gì?

- Tâu đại vương! Chư Tăng dùng làm giẻ chùi chân.

- Giẻ chùi chân cũ, chư Tăng để làm gì?

- Chư Tăng xé nhỏ ra, quết cho nhuyễn rồi nhào lộn với đất sét để tô trên vách.

- Bạch Ngài, nếu chư Tăng làm như thế thì những vật cúng dường quý Ngài quả thật không uổng chút nào.

- Tâu đại vương phải.

Quốc vương phát khởi đức tin trong sạch, bèn hạ lịnh cho quân hầu mang thêm năm trăm lá y nữa đến cúng dường, đặt xuống bên chân Đại đức Ānanda.

Tương truyền rằng: "Mỗi khi có năm trăm lá y quý giá cúng dường thí chủ chia ra làm năm trăm phần, dâng đến bên chân của Đại đức và Đại đức thọ lãnh đủ năm trăm lần. Mỗi khi có một ngàn bộ y quý giá cúng dường, thí chủ chia ra làm một ngàn phần dâng đến bên chân Đại đức và Đại đức thọ lãnh đủ một ngàn lần. Nhưng y phát sanh đến Đại đức vô số kể, không chỉ có một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười hay một đôi chục đâu.

Theo truyền ngôn: Khi Đức Như Lai Níp Bàn rồi, Đại đức đi vân du ta bà khắp cõi Diêm Phù Đề, đến chùa nào Đại đức cũng bố thí những y bát của mình cho tất cả Tỳ khưu trong chùa ấy.

Thử hỏi: Đại đức nhờ tạo nghiệp gì trong quá khứ mà trong kiếp nầy có được y phát sanh dồi dào như thế?

Tương truyền rằng: Xưa kia trong một kiếp làm thợ dệt Đại đức có cúng dường một cây kim và một nắm vải vụn đến một vị Phật Độc Giác. Nhờ quả phước của sự cúng dường cây kim kiếp nầy Đại đức có được Trí Bát Nhã (Mahāpaññō), nhờ quả phước của sự cúng dường vải vụn, kiếp nầy Đại đức mới có nhiều y như thế.

Nói về Thứ hậu Māgandiyā từ khi thất bại trong các việc vu cáo, thấy Chánh hậu cùng đoàn cung nhân, chẳng những đã không bị thiệt hại mà còn được Quốc vương trọng dụng thì càng đem lòng căm tức. Thứ hậu nghĩ thầm: "Cơ mưu của ta sắp đặt

đều sai lạc hết, thật là hoài công vô ích, bây giờ ta phải tính sao đây? À ta còn một cách nầy".

Chờ lúc Quốc vương xuất thành, ngự đi du ngoạn, Thứ hậu thảo bức mật thư gởi cho chú mình: "Quốc trượng mau đến cung của Sāmāvatī, mở cửa kho chứa vải và kho chứa dầu, rồi đem quấn vòng hết mấy cây cột, nhốt chung tất cả cung nhân vào một chỗ, khóa kín cửa cung phòng, bên ngoài cho một nhóm thợ máy, sắp đặt hỏa tiễn phóng vào, chừng lửa bốc cháy cung phòng, Quốc trượng lánh mặt đi".

Cūḷa Māgandiyā lập tức trèo lên cung điện của Chánh hậu, mở cửa các kho lấy vải nhúng vào dầu, rồi đêm quấn vòng các cây cột. Khi ấy, Chánh hậu Sāmavatī cùng đoàn cung nhân xúm nhau đến hỏi: "Quốc trượng làm chi đó vậy?".

- Tâu Chánh hậu, Quốc vương hạ lịnh phải quấn vải dầu vào hết mấy cây cột nầy. Lịnh của vua ra thì thần chỉ biết tuân theo chứ không dám bàn cải chi cả. Xin quý lịnh bà đừng đến gần các cây cột nầy.

Kế đó Quốc trượng lùa hết cung nhân nhốt vào trong cung thất, khóa trái cửa lại, bên ngoài cho quân đốt lửa, dùng máy phóng hỏa, bắn xả vào các cung phòng, lửa cháy bốc lên ngùn ngụt. Thấy vậy, Chánh hậu Sāmāvatī ban huấn từ phủ dụ các cung phi: "Chị em chúng ta đã từng là những kẻ phiêu bạt lang thang trong vòng luân hồi sanh tử từ đời vô thủy cho đến nay, dầu cho ngọn lửa hồng như thế kia có thiêu rụi thân xác chúng ta trong một kiếp nầy cũng không thể nào chúng ta cắt đứt cái vòng tái sanh lẩn quẩn và chứng đắc Tuệ giác chư phật. Vậy chị em chúng ta hãy ráng chuyên cần chớ khá dể duôi".

Thế rồi, trong tòa hậu cung bừng bừng lửa cháy dậy trời, Hoàng hậu Sāmāvatī cùng với các cung phi lấy sự thọ khổ làm đề mục tham phiền, gia công chuyên chú niệm, nên người đắc Nhị quả, người đắc Tam quả trong lúc lâm chung.

Hay tin hỏa hoạn thiêu rụi cánh cung, có nhiều Tỳ khưu sau bữa Trai Tăng, hoặc đi khất thực rồi trở về đến chỗ ngự của Đức Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và ngồi nép qua một bên.

Khi đã ngồi yên, chư Tỳ khưu bạch cùng Đức Thế Tôn: "Bạch Ngài! Hôm nay trong lúc Quốc vương Udena xuất ngoại ngự du, lửa cháy hậu cung, cả đoàn năm trăm vương phi có Sāmāvatī là Chánh hậu đều thiệt mạng. Bạch Ngài, các cung phi ấy đều là tín nữ, chẳng hay họ sẽ được chuyển kiếp, siêu sanh về cảnh giới nào?".

- Nầy các Tỳ khưu! Trong nhóm cận sự nữ ấy có người đắc Tu Đà Hườn, có người đắc Tư Đà Hàm, có người đắc A Na Hàm. Nầy các Tỳ khưu, tất cả các cận sự nữ ấy đều đắc Thánh quả, không còn ai là phàm phu trong lúc lâm chung cả.

Khi ấy, nhận xét cái chết vì hỏa tai của đoàn cung phi và Chánh hậu không ngoài định lý nhân quả. Đức Thế Tôn cảm khái ngâm bài kệ sau đây:

"Mohasambandhano loko,
Bhabbarūpova dissati;
Upadhibandhano bālo,
Tamasā parivārito;
Sassatī viya khāyati,

Passato natthi kiñcananti".

"Thế gian liên kết bởi vô minh,
Chỉ thấy nhãn tiền cảnh sắc thinh,
Kẻ dại đắm chìm trong biển tối,
Vì mang thủ chấp buộc theo mình,
Cho rằng thế giới lưu tồn mãi,
Người thấy không gì thoát tử sinh".

Sau bài kệ, Đức Thế Tôn thuyết luôn một thời pháp tóm tắt như vậy: "Nầy các Tỳ khưu! Tất cả chúng sanh khi còn lang thang trong vòng luân hồi, nếu có chuyên cần mãi mãi thì tạo được phước nghiệp luôn luôn, còn nếu lúc nào dể duôi thì lúc ấy cũng tạo gây ác nghiệp vậy, bởi thế cho nên chúng sanh khi thì thọ vui, khi thì thọ khổ đều do tiền nghiệp của mình trong kiếp nầy hoặc kiếp xa xưa!".

Quốc vương Udena đang ngự du, nghe tin phi báo cung điện của Chánh hậu Sāmāvatī phát hỏa, bèn cấp tốc hồi loan để dốc thúc việc cứu chữa. Quốc vương ngự về đến nơi thì đã muộn. Tòa chánh cung đã bị hỏa thiêu, chỉ còn trơ lại những đống tro tàn.

Lòng buồn rười rượi, Quốc vương ngồi phịch trên chiếc cẩm đôn, quần thần xúm nhau khuyên giải, Quốc vương vẫn lặng thinh. Càng tưởng nhớ đến ân đức của người quá cố, Quốc vương càng thêm ảo não, tự hỏi: "Kẻ nào ác tâm gây ra cảnh chia lìa tang tóc nầy đây? Chắc có lẽ Thứ hậu Māgandiyā chớ không phải ai đâu xa lạ". Tuy hiểu biết như thế, nhưng Quốc vương lại nghĩ thầm: "Nếu dùng biện pháp hăm he, tra tấn, sợ e Thứ hậu không chịu khai ngay, trẫm phải dùng mẹo mà tra hỏi một cách êm thấm mới mong tìm ra manh mối được". Nghĩ rồi, Quốc vương đổi buồn làm vui, phán bảo các quan cận thần tư vấn rằng: "Chư hiền khanh, lúc trước trẫm ăn ngủ không yên, ngày đêm cứ phập phồng lo sợ vì trẫm nghĩ: Sāmāvatī đang rình rập mong chờ cơ hội để ra tay hành thích trẫm. Bây giờ Sāmāvatī thác rồi, trẫm mới vững dạ yên lòng, toại hưởng một đời hạnh phúc".

- Tâu chúa thượng việc nầy do kẻ nào gây ra vậy.

- Chắc là do một người nào đó có lòng yêu mến trẫm.

Thứ hậu Māgandiyā đứng gần đó nghe Quốc vương đáp lời như vậy, thì vội vã tâu rằng:

- Tâu Chúa thượng việc nầy do tay thần thiếp gây nên, chớ ngoài thần thiếp ra không ai có thể làm được. Thần thiếp đã triệu Quốc trượng vào cung và ra lịnh cho Quốc trượng thi hành việc ấy.

Quốc vương phán: "Trừ ái Hậu ra, trẫm không còn ai thật lòng yêu quý trẫm. Ái hậu ơi! Trẫm phát tâm trong sạch muốn ban bố cho ái hậu một ân huệ. Vậy ái khanh hãy triệu của gia nhân quyến thuộc của ái hậu vào đây".

Thứ hậu bèn gởi thư kêu gọi thân nhân: "Đức vua phát tâm trong sạch đối với ta, Ngài sẽ ban bố ân huệ, tất cả bà con hãy đến cho mau".

Những gia nhân của Thứ hậu Māgandiyā lũ lượt kéo nhau vào hoàng cung đều được Quốc vương ban thưởng rất trọng hậu. Thấy vậy, nhiều người không phải

khuyến thuộc của Thứ hậu cũng ráng lo lót để được chứng nhận là: "Gia nhân của Māgandiyā để vào cung lãnh thưởng".

Sau khi đã kiểm kê gia nhân của Thứ hậu Māgandiyā, Quốc vương ra lịnh bắt hết những người ấy trói lại, dẫn họ ra chỗ sân ngự, xô họ xuống ngồi dưới những hố cá nhân đã đào sẵn, rồi lấp đất lại, rải rơm lên trên và châm lửa đốt. Khi lửa bén cháy da tội nhân, Quốc vương truyền lịnh lấy cây sắt cày qua cày lại nhiều lượt để phân thây họ ra từng mảnh. Còn Thứ hậu Māgandiyā cũng bị Quốc vương ra lịnh lấy dao bén lóc hết những mảng thịt nạc trong người của Thứ hậu bỏ vào chảo dầu sôi, chiên chín như bánh cam, rồi bắt Thứ hậu phải ăn.

Một hôm, trong phòng pháp hội, nhân khi nhắc đến vụ hỏa thiêu hậu cung, chư Tăng đồng kết luận rằng: "Nầy các đạo hữu, thật là không hợp lý khi những tín nữ có những đức tin trong sạch như thế, sao lại phải hứng chịu cái chết thê thảm như thế?".

Đức Thế Tôn ngự đến phán hỏi: "Nầy các Tỳ khưu các ông ngồi thảo luận việc chi đó?".

- Bạch Ngài, như thế… như thế…

Nghe chư Tăng đáp xong, Đức Bổn Sư dạy rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Trong kiếp nầy đoàn cung nhân có Sāmāvatī là Chánh hậu tử nạn như thế là vì họ trả quả của nghiệp tiền khiên, chớ không có chi lạ.

- Bạch Ngài! Xin Ngài từ bi hoan hỷ giải rõ tiền nghiệp của họ cho chúng con được biết.

Nghe chư Tăng yêu cầu, Đức Thế Tôn bèn nhắc lại tích xưa:

Thời quá khứ, dưới triều đại của Quốc vương Brahmadatta, có tám vị Phật Độc Giác đóng đô tại thành Bārāṇasī, hằng ngày ngự đến thọ thực trong vương cung, năm trăm cung nữ lo việc hộ độ chư Phật.

Khi bảy vị Phật ngự về núi Hy Mã (Himavanta), còn một vị ở lại đang ngồi nhập đại định trong một đám cỏ rậm gần bên bờ sông.

Một hôm, nhân thấy chư Phật đi vắng, Quốc vương dắt đoàn cung nữ xuống sông để bơi lội. Các cung nữ ham vui đắm mình dưới nước cả ngày, đến khi lên bờ họ cảm thấy lạnh run, nên muốn nhóm lửa để hơ cho ấm.

"Chúng ta đi kiếm lửa nhúm", nói rồi họ kéo nhau đi tìm chỗ nọ, chỗ kia, đưa mắt lục soát tứ phía. Trông thấy đám cỏ rậm rạp tưởng là đám cỏ không họ bèn châm lửa đốt rồi đứng xúm xít quanh để hơ. Khi đáp cỏ cháy rạp xuống, các cung nữ mới thấy Đức Phật Độc Giác ngồi yên trong đám lửa. Họ hoảng sợ kêu bảo nhau: "Thôi chết rồi, chết mình rồi chị em ơi. Đức Phật Độc Giác của Quốc vương mà chết cháy, Quốc vương hay được thì chị em mình chắc không toàn tánh mạng. Bây giờ đã trót lỡ như thế, chúng ta phải thiêu Ngài luôn cho mất tích".

Thế là, cả đoàn năm trăm cung nữ rối rít chạy túa ra đi, quơ củi khô gom lại, chất thành một đống cao lớn. Họ châm lửa đốt củi rồi bỏ đi, yên chí là lần này chắc Ngài sẽ cháy tiêu mất xác.

(Các cung nữ ấy ban đầu không có tác ý, nhưng bây giờ thì họ cố ý vì lẽ đó họ phải mắc nghiệp quả về sau).

Tuy nhiên, dầu họ có gom cả trăm cả ngàn khúc củi chất đống rồi đốt cháy bừng lên, họ cũng không làm cho Đức Phật Độc Giác đang nhập đại định phải bị tác hại hay nóng nảy một chút nào. Bởi vậy, đến ngày thứ bảy, Đức Phật Độc Giác xuất định ra đi bình yên vô sự. Do ác nghiệp đã tạo, các cung nữ bị sa vào hỏa ngục, bị lửa thiêu trong nhiều trăm ngàn năm, do quả còn dư, khi tái sanh lên làm người, họ còn bị chết cháy cả trăm kiếp và kiếp chót nầy họ bị hỏa thiêu trong tòa hậu cung như thế. Đó là do tiền nghiệp của họ vậy.

Nghe dứt tích nầy, chư Tăng hỏi Đức Bổn Sư:

- Bạch Ngài! Còn cô Khujjutarā do ác nghiệp gì mà cô bị tật gù lưng, do thân nghiệp gì mà cô có trí tuệ đại Bát nhã, do phước nghiệp gì cô chứng quả vị Tu Đà Hườn và do ác nghiệp gì cô phải chịu làm nô tỳ cho người khác?

- Nầy các Tỳ khưu! Cũng dưới triều đại của Quốc vương Brahmadatta đó, ở tại thành Bārāṇasī, có một vị Phật Độc Giác có tật hơi gù lưng.

Khi ấy có người nữ là người phục dịch cho Đức Phật. Lấy các mền nỉ làm y trùm, lại lấy cái chén chum làm bát (bằng vàng), giả cách gù lưng nhái theo Đức Phật Độc Giác cho mọi người coi chơi và nói: "Đức Phật Độc Giác của chúng ta có tướng đi như vầy, như vầy…". Do quả nghiệp của ác hành ấy mà cô Khujjuttarā phải mang tật gù lưng.

Khi chư Phật vào vương cung thọ thực lần đầu tiên, Quốc vương thỉnh các Ngài an tọa xong, cho người thỉnh bát không của các Ngài, đơm đầy cơm trắng rồi đem dâng trở lại, cơm nóng quá khiến chư Phật phải trở tay liền liền.

Thấy vậy, cô phục dịch lấy tám chiếc vòng tay bằng ngà của mình đem dâng chư Phật và bạch: "Xin các Ngài để bát lên trên cái vòng nầy mà bưng". Chư Phật lấy vòng ngà lót kê đít bát rồi nhìn cô cung nữ. Cô hiểu ý chư Phật nên bạch: "Bạch các Ngài, chúng con không cần dùng những chiếc vòng ấy, xin dâng đứt luôn đến các Ngài, các Ngài cứ nhận lấy đi".

Chư Phật Độc Giác nhận lãnh các vòng tay ngà ngự luôn về núi Nandamūlaka, cho tới ngày nay, những chiếc vòng ngà ấy vẫn còn nguyên vẹn.

Do thiện nghiệp ấy, bây giờ cô Khujjutarā có trí đại Bát nhã, thông suốt Tam tạng và do phước báu của sự phục dịch chư Phật Độc Giác cô chứng đắc Tu Đà Hườn.

Trên đây là tiền nghiệp của cô Khujjuttarā có trí đại Bát nhã (Mahāpañño) thông suốt Tam tạng và do phước báu phục dịch chư Phật Độc Giác cô ta chứng đắc Tu Đà Hườn.

Còn đây là tiền nghiệp của nàng Khujjuttarā trong thời kỳ không có Đức Phật Độc Giác.

Đến thời Đức Phật Tổ Kassapa (Ca Diếp), cô là một tiểu thư của ông Trưởng giả thành Bārāṇasī. Một buổi chiều kia cô cang ngồi soi kiếng để tự trang điểm. Khi ấy, có một Tỳ khưu Ni là bậc Lậu Tận (A La Hán) quen thân với tiểu thư đến nhà để thăm

(các Tỳ khưu Ni A La Hán thường hay đến viếng thăm những gia đình hộ độ mình vào buổi xế chiều). Ngay phút ấy, cô không có tớ gái nào đứng hầu gần đó để làm tay sai cho cô tiểu thơ cả.

Khi ấy vị Tỳ khưu Ni đến, tiểu thư nói: "Con xin đảnh lễ Sư cô, Xin Sư cô hoan hỷ trao giùm cái hộp nữ trang qua cho con".

Sư cô nghĩ thầm: "Nếu ta không lấy cái hộp nầy trao qua cho tiểu thơ thì cô ấy sẽ buộc oan trái với ta và rồi về sau cô ta sẽ đi địa ngục, còn nếu ta làm theo lời cô thì cô sẽ làm tôi tớ trong đời vị lai. Thà để cô phải làm tôi tớ cho người, còn hơn là để cô phải chịu thiêu đốt trong cảnh địa ngục".

Quán xét thấy rõ nguyên nhân như thế vị Tỳ khưu Ni Lậu Tận bèn lấy cái hộp đồ nữ trang trao qua cho cô tiểu thư. Do tiền nghiệp đã sai khiến một vị A La Hán mà cô Khujjuttarā phải mang kiếp làm kẻ tôi đòi vậy.

Qua ngày sau, chư Tăng lại nhóm trong phòng pháp hội, câu hỏi sau đây được nêu lên: "Một nhóm năm trăm phụ nữ có nàng Sāmāvatī đứng đầu bị hỏa thiêu trong tòa hậu cung, một nhóm nữa gồm có quyến thuộc của bà Māgandiyā bị ủ rơm đốt cháy, rồi bị cày sắt phun thây. Bà Māgandiyā bị lóc xẻo thịt chiên trong chảo dầu. Trong số người trên đây, những ai đáng gọi là còn sống, những ai đáng gọi là đã chết?".

Đức Bổn Sư ngự vào phòng nhóm phán hỏi chư Tăng: "Nầy các Tỳ khưu! Các thầy đang thảo luận việc chi đây?".

- Bạch Ngài! Việc như vậy, như vậy...

Nghe chư Tăng đáp xong, Đức Thế Tôn phán bảo rằng: "Nầy các Tỳ khưu những kẻ giải đãi biếng nhác, dầu cho còn sống một trăm năm nữa, cũng đáng gọi là đã chết. Những người chuyên cần tinh tấn, dầu cho chết rồi cũng vẫn như còn sống y nhiên. Cho nên Māgandiyā sống cũng vậy, chết rồi cũng vậy, đều đáng gọi là tử vong, còn năm trăm cung nữ có Sāmāvatī đứng đầu tuy đã chết nhưng cũng đáng gọi là đang còn sống. Quả thật, nầy các Tỳ khưu những người chuyên cần không đời nào chết đi".

Nói rồi, Đức Thế Tôn ngâm liên tiếp ba bài kệ:

"Appamādo amataṃ padaṃ,
Pamādo maccuno padaṃ;
Appamattā na mīyanti,
Ye pamattā yathā matā".

"Etaṃ visesato ñatvā,
Appamādamhi paṇḍitā;
Appamāde pamodanti,
Ariyānaṃ gocare ratā".

"Te jhāyino sātatikā,
Niccaṃ daḷhaparakkamā;
Phusanti dhīrā nibbānaṃ,
Yogakkhemaṃ anuttaranti".

"Chuyên cần là lộ trường tồn,

Buông lung là lộ đưa hồn âm cung.
Người cần chuyên sống vô cùng,
Kẻ buông lung sống, lâm chung khác nào.
Hiền nhân biết rõ thấp cao,
Cần chuyên thủ phận dám nào buông lung.
Cần chuyên ngày tháng thung dung,
An vui tự tại sánh cùng Thánh nhân,
Nhờ tu thiền định tinh cần,
Ngày đêm tinh tấn, trí nhân siêu phàm,
Chứng ngay vô thượng Níp Bàn,
Não phiền giũ sạch, tịnh an cõi lòng".

CHÚ GIẢI:

Appamādo: *Sự chuyên cần, không buông lung.* Trong câu kệ nầy, Đức Thế Tôn nêu rõ sự lợi ích lớn lao mà người tu tập chuyên cần hằng đạt được và một khi đạt được sự lợi ích lớn lao (tức là Níp Bàn) ấy rồi, hành giả hằng trú vững trong đó.

Quả thật dầu cho ai có dầy công học hết Phật ngôn trong toàn bộ Tam tạng, rồi đem ra thuyết giảng cũng không được sự lợi ích bằng người chuyên cần tu tập, bởi thế Đức Phật có dạy rằng: "Nầy các Tỳ khưu! Ví như ta đem dấu chân voi mà so sánh với bất cứ dấu chân nào khác của các giống thú rừng, thì ta thấy dấu chân voi bao giờ cũng to lớn vượt bậc, lấn át tất cả các dấu khác.

Cũng như thế! Nầy các Tỳ khưu, nếu ta đem pháp chuyên cần mà so sánh với bất cứ những thiện pháp nào chẳng hạn thì bao giờ chuyên cần (appamādo) cũng có sự lợi ích to lớn vượt bậc, lớn hơn những thiện pháp khác.

Người mà không xa lìa pháp ghi nhớ đến sự lợi ích ấy, có tâm thường trú trong chánh niệm, gọi là người chuyên cần vậy.

Amataṃ padaṃ *(Con đường bất tử):* Đức Thế Tôn dùng danh từ bất tử (amataṃ) để ám chỉ Níp Bàn là cõi Vô sanh (Ajatatta) vì nơi đó không có sự sống, chết cho nên gọi là cõi bất tử. Đức Thế Tôn gọi là con đường bất tử (amataṃ padaṃ).

Pamādo *(Giải đãi):* Là sự lười biếng, sự phóng dật, sự buông lung dể duôi, tiếng nầy chỉ trạng thái của người bỏ mất pháp ghi nhớ, thường hay quên, mà ta quen gọi là lãng trí (muṭṭhāsacca).

Maccuno padaṃ *(Lộ suy vong):* Maccu là cõi chết, chỗ tử vong, padaṃ là con đường lối đi, đạo lộ.

Quả nhiên giải đãi (Pamatto) không vượt qua khỏi biển luân hồi, chỉ lẩn quẩn trong vòng sanh tử, sanh ra để mà chết mãi vậy thôi.

Con đường đưa kẻ giải đãi đến chỗ suy vong gọi là lộ suy vong (maccuno padaṃ).

Appamattā *(Những người chuyên cần):* Tức là những người có chánh niệm, luôn luôn có đầy đủ pháp ghi nhớ đến điều lợi ích lớn lao.

***Na mīyanti** (Chẳng biết):* Ta chẳng nên nghĩ tưởng là họ chẳng già, không chết vì thật ra chẳng có chúng sanh nào không già, không chết cả. Những người dể duôi thì bất chấp thiện ác, hành động của họ vô giới hạn, họ không có lý tưởng chánh kiến, cho nên họ không thoát khỏi con đường sanh tử triền miên. Dầu họ đang còn sống thì cũng kể như họ đã chết rồi vậy. Còn những người chuyên cần, gia công nỗ lực, chứng đắc đạo quả một cách mau chóng, thì khỏi phải tái sanh kiếp thứ nhì thứ ba… Cho nên dầu họ đang còn sống hay đã chết cũng đáng gọi là chẳng chết vậy.

***Ye pamattā yathā matā** (Những kẻ biếng như đã chết):* Những chúng sanh nào lười biếng, giải đãi thì sống cũng như không, ta có thể xem họ như đã chết vì lười, cũng như xác chết vì đã đứt mạng căn, như khúc củi mục, không có tâm thức, nếu là người tại gia họ chẳng hề khi nào có ý nghĩ khắc kỷ lợi tha, chẳng hạn như: "Ta sẽ bố thí vợ con, ta sẽ thọ trì Ngũ giới, Bát quan trai giới…".

Nếu là người xuất gia, họ chẳng hề phát tâm nhẫn nại, cầu tiến, chẳng hạn như: "Ta sẽ hầu hạ thầy tế độ, thầy tiếp dẫn, hoặc các Đại đức Cao Tăng, ta sẽ giữ hạnh Đầu đà, ta sẽ hành thiền…". Do các lý đã nêu, Đức Thế Tôn mới thuyết câu kệ ngôn trên đây vậy.

***Etaṃ visesato ñatvā** (Nhờ giác tri như thế):* nghĩa là biết rõ rằng: Kẻ giải đãi không thể nào thoát khỏi vòng sanh tử, còn người chuyên cần thì chắc chắn là sẽ thoát khỏi biển luân hồi.

***Appamādamhi paṇḍitā** (Các bậc trí chẳng buông lung):* Hiền nhân hay trí giả là những bậc thông minh trí tuệ, tự mình kềm lấy mình, đã không dám buông lung mà còn tinh cần thêm lên mãi mãi, các bậc ấy biết rõ hai con đường sanh và tử đã nêu trong hai câu kệ đầu (1 và 2).

***Appamāde pamodanti** (Mãi chuyên cần hoan hỷ):* Là các bậc hiền trí biết rõ lý trên, hằng hoan hỷ vui thích thỏa mãn trong sự chuyên cần.

***Ariyānaṃ gocare ratā** (Cõi Thánh được thung dung):* Các vị hoan hỷ trong sự chuyên cần, càng ngày càng tinh tấn thêm, ắt được hưởng sự an vui tịnh lạc, tự tại ung dung trong cảnh giới thiền định đạo quả của bậc Thánh nhân, gọi là cõi Thánh của hàng Thinh Văn đệ tử Phật Độc Giác và chư Chánh Đẳng Giác, gồm có bốn chỗ niệm, ba mươi bảy pháp trợ đạo và chín pháp siêu thế…

***Te jhāyino** (Người tu thiền định)* chỉ các bậc hiền trí hằng tu tập theo hai pháp hành Thiền định (Samādhi) và Chỉ quán (Samātha vipassanā) để đắc thiền định và đạo quả, bằng cách định tâm trên đối tượng gọi là Bát thiền (aṭṭhasamāpatti) và pháp quan sát ba tướng (Vô thường, Khổ não, Phi ngã), gọi là Minh sát (vipassanā).

***Sātatikā** (Chuyên):* Từ khi xuất gia về sau, hành giả cứ một mực tinh tấn, chuyên cần rèn luyện tâm mãi cho đến bao giờ chứng đạt A La Hán quả mới thôi.

***Niccaṃ daḷhaparakkamā** (Hằng tinh tấn dụng công):* Pháp nào mà ta cần nên chứng đắc với sức mạnh với sự hăng hái với sự cố gắng của một người nam. Nếu chưa chứng đắc pháp ấy, ta nhất định chưa đình chỉ sự tinh tấn, nhờ quyết tâm như thế, bậc hiền trí không thối chuyển trên đường hành đạo và hằng tinh tấn nỗ lực, không bỏ dở sự công phu.

***Phusanti** (Chứng đạt):* Trong Phật giáo có hai danh từ dùng để chỉ sự chứng đắc đạo quả là: Tuệ chứng (ñāṇaphusana) và Dị thục chứng (vipākaphusana).

Nói về bốn đạo (Cattāri magga) thì gọi là Tuệ chứng, nói về bốn quả là Dị thục chứng (cattāri phalāni: bốn quả). Nơi đây Đức Phật thuyết về Dị thục chứng.

Câu nói: "Các bậc trí tuệ (dhīrā) hằng làm cho thấu rõ Níp Bàn bằng Thánh quả (Ariyāphalena nibbānaṃ sacchikarontā) đồng nghĩa với câu do nơi Dị thục chứng (Vipākaphusanāya) của Thánh quả ấy mà các bậc hiền trí (dhīrā paṇḍita) làm cho thấu rõ Níp Bàn.

***Yogakkhemaṃ anuttaranti** (Thoát phiền trược vô thượng): Yoga* nơi đây chỉ cho bốn cái ách mà chúng sanh bị trói chặt vào, càng làm cho họ chìm đắm mãi trong biển sanh tử, là nguyên nhân của mọi phiền não nhiễm ô: Đó là dục ách (Kāmāyoga), hữu ách (Bhavayoga), kiến ách (Diṭṭhiyoga) và vô minh (avijjāyogo).

Khemaṃ là an toàn, tự tại, không còn lo sợ vì đã thoát khỏi bốn ách.

Anuttaraṃ là vô thượng vô song vì Níp Bàn là pháp cao thượng quý báu hơn tất cả các pháp thế gian (phàm) và siêu thế gian (Thánh).

Sau thời Pháp của Đức Thế Tôn, có nhiều người đắc chứng Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả, kỳ dư đại chúng thính pháp đều hưởng được sự lợi ích.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Sanh tử hai đường, hệ ở đâu?
Mưu cao chỉ lắm họa càng sâu!
Khổ vui nhớ xét nhân tiền nghiệp,
Lành dữ chờ xem quả đáo đầu.
Trắng cỡ Ma Phi sao Phật gớm?
Đen như Ô Hậu lại vua cầu?
Ai người trí tuệ ham thinh sắc?
Thánh Đức miên trường, mặc bể dâu.

DỨT TÍCH HOÀNG HẬU SĀMĀVATĪ

☸

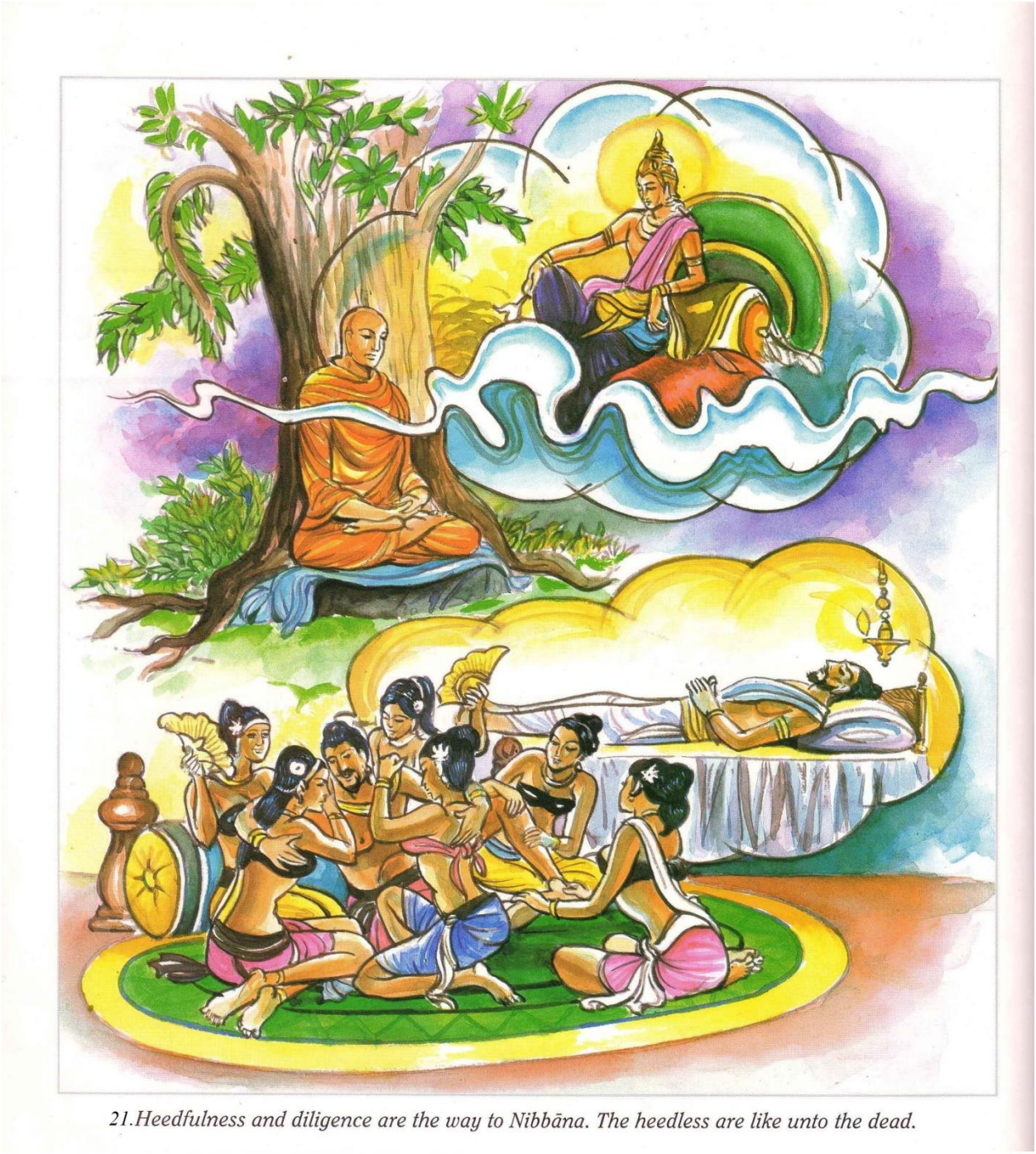

21.Heedfulness and diligence are the way to Nibbāna. The heedless are like unto the dead.

21. Không phóng dật và tinh cần là con đường đi đến Níp Bàn. Những người phóng dật cũng giống như người đã chết.



22. The wise, delighting in the way of the Noble Ones, rejoice in heedfulness.

22. Những người có trí, thích thú con đường của bậc Thánh, hân hoan tinh cần tu tập.



23. The steady and constant meditator wins the supreme security and bliss of Nibbāna.

23. Người thiền định chuyên tâm kiên trì đạt được tối thượng an ổn và cực lạc Níp Bàn.

II.2- Tích KUMBHAGHOSAKA

(Kumbhaghosaka vatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú 24)

"Uṭṭhānavato satimato,	***"Người chánh niệm nhiệt thành,***
Sucikammassa nisammakārino;	***Tịnh nghiệp hiệp tri hành,***
Saññatassa ca dhammajīvino,	***Giữ mình sống phải đạo,***
Appamattassa yasobhivaḍḍhatīti".	***Không buông lung thô tháo,***
	Hằng lừng lẫy thinh danh".

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết khi Ngài ngự ở Veḷuvana, đề cập đến Thiên hộ Kumbhaghosaka (Đào Khí Âm).

Thuở ấy, nhà của một phú Trưởng giả trong thành Rājagaha bị nhiễm bịnh thời khí (ahivātakarogo).

Lúc bịnh mới phát, ruồi lằn chết trước, kế đến những bò cái, súc vật khác chết tiếp theo. Từ đó, bệnh lây qua các nô tỳ, công nhân trong nhà và sau cùng lây đến chủ nhà.

Khi biết mình lâm trọng bịnh, liệu thế chắc không thoát khỏi chết, hai ông bà phú Trưởng giả đưa đôi mắt đẫm lệ nhìn cậu công tử đang đứng gần đó và bảo rằng: "Con ơi! Nghe nói lúc bịnh nầy mới phát, những người phá vách chạy thoát ra ngoài thì được sống sót. Vậy con đừng lo cho cha mẹ. Hãy tiên bảo kỳ thân, chạy thoát đi cho mau, nếu còn sống ngày sau con trở về đây, đến hầm cha mẹ chôn giấu bốn trăm triệu đồng vàng, con đào lấy lên mà làm của sinh sống".

Nghe qua những lời trăn trối của song thân trong giờ hấp hối, cậu con trai xúc động đến rơi nước mắt. Vừa lạy vừa khóc, cậu không biết làm gì hơn là vâng lời cha mẹ, trốn tránh tử thần, phá vách thoát ra ngoài chạy về miền sơn lâm (Pabbatagahano). Cậu ở tại đó mười hai năm trời dài đăng đẳng, mới quay về sanh quán.

Lúc ra đi là tiểu công tử hãy còn ấu xuân, bây giờ trở về râu tóc sum suê, mặt mày đổi khác nên không ai nhìn biết cậu là con nhà đại phú đã từ trần.

Công tử liền đến thăm chừng hầm chôn vàng mà song thân quá cố đã di ngôn cho cậu, thấy còn nguyên vẹn thì nghĩ thầm: "Bây giờ không còn ai nhận ra ta hết, nếu ta đào lên lấy kho vàng tiêu xài, thì sao khỏi chánh quyền bắt bớ làm khó dễ ta, nghĩ rằng ta là một kẻ bần cùng đạo trộm của người chôn giấu. Thôi ta hãy kiếm việc làm thuê, lấy tiền chi độ khẩu".

Thế rồi, công tử cải trang, ăn vận rách rưới, đi dần vào xóm lao động vừa đi vừa nói:

- Ai có cần mướn người làm không?

Khi ấy có người ở mướn, trông thấy Kumbhaghosaka trong bộ y phục bần cùng đi xin việc thì bảo cậu: "Nầy chú em, làm việc này giúp bọn ta, thì bọn ta sẽ cấp lương thực cho chú em".

- Việc chi vậy mấy anh?

- Ôi việc nầy dễ ợt, nếu chú em mầy siêng năng thì hừng đông dậy cho sớm đi loanh quanh kiếm các công nhân và kêu gọi họ: "Anh em ơi! Hãy thức dậy đẩy xe ra ngoài và hãy bắt kê bỏ vô! Đã đến giờ thả voi, ngựa ra đồng cỏ rồi nghe! Chị em cũng mau mau ra nấu cơm, nấu cháo đi nghe!", chỉ có vậy thôi.

Nghe giảng giải xong, công tử nhận chịu đáp:

- Được vậy tốt lắm.

Khi ấy, công tử được cấp cho một cái nhà ở gần nơi đó, mỗi ngày công tử làm tròn phần việc mà họ đã giao.

Thời bấy giờ, Quốc vương Bimbisāra có phép chỉ nghe tiếng nói mà đoán biết thân thế cả tất cả mọi người. Một hôm Quốc vương tình cờ nghe được tiếng nói của công tử Kumbhaghosaka, bèn buột miệng phán rằng: "Đó là một tiếng nói của thanh niên cự phú".

Lúc ấy có bà ngự nữ đứng hầu đức vua, bà muốn ứng tiếng hỏi nhưng lại nghĩ thầm: "Chắc có lẽ đức vua cũng chẳng dạy cho ta biết rõ việc nầy đâu? Ta cần phải tự mình truy cho ra sự thật".

Nghĩ rồi, bà ngự nữ phái một quan nội thị ra đi: "Khanh hãy điều tra xem thanh niên đó là người như thế nào?".

Nội thần vội vã ra đi, giáp mặt công tử Kumbhaghosaka rồi trở về tâu rằng: "Tâu lịnh bà, thanh niên đó là một người nghèo khổ, làm công cho một người ở mướn".

Quốc vương nghe tâu làm thinh.

Qua ngày thứ hai, thứ ba, Quốc vương vẫn còn nghe tiếng nói ấy và cũng đã thốt ra những lời như trước, khiến cho bà tự nữ đứng hầu nghe được, bà cũng nghĩ như trước: "Ta phải truy cho ra manh mối việc nầy".

Bà đã sai phái người đi điều tra nhiều lượt, nhưng ai cũng về trả lời rằng: "Đó là một kẻ bần nhơn".

Bà ngự phi suy nghĩ: "Quốc vương nghe tấu đó là một kẻ bần nhơn thì không tin, cứ lặp đi lặp lại rằng: "Đó là tiếng nói của chành thanh niên đại phú". Việc nầy ta phải làm cho ra lẽ, ta phải biết rõ sự thật mới được".

Bà tâu cùng Quốc vương: "Tâu bệ hạ, xin bệ hạ cho thần thiếp một ngàn đồng vàng, thần thiếp sẽ dắt Công chúa đi theo, nhất định sẽ đem kho tàng ấy về nhập vào vương khổ".

Quốc vương chuẩn tấu, ban cho vương phi một ngàn đồng vàng, vương phi nhận tiền rồi, bảo Công chúa vận y phục bằng thứ vải thô kệch dơ dáy, đoạn hai mẹ con rời thành Rājagaha ra đi.

Giả trang khách lữ hành, hai phụ nữ quyền quý nầy đến ngay xóm lao động vào trong một nhà nọ hỏi một chủ nhà: "Bác ơi! Chúng tôi đi xa lỡ đường, xin bác làm ơn cho ở đỡ vài hôm rồi chúng ta sẽ ra đi".

Chủ nhà đáp:

- Bác à! Không mấy khi bác đến đây hỏi xin ở nhờ, nhưng nhà cháu đông người chật chội lắm, đùm đậu ở đây không tiện, hay bác hỏi ở nhà Kumbhaghosaka thử xem, chú ấy ở một mình một cái nhà rộng lớn.

Vương phi dắt Công chúa đến đó, yêu cầu: "Ông ơi! Chúng cháu lỡ đường, xin ông chủ cho chúng cháu ở nhà nhờ trong một vài hôm".

Thấy thanh niên từ chối nhiều lượt vương phi khẩn khoản van nài: "Ông chủ làm ơn cho chúng cháu ngủ nhờ một đêm nay thôi, ngày mai chúng cháu sẽ đi sớm".

- Ờ thôi được! Hai người ở đỡ một đêm thì cứ ở.

Ngày hôm sau vương phi không chịu từ giã lên đường, chờ khi công tử đi ra đồng làm việc trở về vương phi bảo: "Ông chủ ơi! Ông có lòng tốt cho chúng tôi ở tá túc, chúng tôi không biết lấy chi đền ơn vậy chúng tôi xin nấu cơm giúp ông chủ".

- Thôi đi bà ơi! Tôi tự nấu lấy mà ăn cũng được.

Tuy bị từ chối vương phi cũng không nản lòng, cứ đeo theo yêu cầu mãi về sau cũng được công tử chấp nhận vương phi bèn ra chợ mua các thứ ngon lành hảo hạng như gạo trắng thơm... đem về nấu nướng theo thực đơn của nhà vua, gồm: Có cơm trắng nuốt như bông bưởi, phụ thêm hai ba món sơn hào hải vị cam trân ngào ngạt, chờ công tử đi làm về dọn ra cho công tử dùng. Khi thấy công tử dùng xong bữa có vẻ hài lòng thõa mãn. Vương phi bèn nói với ông chủ:

- Ông chủ ơi! Mẹ con chúng tôi còn mệt, xin ông chủ cảm phiền cho mẹ con tôi ở lại một đôi ngày nữa.

Công tử nhận lời:

- Ờ được.

Ngày hôm sau vương phi đích thân đứng nấu các món thực phẩm hướng điềm dọn cho công tử ăn.

Thấy biết công tử đã xiêu lòng vương phi đã nài nỉ xin ở thêm mấy ngày nữa.

Nay lần mai lượt, thừa lúc công tử Kumbhaghosaka vắng nhà vương phi dùng dao bén cắt đứt nhiều khúc ở dưới hai bên phía dưới giường nệm của công tử. Khi công tử đi làm về, ngồi lên giường thì cái giường lún thấp xuống.

Công tử hỏi: "Tại sao cái giường nầy thủng xuống như vầy đây?".

- Thưa ông chủ, có mấy đứa con nít ở lối xóm lại chơi, chúng nó nghịch quá, tôi ngăn cản không được. Chúng nó cả đám trèo ngồi hết trên giường hoài.

- Bà ơi! Tôi mắc cái nạn nầy cũng là tại do bà ở đậu mà ra, chớ lúc trước mỗi lần ra đi, tôi khóa cửa nhà lại hết thì đâu có xảy ra chuyện gì?

- Tôi ngăn lũ trẻ không được thì biết làm sao. Thưa ông chủ.

Vương phi kiếm lời chống chế như vậy, rồi cứ ngày một ngày hai xin lưu lại ở trong nhà, cắt đứt hết dàn dây treo nệm, chỉ còn chừa lại mỗi sợi vải tao nguyên mà thôi, mặc cho công tử phiền hà trách móc.

Một hôm, công tử đi làm về vừa ngồi trên giường thì cái giường nệm sụp xuống luôn, làm công tử té ngồi, dộng trán trên hai đầu gối. Công tử đứng dậy căn nhằn: "Tôi làm cái gì, tôi sẽ đi đâu bây giờ, mấy bà báo hại tôi mất cả giường nằm".

- Ông chủ ơi! Ông đừng buồn tội nghiệp, tôi biết làm sao hơn, tại lũ trẻ con tinh nghịch quá, tôi không ngăn nổi. Thôi giờ nầy ông định đi đâu? Thôi ông cảm phiền lên ngủ đỡ một giường với em gái một đêm nay.

Vương phi bảo Công chúa: "Con ạ, con nằm nép qua một bên cho anh con nằm chung với".

Công chúa nằm chừa một khoảng trống và kêu: "Ông chủ lên nằm đây đi".

Vương phi cũng giục công tử: "Ông chủ cứ lên nằm một bên em gái đi".

Công tử Kumbhaghosaka y lời, lên nằm ngủ chung một giường với Công chúa, chỉ trong đêm ấy, trai gái đã giao tình với nhau. Thiếu nữ phát khóc thút thít. Nghe tiếng vương phi gạn hỏi:

- Sao con khóc vậy con?

- Thưa mẹ! Chuyện xảy ra như vầy…

- Con ạ! Việc đã lỡ rồi, có khóc cũng chẳng ích chi. Vả lại con gái lớn cần phải lấy chồng, trai lớn cần phải lấy vợ. Con được sửa trấp nâng khăn cho công tử đây, cũng là một việc rất hay vậy.

Nói rồi Vương phi nhìn nhận công tử là giai tế của mình. Từ đó, ba mẹ con sống chung với nhau rất thuận hòa êm thắm.

Cách mấy hôm sau vương phi cho người thông tin lên đức vua: "Xin bệ hạ cho kỵ binh đi rao truyền. Cho thần dân trong xóm lao động phải ăn mừng lễ khánh hạ, nhà nào không tuân lệnh thì phải nộp tiền phạt!".

Quốc vương y tấu, cho lính mã kỵ bắt loa loan truyền vương lịnh trong xóm lao động.

Khi ấy, bà hỏi chàng rể:

- Con ạ! Có lịnh đức vua truyền lịnh dân chúng trong xóm lao động chúng ta phải ăn mừng lễ khánh hạ. Vậy ta phải làm sao bây giờ?

- Thưa má, con đi làm thuê, lương không đủ sống, biết làm thế nào bây giờ.

- Con ạ! Những người có nhà ở thì vay mượn được, còn lịnh vua truyền xuống thì không thể cãi lại đâu con. Vậy con đi hỏi coi có nhà nào cho vay thì con cầm cố vay mượn đỡ một vài đồng vàng đem về cho má.

Công tử bực mình vừa đi vừa cằn nhằn, đến hầm chôn vàng đào lấy lên một đồng đưa cho nhạc mẫu.

Vương phi gửi đồng vàng ấy lên cho đức vua và lấy tiền mình ra xài phí trong cuộc lễ.

Độ vài hôm sau vương phi lại cho người thông tin lên Quốc vương, cũng tâu xin như trước.

Quốc vương lại hạ lịnh cho thần dân ăn mừng lễ khánh chức, nhà nào không tuân lịnh thì phải nộp phạt.

Công tử Kumbhaghosaka nghe mẹ vào báo tin và thúc hối chạy tiền thì cằn nhằn, nhưng cũng đi lấy hai ba đồng vàng đem về.

Vương phi nhận được tiền của con rễ, bèn gọi người thân tín đem dâng lên đức vua. Lại cách mấy hôm nữa vương phi thông tin lên đức vua: "Bây giờ xin bệ hạ hãy triệu công tử về triều".

Quốc vương y tấu, cho binh cầm lịnh tiến đi triệu công tử Kumbhaghosaka.

Toán lệ binh đến xóm lao động, kiếm hỏi người rằng: "Ai tên Kumbhaghosaka?". Sau cùng gặp được công tử, họ gọi:

- Lại đây chú ơi! Có lịnh của đức vua đòi chú về triều.

Công tử hoảng hốt, không biết có chuyện gì mà binh lính đến kiếm mình, nên đáp:

- Quốc vương không quen biết với tôi mà. Vả lại, tôi có làm tội lệ gì đâu…

Nói rồi, công tử không chịu đi.

Khi ấy, toán lệ binh bất đắc dĩ phải dùng cường lực, nắm hai tay công tử lôi đi, thấy họ làm như vậy vương phi quở rằng:

- Nè những quân khó dạy. Bây nắm tay lôi bừa con rể của ta như vậy là bất hợp pháp đó nghe.

Hăm he toán lính rồi vương phi trấn an công tử:

- Con cứ đi đi, đừng sợ chi cả. Mẹ về bái kiến đức vua xong, đứa nào nắm tay con lôi kéo, mẹ sẽ bắt chặt tay chúng nó hết.

Nói rồi Vương phi dắt Công chúa về triều trước, thay đổi xiêm y, trang điểm tươm tất và mặc y phục lộng lẫy, rồi đứng chờ ở trong một phía nơi cung đình.

Công tử Kumbhaghosaka bị lệ binh điệu đến sân triều, quỳ xuống triều bái Quốc vương xong, đứng lên chờ lịnh.

Quốc vương phán hỏi: "Khanh tên là Khumbhaghosaka phải không?".

- Muôn tâu đại vương, phải.

- Vì lí do gì, khanh có một kho tàng to tát mà lại giấu, không khai báo chi hết vậy?

- Muôn tâu đại vương, ngu dân nầy đâu có kho vàng nào. Ngu dân nghèo khó, còn phải đi làm mướn kiếm ăn.

Khi ấy, Quốc vương lấy mấy đồng tiền vàng của công tử trưng ra làm tang vật và phán hỏi: "Mấy đồng vàng nầy của ai đây?".

Công tử nhìn biết là tiền của mình thì sợ hãi, than rằng:

- Trời ơi! Nguy cho ta rồi, tại sao mấy đồng tiền vàng này lọt vào tay đức vua?".

Nhìn quanh một lượt, công tử trông thấy Vương phi và Công chúa xiêm y lộng lẫy đang đứng chỗ ngưỡng cửa ngự phòng thì nói thầm: "Quả thật ta mắc tội khi quân nặng lắm, hai mẹ con bà ấy chắc là người của đức vua cho theo do thám ta".

Thấy công tử nín thinh, Quốc vương phán bảo: "Thôi khanh hãy nên khai hết sự thật. Tại sao khanh làm như thế?".

- Tâu đại vương! Vì hạ thần không có ai là người bảo trợ để cho hạ thần nương nhờ cả.

- Người như trẫm không làm chỗ nương nhờ cho khanh được sao?

- Tâu đại vương! Thật là tốt đẹp quý báu, nếu hạ thần được đại vương bảo trợ cho hạ thần được có chỗ nương nhờ.

- Kho vàng của khanh tất cả được bao nhiêu?

- Tâu đại vương, bốn trăm triệu đồng vàng.

- Khanh cần phương tiện gì để đem lên?

- Tâu đại vương, hạ thần cần nhiều xe bò.

Quốc vương truyền lịnh thắng mấy trăm cỗ xe bò, cho lệ binh đi theo Kumbhaghosaka đến hầm chôn vàng, lấy vàng chất lên xe bò, chở về sân ngự chất thành một đống to lớn. Đoạn Quốc vương triệu tập tất cả dân cư trong thành Rājagaha và phán hỏi:

- Trong đô thành có ai làm chủ được bấy nhiêu vàng đây không?

- Tâu đại vương, không.

- Vậy ta nên làm gì đây?

- Tâu đại vương! Xin đại vương trọng thưởng và phong chức tước cho chủ kho vàng nầy.

Quốc vương y tấu, ân tứ nhiều tặng phẩm tưởng thưởng công tử Kumbhaghosaka, phong cho công tử chức Thiên hộ và gả Công chúa cho công tử.

Xong rồi Quốc vương với tân phò mã, ngự đến yết kiến Đức Bổn Sư. Sau khi đảnh lễ Ngài, Quốc vương bạch rằng: "Bạch Ngài, quả nhân chưa từng thấy ai cương nghị như thanh niên nầy, mặc dù làm chủ một kho tàng bốn trăm triệu, chàng không hề ỷ lại, chàng làm như kẻ bần hàn, ăn vận rách rưới, làm thuê cho xóm lao động mà nuôi mạng sống, quả nhân đã khéo dùng mưu mẹo điều tra mới khám phá ra sự thật và cho đào lấy kho vàng đưa vào triều. Quả nhân đã gả Công chúa cho chàng, phong cho phẩm hàm Thiên hộ kiêm chức Phò mã. Bạch Ngài, thật quả nhân chưa từng thấy ai giàu nghị lực như thiếu niên nầy vậy".

Nghe xong, Đức Bổn Sư đáp:

- Tâu đại vương! Người giữ theo một nếp sống như thế, mới gọi là sống theo lẽ đạo, còn kẻ bất lương làm nghề trộm cướp chẳng hạn, chỉ chuyên đàn áp nhiễu hại trong kiếp hiện tại, chúng sẽ không có sự an vui. Quả thật thanh niên con nhà giàu có, không may gặp cảnh sa sút mà chịu khó làm công nhân hoặc làm nông phu để nuôi mạng như thế, thì đáng gọi là sống chánh mạng, phải đạo lý. Người có sự tinh tấn, đầy đủ sự ghi nhớ chánh niệm, sau khi dùng trí tuệ cân nhắc rồi mới hành động sao cho tri hành hiệp nhất giữa ba nghiệp thân, khẩu và ý của mình thuần tịnh luôn luôn, nhất là giữ mình sống đời đạo lý, nương theo chánh mạng, không bao giờ xa lìa chánh niệm thì thanh danh về quyền hành, chức tước hoặc sự nghiệp càng ngày càng tăng trưởng thêm lên.

Đến đây, Đức Bổn Sư ngâm kệ ngôn rằng:

"Uṭṭhānavato satimato,
Sucikammassa nisammakārino;
Saññatassa ca dhammajīvino,
Appamattassa yasobhivaḍḍhatīti".

"Nhiệt thành chánh niệm song song,
Thân, tâm, khẩu nghiệp sạch trong phải đường.
Trí năng cân nhắc tỏ tường,
Sống theo đạo lý, luân thường chẳng quên".

CHÚ GIẢI:

Trên đây, tiếng *Uṭṭhānavato* chỉ người có lòng nhiệt thành, tinh tấn hăng hái, chuyên cần.

Satimato: Người có đầy đủ sự ghi nhớ hay pháp chánh niệm.

Sukikammassa: (là người) tịnh nghiệp, nghĩa là tam nghiệp (thân, khẩu, ý) đều thanh tịnh, trong sạch vô tội.

Nisammakārino: Là người có trách nhiệm nhận thức đúng đắn và hành động phù hợp với kiến thức chân xác của mình. Hễ ý nghĩ hay lời nói làm sao thì việc làm cũng vậy, hoặc là người suy xét kỹ lưỡng, nghĩ đến nguyên nhân và hậu quả các nghiệp mình tạo do thân, khẩu, ý trong sạch vô tội rồi mới hành động.

Saññatassa: là biết rõ ràng trí tuệ các thanh hạnh của mình, biết tam nghiệp mình vô tội.

Dhammajīvino: Là người sống hợp theo lý đạo, nuôi mạng chân chánh, như tại gia thì không lường thăng tráo đấu, mua cân già bán cân non, điêu ngoa gian xảo… còn xuất gia tu hành thì không làm hai mươi mốt pháp tà mạng, như cho thuốc, đi thơ… chỉ sống tự túc và tri túc bằng cách trì bình khất thực, lấy lất qua ngày.

Appamattassa: Là không buông lung, không phóng dật, không quên lãng sự thu thức, chánh niệm.

Yasobhivaḍḍhati: Thanh danh tăng trưởng, là quyền tước chức vụ, tên tuổi… càng ngày càng lừng lẫy, càng được nhiều người mến phục.

☸

Sau khi bài kệ chấm dứt, Thiên hộ Kumbhaghosaka đắc quả Nhập Lưu, ngoài ra còn có nhiều người đắc Thánh quả, nhất là Sơ quả do nhờ thính pháp của Đức Bổn Sư, hàng đại chúng hưởng được lợi ích như thế.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Chánh niệm, chuyên cần, nhẫn biết bao!
Tấm gương Kumbha sáng hùng hào!
Giá nghề ti tiện thân hèn hạ,
Thật kế châu toàn của quý cao!
Nếu chẳng Tần Vương nghe tiếng mách,
Thì không hoàng tộc bước chân vào,
Đức dày phước lớn càng tăng trưởng,
Bỏ lúc trần ai chịu khổ lao!

DỨT TÍCH KUMBHAGHOSAKA

☸

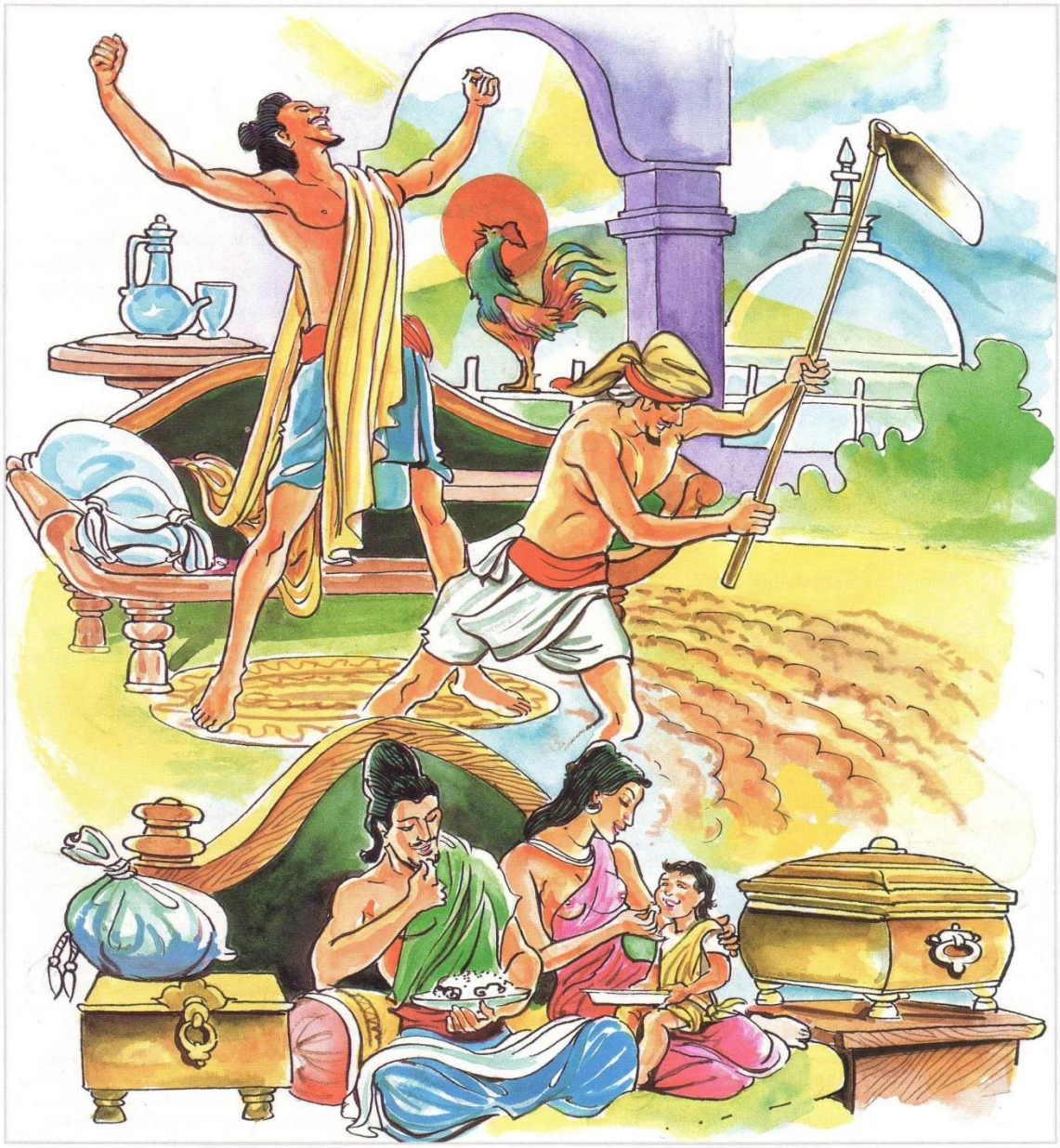

24. Mindful and striving, pure, restrained and righteous, man advances to fame and prosperity.

24. Với chuyên tâm, nổ lực, thanh tịnh, tự điều thân và chánh hạnh, con người đi đến danh vọng và phồn vinh.

II.3- Tích TRƯỞNG LÃO TIỂU BẦN ĐẶC

(Cūḷapanthakattheravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú 25)

"Uṭṭhānenappamādena,	***"Nhiệt thành không giải đãi,***
Saññamena damena ca;	***Giới căn thu thúc mãi.***
Dīpaṃ kayirātha medhāvī,	***Người trí đắp cù lao,***
Yaṃ ogho nābhikīratīti".	***Khỏi ngọn triều khổ hại".***

Kệ Pháp Cú (25) nầy, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự an tại Veḷuvana, đề cập đến Đại đức Cūḷapanthaka.

Tương truyền rằng: Thời ấy, trong thành Rājagaha, có một tiểu thơ con nhà phú Trưởng giả Dhanaseṭṭhi (Tài Bạch) đến tuổi cặp kê, tiểu thư được song thân cho ở tầng lầu thứ bảy không cho ra khỏi cửa khuê phòng, thật là:

Thâm nghiêm kín cổng cao tường,
Cạn dòng lá thắm, bặt đường chim xanh.

Tuy nhiên, con gái đến tuổi dậy thì, tình xuân phát động, tiểu thư không dằn lòng giữ thói nhà băng tuyết, nên đã trà trộm lịnh mẹ cha mà tư thông với một gia đinh, sợ việc đổ bể lậu tiếng ra ngoài, Tiểu thư bàn với tình nhân: "Chúng mình ở đây mãi không thể được, nếu cha mẹ em biết việc em tác tệ chắc là song thân phải phân thây em ra. Vậy chúng mình hãy đi ra cho khỏi xứ nầy, khỏi sợ bị ai dòm ngó".

Thế là đôi trai gái gom lấy tư trang và đồ tế nhuyễn quý giá, trổ cửa sổ trên nóc lầu thòng dây xuống đất và trốn khỏi tòa lâu đài của Trưởng giả Dhanaseṭṭhi.

Hai người cứ lầm lũi mà đi mãi vừa nhắc chừng nhau:

- Mình đi tới chỗ nào không có người quen biết, mình sẽ ở đó.

Đôi nam nữ tự do luyến ái nầy đi đến lưu cư tại một địa phương nọ trong một thời gian, thì cô vợ có thai, khi gần ngày sanh, thiếu phụ thỏ thẻ với chồng: "Mình ơi! Em gần tới kỳ khai hoa nở nhụy, mà ở đây không có ai họ hàng thân thích chi cả. Sau khi sanh con, hai đứa mình còn khốn khổ hơn nhiều, ta hãy đánh liều tạ tội với song thân đi mình.

Nghe vợ nói, người nô bộc nghĩ thầm: "Nếu ta trở về nơi đó, chắc là tính mạng không an toàn". Vì quá lo sợ như thế, nên anh ta kiếm cớ thối thác, hẹn nay rồi lại hẹn mai.

Ngày tháng qua… tiểu thưu nóng nảy, bồn chồn nghĩ rằng: "Cái anh ngốc nầy cứ lo sợ tội mình nặng nề, nên dụ dự không muốn trở về nhà ta. Thôi thì dầu anh ta không đi theo ta chăng nữa, ta cũng cứ đi một mình vậy".

Nghĩ rồi, tiểu thư sắp xếp đồ đạc trong nhà cho gọn gàng. Đoạn nói cho hàng xóm biết là mình trở về sanh quán và lên đường.

Người chồng đi làm về, không thấy vợ bèn hỏi thăm bạn láng giềng, nghe nói: "Chị ấy đã đi về nhà cha mẹ rồi". Anh ta cấp tốc chạy theo, bắt kịp vợ đang đi nơi khoảng nửa đường. Ngay chỗ hai người gặp nhau, tiểu thư chuyển bụng xổ lòng, đẻ rớt một đứa con. Anh chồng hỏi:

- Hiền thê ơi! Cái chi đó vậy?

- Chàng ơi một đứa con trai mới chào đời.

- Bây giờ, chúng ta làm gì đây?

- Bây giờ đã sanh nở giữa đường giữa sá rồi, thì ta còn đến nhà cha mẹ làm chi nữa. Thôi chúng mình hãy quay trở lại.

Hai vợ chồng cũng đồng một ý, bèn bồng con trở lại tư gia vì đứa trẻ bị đẻ rớt dọc đường, nên người ta đặt cho nó cái tên là Panthaka (Lộ).

Ít lâu sau, tiểu thơ lại thọ thai và tất cả câu chuyện sanh nở lần thứ hai diễn y như lần trước. Vì cả hai đứa con trai của Tiểu thư đều bị đẻ rớt dọc đường, nên đứa ra đời trước gọi là Mahāpanthaka (Đại Lộ) và đứa sau được gọi là Cūḷapanthaka (Tiểu Lộ) cho dễ phân biệt anh em. Đẻ rồi, hai vợ chồng tay bồng tay bế con thơ đồng quay trở lại nhà mình.

Trong xóm, chỗ hai vợ chồng đến cư ngụ, đứa con trai lớn là Mahāpanthaka thường nghe các bạn trẻ láng giềng, đứa thì khoe có chú có bác, đứa thì chúng có ông bà, nên theo hỏi mẹ nó: "Má à! Tụi nó đứa còn có ông nội, ông ngoại, đứa thì có bà ngoại, bà nội. Còn hai đứa tụi con thì không có họ hàng chi hết. Sao vậy hả má?".

- Có chứ sao không hả con, ở xứ nầy mình không có họ hàng bà con với ai hết. Nhưng ở tại đô thành Rājagaha chỗ ông ngoại con là phú Trưởng giả Dhanaseṭṭhi ở thì mình có nhiều thân quyến lắm!

- Sao mình không về đó hở má?

Tiểu thư không tỏ thật vì lý do nào mình không đi về đó thăm cha mẹ cho con biết. Hai đứa bé không được nghe giải thích một cách thỏa đáng, cứ đeo theo tiểu thơ mà hỏi han hoài.

Sau cùng tiểu thơ nói với chồng: "Chàng ơi, hai đứa con cái của mình làm khổ em quá lắm. Bây giờ mình hãy dắt chúng nó về thăm nội ngoại. Chẳng lẽ cha mẹ thấy mình lại nỡ ăn thịt mình hay sao?".

- Phận anh thì không thể nào giáp mặt nhạc gia, nhưng anh sẽ đưa hai con về cho chúng nó nhìn ông ngoại, bà ngoại.

- Vậy thì ta nên chuẩn bị hành trang, rồi dắt chúng về thăm họ hàng bên ngoại.

Hai vợ chồng dắt hai đứa con trai ra đi, lần hồi đến thành Vương Xá. Họ vào ngụ trong một ký túc xá trong thành, tiểu thư nhờ người qua lại, đem tin cho ông bà phú Trưởng giả hay rằng mình đã dắt hai con về thăm cha mẹ.

Khi được tin ấy, ông bà đại phú nói nhắn trả lời rằng:

- Trong cái vòng tái sanh lẩn quẩn này, thật ra không có ai là con trai, con gái hay là ông bà, cha mẹ ai tất cả, ta không muốn nhìn thấy mặt chúng nó nữa, lũ nó đã

làm điếm nhục gia phong của ta, chúng nó muốn lấy bao nhiêu tiền của thì ta cho, rồi hai người đi tìm chỗ sống an vui đi. Còn hai đứa nhỏ thì gởi lại ta nuôi giùm cho.

Tiểu thư nhận lãnh số gia tài do người đại diện của phú Trưởng giả trao cho và giao lại hai con mình cho người ấy dắt đem đi, hai đứa bé từ đó sống chung với ngoại tổ cho tới khi lớn khôn.

Giữa hai anh em có sự khác biệt rõ rệt, bé Cūḷapanthaka thì hình vóc ốm yếu chỉ ưa lúc thúc ở nhà, còn bé Mahāpanthaka hằng ngày theo ông ngoại đến nghe Đức Thập Lực thuyết pháp. Do được gần gũi Đức Bổn Sư thường xuyên như thế, Mahāpanthaka nảy ra ý muốn xuất gia. Cậu bèn tỏ thật với ông ngoại: "Nếu ông ngoại cho phép con đi tu, thì con xuất gia liền".

- Sao cháu lại nói vậy, dầu cho ai trong nhân gian cũng xuất gia hết thì ngoại cũng không ngăn cản, huống chi là một mình cháu. Nếu cháu liệu tu được thì cháu cứ xuất gia.

Nói rồi, ông đại phú Dhanaseṭṭhī dắt bé Mahāpanthaka đến yết kiến Đức Bổn Sư. Ngài phán hỏi: "Nầy gia chủ, đứa bé nầy ông mới có được phải không?".

- Vâng, bạch Ngài! Nó là cháu ngoại của con, nó muốn xuất gia đi tu với Ngài.

Đức Bổn Sư bèn gọi một vị Tỳ kheo đầu đà thường thường khất thực và bảo: "Ông hãy làm lễ xuất gia cho đứa bé nầy".

Vị Đại đức chỉ cách niệm đề mục thể trược đầu tiên là tóc, lông, móng, răng, da cho bé Mahāpanthaka, rồi cho cậu xuất gia Sa di, từ đó về sau Mahāpanthaka chăm học thuộc lòng rất nhiều Phật ngôn, đến khi tròn đủ hai mươi tuổi, Sa di Mahāpanthaka xuất gia lên bậc trên, chuyên tâm hành thiền Chỉ quán (samātha vipassanā) và đắc A La Hán quả.

Trong khi hưởng thụ tịnh vị của Bát Thiền và Tứ quả, Đại đức Mahāpanthaka nghĩ rằng: "Vị tịnh lạc nầy có thể bố thí cho Cūḷapanthaka được".

Sau đó, Đại đức về thăm ngoại tổ là nhà đại phú hỏi ướm:

- Thưa đại phú hộ, nếu người cho phép thì bần Tăng sẽ làm lễ xuất gia cho Cūḷapanthaka.

- Bạch Đại đức, Ngài hãy làm lễ xuất gia cho nó đi.

Thiên hạ người thì đồn rằng: Nhà Đại phú hộ Dhanaseṭṭhī có đức tin hoàn toàn trong sạch đối với chánh pháp. Có kẻ nói là ông ta bực mình vì mắc cỡ khi nhìn nhận hai đứa bé là con của tiểu thơ đã bỏ nhà ra đi với trai, cho nên vui lòng cho phép cả hai đứa cháu ngoại đi.

Đại đức Mahāpanthaka làm lễ xuất gia truyền thọ Cụ túc giới cho em. Sau khi nhập đạo, Tỳ kheo Cūḷapanthaka tỏ ra hết sức tối dạ. Ông được Đại đức bắt đầu dạy bằng kệ Nam Phạn nầy:

"Padmaṃ yathā kokanudaṃ sugandhaṃ,
Pāto siyā phullamavītagandhaṃ;
Aṅgīrasaṃ passa virocamānaṃ,

Tapantamādiccamivatalikkheti".

"Như đóa sen hồng là thứ sen thơm ngát,
Lúc rạng đông nở bừng hương ngào ngạt.
Kìa đấng Chí Tôn, Ngài rực rỡ quang vinh,
Tợ vừng thái dương trên trời sáng bình minh".

Bài kệ nầy, Tỳ khưu Cūḷapanthaka học ròng rã bốn tháng chưa thuộc. Tại sao? Nghe nói rằng: Trong thời kỳ của Đức Chánh Biến Tri Kassapa. Cūḷapanthaka là một Tỳ khưu rất thông thái, nhận thấy một Tỳ khưu tối dạ đang học kinh tiếng Phạn (Pāli) có buông lời chế nhạo, khiến cho vị ấy hổ thẹn bỏ luôn sự học tập kinh kệ. Do tiền nghiệp ấy, kiếp nầy Tỳ khưu Cūḷapanthaka sanh chứng tối dạ, học kệ không vô, cứ học câu dưới thì quên câu trên, học câu sau thì quên câu trước, dầu cho hết sức cố gắng học đi học lại mãi nhưng vì bị nghiệp chướng, Cūḷapanthaka không nhớ nổi bài kệ trên đây.

Bốn tháng trôi qua… Khi ấy, Đại đức Mahāpanthaka bảo em mình rằng: "Nầy Cūḷapanthaka, chú tu trong giáo pháp nầy chắc không được, có một bài kệ mà chú học bốn tháng chưa thuộc thì làm sao chú giải cho tròn phận sự người xuất gia? Ở đây càng tội lỗi nhiều. Thôi chú hãy hoàn tục đi".

Nói rồi, Đại đức kéo em mình đẩy ra ngoài Tịnh Xá, tuy bị anh xua đuổi, Cāḷapanthaka vẫn không muốn hoàn tục vì còn mến mộ con đường giải thoát.

Lúc bấy giờ Đại đức Mahāpanthaka đảm nhiệm chức vụ Trị sự trong Giáo hội Tăng già, chư Thiện tín thường nhờ Đại đức chỉ định các Tỳ khưu cho mình, thỉnh đến nhà sớt bát.

Hôm ấy, ông Jīvaka Komārabhacca (Tôn Sanh Nghĩa Tử, tàu âm là Kỳ Bà) đem theo nhiều tràng hoa vật thơm và vật thoa (để tắm gội) đến ngôi vườn xoài của mình để cúng dường Đức Bổn Sư, Ngài đang ngự nơi đó.

Sau khi cúng dường và thính pháp, ông Jīvaka đứng lên đảnh lễ và cáo từ Đức Bổn Sư, rồi đến bạch hỏi Đại đức Mahāpanthaka rằng: "Bạch Ngài, có bao nhiêu Tỳ khưu cùng ở đây với Đức Bổn Sư?".

- Có tất cả năm trăm vị Tỳ khưu.

- Bạch Ngài, đệ tử xin thỉnh hết năm trăm vị Tỳ khưu cùng đi với Đức Thế Tôn ngày mai đến nhà đệ tử để thọ thực.

- Nầy ông thiện nam, ta nhận lời của ông thỉnh hết tất cả chư Tăng. Trừ ra một mình Tỳ khưu Cūḷapanthaka vì ông ta tối dạ, kinh pháp còn non kém lắm.

Nghe Đại đức trị sự nói vậy, Tỳ khưu Cūḷapanthaka nghĩ thầm: "Đại đức nhận lời thỉnh của thí chủ cho tất cả Tỳ khưu đi dự Trai Tăng, lại bỏ ta ra ngoài, không kể tình huynh nghĩa đệ chi hết. Còn ở đây chắc có ngày ta tức bể tim mà chết. Thôi thà ta xin hoàn tục, làm người cư sĩ tại gia chỉ lo việc bố thí, trì giới cũng tạo được phước lành vậy".

Sáng hôm sau, Tỳ khưu Cūḷapanthaka ra đi, định về nhà để hoàn tục.

Vào khoảng đêm gần tàn, Đức Bổn Sư theo lệ thường quán sát thế gian. Thấy biết việc nầy, Ngài thức dậy thật sớm đi kinh hành trước cổng ngõ, có ý chờ Tỳ khưu Cūḷapanthaka đi ngang qua. Thấy vị nầy đến, Ngài dừng bước đứng lại.

Đang lầm lủi đi, chợt nhìn thấy Đức Bổn Sư, Tỳ khưu Cūḷapanthaka bèn đến đảnh lễ Ngài.

Khi ấy, Đức Bổn Sư phán hỏi: "Nầy Cūḷapanthaka, mới chừng nầy mà ông đi đâu vậy?".

- Bạch Ngài! Anh con xua đuổi con, nên con đi về hoàn tục.

- Nầy Cūḷapanthaka! Ông xuất gia là xuất gia trong giáo pháp của ta, dầu anh ông có xua đuổi đi nữa, tại sao ông không tìm tới ta? Lại đây, hãy ở gần ta chớ nên trở về làm người cư sĩ mà làm gì?

Nói rồi, Đức Bổn Sư giơ lòng bàn tay có đường chỉ hình bánh xe của Ngài xoa lên đầu Tỳ khưu Cūḷapanthaka, dắt ông đi đến cửa hương thất của Ngài, chỉ chỗ cho ông ngồi rồi phán bảo rằng: "Nầy Cūḷapanthaka, ông hãy ở lại đây, quay mặt về hướng đông, cầm lái khăn nầy vò đi vò lại mãi và nói: "Tẩy trừ cấu uế! Tẩy trừ cấu uế!". Ngài trao cho ông một cái khăn nhỏ màu trắng tinh, phát sanh do thần thông của Ngài.

Khi có người đến báo tin đã đến giờ đi thọ bát. Đức Bổn Sư cùng chư Tỳ khưu thị tùng thân hành đến nhà ông Jīvaka và ngồi lên những chỗ đã được soạn sẵn.

Còn Tỳ khưu Cūḷapanthaka vẫn ngồi y chỗ cũ, mắt nhìn mặt trời, hai tay vò đi vò lại cái khăn của Đức Bổn Sư giao cho, miệng thì nói: "Tẩy trừ cấu uế. Tẩy trừ cấu uế…" không ngớt.

Cái khăn mới tinh sạch sẽ, bị chà xát mãi hóa ra dơ dáy đen thui. Thấy vậy, Tỳ khưu Cūḷapanthaka ngẫm nghĩ: "Cái khăn nhỏ nầy vốn thật tinh khiết, không có một mảy bợn nhơ, thế mà khi tiếp xúc với thân thể của ta nó bỏ mất trạng thái ban đầu, hóa ra ô nhiễm cấu uế như thế nầy đây. Ôi! Các pháp hữu vi thật không bền vững!". Chú tâm suy tư định lý Vô thường, sanh diệt, Tỳ khưu Cūḷapanthaka tăng tiến pháp hành Minh sát (Vipassanā).

Khi ấy Đức Bổn Sư hiểu biết rằng: "Tâm của Cūḷapanthaka đã vượt lên đến độ Minh Sát". Ngài bèn phân thân, thị hiện thần thông như đang ngồi trước mặt Cūḷapanthaka, phán bảo rằng: "Nầy Cūḷapanthaka! Ông đã làm cái khăn trong sạch kia phải bị nhiễm ô trần cấu. Nhưng ngoại vật không đáng kể, bên trong của ông còn bị ô nhiễm bởi những bụi tham lam, sân hận và si mê, ông hãy tẩy sạch nội tâm của ông đi".

Đoạn Đức Thế Tôn ngâm kệ rằng:

"Rāgo rajo na ca pana reṇu vuccati,
Rāgassetaṃ adhivacanaṃ rajoti;
Etaṃ rajaṃ vippajahitvā bhikkhavo,
Viharanti te vigatarajassa sāsane".

"Doso rajo na ca pana reṇu vuccati,
Dosassetaṃ adhivacanaṃ rajoti;
Etaṃ rajaṃ vippajahitvā bhikkhavo,
Viharanti te vigatarajassa sāsanne".

"Moho rajo na ca pana reṇu vuccati,
Mohassetaṃ adhivacanaṃ rajoti;
Etaṃ rajaṃ vippajahitvā bhikkhavo,
Viharanti te vigatarajassa sāsane ti".

"Tham cấu uế, còn bụi không gọi thế,
Tham chính là cấu uế, đúng như tên.
Nầy chư Tăng! Xa uế đó mới nên,
Trong giáo pháp trú vững bền vô uế".

"Sân cấu uế, còn bụi không gọi thế,
Sân chính là cấu uế, đúng như tên.
Nầy chư Tăng! Xa uế ấy mới nên,
Trong giáo pháp trú vững bền vô uế".

"Si cấu uế, còn bụi không gọi thế,
Si chính là cấu uế, đúng như tên.
Nầy chư Tăng, xa uế đó mới nên,
Trong giáo pháp trú vững bền vô uế".

Bài kệ vừa chấm dứt, Tỳ khưu Cūḷapanthaka chứng ngay A La Hán quả với Vô ngại giải (Paṭisambhidā), nhờ có Tuệ phân tích, Ngài thông suốt Tam Tạng.

Tương truyền rằng: Trong một tiền kiếp nọ, Tỳ khưu Cūḷapanthaka là một Quốc vương. Trong một buổi diễu hành nhiễu quanh thành phố, Quốc vương đã xuất mồ hôi trán, đã lấy một cái khăn trắng mới tinh mà lau chùi, làm cho dơ cái khăn. Quốc vương phán xét rằng: "Do nơi nhục uế nầy mà cái khăn trắng sạch thế kia đã mất sự tinh khiết lúc ban đầu trở nên ô nhiễm cấu uế. Ôi, hữu vi pháp thật chẳng miên trường".

Nhờ suy tư như thế, Quốc vương đắc Vô thường tưởng (Aniccasaññā). Đó là nhân quá khứ làm duyên cho Cūḷapanthaka đắc Tuệ minh sát, rồi dần lên với A La Hán quả với Tuệ phân tích vậy.

Đây nói về ông Jīvaka! Đang sắp sửa xối nước khai mạc lễ Trai Tăng (Dakkhiṇosaka), Đức Bổn Sư lấy tay đậy miệng bát và phán: "Nầy Jīvaka! Ở chùa còn một vị Tỳ khưu".

Đại đức Mahāpanthaka đáp:

- Bạch Ngài! Ở chùa không còn Tỳ khưu.

Đức Bổn Sư lặp lại: "Nầy Jīvaka ở chùa còn một vị".

Ông Jīvaka sai gia đinh: "Thế thì con hãy đến chùa xem cho kỹ coi có hay là không có Tỳ khưu nào ở đó nghe, hay còn một vị Tỳ khưu".

Ngay trong sát na ấy, Tỳ khưu Cūḷapanthaka nghĩ thầm: "Anh ta nói là ở chùa không có Tỳ khưu vậy để ta làm cho có nhiều Tỳ khưu, thử coi anh ấy nói sao?".

Nghĩ rồi, Tỳ khưu Cūḷapanthaka dùng thần thông hóa ra nhiều nhóm Tỳ khưu đông ước chừng có thể ngồi khắp khu vườn xoài. Có nhóm đang cắt may y, có nhóm đang giặt nhuộm y, có nhóm đang tập dượt kinh kệ… Tất cả gồm có hàng ngàn Tỳ khưu vô tỳ (asadisa) như thế.

Tên gia đinh tới chùa, thấy có nhiều Tỳ khưu về bẩm với chủ.

- Bẩm ông, khắp cả vườn xoài đầy nghẹt Tỳ khưu.

Trong khi ấy:

"Sahassakkhattumattānaṃ,
Niminivāna panthako;
Nisīdi ambavane ramme,
Yāva kālappavedanāti".

"Một mình hóa hiện ngàn thân,
Bàn Đặc sử dụng phép thần đã xong
Bèn ngồi tịnh tọa thong dong,
Giữa vườn xoài phó mặc dòng thời gian".

Khi ấy, Đức Bổn Sư dạy tên gia đinh: "Ngươi hãy đến chùa nói rằng: "Đức Thầy cho gọi Tỳ khưu Cūḷapanthaka".

Tên gia đinh tới chùa, nói y như vậy, khi ấy cả ngàn vị ứng tiếng trả lời: "Ta là Cūḷapanthaka, ta là Cūḷapanthaka…".

Tên gia đinh lại quay về bạch: "Bạch Ngài, tất cả chư Tăng đều trùng một tên là Cūḷapanthaka, con không biết phải thỉnh vị nào đây?".

- Thế thì người hãy đến chùa, hễ nghe vị nào xưng: "Ta là Cūḷapanthaka trước nhất, thì ngươi hãy nắm chặt tay người ấy, tức thì bao nhiêu vị khác sẽ biến mất ngay".

Tên gia đinh làm y theo lời của Đức Bổn Sư chỉ dạy. Quả nhiên một ngàn vị Tỳ khưu hóa hiện đều biến mất. Đại đức Cūḷapanthaka bèn ra đi với tên gia đinh.

Sau bữa Trai Tăng, Đức Bổn Sư kêu ông Jīvaka và bảo:

- Nầy Jīvaka, ông hãy giữ bát của của Tỳ khưu Cūḷapanthaka, vị ấy sẽ thuyết pháp và kệ hoan hỷ phước báu để chấm dứt cuộc lễ hôm nay.

Như một Tiểu Hùng Sư rống tiếng rống của loài sư tử. Đại đức Cūḷapanthaka đem những nghĩa lí cao siêu trong Tam Tạng ra biện giải rất hùng hồn, trước khi ông Jīvaka đem bài kinh hồi hướng phước báu ra tụng niệm.

Kế đó, Đức Bổn Sư từ chỗ ngồi đứng lên, dẫn đầu Tăng chúng trở về Tịnh xá. Sau khi chỉ bảo công việc cho chư Tăng, ban huấn từ cho chư Tỳ khưu, Đức Thiện Thệ thuyết giảng về đề mục thiền định, xong rồi mới giải tán chư Tăng. Ngài vào trong chỗ ngụ thơm tho gọi là Hương thất để nằm thiền, nghiêng mình bên tay phải, theo lối nằm của con sư tử.

Chiều hôm ấy, chư Tỳ khưu chỗ nầy, chỗ nọ câu hội lại ngồi xoay tròn như một bức màn nhung đỏ bàn luận về oai lực của Đức Bổn Sư: "Nầy chư huynh đệ, Đại đức Mahāpanthaka đã hoài công tập dượt chỉ dạy Tỳ khưu Cūḷapanthaka trong bốn tháng trời mà không làm sao cho em mình thuộc được một bài kệ, đến nỗi phải gắt ông nầy tối dạ quá, và đuổi ông ta ra khỏi chùa. Đức Chánh Biến Tri quả là một bực Vô thượng Pháp vương, chỉ trong khoảnh khắc độ chưa xong bữa cơm, Ngài đã khiến cho Cūḷapanthaka đắc A La Hán quả với Tuệ phân tích, nhờ đó mà Ngài thông suốt Tam Tạng biện thuyết. Ôi, oai lực chư Phật lớn lao, không thể nghĩ bàn".

Khi ấy, Đức Bổn Sư biết rõ câu chuyện chư Tăng đang thảo luận trong giảng đường: "Hôm nay, Như Lai nên đi".

Từ Phật sàng đứng lên, Ngài mặc hai lá hồng y nhuộm thật khéo, lấy dây lưng thắt lẹ như chớp nhoáng, đoạn khoác lên kim thân chiếc phấn tảo đại y của Đức Thiện Thệ màu như gấm đỏ, ra khỏi tảo hương thất, Ngài cất bước khoan thai vừa đài các vừa hùng dũng như con mãnh sư quý báu, chúa cả đàn sư tử với tướng hào quang minh vô tận của chư Phật, Ngài thân hành đến giảng đường, ngự lên ngôi Phật Bảo tọa đã sẵn sàng, kê trên một bục gỗ có treo hoa trang hoàng thẩm mỹ.

Vừa an tọa, Đức Bổn Sư phóng ra sáu đạo hào quang của bậc Đại Giác, soi sáng cả hội trường, như vừng hồng mai rạng rỡ giữa trời đông, trong lúc đại trùng dương ba đào chuyển động.

Thấy Đức Chánh Biến Tri ngự đến, chư Tăng ngắt ngang câu chuyện đang thảo luận và ngồi yên lặng.

Với tâm bi mẫn, Đức Thế Tôn nhìn khắp đồ chúng (pārisaṃ) và nghĩ rằng: "Đoàn Tăng đồ nầy thật rất trang nghiêm thanh tịnh, dầu một cử động của tay hay một cử động của chân, một tiếng ho hay một tiếng nhảy mũi cũng chẳng có, tất cả đều hết lòng tôn kính ta, bằng sự tôn kính của một bậc Đại giác, kiêng nể ta với sự kiêng kể Phật oai. Dẫu ta có ngồi mặc nhiên suốt một kiếp (kappa) Tăng chúng cũng không dám hở môi phá tan sự sự im lặng trước. Chỉ có ta là có quyền quyết định, khi nào hợp thời để đề khởi pháp thoại vậy thì ta phải lên tiếng trước để mở đầu".

Với giọng nói dịu ngọt của một vị Đại Phạm Thiên, Đức Bổn Sư kêu gọi Tăng chúng và hỏi rằng:

- Nầy các Tỳ khưu, chuyện gì mà các ông thảo luận hôm nay? Chuyện gì mà các ông bỏ lửng nữa chừng?

- Bạc Ngài, chuyện ấy như vầy, như vầy.

Sau khi nghe chư Tăng cho biết nội dung cuộc thảo luận, Đức Bổn Sư bố chính rằng: "Nầy các Tỳ khưu, không phải Cūḷapanthaka chỉ tối dạ trong kiếp hiện tại đâu, xưa kia ông ta cũng đã từng tối dạ như thế rồi. Không phải ông ta chỉ mới hoàn toàn nhờ cậy ta trong kiếp hiện tại đâu. Xưa kia ông ta cũng đã nhờ cậy ta như thế ấy rồi. Trước kia ta đã giúp cho Cūḷapanthaka được làm chủ tài sản thế gian và bây giờ được làm chủ tài sản siêu thế!".

Thể theo lời yêu cầu của chư Tăng muốn nghe đầy đủ chi tiết về câu chuyện nầy. Đức Bổn Sư nhắc tích rằng:

Hồi thời quá khứ, trong đám dân cư thành Bārāṇasī, có một gã thanh niên muốn lập công danh, nên quyết chí muốn tìm thầy để học nghề văn nghiệp võ. Cậu ta đến thành Takkasilā, xin làm đệ tử của một Sư trưởng thời danh (Disapāmokkha).

Trong nhóm năm trăm môn sinh chỉ có một mình cậu ta là chăm lo phận sự phục vụ sư phụ hơn hết. Cậu ta siêng năng hầu hạ, đấm bóp cùng làm tất cả mọi việc cho thầy, nhưng cậu ta lại là đứa học trò tối dạ nhất nên không thụ huấn được một nghề mọn nào cả. Vị Sư trưởng thấy cậu ta giúp đỡ mình được nhiều việc muốn đem hết tài nghệ ra truyền cho cậu. Nhưng dầu ông thầy có tận tâm, tận lực cho mấy, cậu học trò ngu cũng vẫn hoàn hoàn ngu.

Ở tòng học đã lâu, mà không nhập tâm được một bài kệ, cậu ta đâm ra nản chí, định bụng sẽ thôi học, bèn lên xin phép thầy để trở về nhà.

Vị Sư trưởng nghĩ thầm: "Cậu nầy siêng năng hầu hạ, phục dịch ta, ta cũng mong đào luyện cậu ta trở thành người hiền trí mà không được. Đương nhiên là ta phải đền đáp công khó của cậu. Vậy ta sẽ truyền cho cậu một câu mật chú (manta) để làm hộ thân".

Vị Sư trưởng bèn dắt cậu học trò tối dạ đi vào trong rừng vắng, truyền dạy mật chú như vầy:

"Ghaṭesi ghaṭesi kiṃ kāraṇā ghaṭesi
Ahampi taṃ jānāmi jānāmīti".

Sau khi lặp lại mấy trăm lần vị Sư trưởng hỏi: "Bây giờ thuộc chưa?".

Khi nghe đáp: "Dạ thưa, thuộc rồi".

Vị Sư trưởng căn dặn rằng:

- Dầu cho trò có tối dạ nhưng cứ siêng năng ôn nhuần chú ngữ nầy cho thật nằm lòng, thì sẽ không bao giờ quên mất nó được.

Đưa tiền lộ phí cho trò, thầy còn an ủi và nhắc thêm rằng:

- Thôi trò về đi, nhờ mật chú nầy hộ thân, trò sẽ sống túc ý, túc thực. Ráng ôn tập cho thường, đừng để cho quên mất nghe.

Nói rồi, thầy để cho trò đi.

Khi trở về Bārāṇasī, thiếu niên du học được mẹ chàng mừng rỡ tiếp đón long trọng và nghĩ rằng:

- Con trai ta nay đã thành tài, nên trở về đây.

Thời bấy giờ, Quốc vương Bārāṇasī đang tự kiểm thảo: "Không biết trẫm có phạm lỗi nào trong ba nghiệp thân, khẩu, ý chăng?".

Sau khi suy xét, Quốc vương lại nghĩ: "Lỗi của mình thì tự mình không thấy mà người khác thấy. Trẫm phải di hành để dò xét thâm ý của dân trong thành mới được".

Thừa lúc ban đêm, Quốc vương giả dạng thường dân di hành ra khỏi hoàng cung, tính thầm rằng: "Sau bữa cơm chiều tối, người ta ưa ngồi nói chuyện phiếm, bàn luận về thiên hạ sự, nếu trẫm trị vì không đúng vương pháp, họ sẽ ta thán trẫm là hôn

quân, bạo chúa và nguyền rủa trẫm. Nếu trẫm hành đúng vương pháp, họ sẽ ca tụng công đức và nguyện cầu cho trẫm trường thọ".

Ngay lúc ấy, có nhiều kẻ trộm chuyên môn đào hầm khoét vách (ummaṅgacorā), đào một con đường ngầm khoảng giữa hai ngôi nhà định sẽ trổ đường lên cả hai bên.

Trông thấy lũ trộm, Quốc vương vội nép mình vào bóng tối trong một ngôi nhà.

Bọn trộm đào xong địa đạo vào được trong nhà của thiếu niên du học, còn đang tóm thâu tài vật thì thiếu niên thức giấc đọc được câu mật chú: "Ghaṭesi ghaṭesi kiṃ kāraṇā ghaṭesi. Ahampi taṃ jānāmi jānāmīti" (Làm bậy, làm bậy, có chi làm bậy. Ta biết như vậy, biết việc như vậy).

Bọn trộm nghe thiếu niên đọc chú, tưởng rằng chủ nhà đã hay biết, sợ bị vây bắt, chúng tuột khỏi quần áo, buông bỏ tài vật lại, mạnh ai lo dành đường thoát thân. Được thấy tận mắt bọn trộm đang tháo bỏ chạy và nghe tận tai tiếng của chủ nhà đọc câu chú ngữ, Quốc vương lại tiếp tục chuyến du hành quanh thành phố, rồi quay trở về cung đình.

Sáng hôm sau, Quốc vương truyền cho nội thị đòi một tên quân và phán bảo:

- Nầy nhà ngươi hãy đi đến con đường nọ, hỏi thăm cái nhà bị kẻ trộm đào đường hầm chun vào tối hôm qua.

Nơi đó có vị thiếu niên du học ở xứ Takkasilā trở về. Ngươi rước vị ấy vào triều nghe.

Thiếu niên đi theo tên quân vào triều bái yết Quốc vương, khi ấy Quốc vương phán hỏi:

- Nầy tráng sĩ, trẫm nghe tiếng đồn tráng sĩ du học ở Takkasilā trở về, có thọ giáo được pháp thuật phải không?

- Tâu bệ hạ phải.

- Tráng sĩ hãy truyền phép ấy cho trẫm thọ giáo với.

- Tốt lắm, tâu bệ hạ, xin bệ hạ hãy ngồi đồng hàng mà học pháp ngữ.

Quốc vương y lời, học được câu mật chú rồi ban cho thiếu niên ngàn đồng vàng và phán:

- Đây là tiền thầy tổ, để đền công ơn tráng sĩ chỉ dạy.

Lúc bấy giờ, quan Nguyên soái chủ mưu toan hành thích Quốc vương. Nguyên soái hỏi quan nội thị chuyên việc cạo râu cho vua: "Chừng nào túc hạ sẽ cạo râu cho Quốc vương?".

- Mai hoặc là mốt.

Quan Nguyên soái liền tặng cho nội thần một ngàn đồng tiền vàng và nói: "Bổn soái có việc cần được Ngài tiếp tay".

- Việc chi vậy Nguyên soái?

- Tới bữa đó, Ngài giả tuồng như cạo râu cho Quốc vương, mài con dao cho bén ngót rồi thừa dịp cắt cổ hạ sát Quốc vương. Xong việc nầy bổn soái tức vị ngôi trời, sẽ phong cho Ngài giữ chức Nguyên soái.

Quan nội thị nhận lời, tới ngày cạo râu cho vua, ông ta lấy nước thơm thấm ướt râu vua, mài dao cạo xong, đè trán Quốc vương, sắp sửa xuống tay, nhưng quan ta còn sợ dao chưa bén, nên đứng qua một bên để liếc dao lại, trong bụng tính thầm: "Dao cạo mau lụt lắm, ta phải làm sao cắt một lát dao cho đứt lìa cuống họng của vua".

Trong sát na ấy, Quốc vương nhớ câu chú ngữ, bèn đọc dượt lại rằng: "Làm bậy, làm bậy, cớ chi làm bậy. Ta biết như vậy, biết việc như vậy"...

Quan nội thị có tịch sẵn, nghe Quốc vương thốt lời như thế xuất mồ hôi trán, hết sức lo sợ nghĩ thầm: "Quốc vương biết hết nguyên do công việc nầy rồi".

Viên phản thần ném dao cạo xuống đất, nằm mọp đầu bên chân Quốc vương. Những bậc vua chúa bao giờ cũng lanh trí, đai nghi, thấy có việc lạ, Quốc vương giả cách phẫn nộ, quát mắng rằng:

- Này tên nội thần phản phúc, ngươi tưởng lầm là trẫm chẳng hay biết việc chi chăng?

- Muôn tâu bệ hạ, xin bệ hạ dung chế cho kẻ hạ thần.

Quốc vương dịu giọng:

- Thôi khanh đừng sợ, cứ tình thật khai ngay đi.

- Muôn tâu bệ hạ, quan Nguyên soái trao cho hạ thần một ngàn đồng vàng và căn dặn: "Ông làm bộ cạo râu cho Quốc vương, rồi cắt đứt cuống họng vua đi, hễ vua băng hà rồi, ta lên ngôi vua, ta sẽ phong cho ông chức Nguyên soái".

Quốc vương nghe rõ tự sự, nghĩ thầm: "Nhờ ơn giáo sư mà ta được toàn mạng".

Quốc vương triệu quan Nguyên soái vào triều và phán rằng:

- Từ nay, khanh không còn được ân sủng gần gũi long nhan nữa. Vì trẫm không còn muốn nhìn mặt khanh, khanh hãy đi ra khỏi quốc gia trẫm.

Sau khi trục xuất quan Nguyên soái, Quốc vương triệu giáo sư về triều.

- Thưa giáo sư, nhờ giáo sư mà trẫm mới được tồn sanh.

Phán rồi, Quốc vương ban cho giáo sư rất nhiều phẩm vật quý giá và phong cho giáo sư tước vị Tổng lãnh binh đại Nguyên soái.

Vị giáo sư thời xưa nay là Cūḷapanthaka, Quốc vương nay là Ānanda và vị Sư trưởng thời danh nầy là Như Lai đây vậy.

Sau khi kể hết chuyện tiền thân nầy. Đức Bổn Sư kết luận rằng:

- Nầy các Tỳ khưu, xưa kia Cūḷapanthaka cũng đã từng tối dạ như thế và xưa kia ta cũng đã từng giúp đỡ cho ông ta chiếm được tài sản thế gian như thế.

Hôm sau, giữa Tăng chúng, pháp thoại nầy được khởi lên:

- Quả thật Tù khưu Cūḷapanthaka thành công được là có sự giúp đỡ của Đức Bổn Sư.

Đức Bổn Sư nhân cơ hội thuyết tiếp Bổn Sanh (Jātaka) phú Trưởng giả Cūḷaka và đọc kệ rằng:

"Appakena pi medhāvī,
Pābhatena vicakkhaṇo;
Samuṭṭhāpeti attānaṃ,
Aṇuṃ aggaṃva sandhananti".

"Trí nhân được chút đỉnh quà,
Tự mình tăng tiến cũng là nên danh;
Nơi người vật mọn trở thành,
Kho tàng quý báu cao thanh nhất đời".

Dứt bài kệ, Đức Bổn Sư phán:

- Nầy các Tỳ khưu, bây giờ ta giúp đỡ Cūḷapanthaka cũng như ta đã từng giúp đỡ ông ta trước kia. Thuở xưa ta đã độ cho ông ta được làm chủ thế sản, cũng như hiện nay ta độ ông ta được làm chủ siêu thế sản vậy.

Sau cùng, Đức Bổn Sư giải rằng:

- Đệ tử của phú Trưởng giả Cūḷaka nay là Cūḷapanthaka và phú Trưởng giả hiền minh, thiện xảo, am tường khoa chiêm tinh chính là Như Lai vậy.

Ngày sau, chư Tăng ngồi trong giảng đường, đề khởi pháp thoại như vầy:

- Nầy chư đạo hữu, Tỳ khưu Cūḷapanthaka ban đầu học một bài kệ bốn câu đến bốn tháng mà chưa thuộc. Nhưng nhờ không nản chí, cứ tinh tấn mãi nên mới đắc quả A La Hán. Bây giờ được làm chủ Thánh sản, là các pháp siêu thế như vậy.

Đức Bổn Sư ngự đến phán hỏi:

- Nầy các Tỳ khưu hôm nay các ông hội luận pháp thoại gì đây?

Nghe chư Tăng phúc đáp xong. Đức Bổn Sư phán:

- Nầy các Tỳ khưu, trong giáo pháp của ta. Tỳ khưu nào tinh cần, không thối chuyển cũng sẽ làm chủ được siêu thế pháp (Lokuttaradhamma) như thế cả.

Đoạn Ngài ngâm kệ ngôn rằng:

"Uṭṭhānenappamādena,
Saññamena damena ca;
Dīpaṃ kayirātha medhāvī,
Yaṃ ogho nābhikīratīti".

"Nhiệt thành, chánh niệm không ngừng,
Sáu căn, bốn giới giữ gìn chẳng lơi;
Đắp hòn đảo giữa biển khơi,
Vượt dòng nước lũ, thật người trí minh".

CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ trên đây, thành ngữ *Dīpaṃ kayirātha* nghĩa là kiến tạo, xây dựng đắp một hòn đảo, nhưng đây không phải là một hòn đảo thường, mà là hòn đảo A La Hán quả mà bậc trí giả hiền minh có thể xây đắp bằng cái gọi là pháp Tinh tấn, bằng cái gọi là pháp bất ly phấn chấn, Chánh niệm bằng cái gọi là pháp chuyên cần thọ trì Tứ thanh tịnh giới và bằng pháp thu thúc điều ngự lục căn. Với bốn pháp nầy làm vật liệu cứng chắc, bậc Hiền trí giác ngộ được Chánh Pháp hoàn toàn, một công tác hết sức khó khăn là tự tạo cho mình một hòn đảo kiên cố nhô lên khỏi ngọn triều dục lạc của biển luân hồi sâu thẳm ngàn trùng.

Yaṃ ogho nābhikīrati *(mà dòng nước lũ không ngập qua):* Hòn đảo mà bốn dòng nước lũ (dục, hữu, kiến, vô minh) là phiền não không thể tràn qua nhận chìm được. Quả thật bậc A La Hán đã vượt lên khỏi biển luân hồi, không thể bị dòng nước là phiền não mà nhận chìm được.

Lúc bài kệ chấm dứt, nhiều Tỳ khưu đắc chứng Thánh quả nhất là Tu Đà Hườn quả. Toàn thể Tăng chúng đều hưởng lợi ích nhờ nghe lời pháp của Đức Bổn Sư.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Chớ nghĩ mình ngu, mãi chịu khờ!
Xem Ngài Tiểu Lộ mới trí cơ:
Bốn hàng kệ học gần năm tháng,
Ba Tạng kinh thông chỉ nữa giờ!
Trước bởi còn dư nhân nghiệp chướng,
Sau do hết sạch bụi trần nhơ.
Chuyên cần giữ đạo, đừng suy suyển,
Có lúc làm nên chuyện bất ngờ!

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC CŪḶAPANTHAKA

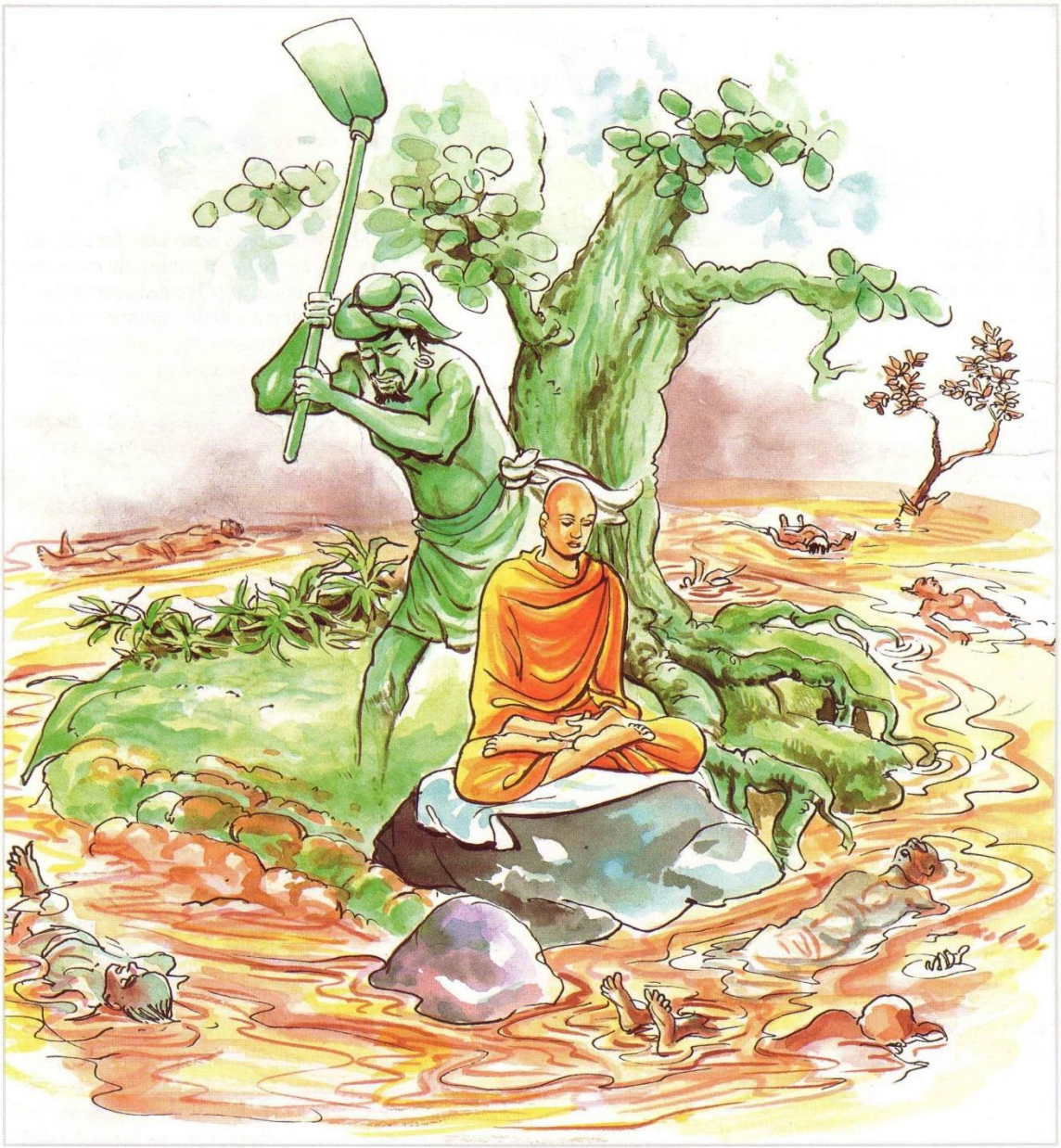

25. Striving, diligent and restrained, let every wise man make for himself an unassailable island.

25. Nổ lực, tinh cần, tự điều phục, mỗi người có trí hãy tạo cho mình một hòn đảo an toàn.

II.4- Tích CÁI TẾT THÁC LOẠN

(Bālanakkhattavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú 26-27)

"Pamādamanuyañjanti,	***"Kẻ vô trí bất nhân,***
Bālā dummedhino janā;	***Đắm mình trong phóng dật;***
Appamādañca medhāvī,	***Trí giả giữ chuyên cần,***
Dhanaṃ seṭṭhaṃ va rakkhati".	***Như kho tàng quý nhất".***
"Mā pamādamanuyuñjetha,	***"Chớ tham cấu phóng dật,***
Mā kāmaratisanthavaṃ;	***Dục lạc chớ nên gần;***
Appamatto hi jhāyanto,	***Người tu thiền chuyên nhất,***
Pappoti vipulaṃ sukhanti".	***Đắc quả phúc chẳng mất".***

Hai câu kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập về cái Tết thác loạn của bọn người ngu dốt.

Tương truyền rằng: Có một thời nọ, trong thành Sāvatthī nổi lên phong trào ăn tết thác loạn.

Trong dịp nầy, những kẻ ngu si vô trí lấy tro và phân bò thoa khắp mình mẩy suốt bảy ngày. Họ đi ngông nghênh ngoài đường, nói toàn những lời tục tỉu. Dầu gặp thân quyến hay bạn bè, tại gia hoặc xuất gia, họ cũng chẳng biết hổ thẹn. Họ đến trước cửa nhà người mà văng tục, chủ nhà nghe những lời bất nhã của họ chịu không nổi phải tùy theo sức mình mà bố thí cho họ nữa đồng hoặc một đồng bạc (pāda), hoặc đến cả một đồng vàng (kahāpaṇa) để tống họ đi chỗ khác. Từ nhà này sang nhà kế cận, lại trổ ra những tràng thô ác ngữ, khi nhận lãnh tiền thí rồi họ lại tiếp tục đi nữa.

Bấy giờ, trong thành Sāvatthī, có đến năm mươi triệu Thánh Thinh Văn, những vị Thánh đệ tử cư sĩ của Đức Bổn Sư nhận lời thỉnh Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Xin Ngài cùng với chư Tăng ở trong Tịnh xá đừng vào thành khất thực trong thời gian bảy ngày, kể từ hôm nay.

Sau khi sắp đặt sự cúng dường, cơm cháo để hộ độ chư Tăng trong bảy ngày tết thác loạn xong, không ai bước chân ra khỏi nhà của mình nữa.

Khi hết Tết, đến ngày thứ tám, chư Thinh Văn thỉnh Tăng chúng có Đức Bổn Sư dẫn đầu vào thành làm lễ đại thí, xong rồi ngồi qua một bên và bạch rằng:

- Bạch Ngài! Trong bảy ngày qua chúng con khổ tâm hết sức, ngày nào cũng phải nghe những lời thô tục của kẻ ngu si. Thật muốn bịt cả hai tai. Bọn họ không một ai biết xấu hổ cả. Vì vậy, chúng con không dám thỉnh Ngài và Tăng chúng vào thành và chúng con cũng không dám ra khỏi nhà nữa.

Nghe lời phân trần của chư Thánh Văn. Đức Bổn Sư kết luận rằng: "Những kẻ ngu si vô trí thì hành động cẩu thả như thế. Còn bậc trí giả thì lo giữ gìn hạnh chuyên cần. Như giữ một kho tàng quý báu và đắc chứng bất tử đại Níp Bàn".

Rồi Ngài ngâm tiếp bài kệ sau đây:

"Pamādamanuyañjanti,
Bālā dummedhino janā;
Appamādañca medhāvī,
Dhanaṃ seṭṭhaṃ va rakkhati".

"Mā pamādamanuyuñjetha,
Mā kāmaratisanthavaṃ;
Appamatto hi jhāyanto,
Pappoti vipulaṃ sukhanti".

"Kẻ ngu vô trí đắm mình,
Trong vòng phóng dật mặc tình đảo điên;
Như gìn kho báu ưu tiên,
Người trí giữ hạnh cần chuyên làm đầu".

"Chớ nên phóng dật tham cầu,
Chớ tìm dục lạc ngõ hầu vui chơi;
Người tu thiền định chẳng lơi,
Chứng phương quảng phúc vui chơi Níp Bàn".

☸

CHÚ GIẢI:

Tiếng ***Bālā*** trên đây chỉ những kẻ ngu si, khờ khạo, ngây ngô, không hiểu biết sự lợi ích đời nầy và đời vị lai.

Dummedhino là kẻ vô trí, không có trí tuệ vì không thấy tội lỗi trong sự phóng dật, họ đắm mình trong dục lạc buông lung. Phung phí thời giờ của họ một cách cẩu thả.

Medhāvī là những bậc hiền minh, có trí Bát nhã, nhờ nếm hương vị chánh pháp, hằng giữ gìn hạnh chuyên cần như kho tàng thất bảo ưu thắng của tổ phụ di truyền.

Thật vậy, cũng như người được sự phước lợi của kho tàng vô giá, ta sẽ được hưởng thụ ngũ trần dục lạc, ta sẽ cấp dưỡng cho con ta đầy đủ. Ta sẽ quét sạch sẽ con đường cho vợ con ta đầy đủ, sẽ đưa ta sang thế giới khác, rồi chăm lo kho tàng như thế nào. Cũng như thế ấy, bậc hiền trí thấy được sự phước lợi của hạnh chuyên cần thì nghĩ rằng: "Người chuyên cần tu tập hằng đắc từ Sơ thiền đến Bát thiền, từ Sơ đến Tứ quả, có đủ Tam minh, Lục thông…".

Mā pamādaṃ: Bởi cớ ấy, các ông chớ nên tham cầu, phóng dật, chớ nên phung phí thời giờ.

Mā kāmaratisanthavaṃ: Chớ nên vui theo dục lạc ngũ trần: sắc, thinh, hương vị, xúc là những vật ô nhiễm, là món ăn của ái dục (taṇhā).

Mā anuyuñjetha: Chớ tham cầu, là chớ mong mỏi đua đòi, chớ tìm kiếm hưởng thụ.

Appamatto: Người chuyên cần là người có đầy đủ pháp ghi nhớ chánh niệm kiên cố, người chuyên cần tu thiền định, giác ngộ được Níp Bàn tịnh lạc, quảng đại vô lượng vô biên.

Khi bài kệ chấm dứt, nhiều Tỳ khưu đắc chứng Thánh quả, nhất là quả Dự Lưu. Kỳ dư đại chúng thính pháp đều hưởng được nhiều lợi ích.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Người ngu ăn tết cũng ngu kỳ!
Thác loạn, điên khùng nghĩa lý chi?
Mình trét phân tro, tay nhám nhớp,
Miệng văng tục tỉu, mặt chai lỳ.
Được tiền xá nghĩ do người trọng,
Mất đức nào lo bị chúng khi!
Bảy bữa tung hoành trong Xá Vệ,
Ngàn năm tiếng xấu vẫn còn ghi!

DỨT TÍCH CÁI TẾT THÁC LOẠN

☸

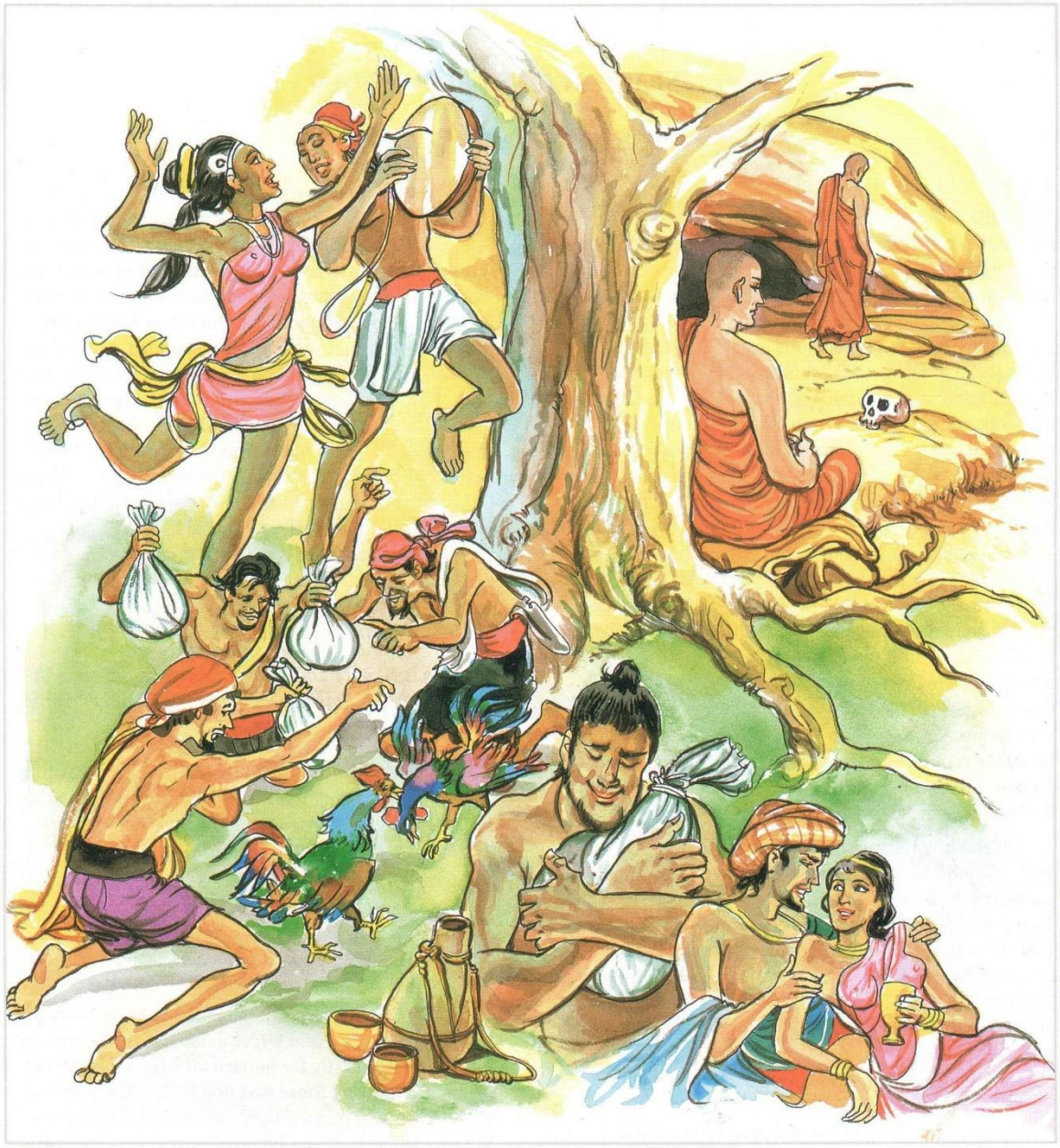

26. While the ignorant are heedless, the wise guard heedfulness like a valued treasure.

26. Trong khi những người ngu si thường phóng dật. Các bậc trí nhân họ phòng chánh niệm như một kho báu.

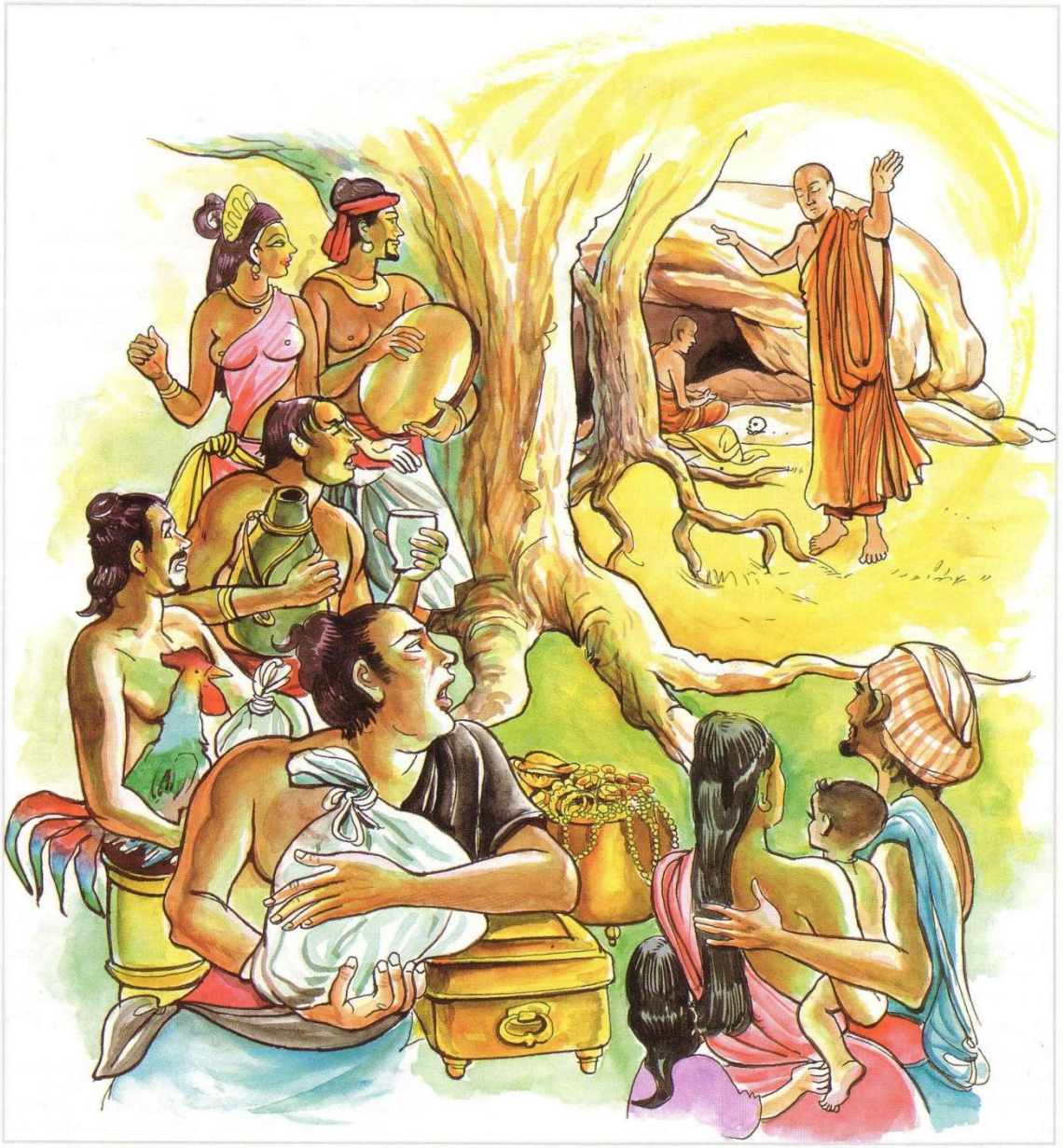

27. Delight not in sensuality or heedlessness. Diligently contemplative, one wins immense bliss.

27. Đừng thích thú các dục lạc và đời phóng dật. Tinh cần thiền định, con người đạt cực lạc vô biên.

II.5- Tích ĐẠI ĐỨC MAHĀKASSAPA

(Mahākassapattheravatthu)

☸

KỆ NGÔN (Pháp Cú số 28)

"Pamādaṃ appamādena,	***"Trí giả lấy chuyên cần,***
Yadā nudati paṇḍito;	***Đuổi tống nết phóng dật;***
Paññā pāsādamāruyha,	***Lầu Bát nhã tiến thân,***
Asoko sokiniṃ pajaṃ;	***Ung dung nhìn xuống đất;***
Pabbataṭṭho va bhummaṭṭhe,	***Khác nào bậc siêu nhân,***
Dhīro bāle avekkhatīti".	***Đứng trên đỉnh cao nhất,***
	Nhìn xuống đám ngu dân,
	Đang đau khổ chật vật".

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự tại Jetavana, đề cập đến Đại đức Mahā Kassapa.

Thật vậy, trong thời gian Đại đức an cư tại động Pipphaliguhā (Lạt Tiêu). Một ngày nọ, sau khi ôm bát vào thành Rājagaha khất thực, độ xong bữa trưa rồi trở về, Đại đức ngồi tham thiền, phát huy ánh sáng, định dùng Thiên nhãn để quan sát những loại hữu tình (sattā) ở khắp các nơi như là trên đất, trên núi, dưới nước… thử xem lớp nào tử, lớp nào sinh, lớp nào chuyên cần, lớp nào phóng dật.

Trong khi ấy, Đức Bổn Sư đang ngự tại Jetavana, muốn biết: "Kassapa! Con trai của ta hiện nay đang ở Tịnh xá của ai?". Ngài phóng tầm Thiên nhãn nhìn ra, thấy Đại đức đang ngồi yên quan sát sự sanh tử của các loài hữu tình. Biết vậy, Đức Bổn Sư phán: "Sự chết đi sanh lại của chúng sanh, dầu lấy trí tuệ mà ước lượng cũng chưa thấu đáo giới hạn được (aparicchinno). Ông không thể biết làm sao tìm ra manh mối của những chúng sanh nhập vào thai bào trong bụng mẹ, không cho cha mẹ hay biết. Nầy Kassapa việc ấy quá tầm nhận thức của ông vì phạm vi nhận thức của ông còn kém cỏi, eo hẹp lắm. Sự thấy biết chúng sanh đang chết đi và đang sanh lại thuộc về quyền hạn của chư Phật".

Phán rồi, Đức Phật phóng hào quang, hiện ra cho Đại đức thấy như Ngài đang ngồi trước mặt Đại đức mà thuyết lên kệ ngôn":

"Pamādaṃ appamādena,
Yadā nudati paṇḍito;
Paññā pāsādamāruyha,
Asoko sokiniṃ pajaṃ;
Pabbataṭṭho va bhummaṭṭhe,
Dhīro bāle avekkhatīti".

"Trí giả lấy hạnh chuyên cần,
Đuổi hết phóng dật bước chân lên lầu.
Trên đài Bát nhã vô sầu,
Nhìn xem nhân loại lo âu dưới trần.

Siêu nhân ngắm đám ngu dân,
Như người trên núi nhìn dân dưới đồng".

❁

CHÚ GIẢI:

Tiếng ***Nudati*** trên đây nghĩa là tống đi, cũng như lớp nước từ trên núi chảy xuống ao hồ, làm xáo trộn lớp nước cũ không cho ở yên, như lấy đầu đụng đầu, đuổi tống lớp cũ chạy đi như thế nào. Cũng như thế ấy, bậc hiền trí sau khi phát triển chuyên cần, không cho nết phóng dật ở yên. Lúc bấy giờ mới dùng hạnh chuyên cần khử trục nết phóng dật chạy đi cho lẹ. Noi theo sự hành chánh đạo rốt ráo viên mãn, là cái cầu thang. Người tiến bước lên đài Bát nhã, là có trí tuệ phát huy cái được gọi là Thiên nhãn thuần tịnh, bẻ gãy mũi nhọn của sầu tư mà thành bậc Vô sầu (Asoko), rồi dùng Thiên nhãn nhìn xem nhân loại đang đau khổ vì chưa nhổ được cái gai ưu tư, thấy những nhóm phàm linh đang chết đi và những nhóm khác đang sanh trở lại.

Pabbataṭṭho'va bhummaṭṭhe: là ví dụ như người đứng trên dãy núi nhìn xuống người đứng dưới núi, hay đất bằng, nhìn xuống người đứng tầng trệt, thì có thể quan sát dễ dàng không khó khăn gì cả. Bậc siêu nhân cũng thế, Ngài là bậc Đại lậu tận, là bậc trí tuệ, không còn lưu trữ hạt giống luân hồi. Cho nên quan sát những chúng sanh hữu tình trong vòng tử sanh không thấy khó khăn gì cả.

❁

Dứt bài kệ nhiều vị chứng đắc Thánh quả nhất là quả vị Tu Đà Hườn.

❁

Dịch Giả Cẩn Đề

Trí Thinh Văn giác có bao mà,
Đại đức toan nhìn rõ thật ra!
Muốn biết phàm linh qua tử lộ,
Mong đem Thiên nhãn rọi sanh hà.
Phải lên nóc thượng lầu Bát nhã,
Mới đắc minh cao có Phật Đà,
Nguyện lớp viên thành Tam Thập độ,
Trong trần nào dễ mấy ai a?

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC MAHĀKASSAPA

❁



28. The wise and worthy, griefless and diligent, ascend high to view the grieving folk below.

28. Bậc trí nhân vô ưu và tinh cần đi lên cao nhìn xuống quần sanh đang khổ sầu ở dưới.

II.6- Tích HAI VỊ TỲ KHƯU BẠN

(Dvesahāyakabhikkhuvatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 29)

"Appamatto pamattesu,	***"Tinh cần giữa phóng dật,***
Suttesu bahujāgaro;	***Giác tỉnh giữa thụy miên.***
Abalassaṃ'va sīghasso,	***Kẻ trí, ngựa hay nhất,***
Hitvā yāti sumedhasoti".	***Thắng bỏ ngựa gầy hèn".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự tại Jetavana. Đề cập đến hai vị Tỳ khưu bạn đồng tu.

Tương truyền rằng: Hai vị Tỳ khưu nầy, sau khi thọ huấn đề mục tham thiền nơi Đức Bổn Sư, đồng vào ngự nơi một ngôi Thiền lâm Tịnh xá.

Một trong hai vị dùng thời gian của mình bằng cách đi kiếm củi khô về bỏ trong lò sưởi, rồi ngồi hơ cho ấm vừa nói chuyện khào với mấy ông Sa di trẻ tuổi suốt cả canh một. Còn vị kia là người hành Sa môn pháp. Cố khuyên cần nhắc nhở bạn mình rằng: "Nầy đạo hữu! Đừng làm như vậy, quả thật người dể duôi hằng đi vào bốn ác đạo, như đi về nhà của mình và không thể hưởng hồng ân của chư Phật".

Vị Tỳ khưu lười biếng không thèm đếm xỉa đến lời khuyên của bạn, cứ tiếp tục ngồi hơ ấm kế bên lò sưởi.

Vị siêng tu thấy mình cứ nói hoài cũng vô ích, bèn một mình hằng Sa môn pháp, không dám giải đãi.

Đến cuối canh một vị nầy nghỉ đi kinh hành vì tới giờ vào cốc, thì vị kia cũng nghỉ hơ ấm.

Vị lười biếng tự nghĩ: "Nầy Mahākusīta (Đại Lân), người vào rừng thanh vắng là để ngủ cho yên giấc, còn việc thọ huấn đề mục tham thiền nơi Đức Phật, ráng thức cả đêm ngày mà hành Sa môn pháp thì không nên đâu…". Nói rồi vị ấy đi về cốc riêng để ngủ. Còn vị kia, sau khi kinh hành trong canh đầu, ngồi nghỉ trong canh giữa đến canh chót thì hành Sa môn pháp. Nhờ chuyên cần như thế mãi không bao lâu vị siêng tu đắc quả A La Hán với Tuệ phân tích. Vị lười biếng thì vẫn dể duôi, hoang phí thời giờ của mình.

Mãn kỳ an cư, hai vị đồng tu cùng về đảnh lễ yết kiến Đức Thầy và ngồi qua một bên.

Đức Bổn Sư tiếp chuyện thân mật với hai vị Tỳ khưu và hỏi: "Nầy các Tỳ khưu! Các ông có chuyên cần hành Sa môn pháp không? Các ông có đạt đến mục đích cứu cánh của người xuất gia chưa?".

Vị Tỳ khưu phóng dật bèn đáp trước rằng: "Bạch Ngài! Ông ấy đâu có chuyên cần, kể từ lúc ra hành đạo cho tới nay ông ta chỉ có nằm ngủ mãi cho hết ngày, hết giờ mà thôi?".

- Thế còn ông làm những gì?

- Bạch Ngài! Lúc rảnh con đi tìm củi khô đem về chụm trong lò sưởi, ngồi hơ ấm trong canh đầu, trải qua thời gian không nằm như thế.

Khi ấy, Đức Bổn Sư khiển trách vị nầy rằng: "Ta là người chuyên cần, còn người chuyên cần ông lại cho là buông lung. Ông ở gần cái trại ta cũng như con ngựa gầy yếu, chậm lụt, còn con ta sánh với ông như con tuấn mã thần tốc, lanh lẹ, thắng bỏ bạn rất xa".

Phán rồi, Đức Bổn Sư nói kệ ngôn rằng:

"Appamatto pamattesu,
Suttesu bahujāgaro;
Abalassaṃ'va sīghasso,
Hitvā yāti sumedhasoti".

"Chuyên cần giữa đám buông lung,
Kẻ trí tỉnh thức trong vùng mộng mơ.
Như con tuấn mã trường đồ,
Bôn phi bỏ dứt ngựa thô gầy hèn".

☸

<u>CHÚ GIẢI:</u>

Trong bài kệ, Phạn ngữ *Appamatto* là người chuyên cần, ám chỉ bậc Lậu tận đã đắc pháp chánh niệm, quảng bác và có đầy đủ chánh niệm và sự chuyên cần.

Pamattesu: Chỉ những chúng sanh đã buông bỏ chánh niệm.

Suttesu: Chỉ những người không giữ trạng thái tỉnh giác trong tứ oai nghi, cũng giống như người nằm ngủ mà thôi.

Bahujāgaro: Là người luôn luôn có sự tỉnh giác quảng bác sự chánh niệm vĩ đại.

Abalassaṃ'va: Ví như con ngựa cùn, chậm lụt yếu sức đem thi đua với con tuấn mã là giống ngựa bay, gốc từ miền Sindha (Tín độ) của xứ Ấn Độ.

Sumedhasoti: Là bậc trí thượng đỉnh, đã đạt đến mức độ sáng suốt mà thường nhân chưa đạt được.

Cho nên ăn đứt họ, chẳng hạn như một người tối dạ học một bài kinh dù là tận lực cũng thua bậc trí tuệ học trọn phẩm. Người tối dạ trong chỗ hành thiền ban ngày hoặc ban đêm, sau khi thọ giáo đề mục rồi, dầu cho ráng hết sức mình luyện tập, cũng thua bậc trí tuệ, chấp cho bạn mình trước một canh đầu, đến canh kế vào chỗ hành thiền ban đêm hoặc chỗ hành ban ngày. Sau khi quán thông đề mục dứt tận phiền não, liền đắc pháp siêu thế. Cũng giống như trong cuộc chạy đua trong vòng luân hồi, bậc trí tuệ vượt qua, thắng bỏ người tối dạ ấy mà đi đến mức giải thoát trước vậy.

☸

Sau kệ ngôn có nhiều vị chứng đắc Thánh quả nhất là Sơ quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Người trí cần chuyên ấy hạnh đầu,
Ngu thì giải đãi hóa ra lâu.
Ai tu nấy đắc, khôn chờ bạn,
Đó xuống đây lên khó bắt cầu.
Dặm thẳng chỉnh nghe lòng quá ngại,
Đường dài há nản ngựa Long câu?
Tỉnh rồi một giấc Nam Kha mộng,
Thiên hạ thùy miên vạn khổ sầu.

DỨT TÍCH HAI VỊ TỲ KHƯU BẠN

ꕥ☸ꕥ

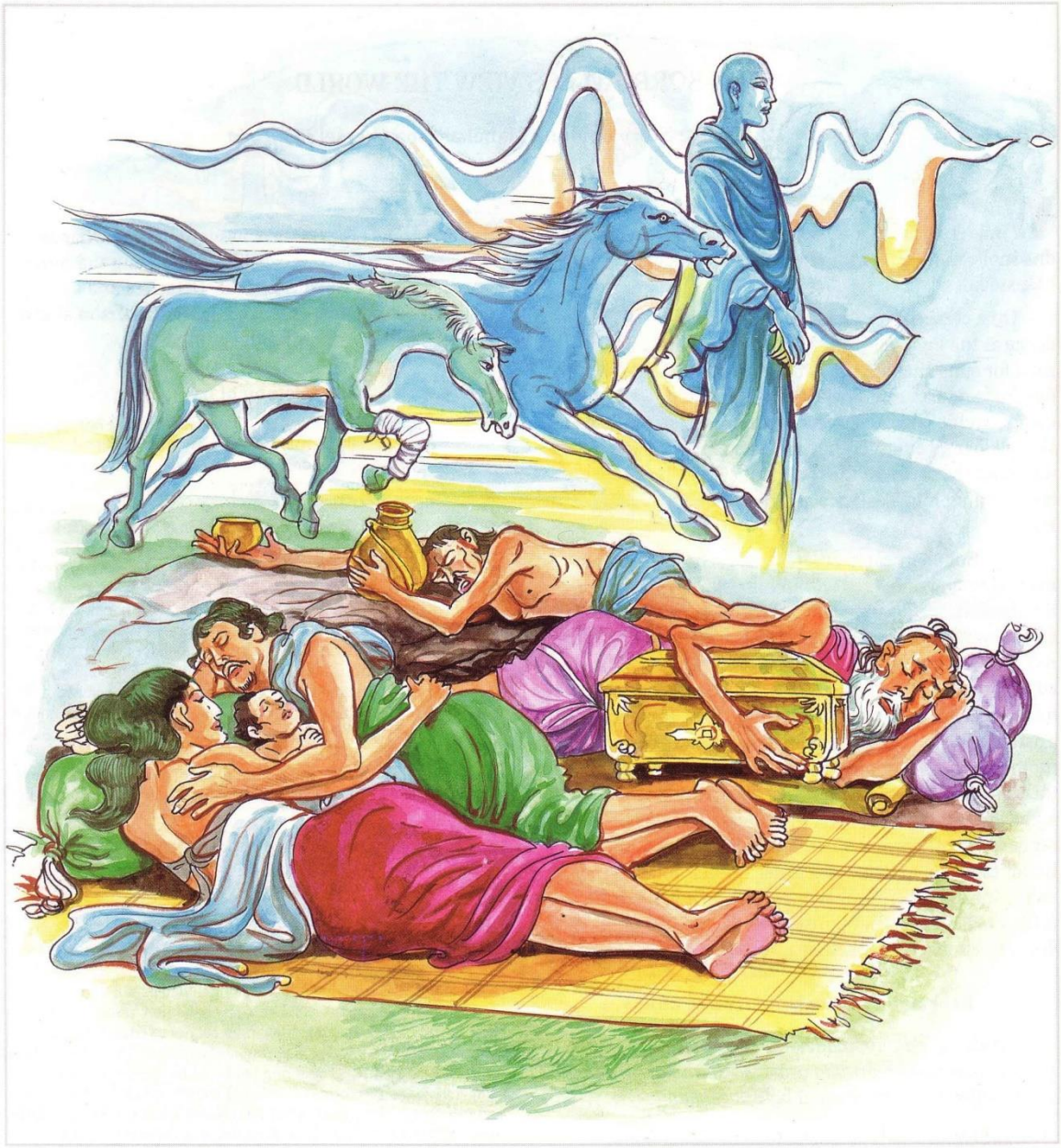

29. Diligent and awake, the wise outrun the heedless, like a swift horse a weak one.

29. Tinh cần và tỉnh thức, bậc có trí bỏ xa đám người phóng dật, giống như con ngựa phi nhanh bỏ xa con ngựa yếu hèn.

II.7- Tích ĐỨC SAKKA

(Sakkavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 30)

"Appamādena maghavā,	***"Nhờ chuyên cần Ma già,***
Devānaṃ seṭṭhataṃ gato;	***Thành vua trời Đao Lợi.***
Appamādaṃ pasaṃsanti,	***Chuyên cần được ngợi khen,***
Pamādo garahito sadāti".	***Phóng dật thường bị la".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự an trong giảng đường Trùng Các (Kūṭagārasālā), gần thành Vesālī, đề cập đến Thiên Vương Sakka (Đế Thích), tục gọi là Đức Ngọc Hoàng.

Thời ấy, trong thành Vesālī (Quảng Nghiêm) có một vương tử tên là Mahāli, thuộc dòng Licchavī.

Một hôm, được nghe Đức Bổn Sư thuyết lên bài kinh Sakkapañha (Đế Thích Vấn Đạo). Vương tử nghĩ rằng: "Đức Chánh Biến Tri đã thuyết pháp đề cao, ca tụng quyền lực của Đức Thế Thích, là do Ngài đã thấy rồi thuyết, hay là Ngài chưa thấy mà thuyết. Do Ngài quen Đức Thế Thích hay là không quen? Ta phải hỏi lại Ngài mới được".

Thế rồi vương tử Mahāli đến gần Đức Thế Tôn, đảnh lễ Ngài xong rồi, ngồi qua một bên. Khi đã ngồi yên vương tử bạch hỏi Đức Thế Tôn:

- Bạch Ngài! Ngài có thấy Thiên Vương Đế Thích hay chưa?

- Nầy Mahāli! Ta đã thấy Thiên Vương Đế Thích rồi.

- Bạch Ngài! Nếu thật là Thiên Vương Đế Thích thì khó thấy, khó biết lắm. Sợ e Ngài đã thấy lầm vị nào giống như Thiên Vương Đế Thích chăng?

- Nầy Mahāli! Ta biết rõ Đế Thích, ta biết rõ cả những pháp nào mà Đế Thích thọ trì và thực hành mới được làm chúa cõi chư Thiên. Nầy Mahāli, Đế Thích Hoàn Nhân (Sakkadevānamindo), do kiếp trước ở cõi nhân gian là một thanh niên tên Magha, cho nên được gọi là đức Maghavā. Nầy Mahāli, Đức Đế Thích do kiếp trước ở nhân loại đã bố thí tròn đủ nên được gọi là Purindado (Đức Viên Mãn Thí). Nầy Mahāli, Đức Đế Thích do kiếp trước ở cõi nhân gian đã bố thí đắc lực, cho nên được gọi là đấng Sakka (Năng Thiên). Nầy Mahāli, Đức Đế Thích do kiếp trước ở cõi nhân gian đã bố thí chỗ trú, nên được gọi là Vāsava (Lưu Ngụ Thí). Nầy Mahāli, do kiếp trước ở cõi nhân gian, mỗi giây phút nghĩ ra được hàng ngàn việc lợi ích, cho nên Đức Đế Thích được gọi là Sahassacakkhu (Thiên Nhãn). Nầy Mahāli, do làm chồng của nàng Sujātā là Công chúa cõi Asura (A Tu La) nên có danh hiệu là Sujampati (Đức Diệu Sanh Phu). Nầy Mahāli, do là vị lãnh chúa, ngự trị trên cõi Tam thập tam thiên (Tāvatiṃsa), nên có danh hiệu là Devānamindo (Đức Đề Hoàn Nhân). Nầy Mahāli, Đức Đế Thích kiếp trước ở cõi nhân gian đã hành theo bảy hạnh công đức mà được làm vua cõi chư Thiên. Thế nào là bảy?

1. Hạnh nguyện suốt đời phụng dưỡng song thân.

2. Suốt đời tôn kính các bậc trưởng thượng.

3. Hạnh nguyện suốt đời nói lời chân thật.

4. Hạnh nguyện suốt đời không nói lời đâm thọc.

5. Hạnh nguyện suốt đời rửa lòng thật sạch bợn nhơ bỏn xẻn, là người tại gia cư sĩ mà xả bỏ của cải bố thí không chút luyến tiếc, để đáp ứng nhu cầu của kẻ đến xin.

6. Hạnh nguyện suốt đời nói lời dịu ngọt.

7. Hạnh nguyện suốt đời không phẫn nộ, nếu có sân hận nổi lên thì mau dập tắt.

Nầy Mahāli! Đức Đế Thích do kiếp trước ở cõi nhân gian đã thành tựu bảy thứ công hạnh: Sự thân, tôn trưởng, cam ngôn, vô lưỡng thiệt, hảo tâm, chơn ngữ, vô nộ như thế nên mới được làm chúa cung trời Đao Lợi.

"Mātāpettibharaṃ jantuṃ,
Kule jeṭṭhāpacāyinaṃ;
Saṇhaṃ sakhilasambhāsaṃ,
Pesuṇeyyappahāyinaṃ.
Maccheravinaye yuttaṃ,
Saccaṃ kodhābhibhuṃ naraṃ;
Taṃ ve devā tāvatiṃsā,
Āhu sappuriso itīti".

"Nuôi song thân trọn niềm hiếu đạo.
Biết kính nhường Trưởng lão trong nhà.
Nói năng êm ái dịu hòa.
Những thói đâm thọc, điêu ngoa chẳng dùng.
Hằng dứt bỏ được lòng rít róng.
Lời chánh chơn, tánh nóng dẹp yên.
Người có Đao Lợi chư Thiên,
Tôn xưng quân tử đại hiền trượng phu".

Nầy Mahāli! Đó là nghiệp lành mà Đức Đế Thích đã tạo trong kiếp làm thanh niên Magha vậy.

Đức Bổn Sư vừa dứt lời, vương tử Mahāli muốn biết thêm chi tiết về những thiện hạnh của Đức Đế Thích, bèn bạch hỏi rằng:

- Bạch Ngài! Chẳng hay thanh niên Magha đã thực thi những hạnh công đức như thế nào?

- Thế thì, nầy Mahāli ông hãy lắng nghe.

Phán rồi, Đức Thế Tôn bắt đầu kể chuyện tiền thân của Đức Đế Thích.

Thuở xưa, trong làng Acalagāma (Bất Động) thuộc Magadha, có một thanh niên tên là Magha. Chàng Magha đến cư ngụ trong làng từ lúc mới lập thôn ấp, đất đai hãy còn nhiều chỗ hoang vu. Ban đầu chàng xí một miếng đất rừng, phát dọn khang trang

thành một nơi lạc thổ. Cất nhà lên để ở, thì một kẻ khác đến đánh đá, đuổi đi và chiếm đoạt chỗ ở của chàng.

Magha cũng chẳng chút giận hờn chi kẻ đã hiếp đáp mình, lại phát dọn một sở đất khác cho sạch sẽ, đẹp đẽ rồi lại cất nhà khác để ở. Làm xong nhà, chàng lại bị kẻ khác đến đánh chiếm dành chỗ nhà, không cho chàng ở.

Magha cũng chẳng giận chi kẻ bất lương, chỉ lo khai thác đất hoang cho bằng phẳng, cất nhà ở một chỗ khác. Hễ cất nhà xong là chàng bị kẻ khác đuổi đi, dọn đất thì bị chiếm đất, thanh niên Magha bị những kẻ mạnh áp chế để cướp đoạt chàng một cách trắng trợn như thế nhiều lần, nên cứ phải đi mãi. Tuy vậy chàng vẫn hoan hỷ tự nhủ rằng: "Tất cả mọi người đều được an vui, chính ta là người ban sự an vui cho họ, tức là ta đã tạo phước cho ta về sau vậy".

Nhờ có tâm quảng đại như thế, thanh niên Magha không chút ưu phiền. Hôm sau, chàng lại vác cuốc đi giẫy cỏ, ban đất, dọn thành một cái sân rộng lớn, sạch sẽ khang trang, cất lên một phước xá. Tất cả mọi người đến ngự đều được Magha cung cấp củi lửa trong mùa lạnh và nước tắm trong mùa nóng.

Từ khi hoàn thành ngôi an lạc cảnh nầy về sau Magha được lòng yêu mến của mọi người thọ ơn, không ai còn ganh ghét chàng nữa cả.

Thấy việc làm phước của mình có kết quả tốt đẹp, thanh niên lại nghĩ rằng: "Từ nay về sau ta nên đắp đường bồi lộ cho thiên hạ đi". Mỗi buổi sáng, chàng ra đi sửa sang đường xá cho bằng phẳng, lượm hết rác rến, nhánh cây gãy nằm ở giữa đường.

Khi ấy, có người thấy thanh niên Magha làm như vậy bèn hỏi:

- Nầy anh, làm cái chi vậy?

- Anh ạ! Tôi làm con đường đi lên cõi trời.

- Nếu vậy, anh cho tôi làm chung cho có bạn.

- Được thôi, anh hãy làm chung với tôi. Ở cõi trời có nhiều người cũng là tốt.

Từ đó, có được hai người chung một chí hướng, nhiều người khác thấy họ làm việc công ích, hỏi thăm và xin gia nhập vào đoàn. Số bạn của Magha tăng lên dần dần, sau cùng thành một nhóm ba mươi ba người.

Ngày nào họ cũng vác cuốc ra đồng để sửa soạn con đường, làm thành một quãng dài độ hai do tuần.

Thấy công tác do nhóm thanh niên Magha lãnh đạo viên Hương quản (Gāmbhojaka) nghĩ bụng: "Những người nầy chỉ lo làm việc tốn công vô ích, phải chi họ đi rừng kiếm cá thịt đem về, hoặc là nấu rượu ăn nhậu chơi, hoặc làm cái chi khác mà ta có thể kiếm chác, liếm láp chút đỉnh...".

Thế rồi viên Hương quản sai chú trùm đi mời nhóm thanh niên ấy đến công sở và hỏi:

- Mấy chú làm cái chi vậy?

- Dạ thưa Hương quản, làm đường lên trời.

- Những người có nhà cửa gia đình chẳng nên làm vậy. Tốt hơn nên vào rừng kiếm cá thịt, rau trái đem về, hoặc nấu rượu nhậu chơi, hoặc làm việc chi khác nữa kìa.

Mặc dầu viên Hương quản nhắc đi nhắc lại nhiều lượt như thế. Nhóm thanh niên cũng chẳng chịu nghe theo, viên Hương quản nổi giận nói rằng:

- Ta sẽ làm cho lũ nầy phải chết hết.

Ông ta vào triều tâu với Quốc vương: "Muôn tâu Thiên tử! Y chức có thấy nhiều kẻ cướp kết bè lập đảng để đi nhiễu hại lương dân".

Quốc vương phán rằng: "Trẫm phú cho khanh nã tróc bọn ấy đem nạp triều đình".

Được lịnh Quốc vương viên Hương quản bắt hết nhóm thanh niên áp giải về triều.

Quốc vương không cần tra xét, lập tức ra lịnh:

- Hãy cho voi dày bọn ấy.

Magha bình tĩnh khuyên nhủ các bạn:

- Nầy anh em, trừ tâm từ ái chúng ta không còn chỗ nào để nhờ cậy. Anh em đừng có chút gì buồn giận đức vua với viên Hương quản và con voi sẽ giày đạp mình. Anh em hãy rải từ tâm và giữ tâm bình tĩnh.

Cả nhóm đã làm như thế, khi ấy do oai lực từ tâm của những người vô tội, con voi không dám lại gần họ.

Quốc vương nghe quân phúc trình việc nầy thì nghĩ rằng:

- Chắc là tại nó thấy đông người nên không dám dày đạp họ.

Ngài bèn ra lịnh: "Hãy lấy đệm phủ lên mình bọn ấy rồi thả voi ra cho giày đạp".

Con voi được thả ra cho giày đạp nhóm người bị trùm đệm, thấy họ nó càng lảng tránh ra xa. Khi nghe thông báo rõ việc nầy, Quốc vương sanh nghi: "Chắc là có điều chi uẩn khúc?".

Quốc vương cho áp giải toán thanh niên vào triều và phán hỏi:

- Nầy các khanh! Tại sao các khanh không tuân hành luật vua phép nước như vậy?

- Muôn tâu Thánh hoàng! Chúng thần có làm chi phạm pháp đâu?

- Có người tố cáo các khanh là những tên cướp kết bè đảng với nhau, đi lẩn lút trong rừng.

- Tâu Thánh thượng! Ai tố cáo như thế?

- Viên Hương quản các khanh ạ.

- Muôn tâu Thánh hoàng, chúng con không phải là kẻ cướp, chúng con tự lo sửa sang, quét dọn con đường lên thiên giới. Nếu có làm việc nầy việc nọ viên Hương

quản xúi bảo chúng con làm điều bất thiện không được, ông ta muốn hãm hại chúng con, nên mới vu khống như thế.

Sau khi nghe lời trần tình của nhóm thanh niên ham làm việc nghĩa. Quốc vương rất đẹp dạ, phán rằng:

- Nầy các khanh! Con thú nầy nó còn nhận biết ân đức của các khanh, trẫm là người không bì kịp nó, cho nên trót lỡ tin theo lời quấy của kẻ ngu si, không chịu tra xét cho minh bạch. Trẫm có sơ xuất, các khanh tha lỗi cho trẫm.

Quốc vương hạ lịnh bắt giam viên Hương quản và vợ con phải làm tôi tớ cho nhóm thanh niên, ban cho nhóm nầy con voi ấy để cưỡi, cấp luôn làng Acalagāma cho họ được trọn quyền làm chủ, tùy ý sử dụng. Các thanh niên bảo nhau: "Chúng mình làm phước thì được phước, được thấy nhãn tiền rồi". Họ càng phấn khởi phát tâm trong sạch.

Sau khi cỡi voi dạo khắp làng, họ lại trù tính như vậy: "Bây giờ chúng ta nên làm một công tác phước thiện đặc biệt".

- Chúng ta sẽ làm gì?

- Nơi ngã tư đường cái, ta sẽ lập một ngôi An dưỡng đường (vissamanasālā) bình dân, thật bền chắc lâu dài.

- Phải rồi.

Sau khi đã đồng ý, họ kêu thợ mộc làm ngôi An dưỡng đường. Vì không muốn có tên nữ nhân dự trong công việc của họ, nên họ không chịu cho phụ nữ hùn phước trong việc tạo tác ngôi dưỡng đường.

Chàng Magha có bốn cô vợ là: Sunandā, Sucittā, Sudhammā và Sujātā, bốn nàng đều có nhà ở riêng.

Nàng Sudhammā nghe các thanh niên không cho nữ nhân hùn phước, nàng tìm đến ông thợ mộc mật đàm rằng:

- Nầy bác ơi! Bác làm thế nào cho cháu được đứng tên làm chủ ngôi giảng đường nầy.

Nàng trao tặng cho người thợ mộc tiền nước rất trọng hậu, ông nhận lời nói rằng: "Được rồi".

Lúc khởi công, người thợ mộc chọn cây ván, phơi khô, bào đục, làm thành tấm bảng hiệu trước hết và khắc mấy chữ là: "An dưỡng đường Sudhammā". Xong rồi dùng vải bao lại, để riêng một nơi.

Khi đã đốc xuất làm xong ngôi An dưỡng đường. Vào ngày trương bảng hiệu để khánh thành. Ông thợ mộc giả vờ nói:

- Ông ơi! Có một việc mà tôi quên mất.

- Việc chi vậy bác?

- Còn thiếu tấm bảng.

- Để chúng tôi mang cây ván đến cho bác làm.

- Bây giờ dùng ván mới sẽ không làm kịp. Phải kiếm cho được tấm bảng ván phơi khô sẵn bào đục từ trước để dành cho đến bây giờ mới được.

- Thế thì phải làm sao?

- Nếu như ai có làm sẵn bảng để dành bán thì mình hãy nài lại họ.

Nhóm thanh niên đi kiếm tấm bảng để mua, gặp được tấm bảng trong nhà của Sudhammā, trả giá đến ngàn đồng vàng, cũng không mua được. Nàng nói: "Tôi không cần tiền bạc chi cả. Nếu các anh cho tôi được hùn phước tạo tác ngôi An dưỡng đường thì tôi biếu không tấm bảng nầy".

Nghe vậy, các chàng thanh niên đáp:

- Chúng tôi đã quy định không cho nữ nhân hùn phước.

Khi ấy ông thợ mộc xen vào can thiệp:

- Thưa quý Ngài! Sao quý Ngài lại tính như thế, trừ ra cõi Phạm Thiên, ngoài ra không có cõi nào không có nữ nhân. Quý Ngài nên nhận tấm bảng đã sẵn sàng như thế nầy đi, để khánh thành ngôi An dưỡng đường cho xong. Xong việc rồi chúng tôi còn đi nơi khác nữa.

Nhóm thanh niên bằng lòng nhận tấm bảng đem về, dựng lên khánh thành ngôi An dưỡng đường.

Cơ sở kiến trúc nầy được chia làm ba khu, khu thứ nhất để cho chủ nhân ở, khu thứ nhì để cho bần nhân và khu thứ ba để cho bịnh nhân trú.

Ba mươi ba chàng thanh niên lót ba mươi ba tấm ván, rồi ra dấu cho con voi hiểu rằng: "Nếu khách đến ngồi trên tấm ván của người nào lót, thì hãy đưa khách đến nhà người ấy: chủ tấm ván ấy làm tất cả phận sự để phục dịch khách lạ mới đến, như là đấm bóp tay chân, đấm lưng, cung cấp vật thực cứng mềm, xếp dọn chỗ ngủ...".

Con voi hiểu ý chủ nhân, hễ thấy khách lạ đến ngồi vào tấm ván nào, thì nó đưa khách đến gặp chủ tấm ván ấy. Và chủ nhân phải lo làm tất cả những gì cần phải làm trong ngày, để phục dịch khách. Cách An dưỡng đường không xa, Magha có trồng một cây Kovilāra và lót kê một phiến đá bằng mặt, nơi gốc cây ấy.

Thiên hạ khi vào An dưỡng đường, ai cũng nhìn lên tấm bảng và đọc mấy chữ: "An dưỡng đường Suddhammā" rồi nói:

- An dưỡng đường nầy của nàng Sudhammā. – Không ai nhắc đến tên ba mươi ba chàng thanh niên.

Khi ấy, nàng Sunandā suy nghĩ rằng: "Mấy anh ấy cất An dưỡng đường, không chịu cho nữ nhân hùn phước. Tuy vậy, nàng Sudhammā thông minh lịch lãm, đã biết dùng tấm bảng mà chia phước báu, ta cũng phải làm cái chi để tham dự phần nào. Bây giờ, ta sẽ phải làm gì đây?". Tiếp đến, nàng Sunandā suy nghĩ rằng: "Khách xa mới đến cần nước để tắm rửa, để xài. Vậy ta mướn đào một hồ nước". Và nàng Sunandā đã tạo được một hồ sen. Thấy vậy, nàng Sucittā nói thầm: "Dì Sudhammā làm phước được tấm bảng, chị Sunanda tạo được ao sen, còn phần ta phải làm chi đây?". Để tạo phước nàng suy nghĩ:

- Khách đến An dưỡng đường, sau khi tắm rửa, uống nước, tắm mát xong, cần phải có hoa để cài lên mình mà đi. Vậy ta sẽ tạo vườn hoa.

Và nàng Sucittā đã tạo thành một lạc cảnh viên trồng đủ mọi hoa thơm cỏ lạ, mỹ miều khả ái, có đủ các thứ cây ăn quả chen vào với cây tòng, cây bá, xanh rợp cả bốn mùa.

Riêng nàng Sujātā thấy mọi người chung nhau tạo phước, nàng nghĩ thầm: "Ta là họ hàng bên ngoại và cũng là người nâng khăn sửa túi cho chàng Magha, những công tác của chàng thì cũng như của ta, những công việc của ta thì cũng chính là của chàng, chớ có khác chi đâu".

Nghĩ vậy, nàng Sujātā không lo hùn phước, chỉ tối ngày lo điểm trang thân thể, trau dồi sắc đẹp mà thôi.

Còn chàng thanh niên Magha, suốt đời giữ đủ bảy hạnh: Sự thân, tôn trưởng, cam ngôn, vô lưỡng thiệt, ly hận, chân thật, vô nộ:

Nuôi song thân trọn niềm hiếu thảo.
Biết kính nhường Trưởng lão trong nhà.
Nói năng êm ái dịu hòa.
Những thói đâm thọc điêu ngoa chẳng dùng.
Hằng dứt bỏ được lòng rít róng.
Lời chánh chơn, tánh nóng dẹp yên.
Người đó Đao Lợi chư Thiên,
Tôn xưng quân tử, đại hiền, trượng phu.

Nhờ chuyên cần nhiệt tâm đáng đề cao như thế, sau khi mệnh chung Magha siêu sanh làm bậc Thiên Vương trên cung trời Đao Lợi. Những người bạn đồng chí của Magha cũng đều được sanh về đó cả, ông thợ mộc cũng sanh lên đó, là vị chư thiên có tên là Vissakamma (Thiên Tử kiến trúc) vì là người thợ mộc kiến tạo An dưỡng đường (Vissamanasālā).

Thời bấy giờ, các Thiên thần Asura (Atula) còn ở trên Tam thập tam thiên (Tāvatiṃsabhavana), nhân dịp có những tân thiên tử mới sanh lên, họ liền mở tiệc rượu ăn mừng, uống ròng huỳnh tương tiên tửu (dibbapāna).

Đức Đế Thích ra lịnh nghiêm cấm các thuộc hạ của mình, không cho ai uống rượu. Các thần Asura cứ uống rượu tiên đến nỗi say mèm, nằm nghiêng ngửa.

Đức Đế Thích thấy vậy, bất bình phán rằng:

- Làm sao trẫm trị quốc với những kẻ buông lung nầy được. – Thiên Vương bèn lịnh cho tùy tướng của mình nắm chân bọn Asura say, quăng chúng xuống đại hải. Tuy bị rới cắm đầu xuống biển, nhưng các thần Asura còn nhiều phước báu, nhờ đó mà một Asura thiên đường nhàn cảnh (Asuravimāne) phát sanh lên cho họ ở dưới chân núi Sineru. Một kinh đô cũng phát sanh lên có tên là Cittapātali (Mỹ La Thành).

Sau khi chiến thắng các Asura, ba mươi ba vị Thiên Chủ chiếm trọn cảnh giới Tāvatiṃsa rộng mười ngàn do tuần và nơi này được mệnh danh là cõi Ba Mươi Ba (Tāvatiṃsadevanagara). Tàu âm là Đao Lợi Đế Hoàng thành. Thành nầy từ cửa Đông qua cửa Tây đo được mười ngàn do tuần và cửa Nam qua cửa Bắc cũng mười ngàn do

tuần. Vòng thành có ngàn cái cửa, bên trong có hoa viên và hồ nước mát. Ngay trung tâm thành do phước kiến tạo An dưỡng đường có nổi lên một ngôi đền gọi là Tối Thắng Điện (Vejayanta) cao bảy trăm do tuần, làm bằng thất bảo (Sattaratana). Có cắm những đại kỳ cao ba trăm do tuần, những lá đại kỳ bằng ngọc Maṇi thì có cán bằng vàng, những lá đại kỳ bằng vàng thì cán là ngọc Maṇi. Những lá đại kỳ bằng trân châu có cán bằng san hô, lá đại kỳ bằng san hô thì cán bằng trân châu. Những lá đại kỳ bằng thất bảo thì cán cũng là thất bảo. Ngay chính giữa là Đại Chiến Thắng Kỳ đứng hùng dũng cao ba trăm do tuần.

Đó là phước tạo An dưỡng đường mà ngôi Vương điện làm bằng thất bảo, cao một ngàn do tuần phát sanh lên như thế. Các thiên trượng (pāricchattako) che phủ một khoảng tròn rộng một trăm do tuần phát sanh lên là nhờ phước trồng cây Kovilāra. Còn phước kê tảng đá bằng mặt, làm cho dưới chân Thiên Trượng phát sanh lên bảo tọa bằng thạch anh vàng (Paṇḍukambalasilā), có màu tươi sáng như hoa hồng nhung, dài sáu mươi do tuần, rộng năm mươi do tuần, cao cũng năm mươi do tuần. Ngai bảo tọa nầy tự động xọp xuống khi Thiên Vương ngự lên và sau đó tự động phồng lên như cũ khi Thiên Vương đứng dậy.

Con voi cũng được sanh về cõi Đao Lợi, là vị Thiên Tử có tên Erāvaṇa. Trên Thiên cung không có thú vật, cho nên mỗi khi Thiên Đế hay chư thiên xuất hành ngự du ngoạn thì vị trời Erāvaṇa bỏ tướng chư Thiên, hóa hình thành voi Erāvaṇa cao lớn một trăm năm mươi do tuần cho vua cưỡi. Vị Trời nầy còn hóa ra ba mươi ba ngà voi (kumbha) có ba mươi ba bảo tọa có bề tròn khoảng ¾ do tuần. Chính giữa là thiên kiệu dành cho Đức Đế Thích, cao ba mươi do tuần có tên là Sudassanaṃ (Thiện Kiến Đình). Trên mặt đình có ngôi nhà mát Bảo Đình tạ (Ratanamaṇḍapo) rộng độ mười hai do tuần. Nơi đây được trần liệt những thất bảo kỳ cao một do tuần, chung quanh mái đình tạ có treo một giàn chuông lạc, gọi là Linh Võng (Kinkiṇijāla), mỗi khi có làn gió nhẹ thoảng qua, lưới chuông nầy phát ra tiếng nhạc ngũ âm trầm bổng du dương, hòa nhã thanh thoát, nghe tựa như cung đàn tiếng địch trong động Thiên Thai.

Giữa ngôi đình tạ, một bảo tọa bằng ngọc Maṇi rộng độ một do tuần, được trang trí khéo léo, là nơi Đức Đế Thích ngự tọa.

Ba mươi ba vị chư thiên đều ngồi trên bảo tọa trong thiên kiệu của mình.

Tất cả ba mươi ba thiên kiệu, mỗi cái đều được vị trời Erāvaṇa hóa ra đủ bảy ngà dài năm mươi do tuần. Trong mỗi ngà có một hồ sen, mỗi hồ sen có bảy cụm hoa sen, mỗi cụm hoa sen có bảy hoa sen, mỗi hoa sen có bảy cánh sen, mỗi hoa sen có bảy nàng thiên nữ đang vũ những khúc nghê thường. Trên khắp cả vũ trường rộng năm mươi do tuần, bảy ngà voi đều có lễ hội tưng bừng như nhau cả. Đức Thiên Vương tọa hưởng vinh quang, Ngài hằng đi du ngoạn khắp Thiên cảnh vĩ đại huy hoàng như thế.

Nàng Sudhammā mệnh chung cũng được sanh lên cõi Đao Lợi, tòa chư thiên hội rộng năm trăm do tuần phát sanh lên, có tên là Sudhammā là tên của nàng. Tòa bảo điện nầy nổi tiếng là nguy nga tráng lệ nhất, không nơi nào khác sánh kịp, hàng tháng, cứ đến ngày thứ tám, chư thiên tề tựu về đây để nghe thuyết pháp, ai ai cũng trầm trồ ngợi khen rằng:

- Tất cả những thắng cảnh tân thời ta đã viếng, đều thua xa tòa Diệu Pháp Thiên Hội Đường nầy!

Nàng Sunandā sau khi chết sanh về cõi trời Đao Lợi cùng với một ao sen xinh đẹp rộng năm trăm do tuần.

Nàng Sucittā cũng sanh về cõi Đao Lợi, một vườn hoa kỳ ảo rộng năm trăm do tuần, có tên là Cittalatāvana (Cát Đàng Viên Citta) phát sanh lên cho nàng. Đó là nơi thu hút chư thiên cõi Đao Lợi đến thưởng ngoạn một cách say mê. Vì đây là một cảnh trí đầy hương sắc và hằng thay đổi.

Riêng về nàng Sujātā, khi lâm chung bị đọa làm con cò mái ở trong một hang đá trên sườn núi.

Đức Thiên Vương nhớ đến bốn người vợ cũ, bèn dùng Thiên Nhãn ra quan sát, thấy nàng Sudhammā, Sunandā, Sucittā được sanh về Đao Lợi cung, riêng nàng Sujātā thì vắng mặt nơi đây. Nhìn xa xuống nhân gian, Đức Thiên Vương thấy nàng đang ở trong khổ cảnh thì nghĩ rằng: "Nàng nầy dại dột, không làm phước báu dù chỉ là ít ỏi, bây giờ phải mang lớp thú. Ta cũng nên nhắc nhở nàng tạo phước để được siêu sanh về đây".

Nghĩ vậy, Đức Đế Thích biến hình hóa ra một người lạ mặt đến gần con cò mái và hỏi:

- Nàng làm gì lang thang ở đây vậy?

- Thưa, ông là ai?

- Ta là chồng của nàng, là Magha đây.

- Chàng hiện sanh về cảnh giới nào?

- Ta được sanh về Đao Lợi Thiên cung, ba cô bạn của nàng cũng được sanh lên đó. Nàng không biết sao?

- Thưa chàng! Em không biết.

- Nàng ráng cần tu khổ hạnh cho được sanh lên cõi của ta, thì sẽ tái ngộ ba cô bạn của nàng.

- Bây giờ, tôi lên cõi đó có được chăng?

- Được, để ta mang nàng lên cõi ấy.

Nói rồi, Đức Đế Thích đem con cò mái Sujātā lên cõi Đao Lợi, đặt nó đứng cạnh bờ hồ Sunandā, Ngài báo tin cho ba nàng Thiên hậu biết rằng:

- Ba nàng đã gặp nàng Sujātā chưa?

- Thưa Thiên chúa! Nàng ấy ở đâu?

- Đang đứng tại bờ hồ Sunandā.

Nghe vậy, cả ba nàng rủ nhau đến đó, trông thấy con cò mái, ba nàng kêu lên rằng:

- Dì út! Chao ôi, còn đâu nhan sắc mặn mà. Chao ôi! Còn đâu phấn sáp lụa là điểm trang. Bây giờ chị em hãy nhìn cặp giò kia, hãy nhìn xem hai chân kia? Có phải cô ả thật là đẹp lộng lẫy chăng?

Sau khi buông lời chế giễu mỉa mai cô bạn cũ, ba nàng Thiên hậu đồng bỏ ra về. Đức Đế Thích trở lại hỏi con cò Sujātā:

- Nàng có gặp được bạn cũ rồi chớ?

- Thưa có rồi, họ chế giễu em rồi kéo nhau đi mất. Xin chàng hãy đưa em đi viếng cảnh thiên.

Đế Thích nhận lời đưa cò Sujātā đi viếng khắp các thắng cảnh trên Thiên cung, xong rồi đưa nàng trở lại nơi cũ của nàng và hỏi rằng:

- Nàng đã thấy cơ đồ sự nghiệp của ba nàng kia chưa?

- Tâu Thiên vương, thiếp đã thấy rồi.

- Vậy nàng nên tinh cần tu tập để được về nơi ấy.

- Thưa Thiên vương! Thần thiếp phải làm sao để tu tập?

- Nàng hãy ráng vâng giữ làm theo những huấn từ của ta.

- Tâu Thiên vương, thần thiếp nguyện sẽ tuân theo lời dạy.

Khi ấy, Đức Thiên vương Đế Thích truyền ngũ giới cho con cò mái Sujātā, căn dặn nàng phải ráng chuyên cần gìn giữ rồi từ giã nàng.

Từ đó trở đi, con cò mái chỉ ăn ròng những tôm cá đã chết, để khỏi phạm giới sát sanh.

Cách vài hôm sau, để thử lòng con cò Đức Đế Thích hóa thành con cá măng nằm ngửa trên bãi cát giống như đã chết. Con cò mái thấy, ngỡ là cá chết nó lấy mỏ gắp lên để ăn, không ngờ khi nó sắp nuốt thì thấy con cá ve vẩy đuôi. Con cò nói:

- Cá còn sống.

Rồi nó nhả ra, thả cá xuống ao nước.

Mấy hôm sau nữa, Đức Thế Thích lại thử con cò lần nữa, cũng y như thế, khi con cò gắp cá thấy còn ve vẩy cái kỳ, nó lại thả ra và nói: "Cá còn sống".

Sau khi thử thách ba phen như thế. Đế Thích hiện nguyên hình Thiên vương, khen con cò mái rằng:

- Nàng giữ giới thật trong sạch, ta đã ba phen xuống thử nàng, nàng đã kiên trì giữ giới cả ba. Nếu nàng cứ trì giới như thế mãi thì không bao lâu nàng sẽ siêu sanh về cõi của ta.

Nói rồi Thiên Vương biến mất.

Từ đó trở đi, con cò mái nhất định: "Có cá chết thì ta dùng, không có thời thôi". Cách mấy ngày sau nó phải bị chết đói. Do phước giữ năm giới trong sạch, nó được tái sanh làm con gái ông chủ lò gốm trong thành Bārāṇasī.

Khi cô gái đến tuổi cập kê, Đức Đế Thích chợt nhớ đến con cò tự hỏi: "Nàng đã tái sanh về đâu nhỉ?". Khi quan sát tìm kiếm, thấy được hậu thân con cò mái là cô gái lứa. Đức Đế Thích nhủ thầm: "Bây giờ, ta nên xuống nơi đó", Ngài hóa ra một cỗ xe tay nhỏ, chất đầy bảy loại báu vật, hình dáng như những quả thanh qua (dưa chuột), đi vào trong thành Bārāṇasī:

- Ai dùng thanh qua chăng?

Vừa đi vừa cất tiếng rao lanh lảnh, Đức Thế Thích noi theo lộ chính của thành phố, rảo qua các phố thị. Nhiều người đem đậu xanh, đậu đỏ, ngũ cốc đến đổi chác, Đức Thế Thích đều từ chối, nói rằng:

- Tôi không bán buôn hay đổi chác chi hết.

- Vậy thì ông cho hay sao?

- Tôi chỉ cho không những nữ nhân nào giữ giới.

- Trong những chị em đây, không một ai biết ngũ giới là gì cả, làm sao mà giữ giới cho được.

- Tôi chỉ cho đến người nào có giữ giới mà thôi.

- Ông ạ! Ở đây có cô gái ông chủ lò gốm thường ngày tự xưng là có giữ giới. Vậy ông nên đến cho cô ấy đi.

Thiếu nữ nghe tin đồn, cũng tìm đến cỗ xe của Đức Thế Thích:

- Ông ơi! Ông hãy cho tôi xin những trái thanh qua của ông.

- Nàng là ai?

- Tôi là người không bao giờ đứt lìa ngũ giới.

Nghe vậy, Đức Đế Thích bảo:

- Thế thì nàng hãy đưa ta về cho biết nhà đi.

Đức Đế Thích đẩy cỗ xe đi theo theo thiếu nữ về tận nhà cô, cho cô trọn xe báu vật dưa xanh của cõi trời, rồi hiện nguyên hình cho cô biết và dặn rằng: "Nàng hãy dùng châu báu này để nuôi mạng sống của một đời nàng. Hãy ráng gìn giữ giới đừng cho đứt".

Nói rồi, Thiên vương từ giã ra đi. Thiếu nữ y theo lời dạy, giữ giới cho tới mãn đời. Sau khi thác thiếu nữ được sanh lên làm Công chúa, con vua cõi Asura Thiên. Nhờ cả hai kiếp đều giữ giới trog sạch, nên Công chúa Asura có dung nhan tuyệt đẹp, màu da như vàng ròng, đầy vẻ đẹp yêu kiều diễm lệ, thanh quý vô song.

Các vương tôn, công tử Asura đi đến cầu hôn, đều bị Asura vương là đức Vepacitti cự tuyệt, bảo rằng:

- Các khanh không xứng đáng với con gái trẫm.

Về sau, đức vua Vepacitti cho phép Công chúa gieo cầu để tự mình kén chọn phò mã.

Đức vua tập hợp thần dân cùng tướng sĩ Asura trước hoàng lâu, trao cho Công chúa một vòng hoa và phán:

- Con hãy giao cầu kén chọn phò mã xứng ý với con đi.

Ngay lúc ấy, Đức Đế Thích quan sát tìm xem nàng Sujātā thọ sanh vào cõi nào. Biết được việc nầy. Thiên vương nói:

- Bây giờ, trẫm xuống đó rước nàng về đây.

Đức Đế Thích bèn hóa thành một ông lão Asura, xuống đứng sau đám quân sĩ đang dự hội giao cầu.

Công chúa đang ngồi trên lầu vàng, nhìn khắp mọi nơi, nhưng không lưu ý đến ai cả. Nhưng khi vừa trông thấy lão già Asura, thì đột nhiên tình ái khởi phát, sóng tình lai láng tràn ngập tâm tư của nàng trinh nữ đang độ xuân thì, do nơi tiền kiếp của đôi bạn đã từng chung chăn chung gối.

"Người đó là ý trung nhân của ta", nghĩ rồi Công chúa nhằm ngay ông lão mà ném chiếc giao cầu xuống.

Khắp cả hội trường xôn xao, ai cũng nói:

- Quốc vương tuyên bố là không ai xứng đáng với Công chúa. Bây giờ cuộc gieo cầu kén phò mã, lại chọn được ông cụ già tuổi đáng cha của Công chúa vậy.

Đức Đế Thích nắm tay Công chúa, miệng hét lớn rằng: "Ta là vua trời Đế Thích đây!". Đoạn Thiên vương dắt vợ đằng vân bay đi. Binh lính Asura hô chuyền nhau: "Chúng ta đã mắc mưu lão già Đế Thích", rồi họ ráp nhau đuổi theo hai người. Mātali vị trời đánh xe hộ giá, điều khiển chiếc nhạc thinh xa (Vejayantarathaṃ) chạy đến rước Đế Thích, Đức Đế Thích bèn ngự lên Thiên xa trực chỉ về Thiên thành Đao Lợi. Khi chiếc xe vượt qua đám rừng Simbali (Ti thọ), những con Kim Sí Điểu con, nghe tiếng xe réo thì giựt mình, sợ Thiên xa cán chết, nên la ó inh ỏi. Đức Đế Thích phán hỏi Mātali: "Lũ nào la om sòm như thế?".

- Tâu Thiên vương, lũ Kim Sí Điểu con la ó như thế.

- Tại sao vậy?

- Chúng nó nghe tiếng xe nghiến rần rộ nên sợ chết mà la đó.

- Vì một mình trẫm mà bao nhiêu kẻ bị xe cán chết quá nhanh, thôi đừng sát hại nữa. Khanh hãy cho xe quay lại đi.

Vị trời ngự giá ra roi lên, điều khiển ngàn con ngựa cho quay xe trở lại. Thấy vậy, quân binh Asura thông báo cho nhau "Lão già Đế Thích thua ta đang bỏ chạy, chợt quay đầu lại, hẳn là có Thiên binh tiếp viện phía sau".

Thế là, họ thối lui quay đầu chạy trở về thành Asura, cho đóng chặt các cửa thành lại không dám cất đầu ngó lên.

Đức Đế Thích đưa nàng Sujātā (Công chúa Asura) về Thiên thành, phong cho nàng chức Thiên hậu, cầm đầu hai mươi lăm triệu Thiên nữ. Tân Thiên Hậu tâu xin với Đức Đế Thích rằng:

- Tâu đại vương! Nơi Thiên cung nầy thần thiếp không có cha mẹ, anh chị em chị cả. Nếu đại vương ngự đi bất cứ nơi nào, xin cho thần thiếp được theo một bên hầu hạ đại vương.

Đức Đế Thích chuẩn tấu rằng: "Lành thay!".

Từ đó về sau, chư thiên Asura đóng quân ở hai thành Cittapātali (Mỹ Hoa) và Pupphita (Khai Hoa). Cứ mỗi mùa thiên trượng của vua họ (Dibbapāricchattaka) trổ hoa, thì họ lại dấy loạn, đem binh chống cự lại với Thiên triều, quyết định tái chiếm cung trời Đao Lợi.

Đức Đế Thích muốn ngừa hậu hoạn bèn sắp đặt cho những Long Vương án ngữ canh phòng dưới đáy biển. Từng kế đó thì giao cho những Kim Sí Điểu. Lên từng nữa thì có Cưu Bàn Trà (Kumbhaṇḍa), từng kế tiếp do các Dạ xoa trấn giữ và lớp cuối cùng là Tứ Đại Thiên vương. Trên Thiên cung, ở mấy cổng thành đều có tượng Thiên vương tay cầm Kim Cang trượng (Vajirahattha). Binh sĩ Asura dù cho có thắng trận vượt qua vòng thành của các Long Vương và mấy vòng thành kế, khi thấy dáng pho tượng của đức Thiên Vương từ xa, chúng ngỡ là Đức Đế Thích đứng trấn nơi đó thì tháo lui chạy trở lại.

- Nầy Mahāli! Thanh niên Magha đã chuyên cần hành pháp như thế. Và người chuyên cần như thế mới đạt đến mức quyền uy như thế, một mình ngự trên hai Thiên giới. Là người chuyên cần, thì tất cả chư thiên cho đến chư Phật đều tán dương, ca tụng người ấy. Vì quả như thế, mới có thể chứng đạt những pháp siêu thế quý báu cao thượng do nương theo hạnh nguyện chuyên cần vậy.

Kết luận xong, Đức Bổn Sư ngâm kệ rằng:

"Appamādena maghavā,
Devānaṃ seṭṭhataṃ gato;
Appamādaṃ pasaṃsanti,
Pamādo garahito sadāti".

"Ma già ngự cõi chư Thiên,
Cũng nhờ giữ hạnh cần chuyên vững bền.
Chuyên cần Phật, Thánh đều khen,
Luôn luôn giải đãi ươn hèn bị chê…".

☸

CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ, Phạn ngữ *Appamāda* nghĩa là: Do sự chuyên cần, tức là sự siêng năng cần cù, quét dọn đất đai, kiến tạo phòng ốc, làm việc phước thiện trong làng Acalagāma vậy.

Maghavā, đức Ma Già được tôn xưng như thế, sau khi từ cõi nhân gian là thanh niên Magha mà lên làm Chúa chư Thiên, thống trị cả hai Thiên cảnh.

Pasaṃsanti *(ca tụng, ngợi khen)* những bậc trí tuệ nhất là chư Phật hằng tán dương, đề cao, khen ngợi hạnh chuyên cần, là bởi vì sao? Là bởi vì nhờ nó mà chứng đạt tất cả các pháp siêu thế quý báu cao thượng.

Pamādo garahito sadā: Người buông lung, phóng dật dể duôi, giải đãi thì thường bị các bậc Thánh ấy rầy la quở trách, là bởi vì sao? Là bởi nết buông lung là nguồn cội của tất cả nết hư tật xấu.

Quả thật các tội lỗi mà người đời gây tạo, các ác đạo mà họ bị đe dọa đều do căn bản là buông lung cả thảy.

☸

Khi bài kệ chấm dứt vương tử Mahāli dòng Licchavī chứng đạt Dự Lưu quả. Đồ chúng câu hội thính pháp, nhiều người cũng đạt Thánh quả, nhất là Dự Lưu.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Ngọc Hoàng kiếp trước cũng như ta,
Tích đức tu nhân mới được là!
Bố thí, không lo người tốt xấu,
Trung hoàng, chẳng ngại chỗ gần xa.
Đường trời đắp thấu nhờ kiên nhẫn,
Nghĩa bạn gây nên bởi cộng hòa.
Hiếu, Để, Từ, Chân đều đủ cả,
Muôn đời ngự trị cõi Băm Ba.

DỨT TÍCH ĐỨC SAKKA

☸

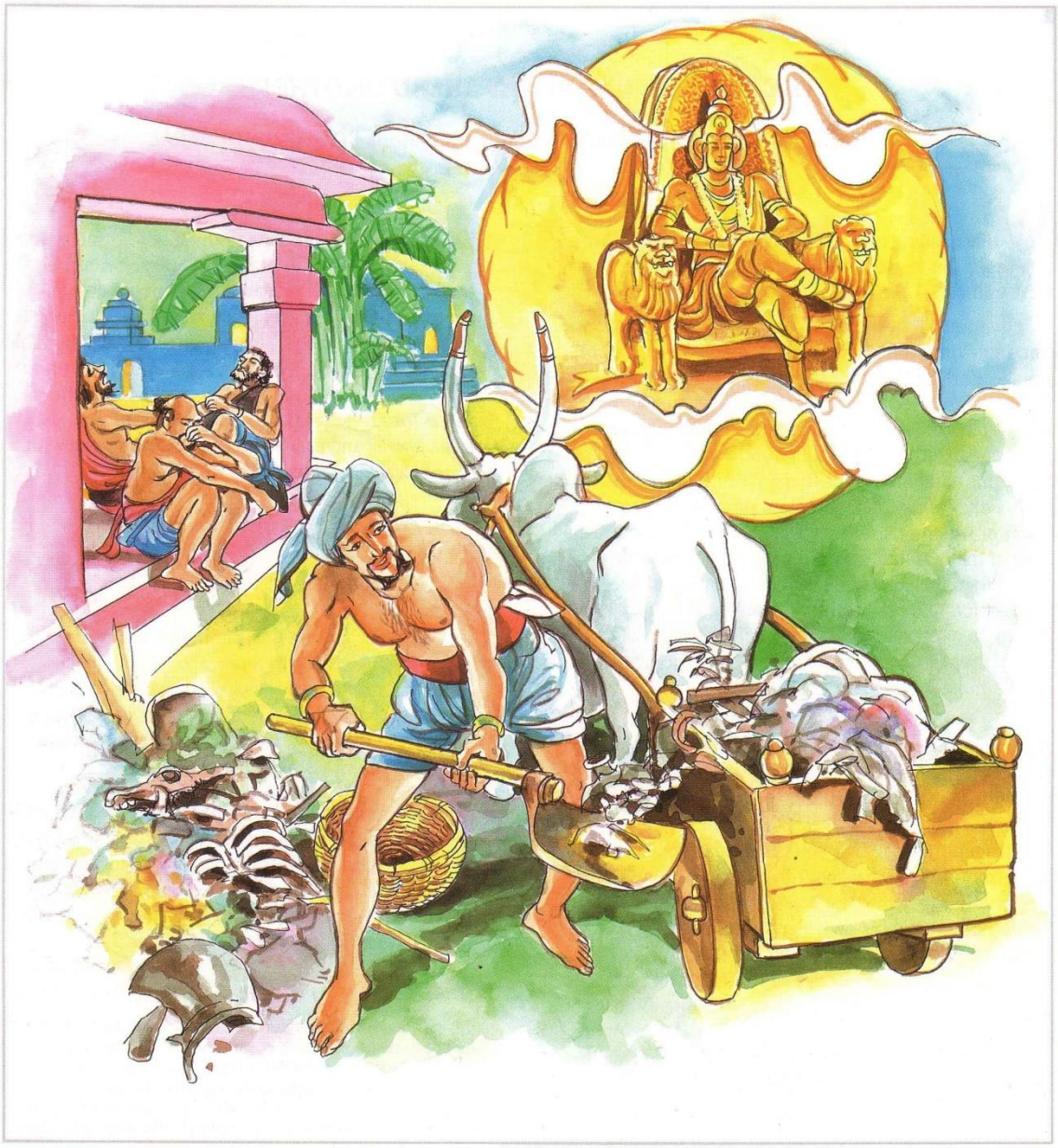

30. Heedfulness made Magha the king of dēvas. Heedfulness is forever praised.

30. Chuyên tâm khiến cho Magha trở thành Thiên chủ (Đế-Thích). Chuyên tâm bao giờ cũng được tán thán.

II.8- Tích VỊ TỲ KHƯU QUÁN LỬA RỪNG

(Aññatarabhikkhuvatthu)

☸

KỆ NGÔN (Pháp Cú 31)

"Appamādarato bhikkhu,	***"Tỳ khưu mến chuyên cần,***
Pamāde bhayadassi vā;	***Hoặc thấy sợ phóng dật.***
Saññojanaṃ aṇuṃ thūlaṃ,	***Như lửa cháy lan truyền,***
ḍahaṃ aggīva gacchatīti".	***Kiết sử nhỏ lớn mất".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Tịnh xá Jetavana (Kỳ Viên) đề cập đến vị Tỳ khưu đã mục kích được một đám cháy rừng.

Tương truyền rằng: Vị ấy sau khi đã thọ huấn nơi Đức Bổn Sư đề mục thiền định để đắc quả A La Hán bèn đi vào rừng tinh tấn hành thiền nhưng không chứng đắc quả như ý nguyện, vị ấy nghĩ thầm: "Ta phải về bạch xin Tôn sư giải thích thêm đề mục này mới được".

Thế rồi vị ấy lìa rừng trở về nơi ngự của Đức Bổn Sư, dọc đường vị ấy trông thấy một đám cháy rừng đang cháy tới, bèn lật đật trèo lên chóp một trái núi trọc, ngồi nhìn ngọn lửa đang cháy tung hoành và lấy đó làm đối tượng để quán niệm rằng: "Cũng như ngọn lửa rừng nầy, nó bắt cháy những nguyên liệu cỏ cây nhỏ lớn, mà tràn tiến tới. Như thế này thì ngọn lửa trí tuệ giác ngộ thành đạo, nó sẽ bắt cháy những kiết sử lớn nhỏ mà lan truyền tới cũng như thế ấy".

Đức Bổn Sư đang ngự tọa trong hương thất thì thấy tâm niệm của vị Tỳ khưu trong rừng, nên phán dạy rằng:

- Nầy Tỳ khưu! Cũng như những đồ nhiên liệu lớn có, nhỏ có như thế ấy, bên trong những chúng sanh nầy có những kiết sử nhỏ lớn đang sinh lên, cần phải dùng ngọn lửa trí tuệ để thiêu cho cháy hết, không cho có thể tái sanh.

Phán rồi, Đức Bổn Sư phóng hào quang hiện ra cho vị Tỳ khưu trông thấy như Ngài đang ngự trước mặt vị ấy và đọc kệ rằng:

"Appamādarato bhikkhu,
Pamāde bhayadassi vā;
Saññojanaṃ aṇuṃ thūlaṃ,
ḍahaṃ aggīva gacchatīti".

"Tỳ khưu nào giữ thường lệ,
Thích không phóng dật, sợ ghê buông tuồng.
Tiến mau như ngọn lửa cuồng,
Kiết sử lớn nhỏ, tiêu luôn chẳng chừa".

☸

CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ, Phạn ngữ *Appamādarato:* nghĩa là người hoan hỷ, thỏa thích trong hạnh chuyên cần, người luôn luôn giữ mình không phóng dật.

Pamāde bhayadassi vā: Nghĩa là người thấy sợ thay cho những người phóng dật sẽ phải sa đọa khổ cảnh như địa ngục chẳng hạn, hoặc là thấy sợ phóng dật vì đó là căn nguyên sa đọa của những người ấy.

Saññojanaṃ: Đây là triền phược, là kiết sử, nghĩa là mười sợi dây trói buộc chúng sanh trong vòng tái sanh.

Aṇuṃ thūlaṃ: Nghĩa là nhỏ nhen và lớn lao. Kiết sử được chia thành hai phần: Hạ phần có năm là: Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, dục ái và sân. Thượng phần kiết sử là sắc ái, vô sắc ái, mạn, trạo cử và vô minh.

Ḍahaṃ aggīva gacchati: Cũng như ngọn lửa nầy bắt cháy những nhiên liệu lớn và nhỏ ấy mà đi tới. Vị Tỳ khưu là người ưa thích nết hạnh chuyên cần, nhờ ngọn lửa trí tuệ, chuyên cần tăng tiến pháp hành cũng bắt cháy những kiết sử lớn nhỏ, lan truyền đi tới đốt thiêu tất cả, không còn có thể tái sanh vậy.

☸

Bài kệ vừa dứt vị Tỳ khưu ấy đắc quả A La Hán tại chỗ ngồi vì đã thiêu đốt sạch tất cả mười kiết sử. Vị ấy bay đến tán thán Kim thân Đấng Như Lai. Sau khi ca tụng vị ấy đảnh lễ Ngài rồi từ giã ra đi.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Ngọn lửa thiên nhiên cứ cháy tràn,
Rừng xanh cây lá cũng tiêu tan.
Người tu trí nhạy dường như lửa,
Kiết Sử nào đâu chẳng rụi tàn?
Cần chuyên hăng hái nhiệt tâm thành,
Bỏ ngủ, quên nằm tuệ giác sanh.
Mỗi phút, giờ qua đừng chểnh mảng,
Lo chi đạo quả chậm viên thành?

DỨT TÍCH VỊ TỲ KHƯU QUÁN LỬA RỪNG

☸

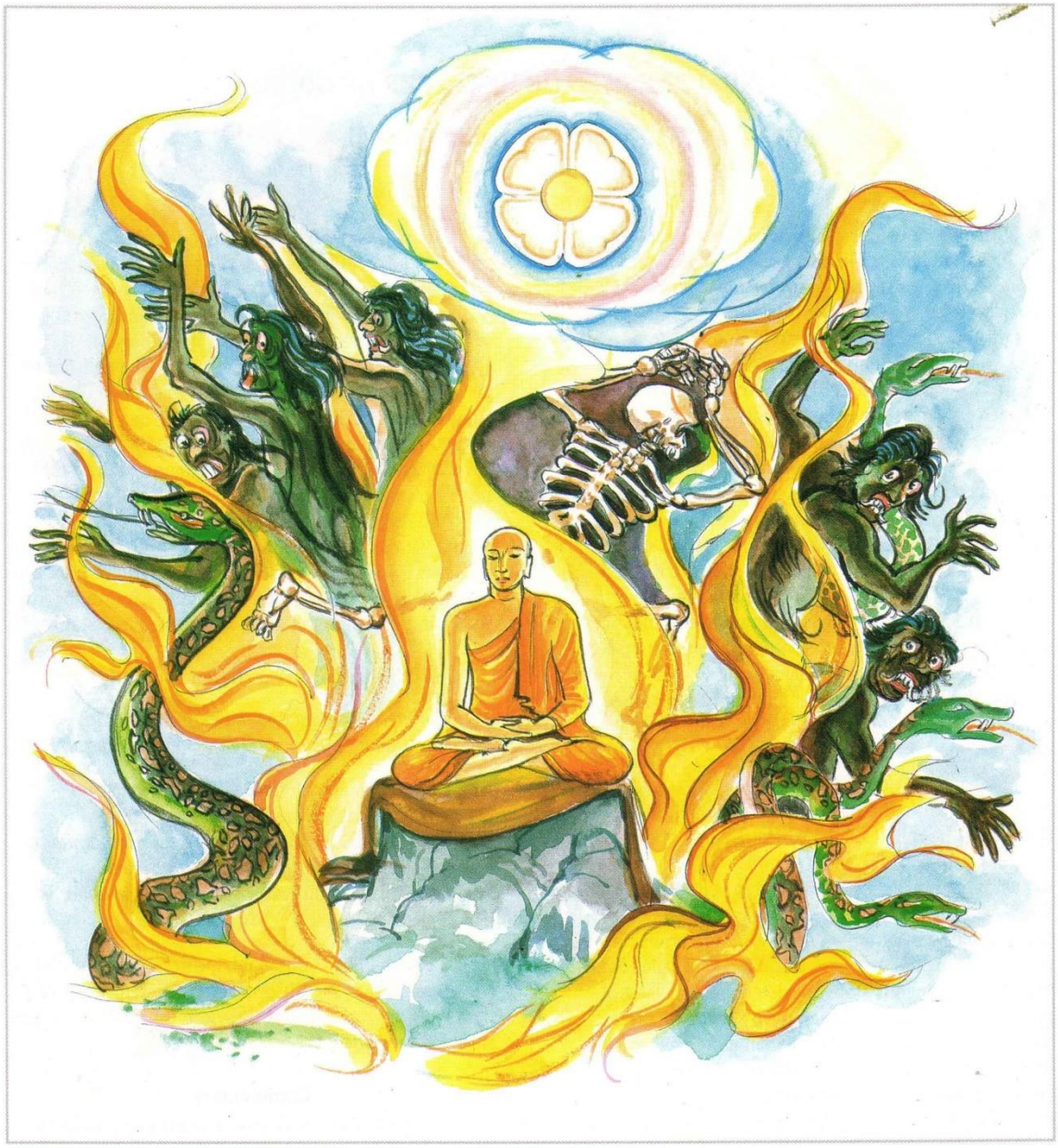

31. Like a burning fire, the heedful monk moves forward, destroying all bonds big and small.

31. Như ngọn lửa đang cháy vị Tỳ kheo nhiệt tâm tiến lên, tiêu diệt mọi dây ràng buộc (kiết sử) lớn nhỏ.

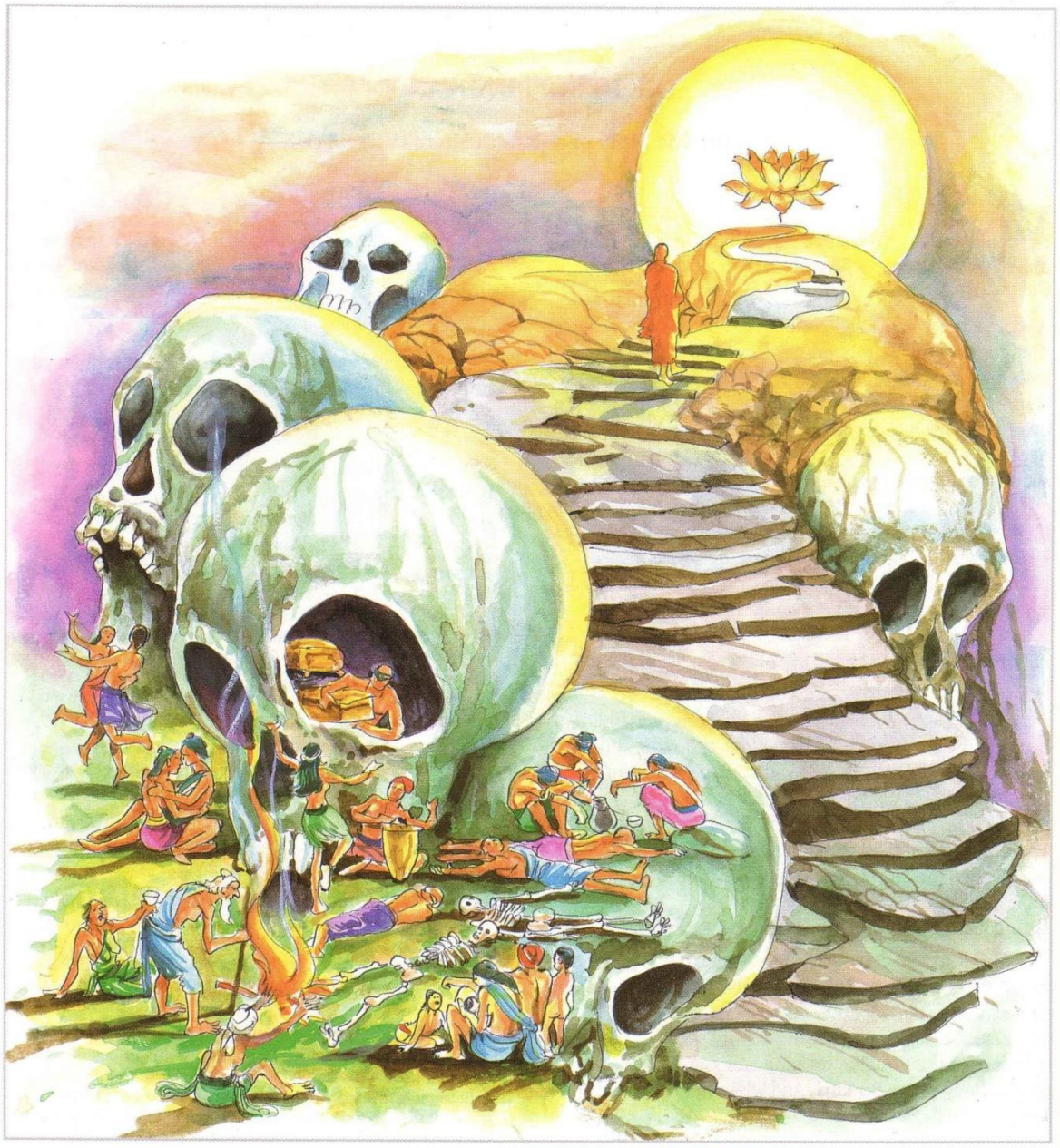

32. The monk who delights in heedfulness never fails to win the Deathless.

32. Vị Tỳ kheo thích thú chuyên tâm không hề thối thất và nhất định đạt bất tử (Niết-Bàn).

II.9- Tích ĐẠI ĐỨC TISSA Ở THỊ XÃ

(Nigamavāsitissattheravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 32)

"Appamādarato bhikkhu,	***"Tỳ khưu mến chuyên cần,***
Pamāde bhayadasi vā;	***Hoặc thấy sợ phóng dật.***
Abhabbo parihāya,	***Không thể bị sa chân,***
Nibbānasseva santiketi".	***Níp bàn đến gần thật".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự tại Jetavana (Kỳ Viên) đề cập đến Đại đức Tissa ở thị xã (Nigamatissatthera).

Quả vậy, cách thành Sāvatthī không bao xa, có một công tử (Kulaputto) sanh trưởng trong một thị xã nọ. Về sau, xuất gia hành đạo trong giáo pháp của Đức Bổn Sư, trước tu Sa di, sau thọ Cụ túc giới, tu lên Tỳ khưu vì trùng tên với Trưởng lão Tissa, nên vị nầy được chư Tăng gọi là Đại đức Tissa thị xã cho dễ phân biệt.

Đại đức tỏ ra là một vị Tỳ khưu thiểu dục, tri túc, độc cư, cần mẫn. Đại đức chỉ đi khất thực trong vòng phường thị xã là sinh quán của Đại đức mà thôi, chớ không đi đâu xa. Cho đến những cuộc lễ Trai Tăng do các đại thí chủ, nhất là ông Anāthapiṇḍika tổ chức, hoặc cuộc cúng dường vô tiền khoáng hậu của Quốc vương Pasenadi xứ Kosala thực hiện trong thành Sāvatthī, Đại đức cũng không đến dự. Thấy vắng mặt Đại đức trong các cuộc Tăng hội, Chư Tỳ khưu bảo nhau rằng:

- Đại đức Tissa thị xã này hằng ngày cứ sống thân cận với quyến thuộc không rời ra đi đâu hết, cho tới các cuộc đại lễ Trai Tăng do các thí chủ nhất là ông Anathapiṇḍika tổ chức, hoặc cuộc cúng dường của Quốc vương Pasenadi xứ Kosala thực hiện mà ông cũng không đến dự.

Và chuyện nầy được chư Tăng bạch trình với Đức Bổn Sư. Ngài cho gọi Đại đức Tissa thị xã đến và phán hỏi:

- Nầy Tỳ khưu! Nghe nói ông như thế, có thật vậy chăng?

- Bạch Ngài! Con không có lê la thân mật với quyến thuộc. Con giữ hạnh độc cư, đi thọ bát được món chi thì dùng món ấy, ngon hay dỡ chi cũng được. Dầu cho có nghe Trai Tăng ở đâu, con cũng không đi dự. Thật tình con không có lân la thân cận với các quyến thuộc, bạch Ngài.

Sau khi nghe rõ hạnh bình sanh của Đại đức Tissa thị xã, Đức Bổn Sư cất tiếng tán dương rằng:

- Lành thay! Lành thay! Nầy chư Tỳ khưu, chính nhờ thọ giáo với bậc Đạo sư như Ta, mà ông trở nên người thiểu dục, nết hạnh thiểu dục nầy quả thật là một đức tánh cố hữu, một tập quán di truyền của Ta tự thời xưa.

Nghe vậy, chư Tăng thỉnh cầu Đức Thế Tôn thuật lại Bổn sanh. Ngài bắt đầu kể rằng:

Xưa kia có vô số ngàn con chim Anh Võ (Suvakā), đồng cư ngự trong rừng Udumbara (cây trái vải), trên bờ sông Hằng thuộc miền núi Hy Mã Lạp Sơn, bây giờ có con chim oanh vũ chúa giữ hạnh tri túc hết sức cao thượng.

Trên cây vải, chỗ nó ngụ trái đã hết sạch, chỉ còn sót lại ít nụ, lá hay vỏ cây mà thôi. Nhưng nó cũng bằng lòng với chút ít ấy, ăn lấy chút đỉnh vật thực nầy rồi uống nước sống, chớ không chịu đi nơi khác.

Do oai lực tri túc của chim Anh vũ chúa. Thiên cung Đế Thích bị rung chuyển, Đế Thích tìm hiểu nguyên nhân, thấy là do hạnh tri túc của chim Anh Vũ chúa, để thử lòng chim Anh Vũ, Ngài liền khiến cho cây vải trở nên héo khô.

Cây vải khô héo, mục gãy lần hết những nhánh lẫn thân cây, chỉ còn trơ lại gốc cây với nhiều lỗ bọng, gió thổi mạnh luồn qua nghe ù ù, làm cho mạc cây bay ra. Chim Anh Vũ lại ăn mạc cây và uống nước sông mà sống qua ngày chớ không đi nơi khác. Nó đậu mãi trên gốc cây Udumbara, bất kể đêm sương ngày nắng gió cuộn bụi.

Sau khi biết rõ đức hạnh cao siêu của chim Anh Vũ về hạnh thiểu dục, Đức Đế Thích nghĩ thầm: "Ta sẽ kết tình bằng hữu với chim nầy và ban ân huệ khiến cho cây vải trổ trái liên miên". Đức Đế Thích hóa thành chim Thiên Nga chúa, cùng nàng Sujātā là công chúa A Tu La, đi đến gần khu rừng Udumbara, đậu trên một cây khác gần đó của chim Anh Vũ, gợi chuyện làm quen bằng kệ ngôn rằng:

"Santi rukkhā haritapattā,
Dumāneka phalā bahū;
Kasmā nu sukkhe kolāpe,
Suvassa nirato manoti".

"Có những cây xanh lá,
Vô số cây nhiều quả.
Xá chỉ cội mục khô,
Mà chúa két mến lạ".

Cuộc đối thoại giữa Anh Vũ chúa và Thiên Nga chúa còn dài, trong Bổn sanh thứ mười đã ghi chép rõ chi tiết, nên đây chỉ tóm tắt.

Anh Vũ chúa đáp: "Ta đã từng ăn quả cây nầy rất nhiều năm rồi, cho nên bây giờ dầu cho hết trái, ta cũng vẫn thương mến nó như thuở trước".

Liền đó, Thiên Vương Đế Thích liền khiến cho cây vải mục khô xanh tươi trở lại và trổ cây đầy hoa trái.

Dứt tích bổn sanh, Đức Bổn Sư giải rằng: "Đức Đế Thích xưa kia nay là Ānanda, còn chim Anh Vũ chúa chính là Đấng Như Lai". Và Đức Thầy kết luận rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Nết hạnh thiểu dục như thế, là tập quán cố hữu di truyền của Ta, cho nên đối với Ta không có chi lạ, khi con trai của Ta là Tissa thị xã cũng giữ hạnh thiểu dục, cho xứng mang danh là Tỳ khưu. Quả thật vậy, Tỳ khưu nào hành được như thế thì không thể nào xa lìa các Đạo quả, chắc chắn sẽ chứng ngộ Níp Bàn chẳng sai.

Đức Bổn Sư đọc tiếp kệ ngôn rằng:

"Appamādarato bhikkhu,
Pamāde bhayadasi vā;
Abhabbo parihānāya,
Nibbānasseva santiketi".

"Tỳ khưu nào đã mến ưa,
Hạnh không phóng dật, sợ chừa buông lung.
Khỏi lo sa đọa kỳ cùng,
Gần đây sẽ chứng viên dung Níp bàn".

CHÚ GIẢI:

Abhabbo parihānāya (Người không thể xa lìa): là Tỳ khưu giữ nết hạnh thiểu dục như thế. Không thể xa lìa các pháp hành Chỉ và Quán (Samathavipassanā) hoặc là Đạo quả (Maggaphala), cũng không thể xa lìa các Pháp đã chứng đắc và không đạt đến các Pháp chưa chứng đắc ấy.

Nibbānasseva santike (gần Níp bàn): là gần tắt hết lửa phiền não và chứng Hữu Dư Níp bàn cũng như gần tận diệt các pháp chấp thủ (upādāna) và chứng Vô dư Níp bàn. Sau khi mạng chung không còn tái sanh nữa.

☸

Sau kệ ngôn Trưởng lão Tissa thị xã chứng đạt A La Hán quả với Tuệ phân tích. Những Tỳ khưu khác, nhiều vị đắc Thánh quả nhất là Dự lưu, trong hàng tứ chúng những Đại quả cũng phát sanh lên do nhờ thời Pháp của Đức Bổn Sư.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Nào phải ăn là việc tối cần,
Mà Ngài Tissa cậy gia nhân!
Trai Tăng, đại lễ không ra mắt,
Bố thí vô song chẳng dự phần.
Tri túc xả thân tìm giác ngộ,
Độc cư cầu đạo thoát mê tân,
Hành trì nết hạnh theo gương Phật,
Nên Níp Bàn xa cũng hóa gần.

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC TISSA Ở THỊ XÃ

☸

DỨT PHẨM CHUYÊN NIỆM

III. PHẨM TÂM

(CITTA VAGGA)

11 bài kệ: Pháp Cú số 33 – 43

9 tích truyện

☸

III.1- Tích TRƯỞNG LÃO MÊ KỲ DẠ

(Meghiyattheravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 33 – 34)

"Phandanaṃ capalaṃ cittaṃ,	***"Tâm xao động không yêu,***
Durakkhaṃ dunnivārayaṃ;	***Khó giữ, khó kiểm định.***
Ujuṃ karoti medhāvī,	***Người trí điều tâm chỉnh,***
Usukāro'va tejanaṃ".	***Như thợ khéo uốn tên".***
"Vārijo'va thale khitto,	***"Như thủy tộc bị vớt,***
Okamokata ubbhato;	***Bỏ lên bờ xa nước.***
Pariphandati'daṃ cittaṃ,	***Tâm nầy run lạ thường,***
Māradheyyaṃ pahātaveti".	***Hãy thoát cảnh Ma vương".***

Hai bài kệ Pháp Cú nầy (33 – 34) Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại núi Cālika (Trà Lý Ca), đề cập đến Đại đức Meghiya (Mê Kỳ Dạ).

(Sự tích Đại đức Meghiya có giải rộng trong kinh Meghiya. Nơi đây chỉ tóm tắt sơ lược.)

Trong thời kỳ Đại đức Ānanda chưa xuất gia, đại đức Meghiya là vị Sa môn tùy tùng của Đức Bổn Sư, một hôm trông thấy một vườn xoài, cảnh trí u nhã. Đại đức phát tâm mãnh liệt, muốn vào đó để tu tập, mong sớm đắc đạo quả. Đại đức bèn ngỏ lời xin phép Đức Thế Tôn, nhưng Ngài đã ngăn cản Đại đức ba lần mà Đại đức vẫn quyết tâm bỏ Ngài ra đi.

Vào đến vườn xoài, Đại đức cố gắng hành Sa môn pháp, nhưng vì tâm còn dục vọng chưa tự chủ được, nên phiền não dấy lên. Đại đức thối chuyển bèn quay về tạ tội với Đức Bổn Sư.

Khi ấy Đức Bổn Sư quở trách rằng:

- Nầy Meghiya! Tội của ông làm thật nặng nề lắm, Ta đã can ngăn, bảo ông rằng: "Nầy Meghiya, hãy khoan. Hiện giờ Ta chỉ có một mình, chừng nào ta kiếm thấy vị Tỳ khưu khác thay thế cho ông, rồi ông hãy đi". Ông đã chẳng kể gì đến lời yêu cầu của Ta, bỏ Như Lai một mình ra ra đi. Mang danh Tỳ khưu mà có tâm nông nổi, không vâng lời Như Lai, thì thật là không nên vậy. Trái lại, ông nên sửa đổi tâm mình sao cho nhẹ nhàng uyển chuyển, mềm mại dễ uốn nắn.

Nói rồi Đức Bổn Sư ngâm kệ rằng:

"Phandanaṃ capalaṃ cittaṃ,
Durakkhaṃ dunnivārayaṃ;
Ujuṃ karoti medhāvī,
Usukāro'va tejanaṃ".

"Tâm phàm xao xuyến rộn ràng,
Rất khó kiểm soát, khó hàng phục thay!
Người trí uốn nắn tâm ngay,
Dễ dàng như thợ có tài uốn tên".

"Vārijo'va thale khitto,
Okamokata ubbhato;
Pariphandati'daṃ cittaṃ,
Māradheyyaṃ pahātaveti".

"Như thủy tộc nằm vứt trên,
Xa bờ cách nước, vẫy lên hãi hùng.
Tâm nầy run rẩy hãi hùng,
Hãy mau chóng thoát khỏi vùng ác ma".

☸

CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ Phạn ngữ, tiếng *Phandanaṃ* nghĩa là xao xuyến, rung động khi tiếp xúc với cảnh (đối tượng) là Ngũ trần (Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc).

Capalaṃ: Rộn ràng, không trú vững trong một đối tượng, giống như trẻ con ở miền quê, không giữ được một oai nghi.

Cittaṃ: Tâm là thức (viññāṇa) đây nói về tứ đại tâm, là tâm nương theo đối tượng ở bốn cõi: Dục, Sắc, Vô sắc và Siêu thế.

Durakkhaṃ: Khó gìn giữ tâm không cho nó đeo níu theo Ngũ trần là đối tượng mà nó ưa thích mỗi khi có sự tiếp xúc. Cũng như khó giữ gìn một con bò không cho nó ăn lúa, khi thả nó tự do đi trong đồng lúa chín.

Dunnivārayaṃ: Khó kiểm soát, khó giữ gìn, khó ngăn chận không cho tâm chạy theo đối tượng khác với đề mục đã chọn.

Usukāro'va tejanaṃ: Cũng như người thợ chuốt tên khi vô rừng chọn một khúc cây rễ chắc đem về, đẽo vót thành mũi tên, cho nó trở nên mềm dịu, dễ uốn nắn, đoạn buộc ép nó vào một cây cột thật chặt ngay thẳng, hoàn thành một mũi tên không lệch lạc, mà người ấy dùng bắn một sợi tóc ở đàng xa, với mũi tên ấy, người thợ vào triều biểu diễn tài nghệ bắn cung cho đức vua và bá quán xem, ắt được ban thưởng trọng hậu như thế nào, thì cũng như thế ấy, một nam tử hiền minh có đủ trí tuệ trước hết trọ trì hạnh Đầu đà ngụ nơi rừng vắng để cho phàm tâm của mình bớt xao xuyến rộn ràng. Như người thợ chuốt tên đẽo vót các phiền não thô sơ bên ngoài cái phàm tâm, tẩm nó bằng thứ dầu yêu mến đức tin nơi Chánh Pháp. Hơ nó lên ngọn lửa nóng là sự nhiệt thành tinh tấn cả thân tâm, đem nó lên buộc ép trên cây cột Chỉ, Quán

(Samathavipassanā) làm cho nó trở nên ngay thẳng, phẳng phiêu, rồi ắt sẽ thấu triệt các pháp hữu vi, phá vỡ cái khối vô minh vĩ đại, chứng đắc Tam minh, Lục thông, Cửu Chánh Pháp. Khi làm chủ được các pháp siêu nhân ấy rồi, người trở nên là bậc Ứng Cúng tối thượng rất đáng thọ dụng các vật dâng cúng của tín thí vậy.

Vārijo'va: Như là loài thủy tộc, giống vật sống dưới nước như cá.

Thale khitto *(bị vứt lên bờ):* Là bị người ta dùng tay chân, lưới, chài, hoặc phương tiện nào khác bắt được bỏ nằm trên bờ.

Okamokata ubbhato: Trong thành ngữ nầy, chữ *Oka* có đủ cả hai nghĩa: một là nước, như nói okapuṇṇehicīvarehi (với những li đầy nước); hai là chỗ ở như đã nói: Okaṃ pahāya aniketasārī (bỏ nhà làm kẻ lang thang không nhà). Loài thủy tộc sanh trưởng dưới nước, thì nước là chỗ trú của nó vậy. *Ubbhato* là bị vớt lên, bị kéo lên khỏi chỗ ở.

Pariphandatidaṃ cittaṃ: Cũng như con cá bị vớt lên khỏi nước là chỗ ở thường xuyên của nó, bị bỏ nằm trên khô, nó hằng vùng vẫy như thế nào, thì cái phàm tâm này cũng thế; khi nó bị kéo lôi ra khỏi gian nhà ngũ dục mà nó hằng vui say thỏa thích, bị đặt lên đề mục niệm Minh Sát, lúc mà hành giả thân tâm tinh tấn, cần tu nhiệt tâm tinh cần để mau thoát khỏi cái vòng luân hồi, gọi là cảnh giới của ác ma thì nó cũng run rẩy, vẫy vùng không chịu yên lặng. Tuy nhiên là kẻ nam tử, là bậc trí tuệ cũng không vì thấy khó mà bỏ qua hay là xao lãng phận sự rèn luyện tâm mình, uốn nắn nó trở nên chân chánh và dễ sử dụng. Hoặc là: Cái phàm tâm nầy, vì còn bị trói buộc trong vòng luân hồi khổ não, còn ở dưới quyền thao túng của Ma vương cho nên nó run rẩy hãi hùng như loài thủy tộc bị vớt lên khỏi nước vậy. Hãy mau thoát khỏi cảnh giới của ác ma, thoát ra cái gọi là vòng luân hồi khổ não hằng làm cho tâm phàm run rẩy hãi hùng.

Bài kệ vừa dứt, Đại đức Meghiya chứng đắc Tu Đà Hườn quả, trong số các Tỳ khưu khác cũng chứng đạt Thánh quả như Tù Đà Hườn.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Ngài Mê Kỳ Dạ quyết tu thiền,
Ngặt nỗi tâm phàm khó định yên!
Thầy dạy: Hãy khoan chờ thị giả!
Trò xin: Cho gấp đến lâm tuyền!
Rừng sâu tưởng chứa nhiều pháp tịnh,
Cảnh vắng càng sanh lắm sự phiền!
Rốt cuộc lui về nương bóng Phật,
Buổi nầy, chưa hiệp đủ nhân duyên.

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC MEGHIYA

☸

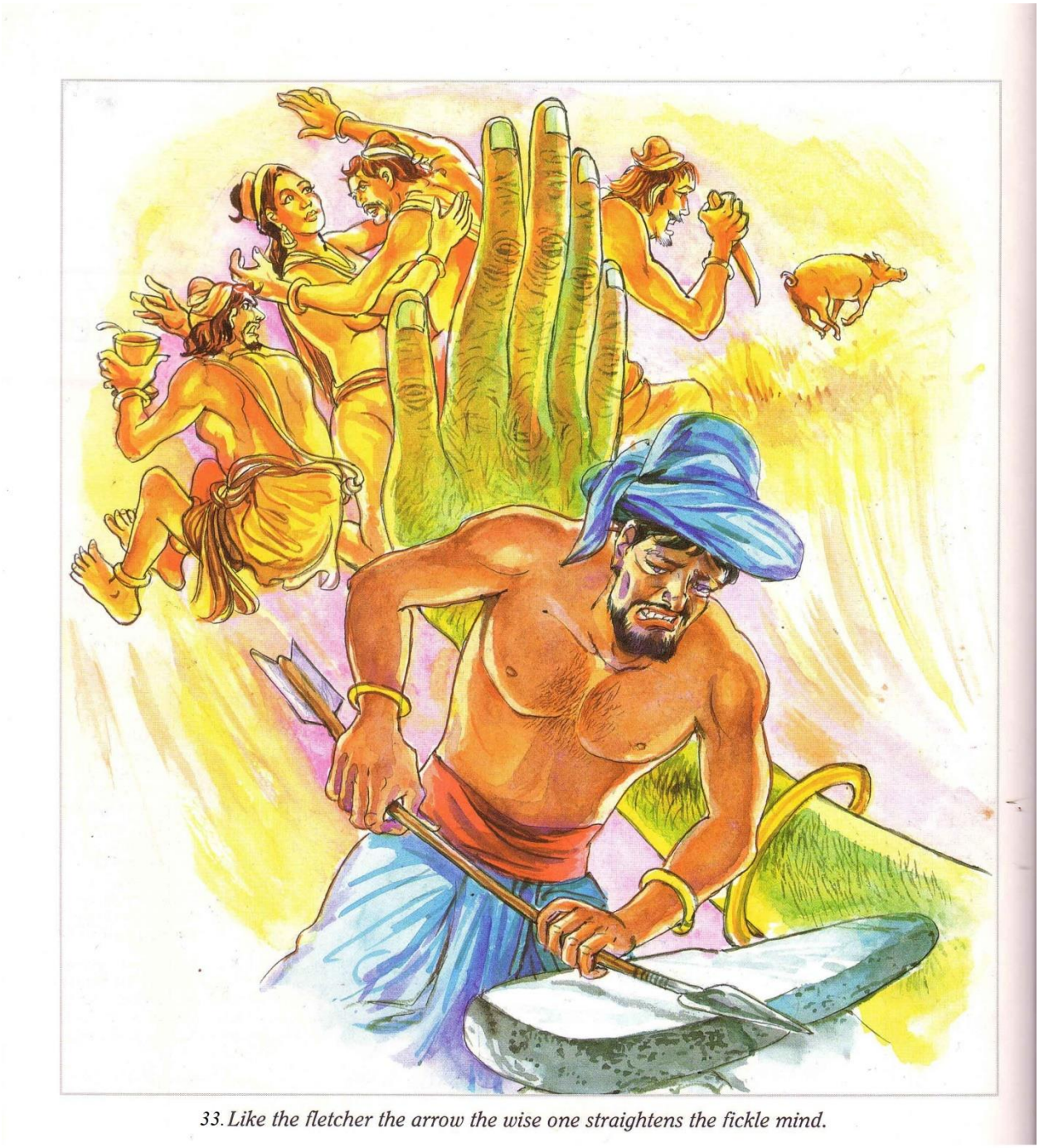

33. Like the fletcher the arrow the wise one straightens the fickle mind.

33. Người trí làm thẳng tâm dao động như thợ rèn tên làm thẳng mũi tên.

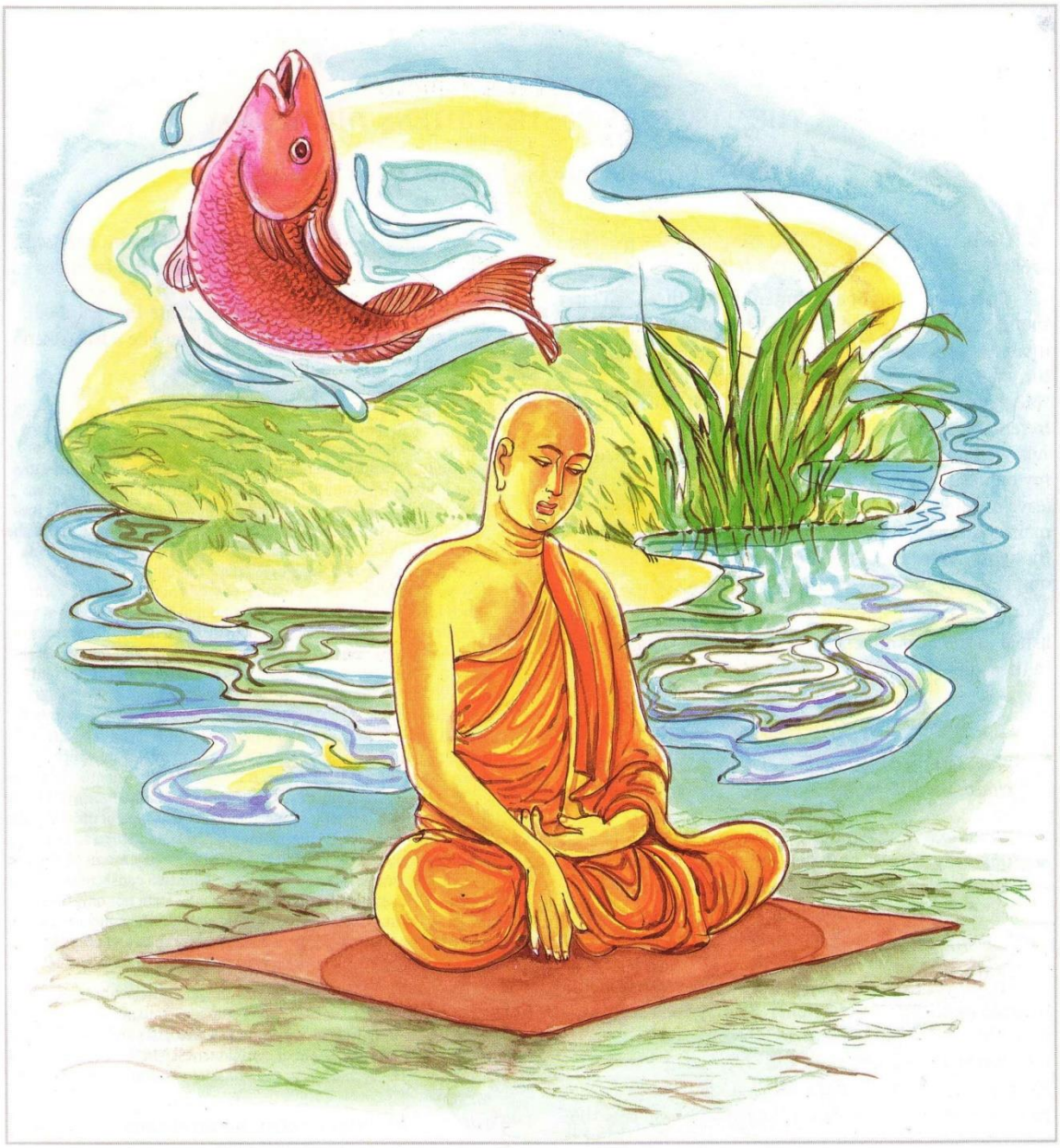

34. Like a fish out of its watery abode, this mind trembles at having to abandon Māra's realm.

34. Giống như con cá ra khỏi nước. Tâm này dao động vì phải từ bỏ cảnh giới ác ma.

III.2- Tích VỊ TỲ KHƯU Ở THỦY LƯU THÔN

(Aññatarabhikkhavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 35)

"Dunniggahassa lahuno,	***"Lanh lẹ khó kiểm thúc,***
Yatthakāmanipātino;	***Mê say theo ngũ dục.***
Cittassa damatho sādhu,	***Lành thay điều phục tâm,***
Cittaṃ dantaṃ sukhāvahanti".	***Tâm điều dưỡng hạnh phúc".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự tại Tịnh xá Jetavana (Tịnh xá Kỳ Viên), đề cập đến một vị Tỳ khưu.

Tương truyền rằng: Nơi miền sơn cước, thuộc lãnh thổ vương quốc Kosala, có một ngôi làng tên Mātikagāma (Thủy Lưu thôn), là một địa phương cư dân trù mật.

Một lần nọ, có sáu mươi vị Tỳ khưu xin Đức Bổn Sư khẩu truyền đề mục niệm cho đắc A La Hán quả. Rồi cùng nhau đi kiếm nơi hành đạo và đồng vào khất thực trong Mātikagāma.

Khi ấy, vị thân mẫu của thôn trưởng Mātikagāma trông thấy chư Tăng, bèn rước thỉnh vào nhà, mời ngồi đàng hoàng rồi dâng cúng các thực phẩm thượng vị. Sau đó, bà bạch hỏi rằng: "Bạch Đại đức Tăng, chẳng hay quý Ngài định đi đến đâu?".

- Nầy bà đại tín nữ, chư Tăng đi tìm chỗ thuận tiện, thuận cảnh.

Bà đại tín nữ hiểu ngay là: "Ý các Ngài muốn tìm kiếm chỗ để an cư". Bà liền sụp xuống đảnh lễ và yêu cầu:

- Nếu quý Ngài lưu lại nơi đây trong ba tháng an cư nầy, tôi sẽ xin thọ trì Tam quy và Ngũ giới và thọ luôn Bát giới vào những ngày Bát quan trai.

Chư Tăng bảo nhau: "Chúng ta nương nhờ bà nầy khỏi phải đi khất thực, chắc có thể hành đạo đến nơi rốt ráo được". Thế là chư Tăng hoan hỷ nhận lời.

Bà đại tín nữ lo cất lên một ngôi đạo tràng Tịnh xá rồi cúng dường đến chư Tăng.

Một hôm nọ, sau khi đã ở yên, chư Tăng tập hợp đông đủ và cùng khuyến dụ lẫn nhau rằng: "Nầy chư huynh đệ, chúng ta không nên hành đạo một cách dể duôi cẩu thả. Quả thật, tám cảnh địa ngục đang mở rộng cửa chờ kẻ dể duôi, như chờ đón ông chủ sắp trở về nhà. Vả lại, chúng ta đã thọ giáo đề mục do chính Đức Phật hiện thế khẩu truyền rồi mới đến đây. Ân huệ của chư Phật chúng ta không thể nào hưởng bằng cách gian dối được. Ta hãy là người không phóng dật, ta không nên đứng hay

ngồi hai vị một chỗ với nhau. Buổi tối, trong giờ phục dịch các vị Trưởng lão, và buổi sáng trong giờ đi khất thực chúng ta sẽ họp mặt nhau. Ngoài ra trong những thời khác, chúng ta không nên ở chung hai vị trong một chỗ. Thảng như có vị Tỳ khưu nào thân thể bất an, đến đánh kẻng ở giữa đạo tràng để kêu gọi, chúng ta nghe tiếng hiệu lịnh sẽ đến lo thuốc men, săn sóc vị ấy".

Sau khi đồng ý, chư Tăng giữ đúng theo lời giao ước, mỗi vị ở riêng một nơi để hành đạo.

Thế rồi, một hôm vào buổi sáng, bà đại tín nữ dẫn cả đoàn tôi tớ và gia đinh mang theo những thứ thuốc ngừa bệnh như bơ, đường… đi vào Tịnh xá. Vào đến nơi, bà không thấy vị Tỳ khưu nào cả, bà hỏi những người lân cận:

- Các Ngài đi đâu hết cả rồi?

- Chắc các Ngài đang ngồi riêng nơi chỗ hành đạo của mình.

Nghe đáp như vậy, bà lại hỏi:

- Ta phải làm sao mới gặp được các Ngài đây?

Khi ấy, có một người hiểu biết nội quy giao ước của chư Tăng, mới thưa rằng: "Thưa bà! Hễ nghe tiếng kẻng thì chư Tăng sẽ hội lại".

Bà đại tín nữ liền sai gia nhân đánh kẻng.

Chư Tỳ khưu nghe được tín hiệu bất thường, nghĩ chắc có vị Tỳ khưu nào thọ bịnh nên kêu gọi, bèn rời chỗ ngụ riêng biệt của mình, tập trung vào Tịnh xá. Khi đi thì mỗi vị từ mỗi ngã đến, không ai đi chung đường với ai. Bà đại tín nữ thấy vậy, lấy làm lạ, nghĩ thầm: "Chắc là các con trai của ta (Mamaputta) đã sanh sự bất hòa với nhau".

Sau khi đảnh lễ Đại đức Tăng, bà hỏi:

- Bạch chư Đại đức, các ngài sanh sự bất hòa phải chăng?

- Chư Tăng không có sự bất hòa đâu, nầy bà đại tín nữ.

- Bạch các Ngài, nếu các ngài không sanh sự bất hòa thì tại sao khi mới đến nhà chúng tôi, tất cả các Ngài cùng đi chung, còn bây giờ thì các ngài từ chỗ ngụ riêng rẽ, mỗi Ngài đi một mình đến đây?

- Nầy bà đại tín nữ, chư Tăng đang hành Sa môn pháp, thì mỗi vị phải ở riêng mỗi nơi.

- Bạch các Ngài! Sa môn pháp đó là cái chi?

- Nầy bà đại tín nữ, chư Tăng niệm đề mục ba mươi hai thể trược và quán sự sanh diệt của danh sắc.

- Bạch các Ngài! Sự niệm ba mươi hai thể trược và quán sự sanh diệt của danh sắc như vậy, đó là công việc riêng của các Ngài hay là của cả chúng tôi nữa?

- Nầy bà đại tín nữ, pháp đó Đức Thế Tôn không cấm đoán ai cả.

- Thế thì xin các Ngài hoan hỷ dạy chúng tôi niệm ba mươi hai thể trược và quán sự của danh sắc.

Chư Tăng bèn đem pháp Thiền Chỉ - Quán truyền dạy tất cả cho bà đại tín nữ học tập.

Từ đó về sau, bà đại tín nữ lo chăm niệm ba mươi hai thể trược xong, quán luôn sự sanh diệt của danh sắc trong tự ngã, liền chứng đắc đạo quả A Na Hàm trước cả chư Tăng, đồng thời bà cũng đạt được tứ phân tích với thần thông thắng trí.

Sau khi hưởng thụ hương vị đạo quả, bà dùng thiên nhãn quan sát xem thử coi: "Chừng nào các con trai của ta mới đạt đến pháp nầy?". Bà thấy rằng: "Tất cả chư Tăng đều chưa đắc thiền định đạo quả chi hết. Vì tâm còn vướng tham, sân, si". Bà lại quán xét xem: "Các con trai ta có căn lành chứng đắc A La Hán chăng?". Bà thấy rằng có, bà lại quán xét thử: "Chỗ ngụ có được thích hợp chăng?". Bà thấy rằng chỗ ngụ thích hợp, bà lại tìm xét rằng: "Bạn lữ có thích hợp chăng?". Bà lại thấy rằng bạn lữ thích hợp.

Khi quán đến vật thực có thích hợp chăng, bà lại thấy rằng: "Vật thực chẳng thích hợp với chư Tăng!".

Từ đó về sau, bà lo nấu dọn nhiều thứ khác nhau, vô số thứ kẹo ngọt, nhiều món ăn mới lạ đặc biệt, rồi thỉnh chư Tăng vào ngồi trong nhà, xối nước khai mạc lễ cúng dường và ngỏ lời yêu cầu là:

- Bạch chư Đại đức, các Ngài cần dùng món nào, xin cứ tự tiện lấy món đó mà độ đi.

Được lời thỉnh cầu, chư Tăng thọ dụng món cháo, cơm hay vật thực chi khác, tùy theo sở thích.

Nhờ độ vật thực thích hợp, các Ngài hành thiền đắc định tâm (ekaggaṃ cittaṃ), với tâm định các Ngài càng tăng tiến pháp Minh Sát (Vipassanā), không bao lâu chứng đạt A La Hán quả. Khi ấy, chư Tăng nghĩ rằng: "Quả thật, nhờ ơn bà đại tín nữ, chúng ta mới thành đạt được như vầy, nếu thiếu vật thực thích hợp thì chúng ta chẳng hưởng thụ được Đạo Quả. Bây giờ chờ khi ra hạ, tự tứ Tăng rồi, chúng ta sẽ trở về yết kiến Đức Bổn Sư".

Đến khi mãn mùa hạ, chư Tăng đến từ giã bà đại tín nữ:

- Hôm nay chư Tăng chúng tôi định về yết kiến Đức Bổn Sư.

Bà đáp: "Lành thay! Bạch các Ngài".

Nói rồi, bà theo tiễn chân, đưa chư Tăng đi một đỗi đường, vừa thốt lên những ưu ái, bà còn nói:

- Bạch các Ngài, xin các Ngài có dịp nào rảnh thì các Ngài đến thăm viếng, nhắc nhở chúng tôi.

Khi chư Tăng về đến Tịnh xá Jetavana, gần thành Sāvatthī, sau khi đảnh lễ Đức Bổn Sư, ngồi qua một bên xong. Đức Bổn Sư phán hỏi: "Nầy các Tỳ khưu! Các ông hành đạo có kham nhẫn không? Có khỏi phải đi bát vất vả không?". Chư Tỳ khưu đáp:

- Bạch Ngài, chúng con hành đạo kham nhẫn và tự túc dễ dàng. Bạch Ngài, chúng con khất thực không bao giờ vất vả. Thật vậy, nhờ một bà đại tín nữ là mẹ của thôn trưởng ở Mātikagāma biết được tâm niệm của chúng con mỗi khi chúng con ước muốn: "Chà phải chỉ mình được cúng dường món ăn danh sắc như thế!", thì bà liền đem cúng dường món ăn mà chúng con ước muốn ngay.

Chư Tỳ khưu hết lời tán dương công đức của bà đại tín nữ.

Một vị Tỳ khưu nọ, được nghe chư Tăng nhập hạ tại Mātikagāma, tán dương công hạnh của bà đại tín nữ. Cũng muốn đến đó hành đạo, bèn xin thọ giáo đề mục thiền định nơi Đức Bổn Sư và bạch rằng: "Bạch Ngài, con sẽ đi đến làng Mātikagāma".

Sau khi bái biệt Đức Bổn Sư, Tỳ khưu nầy khởi hành từ Jetavana du hành lần hồi đến làng Mātikagāma, vào ngồi trong Tịnh xá, nghĩ rằng: "Nghe đồn bà đại tín nữ nầy có Tha tâm thông. Nay ta đã đến đây, đi đường xa mệt mỏi, không thể quét dọn Tịnh xá được, phải chi bà gởi một người nam đến cho phục dịch bần tăng".

Bà đại tín nữ đang ngồi ở nhà, quán thấy tư tưởng của vị Tỳ khưu mới đến, bèn gọi một gia đinh vào bảo:

- Nầy con, hãy vào Tịnh xá, phụ đỡ công việc cho vị Đại đức đi.

Tên gia đinh vâng lịnh chủ, vào quét dọn trong Tịnh xá. Khi ấy, vị Tỳ khưu khát nước, bèn ước rằng: "Chà, phải chi bà ấy có nước giải khát gởi đến cho ta dùng nhỉ?".

Bà tín nữ liền gởi nước giải khát.

Vị Tỳ khưu lại ước: "Phải chi sáng ngày mai bà tín nữ đến cúng dường ta cháo nấu thật nhừ với thực phẩm hảo hạng".

Bà đại tín nữ cũng làm thỏa mãn vị ấy. Độ cháo xong rồi, Tỳ khưu lại ước: "Chà, phải chi bà có thứ kẹo bánh ngọt đó thì gởi đến cúng dường cho ta".

Bà đại tín nữ lại cho người mang thứ bánh kẹo đó đến dâng. Vị Tỳ khưu lại nghĩ rằng: "Ta ao ước bất cứ thứ gì, bà tín nữ ấy đều gởi đến cả. Bây giờ ta muốn gặp mặt

bà, phải chi bà cho người mang cúng dường đến ta thứ vật thực thượng vị, còn bà thì đi tay không đến đây".

Bà tín nữ kêu gọi gia đinh: "Con trai ta muốn gặp mặt ta. Vậy các con hãy chờ ta cùng đi một lượt".

Cho gia đinh mang theo vật thực, bà đi đến Tịnh xá cúng dường vị Tỳ khưu. Độ xong bữa, vị Tỳ khưu hỏi bà đại tín nữ:

- Phải bà là Mātikamātā chăng?

- Bạch Ngài, phải.

- Nầy bà đại tín nữ, bà có Tha tâm thông phải chăng?

- Bạch Ngài, tại sao Ngài lại hỏi ta như thế?

- Tôi ước trong tâm vật nầy, vật nọ, thấy sao bà làm đúng theo tất cả, nên mới hỏi bà như thế.

- Bạch Ngài, chư Tỳ khưu biết được tâm người khác cũng có nhiều vị.

- Nầy bà đại tín nữ, tôi không hỏi người khác, tôi chỉ hỏi mỗi một mình bà thôi.

Mặc dầu có Tha tâm thông, nhưng bà đại tín nữ cũng không khoe khoang "Tôi biết được tâm người khác", bà chỉ trả lời: "Nầy con trai (Putta), những ai có Tha tâm thông thường làm như thế đó". Nghe vậy, vị Tỳ khưu lo ngại rằng: "Quả thật vậy, việc nầy chướng ngại cho ta quá, còn là phàm nhơn thì trong tâm còn có những tư tưởng quàng xiên ô trược, lẫn lộn với những tư tưởng chơn chánh thanh cao. Nếu rủi mà ta nghĩ đến điều không phải, thì cũng bị bà nầy thấu rõ tới tim đen của ta, y như kẻ trộm bị người nắm chóp mai, bắt được với tất cả tang vật. Vậy ta phải chạy cho xa chỗ nầy".

Nghĩ rồi, vị Tỳ khưu bảo bà Mātikamātā rằng:

- Nầy bà tín nữ, tôi sẽ ra đi ngay bây giờ.

- Bạch Đại đức, Ngài đi đâu?

- Tôi trở về với Đức Bổn Sư, bà tín nữ à.

- Bạch Ngài! Xin thỉnh Ngài hãy ở lại đây.

- Tôi không thể ở lại đây đâu. Nầy bà tín nữ, tôi nhất định sẽ ra đi.

Nói rồi, vị Tỳ khưu ra khỏi Tịnh xá, lên đường trở về chỗ ngụ của Đức Bổn Sư.

Khi vị Tỳ khưu về đảnh lễ Đức Bổn Sư, Ngài phán hỏi:

- Nầy Tỳ khưu, ông không còn ở lại tại chỗ ấy sao?

- Vâng, bạch Ngài con không thể ở tại chỗ ấy được.

- Tại cớ nào vậy, Tỳ khưu?

- Bạch Ngài! Bà tín nữ ấy có Tha tâm thông, biết rõ cả những tư tưởng của người khác, con còn là phàm nhân, còn có những ý nghĩ thanh cao xen lẫn với những dục vọng bất hảo. Nếu như con nghĩ tưởng đến điều chi sái quấy, sợ e bà ấy biết rõ tâm xấu của con, như người ta nắm lấy chóp mao của kẻ gian phi với tang vật. Vì vậy, con không dám ở đó, phải trở về đây.

- Nầy Tỳ khưu! Nếu quả như thế thì ông nên ở lại nơi đó.

- Bạch Ngài, con không thể trở lại nơi đó nữa.

- Nầy Tỳ khưu, có thể ở lại nơi đó được, nếu ông có thể gìn được một vật.

- Bạch Ngài, vật chi?

- Cái tâm của ông. Tâm là vật rất khó kềm giữ, nhưng ông phải cố gắng chế ngự nó, đừng nghĩ tưởng đến việc nào khác. Tâm là vật khó bắt giữ được.

Nói đoạn Đức Bổn Sư ngâm lên kệ ngôn:

"Dunniggahassa lahuno,
Yatthakāmanipātino;
Cittassa damatho sādhu,
Cittaṃ dantaṃ sukhāvahanti".

"Tâm phàm ngũ dục mê sa,
Biến hóa lanh lẹ khó mà bắt thay!
Người thu thúc được tâm nầy,
Mới là thong thả tháng ngày yên vui".

☸

CHÚ GIẢI:

Dunniggahaṃ: Khó giữ, khó kềm chế cái tâm phàm lắm.

Lahuno: Lanh lẹ, là nói về tốc độ sanh diệt của tâm trong từng sát na (Khaṇa), vì lẽ tâm sanh diệt liền liền, biến đổi luôn luôn nên khó mà nắm giữ kiềm chế nó được.

Yatthakāmanipātino: Hễ ưa thích chỗ nào thì sa đọa theo chỗ ấy, không kể gì giới hạnh. Quả thật tâm phàm không biết chỗ nào nên, chỗ nào hư, chỗ nào phải, chỗ nào quấy. Không phân biệt giai cấp, tông tộc chi cả, hễ ưa thích chỗ nào thì nó mê sa theo chỗ ấy mà thôi.

Citassa damatho sādhu: Lành thay, nếu tâm phàm ấy được điều phục bằng bốn Thánh đạo. Lành thay! Nếu tâm phàm ấy được bình tịnh hóa, (*cittaṃ dantaṃ sukhāvahaṃ*) vì sao? Quả nhiên, vì người điều phục tâm hưởng được hạnh phúc, nhờ

tâm định tĩnh, người sẽ hưởng thụ được sự an lạc của đạo quả và sự an lạc tối đại Níp Bàn chẳng sai.

Bài kệ vừa dứt, trong số chư Tăng hiện có, nhiều người chứng đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả, đại chúng thính pháp cũng được hưởng sự lợi ích.

Đức Bổn Sư phủ dụ Tỳ khưu bằng huấn từ sau đây:

- Nầy Tỳ khưu! Ông cứ đi đến đó hành đạo. Đừng lo nghĩ vẩn vơ khác mà làm chi.

Vị Tỳ khưu thọ lãnh huấn từ của Đức Bổn Sư ra đi, đến làng Mātikagāma, ngày đêm chuyên lo gìn giữ tâm mình, ngoài ra không tưởng đến việc chi khác.

Bà đại tín nữ dùng Thiên nhãn thông nhìn thấy Đại đức:

- Bây giờ con trai ta đã thọ lãnh huấn từ của Đức Thầy rồi nên trở lại đây.

Bà lại dùng Tha tâm thông để biết rõ ý muốn của vị Tỳ khưu, rồi cho người nấu nướng thực phẩm thích hợp đem đến cúng dường vị ấy. Nhờ độ vật thực thích hợp, mấy hôm sau, vị Tỳ khưu đắc A La Hán quả, hưởng được tịnh lạc của đạo quả. Vị ấy suy nghĩ: "Bà tín nữ nầy hộ độ ta rất lớn, nhờ sự hộ độ nầy mà ta giải thoát được trần lao! Trong kiếp nầy bà hộ ta như thế, không biết trong những kiếp trước, khi ta còn lang thang trong vòng luân hồi bà có hộ ta hay không?".

Nghĩ rồi, vị Tỳ khưu dùng Túc mạng thông, nhớ lại từ một cho đến chín mươi chín kiếp của mình. Trong chín mươi chín kiếp, có kiếp bà đại tín nữ nầy là bạn gối chăn của vị Tỳ khưu, nhưng lại sanh tâm ngoại tình và hạ sát chồng, thấy sự trắc nết lang tâm của bà vợ trong kiếp ấy, vị Đại đức nghĩ thầm: "Chao ôi! Bà đại tín nữ nầy đã tạo tội ác nặng nề quá lắm".

Ngay lúc ấy, bà đại tín nữ cũng ngồi trong nhà mình dùng Thiên nhãn thông quán sát vị Tỳ khưu: "Không biết con trai đã đạt đến mục đích cứu cánh của bậc xuất gia chưa?". Khi biết được vị ấy đã đắc thành A La Hán, bà nói thầm: "Nhờ pháp Minh sát mà con ta đã đắc A La Hán quả; đang nghĩ rằng: Ôi! Bà đại tín nữ nầy có công hộ độ ta rất lớn không biết trong đời quá khứ, bà có hộ độ ta như thế không?".

Vẫn tiếp tục theo dõi tâm vị Tỳ khưu, bà đại tín nữ thấy vị ấy dùng Túc mạng thông, nhớ lại được chín mươi chín kiếp, bà nói thầm: "Trong chín mươi chín kiếp, có kiếp ta đã giao tình cùng kẻ khác và đã sát hại vị nầy. Vị nầy thấy sự lang tâm trắc nết của ta trong những kiếp trước, nghĩ rằng: "Chao ôi! Bà đại tín nữ tạo tội ác nặng nề thay?".

Khi được hiểu biết như vậy, bà đại tín nữ tự hỏi:

- Trong khi lang thang trong vòng luân hồi, trong kiếp trước nữa ta có hộ độ con trai ta không?

Nghĩ rồi, bà cố ôn lại kiếp quá khứ một trăm, trong kiếp nầy bà cũng là vợ của vị ấy, đã hi sinh mạng sống, chết thế cho chồng: "Ôi! Ta đã là một đại ân nhân cho con trai ta vậy".

Biết được như thế, bà đại tín nữ ngồi ở nhà mình dùng thần thông nhắc vị ấy rằng: "Ngài hãy hồi cổ xa hơn nữa đi". Vị Tỳ khưu nhờ Thiên nhĩ, nghe được tiếng nhắc của bà đại tín nữ, bèn nhớ lại tiền kiếp thứ một trăm, thấy được rằng trong kiếp ấy, bà đại tín nữ nầy đã hi sinh mạng sống, chết thế cho chồng: "Ôi, bà đại tín nữ nầy cũng đã từng là người hỗ trợ ta trong kiếp quá khứ kia mà!".

Nghĩ như vậy, vị Tỳ khưu rất hoan hỷ, giải đáp về bốn câu hỏi về quả vị tối cao của đại tín ngay tại chỗ ngồi. Vừa dứt lời thì vị ấy viên tịch, chứng đạt Vô dư Níp Bàn (Anupādisesanibbāna).

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Hai chuyến đi về bến Thủy Lưu,
Cầu mong tín nữ hộ Tỳ khưu,
Nhờ cơm thích hợp thành công lớn,
Mượn cảnh tương nghì, đạt pháp mầu!
Ân trước há đành tâm bội bạc?
Thù sau chi để đạt ưu sầu?
Ngược dòng đời, lướt qua dòng đạo,
Nước chảy thuyền xuôi mãi tận đâu!

DỨT TÍCH TỲ KHƯU Ở THỦY LƯU THÔN

☸

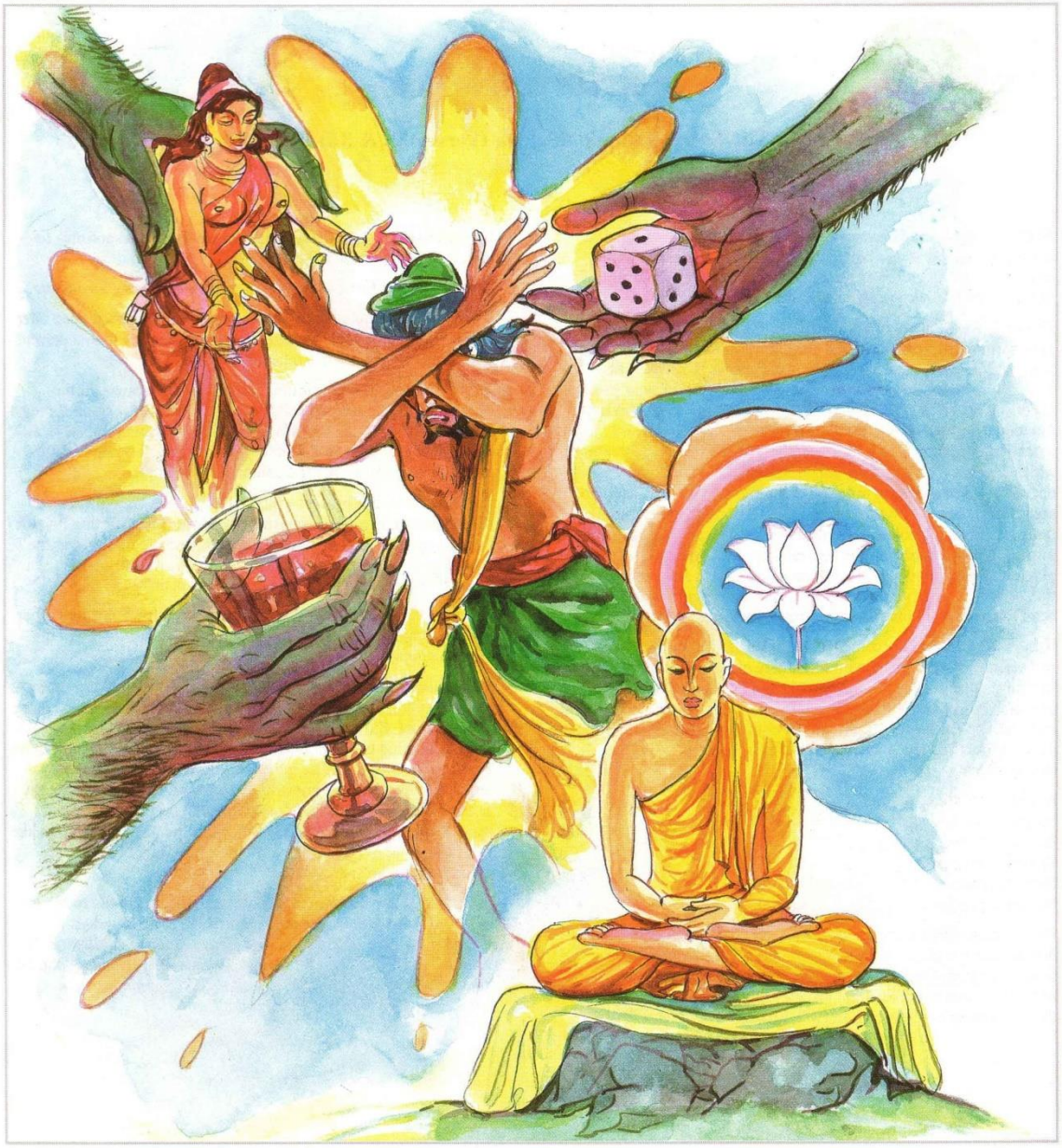

35. *It is well indeed restraining this fleeting, wandering mind. Such restraint brings happiness.*

35. Tốt lành thay điều phục tâm này đang quay cuồng dao động. Sự điều phục ấy đem đến an lạc hạnh phúc.

III.3- Tích VỊ TỲ KHƯU BẤT MÃN

(Ukkhaṇṭhitabhikkhuvatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 36)

"Sududdasaṃ sunipuṇaṃ,	***"Vi tế khéo lẩn lút,***
Yatthakāmanipātinaṃ;	***Đắm chìm trong ngũ dục.***
Cittaṃ rakkhetha medhāvī,	***Kẻ trí hộ trì tâm,***
Cittaṃ guttaṃ sukhāvahanti".	***Tâm hộ hưởng hạnh phúc".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự tại Jetavana (Kỳ Viên), đề cập đến một vị Tỳ khưu bất mãn.

Tương truyền rằng: Trong thời gian Đức Bổn Sư ngự gần thành Sāvatthī (Xá Vệ), có một Công tử con nhà triệu phú (Seṭṭhiputto) đến bạch với vị Đại đức quen thuộc với gia đình mình như vầy: "Bạch Ngài! Con có ý muốn thoát khổ, xin Ngài hoan hỷ thuyết pháp nào giải khổ được cho con nghe?".

- Lành thay! Nầy đạo hữu, nếu đạo hữu muốn thoát khỏi khổ, đạo hữu nên hành pháp bố thí. Hãy cúng dường bằng cách rút thăm chia phần, để bát. Hãy tổ chức Trai Tăng mỗi kỳ sóc vọng, hãy hộ độ chư Tăng đang an cư kiết hạ, hãy dâng cúng tứ sự".

Đạo hữu nên chia tư sản của mình ra làm ba phần, một phần dành để kinh doanh, một phần cấp dưỡng gia đình vợ con, một phần nữa đem ra bố thí cúng dường Phật pháp.

- Lành thay! Bạch Ngài.

Công tử vâng lời vị Đại đức, tuần tự thực hành các pháp bố thí, rồi lại đến bạch hỏi vị Đại đức rằng:

- Bạch Ngài! Những điều Ngài chỉ giáo cho con, con đã làm xong. Bây giờ con phải làm gì thêm khác nữa?

- Đạo hữu nên thọ trì Tam Quy và Ngũ Giới.

Sau khi đã thực hành những điều nầy, Công tử hỏi pháp cao thượng tiếp theo.

- Thế Thì, đạo hữu nên thọ trì Thập giới đi.

Công tử vâng chịu: "Lành thay! Bạch Ngài." Do nơi cách tạo phước từ thấp tới cao, Công tử được người đương thời mệnh danh là Công tử Tuần Tự (Anupubba).

Sau đó Công tử Anupubba lại bạch hỏi vị đại đức.

- Bạch Ngài! Còn phước nào cao thượng mà con nên làm nữa chăng?

- Thế thì con hãy xuất gia đi.

Công tử vâng chịu lời vị Đại đức, lìa bỏ gia đình để đi xuất gia. Có được vị Luận Sư là thầy tiếp dẫn và vị Luật Sư là thầy tế độ. Đều là những Đại đức thông suốt về pháp học của mình.

Khi vị tân sư đến gần vị thầy tiếp dẫn, thì được nghe vị ấy thuyết giảng về những đề tài trong tạng Vi Diệu Pháp "Đúng theo chơn lý của Đức Phật đã giác ngộ, pháp nầy nên hành, pháp nầy chẳng nên hành…". Và khi vị ấy đến gần vị thầy tế độ, thì cũng được nghe thầy mình thuyết giảng những học giới trong Tạng Luật: "Đúng theo chánh pháp của Đức Thế Tôn, điều nầy nên làm, điều nầy chẳng nên làm… Điều nầy hợp lẽ đạo, điều nầy không hợp lẽ đạo…".

Vị Tỳ khưu ấy suy nghĩ rằng: "Chao ôi! Việc hành đạo nầy thật là phiền phức, ta xuất gia cầu mong đạt được sự thoát khổ, nào ngờ vào tu phải học bù đầu, không được thảnh thơi lúc nào cả. Phải biết trước như thế nầy, ta ở nhà làm cư sĩ, ráng sức tự tu cũng có thể thoát khỏi cái vòng khổ não được vậy".

Từ đó về sau, Tỳ khưu Tuần Tự sanh tâm bất mãn, chán nản đề mục ba mươi hai thể trược không niệm, Phạn ngữ cũng không học, hình thể gầy còm tiều tụy, mình mẩy nổi gân xanh, tinh thần bạc nhược, ngồi đâu gãi đó.

Khi ấy, các vị Sa di trẻ tuổi nói với thầy Tỳ khưu Tuần Tự rằng: "Sư ơi! Sư làm gì mà đứng ngồi nơi đâu, sư cũng gãi ghẻ, phải sư mắc bịnh huỳnh đản chăng mà coi sư ốm o tiều tụy, mình đầy gân xanh, bần thần dã dượi vậy?".

- Nầy các đạo hữu, tôi bất mãn lắm.

- Tại sao vậy sư?

Tỳ khưu Anupubba bèn tỏ thật tâm sự của mình. Mấy ông Sa di bèn đem chuyện nầy bạch lại với ông thầy tiếp dẫn và thầy tế độ. Hai ông nầy bèn dắt Tỳ khưu bất mãn ấy đến chỗ ngụ của Đức Thế Tôn, Đức Bổn Sư phán hỏi:

- Nầy các Tỳ khưu! Các ông đến đây có việc chi cần thiết?

- Bạch Ngài! Tỳ khưu nầy không thỏa mãn ở trong giáo pháp của Ngài.

- Các vị ấy nói thế. Có thật không hỡi Tỳ khưu?

- Dạ đúng, bạch Ngài.

- Tại sao vậy?

- Bạch Ngài, con xuất gia là mong được thoát khổ rồi vô tu, rồi lại được nghe thầy tiếp dẫn thuyết Vi Diệu Pháp, và vị thầy tế độ thuyết về Tạng Luật mà phát mệt, nên con nghĩ rằng: "Nơi đây đầu óc của ta thật là bận rộn, không được thảnh thơi. Phải chi ta cứ làm cư sĩ, ở nhà hành cũng có thể thoát khổ được vậy".

- Nầy Tỳ khưu! Nếu ông có thể giữ được một vật nầy thì ngoài nó ra, ông khỏi phải lo phòng hộ cái chi khác nữa.

- Bạch Ngài, vật chi vậy?

- Cái tâm của ông! Ông có thể gìn giữ nó được không?

- Bạch Ngài, con có thể giữ được.

- Thế thì ông hãy hộ trì cái tâm của ông, bấy nhiêu đó đủ để ông thoát khổ được.

Ban huấn từ xong, Đức Thế Tôn thuyết kệ rằng:

"Sududdasaṃ sunipuṇaṃ;
Yatthakāmanipātinaṃ;
Cittaṃ rakkhetha medhāvī,
Cittaṃ guttaṃ sukhāvahanti".

"Tâm phàm bị ngũ dục cuốn lôi,
Vi tế, u uẩn, ngược xuôi khó nhìn.
Người khôn phòng hộ tâm mình,
Yên vui nhờ khéo giữ gìn bản thân".

☸

CHÚ GIẢI:

Sududdasaṃ: Do hai tiếng Suṭṭhu và duddasaṃ ghép lại, nghĩa là rất khó thấy, khó biết.

Sunipuṇaṃ: (suṭṭhu nipuṇaṃ) nghĩa là rất mềm, uyển chuyển hết sức vi tế, u ẩn.

Yatthakāmanipātinaṃ: Vui đâu trút đó, cứ để cho ngũ dục cuốn lôi, không kể giai cấp, tông tộc, tuổi tác… Cho cả về mặt giới luật thì bất chấp nên hư, phải quấy cho nên nói là thích đâu là mê sa đó.

Cittaṃ rakkhetha medhāvī: Đối với kẻ ngu si, đần độn thì sự phòng hộ bản tâm không thể có được, còn bậc hiền minh trí tuệ, sau khi làm chủ được tâm, đạt đến mức bình thản vô não hại thì có thể phòng hộ bản tâm, cho nên ông hãy phòng giữ tâm như thế ấy. Quả thật, tâm được phòng hộ thì đem chủ nó đến nơi an lạc, là đạo quả Níp Bàn an lạc vậy.

Khi bài kệ vừa dứt, Tỳ khưu bất mãn phát tâm hoan hỷ chứng đắc Dự Lưu quả. Nhiều vị khác cũng chứng đắc Thánh quả. Kỳ dư đại chúng thính pháp đều hưởng được sự lợi ích.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Công tử đi tu chỉ thích nhàn,
Thấy nhiều Kinh Luật phát bi quan.
Pháp môn bốn vạn chia đầy lối,
Học giới vài trăm rẽ đủ đàng!
Chẳng ở tiếng đời chê bạc nhược,
Không về cửa đạo chúng gian nan!
May nhờ Phật dạy dùng tâm hộ,
Vào được dòng xuôi đến Níp Bàn.

DỨT TÍCH TỲ KHƯU BẤT MÃN



36.The subtle and secretive mind, when well guarded, will yield happiness.

36. Khi được khéo hộ phòng, tâm tế nhị, khó thấy sẽ mang lại hạnh phúc.

III.4- Tích ĐẠI ĐỨC HỘ TĂNG ĐIỆT

(Bhāgineyyasaṅgharakkhitattheravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 37)

"Dūraṅgamaṃ ekacaraṃ,	***"Tâm đi xa một mình,***
Asarīraṃ guhāsayaṃ;	***Ẩn hang sâu vô hình.***
Ye cittaṃ saññamessanti,	***Ai bình tâm khéo giữ,***
Mokkhanti mārabandhanā".	***Thoát vòng Ma kiết sử".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Jetavana (Kỳ Viên), đề cập đến vị Tỳ khưu pháp danh là Bhāgineyyasaṅgharakkhita (Hộ Tăng Điệt).

Tương truyền rằng: Trong thành Sāvatthī (Xá Vệ), có cậu công tử sau khi nghe pháp của Đức Bổn Sư, bèn lìa bỏ gia đình xuất gia thọ Cụ túc giới, có pháp danh là Saṅgharakkhita (Hộ Tăng), Ngài đã chứng đắc quả A La Hán sau vài ngày hành Sa môn pháp.

Người em út của Đại đức, khi có con trai bèn lấy pháp danh của Ngài mà đặt cho con mình, kèm thêm chữ Bhāgineyya (Điệt là cháu) thành ra đứa bé có tên là Bhāgineyyasaṅgharakkhita.

Đến tuổi trưởng thành, Bhāgineyyasaṅgharakkhita xuất gia Sadi với Sư bá, nhưng sau khi thọ Cụ túc, Tỳ khưu ấy lại đi nhập hạ ở một ngôi chùa ở một làng quê.

Khi an cư mùa mưa, Đại đức Bhāgineyyasaṅgharakkhita chia được hai lá y tắm mưa, một lá dài bảy hắc và một lá dài tám hắc tay (hattha: Độ năm tấc tây). Đại đức Saṅgharakkhita cháu nguyện rằng: "Lá y tám hắc tay ta sẽ dâng thầy tế độ, còn lá y bảy hắc tay ta sẽ giữ lại phần ta".

Đến khi mãn mùa an cư, Tỳ khưu Saṅgharakkhita cháu định về thăm Sư bá, nên vừa đi khất thực tự túc, đi bộ lần hồi về đến Tịnh xá của Sư bá, nhằm lúc Đại Đức đi vắng. Bhāgineyyasaṅgharakkhita bèn vào Tịnh xá, quét dọn trai phòng của Đại đức, múc sẵn nước rửa chân, trải sẵn tọa cụ rồi ngồi nghỉ chờ Đại đức về. Khi thấy Sư bá mình gần về đến nơi, Hộ Tăng Điệt đi ra rước bát, thỉnh Đại đức vào an tọa, lấy quạt hầu Đại đức, dâng nước uống và rửa chân Đại đức, xong rồi mới lấy y tắm mưa đem đến đặt dưới chân Đại đức:

- Bạch Ngài! Xin Ngài hãy thọ lãnh y nầy.

Nói rồi Bhāgineyyasaṅgharakkhita đứng dậy quạt hầu Đại đức. Khi ấy Đại đức nói:

- Nầy Bhāgineyyasaṅgharakkhita! Y của Sư bá có đầy đủ rồi, con hãy giữ y nầy lại mà dùng đi.

- Bạch Ngài! Từ khi phát sanh con đã nguyện để dành cúng dường Ngài, xin Ngài hãy thọ dụng.

- Nầy Bhāgineyyasaṅgharakkhita, con hãy giữ lại mà dùng, Sư bá có đủ y rồi.

- Bạch Ngài, xin Ngài đừng từ chối. Xin Ngài từ bi thọ dụng cho con được nhiều phước lớn.

Mặc dù Tỳ khưu Saṅgharakkhita cháu khẩn khoản yêu cầu nhiều lượt, Đại đức Sư bá chẳng nhận lãnh y.

Thấy vậy, Tỳ khưu cháu không phải nài nỉ y nữa. Tuy đứng làm thinh quạt hầu vị Đại đức nhưng trong thâm tâm vị Tỳ khưu nầy nghĩ rằng: "Khi còn tại gia mình là cháu Đại đức Sư bá. Khi xuất gia rồi mình là đệ tử của Ngài. Thế mà Ngài không thọ lãnh vật mình dâng cúng. Ngài đã không tưởng tình bác cháu, thầy trò thì mình còn ở đây tu với Ngài làm chi nữa, thà là mình hoàn tục cho rồi". Nghĩ đến đây, Tỳ khưu Bhāgineyyasaṅgharakkhita cháu tính thầm: "Đời sống tại gia cũng khó sắp đặt lắm. Hoàn tục rồi, ta sẽ làm gì để sinh nhai đây?".

Nhớ đến hai lá y, Tỳ khưu Bhāgineyyasaṅgharakkhita cháu phác họa một chương trình: "Mình sẽ đem lá y tám hắc bán lấy tiền mua một con dê cái, dê cái thì mau sanh con lắm, hễ nó đẻ ra bao nhiêu thì ta bán hết bấy nhiêu, góp nhóp tiền bạc cho khá nhiều, rồi mình sẽ cưới vợ, vợ mình sẽ sanh cho mình một đứa con. Khi ấy, mình sẽ lấy tên bác mình đặt tên cho con, để nó ngồi trong cỗ xe nhỏ, rồi mình đưa cả vợ con đến chào bác mình. Đang đi giữa đường, mình bảo vợ mình rằng: "Em trao con qua cho anh bế", vợ mình bảo: "Anh ẵm con mà chi, anh hãy đẩy cỗ xe đi", rồi vợ mình bế xốc con lên và nói: "Để em ẵm nó", nhưng vợ mình bồng con không quen, buông nó té xuống dưới đường, bánh xe lăn qua cán ngang mình đứa bé. Mình mắng vợ: "Con tao mà mày không bao giờ chịu trao cho tao, để mầy ẵm một mình không nổi vậy đó, đồ đàn bà hư nói không biết nghe. Mắng rồi, mình xách gậy đập lên lưng vợ mình". Nghĩ miên man đến đó, Tỳ khưu Bhāgineyyasaṅgharakkhita quên hẳn là mình đang đứng quạt hầu Sư bá, nên cầm cây quạt đánh lên đầu Đại đức Saṅgharakkhita. Đại đức dùng Tha tâm thông quán xem tại sao Đại đức bị cháu đánh lên đầu như thế. Khi biết rõ nguyên nhân, Đại đức nói:

- Nầy Hộ Tăng điệt, ông đánh phụ nữ không được thì thôi. Chớ Đại đức Trưởng lão nầy đâu có mắc mớ gì?

Tỳ khưu Saṅgharakkhita cháu hoảng hốt: "Chết ta rồi! Đại đức Sư bá Ngài có Tha tâm thông, biết rõ dự định của ta hết. Vậy ta còn mặc y Sa môn làm chi nữa".

Nghĩ vậy, Saṅgharakkhita cháu quăng cây quạt xuống đất và phát bỏ chạy đi. Khi ấy Hộ Tăng Điệt bị các Tỳ khưu và Sa di trẻ đuổi theo bắt lại, dắt đến trước mặt Đức Bổn Sư.

Thấy chư Tăng ấy, Ngài phán hỏi: "Nầy các Tỳ khưu, các ông đến đây có việc chi cần yếu? Các ông ví được một Tỳ khưu phải không?".

- Vâng, bạch Ngài, ông Sư nầy bất mãn bỏ chạy đi. Chúng con bắt lại, dắt đến cho Ngài liệu định.

- Nầy Tỳ khưu! Chư Tăng nói vậy có đúng không?

- Bạch Ngài, đúng vậy.

- Nầy Tỳ khưu! Ông làm như thế nầy có lợi ích chi, chỉ gây tội lỗi nặng nề thì có. Ông há chẳng phải là đứa con trai của một vị Phật tinh cần hay sao? Xuất gia trong giáo pháp của một vị Phật như ta, ông đã không khiến được mọi người nhắc nhở đến ông với một Thánh quả nào? Một bậc Tu Đà Hườn hoặc bậc Tư Đà Hàm, A Na Hàm hay A La Hán ư. Tại sao ông lại tạo nghiệp nặng nề như thế?

- Bạch Ngài, vì con bất mãn.

- Tại sao ông lại bất mãn?

Tỳ khưu Bhāgineyyasaṅgharakkhita đem hết mọi sự trình bày với Đức Bổn Sư, từ lúc mình an cư được hai lá y tắm mưa cho đến lúc đánh quạt lên đầu Sư bá. Thuật hết rồi, Bhāgineyyasaṅgharakkhita bạch rằng: "Bạch Ngài, vì lẽ đó mà con bỏ chạy".

Đức Bổn Sư bảo rằng:

- Lại đây, Tỳ khưu đừng lo vớ vẩn. Tâm phàm thì nó hay chạy theo cảnh nào mà nó vừa lòng, dầu cho xa vời mấy cũng vậy. Phải ráng tinh tấn thoát khỏi ràng buộc của tham, sân, si.

Rồi Đức Bổn Sư ngâm tiếp kệ ngôn rằng:

"Dūraṅgamaṃ ekacaraṃ,
Asarīraṃ guhāsayaṃ;
Ye cittaṃ saññamessanti,
Mokkhanti mārabandhanā".

"Tâm phàm lén lút âm thầm,
Ra đi biệt tích vắng tăm một mình.
Hang sâu như ẩn dạng hình,
Người nào điều phục tâm bình mới hay.
Vòng Ma đã thoát ra ngoài,
Không còn trăn trối miệt mài trần lao".

☸

CHÚ GIẢI:

Dūraṅgamaṃ: Đi xa. Thật vậy, dù không có những chỉ tơ mảnh mai như tơ nhện, phát đi tứ hướng đông, tây, nam, bắc để liên lạc với cảnh, nhưng hễ có cảnh vừa lòng, dẫu xa cách mấy, tâm cũng nhận bắt được cho nên gọi là tâm đi xa.

Ekacaraṃ *(đi một mình):* Không bao giờ có bảy hay tám tâm nhập chung lại một bó, đồng phát sanh trong một sát na. Lúc sanh thì tâm sanh từng cái một, lúc diệt thì tâm cũng diệt từng cái một, cho nên gọi là tâm đi một mình.

Asarīraṃ *(vô hình):* Tâm thì không có hình ảnh màu sắc chi cả.

Guhā *(hang động):* Là tứ đại đất, nước, lửa, gió. Nơi đây chỉ cho sắc trái tim (hadayarūpa), là chỗ tâm nương gá và phát sanh.

Ye cittaṃ *(người nào):* Chỉ những người nam nữ, tại gia hay xuất gia mà giữ không cho Tùy phiền não phát sanh lên được, dứt trừ được phiền não đã phát sanh, vì sự mất trí hay đã lãng quên.

Saññamessanti: Có ý thức giữ được tâm bình thản, không điên đảo rộn ràng.

Mokkhanti mārabandhanā: Được giải thoát khỏi vòng luân hồi trong tam giới, khỏi cái gọi là Ma phược (Mārabandhanā), là tất cả những dây trói buộc của phiền não Ma vương.

☸

Bài kệ vừa dứt, Tỳ khưu Hộ Tăng Điệt chứng đắc Tu Đà Hườn quả. Nhiều vị khác cũng chứng đắc Thánh quả, nhất là Sơ quả, kỳ dư thính chúng đều hưởng được sự lợi ích.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Một lá y choàng chửa bán ra,
Mà Sư Điệt đã tính non già!
Mua dê, để giống gom tiền bạc,
Cưới vợ sanh con viếng Bác nhà.
Quạt đó, nhưng quên Thầy tế độ,
Gậy đâu, lại nhớ bạn quần thoa?
Tỉnh rồi mới biết tâm đi lạc,
Đắc quả nhờ nghe pháp Phật Đà.

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC HỘ TĂNG ĐIỆT

☸

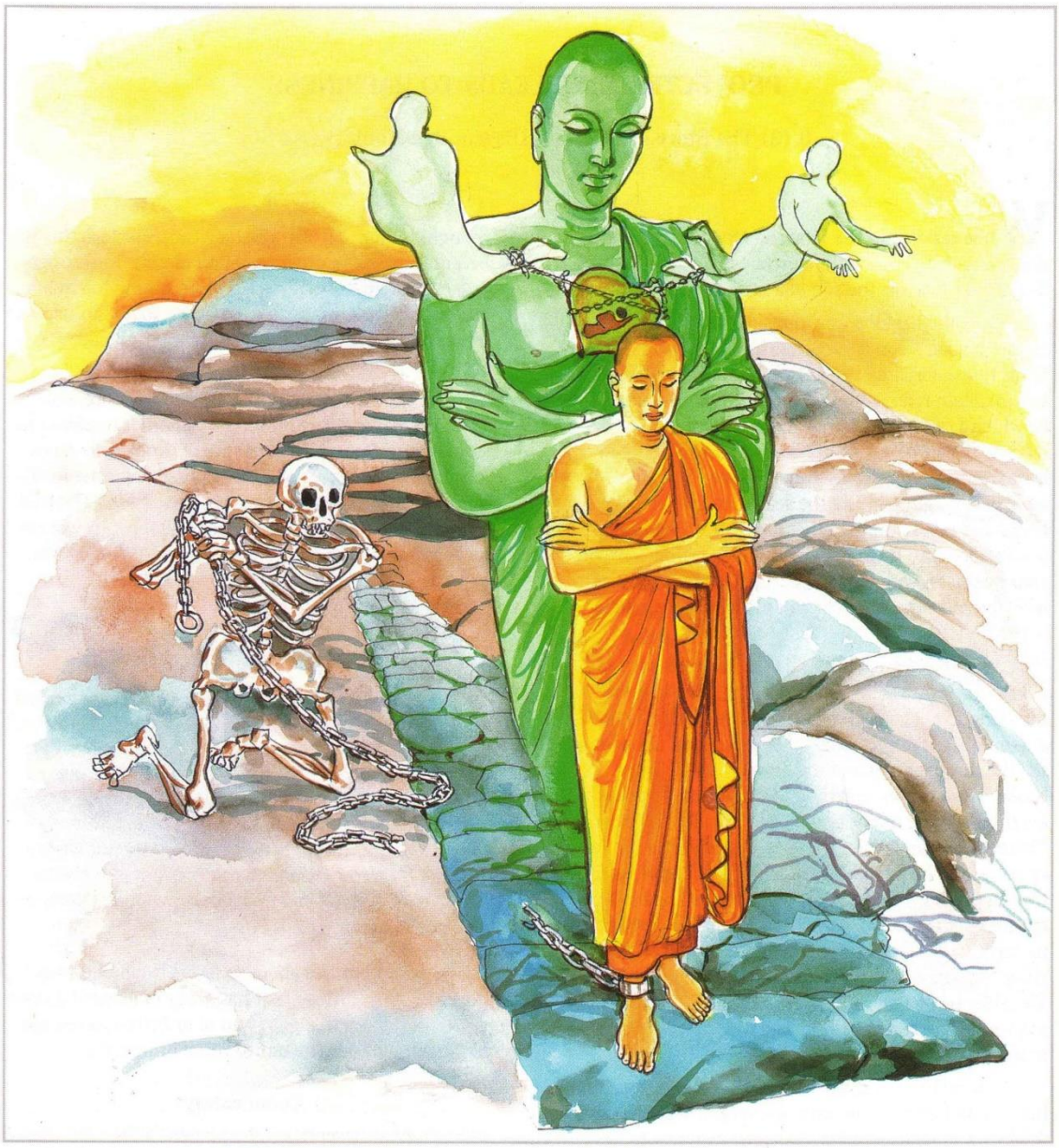

37. Restraining the wandering, bodiless, cave-dwelling mind, one is freed from death's shackle.

37. Khi điều phục được tâm vô hình, hay đi xa và ẩn kính này, con người thoát khỏi dây trói buộc của tử ma.

III.5- Tích ĐẠI ĐỨC PHỤC TÂM

(Cittahatthattheravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 38-39)

"Anavaṭṭhitacittassa,	***"Người chưa có định tâm,***
Saddhammaṃ avijānato;	***Hiểu chánh pháp sai lầm,***
Pariplavapasādassa,	***Tín đức chẳng kiên cố,***
Paññā na paripūrati".	***Chẳng đắc tuệ cao thâm".***
"Anavassutacittassa,	***"Người hết tâm tham ái,***
Ananvāhatacetaso;	***Không còn ý não hại,***
Puññapāpapahīnassa,	***Phước tội đều dứt trừ,***
Natthi jāgarato bhayaṃ".	***Giác tỉnh không sợ hãi".***

Hai bài kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết khi Ngài ngự an tại Jetavana (Kỳ Viên), đề cập đến Đại đức Cittahattha (Phục Tâm).

Tương truyền rằng: Thuở ấy có một vị công tử vào rừng để tìm một con bò đi lạc, theo dấu chân con bò đi mãi cho đến cuối giờ ngọ, công tử mới tìm gặp được nó. Đuổi cho nó nhập bầy xong, công tử cảm thấy mình vừa đói lại vừa khát. Nhìn thấy cổng Tịnh xá cậu nghĩ rằng: "Mình vào đây xin cơm nước, thế nào chư Tăng cũng cho". (Trong thời Đức Phật còn tại thế, có vô số thức ăn phụ và canh phát sanh đến chư Tăng luôn luôn).

Sau khi ăn cơm no, uống nước đã khát, rửa tay và súc miệng rồi, công tử đảnh lễ chư Tăng:

- Bạch Ngài! Hôm nay chắc là có thí chủ thỉnh các Ngài đến nhà thọ bát mang về.

- Không đâu, nầy ông thiện nam, chư Tăng đi khất thực hằng ngày luôn luôn đều được như thế nầy.

Công tử suy nghĩ: "Mình thức khuya dậy sớm, làm việc không hở tay, cũng chưa có được cơm ngon canh ngọt mà dùng, mình nghe chư Tăng nói ngày nào cũng độ như vầy thì thật là sướng quá. Mình nên đi tu chớ ở nhà làm gì cực khổ quá".

Thế rồi, công tử đến xin chư Tăng cho mình được xuất gia nhập đạo.

Khi ấy, chư Tăng đáp: "Lành thay! Ông thiện nam". Và cho công tử được xuất gia ngay.

Thọ Cụ túc giới rồi, tân Tỳ khưu cũng làm hết mọi phận sự lớn nhỏ của một vị Tỳ khưu. Nhờ được thọ hưởng đầy đủ lễ vật phát sanh lên đến chư Thánh Tăng, nên mấy ngày sau vị Sư mới nầy phát phì.

Khi ấy, vị nầy nghĩ rằng: "Thà làm người cư sĩ còn hơn là sống đi trì bình khất thực". Thế rồi, vị ấy lại hoàn tục trở về nhà. Ở nhà làm công việc được vài hôm thì sút

ốm trở lại, thấy vậy chàng nghĩ rằng: "Thà làm vị Sa môn còn hơn ở nhà chịu cực khổ như vậy".

Nghĩ rồi, công tử lại đến chùa xin xuất gia. Cách vài hôm sau, nhà Sư mới lại bất mãn, nên hoàn tục nữa. Nhưng trong lúc tại gia, công tử vẫn lui tới nơi chùa làm phụ các việc hộ Tăng. Mấy bữa sau, công tử lại bất mãn nghĩ thầm: "Ta nên xuất gia chớ ở nhà làm cái gì".

Thế là, công tử đến đảnh lễ chư Tỳ khưu và xin xuất gia lại. Khi ấy, chư Tăng nghĩ công người hộ độ nên cũng chiều lòng cho công tử xuất gia trở lại.

Công tử nầy đi xuất gia lại tất cả là sáu lần như vậy. Mỗi lần thấy công tử xuất gia thì vị nào cũng nói:

- Ông Sư nầy bây giờ khắc phục tâm được rồi mới xuất gia hành đạo đó.

Vì thế chư Tăng tặng cho vị nầy danh hiệu Cittahattha. Trong thời gian Đại đức Cittahattha hoàn tục rồi xuất gia trở lại nhiều lần như thế thì cô vợ có thai.

Đến kỳ muốn xuất gia lần thứ bảy, công tử từ rừng xách đồ phụ tùng mang về nhà, bỏ xuống và nói:

- Ta sẽ đắp y trở lại.

Rồi đi ngay vô buồng, nhằm lúc cô vợ chửa của công tử ngủ mê, cô ta để tuột y nội, thân thể lõa lồ mà không hay biết, mũi thì ngáy khò khò, miệng thì hả toang hoác, ngó y như thây ma chết sình. Công tử ghê tởm, tự nghĩ: "Đây là Vô thường, Khổ não. Mình đã mấy lần xuất gia lại hoàn tục, cũng tại cái nầy đây mà mình không tu làm Tỳ khưu lâu bền được".

Đoạn công tử lấy y buộc thắt ngang bụng rồi chạy ra khỏi nhà. Khi ấy, bà mẹ vợ đứng bên nhà kế cận, thấy công tử đi vào nhà rồi chạy trở ra, thì tự hỏi: "Thằng nầy từ rừng mới về nhà, bây giờ lại lấy y vàng buộc ngang lưng bụng chạy trở ra đi về phía chùa. Tại sao vậy cà?".

Bà nhạc vào nhà thấy đứa con gái của mình nằm hở hang như thế thì biết ngay là: "Thằng nầy nhìn thấy tướng con nầy nằm ngủ phát chán nên bỏ ra đi".

Bà đánh thức con gái: "Dậy đi! Kāḷakaṇṇi (Hắc Nhi), chồng mầy thấy tướng mầy nằm ngủ, nó chán bỏ đi luôn đó. Từ nay chắc nó không thuộc quyền sở hữu của mầy nữa đâu".

- Má à! Anh ấy đi rồi anh ấy về nhiều lượt rồi mà, vài bữa đây anh ấy lại trở về, chớ có đi luôn đâu mà sợ.

Công tử Cittahattha đi trên đường, chân đặt bước mà miệng cứ lẩm nhẩm thầm: "Vô thường, Khổ não", rồi chứng đạt quả Tu Đà Hườn trong lúc đang đi đường.

Đến đảnh lễ chư Tăng xin xuất gia, công tử bị từ chối:

- Chư Tăng không muốn cho ông xuất gia, ông đâu có đủ tư cách là vị Sa môn. Đầu ông cứng như đá mài dao.

- Bạch các Ngài, xin các Ngài hoan hỷ từ bi giúp con một lần nầy nữa mà thôi.

Chư Tăng lại chiều lòng, cho công tử xuất gia, mấy ngày sau Tỳ khưu Cittahattha chứng đắc A La Hán cùng với Tuệ phân tích, chư Tăng không biết việc nầy, hỏi vị Thánh Tăng mới:

- Nầy đạo hữu! Kỳ nầy sao lâu quá đạo hữu chưa trở về nhà.

- Bạch các Ngài! Hễ còn luyến ái trong tâm thì còn trở về nhà. Ai dứt được tâm luyến ái thì không còn muốn trở về nhà nữa chứ sao!

Chư Tăng kéo đến bạch cùng Đức Thế Tôn:

- Bạch Ngài! Tỳ khưu nầy đã dám nói với chư Tăng như thế. Ông nói như thế tức là ông tráo trở, giả dối phạm đại vọng ngữ.

Nhưng Đức Bổn Sư xác nhận: "Nầy các Tỳ khưu! Ông ấy nói đúng sự thật, con trai Ta trong lúc tâm còn bất định, không thông hiểu chánh pháp thì còn đi đi về về. Nhưng bây giờ thì dứt cả việc phước việc tội".

Nói rồi Đức Bổn Sư ngâm hai bài kệ như sau:

"Anavaṭṭhitacittassa,
Saddhammaṃ avijānato;
Pariplavapasādassa,
Paññā na paripūrati".

"Người tâm bất định xôn xao,
Không thông Chánh pháp tối cao lạ thường.
Đức tin chẳng được kiên cường,
Trì thí Bát nhã không phương viên thành".

"Anavassutacittassa,
Ananvāhatacetaso;
Puññapāpapahīnassa,
Natthi jāgarato bhayaṃ".

"Người mà tâm đã tịnh thanh,
Không còn tham ái, gian manh thù hằn.
Phước tội đều dứt tận căn,
Giác tỉnh chẳng sợ lẽ hằng tử sanh".

☸

CHÚ GIẢI:

Anavaṭṭhitacitassa *(Người tâm bất định):* Tâm phàm là không có chút gì chơn thường, hay là bất biến. Nó dao động luôn luôn không khi nào đứng yên, cũng như trái bí đặt trên lưng ngựa, như cây đòn xóc dựng trên đống trấu, cũng như bông Kadamba để trên đầu trọc vậy. Người nào lúc thì làm nô lệ, lúc thì làm tu sĩ ngoại đạo Ājīvaka, lúc thì tu theo Nigantha, lúc thì tu đạo sĩ, không nhất định theo mãi một con đường nào thì gọi là người tâm bất định.

Saddhammaṃ avijānato *(Người không thông Chánh pháp):* Người có tâm bất định thì không phân tích được ba mươi bảy pháp trợ Bồ đề (Sattatiṃsabodhipakkhiya).

Paññā na paripūrati *(Không đầy đủ trí tuệ):* Không có trí tuệ cao siêu để hiểu biết, phân tích được các pháp trong cõi Dục, cõi Sắc… Nội dung cõi Dục còn chưa biết cho đầy đủ, có đâu mà hiểu biết tới cõi Sắc, rồi từ cõi Sắc mà hiểu biết cho đầy đủ cõi Vô sắc và Siêu thế được.

Anavassutacittassa *(Người hết tâm tham ái):* Là người đã dứt trừ được tham ái.

Ananvāhatacetaso *(Không còn ý não hại):* Là không có tâm muốn dùng cây đánh đập, dầu đang tức giận, không có ý gì muốn đánh đập làm thiệt hại ai.

Puññapāpapahīnassa *(Phước tội đều dứt trừ):* Là dứt bỏ bốn đạo, gọi là dứt phước, và diệt tận phiền não gọi là dứt tội.

Natthi jāgarato bhayaṃ *(Giác tỉnh không sợ hãi):* Đây là nói trạng thái giác tỉnh, vô úy của bậc Lậu tận, bậc đã giác tỉnh, thấy được năm pháp giác tỉnh là: Tín, tấn, niệm, định và tuệ, cho nên dầu thức hay ngủ cũng không sợ phiền não là sự sợ hãi, những phiền não ngày đã đoạn trừ bằng bốn Thánh đạo, không còn theo đuổi người nữa, nghĩa là những phiền não người đã đoạn trừ bằng Tu Đà Hườn đạo là ba kiết sử thân kiến, hoài nghi và giới cấm thủ không còn trở lại theo người nữa, những phiền não nào người đã đoạn trừ bằng Tu Đà Hàm, A Na Hàm và A La Hán đạo, những phiền não ấy có bảy kiết sử, không còn trở lại đeo níu người ấy nữa.

☸

Nghe dứt hai bài kệ đại chúng đều hưởng được lợi ích và đắc Thánh quả.

Sau đó, có một hôm chư Tỳ khưu để khởi Pháp luận trong giảng pháp đường như vậy:

- Nầy chư huynh đệ, những phiền não nầy quả thật là đáng sợ, một vị công tử có đầy đủ căn lành để đắc A La Hán mà còn bị nó lung lạc, tu rồi hoàn tục đến bảy lần như thế.

Đức Bổn Sư nghe được Pháp thoại đề khởi giữa chư Tỳ khưu, bèn ngự hành vào giảng đường, ngự lên Phật tọa xong, Ngài phán hỏi:

- Nầy chư Tỳ khưu! Hôm nay các ông hội thảo chuyện chi thế?

- Bạch Ngài như vầy…

Nghe vậy, Đức Bổn Sư xác nhận: "Nầy các Tỳ khưu! Những phiền não đáng sợ là thế, nếu nó phát sanh lên rồi thì ai cũng bị nó chi phối tất cả. Khắp cõi Sa bà từ chư Thiên, Phạm Thiên đến những chúng sanh ti tiện, không một ai thoát khỏi quyền lực của nó. Cả những người đầy đủ trí tuệ như Ta thuở trước. Quả thật, Ta cũng đã từng vì nửa gáo hột giống và một cái cuốc mà đã hoàn tục, xuất gia cả bảy lần như thế".

- Bạch Ngài! Lúc nào vậy?

- Nầy các Tỳ khưu! Các ông có muốn nghe chăng?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Thế thì hãy lắng nghe đây.

Đức Bổn Sư thuật lại tiền tích rằng:

Trong thời quá khứ, khi vua Brahmadatta đóng đô tại thành Bārāṇasī, có một thanh niên tên là Kuddālapaṇḍita (Tráp hiền sĩ), xuất gia làm đạo sĩ. Ở tu tám tháng trong miền Tuyết Sơn, đến mùa mưa thấy đất ướt Kuddāla nghĩ rằng: "Ở nhà còn nửa gáo hột giống bí ngô, với cái cuốc cùn. Ta đừng để cho mất giống…".

Nghĩ rồi, chàng hoàn tục, trở về nhà lấy cuốc xới một thửa đất, xới dọn, đem hạt giống bí ngô đi gieo, cắm rào chung quanh để gìn giữ. Đến mùa bí già, hái ăn xong còn tiếc nuối để dành một gáo hột giống mới nữa.

Hết mùa mưa, Kuddāla hiền trí lại tự nghĩ: "Bây giờ ta ở nhà làm gì? Thôi ta hãy xuất gia tu tám tháng nữa đi".

Thế là hiền trí Kuddāla lìa nhà, vào tu ở trong miền Tuyết Sơn và đến mùa mưa năm sau lại về. Cứ như thế tất cả sáu lần và cũng về nhà sáu lần, cũng vì đạo sĩ tiếc nuối nửa gáo hột giống với cây cuốc cùn. Đến lần thứ bảy, vị hiền trí ấy nghĩ rằng: "Ta đã sáu lần hoàn tục, sáu lần xuất gia lại cũng tại cây cuốc cùn nầy. Cứ giữ nó hoài tu không được, ta hãy đem liệng bỏ nó đi cho rồi".

Xách cuốc tới bờ sông, hiền trí Kuddāla nghĩ rằng: "Nếu ta thấy biết chỗ nó rớt xuống thì sợ e mình còn lượm lấy lại được, chi bằng mình liệng đừng dòm thấy chỗ nó rơi xuống mới nên".

Nghĩ kỹ rồi, chàng lấy vải gói gáo hạt giống, đoạn cột gáo hột giống vào cây cuốc, cầm đầu cán cuốc đứng trên bờ sông, nhắm hai mắt lại, quay cái cuốc trên đầu ba vòng cho có trớn chàng ném mạnh nó ra giữa dòng sông. Khi quay đầu mở mắt ra không nhìn thấy dấu vết của cuốc rơi xuống chỗ nào. Hiền sĩ vui thích reo lên ba lần: "Ta đã thắng, ta đã thắng…".

Trong khi ấy, Quốc vương xứ Bārāṇasī ngự giá thân chinh để bình giặc loạn ở biên cương, ban sư khải hoàn vừa ngự đến bờ sông. Đức vua khoác lên long thể chiếc dục y quý giá, ngự xuống sông để tắm, thì nghe tiếng reo của Kuddāla.

(Các vị lãnh chúa thì không ưa thích tiếng reo: "Ta đã thắng..." như vậy).

Quốc vương đến gần bậc hiền trí và phán hỏi:

- Trẫm đi bình phiên dẹp loạn, đắc thắng khải hoàn về đến đây. Vừa nghe đạo nhân hô to ba lần: "Ta đã thắng" chẳng hay đạo nhân đã thắng là thắng cái chi?

- Tâu đại vương! Đại vương tuy chiến thắng kẻ tặc loạn bên ngoài, bây giờ tuy nó chịu thua, nhưng cũng có ngày nó dấy binh thắng ngược lại đại vương, còn tôi đã chiến thắng kẻ tặc loạn bên trong là tâm tham ái, không còn sợ bị nó thắng ngược lại. Sự toàn thắng vĩnh viễn như thế mới thật là vẻ vang.

Nói xong, đạo sĩ ngâm kệ ngôn rằng:

"Na taṃ jitaṃ sādhu jitaṃ,
Yaṃ jitaṃ avajīyati;

Taṃ kho jitaṃ sādhu jitaṃ,
Yaṃ jitaṃ nāvajīyati".

"Giao tranh trên bãi chiến trường,
Thắng rồi lại bại lẽ thường xưa nay.
Toàn thắng mới thật là hay,
Thắng không còn bại vì tay địch thù…".

Ngâm kệ rồi, đạo sĩ nhìn xuống dòng sông, lấy nước làm đề mục niệm, đắc Thần túc thông, bay lên ngồi kiết già giữa hư không.

Quốc vương được nghe Pháp của đại nhân thuyết rồi, liền phủ phục long thể xin Ngài nhận làm đệ tử. Đức vua xuất gia cùng với tướng sĩ tùng chinh, thành một đoàn đạo sĩ ở trong một đạo tràng rộng cả một do tuần.

Nghe tin Quốc vương Bārāṇasī đã xuất gia, Quốc vương nước láng giềng cử đại binh định sang đánh chiếm nước nầy. Nhưng khi tiến binh vào giữa thành đô nguy nga tráng lệ mà không hề có quân phòng thủ, Quốc vương xâm lăng nghĩ thầm: "Một kinh đô như vầy mà Quốc vương Bārāṇasī còn bỏ đi xuất gia, thì việc xuất gia nầy không phải là việc thấp hèn đâu. Vậy trẫm cũng nên xuất gia cho rồi".

Nghĩ vậy, Quốc vương bèn ngự giá thân hành đến tận đạo tràng, xin đại nhân cho mình được xuất gia và đã xuất gia với đoàn quân hộ giá. Lần lượt có tất cả bảy Quốc vương đều xuất gia như trên, thành ra đạo tràng chiếm trọn một vùng đất bảy do tuần. Bảy nhà vua đã phế thải cơ đồ, sự nghiệp, xuất gia chỉ đem theo những người tâm phúc của mình mà thôi.

Đại nhân Kuddāla sống đời phạm hạnh đến khi lâm chung sanh về cõi Phạm Thiên giới.

Thuật hết câu chuyện tiền thân, Đức Bổn Sư dẫn giải rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Ta là hiền trí Kuddāla thuở xưa và những phiền não quả thật là đáng sợ như thế đó.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Cuốc cùn, hột giống tiếc mà chi?
Tạo nghiệp dây dưa chẳng định kỳ?
Đất thịt sáu lần còn nghĩ đến,
Rừng thiêng bảy lượt mãi ra đi.
Tham sân tội lớn nên kinh cụ,
Tín, tấn căn sâu khá chủ trì.
Quyết thắng được mình là đại thắng,
Phục tâm hiền sĩ cũng tướng y.

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC CITTAHATTHA

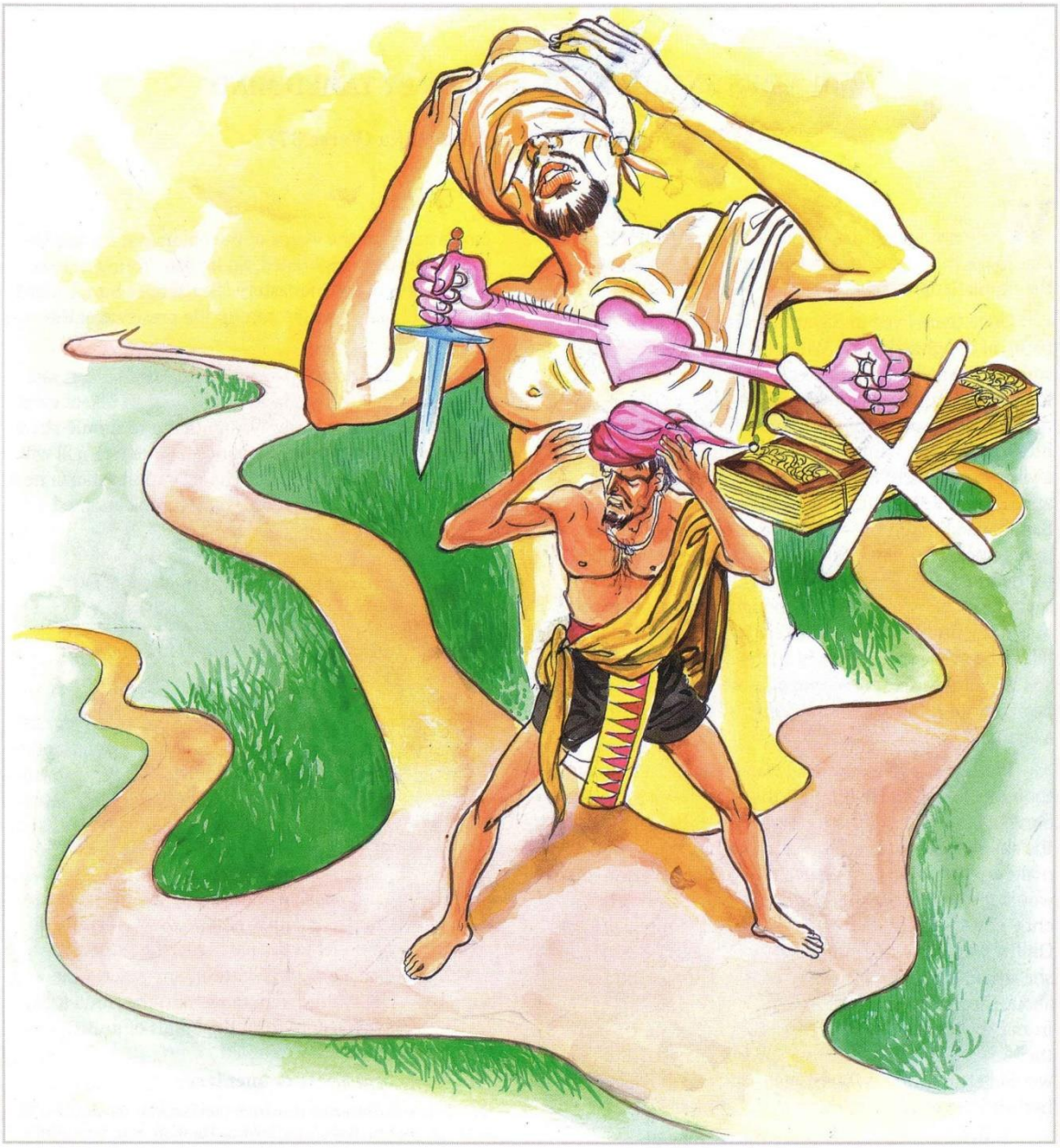

38. A fickle mind, a shallow faith and ignorance of Dhamma lead not one to total wisdom.

38. Tâm dao động, thiếu tín thành và không hiểu chánh Pháp tất nhiên không đưa đến trí tuệ viên mãn.

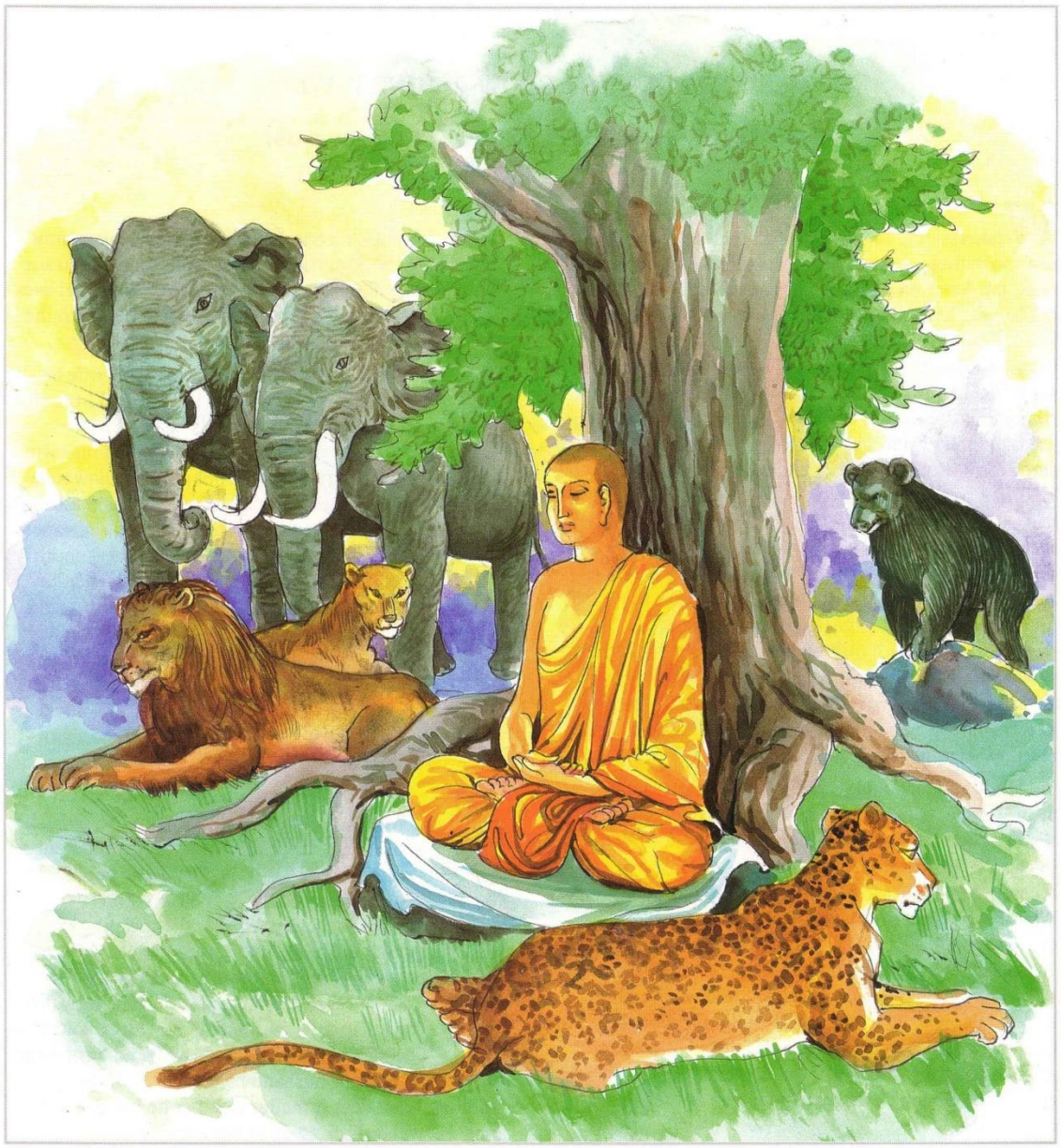

39. A vigilant, lustless, hateless mind which transcends good and evil, knows no fear.

39. Tâm vô sân, trí tuệ, tỉnh giác vượt lên mọi thiện ác không còn biết sợ hãi.

III.6- Tích CÁC TỲ KHƯU QUÁN TỰ NGÃ

(Āraddhavipassakabhikkhuvatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 40)

"Kumbhūpamaṃ kāyamimaṃ viditvā,	***"Biết thân như ngói gạch,***
Nagarūpamaṃ cittamidaṃ ṭhapetvā;	***Giữ tâm như thành quách.***
Yodhetha māraṃ paññāyudhena,	***Dùng gươm trí đánh ma,***
Jitañca rakkhe anivesano siyā".	***Thủ thắng mãi vô địch,***
	Mọi ô nhiễm đều xa".

Kệ Pháp Cú nầy Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự tại gần thành Sāvatthī (Xá Vệ), có năm trăm Tỳ khưu đến xin thọ giáo đề mục Minh sát với Ngài rồi cùng nhau đi kiếm chỗ hành Sa môn pháp.

Sau khi trải qua lộ trình hằng trăm do tuần, chư Tỳ khưu đến một thị trấn dân cư trù mật. Khi ấy nhiều người trông thấy chư Tăng, bèn ra rước thỉnh các Ngài vào nhà an tọa trên những chỗ ngồi đã được soạn sẵn, dâng cúng vật thực ngon lành xong rồi hỏi rằng:

- Bạch chư Đại đức chẳng hay các Ngài đi đâu vậy?

- Chúng tôi đi tìm nơi cảnh tiện nghi.

Nghe đáp như thế, họ liền yêu cầu rằng:

- Bạch chư Đại đức, nếu có thể xin thỉnh quý Ngài lưu lại nơi đây, trong ba tháng an cư nầy, chúng tôi sẽ nhờ quý Ngài giáo truyền Quy giới để vâng giữ hành theo.

Khi được biết chư Tăng đã nhận lời, họ đưa chư Tăng đến một khu rừng lớn gần đó:

- Xin thỉnh các Ngài hãy trú ngụ lại nơi nầy.

Nói rồi họ cáo từ trở lại làng, để chư Tăng đi vào khu rừng ấy, chư thiên ngụ trong rừng nghĩ thầm: "Chư Tăng nầy là những bậc có Giới đức, nay lại có dịp quang lâm đến khu rừng nầy, trog lúc quý Ngài cư ngụ nơi đây, mà chúng ta đưa con cháu, em út trèo lên ở trên cây thì coi không được". Vì thế chư thiên đều tuột ngồi xuống đất hết, tính thầm rằng: "Chắc quý Ngài chỉ ngụ đỡ một đêm nầy thôi, rồi sáng mai sẽ đi nơi khác".

Hôm sau, chư Tỳ khưu vào làng khất thực xong, lại trở về khu rừng ấy. Chư thiên cho rằng: "Chắc hôm nay có ai thỉnh các Ngài, nên các Ngài còn ráng ở lại. Hôm nay chưa đi thì mai các Ngài sẽ đi vậy".

Chư thiên cứ ở dưới đất với sự hi vọng từng ngày như vậy cho đến nửa tháng, khi đó chư thiên nghĩ thầm rằng: "Chắc chắn quý vị Đại đức nầy trú ngụ tại đây cả ba tháng rồi, suốt thời gian quý Ngài cư ngụ tại đây như thế nếu chúng ta ngự trên cây thì không phải cách, còn nếu chúng ta đem con cái em út nằm ngồi dưới mặt đất cả ba

tháng trường thì cũng khó nhọc cho chúng ta. Ta phải làm sao cho chư Tỳ khưu nầy bỏ chạy mới được".

Thế rồi, chư thiên hiện ra làm ma nhát chư Tăng, khi thì cho thấy đầu lâu, khi thì cho thấy thân mình mất đầu, khi thì cho nghe tiếng rú kinh dị của phi nhơn, phi nhơn phá phách khắp nơi ngụ của các Ngài, hoặc nơi hành đạo, trên đường đi kinh hành chẳng hạn.

Chư Tỳ khưu mất ăn mất ngủ, sa sút hao mòn lần lần nhuốm bịnh, quý Ngài hỏi lẫn nhau: "Đạo hữu bịnh gì?".

Vị thì nói tôi đau thần kinh, vị thì nói tôi đau phổi... truy ra nguyên nhân của bịnh thì mới biết là bị ma nhát.

- Nầy đạo hữu, hôm nay tôi thấy một cái đầu lâu ở cuối con đường kinh thành.

- Tôi thì thấy một thân hình không đầu ở trong chỗ ngủ.

- Tôi lại nghe tiếng rú kinh dị ở chỗ ngồi thiền.

- Chúng ta nên bỏ chỗ nầy, kiếm chỗ khác thích nghi hơn, chớ ở đây thấy bất tiện quá.

- Chúng ta hãy về yết kiến Bậc Đạo Sư.

Chư Tăng đồng ý lìa bỏ khu rừng, đi bộ lần hồi về đến chỗ ngự của Đức Bổn Sư, đảnh lễ Ngài xong rồi ngồi qua một bên. Khi ấy, Đức Bổn Sư phán hỏi chư Tăng:

- Nầy chư Tỳ khưu, chắc chắn nơi ấy các ông không được an vui phải chăng?

- Vâng bạch Ngài! Trong lúc chúng con ở đó có nhiều hiện tượng phát sanh rất đáng sợ, khiến cho chúng con mất sự an vui, chúng con đồng ý cho rằng: "Nơi nầy không tốt, cần phải xa lánh", nên chúng con rời bỏ nơi ấy mà về đây với Ngài.

- Nầy các Tỳ khưu, các ông nên đến chỗ ở như vậy.

- Bạch Ngài! Không thể được.

- Nầy các Tỳ khưu! Lần trước các ông ra đi không mang theo khí giới. Lần nầy nên lấy khí giới đem theo rồi hãy lên đường.

- Bạch Ngài! Thứ khí giới nào vậy?

Đức Bổn Sư đáp: "Để Ta ban cho rồi hãy đi".

Nói rồi, Đức Bổn Sư khẩu truyền dạy hết bài Kinh Từ Bi:

"Karaṇīyamatthakusalena
Yantaṃ santaṃ padaṃ abhisamecca
Sakko ujū ca suhujū ca
Suvaco cassa mudu anatimānīti...".

"Pháp hữu ích nên hành cần biết,
Đường Niết Bàn nếu quyết ruổi giong.
Trí năng, chơn chánh, phục tòng,
Thẳng ngay, mềm mỏng, không lòng cống cao...".

Tiếp theo bài kinh, Đức Bổn Sư dạy rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Bài kinh nầy các ông hãy tụng niệm cho thường, từ lúc đặt chân vào khu rừng cho đến lúc đến vòng ngoài Tịnh xá, rồi sẽ vào trong... Thôi các ông cứ yên trí lên đường.

Chư Tỳ khưu đảnh lễ từ biệt Đức Bổn Sư, ra đi lần hồi đến bìa rừng ấy, đồng thanh vừa niệm Kinh Từ Bi vừa đi vào trong rừng. Toàn thể chư thiên ngụ trong rừng đều phát tâm Từ bi, ra nghinh tiếp chư Tăng, xin rước y bát, hoặc xin đấm lưng, hoặc xin bóp tay chân cho các Ngài. Những nơi ăn, chốn ngủ hoặc chỗ hành thiền. Và xúm nhau gìn giữ luân phiên, sắp đặt trang hoàng, không còn có tiếng kêu rú phi nhơn.

Nhờ thuận cảnh, chư Tăng hành đắc định tâm (Ekaggata citta). Nơi chỗ hành thiền ban đêm và ban ngày các Ngài dùng tâm Minh sát quán sự sanh diệt của tự ngã, tiến hành pháp Quán, các Ngài thấy rõ ràng: "Cái bản ngã nầy nó giòn yếu, dễ tan vỡ, cùng như một món đồ gốm vậy thôi".

Đức Chánh Biến Tri ngự tọa trong hương thất, hiểu biết chư Tỳ khưu ở trong rừng đang trong trạng thái tiến hành Tuệ Minh sát, bèn gọi các vị ấy và dạy rằng:

- Nầy các Tỳ khưu, cái bản ngã nầy có tính dễ tan vỡ, chẳng vững bền như thế.

Nói rồi Đức Bổn Sư phóng hào quang sáu màu rực rỡ, hiện kim thân cho chư Tăng ngó thấy như Ngài đang ngồi đối diện, mặc dù lúc ấy Ngài đứng cách xa chư Tăng hàng trăm do tuần, và đọc kệ rằng:

"Kumbhūpamaṃ kāyamimaṃ viditvā,
Nagarūpamaṃ cittamidaṃ ṭhapetvā;
Yodhetha māraṃ paññāyudhena,
Jitañca rakkhe anivesano siyā".

"Thân nầy đã biết mỏng manh,
Như đồ gốm hay bể, thành giữ tâm.
Sẵn gươm trí tuệ đang cầm,
Khá mau đánh dẹp Ma quân vây thành.
Giữ phần thắng lợi về mình,
Chớ đừng đắm trước, mê tình không nên".

CHÚ GIẢI:

Tiếng ***Kumbhūpamaṃ*** trên đây, nghĩa là sánh như đồ gốm, là do tính giòn yếu, dễ tan vỡ, không bền bỉ lâu dài. Cái khối tập hợp bởi ba mươi hai thể trược, gọi là xác thân nầy đây, ta phải biết nó không bền bỉ gì hơn một món đồ gốm, như chậu đất, như bình sành hay là ngói gạch.

Nagarūpamaṃ cittamidaṃ ṭhapetvā *(giữ tâm như thành quách):* Thành trì thì mặt ngoài kiên cố, chung quanh phải có hào sâu, lũy cao phải có cửa cho chắc. Bên trong phải có ngăn nắp thứ tự, đường xe rộng rãi, phải có ngã tư, như thế bọn cường khấu bên ngoài muốn vào cướp phá bên trong không thể được, đành phải bỏ đi chẳng khác nào chúng chạm phải núi đá vậy.

Con nhà gia giáo và bậc thiền minh cũng thế, sau khi điêu luyện tâm Minh sát cho kiên cố như thành trì, vị nầy bế cửa thành tâm, đứng vững trong thành.

Yodhetha māraṃ paññāyudhena *(Dùng gươm trí đánh Ma):* Bọn cướp cầm đủ thứ khí giới, đồng côn, xông đến hãm thành trì, ví như những ma phiền não cần phải diệt tận hay khử trừ với khí giới làm bằng Minh sát tuệ, Thánh đạo tuệ và Bát nhã tuệ.

Jitañca rakkhe *(thù thắng):* Là giữ phần thắng là tuệ Minh sát vừa mới phát sanh, đừng cho suy giảm, chọn chỗ ở thích hợp, thời tiết thích hợp, thính pháp thích hợp... mà nương theo để hành cho đắc các bậc thiền rồi xuất thiền, dùng tâm thanh tịnh phán xét, thấu rõ các pháp hữu vi, gọi là đem phần thắng lợi về mình.

Anivesano siyā *(Mọi ô nhiễm đều xa):* Là hãy dứt lìa sự luyến ái, trở thành bậc vô nhiễm.

Cũng như một chiến tướng ở tiền tuyến, sau khi xây đắc thành trì kiên cố rồi mới giao tranh với địch quân đến lúc đói khát có thể cầm theo hoặc buông bỏ vũ khí, tùy thích trở vào thành bế cửa nghỉ ngơi, ăn uống xong rồi lại nai nịch mang theo vũ khí trở ra chiến đấu nữa. Tướng ấy tuy tạm thủ quyền thắng lợi, nhưng cũng còn lo giữ sự thắng, bằng sự phòng vệ, cho đến lúc đánh tan quân địch. Quả thật, nếu lúc chiến tướng đang nghỉ ngơi vui chơi trong thành như vậy, mà địch quân chiếm phá được thành thì cả quốc vương phải lọt về tay kẻ khác vậy.

Cũng như thế ấy, Tỳ khưu mới đắc tuệ Minh sát, nhập thiền nhiều lượt rồi mới xuất thiền thì có thể dùng tâm thanh tịnh gìn giữ sự giác ngộ của các pháp hữu vi, thắng được phiền não Ma vương, nhờ đắc đạo cao thượng. Nếu như vị nầy vui thích Thiền định, không xuất thiền dùng tâm thanh tịnh mà quán đi quán lại cho thấu triệt các pháp hữu vi thì không thể thấu triệt đạo quả. Vì vậy, chỉ nên gìn giữ pháp nào tâm cần gìn giữ, không nên đắm trước mê say theo nó như sau khi định tâm trong đề mục thiền rồi, không nên lưu luyến giữ mãi tâm nơi đó. Các ông hãy hành như vậy.

☸

Đức Bổn Sư đã thuyết pháp dạy các Tỳ khưu như thế. Khi thời pháp chấm dứt, cả năm trăm vị Tỳ khưu chứng đắc A La Hán quả với Tuệ phân tích ngay tại chỗ ngồi bèn tán thán ca tụng kim thân đấng Như Lai, đảnh lễ Ngài rồi lui gót.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Nhờ kinh Bác ái của chư Thiên,
Ngũ bá Tỳ khưu ở mới yên,
Hết bị tà ma gây bịnh sợ,
Còn nhờ giả quỷ hộ rừng thiền.
Đem tâm Minh sát xây thành trí,
Lấy kiến siêu nhân dẹp giặc phiền.
Bản ngã quán rời như ngói bở,
Thoát trần nhẹ bước gót thiên nhiên.

DỨT TÍCH CÁC TỲ KHƯU QUÁN TỰ NGÃ

☸

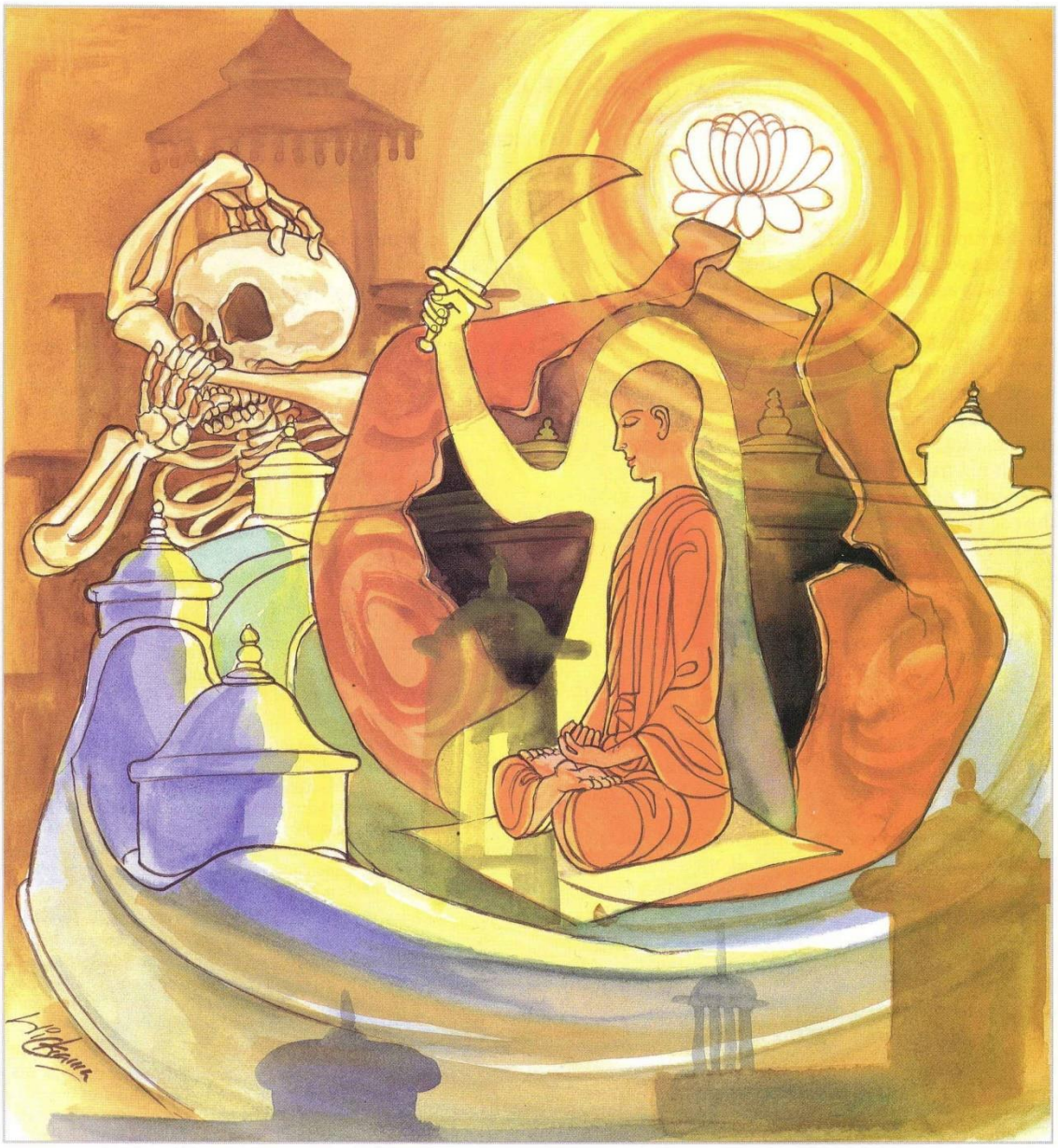

40. Win over the forces of evil with wisdom, fortifying your mind as a guarded city.

40. Hãy dùng trí tuệ chiến thắng các thế lực của Ác ma và hộ phòng tâm như một thành trì.

III.7- Tích ĐẠI ĐỨC TISSA THÚI THÂY

(Pūtigattatissatheravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 41)

"Aciraṃ vatayaṃ kāyo,	***"Không lâu đâu xác nầy,***
Paṭhaviṃ adhisessati;	***Trên đất sẽ nằm ngay,***
Chuddho apetaviññāṇo,	***Với thức bị vứt bỏ,***
Niratthaṃ'va kaliṅgaranti".	***Như gỗ mục hết xài".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự tại Jetavana (Kỳ Viên), đề cập đến Đại đức Tissa thúi thây.

Tương truyền rằng: Thuở ấy có một công tử ở thành Sāvatthī (Xá Vệ), sau khi nghe thời pháp của Đức Bổn Sư, bèn ly tục, xuất gia nhập đạo, tu lên Tỳ khưu với pháp danh là Đại đức Tissa.

Trong thời gian đi hành đạo, rày đây mai đó, Đại đức bị nổi đinh sang đầy mình, ban đầu các mụt ngứa chỉ như hột cải, nhưng càng ngày càng lớn thêm ra to bằng hột đậu xanh, hột đậu đen, bằng trái táo lớn, rồi bằng trái a ma lặc (Āmalaka), bằng trái Beluva.

Khắp châu thân Đại đức đầy những ghẻ, lở loét, hôi hám, do đó Đại đức mới có biệt hiệu là Tissa thúi thây.

Về sau, xương cũng mục gãy, Đại đức không còn đi đứng tự mình được nữa, các y nội ngoại của Đại đức dính đầy máu mủ, có đóm giống như ổ tàng ong. Các Tỳ khưu, Sa di đệ tử không thể chịu đựng được mùi hôi thúi, nên không đến gần săn sóc Đại đức, bỏ Đại đức nằm chèo queo một mình.

Chư Phật thì không bao giờ bỏ qua thông lệ quan sát thế gian, mỗi ngày hai lần: Buổi sáng tinh sương, các Ngài bủa lưới trí quán sát từ ngoài thế giới Ta bà vào tới hương thất và buổi chiều chạng vạng tối, các Ngài quan sát từ hương thất trở ra đến ngoại biên.

Trong khi ấy, hình ảnh của Đại đức Tissa thúi thây lọt trong giác võng của Đức Như Lai. Đức Bổn Sư nhìn thấy căn lành của Đại đức Tissa nầy, đắc được quả A La Hán. Ngài nói thầm: "Tỳ khưu nầy bị các bạn đồng tu và các đệ tử bỏ rơi, ngoài Ta ra thì ông không còn ai là nơi nương tựa khác".

Đức Bổn Sư ngự ra ngoài hương thất, du hành vòng quanh Tịnh xá như kinh hành, rồi ngự đến phòng nấu nước (Aggisāla), lấy bình rửa sạch, châm đầy nước, bắt lên lò lửa, rồi đứng chờ cho nước nóng. Khi biết nước đã nóng, Ngài đến nắm đầu giường chỗ Tỳ khưu Tissa đang nằm.

Chư Tăng thấy vậy, liền tranh nhau: "Bạch Thế Tôn! Xin dang ra, để chúng con khiêng cho".

Rồi chư Tăng xúm nhau nhấc luôn chiếc giường cùng người, đem vào phòng nấu nước.

Đức Bổn Sư khiến chư Tăng lấy chậu chế nước nóng, cởi y vai trái (uttarasaṅga) của Đại đức, vò sạch sẽ rồi đem phơi nắng.

Kế đó, Ngài đến gần Đại đức, bảo Tăng chúng lấy nước nóng thấm ướt mình Đại đức, rồi tắm rửa, kỳ cọ cho sạch sẽ. Khi đại đức tắm xong thì y được phơi cũng vừa khô. Đức Bổn Sư dạy chư Tăng lấy y nầy vận đỡ cho Đại đức, cởi y nội ra đem đi giặt sạch sẽ rồi phơi ngoài nắng.

Khi y nội của Đại đức khô thì mình của Đại đức cũng vừa ráo nước. Được vận một lá y bên dưới, một lá y bên trên xong. Đại đức cảm thấy thân thể nhẹ nhàng, nằm định tâm trên giường.

Đức Bổn Sư đứng trên đầu nằm của Đại đức phán rằng:

- Nầy Tỳ khưu! Thân của ông đây, một khi tâm thức lìa bỏ nó rồi, thì nó không còn có chỗ sở cậy, nó sẽ nằm ngay trên mặt đất như khúc gỗ mục mà thôi.

Nói rồi Đức Bổn Sư thuyết lên kệ ngôn:

"Aciraṃ vatayaṃ kāyo,
Paṭhaviṃ adhisessati;
Chuddho apetaviññāṇo,
Niratthaṃ'va kaliṅgaranti".

"Thân nầy hẳn thật không bền,
Rồi đây nó sẽ nằm trên đất mồ.
Không hồn như gỗ mục khô,
Bị đem vứt bỏ vì vô dụng mà".

☸

<u>CHÚ GIẢI:</u>

Paṭhaviṃ adhisessati: Trong lúc bình sanh, thân nầy chỉ nằm trên giường, nhưng rồi đây nó sẽ nằm trên đất trong bãi tha ma.

Chuddho: Bị vứt bỏ, ném quăng đi.

Apetaviññāṇo: Khi tâm thức xuất đi rồi thì cái thân trống rỗng, không có hồn nằm trơ như khúc gỗ.

Niratthaṃ'va kaliṅgaranti: *"Như khúc gỗ mục, vô dụng hết xài"*. Thật thế, những người thợ giàn trò, đi vào rừng, nếu cần cây ngay thì đốn cây ngay, cần cây cong thì đốn cây cong, xong rồi róc sạch vỏ, chỉ lấy gỗ tốt còn gỗ xấu, mục, lùng lỗ, bị bọng, không có lõi thì vứt bỏ lại.

Những thợ giàn trò khác, vào thấy những khúc gỗ vứt bỏ nầy, không ai thèm lấy dùng xài. Tuy nhiên, nếu muốn thì họ cũng lấy làm thanh giường, gỗ chùi chân hoặc băng ngồi ngoài vườn chẳng hạn. Chớ ba mươi hai thể trược trong thân nầy không thể dùng làm được chân giường hay làm được vật chi khác được. Khi tâm thức mất rồi, thân xác nầy trở nên hoàn toàn vô dụng, y như cây mục nát, chỉ chờ ngày bị dẹp bỏ nằm trong bãi tha ma.

☸

Khi bài pháp vừa dứt, Đại đức Tissa thúi thân đắc A La Hán quả với Tuệ phân tích. Trong số đó các Tỳ khưu khác cũng có nhiều vị đắc Thánh quả, nhất là quả Dự lưu.

Đại đức Tissa đắc quả A La Hán rồi thì nhập Vô Dư Níp Bàn. Đức Bổn Sư dạy các Tỳ khưu hỏa táng Đại đức, lấy xá lợi để vào Bảo tháp mà thờ.

Chư Tăng bạch hỏi Đức Bổn Sư:

- Bạch Ngài! Đại đức Tissa thúi thây sanh về cõi nào?

- Nầy các Tỳ khưu! Tissa đã nhập Vô Dư Níp Bàn.

- Bạch Ngài! Một vị có đầy đủ duyên lành đắc A La Hán quả như thế, tại sao mà thân xác lại lở lói thúi hôi? Tại lý do nào mà bị gãy xương? Nhờ đâu mà đắc A La Hán quả?

- Nầy các Tỳ khưu! Tất cả những sự kiện nầy đều do tiền nghiệp của ông ta.

- Bạch Ngài! Ông ấy đã tạo những nghiệp gì?

- Nầy các Tỳ khưu! Nếu muốn biết thì các ông hãy lắng nghe.

Đức Bổn Sư dẫn tích rằng:

"Trong thời kỳ của Đức Chánh Biến Tri Kassapa, Tỳ khưu nầy là một người săn chim, sau khi bắt được chim, y đem dâng cho các vị lãnh chúa, còn dư ra thì đem bán. Khi bán không hết, y sợ làm thịt để dành thì thịt chim không còn tươi, nên bẻ lọi giò, lọi cánh chim để chim còn sống mà không thể thoát được, y để chim nằm chung một đống.

Qua ngày sau, y lại đem đống chim ấy ra bán, khi nào săn được nhiều chim thì y cho người nấu nướng chim ấy, tự mình dùng lấy. Một hôm khi phần cơm ngon của y vừa chín thì có vị Đại đức Lậu Tận đang trì bình, đến đứng trước cửa nhà y, thấy Đại đức, y phát tâm tịnh tín nghĩ rằng: "Mình sát hại chúng sanh, ăn thịt cũng nhiều quá rồi. Hôm nay có Đại đức đến đứng ngay trước cửa nhà mình, vậy ta lấy thức ăn ngon lành để dâng cúng Ngài".

Sau khi thỉnh bát không của Đại đức, y đơm đầy bát ngon với thức ăn thượng vị, đem dâng Đại đức và gieo năm vóc xuống đảnh lễ: "Bạch Ngài! Xin cho con được chứng ngộ quả tối cao của Ngài".

Đại đức phúc chúc: "Xin cho người được như ý".

Nầy các Tỳ khưu! Do tiền nghiệp ấy mà ngày nay Tissa trả quả. Mình mẩy thúi lở, xương gẫy, cũng vì xưa kia đã sát hại và bẻ gẫy chân, cánh chim. Còn quả A La Hán là nhờ để bát cúng dường cơm ngon đến vị Lậu Tận.

Dịch Giả Cẩn Đề

Nghiệp ác ngày xưa đã tạo gây,
Báo Ngài Đề Xá khổ thân nầy.
Săn chim bẻ lọi chân cùng cánh,
Gãi ghẻ càu banh mủ lộn mày.
Thịt thúi xương giòn nằm bại liệt,
Trò xa bạn lánh sợ truyền lây.
Định tâm thính pháp rồi viên tịch,
Sớt bát tròn nhân quả cũng đầy.

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC TISSA THÚI THÂY

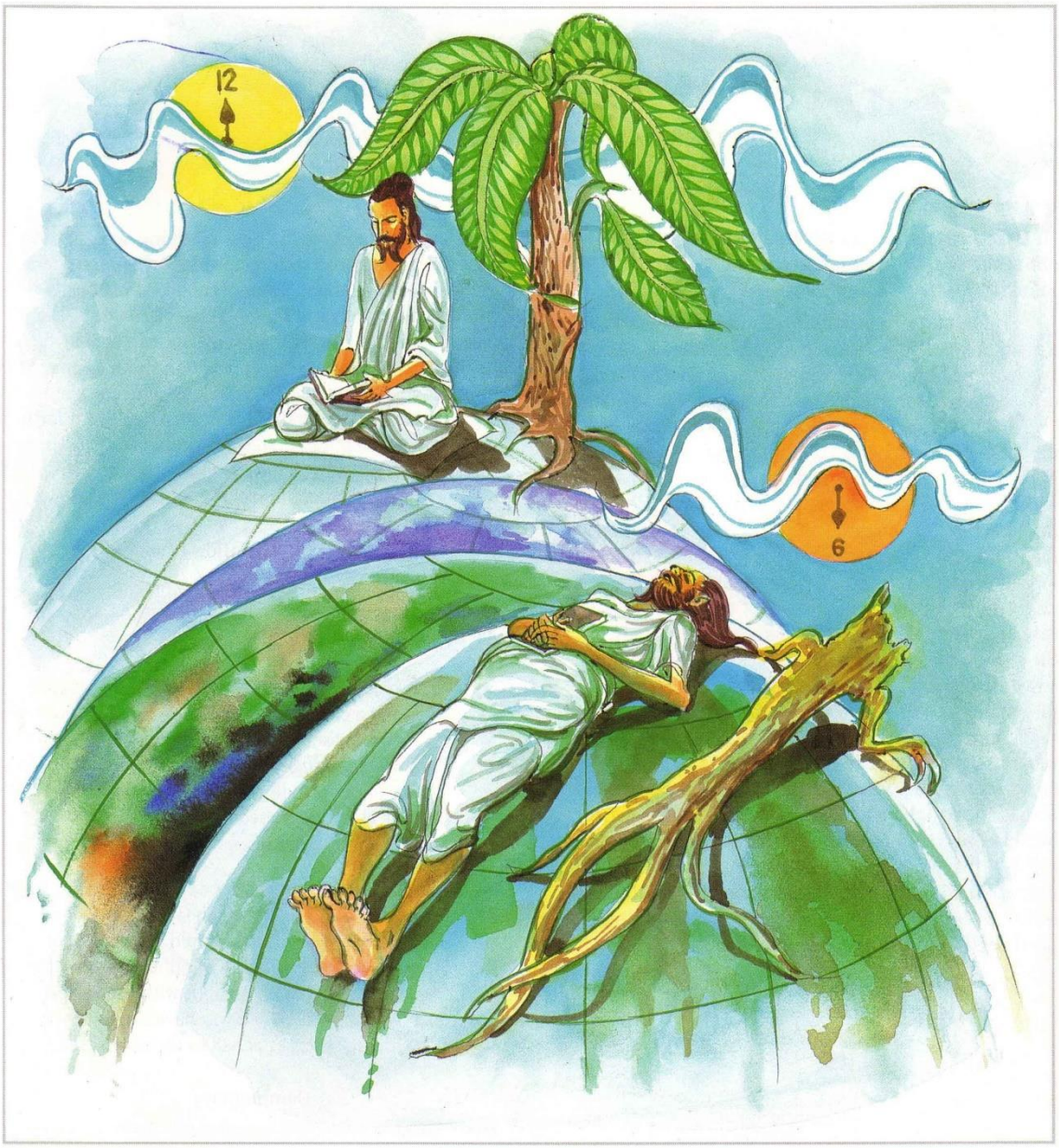

41. Soon this body will lie lifeless, bereft of consciousness, like a worthless log of burnt wood.

41. Chẳng bao lâu thân này sẽ nằm bất động, vô thức, giống như khúc gỗ đã cháy hết, trở nên vô dụng.

III.8- Tích NAN ĐÀ CHỦ TRẠI BÒ

(Nandagopālakavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 42)

"Diso disaṃ yaṃ taṃ kayirā,	***"Cừu địch hại cừu địch,***
Verī vā pana verinaṃ;	***Oan gia báo oan gia;***
Micchāpaṇihitaṃ cittaṃ,	***Không bằng tâm thiên lệch,***
Pāpiyo naṃ tato kare'ti".	***Khiến kẻ ấy đọa sa".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự tại Kosala (Kiều Tát La), đề cập đến ông Nanda (Nan Đà) chủ trại bò.

Tương truyền rằng: Ở thành Sāvatthī (Xá Vệ) có một gia chủ là thuộc hạ của ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc), tên là Nanda là một chủ trại bò, rất giàu có, gia tài đồ sộ, sự sản kinh dinh. Người ta bảo nhau rằng: "Cũng như đạo sĩ tóc bính (Jaṭilo) tên Keṇiyo làm người xuất gia, ông Nanda làm nghề nuôi bò, như thế là để gìn giữ tài sản của mình khỏi sự áp chế của đức vua".

Ông Nanda thỉnh thoảng đem năm ngón ngưu vị (gorasa) đến biếu ông Anāthapiṇḍika, rồi đến yết kiến Đức Thế Tôn nghe pháp. Sau đó, ông thỉnh Đức Bổn Sư đến nhà ông.

Một hôm đang ngự hành cùng với đại chúng Tỳ khưu trên đường cái. Đức Bổn Sư xét biết rõ căn lành của ông Nanda đã chín muồi rồi, Ngài bèn tách qua con đường nhỏ, ngự đến một gốc cây ngồi gần nhà ông ta.

Ông Nanda đến đảnh lễ Đức Bổn Sư chào hỏi thân thiện rồi ngỏ lời thỉnh Đức Bổn Sư ngự đến nhà ông và ông làm phước cúng dường thực phẩm hương điền có đủ năm thứ ngưu vị đến Tỳ khưu Tăng có Đức Phật làm chủ tọa trong bảy ngày liền.

Đến ngày thứ bảy, Đức Bổn Sư đọc kệ hoan hỷ chúc phúc cho thí chủ xong, thuyết luôn tuần tự pháp, giảng giải từ pháp Bố thí cho đến phước báu của sự Xuất gia.

Khi Ngài chấm dứt pháp thoại, ông chủ trại bò Nanda chứng đắc quả Dự Lưu. Ông ôm bát của Đức Thầy đi theo một quãng đường xa. Khi nghe lịnh dạy: "Ông thiện nam hãy dừng bước". Ông Nanda bèn đảnh lễ cáo từ Đức Bổn Sư, rồi quay trở lại nhà. Trong lúc ấy, một người thợ săn bắn trúng ông Nanda, khiến ông ta chết ngay lập tức.

Những Tỳ khưu đi sau, thấy vậy đến than phiền với Đức Bổn Sư:

- Bạch Ngài! Ông Nanda chủ trại bò, vì có Ngài đến đây mới làm đại lễ Trai Tăng và đi tiễn chân Ngài nên khi trở về mới bị giết chết, nếu như Ngài không đến đây thì ông ta chưa chết đâu.

Đức Bổn Sư đáp:

- Nầy các Tỳ khưu! Dầu Ta có đến đây hay không đến đây cũng vậy. Trong bốn phương tám hướng, cho dầu ông ta có đi hướng nào cũng không thoát khỏi tử thần. Quả thật vậy, tội khổ nào mà cả bọn cướp và kẻ thù đều không thể gây tai hại cho nhau thì chính cái tâm lệch lạc tà vạy thúc đẩy những chúng sanh nầy phải rơi vào tội khổ ấy.

Nói rồi Đức Bổn Sư đọc kệ rằng:

"Diso disaṃ yaṃ taṃ kayirā,
Verī vā pana verinaṃ;
Micchāpaṇihitaṃ cittaṃ,
Pāpiyo naṃ tato kare'ti".

"Kẻ thù hoặc kẻ oan gia,
Hại nhau, hại ấy vẫn là kém xa.
Cái hại của tâm niệm tà,
Khiến cho kẻ ấy đọa sa một mình".

CHÚ GIẢI:

Hai tiếng *Diso disaṃ* trên đây, có nghĩa là kẻ cướp gặp kẻ cướp. Vì nói tắt nên ngắt bớt chữ gặp (disvā).

Yaṃ taṃ kayirā: Nếu làm điều nào để hủy diệt đối thủ thì làm ngay điều đó.

Verī vā pana verinaṃ: Câu nầy nghĩa là mường tượng như như câu đầu. Ví như một kẻ cướp phản bội một kẻ cướp, làm thiệt hại đến vợ, đồng ruộng, gia sản… của đồng bọn. Trong lúc đang gây hại thù thì đồng bọn bắt gặp quả tang, hoặc là gây thù oán vì một một lí do nào đó, buộc oan trái với một kẻ khác, khi gặp mặt kẻ ấy thì dùng những thủ đoạn độc ác thô bạo để tàn hại y hoặc là cưỡng bức vợ con của y, hoặc là phá hoại ruộng vườn của y, hoặc là giết y chết.

Micchāpaṇihitaṃ cittaṃ: Tâm lệch lạc là đặt vào chỗ sái quấy, là chỗ ở trên con đường thập ác nghiệp (thân ba, khẩu bốn, ý ba).

Pāpiyo naṃ tato kareti: Vì có tâm tà vạy, kẻ ấy ngày càng làm tội lỗi tiêm nhiễm, cho nên gọi là khiến cho kẻ ấy đọa sa vào vòng tội ác. Quả thật, kẻ cướp hoặc kẻ thù hoặc là đối phương của họ, trong kiếp nầy gây khổ cho nhau, hoặc là tàn sát lẫn nhau là cùng.

Trái lại, nếu cái tâm tà vạy, tà kiến, bị đặt nằm trên lộ bất thiện nghiệp trong kiếp nầy, thì nó đưa kẻ ấy đến chỗ diệt vong, hằng trăm kiếp đọa sa vào bốn ác đạo, không cho cất đầu lên nổi.

☸

Nghe dứt bài kệ nhiều vị Tỳ khưu đắc Thánh quả, nhất là Sơ quả. Đại chúng thính pháp cũng hưởng được sự lợi ích.

Vì chư Tăng không hỏi đến tiền nghiệp của cận sự nam Nanda, cho nên Đức Bổn Sư không dẫn giải.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Cúng Phật Trai Tăng đủ bảy ngày,
Nan Đà chết dữ cũng kỳ thay!
Mũi tên oan nghiệt, trăm người rõ,
Quả Thánh Tu Đà, mấy kẻ hay?
Tâm niệm khi lành, khi hiểm ác,
Thân sanh lúc sướng, lúc đọa đày.
Gieo chi giặt nấy, tùy duyên nghiệp,
Tội phước là nhân tạo rủi may.

DỨT TÍCH NANDA CHỦ TRẠI BÒ



42. A misdirected, misguided mind does to a person far greater harm than a bitter enemy.

42. Tâm sai lạc hướng tà gây tai hại cho mỗi người nhiều hơn là một kẻ thù ác độc.

III.9- Tích ĐẠI ĐỨC TU LỆ DA

(Soreyyattheravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 43)

"Na taṃ mātā pitā kayirā,	***"Không phải do cha mẹ,***
Aññe vāpi ca ñātakā;	***Hoặc thân nhân làm thế.***
Sammāpaṇihitaṃ cittaṃ,	***Chính tâm niệm chánh chơn,***
Seyyaso naṃ tato kare'ti".	***Khiến người cao thượng hơn".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết ra nhân câu chuyện phát khởi từ thành Soreyya (Tu Lệ Da), về sau chấm dứt tại thành Sāvatthī (Xá Vệ).

Trong thời Đức Chánh Biến Tri an cư gần thành Sāvatthī. Trong thành Soreyya, có công tử con nhà triệu phú Soreyya, cùng với người bạn ngồi chung một cỗ xe nhỏ, nhanh lẹ, gọn gàng đã dắt theo rất đông bộ hạ tùy tùng đi ra phía ngoài thành để tắm.

Ngay lúc đó, Đại đức Mahākaccāyana đang đứng ngoài cổng thành đắp y Tăng Già Lê (Saṅghāṭi) lên mình, định vào thành Soreyya để khất thực, thân sắc của Đại đức sáng đẹp tợ vàng ròng.

Công tử Soreyya trông thấy Đại đức cởi trần, ước thầm: "Cha! Phải chi Đại đức nầy là vợ của mình hoặc là vợ mình có được thân hình sáng đẹp như thân hình của Đại đức nầy".

Vì nghĩ quẩy như thế, công tử mất hết cả nam tướng đột nhiên biến thành một tiểu thơ, hết sức hổ thẹn, Soreyya tuột xuống xe bỏ trốn.

Cả đoàn tùng giả đều thấy tiểu thư, nhưng không ai nhìn ra đó là công tử của mình, nên ngơ ngác hỏi chuyền nhau: "Cái gì thế? Cái gì thế?".

Người nam hóa nữ nầy đi thẳng một mạch đến thành Takkasilā, chẳng từ giã người bạn cũ của mình, báo hại chàng ta đi tìm công tử Soreyya khắp vùng lân cận chung quanh mà chẳng hề gặp.

Sau khi tắm trở về, nghe Trưởng giả hỏi:

- Còn công tử ở đâu?

Nhóm bộ hạ đáp: "Chúng con tưởng rằng công tử tắm xong trở về nhà trước rồi!".

Khi hay tin con mình mất tích, ông triệu phú cho người đi tìm công tử khắp nơi nhưng không gặp, thì buồn rầu than khóc, rồi nấu cơm cúng quảy vì nghĩ rằng công tử đã chết chìm.

Tiểu thư Soreyya đi đường gặp một đoàn lái buôn, bèn đi bộ theo sau chiếc xe của ông đoàn trưởng, nhiều người trông thấy tiểu thư liền hỏi rằng:

- Cô gái đi theo xe chúng tôi, cô là con nhà ai chúng tôi không biết?

- Mấy ông cứ đánh xe đi đi, để tôi đi bộ cũng được.

Nhưng đi lâu mỏi chân, tiểu thư cởi chiếc nhẫn đeo ở ngón tay ra đổi lấy một chỗ ngồi trên xe.

Những lái buôn suy nghĩ: "Trong thành Takkasilā có công tử là con nhà triệu phú của ta chưa có đôi bạn, để ta làm mối chỉ xe tơ cho cô nầy với công tử. Chắc ta sẽ được trọng thưởng".

Thế là họ đi ngay đến công tử nói rằng:

- Thưa ông chủ! Hôm nay chúng tôi đưa về cho ông chủ một bảo nữ (itthīratana).

Nghe vậy, công tử cho mời tiểu thư Soreyya đến để công tử xem mặt. Khi thấy tiểu thư trẻ trung xinh đẹp, duyên dáng, công tử sanh lòng yêu mến, bèn nhận cưới làm chánh thất.

(Hiện tượng nam hóa nữ hay nữ hóa nam rất thông thường, mặc dầu là khó thấy. Thật vậy, không hề có việc người nam nào chưa từng hóa thành nữ, và cũng không hề có người nữ nào mà không hóa thành nam. Quả nhiên, những người nam đã gian dâm với vợ kẻ khác, sau khi mệnh chung phải thọ khổ hàng trăm kiếp, nằm trong địa ngục và khi tái sanh làm người thì phải mang thân phụ nữ. Chính Đại đức Ānanda là bậc Thánh Thinh Văn đã hoàn thành pháp độ sau một trăm ngàn đại kiếp, nhưng khi còn luân hồi cũng có lần phạm tội tà dâm trong kiếp sanh làm con người thợ rèn. Sau khi mãn kiếp đọa sa vào địa ngục, thọ khổ đền tội xong, do nghiệp còn dư sót, còn phải mang thân phụ nữ, làm vợ người nam trong mười bốn kiếp và trải qua thêm bảy kiếp nữ nhân nữa mới được trở lại làm người nam.

Những phụ nữ, sau khi làm các việc lành như bố thí, trì giới… không muốn mang thân người nữ, nên phát nguyện rằng: "Do phước báu của chúng tôi ngày hôm nay, xin cho chúng tôi được tái sanh làm nam nhân trong ngày vị lai", (Idaṃ no puññaṃ purisattabhāvapaṭilābhāya saṃvattatūti), thì sau khi chết được hóa thân thành nam tử. Chư thiên nữ hầu hạ Thiên Vương cũng do sự hành đạo chơn chánh mà được hóa sanh thành thiên tử.

Công tử Soreyya nầy vì một lúc dấy ý nghĩ xằng đối với Ngài Mahākaccāyana mà trong kiếp hiện tại hóa thành nữ nhân).

Ăn ở với con ông triệu phú trong thành Takkasilā, cô Soreyya có thai, mãn mười tháng cô sanh con trai, khi đứa con đầu biết đi lẫm đẫm thì cô lại sanh thêm một đứa con trai nữa.

Thế là cô làm mẹ hai đứa con trai, nếu tính chung trước đó, khi còn là công tử Soreyya cô có được hai con trai, thì cô có tất cả là bốn người con trai.

Lúc bấy giờ, chàng thanh niên bạn cố tri của cô đang ngồi trên một cỗ xe nhỏ, dẫn đầu năm trăm cỗ xe bò. Chàng từ thành Soreyya sanh thành Takkasīla. Khi đoàn xe đi vào trong thành, cô Soreyya đứng trên tầng chót tòa lâu đài của mình, mở cửa sổ nhìn xuống đường phố, trông thấy thanh niên thì nhận ra được bạn cố tri, bèn sai nữ tỳ đi mời thanh niên lên lầu thượng, khoản đãi niềm nở, trọng hậu.

Thanh niên không biết chủ nhân nên hỏi:

- Thưa bà! Bà chưa từng tiếp xúc với chúng tôi lần nào, tại sao bà lại hậu đãi chúng tôi như thế nầy, hay là có quen biết với chúng tôi chăng?

- Vâng thưa công tử tôi có quen biết với công tử, phải công tử ở thành Soreyya không?

- Dạ phải, thưa bà.

Bà chủ nhà lại hỏi thăm tình hình sức khỏe của song thân, của vợ con công tử Soreyya. Công tử đáp:

- Dạ thưa bà, tất cả đều bình an vô bịnh… Thưa bà, bà cũng có quen biết với nhà ông triệu phú ấy nữa sao?

- Dạ thưa công tử, tôi biết ông bà có một cậu công tử. Cậu ấy hiện giờ ở đâu?

- Bà ơi! Cậu ấy mất rồi, xin bà đừng nhắc đến nữa. Một hôm tôi với công tử cùng ngồi chung trên cỗ xe nhỏ, đi ra ngoài thành để tắm. Thế rồi, cậu ấy mất tích chúng tôi không biết cậu ấy đi đâu, tìm khắp quanh vùng cũng không gặp cậu ấy. Về báo tin cho ông bà Trưởng giả, hai ông bà khóc lóc thở than, rồi lo liệu ma chay cầu siêu cho cậu…

- Thưa ông, chính tôi là công tử Soreyya đây.

- Thưa bà! Bà có tỉnh trí không? Mà sao bà lại nói như thế. Bạn của tôi là một công tử khôi ngô tuấn tú, đẹp như Thiên tử cõi Thượng thiên kia mà.

- Thưa công tử, chính tôi là cậu ấy, không dám nói ngoa.

Cậu công tử không tin lại hỏi:

- Sao lạ kỳ vậy?

- Ngày ấy, công tử có thấy Đại đức Mahākaccāyana chớ?

- Vâng, tôi có thấy.

- Tôi đã ngắm nhìn Ngài Đại đức, rồi ước ao rằng: "Chà phải chi Đại đức làm vợ mình, hay là vợ mình có thân hình đẹp đẽ như của Đại đức", vừa nghĩ quấy như vậy, thì nam tướng biến mất và nữ tướng của tôi hiện rõ rệt ra. Khi ấy, tôi quá hổ thẹn, khôn dám nói ra cho ai biết cả, bỏ chạy lánh đi chỗ khác đó công tử.

- Ôi thôi! Bạn tệ quá đỗi tệ, tại sao lúc bấy giờ bạn không cho tôi hay? Bây giờ bạn đã sám hối với Ngài Đại đức chưa?

- Thưa công tử chưa, công tử biết đại đức bây giờ ở đâu không?

- Ngài đang cư ngụ trong thành nầy.

- Nếu Đại đức có trì bình ngang đây. Tôi sẽ xin đặt bát Ngài, cúng dường đến Ngài.

Công tử đến chỗ ngụ của Đại đức, đảnh lễ Ngài rồi ngồi nép qua một bên, bạch rằng:

- Bạch Ngài, xin thỉnh Ngài ngày mai nầy đến thọ bát nơi nhà con.

- Nầy công tử, ngươi từ xa đến đây phải chăng?

- Bạch ngài! Xin Ngài đừng hỏi con về việc ấy, chỉ xin thỉnh Ngài ngày mai nầy thọ bát nơi nhà con.

Đại đức im lặng nhận lời.

Công tử trở về nhà sắp đặt lễ vật cúng dường trọng thể đến Đại đức. Hôm sau, Đại đức đi ngay đến nhà của công tử. Sau khi thỉnh Đại đức an tọa và cúng dường thực phẩm thượng vị đến Đại đức, công tử dắt cô Soreyya ra quỳ mọp dưới chân Đại đức: "Bạch Ngài, xin Ngài thứ tội cho bạn con".

- Chuyện chi thế?

- Bạch ngài! Cô nầy đây, trước kia là một người nam, bạn thân thiết của con, có lỡ nhìn trộm Ngài và ước quẩy như vậy, thành ra mất hết nam tính, hóa ra thân nữ nhân, xin Ngài xá tội.

- Thôi hãy đứng dậy, ta miễn thứ cho cô đó.

Đại đức vừa dứt lời thì tiểu thư Soreyya hoàn hình công tử trở lại như trước.

Sau khi ấy, công tử Takkasilā nói với công tử Soreyya:

- Nầy bạn, hai đứa con nầy do tôi và bạn sanh ra, hoàn thai và hoàn dưỡng chúng, sanh dưỡng cũng đạo đồng, chúng nó là con của chúng ta, vậy chúng ta cứ tiếp tục chung sống ở đây bạn đừng ngại chi cả.

- Bạn à! Tôi đã sống một kiếp là nam nhân, sau đó là nữ nhân và bây giờ trở lại thân nam nhân như trước. Ba lần thay đổi xác thân. Lần đầu tôi là cha hai đứa con trai, lần sau là mẹ hai đứa con trai khác, cho nên bây giờ đây tôi đã chán ngán đời sống tại gia. Thôi bạn đừng cố gắng lưu tôi lại làm gì. Tôi sẽ đến xuất gia với Ngài Đại đức, hai đứa con nầy xin bạn ráng nuôi nấng, dạy dỗ, đừng bỏ chúng vất vả tội nghiệp.

Nói rồi, công tử Soreyya hôn hít, nựng nịu hai đứa con trai, đoạn nắm tay chúng giao trả tận tay cha chúng, rồi từ giã ra đi đến xuất gia với Ngài Đại đức.

Đại đức cho công tử xuất gia làm Sa di, về sau cho thọ Cụ túc giới, rồi dắt đệ tử lần lượt du hành về thành Sāvatthī.

Từ đấy, người ta gọi vị tân Sư nầy là Tỳ khưu Soreyya.

Hiện tượng biến nam thành nữ của Đại đức Soreyya lúc Ngài chưa xuất gia đã làm chấn động dư luận trong xứ. Thiên hạ đua nhau đến hỏi Đại đức:

- Bạch Ngài! Chúng tôi nghe đồn rằng: Ngài đã hóa nữ, rồi lại hóa nam. Chuyện ấy có thật chăng?

- Quả thật như thế, nầy đạo hữu.

- Bạch Ngài, nếu quả thật vậy, trong hai đợt con ấy, một đợt do Ngài hoài thai và một do hột giống của Ngài, Ngài thương lớp con nào hơn?

- Nầy đạo hữu, những con do tôi sanh thì thương nhiều hơn.

Hết kẻ nầy đến kẻ khác, những kẻ hiếu kỳ luôn luôn tìm gặp Đại đức Soreyya chỉ hỏi bấy nhiêu đó thôi. Đại đức phải lặp đi lặp lại mãi câu trả lời: "Con lọt lòng thì

thương hơn". Vừa thẹn vừa bực, Đại đức tìm lãng vào chỗ thanh vắng để dễ bề hành đạo.

Nhờ hạnh độc cư, Đại đức Soreyya an tâm, quán sự sanh diệt của danh sắc trong tự ngã, chứng đắc A La Hán quả với Tuệ phân tích.

Sau đó, cũng còn nhiều kẻ đến hỏi Ngài nữa:

- Bạch Đại đức nghe đồn rằng: Ngài đã biến tính như thế, có đúng không?

- Quả có thế, nầy đạo hữu.

- Vậy trong hai lớp con của Ngài, Ngài thương đứa nào nhiều hơn?

- Ta không còn yêu thương lớp con nào nữa cả.

Chư Tăng nghe được câu hỏi trả lời của Đại đức bèn tố cáo với Đức Bổn Sư:

- Bạch Ngài! Tỳ khưu nầy đại vọng ngữ, những ngày trước đây ông mới nói: "Con lọt lòng thì thương hơn". Hôm nay ông lại nói: "Không còn thương con nào hết". Thế là ông ta dám khoe dối pháp cao nhân, bạch Ngài.

Đức Bổn Sư phán: "Nầy các Tỳ khưu! Con trai của Ta không khoe dối pháp cao nhân, nhờ chánh niệm chánh chơn, con ta đã kiến đạo, nên từ đó về sau không còn thương mến con nào nữa cả. Thật thế, sự nghiệp là thánh sản mà cả cha lẫn mẹ không thể tạo được cho những chúng sanh nầy, thì chỉ có nội tâm chơn chánh của họ đã ban bố cho họ mà thôi".

Để giải rộng luận đề trên, Đức Bổn Sư thuyết pháp thoại và đọc lên kệ rằng:

"Na taṃ mātā pitā kayirā,
Aññe vāpi ca ñātakā;
Sammāpaṇihitaṃ cittaṃ,
Seyyaso naṃ tato kare'ti".

"Chẳng phải do cha mẹ sanh,
Hoặc thân thuộc khác tạo thành mà nên.
Đưa người cao thượng hơn lên,
Chính tâm niệm hướng về bên thiện lành".

CHÚ GIẢI:

Na taṃ: Việc ấy không phải do cha hay mẹ hoặc là những bà con họ hàng nào khác làm nên cho họ được.

Sammāpaṇihitaṃ: Đặt đúng trên lộ Thập thiện nghiệp là bố thí, trì giới, thiền định, tôn kính, phục vụ, hồi hướng công đức, tùy hỷ công đức, thính pháp, thuyết pháp nói đạo, chánh kiến.

Seyyaso naṃ tato kare'ti: Chính nhờ tâm niệm chánh của họ, làm cho họ trở nên quý báu, cao thượng hơn lên.

Thật thế, cha mẹ có thể đem tài sản truyền lại cho con trai mình, nhưng không thể khiến cho chúng sống hạnh phúc suốt đời được, như song thân bà Visākhā là sỡ

hữu chủ của một sản nghiệp kinh dinh đồ sộ dường ấy, đã làm cho bà tài sản lớn, mong rằng bà sống suốt đời hạnh phúc, nhưng cũng tùy theo sức mình mà thôi.

Không thể có cha mẹ nào có thể cho con mình cơ đồ của một bực chuyển luân vương bao trùm bốn châu thiên hạ. Đừng nói chi đến tài sản của chư Thiên, hoặc là tài sản của bậc cao nhân là các mức thiền định, hoặc là tài sản siêu thế là các đạo quả. Thế mà, tâm niệm chánh đạo nằm trên đường Thiện nghiệp có thể cho hành giả tất cả những sản nghiệp phi thường ấy, cho nên nói do cái tâm niệm chánh của họ làm cho họ trở nên quý báu cao thượng hơn lên vậy.

☸

Khi thời pháp chấm dứt, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả nhất là Tu Đà Hườn quả. Kỳ dư thính chúng đều hưởng lợi ích.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Nam mà hóa nữ lại hoàn nam,
Hai gánh gia đình nghĩ hết ham!
Nghĩa vợ tình chồng thôi đã chán,
Lòng cha, dạ mẹ chỉ thêm nhàm.
Dâm căn nguyện dứt, nương thiền quán,
Giới bổn xin gìn, ngụ thảo am.
Tu Lệ Da đi về Xá Vệ,
Nhờ môn tàm quý được siêu phàm.

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC SOREYYA

☸

DỨT PHẨM TÂM

☸

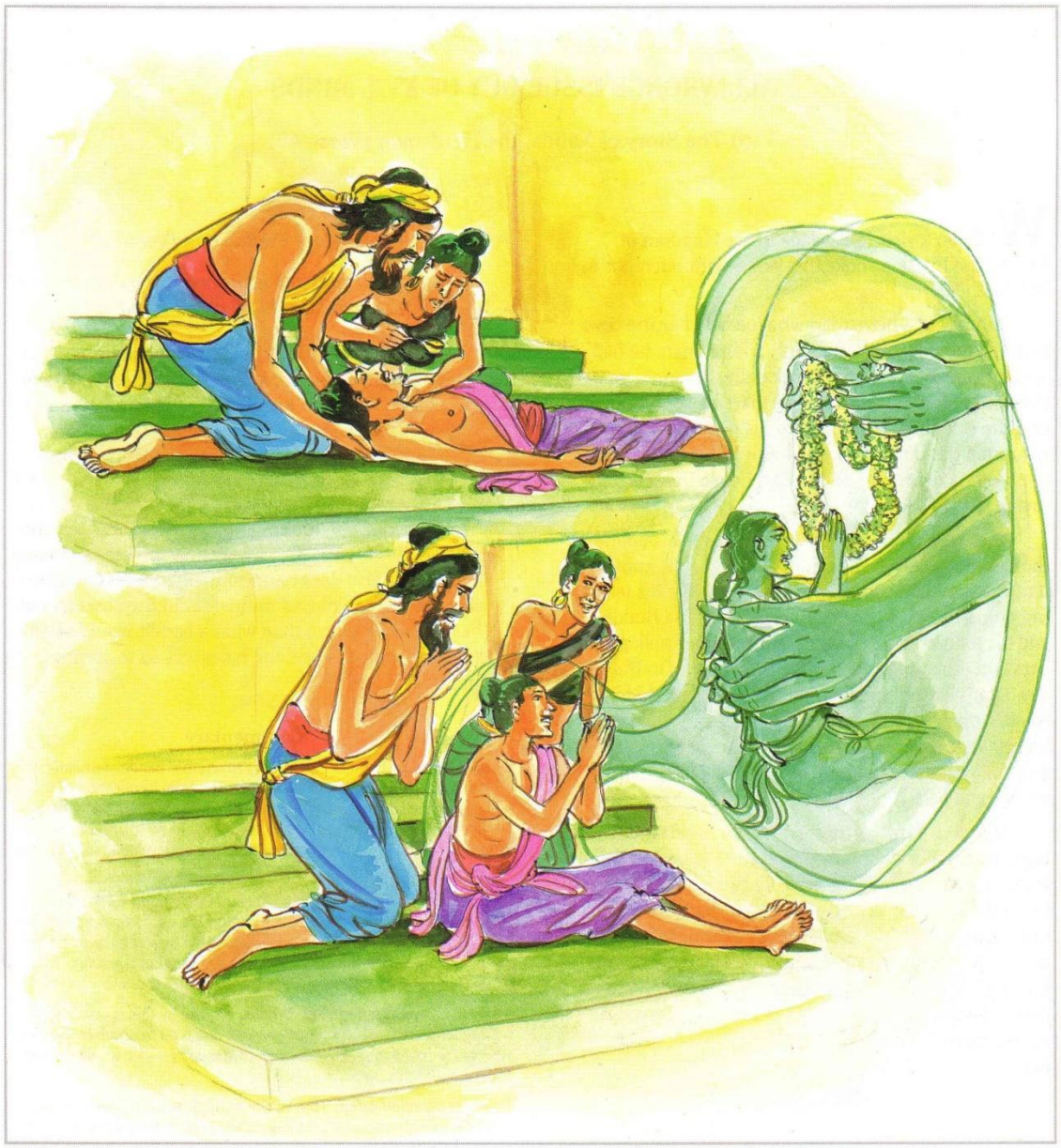

43. A well-directed mind does to a person far greater good than one's parents or one's kinsmen.

43. Tâm theo hướng chánh hạnh làm lợi lạc cho mỗi người nhiều hơn cả cha mẹ hay thân quyến nữa.

IV. PHẨM HOA

(PUPPHAVAGGA)

16 bài kệ: Pháp Cú số 44 – 59

12 tích truyện

☸

IV.1- Tích 500 VỊ TỲ KHƯU ĐÀM LUẬN VỀ ĐỊA ĐẠI

(Paṭhavīkathāpasutapañcasatabhikkhuvatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 44 – 45)

"Ko imaṃ paṭhaviṃ vijessati,	***"Ai thông suốt địa đại,***
Yamalokañca imaṃ sadevakaṃ;	***Diêm nhân thiên giới nầy.***
Ko dhammapadaṃ sudesitaṃ,	***Hiểu Pháp Cú khéo giải,***
Kusalo puppham'iva pacessati".	***Như thợ tuyển hoa hay".***
"Sekho paṭhaviṃ vijessati,	***"Hữu học thông địa đại,***
Yamalokañca imaṃ sadevakaṃ;	***Diêm nhân thiên giới nầy.***
Sekho dhammapadaṃ sudesitaṃ,	***Hiểu Pháp Cú khéo giải,***
Kusalo puppham'iva pacessati".	***Như thợ tuyển hoa hay".***

Hai bài kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự gần thành Sāvatthī (Xá Vệ) đề cập đến năm trăm vị Tỳ khưu đang đàm luận về địa đại. Tương truyền rằng: Một buổi chiều, sau khi Đức Thế Tôn vân du nhiều quốc độ. Trở về Jetavana, chư Tăng cùng vào ngồi trong giảng đường đàm luận về địa hình, địa chất, nhắc lại địa phương mình đã lần lượt trải qua "từ làng nọ đến làng kia, đường xá bằng phẳng hay gập ghềnh, lầy lội hay có nhiều sỏi đá, đất màu đen hay màu nâu".

Đức Bổn Sư ngự vào, phán hỏi: "Nầy các Tỳ khưu, hôm nay các ông đang ngồi thảo luận việc chi đây?".

Chư Tăng đáp: "Bạch Ngài, chúng con đang bàn luận về địa đại, nhắc lại những địa phương chúng con đã trải qua".

Đức Bổn Sư phán dạy: "Nầy các Tỳ khưu, các nơi ấy, thuộc về ngoại cảnh địa đại (bāhirappaṭhavī) mà các ông cần nên chỉnh trang hoàn bị".

Nói rồi, Đức Bổn Sư đọc hai bài kệ sau đây:

"Ko imaṃ paṭhaviṃ vijessati,
Yamalokañca imaṃ sadevakaṃ;
Ko dhammapadaṃ sudesitaṃ,
Kusalo puppham'iva pacessati".

"Ai người thông suốt địa hình,

Diêm ma, nhân giới, thiên đình cũng thông.
Ai như thợ khéo tuyển bông,
Pháp Cú khéo giảng, hiểu thông thực hành".

"Sekho paṭhaviṃ vijessati,
Yamalokañca imaṃ sadevakaṃ;
Sekho dhammapadaṃ sudesitaṃ,
Kusalo puppham'iva pacessati".

"Hữu học thông suốt địa hình,
Diêm ma, nhân giới, thiên đình cũng thông.
Hữu học, thợ khéo tuyển bông,
Pháp Cú khéo giảng, hiểu thông thực hành".

☸

CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ Phạn ngữ ***Imaṃ paṭhaviṃ*** nghĩa là địa đại nầy ám chỉ xác thân tứ đại của con người gồm có Danh và sắc.

Ko vijessati: Ai sẽ thấu triệt, hiểu rành, tự do mình giác ngộ mà biết được rốt ráo, làm cho thấu rõ chân lý.

Yamalokañca: Diêm ma giới, chỉ bốn khổ cảnh địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a tu la.

Imaṃ sadevakaṃ: Nhân, thiên giới, chỉ cho cõi người và sáu cõi trời Dục giới là Tứ Đại Thiên, Đao Lợi, Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc và Tha Hóa Tự Tại.

Hai câu kệ đầu nhập lại thành một câu hỏi.

Ko dhammapadaṃ sudesitaṃ: *Ai hiểu Pháp Cú khéo giải.* Những bài kệ Pháp Cú do chính Đức Bổn Sư đã khéo thuyết giảng chính xác, đúng chân lý, gọi là ba mươi bảy nhân phát sanh quả Bồ đề, ví như những đóa hoa tươi tốt của người thợ khéo làm tràng hoa để tuyển chọn. Ai mà nhận chân được giá trị của chúng, sẽ thu thập, nghiền ngẫm, hiểu cho rốt ráo, làm cho thấu rõ.

Hai câu kệ sau nhập lại cũng thành một câu hỏi.

Sekho *(Hữu học):* Là bậc đã chứng đắc Thánh quả, nhưng còn đang học tập Tam học là Giới, Định, Tuệ, đầu tiên là Sơ đạo, hay Dự Lưu đạo, hoặc Nhập Lưu đạo. Hành giả chứng đạt bậc nầy, chỉ còn sanh lại nhiều nhất là bảy lần, trước khi đắc A La Hán đạo. Trong khoảng thời gian xuôi ngược dòng Thánh vức, bậc hữu học luôn luôn trau dồi Giới, Định, Tuệ, xa lìa tam độc, nhất là tham dục, tự mình thắng phục mình, nhận thức chân xác và làm sao cho thấu rõ bản chất tự ngã, không còn mê đắm nữa. Bậc Hữu học như thế, nhất định sẽ chứng nhập Níp Bàn chậm nhất là sau bảy kiếp.

Như người thợ làm tràng hoa, vào vườn hoa chỉ lựa ròng những bông hoa tươi đẹp rực rỡ, loại bỏ những nụ còn non, những cánh hoa héo úa u nần, bị sâu ăn lủng lỗ. Bậc Hữu học cũng khéo nhận thức trong kinh Pháp Cú do Đức Bổn Sư đã thuyết

giảng, những pháp vi tế thâm sâu là ba mươi bảy pháp trợ đạo Bồ đề mà thâu nhập, lãnh hội, thấu triệt và làm cho thấu rõ.

☸

Đức Bổn Sư nêu ra hai câu hỏi và chính Ngài đã tự giải đáp như trên.

Đến cuối bài kệ năm trăm vị Tỳ khưu đều đắc A La Hán quả với Tuệ phân tích. Đồ chúng thính pháp cũng hưởng được sự lợi ích.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Trên bước quan hà khắp đó đây,
Năm trăm Đại đức gắng theo thầy.
Đôi phen lấn lướt đường cao sỏi,
Lắm lúc xông pha lộ thấp lầy.
Mặt đất Tỳ khưu xem đã rõ,
Dòng tâm sanh diệt quán chưa hay.
Hồi quang phản chiếu trừ tam độc,
Pháp Cú tri hành, chứng Quả ngay.

DỨT TÍCH NĂM TRĂM VỊ TỲ KHƯU ĐÀM LUẬN VỀ ĐẠI ĐỊA

☸



44. Who will comprehend this well-taught Dhamma as a garland-maker selects his flowers?

44. Ai sẽ thấu hiểu Pháp cú khéo giảng nầy như người làm vòng hoa tuyển chọn hoa?



45. Like a garland-maker, a Learner on the Path will comprehend this well-taught Dhamma.

45. Giống như người làm vòng hoa, vị Hữu học trong Chánh Đạo sẽ thấu hiểu Pháp cú khéo giảng nầy.

IV.2- Tích TỲ KHƯU QUÁN BÀO ẢNH

(Marīcikammaṭṭhānikattheravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 46)

"Pheṇūpamaṃ kāyamimaṃ viditvā,	***"Biết thân như bọt trướng,***
Marīcidhammaṃ abhisambudhāno;	***Giác thân như huyễn tượng.***
Chetvāna mārassa papupphakāni,	***Phá vòng hoa Ma quân,***
Adassanaṃ maccurājassa gacche".	***Qua khỏi mắt tử thần".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự gần thành Sāvatthī (Xá Vệ) đề cập đến một vị Tỳ khưu quán bào ảnh.

Tương truyền rằng: Tỳ khưu nầy sau khi thụ huấn đề mục thiền quán nơi Đức Bổn Sư, bèn đi vào trong một khu rừng nọ, lập tâm: "Ta sẽ hành Sa môn pháp". Sau một thời gian tinh tấn công phu, không chứng đắc A La Hán, vị Sa môn nghĩ rằng:

- Chắc ta còn thiếu sót, để về xin thầy bổ khuyết.

Đi dọc đường, vị ấy trông thấy ảo ảnh phát sanh lên, bèn tư niệm rằng: "Cũng như ảo ảnh phát hiện trong mùa hè, đứng ở xa trông như là có thật, nhưng đến gần thì chẳng còn hình bóng chi cả. Cái thân ngũ uẩn nầy, nó cũng sanh diệt hư ảo như thế thôi".

Vị Sa môn vừa đi vừa chú tâm quán xét đề mục ảo ảnh, đến khi đường xa mệt mỏi, vị ấy xuống sông Aciravatī (Bất Cửu) để tắm, tắm xong lên ngồi nghỉ trên bờ, vị ấy nhìn xuống dòng nước đang chảy xiết. Trên mặt nước cuồn cuộn nhiều bọt nước nổi lên rồi tan biến. Vị ấy nghĩ rằng:

- Cái thân ngũ uẩn nầy nó cũng nổi lên rồi tan biến như bọt nước mà thôi.

Và vị ấy lấy đề tài nầy làm đề mục tham thiền.

Khi ấy, Đức Bổn Sư đang đứng trong hương thất, Ngài trông thấy vị Tỳ khưu đang ngồi trên bờ sông quán niệm bào ảnh, bèn phán rằng:

- Nầy Tỳ khưu! Tự ngã nầy cũng giống như bọt nước, bào ảnh, nó có tính hằng sanh khởi và hoại diệt như thế mãi.

Nói rồi Đức Bổn Sư thuyết lên kệ ngôn:

"Pheṇūpamaṃ kāyamimaṃ viditvā,
Marīcidhammaṃ abhisambudhāno;
Chetvāna mārassa papupphakāni,
Adassanaṃ maccurājassa gacche".

"Biết thân bọt nước đầu gành,
Giác thân huyễn hóa diệt sanh sự thường.
Phá vòng hoa dục Ma vương,
Qua mắt thần chết lên đường thoát thân".

☸

CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ Phạn ngữ nầy, ***Pheṇūpamaṃ*** nghĩa là ví như bọt nước. Cái nhóm ba mươi hai thể giả hiệp, gọi là xác thân nầy đây, nó yếu đuối, mong manh, không trường tồn vĩnh viễn, thoạt sanh diệt từng sát na một, xét ra không khác chi là bọt nước đầu gành.

Marīcidhammaṃ: Nghĩa là ảo ảnh, phát sanh lên do các chất nóng bốc hơi, mặt trời hè đứng ở xa trông thấy giống như cảnh thật ai cũng phải lầm, nhưng khi đến gần thì thấy trống trơn, chẳng có chi hết. Cái giả thân nầy nó giống như cái huyễn, tạm bợ, thay đổi từng sát na, xem gần thì nó giống như ảo ảnh vậy.

Abhisambudhāno: Nghĩa là giác ngộ, thông suốt, hiểu rõ.

Mārassa papupphakāni: Là hãy thoát đi, vượt qua khỏi tầm thấy biết, tức là quyền hạn của tử thần, hãy đạt đến vô sanh bất tử là Đại Níp Bàn.

☸

Khi bài kệ chấm dứt, Đại đức chứng A La Hán quả với Tuệ phân tích, bèn thốt lời tán dương ca tụng Kim thân của Đức Bổn Sư. Đoạn đảnh lễ Ngài rồi lui gót.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Dòng nước trôi xuôi, bọt nổi phình,
Nầy thân huyễn hóa kiếp phù sinh…
Trăm năm nhớ lại như tàn mộng,
Một sớm rời đi đã biệt hình.
Tội ác gây nhiều vì ái dục,
Phước lành tạo ít bởi vô minh.
Phải như Đại đức vô rừng vắng,
Gặp Phật tham thiền đắc Quả minh

DỨT TÍCH TỲ KHƯU QUÁN BÀO ẢNH

☸



46.Viewing this body as foam and a mirage, one avoids the shafts of death and goes beyond him.

46. Thấy thân nầy như bọt nước và ảo ảnh, ta tránh khỏi mũi tên của thần chết và vượt qua tầm nhìn của Ma.

IV.3- Tích VIḌŪḌABHA (LƯU LY VƯƠNG)

(Viḍūḍabhavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 47)

"Pupphāni h'eva pacinantaṃ,	***"Kẻ đang mãi hái hoa,***
Byāsattamanasaṃ naraṃ;	***Tâm còn vọng tưởng xa.***
Suttaṃ gāmaṃ mahogho'va,	***Bị Tử thần bắt mất,***
Maccu ādāya gacchati".	***Như làng ngủ bị lụt".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Jetavana (Kỳ Viên), đề cập đến vua Viḍūḍabha (Lưu Ly Vương) và đoàn tùy giá viễn chinh, đã chết trôi vì nạn lụt.

Thưở ấy ở ba nước láng giềng có ba vị Đông cung Thái tử đồng trang lứa với nhau: Thái tử Pasenadi (Ba Tư Nặc) con vua xứ Kosala (Kiều Tát La), Thái tử Mahāli con dòng Licchavī xứ Vesāli và Thái tử Bandhula con vua Malla xứ Kusinārā.

Ba Thái tử cùng đi du học văn võ với một vị danh sư lừng danh ở thành Takkasilā. Ba vị Thái tử gặp gỡ nhau trong một quán trọ ngoại thành. Sau khi hỏi thăm nhau, biết rõ mục đích cuộc hành trình cùng danh tánh tông tích của nhau, họ bèn kết nghĩa đệ huynh, và đồng đến xin nhập môn một lượt. Không bao lâu cả ba vị Thái tử đồng song nầy văn ôn võ luyện đã đến mức tinh thông thuần thục. Đồng cùng nhau bái tạ Sư trưởng ra đi, ai về xứ nấy.

Trong ba vị, Thái tử Pasenadi được phụ vương đẹp dạ, truyền ngôi cửu ngũ, sau khi thấy Thái tử biểu diễn tài nghệ cho Ngài duyệt lãm.

Thái tử Mahāli thuộc dòng Licchavī, trong lúc biểu diễn vì dùng lực thái quá, nên hai mắt bị nổ. Các vua Licchavī đồng thanh bảo rằng:

- Ôi! Thật chẳng may cho sư phó của chúng ta, Ngài đã bị mù cả đôi mắt, không lẽ chúng ta bỏ ra rơi Ngài, chúng ta phải có bổn phận chăm lo phụng dưỡng Ngài mãn đời mới trọn đạo thầy trò.

Các vua đồng ý tặng cho Thái tử chức Huỳnh môn quan, quyền trấn một cửa cổng thành, trị giá một trăm ngàn đồng.

Nhậm chức rồi, Thái tử liền nhận năm trăm Thái tử dòng Licchavī đến xin thọ giáo để học tập văn võ.

Thái tử Bandhula về nước Kusinārā để biểu diễn nghệ thuật. Các hoàng tộc dòng Malla đích thân bó tre thành từng bó, mỗi bó là sáu mươi cây, ở giữa mỗi bó lại đệm một giáo sắt, đoạn treo nó giữa hư không, hỏng mặt đất và thách Thái tử ném cho đứt rơi xuống.

Thái tử bái Tổ xong rồi, cất mình phóng lên hư không cao tám mươi hắc tay. Chân vừa rơi chấm đất, Thái tử hươi gươm chém tới lia lịa, đến bó tre cuối cùng, Thái tử chợt nghe tiếng giáo sắt bị khua chạm lên, bèn hỏi: "cái gì thế?".

Khi biết được trong sáu mươi bó tre có đệm giáo sắt, Thái tử ném gươm khóc rằng: "Trong tất cả thân bằng quyến thuộc của ta nơi đây, không một ai thương yêu ta nói cho ta biết trước việc nầy. Nếu ta biết trước thì ta sẽ chém đứt cả sáu mươi bó tre mà không cho phát lên tiếng khua chạm giáo sắt".

Thái tử chạy lại thưa với phụ hoàng cùng mẫu hậu rằng:

- Tâu phụ vương và mẫu hậu! Xin hãy tru lục bọn nầy rồi trị quốc mới yên.

- Nầy vương nhi! Chiếu theo luật vua phép nước, không thể làm việc ấy được (vì quyền trị quốc chỉ có thể truyền tử lưu tôn mà thôi).

Sau khi nài nỉ song thân nhiều phen không kết quả, Thái tử bèn yêu cầu: "Thế thì phụ hoàng và mẫu hậu cho con sang xứ của bạn con". Được mẹ cha chuẩn tấu, Thái tử lên đường đến kinh thành Sāvatthī.

Quốc vương Pasenadi nghe tin Thái tử Bandhula ly hương sang nước mình, liền ngự giá ra đến rước bạn ở ngoài thành, rất trọng thể. Về triều giao cho bạn giữ chức Đại Nguyên soái, thống lãnh quân đội hoàng gia. Khi nhận chức rồi, Thái tử phái người thân tín trở về Kusinārā rước cả phụ vương và mẫu hậu về cùng ở chung với mình nơi thành Sāvatthī.

Một hôm, Quốc vương Pasenadi nhìn xuống đường phố khi Ngài đứng trên lầu ngự của mình thấy chư Tỳ khưu lũ lượt vào thành thọ bát nơi nhà các đại thí chủ như ông Anāthapiṇḍika, Cullānāthapiṇḍika, bà Visākhā, nàng Suppavāsā… Quốc vương phán hỏi thị thần:

- Chư Đại đức đi đâu vậy?

- Tâu Bệ hạ! Mỗi ngày có độ hai ngàn vị Tỳ khưu đến nhà ông Anāthapiṇḍika để dự lễ Trai Tăng hoặc thọ thực do thí chủ dâng cúng hợp pháp đến chư Tăng, rút thăm hoặc là chư Tỳ khưu bịnh chẳng hạn. Nơi nhà của Trưởng giả Cullānāthapiṇḍika có khoảng năm trăm vị đến thọ thực thường xuyên, nơi nhà của bà Visākhā và bà Suppavāsā cũng như thế.

Nghe xong, đức vua phát tâm muốn làm người hộ Tăng, bèn ngự giá đến Tịnh xá Jetavana cung thỉnh Đức Bổn Sư với một ngàn vị Tỳ khưu vào hoàng cung thọ thực.

Quốc vương đích thân đứng ra trông coi việc đặt bát cúng dường trọn cả bảy ngày liền.

Đến ngày thứ bảy, đức vua đảnh lễ Đức Bổn Sư và yêu cầu:

- Bạch Ngài! Quả nhân xin thỉnh Ngài cùng năm trăm vị Tỳ khưu thường xuyên thọ thực nơi Hoàng cung.

- Tâu đại vương! Chư Phật không bao giờ thọ thực thường xuyên một nơi, vì còn nhiều chúng sanh chờ đợi các Ngài ngự đến.

- Nếu vậy xin Ngài phái một vị Tỳ khưu nào đó có thể đến hằng ngày.

Đức Thế Tôn giao phận sự nầy cho Đại đức Ānanda. Trong bảy ngày đầu, khi chư Tăng đến Quốc vương đích thân ngự ra rước bát, đứng trông nom chỉ bảo cho nội thần quyến thuộc hộ độ các Ngài rất chu đáo.

Đến ngày thứ tám, Quốc vương vì long thể bất an, nên xao lãng phận sự hộ độ chư Tăng, chư Tăng vào hoàng cung, không ai soạn sẵn chỗ ngồi, thỉnh các Ngài an tọa và dâng cúng thực phẩm đến tay các Ngài. Chư Tăng bàn với nhau rằng:

- Trong hoàng cung vì thừa hành lịnh của đức vua, nên không ai dám tự chuyên, đứng ra mời chư Tăng ngồi và phục dịch cả.

Vắng mặt Quốc vương, chắc chúng ta không thể nào đến đây lâu được.

Thế là nhiều vị bỏ ra đi.

Qua những ngày sau, Quốc vương cũng vẫn chểnh mảng như thế, nhiều vị Tỳ khưu khác lại bỏ ra đi.

Qua những ngày sau đó, tình trạng cũng chẳng lấy làm khả quan hơn, thế là tất cả năm trăm Tỳ khưu đều lần lượt ra đi cả. Chỉ còn lại một mình Đại đức Ānanda (những bậc đại phúc đức bao giờ cũng đầy đủ uy tín, giữ đức tin trong sạch của hàng tại gia cư sĩ. Đệ tử của Đức Như Lai trong hàng xuất gia có Đại đức Sāriputta, Đại đức Moggallāna là hai Thượng Thinh Văn, Tỳ khưu Ni Khemā (An Bình), Tỳ khưu Ni Uppalavaṇṇā là hai nữ Thượng Thinh Văn, trong hàng tại gia cư sĩ thì có Trưởng giả Citta, Dạ xoa Āḷavaka là hai Thượng Thinh Văn thiện nam, về tín nữ thì có nàng Veḷukaṇṭakī Nandamātā và nàng Khujjuttarā là hai nữ Thượng Thinh Văn tín nữ. Tám vị nầy đáng được liệt kê ở hàng đầu trong tứ chúng. Ngoài ra tất cả các vị Thinh Văn ở các quốc độ, hễ đã hoàn thành thập độ rồi cũng đều là những bậc Đại phúc đức viên mãn hạnh nguyện hết. Đại đức Ānanda, Ngài đã trải qua một trăm ngàn đại kiếp, hoàn thành đủ pháp độ Ba la mật (Pāramī), hạnh nguyện đã viên mãn, Ngài có đầy đủ uy tín, giữ vững đức tin của hàng tại gia cư sĩ, một mình Ngài được hoàng tộc thỉnh mời ngồi và dâng cúng đàng hoàng tử tế. Sau khi chư Tăng ra về, Quốc vương ngự vào trai đường, trông thấy thực phẩm loại cứng loại mềm còn nguyên trên bàn, bèn phán hỏi nội thị rằng:

- Chư Đại đức không đến thọ bát hay sao?

- Tâu bệ hạ chỉ có một mình Đại đức Ānanda đến mà thôi.

Quốc vương nghe tâu, buồn giận chư Tỳ khưu, nghĩ rằng:

- Các Ngài đã cắt đứt con đường thiện duyên của trẫm rồi.

Quốc vương ngự đến bái kiến Đức Bổn Sư và bạch rằng:

- Bạch Ngài quả nhân đã chuẩn bị cả năm trăm cổ phần để sớt bát cúng dường chư Tăng, mà nghe rằng: Chỉ có một mình Đại đức Ānanda đến thọ thực... Số thực phẩm dọn ra mà còn y nguyên. Năm trăm vị Tỳ khưu không thấy vào hoàng cung, không biết vì lý do nào?

Đức Bổn Sư không quở trách chư Tỳ khưu, Ngài chỉ vỗ về đức vua Pasenadi rằng:

- Tâu đại vương! Chắc là chư Thinh Văn của Như Lai không có tình thân mật với đại vương, cho nên không đi vào cung nội.

Kế đó, Đức Bổn Sư kêu gọi chư Tăng vào và giảng dạy những trường hợp nào chư Tăng không đến thọ thực nơi nhà thí chủ và những trường hợp nào nên đến. Đoạn Ngài kết thúc bằng bài kinh nầy:

"Navahi bhikkhave aṅgehi samannāgataṃ kulaṃ anupagantvā ca nālaṃ upagantuṃ upagantvā ca nālaṃ upanisīdituṃ. Katamehi navahi? Na manāpena paccuṭṭhenti, na manāpena abhivādenti, manāpena asanaṃ denti, santamassa pariguyhanti, bahukamhi thokaṃ denti, paṇītamhi lūkhaṃ denti, asakkaccaṃ denti, no sakkaccaṃ, na upanisīdanti dhammassavanāya, bhāsantassa na rañjiyanti. Imehi kho bhikkhave navahi aṅgehi samannāgataṃ kulaṃ anupagantvā ca nālaṃ upagantuṃ upagantvā ca nālaṃ upanisīdituṃ". Navahi bhikkhave aṅgehi samannāgataṃ kulaṃ anupagantvā ca alaṃ upangantuṃ apagantvā vā alaṃ upanisīdituṃ".

"Nầy các Tỳ khưu, có chín điều mà gia tộc nào hội đủ thì Tăng không nên đến đó nếu chưa đến. Hoặc không nên ngồi nếu đã đến đó. Thế nào là chín?

1. Họ không hoan hỷ đứng dậy tiếp rước.

2. Họ không hoan hỷ đảnh lễ.

3. Họ không hoan hỷ mời ngồi.

4. Có vật dụng mà họ giấu.

5. Có nhiều mà họ dâng ít.

6. Có đồ ngon mà họ dâng đồ dở.

7. Họ dâng bằng cách không cung kính.

8. Họ không giữ lễ, không ngồi gần.

9. Họ không thỏa thích trong khi nghe nói pháp giảng đạo.

Nầy các Tỳ khưu, chín điều nầy gia tộc nào hội đủ thì Tăng không nên đến đó nếu chưa đến, hoặc không nên ngồi nếu đã đến rồi.

Nầy các Tỳ khưu, có chín điều mà gia tộc nào hội đủ thì chư Tăng nên đến đó nếu chưa đến, hoặc nên ngồi nơi đó nếu đã đến rồi. Thế nào là chín?

1. Hoan hỷ mời ngồi.

2. Họ hoan hỷ đứng dậy tiếp rước.

3. Họ hoan hỷ đảnh lễ.

4. Có vật dụng họ không giấu.

5. Có nhiều mà họ dâng nhiều.

6. Có đồ ngon mà họ dâng đồ ngon.

7. Họ dâng bằng cách cung kính.

8. Họ giữ lễ phép, ngồi gần.

9. Họ thỏa thích nghe pháp, nói đạo.

Nầy các Tỳ khưu, chín điều nầy, gia tộc nào mà hợp đủ thì Tăng nên đến đó nếu chưa đến, hoặc nên ngồi nếu đã đến rồi".

Dứt bài kinh, Đức Thế Tôn lại tiếp chuyện với nhà vua:

- Tâu đại vương! Chắc là các Thinh Văn của Như Lai không tìm được thân mật nơi đại vương, cho nên mới không đi vào ngự như vậy. Quả thật, bậc hiền trí ngày xưa, cho dầu được hộ độ chu đáo, nhưng ở chỗ thiếu tình thân mật cũng đã thọ khổ gần chết được, đến nỗi phải ra đi trở về nơi có tình thân mật.

- Bạch Ngài, vào thời nào vậy?

Đức Thế Tôn liền thuật lại tiền tích rằng:

Thuở xưa, dưới triều đại vua Brahmadatta, đóng đô tại thành Bārāṇasī. Có một quốc vương là Kesava (Quyền Phát) đã từ bỏ ngai vàng điện ngọc, ra đi xuất gia làm đạo sĩ, năm trăm tùy tướng cũng xuất gia theo làm môn đệ của Kesava, người thợ cạo của đức vua cũng xuất gia làm thị giả của đạo sĩ, có tên là Kappaka (Lý Phát).

Đạo sĩ Kesava cùng với những môn sinh tu ở miền Tuyết Sơn (Himavanta) trong tám tháng nắng ráo. Đến mùa mưa, đạo nhân dắt đoàn đạo sĩ môn đệ ra đi đến thành Bārāṇasī, khất thực trong kinh thành.

Khi ấy, vua Brahmadatta trông thấy đạo sĩ Kesava thì phát tâm trong sạch. Thỉnh được đạo nhân nhận lời an cư bốn tháng trong hoàng thành, đức vua cho người sửa sang vườn ngự uyển để đạo nhân lưu trú. Mỗi ngày hai lượt, sáng và chiều đức vua ngự đến lo việc hộ độ các đạo nhân.

Ở được vài ba ngày, các đạo sĩ đệ tử điếc tai vì các tiếng voi, ngựa hí, chịu không nổi nên xin thầy cho mình rút lui. Đạo nhân hỏi:

- Chư hiền đồ sẽ đi về đâu?

- Bạch Sư phụ, chúng con về núi Tuyết Sơn.

- Nầy chư hiền đồ, ngày mới đến đây ta đã nhận lời của Quốc vương ở trú an cư nơi nầy bốn tháng, sao chư hiền đồ lại tính bỏ ra đi?

- Bạch Sư phụ, tại vì Sư phụ nhận lời mà không cho chúng con hay biết. Nơi đây, chúng con không thể ở lại đây, xin cho chúng co kiếm chỗ ở gần nơi đây, hầu có thể nghe ngóng tin tức của Sư phụ.

Nói rồi, cả đoàn đệ tử đảnh lễ từ biệt Kesava đạo nhân. Chỉ còn lại mình đạo sĩ Kappaka là vị thị giả ở lại hầu thầy mà thôi.

Khi đến hộ độ các đạo nhân, Quốc vương hỏi:

- Chư đạo sĩ đi đâu hết rồi?

- Tâu đại vương, chư hiền đồ bất mãn nên đã xin trở về núi Tuyết Sơn cả rồi.

Không bao lâu, đạo sĩ Kapppaka cũng không thể kham nhẫn, bèn tỏ thật với thầy: "Bạch Sư phụ, con cũng không thể cố gắng ở lại đây lâu hơn nữa được".

Sau khi xin phép nhiều lần, vị thị giả được đạo nhân Kesava bằng lòng cho đi về Tuyết Lãnh Sơn nhập chung với các bạn đồng tu, ở một nơi cách đó không bao xa để có thể nghe ngóng tin tức Sư phụ được dễ dàng.

Thời gian sau, đạo sĩ Kesava sanh chứng đau bụng vì nỗi nhớ nhung các đệ tử thân yêu. Quốc vương khiến ngự y đến điều trị, nhưng bịnh tình không thuyên giảm chút nào cả.

Đạo nhân thấy đức vua ân cần săn sóc, bèn hỏi:

- Tâu đại vương! Có thật đại vương muốn tôi khỏi bệnh chăng?

- Bạch Ngài! Nếu quả nhân có cách nào làm cho Ngài mau bình phục thì quả nhân sẽ thi hành ngay.

- Tâu đại vương! Nếu đại vương muốn cho tôi mau lành bịnh được yên lành, thì đại vương cho người đưa tôi về với các môn sinh.

- Bạch Ngài, được lắm.

Quốc vương truyền lệnh cho nội thị đặt đạo nhân nằm trên một chiếc giường, rồi khiến bốn vị đại thần, có quan Nārada lãnh đạo, đưa đạo nhân đi với lời ủy thác: "Chư khanh đi đến nơi rồi hãy lưu lại, chờ xem bao giờ đạo trưởng bình phục sức khỏe thì báo cho trẫm biết".

Thị giả Kappala nghe tin Sư phụ đã về, lật đật ra đi tiếp đón. Đạo nhân hỏi: "Còn các hiền đồ khác ở đâu?".

Đạo sĩ kappala đáp: "Bạch Sư phụ, nghe nói các sư huynh sư đệ của con ở tại nơi đó".

Các đạo sĩ môn đệ hay tin thầy trở về, cũng đều quy tụ lại đông đủ, chung lo chăm sóc đạo nhân, như dâng nước nóng, các thứ cái cây rừng và thực phẩm khác.

Chỉ trong chốc lát, đạo nhân khỏi bịnh và vài ba ngày sau da dẻ đã sáng ánh như vàng ròng. Khi ấy đại thần Nārada hỏi đạo nhân:

"Manussindaṃ jahitvāna,
Sabbakāmasamiddhinaṃ;
Kathannu bhagavā kesi,
Kappassa ramasi assameti".

"Chốn thảo am đủ mùi dục lạc,
Sao Thế Tôn Quyền Phát bỏ đi.
Thảo am Lý Phát có chi,
Mà Ngài lưu luyến làm gì cho cam?".

"Sādūni ramaṇīyāni,
Santi rukkhā manoramā;
Subhāsitāni kappassa,
Nārada ramayanti manti".

"Nārada nầy, chốn thảo am,
Là nơi ta thích, không nhàm chán đâu.

Cỏ cây đẹp mát rừng sâu,
Có trì Lý Phát bạn bầu sớm hôm".

"Sālīnaṃ odanaṃ bhutvā,
Sucimaṃsūpasecanaṃ;
Kathaṃ sāmākanivārā,
Aloṇā sādayanti tanti".

"Cơm Sà Li thơm ngon trộn thịt,
Ngài quen dùng thỏa thích sẵn sàng.
Sá chi kê lạt tồi tàn,
Mà Ngài lưu luyến buộc ràng nơi đây?".

"Asāduṃ yadi vā sāduṃ,
Appaṃ vā yadi vā bahuṃ;
Vissaṭṭho yattha bhuñjeyya,
Vissāsaparamā rasāti".

"Dầu ngon dầu dở trối thây,
Dầu nhiều dầu ít, dạ nầy chẳng lo.
Chung vui bạn lữ thầy trò,
Ăn sao cũng được, miễn cho thâm tình".

Thuyết dứt tích bổn sanh nầy, Đức Bổn Sư dẫn giải rằng:

- Quốc vương thời ấy nay là Moggallāna, Nārada nay là Sāriputta, thị giả Kappaka nay là Ānanda và đạo sĩ Kesava chính là đấng Như Lai vậy.

Đức Bổn Sư nói tiếp: "Tâu đại vương, những bậc hiền trí thời xưa đã từng thọ khổ gần đến mạng chung, chỉ vì thiếu tình thân mật như thế đó. Các Thinh Văn của Như Lai, sở dĩ không vào hoàng cung cũng bởi vì không được thân mật với đại vương vậy".

Quốc vương Pasenadi suy nghĩ: "Bây giờ quả nhân phải làm sao để cho Tăng chúng thân thiện với quả nhân đây? À quả nhân nên cầu hôn với hoàng tộc Thích Ca là quyến thuộc của Đức Chánh Biến Tri, được như vậy các Tỳ khưu và Sa di sẽ thấy quả nhân là quyến thuộc của Đấng Chánh Biến Tri, ắt hẳn sẽ thân thiện với quả nhân và sẽ lui tới trong đền ngự".

Nghĩ vậy, Quốc vương phái sứ giả sang cầu hôn với dòng Thích Ca: "Khanh hãy đại diện cho trẫm, qua nạp sính lễ cầu hôn, xin cưới một Công chúa thuộc huyết thống Thích Ca rồi trở về đây phục lịnh".

Sứ thần lãnh mạng ra đi cầu hôn với dòng họ Thích. Tại thành Kapilavatthu, tất cả những vị tai mắt, đại diện cho hoàng tộc Thích Ca, đều được các Quốc vương triệu thỉnh nhóm đại hội dòng tộc biểu, để tham khảo ý kiến. Ai cũng cho rằng: "Vua Pasenadi không phải là dòng môn đăng hộ đối, dòng huyết thống ngang với chúng ta. Nhưng nếu chúng ta không nhận gả con cho y, thì y sẽ dấy động can qua, hưng binh đánh chiếm nước ta chẳng sai. Vậy ta nên làm gì bây giờ?".

Đức vua Mahānāma (Đại Danh) bèn đề nghị rằng:

- Đứa con gái, tức thế nữ của trẫm, tên là Vāsabhakhattiya, có nhan sắc tuyệt đẹp, ta hãy đem gả cho vua ấy.

Giải pháp nầy được hoàng tộc thích Ca chấp nhận. Đức vua bèn đáp lời cùng sứ giả: "Quả nhân vui lòng gả Công chúa cho Quốc vương".

Sứ giả tâu rằng: "Công chúa ấy là con vị vua nào?".

- Công chúa là con gái của đức vua Mahānāma, là biểu đệ của Đức Chánh Biến Tri, mỹ hiệu là Vāsabhakhattiya.

Sứ thần về nước mang tin mừng nầy tâu lên vua Pasenadi. Đức vua phán: "Nếu vậy thì tốt lắm, khanh hãy qua nghênh đón công chúa về đây cho mau. Nhưng hãy nên cẩn thận đề phòng, dòng Sát Đế Lỵ Thích Ca thường man trá. Sợ e đem con gái của bọn phi tần đấy. Khanh hãy nài cho được thấy Công chúa dùng cơm chung một mâm với phụ vương trong bữa ăn tiệc tiễn hành cho chắc ý, rồi sẽ rước về".

Các sứ thần mai dong tuân lịnh vua Pasenadi ra đi, gặp vua Mahānāma thì tâu rằng:

- Tâu bệ hạ! Quốc vương của tôi muốn cho Công chúa được ngồi dùng cơm chung với Ngài trong bữa tiệc tiễn hành.

- Tốt lắm, nầy chư hiền sĩ.

Đoạn Quốc vương Mahānāma khiến Công chúa trang điểm hoàn bị, đến giờ ngự thiện thì dùng chung mâm với đức vua cho sứ thần trông thấy. Xong bữa, đức vua chuyển giao Công chúa cho sứ giả hộ giá vu quy.

Đưa dâu về đến thành Sāvatthī, các sứ giả tâu với Quốc vương các việc mình đã mục kích tận tường. Quốc vương cả đẹp bèn phong cho Công chúa làm Chánh hậu, chưởng quản một nhóm năm trăm cung phi.

Không bao lâu sau, chánh hậu hạ sanh được một hoàng nam, màu da sáng chói như vàng ròng, đến ngày lễ đặt tên cho hoàng tử, Quốc vương phán quan nội giám đến thỉnh ý hoàng Thái hậu.

- Công chúa Vāsabhakhattiya dòng Thích Ca, là chánh cung hoàng hậu vừa mới hạ sanh hoàng tử, Tổ mẫu ưng đặt tên gì cho cháu nội?

Quan Thái giám lãnh lịnh của Quốc vương là người có tật lãng tai, khi đến tư cung của hoàng Thái hậu, ông trình bày sứ mạng của ông xong, Thái hậu đáp rằng:

- Thái tử là con của hoàng hậu Vāsabhakhattiya, lúc chưa sanh cũng đã thu phục được lòng người rồi. Bây giờ đây chắc hẳn là được quốc vương sủng ái vô cùng vậy?

Viên nội giám lãng tai, nghe lầm tiếng Vallabha (Đắc Sủng) thành ra tiếng Viḍūḍabha (Lưu Ly), rồi in trí như thế, nên trở về tâu với Quốc vương:

- Tâu bệ hạ, xin bệ hạ đặt Thái tử tên là Viḍūḍabha.

Quốc vương nghĩ thầm: "Chắc đây là một tên rất xưa trong hoàng tộc trẫm". Nghe theo lời của viên nội giám lãng tai, Quốc vương đặt tên cho Thái tử là Viḍūḍabha.

Ngay từ khi thái tử còn ở tuổi thiếu niên, quốc vương muốn lấy lòng Đức Bổn Sư, đã phong thái tử làm chức Hàm đô thống đại nguyên soái.

Lúc mới bảy tuổi, thái tử Viḍūḍabha trông thấy các vương tôn hoàng tử đồng tuế được ngoại tổ gởi cho đồ chơi như hình voi, hình ngựa hoặc thứ nầy thứ nọ, thì hỏi mẹ:

- Mẫu hậu ơi! Sao mấy hoàng nam khác có ngoại tổ gởi đồ chơi đủ thứ, còn con không có ai gởi tặng món chi hết vậy? Bộ con không có ngoại tổ phụ mẫu hay sao?

Chánh hậu đáp rằng: "Nầy vương nhi con! Ngoại tổ của con là dòng Thích Ca, ở cách đây xa lắm, cho nên không gởi quà tặng cho con được".

Đến khi được mười sáu tuổi, thái tử Viḍūḍabha lại thưa với mẹ:

- Tâu mẫu hậu! Con muốn được về thăm dòng họ bên ngoại.

Chánh hậu gạt ngang, bảo rằng:

- Thôi vương nhi! Con về bên ấy mà làm gì?

Thái tử cứ theo mẹ mà van xin mãi. Sau cùng Chánh hậu phải chìu theo: "Vương nhi muốn đi thì con cứ đi".

Chánh hậu Vāsabhakhattiya khiến người mang thơ đi trước thái tử về báo tin cho vua Mahānāma hay, nói rằng: "Con ở đây vẫn bình yên, xin hoàng tộc Thích Ca đừng lộ vẻ gì khác với chồng con, đừng cho thái tử cùng quan hộ giá trông thấy".

Hoàng tộc Thích Ca hay tin thái tử Viḍūḍabha sắp đến Kapilavatthu, thì thương nghị cùng nhau và và quyết định rằng:

- Không thể để cho con cháu chúng ta đảnh lễ, chào đón nó.

Thế là bao nhiêu hoàng tôn, thái tử nhỏ tuổi hơn thái tử Viḍūḍabha đều được gởi về miền quê đổi gió. Các vị lớn tuổi ở lại tập trung nơi tòa khách thính trong thành Kapilavatthu.

Thái tử Viḍūḍabha được đưa vào thành, khi đứng trước các vị ấy, họ tự giới thiệu rằng: "Nầy vương nhi, đây là ngoại tổ của con. Đây là cửu phụ của con".

Thái tử đảnh lễ ra mắt tất cả mọi người xong, không thấy có ai đảnh lễ lại mình, thì hỏi rằng:

- Sao không ai đảnh lễ con hết vậy?

Quyến thuộc Thích Ca trả lời rằng:

- Nầy vương nhi! Các thái tử hoàng tôn tuổi nhỏ hơn con mắc về quê cả rồi.

Và họ sắp đặt tiệc đãi đằng hoàng tử Viḍūḍabha rất trọng hậu. Thái tử lưu lại Kapilavatthu vài ba hôm chơi, rồi tạ từ dòng họ Thích Ca lên đường về xứ.

Khi ấy, các cung nữ đến dọn dẹp quét tước ngôi khách thính, lấy sữa tươi rửa cẩm đôn, nơi mà hoàng tử Viḍūḍabha đã ngồi, vừa rửa vừa mắng rằng: "Đây là chỗ ngồi của con trai cung nữ Vāsabhakhattiya". Bất ngờ thay, có một viên tùy tướng của thái tử bỏ quên khí giới, nên trở lại khách thính lấy, y nghe được những lời nầy, bèn

gạn hỏi rõ nguyên nhân, mới biết rằng: "Chánh hậu Vāsabhakhattiya tuy là con của đức vua Mahānāma dòng Thích Ca, nhưng mẹ nàng lại là một cung nữ".

Viên tùy tướng đem chuyện nầy thuật lại cho quân sĩ nghe. Thế là, trong sĩ tốt có tiếng xôn xao, đồn rằng: "Bà Vāsabhakhattiya là con gái của một cung nữ". Thái tử Viḍūḍabha nghe rõ câu chuyện, chàng căm tức dòng họ Thích Ca, thề rằng: "Mặc cho bọn nó giỏi lấy sữa tươi mà rửa chỗ ngồi của ta, khi nào lên làm vua ta sẽ lấy máu cổ họng chúng nó mà rửa lại chỗ ấy".

Khi thái tử về đến thành Sāvatthī, các quan tùy giả thuật lại sự tích ấy do cung nữ Kapilā (Vệ Kim Thành) đã thổ lộ, nguồn gốc của chánh hậu lên đức vua Pasenadi. Quốc vương rất căm thù dòng họ Thích Ca, nghĩ rằng: "Bọn nầy đã mạo muội gả con gái cung nhân cho trẫm".

Quốc vương hạ lịnh tước đoạt phẩm vị của Chánh cung hoàng hậu và Đông cung thái tử, biếm xuống làm cung nhân.

Cách mấy hôm sau, Đức Bổn Sư ngự vào hoàng cung, an ngự vào chỗ ngồi soạn sẵn, quốc vương bèn đảnh lễ Ngài và bạch rằng: "Bạch Ngài, quả nhân xin cho Ngài hay biết các quyến thuộc của Ngài đã mạo hôn, gả con gái cung nữ cho quả nhân, vì vậy, cho nên quả nhân đã tước hết phẩm vị Chánh hậu và Đông cung thái tử, cho làm cung nhân, nô tỳ vì phận vị ấy hợp với họ".

Đức Bổn Sư phán rằng: "Tâu đại vương, việc nầy rất oan uổng cho họ, Chánh hậu đã được dòng Thích Ca nhìn nhận ngang hàng mới đem gả cho đại vương. Như Lai xác nhận việc nầy. Đại vương, mẫu hệ không nghĩa lý gì, chỉ có phụ hệ là đáng kể mà thôi.

Như bậc hiền trí thuở xưa đã phong cho một thiếu nữ bần hàn đi mót củi khô lên làm chánh hậu, thái tử do nàng ấy sanh ra về sau lãnh tụ, là vị chúa tể thống trị cả quốc độ Bārāṇasī rộng đến mười hai do tuần, có danh hiệu là Kaṭṭhavāhanarāja (Tiều Phu Vương).

Nhân dịp nầy, Đức Bổn Sư thuật tích Bổn Sanh Nữ tiều phu (Kaṭṭhahāriyajātaka).

Quốc vương Pasenadi nghe pháp rồi, công nhận chỉ có phụ hệ là đáng kể nên phát tâm hoan hỷ, bèn truyền lịnh ân xá chánh hậu và thái tử, cho phục hồi cựu vị.

Nói về đô thống tướng quân Bandhula kết hôn với Công chúa Mallikā (Mạt Lỵ), là con vua xứ Malla, đã lâu ngày không có con. Gia tộc Bandhula kết tội nàng là "vô hậu", nên đuổi Công chúa trở về cố quốc. Công chúa định đến bái biệt Đức Bổn Sư rồi sẽ lên đường. Vào Tịnh xá Jetavana, Công chúa đảnh lễ Đức Như Lai rồi đứng qua một bên. Đức Bổn Sư phán hỏi:

- Con đi đâu đây?

- Bạch Ngài, con trở về sanh quán.

- Tại sao vậy?

- Bạch Ngài, vì con hiếm muộn, chồng con kết tội vô hậu, nên đuổi về xứ.

- Nếu thế thì con khỏi cần đi về quê, con hãy trở lại nhà chồng.

Công chúa mừng rỡ, đảnh lễ Đức Thế Tôn rồi trở gót về nhà Thống soái Bandhula, Bandhula hỏi rằng:

- Tại sao nàng trở lại?

- Đức Thập Lực bảo thiếp trở lại.

Đại Tướng quân Bandhula bằng lòng cho vợ ở lại và nghĩ: "Chắc Đức Thập Lực tiên tri, thấy được vị lai. Thôi ta hãy ráng chờ xem".

Quả thật, chẳng bao lâu Công chúa thọ thai, sanh chứng ốm nghén, thèm khát không chịu đựng được, bèn tỏ thật cùng chồng. Tướng quân Bandhula hỏi: "Nàng thèm món chi?".

- Thưa tướng quân, tại kinh đô Vesālī, trong ngự uyển của vương tộc Licchavī, có hồ sen mà họ dành dùng làm lễ tôn vương. Thiếp thèm tắm rửa và uống nước trong hồ ấy.

Tướng quân Bandhula nói: "Được." Đoạn Đại tướng lấy chiếc cung thần có sức mạnh gấp ngàn lần cung nỏ thường đeo lên vai. Gióng xe ra khỏi thành Sāvatthī, nhắm ngay thành Vesālī tiến tới và đột nhập vào thành Vesālī, do cửa của Thái tử Mahāli trấn giữ. Tư dinh của Thái tử Mahāli gần cửa kinh thành, Mahāli nhủ thầm: "Đây là tiếng xe của Tướng quân Bandhula. Hôm nay chắc các vua dòng Licchavī phải kinh tâm tán đởm".

Các hồ cấm có hộ vệ quân trấn giữ, phòng thủ trong ngoài cẩn mật. Trên mặt hồ có lưới nhặt mắt, bao phủ kín mít một con chim nhỏ chui qua cũng không lọt.

Thế mà, Đô thống tướng Bandhula xuống xe tuốt gươm đánh đuổi lực lượng phòng vệ thật mau lẹ, chém đứt lưới đồng bao phủ mặt hồ, dìu vợ xuống tắm dưới hồ. Khi Công chúa tắm xong và uống nước thỏa mãn rồi, Tướng quân cũng tự mình xuống tắm.

Xong rồi, Đại tướng lái xe vượt qua khỏi thành Vesālī lên đường trở về bổn quốc.

Quân lính giữ ao hồ báo tin cho các vua Licchavī, các vua nổi giận, thắng năm trăm cỗ chiến xa, tức tốc dẫn binh xông ra khỏi thành, quyết theo bắt cho được Bandhula và Mallikā.

Các vua ghé vào dinh của Mahāli để cho biết ý định thì Thái tử cản rằng: "Thôi chư vương, đừng đuổi theo. Bandhula sẽ giết sạch chư vương, không sót một mạng".

Các vua đồng thanh nói:

- Dầu sao chúng tôi cũng sẽ rượt theo hắn.

Mahāli dặn rằng: "Nếu vậy, chư vương nên lưu ý đề phòng. Hễ khi nào trông thấy bánh chiến xa của y lún xuống tới bùn thì nên thu quân trở lại. Nếu không, khi chư vương tiến tới mà nghe tiếng nổ vang như sấm, lúc ấy nên lui binh, bằng không chư vương sẽ thấy các đầu chiến xa của mình đứt đoạn nát tan. Đến đây, chư vương không nên liều lĩnh tiến xa hơn nữa mà nguy đến tánh mạng".

Các vua Licchavī bất chấp lời khuyên ngăn của Thái tử Mahāli, đem hết toàn lực đuổi theo Bandhula tướng quân. Công chúa Mallikā nhìn lại phía sau lưng, thấy bụi bay mù mịt, nàng nói với chồng: "Thưa phu tướng, hình như có nhiều chiến xa đuổi theo chúng ta".

- Nếu vậy, nàng hãy nhìn cho kỹ, chừng nào thấy chiếc xe đầu tiên rõ rệt thì hãy bảo ta.

Khi thấy tất cả đoàn xe hiện ra như một chiếc xe giữa đám bụi mù. Công chúa Mallikā bảo chồng:

- Thưa phu tướng, giờ thiếp thấy rõ như một cái đầu xe.

Tướng quân Bandhula trao dây cương ngựa qua cho vợ, dặn rằng: "Nếu vậy, nàng hãy cầm giữ dây cương nầy, lái xe cho đi thẳng đường, để một mình ta đối phó với họ".

Nói rồi Bandhula lấy thế đứng vững trên xe, lắp sẵn tên vào chiếc cung thần.

Khi thấy chiếc chiến xa của tướng Bandhula bị lún bánh xuống tới bùn, các vua thấy vậy cũng chẳng lui bước. Tướng quân Bandhula cho xe mình đi một quãng đường ngắn rồi giơ tay búng dây cung thần, một tiếng nổ vang trời vang lên như tiếng sấm. Các vua Licchavī nghe vậy cũng chẳng nao núng mà còn đuổi theo rất gấp. Bandhula đứng trên xe bắn mũi tên, mũi tên ấy đâm lủng đầu năm trăm cỗ chiến xa địch, xuyên qua mình năm trăm vua Licchavī ngay chỗ dây ngọc đái, rồi cắm phập xuống đất; các vua Licchavī không hay rằng mình đã trúng tên địch, hăng hái xông tới thét lớn: "Tiểu tốt vô danh, có giỏi thì đứng đó đừng chạy".

Bandhula dừng xe lại, đợi các vua Licchavī đến gần mắng rằng: "Đồ chết bắn, ta không thèm giao chiến với những xác chết đâu".

Các vua Licchavī bảo: "Ngươi hãy xem cho kỹ, chúng ta không phải là những xác chết".

Bandhula nói: "Tất cả các ngươi đồng chung số phận, các ngươi hãy cởi mở ngọc đái của tên thủ lãnh ra xem".

Các vua Licchavī vừa mở dây ngọc đái của tên thủ lãnh thì vị nầy ngã xuống chết.

- Tất cả các ngươi đều đồng chung số phận với tên đầu lãnh, mỗi người hãy trở về nhà sắp đặt việc hậu sự, từ giã vợ con quyến thuộc, rồi hãy cởi bỏ khôi giáp.

Bandhula đưa Công chúa Mallikā về thành Sāvatthī. Từ đó về sau, Công chúa sanh mười sáu lần sanh đôi con trai. Tất cả đều là những tay vũ dũng, có đởm lược anh hùng, đến tuổi trưởng thành đều am tường lục thao tam lược, mỗi chàng đều có ngàn sĩ tốt bộ hạ. Mỗi lần Bandhula tướng quân về triều yết kiến quốc vương, các công tử và bộ hạ đi theo vào đứng chật cả sân rồng trong đền ngự.

Một hôm, các quan tòa xử án, nhiều người vì bị xử hiếp trong một vụ kiện, trông thấy tướng quân Bandhula đi tới, la ó lên, phản đối các thẩm phán thiên vị và cậy nhờ tướng quân can thiệp. Bandhula tướng quân vào đến giữa tòa, minh xét lại bản án, làm

cho rõ ngay gian và giúp cho người sỡ hữu chủ được thắng kiện. Quần chúng dự thính hoan hô vang dậy.

Quốc vương nghe tiếng reo hò phán hỏi thị thần: "Chuyện chi thế?". Khi biết rõ nguyên do, Quốc vương rất hài lòng, giáng chức các quan tòa cũ và bổ nhậm Bandhula cầm đầu Tam pháp y. Từ ngày nhậm chức mới, Bandhula xử đoán rất công minh. Các vị tài phán bị cách chức, mất cả danh lợi đem ra thù ghét Bandhula, nên kiếm chuyện đâm thọc với hoàng thân quốc thích, tuyên truyền rằng: "Bandhula âm mưu tạo phản".

Quốc vương nghe các quyến thuộc tâu vào tâu ra mãi, cũng mắc kế của bọn gian thần, sanh tâm nghi ngờ người bạn cố tri, muốn tru lục cha con Bandhula để trừ hậu hoạn.

- Nếu trẫm ra lịnh hành quyết ngay tại nơi đây, ắt là mang tiếng người đời chê trách.

Quốc vương liền mật sai những tướng quân tâm phúc giả làm quân phiến loạn, đánh phá nơi biên thùy. Đoạn triệu tướng Bandhula vào triều phán rằng:

- Có tin biên thùy dấy loạn, trẫm phú cho hiền đệ và các hiền điệt đi tiểu trừ và bắt cho được bọn cướp thảo khẩu ấy.

Tướng quân lãnh mạng ra đi, không ngờ Quốc vương ngầm sai những tướng tài khác đi kèm theo với mấy cha con, với lịnh truyền rằng: "Chém đầu Bandhalu với ba mươi hai công tử, đem thủ cấp về đây".

Trong lúc đội binh mã rầm rộ kéo đi ra biên thùy. Bọn khấu tặc nghe tin Đô thống tướng Bandhula xuất chinh, bèn tan rã hàng ngũ, bỏ chạy trước. Tướng quân vào thành lập lại trật tự vỗ an bá tánh, xong rồi kéo đại binh trở về gần tới kinh đô, các tướng sĩ lãnh lịnh vua thi hành bản án tử hình. Bắt hết cha con tướng quân Bandhula xử trảm một lượt.

Hôm ấy, nhằm ngày Công chúa Mallikā cung thỉnh hai vị Thượng Thinh Văn và năm trăm Tỳ khưu đến soái phủ thọ thực. Vào buổi sáng hôm ấy, công chúa nhận được thư báo của gia nhân: "Chồng và các con đã bị xử trảm". Được biết hung tin công chúa vẫn lặng thinh, nhét phong thơ vào trong vạt áo, lo việc hộ độ chư Tăng, như không có việc gì quan hệ xảy ra, khi ấy bọn nữ tỳ của Công chúa, sau khi dâng cơm đến chư Tỳ khưu, đang bưng cái bình sanh tô (bơ tươi) đến trước hai vị Đại đức thì sút tay, buông rơi cái bình xuống nền bể nát.

Đức Sāriputta nói an ủi rằng:

- Của tạm bợ vô thường, lỡ bể thì thôi, chẳng nên ân hận.

Công chúa Mallikā liền lật vạt áo lên, lấy phong thơ đưa ra và nói: "Bạch Ngài, ba mươi hai đứa con trai và cha nó vừa bị xử trảm, khi được người nhà đưa thư báo tin nầy, đệ tử đọc rồi còn chẳng ân hận, huống chi là việc bể cái bình sanh tô mà đệ tử ân hận hay sao?".

Đức Tướng quân Chánh pháp liền thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Animittamanaññātaṃ,
Maccānaṃ idha jīvitaṃ;
Kasirañca parittañca,
Tañca dukkhena saṃyuttanti".

"Sanh tử không kỳ hạn,
Tuổi thọ khó tiên đoán.
Đời tồi tệ nhỏ nhen,
Đầy khổ đau hoạn nạn".

Kế đó, Đại đức thuyết tiếp một thời pháp, rồi đứng lên rời Soái phủ, trở về Tịnh xá.

Công chúa cho gọi hết ba mươi hai cô dâu đến phán dạy rằng:

- Chồng các con phải chết vì tay người khác, chẳng qua là trả quả của nghiệp tiền khiên, các con chớ nên buồn rầu khóc lóc, cũng đừng đem lòng oán hận đức vua.

Các thám tử của quốc vương nghe được những lời nầy, nên về tâu lên quốc vương việc các quả phụ không đem lòng oán hận Ngài. Nghe vậy, quốc vương sanh tâm kinh cảm, ngự đến tư dinh của công chúa Mallikā để xin chịu lỗi với công chúa và các nàng dâu góa bụa, xong rồi ban cho công chúa một ân huệ.

Công chúa tâu: "Thần thiếp xin nhận lãnh ân huệ của bệ hạ".

Sau khi quốc vương ngự giá về cung, công chúa cử hành tang lễ, Trai Tăng cầu siêu, đoạn tắm gội sạch sẽ vào triều yết kiến quốc vương:

- Tâu đại vương! Bệ hạ hứa ban ân huệ, nhưng thần thiếp không cầu mong việc chi khác, ngoài việc xin bệ hạ gia ân cho thần thiếp và ba mươi hai con dâu được trở về xứ sở quê hương.

Quốc vương chuẩn tấu. Công chúa sắp đặt cho ba mươi hai nàng dâu ai về nhà nấy, riêng mình cũng lên đường trở về quê quán trong thành Kusinārā.

Quốc vương ấn phong cháu trai của tướng quân Bandhula là Dīghakārāyana (Trường Lao) làm Đô thống đại Nguyên soái.

Nhưng Dīghakārāyana căm thù quốc vương đã xử trảm Bandhula nên hằng chờ cơ hội để trả thù cho cậu mình.

Lúc bấy giờ, Đức bổn Sư đang ngự trong thị trấn Meḍalapa của dòng Thích Ca, quốc vương ngự giá đến đó, an dinh hạ trại cách chùa không bao xa, đoạn rời khỏi đại quân tùy giá vào chùa đảnh lễ Đức Bổn Sư, trước khi vào hương thất một mình, quốc vương cởi hết những phù hiệu của nhà vua (mão, hia, kiếm, trướng và hốt), giao cho Dīghakārāyana gìn giữ (đoạn nầy trong kinh Dhammacetiya sutta (Pháp Tháp) trong Trung Bộ Kinh có giải rõ từng chi tiết).

Thừa lúc quốc vương Pasenadi vào trong hương thất, Dīghakārāyana lấy hết phù hiệu vương vị, tôn Thái tử Viḍūḍabha lên làm vua, kéo rốc toàn quân trở về thành Sāvatthī, chỉ thừa lại cho quốc vương một con ngựa già và bà thế nữ hầu hạ vua mà thôi.

Sau khi đàm đạo thân ái với Đức Bổn Sư, quốc vương đảnh lễ Ngài trở ra, không thấy binh lính, hỏi bà thế nữ mới tỏ rõ mọi sự. Quốc vương nghĩ thầm: "Quả nhân phải nhờ Vương sanh (cháu kêu Ngài bằng dượng, tức là vua Ajātasattu) tiếp viện mà bắt Viḍūḍabha mới được".

Khi quốc vương Pasenadi đến thành Rājagaha thì đã quá giờ lưu thông, các cổng thành đều đóng kín. Quốc vương buộc lòng phải nghỉ đỡ trong một ký túc xá. Cả ngày đi nắng lại bị trúng gió cảm sương, quốc vương thăng hà vào lúc nửa đêm. Thế nữ theo hầu đức vua khóc lóc thở than:

- Bệ hạ ơi! Bệ hạ là chúa của toàn dân xứ Kosala, mà sao phải chọn nằm cô quạnh lạnh lùng…

Khi đêm tàn, trời hừng sáng, nhiều người nghe tiếng nức nở của bà thế nữ, hỏi ra mới biết là đức vua Pasenadi thăng hà ở nơi quán trọ ngoài thành, bèn vào báo tin với quốc vương Ajātasattu, quốc vương bèn ra lịnh hỏa táng một cách trọng thể, y theo nghi lễ tống chung của bậc đại vương.

Thái tử Viḍūḍabha sau khi tức vị, nhớ lại mối hận ngày xưa, bèn chiêu tập binh mã, kéo hết đại binh ra khỏi thành Sāvatthī, trong tâm tính rằng: "Trẫm sẽ tận sát dòng Thích Ca". Ngày ấy, lúc quán sát thế gian trong buổi sáng, Đức Bổn Sư thấy rằng dòng họ Thích Ca của Ngài sắp bị tiêu diệt. Ngài tự nghĩ: "Như Lai phải đi về độ tông tộc mới được". Thế rồi, trong buổi sáng Ngài đi khất thực, độ xong bữa, Ngài trở về hương thất. Buổi trưa, Ngài nằm thiền, nghiêng mình về phía phải như con hùng sư, và buổi xế Ngài bay đến Kapilavatthu, an tọa dưới một gốc cây có bóng mát loang lổ, nơi giáp ranh hai nước.

Phía bên kia ranh thuộc lãnh thổ của Viḍūḍabha có cây đa to, tàn nhánh rậm rạp có nhiều bóng mát.

Vừa trông thấy Đức Bổn Sư, vua Viḍūḍabha vội đến gần Ngài đảnh lễ và bạch rằng:

- Bạch Ngài! Trong lúc nắng nôi thế nầy, sao Ngài lại ngồi chi dưới gốc cây có bóng râm loang lổ, xin thỉnh Ngài qua ngồi bên gốc cây đa to có nhiều bóng mát, ở đằng kia.

Đức Bổn Sư đáp rằng: "Tâu đại vương! Bóng râm của thân quyến bao giờ cũng mát mẻ".

Nghe vậy, đức vua viḍūḍabha nghĩ rằng: "Chắc Đức Bổn Sư ngồi đây để bảo vệ gia quyến của Ngài". Đức vua đảnh lễ rồi cáo từ Đức Bổn Sư và thâu binh trở về Sāvatthī. Đức Bổn Sư cũng đứng dậy bay về Jetavana.

Quốc vương Viḍūḍabha không thể quên được mối hận thù đối với dòng Thích Ca, xuất binh lần thứ hai đến chỗ giáp ranh hai nước, cũng gặp Đức Bổn Sư như lần trước, nên lại thu quân trở về. Đến lần thứ ba đức vua lại xuất binh, lại gặp Đức Bổn Sư nơi đó và lại thu quân trở về một lần nữa.

Đến lần xuất binh thứ tư của vua Viḍūḍabha, Đức Bổn Sư không can thiệp để cứu quyến thuộc của Ngài nữa. Vì Ngài quán thấy ác nghiệp của họ ở tiền kiếp, đã bỏ

thuốc độc xuống dòng sông thuốc cá chết, nay quả tới thời trổ quả rồi, không thể che chở cứu vãn được nữa.

Với quyết tâm: "Trẫm sẽ tận diệt dòng họ Thích Ca", Viḍūḍabha đem đại đội hùng binh ra đi, không còn bị Đức Bổn Sư cản trở. Quyến thuộc của Đức Bổn Sư kiên trì giữ giới sát sanh, thà chịu chết chứ không dám xuống tay giết hại kẻ khác, nghe tin địch quân kéo đến, họ nghĩ ngay rằng: "Chúng ta là những tay thiện xạ bá phát bá trúng, nhưng ta không thể phá giới mà giết hại địch quân, ta chỉ nên bắn dọa cho họ sợ mà chạy thôi".

Thấy tên bắn như mưa, vua Viḍūḍabha bảo các tùy tướng:

- Các khanh nghĩ sao? Có phải dòng Thích Ca giữ giới không sát sanh, thế mà bây giờ họ giết hại binh sĩ của trẫm.

Khi ấy, một tùy tướng tâu rằng:

- Tâu chúa thượng, vì sao chúa thượng lại lui quân?

- Dòng Thích Ca giết hại binh sĩ của trẫm.

- Ba quân tướng sĩ không có ai bị thương cả. Xin chúa thượng hãy cho kiểm lại quân sĩ xem.

Khi kiểm lại quân sĩ, không thấy thiệt mạng ai cả, vua Viḍūḍabha lại truyền lịnh tấn công và dặn rằng:

- Nầy ba quân tướng sĩ! Các khanh hãy giết sạch những kẻ nào nhận là dòng Thích Ca, trừ những ai đứng gần ngoại tổ của trẫm là vua Mahānāma, thì các khanh hãy dung tha mạng sống cho họ.

Quân binh của Viḍūḍabha phá cửa thành Kapilavatthu tuôn vào như nước vỡ bờ, đi lục soát bắt dòng Thích Ca để tru lục. Có nhiều người không cam tâm chịu chết vô cớ, bèn cắm cỏ hoặc cầm lau sậy đứng chực sẵn. Hễ quân nghịch đến hỏi: "Ngươi có phải là dòng Thích Ca không?" Thì nhóm cắn cỏ đáp: "Không phải Thích Ca, cỏ" (No sāko tiṇanti), còn nhóm cầm lau thì đáp: "Không phải Thích Ca, vi lô" (No sāko naḷoti). Quân lính ngoại quốc nghe không rành, tưởng họ phủ nhận dòng Thích Ca, nên không hạ sát họ, các người nầy dầu có chết cũng không dám phạm giới nói dối, nên đã dùng mẹo khéo nói trớ như vậy mà được sống sót (tiếng Phạn Sāka là rau, đọc mường tượng như Sākya là Năng Nhân Thích Ca), cả những người chạy theo đứng gần với vua Mahānāma cũng được tồn sanh. Do đó về sau có danh từ Thảo Thích Ca (Tiṇasākiya) để chỉ những người cắn cỏ và danh từ Vi lô Thích Ca (Naḷasākiya) để chỉ nhóm người đứng cầm lau.

Ngoài ba nhóm kể trên, tất cả hoàng tộc Thích Ca dầu là trẻ con còn bú cũng không toàn mạng. Vua Viḍūḍabha ra lịnh cắt cổ họ đem dội máu lên cẩm đôn mà mình đã ngồi khi trước.

Tông tộc Thích Ca đã bị vua Viḍūḍabha tru lục như thế, vua Viḍūḍabha ra lệnh bắt vua Mahānāma đem theo làm tù binh rồi mới rút lui trở về nước.

Đến giờ sáng vua Viḍūḍabha đình bộ, xuống một nơi thung lũng nghỉ, cho quân hầu bưng cơm và khiến người đi thỉnh ông ngoại đến để cùng ngồi ăn chung một mâm.

Dòng Sát Đế Lỵ thà bỏ mạng chứ không bao giờ chịu ngồi ăn chung mâm với con trai của thế nữ, cho nên vua Mahānāma nhìn xuống một ao hồ và nói:

- Nầy vương điệt, mình trẫm lấm lem cát bụi, để trẫm đi tắm đã.

- Vâng, ngoại tổ hãy đi tắm đi.

Vua Mahānāma nghĩ thầm: "Nếu ta không ngồi ăn chung với thằng nầy, thì chắc chắn nó sẽ giết chết ta, thà là ta tự sát cho rồi".

Vua bèn xả búi tóc ra, cột thắt gút phía ngọn tóc, đoạn xỏ hai chân vào cái nồi, rồi nhảy ùm xuống nước. Do oai lực cao độ của vua Mahānāma, thủy cung của loài rồng phát hiện, Long vương tự hỏi: "Có chuyện gì thế?". Khi quán thấy được nguyên nhân, Long vương liền rước vua Mahānāma để ngồi trên mang của mình rồi đưa về thủy cung. Vua Mahānāma lưu trú nơi đây trong mười hai năm trường.

Vua Viḍūḍabha ngồi chờ ngoại tổ đã lâu, bèn khiến quân lính túa đi tìm kiếm dưới nước trên bờ, đến tối cũng không thấy, thắp đuốc soi đường mà tìm cũng chẳng thấy được nhà vua mất tích. Sau cùng, vua Viḍūḍabha cho rằng vua Mahānāma đã trốn thoát, nên rút quân lên đường, đại binh đến sông Aciravatī vào lúc ban đêm, nên chia làm hai đội, đóng trại nghỉ tại bờ sông, một đội ngủ trên cồn cát dưới sông, một đội thì ngủ trên bờ cao. Những người ngủ tại cồn cát mà không tạo ác nghiệp thì bị kiến cắn thức dậy la lên: "Chỗ tôi nằm bị kiến cắn", thế là họ lên trên bờ cao mà nằm. Còn những người nằm ở trên bờ cao mà tạo ác nghiệp nặng cũng bị kiến cắn, họ thức dậy la rằng: "Chỗ tôi nằm có kiến", và họ lại đi xuống cồn cát mà nằm. Ngay lúc ấy, mây đen kéo mù mịt, mưa tuôn như thác đổ, nước sông dâng lên trong nháy mắt, ngập lụt cả bờ sông, cuốn vua Viḍūḍabha cùng đoàn quân ngủ trên cồn cát đưa luôn ra biển. Tất cả những người tạo ác trọng nghiệp đều làm mồi cho cá và rùa.

Đại chúng Tỳ khưu đề khởi lời nghị luận rằng:

- Dòng Thích Ca bị diệt vong quả thật là oan uổng, khi không bị bọn người khát máu, cho rằng dòng Thích Ca đáng bị tru lục, rồi gặp ai chém nấy. Như thế thật là phi lý bất công.

Đức Bổn Sư nghe được lời đàm thoại của chư Tỳ khưu, bèn dạy rằng:

- Nầy chư Tỳ khưu! Trong kiếp hiện tại, dòng Thích Ca bị diệt vong như thế là bất xứng, nhưng không có gì oan uổng vì họ chỉ gặt hái cái quả tương xứng với ác nghiệp mà họ đã tạo ra trong dĩ vãng mà thôi.

- Bạch Ngài! Dòng họ Thích Ca đã tạo nghiệp gì trong dĩ vãng?

- Trong dĩ vãng, họ đã vầy thành đoàn, xuống sông bỏ thuốc độc làm cho cá và rùa chết thật nhiều, do cộng nghiệp ấy mà dòng Thích Ca phải bị tiêu diệt như vậy.

Qua ngày sau, chư Tỳ khưu lại nhóm trong giảng đường và đề khởi pháp thoại như vầy:

- Vua Viḍūḍabha hạ sát cả dòng họ Thích Ca, trở về không đến được xứ. Vì nuôi tham vọng quá mức mà dắt dẫn cả bao nhiêu người đi theo làm mồi cho cá và rùa ở dưới biển sâu.

Đức Bổn Sư ngự đến giảng đường, phán hỏi rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Các ông đang hội thảo về việc chi vậy?

Chư Tăng đáp: "Bạch Ngài, chuyện như vầy…".

- Nầy các Tỳ khưu! Cũng như dòng nước lũ ngập lụt cả xóm làng đang mê ngủ, tử thần bắt những chúng sanh nầy trong lúc họ còn ôm ấp tham vọng chưa thỏa mãn, cắt đứt mạng căn của họ, nhận chìm họ xuống biển tứ ác đạo vậy.

Nói xong, Đức Bổn Sư thuyết kệ rằng:

"Pupphāni h'eva pacinantaṃ,
Byāsattamanasaṃ naraṃ,
Suttaṃ gāmaṃ mahogho'va,
Maccu ādāya gacchati".

"Kẻ mải hái hoa ngũ trần,
Tâm còn mê vọng, tử thần bắt đi.
Như làng xóm ngủ li bì,
Nửa đêm bị nước cuốn đi thình lình".

☸

CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ Phạn Ngữ, câu ***byāsattamanasaṃ*** nghĩa là: Tâm còn lưu luyến đến chỗ đã đến, hoặc đến chỗ chưa đến cũng như thợ làm tràng hoa, vào hoa viên để hái hoa, tuy còn đang hái ở đây mà tâm đã vọng tưởng đến chỗ khác, người ấy đưa tâm đi chu du khắp vườn hoa, dự định hái hết chỗ này sang qua chỗ kia, vừa đi vừa hái hoa, vừa để tâm lông bông như thế nào, thì cũng như thế ấy, người say mê, đắm nhiễm ngũ trần, khi chiếm hữu một bông hoa biết nói, có một nhan sắc ưa nhìn, hoặc có thinh, hương, vị, xúc vừa lòng đẹp ý rồi, cũng còn hướng tới mơ ước những bông hoa khác nữa, người ấy chưa hề biết đủ và còn thả tâm hồn đi lông bông theo các bông hồng xa lạ. Cũng đồng một nghĩa như trên, đối với người thế thì bông hoa ấy là bò, trâu, tôi tớ, trai gái, ruộng vườn, làng, xứ, quận chẳng hạn, còn đối với bậc xuất gia thì là cốc liêu, tịnh thất, y, bát chẳng hạn, đó là những bông hoa có tên là ngũ trần dục lạc mà người mải mê thâu nhặt hết chỗ nầy đến chỗ khác, là người tâm còn vọng tưởng ngũ trần vậy.

Suttaṃ gāmaṃ *(làng ngủ say)*, không phải là đồ vật trong làng như nhà cửa, vách phên… ngủ mà gọi là làng ngủ say, đây là nói về những chúng sanh như người và súc vật đang ngủ yên giấc lúc ban đêm, làng ngủ bị tử thần là nước dâng lên ngập lụt cả hai ba do tuần cả chiều dài lẫn chiều sâu bị lôi cuốn đem đi.

Cũng như thế ấy, tử thần là dòng nước lũ, lôi cuốn tất cả chúng sanh trong làng không sót một ai, dầu là đàn ông hay đàn bà, bò, trâu, gà, vịt chi cũng bị đưa ra biển làm mồi cho cá và rùa, thì sự tử vong cũng vậy, nó bắt những kẻ đang mê vọng ngũ trần, cắt đứt mạng căn của mình, kẻ ấy bị nhận chìm xuống biển tứ ác đạo.

☸

Khi thời pháp chấm dứt, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả, nhứt là Sơ quả. Đại chúng thính pháp cũng đều hưởng được sự lợi ích.

Dịch Giả Cẩn Đề

Vì chút tư thù khởi chiến tranh,
Lưu Ly Vương tạo nghiệp không lành.
Làn tên hữu ý dầu miễn tử,
Núi kiếm vô tình chẳng phóng sanh?
Máu đỏ loang hồng tòa khách sảnh,
Lòng son tô thắm đất Kìm Thành.
Diệt dòng giới vức vui chưa trọn,
Bụng cá vùi thây chẳng hổ danh.

DỨT TÍCH VUA VIḌŪḌABHA



47. As a flood sweeps away a sleeping village, death carries away the heedlessly sensuous.

47. Như lụt cuốn trôi ngôi làng đang ngủ, thần chết mang đi những kẻ đắm say phóng dật.

IV.4- Tích NÀNG SỰ PHỤ

(Patipūjikāvatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 48)

"Pupphāni h'eva pacinantaṃ,	***"Kẻ đang mãi hái hoa,***
Byāsattamanasaṃ naraṃ;	***Tâm còn vọng tưởng xa.***
Atittaṃ yeva kāmesu,	***Tìm hưởng thú dục lạc,***
Antako kurute vasaṃ".	***Tử thần nhốt chẳng tha".***

Kệ Pháp Cú nầy Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự gần thành Sāvatthī đề cập đến nàng Patipūjikā (Sự Phụ).

Chuyện nầy khởi đầu từ trên cung trời Đao Lợi.

Tương truyền rằng: Thuở ấy trên Tam thập tam thiên có vị Thiên tử (Devaputta) có hiệu là Mālābhārī (Hoa Quang), dắt theo hàng ngàn ngọc nữ ngự du trong vườn thượng uyển. Năm trăm thiên nữ trèo lên cây hái hoa ném xuống, năm trăm ở dưới nhặt hoa đi trang điểm cho Thiên tử. Trong số Thiên nữ leo cây, có một nàng đang ngồi trên nhánh cây vừa hết tuổi thọ, ngọc thể của nàng biến mất cũng như ngọn đèn vụt tắt. Tâm thức nàng thọ sanh vào một gia đình khá giả trong thành Sāvatthī.

Khi ra đời, nàng nhớ được tiền kiếp của mình, biết: "Mình trước là ái thiếp của Thiên tử Mālābhārī trên cung trời Đao Lợi". Nên vừa lớn khôn nàng đã bắt đầu dâng cúng hương hoa, lễ vật nguyện cầu được siêu sanh trở về đoàn tụ với lang quân.

Lúc mười sáu tuổi, nàng xuất giá, từ đó nàng siêng năng làm phước cúng dường thực phẩm đến Tăng bằng những cách thông thường như để bát chư Tỳ khưu mà nàng rút thẻ bắt thăm được, Trai Tăng mỗi ngày Uposatha (ngày rằm và ngày ba mươi), hoặc hộ Tăng trong ba tháng hạ… và phát nguyện rằng: "Xin cho sự phước thí nầy hãy là món duyên lành, giúp cho con được tái sanh hội hiệp với chồng con".

Chư Tỳ khưu nghe nàng ước nguyện như thế, sáng chiều hướng tâm đến chồng, nên đã đặt cho nàng biệt hiệu là nàng Patipūjikā (Sự Phụ). Nàng luôn chăm nom ngôi tọa đường (Āsana sālā) cho người, lo việc dâng nước và sắp đặt chỗ ngồi, những thiếu nữ khác khi muốn cúng dường, Trai Tăng cũng thường nhờ cậy nàng cho mượn chỗ và phụ tiếp công nữa, hoặc đưa vật thực đến mượn nàng thay mặt để lo hộ độ chư Tăng nơi ngôi tọa đường, cứ mỗi bước đến ngôi tọa đường, hoặc đi về nhà, là nàng Patipūjikā có được năm mươi sáu thiện pháp đều đều như vậy.

Nàng thọ thai, được mười tháng thì sanh được đứa con trai, khi đứa con đầu lòng biết đi, nàng sanh thêm được một đứa kế, và cứ thế, nàng hạ sanh được bốn đứa con trai.

Thế rồi, một hôm sau khi bố thí, cúng dường, thính pháp, thọ giới, đến cuối ngày không đau bịnh chi hết, làng tự nhiên lìa bỏ cõi đời, siêu sanh về tái hội với chồng. Khi ấy, các Thiên nữ khác vẫn còn đang trang điểm cho thiên tử Mālābhārī. Thiên tử thấy nàng thì hỏi:

- Từ sáng đế giờ không ai thấy nàng, vậy nàng đi đâu?

- Thưa chàng, thiếp đã mệnh chung.

- Nàng nói thật chứ?

- Vâng, quả đúng như thế, thưa chàng.

- Nàng sanh về đâu?

- Trong một gia đình khá giả nơi thành Sāvatthī.

- Nàng ở đó bao lâu?

- Ở trong bụng mẹ mười tháng thì ra đời, đến năm mười sáu tuổi thì xuất giá, sanh được bốn con trai rồi làm phước cúng dường và ước nguyện được trở về với chàng. Nên giờ đây mới được thọ sanh về đây đó chàng.

- Tuổi thọ nhân loại là bao nhiêu?

- Lối một trăm năm.

- Chỉ có bấy nhiêu ư?

- Vâng, thưa chàng.

- Sanh làm con người chỉ có bao nhiêu tuổi thọ thế, họ lại ăn ngủ buông lung, để mặc thời gian trôi qua hay là họ cúng dường làm phước vậy?

- Thưa chàng, chàng nói chi chuyện làm phước, người đời họ luôn luôn dể duôi, buông tuồng, y như là họ sống đến hết A tăng kỳ kiếp, không già không chết vậy.

Nghe đến đây, một mối kinh cảm phát sanh lên trong lòng Thiên tử Mālābhārī. Nghe nói: "Sanh làm người chỉ sống có một trăm tuổi thọ, thế mà họ vẫn sống buông lung ăn ngủ mãi, thì họ biết bao giờ mới thoát khổ".

Ở Thiên giới chúng ta, một trăm năm cõi nhân loại chỉ bằng một ngày đêm cõi Đao Lợi nầy. Cứ ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm, tuổi thọ nơi Đao Lợi thiên cung là một ngàn tuổi, tính theo tuổi nhân loại là ba mươi sáu triệu năm.

Bởi thế, nàng Thiên nữ khi thác xuống cõi người rồi trở về thiên giới chưa đến một ngày. Coi như mới đi trong chốc lát vậy. Con người có tuổi thọ ít ỏi như thế mà cứ buông lung giải đãi thì thật là không phải cách.

Ngày hôm sau, chư Tỳ khưu vào ngồi trong tọa đường thấy không có người trông nom, chỗ ngồi không ai sắp đặt, nước không ai dâng cúng bèn hỏi: "Nàng Sự Phụ đâu rồi?".

- Bạch các Ngài! Nàng ấy còn đâu nữa, chỉ vừa mới ngày hôm qua, khi các Ngài thọ thực xong ra đi, thì chiều hôm ấy nàng đã quy thiên.

Nghe tin buồn, các Tỳ khưu tưởng nhớ đến công đức của nàng tín nữ quá cố mà không cầm được giọt lệ, các Thinh Văn Lậu Tận cũng phát sanh kính cảm. Sau bữa cơm, chư Tăng về chùa đảnh lễ Đức Bổn Sư và bạch hỏi rằng:

- Bạch Ngài, nàng cận sự Patipūjikā sáng chiều hằng lo làm phước cúng dường lễ vật, phát nguyện xin được gần chồng, bây giờ nàng đã thác, không biết được thọ sanh về đâu?

- Nầy các Tỳ khưu! Nàng thọ sanh về gần gũi với chồng nàng.

- Bạch Ngài! Nàng chết rồi, đâu còn gần gũi với chồng nàng.

- Nầy chư Tỳ khưu! Nàng không phát nguyện gần gũi với chồng ấy đâu. Chồng nàng là Thiên tử Mālābhārī trên cõi Đao Lợi, khi nàng đang trèo lên cây hái hoa để trang điểm cho chồng thì hết tuổi thọ, hạ sanh về nhân loại, bây giờ thì đã trở về với chồng cũ rồi.

- Bạch Ngài, có thật như thế ư?

- Nầy các Tỳ khưu! Có thật như thế.

- Ôi! Kiếp sống của chúng sanh thật là nhỏ nhen ngắn ngủi bạch Ngài, mới hồi sáng nàng còn hộ độ chúng con, kế buổi chiều nàng phát bệnh chết liền.

Đức Bổn Sư đáp: "Phải đó, các Tỳ khưu, đời sống chúng sanh ngắn ngủi là thường lệ, những chúng sanh nầy còn đang mải miết hái hoa ngũ trần dục lạc, thì bị tử thần bắt giữ, dầu cho có than van khóc lóc, tử thần cũng bắt đi luôn".

Rồi Đức Bổn Sư thuyết kệ rằng:

"Pupphāni h'eva pacinantaṃ,
Byāsattamanasaṃ naraṃ;
Atittaṃ yeva kāmesu,
Antako kurute vasaṃ".

"Kẻ mải hái hoa vô tình,
Tâm còn vọng tưởng chẳng gìn giữ thân.
Trong giờ thọ hưởng ngũ trần,
Lòng còn nô lệ, tử thần chẳng xa".

CHÚ GIẢI:

Pupphāni h'eva pacinantaṃ: Như người thợ làm tràng hoa vào vườn hoa mải mê hái hoa. Người ham mê ngũ trần mải mê góp nhặt những vật dính liền vào xác thân. Xác thân và các đồ vật dụng khác, gọi là hoa dục lạc.

Byāsattamanasaṃ naraṃ: Tâm lưu luyến đủ mọi cách, chỗ nào chưa đến thì khát khao mong mỏi, chỗ nào đã đến rồi thì nịch ái đắm say.

Atittaṃ yeva kāmesu: không bao giờ thỏa mãn trong sự tìm kiếm, thọ hưởng tích trữ mọi thứ ngũ trần dục lạc.

Antako kurute vasaṃ: Bị lọt vào tay của Tử thần là sự chết, dầu cho thở than khóc lóc gì cũng vô ích, thế nào cũng bị nó bắt đem đi.

☸

Bài kệ chấm dứt, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả, nhứt là Thánh quả Tu Đà Hườn, đại chúng thính pháp đều được hưởng nhiều lợi ích.

Dịch Giả Cẩn Đề

Một phút thiên đình lỡ sẩy chân,
Sự Phụ sa đọa xuống hồng trần.
Hái hoa cò nhớ khi đoàn tụ,
Làm phước chưa quên buổi hợp quần.
Sống chỉ nguyện siêu về cảnh cũ,
Thác không lo đoạn mất tình thân.
Giữa thời xuân sắc xinh như mộng,
Giã biệt chồng con dứt nợ trần.

DỨT TÍCH NÀNG SỰ PHỤ



48. *Death grabs the pursuer of sensual pleasures at will before reaching the point of satiety.*

48. Thần chết bắt được kẻ chạy theo dục lạc buông thả, trước khi kẻ ấy được thỏa mãn tham dục.

IV.5- Tích BÁ HỘ KHAN NANG

(Macchariyakosiyaseṭṭhivatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 49)

"Yathā pi bhamaro pupphaṃ,	***"Ví như ong lấy mật,***
Vaṇṇagandhaṃ aheṭhayaṃ;	***Không hại sắc hương hoa.***
Paleti rasam'ādāya,	***Vị Sa môn hành khất,***
Evaṃ gāme munī care".	***Vào làng lại trở ra".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự gần thành Sāvatthī, đề cập đến bá hộ Macchariya (Túi keo: Khan Nang).

Câu chuyện nầy khởi đầu tại thành Rājagaha.

Tương truyền rằng: Cách kinh thành Rājagaha không bao xa, có một thị trấn tên là Sakkara, nơi đó có ông bá hộ Macchariyakosiya, gia tài lên đến tám trăm triệu đồng vàng. Ông bá hộ nầy chẳng bao giờ bố thí cho ai hoặc tự mình tiêu xài chút ít chi, dầu chỉ là nhỏ nhen như rót dầu trên đầu cọng cỏ, cho đến những người thân thích ruột rà như vợ con trong nhà hoặc các bậc xuất gia như Sa môn, Bà la môn chẳng hạn, cũng không ai được hưởng phần gia tài khổng lồ mà ông bo bo gìn giữ như hồ nước đầy, không dám cho hao một giọt.

Một hôm, sau khi xuất định Đại bi trong buổi sáng sớm, Đức Bổn Sư dùng Phật nhãn quán xét toàn cõi thế gian tìm kiếm chúng sanh nào có đủ căn lành đáng được tiếp độ, Ngài thấy ở cách xa Ngài độ bốn mươi lăm do tuần, có hai vợ chồng ông Trưởng giả Macchariyakosiya có duyên lành đắc Tu Đà Hườn trong ngày ấy.

Nguyên cách mấy hôm trước, ông Trưởng giả có lên thành Rājagaha yết kiến đức vua, sau khi bãi chầu, trở về dọc đường ông có gặp một người dân quê đói bụng đang nhai ngấu nghiến một ổ bánh tàn ong chất đầy váng sữa coi bộ ngon lành lắm, làm ông phát thèm. Về đến nhà, ông nghĩ thầm: "Nếu ta hở môi ra nói là ta muốn ăn bánh tàn ong, thì chắc có nhiều đứa muốn ăn chung với ta, như thế phải tốn hao nhiều mè, bơ, đường, than, củi đủ thứ… Thôi tốt hơn ta không nên cho ai biết". Ráng dằn tâm đè nén sự thèm khát, ông bỏ đi thất thơ đây đó.

Nhưng càng đi nhiều, ông càng thấy vỏ vàng gầy guộc, mình nổi gân xanh, chớ không khuây khỏa được sự thèm khát. Về sau, ông phải vào phòng riêng, nằm úp sấp trên giường, cho đến nước ấy mà ông chẳng chịu tỏ thật với ai, chỉ vì sợ hao hụt kho tàng của mình.

Khi ấy, bà Trưởng giả vào đấm lưng cho chồng, hỏi ông:

- Chẳng hay mình đau bịnh chi vậy?

- Ta không có đau ốm chi cả!

- Hay là mình bị đức vua khiển trách?

- Đức vua cũng không phiền trách chi ta cả!

- Hay là con cái hoặc tôi tớ trong nhà có làm điều chi phật lòng của mình?

- Cũng chẳng có ai làm cho ta phật ý cả.

- Thế thì mình có thèm lạt món chi chăng?

Nghe vợ hỏi vậy, ông Trưởng giả lặng thinh, sợ nói ra lời thì thất thố, có thể hao tốn đến kho tàng của ông. Bà Trưởng giả không nghe ông trả lời, bèn lặp lại câu hỏi:

- Mình à, hay là mình thèm lạt món chi?

Ông không dám nói lớn, chỉ ấm ứ trong cuốn họng: "Ta thèm ăn một món".

- Mình thèm ăn món gì?

- Ta muốn ăn bánh tàn ong.

- Chỉ có vậy mình không nói cho tôi biết, để chịu nhịn thèm làm chi. Bây giờ, để tôi làm ổ bánh để đãi cả thị trấn Sakkara nầy.

- Bà lo cho nhiều người chi vậy, họ muốn ăn thì họ tự lo làm lấy mà ăn chớ.

- Thế thì tôi làm một ổ bánh vừa đủ để đãi tất cả gia nhân trong khu phố ăn.

- Tôi dư biết là bà giàu có lớn rồi mà.

- Thế thì, tôi sẽ làm một ổ bánh lớn vừa cả gia tộc của mình ăn.

- Tôi vẫn biết bà có tật ưa làm đấy mà.

- Thế thì tôi sẽ làm một ổ bánh vừa đủ vợ chồng con cái mình ăn.

- Con cái ăn làm gì bánh nầy?

- Vậy tôi sẽ làm vừa đủ để ông và tôi dùng.

- Bà không thèm mà ăn làm chi.

- Vậy thì để tôi làm một cái vừa đủ mình ông ăn.

- Nếu bà nấu bánh tại đây sẽ có đứa biết mà ăn chực, bà chừa gạo tốt ra lấy tấm mẳn với khuôn lò nướng và chút ít sữa tươi, bơ lỏng, mật ong, đường rồi mang lên lầu bảy, ở đó làm bánh và nướng ngay tại chỗ đó, để tôi ngồi ăn một mình.

Bà Trưởng giả đáp: "Dạ được".

Bà cho đem đủ thứ vật liệu cần thiết, lên tuốt trên lầu thượng, rồi cho các nữ tỳ xuống hết, mới kêu ông Trưởng giả lên. Ông Trưởng giả trước hết lo đi đóng kín các cửa lại, gài then cẩn thận, rồi mới lên lầu bảy, đóng cửa bít bùng, ngồi trong phòng, đoạn ông bảo bà đốt lò, làm bánh nướng cho ông ăn.

Khi ấy vừa bình minh, Đức Bổn Sư gọi Đại đức Moggallāna và dạy: "Nầy Moggallāna, cách thành Rājagaha không xa, nơi thị trấn Sakkara có ông Trưởng giả Macchariyakosiya muốn ăn bánh tàn ong, nhưng sợ người ngó thấy, nên bảo vợ làm bánh nướng trên tầng lầu thứ bảy, ông hãy đến nơi đó thu phục cho được ông Trưởng giả ấy, bảo họ mang theo cả bánh và sữa, bơ, đường, mật, rồi ông hãy dùng thần lực đưa cả hai vợ chồng về Jetavana. Hôm nay ta sẽ ngồi thọ thực tại chùa cùng với năm trăm Tỳ khưu".

Đại đức đáp: "Lành thay! Bạch Ngài".

Vâng lịnh Đức Bổn Sư, Đại đức dùng thần thông bay đến thị xã Sakkara. Đến đứng trước cửa sổ tòa lâu đài bảy từng của ông Trưởng giả, Đại đức đứng giữa hư không với

tam y quả bát nghiêm trang rực rỡ chói lòa như ngọc Maṇī. Ông trông thấy Đại đức thì nghe trong tim rúng động, ông nghĩ: "Ta sợ gặp mặt những người như vậy nên mới lên đến chỗ nầy, vậy mà ông còn theo ta lên đứng tại cửa sổ". Nên ông nói rằng:

- Nầy ông Sa môn ơi! Không có bánh cho ông đâu, ông hãy đi đi.

Không dè Đại đức đã quyết thi hành cho được sứ mạng rồi mới chịu đi, nên Ngài lặng thinh đứng nơi ấy. Ông Trưởng giả nổi xung, nói với giọng mất bình tĩnh, như là muối được ném vào lửa đỏ:

- Nầy ông Sa môn, ông đứng đó làm chi giữa trời vậy, ông có thể đi lên đi xuống làm thành một con đường mòn giữa hư không, nhưng rốt cuộc ông cũng chẳng được chi cả đâu.

Đại đức Moggallāna liền đi tới đi lui, ngay trước cửa sổ giữa hư không… Ông Trưởng giả liền nói:

- Ông đi tới đi lui làm chi cho mọi người thấy, chỉ mỏi chân thôi, ông có thể ngồi kiết già giữa hư không, nhưng nếu có làm như vậy ông cũng chẳng được chi cả.

Vị Đại đức liền xếp chân ngồi kiết già giữa hư không.

Ông Trưởng giả lại nói:

- Ông ngồi giữa trời mà làm chi, ông có thể đến đứng ngay trên cửa sổ, nhưng rốt cuộc làm như vậy, ông cũng sẽ chẳng được gì.

Đại đức liền đến đứng trước cửa sổ, ông Trưởng giả lại nói:

- Ông đứng ngay ngưỡng cửa sổ làm gì, ông có thể phun ra khói, nhưng rốt cuộc làm vậy ông cũng chẳng được gì đâu.

Đại đức liền phun khói ra, cả tòa lâu đài mù mịt trong khói đen, hai mắt ông Trưởng giả xốn xang như bị kim chích. Sợ cháy nhà, ông ta không dám thách thức Đại đức phun lửa, nên làm thinh nghĩ rằng: "Ông Sa môn nầy đeo dính theo ta, nói gì cũng không nhúc nhích. Ta phải thí cho ông một ố bánh đưa ổng đi cho rồi".

Ông Trưởng giả bảo vợ: "Bà nầy, hãy nướng một cái bánh nhỏ cho ông Sa môn, bảo ông đi nơi khác đi".

Bà Trưởng giả đổ chút ít bột vào khuôn, bột nổi phình thành một cái bánh to, choán đầy cả khuôn, thấy vậy ông nóng ruột, tự nghĩ rằng: "Chắc là đổ nhiều bột quá".

Ông bèn đứng dậy, tự mình múc một muỗng nhỏ bột đổ vào khuôn, cái bánh thứ hai còn phồng to hơn cái bánh trước, ông lại tiếp tục bớt bột, nhưng cái thứ ba to lớn hơn thêm, ông tiếp tục bớt bột đổ thêm nữa, nhưng cá bánh càng về sau lại càng phồng hơn cái trước. Đến khi mệt mỏi, ông bảo vợ:

- Nầy bà, hãy lấy một cái bánh cho ông Sa môn đi.

Bà Trưởng giả cầm lấy cái bánh trong giỏ xách, nhưng tự nhiên các ổ bánh dính chùm lại với nhau. Bà gọi chồng:

- Mình à, những ổ bánh nầy dính chùm lại với nhau, tôi gỡ không ra.

- Bà để đó cho tôi.

Ông Trưởng giả gở cũng không ra, hai ông bà nắm hai đầu bánh kéo như căng dây, mà cũng không thể bẻ lẻ ra được, hai ông bà ráng sức kéo một hồi mồ hôi xuất ướt cả mình, hai ông bà khát nước quá, phải buông ra chịu thua. Ông bảo vợ rằng:

- Bà à, ta không cần ăn bánh nữa, bà hãy đem cả giỏ xách nầy mà cho ông Sa môn đi.

Bà Trưởng giả mang cả giỏ bánh đến gần Đại đức, Đại đức thuyết pháp cho ông bà nghe về ân đức của Tam Bảo và giải cho họ biết về phước báu của các việc lành, nhất là sự bố thí sẽ phát sanh tròn đủ cho các thí chủ như trăng tròn mọc trong ngày rằm vậy.

Được nghe pháp, ông Trưởng giả phát tâm trong sạch thỉnh Đại đức: "Bạch Ngài! Xin Ngài vào an tọa nơi đây thọ thực".

Đại đức đáp: "Nầy Trưởng giả, Đức Chánh Biến Tri hiện đang ngự tọa trong chùa Jetavana, Ngài muốn độ bánh với năm trăm Tỳ khưu tại đó. Ngài đã sai ta đến đây thuyết phục ông bà, rồi đưa ông bà với bánh sữa, đường, mật về Jetavana. Vậy ta hãy chuẩn bị cùng nhau đi đến viếng Đức Bổn Sư".

- Bạch Ngài, hôm nay Đức Bổn Sư ngự tại đâu?

- Ở chùa Jetavana, cách đây độ bốn mươi lăm do tuần đó à.

- Bạch Ngài! Làm sao ta đi được một khoảng đường như thế cho kịp bây giờ.

- Nầy ông Trưởng giả, miễn là ông bà hoan hỷ thì dầu xa, ta sẽ dùng thần thông đưa hai người đi, nơi ta đứng trong tòa lâu đài nầy sẽ là cầu thang, và cổng tam quan của chùa Jetavana là chân cầu thang, chỉ trong thời gian mau lẹ như từ trên lầu nầy xuống đất, ắt sẽ đưa hai ông bà tới Jetavana rồi.

Ông Trưởng giả bằng lòng nên đáp: "Lành thay, bạch Ngài".

Đại đức bèn nguyện rằng: "Nơi đây, là cầu thang, xin cho chân thang là cổng của Tịnh xá Jetavana".

Lời nguyện của Đại đức thành tựu trong tức khắc. Đại đức và hai ông bà Trưởng giả trong chốc lát đã đến Jetavana, còn mau hơn là từ lầu xuống đất. Hai thí chủ cùng đến báo tin với Đức Bổn Sư: "Đã đến giờ thọ thực".

Đức Bổn Sư bèn dắt năm trăm Tỳ khưu ngự vào trai đường, Ngài ngự lên Phật bảo tọa đã được dọn sẵn, ông Trưởng giả bèn xối nước khai mạc buổi lễ cúng dường bánh đến Đại đứcTăng có Đức Phật là hội chủ. Bà sớt đầy bánh đến đấng Như Lai, Đức Bổn Sư thọ dụng bánh vừa đủ, cả năm trăm Tỳ khưu vẫn như thế, ông Trưởng giả đứng dâng sữa, bơ, đường lỏng, đường cục.

Khi dùng xong bữa, Đức Bổn Sư cùng với năm trăm Tỳ khưu bảo thôi dâng, hai vợ chồng Trưởng giả mới rảnh tay, cùng ăn bánh cho no bụng, bánh còn dư thật nhiều, đem cho đế người xin tàn thực của chư Tăng, ăn cũng không hết. Hai ông bà bèn bạch lại với Đức Thế Tôn:

- Bạch Ngài, bánh còn dư đem bỏ đâu?

Đức Bổn Sư dạy:

- Hãy mang đổ ngoài cổng trước chùa Jetavana.

Khi hai ông bà đem bánh dư đổ xuống triền dốc, gần cổng tam quan chùa, cho đến nay chỗ ấy còn mang tàn tích kỷ niệm là Dốc bánh tàn ong (Kapallapūvapabbhāra), kế đó nhà đại phú hộ cùng vợ đến gần đảnh lễ Đức Thế Tôn, rồi đứng sang qua một bên. Đức Thế Tôn đọc kinh phúc chúc.

Nghe hết bài kinh, hai ông bà đắc quả Tu Đà Hườn, đảnh lễ Đức Bổn Sư rồi lên cầu thang từ cổng tam quan trở lại lâu đài của mình. Từ đó về sau, ông đem cái kho tàng tám trăm triệu đồng vàng mà ủng hộ Phật Pháp.

Sáng hôm sau, chư Tỳ khưu ngồi họp mặt trong giảng pháp đường, đề cao oai lực của Đại đức Moggallāna rằng:

- Chư hiền hữu có thấy oai lực của Đại đức Moggallāna chưa? Đại đức không làm mất đức tin, không làm hao tài sản, chỉ trong chốc lát mà thu phục được ông Trưởng giả Macchariyakosiya, khiến ông mang cả bánh và đưa ông ta trở về Jetavana yết kiến Đức Bổn Sư, nhờ đó ông đắc quả Tu Đà Hườn. Đại đức quả thật là một bậc đại thần lực vậy.

Do Thiên nhĩ, Đức Thế Tôn nghe được sự đàm luận của chư Tỳ khưu, Đức Bổn Sư ngự vào phòng họp phán hỏi rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Hôm nây các ông hôi họp thảo luận về việc chi thế?

- Bạch Ngài, chúng con… như vầy…

Nghe chư Tăng đáp xong, Đức Bổn Sư phán dạy:

- Nầy các Tỳ khưu! Ví như ong chỉ lấy mật trong hoa, Tỳ khưu nào khéo huấn luyện một gia tộc thì không làm mất đức tin, không làm hại tài sản, không làm khổ cực, khó mãi cho gia tộc ấy. Trái lại, khi đến gần người cư sĩ nên làm cho họ biết đến ân đức của Tam bảo như con trai ta là Moggallāna đây vậy.

Sau khi thốt lời khe ngợi Đại đức, Đức Bổn Sư thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Yathā pi bhamaro pupphaṃ,
Vaṇṇagandhaṃ aheṭhayaṃ;
Paleti rasam'ādāya,
Evaṃ gāme munī care".

"Ví như ong nọ tìm hoa,
Lấy xong chút mật rồi là bay đi.
Sắc hương chẳng động làm chi,
Sa môn khất thực cũng y thế mà".

CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ, Phạn ngữ ***bhamaro*** chỉ cho con ong mật bất cứ thứ nào.

Pupphaṃ: Trong vườn hoa, con ong vào ra hút mật, nhưng không làm tổn hại hoa và hương sắc của hoa.

Paleti: Sau khi hút lấy nhụy hoa vừa đủ no, con ong bay về tổ, nhả ra để làm thành mật, nó bay lút vào một bọng cây trong rừng rậm nào đó, nhỏ nhụy có lẫn bột phấn hoa ra lọc lấy chất tinh túy chế biến dần thành mật ong nguyên chất. Trong khi bay đi đó khắp vườn hoa, không bao giờ con ong làm thiệt hại hoa hay hương sắc của hoa, sau đó nó bay đi, tất cả vườn hoa vẫn y nguyên như thường.

Evaṃ gāme munī careti: Cũng như thế, bậc xuất gia tịnh giả hữu học hoặc vô học (asekha) đi trì bình khất thực trong làng xóm của người cư sĩ, không bao giờ sự đi lại của các Ngài gây tổn hại đức tin hoặc tài sản của các gia tộc khi vào làng như thế, rồi trở ra, bậc tịnh giả hữu học trải Tăng già lê (saṅghāṭi) ngồi nơi chỗ mát mẻ, có nước, ở ngoài xóm, quán tưởng vật thực đi bát được như thịt của đứa con mình, là người trốn trong rừng bất đắc dĩ phải ăn để duy trì mạng sống, rồi mới thọ dụng, sau khi đi vào rừng như thế, vị ấy lấy nội tâm làm đề mục tham thiền quan tưởng, đạt được bốn đạo và bốn quả trở thành vị Thánh vô học, trú tâm vào Kiến lạc pháp (Diṭṭhadhamma sukha) tức là hưởng thụ tịnh lạc hiện tiền do nhờ giác ngộ nội tâm.

Vị nầy cũng giống như con ong vào rừng nhả nhụy làm hoa, biến chế ra mật nguyên chất vậy. Bậc tịnh giả trong bài kệ nầy là chỉ bậc sa môn A La Hán như Đại đức Moggallāna.

Bài kệ vừa dứt, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

Sau bài pháp nầy, Đức Thế Tôn còn thốt lời tán dương ân đức cao thượng của Đại đức nữa:

- Nầy chư Tỳ khưu, không phải Moggallāna chỉ mới thu phục được Trưởng giả trong kiếp nầy. Trong tiền kiếp Moggallāna cũng đã từng huấn luyện ông ta, khiến ông ta hưởng được nghiệp quả liên quan rồi.

Để chứng minh cho việc nầy, Đức Bổn Sư giảng tích Illīsajātaka (Tích Đoản Kiếm) và ngâm lên kệ rằng: (Jātaka 345)

"Ubho khañjā ubho kuṇī,
Ubho visamacakkhukā;
Ubhinnaṃ pīḷakā sīse,
Nāhaṃ jānāmi illīsanti".

"Người què, người lại nhót chân,
Cả hai cặp mắt lé trân không nhìn.
Hai đầu lép cũng giống in,
Ai là đoản kiếm ta nhìn không ra?".

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Khan Nang bá hộ kiết ai bằng?
Thèm bánh tàn ong định trốn ăn.
Cửa đóng then gài che mắt tục,
Lời qua tiếng lại tiễn chân Tăng.
Duyên may Phật độ thành Sơ quả.
Phước tốt Sư trừ bớt bịnh căn.
Tự hậu chẳng quên thầy tiếp dẫn,
Tỳ khưu Lậu Tận, bực kỳ năng.

DỨT TÍCH BÁ HỘ KHAN NANG



49. The mendicant must sojourn the village for his needs gently like a bee on a flower.

49. Vị Tỳ khưu đi vào làng để khất thực một cách trang nghiêm như con ong đến với hoa.

IV.6- Tích TU SĨ NGOẠI ĐẠO TIỂU ĐIỆP

(Pāṭikājīvakavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 50)

"Na paresaṃ vilomāni,	***"Đừng oán lời thô bỉ,***
Na paresaṃ katākataṃ;	***Việc người làm rồi chưa.***
Attano'va avekkheyya,	***Hãy quán xét tự kỷ,***
Katāni akatāni ca".	***Việc mình làm xong chưa".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự gần thành Sāvatthī, đề cập đến tu sĩ Pāṭika (Tiểu Điệp).

Tương truyền rằng: Trong thành Sāvatthī có một bà thí chủ hằng chu cấp cho một tu sĩ ngoại đạo thường xuyên, tên ông ấy là Pāṭika (Tiểu Điệp) mà bà nhận làm con nuôi.

Trong xóm bà ở đó có những người đi nghe Đức Bổn Sư thuyết pháp, lúc về hằng ca tụng ân đức Phật Bảo bằng nhiều lời lẽ như là: "Ôi Pháp của chư Phật thuyết ra thật là huyền diệu phi thường!".

Được nghe lời tán dương ân đức Phật Bảo , bà nầy phát tâm muốn đi chùa thính pháp, bèn ngỏ ý với tu sĩ Pāṭika:

- Bạch thầy, tôi muốn đến viếng Đức Phật.

Tu sĩ Pātīka can rằng: "Thôi đừng đi má ơi!".

Bà nài nỉ nhiều lần, vị tu sĩ cũng đều cản như vậy hết. Sau cùng bà nghĩ rằng: "Thầy không bằng lòng cho ta đi chùa nghe pháp, thôi thì ta hãy thỉnh Đức Thế Tôn đến đây! Như thế ta sẽ được nghe pháp".

Sáng hôm ấy, bà chủ nhà cho gọi cậu con trai đến và bảo:

- Nầy con, con hãy đi thỉnh Đức Tôn Sư ngày mai đến đây.

Trước khi đi, cậu con trai ghé vào chỗ ngụ của tu sĩ Pāṭika đảnh lễ vị ấy rồi ngồi xuống. Vị tu sĩ hỏi cậu:

- Cậu đi đâu vậy?

- Má tôi sai tôi đi thỉnh Đức Bổn Sư.

- Cậu đừng nên đến chỗ ông Sa môn đó.

- Không được đâu thầy. Tôi sợ má tôi lắm. Thôi để tôi đi.

- Cậu đừng đi, đồ lễ vật sắp dưng cho ông ấy, để hai ta cùng chia nhau cùng ăn.

- Thôi thầy ơi! Má hăm đánh, tôi sợ lắm.

- Thế thì cậu hãy đi thỉnh đi, nhưng nhớ đừng chỉ rõ đường nào, lối nào đến nhà ta. Cậu giả như người ở gần đâu đó, và khi từ giã, cậu hãy chạy nhanh cho khuất mắt, rồi rẽ sang ngã khác đến đây.

Vâng lời tu sĩ ngoại giáo ấy, thiếu niên đến thỉnh Đức Bổn Sư rồi làm theo cách thầy ấy đã dặn, xong trở về phục lịnh.

Vị tu sĩ hỏi cậu ta: "Cậu đã làm cách nào?".

- Thưa thầy, tôi đã làm đúng như lời thầy chỉ dạy.

- Cậu giỏi thật, vậy phần lễ vật dâng cho ông Sa môn ấy, hai đứa mình sẽ chia nhau ăn nhé.

Hôm sau, từ sáng sớm, tu sĩ Pāṭika đã đến nhà bà tín chủ ấy, bà rước tu sĩ ngồi trong nhà nghỉ.

Phía nhà trước, những người láng giềng phụ tô vách, phòng bằng phân bò ướt, đoạn lấy bông lúa và bông ngũ cốc khô gieo rắc khắp nơi cho đẹp. Họ sửa soạn bảo tọa cực kỳ xinh đẹp và sang trọng để cung thỉnh Đức Bổn Sư ngồi. Quả thật, những người chưa từng thân cận với chư Phật thì không biết rằng cách sắp đặt chỗ ngồi cho bậc Sa môn. Vả lại, chư Phật không cần phải có người dẫn đường chỉ lối cho Ngài đi. Trong ngày Đức chánh Biến Tri đắc đạo quả dưới cội Bồ đề, khắp cả mười ngàn thế giới Ta bà đều rúng động. Ngài đã thấu rõ con đường luân hồi của chúng sanh: Đây là đường đi địa ngục, đây là đường đi súc sanh, đây là đường đi ngạ quỷ, đây là đường nhân loại, đây là đường chư thiên và đây là đường bất diệt Đại Níp Bàn. Không bao giờ Ngài cần ai chỉ đường vào làng, hay vào thị trấn, hay đến những nơi khác. Vì thế nên sáng hôm ấy, Đức Bổn Sư mang y bát đến nhà bà đại tín chủ, bà ra khỏi nhà, gieo năm vóc xuống đảnh lễ Đức Bổn Sư, thỉnh Ngài an tọa trong nhà xong, xối nước khai mạc lễ cúng dường đến Ngài các vật thực loại cứng loại mềm ngon quý.

Khi Đức Bổn Sư độ xong bữa, bà cận sự nữ xin thỉnh bát Ngài, để Ngài thuyết kinh phúc chúc đến cho bà. Đức Bổn Sư ôn tồn thuyết pháp hồi hướng phước báu đến thí chủ làm cho bà vô cùng thỏa thích, vừa nghe pháp vừa thốt lên lời hoan hỷ: "Lành thay! Lành thay!".

Khi ấy, tu sĩ Pāṭika ngồi ở nhà trong, nghe tiếng bà má nuôi đang thính pháp mà khen dồn như vậy thì dằn lòng không được, đứng dậy ra đi trong lòng nghĩ rằng: "Như vậy bà nầy bây giờ không còn là đệ tử của ta nữa rồi".

Tu sĩ Pāṭika xỉ mạ bà đại tín nữ luôn cả Đức Phật bằng những lời lẽ bất nhã như là : "Mụ già đốn mạt, tới số rồi đa, hãy lo phụng sự hắn ta như vầy mãi nghe…", đoạn bỏ đi luôn.

Bà cận sự nữ hổ thẹn vì lời mắng nhiếc của tu sĩ Pāṭika tâm bị xao lãng, không còn chú ý nghe pháp nữa.

Thấy vậy Đức Bổn Sư hỏi bà:

- Nầy bà tín nữ, bà không còn chú ý nghe pháp được nữa phải chăng?

- Bạch Ngài, những lời của thầy ấy làm cho tâm con xao lãng.

Đức Thế Tôn bảo rằng: "Những lời lẽ của con người ưa khích bác, chống đối như thế, nói ra bà không nên nghĩ nhớ làm gì. Đừng chất chứa nó trong tâm, chỉ nên xem sự việc mình đã làm xong chưa, và việc mình chưa làm là hơn".

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết bài kệ sau đây:

"Na paresaṃ vilomāni,
Na paresaṃ katākataṃ;
Attano'va avekkheyya,
Katāni akatāni ca".

"Lời thô bỉ gác ngoài tai,
Việc làm đắc thất của ai mặc tình?
Hãy lo quán xét việc mình,
Việc nầy việc nọ hoàn thành hay chưa".

☸

CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ nầy, câu Phạn ngữ ***Na paresaṃ vilomāni*** nghĩa là không nên để ý đến những lời nói thô bỉ, độc ác, xuyên tạc của kẻ khác.

Na paresaṃ katākataṃ: Không nên nhìn xem việc đã làm, hoặc không làm của kẻ khác, chẳng hạn như thấy rằng: Ông thiện nam nọ kém đức tin, không trong sạch, chưa hề bố thí tại nhà một vá thực phẩm nào, không làm phước Trai Tăng, không dâng cúng tứ vật dụng… Hoặc là ở nơi đó Tỳ khưu nọ kém đức tin, không trong sạch, không hầu hạ thầy tế độ, không phục vụ thầy tiếp dẫn, không làm tròn bổn phận đối với Tăng mới đến, đối với Tăng sắp đi xa, với Thánh Pháp, nơi làm lễ phát lộ, trong trai đường, trong nhà tắm nước nóng… Vị ấy cũng không thọ chi đầu đà nào, không tinh tấn tham thiền hành đạo…

Attano'va avekkheyya: Tự kỷ hằng quán xét như vầy: *Kathambhūtassa me rattindivā vitīpatanti:* Ngày và đêm qua mau thấm thoát ta đã làm xong việc chi chưa? Người tại gia nên luôn luôn quán xét như vậy, lại phải nhớ đến huấn từ nầy: "Con người gia giáo có đức tin xuất gia nhập đạo phải tự hỏi rằng: "Tam tướng là Vô thường, Khổ não, Vô ngã. Tại sao ta chưa dứt được bốn ách và chứng đắc Níp Bàn? Phải nên quán việc đã làm hoặc chưa làm như thế".

☸

Bài kệ vừa dứt, bà tín nữ đắc chứng Tu Đà Hườn quả. Đại chúng thính pháp cũng đều hưởng được sự lợi ích.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Bày mưu thỉnh Phật chỉ sai đường,
Tiểu Điệp ganh người được tán dương.
Trước ỷ làm con cao giọng mắng,
Sau do biết mẹ nặng tình thương.
Mất phần thực lộc thà ly biệt,
Được quả Thinh Văn cũng đoạn trường!
Hai lẽ chánh tà không hiệp một,
Kẻ còn ở lại, kẻ tha phương.

DỨT TÍCH TU SĨ NGOẠI ĐẠO TIỂU ĐIỆP

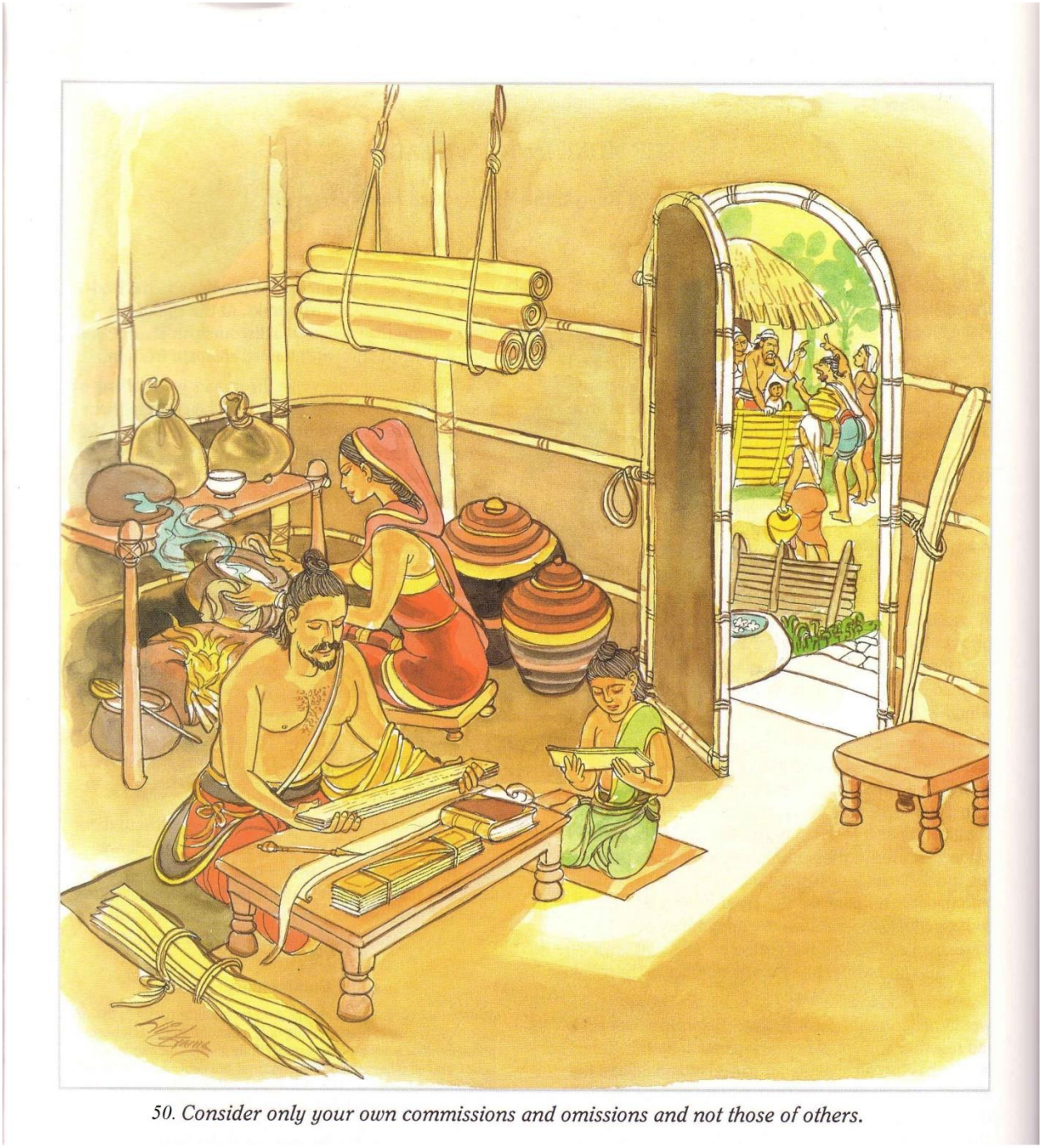

50. Consider only your own commissions and omissions and not those of others.

50. Chỉ nên xem xét việc mình đã làm hay chưa làm, chứ không nên xem xét việc của người khác.

IV.7- Tích THIỆN NAM TẢN THỦ

(Chattapāṇi upasakavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 51-52)

“Yathā’pi ruciraṃ pupphaṃ,	***“Như đóa hoa tươi đẹp,***
Vaṇṇavantaṃ agandhakaṃ;	***Có sắc chẳng mùi thơm.***
Evaṃ subhāsitā vācā,	***Như lời nói tuy đẹp,***
Aphalā hoti akubbato”.	***Không hành chẳng quả đơm”.***
“Yathā’pi ruciraṃ pupphaṃ,	***“Như đóa hoa tươi đẹp,***
Vaṇṇvantaṃ sagandhakaṃ;	***Có sắc có mùi thơm.***
Evaṃ subhāsitā vācā,	***Như lời nói đã đẹp,***
Saphalā hoti sakubbato”.	***Có hành quả chắc đơm”.***

Kệ Pháp Cú (51 – 52) nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Tịnh xá Jetavana, gần thành Sāvatthī, đề cập đến thiện nam Chattapāṇi (Tản Thủ).

Quả thật vậy, vào thời ấy ở thành Sāvatthī có vị cận sự nam tên là Chattapāṇi đắc A Na Hàm và thông suốt Tam tạng.

Một buổi sáng nọ, sau khi thọ giới Bát quan, ông ấy đến hầu cận với Đức Thế Tôn, dĩ nhiên là chư Thánh Thinh Văn A Na Hàm thì không cần giữ giới Bát quan trai, vì các vị ấy giữ tròn phạm hạnh và không còn ăn sái giờ nữa. Do đó, có Phật ngôn: “Tâu đại vương! Dầu là người thợ làm chén, làm đồ gốm nhưng nếu ăn một ngày một bữa và giữ phạm hạnh tròn, thì cũng là bậc có giới đức, có thiện pháp, ví như vị A Na Hàm luôn luôn ăn ngày một bữa và giữ tròn phạm hạnh vậy!”.

Tuy nhiên, cận sự nam Chattapāṇi cũng theo lệ thọ trì Bát quan trai giới, rồi đến gần Đức Bổn Sư, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên nghe thuyết pháp.

Ngay lúc bấy giờ, quốc vương Pasenadi Kosala cũng ngự đến hầu Đức Bổn Sư.

Thấy quốc vương đến, ông cận sự nam nghĩ thầm: “Ta có nên đứng dậy hay không?”. Ông xét thấy rằng: “Ta đang ngồi chầu một vị Hoàng đế mà đứng lên chào một vua chư hầu thì không phải phép. Dầu cho quốc vương có thấy ta không đứng dậy tiếp rước mà giận dữ, ta cũng đành để cho quốc vương giận, chớ ta không đứng dậy. Quả nhiên, nếu thấy các vua mà đứng dậy thì quý trọng đức vua hơn Đức Bổn Sư hay sao? Thôi ta nhất định không đứng”. Thế rồi, ông cận sự nam ngồi yên như cũ.

Các bậc hiền trí không bao giờ giận người đang ngồi gần vị cao quý hơn mình, khi người nầy thấy mình mà không đứng dậy. Nhưng quốc vương thấy ông Chattapāṇi không đứng dậy chào mình, nghinh tiếp mình, thì lại bất bình, đảnh lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi nép qua một bên, Đức Bổn Sư biết đức vua đang giận, bèn đề cao ông thiện nam rằng:

- Tâu đại vương! Cận sự nam Chattapāṇi nầy là bậc hiền giả, bậc lịch sự, thông suốt Tam tạng Pháp bảo, hiểu rành các điều hữu ích và vô ích.

Quốc vương nghe Đức Bổn Sư ca tụng cận sự nam với ân đức thù diệu thời mới nguôi cơn giận và phát tâm hoan hỷ.

Sau đó, một hôm quốc vương đã thọ thực xong, đang đứng trên lầu cao trong cung đình, trông thấy thiện nam Chattapāṇi, tay cầm dù chân mang dép tiến lên sân ngự, bèn cho quân hầu gọi ông vào đền, ông bỏ dù, cởi dép, đến gần đảnh lễ quốc vương, rồi đứng nép qua một bên. Quốc vương phán hỏi:

- Nầy khanh cận sự nam, sao khanh lại bỏ dù, cởi dép chi vậy?

- Tâu bệ hạ! Vì nghe có lịnh quốc vương dời, nên thần dân bỏ dù cởi dép ra mà vào hầu hạ bệ hạ.

- Chắc hôm nay khanh mới nhận biết trẫm là quốc vương phải không?

- Tâu bệ hạ! Thần dân chúng tôi lúc nào cũng nhận biết bệ hạ là quốc vương luôn luôn.

- Nếu nói như thế, tại sao ngày hôm nọ khanh ngồi bên Đức Thế Tôn, thấy trẫm đến sao khanh không đứng dậy?

- Tâu đại vương! Như người đang ngồi chầu Đức hoàng đế mà trông thấy các vua chư hầu, nếu thần dân đứng dậy lúc ấy hóa rá bất kính thất lễ với Đức Bổn Sư. Vì vậy mà thần dân không đứng dậy.

- Khanh nói cũng hữu lý, trẫm nghe nói khanh là bậc hiểu rành các sự lợi và bất lợi trong kiếp hiện tại và những kiếp vị lai, thông suốt Tam tạng kinh điển, vậy khanh hãy thuyết pháp ngay trong hậu cung đình cho trẫm nghe.

- Tâu bệ hạ, không được.

- Vì lí do nào?

- Tâu bệ hạ, chốn cung đình thâm nghiêm trang trọng, có nhiều nghi thức phiền phức, thần dân không dám phạm thượng.

- Khanh chớ nói như thế, bữa hôm trước khanh trông thấy trẫm còn không đứng dậy chào, bây giờ đừng e ngại gì cả.

- Tâu bệ hạ, người cư sĩ tại gia mà vượt quá phận sự của mình đảm nhiệm làm phận sự của Tăng thì mang lỗi. Xin bệ hạ hãy cho triệu tỉnh một bậc xuất gia vào đây thuyết pháp.

Quốc vương phán: "Lành thay, thôi khanh đi đi".

Cho phép cận sự nam đi rồi, quốc vương ngự đến yết kiến Đức Thế Tôn và yêu cầu:

- Bạch Ngài, hoàng hậu Mallikā và hoàng hậu Vāsabhakhattiya ngỏ lời muốn ôn nhuần các bài pháp. Xin thỉnh Ngài với năm trăm Tỳ khưu thường nhật vào hoàng cung thuyết giảng cho họ nghe.

- Tâu đức vua, chư Phật không bao giờ đến mãi một nơi nào.

- Bạch Ngài, nếu vậy xin Ngài phái một vị Tỳ khưu khác cũng được.

Đức Bổn Sư bèn giao trọng trách ấy cho Đại đức Ānanda. Đại đức hằng ngày vào thâm cung giảng dạy kinh điển cho hai hoàng hậu. Trong hai bà, bà Mallikā chăm chỉ họ tập nên thuộc lòng được các kinh tụng. Bà Vāsabhakhattiya trái lại không chăm chỉ học tập cho nên không thể thuộc lòng được các kinh tụng. Một hôm, Đức Bổn Sư phán hỏi Đại đức:

- Nầy Ānanda! Hai tín nữ ấy có ôn thuần kinh pháp hay không?

- Bạch Ngài, có.

- Người nào chăm chỉ học tập?

- Bạch Ngài, hoàng hậu Mallikā chăm chỉ học tập cho nên có thể nhập tâm được các bài kinh tụng một cách hoàn toàn. Còn bà quyến thuộc của Ngài không chăm chỉ học tập nên không thể nhập tâm kinh tụng một cách mỹ mãn.

Nghe Đại đức trình bày, Đức Bổn Sư kết luận:

- Nầy Ānanda! Pháp của ta thuyết giảng kẻ nào không nghe, không học, không tập, không thuyết thì không được kết quả gì. Ví như thứ hoa hữu sắc vô hương. Còn kẻ nào ráng nghe, ráng học, ráng tập, ráng thuyết thì sẽ gặt hái nhiều kết quả, hưởng được phước báu to tát.

Nói rồi Đức Bổn Sư ngâm hai bài kệ sau đây:

"Yathā'pi ruciraṃ pupphaṃ,
Vaṇṇavantaṃ agandhakaṃ;
Evaṃ subhāsitā vācā,
Aphalā hoti akubbato".

"Như hoa sắc đẹp có thừa,
Mùi thơm chẳng có thì chưa quý gì?
Lời lành thuyết để mà chi?
Nếu không cố gắng thực thi việc lành".

"Yathā'pi ruciraṃ pupphaṃ,
Vaṇṇvantaṃ sagandhakaṃ;
Evaṃ subhāsitā vācā,
Saphalā hoti sakubbato".

"Như hoa tươi tốt trên cành,
Sắc hương thắm đượm lịch thanh đủ mùi.
Lời lành nếu đã thuyết rồi,
Làm lành kết quả an vui thấy liền".

☸

CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ, Phạn ngữ ***ruciraṃ*** nghĩa là sáng sủa, đẹp đẽ, tươi tốt.

Vaṇṇavantaṃ: Là có đầy đủ màu sắc.

Agandhakaṃ: Là không có hương thơm, như nhiều loại hoa ở rừng núi, trừ ra hoa lài, hoa sứ, hoa mẫu đơn.

Evaṃ subhāsitā vācā: Lời lành ở đây là Phật ngôn trong Tam tạng Pháp bảo, ví như loài hoa hữu sắc vô hương. Cũng như loại hoa vô hương nầy nếu có giắt, đeo trên thân mình cũng không thể tiết ra mùi thơm được. Các câu Phật ngôn cũng thế, ai không kính cẩn nghe, không kính cẩn thọ trì, tức là không làm điều đáng làm thì không có mùi thinh hương, thọ hương, hành hương, không có kết quả. Do đó, Phật dạy câu:

Lời lành thuyết để mà chi?
Nếu không cố gắng thực thi việc lành.

Sandhagankaṃ: Là có mùi thơm, không như tai nấm, hoa lục bình, hoa rau muống... Cũng như thế ấy, ai mang, giắt những thứ hoa thơm trên mình thì thân mình xông ra mùi hương thơm tho dễ chịu, như người thực hành theo Phật ngôn trong Tam tạng Pháp bảo, tức là kính cẩn nghe, kính cẩn thọ trì, là làm việc nên làm thì sẽ gặt hái được nhiều phước báu vậy.

☸

Bài kệ vừa dứt, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả, kỳ dư thính chúng đều được hưởng sự lợi ích.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Tản Thủ đa văn lại khéo hành,
Tại gia đắc quả đáng nêu danh.
Thấy vua, kỉnh Phật không rời chỗ,
Trọng pháp, nhường Tăng chẳng hợm mình.
Mạt Lê Viên, hoa đủ sắc hương,
Phật ngôn học tập hiểu tinh tường.
Dày công kính cẩn hành không mỏi,
Đáng được đời sau mãi tán dương!
Hòa Tát Ba thì chẳng dụng công,
Như hoa có sắc thiếu hương nồng.
Uổng mang tên tuổi Hoàng gia Thích,
Pháp học, hành chi cũng bất thông...

DỨT TÍCH THIỆN NAM CHATTAPĀṆI

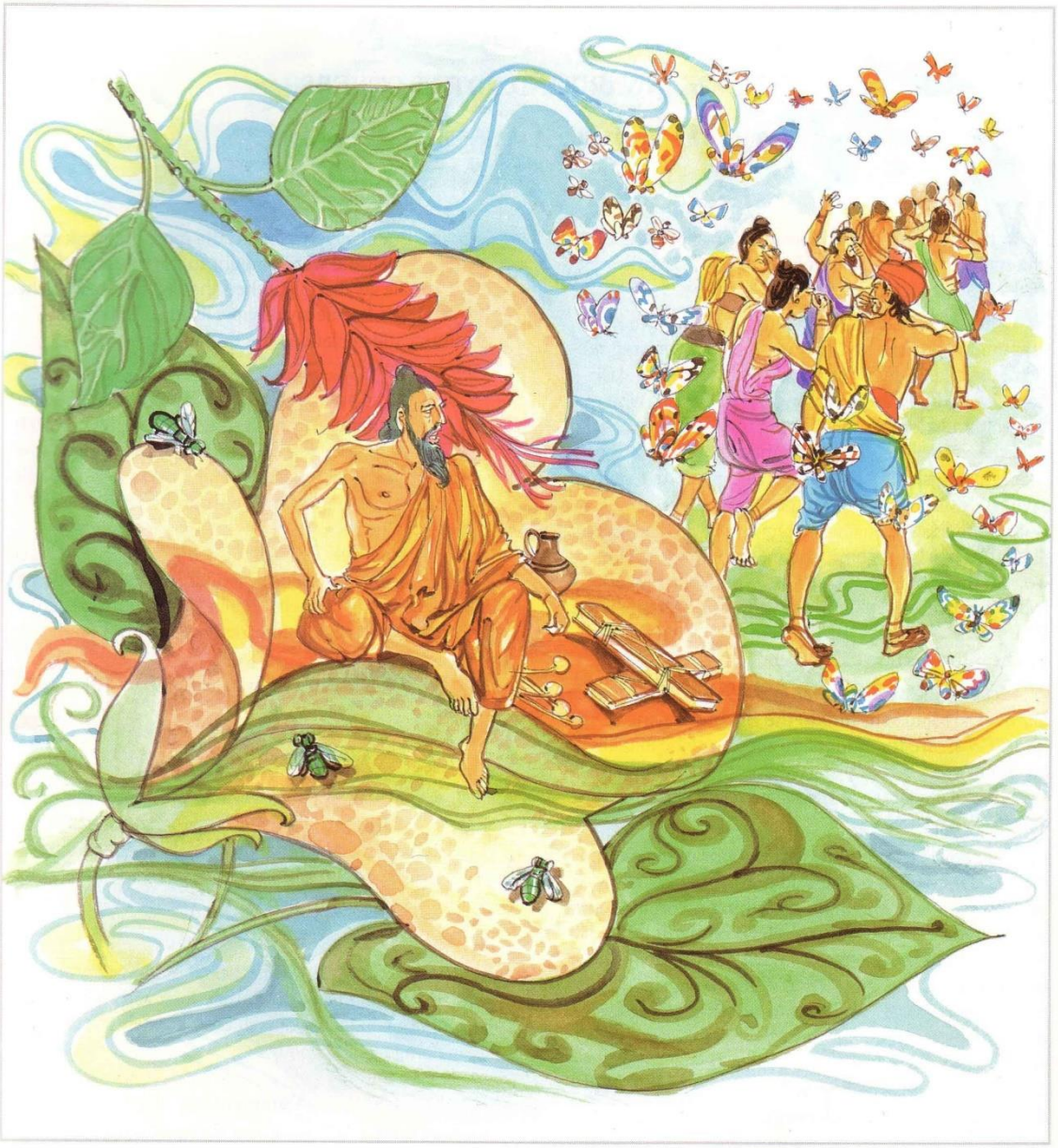

51. Mere sweet words which one never practises, are like flowers without fragrance.

51. Chỉ nói những lời ôn hòa mà ta không thực hành cũng giống như những thứ hoa không có hương thơm.



52. Sweet words which are put into practice are like flowers, beautiful, colourful and fragrant.

52. Những lời nói êm dịu được thực hành cũng giống như các thứ hoa tươi đẹp, đủ màu sắc và hương thơm.

IV.8- Tích ĐẠI TÍN NỮ THIỆN CHI

(Visākhāvatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 53)

"Yathā'pi puppharāsimhā,	***"Như hoa từ một đống,***
Kayirā mālāguṇe bahū;	***Kết được nhiều tràng hoa,***
Evaṃ jātena maccena,	***Từ thân người tạm sống,***
Kattabbaṃ kusalaṃ bahuṃ".	***Nhiều thiện sự sanh ra".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự tại Đông Phương Tự (Pubbārāma), đề cập đến bà Visākhā (Thiện Chi).

Tương truyền rằng: Bà Visākhā là con gái của bà Sumanadevī. Bà nầy là vợ chánh thất của Trưởng giả Dhanañjaya (Hộ Tài Thắng), ông nầy là con của Trưởng giả Meṇḍaka (Miên Dương) ở thành Bhaddiya, trong xứ Aṅgaraṭṭha (Ương Già).

Lúc bà Visākhā mới lên bảy tuổi thì Đức Bổn Sư lãnh đạo đại chúng Tỳ khưu ngự vào thành Bhaddiya, vì Ngài nhận thấy nơi đây có nhiều người hội đủ căn lành, có thể chứng đắc đạo quả như ông Bà la môn Sela (Nhan Thạch) chẳng hạn.

Vào thời kỳ ấy, gia chủ Meṇḍaka là người giàu có nhất trong số năm vị đại phúc (Pañcamahāpuññā) ở thành đô, vừa được vua phong chức Trưởng giả (Seṭṭhī). Nhà ngũ đại phúc Meṇḍaka cưới được vợ chánh thất tên là Candapadumā (Nguyệt Liên), sanh được người con trưởng nam tên là Dhanañjaya có nàng dâu là nàng Sumanadevī, có được người nô bộc là Puṇṇa (Viên Mãn). Trên toàn lãnh thổ của vua Bimbisāra không phải chỉ có ông Meṇḍaka là bậc đại phú gia mà còn có bốn người khác nữa, cũng là bậc đại phú gia phú hữu tứ hải (amitabhogā). Đó là ông Joṭika, Jāṭila, Meṇḍako Puṇṇaka và Kākavolliyo (Ô Nha Cát Đằng).

Trong năm nhà đại Trưởng giả nầy, ông Meṇḍaka biết tin là Đức Thập Lực đã ngự đến gần nhà, bèn gọi cô cháu gái là nàng Visākhā con gái của ông Trưởng giả Dhanañjaya, bảo rằng:

- Nầy cháu, hôm nay là ngày hạnh phúc của cháu, và cũng là ngày hạnh phúc của ông nữa, cháu hãy dắt dẫn năm trăm cháu gái khác, ngồi lái năm trăm chiếc xe có năm trăm nữ tỳ theo hầu, đi cung nghinh Đấng Thập Lực.

Cô bé vâng lời đáp: "Lành thay!".

Hướng đạo đoàn xe một cách thông thạo, đi đến chỗ xe không còn đi được nữa, cô Visākhā xuống xe đi bộ vào gần Đức Bổn Sư, đảnh lễ Ngài rồi đứng qua một bên.

Khi ấy, do duyên lành cô đã gieo từ kiếp quá khứ, Đức Bổn Sư thuyết pháp cho cô nghe. Nghe dứt thời pháp cô Visākhā cùng năm trăm cô bé đều đắc quả Tu Đà Hườn.

Ông Trưởng giả Meṇḍaka đến yết kiến Đức Bổn Sư khi được nghe pháp của Đức Thế Tôn cũng đắc quả Tu Đà Hườn, ông thỉnh cầu được Trai Tăng ngày mai.

Hôm sau, tại tư thất của ông, ông đã khoản đãi Đại đức Tăng có Đức Phật làm chủ tọa bằng những thực phẩm ngon lành, loại cứng và loại mềm. Đại lễ Trai Tăng nầy kéo dài suốt nửa tháng, ngày nào cũng thịnh soạn như vậy cả.

Đức Bổn Sư lưu lại gần thành Bhaddiya cho tới lúc Ngài xét là vừa phải rồi mới rời khỏi nơi đó.

Thời bấy giờ, hai quốc vương Bimbisāra và Pasenadikosala có tình á nghị (anh em bạn rễ) với nhau, cho nên một hôm đức vua Pasenadi nghĩ thầm: "Trong nước của Bimbisāra có đến năm nhà đại Trưởng giả phú hữu vô lượng (amitabhogā), còn trong nước quả nhân, một nhà cũng không có. Vậy để quả nhân sang viếng vua Bimbisāra mà xin thỉnh bớt một nhà đại Trưởng giả mới được".

Thế rồi quốc vương ngự giá sang qua nước bạn, trong khi tương hội với vua Bimbisāra, đức vua Bimbisāra hỏi á hoàng đệ rằng:

- Á hoàng đệ sang viếng quả nhân có việc chi chăng?

- Trong nước của hoàng huynh có đến năm nhà đại phúc phú hữu vô lượng cư trú, hoàng đệ muốn có một nhà như vậy trong nước mình, nên mới sang đây cậy hoàng huynh cho đệ xin thỉnh bớt một vị.

- Những nhà thế gia vọng tộc, quả nhân không thể bắt buộc họ di tản được.

- Nếu không được nhà nào hết thì tiểu đệ sẽ không về nước.

Khi ấy, vua Bimbisāra cho nhóm các đại thần lại thương nghị, rồi phán rằng:

- Việc di chuyển ngũ đại gia, nhất là Trưởng giả Joṭika chẳng khác nào phải di chuyển quả địa cầu. Duy có Trưởng giả Meṇḍaka có người trưởng nam là Trưởng giả Dhanañjaya, may ra có thể di chuyển được. Vậy thì, á hoàng đệ hãy chờ trẫm cho triệu ông ấy vào triều hỏi ý rồi sẽ trả lời dứt khoát.

Nói rồi vua Bimbisāra cho nội thị thỉnh Trưởng giả Dhanañjaya vào triều và phán rằng:

- Nầy hiền khanh! Quốc vương Kosala ngỏ ý muốn thỉnh một đại Trưởng giả đem về nước, vậy hiền khanh khá mau lên đường đi với quốc vương.

- Tâu bệ hạ! Nếu lệnh bệ hạ sai thì thần ắt phải đi.

- Nếu vậy, hiền khanh hãy lo chuẩn bị khởi hành cho sớm.

Trưởng giả Dhanañjaya lo về nhà sắp xếp các việc cần yếu, rồi dắt cả vợ con gia đình theo vua Pasenadikosala.

Quốc vương Bimbisāra ban nhiều tặng phẩm trọng hậu, sai đại thần đưa vua Pasenadi về nước.

Đoàn lữ hành đi được một ngày đêm, đến một địa phận nọ, có đầy đủ tiện nghi thì đình bộ nghỉ ngơi.

Khi ấy, Trưởng giả Dhanañjaya hỏi vua Pasenadi rằng:

- Tâu bệ hạ! Đây thuộc quốc độ nào?

- Thuộc quốc độ của trẫm đấy Trưởng giả.

- Từ đây đến Sāvatthī còn bao xa?

- Độ bảy do tuần.

- Tâu bệ hạ! Ở kinh thành thì dân cư trù mật, mà gia nhân quyến thuộc của hạ thần thì đông đảo quá, nếu lịnh bệ hạ chuẩn tấu, thì hạ thần xin lưu ngụ nơi đây.

- Lành thay!

Sau khi phê chuẩn, quốc vương truyền lịnh sửa sang kiến thiết địa phương nầy thành một đô thị, ân tứ cho Trưởng giả Dhanañjaya, xong rồi Ngài mới về triều. Vì đại gia đình di tản đến nơi đây vào lúc chiều tối cho nên thành phố được mệnh danh là Sāketa (Mộ Đáo Thành).

Thời ấy, nơi thành Sāvatthī có cậu công tử là con ông Trưởng giả Migāra (Migāraseṭṭhi), tên là Puṇṇavaḍḍhana (Mãn Hưng), công tử đến tuổi trưởng thành, hai ông bà bảo với công tử:

- Con à! Con liệu coi có chỗ nào ưng ý thì nói, để cha mẹ lo vợ cho con.

- Thưa ba má, con không muốn có vợ chút nào cả.

- Con à! Con đừng ở vậy không nên, trai không lập gia đình thì không có con trai để nối dõi tông đường.

Thấy song thân nhọc lòng nói mãi:

- Thôi thì, chừng nào ba má tìm được một thiếu nữ nào có ngũ mỹ câu hữu (Pañcakaḷyānasāmannāgataṃ) thì con sẽ vâng lời cha mẹ.

- Con à, ngũ mỹ câu hữu là những gì vậy con?

- Tóc tốt, thịt tốt, xương tốt, da tốt, tuổi xuân tốt (lẽ thường tóc của những nữ nhân hữu phúc mảnh và mướt, khi xả ra buông thỏng xuống lai y nội, ngọn tóc lại uốn cong ngược trở lên, giống như đuôi con công, đó là tóc tốt (Kesākaḷyāna).

Môi đỏ như trái Bimba (Tân loa) tươi nhuận, mềm mại, đầy đặn nhưng thanh tú, đó là thịt tốt (Maṃsakaḷyāna).

Hai hàm răng trắng, không có kẽ hở, rất đẹp và đều như chuỗi kim cương do thợ ngọc khéo kết, mỗi khi cười thì long lanh như ốc xà cừ. Đó là xương tốt (Aṭṭhikaḷyāna).

Làn da tự nhiên không tô phấn sáp mà mịn màng tươi tắn, không có vết thẹo, bớt đen hoặc nốt ruồi, nếu đen thì như hoa sen xanh, còn trắng thì như hoa Kaṇṇikā, đó là da tốt (Chavikakaḷyāna).

Dầu sanh nở mười lần con cũng như gái một con, không mất nhan sắc tuổi thanh xuân, đó là tuổi xuân tốt (Vayakaḷyāna).

Sau khi công tử đưa ra yêu sách như thế, ông bà Trưởng giả lập tức thỉnh một trăm lẻ tám vị Bà la môn đến nhà, đãi ăn long trọng, xong rồi mới hỏi rằng:

- Thưa các Ngài, mỹ nữ có ngũ mỹ câu hữu có tìm được chăng?

- Thưa có.

- Nếu vậy, xin quý vị vui lòng ra công tìm thiếu nữ có mỹ dung như thế giúp chúng tôi.

Ông bà Trưởng giả giao rất nhiều tiền cho những người đi tìm nàng dâu tương lai và đinh ninh dặn dò rằng:

- Khi nào được việc các vị trở về, chúng tôi xin hậu tạ. Bây giờ cứ xin quý vị hãy ráng sức tìm cho gặp được thiếu nữ ngũ mỹ câu hữu như thế. Khi nào tìm được, quý vị hãy giao vòng nầy cho cô ấy đeo làm lễ vật cầu hôn.

Ông Trưởng giả giao cho họ một cái vòng kim hoa trị giá một trăm ngàn đồng vàng (Kahāpaṇa) và giục họ lên đường.

Các ông mai di chu du khắp tỉnh thành, đô thị lớn nhỏ, không tìm gặp được thiếu nữ nào có ngũ mỹ câu hữu, họ quay trở về đi đến thành Sāketa, nhằm ngày khai sáng thành nầy, họ nghĩ thầm: "Hôm nay chắc công việc tìm người của chúng ta có kết quả".

Tương truyền rằng trong thành nầy mỗi năm đều có lễ hội kỉ niệm ngày khai sáng thành phố. Vào ngày lễ, tất cả dân chúng, cho đến những nàng tiểu thư khuê các, bất xuất khuê phòng, những gia đình tịnh cư cũng đều ra khỏi nhà, dắt theo đoàn tùy tùng, đầu trần chân không đi bộ xuống bờ sông.

Ngày nầy, các thiếu niên dầu là vương tôn công tử thuộc dòng Sát Đế Lỵ, cũng ra đứng nơi ngã ba đường hay ngã tư, chờ gặp các tiểu thư đồng trang lứa hợp ý đi qua, đặng ném hoa kén vợ.

Tám vị Bà la môn cũng vào đứng trong ký túc xá ở gần bờ sông. Lúc ấy, tiểu thư Visākhā tuổi vừa cập kê, mình đeo giắt nhiều loại nữ trang, đang dẫn năm trăm thiếu nữ đi tắm sông, cũng vừa đi đến đó. Thình lình mây đen kéo tới, rồi thì mưa lớn, cả năm trăm thiếu nữ lật đật kéo nhau đi vào ký túc xá tránh mưa. Chỉ riêng tiểu thư Visākhā thong thả bước vào ký túc xá, y phục và các trang sức đều đẫm ướt nước mưa, các ông Bà la môn nhìn thấy tiểu thư hội đủ bốn mỹ đức, muốn thử xem răng của nàng, nên giả vờ nói chuyện lớn tiếng với nhau rằng: "Con gái của ta lười quá, chồng nào vô phước mắc phải cô nầy chắc cháo cũng không có mà húp".

Nghe vậy, tiểu thư Visākhā hỏi mấy ông khách lạ:

- Chẳng hay quý ông muốn ám chỉ ai thế?

- Chúng tôi nói cô đó mà.

Tiểu thư dùng lời ôn tồn, ngọt dịu nói như rót mật, hỏi lại: "Vì lí do nào mà quý ông nói tôi như thế?".

- Đoàn thiếu nữ tùy tùng của cô không bị ướt y phục, đồ vật, nhờ lanh chân chạy vào ký túc xá, còn cô thì đủng đa đủng đỉnh, không lanh lẹ chạy vào đụt mưa, y phục nữ trang đều ướt mem, cho nên chúng tôi mới nói cô đó.

- Xin quý ông đừng nói như thế, tôi mạnh khỏe hơn các cô ấy. Vả lại, tôi không hối hả chạy vào đây vì những lý do chánh đáng.

- Cô nói sao?

- Thưa quý ông, đối với bốn hạng chúng sanh, dáng đi mau lẹ xem không đẹp, ngoài ra còn có một lí do khác nữa.

- Bốn hạng người nào mà dáng đi lanh lẹ coi không đẹp đâu hở cô?

- Thưa ông, quốc vương trong lễ gia miện, long thể trang sức đầy châu báu, mà xắn vén triều phục, bước đi lanh lẹ giữa sân rồng thì coi không đẹp, thể nào cũng bị thiên hạ chỉ trích rằng: Đại vương gì mà chạy lẹ quá như người gia trưởng vậy. Nếu quốc vương giữ dáng đi chậm rãi coi mới đẹp.

Thớt tượng hạnh phúc (Maṅgala) của quốc vương, đã được trang phục chỉnh tề mà chạy đi lanh lẹ coi cũng không đẹp, như thế ắt hẳn bị người chê trách, bảo rằng: Loài voi có tướng di uyển chuyển coi mới đẹp.

Hàng xuất gia mà có tướng đi lanh lẹ coi cũng không được như thế, ắt người chê trách, bảo rằng: Ông Sa môn nầy sao chạy lẹ quá như người cư sĩ vậy, nếu ông ta đi thong thả thì coi mới đẹp.

Hàng phụ nữ có dáng đi lanh lẹ coi cũng không đẹp được, thiên hạ sẽ quở trách một cách hợp lí là: Phụ nữ nầy làm gì mà chạy quá lẹ như nam nhân vậy. Phụ nữ có dáng đi khoan thai như thường thì coi mới được.

Đó là bốn hạng chúng sanh mà dáng đi lanh lẹ coi không được đó quý ông.

- Ngoài ra còn có lý do nào khác nữa vậy cô?

- Thưa quý ông, các bậc phụ mẫu nuôi dưỡng con cái, ráng gìn giữ cho con mình tay chân được lành lặn. Vì chúng tôi là những món hàng để bán, cha mẹ nuôi cho đến lớn, chờ đàng trai đến là gả tống chúng tôi đi. Nếu trong khi hấp tấp vội vàng, chúng tôi vướng vấp lai y phục, té ngã xuống đất mà gãy tay hay gãy chân. Như vậy có pải là trở nên một gánh nặng cho gia đình chăng? Thà là để cho y phục bị ướt cùng với đồ tư trang, rồi sau sẽ giặt phơi khô. Đó là lý do khiến cho tôi suy nghĩ đắn đo, rồi tôi mới không chạy, thưa quý ông.

Trong lúc tiểu thư nói, tám ông Bà la môn thấy được hai hàm răng đều đặn tốt đẹp của tiểu thư, thì nghĩ thầm:

- Thiếu nữ nầy có đủ tư cách như vầy chúng ta chưa từng gặp.

Họ bèn tán dương tiểu thư và nói:

- Tiểu thư biện luận thật là đúng lý.

Thế rồi, các ông mai đeo tặng phẩm là chiếc vòng kim hoa cho tiểu thư. Tiểu thư bèn hỏi:

- Chẳng hay quý ông từ thành phố nào đến đây?

- Từ thành Sāvatthī, thưa tiểu thư.

- Vị Trưởng giả mà quý ông đại diện tên là chi?

- Là ông Trưởng giả Migāra, thưa tiểu thư.

- Trưởng nam của của ông Trưởng giả tên là chi?

- Là Puṇṇavaḍḍhana công tử, thưa tiểu thư.

Tiểu thư nhận lời cầu hôn vì thấy dòng dõi của Puṇṇavaḍḍhana cũng môn đăng hộ đối với dòng dõi nhà mình, tiểu thư nhắn tin về cho phụ thân:

- Xin cho kiệu xa đến rước con.

Lúc trước, tiểu thư đi bộ ra khỏi nhà, nhưng từ khi nhận chiếc vòng kim hoa đeo lên cổ rồi thì không được tự do đi bộ như thế nữa.

Các tiểu thư vọng tộc đi bằng kiệu xa nhỏ nhẹ, còn những thiếu nữ hầu trèo lên thứ xe nhỏ thường hoặc là cầm lọng hoặc là lấy quạt che phía trên đầu, bằng chẳng vậy thì các cô lấy y choàng phủ lên vai.

Ông Trưởng giả Dhanañjaya gởi đến cho tiểu thư năm trăm cỗ xe, tiểu thư cùng với các thị nữ đồng len xe trở về nhà. Tám ông Bà la môn cũng đi theo một lượt.

Khi thấy các ông mai, ông Dhanañjaya hỏi:

- Quý khách từ đâu lại đây?

- Thưa Trưởng giả, từ thành Sāvatthī.

- Trưởng giả thành ấy tên là chi?

- Thưa là Migāraseṭṭhi.

- Con trai ông tên là gì?

- Thưa tên là Puṇṇavaḍḍhana công tử.

- Gia sản của ông ấy được bao nhiêu?

- Thưa Trưởng giả được bốn trăm triệu đồng vàng.

- Bấy nhiêu đó mà so sánh với gia sản nhà ta thì đàng trai còn thua xa lắm. Kể ra cũng chưa đủ tiền phấn sáp cho con gái ta, chớ đừng nói chi đến tiền khác. Tuy nhiên, một khi gặp chỗ xứng đáng cho con gái mình nương tựa thì còn so hơn tính thiệt mà làm gì.

Nói rồi, ông Dhanañjaya nhận lời cầu hôn của các vị Bà la môn, ông cầm các ông mai ở lại khoản đãi trong hai ngày rồi tiễn chân các ông trở về thành Sāvatthī.

Khi về đến kinh thành, họ báo tin mừng cho Trưởng giả Migāra: "Chúng tôi đã tìm được nàng dâu có đầy đủ ngũ mỹ đức".

- Nàng ấy là con nhà ai?

- Là ái nữ của Trưởng giả Dhanañjaya.

Nghe vậy, Trưởng giả Migāra nghĩ thầm: "Ta may mắn được con dâu nhà vọng tộc. Vậy ta nên cưới đem về cho gấp".

Ông vào trình với quốc vương để đi Sāketa, lo việc hôn nhân cho trưởng tử.

Quốc vương phán rằng:

- Đại gia tộc ấy là do trẫm đã sang viếng vua Bimbisāra, thỉnh được đưa về ngụ nơi Sāketa. Quả nhân cần phải ưu đãi, quý trọng, vậy để quả nhân cùng đi với khanh.

Ông Trưởng giả Migāra vâng lời, đáp: "Lành thay, tâu bệ hạ". Đoạn ông trở về nhà, thảo ngay một bức thơ gửi cho bá hộ Dhanañjaya, lời lẽ vắn tắt như vầy: "Khi bỉ nhân đến sẽ có đức vua cùng đến và quân gia rầm rộ đông đảo, hằng bấy nhiêu người cần phải thù tiếp, tiên sinh liệu có thể lo kham hay không?".

Ông Dhanañjaya phúc thư rằng: "Dầu cho có mười vị quốc vương đến cũng tốt vậy".

Thế là, trọn cả kinh đô rộng lớn như thế, ngoại trừ những người phải trông nom nhà cửa, còn tất cả bao nhiêu cư dân, ông Migāra đều cho đi theo dự lễ hành hôn. Đến một địa điểm cách Sāketa nửa do tuần, ông Migāra lựa chỗ cắm trại, rồi gởi thư báo tin cho đàng gái: "Chúng tôi đến".

Ông Dhanañjaya cho người mang nhiều lễ vật đến đãi sui gia, rồi gọi con gái đến hỏi ý kiến rằng:

- Nầy con, nghe nói cha chồng của con cùng các vương gia xứ Kosala đến đây. Vậy con thử nghĩ: Trong các lâu đài của ta, nên tiếp đãi cha chồng con trong tòa lâu đài nào, quốc vương tại lâu đài nào, chư Tiểu vương tại ngôi nào?

(Tiểu thư là một bậc hiền minh, có trí tuệ sáng suốt, quyết định mau lẹ chớp nhoáng, nhờ nàng đã phát nguyện từ một trăm ngàn kiếp trái đất về trước).

Khi nghe phụ thân hỏi, tiểu thư bèn đáp:

- Cha hãy tiếp đãi cha chồng của con ở ngôi nọ, quốc vương ở ngôi nọ, các tiểu vương thì ở những ngôi kia.

Chỉ dẫn cho phụ thân xong rồi, tiểu thư cho gọi các nô tỳ gia đinh đến phân phát công việc:

- Bao nhiêu đây hãy lo cơm nước đãi đằng quốc vương, bao nhiêu đây hãy lo đãi các tiểu vương… Ngoài ra các người cũng phải lo săn sóc voi, ngựa ăn uống đàng hoàng tử tế, phải lo cho các tượng nô, mã phu theo hầu quốc vương, để họ được rảnh rang mà dự lễ nữa…

- Tại sao vậy?

- Đừng để cho một ai có lời phiền trách, như nói: "Chúng ta đi dự lễ cưới của tiểu thư Visākhā mà chẳng có được chút gì vui thú, vì mắc lo giữ ngựa chăm voi, không đi đâu được hết".

Trong ngày ấy, thân phụ của tiểu thư Visākhā cho rước năm trăm thợ kim hoàn đến tư thất, đặt khoán cho họ: "Hãy làm cho con gái ta một sợi dây chuyền thật lớn như cái áo dài". Rồi ông giao cho thợ một trăm ngàn đồng vàng (Nikkha), đủ số lượng bạc và kim cương… trân châu, san hô, ngọc thạch để cẩn theo kiểu mẫu…

Quốc vương ở lại vài ba ngày, rồi sai cận thần mang chiếu chỉ cho ông Trưởng giả Dhanañjaya:

- Khanh không thể đảm nhận trọng trách cung cấp cho quả nhân cùng với tất cả binh gia tùy giá lâu dài được. Vậy hiền khanh khá chọn ngày lành tháng tốt làm lễ vu quy đi.

Trưởng giả Dhanañjaya vội vàng gởi sớ phúc đáp quốc vương:

- Bây giờ đang đầu mùa mưa, trọn bốn tháng nầy, sự lưu thông sẽ bị gián đoạn. Tất cả những nhu yếu phẩm của đạo quân tùy giá, bất cứ món chi bệ hạ cần đến, hạ thần xin gánh chịu hết; bao giờ hạ thần tiễn biệt, chừng ấy bệ hạ sẽ ngự giá đăng trình.

Từ đó trở đi, thành Sāketa luôn luôn tưng bừng rộn rịp như trong những ngày tết vậy, từ quốc vương cho đến quân dân không sót một ai, tất cả đều được cung cấp đầy đủ vật dụng như tràng hoa, vật thơm, y phục, thuốc men… Ai ai cũng nghĩ rằng: "Trưởng giả hậu đãi chúng ta thật thạnh tình".

Ba tháng đã qua như thế, sợi dây chuyền vàng nạm ngọc vẫn chưa làm xong, các nữ giám thị, nữ công nhân đầu bếp thưa với Trưởng giả Dhanañjaya:

- Mọi công việc đều trôi chảy, không chi rắc rối cả, nhưng củi gần hết, không đủ chụm để nấu ăn đãi binh lính trong tháng tới.

- Các người hãy đi khắp thành, xem những chuồng voi, chuồng ngựa, chuồng bò nào mục cũ, và những trại xiêu vẹo tới tuổi rồi thì cứ việc dỡ xuống hết lấy làm củi chụm.

Thứ nhiên liệu nầy chỉ xài được có nửa tháng, các nữ giám thị lại bẩm cho Trưởng giả biết để liệu định.

- Trong mùa nầy không làm cách nào kiếm được củi, thôi thì các ngươi hãy mở kho vải ra, lấy vả thô xấu quấn bó làm đuốc, đem tẩm vào các thùng dầu chai để nấu ăn thế cho củi vậy.

Các nữ giám thị vâng lời chủ làm y như thế trong nửa tháng. Như thế là trọn bốn tháng mùa mưa, món nữ trang của tiểu thư cũng làm xong.

Món trang sức đặc biệt nầy, thợ cần đến bốn gáo (Naḷi) kim cương, mười một gáo trân châu, hai mươi hai gáo san hô, ba mươi ba gáo ngọc ma ni bảo châu, như thế là nó chứa hết bao nhiêu thứ bảo châu nầy, bảo châu nọ. Thợ không dùng chỉ thường, mà dùng sợi chỉ làm bằng bạc để kết, nếu thắt nó lại phía trên rồi thả thòng xuống thì đến bàn chân. Ở nhiều nơi thợ kết những nút bằng vàng, khuy thì bằng bạc để gài cho chắc, trên đầu, hai nút ở hai tay, một nút ngay yết hầu, hai nút ở đầu gối, hai nút ở chỗ cánh nhỏ, một nút trước ngực, và một nút chỗ eo lưng.

Trong món nữ trang y như cái áo nầy, thợ có làm một con Khổng Tước (Công) đang múa, cánh phải có năm trăm cái lông cũng toàn là vàng ròng, mỏ công bằng san hô, mắt bằng bảo châu, chỗ cổ và đuôi cũng vậy, đuôi công có năm trăm hình mặt trời, chân công bằng bạc.

Món nữ trang nầy khi tiểu thư đội lên đầu, trong giống hệt như con Khổng Tước đứng trên chót núi đang múa thật vậy.

Tiếng reo của ngàn cái lông có hình mặt trời nghe du dương như tiếng nhạc thiên thai vang rền như tiếng ngũ âm. Khi đến gần trông thật rõ mới biết không phải là chim thật.

Vật liệu dùng làm món trang sức nầy trị giá đến chín mươi triệu và tiền công thợ là một trăm ngàn Kahāpaṇa.

(Do phước báu nào mà tiểu thư làm chủ được món nữ trang nầy? Tương truyền rằng: "Trong thời kì Đức Phật Kassapa tiểu thư đã cúng dường y và vải may y đến hai muôn Tỳ khưu, nàng dâng luôn cả kim chỉ màu nhuộm để cho chư Tăng tự ý sử dụng. Do phước cúng dường y phục nầy mà tiểu thư được sợi dây chuyền to lớn quý giá nầy. Phụ nữ dâng y thì được phát sanh nữ trang to quý như thế, còn nam nhân khi xuất gia thì có y bát sẵn, do thần thông phát sanh).

Trưởng giả Dhanañjaya sửa soạn tư trang cho tiểu thư trong bốn tháng như thế, mà còn cho thêm tài sản để làm của hồi môn, đem theo về nhà chồng: năm trăm cỗ xe bò chở đầy tiền vàng, năm trăm cỗ chén quý, dĩa quý bằng vàng, năm trăm cỗ chén dĩa bạc, năm trăm cỗ mâm thau, năm trăm cỗ dầu sữa, năm trăm cỗ đường mía, năm trăm cỗ mâm đồng đen, năm trăm cỗ tơ lụa hàng vải, năm trăm cỗ sanh tô, năm trăm cỗ gạo ngon, năm trăm cỗ nông cụ như lưỡi cày, lưỡi cuốc… Người ta nói rằng: Ông Trưởng giả muốn cho con gái mình về nhà chồng khỏi phải lo thiếu thốn món nầy món nọ, phải đi chạy mượn của nhà khác, nên cho đủ thứ nông cụ như thế!

Ông Trưởng giả còn cho một trăm chiếc xe kiệu trên mỗi chiếc xe đều có ba nàng tỳ nữ, trang sức lộng lẫy để theo phục dịch tiểu thư. Ông dặn tất cả nữ tỳ hãy lo tắm rửa, cho ăn uống và trang điểm cho tiểu thư.

Khi ấy ông còn tính: "Ta sẽ cho con gái ta nhiều bò cái". Ông cho gọi gia đinh đến và bảo: "Nè mấy đứa bây đi mở cửa chuồng bò nhỏ ra, rồi cách xa ba dặm đường, lấy ba cái trống đứng đó và đứng thành hai hàng hai bên, chừa khoảng trống ở giữa một dặm đường, giữ đừng cho bò cái chạy tản lạc bậy bạ. Đứng xong rồi nổi trống hiệu lên".

Các gia đinh chăn bò vâng lịnh làm y theo như vậy, đàn bò cái ra khỏi chuồng, đi được một dặm thì họ nổi trống, và khi đàn bò đi được ba dặm, họ lại nổi trống báo hiệu lần thứ ba, và chặn bò trong chuồng lại. Trên khoảng đường dài ba dặm (gāvuta) rộng một trăm bốn mươi hắc (usabha) đàn bò cái đứng chật ních, con nọ đụng vai con kia.

Ông Trưởng giả ra lịnh: "Bấy nhiêu bò cái ngoài nầy cho tiểu thư đủ rồi, thôi bây giờ hãy đóng cửa chuồng lại".

Trong lúc gia đinh vừa đóng cửa chuồng, do quả phước của tiểu thư, những con bò cái tơ khỏe và nhiều con bò mẹ khác đua nhau nhảy qua cửa cổng thoát ra ngoài, các gia đinh chặn cách nào cũng không được. Nên sẩy chuồng khoảng sáu mươi ngàn con bò đực và sáu mươi ngàn con bò mẹ dẫn theo cùng ngần ấy bò lứa (Do nhân nào cho quả phước khiến cho tiểu thư được thêm bấy nhiêu bò cái đó? Do quả phước cúng dường vật thực mà Tăng đã ngăn cản. Tương truyền rằng: Trong thời giáo pháp của Đức Chánh Biến Tri Kassapa, tiểu thư là công chúa thứ bảy của vua Kikī, mỹ danh Saṅghadāsī (Tăng Tỳ), có cúng dường năm món ngưu vị đến hai mươi ngàn vị Tỳ khưu. Trong khi ấy, có những vị Tỳ khưu và Sa di trẻ tuổi đậy nắp bát lại không nhận nữa, nói rằng: "Thôi, thôi", nhưng Công chúa vẫn nói ép: "Món nầy ngon lắm, món nầy ngọt lắm". Và dưng cho bằng được. Do phước báu của việc lành đó, khiến cho mấy muôn con bò cái dầu bị ngăn cản cũng cứ nhảy tràn ra).

Khi Trưởng giả chia gia tài cho tiểu thư bấy nhiêu đó, thì bà Sumanadevī bảo rằng:

- Tất cả mọi thứ ông lo chu đáo rồi, nhưng còn tôi trai tớ gái, kẻ ăn người ở trong nhà sao ông không lo cho nó?

- Bởi vì tôi muốn biết kẻ nào ưa cùng kẻ nào không ưa con gái mình. Tôi không thích cái lối tống cổ đưa đi nếu họ không muốn đi. Vậy đến bữa đưa dâu lên xe hoa, ta sẽ hỏi tất cả gia nhân: "Ai muốn theo tiểu thư thì cứ đi. Ai muốn ở lại thì cứ ở lại chớ ta không cấm cản chi đâu".

Khi đã định ngày cho con gái xuất giá, ông Trưởng giả ngồi trong thư phòng, cho tiểu thư ngồi gần một bên dặn dò, dạy dỗ rằng:

- Nầy con! Con gái về nhà chồng thì phải biết làm tròn bổn phận dâu con, đối xử với thân quyến bên chồng phải giữ nề nếp con nhà gia giáo…

Ông Migāra ngồi trong gian phòng bên cạnh cũng nghe được những lời của ông Trưởng giả Dhanañjaya dạy con như thế. Ông Dhanañjaya còn ban huấn từ cho tiểu thư như vầy:

- Nầy con! Con ở nhà chồng thì:

1. Không nên đem lửa trong nhà ra ngoài.

2. Không nên đem lửa bên ngoài vào nhà.

3. Không nên cho đến kẻ không đáng cho.

4. Nên cho đến kẻ nào đáng cho.

5. Nên cho đến kẻ cho và cả kẻ không cho.

6. Nên ngồi cách an vui.

7. Nên ăn cách an vui.

8. Nên ngủ cách an vui.

9. Nên coi chừng lửa.

10. Nên lễ bái chư thiên trong nhà.

Sau khi ban thập điều gia huấn cho tiểu thư Visākhā. Ngày hôm sau, Trưởng giả Dhanañjaya triệu thỉnh các tướng lãnh chỉ huy đoàn quân hộ giá đến chứng minh, rồi ông đứng giữa đó, bảo tám vị Trưởng lão gia tộc làm giám hộ rằng:

- Nếu con ta đến nơi, có ai tố cáo nó lỗi lầm chi, các ông hãy nên làm cho ra lẽ.

Nói rồi, Trưởng giả Dhanañjaya đeo lên cho tiểu thư món nữ trang là sợi dây chuyền to lớn trị giá chín mươi triệu, cho tiểu thư năm trăm bốn mươi triệu đồng tiền vàng là tiền mua mật ong để tắm gội. Đoạn ông sai người thắng xe đưa ông với tiểu thư đi khắp châu thành Sāteka, đánh trống truyền rao cho dân làm công trong mười bốn làng của ông: "Ai muốn đi theo con gái ta thì cứ đi".

Dân làng nghe rao, đồng nói: "Nay tiểu chủ của ta ra đi, ta còn ở lại đây mà làm gì?". Thế là tất cả dân cư trong làng ra đi hết, không còn một người nào ở lại.

Trưởng giả Dhanañjaya dâng, biếu nhiều tặng phẩm đến quốc vương cùng Trưởng giả Migāra, đi theo đưa tiễn kiệu hoa cùng các tân khách một đoạn đường rồi mới trở lại.

Ông Trưởng giả Migāra ngồi trên cỗ xe đi sau cùng, trông thấy đoàn người đi theo đông đảo, bèn hỏi:

- Đám người nầy là ai?

- Họ là những tôi trai tớ gái và người làm công của tiểu thư, dâu của ông đó.

- Họ đông quá, ai mà nuôi cho nổi, hãy đánh đuổi họ chạy bớt đi, còn ai không chịu chạy thì cho họ theo.

Tiểu thư Visākhā liền bảo họ rằng:

- Hãy khoan, đừng ngăn cản họ, đoàn người nầy sẽ lo cơm nước cho binh lính.

Nghe vậy, Trưởng giả Migāra bảo rằng: "Nầy con, nhà ta không cần dùng những người ấy, ai đâu mà nuôi họ".

Thế rồi, ông lấy đất cục, gậy gộc liệng họ và đánh đuổi họ chạy đi bớt, chỉ còn giữ lại một số ít, không chạy đi và nói: "Bấy nhiêu đây cũng đủ dùng rồi". Đoạn tiếp tục lên đường.

Khi đến cổng thành Sāvatthī, tiểu thư Visākhā nghĩ thầm: "Ta sẽ ngồi trong xe bít bùng hay là đứng trên xe nhỏ mà vào thành?". Rồi tiểu thư nghĩ rằng: "Nếu ta ngồi trong xe bít bùng mà vào thành thì phẩm giá món trang sức quý giá nầy chẳng một ai thấy hết", tiểu thư bèn đứng trên một cỗ xe nhỏ nhẹ mà đi vào thành để cho toàn dân trong thành đều trông thấy tiểu thư hết.

Dân thành Sāvatthī trông thấy tài sản của tiểu thư Visākhā đều nói: "Nghe nói rằng cô dâu là nàng Visākhā, nàng đã đẹp như thế lại giàu quá mức như vậy. Thật là xứng đáng hết sức".

Ngày về nhà chồng, tiểu thư Visākhā đã biểu dương tài sản to lớn của mình như thế đó. Ngày ấy, toàn dân chúng trong thành đều gửi quà tùy theo sức của mình mà tặng cô dâu mới, vì họ nghĩ rằng: "Lúc đến Sāketa, thành của Trưởng giả Dhanañjaya, chúng ta được Trưởng giả tiếp đãi trọng hậu".

Nhận được tặng phẩm của các nhà gửi đến, tiểu thư liền hoàn lại bằng cách trao đổi quà tặng với các nhà. Tiểu thư khôn khéo gửi quà biếu cho toàn dân trong thành tùy theo tuổi tác và gia thế của họ với những lời lẽ trìu mến ngọt ngào như những thân nhân: "Đây là quà của thân mẫu tôi, đây là quà của thân phụ tôi, đây là quà của anh tôi, đây là quà của chị tôi…".

Lúc chạng vạng tối con ngựa cái trắng của nàng đẻ con, tiểu thư sai bọn nữ tỳ đốt đuốc soi đường đi xuống chuồng ngựa, lấy nước ấm tắm rửa sạch sẽ cho nó, thoa dầu khử phong cho nó rồi mới trở về chỗ ngụ.

Mặc dầu ông Trưởng giả Migāra ở gần chùa nhưng lúc cưới vợ cho con trai, ông chẳng hề lưu ý đến Đức Như Lai cùng chư Tăng. Đã từ lâu rồi, ông đặt niềm tin vào nhóm đạo sĩ lõa thể.

Một ngày nọ, ông dự định cúng dường đến các vị Đại đức của ông, ông cho nấu cơm trắng với sữa tươi rặc ròng trong hàng trăm cái nồi mới, rồi thỉnh năm trăm vị đạo sĩ lõa thể đến nhà, khi họ đã vào nhà rồi, ông cho gọi tiểu thư Visākhā:

- Con dâu của ta, hãy đến và đảnh lễ các vị A La Hán.

Nghe tiếng A La Hán, nàng Visākhā rất mừng rỡ vì nàng là nữ Thinh Văn đã đắc Tu Đà Hườn.

Tiểu thư đến ngay phòng các đạo sĩ đang ăn, trông thấy họ, nàng trách cha chồng rằng:

- Những người nầy không biết hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi như thế, họ không phải là những vị A La Hán đâu. Tại sao cha lại gọi con đến đây?

Tiểu thư bỏ trở về tư thất.

Nhóm đạo sĩ lõa thể trông thấy tiểu thư có thái độ như thế, đồng loạt quở trách nặng nề ông Migāra:

- Nầy gia chủ, tại sao ông đưa về nhà con tiện tỳ hèn mạt đệ tử của Sa môn Gotama, là kẻ khác đạo của chúng ta. Ông hãy mau lôi cổ, tống nó ra khỏi nhà cho rồi.

Ông Migāra nghĩ thầm: "Dâu ta là con nhà thế gia vọng tộc không thể lôi kéo đuổi xô theo lời các Ngài đây được".

Trưởng giả đành nói cho xuôi chuyện:

- Bạch các Ngài! Bọn trẻ tuổi làm chi có ý thức được, chỉ là bọn vô ý thức. Xin các Ngài làm thinh bỏ qua cho.

Sau khi tiễn đưa các tu sĩ lõa thể, ông Migāra ngồi trên một cái ghế rất đắt tiền, ăn cơm trắng nấu bằng mật ong pha ít nước đựng trong một cái chén bằng vàng. Ngay khi ấy, một vị Đại đức hạnh Đầu đà thường đi khất thực, đi vào cổng nhà ông Trưởng giả, đang đứng quạt hầu cha chồng, nàng Visākhā trông thấy vị Đại đức, bèn đứng nép qua bên để cha chồng nhìn thấy vị Đại đức, chớ tiểu thư không muốn chỉ. Nhưng Trưởng giả là người kém trí, tuy thấy vị Đại đức nhưng làm như không thấy, chỉ cúi đầu xuống ăn như thường.

Tiểu thư biết rằng cha chồng mình trông thấy vị Đại đức nhưng không thấy lộ vẻ gì cả, bèn bạch rằng:

- Bạch Ngài! Xin đi nơi khác, cha tôi đang ăn vật thực cũ (Purārakaṃ).

Lần trước nghe tiểu thư miệt thị nhóm Nigantha (Ni Kiền Tử), ông Migāra còn nhịn được, nhưng lần nầy nghe nói ông ăn đồ cũ, ông dừng tay lại không ăn nữa và bảo:

- Hãy lấy chén cơm nầy đem đổ đi và lôi con nhỏ đó ra khỏi nhà ta ngay lập tức. May mà cưới nó về chưa bao lâu mà nó đã dám bảo cha chồng nó ăn đồ dơ như bây giờ đây.

Lúc bấy giờ, gia nhân trong nhà đều là người của tiểu thư thì có ai dám đến gần nàng nắm tay hoặc nắm chân nàng, cũng không ai dám mở miệng nói lời chi cả.

Nghe cha chồng bảo vậy, tiểu thư Visākhā đáp rằng:

- Thưa cha, bấy nhiêu đó chưa đủ cho con ra khỏi nhà đâu, con không phải là hạng nữ tỳ ở bến tắm mà cha đem về đâu, con là con gái có cha mẹ đàng hoàng đều còn sanh tiền cả. Con được cưới hỏi đủ lễ đem về, không thể ra đi vì chuyện không đáng tội. Vì lẽ nầy mà khi xuất giá, cha con đã mời tám vị Trưởng lão đến làm giám hộ cho con và nói: "Nếu con gái tôi có bị tố cáo vì lỗi lầm chi thì các ông hãy làm cho ra lẽ minh bạch", cha con đã giao phó con cho mấy vị kỳ lão xét đoán, vậy thì cha hãy cho mời mấy ông ấy đến đây phân xử việc nầy mới được.

Ông Trưởng giả suy nghĩ: "Con nầy nói phải", ông cho mời tám vị kỳ lão đến, trình bày:

- Con nhỏ nầy, trong khi tôi đang ngồi ăn cơm trong ngày lễ cơm trắng nấu với sữa rặc ròng, đựng trong chén bằng vàng, mà nó dám nói tôi: "Ăn đồ dơ". Xin các Ngài hãy buộc tội nó, và đuổi nó ra khỏi nhà giùm tôi.

- Có đúng như lời ông nói không, tiểu thư?

- Cháu không bao giờ nói với ý như thế. Trong lúc cha chồng đang ăn, có vị Đại đức trì bình khất thực đến đứng trước cửa nhà, cha chồng cháu đang ăn cơm trắng nấu rặc sữa, không lưu ý đến vị ấy, cháu nghĩ: "Trong kiếp hiện tại cha chồng ta không tạo phước mới, mà chỉ ăn toàn phước cũ không mà thôi". Cháu nói với ý nghĩa nầy, như thế cháu không có tội chi cả.

- Thưa Trưởng giả, nó nói như thế thì không có lỗi, cháu chúng tôi nói đúng lý. Tại sao ông lại giận hờn nó mà chi.

- Thưa quý vị, việc ấy tôi cũng cho là vô tội đi, nhưng có việc nầy, một đêm nọ nó dắt tôi trai tớ gái đi vòng ra phía sau nhà…

- Ông nói thế có đúng như vậy không cháu?

- Thưa các bác, cháu ra đi không vì lẽ gì bậy bạ, nguyên vì con ngựa của cháu đẻ con trong chuồng nhà nầy. Cháu nghĩ: "Mình biết tin mà ngồi không chẳng làm gì hết thì không phải cách". Cháu có bảo đốt đuốc soi đường rồi đi với mấy con tỳ nữ xuống săn sóc cho con ngựa cái mới sanh con. Làm như thế, cháu có tội chi đâu.

- Thưa quý vị, việc nầy kể là vô tội cũng được. Nhưng còn việc này nữa, khi con nầy sắp về đây, cha nó có dạy mười điều bằng thứ tiếng lóng, cho nên tôi không hiểu được ý nghĩa ra sao. Tôi muốn nó giải thích cho tôi nghe rõ rệt, chẳng hạn như cha nó bảo rằng: "Không nên đem lửa trong nhà ra ngoài". Có thế nào nhà chúng tôi không cho hai nhà bên cạnh mồi lửa được ư?

- Ông nói thế có đúng không cháu?

- Thưa các bác, cha cháu không có ý muốn nói như thế, mà người muốn nói như vầy: Con ơi, dầu cho con có nhìn thấy chỗ xấu của chồng và cha mẹ chồng con, thì giữ kín trong nhà chớ để lọt ra ngoài cho thiên hạ biết. Quả thật không có thứ lửa nào nóng như thế cả.

- Thưa quý vị, việc ấy có thể là được đi, nhưng cha nó còn dạy rằng: "Không nên đem lửa bên ngoài vào nhà", làm sao không có thể lấy lửa từ ngoài đem vào, nếu rủi như nhà tắt hết cả lửa?

- Lời ông nói có đúng không vậy cháu?

- Thưa các bác, cha cháu không có ý nói như thế đâu. Người muốn dạy cháu như vầy: "Nếu như trong những nhà lân cận, người nữ hoặc người nam nói xấu chồng hay vợ hoặc cha mẹ chồng, mình nghe rồi không nên đem về học lại, những người đó đã nói xấu anh chị như thế". Không có lửa nào bằng thứ lửa ấy cả.

- Như thế trong cái lý nầy, cháu chúng tôi không có lỗi.

- Cũng như mấy câu trên, các câu kế được tiểu thư giảng giải lần lượt như sau: Khi cha chồng nói: "Nên cho đến người đáng cho", nghĩa là nên cho đến người nào mà sau nầy khi thọ lãnh được đồ vật còn biết đền đáp, cho trở lại (những người nào mượn đồ đạc, dùng rồi đem trả lại tử tế thì nên cho họ mượn).

Câu: "Không nên cho đến người không cho", có nghĩa là không nên cho đến những người nào mà sau khi thọ lãnh đồ vật xin được, không biết đền đáp, cho trở lại (những người nào mượn đồ đạc, dùng rồi không đem trả lại thì không nên cho mượn).

Câu: "Nên cho đến người cho và người không cho", có nghĩa là đối với thân bằng quyến thuộc nghèo khó, dầu cho họ có thể trả được hay không cũng nên cho họ mượn (nên giúp đỡ họ).

Câu: "Ngồi cách an vui", có nghĩa là khi đang ngồi mà thấy chồng hoặc cha mẹ chồng thì phải đứng dậy chào, không nên ngồi nữa.

Câu: "Ăn cách an vui", có nghĩa là trước bữa ăn phải lo cơm nước cho chồng và cha mẹ chồng ăn trước, lại phải trông coi tất cả người trong nhà có ai thiếu đủ gì không, rồi mới nên tự mình ăn.

Câu: "Ngủ cách an vui", có nghĩa là không nên đi ngủ trước chồng và cha mẹ chồng, phải lo kiểm soát trong nhà, trông coi cửa nẻo, đề phòng người ăn kẻ ở có sai sót việc chi không, sau rồi tự mình mới lên giường.

Câu: "Nên giữ chừng lửa", nghĩa là nên coi chồng và cha mẹ chồng cũng như là lửa, cũng như là rắn chúa trong nhà khi tiếp xúc phải lưu tâm cẩn thận.

Câu: "Nên lễ bái chư thiên trong nhà", có nghĩa là nên cung kính chồng và cha mẹ chồng như là chư Thiên.

Nghe tiểu thư giải xong nghĩa lý của mười điều gia huấn, ông Magāra cúi xuống làm thinh, không nói lời ào trách cứ được nữa.

Khi ấy, các vị bô lão hỏi: "Thưa Trưởng giả, cháu gái của chúng tôi có còn làm lỗi gì nữa chăng?".

- Thưa quý vị, không.

- Nó không lầm lỗi thì tại sao Ngài ra lịnh đuổi nó ra khỏi nhà?

Nghe được lời nầy, tiểu thư Visākhā bèn nói:

- Thưa các bác, ban đầu nghe lời cha chồng cháu đuổi cháu đi, nếu cháu bỏ đi liền thì không phải cách, vì khi cháu xuất giá, cha cháu có đặt cách cháu dưới quyền giám hộ của các bác. Nay các bác đã biết rõ là trong việc nầy, cháu không có lầm lỗi chi cả, thì bây giờ cháu ra khỏi nhà nầy là phải cách lắm.

Nói rồi, tiểu thư cho gọi các tôi trai tớ gái bảo họ chuẩn bị đồ đạc xe cộ đặng lên đường.

Khi ấy Trưởng giả liền phân chứng cùng tám vị Kỳ lão và năn nỉ con dâu rằng:

- Con à! Vì cha không biết xét nên đã nói oan cho con, con hãy thứ lỗi cho cha đi.

- Thưa cha, nếu cha có lỗi gì đáng xóa bỏ thì con xóa bỏ hết. Ngược lại, con chỉ xin cha chấp thuận cho con vầy: Vì con là con gái của một gia tộc có đức tin trong sạch với Phật pháp, không muốn sống cách biệt với chư Đại đức Tăng, nếu cha vui lòng cho con được hộ độ chư Tăng thì con sẽ ở lại đây.

- Nầy con cứ tự tiện lo việc hộ độ cho các ông Sa môn đi.

Được lời cha chồng cho quyền tự do, tiểu thư bèn cho người đi thỉnh Đấng Thập Lực ngày hôm sau đến nhà thọ thực ngay tại tư gia của Trưởng giả Migāra. Các đạo sĩ lõa thể được tin Đức Bổn Sư đến thọ lãnh vật thực tại nhà của ông Migāra, bèn ráp nhau đến ngồi xung quanh tư thất của ông.

Sau khi xối nước khai mạc lễ Trai Tăng, tiểu thư Visākhā gởi thư cho cha chồng: "Tất cả lễ vật đều sắp đặt xong, xin thỉnh cha đến sớt bát cúng dường đến Đấng Thập Lực".

Khi ấy, các du sĩ lõa thể liền ngăn cản ông Trưởng giả, nói rằng: "Nầy gia chủ, ông đừng đi đến chỗ Sa môn Gotama".

Ông Trưởng giả phải viết thư trả lời rằng: "Dâu của cha cứ việc lo cúng dường sớt bát một mình cũng được".

Nàng Visākhā đứng trông nom việc sớt bát Đại đức Tăng có Đức Phật là vị Tăng trưởng. Khi các Ngài xong bữa, nàng lại nhắn tin cha chồng đến nghe thuyết pháp.

Khi ấy, ông Trưởng giả nói với nhóm lõa thể ngoại đạo rằng: "Bây giờ mà không đến đó thì bất lịch sự lắm".

Thấy ông Trưởng giả muốn đi nghe pháp và năn nỉ nhiều lượt, nhóm đạo sĩ lõa thể nói:

- Thôi được, nếu ông muốn đi nghe pháp của Sa môn Gotama thì hãy đến ngồi bên ngoài bức rèm mà nghe.

Nhóm đạo sĩ lõa thể liền lấy rèm bao quanh chỗ thuyết pháp, ông Trưởng giả đến ngồi bên ngoài rèm. Đức Bổn Sư nghĩ thầm: "Dầu cho ông có ngồi bên ngoài rèm, hoặc là ngoài tấm vách, hoặc là ngồi bên kia dãy núi hay ngoài địa cầu nầy, hay ngoài thế giới Ta bà đi nữa, Ta là Phật thì Ta vẫn khiến cho ông nghe được Pháp âm của Ta".

Thế rồi, như một người lực sĩ nắm lấy cây Diêm phù to lớn, lắc mạnh, như trời mưa một đám mưa lớn bất diệt, Đức Bổn Sư bắt đầu thuyết lên tuần tự pháp.

Trong lúc Đức Chánh Biến Tri đang thuyết pháp, thì dầu cho người đứng phía trước, đứng phía sau, đứng cách xa cả trăm ngàn do tuần, đứng tận trên tầng trời Sắc cứu cánh, ai cũng cho rằng: "Đức Bổn Sư vì ta mà thuyết pháp, mỗi người đều cảm thấy y như Đức Bổn Sư chiếu cố đến mình và y như mình đang chuyện trò tâm sự vậy, có thể nói: "Chư Phật ví như mặt trăng giữa trời, tất cả chúng sanh ở dưới đất trông lên đều thấy hình như mặt trăng ở trên đầu mình. Cùng như thế ấy, người đứng nơi nào cũng trông thấy như mình đang đứng trước Đức Phật vậy. Đó là do hạnh nguyện Bố thí Ba la mật mà Đức Bổn Sư đã hoàn thành viên mãn, như Ngài đã tự cắt đầu khôi ngô tuấn tú của Ngài, đã móc cặp mắt sáng như sao băng, đã rứt quả tim, đã dứt tình thâm thí Hoàng tử Jāli, Công chúa Kaṇhā, và Hoàng hậu Maddī, để có thể hoàn thành quả vị Phật Toàn Giác, thuyết pháp độ sanh.

Trong lúc Đức Bổn Sư thuyết tuần tự pháp thoại, có lớp có lang, càng nghe càng thấy cởi mở, ông Trưởng giả ngồi bên ngoài bức rèm cảm thông bằng cả ngàn lý lẽ, nên chứng đắc quả vị Dự Lưu đi đôi với đức tin bất thối, có lòng tin trọn vẹn đối với Tam Bảo. Ông liền vén rèm bước vào nhà, kê miệng ngậm vú nàng dâu và tôn nàng nên làm mẹ mình: "Từ giờ trở đi, người là mẹ của tôi".

Kể từ đó, nàng Visākhā được mệnh danh là Migāramātā, về sau khi nàng có con trai, đặt tên con là Migāratissa.

Ông Trưởng giả nhả vú nàng dâu ra, rồi đến nằm mọp đầu dưới chân Đức Thế Tôn, đôi tay mơn trớn và miệng hun hít đôi bàn chân của Ngài, nói rằng: "Bạch Ngài, con tên là Migāra, bạch Ngài, con tên là Migāra".

Sau khi tự xưng tên ba lần như thầy thế, Trưởng giả nói tiếp:

- Bạch Thế Tôn, trong kiếp nầy con có được hai lần đại phúc, nhờ nàng dâu mà con thoát khỏi mọi khổ cảnh ác thú đạo. Nàng dâu của con đến nhà nầy mang theo sự lợi ích, sự tấn hóa, sự an vui đến con.

Nói rồi, ông ngâm lên kệ ngôn rằng:

"Sohaṃ ajjā pajānāmi,
Yattha dinnaṃ mahapphalaṃ;
Atthāya vata me bhaddā,
Sunisā gharamāgatāti".

Lược dịch:

"Hôm nay con biết rành,
Cúng Phật đại quả sanh,
Lợi ích con nhiều thật,
Nhờ cưới được dâu lành".

Qua ngày sau, tiểu thư Visākhā lại tái thỉnh Đức Bổn Sư. Nhờ vậy mà mẹ chồng của nàng cũng chứng được Sơ quả trong ngày thứ hai ấy. Từ đó trở đi, ngôi nhà của tiểu thư luôn luôn mở rộng đối với Phật giáo.

Từ đó, ông Trưởng giả nghĩ thầm: "Ta có nhiều cách để biếu dâu ta những tặng vật. Quả thật vậy, món nữ trang của nó thật nặng nề, không thể mang theo luôn được. Ta sẽ làm cho nó món nữ trang vừa phải, có thể đeo luôn cả ngày lẫn đêm trong mọi oai nghi".

Ông mướn thợ kim hoàn làm một món nữ trang tên là Ghanamaṭṭhaka (Phủ Đầu), trị giá hàng trăm ngàn đồng vàng, khi món nữ trang vừa xong, ông thỉnh Tỳ khưu Tăng có Đức Phật làm Tăng trưởng, đến nhà ông, ông kính cẩn dâng thực phẩm cúng dường, đoạn cho người tắm gội tiểu thư Visākhā bằng mười sáu nồi nước thơm, rồi để tiểu thư đứng trước mặt Đức Thế Tôn mà đeo cho nàng món nữ trang mới, và bảo tiểu thư đảnh lễ Đức Bổn Sư. Đức Thế Tôn sau khi phúc chúc xong, Ngài trở về chùa.

Từ ấy trở đi, nàng Visākhā vẫn tiếp tục tạo được nhiều thiện nghiệp, nhứt là năng bố thí, bà đã xin Đức Bổn Sư ban cho bà tám đặc ân:

1. Dâng y đến Tăng suốt đời.

2. Để bát Tăng đến Sāvatthī.

3. Để bát Tăng rời Sāvatthī.

4. Để bát Tỳ khưu bịnh.

5. Để bát Tỳ khưu nuôi bịnh.

6. Dâng thuốc đến Tỳ khưu bịnh.

7. Dâng cháo sáng đến Tăng.

8. Dâng y tắm mưa đến Tỳ khưu Ni.

Thinh danh của bà ngày càng tăng trưởng cũng như số con cháu của bà vậy. Tương truyền rằng: Bà có đến hai mươi người con, mười trai và mười gái, mỗi người con của bà cũng có hai mươi người con như thế, và mỗi đứa cháu của bà cũng có hai mươi người con như thế. Tổng cộng con và cháu của bà là tám ngàn bốn trăm hai mươi người, bà thọ được một trăm hai mươi tuổi. Trên đầu bà chẳng hề có được một sợi tóc bạc, trông bà lúc nào cũng như cô gái mười sáu tuổi, có khi bà đi chùa dắt theo cả đoàn con cháu, nhiều người trông thấy, hỏi nhau rằng: "Trong đám nầy, ai là bà Visākhā?". Những người đang đi gặp bà đang đi thì nghĩ rằng: "Bây giờ ta hãy đi thong thả, đi như bà của chúng ta đi, như vậy coi mới đẹp", những người trông thấy bà đứng, nằm hoặc ngồi thì nghĩ rằng: "Bây giờ ta hãy ngồi thong thả như bà ấy, coi mới đẹp", chưa có ai thốt lên lời chê bà một oai nghi nào trong bốn oai nghi cả. Bà có sức mạnh gấp năm lần con đại tượng.

Quốc vương nghe đồn bà Visākhā có sức mạnh gấp năm con đại tượng, bèn ngự giá đến chùa của bà để thỉnh pháp, đến khi trở về, quốc vương muốn thử xem sức mạnh của bà, nên khiến quân thả con tượng ra, con tượng giơ vòi lên cao, nhắm ngay bà Visākhā tiến tới. Trong nhóm năm trăm nữ nhân theo hầu bà Visākhā, có một số kinh hoàng bỏ chạy, một số ôm lấy chân bà, bà hỏi: "Cái gì thế?".

Họ đáp: "Quốc vương muốn thử sức mạnh của bà nên cho thả tượng ra đó".

Bà Bisākhā thấy con voi thì nghĩ thầm: "Việc gì mà ta phải bỏ chạy, để ta bắt nó lại. Nhưng nếu ta dùng cả sức ra chặn bắt nó, chắc nó phải chết".

Thế là, bà chỉ dùng hai ngón tay kẹp cứng cái vòi, bắt con tượng đứng lại, con tượng vùng vẫy nhưng rút vòi ra không nổi, rồi nằm xuống nền sân ngự. Đại chúng hoan hô vang dậy.

Bà Visākhā và đoàn phụ nữ theo hầu đều an toàn trở về nhà.

Thời bấy giờ, trong thành Sāvatthī chỉ có bà Visākhā là có nhiều con trai và cháu trai nhất, con cháu của bà đều mạnh khỏe, nên bà được xem là người có hạnh phúc tối thắng, trong số hàng ngàn con cháu ấy, chẳng một ai chết yểu cả.

Dân thành Sāvatthī, trong các đám tiệc lễ cưới bao giờ cũng mời bà Visākhā đến dự trước nhất.

Một hôm nọ, nhân dịp một lễ hội, bà Visākhā mang theo cả món trang sức nổi tiếng đi dự lễ hội, rồi bà lại đi chùa nghe pháp, khi đến chùa bà Visākhā cởi chiếc trang sức lộng lẫy quý giá ấy, giao cho đứa tớ gái mang.

Đoạn nầy có kinh ghi chép rằng: Thời ấy, trong thành Sāvatthī có lễ hội, nhiều người sửa soạn trang điểm lộng lẫy rồi đi chùa, bà Visākhā cũng trang điểm lộng lẫy đi lễ hội, rồi bà đi chùa, khi thấy bà tháo gỡ món trang sức lộng lẫy ấy, bỏ vào chiếc y Uất Đà La Tăng (vai trái), bó cột lại cho đàng hoàng rồi giao cho đứa tớ gái:

- Nầy con ở đây giữ cái nầy cho bà nghe.

Tương truyền rằng, khi đến chùa bà tự nghĩ thầm: "Mình đeo món trang sức quý giá nầy từ trên đầu xuống tới chân, đi vào chùa là không phải cách", cho nên bà cởi ra, bó lại và trao cho cô tớ gái có sức mạnh gấp năm lần con tượng mà bà là chủ nhân của cô, do theo phước báu của bà. Mạnh như thế nó mới mang nổi món nữ trang như thế, bà dặn nó:

- Nầy con, hãy cầm giữ món nữ trang nầy, bà vào bái yết Đức Bổn Sư rồi đeo vào.

Sau khi giao phó món nữ trang nặng nề quý giá ấy cho cô tớ gái, bà đeo chiếc Phủ Đầu, rồi vào gần Đức Bổn Sư ngồi thính pháp, đến cuối thời pháp bà đảnh lễ Đức Bổn Sư rồi từ chỗ ngồi đứng lên đi ra, đứa tớ gái bỏ quên món nữ trang quý giá ấy ở trong chùa, đi theo bà mà bà cũng không nhớ để nhắc cô ta, khi thiện tín nghe pháp trở về hết, nếu có vật chi để quên trong chùa thì Đại đức Ānanda có phận sự phải lấy đem cất, về sau trả lại cho sở hữu chủ. Vì thế, khi nhìn thấy gói trang sức bỏ quên ấy, Đại đức bạch lên cho Đức Bổn Sư biết:

- Bạch Ngài! Bà Visākhā ra về có bỏ quên món trang sức nầy lại đây.

- Ông hãy dẹp nó qua một bên đi, nầy Ānanda.

Đại đức mang món trang sức ấy treo cất tại chỗ lối đi bên cầu thang.

Bà Visākhā nói với bà Suppiyā, hai bà cùng đi rảo trong vòng đất chùa, để tìm xem có chư Tỳ khưu nào mới đến, hoặc sắp đi xa, hoặc đau yếu... ngỏ hầu lo sắp đặt việc hộ độ cho kịp giờ. Thường thường khi thấy hai bà tín nữ đi trong vòng đất chùa,

các Tỳ khưu trẻ cùng các Sa di cần dùng thuốc trị bịnh như bơ, sữa, đường, mật, dầu đều đem bát đến để nhận. Hôm ấy, chư Sư cũng làm như thế.

Trông thấy một vị Tỳ khưu bịnh, bà Suppiyā bạch hỏi:

- Đại đức cần dùng món chi?

- Nước cốt thịt.

- Dạ được, để đệ tử dâng cho Đại đức. – Nàng Suppiyā đáp.

Qua ngày sau, không kiếm được thịt tam tịnh, nàng Suppiyā cắt thịt bắp vế mình, gởi đến vị Tỳ khưu bịnh ấy. Rồi nhờ đức tin trong sạch nơi Đức Phật, thân thể bà lành lặn nguyên vẹn lại như cũ.

Bà Visākhā sau khi thăm viếng các Tỳ khưu bịnh, Tỳ khưu trẻ cùng với các Sa di, bà tách ra đi bằng một lối đi cổng khác, đứng sát cánh cửa chùa bảo cô tớ gái:

- Nầy con, hãy mang món trang sức cho ta đeo vào.

Khi ấy, cô tớ gái biết là sắp đi về, mới chợt nhớ mình đã bỏ quên món nữ trang trong chùa, cô bảo rằng:

- Bẩm bà, con bỏ quên rồi.

- Thế thì con hãy vào lấy đem ra đây, nhưng nếu Đại đức Ānanda cất giữ rồi, thì thôi con đừng đòi lại, kể như bà dâng cúng đến đại đức rồi.

Người ta nói là bà Visākhā biết được việc Đại đức Ānanda có phận sự cất giùm đồ đạc của thiện tín bỏ quên, nên bà dặn cô tớ gái như thế.

Thấy cô nữ tỳ đến, Đại đức hỏi: "Con vào có việc chi?".

- Dạ con bỏ quên món nữ trang của bà chủ, nên con trở vào lấy nó.

- Sư để nó ở lối lên cầu thang kia, con lại đó lấy đi.

- Bạch Đại đức, chủ con có dặn rằng: "Nếu vật ấy đã được đại đức đụng tay vào rồi thì thôi, con không nên lấy lại".

Nói rồi, cô nữ tỳ trở ra với tay không.

- Thế nào con?

Nghe bà Visākhā hỏi, cô nữ tỳ thuật lại mọi sự.

- Nầy con, món nữ trang mà Đại đức đã đụng tay vào, bà sẽ không đeo để chưng diện nữa, bà sẽ dứt bỏ để cúng dường Đại đức. Nhưng để chư tăng gìn giữ nó thì khó khăn cho các Ngài, để bà bán nó đổi lấy vật dụng hợp với lẽ đạo, đem đến cúng dường chư Tăng. Vậy con hãy trở vào lấy nó đem ra cho bà.

Cô nữ tỳ đi lấy món trang sức đem ra, bà Visākhā không đeo nó nữa, bà cho gọi thợ kim hoàn đến để đánh giá, thợ nói:

- Món trang sức nầy trị giá chín mươi chín triệu, thêm một trăm ngàn đồng vàng tiền công.

Nghe vậy, bà Visākhā bảo để món trang sức ấy trên xe:

- Vậy thì các ông hãy bán nó giùm tôi đi.

Nhưng không ai xuất ra món tiền lớn để mau món nữ trang nầy cho nổi. Thật vậy, phụ nữ có sức mang nổi món nữ trang nầy khó kiếm được lắm. Trên hoàn cầu vào thời ấy chỉ có ba nàng đeo nổi món nữ trang ấy, đó là bà Visākhā, nàng Mallikā vợ của Bandhula và tiểu thư Mạt Lỵ con của Trưởng giả ở thành Bārāṇasī, vì vậy, bà Visākhā phải xuất ra số tiền ấy để mua lại món nữ trang của chính mình là chín mươi chín triệu và một trăm ngàn đồng vàng. Đoạn bà cho thắng xe bò, cho chở tiền mang đến chùa, vào đảnh lễ Đức Bổn Sư, bạch rằng:

- Bạch Ngài! Đại đức Ānanda đã đụng tay vào món trang sức rồi, thì con không thể đeo được nữa, con định bán nó để mua vật dụng cúng dường cho hợp lẽ đạo, nhưng đem bán ra thì không ai mua nổi, thành ra con mua trở lại. Vậy với số tiền đúng theo giá trị của nó, con nên mua món gì để cúng dường, bạch Ngài?

- Nầy Visākhā, nếu nàng cất được chỗ ngụ của Tăng chúng ở ngoài cửa thành phía Đông thì phải cách lắm.

Nàng Visākhā hoan hỷ đáp: "Bạch Ngài, phải cách lắm".

Đoạn bà xuất ra chín mươi triệu mua đất, chín mươi triệu để xây cất chùa. Một ngày nọ, lúc trời gần sáng, Đức Thế Tôn quan sát thế gian, thấy công tử Bhaddiya, nguyên là một chư thiên hạ sanh vào gia tộc của Trưởng giả trong thành Bhaddiya, công tử là người có duyên lành đáng được tiếp độ, cho nên sau khi thọ thực nơi nhà Trưởng giả Anāthapiṇḍika, Ngài đi ngay về phía cửa thành đô. Theo lệ thường, khi Đức Bổn Sư thọ thực nơi nhà của bà Visākhā thì Ngài ra cổng thành phía Nam và ngự về Jetavana, còn nếu Ngài thọ thực tại nhà ông Anāthapiṇḍika thì ngự ra cổng thành phía Đông, ngự về Đông Phương Tự (Pubbārāma). Những người thấy Đức Bổn Sư ngự ra cửa Bắc, thì biết rằng: "Chắc Ngài sắp đi vân du".

Trong ngày ấy, bà Visākhā nghe tin Đức Bổn Sư ngự ra cửa Bắc, thì vội vàng theo đón Ngài, đảnh lễ xong bạch hỏi rằng:

- Bạch Ngài, có phải Ngài định đi vân du phải chăng?

- Phải đó, nầy Visākhā.

- Bạch Ngài, con đã dứt bỏ bao nhiêu tiền của để cất chùa dâng Ngài. Xin Ngài hãy trở lại chùa, bạch Ngài.

- Nầy Visākhā, chuyến đi nầy ta không trở lại.

Bà Visākhā suy nghĩ rằng: "Hẳn là Đức Thế Tôn thấy điều chi có đủ nhân duyên trong chuyến đi nầy".

Bà Visākhā liền yêu cầu:

- Bạch Ngài, vậy xin Ngài cho bớt một vị Tỳ khưu rành rẽ Phật sự trở lại chùa con, rồi Ngài hãy đi.

- Nầy Visākhā, nàng ưng thỉnh vị Tỳ khưu nào thì xin thỉnh bát của vị ấy đi.

Mặc dầu yêu mến Đại đức Ānanda hơn vị nào hết, nhưng bà xin thỉnh bát của Đại đức Moggallāna, vì bà nghĩ rằng: "Đại đức Moggallāna có thần thông, nhờ có Ngài công việc của ta sẽ nhẹ nhàng, dễ dãi".

Đại đức nhìn Đức Bổn Sư, Ngài phán bảo rằng:

- Nầy Moggallāna, ông hãy dắt năm trăm Tỳ khưu quay lại đi.

Đại đức vâng lời, làm theo lịnh Đức Thế Tôn.

Do nhờ thần thông của Đại đức, mặc dầu số cây và đá cần dùng cách xa sáu mươi do tuần, những người đi trong ngày hôm ấy đều mang về thật nhiều đá to và cây lớn mà khỏi phải ra công chất lên xe bò cho cực khổ, tổn thương. Không bao lâu, họ kiến tạo được một tòa nhà lầu hai tầng, tầng dưới có năm trăm căn, tầng trên có năm trăm căn phòng. Thành ra tòa lâu đài có một ngàn căn phòng, tòa lâu đài được xây cất trên một miếng đất trống, đứng trơ trọi giữa trời, xem không đẹp, thế là bà Visākhā cho cất thêm xung quanh năm trăm cái thiền thất, năm trăm ngôi nhà nhỏ, năm trăm ngôi nhà dài.

Đức Thế Tôn đi vân du hết chín tháng, Ngài mới trở lại thành Sāvatthī, công việc kiến tạo Tịnh thất của bà Visākhā vừa hoàn tất sau chín tháng ấy.

Trên nóc lầu, bà Visākhā cho gắn sáu mươi hình nhân đội ghè nước bằng vàng ròng đặc. Khi nghe Đức Bổn Sư ngự về Jetavana, bà ra khỏi thành nghinh tiếp Ngài, rước về chùa của mình và nhận được lời Ngài chuẩn hứa:

- Bạch Ngài! Trong bốn tháng nầy, xin Ngài đem cả Tỳ khưu Tăng về đây ở, con sẽ cất lâu đài.

Đức Phật nhận lời, từ đó về sau bà Visākhā cúng dường Tỳ khưu Tăng có Đức Phật là Tăng trưởng tại ngôi chùa của bà. Khi ấy, có một cô bạn gái của bà ôm tấm vải đáng giá một ngàn đồng vàng, đến hỏi bà: "Bạn à! Tôi muốn trải tấm vải nầy làm thảm trải nho nhỏ trong lâu đài của bạn, vậy bạn chỉ chỗ cho tôi trải".

- Lành thay, nầy bạn, nếu tôi nói là không có chỗ nào trống thì bạn nghĩ là tôi không muốn cho bạn có dịp làm phước, vậy bạn tự mình đi xem khắp cả ngàn căn phòng trong tòa lâu đài, để kiếm chỗ trải thảm đi".

Bà bạn Visākhā ôm tấm vải một ngàn đồng vàng đi hết phòng nọ phòng kia, ngó không thấy chỗ nào còn nền trống: "Ta không được hùn phước trong tòa lâu đài nầy", bà buồn tủi phận mình, đứng khóc một mình tại một chỗ nọ.

Khi ấy, Đại đức Ānanda thấy bà đang khóc, bèn hỏi:

- Cớ sao nàng khóc?

Bà thuật lại hết sự tình, Đại đức khuyên rằng:

- Bà chớ nên buồn, ta sẽ chỉ chỗ cho nàng trải. Bà hãy trải tấm vải nầy làm thảm chùi chân tại chân cầu thang. Trước khi lên lầu, chư Tăng rửa chân xong, sẽ chùi lên tấm thảm nầy cho ráo nước rồi mới đi lên, như thế bà được quả phước lớn lắm.

Nghe nói rằng, bà Visākhā còn bỏ sót chỗ ấy vì không để ý đến nơi đó. Bà Visākhā để bát hộ độ chư Tăng có Đức Phật là vị Tăng trưởng suốt cả bốn tháng trong

ngôi chùa mới, đến ngày cuối cùng, bà cúng dường y vai trái và y nội đến Đại đức Tăng, những y nầy có giá trị là hằng ngàn đồng vàng. Tất cả chư Tăng đều được cúng dường một bát đầy thuốc ngừa bịnh (bhesajjā), tổng cộng số tiền làm phước cúng dường là chín mươi triệu, như thế, nếu tính chín mươi triệu tiền mua đất, chín mươi triệu cất chùa và chín mươi triệu tiền cúng dường đại lễ, thì bà Visākhā đã xuất ra hai trăm bảy mươi triệu để làm phước thí trong Phật giáo. Là một nữ nhân trong một gia đình tà kiến khi trước, mà bà đã khéo chuyển gia đình chồng trở về chánh pháp, làm được đại thí như thế đó, ngoài bà Visākhā ra không có một ai khác nữa.

Ngày mà Đông Phương Đại Tự hoàn tất, khi bóng chiều đã tàn, bà Visākhā đã cầm đầu con cháu đông đúc của bà nhiễu quanh ngôi chùa mới. Bà nghĩ: "Điều nầy, điều nọ, ta đã nguyện ước xưa nguyện kia, ngày nay tất cả đều được thành tựu viên mãn".

Bằng giọng du dương, bà cảm hứng ngâm lên kệ ngôn rằng:

1. "Kadāhaṃ navapāsādaṃ,
Sudhāmattikalepanaṃ;
Vihāradānaṃ dassāmi,
Saṅkappo mayha pūrito".

1. "Chừng cất xong lâu đài,
Tô thạch cao trong ngoài,
Ta sẽ dâng chùa mới
Nguyện ta mãn từ nay".

2. "Kadāhaṃ mañcapīṭhañca,
Bhisibimbohanāni ca;
Senāsanabhaṇḍaṃ dassāmi,
Saṅkappo mayha pūrito".

2. "Chừng có giường ghế dài,
Gối đủ thứ trong ngoài,
Ta sẽ dâng chỗ ngụ,
Nguyện ta mãn từ nay".

3. "Kadāhaṃ salākabhattaṃ,
Sucimaṃsūpasecanaṃ;
Bhojanadānaṃ dassāmi,
Saṅkappo mayha pūrito".

3. "Chừng rút thẻ sớt bát,
Cơm trắng trộn thịt nạc,
Ta sẽ cúng Trai Tăng,
Nguyện ta nay thành đạt".

4. "Kadāhaṃ kāsikavatthaṃ,
Khomakappāsikāni ca;
Cīvaradānaṃ dassāmi,
Saṅkappo mayha pūrito".

4. "Chừng có vải Ca Thi,
Vải li nông, vải chỉ,
Ta sẽ cúng dường y,
Nguyện nay ta hoàn mỹ".

5. "Kadāhaṃ sappinavanītaṃ,
Madhutelañca phāṇitam;
Bhesajjadānaṃ dassāmi,
Saṅkappo mayha pūrito".

5. "Chừng có sanh tô lạc,
Mật ong với đường dầu,
Ta sẽ dưng giải khát,
Nay ta mãn nguyện cầu".

Chư Tỳ khưu nghe tiếng ngâm kệ của bà Visākhā liền bạch với Đức Bổn Sư:

- Bạch Ngài, từ bấy lâu nay chúng con chưa hề nghe bà Visākhā ngâm kệ. Hôm nay sao bà dắt cả đoàn con cháu nhiễu vòng quanh tòa lâu đài, vừa đi vừa ca hát như thế, có phải là tâm bà nổi sân hay nổi điên rồi không.

Đức Bổn Sư đáp: "Nầy các Tỳ khưu, không phải con gái ta ca hát đâu, vì thấy bao nhiêu nguyện ước của mình đã thành tựu mỹ mãn, nó hoan hỷ thỏa thích nên vừa đi vừa ngâm kệ ngẫu hứng đó".

Chư Tăng bạch hỏi: "Bạch Ngài, bà ấy phát nguyện từ bao giờ mà nay được thành tựu?".

Nghe vậy, Đức Bổn Sư phán: "Nầy các Tỳ khưu, các ông hãy lắng nghe".

- Chúng con nghe đây, bạch Ngài.

Đức Bổn Sư liền dẫn tích đời quá khứ:

"Nầy các Tỳ khưu, cách đây một trăm ngàn kappa, có Đức Phật hồng danh là Padumuttara giáng thế. Tuổi thọ của Ngài là một trăm ngàn năm, Ngài có một trăm ngàn đệ tử Lậu Tận, kinh đô là Haṃsavatī (Nga Thành), phụ vương Ngài là Sunanda, mẫu hậu của Ngài là Sujātādevī. Trong số các đại thí chủ của Ngài, có bà đại thí chủ là một tín nữ xin được tám đặc ân, được nhận làm mẹ nuôi của Ngài, cung phụng cho Ngài bốn món vật dụng, sáng chiều hai lượt đến hầu Ngài, bà luôn luôn đi chùa với một cô bạn, cô nầy thấy bà chuyện trò thân mật với Đức Phật và được Ngài quý mến thì nghĩ thầm: "Không biết bà làm cách nào mà được chư Phật sủng ái, quý mến như vậy?". Rồi cô hỏi Đức Bổn Sư: "Bạch Ngài, bà đó là chi của Ngài?".

- Bà là trưởng ban hộ Tăng.

- Bạch Ngài, bà đã làm gì mà được chức vụ trưởng hộ Tăng?

- Bà đã từng phát nguyện được địa vị nầy từ một trăm ngàn đại kiếp trở về trước.

- Bạch Ngài! Bây giờ con phát nguyện thì có được không?

- Có thể được.

- Thế thì con xin thỉnh Ngài cùng với một trăm ngàn Tỳ khưu đến thọ thực tại nhà con liên tiếp bảy ngày.

Đức Bổn Sư im lặng nhận lời.

Sau bảy ngày Trai Tăng, trong ngày chót, bà dâng y vai trái và y nội xong, đảnh lễ Đức Bổn Sư rồi mọp bên chân Ngài mà phát nguyện rằng:

- Bạch Ngài! Do phước của đại lễ Trai Tăng nầy, con không ước nguyện điều chi khác hơn là: Sau nầy, con sẽ được gặp vị Chánh Đẳng Giác thời vị lai, và sau khi yêu cầu sẽ được ban tám đặc ân, được nhận làm mẹ nuôi, cúng dường bốn món vật dụng, có thể trở nên trưởng ban hộ Tăng bên phái nữ trong ngày vị lai.

Đức Bổn Sư tự hỏi: "Lời nguyện của tín nữ nầy sẽ thành tựu hay không?". Ngài liền quán sát vị lai một trăm ngàn kiếp, thấy rằng sẽ có vị Chánh Đẳng Giác giáng thế, có hồng danh là Gotama. Đến thời ấy, cô sẽ là tín nữ tên là Visākhā, sẽ được Đức Phật ấy ban cho tám đặc ân, được đứng địa vị mẹ nuôi và sẽ trở nên trưởng ban hộ Tăng bên phái nữ để cúng dường tứ vật dụng.

Cũng như tài sản của ai thì người ấy phải được hưởng, cô tín nữ ấy về sau đã được đắc kỳ sở nguyện vậy.

Cô ấy vẫn tiếp tục làm phước cho tới khi hết tuổi thọ, thác xuống và sanh lên cõi trời và luân chuyển lên xuống hai cõi nhân thiên, cho đến thời kỳ Đức Chánh Biến Tri Kassapa, cô thọ sanh là công chúa Saṅghadāsī, là con gái thứ bảy của vua Kikī trong xứ Kāsi. Sau khi xuất gia, Công chúa cùng với mấy chị chồng hằng tạo thêm nhiều phước, nhất là bố thí cúng dường, xong rồi mới quỳ bên chân Đức Chánh Biến Tri Kassapa, nguyện rằng: "Trong kiếp vị lai, xin cho con gặp Đức Phật như Ngài, sẽ ban cho con tám đặc ân và lập làm mẹ nuôi, đứng đầu tất cả các nữ thí chủ lo việc dâng cúng từ vật dụng". Từ kiếp ấy Công chúa Saṅghadāsī luân chuyển lên xuống hai cõi nhân thiên, cho đến kiếp hiện tại, thọ sanh làm con gái Trưởng giả Dhanañjaya, là trưởng nam của đại Trưởng giả Meṇḍaka, và đã tạo nhiều phước nghiệp trong Giáo Pháp của Ta đây".

Như thế, nầy các Tỳ khưu, không phải con gái của Ta ca hát vì lí do khác, nhưng vì thấy bổn nguyện đã thành tựu, cho nên cao hứng ngân kệ ngẫu hứng đó thôi.

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết một thời pháp và kết luận rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Một người thợ làm tràng hoa thiện nghệ, sau khi góp các thứ hoa được dồn thành đống lớn, rồi từ đó lấy ra kết làm nhiều tràng hoa kiểu mẫu khác nhau như thế nào thì Visākhā lưu tâm làm các việc lành cũng như thế ấy.

Đoạn Đức Bổn Sư thuyết kệ rằng:

"Yathā'pi puppharāsimhā,
Kayirā mālāguṇe bahū;
Evaṃ jātena maccena,
Kattabbaṃ kusalaṃ bahuṃ".

"Như từ một đống hoa riêng,
Nhiều tràng hoa được thợ liên kết thành.

Từ thân người được phát sanh,
Biết bao nhiêu việc phước lành cho ta".

☸

CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ Phạn ngữ, tiếng ***Puppharāsimhā*** là nói do từ một đống đủ các loại hoa.

Kayirā: Là có thể làm ra.

Mālāguṇe bahū: Là các hoa có cuống dính chung, được tách rời ra để kết lại thành nhiều kiểu tràng hoa.

Maccena: Tất cả chúng sanh đều không thoát khỏi bàn tay tử thần. Ta mong được sanh làm con người khá nên tạo nhiều nghiệp lành như bố thí, dâng y chẳng hạn.

Trong bài kệ, Đức Phật dùng tiếng đống hoa *(Puppharāsī)* cho ta thấy là rất nhiều hoa, chất cả đống, quả nhiên nếu ít hoa thì thợ làm tràng hoa thiện nghệ không kết thành nhiều tràng hoa được. Còn người không thiện nghệ, dầu cho có nhiều hoa hay ít hoa cũng chẳng làm được chi cả, cho nên cần phải có nhiều hoa và người thợ lành nghề mới có thể làm nhiều tràng hoa được. Cũng như thế, một người có ít đức tin mà lại ít của cải thì không thể làm phước được. Người có đức tin dồi dào mà ít của cải cũng khó làm phước. Chỉ có người có đức tin nhiều, của cải dồi dào thì người ấy mới có thể tạo được nhiều phước lành. Và người đầy đủ khả năng như thế chính là bà Visākhā mà Đức Phật đã đề cập đến trong bài kệ.

"Như từ một đống hoa riêng,
Nhiều tràng hoa được thợ liên kết thành.
Từ thân người được phát sanh,
Biết bao nhiêu việc phước lành do ta".

☸

Bài kệ vừa dứt nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả, nhất là Dự Lưu quả. Đại chúng thính pháp cũng hưởng được nhiều lợi ích.

Dịch Giả Cẩn Đề

Tín nữ đứng đầu có Thiện Chi,
Đức tin sản nghiệp mấy ai bì,
Cất chùa hộ Phật nuôi Tăng chúng,
Thính pháp khuyên cha giữ giới quy.
Thưở bé đã thành Sơ thánh quả,
Khi già chưa mất nét xuân thì,
Con đàn cháu lũ đều khương thọ,
Phước lộc ba đời chẳng thể suy.

DỨT TÍCH BÀ VISĀKHĀ



53. All mortals must do plentiful good deeds like making garlands out of a mass of flowers.

53. Mọi người cần phải làm nhiều thiện sự như kết thành nhiều vòng hoa từ đống hoa.

IV.9- Tích ĐẠI ĐỨC ĀNANDA VẤN ĐẠO

(Ānandattherapañhavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 54-55)

54. "Na pupphagando paṭivātam eti,	***"Ngược lại chiều gió thổi,***
Na candanaṃ tagaramallikā vā;	***Hương hoa không bay nổi,***
Satañ ca gandho paṭivātam eti,	***Dầu là Đa già la,***
Sabbā disā sappuriso pavāyati".	***Chiên đàn, Mạt lỵ hoa,***
	Chỉ có hương Giới đức,
	Khắp phương trời bay xa".
55. "Candanaṃ tagaraṃ vā'pi,	***"Chiên Đàn, Đa già la,***
Uppalaṃ atha vassikī;	***Thanh liên, Vũ quý hoa,***
Etesaṃ gandhajātānaṃ,	***Sánh các hương hoa ấy,***
Sīlagandho anuttaro".	***Giới hương vô thượng vậy".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự gần thành Sāvatthī, để giải đáp câu hỏi của Đại đức Ānanda.

Tương truyền rằng: Một buổi chiều nọ, Đại đức ngồi nơi thanh vắng, bỗng tự nghĩ rằng Đức Thế Tôn có nói: "Căn hương (thọ), tâm hương và hương hoa là ba thứ hương cao thượng". Nhưng ba thứ hương ấy chỉ bay theo chiều gió chớ không có hương nào mà bay ngược gió cả. Không biết có loại hương nào mà bay xuôi gió, bay ngược gió cũng được, hay bay cả hai chiều gió đều được cả chăng?

Rồi Đại đức lại tính thầm: "Ta cần gì suy nghĩ tìm tòi cho mất công, để về hỏi Đức Bổn Sư là hơn".

Thế rồi, Đại đức về nơi cư ngụ của Đức Bổn Sư và bạch hỏi Ngài. Đoạn nầy trong kinh có ghi chép rằng: Khi ấy trong buổi chiều, Đại đức Ānanda từ chỗ tịnh cư đứng dậy, về gần Đức Thế Tôn. Sau khi đến gần bèn bạch với Đức Thế Tôn:

- Bạch Ngài, có ba thứ hương, mà hương của nó chỉ bay thuận theo chiều gió, chớ không bay nghịch chiều gió. Thế nào là ba? Hương của rễ, hương của lõi và hương của hoa là ba giống có hương, mà hương nó chỉ bay thuận theo chiều gió, chớ không bay nghịch chiều gió. Bạch Ngài, chẳng hay có giống hương nào mà hương của nó bay thuận chiều gió, nghịch chiều gió, hay bay thuận và nghịch theo chiều gió được chăng?

Khi ấy, Đức Thế Tôn đáp rằng:

- Nầy Ānanda! Có giống hương mà hương của nó dầu gặp gió xuôi, gió ngược cũng đều bay được cả.

- Bạch Ngài! Thế nào là có giống hương mà hương của nó dầu gặp gió xuôi, gió ngược hay cả gió xuôi gió ngược đều được cả.

- Nầy Ānanda! Ở đây nơi thôn quê hay thành thị nào có một nữ nhân hay nam nhân quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, tránh xa sự sát sanh, tránh xa sự trộm cắp, tránh xa sự tà dâm, tránh xa sự nói dối, tránh xa sự uống rượu và các chất say, là người có Giới đức là người có thiện pháp. Tâm đã dứt bỏ sự bỏn xẻn, sự nhiễm ô. Tuy còn tại gia mà có tâm dứt bỏ, xả thí, thỏa thích trong sự bố thí không nhơ bợn, biết thông cảm đến người xin, hoan hỷ chia xớt vật thí đến tất cả mọi người. Thì từ nơi thôn quê hay thành thị đó, cho đến các phương hướng, chư Sa môn và Bà la môn hằng ca tụng rằng: "Nơi chốn thôn quê hoặc thành thị đó, có nữ nhân ấy, có nam nhân ấy là người quy y Phật… hoan hỷ chia sớt vật thí đến tất cả mọi người". Nầy Ānanda, đó là giống hương mà hương của nó bay xuôi chiều gió, bay xuôi lẫn ngược chiều gió vậy.

Giải xong, Đức Bổn Sư thuyết lên hai bài kệ:

54. "Na pupphagando paṭivātam eti,
Na candanaṃ tagaramallikā vā;
Satañ ca gandho paṭivātam eti,
Sabbā disā sappuriso pavāyati".

"Ngược chiều gió, các hương hoa,
Chiên đàn, Mạt ly, Già la bặt đường.
Ngược chiều gió chỉ có hương,
Của người Giới đức muôn phương lan tràn".

55. "Candanaṃ tagaraṃ vā'pi,
Uppalaṃ atha vassikī;
Etesaṃ gandhajātānaṃ,
Sīlagandho anuttaro".

"Đa già la với Chiên đàn,
Thanh liên, Vũ quý, các hàng hoa vương.
Dầu thơm cho mấy cũng nhường,
Thứ hương Giới đức là hương tuyệt trần".

CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ Phạn ngữ, câu đầu có nghĩa là không có hương hoa nào bay ngược chiều gió, như trên cung trời Đao Lợi có cây Pāricchattakarukkha, thân cao và tàng rộng hàng trăm do tuần, hoa của nó phát ra ánh sáng rơi xa năm mươi do tuần, hương hoa lan xa hàng trăm do tuần. Tuy nhiên nó chỉ bay theo chiều gió mà thôi, còn ngược gió thì dầu gần như nữa ngón tay nó cũng không thể bay được. Tất cả các hương hoa đều không thể bay ngược chiều gió như thế cả.

Candanaṃ: Viết cho đủ là *candanagandho* nghĩa là hương của Chiên đàn.

Tagaramallikā vā: Cũng đề cập đến hương của Đa già la, Mạt lỵ.

Quả thật, dầu cho hương của các thứ có tiếng là thơm nhất, như là Chiên đàn đỏ, Đa già la, Mạt lỵ hoa chẳng hạn, cũng chỉ bay xuôi chiều gió chớ không bay ngược chiều gió bao giờ cả.

Satañ ca gandho: Chỉ có hương của người Giới đức là hương của các bậc Thinh Văn đệ tử Phật Toàn Giác và Độc Giác mới bay được ngược gió. Tại sao vậy?

Sabbā disā sappuriso pavāyati: Tại vì tiếng thơm Giới đức của các bậc Thinh Văn, những người Thánh thiện lan truyền đi khắp các phương hướng, cho nên có thể nói là mùi hương Giới đức bay ngược chiều gió. Do đó, Đức Phật đã dùng từ ngữ *Paṭivātameti.*

Vassikī: là Vũ quý, Vũ sanh, tức là loại hoa thơm như lan, huệ.

Etesaṃ: Câu chót có nghĩa là nếu đem so sánh có giống nào mùi thơm như Chiên đàn chẳng hạn, với những bậc Thánh thiện có Giới đức là mùi thơm thì Giới hương là vô thượng, vô tỷ, vô song vậy (anuttaro asadiso appaṭibhāgo).

☸

Khi thời pháp chấm dứt, nhiều Tỳ khưu thành đạt chánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả. Đại chúng cũng hưởng được sự lợi ích nhờ nghe pháp.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Đại đức Nan Đa muốn biết rằng:
Hương bay ngược gió có cùng chăng?
Chiều tà tạm lánh nơi cô tịch,
Trở gót đi tìm Đức Vạn Năng.
Phật dạy: "Hương sanh có thứ nầy,
Ngược chiều gió thổi chẳng ngừng bay,
Là hương Giới đức cao vô tỷ,
Hương của trầm hoa chẳng sánh tày".

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC ĀNANDA VẤN ĐẠO

☸

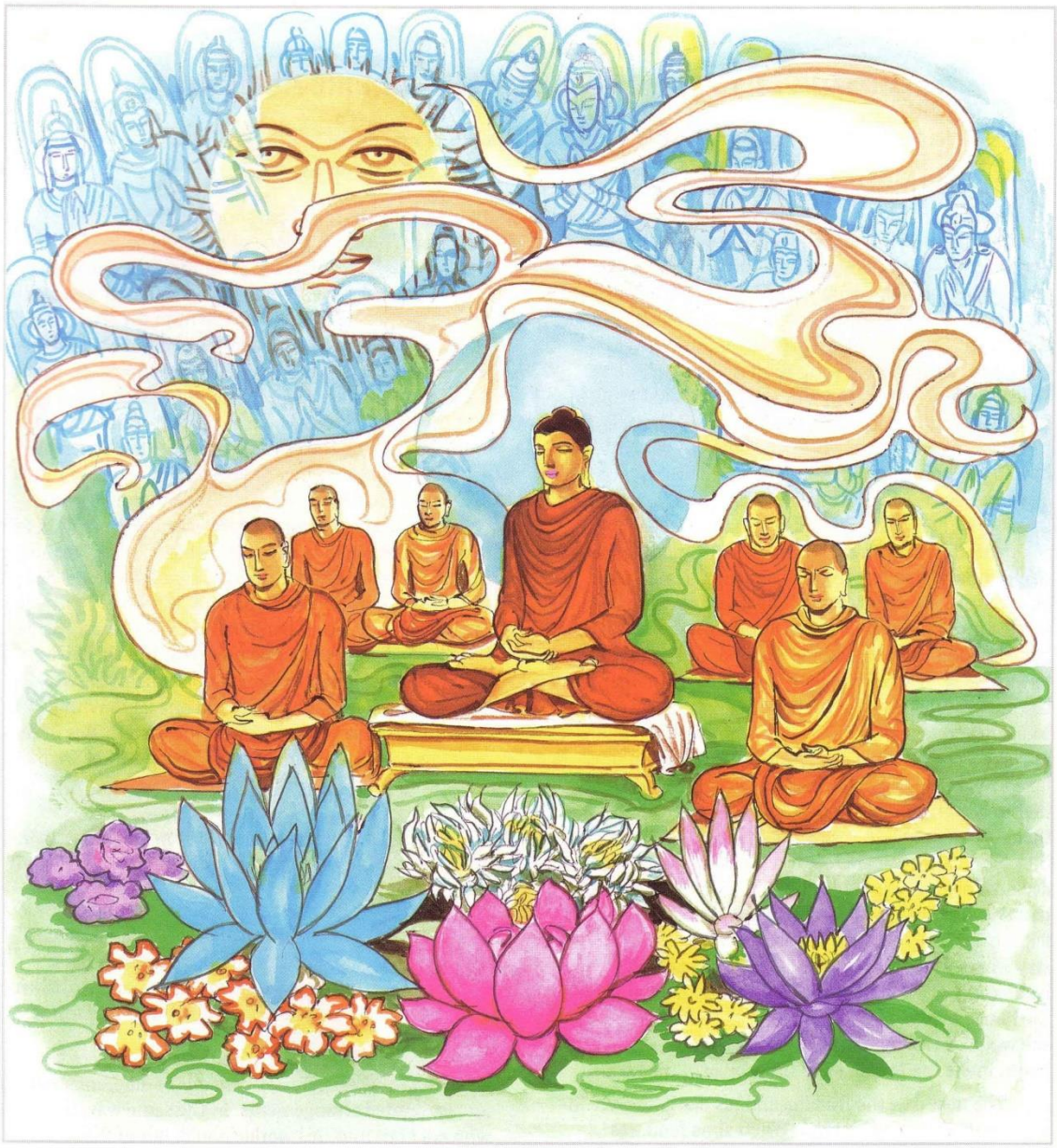

54. Scent of flower or sandal goes not against the wind. But fragrance of virtue blows everywhere.

54. Hương của Tagara hay chiên đàn (trầm) không bay ngược làn gió. Nhưng hương của đức hạnh bay khắp mọi nơi.

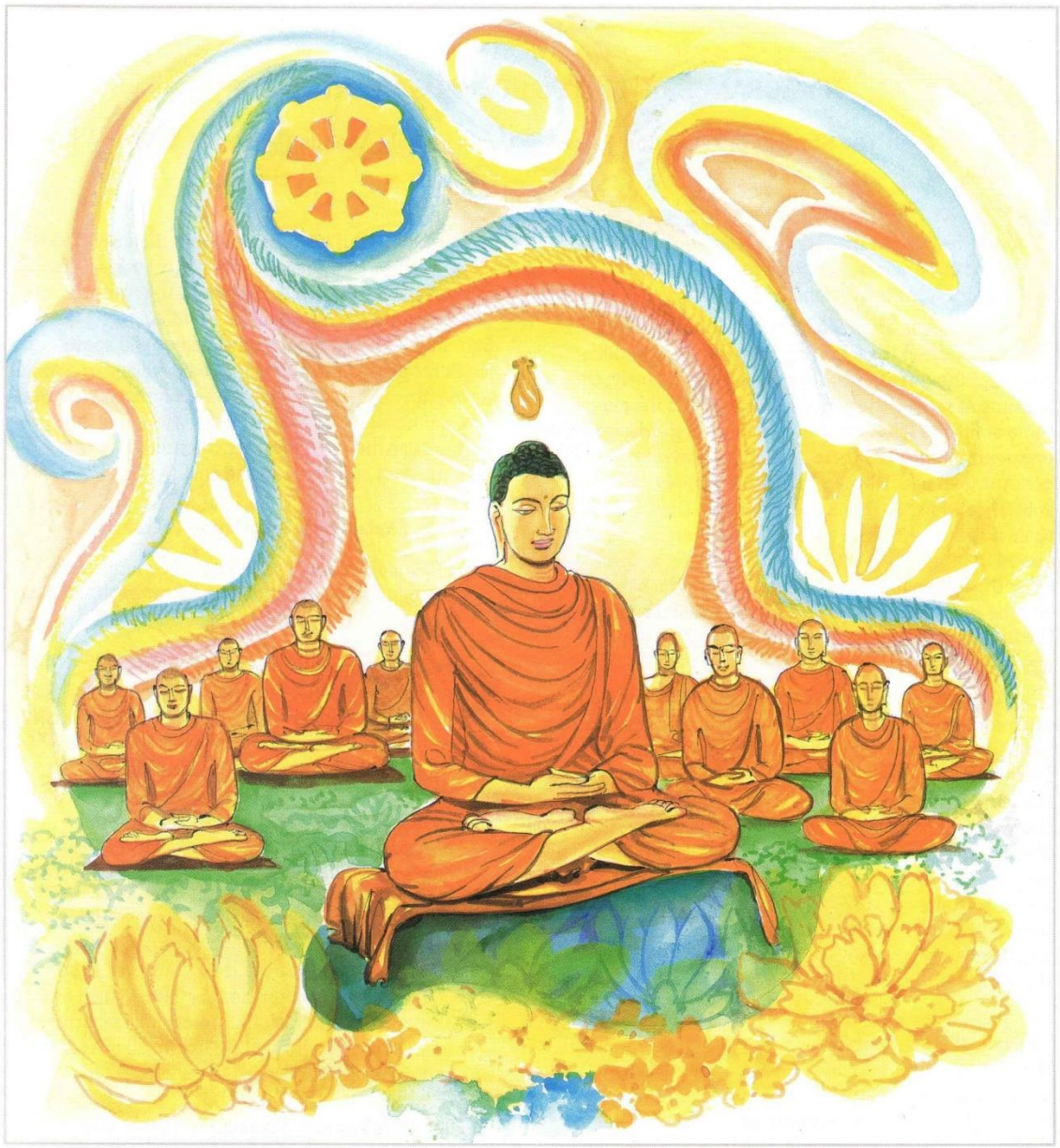

55. Of all fragrances like that of sandal, lavender and jasmine, fragrance of virtue is supreme.

55. Trong tất cả các mùi hương chiên đàn, tagara hay vũ quý (hoa lài), hương đức hạnh là tối thượng.

IV.10- Tích ĐẠI ĐỨC MAHĀKASSAPA ĐƯỢC VUA TRỜI ĐỂ BÁT

(Mahākassapattherapiṇḍapātadānavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 56)

"Appamatto ayaṃ gandho,	***"Đa già la, Chiên đàn,***
Yā'yaṃ tagaracandanī;	***Hương nầy ít giá trị,***
Yo ca sīlavataṃ gandho,	***Hương Giới đức lan tràn,***
Vāti devesu uttamo".	***Thấu rõ trời vô tỷ".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Trúc Lâm (Veḷuvana) đề cập đến Đại đức Mahākassapa được Đức Đế Thích để bát.

Thật vậy, một hôm sau bảy ngày Thiền Diệt, Đại đức xuất định, rời chỗ tịnh cư để đi vào thành Vương Xá đi bát từng nhà.

Trong khi ấy, năm trăm ngọc nữ là cung phi của Đức Thiên Vương Đế Thích rủ nhau: "Chúng ta hãy để bát cúng dường Đại đức". Rồi họ mang theo năm trăm vắt cơm sữa, xuống đứng đón đường Đại đức và đồng hỏi:

- Bạch Ngài, xin Ngài thọ lãnh vắt cơm nầy rồi hãy đi, xin Ngài tế độ chúng con.

Các cô hãy tránh đường cho ta đi độ những người khốn khó.

- Bạch Ngài, xin Ngài đừng xua đuổi chúng con, xin Ngài từ bi tế độ chúng con.

Đại đức biết họ là năm trăm Thiên nữ, nên một mực từ chối, nhưng họ không chịu tránh đường, cứ theo van xin mãi. Đại đức thầm bảo họ: "Mấy cô thật không biết hư lượng. Hãy tránh đi chỗ khác đi". Nói rồi Đại đức búng ngón tay kêu thành tiếng. Nghe tiếng búng tay của Đại đức các ngọc nữ đều cứng mình, không thể kiên trì ở đó được nữa nên đồng chạy trở về thiên đình. Đức Đế Thích hỏi: "Các nàng đi đâu về đó?".

- Tâu Thiên vương! Chúng em thấy Đại đức Mahākassapa vừa xuất đại định nên rủ nhau xuống để bát cúng dường Đại đức rồi về đây.

- Các nàng có để bát được chăng?

- Đại đức không chịu thọ.

- Ngài bảo sao?

- Tâu Thiên vương! Đại đức bảo: "Để ta tiếp độ những người khốn khó".

- Các nàng đi với lối trang phục như thế nào?

- Tâu Thiên vương, cũng y như thế nầy.

Đức Đế Thích chê rằng: "Sang như các nàng, để bát Đại đức thì làm sao Đại đức chịu nhận".

Đế thích tự mình cũng muốn để bát, nên Đức Thiên vương hóa làm ông lão thợ dệt già lụm cụm, răng rụng, tóc sương, gần đất xa trời. Thiên hậu Sujātā cũng hóa

thành một bà lão tuổi tác cũng già nua như thế. Đức Đế Thích hóa hiện một con đường dẫn đến chỗ ngụ là mái tranh tồi tàn, trong đó là hai ông bà già đang kéo chỉ.

Đại đức Mahākassapa đang đi vào thành tìm người khốn khó để tế độ, vừa đến ngoài cổng thành trông thấy con đường, có mái chòi tranh, hai ông bà lão nghèo khổ đang ở đó. Khi ấy, Đế Thích đang giăng chỉ, còn Thiên hậu thì quấn chỉ đã se thành cuộn.

Đại đức suy nghĩ: "Hai người nầy tuổi tác đã già mà còn làm việc lao động, chắc chắn trong thành nầy không có ai nghèo khổ hơn họ, dầu họ chỉ chừng một vá cơm, ta cũng nên tế độ thọ dụng cho họ có phước". Đại đức đi đến cửa nhà của hai ông bà.

Đức Đế Thích thấy Đại đức đi đến liền bảo Thiên hậu:

- Nầy ái khanh, Đại đức của chúng ta đã đến rồi kìa, khanh cứ ngồi làm thinh, giả đò như không thấy Đại đức, để ta nói gạt Đại đức đặng mình để bát Ngài nghe.

Đại đức đến đứng trước cửa nhà, hai ông bà làm như không thấy Đại đức, cứ chăm chỉ lo làm công việc của mình, một lát sau mới đi vào nhà. Bây giờ Đế Thích mới bảo vợ:

- Trước cửa nhà mình in như có vị Đại đức đứng, bà coi có phải vậy chăng?

- Thôi, ông hãy ra xem đi ông à!

Đức Đế Thích ra khỏi nhà, gieo năm vóc xuống đảnh lễ Đại đức, hai tay gác lên đầu gối nói rằng:

- Chà khổ dữ a! Không mấy thuở mà Đại đức Mahākassapa của ta quang lâm đến tệ xá, bà ở trong nhà có món chi chút đỉnh không hả?

Nàng Sujātā làm ra vẻ lẩm cẩm, chậm chạp trả lời rằng:

- Có ông à!

Đức Đế Thích không nói xả giao: "Bạch Ngài, có vui lòng nhận thực phẩm ngon lành không?", mà chỉ rước bát Ngài, nói:

- Xin Ngài hãy tế độ chúng tôi.

Đại đức nghĩ thầm: "Mấy người nầy chỉ để một nắm rau hay cám, ta cũng sẽ thọ cho họ có phước", rồi đưa bát ra.

Đức Đế Thích vào trong nhà, bới cơm trong nồi ra đổ đầy bát rồi đem trao qua tay của Đại đức. Cơm của Đế Thích để bát có cả canh và thức ăn, mùi thơm ngon lan ra khắp cả thành Rājagaha.

Lúc bấy giờ, Đại đức nghĩ rằng: "Người nầy coi bộ nghèo khó, để bát đồ cao quý như là đồ ăn của Đức Đế Thích, ai đây há?".

Khi quán xét biết rõ là Đức Thiên Vương ở cung trời Đao Lợi. Đại đức trách rằng: "Nghiệp của Thiên vương tạo đây nặng lắm, không khác nào cướp phước của kẻ nghèo khó. Thật vậy, kẻ nào nghèo khổ thế mấy, nhưng hôm nay đặt bát cho ta thì nhất định phải chiếm được địa vị, Đô đốc hay Trưởng giả chẳng sai".

- Bạch Ngài, không có ai nghèo khổ hơn trẫm cả.

- Có lý nào mà Thiên vương nghèo khổ trong khi Thiên vương làm chúa tể cả hai cõi trời.

- Bạch Ngài, quả thật như thế, là vì trẫm tạo nghiệp lành nhằm thời kỳ chưa có Phật. Còn ba vị Thiên vương như Cūḷaratha (Tiểu Xa), Mahāratha (Đại Xa) và Anekavaṇṇa (Đa Sắc) nhờ tạo nghiệp lành trong thời Đức Phật hiện tại giáng thế. Khi sanh lên Thiên cung, gần cung của trẫm thì có oai lực bằng nhau và đều thắng xa trẫm về vẻ huy hoàng xán lạn. Quả thật, gần ba vị ấy thì ngôi sao của trẫm trở nên lu mờ, đen tối, trẫm phải dắt cả đoàn cung phi ngọc nữ kiếm đường thoát thân, chạy vào tư cung. Ánh sáng từ mình họ chiếu ra bao trùm ngọc thể của trẫm, còn ánh sáng từ ngọc thể của trẫm chiếu ra không thấu tới mình họ. Vậy thì ai là người khốn khổ hơn trẫm, bạch Ngài?

- Dầu vậy từ rày về sau, Thiên vương đừng gạt bần Tăng mà để bát nữa nhé!

- Bạch Ngài, gạt Ngài để bát như thế, trẫm có được phước lành hay chăng?

- Có được đạo hữu à!

- Nếu vậy thì tạo nghiệp lành là bổn phận của trẫm, bạch Ngài.

Nói rồi, Đức Đế Thích đảnh lễ Đại đức, dắt nàng Sujātā nhiễu quanh Đại đức rồi bay bổng lên hư không, cất tiếng cao hứng reo rằng: "Ôi sự bố thí, bố thí Ba la mật nơi Đức Mahākassapa trường tồn âm chất".

Trong Tam Tạng kinh có nhiều chỗ chép rằng:

Một thời, Đức Thế Tôn trú tại Veḷuvana, trong vùng nuôi sóc, gần thành Rājagaha.

Trong thuở ấy, Đại đức Mahākassapa an cư trong động Pipphaliguhā (Lạc Tiêu), ngồi kiết già nhập định suốt bảy đêm ngày, Đại đức Mahākassapa mới xuất định, khi đã xuất định, Đại đức Mahākassapa nghĩ rằng: "Ta hãy vào khất thực trong thành Rājagaha".

Ngay lúc đó, độ năm trăm nàng Thiên nữ cố gắng muốn để bát cúng dường đến Đại đức Mahākassapa, khi ấy Đại đức Mahākassapa khước từ sự cúng dường của năm trăm thiên nữ, xong rồi Ngài sửa soạn đắp y mang bát vào thành Rājagaha để khất thực.

Ngay lúc bấy giờ, Đức Đế Thích (Sakka) có ý muốn để bát cúng dường Đại đức Mahākassapa, hóa ra người thợ dệt đang se chỉ, nàng Sujātā là công chúa A tu la đang quay xe.

Khi ấy Đại đức Mahākassapa đi ngay đến nhà của Đế Thích Hoàn Nhân. Khi thấy Đại đức Mahākassapa đi từ phía xa lại, đức Đế Thích đi ra khỏi nhà để tiếp đón, rước lấy bát để đem vào nhà, xúc cơm trong nồi cơm đầy bát rồi dâng cúng đến Đại đức Mahākassapa, cơm trong bát có nhiều canh và các món phụ tùng.

Khi ấy, Đại đức Mahākassapa tự nghĩ: "Chúng sanh nầy là ai mà có thần thông oai lực như thế nầy?". Rồi Đại đức Mahākassapa lại nghĩ: "Đây chắc là Đế Thích Hoàn Nhân".

Sau khi hiểu biết như vậy, Đại đức nói với Đế Thích Hoàn Nhân rằng: "Việc của Thiên vương đã làm hôm nay rồi thì thôi, đừng làm như vậy nữa".

- Bạch Đại đức Mahākassapa, chúng tôi cũng còn thiếu phước, chúng tôi cũng phải tạo phước vậy.

Nói rồi, đức Đế Thích đảnh lễ Đại đức Mahākassapa, nhiễu quanh Ngài đoạn bay bổng lên hư không giữa trời, cao hứng thốt lên ba lần câu nói sau đây:

"Ôi! Sự bố thí, bố thí Ba la mật nơi Đại đức Mahākassapa trường tồn âm chất!

Ôi! Sự bố thí, bố thí Ba la mật nơi Đại đức Mahākassapa trường tồn âm chất!

Ôi! Sự bố thí, bố thí Ba la mật nơi Đại đức Mahākassapa trường tồn âm chất!".

Pāli:

"Aho dānaṃ paramadānaṃ kassape supatiṭṭhi tanti".

Đức Thế Tôn đứng trong chùa, nghe tiếng của Thiên vương reo lên như vậy, bèn kêu chư Tỳ khưu và bảo rằng:

- Nầy các Tỳ khưu, hãy nhìn coi Đế Thích Hoàn Nhân, ông ta cao hứng ca ngâm rồi bay đi trên hư không kìa.

- Ông ta làm gì mà cao hứng vậy bạch Ngài?

- Gạt được Kassapa con trai ta, để bát cúng dường rồi, ông ta thỏa thích, vừa đi vừa cao hứng ngâm nga.

- Bạch Ngài, làm sao mà ông ta biết là nên để bát cúng dường cho Đại đức?

- Nầy các Tỳ khưu, Tỳ khưu thọ pháp Đầu đà hằng đi khất thực như con trai ta, thì chư thiên hay nhân loại gì cũng đều thương mến cả.

Nói rồi, chính Ngài cũng ngẫu hứng ngâm nga.

Trong kinh chỉ ghi chép có bấy nhiêu thôi.

Do nhờ thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, Đức Thế Tôn nghe được Đế Thích, sau khi bay bổng lên không ở giữa trời cao hứng reo lên ba lần:

"Ôi! Sự bố thí, bố thí Ba la mật nơi Đại đức Mahākassapa trường tồn âm chất!

Ôi! Sự bố thí, bố thí Ba la mật nơi Đại đức Mahākassapa trường tồn âm chất!

Ôi! Sự bố thí, bố thí Ba la mật nơi Đại đức Mahākassapa trường tồn âm chất!".

Thế rồi, sau khi hiểu rõ chuyện nầy, Đức Thế Tôn cao hứng thốt lời ngẫu hứng sau đây:

"Piṇḍapātikassa bhikkhuno
Attabharassa anaññaposino
Devā pihayanti tādino
Upasantassa sadā satīmatoti".

"Tỳ khưu nguyện giữ hạnh trì bình,
Xin chẳng nuôi ai, đủ miệng mình,

Người vậy chư thiên hằng cảm mến,
Tâm thường thanh thản, trí viên minh".

Sau bài kệ ngẫu hứng, Đức Thế Tôn phán bảo rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Đức Đế Thích sở dĩ để bát cúng dường con trai ta, chẳng qua vì mộ hương Giới đức vậy.

Rồi Ngài thuyết lên kệ Pháp Cú:

56. "Appamatto ayaṃ gandho,
Yā'yaṃ tagaracandanī;
Yo ca sīlavataṃ gandho,
Vāti devesu uttamo".

56. *"Đa già la với Chiên đàn,*
Hương nầy chưa mấy cao sang trên đời.
Hương người Giới đức tuyệt vời,
Xông lên thấu các cõi trời cao siêu".

☸

CHÚ GIẢI:

Trên đây, tiếng *appamatto* nghĩa là nhỏ nhen, ít ỏi.

Yo ca sīlavantaṃ: Nghĩa là Giới hương nào của người Giới đức, không phải ít giá trị như hương Đa già là, như Chiên đàn đó đâu, mà nó có sức bay lan thật xa vậy.

Vāti devesu uttamo: Nghĩa là quý giá, cao cả không hương nào bằng, và tỏa rộng ra khắp cả các nơi, kể cả các cảnh giới của chư thiên và nhân loại.

Khi thời Pháp chấm dứt, nhiều Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả, đại chúng thính pháp đều hưởng được sự lợi ích.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Ca Diếp Ma Ha định tế bần,
Độ nhằm Đế Thích giả cùng nhân,
Mới hay trời cũng tranh làm phước,
Kẻo sống thua người thấy tủi thân.
Bằng tâm dối gạt giúp cho người,
Phước cũng mười phân đủ trọn mười,
Chỉ tội chú nghèo chưa biết mặt,
Hụt làm bá hộ một phen chơi.
Đi bát hằng ngày Phật vẫn khen,
Nhưng mà chịu cực phải cho quen,
Bằng không sẽ thấy buồn trong ruột,
Bỏ hạnh Tỳ khưu chẳng trống kèn.

DỨT TÍCH VUA TRỜI ĐẾ THÍCH ĐỂ BÁT ĐẠI ĐỨC MAHĀKASSAPA



56. The fragrance of the virtuous wafts even among the gods. All others fall short of that.

56. Hương đức hạnh bay đến tận Chư thiên. Các loài hương khác đều thiếu đặc tính nầy.

IV.11- Tích ĐẠI ĐỨC CỒ ĐIỆT VIÊN TỊCH

(Godhikattheraparinibbānavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 57)

"Tesaṃ sampannasīlānaṃ,	***"Những người đủ Giới đức,***
Appamādavihārinaṃ;	***Vững tâm không phóng dật,***
Sammadaññā vimuttānaṃ,	***Chánh trí thoát lao lung,***
Māro maggaṃ na vindati".	***Ma chẳng thấy hành tung".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự trong Veḷuvana (Trúc Lâm), gần thành Rājagaha (Vương Xá), đề cập đến sự viên tịch của Đại đức Godhika (Cồ Điệt).

Thời ấy, Đại đức Godhika an cư nơi làng Kālasilā (Hắc Nham) trên sườn núi Isigili (Ẩn Sĩ), nhờ chuyên cần tinh tấn hành đạo một mình, nên chứng đạt trên tâm giải thoát tạm thời (Sāmāyikaṃ cetovimuttiṃ). Nhưng bị một chứng bịnh kinh niên làm cho sa sút, mất pháp đã chứng.

Đại đức hành thiền lần thứ nhì, lần ba cho đến lần thứ sáu cũng không chứng đắc pháp thiền đã mất, đến lần thứ bảy, Đại đức bỗng phát khởi ý nghĩ: "Ta đã sáu lần rớt ra khỏi đề mục thiền. Hành giả mà rớt ra khỏi thiền thì cảnh giới tái sanh kể như bất định. Vậy bây giờ ta phải dùng đến lưỡi dao mới được".

Thế rồi, Đại đức lấy con dao cạo tóc lên, nằm trên giường định cắt tóc đứt cuống họng.

Ma vương biết được tâm niệm của Đại đức, thì nghĩ rằng: "Tỳ khưu nầy có ý muốn lấy dao, lấy dao rồi lại muốn tận diệt mạng sống của mình. Ông ấy mà an tâm vào Minh sát tuệ thì chắc là phải đắc A La Hán quả. Nếu ta đứng ra cản ông ấy thì chắc ông ấy chẳng chịu nghe lời ta, chi bằng ta cậy mượn Đức Bổn Sư cản ngăn ông ấy".

Ma vương liền hóa thân thành một khách lạ, đến gần Đức Bổn Sư, đọc lên kệ ngôn như vầy:

"Mahāvīra mahāpaññā,
Iddhiyā yasasā jala;
Sabbaverabhayātīta,
Pāde vandāmi cakkhuma.
Sāvako te mahāvīra,
Maraṇaṃ maraṇābhibhū;
Ākaṅkhati cetayati,
Taṃ nisedha jutindhara.
Kathaṃ hi bhagavā tuyhaṃ,
Sāvako sāsane rato;
Appattamānaso sekho,

Kālaṃ kayirā janesutāti.
Tasmiṃ khaṇe therena,
Satthaṃ āharitaṃ hoti".

Lược dịch:

"Kính bạch Đức Đại Hùng Đại Trí,
Bậc uy danh lừng lẫy khắp nơi,
Bậc đã qua oán cụ biển đời,
Bậc Hữu Nhãn, tôi thời đảnh lễ.
Bậc Đại Hùng, trong hàng môn đệ,
Của Ngài từng áp chế tử thần,
Có Thinh Văn muốn lìa trần,
Bạch Ngài tráng hệ, Ngài cần cản ngăn.
Trong đạo Ngài, Thinh Văn vui vẻ,
Bạch Thế Tôn, sao kẻ chán đời,
Không lo tu tập đến nơi,
Lại toan tự vận, Ngài thời biết cho.
Giây phút nầy tôi lo Đại đức,
Đã lấy dao để dứt mạng căn".

Đức Bổn Sư biết rõ: "Người nầy là Ma vương", nên Ngài đáp lời bằng bài kệ rằng:

"Evaṃ hi dhīrā kubbanti,
Nāvakaṅkhanti jīvitaṃ;
Samūlaṃ taṇhaṃ abbuyha,
Godhiko parinibbutoti".

"Quả thật kẻ hiền năng làm thế,
Chẳng duy trì mạng sống để thừa,
Ái dục nhổ gốc chẳng chừa,
Cồ Điệt đã nhập Vô Dư Níp Bàn".

Kế đó, Đức Thế Tôn cùng với nhiều Tỳ khưu ngự đến bên giường, chỗ Đại đức Godhika nằm với lưỡi dao cắt cổ.

Trong khi ấy, ác ma muốn biết: "Thức tái sanh của Đại đức nầy trú nơi đâu?". Nên liều hóa ra một luồng khói đen tỏa đi các hướng để tìm tâm thức của Đại đức.

Đức Thế Tôn chỉ làn khói đen cho Tỳ khưu thấy và bảo rằng:

- Nầy các Tỳ khưu, đó là ác ma đi tìm kiếm tâm thức của Godhika, nó tự hỏi: "Tâm thức của Ngài Godhika đang trú nơi đâu?". Nầy các Tỳ khưu! Tỳ khưu Godhika đã Vô Dư Níp Bàn rồi, cho nên tâm thức không còn trú nơi đâu nữa vậy.

Dầu là Ma vương, y cũng không thể tìm thấy tâm thức của Ngài Godhika. Hắn liền hiện hình là một thanh niên, tay ôm cây đàn Tỳ bà vàng lợt, đến gần Đức Bổn Sư hỏi rằng:

"Uddhaṃ adho ca tiriyaṃ,
Disā anudisā svahaṃ;

Anvesaṃ nādhigacchāmi,
Godhiko so kuhiṃ gatoti".

Lược dịch:

"Đường lên xuống bằng ngang hay dọc,
Khắp hướng phương, xó hóc gần xa,
Tôi tìm không gặp ông ta,
Chẳng hay Cồ Điệt đi qua cõi nào?".

Đức Bổn Sư đọc kệ đáp rằng:

"Yo dhīro dhitisampanno,
Jhāyī jhānarato sadā;
Ahorattaṃ anuyuñjaṃ,
Jīvitaṃ anikāmayaṃ.

Jetvāna maccuno senaṃ,
Anāgantvā punabbhavaṃ;
Samūlaṃ taṇhaṃ abbhuyha,
Godhiko parinibbutoti".

Lược dịch:

"Người trí tuệ, hùng hào cương nghị,
Hằng vui thiền, mến vị vui thiền,
Đêm ngày mải miết cần chuyên,
Không tham mạng sống cần chuyên dài dòng.

Thắng phục được binh ròng thần chết,
Đường tái sanh đã hết bước đi,
Ái dục bứng gốc còn chi,
Cồ Điệt đã nhập Vô Dư Níp Bàn.

Nghe vậy, Ác Ma đứng thở than tiếc rẻ,
Không vũng lầy, khỏi té xuống sâu,
Từ đây bất hạnh khổ sầu,
Dạ xoa vội biến đi đâu mất liền".

Tuy nhiên, Đức Bổn Sư cũng còn nói tiếp rằng:

- Nầy ác ma, ngươi đừng luống công đi tìm chỗ tái sanh của Godhika làm chi vô ích. Quả thật, dầu có một trăm hay một ngàn kẻ như ngươi đi tìm kiếm nữa cũng chẳng thấy được.

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết kệ Pháp Cú:

57. "Tesaṃ sampannasīlānaṃ,
Appamādavihārinaṃ;
Sammadaññā vimuttānaṃ,
Māro maggaṃ na vindati".

57. "Những người Giới đức đủ điều,

Vững tâm những ngã theo chiều buông lung,
Chánh trí giải thoát tột cùng,
Ma vương có thấu hành tung bao giờ".

☸

CHÚ GIẢI:

Tiếng ***tesaṃ*** trên đây chỉ những người đã Vô Dư Níp Bàn, tâm thức chẳng còn trú vào chỗ nào nữa cả, y như Đại đức Godhika vậy.

Sampannasīlānaṃ: Nghĩa là đầy đủ Giới đức.

Appamādavihārinaṃ: Nghĩa là những người có tâm an vui, trú trong sự chuyên cần, không phóng dật, tức là những người có pháp ghi nhớ (gọi là Chánh niệm) đến sự lợi ích to lớn là Níp Bàn.

Sammadaññā vimuttānaṃ: Chánh trí giải thoát, là có trí hiểu biết về nhân (hetu), pháp (naya), lý (kāraṇa) của sự giải thoát. Những người giải thoát lại được dứt trừ phiền não theo năm pháp:

1. Tadaṅgavimutti: Giải thoát tạm thời, do quán xét.

2. Vikkhambhanavimutti: Giải thoát năm pháp che lấp (pháp cái) của thiền định, gọi là áp chế giải thoát.

3. Samucchedavimutti: Giải thoát do đạo tuệ, gọi là đoạn trừ giải thoát.

4. Paṭippassaddhivimutti: Giải thoát do đắc quả.

5. Nissaraṇavimutti: Giải thoát do Vô Dư Níp Bàn.

Māro maggaṃ na vindati: Đối với những bậc đại Lậu Tận như thế, thì tất cả các chỗ của các Ngài đi trên con đường đạo, Ma vương chẳng biết chẳng thấy, chẳng đến được giai đoạn nào cả.

☸

Thời pháp vừa dứt, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả, nhất là Sơ quả. Đại chúng thính pháp cũng đều được hưởng nhiều lợi ích.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Tâm chứng từng cao, kế sụt liền,
Bởi Ngài Cồ Điệt bịnh kinh niên,
Sáu phen sức đẩy không vào định,
Một nhát dao đưa mới đắc thiền.
Quyết chí thân tàn thành quả Thánh,
Nguyện đi nước lớn rạng danh hiền,
Ma vương ngũ uẩn, Ma phiền não,
Hết biết đường theo phải lặng yên.

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC GODHIKA VIÊN TỊCH



57. Of the diligent and the virtuous totally freed through wisdom, death never tracks the path.

57. Thần chết không bao giờ tìm thấy con đường của những người đức hạnh tinh cần được giải thoát hoàn toàn nhờ trí tuệ.

IV.12- Tích ÔNG OÁN TRÁCH THÍ

(Garahadinnavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 58-59)

"Yathā saṅkāradhānasmiṃ	***"Như từ đống rác đen,***
Ujjhitasmiṃ mahāpathe	***Vứt trên bờ đại lộ,***
Padumaṃ tattha jāyetha	***Mọc lên một đóa sen,***
Sucigandhaṃ manoramaṃ".	***Sạch thơm ai cũng mộ".***
"Evaṃ saṅkārabhūtesu	***"Từ chúng sanh như rác,***
Andhabhūte puthujjane	***Phàm tục và ngu si,***
Atirocati paññāya	***Sáng ngời với tuệ giác,***
Sammāsambuddhasāvako".	***Đệ tử đấng Toàn Tri".***

Hai bài kệ nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết pháp ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến một đệ tử của nhóm ngoại đạo Nigantha (Ni Kiền Tử: Ly Hệ Giả), tên là Garahadinna (Oán Trách Thí).

Thời bấy giờ, trong thành Sāvatthī có hai người bạn là ông Sirigutta (Thủ Danh Dự) và ông Garahadinna (Oán Trách Thí). Ông Sirigutta là một cận sự nam, Garahadinna lại là đệ tử của nhóm ngoại đạo Ly Hệ Giả (Nigantha), các du sĩ ngoại đạo nầy thường xúi bảo ông Garahadinna rằng:

- Ông vốn là bạn của Sirigutta, sao ông không chỉ dạy ông ấy rằng: "Bạn theo Sa môn Gotama làm chi? Theo đạo ông ta bạn có được lợi ích chi?", ông nên khuyến dụ ông ấy đến nghe chúng ta thuyết pháp.

Vâng theo lời thầy, ông Garahadinna thường lân la gần gũi với ông Sirigutta. Những lúc hai người đứng hoặc ngồi chung, ông khuyên bạn như vầy:

- Bạn à! Bạn theo Sa môn Gotama làm chi? Theo ông ấy bạn có lợi ích gì? Sao bạn không tìm đến cúng dường các Đại đức của tôi?

Mặc dầu nghe bạn nhắc nhở như thế trong nhiều ngày, ông Sirigutta vẫn làm thinh bỏ qua.

Nhưng một hôm, ông Sirigutta hỏi ông Garahadinna:

- Nầy bạn, bạn thường đến chơi với tôi, trong lúc đứng hoặc ngồi chung, bạn hay nhắc nhở tôi rằng: "Theo đạo của Sa môn Gotama bạn sẽ được lợi ích gì? Bạn hãy đến cúng dường chư Đại đức của tôi". Thưa bạn, xin lỗi bạn đừng buồn. Đối với tôi các Đại đức của bạn nào có biết chi đâu.

- Thôi thôi bạn ơi, bạn đừng có nói vậy. Chư Đại đức của tôi thì có gì mà chẳng hiểu biết. Các Ngài thông suốt tất cả nghiệp do thân, khẩu, ý trong ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai. Các Ngài biết trước vị nào sẽ xảy ra cùng không xảy ra, việc nào có thể cùng không thể được.

- Bạn nói chắc không?

- Dạ thưa bạn, chắc chớ.

- Nếu quả vậy thì bạn tệ thật. Từ bấy lâu nay sao bạn không chỉ rõ giùm tôi việc đó. Đến hôm nay tôi mới biết oai lực tuệ giác của các Đại đức bạn à, tôi nhờ bạn thay mặt tôi đi thỉnh giùm chư Đại đức đến đây để tôi cúng dường.

Ông Garahadinna bèn đến chùa của nhóm Nigantha, đảnh lễ các thầy và bạch rằng: "Bạn tôi là Sirigutta xin thỉnh chư Đại đức ngày mai đến nhà ông ấy".

- Chính ông Sirigutta nói với ông phải không?

- Dạ phải, bạch chư Đại đức.

Nhóm ngoại đạo vui mừng hớn hở bảo nhau:

- Chúng ta bây giờ thấy khỏe rồi, chỉ có việc nằm ngủ mà thôi. Hễ được Sirigutta tin tưởng nơi chúng ta rồi, thì từ nầy về sau có thứ lễ vật nào mà chúng ta chẳng có được.

Chỗ ở của ông Sirigutta rất lớn và rộng, trong khuôn đất đó nơi có khoảng trống giữa hai ngôi nhà, ông cho đào một cái mương dài rồi lấy sình non và phân lấp đầy mương bằng mặt đất. Ngoài hai đầu mương, ông cho đóng hai cây cừ ló đầu lên, cột cây giăng dài trên đường mương, đoạn ông cho sắp ghế thành một hàng, chân trước ghế nằm trên mép mương trước, chân ghế sau nằm gá lên đường dây, như thế, người ngồi trên ghế sẽ bật ngửa ra sau, té chỏng gọng, muốn che giấu cái đường mương, ông cho trải thảm phủ lên hàng ghế. Phía sau nhà, ông cho sắp nhiều cái khạp không, lấy lá chuối và vải cũ bịt miệng khạp, đoạn lấy cháo, cơm, bơ, đường, bánh vụn trây trét bên ngoài. Sáng hôm sau, ông Garahadinna lật đật đến nhà bạn thật sớm và hỏi:

- Lễ vật cúng chư Đại đức đã sẵn sàng chưa?

- Đàng hoàng hết cả rồi bạn à.

- Đâu để tôi coi thử coi.

- Trong mấy cái khạp đó, đây là khạp đựng cháo, kia là khạp đựng cơm, những khạp đó bơ, khạp đường, khạp bánh đủ thứ… Ghế ngồi cũng đã sắp sẵn cả rồi.

Ông Garahadinna nói: "Lành thay", rồi ông ra đi, khi ông vừa đi ra thì năm trăm du sĩ Nigantha cũng vừa đi đến.

Ông Sirigutta ra khỏi nhà, gieo năm vóc xuống lễ chào các Nigantha, đứng dậy chắp tay nguyện thầm rằng: "Nghe nói quý Ngài quán trí quá khứ, vị lai, việc gì cũng biết, chính người hộ độ cho quý Ngài đã nói với tôi như thế. Nếu quả thật quý Ngài toàn tri thì quý Ngài đừng vào nhà tôi, vì khi quý Ngài vào nhà tôi, Ngài nào té xuống mương phẩn thì sẽ lấy cây khệnh".

Nguyện rồi, ông Sirigutta dặn nhỏ các gia đinh: "Các ngươi biết cách sắp đặt ghế ngồi như thế nào rồi. Vậy các người hãy chực chờ bên mép mương phía sau ghế đặng rút mấy tấm thảm, đừng cho dính đồ dơ".

Đoạn ông lên tiếng thỉnh Nigantha:

- Bạch Ngài, xin thỉnh quý Ngài vào trong nầy.

Nhóm Nigantha vào tới trong sân, định ngồi lên ghế đã được trải sẵn tọa cụ. Nhưng các gia đinh ngăn lại rằng:

- Bạch các Ngài chậm lại một chút, xin đừng ngồi liền như thế.

- Tại sao vậy?

- Vào nhà chúng tôi, các Ngài nên biết phận sự của mình trước rồi hãy ngồi sau.

- Phải làm phận sự chi ạ, hỡi đạo hữu?

- Mỗi Ngài nên vào đứng trước chỗ của mình đều đủ hết cả rồi, chừng ấy mới ngồi xuống một lượt.

Đây là các gia đinh nghe lời dặn của chủ, cho họ lọt xuống mương đồng loạt, đừng cho họ ngồi lẻ tẻ.

Các Nigantha đáp: "Lành thay!", trong tâm họ nghĩ rằng: "Chúng ta nên làm y theo lời chỉ dẫn của các nhân viên nầy".

Khi ấy, các gia đinh bảo họ:

- Bạch Ngài, xin các Ngài hãy ngồi xuống cho thật lẹ.

Khi nhóm Nigantha vừa dợm ngồi xuống cho thì các gia đinh rút hết tấm thảm lót trước khi đít các tu sĩ đụng tới ghế, mấy vị ấy vô tình đồng ngồi xuống một lượt, những chân ghế trên sợi dây tuột ra lún xuống, nhóm ngoại đạo ngồi không vững té ngửa ra sau, lọt xuống mương phẩn. Thấy họ té xuống mương sình trộn phẩn, ông Sirigutta khiến gia đinh:

- Bây đóng cửa lại, hễ ông nào dưới mương bò lên thì hỏi: "Tại sao ông không tiên tri quá khứ, vị lai?" và khệnh cho ông ta mấy hèo.

Sau khi cho các Nigantha một trận no đòn, chủ nhà mới bảo gia đinh mở cổng thả họ ra. Họ tranh nhau chạy thoát thân, không dè Sirigutta đã khiến gia đinh tráng một lớp phẩn bầy lầy trên mặt đường đi làm cho đường trở nên trơn trợt. Thành ra bọn ngoại đạo còn té lên té xuống nhiều keo, chủ nhà còn nói đưa đẩy họ đi: "Thôi bấy nhiêu đó đã đủ cho các ông rồi nhé". Bị một vố quá đau, các Nigantha kéo nhau đến trước nhà Garahadinna, vừa đi vừa khóc:

- Ông ám hại chúng tôi, ông ám hại chúng tôi.

Nhìn thấy sự thảm hại nhục nhã của các thầy mình, ông Garahadinna nổi giận, nguyền rủa Sirigutta: "Ông nầy tới số rồi, cho nên mới dám đánh đập làm hại các vị Đại đức của ta, là những bậc Ứng Cúng, là những phước điền mà chư thiên trên sáu cõi trời cùng hoan hỷ lễ bái cúng dường".

Kế đến, ông Garahadinna đệ sớ lên đức vua, xin Ngài phạt vạ ông Sirigutta một ngàn đồng vàng. Đức vua hạ chiếu cho vời Sirigutta đến, ông vào triều đảnh lễ Đức vua, xong tâu rằng: "Tâu bệ hạ, thần mong ân bệ hạ xét đoán công minh rồi hãy phạt, để tránh sự võ đoán bất công".

- Trẫm sẽ xét xử rồi mới kết án.

- Lành thay, tâu bệ hạ, xin bệ hạ xử án.

- Vậy thì sự việc thế nào, khanh hãy tâu ngay đi.

- Tâu bệ hạ! Bạn của tôi là đệ tử nhóm Nigantha, thường ngày đến nhà tôi, thừa dịp đứng hay ngồi chung dụ rằng, như nói: "Bạn ơi, bạn theo Sa môn Gotama làm chi, bạn nào có được lợi ích gì?".

Và ông Sirigutta đem mọi sự việc đã qua trình tấu một hồi, đoạn nói tiếp:

- Tâu bệ hạ, nếu trong việc nầy, bệ hạ thấy kẻ hạ thần đáng tội, thì bệ hạ hãy xử phạt đúng theo luật nước.

Quốc vương nhìn ông Garahadinna và phán hỏi:

- Lời khai của bạn ông, khanh nghe có đúng sự thật không?

- Tâu bệ hạ, đúng sự thật.

- Mấy ông ngu dốt, vô minh như thế mà khanh tôn xưng là sư phụ, đi tới đâu cũng ca ngợi các Ngài biết hết tất cả. Tại sao khanh lại còn mong dụ hoặc Thinh Văn của đấng Như Lai, khanh đã kêu nài đòi xử phạt thì khanh phải chịu hình phạt.

Thế là, ông Garahadinna bị thất kiện mất cả tiền ký quỹ một ngàn đồng. Chẳng khác nào bị đánh đòn, đuổi đi như các Đại đức của ông ta. *(Ông Burlinhgame dịch là:* Ông ấy bị vua hành phạt, còn các Đại đức của ông bị đánh đòn trục xuất).

Căm tức vì thua bạn, từ ngày ấy cho đến nữa tháng sau, ông ta lánh mặt không chuyện vãn với ông Sirigutta, ông nói thầm: "Hành động như thế thì ta không hợp lý. Ta nên báo hại các thầy tổ của ông ấy mà trả đũa thì hơn".

Ông nhân buổi bãi triều, đến giả lã với Sirigutta và kêu: "Bạn Sirigutta ơi!".

- Dạ, có chuyện chi đó bạn?

- Thân bằng quyến thuộc cũng có khi cãi lẫy tranh chấp nhau. Sao gặp tôi bạn chẳng nói năng chi cả. Tại sao bạn lại đối xử với tôi như thế?

- Nầy bạn, tại vì bạn không chuyện trò cùng tôi, thì tôi mới không nói chuyện. Nhưng dầu giữa hai ta có điều chi xích mích, chúng ta không lẽ đoạn giao tình nghĩa bạn bè.

Từ đó về sau, hai người lân la, thân mật, cùng ngồi và đứng gần bên nhau.

Cho đến một hôm, ông Sirigutta bảo ông Garahadinna:

- Bạn theo nhóm Nigantha nào có được lợi ích gì? Sao bạn không Quy y với Đức Bổn Sư, hoặc là để bát cúng dường Đại đức Tăng có phải là quý hơn không?

Ông Garahadinna chỉ chờ mong có thế, nên khi nghe bạn mở lời, chẳng khác nào gãi nhằm chỗ ngứa của mình. Ông bèn hỏi Sirigutta: "Chẳng hay Lịnh Tôn Sư ngài biết được cái gì?".

- Nầy bạn ơi! Bạn đừng nên hỏi như thế, Đức Bổn Sư chẳng có cái gì mà Ngài chẳng biết. Ngài thông suốt cả quá khứ, hiện tại, vị lai, Ngài phân tích tâm của tất cả các chúng sanh ra làm mười sáu chập liên tiếp.

- Vậy mà tôi không được biết. Tại sao bấy lâu nay bạn không tỏ thật cho tôi hay. Thôi thì, bạn làm ơn đi thỉnh Đức Bổn Sư giùm tôi, ngày mai tôi sẽ để bát. Xin Đức Tôn Sư cùng với năm trăm vị Tỳ khưu đến nhà tôi thọ thực.

Ông Sirigutta đi đến chỗ ngụ của Đức Bổn Sư đảnh lễ Ngài rồi bạch rằng:

- Bạch Ngài, bạn con là ông Garahadinna nhờ con đến thỉnh Ngài và năm trăm vị Tỳ khưu, ngày mai đến thọ bát cơm của ông ta. Hôm trước con có trác các vị Đại đức của ông ta một vố nặng, hôm nay con không biết có phải ông ta định trả đũa hay là ông ta thật tâm trong sạch đặt bát chư Tăng. Xin Ngài hãy minh xét, nếu hợp lẽ đạo thì Ngài nhận, còn bằng không thì thôi.

Đức Bổn Sư quán xét: "Garahadinna định làm gì Như Lai đây?", Ngài thấy rằng: "Ở chỗ sân trống giữa hai ngôi nhà, ông cho đào một hầm rộng lớn, cho đem độ tám mươi cỗ xe bò củi khô chất đầy hố, rồi châm lửa đốt. Định tâm rằng: "Khi Như Lai rơi xuống hầm lửa thì ông sẽ chỉ trích". Rồi Đức Bổn Sư quán thêm nữa rằng: "Do nhân duyên như thế, Như Lai có cần ngự đến hay không?", Ngài thấy rằng: "Như Lai sẽ bước chân lên hầm lửa, tấm đệm che giấu miệng hố sẽ biến mất, lộ ra hầm lửa, từ đó lộ ra đóa liên hoa lớn bằng bánh xe. Khi ấy, Như Lai bước lên cánh sen đi trên hầm lửa vào ngự lên Bảo tọa, các Tỳ khưu cũng theo lối ấy mà đến chỗ ngồi. Đại chúng sẽ tụ tập đông đảo, giữa hội trường Như Lai đọc kệ chúc phúc. Dứt bài kệ sẽ có tám mươi lẻ bốn ngàn chúng sanh sẽ giác ngộ Chánh Pháp. Cả Sirigutta và Garahadinna cũng đạt được Thánh quả đầu tiên, mỗi người sẽ xuất kho vàng của mình ra mà gieo vào giáo pháp. Như Lai nên đi đến tế độ ông Garahadinna vậy".

Quán xét xong rồi, Đức Bổn Sư nhận lời đi thọ bát. Khi biết Đức Bổn Sư đã nhận lời, Sirigutta trở về báo tin cho Garahadinna biết và dặn rằng: "Bạn hãy lo sắp đặt những lễ vật thượng phẩm để cúng dường đấng Như Lai".

Garahadinna đáp: "Cảm ơn bạn, tôi bây giờ phải biết làm thế nào coi cho được chứ".

Chờ bạn ra về rồi, ông lập tức bảo gia nhân đào một cái hầm rộng lớn, đem tám mươi xe bò củi chất đầy hầm, châm lửa đốt, gắn ống thổi bể (bhasitā) thổi suốt đêm cho củi cháy thành than đỏ. Trên miệng hầm, ông lót ván mỏng, rồi phủ đệm lên che kín, lấy phân bò thoa trét coi như nền tráng. Ở một phía ông bảo làm một lối đi, trên mặt hầm, ông cho gác những đòn tay nhỏ yếu và cũng che đậy không cho thấy dấu. Ông tưởng tượng rằng: "Làm vậy, khi họ bước chân lên để đi qua, thế nào mấy cây đòn tay cũng gãy và họ cũng té lộn nhào xuống dưới hầm lửa".

Phía sau nhà ông, ông cũng sắp nhiều khạp không, làm theo cách của Sirigutta lúc trước, các chỗ ngồi ông cũng bảo sửa soạn như thế.

Sáng hôm sau, Sirigutta đến nhà bạn thật sớm, nói rằng:

- Bạn ơi! Lễ vật bạn lo đã xong chưa?

- Xong cả rồi bạn à.

- Bạn để đâu?

- Mời bạn vào đây coi với tôi.

Ông Garahadinna chỉ cho bạn coi các lễ vật mình đã sắp đặt theo cách của Sirigutta bữa trước. Sirigutta tán thành: "Lành thay!". Lúc ấy, dân chúng tụ hội rất đông, người tà kiến mà phát tâm thỉnh Đức Bổn Sư thì bao giờ thiên hạ cũng tụ hội đông đảo như thế. Nhóm tà kiến rủ nhau đi cho đông, để xem: "Sa môn sẽ bị mất mặt".

(Vippakra), còn nhóm chánh kiến cũng rủ nhau đi cho đông, vì "Hôm nay Đức Bổn Sư sẽ thuyết một thời pháp lớn. Chúng ta sẽ được chứng kiến thần oai đại lực của Đức Phật".

Ngày ấy, Đức Bổn Sư cùng với năm trăm Tỳ khưu ngự đến trước cổng nhà ông Garahadinna. Ông nầy ra khỏi nhà, gieo năm vóc xuống đảnh lễ Ngài, đoạn đứng trước mặt Ngài chấp tay nguyện thầm rằng: "Bạch Ngài, nghe đồn rằng Ngài biết việc quá khứ, hiện tại, vị lai, phân tích được tâm chúng sanh ra làm mười sáu chập. Chính Thiện tín ruột của Ngài đã khoe với tôi như thế. Nếu quả thật Ngài tiên tri thì Ngài không vào nhà tôi. Vì Ngài vào nhà tôi chẳng có cơm cháo chi ráo… Tất cả các Ngài lọt xuống hầm lửa rồi thì tôi sẽ chỉ trích cho mà coi…".

Nguyện thầm rồi, Garahadinna rước lấy bát của Đức Bổn Sư miệng nói: "Xin thỉnh Thế Tôn vào", nhưng ông ta tiếp theo liền: "Bạch Ngài, Ngài nên biết trước cách thức vào nhà tôi rồi hãy vào".

- Cách thức sao đạo hữu?

- Các Ngài đi vào từng một vị, vị trước vào chỗ ngồi, vị sau mới nên tiếp theo.

Trong thâm tâm ông Garahadinna tính như vậy: "Hễ cùng đi vào một lượt, người đi đầu lọt xuống hầm lửa, rồi thì mấy vị sau thấy sẽ không đi tới nữa. Đi riêng lẻ từng người, họ sẽ sa đọa hết và ta sẽ chê trách họ".

Đức Bổn Sư đáp: "Lành thay!", đoạn Ngài cùng đi vào một lượt với Garahadinna. Đi đến chỗ hầm lửa, Garahadinna đứng tránh qua một bên, nói: 'Xin thỉnh Ngài đi trước".

Đức Bổn Sư đưa chân lên ngay miệng hầm lửa, chiếc đệm phủ trên mặt biến mất, ván lót nứt ra, để lộ ra một hầm lửa đỏ, rồi từ bên dưới mọc ra những đóa hoa sen to như bánh xe, Đức Thế Tôn bước lên những cánh hoa sen đi qua hầm lửa, vào ngự lên Phật bảo tọa đã được soạn sẵn. Chư Tăng cũng theo lối ấy vào, ngồi lên các ghế ngồi.

Garahadinna tự nhiên nghe trong mình nóng nảy như bị lửa thiêu đốt, ông liền chạy tìm Sirigutta và kêu cứu:

- Ngài ơi! Ngài làm ơn cứu giùm tôi.

- Cái chi vậy?

- Năm trăm Tỳ khưu đã vào trong nhà mà cháo cơm gì chẳng có chi ráo. Tôi biết làm sao bây giờ?

- Chớ hôm qua đến nay bạn đã làm gì?

- Ở khoảng giữa hai ngôi nhà, tôi đã cho đào một cái hầm chứa đầy than đỏ, chờ mấy Ngài té xuống đó thì tôi sẽ chê trách. Cái hầm lửa giờ đây mọc lên toàn những

cánh hoa sen. Tất cả Tỳ khưu đều bước lên những cánh hoa sen đi vào, ngồi trên những chỗ ngồi được soạn sẵn. Bây giờ tôi làm gì đây?

- Ủa! Tôi nhớ ban sáng bạn đã chỉ cho tôi thấy, đây là những khạp kháo, kia là những khạp cơm… Đủ cả rồi mà.

- Thưa bạn, tôi nói dối đấy, mấy khạp ấy đều trống trơn cả.

- Không sao, bạn ra giở mấy khạp cháo, khạp cơm ấy ra coi lại đi.

Ngay lúc ấy, những khạp nào mà Garahadinna nói dối là khạp cháo thì đều đầy cháo, những khạp nào mà ông nói là cơm thì đầy cơm… Thấy oai lực đặc biệt hiển nhiên của Đấng Bổn Sư, Garahadinna phát sanh phỉ lạc khắp mình. Trong tâm hết sức trong sạch tin tưởng, ông cung kính sớt bát hộ độ chư Đại đức Tăng có Đức Phật là vị Tăng trưởng, khi các Ngài dùng xong bữa, ông ta thỉnh bát của Đức Bổn Sư để yêu cầu Ngài thuyết kinh phúc chúc.

Sau bài kinh hoan hỷ phước báu của thí chủ, Đức Bổn Sư dạy rằng: "Những chúng sanh nầy do không có pháp nhãn nên không nhận thức được ân đức của Phật Pháp và chư Tăng đệ tử của Ta. Người không có tuệ nhãn, Ta gọi là kẻ mù, người có trí tuệ, Ta gọi kẻ ấy là người sáng mắt.

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết lên hai bài kệ:

58. "Yathā saṅkāradhānnasmiṃ,
Ujjhitasmiṃ mahāpathe;
Padumaṃ tattha jāyetha,
Sucigandhaṃ manoramaṃ".

"Như từ đống rác bùn nhơ,
Vứt lên đại lộ không ngờ mọc ra,
Đóa sen thanh khiết nõn nà,
Mùi hương thơm ngát, trẻ già cũng ham".

59. "Evaṃ saṅkārabhūtesu,
Andhabhūte puthujjane;
Atirocati paññāya,
Sammāsambuddhasāvako".

"Từ nơi nhân chứng tục phàm,
Tối tăm mê muội như giam dưới bùn
Thinh Văn của đấng Đại hùng,
Nêu cao đuốc tuệ, soi cùng thế gian".

☸

<u>CHÚ GIẢI:</u>

Trong bài kệ, Phạn ngữ *saṅkāradhānasmiṃ:* Nghĩa là trong đống rác dơ.

Ujjhitasmiṃ mahāpathe: Nghĩa là đồ bỏ trên đại lộ.

Sucigandhaṃ: tức là surabhigandhaṃ, nghĩa là hương thơm ngào ngạt.

Manoramaṃ: là có ý ưa thích nơi đó.

Saṅkārabhūtesu: nghĩa là những chúng sanh cặn bã cũng như rác vậy.

Puthujjane: Là phàm phu ám chỉ cho những người còn bị phiền não chi phối là phần đông nhân loại trên thế gian.

Bài này Đức Phật dạy rằng: cũng như đống rác dơ dáy vứt trên đại lộ, tuy là đáng kinh tởm, gớm ghê nhưng đóa hoa sen từ đó mọc lên, lại thơm tho, thanh khiết, dầu cho quan quyền, vua chúa cũng ưa thích, mến chuộng, ai cũng đẹp ý muốn cài, giắt nó lên đầu của mình. Cũng như thế, đám chúng sanh phàm phu xuất thân từ nơi bần tiện như nơi đống rác, trong đại chúng vô trí tuệ, mù quáng có những người nhờ tuệ lực của mình, thấy tội lỗi ngũ trần dục lạc và phước báu của hạnh xuất gia, bèn lìa nhà đi tu theo hạnh không nhà, cố gắng hành đạo theo Giới, Định, Tuệ, Giải thoát tri kiến, trở nên bậc Tỳ khưu lậu tận. Thánh đệ tử của Đức Chánh Biến Tri vượt qua khỏi đám chúng sanh phàm phu ngu muội chói sáng rực rỡ.

☸

Bài pháp chấm dứt thì tám muôn bốn ngàn chúng sanh giác ngộ chánh pháp, Garahadinna và Sirigutta đều chứng đắc Tu Đà Hườn quả. Hai người về sau mang hết của cải của mình, xuất ra để phục vụ đạo pháp.

Đức Bổn Sư từ Phật bảo tọa đứng dậy, ngự về chùa. Lúc xế chiều, chư Tỳ khưu câu hội tại giảng đường, để khởi pháp luận như vậy: "Ôi! Huyền diệu thay là oai lực của chư Phật. Sức nóng như hầm lửa đầy than nóng, lửa đỏ đến thế, phải nhường chỗ cho những cánh hoa sen mọc lên".

Đức Bổn Sư ngự đến phán hỏi: "Nầy các Tỳ khưu, hôm nay các ông câu hội thảo luận đề tài gì thế?".

- Bạch Ngài, việc nầy đây…

Nghe đáp, Đức Bổn Sư dạy rằng: "Nầy chư Tỳ khưu! Việc hôm nay Ta khiến được hoa sen mọc lên từ trong hầm lửa đỏ, không có chi là huyền diệu vì Ta đã thành Phật.

Trước kia còn là Bồ Tát, Ta cũng đã từng khiến cho cánh sen mọc như thế rồi".

Chư Tỳ khưu yêu cầu:

- Bạch Ngài, việc ấy có từ bao giờ, xin Ngài chỉ dạy cho chúng con.

Theo lời cầu xin của chư Tăng, Đức Bổn Sư thuyết giảng Kinh Bổn Sanh "Hầm lửa đỏ" (Khadīraṅgārajātaka), rồi Ngài ngâm kệ:

"Kāmaṃ patāmi nirayaṃ,
Uddaṃpādo avaṃsiro,
Nānariyaṃ karissāmi
Handa piṇḍaṃ paṭiggahā'ti".

"Ta sa địa ngục ngũ trần,
Thất điên bát đảo, giở chân chẳng rồi,
Ta quyết không như kẻ tồi,
Lấy cái ống nhổ làm nồi đựng cơm".

Dịch Giả Cẩn Đề

Trách Thí đề cao phái ngoại môn,
Thủ Danh vì bạn phá "mê hồn",
Một nương phẩn, đợi người thiếu trí,
Vài miếng đòn, đưa kẻ đại ngôn.
Chẳng cọp sao ham kêu tiếng cọp,
Là chồn phải chịu ló đuôi chồn,
Từ đây thêm rạng đèn Chánh giác,
Đại chúng quy đầu Đức Thế Tôn.

DỨT TÍCH ÔNG GARAHADINNA

DỨT PHẨM HOA

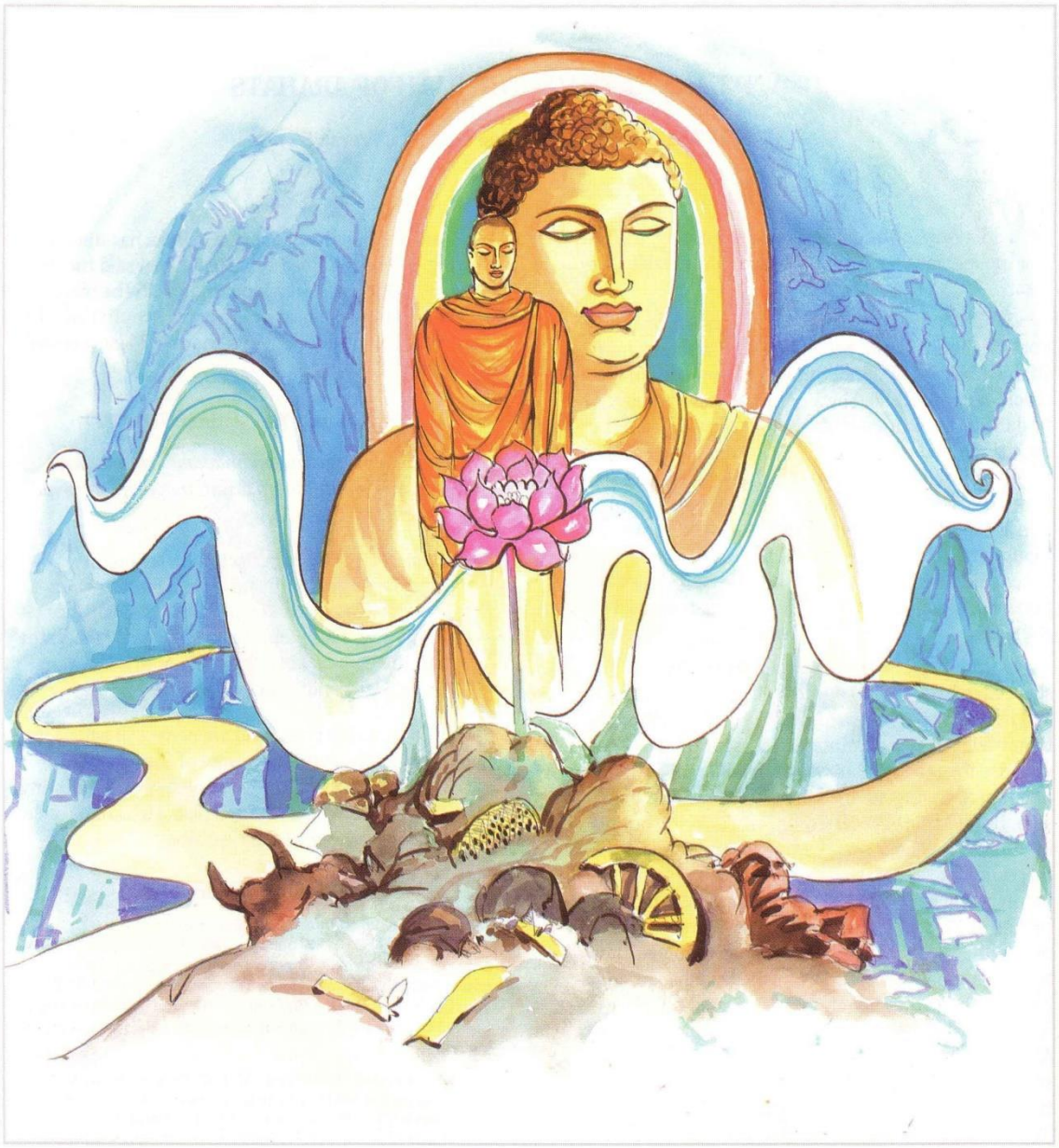

58. Just as a fragrant and lovely lotus may blossom forth out of a garbage-heap on the roadside…

58. Như hoa sen tươi đẹp và thơm ngát có thể nở ra từ đống rác bên vệ đường.

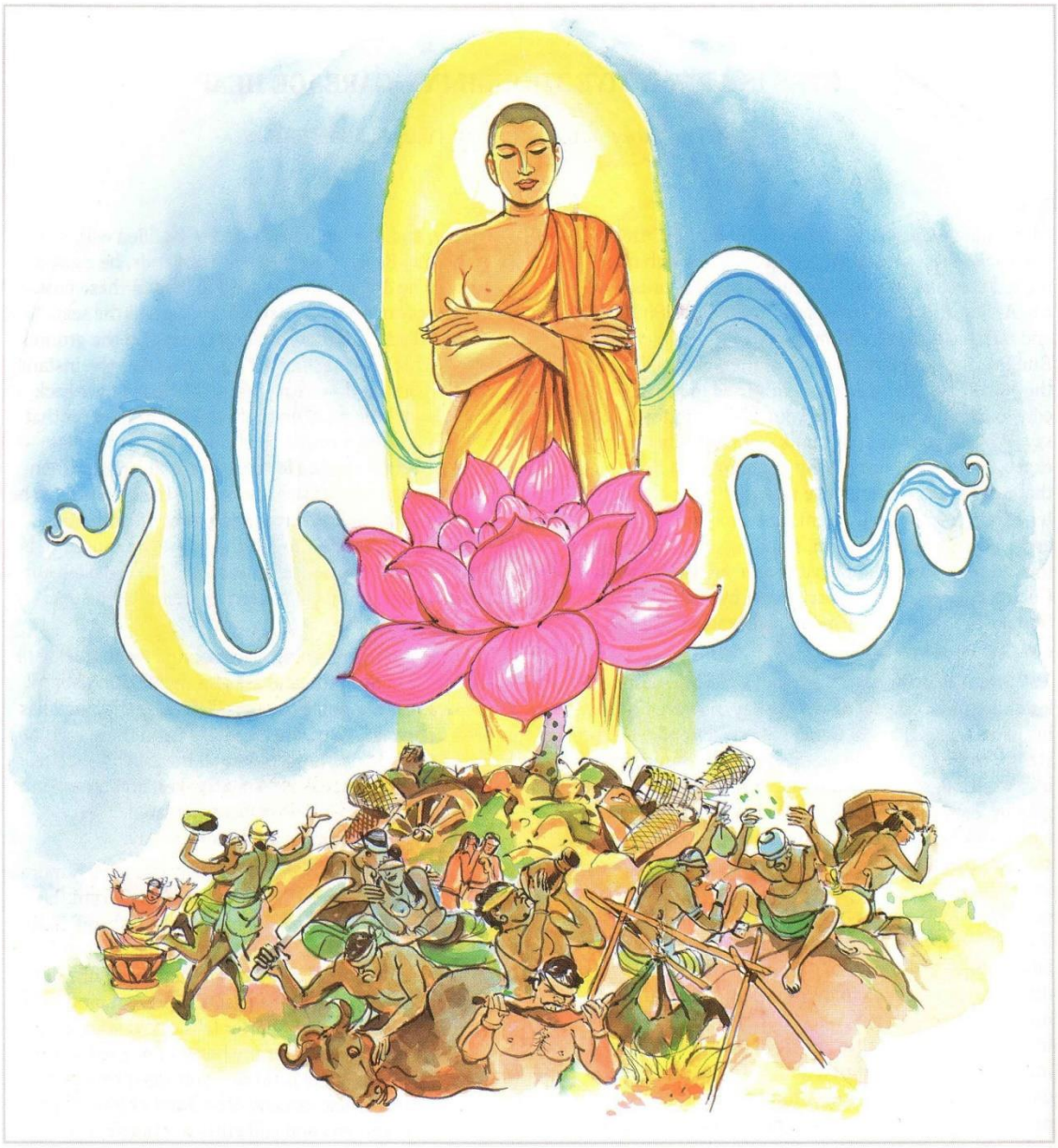

59. Likewise in this worldly mess, the disciple outshines the blinded worldlings by his wisdom.

59. Cũng vậy, giữa cảnh đời trần tục, vị đệ tử Phật với trí tuệ sáng ngời vượt lên những kẻ phàm phu mê muội.

THÁNH ĐIỂN PĀLI

PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

Dịch giả

Trưởng Lão Thiền Sư PHÁP MINH

Chú giải Kinh Pháp Cú

Quyển 2

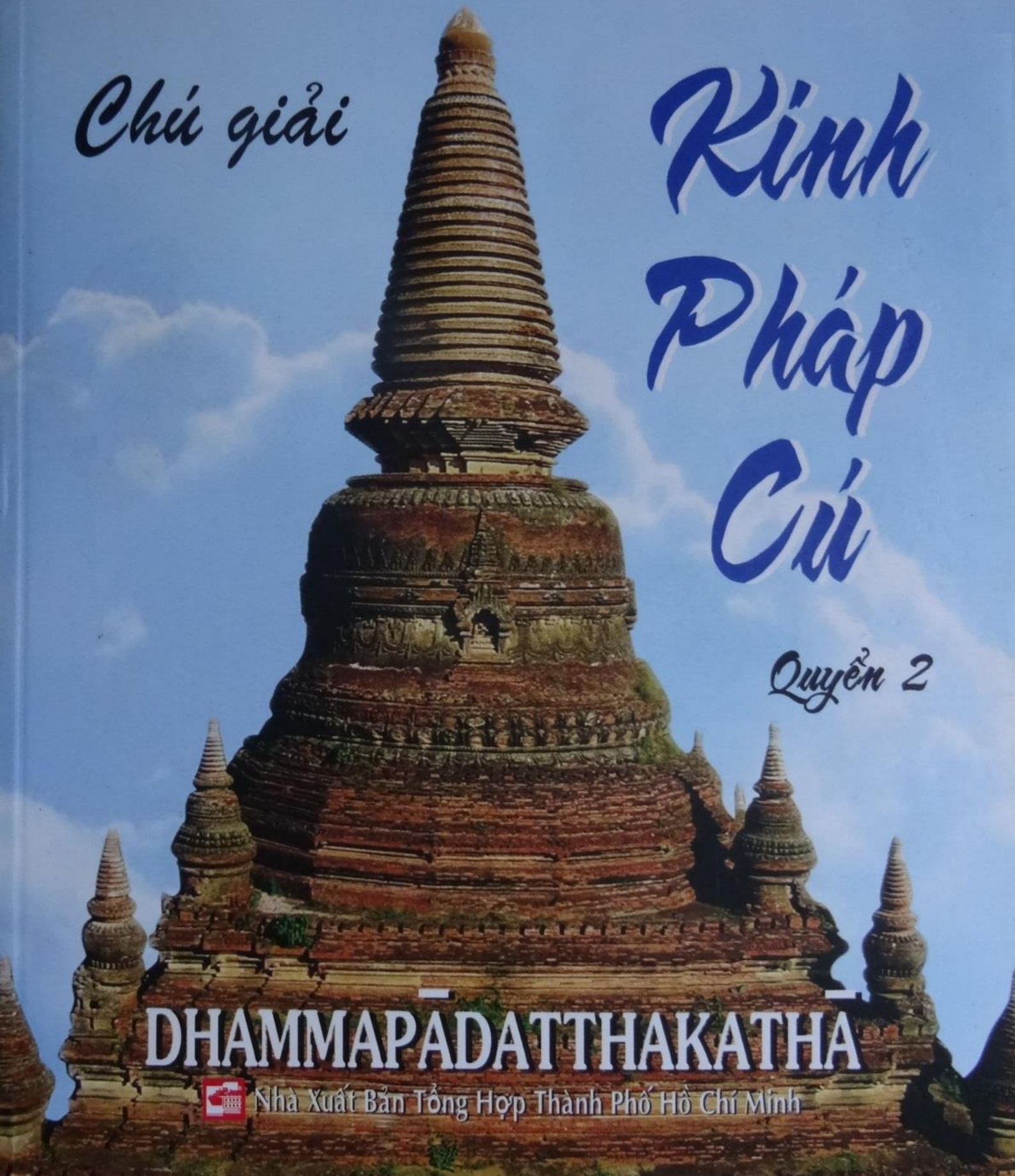

DHAMMAPĀDATTHAKATHĀ

Nhà Xuất Bản Tổng Hợp Thành Phố Hồ Chí Minh

QUÁN PHI NGÃ

CÁI TA, CỦA TA

Mực đen giấy trắng bôi nhòa,
Nói rằng đây chính là Ta cũng kỳ!...
Nhờ người ngắm lại xem đi,
"Hình ai sao thấy giống y Sư già"?!.
Mũi to tợ mũi kỳ đà,
Mắt sâu, tai vảnh như là tai trâu.
Má gồ, cằm lún phún râu,
Trán nhăn, không mũ trọc đầu là ai?...
Mặt này chẳng phải Như Lai,
Mà dòng họ Nguyễn Văn Tài thế nhân.
Phạm Thị Minh vốn mẫu thân,
Cả hai đều lánh dương trần từ lâu.
Bảy mươi tuổi thọ dãi dầu,
Miệng cười móm gượng giải sầu chúng sanh.
Tỳ khưu Nguyên Thủy Pháp Minh,
Hăm mốt năm trước phải hình vậy chăng?
Thân nào ta có thường hằng,
Mấy ai đáy nước mò trăng được nào?...
"Chân nhân" bước quá ngọn sào,
Kêu tên, nghe Dạ! Làm sao thấy người?
"Cái ta nguy hiểm" lạ đời!
Mình khuyên mình chớ đổi dời, khổ sanh.
Cũng đừng háo lợi mê danh,
Thần kinh náo nức, thân hình ốm o!
Khỏi rừng Ái Dục nhẹ lo,
Nhứt là Sắc dục, bẫy dò hiểm nguy.
Đẹp người, trắc nết, ích chi?
Hảo tâm, thiện trí, xấu gì cũng nên!
Tự mình nguyện vẽ mình ên,
Dưới chua dịch giả sắp bên ảnh Ngài.
Phật Nô, Tăng Thống đặt bài,
"Cái ta nguy hiểm", thì ai chẳng ngờ.
"Lòng phàm chưa hết bụi nhơ,
Mâu thuẫn để dựng cột cờ cống cao!".
Nhưng mình đâu dám tự hào?
Bạn xin hình giả, lòng nào chẳng cho?
Thịt xương còn hóa đất tro,
"Chân dung" giấy mực, ra trò trống chi?...
Cạn lời, khó dứt thị phi,
Tâm "Không", chứng Hữu Dư Y Niết Bàn.../
Cốc Bình Thủy, đến 05/12/Đinh Mão
23-01-1998 – Tỳ Khưu Pháp Minh
(Lưu niệm 100 ngày không nằm lần thứ hai.
Bắt đầu từ 19/10/ Đinh Mão).

MỤC LỤC

V. PHẨM NGU NHƠN 1
(BĀLAVAGGA) 1
V.1- Tích TRAI NGHÈO CÓ VỢ ĐẸP 1
V.2- Tích ĐỆ TỬ CỦA ĐẠI ĐỨC MA HA CA DIẾP 15
V.3- Tích TRƯỞNG GIẢ A NAN 21
V.4- Tích NGƯỜI ĐIẾM MÓC TÚI 26
V.5- Tích ĐẠI ĐỨC ƯU ĐÀ DI 29
V.6- Tích NHÓM TỲ KHƯU BẠT ĐỀ 32
V.7- Tích ÔNG THIỆN GIÁC CÙI 35
V.8- Tích NGƯỜI NÔNG PHU MẮC NẠN 40
V.9- Tích NGƯỜI HÀNG HOA HẢO Ý 44
V.10- Tích NỮ THÁNH UPPALAVAṆṆĀ 51
V.11- Tích JAMBŪKĀJĪVAKA 56
V.12- Tích NGẠ QUỶ MÌNH RẮN 66
V.13- TÍCH NGẠ QUỶ ĐẬP ĐẦU 72
V.14- Tích ĐẠI ĐỨC THIỆN PHÁP 78
V.15- Tích ĐẠI ĐỨC ĐỀ XÁ Ở RỪNG 88
VI. PHẨM HIỀN TRÍ 104
(PAṆḌITAVAGGA) 104
VI.1- Tích ĐẠI ĐỨC LA ĐÀ 104
VI.2- Tích ÁC TĂNG 110
VI.3- Tích ĐẠI ĐỨC SA NẶC 113
VI.4- Tích ĐẠI ĐỨC MA HA KIẾP TÂN NA 116
VI.5- Tích SA DI TRÍ GIẢ 128
VI.6- Tích ĐẠI ĐỨC BẠT ĐÀ LÙN 143
VI.7- Tích MẸ CÔNG CHÚA CÀ NA 146
VI.8- Tích NĂM TRĂM VỊ TỲ KHƯU 151
VI.9- Tích ĐẠI ĐỨC HỢP PHÁP 155
VI.10- Tích NGHE THUYẾT PHÁP 159

VI.11- Tích KHÁCH TĂNG....164
VII. PHẨM A LA HÁN....170
VII.1- Tích NGỰ Y KỲ BÁ BĂNG CHÂN PHẬT....170
VII.2- Tích TRƯỞNG LÃO MA HA CA DIẾP BỊ CHÊ....174
VII.3- TÍCH TRƯỞNG LÃO BÊ LÁT THÁ XI XÔ....178
VII.4- Tích TRƯỞNG LÃO A NẬU LÂU ĐÀ....182
VII.5- Tích TRƯỞNG LÃO MA HA CA CHIÊN DIÊN....186
VII.6- Tích TRƯỞNG LÃO XÁ LỢI PHẤT BỊ CÁO GIAN....190
VII.7- Tích TRƯỞNG LÃO ĐỀ XÁ Ở KIỀU THƯỞNG DI....194
VII.8- Tích TRƯỞNG LÃO XÁ LỢI PHẤT TỰ TIN....199
VII.9- Tích TRƯỞNG LÃO LY BÀ ĐA Ở RỪNG KEO....203
VII.10- Tích PHỤ NỮ GHẸO THIỀN SƯ....212
VIII. PHẨM NGÀN....215
(SAHASSAVAGGA)....215
VIII.1- Tích ĐAO PHỦ THỦ NANH ĐỒNG....215
VIII.2- Tích TRƯỞNG LÃO BA HÍ DÁ MẶC Y VỎ CÂY....221
VIII.3- Tích TỲ KHƯU NI TÓC QUĂN....228
VIII.4- Tích BÀ LA MÔN HỎI PHÁP VÔ ÍCH....238
VIII.5- Tích BÀ LA MÔN CẬU CỦA TRƯỞNG LÃO XÁ LỢI PHẤT....243
VIII.6- Tích BÀ LA MÔN CHÁU CỦA TRƯỞNG LÃO XÁ LỢI PHẤT....246
VIII.7- Tích BÀ LA MÔN BẠN CỦA TRƯỞNG LÃO XÁ LỢI PHẤT....249
VIII.8- Tích CẬU BÉ ÍCH THỌ....252
VIII.9- Tích SADI ĐÒN XÓC....257
VIII.10- Tích TRƯỞNG LÃO KIỀU TRẦN NHƯ GỐC CÂY....268
VIII.11- Tích TRƯỞNG LÃO XÀ NÔ....272
VIII.12- Tích NÀNG SA ĐỌA ĐẮC A LA HÁN....277
VIII.13- Tích NÀNG KIỀU ĐÀM ỐM ĐẮC A LA HÁN....285
VIII.14- Tích TỲ KHƯU NI ĐA TỬ ĐẮC A LA HÁN....291
IX. PHẨM ÁC....294
(PĀPAVAGGA)....294
IX.1- Tích BÀ LA MÔN MỘT ÁO....294
IX.2- Tích TRƯỞNG LÃO XÂY ĐÁ XÁ KÁ....299

IX.3- Tích THIÊN NỮ CỐM RANG.....302
IX.4- Tích ÔNG CẤP CÔ ĐỘC ĐUỔI THIÊN NỮ.....307
IX.5- Tích TỲ KHƯU KHINH GIỚI NHỎ.....314
IX.6- Tích BÁ HỘ CHÂN MÈO.....317
IX.7- Tích PHÚ THƯƠNG TRÁNH HIỂM LỘ.....322
IX.8- Tích THỢ SĂN KÊ HỮU.....326
IX.9- Tích THỢ SĂN GẶP THIỀN SƯ.....333
IX.10- Tích TRƯỞNG LÃO ĐỀ XÁ VÀ ANH THỢ NGỌC.....337
IX.11- Tích BA NHÓM TỲ KHƯU.....342
IX.12- Tích VUA THIỆN GIÁC BỊ ĐẤT RÚT.....348
X. PHẨM ĐAO TRƯỢNG.....352
(DAṆḌAVAGGA).....352
X.1- Tích NHÓM LỤC SƯ HÀNH HUNG.....352
X.2- Tích NHÓM LỤC SƯ ĐE DỌA.....355
X.3- Tích LŨ TRẺ ĐẬP RẮN.....358
X.4- Tích TRƯỞNG LÃO KON ĐÁ THA NÁ.....362
X.5- Tích BÁT QUAN TRAI CỦA PHỤ NỮ.....370
X.6- Tích NGẠ QUỶ MÌNH TRĂN.....373
X.7- Tích TRƯỞNG LÃO MỤC KIỀN LIÊN NÍP BÀN.....378
X.8- Tích TỲ KHƯU NHIỀU VẬT DỤNG.....388
X.9- Tích ĐẠI THẦN SAN TÁ TÍ.....395
X.10- Tích TRƯỞNG LÃO KHỔ RÁCH.....401
X.11- Tích SADI HẠNH PHÚC.....406

V. PHẨM NGU NHƠN

(BĀLAVAGGA)

- 16 bài kệ: Pháp Cú số 60-75

- 15 tích truyện

☸

V.1- Tích TRAI NGHÈO CÓ VỢ ĐẸP

(Aññatarapurisavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 60)

"Dīghā jāgarato ratti,	***"Đêm dài đối kẻ thức,***
Dīghaṃ santassa yojanaṃ;	***Dặm dài đối kẻ nhọc,***
Dīgho bālānaṃ saṃsāro,	***Đường sanh tử rất dài,***
Saddhammaṃ avijānataṃ".	***Đối kẻ dốt Chánh pháp".***

Kệ Pháp Cú này Đức Bổ Sư đã thuyết ra khi Ngài ngụ tại Jetavana, đề cập đến một thanh niên nọ và đức vua Pasenadi Kosala.

Tương truyền rằng: Nhân một ngày quốc lễ, quốc vương Pasenadikosala vận đại triều phục, ngự lên một thớt bạch tượng thuần sắc, tên là Puṇḍarīkā (Bạch Liên), ngự du một vòng kinh thành với đoàn quân hộ giá tiền hô hậu ủng, đầy đủ vẻ uy nghi tráng lệ của bậc Đế vương.

Quần chúng đi xem lễ đông nghẹt các nẻo đường, tiếng nói cười nhộn nhịp, náo nhiệt. Họ bị quân dọn đường lấy đất, đá và gậy gộc đánh đuổi, tuy bị chạy tán loạn nhưng họ vẫn ngoái cổ lại nhìn. (Người ta nói rằng: Sở dĩ nhà vua được vinh hiển tột bực như thế, là do sự bố thí đầy đủ duyên trong quá khứ).

Ngày ấy, vợ một chàng thanh niên nghèo khổ nọ đang đứng trên tầng thượng của một tòa nhà bảy tầng, nghe tin tiếng có đức vua ngự qua thì mở một cửa sổ nhìn xuống, ngay lúc quốc vương cũng vừa ngước nhìn lên. Thiếu phụ vội thụt vào, đóng cửa sổ lại. Quốc vương nhìn theo ngơ ngẩn, như đang mong đợi mặt trăng rằm vừa khuất sau áng mây đen. Tương tư một đóa hoa hèn, lòng quốc vương cảm thấy nóng nảy bồn chồn, ngồi chẳng vững trên lưng tượng, Ngài đốc thúc cuộc diễu hành quanh thành phố cho mau chấm dứt.

Về đến cung đình, quốc vương phán hỏi một cận thần thân tín: "Lúc nãy, tại chỗ đó khanh có trông thấy tòa lâu đài mà trẫm nhìn lên không?".

- Tâu bệ hạ, có thấy.

- Trong lâu đài ấy, khanh có trông thấy một nữ nhân không?

- Tâu bệ hạ, thần có thấy.

- Vậy khanh hãy đến đó hỏi nàng ấy có chồng chưa?

Viên hầu cận thân tín đi, rồi trở về tâu lại cho đức vua biết rằng: "Nàng ấy đã có chồng". Quốc vương bèn ra lịnh:

- Vậy khanh hãy triệu chồng nàng ấy vào triều cho ta.

Vị quan vâng lịnh đức vua, gặp chàng thanh niên nghèo khổ, bảo rằng: "Lại đây bạn ơi, đức vua triệu bạn vào triều".

Thanh niên nghĩ thầm: "Việc này e có liên quan đến vợ ta". Không dám trái lệnh vua, thanh niên vào triều bái đức vua rồi đứng chờ.

Đức vua phán hỏi thanh niên: "Trẫm phong cho khanh làm thị vệ quân".

- Muôn tâu bệ hạ, thần không dám nhận lãnh chức đó. Xin cho thần ở ngoài hành nghề, đóng thuế cho bệ hạ, thần chỉ quen với lối sống bình dân.

- Trẫm không cần đến tiền khanh đóng thuế. Kể từ nay về sau khanh hãy theo hầu trẫm.

Quốc vương ban cho thanh niên bộ võ phục, một lưỡi gươm và một cái khiên (mộc). Thanh niên nghĩ: "Nếu mình có điều chi sơ xuất với đức vua thì phạm tội khi quân, chẳng khỏi chết chém. Ta phải lo sợ mới được".

Vì sợ tội chết, thanh niên siêng năng hầu hạ đức vua.

Quốc vương không tìm được lầm lỗi nào của thanh niên, thì lòng mong hưởng dục lạc lại càng tăng trưởng, nghĩ thầm: "Phải tìm cớ buộc tội hắn thì trẫm ngồi làm vua mới yên".

Quốc vương liền triệu thanh niên đến và phán rằng:

- Nầy khanh, khanh hãy đi đến một địa điểm ấy, cách đây độ một do tuần, xuống sông hái nhiều hoa sen xanh và trắng, móc lấy đất đỏ như màu mặt trời mình minh, đem về đây vào buổi chiều cho kịp trẫm tắm. Nếu khanh để trì hoãn, không về kịp lúc ấy, trẫm cứ luật mà gia hình.

(Người ta bảo rằng: Thị vệ quân là chức thấp kém nhất trong bốn hàng tôi đòi. Quả nhiên, hạng làm mướn ăn tiền chẳng hạn, có thể lấy cớ đau bịnh, mệt mỏi mà xin nghỉ được. Còn thị vệ thì không được phép nghỉ, hễ lịnh vua sai khiến là phải thi hành chớ không được thoái thác). Thanh niên suy nghĩ: "Nhất định là ta phải đi đến đó. Nhưng hoa sen xanh, trắng cùng đất đỏ như mặt trời bình minh chỉ có cảnh giới Long Vương, còn trên thế giới nhân gian ta biết tìm lấy ở đâu cho được".

Càng suy nghĩ, càng sợ tội chết, thanh niên về nhà bảo vợ:

- Mình ơi! Cơm nấu chín chưa?

- Dạ thưa, mới vừa bắt lên nấu mình à!

Thanh niên không chờ cơm chín, liền nhắc xuống bảo vợ lấy vá xúc cơm chưa ráo nước, đổ vào giỏ, chan thêm canh nóng vào, rồi mang theo cất bước lên đường. Trong lúc đi đường cơm cũng vừa chín.

Thanh niên sớt riêng ra một phần lớn, không rớ tay đến, chỉ ăn chút ít còn lại. Khi đang ăn, thấy một lữ khách đi đến, thanh niên nói: "Tôi sớt ra, chỉ ăn có chút ít, phần cơm này tôi không đụng đến, ông hãy lấy dùng đi".

Khách lấy cơm dùng. Thanh niên độ xong bữa, còn chừa lại một nắm cơm đem bỏ xuống nước, rửa mặt súc miệng, la lớn rằng: "Cầu xin Long vương, Kim sí điểu và chư Thiên ngự nơi thủy quốc này hãy nghe tôi nói đây: Quốc vương ra lịnh khiến tôi thi hành việc nầy. Là đến đây lấy cho được sen xanh, sen trắng cùng với đất màu đỏ như mặt trời bình minh đem về triều. Tôi đã bố thí cơm cho người lữ hành được ngàn phần phước, tôi đã bố thí cơm cho cá dưới nước được một trăm phần phước nữa. Tất cả bấy nhiêu phước báu tôi xin chia hết cho các Ngài. Xin các Ngài hãy đem hoa sen xanh, hoa sen trắng và đất màu đỏ mặt trời bình minh đến cho tôi".

Thanh niên la lớn đủ ba lần như vậy. Long vương là chúa rồng ngự tại nơi đó, nghe tiếng của thanh niên:

- Chú em nói gì thế?

Thanh niên lặp lại y như trước.

- Chú hãy chia phước cho ta với. - Ông lão nói.

- Tôi xin chia phước đến ông, thanh niên đáp.

Sau khi bảo thanh niên chia phước hai ba lần như vậy rồi, Long vương đem hoa sen xanh, trắng và đất mặt trời màu bình mình tặng lại thanh niên.

Trong khi ấy, quốc vương tính thầm rằng: "Người đời có nhiều kẻ giỏi chú thuật. Nếu như gã ấy dùng pháp thuật mà kiếm được các món ấy, thì mưu cơ của trẫm không thể thành tựu". Đức vua liền cho đóng kín tất cả cửa vào thành.

Sau khi kiếm được hoa sen xanh, trắng cùng với đất đỏ, thanh niên vội quay về cho kịp giờ đức vua tắm gội, nhưng cửa thành đã bế chặt, không thể vào thành được. Thanh niên yêu cầu tiếp xúc với thủ môn quan và bảo: "Mở cửa ra".

- Không thể mở cửa được. Đức vua đã xuống chiếu truyền lịnh đóng hết các cửa thành Sāvatthī.

- Ta là Khâm sai (rajadūta) của đức vua. Hãy mở cửa cho ta vào.

Thanh niên nói gì thì nói, các quan giữ cửa thành vẫn không mở cửa.

Không vào được, thanh niên ngẫm nghĩ: "Bây giờ chắc hẳn mạng căn của ta đã tuyệt. Ta phải làm sao đây?".

Thanh niên đặt cục đất đỏ lên đầu cổng thành, cắm mấy cành hoa lên cục đất, rồi cất tiếng la lớn lê rằng: "Hỡi dân cư ngụ trong kinh thành! Xin các vị hãy biết rằng việc nầy: Đức vua sai tôi đi công cán, tôi đã thi hành xong. Bây giờ đức vua cố ý ngăn trở không cho tôi vào, để có cớ mà giết tôi". La to ba lần như thế, thanh niên lại nghĩ: "Ta đi đâu bây giờ? À! Chư Tỳ khưu có tiếng từ tâm, vậy ta hãy vào ngủ nhờ trong chùa".

Quả thật những chúng sanh như thanh niên nầy, trong thời kỳ an vui không bao giờ nghĩ tưởng đến chư Tỳ khưu đâu, chỉ khi nào lâm vấp cảnh khổ rồi mới có ý

muốn đi chùa. Thanh niên tự nghĩ: "Ta không còn chỗ nào khác để nương nhờ" bèn đi vào chùa, kiếm một chỗ tiện nghi để nằm ngủ.

Đêm ấy trong hoàng cung, quốc vương không sao an giấc điệp, vì hình bóng của thiếu phụ vẫn ám ảnh tâm tư. Quốc vương chỉ mong trời mau sáng để xử tử thanh niên, ngõ hầu đoạt vợ của chàng.

Cũng trong giờ đêm tối tăm ấy, dưới địa ngục đồng sôi, rộng khoảng sáu mươi do tuần, có bốn thanh niên bị đọa lạc xuống đó, đang bị nấu trong chảo dầu sôi, nổi lên chìm xuống như những hạt gạo. Từ trên miệng chảo chìm xuống đến tận đáy trải qua một thời gian là ba muôn năm, lại trải qua ba muôn năm khác mới trồi lên tới miệng chảo. Bốn chàng ngóc đầu lên, thấy được nhau, mỗi chàng định nói bài kệ nhưng không nói kịp, mỗi chàng chỉ nói kịp một tiếng rồi lại bị chìm xuống, lộn đầu rơi xuống đáy chảo.

Đang băn khoăn, thao thức, vào lúc nửa đêm, quốc vương mộng nghe được bốn tiếng la của tội nhân dưới địa ngục ấy, thì giựt mình kinh sợ, lo lắng tự nghĩ: "Đây chắc là điềm báo cho trẫm hoặc hoàng hậu sẽ băng hà, hay là ngai vàng sẽ đổ nát…". Thế là suốt đêm hôm ấy, quốc vương không sao chợp mắt được.

Mặt trời vừa mọc, quốc vương cho triệu vị Quân sư vào triều và phán hỏi:

- Thưa quân sư, vào khoảng giữa đêm hôm nay, trẫm nghe có tiếng la thật lớn, rất đáng kinh sợ. Trẫm không biết đó là điềm báo sự tai hại đến ngai vàng, đến hoàng hậu hay đến chính bản thân trẫm. Cho nên trẫm mới triệu quân sư vào đây.

- Tâu đại vương, đại vương nghe được những tiếng gì?

- Thưa quân sư, trẫm nghe được bốn tiếng rời rạc là Du, Sa, Na, So. Xin quân sư hãy giải rộng nghĩa lý của những chữ nầy.

Vị quân sư Bà la môn như người đi trong đêm tối, chẳng nhận ra đường lối nào cả. Sợ thú thật mình không biết thì chứng tỏ mình là kẻ bất tài, sẽ mất cả uy tín và bổng lộc, ông ta bèn kêu bướng rằng: "Tâu đại vương, điềm nầy hệ trọng lắm".

- Thưa Quân sư, điềm chi vậy?

- Đó là điềm tại họa có liên quan đến thọ mạng của đại vương.

Quốc vương nghe lời bàn ẩu, tưởng chắc thật, càng thêm lo sợ bội phần, phán hỏi ông Bà la môn:

- Thưa Quân sư, có cách nào ngăn ngừa tai họa ấy được chăng?

- Tâu đại vương, có. Xin đại vương hãy bình tâm đừng có lo sợ. Hạ thần thông suốt Tam Phệ Đà (Veda) mà.

- Cần phải làm gì để tránh tai họa?

- Tâu bệ hạ, phải hi sinh người và vật, mỗi thứ một trăm để cúng tế thì bệ hạ sẽ tăng thêm tuổi thọ.

- Quân sư cần những gì?

- Trăm con voi, trăm con ngựa, trăm bò đực, trăm bò cái, trăm dê đực, trăm dê cái, trăm gà trống, trăm con heo, trăm đồng nam và trăm đồng nữ.

Như thế là, cứ mỗi loại chúng sanh, ông Bà la môn xin đức vua cho cắt đủ trăm, vì ông nghĩ rằng: "Nếu ta xin bệ hạ bắt dân chúng nạp thú rừng thì họ nói là ta có ý bắt để ăn thịt". Nên ông mới xin đức vua cho bắt cả voi, ngựa và người vậy.

Quốc vương nghĩ thầm: "Trẫm phải tiên bảo kỳ thân, tự mình lo cho bảo tồn sanh mạng mới được".

Vua bèn hạ lịnh: "Bắt tất cả chúng sanh cho mau". Lịnh trên ban xuống, cấp dưới lập tức thừa hành, bắt vật hy sinh nhiều hơn số con đã ấn định.

Trong kinh liên quan đến xứ Kosala, có đoạn liên quan đến việc ấy như sau: "Thời ấy, quốc vương Pasenadikosala dự định cử hành đại lễ bằng sinh vật có năm trăm con bò đực, năm trăm bò cái, năm trăm dê đực, năm trăm dê cái, tất cả đều bị bắt cột chung chỗ xây cột tế, còn những nô lệ nam, nữ, những kẻ phục dịch, công nhân của đức vua bị hăm dọa sợ đòn, mặt đầy nước mắt, vừa khóc vừa lo sắp đặt công việc tế lễ".

Dân chúng thương tiếc quyến thuộc của mình đã bị bắt, mạnh ai nấy khóc than kể lể, tiếng kêu la ồn ào, hỗn độn, nghe như quả địa cầu có tri giác cũng biết xót xa vậy.

Khi ấy, hoàng hậu Mallikā nghe tiếng dân chúng kêu la, bèn vào triều kiến đức vua và hỏi rằng:

- Tâu đại vương, đại vương vẫn còn nguyên vẹn, đầy đủ lục căn, mà sao thần thiếp trông đại vương lại có vẻ bơ phờ hốc hác như thế?

- Ái hậu Mallikā, hậu không hay biết rằng: "Trẫm muốn điếc con ráy rồi sao?".

- Tâu bệ hạ, việc chi vậy?

- Ban đêm, trẫm nghe được những tiếng quái gở như vậy, trẫm cho triệu quân sư vào hỏi thì quân sư cho biết đó là điềm tai hại đến tánh mạng của trẫm, phải cúng tế người vật, mỗi thứ là một trăm thì trẫm mới được trường thọ. Trẫm nghe lời quân sư để bảo tồn mạng sống, nên ra lịnh tìm bắt cho đủ tế vật để hy sinh.

Nghe vậy, hoàng hậu Mallikā nói rằng:

- Tâu đại vương! Đại vương thật là mù quáng, si mê. Dầu sao đại vương cũng là bậc ăn trên ngồi trước, là chúa thiên hạ, hưởng lộc nhiều hơn cả mọi người, có lý nào đại vương có trí kém cỏi như thế.

- Sao hậu lại nói vậy?

- Tại sao đại vương nghe chi lời của tên Bà la môn mù quáng, ngu si, tự mình muốn sống lại gây sự chết chóc cho kẻ khác, gieo rắc sự khổ sầu thảm khốc cho dân chúng như vầy? Trong chùa Jetavana gần đây, có Đức Bổn Sư đang ngự, Ngài là bậc Đại hùng, Đại lực, là Thầy của chư Thiên và nhơn loại. Các việc quá khứ, hiện tại, vị lai Ngài thông suốt cả. Đại vương nên đến học hỏi nơi Ngài.

Khi ấy, đức vua liền ngự lên chiếc loan xa nhỏ, cùng đi với hoàng hậu Mallikā đến chùa. Trong tâm còn lo sợ chết, nên chẳng nói năng chi được hết. Quốc vương chỉ đảnh lễ Đức Bổn Sư, rồi ngồi nép một bên.

Đức Bổn Sư mở lời, hỏi rằng:

- Kìa đại vương từ cõi trời hay cõi nào đến đây?

Quốc vương nghe vậy cũng làm thinh, không trả lời. Hoàng hậu Mallikā bèn đem mọi sự trình bạch lên Đức Thế Tôn:

- Bạch Ngài, đức vua nói rằng vào khoảng giữa đêm có nghe những tiếng quái dị, hỏi quân sư thì ông ấy cho biết là có điềm tại họa đến sinh mạng của đức vua. Nếu muốn ngăn ngừa phải bắt vật hy sinh mỗi thứ là một trăm, cắt cổ lấy huyết tế thần thì sẽ được trường thọ. Quốc vương đã sai bắt nhiều chúng sanh, vì vậy con hướng dẫn đức vua đến đây.

- Hoàng hậu nói thế có đúng không hở đại vương?

- Bạch Ngài, đúng thế.

- Đại vương đã nghe thấy những tiếng gì?

Quốc vương bèn nhắc lại những tiếng mà mình đã nghe. Đức Như Lai nghe vừa dứt lời, thì đã hiểu rõ mọi sự như làn chớp xẹt một cách nhanh lẹ. Ngài bèn vỗ an đức vua: "Đại vương chớ có sợ hãi. Chẳng có việc chi tai hại đến đại vương cả, những chúng sanh tạo ác nghiệp muốn tỏ bày nỗi thống khổ của mình nên mới nói lên như thế đó".

- Bạch Ngài, bọn họ đã làm gì?

Để giải rõ những nghiệp báo của bốn chúng sanh ấy, Đức Thế Tôn phán rằng: "Thế thì đại vương hãy lắng nghe".

Nói rồi, Ngài dẫn tích như sau:

Thời quá khứ, lúc tuổi thọ của loài người là hai muôn năm thì Đức Thế Tôn có hồng danh Kassapa giáng thế, Ngài cùng với hai muôn vị A la hán vân du khắp nơi, rồi ngự đến thành Bārāṇasī. Dân chúng trong thành rủ nhau, từ hai ba người hay đông hơn nữa, cùng họp nhau luân phiên để bát cúng dường thực phẩm đến các khách Tăng.

Thời bấy giờ, trong thành Bārāṇasī có bốn vị công tử là con nhà Trưởng giả, nhà nào cũng có tài sản lên đến bốn trăm triệu đồng vàng. Họ giao du với nhau rất thân mật, họ thường hỏi nhau: "Nhà ta giàu có, tiền của ta để làm gì?".

Trong thời Đức Phật đang tại thế, Ngài đang vân du khắp nơi, "chúng ta hãy bố thí, cúng dường, tôn thờ, lễ bái, hãy thọ trì Tam quy Ngũ giới…", không có cậu nào đề nghị như thế cả. Một cậu thì nói lên rằng: "Uống rượu nồng, ăn thịt béo rồi chúng ta sẽ thả rong chơi, đời sống chúng ta như thế cũng là thú vị lắm rồi". Cậu khác nói: "Phải đó, gạo thơm ngon như hoa ngọc lan, với nhiều món sơn hào hải vị, ta ăn rồi thả đi chơi".

Cậu thứ ba thì bảo: "Ta bảo đầu bếp nấu món cà ri thập cẩm có đủ thứ gia vị, ăn rồi ta sẽ đi chơi".

Cậu thứ tư lại có ý kiến: "Nầy các bạn, ta sẽ chẳng nấu cơm nước chi ráo, ta sẽ đem tiền của ra cho thế thường, chẳng có nữ nhân nào lại chẳng ham tiền, hễ ta vãi tiền ra cám dỗ mua chuộc thì vợ con nhà ai mà thoát khỏi tay ta".

- Hay! Hay!...

Tất cả bốn cậu đều chấp thuận đề nghị nầy, từ đó về sau hễ thấy phụ nữ có sắc đẹp thì họ bỏ tiền ra quyến rũ làm cho phải thất tiết mới thôi. Họ phạm tội gian dâm như thế trong hai muôn năm, đến lúc chết bị sa xuống đại địa ngục A tỳ. Họ bị thiêu đốt trong đó suốt một thời gian không có Phật. Khi mạng chung do quả dư sót, họ lại sanh lên địa ngục đồng sôi, có bề sâu là sáu mươi do tuần, từ trên miệng chảo chìm mãi xuống đáy là ba muôn năm, rồi trải qua ba muôn năm nữa mới trồi đầu lên miệng chảo. Họ muốn nói nguyên một bài kệ mà nói không kịp, chỉ kịp mở miệng la lên có một tiếng rồi lộn chìm xuống đáy chảo. Đại vương hãy nói, đại vương nghe trước được tiếng gì?

- Bạch Ngài, tiếng DU.

Quốc vương chỉ nói ra vỏn vẹn có một tiếng vắn tắt mà Đức Bổn Sư bổ túc thành bài kệ như sau:

1. "Dujjīvitamajīvimhā,	*"Xưa ta sống nhuốc nhơ,*
Yesanno na dadāmha se;	*Chẳng bố thí bao giờ,*
Vijjamānesu bhogesu,	*Tuy có nhiều tiền của,*
Dīpaṃ nākamha attanoti".	*Không tạo chỗ nương nhờ".*

Sau khi giải nghĩa bài kệ trên cho quốc vương hiểu, Đức Bổn Sư hỏi tiếp:

- Tâu đại vương, lần thứ hai, lần thứ ba, lần thứ tư đại vương nghe được những tiếng gì?

- Bạch Thế Tôn, nghe được những tiếng nầy…

Cứ mỗi lần đức vua đáp lời, Đức Bổn Sư lại bổ túc thêm ba bài kệ, theo thứ tự như sau:

2. "Saṭṭhivassasahassāni,	*"Ta ở sáu muôn năm,*
Paripuṇṇāni sabbaso;	*Tròn đủ, nếu không lầm,*
Niraye paccamānānaṃ,	*Trong địa ngục thọ khổ,*
Kadā anto bhavissati".	*Chừng nào hết bị cầm".*
3. "Natthi anto kuto anto,	*"Không hết cũng không cùng,*
Na anto paṭidissati;	*Không thấy chỗ cáo chung,*
Tadā hi pakataṃ pāpaṃ,	*Bởi xưa ta tạo ác,*
Mâm tuyhañca mārisā".	*Tôi cùng với các ông".*
4. "Sohaṃ nūna ito gantvā,	*"Nếu tôi được thoát thân,*
Yoniṃ laddhāna mānusiṃ;	*Đầu thai làm thế nhân,*
Vadaññū sīlasampanno,	*Hiểu biết giữ đủ giới,*
Kāhāmi kusalaṃ bahunti".	*Tạo thiện pháp nhiều lần".*

Lần lượt đọc ba bài kệ và giải thích nghĩa lý xong, Đức Bổn Sư tiếp lời rằng:

- Tâu đại vương, bốn chàng đó, mỗi chàng đọc một bài kệ, mà đọc không kịp, chỉ chờ mở miệng nói được một tiếng thôi, rồi chìm trở xuống trong lòng chảo vậy.

(Kể từ khi quốc vương Pasenadikosala nghe tiếng của bốn chúng sanh địa ngục ấy, cho đến nay đã hơn hai mươi lăm thế kỷ mà họ cũng vẫn còn đang chìm xuống mãi mãi như thế).

Nghe dứt thời pháp, đức vua phát sanh đại kinh cảm, đức vua nghĩ thầm: "Nghiệp tà dâm quả thật là nặng nề thay! Đức Thế Tôn bảo rằng bọn họ bị thiêu đốt trong lòng địa ngục suốt khoảng thời gian không có Phật, mãn kiếp lại tái sanh vào địa ngục đồng sôi, bị nấu luộc sáu muôn năm như vậy, không biết đến thời gian nào mới được thoát khổ? Trẫm đây cũng có tâm tà vạy, yêu thương vợ kẻ khác, đến nỗi trằn trọc suốt đêm ngủ không an giấc. Từ bây giờ trở đi, trẫm quyết sẽ không nuôi ý niệm tà dâm nữa".

Nghĩ rồi, quốc vương bạch Đức Như Lai:

- Bạch Ngài, hôm nay trẫm mới biết là đêm dài.

Thanh niên là cựu thị vệ quân, đang ngồi nơi hội trường nghe thấy mấy lời của đức vua, trong tâm nghĩ: "Ta gặp được cơ hội may mắn rồi". Thanh niên bèn bạch với Đức Bổn Sư:

- Bạch Ngài, đức vua hôm nay mới thấy đêm dài bấy nhiêu đó, còn con ngày hôm qua chính con đã biết là dặm đường dài.

Đức Bổn Sư so sánh hai câu nói của hai người, rồi bảo rằng:

- Đêm dài đối với một số người, dặm dài đối với một số người, con đường luân hồi dài đối với kẻ ngu si.

Nhân đó, Đức Thế Tôn thuyết lên một thời pháp, rồi Ngài kết luận bằng bài kệ rằng:

60. "Dīhā jāgarato ratti,
Dīghaṃ santassa yojanaṃ;
Dīgho bālānaṃ saṃsāro,
Saddhammaṃ avijānataṃ".

"Đêm dài vì giấc chẳng an,
Dặm dài chìm nổi, lại càng thấy xa,
Đường đời vạn nẻo quan hà,
Kẻ dốt Chánh pháp, chậm qua luân hồi".

CHÚ THÍCH:

Tiếng *Dīghā* trên đây nghĩa là dài. Thường thì một đêm có ba canh (theo bên Ấn Độ thời xưa), nhưng đối với người thao thức cầm canh thì thấy như là đêm dài gấp đôi gấp ba vậy.

Đêm không thấy dài đối với người chỉ biết ăn no ngủ kỹ, mặt trời lên cao mà còn lăn qua trở lại trên giường. Người đại lãn ăn đồ (mahākusito) cao lương mỹ vị, nằm ngủ chỗ sang trọng, người toại hưởng ngũ trần cũng chẳng biết rằng đêm dài.

Hành giả tinh cần hành thiền suốt đêm, vị Pháp sư thuyết pháp và thính giả ngồi trong hội trường, người bị bịnh hành như nhức đầu, nhức răng chẳng hạn, hoặc người thọ khổ vì bị thương như đứt tay chân, là lữ khách dạ hành mới biết đêm dài.

Yojanaṃ: Là do tuần, dài bằng bốn dặm (độ mười sáu cây số), nhưng đối với khách lữ hành mệt mỏi thì thấy như là dài gấp đôi, gấp ba lận. Quả nhiên, khách đi đường xa cả ngày mệt nhừ, mà thấy hành trình còn thăm thẳm, gặp ai cũng hỏi: "Thôn, xã ở phía trước, cách đây còn bao xa?", nghe đáp: "Một do tuần", khách ráng đi một lát lại hỏi người khác, người nầy cũng đáp "Một do tuần", khách hỏi đi hỏi lại, hết người nầy đến người kia, họ đều đáp: "Một do tuần". Khách thấy chán ngán than rằng: "Cha! Một do tuần! Sao mà dài như thế?". Và người ấy thấy dài gấp đôi, gấp ba lúc bình thường.

Bālānaṃ: Là những kẻ ngu si, không biết đến sự lợi ích (tức là Níp Bàn) trong đời nầy và kiếp sau, những kẻ ngu si không thể chấm dứt cái vòng luân hồi được. Những người nào thông hiểu Chánh pháp (Sadhamma) nhứt là ba mươi bảy nhân sanh Bồ Đề (Sattatiṃsa Bodhipakkhiya) những người ấy mới tận cùng con đường sanh tử được, còn đối với những kẻ dốt Chánh pháp thì con đường nầy dài vô tận. Vả lại, đặc tính của nó bao giờ cũng vậy, cho nên mới gọi là dài. Đề cập đến nó, có Phật ngôn rằng: Anamataggoyaṃ bhikkhave saṃsāro pubbā kotiṃ na paññāyatīti". – "Nầy các Tỳ khưu! Đường luân hồi vốn vô thủy, khởi điểm của nó không thể thấy được".

Đối với những người ngu si không thể tận cùng con đường sanh tử, thì thấy nó dài hết sức dài.

☸

Thời pháp vừa dứt, thanh niên chứng đắc quả Nhập lưu, ngoài ra nhiều người khác cũng chứng đắc Thánh quả, nhứt là Nhập lưu. Đại chúng thính pháp cũng hưởng được lợi ích.

Quốc vương đảnh lễ Đức Bổn Sư, ngự về nơi cây trụ cột chúng sanh là tế vật, truyền quân mở trói, phóng thích cả người lẫn vật đã bị bắt chuẩn bị hy sinh.

Cả bọn nam, nữ được thả tự do ấy, được tắm gội sạch sẽ, rồi ai trở về nhà nấy. Lúc đi đường, họ ca tụng công ơn của hoàng hậu Mallikā, nói rằng:

- Chúng mình còn được sống sót ngày nào, cũng là nhờ ơn cứu tử của hoàng hậu Mallikā.

Chiều hôm ấy, chư Tỳ khưu câu hội nơi giảng pháp đường, khởi lên pháp luận như sau: "Hiền trí thay bà Mallikā nầy. Nhờ có trí tuệ, bà đã cứu tử huờn sanh cho bấy nhiêu người và vật như thế".

Đức Bổn Sư ngự đến giảng đường, phán hỏi: "Nầy chư Tỳ khưu! Hôm nay các ông thảo luận về việc chi vậy?".

- Bạch Thế Tôn, việc như vầy…

Đức Bổn Sư bảo rằng:

- Nầy các Tỳ khưu, chẳng phải chỉ bây giờ nàng Mallikā dùng trí tuệ của mình mà cứu tử cho nhiều người, thuở xưa nàng cũng đã từng như thế, đã cứu mạng nhiều người lắm rồi.

Để minh chúng việc nầy, Đức Bổn Sư thuật lại tiền tích như sau:

Thời quá khứ, có vị hoàng tử xứ Bārāṇasī, đi đến gốc một cây đa, khấn vái thọ thần hóa sanh nơi cây ấy rằng: "Cầu xin Thiên vương chứng giám. Trong cõi Diêm phù nầy có một trăm lẻ một quốc vương và một trăm lẻ một hoàng hậu. Nếu khi phụ hoàng tôi thăng hà mà tôi được kế vị ngai vàng, tôi sẽ lấy huyết cổ của họ mà cúng tế Thiên vương".

Khi vua cha thăng hà, thái tử ấy được tôn vương, nghĩ rằng: "Do nhờ Thiên vương phù hộ, mà trẫm được lên ngôi cửu ngũ. Vậy trẫm phải lo việc trả lễ hoàn nguyện".

Tân vương bèn cử đại đội hùng binh, ngự giá thân chinh, đánh chiếm một nước láng giềng, bắt được đức vua và hoàng hậu, rồi mang theo đi đánh chiếm nước khác, lần lượt bắt được tất cả các đức vua và hoàng hậu của một trăm lẻ một nước.

Đại vương Bārāṇasī đem tất cả đến gốc cây đa, chỉ trừ một mình bà hoàng hậu của vua Uggasena (Kiêu Binh) tên là Dhammadinnā (Pháp Thí) được miễn vì đang hoàn thai.

Đại vương sai quân lính quét dọn quanh gốc cây đa, tính rằng: "Để cho bấy nhiêu người đây uống thuốc độc dược rồi ta sẽ hành quyết họ".

Vị Thọ thần nơi gốc cây đa nghĩ rằng: "Quốc vương nầy đã cho rằng nhờ ta phù trợ mà chiến thắng, bắt được bấy nhiêu đức vua cùng hoàng hậu, nên định lấy máu của họ mà cúng tế ta. Nếu để cho quốc vương nầy hành quyết họ thì dòng giống vua chúa trên cõi Diêm Phù phải bị tiêu diệt, mà gốc cây đa cũng bị lem ố. Ta có thể nào ngăn trở được cuộc lưu huyết này chăng?".

Sau khi quán xét, biết mình không đủ khả năng, vị Thọ thần lại đi tìm vị chư Thiên khác, nhưng khắp thế giới Ta bà, gặp vị chư Thiên nào, vị ấy cũng đều khước từ cả.

Vị Thọ thần đến cầu cứu nơi Tứ Đại Thiên Vương, các vị nầy cũng kinh sợ thối thác rằng: "Chúng tôi không đủ quyền năng, Ngài hãy tìm vị nào mà phước báu cùng trí tuệ cao trội hơn chúng tôi mà sở cậy".

Thọ thần bèn lên cung trời Đao Lợi vấn kế nơi đức Đế Thích và nói khích rằng: "Tâu Thiên vương, nếu Ngài cứ ngồi khoanh tay không chịu can thiệp thì ắt dòng giống vua chúa phải tận diệt. Xin Ngài tế độ, chở che cho họ".

Đức Đế Thích đáp: "Chính trẫm cũng không làm sao ngăn trở được việc nầy. Nhưng để trẫm bày cách cho khanh".

Phán rồi, đức Đế Thích dạy rằng: "Bây giờ khanh hãy trở về vận y phục toàn màu đỏ cho quốc vương dễ ngó thấy, rồi khanh hiện từ trong thân cây bước ra, đứng

trước mặt đức vua. Khi đức vua thấy khanh, ắt nghĩ rằng: "Vị chư Thiên của trẫm đến rồi kia. Để trẫm yêu cầu Ngài chậm lại một giây phút".

Chờ cho đức vua xin điều nầy, điều nọ xong, khanh hãy bảo rằng: "Quốc vương trước có hứa với ta là sẽ bắt đủ một trăm lẻ một đức vua và một trăm lẻ một hoàng hậu đem đến cây nầy lấy máu cổ cúng tế để trả lễ. Hiện nay các vua thì đủ mà thiếu một vị hoàng hậu của vua Uggasena. Ta không nhận lễ của người dối trá như quốc vương đâu".

Khanh nói như thế, khi đức vua nghe được sẽ cho bắt hoàng hậu Dhammadinnā đến, hoàng hậu sẽ thuyết pháp thức tỉnh quốc vương và cứu thoát cho bấy nhiêu nhân mạng.

Đức Đế Thích chỉ bày cách thức cho vị Thọ thần. Vị này y theo kế ấy mà thi hành. Quả nhiên, đức vua khiến bắt luôn hoàng hậu Dhammadinnā đem đến gốc cây đa. Hoàng hậu Dhammadinnā đến nơi, nàng đi đến đảnh lễ chồng, là vị vua ngồi phía sau cùng của các vua chư hầu.

Đức vua cả giận, bắt lỗi hoàng hậu Dhammadinnā rằng:

- Trẫm là đàn anh lớn nhất nơi đây, sao nàng không đảnh lễ, lại đi đảnh lễ nhà vua đàn em tất cả vậy?

Hoàng hậu bình tĩnh trả lời rằng:

- Thiếp có gì trực thuộc nơi đại vương đâu? Đức vua này là phu quân của thiếp, đã ban cho thiếp danh quyền tước lộc, mà bảo thiếp đừng đảnh lễ để đi đảnh lễ đại vương, thì nghĩa là sao?

Vị Thọ thần hiện ra, tán dương hoàng hậu Dhammadinnā:

- Đúng như thế nàng ạ! Đúng như thế.

Đoạn Thọ thần cúng dường nàng một nắm hoa.

Quốc vương lại hỏi rằng:

- Thế nàng không đảnh lễ trẫm thì thôi. Còn vị ban cho trẫm vương quyền là chư Thiên có đại oai lực như thế, sao nàng không đảnh lễ?

- Tâu đại vương, sở dĩ đại vương bắt được các vua chư hầu đó là do công lao phước đức của đại vương, chớ nào phải vị chư Thiên bắt nạp cho đại vương đâu?

Lần thứ hai, vị Thọ thần lại tán dương: "Phải lắm nàng à", rồi Thọ thần lại dâng cho hoàng hậu một nắm hoa thứ hai.

Khi ấy, hoàng hậu Dhammadinnā lại nói tiếp:

- Đại vương cho rằng vị chư Thiên nầy đã bắt được các chư hầu mà nạp cho đại vương ư. Hiện giờ đây, tàng cây phía bên trái của vị chư Thiên của đại vương đã bị cháy, tại sao vị chư Thiên không dập tắt lửa được, nếu vị ấy có thần oai đại lực?

Lần thứ ba, Thọ thần lại hiện ra khen: "Đúng lắm, nàng à! Phải lắm nàng à", và lại dâng thêm một nắm hoa như trước.

Đang đứng nói, bỗng nhiên hoàng hậu cất tiếng khóc, rồi lại cười. Khi ấy, quốc vương lấy làm lạ hỏi:

- Bộ nàng điên rồi hay sao?

- Tại sao bệ hạ lại nói như thế? Những người như thiếp không phải là điên đâu!

- Không điên thì tại sao nàng khóc, rồi lại cười khan như thế?

- Tâu đại vương, đại vương hãy nghe đây: Trong quá khứ thiếp sanh làm con gái của một gia đình gia giáo, đến khi xuất giá theo về nhà chồng. Nhận thấy người bạn của chồng đến chơi, muốn làm cơm đãi khách, thiếp đưa tiền bảo tớ gái đi mua thịt, nó đi rồi trở về bảo: "Không có thịt". Nghe vậy, thiếp bắt con dê cái đem ra phía sau nhà, đè xuống chặt đầu làm cơm đãi khách. Vì tội chặt đầu con dê cái, thiếp bị hình phạt trong địa ngục, do quả còn dư sót, thiếp bị chặt đầu nhiều lần bằng số lông con dê mà đền tội như vậy. Còn đại vương sát hại bấy nhiêu mạng người nầy thì không biết đời nào mới thoát khỏi tội khổ? Vì nhớ tưởng đến nỗi đau khổ to lớn của đại vương mà thiếp khóc lên như vậy.

Nói rồi hoàng hậu ngâm kệ rằng:

"Ekissā kaṇṭhaṃ chinditvā,
Lomagaṇanāya paccisaṃ;
Bahunnaṃ kaṇṭhe chetvāna,
Kathaṃ kāhasi khattiyāti".

"Thiếp chặt cổ một con dê cái,
Bằng số lông kiếp phải thọ hình,
Chặt cổ quá nhiều chúng sanh,
Làm sao thoát khổ tội tình, đại vương?".

- Còn nàng cười là vì sao?

- Tâu đại vương! Thiếp cười vì biết rằng: Chỉ còn đền tội một lần nữa là thiếp được thoát khổ.

Lần thứ tư, vị Thọ thần hoan hô: "Phải lắm nàng à", và Thọ thần lại dâng cho hoàng hậu Dhammadinnā một nắm hoa nữa.

Quốc vương thở dài than rằng: "Ôi nghiệp của trẫm nặng lắm thay. Theo lời nàng nói, nàng chỉ giết một con dê cái mà bị đọa địa ngục thọ khổ rồi, do duyên nghiệp còn dư sót, khi tái sanh trở lại còn phải chịu bị chặt đầu trong số kiếp nhiều bằng số lông dê ấy. Huống chi giờ đây, trẫm sát hại biết bao nhiêu người, thì biết đến bao giờ trẫm mới đạt đến an vui được".

Quốc vương liền đích thân mở trói, thả các chư hầu rồi đảnh lễ các vị cao niên, chắp tay xá các vị trẻ tuổi, cầu xin tất cả hãy tha lỗi cho mình. Đoạn sắp đặt tiễn đưa mỗi vị trở về nguyên quốc.

Sau khi thuyết dứt tích nầy, Đức Bổn Sư kết luận:

- Như thế, nầy các Tỳ khưu, không phải chỉ bây giờ hoàng hậu Mallikā mới đem trí tuệ của mình ra áp dụng mà cứu tử đại chúng đâu. Xưa kia nàng cũng từng cứu tử như thế rồi.

Đoạn Đức Bổn Sư dẫn giải thêm rằng: Quốc vương Bārāṇasī, nay là đức vua Pasenadikosala, hoàng hậu Dhammadinnā nay chính là nàng Mallikā, vị Thọ thần nay chính là Như Lai vậy.

Dẫn giải xong, Đức Bổn Sư lại thuyết pháp thoại, rồi nhắc nhở chư Tăng rằng: "Nầy các Tỳ khưu! Tội sát sanh quả là điều chẳng nên làm, thật vậy, những kẻ sát sanh hằng khóc lóc, thở than vĩnh kiếp".

Rồi Đức Bổn Sư ngâm lên kệ ngôn sau đây:

"Evañce sattā jāneyyuṃ,
Dukkhāyaṃ jātisambhavo;
Na pāṇo pāṇinaṃ haññe,
Pāṇaghātī hi socatīti".

"Chúng sanh nên biết rành như thế,
Sanh mạng nầy chẳng dễ được đâu,
Đừng ham sát hại lẫn nhau,
Vì kẻ háo sát hằng đau khổ hoài".

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Thân nghèo có vợ sắc tươi xinh,
Báo hại chàng trai suýt lụy mình,
Trướng gấm hầu vua, e vạn tử,
Dặm đường kiếm vật, khó toàn sanh.
Vào chùa tạm lánh cơn tai biến,
Gặp Phật liền tan mối hận tình,
Cố sát, tà dâm nghe đã rõ,
Ngàn đau, muôn khổ, tội nên kinh.

DỨT TÍCH CHÀNG THANH NIÊN CÓ VỢ ĐẸP

ଓ☸ଌ

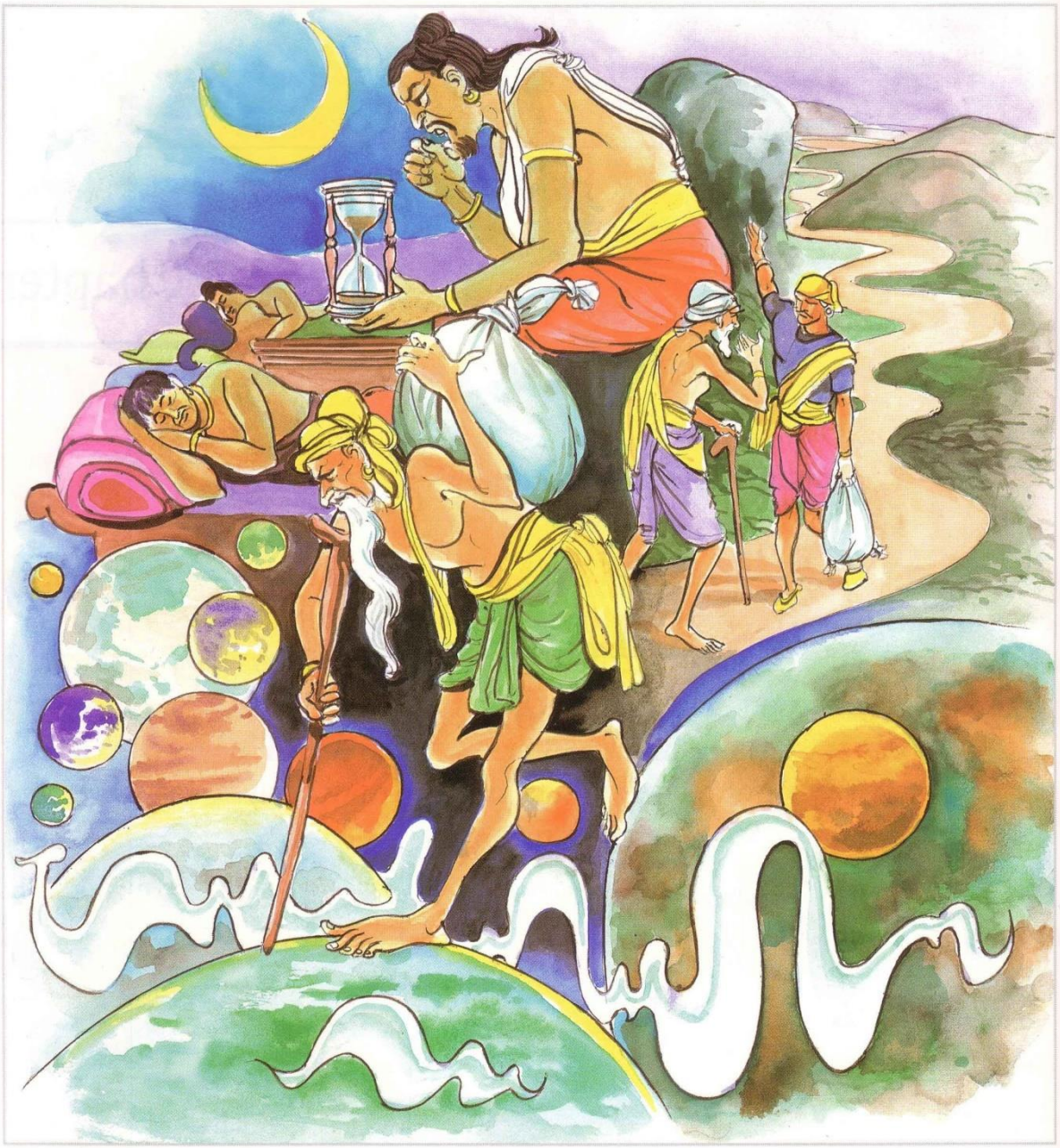

To the sleepless, night is long; to the weary, the league; to the ignorant the cycle of existence.

60. Đêm dài đối với những người không ngủ. Đoạn đường dài đối với người mệt mỏi, và vòng luân hồi dài với người ngu si.

V.2- Tích ĐỆ TỬ CỦA ĐẠI ĐỨC MA HA CA DIẾP
(Mahākassapattherassa saddhivihārikavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 61)

"Carañce nādhigaccheyya,	***"Nếu chẳng được chung đường,***
Seyyaṃ sadisamattano;	***Người hơn hoặc tương đương,***
Ekacariyaṃ daḷhaṃ kayirā,	***Thà quyết đi độc chiếc,***
Natthi bāle sahāyatā",	***Kẻ ngu không chỗ nương".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngụ tại gần thành Sāvatthī, đề cập đến một đệ tử của đại đức Mahākassapa.

Câu chuyện nầy phát khởi từ thành Rājagaha (Tàu âm là La Duyệt Kỳ).

Tương truyền rằng: Thuở ấy, Đại đức nương náu trong động Pipphaliguhā (Lạt Tiêu), phụ cận thành Rājagaha, Ngài có được hai đệ tử theo hầu.

Trong hai vị, một vị thì chăm làm phận sự đàng hoàng, tử tế, còn vị kia thì xảo trá, thường mạo nhận công việc của bạn như là của chính mình làm. Như khi biết bạn sắp đặt nước rửa mặt, cây chà răng xong rồi, thì ông mau đến bạch với Đại đức trước rằng: "Bạch Ngài, nước rửa mặt, cây chà răng đã sẵn rồi, xin thỉnh Ngài đi rửa mặt". Đến giờ Đại đức rửa chân hoặc tắm gội chẳng hạn, ông ta cũng đi thỉnh Đại đức như thế đó.

Vị đệ tử siêng năng làm phận sự, thấy vậy nghĩ rằng: "Ông nầy luôn cướp công lao của ta, làm Đại đức ngỡ lầm là của ông. Ta phải làm cho ông bỏ tật ấy mới được".

Đến xế chiều, vị kia ngủ dậy, thấy hơi nước nóng xông ra, nghĩ rằng: "Chắc có nước sôi nấu sẵn để trong nhà tắm", có ngờ đâu khi ông lười biếng, ăn rồi đi ngủ, vị siêng năng nấu nước tắm, châm đầy bình, giấu phía sau phòng tắm, chỉ chừa lại trong nồi độ gáo nước sôi đủ cho có hơi nước bay ra thôi.

Thế nên, vị lười biếng đi đến bạch với Đại đức: "Xin thỉnh Ngài đi tắm". Nói rồi, ông ta cùng đi với Đại đức đi vào nhà tắm.

Không thấy có nước, Đại đức hỏi: "Nước ở đâu, đạo hữu?".

Vị ấy liền đi vào nhà nấu nước, đưa vá vào nồi nước, mới biết là nồi không, bèn xách bình đi ra giếng, vừa đi vừa cằn nhằn: "Hãy coi đó, thứ đồ mất dạy, nó bắt cái nồi không lên bếp rồi bỏ đi đâu mất. Làm mình tưởng có sẵn nước trong nhà tắm, mới đi thỉnh Đại đức".

Khi ấy, vị đệ tử siêng năng xách cái bình nước nóng giấu sau nhà tắm, đem vào nhà tắm. Đại đức nghĩ: "Ông sư trẻ nói: Nước nấu sẵn rồi, để trong nhà tắm, thỉnh Ngài đi tắm, mà giờ đây lại vừa xách bình đi múc nước vừa cằn nhằn, thế là nghĩa làm sao?".

Đợi vị ấy trở lại, Đại đức bảo ông ngồi đàng hoàng, rồi ban huấn từ rằng:

- Nầy đạo hữu, phàm là Tỳ khưu thì việc nào có làm mới nhận là của mình làm, bằng không thì thôi. Còn ông, ông đã nói với ta: "Trong nhà tắm đã có nước sẵn, thỉnh Ngài đi tắm". Nhưng ta vào thì đứng chờ, còn ông thì xách bình vừa đi vừa cằn nhằn. Người xuất gia không nên làm như thế.

Vị đệ tử nói thầm: "Ai mà coi, Ngài Đại đức mà còn làm như vậy đó. Vì vấn đề nước tắm mà Ngài rầy ta nặng nề như thế". Ông giận thầy tế độ, nên hôm sau không đi khất thực với Đại đức.

Đại đức cùng với đệ tử kia đi đến một địa phương nọ. Trong lúc vắng Đại đức, vị đệ tử cứng đầu, đi đến nhà của người hộ độ Đại đức. Chủ nhà hỏi:

- Bạch Ngài, Đại đức đâu rồi?

- Đại đức trong mình không được khỏe nên còn ngồi trong chùa.

- Bạch Ngài, tôi phải làm gì bây giờ đây?

- Ông hãy đặt bát dâng cho Đại đức những thực phẩm có tên như vầy… như vầy…

Tỳ khưu ấy giả cách đi bát về nuôi thầy, nên nói món gì thì chủ nhà lo tìm đủ món ấy rồi để bát cúng dường. Ông ta đi nửa đường, kiếm chỗ ngồi ăn hết rồi mới đi về chùa.

Ở địa phương nơi Đại đức đến, người ta dâng cho Đại đức lá y lớn, bằng vải nhuyễn rất tốt. Đại đức cho lại vị Đệ tử theo mình. Ông nầy mừng rỡ lấy chiếc y mới đắp lên mình.

Qua hôm sau, Đại đức đến nhà người hộ độ của mình. Chủ nhà bạch lại rằng:

- Bạch Ngài! Nghe nói Ngài không được khỏe trong mình, chúng con có sắp đặt thực phẩm theo lời chỉ dẫn của ông Tỳ khưu trẻ và gởi ông đem về dâng Ngài. Chẳng hay Ngài dùng rồi, nghe có khỏe trong mình chưa?

Đại đức nghe vậy, Ngài làm thinh. Đại đức về đến chùa, khi vị ấy đảnh lễ Ngài xong, Đại đức dạy rằng:

- Nầy đạo hữu! Nghe nói ngày hôm qua ông đã làm việc như vậy. Những người xuất gia không nên ăn, dùng những thực phẩm mà mình quán thấy không hợp lẽ đạo như vậy.

Bị rầy lần nầy, ông đệ tử giận lắm, bèn cột oan trái với Đại đức: "Bữa hôm trước về vụ nước, Ngài đã cho ta là kẻ láo xược, ngày hôm nay thực phẩm mà Thiện tín hộ độ của Ngài dâng ta, ta đã ăn hết rồi. Ngài còn bảo là phải quán xét rồi mới nên thọ dụng. Được y mới tốt, Ngài cho riêng đệ tử theo hầu Ngài. Ôi! Nghiệp của Ngài nặng lắm thay! Đã đối xử khắc nghiệt với ta thì ta cũng sẽ biết cách mà đối phó vậy".

Hôm sau, thừa lúc Đại đức đi vào làng, ông Sư ấy ở lại một mình nơi chùa, lấy gậy đập bể hết các đồ vật dụng của Đại đức, lại nổi lửa đốt cái cốc lá của Đại đức. Còn món nào không thể cháy, ông ta lấy chày vồ đập bể ra rồi bỏ đi luôn. Về sau, ông ta chết bị đọa xuống địa ngục Vô Gián (Avīci).

Đại chúng khởi lên bàn tán việc nầy như vầy: "Nghe nói đệ tử của Đại đức không chịu đựng nổi sự giáo hóa của Đại đức, nổi xung lên đã đốt cháy cái thảo am

của Đại đức và bỏ đi mất rồi". Sau đó, có Tỳ khưu rời thành Rājagaha đến thành Sāvatthī, đi vào Tịnh xá Jetavana để yết kiến Đức Bổn Sư. Khi vị nầy đảnh lễ xong, Đức Bổn Sư tiếp chuyện thân hữu, rồi bảo rằng: "Ông từ đâu về vậy?".

- Bạch Ngài, con từ thành Rājagaha đến đây.

- Kassapa con trai ta có dễ chịu chăng?

- Bạch Ngài, được dễ chịu. Tuy nhiên có một vị đệ tử của Ngài đã chẳng nghe lời giáo huấn của Đại đức, mà còn sanh tâm thù hận, nổi lửa đốt cháy thảo am của Đại đức rồi bỏ đi mất.

Đức Bổn Sư minh định rằng: "Không phải chỉ bây giờ ông ấy mới căm thù khi được nghe lời giáo hóa đâu. Xưa kia, ông cũng đã từng căm thù như thế rồi. Không phải chỉ bây giờ ông ta mới phá cốc đâu, xưa kia ông ta cũng đã từng phá hoại như thế rồi". Đoạn Đức Bổn Sư tiếp theo thuật lại tiền tích của ông đệ tử ngỗ nghịch.

Thuở xưa, dưới triều đại của vua Brahmadatta, đóng đô tại kinh thành Bārāṇasī. Trong miền núi Tuyết Lãnh, có một con sáo trú ẩn trong ổ của nó làm.

Một hôm, trong lúc mưa, một con khỉ rét run lập cập, mon men đi vào miền núi ấy. Sáo thấy khỉ bèn hót lên bài kệ rằng:

"Manussasseva te sīsaṃ,
Hatthapādā ca vānara;
Atha kena nu vaṇṇena,
Agārante na vijjatīti".

"Anh có đầu giống người,
Đủ tay chân, khỉ ơi,
Sao không làm nhà ở,
Để lang thang ngoài trời".

Khỉ nghĩ thầm: "Dầu ta có đủ tay chân, nhưng ta còn thiếu trí tuệ sáng suốt để kiến tạo nhà".

Muốn nói sao cho sáo biết được biệc nầy, khỉ cũng hú lên kệ rằng:

"Manussasseva me sīsaṃ,
Hatthapādā ca siṅgila;
Yāhu seṭṭhā manussesu,
Sāme paññā na vijjatīti".

"Ta có đầu giống người,
Đủ tay chân, sáo ơi!
Nhưng ta thiếu trí tuệ,
Phải thua kém người đời".

Câu chuyện đối đáp về nhà ở giữa cầm và thú, ban đầu còn êm ái, nhưng lần lần đi đến chỗ gay cấn. Sáo liền nói lên hai bài kệ trách khỉ rằng:

"Anavaṭṭhitacittassa,
Lahucittassa dubbhino;

Niccaṃ addhuvasīlassa,
Sukhabhāvo na vijjati".

"Người có tâm bất an,
Nóng nảy gây oan trái,
Thường bôn chôn liếng khỉ,
Không vui vẻ hân hoan".

"So karassānubāvaṃ tvaṃ,
Tvaṃ vītivattassu sīliyaṃ;
Sītavātaparittāṇaṃ,
Karassu kuṭikaṃ kapīti".

"Tự nâng cao giá trị,
Thời giờ đừng lãng phí,
Anh nên cất cái chòi,
Gió rét có nơi nghỉ".

Con khỉ tức giận nói rằng: "Con nầy dám chê ta là kẻ có tâm bất an, có tâm nóng nảy, ưa gây oan trái và thường bôn chôn. Bây giờ, ta hãy cho nó thấy sự ưa gây oan trái của ta một lần cho nó tởn". Khỉ ta liền bức phá tan hoang ổ của con sáo. Con sáo thấy động ổ, vội thoát ra ngoài rồi bay mất.

Sau khi thuyết xong tích nầy, Đức Bổn Sư dẫn giải rằng: "Con khỉ lúc trước nay là vị Tỳ khưu phá cốc thầy tế độ, còn con sáo nay là Mahākassapa vậy".

Để kết luận, Đức Bổn Sư lập lại rằng:

- Như thế, nầy các Tỳ khưu, không phải bây giờ người giáo huấn bị phá hoại chỗ ngụ của người. Còn con trai của ta là Mahākassapa mà ở chung với kẻ ngu si như thế, thà là ở một mình đơn chiếc còn hơn.

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết kệ rằng:

61. "Carañce nādhigaccheyya,
Seyyaṃ sadisamattano;
Ekacariyaṃ daḷhaṃ kayirā,
Nathi bāle sahāyatā".

61. "Ví như chẳng được kết đôi,
Với người cao hoặc bằng ngôi thứ mình,
Thà rằng quyết chí độc hành,
Kẻ ngu chẳng phải bạn lành thâm giao".

CHÚ GIẢI:

Carañce: Trên đây nghĩa là đi, chỉ một trong bốn oai nghi, được dùng một cách vắn tắt, phải hiểu rộng ra là "đi tìm bạn lành".

Seyyaṃ sadisamattano: Là nếu không gặp được người nào cao hơn mình hoặc ngang hàng mình về phương diện Giới, Định, Tuệ.

Ekacariyaṃ: Thà là đi một mình. Quả thật vậy, kết bạn với người cao thì Giới hạnh càng thêm tăng tiến, kết bạn với người bằng thì Giới hạnh không suy giảm, còn kết bạn với kẻ kém hèn, khi ở chung, ăn chung, làm việc chung thì Giới hạnh lần lần bị thua sút. Có Phật ngôn rằng: *"Evarūpo puggalo na sevitabbo na bhajitabbo na payirupāsitabbo aññatra anuddayā aññatra anukampāti". – "Kẻ nam tử như vậy ta không nên thân cận, không nên giao du, không nên liên kết, trừ ra vì lòng thương xót muốn tế độ".* Cho nên nếu vì lòng bi mẫn ta thấy rằng: Được nương theo ta, thanh niên nầy sẽ tăng trưởng Giới hạnh. Rồi ta đối đãi tử tế mà không cầu mong sự đền đáp chút nào, nếu ta làm được như vậy thì rất tốt, bằng không được như vậy thà ở một mình tốt hơn.

Daḷhaṃ kayirā: Là lời cô tịch một mình kiên cố, bền bỉ trú tâm trong bốn oai nghi như là bạn đồng cư. Tại sao vậy?

Natthi bāle sahāyatā: Không có tình bạn nơi kẻ ngu. Tiếng *sahāyatā* (tình bạn) được dùng với nghĩa phần Tiểu giới, phần Trung giới, phần Đại giới, mười đề luận (kathāvatthūni), mười ba chi pháp Đầu đà (dhutaṅga), Pháp Minh sát, bốn Đạo, bốn Quả, ba cái Minh (vijjā), sáu cái thông (abhiññā). Những Giới đức trên đây không có nơi kẻ ngu si.

Khi thời pháp chấm dứt, vị Tỳ khưu khách chứng đắc Tu Đà Hườn quả. Các vị khác cũng có nhiều vị chứng đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả. Đại chúng thính pháp đều hưởng được sự lợi ích.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Đại đức Ma Ha Ca Diếp dạy kẻ ngu,
Không ơn thì chớ, lại sanh thù,
Mưu cơ sắp sẵn liền thiêu cốc,
Thủ đoạn hành xong, vội rút dù.
Bạc nghĩa đã đành sa cảnh khổ,
Vòng tình còn chịu phí đời tu,
Kiếp xưa là khỉ, nay người ngợm,
Xác đổi nhưng mà trí vẫn lu.

DỨT TÍCH ĐỆ TỬ CỦA ĐẠI ĐỨC MA HA CA DIẾP

☸



If one finds no equal or superior for company, a solitary career is commendable.

61. Nếu ta không tìm được người bạn bằng mình hoặc hơn mình, thì nên sống đơn độc là tốt nhất.

V.3- Tích TRƯỞNG GIẢ A NAN
(Ānanseṭṭhivatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 62)

Puttā m'atthi dhanaṃ m'atthi,	***"Ta có con, có của,***
Iti bālo vi haññati;	***Kẻ ngu cứ lo âu,***
Attā hi attano natthi,	***Bản thân không tự chủ,***
Kuto puttā kuto dhanaṃ".	***Nào con đâu, của đâu".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự gần thành Sāvatthī, đề cập đến ông Trưởng giả Ānan (A Nan).

Tương truyền rằng: Thời ấy trong thành Sāvatthī, có vị Trưởng giả tên Ānan, có đại gia sản đến tám trăm triệu đồng vàng, nhưng lại có tiếng là Đại Hà Tiện.

Cứ mỗi kỳ nửa tháng, ông ta nhóm họp thân quyến một lần, rồi trước mắt mọi người trong gia tộc ông gọi công tử Mūlasiri (Tiền Tài) là con trai ông, nhắc nhở rằng:

- Chớ nên cho rằng tám trăm triệu đồng đây là nhiều rồi. Dầu có của cũng chẳng nên bố thí. Hãy ráng làm cho tiền của sanh lên mãi, dầu một đồng cũng chẳng nên tiêu phí mà hao hụt gia tài.

Ông nhắc nhở con trai ba lần như thế. Kế đó, ông đọc luôn bốn câu kệ:

"Añjanānaṃ khayaṃ disvā,
Upacikānañca ācayaṃ;
Madhūnañca samāhāraṃ,
Paṇḍito gharamāvaseti".

Lược dịch:

"Thấy những giọt thuốc hư,
Mới góp chứa vào ổ,
Cơm với chút mật dư,
Hiền sĩ ngồi nhà độ".

Thời gian sau, không kịp chỉ năm hầm lớn tài sản của mình cho con biết, ông Trưởng giả Ānan hà tiện nhưng rất tự mãn qua đời. Tâm thức của ông tái sanh trong lòng một phụ nữ Chiên đà la (Caṇḍāla: giai cấp cùng đinh của Ấn Độ thời xưa) cư ngụ trong một làng nhỏ ngoài cổng thành Sāvatthī.

Quốc vương hay tin ông Ānan từ trần, bèn triệu công tử Mūlasiri vào bệ kiến, rồi phong chức Trưởng giả cho công tử.

Một ngàn gia đình Chiên đà la vẫn cùng nhau làm thuê, làm mướn chung quanh để sống qua ngày. Nhưng từ lúc ông Trưởng giả hà tiện tái sanh vào dòng họ thì họ không còn tìm được việc làm như trước nữa, dầu chỉ là một việc làm được trả công bằng bữa cơm, họ bàn rằng: "Chúng ta ngày nay đi xin việc làm để kiếm ăn cũng không có, chắc là trong bộ lạc của chúng ta có những kẻ xui xẻo (Kāḷakaṇṇī) ở chung". Họ bèn chia làm hai nhóm, lựa chọn lần đầu để loại ra kẻ hắc vận. Khi loại

đến cặp vợ chồng là cha mẹ của đứa bé ấy, thì họ biết rằng: "Trong gia đình nầy có kẻ xui xẻo sanh ra". Họ bèn đuổi mẹ của đứa bé khỏi bộ lạc.

Người phụ nữ nầy còn đang mang thai ngày nào là còn vất vả ngày ấy, đi xin việc làm sống lây lất cho đến lúc sanh ra đứa con trai, đứa bé nầy tay chân vẹo vọ, mắt lé, mũi và miệng đều không nằm đúng vị trí thông thường. Với hình dung cổ quái như ngạ quỷ, trông nó xấu không thể tưởng tượng được. Tuy nhiên, mẹ nó cũng không bỏ rơi nó. Tình thương của người mẹ đối với đứa con ruột do mình sanh ra quả thật là đậm đà mãnh liệt.

Người phụ nữ nuôi đứa con nầy cũng gặp nhiều khó khăn, ngày nào bà đem nó theo là ngày ấy bà chẳng được chút chi cả. Còn bỏ nó lại nhà đi một mình thì ngày ấy bà tìm được việc làm có lương.

Đến khi đứa bé trọng tuổi, có thể ôm bát đi xin ăn, tự nuôi mạng sống được thì bà mẹ trao cho đứa con cái bát và bảo:

- Con à, cha mẹ vì con mà phải đau khổ ê chề, bây giờ không nuôi nổi con nữa. Trong thành nầy, người ta có thí cơm cho những người bần cùng hành khất. Vậy con hãy vào đó đi xin ăn mà nuôi mạng.

Nói rồi, bà mẹ thả con đi một mình.

Lần theo từng nhà đi xin ăn, đứa bé đi đến xóm, nơi nó ở trong tiền kiếp là Trưởng giả Ānan. Đến đây, thấy lại được cảnh cũ, nó nhớ lại được chuyện xưa, bèn xăm xăm đi ngay vào nhà của nó. Qua từng cửa cổng, không một ai lưu ý đến nó, đến từng cổng thứ tư, đứa con trai nhỏ của Trưởng giả Mūlasiri trông thấy nó, hoảng sợ khóc thét lên.

Khi ấy, các gia đinh của ông Trưởng giả đuổi nó:

- Đi ra, đồ hắc ám.

Họ còn đánh đập và ôm đứa bé ăn mày ném lên đống rác. Bấy giờ, Đức Bổn Sư cùng với Đại đức Ānanda là vị Sa môn thị giả, ngự trì bình, cũng vừa đến nơi đó. Ngài nhìn Đại đức, Đại đức bạch hỏi nguyên do. Ngài giải rõ câu chuyện tái sanh của ông Trưởng giả Ānan hà tiện.

Đại đức bảo gia đinh đi mời Trưởng giả Mūlasiri đến. Đại chúng thấy lạ nên tụ lại xem rất đông.

Đức Bổn Sư gọi Trưởng giả Mūlasiri và hỏi:

- Ông có biết đứa bé ấy chăng?

- Thưa, tôi không biết.

Đức Bổn Sư chỉ ngay rằng: "Nó là Trưởng giả Ānan, cha của ông kiếp trước đó!".

Thấy Trưởng giả Mūlasiri chưa tin lời, Đức Bổn Sư bảo đứa bé ăn mày:

- Nầy Trưởng giả Ānan, ông hãy chỉ chỗ năm hầm đại tài sản đã chôn cho con trai ông đi.

Sau khi đứa bé chỉ năm hầm của chôn giấu, ông Mūlasiri hết sức tin tưởng nơi Đức Bổn Sư, nên ông xin quy y với Ngài.

Đức Bổn Sư nhân cơ hội ấy, thuyết pháp đến ông Mūlasiri, rồi Ngài đọc lên kệ ngôn rằng:

"Puttā m'atthi dhanaṃ m'atthi,
Iti bālo vihaññati;
Attā hi attano natthi,
Kuto puttā kuto dhanaṃ".

"Người ngu chấp ngã, tự hào,
Đây con, đây của, ta đào tạo ra,
Nhưng không biết chính mình ta,
Còn không tự chủ, huống là của, con".

CHÚ GIẢI:

Hai câu đầu: *Puttā m'atthi dhanaṃ m'atthi, iti bālo vihaññati:* Nghĩa là ta có của, có con, kẻ ngu do lòng luyến ái con mà lo âu, phiền muộn, khổ tâm, khổ vì sợ "con ta chết", khổ vì "con ta đang chết", khổ vì "con ta sẽ chết". Đối với của cải cũng vậy, thành ra sáu trường hợp phải khổ tâm. Người có con, phải lo nuôi con hằng ngày, lo ngày đêm, lo trên đường bộ, trên đường thủy, cố gắng cách nào cũng không hết chuyện lo. Người muốn có của cải phải lo bươn chải làm ăn, buôn bán, dầu hành nghề gì cũng không khỏi lo.

Attā hi attano natthi: Tự mình còn làm chủ không được, như bao nhiêu nỗi khổ đã giải ở trên, mình không thể đổi trở thành vui sướng được. Lúc lâm chung mình cũng không tự chủ được, nằm trên giường thọ khổ, lúc hấp hối một mình, chẳng khác nào bị màn lưới lửa bao vây thiêu đốt, gân cốt dường như tan nát, rã rời, dầu cho có ai mở mắt nhìn thấy cái khổ lúc sắp bước sang cảnh giới khác, rồi nhìn lại kiếp hiện tại, chăm sóc o bế xác thân, mỗi ngày tắm gội nó đôi ba lần, nuôi cơm ba lần, trang điểm hương hoa đủ thứ cho nó suốt đời đi nữa, cũng không làm cho nó vị tình, nhớ ơn cấp dưỡng mà giảm bớt khổ cho ta được.

Bản thân không còn phải của mình, vì mình không tự chủ tức là không làm chủ được xác thân như đã giải rồi, thì *Kuto puttā kuto dhanaṃ* nào là con, nào là của có thể làm được gì để giảm khổ cho ta được?

Như Trưởng giả Ānan chẳng hề bố thí cho ai chút gì, bao nhiêu là tài sản gom góp giao lại cho con, mà con và của có làm chi được trong tiền kiếp, lúc ông sắp lâm chung. Vì trong kiếp hiện tại, khi ông chịu hậu quả khổ sở như vậy, mà con đâu? Của đâu? Sao không chia sớt sự khổ cho ông, sao không chia vui cho ông?

Thời pháp vừa dứt, tám muôn bốn ngàn chúng sanh giác ngộ Chánh Pháp. Đại chúng dự thính cũng được hưởng lợi ích.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Bá hộ mãn đời bị tái sanh,
Làm tên xui xẻo cấp cùng đinh,
Từ trong bụng mẹ đà mang khổ,
Tận cửa nhà con vẫn thọ hình,
Mắt mũi dường ma, ai chẳng gớm,
Hình dung tợ quỷ, cháu còn kinh,
Vâng lời Phật, chỉ hầm chôn của,
Mới được đoàn viên, phụ tử tình.

DỨT TÍCH TRƯỞNG GIẢ A NAN

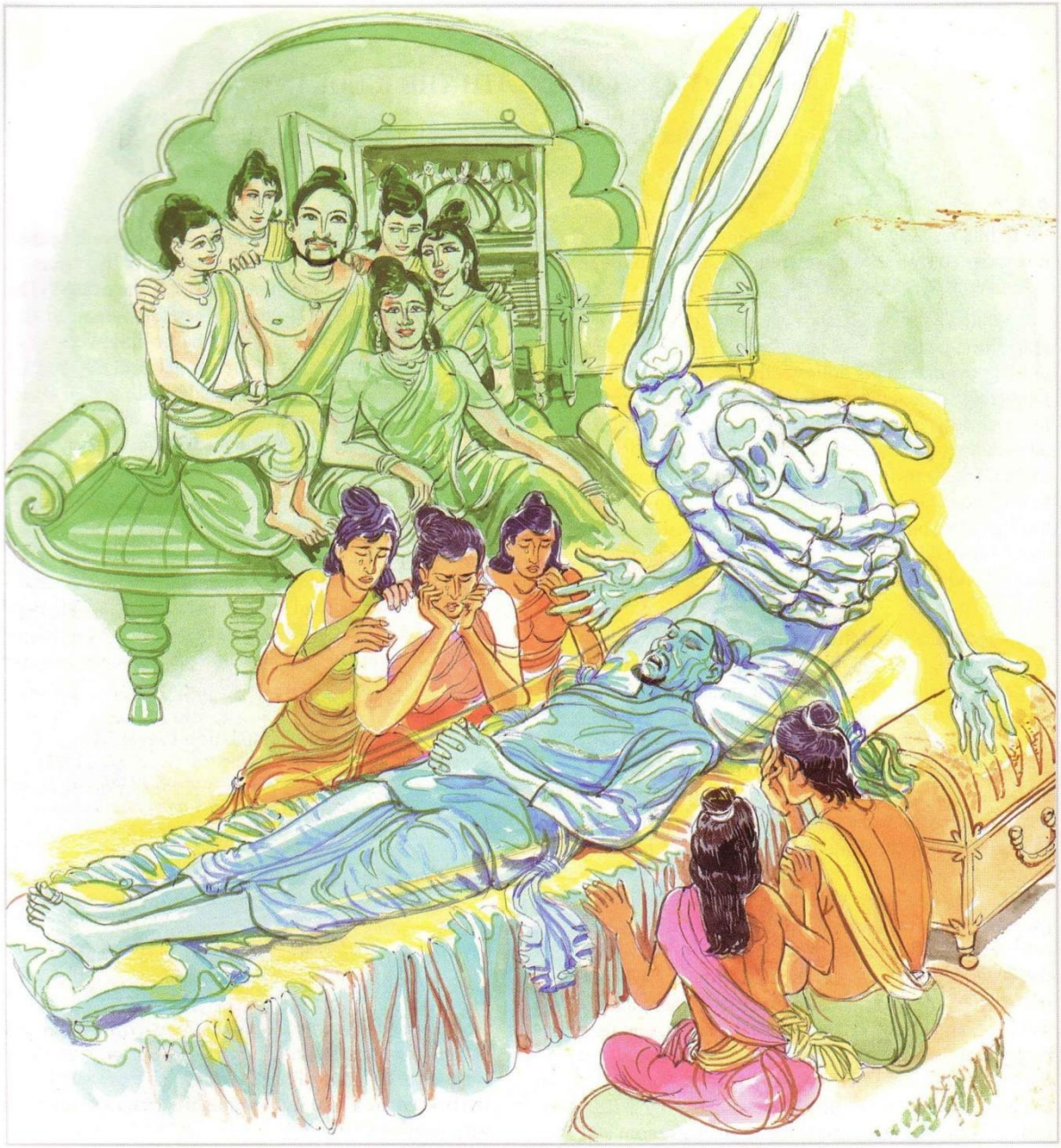

The unwise man prides over his children and his wealth. But he has not even himself.

62. Người ngu si kiêu hãnh về con cái và tài sản. Những ngay cả tự thân người ấy cũng không có.

V.4- Tích NGƯỜI ĐIẾM MÓC TÚI
(Gaṇḍhibhedakacoravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 63)

"Yo bālo maññati bālyaṃ,	***"Ngu mà tự biết ngu,***
Paṇḍito vā'pi tena so;	***Người vậy ắt thành trí,***
Bālo ca paṇḍitamānī,	***Ngu mà tưởng mình trí,***
Sa ve bālo'ti vuccati".	***Thật đáng gọi là ngu".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự gần thành Jetavana, đề cập đến một tên móc túi.

Tương truyền rằng: Thời ấy có hai người bạn, cùng đi với đại chúng đến chùa Jetavana để nghe thuyết pháp. Một người chăm chỉ theo dõi thời pháp, một người để ý xem cái gì trộm được thì lấy ngay.

Người nghe pháp chứng đắc quả Dự lưu. Người kia thì rút được một món tiền của người vô ý.

Tên móc túi ở nhà, ngày nào cũng ăn uống sung sướng thỏa thê, còn bạn của anh ta thì cửa nhà có hơi bẩn chật. Thấy vậy, kẻ trộm đạo hỏi rằng:

- Hai vợ chồng anh là người thông minh, trí tuệ, sao không làm cho ra tiền để ăn tiêu, để chi mà thiếu trước hụt sau vậy.

Vị Thánh Thinh Văn nghĩ thầm: "Anh nầy quả thật là người ngu si mà lại tự cho mình là bậc hiền trí". Rồi vị ấy rủ các quyến thuộc cùng đi đến chùa Jetavana, thuật lại việc nầy với Đức Bổn Sư.

Đức Bổn Sư thuyết pháp cho họ nghe, rồi ngâm lên kệ:

"Yo bālo maññati bālyaṃ,
Paṇḍito vā'pi tena so;
Bālo ca paṇḍitamānī,
Sa ve bālo'ti vuccati".

"Ngu mà tự nghĩ mình khôn,
Thật là ngu đặc, không còn biết chi,
Ngu mà tự biết mình si,
Cũng là người trí, không suy nghĩ lầm".

☸

CHÚ GIẢI:

Câu ***Yo bālo maññati bālyaṃ*** nghĩa là: Người nào ngu dốt kém trí tuệ, tự mình có ý nghĩ rằng: "Ta là kẻ ngu dốt" người đó tuy ngu nhưng biết nhận thức đúng trạng thái ngu dốt của mình: Nghĩa là do lẽ đó mà người ấy (tena kāraṇena so puggalo) *Paṇḍito vā'pi:* Cũng bằng như bậc hiền trí vậy. Quả nhiên, nhờ biết rằng: "Ta là kẻ ngu" người ấy lân la thân cận với bậc đáng thân cận, là bậc hiền trí để tìm cách mở

mang trí tuệ. Nhờ cố gắng học hỏi, ghi nhớ những lời giáo huấn, hàng ngày ôn tập các điều đã học, về sau sẽ thành bậc hiền trí hoặc là cao hơn thầy mình.

Sa ve bālo'ti: Người nào ngu mà có ý nghĩa rằng: "Ta là người quảng kiến đa văn, thuyết pháp lưu loát, rành rẽ Tạng Luật, nguyện giữ hạnh Đầu đà, không có ai sánh bằng". Vì tự cho mình là bậc hiền trí nên không tìm lân la thân cận với bậc hiền trí nào khác, không chịu học thêm Tam Tạng, không chịu tiến hành các pháp thiền Chỉ Quán, thiên chấp một cách ngu xuẩn. Đức Thế Tôn cho rằng: "Thật đáng gọi là người ngu".

Đức Bổn Sư vừa thuyết dứt bài pháp, những quyến thuộc của vị Thánh Thinh Văn chứng đắc Tu Đà Hườn quả một lượt với hàng đại chúng.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Hằng ngày móc túi để sanh nhai,
Nhà cửa trang hoàng chẳng kém ai,
Liếc mắt nhìn sang anh bạn khó,
Chê anh hữu trí, lại vô tài.
Bậc trí thà cam chịu cảnh nghèo,
Ai giàu phi nghĩa chẳng đua theo,
Cùng nhau dắt dẫn trên đường chánh,
Dốc núi dầu cao cũng cứ trèo.

DỨT TÍCH NGƯỜI ĐIẾM MÓC TÚI

☸

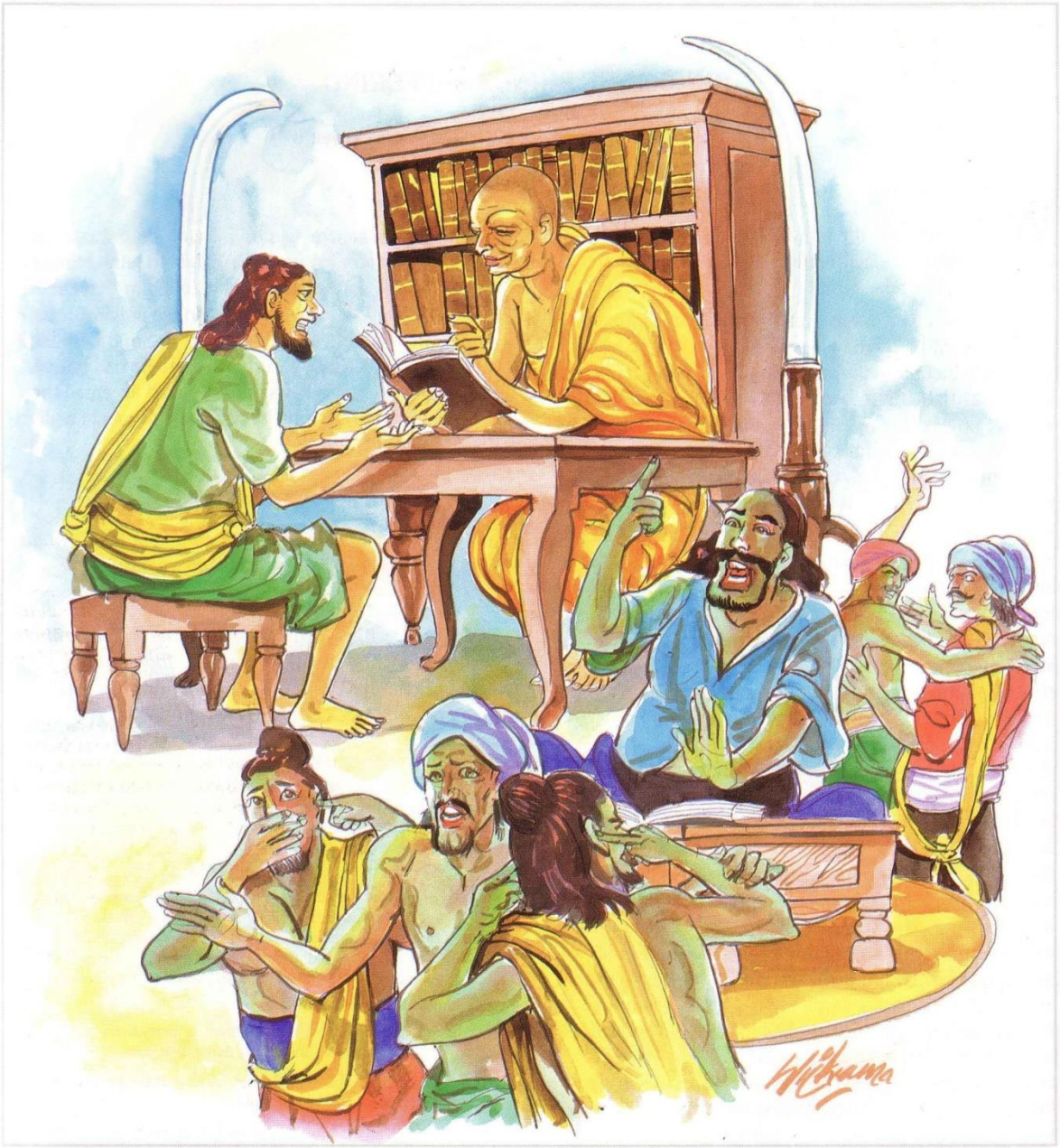

An unwise man who knows he's a fool is a wise man thereby. Knowing it not he's truly a fool.

63. Người ngu mà biết mình ngu, do đó thành người trí, người mà không biết điều ấy, quả thật đó là người ngu.

V.5- Tích ĐẠI ĐỨC ƯU ĐÀ DI
(Udāyitheravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 64)

"Yāvajīvam'pi ce bālo,	***"Người ngu dầu suốt đời,***
Paṇḍitaṃ payirupāsati;	***Thân cận bậc hiền minh,***
Na so dhammaṃ vijānāti,	***Chẳng hiểu Pháp đến nơi,***
Dabbī sūparasaṃ yathā".	***Như muỗng đối vị canh".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Đại đức Udāyi (Ưu Đà Di).

Tương truyền rằng: Thừa lúc các vị cao Tăng đi vắng, Đại đức thường vào giảng đường, ngồi lên pháp tọa, vì thế, một hôm những Tỳ khưu ở xa mới tới trông thấy Đại đức ngỡ rằng: "Vị nầy chắc là bậc cao Tăng, nghe nhiều học rộng". Cho nên đến nhờ Đại đức giảng giải về Pháp số như Ngũ uẩn chẳng hạn. Té ra Đại đức không biết gì ráo. Chư Tăng bèn trách rằng: "Ông sư đó là ai? Ở chung chùa với Đức Phật làm chi mà Ngũ uẩn, Tứ đại, Lục căn gì hỏi ổng cũng không biết hết?". Đoạn chư Tăng đem việc ấy bạch lên Đức Như Lai.

Đức Bổn Sư nhân dịp đó, thuyết pháp cho chư Tăng nghe, rồi đọc lên kệ ngôn:

"Yāvajīvam'pi ce bālo,
Paṇḍitaṃ payirupāsati;
Na so dhammaṃ vijānāti,
Dabbī sūparasaṃ yathā".

"Người ngu gần bậc cao thâm,
Suốt đời cũng chẳng nhập tâm pháp mầu.
Muỗng nào biết nếm vị đâu,
Dầu cho vẫn nhúng ngập đầu trong canh".

☸

CHÚ GIẢI:

Bālo: Là người ngu dốt mà không chịu học hỏi, thật đáng gọi là người ngu. Theo như lời Đức Phật, dầu cho cả đời gần gũi, thân cận bậc trí tuệ cũng không thuộc được ít nhiều Phật ngôn trong tam Tạng, hoặc là không phân biệt rành rẽ rằng: "Đây là chỗ Tịnh cư, đây là chỗ hành đạo (ācāro), đây là chỗ khất thực (gocaro). Điều nầy phạm giới, điều này không phạm giới, việc nầy nên làm theo, việc nầy chẳng nên làm theo. Việc nầy phải hành, việc nầy phải tự mình chứng nghiệm…".

Dabbī sūparasaṃ yathā: Như muỗng đối với vị canh. Quả thật cái muỗng nằm trong tô canh có nhiều gia vị, cho tới cạn hết tô canh đi nữa, cũng không nếm được mùi vị của canh là mặn hay chua, hay là lạt, đắng, hay là cay… hoặc ngon hay dở như thế nào thì người ngu dốt suốt đời ở bên cạnh người trí cũng không biết được các pháp đã giải ở trên, cũng như thế ấy.

Đến cuối thời pháp, tâm của chư khách Tăng giải thoát hết mọi lậu hoặc.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Sống gần bên Phật suốt đời ông,
Kinh Phật không rành, đạo chẳng thông,
Pháp tọa lên ngồi cao ngất ngưởng,
Chư Tăng vấn nạn cứ chồng ngồng.
Phật ví ông như cái muỗng sành,
Hằng ngày vẫn tẩm, nhúng trong canh,
Nhưng vì thiếu hẳn phần tri giác,
Mùi vị làm sao có thể sanh?

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC ƯU ĐÀ DI

☸



The unwise misses the Dhamma though close to the wise, like a spoon misses flavour of food.

64. Người ngu không biết Chánh pháp dù ở gần người trí, cũng như cái muỗng không biết vị thức ăn.

V.6- Tích NHÓM TỲ KHƯU BẠT ĐỀ

(Pāṭheyyakabhikkhuvatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 65)

"Muhuttamapi ce viññū,	***"Người trí dầu một khắc,***
Paṇḍitaṃ payirupāsati;	***Gần gũi bậc hiền minh,***
Khippaṃ dhammaṃ vijānāti,	***Cũng hiểu pháp tức khắc,***
Jivhā sūparasaṃ yathā".	***Như lưỡi nếm vị canh".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Jetavana, đề cập đến ba mươi vị Tỳ khưu trong xứ Pāṭheyyaka (Bạt Đề).

Quả vậy, những Tỳ khưu ấy nguyên là những công tử quý tộc, nhân khi đi tìm một cô gái giang hồ, gặp Đức Thế Tôn trong khu rừng Kappāsikavanasaṇḍa (Miện Hoa Lâm). Lần đầu tiên được nghe Đức Thế Tôn thuyết pháp, tất cả đều chứng đắc quả bậc thấp và đều xuất gia Thiện lai Tỳ khưu, tự nhiên có đầy đủ y bát do thần thông của Ngài. Sau khi thọ mười ba chi pháp Đầu đà, hành đạo một thời gian khá lâu, chư Tỳ khưu ấy trở về gần Đức Bổn Sư, được nghe bài pháp về con đường sanh tử vô thủy (Anamataggadhamma) liền chứng đắc quả A La Hán ngay tại chỗ ngồi.

Khi biết được việc nầy, chư Tăng câu hội trong giảng đường, đề khởi Pháp thoại rằng: "Ôi! Quả thật, các Tỳ khưu nầy thông hiểu giáo pháp mau vậy thay".

Nghe lời bình luận của Chư Tăng, Đức Bổn Sư giải thêm rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Không phải chỉ trong kiếp hiện tại, mà trong kiếp quá khứ, ba mươi vị Tỳ khưu nầy cũng đã là những người bạn bè, nhờ nghe pháp của Tuṇḍila (Tuân Đề La) mà nhận thức ngay được Chánh pháp, nên đã thọ trì Ngũ giới, nhờ đó mà ngày nay chứng đắc A La Hán quả ngay tại chỗ ngồi như thế.

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết kệ rằng:

"Muhuttamapi ce viññū,
Paṇḍitaṃ payirupāsati;
Khippaṃ dhammaṃ vijānāti,
Jivhā sūparasaṃ yathā".

"Người khôn gần bậc hiền minh,
Chỉ trong khoảnh khắc hiểu rành lý chơn.
Lưỡi kia chỉ nếm một lần,
Vị mùi canh đã biệt phân rõ ràng".

☸

CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ Phạn ngữ *Viññū* là người khôn, người trí, đồng nghĩa với Paṇḍita. Người khôn đã có căn bản trí tuệ, khi được gần gũi với các bậc trí tuệ khác, thì học hỏi rất mau lẹ, không bao lâu đã thông hiểu Kinh, Luật, Luận, thọ trì đề mục Minh

Sát, tinh tấn hành thiền chứng đắc Đạo Quả. Cũng như người có lưỡi lành mạnh, sạch sẽ, khi muốn biết vị của một món gì thì để nó lên trên lưỡi mà nếm, tức khắc biết ngay vị của nó là ngọt, mặn hay thế nào, thì người trí cũng mau biết pháp Siêu thế như thế ấy.

Khi thời pháp chấm dứt, rất nhiều Tỳ khưu chứng đắc quả A La Hán.

☸

Dịch giả Cẩn Đề

Ba mươi vị trước có tu rồi,
Nay chứng Vô Sanh tại chỗ ngồi,
Phước đã tạo nhiều, duyên đã đủ,
Bằng không há dễ được cao ngôi.
Phật ví Thánh Tăng tựa lưỡi lành,
Chỉ cần được nếm một lần canh,
Do nhờ có sẵn phần tri giác,
Mùi vị đương nhiên phải phát sanh.

DỨT TÍCH NHÓM TỲ KHƯU BẠT ĐỀ

ଓ☸ଌ

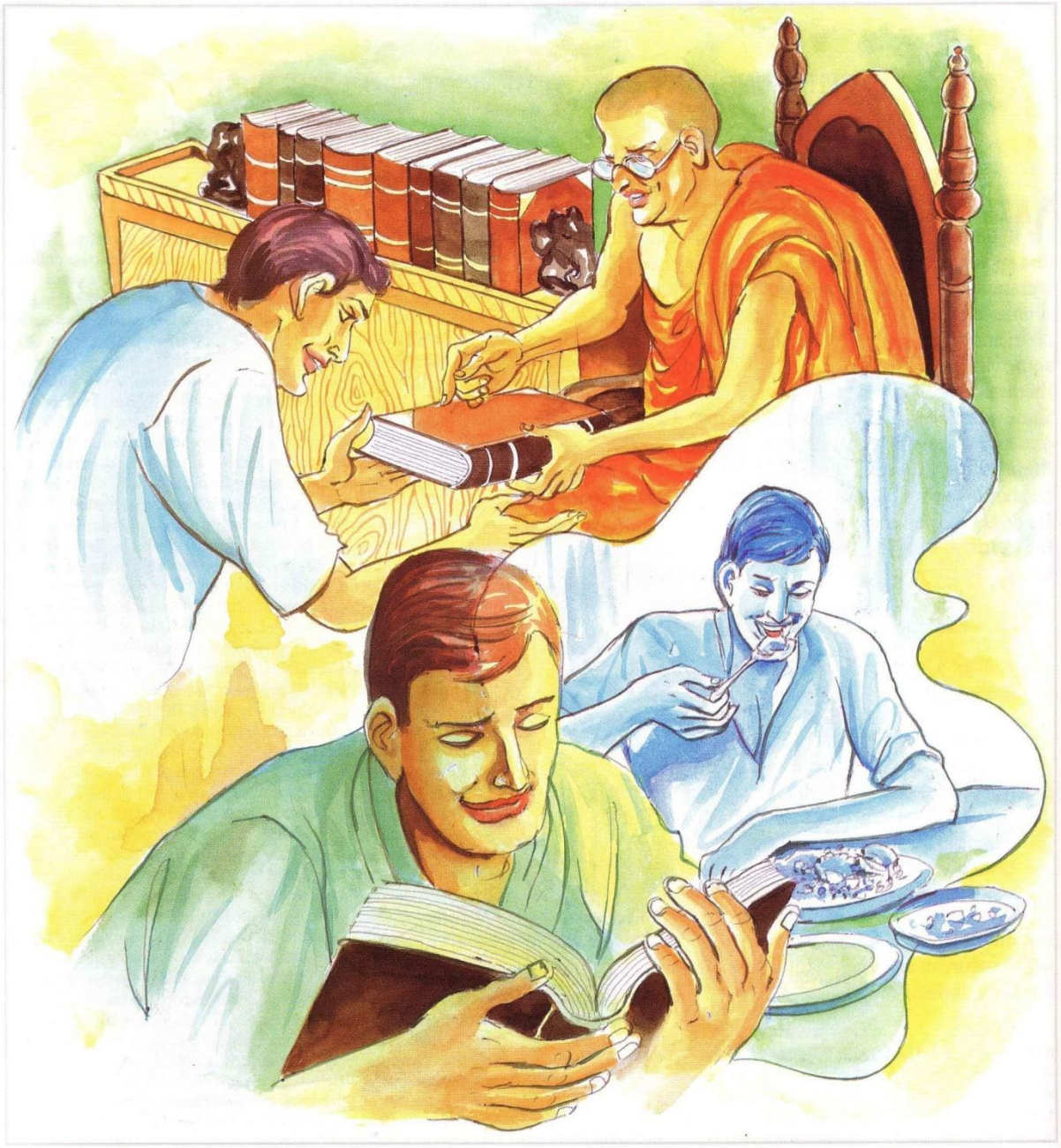

The wise speedily gathers the Dhamma from the wise like the tongue the flavour of food.

65. Người trí nhanh chóng hiểu Chánh pháp từ bậc trí, giống như cái lưỡi biết vị thức ăn.

V.7- Tích ÔNG THIỆN GIÁC CÙI
(Suppabuddhakuṭṭhivatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 66)

"Caranti bālā dummedhā,	***"Kẻ vô trí, kẻ ngu,***
Amitten'eva attanā;	***Với kẻ nghịch cùng đi,***
Karontā pāpakaṃ kammaṃ,	***Là ác nghiệp đã tạo,***
Yaṃ hoti kaṭukapphalaṃ".	***Để chịu quả đắng cay".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Veḷuvana, đề cập đến ông Thiện Giác cùi (Suppabuddhakuṭṭhi*)*

Đây chỉ là một đoạn trích trong sự tích của ông Suppabuddha (Kinh Udāna), kể từ khi ông gặp Đức Bổn Sư về sau mà thôi.

Quả nhiên, khi ông Suppabuddha cùi, ngồi ngoài vòng của cử tọa, nghe pháp do Đức Thế Tôn thuyết xong, chứng đắc quả Tu Đà Hườn, ông muốn bạch rõ sự chứng đắc của mình với Đức Bổn Sư, nhưng ông không dám rẽ lối giữa hàng tứ chúng mà đi vào chùa, cho nên ông chờ đại chúng đảnh lễ Đức Bổn Sư ra về hết rồi, ông sẽ đi.

Trong giây phút ông còn trì hoãn, Thiên Vương Đế Thích biết rằng: "Suppabuddha nầy có ý định bạch lên Đức Bổn Sư biết sự chứng quả Nhập Lưu của mình".

Thiên Vương định thử thách ông Suppabuddha bèn hiện ra đứng trên hư không, cho ông ta thấy và bảo rằng: "Nầy ông Suppabuddha! Người là kẻ bần cùng, là kẻ khốn khó, ta sẽ ban cho người một kho tàng vô biên vô lượng nếu ngươi chịu nói Phật không phải là Phật, Pháp không phải là Pháp, Tăng không phải là Tăng. Ta hết quy y Phật, ta hết quy y Pháp, ta hết quy y Tăng".

Nghe vậy, ông Suppabuddha hỏi: "Ông là ai?".

- Ta là Đế Thích. – Vua Trời đáp.

Hỡi ông mù quáng ngu si, không biết xấu hổ, những lời của ông thốt ra với tôi đó, nghe không hợp lý chút nào. Ông cho rằng tôi là kẻ khốn khó, kẻ bần cùng, kẻ hành khất, nhưng tôi không hề chịu cảnh khốn khó, bần cùng đâu. Tôi đã đạt đến cảnh an vui, tôi là bậc có đại tài sản.

"Saddhādhanaṃ sīladhanaṃ,
Hirī ottappiyaṃ dhanaṃ;
Sutadhanañca cāgo ca,
Paññā ve sattamaṃ dhanaṃ.
Yassa ete dhanā atthi,
Itthiyā purisassa vā;
Adaliddoti taṃ āhu,
Amoghaṃ tassa jīvitaṃ".

"Tín, giới, tàm, quý, văn, thí, tuệ,

Bảy thứ tài sản kể trên đây,
Ai mà có được đủ đầy,
Dầu nam hay nữ, người nầy chẳng nên.
Lấy tiếng "vô sản" gọi tên,
Đời nầy chẳng phải hư hèn rỗng không".

Bảy Thánh sản nầy tôi đều có đủ. Những ai có đủ bảy thứ Thánh sản nầy, thì chư Phật Toàn Giác hoặc chư Phật Độc Giác và Thinh Văn Giác không bao giờ gọi họ là kẻ bần cùng vô sản cả.

Nghe dứt lời đối đáp của ông Thiện Giác cùi, Đức Đế Thích bèn từ giã ông ở khoảng giữa đường, đến chỗ ngự của Đức Bổn Sư và thuật lại tất cả những lời biện giải của ông ấy. Đức Bổn Sư bèn phán rằng:

- Nầy Đế Thích, dầu cho một trăm hay một ngàn người như ông, cũng không thể nào bảo ông Suppabuddha phủ nhận Phật, Pháp, Tăng cho được.

Ông Suppabuddha cũng tự mình đến đảnh lễ Đức Bổn Sư. Sau khi trả lời những câu hỏi thân thiện xả giao của Ngài, ông bèn đem việc mình đắc được quả Tu Đà Hườn bạch lên, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

Ông đi không được bao lâu thì bị con bò cái tơ húc chết dọc đường.

Nghe nói rằng: Con bò cái ấy là một nữ Dạ xoa hóa hiện ra để báo oán. Nó đã từng hóa làm bò cái húc chết bốn người là Ngài Bāhiyadārucīriya, Ngài Pukkusāti, Ngài Tambadāṭhika (Đao phủ râu đỏ) và Ngài Suppabuddha.

Tương truyền rằng: Vào thời quá khứ, bốn vị ấy là bốn vị công tử, một hôm có dắt theo một nàng kỹ nữ đi dạo chơi trong hoa viên, họ vui thú cùng nhau trọn ngày, khi chiều xuống, bốn công tử bàn tính cùng nhau rằng: "Chỗ nầy vắng vẻ, không có ai lai vãng, nàng nầy đã đập đổ chúng ta với thù lao một ngàn đồng vàng. Ta hãy giết chết cô ta, để khỏi trả một ngàn đồng vàng và thâu đoạt hết những trang sức mà cô ta mang trên mình đi".

Cô gái giang hồ nghe được việc mưu sát của bốn công tử ấy, nghĩ rằng: "Những kẻ vô sỉ nầy đã cùng ta hoan lạc, bây giờ lại muốn giết chết ta. Ta sẽ biết cách đối phó với họ".

Khi bị họ sắp hạ sát, cô nguyện rằng: "Bốn tên nầy giết ta như thế nào, chết rồi ta nguyện làm Dạ xoa để có thể giết họ trở lại mà báo thù nầy". Do nhân ấy mà nữ Dạ xoa ấy đã hóa làm bò cái húc chết cả bốn người, trong đó có Suppabuddha.

Nhiều Tỳ khưu đem việc Suppabuddha vừa từ trần bạch lên Đức Bổn Sư và hỏi: " Ông ấy sanh về đâu? Do nhân gì mà Suppabuddha bị bệnh cùi?".

Đức Bổn Sư giải rằng: "Ông đã đắc quả Dự lưu và sanh về cõi trời Đao Lợi. Có một kiếp ông gặp Đức Phật Độc Giác Tagarasikhi, ông đã phun nước bọt lên mình Đức Phật, nên khi mệnh chung phải thọ khổ rất lâu ở cõi địa ngục và quả của nghiệp còn dư sót nên kiếp nầy mang bịnh cùi phun lở lói".

Đức Bổn Sư kết luận rằng: "Nầy các Tỳ khưu, những chúng sanh ấy đi lang thang trên con đường hành ác, tự mình tạo nghiệp và tự mình hứng chịu hậu quả đắng cay như thế".

Đoạn Đức Bổn Sư thuyết thêm một thời pháp cao thượng, rồi đọc kệ ngôn rằng:

"Caranti bālā dummedhā,
Amitten'eva attanā;
Karontā pāpakaṃ kammaṃ,
Yaṃ hoti kaṭukapphalaṃ".

"Người ngu, vô trí chung đàng,
Với kẻ thù địch mưu toan hại mình,
Là nghiệp ác lúc bình sinh,
Hậu quả cay đắng tự mình mà ra".

☸

CHÚ GIẢI:

Tiếng ***Caranti*** nghĩa là đi, là một trong bốn oai nghi, theo nghĩa thông thường. Ở đây nghĩa là tạo nghiệp bất thiện.

Bālā: Những kẻ ngu là những kẻ không biết được sự lợi ích lớn trong kiếp nầy và kiếp sau.

Dummedhā: Những kẻ thiểu trí và vô trí tuệ.

Amitten'eva: Như là những kẻ thù nghịch.

Kaṭukapphalaṃ: Là quả cay đắng, khổ sở cùng cực.

☸

Đến cuối thời Pháp, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả, nhất là quả Dự lưu.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Khoa học ngày nay nói bịnh phong,
Sanh ra vì bị nhiễm vi trùng,
Tích xưa có chuyện chàng Thiện Giác,
Khạc nhổ lên thân Đức Đại Hùng.
Do mình tạo nghiệp quả mình mang,
Nghiệp ác không rời kẻ ác gian,
Chỉ đợi thời cơ là trổ quả,
Mới hay thù địch vẫn chung đàng.

DỨT TÍCH ÔNG THIỆN GIÁC CÙI



The unwise committing crimes of evil consequences live as enemies to themselves.

66. Người ngu phạm tội lỗi đưa đến ác quả, cũng như là kẻ thù làm hại bản thân mình.

V.8- Tích NGƯỜI NÔNG PHU MẮC NẠN

(Kassakavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 67)

"Na taṃ kammaṃ kataṃ sādhu,	***"Nghiệp nào mà không hay***
Yaṃ katvā anutappati;	***Làm xong hối tiếc ngay***
Yassa asumukho rodaṃ,	***Mặt đầy lệ than khóc***
Vipākaṃ paṭisevati".	***Chịu quả khổ đắng cay".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Jetavana, đề cập đến người nông phu.

Tương truyền rằng: Người ấy đang cày một thửa ruộng cách thành Sāvatthī không xa. Lúc ấy có một nhóm trộm đạo, do theo một con kênh nước, đi vào trong thành, đào một đường hầm đột nhập vào một gia đình Trưởng giả, chúng tóm thâu rất nhiều vàng bạc, rồi theo con kênh mà thoát ra ngoài.

Một tên trộm lừa đồng bọn, giấu đi một ngàn đồng vàng, bỏ vào một cái túi trước khi bọn chúng đến thửa ruộng để phân chia tài vật. Lúc mang tài vật của mình đi, tên trộm ấy làm rơi túi tiền ngàn đồng vàng ra khỏi bọc mà không hề hay biết.

Ngày ấy, vào lúc sáng tinh sương, Đức Bổn Sư quán sát thế gian, thấy hình ảnh của nông phu lọt vào giác võng của Ngài. Ngài tự hỏi: "Sắp có việc chi đây?". Quán thêm nữa, Ngài thấy rằng: "Người nông phu nầy sẽ đi cày vào buổi sáng. Những tài chủ theo dấu kẻ trộm, tìm được túi tiền vàng trong thửa ruộng của y và sẽ bắt oan người vô tội. Ngoài ta ra không ai mục chứng được việc ấy. Vả lại, người nông dân nầy có duyên lành đắc dạo quả Tu Đà Hườn. Vậy ta nên đến đó".

Người nông phu trong thấy Đức Bổn Sư ngự đến cùng với Đại đức Ānanda là vị thị giả hầu Ngài. Y liền bỏ cày, đi đến đảnh lễ Đức Bổn Sư, rồi tiếp tục cày ruộng.

Đức Bổn Sư chẳng nói chi với người nông phu, Ngài đưa Đại đức Ānanda đi đến nơi túi tiền vàng rớt, nằm dưới đất, chỉ cho Đại đức trông thấy vào bảo:

- Nầy Ānanda! Ông có thấy con rắn độc không?

- Bạch Ngài! Con có thấy con độc xà ghê tởm.

Nghe mấy lời đối đáp giữa Đức Bổn Sư và Đại đức Ānanda người nông dân nghĩ thầm: "Mình tới số hay chưa mà nghe nói có con rắn độc lai vãng nơi đây vậy kìa?".

Khi Đức Bổn Sư đi khỏi, người nông phu định giết chết con độc xà, bèn cầm gậy đi đến túi tiền, thấy nó thì nghĩ: "Chắc Đức Bổn Sư đã ám chỉ vật nầy đây". Y liền lượm cái túi tiền lên, đem trở lại ruộng cày, vụng về đặt nó xuống một bên, che đậy sơ sài rồi tiếp tục cày ruộng.

Lúc trời rực sáng, những người trong ngôi nhà bị trộm, biết mình mất đồ, bèn men theo dấu chân đi lần đến nơi bọn trộm chia tài vật và thấy có dấu chân người

nông phu. Theo dấu, họ moi đất lên, tìm thấy cái túi tiền vàng dưới đất. Họ phủi sạch bụi, lấy cái túi lên rồi mắng chửi, đánh đập người nông phu, bảo rằng:

- Mầy đào trộm của người ta, rồi giả vờ ra đi cày hả?

Họ bắt anh dân cày giải đến quốc vương để định tội. Quốc vương nghe xong câu chuyện trộm đồ có tang chứng bèn hạ lịnh mang anh ta ra tử hình. Võ đao quân bắt trói ké anh ta, lấy roi quất vào người rồi dẫn y ra pháp trường.

Trong lúc bị đòn roi, anh ta vừa đi vừa nói luôn miệng: "Nầy Ānanda, ông có thấy con rắn độc không? Bạch ngài, con thấy con độc xà ghê gớm!".

Võ đao quân hỏi: "Chú mầy lặp đi lặp lại những lời đối thoại như thế để làm gì?".

- Bao giờ đến gặp đức vua tôi sẽ nói.

Nghe vậy, võ đao quân giải tội nhân đến sân rồng và tâu lên đức vua việc ấy. Quốc vương phán hỏi:

- Tại sao ngươi lại nói như thế?

- Tâu bệ hạ, con không phải là kẻ trộm.

Nói rồi, anh thuật lại mọi sự cho đức vua nghe, từ lúc nói đến cày ruộng cho tới khi bị bắt. Nghe xong, đức vua phán rằng:

- Nầy khanh, khanh quả là bậc trượng phu quân tử cho nên Đức Bổn Sư mới làm nhân chứng, nếu hành phạt khanh thì không hợp lý. Trẫm sẽ biết nên hành động thế nào cho hợp lý.

Chiều hôm ấy, quốc vương dắt người dân cày đến bái yết Đức Bổn Sư, đoạn hỏi rằng:

- Bạch Ngài, Ngài có ngự du với Đại đức Ānanda đến thửa ruộng cày của người nông phu nầy phải chăng?

- Phải, tâu đại vương.

- Nơi đó, Ngài đã thấy vật chi?

- Tâu đại vương, thấy cái túi tiền vàng.

- Lúc thấy nó, Ngài đã phán dạy chi?

- Nầy đại vương, Như Lai đã nói như vầy…

- Bạch Ngài, nếu người nầy không viện Ngài ra làm nhân chứng thì chắc sẽ không toàn mạng, nhờ có những lời đối đáp giữa Ngài và Đại đức Ānanda mà hắn mới được tồn sanh.

Nghe quốc vương nói vậy, Đức Bổn Sư đáp:

- Phải đó, tâu đại vương, Như Lai đã nói lên bấy nhiêu lời rồi mới đi. Lẽ thường, đối với bậc trí tuệ, nghiệp nào hễ đã làm rồi, về sau phải ăn năn hối hận thì chẳng nên làm.

Đề cập đến việc nầy, Đức Bổn Sư thuyết lên thời pháp, đoạn Ngài thuyết lên kệ ngôn:

67. "Na taṃ kammaṃ kataṃ sādhu,
Yaṃ katvā anutappati;
Yassa assumukho rodaṃ,
Vipākaṃ paṭisevati".
67. "Nghiệp nào là nghiệp ác tà,
Làm xong hối tiếc, lệ sa dầm dề,
Mặt mày nhăn nhó ủ ê,
Thọ ngay quả báo nặng nề đắng cay".

❁

CHÚ GIẢI:

Yaṃ katvā: Nghiệp nào mà khi làm xong, nó có thể đưa mình đến khổ cảnh, như sa địa ngục chẳng hạn và mỗi khi nhớ đến thì ăn năn hối tiếc, nghiệp ấy chớ khá làm, vì nó không tốt, không đẹp, không êm dịu đâu.

Yassa assumukho: Nghiệp ấy có hậu quả là sẽ khóc lóc than van với bộ mặt đầm đìa nước mắt.

Khi dứt thời pháp, cận sự nam là người nông phu đắc Tu Đà Hườn quả. Những Tỳ khưu hiện diện cũng có nhiều vị đắc Thánh quả, nhứt là quả Tu Đà Hườn.

❁

Dịch giả Cẩn Đề

Nông phu lượm ví rớt bên đường,
Vạ gió ai ngờ lại phải mang,
May có Đức Thầy làm chứng giúp,
Bằng không uổng kiếp, chịu hàm oan,
Bị lính đánh đòn chẳng thở than,
Tự mình mình biết thật vô can,
Người ngay mắc nạn cam lòng nhẫn,
Nhờ Phật từ bi mới mạng toàn.

DỨT TÍCH NGƯỜI NÔNG PHU MẮC NẠN





That action which is likely to make one repent later, is not good action at all.

67. Các hành động nào có thể làm cho ta ăn năn về sau, tất nhiên không phải là Thiện nghiệp.

V.9- Tích NGƯỜI HÀNG HOA HẢO Ý

(Sumanamālākāravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 68)

"Tañca kammaṃ kataṃ sādhu,	***"Nghiệp nào là nghiệp lành,***
Yaṃ katvā nānutappati;	***Làm xong chẳng hối quá,***
Yassa patīto sumano,	***Tâm thỏa thích hân hoan,***
Vipākaṃ paṭisevatīti".	***Thọ hưởng ngay thiện quả".***

Kệ Pháp Cú nầy,Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Veḷuvana, đề cập đến người kết tràng hoa, tên là Sumana (Hảo ý).

Tương truyền rằng: Ông Sumana mỗi ngày từ sáng sớm phải đem nạp cho đức vua Bimbisāra tám vòng hoa Sumanī (Tố Hinh) và nhận tiền ân tứ là tám đồng tiền vàng (kahāpaṇa). Ông vẫn thi hành việc ấy đều đặn. Cho đến một hôm, khi Sumana mang hoa đi vào thành nội thì Đức Thế Tôn cũng đang ngự vào thành Rājagaha để khất thực, có dẫn theo đại chúng Tỳ khưu. Từ kim thân, Ngài phóng hào quang sáu màu rực rỡ, biểu lộ thần oai lực của một đấng Chánh Đẳng Giác (Có những lúc Đức Thế Tôn khuất lấp hào quang lục sắc dưới bộ y vàng, giống như vị Sư Đầu đà đang đi khất thực, chẳng hạn như khi Ngài vượt quãng đường xa ba mươi do tuần để đón đường tướng cướp Ahiṃsa (tức Aṅgulimāla). Hoặc cũng như lúc ngự vào hoàng cung Kapilavatthu, Ngài cũng phóng ra sáu đạo hào quang). Trong ngày nầy cũng thế, từ kim thân tỏa ra hào quang lục sắc, biểu lộ thần oai đại lực của một đấng Chí Tôn, trong lúc Ngài ngự vào thành Rājagaha.

Khi trông thấy tướng mạo quang minh của Đức Thế Tôn quý giá dường châu báu, ông Sumana nhìn kỹ thấy được ba mươi hai tướng tốt và tám mươi phụ tướng của bậc đại nhân đều có đầy đủ nơi Ngài, ông phát tâm trong sạch, nghĩ rằng: "Ta lấy chi để dâng lên Đức Thầy đây?". Thấy mình chẳng có vật chi khác ngoài mấy tràng hoa ông nghĩ thầm: "Ta sẽ dâng cúng Đức Thầy những đóa hoa nầy". Kế đó, ông tự hỏi lấy mình: "Hoa nầy là phẩm vật hàng ngày phải nạp vào cung vua, nếu như hôm nay vua không nhận được hoa, đức vua sẽ giam cầm, sẽ xử tử hoặc sẽ lưu đày ta thì sao?". Nhưng rồi ông quả quyết tự nhủ rằng: "Thôi thà là ta liều để đức vua xử tử hoặc lưu đày chi cũng được. Xét cho kỹ, dầu đức vua có dung dưỡng ta, thì Ngài cũng chỉ ban cho ta tài sản quý nhất là mạng sống trong kiếp nầy mà thôi. Còn nếu ta cúng dường Đức Bổn Sư thì chắc chắn ta sẽ nhiều sự lợi ích, sự bình an trong hằng mấy mươi triệu kiếp trái đất, không sai chạy vậy".

Sau khi nhất định dứt bỏ sanh mạng để cúng dường Đức Như Lai, ông Sumana còn tự thúc hối rằng: "Ta hãy cúng dường ngay bây giờ, kẻo để trì hoãn e cái tâm trong sạch của ta nó lui sụt". Thế là, ông hết sức hoan hỷ, thỏa thích dâng cúng tám vòng hoa lên Đức Thế Tôn. Lần thứ nhất, ông tung hai vòng hoa nhắm về phía trên đầu Đức Thế Tôn mà vung tới, những hoa ấy xòe ra như những tàng lọng rồi đứng lơ lửng trên không. Ông lại tung tiếp 2 vòng hoa nữa ở bên phải, những cánh hoa lại kết thành bức màn hoa che phía tay phải của Đức Thế Tôn. Ông Sumana tung hai vòng

hoa thứ ba thì những cánh hoa sa xuống làm tấm màn che phía sau lưng Đức Thế Tôn. Và lần thứ tư, ông tung hai vòng hoa cuối, thì hoa nở thành màn hoa che bên tay trái của Đức Bổn Sư. Như thế, tám vòng hoa được chia làm chỗ chung quanh kim thân đấng Như Lai và chừa trống phía trước như cánh cửa ngõ vậy.

Các cọng hoa đều quay vào trong với nhau, chỉ phô các cánh hoa ra làm mặt, màu trắng sáng như những chiếc dĩa bạc bao quanh kim thân Đức Bổn Sư. Khi Ngài cất bước đi, tuy là giống vô tri nhưng hoa dường như cũng có tâm sùng kính ái mộ, không rời Đức Thế Tôn, chúng quấn quít đi theo. Khi Ngài dừng chân thì chúng cũng đứng lại. Từ kim thân Ngài phát ra ngàn lằn điện quang. Cả bốn phía trước, sau, phải, trái và trên đầu Ngài đều phát ra quang tuyến như nhau. Những tia sáng nầy chẳng có tia nào chạy lãng ra xa. Tất cả đều nhiễu quanh Đức Thế Tôn ba vòng rồi nập lại thành những cây ánh sáng bằng cỡ cây thốt nốt còn tơ, đoạn chạy trước vẹt đường làm cho cả kinh thành đều náo động.

Trong một trăm tám mươi triệu dân chúng, chín mươi triệu ở trong thành và chín mươi triệu ở ngoài, dầu là nam hay nữ, không một ai không mang vật thực để bát và ra khỏi nhà. Quần chúng reo vang như tiếng sư tử rống vừa ve vẫy hàng ngàn khúc lụa, tỏ vẻ hoan nghênh cùng đi theo tiếp rước Đức Bổn Sư. Chỉ trong giây lát, tin Đức Thầy thị hiện thần thông, làm hiển lộ công đức cúng dường của người bán hoa được lan truyền khắc cả kinh thành rộng ba phần tư do tuần, y như có người mang trống đi cổ động vậy.

Khi ấy, ông bán hoa nghe khắp châu thân tràn đầy năm thứ phỉ lạc, ông từ từ nối gót theo Đức Như Lai, đi vào vòng hào quang của Ngài như lặn xuống một hồ nước thơm ngon mát mẻ (manosilārase). Đoạn ông thốt lời tán dương Đức Bổn Sư, đảnh lễ cáo biệt Ngài và phủi sạch hai tay không, trở gót về nhà.

Khi ấy vợ ông hỏi rằng: "Hoa đâu?".

- Tôi đã cúng dường Đức Bổn Sư rồi.

- Nếu vậy, lỡ vua bắt tội thì làm sao?

- Dầu vua có xử tử hoặc lưu đày chi cũng đành, tôi nguyện bố thí bỏ thân mạng mà cúng dường Đức Bổn Sư, cho nên chia tất cả số hoa làm tám vòng hoa dâng cúng như vầy, như vầy… Còn đại chúng lúc ấy cũng phát lên reo hò đi theo sau Đức Bổn Sư, làm cho trong thành vang rền hàng ngàn tiếng hoan hô như vậy…

Sau khi nghe hết câu chuyện Đức Phật thị thiện thần thông như thế, người vợ ngu si mù quáng, đã chẳng phát tín tâm trong sạch, mà còn trách cứ chồng rằng: "Các quốc vương hùng mạnh thường hay bạo ngược, một khi bị chọc giận, các Ngài có thể gia hình nhiều hình phạt nặng nề như xuống lịnh chặt tay, chặt chân chẳng hạn. Tội lỗi của ông làm thì tôi cũng phải bị liên can không ít".

Nói rồi, bà vợ của ông Sumana dắt hết những đứa con trai vào triều, xin bệ kiến đức vua. Quốc vương phán hỏi:

- Nàng kia, nàng muốn tâu xin việc chi?

- Tâu đại vương! Chồng của con đã mang số hoa phải đem nạp đại vương ngày hôm nay, lại cúng dường Đức Bổn Sư, rồi đi tay không trở về nhà. Con hỏi: "Hoa

đâu?" thì ông ấy đáp lời như thế, như thế. Con rầy ông rằng: "Thường thường các đức vua hay có tính hung bạo, một khi đã nổi trận lôi đình, ắt là các Ngài bắt tội, hình phạt ta bằng nhiều cách như là chặt cả tay lẫn chân chẳng hạn. Tội của ông làm mà tôi cũng bị vạ lây". Nói rồi, con từ bỏ ổng và đến đây ngay. Công việc dâng hoa đến Phật do chính ông làm, thì dầu có phước cũng chỉ có riêng ông ấy nhờ, còn như có tội thì cũng chỉ mình riêng ông gánh chịu, chớ con với chồng con đã đoạn tuyệt nhau rồi. Mong ân đại vương minh xét cho con nhờ.

Quốc vương là vị Thánh Thinh Văn, lúc gặp Đức Phật lần đầu tiên, Ngài đã đắc quả Tu Đà Hườn, có đức tin kiên cố trong Chánh Pháp. Vừa nghe qua mấy lời của vợ ông Sumana, đức vua nghĩ: "Ôi! Nữ nhân nầy thật là mù quáng ngu si làm sao, thấy ân Đức Phật phi thường như thế mà chẳng phát tâm trong sạch tin tưởng nơi Ngài".

Quốc vương giả cách nổi giận, phán hỏi rằng:

- Nàng nói sao? Chồng nàng đã mang số hoa phải nộp cho trẫm mà cúng dường Đức Phật hết rồi phải không?

-Tâu đại vương, phải!

- Con từ bỏ hắn ta là phải lắm. Kẻ nào đem hoa của trẫm mà cúng dường, trẫm sẽ liệu cách mà đối xử với hắn.

Sau khi truyền lệnh cho nữ nhân ấy ra về, quốc vương vội vàng ngự đi đón Đức Bổn Sư, đảnh lễ ngài xong rồi cùng đi bách bộ với ngài.

Đức Bổn Sư hiểu rõ tâm trạng của đức vua, cho nên Ngài ngự hành diễu qua đại lộ chánh trong kinh thành tiến về phía hoàng cung. Đến trước ngọ môn, quốc vương xin rước bát của Đức Bổn Sư, ngỏ ý muốn thỉnh Ngài nhập vào vương điện. Nhưng Đức Thầy dừng chân nơi sân ngự trước đền, rút tọa cụ ra.

Quốc vương hội ý, bèn lập tức truyền lịnh cho dân thợ hãy gấp rút dựng lên một cái trại nghỉ mát cho mau.

Đức Bổn Sư an tọa nơi đó cùng với Tỳ khưu Tăng. Tại sao Ngài không ngự vào đền vua? Theo truyền ngôn thì Đức Thế Tôn nghĩ rằng: "Nếu Như Lai ngự vào trong đền thì đại chúng bên ngoài sẽ không thấy được Như Lai. Như thế thì công đức của người dâng hoa không được hiển dương, Như Lai an tọa nơi sân ngự như vầy, đại chúng sẽ ngắm xem mãn nhãn và công đức của người dâng hoa sẽ được hiển dương".

(Quả thật, chỉ có chư Phật mới biểu dương công đức của các bậc hữu ân như thế, chớ thường nhân trong khi tán tụng công đức của các bậc hữu ân thì tiết kiệm từng lời nói).

Khi ấy, bốn bức màn hoa đứng ở bốn phía, đại chúng lũ lượt đi theo Đức Thế Tôn đến chỗ ngự.

Quốc vương chăm lo dâng cúng những thực phẩm ngon quý đến Tỳ khưu Tăng, có Đức Phật làm tọa chủ.

Sau bữa ngọ, Ngài thuyết pháp kinh phúc chúc thí chủ xong rồi, Đức Bổn Sư ngự trở về Veḷuvana. Cũng như lúc đến, bốn bức màn hoa lại che phủ kín thân và đại chúng lại rầm rộ theo tiễn chân Ngài, tiếng hoan hô vang rền như tiếng sư tử rống.

Quốc vương cũng ngự đưa Đức Bổn Sư một quãng đường, đoạn đảnh lễ cáo biệt Ngài mà trở lại hoàng cung. Khi ấy, đức vua cho đòi ông Sumana vào triều phán hỏi:

- Nhà ngươi đã nói gì khi cúng dường Đức Bổn Sư những hoa tươi mà ngươi phải nạp cho trẫm?

- Tâu đại vương, con đã nguyện hi sinh tánh mạng mà cúng dường Đức Bổn Sư, nên nói rằng: "Dầu đức vua có lấy luật gia hình hoặc giết bỏ, hoặc tù đày chi con cũng cam tâm".

Quốc vương ban khen rằng: "Khanh quả là một bậc đại trượng phu (Mahāpuriso). Phán rồi, đức vua ân thưởng cho ông Sumana tám voi, tám ngựa cùng với nhiều tôi trai, tớ gái, tám y phục trang trí cực kỳ sang trọng và tám ngàn đồng vàng, tám cung nữ điểm tra lộng lẫy được phóng thích khỏi hoàng cung để về làm vợ Sumana. Quốc vương còn cấp thêm cho ông tám làng trù phú để thu thuế nữa. Nói tóm lại là ông Sumana được ban thưởng trọng hậu đủ mọi thứ, mỗi thứ là tám lần như vậy.

Được mục kích chuyện nầy, Đại đức Ānanda nghĩ rằng: "Từ sáng sớm đến giờ đã được hưởng hàng ngàn tiếng hoan hô, và được đại chúng phất lụa đón đưa nồng nhiệt trong ngày hôm nay như thế. Không biết ông Sumana sẽ được hưởng Dị thục quả (vipāka) nào nữa trong ngày vị lai?".

Đại đức Ānada bạch hỏi Đức Thế Tôn. Ngài bèn giải rằng:

- Nầy Ānanda, ông chớ suy tư cho rằng nghiệp lành của ông bán hoa đây là nhỏ nhen. Ông ấy đã dám hy sinh tánh mạng để cúng dường ta. Do nhờ có tâm trong sạch với ta như thế mà ông ta khỏi khổ cảnh trong hằng trăm kappa (Kiếp trái đất).

"Kappānaṃ satasahassaṃ,
Duggatiṃ na gamissati;
Ṭhatvā devamanussesu,
Phalaṃ etassa kammuno.
Pacchā paccekasambuddho,
Sumano nāma bhavissati".

"Trong hằng ngàn Kappa,
Khổ cảnh khỏi đọa sa,
Hưởng nhơn thiên phước báu,
Do quả nghiệp vừa tạo,
Sau thành Phật Bích Chi,
Danh Hảo ý vẫn y".

Khi Đức Bổn Sư an ngự về chùa, Ngài ngự vào Hương thất thì những cánh hoa kia rơi xuống nằm tại ngưỡng cửa.

Chiều hôm ấy, trong Luận Pháp Đường, chư Tỳ khưu khởi lên pháp thoại như vầy: "Ôi! Thật là huyền diệu hy hữu thay, nghiệp lành của Sumana dám hy sinh tính mạng để dâng hoa đến Đức Phật hiện tại, mà trong khoảnh khắc hưởng được đủ thứ bổng lộc như thế".

Đức Bổn Sư từ hương thất ngự ra, đi kinh hành rồi Ngài ngự đến Luận pháp đường, ngồi an tọa trên Phật Bảo Tọa. Ngài phán hỏi: "Nầy chư Tỳ khưu! Hôm nay các ông đang ngồi luận bàn về việc chi đó?".

- Bạch Ngài, chuyện như vầy, như vầy…

Nghe vậy, Đức Bổn Sư xác nhận rằng: "Phải đó, các Tỳ khưu, nghiệp nào mà khi làm xong ta không ăn năn hối hận, mà còn phát tâm thỏa thích hân hoan mỗi khi ta nhớ lại nó, thì đó nghiệp tốt cần nên làm vậy".

Tiếp theo, Đức Thế Tôn thuyết lên một thời pháp để giải rộng thêm nghĩa lý, đoạn Ngài kết luận bằng bài kệ nầy:

"Tañca kammaṃ kataṃ sādhu,
Yaṃ katvā nānutappati;
Yassa patīto sumano,
Vipākaṃ paṭisevatīti".

"Nghiệp nào là nghiệp tốt hay,
Làm xong chẳng chút mảy may hận phiền,
Nghiệp nào Hảo Ý vui yên,
Thọ ngay phước báu tùy duyên hợp thời".

☸

CHÚ GIẢI:

Trong kệ ngôn Phạn ngữ trên đây, câu thứ hai ***Yaṃ katvā*** ám chỉ nghiệp nào mà khi khi làm xong ta không bị lương tâm cắn rứt hay đau khổ, buồn phiền vì nó, mà trái lại ta còn được tái sanh về nhàn cảnh, mà hưởng phước báu Nhơn Thiên, hoặc hưởng quả Níp Bàn.

Yassa patīto sumano: Sau khi đắc Đạo hoặc hưởng quả của phước báo, mỗi lần nhớ lại nghiệp cũ, tâm lại thỏa thích hoan hỷ, vui vẻ thêm lên (trong câu nầy có hàm ý tên ông bán hoa là Sumano (Hảo Ý) là nhân vật điển hình cho loại thiện nghiệp nầy vậy).

Vipākaṃ paṭisevatīti: Hễ Hảo Ý được thỏa mãn rồi, từ đó mới phát sanh quả Dị thục của Thiện nghiệp trong kiếp quá khứ vậy.

Tañca kammaṃ kataṃ sādhu: Nghiệp ấy là nghiệp nên làm vì nó tốt đẹp, trong sạch (đây là câu kết luận, nhưng trong bài kệ nầy được đặt lên hàng đầu, có lẽ vì Đức Thế Tôn muốn biểu dương thiện nghiệp của người thợ bán hoa Sumana để làm gương cho mọi người bắt chước vậy).

Thời pháp vừa chấm dứt, tám muôn bốn ngàn chúng sanh được tỏ ngộ Chánh Pháp.

☸

Dịch giả Cẩn Đề

Hảo Ý hâng hoa chẳng hận phiền,
Liều thân đại thí nguyện gieo duyên,
Phật cho hiển lộ phần công đức,
Vua khiến vinh thăng chỗ lợi quyền,
Hiện tại nghiệp lành sanh phước lớn,
Tương lai quả chánh đợi người hiền,
Ai ngờ bỏ cả mà được cả,
Mãn kiếp sanh nhàn sướng tợ tiên.

DỨT TÍCH ÔNG BÁN HOA SUMANA



Deeds whose results one faces with glee, without remorse, are good deeds indeed.

68. Các nghiệp nào có kết quả làm ta sung sướng, không ăn năn, đều là thiện nghiệp.

V.10- Tích NỮ THÁNH UPPALAVAṆṆĀ

(Uppalavaṇṇātherīvatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 69)

"Madhu'vā maññatī bālo,	***"Người ngu tưởng mật ngọt,***
Yāva pāpaṃ na paccati;	***Khi ác quả chưa muồi,***
Yadā ca paccatī pāpaṃ,	***Đến chừng quả thuần thục,***
Attha dukkhaṃ nigacchatīti".	***Phải chịu khổ không thôi".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Vetavana, đề cập đến nàng Thánh nữ Uppalavaṇṇā (Thanh Liên Sắc).

Tương truyền rằng: Nàng Uppalavaṇṇā đã từng phát đại nguyện dưới chân Đức Phật Padumuttara và tiếp tục gieo trồng vào ruộng phước trong hằng trăm ngàn đại kiếp. Sau khi luân hồi lên xuống các cõi trời, người, trong thời đức Phật hiện tại, nàng tái sanh vào một gia đình Trưởng giả ở trong thành Sāvatthī. Cô được cha mẹ đặt tên là Uppalavaṇṇā, vì da cô tuy đen nhưng mịn màng, tươi tắn, thanh lịch như cánh sen xanh phong nhụy. Đến tuổi cặp kê, cô được các vương tôn, công tử nhà quyền quý, danh vọng trong cõi Diêm phù mang lễ vật đến cầu hôn.

Trưởng giả thân phụ của cô không dứt khoát hồi hôn, từ chối một ai, nhưng ông tự nghĩ: "Ta không thể nhận lời, chiều theo ý muốn của tất cả những người nầy. Vậy ta phải lập ra một phương thế".

Ông cho gọi tiểu thư đến và hỏi:

- Nầy con, con có thể xuất gia được chăng?

Trưởng giả vừa dứt lời, nàng Uppalavaṇṇā nghe trong đầu cô bừng nóng, như có dầu sôi trăm dạo, nên cô đáp lại ngay:

- Thưa cha, con sẽ xuất gia.

Trưởng giả liền thiết tiệc linh đình để làm lễ tiễn đưa con gái, rồi đưa nàng đến chùa của Tỳ khưu Ni (Bhikkunūpassayaṃ), cho nàng xuất gia Tỳ khưu Ni.

Xuất gia không bao lâu, nàng Uppalavaṇṇā chứng quả A La Hán. Hôm ấy nhằm phiên nàng quét dọn, sửa soạn chỗ làm lễ Phát Lồ sám hối của Tăng Ni.

Sau khi quét tước xong chỗ kiết giới, nàng đốt đèn lên, nàng nhìn ngọn đèn làm đối tượng cho đề mục thiền, đắc luôn quả vị A La Hán với tuệ phân tích và các Thắng trí thần thông (abhiññā).

Thời gian sau, nàng Uppalavaṇṇā đi vân du, rồi đi vào rừng Manh Lâm (Andhavana) hành đạo. Lúc bấy giờ chưa có học giới cấm Tỳ khưu Ni ngụ trong rừng.

Khi ấy, nhiều người phát tâm cất cốc cho nàng, bên trong có kê giường, bên ngoài có màn che bốn phía. Nàng đi vào thành Sāvatthī khất thực rồi đi trở ra.

Một thanh niên tên là Nanda, vốn là anh em cô cậu của nàng Uppalavaṇṇā (Mātulaputto), đã nặng tình luyến ái nàng từ khi nàng còn ở gia đình. Nay hay tin nàng trở lại kinh thành, chàng ta thừa lúc nàng chưa về, lẻn đến rừng Andhavanna, lén vào trong cốc của nàng, núp dưới gầm giường.

Khi nàng về đến lều, vào trong đóng cửa lại, vừa lên giường thì thanh niên Nanda từ gầm giường chun ra, trèo lên giường. Nàng la lên: "Đồ ngu, đừng có liều mạng. Đồ ngu, đừng có liều mạng". Bất chấp sự kháng cự của người nữ Ni, thanh niên dùng cường lực cưỡng hiếp vị Thánh nữ cho thỏa lòng dục vọng rồi y bỏ chạy.

Khi ấy, địa đại dường như không chịu nổi tội ác nặng nề của chàng thanh niên Nanda, nên nứt đôi, chàng ta sa vào nơi đất nứt, bị đọa vào địa ngục A Tỳ (Mahāvīci).

Nữ ni Uppalavaṇṇā muốn cho tâm mình khỏi tắc trách bèn đem chuyện này trình lên Giáo Hội Tỳ khưu Ni, Chư Ni bạch lại chư Tăng và chư Tăng bạch lên Đức Bổn Sư.

Nghe vậy, Đức Thế Tôn gọi các Tỳ khưu đến phán dạy:

- Nầy các Tỳ khưu! Đối với hàng tứ chúng là Tỳ khưu, Tỳ khưu ni, Cận sự nam, Cận sự nữ, nếu kẻ ngu nào gây ra ác nghiệp thì dầu cho kẻ ấy có vui sướng thỏa mãn được chút ít chi, cũng ví như người nếm qua hương vị ngọt ngào của chất đường và mật chẳng hạn.

Tiếp theo đây, Đức Bổn Sư thuyết lên thời pháp rồi đọc kệ ngôn rằng:

"Madhu'vā maññatī bālo,
Yāva pāpaṃ na paccati;
Yadā ca paccatī pāpaṃ,
Attha (bālo) dukkhaṃ nigacchati".

"Khi quả ác nghiệp chưa muồi,
Người ngu lầm tưởng yên vui mật đường,
Đến giờ quả chín như thường,
Người ngu mới thấy chán chường khổ đau".

☸

CHÚ GIẢI:

Madhu'vā: Câu kệ Pāli thứ nhất có ý nói việc làm tội lỗi của người ngu vui sướng thỏa thích như là ăn kẹo ngọt, như mật, như đường. Đây là trường hợp của thanh niên Nanda nghĩ tưởng sai quấy như vậy.

Yāva: Trong lúc mà…

Pāpaṃ na paccati: Quả ác dị thục chưa trổ, chưa chín trong kiếp nầy hoặc trong những kiếp về sau thì người ngu vẫn còn tưởng như trên.

Yadā: Đến chừng hưởng ác quả, đã làm bằng cách thế nầy thế nọ, đến thời trổ quả chín muồi hoặc trong kiếp nầy hoặc trong kiếp sau thì kẻ ác phải chịu khổ thọ hình như ở hỏa ngục chẳng hạn.

Attha (bālo) dukkhaṃ nigacchati: Khi ấy kẻ ngu đi đến khổ cảnh, là phải bị khổ, bị thọ khổ như vậy.

Khi thời pháp chấm dứt nhiều vị chứng đắc Thánh quả, nhứt là Tu Đà Hườn quả.

Vào thời khác, Đại chúng Tỳ khưu cùng nhau luận đạo trong phòng Pháp hội, đề xướng Pháp thoại như vầy: "Dầu là bậc Lậu Tận (Khīṇāsavā), theo ý tôi nghĩ, các Ngài cũng còn thọ hưởng dục lạc, vui thích ngũ trần, chớ chẳng lẽ làm ngơ. Thật thế, các Ngài đâu phải là bọng cây hay gò mối gì cho cam. Thân thể các Ngài cũng biết thọ hưởng dục lạc, vui thích ngũ trần…".

Đức Thế Tôn ngự đến phán hỏi: "Nầy các Tỳ khưu, hôm nay các ông ngồi luận việc chi?".

Khi nghe đáp: "Bạch Ngài, việc như vầy, như vầy...". Đức Bổn Sư đính chính rằng: "Nầy các Tỳ khưu, các bậc Lậu Tận (A La Hán) không vui thích ngũ trần, không thọ hưởng dục lạc. Thật thế, như trên mặt những lá sen, nước rơi xuống không thấm ướt, không ứ đọng mà tuột đi luôn và trên đầu mũi kim, hột cải không thể đeo dính, đứng vững được mà phải lăn tuột đi. Cũng như thế ấy, trong tâm bậc Lậu Tận, dục lạc ngũ trần không đeo dính và không ứ đọng lại được".

Đến đây, Đức Bổn Sư thuyết pháp giải rộng thêm nghĩa lý rồi Ngài kết luận bằng câu kệ Pháp cú sau đây:

"Vāra pokkharapatt'eva,
Āraggeriva sāsapo;
Yo na lippati kāmesu,
Tam ahaṃ brūmi brāhmaṇanti".

Lược dịch:

"Như nước giọt lá sen,
Hột cải gác đầu kim,
Người không nhiễm dục lạc,
Ta gọi Bà la môn".

Bài kệ nầy nghĩa lý rõ rệt, phù hợp với phẩm Bà la môn, nên về sau được sắp chung vào phẩm ấy.

Nhân dịp nầy, Đức Bổn Sư triệu thỉnh quốc vương Pasenadikosala đến và đề nghị rằng:

- Tâu đại vương! Trong giáo pháp nầy có bao nhiêu công tử thì cũng có bấy nhiêu tiểu thư, đều là con nhà gia giáo vọng tộc, đã từ bỏ quyến thuộc đông đảo và tài sản dồi dào mà xuất gia hành đạo, cư ngụ trong rừng. Khi ngụ trong rừng, các nữ tu ấy hằng bị các thanh niên ác quấy, đê hèn, manh tâm làm khó, đôi khi còn gây tai hại, làm hư hỏng phẩm hạnh nữa là khác.

Vì thế, cần phải xây cất chỗ ngụ cho Tỳ khưu ni ở trong vòng kinh thành.

Quốc vương đáp: "Lành thay", rồi vâng theo lời đề nghị của Đức Thế Tôn, khiến quan quân kiến thiết một cảnh già lam riêng biệt cho Giáo Hội Tỳ khưu Ni trên một địa điểm trong vòng thành đô.

Từ đó về sau, các Tỳ khưu ni chỉ cư ngụ trong vòng đô thành mà thôi.

☸

Dịch giả Cẩn Đề

Thanh liên sắc quý mấy ai bì,
Chẳng khứng làm dâu, khứng đắp y,
Lửa đỏ thiền tâm hơn nữ tử,
Rừng xanh phạm hạnh quá nam nhi,
Từ hôn đã cắt duyên trần tục,
Đắc quả còn mang nợ thiếu thì…
Hỷ lạc nài hoa, say mật ngọt,
Ngờ đâu đất sụp, dạo A Tỳ.

DỨT TÍCH THÁNH NỮ UPPALAVAṆṆĀ

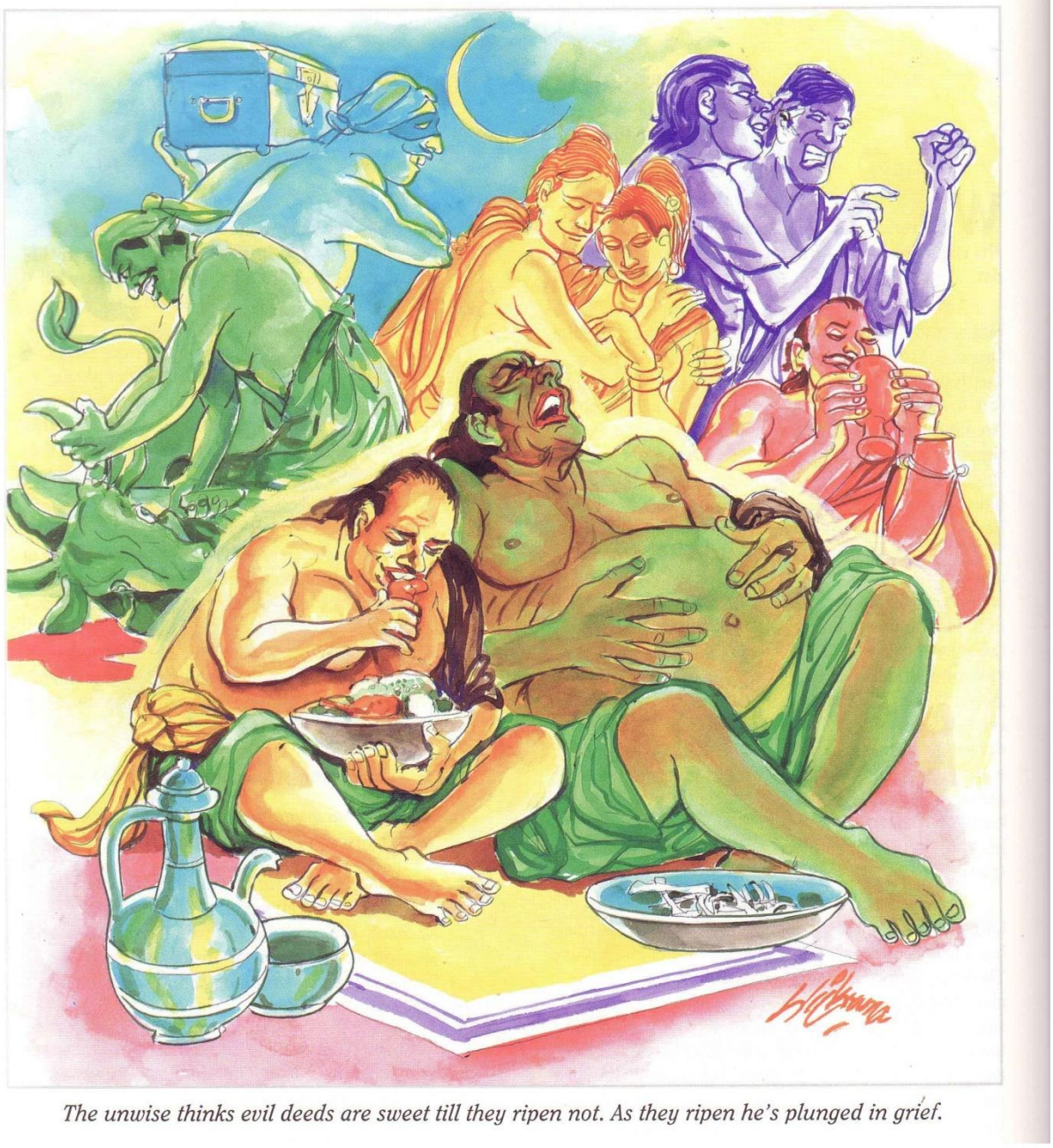

The unwise thinks evil deeds are sweet till they ripen not. As they ripen he's plunged in grief.

69. Người ngu tưởng ác nghiệp là ngọt ngào khi chúng chưa chín muồi. Khi ác nghiệp chín muồi, kẻ ấy tràn ngập khổ đau.

V.11- Tích JAMBŪKĀJĪVAKA

(Jambūkājīvakavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 70)

"Māse māse kusaggena,	***"Tháng tháng chi dùng cơm,***
Bālo bhuñjeyya bhojanaṃ;	***Vít bằng đầu cỏ thơm,***
Na so saṅkhātadhammānaṃ,	***Người ngu không bì kịp***
Kalaṃ agghati soḷasiṃ".	***Một phần mười sáu pháp,***
	Người chứng đắc lý chơn".

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Veḷuvana, đề cập đến tu sĩ ngoại đạo Jambūka (Hào Cẩu)

Tương truyền rằng: Thuở xưa vào thời Đức Chánh Đẳng Giác Kassapa, trong một làng nọ có một ông Trưởng giả (Kuṭumbiko) phát tâm cất chùa, thỉnh một vị Tỳ khưu ở đó làm trụ trì và thường xuyên hộ độ bốn món vật dụng. Vị trụ trì nầy mỗi ngày đến thọ thực nơi nhà của người đại tín gia hộ độ.

Một hôm, có vị Thánh Tăng Lậu Tận đi trì bình khất thực, đến đứng trước nhà của Trưởng giả. Phú ông nhìn thấy vẻ thanh bần thoát tục, kham nhẫn của bậc thanh tịnh thì phát tâm trong sạch, cung thỉnh vị Thánh Tăng vào nhà, trân trọng dâng cúng các món thực phẩm thượng vị.

Kế đó, gia chủ cúng dường một khăn choàng lớn và bạch:

- Bạch Ngài, xin Ngài nhuộm khăn choàng nầy rồi làm nội y mà mặc.

Và gia chủ còn thỉnh cầu thêm rằng: "Bạch Ngài! Tóc Ngài khá dài, để con gọi thợ cạo đến phủi sạch cho Ngài. Thỉnh Ngài về chùa trước rồi con sẽ cho người đem giường nằm đến dưng Ngài liền bây giờ".

Vị trụ trì vẫn đến thọ thực nơi nhà tín chủ hằng ngày, trông thấy ông ta quý trọng vị Sư mới đến như vậy thì không phát tâm trong sạch tùy hỷ chút nào. "Ông chủ nầy mới vừa gặp mặt vị Sư kia mà đã dâng cúng trọng thể dường ấy, còn mình đến nơi nhà ông ta mỗi ngày mà ông ta chớ hề dâng cúng lễ vật cho mình", vị sư trụ trì nghĩ thầm như vậy, nhưng chẳng nói ra, trở về chùa. Vị khách Tăng cũng theo chân vị trụ trì trở về chùa, nhuộm khăn choàng của thí chủ dâng cúng, rồi đắp làm y nội.

Phú Trưởng giả rước thợ cạo đến phủi tóc cho vị sư trì bình, cho người khiêng giường nằm đến lót kê đàng hoàng rồi thỉnh rằng:

- Bạch Ngài, xin Ngài tùy nghi nằm nghỉ trên giường nầy.

Trước khi ra về, chủ nhân còn thỉnh cả hai vị Đại đức ngày mai đến nhà mình thọ bát.

Thấy gia chủ tỏ vẻ hâm mộ vị khách Tăng và săn sóc vị ấy, vị trụ trì không dằn được lòng ganh tị. Chiều hôm ấy, ông ta đích thân vào tận phòng của vị A La Hán và nhục mạ Ngài bằng bốn điều như vầy: "Nầy đạo hữu tân đáo! Đạo hữu không nên đến

thọ thực nơi nhà của phú Trưởng giả, thà đạo hữu ăn phẩn dơ còn hơn. Đạo hữu không nên để cho thợ cạo đến cạo tóc, thà đạo hữu lấy lá thốt nốt mà cạo còn hơn. Đạo hữu không nên mặc y, cứ ở trần truồng là hơn. Không nên nằm trên giường của thí chủ kê lót, thà đạo hữu nằm dưới đất còn hơn".

Bị người đồng đạo sỉ mạ, vị Đại đức im lặng, tự nghĩ : "Không nên để cho kẻ ngu nầy vì ta mà phải sa đọa". Sáng hôm sau, Ngài thức dậy thật sớm, bỏ chùa ra đi vân du ta bà, chớ không theo lời thỉnh cầu mà đến nhà thí chủ thọ thực.

Sáng hôm ấy, vị trụ trì cũng dậy sớm, lo việc công phu lễ bái sớm trong chùa. Đến giờ đi bát, không thấy khách Tăng đâu cả, ông ta nói:

- Ông Sư khách nầy, đến giờ vẫn còn ngủ. Ta phải gõ kẻng đánh thức ông ta dậy.

Sau khi lấy đầu móng tay gõ vào kẻng cho có chừng, vị trụ trì ôm bát đi vào làng một mình.

Khi ấy, phú Trưởng giả đã chuẩn bị lễ vật cúng dường, còn đang ngóng trông hai vị Đại đức, thấy vị trụ trì đến, phú ông hỏi: "Bạch Ngài, còn vị khách Tăng đi đâu mà chưa đến?

- Nầy đạo hữu, thôi đừng nhắc đến vị Đại đức của ông nữa. Hôm qua, ở đây trở về chùa, ông ta vào nằm luôn trong lều, cho tới sáng hôm nay, tôi dậy quét chùa, xách nước uống, nước xài đầy cả, châm đầy vào các lu khạp. Tiếng khua động, cả đến tiếng kẻng báo giờ đi lấy bát, ông ta cũng chẳng nghe biết chi.

Vốn là bậc trí thức, phú ông ngẫm nghĩ: "Vị Đại đức nầy có oai nghi tế hạnh dường ấy, mà bảo rằng còn ngủ đến giờ nầy thì không có lý. Chắc chắn là vì thấy ta cúng dường trọng thể đến Ngài mà vị trụ trì có buông lời chi xúc phạm đến Ngài chăng?".

Nhưng phú Trưởng giả vẫn một mực cung kính để bát hộ độ vị trụ trì và khi vị nầy xong bữa, ông xin bát đem rửa thật sạch, rồi sớt đầy bát bằng đồ cao lương mỹ vị và bạch rằng:

- Bạch Ngài về gặp Đại đức, xin Ngài hoan hỷ sớt bát cơm nầy cúng dường Ngài Đại đức dùm con.

Vị trụ trì nhận lãnh bát cơm, nghĩ thầm: "Nếu ông ta thọ dụng bát cơm nầy, thế nào ông ta cũng sẽ lưu luyến ở mãi nơi đây chẳng sai".

Về đến nửa đường, vị trụ trì dốc bát đổ sạch bát cơm canh, rồi đi thẳng về lều của vị khách Tăng, nhưng nhìn tìm không thấy vị ấy.

Mặc dù đã tu hạnh Sa môn trong thời gian là hai muôn năm (vīsativassasahassāni), sau khi đã tạo ác nghiệp nặng nề như vậy, thiện pháp của vị Tỳ khưu nầy cũng không đủ sức cứu nổi ông ta. Khi mãn tuổi thọ, ông bị sa vào địa ngục Vô Gián (Avīci) thọ khổ khốc liệt suốt cả một thời gian không có vị Phật. Mãi đến thời Đức Phật hiện tại giáng lâm, ông được tái sanh làm người trong một gia tộc dư ăn dư để (bahu annapāne), cư ngụ trong thành Rājagaha.

Tuy là con nhà khá giả, nhưng từ lúc biết đi cậu bé không bao giờ chịu nằm giường, cũng không chịu ăn cơm, chỉ ăn ròng đồ xú uế do thân mình phóng ra.

Đến tuổi trưởng thành, ông cũng không chịu mặc y phục, cứ ở trần truồng mà đi lang thang, ngủ thì vẫn nằm dưới đất và ăn thì nhai lại những đồ mà mình đại tiện ra.

Khi ấy, cha mẹ ông buồn phiền chán nản, vì ông không thể giáo hóa được, nên bàn tính cùng nhau:

- Thằng nầy chắc cốt tử của nó không phải là con nhà mình, cho nên không biết xấu hổ chi hết. Có lẽ nó hạp với phái tu sĩ Ājīvaka (phái lõa thể).

Thế rồi, hai ông bà đem ông ta cho đứt nhóm ngoại đạo lõa thể, yêu cầu họ cho ông xuất gia nhập đạo.

Phái nầy cho Jambūka xuất gia theo nghi lễ của họ, để cậu đứng dưới một cái mương sâu tới cần cổ, bắt hai tấm ván đè trên vai cậu ta, rồi ngồi trên tấm ván ấy, dùng sóng lá thốt nốt mà cạo đầu của cậu.

Sau đó, cha mẹ cậu thỉnh các tu sĩ Ājīvaka ngày mai đến nhà mình thọ thực, rồi đồng cáo thối.

Ngày hôm sau, nhóm du sĩ lõa thể bảo Jambūka:

- Lại đây, chúng ta cùng nhau đi vào làng.

Tu sĩ mới nầy không chịu đi, nói: "Xin các Ngài cứ đi đi, còn tôi xin được ở lại giữ chùa".

Nhóm tu sĩ ấy năn nỉ nhiều lần không được bèn ra đi. Khi ấy Jambūka bèn mở cửa cầu tiêu, tuột xuống hầm cầu, hai tay bốc phẩn vắt thành từng vắt mà ăn. Các tu sĩ Ājīvaka ở trong làng gửi cơm canh về cho Jambūka, nhưng ông ta không thọ lãnh. Khi họ nài ép, ông ta mới trả lời rằng:

- Tôi khỏi cần vật thực nầy, vì tôi có được phần ăn rồi.

- Phần ăn ở đâu mà có?

- Chỉ ở gần đây chứ không xa đâu.

Qua ngày thứ hai, thứ ba, thứ tư, mỗi khi đi vào làng nhóm ājīvaka đều rủ ông ta nhiều lượt, nhưng ông vẫn một mực từ chối không chịu đi, bảo rằng: "Xin cho tôi ở lại chùa".

Thái độ kỳ hoặc của Jambūka làm cho nhóm tu sĩ ngoại đạo sanh nghi: "Ông đạo nầy hằng ngày không chịu đi vào làng, mà vật thực ta gửi về cho ông, ông cũng chẳng ăn, cứ nói: "Tôi ở đây có phần ăn rồi". Chúng ta phải rình coi cho biết ông ở lại chùa làm cái gì mới được".

Thế là, hôm sau khi đi vào làng, họ giao cho hai người ở lại núp xem Jambūka làm cái chi. Cũng như mấy ngày trước, khi thấy nhóm đồng đạo đi vắng hết, Jambūka tuột xuống hầm cầu ăn phẩn, không ngờ bị lộ tẩy, hai tu sĩ nọ bắt được hành động xấu xa của Jambūka bèn thuật lại cho cả nhóm nghe. Tất cả đều đồng tình rằng: "Chao ôi! Việc nầy thật là tồi tệ quá lắm. Giá như các Thinh Văn của sa môn Gotama hay biết rằng: "Các tu sĩ Ājīvaka thường ngày ăn phẩn, và truyền bá tin nầy ra thì thật là nhục nhã cho chúng ta. Tên Jambūka nầy không xứng danh là một tu sĩ Ājīvaka chút nào".

Thế rồi, nhóm tu sĩ ngoại đạo tuyên bố trục xuất Jambūka ra khỏi nhóm mình.

Trong một cánh đồng, chỗ đại chúng phóng uế tự do, có một tảng đá bằng phẳng, trên mặt đá có lỗ trũng xuống rất lớn, đại chúng ưa đại tiện xuống nơi đó. Sau khi bị đuổi ra khỏi chùa, Jambūka đi đến gần tảng đá ấy, chờ đêm xuống ra bốc phẩn mà ăn. Ban ngày khi thấy dạng đại chúng đi phóng uế thì ông lấy tay vịn tảng đá và đứng một chân, còn chân kia giơ lên tỳ vào đầu gối chân đứng, miệng thì hả ra, hướng về phía có gió.

Đại chúng thấy vậy, đến gần đảnh lễ ông ta, họ nói:

- Bạch Đại đức, sao Ngài đứng há miệng như thế?

- Ta lấy gió làm cơm, chớ không có độ vật thực chi khác hết.

- Bạch Ngài, còn tại sao Ngài chỉ đứng có một chân, còn chân kia rút lên tỳ vào đầu gối chân đứng như vậy?

- Bần đạo tu khổ hạnh dị thường lắm, nếu đứng cả hai chân xuống đất thì quả đất sẽ rúng động. Cho nên bần đạo chỉ đứng có một chân còn chân kia co lên như thế. Quả thật ta phải đứng mãi mãi chứ không nằm ngồi bao giờ cả.

Thế thường con người hễ nghe ai già hàm lợi khẩu, nhiều lời biện thuyết thì tin nghe theo. Cho nên đại chúng bảo nhau: "Ôi thật phi thường, những nhà tu khổ hạnh đến mức ấy, từ trước đến giờ ta chưa từng gặp gỡ vị nào như thế".

Nhân dân trong hai xứ Aṅga (Ương Già) và Magadha xôn xao, náo động, nườm nượp kéo nhau đến đảnh lễ tu sĩ Jambūka, và hàng tháng mang nhiều lễ vật trọng hậu đến cúng dường ông, nhưng ông ta không thọ lãnh lễ vật của ai hết, bảo rằng:

- Ta chỉ lấy gió làm cơm, chớ không độ vật thực nào khác. Nếu ta ăn món chi khác, sợ hư hỏng, lui sụt hạnh khổ hạnh của ta đi chăng?

Nhiều người cứ nài nỉ: "Bạch Đại đức, xin Ngài thương xót tế độ chúng con. Được bậc tu khổ hạnh như Ngài thọ lễ cúng dường thì chúng con mới mong thành tựu sự lợi ích, sự bình an lâu dài đó, bạch Ngài".

Thấy đại chúng cầu khẩn thái quá, tu sĩ Jambūka cũng phải xiêu lòng, thọ lãnh chút ít bơ, sữa, mật… và nói: "Mấy thứ nầy không gọi là vật thực chi khác, thôi ta thọ lãnh cho cư gia bá tánh được sự lợi ích sự bình an mà trở về nhà".

Nói rồi, ông ta lấy đầu ngọn cỏ thơm (kusagga) vít mỗi thứ một chút để lên chót lưỡi nếm cho có vị rồi ra dấu cho thí chủ đi về.

Tu sĩ Jambūka đã trải qua năm mươi lăm năm với nếp sống khổ hạnh dị thường như thế, là luôn luôn trần truồng, ăn phẩn, nhổ tóc và nằm đất.

Theo thông lệ, chư Phật hằng quán xét khắp thế gian vào lúc sáng tinh sương. Vì thế, một hôm trong khi Đức Thế Tôn quan sát khắp cõi Diêm Phù Đề vào buổi trời hừng sáng, thì hình ảnh của tu sĩ Jambūka lọt vào giác võng của Ngài. Quán thêm nữa, Đức Thế Tôn thấy rằng tu sĩ ấy có duyên lành chứng quả A La Hán với Tuệ phân tích. Câu chuyện Ngài tế độ ông sẽ được diễn tiến như sau:

Trước tiên, Jambūka sẽ làm như vậy, như vậy, Đức Thầy sẽ thuyết lên một bài kệ, khi bài kệ chấm dứt, tám muôn bốn ngàn chúng sanh sẽ giác ngộ Chánh Pháp. Nhờ nương theo Ngài mà đại chúng đạt đến hạnh phúc cao thượng vậy.

Sau khi biết rõ như thế rồi, ngày ấy Đức Bổn Sư vào thành Rājagaha khất thực. Trên đường về chùa, Ngài bảo Đại đức Ānanda:

- Nầy Ānanda! Như Lai sẽ đến chỗ ngụ của Jambūkājīvaka.

- Bạch Ngài, Ngài sẽ ngự hành đến chỗ như vậy hay sao?

- Phải đó, Như Lai sẽ đi đến chỗ như vậy.

Nói rồi, Đức Bổn Sư ngự đi ngay đến chỗ ngụ của Jambūka nhằm lúc buổi xế chiều.

Chư Thiên suy nghĩ rằng: "Chiều nay Đức Bổn Sư ngự đến chỗ của Jambūkājīvaka, mà chỗ ở của ông ta là một tảng đá, ngập tràn rác rến dơ dáy, là chỗ thiên hạ đại tiện hết sức uế trược. Vậy ta cần làm mưa gột rửa chỗ ấy".

Nghĩ rồi, chư Thiên dùng thần lực làm cho mưa xuống tức khắc, dội rửa tảng đá bằng cho sạch sẽ tinh khiết. Kế đó, lại có đám mưa hoa ngũ sắc rơi xuống trên mặt thạch bàn. Đến chiều, Đức Thiên Nhơn Sư đến chỗ ngụ của Jambūkājīvaka, Ngài cất tiếng gọi: "Jambūka".

Jambūka nghĩ thầm: "Không biết ông nầy là ai mà gọi xách mé tên ta như vậy". Ông hỏi "Ai đó?".

- Như Lai đây, Jambūka ạ.

- Ông Đại Sa môn muốn nói chi?

- Ông hoan hỷ cho Như Lai tạm ngụ đêm nay ở đây nhé.

- Ở đây không có chỗ nghỉ, ông Đại Sa môn à.

- Nầy Jambūka, ông đừng nên chia rẽ như vậy. Hãy hoan hỷ cho Như Lai nghỉ nhờ một đêm. Phàm là bậc xuất gia thì tập hợp với bậc xuất gia, người thế tập hợp với người thế và thú vật thì tập hợp với thú.

- Vậy ông có phải là bậc xuất gia chăng?

- Cố nhiên ta là bậc xuất gia.

- Nếu ông là bậc xuất gia, thì bát cơm, bầu nước, những vật tùy thân của bậc xuất gia sao ông không có?

- Ta có đủ hết, nhưng mang theo làm chi nhiều thứ kềnh càng, đi đứng bất tiện. Ta để nơi kín đáo, khi nào đi bát mới mang theo.

Jambūka nổi giận rằng:

- Nếu thế, ông chỉ mang theo khi đi bát mà thôi à?

Đức Thế Tôn ôn tồn bảo:

- Nầy Jambūka, đừng nóng nảy. Hãy chỉ chỗ ho Như Lai nghỉ đi.

- Nầy ông Đại Sa môn, ta đã nói: Ở đây không có chỗ nghỉ rồi mà.

Đức Bổn Sư đưa tay chỉ một sườn núi cách đó, nơi trú của Jambūka chẳng bao xa và hỏi: "Ai ở sườn núi đó".

- Không ai cả, ông Đại Sa môn à.

- Thế thì, ông hoan hỷ cho Như Lai nghỉ ở đó nghe.

- Nơi đó thì tùy ý ông liệu định, ông Đại Sa môn.

Đức Bổn Sư mang tọa cụ trải nơi sườn núi xong, ngự tọa nơi đó. Đêm hôm ấy, trong canh đầu Tứ Đại Thiên Vương từ bốn hướng phóng ra bốn đạo hào quang, rồi nhập chung lại, bay đến hầu Đức Thế Tôn. Jambūka trông thấy ánh sáng tự hỏi: "Ánh sáng gì đây?". Trong canh giữa có Đức Đế Thích ngự đến, Jambūka trông thấy Ngài thì nghĩ thầm: "Ông nào vậy?". Trong canh cuối là Đức Đại Phạm Thiên ngự đến, mỗi ngón tay của Ngài phát ra một đạo hào quang có thể soi sáng cả cõi Ta bà. Cả mười ngón tay phát ra mười đạo hào quang có thể soi cả mười phương thế giới, cho nên khi ấy toàn thể khu rừng chỗ Đức Bổn Sư ngự tọa sáng rực như một đám cháy lớn. Thấy Đại Phạm Thiên, Jambūka tự hỏi: "Ông nầy là ai vậy?".

Sáng sớm hôm sau, Jambūka đi đến chỗ ngự của Đức Thế Tôn, chào hỏi thân thiện rồi đứng nép một bên, hỏi Ngài rằng:

- Nầy ông Đại Sa môn, hồi đầu hôm có ông nào mà hào quang chói sáng cả bốn góc trời đến chỗ của ông vậy?

- Đó là Tứ Đại Thiên Vương.

- Mấy ổng đến chi vậy?

- Để hầu Như Lai.

- Nói vậy thì ông cao thượng hơn cả Tứ Đại Thiên Vương hay sao?

- Phải đó Jambūka, Như Lai quả thật là vị Tối Thượng Vương (atirāja) trên hết các vị vua.

- Còn lúc canh giữa, ông nào đến vậy?

- Thiên Vương Đế Thích.

- Ông đến chi vậy?

- Đến để hầu hạ Như Lai.

- Nói vậy, ông cũng cao thượng hơn Thiên Vương Đế Thích nữa sao?

- Phải đó, Jambūka. Như Lai cao thượng hơn cả Đế Thích. Ông ta là người nuôi bệnh và hầu hạ cơm nước, thuốc men của Như Lai cũng như vị Sa di vậy.

- Còn trong canh chót, ông nào đến mà hào quang chói sáng khắp cả khu rừng vậy?

- Ông đó là Đại Phạm Thiên mà các thầy tế lễ như các Bà la môn trên cõi thế đều nương nhờ kính ngưỡng, và mỗi khi trợt té, mấy ổng thường niệm: "Nam mô Đại Phạm Thiên" đó.

- Nói vậy, ông còn cao thượng hơn Đại Phạm Thiên nữa sao?

- Phải đó Jambūka! Như Lai quả là vị tối thượng Phạm Thiên, trên tất cả Đại Phạm Thiên.

- Chà! Ông Đại Sa môn thật là bậc phi thường. Ta ở nơi đây ròng rã năm mươi năm rồi, mà trong mấy ông đó không một ông nào đến để hầu hạ ta cả. Mặc dầu suốt cả thời gian dài đăng đẳng ta tu khổ hạnh, lấy gió làm vật thực, mà cũng chưa được mấy ông đến hầu hạ như đối với ông bao giờ.

Khi ấy Đức Bổn Sư bảo:

- Nầy Jambūka! Nhà ngươi quen thói dối gạt đại chúng mù quáng si mê, bây giờ định dối gạt cả Như Lai nữa sao? Trong thời gian năm mươi năm qua, ngươi há đã chẳng lấy phẩn làm cơm, lấy đất làm giường, lấy da mẹ đẻ làm y phục, lấy sống lá thốt nốt làm đồ nhổ tóc hay sao? Thế mà ngươi dám lừa dối thiên hạ rằng: "Ta chỉ lấy gió làm cơm, đứng mãi một chân chớ không ngồi, nằm chi cả". Trong quá khứ, ngươi đã có kiến thức đê hèn, nên hiện tại phải chịu ăn phẩn, nằm đất, lõa thể và nhổ tóc bằng sống lá thốt nốt trong bấy nhiêu lâu. Vậy mà giờ đây ngươi còn cố chấp các thứ tà kiến tội lỗi đê hèn ấy mãi ư?

- Trước kia ta đã tạo nghiệp gì đâu, ông Đại Sa môn?

Khi ấy Đức Bổn Sư mới chỉ rõ tiền nghiệp của Jambūka cho ông ta biết.

Nghe Đức Thầy giải đến đâu, Jambūka phát sanh kinh cảm đến đó, hết sức ghê sợ và hổ thẹn tội lỗi của mình. Ông băn khoăn hối hận. Ngay khi ấy, Đức Thế Tôn ném cái choàng tắm (Udakasātaka) xuống, bố thí cho ông ta. Ông vận y rồi, đứng lên đảnh lễ Đức Thầy và ngồi xuống một bên.

Bấy giờ, Đức Bổn Sư mới đem tuần tự pháp thoại mà thuyết pháp cho Jambūka nghe. Nghe dứt thời pháp, ông chứng đắc A La Hán quả với Tuệ phân tích, bèn cúi xuống đảnh lễ Đức Tôn Sư, đoạn đứng lên ngỏ lời xin Ngài cho ông xuất gia và thọ luôn Cụ túc giới.

Như thế là từ đây, bao nhiêu nghiệp báo tiền khiên của Tỳ khưu nầy đã sạch hết. Tội mạt sát vị Đại đức Lậu Tận bằng bốn thô ác ngữ của ông trong thời quá khứ đã làm cho địa đại rộng khoảng hai do tuần phải rúng động. Sau khi mạng chung, ông đã bị thiêu đốt trong địa ngục A Tỳ, quả dư sót khiến ông thọ khổ trong năm mươi lăm năm qua, đến nay mới chấm dứt. Còn phần phước ông đã tạo bằng sự thực hành Sa môn Pháp trong hai muôn năm trước không vì tội kia mà hư hoại, cho nên Đức Bổn Sư đưa thẳng cánh tay mặt của Ngài ra, phán bảo:

- Thiện lai Tỳ khưu! Lại đây Tỳ khưu, ông hãy thực hành phạm hạnh đi.

Ngay lúc ấy, ông Jambūka mất hẳn hình dáng người cư sĩ. Trông ông có vẻ nghiêm trang đạo mạo như Đại đức có sáu mươi tuổi hạ, có đầy đủ tám món vật dụng Sa môn (y, bát, dây lưng, dao cạo, ống đựng kim, bình lọc nước).

Dân chúng trong hai xứ Aṅga và Magadha đều nghe danh của Jambūka, nên ngày nào cũng mang lễ vật đến cúng dường ông. Sáng hôm ấy, khi họ đến trông thấy Đức Như Lai thì phân vân tự hỏi: "Không biết Đại đức Jambūka của mình với Sa môn

Gotama, ai lớn hơn ai?". Rồi họ tự giải đáp rằng: "Nếu Sa môn Gotama lớn hơn thì Đại đức của mình phải đi đến chỗ của ông ta. Đằng nầy, Sa môn Gotama đi đến tìm Đại đức của mình thì chắc hẳn là Đại đức của mình lớn hơn rồi vậy".

Đức Bổn Sư hiểu rõ tư tưởng của đại chúng, bèn phán:

- Nầy Jambūka! Ông hãy đoạn nghi cho tín đồ của ông đi.

- Bạch Ngài, cong cũng định làm như vậy.

Rồi Ngài Jambūka nhập vào Tứ thiền, đoạn đứng dậy bay bổng lên cao cỡ khoảng cây thốt nốt, tuyên bố rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn, Ngài là Đức Tôn Sư còn con là Thinh Văn đệ tử của Ngài.

Nói rồi, từ trên hư không ông đáp xuống đảnh lễ Ngài, đoạn bay lên cao độ hai cây thốt nốt, cao khoảng ba cây thốt nốt, tuyên bố lên như trước, đoạn hạ xuống đảnh lễ Đức Thế Tôn, cho đại chúng biết mình là Thinh Văn của Đức Thế Tôn.

Thấy vậy, đại chúng nghĩ thầm: "Ôi! Ân đức của Đức Phật thật là vô thượng, phi thường".

Nhân lúc quần chúng phát tâm tín ngưỡng, Đức Bổn Sư thuyết pháp để phá chấp tà kiến của họ, Ngài bảo:

- Tỳ khưu nầy, bấy lâu nay cho rằng mình ở đây hành đạo cao thượng (papacaraṇa), cho nên lễ vật của các người đem cúng, ông chỉ lấy ngọn cỏ thơm, vít một chút để lên chót lưỡi mà thôi. Nhưng cho dầu lúc trước, ông có tu hành khổ hạnh như thế cả trăm năm đi nữa, việc làm ấy của ông chẳng có giá trị bằng một phần mười sáu của người hiểu thông chân lý nhịn ăn một bữa cơm vì có tâm nghi ngại sợ ô nhiễm phạm hạnh của mình.

Tiếp theo, Đức Bổn Sư thuyết pháp, giải rộng thêm, rồi đọc lên kệ ngôn rằng:

"Māse māse kusaggena,
Bālo bhuñjeyya bhojanaṃ;
Na so saṅkhātadhammānaṃ,
Kalaṃ agghati soḷasinti".

"Người ngu tháng tháng như nhau,
Ăn chút vật thực bằng đầu cỏ thơm.
So với người chứng đắc pháp chơn,
Một phần mười sáu không hơn được mà".

☸

CHÚ GIẢI:

Theo nghĩa lý bài kệ trên, người ngu (bālo) không thông hiểu chánh pháp, đã xuất gia tu theo tà giáo ngoại đạo, không tôn trọng giới luật chẳng hạn. Cho nên mới nghĩ rằng: "Ta tu khổ hạnh cho đến mức rốt ráo". Thế rồi tháng nầy tháng khác, người ấy chỉ thọ thực chút ít bằng đầu ngọn cỏ thơm, nhưng dầu ép xác như thế cả một trăm năm, công phu của người ấy cũng không có giá trị bằng một phần mười sáu của người chứng đắc chơn lý.

Pháp Giác ngộ tức là pháp tri kiến (ñātadhammo), pháp Quán xét (tūlitadhammo), ở tầng dưới có pháp Giác ngộ của bậc Tu Đà Hườn, còn ở tầng trên có pháp của bậc Lậu Tận, là pháp bậc Thánh nhân, mà người ngu không thể bì kịp một phần mười sáu của bậc ấy.

Nếu đem so sánh: Tác ý (cetanā) của những người ngu ráng hành khổ hạnh như vậy suốt cả một trăm năm, với tác ý của bậc Giác ngộ chơn lý chịu nhịn một bữa ăn để cho tâm mình khỏi tắc trách, hối hận thì tác ý trước tuy có lâu dài, nhưng giá trị cũng chẳng bằng một phần mười sáu của tác ý sau vậy.

Vả lại, nếu đem quả phước do tác ý của người chứng ngộ chân lý mà chia ra làm mười sáu phần nhỏ nữa, thì một phần nhỏ của quả phước nầy cũng còn to lớn gấp bội công phu khổ hạnh của người ngu kia.

☸

Khi Đức Bổn Sư chấm dứt pháp thoại, có đến bốn muôn tám ngàn chúng sanh giác ngộ chân lý.

☸

Dịch giả Cẩn Đề

Hành khổ mong cho thoát khổ sầu,
Tu theo tà kiến, khổ thêm lâu,
Ăn dơ, lấy bụi thay quần áo,
Ngủ đất, dùng cây nạo tóc râu,
Quả ác trổ quả ngày cuối chót,
Căn lành nhớ lại hạnh ban đầu,
Ngồi nghe Phật thuyết kinh tuần tự,
Hào cẩu Tỳ khưu đắc đạo mầu.

DỨT TÍCH JAMBŪKĀJĪVAKA

☸

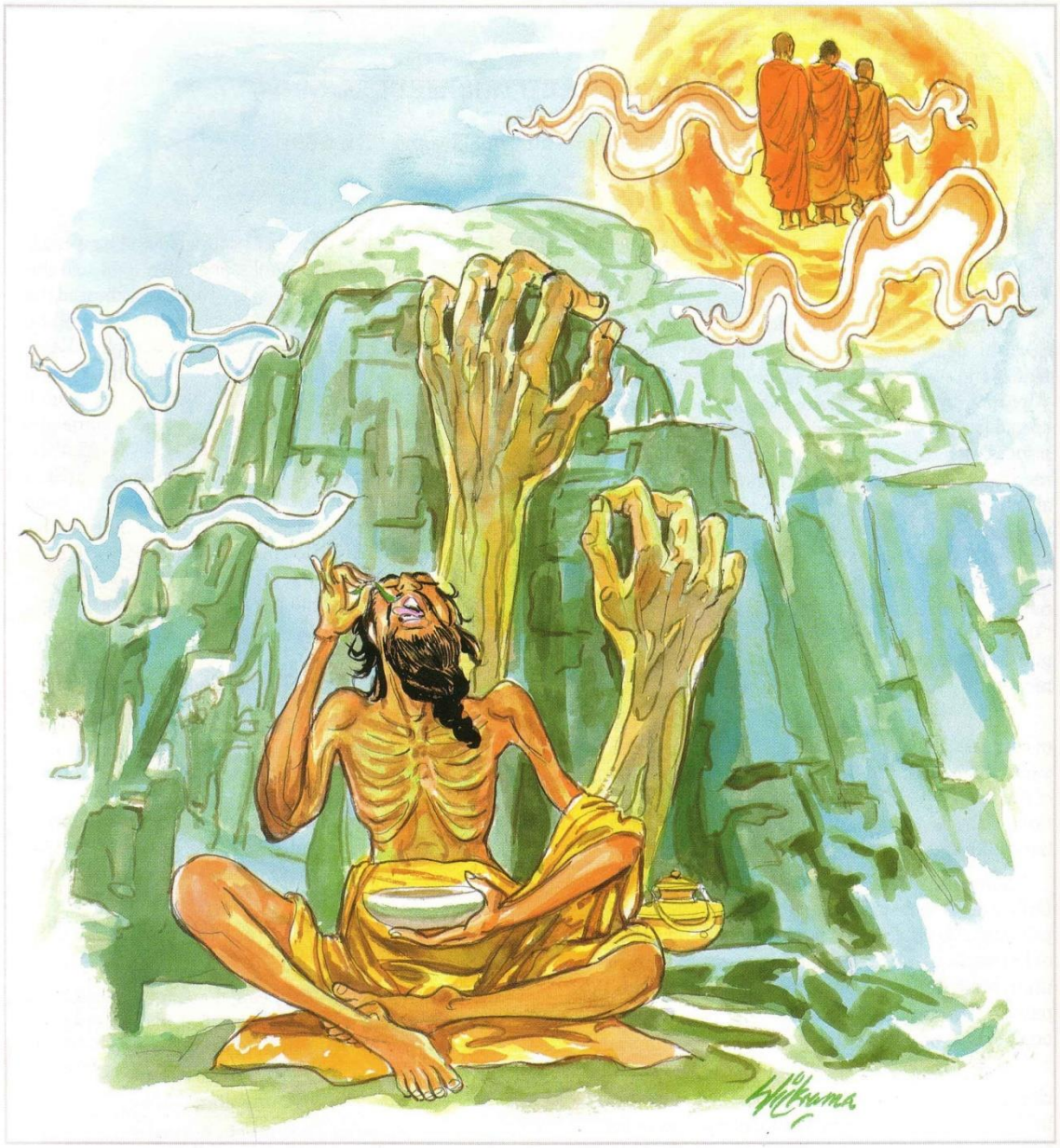

Senseless austerities of reduced eating are not worth a fragment of grasping the Dhamma.

70. Những Pháp khổ hạnh nhịn ăn ngu xuẩn không có giá trị bằng một ít kiến thức của người hiểu Chánh pháp.

V.12- Tích NGẠ QUỶ MÌNH RẮN

(Ahipetavatthu)

☸

KỆ NGÔN : (PHÁP CÚ SỐ 71)

"Na hi pāpaṃ kataṃ kammaṃ,	***"Nghiệp ác như sữa bò,***
Sajju khīraṃ'va muccati;	***Mới vắt chưa nổi dậy,***
Ḍahantaṃ bālamanveti,	***Như lửa ngún dưới tro,***
Bhasmācchanno'va pāvako".	***Ngầm theo đốt kẻ quấy".***

Kệ pháp cú nầy, Đức Bổn Sư thuyết ra khi ngài an ngự tại Veḷuvana, đề cập đến con ngạ quỷ mình rắn (ahipeta).

Quả nhiên, một ngày nọ, Đại đức Lakkhaṇa (Thiện Tướng), nguyên là một trong số cả ngàn cựu đạo sĩ hỏa giáo (Jatila) rủ Đại đức Moggallāna cùng đi vào thành Rājagaha khất thực. Trong lúc hai Ngài từ trên núi Gijjhakūṭa (Kỳ Xà Quật) đi xuống. Đại đức Moggallāna trông thấy con ngạ quỷ mình rắn nên mỉm cười. Đại đức Lakkhaṇa vì không có thiên nhãn, nên ngạc nhiên hỏi:

- Vì cớ chi mà đạo hữu mỉm cười?

- Thưa đạo hữu, bây giờ không phải là lúc trả lời câu hỏi của đạo hữu, đạo hữu hãy hỏi tôi khi nào chúng ta giáp mặt Đức Thế Tôn.

Sau khi đi bát vào trong thành Rājagaha trở ra, hai bạn đồng đạo đến đảnh lễ Đức Thế Tôn. Ngồi yên chỗ xong, Đại đức Lakkhaṇa liền hỏi rằng:

- Nầy đạo hữu Moggallāna! Lúc ở trên núi Gijjhakūṭa đi xuống, thấy bạn mỉm cười, tôi có hỏi cho rõ nguyên do, bạn bảo rằng: "Nên hỏi bạn trước mặt Đức Thế Tôn". Vậy bây giờ bạn hãy giải rõ việc ấy đi.

Đại đức Moggallāna liền đáp:

- Thưa đạo hữu, buổi sáng nay tôi có mỉm cười khi trông thấy con ngạ quỷ mình rắn. Con quỷ dị hình nầy, đầu giống như đầu người, còn thân thì suôn đuột giống như mình rắn (ahipeta), bề dài của nó ước độ hai mươi lăm do tuần. Từ trước đầu nó, ngọn lửa bốc cháy lên dài tới sau đuôi, rồi lại bắt đầu từ đuôi cháy ra hai bên. Cháy ngược tới trước đầu, hoặc từ giữa mình bốc lửa lên cháy ra hai phía, rồi từ hai phía bốc cháy nhập lại khúc giữa.

Theo tục truyền rằng: Về giống ngạ quỷ nầy có hai con, mình dài đến độ hai mươi lăm do tuần, kỳ như những con khác chỉ dài độ ba phần tư do tuần mà thôi. Thứ dài hai mươi lăm do tuần như con mình rắn trên đây là một. Còn một con nữa là con ngạ quỷ Ô Nha (kākapeta), hình thù như con quạ.

Con sau này, Đại đức Moggallāna cũng thấy trên đỉnh núi Gijjhakūṭa. Thấy nó bị lửa thiêu đốt, Đại đức có thuyết kệ hỏi tiền nghiệp của nó như vầy:

"Pañcayojanikā jivhā,
Sīsante navayojanaṃ;

Kāyo accuggato tuyhaṃ,
Pañcavīsatiyojanaṃ;
Kinnu kammaṃ karitvāna,
Pattosi dukkhamīdissanti".

Lược dịch:

"Với lưỡi năm do tuần,
Đầu người chín do tuần,
Mình người dài thườn thượt,
Hai mươi lăm do tuần,
Do nghiệp gì kiếp trước,
Người thọ khổ hiện thân?".

Ngạ quỷ đáp:

"Ahaṃ bhante Moggallāna
Kassapassa mahesino
Saṅghassābhihaṭaṃ bhattaṃ
Āharesiṃ yathicchakanti".

Lược dịch:

"Bạch Đại đức Mục Kiền Liên
Thời Ca Diếp đại hiền,
Lúc Tăng chưa thọ bát,
Con ăn vụng trước tiên".

Tiếp theo bài kệ, ngạ quỷ kể tích rằng:

- Bạch Ngài, trong thời kì Đức Phật Kassapa, có nhiều vị vào làng khất thực. Dân trong làng thấy chư Tăng thì phát tâm ái mộ, nên cung thỉnh quý Ngài vào an ngự trong nhà khách sảnh, lấy nước rửa chân quý Ngài rồi thoa xức dầu. Kế đó, họ dâng cháo điểm tâm và đồ ngọt giải lao. Trong khi chờ đến giờ để cúng dường cơm ngọ, họ xúm nhau ngồi nghe thuyết pháp.

Sau thời pháp, các thính giả xin thỉnh bát không của quý Ngài, rồi mạnh ai nấy về nhà của mình, lựa toàn cao lương mĩ vị để đầy mỗi bát mà đem đến khách đường.

Lúc bấy giờ, con là một con quạ đang đậu trên mái nhà khách, thấy vậy mới bay xuống mổ ăn ba lần ba vắt cơm bát. Cơm ấy Đại đức Tăng chưa nhận lãnh cũng như chưa kiểm soát rồi bố thí, cũng không phải là cơm của thí chủ từ nhà mình đem đến, với tác ý cúng dường đến toàn thể Đại đức Tăng.

Vì ăn trước ba vắt cơm ấy, và cũng chỉ có tiền ác nghiệp ấy thôi, mà đến khi mạng chung con phải trả quả, bị thiêu đốt trong lửa địa ngục A Tỳ, còn quả dư sót nên giờ đây phải hóa sanh làm ngạ quỷ Quạ (kākapeta) ở trên núi Gijjhakūṭa, để chịu khổ như thế này đây.

Trên đây là tiền tích của ngạ quỷ Quạ, đã thuật lại với Đại đức Moggallāna.

Hôm nay, trước mặt Đức Thế Tôn, Đại đức quả quyết rằng:

- Tôi đã mỉm cười khi thấy ngạ quỉ mình rắn.

Bấy giờ, Đức Bổn Sư xác nhận lời của Đại đức và phán:

- Nầy các Tỳ khưu, Moggallāna đã nói sự thật. Chính Như Lai từ ngày đắc quả Chánh Giác cũng đã từng thấy ngạ quỷ rắn ấy nhưng không nói cho người khác biết vì nghĩ rằng: "Những ai không tin lời Như Lai, ắt gặp sự bất lợi".

Sau khi minh chứng, xác nhận sự mục kích của Đại đức Moggallāna cùng với Lakkhaṇa trong buổi sáng hôm ấy, Đức Bổn Sư thuyết về nhị thập điều (Vīsativatthūni: Có lẽ hai mươi phận sự của bậc Sa môn: là setthabhūmissayo…sikkhāpadāripūrī (xin xem "Kho tàng Pháp Bảo" của Đại đức Bửu Chơn).

Nghe pháp xong, chư Tỳ khưu còn muốn biết sinh tiền nghiệp của ngạ quỷ mình rắn, nên bạch hỏi Đức Bổn Sư. Ngài từ bi thuyết tiếp sự tích sau đây:

Tương truyền rằng: Trong thời dĩ vãng xa xưa, có nhiều người hiệp nhau cất lên một thảo xá (paṇṇasālā) ở cạnh bờ sông gần thành Bārāṇasī, rồi dâng đến Đức Phật Độc Giác.

Từ khi an ngự nơi đó, Ngài vẫn thường thường đi vào khất thực trong thành.

Dân chúng trong thành cũng quen lệ, sáng và chiều mang theo lễ vật như hương hoa đi cúng dường Đức Phật Độc Giác. Con đường của mọi người đi viếng Đức Phật xuyên qua đám ruộng cày của một thanh niên nọ, cũng là dân ở trong thành Bārāṇasī. Vì thế, mỗi ngày hai lần sáng và chiều, tất cả đại chúng đi đến thảo xá của Đức Phật Độc Giác, ai cũng giẫm đạp lên đám ruộng của thanh niên ấy.

Chàng trai đã nhiều phen cản ngăn không cho quần chúng giẫm đạp lên đất ruộng của mình, nhưng cũng vô hiệu. Tức quá, không biết làm cách nào khác, chàng ta nghĩ quấy rằng: "Nếu như không có thảo xá của vị Sa môn ở đây, thì họ bặt đường lui tới, đâu có đạp bừa lên ruộng của ta".

Vì quy tội cho thảo xá của Đức Độc Giác Phật, nên chàng nông phu thừa lúc Ngài đi vào thành khất thực, chàng đập phá những đồ vật dụng của Ngài tan nát, rồi châm lửa đốt luôn cốc lá.

Khi thấy chỗ ngụ của mình đã cháy tiêu, Đức Phật Độc Giác rời bỏ chỗ ấy đi, không chút gì luyến tiếc.

Đại chúng mang hương hoa đến, trông thấy cốc bị cháy, hỏi truyền nhau rằng: "Không biết Đại đức của chúng ta đi đâu?". Chàng trai khi ấy cũng có mặt trong nhóm đại chúng, đến chỗ cốc cháy, chàng đứng giữa đám đông tự khoe rằng: "Chính tay tôi đã đốt thảo xá của ông ấy".

Quần chúng nổi giận la lên: "Hãy giữ chặt tên ấy. Tại vì nó gây tội ác mà chúng ta không còn được gặp Đức Phật Độc Giác nữa". Rồi kẻ tay chân, người gậy gộc đánh đập chàng nông dân ấy đến vong mạng. Chết rồi, chàng ta bị đọa xuống A tỳ địa ngục, bị thiêu đốt mãi mãi, cho đến khi địa đại cao lên thêm một do tuần mới thoát khỏi nơi đó. Vì còn dư sót quả, chàng ta phải hóa sanh ngạ quỷ Rắn, ở trên núi Gijjhakūṭa hiện nay vậy.

Khi thuật hết tích trên đây, Đức Bổn Sư kết luận rằng:

- Nầy các Tỳ khưu, nghiệp ác bao giờ cũng giống như sữa tươi vậy. Hễ sữa tươi mới vắt ra không biến chất như thế nào thì nghiệp ác bao giờ khi làm chưa thuần thục như thế ấy. Nhưng khi nghiệp quả chín mùi thì lúc bấy giờ kẻ ác phải mang lấy thống khổ triền miên vậy.

Đức Thế Tôn thuyết pháp giải rộng thêm nghĩa lý trường hợp trên đây, rồi Ngài kết thúc bằng bài kệ nầy:

"Na hi pāpaṃ kataṃ kammaṃ,
Sajju khīraṃ'va muccati;
Ḍahantaṃ bālamanveti,
Bhasmācchanno'va pāvakoti".

"Nghiệp ác vừa mới làm ra,
Như sữa mới nặn khó mà đông ngay.
Tro tàn lửa ngún còn đây,
Ngầm theo kẻ ác, hằng ngày đốt thiêu".

CHÚ GIẢI:

Sajju khīraṃ: Sữa tươi mới nặn, là sữa từ trong vú bò cái mới nặn ra.

Muccati: Là chín mùi, biến chất, nổi dậy. Sữa bò để lâu mới biến chất thành chua hoặc có đóng váng trên mặt, hoặc đông đặc lại, chớ lúc mới vừa nặn ra nó chưa bị mất tính chất sữa tươi của nó. Cho nên người làm sanh tô, lạc, đề hồ cần phải ủ sữa và chờ đợi một thời gian mới có kết quả.

Nghiệp ác cũng vậy, khi mới vừa làm nó chưa trổ quả liền ngay lúc ấy. Nếu quả ác thuần thục ngay thì không có ai dám tạo ác nghiệp cả. Những kẻ làm ác sở dĩ còn sống an nhiên do nhờ nghiệp lành quá khư còn duy trì Ngũ uẩn hiện tại. Nhưng sau khi Ngũ uẩn phân ly, nghiệp quả thuần thục, những người ấy sẽ sa đọa vào khổ cảnh ác thú chẳng sai.

Ḍahantaṃ bālamanveti: Ngầm theo đốt kẻ ngu.

Bhasmācchannova pāvako: Như lửa ngún dưới tro. Thật thế, than lửa bị vùi lấp dưới tro nóng thì không cháy lên ngọn, vì có tro che. Nhưng ai vô ý cào lớp tro mặt mà đụng nhằm lửa than thì sẽ bị phỏng da mặt, cháy tay ngay và sẽ có cảm giác nóng dữ dội như lửa cháy xém tới trong óc.

Cũng như thế, sau khi tạo nghiệp ác, kẻ ngu bị nghiệp theo đốt mãi mãi, nhứt là bị sa hỏa ngục trong kiếp thứ hai hoặc kiếp thứ ba chẳng hạn.

☸

Khi thời pháp chấm dứt, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả, nhứt là Tu Đà Hườn quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Gặp Phật mà không tạo phước gì,
Còn gây tội ác rõ ngu si,
Ruộng kia trống trải, ngăn người đến,
Đường nọ liền trơn, cấm chúng đi.
Vọng chấp tư điền, đồ địa chất,
Hỏa thiêu thảo xá, cảnh Liên trì,
Nay làm ngạ quỉ mình như rắn,
Thọ khổ trường miên khó thoát ly.

DỨT TÍCH NGẠ QUỶ MÌNH RẮN

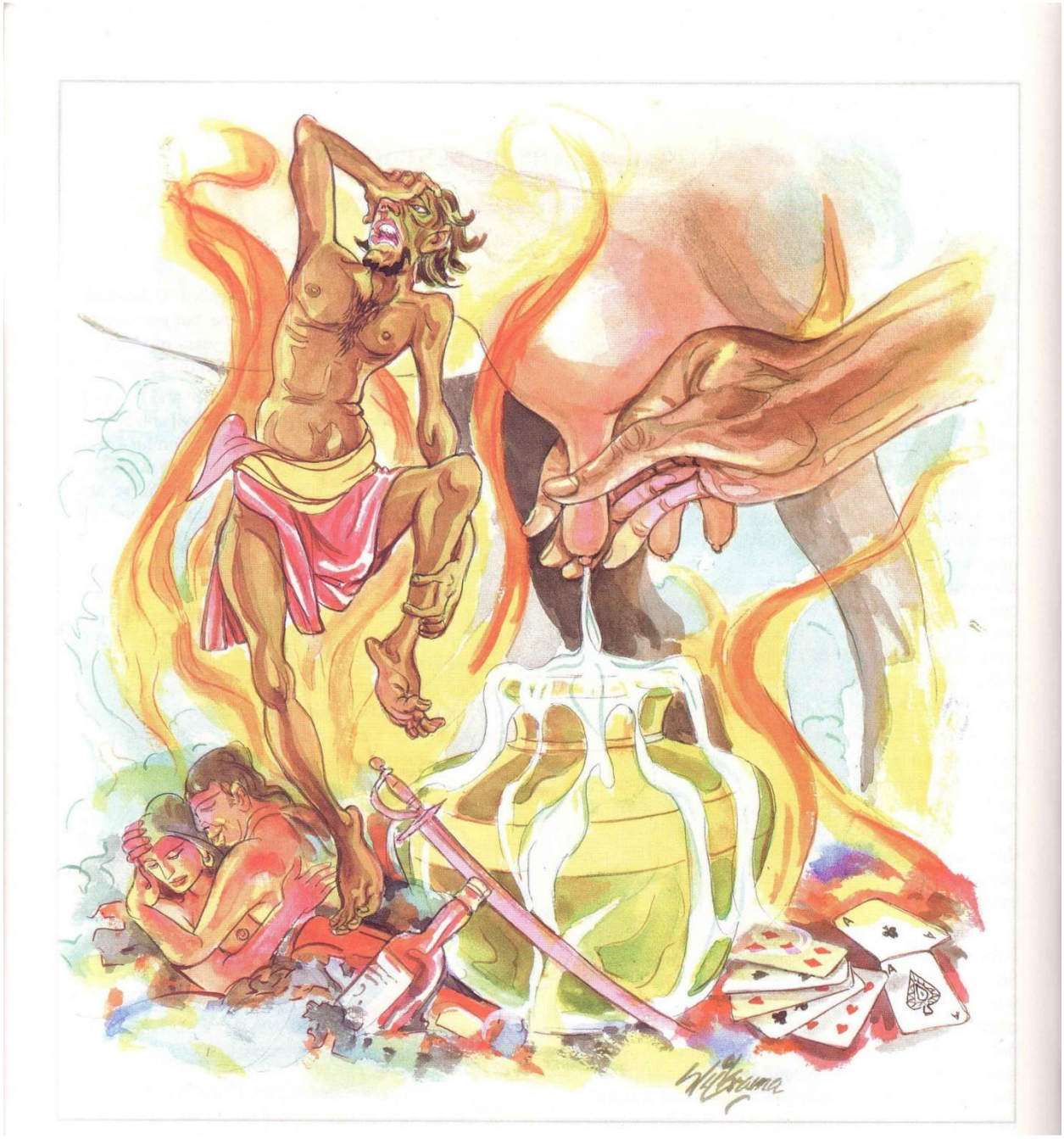

71. Hậu quả ác nghiệp không chín ngay, cũng như sữa không đông ngay. Chúng cháy ngầm như đốm lửa dưới tro tàn.

V.13- TÍCH NGẠ QUỶ ĐẬP ĐẦU

(Saṭṭhīkūṭapetavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp cú số 72)

"Yāvadeva anatthāya	***"Trí danh và tai hại***
Ñattaṁ bālassa jāyati	***Đồng đến với kẻ dại***
Hanti bālassa sukkaṃsaṃ	***Phá thiện pháp để dành,***
Muddhamasa vipātayanti".	***Đập đầu y tan hoại".***

Pháp cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Veḷuvana, đề cập đến ngạ quỷ bị búa đập đầu (Saṭṭhīkūṭapeta). Quả nhiên, cũng như trong truyện tích trước, khi Đại đức Moggallāna đang đi với Đại đức Lakkhaṇa từ trên núi Gijjhakūta xuống, đến một địa điểm nọ, Ngài mỉm cười. Để trả lời cho câu hỏi về lý do của cái cười này, Ngài bảo bạn đồng hành:

- Đạo hữu nên hỏi tôi trước mặt Đức Bổn Sư.

Thế rồi, sau khi đi bát xong, hai vị Đại đức đồng đến bái kiến Đức Bổn Sư. Khi ngồi xuống đã yên nơi rồi, Đại đức Lakkhaṇa nhắc lại câu hỏi buổi sáng.

Đại đức Moggallāna đáp : "Thưa đạo hữu, tôi đã thấy một con ngạ quỷ thân hình cao lối ba phần tư do tuần. Phía trên đầu nó có đến sáu muôn cái búa sắt cháy lên ngọn lửa, bay lên giáng xuống không ngớt, đập đi đập lại sọ óc của nó tan nát, rồi lại hường như cũ. Từ trước đến giờ tôi chưa bao giờ gặp chúng sanh nào có hình thù như thế, nên nay thấy nó, tôi mỉm cười".

Trong kinh: Chuyện ngạ quỷ (Petavatthu) có bài kệ như vậy :

"Saṭṭhī kūtasahassāni,
Paripuṇṇāni sabbaso;
Sīse tuyhaṃ nipatanti
Obhindanteva matthakanti".

Lược dịch :

"Sáu muôn búa sắt,
Đều đủ một loạt,
Rớt xuống đầu người
Đập cho nó nát".

Bài kệ này đề cập đến con ngạ quỷ mà Đại đức Moggallāna mới vừa thấy đây vậy.

Khi nghe Đại đức Moggallāna vừa nói dứt lời, Đức Bổn Sư xát nhận rằng :

- Này các Tỳ khưu! Như Lai cũng đã từng thấy chúng sanh ấy từ khi đắc quả Chánh Đẳng Chánh Giác dưới cội Bồ Đề, nhưng vì lòng bi mẫn, Như Lai không hề thổ lộ với những người khác, vì e có những kẻ không tin lời Như Lai sẽ gặp phải điều bất hạnh. Bây giờ đã có Moggallāna là nhân chứng, nên Như Lai mới nói rõ ra đây.

Nghe vậy, chư Tỳ Khưu bạch xin Đức Thế Tôn giải về tiền nghiệp của con ngạ quỷ nát đầu. Do đó Đức Bổn Sư thuyết sự tích sau đây:

Tương truyền rằng: Thời quá khứ trong thành Bārāṇasī có người đàn ông què, nhưng y có tài về bún giàn thun (Sālittakasippa) bá phát bá trúng.

Hằng ngày anh ta đến ngồi nơi một gốc cây to tại cổng vào thành. Lũ trẻ con trong làng xúm nhau yêu cầu: "Chú lấy sạn bắn thủng lá cây da cho thành hình con voi coi chú, cho thành hình con ngựa coi chú...".

Nhờ biểu diễn tài bắn đạn cho nhóm nhi đồng coi thỏa thích, nhà thiện xạ què được chúng đem cơm bánh, vật thực đến cho anh ta ăn.

Một hôm, có đoàn xa giá đức vua ngự đi đến gốc cây da tại cổng thành. Lũ trẻ lôi anh què vào giữa những chùm rễ phụ của cây da rồi bỏ chạy trốn hết.

Đức vua ngự vào đứng tại gốc cây da để nghỉ mát, Ngài thấy bóng râm phủ lên long thể loang lổ khác thường. Ngài tự nghĩ: "Sao kì lạ thế?", khi ngước nhìn lên thấy những hình voi, ngựa... theo các lỗ thủng trong tàng lá cây, Đức vua phán hỏi: "Ai đã làm việc này?".

Khi nghe thị thần đáp là : "Anh què làm", Đức vua cho đòi anh ta đến trước long nhan và phán rằng : "Viên Ngự sử của trẫm rất già hàm lợ khẩu. Dầu cho trẫm có khuyên nhủ nhiều phen, ông ta vẫn cứ lắm lời, khiến trẫm phải bực bội khó chịu. Nhà ngươi có thể bắn chừng một gáo phân dê vào miệng ông ta được không?".

Tâu hoàng thượng được. Xin hoàng thượng cho người đặt con ngồi sau bức rèm có khoét lỗ nhỏ. Rồi hoàng thượng cùng ngồi với quan Ngự sử phía ngoài. Con sẽ có cách thừa hành thánh lịnh.

Đức vua làm theo kế của anh què.

Anh này lấy mũi dao nhọn khoét một lỗ trong bức rèm, rồi theo đó phóng viên phân dê vào miệng vừa hả ra của Viên Ngự sử đang ngồi lý luận với đức vua. Mãi mê hùng biện để thuyết phục Đức vua, vị quan già không hay biết có chuyện khác thường. Hễ lọn phân nào lọt vào miệng là ông ta nuốt luôn viên phân ấy với nước miếng.

Khi đã bắn hết phân dê, anh què lay động bức rèm. Đức vua nhận được mật hiệu của anh ta, biết là phân dê đã hết, bèn phán bảo Viên Ngự sử: "Này khanh Đại học sĩ (ācariya), quả nhân chịu thua, không thể nào biện luận hơn khanh nổi, vì khanh già hàm lợi khẩu quá! Nuốt hết gáo phân dê rồi mà khanh chưa chịu ngậm miệng làm thinh".

Vị quan Bà la môn hết sức hổ thẹn, từ đó không thể mở miệng nói thêm lời nào với Đức vua nữa.

Đức vua hài lòng, triệu anh què vào cung và phán rằng :

- Nhờ khanh mà trẫm mới được an vui.

Đoạn nhà vua ban thưởng cho anh ta đủ thứ phẩm vật, và còn ân tứ thêm bốn làng trú phú (gāmavara) ở bốn phía thành.

Khi hay biết chuyện này, vị quân sư (amacco) đắc lực của Đức vua có nói bài kệ rằng :

"Sādhu kho sippakannāma,
Api yādisakīdisaṃ;
Passa khañjappahārena
Laddhā gāmā catuddisāti".

"Nếu tập luyện cho tinh,
Nghề nào cũng là vinh,
Như anh què bắn sạn,
Được làng bốn phương thành ".

Vị quân sư lúc bấy giờ chính là Như Lai ngày nay vậy.

Thời ấy có gã nam tử (puriso) trông thấy anh què được hiển vinh phú túc, tự nói thầm rằng : "Ông què này còn được tài sản lớn lao, chỉ nhờ vào tài bắn sạn. Vậy ta cũng cần học tập nghề ấy".

Nghĩ rồi, thanh niên đến bái kiến ông què để xin thọ giáo.

Chàng nói :

- Xin giáo sư (ācariya) truyền nghề bắn sạn cho con.

- Ta không thể truyền nghề bắn sạn cho chú được.

Tuy bị từ chối, thanh niên cũng không nản chí, cứ lân la chìu chuộng, đấm bóp tay chân, phục thị ông thầy què, quyết làm cho ông hài lòng mà thâu nạp mình làm đệ tử. Lâu lâu mỗi khi thấy thầy vui vẻ, chàng nhắc lại lời yêu cầu.

Về sau, ông giáo sư cũng xiêu lòng, không nỡ phụ công lao khó nhọc của người hầu hạ, ông mới đem hết sở trường của mình truyền lại cho y. Khi thanh niên đã tinh thông nghề bắn sạn, giáo sư hỏi chàng : "Bây giờ con đã thành nghề, vậy con sẽ định làm gì sau khi xuất sư?".

- Thưa thầy con sẽ ra đi thực hiện tài nghệ của con.

- Nghĩa là con sẽ làm gì?

- Dạ thưa, con sẽ hạ sát bò cái hay là người ta bằng một phát đạn.

- Con ơi, con bắn chết bò cái thì phải bồi thường một trăm đồng vàng, còn bắn chết người thường dân thì bồi thường ngàn đồng vàng nhân mạng. Con đem bán vợ đợ con mà mang tai họa đó con. Trừ khi vật gì không gia tộc, cha mẹ vợ con, khi bị bắn thì không có ai đòi tiền thiệt hại.

- Thưa sư phụ, vâng.

Rồi chàng ta lượm sạn bỏ đầy một cái bao nhỏ mang theo kè trên bắp vế, ra đi tìm mồi. Gặp con bò cái, gã không giám hạ sát, vì nghĩ rằng: "Con bò này có chủ".

Thời bấy giờ, có vị Phật Độc Giác (Paccekabuddha) hồng danh là Thiện Nhân, Ngài an cư trong một thảo xá ở phụ cận thành. Lúc ấy, Ngài đi vào thành khất thực, còn đang đứng ở cổng thành.

Thấy Ngài thanh niên nghĩ rằng: "Ông này không cha, không mẹ, không bà con họ hàng chi cả, có bắn chết ông ta cũng không ai đòi tiền bồi thường nhân mạng. Vậy để ta bắn ông này thí nghiệm tài nghệ của ta".

Giương giàn cung thẳng cánh, thanh niên nhắm ngay lỗ tai phải của Đức Độc Giác Phật, bắn ra một phát. Viên sạn bay vào lỗ tai phải, rồi lọt ra ngoài theo lỗ tai trái. Đức Phật Độc Giác khổ thái quá, không đi bát được nữa, nên bay về thảo xá và nhập vô dư Niết Bàn.

Dân chúng thấy vắng bóng Đức Phật đi trì bình, nghĩ: *"Chắc có lẽ Ngài đau yếu gì chăng?"*.

Khi đến thảo xá, trông thấy Ngài đã viên tịch, ai cũng than thở, khóc lóc.

Thấy thiên hạ kéo nhau đến thảo xá, thanh niên cũng đi theo. Đến chỗ nhục thể của Đức Độc Giác, chàng tự thú nhận rằng mình đã hạ sát Ngài: "Ông này đi vào thành khất thực, còn đang đứng giữa cổng, ngay trước mặt tôi. Hôm nay là ngày xuất sư, nên tôi bắn ông ta để thử tay nghề đó".

Dân chúng đồng thanh la to: "Giữ chặt nó lại, giữ chặt nó lại. Hắn đã tự xưng là bắn chết Đức Phật Độc Giác của chúng ta". Thế rồi, phần đông xúm nhau đánh đập gã thanh niên sát nhân cho đến khi y mệnh chung. Chết rồi chàng ta bị đọa vào địa ngục Vô Gián (Avīci), bị thiêu đốt rất lâu, cho đến quả địa cầu này dày thêm một do tuần mới thoát khỏi nơi đó. Do quả còn dư sót, chàng ta hóa sanh làm con ngạ quỷ bị búa đập đầu ở trên núi Gijjhakūṭa.

Thuật dứt câu chuyện này Đức Bổn Sư kết luận câu chuyện rằng:

- Này các Tỳ khưu ! Phàm là người ngu mà được nghề nghiệp thiện xảo hoặc của tiền quyền chức, thì họ tự hại lấy bản thân như thế.

Đức Bổn Sư thuyết pháp giảng rộng thêm nghĩa lý, rồi đọc bài kệ ngôn rằng:

"Yāvadeva anatthāya
Ñattaṃ bālassa jāyati
Hanti bālassa sukkaṃsaṃ,
Muddhamassa vipātayanti".

"Người ngu được trí danh nhiều,
Tài cao để khiến tự chiêu tội tình,
Làm tiêu thiện pháp để dành,
Đầu y cũng phá tan tành chẳng sai".

CHÚ GIẢI :

Yādaveda: là tiếng liên từ hay tiếp tục từ (nipāto), có ý nghĩ là vô lượng vô biên (avaddipanicchedana).

Ñattaṃ: là trạng thái của người có kiến thức, có danh tiếng, người nào có nghề nghiệp hay nghiệp giỏi hoặc có quyền cao chức trọng thì bao giờ cũng được tiền của danh vọng, từ trong gia đình cho đến ngoài xã hội. Ai ai cũng nghe biết đến thân thế của họ một cách rõ ràng. Tiếng ***Ñattaṃ*** cũng hàm cả hai ý nghĩa như trên.

Đối với người ngu, hễ tài năng, chức nghiệp hoặc là của tiền quyền thế phát sanh lên lúc nào thì tai họa cũng đồng thời phát sanh lên lúc ấy. Bởi vì y ỷ vào trí danh ấy mà tự chiêu lấy tội vào thân.

Hanti: phá hủy, tiêu diệt.

Sukkaṃsaṃ: là thiện pháp để dành, tức là phước tích trữ do nghiệp lành quá khứ.

Quả nhiên, trong lúc trí danh bắt đầu phát sanh lên cho kẻ ngu, thì vốn thiện pháp để dành từ trước của y cũng bắt đầu suy sụp, tiêu hoại.

Muddhaṃ: là cái đầu hay cân não, nghĩa bóng là trí tuệ.

Vipātayaṁ: là tiêu diệt, phá tan, đập vỡ ra. Quả nhiên người ngu bị trí danh phá tan vỡ thiện pháp của họ, phá tan vỡ luôn cái gọi là trí tuệ, đầu não của họ nữa.

☸

Thời pháp vừa dứt, nhiều vị Tỳ khưu đắc Thánh quả, nhất là quả Tu Đà Hườn.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Người ngu được thế dám làm ngang,
Gặp bậc chân tu bắn giết càng,
Sạn nhỏ một viên vào óc Phật,
Búa to muôn cái đập đầu chàng.
Phô danh chưa thấy danh thêm rạng,
Tạo khổ nào hay khổ lại mang,
Hỏa ngục thiêu còn dư sót lại,
Làm thân ngạ quỷ đỉnh Linh Sơn.

DỨT TÍCH NGẠ QUỶ BỊ BÚA ĐẬP ĐẦU

☸

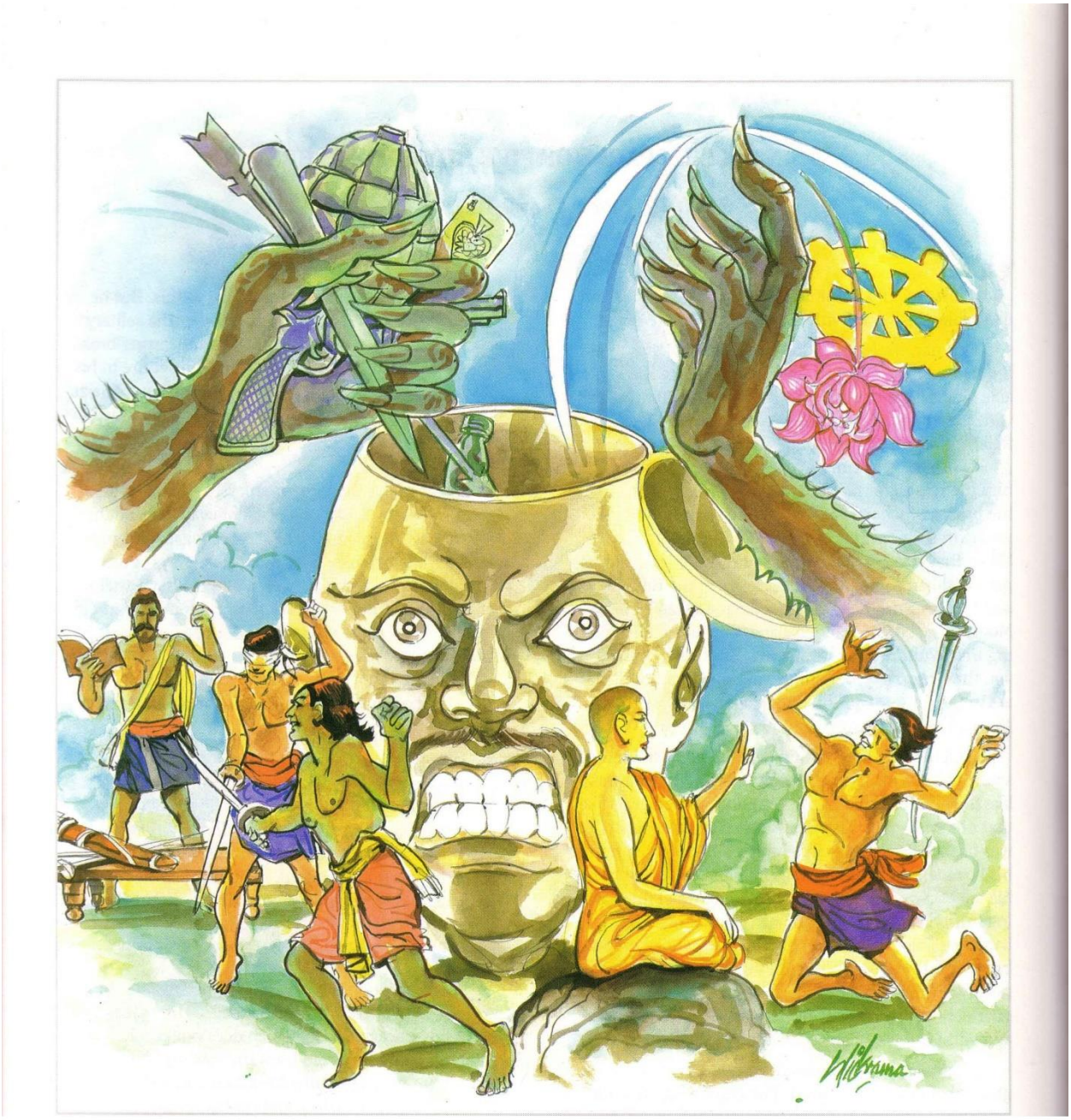

72. Kiến thức của người ngu đưa kẻ ấy đến chỗ diệt vong.
Nó tàn phá vận may và hủy hoại kẻ ấy.

V.14- Tích ĐẠI ĐỨC THIỆN PHÁP
(Sudhammattheravatthu)

☸

KỆ NGÔN : (Pháp cú số 73-74)

"Asataṁ bhāvanamiccheya,	***"Ham danh không tương xứng,***
Purekkhārañ ca bhikkhusu;	***Chức vị Tỳ khưu trưởng,***
Āvāsesu ca issariyaṃ,	***Quyền hành tại chùa chiền,***
Pūjā parakulesu ca".	***Lễ vật ngoại nhân chúng ".***
"Mam'eva kata maññantu,	***Mỗi việc chính ta làm,***
Gihī pabbajitā ubho;	***Tăng tục cả hai ban,***
Mam'eva ativasā assu,	***Phải tùy ta sắp đặt,***
Kiccākiccesu kismici;	***Từng chi tiết nhỏ nhặt,***
Iti bālassa saṅkappo,	***Người ngu chỉ bao hàm,***
Icchā māno ca vaḍḍhati".	***Càng ngã mạn tham lam".***

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn sư đã thuyết ra khi Ngài an cư tại Jetavana, đề cập đến Đại Đức Thiện Pháp (Suddhamma) và một cận sự nam. Chuyện ấy phát khởi từ thành Macchikāsaṇḍa (Mạc Thi Ca), về sau chấm dứt tại thành Savatthī (Xá Vệ).

Quả thật trong thành Machikāsaṇḍa (Mạc Thi Ca), có vị cư sĩ tên Citta (Hữu Tâm). Khi trông thấy Đại Đức Mahānāma thuộc nhóm năm vị Kiều Trần Như đang trì bình khất thực, tướng mạo trang nghiêm thì sanh lòng tín ngưỡng, bèn ra rước bát và thỉnh Đại Đức vào nhà để cúng dường thực phẩm.

Sau khi Đại Đại Đức thọ thực xong, ông được Đại Đức thuyết pháp cho nghe, khiến ông đắc quả Tu Đà Hườn. Với đức tin kiên cố, ông muốn kiến tạo một ngôi vườn du ngoạn của mình, mệnh danh là Ambāṇakavana thành một cảnh Già Lam của Đại đức Tăng, nên ông làm lễ dâng cúng ngôi vườn bằng cách xối nước lên tay của Đại đức Mahānāma và nguyện rằng: "Ngay trong sát na nầy, xin cho Phật Pháp được thành tựu". Nước xối vừa hết thì khắp mặt địa cầu đều chuyển động.

Tiếp theo đó, nhà đại gia sản lo sửa sang ngôi vườn, lập nên ngôi đạo tràng đại tự, là nơi lúc nào cũng mở rộng cửa ngõ mà đón tiếp khách Tăng tứ phương. Đại Đức Sudhamma được cử làm vị trụ trì ở xứ Macchikāsaṇḍa.

Khi hay tin hai vị Thượng Thinh Văn của Đức Thế Tôn đi gần đến, ông Citta ra đi một quảng đường xa nửa do tuần để nghinh tiếp và đưa Ngài về chùa mình. Lo phục dịch cho hai vị khách Tăng, tẩy trần và dâng nước giải lao xong, ông ngỏ lời xin Đức Pháp chủ (Dhammasenāpati):

- Bạch Ngài, con ao ước được nghe thuyết pháp đã lâu, xin Ngài từ bi hoan hỷ ban bố cho con một vài lời.

Khi ấy, Đại Đức Sāriputta đáp:

- Nầy ông thiện nam, chư Tăng chúng tôi còn mệt mỏi vì đi đường xa, nên chỉ thuyết chút ít thôi. Vậy ông hãy ráng nghe.

Trong lúc vị Pháp Chủ thuyết pháp, ông Citta chú ý lắng nghe và đắc quả A Na Hàm.

Đến cuối thời pháp ông đảnh lễ hai vị Thượng Thinh Văn:

- Bạch hai Ngài, con xin cung thỉnh hai Ngài cùng với một ngàn vị Tỳ khưu, ngày mai đến thọ thực nơi nhà con.

Thỉnh những khách Tăng trước rồi, sau đó ông Citta mới thỉnh đến vị trụ trì là Đại Đức Sudhamma: "Bạch Ngài, con cũng xin thỉnh Ngài, ngày mai đi chung với hai Ngài Đại Đức".

Cho rằng mình bị mất mặt vì được thỉnh sau các vị khách Tăng, vị trụ trì nổi giận từ khước ngay. Mặc dù thí chủ van nài khẩn khoản, Đại Đức cũng không đổi ý.

Thấy vậy ông thiện nam Citta ra về với lời từ giã:

- Bạch Ngài, xin Ngài thông cảm dùm con.

Ngày hôm sau ông Citta ở nhà lo sắp đặt cuộc lễ Trai Tăng rất long trọng.

Từ mờ mờ đất, vị trụ trì ở chùa cũng ngồi không yên, nghĩ thầm rằng: "Để sáng mai ta đến nhà thí chủ xem ông ta cúng dường hai vị Thượng Thinh Văn những lễ vật thế nào cho biết".

Chờ khi trời sáng tỏ, Đại Đức Suddhamma đắp y mang bát đi đến nhà ông Citta, nhưng không chịu ngồi. Mặc dầu gia chủ có lời cầu thỉnh, Đại Đức nói rằng: "Ta không ngồi đâu, ta sẽ đi trì bình khất thực".

Nói rồi, Đại Đức đưa mắt nhìn xem những lễ vật sắp đem cúng dường đến hai vị Thượng Thinh Văn, cố ý muốn xúc phạm đến dòng dõi gia chủ, mới bảo rằng:

- Này gia chủ, những lễ vật cúng dường của ông trọng thể quá, nhưng hiềm vì còn thiếu một món.

- Bạch Ngài, còn thiếu món chi.

- Bánh mè (Tilasaṅkulikā), gia chủ ạ.

Nghe lời châm chích khiếm nhã, ông Citta thuật chuyện ngụ ngôn "Con quạ và con gà mái", có ý khuyên vị trụ trì thốt ra những lời đạo đức như Phật ngôn chẳng hạn, chớ đừng dùng những tiếng lóng như tiếng "bánh mè".

Đại Đức Sudhamma bất mãn còn nóng nảy thêm, vì đổ lỗi cho ông cư sĩ, dám so sánh mình với con quạ: "Nầy gia chủ, ta sẽ ra khỏi đất chùa của ông liền bây giờ đây".

Mặc dầu ông Citta hết sức phân trần là mình không dám nói phạm thượng và yêu cầu Đại Đức Sudhamma đến ba lần, Đại Đức cũng bỏ chùa, đi về Sāvatthī đảnh lễ Đức Bổn Sư và tường trình cuộc đấu khẩu giữa Đại đức và ông Citta.

Đức Bổn Sư phán rằng: "Cận sự nam của ông là người có đức tin trong sạch, mà ông lại thô lỗ, cọc cằn miệt thị người ta". Phán rồi, Đức Bổn Sư triệu tập Tăng chúng, dạy tụng tuyên ngôn khuyến cáo, nhắc nhở (paṭisāranīyakammaṃ) Đại Đức Suddhamma (bài tuyên ngôn bằng Pāḷi có ghi trong Tạng Luật, quyển thứ 9, chương 134).

Sau khi sám hối giữa chư Tăng, Đại đức còn phải vâng lời Đức Bổn Sư trở về chùa chịu lỗi với ông Citta nữa.

Về chỗ cũ, đến giáp mặt với ông Cittta, Đại đức nói:

- Nầy gia chủ, ta đã biết lỗi, người hãy miễn lỗi cho ta.

Nhưng gia chủ Citta từ chối không chịu tha thứ, nói rằng:

- Con không thể tha thứ.

Đại Đức Sudhamma ngỡ ngàng quá, không mở miệng được, vì nhớ lại chuyện mình đã cương quyết bác bỏ lời thỉnh cầu của ông ta. Đại đức làm thinh quay về Sāvatthī một lần nữa.

Vẫn biết là vị Tỳ khưu này cống cao ngã mạn, nhứt định không chịu lỗi với thiện nam, thà là đi suốt quãng đường xa ba mươi do tuần rồi trở về không, nên Đức Bổn Sư để cho đi mà không chỉ dạy cách thức xin lỗi làm sao cả.

Khi Đại đức trở về Jetavana, Đức Bổn Sư phái một vị Tỳ khưu khác cùng đi với Đại đức để giúp cho Đại đức tự thắng được tính ngã mạn và dạy rằng:

- Ông hãy đi chung với ông này để xin lỗi ông thiện nam.

Đức Bổn Sư còn nhấn mạnh thêm rằng:

- Hễ là Sa môn thì không nên nghĩ quấy như vậy: Chùa của ta, đạo tràng của ta, thiện nam của ta, tín nữ của ta hoặc lộ vẻ kiêu căng, tật đố. Vì làm như thế thì các thứ phiền não nhất là tật đố và ngã mạn tự nhiên tăng trưởng thêm lên.

Kết luận xong, Đức Bổn Sư thuyết pháp, đoạn Ngài chấm dứt bài kệ ngôn rằng:

"Asataṁ bhāvanamiccheya, Purekkhārañ ca bhikkhusu; Āvāsesu ca issariyaṃ, Pūjā parakulesu ca".	*"Ham danh không tương xứng,* *Chức vị Tỳ khưu trưởng,* *Quyền hành tại chùa chiền,* *Lễ vật ngoại nhân chúng".*
"Mam'eva kata maññantu, Gihī pabbajitā ubho; Mam'eva ativasā assu, Kiccākiccesu kismici; Iti bālassa saṅkappo, Icchā māno ca vaḍḍhati".	*Mỗi việc chính ta làm,* *Tăng tục cả hai ban,* *Phải tùy ta sắp đặt,* *Từng chi tiết nhỏ nhặt,* *Người ngu chỉ bao hàm,* *Càng ngã mạn tham lam".*

☸

CHÚ GIẢI :

Asantaṃ...: (Là danh không xứng): nghĩa là Tỳ khưu ngu dốt lại ham muốn danh vọng mà mình không xứng đáng vì mình không có tài đức, ví dụ mình không có chánh tín mà tuyên bố: Tôi là người có chánh tín và muốn cho ai nấy cũng nhìn nhận mình là người có chánh tín. Do tà dục người ngu nói ra những lời như vậy, chẳng hạn mình là người tà tín, phá giới ít kiến văn, không thích độc cư, biếng nhác, tâm bất định, trí tuệ kém, chưa dứt trừ lậu hoặc mà vẫn tuyên bố: "Hãy biết rằng tôi là người ai cũng tán dương: Đây là bậc chánh tín, bậc giới đức, bậc đa văn, bậc độc cư, bậc

tinh tấn, bậc có tâm thanh tịnh, có đầy đủ trí tuệ, là bậc Lậu Tận". Như vậy gọi là ham danh không xứng đáng.

Purekkhāraṃ: chức vị Tỳ khưu trưởng (dẫn đầu cả nhóm), nghĩa là ham muốn chỗ ngồi trên trước cả đoàn Tỳ khưu trong chùa, để Tăng chúng hộ tống mình và bẩm bạch hỏi hang mọi công việc.

Āvāsesu: (Quyền hành tại chùa, nơi đạo tràng): Là chỗ ngụ của Tăng chúng, như ở giữa vườn chùa có chỗ ngồi cao sang thì mình dành riêng cho các Tỳ khưu bạn mới bạn cũ của mình. Chính mình chiếm địa điểm quý báu nhất. Còn đối với các khách Tăng thì chỉ định chỗ ngụ dơ bẩn, bất tiện, ở bên ranh vườn chùa và chỗ có phi nhơn giữ gìn. Như vậy là muốn chiếm độc quyền về chỗ ngụ trong chùa.

Pūjā parakulesu ca: (Lễ vật ngoại dâng cúng): Tỳ khưu có tâm tham tứ vật dụng của tín thí cúng dường, muốn rằng: "Chà, phải chi họ dâng lên một mình ta, chớ dâng cho ai khác hết".

Mam'eva kata maññantu, gihī pabbajitā ubho: (Mọi việc chính ta làm, Tăng tục cả hai ban): Người ngu hằng tư duy tự lập công trạng như vầy: Tất cả hai bên cư sĩ và xuất gia phải biết rằng: Bất cứ việc chi lớn nhỏ trong chùa từ việc quét tước, sắp đặt trong chỗ Tăng phát lộ cho đến việc kiến thiết những cơ sở mới đều do Đại đức của ta đứng ra chỉ huy mới thành tựu, mới kết quả mỹ mãn.

Mam'eva ativasā assu, kiccākiccesu kismici: (Phải tùy theo sắp đặt, từng chi tiết nhỏ nhặt). Người ngu tư duy như vậy: Tất cả hai hàng cư sĩ và xuất gia đều nhờ quyền lực ảnh hưởng của ta mới có được nào là xe cộ, bò bê, dao mác, búa rìu. Dầu là việc nhỏ nhen như nấu cháo ăn sáng, tất cả mọi công việc lớn nhỏ phải làm cách nào đều phải hỏi lại ta để ta định đoạt.

Iti bālassa saṅkappo, icchā māno ca vaḍḍhati (Người ngu nghĩ như vậy, càng ngã mạn tham lam): Khi tà tư duy đã phát sanh lên như vậy thì không bao giờ có được Tuệ minh sát hay là Đạo quả tăng tiến được nữa. Trái lại, ái dục (taṇhā) sẽ dấy lên theo sáu cửa và đồng tăng trưởng với tâm ngã mạn như toàn thể nước thủy triều dâng lên trong dục hải.

☸

Khi thời pháp chấm dứt, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh Quả, nhất là Dự Lưu.

Đại Đức Sudhamma nghe Đức Thế Tôn ban huấn từ xong, đảnh lễ Ngài, rời khỏi chỗ ngồi đứng lên nhiễu quanh Ngài ba vòng, đoạn cùng vị Tỳ khưu bạn lên đường đi Macchikāsaṇḍa.

Vừa trông thấy ông thiện nam Citta, Đại đức đã chịu lỗi và xin ông miễn thứ. Ông Citta đáp:

- Bạch Ngài, con xin miễn lỗi cho Ngài. Nếu con có lỗi chi xin Ngài tha thứ cho con.

Sau khi sám hối với ông thiện nam, Đại đức Sudhamma lấy huấn từ Đức Bổn Sư làm đề tài suy niệm và ngay sau đó Đại đức đã giác ngộ đắc ngay quả A La Hán với Tuệ phân tích.

Còn ông thiện nam nghĩ thầm: "Từ lúc đắc quả Tu Đà Hườn ta chưa gặp Đức Bổn Sư, kế đến đắc quả A Na Hàm ta cũng chưa gặp được Ngài. Vậy ta phải đến bái yết Ngài mới được".

Thế rồi ông Citta chuẩn bị lễ vật cúng dường như gạo, mè, đường, sữa, khăn… chất đầy năm trăm cỗ xe bò. Ông thỉnh chư Tăng vị nào muốn đến bái yết Đức Bổn Sư thì đi chung đoàn, khỏi lo đi bát cực nhọc. Ông thỉnh Tỳ khưu Tăng, Ni và luôn cả cận sự nam, cận sự nữ nữa.

Thành ra tất cả năm trăm Tỳ khưu, năm trăm Tỳ khưu Ni, năm trăm Thiện nam và năm trăm Tín nữa, vậy đoàn cùng đi với ông Citta cùng với ba ngàn tùy tùng của ông. Với con số của đoàn lữ hành cùng với con đường dài ba mươi do tuần đông đảo như thế, mà ông lo lắng sắp đặt mọi việc rất chu đáo, không để cho ai phải thiếu cơm vật thực chi hết.

Khi hay đoàn hành hương đã lên đường, chư thiên lập trại cách khoảng đường từng mỗi do tuần một, để khoảng đãi đại chúng bằng những vật thực như cháo, cơm, bánh, nước… của cõi trời. Do đó, không ai thiếu thốn món chi cả.

Được chư thiên đón đưa như thế, đoàn hành hương đi mỗi ngày được một do tuần. Đúng một tháng họ mới đến kinh thành Sāvatthī. Số đồ vật đem theo còn đầy nguyên trên năm trăm cỗ xe bò, chư thiên và nhân loại đồng dốc tay cho hết tặng phẩm rồi mới từ biệt.

Hôm ấy Đức Bổn Sư bảo Đại đức Ānanda: "Nầy Ānanda, chiều nay khi bóng xế tà gia chủ Citta dắt theo năm trăm thiện nam sẽ đến đảnh lễ Như Lai".

- Bạch Ngài, trong lúc ông đảnh lễ Ngài, sẽ có hiện tượng huyền diệu chi chăng?

- Này Ānanda, sẽ có.

- Bạch Ngài, sẽ có việc chi?

- Lúc đảnh lễ Như Lai, thì khắp một vùng vương thổ rộng độ tám sào, sẽ có chư thiên làm mưa hoa dày đặc rơi xuống, bề cao ngập lút đầu gối.

Kim ngôn này được dân chúng trong thành nghe được, họ truyền tin cho nhau rằng: "Nghe nói có một gia trưởng tên là Citta, là bậc đại phước sẽ đến đây hôm nay để đảnh lễ Đức Bổn Sư. Nghe nói sẽ có hiện tượng huyền diệu như vậy. Chúng ta cũng nên đi xem cho biết mặt nhà đại phúc ấy", thiên hạ mang theo quà biếu, ra đứng chờ hai bên lề đường.

Khi đến gần chùa Jetavana, năm trăm vị Tỳ khưu vào trước nhất. Gia chủ Citta dặn đoàn tín nữ: "Quý bà, quý cô hãy rán chờ vào sau". Rồi tự mình dắt cả đoàn thiện nam đi đến chỗ Đức Bổn Sư đang ngự.

(Theo lệ thường, ngay trước mặt Đức Thế Tôn không có ai dám đứng hoặc ngồi hay làm cái chi khác. Luôn luôn chừa trống con đường trước mặt Đức Thế Tôn và chỉ đứng thành hàng ở hai bên).

Thấy chỗ trống rộng rãi, gia chủ Citta đi ngay vào đó.

Những Thánh Thinh Văn đắc từ Tam quả trở xuống, lấy mắt nhìn nhau, hồi hộp, đại chúng cũng chăm chú nhìn, họ kháo nhau: "Ông ta là gia chủ Citta phải không?".

Đến chỗ Đức Thế tôn đang ngự, ông Citta đi vào trong vòng hào quang sáu màu của Ngài, rồi sụp xuống đảnh lễ và ôm chân của Ngài.

Ngay trong giây phút ấy, hoa trời rơi xuống như mưa. Muôn ngàn tiếng chúc: "Lành thay! Lành thay!" vang dậy.

Ông Citta lưu lại bên Đức Thế Tôn trong thời gian một tháng. Lúc ấy, mỗi ngày đều có lễ Trai Tăng trong chùa Jetavana, do thiện tín cúng dường cho toàn thể chư Tỳ khưu Tăng có Đức Phật làm tọa chủ. Ông Citta và đoàn tùy tùng của ông cũng được thiết đãi tại chùa. Không có ngày nào mà ông phải đi lấy vật dụng chi để trên xe bò của ông cả. Chư thiên trong nhân loại mang tặng phẩm đến Trai Tăng và đảm đang tất cả mọi việc cúng dường.

Đến giáp tháng, ông Citta vào đảnh lễ Đức Bổn Sư và bạch rằng:

- Bạch Ngài, con đến đây với mục đích cúng dường, nhưng con không lấy được món gì trên xe con đem theo để cúng dường đến Ngài được cả, vì đã có chư thiên và nhân loại mang lễ vật đến cúng dường suốt một tháng qua. Dù cho con có nán ở lại đây một năm nữa, nhắm con không thể dâng cúng lễ vật của con được bao giờ. Nay con định về xứ, xin Ngài chỉ định chỗ nào cho con chất hết đồ đạt trên xe bò xuống, để trở về xe không.

Đức Bổn Sư dạy Đại đức Ānanda: "Này Ānanda! Ông hãy chỉ cho ông thiện nam này địa điểm để ông ấy chất đồ trên xe bò xuống, để trở về xe không".

Đức Bổn Sư bảo Đại đức Ānanda, Đại đức vâng lịnh, chọn một địa điểm thích nghi, rồi họp Tăng tụng tuyên ngôn, nhìn nhận địa điểm đúng heo Luật (Kappiyabhūmi). Tương truyền rằng : Đức Bổn Sư cho phép chỉ định địa điểm thích hợp là do nơi lời yêu cầu của gia trưởng Citta vậy.

Sau khi dốc hết đồ vật trên xe bò xuống, ông thiện nam Citta cùng với ba ngàn tùy tùng lên đường trở về xứ. Nhưng chư thiên và nhân loại đồng nói: "Thưa Ngài, chẳng lẽ Ngài đi xe không mà về hay sao?". Nói rồi đồng đem đồ thất bảo làm quà tặng chất đầy cỗ xe bò.

Ông Citta đích thân đứng ra phân phát bố thí các tặng phẩm cho quần chúng, hết rồi mới đi.

Thấy vậy, Đại đức Ānanda đảnh lễ Đức Bổn Sư và bạch rằng:

- Bạch Ngài, trong lúc gia chủ Citta từ nhà đến yết kiến Ngài, ông đã đi suốt một tháng, và ở đây mãn một tháng ông lại trở về, suốt cả thời gian ấy, ông không ngớt nhận tặng phẩm mỗi ngày. Hôm nay biết tin ông cúng dường hết tặng phẩm trên xe bò để trở về với xe không, chư thiên và nhân loại lại nói rằng: "Thưa Ngài, chẳng lẽ Ngài đi về xe không?". Rồi đem đồ thất bảo làm quà tặng chất đầy các cỗ xe bò cho ông và nghe nói đích thân ông đứng ra bố thí hết tặng phẩm đến đại chúng rồi mới đi. Bạch

Ngài, có phải là ông chỉ được danh dự như thế trong khi đến hầu Ngài mà thôi, hay là khi đến hầu vị nào khác, ông cũng được như vậy?

- Này Ānanda ! Dầu là đến với Như Lai hay đến với vị nào khác, danh dự cũng phát sanh lên cho ông thiện nam này. Quả thật vậy, vì ông là người có đức tin trong sạch, có đầy đủ giới hạnh. Người như thế đi đến xứ nào cũng được sự tôn kính của mọi người.

Thuyết đến đây, Đức Bổn Sư đọc bài kệ, về sau được xếp vào phẩm Tạp Lục (Pakiṇṇaka vagga).

"Saddho sīlena sampanno,
Yaso bhogasamappito;
Yaṃ yaṃ padesaṃ bhajati
Tattha tattheva pūjitoti".

"Bậc chánh tín, giới hạnh,
Hữu danh, tài sản Thánh,
Dầu đến ở xứ nào,
Cũng được người tôn kính".

Nghĩa lý bài kệ này sẽ được giải thích rõ ràng nơi phẩm Tạp Lục.

Nghe vậy Đại đức Ānanda bạch xin Đức Thế Tôn thuật tiền kiếp của gia chủ Citta.

Đức Bổn Sư bèn nhắc tích rằng :

"Này Ānanda! Citta đã từng phát nguyện dưới chân Đức Phật Padumuttara. Sau khi luân hồi lên xuống trong các cõi trời và người hết một trăm ngàn đại kiếp (kappa), đến thời Đức Phật Kassapa ông thọ sanh vào dòng thợ săn nai (Migaluddaka). Đến tuổi trưởng thành, ông cũng sống về nghề săn bắn.

Một hôm nhằm lúc trời mưa, ông cầm lao đi vào rừng để săn thịt. Đang nhìn kiếm nai, ông trông thấy vị Tỳ khưu đầu trùm y đang ngồi sườn núi, ông nghĩ thầm: "Đây chắc là vị Sa môn đang hành Sa môn pháp, ta hãy đem cơm đến dâng cúng Ngài".

Ông thợ săn nai hối hả trở về nhà bảo vợ nhóm lò lửa, một lò nấu thịt săn được hôm qua, một lò nấu cơm. Khi ấy vật thực đã sẵn sàng, ông thấy những vị Tỳ khưu khác đang đi trì bình khất thực, ông cũng ra thỉnh bát dọn chỗ mời các vị ngồi, rồi dặn người nhà lo hộ độ các Đại đức trì bình khất thực, còn mình thì lấy giỏ đựng cơm bát đem đi dọc đường, ông hái nhiều thứ hoa đậy trên nắp bát rồi đi ngay đến chỗ vị Đại đức đang tịnh tọa.

- Bạch Ngài, xin Ngài từ bi tế độ cho con.

Nói rồi ông rước lấy bát, sớt cơm canh xong, dâng hai tay đến Đại đức và cúng dường luôn những hoa tươi mới hái.

Khi ấy ông phát nguyện rằng: "Do tâm con thỏa thích trong khi cúng dường bát cơm ngon lành cùng với những bó hoa tươi đẹp như vậy như thế nào, xin cho con tái sanh lên cõi nào, bất cứ nơi đâu cũng được hàng ngàn quà tặng đem đến cho con và có

mưa hoa ngũ sắc trên trời rơi xuống, làm cho tâm con thỏa thích cũng như thế ấy". Nhờ tạo thiện nghiệp suốt đời, đến lúc hết tuổi thọ ông được tái sanh lên Thiên giới. Nơi ông sanh ra, có hoa trời rơi xuống, cao tới đầu gối. Bây giờ cũng như ngày ông chào đời, lúc ông đến nơi đây ông được hoa trời rơi xuống đón mừng, được vô số tặng phẩm đem đến biếu và được bảy vật báu chất đầy xe bò như thế, là do nơi quả phước cúng dường của tiền nghiệp ấy vậy.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Vì chút si mê muốn đứng đầu,
Trụ trì Thiện Pháp nặng lo âu,
Danh cao chẳng trọn, công đành bỏ,
Chức lớn không toàn lại miễn thâu.
Trách kẻ hữu tâm lời nhã nhặn,
Quên mình vô ý tánh câu mâu,
Nhờ kinh Pháp Cú, thầy khuyên dứt,
Diệt ngã hành thâm đắc đạo mầu.

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC THIỆN PHÁP

ଓ☸ଓ

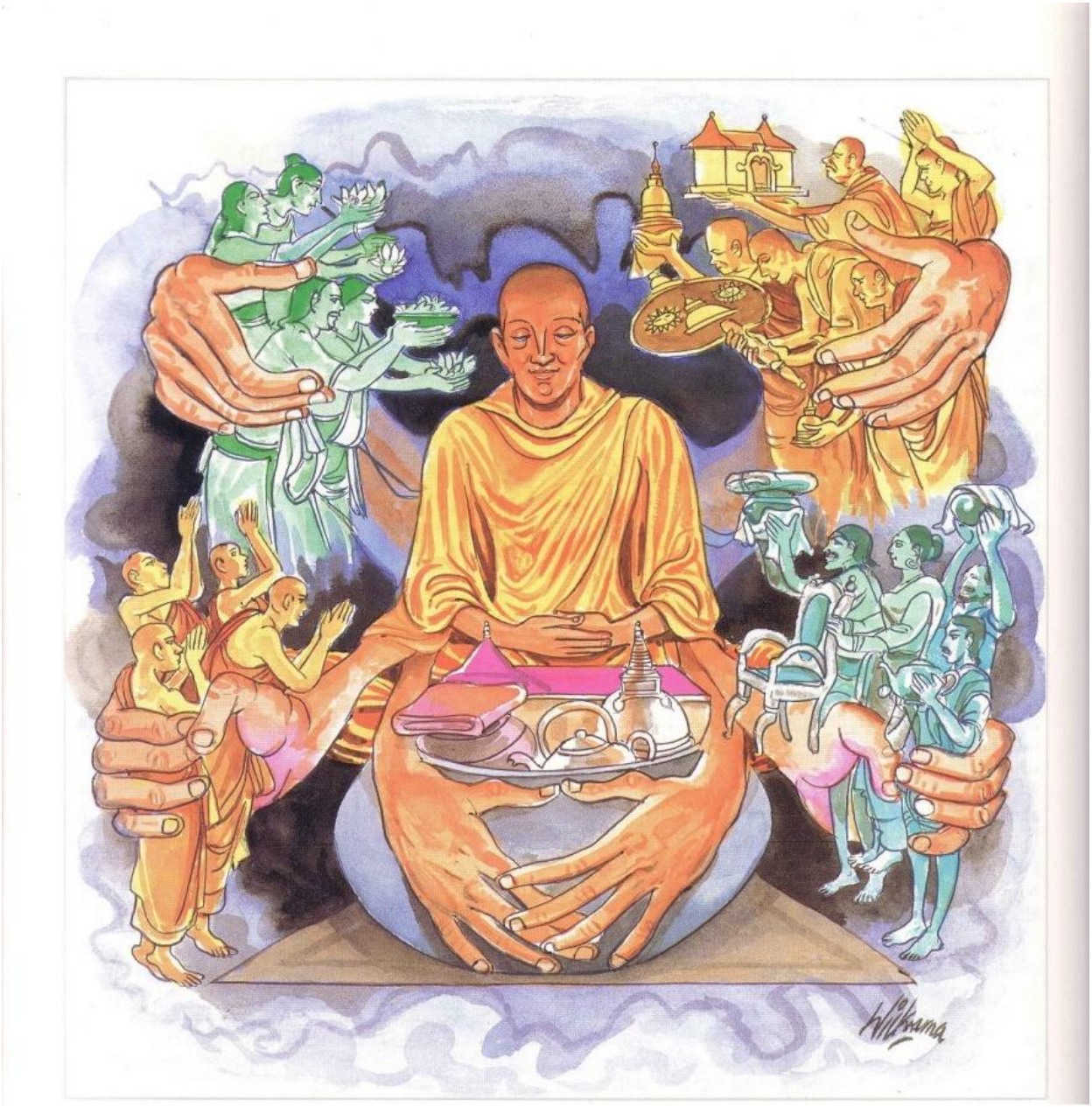

73. Người ngu ước muốn hư danh, đặc quyền và sự tôn kính giữa đám người đời.

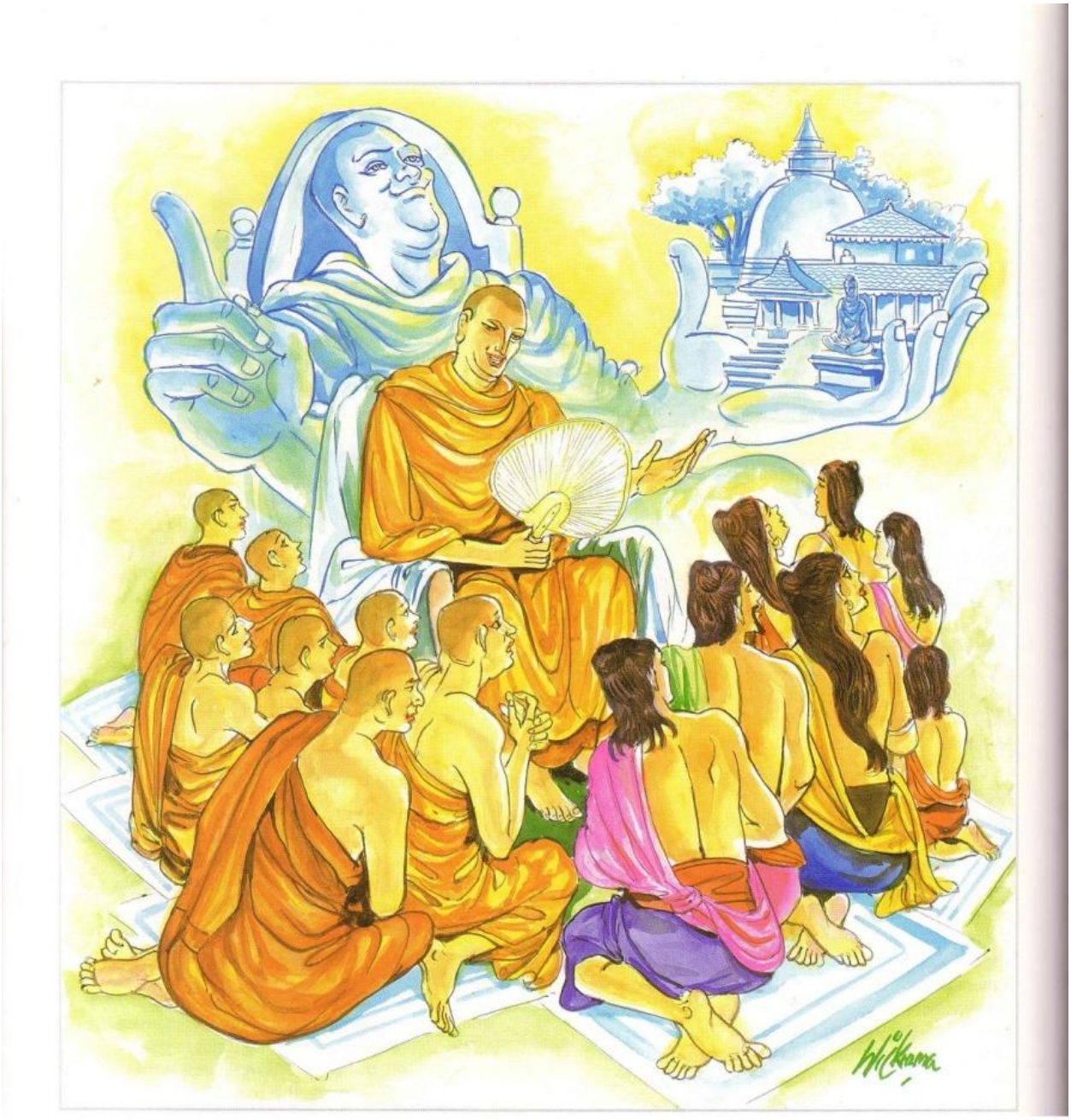

74. Kiêu mạn tăng trưởng khi vị đệ tử Phật không tu tập, mà lại cả hai giới Tăng và tục tôn trọng mình.

V.15- Tích ĐẠI ĐỨC ĐỀ XÁ Ở RỪNG

(Vanavāsitissattheravatthu)

☸

KỆ NGÔN : (Pháp cú số 75)

"Aññā hi lābhūpanisā,	***"Đường theo lợi thế khác,***
Añña nibbānagāminī;	***Đường đến Níp Bàn khác,***
Evametaṃ abhiññāya,	***Như vậy hiểu biết rành,***
Bhikkhu buddhassa sāvako;	***Tỳ khưu, đệ tử Phật,***
Sakkāraṁ nābhinandeyya,	***Chớ vui theo lợi danh,***
Vivekam anubrūhayeti".	***Hãy chuyên tu giải thoát".***

Kệ Pháp Cú này Đức Thế Tôn đã thuyết ra, khi Ngài an cư tại Jetavana, đề cập đến Đại đức Tissa (Đề Xá) ở rừng (Vanavāsi).

Chuyện này phát khởi trong thành Rājagaha.

Tương truyền rằng : Thân phụ của Đại đức Sāriputta là ông Bà la môn Vaṅganta, có người bạn là ông Bà la môn Māhasena (Đại Binh) cư ngụ trong thành Rājagaha.

Một hôm nọ nhân lúc đi trì bình khất thực, Đại đức Sāriputta đến trước cửa nhà của ông để tiếp độ ông ta. Ông Bà la môn này bây giờ gia tài đã khánh tận, thành ra nghèo xác xơ. Ông nghĩ thầm : "Con trai ta đến trước cửa nhà ta khất thực, chắc hẳn là chưa biết ta đang túng quẩn bần hàn, không có vật gì để bát cả". Thấy không tiện gặp mặt Đại Đức, ông ta bèn lẩn tránh. Ngày khác, Đại đức lại đến đứng trước nhà của ông, ông cũng lánh mặt nữa, vì không tìm được chút chi để bát cả.

Nhưng có một hôm nhờ tụng kinh một cuộc lễ của môn phái mình, ông Bà la môn được chia một phần cơm trắng và một cái choàng tắm lớn. Lúc mang lễ vật về nhà, ông sực nhớ đến Đại đức Sāriputta, ông nói thầm: "Phần cơm này ta nên để dành cúng dường đến Đại đức của ta".

Ngay sát na ấy, Đại đức nhập thiền vừa xuất ra, quán thấy ông Bà la môn. Đại đức nghĩ rằng: "Ông Bà la môn vừa có được lễ vật, còn đang chờ ta đến để cúng dường. Vậy ta nên đến đó". Đại đức đắp y Tăng Già Lê (Saṇghāti) ôm bát đi bộ đến ngay trước cửa nhà ông Māhasena, cho ông ngó thấy mình. Trông thấy Đại đức, ông Bà la môn phát tín tâm trong sạch, ra đón chào đảnh lễ Đại Đức, thỉnh Đại đức vào ngồi trong nhà, đoạn đem phần cơm trắng của ông vừa được sớt vào bát của Đại Đức.

Đại đức chỉ nhận nửa phần cơm thì lấy tay đậy miệng bát. Ông Bà la môn xin: "Bạch Đại đức, Ngài hãy nhận hết, chỉ chừng ấy thì con có được nửa phần thôi. Xin Ngài tế độ con trong những kiếp về sau, chớ đừng tế độ trong đời nầy. Phần cơm còn lại đây, tôi muốn cúng dường hết cho Ngài". Nói rồi ông sớt luôn vào bát Đại Đức, Đại đức thọ bát luôn tại đó. Khi Đại đức dùng xong bữa, ông Bà la môn đem cái y choàng ra, đảnh lễ Đại đức và nguyện:

- Bạch Ngài, tôi nguyện xin đắc pháp mà Ngài đã đắc.

Đại đức chúc phúc: "Nầy ông Bà la môn, cầu chúc cho ông được như ý". Sau lời chúc phúc, Đại đức từ chỗ ngồi đứng dậy, ra đi vân du, lần hồi về đến Jetavana.

Trong lúc cùng quẩn mà tạo được sự bố thí, ông Bà la môn vui mừng không xiết tả. Sau khi để bát, ông phát tín tâm trong sạch vô cùng hoan hỷ và sanh lòng ái mộ Đại đức vô hạn. Còn đang quyến luyến Đại đức thì ông bỏ xác lìa đời, tâm thức nhập vào bào thai của một tín nữ là người hộ độ Đại Đức, cư ngụ trong thành Sāvatthī.

Liền đó, mẹ tương lai của ông, bảo chồng rằng: "Em đã thọ thai rồi anh ạ". Người chồng chăm sóc thuốc thang để bảo dưỡng thai nhi, dựng phụ cũng ráng kiêng cử các thức ăn nóng lạnh hoặc chua cay thái quá, vì sợ ảnh hưởng không tốt đến bào thai. Do đó dựng phụ phát sanh sự thèm muốn: "Chà, phải chi mình thỉnh được năm trăm vị Tỳ khưu có Đại đức Sāriputta làm tọa chủ, rước vào ngồi trong nhà, rồi cúng dường toàn cơm nấu ròng sữa tươi. Còn mình thì đắp y vàng ôm bát vàng ngồi nối phía sau Tăng chúng và ăn dùng cơm dư của các Ngài Tỳ khưu ấy sớt bát ra cho lại".

Tương truyền rằng: Phụ nữ này phát sanh chứng thèm đắp y và ăn cơm bát như vậy là điềm báo trước cho biết là đứa bé trong thai sau nầy sẽ xuất gia đầu Phật.

Khi ấy, các thân bằng quyến thuộc, nhất là cha mẹ chồng nhìn nhận rằng: "Sự thèm muốn của dâu ta hợp theo lẽ đạo".

Một cuộc trai Tăng được tổ chức và Đại đức Sāriputta được thỉnh làm tọa chủ đoàn năm trăm vị Tỳ khưu, đến thọ bữa cơm nấu ròng với sữa tươi.

Dựng phụ bên dưới vận y vàng, trên khoác y vàng khác, lấy bát bằng vàng đến ngồi phía sau rốt chư Tăng và ăn những vật thực mà chư Tăng sớt bát cho nàng.

Hết chứng thèm khát, cho đến thời kỳ sanh nở, gia đình thiếu phụ lại thỉnh thoảng tổ chức đại lễ Trai Tăng.

Sau mười tháng hoài thai, thiếu phụ sanh được cậu con trai, trong nhà nàng lại thỉnh đoàn Tỳ khưu Tăng năm trăm vị có Đại đức Sāriputta làm tọa chủ, để bát cúng dường cơm nấu với mật ong pha ít nước.

Tương truyền rằng: Do nhờ quả phước cúng dường bố thí cơm trắng đã gieo trong kiếp làm ông Bà la môn mà trong ngày ăn mừng đứa bé chào đời, buổi sáng nó được tắm gội sạch sẽ, mặc đồ sang trọng, đặt nằm trên giường chạm trỗ tinh vi, có trải lót gấm trị giá một trăm ngàn đồng vàng.

Nằm trên nhung lụa, đứa bé sơ sanh nhìn Đại đức nhớ lại rằng: "Ông này là thầy của ta trong kiếp trước (pubbācāriya), ta nhờ Ngài mà được phú quý như vầy. Ta phải cúng dường Ngài một món đồ".

Khi người nhà bồng đứa bé định đem đến xin Đại đức truyền Quy giới cho nó, thì nó lấy ngón tay út xoắn một góc tấm vải lót bằng gấm, rồi nắm chạt tay lại. Nhiều người bảo: "Tay nó dính trong tấm lót gấm kia, gỡ ra".

Đứa bé khóc lên, các quyến thuộc bảo: "Thôi đừng làm cho nó khóc". Người nhà phải ôm luôn tấm lót gấm đi với đứa bé.

Khi được đặt xuống để nó đảnh lễ Đại đức đặng xin thọ Quy giới, đứa bé buông tay ra thả tấm lót gấm rớt ngay chân của Đại Đức, thấy vậy các quyến thuộc không

nói: "Trẻ con ngu dốt làm việc vô ý thức", nhưng họ lại nói: "Bạch Ngài, xin Ngài thọ nhận lễ vật chúng con cúng dường, do đứa con trai của chúng con bỏ xuống như vậy".

Tiếp theo đó họ yêu cầu: "Bạch Ngài, xin Ngài hoan hỷ truyền thập giới cho thiện nam đã cúng dường Ngài cái y gấm có giá trị một trăm ngàn đồng vàng".

Đại đức hỏi: "Đứa bé này tên chi?".

- Bạch Ngài, xin Ngài tùy ý đặt tên cho nó.

- Vậy thì gọi nó là Tissa nhé.

Nghe nói, Đại đức Sāriputta khi chưa xuất gia, Ngài có tên là Upatissamāṇava. Tiếng Upa có nghĩa là ở gần, kèm theo. Cha mẹ của cậu Tissa nghĩ rằng: "Không nên để con trai của ta xa lìa Thầy Tế độ của nó". Sau cuộc lễ trai tăng đặt tên đứa bé, đến lễ đầy tháng, lễ giáp tuổi, rồi lễ xỏ lỗ tai đeo nhĩ hoàn… bất cứ cuộc lễ nào, có Đại đức Sāriputta làm tọa chủ đến dự lễ cúng dường cơm trắng nấu ròng sữa hay mật ong pha chút ít nước như thế cả.

Khi đứa bé lớn lên, vừa tròn bảy tuổi, cậu lại xin mẹ :

- Thưa mẹ, con muốn xuất gia tu học với Đại Đức.

Bà mẹ chấp nhận ngay: "Lành thay! Con à. Từ trước đến giờ mẹ hằng nguyện trong tâm rằng: "Xin cho con của mẹ đừng xa lìa thầy tế độ của nó". Vậy con hãy xuất gia đi".

Bà mẹ sai người đi thỉnh Đại đức đến nhà, để bát xong rồi bạch rằng: "Bạch Ngài, kẻ tôi tớ của Ngài đấy, nó đòi xuất gia. Để chiều nay chúng con sẽ dắc nó đến chùa". Sau khi tiễn chân Đại đức về, buổi chiều hôm ấy, cha mẹ đứa bé sắm lễ vật trọng hậu rồi dắt nó đến gởi cho Đại Đức.

Đại đức khuyến bảo nó rằng: "Này Tissa, việc tu học rất khó nhọc, khi mình cần dùng đồ nóng thì được đồ lạnh, còn khi cần dùng đồ lạnh thì lại được đồ nóng. Hễ là người xuất gia tu hành thì phải sống kham khổ, còn con sống sung sướng đã quen, sợ e chịu không nổi chăng?".

- Bạch Ngài, những điều Ngài kể ra con có thể chịu được hết.

- Lành thay! - Đại đức khen.

Đoạn Đại đức làm lễ xuất gia Sa di của Tissa bằng cách truyền cho cậu đề mục tham thiền, niệm xuôi và ngược năm thể trược đầu tiên trong thân thể con người là tóc, lông, móng, răng, da. Tất cả có đến ba mươi hai thể trược, nhưng trong một thời gian không thể truyền dạy hết một lược cho nên vị Thầy Tế độ truyền cho đệ tử một phần cần yếu để dứt trừ tham dục. Tất cả chư Phật đều không loại bỏ nó, vì nhờ niệm từng phần như trên, nhất là bằng đầu, bằng tóc, mà các Tỳ khưu, Tỳ khưu ni, thiện nam tín nữ thường chứng đắc A La Hán quả không ngớt. Những vị Tỳ khưu rành rẽ Tăng sự, khi cho đệ tử xuất gia, không để cho đệ tử xa lìa con đường đạo quả A La Hán. Vì vậy Đại đức Sāriputta cho Tissa xuất gia bằng cách chỉ dạy đề mục tham thiền trước, rồi truyền thọ mười giới của Sadi tiếp theo.

Sau lễ xuất da Sa di của Tissa, cha mẹ ông Sadi này thiết lễ trai Tăng liên tiếp bảy ngày tại chùa để cúng dường cơm trắng nấu với mật ong pha chút ít nước, hay sữa bò nguyên chất đến Tỳ khưu Tăng có Đức Phật làm tọa chủ. Nhiều Tỳ khưu than phiền: "Mỗi ngày mỗi dâng cơm nấu với mật ong, chúng ta ăn mãi không xiết".

Nhưng cuộc lễ Trai tăng chấm dứt trong ngày thứ bảy, và thí chủ cũng trở về nhà. Đến ngày thứ tám Sadi Tissa bắt đầu theo các Tỳ khưu vào thành khất thực.

Dân chúng trong thành Sāvatthī loan tin cho nhau: "Hôm nay ông Sadi vào thành khất thực, chúng ta hãy dự bị lễ vật cúng dường". Họ đem theo năm trăm cái y choàng đã xếp gọn và năm trăm phần cơm ra cúng dường, đúng chờ Sa di Tissa và để bát cho ông. Qua ngày sau, dân chúng lại đến khu rừng ở bên cạnh chùa để đón Sadi Tissa để bát và dâng y như bữa trước. Thế là trong hai ngày liền Sadi Tissa nhận được một ngàn lá y cùng với một ngàn phần cơm bát, và ông cúng dường đến chư Tăng Tỳ khưu.

(Theo truyền ngôn đó là quả phước của ông đã cúng dường y choàng lớn cùng với phần cơm của mình khi còn là Bà la môn).

Khi ấy chư Tỳ khưu mệnh danh cho Sa di là Tissa thí thực (Piṇḍapātadāyakatissa).

Qua ngày hôm sau nữa, ông Sa di đi trong vườn chùa, nhằm khi trời lạnh, thấy chư Tỳ khưu chỗ này, chỗ nọ, nhất là trong các phòng sưởi (Aggisālā) đang ngồi xúm xít hơ ấm. Ông hỏi:

- Bạch các Ngài, sao các Ngài ngồi hơ lửa chi vậy?

- Chúng tôi lạnh quá, ông Sa di ơi.

- Bạch các Ngài, hễ trời lạnh thì chúng ta nên trùm y gấm ngự hàn (Kamlaba) là có thể hết lạnh ngay.

- Nầy Sa di, ông có đại phước, có được y gấm ngự hàn, chớ chúng tôi thì lấy đâu mà có?

- Nếu vậy, xin các Ngài cần dùng y gấm hãy cùng đi với tôi.

Các Tỳ khưu rủ nhau theo Sadi Tissa bảy tuổi nầy để kiếm lấy y ngự hàn, tất cả có đến ngàn vị.

Chẳng chút ngần ngại suy tính rằng: "Bấy nhiêu Tỳ khưu ta biết tìm y gấm ở đâu cho đủ". Sa di Tissa dẫn đầu, hướng cả đoàn Tỳ khưu đi thẳng vào trong thành (quả thật người có tâm hảo thí (sudinna) mới có thái độ hiên ngang, hùng dũng như thế được). Tuần tự đi từng nhà, từ ngoài vào đến cổng thành. Sa di có được năm trăm chiếc y gấm, rồi mới vào thành. Đi đến nơi này, nơi nọ, ông được dân chúng đem đến dâng nữa.

Khi ấy có một người nam (puriso) đi qua đầu chợ, trông thấy người bán hàng đang bày ra năm trăm y gấm chờ khách, thì bảo:

- Bạn ơi! Có một Sa di đi tìm y gấm, đang đi gần đến đây rồi, bạn hãy lo giấu y của mình đi.

- Thế nào bạn, ông là người lấy của chưa cho hay là lấy của đã cho rồi?

- Ông lấy của cho rồi (dinnaka).

Người bán hàng xua đuổi anh chàng nhiều chuyện rằng:

- Nếu vậy tôi có vui lòng cho thì ông ấy mới lấy, không vui lòng cho thì thôi, việc gì phải giấu. Thôi bạn hãy đi đi.

(Thật vậy, những kẻ ngu si, mù quáng bao giờ cũng bỏn xẻn, rít róng. Khi thấy người khác làm phước bố thí thì họ cũng tiếc của, nóng ruột. Đến phút lâm chung, tâm bỏn xẻn của họ nhất định sẽ đưa họ sa xuống địa ngục chẳng sai).

Người bán hàng nghĩ thầm: "Anh chàng này cứ luôn đến bảo ta: Ông hãy giấu hết y gấm của ông đi. Nhưng ta thiết nghĩ: Ông Sa di chỉ lấy của đã cho, còn vật sở hữu của ta, ta có quyền cho hay không là tùy ý ta. Tuy vậy, chớ mình có của bày ra trước mắt mà nói không có đồ cho thì cũng mắc cở miệng lắm. Vả lại, đồ của mình mà mình giấu đi có tội chi đâu! Trong năm trăm lá y này có hai lá y trị giá hàng trăm ngàn đồng vàng, ta phải giấu hai lá y này mới được".

Nghĩ rồi người bán hàng lấy hai chiếc y gấm quý giá xếp chung lại, giấu vào giữa những lá y thường. Ông Sa di dắt đoàn tùy tùng đến ngay đầu chợ. Ông bán hàng vừa trông hấy Sa di thì sanh lòng thương mến như con ruột của mình, mối tình phụ tử hình như tràn đầy cơ thể ông ta. Ông nói thầm: "Thấy mặt Sa di này rồi, tim gan mình cũng có thể móc ra cho, nói gì đến y gấm chứ?".

Thế rồi, ông lấy hai chiếc y gấm quý, đem dâng dưới chân Sa di Tissa, đảnh lễ xong rồi, đứng lên nguyện rằng: "Bạch Ngài, xin cho tôi được pháp mà Ngài đã đắc". Sa di Tissa đọc kinh chúc phúc và nói: "Xin cho ngươi dược như ý".

Đi vòng trong thành, ông Sa di cũng được năm trăm cái y gấm. Thế là, chỉ trong một ngày Tissa đã tìm được ngàn cái y gấm dâng lên chư Tỳ khưu Tăng. Và ông được chư Tỳ khưu mệnh danh là Tissa thí y (Kambaladāyakatissa).

(Sở dĩ Sa di Tissa được danh thơm tiếng tốt trong ngày nay lúc vừa được bảy tuổi, là do nhân cúng dường y kiếp trước bây giờ trổ quả, khiến cho ông kiếm được ngàn lá y gấm vậy).

Quả thật, ngoại trừ Phật giáo, không có một tôn giáo nào khác, khi bố thí ít mà được kết quả nhiều và bố thí nhiều lại được kết quả nhiều hơn gấp bội. Cho nên Đức Thế Tôn có dạy rằng: "Này các Tỳ khưu, nơi nào có Tỳ khưu Tăng như thế, dầu ít cũng được nhiều kết quả, nếu nhiều càng được nhiều kết quả hơn nữa".

(Như chuyện Sa di, trước kia chỉ dâng một lá y mà bây giờ mới lên bảy tuổi đã được dâng cúng ngàn lá y gấm vậy).

Trong khi Tissa ngụ tại Jetavana, những thân quyến trẻ tuổi luôn luôn tìm đến thăm viếng, chuyện trò. Ông nghĩ thầm rằng: "Nếu ta cứ ở đây, những trẻ con thân thuộc của ta cứ đến nói chuyện hoài, ta không thể ngồi lặng thinh được, còn hễ ta góp chuyện với họ thì là một trở ngại cho việc tu hành của ta. Vậy ta hãy đến xin Đức Bổn Sư ban cho một đề mục để tu tập, học xong, ta sẽ đi trú trong rừng".

Sa di Tissa bèn đến đảnh lễ Đức Thế Tôn, ngỏ lời yêu cầu Ngài truyền dạy đề mục niệm cho đắc quả A La Hán. Được đề mục rồi, ông về đảnh lễ từ biệt Thầy Tế độ, mang cả y bát đi ra khỏi chùa, đi luôn một mạch một trăm hai mươi do tuần, vì nghĩ rằng: "Nếu ta ở chung quanh vùng này, các quyến thuộc của ta sẽ theo dõi quấy rầy ta được".

Đến cuối lộ trình Sa di Tissa đi vào cổng một làng nọ, gặp vị bô lão, Sa di bèn hỏi thăm :

- Thưa ông thiện nam, trong địa phương này có ngôi thiền lâm, tịnh xá nào chăng?

- Bạch sư có.

- Xin ông làm ơn chỉ giùm đường cho tôi.

Ông lão này vừa gặp Sa di đã sanh lòng thương mến, ông ta xem như là con ruột của mình. Ông lão không chỉ đường mà lại nói: "Sư hãy đi theo tôi, tôi đưa sư đến đó". Nói rồi dẫn Sa di đi .

Trong lúc cùng đi với ông lão vào làng, đến năm hoặc sáu địa diểm dọc đường, theo đường có trồng nhiều hoa quả, Sa di hỏi:

- Thưa ông thiện nam, chỗ này tên chi? Chỗ này tên chi?

Và ông lão đều nói tên cho Sa di biết cả. Khi đến ngôi tịnh xá trong rừng, ông lão đưa đường nói :

- Bạch sư, xin cầu chúc cho Sư ở lại đây bình an.

Rồi ông hỏi pháp danh Sa di, Sa di đáp rằng:

- Thưa ông thiện nam, pháp danh tôi là Tissa Cư Lâm (Vanavāsī Tissa).

Nghe vậy ông lão thỉnh:

- Ngày mai, Sư nên vào làng chúng tôi đi bát.

Nói rồi, ông lão về làng thông tin cho dân làng hay rằng: "Có vị Sa di pháp danh là Vanavāsī Tissa mới đến tịnh xá ta nên dự bị đem cơm cháo để bát cho ông".

Vị Sa di nầy, đầu tiên được Thầy Tế độ đặt tên là Tissa, sau đó được chư Tăng mệnh danh là Tissa Thí Thực, Tissa Thí Y và Tissa Cư Lâm. Như vậy chỉ mới bảy tuổi mà vị ấy có đến bốn pháp danh.

Sáng hôm sau, ông Sa di vào làng trì bình khất thực, nhiều người để bát xong, còn đảnh lễ vị ấy nữa, Sa di chúc rằng: "Xin cho người được an vui, xin cho người được thoát khổ". Trong số những người để bát rồi, không một ai trở về nhà được cả, tất cả đều đứng nán lại để ngắm nhìn Sa di cho thỏa thích. Sa di Tissa Cư Lâm thọ vật thực vừa đủ một mình thôi. Toàn thể dân làng cúi mọp dưới chân vị Sa di nhỏ mà bạch rằng:

- Bạch Ngài, xin Ngài nhập hạ ba tháng nơi đây và truyền Tam quy và Ngũ giới để chúng tôi thọ trì thường nhật và truyền Bát giới cho chúng tôi vâng giữ hành theo trong những ngày Uposatha. Xin Ngài hoan hỷ nhận lời của chúng tôi.

Xét thấy dân làng có lòng thành khẩn, Tissa Cư Lâm hứa chịu nhập hạ gần đây, rồi hằng ngày đi vào làng khất thực. Mỗi lần thí chủ để bát và đảnh lễ, ông luôn chúc lại bằng hai câu: "Xin cho mọi người được an vui, xin cho người được thoát khổ", rồi mới đi nơi khác.

Sa di Tissa Cư Lâm an cư nơi đây, trải qua hai tháng, trong tháng thứ ba, vị ấy chứng đắc A La Hán với Tuệ phân tích. Đến khi mãn mùa an cư, làm lễ tự tứ xong, Thầy Tế độ đến đảnh lễ Đức Bổn Sư và xin rằng :

- Bạch Ngài, con sẽ đi thăm Sa di Tissa.

- Ông cứ đi đi, nầy Sāriputta.

Đại đức Sāriputta dắt theo năm trăm Tỳ khưu tùy tùng đến báo tin cho Đại đức Moggallāna hay:

- Này đạo hữu Moggallāna, tôi sẽ đi hăm Sa di Tissa đây.

Đại đức Moggallāna liền đáp:

- Tôi cũng đi nữa đạo hữu ạ.

Nói rồi, Đại đức cũng dắt theo năm trăm Tỳ khưu tùy tùng của mình cùng ra đi. Hay tin nầy, tất cả chư Đại Thinh Văn như Đại đức Mahākassapa, Anurudha, Upāli, Puṇṇa… mỗi vị dắt theo năm trăm Tỳ khưu của mình cùng ra đi. Con số tổng cộng các nhóm Tỳ khưu lên đến tám mươi bốn ngàn vị.

Các Ngài đồng bộ hành suốt cả lộ trình một trăm hai mươi do tuần mới đến làng, nơi trú của Sa di.

Khi ấy, vị thiện nam hộ độ thường trực của Sa di Tissa nhà ở gần cổng làng, thấy Đai Đức Tăng trước nhất, bèn ra đảnh lễ chào đón các Ngài, Đại đức Sāriputta hỏi:

- Nầy ông thiện nam, trong địa phương này có ngôi thiền lâm, tịnh xá nào chăng?

- Bạch Ngài, có.

- Có Tỳ khưu nào thường trú chăng?

- Bạch Ngài, có.

- Vị thường trú ấy có pháp danh là chi?

- Bạch Ngài là Tissa Cư Lâm.

- Nếu vậy ông hoan hỷ chỉ đường cho chúng tôi đi.

- Bạch Ngài, chẳng hay Ngài là chi của Đại Đức?

- Chúng tôi là khách đến viếng Sa di.

Vị thiện nam lưu ý, nhìn kĩ từ Đại đức Pháp chủ cho đến chư Đại đức Thinh Văn để nhớ mặt. Tự nhiên ông cảm thấy toàn thân tràn trề một niềm phỉ lạc vô biên. Ông yêu cầu:

- Bạch các Ngài, xin các Ngài đình bộ đôi chút.

Đọan ông hối hả vào làng, cất tiếng kêu gọi:

- Hôm nay có chư Đại đức Tăng quang lâm đến bổn thôn, do ngài Sāriputta lãnh đạo, có tám mươi vị Đại Thinh Văn, mỗi vị dẫn theo năm trăm vị Tỳ khưu tùy tùng, đồng đến để viếng Sa di Tissa. Các ngươi hãy đem vật thực, vật dụng như giường, ghế, ngọa cụ, đèn, dầu... đến tịnh xá cho mau.

Mọi người y theo lời kêu gọi, đem giường, ghế, các thứ vật dụng theo chân các Ngài Đại đức, đồng đi đến tịnh xá.

Sa di Tissa nhận biết chư Tỳ khưu Tăng, bèn ra rước bát Ngài Đại Trưởng lão và làm các phận sự đối với khách Tăng và cất hết y bát của các Ngài xong, thì trời nhá nhem tối. Đại đức Sāriputta bảo các thiện nam: "Thôi, các thiện nam hãy về đi, tối rồi".

- Bạch Ngài, hôm nay là ngày nghe pháp, chúng con không về. Chúng con ở lại chờ nghe pháp. Vả lại, từ trước đến giờ chúng con chưa từng được thính pháp bao giờ.

- Thế thì, nầy Sa di, ông hãy đốt đèn lên rồi tuyên bố giờ thuyết pháp cho thiện tín biết.

Sa di Tissa làm theo lời của Đại Đức. Kế đến, Đại đức bảo rằng:

- Này Tissa, các thiện tín của ông đã ngỏ lời muốn nghe pháp. Vậy ông hãy thuyết pháp cho họ nghe đi.

Các thiện tín đồng loạt đứng dậy, bạch rằng:

- Bạch Đại Đức, Sư của chúng con chỉ thuộc lòng có hai câu kệ chúc phúc: "Xin cho người được an lạc, xin cho người được thoát khổ", ngoài ra không biết pháp nào khác. Vậy xin Ngài từ bi hoan hỷ thuyết pháp cho chúng con nghe.

Ngài Sa di Tissa tuy chứng đạt A La Hán nhưng không hề thuyết pháp cho thiện tín nghe. Khi ấy, vị Thầy Tế độ của Ngài bảo:

- Nầy Sa di, ông hãy lấy hai mệnh đề: Những người được an vui, những người được thoát khổ làm đề tài mà thuyết giảng rành rẽ nghĩa lý đi.

- Lành thay! Bạch Ngài.

Đáp xong, Sa di cầm lấy cây quạt dẹp, trèo lên pháp tọa ngồi nghiêm trang tề chỉnh, rồi bắt đầu thuyết giảng nghĩa lý kinh điển, từ cạn đến sâu, từ thấp lên cao, phân tích lần lược Ngũ uẩn, Tứ đại, Lục căn, Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là con đường đưa đến mức tối cao là A La Hán quả. Thời pháp bao la phổ cập như đám mưa rào dội ướt khắp cả bốn châu thiên hạ.

Để kết luận Sa di Tissa nói:

- Bạch Ngài, người đã đắc A La Hán được an vui là thế, người đắc A La Hán quả được thoát khổ là thế, là người được thoát khỏi tứ khổ sanh, lão, bệnh, tử, cũng là khổ sanh vào ác đạo, nhất là địa ngục mà phàm phu nhân loại thường phải vương mang".

- Lành thay, nầy ông Sa di. Hai câu chúc phúc ông đã khéo giảng lắm đấy. Bây giờ ông hãy giảng tiếp theo phần Vi Diệu Pháp đi.

Vâng lời thầy, Sa di Tissa giảng thêm phần Vi Diệu Pháp. Đến khi trời rựng sáng, những người hộ độ của Sa di chia làm hai nhóm: Một nhóm bất bình vì nghĩ rằng: "Thật từ trước đến giờ chúng ta chưa từng thấy ai lãnh đạm, bạc bẽo như thế. Ông ta thuyết pháp như thế mà bấy lâu nay đối với những người có công hộ độ, cấp dưỡng ông ta chẳng khác nào cha mẹ nuôi con, ông chẳng hề giảng thuyết một câu nào Pháp Cú nào cho họ nghe".

Còn nhóm kia thì lại hoan hỷ nghĩ rằng: "Thật hoan hỷ chúng ta có phước báu quá. Những vị sư như thế mà chúng ta chỉ biết hộ độ chứ không biết tài đức của vị ấy, hôm nay chúng ta được may duyên nên được nghe Ngài thuyết pháp".

Ngày hôm ấy, từ sáng tinh sương, Đức Bổn Sư vẫn theo thông lệ, Ngài quán sát thế gian, thấy được những cận sự nam của Tissa Cư Lâm lọt vào giác võng của Ngài: "Chuyện chi xảy ra?", khi quán thêm nữa, Ngài thấy rằng: "Trong số các tín đồ của Tissa Cư Lâm có nhóm bất mãn, có nhóm hoan hỷ". Những ai bất bình chống đối với con Như Lai ắt sẽ bị sa đọa xuống địa ngục chẳng sai. Thế thì Như Lai phải đi đến đó, nhờ có Như Lai đến, tất cả đều khởi tâm Từ với Sa di Tissa và được thoát ly khỏi khổ não.

Ở chốn thiền lâm, dân chúng thỉnh cầu được chư Tỳ khưu Tăng, bèn trở về làng lo cất trại và nấu sẵn cơm cháo, dọn sẵn tọa vị, rồi ngồi chờ chư Tăng đến.

Chư Tỳ khưu tắm rửa xong, đến giờ đi bát, sắp sửa vào làng bèn hỏi Sa di:

- Nầy Tissa, ông cùng đi một lược với chúng tôi hay là ông đi sau?

- Xin các Ngài đi trước.

Chư Tỳ khưu đắp y mang bát đồng đi vào làng.

Tại Jetavana, Đức Bổn Sư cũng đắp y mang bát chỉ trong một sát na tâm (Cittakhaṇo: Lẹ hơn trong nháy mắt), Ngài đã hiển hiện, đứng trước mặt chư Tỳ khưu. "Có lẽ Đức Chánh Biến Tri ngự đến", tin này làm cho khắp cả làng xôn xao, náo động. Mọi người đều vui mừng hỷ dạ, đông thỉnh chư Tăng có Đức Phật làm tọa chủ, an tọa xong rồi cúng dường cháo và đồ ngọt điểm tâm.

Trong khi chư Tăng độ chưa xong bữa, thì Sa si Tissa đi vào làng. Dân chúng tản bớt ra, cung kính để bát cho Sa di.

Sa di thọ bát vừa xong, đem dâng lên Đức Bổn Sư, Ngài bảo :

- Đưa Đây Tissa.

Và Ngài đưa tay thọ bát, trao Đại đức Sāriputta và bảo: "Nầy Sāriputta, đây là bát của Sa di Tissa, đệ tử của ông".

Đại đức nhận bát trên tay của Đức Bổn Sư rồi cho lại Sa di và dạy: "Ông tìm chỗ ngồi phải lẽ rồi thọ thực đi nhé". Sau khi hộ độ Tỳ khưu Tăng có Đức Phật làm tọa chủ xong, dân làng đồng xin Đức Bổn Sư thuyết kinh chúc phúc.

Đức Bổn Sư thuyết giảng như sau: "Này các thiện nam tử, các ông thật là hữu phúc, nhờ có Sa di mà các ông hộ độ hàng ngày ở đây, các ông mới được dịp hội kiến với Sāriputta và Moggallāna, Mahākassapa luôn cả tám mươi vị Đại Thinh Văn.

Chính Như Lai hôm nay đến đây cũng là vì ông Sa di Tissa mà các ông hộ độ hàng ngày đó. Nhờ có Sa di mà các ông hân hạnh được diện kiến Đức Phật, thật là các ông hữu phước lắm mới được như vậy".

Đại chúng đều suy nghĩ rằng: "Ôi chúng ta thật hân hạnh biết mấy, sở dĩ chúng ta có thể thỉnh được Đức Phật và chư Tăng để cúng dường trai Tăng là nhờ các Ngài đến thăm vị Đại đức của chúng ta…".

Những người bất bình Sa di lúc trước, bây giờ cũng vui mừng, còn những người đã hài lòng thì càng có đức tin trong sạch đối với ông thêm nữa.

Đức Bổn Sư phúc chúc xong, có nhiều vị chứng đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn.

Đức Bổn Sư từ chỗ ngồi đứng lên đi ra, dân chúng kéo nhau theo tiễn biệt, đảnh lễ Ngài và quay trở lại.

Đức Bổn Sư dắt Sa di Tissa cùng đi đến địa điểm mà trước kia khi mới đến ông đã hỏi thăm vị bô lão, khi ấy Đức Bổn Sư cũng hỏi ông :

- Này ông Sa di, xứ này tên chi? Xứ kia tên chi?

Vị Sa di vừa đi vừa đáp lời rằng: "Bạch Ngài đây là xứ…đây là xứ…".

Đến chỗ ngụ của Sa di, Đức Thế Tôn đi lên tận đỉnh núi, từ chỗ Ngài đứng trông xuống thì thấy mặt biển mênh mông. Đức Bổn Sư phán hỏi Sa di:

- Này Tissa, ông đứng nơi này, nơi nọ trên đỉnh núi nhìn xuống thì thấy cái chi?

- Bạch Ngài, con thấy đại hải.

- Thấy đại hải, ông nghĩ thế nào?

- Bạch Ngài, con nghĩ rằng: "Số lượng nước mắt mà con đã khóc ra trong những khi sầu khổ, có lẽ còn nhiều hơn nước biển trong đại dương.

- Lành thay! Lành thay! Nầy Tissa, thật quả như thế, suối lệ của mỗi chúng sanh tuôn trào trong những khi sầu khổ còn nhiều hơn nước trong bốn đại trùng dương.

Nói rồi Đức Bổn Sư ngâm kệ rằng :

"Cātusu samuddesū jalaṃ parittakaṃ,
Tato bahuṃ assujalaṃ anappakaṃ;
Dukkhena phuṭṭhassa narassa socato
Kiṃ kāraṇā samma tvaṃ pamajjasī'ti".

"Nước trong bốn biển có bao nhiêu,
Nước mắt so ra mới thật nhiều,
Khắp cõi nhân gian đầy khổ lụy,
Sao còn lơ đễnh thả xuôi chiều".

Đức Bổn Sư lại hỏi Sa di:

- Nầy Tissa, ông ngụ ở đâu?

- Bạch Ngài, tại hang núi này đây.

- Lúc ngụ tại đây ông nghĩ như thế nào?

- Bạch Ngài, con nghĩ rằng: "Đến khi chết thì con bỏ xác luôn nơi đây, khỏi phải lo kiếm chỗ nằm trên mặt đất bằng".

- Lành thay! Lành thay. Này Tissa quả thật cũng như thế ấy, những chúng sanh này (xác thân chết) nằm trên mặt đất cũng không đến bất tử được.

Nói rồi Đức Thế Tôn ngâm lên kệ ngôn rằng :

"Upasāḷhakanāmānaṃ,
Sahassāni catuddasa;
Asmiṃ padese daḍḍhāni,
Natthi loke anāmataṃ.
Yamhi saccañca dhammo ca,
Ahiṃsā saṃyamo damo;
Etadariyā sevanti,
Etaṃ loke anāmatanti".

"Một muôn lại với bốn ngàn,
Thổ dân đã rụi xương tàn nơi đây.
Không bao giờ cõi tạm này,
Có nơi bất diệt cho thây phàm trần.
Nơi nào Đạo pháp chánh chân,
Vô não thu thúc, tâm thân tự điều.
Là nơi chư Thánh tiêu diêu,
Nơi ấy bất diệt, nghịch chiều thế gian".

Dứt hai bài kệ, Đức Bổn Sư thuyết tích Bổn Sanh Upasāḷhaka (Dân xứ). Theo phong tục, họ đặt thi thể nằm trên đất bằng, mong sao người chết theo dấu ông bà về xứ bất tử (amata pubbepadesa). Nhưng sự thật, người thường không ai về xứ ấy cả. Chỉ những bậc chư Đại đức Ānanda mới được viên tịch, theo dấu tiền nhân lên đến bất tử mà thôi.

Tương truyền rằng: "Lúc được một trăm hai mươi tuổi, Đại đức Ānanda quán xét thấy thọ mạng của mình sắp hết, bèn báo tin cho thiện tín hay: "Bảy ngày nữa, bần Tăng sẽ nhập diệt".

Hay tin nầy, trong số người ở hai bên bờ sông Rohinī, nhóm ở bên bờ này nói rằng: "Chúng ta hộ độ Đại đức nhiều, chắc là Ngài sẽ viên tịch trên phần đất của ta".

Nhóm người bên kia sông cũng nói: "Chúng ta hộ độ Ngài nhiều, chắc là Ngài sẽ viên tịch trên phần đất của ta".

Đại đức nghe cả hai bên nói giống nhau như thế thì nghĩ rằng: "Thiện tín ở hai bên bờ sông đều hộ độ cho ta nhiều cả. Nhưng ta không thể chiều ý theo cả hai bên, nếu ta viên tịch ở bên này thì nhóm cư sĩ ở bên kia sẽ tranh cãi. Do nơi ta mà họ sẽ đối chọi lẫn nhau. Ta phải làm sao cho họ sẽ vì ta mà chấm dứt mọi tranh chấp".

Nghĩ rồi, Đại đức bảo hai nhóm thiện tín rằng: "Quý vị ở bờ sông bên này cũng như quí vị ở bờ sông bên kia, đều là những người có công hộ độ cho ta cả. Ta không

thể nào theo ai mà bỏ ai. Thôi thì quý vị ở bên này hãy tập hợp ở bờ bên ấy, và quý vị ở bên kia hãy tập hợp bờ bên kia".

(Đến ngày thứ bảy, Ngài ngồi kiết già ở giữa sông, lơ lửng trên từng cao độ bảy cây thốt nốt mà thuyết pháp cho đại chúng nghe).

Thuyết pháp xong Ngài nguyện: "Xá lợi của ta hãy phân làm hai, một rơi xuống bờ này, một rơi xuống bờ kia".

Đoạn Ngài nhập vào hỏa giới, lửa bốc lên có ngọn thiêu nhục thân Ngài. Xá lợi tự nhiên chia đôi, một phần rơi xuống bờ này, một phần rơi xuống bờ kia.

Đại chúng kêu gào than khóc nghe như mặt đất vô tình cũng vỡ tan từng mảnh, nấc lên những tiếng ai bi.

Khi Đức Bổn Sư Níp Bàn, quả đất vang rền tiếng than khóc não ruột của đại chúng trong bốn tháng dài, nghe thật ai bi sầu thảm, mọi người đi lang thang kể lể rằng: "Đức Bổn Sư Ngài đã Níp Bàn, chúng ta không còn trông thấy ánh từ quang, không còn được trông thấy kim thân của Ngài đắp y mang bát như thuở tại tiền".

Dứt tích Bổn Sanh, Đức Bổn Sư phán hỏi Sa di Tissa:

- Nầy Tissa, trong khu rừng nầy có những tiếng cọp, beo gầm thét mà ông không sợ sao?".

- Bạch Thế Tôn, chẳng những con không sợ, mà khi nghe tiếng gầm thét của loài dã thú, con càng vui thích với cảnh lâm tuyền.

Nói rồi Sa di ngâm lên bài kệ trường thiên gồm sáu mươi đoạn mô tả tả phong cảnh rừng núi.

Khi ấy Đức Thế Tôn phán hỏi:

- Nầy Tissa.

- Dạ bạch Ngài.

- Như Lai sẽ đi với Tăng chúng, còn ông đi hay là trở lại?

- Bạch Ngài. Nếu Thầy Tế độ của con dắt con đi thì con đi, nếu người trở lại thì con trở lại.

Đức Bổn Sư cùng với Tăng chúng đồng lên đường, ông Sa di đi lui lại tìm thầy tế độ. Gặp ông, Đại đức hỏi:

- Nầy Tissa, nếu ông muốn trở về chỗ ngụ thì cứ đi.

Ông Sa di Tissa đảnh lễ cáo biệt Đức Bổn Sư và Tỳ khưu Tăng rồi trở lại. Đức Bổn Sư thì đi luôn về Jetavana.

Trong phòng pháp hội giữa các Tỳ khưu, pháp thoại sau đây được đề khởi: "Chà! Tội nghiệp ông Sa di Tissa bây giờ tu khổ hạnh quá. Từ ngày ông tục sanh, song thân ông thiết lập bảy cuộc đại thí cơm trắng nấu với sữa tươi hay mật ông pha đặc để cúng dường đến năm trăm vị Tỳ khưu. Đến khi ông xuất gia, song thân ông lại thiết lễ Trai Tăng bảy ngày liền trong chùa, cúng dường cơm trắng này với mật pha chút ít nước đến Tỳ khưu Tăng có Đức Phật làm tọa chủ. Xuất gia rồi, từ ngày thứ tám

ông vào làng đi bát, trong hai ngày được cúng ngàn bát cơm cùng ngàn bộ y tắm. Qua ngày sau được thêm ngàn lá y gấm ngự hàn. Đến nay, ông vào cư ngụ trong rừng lại có lễ lộc phát sanh dồi dào đến cho ông, mà rồi ông cũng xả bỏ tất cả lợi danh như thế, đi vào rừng sâu ăn cơm trộn lộn trong bát. Thật là ông Sa di tu hành khổ hạnh quá".

Đức Bổn Sư ngự đến phán hỏi: "Này các Tỳ khưu, hôm nay các ông ngồi thảo luận việc đó?".

- Bạch Ngài, chuyện như vậy…

Nghe vậy Đức Bổn Sư dạy rằng:

- Phải đó, nầy các Tỳ khưu, có hai đường lối khác nhau. Con đường thiên về thế lợi như trên là khác và con đường hành đạo để chứng đạt Níp Bàn là khác. Thật thế, Tỳ khưu nào cứ mong ước: "Ta sẽ được lễ lộc như thế", dầu cho có thọ các chi Đầu đà nhất là ngụ trong rừng mà còn lo gìn giữ lợi danh thì nhất định bốn cảnh ác thú đang mở rộng chờ đón ông ta. Còn Tỳ khưu muốn đặt bước lên đường Níp Bàn thì xả bỏ hết lợi danh, lễ lộc, vào cư ngụ trong rừng vắng tinh tấn hành đạo không xao lãng thì sẽ chứng đắc quả A La Hán chẳng sai.

Đức Bổn Sư kết luận xong, còn thuyết pháp giải rộng thêm những nghĩa lý và đọc bài kệ này:

"Aññā hi lābhūpanisā,
Aññā nibbānagāminī;
Evametaṃ abhiññāya,
Bhikkhu buddhassa sāvako;
Sakkāraṃ nābhinandeyya,
Vivekamanubrūhayeti".

"Một đường hưởng lộc thế gian,
Một đương tu chứng Níp Bàn vô sanh.
Tỳ khưu phật tử phải rành,
Chớ nên tham đắm lợi danh thế quyền.
Đạo mầu rán để tâm chuyên,
Đi đường giải thoát bình yên lâu dài".

☸

CHÚ GIẢI:

Aññā hi lābhūpanisā, aññā nibbānagāminī: (Đường theo thế lợi khác, đường đến Níp Bàn khác). Quả nhiên, muốn có lợi lộc phát sanh, vị Tỳ khưu phải gây tạo một vài nghiệp bất thiện, tà vạy, nhất là thân tà hạnh (kāyavaṅka), nhờ vậy mới kiếm được lợi lộc. Thật thế, như phần cơm bát chẳng hạn, nếu có giơ tay ra thẳng cánh, không chịu cong quẹo thì bàn tay sẽ ngay ra để xuống chỉ có đụng được mà thôi. Còn như chụm tay lại đưa xuống, đến khi giở lên thì có thể bốc lấy cục cơm mà đem lên được. Chính khi nào làm việc tà vạy, nhất là thân tà hạnh như thế mà lễ lộc phát sanh, thì con đường tu hành này chỉ thiên về danh lợi thế gian, không hợp theo lẽ đạo (adhammika), còn dính mắc trong vòng tái sanh luân hồi. Lợi lộc phát sanh hợp theo lẽ đạo là khi nào vị Tỳ khưu chỉ hướng theo y bát, nghiêm trì giới luật, cư ngụ trong

rừng… Tỳ khưu là hành giả đi trên đường đến Níp Bàn phải dứt bỏ tất cả tà hạnh do thân khẩu là nhiều nhất, không đui phải làm như đui, không câm phải làm như câm, không điếc phải làm như điếc, không nên lường gạt tráo trở, giả dối điêu ngoa.

Evametaṃ abhiññāya bhikkhu buddhassa sāvako: (Như vậy hiểu biết rành, Tỳ khưu đệ tử Phật). Sau khi hiểu biết rành rẽ con đường đưa đến Níp Bàn và con đường theo thế lợi khác nhau như vậy, Tỳ khưu là Thinh Văn đệ tử Phật, đã giác ngộ được đâu là chánh pháp, đâu là phi pháp.

Sakkāraṃ nābhinandeyya, vivekamanubrūhayeti: (Chớ vui theo lợi danh, hãy chuyên tu giải thoát). Đây là huấn từ dạy thêm vị Tỳ khưu, không nên vui theo tứ vật dụng và sự lễ bái phi pháp, nhưng nếu lễ vật ấy hợp pháp thì cũng đừng từ chối. Hãy thực hành tịnh pháp (viveka) nhất là thân thanh tịnh, ở đây có nghĩa là thân sống độc cư (kāyassa ekābhāva). Tâm thanh tịnh (upadhiviveka) tức là Níp Bàn. Người có thân thanh tịnh là người xa lánh chỗ đông đảo, bè phái. Người có tâm thanh tịnh là người xa lánh việc chất chứa phiền não. Người có thủ thanh tịnh là người xa lánh được tất cả các pháp hữu vi. Thân thanh tịnh là duyên sanh tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh là duyên sanh thủ thanh tịnh.

Cũng có thể giải rằng: Người có thân thanh tịnh (kāyaviveko) là người thỏa thích trong sự xuất gia hành đạo, một mình ở chỗ hẻo lánh quạnh hiu; người có tâm thanh tịnh (attaviveko) là người đã đạt đến mức thánh thiện tối cao về mặt tinh thần; và người có thủ thanh tịnh (upadhiviveko) là người đã chấm dứt cái vòng luân hồi, không còn bị pháp hữu vi (saṅkhāra) chi phối để phải tái sanh làm người lại nữa.

Tỳ khưu nên rán xúc tiến thực hành tròn đủ ba pháp thanh tịnh trên đây luôn luôn.

☸

Đức Bổn Sư vừa dứt thời pháp, có nhiều Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả, nhất là quả Atu Đà Hườn.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Đề Xá Sa di bảy tuổi đầu,
Tu rừng giác ngộ lý cao sâu,
Sườn non thấy tiệp màu xương trắng,
Nước biển xem thua suối lệ sầu.
Lễ lộc hơn người thêm khổ lụy,
Tài danh quán chúng nặng lo âu,
Con đường thế lợi nhiêu khê lắm,
Thà sống an vui với đạo mầu.

DỨT TÍCH TISSA CƯ LÂM
DỨT PHẨM NGU NHƠN

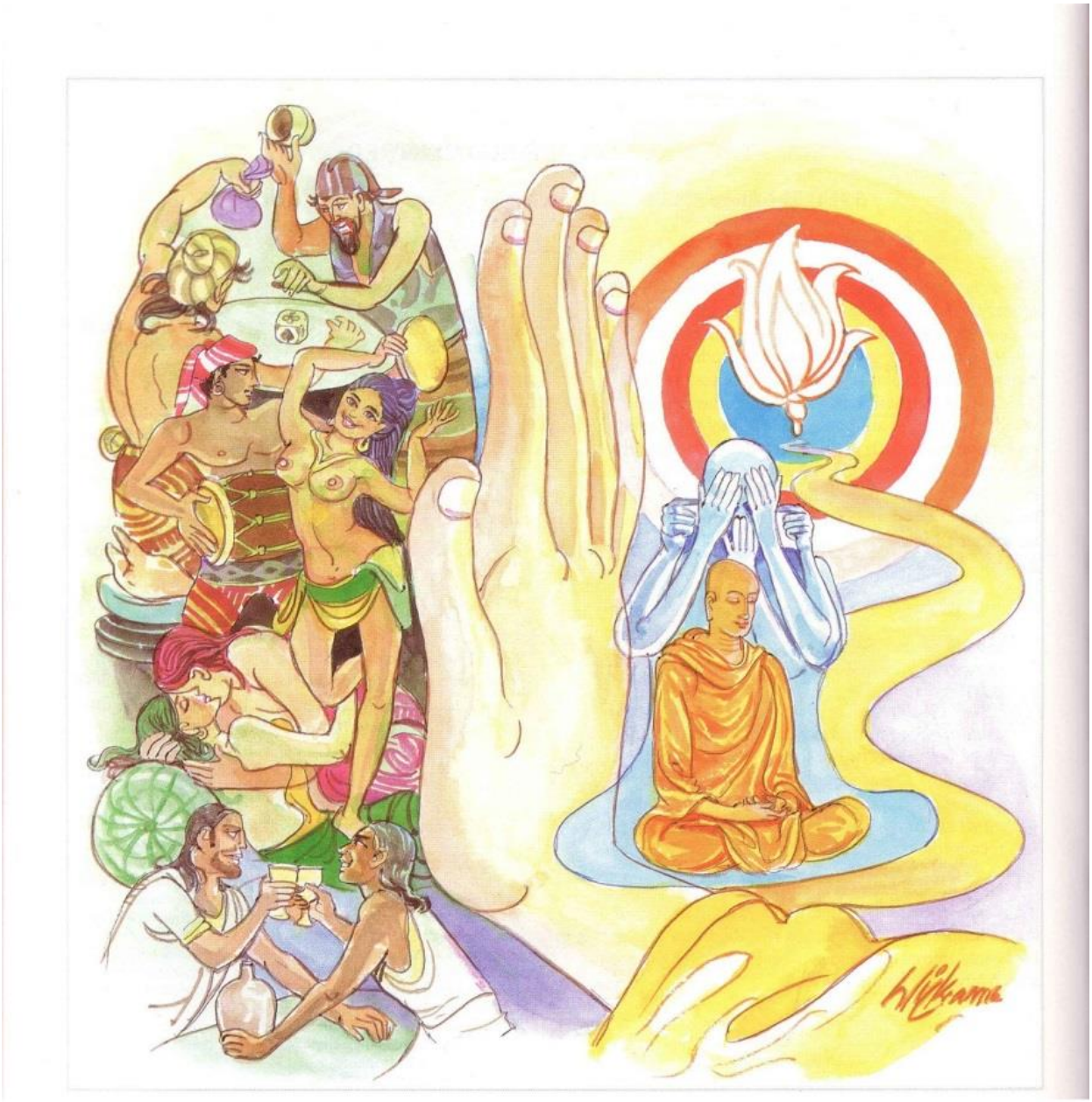

75. Vị đệ tử chân chánh phải biết rõ con đường đi đến lợi lạc thế gian khác với con đường đi đến Níp Bàn.

VI. PHẨM HIỀN TRÍ
(PAṆḌITAVAGGA)

14 bài kệ: Pháp Cú số 76-89

11 tích truyện

☸

VI.1- Tích ĐẠI ĐỨC LA ĐÀ

(Rādhattheravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 76)

"Nidhīnaṃ'vapavattāra,	***"Được hiền nhân thánh thiện,***
Yaṃ passe vajjadassinaṃ;	***Chỉ bày lối thô thiển,***
Niggayhavādiṃ medhāviṃ,	***Nên hoan hỷ kết tình,***
Tādisaṃ paṇḍitaṃ bhaje;	***Tôn như bậc cao minh.***
Tādisaṃ bhajamānassa,	***Chỉ đường ta kiếm lại,***
Seyyo hoti na pāpiyoti".	***Hầm chôn giấu của cải,***
	Thân hiền lợi ích nhiều,
	Chẳng có chi tai hại".

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Jetavana, đề cập đến Đại đức Rādha (La Đà).

Tương truyền rằng: Lúc còn ở tại gia, Đại đức trên đây vốn là một ông Bà la môn nghèo khó, cư ngụ trong thành Sāvatthī. Vì muốn xuất gia để sống gần gũi chư Tỳ khưu, ông ta đến chùa xin ở làm công quả, nhứt là phụ giúp chư Tăng trong các việc lặt vặt như quét dọn cốc liêu, dưng nước rửa mặt... Tuy nhiên, chư Tăng không nhận cho ông xuất gia, không được toại nguyện, ông trở nên ốm o gầy mòn.

Một hôm, trong lúc quán sát thế gian vào lúc sáng sớm, Đức Bổn Sư quán thấy ông Bà la môn ấy. Để xem ông ta có đủ căn lành hay không, Ngài quán thêm nữa thì biết ông sẽ đắc quả A La Hán. Cho nên, chiều hôm ấy, Đức Thầy ung dung bách bộ trong vòng tịnh xá, như đi kinh hành rồi ngự ngay đến chỗ ở của ông Bà la môn và phán hỏi rằng:

- Nầy ông Bà la môn, thường ngày làm công việc chi?

- Bạch Ngài, con làm tất cả mọi việc hộ giúp chư Tăng.

- Ông có được chư Tỳ khưu tế độ chăng?

- Bạch Ngài, về vật thực thì con được tiếp độ, nhưng chư Tăng không nhận cho con xuất gia.

Nhân dịp nầy, Đức Bổn Sư triệu tập Tăng chúng và phán hỏi về vấn đề Bà la môn.

- Nầy các Tỳ khưu, trong các ông, có ai nhớ ra rằng mình đã có thọ bát của ông Bà la môn nầy chăng?

Đại đức Sāriputta đáp rằng:

- Dạ bạch Ngài, con đã nhớ ra, trong lúc con đi trì bình trong thành Rājagaha, chính ông nầy đã đích thân để bát cúng dường đến con một vá thực phẩm. Con nhớ rằng con đã thọ bát của ông ta.

- Nầy Sāriputta, một người hộ giúp ông như thế, không đáng được ông giải khổ hay sao?

Nghe Đức Bổn Sư hỏi vậy, Đại đức Sāriputta vội đáp:

- Lành thay! Bạch Ngài, con sẽ tế độ ông ta.

Nói rồi, Đại đức làm lễ xuất gia cho ông Bà la môn ấy. Mỗi lần nhập chúng trong Trai tăng đường, vị tân sư nầy phải khó khăn vất vả trong sự thọ lãnh vật thực như cơm cháo, vì ông phải đi đến chỗ ngồi ở phía sau cùng chư Tỳ khưu. Thấy vậy, Đại đức mới dắt ông đi du phương, một thầy một trò và nhân thể luôn kèm dạy lần lần, nhắc nhở ông những điều nên hành và những điều phải tránh.

Là người dễ dạy, hết lòng tôn kính thầy chỉ dạy, Sư Rādha chăm chỉ hành đúng theo huấn từ của Đại đức Sāriputta, mấy ngày sau Đại đức Rādha chứng đắc A La Hán quả. Kế đó, Đại đức dắt Sư trở về yết kiến Đức Bổn Sư. Sau khi hai vị đệ tử đảnh lễ và ngồi xuống, Đức Bổn Sư hỏi Đại đức những câu hàn huyên thông thường rồi Đức Bổn Sư hỏi Đại đức rằng:

- Nầy Sāriputta! Học trò mới của ông có dễ dạy không?

- Bạch Ngài, ông ta rất mềm mỏng, dễ dạy. Ông ta không hề tỏ ra nóng giận mỗi khi bị chỉ trích dầu là phạm lỗi nhỏ nhen chút ít.

- Này Sāriputta, nếu được những người như vậy theo xin ông tế độ, thì ông sẽ thâu nhận bao nhiêu cho xuất gia?

Một hôm nọ, chư Tỳ khưu câu hội trong giảng đường, đưa ra luận đề như vầy: "Tiếng đồn Đại đức Sāriputta là người biết ghi ơn và biết đền ơn. Sau khi nhớ lại sự hỗ trợ của ông Bà la môn nghèo, dầu chỉ một vá thực phẩm, cũng chịu khó tế độ cho ông ta xuất gia. Đại đức Rādha cũng là người giỏi chịu đựng, uốn nắn, mới gặp được thầy khéo dạy dỗ như thế".

Khi Đức Bổn Sư ngự đến giảng đường, nghe chư Tỳ khưu bạch lại đề tài của cuộc luận đạo, Ngài phán rằng:

- Nầy các Tỳ khưu, không phải bây giờ mới như thế đâu, trước kia Sāriputta cũng đã từng là người biết ghi ơn và biết đền ơn như thế rồi.

Đoạn Ngài lại dẫn tích xưa, bắt đầu đọc kệ rằng:

"Alīnacittaṃ nissāya,
Pahaṭṭhā mahatī camū;
Kosalaṃ senāsantuṭṭhaṃ,
Jīvaggāhaṃ agāhayi.

Evaṃ nissaya sampanno,
Bhikkhu āraddhavīriyo;
Bhāvayaṃ kusalaṃ dhammaṃ,
Yogakkhemassa pattiyā;
Pāpuṇe anupubbena,
Sabbasaṃyojanakkhayanti. ”

“Nhờ phấn chấn tâm dẫn đầu,
Đại binh hoan hỷ phục thâu san hà.
Sanh cầm vua Kiêu Tát La,
Phá tan quân địch bắt hòa chúa tôi.
Cũng vậy phấn chấn tâm rồi,
Tỳ khưu tinh tấn trau dồi thiện duyên,
Chăm lo trì giới tham thiền,
Níp Bàn tịch tịnh chứng liền chẳng sai.
Bao nhiêu kiết sử dẳng dai,
Lần lượt cắt hết một hai chẳng còn”.

Kế đó, Đức Bổn Sư thuyết giảng rành mạch tích Bổn Sanh Phấn Chấn Tâm (Alīnacitta Jātaka), gồm có hai phân đoạn trên đây. Trong đó, con tượng chúa độc chiếc, đã đem con tượng con toàn sắc trắng của mình hiến tặng cho ông thợ mộc vì nhớ ơn người đã chữa lành vết thương nơi chân, chính là Đại đức Sāriputta đây vậy.

Sau khi kể sự tích tiền thân Đại đức Sāriputta, Đức Bổn Sư lại đề cập đến Đại đức Rādha.

- Nầy các Tỳ khưu, bất kể là Tỳ khưu nào, cũng nên noi gương dễ dạy của ông Rādha đây mà bắt chước. Nếu được người trí thức chỉ rõ lỗi mình, không nên nóng giận trong lúc nhận lãnh những lời dạy dỗ. Phải xem người ban huấn từ như là bậc hướng đạo chỉ cho mình chỗ có hầm chôn giấu của cải vậy.

Pāḷi:

“Nidhīnaṃ’va pavattāraṃ,
Yaṃ passe vajjadassinaṃ;
Niggayhavādiṃ medhāviṃ,
Tādisaṃ paṇḍitaṃ bhaje;
Tādisaṃ bhajamānassa,
Seyyo hoti na pāpiyoti.”

Dịch:

“Gặp người hiền trí giải bày,
Những điều lầm lỗi sửa sai cho mình.
Hãy nên cùng họ kết tình,
Xem họ như bậc cao minh chỉ đàng.
Cho ta tìm thấy kho tàng,
Gần hiền vô hại, lợi càng gia tăng”.

☸

CHÚ GIẢI:

Trong Pāḷi, tiếng ***Nidhīnaṃ*** nghĩa là: Những kho tàng bí mật, hay là những chỗ nào mà người đã đào lên chôn giấu của cải, thường là những chỗ đựng đầy vàng, bạc chẳng hạn.

Pavattāraṃ: Người chỉ lối không khác nào người có lòng từ mẫn muốn tế độ những kẻ khốn cùng khỏi cảnh vất vả lầm than, bèn kêu: "Hãy lại đây, ta sẽ chỉ cho các người một lối sống an vui", rồi dắt họ đến tận chỗ chôn của để dành, lấy tay chỉ và bảo họ: "Hãy lấy của nầy và sống an vui đi".

Vajjadassinaṃ: (Người cho thấy lỗi). Có hai hạng Tỳ khưu ưa vạch lỗi của người khác. Một là hạng Tỳ khưu tiểu tâm tìm lỗi lầm sơ suất của Tỳ khưu bạn, để lên mặt khiển trách người ở giữa Tăng chúng. Hai là hạng Tỳ khưu có tâm bi mẫn, muốn tế độ người tăm tối dốt nát, muốn dắt y đi lần đến chỗ sáng suốt, thông minh, giúp cho y tăng trưởng về mặt trí đức, cho nên mỗi việc lầm lỗi của y đều vạch ra cho y nhìn thấy để sửa chữa, ngõ hầu tiến lên bậc trên, trở nên con người đạo hạnh gương mẫu, tiếng Vajjadassinaṃ trong bài kệ chỉ hạng Tỳ khưu thứ hai nầy vậy.

Quả thật, ví như một người khốn cùng, gặp được người chỉ bảo: "Hãy lấy của nầy đi!". Dầu cho người ấy có dọa nạt, đánh đập anh ta chăng nữa, anh ta cũng không nóng giận mà còn vui thích là khác khi mà mắt anh ta nhận thấy được chỗ chôn vàng.

Cũng vậy, Tỳ khưu nào nhận thấy điều sơ suất lỗi lầm của mình bị vạch ra, không nên tỏ vẻ nóng giận trong khi được chỉ dạy. Trái lại, phải hết lòng hoan hỷ và phải yêu cầu như vầy: "Bạch Ngài, ơn Ngài chỉ bảo thật rất trọng đại, xin Ngài hãy nhận làm Thầy Tiếp dẫn hoặc Thầy Tế độ của con mãi mãi, để ban thêm nhiều huấn từ giáo hóa cho con".

Niggayhavādī: (Là người phản đối, khiển trách).

Như có một số Thầy Tế độ (Hòa thượng) hoặc Thầy Tiếp dẫn (Yết Ma) nhìn thấy các đệ tử sơ suất phạm lỗi, nhưng không dám nói ra vì cho rằng: "Ông nầy chăm lo hầu hạ ta đàng hoàng tử tế, phục vụ ta được nhiều việc, nhất là dâng nước rửa mặt, nếu ta vạch lỗi ông ta sợ e ông ta sẽ không hầu hạ ta nữa, như thế thì ta sẽ bị thiệt thòi". Tỳ khưu nghĩ như vậy không đáng gọi là Niggayhavādī. Vị ấy dung túng tội lỗi, như người xả rác trong giáo pháp nầy vậy.

Còn vị thầy nào thấy đệ tử mình phạm lỗi như thế, mà chỉ dạy, nhắc nhở giới luật, có khi đe dọa đòi đuổi, bắt chịu hình phạt hoặc không cho ở trong chùa thì mới đáng gọi là Niggayhavādī. Cũng như câu kim ngôn của Đức Chánh Biến Tri có dạy rằng: "Nầy Ānanda, việc đáng phản đối thì Như Lai khiển trách, cấm ngăn. Nầy Ānanda, việc đáng ủng hộ thì Như Lai khích lệ, thúc đẩy". (Niggayha niggayhāhaṃ, Ānanda, vakkhāmi; paggayha paggayhāhaṃ Ānanda vakkhāmi. Yo sāro soṭhassatīti).

Medhāviṃ: Bực nầy có đầy đủ trí tuệ đã nếm được hương vị của Pháp Bảo.

Tādisaṃ: Nên giao hảo, nương nhờ, học hỏi với bậc hiền trí như thế.

Quả thật, vị đệ tử mà nương nhờ học hỏi với Giáo sư như vậy thì thâu hoạch được nhiều lợi ích, không bao giờ phải chịu thiệt thòi, hoặc tăng thêm những điều quấy ác tai hại.

Thời pháp vừa dứt, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Đạo quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Dầu ơn nhỏ mọn cũng không quên,
Đợi lúc lâm nguy mới đáp đền,
Người trí tùy cơ mà ứng biến,
Giúp cho bạn cũ được làm nên.
Giữ tánh nhu hòa diệt nết sân,
Một lòng cầu tiến, học chuyên cần,
Càng mau thấy lỗi càng mau sửa,
Thầy đó, trò đây, thảy Thánh nhân.

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC RĀDHA

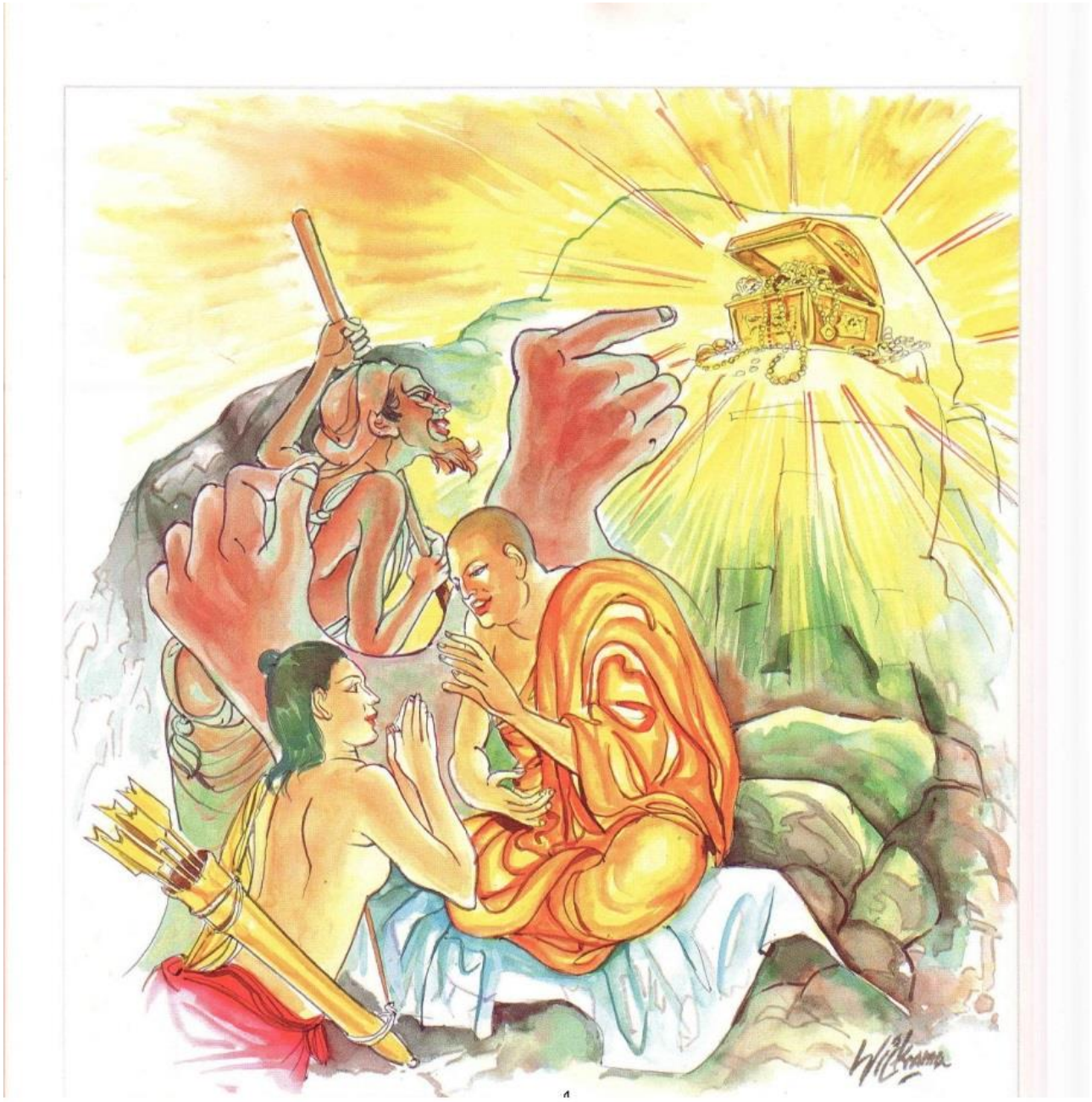

76. Hãy thân cận những bậc trí chỉ bảo các lỗi lầm của ta vì các vị ấy cũng như người phát hiện kho báu.

VI.2- Tích ÁC TĂNG

(Assajipunabbasukavathu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 77)

"Ovādeyyānusāseyya,	***"Những người hay khyên giải,***
Asabbhā ca nivāraye;	***Cản ngăn điều chẳng phải,***
Sataṃ hi so piyo hoti,	***Người sáng trí kính yêu***
Asataṃ hoti appiyoti".	***Kẻ tối thì trái lại".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự tại Jetavana, đề cập đến nhóm Tỳ khưu Assajipunabbasuka (Ác Tăng).

Câu chuyện của nhóm Tăng nầy đã phát khởi tại miền núi Kiṭa.

Tương truyền rằng: Họ là những Tỳ khưu quấy ác, không biết hổ thẹn tội lỗi, mặc dầu vị nào cũng đã từng là đệ tử của hai vị Thượng Thinh Văn. Họ quy tụ được đồ chúng cũng quấy ác như họ, gồm có năm trăm Tỳ khưu cùng trú ngụ chung nhau, tự mình trồng hay bảo kẻ khác trồng hoa... sửa kiểng... Nói tóm lại là họ tạo nhiều việc tà hạnh, làm hư hỏng các gia đình thiện tín, để nhờ đó mà nuôi sống bằng tứ vật dụng tà mạng. Họ chấp chứa các Tỳ khưu quấy ác như thế, còn những vị trong sạch thì bị họ đuổi đi, không cho ở (anāvāsaṃ akaṃsu).

Việc tác tệ của nhóm Tỳ khưu nầy thấu đến tai Đức Thế Tôn. Để hành Tăng sự trục xuất (pabbājanīyakammakaraṇa) họ ra khỏi vùng cư trú, Đức Thầy gọi hai vị Thượng Thinh Văn cùng với đoàn tùy tùng của các Ngài, đến phán bảo:

- Nầy Sāriputta, các ông hãy ra đi... Hễ những ai không vâng lịnh các ông, thì các ông hãy cho đọc tuyên ngôn trục xuất họ. Còn những ai vâng lịnh thì ông hãy dạy dỗ nhắc nhở họ. Quả thật, đối với người dạy dỗ, nhắc nhở thì những kẻ thiểu trí không mấy gì yêu mến, nhưng những người sáng suốt thì lại kính yêu.

Tiếp theo đó, Đức Bổn Sư thuyết pháp và kết luận bằng kệ ngôn rằng:

"Ovādeyyānusāseyya,
Asabbhā ca nivāraye;
Sataṃ hi so piyo hoti,
Asataṃ hoti appiyoti".

"Người hay dạy dỗ khuyên răn,
Thấy ai phạm lỗi can ngăn tức thì.
Người sáng trí kính yêu vì,
Kẻ tối, trái lại sân si oán thù".

☸

CHÚ GIẢI:

Tiếng ***Ovādeyya*** trên đây nghĩa là chỉ dạy về điều lỗi nào đã hoặc đang phạm. Còn tiếng *anusāseyya* là chỉ dạy khuyên răn về điều lỗi nào chưa phạm nhưng có thể phạm trong tương lai, và làm hạ phẩm giá của người phạm lỗi.

Dạy dỗ người cách trực tiếp, lúc giáp mặt gọi là ovadati, còn dạy dỗ gián tiếp hoặc bằng thơ, hoặc bằng lời nói nhắn thì gọi là anusāsati.

Dạy dỗ chỉ một lần cũng gọi là ovadati, còn dạy dỗ theo cách dạy đi dạy lại nhiều lần nối tiếp thì dạy những lần sau gọi là anusāsati.

Câu kệ đầu là nói về sự chỉ dạy bằng cả hai cách như đã giải trên.

Asabbhā có nghĩa là ngăn cấm các bất thiện pháp và khuyến khích các thiện pháp.

Sataṃ: người sáng trí như thế, hằng được các bậc đại nhân, nhất là chư Phật mến yêu.

Asataṃ: những người chưa giác ngộ chơn lý giải thoát, xuất gia chỉ có mục đích kiếm ăn để nuôi thân sống mà thôi cho nên đối với người dạy dỗ khuyên răn họ, họ trả lời trắng trợn như muốn xỉa xói vào mặt: "Sư không phải là Thầy Tế độ, không phải là Thầy Tiếp dẫn của chúng tôi, tại sao Sư lại muốn dạy chúng tôi?"; kẻ tối mê không ưa mà còn ghét người dạy dỗ như thế.

☸

Đến cuối thời Pháp nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn.

Sau khi nhận lãnh huấn từ của Đức Bổn Sư, Đại đức Sāriputta cùng Đại đức Moggallāna ra đi đến dạy dỗ, nhắc nhở nhóm Tỳ khưu tà hạnh. Có một số nhận lãnh huấn từ giáo hóa, cải tà quy chánh, một số tự động xin hoàn tục, còn một số không nhận lỗi bị Tăng tụng tuyên ngôn trục xuất ra khỏi địa phương Kiṭa.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Phẩm giá nhà sư chẳng giữ gìn,
Làm điều tà hạnh để mưu sinh,
Biết nghe lời dạy còn yêu Phật,
Ngoan cố thì theo hẳn thế tình...

DỨT TÍCH ASSAJIPUNABBASUKA

☸

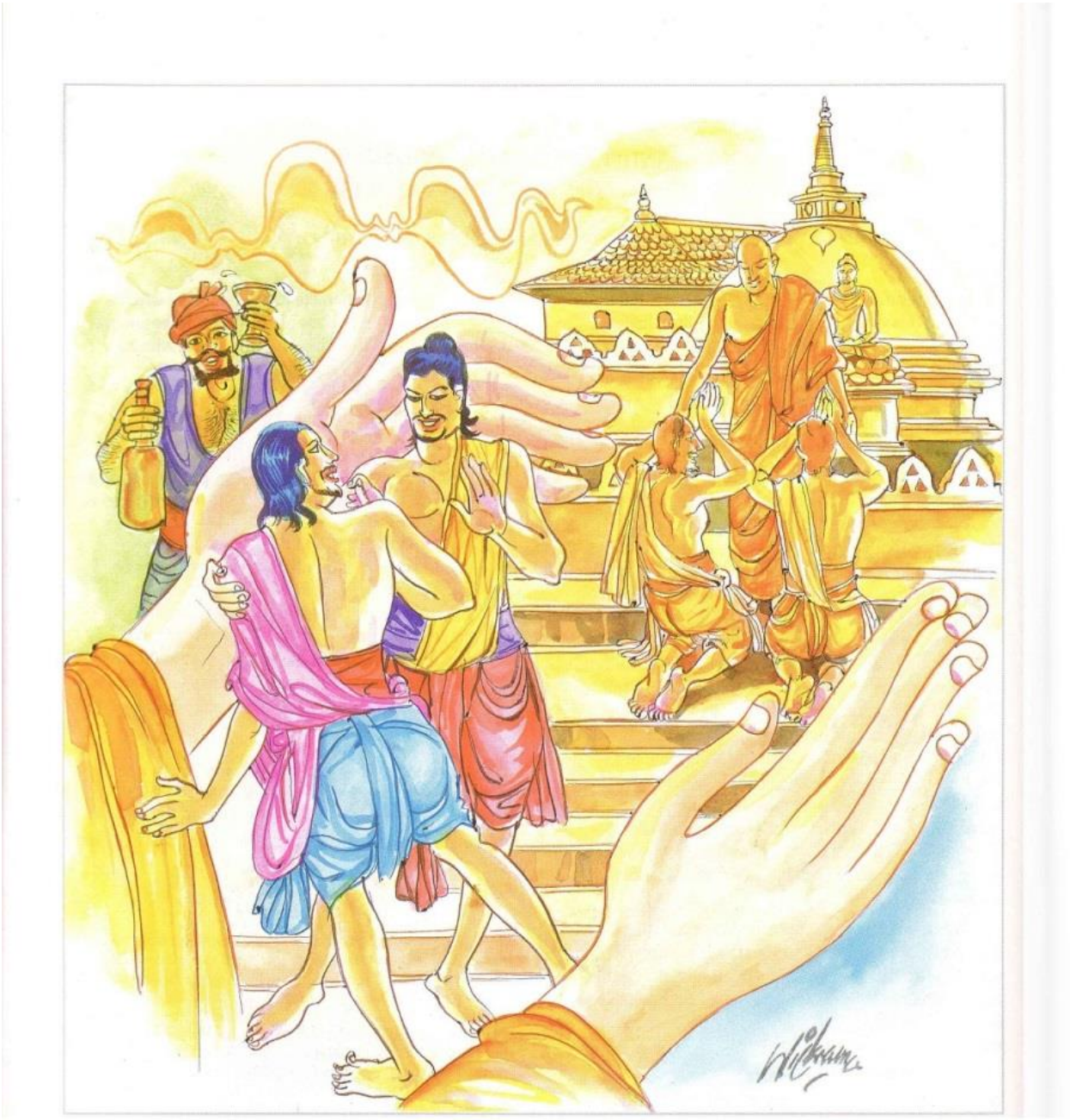

77. Lời khuyên của bậc trí làm vui lòng người hiền và làm mất lòng người ác.

VI.3- Tích ĐẠI ĐỨC SA NẶC

(Channattheravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 78)

"Na bhaje pāpake mitte,	***"Đừng thân cận bạn ác,***
Na bhaje purisādhame;	***Đừng thân kẻ tiểu nhân,***
Bhajetha mitte kalyāṇe,	***Tìm bạn lành, hiệp tác,***
Bhajetha purisuttameti".	***Gặp quân tử cầu thân".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự tại Jetavana, đề cập đến Đại đức Channa (Sa Nặc).

Tương truyền rằng: Đại đức có lần thốt ra lời mai mỉa hai vị Thượng Thinh Văn như sau: "Trong khi Thái tử, con đại vương ta phát nguyện xuất gia tu hành khổ hạnh, thì Ngài ra đi chỉ có một mình, ta chẳng thấy có mặt nào khác. Thế mà, bây giờ có người đi đâu cũng tự xưng tên: Ta là Sāriputta, ta là Moggallāna. Chúng ta là Thượng Thủ Thinh Văn...".

Đức Bổn Sư được chư Tỳ khưu bạch lại việc nầy, bèn cho gọi Đại đức đến khuyên răn, dạy bảo. Đại đức nín nhịn được ba lần như vậy, nhưng sau đó lại vẫn mỉa mai hai vị Thượng Thủ Thinh Văn như trước.

Trong khi đang mỉa mai như thế, lần thứ ba Đại đức bị Đức Bổn Sư đòi đến và phán dạy rằng:

- Nầy Channa, hai Tỳ khưu ấy là Thượng Thinh Văn, chính là bậc đại trượng phu quân tử, là những bạn lành của ông. Ông nên thân cận giao kết với những bạn lành như thế.

Nói rồi, Đức Bổn Sư nhân đó thuyết một thời pháp, Ngài kết luận bằng bài kệ nầy:

"Na bhaje pāpake mitte,
Na bhaje purisādhame;
Bhajetha mitte kalyāṇe,
Bhajetha purisuttameti".

"Đừng thân cận bạn ác, ngu,
Đừng gần gũi kẻ thất phu tục tằn.
Chỉ nên kết nghĩa kim bằng,
Với bậc hiền đức, trí năng hơn đời."

☸

CHÚ GIẢI:

Bài kệ trên đây có ý khuyên các Tỳ khưu không nên giao thiệp với hai hạng bạn ác: Một là bọn người truy hoan trong các bất thiện pháp, nhất là thân tà hạnh (kāyaduccaritā) như hành động trộm cướp chẳng hạn. Và hai là hạng đê tiện thấp hèn

trong số hai mươi mốt hạng người không nên thân cận. Trái lại, những người lành, thuộc hạng trượng phu quân tử thì nên tìm đến mà cầu thân giao kết.

☸

Sau thời pháp, có nhiều Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả, nhứt là Tu Đà Hườn quả.

Đại đức Channa mặc dù nghe được huấn từ, sau đó cũng vẫn còn tiếp tục mỉa mai, nhiếc móc các Tỳ khưu. Chư Tăng lại bạch lên Đức Thế Tôn việc làm khiếm nhã nầy. Đức Thầy phán rằng: "Nầy các Tỳ khưu, trong lúc Như Lai còn tại thế, các ông không thể nào bắt buộc Channa vâng giữ điều học được. Ráng chờ khi Như Lai Níp Bàn rồi, các ông sẽ dạy dỗ ông ta".

Và khi Ngài sắp Níp Bàn, nghe Đại đức Ānanda bạch hỏi:

- Bạch Ngài, chúng con phải dùng pháp nào để cảm hóa Đại đức Channa?

Ngài dạy rằng:

- Nầy Ānanda, hãy dùng hình phạt Phạm Đàn (Brahmadaṇḍa) một cách phạm tội là tuyệt giao, không tiếp xúc chuyện trò chi với vị Sư phạm tội cả, mà phạt Tỳ khưu Channa.

Trong lúc Đức Bổn Sư Níp Bàn, vừa nghe tiếng Đại đức Ānanda đã tuyên bố phạt Phạm Đàn mình, Đại đức Channa đang buồn khổ phải ngất xỉu đến ba lần, tỉnh lại thì kêu than:

- Bạch các Ngài, xin đừng hủy diệt.

Sau khi hối ngộ không bao lâu, Đại đức thực hành tròn đủ Phạm hạnh nên đắc quả A La Hán với Tuệ phân tích.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Thép còn bị lửa đốt mềm thay,
Sa Nặc đành thua một phép nầy,
Phật tại, phạm hình chưa đúng lúc,
Nhân sanh, nghiệp quả phải chờ ngày.
Vố đòn tâm lý, sao mà nặng,
Bài học ưa sầu, nghĩ cũng hay,
Cái bịnh cống cao vừa trị dứt,
Thì ngôi La Hán đã phô bày.

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC CHANNA

☸

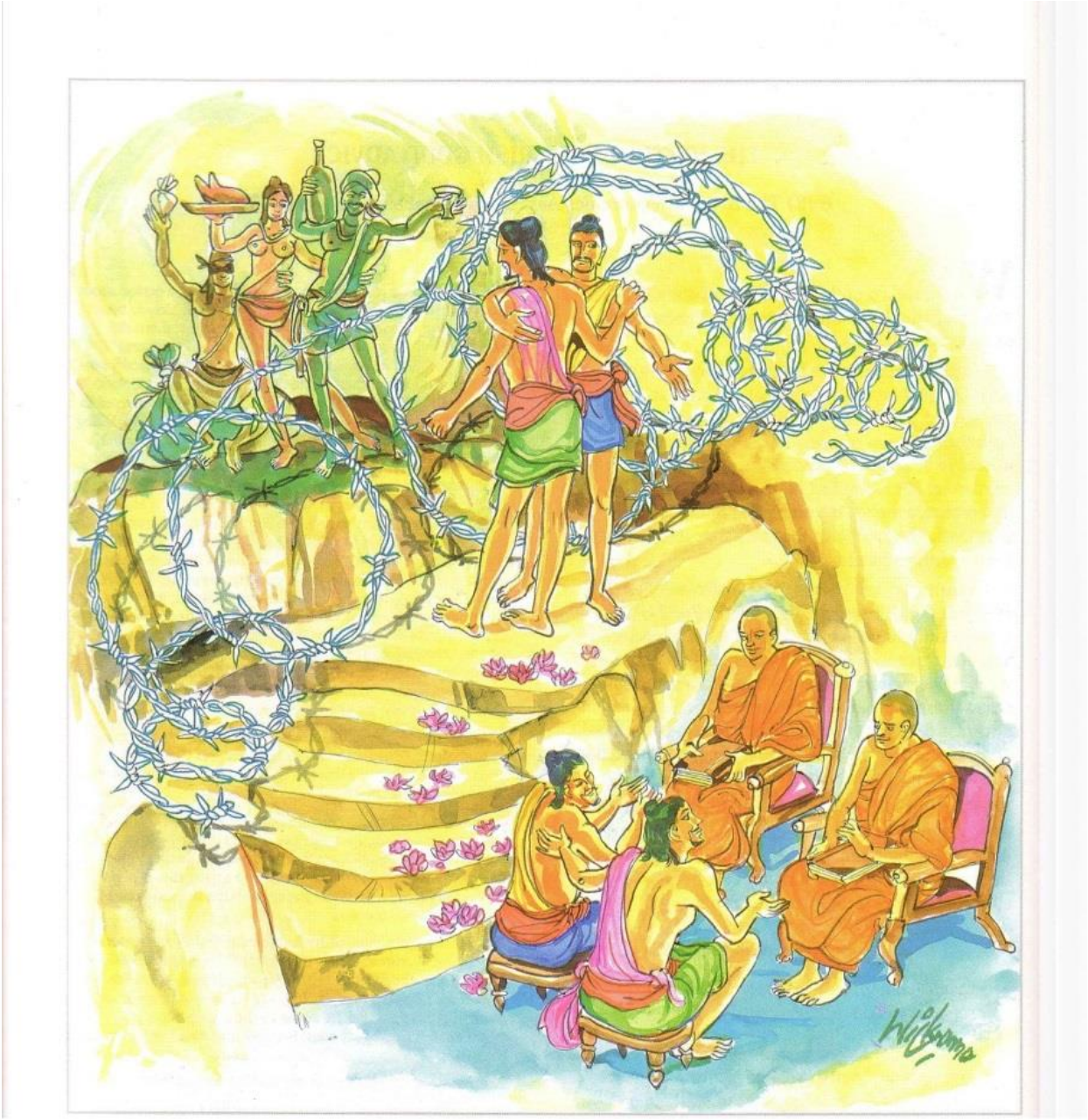

78. Đừng nên thân cận với người ác độc và người hèn hạ.
Hãy thân cận với người bạn đức hạnh và người bạn cao thượng.

VI.4- Tích ĐẠI ĐỨC MA HA KIẾP TÂN NA

(Mahākappinattheravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 79)

"Dhammapīti sukhaṃ seti,	***"Các pháp hỷ thảnh thơi,***
Vippasannena cetasā;	***Với tâm tư thuần khiết,***
Ariyappavedite dhamme,	***Nghe pháp Thánh nhân thuyết,***
Sadā ramati paṇditoti".	***Người trí mãi vui chơi".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự an tại Jetavana, đề cập đến Đại đức Mahākappina (Ma Ha Kiếp Tân Na).

Và đây là sự tích kể theo thứ lớp.

Tương truyền rằng: Từ thời quá khứ, Đại đức Mahākappina đã từng cúng dường, rồi phát nguyện dưới chân Đức Phật Padumuttara. Trong thời gian phiêu lưu trong vòng luân hồi, có kiếp Đại đức tái sanh vào gia tộc ông trưởng đoàn thợ dệt, trong một khu phố dệt cách thành Bārāṇasī không bao xa.

Vào thời ấy, có một ngàn vị Độc Giác Phật, sau khi trú ở miền Tuyết Sơn đã tám tháng, các Ngài đến thành Bārāṇasī để tìm nơi an cư trong bốn tháng mùa mưa. Các Ngài dừng chân tại một địa điểm cách thành Bārāṇasī không xa, cử tám vị đi yết kiến quốc vương để xin nhân công đến xây cất chỗ ngụ cho các Ngài.

Bấy giờ, nhằm lúc Đức vua đang bận tổ chức cuộc lễ gieo mạ. Khi nghe quan hầu báo tin có chư Phật Độc Giác ngự đến, quốc vương lâm triều và phán hỏi cho rõ mục đích của cuộc tiếp xúc nầy.

- Bạch chư Đại đức, trẫm không thể chuẩn nhận lời xin của chư Đại đức bởi vì sáng mai trẫm sẽ cử hành cuộc lễ gieo mạ kéo dài cả ba ngày đêm liền.

Phán rồi, quốc vương trở vào hoàng cung không mời thỉnh chư Phật Độc Giác cúng dường vật thực chi cả. Các Ngài đành ra khỏi thành, tính thầm: "Chúng ta sẽ đến một làng khác".

Ngay trong lúc ấy, bà vợ của ông trưởng đoàn thợ dệt đang đi vào thành Bārāṇasī vì một chút việc cần. Gặp chư Phật Độc Giác, bà đảnh lễ xong, bạch hỏi:

- Bạch chư Đại đức, sao các Ngài đến trễ quá vậy?

Sau khi nghe rõ đầu đuôi câu chuyện, người nữ có đầy đủ đức tin và trí tuệ ấy mới thỉnh cầu:

- Bạch chư Đại đức, con xin thỉnh các Ngài sáng mai đến thọ bát tại nhà con.

- Nầy cô, chư Tăng chúng tôi đông lắm.

- Bạch chư Đại đức, các Ngài có tất cả bao nhiêu?

- Độ một ngàn vị cô ạ.

- Bạch chư Đại đức, trong làng có một ngàn gia tộc, mỗi nhà sẽ lo để bát một vị. Các Ngài hãy nhận thọ bát trước, rồi con sẽ lo liệu việc cất liêu cốc, chỗ ngụ để cúng dường các Ngài sau.

Chư Phật Độc Giác bèn nhận lời. Bà tín nữ đi vào làng, cất tiếng kêu gọi rằng: "Tôi đã gặp độ ngàn vị Phật Độc Giác và đã cung thỉnh Ngài, vậy quý vị hãy lo sắp đặt chỗ ngồi, nấu sẵn cơm cháo...". Sau đó dựng lên một trang trại ở ngay giữa làng, trải lót tọa cụ đàng hoàng và qua ngày mai họ thỉnh chư Phật Độc Giác an tọa, rồi dâng cúng vật thực ngon quý. Sau khi các Ngài dùng xong bữa, bà tín nữ dắt tất cả nữ nhân trong làng cùng đi với mình đến đảnh lễ chư Phật Độc Giác và thỉnh các Ngài chấp nhận ở lại nơi đó an cư mùa mưa ba tháng.

Kế đó, bà tín nữ vào làng, cất tiếng kêu gọi rằng:

- Nầy các người ơi! Mỗi nhà hãy đơn cử một người nam, đem theo búa rìu vào rừng đốn cây làm vật liệu mang về đặng kiến tạo chỗ ngụ cho chư Đại đức.

Dân chúng trong làng theo lời của bà tín nữ, mỗi nhà đưa ra một nam nhân, hiệp lực công tác dựng lên ngàn thảo am (paṇṇasālā) có đủ chỗ hành đạo và nghỉ ngơi. Đến gần ngày an cư, các chủ nhà của những thảo xá tranh nhau cung thỉnh chư Phật Độc Giác và hứa hẹn: "Tôi nguyện sẽ hộ độ Ngài tử tế đàng hoàng". Nhà nào thỉnh được vị Phật nào ở thảo xá của mình thì lo hộ độ vị đó. Đến khi mãn hạ, mỗi nhà đều nhắc vị Phật của mình may y và dâng mỗi vị một xấp vải may y đáng giá một ngàn đồng.

Sau khi mãn mùa an cư, chư Phật Độc Giác tụng kinh phúc chúc cho các thí chủ xong, thì từ giã ra đi. Còn dân chúng trong làng nhờ tạo phước nầy, đến khi chết siêu sanh lên cõi trời Đao Lợi (Tāvatiṃsa) mệnh danh là thiên chúng (Gaṇadevaputta), hưởng lộc trời. Đến thời kỳ Đức Chánh Biến Tri Kassapa, họ cùng tái sanh vào những gia đình Trưởng giả trong thành Bārāṇasī, ông đoàn trưởng thợ dệt tái sanh làm con trai của ông Đại Trưởng giả trong thành, bà vợ của ông lại là một tiểu thư con của một Đại Trưởng giả khác. Tất cả các bà vợ của ông thợ dệt cũng là các tiểu thư của các nhà Trưởng giả và khi khôn lớn họ lại tái hợp với nhau như thuở trước.

Một hôm, dân chúng cùng rủ nhau vào tịnh xá nghe thuyết pháp. Khi nghe nói: "Có Đức Bổn Sư thuyết pháp", tất cả Trưởng giả đồng thanh: "Chúng ta hãy đi nghe pháp", và dắt luôn vợ đi vào tịnh xá.

Lúc họ đến giữa vườn chùa thì trời đổ mưa. Những ai có người quen thuộc hoặc là thân quyến của các vị Sa di... thì chạy vào đụt mưa trong cốc của các vị ấy. Còn những ai không có người quen thì không biết chạy đâu, đành đứng y giữa sân tịnh xá mà chịu trận.

Khi ấy, ông Đại Trưởng giả nói với họ rằng: "Quý vị hãy nhìn xem thảm trạng của chúng ta! Là con nhà danh giá cả, mà phải chịu cái cảnh xấu hổ như vầy. Thưa quý vị, bây giờ ta phải tính sao?".

- Chúng ta sở dĩ gặp phải tình cảnh như vầy là do thiếu chỗ thân thiện có thể nương nhờ. Vậy chúng ta nên bỏ tiền ra chung đậu lại mà cất lên một ngôi chánh điện (pariveṇa).

- Lành thay, thưa quý vị.

Ông Đại Trưởng giả bỏ ra ngàn đồng vàng, kỳ dư đều bỏ ra năm trăm đồng vàng cho mỗi vị, còn các nữ nhân thì cũng bỏ ra mỗi người hai trăm năm mươi đồng vàng để hùn vào. Khi góp được số tiền lớn ấy, họ khởi công xây cất một chánh điện mệnh danh là Đại Giảng Đường (Mahāpariveṇa), gồm cả ngàn cái nóc để cúng dường đến chư Tăng có Đức Bổn Sư là tọa chủ. Công trình kiến trúc đồ sộ quá, phí tổn rất nhiều, thành ra số tiền góp được khi trước không đủ, họ phải góp thêm hai lần phân nửa như vậy nữa.

Ngày khánh thành ngôi Giảng Đường Trùng Các nầy, họ cung thỉnh Đức Bổn Sư đến chứng minh cuộc đại lễ Trai Tăng suốt bảy ngày, và lúc sắp kết thúc đại lễ, họ lại cúng dường y đến hai muôn vị Tỳ khưu.

Vợ của Đại Trưởng giả không chịu đồng hưởng phước như mọi người, mà định sử dụng trí tuệ của mình để tạo ra công đức tối thắng hơn: "Ta sẽ cúng dường đến Đức Bổn sư". Nghĩ như vậy, bà lấy một đóa hoa Anoja (Hoàng Hoa), gói trong một khăn choàng có màu như hoa Anoja trị giá một trăm ngàn đồng vàng, chờ khi Đức Bổn Sư sắp tụng kinh phúc chúc, bà dâng y cùng hoa đến Ngài, đặt tấm y choàng quý giá dưới chân Đức Phật, bà phát nguyện: "Bạch Ngài, xin cho con tái sanh trong cảnh giới nào, cũng được thân thể sáng màu vàng cam như sắc Hoàng Hoa (Anoja) đây vậy, và xin cho con được mang tên là Anoja (Hoàng Hoa) nữa".

Đức Phật phúc chúc: "Chúc con được mãn nguyện". Tất cả những gia trưởng trên đây sống tùy theo tuổi thọ, sau khi mạng chung đều thọ sanh về Thiên giới. Đến thời Đức Phật hiện tại, ông Đại Trưởng giả thời trước, từ cõi trời tái sanh vào hoàng tộc, tại thành Kukkuṭavatī (Hùng Kê), đến tuổi trưởng thành thì được tôn vương, ngự hiệu là Đức vua Mahākappina. Các Trưởng giả xưa kia cũng tái sanh vào cõi người, trong những gia tộc đại thần cả. Bà Đại Trưởng giả thì tái sanh vào hoàng tộc trong thành Tāyala, xứ Madda, được song thân đặt tên là công chúa Anoja (Hoàng Hoa), vì toàn thân công chúa có ánh sắc vàng cam như bông Anoja vậy. Các bà Trưởng giả kia cũng đều sanh vào các gia tộc quyền quý, đến khi trưởng thành lại kết hôn với những công tử con quan trong triều vua Mahākappina, theo đúng như quan hệ từ trước. Còn công chúa Anoja thì được hoàng đế Mahākappina rước về làm Hoàng hậu trong triều.

Tất cả những quý tộc nầy đều giàu sang ngang hàng với quốc vương. Khi nào quốc vương vận triều phục, điểm trang lộng lẫy, cỡi voi ngự đi du ngoạn, thì họ cũng xuất hành đi theo chung thể, chứ không chịu kém. Còn quốc vương cỡi ngựa hoặc ngồi xe thì họ cũng cỡi ngựa hoặc ngồi xe mà đi như quốc vương. Họ được vinh hiển đồng đẳng như vậy là do nhờ hưởng quả của những phước lành mà họ đã tạo dựng chung một lượt với nhau.

Quốc vương có năm con tuấn mã tên là Bala (Lực), Balavāhana (Lực Tải), Puppha (Hoa), Pupphavāhana (Hoa Tải) và Supatta (Thiện Đạt). Quốc vương chỉ cỡi con Supatta, còn bốn con thì giao cho những sứ giả của vua cỡi để đi săn tin. Mỗi sáng quốc vương đãi đằng các vương sứ ăn uống xong rồi, phán bảo họ: "Chư khanh hãy đi, trải qua độ hai ba do tuần để nghe ngóng, dò hỏi: Khi biết rõ có Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng ra đời thì mang phúc tín về cho quả nhân".

Bốn vị vương sứ theo bốn cửa thành ra đi bốn hướng, trải qua hai ba do tuần chẳng bắt được tin lành, bèn trở về triều.

Một hôm, Đức vua cỡi con tuấn mã Supatta cùng với ngàn quan đại thần hộ giá, xuất thành du ngoạn, bỗng thấy năm trăm người lái buôn dạn dày sương gió, đang đi vào thành, quốc vương nghĩ thầm: "Những người lái buôn nầy có vẻ mệt mỏi phong trần vì đi đường xa. Trẫm sẽ hỏi thăm họ, may ra nghe được tin lành nào chăng?". Quốc vương cho đòi đoàn lái buôn đến và phán hỏi:

- Các người từ đâu đến đây?

- Tâu Đại vương, cách đây độ một trăm hai mươi do tuần, có một kinh thành tên là Sāvatthī. Chúng tôi từ đó đến đây.

- Trong xứ đó của các người, có tin lành gì phát sanh lên chăng?

- Tâu Đại vương! Chẳng có tin lành chi khác ngoài cái tin Đức Chánh Biến Tri đã giáng thế.

Vừa nghe tới đó, long thể tràn đầy năm thứ phỉ lạc, quốc vương không suy tính được gì cả, một chập sau mới phán hỏi rằng: "Các khanh nói sao?".

- Tâu Đại vương, Đức Phật đã giáng thế.

Lần thứ nhì, rồi lần thứ ba quốc vương cũng ngơ ngẩn vì quá vui mừng trong chốc lát như thế. Lần thứ tư, quốc vương lại phán hỏi: "Các khanh nói chi?".

Khi nghe trả lời: "Tâu Đại vương! Đức Phật đã giáng thế", quốc vương phán rằng:

- Nầy chư khanh, trẫm sẽ ân thưởng chư khanh một trăm ngàn đồng.

Phán rồi quốc vương lại hỏi tiếp:

- Về sau còn có tin lành nào khác nữa chăng, các khanh?

- Tâu Đại vương! Đức Pháp đã giáng thế.

Nghe tin nầy, Đức vua cũng ngây ngất trong chốc lát ba lần như trước. Đến khi nghe câu: "Đức Pháp đã giáng thế" lần thứ tư, Đức vua cũng hứa: "Trẫm sẽ ân thưởng chư khanh một trăm ngàn đồng". Hứa xong, Đức vua lại phán hỏi:

- Về sau, có tin lành nào khác nữa không?

- Tâu Đại vương, Đức Tăng đã giáng thế.

Nghe vậy, Đức vua cũng ngây ngất vì vui mừng trong chốc lát như ba lần trước. Và lần thứ tư khi nghe câu: "Đức Tăng đã giáng thế", Đức vua cũng tuyên bố sẽ ân thưởng một trăm ngàn đồng vàng cho đoàn thương buôn báo tin lành đến Ngài.

Đoạn Đức vua đưa mắt nhìn ngàn quan đại thần tùy giá hỏi rằng: "Chư hiền khanh, sẽ làm gì?".

- Tâu Bệ hạ, chẳng hay Bệ hạ định làm gì?

- Nầy chư khanh! Bây giờ đã biết tin lành Đức Phật đã giáng thế, Đức Pháp đã giáng thế, Đức Tăng đã giáng thế, quả nhân sẽ không thối chuyển, nhất định sẽ tìm đến Đức Thế Tôn để xin xuất gia với Ngài.

- Tâu Bệ hạ! Chúng tôi cũng sẽ xuất gia chung với Bệ hạ.

Quốc vương khiến quan hầu lấy vàng lá, thảo tín thơ trao cho những lái buôn và dặn rằng:

- Chư khanh về triều trao tín thơ nầy đến Hoàng hậu Anoja, Hoàng hậu sẽ ban thưởng cho các khanh ba trăm ngàn đồng vàng. Khi ấy, chư khanh hãy tâu với Hoàng hậu như vầy: "Quốc vương truyền ngôi và giao phó giang san đế nghiệp về tay Hoàng hậu. Vậy Hoàng hậu hãy tùy nghi sử dụng". Nếu Hoàng hậu có hỏi chư khanh: "Hoàng thượng bây giờ ngự ở đâu?", thì chư khanh nên cho biết rằng: Ngài tuyên bố: "Trẫm sẽ đi tìm Đức Bổn Sư để xuất gia", và Ngài đã đi rồi.

Còn ngàn quan đại thần cũng thảo thơ, mỗi vị đều báo tin cho vợ mình như thế cả.

Sau khi lái buôn từ biệt rồi, quốc vương lập tức lên đường tầm sư học đạo cùng với ngàn viên đại thần tùy tùng. Ngày ấy, lúc sáng tinh sương, trong khi Đức Bổn Sư quán sát thế gian, Ngài trông thấy quốc vương Mahākappina cùng với đoàn hộ giá. Quán thêm nữa, Ngài biết rõ rằng: Đức vua Mahākappina khi nghe đoàn lái buôn báo tin đã có Tam Bảo giáng thế thì ban thưởng cho họ ba trăm ngàn đồng vàng, rồi rời bỏ ngai vàng, dắt theo ngàn quan đại thần đi tìm Như Lai để xuất gia hành đạo. Ngày mai, Đức vua sẽ đến đây xuất gia, sẽ đắc quả A La Hán với Tuệ phân tích một lượt với ngàn quan tùy tùng. Như Lai sẽ đón tiếp để tế độ Đức vua.

Qua hôm sau, cũng như vị Chuyển Luân Vương ngự đón đường một vị thôn trưởng, Đức Thế Tôn đắp y mang bát, một mình vượt qua quãng đường một trăm hai mươi do tuần, đi về hướng có quốc vương, đến ngồi tại bờ sông Candabhāgā (Nguyệt Phần), dưới gốc cây đa và phóng tỏa ra hào quang lục sắc.

Còn quốc vương đang đi tìm Đức Phật, đến một con sông, bèn hỏi quan tùy tùng:

- Con sông nầy tên chi?

- Tâu Bệ hạ! Đây là sông Aravacchā.

- Sông nầy sâu rộng thế nào vậy chư khanh?

- Tâu Bệ hạ, bề sâu của nó là một dặm, bề rộng là hai dặm (gāvuta).

- Nơi đây có thuyền bè chi để qua sông chăng?

- Tâu Bệ hạ, không có.

Trong lúc các quan lo tìm kiếm thuyền bè... quốc vương khấn thầm rằng: "Vì chúng tôi nhận thấy sự sanh dắt dẫn đến sự già, sự già dắt dẫn đến sự chết, nên bá quan đã một lòng cùng trẫm ra đi để tìm Tam Bảo. Do nhờ oai lực của Tam Bảo, xin cho nước sông nầy hãy đừng giống như nước".

Sau khi suy tư đến Hồng Ân Tam Bảo, quốc vương bắt đầu tưởng niệm: "Itipiso Bhagavā Arahaṃ Sammāsambuddhoti". (Ngài là Đức Thế Tôn, bậc ứng Cúng, Đức Chánh Biến Tri...) chú tâm giữ vững đề mục Niệm Phật, quốc vương với đoàn tùy tùng ngồi trên lưng cả ngàn con ngựa, lướt trên mặt nước mà qua sông. Những con tuấn mã vó câu dồn dập như chạy trên mặt đá, đầu móng chân không bị thấm ướt chút nào cả.

Qua khỏi con sông nầy, quốc vương đi trước lại gặp một con sông khác, liền phán hỏi:

- Sông nầy tên chi?

- Tâu Bệ hạ, nó tên là Nīḷavahanā (Thanh Sắc Cấp Thủy Hà).

- Nó sâu, rộng bao nhiêu?

- Tâu Bệ hạ, bề sâu cũng như bề rộng của nó là nửa do tuần.

Trong lúc các quan lo tìm kiếm thuyền bè để qua sông. Quốc vương cũng khấn nguyện như lần trước, nhưng với con sông nầy quốc vương tưởng niệm câu "Svākkhāto bhagavatā dhammoti" (Pháp mà Đức Thế Tôn khéo thuyết giảng...). Chú tâm giữ vững đề mục Niệm Pháp, quốc vương phóng ngựa vượt qua sông an toàn.

Nhưng vượt qua sông nầy rồi, quốc vương lại gặp một con sông khác nữa, lại phán hỏi các quan:

- Sông nầy tên chi?

- Tâu Bệ hạ, tên nó là Candabhāga (Nguyệt Phần).

- Bề sâu và rộng của nó là bao nhiêu?

- Bề sâu và rộng của nó là một do tuần.

Trong lúc bá quan nhìn kiếm thuyền bè quốc vương cũng khấn nguyện như trước, nhưng với con sông nầy, quốc vương khấn nguyện, niệm tưởng Ân Đức Tăng "Supaṭipanno bhagavato sāvakasaṅghoti" (Tăng là các Bậc Thinh Văn đệ tử Phật đã tu hành đúng theo Chánh pháp). Chú tâm giữ vững đề mục Niệm Tăng, quốc vương vượt sông an toàn.

Qua sông rồi, quốc vương tiếp tục hành trình đi mãi đi mãi, cho đến khi trông thấy những tia hào quang sáu màu từ kim thân của Đức Bổn Sư phóng ra. Toàn cả cây đa, chỗ Đức Bổn Sư ngự, những cành lá và rễ phụ đều lóng lánh y như bằng vàng ròng. Quốc vương nghĩ thầm: "Trẫm chưa từng thấy ánh sáng rực rỡ dường nầy bao giờ. Nó không phải là của mặt trăng, mặt trời, hay chư Thiên, Ma Vương, Phạm Thiên, Long vương, Kim sí điểu... hoặc của ai khác nữa. Trên đường đi tầm sư học đạo chắc là trẫm được gặp Đức Phật Tổ Gotama bây giờ đây".

Quốc vương bèn xuống ngựa, hạ mình nương theo ánh hào quang mà đến gần Đức Bổn Sư. Như người lặn trong hồ nước thơm, mát mẻ (manosilārasa), quốc vương đến bên trong vùng hào quang của Đức Phật, đảnh lễ ra mắt Đức Bổn Sư xong rồi, ngồi xuống một bên cùng với một ngàn cận thần.

Đức Bổn Sư thuyết tuần tự Pháp (Anupubbīkathā), đến cuối thời pháp, quốc vương cùng đoàn tùy tùng đều đắc quả Tu Đà Hườn. Khi ấy, tất cả đồng đứng dậy, ngỏ lời xin xuất gia.

Đức Bổn Sư tự vấn: "Những thiện gia tử quí tộc nầy có y bát do thần thông lực được chăng?". Khi quán xét, Ngài thấy rằng: "Những thiện gia tử nầy đã có cúng dường một ngàn lá y đến ngàn vị Độc Giác Phật, và trong thời Đức Chánh Biến Tri

Kassapa đã cúng dường hai muôn lá y đến hai muôn Tăng chúng. Không có chi lạ, nếu có y bát phát sanh đến cho họ do thần thông lực".

Biết rõ như thế, Đức Bổn Sư đưa tay phải ra, phán rằng: "Thiện lai Tỳ khưu! (Hãy đến đây hỡi chư Tỳ khưu!) Hãy thực hành Phạm hạnh cho chơn chánh, ngõ hầu chấm dứt mọi nỗi khổ đau".

Ngay khi ấy, những Tỳ khưu mới nầy có đầy đủ tám món vật tùy thân, có hình dáng trang nghiêm như những vị Đại đức hằng trăm tuổi hạ, đồng bay bổng lên hư không, đáp xuống đảnh lễ Đức Bổn Sư, rồi ngồi yên nơi đó.

Nói về các thương khách, về đến kinh đô vào triều kiến Hoàng hậu, báo tin rằng mình có mang lời ủy thác của Đức vua, khi được Hoàng hậu truyền lịnh: "Hãy vào!", họ bèn vào triều bái tung hô xong, đứng nép qua một bên.

Khi ấy, Hoàng hậu phán hỏi họ: "Chư khanh đến có việc chi cần yếu?".

- Chúng tôi được lịnh quốc vương phái về tiếp kiến Hoàng hậu ban cho chúng tôi ba trăm ngàn đồng.

- Chư khanh xin sao nhiều quá vậy? Chẳng hay chư khanh đã làm điều chi khiến Hoàng thượng phát tâm trong sạch đối với chư khanh, mới ban thưởng cho chư khanh số tiền to lớn như thế ấy?

- Tâu Hoàng hậu, chúng tôi chẳng có làm điều chi khác ngoài việc báo một tin lành đến quốc vương biết.

- Chư khanh báo tin lành ấy đến cho ta nghe được chăng?

- Tâu Hoàng hậu, được.

- Thế thì chư khanh hãy nói đi.

- Tâu Hoàng hậu, Đức Phật đã giáng thế.

Nghe được tin nầy, từ lần thứ nhất đến lần thứ ba, cả ba lần ngọc thể tràn đầy phỉ lạc, Hoàng hậu không còn tưởng nghĩ điều chi được nữa. Khi nghe tiếng Đức Phật (Buddho) lần thứ tư, Hoàng hậu mới phán hỏi: "Chư khanh, nghe câu nầy hoàng thượng đã ban thưởng bao nhiêu?".

- Tâu Hoàng hậu, một trăm ngàn.

- Chư khanh, nghe được tin lành như thế mà hoàng thượng chỉ ban cho chư khanh có một trăm ngàn, như thế thì không xứng đáng. Quả thật, ta sẽ ban tặng cho chư khanh món quà nhỏ mọn của ta là ba trăm ngàn đồng. Chư khanh còn báo tin gì khác cho hoàng thượng biết nữa chăng?

Các thương khách lần lượt tâu cho Hoàng hậu biết hai tin lành khác: "Tâu Hoàng hậu, Đức Pháp đã giáng thế", "Tâu Hoàng hậu, Đức Tăng đã giáng thế".

Cũng như lần đầu, long thể Hoàng hậu biết hai tin lành ấy, cả ba lần đều ngẩn ngơ. Nghe đến lần thứ tư, Hoàng hậu tỉnh trí, khiến ban thưởng cho các thương khách hai lần, mỗi lần ba trăm ngàn đồng vàng nữa. Thế là các nhà đem tin báo tiệp được lãnh tất cả là một triệu hai trăm ngàn đồng vàng.

Sau đó, Hoàng hậu phán hỏi các thương khách:

- Nầy chư khanh, hiện giờ Hoàng thượng đang ở đâu?

- Tâu Hoàng hậu, Hoàng thượng có nói: "Trẫm sẽ đến xuất gia nơi Đức Phật", và Ngài đã lên đường.

- Thế Hoàng thượng có nhắn lời gì cho ta?

- Ngài dặn tâu lại rằng: Tất cả quyền tước của Ngài, Ngài giao phó cho Hoàng hậu toàn quyền sử dụng, rằng Hoàng hậu hãy thừa hưởng vương vị tùy theo sở thích.

- Nầy chư khanh, còn các quan cận thần đi đâu?

- Tâu Hoàng hậu, bá quan cũng có nói: "Chúng tôi sẽ xuất gia theo cùng với Đức vua", và cũng ra đi cả rồi.

Hoàng hậu cho triệu tập các mệnh phụ phu nhân của ngàn vị đại thần và phán hỏi rằng:

- Chư tỉ muội, chồng của các chị em đã nói: "Chúng ta sẽ đi xuất gia với quốc vương", và đã ra đi. Vậy các chị em tính làm sao đây?

- Tâu Hoàng hậu, các ông ấy có nhắn lời gì cho chúng tôi chăng?

- Các chị em, Hoàng thượng cùng các ông ấy, nghe nói là giao hết sự sản của mình lại cho chị em, bảo chị em cứ tha hồ hưởng thụ đi.

- Tâu Hoàng hậu, chẳng hay giờ đây Hoàng hậu tính sao?

- Nầy chị em, khi Hoàng thượng đang đứng ngoài đường, nghe được tin lành nầy, đã xuất ra ba trăm ngàn đồng để cúng dường Tam Bảo, rồi từ bỏ giang san sự nghiệp như thế, như người nhổ bỏ nước bọt. Ngài tuyên bố: "Trẫm sẽ đi xuất gia", và đã ra đi. Còn ta, khi nghe tin lành Tam Bảo đã khởi hiện, ta cũng đã cúng dường Tam Bảo chín trăm ngàn đồng. Quốc vương đã từ bỏ vương vị, xả phú cầu bần thì ta cũng nên xả phú cầu bần, chứ ai lại quỳ gối xuống đất, hả miệng liếm lại nước bọt của quốc vương đã nhổ bỏ hay sao? Ta không cần vương vị làm chi, ta cũng sẽ đi tìm Đức Bổn Sư mà xin xuất gia hành đạo.

- Tâu Hoàng hậu, chị em chúng tôi cũng sẽ đi xuất gia một lượt với Hoàng hậu.

- Nếu được vậy thì quý lắm chị em ạ.

- Tâu Hoàng hậu, được lắm.

Sau khi cho thắng ngàn chiếc xe, Hoàng hậu đích thân ngự lên một chiếc, cùng với các mệnh phụ phu nhân khởi hành, rời bỏ kinh đô.

Dọc đường, Hoàng hậu thấy con sông thứ nhứt, cũng đã phán hỏi như quốc vương lúc trước. Khi đã nghe rõ tự sự, Hoàng hậu khiến các phu nhân tìm xem quốc vương đã đi về ngả nào.

- Tâu Hoàng hậu, chúng tôi không thấy dấu chân của những tuấn mã đâu cả.

Nghe vậy, Hoàng hậu đoán rằng: "Có lẽ hoàng thượng đã phát nguyện, đem cả tấm chân thành ra đi tầm cầu Tam Bảo, cho nên đã đi trót lọt". Nay ta cũng ra đi tầm cầu Tam Bảo. Xin nhờ oai lực Tam Bảo mà nước sông nầy không giống như nước thường.

Chú tâm niệm ân đức Tam Bảo, Hoàng hậu ra lịnh cho một ngàn chiếc xe vượt qua sông. Mặt nước khi ấy đặc cứng như mặt đá băng, các vành bánh xe lăn qua không dính chút nước nào cả.

Cũng bằng cách ấy, mà đoàn xe lữ hành vượt qua hai con sông kia. Đức Bổn Sư biết rằng Hoàng hậu và các phu nhân sắp đến, bèn khiến cho những Tỳ khưu đang ngồi gần bên Ngài biến mất hình dạng.

Đoàn phụ nữ quý tộc đang đi, bỗng thấy những tia ánh sáng từ kim thân Đức Phật phóng ra, cũng có ý nghĩ như quốc vương lúc trước, bèn đến đảnh lễ Ngài rồi đứng nép qua một bên.

- Bạch Ngài, Đức vua Mahākappina đã ra đi để tìm Ngài. Theo chúng con tưởng, chắc có lẽ Đức vua đã đến đây rồi. Vậy nhờ Ngài từ bi chỉ giùm chúng con biết, hiện giờ Đức vua ở đâu?

- Các bà hãy ngồi xuống đây đi, rồi ta sẽ chỉ cho thấy Đức vua.

Tất cả phụ nữ quý tộc đều hài lòng, ngồi xuống vừa thầm nghĩ: "Theo lời Ngài nói, chúng tôi ngồi nơi đây, rồi thì sẽ được gặp mặt các đấng lang quân".

Đức Bổn Sư bắt đầu thuyết tuần tự pháp, nghe dứt thời pháp, Hoàng hậu Anoja cùng đoàn mệnh phụ thảy đều chứng đắc Tu Đà Hườn quả.

Đại đức Mahākappina ngồi nghe thời pháp của Đức Bổn Sư thuyết để tiếp độ các nữ nhân ấy thì lại chứng đắc A La Hán quả cùng với Tuệ phân tích, cùng với ngàn vị Tỳ khưu tùy tùng chứng đạt như thế.

Ngay sát na ấy, Đức Bổn Sư khiến cho các nữ nhân được thấy chư Tỳ khưu đã đắc A La Hán quả (Người ta cho rằng: Lúc các mệnh phụ vừa đến mà gặp mặt ngay chồng mình cạo tóc, đắp y thì không thể giữ được tâm định tĩnh, do đó sẽ không chứng đắc đạo quả chi hết. Bởi thế cho nên, Đức Thế Tôn mới chờ khi họ đã có tín tâm kiên cố rồi mới khiến cho họ nhìn thấy chư Tăng A La Hán).

Khi nhìn thấy chư Thánh Tăng nầy, quý bà liền gieo năm vóc xuống đảnh lễ và bạch rằng: "Bạch chư Đại đức, lúc nầy chư Đại đức đã đạt đến mục đích tối cao của người xuất gia rồi chắc?".

Kế đó, quý bà đảnh lễ Đức Bổn Sư, rồi đứng nép qua một bên ngỏ lời xin xuất gia (có một số người nói rằng: Nghe vậy, Đức Bổn Sư nghĩ đến nàng Uppalavaṇṇā, nàng biết được tư tưởng của Đức Thế Tôn, nên hiện đến nơi ấy, Đức Thế Tôn phán bảo Uppalavannā cho ngàn nữ nhân xuất gia, rồi đưa các Tỳ khưu Ni ấy trở về Jetavana Ni viện bằng thần thông lực).

Đức Bổn Sư bèn bảo các tín nữ ấy rằng: "Các con hãy đến thành Sāvatthī vào chùa Sư nữ mà xin xuất gia".

Các tín nữ vâng lời ra đi, họ trải qua quãng đường xa một trăm hai mươi do tuần, lần hồi mới đến thành Sāvatthī, dọc đường họ được đại chúng đón đường cúng dường lễ vật rất vinh quang.

Sau khi đến Ni viện, được xuất gia Tỳ khưu ni, đoàn phụ nữ ấy về sau chứng đắc A La Hán quả cả thảy.

Đức Bổn Sư cũng dắt ngàn vị Tỳ khưu bay trở về Jetavana.

Tương truyền rằng: Đại đức Mahākappina hằng đi tới lui trong các nơi hàng hiên hoặc nơi nghỉ ngơi... cao hứng thốt lên câu: "Ôi sung sướng thay! Ôi sung sướng thay!". Chư Tỳ khưu bèn bạch với Đức Thế Tôn:

- Bạch Ngài, Đại đức Mahākappina hằng đi tới lui cao hứng thốt lên câu: "Ôi sung sướng thay! Ôi sung sướng thay!". Có lẽ Đại đức muốn nhắc lại thời sung sướng vương giả của mình chăng?

Đức Bổn Sư cho gọi Đại đức đến và phán hỏi:

- Nầy Mahākappina, nghe nói rằng ông hồi tưởng đến thời sung sướng vương giả, toại hưởng ngũ trần, nên thốt lên những lời cao hứng phải chăng?

- Bạch Thế Tôn, Ngài vẫn biết con có hay là không có thốt ra lời cao hứng vì hồi tưởng đến dục lạc ngũ trần rồi.

Đức Bổn Sư xác nhận rằng: "Nầy các Tỳ khưu, con trai Ta không phải vì ngũ trần dục lạc, sự sung sướng vương giả mà thốt lên lời cao hứng đâu. Pháp hỷ đã phát sanh đến con trai Ta, và con trai Ta đã nếm vị của Bất tử Níp Bàn nên mới thốt lên câu cảm hứng khái thế ấy vậy".

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết pháp và kết luận bằng bài kệ:

"Dhammapīti sukhaṃ seti,
Vippasannena cetasā;
Ariyappavedite dhamme,
Sadā ramati paṇḍitoti".

"Người đắc pháp hỷ thảnh thơi,
Với tâm khiết tịnh, sống đời thanh cao.
Người trí mãi mãi hân hoan,
Lắng nghe Pháp Phật bảo ban giáo truyền".

CHÚ GIẢI:

Tiếng ***dhammapīti*** trên đây nghĩa là người được no vui nhờ pháp, ví như đứa bé được mẹ cho bú sữa là pháp vậy. Gọi là Pháp (dhammo) nầy, không thể uống, húp hay bú như cháo, sữa đựng trong chén, bát... người tu hành nhờ đề mục niệm mà chứng được chín pháp Siêu Thế (Lokuttaranavadhamma), giác ngộ bằng trực giác chân lý Tứ Diệu Đế, nhứt là Khổ Đế. Gọi là người uống được pháp, tức là đắc Pháp hỷ vậy.

Sukhaṃ seti: Sống an vui luôn luôn trong bốn oai nghi, cả trong lúc thức và trong lúc nghỉ.

Vippasannena: Với tâm khiết tịnh không nhiễm ô, không phiền não.

Ariyappavedite: Được các bậc Thánh nhân như Đức Phật... thuyết giảng rành rẽ về các nhân sanh quả Bồ Đề (Bodhipakkhiyadhamma), Tứ niệm xứ...

Sadā ramati: Người đắc pháp hỷ như thế, tâm hằng thanh tịnh, thuần khiết. Có đầy đủ trí tuệ sáng suốt thì luôn luôn hoan hỷ thảnh thơi, vui một niềm vui thoát tục.

☸

Thời pháp vừa dứt có nhiều vị chứng đắc Thánh quả, nhứt là Tu Đà Hườn quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Ai bằng Đại đức Kiếp Tân Na,
Ngàn dặm xuyên sơn kiếm Phật Đà,
Từ ngôi nguyện sống đời tu sĩ,
Bỏ vợ hầu nương hạnh xuất gia.
Giữa chốn thanh bần vui biết mấy,
Nghe tên Chánh Pháp sướng thay là,
Của tiền danh vọng cần chi nữa,
Một quả vô sanh quá đủ mà.

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC MAHĀKAPPINA

☸

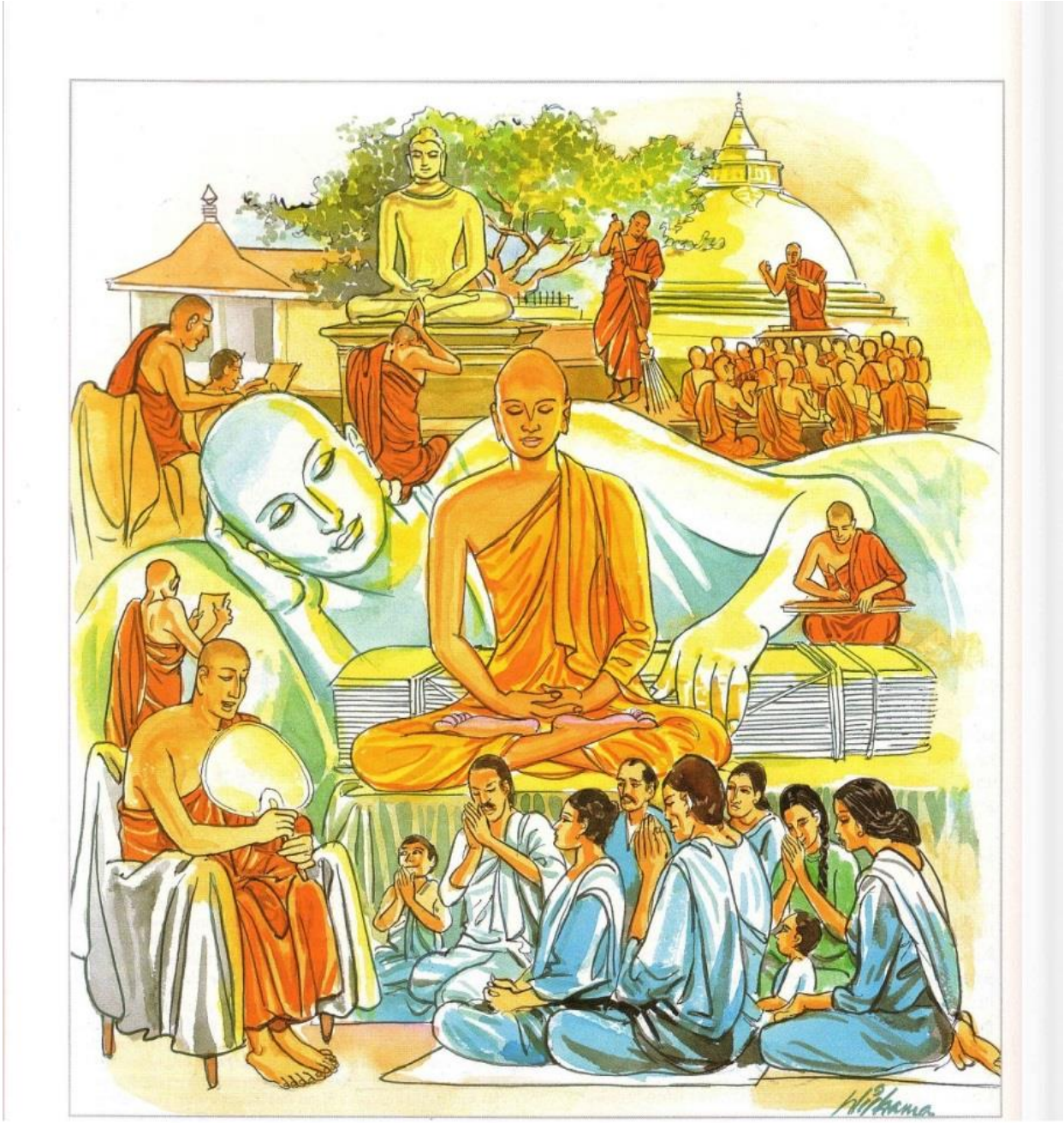

79. Người yêu mến Chánh pháp thường trú trong an lạc thanh tịnh, thích thú Giáo lý của Bậc Thánh.

VI.5- Tích SA DI TRÍ GIẢ

(*Paṇḍitasāmaṇeravatthu)*

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 80)

"Udakaṃ hi nayanti nettikā,	**"*Người dẫn thủy dẫn nước,***
Usukārā namayanti tejanaṃ;	***Thợ làm tên nắn tên,***
Dāruṃ namayanti tacchakā,	***Thợ mộc uốn gỗ ướt,***
Attānaṃ damayanti paṇḍitāti."	***Trí giả tự điều tâm".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự an tại Jetavana, đề cập đến Sa di Paṇḍita (Trí Giả).

Vào thời quá khứ, có một lần nọ Đức Chánh Biến Tri Kassapa ngự vào thành Bārāṇasī, dắt theo hai muôn vị Tháng Lậu Tận.

Dân chúng tự lượng sức mình, rủ nhau từng nhóm tám người cũng có, mười người cũng có, chung lo tiếp đãi chư Tăng mới đến, nhứt là bố thí cúng dường tứ vật dụng.

Thế rồi, một hôm sau khi thọ thực, Đức Thầy nhân dịp nầy tỏ lời hoan hỷ cuộc phước thí, thuyết giảng như sau:

- Nầy các thiện gia tử, nơi đây có một số người nghĩ rằng: "Ta nên xuất của nhà ra, tự mình làm việc phước thí, cần gì kêu rủ ai khác làm chi?". Thế rồi, những người nầy tự mình làm việc phước chớ không kêu rủ ai khác cả. Trong kiếp tái sanh, họ được tài sản dồi dào, nhưng không được đông đảo người tùy thuộc. Lại có một số người nữa chỉ kêu gọi người làm phước còn tự mình chẳng bố thí chi cả, cho nên trong kiếp vị lai họ được nhiều người tùy thuộc, nhưng tài sản chẳng được dồi dào. Còn một số người tự mình không bố thí, cũng không kêu gọi ai bố thí thì trong kiếp vị lại họ không thể nào được phú túc về mặt tài sản và tùy thuộc cả. Trái lại họ còn nghèo túng đến nổi phải xin ăn cơm thừa cá cặn mà sống qua ngày. Một số người tự mình làm phước bố thí và kêu gọi người khác bố thí thì kiếp sau họ được đầy đủ phước báu, tài sản dồi dào, tùy thuộc đông đảo.

Nghe vậy, một người nam là bậc có trí, đứng gần nghĩ thầm rằng: "Bây giờ ta sẽ làm theo cách của nhóm người thứ tư, để sau nầy được dồi dào về cả hai mặt".

Ông đảnh lễ Đức Bổn Sư và bạch rằng:

- Bạch Ngài, ngày mai xin các Ngài hãy thọ bát của chúng con.

- Ông cần bao nhiêu Tỳ khưu?

- Bạch Ngài! Chư Tăng theo Ngài có được là bao nhiêu vị Tỳ khưu?

- Hai muôn vị Tỳ khưu.

- Bạch Ngài, con xin Ngài với tất cả chư Tỳ khưu ngày mai hãy thọ cơm bát của con.

Đức Bổn Sư im lặng nhận lời.

Thiện nam có trí ấy đi vào làng báo tin cho dân chúng hay:

- Các người ơi! Tôi thỉnh được chư Tỳ khưu Tăng có Đức Phật là vị tọa chủ, ngày mai đến thọ bát nơi nhà tôi. Các người ai có sức hộ độ được bao nhiêu vị Tỳ khưu thì hãy hộ độ bấy nhiêu vị.

Nghe vậy, dân làng tùy theo sức mình, người thì nói: Chúng tôi sẽ để bát mười vị, chúng tôi hai mươi vị; chúng tôi năm trăm vị… Thiện nam ấy lấy giấy ghi tất cả danh sách thí chủ ấy, từ đầu đến cuối.

Thuở ấy, trong thành có chàng nông dân nghèo khó, quá đói nghèo, nên mọi người gọi là là Mahāduggata (Đại Bần Khổ). Gặp anh ta, thiện nam ấy cũng rủ:

- Nầy bạn Mahāduggata! Ngày mai tôi thỉnh Tỳ khưu Tăng có Đức Phật dẫn đầu đến tại nhà tôi, ngày mai dân thành sẽ cúng dường làm phước. Vậy phần bạn, bạn lãnh để bát bao nhiêu vị Tỳ khưu?

- Dạ thưa ông, nhà tôi mà ông hỏi để bát Tỳ khưu ư? Để bát cho Tỳ khưu phải là người giàu có, còn tôi buổi sáng kiếm một nhúm gạo để nấu cũng chẳng có thay. Tôi làm thuê làm mướn sống lay lất qua ngày, tôi biết lấy chi để bát Tỳ khưu mà ông kêu gọi.

Người đi khuyên nhủ người khác làm phước phải là người khéo nói, mới thuyết phục người khác làm theo mình được. Bởi vậy, ông thiện nam dầu nghe anh Mahāduggata than túng, cũng không làm thinh mà nói tiếp rằng: "Nầy bạn Mahāduggata, trong thành nầy, có nhiều người ăn ngon, mặc áo đẹp, nằm trên giường ngà chiếu ngọc, thân thể thì trau dồi, đeo giắt nhiều loại nữ trang quý giá. Họ thì hưởng phước lộc dồi dào như vậy, còn bạn thì mỗi ngày phải làm thuê làm mướn cực khổ, kiếm ăn cũng chưa no bụng. Thế mà bạn chẳng nghĩ biết gì rằng: "Vì ta không gieo chút ít phước chi trong quá khứ, cho nên trong đời nầy ta chẳng hưởng được chút ít quả gì ư?".

- Thưa ông, tôi biết lắm chứ.

- Thế thì tại sao bây giờ bạn không làm phước? Bạn còn trẻ trung, đầy sức mạnh. Nếu bạn làm thuê lãnh tiền công rồi, tùy theo sức mình mà làm phước bố thí, há chẳng nên ư?

Trong lúc ông thiện nam đang dùng tài hùng biện để giảng giải, thì anh Mahāduggata phát sanh kinh cảm (saṃvegappatto), bèn hứa rằng: "Làm thuê được nhiều ít chi, tôi cũng sẽ để bát một vị Tỳ khưu".

Ông thiện nam không ghi vào sổ, vì cho rằng: "Có một Tỳ khưu thì biên vào sổ để làm chi?".

Ông Mahāduggata về nhà bảo vợ rằng:

- Nầy hiền nội, mai nầy dân chúng trong thành sẽ đặt bát Trai Tăng, ông hội trưởng có gọi anh để bát, hộ độ một vị Tỳ khưu. Và anh cũng đã hứa: "Ngày mai chúng tôi sẽ để bát hộ độ một vị Tỳ khưu".

Khi ấy, vợ chàng không nói: "Chúng ta nghèo túng, sao anh nhận lời làm chi?", mà nàng lại nói rằng: "Thưa chàng, chàng nhận lời là phải lắm. Chúng ta trong kiếp trước không bố thí chút gì, nên kiếp nầy sanh ra gặp cảnh khốn cùng. Vậy hai vợ chồng ta hãy đồng đi làm thuê để góp tiền công, lo sớt bát hộ độ một vị Tỳ khưu".

Nói rồi, hai vợ chồng đồng ra khỏi nhà, đi đến chỗ chợ thuê người làm công (bhattiṭṭhānaṃ).

Ông đại Trưởng giả trông thấy chàng Mahāduggata thì hỏi:

- Nầy Mahāduggata, chú làm được công việc chi chăng?

- Dạ được, thưa ông chủ.

- Chú làm được việc chi?

- Dạ bất cứ việc gì mà ông chủ sai bảo con làm.

- Thế thì, mai nầy ta có thỉnh để bát hai trăm, ba trăm vị Tỳ khưu. Chú em hãy đến bửa củi nghe.

Đại Trưởng giả bảo người nhà mang dao, búa ra trao cho Mahāduggata. Anh buộc thắt lưng lại cho thật chặt, ráng sức bửa củi, khi thì dùng dao, khi thì thay búa, làm liền tay tùy theo cây củi.

Thấy vậy, Trưởng giả hỏi rằng: "Nầy chú em, hôm nay chú em làm việc hết sức siêng năng, hăng hái là do cớ chi vậy?".

- Thưa chủ! Vì mai nầy con được để bát cho một vị Tỳ khưu.

Nghe vậy, đại Trưởng giả phát tâm hoan hỷ, trong sạch đối với chàng Mahāduggata, vì nghĩ rằng: "Chà! Chuyện của chú nầy làm quả thật là khó lắm thay". Chú làm thinh, không than thở là: "Tôi nghèo khổ", còn xuất lực để làm thuê, và nói: "Tôi sẽ để bát một vị Tỳ khưu".

Bà Trưởng giả khi thấy vợ chàng Mahāduggata cũng hỏi:

- Nầy con! Con là được việc chi?

- Dạ thưa, tùy bà chủ sai làm việc chi thì con làm việc ấy.

Nghe vậy, bà Trưởng giả dắt nàng vào trong trại giã gạo, khiến người nhà mang cối, chày trao cho chị ta. Chị hớn hở giã gạo, sàng gạo, làm việc nhanh nhẹn như người khiêu vũ. Thấy vậy, bà Trưởng giả hỏi rằng:

- Nầy con, con làm việc siêng năng vui vẻ hết sức là do cớ chi vậy?

- Thưa bà chủ, con làm thuê lấy công đặng chúng con cúng dường để bát đến một vị Tỳ khưu.

Nghe nàng nói như thế, bà Trưởng giả cũng phát tâm hoan hỷ và trong sạch với nàng, vì nghĩ rằng: "Chà! Cô nầy làm được một việc khó làm thật".

Đại Trưởng giả bảo gia nhân đong cho chàng Mahāduggata bốn gáo gạo Sālī và nói: "Đây là phần công một ngày bửa củi", và ông còn sai cho thêm anh bốn gáo gạo Sālī nữa, bảo rằng: "Còn đây là phần thưởng cho sự siêng năng của anh".

Chàng về nhà bảo vợ: "Phần anh làm thuê được lãnh tám gáo gạo Sālī, phần ấy để nấu cơm được rồi. Còn phần công của em, em hãy nài đổi lấy sanh tô, dầu và các món gia vị nghe".

Vợ chàng thì được bà Trưởng giả trả công bơ lỏng và sanh tô, mỗi thứ một tô nhỏ và một tô gia vị cùng với một gáo gạo Sālī ròng. Như thế hai vợ chồng được lãnh tất cả là chín gáo gạo Sālī cùng đồ gia vị. Hai vợ chồng bảo nhau: "Chúng mình đã có đồ dâng cúng rồi". Nhờ vui thích, sáng hôm sau hai người thức dậy thật sớm. Vợ bảo chồng rằng: "Anh ơi, anh hãy đi tìm lá (nấu cà ri) chắp sẵn đem về đây cho em".

Anh Mahāduggata đi đến chợ tìm lá, nhưng không thấy có bèn thả ra bờ sông để hái lá. Trong tâm chàng vô cùng thỏa thích, vừa đi vừa hát nghêu ngao rằng: "Ta sẽ được để bát cúng dường các Ngài Đại đức".

Một ngư phủ vùa ném cái chài xuống nước, đứng gần đó, nghe tiếng hát văng vẳng thì nghĩ rằng: "Đây chắc là tiếng của anh Mahāduggata". Khi thấy chàng đến, người chài cá hỏi:

- Ồ! Có việc chi làm tâm anh thỏa thích lắm sao, mà anh ca hát nghêu ngao như vậy?

- Dạ tôi tìm lá anh ạ.

- Để làm chi vậy anh?

- Tôi sẽ để bát cúng dường đến vị Tỳ khưu.

- Chà! Vị Tỳ khưu nào được chiếc lá của anh chắc hạnh phúc lắm thay.

- Thưa anh, tôi làm sao tìm được lá cúng dường để bát?

- Thế thì, anh hãy lại đây.

- Dạ tôi đến để làm gì?

- Anh hãy lựa những con cá nầy, chia để riêng ra thành từng mớ, tùy theo giá tiền: Thứ một đồng (pāda), thứ nửa đồng và thứ một đồng vàng (kahāpaṇa).

Anh Mahāduggata làm đúng theo lời dặn. Từng mớ, từng mớ cá đã xỏ xâu sẵn, được dân chúng trong kinh thành lần lượt đến mua đem về để cúng dường sớt bát chư Tỳ khưu mà mình đã thỉnh.

Anh Mahāduggata vừa phân chia hết đống cá từng xâu xong thì đã đến giờ để bát. Anh sợ trễ liền nói với người chài:

- Tôi phải về anh à, về cho kịp giờ rước chư Tăng.

- Còn mớ cá nào không vậy?

- Thưa, hết sạch cả rồi.

- Nếu vậy, còn bốn con cá thu của tôi để dành ăn, tôi vùi dưới cát. Nếu anh muốn để bát cúng dường Tỳ khưu thì anh hãy đào lên mà lấy đem đi.

Và anh thợ chài cho Mahāduggata cả bốn con cá thu.

Ngày ấy, trong buổi sáng tinh sương, Đức Bổn Sư quán xét thế gian, thấy anh Mahāduggata lọt vào giác võng của Ngài: "Chuyện gì sẽ xảy ra?". Quán thêm nữa, Ngài thấy rằng: "Anh Mahāduggata nầy, cùng vợ anh, ngày hôm qua đã làm thuê để lấy tiền công mua sắm đồ để bát một vị Tỳ khưu". Ngài tự hỏi: "Anh ta sẽ gặp được vị Tỳ khưu nào?". Quán tiếp, thì Ngài biết rằng: "Mọi người coi theo bảng ghi danh các Tỳ khưu mà mình thỉnh để bát, sẽ thỉnh các vị ấy về nhà mình. Riêng chàng Mahāduggata nầy, ngoài Ta ra thì sẽ không được vì Tỳ khưu nào khác cả".

Theo truyền ngôn thì chư Phật hằng tế độ những người nghèo khó, vì thế cho nên sáng hôm ấy, sau khi tắm gội, Đức Bổn Sư vào an ngự trong hương thất, nghĩ rằng: "Ta sẽ tiếp độ chàng Mahāduggtata".

Trong khi chàng Mahāduggata xách cá đi vào nhà, thì ngai vàng bằng Thạch Anh vàng của Đức Đế Thích phát nóng lên. Thiên Vương biết rằng: "Ngày hôm qua, chàng Mahāduggata đã hứa: "Tôi sẽ đặt bát vị Tỳ khưu", rồi cùng vợ đi làm thuê, anh ta sẽ gặp được vị Tỳ khưu nào?". Thiên Vương nghĩ như thế và được thấy rằng: "Anh không được vị Tỳ khưu nào khác ngoài Bậc Chánh Đẳng Giác". Hiện Ngài đang an ngự trong hương thất, nghĩ rằng: "Ta sẽ tiếp độ chàng Mahāduggata".

Và Mahāduggata tự mình phải lo cho có thực phẩm xứng đáng như cháo, cơm và cà ri lá cẩm (paṇasūpeyya)... để cúng dường Đức Như Lai. Vậy ta hãy đến nhà Mahāduggata lãnh phần nấu nướng.

Hóa thành một người lạ mặt, Thiên Vương đi đến túp lều của Mahāduggata, ứng tiếng lên hỏi: "Ở đây, có công việc chi cần người làm không?".

Thấy khách lạ, Mahāduggata hỏi:

- Nầy bạn, bạn làm được việc chi?

- Thưa ông chủ, tôi bá nghệ, không nghề nào mà tôi không biết cả. Nhất là nghề nấu nướng cơm cháo thì tôi rành lắm.

- Nầy bạn, chúng tôi rất cần tay bạn phụ giúp trong việc nầy, nhưng khổ nỗi chúng tôi không có tiền để trả công cho bạn.

- Thưa ông, ông cần việc chi?

- Chúng tôi đang cần người nấu nướng cháo cơm cho vị Tỳ khưu.

- Nếu ông sớt bát cúng dường đến Tỳ khưu, thì cần chi trả công cho tôi. Vậy ông chia phước cho tôi chẳng quí hơn sao?

- Nếu được như vậy thì tốt lắm. Vậy mời bạn vào nhà.

Đức Đế Thích vào nhà Mahāduggata, bảo đem gạo ra cho mình, rồi giục anh rằng: "Thôi anh hãy đi thỉnh vị Tỳ khưu về phần anh để bát, rồi rước về đây".

Vị Trưởng ban đứng trông coi cuộc đại thí, phân chia các nhóm Tỳ khưu. Tùy theo thứ tự trong bảng ghi danh sách thí chủ mà đưa chư Tăng đến nhà các thí chủ.

Anh Mahāduggata đến gặp vị ấy và nói: "Xin cho tôi một vị Tỳ khưu lấy bát ở nhà tôi".

Trong lúc ấy, vị Trưởng ban hộ Tăng mới chực nhớ lại, bèn đáp: "Tôi đã quên ghi vị Tỳ khưu của chú rồi".

Anh Mahāduggata nghe như bị dao nhọn, bén cắt vào bụng mình. Anh ôm chập lấy hai tay khóc than, kể lể rằng: "Ông ơi! Sao ông nỡ giết hại tôi chi? Hôm qua nghe lời ông kêu rủ, tôi với vợ tôi làm mướn trọn ngày lấy tiền công và sáng hôm nay tôi đã phải thả ra mé sông mà kiếm lá cẩm về nấu canh. Ông ơi, ông hãy cho tôi một vị Tỳ khưu đi, ông ơi...".

Nhiều người tụ hội lại, hỏi rằng: "Việc gì thế? Nầy anh Mahāduggata!", anh liền thuật lại hết tự sự. Họ bèn hỏi ông Trưởng ban hộ Tăng rằng:

- Anh ta nói rằng ông đã kêu gọi anh ta hãy đi làm việc phước. Anh đã đi làm thuê để được để bát cho một vị Tỳ khưu. Có thật vậy hay chăng?

- Thưa các Ngài, có ạ.

- Việc làm của ông là quấy lắm. Ai lại lo phân chia bấy nhiêu vị Tỳ khưu như thế, lại chẳng để cho anh ta được một vị.

Vị Trưởng ban nghe đại chúng trách cứ, lấy làm hổ thẹn, bảo chàng Mahāduggata rằng: "Nầy bạn Mahāduggata, xin bạn đừng giết hại tôi, tôi vì bạn mà khổ tâm hết sức. Mọi người tùy theo bản nêu danh sách sắp sẵn mà thỉnh các Tỳ khưu về nhà của mình lấy bát cả rồi, không còn sót lại vị Tỳ khưu nào nữa mà giao lại cho anh cả.

Bây giờ, chỉ có Đức Bổn Sư, sau khi rửa mặt, đang tĩnh tọa trong Hương thất. Bên ngoài, các Tiểu vương, đại thần... đang chờ trông, tính rằng: "Chúng ta ở đây đợi Ngài ra khỏi Hương thất, tiếp đón và lãnh bát của Ngài đem đi". Thường thì chư Phật hay tế độ những người khốn khó. Vậy anh hãy vào chùa xin với Đức Thầy: "Bạch Ngài, con là kẻ khốn cùng, xin Ngài từ bi tế độ cho con". Nếu anh hữu phước may ra anh sẽ được Ngài chấp thuận".

Anh Mahāduggata bèn đi đến chùa.

Thấy anh ta, các tiểu vương, đại thần... tưởng lầm anh là người ăn xin tàn thực như những người khác, bèn nói rằng:

- Nầy Mahāduggata, bây giờ chưa phải là giờ thọ thực, mà chú đến làm chi?

Anh đáp: "Dạ thưa tôi biết chưa tới giờ thọ thực, tôi đến để đảnh lễ Đức Bổn Sư".

Vừa nói, anh ta vừa phủ phục xuống, đập đầu lên ngưỡng của Hương thất, lạy rồi bạch rằng:

- Bạch Ngài, trong kinh thành nầy, không có ai nghèo khổ hơn con. Xin Ngài hãy là người bảo trợ cho con. Xin Ngài hãy tế độ cho con đi.

Đức Bổn Sư mở cửa Hương thất, lấy bát của Ngài đặt trên tay của anh Mahāduggata. Anh ta vui mừng sung sướng như được tôn lên làm Chuyển Luân Vương. Các tiểu vương, đại thần trố mắt nhìn nhau. Quả thật, bát của Đức Thế Tôn trao cho thanh niên Mahāduggata rồi thì không ai có thể dùng quyền lực nào mà lấy

lại được cả. Các vương tử đồng nói: "Nầy bạn Mahāduggata, bạn hãy giao bát của Đức Bổn Sư lại cho ta đi, chúng ta sẽ trả bạn một số tài vật như thế... Bạn đang nghèo khổ, hãy lấy tiền của đi, chớ lấy bát mà làm gì?".

Mahāduggata đáp: "Dầu sao đi nữa, tôi cũng không giao bát, tiền của thì tôi không cần, tôi chỉ cần để bát cúng dường Đức Bổn Sư mà thôi". Các tiểu vương nài nỉ lấy bát không được liền trở về cung. Quốc vương nghĩ thầm: "Gã Mahāduggata nầy, dầu đem cả tài sản ra dụ dỗ, gã cũng chẳng giao bát, nhứt định tự mình cúng dường Đức Thế Tôn, không ai có thể giành lấy được với gã. Gã sẽ cúng dường thực phẩm loại nào? Trẫm phải chờ đến giờ gã cúng dường rồi, ra rước bát Đức Thế Tôn về cung, để bát Ngài những vật thực đã sắp sẵn".

Nghĩ rồi, đức vua đi cùng với Đức Bổn Sư.

Thiên vương Đế Thích đã dọn sẵn cơm, cháo, cà ri... lấy tọa cụ của Đức Bổn Sư trải ra, rồi ngồi nghỉ.

Anh Mahāduggata rước Đức Thế Tôn về đến nhà, thỉnh rằng:

- Xin thỉnh Ngài ngự vào nhà con.

Túp lều của anh ta thấp lụp xụp, nếu không khom lưng cúi đầu thì không thể vào được. Chư Phật không bao giờ cúi đầu đi vào nhà. Thật vậy, vì khi Ngài bước vào nhà, thì mặt đất lõm xuống, và cái nhà thì lại vươn lên cao. Đây là do quả phước của hạnh bố thí tốt đẹp của các Ngài. Khi các Ngài trở ra đi thì tất cả đều hườn y lại như thường. Bởi thế, Đức Bổn Sư cứ thẳng người mà đi vào trong nhà rồi ngự lên bảo tọa của Đức Đế Thích dọn sẵn.

Khi Đức Bổn Sư an tọa, quốc vương hỏi rằng:

- Nầy Mahāduggata! Trẫm và chư vương tử hỏi xin lấy bát của Đức Thế Tôn, nhưng bạn vẫn một mực chối từ. Vậy bây giờ trẫm muốn xem bạn cúng dường đến Đức Thế Tôn đến mức nào cho biết.

Khi ấy, Đức Đế Thích giở nắp các nồi cháo, cơm ra cho vua ngửi thấy. Mùi thơm bát ngát từ các nồi xông ra, tỏa lan khắp cả châu thành, quốc vương nhìn các món thực phẩm, rồi bạch cùng Đức Bổn Sư:

- Bạch Ngài! Quả nhân nghĩ thầm: "Lễ vật cúng dường của Mahāduggata sẽ trọng hậu bậc nào, trẫm chờ cho gã để bát rồi, trẫm sẽ rước Ngài về cung mà dâng vật thực đã soạn sẵn. Vì nghĩa vậy nên trẫm mới đến đây. Nhưng vật thực như vầy, trẫm chưa từng thấy, nếu trẫm đứng mãi ở đây, sợ làm rộn cho Mahāduggata, vậy trẫm xin cáo từ lui gót".

Quốc vương đảnh lễ Đức Bổn Sư rồi ra đi.

Nói về Đức Đế Thích, sau khi dâng cháo đến Đức Bổn Sư rồi, thì chăm lo tiếp đãi Ngài rất kỹ lưỡng. Đức Bổn Sư thọ thực xong, tụng kinh phúc chúc cho thí chủ, rồi từ bảo tọa đứng lên, ngự ra đi.

Đức Đế Thích ra dấu cho Mahāduggata, anh bèn ôm bát đi theo sau Đức Thế Tôn. Đức Đế Thích quay trở vào, đứng ngay cửa nhà anh Mahāduggata, nhìn lên trời,

từ trên hư không, vật báu rớt xuống như mưa, đầy hết các lu khạp rồi tràn ra đầy nhà của Mahāduggata, không có chỗ nào trống cả.

Đức Thế Thích quay trở vào, đứng ngay cửa nhà Mahāduggata, khi ấy, vợ và con trai của Mahāduggata ra đứng ở ngoài sân.

Sau khi tiễn chân Đức Bổn Sư, anh Mahāduggata quay trở về, trông thấy lũ trẻ đứng ngoài sân, bèn hỏi:

- Có việc gì đây?

- Anh à! Khắp nhà ta bây giờ tràn ngập bảy báu, không còn chỗ nào trống để chúng ta vào trong.

Mahāduggata nghĩ thầm: "Do nhờ phước báu ta cúng dường hôm nay, nên ta mới được ban thưởng như vậy".

Anh bèn vào triều bái yết quốc vương, nghe quốc vương phán hỏi: "Khanh đến có việc chi?", anh đáp:

- Tâu hoàng thượng! Nhà con chứa đầy vật báu, xin hoàng thượng hãy nạp dụng những vật báu ấy.

Đức vua nghĩ thầm: "Ôi! Sự cúng giường lễ vật đến chư Phật đưa đến phước tối cao phát sanh hiện tiền như thế".

Đức vua phán hỏi: "Khanh cần có những gì?".

- Xin hoàng thượng hãy ban cho ngàn cỗ xe bò đi chở những vật báu ấy, đem về chất đống nơi giữa sân rồng.

Đống báu vật ấy cao ngùn ngụt đến ngọn cây thốt nốt. Đức vua cho triệu tập dân chúng trong thành vào triều, quốc vương phán hỏi:

- Trong thành nầy có ai có được bấy nhiêu bảo vật như vầy chăng?

- Tâu bệ hạ, không có.

- Vậy thì ta nên làm gì với người chủ kho tàng nầy?

- Tâu bệ hạ, bệ hạ hãy phong chức Trưởng giả cho người ấy.

Quốc vương ban thưởng cho Mahāduggata trọng hậu và ban chức đại Trưởng giả đến anh. Kế đó, đức vua chỉ chỗ nền nhà cũ của Trưởng giả và phán rằng: "Nầy khanh, hãy chỉnh trang nơi ấy và cất lâu đài lên mà ở".

Trong lúc quét dọn và san bằng mặt đất, những người làm khi cuốc đất nơi nầy, nơi nọ, phát giác được những ché đựng đồ chôn giấu đã di chuyển khỏi vị trí cũ.

Mahāduggata trình báo lại đức vua, đức vua phán rằng:

- Đó là phần phước của khanh, khanh cứ giữ lấy mà dùng.

Mahāduggata cất xong dinh thự, bèn thỉnh Đức Phật và chư Tăng đến tư gia để cúng dường. Từ đó về sau anh làm phước suốt đời. Đến khi hết tuổi thọ, được sanh về nhàn cảnh, hưởng lộc trời suốt một khoảng thời gian hai đời vị Phật. Cho đến thời Đức Phật hiện tại, anh mệnh chung từ Thiên giới, tái sanh vào lòng của một tiểu thư

con nhà Trưởng giả, là một gia tộc thiện tín đệ tử của Đại đức Sāriputta cư ngụ trong thành Sāvatthī.

Khi cha mẹ biết thai đậu thì lo chăm nom thuốc thang bảo dưỡng thai nhi. Khi thai đã lớn, bà mẹ phát sanh chứng thèm kỳ lạ. Bà ao ước: "Ôi! Phải chi ta được cúng dường, sớt bát năm trăm vị Tỳ khưu, có Đại đức Sāriputta dẫn đầu, với thực phẩm ngon lành như cá thu, rồi ta đắp y vàng, ngồi phía sau Tăng chúng, dùng những vật thực của chư Tăng dùng dư thừa sớt cho ta".

Nghĩ rồi, dựng phụ ngỏ lời cho cha mẹ biết và thực hành ý định ấy. Bịnh ốm nghén liền dứt.

Từ đó về sau, trong bảy cuộc lễ trong gia tộc, thí chủ lại cúng dường sớt bát năm trăm vị Tỳ khưu, có Đại đức Sāriputta dẫn đầu, với món vật thực đặc biệt là cá thu (đoạn nầy giải rộng ra y như tích công tử Tissa).

Đó là do phước báu của Mahāduggata lúc trước đã cúng dường cá thu, bây giờ trổ quả như vậy.

Đến ngày lễ đặt tên con, thiếu phụ bạch với Đại đức Sāriputta:

- Bạch Ngài! Xin Ngài truyền giới cho kẻ tôi tớ của Ngài.

Nghe người mẹ bạch, Đại đức hỏi:

- Đứa bé trai nầy tên chi?

- Bạch Ngài! Kể từ khi con thọ thai về sau, trong nhà nầy dầu là kẻ ngu khờ cũng trở nên bậc trí giả, cho nên con mới đặt tên là Paṇḍita (Trí Giả Tử).

Đại đức truyền giới cho đứa hài nhi.

Kể từ ngày đứa con chào đời, tự nhiên bà mẹ phát tâm nguyện rằng: "Ta nhất định sẽ không phá hoại căn lành của con trai ta".

Đến khi lên bảy, cậu con trai ngỏ ý với bà mẹ:

- Thưa mẹ, con sẽ xuất gia với Đại đức.

Bà mẹ liền tán thành rằng:

- Tốt lắm con, mẹ đã phát nguyện là sẽ không phá hoại căn lành của con.

Nói rồi, bà thỉnh Đại đức đến cúng dường để bát, bạch rằng: "Bạch Ngài! Kẻ tôi tớ của Ngài, nó muốn xuất gia. Để chiều nay con sẽ mang nó vào chùa".

Tiễn chân Đại đức về chùa rồi, bà triệu tập quyến thuộc báo tin cho họ biết rằng: "Hôm nay là ngày cuối cùng con trai tôi là tại gia cư sĩ, nên tôi thết đãi nó một buổi tiệc tiễn hành xứng đáng".

Sau bữa tiệc long trọng, bà mẹ dắt con trai đến chùa giao cho Đại đức và bạch rằng: "Xin Ngài cho hài tử nầy xuất gia". Đại đức nói: "Đời sống của người xuất gia rất khó khăn, nhiều cực nhọc lắm". Cậu bé đáp:

- Bạch Ngài, con sẽ tuân hành theo huấn từ của Ngài.

Nghe vậy, Đại đức nói: "Nếu vậy thì con hãy lại đây".

Đại đức truyền giáo năm chi đầu của đề mục tham thiền ba mơi hai thể trược, khởi đầu bằng tóc để làm phép xuất gia Sa di cho cậu Paṇḍita.

Cha mẹ của Sa di Paṇḍita lưu lại chùa trong bảy ngày để làm phước Trai Tăng, cúng dường thực phẩm là cá thu đến chư Tăng có Đức Phật là tọa chủ. Chiều ngày thứ bảy, hai ông bà mới trở về nhà. Qua ngày thứ tám, lúc đi vào làng khất thực, Đại đức dẫn theo Sa di Paṇḍita, chớ Ngài không đi chung với chư Tăng. Tại sao vậy? Vì Sa di mới tu, cách đắp y mang bát hoặc trong bốn oai nghi chưa được tề chỉnh nghiêm trang. Vả lại, trong chùa Đại đức cũng có nhiều phận sự phải làm, trong lúc chư Tăng vào làng khất thực thì Đại đức dạo khắp trong chùa để quét dọn, đổ đầy nước uống, nước xài vào những lu khạp còn trống… sắp lại những giường, ghế dài để sái chỗ… Xong đâu đó rồi, Ngài mới đi vào làng khất thực. Một lẽ nữa, Đại đức nghĩ rằng: "Chúng ta đừng để cho nhóm ngoại đạo buông lời chỉ trích như vầy, khi họ vào viếng chùa: "Chúng ta hãy nhìn xem chỗ ngồi của các đệ tử Sa môn Gotama như thế nầy".

Chỉ khi nào nhìn thấy khắp chùa chu đáo rồi, Đại đức mới đi vào làng khất thực. Cho nên ngày ấy, sau khi xong công việc tại chùa, Đại đức bảo Sa di Paṇḍita theo Đại đức đi vào làng. Đang đi với Thầy Tế độ, dọc đường Sa di nhìn thấy một lạch nước, Sa di hỏi:

- Bạch Ngài, cái nầy gọi là gì?

- Nầy Sa di, tên nó là lạch nước.

- Người ta dùng nó để làm gì?

- Người ta dẫn nước đi đến chỗ nầy, chỗ nọ, để tưới vào ruộng của mình.

- Bạch Ngài, nước có tâm thức chăng?

- Không có đâu, nầy Sa di.

- Bạch Ngài, một vật không có tâm thức mà người ta dẫn dắt đến chỗ người ta muốn để làm công việc, thì tại sao những chúng sanh có tâm lại chẳng thể tự điều chế tâm mình để hành Sa môn pháp?

Đi thêm đoạn nữa, Sa di tự mắt trông thấy người thợ làm tên đang hơ cây gậy cứng bằng lõi cây trên lửa nóng để uốn cho ngay thẳng, bèn hỏi:

- Bạch Ngài, những người nầy gọi là chi?

- Gọi là thợ làm tên, Sa di à.

- Họ đang làm chi đó, Bạch Ngài.

- Họ đang hơ lửa một khúc cây có lõi cứng để uốn cho thẳng.

- Bạch Ngài, cây ấy có tâm thức chăng?

- Không có tâm đâu, nầy Sa di.

Sa di nghĩ thầm: "Nếu một khúc cây vô tâm mà người ta có thể hơ lửa cho thẳng được, thì tại sao những chúng sanh hữu tâm lại chẳng có thể tự điều chế tâm mình để hành Sa môn pháp?".

Lại đi thêm một đỗi nữa, Sa di trông thấy nhiều thợ mộc đang làm căm, vành, đùm xe, bèn hỏi:

- Bạch Ngài, những người nầy kêu là chi?

- Gọi là thợ mộc, Sa di à.

- Họ đang làm cái chi thế?

- Họ lấy cây làm thành đùm, bánh xe, vành xe của những chiếc xe nhỏ.

- Những vật ấy có tâm không, bạch Ngài?

- Không có tâm đâu, Sa di à.

Khi ấy, Sa di Paṇḍita suy nghĩ: "Nếu như người ta có thể lấy cây rừng là vật vô tâm làm thành bánh xe thì tại sao những chúng sanh hữu tâm lại chẳng có thể tự điều chế tâm mình để hành Sa môn pháp?".

Sa di suy nghĩ thấy được những lý lẽ trên đây chín chắn rồi, bạch rằng: "Bạch Ngài, nếu y bát nầy của Ngài thì xin Ngài hãy cầm giữ lấy, con cần phải trở về chùa".

Đại đức không nghĩ trong tâm rằng: "Ông nhỏ nầy mới xuất gia Sa di, lúc đang đi sát bên ta mà còn nói như thế à".

Nhưng Đại đức bảo rằng: "Hãy đưa đây, nầy Sa di".

Nói rồi, Đại đức tự cầm giữ lấy y bát của mình, Sa di đảnh lễ Thầy Tế độ, rồi quay trở lại, miệng còn nói:

- Bạch Ngài, khi Ngài lấy phần cơm của con mang về, xin Ngài hãy lấy phần cơm cá thu cho con.

- Nầy con, làm sao ta có được.

- Bạch Ngài, nếu như Ngài không có được do phước của Ngài, thì Ngài sẽ có được do phước của con.

Đại đức nghĩ thầm: "Nếu để Sa di nầy ngồi bên ngoài, e có sự tai hại nguy hiểm", nên trao chìa khóa cho Sa di và dặn rằng: "Con hãy mở cửa cốc của ta, vào ngồi trong ấy".

Sa di Paṇḍita vâng theo lời thầy dạy, ngồi tịnh trong thất của thầy. Khi ấy, do oai lực ân đức của Sa di, chiếc ngai vàng của Đế Thích nóng ran lên. Thiên Vương tự hỏi: "Tại cớ nào vậy?". Quán xét thì thấy được Sa di Paṇḍita sau khi giao y bát lại cho thầy, trở về hành Sa môn pháp: "Ta cũng nên xuống nơi đó".

Nghĩ rồi, Đế Thích triệu bốn vị Thiên Vương đến khiến rằng:

- Chư Thiên Vương hãy đi tuần gần tịnh xá Jetavana, đuổi chim, thú đi hết, lo việc canh phòng cho chu đáo.

Phán rồi, Thiên Vương ra lịnh cho Thái Âm Thiên Tử (Candadevaputta): "Hãy níu giữ mặt trăng lại", ra lịnh cho Thái Dương Thiên Tử (Suriyadevaputta): "Hãy níu giữ mặt trời lại".

Xong rồi, tự thân Thiên Vương làm người đứng cạnh giữ cái chốt quả lắc chuông cho Sa di. Trong tịnh xá lặng thinh, dù một tiếng lá khô rụng cũng không có.

Tâm của Sa di đến mức an tịnh, chỉ trong thời gian độ xong bữa cơm, ông chứng đạt đạo quả, đạt đến ba tầng Thánh đầu. Trong lúc Sa di đang ngồi trong tịnh xá, thì Đại đức Sāriputta nghĩ thầm: "Ta nên đến nhà ai để có thể kiếm được vật thực cho Sa di?". Đại đức đi nhà một gia chủ hộ độ Đại đức, nơi đây trong ngày ấy, người ta có được nhiều cá thu, và đang chờ đợi Đại đức đến để đặt bát.

Khi thấy Đại đức đến gần, họ bạch rằng:

- Bạch Ngài, Ngài đến thật là đúng lúc. Xin thỉnh Ngài vào trong.

Khi Đại đức vào trong nhà, họ dâng cháo vào kẹo bánh, điểm tâm xong, họ đặt bát cơm với vật thực là cá thu. Đại đức định mang bát ra đi, nhưng họ thỉnh: "Xin Ngài hãy thọ thực bát nầy đi, còn phần mang về tịnh xá chúng con sẽ dâng lên sau".

Khi Đại đức dùng xong bữa rồi, họ xin bát không để ròng cơm cá thu đầy bát, rồi dâng đến tay Ngài.

Đại đức vội vã ra đi, nghĩ thầm: "Sa di của ta chắc hẳn đang đói bụng".

Ngày hôm ấy, Đức Bổn Sư thọ thực trong lúc phải thời xong rồi và đã trở về tịnh xá. Ngài quán thấy rằng: "Sa di Paṇḍita đã trao bát lại cho Thầy, với ý niệm: "Ta sẽ hành Sa môn pháp", và đã trở về liêu". Ngài tự hỏi: "Sa di nầy có đắc được đạo quả chi chăng?". Khi quán thấy, Sa di chứng đạt được ba quả Thánh, Ngài lại xét tiếp: "Sa di có thể chứng đắc A La Hán quả chăng?". Và Ngài lại biết rằng: "Ông Sa di nầy có thể chứng đắc quả A La Hán". Khi ấy, Đức Bổn Sư suy nghĩ: "Sāriputta đang hối hả đem cơm về cho Sa di sớm quá, chính là gây chướng ngại cho Sa di. Vậy ta hãy đón Sāriputta, hỏi ông ta bốn câu hỏi, khi ông ta giải đáp xong thì Sa di cũng chứng đắc A La Hán với Tuệ phân tích".

Thế rồi, Đức Bổn Sư ngự ra đứng trước cổng tịnh xá, và khi Sāriputta đang về, Ngài hỏi Đại đức bốn câu hỏi, Đại đức đã giải đáp đầy đủ. Tương truyền rằng: Cuộc vấn đáp nầy đã diễn tiến như sau:

- Nầy Sāriputta, ông được vật chi?

- Bạch Ngài, là vật thực (āhāra).

- Cái gọi là vật thực, đem vật chi đến? Hỡi Sāriputta.

- Bạch Ngài, Thọ uẩn (vedanaṃ).

- Thọ uẩn đem vật chi đến? Hỡi Sāriputta.

- Bạch Ngài, Sắc uẩn (rūpaṃ).

- Sắc uẩn đem vật chi đến! Hỡi Sāriputta.

- Bạch Ngài, Xúc (phassaṃ).

Những lời vấn đáp vắn tắt trên, chúng ta nên hiểu rộng như sau: Do sự đói khát, chúng sanh dùng vật thực (āhāra), vật thực tiêu hóa từ lần mang đến sự thọ vui (sukhaṃ vedanaṃ). Trong khi sự thọ vui phát sanh lên do nhờ sự thỏa thích thọ dùng

vật thực, thì toàn thân của con, nó có màu sắc tươi tốt, đầy đủ, như thế là thọ (vedanā) đem đến Sắc (rūpaṃ). Nhờ sự an vui của Sắc phát sanh từ vật thực (āhārajarūpa) mà sự hỉ lạc (sukha somanasso) phát sanh. Bây giờ đây con thỏa mãn xứ (assādo) dầu ngồi hay nằm, lúc nào con cũng tiếp xúc với sự an vui (sukhasamphassaṃ).

Khi Đại đức Sāriputta giải đáp xong bốn câu hỏi như trên, thì Sa di Paṇḍita cũng vừa đắc quả A La Hán với Tuệ phân tích.

Đức Bổn Sư bèn bảo với Đại đức: "Nầy Sāriputta, hãy đem cơm vào cho Sa di của ông ăn đi".

Đại đức đến gõ cửa cốc, Sa di bước ra, thọ lãnh bát từ tay Đại đức, rồi đứng qua một bên, lấy quạt quạt hầu Thầy Tế độ. Đại đức bảo:

- Nầy Sa di, hãy dùng cơm đi.

- Bạch Ngài, còn Ngài thì sao?

- Ta dùng rồi, con cứ dùng đi.

Vị Sa di mới bảy tuổi đầu, xuất gia được tám ngày đã chứng đắc quả A La Hán như hoa sen vừa nở đẹp, bèn ngồi xuống quán tưởng bát cơm, rồi thọ dụng.

Khi Sa di rửa bát sạch sẽ đàng hoàng, Nguyệt thần phóng thích mặt trăng, Nhựt thần phóng thích mặt trời. Tứ Đại Thiên Vương giải tỏa sự giữ gìn bốn hướng, Đức Đế Thích cũng thôi không giữ chừng chốt nữa. Mặt trời đứng bóng, bóng chếch qua rất lẹ, thành ra mới đó mà đã xế chiều.

Chư Tỳ khưu bàn tán xôn xao rằng: "Bỗng nhiên đã xế tà, mặt trời từ trên đỉnh thượng đã trịch qua rất lẹ, có phải là chờ Sa di độ xong bữa, hay là sao vậy?".

Đức Bổn Sư hiểu biết việc nầy, bèn ngự đến phán hỏi:

- Nầy chư Tỳ Khưu! Các ông đang thảo luận việc chi đó?

- Bạch Ngài, như thế, như thế…

- Đúng vậy, nầy các Tỳ khưu, trong lúc bậc hữu phúc (punnavato) đang hành Sa môn pháp, Nguyệt thần phải níu giữ chặt mặt trăng, Nhựt thần níu giữ mặt trời. Tứ Đại Thiên Vương canh giữ bốn hướng, Đức Đế Thích xuống giữ chốt cửa và chính ta là Đấng Chánh Đẳng Giác cũng không ngồi an nhiên được, nên giữ tại cổng Jetavana cho con trai ta.

Khi nhìn thấy những người dẫn thủy nhập điền bằng cống rãnh, những người thợ làm tên uốn thẳng cây tên và những thợ mộc bào gỗ, đẽo ván. Bậc trí giả lấy những đối tượng ấy làm đề mục tham thiền, rồi tự mình điều chế lấy mình đắc quả A La Hán như thế đó.

Sau khi giảng giải như vậy, Đức Bổn Sư thuyết giảng một thời pháp trong đó có bài kệ nầy:

"Udakam hi nayanti nettikā,
Usukārā namayanti tejanam;
Dārum namayanti tacchakā,
Attānam damayanti paṇḍitāti."

"Người tưới nước vào điền,
Thợ làm cung nắn ngay liền mũi tên.
Thợ mộc uốn gỗ cần chuyên.
Trí giả điều chế tâm viên của mình."

☸

CHÚ GIẢI:

Kệ ngôn thứ nhất đề cập đến những người thợ dẫn nước (nettikā), sau khi ban chỗ đất gò xuống thấp, đắp chỗ trũng cho bằng, làm thành mương, lạch lộ thiên, hoặc đặt ống bằng cây có bọng, xong rồi có thể theo ý muốn, họ dẫn nước đến chỗ cần dùng.

Tejanam: Cây tên để bắt vào cung, nỏ để bắn. *Kệ ngôn nầy ý nói:* Những người thợ dẫn nước tùy theo sở thích, thợ làm tên cũng vậy, sau khi hơ nóng cây tên rồi, họ uốn nắn cho nó ngay thẳng, và thợ mộc nữa, muốn làm thành những căm xe… họ đẽo gọt rồi sửa cho ngay ngắn, hoặc uốn cong nó được theo sở thích.

Bậc trí giả, sau khi quán niệm bấy nhiêu đề mục trên đây, đã làm phát khởi Tu Đà Hườn đạo tâm… Rồi điều chế tự ngã mà đắc A La Hán luôn liền theo đó.

Dầu với vật vô tâm hay hữu tâm, hành giả đều phải hạ thủ công phu mới đạt đến chỗ diệu dụng được.

☸

Sau thời pháp, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả…

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Sa di Trí giả đã căn lành,
Nửa bước theo thầy, tuệ giác sanh,
Thấy vật vô hình, người biến chế,
Lo thân hữu phước, tự điều hành.
Phật trời hội giúp tâm không sụt,
Nhựt nguyệt ngừng cho quả kịp sanh,
Nguyện cũ mãn rồi trong kiếp chót,
Níp Bàn bảy tuổi đã nên danh.

DỨT TÍCH SA DI PAṆḌITA

☸

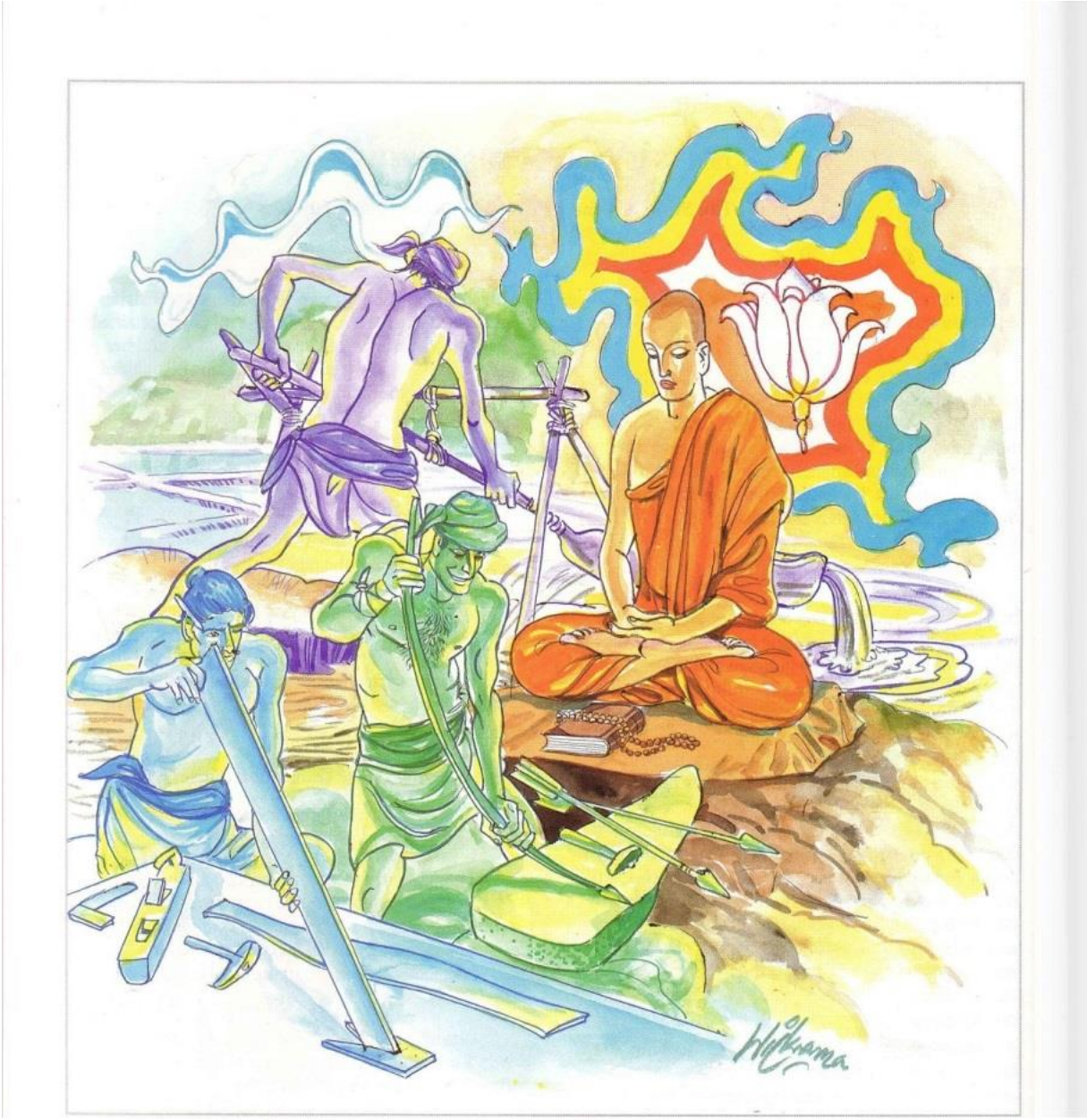

80. Bậc trí điều phục bản thân như người trị thủy dẫn nước, người làm tên uốn tên và người thợ mộc bào gỗ.

VI.6- Tích ĐẠI ĐỨC BẠT ĐÀ LÙN

(Lakuṇṭakabhaddiyattheravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 81)

"Selo yathā ekaghano,	***"Như tảng đá không động,***
Vātena na samīrati;	***Gió thổi chẳng bạt đi,***
Evaṃ nindāpasaṃsāsu,	***Trí giả tâm không động,***
Na samiñjanti paṇḍitāti".	***Mặc tiếng đời thị phi".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sự đã thuyết ra khi Ngài ngự an tại Jetavana, đề cập đến Đại đức Bhaddiya (Bạt Đà) lùn.

Tương truyền rằng: "Khi gặp Đại đức, chư phàm Tăng, nhất là các vị Sa di, ông thì rờ đầu, vị thì kéo tai hay bóp mũi Đại đức mà trêu chọc: "Sao chú không bất mãn trong giáo pháp nầy mà lại thỏa mãn lắm vậy?".

Đối với những người quấy nhiễu như thế, Đại đức không bao giờ giận hờn, căm tức họ.

Trong giảng đường, chư Tăng đề khởi pháp thoại như sau:

- Các vị hãy coi đó, gặp mặt Đại đức Bhaddiya lùn thì các vị Sa di trêu ghẹo như vầy, như vầy... thế mà Đại đức chẳng có tâm giận hờn căm tức họ...

Đức Bổn Sư ngự đến phán hỏi:

- Nầy chư Tỳ khưu, các ông đang bàn luận về việc gì vậy?

- Bạch Ngài, câu chuyện như thế nầy...

Nghe đáp xong, Đức Bổn Sư xác nhận rằng:

- Đúng vậy, nầy chư Tỳ khưu, các bậc Lậu Tận thì không bao giờ nóng nảy giận hờn, giống như những tảng đá đặc ruột, nằm yên không lay động.

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết pháp giải thêm về đề tài trên và đọc bài kệ nầy:

"Selo yathā ekaghano,
Vātena na samīrati;
Evaṃ nindāpasaṃsāsu,
Na samiñjanti paṇḍitāti".

"Ví như đá núi Tây đình,
Giông nào lay chuyển, rung rinh bao giờ.
Tâm người đại trí trơ trơ,
Chê khen cũng mặc, lặng lờ như không".

☸

CHÚ GIẢI:

Tiếng ***Nindāpasaṃsāsu*** trên đây, nghĩa là những lời chê khen, tức là hai pháp thế gian (lokadhammā), bao gồm tất cả những tiếng đời thị phi, mai mỉa. Còn là phàm phu, ai cũng phải chịu ảnh hưởng tai hại của tám pháp thế gian: Được lợi (lābho), mất lợi (alābho), được danh (yaso), mất danh (ayaso), được khen (pasaṃsā), bị chê (ninda), hạnh phúc (sukha) và đau khổ (dukkha). Tám pháp nầy như gió trốt lôi cuốn, xoay vần làm cho tâm chúng sanh phải điên đảo luôn luôn.

Quả thật, cũng như tảng đá đặc, không tầm bọng, không hề bị gió bốn phương lay động, xê dịch, lúc lắc, các bậc trí giả dầu còn ở trong vòng tám pháp thế gian, vẫn không hề bị phiền phức. Tâm các bậc ấy không lay động, biến đổi vì ảnh hưởng của sự não hại hay là bất thân thiện.

☸

Đến cuối thời Pháp, nhiều vị Tỳ Khưu chứng đắc Tu Đà Hườn quả…

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Tướng tuy lùn bé khó tự hào,
Đại đức Bạt Đà chẳng núng nao,
Mặc kệ rờ đầu cùng bóp mũi,
Dầu ai hạ thấp hoặc đề cao.
Vô sanh Thánh cảnh đà đi tới,
Tục lạy phàm phong hết lọt vào,
Tâm trí kiên cường như núi đá,
Ngoài da bạn lữ biết đâu nào.

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC BHADDIYA LÙN

☸

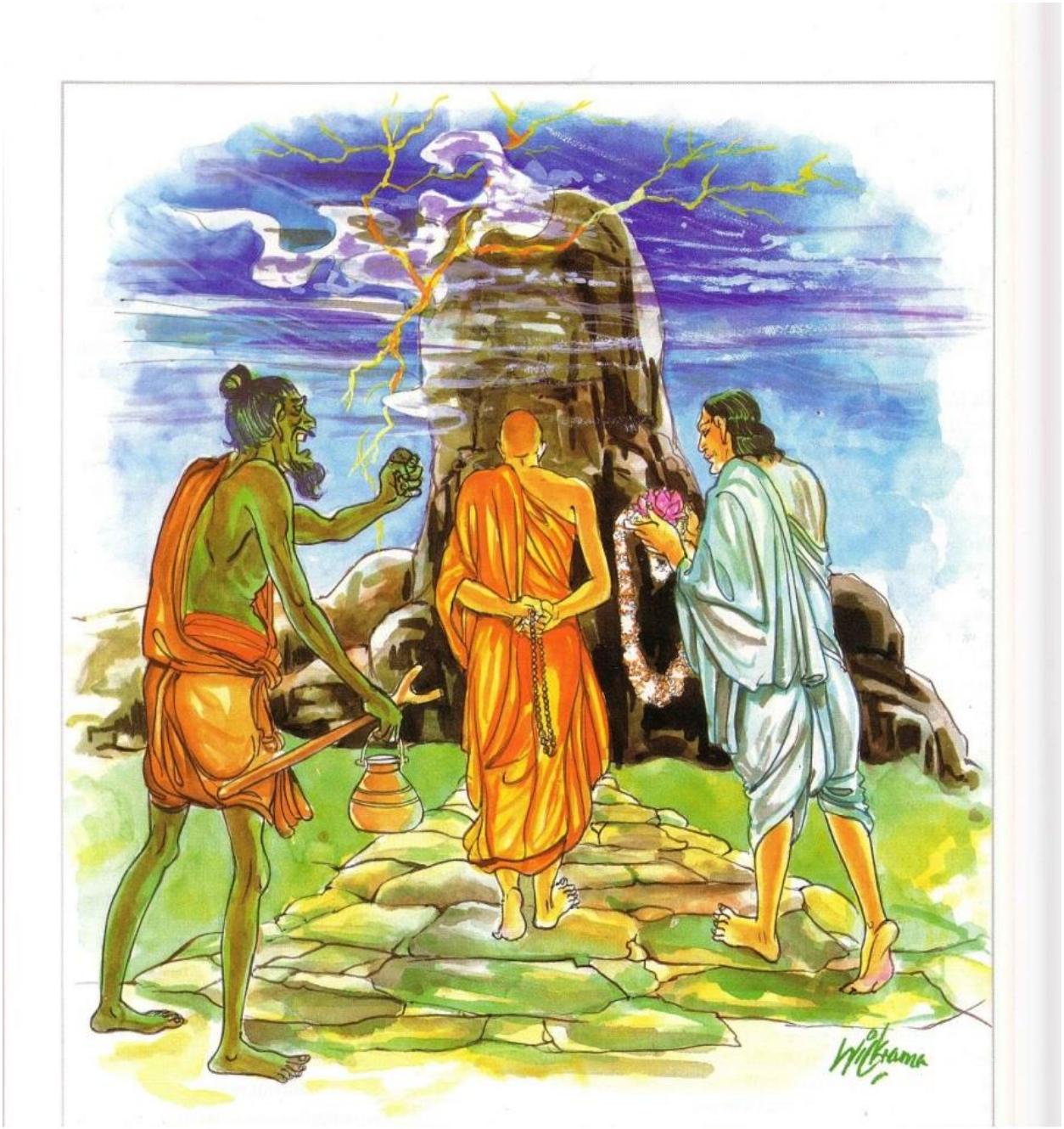

81. Như tảng đá không lay động trước gió, bậc trí không lay động trước những lời chê khen.

VI.7- Tích MẸ CÔNG CHÚA CÀ NA

(Kāṇāmātāvatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 82)

"Yathāpi rahado gambhīro,	***"Như lòng sâu biển hồ,***
Vippasanno anāvilo;	***Yên lặng không nhiễm ô,***
Evaṃ dhammāni sutvāna,	***Khi đã nghe Chánh pháp,***
Vippasīdanti paṇḍitāti".	***Tâm trí giả thanh tịnh".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự an tại Jetavana, đề cập đến mẹ nàng Kāṇā.

Chuyện nầy trích từ Tạng Luật, trong đó ghi lại rằng:

Mẹ nàng Kāṇā, không muốn con mình tay không trở về nhà chồng, nên đã làm bánh. Nhưng bốn lần làm bánh đều dâng cúng cho bốn vị Tỳ khưu trong giờ thọ thực, do đó Đức Bổn Sư đã ban hành điều học cấm Tỳ khưu thọ lãnh vật thực quá bốn bát.

Chồng nàng Kāṇā cưới vợ khác. Sau khi hay tin nầy, nàng Kāṇā gặp mặt các Tỳ khưu thì buông lời mắng nhiếc, chửi rủa rằng: "Mấy ông Sư nầy phá hoại gia can nhà ta". Chư Tỳ khưu chẳng dám đi trên con đường ấy nữa.

Hay biết việc nầy, Đức Bổn Sư ngự đến nhà mẹ nàng Kāṇā. Bà đảnh lễ Đức Thế Tôn, thỉnh Ngài ngự vào nơi được soạn sẵn, rồi dâng cháo cùng đồ ngọt.

Sau bữa điểm tâm, Đức Bổn Sư phán hỏi:

- Nàng Kāṇā đâu?

- Bạch Ngài, Kāṇā thấy Ngài, nó hổ thẹn đang đứng khóc một mình.

- Tại sao thế?

- Bạch Ngài, vì nó mắng nhiếc chư Tỳ khưu, cho nên thấy Ngài nó xấu hổ, đứng khóc như thế.

Đức Thế Tôn bảo gọi nàng Kāṇā đến và hỏi:

- Nầy Kāṇā, tại sao thấy Như Lai con lại xấu hổ, lánh mặt ta mà khóc như thế?

Nàng Kāṇā bạch lại mọi việc nàng đã mắng nhiếc chư Tỳ khưu, Đức Thế Tôn bèn hỏi rằng:

- Nầy mẹ Kāṇā, thế nào? Các đệ tử Như Lai nhận vật của bà có dâng cúng thì họ phạm lỗi chi hay là vật không có dâng cúng?

- Bạch Ngài, đồ vật có dâng cúng.

- Nếu thế, khi đệ tử Như Lai khất thực, đến đứng trước cửa nhà bà, nhận được vật dâng cúng thì họ phạm lỗi chi?

- Bạch Ngài, chư Đại đức không có lỗi chi cả, chỉ Kāṇā là có lỗi thôi.

Đức Bổn Sư bèn bảo nàng Kāṇā:

- Nầy Kāṇā, chư Thinh Văn đệ tử của Ta khi đi bát khất thực, đến trước cửa nhà nầy, nhận được bánh của mẹ con cúng dường, thì các Thinh Văn đệ tử của Ta có phạm tội lỗi gì?

- Bạch Ngài, chư Đại đức không có lỗi gì cả, chỉ mình con là có lỗi thôi.

Nói đoạn, nàng đảnh lễ Đức Thế Tôn và xin sám hối. Nhân đó, Đức Phật thuyết lên tuần tự pháp cho nàng nghe, và nàng chứng đắc quả vị Tu Đà Hườn.

Đức Bổn Sư từ chỗ ngồi đứng dậy, ngự về tịnh xá, đi ngang qua sân rồng, Đức vua trông thấy Ngài, bèn phán hỏi thị thần:

- Hình như là Đức Bổn Sư, có phải không chư khanh?

- Tâu bệ hạ, phải.

Nghe tâu như vậy, Đức vua phán bảo thị thần ra đón Đức Bổn Sư: "Chư khanh mau ra bạch với Ngài rằng: Trẫm xin đến đảnh lễ Ngài".

Đức Bổn Sư đứng dừng lại trong sân ngự, quốc vương đến gần Ngài, đảnh lễ xong bạch rằng:

- Bạch Ngài, chẳng hay Ngài đi đâu đây?

- Tâu Đại vương! Như Lai đến nhà của mẹ nàng Kāṇā.

- Bạch Ngài, vì lẽ gì vậy?

- Nghe rằng: nàng Kāṇā mắng nhiếc chư Tỳ khưu nên Như Lai đã đến nhà mẹ nàng.

- Bạch Ngài, có lẽ Ngài đã khiến được nàng Kāṇā thôi mắng nhiếc phải không?

- Tâu Đại vương! Như Lai đã khiến nàng dứt bỏ sự mắng nhiếc chư Tỳ khưu, đồng thời thâu hoạch được Thánh tài (Lokuttarakuṭumba).

- Bạch Ngài, Ngài khiến nàng thu được Thánh tài, phần trẫm, trẫm sẽ khiến nàng được làm chủ thế tài (lokiyakuṭumba).

Nói rồi, Đức vua đảnh lễ cáo từ Đức Bổn Sư. Về triều, Đức vua phái một cỗ loan xa có màn che sáo phủ đi rước nàng Kāṇā vào cung, khiến cung phi trang điểm và đeo đủ thứ trang sức quý giá cho nàng rồi lập nàng lên làm đại công chúa. Sau đó, Đức vua báo tin cho các quan hay rằng: "Ai có thể nuôi dưỡng con gái trẫm thì hãy đến rước công chúa về nhà".

Khi ấy, có viên Đại thần Tể tướng tâu rằng:

- Hạ thần xin lãnh nuôi công chúa.

Ông rước công chúa đem về nhà mình, giao nàng đủ cả quyền hạn trong tay và bảo:

- Công chúa hãy làm phước theo tùy thích đi.

Từ đó, công chúa Kāṇā sai nhiều người đàn ông đứng gác ở bốn cửa để đón rước chư Tăng, nhưng chỉ hoài công chờ đợi, vì không gặp được Tỳ khưu và Tỳ khưu ni

đặng mà để bát. Thành ra tại bốn cửa nhà nàng vật thực cứng mềm đã dự bị để cúng dường đều còn nguyên, ối đọng dồn dập mãi phần nhiều như thác nước.

Trong giảng đường, chư Tăng đề khởi pháp thoại như sau:

- Nầy chư huynh đệ, lúc trước nàng Kāṇā làm cho bốn vị Đại đức Trưởng lão phải ăn năn hối tiếc. Là người gây sự phiền phức như vậy, mà khi Đức Bổn Sư đến viếng, nàng lại có đức tin đầy đủ. Đức Thế Tôn đã khiến được nàng đem của nhà đến gần chư Tỳ khưu. Nhưng bây giờ nàng muốn có chư Tăng hoặc chư Ni để cúng dường thì kiếm cũng không ra. Ôi! Ân đức Phật bảo quả là kỳ diệu thay.

Đức Bổn Sư ngự đến phán hỏi:

- Nầy chư Tỳ khưu, hôm nay các ông hội thảo về vấn đề gì?

- Bạch Ngài, việc như vầy... như vầy...

- Nầy các Tỳ khưu, không phải nàng Kāṇā chỉ làm cho chư Tỳ khưu cao hạ phải hối hận bây giờ mà thôi. Trước kia nàng đã từng làm như thế rồi. Không phải bây giờ là lần đầu tiên, Ta đã khiến được nàng vâng lời, trước kia ta cũng đã từng khiến được nàng như thế rồi.

Chư Tăng muốn nghe Bổn Sanh, bèn thỉnh cầu Đức Thế Tôn, Ngài ngâm kệ mở đầu rằng:

"Yattheko labhatī babbu,
Dutiyo tattha jāyati;
Tatiyo ca catuttho ca,
Idante babbukā bilanti."

"Khi nào thấy một chú mèo,
Thì một chú nữa hiện theo chẳng từ,
Rồi chú ba và chú tư,
Hang nầy mèo nọ hình như thích tìm".

Đức Bổn Sư dẫn giải rằng: "Bốn vị Trưởng lão hôm nay là bốn chú mèo thuở trước, nàng Kāṇā đã là con chuột cái, còn Như Lai là người thợ ngọc vậy".

Giải rằng: Đức Bổn Sư dạy rằng: "Nầy các Tỳ khưu, trong thời quá khứ, nàng Kāṇā cũng đã từng gặp cảnh buồn rầu, khổ tâm như thế rồi, nhưng nhờ nghe lời Như Lai mà nàng được tâm thanh tịnh như hồ nước trong veo".

Kết luận xong, Đức Bổn Sư lại thuyết pháp và đọc lên bài kệ nầy:

"Yathāpi rahado gambhīro,
Vippasanno anāvilo;
Evaṃ dhammāni sutvāna,
Vippasīdanti paṇḍitāti".

"Hiền nhân nghe pháp vừa xong,
Tâm liền thanh tịnh, sạch trong nước hồ.
Nước sâu, gương phẳng lặng tờ,
Trong veo sáng suốt, chẳng nhơ bụi hồng".

CHÚ GIẢI:

Danh từ ***Rahado*** trên đây nghĩa là hồ, nhưng là hồ sâu rộng lắm. Dầu cho bốn bộ binh (quân, xa, mã, tượng) xuống hết dưới hồ đó, nước hồ cũng không tràn dâng lên. Như vậy thì chỉ có đại trùng dương (nīlamahāsamuddo), bề sâu tám muôn ngàn do tuần mới xứng với tên Rahado. Quả thật, từ dưới đáy hồ của nó ở chỗ sâu độ tám mươi bốn ngàn do tuần (cattāḷīsayojanasahassa), nước chao động vì cá, khoảng giữa độ sâu bốn ngàn do tuần thì nước đứng yên, còn ngang phía trên mặt nước chao động vì gió. Chỗ yên lặng ấy có thể gọi là hồ sâu thẳm vậy *(gambhīrarahado).*

Evaṃ dhammāni (nghe pháp) đây chỉ cho những thời pháp thuyết: Theo định nghĩa trên, cũng như hồ sâu không bị xáo trộn, thì nước của nó trong sạch, yên tịnh, lặng trang như thế nào; cũng như thế ấy, sau khi nghe thời pháp của Ta thuyết, do nơi Tu Đà Hườn đạo... bậc trí giả đạt đến tâm thanh tịnh, xa lìa phiền não chứng đắc A La Hán quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Đợi bánh, Cà Na bị mất chồng,
Tức mình, đổ tội bốn Sư ông,
Nhờ nghe Pháp Phật, tâm liền tịnh,
Hưởng lộc trời ban giữa bệ rồng.
Trước lỡ buông lời nhiếc lão Tăng,
Sao lo bù đắp lại cho bằng,
Mỗi ngày công chúa lo làm phước,
Chờ mãi hoài công, nghĩ chán chăng?

DỨT TÍCH MẸ NÀNG KĀṆĀ

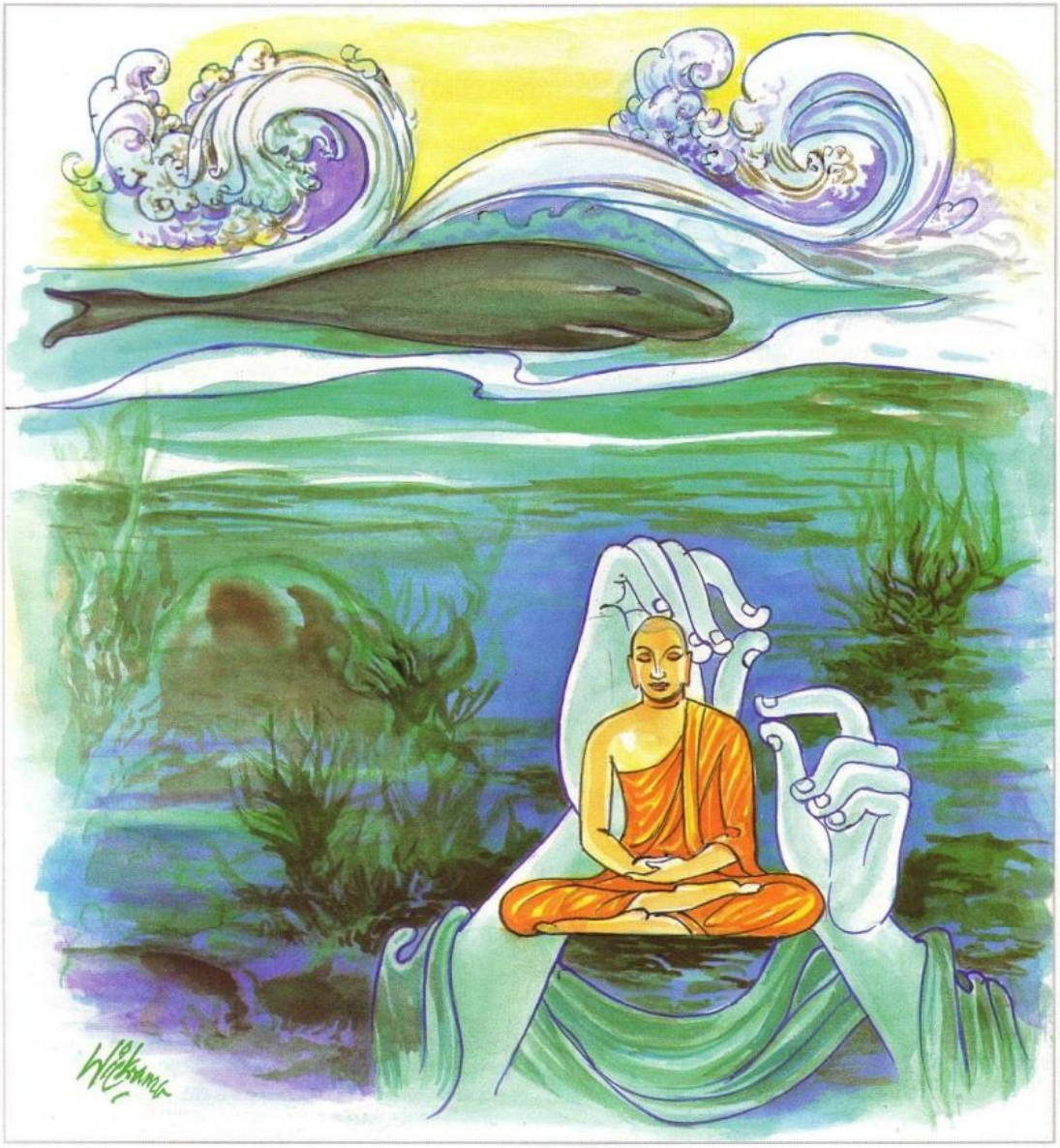

82. Giáo Pháp làm cho bậc trí an tịnh giống như hồ nước sâu thẳm, tĩnh lặng và trong sáng.

VI.8- Tích NĂM TRĂM VỊ TỲ KHƯU

(Pañcasatabhikkhuvatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 83)

"Sabbattha ve sappurisā cajanti,	***"Trượng phu lìa mọi Pháp,***
Na kāmakāmā lapayanti santo;	***Không bàn đến dục lạc,***
Sukhena phuṭṭhā atha vā dukkhena,	***Trí giả gặp khổ vui,***
Na uccāvacaṃ paṇḍitā dassayanti".	***Không lo nghĩ cao thấp.***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư khi ngự tại tịnh xá Jetavana đề cập đến năm trăm vị Tỳ khưu phát sanh tại Verañja (Huê Lan Nhã). Thật thế, sau khi chứng đắc quả Chánh Giác dưới cội Bồ Đề, Đức Thế Tôn ngự đến thành Verañja trước hạ kỳ đầu tiên, được ông Bà la môn Verañja thỉnh cầu Ngài an cư kiết hạ nơi đó với năm trăm vị Tỳ khưu. Ông Bà la môn Verañja bị Ma vương ám ảnh, khiến ông quên lãng lời thỉnh cầu, không nhớ đến Đức Tôn Sư, dầu chỉ là một ngày. Lúc ấy, thành Verañja gặp cảnh mất mùa, đói kém, chư Tỳ khưu đi bát khắp thành Verañja mà không tìm được vật thực, tình cảnh rất gian nan, vất vả. May nhờ đoàn lái ngựa nhín lại từng nhúm cơm khô để bát, chư Tăng mới sống lây lất qua ngày.

Thấy chư Tăng vất vả, Đại đức Moggallāna có ý muốn lấy chất dinh dưỡng bên dưới mặt đất (paṭhavojaṃ) cúng dường Tăng, và muốn dùng thần thông đưa chư Tăng sang Bắc Cưu Lưu Châu đi bát, nhưng Đức Thế Tôn không cho Đại đức làm như vậy.

Còn chư Tỳ khưu không có ngày nào than phiền việc đi bát có ít ỏi vật thực cả. Các Ngài đã dứt được lòng tham dục nên vẫn sống an vui với đời đạo hạnh.

Đến khi mãn mùa an cư nơi đó, Đức Bổn Sư đến từ giã ông Bà la môn Verañja, Ngài được ông ta cúng dường kính ngưỡng, và Ngài truyền thụ Quy giới cho ông ta.

Rời khỏi Verañja, Đức Bổn Sư ngự đi vân du, cho đến một thời Ngài ngự về thành Sāvatthī, vào ngự an nơi tịnh xá Jetavana.

Dân cư trong thành Sāvatthī thiết đại lễ Trai Tăng cúng dường mừng ngày Đức Bổn Sư trở về. Khi ấy có năm trăm người ăn tàn thực nương theo chư Tỳ khưu, cũng cư ngụ trong vòng tịnh xá. Xin được những món ăn dư thừa của chư Tăng, toàn là thực phẩm ngon, quý, họ ăn uống xong rồi, ngủ xong thức dậy, đi ra mé bờ sông chơi giỡn la hét, chia phe đấu vật với nhau trong vòng hoặc ngoài vòng tịnh xá.

Trong chư Tăng, nơi giảng đường đề khởi lên Pháp thoại như sau: "Nầy chư huynh đệ, bọn người dùng tàn thực nầy, trong khi ở thành Verañja nhằm mùa đói kém thì họ không tỏ ra vẻ sái quấy. Bây giờ về đây, được ăn uống cao lương mỹ vị như vậy, họ lại phô bày ra lắm trò bỉ ổi hằng ngày. Chư Tỳ khưu khi ở Verañja tuy vậy mà được an tịnh, còn bây giờ thì không được an tịnh".

Đức Bổn Sư ngự vào giảng đường, phán hỏi: "Nầy các Tỳ khưu, các ông đang thảo luận chi vậy?".

- Bạch Ngài, việc nầy...

Nghe vậy, Đức Thế Tôn phán dạy: "Những người ấy xưa kia đã là năm trăm con lừa sanh ra từ những con lừa mẹ. Những con lừa nầy đã dùng nước cốt nho tươi của năm trăm con tuấn mã được thuần phục uống, còn dư là cặn bã bất tịnh, người nài ngựa pha trộn thêm nước lã, rồi lược bằng giẻ bố và gọi rằng: "Tịnh thủy", thứ nước hư bỏ, lạt lẽo, hèn hạ như vậy mà chúng nó xúm nhau uống như uống rượu ngon và sau khi uống lại hò hét la lối như người say rượu.

Thời ấy, Đức vua nghe tiếng ồn ào, huyên náo, phán hỏi. Đức Bồ Tát tường trình hành vi của bọn lừa ấy như sau:

"Vālodakaṃ apparasaṃ nihīnaṃ,
Pitvā mado jāyati gadrabhānaṃ;
Imañca pitvāna rasaṃ paṇītaṃ,
Mado na sañjāyati sindhavānaṃ.
Appampivitvāna nihīnajacco,
So majjatī tena janinda phuṭṭho;
Dhorayhasīlī ca kulamhi jāto,
Na majjatī aggarasaṃ pivitvā'ti".

Lược dịch:

" 'Tịnh thủy' lạt lẽo thấp hèn,
Bầy lừa uống bị ma men nhập vào.
Rượu nho ngon ngọt thanh cao,
Ngựa tuấn uống, chẳng khi nào biết say.
Tâu quốc vương, kẻ không hay,
Nhắp chút ít rượu là say tức thì.
Con nhà dòng dõi lễ nghi,
Không say, dù uống rượu gì quý ngon".

Sau khi giải rộng tích Bổn Sanh Tịnh Thủy (vālodaka), Đức Bổn Sư kết luận rằng: "Nầy chư Tỳ khưu, các bậc hiền nhân quân tử hằng giữ được phẩm hạnh như thế. Xa lìa tham dục rồi, dầu gặp hoàn cảnh vui buồn, sướng khổ thế nào, các bậc ấy cũng vẫn điềm đạm, an nhiên".

Kết luận xong, Đức Bổn Sư lại thuyết pháp và đọc bài kệ nầy:

"Sabbattha ve sappurisā cajanti,
Na kāmakāmā lapayanti santo;
Sukhena phuṭṭhā atha vā dukkhena,
Na uccāvacaṃ paṇḍitā dassayanti".

"Trượng phu chẳng chút bận lòng,
Đến điều tham dục không nên luận bàn.
Trí giả, tâm đã tịnh an,
Gặp cảnh sướng khổ, chẳng màng nói ra".

☸

CHÚ GIẢI:

Tiếng *Sabbattha* (khắp nơi) trên đây ám chỉ tất cả mọi pháp, nhất là khắp tất cả mọi thành phần của Ngũ uẩn (thân và tâm).

Sappurisā (Trượng phu) là những nam nhân tốt (Sappurisā), tức là những bậc hiền nhân quân tử.

Vajanta (lìa bỏ), đây là dứt bỏ được ái dục (chandarāga) do nhờ chứng đắc A La Hán đạo tuệ (Arahattamaggaññāṇa).

Na kāmakāmā: không bàn đến động cơ của dục lạc (kāmayantā) nhân của dục lạc (kāmahetu), lý do của dục lạc (kāmakāraṇā).

Santo: Bậc an tịnh như chư Phật... thì không tự mình nói hoặc bảo kẻ khác nói đến nhân dục lạc... Quả vậy, những vị Tỳ khưu nào lúc đi trì bình khất thực, đến đứng chỗ mình ưa thích rồi mở lời rằng: "Nầy ông thiện nam, vợ con ông mạnh giỏi không?"; hoặc "ông có việc chi phiền phức chớ?". Tỳ khưu nói chuyện vô ích phù phiếm, như chuyện vua quan, trộm cướp... chừng ba bốn câu như vậy, là *lapayanti* (nói phiếm). Khi gia chủ nghe rồi, đáp lại: "Bạch Ngài, cả nhà con đều được an vui, không có điều chi phiền phức. Bây giờ, chúng con dư dả vật thực, xin thỉnh Ngài ở lại đây". Tỳ khưu nói ướm để được thỉnh mời như vậy, gọi là *lapayanti.* Bậc Tịnh giả không nói theo hai cách trên đây.

Dầu tiếp xúc với cảnh vui hay cảnh khổ, dầu bị tám pháp thế gian đụng chạm đến các Ngài, bậc Trí giả cũng không to tiếng, lộ vẻ bất bình khen tốt, chê xấu, hãnh diện hay hổ thẹn chi cả.

Cuối thời pháp, có nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc quả Tu Đà Hườn...

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Tịnh giả dầu trong cảnh ngộ nào,
Cũng là trầm mặc chẳng xôn xao,
Khi vui, lúc khổ, tâm thường trụ
Bữa được, ngày thua, trí vẫn cao.
Lan Nhã đã qua mùa đói kém,
Kỳ Viên còn gặp nhóm tầm phào,
Thói đời no đủ sanh nhiều chuyện,
Theo Phật ăn dư lại tự hào.

DỨT TÍCH NĂM TRĂM VỊ TỲ KHƯU

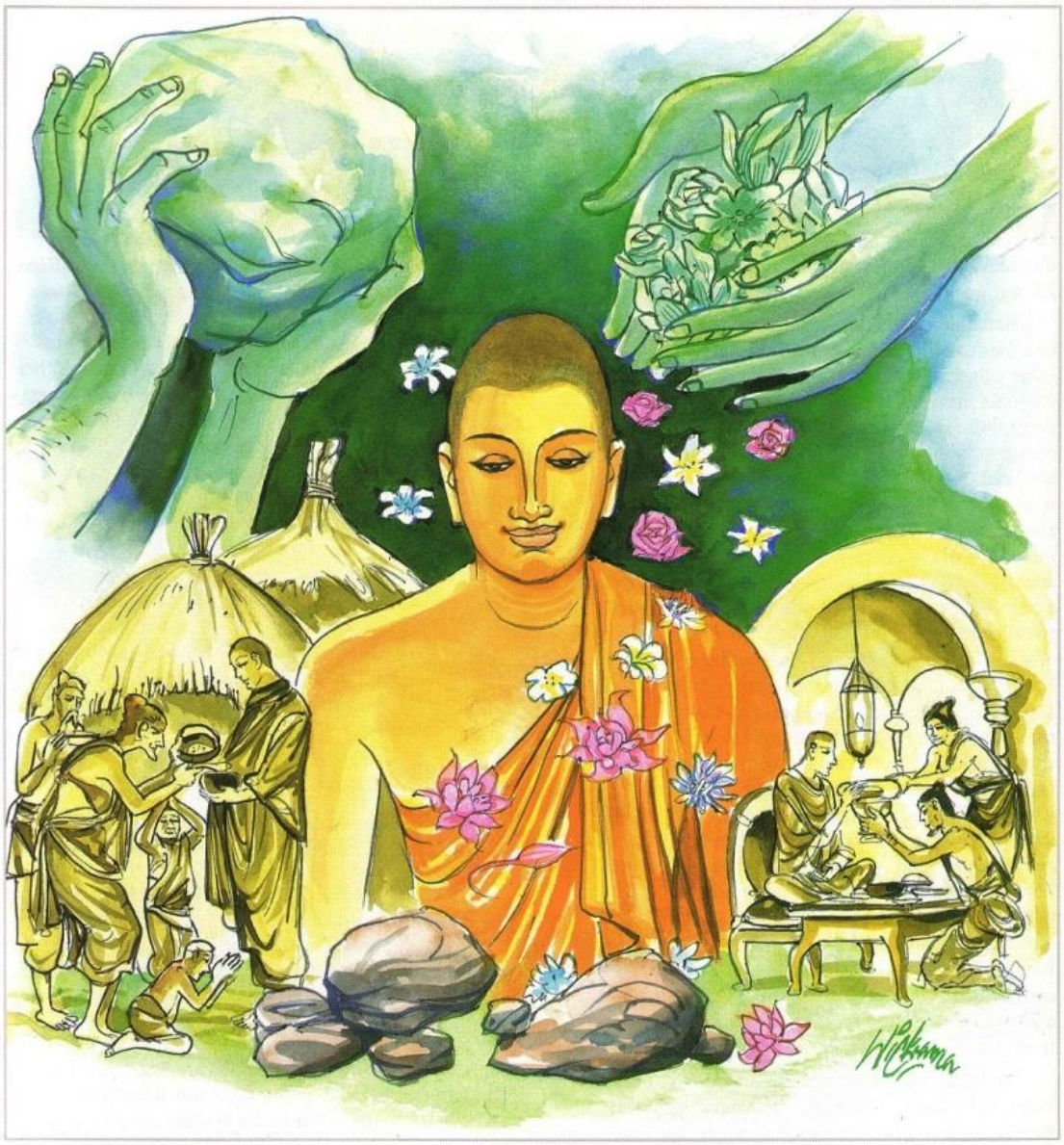

83. Bậc trí không vui hay buồn vì lạc hay khổ, vì bậc trí từ bỏ tất cả.

VI.9- Tích ĐẠI ĐỨC HỢP PHÁP

(Dhammikattheravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 84)

"Na attahetu na parassahetu,
Na puttamicche na dhanaṃ na raṭṭhaṃ;
Na iccheyya adhammena samiddhimattano,
Sa sīlavā paññavā dhammiko siyā".

Không mong con, của, xứ,
Không mong được không thành,
Rằng lời, mất, danh dự,
Thế mới gọi hợp pháp,
Giới đức và trí tuệ".

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự an tại Jetavana, đề cập đến Đại đức Dhammika (Hợp Pháp).

Tương truyền rằng: Trong thành Sāvatthī có một Thiện nam đang sống an vui với gia đình, một hôm phát tâm muốn xuất gia. Ông ngồi gần bên vợ, chuyện trò vui vẻ rồi nói: "Nầy mình, anh có ý muốn xuất gia".

Người vợ can: "Anh hãy khoan đi đã, trong khi em còn bụng mang dạ chửa như vầy".

Người chồng hoãn lại ý định xuất gia, chờ tới khi đứa hài nhi biết đi, rồi mới từ biệt để đi tu. Người vợ lại van:

- Anh ơi! Anh hãy chờ đợi con khôn lớn.

Nghe vậy, ông Thiện nam suy nghĩ: "Dầu vợ ta chấp thuận hay không, ta cũng sẽ tự mình làm cho mình hết khổ!". Thế rồi, ông xuất gia đi tu.

Sau khi thọ đề mục, ông tinh tấn tham thiền quán tưởng, tự mình hoàn tất phận sự xuất gia, xong rồi mới quay trở về Sāvatthī, cốt để thuyết pháp tế độ gia tộc cho thấu đạt chân lý. Con trai của ông cũng xuất gia theo ông và sau đó không bao lâu chứng đắc quả A La Hán.

Lúc bấy giờ, còn vợ ông ở nhà, tự nghĩ: "Ta vì chồng con mới ở nhà lo coi sóc gia đình. Nay cả hai đều xuất gia cả rồi, thì ta còn ở nhà mà làm chi. Ta sẽ xuất gia". Sau khi xuất gia không bao lâu, bà cũng chứng đạt A La Hán.

Một hôm, trong giảng đường, câu chuyện nầy được đề khởi:

- Nầy các hiền giả! Thiện nam Dhammika tự mình sống theo Chánh Pháp xong rồi xuất gia hành đạo thành bậc A La Hán, thế mà cũng còn sanh tâm ái luyến vợ con.

Đức Bổn Sư ngự đến hỏi:

- Nầy các Tỳ khưu, hôm nay các thầy câu hội bàn tán chuyện gì thế?

- Bạch Ngài, chuyện như vầy...

Nghe vậy, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nầy các Tỳ khưu, đã gọi là bậc Trí giả thì không bao giờ nên vì mình, vì người mà mong thành đạt kết quả, chỉ nên nương theo pháp, làm việc hợp pháp mà thôi.

Để kết thúc, Đức Thế Tôn thuyết lên bài kệ nầy:

"Na attahetu na parassahetu,
Na puttamicche na dhanaṃ na raṭṭhaṃ;
Na iccheyya adhammena samiddhimattano,
Sa sīlavā paññavā dhammiko siyā."

"Không vì mình, vì người,
Không cầu con, ruộng, tiền,
Không mưu thần, chước quỷ,
Chỉ sống thuần đức hạnh,
Chánh trí, hợp chánh pháp".

Người trí không làm điêu tà,
Không vị thiên hạ, hoặc là riêng ai.
Không nên, bằng việc quấy sai,
Cầu mong vương quốc, con trai, sự giàu.
Không nên tha thiết mong cầu,
Dùng phương bất chánh ngõ hầu thành công.
Được vậy mới thật đáng phong,
Đạo đức, trí tuệ, có lòng thẳng ngay".

☸

CHÚ GIẢI:

Na attahetu: Bậc xứng danh là trí giả (paṇḍita) thì không thiên vị vì mình hoặc vì người khác mà làm việc quấy ác.

Na puttamicche: Bậc trí giả không cầu mong được con, tài sản, xứ bằng việc làm quấy ác, mà dầu có mong muốn đi nữa, cũng không vì vậy mà tạo thêm ác nghiệp.

Samiddhim attano: Dầu việc chi có lợi ích đến mình, bậc trí cũng không muốn được bằng phi pháp, cho nên không làm ác vì lý do lợi ích vậy.

Sa sīlavā: Bậc quân tử, trượng phu như vậy chính là bậc có đức hạnh, có trí tuệ và sống hợp Chánh pháp. Ngoài ra không có ai khác.

Cuối thời pháp, nhiều vị Tỳ Khưu đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Lý đạo thông rồi, quyết xuất gia,
Xá chi con, vợ, xá chi nhà,
Trước lo giải thoát riêng mình một,
Sau tính châu toàn trọn cả ba.
Bậc trí trước sau hành đúng đắn,
Người ngu cao thấp nói sai ngoa,
Mắt trần khó biết phân tà chánh,
Hợp Pháp Tỳ khưu, La Hán mà.

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC DHAMMIKA

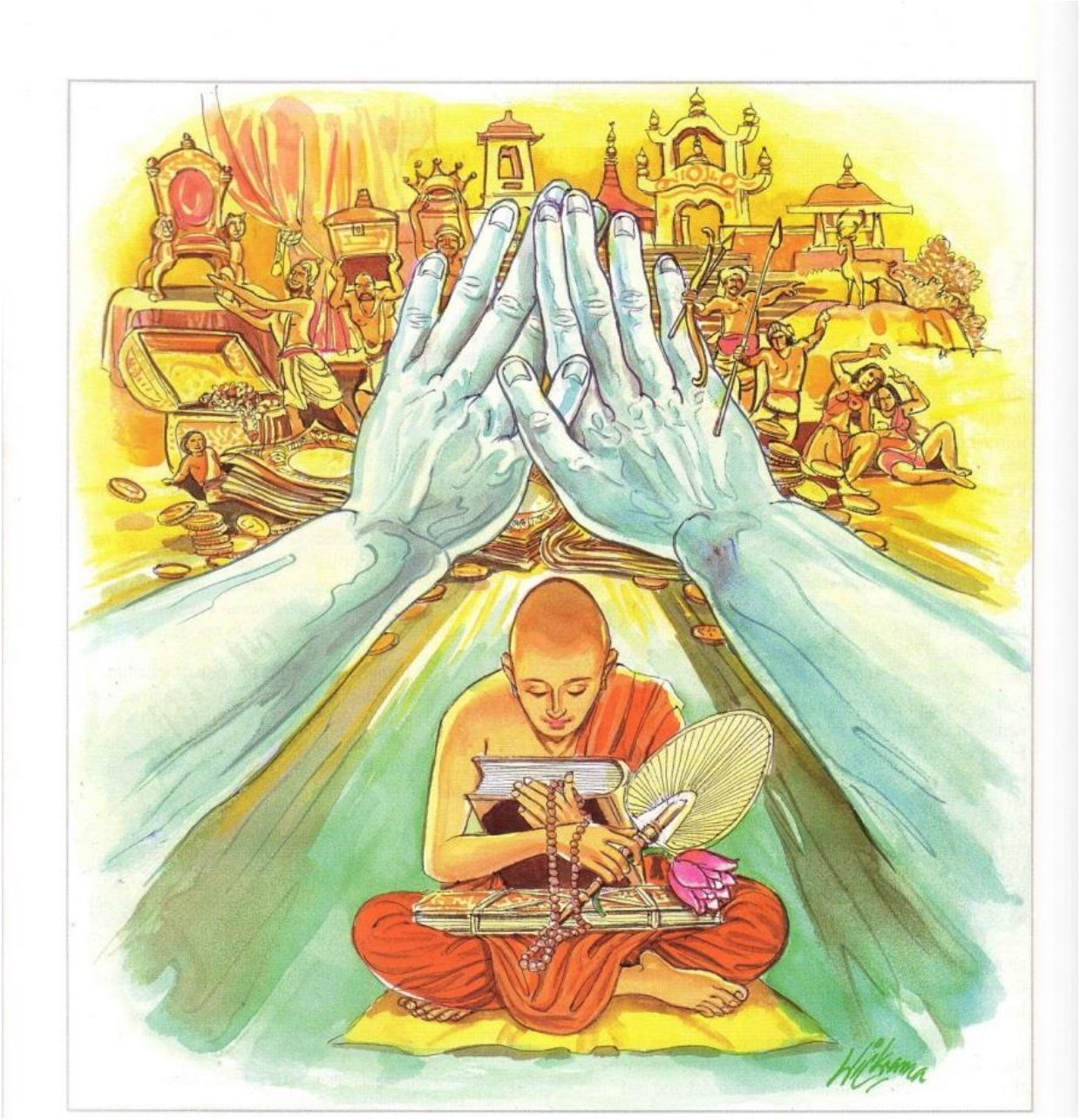

84. Bậc trí không bao giờ làm gì Phi Pháp vì bất cứ lợi lộc nào ở đời.

VI.10- Tích NGHE THUYẾT PHÁP

(Dhammassavanavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 85-86)

"Appakā te manussesu,	***"Giữa nhân loại ít người,***
Ye janā pāragāmino;	***Bờ kia đạt đến nơi,***
Athāyaṃ itarā pajā,	***Có nhiều người còn lại,***
Tīramevānudhāvati".	***Chạy theo bờ nầy mãi".***
"Ye ca kho sammadakkhāte,	***"Nương theo Pháp khéo dạy,***
Dhamme dhammānuvattino;	***Những ai chân hành trì,***
Te janā pāramessanti,	***Vượt biển dục nan giải,***
Maccudheyyaṃ suduttaraṃ".	***Sẽ đạt đến bờ kia".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến nhóm thiện tín nghe pháp.

Tương truyền rằng: Nhiều người ở dọc theo một con đường trong thành Sāvatthī, thỏa hiệp lập thành một nhóm Thiện tín, làm phước Trai Tăng xong, rủ nhau ở lại chùa suốt đêm để nghe pháp. Tuy nhiên, họ không thể thức để nghe pháp suốt đêm theo ý định, một số bị lòng tham dục thúc đẩy, tự động rút về nhà, một số khác bị sự sân hận nổi lên cũng bỏ chùa ra đi, một số nữa bị hôn trầm thụy miên còn ngồi nán lại gục lên, gục xuống chớ không nghe được pháp. Ngày sau, chư Tỳ khưu câu hội trong giảng đường, đem đề tài "nghe pháp" nầy ra đàm luận, Đức Bổn Sư ngự đến hỏi:

- Nầy các Tỳ khưu, hôm nay các thầy câu hội bàn luận việc chi?

- Bạch Ngài, việc nầy...

Nghe vậy, Đức Bổn Sư giải thích:

- Nầy các Tỳ khưu! Những chúng sanh ấy hằng sống theo cõi Dục, dính mắc trong cõi Dục như thế, nên rất ít người đạt được Níp Bàn.

Để kết thúc thời pháp, Đức ThếTôn nói lên kệ ngôn:

85. "Appakā te manussesu,	*"Ít người giữa nhân loại,*
Ye janā pāragāmino;	*Đến được bờ bên kia,*
Athāyaṃ itarā pajā,	*Số lớn người còn lại,*
Tīramevānudhāvati".	*Xuôi ngược bờ bên nầy".*
86. "Ye ca kho sammadakkhāte,	*"Những ai chơn chánh hành trì,*
Dhamme dhammānuvattino;	*Theo chánh pháp khéo dạy,*
Te janā pāramessanti,	*Sẽ đạt đến bờ kia,*
Maccudheyyaṃ suduttaraṃ".	*Vượt ma giới khó thoát".*

85 - 86. "Nội trong đám nhân quần nầy,
Bờ kia đạt đến một vài mà thôi,
Còn thì vơ vẩn bồi hồi,
Bao nhiêu người khác tại nơi bờ nầy.
Những người nghe được pháp hay
Ráng hành cho đúng lời thầy chẳng sai,
Bờ kia sẽ đạt đến ngay,
Biển trần lao ắt có ngày vượt qua".

☸

CHÚ GIẢI:

Appakā: Số ít, không có nhiều.

Pāragāmino: Đáo bỉ ngạn, qua đến bờ kia là đến Níp Bàn.

Athāyaṃ itarā pajā: Số người còn lại, là phần đông nhân loại vì thân kiến, tức là thành kiến ngã chấp, cứ bám chặt vào danh sắc, nên cứ chạy theo bờ bên nầy.

Sammadakkhāte: Được chỉ dạy đúng đắn, khéo thuyết giảng.

Dhamme: Trong các pháp đã thuyết.

Dhammānuvattino: Pháp mà được nghe thuyết rồi, theo đó thực hành cho đầy đủ, để chứng đạt đạo quả.

Pāramessanti: Những người như thế sẽ đạt đến bờ kia, tức là Níp Bàn.

Maccudheyyaṃ: Trong vòng tử thần, ám chỉ cõi trần, nơi mà chúng sanh bị cái gọi là phiền não Ma vương (Kilesamārasaṅkhāta) bao vây.

Suduttaraṃ: Những ai thực hành đầy đủ theo pháp đã nghe thì thoát qua khỏi vòng vây của Ma vương rất khó vượt qua và đạt đến bờ kia là Níp Bàn.

☸

Cuối thời pháp, nhiều thính giả đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Rủ nhau làm phước, thức nghe kinh,
Ý niệm đầu tiên quả thật lành,
Ma dục xen vào, về nghỉ lẹ,
Lửa sân nổi giận, bỏ đi nhanh.
Lắm anh ngủ gật, gần như chết,
Nhiều chị hôn trầm, tựa mới sanh,
Vượt biển khổ qua bờ giải thoát,
Xưa nay rất hiếm bậc viên thành.

DỨT TÍCH NGHE THUYẾT PHÁP

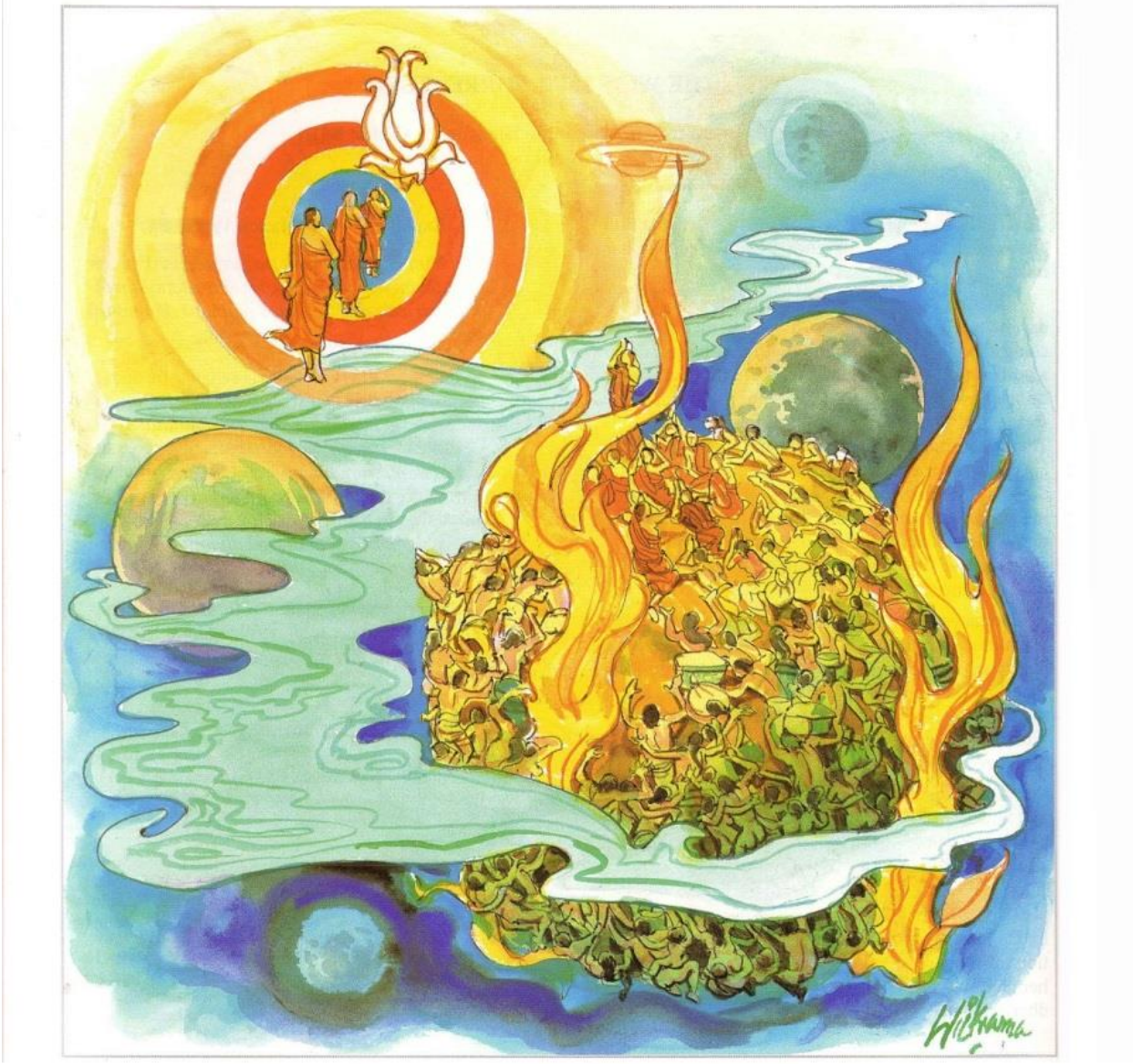

85. Chỉ một số ít người vượt qua đến Bờ bên kia. Số người khác chạy tán loạn ở bờ bên nầy.

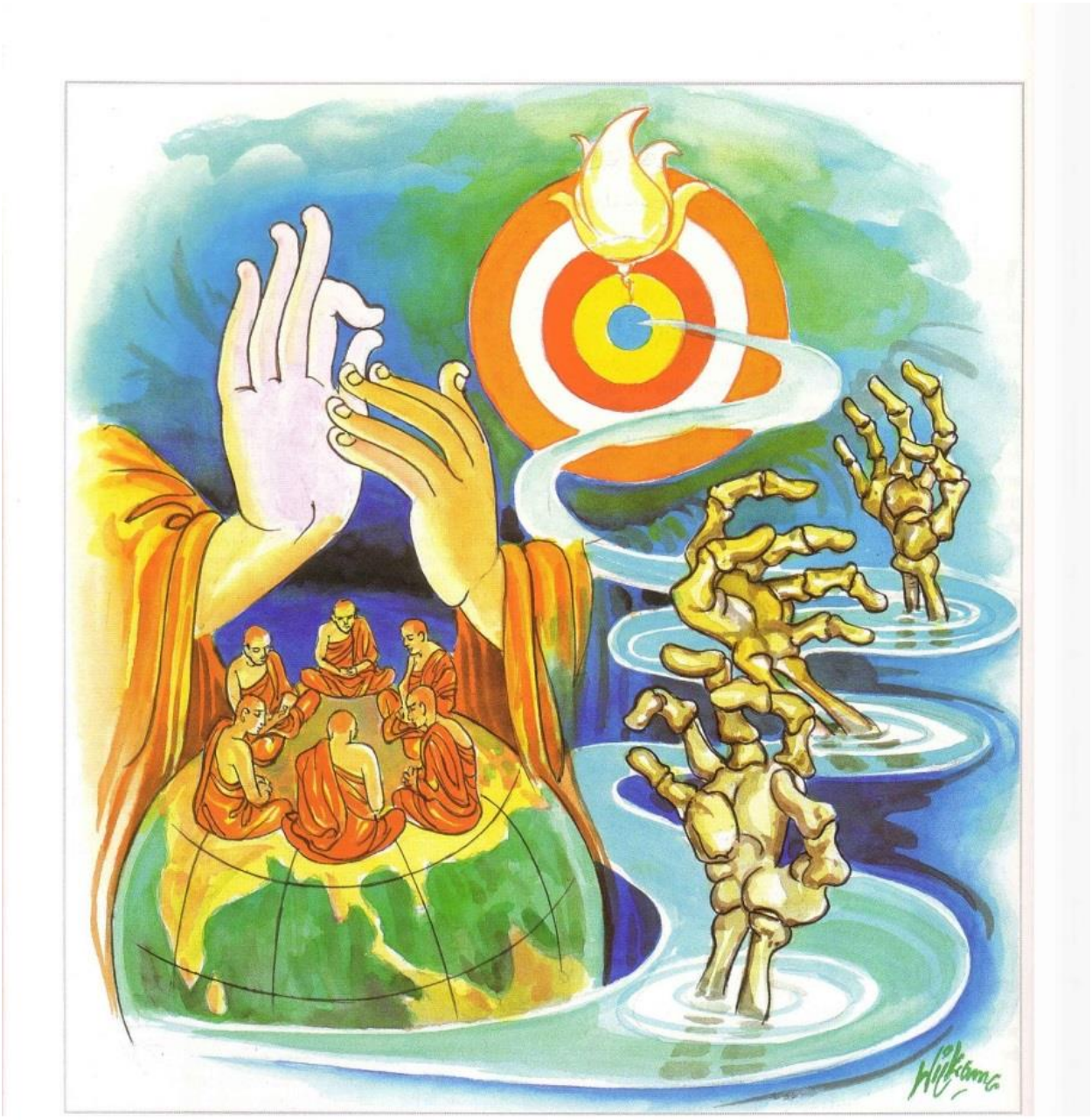

86. Những ai thực hành Chánh Pháp và Chánh Nghiệp sẽ đạt đến Níp Bàn, Bất Tử.

VI.11- Tích KHÁCH TĂNG

(Āgantukabhikkhuvatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 87 – 88 – 89)

87. "Kaṇhaṃ dhammaṃ vippahāya,	***"Người trí bỏ hắc pháp,***
Sukkaṃ bhāvetha paṇḍito;	***Tu tập theo bạch pháp,***
Okā anokamāgamma,	***Xuất gia sống không nhà,***
Viveke yattha dūramaṃ".	***Một mình ở nơi xa".***
88. "Tatrābhiratimiccheyya,	***"Người trí gột rửa sạch,***
Hitvā kāme akiñcano;	***Cấu uế ở nội tâm,***
Pariyodapeyya attānaṃ,	***Lìa dục không ô nhiễm,***
Cittakilesehi paṇḍito".	***Hãy cầu vui Níp Bàn".***
89. "Yesaṃ sambodhiyaṅgesu,	***"Những người giữ chánh tâm,***
Sammā cittaṃ subhāvitaṃ;	***Tu giác chi bảy pháp,***
Ādānapaṭinissagge,	***Xa lìa mọi thủ chấp,***
Anupādāya ye ratā;	***Không ái nhiễm hỷ hoan,***
Khīṇāsavā jutimanto,	***Sẽ sanh không lậu hoặc,***
Te loke parinibbutā".	***Hiện sắp chứng Níp Bàn".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến năm trăm vị Tỳ khưu khách.

Tương truyền rằng: Có năm trăm vị Tỳ khưu đã kiết hạ an cư trong xứ Kosala. Sau khi mãn mùa an cư, các vị ấy trở về Jetavana để yết kiến Đức Bổn Sư. Đến nơi, đảnh lễ Đức Bổn Sư rồi, các vị ấy ngồi xuống một bên.

Sau khi lắng nghe chư Tăng phúc trình sự hành đạo của riêng từng nhóm, Ngài thuyết pháp và ngâm lên bài kệ rằng:

87. "Người trí hắc pháp bỏ ra,
Tu tập bạch pháp lìa xa gia đình,
Xuất ly, tự sống một mình,
Y theo giới đức, lộ trình Sa môn".

88. "Người trí phải gội sạch trơn,
Những điều cấu uế chỉ còn trong tâm.
Thú vui Chánh Pháp nên tầm,
Xa lìa ngũ dục, nhập tâm Níp Bàn".

89. *"Không còn cố thủ chấp nê,*
Rời tâm ái dục, diệt bề trăm lao,
Để thành sáng suốt thanh cao,
Níp Bàn ắt sẽ chứng vào hiện nay".

87. "Kẻ trí bỏ hắc pháp,
Tu tập theo bạch pháp,

Bỏ nhà sống không nhà,
Độc thân rất khó hưởng".

88. *"Hãy cầu vui Níp Bàn,*
Bỏ dục không nhiễm uế,
Kẻ trí tự rửa sạch,
Mọi cấu uế nội tâm".

89. *"Những ai thường chánh tâm,*
Tu tập pháp Giác chi,
Xa lìa mọi chấp trước,
Hoan hỷ không nhiễm ái,
Sẽ sống không lậu hoặc,
Sáng chói, chứng Níp Bàn,
Ngay trong đời hiện tại".

CHÚ GIẢI:

Kaṇhaṃ dhammaṃ: Sau khi rời bỏ hắc pháp, là pháp bất thiện, nhất là thân ác hạnh.

Sukkaṃ bhāvetha: Người trí xuất gia tu lên Tỳ khưu rồi, từ đó nên hành cho đắc A La Hán đạo, tu tập bạch pháp, nhất là thân thiện hạnh, làm sao?

Okā anokamāgamma: *Okaṃ* đây chỉ cho chỗ ngụ, là gia đình.

Anokaṃ: Là vô gia đình, cốt bước lên con đường đến Níp Bàn.

Tatrābhiratimiccheyya: Ám chỉ trạng thái vô gia đình, cô tịch, Níp Bàn. Người tu tập thất giác chi nên thỏa thích trong trạng thái đó.

Hitvā kāme: Là đã rời xa vật dục và phiền não dục, không còn bị ô nhiễm, tâm tịch tịnh an vui.

Cittakilesehi: Năm pháp cái hãy tự mình gột rửa, tẩy sạch.

Sambodhiyaṅgesu: Chỉ Thất giác chi.

Sammā cittaṃ subhāvitaṃ: Đào luyện phát triển chánh tâm cho càng tăng trưởng, ưu tú.

Ādānapaṭinissagge: *Ādāna* là bám níu, cầm nắm, nay từ bỏ sự bám níu. Cả bốn cái thủ đều dứt bỏ hết thì được hoan hỷ.

Jutimanto: Bậc có oai lực, nhờ ánh sáng của A La Hán đạo tuệ lúc tan rã Ngũ uẩn sẽ Vô dư Níp Bàn vì đã giác ngộ lý pháp.

Te loke: Những người trong thế gian là Ngũ uẩn nầy, sau khi Níp Bàn. Từ khi đắc quả A La Hán, về sau đã liệng bỏ cả vòng Ngũ uẩn với sự diệt tận cuối cùng bằng Vô dư Níp Bàn. Người đã Níp Bàn là người không còn chấp thủ thứ gì cả, giống như cây đèn tắt vậy.

☸

Cuối thời pháp, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

Dịch Giả Cẩn Đề

Năm trăm Tăng khách Kiều Tát La,
Về đến Kỳ Viên lễ Phật Đà,
Ngài đã ban truyền ba pháp kế,
Dạy khuyên bậc trí hạnh không nhà.
Một nên độc chiếc hành phạm hạnh,
Hai phải trừng thanh ngũ dục ra,
Ba ráng tu theo bảy nhánh giác,
Níp Bàn quả vị sẽ không xa.

DỨT TÍCH KHÁNH TĂNG

☸

DỨT PHẨM HIỀN TRÍ

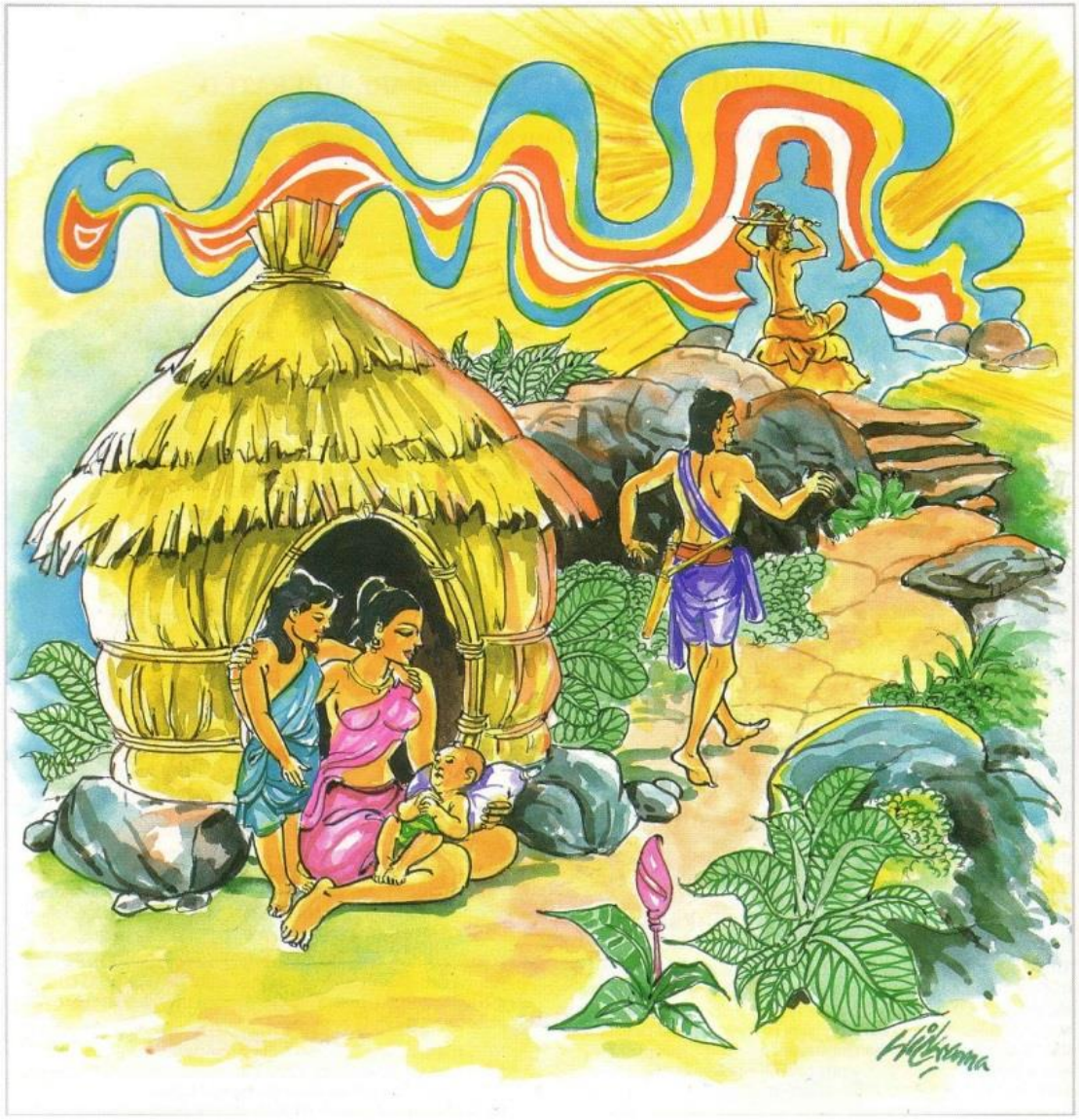

87. Hãy đoạn trừ Tà kiến, sống đời xuất gia, và khéo nỗ lực tinh tấn đắc Níp Bàn.

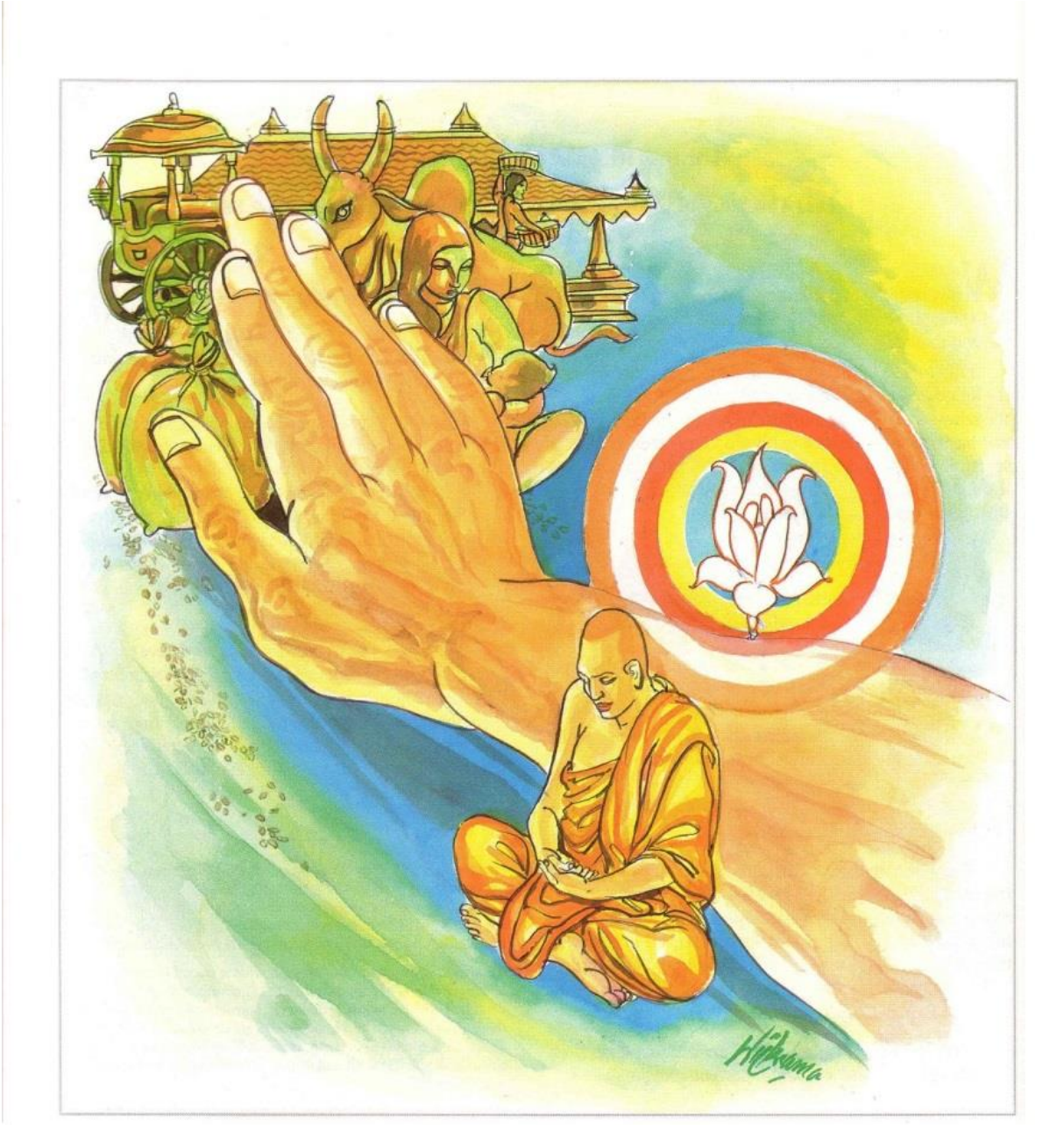

88. Người trí tự thanh tịnh thân tâm, ly tham và bỏ dục lạc.

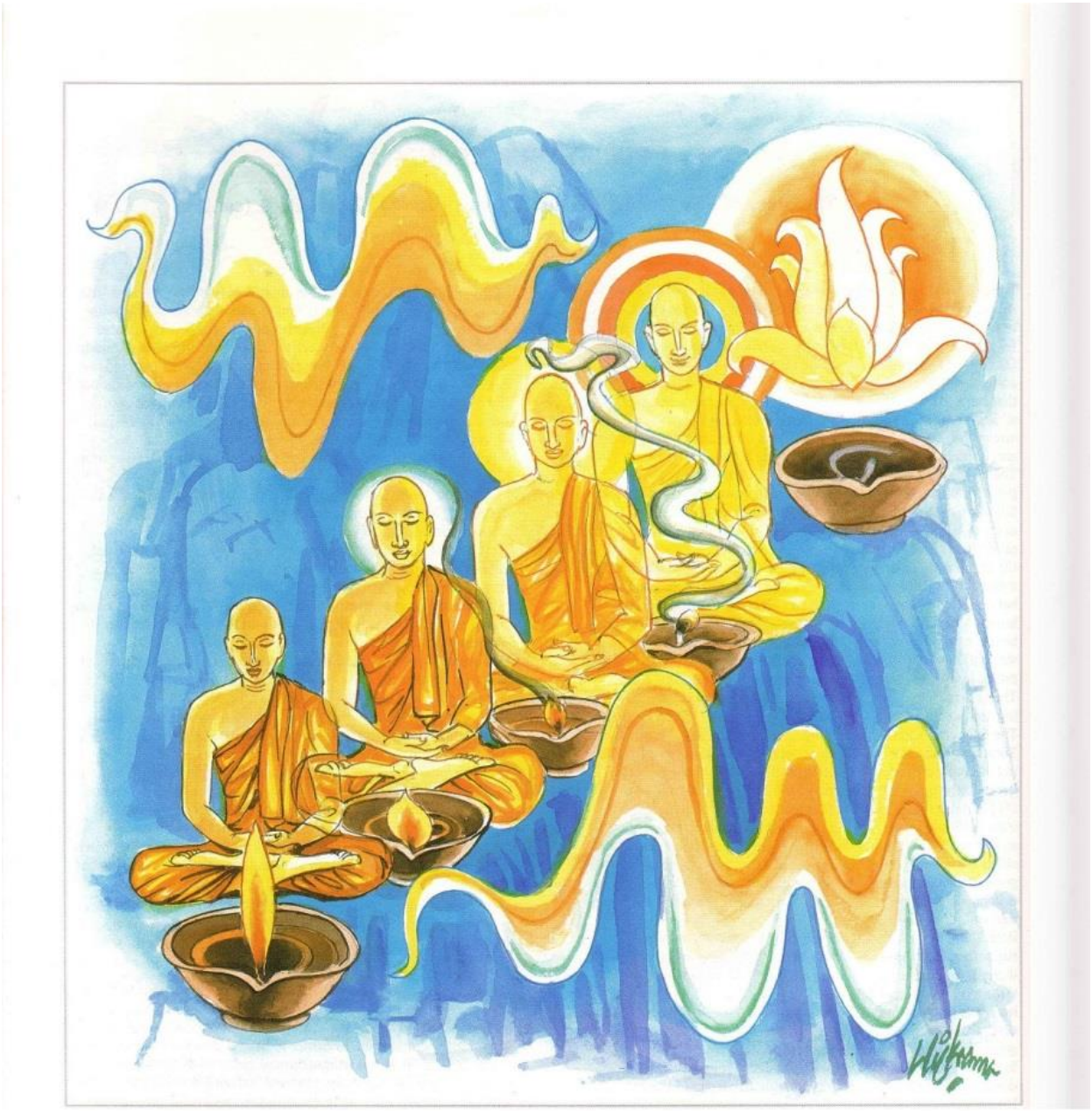

89. Những ai thường chánh tâm, tu tập pháp Giác chi;
Xa lìa mọi chấp trước, hoan hỷ không nhiễm ái;
Sẽ sống không lậu hoặc, sáng chói, chứng Níp Bàn;
Ngay trong đời hiện tại.

VII. PHẨM A LA HÁN

10 bài kệ: Pháp Cú số 90 – 99

10 tích truyện

☸

VII.1- Tích NGỰ Y KỲ BÁ BĂNG CHÂN PHẬT

(Jīvakapañhavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 90)

"Gataddhino visokassa,	***"Đến đích không ưu phiền,***
Vippamuttassa sabbadhi;	***Giải thoát ngoài tất cả;***
Sabbagandhappahīnassa,	***Trừ diệt mọi buộc ràng,***
Pariḷāho na vijjati".	***Không còn lửa tham ái".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư thuyết khi ngự tại vườn xoài của ông Jīvaka (Kỳ Bá), đề cập về một câu hỏi của ông ấy.

Sự tích Ngự y Jīvaka đã giải rõ rộng rãi, đầy đủ chi tiết, đây chỉ lược thuật vắn tắt mà thôi:

Một thuở nọ, sau khi chia rẽ Tăng và liên kết với Thái tử Ajātasattu (A Xà Thế), Devadatta (Đề Bà Đạt Đa) có ác ý muốn ám sát Đức Bổn Sư, bèn trèo lên núi Gijjhakūṭa (Kỳ Xà Quật), xeo một hòn đá cho lăn xuống lúc Đức Bổn Sư đang đi phía dưới. Thời may, tàng đá bị hai ngọn núi giữ lại. Nhưng một mảnh đá vỡ bằng tai nấm rơi xuống, làm giập chân Đức Thế Tôn, đến nỗi máu chảy ra khiến Ngài đau nhức dữ dội. Các Tỳ khưu tiếp đỡ dìu Ngài đi. Đức Bổn Sư muốn từ đây đi đến vườn xoài nên bảo: "Hãy đưa ta đến đó". Các Tỳ khưu vâng lệnh Đức Thệ Tôn đưa Ngài đến vườn xoài của ông Jīvaka. Ngự y Jīvaka hay tin này liền đến gặp Đức Bổn Sư, để chữa trị vết thương, ông dùng thứ thuốc cay nồng băng bó xong, bạch với Đức Bổn Sư rằng: "Bạch Ngài, con phải đi làm thuốc chữa bịnh cho một người ở trong thành rồi sẽ trở lại, xin Ngài hãy chịu khó chờ con về mở băng thuốc này ra".

Ông y sĩ ra đi, làm xong phận sự đối với người bịnh thì đã tới giờ đóng cửa thành, ông không kịp tới cửa cổng. Khi ấy ông lo lắng tự nghĩ: "Chao ôi! Nghiệp ta đã tạo thật là nghiêm trọng, ta đã vì một người bịnh khác mà không lo châu toàn cho Đức Thế Tôn, đã cho thuốc men cay nồng và băng bó vết thương, nhưng bây giờ tới lúc mở băng ra cho Ngài, ta lại không có mặt trong thành để mở băng. Cả đêm nay Đức Như Lai toàn thân sẽ phát nhiệt".

Ngay lúc đó, Đức Thế Tôn cho gọi Trưởng lão Ānanda và bảo rằng: "Nầy Ānanda! Ngự y Jīvaka tối nay không về kịp đến cửa thành, hiện giờ ông đang lo lắng vì đã đến giờ mở băng vết thương. Vậy ông hãy mở băng vết thương đi".

Trưởng lão Ānanda mở băng ra, vết thương đã kéo da non.

Qua ngày sau, mặt trời chưa mọc, ông Jīvaka đã về thành, lật đật đến thăm Đức Bổn Sư và hỏi: "Bạch Ngài, Ngài nghe trong châu thân có nồng nhiệt lắm không?". Đức Bổn Sư đáp:

- Nầy Jīvaka! Dưới cội cây Bồ Đề của Đức Như Lai, tất cả mọi sự nồng nhiệt thảy đều lắng dịu.

Nhân dịp nầy, Ngài thuyết lên thời pháp thích hợp, rồi ngâm lên kệ ngôn rằng:

"Gataddhino visokassa,
Vippamuttassa sabbadhi;
Sabbagandhappahīnassa,
Pariḷāho na vijjati".

Không còn lo sợ mảy may,
Khi đã cắt đứt mọi dây buộc ràng;
Người đã giải thoát hoàn toàn,
Là người đi mút con đường tử sanh".

CHÚ GIẢI:

Gataddhino: người đã hoàn tất cuộc hành trình, tức là đã chứng đắc đạo quả A La Hán. Có hai lộ trình là lộ trình băng qua cõi hoang vu (Kāntaraddhā) và lộ trình đi quanh một vòng luân hồi (Vaṭṭaddhā).

Trong hai lộ trình đó, người lữ hành (Addhiko) đang đi trên lộ trình băng qua cõi hoang vu là chưa đạt đến mục đích đã nhắm, một khi đạt đến mục đích là Níp Bàn rồi, thì gọi là đã hoàn tất cuộc hành trình (Gataddhā). Những chúng sanh còn dính mắc trong vòng luân hồi cứ luẩn quẩn trong đó, thì còn là những người lữ hành mãi mãi (Addhikā). Bởi thế cho nên phải tận cùng vòng luân hồi, các bậc Thánh Nhân nhất là Tu Đà Hườn là những người lữ hành đã tận cùng vòng luân hồi, là những bậc Lậu tận, đã được gọi là những người đến đích (Gataddhā). Đó nghĩa là tiếng Gataddhino.

Visokassa: không ưu phiền (Soka) là đã dứt hết mọi nỗi khổ lo âu, phiền muộn có căn bản là vòng luân hồi.

Vippamuttassa sabbadhi: đã giải thoát hết tất cả là đã giải thoát Pháp Hữu vi nhất là Ngũ uẩn.

Sabbagandhappahīnassa: đã trừ bỏ mọi trói buộc là đã dứt cả bốn loại trói buộc (Gantha): Abhijjā (Tham xan), Vyāpāda (Oán hận), Sīlabbatāparāmāsa (Giới cấm thủ) và idaṃ saccābhinivesa (Kiến thủ).

Pariḷāho na vijjati: Có hai loại nồng nhiệt: một của thân và một của tâm. Đối với bậc Lậu tận, khi bị ảnh hưởng của điều kiện bên ngoài, nhất là sự lạnh, sự nóng thì chỉ có thân nhiệt sanh lên mà thôi.

Câu hỏi của ngự y Jīvaka liên hệ với thân nhiệt này, còn Đức Bổn Sư là bậc Pháp Vương chuyên môn thuyết pháp, giảng đạo, nên nhân dịp này, Ngài thuyết pháp

đề cập đến ảnh hưởng của tâm nhiệt (Cetasikapariḷāho)[1]: "Nầy đạo hữu Jīvaka, nói theo Chân Đế (Paramattha) thì đối với bậc Lậu tận như vậy, không có sự nồng nhiệt".

☸

Cuối thời Pháp, nhiều vị Tỳ khưu chứng đạt Thánh quả, nhất là quả vị Tu Đà Hườn.

Tích nầy đề cập đến câu hỏi của ngự y Jīvaka, còn nguyên sự tích của ông ngự y nầy rất dài, trong tạng Luật quyển 6 có kể rõ.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Ngự Y Kỳ Bá hỏi Phật rằng:
"Ngài thấy trong người có nóng chăng?".
Phật đáp: "Từ khi Ta đại Ngộ,
Trong Ta lửa dục đã trừ căn".
Ý Ngài ám chỉ đến Tâm không,
Phiền não đâu còn cháy phía trong,
Nhưng phía ngoài thân, sao khỏi khổ,
Giập chân, nát thịt, máu ròng ròng.
Nghiệp mới tuy là đã dứt rồi,
Nhưng bao quả cũ vẫn còn nhồi,
"Hứa thân hữu khổ là Chân lý!".
Dầu Phật hay ai, cũng thế thôi!

DỨT TÍCH NGỰ Y KỲ BÁ BĂNG CHÂN PHẬT

☸

[1] Đây là nói về sự nóng nảy tinh thần, do nhiệt độ của tham, sân… hay lửa tham ái…

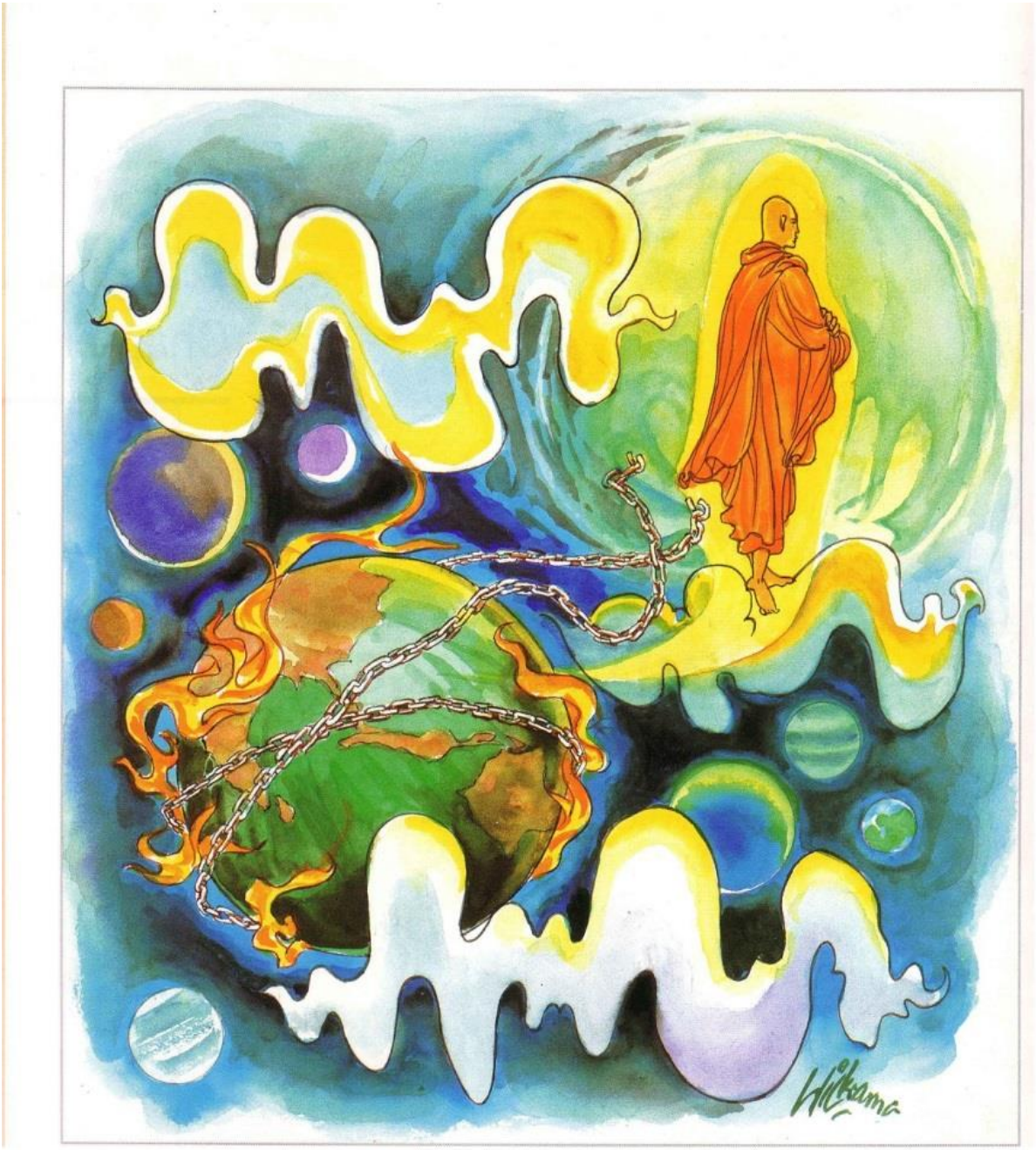

90. Vì đã đi đến đích, không sầu, giải thoát mọi buộc ràng và không còn bị tham dục áp đảo.

VII.2- Tích TRƯỞNG LÃO MA HA CA DIẾP BỊ CHÊ

(Mahākassapattheravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 91)

"Uyyuñjanti satīmanto,	***"Tự sách tấn, Chánh niệm.***
Na nikete ramanti te;	***Không thích cư xá nào;***
Haṃsā'va pallalaṃ hitvā,	***Như ngỗng trời rời ao,***
Okamokaṃ jahanti te".	***Bỏ sau mọi trú ẩn".***

Kệ Pháp cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết khi Ngài ngự tại Veḷuvana (Trúc Lâm), đề cập đến Trưởng lão Mahākassapa (Ma Ha Ca Diếp).

Thuở nọ, Đức Bổn Sư nhập hạ gần thành Rājagaha (Vương Xá), đến khi mãn an cư, Ngài tuyên bố với chư Tỳ khưu:

"Nửa tháng nữa Ta sẽ đi vân du". Theo truyền ngôn: Chư Phật có phận sự đi vân du hành đạo với các Tỳ khưu, khi các Ngài muốn đi, chư Tỳ khưu được thông báo trước như thế, để có thì giờ chuẩn bị những vật dụng mang theo mình, nhất là đốt bát và nhuộm y để khi đi được an vui. Do đó, Đức Bổn Sư mới thông báo cho các Tỳ khưu: "Từ nay đến nửa tháng nữa, Ta sẽ đi vân du".

Chư Tăng mạnh ai nấy lo phận sự của mình, nhất là đốt bát. Chính Trưởng lão Mahākassapa cũng giặt những chiếc y của mình, nhiều vị Tỳ khưu than phiền: "Tại sao Trưởng lão lại giặt y? Nơi thành nầy cả bên trong lẫn ngoài, số dân cư là một trăm tám mươi triệu, những người không phải là quyến thuộc của Trưởng lão đều là những thiện tín của Trưởng lão, còn những ai không phải là Thiện tín đều là quyến thuộc của Trưởng lão cả. Ai ai cũng đều tôn kính, trọng đãi, dâng cúng tứ vật dụng đến Trưởng lão, thế mà Trưởng lão từ bỏ bấy nhiêu sự hộ độ đó, để rồi đi đâu? Vả lại, nếu có đi thì chỉ lên hang đá Đừng Dễ Duôi (Māpamāda) không đi qua nơi khác".

Theo truyền thuyết, sau khi Đức Thế Tôn đến một hang đá nào, Ngài thường bảo chư Tỳ Khưu có phận sự phải trở về chùa.

"Từ bây giờ, các Thầy hãy quay trở lại, đừng dễ duôi". Do đó mới có tên hang đá Đừng Dễ Duôi mà Chư Tăng nói đến ở trên.

Trong khi sắp đi vân du, Đức Thế Tôn nghĩ rằng: "Nơi thành nầy, bên trong lẫn bên ngoài có đến một trăm tám mươi triệu dân cư, các Tỳ khưu còn phải đi đến những nơi hạnh phúc hoặc bất hạnh của nhiều người. Ta không thể bỏ tịnh xá trống không, vậy ta sẽ cho vị Tỳ khưu nào quay trở lại?".

Rồi Đức Bổn Sư quyết định: "Dân chúng ở thành nầy đều là quyến thuộc và thiện tín của Kassapa (Ca diếp). Vậy Kassapa nên quay trở lại".

- Lành thay! Bạch Ngài.

Trưởng lão bèn dắt đoàn đệ tử của mình quay trở lại. Các Tỳ khưu than phiền: "Các đạo hữu thấy chưa? Chúng tôi há chẳng nói trước rồi sao, Trưởng lão

Mahākassapa giặt y làm gì? Trưởng lão sẽ không đi chung với Đức Bổn Sư đâu? Chúng tôi đã nói điều gì thì bây giờ quả đúng y như vậy".

Đức Bổn Sư nghe các Tỳ khưu nói chuyện, bèn đứng quay mặt lại và hỏi rằng:

- Nầy các Tỳ khưu, các Thầy nói đến chuyện gì đó.

Các Tỳ khưu đáp : "Bạch Ngài ! Chúng con nói đến Trưởng lão Mahākassapa". Rồi các Tỳ khưu đem hết mọi lời đàm luận của mình trình lên Đức Bổn sư. Nghe xong, Đức Bổn Sư bảo:

- Nầy các Tỳ khưu ! Các Thầy nói rằng: "Kassapa lưu luyến quyến thuộc, họ hàng, tứ vật dụng". Nhưng Kassapa chỉ vâng lời Ta mà quay trở lại thôi. Quả vậy, trong tiền kiếp Mahākassapa đã từng phát nguyện không quyến luyến tứ vật dụng, ví như mặt trăng có thể đến gần họ hàng quyến thuộc mà không bị vướng bận bởi những họ hàng và tứ vật dụng đó". Đức Bổn Sư nhắc lại lời nguyện đó của Trưởng lão Mahākassapa là: "Tôi nguyện hành đạo của Bậc Thánh Nhân, ví như mặt trăng noi theo lộ trình (quĩ đạo) của nó, chớ không bám víu vào những họ hàng và tứ vật dụng ấy".

Các Tỳ khưu lại hỏi Đức Bổn Sư: "Bạch Ngài, Trưởng lão đã nguyện vào lúc nào?".

- Nầy các Tỳ khưu, các Thầy có muốn nghe không?

- Thưa vâng, bạch Ngài.

Đức Bổn Sư thuyết lại Bổn sanh:

- Nầy các Tỳ khưu, cách đây khoảng trăm ngàn đại kiếp, có vị Phật Chánh Đẳng Giác Hồng danh là Padumuttara (Thượng Liên Hoa) giáng sanh... Kế đó, Đức Bổn sư thuật luôn sự hành đạo phát nguyện đầu tiên của Trưởng lão Mahākassapa trong tiền kiếp ấy. Sự tích nầy trong kinh tạng Pāḷi có giải rành.

Sau khi nhắc lại đầy đủ hạnh nguyện của Trưởng lão, Đức Bổn Sư nói: "Nầy các Tỳ khưu! Con trai ta là Mahākassapa đã từng phát nguyện lần đầu tiên: "Ta nguyện hành đạo của Bậc Thánh nhân, ví như mặt trăng tuân theo quỹ đạo của nó", cho nên đối với con trai Ta, sự quyến luyến trong tứ vật dụng, họ hàng, hoặc chùa, am, tịnh thất, nhất thiết đều không có nơi con trai Ta. Ví như con hạc chúa, sau khi đáo xuống một cái hồ, đi vơ vẩn đó đây rồi bay đi nơi khác, không có một chút gì luyến tiếc".

Đức Bổn sư tóm tắt ý nghĩa của sự tích, thuyết lên thời pháp và ngâm kệ rằng :

"Uyyuñjanti satīmanto,
Na nikete ramanti te;
Haṃsā'va pallalaṃ hitvā,
Okamokaṃ jahanti te".

"Đại Hùng, Chánh niệm viên thành,
Tâm không ưa thích đắm chìm tại gia,
Ví như lìa bỏ ao nhà,
Thiên nga chẳng chút thiết tha bận lòng".

CHÚ GIẢI:

Uyyuñjanti satīmanto: các bậc Lậu tận đã đạt đến mức Chánh niệm tròn đủ, luôn luôn dũng mãnh Tinh tấn hành đạo, nhất là phát triển các ân đức của mình bằng pháp hành Thiền định và Minh sát. Sau khi nhập thiền và xuất thiền thì cố gắng suy xét quán tưởng.

Na nikete ramanti te: đối với các bậc ấy thì không có sự vui thích, quyến luyến chỗ ngụ.

Haṃsā'va: như con chim hạc, có nơi dịch là chim thiên nga. Sở dĩ chim này được nêu ra làm thí dụ sánh với bậc Lậu tận, là vì giống chim trời, sau khi đáp xuống một ao hồ, kiếm ăn no đủ rồi, ra đi không mang theo vật thực của mình. Nó không nghĩ nước của ta, hoa sen xanh của ta, hoa sen hồng của ta, cỏ của ta,... Nó không thèm muốn, không chấp nắm chút gì trong ao hồ ấy cả. Nó bỏ lại tất cả xứ ấy mà bay lên không trung ra đi thảnh thơi vui thú. Các bậc Lậu tận cũng thế, dầu một chút chi của chùa, quyến thuộc... các Ngài cũng không luyến tiếc.

Sau khi an cư, đến giờ lên đường, các Ngài từ bỏ chỗ ngụ mà đi như không, không bao giờ thèm muốn nhớ tiếc: Chùa của ta, đạo trường của ta, người hộ pháp của ta...

Okamokaṃ: ao nước, chỗ trú ẩn, tất cả đều bỏ lại hết.

Cuối thời Pháp nhiều vị tỳ khưu chứng đắc Thánh Quả, nhất là Dự Lưu Quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

"Ra đi hành đạo lại quay về!".
Tăng chúng phàm phu giở giọng chê:
"Trưởng lão Ma Ha ham vật dụng!".
Ngờ đâu, Ngài đã hết si mê!
Phật ví Ngài giống như thiên nga,
Ra đi nào tiếc nước ao nhà!
Trời cao, gió lộng, chim bay mãi,
La Hán không còn chấp "Của ta!".

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO MA HA CA DIẾP BỊ CHÊ

☸

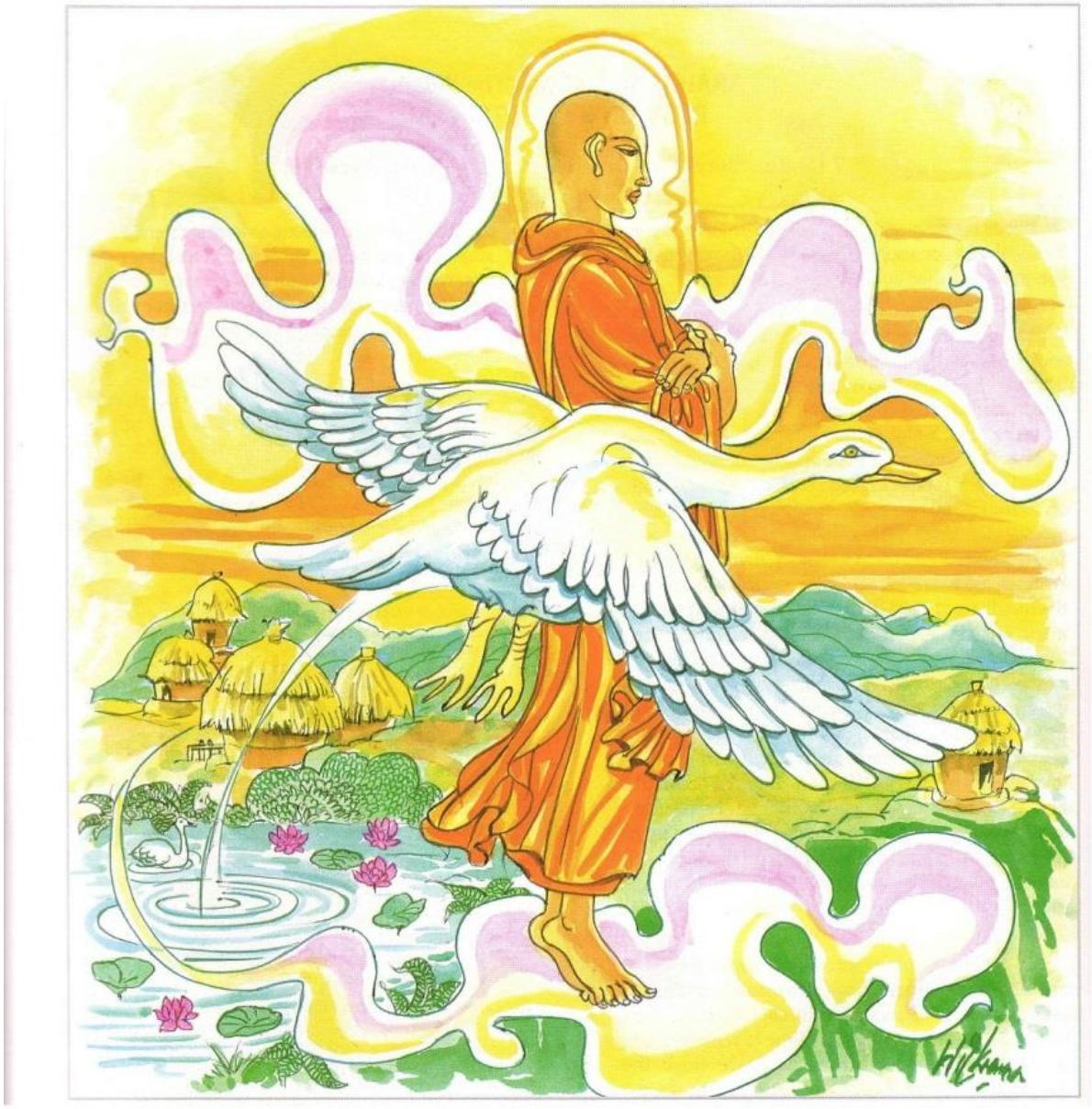

91. Giữ chánh niệm, không thích trú xứ nào cả, chư vị sống đời xuất gia không nhà, giống như thiên nga bay.

VII.3- TÍCH TRƯỞNG LÃO BÊ LÁT THÁ XI XÔ

(Belaṭṭhasīsattheravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 92)

"Yesaṃ sannicayo natthi,	***"Tài sản không chất chứa,***
Ye pariññātabhojanā;	***Ăn uống biết liễu tri,***
Suññato animitto ca,	***Tự tại trong hành xứ,***
Vimokkho yassa gocaro;	***Không, Vô tướng, Giải thoát***
Ākāseva sakuntānaṃ,	***Như chim giữa hư không,***
Gati tesaṃ durannayāti".	***Hướng chúng đi khó tìm".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư thuyết, khi Ngài ngụ tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên tự), đề cập đến Trưởng lão Belaṭṭhasīsa (Bê Lát Thá Xi Xô).

Tương truyền rằng: Trưởng lão nầy, sau khi vào làng đi khất thực theo một con đường, độ cơm xong rồi, lại theo một con đường khác thọ lãnh cơm khô đem về chùa cất để dành, vì thấy sự đi bát kiếm ăn hàng ngày vất vả khó nhọc. Trưởng lão muốn nghỉ vài ba hôm để hành thiền cho được an vui, lúc cần đến vật thực sẽ lấy cơm khô ấy mà độ. Chư Tỳ khưu biết được chuyện này trách móc Trưởng lão, rồi mách lại với Đức Thế Tôn.

Mặc dầu Đức Thế Tôn nhân cơ hội nầy đã ban hành điều học cấm các Tỳ khưu từ nay trở đi không được phép cất giữ vật thực quá thời hạn, nhưng Ngài cũng giải thích rằng: Trưởng lão không phạm tội vì hành theo hạnh Thiểu dục, trong khi các học giới chưa được ban hành. Kế đó, Đức Bổn Sư thuyết pháp rồi ngâm kệ rằng :

92. "Yesaṃ sannicayo natthi,
Ye pariññātabhojanā;
Suññato animitto ca,
Vimokkho yassa gocaro;
Ākāseva sakuntānaṃ,
Gati tesaṃ durannayāti".

"Những bực đắc Lậu tận thông,
Của tiền chẳng để dự phòng mà chi.
Uống ăn quán tưởng theo thì,
Trên đường giải thoát lại đi an nhàn.
Cõi Không, Vô Tướng, Níp Bàn,
Là nơi trống vắng chim ngàn bay cao".

☸

CHÚ GIẢI:

Sannicayo: Sự tích trữ có hai thứ: Tích trữ nghiệp (Kammasannicayo) và tích trữ vật dụng (Paccayasannicayo). Sự tích trữ các thiện hay bất thiện nghiệp, gọi là tích trữ nghiệp, sự tích trữ bốn món vật dụng để ăn, mặc, ở và trị bịnh gọi là tích trữ vật

dụng. Trong ngôi chùa nói trên đây, là một khối đường cục, bốn phần sữa chua và một đấu gạo của vị Tỳ khưu cất giữ để dành còn không có, huống chi nhiều hơn nữa, đó là nói về tích trữ vật dụng. Đối với các bậc A La Hán, cả hai thứ tích trữ trên đều không có.

Pariññātabhojanā: biết rõ vật thực, có ba thứ biết rõ gồm chung trong đó:

1. *Ñātapariññā:* là sự biết rõ thường thức, chẳng hạn như biết rõ cháo là cháo bởi trạng thái của nó.

2. *Tīraṇapariññā:* sự biết rõ đặc biệt do suy xét đến nhân phát sanh vật thực ô trọc tưởng (Āhārepaṭikūlasaññā).

3. *Pahānaparinnā:* Sự biết rõ dứt bỏ, nhờ có Trí tuệ cao thượng không còn tham dục đối với các món ăn thức uống.

Suññato animitto ca: Không, Vô tướng ở đây có luôn cả vô dục giải thoát. Cảnh giới Níp Bàn là nơi có ba tánh cách: Không, Vô tướng và Vô dục giải thoát nầy. Nơi đó không có những tâm tham, sân, si nên gọi là Không (Suññaṃ), đã giải thoát cả tam độc đến mức rỗng không nên gọi là Không giải thoát (Suññatovimokkha), không còn hình tướng của Tam độc nên gọi là Vô tướng (Animitta), đã giải thoát đến mức không còn hình tướng của Tam độc nên gọi là Vô Tướng Giải Thoát (Animitto vimokkho), không có sự thèm muốn dục lạc nên gọi là Vô dục (Appaṇhita), đã giải thoát hết cả mọi tình dục, nên gọi là Vô Dục Giải Thoát (Appaṇihito Vimokkho). Các bậc đã đắc Đạo quả, lấy Níp Bàn làm cảnh giới, trú tâm trong đối tượng đó mà được giải thoát cả ba mặt nói trên đây.

Gataṃ tesaṃ durannayā: Lộ trình của các vị ấy không thể vẽ lại được. Cũng như đàn chim bay trên hư không, không có lưu lại dấu chân, ta không thấy lối đi của chúng, nên không thể vẽ lại được. Các bậc Lậu tận cũng thế, các Ngài không có hai thứ tích trữ về nghiệp và vật dụng, lại có ba thứ biết rõ về vật thực ăn uống, các Ngài lấy Níp Bàn Không, Vô tướng và Vô dục giải thoát làm cảnh giới.

Đối với các Ngài, ba cõi (Tam giới), bốn loài (Tứ sanh), năm đường luân hồi (Ngũ lộ), bảy nơi nhàn cảnh (Satta viññāṇaṭṭhitiyo), chín cõi Tịnh cư (Navasattāvāsa), tất cả là năm đường lối tái sanh các Ngài đã vượt qua, lộ trình các Ngài đi không thể biết được, cũng không bày vẽ cho ai biết được.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khưu chứng đắc quả Thánh nhất là quả vị Tu Đà Hườn.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Trưởng lão Bê Lát Thá Xi Xô
Ham ngồi Thiền quá, chứa cơm khô,
Nghỉ chân ít bữa, mong vào Định,
Tăng chúng xì xò, Định chẳng vô…
Phật chẳng chê sư hám lợi quyền,
Nhưng ban Giới cấm chứa cơm tiền,
Người tu đi bát ăn từng bữa,
La hán không còn trữ Nghiệp duyên.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO BÊ LÁT THÁ XI XÔ



92. Con đường của vị đã giải thoát không để lại dấu vết, cũng như đường chim bay giữa trời.

VII.4- Tích TRƯỞNG LÃO A NẬU LÂU ĐÀ

(Anuruddhattheravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 93)

"Yassāsavā parikkhīṇā,	***"Ai lậu hoặc đoạn sạch,***
Āhāre ca anissito;	***Ăn uống không tham đắm,***
Suññato animitto ca,	***Tự tại trong hành xứ,***
Vimokkho yassa gocaro;	***"Không, Vô tướng, Giải thoát".***
Ākāseva sakuntānaṃ,	***Như chim giữa hư không,***
Padantassa durannayaṃ".	***Dấu chân thật khó tìm".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Veḷuvana (Trúc Lâm), đề cập đến Trưởng lão Anuruddha (A Nậu Lâu Đà).

Một hôm nọ, Trưởng lão là Tỳ khưu nguyện Đầu Đà mặc y cũ (Jiṇṇacīvaro), đi tìm y nơi đống rác mà người ta vứt bỏ. Người vợ cũ trong tiền kiếp thứ ba của Trưởng lão, lúc ấy tái sanh làm Thiên nữ trên cõi trời Đạo Lợi, tên là Jālinī (Cha Lí Ni), trông thấy Trưởng lão đi kiếm vải dơ, bèn lấy ba khúc vải trời dài mười ba hắc, rộng bốn hắc, nhưng không dám mang đến dâng ngay Trưởng lão, vì e Ngài không nhận. Thiên nữ đem để ba tấm vải trên một đống rác, phía trước đường đi của Trưởng lão, cũng như đồ vô chủ vậy. Quả nhiên, Trưởng lão đang đi kiếm vải dơ, cứ thẳng đường mà tiến bước, trông thấy mấy tấm vải ấy, bèn lượm lấy xổ ra coi thì thấy là vải trời, dài và rộng như thế. Đây là loại vải phấn tảo quý giá hiếm có. Nói rồi, Trưởng lão ôm ba tấm vải ấy đi.

- Đến ngày Trưởng lão may y, Đức Bổn Sư với năm trăm vị Tỳ khưu tùy tùng đến chùa ngự tọa, cả tám mươi vị Trưởng lão cũng ngồi nơi ấy. Trưởng lão Mahākassapa (Ma Ha Ca Diếp) ngồi ở một góc để may y, Trưởng lão Sāriputta (Xá Lợi Phất) ngồi ở giữa, Trưởng lão Ānanda (A Nan Đa) ngồi đằng đầu, Tăng chúng lo se chỉ, chỉ ấy Đức Bổn Sư xỏ vào lỗ kim, còn Trưởng lão Moggallāna (Mục Kiền Liên) đi qua đi lại, xem chỗ nào cần dùng cái chi thì đưa tới. Cô Thiên nữ Jālinī đi vào làng khuyến khích dân chúng đi để bát: Bà con thân mến! Hôm nay trưởng lão Anuruddha làm y, có Đức Bổn Sư với đoàn tùy tùng tám mươi vị Đại Trưởng lão và năm trăm vị Tỳ khưu ngự đến an tọa trong chùa. Bà con hãy đi chùa dâng cúng vật thực, nhất là cháo sáng đi".

Khoảng giữa hai bữa ăn, Trưởng lão Moggallāna còn đem về mận đỏ của xứ Đại Diêm Phù (Mahājambūpesito). Năm trăm vị Tỳ khưu không thể độ hết vật thực.

Đức Đế Thích đánh bóng lên chỗ nền may y, mặt nền trơn láng như có sơn vecni. Cơm, cháo và đồ ngọt Chư Tăng độ còn dư lại một đống lớn, các Tỳ khưu than phiền: "Chỉ có bấy nhiêu Tỳ khưu đây, cần chi nhiều vật thực, nhất là cháo cơm như vậy? Nếu có suy tính độ lượng thì đáng lẽ nên bảo cả quyến thuộc và người hộ độ mang đến đây bấy nhiêu vật thực mà thôi! Chắc có lẽ Trưởng lão Anuruddha muốn khoe cho ta biết mình có nhiều quyến thuộc và người hộ độ vậy".

Khi ấy, Đức Bổn Sư hỏi chư Tăng : "Nầy các Tỳ khưu, các thầy nói chuyện chi thế?".

- Bạch Ngài, chuyện như vầy... Như vầy…

Nghe vậy, Đức Bổn Sư hỏi rằng: "Nầy các Tỳ khưu, các thầy nghĩ rằng số vật thực nầy do Anuruddha khiến sai mang đến phải chăng?".

- Bạch Ngài, phải.

- Nầy các Tỳ khưu! Không phải do Anuruddha con trai Ta sai bảo như vậy. Không bao giờ các bậc Lậu tận nói chuyện chi dính líu đến vấn đề tứ vật dụng. Bữa ăn cúng dường, sớt bát nầy phát sanh lên nhờ oai lực của Chư Thiên.

Sau câu kết luận tóm tắt, Đức Bổn Sư thuyết pháp rồi ngâm kệ rằng:

"Yassāsavā parikkhīṇā,
Āhāre ca anissito;
Suññato animitto ca,
Vimokkho yassa gocaro;
Ākāseva sakuntānaṃ,
Padantassa durannayaṃ".

"Không tham ăn uống chút nào,
Bực đã giải thoát trần lao hoàn toàn.
Cõi Không, Vô tướng, Níp Bàn,
Là nơi trống vắng chim ngàn lại bay.
Quảng trời vô tận bao la,
Dấu chim bay mãi biết là về đâu?".

☸

CHÚ GIẢI:

Yassāsavā: Cả bốn lậu hoặc đã dứt sạch nơi người nào, bốn thứ lậu là Kāmāsava, bhavāsava, diṭṭhāsava, avijjāsava (Dục, Hữu, Kiến và Vô minh lậu).

Āhāre ca anissito: không bám vào vật thực vì không nương theo sự thèm khát, tà kiến đối với vật thực.

Padantassa durannayaṃ: dấu chân khó noi theo, ví như những con chim đang bay trên hư không vậy, đã biết dùng chân bước khỏi chỗ nầy, đã hết vỗ cánh tại chỗ nầy, ta không thể biết được đâu là đầu, đâu là cặp cánh. Một Tỳ khưu không bám víu vào vật thực cũng thế, ta không thể biết vị ấy đi theo lối nào, xuống Địa ngục hay thọ sanh làm thú chẳng hạn.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khưu đã đắc Thánh quả, nhất là quả Tu Đà Hườn.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Á Nậu La Đà lượm vải trời,
Do người vợ cũ giả buông rơi...
Phật, Tăng xám lại may y mới,
Thiện tín đem cơm cháo thỉnh mời.
Bánh trái, cơm canh quá thặng dư,
Cũng làm bất mãn lắm nhà Sư,
Phật rằng: La hán tâm không bận,
Lo nghĩ cơm tiền vật dụng tư...

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO A NẬU LÂU ĐÀ

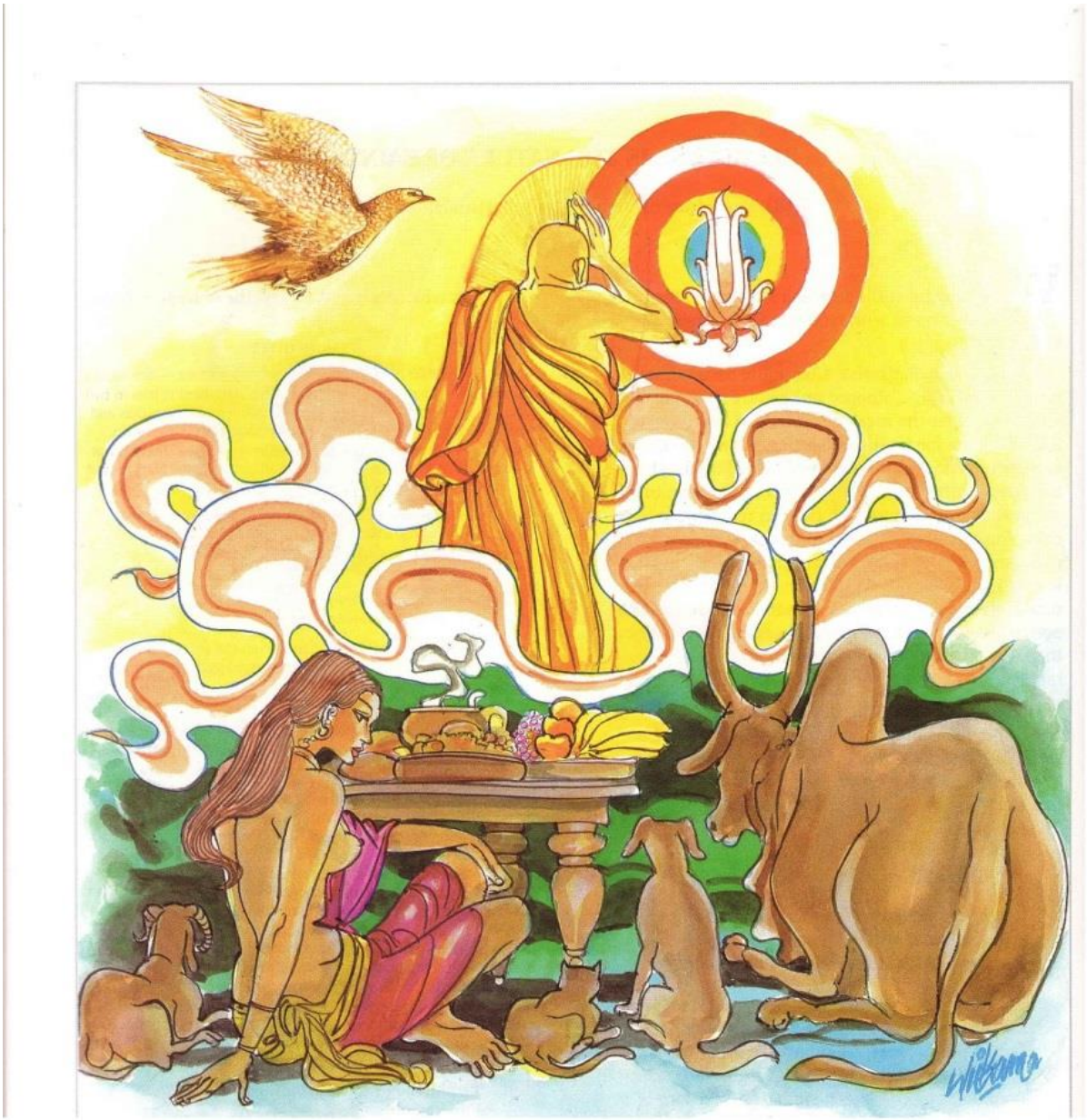

93. Con đường của vị đoạn tận lậu hoặc, không tham đắm ẩm thực, không để lại dấu vết như đường chim bay giữa hư không.

VII.5- Tích TRƯỞNG LÃO MA HA CA CHIÊN DIÊN

(Mahākaccāyanattheravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 94)

"Yass'indriyāni samathaṅgatāni,	***"Ai nhiếp phục các căn,***
Assā yathā sārathinā sudantā;	***Như đánh xe điều ngự,***
Pahīnamānassa anāsavassa,	***Mạn trừ, Lậu hoặc dứt,***
Devā'pi tassa pihayanti tādino".	***Người vậy, Chư Thiên mến".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư thuyết, khi ngự tại Pubbārāma (Đông Phương Tự), đề cập đến Trưởng lão Mahākaccāyana (Ma Ha Ca Chiên Diên).

Một thuở nọ, trong ngày lễ Tự Tứ Tăng, Đức Bổn Sư ngự tọa bên dưới tòa nhà lầu của bà Visākhā (Thiện Chi), có đại chúng Thinh Văn và đệ tử theo hầu.

Trong thời gian ấy, Trưởng lão Mahākaccāyana cư ngụ trong xứ Avantī (A Quan Ti). Dầu cách trở xa xôi, Trưởng lão cũng đến góp mặt để khích lệ sự nghe Pháp. Do đó các vị Trưởng lão cao hạ, khi ngồi vào chỗ ngồi có chừa một chỗ trống để dành cho Trưởng lão Mahākaccāyana.

Đức Thiên Vương Đế Thích cùng với chư thiên hộ giá và đoàn tùy tùng từ hai cõi trời, đem lễ vật nhất là hương và tràng hoa của chư thiên đến cúng dường Đức Bổn sư.

Khi đứng lên không thấy Trưởng lão Mahākaccāyana, Thiên vương tự hỏi: "Sao Ngài Trưởng lão của ta không có mặt ở đây? Phải chi Ngài đến là tốt biết mấy?".

Ngay khi ấy, Trưởng lão đến nơi, ngồi vào chỗ của mình cho mọi người thấy mình.

Đức Đế Thích trông thấy Trưởng lão, nắm chắc lấy hai cườm chân của Trưởng lão, nói: "May quá, Trưởng lão của ta đã đến! Bạch Trưởng lão, Trẫm đã mong đợi Trưởng lão đến!". Nói rồi Thiên Vương lấy hai tay xoa bóp chân của Trưởng lão cúng dường hương hoa, lễ vật, đảnh lễ Trưởng lão xong đứng nép qua một bên.

Các Tỳ khưu than phiền: "Đức Đế Thích lựa mặt mà cúng dường lễ bái, bao nhiêu bậc Đại Thinh Văn khác Thiên Vương không cung kính như vậy, còn khi gặp Ngài Mahākaccāyana thì lật đật nắm mắt cá chân: "May quá, Trưởng lão của ta đã đến. Bạch Trưởng lão, Trẫm mong chờ Trưởng lão đến!". Nói rồi lấy hai tay xoa bóp chân, cúng dường lễ vật, đảnh lễ rồi đứng qua một bên".

Nghe lời bàn luận của Chư Tăng, Đức Bổn Sư bảo: "Nầy các Tỳ khưu, những Tỳ khưu nào thu thúc lục căn như con trai Ta là Mahākaccāyana thì cả chư thiên và nhân loại thảy đều ái mộ.".

Nói rồi, Ngài thuyết pháp giải thích thêm và tóm lược ý nghĩa bằng kệ ngôn nầy:

"Yass'indriyāni samathaṅgatāni,
Assā yathā sārathinā sudantā;

Pahīnamānassa anāsavassa,
Devā'pi tassa pihayanti tādino".

"Đúng bực La Hán dồi trau,
Các căn tịch tịnh, làu làu, sạch trong.
Như người cỡi được ngựa hồng,
Phiền não, ngã mạn nơi lòng lặng yên.
Nhân loại cho đến chư thiên,
Thảy đều ái mộ nể kiêng đức lành."

☸

CHÚ GIẢI:

Yassa... : Tỳ khưu nào khéo điều ngự lục căn, như người kỵ mã khéo huấn luyện ngựa, cho đến mức tịch tịnh thuần hóa.

Pahīnamānassa: Tỳ khưu ấy dứt bỏ được chín cách ngã mạn (navavidham mānaṃ), là:

1. ***Seyyassa seyyohamasmīti māno:*** người cao thượng cho mình cao thượng hơn người.

2. ***Seyyassa sadīsohamasmīti māno:*** người cao thượng cho mình bằng người hay ngang hàng người.

3. ***Seyyassa hīnohamasmīti māno:*** người cao thượng cho mình đê hèn hơn người.

4. ***Sadisassa seyyohamasmīti māno*****:** người ngang hàng với người nhưng cho mình là cao thượng hơn người.

5. ***Sadisassa sadisohamasmīti māno:*** người ngang hàng với người nhưng ỷ mình bằng người.

6. ***Sadisassa hīnohamasmīti māno:*** người ngang hàng với người nhưng cho mình thấp hèn hơn người.

7. ***Hīnassa seyyohamasmīti māno:*** người thấp hèn hơn người lại cho mình là cao thượng hơn người.

8. ***Hīnassa sadisohamasmīti māno:*** người thấp hèn hơn người lại cho mình bằng người.

9. ***Hīnassa hīnohamasmīti māno:*** người thấp hèn hơn người cũng lại cho mình đê hèn hơn người.

Anāsavassa: không còn bốn thứ Lậu hoặc.

Tādino: người có khả năng như vậy thì được chư thiên ước mong, nhân loại chờ đợi để trông thấy mặt.

Cuối thời Pháp, nhiều vị Tỳ Khưu chứng đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn...

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Trưởng lão Ma Ha Ca Chiên Diên,
Đến sau mà cũng được chư thiên,
Cúng dường lễ bái như là Phật,
Làm các sư phàm thấy đảo điên.
Phật dạy: Tỳ khưu tánh dịu hiền,
Lục căn thanh tịnh, đáng siêu nhiên,
Tâm không Ngã mạn, không Tà kiến,
Ắt được lòng yêu của Nhân thiên.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO MA HA CA CHIÊN DIÊN

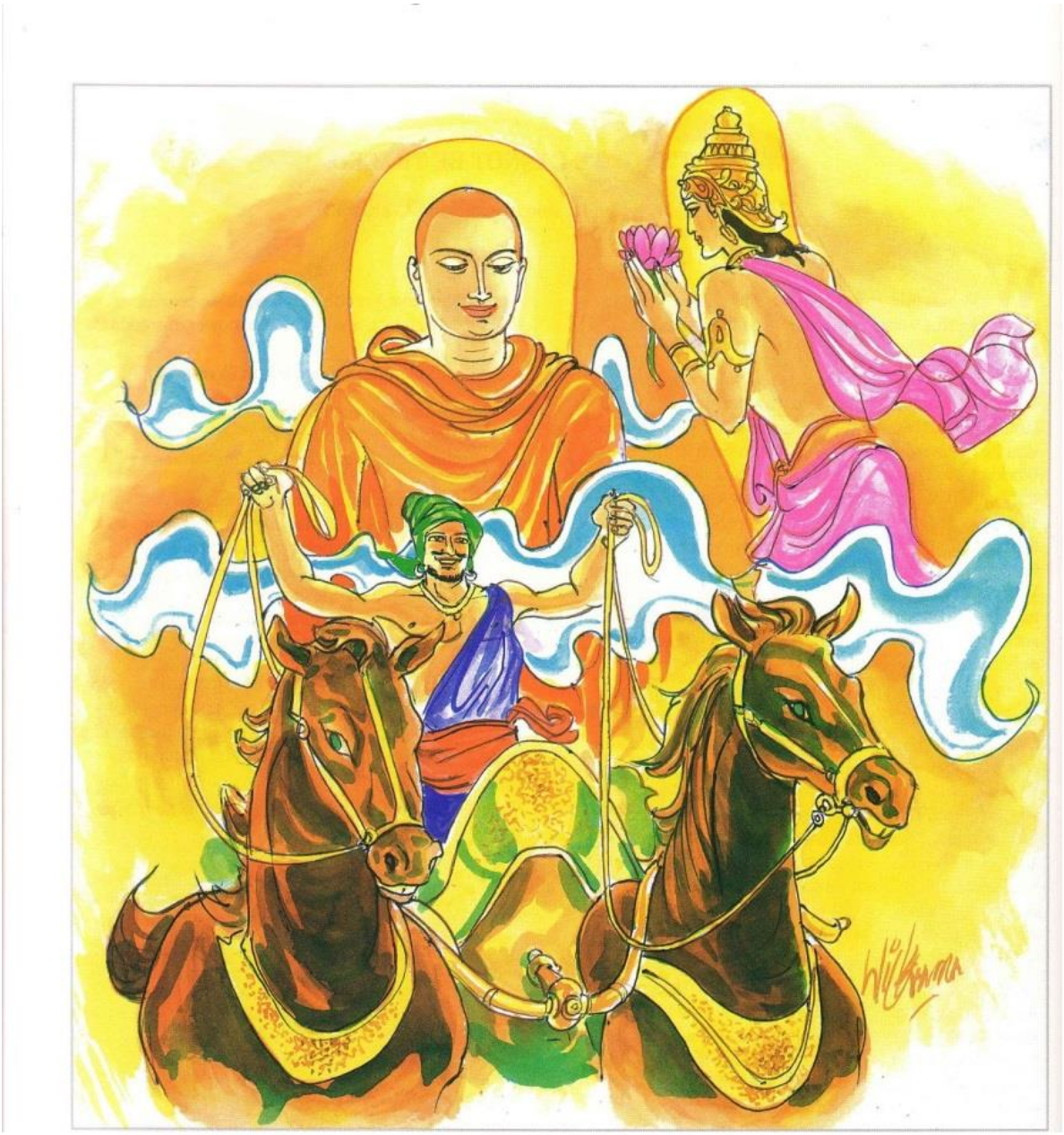

94. Người nhiếp phục các căn thì như ngựa được điều phục, thanh tịnh, khiêm tốn, được chư thiên ái kính.

VII.6- Tích TRƯỞNG LÃO XÁ LỢI PHẤT BỊ CÁO GIAN

(Sāriputtattheravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 95)

"Paṭhavīsamo no virujjhati,	***"Như đất không hiềm hận,***
Indakhīlūpamo tādi subbato;	***Như cột trụ, kiên trì,***
Rahado'va apetakaddamo,	***Như hồ, không bùn nhơ,***
Saṃsārā na bhavanti tādino".	***Không luân hồi, vị ấy".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến Trưởng lão Sāriputta (Xá Lợi Phất).

Một thuở nọ, sau khi mãn mùa an cư, Trưởng lão Sāriputta muốn đi vân du, bèn vào xin phép Đức Bổn Sư, đảnh lễ cáo từ Ngài và ra đi với đoàn tùy tùng của mình, nhiều Tỳ khưu ở nhóm khác cũng đi theo Trưởng lão. Những Tỳ khưu được Trưởng lão biết rõ tên họ được Trưởng lão quay lại chào hỏi theo tên họ. Có một Tỳ khưu nọ không được Trưởng lão lưu ý vì đứng lẫn lộn trong đám đông Tăng chúng. Vị Tỳ khưu vô danh này thấy mình không được ưu đãi như các Tỳ khưu khác thì buộc oan trái với Trưởng lão. Khi ấy, Trưởng lão vô tình để cái y Tăng Già Lê chạm vào mình của vị Tỳ khưu ấy.

Khi biết: "Có lẽ bây giờ Trưởng lão đã đi khỏi ranh chùa rồi!", vị Tỳ khưu bất bình vào khiếu nại với Đức Bổn Sư:

- Bạch Ngài Trưởng lão Sāriputta ỷ thị: "Ta đây là Thượng Thinh Văn, lớn nhất trong Tăng chúng", nên khi ra đi vân du, Trưởng lão đánh con muốn bể vành tai mà không sám hối.

Đức Bổn Sư cho gọi Trưởng lão trở lại để phân xử. Ngay khi ấy hai vị Trưởng lão là Mahāmoggallāna (Ma Ha Mục Kiền Liên) và Ānanda (A Nan Đa) đều nghĩ thầm: "Sư huynh của ta không có đánh Tỳ khưu nầy, nếu Đức Bổn Sư không biết rõ sự thật thì oan cho Sư huynh của ta lắm". Hai Trưởng lão muốn cho Trưởng lão Xá Lợi Phất rống lên tiếng rống của con sư tử, nên bảo nhau: "Ta sẽ triệu tập Tăng chúng câu hội lại tất cả".

Thế rồi, hai vị Trưởng lão mở hoác các cửa vào đạo trường, kêu gọi chư Tỳ khưu Tăng tập hợp: "Các Trưởng lão hãy đến hội trường cho đông đủ, hôm nay trước mặt Đức Thế Tôn, Trưởng lão Sāriputta sẽ rống lên tiếng rống con sư tử".

Trưởng lão Sāriputta đi đến đảnh lễ Đức Thế Tôn, rồi ngồi xuống, khi ấy Đức Bổn Sư hỏi Trưởng lão về câu chuyện vị Tỳ khưu vô danh tố cáo, thay vì nói: "Con không có đánh Tỳ khưu nầy", Trưởng lão chỉ thuyết trình về đức tính của tự ngã: "Bạch Ngài, thật vậy, Tỳ khưu nào chưa thuần thục trong đề mục niệm Thân trược (Kāyagatāsati), tâm còn luyến lưu một bạn đồng Phạm hạnh nào đó, chưa dứt bỏ được thì nên ra đi hành đạo". Rồi Trưởng lão giảng giải: "Bạch Ngài, ví như mặt đất, trên đó người ta bỏ đồ sạch, hay đồ dơ nó vẫn như thường, tâm mình cũng bình thản như mặt đất vậy đối với mọi sự thị phi. Hoặc nói cách khác tâm mình cũng bình thản như

nước, như lửa, như gió, như bụi, như thanh niên Chiên đà la, như bò rụng sừng, như chén mỡ đặc. Vả lại, tự thân mình thật đáng ghê tởm như xác rắn chết sình, như chảo chiên dầu mỡ, chứ nào có đáng gì trân trọng bảo trì?".

Trong khi Trưởng lão đang thuyết trình, tự ví mình như chín vật trên đây, bắt đầu từ đất đến nước,... thì quả địa cầu rung động. Đến khi Trưởng lão ví mình như từ hạt bụi đến thanh niên Chiên đà la, đến chảo chiên dầu mỡ, thì các Tỳ khưu còn phàm không còn cầm được nước mắt, các bậc Lậu tận thì kinh cảm vì Pháp (Dhammasaṃyego).

Trong khi Trưởng lão đang thuyết trình về các đức tính của mình có theo thứ lớp như vậy, vị Tỳ khưu cáo gian nghe trong mình toàn thân bị nóng như bị lửa đốt. Vị ấy quỳ mọp dưới chân Đức Thiện Thệ vừa tự thú là mình cáo gian Trưởng lão.

Đức Bổn Sư gọi Trưởng lão và bảo: "Nầy Sāriputta hãy tha tội cho kẻ nầy, để cho đầu hắn khỏi bị bể thành bảy mảnh".

Trưởng lão ngồi xổm, chấp tay lại và nói: "Bạch Ngài, con tha thứ cho vị Tỳ khưu này và xin Trưởng lão ấy hãy xá lỗi cho con, nếu con có lỗi".

Các Tỳ khưu nói chuyện với nhau:

- Nầy các đạo hữu hãy nhìn xem, Trưởng lão có đức độ vô thượng, bây giờ đối với vị Tỳ khưu nguyên cáo giả dối như vậy mà Trưởng lão không có tâm giận hờn chút chi, lại còn tự mình ngồi xổm, chấp tay xin sám hối nữa.

Đức Bổn Sư nghe câu chuyện của Chư Tăng, liền hỏi:

- Nầy các Tỳ khưu, các thầy nói chuyện chi vậy?

- Bạch Ngài, chuyện nầy như vầy... như vầy.

Nghe vậy, Đức Bổn Sư dạy rằng: "Nầy các Tỳ khưu, không thể nào làm cho hạng người như Sāriputta phát sanh tâm sân. Nầy các Tỳ Khưu, tâm của Sāriputta bình thản như mặt đất, kiên cố như cột trấn của chư thiên, thanh tịnh như nước ao không bùn".

Nói rồi, Ngài thuyết pháp dạy thêm tóm tắt bằng bài kệ rằng:

"Paṭhavīsamo no virujjhati,
Indakhīlūpamo tādi subbato;
Rahado'va apetakaddamo,
Saṃsārā na bhavanti tādino".

"La Hán giữ sạch Tam hành,
Tâm như bình địa chí thành cố kiên.
Như cột trấn của chư thiên,
Như ao sâu thẳm, lặng yên, không bùn.
Nên vòng sanh tử cuối cùng,
Khởi từ vô thủy cáo chung nơi người".

☸

CHÚ GIẢI:

Paṭhavīsamo: Nầy các Tỳ khưu, ví như trên mặt đất người ta vứt bỏ những vật sạch sẽ là hương thơm, tràng hoa chẳng hạn, người ta vứt bỏ những vật dơ bẩn như phẩn, nước tiểu chẳng hạn, như ở ngoài cổng thành là chỗ đổ rác vậy.

Indakhīla: lại ví như trụ đá bị lũ trẻ con đến tiểu lên, hoặc đập sứt mẻ, khi khác lại được người khác đến cúng dường dâng hương hoa, lễ vật. Cả mặt đất và cây trụ đá cũng không vui mừng hay phẫn nộ. Bậc Tỳ khưu Lậu tận cũng như thế, tâm không dao động vì Tám pháp thế gian, do có tư cách tốt đẹp mà nên người có hạnh kiểm tốt, không quan tâm nghĩ rằng: "Những người nầy tôn trọng cúng dường ta bằng tứ vật dụng, còn những người nầy không tôn trọng cúng dường ta". Dầu ai tôn trọng hay không tôn trọng, bậc ấy cũng không hề nổi giận, hoặc chống cự lại, chẳng khác mặt đất và cây trụ đá đó vậy.

Rahado'va: Ví như ao hồ nước trong veo vì không lẫn bùn, bậc Lậu tận có tâm thanh tịnh, không lẫn bùn nhơ là phiền não tham ái, sân hận, si mê.

Tādino: đối với vị thánh thiện như vậy, con đường luân hồi siêu sanh nhàn cảnh hay đọa vào bốn khổ cảnh không thể có.

Cuối thời Pháp, chín ngàn vị Tỳ khưu đắc quả A La Hán với Tuệ Phân Tích.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Pháp chủ mà còn bị cáo gian,
Người ngay đâu lẽ chịu hàm oan?
Phân minh tự ví mình như đất:
Hàm chứa bao dung chẳng thở than!
Phật dạy: Tâm người đã hết sân,
Là tâm La Hán, bậc Siêu nhân,
Vững như trụ đá trên Thiên giới,
Sạch tợ trùng dương, chẳng nhuốm trần.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO XÁ LỢI PHẤT BỊ CÁO GIAN

☸

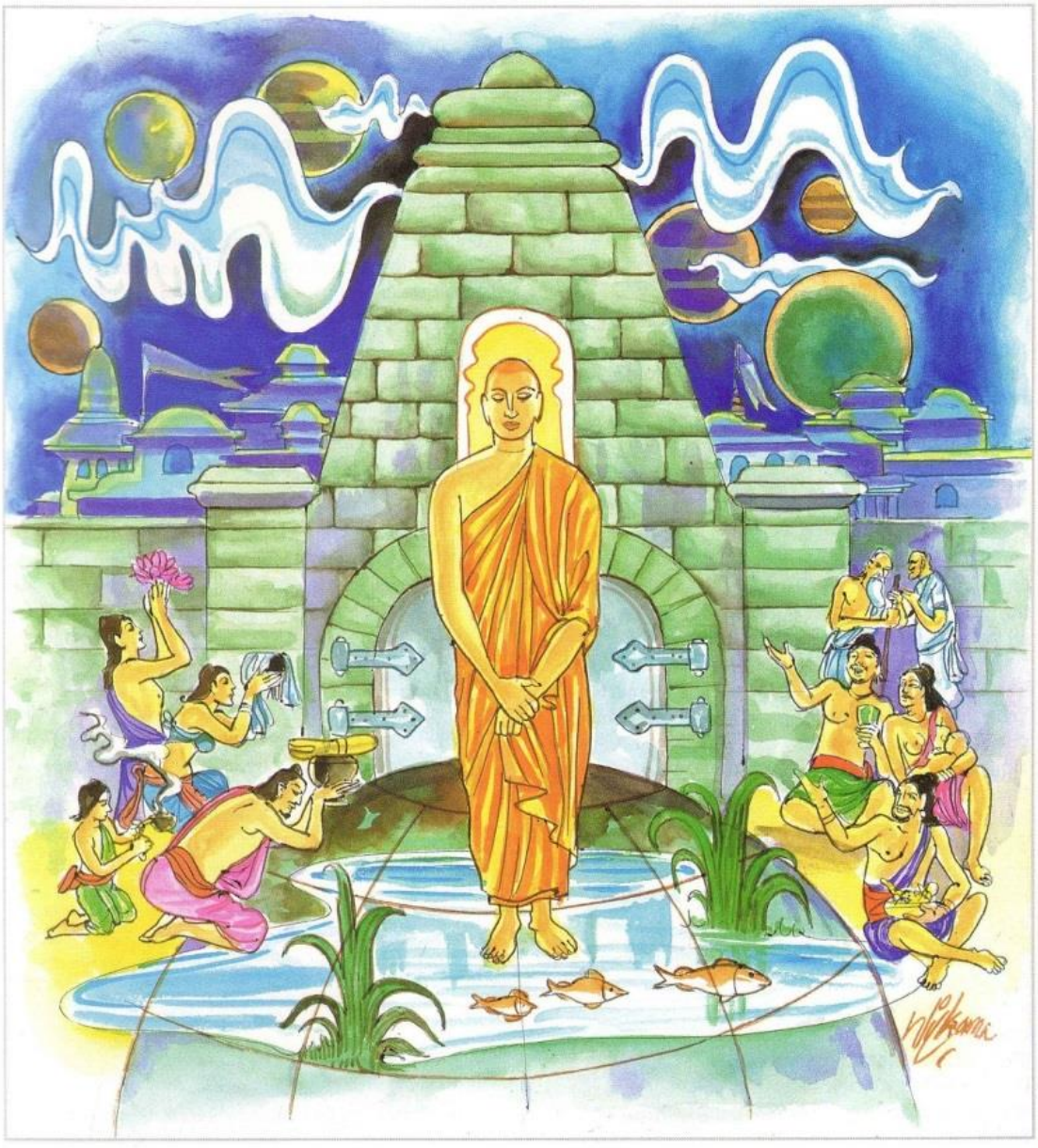

95. An tịnh như đất và trong sáng như hồ, bậc A La Hán không còn trôi trong vòng luân hồi sanh tử.

VII.7- Tích TRƯỞNG LÃO ĐỀ XÁ Ở KIỀU THƯỞNG DI

(Kosambivāsītissattherasāmaṇeravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 96)

"Santaṃ tassa nanaṃ hoti,	***"Người tâm ý an tịnh,***
Santā vācā ca kamma ca;	***Lời an, nghiệp cũng an,***
Sammadaññā vimuttassa,	***Chánh trí, Chơn giải thoát,***
Upasantassa tādino".	***Tịnh lạc là vị ấy".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài an ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến vị Sadi đệ tử của Trưởng lão Tissa (Đề Xá).

Tương truyền rằng: Một vị công tử ở gần Kosambi (Kiều Thưởng Di), sau khi xuất gia trong Giáo Pháp, thọ Cụ túc giới, được mệnh danh là Trưởng lão Đề Xá ở Kiều Thưởng Di. Trưởng lão an cư ở vùng Kosambi (Kiều Thưởng Di), đến khi mãn mùa an cư, được người hộ độ mang các lễ vật như Tam y, sữa chua, mật mía đặt dưới chân.

Thấy vậy, Trưởng lão hỏi người ấy: "Cái chi đây ông thiện nam?".

- Bạch Ngài, Ngài đã nhận lời con an cư mùa mưa nơi nầy, bây giờ mãn mùa an cư, phần lễ vật nầy phát sanh được đây, xin Ngài hãy hoan hỷ thọ dụng.

- Nầy cận sự nam, ông hãy thông cảm, ta không cần đến những lễ vật nầy.

- Bạch Ngài, tại sao vậy?

- Nầy đạo hữu! Vì bần tăng không có Sadi để dâng lễ vật thọ đúng Luật kappiyākasako.

- Bạch Ngài, nếu Ngài không có người phục dịch theo Luật, thì con xin đưa con trai con xuất gia Sadi để phục dịch Ngài.

Trưởng lão im lặng chấp nhận.

Ông thiện nam dắt đứa con trai của mình vừa được bảy tuổi đến với Trưởng lão, giao cho Trưởng lão và nói: "Kính Ngài, xin cho nó được xuất gia".

Trưởng lão xối nước ướt tóc đứa bé, truyền dạy phần đầu của đề mục quán tưởng thân trược gồm có năm chi: tóc, lông, móng, răng, da cho nó và cho nó xuất gia.

Ngay khi lưỡi dao cạo chạm vào da dầu, vị Sadi mới đắc chứng A La Hán quả với Tuệ phân tích.

Sau khi cho Sadi xuất gia, Trưởng lão còn lưu lại trên chùa thêm nửa tháng, rồi muốn về đảnh lễ Đức Thế Tôn, Trưởng lão bảo ông Sadi thu thập hành lý để lên đường. Đến nửa đường hai thầy trò ghé vào một ngôi chùa, ông Sadi có bổn phận phải lo sửa soạn chỗ trú cho thầy Tế độ. Khi lo cho thầy xong thì trời đã xế chiều, Sadi không thể dọn dẹp chỗ ngụ của mình cho kịp giờ.

Khi ông Sadi đến giờ hầu thầy, trở lại ngồi một bên thầy, Trưởng lão liền hỏi: "Ông Sadi, ông lo sửa soạn chỗ nghỉ của ông chưa?".

- Bạch Ngài, con không có giờ rảnh để sửa soạn!

- Vậy thì, con hãy ở chung chỗ với ta. Mình là khách lữ hành phải chịu khó ở ký túc xá vậy (Āgantukaṭṭhāne).

Nói rồi, Trưởng lão dắt Sadi vào chỗ ngụ. Trưởng lão nầy còn là phàm nhân nên đến giờ đi nghỉ là nằm xuống ngủ. Sadi thầm nghĩ: "Hôm nay ta với thầy Hòa thượng ngụ chung nhau trong một chỗ ngụ đến nay là ngày thứ ba rồi, nếu ta nằm sợ e ta sẽ ngủ quên đến sáng, thì Trưởng lão sẽ phạm giới ngủ chung ba đêm với Sadi. Thôi ta sẽ ngồi cho qua hết đêm nay vậy". Thế rồi, Sadi ngồi kiết già kế bên giường ngủ của thầy Hòa thượng mà nghỉ cho qua một đêm. Hôm sau, trời vừa mờ mờ sáng, Trưởng lão thức dậy, tự nghĩ: "Ta phải bảo ông Sadi đi ra ngủ bên ngoài mới được", nên lấy cây quạt để bên giường, Trưởng lão dùng đầu nhọn của cây quạt đập xuống chiếu của Sadi, rồi giở quạt lên gọi: "Nầy Sadi, hãy đi ra ngoài", không may đầu cây quạt xỉa trúng một mắt của Sadi, tròng mắt bị bể ra.

Sadi giật mình hỏi lại: "Bạch Ngài, bảo gì?". Khi nghe thầy nói: "Dậy đi ra ngoài!", ông không nói: "Bạch Ngài, mắt con đã bị bể tròng", mà chỉ lấy tay bụm mắt rồi đi ra.

Tới giờ phục dịch thầy, Sadi cũng làm thinh không nói "Mắt con đã bị bể tròng". Mà chỉ đứng chứ không ngồi xuống, một tay bụm mắt đau, còn tay kia cầm lấy cán chổi vào quét cầu tiêu và nhà tắm, múc nước rửa mặt cho thầy, rồi quét sân chùa.

Đến khi dâng cây đánh răng (dantakaṭṭham) cho thầy Hòa thượng, ông cũng chỉ dâng bằng một tay. Thấy vậy Trưởng lão rầy:

- Cái ông Sadi nầy mất dạy thật! Đối với thầy Tiếp dẫn và thầy Tế độ mà ông dâng cây đánh răng bằng một tay được?

- Bạch Ngài ! Con vẫn biết không nên làm như vậy, nhưng một tay con không được rảnh.

- Tại sao vậy Sadi ?

Sadi bèn thuật câu chuyện từ đầu đến cuối. Nghe xong, vị Trưởng lão phát tâm kinh cảm: "Chao ôi! Nghiệp của ta đã tạo thật là nặng nề!". Than rồi, vị Trưởng lão tuột xuống ngồi chồm hổm dưới chân Sadi bảy tuổi chấp hai tay đưa lên trán, và nói: "Xin thiện nam tử (Sappurisa) xá tội cho tôi! Thật tôi không biết việc ấy, xin hãy là người nâng đỡ cho tôi".

Vị Sadi điềm nhiên đáp lời Trưởng lão: "Bạch Ngài, con không có ý muốn nói về câu chuyện ấy, xin Ngài cứ an tâm. Theo con nghĩ, trong việc nầy thầy không có lỗi, mà đó cũng không phải là lỗi của con. Xin Ngài đừng lo nghĩ nhiều, con xin giữ kín việc Ngài sám hối với con, không nói cho ai biết hết".

Vị Trưởng lão được lời an ủi của Sadi thì nghe dễ chịu, nhưng rồi lại sanh tâm kinh cảm, mang hết hành lý của Sadi, về đảnh lễ Đức Bổn Sư.

Lúc ấy, Đức Bổn Sư ngồi đợi hai thầy trò đến, vị Trưởng lão đi đến đảnh lễ Đức Bổn Sư xong, Đức Thế Tôn niềm nở hỏi:

- Nầy Tỳ khưu! Thầy hành đạo có được dễ chịu không? Có gặp điều chi cực khổ lắm không?

- Bạch Ngài, con được dễ chịu, không có chút chi cực khổ thái quá. Hơn thế nữa, con còn có được một Sadi nhỏ, giống như được một vị có hạnh đức phi thường, con chưa từng thấy vậy.

- Ông nầy đã làm cái chi vậy, nầy Tỳ khưu?

Vị Trưởng lão thuật lại câu chuyện xảy ra, từ đầu cho đến cuối với Đức Bổn Sư, rồi nói tiếp:

- Bạch Ngài, khi con yêu cầu sám hối như thế, Sadi đã nói với con như vầy: "Bạch Ngài, trong việc nầy Ngài không có lỗi chi cả, mà đó cũng không phải là lỗi của con, thôi Ngài đừng bận tâm lo nghĩ nhiều". Sadi ấy an ủi con, không tỏ vẻ chi giận hờn, thù ghét chi con cả. Bạch Ngài, từ trước đến giờ con chưa từng thấy một bậc hiền đức hoàn toàn như vậy.

Khi ấy, Đức Bổn Sư bảo Trưởng lão rằng:

- Nầy Tỳ khưu, hễ là bậc Lậu tận thì không còn chút giận hờn, sân hận, cả Lục căn an tịnh và Tâm ý cũng an tịnh.

Nói rồi Ngài thuyết pháp giải rộng thêm và tóm tắt bằng bài kệ nầy:

"Santaṃ tassa nanaṃ hoti,
Santā vācā ca kamma ca;
Sammadaññā vimuttassa,
Upasantassa tādino".

"La Hán thường được thảnh thơi,
Nhờ có Chánh trí thoát nơi bụi hồng.
Thân nghiệp, khẩu nghiệp sạch trong,
Ý nghiệp vắng lặng, không không, hoài hoài".

☸

CHÚ GIẢI:

Santaṃ: tâm ý (Mano) của vị thánh Lậu tận an tịnh (santa có chỗ còn dịch là trầm tĩnh), vì không có tham, sân, si. Trong khi tâm đang yên lặng thái bình như vậy, thì các khẩu ác nghiệp, nhất là vọng ngữ không có và các thân ác nghiệp, nhất là sát sanh cũng không có, cho nên thân khẩu thường an tịnh luôn.

Sammadaññā vimuttassa: bằng cách suy tư biết rõ nguyên nhân là Ý, hễ Ý đã giải thoát thì cả năm căn kia là Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt và Thân cũng được giải thoát, nên gọi là Chánh trí giải thoát.

Upasantassa: tâm thường an tịnh vì trong đó tham, sân, si đều vắng lặng.

Tādino: người như thế ấy.

Cuối thời Pháp, Trưởng lão Đề Xá ở kiều Thưởng Di đắc A La Hán Quả với Tuệ Phân Tích. Kỳ dư đại chúng nghe Pháp đều hưởng được sự lợi ích.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Trưởng lão nào hay đệ tử mình,
Cạo đầu liền đắc quả Vô sinh!
Ngủ chung, sáng thọt trò hư mắt,
Trò tỉnh, còn Sư lại cảm kinh.
Sư chắp tay xin sám hối trò,
Trò khuyên: Ngài chớ khá buồn lo,
Không ai tội cả, toàn do nghiệp,
Quả đến, cần chi phải đắn đo?
Phật dạy: "Người tam nghiệp trọn lành,
Sadi bảy tuổi, Đạo viên thành!".
Sư nghe, Ngã mạn tiêu tan hết,
Cũng đắc như trò, Quả tối linh.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO ĐỀ XÁ Ở KIỀU THƯỞNG DI

☸

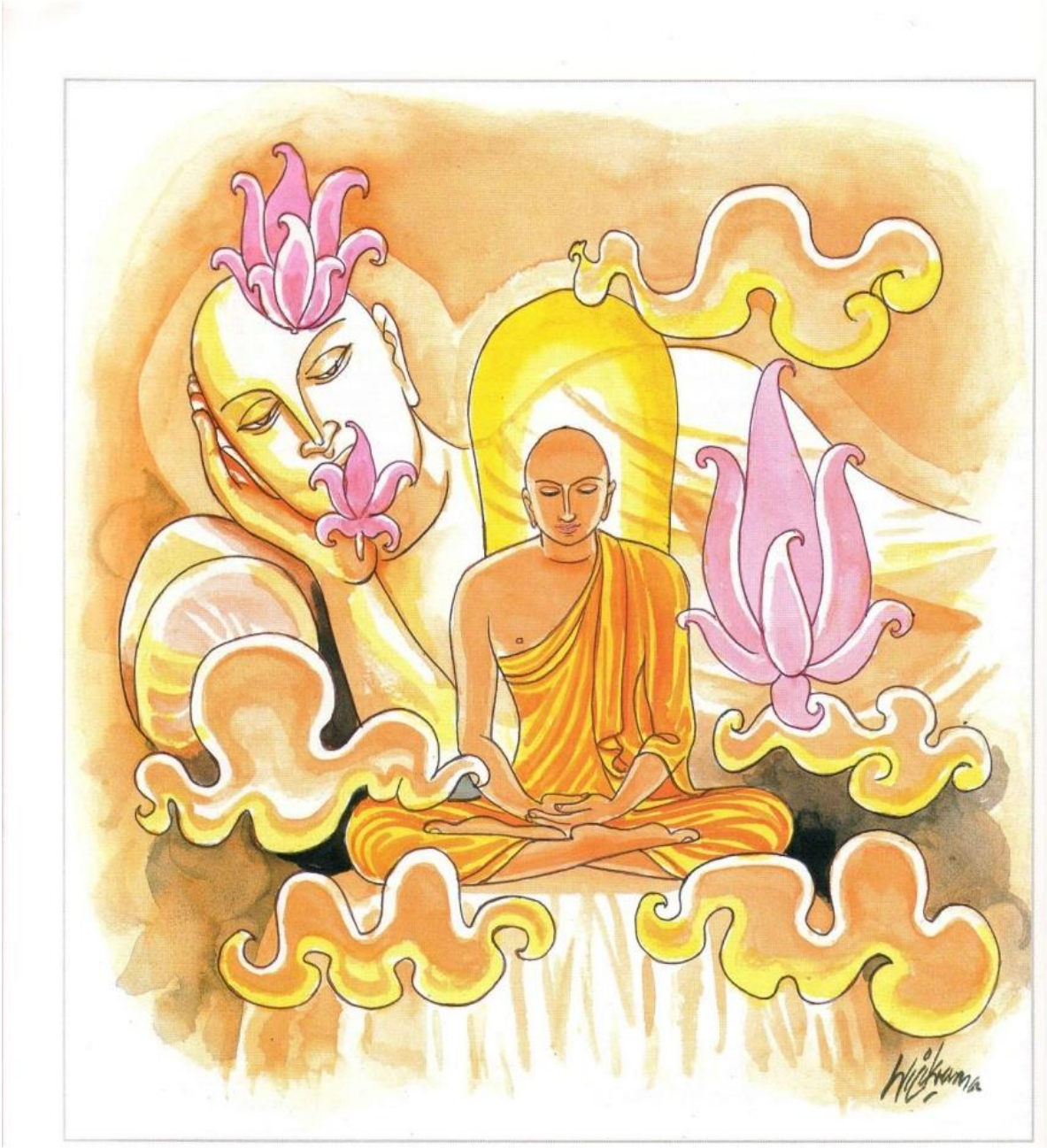

96. Vị hoàn toàn giải thoát nhờ chánh trí được an tịnh về ba nghiệp thân, khẩu, ý.

VII.8- Tích TRƯỞNG LÃO XÁ LỢI PHẤT TỰ TIN

(Sāriputtattheravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 97)

"Assaddho akataññū ca,	***"Không tin", hiểu Vô vi,***
Sandhicchedho ca yo naro;	***Người cắt mọi hệ lụy.***
Hatāvakāso vantāso,	***Cơ hội tận, xả ly,***
Sa ve uttamaporiso".	***Vị ấy thật tối thượng".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến Trưởng lão Sāriputta (Xá Lợi Phất).

Một ngày nọ, có ba mươi vị Tỳ khưu tu hành hạnh Đầu Đà ngụ ở rừng (araññakā), về yết kiến Đức Bổn Sư, đảnh lễ Ngài rồi ngồi nép qua một bên. Đức Bổn Sư biết rõ những vị nầy có căn lành đắc A La Hán quả với Tuệ Phân tích, nên Ngài gọi Trưởng lão Sāriputta mà hỏi về Ngũ quyền (Tín, Tấn, Niệm, Định và Tuệ) nhất là Tín quyền, là những yếu tố thành tựu Pháp Bất tử.

- Nầy Sāriputta, thầy có đức tin chăng?

(Tín quyền là yếu tố phát triển gia tăng thành tựu Pháp Bất tử là Níp Bàn).

- Bạch Ngài, nói về Tín quyền thì con không đặt niềm tin nơi Đức Thế Tôn v.v... Thật vậy, bạch Ngài! Về Tín quyền thì những ai chưa biết, chưa nghe, chưa thấy, chưa làm cho thấu rõ, chưa tiếp xúc pháp Bất tử trọn vẹn bằng Trí Tuệ, thì người đó phải đặt niềm tin nơi tha nhân, v.v...

Trưởng lão đã giải đáp năm câu hỏi về Ngũ quyền là những yếu tố để thành tựu Pháp Bất tử như thế.

Nghe lời giải của Trưởng lão, các Tỳ khưu hợp nhau bàn tán: "Trưởng lão Sāriputta đã giải đáp bằng những luận điệu sai lầm như thế, là hôm nay Trưởng lão đã hết tin nơi Đức Chánh Biến Tri nữa rồi". Nghe vậy, Đức Bổn Sư hỏi:

- Nầy các Tỳ khưu, sao các thầy lại nói như thế? Chính Ta đã không làm phát triển Ngũ quyền, không tăng tiến pháp Chỉ Quán (Samathavipassanā) mà đã có thể làm cho thấu rõ các Đạo quả. Đáp lại câu hỏi: "Nầy Sāriputta thầy có đức tin chăng?". Thầy ấy cũng làm cho thấu rõ Đạo quả như thế, nên mới nói : "Bạch Ngài, con không có đức tin (nơi tha nhân), thầy ấy không có đức tin nơi Đạo quả hiện tại hoặc tương lai (Phalavipāka) của ai cho, hoặc của ai làm giùm. Thầy ấy cũng không có đức tin nơi cái chi, nhất là nơi hồng ân của chư Phật.

Thầy ấy tự mình chứng đắc các pháp Thiền Quán, Đạo quả, chứ không đặt niềm tin nơi những người khác, bởi thế cho nên thầy ấy là người không thể chê trách".

Nói rồi Đức Bổn Sư thuyết pháp giải thêm và tóm tắt bằng bài kệ nầy:

"Assaddho akataññū ca,
Sandhicchedho ca yo naro;

Hatāvakāso vantāso,
Sa ve uttamaporiso."

"La Hán chẳng cần tin ai,
Vì đã chứng Đạo không hai thoát trần.
Dứt trừ vĩnh viễn nguyên nhân,
Cùng quả ràng buộc tự thân luân hồi.
Lòng tham dục cũng lìa rồi,
Bực vô thượng sĩ cao ngôi, chính người."

☸

CHÚ GIẢI:

Assaddho: vô tín hay bất tín, là tự mình chứng biết, không tin lời nói của người khác (một cách mù quáng).

Akataññū: hiểu là Vô vi, đây là làm cho thấu rõ Níp Bàn là Pháp không có nhân tạo ra.

(Akataññū cũng có nghĩa là vô ơn).

Sandhicchedho: người đã cắt đứt mọi ràng buộc là cắt đứt những kiết sử trói buộc trong vòng Luân hồi.

Hatāvakāso: người đã đoạn tuyệt cả phước và tội, là người đã tận trừ những cơ hội để tạo nghiệp thiện và bất thiện.

Vantāso: người đã dứt hết sự tham muốn, vì đã làm xong phận sự bằng bốn Thánh đạo.

Người đủ tư cách như vậy, quả thật là người cao thượng, đắc Pháp cao thượng nhất trong số những người giác ngộ Pháp siêu thế.

☸

Cuối bài kệ, ba mươi vị Tỳ khưu ấy đắc quả A La hán với Tuệ Phân tích. Kỳ dư đại chúng thính pháp của Đức Bổn Sư thảy đều hưởng được lợi ích lớn.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Muốn độ người cao, Phật hỏi cao,
Phàm phu nghe ngóng tựa chiêm bao,
Nghĩ rằng: Pháp Chủ theo tà kiến,
Dám nói: Không tin Phật chút nào!...
Dưới thấp cần tin tưởng Phật Đà,
Lên cao, La hán: "Chỉ tin ta!".
Tự mình thấu triệt luân hồi khổ,
Cởi bỏ mười dây kiết sử ra.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO XÁ LỢI PHẤT TỰ TIN

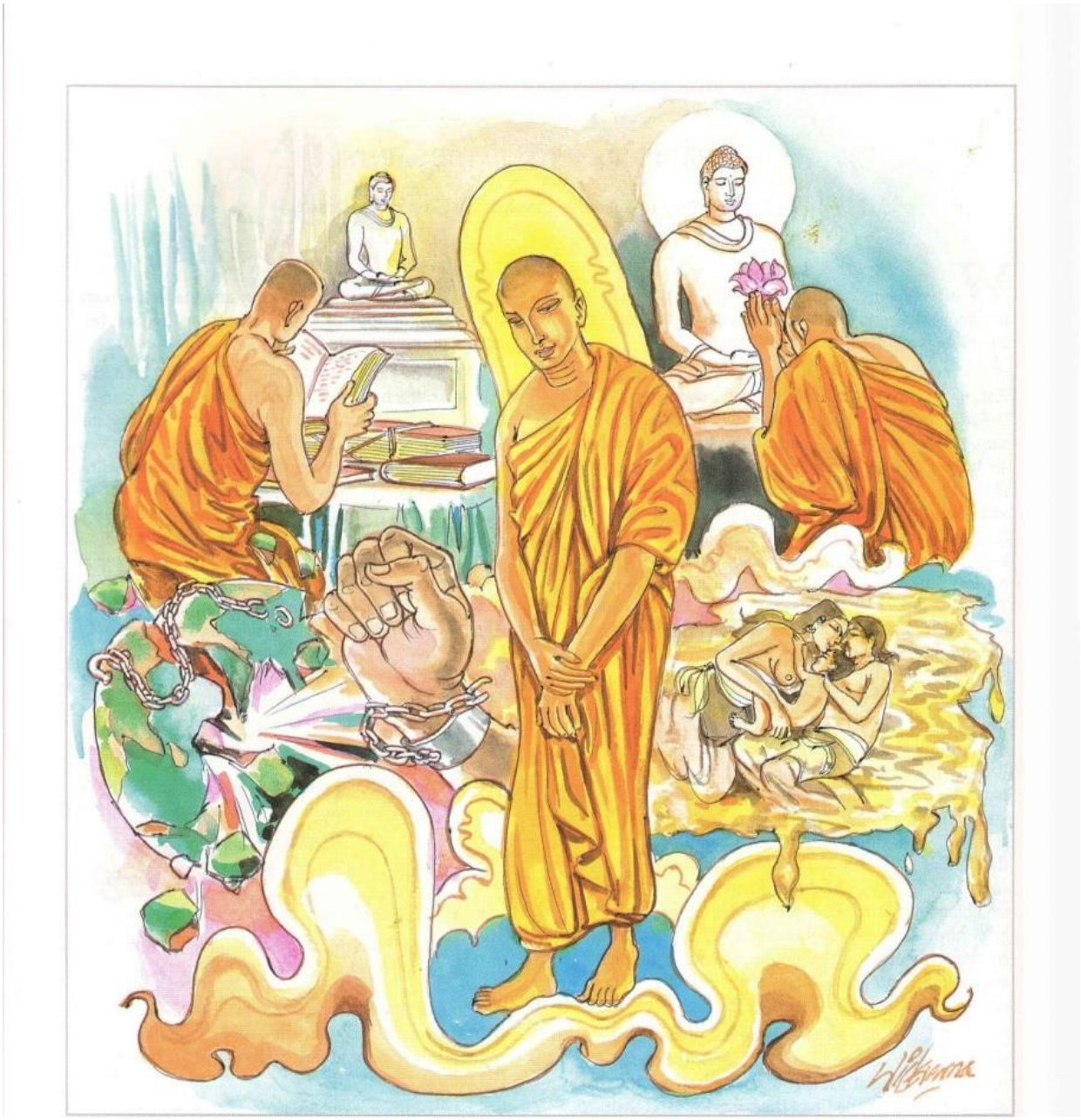

97. Không tin ai ngoài chính mình, vị A La Hán biết rõ đích Níp Bàn bất tử, là người cương quyết dứt bỏ mọi hệ lụy.

VII.9- Tích TRƯỞNG LÃO LY BÀ ĐA Ở RỪNG KEO

(Khadiravaniyarevatattheravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 98)

"Gāme vā yadi vā'raññe,	***"Làng mạc hay rừng núi,***
Ninne vā yadi vā thale;	***Thung lũng hay đồi cao,***
Yatthārahanto viharanti,	***La Hán trú chỗ nào,***
Taṃ bhūmiṃ rāmaṇeyyakaṃ".	***Đất ấy thật khả ái".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến Trưởng lão Revata (Ly Bà Đa) ở rừng Keo.

Khi Trưởng lão Sāriputta (Xá Lợi Phất) từ bỏ gia sản trị giá đến tám trăm bảy chục triệu đồng vàng (Sattāsātikoṭi) ra đi xuất gia, nơi nhà còn lại ba chị em gái là Cālā (Cha La), Upacālā (U Pá Cha La) và Sīsucālā (Xi Xú Cha La), cùng với ba em trai. Kế đến, Trưởng lão cho ba người em gái xuất gia, rồi hai người em trai lớn là Cunda (Chun Đá) và Upasena (Ú Pá Xê Ná) xuất gia, rốt cuộc chỉ còn lại người em út là Revata (Ly Bà Đa) ở lại nhà.

Lúc bấy giờ, thân mẫu của Trưởng lão tự nghĩ: "Con trưởng nam của ta là Upatissa (U Pá Đề Xá) đã từ bỏ bấy nhiêu tài sản mà xuất gia, lại cho ba chị em gái cùng hai người em trai lớn xuất gia nốt. Chỉ còn lại Revata ở lại nhà, nếu cho thằng út xuất gia nữa thì bấy nhiêu tài sản này sẽ bị tiêu hoại, dòng dõi ta sẽ bị gián đoạn. Trong khi Revata còn xuân xanh, ta phải lập gia thất cho nó để buộc ràng nó lại".

Về phần Trưởng lão Sāriputta cũng đã tiên liệu, Ngài bắt đầu dặn dò chư Tỳ khưu: "Nầy các đạo hữu! Nếu như Revata có đến đây xin xuất gia, thì quý vị cứ tự tiện cho Revata xuất gia. Song thân của bần tăng là người Tà kiến, khỏi phải đi hỏi ý kiến của ông bà mà làm chi. Bần Tăng sẽ thay thế quyền làm cha mẹ của Revata, cho phép là được rồi".

Thân mẫu của Revata, tuy con trai mới bảy tuổi đầu nhưng vì muốn lấy sợi dây gia đình ràng buộc chân con lại, nên bà đã tìm nơi môn đăng hộ đối (Samajātikekule) hỏi vợ cho cậu bé. Đến ngày ấn định lễ cưới, bà lo trang điểm cho công tử thật tươm tất, dắt theo rất đông họ hàng bên trai, đi đến sui gia đàng gái.

Trong khi hai họ nhóm họp cử hành lễ cưới, thân bằng quyến thuộc đến chúc tụng hạnh phúc lứa đôi vị thành niên, cầm bát nước xối trên tay cô dâu trẻ và nói: "Chúng tôi xin cầu chúc cho cô duyên ưa phận đẹp, tuổi thọ sống lâu như bà lão ẩu ngày nay vậy".

Công tử Revata tự hỏi: "Bà lão ẩu ngày nay nầy là ai?", rồi cậu hỏi ngay người chúc: "Bà lão ẩu nầy là bà nào đâu?".

Họ đàng gái đáp: "Nầy con thân, con chưa gặp bà ta sao? Bà nầy sống một trăm hai mươi tuổi, răng đã rụng hết, tóc bạc trắng, da mồi nhăn nhíu, thân hình còm xuống cong như hai cái sừng bò. Đó là lão ẩu đó con thân".

- Vì sao bà lại có hình thù như thế?

- Nếu sống lâu thì sẽ già như thế con thân à.

Chàng rể bé nhỏ suy nghĩ : "Thân thể con người đến tuổi già nua phải chịu thay hình đổi sắc như thế nầy ư? Vậy thì ta phải gặp anh Upatissa của ta ngay. Hôm nay ta phải bỏ nhà đi xuất gia mới được".

Khi họ nhà trai rước cô dâu lên ngồi chung xe với chàng rể rồi, mọi người đồng lên xe của mình đi theo hộ tống. Công tử Revata chốc chốc lại giả thầm đau bụng muốn đi tiêu, kêu xe ngừng lại cho cậu xuống và chờ cậu trong giây lát. Mỗi lần xuống xe, cậu đi vào trong bụi rậm ngồi nán một chút rồi đi ra. Cậu cứ viện lẽ nầy lý kia để xuống xe, lên xe như thế mãi.

Thế rồi các quyến thuộc của cậu cũng không gìn giữ cậu chặt chẽ nữa, vì nghĩ rằng: "Chắc cậu này lên cơn (khùng)". Một lúc sau, công tử cũng viện lẽ là cần phải đi giải một chút, rồi xuống xe bảo quyến thuộc: "Bà con cô bác đánh xe về trước đi, để tôi thủng thẳng đi sau". Nói rồi cậu xuống xe đi ngay vào một bụi rậm, các quyến thuộc thân nhân của cậu tưởng cậu sẽ theo sau, nên đánh xe đi luôn về nhà.

Cậu Revata từ đó thoát ra chạy đến một trú xứ nọ, gặp ba mươi vị Tỳ khưu trú nơi đó, bèn đảnh lễ chư Tăng và nói:

- Bạch các Ngài, xin các Ngài cho con được xuất gia.

- Nầy đạo hữu, đạo hữu ăn mặc sang trọng, trang sức lộng lẫy như thế. Nhưng chư Tăng chúng tôi không biết đạo hữu là Hoàng tử con vua, hoặc là ấm tử con quan đại thần, thì làm sao chúng tôi dám cho đạo hữu xuất gia?

- Nói thế, các Ngài không biết con hay sao?

- Thật chúng tôi không biết đạo hữu.

- Con là em út của Ngài Upatissa đây mà.

- Người tên Upatissa là ai vậy?

- Bạch các Ngài, các Ngài quen gọi anh con là Trưởng lão Sāriputta. Bởi vậy, nghe tên Trưởng lão Upatissa thì các Ngài không biết.

- Nói vậy đạo hữu là em út của Trưởng lão Sāriputta chăng?

- Bạch các Ngài, phải.

- Nếu vậy thì hãy đến đây, anh của đạo hữu đã cho phép đạo hữu xuất gia rồi.

Nói rồi chư Tăng bảo cậu Revata cởi bỏ đồ trang sức, cất để có nơi, hành lễ xuất gia cho cậu xong, liền gởi thơ báo tin cho Trưởng lão Sāriputta biết. Bắt được tin, Trưởng lão Sāriputta vào bạch với Đức Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, các Tỳ khưu hạnh đầu đà ẩn lâm đã cho Revata xuất gia và gởi thơ báo tin cho con biết, con xin đi thăm Revata và sẽ trở về".

Đức Bổn Sư không chấp thuận, bảo với Trưởng lão rằng: "Khoan đi đã nầy Sāriputta". Vài ngày sau, Trưởng lão lại đến xin phép Đức Bổn Sư, Ngài cũng không cho đi, lại bảo: "Khoan đi đã Sāriputta, để rồi Như Lai sẽ cùng đi nữa".

Sadi Revata, sau khi xuất gia nghĩ thầm: "Nếu ta ở lại đây, người nhà sẽ theo dấu tìm bắt ta về", ông đi đến chư Tăng xin chư Tăng dạy về đề mục niệm cho đắc thánh A La Hán quả. Thọ trì đề mục rồi, ông đắp y mang bát đi vân du hành đạo. Đi xa khoảng ba mươi do tuần, ông đến một nơi trong rừng Keo, an cư mùa mưa nơi đó, rồi đắc chứng A La Hán với Tuệ phân tích giữa khoảng ba tháng an cư.

Trưởng lão Sāriputta, sau khi lễ Tự Tứ Tăng, lại đến xin phép Đức Bổn Sư để đi thăm em. Đức Bổn Sư bảo: "Nầy Sāriputta, Ta cũng đi nữa", rồi Ngài khởi hành dắt theo năm trăm Tỳ khưu.

Đi được một khoảng dài, đứng trước một lộ rẽ, Trưởng lão Ānanda hỏi Đức Bổn Sư rằng: "Bạch Ngài, có hai lối đi đến chỗ ngự của Revata, lối quanh nầy dài đến sáu mươi do tuần, nhưng có nhà dân chúng. Còn lối đi thẳng này tuy xa chỉ có ba mươi do tuần nhưng lại chẳng có nhà, có phi nhân trấn giữ. Chúng ta nên đi lối nào?".

- Nầy Ānanda! Có Tỳ khưu Sīvali (Xi Vá Lí) cùng đi với Ta chăng?

- Bạch Thế Tôn, phải.

- Nếu có Sīvali đi, thì hãy đi theo con đường thẳng.

Theo truyền thuyết: Đức Bổn Sư không nói: "Ta sẽ làm cơm, cháo phát sanh đến các thầy, các thầy hãy đi theo con đường thẳng", vì Ngài biết phần cúng dường phát sanh đến chư Tăng là do phước báu của Tỳ khưu Sīvali, nên Ngài bảo: "Nếu có Sīvali cùng đi thì thầy cứ đi đường thẳng".

Trong khi Đức Bổn Sư đang noi theo lộ trình ấy, thì chư thiên nghĩ thầm: "Chúng ta sẽ cung nghinh Trưởng lão Sīvali của ta", cứ cách một do tuần trở lại chớ không cho xa hơn thì chư thiên lại dựng lên một ngôi chùa. Cứ mỗi sáng tinh sương vừa thức giấc là chư thiên mang vật thực, nhất là cháo trời đến chùa, đi loanh quanh hỏi thăm: "Trưởng lão Sīvali của ta ngồi đâu? Trưởng lão ngồi nơi đâu?".

Trưởng lão mang lễ vật của chư thiên tặng mình dâng lên chư Tỳ khưu Tăng có Đức Phật làm tọa chủ.

Đức Bổn Sư với Tăng chúng tùy tùng đã trải qua đoạn đường xa ba mươi do tuần một cách an vui như thế là nhờ oai lực phước báu của Trưởng lão Sīvali vậy.

Về phần Trưởng lão Revata, khi biết tin Đức Bổn Sư sắp đến, liền cho xây cất hương thất là chỗ ngự riêng của Đức Thế Tôn, rồi cho cất tiếp theo năm trăm cái cốc tạm nóc nhọn cho chư Tăng, cho dọn năm trăm con đường kinh hành, cùng với năm trăm chỗ che nắng ban ngày.

Đức Bổn Sư ngự an ở nơi Trưởng lão Revata độ một tháng, trong khoảng thời gian đó, tất cả vật dụng phát sanh lên chư Tăng đều do oai lực phước báu của Ngài Sīvali cả.

Lúc bấy giờ, có hai vị Tỳ kheo cao hạ, vì không hoan hỷ với sự việc Đức Bổn Sư ngự đến rừng Keo, nên đã nghĩ tưởng như vầy: "Tỳ khưu Revata nầy, mãi lo tạo tác bao nhiêu chỗ ở mới thì làm sao mà thực hành Sa môn pháp được? Đức Bổn Sư ngự đến nơi đạo tràng tân tạo này, là do Ngài coi theo mặt, vì đây là công trình của em trai út Ngài Sāriputta".

Sáng sớm ngày thứ ba, trong khi quán xét thế gian, Đức Thế Tôn thấy được hai vị Tỳ khưu này, và biết được ý nghĩ trong tâm họ, cho nên sau khi ngự tại nơi đó khoảng một tháng, đến ngày ra đi, Đức Bổn Sư dùng Thần thông khiến cho hai vị ấy lãng quên những dụng cụ lặt vặt của mình, nào là hũ dầu, bình nước, giày, dép v.v...

Sau khi quyết định khởi hành, Đức Bổn Sư đi ra khỏi ranh chùa, lúc bấy giờ Ngài mới xả thần thông.

Khi ấy, hai vị Tỳ khưu cao hạ mới sực nhớ mình còn bỏ quên thứ nầy, thứ nọ, vị nầy rủ vị kia trở lại chùa. Vì không nhận định phương vị của chùa, hai vị tuôn bờ lướt bụi qua khu rừng Keo đầy gai góc một hồi, mới thấy đồ đạc của mình treo tòn ten trên một cây Keo, bèn lấy xuống đem đi ra.

Trên đường về, Đức Bổn Sư cũng dắt Tăng chúng đi, cũng mất hết một tháng, nhưng vẫn được an vui, nhờ nương vào phước báu của Trưởng lão Sīvali, Đức Bổn Sư ngự vào Đông Phương Tự (Pubbārāma).

Sáng hôm sau, hai vị Tỳ khưu cao hạ rửa mặt xong, rủ nhau: "Ta hãy đến độ cháo nơi nhà bà Đại Tín nữ Visākhā (Thiện Chi), là nữ thí chủ cúng dường vật thực đến khách Tăng". Đến nơi đó, hai vị Trưởng lão độ cháo và đồ ngọt, rồi ngồi nghỉ. Bà Visākhā hỏi Trưởng lão:

- Bạch hai Ngài! Chắc hai Ngài cũng có đi với Đức Bổn Sư đến chỗ ngụ của Trưởng lão Revata phải chăng?

- Phải đó, nầy bà Tín nữ.

- Bạch hai Ngài, chỗ ngụ của Trưởng lão có ngoạn mục (ramanīya) không?

- Có chi đâu mà ngoạn mục? Chỉ toàn là những cây Keo gai trắng rậm rạp, y như chỗ ngụ của giống Ngạ quỷ vậy, bà Tín nữ ạ!

Khi ấy, có hai vị Tỳ khưu trẻ đến. Bà Tín nữ cũng dâng cháo và bánh ngọt đến hai vị nầy, rồi cũng hỏi thăm về chỗ ngụ của Trưởng lão Revata. Hai vị sau đáp:

- Đẹp không thể tả, bà Tín nữ ạ. Chỗ ngụ của Trưởng lão chẳng khác nào cảnh giới hiện bằng Thần thông của Quần Tiên hội.

Bà Tín nữ nghĩ thầm: "Hai vị đến trước thì nói khác, hai vị đến sau thì nói khác. Chắc có lẽ hai vị Tỳ khưu trước có quên lãng chút chi, đã chạy ngược trở lại lúc Đức Bổn Sư đã xả Thần thông. Còn hai vị sau ra đi, trong lúc Đức Bổn Sư còn thị hiện Thần thông".

Nhờ tự mình có Trí tuệ sáng suốt, bà Visakhā biết rõ vấn đề nầy như vầy, nhưng bà cũng chờ đến dịp đảnh lễ Đức Bổn Sư để hỏi lại. Ngay lúc ấy, Đức Bổn Sư cùng với đoàn Tỳ khưu tùy tùng đoanh vây ngự đến nhà bà Visākhā, ngồi lên bảo tọa đã soạn sẵn.

Sau khi cung kính phục vụ chư Tăng có Đức Phật dẫn đầu, đến cuối bữa ngọ, bà Tín nữ đảnh lễ Đức Thế Tôn và hỏi cặn kẽ:

- Bạch Ngài, trong số các Tỳ kheo cùng đi chung với Ngài, có nhóm nói chỗ ngụ của Trưởng lão Revata là khu rừng rậm đầy Keo gai, có nhóm nói chỗ ấy ngoạn mục. Vậy chỗ ấy ra sao bạch Ngài?

Nghe bà hỏi, Đức Bổn Sư đáp: "Nầy bà Tín nữ, dầu là làng mạc hoặc rừng rậm cũng vậy. Hễ nơi nào có bậc A La Hán tịnh cư thì nơi đó phong cảnh ngoạn mục...".

Nói rồi Ngài thuyết thêm và tóm tắt bằng bài kệ:

"Gāme vā yadi vā'raññe,
Ninne vā yadi vā thale;
Yatthārahanto viharanti,
Taṃ bhūmiṃ rāmaṇeyyakaṃ".

"Dầu ở rừng núi chơi vơi,
Xóm làng, gò trũng hay nơi đất bằng.
Chỗ nào có La hán Tăng,
Thì quanh vùng đó cảnh hằng an vui".

☸

CHÚ GIẢI:

Ý nghĩa của kệ ngôn nầy là :

Dầu ở xóm làng, các vị A La Hán không được thân biệt lập, nhưng cũng được tâm tịch tịnh. Đối với các Ngài những cảnh tượng đẹp ngang chư thiên cũng không thể làm xao động tâm các Ngài. Bởi thế, cho dù ở nơi làng mạc hoặc nơi nào khác, chẳng hạn như rừng núi hay bất cứ nơi đâu, các bậc A La hán tịnh cư, thì nơi đó phong cảnh phải ngoạn mục, đất đai phải an vui.

☸

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả nhất là quả vị Tu Đà Huờn.

Thời gian sau, chư Tỳ khưu đề khởi câu chuyện nầy:

- Nầy chư đạo hữu, vì duyên cớ nào mà Trưởng lão Sīvali đã ở trong bụng mẹ đến bảy năm, thêm bảy tháng và lẻ bảy ngày. Tại cớ nào mà Trưởng lão bị thiêu đốt ở Địa ngục, và tại cớ nào mà Trưởng lão được hưởng lợi lộc danh dự tối cao như thế?".

Đức Bổn Sư nghe được câu chuyện của chưTăng, bèn hỏi:

- Nầy chư Tỳ khưu, các thầy đang nói chuyện chi đó?

- Bạch Ngài, chuyện nầy... chuyện nầy...

Nghe vậy Đức Bổn Sư bèn thuyết về tiền nghiệp của Trưởng lão Sīvali. "Nầy các Tỳ khưu! Cách nay chín mươi mốt đại kiếp có Đức thế Tôn có hồng danh là Vipassī (Tỳ Bà Thi) giáng thế.

Một thuở nọ, sau khi vân du khắp xứ, Ngài trở về thành của phụ vương. Đức vua chuẩn bị cuộc lễ Trai Tăng để cúng dường vật thực đến Tăng chúng có Đức Phật dẫn đầu từ phương xa mới về, sai sứ thông báo cho dân chúng trong thành hay để đến dự lễ cúng dường của nhà vua với tình hữu nghị.

Dân thành vâng lịnh đến dự lễ Trai Tăng của Đức vua xong, cùng nhau quyết định: "Chúng ta sẽ thiết lễ Trai Tăng trọng đại hơn cuộc lễ của Đức vua". Quyết định xong, cử người đến thỉnh Đức Thế Tôn và Tăng chúng. Rồi cử người đi dâng sớ, cung thỉnh Đức vua đến chia phước với họ.

Đức vua ngự đến, thấy cuộc thí của chúng dân hơn mình, nghĩ rằng: "Trẫm sẽ thiết đãi lễ Trai Tăng trọng đại hơn thế nầy". Đức Vua lại cung thỉnh Đức Bổn Sư vào hoàng cung thọ thực ngày hôm sau. Trong cuộc thi đua làm phước này, Đức vua không thể đánh bại dân thành, mà dân thành cũng không thắng nổi Đức vua.

Đến lần thứ sáu, dân thành quyết nghị rằng: "Cuộc lễ Trai Tăng của chúng ta tổ chức ngày hôm nay, không được để thiếu món chi cả".

Sau khi sắp xếp cuộc lễ rồi, họ kiểm soát lại xem còn thiếu món chi chăng, thì thấy không có mật ong tươi.

Mật ong chín thì đã có nhiều. Ban tổ chức đưa bốn ngàn đồng vàng cho bốn người đi kiếm mua mật ong tươi ở bốn cửa thành.

Khi ấy, có người dân quê, đi đến thị trấn để viếng ông thị trưởng, dọc đường gặp một tổ ong, người ấy xông khói để đuổi ong bay đi, rồi chặt nhánh cây có tổ ong mật đem xuống, lấy nhánh cây làm gậy, quảy đi vào thành với ý nghĩ: "Ta sẽ biếu tặng ông thị trưởng".

Người đi mua tìm mật ong tươi, thấy người dân quê bèn hỏi:

- Chú Hai ơi, mật của chú có bán hay không vậy?

- Thưa ông chủ, tôi không bán.

- Nầy, chú em hãy cầm lấy một đồng vàng rồi cho ta xin mật ấy đi.

Người dân quê suy nghĩ: "Tổ ong nầy giá không đáng một đồng bạt (Pāda), thế mà ông nầy trả một đồng vàng. Có lẽ ông ta có nhiều đồng vàng lắm. Vậy ta phải thách giá mới được". Thế rồi người dân quê nói với dân thành:

- Tôi không bán với giá một đồng vàng.

- Vậy thì chú em hãy lấy hai đồng nhé ?

- Hai đồng tôi cũng không bán.

Người dân quê thách giá dần lên mãi, sau cùng người dân thành dứt giá:

- Thôi, chú em hãy cầm lấy một ngàn đồng vàng nầy, rồi giao quảy mật cho ta.

Khi ấy người dân quê hỏi người mua mật: "Nè ông ông có điên không, hay là không tìm được kho để tích trữ tiền vàng? Chỗ mật này không đáng giá một đồng bạc, mà ông lại trả đến một ngàn đồng vàng, là tại sao?".

- Tôi biết thế lắm, chú em à! Nhưng vì chúng tôi có việc cần kíp, muốn có mật này nên mới nói như thế.

- Thưa ông chủ, việc chi thế?

- Chúng tôi có sắp đặt cuộc lễ Trai Tăng, cúng dường đến sáu triệu tám trăm ngàn vị Sa môn tùy tùng của Đức Thế Tôn Vipassī, nhưng vì còn thiếu món mật tươi cho nên tôi mới mua với giá như thế.

- Vậy thì thôi! Tôi không bán chác bạc tiền chi cả. Nếu tôi được chia phần phước Trai Tăng thì tôi sẽ giao mật cho ông chủ.

Người mua mật dắt người dân quê vào thành giới thiệu với những thị dân. Dân thành biết được đức tin mạnh mẽ của người dân quê nầy, nên bằng lòng cho hùn phước.

Sau khi cung thỉnh chư Tăng có Đức Phật làm tọa chủ an tọa xong, các thí chủ dâng cúng món điểm tâm cháo và đồ ngọt, kế đến họ cho mang đến cái tô bằng vàng rồi ép lấy mật trong tổ ong ấy.

Lúc ấy có người mang đến tặng một mái (lu lớn) sữa chua (dadhi).

Người dân quê lấy sữa chua hòa với chén mật ong tươi, rồi tự mình đem cúng dường đến tất cả chư Tăng có Đức Phật tọa chủ, từ trên xuống theo thứ tự. Chỉ một chén mật hoà sữa chua mà đem đến cúng dường đến tất cả chư Tăng, chư Tăng thọ lãnh đầy đủ, không thiếu cũng không dư thừa.

Nơi đây, chúng ta không nên thắc mắc về chỗ mật ít, Tăng nhiều thì làm sao dâng cho đủ? Vậy mà đủ được, là do nhờ oai lực của Đức Phật. Phật giới bất khả tư nghì. Có bốn pháp bất khả tư nghì mà Phật giới là một. Ai không tin lời Đức Thế Tôn, cứ suy nghĩ về Phật giới để tìm hiểu thì sẽ điên loạn mà thôi.

Người dân quê tạo được bấy nhiêu nghiệp đó, sau khi mãn tuổi thọ, được sanh lên thiên giới, hưởng hết tuổi thọ chư thiên, lại luân hồi xuống tái sanh làm nhân loại, là vị Hoàng tử trong thành Bārāṇasī (Ba La Nại). Khi phụ vương băng hà, vị Hoàng tử nối nghiệp vua cha, vị tân vương nầy định chiếm đoạt một thành của vua khác, bèn dẫn binh đến vây thành và gửi tối hậu thư cho dân trong thành: "Hãy dưng biểu đầu hàng hoặc là giao chiến". Dân trong thành gửi thư phúc đáp: "Chúng ta không đầu hàng mà cũng không giao chiến!". Rồi họ theo lối cửa nhỏ mà ra ngoài thành kiếm củi hoặc là làm công kia việc nọ.

Tân vương đóng quân vây chặt bốn cửa thành lớn trọn bảy năm, bảy tháng, bảy ngày. Khi ấy, bà Thái hậu hỏi: "Nầy vương nhi, con làm việc chi vậy?".

- Tâu mẫu hậu, việc như vầy... như vầy...

Nghe rõ câu chuyện, bà Thái hậu nói: "Vương nhi trẻ người non dạ, hãy ra lịnh cho binh sĩ đóng hết cửa nhỏ, cắt đứt mọi đường lối giao thông thì thành mới bị cô lập".

Tân vương vâng lời Thái hậu, đóng bít luôn các cửa nhỏ, dân thành không có lối ra ngoài được, đến ngày thứ bảy nổi loạn, hành thích vua mình rồi dâng biểu đầu hàng.

Vì tạo nghiệp nầy nên sau khi mãn tuổi thọ, Đức vua bị đọa xuống A tỳ Địa ngục (Avīci) bị thiêu đốt trong đó khoảng thời gian mặt đất cao lên thêm một do tuần, do tội đã đóng bít bốn cửa thành nhỏ. Từ địa ngục chết đi, lại đầu thai vào lòng bà mẹ cũ,

ở trong bụng mẹ bảy năm, bảy tháng lẻ bảy ngày và nằm ngang sản môn mẹ thêm bảy ngày nữa.

- Nầy các Tỳ khưu, vì tiền kiếp Sīvali đã tạo nghiệp ác là cho vây bốn cửa thành lớn, lại cho đóng chặt bốn cửa thành nhỏ, cho nên bị thiêu đốt trong địa ngục như thế. Khi đầu thai vào bụng mẹ lại ở đó bảy năm, bảy tháng và bảy ngày. Nhưng nhờ thiện nghiệp là cúng dường mật tươi mà được hưởng quả phú túc vinh quang cùng tột.

Qua ngày sau, chư Tăng lại câu hội đề khởi lên câu chuyện nầy: "Ôi phước lộc của ông Sadi thật lạ, phi thường. Một mình ông mà ông đã kiến tạo năm trăm cái nóc nhọn cho năm trăm vị Tỳ khưu".

Đức Bổn Sư đến hỏi: "Nầy các Tỳ khưu, hôm nay các thầy họp nhau thảo luận việc chi thế?".

- Bạch Ngài, việc như vầy... như vầy.

Nghe vậy, Đức Bổn Sư giải rằng:

- Nầy các Tỳ khưu, đối với con trai Ta không có phước cũng chẳng có tội chi cả, vì đã dứt bỏ cả hai nghiệp thiện và bất thiện rồi.

Nói xong Ngài ngâm lên bài kệ nầy đã được ghi lại trong phẩm Bà la môn:

Yo'dha puññañ ca pāpañ ca,
Ubho saṅgaṃ upaccagā;
Asokaṃ virajaṃ suddhaṃ,
Tam ahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.

"Ở đây, người đã vượt khỏi cả hai điều thiện và ác, và các ràng buộc, người không ưu phiền, không ô nhiễm và thanh tịnh, người ấy Như Lai gọi là Bà la môn".

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Ai ngờ cậu bé Ly Bà Đa
Đắc quả sau vài ba tháng xuất gia,
Nhập hạ trong rừng Keo hẻo lánh,
Phật thăm, không quản ngại đường xa.
La Hán an cư ở chỗ nào,
Dù là thung lũng hoặc đồi cao,
Xóm làng, đồi núi đều ngoạn mục,
Thánh cảnh, trời người thảy ước ao.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO REVATA Ở RỪNG KEO

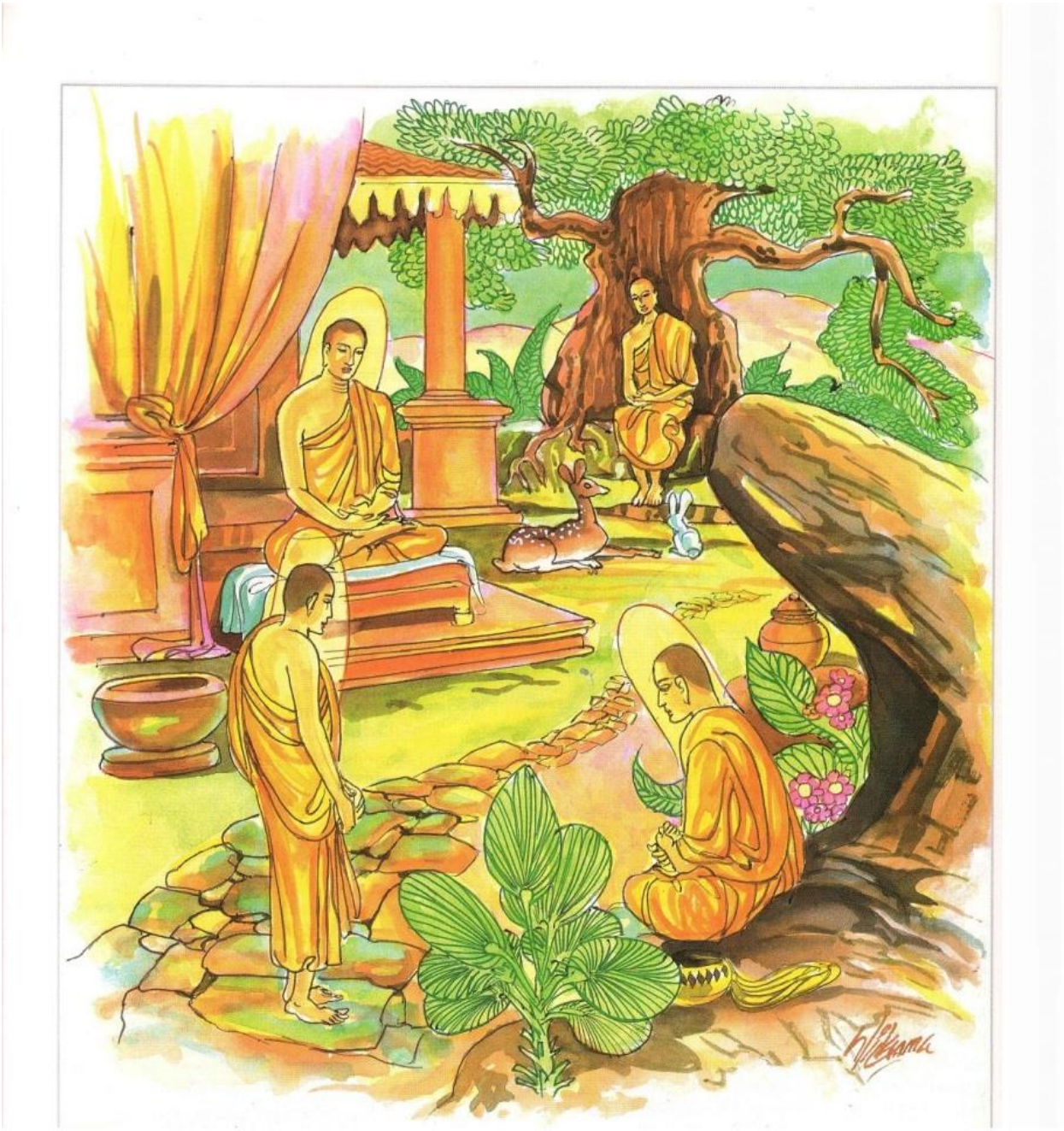

98. Dù ở trong làng, thung lũng, rừng rú, đồi núi, trú xứ của chư A La Hán đều an lạc.

VII.10- Tích PHỤ NỮ GHẸO THIỀN SƯ

(Aññatara-itthivatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 99)

"Ramaṇīyāni araññāni,	***"Khả ái thay núi rừng,***
Yattha na ramatī jano,	***Chỗ người phàm không ưa,***
Vītarāgā ramissanti,	***Vị ly tham ưa thích,***
Na te kāmagavesino".	***Vì không tìm dục lạc".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến một phụ nữ nọ.

Tương truyền rằng: Có vị Tỳ khưu hạnh Đầu Đà đi khất thực, sau khi thọ giáo đề mục Chỉ Quán nơi Đức Bổn sư, bèn vào một vườn bách thảo đã bỏ phế, thực hành Sa môn pháp.

Khi ấy có một phụ nữ là gái kỹ nữ nơi thành, đã hẹn hò với tình nhân: "Tôi sẽ đến nơi ấy, nơi ấy... Anh hãy đến nơi đó mà gặp tôi". Nhưng khi phụ nữ ấy đến chỗ hẹn thì gã nhân tình lại không đến, cô nàng thất vọng đi tới đi lui, rồi đi vào vườn bách thảo, nàng trông thấy vị Trưởng lão đang ngồi kiết già. Cô ả nhìn quanh nhìn quất không thấy ai khác cả, tự nói thầm rằng: "Đây cũng là một thanh niên, ta sẽ giải tỏa tâm chàng nầy". Thế rồi cô ta đứng ngay trước mặt Trưởng lão, cởi áo choàng ngoài ra rồi mặc lại, nhiều lần như vậy, còn không thì xả tóc ra, bới tóc lại hoặc vỗ tay cười trêu ghẹo.

Trưởng lão sanh tâm kinh cảm, toàn thân đều rởn óc, tự nghĩ: "Cái chi đây vậy?". Ngay lúc ấy, Đức Bổn Sư dùng Phật nhãn quán xét: "Thầy Tỳ khưu đã đến xin đề mục Chỉ Quán của Ta để hành Sa môn pháp, hiện giờ tiến hóa ra sao?".

Ngài thấy được nàng kỹ nữ đang lơi lả để quyến rũ vị Tỳ khưu và biết được sự phát tâm kinh cảm của vị Trưởng lão, Ngài vẫn ngồi yên trong hương thất, nói với Trưởng lão rằng: "Nầy Tỳ khưu, chỗ ở không khả ái với những người đi tìm dục lạc như vậy, chính là chỗ ở khả ái của những người xa lánh tình dục (Rāga)". Rồi Đức Bổn Sư phóng hào quang soi sáng đến Trưởng lão, đồng thời Ngài thuyết pháp rồi ngâm kệ rằng:

"Ramaṇīyāni aranñāni,
Yattha na ramatī jano;
Vītarāgā ramissanti,
Na te kāmagavesino."

"Lâm tuyền hẻo lảnh xa xôi,
Cảnh La Hán thích, người đời chẳng ưa.
Dục lạc cảnh La Hán chừa,
Mặc cho kẻ thế thích ưa, tầm cầu".

☸

CHÚ GIẢI:

Araññāni: những cánh rừng đáng gọi là khả ái, là những khu rừng non có cây trồng từng khóm, trổ đầy hoa đủ màu sắc, cảnh trí tuyệt đẹp lại có đủ nước trong mát bốn mùa.

Yatthā ti: trong những khu rừng nói trên, theo nghĩa rộng như rừng sen (Padumavana) thì giống ruồi ở làng xóm là con người đi tìm dục lạc không ưa thích.

Vītarāgā: các bậc Lậu tận đã xa lánh tình dục, ưa thích với cảnh núi rừng, giống như những con ong nó ưa thích cảnh rừng sen trên đây vậy. Tại sao?

Na te kāmagavesino: tại vì các bậc ấy không phải là những người đi tìm dục lạc.

☸

Cuối thời Pháp, vị Trưởng lão chứng đạt A La Hán quả với Tuệ Phân tích ngay tại chỗ ngồi, rồi bay bổng lên hư không ca ngợi ân đức của Đức Như Lai và đáp xuống đảnh lễ dưới chân Ngài rồi ra đi.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Vườn cây cổ thụ ít người qua,
Hành giả ngồi thiền, bắt Kiết già.
Cô ả đợi mèo, lâu chẳng thấy,
Cợt trêu Trưởng lão hạnh Đầu Đà!
Phật biết nhà Sư phát cảm kinh,
Dạy rằng: Dục lạc, đời ưa thích,
La Hán không theo lối thế tình.

DỨT TÍCH PHỤ NỮ GHẸO THIỀN SƯ

☸

DỨT PHẨM A LA HÁN

☸

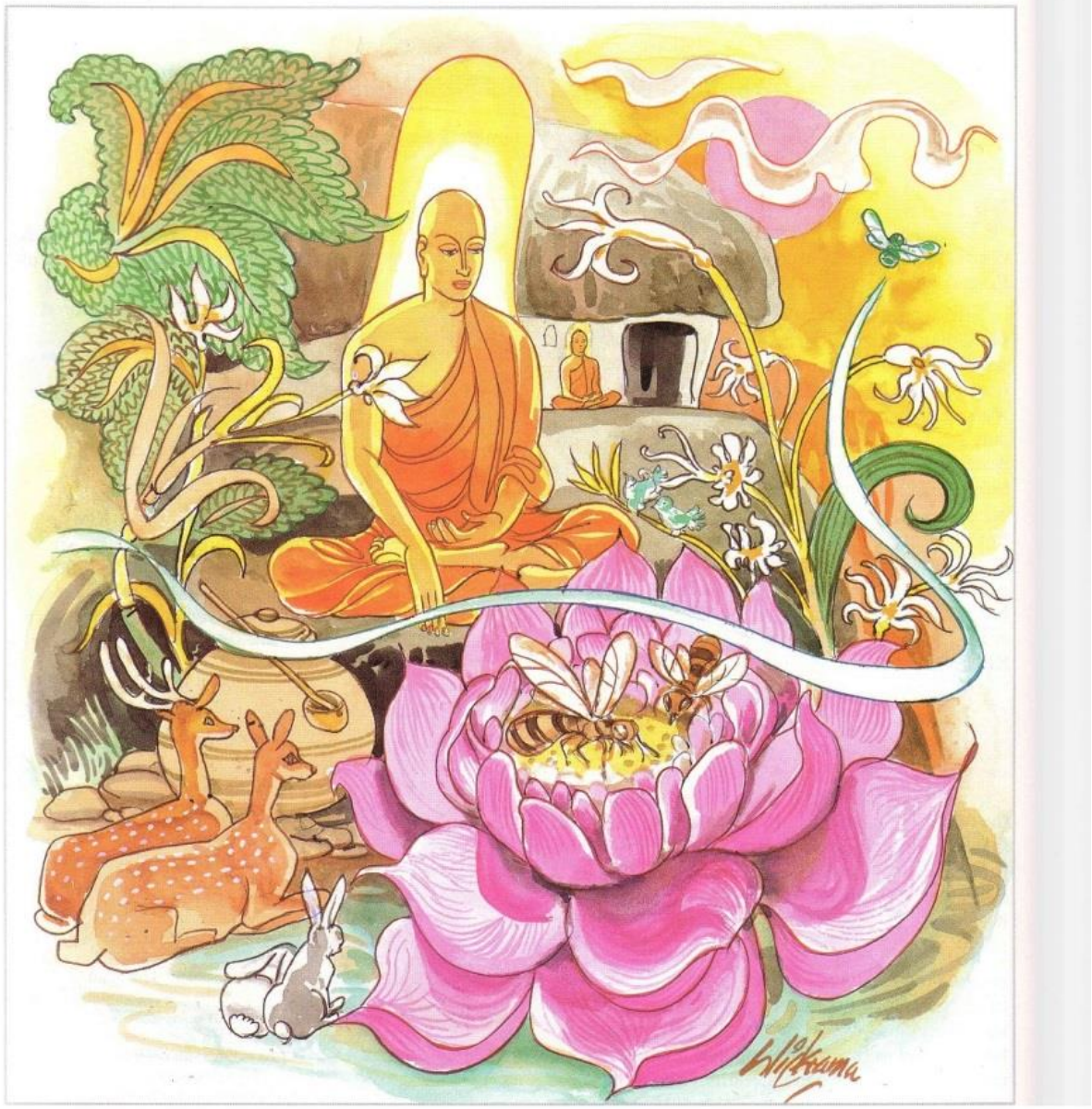

99. Rừng núi không được người đời ưa chuộng, lại là nơi đem đến niềm vui cho những ai không tìm dục lạc.

VIII. PHẨM NGÀN
(SAHASSAVAGGA)

16 bài kệ: Pháp Cú số 100-115

14 tích truyện

☸

VIII.1- Tích ĐAO PHỦ THỦ NANH ĐỒNG

(Tambadāṭhikacoraghātakavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 100)

"Sahassamapi ce vācā,	***"Dầu nói ngàn ngàn lời***
Anatthapadasañhitā[1],	***Nhưng không gì lợi ích***
Ekaṃ atthapadaṃ seyyo,	***Tốt hơn một câu nghĩa***
Yaṃ sutvā upasammati".	***Nghe xong, được tịnh lạc".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Veḷuvana (Trúc Lâm), đề cập đến đao phủ thủ (Coraghātakaṃ) tên Tambadāṭhika (Nanh Đồng).

Tương truyền rằng: Có bốn trăm chín mươi chín tên cướp, chuyên môn làm việc phi pháp nhất là cướp phá xóm làng mà nuôi mạng sống.

Khi ấy, có một thanh niên tráng kiện không bị việc chi ràng buộc, tên là Tambadāṭhika (Nanh Đồng) đi đến gặp bọn cướp và nói: "Tôi cũng muốn chung sống với mấy anh". Bọn cướp đưa thanh niên vào thưa với đảng trưởng: "Chú nầy ngỏ ý muốn sống chung với bọn ta".

Chúa đảng cướp nhìn xem tướng thanh niên, nghĩ thầm: "Thằng nầy tướng ác ôn lắm, nó có thể chặt vú mẹ hoặc là cắt cổ cha mà ăn thịt, uống máu". Chúa đảng nói: "Chúng ta không cần hắn sống chung với chúng ta làm chi cả". Mặc dù bị chúa đảng không chấp nhận cho vào đảng, gã thanh niên cũng cứ đến hầu hạ, phục dịch lấy lòng tên phó đảng. Tên nầy lại dắt anh ta vào tiến cử với đảng trưởng: "Xin chúa công chấp nhận cho tên nầy vào làm người giúp việc cho chúng ta!". Vì có lời yêu cầu của phó đảng, đảng trưởng chấp thuận cho thanh niên vào đảng.

Thế rồi, một ngày nọ, dân chúng trong thành hợp lực với đội binh của Đức vua, bắt hết bọn cướp nầy, đưa ra tòa án để luận tội.

Quan tòa đã kết án tử hình cả bọn, ra lệnh cho đao phủ thủ chặt đầu bọn cướp. Nhưng khi hỏi: "Ai chịu giết những tên phạm nhân nầy?", thì không một ai chịu lãnh mạng giết chết bọn chúng cả. Sau cùng dân chúng bảo tên đầu đảng: "Nếu nhà người chịu giết chết những tên đồng bọn, thì nhà ngươi sẽ được tha cho toàn mạng sống. Hãy giết chết bọn chúng cho tử tế đi".

[1] Anatthapadasañhitā (theo bản Pāḷi của CSCD/Dhammagiri. India).

Tên đầu đảng không chịu giết đồng đảng để mình được còn sống. Dân thành cứ thế mà hỏi hết cả bốn trăm chín mươi chín tên cướp, sau cùng người ta hỏi đến Tambadāṭhika, thì hắn ta nhận lời: "Được thôi!". Sau khi giết cả bọn cướp, Tambadāṭhika được tha bổng và được tôn trọng quyền sống như một người dân lương thiện.

Về sau, dân thành hợp lực cùng quân đội của Đức vua, bắt được năm trăm tên cướp nhiễu loạn ở hướng Nam kinh thành, đưa đến quan xử, bọn cướp bị kết án tử hình như trước, dân thành cũng bắt đầu hỏi tên thủ lãnh, đến tên đồng đảng cuối cùng, cũng không tên nào chịu giết đồng đảng của mình cả. Dân thành nhắc lại: "Lúc trước có người giết hết bốn trăm chín mươi chín tên cướp, bây giờ người đó ở đâu?". Có người đáp: "Anh ta đang ở xứ ấy, ta đến thì sẽ gặp thôi".

Nghe vậy, quan Chánh án ký trát cho mời Tambadāṭhika đến và mọi người đồng yêu cầu: "Hãy giết chết những tên cướp này thì anh sẽ được ban thưởng".

Tambadāṭhika nhận lời: "Lành thay!". Và anh ta giết hết bọn cướp, được dân thành hoan hô nhiệt liệt. Tiếp theo đó dân thành quyết nghị: "Thanh niên nầy có biệt tài chặt đầu kẻ cướp như vậy, chúng ta hãy đề cử anh ta lên giữ chức đao phủ thường trực".

Tambadāṭhika được mời đến công sở, được ủy nhiệm chức đao phủ thủ và được dân thành tôn trọng.

Tiếp theo đó, năm trăm tên cướp ở hướng Tây, rồi năm trăm tên cướp ở hướng Bắc bị bắt và bị xử tử, đều giao cho một tay Tambadāṭhika hành quyết cả. Đao phủ thủ đã giết tất cả là gần hai ngàn tên cướp từ bốn hướng giải về như thế.

Từ đó về sau, mỗi ngày Tambadāṭhika lai rai chặt đầu một vài người đã bị kết án tử hình và chàng ta hành nghề đao phủ thủ suốt năm mươi lăm năm. Đến khi già yếu, Tambadāṭhika không thể chém một nhát đứt lìa đầu người như trước, có khi phải chém đến ba nhát khiến tội nhân vô cùng đau đớn.

Dân thành nghĩ rằng: "Chắc ta phải tìm một đao phủ thủ mới, chớ ông nầy già yếu rồi, làm đau khổ tội nhân thái quá. Chúng ta còn lưu giữ ông ta lại làm gì?". Thế là, người ta cách chức Tambadāṭhika.

Lúc trước, khi đang còn nghề đao phủ thủ, ông ta không hề hưởng được bốn điều này: một là mặc y phục mới, hai là ăn cháo nấu với bơ trong mới, ba là trang sức bằng những vòng hoa lài và bốn là thoa xức dầu thơm.

Ngày bị ngưng chức, Tambadāṭhika dặn người nhà: "Hãy nấu cháo sữa cho ta ăn", rồi ông bảo đem y phục mới, trang điểm với vòng hoa lài, mang dầu thơm ra sông tắm rửa. Tắm xong, Tambadāṭhika mặc y phục mới, trang điểm vòng hoa lài, thoa dầu thơm khắp mình rồi về ngồi ở nhà. Lúc bấy giờ người nhà đem đến để trước mặt ông cháo sữa nấu với bơ trong mới cùng với nước rửa tay. Ngay trong sát na ấy, Trưởng lão Sāriputta vừa xuất khỏi Thiền Diệt (Samāpatti), quán xem hôm nay mình phải đi khất thực ở nơi nào? Thấy món cháo sữa của Tambadāṭhika, Trưởng lão tự hỏi: "Người nầy sẽ hộ độ cho ta hay không?". Trưởng lão quán thấy: "Sau khi thấy ta, Tambadāṭhika sẽ cúng dường cháo sữa đến ta và y sẽ được phước báu lớn". Hiểu rõ

như thế rồi, Trưởng lão đắp y mang bát đến đứng ngay trước cửa nhà của Tambadāṭhika để cho gia chủ nhìn thấy.

Tambadāṭhika trông thấy Trưởng lão liền phát sinh tâm tịnh tín, nghĩ thầm: "Ta hành nghề đao phủ thủ đã lâu năm, chém giết rất nhiều người rồi, hôm nay trong nhà ta có sẵn cháo sữa và trước cửa nhà ta có vị Trưởng lão đứng chờ, bây giờ ta phải cúng dường cho Trưởng lão mới được".

Tambadāṭhika dèn dẹp món cháo sữa qua một bên, ra đảnh lễ thỉnh Trưởng lão vào ngồi trong nhà, sớt cháo sữa vào bát, rưới thêm bơ trong mới, rồi đứng hầu quạt Trưởng lão. Vì đã lâu không dùng món cháo sữa, Tambadāṭhika cảm thấy thèm ăn dữ lắm. Trưởng lão biết tâm trạng của ông ta, bèn bảo: "Nầy gia chủ, ông hãy độ phần cháo của ông đi".

Tambadāṭhika liền trao quạt qua tay người khác, rồi đi dùng món cháo sữa của mình.

Trưởng lão lại bảo người quạt hầu rằng: "Hãy đi qua hầu gia chủ ấy đi".

Được quạt hầu, Tambadāṭhika độ cháo đầy bụng rồi lại đứng hầu quạt Trưởng lão. Chờ Trưởng lão độ xong cháo, thỉnh bát đem đi rửa.

Trưởng lão tụng kinh chúc phúc cho thí chủ, nhưng thí chủ không thể đưa tâm mình theo dõi lời Pháp của Trưởng lão thuyết, Trưởng lão suy nghĩ rồi hỏi: "Nầy gia chủ, tại sao ông không thể đưa tâm an tịnh để theo dõi Pháp thoại được như vậy?".

- Bạch Ngài, vì tôi hành nghề thô bạo đã lâu năm, giết chết rất nhiều người, tôi mãi nhớ đến hành vi ấy của mình, nên không thể đưa tâm theo dõi lời Pháp của Trưởng lão thuyết.

Trưởng lão tự nghĩ: "Ta phải gạt ông nầy". (Vañcessāminanti) rồi hỏi rằng: "Ông có tự ý mình vui thích việc ấy, hay bị người khác sai bảo ông làm?".

- Bạch Ngài, Đức vua ra lệnh cho tôi làm.

- Vậy thì, nầy Thiện nam, ông có làm chi bất thiện đâu.

Gia chủ Tambadāṭhika vốn tư chất đần độn, nghe Trưởng lão nói như vậy, tự cho là mình chẳng có điều chi bất thiện cả, nên mừng rỡ nói: "Nếu vậy, xin Ngài hãy thuyết pháp".

Trong khi Trưởng lão tụng kinh chúc phúc thì Tambadāṭhika định được nhất tâm, nghe Pháp đắc Tu Đà Hườn đạo, rồi tiếp theo đó phát sinh tâm nhẫn nại.

Sau khi chúc phúc xong, Trưởng lão ra đi, ông Tambadāṭhika tiễn chân Trưởng lão một khoảng đường, rồi quay lại trở về. Một nữ Dạ xoa nhập vào một con bò cái, chạy đến húc vào ngực Tambadāṭhika khiến ông ngã xuống chết ngay. Sau khi chết, ông được tái sanh vào cõi trời Đâu Suất.

Các Tỳ khưu câu hội cùng nhau tại giảng đường đề khởi câu chuyện nầy: "Ông đao phủ đã hành nghề thô bạo trong năm mươi lăm năm, mới nghỉ việc hôm nay để bát cho Trưởng lão Sāriputta rồi chết ngay, không biết tái sanh về đâu?".

Đức Bổn Sư ngự đến hỏi: "Nầy các Tỳ khưu! Hôm nay các thầy bàn luận về vấn đề gì?".

- Bạch Ngài, về việc như vầy…

Nghe vậy, Đức Bổn Sư dạy: "Nầy các Tỳ khưu, ông ta đã sanh lên cõi Đâu Suất Đà Thiên".

- Bạch Ngài nói sao? Có phải sau khi giết chết bấy nhiêu nhân mạng, trong bấy nhiêu lâu, ông ta được tái sanh lên cung trời Đâu Suất chăng?

- Phải đó, nầy các Tỳ khưu, may nhờ gặp được một bậc Hiền trí vĩ đại, ông ta nghe Pháp của Đức Sāriputta nên đã hồi tâm, đắc được Pháp nhãn. Sau khi lìa đời được sanh lên Đâu Suất Đà Thiên.

Nói rồi, Đức Bổn Sư ngâm kệ rằng:

Subhāsitaṃ suṇitvāna,
Nagare coraghātako;
Anulomakhantiṃ laddhāna,
Modati tivivaṅgatoti".

Sau khi được nghe lời kinh khéo giảng, ông đao phủ thủ trong thành phố, chứng được Pháp nhãn hợp thời, hoan hỷ mà đi về Thiên giới.

- Bạch Ngài, kinh chúc phúc không đủ mãnh lực đối với tổng số lớn lao các nghiệp bất thiện của ông ta. Tại sao chỉ có bấy nhiêu đó mà ông hồi tâm giác ngộ được Chánh Pháp?

- Nầy các Tỳ khưu, Pháp của Ta thuyết dầu ít hay nhiều, chớ có so bì số lượng. Quả thật vậy, chẳng thà chỉ nói một lời mà hữu ích, còn hơn là ngàn câu, ngàn lời mà vô ích.

Rồi Đức Bổn Sư thuyết pháp tóm tắt và ngâm kệ rằng:

"Sahassamapi ce vācā,
Anatthapadasañhitā,
Ekaṃ atthapadaṃ seyyo,
Yaṃ sutvā upasammati".

"Dầu cho nói đến ngàn câu
Toàn lời vô nghĩa thì đâu ích gì?
Thà lời chí lý, thích nghi,
Một câu nghe cũng đoạn ly khổ sầu".

CHÚ GIẢI:

Sahassamapi: dầu cả ngàn lời nói ra, nếu tính số nhiều từ một ngàn đến hai ngàn lời nói như vậy, mà toàn là lời nói vô ích, chẳng hạn như lời nói giải về vũ trụ, về núi non, về rừng rú… Những câu nói vô ích vì không phải là những câu nói là đuốc soi đường đi Níp Bàn, thì dầu có nói bao nhiêu cũng chỉ dẫn đến nơi tội ác.

Ekaṃ atthapadaṃ: một lời nói hữu ích, như câu: "Người có thân, niệm thân trược thì đắc Tam Minh, là đã làm xong lời dạy của chư Phật". Khi được nghe một

câu hữu ích rồi, thính giả làm cho lắng dịu các pháp bất thiện nhất là tình dục, bằng chứng của sự hữu ích ấy là làm cho các Pháp sáng tỏ các pháp liên hệ với Níp Bàn như Ngũ uẩn (Khandha), Tứ đại (Dhātu), Thập nhị xứ (Āyatana), Ngũ quyền (Indriya), Ngũ lực (Bala), Thất giác chi (Bhojjhanga), Tứ niệm xứ (Saṭipatthāna). Thà chỉ một lời nói như thế, nghe xong cũng được an vui.

☸

Cuối thời Pháp, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Làm nghề chém cổ cướp nhiều năm,
Kẻ ác còn dư chút thiện tâm,
Thấy Pháp Chủ vừa ra Đại định,
Cúng dường cháo sữa một phần mâm.
Nhờ duyên bố thí đầy đủ chi,
Sơ quả chứng liền, dứt ngại nghi,
Đâu Suất được về an hưởng phước,
Mặc cho bò húc rã thây thi...

DỨT TÍCH ĐAO PHỦ THỦ NANH ĐỒNG

ଓ☸ଌ

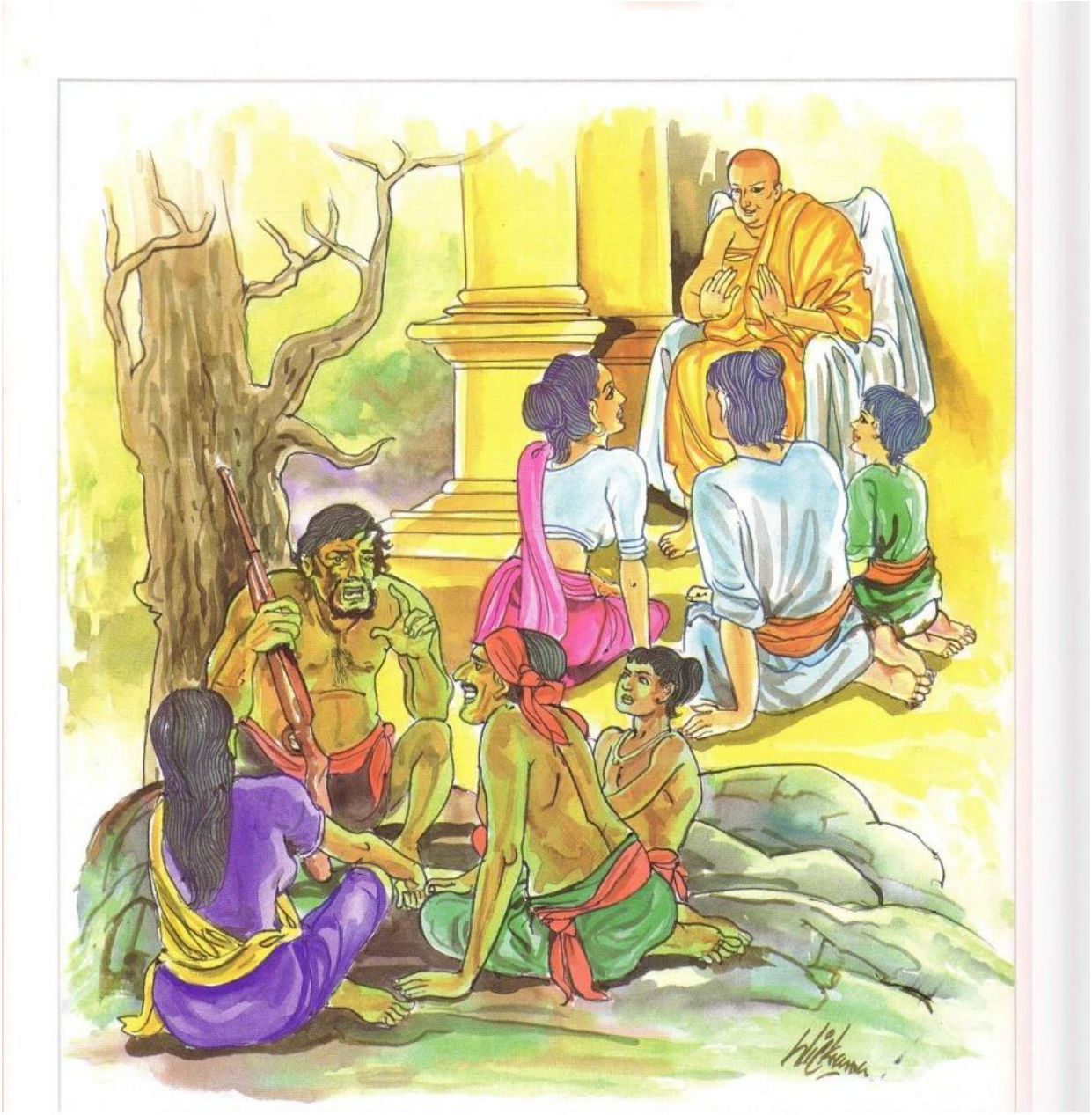

100. Một lời nói có ý nghĩa đưa đến an tịnh còn tốt hơn cả ngàn lời trống rỗng.

VIII.2- Tích TRƯỞNG LÃO BA HÍ DÁ MẶC Y VỎ CÂY

(Bāhiyadārucīriyattheravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 101)

"Sahassamapi ce gāthā,	***"Dầu nói ngàn câu kệ***
Anatthapadasañhitā,	***Nhưng không gì lợi ích***
Ekaṃ gāthāpadaṃ seyyo,	***Tốt hơn nói một câu***
Yaṃ sutvā upasammati".	***Nghe xong, được tịnh lạc".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến Trưởng lão Bāhiyadārucīriya (Ba Hí Dá Mặc Y Vỏ Cây).

Một thời nọ, có nhiều người ngồi thuyền vượt ra biển khơi, đến giữa đại dương, thuyền bị sóng đánh vỡ, tất cả đều chết chìm làm mồi cho cá và rùa. Nhưng còn một người sống sót nhờ vớ được tấm ván, ráng sức lội mãi, thời may tấp vào một bãi cát tại cảng tên là Suppāraka (Súp Pa Rá Ká). Lúc bấy giờ, nạn nhân không còn quần áo chi cả, không tìm thấy được thứ chi khác, anh bèn lấy cành cây khô, tước vỏ soắn lại làm chỉ đan thành y phục để mặc đỡ che thân cho khỏi bị lõa lồ, rồi lượm cái bát của chư thiên (vỏ sò) đi vào hải cảng Suppāraka để khất thực.

Dân chúng thấy người hành khất nầy, cho là vị A La Hán nên tôn trọng cúng dường cháo cơm đầy đủ. Khi có người tặng anh y phục bằng vải thì anh ta từ chối, chỉ đắp bằng thứ y phục vỏ cây mà thôi, vì nghĩ rằng: Nếu ta mặc y phục vải nầy, ta sẽ bị giảm bớt sợ tôn trọng cúng dường của dân chúng đi chăng.

Khi ấy, có vị chư thiên trong tiền kiếp đã từng kết nghĩa bạn bè với vị khất sĩ mặc y vỏ cây nầy. Nay thấy bạn cũ thì nghĩ rằng: "Khi bạn ta được nghe mọi người tôn xưng là A La Hán, y đã khởi lên Tà kiến *"nếu có người nào đắc A La Hán hoặc là chứng A La Hán đạo, thì ta là một trong những vị A La Hán đó",* ta nên nhắc nhở bạn ta".

Câu chuyện kết nghĩa trong tiền kiếp để hành Sa môn Pháp đã diễn tiến như vầy.

Theo truyền thuyết thuở xưa, trong thời mà Giáo Pháp của Đức Thập lực Kassapa (Ca Diếp) đã mạt, có bảy vị Tỳ khưu trông thấy việc làm phi Pháp của chư Tỳ khưu, nhất là các vị Sadi thì phát sanh tâm kinh cảm, đồng phát nguyện đem hết sức của mình hành đạo để duy trì Giáo Pháp không cho tiêu hoại. Sau khi đảnh lễ Bảo tháp vàng thờ Xá lợi của Đức Phật, bảy vị ấy vào rừng trông thấy một ngọn núi cao, bèn rủ nhau: "Ta hãy là người vô dục (Niralayā), chối bỏ tất cả sự luyến tiếc mạng sống. Ta hãy trèo lên núi nầy hành đạo".

Nói rồi, bảy vị Tỳ khưu kiếm cây buộc làm cái thang trèo lên đỉnh núi, rồi xô bật cái thang, nguyện ở lại nơi đó hành Sa môn Pháp. Trong bảy vị, vị Trưởng lão cao hạ nhất chỉ qua một đêm đã đắc quả A La Hán. Ngài bay đến hồ Thiên Lãnh (Anottatta) ở Hy Mã Lạp Sơn rửa mặt, súc miệng xong, bay qua xứ Bắc Câu Lưu Châu khất thực xong mang về, gọi chư Tỳ khưu bạn: "Nầy các đạo hữu, hãy lấy dây trầu (māgalatā)

nầy đánh răng, súc miệng, rửa mặt đi, rồi độ những vật thực nầy". Chư Tăng không muốn độ, hỏi rằng:

- Bạch Ngài, sao Ngài lại bảo vậy. Chúng ta có giao ước với nhau: "Vị nào đắc quả A La Hán đầu tiên, thì phần cơm bát đầu tiên của vị ấy, các vị kia sẽ thọ thực" hay không?

- Không có như vậy đâu, này các đạo hữu.

- Như vậy thì, nếu chúng tôi giác ngộ Níp Bàn, chúng tôi sẽ tự mình đi bát về mà độ.

Qua ngày thứ hai, vị Trưởng lão thứ hai đắc quả A Na Hàm, Ngài cũng bay đi khất thực, mang bát vật thực về mời các bạn kia như vị trước, các Tỳ khưu ấy không chịu độ, đáp rằng:

- Bạch Ngài, sao Ngài bảo vậy? Chúng ta có giao ước với nhau: "Phần cơm của vị Đại Trưởng lão mang về không được độ, chúng ta sẽ độ phần cơm của Ngài Trưởng lão thứ hai chăng?".

- Không có như vậy, này các hiền hữu.

- Như vậy, chúng tôi phải ráng hành đạo cho giác ngộ như Ngài rồi mỗi người sẽ độ phần cơm của mình tự lực kiếm được mà thôi.

Sau đó, vị đắc A La Hán thì diệt độ, vị A Na Hàm thì tái sanh về Phạm thiên giới, còn năm vị kia không chứng đắc Níp Bàn, bị đói kiệt quệ như cánh hoa tàn, đến ngày thứ bảy thì chết sanh lên thiên giới.

Trong thời Đức Phật hiện tại giáng sanh, năm vị thiên nhân tái sanh vào năm gia tộc có danh giá. Một vị là Đức vua Pukkusati (Púk Kú Sa Tí), một vị là công tử Kumārakassapa (Ca Diếp Đồng Tử), một vị là khất sĩ Bāhiyadārucīriya (Ba Hí Dá Mặc Y Vỏ Cây), một vị là công tử Dabba Mallaputta (Đáp Bá Man Lá Pút Tá) và một vị nữa là du sĩ Sabhiya (Xá Phí Dá). Còn vị phạm thiên A Na Hàm, chính là thiên nhân đang muốn trợ giúp cho Bāhiyadārucīriya.

Vị phạm thiên nầy suy nghĩ: "Vị nầy cùng với ta trong tiền kiếp đã từng cột thang, bắt trèo lên núi hành Sa môn Pháp. Bây giờ lại chấp giữ tà thuyết (Laddhi) nầy, sợ e lâu ngày sẽ hư hỏng. Ta phải nhắc nhở bạn ta kinh cảm mới được".

Thế rồi, vị phạm thiên đến gần vị khất sĩ bảo rằng:

- Nầy ngoại đạo Bāhiya, ông chưa đắc quả A La Hán, mà cũng chưa đắc đạo A La Hán nữa, ông không có hành đạo (Paṭipadā) thì bao giờ mới đắc quả hoặc là đắc đạo A La Hán được chứ?

Du sĩ Bāhiya nhìn lên thấy vị Đại Phạm thiên đứng giữa hư không mà nói chuyện với mình thì tự nghĩ: "Chao ôi! Nặng thay là nghiệp mà ta đã tạo! Ta đã tự phụ cho mình là A La Hán. Nay ông nầy nói với ta: "Ông chưa đắc đạo quả A La Hán", vậy trong thế gian nầy có vị Sa môn nào ở rừng là vị A La Hán chăng?". Vị khất sĩ bèn hỏi Đại Phạm thiên: "Hiện nay trên thiên giới hoặc ở cõi nhân gian này, có những vị nào đắc quả A La Hán hoặc là đắc đạo A La Hán không?

Vị phạm thiên chỉ dạy rằng:

- Nầy Bāhiya, trong quốc độ miền Bắc có thành Sāvatthī (Xá Vệ), là nơi Đức Thế Tôn đang ngự. Ngài là bậc A La Hán, Chánh Đẳng Giác. Nầy Bāhiya, chẳng những Ngài là bậc Thế Tôn đã đắc A La Hán, mà Ngài còn thuyết pháp dạy đệ tử đắc A La Hán nữa.

Ngoại đạo Bāhiya đang đêm, nghe lời mách bảo của vị thiên nhân bạn cũ, thì phát tâm kinh cảm (Saṃviggamānaso), liền lập tức rời hải cảng Suppāraka, đi suốt đêm đến thành Sāvatthī, theo người ta nói: Sỡ dĩ trong khoảng đường xa một trăm hai mươi do tuần mà Bāhiya vượt qua chỉ trong một đêm như thế là nhờ oai lực của vị phạm thiên và của Đức Phật. Khi Bāhiya vừa đến nơi thì Đức Bổn Sư đã vào thành Sāvatthī khất thực, gặp nhiều vị Tỳ khưu đang đi kinh hành ở ngoài sân trống để cơ thể hết rã rượi sau buổi điểm tâm, ông bèn hỏi: "Đức Tôn Sư bây giờ ở đâu?".

Chư Tăng đáp: "Ngài đã ngự vào thành Sāvatthī để khất thực rồi". Chư Tăng lại hỏi: "Còn thầy từ đâu đến đây?".

- Tôi từ hải cảng Suppāraka đến.

- Thầy đi từ bao giờ?

- Tôi khởi hành từ tối hôm qua.

- Thầy từ xa đến, hãy ngồi xuống rửa chân thoa dầu đã, hãy nghỉ khỏe một chút, khi nào Đức Bổn Sư trở về rồi hãy đến yết kiến Ngài.

- Bạch các Ngài, tôi không biết có chi tại hại xảy ra cho mạng sống của Đức Bổn Sư hoặc của tôi hay không, cho nên trọn cả một đêm, tôi không vì lẽ gì mà đứng lại hoặc ngồi xuống, trừ ra khi tôi đã vượt cả lộ trình một trăm hai mươi do tuần để được gặp mặt Đức Thế Tôn rồi, tôi mới nghỉ ngơi.

Nói như thế rồi, Bāhiya vội vàng đi luôn vào thành Sāvatthī. Trông thấy Đức Bổn Sư đang ngự đi trì bình với tướng hảo quang minh vô tỷ của một vị Chánh Đẳng Giác. Ông nói thầm: "Quả thật, đã lâu lắm rồi, bây giờ ta mới được gặp Đức Chánh Biến Tri Gotama (Cồ Đàm)!".

Từ chỗ trông thấy Đức Bổn Sư, Bāhiya cúi rạp người xuống giữa đường, gieo cả năm vóc xuống đất đảnh lễ Ngài, nắm chặt hai mắt cá chân Ngài mà nói:

- Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài thuyết pháp cho con nghe. Bạch Đức Thiện Thệ, xin Ngài hãy thuyết pháp nào làm cho con được tấn hóa, được an vui lâu dài.

Khi ấy, Đức Bổn Sư khước từ, đáp rằng: "Nầy Bāhiya, bây giờ không phải thời, trong khi Ta đang đi bát giữa đường".

Nghe vậy, Bāhiya van nài:

- Bạch Ngài, trong vòng luân hồi chuyển kiếp, hạng người đi khất thực không định trước được bát cơm của thí chủ, con không thể biết trước được sự tai hại sắp xảy đến cho mạng sống của Ngài hay mạng sống của con. Bởi vậy, con xin Ngài thuyết pháp cho con nghe.

Lần thứ hai, Đức Bổn Sư lại từ chối, có lời rằng: Đức Bổn Sư nghĩ: "Bāhiya này từ khi thấy Ta, khắp cả châu thân tràn đầy hỷ lạc, tâm đang bị hỷ lạc mãnh liệt chi phối, dầu có nghe Pháp cũng không thể lãnh hội. Hãy chờ lúc tâm thầy trở lại trạng thái quân bình là Xả. Vả lại, chỉ trong một đêm mà thầy vượt qua đoạn đường xa một trăm hai mươi do tuần đến tận nơi nầy, tâm còn bứt rứt. Ta phải để cho thầy ổn định đã".

Do lẽ đó, Đức Bổn Sư từ chối hai lần.

Bāhiya khẩn cầu đến lần thứ ba, mặc dầu đang đứng giữa đường, Đức Bổn Sư thấy đã đến thời, nên Ngài thuyết pháp dạy rằng:

- Nầy Bāhiya! Ông nên học tập như vậy ba lần:

Diṭṭhi diṭṭhamattaṃ bhavissati;
Sute sutamattaṃ bhavissati,
Mute mutamattaṃ bhavissati,
Viññāṇe viññātamattaṃ bhavissati".

"Trong Kiến, Văn, Giác, Tri
Chỉ có Kiến, Văn, Giác, Tri mà thôi".

Được nghe Đức Bổn Sư thuyết pháp nầy, Bāhiya đương nhiên dứt hết Lậu hoặc, đắc quả A La Hán với Tuệ phân tích, liền ngỏ lời với Đức Thế Tôn cho mình được xuất gia. Ngài hỏi:

- Ông đã có đủ cả y bát chưa?

- Bạch Ngài, con chưa có đủ.

- Vậy thì, ông hãy lo cụ bị cho đủ y bát đi.

Nói rồi, Ngài đi luôn.

Theo truyền thuyết, thời quá khứ Bāhiya đã từng hành Sa môn Pháp đến hai muôn ngàn năm, giữ đúng hạnh Tỳ khưu và chỉ thọ dụng tứ vật dụng tự mình tìm được, chớ không dòm ngó đến của vị khác, ông không hề tiếp độ y hoặc bát cho một vị Tỳ khưu nào cả. Do biết rằng: Y bát do thần thông lực phát sanh không có đến Bāhiya nên Đức Bổn Sư đã không cho ông xuất gia "Thiện lai Tỳ khưu" (Ehi bhikkhu). Trong khi ông đang đi tìm y bát để chuẩn bị xuất gia thì một nữ dạ xoa dưới hình thể một con bò chạy đến húc vào hông bên trái và chấm dứt mạng sống của ông.

Đức Bổn Sư ngự vào thành khất thực, thọ thực xong rồi, cùng nhiều Tỳ khưu trở ra ngoài thành, thấy xác Bāhiya nằm một nơi đầy rác rến, Ngài gọi các Tỳ khưu và bảo rằng:

- Nầy các Tỳ khưu, hãy đến đứng trước cửa một nhà thiện tín, kêu họ mang giường nhỏ, chở xác này ra ngoài thành hỏa táng, thiêu xong hãy lập Thánh tháp thờ xá lợi.

Các Tỳ khưu làm đúng theo lời của Đức Bổn Sư dặn, rồi trở về chùa báo cho Ngài biết là công việc mình đã làm xong. Kế đó, chư Tăng hỏi về hậu lai của Bāhiya.

Sau khi chỉ dạy cho chư Tăng biết rằng Bāhiya đã Vô Dư Níp Bàn. Đức Bổn Sư nói tiếp:

- Nầy các Tỳ khưu! Các Tỳ khưu Thinh Văn của Ta giác ngộ mau lẹ quả vị tối cao nào, thì ngoại đạo Bāhiyadārucīriya (Ba Hí Dá Mặc Y Vỏ Cây) nầy cũng đạt đến quả vị tối cao đó.

Chư Tăng ngạc nhiên hỏi:

- Bạch Ngài, Ngài nói ngoại đạo Bāhiyadārucīriya (Ba Hí Dá Mặc Y Vỏ Cây) đắc quả A La Hán. Ông ta đắc quả A La Hán hồi nào?

- Nầy chư Tỳ khưu, khi nghe Ta thuyết pháp.

- Bạch Ngài, Ngài có thuyết pháp lúc nào đâu?

- Trong khi trì bình, lúc Ta đã dừng chân lại giữa đường đó!

- Bạch Ngài, khi đứng giữa đường, Ngài thuyết pháp quá ít mà! Làm sao chỉ nghe có bấy nhiêu đó mà ông ấy giác ngộ Níp Bàn?

Khi ấy, Đức Bổn Sư giải thích rằng:

- Này các Tỳ khưu! Pháp của Như Lai thuyết dầu ít hoặc nhiều, chớ có tính bằng số lượng. Quả vậy, dầu cho có thuyết hằng ngàn câu kệ vô ích thì cũng chẳng làm gì! Thà là chỉ thuyết một câu kệ hữu ích còn quý hơn.

Đức Thế Tôn thuyết pháp giảng giải thêm rồi kết luận bằng bài kệ nầy:

"Sahassamapi ce gāthā,
Anatthapadasañhitā,
Ekaṃ gāthāpadaṃ seyyo,
Yaṃ sutvā upasammati".

"Dầu cho tụng đến ngàn câu.
Toàn kệ vô nghĩa thì đâu ích gì?
Thà kệ chí lý, thích nghi,
Một câu nghe cũng đoạn ly khổ sầu".

CHÚ GIẢI:

Ekaṃ gāthāpadaṃ: một câu kệ như: Appamādo amataṃ padaṃ (Cần chuyên là lộ trường tồn… Yathā matāti (Kẻ buông lung sống lâm chung khác nào) một câu kệ như thế thì quý hơn.

Phần còn lại lý giải như câu kệ trước.

Cuối thời Pháp, nhiều vị Tỳ khưu chứng Thánh quả như Tu Đà Hườn.

Dịch Giả Cẩn Đề

Ngoại đạo đón đường hỏi Phật Đà"
"Pháp nào tu chứng Tuệ cao xa?"
Phật rằng: "Trong Kiến, Văn, Tri, Giác,
Hãy giữ tâm Không, chớ chấp ta!"
Ba Hí Dá liền chứng Vô sanh,
Nhờ duyên tiền kiếp đã tu hành.
Bị bò húc chết, thây nằm đó,
Khó biết tâm ông, Đạo quả thành!
Phật dạy chư Tăng hãy trà tỳ,
Thiêu ông ngoại đạo đủ uy nghi,
Như A La Hán Thinh Văn vậy,
Đó thật Tỳ khưu thiếu bát y!

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO BA HÍ DÁ MẶC Y VỎ CÂY

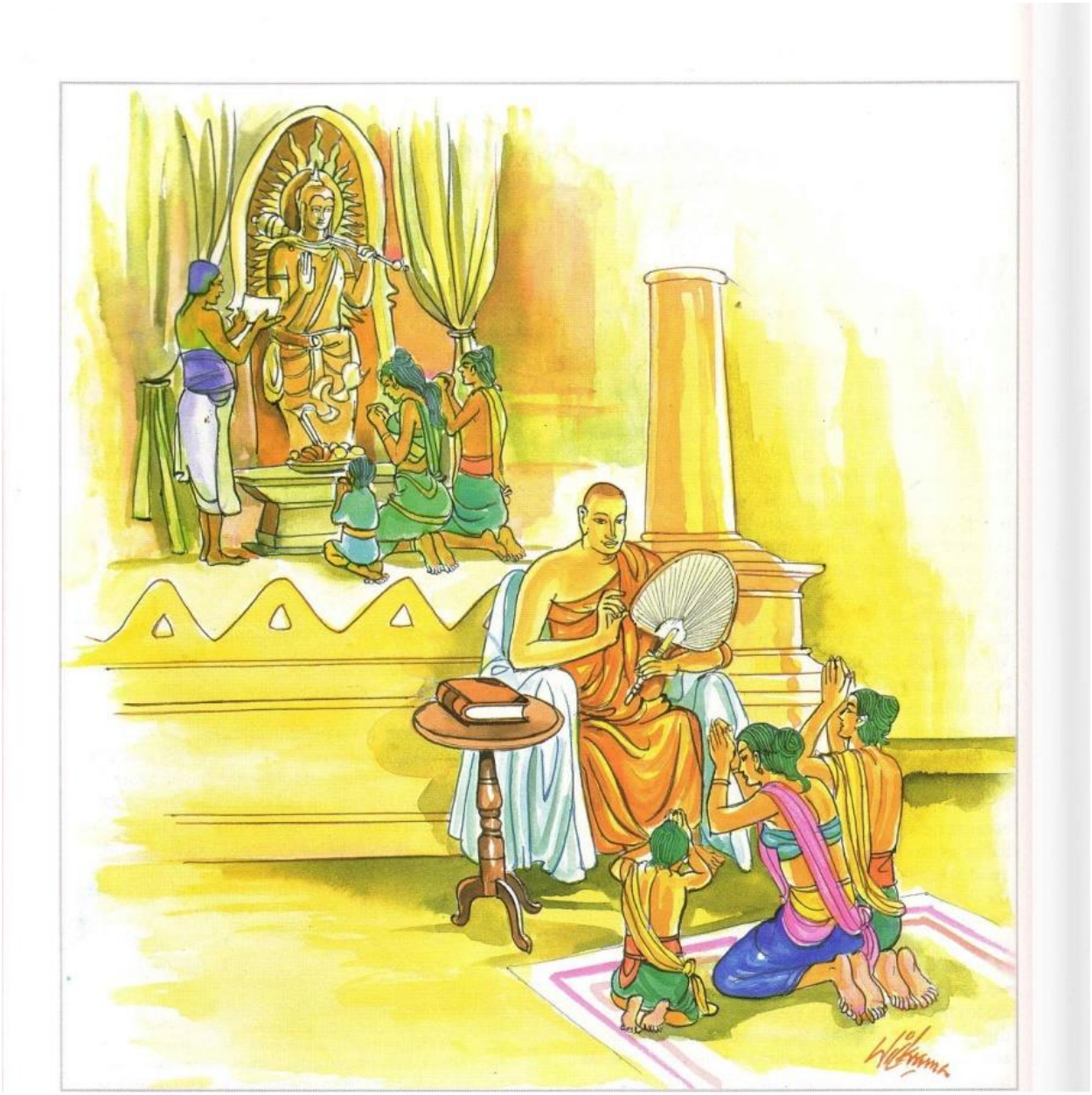

101. Một câu kệ có ý nghĩa đưa đến an tịnh còn tốt hơn cả ngàn câu trống rỗng vô nghĩa.

VIII.3- Tích TỲ KHƯU NI TÓC QUĂN

(Kuṇḍalakesittherīvatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 102-103)

102. "Yo ca gāthāsataṃ bhāse,	***"Dầu nói trăm câu kệ***
Anatthapadasañhitā[1];	***Nhưng không gì lời ích,***
Ekaṃ dhammapadaṃ seyyo,	***Tốt hơn một câu Pháp,***
Yaṃ sutvā upasammati".	***Nghe xong, được tịnh lạc".***
103. "Yo sahassaṃ sahassena,	***"Dầu tại bãi chiến trường,***
Saṅgāme manuse jine;	***Thắng ngàn ngàn quân địch,***
Ekañca jeyyamattānaṃ,	***Tự thắng mình tốt hơn,***
Sa ve saṅgāmajuttamo".	***Thật chiến thắng tối thượng".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến Sư Cô Tóc Quăn (Kuṇḍalakesī).

Tương truyền: Trong thành Rājagaha (Vương Xá) có một nàng tiểu thư con nhà Bá hộ, tuổi vừa hai tám, nhan sắc tuyệt đẹp, khi con gái đến tuổi dậy thì, tình xuân lai láng chớm mộng, thường có ý kiếm chồng. Ông bà Bá hộ cắt một cô tỳ nữ theo giữ gìn, vừa hầu hạ phục vụ tiểu thư và cho hai chủ tớ ở trong một căn phòng sang trọng trên tầng chót của tòa lâu đài bảy tầng.

Khi ấy có một chàng thanh niên con nhà tử tế (Kulaputta) lại hành nghề trộm cướp, bị dân chúng bắt trói thúc ké hai tay sau lưng, dẫn đến pháp trường hành quyết. Đến mỗi ngã tư đường, cậu ta bị dân chúng dùng roi đánh đập.

Tiểu thư nghe tiếng ồn ào của dân chúng tự hỏi: "Cái gì vậy?". Đứng trên lầu nhìn xuống thấy chàng trai, tiểu thư phát tâm ái luyến, bỏ cả cơm nước nằm liệt giường.

Bà Bá hộ hỏi tiểu thư: "Con ơi! Con đau làm sao vậy?".

- Nếu con được lấy chồng là chàng thanh niên bị buộc tội trộm cướp và bị dẫn đi đó, thì con sẽ còn sống. Bằng không chắc mạng căn của con sẽ tuyệt, con sẽ chết tại đây cho mẹ coi.

- Con chớ làm như thế. Con muốn có chồng thì để cha mẹ định đôi gả lứa, kiếm nơi môn đăng hộ đối với nhà ta mà kết sui gia. Con sẽ lấy được người khác làm chồng.

- Con không ưng chồng nào khác cả. Nếu không được chàng trai nầy thì nhất định con sẽ chết.

Thuyết phục con gái mình không được, bà Bá hộ báo tin cho chồng biết, ông cũng khuyên nàng không được. Cuối cùng, ông tự nghĩ: "Phải làm gì mới được đây?".

[1] Anatthapadasaṃhitā (theo bản Pāḷi của CSCD/Dhammagiri. India).

Ông sai người nhà cầm ngàn đồng vàng, ra đón đường người lính giải tội, để hối lộ và xin phóng thích tội nhân. Người lính chấp nhận, nhận tiền rồi thả chánh phạm ra và giết chết một tội nhân khác để thế mạng, rồi gởi sớ tâu với Đức vua là tên cướp đã bị hành quyết rồi.

Ông Bá hộ lãnh tên cướp về giao cho tiểu thư.

Muốn làm đẹp lòng chồng, tiểu thư tự mình trang điểm với tất cả nữ trang và lo việc cơm nước cho chồng hết sức chu đáo.

Nhưng qua mấy ngày sau, tên cướp khởi manh tâm: "Phải giết con này ở đâu để lấy những nữ trang này đem bán ở quán rượu rồi ăn nhậu cho thỏa thích". Anh ta lập mưu, từ chối cơm, cháo, nằm liệt giường. Tiểu thư ân cần hỏi chồng: "Anh bị bệnh gì chăng?".

- Không có bệnh chi cả em à!

- Hay là anh buồn giận cha mẹ em?

- Anh cũng không có buồn giận, em à!

- Nếu vậy anh có tâm sự gì thế?

- Em ơi, trong khi bị bắt dẫn đi, anh có van vái chư thiên ngự nơi vực thẳm, chỗ tử hình (Corappapāte) nên mới được toàn mạng sống. Vả lại, anh được lấy em làm vợ đây, cũng nhờ oai lực của chư thiên. Cho nên anh suy nghĩ: "Phải làm sao trả lễ cúng tế chư thiên đó em à!".

- Anh ơi! Anh đừng quá lo âu. Để rồi chúng ta sẽ cúng tế trả lễ chư thiên. Anh cho em biết mình cần những thứ gì?

- Cơm sữa nấu với mật ong và ít nước, cùng với ngũ cốc và hương hoa, có vậy thôi.

- Lành thay! Anh ơi, để em lo sắm sửa đủ lễ vật rồi chúng mình sẽ cùng đi cúng tế.

- Vậy thì, em ơi, em hãy bảo thân quyến lui về hết đi. Còn em hãy mặt y phục và đeo những món trang sức quý giá, rồi cười giỡn và chúng mình sẽ lên đường.

Tiểu thư làm y theo lời chồng bảo.

Khi tới chân núi, tên cướp bảo tiểu thư:

- Em ơi! Từ đây trở đi chúng mình chỉ nên đi hai người thôi. Còn những người khác em hãy cho họ ngồi xe trở về, một mình em tự đội lấy mâm lễ vật.

Tiểu thư làm theo lời chồng dặn, đội mâm lễ vật trèo lên núi, chỗ xử tử bọn cướp (Corappapāta). Núi nầy có hai mặt: một mặt có lối đi, người ta theo đó mà lên núi, còn một mặt đứt chân (Chinnatalaṃ), người ta đứng trên chót núi xô kẻ cướp bị tử hình xuống mặt đó, rơi tới đất là tan xương nát thịt, cho nên nó có tên gọi là vực thẳm xử tử bọn cướp.

Tiểu thư lên đến chót núi rồi, đứng lại bảo chồng:

- Anh hãy cúng tế lễ vật đi!

Tên cướp làm thinh, tiểu thư lại hỏi: "Sao anh lại làm thinh vậy?".

Nghe giục, tên cướp đáp: "Ta cóc cần cúng tế, ta chỉ nói gạt dụ nàng đến đây mà thôi".

- Để làm chi thế anh?

- Để giết nàng cướp đoạt trang sức của nàng mà tẩu thoát.

Bấy giờ tiểu thư, bị hăm dọa sợ chết, năn nỉ tên cướp:

- Anh ơi! Cả thân em và những đồ trang sức nầy đều thuộc quyền sở hữu của anh, sao anh lại nói như thế?

Mặc dù tiểu thư nhiều lượt van xin tên cướp: "Anh đừng làm vậy". Hắn ta cũng nằng nặc quyết một: "Ta phải giết nàng".

Tiểu thư lại đề nghị: "Thôi anh à, anh khỏi cần giết em làm chi, anh hãy lấy những nữ trang nầy và dung tha mạng sống cho em. Từ giờ trở đi, anh hãy xem như em đã chết rồi. Em nguyện làm nô lệ cho anh". Nói rồi tiểu thư ngâm kệ rằng:

"Ime suvaṇṇakeyūrā,
Sabbe veḷuriyā mayā
Sabbañca gaṇha bhaddante,
Mamaṃ dāsiñca sāvayāti".

"Những xuyến vàng nầy, tất cả đều cẩn bằng ngọc bích, anh hãy lấy hết đi. Anh ơi, anh hãy gọi em là nữ nô lệ của anh".

Nghe vậy tên cướp nói: "Nếu để nàng sống, nàng ta sẽ đi thông tin với cha mẹ nàng, ta phải giết nàng mới được. Nàng đừng khóc than cho lắm vô ích". Nói rồi, hắn ngâm kệ ngôn:

"Mā bāḷhaṃ paridevesi,
Khippaṃ bhaṇḍakaṃ bandhāhi;
Na tuyhaṃ jītvitaṃ atthi,
Sabbaṃ gaṇhāmi bhaṇḍakanti".

"Nàng đừng khóc than chi nhiều, hãy mau mau bó buộc các đồ tư trang. Tuổi thọ của nàng đã hết, ta sẽ lấy tất cả tư trang của nàng".

Tiểu thư tự nghĩ: "Than ôi, nghiệp của anh nầy quá nặng. Lẽ thường bậc trí tuệ không muốn dùng vật thực chưa được nấu chín. Ta phải dục hoãn cầu mưu, suy tư cho ra phương kế đối phó với anh ta mới được".

Thế rồi, tiểu thư nói với tên cướp:

- Anh ơi! Khi anh bị bắt vì tội trộm cướp và bị giải đi, em bày biểu cha mẹ xuất ra ngàn đồng vàng để lo cho anh được thả ra và dắt anh về nhà tạo lập gia thất cho anh. Từ đó về sau, em là người nội trợ của anh. Hôm nay anh hãy niệm tình cho em được phép nhìn rõ mặt anh một lần cuối cùng và bái biệt anh.

Tên cướp đồng ý: "Lành thay, em hãy nhìn kỹ và đảnh lễ đi". Nói rồi, hắn đứng ngay bên bờ vực thẳm trên chóp núi. Tiểu thư nhiễu quanh người chồng bất nghĩa ba vòng, đến vòng thứ tư, nàng quỳ xuống đảnh lễ và nói:

- Anh ơi, đây là lần cuối cùng anh còn thấy em. Bây giờ em không còn dịp gặp anh cũng như anh không còn dịp gặp em nữa.

Sau khi giả vờ ôm chồng hôn từ phía trước mặt rồi tới sau lưng. Tiểu thư đứng tại mép núi phía sau tên cướp, một tay nắm mình, một tay nắm dây lưng hắn ta, kéo ngược hắn ngã nhào xuống vực thẳm. Xác của hắn bị va vào sườn núi, nát ra manh mún mới tới đất.

Vị chư thiên trấn trên đỉnh núi, chỗ xử tử bọn cướp, thấy rõ hành động của cặp vợ chồng này, bèn ngâm kệ ngôn tán dương phụ nữ ấy rằng:

"Na so sabbesu ṭhānesu,
Puriso hoti paṇḍito;
Itthīpi paṇḍitā hoti,
Tattha tattha vicakhaṇāti".

"Không phải đàn ông luôn luôn là bậc hiền trí ở khắp mọi nơi, phụ nữ đôi khi ở đây đó cũng tỏ ra là bậc hiền trí nữa".

Sau khi xô tên cướp rơi xuống vực thẳm rồi, tiểu thư tự nghĩ: "Nếu ta về nhà, cha mẹ ta sẽ hỏi: "Còn chồng con đâu?". Nếu ta trả lời: "Con đã giết anh ấy chết rồi!" ắt cha mẹ ta sẽ mắng xối xả vào mặt ta: "Đồ cứng đầu, đã cho ngàn đồng vàng rước chồng về cho mi, bây giờ mi lại giết hắn đi à?". Dầu cho ta có nói thật: "Anh ấy muốn giết con để cướp lấy nữ trang", chắc cha mẹ ta cũng không tin lời ta. Thôi, ta đành vĩnh biệt quê nhà".

Tiểu thư vứt bỏ hết nữ trang có mặt tại đó, rồi đi lang thang vào rừng, lần hồi đến chỗ trú ẩn của nhóm du sĩ Ta bà (Paribbajakānaṃ). Nàng đảnh lễ các vị nầy, xin cho nàng xuất gia nhập đạo của họ. Họ cho nàng xuất gia, sau đó nàng hỏi: "Bạch các Ngài, người xuất gia trong đạo của Ngài có pháp nào cao thượng nhất?".

- Nầy hiền hữu! Người xuất gia trong nhóm chúng tôi cần tu hai pháp nầy là tối thượng nhất: Một là đề mục Biến xứ (Kasiṇa) cốt để nhập Định, hai là phải học Thiên ngôn luận (Vādasahassa) cho thật nằm lòng.

- Chắc con không có khả năng tham Thiền nhập Định, vậy con xin học Thiên ngôn luận, bạch các Ngài!

Các tu sĩ Ta bà liền bắt đầu dạy cho cô tu nữ mới học Thiên ngôn luận, cho đến khi nàng đã thuần thục rồi, họ bảo nàng:

- Bây giờ con đã học được nghề hay rồi, con hãy đi chu du khắp cõi Diêm Phù Đề để tìm người có khả năng tranh luận biện thuyết với mình.

Sư phụ cô trao cho cô một cành cây Diêm Phù (Jambū: Anh Đào) rồi giục cô ra đi.

- Hãy đi, hỡi đệ tử! Nếu con gặp người cư sĩ nào có thể tranh luận với con thì hãy theo hầu hạ người ấy, còn nếu con gặp được bậc xuất gia có khả năng biện thuyết thì con hãy xuất gia với người ấy.

Cô nữ du sĩ từ đây có danh hiệu là nữ du sĩ Diêm Phù (Jambūparibbajikā). Sau khi rời khỏi chỗ ẩn tu, cô đi khắp nơi để tìm cho gặp tay đối thủ biện thuyết. Nhưng

không có ai đủ tài tranh biện cùng nàng. Thế rồi, chỉ cần nghe nói: "Nữ du sĩ Anh Đào đến kìa!", mọi người đều bỏ chạy lánh mặt cả.

Nữ du sĩ đi khất thực ở thôn quê lần đến thị thành, mỗi khi vào đến cửa cổng ở đầu làng thì cô vun lên một đống cát cắm cành Anh Đào xuống đó, xong tuyên bố: "Người nào đủ sức tranh luận cùng ta thì hãy chà đạp cành Anh Đào nầy!". Rồi cô mới đi vào làng.

Chỗ ở của nữ du sĩ ấy không có một người nào có đủ tài lực để bén mảng đến gần cả. Khi rời chỗ đó đi nơi khác, cô ta cũng làm như vậy, cành Anh Đào cũ có héo thì cô thay cành khác tươi hơn. Đến thành Sāvatthī (Xá Vệ), nàng cũng cắm cành Anh Đào tại cổng thành và tuyên bố như trước, rồi vào thành khất thực.

Lúc bấy giờ, Trưởng lão Sāriputta (Xá Lợi Phất) đi trì bình khất thực, độ xong bữa rồi trở ra ngoài thành, thấy lũ trẻ đứng vây quanh cành Anh Đào. Trưởng lão hỏi: "Cái chi thế?".

Lũ trẻ tường thuật rành tự sự cho Trưởng lão biết. Trưởng lão bảo chúng:

- Vậy thì, các em hãy chà đạp cành Anh Đào nầy đi.

- Chúng con không dám, bạch Ngài.

- Các em cứ chà đạp đi! Để ta đối đáp với cô ấy!

Nghe Trưởng lão khuyến khích, lũ trẻ hăng hái chà đạp cành Anh Đào, vừa la hét vừa làm cho cát bụi tung lên.

Nữ du sĩ trở về trách mắng lũ trẻ và hỏi chúng rằng:

- Ta với các em không có vấn đề gì để tranh luận. Tại sao các em chà đạp cành Anh Đào của ta?

Lũ trẻ đáp:

- Trưởng lão bảo chúng tôi chà đạp!

- Bạch Trưởng lão! Ngài đã bảo lũ trẻ chà đạp cành Anh Đào của tôi phải chăng?

- Phải đó, này nữ du sĩ!

- Nếu vậy, Ngài hãy tranh luận với tôi.

- Lành thay, ta sẽ tranh luận.

Nữ du sĩ nới rộng áo ở thắt lưng, đến gần Trưởng lão để cật vấn Ngài. Khắp cả kinh thành đều xôn xao vì cái tin hai bậc Đại trí sắp so tài biện bác với nhau. Dân chúng rủ nhau lũ lượt đến đảnh lễ Trưởng lão rồi ngồi nép qua một bên. Nữ du sĩ mở đầu cuộc tranh luận.

- Bạch Ngài, tôi mạn phép được hỏi Ngài một câu.

- Này nữ du sĩ, hãy hỏi đi.

Nữ du sĩ mang "Thiên ngôn luận" của mình ra hỏi, hỏi câu nào cũng đều được Trưởng lão giảng giải rành mạch. Sau cùng, Trưởng lão hỏi lại một câu:

- Ngoài những câu hỏi vừa rồi nàng còn câu hỏi nào nữa chăng?

- Bạch Ngài, chỉ có bấy nhiêu thôi ạ!

- Nãy giờ nàng hỏi ta rất nhiều, ta cũng có một câu muốn hỏi, nàng có hứng giải đáp chăng?

- Bạch Ngài, xin Ngài cứ hỏi, nếu tôi biết thì tôi sẽ giải đáp.

Trưởng lão liền đưa ra một câu hỏi về Danh Pháp, nữ du sĩ không biết lối nào mà giải đáp, phải hỏi lại Trưởng lão rằng:

- Bạch Ngài, câu Ngài hỏi có tên là gì?

- Là Phật Chú (Buddhamanto).

- Bạch Ngài, xin Ngài cho tôi câu Phật Chú đó được chăng?

- Chừng nào nàng cùng một đạo với ta, thì ta sẽ cho nàng.

- Nếu vậy, xin Ngài cho tôi xuất gia đi.

Trưởng lão chỉ dẫn cho nữ du sĩ đến Ni viện và giới thiệu cho cô được xuất gia. Sau khi thọ Cụ túc giới, cô được mệnh danh là Tỳ khưu Ni Tóc Quăn và mấy hôm sau đắc quả A La Hán với Tuệ Phân Tích. Các Tỳ khưu câu hội nơi giảng đường, nêu lên vấn đề này: "Tỳ khưu Ni Tóc Quăn không từng nghe thuyết pháp nhiều, thế mà cũng đắc quả tối thượng của bậc xuất gia. Nghe nói, cô đã một mình đại chiến với tên cướp, thắng được nó mới đến đây xuất gia...".

Đức Bổn Sư đến hỏi:

- Nầy các Tỳ khưu, hôm nay các thầy ngồi đây thảo luận chuyện chi?

- Bạch Ngài, chuyện nầy...

Nghe vậy, Đức Bổn Sư giải thích:

- Nầy các Tỳ khưu, Pháp của ta thuyết, chớ có trắc lượng bằng số ít hay số nhiều, thà thuyết một câu Pháp Cú còn hơn nói cả trăm câu vô ích. Vả lại, người thắng được tất cả kẻ cướp không đáng gọi là anh hùng vô địch, chỉ có người thắng được những kẻ cướp là phiền não ở nội tâm mới thật xứng danh vô địch.

Nói xong, Đức Bổn Sư thuyết pháp giải thêm và tóm tắt bằng hai bài kệ như sau:

102. "Yo ca gāthāsataṃ bhāse,
Anatthapadasaṅhitā;
Ekaṃ dhammapadaṃ seyyo,
Yaṃ sutvā upasammati".

"Dầu cho tụng đến trăm câu,
Toàn kệ vô nghĩa thì đâu ích gì?
Thà kệ Pháp Cú thích nghi,
Một câu nghe cũng đoạn ly khổ sầu".

103. "Yo sahassaṃ sahassena,
Saṅgāme manuse jine;
Ekañca jeyyamattānaṃ,
Sa ve saṅgāmajuttamo".

"Chiến trường quyết liệt hơn thua,
Thắng người ngàn trận cũng chưa thật tài,
Thắng mình mới đáng gọi hay,
Chiến công oanh liệt ấy ai dám bì".

☸

CHÚ GIẢI:

Gāthāsataṃ: người tụng kệ cho nhiều đếm cho đủ số một trăm câu.

Anatthapadasaṃhitā: nhưng toàn là những câu vô ích, chẳng hạn như giải về màu sắc bầu trời.

Dhammapadaṃ: Pháp cú là câu nào có đầy đủ nghĩa lý, có lợi ích thiết thực.

Ngoại đạo du sĩ cũng có bốn câu Pháp Cú, thế nào là bốn?

Du sĩ là người không tham.

Du sĩ là người không tác hại.

Du sĩ là người có sự ghi nhớ (có Chánh niệm).

Du sĩ là người có Chánh Định.

So với Pháp Cú của ngoại đạo như vậy thì một câu kệ Pháp Cú còn quý hơn!

Yo sahassaṃ sahassena: người nào một mình cầm binh khí ra chiến đấu với một ngàn ngàn (một triệu) người, chỉ trong một trận giao phong mà thắng được cả triệu người, dầu có đem sự thắng lợi về, cũng chưa đáng gọi là người thắng trận tối thượng.

Ekañca jeyya m'attānaṃ: trái lại, người nào luôn cả ngày đêm, ở mọi chỗ, lúc nào cũng tâm tâm niệm niệm, ghi nhớ đề mục Chỉ Quán, tự mình thắng được những phiền não tham, sân, si trong nội tâm.

Sa ve saṅgāmajuttamo: người này quả thật là người chiến thắng tối thượng, quý báu, lập được chiến công oanh liệt nhất.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khưu đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Thiếu nữ làm eo để cưới chồng,
Vì thương kẻ cướp bị lao lung,
Ngờ đâu, ngựa vẫn quen đường cũ,
Hắn chẳng mang ơn, lại trở lòng.
Dụ được nàng lên đỉnh núi cao,
Hắn toan giết, đoạt của, bôn đào,
Nàng khôn, giả cách xin tha mạng,
Lừa thế, xô tên phản bội nhào!...
Giết chồng đâu lẽ trở về nhà?
Sương phụ băng rừng đi xuất gia,
Học được một ngàn câu hỏi đố,
"Diêm Phù" nổi tiếng khắp Ta bà.
Pháp chủ hỏi nàng: "Một là gì?".
Nàng thưa, xin nhập đạo bên Ni,
Về sau đắc quả A La Hán,
Tăng chúng phàm phu có chỗ nghi,
Phật dạy: Kệ vô nghĩa tụng nhiều,
Trăm câu lợi ích chẳng bao nhiêu!
Sao bằng một kệ nghe vừa dứt,
Tâm được an bình, Khổ não tiêu...
Thắng ngàn quân địch giữa sa trường,
Chẳng phải anh hùng Phật tán dương,
Chỉ có thắng mình là đại thắng,
Chiến công oanh liệt ấy ai đương?...

DỨT TÍCH TỲ KHƯU NI TÓC QUĂN



102. Một lời pháp đưa đến an tịnh còn tốt hơn cả ngàn lời trống rỗng vô nghĩa.

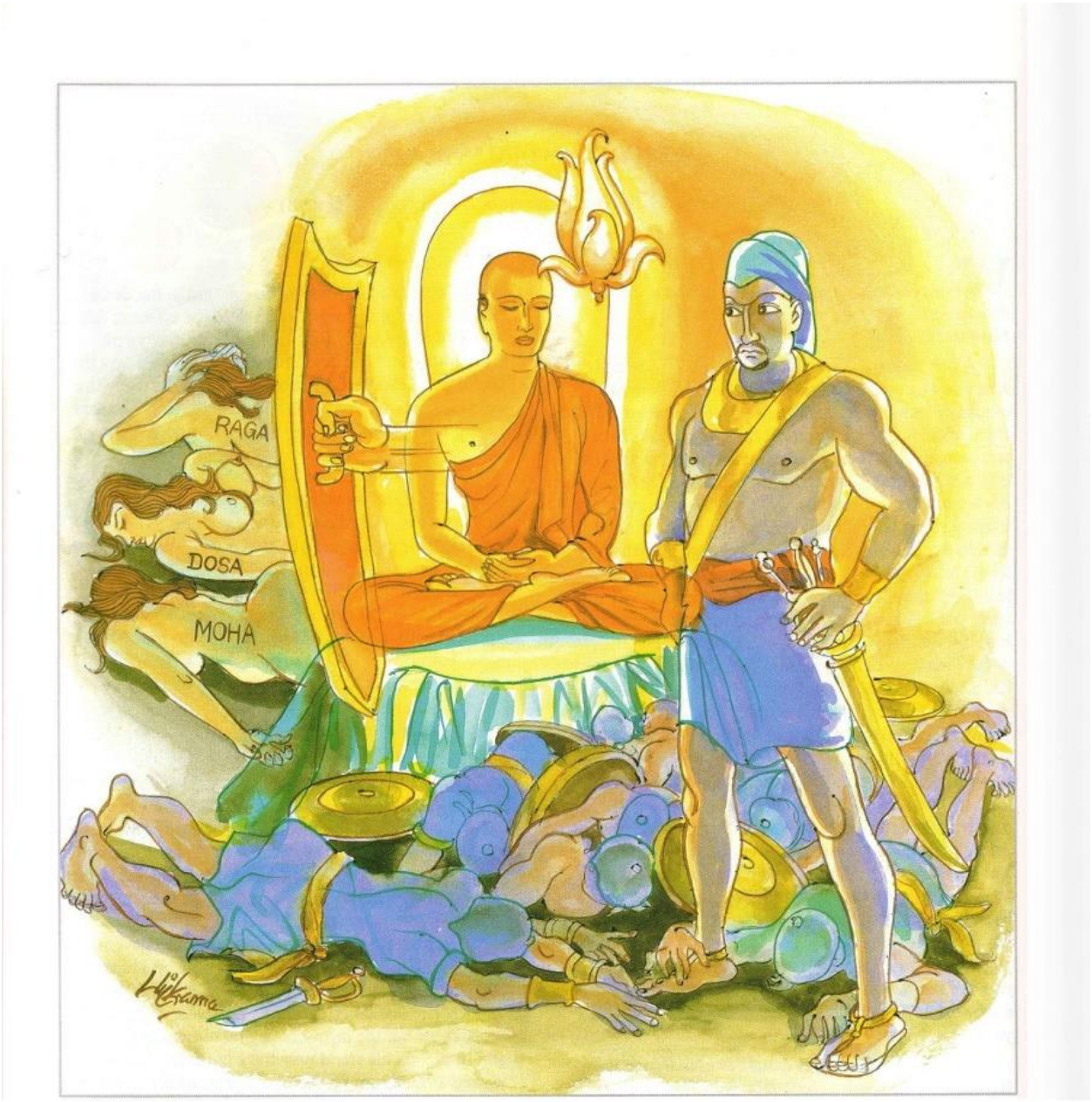

103. Chiến thắng bản thân mình vượt xa chiến thắng cả ngàn người khác ở chiến trường.

VIII.4- Tích BÀ LA MÔN HỎI PHÁP VÔ ÍCH

(Anatthapucchakabrāhmaṇavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 104-105)

104. "Attā have jitaṃ seyyo, **Yā cāyaṃ itarā pajā;** **Attadantassa posassa,** **Niccaṃ saññatacārino".**	***"Tự thắng, tốt đẹp hơn,*** ***Hơn chiến thắng người khác,*** ***Người khéo điều phục mình,*** ***Thường sống tự chế ngự".***
105. "Neva devo na gandhabbo, **Na māro saha brahmunā;** **Jitaṃ apajitaṃ kariyā,** **Tathārūpassa jantuno".**	***"Dầu Thiên Thần, Thát Bà,*** ***Dầu Ma Vương, Phạm Thiên,*** ***Không ai chiến thắng nổi,*** ***Người tự thắng như vậy".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài an ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến thầy Bà la môn hỏi về Pháp Vô ích (Anatthapucchakabrāhmaṇa).

Tương truyền: Thầy Bà la môn này có ý nghĩ: "Đức Chánh Biến Tri chỉ biết Pháp Hữu ích hay là Ngài biết cả Pháp Vô ích nữa? Để ta hỏi Ngài xem!".

Thầy đến yết kiến Đức Bổn Sư và hỏi:

- Bạch Ngài, người ta cho rằng Ngài chỉ biết Pháp Hữu ích, chớ không biết Pháp Vô ích phải không?

- Nầy thầy Bà la môn, Ta biết cả Pháp Hữu ích và Pháp Vô ích.

- Nếu vậy, xin Ngài thuyết Pháp Vô ích cho tôi nghe thử coi.

Đức Bổn Sư liền thuyết rằng:

"Ussūraseyyaṃ ālasyaṃ,
Caṇḍikkaṃ dīghasotthiyaṃ;
Ekassaddhānagamanaṃ,
Paradārūpaseyanaṃ;
Etaṃ brāhamaṇa sevassu,
Anatthaṃ te bhavissatīti".

"Ngủ nướng sau khi mặt trời đã mọc, rã rượi, biếng nhác, hung bạo mà hưởng phước lâu dài. Hành trình theo một tà đạo, bám theo sắc đẹp của vợ người khác. Này Bà la môn, nương theo các Pháp ấy, thì thầy sẽ không được lợi ích".

Nghe hết bài kệ, thầy Bà la môn hoan hỷ tán dương:

- Lành thay! Lành thay! Ngài thật là bậc Thầy Tổ, là bậc đàn anh của một phái (Gaṇajeṭṭhaka). Ngài biết cả Pháp Hữu ích và Pháp Vô ích.

- Này thầy Bà la môn, không có người nào biết cả Pháp Hữu ích và Pháp Vô ích như Ta đâu!

Khi ấy, Đức Bổn Sư quán xét khuynh hướng của thầy Bà la môn rồi hỏi:

- Này thầy Bà la môn, thầy sống bằng nghề gì?

- Sống bằng nghề cờ bạc, thưa Ngài Cồ Đàm.

- Thầy đánh bạc ăn hay thua?

- Ăn cũng có mà thua cũng có.

Nghe vậy, Đức Bổn Sư bảo:

- Này thầy Bà la môn, người thắng được kẻ khác trong sòng đổ bát không mấy gì có giá trị, không bằng người tự thắng phục phiền não của chính mình. Quả vậy, người đã tự thắng không còn ai có thể thắng người ấy được.

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết pháp và kết luận bằng những bài kệ như vầy:

104. "Attā have jitaṃ seyyo, Yā cāyaṃ itarā pajā; Attadantassa posassa, Niccaṃ saññatacārino".	*"Tự mình hãy thắng mình đi,* *Hơn thắng kẻ khác làm chi bên ngoài!* *Người sống tự chế lâu dài,* *Là người khôn khéo, có tài tu thân".*
105. "Neva devo na gandhabbo, Na māro saha brahmunā; Jitaṃ apajitaṃ kariyā, Tathārūpassa jantuno".	*"Dầu Càn thát bà, Thiền thần,* *Ma vương, Đại phạm, mấy tầng trời cao;* *Cũng không đánh bại được nào,* *Người đã tự thắng, anh hào ai đang".*

☸

CHÚ GIẢI:

Have: là tiếng bất biến phân từ trong văn phạm Pāḷi.

Jitaṃ: người tự thắng bằng cách thắng phục phiền não thì quý hơn (tiếng này đã đổi từ nữ tánh ra nam tánh).

Yā cā'yaṃ itarā pajā: ngoài sự thắng ấy ra, ai thắng phục người khác trong sòng đổ bát, hoặc dùng thế lực kim tiền, hoặc lực lượng vũ trang mà chiến thắng kẻ địch, thì sự thắng phục cũng không quý hơn sự tự thắng. Do đó thà là mình tự thắng còn hơn thắng những kẻ khác vậy.

Attadantassa: tự chế

Tathārūpassa jantuno: như trên đã nói, chúng sanh nào là người tự chế ngự, đã dứt trừ được phiền não, là người luôn luôn có sự ghi nhớ biết mình thì thân, khẩu, ý của người được vô nhiễm. Hạng người có ý chí chế ngự được thân tâm như thế thì dầu là chư thiên, Càn thát bà, Ma vương cho đến các phạm thiên có ý muốn thử thách: "Ta sẽ đánh bại người ấy, ta sẽ khiến cho phiền não phát sanh lên để cho người bỏ hết Thiền định, Đạo quả".

Dầu cố gắng như thế nào, chẳng hạn như thắng được bằng tài sản về mọi mặt, rồi thắng được bằng phương tiện nào khác nữa, người đánh bại kẻ khác như vậy cũng không thể đánh bại người tự thắng bao giờ.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khưu đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

Dịch Giả Cẩn Đề

Đức Phật giải rành việc được thua:
Được điều bất lợi chớ tranh đua!
Dậy trưa, ngủ nướng, thua là được,
Quyến rũ vợ người, được cũng thua!
Cờ bạc, được thua ấy sự thường,
Không gì vinh hạnh đáng phô trương!
Tự mình thắng được mình mới quý,
Tự thắng thì ai dám cự đương?...

DỨT TÍCH ĐIẾM CỜ BẠC HỎI ĂN THUA

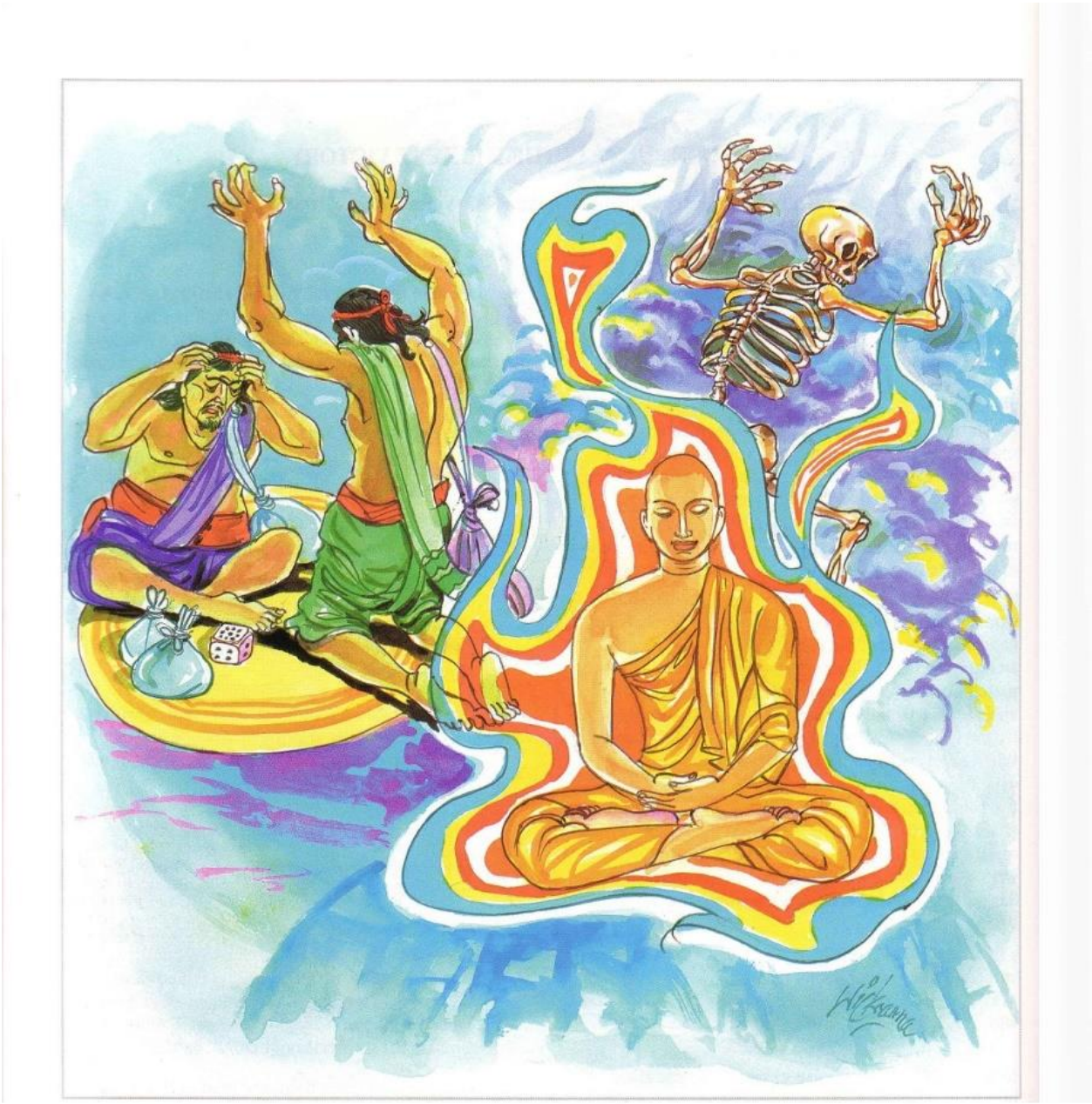

104. Chiến thắng bản thân mình, chứ không phải thắng người khác, đó là chiến thắng tối thượng với bản ngã được điều phục.

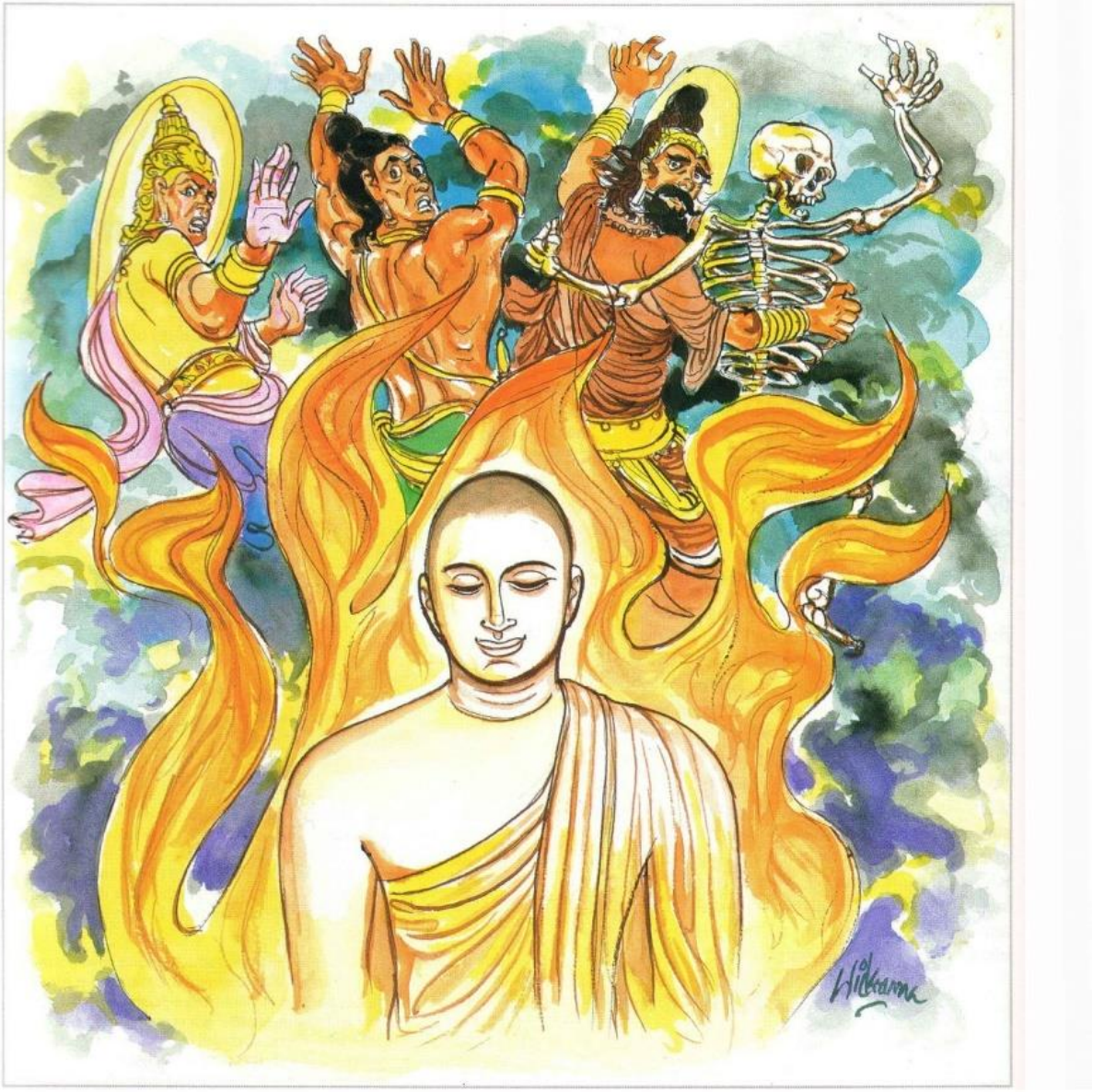

105. Tự thắng mình như vậy không thể bị Ma vương, Phạm thiên hay vị Thiên thần nào đảo ngược lại được cả.

VIII.5- Tích BÀ LA MÔN CẬU CỦA TRƯỞNG LÃO XÁ LỢI PHẤT

(Sāriputtattherassa mātulabrāhmaṇa vatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 106)

"Māse māse sahassena,	***"Tháng tháng bỏ ngàn vàng,***
Yo yajetha sataṃ samaṃ;	***Tế tự cả trăm năm,***
Ekañca bhāvitattānaṃ,	***Chẳng bằng trong giây lát,***
Muhuttamapi pūjaye;	***Cúng dường bậc tự tu,***
Sā yeva pūjanā seyyo	***Cúng dường vậy tốt hơn,***
Yañce vassasataṃ hutaṃ".	***Hơn trăm năm tế tự".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Veḷuvana (Trúc Lâm), đề cập đến thầy Bà la môn là cậu của Trưởng lão Sāriputta (Xá Lợi Phất).

Tương truyền: Trưởng lão đến thăm người cậu và hỏi:

- Nầy thầy Bà la môn, thầy có làm chút ít điều thiện chi không?

- Bạch Ngài, tôi có làm.

- Thầy làm điều gì?

- Tháng nào tôi cũng xuất ra hằng ngàn đồng vàng để làm phước, bố thí.

- Thầy bố thí cho ai?

- Bạch Ngài, cho nhóm Niganṭha (Ni Kiền Tử).

- Mục đích cứu cánh của họ là gì?

- Bạch Ngài, cõi Phạm thiên.

- Đạo này đưa người lên cõi Phạm thiên phải chăng?

- Dạ phải, bạch Ngài.

- Ai nói vậy?

- Dạ, bạch Ngài, các thầy A Xà Lê thuyết cho tôi nghe như vậy.

- Thầy không hề biết đường lên cõi Phạm thiên, cả mấy thầy A Xà Lê cũng vậy. Chỉ có mình Đức Bổn Sư biết mà thôi.

Lại đây, thầy Bà la môn, ta sẽ đưa thầy đi nghe pháp thuyết về con đường lên Phạm thiên giới.

Nói rồi Trưởng lão dắt người cậu đến trước Đức Bổn Sư rồi tường trình hết mọi sự và thỉnh cầu Ngài:

- Bạch Ngài, thầy Bà la môn này đã nói như thế, như thế, xin Ngài từ bi hoan hỷ thuyết pháp về con đường lên Phạm thiên giới cho thầy ấy được nghe.

Đức Bổn Sư hỏi lại: "Nầy thầy Bà la môn, thầy có nói như thế không?".

- Dạ thưa có, Ngài Cồ Đàm ạ.

Nghe vậy, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nầy thầy Bà la môn, việc thầy đã làm phước bố thí như vậy, dầu thầy có làm liên tục cả trăm năm cũng không bằng trong giây phút thầy có tâm trong sạch nhìn ngắm một vị Thinh Văn của Ta hoặc thầy để bát cúng dường một vá cơm canh đến vị ấy thì sẽ được phước báu còn lớn hơn nhiều.

Nói rồi Đức Bổn Sư thuyết pháp và kết luận bằng bài kệ này:

"Māse māse sahassena,	*"Mỗi tháng bỏ ra ngàn vàng,*
Yo yajetha sataṃ samaṃ,	*Sắm sanh tế tự đến hàng trăm năm.*
Ekañca bhāvitattānaṃ,	*Không bằng giây phút ân cần,*
Muhuttamapi pūjaye".	*Cúng dường đến bậc chánh chân tu hành.*
Sā yeva pūjanā seyyo	*Cúng dường đúng cách, phước lành,*
Yañce vassasataṃ hutaṃ".	*Còn hơn tế vật hi sanh mãn đời".*

CHÚ GIẢI:

Sahassena: bỏ ra ngàn vàng.

Yo yajetha sataṃ samaṃ: người mà hàng tháng xuất ra hàng ngàn đồng để bố thí cho quần chúng ở thời gian suốt cả trăm năm.

Ekañca bhāvitattānaṃ: người nào chỉ một lúc cúng dường đến bậc chân tu đã tiến hóa, thấp nhất là bậc Tu Đà Hườn và cao nhất là bậc Lậu tận đến đứng trước cửa nhà, một vá cơm canh, hoặc vật thực để nuôi mạng sống, hoặc một lá y choàng nhỏ thì còn tốt hơn người khác lo việc tế tự quỷ thần cả trăm năm. Sự cúng dường như vậy thì cao cả, quý báu nhất.

Cuối thời Pháp, thầy Bà la môn đắc Tu Đà Hườn quả. Những người khác cũng đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Pháp chủ cầu mong độ cậu mình,
Thoát vòng tà kiến với vô minh,
Dẫn ông đến Phật, nhờ Phật thuyết,
Chánh pháp cho ông khởi đức tin.
Phật dạy: Dầu ông cúng lửa thần,
Trăm năm lo lắng thật chuyên cần,
Không bằng một phút giây sùng kính,
Các bậc Thinh Văn tu chánh chân!

DỨT TÍCH BÀ LA MÔN CẬU CỦA TRƯỞNG LÃO XÁ LỢI PHẤT

ଓ☸ଌ

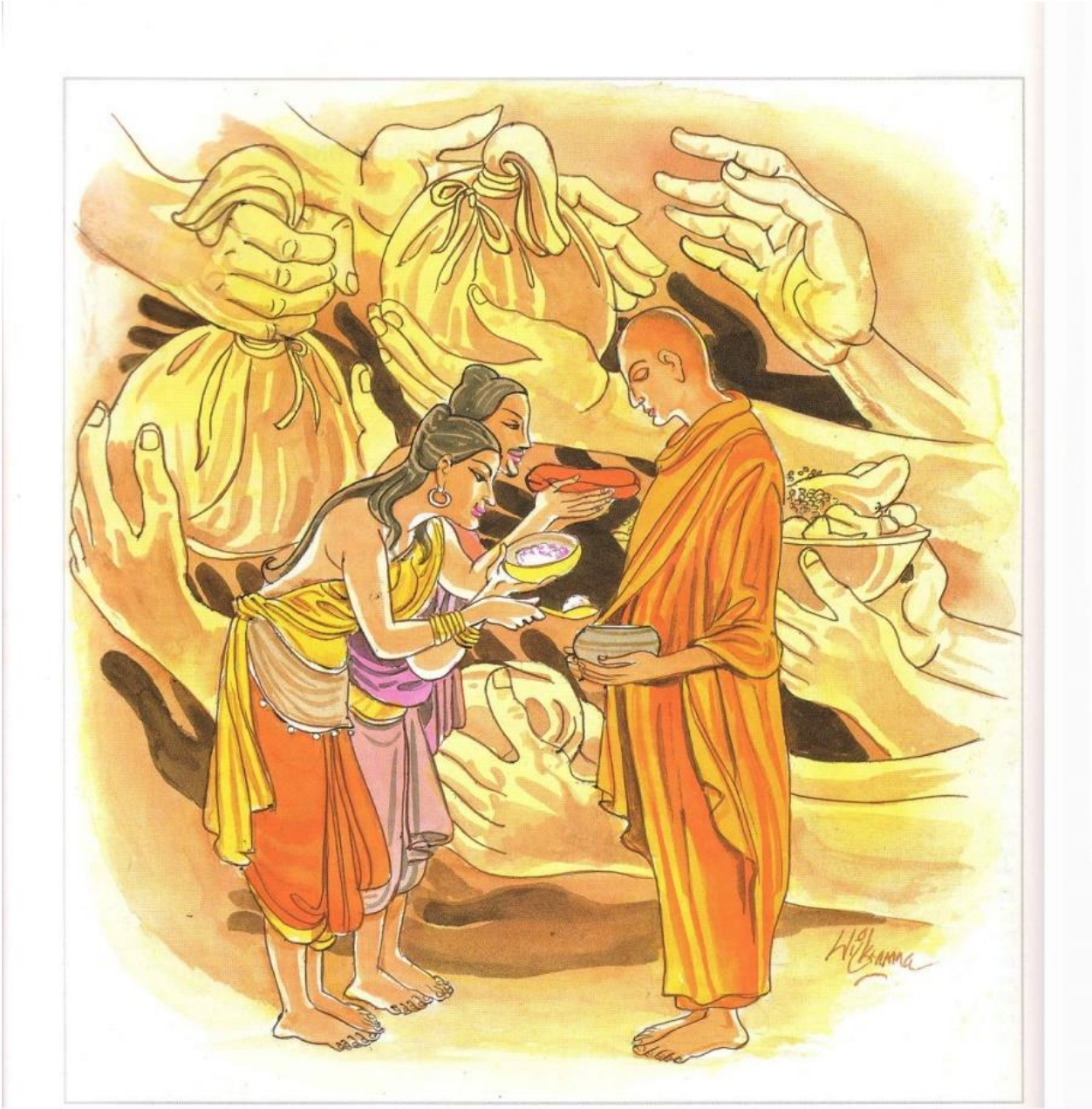

106. Chỉ chốc lát cung kính cúng dường bậc tự điều thân còn hơn lễ cúng thần linh cả trăm năm.

VIII.6- Tích BÀ LA MÔN CHÁU CỦA TRƯỞNG LÃO XÁ LỢI PHẤT

(Sāriputtattherassa bhāgineyyavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 107)

"Yo ca vassasataṃ jantu,	***"Dầu trải một trăm năm,***
Aggiṃ paricave vane;	***Thờ lửa tại rừng sâu,***
Ekañca bhāvitattānaṃ,	***Chẳng bằng trong giây lát,***
Muhuttamapi pūjaye".	***Cúng dường bậc tự tu,***
Sā yeva pūjanā seyyo,	***Cúng dường vậy tốt hơn,***
Yañce vassasataṃ hutaṃ".	***Hơn trăm năm tế tự".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Veḷuvana (Trúc Lâm), đề cập đến cháu của Trưởng lão Sāriputta (Xá Lợi Phất).

Trưởng lão cũng đến thăm người cháu và hỏi:

- Nầy thầy Bà la môn, thầy có làm chút ít điều thiện chi không?

- Bạch Ngài, có.

- Thầy làm điều gì?

- Tháng tháng tôi giết thịt một con vật để tế lễ giữ gìn lửa thần.

- Thầy làm như vậy có ích gì?

- Người ta nói đó là con đường lên Phạm thiên giới.

- Ai nói như thế?

- Bạch Ngài, các vị thầy của tôi.

- Thầy đã dốt mà các thầy của thầy lại cũng không biết con đường lên cõi Phạm thiên. Lại đây, chúng ta cùng đi yết kiến Đức Bổn Sư.

Trưởng lão dắt người cháu đến ra mắt Đức Bổn Sư và thuật lại câu chuyện giữa hai cậu cháu, rồi nói:

- Bạch Ngài, xin Ngài hoan hỷ thuyết về con đường lên cõi Phạm thiên cho thầy này nghe.

Đức Bổn Sư hỏi lại:

- Thầy đã nói như thế, phải không?

- Dạ phải, bạch Ngài Cồ Đàm.

Nghe vậy, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này thầy Bà la môn, dầu thầy có chăm lo tế tự lửa thần như vậy cả trăm năm đi nữa, sự cúng tế của thầy cũng không bì kịp sự cúng dường đến bậc Thanh Văn của Như Lai, dầu chỉ trong giây lát.

Nói rồi, Đức Thế Tôn thuyết pháp và kết luận bằng bài kệ:

"Yo ca vassasataṃ jantu,	*"Trăm năm trọn một kiếp người,*
Aggiṃ paricave vane,	*Rừng sâu thờ lửa, chẳng lợi ngày nào.*
Ekañca bhāvitattānaṃ,	*Không bằng giây phút cần lao,*
Muhuttamapi pūjaye".	*Cúng dường những bậc tu nào chánh chân.*
Sā yeva pūjanā seyyo	*Cúng dường chân tu một lần,*
Yañce vassasataṃ hutaṃ".	*Còn hơn tế tự lửa thần trăm năm".*

CHÚ GIẢI:

Jantu: chúng sanh.

Aggiṃ paricare vane: dầu cho tránh khỏi mọi chướng ngại, vào rừng lo tế tự lửa thần ở đó…

Phần sau nên giải thích y như bài kệ trước.

Cuối thời Pháp, thầy Bà la môn đắc Tu Đà Hườn quả. Nhiều người khác cũng đắc Thánh quả, nhất là quả vị Tu Đà Hườn.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Pháp chủ cũng mong độ cháu trai,
Sát sanh hàng tháng cúng thần hoài,
Dẫn chàng đến Phật, nhờ Phật thuyết,
Chánh Pháp, cho chàng tránh ác lai,
Phật dạy: Dầu con cúng lửa thần,
Trăm năm lo lắng thật chuyên cần,
Không bằng với đức tin chơn chánh,
Cúng bậc Thinh Văn chỉ một lần!

DỨT TÍCH BÀ LA MÔN CHÁU CỦA TRƯỞNG LÃO XÁ LỢI PHẤT

ଓ☸ଌ

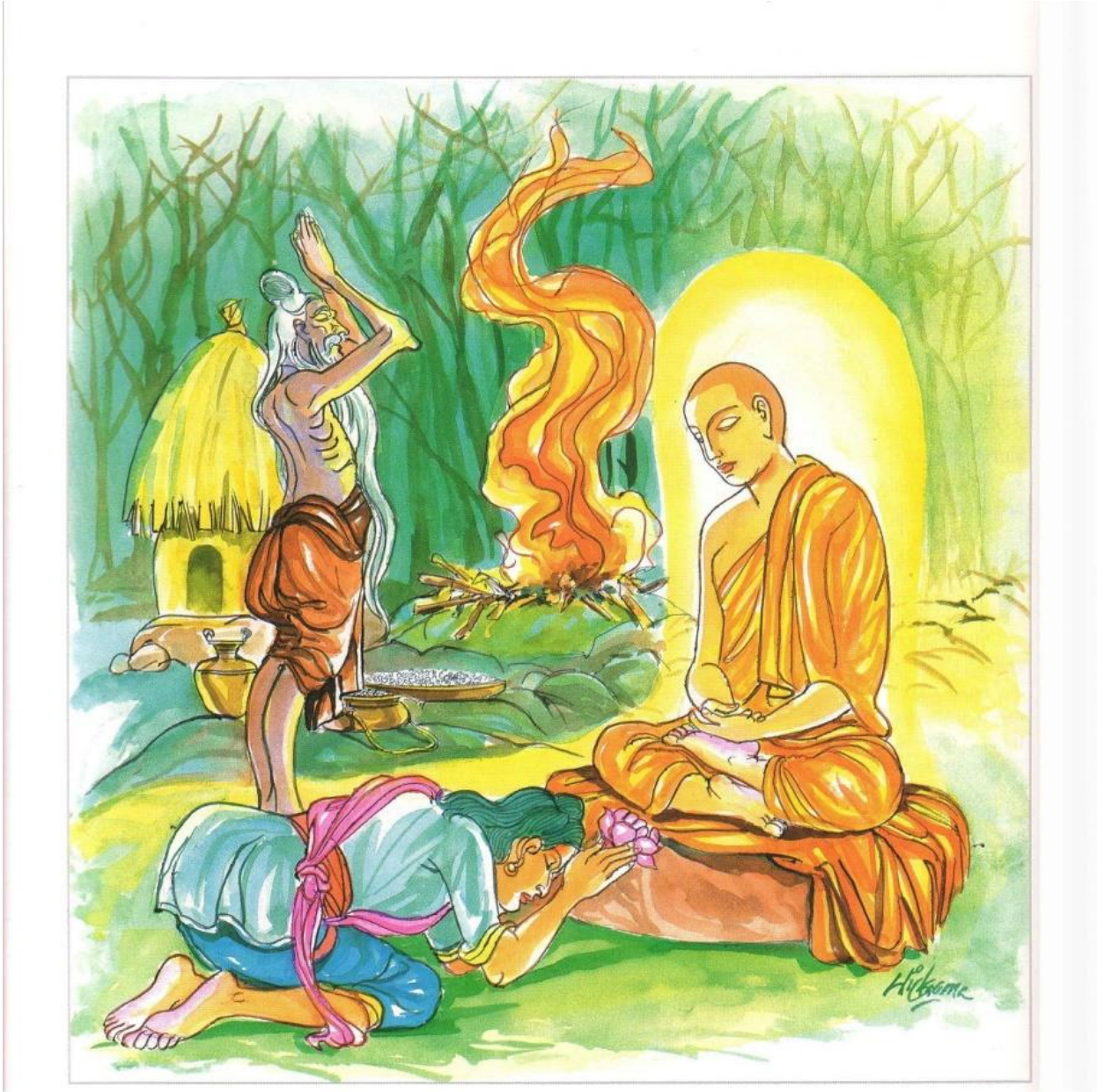

107. Tôn kính bậc tu tập thân tâm tốt hơn thờ lửa cả trăm năm.

VIII.7- Tích BÀ LA MÔN BẠN CỦA TRƯỞNG LÃO XÁ LỢI PHẤT

(Sāriputtattherassa sahāyakabrāhmaṇa vatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 108)

"Yaṅkiñci yiṭṭhañca hutañca loke,	***"Suốt năm cúng tế vật,***
Saṃvaccharaṃ yajetha puññapekkho;	***Để cầu phước ở đời,***
Sabbampi taṃ na catubhāgameti,	***Không bằng một phần tư,***
Abhivādanā ujugatesuseyyo".	***Kính lễ bậc chánh trực".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Veḷuvana (Trúc Lâm), đề cập đến thầy Bà la môn bạn của Trưởng lão Sāriputta (Xá Lợi Phất).

Trưởng lão cũng đến thăm thầy và hỏi:

- Nầy thầy Bà la môn, thầy có làm điều thiện chi không?

- Bạch Ngài, có.

- Thầy làm điều gì?

- Tôi đã làm nhiều việc bố thí hy sinh (Yāgaṃ) to tát. Theo truyền thuyết, người ta dứt bỏ nhiều của cải để thực hành việc bố thí hy sinh này.

Trưởng lão cũng tiếp hỏi thêm như trước, rồi dắt người bạn cũ đến yết kiến Đức Thế Tôn, tường trình hết mọi sự cho Ngài nghe rồi thỉnh cầu:

- Bạch Ngài, xin Ngài hoan hỷ thuyết về con đường lên cõi Phạm thiên cho thầy này nghe.

Đức Bổn Sư hỏi lại:

- Nầy thầy Bà la môn, thầy có nói như thế không?

- Dạ thưa có.

Nghe vậy, Đức Thế Tôn bảo rằng:

- Này thầy Bà la môn, việc thầy hằng năm làm bố thí trọng thể đến quần chúng trong thế gian, so với việc người phát tâm trong sạch có tác ý thiện, muốn đảnh lễ những Thinh Văn của Ta thì một phần tư giá trị cũng chưa bằng.

Nói rồi, Đức Thế Tôn thuyết pháp và kết luận bằng bài kệ:

"Yaṅkiñci yiṭṭhañca hutañca loke,	*"Cúng dường, bố thí suốt năm,*
Saṃvaccharaṃ yajetha puññapekkho;	*Công đức chẳng được cao thâm như là.*
Sabbampi taṃ na catubhāgameti,	*Một phần tư được trích ra,*
Abhivādanā ujugatesuseyyo".	*Từ phước kính lễ các nhà chánh chơn".*

☸

CHÚ GIẢI:

Yaṃ kiñci: tiếng nói chung bao gồm tất cả mọi việc bố thí không dư sót.

Yiṭṭhaṃ: sự bố thí trọng đại, nhất là trong những ngày lễ.

Hutaṃ: vật bố thí mà người tích trữ rồi đem ra hậu đãi khách quý, do có đức tin nơi nghiệp quả mà bố thí.

Saṃvaccharaṃ yajetha: sự bố thí với đầy đủ chi tiết kể trên, suốt trong năm trường như vậy, nhưng chỉ bố thí đến quần chúng thế gian, mặc dầu khắp cõi Ta bà.

Puññapekkho: muốn được phước báu.

Ujugatesu: những bậc đã đi trên Thánh đạo, từ bậc thấp nhất là các vị Tu Đà Hườn, đến bậc cao nhất là A La Hán. Đối với những bậc đã nói trên đây, ai có tác ý thiện (Kusalacetanā) do đã phát tâm tịnh tín (Pasannena cittena) muốn cúi mình lễ bái, thì quả phước cao quý gấp bốn lần tất cả mọi việc bố thí thông thường, bởi thế cho nên nói: "Việc kính lễ bậc chánh trực thì quý hơn".

Cuối thời Pháp, thầy Bà la môn bạn của Trưởng lão Xá Lợi Phất đắc quả Tu Đà Hườn. Nhiều người khác cũng đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Pháp chủ còn mong độ bạn thân,
Sát sanh trọng thể cúng thiên thần,
Dẫn chàng đến Phật, nhờ Phật thuyết,
Chánh pháp, cho chàng biết quả, nhân!
Phật dạy, lửa thần, cúng cả năm,
Sát sanh trọng thể chẳng ăn nhằm,
Vì không sánh được phần tư phước,
Bố thí bần dân, cúng Thánh Tăng.

DỨT TÍCH BÀ LA MÔN BẠN CỦA TRƯỞNG LÃO XÁ LỢI PHẤT

ଓ☸ଌ

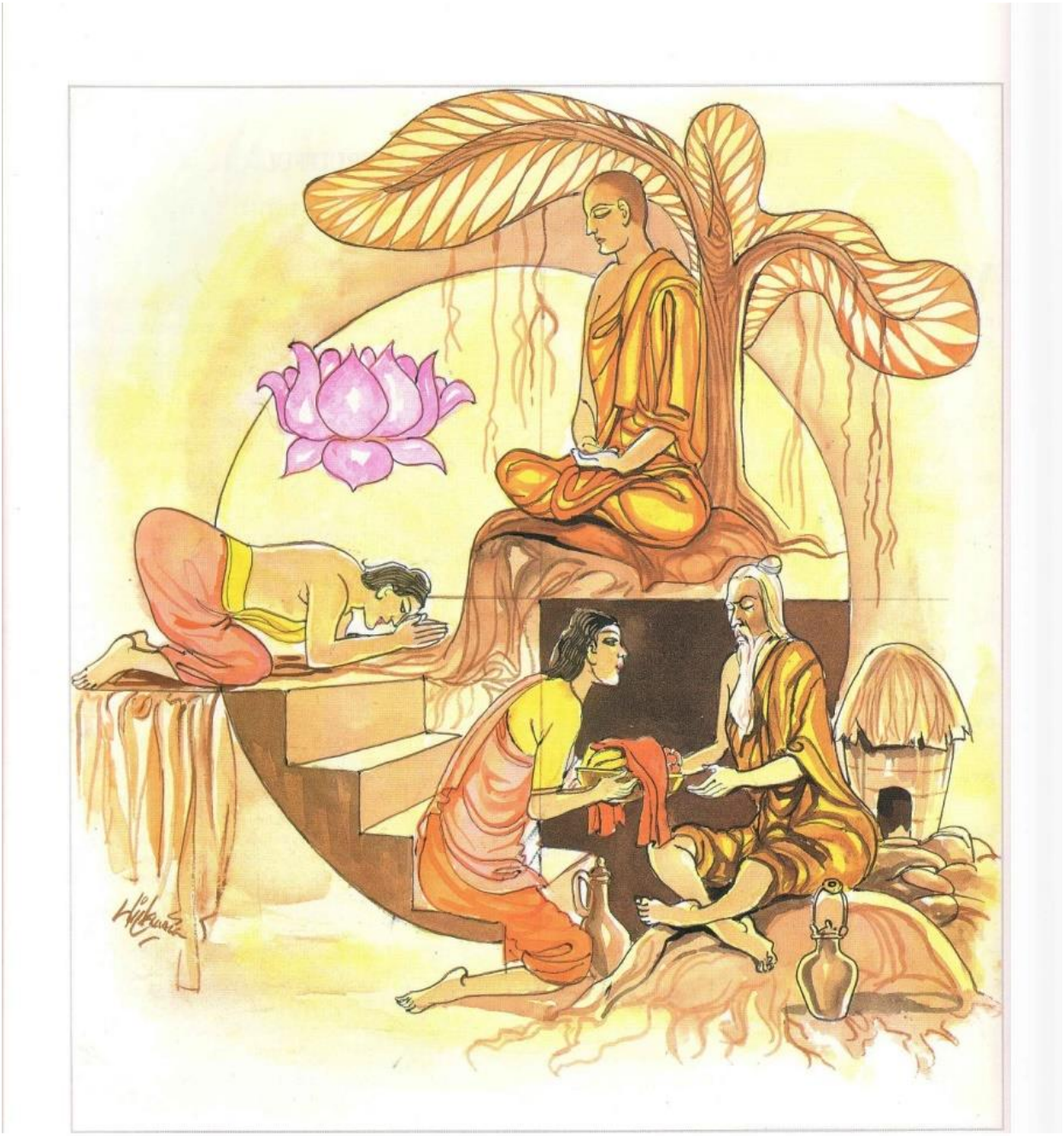

108. Cúng bái cầu nguyện một năm không bằng một phần tư kính lễ bậc Thánh xứng đáng được tôn trọng.

VIII.8- Tích CẬU BÉ ÍCH THỌ

(Āyuvaḍḍhanakumāravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 109)

"Abhivādanasīlissa,	***Thường tôn trọng, kính lễ,***
Niccaṃ vuḍḍhāpacāyino;	***Bậc kỳ lão trưởng thượng,***
Cattāro dhammā vaḍḍhanti,	***Bốn Pháp được tăng trưởng:***
Āyu vaṇṇo sukhaṃ balaṃ".	***Thọ, sắc, lạc, sức mạnh".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại xứ Dīghalambika (Đi Khá Lam Bí Cá), ở trong một cái cốc trong rừng (Araññakuṭikā), đề cập đến công tử Dīghāyu (Trường Thọ).

Tương truyền: Có hai vị Bà la môn cư ngụ trong thành Dīghalambika, sau khi xuất gia theo ngoại đạo đã đi ta bà thực hành khổ hạnh (Tapacaranaṃ) trong bốn mươi tám năm. Một trong hai đạo sĩ ấy nghĩ rằng: "Dòng dõi ta sẽ bị tiêu diệt, ta sẽ hoàn tục".

Thế rồi, đạo sĩ bán hết cho người khác những đồ đạc dụng cụ đạo sĩ của mình làm ra, lấy tiền mua súc vật về nuôi và về sau khá giả, thầy cưới vợ và tạo lập gia đình. Rồi vợ thầy sanh được một đứa con trai.

Vị đạo sĩ kia đã xuất ngoại, mới trở về thành trong mấy ngày. Nghe tin đạo sĩ trở về, thầy Bà la môn dắt cả vợ con đi thăm bạn cũ. Gặp đạo sĩ, thầy trao con cho vợ ẵm để thầy đảnh lễ. Người mẹ cũng trao con cho cha bồng để mình đảnh lễ đạo sĩ. Đạo sĩ chúc phúc cho cả hai vợ chồng được trường thọ. Đến phiên đứa con đảnh lễ thì đạo sĩ làm thinh.

Người cha bèn hỏi đạo sĩ:

- Bạch Ngài, tại sao khi chúng tôi đảnh lễ Ngài chúc chúng tôi được trường thọ. Còn khi đứa nhỏ nầy đảnh lễ Ngài không nói chi cả?

- Nầy thầy Bà la môn, đứa bé nầy sắp lâm đại nạn.

- Bạch Ngài, nó sẽ sống được bao lâu?

- Nầy Bà la môn, nó sẽ sống được bảy ngày.

- Bạch Ngài, có phép gì tránh khỏi tai nạn chăng?

- Sa môn Cồ Đàm biết, thầy hãy đến tìm Ngài mà hỏi.

- Đi đến đó tôi sợ đứt Giới hạnh đạo sĩ của mình chăng?

- Nếu thầy có lòng thương tưởng đến con thì đừng quá câu nệ như thế, hãy đi tìm Ngài mà hỏi đi.

Thầy Bà la môn đem cả vợ con đến yết kiến Đức Bổn Sư, sau khi thầy đảnh lễ, Ngài chúc phúc: "Thầy hãy là người trường thọ". Khi vợ thầy đảnh lễ, Ngài cũng chúc phúc trường thọ, nhưng khi đứa con đảnh lễ, Ngài cũng lặng thinh.

Thầy Bà la môn hỏi Đức Bổn Sư như đã hỏi đạo sĩ bạn và Đức Bổn Sư cũng đáp lại y như lời đạo sĩ ấy. Người ta nói: Thầy Bà la môn không hiểu thấu trí tuệ Toàn Giác (Sabbaññutaññāṇaṃ), chỉ căn cứ theo chú thuật của mình mà so sánh, nên nghĩ rằng bậc Toàn Giác cũng không biết được phương pháp nào giúp cho đứa bé thoát khỏi tai họa được.

Thầy Bà la môn hỏi Đức Bổn Sư:

- Bạch Ngài, có phép nào ngăn trở, xa lánh được tai họa chăng?

- Nầy Bà la môn có thể có.

- Có thể có phép gì, bạch Ngài?

- Nếu như thầy che rạp trước cửa nhà mình, giữa rạp thầy cho kê một cái ghế dài, vây quanh ghế ấy thầy cho sắp sẵn tám hoặc mười sáu chỗ ngồi, rồi cho thỉnh các Thinh Văn của Ta ngồi lên đó tụng kinh Pāritta liên tục bảy ngày đêm. Nếu thầy làm được như vậy thì sự tai họa đó có thể tiêu tan.

- Ngài Cồ Đàm à, việc che rạp và sắp xếp chỗ ngồi ở nhà tôi, tôi có thể làm được hết. Nhưng làm sao tôi có thể thỉnh được các vị Thinh Văn của Ngài?

- Thầy cứ về lo phần việc của thầy xong, Ta sẽ cho các Thinh Văn của Ta đến.

- Lành thay, thưa Ngài Cồ Đàm.

Thầy Bà la môn trở về lo châu tất mọi việc ở trước cửa nhà xong, trở lại bạch với Đức Bổn Sư. Ngài cho các Tỳ khưu đi với thầy đến ngồi lên các chỗ đã soạn sẵn, đứa con trai nhỏ cũng được nằm trên chiếc ghế dài.

Các Tỳ khưu tụng kinh Pāritta suốt cả bảy ngày bảy đêm không gián đoạn. Đến ngày thứ bảy, Đức Bổn Sư đích thân ngự đến. Trong cổng cửa nhà ấy, chư thiên trong khắp cõi Ta bà thế giới vân tập đến đông đặc.

Lúc bấy giờ, có con Dạ xoa tên Avaruddhaka sau mười hai năm hầu hạ, phục dịch Đức Thiên Vương Vessavana[1], đã xin được Ngài ân tứ cho phép bắt đứa nhỏ nầy, kể từ hôm nay cho đến ngày thứ bảy, cho nên nó cũng đến đứng ở đó.

Đức Bổn Sư tuyên bố rằng:

- Nơi cổng nhà nầy, chư thiên nhiều oai lực câu hội đông đảo, chư thiên kém oai lực rút lui ra xa.

Các vị sau nầy không sao tìm được chỗ trống nên phải lui ra xa mười do tuần, con Dạ xoa Avaruddhaka cũng phải ra đứng tuốt ngoài xa.

Suốt đêm ấy, Đức Bổn Sư cũng tụng kinh Pāritta. Qua thời hạn bảy ngày, Avaruddhaka chưa bắt được đứa bé, đến ngày thứ tám khi mặt trời vừa mọc lên, người ta mang đứa bé đến đảnh lễ Đức Thế Tôn. Ngài chúc phúc cho nó được trường thọ. Cha đứa bé hỏi:

- Thưa Đức Cồ Đàm, đứa bé nầy sẽ được trường thọ bao lâu?

[1] Tỳ Sa môn, còn gọi là Đa Văn (Kuvera) là Đại Thiên Vương trấn Bắc Châu, cai quản bọn Dạ xoa (Yakkha) T.K.P.M.

- Sống được một trăm hai mươi năm, thầy Bà la môn à!

Do đó, cha mẹ đứa bé đặt tên con là Dīghāyu (Trường Thọ hay Ích Thọ). Theo cổ lệ, nó được danh dự đi chơi nơi nào cũng có năm trăm cận sự nam theo bao vây chung quanh.

Một ngày nọ, chư Tăng ngồi câu hội tại giảng đường, đề khởi câu chuyện như vầy:

- Nầy các đạo hữu, có thấy chăng? Nghe nói cậu bé Dīghāyu phải bị chết trong vòng bảy ngày. Thế mà bây giờ hóa ra lại sống thọ một trăm hai mươi tuổi, khi đi đâu cũng có năm trăm tùy chúng bao quanh. Chắc phải có lý do khiến chúng sanh ấy tăng tuổi thọ…

Đức Bổn Sư đến hỏi:

- Nầy các Tỳ khưu, hôm nay các thầy hội thảo chuyện chi đây?

- Bạch Ngài, chuyện nầy…

Nghe vậy, Đức Thế Tôn giải thích rằng:

- Nầy các Tỳ khưu, không phải toàn thể chúng sanh đều có thể tăng thêm tuổi thọ như thế đâu! Sở dĩ những chúng sanh nầy được như thế là nhờ đã kính lễ các vị có đức hạnh. Họ đã phát triển bốn lý do khiến cho giải thoát khỏi điều tai họa, nên mới được tăng tuổi thọ.

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết pháp và tóm tắt kết luận bằng kệ ngôn:

"Abhivādanasīlissa,	*"Hoan hỷ lễ bái, kính nhường,*
Niccaṃ vuḍḍhāpacāyino;	*Các bậc Trưởng lão thì thường gia tăng.*
Cattāro dhammā vaḍḍhanti,	*Bốn điều phước báo cội căn:*
Āyu vaṇṇo sukhaṃ balaṃ".	*Sống lâu, đẹp đẽ, bình an, hùng cường"*[1].

CHÚ GIẢI:

Abhivādanasīlissa: việc luôn luôn cung kính, lễ bái tỏ vẻ tôn trọng.

Vuḍḍhāpacāyino: người tại gia đối với bậc đã xuất gia, dầu là các Sadi trẻ tuổi và là người xuất gia đối với bậc thọ Cụ túc giới, hoặc lớn tuổi hạ, đạo cao đức cả hơn mình, mà có tâm cung kính đảnh lễ, hoặc thường xuyên cúng dường.

Cattāro dhammā: tăng tuổi thọ, là khi tới tuổi thọ mãn thì được gia tăng, triển hạn. Mấy pháp kia cũng tăng thêm như vậy. Quả nhiên, như người nào đến năm mươi tuổi thọ mới mãn số, nhưng trọn đời làm việc thiện thì dầu ở tuổi hai mươi lăm có gặp đại nạn gì xảy đến, người ấy cũng giải trừ được nhờ kính lễ bậc trưởng thượng. Do đó, người đó không bị giảm thọ, chết yểu.

Cuối thời Pháp, cậu bé Dīghāyu cùng với năm trăm cận sự nam đều đắc quả Tu Đà Hườn. Nhiều người khác cũng chứng đạt quả vị Dự Lưu.

☸

[1] Các Tăng lữ ở những nước Nam phương, mỗi khi thọ người lễ kính thì đọc bài tụng này. Chữ Nho nói: Kính lão đắc thọ (TKPM).

Dịch Giả Cẩn Đề

Bảy ngày nghỉ phép đã trôi qua,
Lỡ dịp báo thù khiến Dạ xoa,
Phải chịu rút lui, nên cậu bé,
Được thêm tuổi thọ, phước toàn gia.
Phật dạy: Không riêng tuổi thọ tăng,
An vui, sắc đẹp với quyền năng,
Đồng thời thêm mãi nơi người biết,
Lễ bái cúng dường bậc lão Tăng.

DỨT TÍCH CẬU BÉ ÍCH THỌ

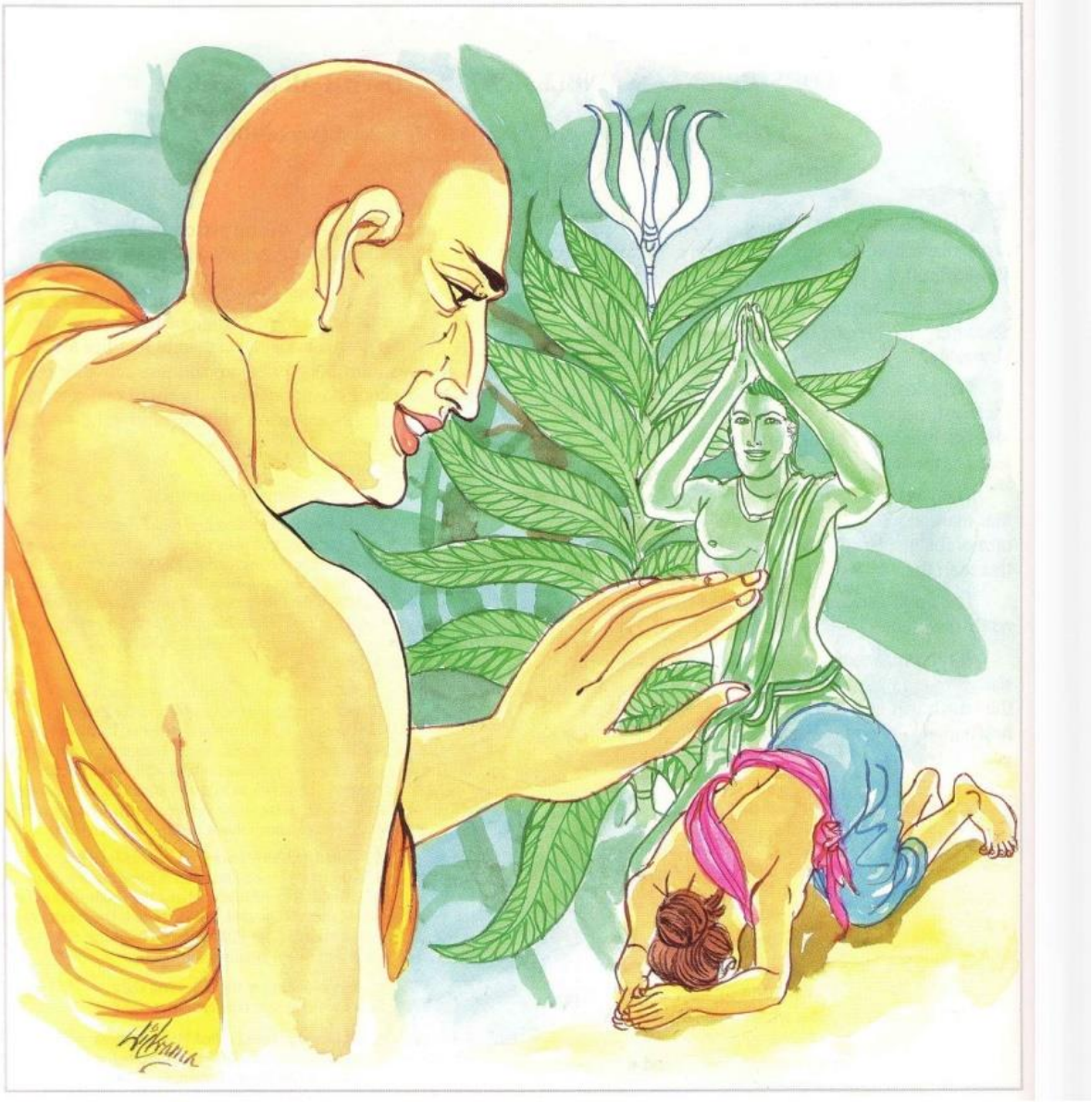

109. Biết sống tôn trọng chư vị Trưởng thượng sẽ được trường thọ, sắc đẹp, hoan hỷ và sức khỏe.

VIII.9- Tích SADI ĐÒN XÓC

(Saṅkiccasāmaṇeravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 110)

"Yo ca vassasataṃ jīve,	***"Dầu sống một trăm năm,***
Dussīlo asamāhito;	***Ác giới, không Thiền định,***
Ekāhaṃ jīvitaṃ seyyo,	***Tốt hơn sống một ngày,***
Sīlavantassa jhāyino".	***Trì giới, tu Thiền định".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến Sadi Đòn Xóc (Saṅkicca).

Tương truyền: Trong thành Xá Vệ có ba mươi vị công tử, sau khi nghe pháp rủ nhau xuất gia trong Giáo Pháp của Đức Bổn Sư. Các vị ấy tu Tỳ khưu được năm hạ rồi, liền đến yết kiến Đức Bổn Sư. Nghe Ngài hỏi muốn tu thêm pháp nào trong hai pháp là: Pháp học và Pháp hành (Ganthadhuraṃ - Vipassanādhuraṃ). Các vị đều đồng ý xin Đức Thế Tôn dạy cho đề mục minh sát để bổ túc Pháp hành ngõ hầu đắc quả A La Hán, chớ không ưng cố gắng thọ trì Pháp học, vì đã lớn tuổi mới xuất gia. Thọ giáo đề mục xong rồi, các vị ấy xin phép Đức Bổn Sư:

- Bạch Ngài, chúng con sẽ vào hành đạo trong một khu rừng.

- Các thầy vào khu rừng nào?

- Bạch Ngài, khu rừng ấy tên là…

Nghe vậy, Đức Bổn Sư biết rằng: "Vào nơi đó, các Tỳ khưu nầy sẽ phải một phen kinh sợ vì một gã tàn thực (Vighāsādā), nếu có Sadi Saṅkicca đi cùng thì mọi việc sẽ an bài tốt đẹp, rồi các thầy Tỳ khưu ấy sẽ hoàn tất phận sự xuất gia".

Sadi Saṅkicca là tên vị Sadi bảy tuổi, đệ tử của Ngài Sāriputta (Xá Lợi Phất).

Người ta nói mẹ của Sadi là con gái của một gia đình giàu có. Khi mang thai, gần đến ngày sanh bà bị bệnh nặng trong chốc lát rồi chết ngay. Khi người ta thiêu xác bà, trừ ra thịt ở bụng, kỳ dư những nơi khác đều cháy rụi, những người thiêu phải đem thịt bụng của bà xuống khỏi giàn hỏa, lấy cây nhọn đâm thủng hai ba chỗ, mũi nhọn cây chỉa chạm nhằm đôi mắt của thai nhi. Sau khi đâm thủng mảng thịt quanh bụng, người ta vứt nó lên đống than lửa đỏ, cào than cháy phủ khắp cả, rồi bỏ ra về. Thịt tử cung bị cháy rụi, trên mặt đống lửa than sáng ngời như chiếc đĩa bằng vàng, đứa hài tử nằm yên như một đóa sen hồng. Quả thật, đối với một chúng sanh kiếp chót, dù có bị rơi vào lửa hay từ đỉnh núi Sineru (Tu Di) rớt xuống, khi chưa đắc quả A La Hán thì không bao giờ bị mạng chung.

Qua ngày sau, những người thiêu xác đến để dập tắt lửa giàn hỏa, trông thấy đứa bé nằm yên nơi đó, hết sức ngạc nhiên kêu lên: "Sao lạ thế này? Với bấy nhiêu củi đó, toàn thể cái xác đều cháy rụi. Tại sao đứa nhỏ không bị cháy? Có cái gì đây nhỉ?".

Người ta mang đứa bé về làng, rồi đi coi thầy bói, các nhà tiên tri nói: "Nếu cậu bé nầy sống tại gia, thì thân quyến cả bảy đời của cậu sẽ không nghèo khó. Còn nếu xuất gia thì lúc đi hành đạo sẽ có năm trăm Sa môn theo hầu".

Do cái vết thẹo ở đuôi mắt bị bể lúc trước, cậu bé được đặt tên là Saṅkicca (Đòn Xóc), thời gian sau, vết thẹo hiện ra rõ rệt.

Các thân tộc cậu bé ráng nuôi nấng cậu và nguyện rằng: "Dầu cho đứa bé nầy sống đến tuổi lớn khôn, chúng ta cũng cho nó xuất gia với Trưởng lão Sāriputta".

Khi cậu bé được bảy tuổi, nó được các trẻ khác cho biết:

- Mẹ mày đã chết khi còn mang mày trong thai. Xác bà bị thiêu rụi, riêng mày còn sống, không bị cháy.

Nghe vậy, Saṅkicca suy nghĩ: "Ai cũng bảo ta đã thoát khỏi tai nạn khủng khiếp như thế. Vậy ta còn ở nhà mà làm gì? Ta sẽ xuất gia".

Cậu bé Saṅkicca ngỏ ý định xuất gia của mình với quyến thuộc, họ vô cùng hoan hỷ tán thành ý của cậu, đưa cậu đến ra mắt Trưởng lão Sāriputta và giao cậu cho Trưởng lão.

- Bạch Ngài, xin Ngài cho cậu bé nầy xuất gia.

Trưởng lão truyền cho cậu niệm năm chi đầu của đề mục thân trược là tóc, lông, móng, răng, da, rồi cho cậu xuất gia Sadi. Khi cậu xuống tóc, lưỡi dao cạo vừa chạm vào da đầu, cậu liền chứng đắc A La Hán với Tuệ Phân tích. Chính Sadi Saṅkicca là vị nầy vậy.

Khi biết rằng: "Vào trong khu rừng đó, ông Sadi nầy sẽ làm cho êm sự kinh sợ. Nhờ vậy các Tỳ khưu sẽ đạt đến mức viên mãn phận sự xuất gia". Đức Bổn Sư bảo các vị ấy: "Nầy các thầy Tỳ khưu, các thầy hãy đi thăm sư huynh Sāriputta của các thầy đi".

- Lành thay, bạch Thế Tôn. – Các Tỳ khưu đáp.

- Các đạo hữu, có chuyện chi đến đây? – Trưởng lão Sāriputta hỏi.

- Chúng tôi đã thọ huấn đề mục nơi Đức Bổn Sư, định vào rừng hành đạo, nhưng khi xin phép Ngài, Ngài bảo chúng tôi: "Các thầy hãy đến viếng Sư huynh của các thầy là Sāriputta". Cho nên chúng tôi mới đến đây.

Trưởng lão Sāriputta nghĩ thầm: "Chắc Đức Bổn Sư đã thấy được lý do gì, nên bảo các Tỳ khưu đến đây? Vậy lý do đó là gì?".

Khi Ngài quán xét, biết được nguyên nhân, Trưởng lão hỏi:

- Nầy các đạo hữu, các vị có Sadi nào không?

- Thưa đạo hữu[(1)], không có.

- Nếu không có, quý vị hãy mang theo Sadi Saṅkicca nầy đi theo.

[1] Āvuso là tiếng gọi đồng hạng, hoặc nhỏ hơn. Nhưng khi Phật còn tại thế, chư Tăng chỉ dùng tiếng nầy xưng hô với nhau, dầu đối với bậc trưởng thượng.

- Thôi đi, thưa đạo hữu. Đem Sadi theo chúng tôi sẽ vướng bận, tu ở rừng thì cần có Sadi mà làm chi?

- Nầy các đạo hữu, không phải vì Sadi nầy khiến các vị thêm ràng buộc, mà trái lại quý vị sẽ là sự ràng buộc đối với ông Sadi nầy. Vả lại, sở dĩ Đức Bổn Sư dạy quý vị đến thăm tôi là có ý muốn tôi cho ông Sadi cùng đi với quý vị. Vậy quý vị hãy mang theo Sadi nầy đi.

- Lành thay.

Các Tỳ khưu chấp thuận cho Sadi cùng đi theo, thành ra một nhóm ba mươi mốt người, từ giã Trưởng lão ra khỏi chùa, rồi đi bộ lần hồi, trải qua độ một trăm hai mươi do tuần (Visayojana-satamatthake), đến một khu làng nọ có ngàn nóc nhà. Dân làng thấy chư Tỳ khưu đến, phát tâm tịnh tín, đặt bát cúng dường xong mới hỏi:

- Bạch các Trưởng lão, chẳng hay các Ngài đi đâu?

- Nầy các đạo hữu, chư Tăng chúng tôi đi tìm chỗ thuận cảnh tiện nghi.

Nghe vậy, dân chúng nằm mọp dưới chân chư Tăng, yêu cầu:

- Bạch các Trưởng lão, chúng tôi xin cung thỉnh các Ngài dừng bước lại nơi đây kiết hạ an cư, để chúng tôi có thể thọ trì Tam quy và Ngũ giới, thiết lập trai đàn.

Chư Trưởng lão nhận lời.

Dân làng lo cất những thảo am, dọn đường kinh hành, sắp xếp cho có chỗ chư Tăng hành đạo ban ngày lẫn ban đêm, dâng đến chư Tăng. Xong rồi, chia phiên nhau, nay người này mai người khác siêng năng phục dịch hộ độ chư Tăng.

Vào ngày an cư kiết hạ, chư Tỳ khưu hội thảo cùng nhau rồi quyết định: "Nầy các đạo hữu, chúng ta đã thọ giáo đề mục hành đạo từ nơi Đức Phật, thì không thể nào ta hưởng ân huệ của Đức Thế Tôn bằng cách hành theo một đường lối nào khác. Vả lại, các cửa vào ác đạo đang mở rộng, chúng ta chẳng khá dễ duôi. Bởi vậy, trừ ra buổi sáng sớm là giờ đi khất thực và buổi tối là giờ phục dịch các bậc Trưởng lão, thì chúng ta không nên ở chung hai người một nơi. Nếu ai có bệnh thì người ấy hãy đánh kiểng (Gaṇḍī), chúng ta sẽ đến săn sóc thuốc men cho người ấy. Trong những giờ khác, ban ngày lẫn ban đêm chúng ta phải tinh cần lo tu niệm đề mục".

Trong khi chư Tăng đã giao ước và an cư hành đạo như vậy, thì có một người đàn ông nghèo khổ, sống nương nhờ các con gái. Nơi xứ cô gái ấy lại lâm vào nạn đói, ông ta muốn đến sống nương nhờ cô con gái khác, cất bước lên đường.

Lúc ấy chư Trưởng lão vào làng khất thực xong, trên đường trở về chỗ ngụ, giữa đường các Ngài xuống tắm dưới con sông, rồi lên ngồi trên một bãi cát mà thọ thực.

Ngay lúc ấy, người đàn ông đi đến chỗ đó, đứng một bên nhìn chư Tăng. Các Trưởng lão bèn hỏi:

- Nầy ông Thiện nam, ông đi đâu đó?

Người chạy nạn đói cho biết mục đích của mình, các Trưởng lão nghe vậy, động lòng bi mẫn nên nói:

- Nầy ông Thiện nam, chắc là ông đói lắm, ông hãy đi tìm lá cây đem lại đây chư Tăng mỗi vị sẽ bố thí cho ông một vắt cơm.

Khi người ấy mang lá đến, các Tỳ khưu mỗi vị bớt cơm canh của mình đang độ, vắt lại thành một cục, sớt cho ông ta ăn. Đó là một phận sự, người ta nói rằng: Trong giờ ăn mà có người đến xin, vị Tỳ khưu cũng nên bố thí ít hoặc nhiều vật thực của mình đang độ, trừ ra phần cơm mật (Aggabhatta), cho nên chư Tăng đã cho như thế.

Sau khi ăn xong bữa, người đàn ông đảnh lễ các vị Trưởng lão và hỏi:

- Bạch các Ngài, hôm nay có ai mời thỉnh các Ngài dự lễ Trai Tăng phải không?

- Nầy ông Thiện nam, không có ai mời thỉnh cả. Mỗi ngày thôn dân đều cúng dường để bát như thế cả.

Người đàn ông suy nghĩ: "Như ta luôn siêng năng làm lụng hết việc nầy đến việc khác mà chưa hề được ăn bữa cơm như thế nầy. Vậy ta còn đi tìm chỗ khác làm chi, ta sẽ sống chung với các Ngài là tiện nhất".

Thế rồi, ông ta nói với chư Tăng:

- Con muốn ở gần các Ngài để làm công kia việc nọ phục dịch các Ngài.

- Lành thay, nầy Cận sự nam.

Ông Thiện nam theo chư Tăng về đến chỗ ngụ của các Ngài, phụ trách mọi việc đàng hoàng tử tế rất được lòng các Ngài. Nhưng qua hai tháng sau, ông ta lại muốn đi thăm con gái, tự nghĩ: "Nếu ta xin phép chắc chắn các Ngài sẽ không buông thả ta ra. Vậy ta hãy rút đi êm là hơn". Thế rồi, ông ta ra đi không cáo từ chư Tăng, người ta nói, ai lén chư Tăng mà đi như vậy là phạm một lỗi lầm.

Trên đường đi của ông Thiện nam, có một khu rừng rậm, trong rừng ấy có năm trăm tên cướp mới đến làm sào huyệt và nguyện với chư thiên trong rừng rằng: "Ai vào rừng nầy, chúng tôi sẽ giết chết, lấy máu và thịt cúng tế linh thần". Chúng trú ở nơi ấy được bảy ngày. Hôm ấy là ngày thứ bảy, tên chúa đảng trèo lên cây, canh chừng những bộ hành, trông thấy ông Thiện nam đi đến, bèn ra dấu cho đồng đảng. Bọn cướp biết ông ta đã vào đến giữa rừng, bèn bao vây bắt được. Lấy dây trói tay chân ông thật chặt, lấy cây cọ kéo cho ra lửa để nhóm lửa, gom củi lại chất thành một đống lửa lớn và lấy cây chỉa thọc cho thông hơi. Ông Thiện nam thấy bọn cướp làm như thế bèn hỏi:

- Thưa chủ, nơi đây không có khu rừng như heo, nai chẳng hạn, thế mà ông chủ cho nhóm lửa làm gì thế?

- Chúng ta sẽ giết chết ngươi để lấy thịt và máu cúng tế Thiên địa quỷ thần.

Ông ta quá sợ chết, chỉ lo bảo toàn mạng sống của mình, không còn nhớ đến ân nghĩa của các Tỳ khưu, nên nói:

- Thưa ông chủ, tôi chỉ là một kẻ dùng tàn thực, một kẻ ăn mót cơm thừa, canh cặn, nên có tên là tàn thực (Vighāsādo) là kẻ xui xẻo bần tiện, mới vừa từ biệt các Trưởng lão mà ra đi. Các bậc xuất gia thuộc dòng Sát Đế Lỵ, hiện giờ đang ở nơi địa

điểm nọ, tất cả là ba mươi mốt vị Tỳ khưu, ông chủ bắt các vị ấy giết lấy máu và thịt tế chư thần, chắc chư thiên sẽ hoan hỷ hơn.

Nghe vậy, bọn cướp suy nghĩ: "Tên nầy nói nghe cũng có lý. Ta giết kẻ xui xẻo nầy làm chi? Ta nên giết người thuộc dòng Sát Đế Lỵ mà tế thần".

Bọn cướp mở trói cho ông tàn thực, để ông ta dẫn đường, đưa chúng đến chỗ ngụ của chư Tăng. Đến chùa không thấy chư Tăng trong chùa, bọn cướp hỏi: "Các Tỳ khưu ở đâu?".

Ông tàn thực đã tựng ngụ ở đây hai tháng, đã biết rành nội quy của chư Tăng, nên chỉ cách cho bọn cướp: "Các Tỳ khưu vô ngồi trong các chỗ tu hành ban ngày hoặc ban đêm, chớ không có ở đây. Các ông hãy đánh kiểng, nghe tiếng kiểng, các Tỳ khưu sẽ tụ hội".

Tên đầu đảng đánh kiểng. Các Tỳ khưu nghe tiếng kiểng, nghĩ thầm: "Kiểng đánh phi thời, chắc có vị nào bệnh chi đây?".

Tất cả chư Tăng đều tựu vào giữa chùa, theo thứ tự tuổi hạ ngồi lên những bàn thạch đá kê sẵn từ trước.

Vị Trưởng lão Tăng trưởng nhìn bọn cướp rồi hỏi:

- Nầy các Thiện nam, ai đánh kiểng nầy vậy?

- Bạch các Ngài, chính chúng tôi đánh.

- Vì lý do nào vậy?

- Chúng tôi có việc cầu khẩn chư thiên trong rừng, nên bây giờ đến bắt một vị Tỳ khưu đem về cúng tế trả lễ chư thiên.

Nghe vậy, vị Trưởng lão cao hạ nhất bảo các Tỳ khưu:

- Nầy các đạo hữu, phàm trong đạo nghĩa anh em, hễ có việc chi xảy đến, người anh cả phải đứng ra gánh vác. Tôi nguyện hi sinh mạng sống cho tất cả chư Tăng mà đi với mấy ông nầy. Mong cho tất cả đừng bị sự tai hại. Hãy chuyên cần hành Sa môn Pháp.

Vị phó Trưởng lão nói:

- Bạch Ngài, phàm phận sự nào của người anh thì người em phải đảm đương. Tôi xin ra đi để Ngài và chư Tăng ở lại tinh tấn hành đạo.

Cứ theo thứ tự, từ trên xuống dưới, cả ba mươi vị Tỳ khưu đều tình nguyện xin lãnh phần hi sinh như thế. Tất cả những vị nầy đều không phải con một mẹ, không phải con một cha và cũng không phải là những bậc đã lìa xa tình dục, ấy thế mà không ham muốn được sống sót, các vị ấy tuần tự tự nguyện hi sinh mạng sống, trong nhóm không có vị nào có thể mở miệng bảo vị khác: "Đạo hữu hãy đi đi".

Sadi Saṅkicca nghe qua những lời tình nguyện của các Tỳ khưu thì bạch rằng:

- Xin các Ngài hãy khoan, để con đi thế mạng cho các Ngài.

- Nầy đạo hữu, chúng tôi thà là chết chung một lượt, chớ không bao giờ đành để cho ngươi ra đi một mình đâu.

- Bạch các Ngài, tại sao vậy?

- Nầy đạo hữu, đạo hữu là Sadi của Pháp Chủ là Trưởng lão Sāriputta, nếu như chúng tôi để đạo hữu ra đi, thì Trưởng lão sẽ trách chúng tôi: "Các thầy đã đem Sadi của tôi đi giao cho bọn cướp". Chúng tôi sẽ không có lời nào nào biện để khỏi bị Trưởng lão quở, do đó chúng tôi không để cho đạo hữu đi.

- Bạch các Ngài, Đức Chánh Biến Tri đã khiến các Ngài đến thăm Hòa Thượng của con và thầy con đã khiến con đi chung với các Ngài, bây giờ có việc xảy đến như vầy thì cái lý do khiến con phải đi với các Ngài đã rõ rệt. Vậy xin các Ngài hãy ở lại, để con đi.

Sadi Saṅkicca đảnh lễ ba mươi vị Tỳ khưu để cáo biệt và nói: "Nếu con có lỗi lầm chi, xin các Ngài hãy tha thứ cho con".

Ông Sadi ra đi, các Tỳ khưu phát tâm kinh cảm, lụy ứa đoanh tròng, tâm tư xúc động. Trưởng lão bảo bọn cướp:

- Nầy các Thiện nam, đứa bé nầy sẽ kinh hãi khi thấy các ông nổi lửa, gom củi trải lá. Vậy các ông hãy để nó qua một bên rồi hãy làm các việc ấy.

Bọn cướp bắt ông Sadi vào rừng, để ông đứng riêng một nơi, rồi lo làm tất cả mọi việc.

Xong việc rồi, tên chánh đảng rút gươm ra khỏi vỏ, đến gần ông Sadi, còn ông Sadi lúc bấy giờ đang ngồi Tham thiền nhập định. Tên chánh đảng khoa gươm lên rồi chém xuống cổ ông Sadi, lưỡi gươm cong ngược lên, sóng chạm với sóng. Tướng cướp ngỡ là mình chém không đúng cách, uốn nắn lưỡi gươm cho ngay lại, rồi chém một lần nữa, lưỡi gươm lại uốn cong lại như tàu lá thốt nốt, mũi gươm chạm với gốc cán gươm.

Trong khi ấy, ông Sadi dầu có bị xô ngã từ đỉnh núi Tu Di xuống cũng không thể chết, huống hồ gì bị chém bằng gươm. Thấy việc lạ thường, tên chánh đảng tự nghĩ: "Lúc trước lưỡi gươm ta chém vào tảng đá hoặc gốc cây keo đứt ngọt như chém vào đọt thốt nốt, bây giờ lần đầu tiên nó bị cong, lần thứ hai nó bị uốn lại như tàu lá thốt nốt. Lưỡi gươm nầy tuy là vật vô tình vô ý mà nó còn biết Giới đức của ông Sadi nầy, còn ta là người có tình có ý mà ta lại không biết".

Quăng gươm xuống đất, tên chánh đảng nằm mọp dưới chân ông Sadi mà thưa:

- Bạch Ngài, bọn tôi vì lý do của cải chiếm cứ khu rừng nầy, những người vào đây dầu đông đến số ngàn nhưng thấy chúng tôi từ đàng xa cũng đã run sợ không thể nói lên được một lời, còn Ngài vì sao không có chút gì sợ hãi, sắc diện lại sáng rỡ như vàng ròng, dung nhan tươi tốt như chùm hoa nở vậy Ngài?

Tên chánh đảng lại ngâm kệ hỏi rằng:

"Tāso te natthi na bhayaṃ,
Bhiyyo vaṇṇo pasīdati;
Kasmā na paridevesi,
Evarūpe mahabbhayeti".

"Ngài không run cũng không sợ, hơn thế nữa sắc mặt Ngài trong sáng. Tại sao Ngài không than khóc, trước sự kinh sợ to lớn như vậy?".

Vị Sadi xuất thiền, thuyết pháp cho tên cướp nghe.

- Nầy đạo hữu đảng trưởng, bậc Lậu tận xem cái gọi là tự ngã (xác thân) là một gánh nặng. Cho nên khi có sự phá vỡ tự ngã thì bậc ấy càng hoan hỷ chớ không sợ sệt.

Nói rồi Sadi ngâm lên kệ rằng:

"Natthi cetasikaṃ dukkhaṃ,
Anapekkhassa gāmaṇi;
Atikkhanto bhayaṃ sabbaṃ,
Khīṇasaṃyojano isi.

Khīṇā assa bhavanetti,
Diṭṭhā dhammā yathā tathā;
Nibbhayaṃ maranaṃ honti,
Bhāravoropananaṃ yathāti".

"Nầy đảng trưởng, không có sự khổ tâm đối với bậc vô dục, nhà đạo sĩ đã dứt trừ mọi kiết sử, là đã vượt qua tất cả sự lo sợ. Nếu như con mắt hữu được phá vỡ hợp pháp, ngay trong hiện kiếp thì sự chết là sự vô úy, giống như sự trút bỏ gánh nặng ấy vậy?".

Nghe dứt bài kệ tên tướng cướp quay lại nhìn năm trăm đồng đảng hỏi rằng:

- Mấy anh em sẽ làm gì?

- Thưa đại ca, đại ca sẽ làm gì?

- Từ lúc thấy pháp mầu huyền diệu, ta tự nghĩ: "Ta đã hết phận sự ở gia đình rồi", cho nên ta sẽ xuất gia với Ngài đây.

- Chúng tôi cũng đông ý theo gương của đại ca.

- Lành thay, các hiền đệ.

Kế đó, năm trăm tên cướp đồng quỳ xuống đảnh lễ ông Sadi xin cho mình xuất gia.

Sadi Saṅkicca bảo năm trăm tên cướp lấy lưỡi gươm cạo tóc và cắt bỏ lại quần áo, lấy đất nâu nhuộm màu làm thành y đắp xong rồi, mới truyền mười giới cho đệ tử, lúc dắt họ đi ông thầy tự nghĩ: "Nếu ta đi luôn không về thăm các Trưởng lão thì các Ngài sẽ không thể hành Sa môn Pháp được, vì cứ ngỡ rằng bọn cướp đã bắt giết ta rồi. Từ lúc ta ra đi không một Ngài nào cầm được nước mắt, cứ mãi băn khoăn với ý nghĩ: "Tội nghiệp cho ông Sadi bị bọn cướp giết chết". Các Ngài không thể định tâm chuyên chú niệm đề mục được, bởi thế ta phải về thăm các Ngài".

Cùng với đoàn tùy tùng năm trăm Tỳ khưu, Sadi Saṅkicca trở về chỗ ngụ của các Trưởng lão cho các Ngài được thấy mình.

Các Ngài Trưởng lão mừng rỡ hỏi:

- Ồ! Bậc Thiện trí thức (Sappurisa) Saṅkicca, Ngài còn sống phải chăng?

Nghe vậy Saṅkicca đáp:

- Dạ phải, bạch các Ngài. Những vị nầy đã tính giết con nhưng không giết được, trở lại có tâm tịnh tín đối với ân đức của con, sau khi nghe pháp các vị nầy đã xuất gia, con về đây thăm các Ngài. Các Ngài hãy chuyên cần hành Sa môn Pháp từ nay về sau, còn con sẽ về yết kiến Đức Thế Tôn.

Sau khi đảnh lễ các Trưởng lão, Saṅkicca dắt các đệ tử về thăm thầy Tế độ, ông thầy hỏi:

- Nầy Saṅkicca, con mới kiếm được những đệ tử phải không?

- Dạ phải, bạch Ngài.

Rồi Sadi đem những việc đã qua trình cho thầy biết.

Trưởng lão bảo: "Này Saṅkicca, con hãy đi yết kiến Đức Bổn Sư đi".

- Lành thay.

Sadi Saṅkicca đảnh lễ Trưởng lão rồi dắt các đệ tử đến chỗ Đức Bổn Sư đang ngự. Đức Bổn Sư cũng hỏi:

- Nầy Saṅkicca con mới kiếm được những đệ tử phải không?

Sadi Saṅkicca lại đem mọi việc vừa qua trình lên cho Đức Bổn Sư biết. Đức Bổn Sư hỏi các Tỳ khưu đệ tử: "Nầy các Tỳ khưu có đúng như thế không?".

- Dạ đúng, bạch Ngài.

Nghe vậy, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nầy các Tỳ khưu, các thầy đã làm nghề trộm cướp, dầu cho có sống cả trăm năm trong tà Giới hạnh, không bằng bây giờ chỉ sống một ngày mà Trì Giới nghiêm minh".

Đức Bổn Sư thuyết pháp, rồi kết luận bằng bài kệ rằng:

"Yo ca vassasataṃ jīve,	*"Sống trăm năm, tuổi thọ trường,*
Dussīlo asamāhito;	*Mà không giữ Giới, không nương pháp Thiền,*
Ekāhaṃ jīvitaṃ seyyo,	*Không bằng sống một ngày nguyên,*
Sīlavantassa jhāyino".	*Trì Giới trong sạch, tu Thiền nhất tâm".*

☸

CHÚ GIẢI:

Dussīlo: Đồng nghĩa với *Nissīlo* là không có hạnh kiểm, phá giới.

Sīlavantassa: Người phá giới dù sống cả trăm năm nếu so với người Trì giới, tu hai pháp Thiền Chỉ Quán, chỉ sống trong một ngày, hoặc là trong giây lát thì người sau này vẫn quý báu cao thượng hơn.

Cuối thời pháp, năm trăm Tỳ khưu này đắc quả A La Hán với Tuệ Phân Tích. Đại chúng thính pháp cũng đều hưởng được lợi ích.

Thời gian sau, Sadi Saṅkicca thọ Cụ túc giới và khi tròn đủ mười hạ Tỳ khưu rồi mới thu nhận một vị Sadi, là cháu gọi Trưởng lão Saṅkicca bằng cậu, tên là Adhimuttaka (Siêu Thoát).

Khi Sadi tròn đủ hai mươi tuổi, Trưởng lão gọi ông và bảo: "Ta sẽ cho con thọ Cụ túc giới, con hãy đi về hỏi thân quyến cho biết rõ số tuổi của con rồi trở lại đây".

Từ giã thầy Tế độ, ông Sadi lên đường về thăm cha mẹ, dọc đường ông bị năm trăm tên cướp bắt, định giết ông để tế chư thiên, ông đã thuyết pháp cho họ nghe, khiến họ phát tâm trong sạch, thả ông ra và dặn: "Thầy không nên báo tin cho ai biết là có bọn chúng tôi ở trong chỗ này cả nhé!".

Trên đường ngược chiều, thấy cha mẹ đến, ông cùng đi với cha mẹ trở lại lối cũ mà không nói cho ông bà biết sự thật để giữ mình, khi bị bọn cướp bắt và làm khó dễ, nên ông bà trách rằng: "Chắc có lẽ ông một phe với bọn cướp, nên không báo tin cho chúng tôi biết".

Nghe tiếng khóc than của ông bà, bọn cướp mới biết ông Sadi đã giữ đúng lời hứa, dầu với cha mẹ cũng chẳng tiết lộ sự bí mật của họ, nên họ càng phát tâm tịnh tín đồng yêu cầu xin xuất gia.

Ông nầy cũng như Trưởng lão Saṅkicca lúc trước đã cho tất cả bọn cướp xuất gia rồi dắt họ về ra mắt thầy Hòa Thượng. Vâng lời thầy, ông đưa họ đến yết kiến Đức Bổn Sư và tường thuật mọi việc với Ngài. Đức Bổn Sư hỏi:

- Nầy các Tỳ khưu có đúng thế không?

- Bạch Ngài đúng vậy.

Y như lần trước, Đức Bổn Sư thuyết pháp cho năm trăm Tỳ khưu này nghe, rồi kết luận bằng kệ ngôn rằng:

"Yo ca vassasataṃ jīve,
Dussīlo asamāhito;
Ekāhaṃ jīvitam seyyo,
Sīlavantassa jhāyino".

Do câu chuyện trên đây, sự tích Chú giải câu Kệ Pháp Cú này cũng được gọi là tích Sadi Adhimuttaka (Siêu Thoát).

Dịch Giả Cẩn Đề

Sadi Đòn Xóc pháp cao cường,
Gươm chém trơ trơ, cướp phải nhường,
Bảy tuổi đã làm thầy tiếp dẫn,
Giúp năm trăm cướp được hoàn lương,
Đã cứu ba mươi Trưởng lão già,
Khỏi tay cướp giết ở rừng xa,
Thảy đều đắc quả A La Hán,
Ông dắt cướp về lễ Phật Đà.
Phật dạy các thầy mới xuất gia:
Một ngày đạo hạnh, có Thiền na,
Còn hơn trăm tuổi không tự chế,
Tội lỗi như thời gian đã qua…

DỨT TÍCH SADI ĐÒN XÓC

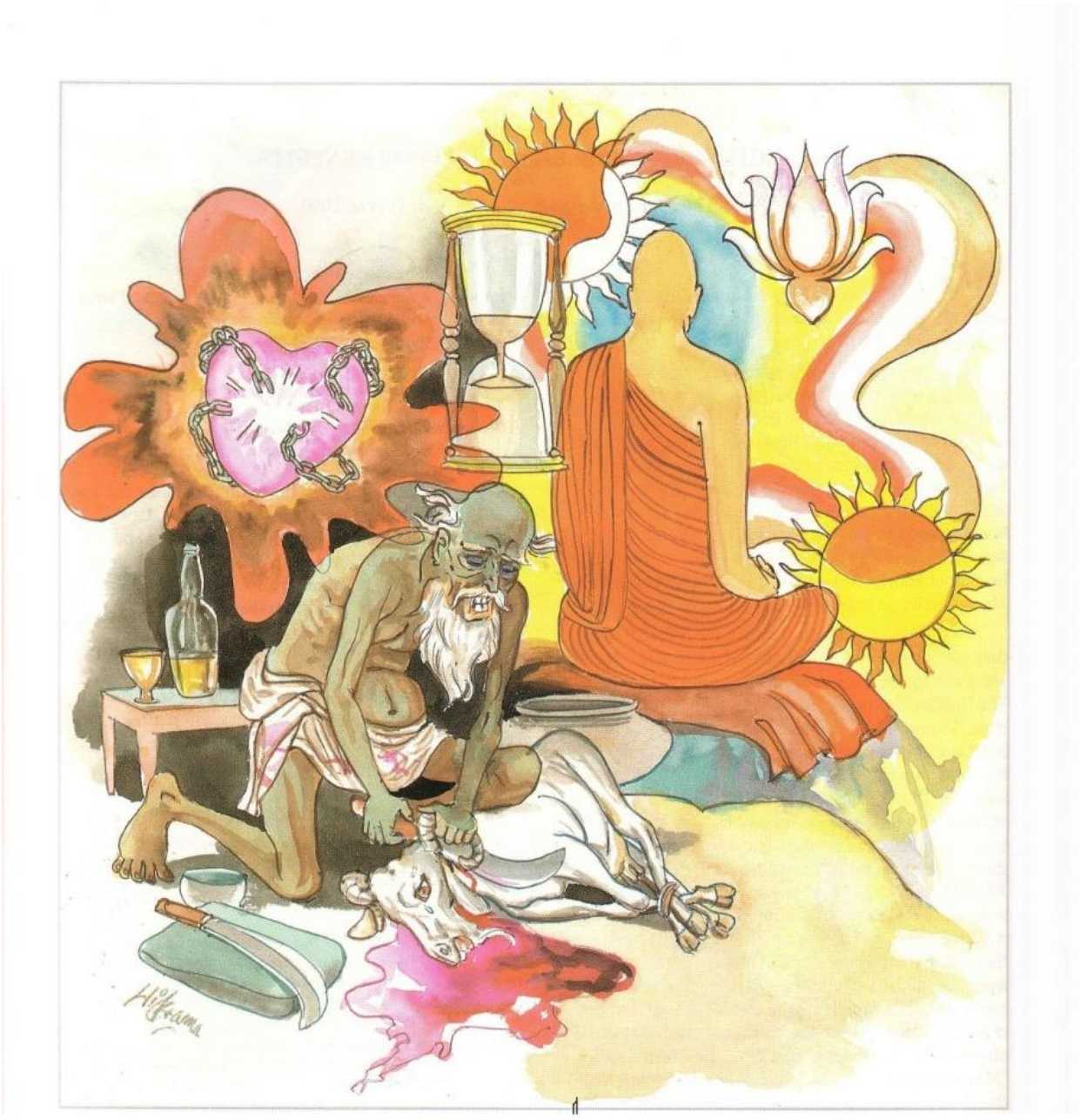

110. Chỉ sống một ngày giữ giới hạnh và có trí tuệ còn hơn sống cả trăm năm buông lung theo ác giới.

VIII.10- Tích TRƯỞNG LÃO KIỀU TRẦN NHƯ GỐC CÂY

(Khāṇukoṇḍaññattheravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 111)

"Yo ca vassasataṃ jīve,	***"Ai sống một trăm năm,***
Duppañño asamāhito;	***Ác tuệ, không Thiền định,***
Ekāhaṃ jīvitaṃ seyyo,	***Tốt hơn sống một ngày,***
Paññavantassa jhāyino".	***Có tuệ, tu Thiền định".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết khi Ngài ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến Trưởng lão Khāṇukoñdaññā (Kiều Trân Như Gốc Cây).

Tương truyền: Sau khi thọ giáo đề mục nơi Đức Bổn Sư, Trưởng lão an cư trong rừng, hành đạo đắc quả A La Hán, định về báo tin mừng với Đức Bổn Sư. Đi đường xa mệt mỏi, Trưởng lão dừng chân rẽ vào ngồi nhập Định trên một tảng đá bằng phẳng.

Khi ấy, có một bọn cướp năm trăm tên, vừa mới đánh phá một làng nọ, vơ vét tài vật, gói ghém cột lại, phần người nào người ấy mang đi. Đường xa mệt mỏi, chúng định nghỉ chân, tìm một tảng đá phẳng đặt các gói đồ xuống, rẽ vào tảng đá phẳng có vị Trưởng lão ngồi, nhưng chúng không thấy Ngài, tưởng rằng: "Đây là một gốc cây".

Thế rồi, một tên cướp đặt gói đồ của mình lên đầu Trưởng lão, một tên khác lại đặt một gói nữa chồng lên trên. Cứ như thế năm trăm tên cướp đặt năm trăm gói hàng lên mình Trưởng lão rồi nằm lăn ra ngủ. Ngủ đã rồi khi mặt trời mọc, bọn cướp mới thức dậy, mạnh ai nấy nhặt gói đồ của mình, sực thấy Trưởng lão chúng tưởng là phi nhân, kinh hoàng bỏ chạy, Trưởng lão bèn gọi họ lại:

- Nầy các Thiện nam đừng sợ, ta là người xuất gia mà.

Bọn cướp quay lại nằm mọp dưới chân Trưởng lão xin sám hối: tưởng lầm Ngài là một gốc cây.

Được Trưởng lão miễn lỗi rồi, tên đầu đảng ngỏ lời xin xuất gia với Trưởng lão, nghe vậy tất cả đồng đảng cũng đồng xin xuất gia một lượt với chúa đảng.

Y như Sadi Saṅkicca (Đòn Xóc), Trưởng lão đã cho năm trăm tên cướp xuất gia. Từ đó về sau Trưởng lão được biết với biệt danh là: Kiều Trần Như gốc cây (Khāṇukoñdaññā).

Trưởng lão vầy đoàn với năm trăm Tỳ khưu mới này về yết kiến với Đức Bổn Sư, Đức Bổn Sư hỏi: "Nầy Kiều Trần Như, thầy mới kiếm được những đệ tử phải không?".

Nghe vậy Trưởng lão đem hết mọi việc đã qua, thuật lại với Đức Bổn Sư. Ngài hỏi lại: "Nầy các Tỳ khưu, có đúng như vậy chăng?".

- Bạch Ngài, đúng thật như vậy. Chúng con đã xuất gia với Trưởng lão, vì chúng con chưa từng thấy ai có thần lực như Trưởng lão cả.

Nghe vậy, Đức Bổn Sư dạy rằng:

- Nầy các Tỳ khưu, lúc trước các thầy đã tạo nghiệp vô Trí tuệ như thế, thì dầu có sống cả trăm năm cũng vô ích không bằng bây giờ chỉ sống một ngày thôi mà có đầy đủ Trí tuệ, tu hành Thiền định.

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết pháp và kết luận bằng bài kệ rằng:

"Yo ca vassasataṃ jīve,
Duppañño asamāhito;
Ekāhaṃ jīvitaṃ seyyo,
Paññavantassa jhāyino".

"Dầu cho sống cả trăm năm,
Thiếu Trí tuệ, chẳng hành thâm pháp Thiền.
Không bằng sống một ngày nguyên,
Là có Trí tuệ, tu Thiền nhất tâm".

☸

CHÚ GIẢI:

Duppañño: đồng nghĩa với *Nippañño* là Vô Trí tuệ.

Paññavantassa: sáng suốt, có Trí tuệ.

Phần còn lại đồng nghĩa với bài kệ trước.

☸

Cuối thời Pháp năm trăm Tỳ khưu đắc quả A La Hán với Tuệ Phân tích. Kỳ dư đại chúng đều hưởng được sự lợi ích nhờ thời Pháp của Đức Bổn Sư.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Trưởng lão nhập Thiền như gốc cây,
Nửa đêm, bọn cướp chạy vào đây,
Máng đồ lên đó, lăn ra ngủ,
Sáng dậy, kêu nhau sám hối thầy!
Bỏ nghề cường đạo, xuất gia liền,
Tất cả theo thầy học đạo Thiền,
Thầy trước, trò sau về viếng Phật,
Cùng nhau sấn bước đến Kỳ Viên.
Phật dạy các thầy mới xuất gia:
Một ngày có Tuệ, có Thiền na,
Còn hơn trăm tuổi không Thiền, Tuệ,
Phóng đãng như thời gian đã qua!

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO KIỀU TRẦN NHƯ GỐC CÂY

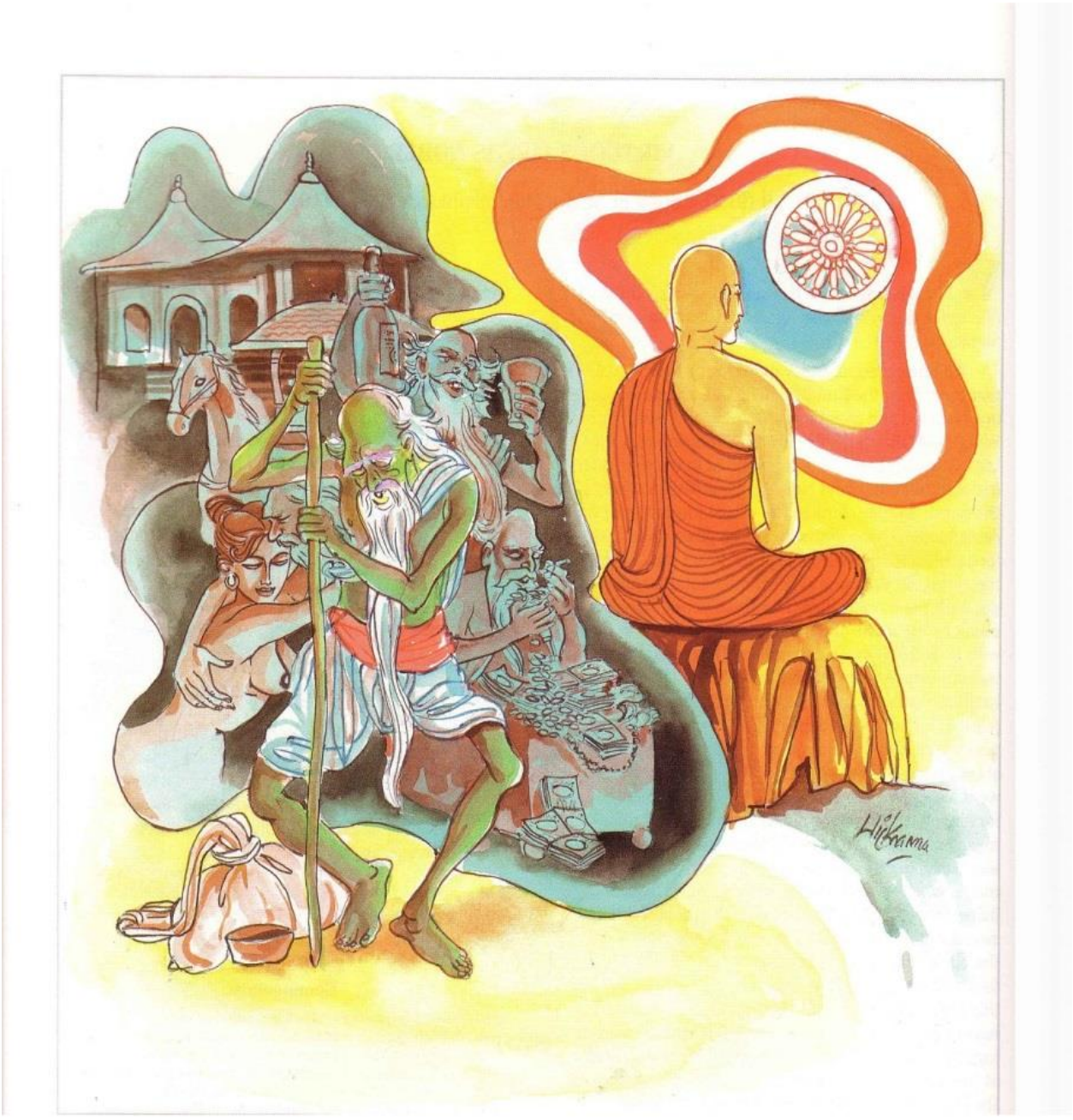

111. Vị thiền gia có trí tuệ sống một ngày còn hơn kẻ ác giới, ngu si sống một trăm năm.

VIII.11- Tích TRƯỞNG LÃO XÀ NÔ

(Sappadāsattheravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 112)

"Yo ca vassasataṃ jīve,	***"Ai sống một trăm năm,***
Kusīto hīnavīriyo;	***Lười nhác không Tinh tấn,***
Ekāhaṃ jīvitaṃ seyyo,	***Tốt hơn sống một ngày,***
Viriyaṃ ārabhato[1] daḷhaṃ".	***Tinh tấn tận sức mình".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết khi Ngài ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến Trưởng lão Sappadāsa (Xà Nô).

Tương truyền rằng: Trong thành Sāvatthī (Xá Vệ) có một thanh niên con nhà gia giáo, sau khi được nghe Đức Bổn Sư thuyết pháp, đã xuất gia lên Tỳ khưu. Một thời gian sau, vị nầy bất mãn vì hành đạo không tiến triển, nhưng tự nghĩ: "Con nhà gia giáo như ta mà hoàn tục sống đời cư sĩ thì không đứng đắn, thà là chết trong đạo còn hơn". Thế rồi vị Tỳ khưu bất mãn đi lang thang, tìm phương thế để tự sát.

Một hôm nọ, vào sáng sớm các Tỳ khưu đã tắm gội, thọ thực xong đi vào chùa, gặp con rắn trong nhà khói (Aggisālā), các Ngài bắt nó bỏ vào trong cái bình, đậy nắp lại rồi mang bình ra khỏi chùa.

Vị Tỳ khưu bất mãn cũng vừa thọ thực xong đi vào thì gặp chư Tăng đi ra, liền hỏi:

- Cái chi đây, các đạo hữu?

- Con rắn, này đạo hữu.

- Các Ngài sẽ làm gì nó?

- Chúng tôi đem nó đi quăng cho xa.

Nghe chư Tăng nói vậy, vị Tỳ khưu tính thầm: "Ta sẽ cho con rắn nầy cắn ta chết". Thế nên, vị này nói với chư Tăng: "Các đạo hữu hãy đưa tôi, tôi sẽ không quăng nó đâu".

Chư Tăng trao cái bình qua vị Tỳ khưu, vị này ôm cái bình đi kiếm chỗ ngồi và nhử cho con rắn cắn mình, con rắn không chịu cắn, vị Tỳ khưu thọc tay vào bình quậy lung tung, rồi còn cạy miệng con rắn ra, đút ngón tay của mình vào nữa, nhưng con rắn vẫn không cắn vị này. Vị Tỳ khưu nghĩ thầm: "Con rắn nầy không phải loại rắn độc". Bèn bỏ nó đó mà đi vào chùa.

Khi ấy chư Tăng hỏi vị Tỳ khưu:

- Đạo hữu đã quăng con rắn rồi phải không?

- Nầy các đạo hữu! Con rắn đó không phải là rắn độc.

---

[1] *(Viriyamārabhato (theo bản Pāḷi của CSCD/Dhammagiri. India).*

- Nầy đạo hữu! Con rắn đó đã phùng mang, thở phì phì. Chúng tôi khó nhọc lắm mới bắt được nó, sao đạo hữu lại nói như vậy?

- Nầy các đạo hữu, chính tôi đã thọc tay vào bình cho nó cắn, đút ngón tay vào miệng chọc cho nó cắn, mà còn không được kia mà!

Nghe vậy chư Tăng làm thinh.

Lại một hôm khác, ba Tỳ khưu tắm xong mang theo hai lưỡi dao cạo vào chùa, bỏ dưới đất một lưỡi, còn một lưỡi dùng cạo tóc cho chư Tăng.

Vị Tỳ khưu bất mãn lượm lưỡi dao bỏ quên trên đất, tính thầm: "Với lưỡi dao này ta sẽ cát cổ tự tử". Đứng thẳng cần cổ, tự ví mình như một cái cây, đưa lưỡi dao sát cuống họng, vị Tỳ khưu quán xét lại Giới hạnh của mình từ lúc thọ Giới Tỳ khưu đến nay thì thấy Giới của mình hoàn toàn trong sạch, không tỳ vết, vô nhiễm như mặt trăng rằm, tinh khiết như ngọc Ma ni. Quán thấy Giới mình được như vậy, vị Tỳ khưu phát tâm hỷ lạc, toàn thân vui sướng chẳng cùng.

Sau khi xả bỏ hỷ lạc, phát triển Tuệ Minh sát vị Tỳ khưu đắc quả A La Hán với Tuệ Phân tích, rồi bèn cầm lưỡi dao cạo đi vào giữa chùa. Chư Tăng hỏi vị ấy:

- Đạo hữu nãy giờ đi đâu?

- Thưa các đạo hữu, với lưỡi dao nầy tôi đã đi cắt cuống họng, tự tử.

- Thế sao đạo hữu không chết?

- Khi cầm con dao nầy đi ra, tôi tự nhủ: "Ta không có thể sống dưới dao bén nầy, ta sẽ cắt đứt cuống họng của ta". Thì bỗng nhiên lưỡi dao Trí tuệ đã cắt đứt tất cả phiền não của tôi.

Các Tỳ khưu cho là vị này nói dối, phạm giới đại vọng ngữ, nên đi mách với Đức Bổn Sư. Đức Thế Tôn nghe chư Tăng tường trình xong liền giải thích rằng:

- Nầy các Tỳ khưu, các bậc Lậu tận không bao giờ tự tay cắt đi sinh mạng của mình[(1)].

- Bạch Ngài, Ngài dạy rằng vị này là bậc Lậu tận, nếu đã đầy đủ căn lành để đắc quả A La Hán, tại sao vị này còn bất mãn? Do đâu mà vị ấy đắc quả A La Hán và tại sao con rắn không cắn vị này?

- Nầy các Tỳ khưu, vì lẽ con rắn ấy đã từng là nô bộc của vị ấy trong ba kiếp, cho nên nay nó không cố gắng cắn mổ thân thể của chủ nó.

---

[1] *Như lời Phật dạy, vị A La Hán không bao giờ tự sát, vị Tỳ khưu trong Phật giáo tự sát phạm tội tác ác, phải sa Địa ngục bảy ngày sau khi chết. Nhưng cũng có trường hợp tự sát mà đắc A La Hán trong giờ phút chót, như Trưởng lão Cồ Điệt (Godhika) (Kệ Pháp Cú số 57, Phẩm Hoa).*

Trường hợp của Trưởng lão Xà Nô lại khác: Ngài không chết vì chưa cắt cổ mà đã đắc A La Hán, do đó ý nghĩ tự sát không còn. Ngài chỉ cắt đứt phiền não bằng lưỡi dao Trí tuệ mà thôi. - Chỗ nầy bản dịch của ông Phạm Kim Khánh có hơi khác: "... Thầy lấy dao tự cắt lấy cuống họng, lúc cắt xong Thầy suy niệm về đời sống toàn thiện, tận lực cố gắng Tham thiền và đắc quả A La Hán trước khi nhắm mắt...". Sự khác biệt nầy có lẽ xuất phát từ nguyên bản Pāḷi, tức là có hai bản chảnh khác nhau vậy. (TKPM).

Bằng bấy nhiêu lời, Đức Bổn Sư đã chỉ cho các Tỳ khưu thấy được một nguyên do. Do vậy, từ đó về sau Trưởng lão được mệnh danh là Sappadāsa (Xà Nô).

Cũng do lời Đức Thế Tôn thuật lại, trong thời của Đức Phật Kassapa (Ca Diếp), có một thanh niên con nhà khá giả, sau khi nghe pháp của Đức Giáo Chủ, phát tâm kinh cảm liền xin xuất gia và được thọ giới Tỳ khưu. Một thời gian sau, sanh tâm buồn chán, vị ấy bày tỏ nỗi lòng cho một Tỳ khưu bạn biết. Vị sau này thường thuyết giảng, nhắc bạn về sự bất lợi tội lỗi của đời sống tại gia. Nhờ nghe pháp, vị trước lại vui thích sống trong Giáo Pháp, mới đem những vật phụ tùng để hành Sa môn pháp mà khi trước mình đã bỏ cho lem uế, đến ngồi bên một bờ ao để giặt giũ cho sạch bụi. Vị Tỳ khưu bạn cũng đến ngồi gần đó, vị kia nói với bạn rằng:

- Nầy đạo hữu, khi muốn hoàn tục, tôi đã có ý định tặng đạo hữu tất cả những vật phụ tùng nầy.

Vị Tỳ khưu bạn sanh lòng tham muốn, nghĩ rằng: "Bạn ta còn tu hay không còn tu, đối với ta có nghĩa gì? Ta đừng để phí mất những vật phụ tùng này". Từ đó về sau, vị Tỳ khưu bạn thay đổi chiều hướng, thuyết pháp ca tụng đời sống tại gia, chẳng hạn như: "Nầy đạo hữu, tại sao ta cứ mãi sống đời sống xuất gia, hằng ngày ôm bát đi khất thực nơi những gia đình người khác? Tại sao ta không ở nhà vui thú đoàn viên, chuyện trò thân mật với vợ con ta?".

Nghe bạn thốt lời như thế, vị Tỳ khưu kia lại bất mãn, nghĩ thầm rằng: "Bạn ta lúc trước nghe ta ngỏ ý bất mãn đời sống Phạm hạnh thì đã thuyết pháp chỉ rõ sự bất mãn tội lỗi đời sống tại gia, bây giờ lại thường xuyên ca tụng là tại cớ gì?". Suy xét kỹ, vị ấy biết bạn mình vì có tâm tham muốn được những vật phụ tùng này nên mới trở lòng như vậy. Đó là cái nhân bất mãn từ thời Đức Phật Kassapa còn lưu lại đến bây giờ, khiến vị Tỳ khưu này có tâm bất mãn. Còn công phu tu hành Sa môn Pháp suốt hai muôn năm qua là nhân khiến cho vị này có duyên đắc quả A La Hán.

Chư Tăng nghe Đức Thế Tôn giải thích đủ ba nguyên do rồi, còn đặt thêm một câu hỏi nữa:

- Bạch Ngài, nghe nói Tỳ khưu này trong lúc đứng kê lưỡi dao sát cuống họng thì đắc A La Hán ngay. Như thế thì A La Hán đạo phát sanh trong một khoảnh khắc ngắn ngủi bằng một sát na hay sao?

- Phải đó! Nầy các Tỳ khưu! Tỳ khưu nào chuyên cần Tinh tấn, giở bàn chân lên rồi đặt trở xuống đất, bàn chân chưa tới đất A La Hán đạo đã phát sanh rồi. Đời sống của vị chuyên cần Tinh tấn, dầu trong giây lát còn quý báu hơn đời sống của người một trăm tuổi mà biếng nhác giải đãi.

Nói rồi, Đức Thế Tôn thuyết pháp và kết luận bằng kệ:

"Yo ca vassasataṃ jīve,
Kusīto hīnavīriyo;
Ekāhaṃ jīvitaṃ seyyo,
Viriyaṃ ārabhato daḷhaṃ".

"Dầu cho sống cả trăm năm,
Mà lười biếng, chẳng tận tâm tu hành.
Không bằng sống một ngày lành,
Luôn luôn Tinh tấn, nhiệt thành nhất tâm".

☸

CHÚ GIẢI:

Kusīto: người miệt mài truy hoan, chú tâm đi tìm dục lạc (bằng ba cái tầm: Tīhi vitakkehi).

Hīnavīriyo: đồng nghĩa với Nibbīriyo là không Tinh tấn.

Viriyaṃ arabhato daḷhaṃ: đây là đề cập đến sự tinh tấn, có thể đưa hành giả chứng Níp Bàn, bằng hai pháp Thiền Chỉ và Quán.

Các câu khác còn lại đồng nghĩa như trước.

☸

Cuối thời Pháp, nhiều vị Tỳ khưu đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Trưởng lão Xà Nô quá chán đời,
Thò tay chọc rắn cắn mình chơi,
Rắn quen chủ cũ, không thèm cắn,
Ngài thả cho đi, bảo: Rắn lười!
Lại lượm con dao, dựa nhánh cây,
Nguyện rằng: "Cắt cổ với dao này,
Não phiền sẽ sạch, không dư sót,
Mạng sống cũng đành dứt tại đây!".
Nhưng khi quán xét Giới mình xong,
Trưởng lão đắc ngay Lậu tận thông,
Tăng chúng hỏi Ngài: "Sao chẳng chết?"
Ngài rằng: "Nhờ chứng được Tâm không!"
Tăng chúng hoài nghi hỏi Phật đà,
Phật rằng: Chỉ sống một ngày qua,
Chuyên cần Tinh tấn còn hơn sống,
Suốt cả trăm năm giải đãi mà!

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO XÀ NÔ

☸

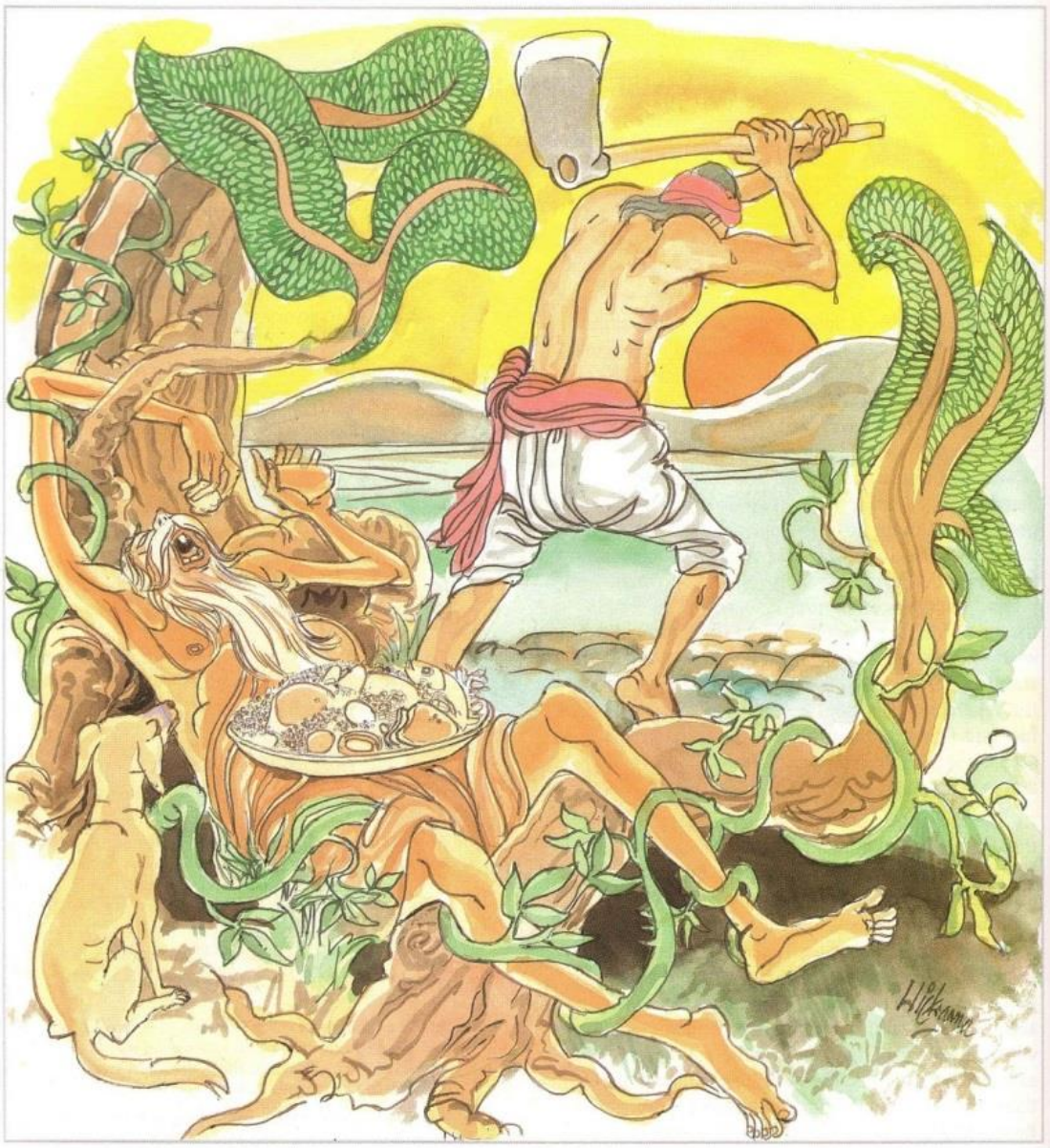

112. Vị tinh cần sống một ngày còn cao quý hơn kẻ phóng dật sống một trăm năm.

VIII.12- Tích NÀNG SA ĐỌA ĐẮC A LA HÁN

(Paṭācārātherīvatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 113)

"Yo ca vassasataṃ jīve,	***"Ai sống một trăm năm,***
Apassaṃ udayabhayaṃ;	***Không thấy Pháp Sinh Diệt,***
Ekāhaṃ jīvitaṃ seyyo,	***Tốt hơn sống một ngày,***
Passato udayabhayaṃ".	***Thấy được Pháp Sinh Diệt".***

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến Tỳ khưu Ni Paṭācārā (Sa Đọa).

Tương truyền: Tiểu thơ Paṭācārā là con gái của một ông Bá hộ giàu có đến bốn trăm triệu đồng vàng, nhan sắc của nàng tuyệt đẹp.

Khi nàng đến tuổi cập kê (mười sáu tuổi), cha mẹ nàng cho nàng ở trên tầng lầu thượng của tòa nhà bảy từng để tiện bề gìn giữ nàng. Nào ngờ nàng ở một mình lại tư thông với người tớ trai của nàng.

Ông bà Bá hộ kén được một chàng rể môn đăng hộ đối và đã hứa lời định ngày làm lễ hỏi với đàng trai.

Gần đến ngày đám hỏi, tiểu thư nói với tình nhân rằng:

- Em nghe nói cha mẹ sẽ gả em cho công tử con nhà đó. Họ đàng trai cũng sắp đến để lấy danh thiếp của em về coi tuổi. Anh sẽ không được lưu trú ở đây nữa. Nếu anh có lòng yêu em thì anh hãy dắt em đi trốn khỏi nhà này.

Người tớ trai đáp: "Lành thay, em yêu quý! Vậy thì sáng mai anh sẽ đứng đón em tại một địa điểm ấy, ở cổng thành, còn em thì hãy dùng một phương tiện nào đó mà ra khỏi thành rồi đi đến đó".

Ngày sau, chàng trai đi trước, đến đứng chờ tại chỗ đã hẹn, còn tiểu thơ từ sáng sớm đã mặc quần áo dơ dáy, bỏ xỏa tóc ra, lấy cám thoa khắp mình mẩy đầu cổ, tay ôm cái bình, trà trộn với đám nữ tỳ mà thoát ra khỏi nhà, rồi đi đến ngay chỗ hẹn.

Chàng trai dắt nàng đi thật xa, đến định cư tại một làng nọ, vào rừng phát rẫy cày ruộng rồi đem cây, củi, lá v.v... về nhà. Còn tiểu thơ thì ở nhà phải ôm bình đi xách nước, chẻ củi nấu cơm, cam lòng chịu đựng hậu quả việc làm quấy ác của mình. Thế rồi tiểu thơ có thai.

Đến khi thai đã đủ tháng, tiểu thư yêu cầu chồng rằng:

- Em ở đây đơn chiếc, không có ai ở đây phụ đỡ tay chân. Cha mẹ nào đối với các con cũng có lòng từ mẫn, vậy anh hãy đưa em về với cha mẹ em, để em sanh con ở đó.

Người chồng từ chối, viện cớ rằng:

- Hiền thê ơi! Sao em nói vậy? Gặp mặt anh ắt là cha mẹ em sẽ hành phạt anh đủ thứ. Anh không thể nào đi về ở đó đâu!

Tiểu thơ nài nỉ, van xin năm lần bảy lượt cũng không được, thừa dịp chồng đi vào rừng, mới tìm người láng giềng dặn rằng: "Nếu chồng tôi về không thấy tôi, ắt sẽ hỏi tôi đi đâu, nhờ bà con nói giùm với anh ấy là tôi đã đi về quê ngoại".

Khi người chồng về nhà không thấy vợ, hỏi thăm làng xóm thì được nghe lặp lại mấy lời của tiểu thơ đã nhắn. Anh ta hối hả đuổi theo để bắt vợ trở lại, nhưng khi bắt kịp nàng, anh ta năn nỉ cách gì, nàng chẳng chịu quay đầu.

Hai người cùng đi, đến một chỗ nọ, tiểu thư chuyển bụng. Nàng rẽ vào một bên đường, nói với chồng: "Anh ơi! Em chuyển bụng". Nói rồi, nàng nằm ngay xuống đất, lăn lộn, trăn trở khó nhọc lắm mới sanh ra đứa con trai. Con đã sanh rồi, thì mục đích trở về quê cũng không còn, tiểu thơ bồng con lủi thủi theo chồng trở về nhà cũ, sống chung như trước.

Một thời gian sau, nàng lại có mang. Khi thai đủ tháng, nàng cũng van xin chồng như trước mà không được, rồi cũng lén chồng ẵm con ra đi. Chồng nàng đuổi theo gặp nàng, nhưng nàng không chịu trở lại.

Hai người đang đi, bỗng nhiên trời đổ trận mưa to, chớp giăng tứ phía sáng rực như lửa cháy. Sấm sét nổ vang như trời long đất lở, mưa tuôn xối xả không ngớt hột.

Ngay lúc ấy, tiểu thư lại bắt đầu chuyển bụng. Nàng kêu chồng nói rằng: "Anh ơi! Em chuyển bụng! Em không chịu đựng nổi qua cơn mưa này. Anh ráng làm sao tìm chỗ cho em tránh mưa".

Người chồng xách dao bên mình đã mang theo, đi đây đi đó, kiếm đồ che mưa thì thấy một bụi rậm trên một cái nồng cao, định leo lên để chặt. Bất ngờ, một con rắn độc từ trong gò nồng chui ra cắn anh ta. Tức khắc, trong mình anh nghe như có ngọn lửa nổi lên thiêu đốt. Mặt mày anh tái xanh, anh ngã ngay xuống đó.

Tiểu thơ nằm chờ chồng trở lại, ráng sức chịu đựng đau khổ lớn lao, nhưng càng trông càng bặt tích vắng tăm, rốt cuộc nàng sanh ra đứa con trai thứ hai trong cô quạnh. Một mình với hai đứa con thơ giữa cảnh mưa gió phũ phàng, tiểu thơ không dằn được nỗi lòng, lớn tiếng khóc la thảm thiết... Nhưng nàng gắng gượng đặt hai con thơ vào giữa bụng, tự mình chống hai đầu gối và hai tay xuống đất mà chịu suốt cả một đêm. Toàn thân nàng trổ màu vàng như chiếc lá úa, coi như là không có máu vậy.

Khi mặt trời mọc, màu đỏ như cục thịt, tiểu thơ tay bồng, tay dắt hai đứa con côi, lần mò đi tìm chồng. Theo dấu chân, nàng đi đến gò mối, thấy chồng đã chết, xác ngã nằm đơ ra đó đã có màu xanh. Tiểu thơ rống lên khóc than rên xiết: "Chồng ta là chỗ ta nương tựa, đã chết ở giữa đường rồi".

Trời mưa suốt đêm qua, bây giờ đã tạnh, nhưng nước sông Aciravatī dâng lên cao, có chỗ sâu tới đầu gối, có chỗ sâu tới ngực. Tiểu thơ thấy mình còn yếu đuối, lại đèo bồng hai đứa con thơ, không dám mạo hiểm băng ngang sông, bèn để đứa lớn ở lại bờ bên này, còn đứa nhỏ thì ẵm qua bên kia sông. Tiểu thơ bẻ cành cây trải ra, đặt đứa nhỏ nằm lên đó, để trở lại rước luôn đứa lớn. Nhưng vì dỗ đứa nhỏ không được, tiểu thư cứ phải quay đi quay lại nhiều lần, vừa đi mà vừa ngó chừng nó.

Trong lúc tiểu thư đi đến giữa sông, một con diều hâu nhìn thấy đứa bé đỏ hỏn, tưởng là cục thịt, từ trên không đáp xuống, thấy con diều hâu đáp xuống định sớt con

mình, tiểu thơ giơ hai tay lên cao, thét lên ba tiếng lớn: hù, hù, hù, để xua đuổi nó. Nhưng vì tiểu thơ đứng cách xa, con diều hâu không nghe tiếng la, nên cứ sớt đứa con nhỏ mang đi.

Đứa con lớn còn đứng ở bên bờ này, thấy mẹ ở giữa sông giơ hai tay lên la lớn tiếng, thì tưởng rằng mẹ nó gọi nó, nên chạy ào xuống nước. Thế là đứa con nhỏ của tiểu thư đã bị diều hâu sớt mất, đứa con lớn thì lại bị nước cuốn trôi.

Tiểu thơ khóc nức nở than rằng: "Hai con tôi, một đứa bị diều hâu sớt, một đứa bị nước cuốn trôi, chồng tôi chết ở giữa đường", vừa đi vừa kể lể như thế. Nàng gặp một người đàn ông từ thành Sāvatthī (Xá Vệ) đi lại bèn hỏi:

"Cậu đây là người cư ngụ ở đâu?".

- Là người ở Sāvatthī cô à.

- Trong thành Sāvatthī, dọc đường đó có một gia đình Bá hộ tên đó, cậu có biết chăng?

- Tôi biết lắm, nhưng cô đừng hỏi về gia đình nầy. Hãy hỏi về gia đình khác đi cô ạ.

- Gia đình khác không dính dáng gì đến tôi, tôi chỉ hỏi về gia đình này mà thôi cậu à.

- Cô à! Chuyện này đáng lẽ thì không nên nói ra cho cô biết làm chi.

- Xin cậu cứ nói cho tôi biết đi cậu.

- Hôm nay cô có thấy trời mưa suốt cả đêm không?

- Có, tôi có thấy trời mưa suốt cả đêm nay. Nhưng thôi cậu đừng đem chuyện trời mưa mà nói với tôi nữa làm chi. Bây giờ xin cậu hãy nói cho tôi biết tin tức về gia đình ông Bá hộ.

- Này cô, hồi hôm này cả nhà ông Bá hộ có ba người là: Ông, bà và cậu công tử đều bị nhà sập đè chết cả. Bây giờ, có nhiều người xúm lại thiêu xác, khói lên ở đây cũng thấy đó cô à!

Nghe vậy, nàng Patācārā phát điên, không còn biết đến quần áo gì nữa, cứ đứng trần truồng mà than khóc kể lể.

"Ubho puttā kālakatā,
Panthe mayhaṃ pati mato;
Mātā pitā ca bhātā cā,
Ekacitakamhi ḍayhareti".

"Chết rồi hai đứa con thơ,
Giữa đường chồng chết, bơ vơ một mình.
Mẹ, cha, em ở gia đình,
Lửa thiêu mất xác bóng hình còn đâu".

Nàng Patācārā cứ đi loanh quanh, miệng nói lảm nhảm, dân chúng thấy nàng cứ gọi: "Con điên, con điên", rồi kẻ lấy rác, người hốt bụi rác lên đầu nàng, hoặc lấy đất cục mà chọi nàng.

Đức Bổn Sư đang ngự tọa trong Kỳ Viên đại tự, đang thuyết pháp giữa tứ chúng. Trông thấy nàng đi đến, biết là người có tròn đủ nguyện vọng thực hành pháp Thập Độ Ba La Mật (Pāramī) trong một trăm ngàn đại kiếp vừa qua.

Tương truyền vào thời Đức Phật Padumuttara (Thượng Liên Hoa), nàng Patācārā này đã nắm lấy cánh tay của Trưởng lão Ni tinh thông Tạng Luật, đệ tử của đức Giáo chủ Thượng Liên Hoa và hoan hỷ như gặp một vật quý cất giữ trong rừng Khoái Lạc, nàng đã ước mong phát nguyện rằng: "Con nguyện về sau sẽ đạt được quả vị tối cao trong số các Trưởng lão Ni Giới đức, là vị Trì Luật ở Đức Phật vị lai giống như Ngài vậy".

Đức Phật Padumuttara quán xét về vị lai, biết rằng lời nguyện này sẽ thành tựu, bèn thọ ký cho cô Tín nữ rằng: "Trong ngày vị lai vào thời Đức Phật Gotama (Cồ Đàm), nàng có tên là Patācārā nầy sẽ là vị Tỳ khưu Ni giỏi nhất về Tạng Luật".

Do nàng đã tròn đủ hạnh nguyện Ba la mật như thế, cho nên vừa thấy nàng từ xa đi đến, Đức Bổn Sư đã nghĩ thầm: "Ngoài Ta ra, không ai có thể là người tế độ cho nàng Patācārā cả". Rồi Ngài dùng Thần thông khiến cho nàng đi ngay đến trước cổng chùa. Các thiện tín thấy nàng Patācārā, vội bảo nhau: "Cô này điên, ta đừng để cô ấy vào đây".

Đức Bổn Sư lên tiếng: "Các thiện tín hãy lánh mặt, đừng ai cản đường cô ấy cả". Rồi Ngài ra lịnh: "Khi vào đến gần đây, nàng hãy tỉnh trí trở lại!".

Nhờ oai lực của đức Phật, nàng Patācārā lập tức phục hồi được Chánh niệm. Ngay lúc ấy nàng nhận thấy trạng thái lõa lồ của mình, tự nhiên phát tâm Tàm quý, liền ngồi xổm xuống, một thanh niên ném cho nàng một chiếc y choàng, nàng quấn lá y, đến trước hai bàn chân màu vàng ròng của Ngài, gieo năm vóc xuống đảnh lễ Ngài, mở lời cầu khẩn:

- Bạch Ngài, xin Ngài hãy là người tế độ con, xin Ngài hãy là người giúp đỡ con. Một đứa con của con đã bị diều hâu sớt mất, một đứa nữa bị nước cuốn trôi, chồng con đã chết giữa đường, cha mẹ và em trai của con đều bị sập nhà đè chết, xác đã thiêu trên giàn hỏa...

Nghe mấy lời thiết yếu của thiếu phụ, Đức Bổn Sư khuyên giải rằng:

- Nầy Patācārā, con chớ bận tâm lo nghĩ, khi con nương nhờ ỷ lại vào các thân nhân thì họ chỉ có thể tế độ cứu giúp con đến ngần ấy thôi. Con hãy ráng nhớ lại coi, cũng như bây giờ con mất hai đứa con, một đứa bị diều hâu sớt, một đứa bị nước cuốn trôi, chồng con bị chết ở giữa đường, cha mẹ và em trai con đã bị nhà sập đè chết. Thì cũng thế, trong vòng luân hồi nầy, con đã từng chịu tang tóc khóc chồng, khóc con, khóc cha mẹ anh em như vậy đã vô số lần rồi, cho đến nỗi nước mắt con đổ ra, nếu chứa lại để dành thì nhiều hơn nước trong bốn đại trùng dương.

Nói rồi, Đức Bổn Sư ngâm kệ rằng:

"Catūsu samuddesu jalaṃ parittakaṃ,
Tato bahuṃ assujalaṃ anappakaṃ;
Dukkhena phuṭṭhassa nārassa socato,
Kiṃkāranā amma tuvaṃ pamajjasīti".

"Nước trong bốn biển có bao nhiêu?
Nước mắt so ra mới thật nhiều!
Trong cõi nhân gian đây khổ lụy,
Sao con lơ đễnh thả xuôi chiều???"

Trong khi Đức Bổn Sư thuyết giảng về cái vòng sanh tử triền miên mà không ai biết được khởi thủy như thế, thân tâm nàng Patācārā vơi lần những sầu muộn. Biết rằng nàng đã bớt thảm giảm sầu. Đức Bổn Sư lại tiếp gọi nàng và dạy:

- Nầy Patācārā, đến giờ qua thế giới khác, thì dầu cho thân thích như chồng con, cũng không thể làm chỗ cứu giúp, chỗ nương nhờ hoặc chỗ ẩn náu cho nàng được. Bởi thế cho nên, trong giờ phút hiện tại đây, nàng hãy noi giương bậc Hiền trí, Trì giới trong sạch, tự mình quét dọn con đường đi đến Níp Bàn.

Nói rồi Đức Bổn Sư lại thuyết pháp và ngâm lên hai kệ ngôn:

"Na santi puttā tāṇāya,
Na pitā nāpi bandhavā;
Antakenādhipannassa,
Natthi ñātīsu tāṇatā.
Etamatthavasaṃ natvā,
Paṇḍito sīlasaṃvuto;
Nibbānagamanaṃ maggaṃ,
Khippameva visodhayeti".

Đến giờ phút lâm chung, không có sự bảo vệ từ nơi con cái, hoặc từ nơi cha mẹ, vợ chồng, cũng không có sự bảo vệ từ nơi thân quyến. Hiểu biết chân lý nầy rồi, bậc Hiền trí hãy thu thúc trong Giới luật, sớm lo quét sạch con đường Đạo quả Níp Bàn.

Cuối thời Pháp, bao nhiêu phiền não của nàng Patācārā nhiều như số bụi phủ đầy mặt địa cầu đều bị thiêu rụi và nàng đắc quả Nhập lưu. Nhiều người khác cũng đắc Thánh quả nhất là Tu Đà Hườn.

Sau khi đắc quả Nhập lưu, nàng Patācārā xin xuất gia với Đức Bổn Sư. Đức Thế Tôn gởi nàng qua xuất gia bên Tỳ khưu Ni. Sau khi thọ cụ túc giới, người ta vẫn gọi nàng là Tỳ khưu Ni Patācārā, nghĩa là "Sa đọa", do quãng đời bi đát của nàng đã trải qua.

Một hôm nọ, Tỳ khưu Ni Patācārā cầm bình đi múc nước, xối nước rửa chân, nước xối chảy đi một chút rồi đứng lại, lần thứ hai nước chảy xa hơn, lần thứ ba nước xối càng đi xa hơn nữa.

Patācārā lấy việc xối nước làm đối tượng để quán xét ngay lúc ấy: "Những chúng sanh nầy chết khi tuổi thọ đầu tiên, giống như dòng nước ta xối rửa chân lần đầu vậy. Họ chết khi tuổi thọ bậc trung, giống như nước ta xối lân thứ nhì đi xa hơn một chút nữa và họ chết khi hết tuổi thọ lần cuối cùng cũng giống như ta xối nước lần thứ ba càng đi xa một chút vậy thôi[(1)]".

[1] Đoạn nầy tôi căn cứ theo bản Pāḷi mà phiên dịch: Sā kuṭena udakaṃ ādāya pāde dhovantī udakaṃ āsiñci. Taṃ thokaṃ gantvā pacchijjī... Có những bản dịch nơi khác với bản dịch nầy như của ông Phạm Kim Khánh:... Trong khi rửa chân bên bờ suối, bà ghi nhận rằng những giọt nước từ chân bà rơi xuống, gieo điểm trên dòng nước chảy rồi tan đi. Điểm thì tan gần, điểm thì tan ra xa... (TKPM).

Đút Bổn Sư ngự tọa trong hương thất, phóng tỏa hào quang thị hiện như đứng trước mặt Tỳ khưu Ni nầy thuyết rằng:

- Nầy Patācārā, những chúng sanh dầu có sống một trăm năm mà không nhận thấy sự sanh diệt trong ngũ uẩn như thế đó, thì không bằng người chỉ sống trong một ngày hoặc một sát na mà nhận thấy sự sanh diệt của chúng.

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết pháp và kết luận bâng câu kệ rằng:

"Yo ca vassasataṃ jīve,
Apassaṃ udayabbayaṃ;
Ekāhaṃ jīvitaṃ seyyo,
Passato udayabbayaṃ".

"Dấu cho sống cả trăm năm,
Không thấy sanh diệt thân tâm Vô thường.
Không bằng sống một ngày trường,
Mà được thấy Pháp Vô thường diệt sanh".

CHÚ GIẢI:

Apassaṃ udayabbayaṃ: không thấy hai mươi lăm tướng sanh và hai mươi lăm tướng diệt của Ngũ uẩn, gọi là không thấy Pháp Sanh Diệt của Ngũ uẩn[1].

Passato udayabbayaṃ: người thấy được Pháp Sanh Diệt thì đầu có sống một ngày cũng còn quý hơn người trước.

☸

Cuối thời Pháp Tỳ khưu Ni Sa Đọa đắc quả A La Hán với Tuệ Phân Tích.

☸

[1] *Ngũ Uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành, thức có tất cả là năm mươi tướng Sanh Diệt, chia ra thành mỗi thứ là hai mươi lăm tướng Sanh và hai mươi lăm tướng Diệt. Mỗi Uẩn có mười tướng Sanh Diệt mà thôi, đó là: 1. Aniccam, 2. Palokam. 3. Caraṃ, 4. Pabhagu. 5. Addhuvam. 6. Viparinamadhammam. 7.Asaraṃ. 8. Vibhavam.* 9. *Saṅkhataṃ, 10. Maraṇadhammaṃ (1. Vô thường, 2. Tan rã. 3. Rung động, 4. Tiêu diệt. 5. Không bền. 6. Thay đổi tự nhiên,* 7. *Mềm yếu, 8. Hư hoại.* 9. *Hữu vi, 10. Có sự chết là thường - Những chữ gạch dưới là tưởng Diệt).*

Dịch Giả Cẩn Đề

Rửa chân, dội nước đủ ba lần,
Sa Đọa tự mình đạt lý chân:
Tuổi thọ quần sanh như thế cả,
Ngắn dài, tùy thuộc ở nguyên nhân!
Phật dạy: Một ngày thấy Pháp Hành,
Vô thường biến đổi, thật mong manh,
Còn hơn sống thọ trên trăm tuổi,
Mà chẳng suốt thông lẽ diệt sanh.

DỨT TÍCH NÀNG SA ĐỌA ĐẮC A LA HÁN

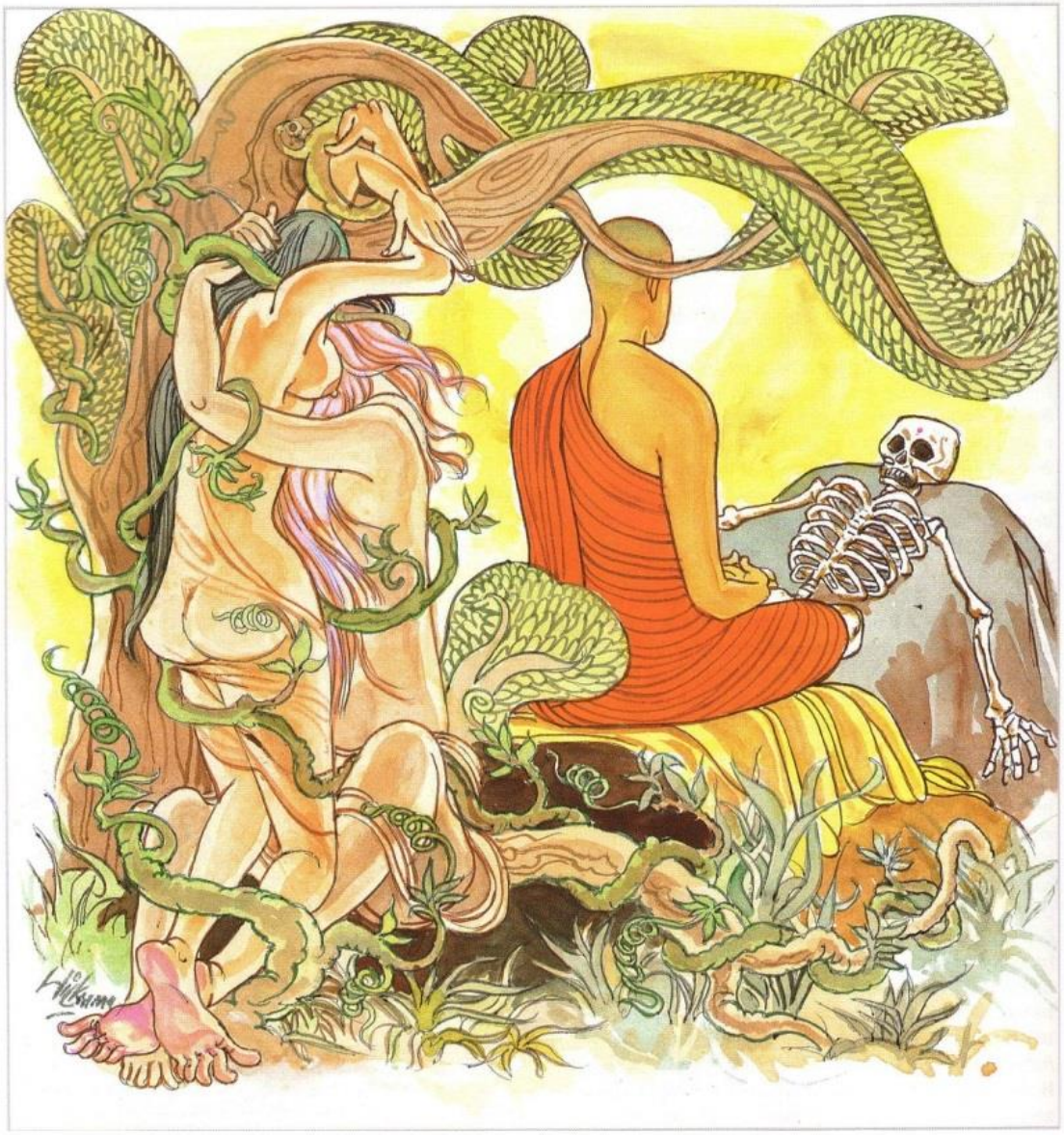

113. Sống một ngày thấy pháp Sanh Diệt tốt hơn sống một trăm năm không thấy (pháp Sanh Diệt).

VIII.13- Tích NÀNG KIỀU ĐÀM ỐM ĐẮC A LA HÁN

(Kisāgotamīvatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 114)

"Yo ca vassasataṃ jīve,	***Ai sống một trăm năm,***
Apassaṃ amataṃ padaṃ;	***Không thấy Câu Bất tử,***
Ekāhaṃ jīvitaṃ seyyo,	***Tốt hơn sống một ngày,***
Passato amataṃ padanti".	***Thấy được Câu Bất tử".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến nàng Kisāgotamī (Kiều Đàm Ốm).

Tương truyền: Trong thành Sāvatthī (Xá Vệ), có nhà một ông Bá hộ tự nhiên tài sản bốn trăm triệu đồng vàng biến thành than. Ông Bá hộ thấy vậy lấy làm phiền muộn, bỏ cả ăn uống nằm liệt trên giường.

Khi ấy, có một người bạn đến nhà thăm ông và hỏi:

- Bạn à, sao bạn buồn rầu dữ vậy?

Nghe rõ câu chuyện tâm sự của Bá hộ, người bạn khuyên:

- Thôi bạn đừng lo rầu nữa, tôi biết một phương pháp giải khổ cho bạn, bạn hãy làm theo lời tôi chỉ dẫn.

- Tôi làm gì bây giờ hở bạn?

- Nầy bạn, bạn hãy đích thân ra chợ, trải chiếc chiếu lác, đổ than vun thành đống, rồi ngồi giả làm người bán than. Trong số những khách hàng qua lại, gặp người nào hỏi: "Mấy người kia bán vải, dầu, mật ong, mật mía... Còn ông sao lại ngồi bán than?". Bạn hãy trả lời rằng: "Của tôi mà tôi không bán thì tôi sẽ làm cái chi?". Còn gặp người nào hỏi: "Mấy người khác bán vải, dầu, mật ong, mật mía... còn ông sao lại ngồi bán vàng bạc ở đây?", bạn hãy trả lời rằng: "Bạc vàng ở đâu?", nếu người ấy chỉ "Đây nè!", bạn hãy bảo: "Đâu mang lại cho tôi xem". Rồi bạn xòe tay ra thọ lãnh. Khi người ấy trao qua tay bạn như thế than nằm trong tay bạn sẽ trở thành bạc vàng. Nếu đó là một cô gái, bạn hãy cưới về cho con trai bạn cùng ở chung trong nhà, giao hết tài sản bốn trăm triệu đồng vàng cho cô dâu trọn quyền quyết định. Nếu là cậu con trai, bạn hãy rước về gả con gái tới tuổi cập kê cho cậu, rồi giao hết số tài sản bốn trăm triệu đồng vàng cho chàng rể trọn quyền quyết định.

Ông Bá hộ mừng rỡ, đem thực hành ngay diệu kế của người bạn, đích thân ra chợ đông, đổ than vun thành đống rồi ngồi giả vờ làm người bán than.

Gặp những người nào hỏi: "Mấy chỗ khác người ta bán vải, dầu, mật ong, mật mía... Còn ông sao ngồi bán than ở đây?", ông Bá hộ đáp: "Của tôi mà tôi không bán thì tôi sẽ làm gì?".

Khi ấy cô gái tên là Gotamī (Kiều Đàm) vì có thân hình ốm yếu, mảnh khảnh nên được gọi là Kisāgotamī (Kiều Đàm Ồm) (Kisā: ốm), là con gái của một gia tộc khá giả, hiện đang bị sa sút rõ rệt. Cô có việc cần phải đi ra cửa chợ, khi thấy ông Bá hộ đang ngồi, cô hỏi: "Bác ơi! Mấy người khác người ta bán vải, dầu, mật ong, mật mía... Còn bác sao lại ngồi đây bán bạc vàng".

- Con ơi! Bạc vàng ở đâu?

- Chớ bác không lấy bạc vàng ra ngồi đây bán sao?

- Đâu con đem lại cho bác một mớ xem sao?

Nàng Kiều Đàm hốt một bụm đặt vào tay ông Bá hộ, bụi than hóa ra vàng bạc. Ông Bá hộ liền hỏi cô gái:

- Nhà con ở lối nào?

- Thưa bác ở lối tên ấy.

Nghe nói, ông Bá hộ hỏi tiếp nữa rằng:

- Cô đã thành gia thất chưa?

- Thưa bác chưa.

Ông Bá hộ sắp xếp tài sản lại, rồi cưới nàng Kisāgotamī về cho công tử con trai mình. Kế đó, giao hết tài sản bốn trăm triệu đồng vàng cho nàng Kisāgotamī gìn giữ. Lập tức tất cả tài sản biến thành than ấy đều hoàn lại là bạc vàng như cũ.

Một thời gian sau cô Kisāgotamī có thai. Đủ mười tháng cô hạ sanh một đứa con trai. Đứa bé vừa biết đi chập chững thì nó bị bạo bệnh mà chết.

Từ trước đến giờ chưa từng thấy ai chết, cho nên thay vì để người ta đem xác đứa bé đi thiêu, cô lại mặc y phục, ẵm xác con đi từng nhà để hỏi xem ai có biết thuốc gì chữa bịnh cho con cô không. Cô được thị dân nói ngay rằng: "Cô ơi, cô phát khùng rồi, nên cô mới đi lang thang, hỏi thuốc trị bịnh cho đứa con trai đã chết!".

Mặc kệ những lời nhắc nhở, cô Kisāgotamī vẫn cứ đi, tin chắc ràng: "Nhất định thế nào cô cũng gặp được người biết, sẽ tìm được phương thuốc trị bịnh cho con trai cô".

Khi ấy có một Hiền trí thấy cô như vậy, tự nghĩ rằng:

- Con gái ta đây chắc là một thiếu phụ mới đẻ con so chưa từng chứng kiến sự chết chóc. Vậy ta nên tế độ chỉ bảo giùm cô.

Vị ấy bảo cô:

- Con ơi! Bác không biết thuốc men gì cả, nhưng bác biết một vị lương y.

- Thưa bác vị đó là ai vậy.

- Đức Bổn Sư là vị lương y, vậy con hãy tìm đến Ngài mà hỏi thuốc.

- Cám ơn bác, để con đi hỏi thuốc.

Nói rồi, cô Kisāgotamī đến yết kiến Đức Bổn Sư, đảnh lễ Ngài rồi đứng qua một bên, hỏi rằng:

- Bạch Ngài, nghe đồn rằng Ngài biết được thứ thuốc chữa bệnh cho con trai con phải không?

- Phải, Ta biết.

- Bạch Ngài, có cần kiếm món chi không?

- Chỉ cần kiếm cho được một nhúm hạt cải mà thôi.

- Bạch Ngài, con sẽ kiếm được hột cải, nhưng có cần phải kiếm ở nhà người nào không?

- Ở nhà người nào mà chưa từng có đứa con trai hoặc đứa con gái nào chết cả, mới được.

- Lành thay, bạch Ngài.

Nàng Kisāgotamī đảnh lễ Đức Bổn Sư, ẵm đứa con chết ra đi vào xóm làng, đến đứng trước cửa nhà đầu tiên hỏi chủ nhà:

- Trong nhà này có hột cải không? Ông lương y nói đó là món thuốc chữa lành bịnh của con tôi.

- Nầy cô, có.

- Nếu có, cho tôi xin một nhúm.

Khi chủ nhà mang hột cải ra, cô Kiều Đàm lại hỏi thêm:

- Trong nhà nầy chưa từng có đứa con trai hoặc đứa con gái nào chết cả, phải không bác?

- Sao nàng lại nói như vậy? Thật ra thì số sống còn chỉ vài ba người, còn số chết thì lu bù, cô em à!

Nghe nói vậy, cô Kisāgotamī giao trả lại nhúm hạt cải và nói: "Thôi xin bác giữ hột cải của bác, nó không phải là thuốc chữa lành bịnh của con tôi".

Kể từ đó, cô Kisāgotamī lại tiếp tục đi sâu vào trong xóm, đến nhà cuối cùng khi trời đã xế chiều, cô cầm nhúm hột cải, cô tự nghĩ:

- Ôi! Ta thật là nặng nghiệp! Con ta đã chết rồi mà ta cứ mong cho nó cải tử hoàn sanh. Khắp cả một xóm làng như vầy mà số người sống còn ít, số tử vong lại nhiều hơn...

Càng suy xét, cô Kisāgotamī càng dịu lòng thương yêu con, trái tim lần lần trở nên chai lì. Cô vứt bỏ xác con trong rừng, trở về đảnh lễ Đức Bổn Sư rồi đứng qua một bên, khi ấy Đức Bổn Sư hỏi cô:

- Con đã kiếm được một nhúm hạt cải phải không?

- Bạch Ngài, con kiếm không được, khắp cả làng số người sống còn thì quá ít, số chết mất lại nhiều hơn.

Đức Bổn Sư dạy rằng:

- Con cứ mãi băn khoăn nghĩ rằng: "Con trai ta đã chết". Đó chỉ là thường sự đối với chúng sanh. Quả thật, tử thần hằng lôi cuốn tất cả mọi người ở thời thiếu niên, vị

thành niên... chẳng khác nào thác nước lụt đem vùi thây chúng sanh trong biển cả ác đạo.

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết pháp và kết luận bâng bài kệ rằng:

"Taṃ puttapasusammattaṃ,	*"Người tâm ý đắm say,*
Byāsattamanasaṃ naraṃ;	*Con cái và súc vật,*
Suttaṃ gāmaṃ mahogho'va,	*Tử thần bắt người ấy,*
Maccu ādāya gacchati".	*Như lụt trôi làng ngủ".*

Đến cuối bài kệ nàng Kisāgotamī đắc quả Tu Đà Hườn, nhiều người khác cũng đắc Thánh quả nhất là Tu Đà Hườn quả.

Kế đó, nàng Kisāgotamī xin Đức Bổn Sư cho nàng xuất gia. Ngài đã gởi nàng qua xuất gia với các Tỳ khưu Ni. Thọ Cụ túc giới rồi, nàng được gọi là Tỳ khưu Ni Kisāgotamī (Kiều Đàm Ốm).

Một hôm, tới phiên phải sửa soạn chỗ làm lễ Phát lồ (để các Tỳ khưu Ni sám hối với nhau), Sư Cô Kisāgotamī đốt đèn lên rồi ngồi nhìn ngọn đèn chập chờn leo lét, khi tỏ khi mờ, nàng chợt nhận thấy rằng: "Những chúng sanh nầy giống như ngọn đèn, cứ sanh diệt, sanh diệt như thế mãi, chớ không đi đến chỗ tịch diệt là Níp Bàn". Trong khi Sư Cô đang miên man niệm tưởng đề tài Sanh Diệt, với đối tượng là ngọn đèn thì Đức Bổn Sư ngự tọa trong tòa hương thất phóng tỏa hào quang, thị hiện như ngồi trước mặt Sư Cô mà thuyết giảng rằng:

- Nầy Gotamī (Kiều Đàm), những chúng sanh nầy giống như ngọn đèn cứ sanh diệt, sanh diệt như thế mãi chớ không giác ngộ Níp Bàn là nơi tịch diệt. Người không tịnh tín nơi Níp Bàn như thế dầu sống cả trăm năm, cũng không bằng người tịnh tín nơi Níp Bàn chỉ sống trong giây lát.

Nói rồi, Đức Thế Tôn thuyết pháp và kết luận bâng kệ ngôn rằng:

"Yo ca vassasataṃ jīve,	*"Sống trăm tuổi thọ lão thành,*
Apassaṃ amataṃ padaṃ;	*Không thấy Bất tử Vô sanh pháp mầu;*
Ekāhaṃ jīvitaṃ seyyo,	*Chẳng bằng sống một ngày lâu,*
Passato amataṃ padanti".	*Mà được chứng ngộ pháp mầu Vô sanh".*

CHÚ GIẢI:

Amataṃ padaṃ: con đường bất tử ám chỉ Níp Bàn Vô dư, nơi không có sự già, đau, chết[1].

Những tiếng khác cũng đồng nghĩa với mấy bài kệ trước.

☸

Cuối thời Pháp, Tỳ khưu Ni Kisāgotamī đắc quả A La Hán với Tuệ phân tích ngay tại chỗ ngồi.

☸

[1] Đạo Tịch tịnh Vô vi (T.K. Trí Đức) - Pháp Bất Tử (HT. Minh Châu). Trạng thái Bất diệt (Phạm Kim Khánh).

Dịch Giả Cẩn Đề

Kiều Đàm Ốm thắp nến "Si ma",
Đèn nến chập chờn gặp gió qua!
Ngọn lửa xuống lên hay tắt phụt,
Khác chi mạng sống của người ta?
Phật dạy: Dầu trăm tuổi thọ trường,
Không thông Khổ não với Vô thường,
Chẳng bằng chỉ sống một ngày ngắn,
Bất tử Vô sanh được tỏ tường.

DỨT TÍCH NÀNG KIỀU ĐÀM ỐM ĐẮC A LA HÁN

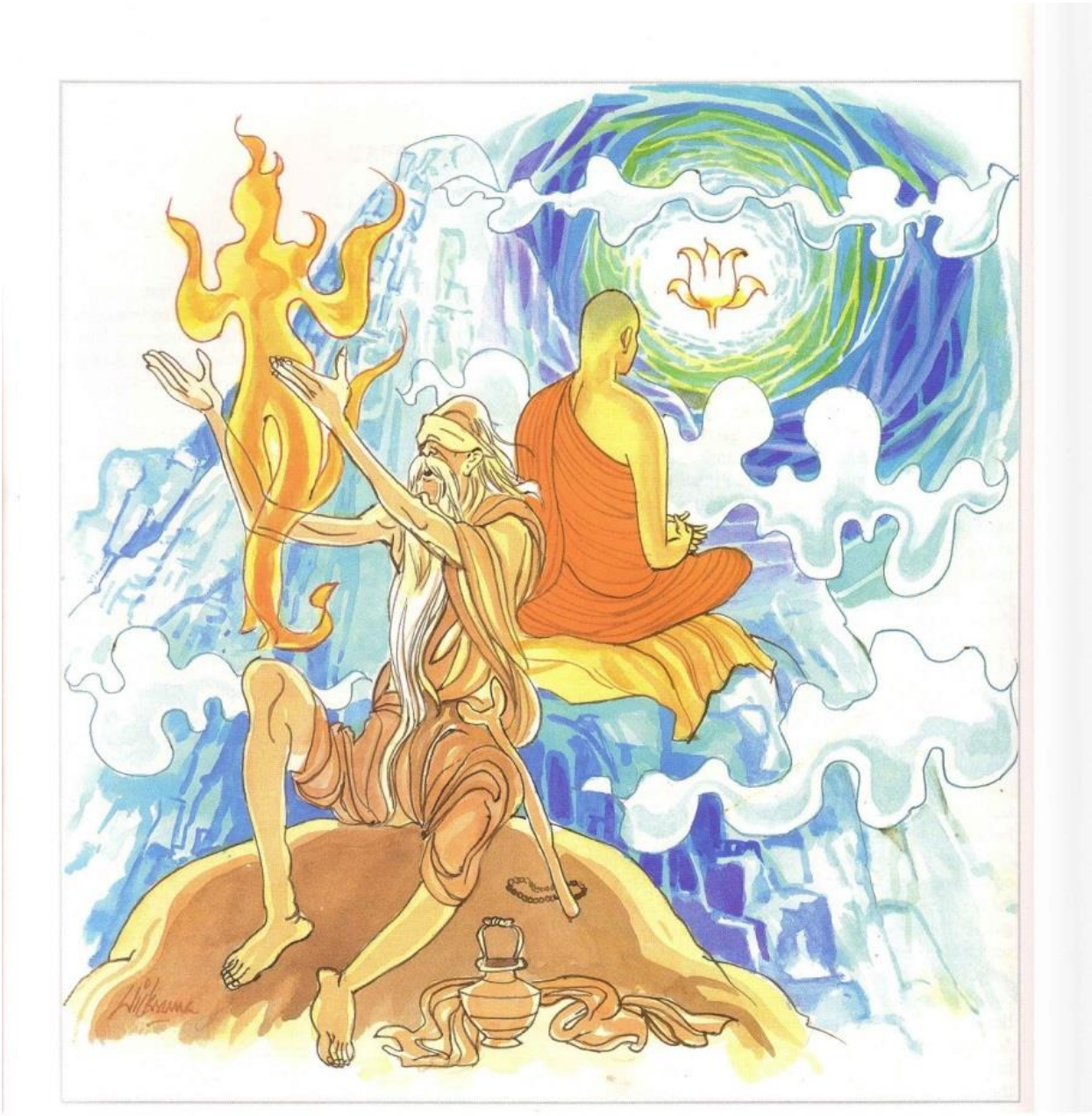

114. Sống một ngày thấy pháp Bất tử (Níp Bàn) còn hơn sống một trăm năm không thấy.

VIII.14- Tích TỲ KHƯU NI ĐA TỬ ĐẮC A LA HÁN

(Bahuputtikattherīvatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 115)

"Yo ca vassasataṃ jīve,	***"Ai sống một trăm năm,***
Apassaṃ dhammamuttamaṃ;	***Không thấy Pháp tối thượng,***
Ekāhaṃ jīvitaṃ seyyo,	***Tốt hơn sống một ngày,***
Passato dhammamuttamanti".	***Thấy được Pháp tối thượng".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến vị Tỳ khưu Ni tên Bahuputtikā (Đa Tử).

Tương truyền rằng: Trong một gia đình nọ ở thành Xá Vệ, có bảy đứa con trai và bảy đứa con gái, đến tuổi trưởng thành tất cả đều yên bề gia thất. Tuy đã ra riêng nhưng cũng sống hạnh phúc, bình thường. Một thời gian sau, cha chúng qua đời, bà Đại Tín nữ nghĩ rằng: "Dầu chồng ta đã mất, ta cũng không phân chia gia sản cho các con trai và con gái ta đâu".

Nhưng các con trai bà cứ theo hỏi bà:

- Thưa mẹ, cha chúng con đã mất, mẹ còn giữ gia sản cho ai nữa? Bộ chúng con không bảo quản được gia sản hay sao?

Nghe con hỏi, bà vẫn làm thinh. Nhưng chúng cứ đeo theo hỏi đi hỏi lại mãi. Sau cùng bà tự nghĩ: "Các con trai sẽ phụng dưỡng ta, ta còn giữ gìn gia sản làm của riêng mà làm chi?".

Thế rồi, bà cho hội các con lại và phân chia tất cả di sản của chồng cho chúng.

Cách mấy ngày sau, người vợ của con trai lớn nói với bà rằng: "Trời ơi! Sao mẹ cứ đến nhà con hoài? Mẹ làm như nhà con là trưởng nam được hưởng hai phần gia tài vậy?

Những cô con dâu khác cũng đều nói y như con dâu lớn cả. Buồn chán lũ con trai, bà đến ở nhà các con gái, bắt đầu từ nhà đứa lớn, các con gái bà cũng xua đuổi bà với luận điệu như các con dâu.

Bị các dâu con ruồng rẫy, bà Tín nữ tự nghĩ: "Ta còn gần lũ nầy làm chi nữa, thà là ta xuất gia Tỳ khưu Ni, sống hạnh không nhà còn hơn". Thế rồi, bà đến tịnh xá Ni xin xuất gia, chư Tỳ khưu Ni đã cho bà xuất gia. Sau khi xuất gia, bà được mệnh danh là Tỳ khưu Ni Đa Tử.

Tự xét rằng: "Ta là người lão niên xuất gia, ta phải Tinh tấn siêng năng mới được". Bà ráng làm hết phận sự của bậc Tỳ khưu Ni, rồi còn tính: "Ta sẽ hành Sa môn Pháp suốt đêm nay", nên lấy tay ôm một cây cột ở từng dưới của tòa lâu, rồi hành Sa môn Pháp xoay quanh cây cột ấy. Trong lúc đi kinh hành ở chỗ tối tăm, bà không thấy đường, quơ tay kiếm cây đại thọ, không ngờ va đầu vào cây, rồi lấy tay ôm cây ấy đi vòng quanh mà hành Sa môn Pháp. Bà lại tính thầm: "Ta sẽ hành trì đúng theo Pháp

mà Đức thế Tôn đã thuyết", rồi bà tham Thiền, quán tưởng về Pháp, ráng nhớ lại Pháp và hành Sa môn Pháp ấy.

Khi ấy, Đức Bổn Sư ngự tọa trong hương thất phóng tỏa hào quang, thị hiện như đang ngồi trước mặt mà đàm thoại với bà: "Nầy Đa Tử! Pháp của Ta thuyết, người nào không tham cứu, không nhìn thấy thì dầu sống một trăm năm, cũng không bằng người thấy Pháp của Ta thuyết chỉ sống trong một giây lát".

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết pháp và kết luận tóm tắt rằng:

"Yo ca vassasataṃ jīve,	*"Sống trăm tuổi thọ lão thành,*
Apassaṃ dhammamuttamaṃ;	*Không thấy tối thượng Vô sanh pháp mầu,*
Ekāhaṃ jīvitaṃ seyyo,	*Chẳng bằng sống một ngày lâu,*
Passato dhammamuttamanti".	*Thấy Pháp tối thượng nhiệm mầu Vô sanh".*

❁

CHÚ GIẢI:

Dhammamuttamaṃ: pháp tối thượng gồm có chín Pháp Thánh, gọi là Siêu Thế Pháp (Lokuttaradhamma), là bốn Đạo, bốn Quả và Níp Bàn. Tên Pāḷi gọi là Uttama dhammo: người không thấy Pháp nầy, dầu sống một trăm năm, so với người thấy Pháp, thông hiểu Pháp nầy, chỉ sống trong một ngày, hoặc trong một sát na, thì người sau nầy vẫn hơn.

Cuối bài kệ, Tỳ khưu Ni Đa Tử đắc quả A La Hán với Tuệ Phân tích.

❁

Dịch Giả Cẩn Đề

Bất nghĩa, con dâu bỏ mẹ già,
Buồn lòng, góa phụ phải ly gia,
Ban ngày, phận sự lo tròn đủ,
Tối đến, hành thâm Pháp Phật Đà…
Thấy rồi, siêu pháp cũng còn hay,
Hơn người sống đến trăm năm chẵn,
Mà vẫn chưa thông Diệu Đế này!

DỨT TÍCH TỲ KHƯU NI ĐA TỬ ĐẮC A LA HÁN

❁

DỨT PHẨM NGÀN

ଓ❁ଌ



115. Sống một ngày thấy pháp Tối thượng còn hơn sống một trăm năm không thấy.

IX. PHẨM ÁC
(PĀPAVAGGA)

☸

13 bài kệ: Pháp Cú số 116-128

12 tích truyện

IX.1- Tích BÀ LA MÔN MỘT ÁO

(Cūḷekasāṭakabrāhmaṇavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 116)

"Abhittharetha kalyāṇe,	***"Hãy gấp làm điều lành,***
Pāpā cittaṃ nivāraye;	***Ngăn tâm làm điều ác,***
Dandhaṃ hi karoto puññaṃ,	***Ai chậm làm việc lành,***
Pāpasmiṃ ramatī mano".	***Ý ưa thích việc ác".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến ông Bà la môn Cūḷekasātaka (Bà la môn Một Áo[1]) (Tiểu Trung Y).

Trong thời kỳ Giáo Pháp của Đấng Thập Lực hồng danh là Vipassī (Tỳ Bà Thi), có ông Bà la môn tên là Mahākasātaka (Đại Nhất Trung Y).

Còn bây giờ, ông nầy ở trong thành Xá Vệ, có tên là Tiểu Trung Y (Cūḷekasātaka), ông chỉ có một cái y hạ (củn, cái váy, cái chăn, để vận theo lối Ấn Độ không có mặc quần) và vợ ông cũng chỉ có một cái y hạ mà thôi. Hai người thay nhau xài chung một cái y trung để đắp lên mình khi ra khỏi nhà.

Một hôm nghe có loa kêu gọi đi chùa thính pháp, ông Bà la môn bảo vợ rằng: "Nầy bà, có loa kêu gọi đi thính pháp, vậy bà sẽ đi nghe pháp ban ngày hay ban đêm? Vì chỉ có một cái y choàng nên chúng ta không thể cùng đi một lượt được".

Bà Bà la môn đáp: "Tôi sẽ đi ban ngày ông à".

Nói rồi bà khoác y lên mình ra đi. Ông Bà la môn ở nhà cả ngày, tới tối mới ra đi, đến ngồi trước mặt Đức Bổn Sư nghe pháp, ông thỏa thích đến nỗi phỉ lạc ngũ sắc (xanh, vàng, trắng, đỏ, cam) phát khởi lên thấm đều khắp châu thân ông, ông có ý muốn cúng dường Đức Bổn Sư nhưng lại nghĩ rằng: "Nếu ta đem dâng lá y nầy thì cả bà Bà la môn và ta đều không có y choàng". Sau hàng ngàn tâm bỏn xẻn sanh lên, các tâm Chánh tín lại phát khởi để rồi biến đi hết, để cho tâm bỏn xẻn phát sanh. Ông Bà la môn bị sự bỏn xẻn buộc chặt như kềm hãm ông, nên ông phủ nhận Tín tâm của ông.

Trận giặc lòng kéo dài suốt một canh đầu: "Ta sẽ dâng, ta sẽ không dâng", ông cứ phân vân giữa hai ý tưởng như thế.

[1] Lá y choàng nhỏ.

Từ đó đến hết canh giữa, cuộc nội chiến vẫn tiếp diễn, nên ông ta không thể cúng dường lá y. Đến canh chót, ông ta suy nghĩ thầm: "Tín tâm và Lận tâm (tâm hà tiện) của ta đã chiến đấu với nhau suốt hai canh qua, mà Tín tâm vẫn không thể thắng. Bây giờ, bằng ấy tâm bỏn xẻn đang tăng trưởng, nó sẽ không cho ta cất đầu lên khi sa xuống bốn đường ác đạo. Ta sẽ dâng lá y choàng".

Khi đã xóa được hàng ngàn Lận tâm và để cho Tín tâm làm hướng đạo. Ông Bà la môn đem lá y choàng đặt trước chân Đức Bổn Sư và hô to lên ba lần: "Ta đã thắng, ta đã thắng!".

Đức Vua Pasenadi (Ba Tư Nặc) đang thính pháp, nghe tiếng hô như vậy, bèn phán hỏi: "Này ông Bà la môn, ông nói thắng là thắng ai vậy?". Các quan hộ giá đến hỏi ông Bà la môn thì ông ta đem hết tâm sự của mình ra tỏ bày thật cho các quan biết, nhờ các quan tâu lại với Đức vua. Đức vua nghe chuyện nầy, tự nghĩ: "Ông Bà la môn này đã làm chuyện khó làm, Trẫm sẽ tiếp độ ông ta". Đức vua sai quân hầu tặng ông ta cặp y choàng, ông Bà la môn đem dâng luôn đến Đức Bổn Sư.

Thấy vậy, Đức vua sai quân hầu đem tặng ông tấm vải choàng, ông cũng dâng lên Đức Thế Tôn, rồi Đức vua lại tăng lên gấp đôi, ông cũng dâng tám cặp y, rồi đến mười sáu cặp y. Khi Đức vua ban cho ông ta ba mươi hai cặp y, lần này ông Bà la môn suy nghĩ: "Cứ mỗi lần được y, ta không giữ mà xả ra, rồi lại được nhiều hơn. Như vậy, sợ e người bảo rằng ta bỏ con tép bắt con tôm. Thôi, ta hãy giữ lại hai cặp y, ta một cặp còn vợ ta một cặp". Rồi ông Bà la môn lãnh hai cặp, còn lại ba mươi cặp y ta sẽ dâng đến Đức Thế Tôn.

Hồi đời xưa, ông Đại Nhất Trung Y được sáu mươi bốn cặp y mà ông chỉ nhận có hai cặp. Đời này, Tiểu Trung Y được ba mươi hai cặp và cũng chỉ nhận có hai cặp[(1)] mà thôi.

Đức vua bèn ra lịnh sai các quan hầu: "Nầy các hiền khanh! Việc làm của ông Bà la môn nầy thật là khó làm, các khanh hãy trở về hoàng cung cho người mang hai lá cẩm y (áo gấm) của Trẫm đến đây!". Các quan làm theo lịnh của Đức vua. Đức vua sai đem tặng ông Bà la môn hai tấm y gấm trị giá cả trăm ngàn đồng vàng.

Ông Bà la môn tự nghĩ: "Những y nầy không thích hợp với thân hình ta, mà thích hợp với Giáo Pháp của Đức Phật", ông bèn đem một lá y gấm vào trong hương thất treo lên giường nằm của Đức Bổn Sư, còn một lá đem về nhà treo trên chỗ chư Tăng thường xuyên thọ thực.

Chiều hôm sau, Đức vua đến viếng Đức Bổn Sư nhìn biết lá cẩm y, bèn hỏi:

- Bạch Ngài, ai dâng y nầy vậy?

- Ông Một Áo.

[1] Vì ông Mahākasātaka có trước và số y lãnh được nhiều gấp đôi nên được mệnh danh là Đại Nhất Trung Y. Còn ông này có sau và số y lãnh cũng ít hơn, nên được gọi là Tiểu Trung Y, không phải là y lớn hay y nhỏ.

Nghe vậy, Đức vua rất hoan hỷ với ông Bà la môn, bèn ra lịnh ban cho ông bốn con voi, bốn con ngựa, bốn ngàn đồng vàng, bốn phụ nữ, bốn tỳ nữ, bốn tớ trai, bốn làng nộp thuế... Cả trăm thứ, thứ gì cũng là bốn hết thảy.

Các Tỳ khưu đề khởi vấn đề này trong giảng đường: "Ôi! Thật là kỳ lạ. Việc làm của Tiểu Trung Y trong giây lát như vậy mà kết quả được ân tứ đủ thứ, thứ gì cũng bốn cái. Rõ ràng là do thiện nghiệp gieo trồng vào phước điền mà quả dị thục trổ ngay hôm nay vậy". Đức Bổn Sư đến hỏi:

- Nầy các Tỳ khưu, hôm nay các thầy ngồi đây thảo luận việc chi vậy?

- Bạch Ngài, việc nầy...

Nghe vậy, Đức Bổn Sư dạy:

- Nầy các Tỳ khưu, nếu ông Tiểu Trung Y nầy có thể cúng dường đến Ta trong canh đầu thì ông đã được tất cả mọi thứ, mỗi thứ là mười sáu cái. Nếu ông có thể cúng dường đến Ta vào canh giữa thì ông đã có tất cả mọi thứ, thứ nào cũng tám cái. Vì ông trì hoãn để đến canh chót mới cúng dường, cho nên tất cả mọi thứ, thứ nào cũng bốn cái như vậy. Bởi thế, trong việc tạo thiện nghiệp, hễ tâm khởi lên muốn làm lúc nào, nên làm ngay lúc ấy đừng trì hoãn. Làm lành mà chậm trễ thì quả phước phát sanh cũng chậm trễ. Do đó, khi tâm vừa muốn phát sanh muốn tạo thiện nghiệp thì phải nên làm ngay lập tức, đừng hẹn lại.

"Abhittharetha kalyāṇe,
Pāpā cittaṃ nivāraye;
Dandhaṃ hi karoto puññaṃ,
Pāpasmiṃ ramatī mano".

"Hãy gấp làm việc lành, chế chỉ tâm tội ác.
Hễ biếng nhác làm việc lành giờ phút nào
Thì tâm ưa chuyện ác giờ phút ấy".

☸

CHÚ GIẢI:

Abhittharetha: hãy cấp tốc làm theo, gấp rút thật mau lẹ làm điều lành. Quả thật đối với người cư sĩ tại gia, khi tâm khởi lên: "Ta sẽ làm điều lành, chẳng hạn như rút thẻ để bát", thì họ nên hối hả giành lấy thẻ trước, kẻo hết thẻ thì không còn dịp nào khác được để bát. Còn bậc xuất gia hoặc người có phận sự phải làm như phục vụ thầy Tế độ chẳng hạn, sợ không xin được dịp nào khác nên cũng gấp rút giành phần trước về mình.

Pāpā cittaṃ: tất cả các việc ác từ thân, ngữ, ý nhất là thân ác hạnh, khi tâm bất thiện khởi lên, muốn tạo nghiệp ác do cửa nào thì phải ngăn chặn ngay tại cửa ấy tất cả.

Dandhaṃ hi karoto: người nào cứ đắn đo "Ta sẽ bố thí, ta sẽ làm phước, nhưng không biết ta có thành tựu hay không", rồi trì hoãn việc làm phước, giống như con người đi trên con đường lầy lội, giống như ông Một Áo đã để cho hàng ngàn tâm bỏn xẻn có dịp khởi lên, lúc ấy, tâm người vui thích trong việc ác. Trái lại, trong khi làm

việc lành thì vui thích trong việc lành, nhờ đó mà khỏi sa đọa xuống trong cảnh ác quấy.

Cuối thời pháp, nhiều người chứng quả Thánh, nhất là Tu Đà Hườn quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Canh đầu, canh giữa, đến canh ba,
Mới cởi áo choàng cúng Phật Đà.
Thỏa thích la to: "Ta đã thắng!"
Làm vua đẹp ý, thưởng ông ta.
Nhờ đó, kẻ nghèo bỗng hóa giàu,
Chư Tăng bèn nói: "Thật là mau!"
Nhưng theo Phật dạy thì hơi chậm,
Chỉ hưởng những phần phước nhỏ sau.
Phật khuyên nên gấp rút làm lành,
Chớ để bơ thờ, ác ý sanh,
Cứ một ý lành, ngàn ý ác,
Khó lòng toàn thắng được cho nhanh!

DỨT TÍCH BÀ LA MÔN MỘT ÁO

☸

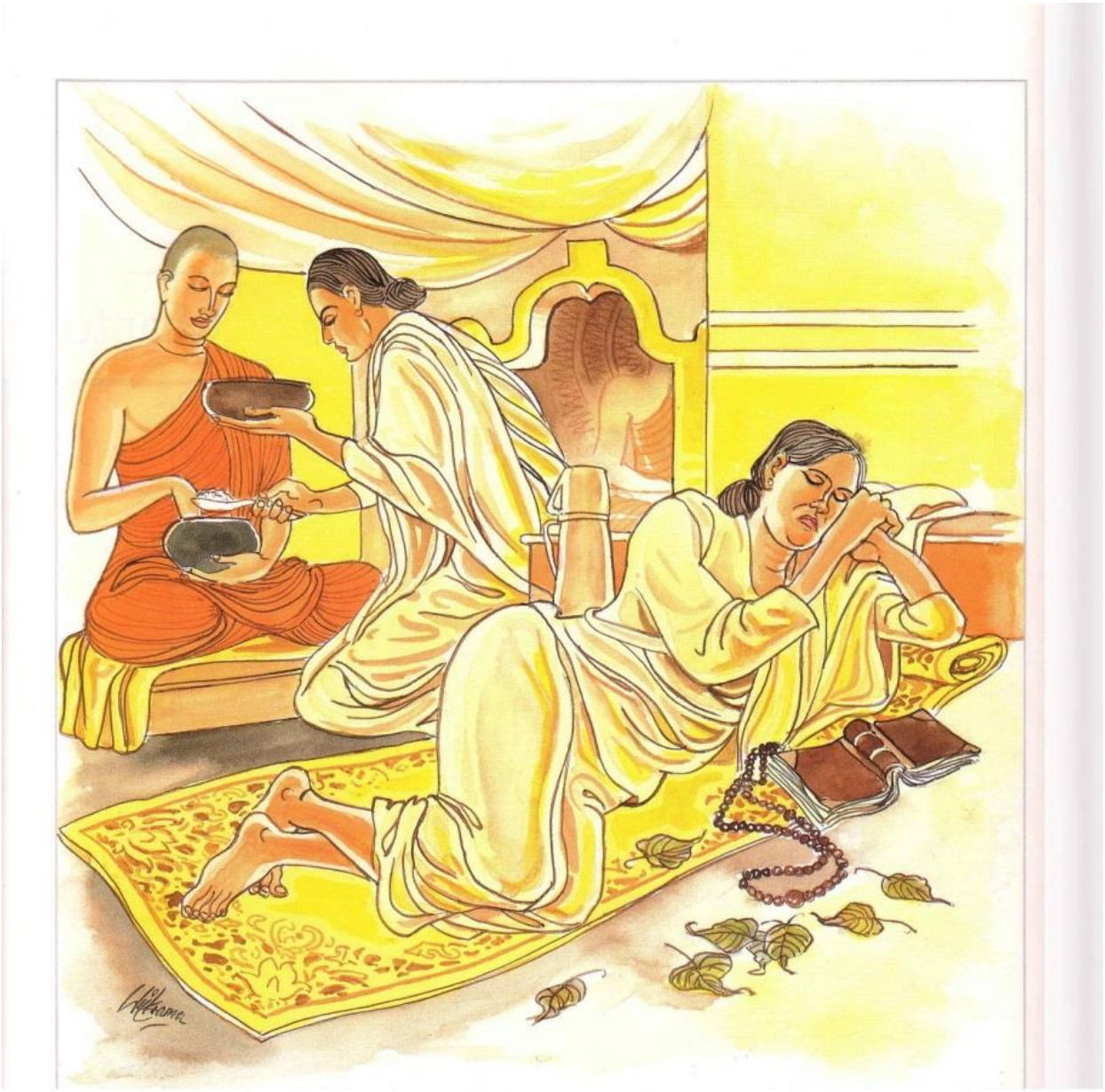

116. Hãy nhanh chóng làm việc lành. Hãy ngăn chặn tâm khỏi làm ác. Sự trì hoãn làm cho tâm hướng về điều ác.

IX.2- Tích TRƯỞNG LÃO XÂY ĐÁ XÁ KÁ

(Seyyasakattheravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 117)

"Pāpañce puriso kayirā,	***"Nếu người làm điều ác,***
Na naṃ kayirā punappunaṃ;	***Chớ tiếp tục làm thêm,***
Na tamhi chandaṃ kayirātha,	***Chớ ước muốn điều ác,***
Dukkho pāpassa uccayo".	***Chứa ác, tất chịu khổ".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến Trưởng lão Seyyasaka (Xây Dá Xá Ká).

Trong Tạng Luật quyển hai có ghi: Tỳ khưu Seyyasaka là đệ tử sống chung với thầy là Trưởng lão Loḷudāyi (Lô Lưu Đà Di). Khi đệ tử có tâm buồn bực không vui (vì không chiến thắng nổi tình dục) và đã thú thật tâm trạng của mình với thầy, ông thầy lại xúi giục đệ tử thủ dâm (giới Tăng Tàn số một): "Mỗi khi tâm buồn bực nổi lên thì trò hãy làm như tôi vậy!".

Được chư Tăng báo cáo việc này, Đức Bổn Sư cho gọi Tỳ khưu Seyyasaka đến hỏi:

- Nghe nói thầy đã làm như thế có không?

- Bạch Ngài, có!

Nghe vậy, Đức Bổn Sư quở:

- Nầy kẻ ngu, tại sao ngươi tạo nghiệp nặng nề, không thích đáng như vậy?...

Sau khi trách cứ vị Tỳ khưu phạm lỗi bằng nhiều lối nói..., Đức Bổn Sư đã ban hành học giới Tăng Tàn thứ nhất, rồi kết luận: "Quả thật nghiệp quấy như vậy, dầu trong hiện kiếp, hay kiếp vị lai, cũng đều dắt người vào vòng luân hồi Khổ não".

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết pháp và kết luận bằng bài kệ rằng:

"Pāpañce puriso kayirā,	*"Nếu đã lỡ làm ác,*
Na naṃ kayirā punappunaṃ;	*Chớ nên thường làm hoài,*
Na tamhi chandaṃ kayirātha,	*Chớ vui làm việc ác,*
Dukkho pāpassa uccayo".	*Hễ chứa ác, nhất định thọ khổ".*

CHÚ GIẢI:

Ý nghĩa của Kệ ngôn này là:

Nếu người mới làm ác một lần đầu mà biết suy xét ngay rằng: "Việc nầy không đẹp, thô bạo lắm!", rồi quyết định không tái phạm thì lần sau dục vọng có nổi lên người ấy cũng dẹp bỏ, không làm việc quấy ấy nữa. Vì sao? Vì sự chất chứa tích trữ làm cho ác càng ngày càng tăng trưởng khiến cho con người thọ khổ trong hiện kiếp và đưa người vào khổ cảnh trong kiếp vị lai.

☸

Cuối thời Pháp, nhiều người chứng đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn.

Dịch Giả Cẩn Đề

Lửa dục hừng lên, khó nén cầm,
Nhà sư cố gắng tự dằn tâm,
Nhưng nghe thầy dạy dùng phương tiện,
Nên bắt chước thầy phạm thủ dâm.
Chư Tăng vào mách Phật việc nầy,
Phật gọi Tỳ khưu đến quở rầy,
Rồi bắt ghi liền trong Giới Bổn,
Tăng Tàn số một kể từ đây.
Phật nhắc: Không nên lặp lại hoài,
Mọi điều quấy ác hoặc đơn sai.
Sợ e phải bị luân hồi khổ,
Giờ phút lâm chung, khó trở tay.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO SEYYASAKA

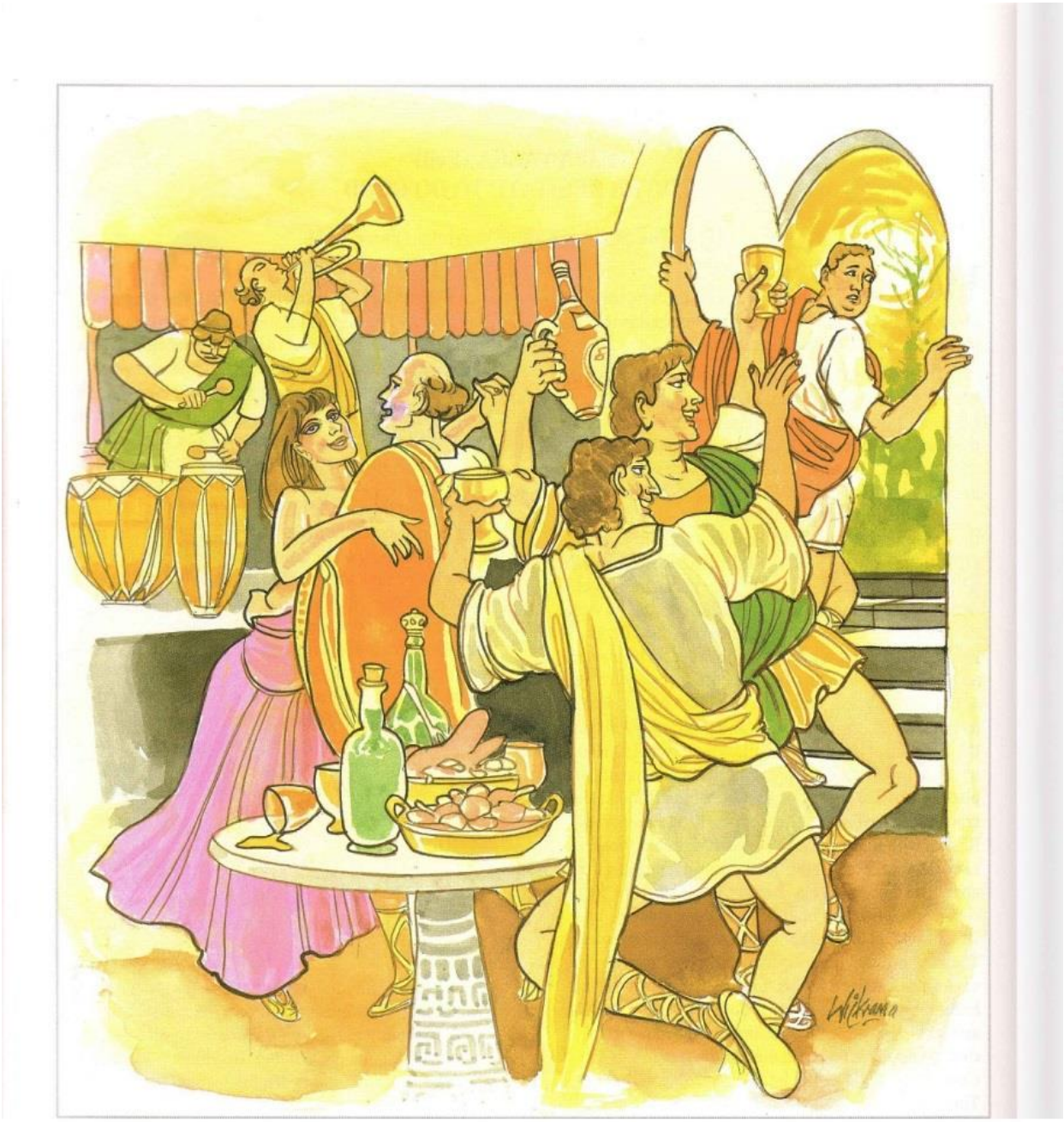

117. Đừng bao giờ tái phạm điều ác. Đừng bao giờ hướng về ác đạo nữa. Ác nghiệp chồng chất sẽ đưa đến khổ đau.

IX.3- Tích THIÊN NỮ CỐM RANG

(Lājadevadhītāvatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 118)

"Puññañce puriso kayirā,	***"Nếu người làm điều thiện,***
Kayirāthenaṃ punappunaṃ;	***Nên tiếp tục làm thêm,***
Tamhi chandaṃ kayirātha,	***Hãy ước muốn điều thiện,***
Sukho puññassa uccayo".	***Chứa thiện, được an lạc".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Thế Tôn đã thuyết, khi Ngài ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến nàng Thiên nữ Lājā (Cốm Rang[1]).

Tích truyện nầy phát khởi trong thành Sāvatthī (Vương Xá). Thật vậy, Trưởng lão Mahākassapa (Ma Ha Ca Diếp) ngụ trong động Pipphali (Bíp Phá Lí), nhập vào Đại Định hưởng vị Thiền Diệt, đến ngày thứ bảy, xuất Thiền định, dùng Thiên nhãn quán xét lối đi khất thực, trông thấy một phụ nữ giữ ruộng lúa nếp Sāli (Xa li) đang rang những hột lúa của mình.

"Cô nầy có đức tin hay không?".

Khi quán thêm, biết rõ phụ nữ ấy có đức tin, Trưởng lão quán tiếp: "Cô có tiếp độ cho ta chăng?" thì được biết rằng: "Cô gái nầy thuộc gia đình lễ giáo, có đức tin vững chắc, sẽ tiếp độ ta và hưởng quả phước lớn".

Thế rồi, Trưởng lão đắp y, mang bát đến đứng gần ruộng lúa Sāli. Thấy Trưởng lão, cô gái con nhà lễ giáo phát Tâm tịnh tín, phỉ lạc ngũ sắc tràn ngập cả thân thể.

- Bạch Ngài, hãy chờ một chút.

Nói rồi, cô gái lật đật lấy cốm rang đến sớt vào bát của Trưởng lão, gieo năm vóc xuống đảnh lễ rồi phát nguyện:

- Bạch Ngài, xin cho con sẽ đắc pháp của Ngài đắc trong lúc hiện tại đây.

Trưởng lão chúc: "Mong cho cô được như ý nguyện".

Phụ nữ ấy đảnh lễ cáo từ Trưởng lão, rồi quay đi, vừa suy tư đến việc cúng dường của mình vừa làm.

Lúc bấy giờ, có một con rắn độc nằm trong cái hang trên đường đi giáp ranh bờ ruộng lúa. Nó không cắn được bắp chân Trưởng lão vì có y che phủ.

Cô gái vừa đi vừa suy tư đến việc cúng dường, đến ngay chỗ hang rắn, con rắn bò ra khỏi hang, mổ trúng chân cô và cô ngã xuống tại chỗ đó. Nhờ chết khi tâm đang trong sạch, y như người ngủ thức dậy, cô được sanh lên cung trời Đao Lợi, ở trong một ngôi đền vàng cao ba mươi do tuần, khắp mình đeo đủ thứ nữ trang. Cô thiên nữ vận lá y trời dài mười hai hắc tay, trên khoác một lá nữa, chung quanh có hàng ngàn thiên nữ theo hầu. Cô đứng tại cửa tòa Kim Ốc có trang trí những chung rượu bằng

[1] Bắp khô (lúa mạch), ngũ cốc khô. Đây là lúa Sāli (Xa li) khô rang nổ làm cốm.

vàng, những tua bông lúa vàng rũ lòng thòng sáng ngời, tự quán xét phước báu của mình và tự hỏi: "Ta đã làm gì mà được quả phước như vầy đây?". Nhờ thiên nhãn cô quán thấy: "Nhờ ta đã để bát cốm rang đến Trưởng lão Ca Diếp mới được phước nầy". Cô suy nghĩ: "Chỉ làm phước nhỏ như vậy mà được quả lớn thế này, bây giờ ta không nên dễ duôi, ta sẽ làm công quả giúp đỡ Trưởng lão để duy trì phước báu nầy cho được lâu dài bền vững".

Thế rồi, từ sáng sớm, nàng thiên nữ xách theo cây chổi vàng và cái rổ dùng để hốt rác, xuống quét dọn chung quanh cốc của Trưởng lão. Quét xong, cô xách nước uống, nước xài châm đầy sẵn cho Trưởng lão dùng.

Trưởng lão thấy lạ, tự hỏi: "Chắc có lẽ ông Sadi hoặc vị Sa môn trẻ nào làm công quả đây!".

Ngày hôm sau, cô thiên nữ cũng xuống làm công quả như cũ và Trưởng lão cũng nghĩ là các vị sư trẻ làm. Đến ngày thứ ba Trưởng lão nghe tiếng quét của nàng thiên nữ và nhìn thấy hào quang của thân cô lọt qua kẽ vách, liền mở cửa ra hỏi:

- Ai quét đó?

- Bạch Ngài, con! Con là Thiên nữ Lājā (Cốm Rang), là người hộ độ của Ngài.

- Bần Tăng không có người hộ độ nào tên như thế cả!

- Bạch Ngài, trong khi giữ ruộng lúa Sāli, con đã cúng dường cốm rang đến Ngài với tâm tịnh tín, khi con quay về bị con rắn độc cắn chết, sanh lên cung trời Đao Lợi. Nhờ Ngài con có được quả phước như thế, nên bây giờ con đến làm công quả với Ngài để duy trì phước báu cho lâu dài đó Ngài!

- Hôm qua và hôm kia cũng chính cô đã đến đây quét dọn và múc nước uống, nước xài, châm sẵn để dành cho bần Tăng phải không?

- Dạ phải, bạch Ngài.

- Thôi được rồi, này thiên nữ, hãy lãng xa đi lo việc của cô đi! Từ rày về sau cô đừng đến nơi này nữa!

- Bạch Ngài, xin Ngài đừng để con thiệt thòi, hãy để cho con hộ độ đến Ngài, để bảo trì phước báu của con.

- Hãy biến mất đi, cô thiên nữ! Đừng để từ đây về sau, các vị Pháp Sư cầm quạt ngồi lên Pháp tọa thuyết rằng: Nghe nói có một cô thiên nữ hằng đến làm công quả múc nước uống, nước xài hộ độ Trưởng lão Mahākassapa. Cô hãy đi, từ rày về sau đừng đến đây nữa!

Cô Thiên nữ van lơn nhiều lượt:

- Bạch Ngài, xin Ngài đừng để cho con chịu thiệt thòi.

Trưởng lão tự nghĩ: "Cô nầy không chịu vâng lời ta!". Trưởng lão vỗ tay quở rằng: "Cô không biết độ lượng!".

Cô Thiên nữ không thể đứng yên tại chỗ, phải bay lên hư không, chắp tay đứng nửa lừng mà khóc than rằng:

- Bạch Ngài, xin Ngài đừng làm con mất phước. Xin Ngài ban ân cho con giữ phước được lâu dài!

Đức Bổn Sư ngồi bên trong hương thất, nghe tiếng khóc của thiên nữ, bèn phóng hào quang tỏa ra, thị hiện như đang ngồi trước mặt cô mà thuyết giảng rằng: "Nầy thiên nữ, con trai Ta là Kassapa (Ca Diếp), là người nghiêm trì Giới Luật, thu thúc Lục căn, đã xét kỹ không cần đến những người muốn làm phước, đảm đang gánh nặng của mình. Tuy nhiên sự làm phước là một gánh nặng mà đưa con người đến chỗ an vui ngay trong kiếp nầy và trong những kiếp vị lai nữa".

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết pháp và ngâm kệ rằng:

"Puññañce puriso kayirā,	*"Nếu đã làm việc lành,*
Kayirāthenaṃ punappunaṃ;	*Hãy nên thường làm mãi,*
Tamhi chandaṃ kayirātha,	*Nên vui làm việc lành,*
Sukho puññassa uccayo".	*Hễ chứa lành nhất định thọ lạc".*

☸

CHÚ GIẢI:

Puññaṃ: nếu một người làm phước tự nhủ: "Ta đã làm phước được một lần rồi, thì không nên lấy đó làm tự mãn mà hãy ráng làm phước nhiều lần nữa. Ngay trong lúc làm phước hãy siêng năng, sốt sắng thỏa thích trong việc phước của mình làm". Tại sao?

Sukho puññassa uccayo: quả nhiên người tích trữ phước, phước càng tăng trưởng, đưa người đến nơi an vui, hạnh phúc ngay trong đời này và những đời sau.

☸

Cuối thời Pháp, cô thiên nữ đứng cách xa độ bốn mươi lăm do tuần liền chứng đắc Tu Đà Hườn quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Để bát vừa xong, kế chết liền,
Lên trời, hưởng phước lộc chư thiên,
Biết mình được phước do làm phước,
Thiếu nữ càng ham hưởng phước điền!
Nhưng Ngài Ca Diếp chẳng ưng cho,
Thiên nữ hộ Ngài việc nhỏ to,
Lại đuổi cô đi, cô phát khóc,
Phật nghe, bèn dạy: Chớ buồn lo!
Điều lành, nên gắng lập thêm hoài,
Phước báu về sau hưởng mới dai!
Nếu cả một đời tu phước nghiệp,
Lâm chung nào sợ khổ lâu dài!

DỨT TÍCH THIÊN NỮ CỐM RANG

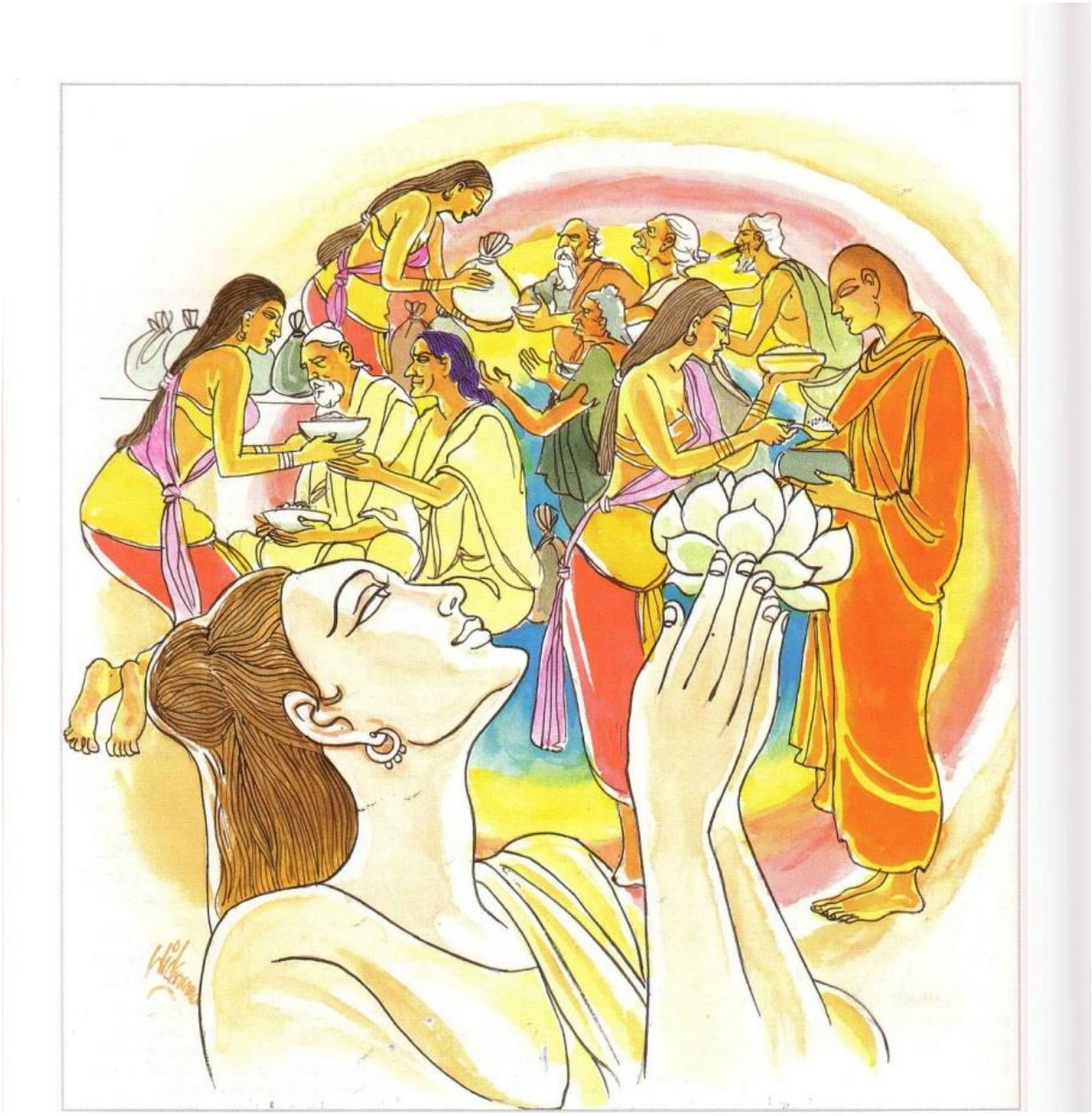

118. Hãy làm nhiều điều thiện. Hãy thích thú hành thiện. Tích tụ thiện hành sẽ đưa đến hạnh phúc.

IX.4- Tích ÔNG CẤP CÔ ĐỘC ĐUỔI THIÊN NỮ

(Anāthapiṇḍikaseṭṭhivatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 119-120)

119. "Pāpopi passati bhadraṃ,	***"Người ác thấy là hiền,***
Yāva pāpaṃ na paccati;	***Khi ác chưa chín muồi,***
Yadā ca paccati pāpaṃ,	***Khi ác nghiệp chín muồi,***
Atha (pāpo) pāpāni passati".	***Người ác mới thấy ác".***
120. "Bhadropi passati pāpaṃ,	***"Người thiện thấy là ác,***
Yva bhadraṃ na paccati;	***Khi thiện chưa chín muồi,***
Yadā ca paccati bhadraṃ,	***Khi thiện được chín muồi,***
Atha (bhadro) bhadrāni passati".	***Người hiền thấy là thiện".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Ông Anāthapiṇḍaka đã tung ra năm trăm bốn chục triệu đồng vàng trong Phật giáo, để xây cất ngôi đại tự Kỳ Viên và thỉnh Đức Bổn Sư ngự yên nơi đó. Hằng ngày ông đi lo ba lần phục vụ lớn, trước khi đi ông tự hỏi: "Ta phải mang theo gì khi đi chùa? Các Sadi và Tỳ khưu trẻ sẽ nhìn vào tay ta!". Vì thế, ông không bao giờ đi tay không. Đi buổi sáng ông cho người nhà mang theo cháo, đi sau buổi điểm tâm thì ông cho mang theo các thứ thuốc nước (Bhesajjāni) như sữa chua (thục tô), sữa lỏng (sanh tô)... Đi vào buổi chiều thì ông cho mang theo tràng hoa, hương, vật thoa, vải v.v...

Mỗi ngày ông vẫn thường xuyên giữ Giới và cúng dường như thế.

Một thời gian sau, gia tài của ông bị khánh tận. Những người sống bằng nghề buôn, tự tay vay một trăm tám mươi triệu đồng mà chưa trả nợ cho ông, còn gia sản một trăm tám mươi triệu đồng vàng thô chôn ở bờ sông bị nước phá vỡ đê, cuốn vào lòng biển cả. Thế là từ từ tài sản của ông bị khánh kiệt.

Mặc dầu sa sút, ông vẫn đặt bát Trai Tăng, nhưng không thể cúng dường vật ngon quý như xưa.

Một hôm, Đức Bổn Sư hỏi ông:

- Nầy gia chủ, ông đã cúng dường Tăng chúng chưa?

- Bạch Ngài, con đã cúng dường đến Tăng rồi, nhưng vật thực chỉ có cháo tấm và cải chua[(1)] mà thôi.

Đức Bổn Sư bèn an ủi ông rằng:

- Nầy gia chủ, ông đừng lo buồn rằng: "Ta cúng dường vật thực thô kệch quá". Miễn là tâm ông nghĩ là cúng dường vật thực cao quý đến các bậc Thánh nhân, nhất là Đức Phật thì sự cúng dường của ông không bao giờ thô kệch đâu! Vả lại, này gia chủ,

[1] Bilaṅgadutiyaṃ: HT TMC dịch là bột chua để từ đêm qua.

ông đã được cúng dường đến tám bậc Thánh nhân. Chính Ta trong kiếp sanh làm vua Velāma (Quê La Má) Ta đã cho dân chúng trong toàn cõi Diêm Phù Đề nghỉ cả cày bừa[1] trong ngày đại thí của Ta, nhưng Ta không có được chút Tam quy nào cả. Sự cúng dường đến các bậc đáng cúng dường thật khó làm được như thế, cho nên ông đừng buồn rằng: "Ta cúng dường vật thực thô kệch quá".

Nói rồi, Đức Thế Tôn thuyết kinh Velāma cho ông Anāthapiṇḍaka nghe.

Khi ấy, có một Thiên nữ ở trong phòng bên cửa gác, không thể ở lại trong phòng khi Đức Bổn Sư và chư Thinh Văn vào trong nhà, vì oai lực của các Ngài rất lớn. Thiên nữ ấy nghĩ thầm: "Ta phải làm sao ly gián gia chủ với mấy vị nầy để họ khỏi vào nhà nầy nữa. Lúc gia chủ còn quyền thế, ta không thể nói lời chi được cả. Bây giờ ông ta sa sút, nghèo khó rồi, ông sẽ nghe theo lời ta".

Thế rồi, ban đêm Thiên nữ vào tư phòng của phú Bá hộ, đứng trên hư không. Bá hộ thấy Thiên nữ bèn hỏi:

- Ai đứng đó?

- Nầy Đại Bá hộ, ta là Thiên nữ ngự ở phòng gác cửa cổng thứ tư, đến để ban huấn từ cho ông!

- Thiên nữ cứ nói đi!

- Nầy Đại Bá hộ, vì ông không thể nhìn xa đến lúc chung cuộc, cho nên ông đã phung phí của cải rất nhiều trong Giáo Pháp của Sa môn Gotama (Cồ Đàm). Bây giờ đã sa sút rồi mà ông còn chưa tỉnh ngộ, dứt bỏ. Nếu ông cứ làm như thế mãi thì chỉ vài ba hôm nữa là ông sẽ không có cơm ăn áo mặc. Hãy từ biệt hẳn Sa môn Gotama để bắt tay vào công việc xây dựng lại sản nghiệp của gia đình.

- Đó là huấn từ của Thiên nữ ban cho ta đó hả?

- Phải đó, này Đại Bá hộ!

- Hãy đi đi, dầu cho một trăm, một ngàn hoặc một trăm ngàn người như cô cũng không lay chuyển lòng ta được. Lời cô nói không thích hợp, sao cô còn cư ngụ trong nhà của ta? Cô hãy đi ra khỏi nhà của ta ngay lập tức.

Nghe lời quyết định của Thánh Thinh Văn Tu Đà Hườn, cô Thiên nữ không thể đứng yên, phải dắt các con đi ra, nhưng đi kiếm chỗ ở khác không được, cô tự nghĩ: "Ta phải đi sám hối với Bá hộ và xin lại chỗ cũ". Thế rồi cô đến yết kiến vị chư thiên trấn giữ châu thành, cô không thú nhận việc mình đã làm, mà chỉ yêu cầu: "Xin Thiên tử (Devaputtaṃ) đưa giùm tôi đến yết kiến ông Bá hộ, xin Bá hộ miễn thứ và xin cho tôi được ở lại chỗ cũ".

Vị chư thiên từ chối: "Lời cô phân nghe không thích hợp, ta không mắc gì phải đi đến nhà ông Bá hộ!".

Cô Thiên nữ lại cầu viện đến bốn vị Đại Thiên Vương, nhưng cũng bị các Ngài từ chối.

[1] Unnagalaṃ kattā: HT TMC dịch là làm náo động.

Sau cùng cô đến đảnh lễ Thiên Vương Đế Thích, thú nhận lỗi lầm của mình đã phạm và thiết yếu van rằng: "Tâu Đại vương, hiện giờ tôi không có nơi cư ngụ, mẹ con dắt nhau đi lang thang như vầy thật khổ quá. Xin Thiên Vương nói giùm cho tôi có được chỗ ngụ.".

Khi ấy, Thiên Vương Đế Thích đáp rằng: "Ta không thể nói lời gì với ông Bá hộ mà binh vực, bào chữa cho ngươi được. Tuy nhiên ta sẽ dạy cho ngươi một phương kế!".

- Lành thay! Xin Thiên Vương dạy đi!

- Ngươi hãy đi! Trước hết hãy hóa thân làm người quản gia của ông Bá hộ, cầm những giấy nợ của những người sống bằng nghề buôn, đã vay tiền ông Bá hộ, đòi cho đủ số một trăm tám mươi triệu đồng vàng, dùng Thần thông quét sạch kho bạc trống không, đổ đầy tiền vào đó. Còn một số tài sản một trăm tám mươi triệu tiền vàng đã chìm sâu dưới biển lớn. Ở một chỗ khác nữa, có một của chôn vô chủ một trăm tám mươi triệu đồng. Hãy gom tất cả về đổ đầy cái kho trống. Sau khi đoái công chuộc tội như thế rồi, hãy đến xin sám hối gia chủ mới được!

Cô Thiên nữ đáp: "Lành thay, tâu Thiên Vương".

Cô làm đúng theo lời Đức Đế Thích chỉ dạy, rồi đến phòng riêng của ông Bá hộ Anāthapiṇḍaka, đứng trên không tỏa hào quang sáng khắp căn phòng. Ông Bá hộ hỏi:

- Ai đó?

Nghe vậy, Thiên nữ đáp: "Thưa tôi là Thiên nữ cư ngụ tại cửa gác thứ tư, vì mù quáng si mê mà đã nói xúc phạm đến ông, xin ông miễn thứ cho tôi. Tôi đã nghe lời chỉ dạy của Đức Đế Thích, gom góp năm trăm bốn mươi triệu đồng vàng, chất đầy kho bạc trống không để chuộc lỗi. Xin ông hãy xét công mà cho tôi ở lại, không có chỗ trú ngụ tôi khổ lắm, ông ơi!".

Ông Anāthapiṇḍaka nghĩ thầm: "Cô Thiên nữ nầy nói mình đã lấy công đền tội rồi, tức là cô đã biết tự hối ăn năn. Ta hãy đưa cô đến bái yết Đức Chánh Biến Tri".

Thế rồi, ông Anāthapiṇḍaka đưa cô Thiên nữ đến yết kiến Đức Bổn Sư và thuật lại hết câu chuyện của cô đã làm cho Ngài nghe. Cô Thiên nữ quỳ mọp đầu dưới chân Đức Bổn Sư:

- Bạch Ngài, con vì mù quáng si mê, không biết được ân đức của Ngài, có lỡ lời quấy ác xúc phạm đến Ngài, xin Ngài hãy tha thứ cho con!

Sau khi sám hối với Đức Bổn Sư, cô Thiên nữ lại xin sám hối với ông Đại Bá hộ.

Nhân dịp đó, Đức Bổn Sư ban huấn từ dạy cả Bá hộ và cô Thiên nữ về quả báu dị thục của những hành động thiện ác.

- Nầy gia chủ, trong đời này lúc mà quả của nghiệp ác chưa chín muồi, thì kẻ ác thấy là vui đẹp lắm. Nhưng đến khi quả ác đã trổ, lúc bấy giờ kẻ ác mới thấy là ác. Lúc mà thiện quả chưa chín muồi, kẻ thiện còn thấy là ác, nhưng khi quả thiện đã chín muồi thì chừng ấy kẻ thiện mới thấy là thiện.

Nói rồi Đức Bổn Sư thuyết pháp và kết luận bằng hai bài kệ sau đây:

119. “Pāpopi passati bhadraṃ, Yāva pāpaṃ na paccati; Yadā ca paccati pāpaṃ, Atha (pāpo) pāpāni passati”.	*“Khi nghiệp ác chưa thành thục,* *Kẻ ác cho là vui,* *Đến khi nghiệp ác thành thục,* *Kẻ ác mới hay là ác”.*
120. “Bhadropi passati pāpaṃ, Yva bhadraṃ na paccati; Yadā ca paccati bhadraṃ, Atha (bhadro) bhadrāni passati”.	*“Khi nghiệp lành chưa thành thục,* *Người lành cho là khổ,* *Đến khi nghiệp lành thành thục,* *Người lành mới biết là lành”.*

☸

CHÚ GIẢI:

Pāpo: kẻ nào liên can với nghiệp ác, nhất là thân ác hạnh... Kẻ ấy từ trước do các thiện hạnh mà được quả an vui, bắt đầu làm ác thì vẫn còn thấy vui.

Yāva pāpaṃ na paccati: khi mà ác nghiệp chưa trổ quả Dị thục (Vipāka) trong hiện kiếp hoặc trong kiếp vị lai, kẻ ác còn thấy vui. Đến chừng ác nghiệp trổ quả, chừng ấy trong hiện kiếp thì phải chịu nhiều hình phạt khổ sai. Còn trong kiếp vị lai thì thọ khổ trong bốn ác đạo, lúc bấy giờ kẻ ác mới thấy là ác.

Bài kệ thứ hai: kẻ nào liên can với nghiệp thiện, nhất là thân thiện hạnh... Kẻ ấy từ trước do các ác hạnh mà tái sanh thọ khổ, khi bắt đầu làm việc thiện vẫn còn thấy ác. Khi mà thiện nghiệp chưa chín muồi, thì nó chưa trổ quả thiện trong hiện kiếp hoặc trong kiếp vị lai. Đến khi nghiệp lành trổ quả, chừng ấy trong hiện kiếp kẻ làm thiện được sự an vui, nhất là được nhiều lợi lộc và trong kiếp vị lai được hưởng phước báu an vui của cõi trời. Lúc bấy giờ kẻ làm thiện mới thấy là thiện.

Cuối thời Pháp, cô Thiên nữ đắc quả Tu Đà Hườn, kỳ dư tứ chúng cũng đều được hưởng sự lợi ích do nghe pháp của Đức Bổn Sư.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Bá hộ khi nghèo vẫn cúng Tăng,
Khiến cô Thiên nữ đến khuyên răng,
Không nghe, còn đuổi cô đi lẹ,
Bế cả con thơ, hết nói năng!
Đế Thích khuyên cô lập đại công,
Quy hoàn tài sản chủ nhân ông,
Rồi xin sám hối, về ngôi cũ.
Thiên nữ vâng lời, mọi việc xong.
Ông dắt cô đi lễ Phật Đà,
Phật khuyên: Người Trí lánh điều tà,
Ác lai, ác báo, nhiều khi chậm,
Hậu quả bao giờ cũng xấu xa.
Người trí cần nên hiểu chánh chơn,
Việc lành tuy thấy khó làm hơn,
Nhưng mà hậu quả là vui thú,
Dầu hiện thời đây gặp tủi hờn.

DỨT TÍCH ÔNG CẤP CÔ ĐỘC ĐUỔI THIÊN NỮ

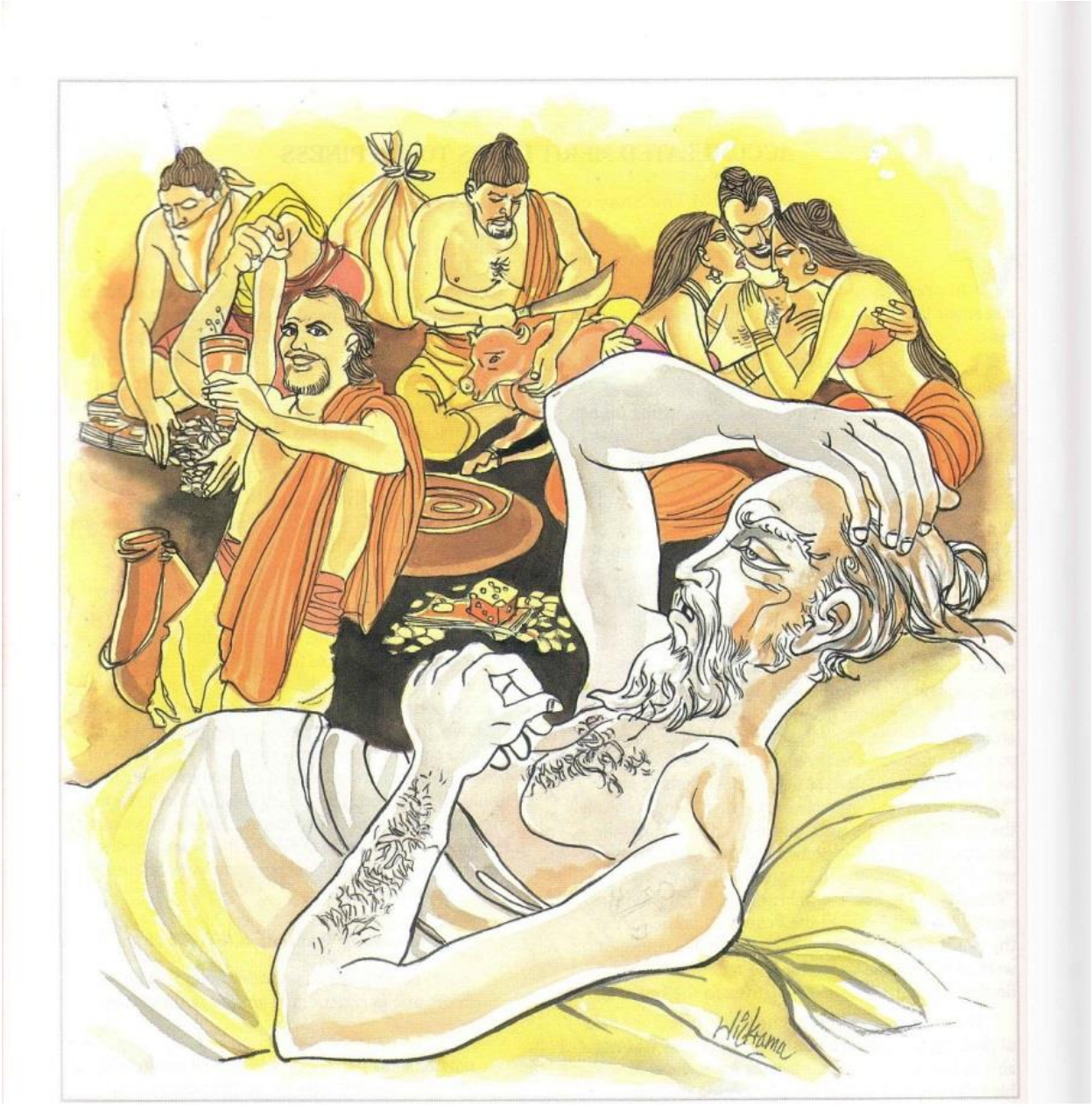

119. Ác được thấy là thiện khi nó chưa chín muồi. Đến khi nó chín muồi, người ngu mới thấy đó là ác.

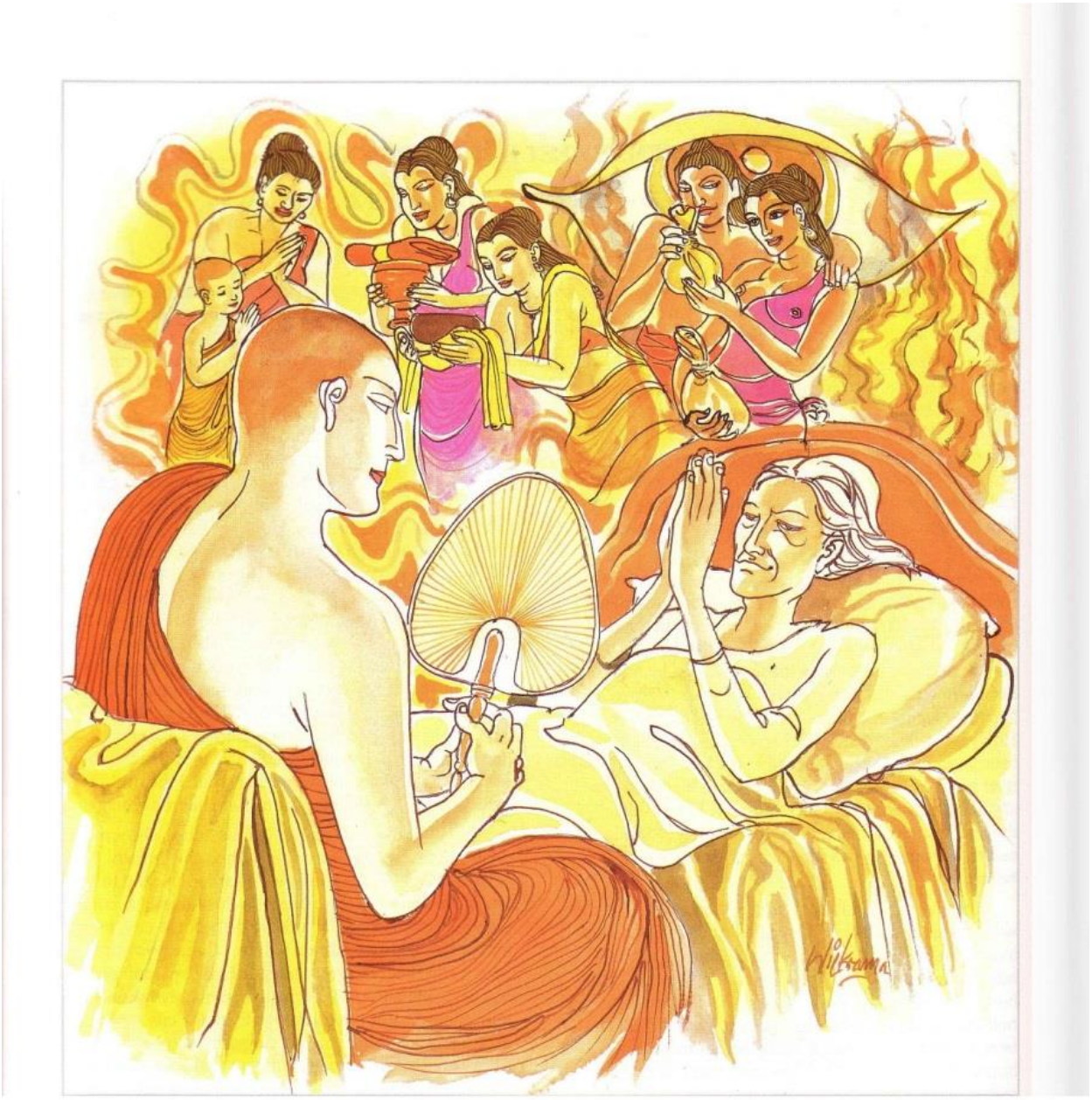

120. Người hành thiện chỉ tán thán thiện nghiệp của mình khi thiện quả xuất hiện.

IX.5- Tích TỲ KHƯU KHINH GIỚI NHỎ

(Asaññataparikkhāravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 121)

"Māvamaññetha pāpassa,	***"Chớ chê kinh điều ác,***
Na mattaṃ āgamissati;	***Cho rằng "chưa đến mình",***
Udabindunipātena,	***Như nước nhỏ từng giọt,***
Udakumbhopi pūrati;	***Rồi bình cũng đầy tràn.***
Pūrati bālo pāpassa,	***Người ngu chứa đầy ác,***
Thokathokampi ācinaṃ".	***Do chất chứa dần dần".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến một vị Tỳ khưu không quý trọng Tăng sản.

Tương truyền: Tỳ khưu nầy sau khi dùng xài Tăng sản, bất cứ vật chi như giường, ghế dài chẳng hạn, thường bỏ luôn vật ấy bên ngoài. Bị dầm mưa dãi nắng làm hư hoại hay bị mọt mối đục khoét, đồ đạc bị hư hao, chư Tăng thấy vậy nhắc nhở rằng:

- Nầy đạo hữu, đồ đạc dùng rồi, đạo hữu nên đem đi cất cho đàng hoàng tử tế.

Nghe vậy, vị Tỳ khưu ấy cãi rằng:

- Nầy chư đạo hữu, việc tôi làm ấy thật là nhỏ nhen quá mà! Đồ đạc ấy không có tâm, chúng vô tâm mà!

Nói rồi, vị Tỳ khưu ấy vẫn tiếp tục làm như cũ.

Chư Tăng đem hành động của vị này mách lại với Đức Bổn Sư. Đức Bổn Sư cho gọi Tỳ khưu nầy đến và hỏi:

- Nầy Tỳ khưu, nghe nói thầy đã làm như thế phải chăng?

Tỳ khưu nầy không đáp ngay câu hỏi của Đức Bổn Sư mà lại chống chế rằng:

- Bạch Ngài, chuyện ấy có gì đâu? Việc làm của con nhỏ nhen quá mà! Sở dĩ con coi thường đồ đạc là vì chúng không có tâm, chúng là vật vô tâm mà!

Đức Bổn Sư dạy rằng:

- Các Tỳ khưu không nên làm như vậy, nghiệp ác dù là nhỏ nhen cũng không nên coi thường. Như cái bình không đậy nắp, để ngoài trời mưa, dầu rằng một giọt nước nhỏ nhen không làm đầy bình được, nhưng nếu trời cứ mưa đi mưa lại mãi thì bình sẽ tràn đầy nước mưa, kẻ tạo nghiệp ác cũng như thế, cứ ngày một ngày hai, lần lần các nghiệp ác lớn nhỏ sẽ chồng chất dồn lại, sẽ thành một đống lớn.

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết pháp và kết luận bằng bài kệ rằng:

"Māvamaññetha pāpassa,	*"Chớ khinh điều ác nhỏ, cho rằng:*
Na mattaṃ[1] āgamissati;	*Chẳng đưa lại quả báo cho ta.*
Udabindunipātena,	*Phải biết giọt nước nhểu*
Udakumbhopi pūrati;	*Lâu ngày cũng làm đầy bình.*
Pūrati bālo pāpassa,	*Kẻ ngu phu sở dĩ đầy tội ác*
Thokathokampi[2] ācinaṃ".	*Bởi chứa dồn từ khi ít mà nên".*

☸

CHÚ GIẢI:

Māvamaññetha: đừng khi dễ (Avajāreyya). Có nhiều bổn chép *Mappamaññetha (Mā appa maññati)* chớ tưởng ít.

Pāpassa pāpaṃ: điều ác (Vibbatti assa) ở đây không phải cách thứ tư hay thứ sáu, mà ở đối cách thứ hai.

Na mattaṃ āgamissati: việc ác của tôi làm nhỏ nhen lắm, chừng nào nó mới trổ quả? Đừng coi thường việc ác nhỏ như thế.

Udakumbhopi: bất kỳ thứ đồ gốm nào như cái bình, cái chậu mà để ngoài mưa không đậy nắp, giọt mưa cứ nhễu mãi vào, lần lần nó cũng phải đầy. Kẻ ác cũng vậy, cứ tiếp tục làm điều ác nhỏ, lần lần nghiệp ác dồn dập cũng tăng trưởng thành điều ác to.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khưu chứng đắc quả thánh, nhất là quả Tu Đà Hườn. Nhân dịp nầy, Đức Bổn Sư ban hành Học giới, Tỳ khưu nào sử dụng Tăng sản như giường ghế..., khi ra đi không xếp cất thì phạm Ưng đối trị.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Giường chiếu của Tăng cứ mượn xài,
Khi đi bỏ cả ở bên ngoài,
Tăng khuyên, viện cớ rằng lỗi nhỏ,
Chẳng đáng lưu tâm nhắc nhở hoài!
Phật dạy: Đừng khinh lỗi nhỏ nhen,
Phạm đi phạm lại riết thành quen,
Giọt mưa tuy nhỏ, bình tuy lớn,
Nhểu mãi đầy bình, việc chẳng hèn!

DỨT TÍCH TỲ KHƯU KHINH GIỚI NHỎ

☸

[1] Có bản chép Na maṃ taṃ āgamissati.
[2] Thokaṃ thokampi (theo bản Pāḷi của CSCD/Dhammagiri. India).

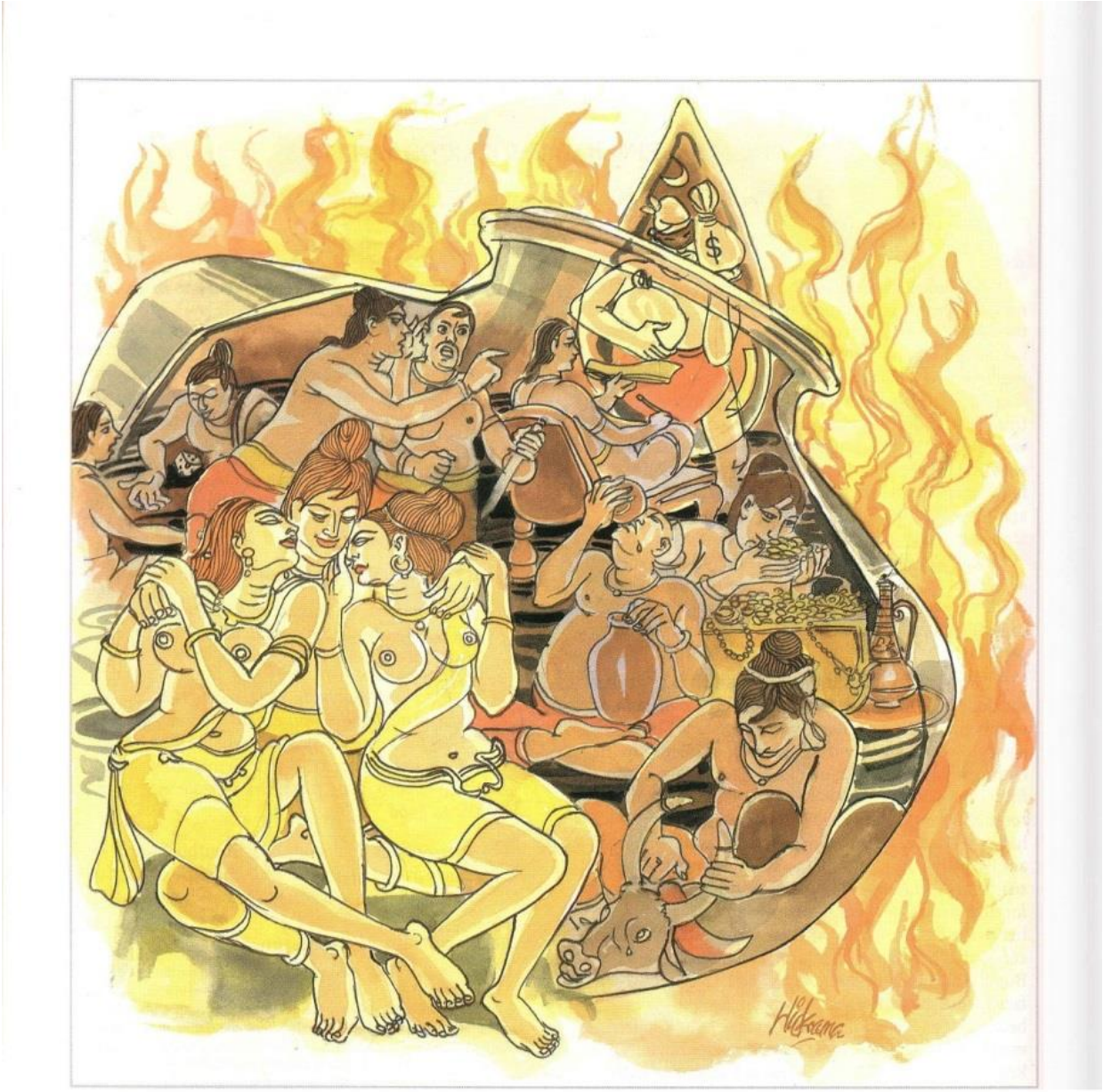

121. Đừng xem thường hậu quả ác nghiệp. Chúng tích tụ dần dần như nước nhỏ giọt vào bình.

IX.6- Tích BÁ HỘ CHÂN MÈO

(Biḷālapādakaseṭṭhivatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 122)

"Māvamaññetha puññassa,	***"Chớ chê khinh điều thiện,***
Na mantaṃ āgamissati;	***Cho rằng "chưa đến mình",***
Udabindunipātena,	***Như nước nhỏ từng giọt,***
Udakumbhopi pūrati;	***Rồi bình cũng đầy tràn.***
Dhīro pūrati puññassa,	***Người trí chứa đầy thiện,***
Thokathokampi ācinaṃ".	***Do chất chứa dần dần".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết khi Ngài ngự tại Kỳ Viên Tự (Jetavana Vihāra), đề cập đến Bá hộ Chân Mèo (Biḷālapādaka).

Một thuở nọ, dân thành Sāvatthī (Xá Vệ) lập thành đoàn Hộ pháp, để bát cúng dường đến Tăng, có Đức Phật dẫn đầu. Một hôm, trong lúc phúc chúc cho các thí chủ, Đức Thế Tôn giảng rằng:

- Nầy các Thiện nam, nơi đây (trong Giáo Pháp nầy), có một số người tự mình làm phước Trai Tăng cúng dường mà không rủ thêm ai khác, khi chuyển kiếp lai sinh nơi cảnh giới nào, người ấy cũng được dồi dào của cải mà không được đông đảo tùy tùng. Một số người không tự mình làm phước, nhưng lại rủ ren, đốc xúi người khác làm phước, khi chuyển kiếp tái sinh nơi cảnh giới nào sẽ là người có đông đảo tùy tùng nhưng không được dồi dào của cải. Một số người không tự mình làm phước Trai Tăng, cũng không hề rủ ren, đốc xúi ai khác làm phước, trong lúc chuyển kiếp tái sanh, người ấy không có của cải dồi dào, cũng không có tùy tùng đông đảo, phải sống nghèo đói, ăn chực của người. Còn một số người tự mình làm phước Trai Tăng, lại còn rủ thêm người khác cùng làm phước thì đến khi tái sanh nơi cảnh giới nào, những người sau nầy đều được dồi dào tài sản và đông đảo tùy tùng.

Khi ấy, có một bậc Hiền trí nghe được thời pháp nầy, lấy làm thỏa thích nghĩ thầm: "Ôi! Chân lý nầy thật là kỳ diệu! Bây giờ ta sẽ tạo nghiệp đầy đủ cả hai loại phước báu".

Khi Đức Bổn Sư đứng dậy sắp đi, ông thỉnh rằng:

- Bạch Ngài, ngày mai xin Ngài hãy đến thọ bát của chúng tôi!

- Ông cần bao nhiêu vị Tỳ khưu?

- Bạch Ngài, con xin thỉnh hết tất cả Tỳ khưu.

Đức Bổn Sư im lặng nhận lời.

Ông Thiện nam bèn vào làng kêu gọi đồng bào Phật tử:

- Bà con cô bác ơi, ngày mai nầy chúng tôi sẽ làm phước thỉnh chư Tăng có Đức Phật dẫn đầu. Tùy theo sức mình, ai có thể đặt bát được bao nhiêu vị Tỳ khưu thì hãy

lãnh phần, rồi đem gạo, thực phẩm đến để nấu cơm cháo, đến một địa điểm nọ giao cho một người nấu, rồi chúng ta sẽ đặt bát.

Khi ấy có một ông Bá hộ đi đến cửa chợ, thấy ông Thiện nam thì nghĩ rằng: "Cái ông nầy thỉnh tất cả Tăng chúng, mà lại đi kêu gọi khắp làng để bát". Bá hộ phát sân, gọi ông Thiện nam: "Ông hãy đưa bình đây, ta hộ cho!". Rồi ông ta chụm ba ngón tay nắm một chút gạo, một chút đậu xanh và một chút đậu trắng gởi để bát. Từ đó về sau, ông được biệt danh là Bá hộ chân Mèo (Biḷālapādaka).

Sau khi bố thí thuốc nước như sữa chua, nước mía... ông Bá hộ cũng trút chung từ cái chai, cái hộp nhỏ vào trong một cái bình rồi rót ra từng giọt, từng giọt mà cho.

Sau khi gom chung các vật hùn phước rồi, ông Thiện nam nhận lãnh phần ông Bá hộ và để riêng ra. Thấy ông làm như vậy, ông Bá hộ tự hỏi: "Vì lẽ gì ông nầy lại để phần Bố thí của ta riêng ra?", ông phái một đầy tớ trai thân tín đi theo ông Thiện nam:

- Hãy đi, xem cho biết việc ông ta làm!

Ông Thiện nam đi về tới chỗ nấu ăn, soạn đồ của ông Bá hộ hùn phước và nói: "Cầu cho ông Bá hộ được phần phước lớn". Rồi ông lấy một vài hạt gạo của ông Bá hộ bỏ chung vào số thực phẩm để nấu cháo, cơm và làm bánh... đến đậu xanh, đậu trắng, dầu, nước mía ông cũng thận trọng rót từng giọt vào bình đựng thực phẩm như thế.

Tên tớ trai của ông Bá hộ thấy vậy, trở về thưa lại cho chủ biết, nghe vậy Bá hộ nghĩ thầm: "Nếu ông nầy nói xấu ta ngay giữa hội chúng thì ta sẽ đập chết ông ta mà rửa nhục". Thế rồi qua ngày sau, ông Bá hộ lận dao găm vào thắt lưng đến đứng trong Trai Tăng đường.

Sau khi hộ độ chư Tăng có Đức Phật dẫn đầu xong, ông thí chủ bạch với Đức Thế Tôn:

- Bạch Ngài, chúng con kêu gọi đại chúng hùn phước mà làm xong cuộc lễ Trai Tăng nầy, trong đây những người hùn phước tùy theo sức mình dầu nhiều hay ít, đã dâng cúng vật ăn, thức uống, cầu xin cho tất cả những vị ấy đều được quả phước lớn!

Nghe vậy, ông Bá hộ suy nghĩ: "Ta đã lấy chút ít mẽ cốc mà hùn phước như vậy, rồi lại sợ ông ta bôi lọ tên tuổi mình, nên đến đây chực giết ông ta. Thế nhưng khi hộ độ tất cả chư Tăng rồi, ông đã hồi hướng quả phước cho tất cả thí chủ, dầu ai dâng cúng nhiều bằng đấu mẽ cốc hoặc chỉ dâng cúng chút ít cũng vậy. Nếu ta không sám hối với một người công tâm như vậy, có lẽ thiên lôi sẽ đập ta bể đầu".

Ông Bá hộ liền quỳ mọp dưới chân ông Thiện nam và nói:

- Xin ông hãy tha lỗi cho tôi!

- Cái gì đây vậy?

Nghe hỏi, ông Bá hộ tự thú hết câu chuyện sái quấy của mình. Thấy ông làm như vậy, Đức Bổn sư hỏi:

- Có việc gì thế, ông muốn làm phước Trai Tăng phải chăng?

Ông Thiện nam đem hết tự sự từ trước đến giờ thuật lại.

Đức Bổn Sư hỏi lại ông Bá hộ:

- Lời nói như thế đó có đúng không ông Bá hộ?

- Bạch Ngài, đúng như vậy.

Đức Bổn Sư giảng rằng:

- Nầy Thiện nam, trong việc làm phước không nên khinh thường việc làm phước nhỏ nhen. Sự làm phước cúng dường đến Tăng có Phật như Ta dẫn đầu thì dầu chút ít cũng không nên coi thường. Quả thật, đối với bậc Hiền trí, việc làm phước giống như cái bình không nắp hứng những giọt nước mưa, cứ liên tục hứng mãi thì bình ắt phải đầy.

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết pháp và ngâm kệ rằng:

"Māvamaññetha puññassa,
Na mantaṃ āgamissati;
Udabindunipātena,
Udakumbhopi pūrati;
Dhīro pūrati puññassa,
Thokathokampi ācinaṃ".

Chớ khinh điều lành nhỏ, cho rằng:
Chẳng đưa lại quả báo cho ta,
Phải biết giọt nước nhểu
Lâu ngày cũng làm đầy bình.
Kẻ trí sở dĩ toàn thiện
Chứa dồn từng khi ít mà nên.

☸

<u>CHÚ GTẢI:</u>

Ý nghĩa của Kệ ngôn nầy là:

Người Hiền trí sau khi làm phước, không nên coi thường, xem khinh việc phước đã làm như nói: "Việc phước của ta đã làm nhỏ nhen, không đáng kể, sẽ không có quả báo. Nghiệp nhỏ như thế sẽ không thấy ta, hoặc ta sẽ không thấy nó ở đâu, chừng nào quả ấy mới chín...". Cũng như giọt mưa cứ nhểu liên tục bất đoạn vào cái bình sành không đậy nắp, để ngoài trời sẽ đầy tràn cái bình ấy, bậc Hiền nhân Trí giả lai rai từng chút, làm phước mãi, lâu ngày cũng tích trữ đầy phước báu vậy.

Cuối thời Pháp, ông Bá hộ đắc quả Tu Đà Huờn. Kỳ dư tứ chúng thính pháp đều được sự lợi ích.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Bá hộ nhà giàu, chẳng khác nghèo,
Nổi danh là "Thí chủ Chân mèo",
Tức mình muốn giết người kêu phước,
Sám hối rồi, sau bỏ tính keo.
Phật dạy: Đừng khinh thiện nhỏ nhen,
Làm đi làm lại riết thành quen,
Giọt mưa tuy nhỏ, bình tuy lớn,
Nhểu mãi đầy bình, việc chẳng hèn!

DỨT TÍCH BÁ HỘ CHÂN MÈO

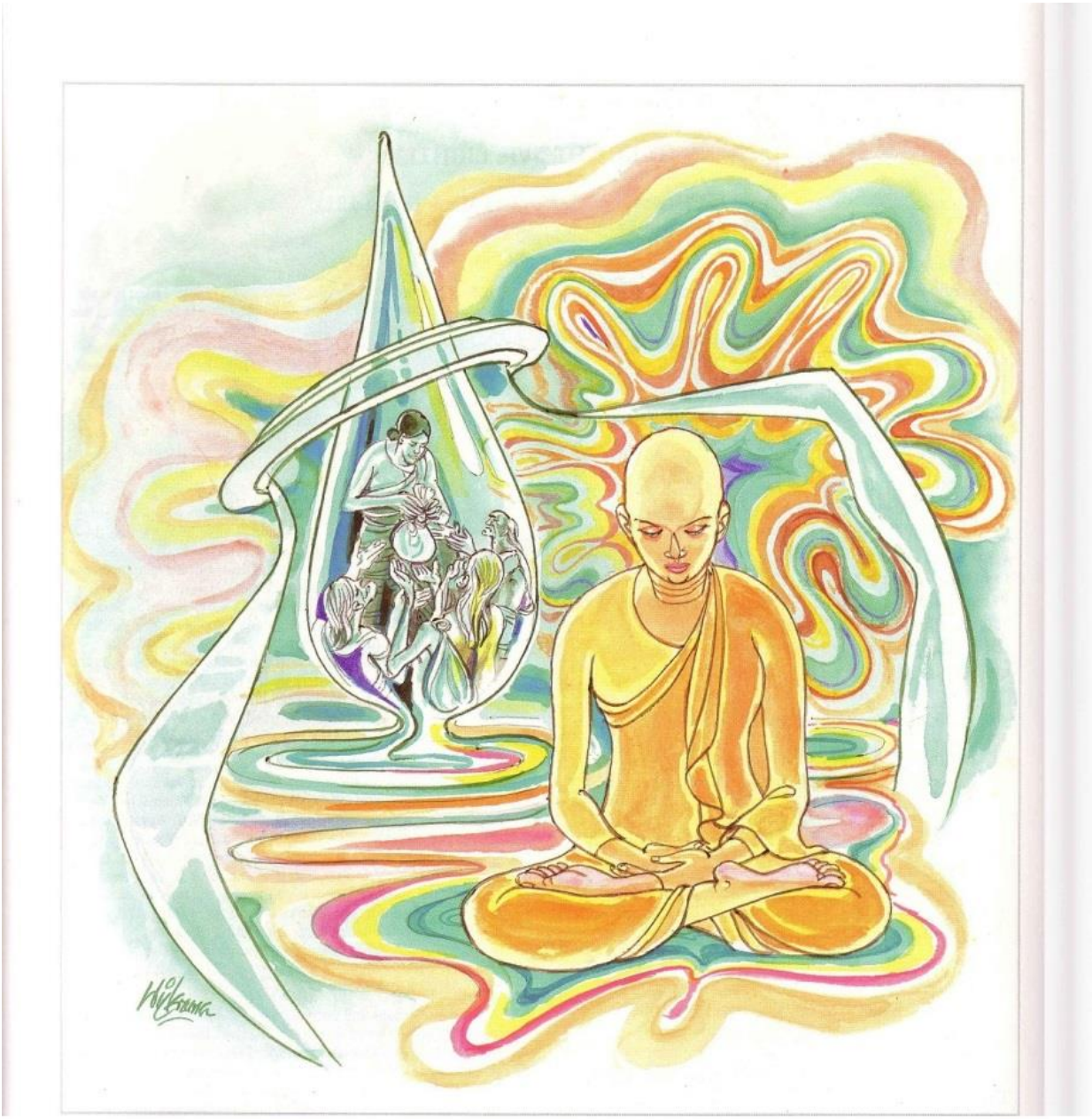

122. Đừng khinh chê điều thiện. Những thiện nghiệp dù nhỏ cũng tích tụ dần giống như nước nhỏ giọt đến đầy bình.

IX.7- Tích PHÚ THƯƠNG TRÁNH HIỂM LỘ

(Mahādhanavāṇijavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 123)

"Vāṇijova bhayaṃ maggaṃ,	***"Ít bạn đường, nhiều tiền,***
Appasattho mahaddhano;	***Người buôn tránh đường hiểm,***
Visaṃ jīvitukāmova,	***Muốn sống, tránh thuốc độc,***
Pāpāni parivajjaye".	***Hãy tránh ác như vậy".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Kỳ Viên Tự (Jetavana Vihāra), đề cập đến ông lái buôn đại phú.

Tương truyền rằng: Có năm trăm tên cướp muốn đột nhập vào nhà ông lái buôn nầy, nhưng tìm chưa được cơ hội thuận tiện.

Một thời gian sau, ông lái buôn cho chở hàng hóa đầy năm trăm cỗ xe bò, rồi bạch với các Tỳ Khưu rằng:

- Tôi sắp đi buôn hàng hóa ở một địa phương nọ. Nếu chư Trưởng lão nào muốn đi đến đó, xin các Ngài hãy cùng đi với tôi, dọc đường các Ngài khỏi lo khất thực vất vả.

Nghe vậy, năm trăm vị Tỳ Khưu tháp tùng với ông lái buôn lên đường.

Bọn cướp hay tin ông lái buôn đã khởi hành, bèn đứng đón ở ven rừng.

Ông lái buôn ra đi, đến đầu truông rậm thì dừng xe lại, tạm trú trong làng ở cận rừng độ vài ba ngày, để cho người và xe bò được nghỉ ngơi sửa chữa. Trong lúc ấy, chư Tăng vẫn được để bát thường xuyên.

Bọn cướp chờ lâu không được, bèn sai một tên đồng bọn ra đi thám thính: "Hãy đi dò cho biết ngày họ xuất hành, rồi hãy về". Tên nầy đến làng hỏi một người bạn:

- Chừng nào ông lái buôn khởi hành?

Người bạn đáp:

- Quá hai, ba ngày!

Rồi hỏi lại: "Anh hỏi để làm gì?".

Tên cướp tỏ thật cho biết: "Chúng tôi, năm trăm tên cướp, đang ở trong rừng, đón chặn bắt ông lái buôn".

Người bạn tiễn chân tên cướp đi và nói: "Vậy thì anh hãy đi! Ông ta sẽ đi cấp tốc".

Tên cướp đi rồi, người dân làng suy nghĩ: "Giữa bọn cướp và ông lái buôn, ta nên bênh ai và bỏ ai?".

Rồi người ấy quyết định: "Ta bênh bọn cướp làm gì? Ông lái buôn là chỗ nương, để nuôi mạng sống của năm trăm vị Tỳ khưu. Vậy ta sẽ mật báo cho ông ta biết".

Đến gặp ông lái buôn, người dân làng hỏi:

- Chừng nào ông mới khởi hành?

- Đến ngày thứ ba.

Nghe vậy, người dân làng nói: "Ông hãy làm theo lời tôi. Nghe nói có năm trăm tên cướp núp ở trong rừng để chận đường các ông, vậy các ông đừng nên đi".

- Sao anh biết tin nầy?

- Trong nhóm ăn cướp có người quen với tôi, y đã nói cho tôi biết.

- Nếu vậy tôi sẽ không đi tới làm chi, tôi sẽ quay trở về nhà.

Trong khi chờ đợi quá lâu, bọn cướp lại sai tên đồng đảng đi lấy tin. Tên nầy đến hỏi người bạn, biết được dự tính của ông lái buôn, quay trở về thông tin với bọn cướp: "Nghe nói ông ta sẽ trở về nhà".

Hay tin nầy, bọn cướp lại chuyển đến một con đường khác để chặn lối về của ông lái buôn. Ở đó đợi quá lâu, bọn cướp lại sai tên đồng đảng đi tiếp xúc với người bạn lấy tin, người nầy biết được chỗ núp của bọn cướp lại thông tin cho ông lái buôn biết.

Ông lái buôn suy xét rằng: "Ở đây ta không biết thiếu sót thứ gì. Nếu vậy, ta sẽ không đi tới hay đi lui chi cả. Ta nhất định sẽ lưu lại nơi đây". Thế rồi, ông đến gặp chư Tỳ khưu và nói: "Bạch Ngài, nghe nói có bọn cướp định đón đường, cướp giựt hàng hóa. Bấy giờ chúng hay tin tôi định trở về, chúng lại chuyển qua chận đón lối về, phần tôi tấn thối lưỡng nan, chắc phải lưu lại ở đây lâu. Nếu các Ngài muốn ở lại đây thì cứ ở, còn các Ngài muốn đi thì cũng tùy thích ra đi".

Các Tỳ khưu đáp: "Nếu vậy, chúng tôi sẽ quay về".

Qua ngày sau, chư Tăng cáo từ ông lái buôn rồi trở về Sāvatthī đảnh lễ Đức Bổn Sư rồi ngồi xuống.

Đức Bổn Sư hỏi: "Nầy các Tỳ khưu, các thầy không cùng đi với ông lái buôn đại phú phải không?".

- Bạch Ngài, phải. Cả hai đường tới lui của ông lái buôn đều bị bọn cướp chặn đón. Do đó, ông ta phải đình trú ở một nơi, chúng con thấy vậy, cáo từ ông ta mà trở về.

Nghe vậy, Đức Thế Tôn dạy:

- Nầy các Tỳ khưu, người lái buôn lớn biết né tránh con đường có nhiều kẻ cướp. Con người muốn sống biết né tránh chất độc của thuốc độc dữ. Tỳ khưu nào biết được con đường tương đương bị bọn cướp Tam giới đang ngăn đón thì phải biết né tránh điều ác.

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết giảng thêm và kết luận bằng kệ rằng:

"Vāṇijova bhayaṃ maggaṃ,
Appasattho mahaddhano;
Visaṃ jīvitukāmova,
Pāpāni parivajjaye".

"Như người đi buôn mang nhiều của báu mà thiếu bạn đồng hành, tránh xa con đường nguy hiểm làm sao, như kẻ tham sống tránh xa thuốc độc thế nào, thì các người phải tránh xa điều ác thế đó".

☸

CHÚ GIẢI:

Bhayaṃ: Ở đây có nghĩa là đáng sợ (Bhāyitabbaṃ), nguy hiểm, vì có nhiều kẻ cướp chặn đường.

Như người thương khách có nhiều của cải, nhưng ít người vầy đoàn cùng đi, né tránh con đường nguy hiểm, như người ham sống né tránh thuốc độc thế nào thì Tỳ khưu là bậc Hiền trí phải né tránh các điều ác, không nên dễ duôi cũng như thế ấy.

Cuối thời Pháp, các Tỳ Khưu ấy chứng đắc A La Hán quả với Tuệ phân tích. Đại chúng thính pháp cũng đều hưởng được sự lợi ích.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Phú thương đi bán thỉnh Tăng theo,
Làm phước mong qua chỗ hiểm nghèo,
Bị cướp chận đường lui tới hết,
Thỉnh Tăng quay lại, tạm gieo neo!
Tăng trở về thăm Đức Bổn Sư,
Ngài rằng: Cần nhất phải suy tư,
Lánh xa điều ác, như ngừa độc,
Như phú thương ngừa cướp ẩn cư.

DỨT TÍCH PHÚ THƯƠNG TRÁNH HIỂM

☸

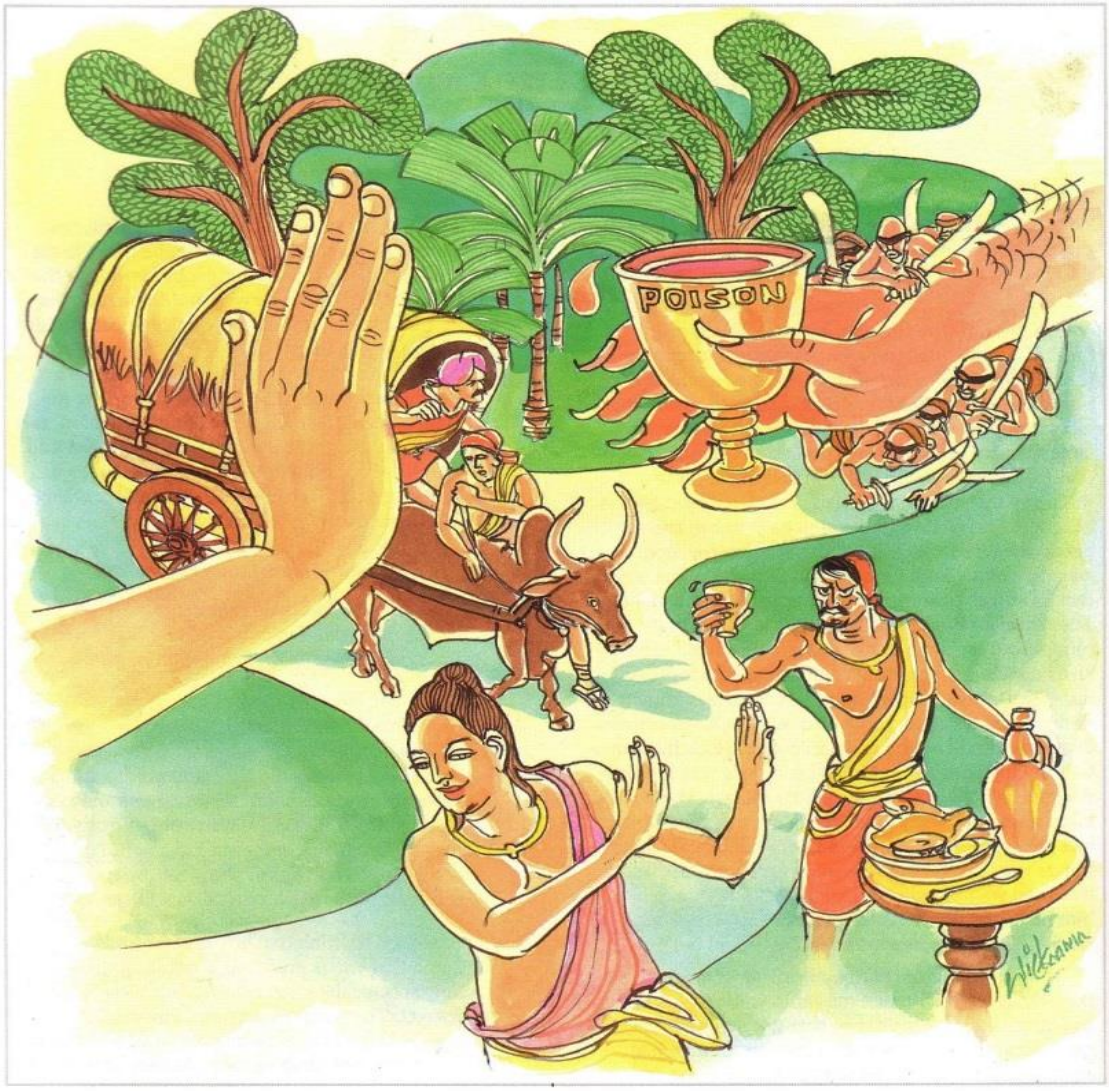

123. Hãy tránh ác đạo như thể vị phú thương ít người hộ tống phải tránh con đường đầy ác tặc quấy phá.

IX.8- Tích THỢ SĂN KÊ HỮU

(Kukkuṭamittanesādavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 124)

"Pāṇimhi ce vaṇo nāssa,	***"Bàn tay không thương tích,***
Hareyya pāṇinā visaṃ;	***Có thể cầm thuốc độc,***
Nābbaṇaṃ visamanveti,	***Không thương tích, tránh độc,***
Natthi pāpaṃ akubbato".	***Không làm, không có ác".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bốn Sư đã thuyết khi Ngài ngự tại Veḷuvana (Trúc Lâm), đề cập đến người thợ săn Kê Hữu (Kukkuṭamitta).

Tương truyền rằng: Trong thành Sāvatthī (Vương Xá) có một tiểu thư con nhà triệu phú, khi nàng đến tuổi cập kê, cha mẹ cho ở riêng trong một gian phòng trên chót tòa lầu bảy từng, và cấp cho một cô nữ tỳ để chăm sóc, gìn giữ tiểu thư.

Trong khi còn ở chung với cha mẹ như thế, tiểu thư không đi ra khỏi nhà, nhưng một hôm, vào lúc xế chiều, tiểu thư ngó qua cửa sổ nhìn xuống đường, trông thấy chàng thợ săn tên Kê Hữu, hằng ngày mang theo năm trăm cái bẫy, năm trăm mũi tên vào rừng để săn dã thú nuôi mạng sống. Hôm nay anh ta bắn được năm trăm con thú rừng, chất đầy thịt thú lên một cỗ xe bò lớn, ngồi lên gọng xe mang vào thành bán thịt. Vừa thấy mặt anh thợ săn, tiểu thư sanh lòng ái luyến, trao thơ cho nữ tỳ cầm đi và dặn:

- Hãy đi trao thơ nầy cho anh ấy, hãy điều tra biết được chừng nào anh ấy sẽ đi, rồi trở về đây nhé.

Nữ tỳ đem thơ trao cho anh thợ săn, rồi hỏi:

- Chừng nào anh sẽ đi?

- Hôm nay bán hết thịt rồi, sáng mai tôi sẽ ra cửa thành nọ mà đi.

Nghe nói vậy, con nữ tỳ về học với tiểu thư. Tiểu thư tự mình sắp đặt đồ tế nhuyễn để đem theo phòng thân, rồi sáng hôm sau mặc quần áo dơ, mang vò đi chung với các nữ tỳ ra bến nước xách nước, tiểu thư ra khỏi nhà, đến chỗ cửa thành đứng đón anh thợ săn đi ra. Quả nhiên, anh Kê Hữu từ sáng sớm đã đánh xe ra khỏi cổng làng, tiểu thư chạy theo sau anh ta. Thấy vậy, thợ săn hỏi:

- Cô là con gái nhà ai, tôi chưa từng quen biết cô? Xin cô vui lòng đừng bám sát theo tôi!

- Không phải anh quyến rũ tôi đi, mà chính tôi tự theo anh. Anh cứ làm thinh đánh xe bò của mình đi là đủ!

Anh thợ săn ngăn cản nhiều lượt, tiểu thư bèn nói:

- Khi hạnh phúc đến gần thì không nên ngăn cản.

Được biết tiểu thư tự ý muốn về sống chung với mình, anh thợ săn để tiểu thư lên xe và tiếp tục đi.

Ông bà Bá hộ cho tìm kiếm tiểu thư khắp nơi không thấy, nghĩ rằng con mình đã chết, nên bày nghi lễ cúng tế vong hồn con mình.

Còn tiểu thư chung sống với thợ săn Kê Hữu, lần hồi có được bảy người con trai. Khi con trai khôn lớn, tiểu thư lo bề gia thất cho chúng để cầm chân chúng lại.

Một hôm, vào lúc gần sáng, Đức Bổn Sư xả Thiền rồi, quán sát thế gian, nhìn thấy anh Kê Hữu cùng với các con và dâu lọt vào võng trí của Ngài. Quán thêm nữa, Ngài thấy tất cả những chúng sanh nầy có căn đắc Tu Đà Hườn, cho nên sáng sớm hôm sau, Ngài đắp y và mang bát đi ngay đến khu gần bẫy sập của anh Kê Hữu.

Ngày ấy, không có con thú rừng nào mắc bẫy cả. Đức Bổn Sư lưu lại một dấu chân tại chỗ gài bẫy rồi đi thẳng tới ngồi dưới bóng mát của một chòm cây.

Sáng sớm hôm ấy, Kê Hữu xách cung tên đi đến nơi gài bẫy, trước hết thăm các bẫy không thấy có con thú nào mắc cả mà lại thấy dấu chân của Đức Bốn Sư lưu lại đó. Anh ta nghĩ thầm: "Ai đã đến đây thả hết những con thú mắc bẫy như vậy cà?". Lần theo, anh ta thấy Đức Bổn Sư đang ngồi dưới gốc cây, anh liền cột oan trái với Đức Bổn Sư. Anh ta nghĩ thầm: "Tên nầy đã thả hết thú của ta, ta sẽ giết chết nó", rồi giương cung lên. Đức Bổn Sư để yên cho anh thợ săn giương cung, nhưng không cho anh ta buông tên đi. Anh ta buông tên không được mà bỏ tay không xuống cũng không được, nghe hai bên cạnh sườn như nứt bể ra, từ miệng, nước miếng chảy xuống ròng ròng, cứ đứng trân trân mà chịu khổ như vậy.

Khi ấy, các con trai của Kê Hữu ở nhà, thấy cha đi lâu về, hỏi mẹ thì bà mẹ cũng chẳng biết nguyên do, bèn bảo:

- Các con hãy đi tìm cha con đi!

Bảy người con trai mang cung tên ra đi, thấy cha còn đứng nguyên một chỗ. Nghĩ Đức Bổn Sư là kẻ nghịch với cha mình, cả bảy người con đều giương cung lên và cũng đứng trân như cha của họ, do oai lực Thần thông của Đức Phật.

Bà mẹ ở nhà trông ngóng "Không biết cha con ông nầy đi sao mà lâu về vậy?". Bà với bảy nàng dâu cùng đi vào rừng, thấy dạng người thợ săn và bảy người con trai, bà tự hỏi: "Mấy cha con giương cung nhắm bắn ai đây vậy?". Khi nhìn thấy Đức Bổn Sư bà chấp hai tay la lớn lên:

- Mấy người đừng giết cha tôi! Mấy người đừng giết cha tôi!

Thợ săn Kê Hữu nghe la, tự nghĩ: "Ác hại thay! Té ra ông nầy là cha vợ của ta mà ta không biết. Nếu vợ ta không nói thì nghiệp của ta tạo ra nặng nề biết mấy?".

Các con của Kê Hữu cũng nghĩ rằng: "Nghe nói ông nầy là ông ngoại của ta! Ôi! Nếu ta giết hại ông thì nghiệp của ta nặng lắm vậy!".

Khi Kê Hữu nhìn nhận: "Ông nầy là nhạc phụ của ta" thì tâm Từ phát khởi. Các con của anh ta cũng phát khởi Từ tâm khi nghĩ rằng: "Đây là ông ngoại của ta".

Khi ấy, mẹ của chúng là tiểu thư con ông Bá hộ bảo:

- Hãy vứt bỏ hết cung tên xin sám hối với cha ta!

Đức Bổn Sư biết tâm của cha con thợ săn đã mềm dịu, liền cho phép họ hạ cung xuống. Tất cả đều đến đảnh lễ Đức Thế Tôn và bạch:

- Xin Ngài tha thứ tội lỗi cho chúng con!

Rồi họ ngồi xuống một bên, khi ấy Đức Bổn Sư liền thuyết lên Tuần tự pháp (Anupubbīkathaṃ) cho họ nghe. Cuối thời Pháp, thợ săn Kê Hữu cùng các con và dâu, tất cả mười lăm người đều đắc quả Tu Đà Hườn.

Kế đó, Đức Bổn Sư đi khất thực và sau bữa ngọ trai, Ngài trở về chùa. Khi ấy, Trưởng lão Ānanda hỏi:

- Bạch Ngài, hôm nay Ngài đi đâu?

- Nầy Ānanda! Ta đến viếng thợ săn Kê Hữu.

- Bạch Ngài, Ngài có tế độ cho anh ta bỏ nghiệp sát sanh chăng?

- Có, Ānanda ạ! Cả cha, con và dâu, mười lăm người sau khi có đức tin bất động, không còn hoài nghi Tam Bảo rồi, đều ngưng hẳn nghiệp sát sanh.

Các Tỳ khưu hỏi:

- Bạch Ngài, thế còn vợ anh ta có đắc quả Thánh không?

- Nầy các Tỳ khưu! Vợ anh ấy khi còn là con gái ở nhà với cha mẹ đã đắc Tu Đà Hườn rồi!

Các Tỳ khưu ráp nhau lại đề khởi câu chuyện nầy: "Nghe nói vợ của Kê Hữu khi còn là con gái đã chứng đắc Tu Đà Hườn rồi mới về làm vợ của Kê Hữu có được bảy người con trai. Bấy lâu nay, mỗi lần chồng bảo: "Đem cung, đem tên, đem dao găm, đem lao, đem lưới lại đây!", thì chị ta đem những thứ khí giới ấy trao cho chồng, để chồng mang đi mà giết thịt. Thử hỏi một vị Thánh nhân Tu Đà Hườn cũng còn sát sanh hay sao?".

Đức Bổn Sư đến hỏi: "Nầy các Tỳ khưu, hôm nay các thầy ngồi đây thảo luận chuyện gì?".

- Bạch Ngài, chuyện nầy...

Nghe vậy Đức Bổn Sư giải thích:

- Nầy các Tỳ khưu, vị Nữ Thánh Dự Lưu không tạo tội sát sanh. Nàng chỉ nghĩ: "Ta phải vâng lời chồng mà làm việc", chớ không có tâm xúi giục chồng: "Hãy cầm lấy cái nầy, đi đến đó và giết hại chúng sanh đi!". Quả thật, nếu trong lòng bàn tay không có thương tích, ta lấy tay cầm nắm thuốc độc, thuốc độc không thể đốt lòng bàn tay như thế nào, thì cũng thế ấy, người không làm tội ác do không có tác ý bất thiện, dầu có cầm cung tên, khí giới mà trao ra cũng không bị tội.

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết pháp và ngâm kệ rằng:

"Pāṇimhi ce vaṇo nāssa,
Hareyya pāṇinā visaṃ;
Nābbaṇaṃ visamanveti,
Natthi pāpaṃ akubbato".

"Với bàn tay không thương tích, có thể nắm thuốc độc mà không bị nhiễm độc, với người không làm ác thì không bao giờ bị ác".

☸

CHÚ GIẢI:

Nāssa: không có.

Hareyya: có thể cầm lấy.

Vì sao? Vì không có thương tích thì thuốc độc không thể ngấm vào cơ thể tác hại được. Quả thật, bàn tay không bị thương, thuốc độc không thể ngấm, cũng vậy, người không có tác ý bất thiện tính làm việc ác, thì dầu có cầm cung tên, khí giới trao ra cũng không bị quả báo ác hại. Cũng như bàn tay không vết tích, không bị nhiễm độc, tâm không có ý ác không bị ác theo dõi.

☸

Cuối thời Pháp, nhiều vị Tỳ khưu chứng đạt Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn.

Một thời gian sau, các Tỳ khưu lại đề khởi lên câu chuyện nầy: "Do nhân duyên nào mà Kê Hữu với các con trai và con dâu lại chứng đắc Tu Đà Hườn đạo? Tại lý do nào mà họ lại tái sanh vào gia đình thợ săn?".

Đức Bổn Sư ngự đến hỏi:

- Nầy các Tỳ khưu, hôm nay các thầy ngồi đây, thảo luận về chuyện gì?

- Bạch Ngài, chuyện nầy...

Nghe vậy, Đức Bổn Sư giải thích:

- Nầy các Tỳ khưu, thuở xa xưa, các Phật giáo đồ cùng nhau hội họp bàn tính việc xây cất Thánh tháp để tôn trí Xá lợi Phật Ca Diếp. Họ hỏi nhau: "Lấy thứ đất gì, lấy nước gì để xây Thánh tháp nầy?". Rồi họ đi đến quyết định lấy hùng hoàng vàng và thạch tín đỏ làm đất, lấy dầu mè làm nước. Họ bèn lấy hai thứ đá nghiền nát như bột, trộn với dầu mè thành hồ để gán gạch, cẩn vàng lót bên trong tháp. Ngoài mặt, ngay cửa lót toàn loại gạch đặc bằng vàng khối, mỗi cục gạch trị giá cả trăm ngàn đồng. Khi đã hoàn thành Thánh tháp, sắp tôn trí Xá lợi Phật, các Thiện tín nghĩ rằng: "Cuộc lễ tôn trí Xá lợi sẽ rất cần nhiều tiền của. Vậy ta nên bầu ai làm chủ tịch đảm trách việc nầy đây?".

Khi ấy, ông Bá hộ cư ngụ tại làng lên tiếng: "Tôi sẽ làm chủ lễ", rồi ông xuất ra mười triệu đồng để lo tổ chức lễ tôn trí Xá lợi. Thấy vậy, dân làng trong nước phàn nàn rằng: "Bá hộ trong thành nầy tích chứa nhiều tiền của mà không thể làm chủ cuộc lễ Thánh tháp như vậy, lại để cho ông Bá hộ ở làng bên bỏ ra mười triệu đồng mà làm chủ lễ".

Câu chuyện bàn tán nầy lọt vào tai ông Bá hộ trong thành, ông bèn bỏ ra hai mươi triệu đồng và nói:

- Tôi xin chịu xuất ra hai mươi triệu đồng để làm chủ lễ nầy.

Ông Bá hộ làng nói:

- Tôi xin bỏ ra ba mươi triệu đồng để làm chủ lễ.

Ông Bá hộ thành cũng không chịu thua, tăng số tiền xuất ra để làm chủ lễ là tám mươi triệu đồng.

Gia sản của Bá hộ trong làng chỉ có tất cả chín mươi triệu đồng, còn gia sản của Bá hộ thành giàu có đến bốn trăm triệu, nên ông ở làng suy nghĩ: "Nếu ta nói: "Tôi chịu bỏ ra chín mươi triệu đồng", thì ông nầy sẽ nói: "Tôi sẽ bỏ ra một trăm triệu", chừng ấy mọi người sẽ biết là ta hết của rồi". Ông liền tuyên bố:

- Tôi cũng xin bỏ ra bấy nhiêu tiền để làm phước, và hơn nữa, tôi sẽ đem cả vợ con ra làm công quả. Nói rồi, ông dắt cả bảy đứa con trai, bảy nàng dâu cùng với vợ đến làm công quả cho Thánh tháp.

Ông Bá hộ thành có thể tăng thêm số tiền làm phước nhưng phải nhường cho đối phương phần công quả của tự mình lẫn con và dâu cho Bá hộ làng, nên tuyên bố rằng: "Xin hãy để cho ông nầy làm chủ lễ", và tất cả Thiện tín bầu ông ở làng làm chủ lễ ngay. Như thế là cả mười sáu người đều làm công quả nơi bảo tháp Xá lợi, còn Bá hộ thành người ta cho rảnh rang tự do.

Nhờ suốt đời chăm sóc Thánh tháp như thế, sau khi chết, cả mười sáu người được sanh lên Thiên giới. Họ ở đó hưởng phước của trời suốt một thời gian không có Phật. Đến thời Đức Phật hiện tại ra đời, người vợ hạ sanh vào làm tiểu thư con ông Bá hộ trong thành Vương Xá. Lúc còn con gái, tiểu thư đã đắc quả Tu Đà Hườn.

Người chồng vì nghiệp còn nặng, không thấy chân lý nên sau khi chết đi, chuyển kiếp đầu thai vào gia đình thợ săn. Tiểu thư con ông Bá hộ sở dĩ vừa thấy mặt người thợ săn là phát tâm ái luyến vì họ đã từng là vợ chồng với nhau, nay chỉ nối lại mối tình xưa, như Phật ngôn có bài kệ rằng:

"Pubbe va sannivāsena,
Paccuppannahitena vā;
Evantaṃ jāyate pemaṃ,
Uppalaṃ va yathodaketi."

"Xưa từng chung chạ ra vào,
Giờ nay tái ngộ, lòng nào chẳng lay.
Men tình vừa nhấp đã say,
Bèo kia gặp nước càng ngày càng tăng".

Tiểu thư con Bá hộ theo về với thợ săn Kê Hữu là vì mối tình tiền kiếp. Các con trai, từ Thiên giới đầu thai vào lòng người mẹ cũ. Còn các nàng Thiên nữ là con dâu cũng tái sanh vào chỗ nầy, chỗ nọ, nhưng đến tuổi cập kê đều quán tụ về một nhà với cha mẹ chồng cũ. Tất cả gia đình đã nhờ công quả chăm sóc Thánh tháp thờ Xá lợi mà kiếp nầy được chứng quả Tu Đà Hườn.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Sơ quả lấy chồng gã thợ săn,
Bởi duyên chung sống ở tiền căn,
Hằng ngày phụ tiếp chồng hành ác,
Tăng hỏi: "Như nàng có tội chăng?"
Phật dạy: Nàng không có ác tâm,
Thì không thể tạo nghiệp si lầm!
Thuốc kia dầu độc, không phương hại,
Người có bàn tay chẳng vết cầm.

DỨT TÍCH THỢ SĂN KÊ HỮU

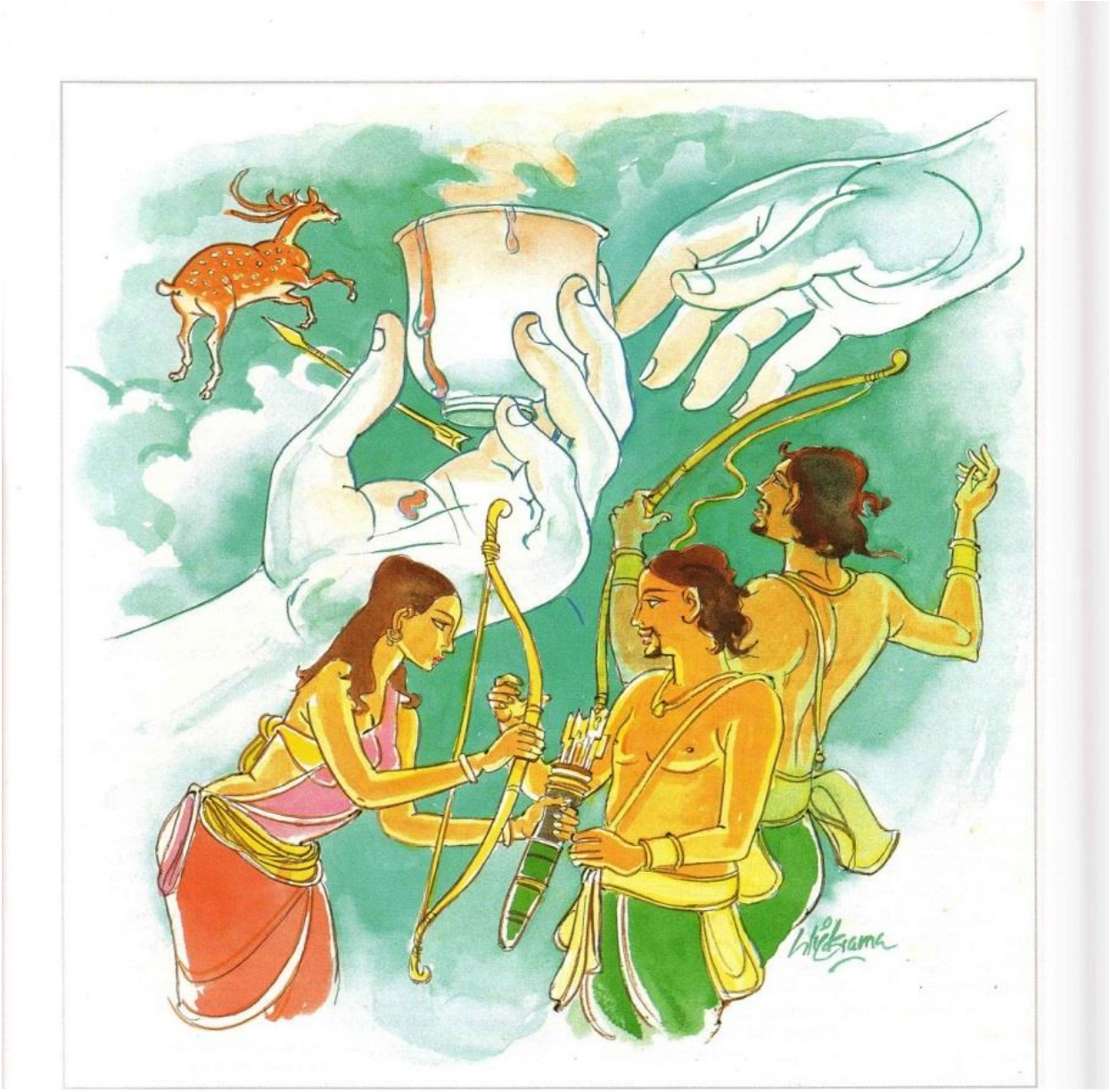

124. Không làm ác nghiệp sẽ không hưởng quả ác, giống như bàn tay không bị thương tích sẽ không nhiễm chất độc nào cả.

IX.9- Tích THỢ SĂN GẶP THIỀN SƯ

(Kokasunakhaluddakavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 125)

"Yo appaduṭṭhassa narassa dussati,	***"Hại người không ác tâm,***
Suddhassa posassa anaṅgaṇassa;	***"Người thanh tịnh, không uế,***
Tameva bālaṃ pacceti pāpaṃ,	***Tội ác đến kẻ ngu,***
Sukhumo rajo paṭivātaṃva khitto".	***Như ngược gió tung bụi".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết khi Ngài ngự tại Kỳ Viên Tự (Jetavana Vihāra), đề cập đến tên thợ săn Kô Ká (Koka).

Tương truyền rằng: Tảng sáng sớm một ngày nọ, tên thợ săn nầy mang cung tên và dắt theo bầy chó săn đi vào rừng. Dọc đường anh ta gặp một Tỳ khưu Đầu đà thường khất thực, đang đi bát, liền nổi giận nói thầm rằng: "Ta gặp đồ xui xẻo, chắc bữa nay sẽ không được chút chi cả!", rồi anh ta đi luôn.

Còn vị Trưởng lão vào làng khất thực, độ cơm xong, đi trở về chùa. Tên thợ săn đi loanh quanh trong rừng không được chi cả, khi trở về lại gặp vị Trưởng lão. Anh ta đã giận sẵn, càng giận thêm: "Hôm nay vì gặp đồ xui xẻo nầy mà ta đi vào rừng không săn được chút chi cả. Bây giờ trở về lại gặp thứ kỳ đà cản mũi nầy nữa, ta sẽ xuyt chó cho cắn nó mới được". Anh ta ra hiệu lịnh rồi thả chó ra.

Vị Trưởng lão van lơn: "Đừng làm vậy, nầy Thiện nam".

Thợ săn đáp: "Hôm nay ta xuất hành bị mi cản mũi mà ta săn không có thịt chi cả. Bây giờ trở về, lại bị mi cản mũi nữa, nên ta phải xuyt chó cho cắn chết mi đi!". Nói rồi ông ta thúc giục đàn chó xốc tới.

Vị Trưởng lão lật đật trèo lên một nhánh cây cao khỏi đầu người, ngồi tránh chó. Đàn chó bao vây quanh gốc cây.

Thợ săn Kô Ká đi đến nói:

- Dầu mi có trèo lên cây, mi cũng không thoát khỏi tay ta.

Anh ta bắn một mũi tên vào gót chân vị Trưởng lão. Trưởng lão lại van xin:

- Ông đừng làm vậy.

Thợ săn bất chấp lời van xin của Trưởng lão, cứ tiếp tục bắn tên. Vị Trưởng lão bị trúng tên ở một gót chân, phải rút chân lên và chân kia vẫn phải thòng xuống. Tên thợ săn lại nhắm chân đó buông tên, không đếm xỉa gì đến lời van xin của người tu hành khổ hạnh, tên thợ săn bắn trúng cả hai gót chân của Trưởng lão. Trưởng lão cảm thấy trong mình phát nóng lên như bị lửa đốt. Vì thọ khổ quá mạnh, Trưởng lão không giữ được Chánh niệm, vô ý để rơi chiếc y trên (Uttarasaṅgaṃ), chiếc y rơi xuống ngay đầu gã thợ săn Kô Ká và trùm luôn cả mình anh ta.

Bầy chó tưởng là vị Trưởng lão té xuống, áp lại chui đầu vào chiếc y, kéo lôi chủ mình và cắn xé tận xương. Khi nạn nhân đã chết, đàn chó chui ra đứng ngoài lá y. Khi

ấy Trưởng lão bẻ một nhánh cây khô liệng xuống, đàn chó nhìn lên thấy Trưởng lão, biết rằng chúng đã cắn lầm chủ của chúng, liền bỏ chạy vào rừng.

Trưởng lão khởi tâm áy náy: "Tại cái y của ta bao trùm, khiến cho anh ta thọ hại, không biết Giới của ta có còn lành mạnh (Arogaṃ) chăng?".

Trưởng lão tuột xuống đất, về đảnh lễ Đức Bổn Sư, thuật lại tự sự từ đầu đến cuối rồi hỏi:

- Bạch Ngài, vì lá y của con rơi xuống mà ông thợ săn bị thiệt mạng, không biết Giới của con còn lành mạnh chăng? Không biết Phạm hạnh của con có còn tồn tại chăng?

Sau khi nghe dứt câu chuyện của vị Tỳ khưu, Đức Bổn Sư giải thích rằng:

- Nầy Tỳ khưu, Giới của thầy vẫn còn lành mạnh, Phạm hạnh của thầy vẫn có như thường. Kẻ làm hại người vô tội phải gặp tai họa. Không những bây giờ gã thợ săn bị như thế, mà thời quá khứ sau khi hại những người vô tội, kẻ ấy cũng đã bị thọ hại như thế rồi.

Tiếp theo đó, Đức Bổn Sư thuyết lên Bổn sanh như sau:

Tương truyền rằng: Trong thời quá khứ có một ông y sĩ đi khắp các làng mạc để hành nghề, nhưng không kiếm được việc chi để làm cả, bụng đói, ông đi ra khỏi cổng làng, thấy nhiều đứa trẻ đang chơi thì nghĩ thầm rằng: "Cho rắn cắn mấy đứa nhỏ nầy, rồi cho thuốc chữa, ta sẽ có cơm ăn". Ông y sĩ bèn kêu lũ trẻ, chỉ cho chúng thấy một con rắn nằm trong bọng cây, thò đầu ra ngoài: "Nầy các em bé, đây có con cưởng con, hãy bắt lấy nó đi".

Khi ấy, có một cậu bé lanh tay, chụp được cổ con rắn, nắm thật chặt, lôi rắn ra ngoài bọng cây. Khi nhận biết đó là con rắn, cậu bé kêu rú lên rồi ném rắn đi. Bất ngờ con rắn rơi ngay trên đầu gã y sĩ đang đứng gần đó. Con rắn quấn quanh cổ ông ta mổ thật mạnh một cái, khiến ông ta chết liền tại chỗ đó. Tên thợ săn chó Kô Ká trong tiền kiếp cũng từng mưu hại người vô tội rồi tự mình đi đến chỗ diệt vong như thế.

Sau khi kể tích xưa, Đức Bổn Sư thuyết pháp chỉ rõ mối liên hệ giữa tiền kiếp và hiện kiếp, rồi Ngài ngâm kệ kết luận rằng:

"Yo appaduṭṭhassa narassa dussati,
Suddhassa posassa anaṅgaṇassa;
Tameva bālaṃ pacceti pāpaṃ,
Sukhumo rajo paṭivātaṃva khitto".

"Đem ác ý xâm phạm đến người không tà vạy, thanh tịnh vô nhiễm, tội ác sẽ trở lại kẻ ấy, như ngược gió tung bụi.

☸

CHÚ GIẢI:

Appaduṭṭhassa: không tội ác đối với tự thân hoặc đối với tất cả chúng sanh.

Narassa: chúng sanh.

Dussati: phạm lỗi, phạm hình luật.

Suddhassa: vô tội, không phạm lỗi.

Posassa: một lời khác để chỉ định chúng sinh như tiếng Narassa ở trên.

Anaṅgaṇassa: vô nhiễm, không phiền não, cấu uế.

Pacceti = *Paṭeti:* ngược trở lại.

Paṭivātaṃ: Cũng như một người đứng phía dưới gió mà muốn tung bụi lên phía trên gió, thì tự nhiên bụi tung ra sẽ bay ngược trở lại rơi lên người đó. Khi người nào làm hại một người vô tội chẳng hạn như đánh bằng tay, thì tự nhiên người ngu ác ấy trong hiện kiếp hoặc kiếp vị lai phải thọ khổ, như bị thiêu đốt trong hỏa ngục. Đó là quả dị thục của nghiệp ác đã làm đối với người vô tội, dội ngược lại người làm ác vậy.

Cuối thời Pháp, vị Tỳ khưu ấy chứng đắc quả A La Hán. Tứ chúng thính pháp cũng hưởng được sự lợi ích.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Sáng dắt chó đi, gặp trọc đầu,
Thợ săn tà kiến tự lo âu,
Đến trưa, chẳng được con chi cả,
Về gặp ông sư, quyết trả thù.
Xít chó rượt nà kẻ tu hành,
Sư trèo cây nọ để đào sanh,
Bị tên trúng gót, buông y xuống,
Chó chụp thợ săn, xé nát banh.
Vì mình vô ý hại thợ săn,
Hỏi Phật: Như con có tội chăng?
Phật bảo: Vô tâm thì chẳng tội,
Thợ săn chết bởi hắn làm nhăng!

DỨT TÍCH THỢ SĂN GẶP THIỀN SƯ

☸

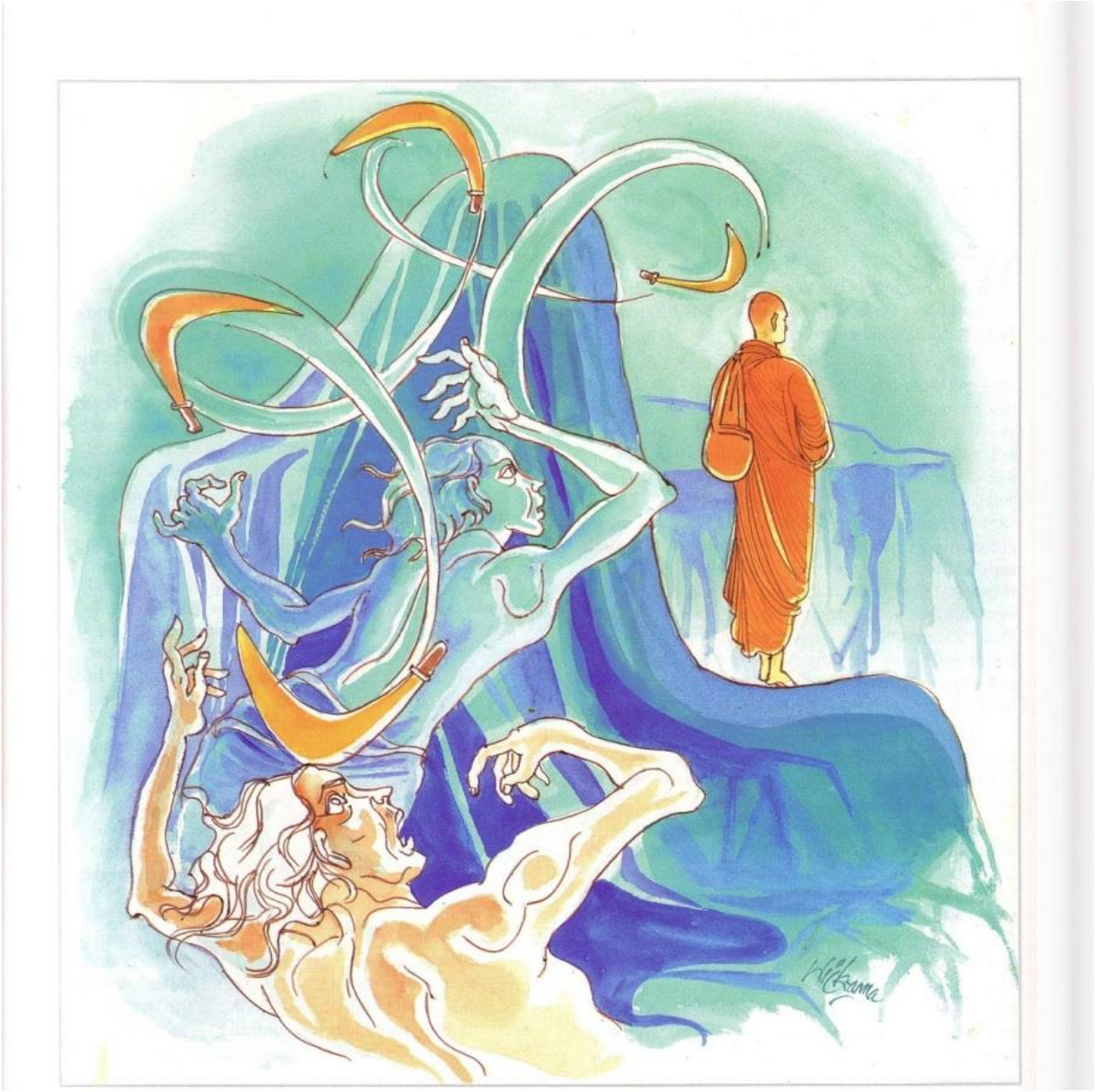

125. Bất cứ ác nghiệp nào được dùng để phá hại người đức hạnh cũng đem ác báo trở lại cho kẻ làm ác kia.

IX.10- Tích TRƯỞNG LÃO ĐỀ XÁ VÀ ANH THỢ NGỌC

(Maṇikārakulūpakatissattheravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 126)

"Gabbhameke uppajjanti,	***"Một số sinh bào thai,***
Nirayaṃ pāpakammino;	***Kẻ ác sinh Địa ngục,***
Saggaṃ sugatino yanti,	***Người thiện lên cõi trời,***
Parinibbanti anāsavā".	***Vô lậu chứng Níp Bàn".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết khi Ngài ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến Trưởng lão Tissa (Đề Xá) và anh thợ ngọc là người hộ độ Trưởng lão.

Tương truyền rằng: Vị Trưởng lão này thường xuyên đến thọ thực suốt mười hai năm trong gia đình của một anh thợ ngọc. Trong gia đình nầy, cả hai vợ chồng đều chăm lo phụng sự Trưởng lão như cha mẹ ruột của Trưởng lão vậy.

Thế nhưng, một hôm anh thợ ngọc nầy đang ngồi xắt thịt trước mặt vị Trưởng lão Tissa, bỗng nhiên có sứ giả Đức vua Pasenadi (Ba Tư Nặc) phái đến, trao cho anh ta một viên bảo châu và nói: "Anh hãy trau dồi và xoi lỗ hòn ngọc nầy rồi dâng lại Đức vua".

Anh thợ ngọc tay đang dính máu, thọ lãnh viên ngọc, đặt tạm lên nắp hộp, rồi vào trong nhà rửa tay. Trong nhà anh thợ ngọc có nuôi một con thiên nga (ngỗng trời) trông thấy viên ngọc dính máu, tưởng là cục thịt, nên mổ nuốt vào bụng trước mặt vị Trưởng lão.

Anh thợ ngọc trở ra không thấy viên ngọc Ma ni, bèn đi hỏi khắp trong nhà từ vợ đến con trai, con gái:

- Có ai lấy viên ngọc không?

Tất cả đều trả lời:

- Chúng tôi không có lấy!

Nghe vậy, anh thợ ngọc nghĩ: "Chắc là Trưởng lão lấy viên ngọc!", bèn ngỏ ý với vợ rằng:

- Chắc Trưởng lão lấy chớ không ai khác.

Người vợ khuyên can rằng:

- Anh ơi, anh đừng nói vậy. Từ bấy lâu nay chúng ta chưa hề thấy Trưởng lão phạm lỗi gì! Không lẽ Trưởng lão lấy cắp viên ngọc?

Anh thợ ngọc trai hỏi ngay Trưởng lão:

- Bạch Ngài, viên ngọc con để trong chỗ nầy, Ngài đã lấy cất phải không?

- Nầy ông Thiện nam, ta không có lấy cất.

- Bạch Ngài, ở đây không có ai khác, vậy ngoài Ngài ra thì ai lấy? Xin Ngài hãy trao trả lại viên bảo châu lại cho con!

Anh thợ ngọc lại vào bàn với vợ một lần nữa rằng:

- Vị Trưởng lão đã ăn cắp viên bảo châu của anh, để anh tra khảo ông ta mới được!

- Anh ơi! Anh đừng báo hại chúng ta. Thà là chúng ta chịu làm nô lệ còn hơn. Ta đừng nói lời như thế với Trưởng lão.

Anh thợ ngọc nói:

- Dầu tất cả chúng ta đi làm nô lệ cũng không đủ đền tiền viên ngọc Ma ni.

Thế rồi, anh ta lấy dây luộc quấn, niền đầu Trưởng lão và lấy gậy gõ mạnh vào. Từ đầu Trưởng lão máu chảy ra như xối, hai mắt Trưởng lão gần lòi ra ngoài. Thọ khổ khốc liệt, Trưởng lão ngã nằm xuống đất.

Con thiên nga đánh hơi mùi máu, chạy đến uống máu của Trưởng lão. Sẵn trớn giận Trưởng lão, anh thợ ngọc hét: "Còn mầy nữa, mầy đã làm gì?", và lấy chân đá hất con Thiên Nga đi. Bị một đá của anh ta, con thiên nga chết ngay, nằm lăn trên đất. Trưởng lão nhìn thấy vậy mới nói:

- Ông Thiện nam, ông hoan hỷ cởi lỏng bớt vòng dây xiết chặt đầu ta, để ta nhìn cho rõ xem con thiên nga đã chết rồi hay chưa?

Khi ấy, người thợ ngọc nói:

- Rồi ông cũng sẽ chết như nó vậy đó!

- Nầy ông Thiện nam, con thiên nga nầy đã nuốt viên ngọc Ma ni, nếu nó chưa chết thà ta chịu chết chớ không nói cho ông biết chuyện nầy.

Người thợ ngọc mổ bụng con thiên nga, thấy được viên bảo châu rồi, liền phát run lên, tâm thần hoảng hốt, quỳ mọp dưới chân Trưởng lão xin sám hối.

- Bạch Ngài, xin Ngài xá tội cho con. Vì con mù quáng mà lỡ xúc phạm đến Ngài!

- Nầy ông Thiện nam, ông không có tội chi mà ta cũng không có tội. Đây chẳng qua là nghiệp quả trong vòng luân hồi, ta tha thứ cho ông rồi đó.

- Bạch Ngài, nếu Ngài tha thứ tội cho con thì con xin thỉnh Ngài vẫn đến ngồi ở nhà con mà thọ bát!

- Nầy ông Thiện nam, từ rày về sau, ta sẽ không bao giờ đi vào trong mái nhà của những người khác. Quả thật, vì sự xâm nhập vào nhà người mới có phát sanh tội khổ nầy đây. Từ rày về sau, nếu ta còn khỏe, chân đi được, thì ta chỉ sẽ đến đứng trước cửa nhà mà thọ bát mà thôi!

Nói rồi, Trưởng lão nguyện giữ Hạnh Đầu đà bằng bài kệ nầy:

"Paccati munino bhattaṃ,
Thokaṃ thokaṃ kule kule;
Piṇḍikāya carissāmi,
Atthi jaṅghabalaṃ mamā'ti".

"Cơm đã nấu để cho người tịnh sĩ, mỗi nhà một ít, nhà nầy nhà kia; ta sẽ đi trì bình khất thực, vì chân ta có sức khỏe!".

Sau khi nguyện Đầu đà thường khất thực, Trưởng lão vì bị đánh đến mang bịnh, nên không bao lâu Ngài Níp Bàn. Con thiên nga chết, tái sanh vào thai bào của vợ người thợ ngọc. Còn anh ta, sau khi chết bị đọa vào Địa ngục. Vợ anh sau khi chết được thọ sanh về Thiên giới, nhờ lúc trước có tâm dịu hiền đối với Trưởng lão.

Tỳ khưu bạch hỏi Đức Bổn Sư về cảnh giới tái sanh của những nhân vật trên đây, Đức Bổn Sư đáp:

- Nầy các Tỳ khưu, một số đi đầu thai vào cõi nhân giới, một số kẻ ác bị đọa xuống địa ngục, một số thiện nhân vãng sanh lên thiên đàng, các bậc vô lậu thì Níp Bàn Vô Dư.

Nói rồi, Ngài thuyết pháp và kết luận bằng kệ ngôn rằng:

Gabbhameke uppajjanti,
Nirayaṃ pāpakammino;
Saggaṃ sugatino yanti,
Parinibbanti anāsavā".

Một số sinh ra từ bào thai, kẻ ác thì đọa vào địa ngục, người chính trực thì sinh lên chư thiên, nhưng cõi Níp Bàn chỉ dành riêng cho những ai đã diệt sạch nghiệp sanh tử.

☸

CHÚ GIẢI:

Gabbhaṃ: Ở đây chỉ bào thai người.

Ba câu kệ sau nghĩa lý đã rõ rệt.

Cuối thời Pháp, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Nói thật thì e phạm sát sanh,
Nhẫn từ, Trưởng lão cứ làm thinh,
Chủ nhà sợ mất kim cương quý,
Tra khảo nhà sư, chẳng niệm tình.
Chim chết, sư liền được giải oan,
Nhưng Tâm nhàm chán việc trần gian,
Từ nay nhất nguyện xa gia chủ,
Thọ Pháp Đầu Đà, đến Níp Bàn.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO ĐỀ XÁ VÀ ANH THỢ NGỌC

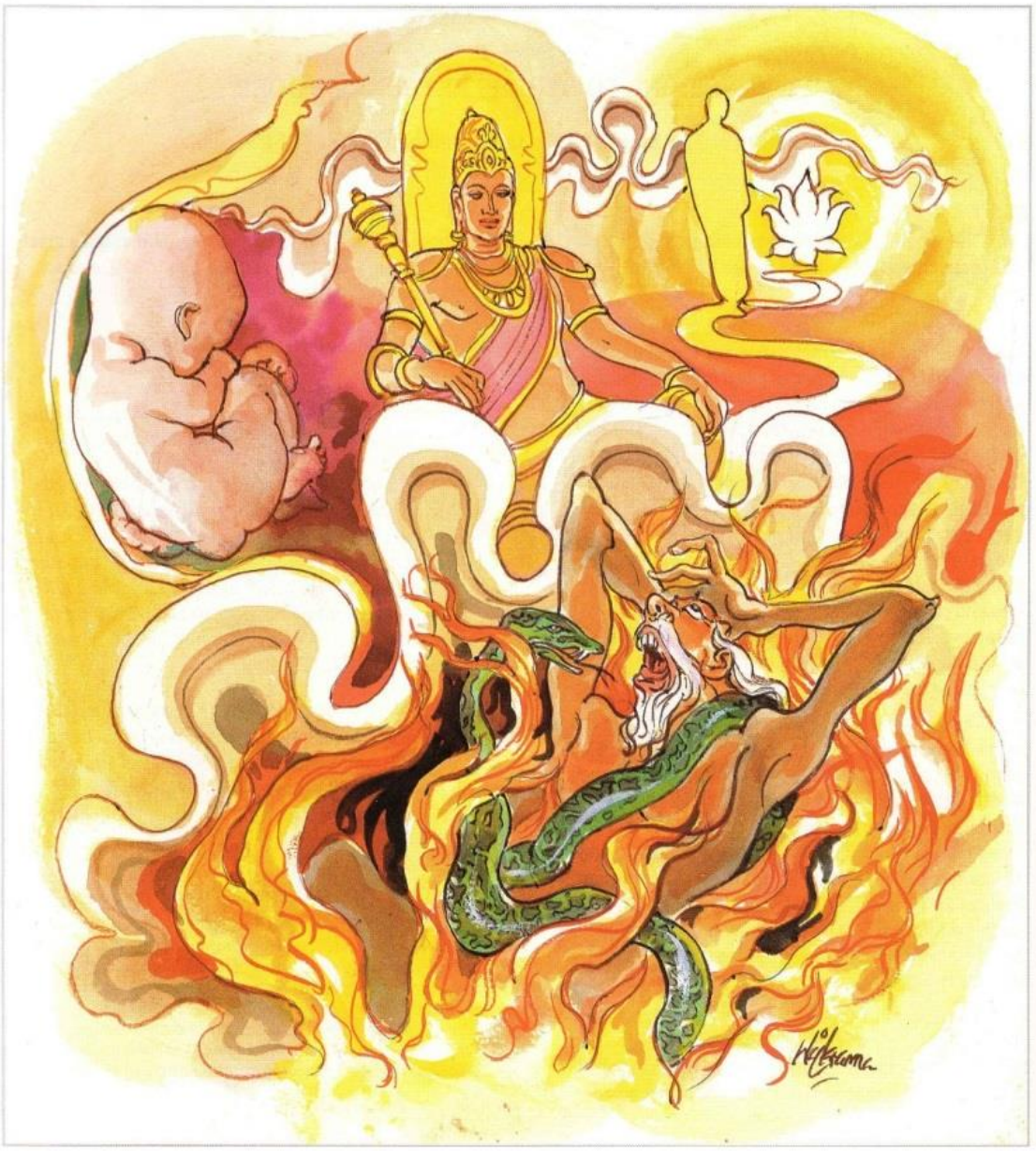

126. Người làm ác hạnh tái sanh địa ngục, người thiện hạnh lên Thiên giới, bậc Vô Lậu (A La Hán) đắc Níp Bàn.

IX.11- Tích BA NHÓM TỲ KHƯU

(Tayojanavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 127)

"Na antalikkhe na samuddamajjhe,	***"Không trên trời, giữa biển,***
Na pabbatānaṃ viraraṃ pavissa;	***Không lánh vào động núi,***
Na vijjate[1] so jagatippadeso,	***Không chỗ nào trên đời,***
Yatraṭṭhito[1] mucceyya pāpakammā".	***Trốn được quả ác nghiệp".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết khi Ngài ngự tại Kỳ Viên Tự (Jetavana Vihāra), đề cập đến ba nhóm Tỳ khưu.

Tương truyền rằng: Trong thời Đức Bổn Sư đang ngự tại Kỳ Viên, có nhiều vị Tỳ khưu đang trên đường về yết kiến Ngài, ghé vào một làng nọ để khất thực.

Dân làng thỉnh bát các Tỳ khưu, mời các Ngài ngồi nơi nhà khách, dâng cháo và bánh ngọt các Ngài điểm tâm xong, ráp nhau ngồi nghe thuyết pháp, vì chưa đến giờ dâng bữa cơm ngọ.

Trong khi ấy, một phụ nữ đã nấu cơm ở nhà bếp, đang còn nấu canh và các món ăn phụ, chụm lửa quá nhiều, ngọn lửa từ lò bốc lên cháy mái tranh. Một bựng tranh cháy bay bổng lên không.

Ngay lúc ấy, một con quạ đang bay qua, đút cổ vào trong bựng tranh đang cháy, bị cỏ tranh quấn khắp mình thiêu đốt, rơi xuống giữa làng. Các Tỳ khưu thấy vậy, nghĩ thầm: "Ôi! Tội nghiệp thay! Các đạo hữu hãy coi đó! Con quạ nầy chết dữ do tạo nghiệp gì, ngoài Đức Bổn Sư ra, ai mà biết được? Chúng ta sẽ hỏi Ngài cho biết tiền nghiệp của nó!". Rồi các Tỳ khưu lại ra đi.

Một nhóm Tỳ khưu khác, cũng đáp thuyền về Kỳ Viên để yết kiến Đức Thế Tôn. Thuyền đi giữa biển, bỗng nhiên đứng khựng lại.

Hành khách xôn xao hỏi: "Trong đây chắc có người xui xẻo". Họ đồng ý bắt thăm xem ai là người phải chịu hi sinh để tế hải thần. Đợt đầu tiên, vợ của thuyền trưởng rút trúng thăm ấy. Thuyền trưởng lại yêu cầu bắt thăm một lần nữa. Đợt thứ hai, cũng vợ ông ta trúng thăm. Đến đợt thứ ba, lá thăm cũng về phần phụ nữ nầy.

Hành khách nhìn mặt thuyền trưởng và hỏi:

- Phải tính sao đây, ông chủ?

Thuyền trưởng đáp:

- Ta không thể vì một phụ nữ mà để cho đại chúng phải thọ nạn. Quí vị hãy thảy cô ta xuống biển đi!

Khi bị bắt thảy xuống nước, phụ nữ ấy kinh hãi sợ chết, khóc thét lên. Thuyền trưởng nghe la, bèn nói:

[1] Vijjatī – Yatthaṭṭhito (theo bản Pāḷi của CSCD./ Dhammagiri. India).

- Cần gì phải làm hủy hoại những nữ trang của cô ấy cho uổng?

Ông ta cởi hết nữ trang của cô vợ, cho cô ta mặc một cái váy cũ, rồi bảo mọi người:

- Hãy ném cô ta đi! Vì ta không thể chịu được khi thấy xác cô ta nổi phình trên mặt nước, cho nên mấy người hãy lấy bình đầy cát cột vào cổ cô ta rồi liệng cô ta xuống biển cho ta khỏi trông thấy cô ta nữa.

Mọi người làm theo lời thuyền trưởng.

Ngay chỗ bị ném xuống, phụ nữ ấy bị cá và rùa bao vây cắn rỉa.

Chư Tỳ khưu nghe hết câu chuyện nầy, tự nghĩ: "Ngoài Đức Bổn Sư ra, nào ai khác biết được tiền nghiệp của phụ nữ ấy? Chúng ta sẽ hỏi Đức Bổn Sư về tiền nghiệp của nàng!".

Khi thuyền đến bến, các Tỳ khưu lên bờ và đi bộ về chùa.

Một nhóm Tỳ khưu khác gồm có bảy vị, nhập hạ ở miền biên địa, mãn hạ, trở về yết kiến Đức Bổn Sư. Dọc đường, chiều tối các vị vào một ngôi chùa xin tạm trú.

Trong chùa có một cái động đá có bảy cái giường, chư Tăng được vào nằm nghỉ trong đó. Đến nửa đêm, một tảng đá to bằng nóc nhà, từ trên núi lăn xuống, chắn bít cửa động đá.

Chư Tăng ở chùa bảo nhau: "Chúng ta đã để cho các Tỳ khưu khách ngụ trong động đá nầy, bây giờ tảng đá to nầy đứng chắn lấp cửa động. Chúng ta hãy dẹp nó đi!". Tất cả dân chúng trong bảy làng họp lại, ráng hết sức đẩy cũng không nhúc nhích nổi tảng đá. Bên trong động, các Tỳ khưu cũng tận lực một cách vô ích.

Suốt bảy ngày liền, dân chúng không dời được tảng đá. Các Tỳ khưu khách phải nhịn đói trong bảy ngày, thọ khổ rất khốc liệt.

Đến ngày thứ bảy, tảng đá tự động lăn đi.

Các Tỳ khưu được thoát nạn, tự nghĩ: "Quả ác nầy của chúng ta, trừ Đức Bổn Sư ra thì có ai biết được? Chúng ta sẽ hỏi Ngài!".

Ra khỏi chùa nầy, các Tỳ khưu nầy gặp hai nhóm Tỳ khưu trước, liền vần đoàn cùng nhau đi về đảnh lễ Đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi đáp lời vấn an của Đức Bổn Sư, chư Tăng lần lượt hỏi Ngài về lý do của những điều mình đã mục kích. Đức Bổn Sư tuần tự giải thích những lý do ấy như sau:

- Nầy các Tỳ khưu, con quạ ấy, tự nó đã tạo nghiệp ác nên mới chịu quả báo như vậy. Quả nhiên, trong thời quá khứ, nơi thành Bārāṇasī (Ba La Nại), có một nông phu, tự mình tập con bò của mình mà tập không được. Con bò của anh ta cứ đi một chút lại nằm xuống. Anh ta đánh nó đứng dậy thì nó cũng chỉ đi một chút rồi lại nằm ỳ xuống như trước. Ráng hết sức mình mà tập con bò lỳ không được, anh ta nổi nóng nói rằng: "Từ đây về sau mầy sẽ nằm ngủ an vui nhé!". Anh ta lấy rơm quấn cổ con bò coi như cục rơm, rồi lấy lửa châm đốt".

Con bò bị thiêu sống, phải chết ngay nơi ấy.

- Nầy các Tỳ khưu, đó là tiền nghiệp của con quạ tạo. Do quả dị thục, nó đã bị thiêu trong hỏa ngục rất lâu và do quả còn dư sót nó đã đầu thai làm quạ bảy lần và bị chết cháy trên không như thế.

- Nầy các Tỳ khưu, sau đây là tiền nghiệp của phụ nữ ấy. Trong thời quá khứ, nơi thành Bārāṇasī (Ba La Nại), vợ của một gia chủ nọ, một tay quán xuyến tất cả công việc nhà, nào là gánh nước, giã gạo, nấu cơm v.v... Có một con chó đực, cứ ngồi nhìn chị ta trong khi chị ta đang làm các công việc nhà. Khi chị ta đem cơm ra ruộng cho chồng, hoặc vào rừng kiếm củi, lá v.v... con chó cũng đi theo chị ta.

Thấy vậy, các thanh thiếu niên chế nhạo rằng: "Anh em ơi, bữa nay thợ săn dắt con chó đi săn, chúng mình sẽ có thịt ăn!".

Nghe lũ trẻ nói vậy, chị ta mắc cỡ, lấy gậy, lấy đá đánh đuổi con chó chạy đi xa. Theo truyền thuyết, con chó nầy đã là chồng của chị ta trong ba tiền kiếp, cho nên không thể đoạn tuyệt luyến ái được. Quả thật, mặc dầu trong cái vòng luân hồi vô thỉ, ban dầu không có ai là vợ hoặc là chồng của ai cả, nhưng trong những kiếp gần đây, vì tình thân thuộc mà phát sanh sự ái luyến thái quá, cho đến nỗi con chó lìa xa chị ta không được.

Phụ nữ nổi giận, muốn giết con chó, bèn lấy một cuộn dây đem theo mình, khi đem cháo ra ruộng cho chồng ăn, con chó vẫn lẽo đẽo theo sau phụ nữ ấy.

Sau khi đưa cháo cho chồng ăn rồi, chị ta cầm cái bình không đi đến một ao nước, hốt cát đổ đầy bình. Nhìn thấy con chó đứng gần đó, chị ta tróc kêu nó đến.

Con chó nghĩ thầm: "Từ lâu lắm, hôm nay ta mới được nghe những lời dịu ngọt", nó ngoắt đuôi chạy lại.

Phụ nữ ấy nắm chặt cổ con chó. Một đầu dây đã cột sẵn vào bình đầy cát, còn một đầu chị ta cột cổ con chó, rồi ném cái bình xuống ao nước. Con chó bị lôi theo cái bình và bị chết chìm dưới ao.

Do quả dị thục của ác nghiệp nầy, phụ nữ đã bị thiêu đốt rất lâu dưới địa ngục. Do quả dư sót, chị ta bị cột cổ dính với cái bình đầy cát, thảy xuống nước và chết đuối như vậy trong một trăm kiếp nữa, khi được trở lại làm người.

- Nầy các Tỳ khưu, các thầy đã gặp nạn cũng là do quả tiền nghiệp. Thật vậy, trong thời quá khứ, có bảy cậu bé chăn bò cư ngụ nơi thành Bārāṇasī, thường đuổi bò cho ăn trong một chỗ đất hoang ở ven rừng, cứ bảy ngày thì trở lại chỗ ban đầu.

Một hôm, khi đuổi bò về, chúng gặp một con kỳ đà và rượt theo nó. Con kỳ đà chạy thoát, chun xuống một gò mối. Cái gò nầy có bảy ngách. Lũ trẻ nói: "Bây giờ chúng ta không thể bắt được nó. Ngày mai ta hãy trở lại bắt nó!". Nói rồi, bảy đứa bé, mỗi đứa bẻ một nhánh cây làm gậy, thọc xuống bít bảy lỗ ngách rồi bỏ đi.

Hôm sau, không nhớ đến con kỳ đà, lũ trẻ đuổi bò cho đi ăn ở một nơi khác. Đến ngày thứ bảy, chúng đuổi bò đáo trở lại chỗ cũ, nhìn thấy gò mối mới nhớ đến con kỳ đà: "Con kỳ đà bây giờ ra sao nhỉ?". Mỗi đứa bé tự khai mở lỗ ngách của mình đã bít.

Con kỳ đà đã ngất ngư gần chết, thân hình ốm chỉ còn xương với da, run rẩy bò lê ra ngoài. Thấy nó như vậy, lũ trẻ thương xót khuyên nhau: "Thôi đừng phá nó nữa,

nó đã nhịn đói bảy ngày rồi", chúng xoa lưng nó và nói: "Hãy đi an vui nhé!", rồi thả nó ra. Nhờ con kỳ đà chưa chết, bọn trẻ không bị thiêu ở địa ngục. Tuy nhiên, bảy đứa trẻ đã tạo cộng nghiệp, nên mười bốn kiếp về sau, mỗi kiếp chúng đều bị bỏ đói bảy ngày như thế cả.

- Nầy các Tỳ khưu, thuở xa xưa, khi sanh làm bảy đứa trẻ chăn bò, các thầy đã tạo ác nghiệp như thế.

Khi ấy, một vị Tỳ khưu hỏi Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Ngài, nếu vậy thì khi con người đã tạo nghiệp ác rồi, dầu cho bay lên trời, lặn xuống biển, hoặc vào trong hang núi, cũng không thoát khỏi quả của nghiệp phải chăng?

Đức Bổn Sư xác nhận:

- Nầy các Tỳ khưu, đúng như vậy! Bất cứ nơi đâu, như trên trời chẳng hạn, cũng không có chỗ trú để tránh khỏi quả của nghiệp ác.

Nói rồi, Đức Thế Tôn ngâm kệ rằng:

"Na antalikkhe na samuddamajjhe,
Na pabbatānaṃ vivaraṃ pavissa;
Na vijjate so jagatippadeso,
Yatraṭṭhito mucceyya pāpakammāti".

Chẳng phải bay lên không trung,
Chẳng phải lặn xuống đáy biển,
Chẳng phải chui vào hang sâu núi thẳm,
Dù tìm khắp thế gian nầy, chẳng có nơi nào
Trốn khỏi ác nghiệp đã gây.

☸

CHÚ GIẢI:

Ý nghĩa của kệ ngôn nầy là:

Dầu cho ai có giỏi nói: "Bằng phương thế nầy ta sẽ tránh khỏi quả của ác nghiệp", rồi bay lên ngồi trên không, hoặc lặn xuống đáy biển sâu đến tám muôn bốn ngàn do tuần, hoặc vào ngồi trong hang núi, người ấy cũng không bao giờ thoát khỏi quả của ác nghiệp. Khắp bốn phương tám hướng trên mặt đất nầy, không có một chỗ đứng an toàn nhỏ bằng mảy lông để tránh khỏi quả của ác nghiệp được.

☸

Cuối thời Pháp, ba nhóm Tỳ khưu đều đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả. Kỳ dư đại chúng thính pháp đều hưởng được lợi ích.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Ba nhóm Tỳ khưu lễ Phật Đà,
Tường trình mọi việc thấy vừa qua:
Một con quạ tự bay vào lửa,
Thiếu phụ bị thần biển chẳng tha.
Bảy vị Tỳ Khưu bị bảy ngày,
Nhốt trong hang núi, lạ lùng thay!
Cầu xin Phật giải Nhân tiền nghiệp,
Phật bảo: "Các thầy lắng nghe đây!"
Con quạ trước là một dân cày,
Đốt bò chứng chẳng nương tay.
Ngày xưa, thiếu phụ dìm con chó,
Xuống một ao hồ, chết rã thây.
Bảy đứa chăn trâu, nhốt kỳ đà,
Bảy ngày đói khát, mới buông tha,
Nhân nào quả nấy không sai chạy,
Chẳng có nơi đâu khỏi Nghiệp mà!

DỨT TÍCH BA NHÓM TỲ KHƯU



127. Người làm ác không thể tránh được ác nghiệp đã tạo dù họ có trốn ở bất kỳ nơi nào.

IX.12- Tích VUA THIỆN GIÁC BỊ ĐẤT RÚT

(Suppabuddhasakyavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 128)

"Na antalikkhe na samuddamajjhe,	***"Không trên trời, giữa biển,***
Na pabbatānaṃ viraraṃ pavissa;	***Không lánh vào động núi,***
Na vijjate[1] so jagatippadeso,	***Không chỗ nào trên đời,***
Yatraṭṭhitaṃ[1] nappasaheyya maccu".	***Trốn khỏi tay thần chết".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết khi Ngài ngự tại chùa Nigrodha (Ni Câu Luật Đà), đề cập đến Đức vua Thiện Giác (Suppabuddhasakka).

Tương truyền rằng: Đức vua Thiện Giác vì hai lý do sau đây mà đã buộc oan trái với Đức Phật: một là Ngài đã bỏ con gái Đức vua là công chúa Yasodhara (Da Du Đà La) mà ra đi xuất gia, hai là Ngài đã cho con trai Đức vua là Hoàng tử Devadatta (Đề Bà Đạt Đa) xuất gia, cho nên Đức vua căm thù Ngài lắm.

Một ngày nọ, Đức vua có ý nghĩ: "Bây giờ Trẫm nhất định không cho Cồ Đàm đi đến chỗ thỉnh bát để thọ thực". Đức vua truyền lịnh cho đóng cửa chận đường đi của Đức Thế Tôn, rồi ngồi giữa đường mà uống rượu.

Khi Đức Bổn Sư cùng chư Tăng tùy tùng sắp đến chỗ Đức vua gác, có tin báo trước cho vua Thiện Giác hay rằng "Đức Bổn Sư sắp đến".

Đức vua phán: "Hãy đi đón đường nói cho Cô Đàm biết: Cồ Đàm không phải lớn hơn Trẫm! Trẫm sẽ không cho nó đi qua lối nầy!". Rồi Đức vua cứ ngồi nguyên một chỗ mà lặp đi lặp lại như thế mãi.

Đức Bổn Sư thấy những người đến xin cậu mình cho phép đi qua đều không được chấp thuận, nên Ngài quay trở về.

Đức vua lại phái một mật thám theo dõi Đức Bổn Sư: "Hãy đi, nghe ngóng lời nói của Sĩ Đạt Ta, rồi trở về phục lịnh".

Lúc quay trở về, Đức Bổn Sư mỉm cười. Trưởng lão Ānanda thấy lạ bèn hỏi:

- Bạch Ngài, do nhân duyên nào mà Ngài đã mỉm cười?

Đức Bổn Sư hỏi lại:

- Nầy Ānanda! Thầy đã thấy vua Thiện Giác rồi chứ?

- Bạch Ngài, con đã thấy.

- Đức vua đã tạo nghiệp rất nặng là dám cản đường một vị Phật như Ta. Từ đây đến bảy ngày, tại chân cầu thang của đền vua, Đức vua Thiện Giác sẽ bị đất rút.

Nghe được lời tiên tri nầy, mật thám về báo cáo lại với vua Thiện Giác. Đức vua hỏi:

[1] Vijjatī – Yatthaṭṭhitaṃ (theo bản Pāḷi của CSCD./ Dhammagiri. India).

- Lúc quay trở về, cháu Trẫm đã nói những gì? - Mật thám nghe sao thì thuật lại y như vậy.

Nghe dứt những lời báo cáo, Đức vua nghĩ thầm: "Quả thật, cháu của ta chưa hề nói sai trật, hễ nói điều gì là có y điều đó xảy ra. Tuy nhiên, bây giờ đây ta sẽ quở trách Sĩ Đạt Ta về tội nói láo. Quả nhiên, cháu ta đã tiên tri bảy ngày nữa ta sẽ bị đất rút, nó không nói bằng cách mơ hồ mà lại xác quyết rằng ta sẽ bị đất rút ngay chân cầu thang của vương cung. Kể từ bây giờ trở đi, ta sẽ không đặt chân đến đó, và sau khi khỏi bị đất rút tại nơi đó, ta sẽ quở nó về tội nói láo!".

Đức vua cho mang tất cả đồ vật nhu dụng của mình lên tầng lầu thứ bảy, khiến dẹp cầu thang rồi đóng cửa cái lại. Tại mỗi cửa của mỗi tầng lầu, Đức vua bố trí hai người lực sĩ đứng canh và dặn họ: "Nếu thấy Trẫm dễ duôi muốn đi xuống lầu, hai người hãy ngăn cản lại!". Nói rồi, Đức vua ngự tọa trong tư phòng trên chót tầng lầu thứ bảy.

Đức Bổn Sư nghe được câu chuyện nầy thì phán rằng:

- Nầy các Tỳ khưu, dầu Đức vua Thiện Giác không ngồi trên đỉnh thượng của tòa lầu bảy tầng mà lên ngồi giữa hư không, hoặc đáp thuyền ra giữa biển lớn, hoặc là vào ngồi trong hang núi cũng mặc. Lời Chư Phật không bao giờ lưỡng ước, y như lời của Ta đã tiên tri, Đức vua sẽ bị đất rút ngay tại chỗ mà Ta đã nói.

Nói rồi Đức Thế Tôn thuyết pháp và ngâm kệ rằng:

"Na antalikkhe na samuddamajjhe,
Na pabbatānaṃ vivaraṃ pavissa;
Na vijjate so jagatippadeso,
Yatraṭṭhitaṃ nappasaheyya maccu".

"Chẳng phải bay lên không trung, chẳng phải lặn xuống đáy bể sâu, chẳng phải chui vào hang sâu núi thẳm, dù tìm khắp thế gian nay, chẳng có nơi nào trốn khỏi Tử thần".

CHÚ GIẢI

Nappasaheyya maccu: Khắp trên mặt địa cầu, không có một chỗ nào, dầu nhỏ bằng sợi tóc mà ta có thể nói: "Đứng tại đây tử thần sẽ không áp đảo mình được".

Ba câu trên đồng nghĩa với các câu ở bài kệ trước.

☸

Cuối thời Pháp, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả, nhất là quả Tu Đà Hườn.

☸

Đến ngày thứ bảy, thời hạn ngăn cấm con đường đi bát của Đức Bổn Sư đã mãn. Bên dưới tòa lầu, con ngựa báu mang tên Maṅgala (Hạnh Phúc) của vua Thiện Giác sanh chứng bất kham, cứ đá mãi vào tường vách.

Đức vua ngồi trên lầu, nghe tiếng động, hỏi quan hầu:

- Cái gì thế?

- Tâu hoàng thượng, con ngựa Maṅgala sanh chứng!

Con ngựa nầy không ai chế ngự nổi, chỉ có thấy mặt Đức vua Thiện Giác thì nó mới chịu đứng yên. Khi ấy, Đức vua muốn xuống lầu để bắt con ngựa, liền từ chổ ngồi đứng dậy, đi ra đến ngạch cửa, hai cánh cửa tự động mở hoác ra, nên Đức vua lại đứng ngay đầu cầu thang. Hai lực sĩ đứng gác liền nắm cổ Đức vua ném xuống tầng dưới. Cùng một cách như thế, cả bảy tầng cửa đều tự động mở ra, các đầu cầu thang cũng lần lượt hiện ra trước mặt Đức vua và ở mỗi tầng, hai người lực sĩ đều nắm cổ Đức vua mà ném xuống phía dưới. Thế rồi, khi Đức vua tuột xuống đến chân cầu thang ở dưới tòa vương cung, mặt đất liền nứt ra một khoảng lớn thâu hút Đức vua. Đức vua băng hà sanh vào Địa ngục A tỳ.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Đức vua giận Phật bỏ con mình,
Bắt ghế ra ngồi giữa lộ trình,
Cản Phật không cho qua lấy bát,
Phật cười, quay lại, chỉ làm thinh!
Trưởng lão A Nan Đa bạch rằng:
"Ngài cười có ý nghĩa chi chăng?"
"Đến ngày thứ bảy thì vua chết,
Đất sụp, chôn Ngài dưới cuối thang".
Quả nhiên Đức Phật nói không sai!
Tránh được tử thần chẳng có ai,
Dưới biển, trên trời, trong động đá,
Không nơi ẩn nấp sống dằng dai.

DỨT TÍCH VUA THIỆN GIÁC BI ĐẤT RÚT

☸



128. Dù con người có trốn ở trên trời, dưới biển hay trong núi cũng không trốn tránh được tử thần.

X. PHẨM ĐAO TRƯỢNG
(DAṆḌAVAGGA)

17 bài kệ: Pháp Cú số 129 – 145

11 tích truyện

☸

X.1- Tích NHÓM LỤC SƯ HÀNH HUNG

(Chabbaggiyabhikkhuvatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 129)

"Sabbe tasanti daṇḍassa,	***"Mọi người sợ hình phạt,***
Sabbe bhāyanti maccuno;	***Mọi người sợ tử vong,***
Attānaṃ upamaṃ katvā,	***Lấy mình làm ví dụ,***
Na haneyya na ghātaye".	***Không giết, không bảo giết".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết khi ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến một nhóm Lục Sư gồm có sáu vị Tỳ khưu.

Quả vậy, một lúc nọ, các Tỳ khưu trong nhóm mười bảy vị vừa sửa sang chỗ ngụ xong, liền bị các Tỳ khưu trong nhóm Sáu vị (Lục Sư) đến đuổi:

- Các đạo hữu hãy đi ra, chúng tôi lớn hạ hơn, mới có quyền cư ngụ chỗ nầy.

Các Tỳ khưu nhỏ hạ đáp:

- Chúng tôi sẽ không nhường chỗ cho các Ngài, vì lẽ chúng tôi đã đến đây trước và đã quét dọn sửa sang rồi.

Nghe nói vậy, nhóm Lục Sư đánh đập nhóm Thập Thất sư. Nhóm sau nầy hoảng hốt, sợ chết, la hét rầm lên. Đức Bổn Sư nghe tiếng kêu la của họ, bèn hỏi:

- Chuyện gì vậy?

Chư Tăng bạch: "Chuyện nầy...".

Đức Bổn Sư ban hành Học giới cấm đánh đập Tỳ khưu rằng: "Nầy các Tỳ khưu, từ rày về sau, các Tỳ khưu không nên làm như vậy, thầy nào làm vậy phạm tội Ưng đối trị".

Ngài dạy tiếp rằng: "Nầy các Tỳ khưu, phàm là Tỳ khưu thì nhất định không nên đánh đập, không nên giết hại, vì đã biết rằng: những người khác cũng như ta, ai ai cũng đều sợ đao trượng, đều sợ tử thần cả". Nói rồi, Ngài thuyết pháp và kết luận bằng bài kệ nầy:

"Sabbe tasanti daṇḍassa,
Sabbe bhāyanti maccuno;
Attānaṃ upamaṃ katvā,
Na haneyya na ghātaye".

"Ai ai cũng sợ gươm đao, ai ai cũng sợ sự chết; vậy nên lấy lòng mình suy lòng người, chớ giết, chớ bảo giết".

(Bản dịch của Ngài T.K. Trí Đức)

CHÚ GIẢI:

Sabbe tasanti: tất cả chúng sanh đều sợ ăn đòn, sợ đao trượng phạm đến mình.

Maccuno: sợ tử thần, tức là sợ chết. Hai câu kệ đầu nói phổ cập đến tất cả mọi người, không bỏ sót một ai, là nói theo lối thông thường.

Quả nhiên, ví như Đức vua cho người đi cổ động (đánh trống) truyền rao dân chúng tập họp, trừ ra quan Tể tướng, kỳ dư tất cả đều phải tập họp vì sợ hình phạt của nhà vua. Tuy nhiên, cũng có bốn hạng là bậc Lậu Tận, voi thuần chủng, ngựa thuần chùng và bò mộng không bị khép trong số tất cả những người rung động vì sợ chết.

Bậc Lậu Tận đã dứt bỏ Thân kiến, không thấy chúng sanh nào không chết cho nên không sợ chết. Còn ba hạng kia, tuy còn Thân kiến nhưng tự tin nơi sức khỏe của mình, không thấy có chúng sanh nào là tay đối thủ cho nên cũng không sợ.

Na haneyya na ghātaye: hãy tự xét: "mình thế nào thì những chúng sanh khác cũng giống vậy", không nên giết, không nên xúi giết kẻ khác.

Cuối thời Pháp, nhiều vị Tỳ khưu đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Mới dọn cốc rồi, chưa ở yên,
Lục sư chợt đến, đuổi đi liền,
Các sư Thập Thất không tuân lệnh,
Bị đánh, la ầm tợ lũ điên,
Phật biết, ban hành Luật cấm ngăn,
Tỳ khưu không được đánh chư Tăng!
Người người sợ chết, e đao trượng,
Phải cử sát sanh, giữ Đạo hằng!

DỨT TÍCH NHÓM LỤC SƯ HÀNH HUNG

☸

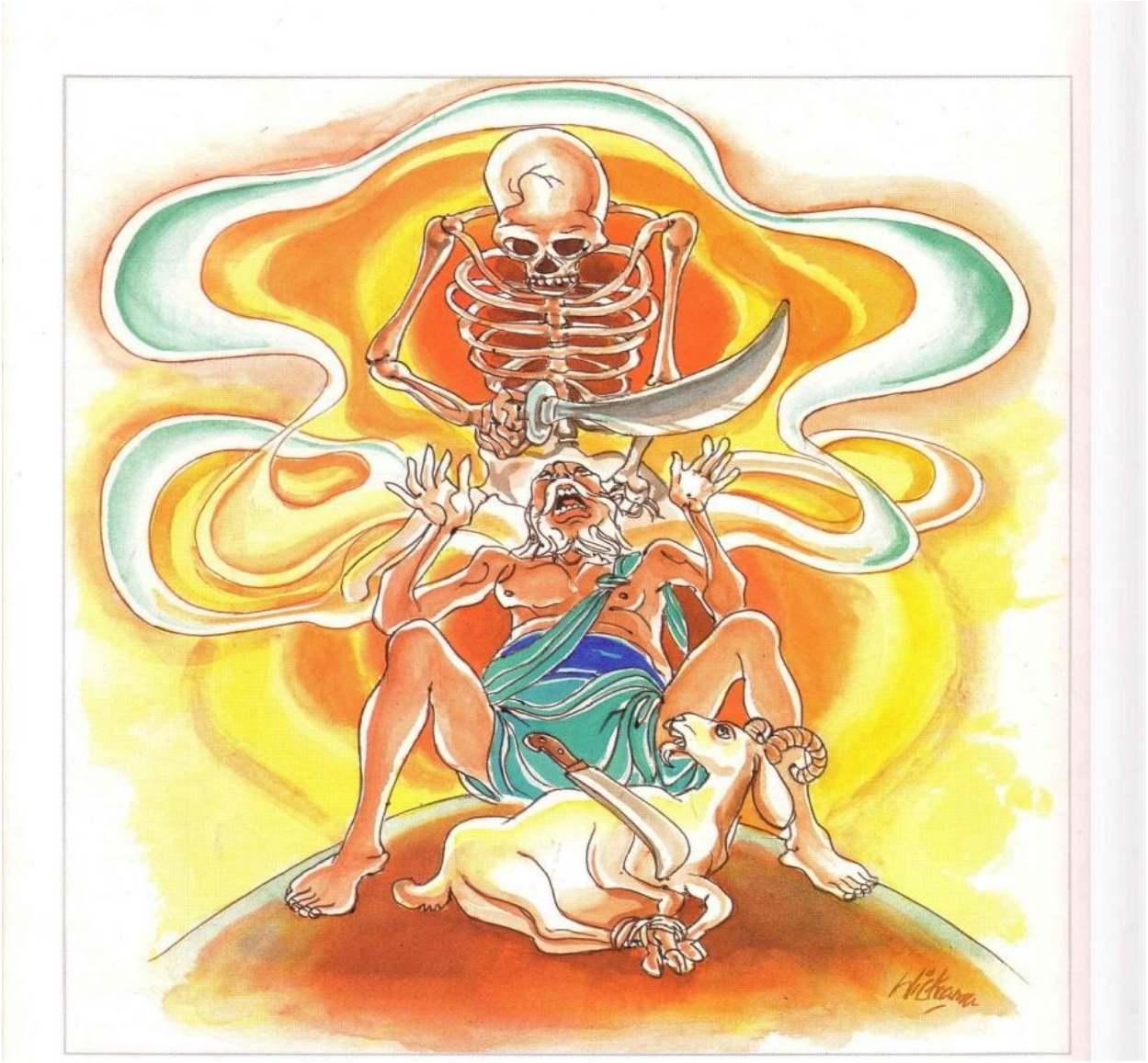

129. Mọi loài vật đều sợ chết và sợ hành hạ thể xác. Vậy hãy lấy mình làm ví dụ, đừng giết hại ai.

X.2- Tích NHÓM LỤC SƯ ĐE DỌA

(Chabbaggiyabhikkhuvatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 130)

"Sabbe tasanti daṇḍassa,	***"Mọi người sợ hình phạt,***
Sabbesaṃ jīvitaṃ piyaṃ;	***Mọi người thương sống còn;***
Attānaṃ upamaṃ katvā,	***Lấy mình làm ví dụ,***
Na haneyya na ghātaye".	***Không giết, không bảo giết".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết khi Ngài an ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến nhóm Lục Sư như trước.

Quả vậy, trong lúc nọ, do nhóm Lục Sư đánh Tỳ khưu nhóm Thập Thất Sư, nên Học giới trước đã được ban hành. Lần này cũng do nhóm đó sanh chuyện, nhưng chỉ giá tay hăm đánh các vị sau mà thôi.

Ở đây, Đức Bổn Sư nghe tiếng kêu la của các Tỳ khưu trẻ, bèn hỏi:

- Chuyện chi vậy?

- Bạch Thế Tôn, chuyện nầy...

Đức Bổn Sư dạy: "Nầy các Tỳ khưu, từ rày về sau, Tỳ khưu không nên làm vậy, thầy nào làm, phạm Ưng đối trị". Sau khi ban hành Học giới cấm các Tỳ khưu giá tay đánh các vị khác. Đức Bổn Sư giải thích: "Nầy các Tỳ khưu, phàm là Tỳ khưu thì không nên đánh đập, không nên giết hại, vì biết rằng: "Cũng như ta, những người khác đều sợ đao trượng, hễ ta yêu đời, ham sống như thế nào thì họ cũng giống như ta vậy".

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết pháp và ngâm kệ rằng:

"Sabbe tasanti daṇḍassa,
Sabbesaṃ jīvitaṃ piyaṃ;
Attānaṃ upamaṃ katvā,
Na haneyya na ghātaye."

"Ai ai cũng sợ gươm đao, ai ai cũng thích được sống còn; vậy nên lấy lòng mình suy lòng người, chớ giết, chớ bảo giết".

☸

CHÚ GIẢI:

Sabbesaṃ jīvitaṃ piyaṃ: trừ bậc Lậu Tận, tất cả chúng sanh còn lại đều yêu quý đời sống. Đối với việc sống chết ở đời, bậc Lậu Tận cũng chỉ có tâm Xả (Upekkhā), là thản nhiên mà thôi.

Ba câu kệ kia thì nghĩa như trước.

☸

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khưu đắc Thánh quả, nhất là quả Tu Đà Hườn.

Dịch Giả Cẩn Đề

Lục Sư đã bị cấm đánh rồi.
Nên chỉ giơ tay dọa nạt thôi,
Nhóm Thập Thất Sư còn khiếp sợ,
La ầm như bị phỏng dầu sôi.
Phật cấm Tỳ khưu dọa nạt nhau,
Người người thích sống, sợ gươm đao,
Không nên bảo giết, không nên giết,
Ai cũng như ai, có khác nào?

DỨT TÍCH NHÓM LỤC SƯ ĐE DỌA



130. Mọi loài đều thích sống. Vậy hãy lấy mình làm ví dụ, đừng giết hại ai.

X.3- Tích LŨ TRẺ ĐẬP RẮN

(Sambahulakumārakavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 131-132)

131. "Sukhāmāni bhūtāni,	***"Chúng sanh cầu an lạc,***
Yo daṇḍena vihiṃsati;	***Ai dùng trượng hại người,***
Attano sukhamesāno,	***Để tìm lạc cho mình,***
Pecca so na labhate sukhaṃ".	***Đời sau không được lạc".***
132. "Sukhākāmāni bhūtāni,	***"Chúng sanh cầu an lạc,***
Yo daṇḍena na hiṃsati;	***Không dùng trượng hại người,***
Attano sukhamesāno,	***Để tìm lạc cho mình,***
Pecca so labhate sukhaṃ".	***Đời sau được hưởng lạc".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết khi Ngài ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến một lũ trẻ con.

Một ngày nọ, đang vào thành Sāvatthī (Xá Vệ) để khất thực. Giữa đường, Đức Bổn Sư gặp nhiều đứa trẻ cầm gậy đánh đập một con rắn hổ, Ngài bèn hỏi:

- Nầy các cậu bé, các cậu làm gì vậy?

- Bạch Ngài, chúng con đập con rắn.

Nghe vậy, Đức Bổn Sư hỏi tiếp:

- Tại sao đập nó?

- Bạch Ngài, vì sợ nó cắn.

Đức Bổn Sư liền dạy rằng:

- Các con tự nghĩ: "Ta sẽ làm cho mình được an vui". Vậy mà các con lại đánh đập con rắn nầy, làm như thế, khi chuyển kiếp tái sanh ở cảnh giới nào, các con cũng sẽ không được an vui. Quả thật, người muốn tự mình hưởng được sự an vui thì không nên đánh đập kẻ khác.

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết pháp và ngâm hai kệ ngôn nầy:

131. "Sukhakāmāni bhūtāni,
Yo daṇḍena vihiṃsati;
Attano sukhamesāno,
Pecca so na labhate sukhaṃ".

Người nào cầu hạnh phúc cho mình mà lại lấy đao gậy phá hại hạnh phúc kẻ khác, thì sẽ không được hạnh phúc.

132. "Sukhakāmāni bhūtāni,
Yo daṇḍena na hiṃsati;
Attano sukhamesāno,
Pecca so labhate sukhaṃ".

Người nào cầu hạnh phúc cho mình mà không lấy đao gậy phá hại hạnh phúc kẻ khác, thì sẽ được hạnh phúc.

CHÚ GIẢI:

Yo daṇḍena: người nào làm khó, phá hoại kẻ khác bằng gậy, hoặc bằng đất cục, đá chẳng hạn.

Pecca so na labhate sukhaṃ: người ấy sẽ không được hưởng hạnh phúc khi tái sanh ở cảnh giới khác, dầu là hạnh phúc cõi nhân thiên hoặc hạnh phúc tối cao ở Níp Bàn cũng không có.

Pecca so labhate sukhaṃ: (ở kệ thứ hai): người ấy khi tái sanh ở cảnh giới khác sẽ hưởng được một trong ba hạnh phúc đã kể trên.

Cuối thời Pháp, cả năm trăm đứa bé đều đắc Thánh quả Tu Đà Hườn.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Lũ trẻ cầm cây đập hổ mang,
Bất ngờ gặp Đức Phật đi ngang,
Ngài dừng chân hỏi: "Vì sao đập?",
Trẻ đáp: "Vì e nó cắn càn...".
Phật dạy: Khi cần hạnh phúc mình,
Mà dùng đao trượng hại sanh linh,
Đời sau mất phước, luân hồi khổ,
Vô hại, đời sau mới phúc vinh!

DỨT TÍCH LŨ TRẺ ĐẬP RẮN

☸



131. Nếu làm hại các loài khác để cầu hạnh phúc cho mình, thì ta sẽ gặp bất hạnh đời sau.

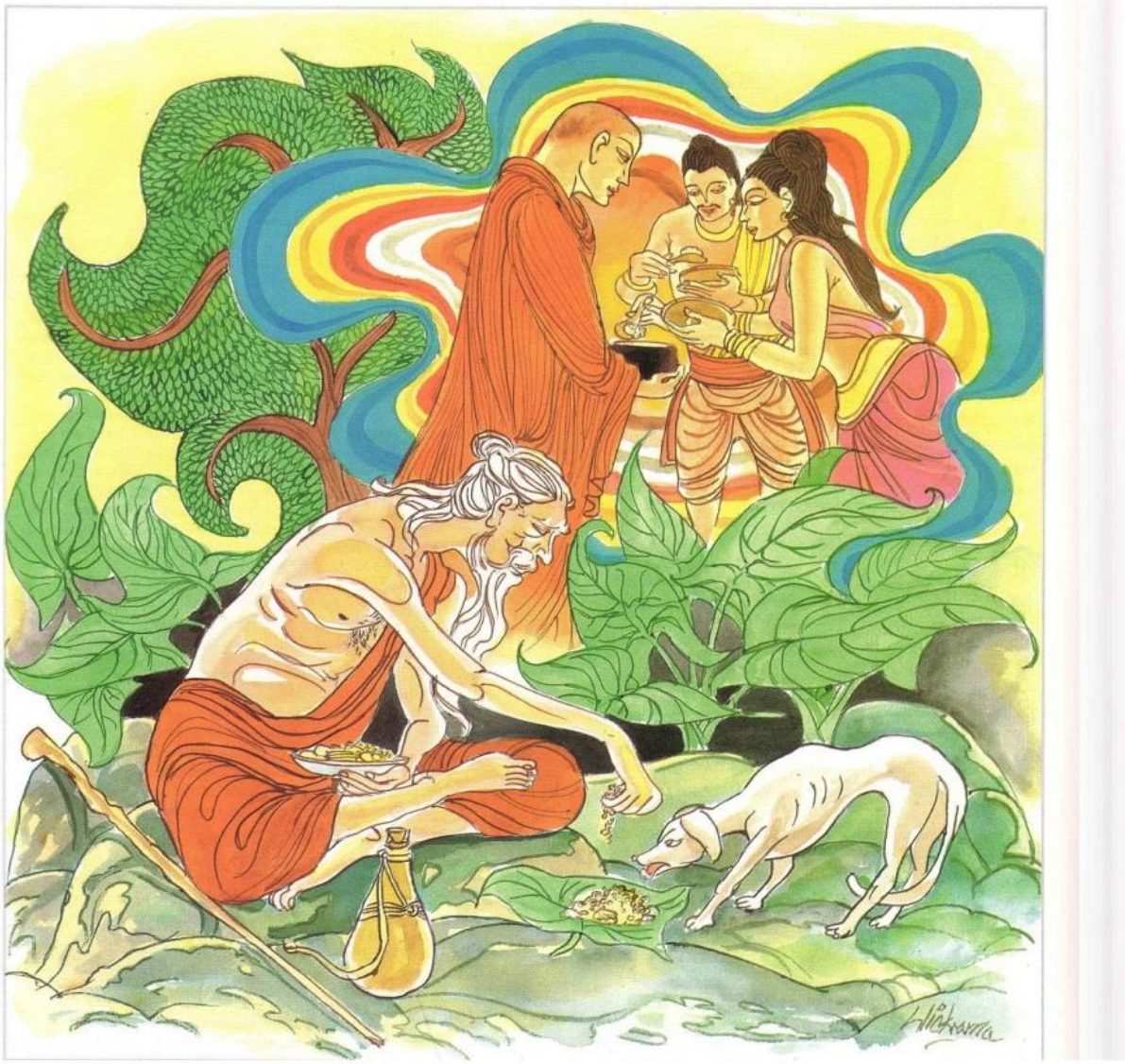

132. Nếu những ai mưu tìm hạnh phúc không làm hại các loài khác, thì họ sẽ được hạnh phúc đời sau.

X.4- Tích TRƯỞNG LÃO KON ĐÁ THA NÁ

(Koṇḍadhānattheravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 133-134)

133. "Māvoca pharusaṃ kañci,	***"Chớ nói lời ác độc,***
Vuttā paṭivadeyyu taṃ;	***Nói ác, bị nói lại,***
Dukkhā hi sārambhakathā,	***Khổ thay lời phẫn nộ,***
Paṭidaṇḍā phuseyyu taṃ".	***Đao trượng phản chạm người".***
134. "Sace neresi attānaṃ,	***"Nếu tự mình yên lặng,***
Kaṃso upahato yathā;	***Như chiếc chuông bị bể,***
Esa pattosi nibbānaṃ,	***Ngươi đã chứng Níp Bàn,***
Sārambho te na vijjati".	***Ngươi không còn phẫn nộ".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết khi Ngài ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến Trưởng lão Koṇḍadhāna (Kon Đá Tha Ná).

Tương truyền rằng: Kể từ ngày xuất gia về sau, Trưởng lão đi đâu cũng có một hình bóng người phụ nữ đi theo sau lưng cả. Chính Trưởng lão thì không thấy bóng phụ nữ ấy, nhưng đại chúng đều thấy.

Khi Trưởng lão vào làng khất thực, mọi người để bát một phần ăn xong, lại đặt thêm một phần nữa, nói rằng: "Bạch Ngài, đây là phần của Ngài, và đây là phần của cô bạn Ngài".

Thử hỏi: Trưởng lão đã tạo nghiệp gì trong quá khứ?

Đức Bổn Sư đã giải rằng:

Trong thời của Đức Phật Kassapa (Ca Diếp), có hai vị Tỳ khưu hết sức hòa thuận cùng nhau, chẳng khác nào hai anh em ruột cùng một mẹ sanh đôi. Suốt thời gian trường thọ của Đức Cổ Phật, cứ đúng một năm hoặc sáu tháng chư Tăng lại nhóm họp một lần để làm lễ Phát lồ (Sám hối chung). Bởi thế, hai vị rủ nhau: "Chúng ta đi về chùa dự lễ Phát lồ", rồi từ chỗ ngụ ra đi.

Một vị chư thiên mới sanh lên cõi trời Đao Lợi nhìn xuống thấy hai vị nầy, nghĩ thầm rằng: "Hai Tỳ khưu nầy hòa thuận với nhau quá! Có thể nào ly gián hai ông nầy được chăng?".

Trong lúc vị chư thiên ngu muội nầy đang nghĩ quấy như vậy, thì một trong hai vị Tỳ khưu bảo bạn rằng:

- Nầy đạo hữu hãy đi thủng thẳng, chờ tôi đi đại một chút.

Nghe vậy, vị chư thiên hóa hình thành một phụ nữ đi theo vị Trưởng lão vào trong bụi rậm, đến khi trở ra chỗ trống thì một tay bới lại đầu tóc, một tay vận lại y hạ, đi theo sau lưng vị Trưởng lão mà vị nầy không hay biết.

Trong khi vị nầy đi ra thì vị Tỳ khưu đứng ngoài quay lại nhìn thấy một người nữ đi ra với dáng điệu khả nghi như vậy. Người nầy biết rằng vị Tỳ khưu đã nhìn thấy mình rồi, liền biến mất.

- Nầy đạo hữu! Đạo hữu đứt Giới rồi phải chăng?

- Không bao giờ tôi phá Giới đâu đạo hữu?

- Bây giờ, chính mắt tôi thấy, từ phía sau đạo hữu đi ra một thiếu phụ dáng điệu như vậy, mà đạo hữu còn chối, nói: "Tôi không có như thế hay sao?".

Như bị sét đánh lên đầu, vì bị cáo oan không thể nhẫn nại, bèn cãi lại:

- Đạo hữu đừng phá hại tôi, quả tôi không có như thế mà!

Vị kia cứ nhất quyết:

- Chính mắt tôi trông thấy, tôi tin đạo hữu thế nào được?

Nói rồi, như người bẻ gãy cây gậy, vị ấy bỏ đi tự bảo mình rằng: "Dầu đến chỗ làm lễ Phát lồ, ta cũng sẽ không ngồi sám hối chung với Tỳ khưu nầy".

Vị Tỳ khưu bị tình nghi thanh minh với chư Tăng rằng:

- Bạch các Ngài, tôi không có một chút lỗi nào, dầu nhỏ như hột mè.

Còn vị Tỳ khưu bạn thì vẫn đề quyết: "Chính mắt tôi trông thấy".

Thấy hai vị Tỳ khưu bạn không chịu làm lễ Phát lồ chung, vị chư thiên nghĩ rằng: "Ôi nặng thay là nghiệp của ta tạo!". Vị chư thiên bèn ứng tiếng lên hòa giải:

- Bạch các Ngài, vị Trưởng lão của chúng tôi không đứt Giới, đây chỉ là một việc làm của tôi để thử lòng các Ngài đó thôi. Vậy các Ngài cứ làm lễ Phát lồ chung với vị Trưởng lão đi.

Khi ấy, vị chư thiên đứng giữa hư không nói xuống, làm các Tỳ khưu phát sanh đức tin và làm lễ Phát lồ chung với nhau. Tuy nhiên, vị Tỳ khưu không còn giữ được lòng dịu hòa như trước nữa. Đó là tiền nghiệp của vị chư thiên.

Đến khi mãn tuổi thọ, hai vị Trưởng lão tùy theo phước nghiệp được sanh lên cõi Trời. Còn vị chư thiên bị đọa xuống A Tỳ địa ngục suốt thời gian không có Phật, chịu sự thiêu đốt nơi địa ngục đó cho đến thời Đức Phật hiện tại, được tái sanh làm người trong thành Xá Vệ, đến tuổi trưởng thành xuất gia trong Phật Pháp và được thọ Cụ túc giới. Từ ngày xuất gia về sau, một bóng hình phụ nữ thường xuất hiện lên sau lưng Tỳ khưu nầy. Do đó vị nầy được mệnh danh là Koṇḍadhāna (Kon Đá Tha Ná).

Thấy vị nầy có hiện tượng như vậy, chư Tăng đốc xúi Bá hộ Cấp Cô Độc:

- Nầy Bá hộ, vị nầy phá giới, ông hãy đuổi ra khỏi chùa đi, để vị nầy ở chung với chư Tăng, sẽ mang tiếng xấu hết!

Bá hộ Cấp Cô Độc hỏi:

- Bạch các Ngài, có chuyện gì đây? Đức Bổn Sư không có trong chùa ư?

- Có, ông Bá hộ à!

- Vậy thì bạch các Ngài, Đức Bổn Sư sẽ biết rõ việc nầy!

Các Tỳ khưu đi mách với bà Thiện Chi. Bà cũng từ chối không làm theo lời đề nghị của chư Tăng.

Các Tỳ khưu không được hai vị đại thí chủ chấp thuận lời mình, liền báo lên Đức vua.

- Tâu Đại vương! Tỳ khưu Koṇḍadhāna đi đâu cũng dắt theo một phụ nữ, làm cho tất cả chư Tăng mang tiếng xấu chung, xin Đại vương hãy thắng phục và đuổi vị ấy đi!

- Bạch các Ngài, vị ấy hiện ở đâu?

- Tâu Đại vương, vị ấy ở trong chùa.

- Trong chỗ ngụ nào trong chùa?

- Trong cốc tên đó.

- Nếu vậy, các Ngài hãy đi, Trẫm sẽ cho người bắt vị ấy.

Buổi xế chiều, Đức vua ngự đến chùa, cho binh lính bao vây chỗ ngụ chư Tăng đã chỉ, rồi đi thẳng đến trước cốc của Trưởng lão Koṇḍadhāna.

Nghe tiếng ồn ào, Trưởng lão đi ra khỏi chùa đứng sát trước sân cốc. Đức vua nhìn thấy thấp thoáng bóng một phụ nữ đứng sau lưng Trưởng lão.

Trưởng lão biết có Đức vua ngự đến, bèn leo lên ngồi trên chùa. Đức vua không đảnh lễ Trưởng lão, nhưng đến gần thì không thấy bóng phụ nữ đâu cả. Đức vua nhìn qua cửa lớn, nhìn xuống gầm giường cũng không thấy, bèn nói với Trưởng lão rằng:

- Bạch Ngài, trong chỗ nầy, Trẫm có thấy một phụ nữ, cô ta ở đâu rồi?

- Tâu Đại vương! Bần Tăng không thấy.

- Rõ ràng vừa mới đây Trẫm thấy cô ta đứng sau lưng Trưởng lão mà!

Dầu nghe như vậy, Trưởng lão cũng đáp:

- Tâu Đại vương! Bần Tăng không thấy!

Đức vua nghĩ thầm: "Thế nầy là nghĩa gì?".

Đức vua bèn thỉnh Trưởng lão:

- Bạch Ngài, xin Ngài hoan hỷ đi ra khỏi chỗ nầy xem!

Khi Trưởng lão ra ngoài cốc, đứng trước sân thì có phụ nữ lại đứng sau lưng vị ấy. Đức vua thấy phụ nữ bèn trèo lên nền chùa. Biết Đức vua sắp đến, Trưởng lão bèn ngồi xuống.

Một lần nữa, Đức vua nhìn soát lại khắp mọi nơi mà chẳng thấy gì, bèn hỏi Trưởng lão:

- Cô phụ nữ đâu rồi?

Trưởng lão cũng trả lời như trước.

- Tâu Đại vương, Bần Tăng không trông thấy!

- Bạch Ngài, xin Ngài hãy nói thật, chính Trẫm vừa mới thấy một phụ nữ phía sau lưng Ngài mà!

- Vâng, tâu Đại vương! Mặc dù đại chúng đều nói Bần Tăng đi đâu cũng dắt theo một phụ nữ, nhưng sự thật Bần Tăng chẳng thấy phụ nữ nào cả.

Đức vua suy xét, cho rằng chắc có chuyện gì bí ẩn, bèn nói với Trưởng lão:

- Bạch Ngài, xin Ngài hoan hỷ bước xuống khỏi đây xem!

Khi Trưởng lão bước xuống khỏi nền, đứng trước sân chùa, Đức vua lại thấy hình phụ nữ đứng sau lưng Trưởng lão, nhưng sau khi vị ấy trèo lên nền chùa thì Đức vua lại hết thấy phụ nữ.

Đức vua hỏi Trưởng lão, Trưởng lão lại đáp:

- Bần Tăng không thấy phụ nữ ấy!

Nghe vậy, Đức vua nghĩ: "Việc nầy có chỗ bí ẩn" và để chấm dứt, Đức vua nói với Trưởng lão rằng:

- Bạch Ngài, có bóng phiền não đi theo sau lưng Ngài như vậy, ngoài Trẫm ra chắc không có một ai đặt bát cho Ngài. Vậy xin thỉnh Ngài hãy thường xuyên vào hoàng cung để Trẫm dâng cúng tứ vật dụng.

Sau khi ngỏ lời thỉnh Trưởng lão, Đức vua ra đi. Các Tỳ khưu than phiền với nhau rằng: "Các đạo hữu hãy xem việc làm của nhà vua quấy ác đó. Tưởng đâu nghe lời báo cáo, Đức vua đến đuổi thầy ấy ra khỏi chùa, té ra bây giờ Đức vua lại thỉnh thầy ấy vào cung dâng tứ sự, rồi ra đi".

Chư Tăng cũng nói với Trưởng lão rằng:

- Nầy ông phá giới, bây giờ ông được lên chức Quân sư rồi đấy.

Từ trước không thể nói lời gì nghịch lại chư Tăng, nhưng bây giờ đã có chỗ dựa, vị Trưởng lão liền nói trả lại:

- Các ông phá Giới, các ông làm Quân sư, các ông đem phụ nữ đi theo!

Chư Tăng mang việc nầy trình với Đức Thế Tôn:

- Bạch Ngài, thầy Koṇḍadhāna nghe chúng con nói, thầy mắng trả lại chúng con rằng: "Các ông cũng phá Giới v.v..."

Đức Bổn Sư cho gọi Tỳ khưu ấy đến và hỏi:

- Nầy Tỳ Khưu, nghe nói thầy đã nói như thế có thật chăng?

- Bạch Ngài! Có thật vậy.

- Nầy Tỳ khưu! Tại sao vậy?

- Tại vì các thầy ấy đã nói con.

- Nầy các Tỳ khưu! Tại sao các thầy lại nói với thầy nầy như vậy?

- Bạch Ngài, vì chúng con thấy cô phụ nữ đi theo thầy nầy.

- Các thầy nầy nói vì có thấy phụ nữ đi chung với thầy, còn thầy không thấy phụ nữ đi chung với họ, mà sao lại nói vậy? Trong tiền kiếp, thầy há đã chẳng nương theo tà kiến tội lỗi mà có quả xấu đến kiếp nầy, bây giờ tại sao thầy còn cố chấp tà kiến tội lỗi nữa vậy?

Chư Tỳ khưu cùng nhau bạch hỏi: "Bạch Ngài! Kiếp trước thầy ấy đã làm gì?".

Khi ấy, Đức Bổn Sư bèn đem tiền nghiệp của vị Tỳ khưu nầy kể lại cho chư Tăng nghe, rồi bảo vị nầy rằng:

- Nầy Tỳ khưu, do ác nghiệp nầy mà thầy đã có tướng trạng kỳ quái như vậy, bây giờ thầy lại cố chấp tà kiến như trước nữa hay sao? Chớ nói lời chi trả treo với chư Tăng nữa! Hãy là người câm lặng như chiếc chuông bể miệng, làm như vậy thầy sẽ là người chứng Níp Bàn chẳng sai.

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết pháp và ngâm hai bài kệ nầy:

133. "Māvoca pharusaṃ kañci,
Vuttā paṭivadeyyu taṃ;
Dukkhā hi sārambhakathā,
Paṭidaṇḍā phuseyyu taṃ".

"Chớ nên nói lời thô ác. Khi ngươi dùng lời thô ác nói với người khác, người khác cũng dùng lời thô ác nói với ngươi. Thương thay, những lời nóng giận thô ác chỉ làm cho ngươi đau đớn khó chịu như đao gậy mà thôi!".

134. "Sace neresi attānaṃ
Kaṃso upahato yathā;
Esa pattosi nibbānaṃ,
Sārambho te na vijjati".

Nếu ngươi mặc nhiên như cái đồng la bể, trước những người đem lời thô ác cãi vã đến cho mình, tức là ngươi đã tự tại đi trên con đường Níp Bàn, người kia chẳng làm sao tìm sự tranh cãi với ngươi được nữa".

☸

CHÚ GIẢI:

Kañcī: đừng nói lời thô ác với một người nào cả.

Vuttā: ngươi nói kẻ khác phá Giới thế nào, kẻ ấy cũng nói trả lại ngươi thế ấy.

Sārambhakathā: những lời thô ác để tranh lấn áp chế nhau là khổ.

Paṭidaṇḍā: các thứ hình phạt, nhất là hành phạt thân, người dùng đánh đập kẻ khác như thế nào, thì chính ngươi phải bị chúng rơi lên đầu hành phạt người trả lại.

Sace neresi: nếu ngươi có thể giữ mình yên lặng.

Kaṃso upahato yathā: hãy làm như cái đồng la, cái cồng đã bể miệng, nó không phát ra tiếng được như ngươi đã bảo dùng tay chân hoặc đao trượng mà đánh đập kẻ khác.

Esa patto'si: nếu ngươi có thể giữ mình như thế, pháp Hành được kiện toàn rồi, bây giờ ngươi không dễ duôi, tức là ngươi đã đắc Níp Bàn vậy.

Sārambho te na vijjati: được như thế thì những lời nói qua nói lại của chư Tăng, nói ngươi phá giới và ngươi nói chư Tăng phá giới là những lời thô ác thái quá, không có và sẽ không bao giờ có nữa.

☸

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khưu đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả. Riêng phần Trưởng lão Koṇḍadhāna nhờ huấn từ Đức Bổn Sư ban cho mà đắc quả A La Hán, liền bay lên hư không, nắm lá phiếu đầu tiên.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Bóng người phụ nữ bám sau thầy,
Ai biết là do nghiệp báo gây,
Trong kiếp chư thiên, vì vọng niệm,
Thử xem tình bạn chắc không đây?...
Chẳng Nhẫn để mà trả quả xưa,
Lời qua tiếng lại cứ dây dưa,
Phật khêu nhớ lại nhân tiền kiếp,
Đắc quả Vô sanh, ác khẩu chừa!
Khác nào chuông bể, hết âm vang,
Người giữ tâm yên, chứng Níp Bàn,
Không nói lời thô, không uất hận,
Đâu còn hình phạt, khổ nhân gian.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO KOṆḌADHĀNA

☸

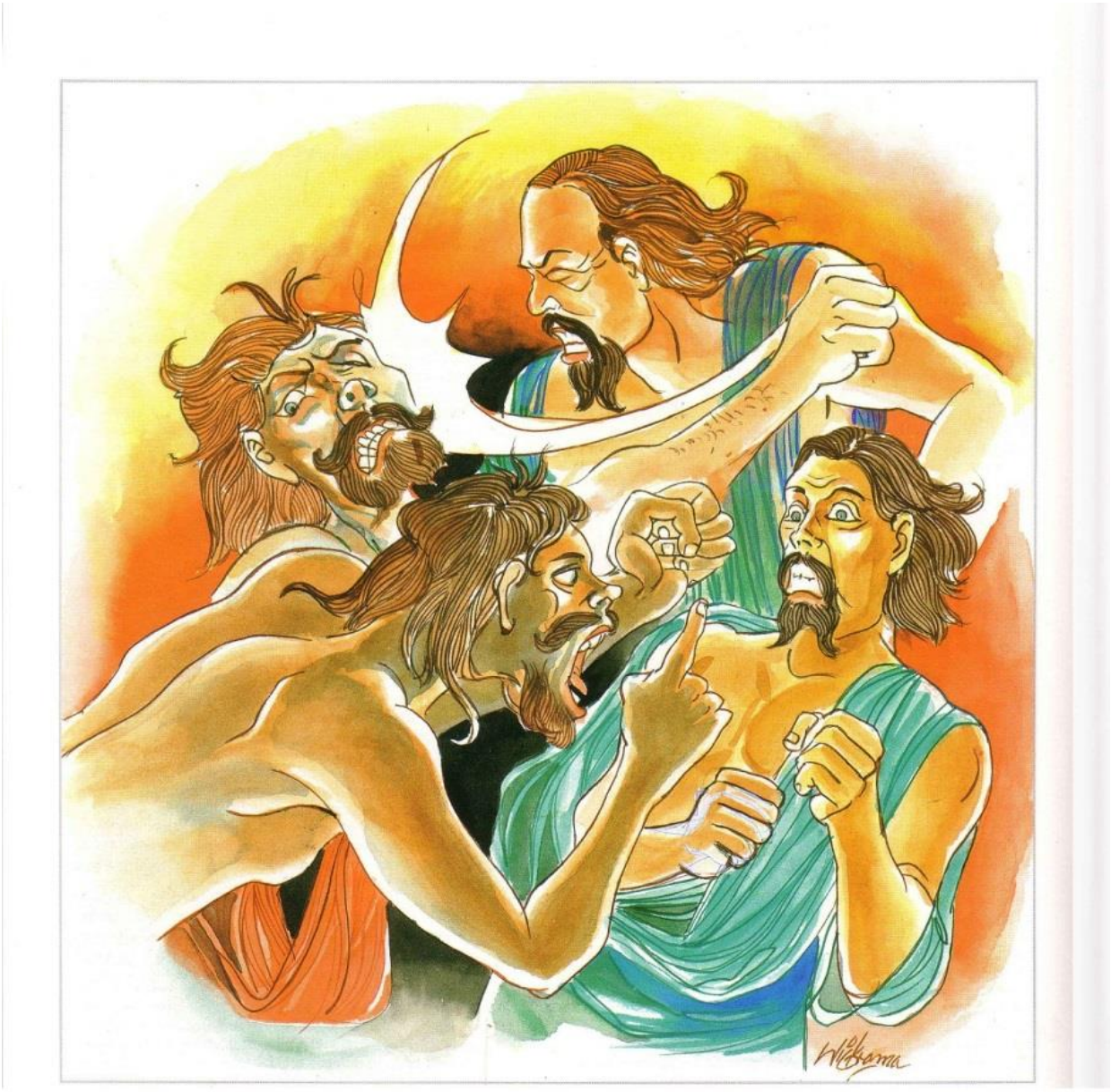

133. Đừng nói lời ác độc gây khổ đau. Những lời ác độc sẽ gặp hành động trả oán.

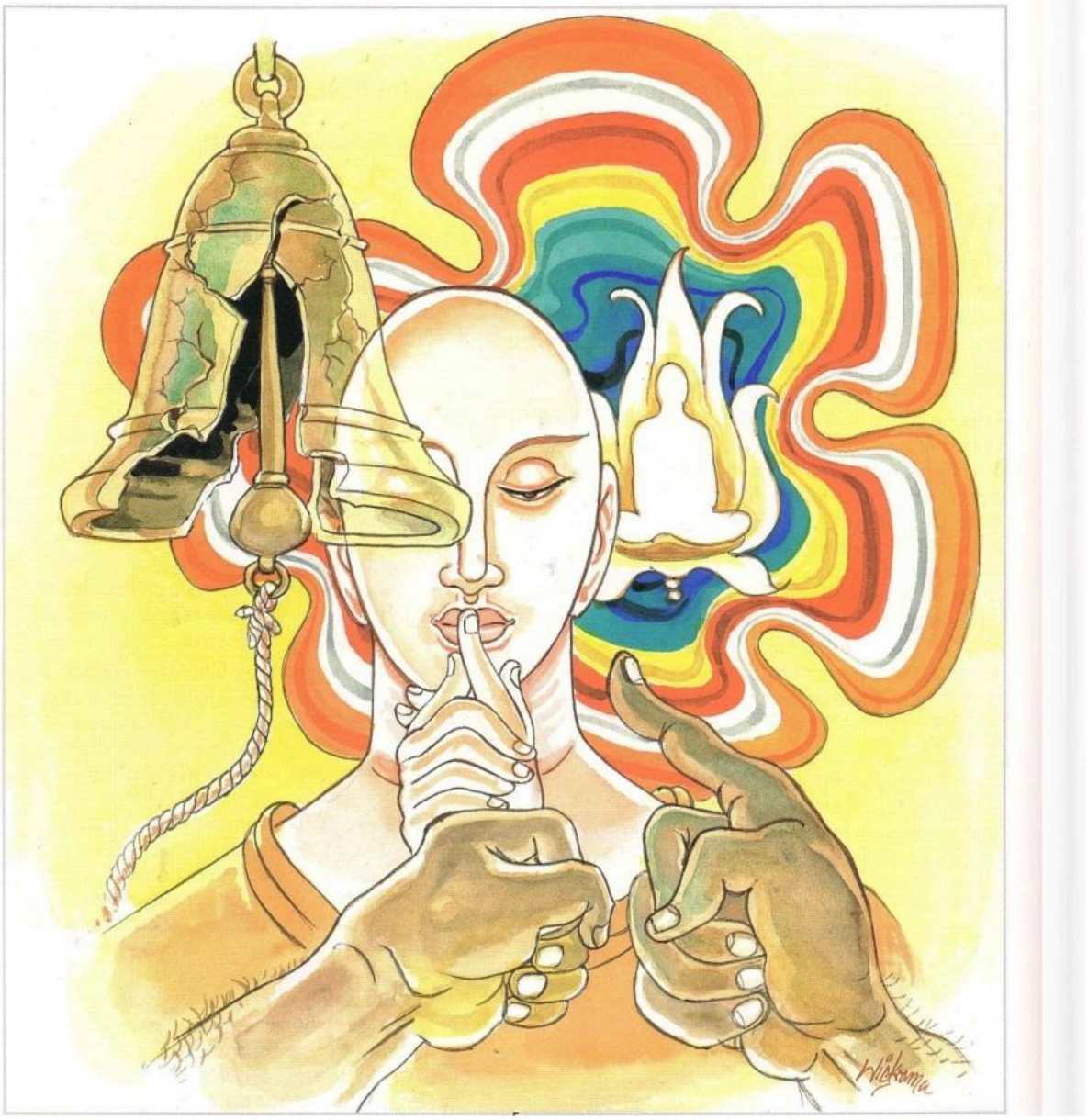

134. Hãy giữ sự an tịnh của mình như cái chuông vỡ. Trong sự yên lặng như vậy, ta đã chứng Niết Bàn.

X.5- Tích BÁT QUAN TRAI CỦA PHỤ NỮ
(Uposathaka-itthīnaṃ vatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 135)

"Yathā daṇḍena gopālo,	***"Với gậy người chăn bò,***
Gāvo pājeti gocaraṃ;	***Lùa bò ra bãi cỏ,***
Evaṃ jarā ca maccu[1] ca,	***Cũng vậy, già và chết,***
Āyuṃ pājenti pāṇinaṃ".	***Lùa người đến mạng chung".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài an ngự tại Pubbārāma (Đông Phương Tự), đề cập đến Giới Bát quan của các Tín nữ, nhất là bà Visākhā (Thiện Chi).

Tương truyền rằng: Trong một ngày Giới Bát quan nọ, năm trăm phụ nữ thọ Giới Bát quan rồi mới đi chùa. Bà Visākhā đến gần các phụ nữ cao niên trong nhóm ấy và hỏi:

- Thưa các bà, các bà giữ Giới Bát quan để làm gì?

Họ đáp: "Nguyện cho tôi được hưởng phước chư thiên".

Bà Visākhā lại hỏi các phụ nữ trung niên, các phụ nữ nầy đáp: "Để thoát khỏi cảnh chồng chung[2]".

Bà Visākhā lại hỏi tiếp các thiếu phụ, các cô đáp: "Để được sanh con trai đầu lòng".

Nghe vậy, bà Visākhā lại hỏi tiếp các thiếu nữ, các cô đáp: "Để sớm được về làm dâu gia đình tử tế".

Sau khi nghe lời nguyện ước của tất cả phụ nữ, bà Visākhā dắt họ đi yết kiến Đức Bổn Sư và tuần tự kể lại những lời họ đã nói cho bà nghe. Nghe xong câu chuyện Đức Bổn Sư dạy rằng:

- Nầy Visākhā! Những chúng sanh hằng bị tứ khổ nhất là sự sanh, như kẻ chăn bò tay cầm gậy lùa đi từ sanh đến lão, từ lão đến bịnh, từ bịnh đến tử, để cho sự tử như búa bén chặt đứt mạng sống. Mặc dầu vậy, họ không nguyện giảm bớt sự sanh bao giờ cả, mà chỉ nguyện tăng thêm luôn luôn.

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết pháp và ngâm lên kệ ngôn rằng:

"Yathā daṇḍena gopālo,
Gāvo pājeti gocaraṃ;
Evaṃ jarā ca maccuca,
Āyuṃ pājenti pāṇinaṃ".

---

[1] Maccū (Theo bản Pāli của CSCD/Dhammagiri, India).

[2] Sapattivāsā: Cảnh sống chung hai vợ một chồng. Ông Burlingame dịch là quyền hạn của chồng "The Power of our husbands".

Như với chiếc gậy, người chăn trâu xua trâu ra đồng, sự già chết cũng thế, thường xua chúng sanh đến tử vong.

☸

CHÚ GIẢI:

Pājeti: Người chăn bò khôn khéo dùng gậy ngăn chặn không cho bầy bò xâm phạm chỗ đất có trồng hoa màu, lùa chúng đi tới chỗ đồng trống có nhiều cỏ và nước uống.

Āyuṃ pājenti: Cắt đứt, làm hao mòn mạng căn. Quả vậy, lão và tử ví như đồng cỏ. Nơi đây, bao giờ sự sanh cũng đưa mạng căn của chúng sanh đến sự già, sự già đưa đến sự bịnh và sự bịnh đưa đến sự chết. Đến mức nầy sự tử vong, như tử thần cầm chiếc búa bén chặt đứt mạng căn. Đây là cách nói ví dụ để đối chiếu.

☸

Cuối thời pháp, nhiều Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả nhất là quả Tu Đà Hườn quả

☸

Dịch giả Cẩn Đề

Năm trăm tín nữ, bạn Visākhā,
Nữ giới Bát quan, nguyện phước gì?
Các cụ già mong: Khi tạ thế,
Lên trời hưởng lộc, sống quang huy!
Các bà đứng tuổi sợ chồng chung:
"Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lùng!"
Thiếu phụ ước sanh trai trưởng tử,
Để làm nữ chủ tại gia trung.
Thiếu nữ thì mơ được tấm chồng,
Con nhà tử tế, khỏi long đong…
Không ai nguyện thoát luân hồi khổ,
Mong khỏi sanh, già, bịnh, tử vong….

DỨT TÍCH BÁT QUAN TRAI CỦA PHỤ NỮ

ଓ☸ଌ



135. Người chăn bò thúc đẩy đàn bò ra đồng cỏ. Cũng vậy, già, chết thúc đẩy mọi loài vật đến mạng chung.

X.6- Tích NGẠ QUỶ MÌNH TRĂN

(Ajagarapetavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 136)

Atha pāpāni kammāni,	***"Người ngu làm điều ác,***
Karaṃ bālo na bujjhati;	***Không ý thức việc làm,***
Sehi kammehi dummedho,	***Do tự nghiệp, người ngu,***
Aggidaḍḍhova tappati".	***Bị nung nấu như lửa".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Trúc Lâm, đề cập đến ngạ quỷ mình Trăn (Ajagara).

Một thuở nọ, trong khi đang đi với Trưởng lão Lakkhaṇa (Lắc Khá Ná) từ núi Kỳ Xà Quật (Gijjhakūṭa) xuống, Trưởng lão Moggallāna (Mục Kiền Liên) đã thấy bằng Thiên nhãn, một con Ngạ quỷ mình trăn dài đến hai mươi lăm do tuần. Từ đầu nó ngọn lửa bốc lên đến đuôi, từ đuôi nó ngọn lửa bốc lên đi đến đầu, từ đầu và đuôi nó hai phía ngọn lửa bốc lên đi vào khoảng giữa mình nó. Trưởng lão thấy vậy mỉm miệng cười, Trưởng lão Lakkhaṇa hỏi về lý do cái cười đó, Trưởng lão đáp: "Nầy đạo hữu, không phải thời giải đáp câu hỏi nầy, chừng nào đến trước Đức Thế Tôn, đạo hữu hãy hỏi lại tôi".

Nói rồi, hai Trưởng lão bước vào thành Sāvatthī (Vương Xá) khất thực. Khi về đến trước Đức Bổn Sư rồi, Trưởng lão Lakkhaṇa liền hỏi lại và Trưởng lão Moggallāna đáp rằng:

- Nầy đạo hữu, lúc ấy tôi đã thấy một Ngạ quỷ, vì thân hình nó kỳ dị tôi chưa từng thấy như thế bao giờ, cho nên tôi mỉm cười.

Đức Bổn Sư xác nhận lời nói của Trưởng lão rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Quả thật các Thinh Văn của Ta đều có Chánh kiến như thế cả.

Rồi Ngài nói tiếp rằng: "Nầy các Tỳ khưu, Ngạ quỷ ấy chính Ta đã từng nhìn thấy sau khi chứng Đạo Quả dưới cội Bồ Đề, nhưng Ta không nói ra vì e rằng những người không tin lời Ta, ắt không được lợi ích. Bây giờ có Moggallāna làm chứng, nên ta mới nói". Chư Tăng hỏi về tiền nghiệp của con Ngạ quỷ ấy, Đức Bổn Sư bèn giải rằng:

Tương truyền: Trong thời Đức Phật Ca Diếp (Kassapa), có Bá hộ tên là Sumaṅgala (Xú Măng Gá Lá) đã lót gạch bằng vàng một khoảng đất rộng hai mươi usabha[(1)], đã xuất ra một số tiền của nhiều như thế nữa để kiến tạo một ngôi chùa và xuất thêm một số tiền tương đương như thế để khánh thành ngôi chùa ấy.

[1] Một Usabha khoảng một trăm bốn mươi cubit, một cubit lối hai mươi ngón tay.

Một hôm, Bá hộ đi viếng Đức Bổn Sư từ sáng sớm, đi đến cổng thành thấy một kẻ trộm nằm trong cái trại (sālā) đầu trùm bằng một chiếc y vàng, hai chân dính đầy bùn, Bá hộ nói rằng:

- Người có chân dính đầy bùn nầy, chắc đã đi rong ban đêm, mới về nằm đây.

Tên trộm giở y chường mặt ra, thấy Bá hộ liền buộc oan trái với ông rằng:

- Rồi đây, ta sẽ tìm cách đối phó với ông.

Anh ta đã lén đốt ruộng và đốt nhà của ông Bá hộ bảy lần nữa. Làm bấy nhiêu chuyện ác để trả thù cũng chưa nguôi giận, tên trộm còn tìm đến làm quen kết bạn với người hầu riêng của Bá hộ, rồi lựa dịp hỏi: "Ông Bá hộ ưa thích cái gì?".

Khi nghe đáp: "Ngoài hương thất ra, ông Bá hộ không còn ưa thích cái gì hơn nữa cả". Nghe vậy, tên trộm quyết tâm: "Ta sẽ đốt rụi hương thất mới hả lòng căm giận của ta".

Chờ khi Đức Phật vào thành khất thực, tên trộm lẻn vào đập bể tan những vò nước uống, nước xài rồi châm lửa đốt hương thất.

Hay tin cấp báo hương thất bị đốt, Bá hộ đến ngay trong lúc lửa còn cháy, nhìn hương thất đang cháy đã không mảy may chút buồn phiền ông còn vỗ tay cười lớn. Khi ấy, dân chúng đứng gần ông ta thấy lạ, liền hỏi:

- Thưa chủ, tại sao ông đã bỏ ra nhiều tiền để tạo hương thất, mà ông lại vỗ tay cười khi nó đang cháy như vậy?

- Nầy bà con! Bao nhiêu công trình của ta làm đó là của chôn trong chỗ đặc biệt là Phật giáo, không có sự tai hại nào, nhất là lửa có thể lấy mất được. Vả lại, ta sẽ có dịp xuất ra một số tiền của như vậy nữa để tái tạo hương thất dâng cúng Đức Bổn Sư, nên ta thỏa thích vỗ tay cười.

Sau khi xuất ra một số tiền của nhiều như trước, cho cất xong hương thất, Bá hộ làm phước Trai Tăng đến Đức Bổn Sư với hai mươi ngàn Tỳ khưu tùy tùng. Thấy Bá hộ làm như thế, tên trộm nghĩ thầm: "Ta mà không giết chết được ông nầy thì ta không thể nào rửa được cái nhục nầy. Ta phải giết ông mới được". Thế rồi, anh ta cột dao găm giấu trong thắt lưng, đi vơ vẩn trong chùa suốt cả bảy ngày mà không gặp được cơ hội thuận tiện.

Riêng ông Đại Bá hộ, sau bảy ngày Trai Tăng đến Tăng chúng có Đức Phật dẫn đầu, mới đảnh lễ Đức Giáo Chủ và nói:

- Nhờ một người đốt ruộng con, chặt chân bò trong chuồng con bảy lần, bây giờ đây cũng nhờ người ấy đốt hương thất con mới có dịp làm phước. Vậy trong cuộc phước thí nầy, phần phước thứ nhất con xin chia cho người ấy.

Nghe ông Bá hộ nói như thế, tên trộm tự nghĩ: "Ôi! Nặng thay là nghiệp của ta đã tạo. Ta đã xúc phạm đến ông như vậy mà ông chẳng có chút gì giận ta, lại còn chia cho ta phần phước thứ nhất trong cuộc thí nầy. Ta là một kẻ phản bội, nếu ta không xin xám hối một người như thế, hình phạt của chư thiên sẽ giáng xuống đầu ta.

Tên trộm đến quỳ mọp trước chân ông Bá hộ và nói:

- Thưa ông chủ, xin ông chủ xá tội cho con.

- Việc chi đây?

Nghe vậy, tên trộm đáp:

- Thưa chủ, bao nhiêu việc ông vừa kể ra đó, chính con đã làm. Xin ông hãy tha tội ấy cho con.

Ông Bá hộ hỏi lại tên trộm về tất cả mọi hành vi của anh ta: "Bao nhiêu việc nầy việc nọ chính con đã làm ra cho ta phải không?"

- Thưa phải, chính con đã làm.

Nghe vậy, Bá hộ hỏi:

- Con chưa từng gặp ta, tại sao lại căm thù ta mà làm như vậy?

Tên trộm bèn nhắc lại mấy lời ông đã nói, ngày mà ông Bá hộ đi ra cổng thành, thấy anh ta nằm ngủ, rồi nói tiếp rằng:

- Vì lẽ đó mà con đã giận ghét ông chủ.

Ông Bá hộ nhớ lại mình đã có mấy lời ấy, bèn nhận lỗi: "Ồ, ta có nói như vậy, thôi con hãy miễn lỗi cho ta".

Xin lỗi tên trộm xong rồi, ông nói:

- Thôi con hãy đứng dậy, ta tha tội cho con, con hãy đi đi.

- Thưa ông chủ, nếu ông chủ đã tha tội cho con, xin ông chủ nhận cho con đưa cả vợ con đến làm tôi tớ trong nhà ông chủ.

- À, bấy nhiêu việc con làm đối với ta, là đã dứt khoát rồi. Ta không thể bàn đến chuyện ở chung trong một nhà. Con không có phận sự chi ở trong nhà ta cả. Ta tha tội cho con, thôi con hãy đi.

Vì tạo nghiệp ấy, khi hết tuổi thọ, tên trộm bị sa xuống địa ngục A Tỳ, bị thiêu đốt rất lâu nơi đó. Do quả dư sót, bây giờ tái sanh làm Ngạ quỷ mình trăn ở trên đỉnh núi Gijjhakūṭa, hằng bị lửa thiêu đốt.

Sau khi giải rõ tiền nghiệp của Ngạ quỉ đó, Đức Bổn Sư dạy rằng:

- Nầy các Tỳ khưu, hạng người ngu khi làm các nghiệp ác thì không tự biết, nhưng về sau chính những nghiệp của họ đã tạo thiêu đốt họ, chẳng khác nào lửa rừng tự nhiên bốc cháy lấy mình vậy.

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết pháp và ngâm kệ rằng:

Atha pāpāni kammāni,
Karaṃ bālo na bujjhati;
Sehi kammehi dummedho,
Aggidaḍḍhova tappati".

Kẻ ngu tạo các ác nghiệp vẫn không tự biết có quả báo gì chăng? Người ngu tự tạo ra nghiệp để chịu khổ, chẳng khác nào tự lấy lửa đốt mình.

☸

CHÚ GIẢI:

Atha pāpāni: Không phải hoàn toàn do sân hận mà người ngu làm việc ác, chính trong lúc làm ác họ cũng không biết mình tạo ác nghiệp. Không có người nào trong lúc làm ác mà không biết "Ta làm ác". Đây chỉ nói là người làm ác không biết đến hậu quả của cái nghiệp nầy sẽ thế nào thôi.

Sehi: Do những nghiệp là của riêng họ.

Dummedho: Người vô trí bị sa Địa ngục, bị lửa thiêu đốt.

Cuối thời pháp, nhiều Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả nhất là quả Tu Đà Hườn quả

☸

Dịch giả Cẩn Đề

Vì câu nói trống bị căm thù,
Bá hộ không hờn giận kẻ ngu,
Đốt ruộng, đốt nhà, mong báo oán,
Đốt luôn hương thất bậc chân tu.
Lại đem hồi hướng phước đầu tiên,
Cho kẻ giúp mình tạo phước duyên,
Rốt cuộc kẻ gian ra sám hối,
Dứt ngay oan trái kiếp hiện tiền.
Kẻ trộm về sau đọa A Tỳ,
Rồi làm ngạ quỷ, bởi ngu si
Không lường hậu quả hành vi ác,
Thậm thượt mình tran, kéo lết đi.

DỨT TÍCH NGẠ QUỈ MÌNH TRĂN



136. Người làm ác không biết hậu quả về sau sẽ phải chịu khổ đau vì ác nghiệp của mình.

X.7- Tích TRƯỞNG LÃO MỤC KIỀN LIÊN NÍP BÀN[1]

(Mahāmoggallānattheravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 137 – 138 – 139 140)

137. "Yo daṇḍena adaṇḍesu,	***"Dùng trượng phạt không trượng,***
Appaduṭṭhesu dussati;	***Làm ác người không ác,***
Dasannamaññataraṃ ṭhānaṃ,	***Trong mười loại khổ đau,***
Khippameva nigacchati".	***Chịu gấp một loại khổ".***
138. "Vedanaṃ pharusaṃ jāniṃ,	***"Hoặc khổ thọ khốc liệt,***
Sarīrassa ca bhedanaṃ;	***Thân thể bị thương vong,***
Garukaṃ vāpi ābādhaṃ,	***Hoặc thọ bệnh kịch liệt,***
Cittakkhepaṃ va pāpuṇe".	***Hay loạn ý tán tâm".***
139. "Rājato vā upasaggaṃ,	***"Hoặc tai họa từ vua,***
Abbhakkhānaṃ va dāruṇaṃ;	***Hay bị vu trọng tội,***
Parikkhayaṃ va ñātīnaṃ,	***Bà con phải ly tán,***
Bhogānaṃ va pabhaṅgunaṃ".	***Tài sản bị nát tan".***
140. "Atha vāssa agārāni,	***"Hoặc phòng ốc nhà cửa,***
Aggi ḍahati pāvako;	***Bị hỏa tai thiêu đốt,***
Kāyassa bhedā duppañño,	***Khi thân hoại mạng chung,***
Nirayaṃ so upapajjati".	***Ác tuệ sanh Địa ngục".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Trúc Lâm, đề cập đến Trưởng lão Mahā Moggallāna (Ma Ha Mục Kiền Liên). Một thuở nọ, các tu sĩ ngoại đạo họp bàn luận với nhau, có người hỏi: "Nầy các đạo hữu có biết vì lẽ gì mà Sa môn Cồ Đàm được nhiều lễ lộc, còn chúng ta lại mất hết chăng?".

- Chúng tôi không biết, đạo hữu biết phải không?

- Vâng, chúng tôi biết. Đó là một người tên là Mahā Moggallāna. Ông lên cõi Trời hỏi về phước nghiệp của chư thiên rồi về cõi nhân gian thuyết giảng rằng: "Ai làm như vầy, ắt sẽ được phước báu như vậy", ông lại xuống Địa ngục hỏi về tội nghiệp của các chúng sanh dưới đó, rồi về cõi nhân gian thuyết giảng rằng: "Ai làm như vầy, ắt sẽ bị tội khổ như vậy đó". Mọi người nghe pháp ông ta thuyết mới mang đến dâng cúng rất nhiều lễ lộc. Nếu chúng ta có thể giết chết được ông ta thì phần lễ lộc của ông ta sẽ trở về với chúng ta.

Sau khi thảo luận tìm ra một giải pháp, tất cả nhóm ngoại đạo đều đồng ý rằng: "Dầu bằng cách nào chúng ta cũng phải giết chết ông ta". Thế rồi họ xúi tín đồ của họ

[1] Truyện tích nầy hầu hết giống với phần nhập đề Bổn sanh Jātaka 125-126 trang 552. Nhưng có chỗ khác biệt quan trọng với Jātaka là: Trưởng lão Moggallāna bay lên không trung, thoát khỏi tay bọn cướp sáu lần, và trong tiền kiếp thay vì giết chết song thân, Trưởng lão đã hối hận ăn năn vào giờ phút chót.

phải đóng góp một ngàn đồng vàng, cho gọi những tên trộm cướp quen thói cướp của giết người đến mướn chúng với giá một ngàn đồng đó:

- Ông Mahā Moggallāna hiện tại ở Hắc Nham (Kāḷasilāya) các anh hãy đến đó, giết chết ông ta đi.

Bọn cướp vì tham của liền chấp nhận: "Chúng tôi sẽ giết ông Trưởng lão đó".

Chúng liền đến bao vây đạo trường nơi chỗ ngụ của Trưởng lão.

Biết bọn cướp bao vây quanh cốc, Trưởng lão thoát ra theo lỗ khóa mà bay đi mất.

Ngày ấy không gặp Trưởng lão, qua ngày sau, bọn cướp lại đến bao vây cốc Trưởng lão nữa.

Trưởng lão biết vậy, bèn trổ nóc nhà, bay đi.

Cứ thế hết một tháng đầu, rồi hết một tháng giữa nữa mà bọn cướp chưa có thể bắt được Trưởng lão. Đến tháng cuối là quả tiền nghiệp đã chín muồi, không thể né tránh, Trưởng lão biết vậy nên không lánh mặt nữa.

Bọn cướp đến bắt Trưởng lão, đập xương Trưởng lão nát như tấm cám. Khi thấy Trưởng lão đã chết, chúng vứt xác Trưởng lão vào sau một bụi cây rậm rồi bỏ đi. Trưởng lão nghĩ: "Ta phải yết kiến Đức Bổn Sư rồi Níp Bàn", nên dùng Thiền định hoàn xác lại như còn sống, bay về chỗ Đức Thế Tôn đang ngự, đảnh lễ Ngài rồi bạch rằng:

- Bạch Ngài, con sẽ Níp bàn!

- Nầy Moggallāna! Thầy sẽ Níp bàn ư?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Thầy Níp bàn tại đâu?

- Bạch Ngài, tại xứ Hắc Nham.

- Nếu vậy, nầy Moggallāna, thầy hãy thuyết pháp của Ta trước khi Níp bàn. Bậc Thượng Thinh Văn của Ta mà được như thầy, bây giờ Như Lai không còn trông thấy nữa.

- Bạch Ngài! Con sẽ làm như vậy!

Trưởng lão đảnh lễ Đức Bổn Sư rồi bay lên hư không thuyết lên Pháp thoại. Đến ngày Ngài Đại Níp Bàn cũng giống như Trưởng lão Sāriputta (Xá Lợi Phất), Trưởng lão dùng thần thông sắp xếp mọi công việc, thuyết pháp xong, Trưởng lão đảnh lễ Đức Thế Tôn đi trở về rừng trong xứ Hắc Nham mà Vô Dư Níp Bàn.

Tin trưởng lão bị bọn cướp ám sát được khẩu truyền đi khắp cõi Diêm Phú Đề. Đức vua A Xà Thế ra lịnh cho mật thám truy lùng bọn cướp sát nhân. Trong bọn chúng có những đứa đang nhậu rượu trong quán rượu, khi say sưa tên này thoi vào lưng tên kia ngã xuống. Tên bị đánh đứng lên sừng sộ nói:

- Đồ mất dạy, tại sao mầy đấm vào lưng tao?

- Đồ ác ôn hèn mạt, có phải mầy đã ra tay đánh đập Trưởng lão Mahā Moggallāna trước nhất đâu?

- Vậy chớ mầy không biết chính tay tao đã hạ sát ông ta à!

- Nhờ nghe các tên đồng đảng tranh nhau tự xưng là thủ phạm, các mật thám tóm hết tất cả bọn cướp về phục lịnh Đức vua.

Đức vua cho giải bọn cướp tới và phán hỏi:

- Phải chúng bây đã ám sát Trưởng lão chăng?

- Tâu Đại vương, phải.

- Ai xúi biểu chúng bây?

- Tâu Đại vương, các Sa môn lõa thể.

Đức vua truyền lịnh bắt luôn cả trăm Sa môn đạo lõa thể chôn chung với năm trăm tên cướp trước sân chầu dưới những hố cá nhân tới rún, bên trên phủ rơm kín rồi châm lửa đốt. Khi biết các tội nhân đã bị thiêu. Đức vua lại sai lấy cày sắt cày qua cày lại cho nát thây họ ra từng mảnh lớn có, nhỏ có. Đức vua đã ủy thác việc nầy cho bốn tên cướp thi hành.

Các Tỳ khưu câu hội trong giảng đường đề khởi chuyện rằng:

- Than ôi! Trưởng lão Mahā Moggallāna tự mình đã chịu một cái chết không xứng đáng.

Đức Bổn Sư đến hỏi: "Nầy các Tỳ khưu, hôm nay các thầy ngồi đây luận bàn về chuyện gì?".

- Bạch Ngài, chuyện nầy…

Nghe vậy, Đức Bổn Sư giải thích rằng:

- Nầy Tỳ khưu, trong kiếp nầy, Moggallāna đã chết một cách không xứng đáng như vậy là do tiền nghiệp của Thầy đã tạo trong quá khứ, khiến cho người chết một cách không xứng đáng.

- Bạch Ngài, kiếp trước Trưởng lão đã tạo nghiệp gì?

Đức Bổn Sư thuật lại tích xưa rằng:

Tương truyền: Thời quá khứ, có một thanh niên con nhà gia giáo, cư ngụ trong thành Bārāṇasī (Ba La Nại), hằng ngày chăm lo phụng dưỡng cha mẹ, nhất là giã gạo nấu cơm…

Một hôm, cha mẹ bảo cậu rằng:

- Con à, một mình con mà làm hai công việc, vừa làm việc nhà, vừa làm việc ở rừng thì mệt nhọc lắm, để cha mẹ cưới vợ cho con!

Thanh niên từ chối, đáp rằng:

- Thưa cha mẹ, con thấy con không cần có đôi bạn. Hễ cha mẹ còn sống đến chừng nào, thì con sẽ ở vậy, tự tay con săn sóc phụng dưỡng cha mẹ.

Hai ông bà theo nói mãi và cưới một cô gái đem về làm dâu. Mấy ngày đầu, cô dâu hầu hạ cha mẹ chồng đàng hoàng tử tế. Sau đó, cô không muốn gặp ông bà nữa, bèn than thở với chồng:

- Em không thể sống chung một nhà với cha mẹ của anh được.

Thấy chồng gác bỏ lời nói của mình, cô chờ chồng đi vắng, lấy thứ (chỉ) gai quét với bột cháo trây trét đầy nhà.

Chồng về hỏi: "Cái gì đây?".

- Hai ông bà lú lẫn đã làm chuyện đó, cứ đi lang thang trây trét làm dơ cả nhà. Em không thể nào ở chung với hai ông bà được nữa!

Nghe vợ cứ lặp đi lặp lại mãi như thế, một chúng sanh dầu bổ túc rất đầy đủ Pháp Thập Độ (Ba La Mật – Pāramī) như thế cũng trở lòng đoạn tuyệt tình thân phụ mẫu. Thanh niên nói:

- Anh sẽ có cách đối xử với ông bà!

Sau khi hầu cơm cha mẹ, thanh niên nói dối với ông bà cụ rằng:

- Thưa cha mẹ, những thân quyến của cha mẹ ở xứ đó, mời cha mẹ đến chơi, chúng ta sẽ đi đến nơi đó!

Đỡ cha mẹ lên một cỗ xe nhỏ, thanh niên đánh xe đưa ông bà đi, khi đến giữa khu rừng rậm, thanh niên lại gạt cha mẹ rằng:

- Xin cha mẹ hãy cầm cương cho bò đi thủng thẳng, chỗ nầy có bọn cướp ở, để con xuống đi bộ.

Trao dây cương qua tay cha rồi, thanh niên xuống xe đi bộ một đỗi, quay lại đổi giọng nói giả làm tiếng la của bọn cướp. Ông bà mù nghe tiếng la tưởng thật là bọn cướp xông ra đón đường, bèn bảo con rằng:

- Con ơi! Cha mẹ già rồi, con hãy lo tự vệ lấy mình con!

Dầu nghe cha mẹ la lớn như vậy, nhưng thanh niên vẫn giả làm bọn cướp hét lại và đánh chết hai ông bà, vứt xác giữa rừng rồi bỏ ra về.

Đức Bổn Sư chấm dứt câu chuyện về tiền nghiệp của Trưởng lão Moggallāna, rồi giảng tiếp: "Nầy các Tỳ khưu, sau khi tạo bấy nhiêu nghiệp, Moggallāna đã bị thiêu đốt vô số trăm ngàn năm dưới địa ngục, rồi do quả dư sót sanh lên làm người còn bị giết chết và đập nát thây như vậy hàng trăm kiếp. Thế thì Moggallāna sở dĩ chết như vậy là do tiền nghiệp của mình mà thôi. Còn năm trăm tên cướp và năm trăm tu sĩ ngoại đạo đã hại đến bậc Vô hại là con trai Như Lai, nên mới chịu chết một cách không thuận an như thế. Quả thật, kẻ làm hại người vô hại tất phải gặp một trong mười điều bất hạnh, tai họa chẳng sai!

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết pháp và kết thúc bằng kệ rằng:

137. "Yo daṇḍena adaṇḍesu,
Appaduṭṭhesu dussati;
Dasannamaññataraṃ ṭhānaṃ,
Khippameva nigacchati".

138. “Vedanaṃ pharusaṃ jāniṃ,
Sarīrassa ca bhedanaṃ;
Garukaṃ vāpi ābādhaṃ,
Cittakkhepaṃ va pāpuṇe”.

139. “Rājato vā upasaggaṃ,
Abbhakkhānaṃ va dāruṇaṃ;
Parikkhayaṃ va ñātīnaṃ,
Bhogānaṃ va pabhaṅgunaṃ”.

140. “Atha vāssa agārāni,
Aggi ḍahati pāvako;
Kāyassa bhedā duppañño,
Nirayaṃ so upapajjati”.

Nếu lấy đao gậy hại người toàn thiện, toàn nhân[1] lập tức kẻ kia phải thọ lấy đau khổ trong mười điều nầy: tiền tài bị tiêu mất, thân thể bị bại hoại, hoặc bị trọng bịnh bức bách, hoặc bị tán tâm loạn ý, hoặc bị vua quan áp bách, hoặc bị vu trọng tội, hoặc bị quyến thuộc ly tán, hoặc bị tài sản tan nát, hoặc phòng ốc nhà cửa bị giặc thiêu đốt và sau khi chết bị đọa vào Địa ngục.

☸

CHÚ GIẢI:

Adaṇḍesu: những bậc Vô Lậu đã xa lìa những việc làm hại, nhất là những hình phạt thân xác (Kāyadaṇḍādivirahitesu).

Appaduṭṭhesu: những người vô hại là không tự hại mình hoặc người khác.

Dasannamaññataraṃ ṭhānaṃ: một trong mười hai nguyên do gây ra sự khổ não.

Vedanaṃ: cảm thọ khốc liệt như bịnh nhức đầu.

Jāniṃ: sự mất mát của cải đã kiếm được một cách hết sức khó khăn.

Bhedanaṃ: thân thể bị phân tách, như bị chặt tay chẳng hạn.

Garukaṃ: thọ bịnh trầm trọng đến nỗi què chân, chột mắt, bại liệt, tật nguyền, cùi phong, lở lói chẳng hạn.

Cittakkhepaṃ: mất trí, điên cuồng.

Upasaggaṃ: sự nguy hiểm từ Đức vua chẳng hạn, như bị tước hết danh giá, cách chức tướng lãnh…

Abbhakkhānaṃ: sự vu cáo tội dữ dằn như người chưa thấy, chưa nghe, chưa nghĩ gì cả mà bị vu cáo là phạm tội đào tường, khoét vách, phạm tội đối với nhà vua v.v.

Parikkhayaṃ va ñātīnaṃ: sự mất những người thân thuộc mà mình có thể nương cậy.

Pabhaṅgunaṃ: sự tan vỡ, sự thối nát. Như trong nhà người ấy có lúa thì lúa bị thối nát, có vàng thì vàng bị biến thành than, có trân châu thì trân châu trở thành hột bông gòn, những đồng tiền vàng (Kahāpaṇā) hóa ra những mảnh chén vụn giá đáng hai đến bốn đồng bạt (Pāda).

[1] Chỉ vị A La Hán hết sạch mọi lậu hoặc

Aggi ḍahati: cứ hằng năm bị hỏa hoạn hai, ba lần ở một nơi nào đó. Bằng không thì bị lửa thiên lôi giáng xuống, hoặc tự mình gây nên hỏa hoạn.

Nirayaṃ: trong kiếp hiện tại bị một trong mười điều khổ nầy rồi, qua những kiếp sau, mỗi kiếp còn phải chịu khổ thêm nữa, nên mới nói là sanh ở địa ngục.

Cuối thời pháp, nhiều Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả nhất là quả Tu Đà Hườn quả

☸

Dịch giả Cẩn Đề

Ngoại đạo xuất ra số lớn tiền,
Mướn người theo giết Mục Kiền Liên,
Quả muồi, Trưởng lão cam lòng chịu,
Để cướp bằm mình trả nghiệp duyên.
Vì xưa lỡ giết mẹ cha già,
Nghe vợ thành gây nghiệp xấu xa!
Nay có Thần thông hoàn xác cũ,
Bay về cáo biệt Đức Phật Đà.
Giết người vô tội, bậc Vô sanh,
Nghiệp sát trổ liền quả rất nhanh!
Bọn cướp chết chùm cùng ngoại đạo,
Lửa hồng thiêu xác rã từng manh.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO MỤC KIỀN LIÊN NÍP BÀN

ଓ☸ଌ



137. Kẻ làm hại người vô hại về sau sẽ rơi vào một trong mười khổ cảnh, đọa xứ.



138. Kẻ làm ác phải chịu khổ đau khốc liệt, thân mạng hoại vong, bệnh tật hay tán loạn tâm trí.

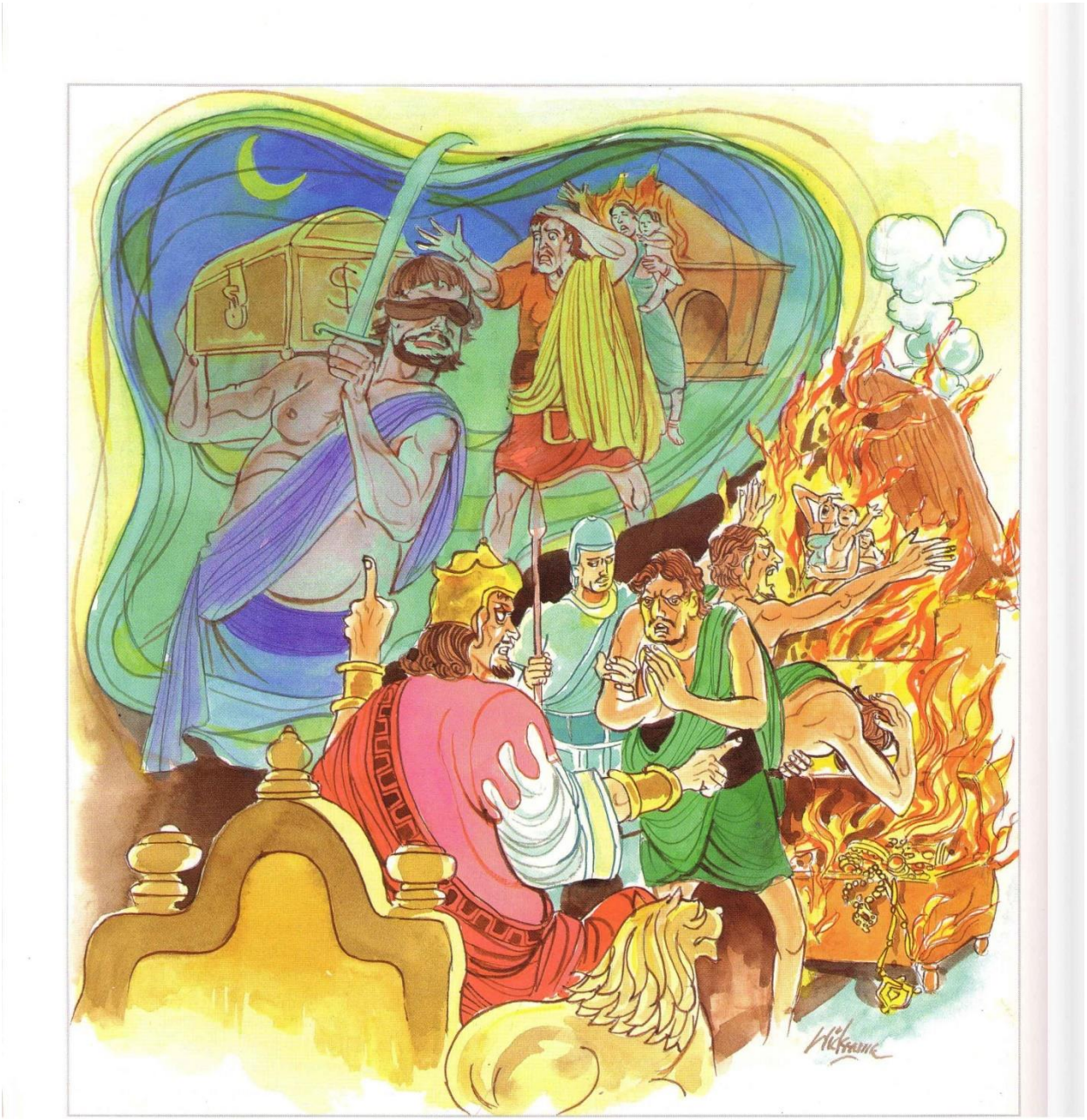

139. Kẻ làm ác thường bị vua chúa từ bỏ, kết án nặng nề, mất hết tài sản và quyến thuộc.



140. Lửa thiêu đốt mọi nơi cư trú của kẻ làm ác. Kẻ ác phải tái sanh địa ngục đời sau.

X.8- Tích TỲ KHƯU NHIỀU VẬT DỤNG

(Bahubhaṇḍikabhikkhuvatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 141)

"Na naggacariyā na jaṭā na paṅkā,	***"Không phải sống lõa thể,***
Nānāsakā taṇḍilasāyikā vā;	***Bện tóc, tro trét mình,***
Rajo jallaṃ ukkuṭikappadhānaṃ,	***Tuyệt thực, lăn trên đất,***
Sodhenti maccaṃ avitiṇṇa-kaṅkhaṃ".	***Sống nhớp, siêng ngồi xổm,***
	Làm con người được sạch,
	Nếu không trừ nghi hoặc".

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên tự), đề cập đến vị Tỳ khưu có nhiều vật dụng.

Tương truyền rằng: Một phú trưởng giả cư ngụ trong thành Xá Vệ, sau khi vợ chết bèn đi xuất gia. Khi sắp xuất gia, vị ấy cất chỗ ngụ riêng, cùng với nhà khói (Aggisālā), nhà kho rồi cho chất đầy nhà kho tất cả các thứ thuốc ngừa bệnh (Bhesajja) nhất là bơ trong, dầu.v.v.

Sau khi xuất gia, vị ấy cho gọi những đầy tớ của mình đến nấu các món ăn theo sở thích rồi độ. Vị ấy có nhiều vật dụng, có nhiều đồ đạc, ban đêm mặc y nội và khoác y khác, ban ngày mặc y nội và khoác y khác và ở cách biệt trong ranh của chùa.

Một hôm khi vị ấy đem các y phục của mình trãi ra phơi nắng, các Tỳ khưu đi ta bà từ tịnh thất nầy sang tịnh thất khác, đến thấy vậy, bèn hỏi:

- Những y phục nầy của ai vậy đạo hữu?

- Của tôi đó.

Nghe vậy các Tỳ khưu trách:

- Nầy đạo hữu, Đức Thế Tôn chỉ cho phép có tam y, đạo hữu đã xuất gia trong Giáo Pháp Đức Phật, có hạnh tri túc, thiểu dục như thế, đạo hữu lại là người có nhiều vật dụng như vậy sao?

Chư Tăng liền đưa vị ấy đến Đức Bổn Sư và báo lại rằng:

- Bạch Ngài, Tỳ khưu nầy là người có quá nhiều vật dụng.

Đức Bổn Sư hỏi rằng: "Nầy Tỳ khưu, lời nói về thầy như thế có đúng chăng?".

- Bạch Ngài! Đúng như vậy.

Đức Bổn Sư quở trách rằng:

- Nầy Tỳ khưu, tại sao Ta đã thuyết giảng về pháp thiểu dục mà thầy còn làm người có nhiều vật dụng như thế?

Chỉ nghe bấy nhiều lời, vị ấy nổi giận đáp rằng:

- Ngay bây giờ, tôi sẽ cởi bỏ đồ mà đi ngay đây.

Vị ấy cởi bỏ vứt y choàng ngoài, chỉ còn mặc một lá y nội, đứng giữa hội chúng. Khi ấy, Đức Bổn Sư nói lời xây dựng phấn khích vị ấy rằng:

- Nầy Tỳ khưu! Trước kia thầy há chẳng phải là người đi tìm Tàm Quý (Hiri Ottappa) hay sao? Trong thời gian là Thủy thần, thầy đã mải miết tìm Tàm Quý suốt mười hai năm. Tại sao bây giờ xuất gia trong Giáo Pháp của Đức Phật tôn nghiêm như vầy, thầy lại vức bỏ y choàng ngoài giữa Tứ chúng, từ bỏ cả Tàm Quý mà đứng như vậy?

Nghe lời của Đức Bổn Sư, vị ấy lấy lại được Tàm Quý bèn nhặt y đắp lên mình, đảnh lễ Đức Bổn Sư, rồi ngồi xuống một bên.

Các Tỳ khưu muốn biết rõ nghĩa lý của việc nầy, nên yêu cầu Đức Bổn Sư giải thích.

Đức Thế Tôn liên ngồi kể lại chuyện tiền kiếp như sau:

Thuở xưa kia, Đức Bồ Tát tái sanh vào lòng Hoàng hậu của Đức vua đóng đô ở Bārāṇasī (Ba La Nại). Đến ngày lễ đặt tên, Bồ Tát có được tên là Thái tử Đại Cung Nỏ (Mahissāsa). Kế đó, Bồ Tát có được một em trai tên là hoàng tử Nguyệt (Canda). Khi Hoàng hậu, mẹ của hai hoàng tử băng hà, Đức vua phong cho một bà phi khác lên làm Hoàng hậu, bà nầy cũng sanh được một Hoàng nam. Hoàng tử út được đặt tên là Nhật (Suriya). Thấy mặt Hoàng tử út, Đức vua rất hoan hỷ phán rằng:

- Trẫm sẽ ân tứ cho con ái hậu một lời yêu cầu.

Hoàng hậu đáp:

- Tâu Hoàng thượng, thần thiếp sẽ nhận lãnh ân huệ nầy khi nào có ý muốn.

Khi Hoàng tử út đến tuổi trưởng thành, Hoàng hậu tâu Đức vua:

- Tâu Hoàng thượng, khi thần thiếp sanh Hoàng tử út, Hoàng thượng đã chuẩn hứa cho một lời yêu cầu. Vậy, nay xin yêu cầu Hoàng thượng ban vương vị cho con của thần thiếp.

Đức vua từ khước, bảo rằng:

- Hai con trai của Trẫm như hai đốm lửa sáng ngời, Trẫm không thể ban vương vị cho con Hoàng hậu được.

Tuy lời mình bị Vua bác, nhưng Hoàng hậu cứ tiếp tục yêu cầu mãi, thấy vậy, Đức vua nghĩ: "Hoàng hậu có thể làm điều bất lợi đến hai con của Trẫm chăng?". Cho gọi hai Hoàng tử đến, Đức vua phán rằng:

- Nầy hai con, khi Hoàng tử Nhật ra đời, cha có hứa ban cho một ân huệ theo lời yêu cầu. Nay mẫu hậu của Hoàng tử xin cho con mình được vương vị. Trẫm không muốn ân tứ. Tuy nhiên, sợ e Hoàng hậu sẽ mưu hại hai con. Hai con hãy đi lánh mặt ngụ trong rừng, chờ khi Trẫm thăng hà rồi hãy trở về mà kế vị. Nói rồi, Đức vua giục hai con ra đi.

Hai Hoàng tử cáo biệt Vua cha, xuống khỏi đền vua gặp Hoàng tử Nhật đang chơi ở sân ngự, bèn tỏ thật sự tình. Biết rõ nguyên do của cuộc xuất hành, Hoàng tử út cùng theo hai anh ra đi.

Khi đến rừng Tuyết lãnh, Bồ Tát bỏ đại lộ, rẽ vào một con đường mòn đến ngồi dưới một gốc cây rồi bảo Hoàng tử Nhật:

- Hoàng đệ hãy đến cái ao kia tắm rửa và giải khát đi, rồi lấy lá sen bọc nước đem về cho hai anh.

Cái ao nầy có một Thủy thần đã được Thiên Vương Tỳ Sa Môn (Vessanaṇa) cho phép đến trấn giữ, với vương lịnh rằng: "Ngoại trừ người biết Thiên pháp, người được phép ăn thịt tất cả những người khác lội xuống dưới ao nầy". Từ đó về sau, hễ người nào lội xuống ao, Thủy thần hỏi về Thiên pháp mà không biết là nó bắt lấy ăn thịt hết.

Hoàng tử Nhật lội xuống mà không dò xét trước, bị Thủy thần hiện lên chận hỏi:

- Ngươi biết Thiên pháp chăng?

Hoàng tử đáp:

- Thiên pháp đó là mặt trăng và mặt trời.

- Ngươi không biết Thiên pháp.

Rồi bắt lấy Hoàng tử Nhật đem đi an trí tại Thủy cung của mình. Bồ Tát thấy Nhật đi lâu, bèn sai Hoàng tử Nguyệt đi tìm. Hoàng tử cũng bị Thủy thần chận đường hỏi:

- Ngươi có biết Thiên pháp chăng?

Hoàng tử đáp:

- Thiên pháp, đó là bốn hướng.

Thủy thần bắt nhốt luôn Nguyệt dưới Thủy cung.

Thấy hai em đi lâu, Bồ Tát sanh nghi: "Chắc có sự gì tai hại?", liền tự mình đến ao nước, thấy dấu chân hai em đi xuống, biết là ao nầy có Thủy thần trấn giữ, bèn rút gươm ra và cầm sẵn cung tên trên tay đứng chờ.

Thấy Bồ Tát không lội xuống ao, Thủy thần hóa làm một người thợ rừng đi đến nói với Bồ Tát:

- Nầy bạn, bạn đi đường mệt sao không xuống ao nầy tắm rửa, uống nước, ăn củ sen, hái hoa trang điểm rồi hãy đi?

Thấy người thợ rừng, Bồ Tát biết ngay là Thủy thần bèn hỏi:

- Phải ngươi đã bắt hai em của ta chăng?

- Phải, ta bắt!

- Tại sao vậy?

- Ta được quyền bắt những người lội xuống ao nầy.

- Ngươi được quyền bắt tất cả sao?

- Ngoại trừ những người biết Thiên pháp, kỳ dư ta có quyền bắt hết.

- Ngươi có cần biết Thiên pháp chăng?

- Có, ta cần biết.

- Ta sẽ thuyết Thiên pháp.

- Nếu vậy, xin ông thuyết đi.

- Mình ta dơ dáy, Ta không thể thuyết pháp được.

Dạ xoa để Bồ Tát tắm rửa, dâng nước cho Bồ Tát uống, trang điểm cho Bồ Tát, thỉnh Bồ Tát ngồi lên cái bồ đoàn đặt chính giữa một rạp được trang trí đàng hoàng, còn tự mình thì ngồi dưới chân Bồ Tát.

Bồ Tát bảo Dạ Xoa: "Hãy lắng nghe cho kỹ".

Nói rồi, ngâm kệ rằng:

"Hiri ottappasampannā,
Sukkadhammasampannā;
Santo sappurisā loke,
Devadhammāti vuccareti".

"Đầy đủ Tàm và Quý,
Chuyên tâm về Bạch pháp,
An tịnh bậc chân nhân,
Ở đời gọi Thiên pháp".

Dạ Xoa nghe bài pháp nầy phát sanh tâm tịnh tính, nói với Bồ Tát: "Thưa hiền trí, tôi có tâm tịnh tính với Hiền trí! Tôi cho lại Hiền trí một người em, tôi sẽ mang người nào đây?".

- Hãy đem đến đứa em út.

- Thưa Hiền trí, Ngài biết rành Thiên pháp như vậy, mà Ngài lại không hành Thiên pháp?

- Sao vậy?

- Vì Ngài đã phế trưởng lập thứ, Ngài không tôn trọng quyền của người anh!

- Nầy Dạ Xoa, ta biết Thiên pháp và thực hành đúng theo Thiên pháp. Quả vậy, vì đứa em út ấy mà chúng ta vào rừng nầy, lại cũng vì hạnh phúc của nó mà mẹ nó đã xin vương vị nơi cha của chúng ta. Phụ vương chúng ta đã không ban cho nó ân huệ ấy mà còn ra lịnh cho chúng ta đi ở trong rừng, cốt để bảo vệ chúng ta. Hoàng tử út không chịu quay trở lại mà cùng đi với chúng ta. Nếu nghe nói: "Một con Dạ xoa đã ăn thịt nó trong rừng", chắc chắn không một ai tin lời chúng ta, sợ bị chê trách cho nên ta mới bảo ngươi đem nó lại cho ta.

Dạ Xoa càng trong sạch đối với Bồ Tát, nó nói:

- Lành thay, thưa Hiền trí, Ngài biết Thiên pháp và xử sự đúng theo Thiên pháp.

Rồi Dạ Xoa mang cả hai người em trai trao lại cho Bồ Tát. Kế đó, Bồ Tát thuyết pháp giải về những tội lỗi của kiếp sống Dạ Xoa, rồi cho nó thọ trì Ngũ giới. Từ đó, Bồ Tát sống an vui trong rừng ấy, nhờ có Dạ Xoa hộ trì và phục vụ chu đáo, cho đến khi phụ vương thăng hà, dắt cả Dạ Xoa về thành Bārāṇasī, lấy lại vương quốc, phong cho Hoàng đệ Nguyệt là phó vương, đặt hoàng đệ Nhật làm Tổng lãnh binh. Còn đối

với Dạ Xoa, Bồ Tát cho đào một cái ao tạo một địa điểm tốt đẹp, cho nó nhận được lễ lộc vật thực quý báu nhất.

Sau khi thuyết dứt tích nầy, Đức Bổn Sư tổng kết Túc Sanh truyện, cho biết: Thủy thần khi ấy nay là vị Tỳ khưu có nhiều vật dụng, Nhật nay là Ānanda, Nguyệt nay là Sāriputta, Thái Tử Đại Cung Nỏ nay chính là Đấng Như Lai vậy.

Đức Bổn Sư giảng xong tích Bổn sanh rồi dạy rằng:

- Nầy Tỳ khưu, trước kia thầy đã là người đi tìm Thiên pháp như vậy đó, trong mình có đủ cả Tàm Quý. Bây giờ thầy cởi bỏ y choàng giữa Tứ chúng, đứng trước mặt Ta mà nói: "Tôi thiểu dục!" là làm điều không thích hợp. Một vị Sa môn không bao giờ nên cởi bỏ y mà ở trần như thế cả!

Nói rồi, Đức Thế Tôn thuyết pháp, và Ngài ngâm bài kệ rằng:

"Na naggacariyā na jaṭā na paṅkā,
Nānāsakā taṇḍilasāyikā vā;
Rajo jallaṃ[1] ukkuṭikappadhānaṃ,
Sodhenti maccaṃ avitiṇṇakaṅkhaṃ".

Chẳng phải đi chân không[2], chẳng phải để tóc xù, chẳng phải thoa tro đất vào mình, chẳng phải tuyệt thực, chẳng phải nằm trên đất, chẳng phải để thân hình nhớp nhúa, cũng chẳng phải ngồi xổm mà người ta có thể trở nên thanh tịnh, nếu không dứt trừ nghi hoặc.

☸

CHÚ GIẢI:

Nānāsakā (Na anāsakā): không phải là người nhịn ăn, bỏ cơm (tuyệt thực).

Taṇḍilasāyikā: nằm ngủ trên đất.

Rajojallaṃ: bụi dơ, ngoại đạo lõa thể hay lấy bùn thoa khắp mình để cho bụi đóng dơ dáy.

Ukkuṭikappadhānaṃ: Cố ráng sức ngồi chồm hổm, theo một lối đặc biệt để hành hạ xác thân.

Theo cách trên đây, người nào nghĩ rằng: Ta sẽ đạt đến chỗ thanh tịnh, thoát khỏi thế gian hữu hạn, rồi thọ trì tu tập theo bất cứ một cách nào trong các lối khổ hạnh của ngoại đạo, nhất là sống lõa thể, thì người ấy chỉ phát triển toàn diện cái Tà kiến và nhọc nhằn vô ích mà thôi. Không bao giờ những pháp ấy là những pháp lợi ích, nên trọ trì như Bát Chánh Đạo, vì chúng không dứt trừ được hoài nghi, lẽ cố nhiên, không tẩy sạch phiền não được.

☸

Cuối thời pháp, nhiều Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả nhất là quả Tu Đà Hườn quả.

☸

[1] Có bản chép Rajo ca jallaṃ.
[2] Naggacariyā dịch là sống lõa thể (như ngoại đạo) thì đúng hơn (TKPM)

Dịch giả Cẩn Đề

Tỳ khưu Trưởng giả thích tiện nghi,
Vật thực dồi dào, đủ thứ y,
Tăng trách: Sư sao không Thiểu dục?
Phật khuyên thầy giữ Hạnh Xả ly!
Nổi giận, Sư quăng bỏ y ngoài,
Mình trần, đứng nói: "Sẽ đi ngay!".
Phật rằng: "Tàm Quý xưa đâu vậy?".
Sư nhặt y lên, mặc khỏa vai.
Nguyên do kiếp trước trấn ao thần,
Tàm Quý luôn luôn có tại thân,
Nay tự cho mình là Thiểu dục,
Cởi y như thế chỉ vì sân!
Phật dạy: Không dứt trừ hoặc nghi,
Ở truồng, bện tóc, nhịn ăn chi,
Nằm lăn trên đất, hay ngồi xổm,
Chẳng thể thành tâm đến Vô vi.

DỨT TÍCH TỲ KHƯU CÓ NHIỀU VẬT DỤNG

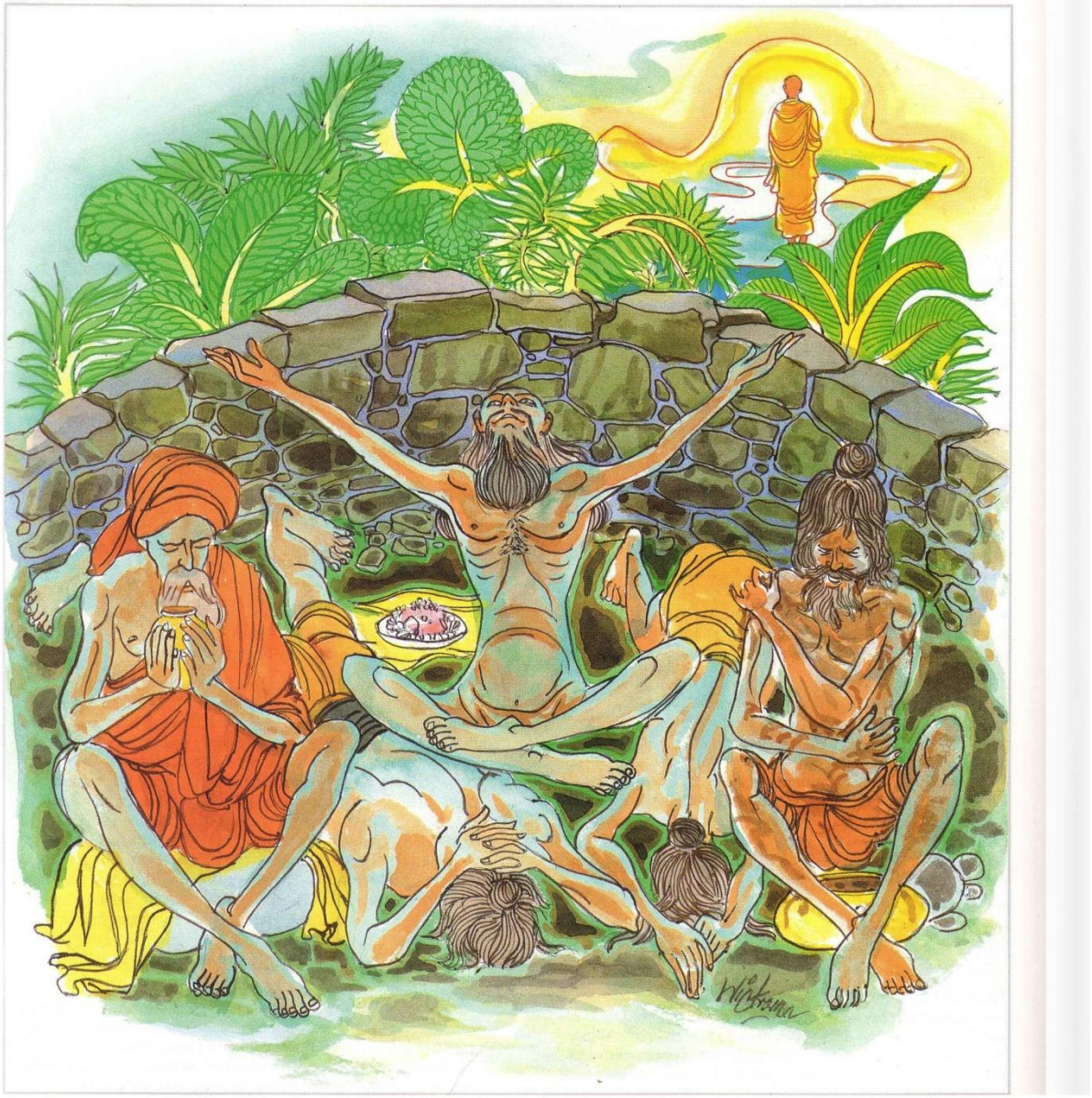

141. Lõa thể, tuyệt thực hay mọi hình thức khổ hạnh đều không thể làm trong sạch một người có tâm đầy nghi hoặc.

X.9- Tích ĐẠI THẦN SAN TÁ TÍ

(Santatimahāmattavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 142)

"Alaṅkato cepi samañ careyya[1],	***"Ai sống tự trang sức,***
Santo danto niyato brahmacārī;	***Nhưng an tịnh, nhiếp phục,***
Sabbesu bhūtesu nidhāya daṇḍaṃ,	***Sống kiên trì, Phạm hạnh,***
So brāhmaṇo so samaṇo sa bhikkhu".	***Không hại mọi sinh linh,***
	Vị ấy là Phạm chí,
	Hay Sa môn, Khất sĩ".

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên tự) đề cập đến quan đại thần Santati (San Tá Tí).

Một thời nọ, quan đại thần nầy trở về kinh đô, sau khi vâng lịnh vua Pasenadi (Ba Tư Nặc) xứ Kosala (Kiều Tát La) đi tiêu trừ phiến loạn và bình định biên cương. Đức vua rất hài lòng, ban cho ông làm Quốc vương trong bảy ngày và thưởng cho ông một cô vũ nữ danh ca tuyệt sắc. Trong bảy ngày, ông ăn uống say sưa. Đến ngày chót, ông đeo tất cả đồ trang sức lên mình, cỡi lên lưng con tượng Báu của Vua đi ra bến tắm, bỗng gặp Đức Bổn Sư vào trong cổng thành khất thực, ông ngồi trên lưng thớt tượng gật đầu vái Ngài, Đức Bổn Sư mỉm cười, Trưởng lão Ānanda hỏi:

- Bạch Ngài, do nhân gì, duyên gì mà Ngài mỉm cười?

Đức Bổn Sư giải thích lý do nụ cười nầy rằng:

- Nầy Ānanda! Hãy để ý xem: Hôm nay, quan đại thần Santati mình đeo tất cả vật trang điểm sẽ đến gặp Ta, rồi nhờ kệ ngôn tứ cú mà đắc quả A La Hán, sẽ ngồi trên không trung cao độ khoảng bảy cây thốt nốt mà Vô Dư Níp Bàn.

Đại chúng đều nghe rõ lời tiên tri của Đức Bổn Sư đã nói với Trưởng lão Ānanda. Lúc bấy giờ, những người Tà kiến nghĩ rằng: "Bà con hãy coi hành động của Sa môn Gotama (Cồ Đàm)! Ông ta tự mình dám mở miệng nói rằng: Hôm nay, một ông say rượu như vậy, trang điểm xuê xang bậc ấy mà đến gần nghe ông ta thuyết pháp rồi sẽ Níp bàn. Hôm nay, chúng ta sẽ khiển trách ông ta về tội nói dối".

Nhóm người Chánh kiến thì bảo nhau: "Ôi to lớn thay là oai thần của Chư Phật! Hôm nay chúng ta sẽ được trông thấy tướng hấp dẫn của Đức Phật và tướng hấp dẫn của quan đại thần Santati".

Quan đại thần Santati cả ngày đùa giỡn nước tại bến tắm, rồi đi đến vườn Ngự Uyển, ngồi trong ngôi nhà đãi khách. Cô vũ nữ bước vào giữa sân khấu để biểu diễn tài nghệ ca vũ của mình. Vì đã nhịn ăn suốt bảy ngày để bảo vệ thân hình duyên dáng của mình để trình diễn, nên ngày ấy khi đang ca vũ cho quan đại thần xem, trong bụng cô, gió độc bén như những dao nhỏ khởi lên, cắt xén thịt của quả tim cô. Bỗng nhiên, cô vũ nữ ngã xuống chết ngay, miệng há hốc, mắt mở trao tráo.

[1] Samā careyya (Theo bản Pāli của CSCD/Dhammagiri. India).

Quan đại thần bảo thủ hạ:

- Hãy xem coi nàng ra sao?

Thủ hạ bèn đáp:

- Thưa chủ, nàng đã tắt thở!

Nghe nói vậy, quan đại thần Santati cảm thấy khổ sầu không thể tả. Mặc dầu đã uống rượu suốt cả bảy ngày, giờ phút ấy rượu tiêu mất hết, hầu như trong đầu ông không còn lấy một giọt.

Ông than rằng: "Mối sầu nầy, không ai khác có thể làm cho ta nguôi ngoai được ngoại trừ Đức Như Lai".

Xế chiều hôm ấy, cùng đoàn quân hộ giá, quan đại thần Santati đến bái yết Đức Bổn Sư và bạch rằng:

- Bạch Ngài, lòng con mang nặng mối sầu dường ấy, chỉ có Ngài có thể giải khổ được cho con mà thôi, nên con đến đây, xin Ngài từ bi làm chỗ nương nhờ cho con!

Đức Bổn Sư khuyên giải quan đại thần rằng:

- Hôm nay ông đến đây vì nghĩ rằng: Đức Bổn Sư có thể dập tắt lửa sầu của ta được. Quả thật, vì phụ nữ nầy, cũng vì cái chết của cô ta mà ông đã đổ bao dòng suối lệ, nếu dồn chúng lại thì còn nhiều hơn nước trong bốn đại trùng dương.

Nói rồi, Đức Bổn Sư ngâm kệ rằng:

"Yaṃ pubbe taṃ visosehi,
Pacchā te māhu kiñcanaṃ;
Majjhe ce no gahessasi,
Upasanto carisasīti".

"Dĩ vãng từ trước quên đi,
Hậu lai chưa đến, can chi mà hòng?
Hiện tại cứ để Tâm không,
Vô cầu, Vô chấp, bền lòng an vui".

Cuối bài kệ, quan đại thần Santati đắc quả A La Hán, tự quán xét thấy tuổi thọ của mình đã hết bèn xin với Đức Bổn Sư:

- Bạch Ngài, xin phép Ngài cho con được Níp Bàn.

Mặc dù biết quan đại thần Santati đã tạo thiện nghiệp gì, nhưng Đức Bổn Sư tự suy xét: "Những người Tà kiến đã tụ tập nơi đây để bắt quả tang Ta nói dối, sẽ không gặp được dịp may. Những người Chánh kiến cũng tụ tập nơi đây để được mục kích tướng hảo quang minh của quan đại thần Santati. Sau khi nghe tiền nghiệp của ông ta sẽ hoan hỷ trong các việc làm phước".

Đức Bổn Sư bảo:

- Vậy thì, ông hãy bày tỏ tiền nghiệp của ông cho Ta nghe trước đã! Ông đừng đứng dưới đất mà kể chuyện, hãy đứng trên hư không cao độ bảy cây thốt nốt mà kể chuyện cho Ta nghe!

Quan đại thần đáp:

- Lành thay, bạch Ngài!

Đảnh lễ Đức Bổn Sư xong rồi, ông bay lên cao độ một cây thốt nốt, lại đảnh lễ Ngài, rồi lần lượt bay lên cao độ bảy cây thốt nốt, ngồi kiết già giữa hư không, nói rằng:

- Bạch Ngài, xin Ngài hãy nghe câu chuyện tiền nghiệp của con!

"Cách đây chín mươi mốt kiếp trái đất, vào thời Đức Phật Vipassī (Tỳ Bà Thi), con được sanh trong một gia đình lễ giáo cư nghụ trong thành Bandhumatī (Ban Thú Má Ti). Con có ý nghĩ: "Làm thế nào để đừng tạo nghiệp gì chia rẽ hoặc là áp bức kẻ khác?". Suy nghĩ tiếp nữa, con thấy, "Chỉ có đi cổ động (Ghosanakammaṃ) kêu gọi người ta làm phước là hơn hết!". Kể từ đó về sau, con chuyển môn làm có một việc ấy là đi đốc xúi đại chúng: "Hãy làm phước, hãy thọ trì Bát giới vào những ngày Bát quan trai, hãy bố thí Trai Tăng, hãy nghe thuyết pháp. Không có chi sánh bằng Tam Bảo, nhất là Phật bảo, hãy tôn kính Tam bảo!".

Lúc con đang đi lớn tiếng kêu gọi đại chúng như thế, Phụ vương của Đức Phật, là Đức vua trong thành Bandhumatī nghe tiếng truyền rao của con, bèn cho gọi con vào cung phán hỏi:

- Nầy khanh, khanh đi rao truyền tin chi vậy?

- Tâu bệ hạ! Hạ thần đi truyền bá ân đức Tam Bảo, đốc thúc đại chúng tạo phước nghiệp.

Nghe vậy, Đức vua phán hỏi: "Khanh đi bằng phương tiện gì?".

- Tâu Bệ hạ! Hạ thần đi bộ.

- Nầy khanh, khanh đi bộ như vậy coi không được. Khanh hãy trang điểm với vòng hoa nầy và cưỡi trên lưng ngựa mà đi!

Đức vua đã ban cho con một vòng hoa quý như xâu chuỗi ngọc và một con ngựa thuần hóa. Khi con gìn giữ những lộc vua ban mà đi cổ động như thế, rồi Đức vua lại cho gọi con vào cung phán hỏi: "Khanh có đi cổ động chăng?". Và khi biết việc con làm, Đức vua phán rằng:

- Nầy khanh, khanh cưỡi ngựa đi cũng chưa xứng đáng, hãy ngồi lên xe nầy mà đi!

Rồi Đức vua ban cho con một cỗ xe kéo bằng bốn con tuấn mã. Lần thứ ba, Đức vua lại nghe tiếng con cổ động, cho gọi con vào và phán hỏi: "Khanh đi làm công tác chi vậy?".

Con đáp xong, Đức vua phán rằng:

- Nầy khanh, cỗ xe tứ mã cũng chưa xứng đáng với khanh.

Đức vua ân tứ cho con một huy chương lớn với nhiều tài sản và ban thêm cho một thớt tượng. Từ đó, con mang đầy mình những đồ trang sức và ngồi trên lưng tượng mà đi cổ động cho Chánh Pháp suốt tám muôn năm. Trong thời gian đó, từ thân con xông ra mùi thơm của hoa sen. Đây là nghiệp của con đã tạo vậy".

Sau khi kể hết tiền nghiệp của mình, quan đại thần vẫn ngồi yên trên hư không, nhập vào đề mục lửa mà viên tịch. Trong thân Ngài, một ngọn lửa bốc lên thiêu hết máu thịt chỉ còn lại những viên Ngọc Xá Lợi trắng muốt như những hoa lài. Đức Bổn Sư trải vải sạch ra hứng, những Ngọc Xá Lợi rơi xuống đó. Những Xá Lợi nầy, tôn trí vào những thánh tháp xây dựng ở những ngã tư đường, đại chúng đến lễ bái ắt sẽ được hưởng phước báo.

Các Tỳ khưu trong giảng đường, đề khởi câu chuyện nầy:

- Nầy các đạo hữu, đại thần Santati chỉ nghe có một bài kệ tứ cú mà đắc quả A La Hán, mình vẫn còn trang điểm xuê xang, ngồi giữa hư không mà tịch diệt. Thử hỏi, chúng ta nên gọi ông là một Sa môn, như một vị Tỳ khưu, hoặc là chỉ gọi ông là một Bà la môn thôi?

Đức Bổn Sư ngự đến hỏi:

- Nầy các Tỳ khưu, hôm nay các người ngồi chúng bàn chuyện chi đây?

- Bạch Ngài, chuyện nầy…

Nghe vậy, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nầy các Tỳ khưu, con trai của Ta đáng gọi là Sa môn mà cũng đáng gọi là Bà la môn nữa!

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết pháp và ngâm bài kệ sau đây:

"Alaṅkato cepi samañ careyya,
Santo danto niyato brahmacārī;
Sabbesu bhūtesu nidhāya daṇḍaṃ,
So brāhmaṇo so samaṇo sa bhikkhu".

Người nào nghiêm giữ thân tâm, chế ngự khắc phục ráo riết, thường tu Phạm hạnh, không dùng dao gậy gia hại sinh linh, thì chính người ấy là Bà la môn, là Sa môn, là Tỳ khưu vậy.

☸

CHÚ GIẢI:

Alaṅkato: Người mặc y phục tốt đẹp và đeo đồ trang sức lộng lẫy. Theo lý nầy thì một người phục sức, trang điểm lộng lẫy, nhưng nếu có nếp sống bình thản, an tịnh dục vọng, nhiếp phục Lục căn, Đạo quả kiên cố, Phạm hạnh tròn đủ (Saṭṭhacariyāya), đã buông bỏ đao trượng (dao, gậy), không còn làm hại một chúng sanh nào khác nữa, người như thế gọi là Bà La môn cũng phải vì đã xa lìa ác pháp, gọi là Sa môn cũng phải vì đã bình định các ác pháp, mà gọi là Tỳ khưu cũng phải vì đã đoạn tuyệt với các phiền não.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khưu đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

☸

Dịch giả Cẩn Đề

Ân sủng Vua ban đủ bảy ngày,
Ngũ trần toại hưởng mặc vui say,
Bỗng nhiên nhận thấy Vô thường, Khổ,
Giấc mộng kê vàng, thức tỉnh ngay!
Tình yêu vũ nữ quá đậm đà,
Nàng chết, lòng ông thật xót xa,
Phật dạy: Vì nàng, ông đổ lệ,
Nước trong bốn biển chẳng nhiều qua!
Chư Tăng thắc mắc hỏi nhau rằng:
La Hán đại thần mặc xuê xang,
Tịch diệt giữa trời, ta phải gọi:
Bà la môn, Khất sĩ hay chăng?
Phật dạy: Người ăn mặc rất sang,
Nhưng tâm an tịnh, chế ngự căn,
Kiên trì sống cuộc đời Phạm hạnh,
Đáng gọi Bà la môn, Thánh Tăng.

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC THẦN SAN TÁ TÍ

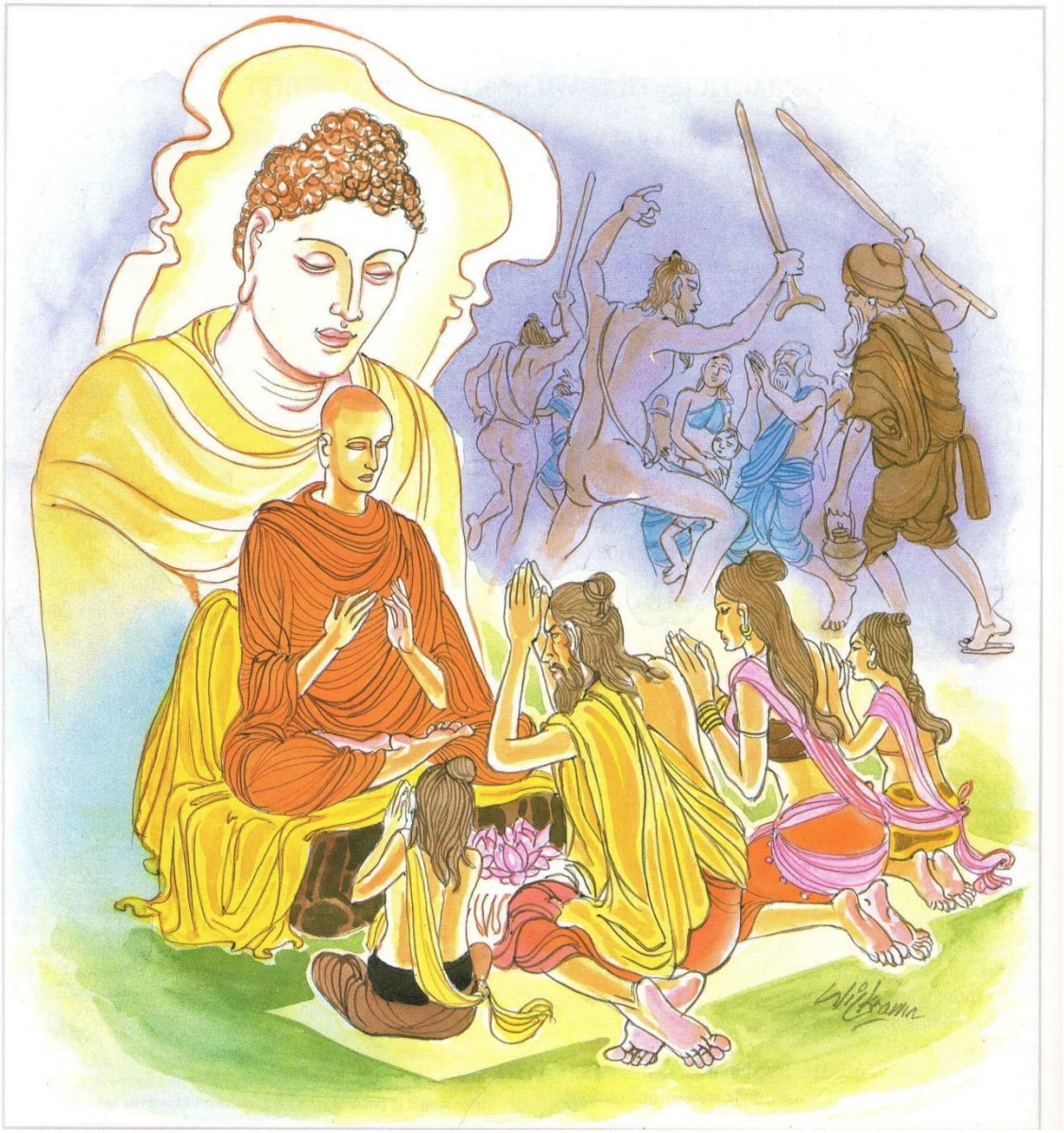

142. Vị sống thanh tịnh độc cư, tự điều thân và đầy lòng Từ đối với toàn thế giới mới thật là Tỳ kheo chân chánh.

X.10- Tích TRƯỞNG LÃO KHỐ RÁCH

(Pilotikatissattheravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 143-144)

143. "Hirinisedho puriso, **Koci lokasmi vijjati;** **Yo niddaṃ apabodheti,** **Asso bhadro kasāmiva".**	***"Thật khó tìm ở đời,*** ***Người biết thẹn, tự chế,*** ***Biết tránh né chỉ trích,*** ***Như ngựa hiền tránh roi".***
144. "Asso yathā bhadro kasāniviṭṭho, **Ātāpino saṃvegino bhavātha;** **Saddhāya sīlena ca vīriyena ca,** **Samādhinā dhammavinicchayena ca;** **Sampannavijjācaraṇā patissatā,** **Pahassatha dukkhamidaṃ anappakaṃ".**	***"Như ngựa hiền chạm roi,*** ***Với Tín, Giới, Tinh tấn,*** ***Thiền định cùng Trạch pháp.*** ***Minh hạnh đủ,Chánh niệm,*** ***Đoạn khổ này vô lượng".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên tự) đề cập đến Trưởng lão Pilotika (Khố Rách).

Một ngày nọ, Trưởng lão Ānanda gặp một cậu bé mặc y phục rách rưới, tay cầm cái chén đi xin ăn, bèn hỏi nó:

- Sao con sống lang thang như thế làm gì? Xuất gia chẳng là cao thượng hơn chăng?

- Bạch Ngài, ai sẽ cho con xuất gia?

Nghe vậy, Trưởng lão nói: "Ta sẽ cho con xuất gia". Rồi Trưởng lão dắt cậu bé về chùa, bảo cậu ta tắm rửa sạch sẽ, cho nó thọ đề mục và cho cậu ta đắp y xuất gia. Khi trải quần áo cũ vá ra xem, thấy không có chút nào mót làm vải lọc nước được, ông tân Sadi liền máng chúng nó trên nhánh cây chung với cái chén xin ăn.

Về sau, Sadi ấy tu lên Tỳ khưu, gặp thời Phật giáo đang hưng thịnh, lợi lộc phát sanh rất nhiều, ông thọ hưởng quá đầy đủ, đắp toàn những lá y quý giá, thân thể phì nộn, ông lấy làm bất mãn, tự trách: "Ta cần gì đắp y để cho người đời phát sanh đức tin? Ta sẽ mặc lại y phục cũ vá của ta".

Đến chỗ nhánh cây, ông cầm lấy quần áo cũ và tự mắng rằng: "Nầy kẻ vô sĩ, không biết hổ thẹn, ngươi muốn xả bỏ những y lành lặn như thế nầy, để mặc lại bộ đồ giẻ rách, cầm cái chén đi xin ăn hay sao?

Đây là ông mượn cách nầy làm đối tượng để tự mình khuyến giáo lấy mình, nhờ sự huấn dụ cảnh giác như thế, tâm ông sư lắng dịu. Sau khi ra khỏi chỗ treo quần áo cũ vá, tẩy sạch phiền não trong tâm rồi, ông trở về chùa. Vài ngày sau, tâm ông lại bất mãn, ông lại trở ra chỗ đó và tự giáo hóa tâm như trước, khi tâm lắng dịu, ông lại trở về chùa. Ông cứ đi đi lại lại như thế mãi, khiến Chư Tăng thấy lạ, hỏi ông:

- Đạo hữu đi đâu vậy?

Trưởng lão đáp:

- Bạch các Ngài, tôi đến viếng thầy A Xà Lê!

Nhờ lấy quần áo vá cũ của mình lúc trước để làm đề mục quán tưởng. Trưởng lão ngăn được tâm bất mãn, tự chế được mình, nên mấy hôm sau đắc quả A La Hán.

Các Tỳ khưu hỏi:

- Nầy đạo hữu, sao bây giờ đạo hữu không đi viếng thầy A Xà Lê nữa? Đây há không phải là con đường hành đạo của đạo hữu ư?

- Bạch các Ngài, tôi đến tiếp xúc với thầy A Xà Lê để nhờ thầy nhắc nhở, bây giờ, tôi đoạn giao với thầy rồi, nên tôi không viếng Thầy nữa[(1)].

Chư Tăng bèn mách với Đức Như Lai:

- Bạch Ngài! Tỳ khưu Vải Rách phạm đại vọng ngữ!

- Nầy các Tỳ khưu! Thầy ấy đã nói những gì?

- Bạch Ngài, thầy ấy đã nói như vầy...

Nghe rõ câu chuyện, Đức Bổn Sư xác nhận rằng: "Đúng vậy, nầy các Tỳ khưu, con trai Ta lúc cần tiếp xúc để được nhắc nhở thì đến viếng thầy A Xà Lê, bây giờ đã đoạn giao với thầy, tự mình cấm ngăn lấy mình để đắc quả A La Hán rồi!".

Nói rồi, Đức Bổn Sư ngâm kệ rằng:

143. "Hirinisedho puriso,
Koci lokasmi vijjati;
Yo niddaṃ apabodheti,
Asso bhadro kasāmiva".

144. "Asso yathā bhadro kasānivitṭho,
Ātāpino saṃvegino bhavātha;
Saddhāya sīlena ca vīriyena ca,
Samādhinā dhammavinicchayena ca;
Sampannavijjācaraṇā patissatā,
Pahassatha dukkhamidaṃ anappakaṃ".

143-144. Biết lấy điều hổ thẹn để tự cấm ngăn mình, thế gian ít người làm được. Nhưng người đã làm được, họ đã khéo tránh hổ nhục như ngựa hay khéo tránh roi da.

Các người hãy nổ lực sám hối như ngựa đã hay còn thêm roi. Hãy ghi nhớ lấy Chánh tín, Tịnh Giới, Tinh tiến,Tam Ma Địa (Thiền định), Trí phân biệt Chánh Pháp và Minh hạnh túc, để tiêu diệt vô lượng thống khổ.

☸

[1] Ở đây thầy A Xà Lê là bộ đồ cũ vá mà vị Tỳ khưu đã xả bỏ những tâm luyến tiếc vì muốn hoàn tục .

CHÚ GIẢI:

Hirinisedho: người biết hổ thẹn, tự ngăn cấm những ý tưởng bất thiện, không cho sanh lên trong tâm mình.

Koci lokasmiṃ: những người như vậy thật khó tìm gặp tron đời, khó có được trong thế gian.

Yo niddaṃ: người nào không dễ duôi hành Sa môn Pháp, biết tránh lời chê trách, không để sanh lên đến mình, nên không biết (Apabodheti) đến sự hổ nhục.

Kasāmiva: như ngựa hay khéo tránh roi da, không để phạm đến mình, người khéo tránh sự chê trách, thật khó gặp gỡ vậy.

Bài kệ thứ hai giảng vắn tắt như vầy: "Nầy các Tỳ khưu, như ngựa hay mà sanh chứng phóng dật, người ta phải dùng đến roi da. Ta đây cũng đánh bằng một thứ roi da khác để phấn khích các thầy. Như vậy các thầy hãy có nhiệt tâm, hãy có kinh cảm, có đủ cả hai loại: Đức tin phàm và Thánh, tứ thanh tịnh Giới, Thân ý Tinh cần, Tám bậc Thiền, Thiền diệt, do có Trí phân biệt lý và phi lý, và do có Trạch pháp rồi đắc Tam Minh hoặc Bát Minh với Mười lăm cái Hạnh, gọi là Minh Hạnh Túc, với Chánh Niệm hiện tại, hãy tiêu trừ cái khổ vô lượng trong vòng luân hồi nầy đi!".

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khưu đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

☸

Dịch giả Cẩn Đề

Tỳ khưu biết thẹn, tự chế mình,
Mỗi lúc tâm phiền não phát sinh,
Ra chỗ cây treo đồ cũ rách,
Quán về thống khổ kẻ cùng đinh.
Lần lần, tâm chứng cảnh an vui,
Nẻo đến cây rừng vắng tới lui,
Tăng thấy khác thường, kêu hỏi thử,
Sư rằng: "Thầy hết nhắc thời thôi!"
Tăng trách Sư khoe Đạo quả linh,
Phật rằng: "Ai khéo biết cảm kinh,
Ngựa hay, chẳng đợi gì roi đánh,
Tín, Tấn, Niệm thường, Định, Huệ sinh".

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO KHỐ RÁCH

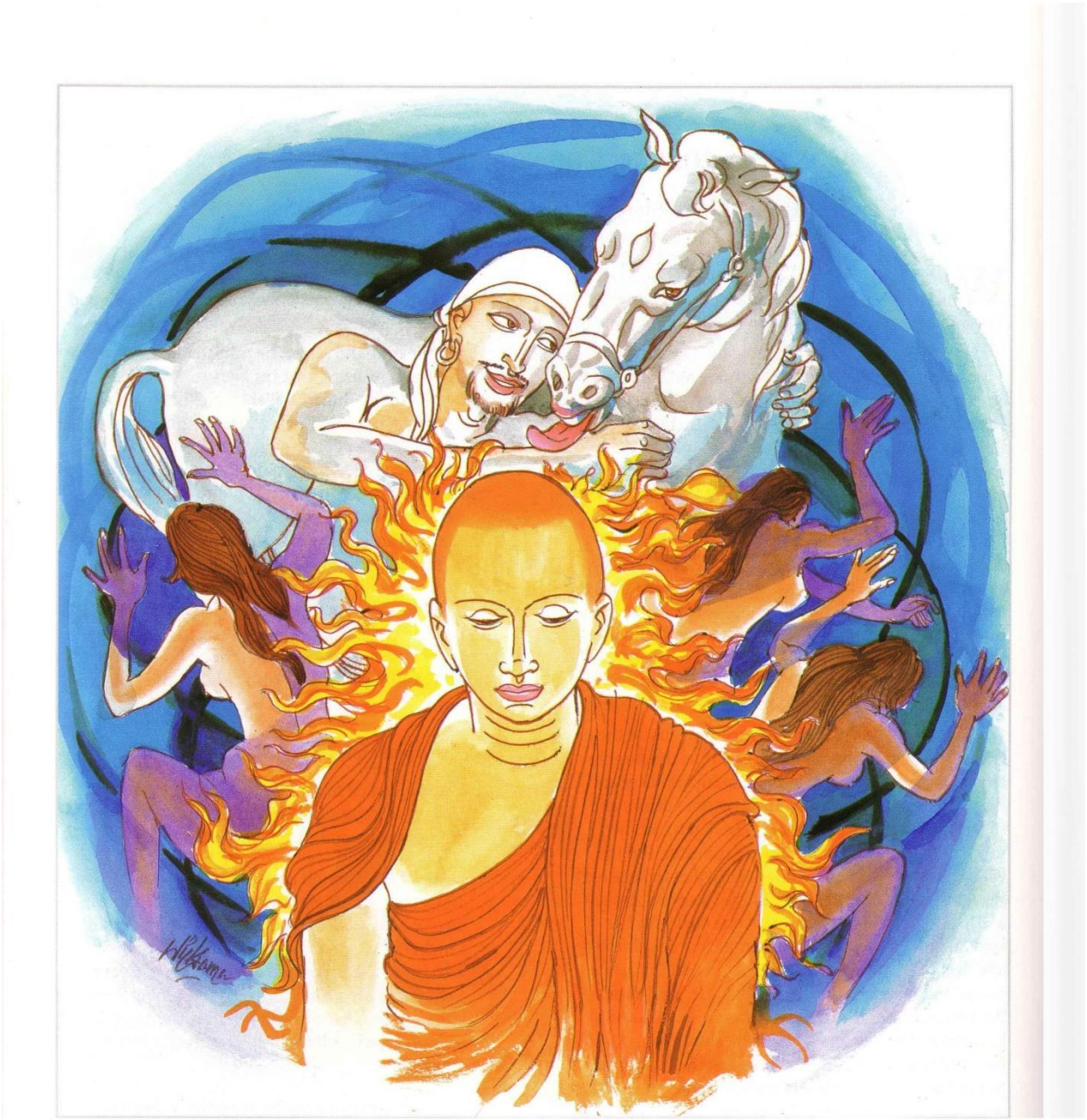

143. Người tự chế vì biết hổ thẹn, sợ lời chỉ trích như ngựa hiền sợ roi.

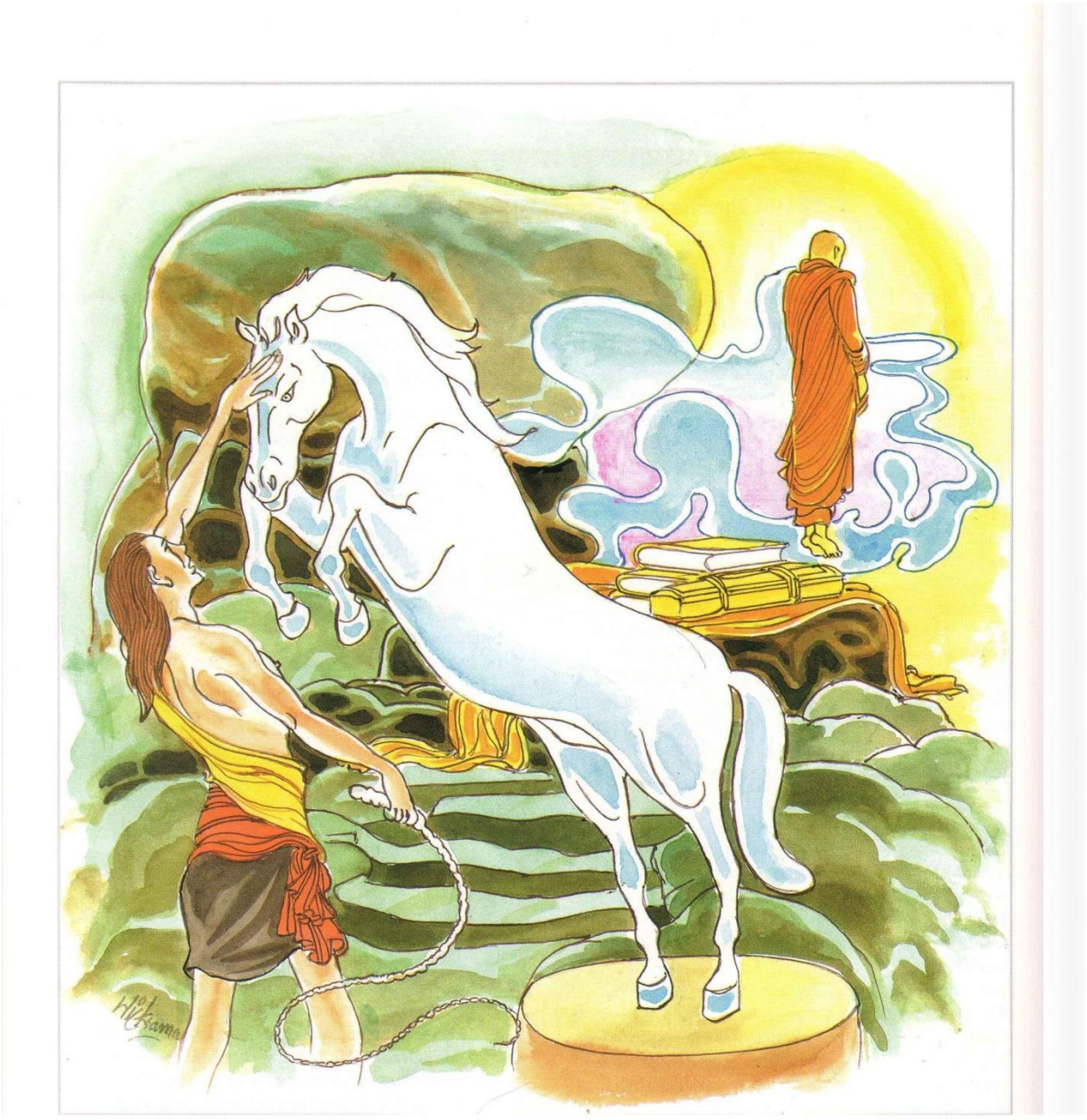

144. Hãy chế ngự, điều phục bản thân như ngựa thuần chạm roi da vậy.

X.11- Tích SADI HẠNH PHÚC

(Sukhasāmaṇeravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 145)

"Udakaṃ hi nayanti nettikā,	***"Người trị thủy dẫn nước,***
Usukārā namayanti tejanaṃ;	***Kẻ làm tên nắn tên,***
Dāruṃ namayanti tacchakā,	***Người thợ mộc uốn ván,***
Attānaṃ damayanti subbatā".	***Bậc tự điều, điều thân".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên tự) đề cập đến Sadi Sukha (Hạnh Phúc).

Thuở xưa, có chàng thanh niên tên Gandha (Gan Thá) là con ông Bá hộ trong thành Bārāṇasī (Ba la nại). Khi thân phụ chàng thất lộc, Đức vua triệu chàng về triều, an ủi, vỗ về, rồi long trọng phong cho chàng chức Bá hộ. Từ đó về sau, mọi người gọi chàng là bá hộ Gandha.

Một hôm, người quản gia của bá hộ cũ dắt ông bá hộ mới đi mở cửa kho, trình với chủ rằng:

- Thưa chủ, bấy nhiêu tài sản đây là phần di sản thân phụ ông, bấy nhiêu đây là di sản của tổ phụ ông v.v…

Bá hộ Gandha nhìn khắp tài sản kếch xù, rồi hỏi người quản gia:

- Tại sao các cụ không mang tài sản này đi vậy?

- Thưa ông chủ, chẳng ai có thể mang tài sản đi bao giờ cả! Khi ra đi, chúng sanh chỉ mang theo mình những nghiệp thiện và nghiệp bất thiện của mình mà thôi!

Bá hộ Gandha suy nghĩ: "Các Ngài đã khờ dại gom góp tài sản, rồi bỏ lại hết mà ra đi tay không, đến phiên ta, ta sẽ mang hết tài sản nầy mà đi". Đó là ý nghĩ của Bá hộ trẻ, ông đã tính thầm: "Ta sẽ tiêu xài cho hết tài sản nầy, rồi mới ra đi", thay vì có dự định: "Ta sẽ bố thí cho kẻ nghèo khó hoặc cúng dường đến các bậc đáng cúng dường". Ông ta xuất ra một trăm ngàn đồng khiến người cất nhà tắm bằng thủy tinh. Đã bỏ ra một trăm ngàn cất nhà tắm bằng thủy tinh như thế rồi, ông còn xuất ra một trăm ngàn đồng lót nền bằng thủy tinh, xuất ra một trăm ngàn đồng để làm cái ghế dài (trường kỷ) cũng bằng thủy tinh, xuất ra một trăm ngàn đồng để làm rạp ngay tại chỗ ông ngồi ăn cơm, xuất ra một trăm ngàn đồng để làm mâm bưng đồ ăn cho ông. Cánh cửa sổ đặt biệt gắn trong nhà ông cũng đáng giá một trăm ngàn đồng.

Ông đưa cho đầu bếp một ngàn đồng để lo bữa ăn sáng, bữa ăn chiều cũng đáng giá một ngàn đồng. Riêng vào ngày rằm, ông đưa cho đầu bếp một trăm ngàn đồng để lo bữa ăn ngọ cho ông. Đến ngày ông ăn ngọ, ông xuất ra một trăm ngàn đồng để trang hoàng thành phố và cho người đi khắp nơi đánh trống truyền rao: "Nghe đây, nghe đây! Hôm nay là ngày rằm, bà con hãy đến mục kích sự sang trọng của bữa cơm ngọ mà ông bá hộ Gandha dùng".

Đại chúng mang theo giường lớn, giường nhỏ được kết dính với nhau đến tụ hội rất đông.

Ông bá hộ vào trong nhà tắm trị giá một trăm ngàn đồng, ngồi trên nền nhà tắm trị giá trăm ngàn đồng, tắm gội bằng mười sáu vòi nước thơm, xong rồi cho mở cánh cửa sổ đặt biệt ra, lên ngồi trên ghế trường kỷ. Trong lúc ấy, ngoài bát cơm để trên cái mâm bưng đồ ăn, người hầu bàn còn dâng thêm cho bữa ăn ông đáng giá một trăm ngàn đồng. Khi ông đang dùng bữa cơm ấy, cả đoàn vũ nữ vây quanh múa hát giúp vui cho bữa ăn sang trọng càng thêm tưng bừng rộn rịp.

Một thời gian sau, có một người dân quê, muốn có tiền tiêu xài nên mang những lâm sản, nhất là củi khô chất đầy một cỗ xe bò nhỏ, rồi đánh xe ra thành, đến ở đậu nơi nhà một người bạn. Hôm ấy trúng ngày rằm, người đi cổ động khắp thành phố truyền rao: "Bà con hãy đếm xem cảnh ngoạn mục của Bá hộ Gandha ăn cơm". Nghe vậy, người bạn hỏi người dân quê:

- Nầy, anh đã từng thấy cảnh ăn ngoạn mục của ông Bá hộ Gandha chưa?

- Thưa, chưa anh à.

Vậy thì bạn theo chúng tôi, chúng ta cùng đi với anh đánh trống trong thành nầy, đến xem sự nghiệp lớn lao của bá hộ Gandha cho biết!

Thế rồi, người dân thành dắt người dân quê ra đi. Đến nơi, hai người thấy đại chúng đã leo lên trên cả những giường nhỏ, giường lớn mà coi.

Ngửi được mùi thơm ngát bay vào mũi, người dân quên bảo bạn:

- Chà, tôi thấy thèm khát được cục cơm trong cái bát ấy quá chừng!

- Anh ơi! Đừng có ước mơ như thế, không bao giờ có thể được ăn đâu mà hòng!

- Anh ơi! Nếu không được ăn, chắc tôi sẽ không sống nổi!

Không thể can gián bạn được, người dân thành đành len lỏi vào đứng sát ranh các lớp rào đại chúng mà là to ba lần:

- Kính thưa ông chủ, tôi xin lễ bái ông chủ!

- Ai đó?

- Dạ thưa ông chủ, tôi đây!

- Có việc chi vậy?

- Dạ đây là một người dân quê sanh tâm thèm khát miếng cơm trong bát cơm ông chủ. Xin ông chủ vui lòng bố thí cho anh ta một miếng cơm!

- Hắn không thể có được.

Người dân thành hỏi bạn:

- Đó anh có nghe rõ chưa?

- Anh ơi! Tôi nghe! Tuy vậy nếu được ăn thì tôi sẽ sống, còn nếu không được ăn, chắc là tôi phải chết.

Người dân thành lại la to một lần nữa:

- Kính thưa ông chủ, anh nầy nói: Nếu không được ăn cơm của ông chủ thì anh ta sẽ chết. Xin ông chủ cứu mạng anh ta!

- Bạn ơi! Mỗi miếng cơm của ta đáng giá một trăm hoặc hai trăm đồng; nếu ai ai cũng xin và ta cho đủ hết mọi người thì ta còn gì mà ăn?

- Ông chủ ơi, anh nầy sẽ chết nếu không được ăn cơm của ông, xin ông mở lòng nhân cứu giùm mạng sống của anh ta!

- Không thể ăn không cơm của ta được! Nếu quả hắn không sống nếu không được ăn, thì hắn hãy làm công trong nhà ta ba năm đi, rồi ta sẽ đãi cho hắn ăn một bát cơm của ta thế nầy.

Nghe vậy, người dân quê chấp nhận ngay và nói với bạn:

- Vậy là được rồi anh ạ.

Về nhà từ biệt vợ con xong, anh đến xin ở với ông Bá hộ để làm không công ba năm.

Trong khi ở đợ, anh ta làm tất cả mọi việc rất là đàng hoàng tử tế. Dầu ở nhà hoặc đi rừng, dầu ban ngày hay ban đêm, mọi công việc nào cần phải làm thì anh đều làm chu đáo. Khắp cả thành phố, ai cũng biết là anh làm công không để đổi lấy bữa ăn, nên gọi anh là (Bhattabhatika) (Phát Tá Phá Tí Ká).

Khi số ngày làm công của anh ta đã đủ, người tổng khâu lo việc sắp đặt bữa ăn báo cho Bá hộ biết: "Thưa ông chủ! Hôm nay đã đủ số ngày ba năm làm công khó nhọc của anh Bhattabhatika, anh ta không hề phạm lỗi trong một công việc nào cả".

Ông Bá hộ liền bảo ngươi quản gia xuất ra ba ngàn đồng: Hai ngàn đồng để lo bữa trưa và bữa cơm chiều cho mình, còn một ngàn để lo bữa cơm trưa cho người làm công. Rồi ông dặn: Hôm nay tất cả mọi người nhà, trừ nàng Cintamaṇī (Chin Tá Má Ni) là vợ yêu của ông, phải lo phục vụ hầu hạ anh ấy cũng như là ông vậy. Thế rồi, ông Bá hộ giao hết tài sản của ông cho Bhattabhatika được quyền hưởng thụ trong một ngày ấy. Anh ta bèn vào phòng tắm của Bá hộ, ngồi lên nền tắm sang trọng của ông, tắm bằng nước thơm của ông. Người cổ động của ông Bá hộ cũng đi khắp thành phố loan tin rằng: "Anh Bhattabhatika đã làm công không ba năm trong nhà Bá hộ Gandha, nay được hưởng một bữa cơm đắt giá. Bà con hãy đến xem anh ấy thọ dụng bữa cơm sang trọng của ông Bá hộ".

Đại chúng đua nhau đem giường nhỏ, giường lớn đến kê cho cao để đứng xem cho mãn nhãn. Người dân quê nhìn đến đâu cũng thấy vẻ xôn xao, náo nhiệt. Các vũ nữ thì vây quanh mình anh ta. Những người hầu bàn đã dọn mâm cơm canh lên dâng trước mặt anh ta và đứng chờ lịnh…

Lúc anh ta đang rửa tay thì trên núi Gandhamādana (Hương Sơn) có vị Độc Giác Phật vừa xuất thiền Diệt sau bảy ngày nhập đại định. Ngài quán xét rằng: "Hôm nay ta đi khất thực ở đâu?", Ngài thấy anh Bhattabhatika. Quán thêm nữa, Ngài biết: "Anh nầy đã làm công không ba năm mới được bữa ăn hôm nay, nhưng anh ta có đức tin hay không?". Biết anh nầy là nước có đức tin, nhưng cũng có một số người tuy có đức tin mà không thể hộ độ.

"Thử hỏi anh nầy có thể hộ độ cho ta không?", sau lời quán xét kỹ, Ngài thấy: "Anh nầy sẽ có thể hộ độ cho Ta và hơn nữa lại nhờ sự hộ độ nầy anh ta sẽ được quả phước lớn". Ngài bèn đắp y bay xuống, rẽ đám đông đến đứng trước mặt Bhattabhatika cho anh ta thấy Ngài.

Anh ta thấy Đức Phật Độc Giác liền nghĩ thầm : "Vì kiếp trước ta không bố thí, nên kiếp nầy phải làm công không ba năm ở nhà người khác để được một bát cơm ngon. Bữa cơm nầy chỉ hộ trì cho ta trong một ngày đêm mà thôi, nếu ta đem cúng dường đến vị Trưởng lão nầy, ắt nó sẽ hộ trì cho ta trong trong vô số mười ngàn triệu kiếp. Thế thì ta sẽ dâng cúng nó đến Ngài vậy". Thế là bữa cơm mà anh ta đã bỏ công không ra ba năm mới có được, từ trong bát anh chưa đặt vào miệng một miếng nào, nhưng anh đã đánh tan ái dục, tự mình bưng bát lên, đến gần Đức Phật Độc Giác, trao bát qua tay một người khác, gieo năm vóc xuống đảnh lễ, rồi tay trái cầm bát cơm, tay phải xúc cơm để vào bát dâng Đức Phật. Ngài lấy tay của Ngài đậy lên bát của Ngài khi bát cơm của thí chủ còn lại phân nữa. Khi ấy, thí chủ bạch với Ngài: "Bạch Ngài, một khẩu phần không thể chia làm hai. Xin Ngài chớ phụ lòng con. Xin tế độ cho con cả kiếp nầy và những kiếp về sau, con xin cúng dường Ngài trọn phần ăn chứ không ưng để dư sót lại đâu". Một người làm việc bố thí dầu ít, nhưng rất lớn. Do đó, thí chủ làm đúng theo lẽ nầy, dâng cúng tất cả rồi đảnh lễ một lần nữa và nói:

- Bạch Ngài, vì một bát cơm nầy mà con đã ở làm công nhà người đến ba năm, cực khổ vô cùng. Bây giờ xin cho con dầu tái sanh đi cảnh giới nào cũng hằng được an vui và sẽ đắc Quả nào mà Ngài đã đắc trong hiện tại.

Đức Phật Độc Giác phúc chúc: "Mong cho con được mãn nguyện, như ngọc Ma Ni có thể làm cho tất cả sự ước muốn của con đều được thành tựu, hoặc các tư duy của con sẽ tròn đủ như trăng rằm".

Rồi Ngài ngâm kệ ngôn rằng:

"Icchitaṃ patthitaṃ tuyhaṃ,
Khippameva samijjhatu;
Sabbe pūrentu saṅkappā,
Cando paṇṇaraso yathā".

"Cầu cho bao nhiêu phước đã ước nguyền,
Của Tín thí mau kết quả nhãn tiền,
Bao nhiêu tư duy đạt thành viên mãn,
Như tối rằm trăng sáng khắp miền".

"Icchitaṃ patthitaṃ tuyhaṃ,
Khippameva samijjhatu;
Sabbe pūrentu saṅkappā,
Maṇi jotiraso yathāti".

"Cầu cho bao nhiêu phước đã ước nguyền,
Của Tín thí mau kết quả nhãn tiền,
Bao nhiêu tư duy đạt thành viên mãn,
Như được Ma Ni ngọc ước chơn truyền".

Dứt lời, Đức Phật nguyện rằng: "Đại chúng nầy đứng ở đây, hãy thấy Ta trở về núi Gandhamādana (Hương Sơn)". Rồi Ngài bay lên hư không trở về núi Gandhamādana và đại chúng, quả thật, ai cũng đứng thấy Đức Phật cả.

Ngài về núi rồi đem bát cơm của Ngài chia làm năm trăm phần dâng đến năm trăm vị Phật Độc Giác. Tất cả chư Phật đều thọ bát đầy đủ, ta không nên nghĩ rằng: "Một bát cơm quá ít, làm sao chia cho đủ?". Quả thật, Đức Phật đã dạy: Có bốn điều bất khả tư nghì mà cảnh giới của Phật Độc Giác là một trong bốn điều ấy.

Đại chúng thấy một bát cơm mà chia sớt đến Chư Phật như thế thì hoan hô cả ngàn lần, vang rền như sấm nổ: "Lành thay! Lành thay!". Bá hộ Gandha nghe tiếng hoan hô thì nghĩ thầm: "Chắc anh Bhattabhatika không chịu nổi sự sang trọng của ta ban cho, nên vụng về lúng túng đến nổi bị dân chúng la ó lên chế nhạo". Ông sai người nhà ra xem cho biết chuyện gì! Họ đi rồi thưa lại cho ông biết tự sự đáng gọi là vinh hạnh vô cùng. Nghe xong câu chuyện, Bá hộ phát sanh năm thứ phỉ lạc tràn trề khắp châu thân, buột miệng kêu lên: "Ôi, việc làm của anh nầy thật quá khó! Nghĩ lại như ta bấy lâu nay, với sự sản lớn như vầy mà ta không thể bố thí chút gì!". Bá hộ cho gọi anh làm công vào hỏi rằng:

- Nghe nói anh đã làm như thế, có thật không?

- Dạ vâng, thưa ông chủ.

Nghe vậy, ông nói:

- Nầy anh, anh hãy cầm lấy một ngàn đồng vàng rồi chia phước cúng dường của anh cho ta!

Anh làm công làm theo lời ông chủ, sau đó ông Bá hộ lại đem tất cả tài sản của mình chia hai, rồi cho bớt cho anh ta một phần.

(Có bốn yếu tố Hoàn mãn khiến cho phước nghiệp trổ quả nhãn tiền. Đó là Đối tượng hoàn mãn (Vathusampadā), Vật dụng hoàn mãn (Paccayasampadā), Tác ý hoàn mãn (Cetanāsampadā), và Ân đức đặc thù hoàn mãn (Guṇātirekasampadā).

1. Đối tượng hoàn mãn là bậc xứng đáng cúng dường (Dakkhiṇeyya) như bậc A La Hán, hoặc A Na Hàm đã chứng đắc Thiền diệt hay Đại định (Nirodhasamāpatti).

2. Vật dụng hoàn mãn là những vật dụng phát sanh hợp theo lẽ đạo.

3. Tác ý hoàn mãn là tròn đủ trong cả ba thời, trước khi, trong khi và sau khi làm phước tâm lúc nào cũng có sự hoan hỷ.

4. Ân đức đặc thù hoàn mãn là bậc xứng đáng cúng dường vừa xuất Thiền diệt.

Anh dân quê nầy đã có một đối tượng hoàn mãn để cúng dường vị Lậu Tận Độc Giác Phật, anh đã làm công không để được bữa cơm là có vật dụng hoàn mãn phát sanh hợp lẽ đạo, anh lại có tác ý trong sạch trọn cả ba thời là có tác ý hoàn mãn, và Đức Phật Độc Giác vừa xuất Đại định thọ bát cơm của anh, tức là ân đức đặc thù hoàn mãn. Do oai lực bốn pháp hoàn mãn hợp chung, anh dân quê được phước báu trổ quả nhãn tiền, cho nên anh mới được ông Bá hộ chia sớt cho phân nửa gia tài như thế.

Một thời gian sau, Đức vua được biết sự kiện hy hữu nầy của anh dân quê, cũng triệu anh vào triều, ban cho anh một ngàn đồng vàng để xin phước của anh. Đức vua rất đẹp ý, đã ban cho anh nhiều của cải, còn phong cho anh làm Bá hộ nữa. Thế là anh trở thành Bá hộ Bhattabhatika. Bá hộ mới nầy kết bạn với Bá hộ Gandha. Hai người ở chung, ăn, uống, đi, đứng lúc nào cũng chung nhau cả.

Khi mệnh chung, Bá hộ Bhattabhatika sanh về Thiên giới được hưởng lộc chư thiên suốt khoảng thời gian không có Phật. Đến thời Đức Phật hiện tại, ông tái sanh vào một gia định đại thí chủ của Trưởng lão Sāriputta ở trong thành Sāvatthī (Xá Vệ). Mấy ngày sau khi biết mình thọ thai, bà mẹ có ý muốn tha thiết được thỉnh Trưởng lão Sāriputta với năm trăm vị Tỳ khưu đến cúng dường vật thực bá vị, còn bà sẽ mặc y vàng bưng cái ly bằng vàng, ngồi sau Chư Tăng và thọ dụng vật thực dư của Chư Tăng. Bà đã thực hiện ước muốn đó và bịnh ốm nghén của bà đã hết. Bà vẫn tiếp tục làm phước như thế trong những ngày tháng tốt cho đến khi sanh con. Đến ngày đặt tên Hài tử, bà yêu cầu Trưởng lao:

- Bạch Ngài, xin Ngài hãy truyền giới cho con của con!

Trưởng lão hỏi: "Hài tử tên gì?".

- Bạch Ngài, từ khi con của con đầu thai vào lòng con, trong nhà nầy chưa hề có điều chi khốn khổ. Do đó, con muốn đặt tên hài nhi là đồng tử Hạnh Phúc (Sukhakumāra).

Nghe vậy, Trưởng lão chấp thuận đặt tên ấy cho Hài tử và truyền Giới cho nó. Từ đó, bà mẹ phát tâm tự nguyện: "Ta sẽ không bao giờ làm sai ý muốn của con trai ta!"

Trong các ngày lễ, chẳng hạn như lễ xỏ lỗ tai cho đứa bé, bà đều cung thỉnh Chư Tăng đến nhà để làm phước.

Đến khi cậu bé được bảy tuổi, cậu thưa với mẹ rằng:

- Con thật muốn được xuất gia tu theo Trưởng lão Sāriputta quá mẹ à!

- Lành thay! Mẹ không bao giờ làm sai ý muốn của con!

Bà thỉnh Trưởng lão Sāriputta đến nhà, để bát xong, bạch rằng:

- Bạch Ngài, con trai của con nó muốn xuất gia. Chiều nay con sẽ mang nó đến chùa.

Sau khi tiễn Trưởng lão đi rồi, bà mời các thân bằng quyến thuộc đến nói rằng:

- Hôm nay, tôi sẽ làm những việc cần thiết đối với con trai của tôi, khi nó còn là cư sĩ.

Nói rồi, bà sửa soạn trang điểm cho cậu bé hết sức sang trọng và dắt cậu bé đến chùa giao cho Trưởng lão. Trưởng lão hỏi thử cậu bé:

- Nầy con, đời sống xuất gia rất khó khăn, con liệu có thể vui thú được chăng?

- Bạch Ngài, con sẽ làm theo những lời dạy của Ngài.

Nghe vậy, Trưởng lão truyền đề mục năm thể trược cho cậu bé niệm và cho cậu xuất gia Sadi. Trong bảy ngày liền, cha mẹ cậu thiết lễ Trai tăng trong chùa, dâng cúng đến Tỳ khưu Tăng có Đức Phật dẫn đầu, những thực phẩm ngon lành bá vị, rồi mới trở về nhà.

Đến ngày thứ tám, sau khi Chư Tăng vào làng trì bình khất thực, Trưởng lão làm xong phận sự ở chùa, rồi mới bảo ông Sadi đắp y mang bát đi theo Ngài vào làng khất thực. Dọc đường ông Sadi trông thấy những sự việc, nhất là việc dẫn nước vào trong, cũng hỏi Trưởng lão y như Sadi Paṇḍita (Hiền Trí) và Trưởng lão cũng giải đáp y như trước.

Sau khi nghe rõ hết các lý do, ông Sadi bạch với Trưởng lão:

- Bạch Ngài, nếu Ngài nhận lấy y bát của Ngài thì con xin quay trở lại.

Thay vì bảo: "Hãy mang y bát hộ ta". Trưởng lão lại không làm trái ý muốn của Sadi, nên nhận lấy bát. Sadi đảnh lễ cáo từ Trưởng lão và dặn thầy rằng:

- Bạch Ngài, khi mang vật thực của con đem về. Xin Ngài hoan hỷ mang về những món ăn bá vị!

- Nầy Sadi, Ta có được vật thực ấy từ đâu?

- Bạch Ngài, nếu Ngài không được do phước báu của Ngài, thì Ngài sẽ được do phước báu của con.

Trưởng lão bèn trao chìa khóa cốc cho ông Sadi, rồi đi vào làng khất thực.

Ông Sadi về chùa, mở cốc của Trưởng lão, vào trong đóng cửa lại, ngồi xuống, lấy niệm Tuệ quán rõ nội thân. Do oai lực Thiền quán của ông Sadi, ngai vàng của Đức Vua Trời Đế Thích bỗng phát nhiệt, Thiên Vương tự hỏi: "Có chuyện gì đây?". Khi nhìn xuống thấy rằng: Sadi Sukha sau khi trao y bát lại cho thầy Hòa thượng, đã trở về với ý định "Ta sẽ hành Sa môn Pháp". Thiên Vương tự nghĩ : "Vậy trẫm phải đến nơi đó". Ngài cho triệu Tứ Đại Thiên Vương đến và phán bảo:

- Chư Vương hãy đi xuống khu rừng gần chùa Kỳ Viên và đuổi hết những con chim làm ồn ào để giữ yên lặng nơi ấy.

Tứ Thiên Vương vâng lịnh xuống canh giữ khắp cả khu vườn chùa. Đức Đế Thích lại khiến cho Thần mặt trăng, Thần mặt trời nhập cung của mình để chờ lịnh và hai vị Thiên Tử cũng vâng lời Ngài. Đích thân Đức Đế Thích đứng giữ sợi dây giật cái then cài cửa. Cả khu chùa trở nên yên lặng.

Với nhất tâm, Sadi Sukha phát triển Thiền quán chứng đạt Ba quả vị. Trong khi ấy Trưởng lão Sāriputta đang suy nghĩ: "Sadi nầy dặn ta mang vật thực ngon lành bá vị về cho ông ta, nhưng ta phải đi đến nhà ai mới có thể được để bát đây?". Trưởng lão quán thấy một gia đình hộ Tăng đầy đủ tín tâm, nên Ngài ngự đến nơi ấy. Quả nhiên, các Tín thí vô cùng hoan hỷ chào mời: "Bạch Ngài, chúng con thật là may mắn, nên hôm nay được Ngài đến nơi đây!". Họ thỉnh bát, mời Trưởng lão ngồi, dâng cháo điểm tâm rồi xin Trưởng lão thuyết pháp trong khi chờ buổi cơm ngọ.

Trưởng lão thuyết pháp nhắc nhở các thí chủ và chấm dứt Pháp thoại khi xét thấy đến giờ thọ bát. Thí chủ đặt bát thức ăn bá vị cho Trưởng lão, khi thấy Trưởng

lão tỏ ý muốn ra về, thì bạch thỉnh rằng: "Bạch Ngài, xin thỉnh Ngài hãy độ hết, chúng con sẽ dâng thêm bát đầy nữa". Khi Trưỡng lão độ xong, họ dâng thêm bát đầy nữa, thọ bát rồi Trưởng lão lật đật đi nhanh về chùa, tự nghĩ rằng: "Ông Sadi của ta chắc đang đói bụng!".

Ngày ấy, từ sáng sớm, Đức Bổn Sư đã trì bình khất thực về ngồi trong hương thất. Ngài quán thấy: "Hôm nay Sadi Sukha giao y bát lại cho thầy Hòa thượng rồi quay trở về cốc để hành Sa môn pháp". Ngài tự hỏi: "Việc hành đạo của ông Sadi có kết quả gì chăng?". Ngài thấy ông đã đắc được ba Quả đầu, Ngài quán tiếp để xem ông ta có thể đắc quả tối thượng chăng? Ngài thấy: "Hôm nay, ông sẽ đắc quả A La Hán và Sāriputta đang hối hả mang vật thực ra đi, vì sợ Sadi đói bụng. Nếu như trong lúc ông Sadi chưa đắc A La Hán mà đem cơm về thì chắc sẽ có tai hại đến Đạo quả của ông Sadi. Vậy ta nên trợ giúp Sadi mới được.

Thế rồi, Đức Bổn Sư ngự ra khỏi hương thất, đứng canh giữ cửa cốc cho ông Sadi.

Khi Trưởng lão đem cơm về đến dưới nền chùa, Đức Bổn Sư đón lại hỏi bốn câu thông thường (Đã ghi trong bản Chú giải kệ Sadi Paṇḍita).

Đây xin nhắc lại, Đức Bổn Sư hỏi Trưởng lão Sāriputta rằng:

- Nầy Sāriputta! Thầy mang cái chi về thế?

- Bạch Ngài! Vật thực.

- Nầy Sāriputta! Vật thực sanh ra cái chi?

- Bạch Ngài! Cảm thọ.

- Nầy Sāriputta! Cảm thọ sanh ra cái chi?

- Bạch Ngài! Sanh ra sắc.

- Nầy Sāriputta! Sắc sanh ra cái chi?

- Bạch Ngài! Sanh ra Xúc.

Khi Trưởng lão giải đáp xong thì ông Sadi đắc Thánh quả A La Hán, Đức Bổn Sư gọi Trưởng lão và bảo:

- Nầy Sāriputta, hãy đi và đem cơm cho Sadi độ!

Trưởng lão về cốc, gõ cửa, Sadi đi ra đảnh lễ Thầy Tế độ. Nghe thầy bảo: "Hãy độ cơm đi!", ngay lúc ấy, cậu bé bảy tuổi đắc quả A La Hán biết rằng cơm Trưởng lão mang về không có lợi ích, tâm đã an trụ Níp bàn, cậu vừa thọ thực vừa quán tưởng, xong rồi đi rửa bát.

Trong khi ấy, Tứ Thiên Vương đã nghỉ sự canh phòng, mặt trời và mặt trăng thoát khỏi cung điện và Đức Đế Thích cũng trở về Thiên cung, thôi giữ sợi dây giật gài then cửa. Mặt trời đã xế qua khỏi chánh ngọ.

Chư Tăng thấy bóng xế nhanh, hỏi nhau rằng:

- Bây giờ, ông Sadi đã độ cơm xong, không biết do mãnh lực gì mà hôm nay buổi sáng lại dài ra, buổi xế lại đến chậm thế?

Đức Bổn Sư đến hỏi:

- Nầy các Tỳ khưu, hôm nay các thầy ngồi đây bàn luận chuyện gì?

- Bạch Ngài, hôm nay buổi sáng có sức mạnh, còn buổi xế thì đến chậm. Ông Sadi vừa độ cơm xong, mặt trời lại vượt qua khỏi chánh ngọ.

Nghe vậy, Đức Bổn Sư giải thích rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Lẽ dĩ nhiên là như vậy trong khi bậc hữu phước đang hành Sa môn Pháp! Hôm nay Tứ Đại Thiên Vương canh phòng khắp nơi trong tịnh xá Kỳ Viên, mặt trăng và mặt trời đình trú trong cung điện, Đức Đế Thích gìn giữ sợi dây giật then gài cửa, đích thân Ta cũng phải trợ giúp cho Sadi. Hôm nay Sadi Sukha được nhìn thấy người đào mương dẫn nước vào ruộng, thấy thợ làm cung nỏ uốn nắn mũi tên cho ngay, thấy thợ mộc làm xe nhất là bánh xe, rồi tự mình chế ngự lấy mình mà đắc A La Hán quả.

Nói rồi, Đức Bổn Sư ngâm kệ rằng:

"Udakaṃ hi nayanti nettikā,
Usukārā namayanti tejanaṃ;
Dāruṃ namayanti tacchakā;
Attānaṃ damayanti subbatā".

Người tưới nước lo dẫn nước, thợ làm tên lo uốn tên, thợ mộc lo nẩy mực của cây, người làm lành thì tự lo chế ngự.

☸

CHÚ GIẢI:

Subbatā: nên huấn dụ nhắc nhở bằng lời êm dịu chơn chánh cho mình được an vui. Kỳ dư toàn bài kệ nầy giống như bài Kệ Pháp Cú câu 80 đã giải rồi.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khưu chứng đạt Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

☸

Dịch giả Cẩn Đề

Ba năm làm mướn chẳng nài công,
Một bữa cơm sang mãi ước mong,
Gặp Phật, thắng liền tâm ái dục,
Nhịn ăn, sớt bát, nguyện Viên thông.
Do quả phước xưa khiến kiếp nầy,
Sadi Hạnh Phúc đủ duyên may,
Đi đường thấy vật người điều chế,
Về cốc hành Thiền sửa ý ngay!
Đế Thích rời ngôi xuống, đứng canh,
Chư Thiên túc trực khắp chung quanh,
Phật cầm Pháp Chủ khoan kêu cửa,
Nhật nguyệt ngừng chờ quả chót sanh.
Phật, Thầy, Thiên địa, thảy chung lo,
Hỗ trợ Sadi có phước to,
Độ ngọ xong rồi, trời mới xế,
Chư Tăng phàm tục, biết đâu dò?...

DỨT TÍCH SADI HẠNH PHÚC
DỨT PHẨM ĐAO TRƯỢNG



145. Người hiền thiện tự chế ngự thâm tâm như người dẫn thủy trị nước, thợ làm tên uốn tên.

THÁNH ĐIỂN PĀLI

PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

Dịch giả

Trưởng Lão Thiền Sư PHÁP MINH

Chú giải Kinh Pháp Cú

Quyển 3

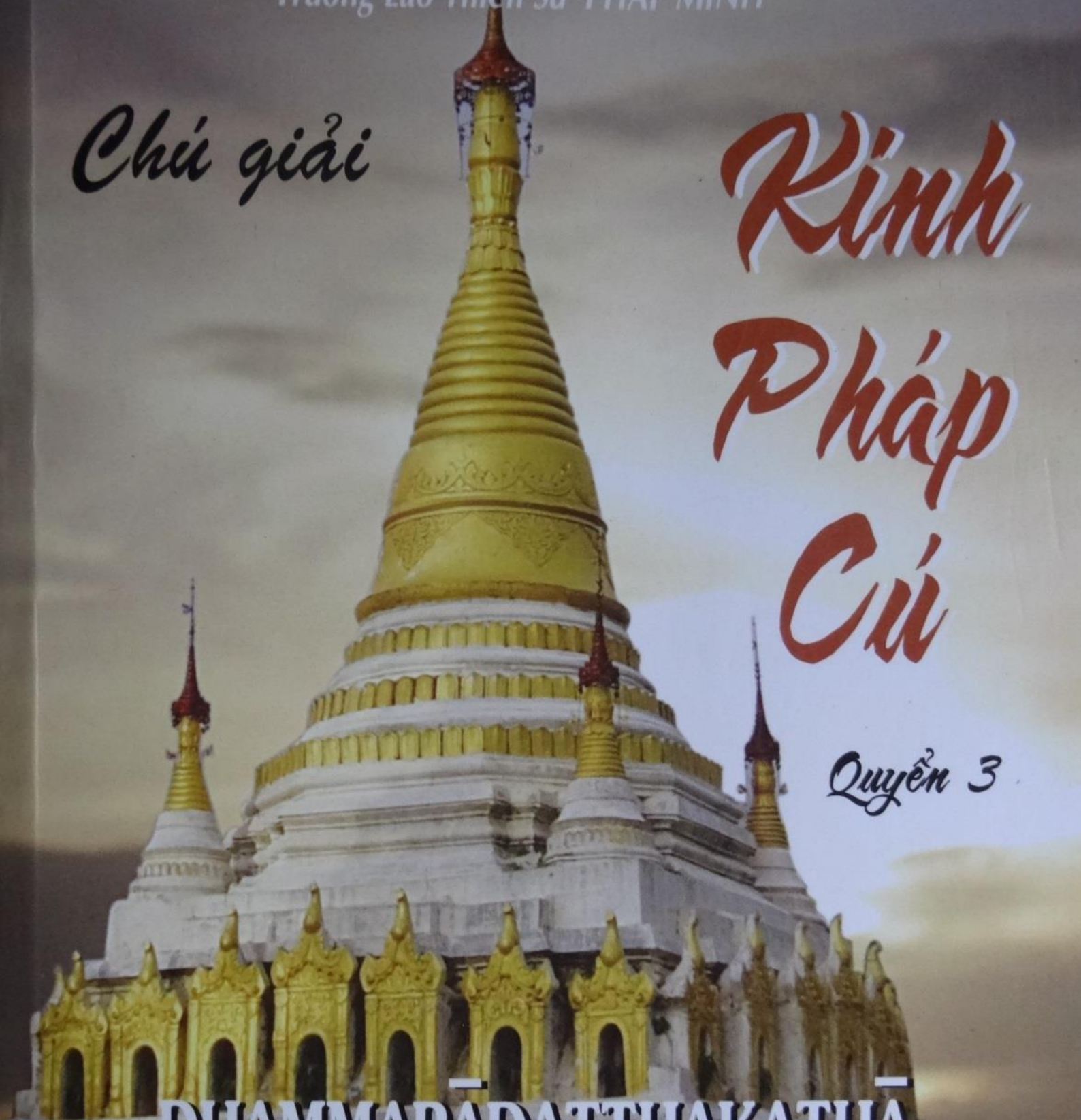

DHAMMAPĀDAṬṬHAKATHĀ

Nhà Xuất Bản Tổng Hợp Thành Phố Hồ Chí Minh

Kính Cáo

Sau mỗi tích chuyện có phần Cẩn đề là những bài kệ vịnh trích ra từ bộ Chú giải Kinh Pháp Cú mới dịch xong trong mùa Hạ kỳ 1984 nầy. Mong rằng các hành giả sơ cơ đang cần học tập, ôn nhuần Kinh Pháp Cú để áp dụng vào đời sống thực tế của mình cho hạp theo Chánh Pháp, sẽ được gợi hứng để có thể hoàn tất sự học cũng như chúng tôi đã hoàn tất sự dịch ra Việt ngữ vậy.

Ngoài ra, với những kệ nầy, quý bạn thức đêm đầu đà có thể bày ra những câu đố về sự tích hoặc căn bản giáo lý chứa đựng trong bộ Pháp Cú mà các Phật tử phương Tây rất quý trọng, nhất là ở Tây Đức.

Nếu mọi người hiểu rành Kinh Pháp Cú và thực hành theo đó thì thế giới có thể hòa bình, an lạc.

Rất mong thay!

Tỳ khưu PHÁP MINH

MỤC LỤC

XI. PHẨM LÃO....1
(JARĀVAGGA)....1
XI.1- Tích BẠN BÀ THIỆN CHI SAY....1
XI.2- Tích NÀNG XÍ RÍ MA....6
XI.3- Tích TRƯỞNG LÃO NI ÚT TÁ RA BỊ TÉ....12
XI.4- Tích NHÓM TĂNG THƯỢNG MẠN....15
XI.5- Tích TỲ KHEO NI SẮC NAN ĐÀ....18
XI.6- Tích HOÀNG HẬU MẠT LỴ THĂNG HÀ....24
XI.7- Tích TRƯỞNG LÃO LÔ LƯU ĐÀ DI LẦN THẦN....30
XI.8- Tích PHẬT THÀNH ĐẠO....35
XI.9- Tích ĐẠI PHÚ PHÁ SẢN....39
XII. PHẨM TỰ NGÃ....45
(ATTAVAGGA)....45
XII.1- Tích BỒ ĐỀ VƯƠNG TỬ....45
XII.2- Tích THÍCH TỬ UPANANDA....51
XII.3- Tích TRƯỞNG LÃO ĐỀ XÁ TINH TẤN THIỀN....56
XII.4- Tích MẸ CỦA TRƯỞNG LÃO CA DIẾP ĐỒNG TỬ....60
XII.5- Tích THIỆN NAM MÁ HA KA LÁ....67
XII.6- Tích ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA GÂY TỘI ÁC....71
XII.7- Tích CỐ Ý CHIA RẼ TĂNG....74
XII.8- Tích TRƯỞNG LÃO KA LÁ....77
XII.9- Tích THIỆN NAM TIỂU KA LÁ....81
XII.10- Tích TRƯỞNG LÃO TỰ LỢI....84
XIII. PHẨM THẾ GIAN....88
(LOKA VAGGA)....88
XIII.1- VỊ TỲ KHƯU TRẺ....88
XIII.2- ĐỨC VUA SUDDHODANA....92
XIII.3- CHƯ TỲ KHƯU TU THIỀN QUÁN....97
XIII.4- HOÀNG TỬ ABHAYA....100
XIII.5- TRƯỞNG LÃO SAMMAJJANA....104
XIII.6- TRƯỞNG LÃO ANGULIMĀLA....108
XIII.7- CON GÁI NGƯỜI THỢ DỆT....111
XIII.8- CHUYỆN BA MƯƠI VỊ TỲ KHƯU....118

XIII.9- NÀNG CIÑCAMĀṆAVIKĀ 121
XIII.10- ĐẠI THÍ VÔ SONG 128
XIII.11- CÔNG TỬ KĀLA.....136
XIV. PHẨM PHẬT ĐÀ.....141
(BUDDHA VAGGA) 141
XIV.1- CON GÁI MA VƯƠNG.....141
XIV.2- THỂ HIỆN SONG THÔNG NHIẾP NGOẠI ĐẠO.....150
XIV.3- LONG VƯƠNG ERAKAPATTA.....174
XIV.4- VỀ CÂU HỎI CỦA TRƯỞNG LÃO ĀNANDA 180
XIV.5- VỊ TỲ KHƯU KHÔNG HOAN HỶ 186
XIV.6- QUỐC SƯ AGGIDATTA 192
XIV.7- CÂU HỎI TRƯỞNG LÃO ĀNANDA 204
XIV.8- CHUYỆN CHƯ TỲ KHƯU.....207
XIV.9- BẢO THÁP CỦA ĐẤNG KASSAPA 210
XV. PHẨM AN LẠC 215
(SUKHA VAGGA).....215
XV.1- HAI HOÀNG TỘC TRANH GIÀNH NƯỚC.....215
XV.2- MA VƯƠNG TRÊU PHẬT.....222
XV.3- ĐỨC VUA KOSALA BẠI TRẬN 225
XV.4- MỘT THIẾU NỮ GIA GIÁO.....228
XV.5- ÔNG THIỆN NAM ĐƯỢC ĂN CƠM PHẬT.....231
XV.6- ĐỨC VUA PASENADI BỚT ĂN.....235
XV.7- ĐẠI ĐỨC TISSA CÚNG DƯỜNG CAO THƯỢNG 239
XV.8- THIÊN VƯƠNG ĐẾ THÍCH SĂN SÓC PHẬT 242
XVI. PHẨM HỶ ÁI.....249
(PIYA VAGGA) 249
XVI.1- BỘ BA CHA - MẸ - CON XUẤT GIA 249
XVI.2- MỘT GIA TRƯỞNG KHÓC CON.....256
XVI.3- TÍN NỮ VISĀKHĀ KHÓC CHÁU GÁI.....260
XVI.4- CÁC VƯƠNG TỬ LICCHAVĪ GIÀNH KỲ NỮ 263
XVI.5- CÔNG TỬ ANITTĀGANDHA 266
XVI.6- ÔNG BÀ LA MÔN THẤT HỨA.....270
XVI.7- NĂM TRĂM CẬU BÉ DÂNG BÁNH ĐẾN NGÀI KASSAPA 274
XVI.8- ĐẠI ĐỨC A NA HÀM.....278
XVI.9- NANDIYA VỀ TRỜI.....281
XVII. PHẨM PHẪN NỘ.....287

(KODHA VAGGA) 287
XVII.1- THÍCH NỮ ROHINĪ 287
XVII.2- TỲ KHƯU ĐỐN CÂY RỪNG 293
XVII.3- TÍN NỮ UTTARĀ 297
XVII.4- MOGGALLĀNA VẤN ĐẠO 306
XVII.5- CHƯ TĂNG VẤN ĐẠO 310
XVII.6- NỮ TỲ PUNṆĀ 314
XVII.7- THIỆN NAM ATULA 318
XVII.8- NHÓM TỲ KHƯU LỤC SƯ 326
XVIII. PHẨM CẤU UẾ 332
(MALA VAGGA) 332
XVIII.1- CON TRAI ÔNG HÀNG BÒ 332
XVIII.2- ÔNG BÀ LA MÔN TUẦN TỰ 341
XVIII.3- ĐẠI ĐỨC TISSA GIỮ Y 344
XVIII.4- ĐẠI ĐỨC LOḶUDĀYI DỐT PHÁP 348
XVIII.5- MỘT CÔNG TỬ BỊ CẮM SỪNG 352
XVIII.6- TỲ KHƯU CŪḶASĀRI TÀ MẠNG 357
XVIII.7- NĂM CẬN SỰ NAM (VỚI NĂM GIỚI) 362
XVIII.8- TISSA NHÀ SƯ TRẺ (HAY CHÊ) 367
XVIII.9- NĂM CẬN SỰ NAM THÍNH PHÁP 372
XVIII.10- TRƯỞNG GIẢ MEṆḌAKA 377
XVIII.11- ĐẠI ĐỨC UJJHĀNASAÑÑĪ 386
XVIII.12- DU SĨ SUBHADDA 389
XIX. PHẨM PHÁP TRỤ 394
(DHAMMAṬṬHA VAGGA) 394
XIX.1- CÁC QUAN TÒA 394
XIX.2- NHÓM LỤC SƯ GÂY RỐI 399
XIX.3- ĐẠI ĐỨC EKUDĀNA 402
XIX.4- ĐẠI ĐỨC LAKUṆṬAKA BHADDIYA 406
XIX.5- NHIỀU VỊ TỲ KHƯU THAM VỌNG 410
XIX.5- HATTHAKA TRỚ TRÊU 414
XIX.6- THẦY BÀ LA MÔN KHẤT SĨ 418
XIX.7- NGOẠI ĐẠO LÀM THINH 422
XIX.8- NGƯỜI DÂN CHÀI TÊN ARIYA 427
XIX.9- NHIỀU VỊ TỲ KHƯU TỰ MÃN 430

XI. PHẨM LÃO
(JARĀVAGGA)
11 bài kệ: Pháp Cú số 146 - 156
9 tích truyện

☸

XI.1- Tích BẠN BÀ THIỆN CHI SAY
(Visākhāya Sahāyikānaṃ vatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 146)

"Ko nu hāso kimānando,	***"Cười gì, hân hoan gì,***
Niccaṃ pajjalite sati;	***Khi đời mãi bị thiêu?***
Andhakārena onaddhā,	***Bị tối tăm bao trùm,***
Padīpaṃ na gavesatha".	***Sao không tìm ngọn đèn?".***

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết khi ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến những người bạn của bà Visākhā (Thiện Chi).

Tương truyền rằng: Có năm trăm thanh niên con nhà lễ giáo, mỗi người tự giao vợ mình đến nhà bà Visākhā bảo hộ, mong rằng các cô vì thế mà trở nên người có nết hạnh không dễ duôi. Nếu các cô đi công viên hoặc đi chùa thì phải cùng đi với bà, chớ không được đi một mình.

Một thời gian nọ, các cô rủ nhau bày tiệc rượu suốt bảy ngày. Giữa cuộc lễ tưng bừng huyên náo, mỗi cô tự chiêu đãi hầu rượu chồng mình. Các thanh niên vui chơi cuộc lễ rượu suốt bảy ngày. Đến ngày thứ tám, họ phải xuất hành, ra đi làm công việc nọ, tuỳ theo nghề nghiệp. Các phụ nữ ở nhà rủ nhau: "Trước mặt chồng chúng ta không được uống rượu. Số rượu còn dư đây chúng ta sẽ uống lén, đừng cho các ông biết!".

Các cô cũng đến yêu cầu bà Visākhā:

- Thưa bà, chúng con muốn đi ngoạn cảnh công viên.

- Lành thay! Vậy các cô hãy lo sắp xếp mọi việc rồi khởi hành!

Nghe vậy, các cô vầy đoàn cùng đi, lén cho người mang rượu theo đến công viên, uống cho say rồi đi lang thang.

Bà Visākhā suy nghĩ: " Việc các cô này đã làm thật không thích đáng! Rồi đây hàng phụ nữ sẽ chê trách rằng: "Bây giờ các Nữ Thinh văn, đệ tử của Sa môn Gotama đã uống rượu và đi lang thang!".

Nghĩ rồi bà kêu các cô mà bảo rằng:

- Này các cô! Việc các cô đã làm thật không thích đáng! Chính ta cũng bị mang tiếng xấu lây. Chồng các cô sẽ nổi giận. Bây giờ, các cô liệu sao đây?

- Thưa cô! Chúng con sẽ giả đò làm như mình có bệnh vậy!

- Nếu vậy, các cô hãy ý thức rõ rệt cái nghiệp tự các cô làm nhé!

Những phụ nữ ấy về nhà, giả đò có bịnh. Các ông chồng của họ thấy vắng vợ, hỏi thăm người khác, nghe nói vợ mình bịnh, suy nghĩ rồi liền nghi: "Chắc chắn mấy cô này đã uống số rượu còn dư". Sau khi đánh đập vợ, các thanh niên cảm thấy buồn khổ vì mình bất hạnh.

Thế nhưng, một thời gian sau, các cô lại tổ chức lễ tiệc như trước, để rồi lại thèm uống rượu, họ rủ nhau đến yêu cầu bà Visākhā:

- Thưa bà, xin bà dắt chúng con đi dạo công viên!

Bà Visakha từ chối, nói:

- Lần trước, các cô đã làm ta mang tiếng xấu lây. Thôi các cô hãy đi, ta không dắt các cô đâu!

Các phụ nữ đấu dịu rằng:

- Bây giờ chúng con không làm vậy nữa đâu. - Và họ theo năn nỉ rằng.

- Thưa bà! Chúng con có ý muốn cúng dường đến Đức Phật, xin bà hoan hỷ dắt chúng con đến chùa!

- Bây giờ các cô hãy sắp xếp chuẩn bị rồi đi nhé!

Các phụ nữ cho người mang theo lễ vật, nhất là hương và tràng hoa đựng trong những cái tráp, còn mình thì mang những nhạo rượu đầy lên vai, bên ngoài mặc y rộng che khuất, đồng đi đến chỗ bà Visākhā để cùng đi với bà vào chùa, ngồi yên chỗ rồi mới lấy nhạo rượu ra uống, uống xong ném bỏ cái nhạo rồi mới vào giảng đường, ngồi ngay Đức Bổn Sư. Bà Visākhā bèn mở lời:

- Bạch Thế Tôn! Xin Ngài hoan hỷ thuyết pháp cho các cô đây nghe!

Các phụ nữ đã uống say, thân hình lắc lư, khởi tâm muốn nhảy múa và ca hát. Nhân đó Chư Thiên Ma Vương nghĩ rằng: "Bây giờ chúng ta sẽ nhập xác các cô này và sẽ biểu diễn những trò lố lăng trước mặt Sa môn Gotama!".

Nghĩ rồi, Chư Thiên Ma nhập vào xác các phụ nữ say rượu. Một số các cô đứng ngay trước Đức Bổn Sư vỗ tay rồi cười. Một số nữa thì nhảy múa như khiêu vũ.

Đức Bổn Sư tự hỏi: "Cái chi đây?". Khi quán biết rõ lý do, Ngài tự nói: "Bây giờ, ta sẽ không để cho Chư Thiên Ma Vương được phép xuống đây làm nhăng. Quả thật, suốt thời gian ta bổ túc pháp Thập Độ Ba La Mật, Chư Thiên Ma Vương chưa hề có dịp xuống đây làm nhăng". Thế rồi, Đức Bổn Sư từ những lông chân mày (Uṇṇo - Bạch hào mi), phóng một tia sáng để làm cho Chư Thiên kinh cảm. Ngay lúc ấy, trời đất bỗng trở nên tối đen như mực.

Các phụ nữ hoảng hốt, đâm ra sợ chết. Do đó, chất rượu trong bụng các cô tiêu tan.

Bậc Đạo Sư biến mất từ trên bảo toạ, hiện ra đứng trên đỉnh núi Tu Di, phóng ra một hào quang từ chùm lông trắng giữa hai chân mày. Ngay lúc ấy, trời đất sáng rực như được hàng ngàn mặt trăng chiếu rọi vậy.

Bấy giờ, Bậc Đạo Sư mới gọi những phụ nữ ấy mà dạy rằng:

- Các cô khi đến với ta, đã đến với tâm dễ duôi. Đúng ra, các cô không nên dễ duôi như vậy! Vì một khi Chư Thiên Ma Vương có dịp nhập xác các cô rồi, họ đã khiến các cô cười ở chỗ không đáng cười, vỗ tay ở chỗ không đáng vỗ tay v.v… Giờ đây, các cô phải ráng tinh tấn, lo dập tắt các ngọn lửa, nhất là lửa tham ái…

Nói rồi, Đức Bổn Sư ngâm kệ rằng:

"Ko nu hāso kimānando,
Niccaṃ pajjalite sati;
Andhakārena onaddhā,
Padīpaṃ na gavesatha".

Làm sao vui cười, có gì thích thú, khi ở trong cõi đời luôn luôn bị thiêu đốt? Ở trong chỗ tối tăm, bưng bít, sao không tìm ánh sáng quang minh?

CHÚ GIẢI:

Ý nghĩa của kệ ngôn này là:

Ānando* = *Tuṭṭhi: vui thích (khánh hỷ).

Như Đức Phật đã thuyết, nơi thế gian mà chúng sanh chung sống có mười một thứ lửa[(1)], nhất là lửa tham ái hằng thiêu đốt. Có chi mà các ngươi cười hoặc vui thích? Đừng nên hành động như thế há chẳng tốt hơn sao? Cõi đời quả thật đang bị sự tối tăm vô minh bao trùm, các ngươi đáng lẽ phải lo phá huỷ sự tối tăm. Tại sao không đi tìm ngọn đèn Trí Tuệ?

Cuối thời pháp, năm trăm phụ ấy chứng quả Dự Lưu. Khi biết các phụ nữ ấy an trú trong đức tin bất động, Bậc Đạo Sư từ đỉnh núi Tu Di biến mất, hiện lên ngự tọa trên Phật Bảo Toạ.

Khi ấy, bà Visākhā thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn, chất rượu quả thật là ác hại. Nó đã khiến phụ nữ này đang ngồi ngay trước mặt một vị Phật như Ngài mà không thể kềm giữ được oai nghi tế hạnh, đã phải đứng dậy vỗ tay cười cợt, ca hát, nhảy múa lố lăng như thế!…

Đức Bổn Sư xác nhận:

- Phải đó! Này Visākhā, các chất say có tên là rượu đó, đều ác hại như thế cả. Vì chúng mà người ghiền phải sa đoạ, sống đời sống bất hạnh hàng trăm ngàn kiếp.

Nghe đến đây bà Visākhā vội hỏi:

- Bạch Ngài, những người ấy thọ sanh vào thời nào?

Nghe hỏi, Đức Thế Tôn đã đem câu chuyện quá khứ kể lại để giảng rộng cái hại của sự uống rượu, như đã ghi trong Bổn Sanh Cái Bình Nước (Kumbha).

[1] Mười một thứ lửa là: lửa tình, sân, si, sanh, già, tử, sầu, bi, khổ, ưu, não.

Dịch Giả Cẩn Đề

Mượn cớ đi chùa, uống rượu say,
Bị Ma nhập xác, múa chân tay,
Năm trăm phụ nữ đang cười cợt,
Bị tối bao trùm, tỉnh rượu ngay!
Phật hiện ngồi trên núi Tu Di,
Phóng quang thuyết pháp, phá hoài nghi,
Chỉ rành tai hại của men rượu,
Độ hết các bà bạn Thiện Chi.

DỨT TÍCH BẠN BÀ THIỆN CHI SAY



146. Sao cười gì vậy, có gì vui, khi lửa mãi thiêu đốt cuộc đời? Đang bị bao trùm trong bóng tối, sao không tìm kiếm ngọn đèn soi?

XI.2- Tích NÀNG XÍ RÍ MA

(Sirimāvatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp cú số 147)

"Passa cittakataṃ bimbaṃ,	***"Hãy xem bong bóng đẹp,***
Arukāyaṃ samussitaṃ;	***Chỗ chất chứa vết thương,***
Āturaṃ bahusaṅkappaṃ,	***Bệnh hoạn nhiều suy tư,***
Yassa natthi dhuvaṃ ṭhiti".	***Thật không gì trường cửu".***

Kệ Pháp cú này Đức Thế Tôn đã thuyết khi ngự tại Veḷuvana (Trúc Lâm), đề cập đến nàng kỹ nữ Sirimā (Xí Rí Ma).

Tương truyền rằng: Nàng Sirimā là nàng kỹ nữ tuyệt sắc của thành Sāvatthī (Vương Xá). Trong một hạ (Mùa mưa) đã gây thiệt hại đến nàng Uttarā (Út Tá Ra), là con gái của ông Bá hộ Puṇṇaka (Pun Ná Ká), và là dâu của ông bá hộ Sumana (Xú Má Ná), rồi sau ăn năn hối lỗi, muốn cho được trong sạch, nàng đã thỉnh Đức Bổn Sư cùng với Tăng chúng đến tại nhà nàng Uttarā thọ lễ Trai Tăng để cho nàng xin sám hối. Ngày ấy, sau khi thọ thực, Đức Thập Lực đã chúc phúc bằng bài kệ này:

"Akkodhena jine kodhaṃ
Asādhuṃ sādhunā jine
Jine kadariyaṃ dānena
Saccenālikavādinanti".

"Lấy Từ thắng nóng giận,
Lấy Thiện thắng ác hung,
Lấy Thí thắng xan tham,
Lấy Chơn thắng hư nguỵ".

Nghe dứt bài kệ, nàng Sirimā đắc quả Nhập Lưu. Trên đây là tóm lược đại ý, câu chuyện được giải rộng rõ ràng hơn trong Chú Giải kệ ngôn số 223, Phẩm Phẫn Nộ (Kodhavagga).

Khi chứng đạt Dự Lưu rồi, nàng Sirimā cung thỉnh Đức Thế Tôn cùng chư Tăng vào sáng hôm sau đến thọ đại lễ Trai Tăng và nguyện xin để bát thường xuyên một nhóm Tăng tám vị. Từ đó trở đi, hàng ngày có tám vị Tỳ Kheo đi đến nhà nàng.

- Thỉnh các Ngài hãy nhận sữa chua, thỉnh các Ngài thọ sữa tươi.v.v... - Nói rồi nàng chế sữa chua vào đầy bát Chư Tăng. Mỗi bát có thể đủ cho cả ba, bốn vị dùng. Hàng ngày, nàng sớt ra mười sáu đồng tiền vàng để cúng dường sớt bát.

Ngày nọ, một vị Tỳ khưu sau khi độ cơm bát dâng đến tám vị nơi nhà của nàng Sirimā, đã đi đến một ngôi chùa cách xa độ ba do tuần. Khi ấy chư Tỳ Khưu đang ngồi hầu quanh vị Thượng Tọa của mình, hỏi sư:

- Đạo hữu thọ bát ở đâu mà về đây vậy?

- Tôi độ phần cơm của nàng Sirimā để bát đến Tăng Tám vị.

- Thí chủ có hoan hỷ dâng cúng không, đạo hữu?

- Thưa các Ngài! Việc dâng cúng của nàng, thật không thể nào tán dương cho xiết. Nàng dâng cúng thực phẩm hoàn toàn, mỗi bát cỡ sức ba, bốn Tỳ Khưu độ cũng đủ. Chẳng những thế thôi, nàng còn tuyệt đẹp và biết cách làm phước để bát một cách khéo léo, duyên dáng hết chỗ chê v.v...

Khi ấy, có một vị Tỳ Khưu nghe vị khách Tăng ca tụng ân đức của nàng Sirimā, tuy chưa được thấy mặt nàng mà đã phát tâm luyến ái nàng, nên nói thầm rằng: "Ta Phải đi coi mắt nàng mới được!". Vị ấy bèn bạch xin phép Sư cả của mình rồi hỏi thăm vị khách Tăng về cách thức phân phối thẻ lấy bát.

- Ngày mai đạo hữu vào nhà phát thẻ trước nhất thì ắt sẽ được ở trong nhóm Tăng Tám vị.

Nghe vậy, vị ấy lập tức mang theo y bát ra đi. Từ sáng sớm, mặt trời vừa mọc, vị ấy đã vào đứng trong phòng phát thẻ trước tất cả Tăng chúng, nên lấy được số thẻ đi thọ bát ở nhà cô Sirimā trong nhóm Tăng tám vị.

Bữa hôm qua, sau lúc vị Tỳ khưu khách thọ bát rồi ra đi thì cô Sirimā phát bịnh trong mình cho nên nàng cởi hết đồ nữ trang mà nằm nghỉ.

Sáng hôm sau, khi nhóm tỳ nữ trông thấy các Tỳ khưu được cấp thẻ trong nhóm Tám vị đi đến thì báo cho cô chủ biết. Nàng không thể tự tay rước bát, thỉnh Tăng an toạ, hoặc thỉnh Tăng vào nhà, nên gọi các tỳ nữ bảo rằng:

- Này các em! Các em hãy rước bát và thỉnh Tăng ngồi rồi dâng cháo sáng và bánh ngọt điểm tâm, rồi tới giờ cơm, hãy để cơm canh đây mà dâng nhé!

Họ thỉnh Tăng vào nhà, dâng cháo và bánh ngọt điểm tâm, đến giờ cơm, họ để cơm canh đầy bát rồi báo tin cho cô chủ biết. Cô bảo:

- Này các em, hãy đỡ ta dậy, dìu ta ra đảnh lễ các Trưởng Lão!

Các nữ tỳ đỡ dìu nàng ra gần chư Tăng, nàng lảo đảo quỳ xuống đảnh lễ các Ngài. Vị Tỳ khưu cố tình nhìn nàng rồi nghĩ thầm: "Đang bịnh mà nàng còn sắc đẹp như vậy, huống chi lúc mạnh khoẻ đeo đủ đồ trang sức thì có ai mà xinh đẹp bằng nàng?". Khi ấy, trong tâm của vị Tỳ Khưu hằng hà sa số phiền não nổi dậy. Vị ấy đâm ra si tình đến nỗi không thể độ cơm, bèn mang bát vào chùa, đậy nắp lại cất qua một bên, rồi trải y ra nằm chùi lên giường. Một Tỳ khưu bạn thấy, đến yêu cầu, cố ép vị ấy ăn mà không được. Vị ấy tuyệt thực luôn.

Đến chiều ngày ấy thì nàng Sirimā từ trần. Đức vua Bimbisāra (Bình Sa Vương) gửi thông điệp Đức Bổn Sư: "Bạch Thế Tôn! Cháu gái của ngự y Jīvaka là nàng Sirimā đã từ trần".

Bậc Đạo Sư tiếp được thánh chỉ báo tin liền gởi lời phúc đáp rằng: "Lễ thiêu xác nàng Sirimā sẽ không có, xin Đại Vương ra lịnh cho đem thi hài của nàng đặt trong bãi tha ma nào đó và cho người gìn giữ, đừng để quạ và chó cắn xé, ăn mất xác ấy".

Đức Vua làm theo chỉ thị của Bậc Đạo Sư. Ba ngày lần lượt trôi qua, đến ngày thứ tư cái tử thi sình lên, nước vàng rịn chảy ra theo chín lỗ (cửu khiếu). Trọn cả thi thể nứt nở ra như chén cơm nếp (Sāli).

Đức Vua truyền cho người đi đánh trống loan tin khắp thành phố rằng: "Trừ trẻ con ở nhà giữ, ai không đi xem tử thi của nàng Sirimā thì phải nộp phạt tám đồng tiền vàng". Và Đức Vua cũng phái người đến thỉnh chư Tăng có Đức Phật dẫn đầu, đến khám thi thể của nàng Sirimā.

Bậc Đạo Sư gọi chư Tăng và bảo:

- Này Chư Tỳ khưu! Chúng Ta sẽ đi thăm viếng nàng Sirimā.

Vị Tỳ Khưu trẻ ấy suốt bốn ngày qua, không nghe tin tức chi hết, cứ nằm lỳ tuyệt thực. Phần cơm trong bát của vị ấy đã thiu thúi. Cái bát đã đóng bợn nhơ. Khi ấy, một Tỳ khưu bạn của vị ấy đến báo tin:

- Này đạo hữu! Bậc Đạo Sư cùng Tăng chúng sắp đi viếng thăm nàng Sirimā!

Mặc dù đã nhịn đói lả người vậy, nhưng vừa nghe nhắc đến tên nàng Sirimaā, vị ấy đã vụt dậy hỏi:

- Đạo hữu nói gì?

Khi nghe lặp lại rằng: "Đức Bổn Sư đi thăm nàng Sirimā, chắc đạo hữu cũng đi chớ?".

- Dạ phải! Tôi sẽ đi chứ!

Sau khi đổ cơm, rửa bát sạch, bỏ vào trong cái túi dèm, vị ấy cùng đi với Chư Tăng. Đến thi lâm, Bậc Đạo Sư có Chư Tăng vây quanh đứng ở một lối, chư Tỳ Khưu Ni, các quan viên, các Cận sự nam và các Cận sự nữ, mỗi nhóm đều đứng riêng một lối phân biệt nhau.

Bậc Đạo Sư hỏi Đức Vua rằng:

- Tâu Đại Vương! Nàng ấy là ai vậy?

- Bạch Thế Tôn, đó là cháu gái của Ngự y Jīvaka tên là Sirimā.

- Nàng đó là Sirimā ư?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Nếu thế xin Đại Vương cho người cổ động truyền rao khắp kinh thành rằng: "Hãy trả một ngàn đồng vàng mà lấy nàng Sirimā".

Đức Vua làm y theo lời dạy, nhưng chẳng có ai ứng tiếng lên giành: "Để nàng Sirimā cho tôi!" cả. Đức Vua bèn báo tin cho Bậc Đạo Sư biết.

- Bạch Thế Tôn, không có ai mua cả.

- Nếu thế, xin Đại vương sụt bớt giá!

Đức vua cho người đi cổ động truyền rao rằng: "Hãy trả năm trăm đồng mà lấy nàng đi". Nhưng vẫn không thấy có ai chịu mua với giá đó cả.

Đức Vua lại cho người cổ động đi rao sụt giá lần lần từ hai trăm năm mươi đồng xuống hai trăm, rồi một trăm, năm chục, hai mươi lăm đồng, xuống đến mười đồng, năm đồng, một đồng, nửa đồng, một bạt, một cắc, một xu. Và cuối cùng Đức vua cho đánh trống truyền rao rằng: "Hãy lấy không nàng Sirimā!", nhưng tuyệt nhiên không

một ai ứng tiếng lên giành, nói: "Để tôi, để tôi" cả. Đức Vua trình cho Đức Bổn Sư biết:

- Bạch Thế Tôn! Dầu cho không cũng chẳng có ai chịu lấy nàng Sirimā cả!

Nhân đó, Đức Bổn Sư dạy Chư Tăng rằng:

- Này các Tỳ khưu! Các thầy hãy coi đó! Người nữ mà quần chúng đã từng yêu mến đang nằm đây, lúc trước ở thành, người ta phải trả một ngàn đồng vàng mới được gần nàng một ngày, còn bây giờ đây, dầu cho không cũng chẳng có ai thèm lấy. Sắc đẹp có tướng sanh diệt như thế ấy, này các Tỳ khưu, hãy suy ngẫm về cái tự ngã (xác thân) uế trược này vậy!

Nói rồi Đức Bổn Sư ngâm bài kệ rằng:

"Passa cittakataṃ bimbaṃ,
Arukāyaṃ samussitaṃ,
Āturaṃ bahusaṅkappaṃ,
Yassa natthi dhuvaṃ ṭhiti".

Hãy ngắm xác thân tốt đẹp này chỉ là đống xương lở lói, chồng chất tật bịnh, đã được người ta tưởng là êm ái, trong đó tuyệt đối không có gì trường cửu.

CHÚ GIẢI:

Cittakataṃ: Trang sức, trang điểm bằng y phục, vòng hoa, ngọc ngà v.v... để coi cho đẹp mắt.

Bimbaṃ: cái tự ngã được lập thành có đủ mình, đầu và tay chân.

Arukāyaṃ: nhiều sự đau nhức, do nơi cửu khiếu là chín lỗ trong thân như chín vết thương hằng chảy máu mủ ra, chín lỗ là hai mắt, hai tai, hai lỗ mũi, một miệng, một đường đại, một đường tiểu.

Samussitaṃ: Bộ xương người gồm có 300 khúc xương hiệp lại.

Āturaṃ: Luôn luôn lúc nào cũng phải lo chăm sóc, nhất là bốn oai nghi, vì xác thân hằng bịnh hoạn.

Yassa Nathi dhuvaṃ ṭhiti: Sự trường tồn hoặc sự bền vững của thân này không có. Chỉ nên nhìn thấy khía cạnh tan vỡ, rã rời, tiêu hoại mà thôi.

☸

Cuối thời pháp, tám mươi bốn ngàn chúng sanh chứng đắc pháp nhãn (Tu Đà Hườn đạo), vị Tỳ Khưu ấy cũng đắc Tu Đà Hườn quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Vương Xá có nàng Xí Rí Ma,
Mặt hoa, da phấn, tợ tiên nga!
Thấy nàng đau yếu, duyên còn thắm,
Một vì Tỳ Khưu mến thiết tha!...
Nàng chết bốn ngày thây đã sình,
Tỳ Khưu nằm liệt bởi si tình,
Chợt nghe tiếng gọi, liền nhổm dậy,
Đi viếng "người yêu" với đệ huynh.
Than ôi, người đẹp biến đâu rồi?
Đây chỉ còn trơ xác thúi thôi!
Cửu khiếu giòi bò ra lúc nhúc,
Còn ai muốn lấy vật tanh hôi?...

DỨT TÍCH NÀNG SIRIMĀ



147. Hãy nhìn thân thể khéo tô điểm hoặc chăm sóc này, thật ra đầy bệnh tật bên trong. Nó không bao giờ trường cửu cả.

XI.3- Tích TRƯỞNG LÃO NI ÚT TÁ RA BỊ TÉ

(Uttarāttherīvatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 148)

"Parijiṇṇamidaṃ rūpaṃ,	***"Sắc này bị suy già,***
Roganiddhaṃ pabhaṅguraṃ,	***Ổ tật bệnh, mong manh,***
Bhijjati pūti sandeho,	***Nhóm bất tịnh, đổ vỡ,***
Maraṇantaṃ hi jīvitaṃ".	***Chết chấm dứt mạng sống".***

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư thuyết lên khi ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến Trưởng Lão Ni Út Tá Ra (Uttarā).

Tương truyền rằng: Trưởng Lão Ni Uttarā có tuổi thọ là một trăm hai mươi tuổi. Sau khi đi khất thực, thọ được cơm bát, trở về dọc đường bà gặp một vị Tỳ khưu. Bà hỏi vị ấy về việc đi bát và xin để bát cúng dường vị ấy. Vị ấy từ chối một vài lần rồi lặng thinh thọ bát. Bà dâng hết vật thực cho vị Tỳ khưu rồi chịu nhịn đói.

Đến ngày thứ hai, ngày thứ ba cũng như thế, Trưởng lão Ni Uttarā đã nhịn đói trọn cả ba ngày như trước. Vào ngày thứ tư, khi trời rựng sáng, với Phật Tuệ Đức Thế Tôn trông thấy duyên lành đạo quả của Nữ Ni Uttarā đã chín muồi, nên Ngài ngự đi khất thực trên con đường mà bà Uttarā sẽ đi.

Trưởng Lão Ni đi trì bình trong chỗ đông người, chợt thấy Đức Thế Tôn, bà vội vàng tách khỏi đám đông. Bất ngờ vạt y của bà thòng xuống đất, bà vấp phải nó và không thể gượng dứng nên té xuống đất. Bậc Đạo Sư ngự đến gần bà, phán rằng:

- Này Uttarā! Xác thân (tự ngã) của ngươi nay đã già yếu rồi, chẳng bao lâu nó sẽ vỡ tan!

Nói rồi Đức Bổn Sư ngâm kệ rằng:

"Parijiṇṇamidaṃ rūpaṃ,
Roganiddhaṃ pabhaṅguraṃ,
Bhijjati pūti sandeho,
Maraṇantaṃ hi jīvitaṃ".

Cái hình hài suy già này, là cái rừng tập trung bệnh tật, dễ hư nát. Đã có tụ tất có tan, có sanh tất có tử.

☸

CHÚ GIẢI:

Bài kệ này có ý nghĩa rằng: "Này Uttarā, cái sắc có tên là xác thân của cô đây, nó đã già yếu vì chất nhiều tuổi thọ rồi, và nó là khu rừng bịnh tật vì là chỗ chứa đủ thứ bịnh tật. Chẳng khác nào con chó rừng tuy còn trẻ, người ta cũng gọi là con chó rừng già (con cáo già) hoặc dây thúi địch (Galocilatā). Cái xác thân hư thối này nó dễ hư hoại vì luôn luôn có nước rơ rịn chảy đều đều, cũng y chang như vậy, mặc dầu khi mới sanh ra sắc nó óng chuốt như vàng ròng. Hễ cái xác thúi tan rã như thế nào thì xác thân của cô, không bao lâu nữa, cũng sẽ tan rã như thế ấy. Tại sao vậy? Tại vì

mạng sống sẽ kết liễu bằng sự chết, cho nên tất cả chúng sanh hiện còn sống rốt cuộc rồi cũng phải cịu chết đều nhau cả thảy".

Cuối thời pháp, Trưởng Lão Ni đắc Tu Đà Hườn quả, kỳ dư đại chúng đều hưởng lợi ích của sự thính pháp.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Tuổi đã trăm hai vẫn giữ bình,
Ba ngày nhịn bát, cúng sư huynh,
Bữa sau vấp té vì kiệt sức,
Phật đến khuyên bà hãy cảm kinh.
Tự quán: Thân này kiệt quệ rồi,
Chỉ là một ổ bịnh tanh hôi,
Rồi đây, khối trược này tan rã,
Mạng sống tận cùng bởi chết thôi!

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO NI UTTARĀ BỊ TÉ

ꕥ☸ꕥ



This body fragile, the ideal nesting place for disease. Life necessarily ends in death.

148. Nhìn đám xương bạc trắng rải rác quanh đây, làm sao ta còn tham đắm dục lạc nữa?

XI.4- Tích NHÓM TĂNG THƯỢNG MẠN

(Sambahulādhimānikabhikkhuvatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 149)

"Yānimāni apatthāni,	***"Như trái bầu mùa thu,***
Alāpūneva sārade;	***Bị vứt bỏ quăng đi.***
Kāpotakāni aṭṭhīni,	***Nhóm xương trắng bồ câu,***
Tāni disvāna kā rati".	***Thấy chúng còn vui gì?".***

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư thuyết lên khi ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến các Tỳ khưu lầm tưởng mình đắc quả.

Tương truyền rằng: Có năm trăm vị Tỳ khưu sau khi đã học đề mục Chỉ Quán của Bậc Đạo Sư truyền dạy bèn vào rừng cố gắng tinh tấn hành đạo, đắc thiền, nhưng chưa dập tắt hết các phiền não ngủ ngầm, lại tưởng lầm rằng: "Ta đã hoàn tất các phận sự của bậc Xuất gia". Các vị ấy trở về chùa, định sẽ tường trình với Đức Bổn Sư về Đạo quả mà mình đã đắc.

Khi các Tỳ khưu về đến cửa Hương thất, Bậc Đạo Sư bảo với Trưởng lão Ānanda rằng:

- Này Ānanda! Các tỳ khưu ấy không có việc gì cần phải vào giáp mặt Ta ngay. Bảo họ đi đến bãi tha ma nọ, rồi khi trở về hãy yết kiến Ta sau!

Trưởng lão ra đón các Tỳ khưu và cho biết chị thị của Đức Bổn Sư.

Thay vì nói "Chúng ta đến thi lâm nọ để làm gì?", Các vị ấy nghĩ thầm: "Đức Phật hằng thấy xa, chắc rồi đây cái lý do sẽ rõ rệt đối với chúng ta". Các vị ấy bèn đi đến bãi tha ma nọ, nơi đó các vị ấy thấy những tử thi bỏ nằm dưới đất đã một hai ngày. Ngay sau khi được đến gần để quán các tử thi ấy, các hành giả gặp những xác chết mới bị bỏ, còn tươi, khiến các vị ấy khởi lòng tham ái, chừng đó mới nhận thức rằng tâm mình còn chứa phiền não.

Bậc Đại Sư đang ngồi trong hương thất, liền phóng hào quang, thị hiện như ngồi trước các hành giả ấy và thuyết dạy rằng:

- Này các Tỳ khưu! Có đẹp đẽ chăng, khi mà nhìn thấy những bộ xương như vậy, các thầy lại khởi lòng tham ái, thích thú?

Nói rồi Đức Bổn Sư ngâm kệ rằng:

"Yānimāni apatthāni,
Alāpūneva sārade;
Kāpotakāni aṭṭhīni,
Tāni disvāna kā rati".

Trái hồ lô (trái bầu) về mùa thu thì khô tàn, thân này cũng vậy, khi đã hư hoại thì chỉ còn một đống xương màu lông hạc, rõ thật chẳng có gì vui?

☸

CHÚ GIẢI:

Apatthāni = chadditāni: Những bộ xương bị vất bỏ.

Sārade: Trong mùa thu, những trái bầu trắng dài bị vất bỏ lung tung chỗ này, chỗ nọ hằng bị gió nắng làm cho tan hoại.

Kāpotakāni = Kapotakavaṇṇāni: Màu sắc trắng như lông chim bồ câu.

Tāni disvāna: Khi nhìn thấy những bộ xương như vậy, sao các thầy lại vui thích nỗi gì? Há chẳng nên tinh cần chế ngự tâm, đừng cho nó đam mê dục lạc hay sao?

Cuối thời pháp, các Tỳ khưu đắc quả A La Hán ngay tại chỗ đang đứng. Các vị ấy tán thán ân đức của Đức Thế Tôn, rồi đến đảnh lễ Ngài.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Năm trăm Tăng lữ đến rừng xa,
Hành đạo, đắc thiền, ngộ nhận là:
Đắc quả Vô sanh, nên quyết định:
"Về trình hỷ tín với thầy ta!".
Phật bảo: Chư Sư hãy bước vào,
Trong rừng thiêu xác thử xem sao?
Chư sư thấy xác tươi, Tâm động.
Mới biết mình chưa đắc quả cao!
Phật phóng hào quang thuyết dạy rằng:
Những que xương trắng đẹp gì chăng?
Các thầy hết thích khi nhìn nó,
Tất cả đều thành La Hán Tăng.

DỨT TÍCH NHÓM TĂNG THƯỢNG MẠN

ଓ☸ଌ

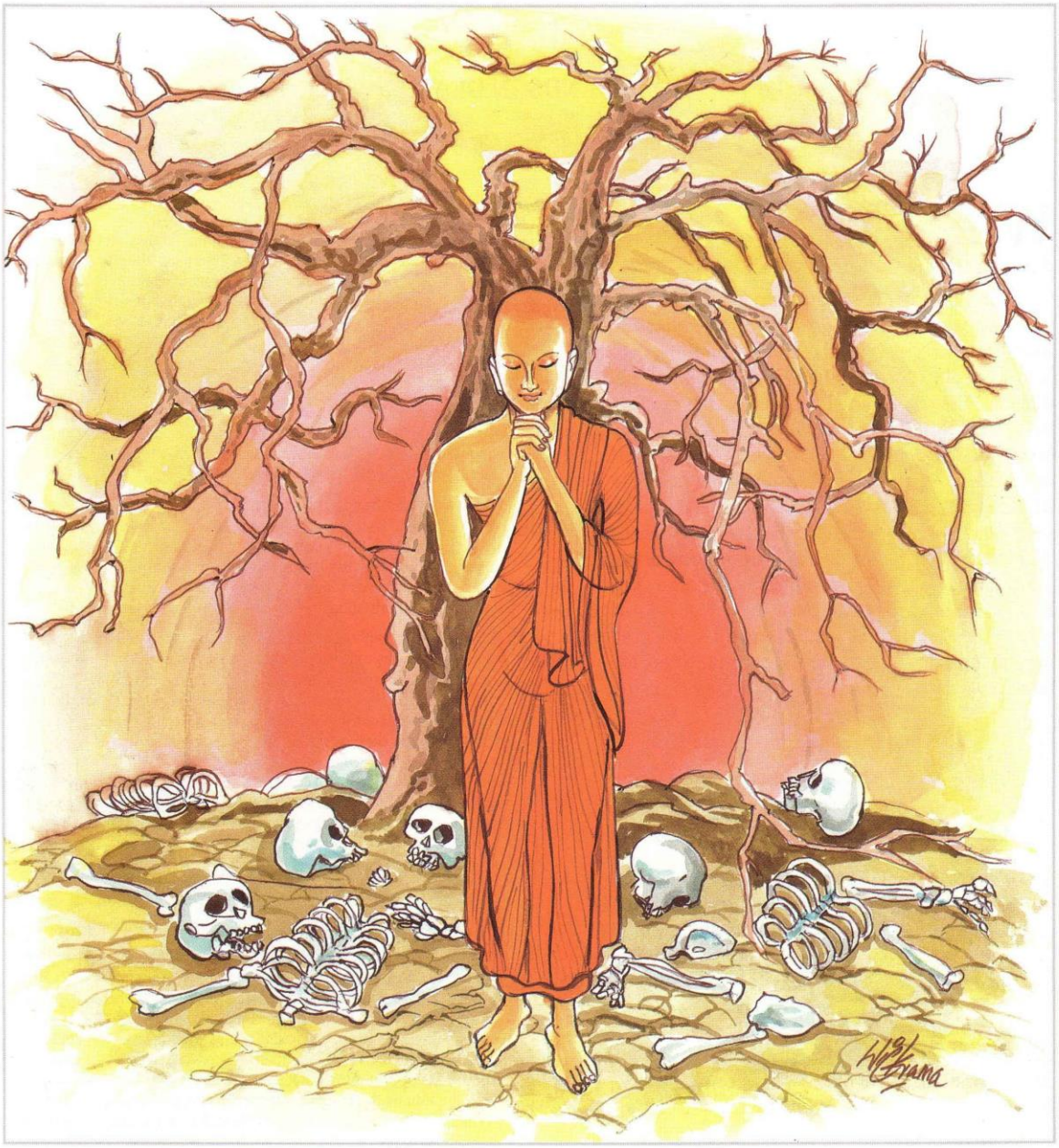

Seeing bleached human bones lying all around, how could there be delight in sensuality.

149. Nhìn đám xương người bạc trắng rải rác quanh đây, làm sao ta còn tham đắm Dục lạc nữa?

XI.5- Tích TỲ KHEO NI SẮC NAN ĐÀ

(Janapadakalyāṇī rūpanandātherīvatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 150)

"Aṭṭhīnaṃ nagaraṃ kataṃ,	***"Thành này làm bằng xương.***
Maṃsalohitalepanaṃ;	***Quét tô bằng thịt máu,***
Yattha jarā ca maccu ca,	***Ở đây già và chết,***
Māno makkho ca ohito".	***Mạn, lừa đảo chất chứa".***

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư thuyết lên khi ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến Tỳ Kheo Ni Rūpanandā (Sắc Nan Đà), nguyên là một hoa hậu ở Ấn Độ.

Tương truyền rằng: Ngày nọ, cô ấy nghĩ rằng:

- Anh cả ta đã từ khước vương vị mà đi xuất gia rồi, thành một vị Phật, là bậc Tối Thượng Nhân trong cõi thế, con trai Ngài là Thái tử Rāhula (Ra Hầu La) cũng là bậc xuất gia trong Giáo Pháp của Đức Thế Tôn. Ở trong một gia đình có bấy nhiêu quyến thuộc đã xuất gia như thế, ta sẽ làm gì bây giờ? Ta sẽ xuất gia cho rồi!

Cô bèn đi đến tịnh xá Tỳ khưu Ni mà xuất gia, vì tình yêu thương quyến thuộc, chứ không phải do đức tin. Cô là người có nhan sắc tuyệt đẹp, do đó được mệnh danh là Sắc Nan Đà, nghĩa là phụ nữ ưa thích sắc đẹp (Sắc Khánh Hỷ - Rūpanandā).

Cô nghe đồn Đức Bổn Sư thuyết pháp dạy rằng: "Sắc là Vô thường, là Khổ não, là Vô ngã. Thọ... Tưởng... Hành... Thức... là Vô thường, là Khổ não, là Vô ngã", nên tự nghĩ: "Các sắc đáng mến yêu, đáng vui thích, đáng hoan hỷ như thế mà Ngài lại khinh chê, bài bác!". Do đó, cô không bao giờ đến giáp mặt Đức Bổn Sư.

Bấy giờ, thị dân ở thành Sāvatthī (Xá Vệ), vào ngày Uposatha (Bố Tát), từ sáng sớm đã cúng dường Trai Tăng và Thọ Giới Bát Quan, buổi chiều họ khoác y sạch sẽ, tay mang lễ vật, nhất là hương và tràng hoa, tập họp tại Kỳ Viên nghe Pháp. Nghe Pháp rồi, họ trở vào thành, vừa đi vừa đàm luận về Ân đức của Bậc Đạo Sư.

Quả thật trong bốn hạng chúng sanh sống chung trên thế gian này, ít ai tiếp xúc với Đức Bổn Sư mà không phát sanh đức tin trong sạch. Bốn hạng chúng sanh ấy là:

1- Những người thích sắc tướng (Rūpappamāṇikā) phát tâm trong sạch khi thấy kim thân có màu vàng ròng tinh anh thanh tịnh cùng với 32 tướng tốt và 80 tướng phụ của Ngài.

2- Những người thích âm thinh (Ghosappamāṇikā) phát tâm trong sạch khi nghe âm thanh điêu luyện của tiếng Ngài thuyết Pháp. Đây là hạng chúng sanh đã từng nghe Pháp từ các vị Phật quá khứ hoặc các Bậc Đại nhân Bồ Tát thuyết giảng trong quá khứ và trong hiện tại, lời giảng Pháp của Đấng Như Lai hội đủ tám chi phần Thánh Đạo.

3- Những người thích sự khổ hạnh (Lūkhappamāṇikā), thì phát tâm trong sạch vì thấy Ngài hành Đầu Đà, nhất là đắp y phấn tảo (Cīvarādilūkhataṃ).

4- Những người thích Pháp (Dhammappamāṇikā), thì phát tâm trong sạch khi so sánh thấy Đức Thế Tôn là bậc trác tuyệt, xuất chúng, ưu việt, không ai bì kịp về mặt ân đức Tam Học, đáng làm gương mẫu: "Giới của Đức Thập Lực là như thế, Định là như thế, Tuệ là như thế...". Những lời của họ ca tụng ân đức của Đức Thế Tôn, không miệng nào kể lại cho hết được.

Ni cô Rūpanandā lúc gần gũi các Tỳ khưu Ni và các Tín nữ nghe họ thường tán dương ân đức của Đức Thế Tôn thì tự nghĩ: "Thiên hạ họ ca tụng anh ta thái quá như vậy, thế mà một bữa nọ, anh ấy lại nói với ta về tội của sắc đẹp, có lẽ rồi anh sẽ đề cao sắc đẹp! Chi bằng ta cùng đi chung với các Tỳ khưu Ni, nhưng ẩn núp đừng cho Đức Thế Tôn thấy ta, để nghe Ngài thuyết Pháp".

Khi ấy, Ni cô thổ lộ với các Tỳ khưu Ni rằng:

- Hôm nay tôi sẽ đi nghe thuyết Pháp.

Các Tỳ khưu Ni rất hoan hỷ dắt Ni cô ra đi, vì nghĩ rằng: "Quả thật lâu rồi Rūpanandā không chịu đi yết kiến, hầu hạ Đức Thế Tôn, hôm nay lại đổi ý muốn được nghe Ngài vì mình mà thuyết Pháp".

Còn Ni Cô Rūpanandā, từ lúc khởi hành trở về sau, cứ nghĩ thầm rằng: "Ta sẽ không bao giờ xuất đầu lộ diện!".

Đức Bổn Sư biết trước rằng: "Hôm nay, Rūpanandā sẽ đến yết kiến Ta. Vậy Ta nên thuyết Pháp nào thích hợp với cô ấy đây?". Sau khi quán xét, Ngài thấy: "Cô này chú trọng về sắc đẹp, quá ái luyến về thân xác của mình, như lấy gai lể gai, Ta cần phải dùng đến một sắc đẹp để đè bẹp sự say mê sắc đẹp của cô mới được".

Quyết định rồi, Bậc Đạo Sư dùng thần thông hoá hiện ra một giai nhân tuyệt sắc, khoảng mười sáu tuổi xuân, mặc xiêm y màu đỏ thắm, toàn thân đeo đầy nữ trang rực rỡ, một tay đang cầm quạt đứng hầu Ngài ngay khi Ni cô Rūpanandā vừa vào chùa. Mỹ nữ ấy, chỉ có Bậc Đạo Sư và nàng Rūpanandā trông thấy mà thôi.

Ni cô này cùng các Tỳ khưu Ni vào chùa rồi thì đứng núp sau lưng các Tỳ khưu Ni. Sau khi gieo năm vóc xuống đảnh lễ Đức Thế Tôn, cô ngồi xen giữa các Tỳ khưu Ni mà nhìn Ngài từ dưới chân trở lên, thấy đầy đủ những tướng tốt và tướng phụ với kim thân có hào quang toả rộng ra cả sải tay. Kế đến, Ni cô nhìn lên gương mặt tròn đầy như trăng rằm của Ngài thì ngó thấy mỹ nữ đang đứng trong cái rạp. Nhìn mỹ nữ rồi quay lại ngắm mình, Ni cô tự hạ ví mình như con quạ đen đứng trước con Hạc chúa màu vàng ròng vậy. Từ lúc nhìn thấy mỹ nữ là người đẹp do thần thông hoá hiện, hai mắt của Ni cô không rời đối tượng đó. Ni cô nghĩ thầm: "Chao ôi, tóc cô này đẹp quá! Ôi, các tướng cô hảo quang minh! Khắp mình cô chỗ nào cũng sang quý, hấp dẫn cả". Ni cô sanh lòng yêu mãnh liệt nhan sắc đó.

Khi biết cô rất thích thú với đối tượng đó, Bậc Đạo Sư vừa thuyết pháp vừa khiến cho cái sắc ấy vượt qua trạng thái mười sáu tuổi xuân lên đến hai mươi tuổi.

Ni cô Rūpanandā nhìn thấy sự thay đổi: "Quả thật, sắc đẹp này không bằng lúc nãy!". Từ từ, Ni cô bớt mê luyến sắc ấy.

Bậc Đạo Sư khiến cho cô mỹ nữ quạt hầu Ngài từ từ biến dạng, trở thành một phụ nữ trung niên, rồi một bà lão và sau cùng thành một bà cụ già nua lụm cụm, gần đất xa trời.

Ni cô cũng để ý, tuần tự nhìn thấy sắc đẹp xuân thời đã mất, sắc đẹp khi đứng tuổi cũng đã mất, còn trơ lại cái hình hài trong tuổi già nua đáng chán, nào là răng rụng, đầu bạc, lưng còm như cái sừng bò, tay chân run rẩy. Thấy thế Ni cô chán ngán quá chừng!

Kế đó, Bậc Đạo Sư khiến cho bà cụ hiện ra cái tướng người bị bịnh nặng thắng phục. Bỗng nhiên, bà cụ bỏ cả cây gậy và quạt, hét lên rồi ngã nhào xuống đất, nằm lăn qua trở lại, lăn xuống đống phân và nước tiểu của bà ta. Ni cô thấy vậy sanh chán ngán vô cùng. Đức Bổn Sư lại khiến cho bà cụ hiện lên cái tướng chết. Ngay khi ấy, cái xác bà bắt đầu sình chướng. Theo chín lỗ, mủ và nước vàng rịn chảy ra, có giòi bọ lúc nhúc, kên kên và quạ xúm lại rắt rỉa cái xác thúi!

Ni cô Rūpanandā vẫn theo dõi từng biến chuyển của đối tượng: "Phụ nữ này, ở nơi đây, bây giờ đã già, bây giờ đang lâm bịnh, bây giờ đã chết. Cái tự ngã (xác thân) của ta cũng sẽ phải già, bịnh và chết như thế chẳng sai!". Nhờ vậy, Ni cô thấy được Vô thường của Tự ngã (Attabhāva). Một khi đã thấy sự Vô thường như thế thì tự nhiên cũng thấy luôn cả sự Khổ não và sự Vô ngã. Lúc bấy giờ, đối với Ni cô, Tam giới ví như lửa nóng và giống như xác chết treo vậy. Tự nhiên, tâm Ni cô bám sát vào đề mục bất tịnh hiện tiền ấy.

Đức Bổn Sư biết Ni cô đã thấy tướng Vô thường rồi, Ngài quán xem: "Cô có thể tự mình cứu độ lấy mình chăng?", Ngài thấy cô sẽ không thể tự độ mà phải cần có trợ duyên từ bên ngoài. Do đó, Ngài thuyết pháp thích hợp với căn cơ của Ni cô và ngâm những bài kệ này:

"Āturaṃ asuciṃ pūtiṃ,
Passa nande samussayaṃ.
Uggharantaṃ paggharantaṃ,
Bālānaṃ abbipaṭṭhiṭaṃ,
Yathā idaṃ tathā etaṃ,
Yathā etaṃ tathā idaṃ.
Dhātuye suññato passa,
Mā lokaṃ punarāgami.
Bhave chandaṃ virājetvā,
Upasantā carissatīti".

Này Rūpanandā! Hãy quán vật phối hợp nên bởi các yếu tố, gọi là xác thân! Nó chỉ là bịnh hoạn, bất tịnh, hôi thúi, có nước dơ hằng rịn chảy, bài tiết ra luôn. Thế mà những kẻ ngu mơ ước! Hễ thân này ra sao thì xác ấy cũng sẽ vậy, xác ấy ra sao thì thân này cũng sẽ vậy! Hãy quán Tứ đại, quán Không tánh, đừng trở lại Thế gian. Sau khi xa lánh Hữu dục (sự muốn tái sanh vào Tam giới), cô sẽ bước đi bình yên.

Những bài kệ này đã được Đức Thế Tôn thuyết ra để chỉ cho Tỳ khưu Ni Rūpanandā thấy rõ xác thân là phần tử rườm rà vô ích. Nhờ theo dõi thời Pháp của Đức Đạo Sư, Ni cô phát sanh trí tuệ và đắc Dự Lưu quả.

Lúc bấy giờ Đức Bổn Sư thuyết tiếp theo về đề mục Không tánh (Suññatā) để đưa tâm Ni cô đến ba đạo quả tối cao bằng pháp Minh Sát:

- Này Rūpanandā, đừng tưởng rằng trong xác thân này có lõi chắc thật. Đối với người không dễ duôi thì trong đó không có lõi. Đó chỉ là một thành trì bằng xương cấu tạo nên bởi ba trăm khúc xương mà thôi.

Nói rồi, Ngài ngâm kệ rằng:

"Aṭṭhīnaṃ nagaraṃ kataṃ,
Maṃsalohitalepanaṃ;
Yattha jarā ca maccu ca,
Māno makkho ca ohito".

Thân này là cái thành xây bằng xương cốt và tô quét bằng máu thịt, để cất chứa sự già, sự chết, ngã mạn và dối gian[1].

CHÚ GIẢI:

Ý nghĩa của kệ ngôn này là:

"Thật vậy, cũng như người triệt hạ hết mễ cốc, đậu mè đang mọc để dọn cho trống đất, rồi mới làm sườn gỗ dựng lên, lấy dây ràng buộc chặt chẽ và trét đất đắp nên gọi là cái thành, bên ngoài người ta cất nhà để ở. Xác thân này cũng thế, bên trong có cái sườn là bộ xương gồm có ba trăm khúc xương, có dây gân buộc xoắn dính liền nhau, có máu và thịt tô đắp lên trên, có da bọc kín bên ngoài. Để triệt hạ cái thành trì đã xây cất là cái tự ngã này, sự già với cái tướng lão, sự chết với cái tướng tử hằng phát khởi lên, liên hệ với sự ngã mạn với cái tướng say mê và sự dèm pha với cái tướng phỉ báng những hành vi đạo đức tốt đẹp. Một tự ngã như thế, quả nhiên gồm chứa cả thân và tâm bịnh hoạn, sa đoạ xuống thấp chớ không hy vọng tiến lên chỗ cao được".

☸

Cuối thời pháp, Trưởng Lão Ni Rūpanandā chứng đắc A La Hán. Kỳ dư đại chúng thính pháp đều được hưởng lợi ích.

☸

[1] Hư ngụy (makkho), xưa dịch là che lấp (phủ) T.Trí Đức. Ngài Bửu Chơn dịch là dèm pha, nói xấu.

Dịch Giả Cẩn Đề

Em Phật, Hoa Khôi đã xuất gia,
Tỳ khưu Ni gọi Sắc Nan Đà,
Nghĩ mình ưa đẹp, còn Phật ghét,
Nên chẳng đi nghe Pháp Phật Đà.
Sau thấy nhiều người cứ tặng khen,
Tò mò, muốn thính Pháp một phen,
Phật cho nàng thấy con người đẹp,
Phút chốc già nua, chết thúi liền.
Phật dạy: "Thân này chỉ có xương,
Kết làm thành quách, thịt làm tường,
Bên trong chứa lão tử, kiêu mạn".
Nàng đắc Vô sanh giữa hội trường.

DỨT TÍCH TỲ KHEO NI SẮC NAN ĐÀ

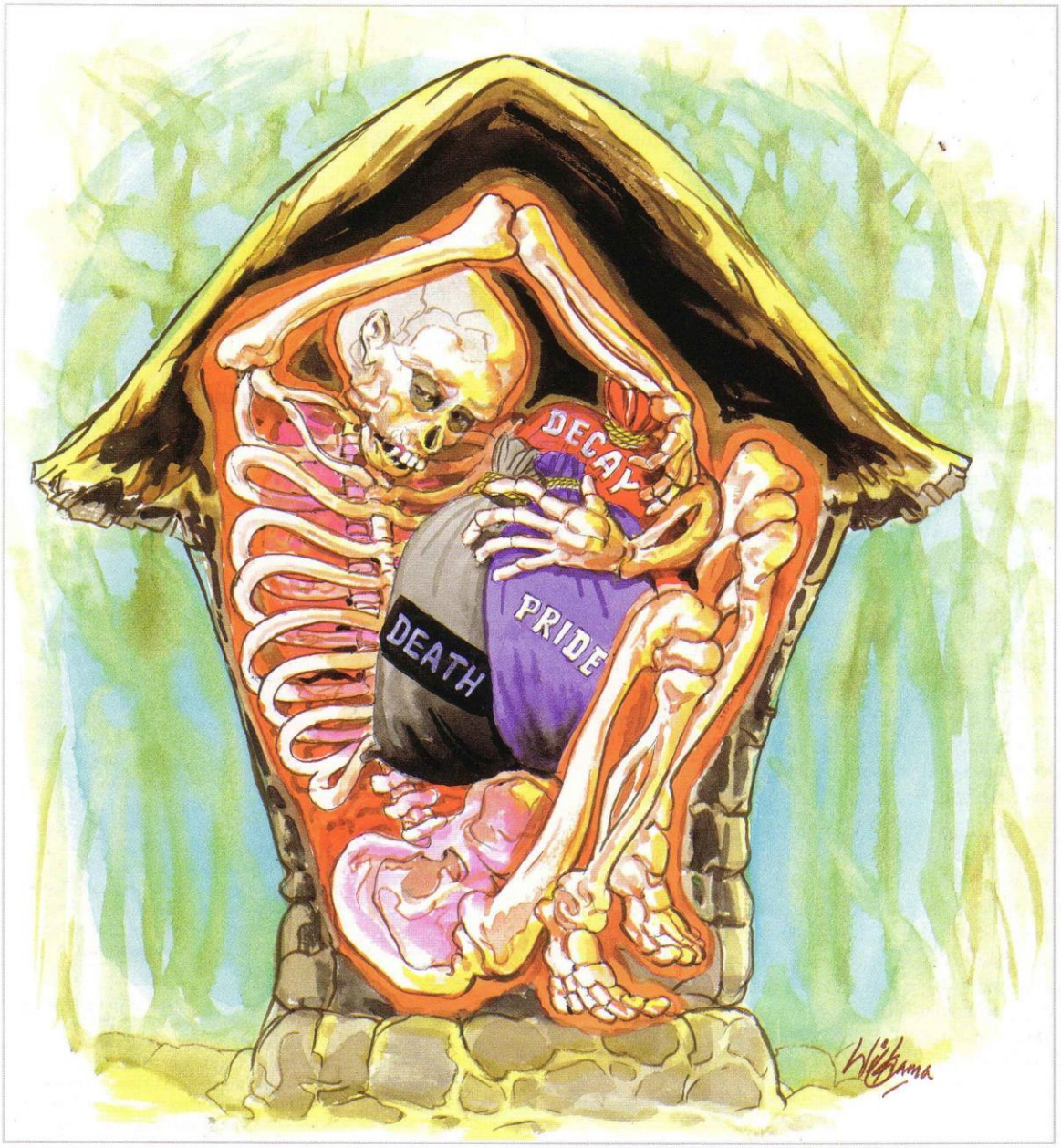

A citadel of bones, flesh and blood plastered; home of decay, death, hypocrisy and pride.

150. Một thành trì bằng xương được máu thịt tô trét, quả thật đây là nơi chất chứa tuổi già, bệnh tật, chết chóc, giả dối và kiêu mạn.

XI.6- Tích HOÀNG HẬU MẠT LỴ THĂNG HÀ

(Mallikādevīvatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 151)

"Jīranti ve rājarathā sucittā,	***"Xe vua đẹp cũng già,***
Atho sarīrampi jaraṃ upeti;	***Thân này rồi sẽ già,***
Satañca dhammo na jaraṃ upeti,	***Pháp bậc thiện, không già,***
Santo have sabbhi pavedayanti".	***Như vậy, bậc chí thiện,***
	Nói lên cho bậc thiện".

Kệ Pháp Cú này, Đức Thế Tôn thuyết lên khi ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến Đức Vua Pasenadi (Ba Tư Nặc) hỏi về sanh thú của Hoàng Hậu Mallikā (Mạt Lỵ).

Tương truyền rằng: Một ngày nọ, Hoàng hậu Mallikā đi vào phòng tắm, rửa mặt xong liền cúi xuống định rửa bắp vế. Cùng vào phòng tắm với Hoàng hậu có một con chó mà bà rất cưng. Khi thấy bà đang khom xuống như vậy, nó khởi sự làm chuyện giao hoan bất chánh. Bà thoả thích vì sự xúc chạm của nó nên đứng yên.

Đức Vua ở tầng lầu trên nhìn qua cửa sổ, thấy rõ chuyện ấy, chờ khi Hoàng hậu trở lên mới quở rằng:

- Này con tiện tỳ hư đốn, tại sao ngươi lại hành động như thế được?

- Tâu Bệ hạ! Thần thiếp đã làm việc gì?

- Ngươi đã giao hoan cùng con chó!

- Tâu Đại vương! Chuyện ấy không có đâu!

- Chính mắt Trẫm đã trông thấy rõ ràng. Trẫm chẳng tin ngươi đâu con tiện tỳ hư đốn!

- Tâu Bệ hạ! Bất cứ ai vào phòng tắm, người đứng nhìn qua cửa sổ này cũng thấy rõ một người thành hai như vậy cả.

- Này dâm nữ! Ngươi không nói thật.

- Tâu Đại vương! Nếu Ngài không tin thiếp, xin Bệ hạ hãy đến phòng tắm đó, để thần thiếp nhìn qua cửa sổ xem thử ra sao?

Đức Vua bản chất đần độn, tin theo lời nàng, liền đi vào phòng tắm. Hoàng hậu đứng tại cửa sổ, nhìn xuống reo lên:

- Đại vương điên rồ ơi! Vì sao Ngài lại hành dâm cùng con dê cái như thế?

- Này ái khanh! Chớ có nói như vậy, Trẫm không có hành động tồi bại như thế!

- Chính mắt thần thiếp đã trông thấy như thế, làm sao thiếp tin được Bệ hạ chứ!

Đức vua vì kém trí đã thua mưu trí của Hoàng hậu Mallikā, đã ngỡ rằng: "Thật vậy, với người đứng từ trên cao nhìn xuống, người đi vào phòng tắm vào giờ như vầy, sẽ có cảnh tượng tồi bại". Nên Ngài đã bỏ qua chuyện ấy và vẫn thương yêu Hoàng

hậu Mallikā như xưa. Riêng về Hoàng hậu có sự suy nghĩ rằng: "Đức vua vì kém trí nên bị ta lừa gạt, nhưng ta đã tạo ác nghiệp rồi, lại lừa dối Đức vua bởi vì không thật. Bậc Đạo Sư cùng với tám mươi vị Đại Trưởng lão cùng hai vị Thượng Thinh Văn cũng thấu rõ việc làm của ta. Ôi! quả thật vậy, tội của ta đã làm nặng lắm thay!".

Được biết rằng: Hoàng hậu là người trợ thủ đắc lực cho Đức vua Pasenadi, chính nàng đã nhiều phen giúp Đức vua gỡ rối nhiều việc như việc cúng tế thần lửa phi pháp, việc thực hiện Trai Tăng Bất Nhị (một cuộc Trai Tăng vô tiền khoáng hậu - Bố Thí Vô Tỷ) mỗi ngày là một trăm bốn mươi triệu tiền vàng. Cả bốn vật dụng là lọng, bảo tọa, cái bàn nhỏ và ghế thấp kê chân của Đức Như Lai đều vô giá… Tuy tạo nhiều công hạnh như thế, nhưng khi gần lâm chung Hoàng hậu Mallikā không nhớ tưởng đến thiện nghiệp đã làm, trái lại nàng bứt rứt do nhớ lại ác nghiệp tà hạnh, nên khi mệnh chung nàng thọ sanh vào Địa ngục A Tỳ.

Trong số các Hoàng hậu, Đức Vua Pasenadi sủng ái Hoàng hậu Mallikā nhất. Vì quá buồn rầu, nhớ tiếc nên Ngài suy nghĩ: "Sau khi lễ trà tỳ long thể của ái hậu xong, Trẫm sẽ đến bạch hỏi Đức Thế Tôn cho biết nơi nàng tái sanh".

Đức Vua ngự giá đến Tịnh xá Kỳ Viên, vào đảnh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, ngồi vào nơi phải lẽ. Trong khi đối thoại, Đức Phật khiến Đức vua quên đi câu cần hỏi mà mình đã dự định. Ngài thuyết Pháp thoại đến Đức vua, Đức vua để tâm nghe Pháp, suy luận theo Pháp trong trú xứ của Đức Thế Tôn, rồi Ngài hoan hỷ ra về. Đến hoàng cung, Đức vua mới sực nhớ lại câu hỏi, phán bảo với quan hộ giá:

- Này các khanh! Trẫm dự định sẽ hỏi Bậc Đạo Sư về nơi tái sanh của nàng Mallikā, nhưng khi đến trú xứ của Ngài thì Trẫm lại quên mất. Mai này Trẫm sẽ đến Tịnh xá để hỏi lại vậy.

Hôm sau, Đức vua lại thân hành đến Tịnh xá Kỳ Viên định bạch hỏi về nơi tái sanh của Mallikā, Bậc Đạo Sư khiến cho Đức vua lại quên mục đích của mình. Việc này được kéo dài suốt cả bảy ngày, đến ngày thứ tám thì Hoàng hậu Mallikā được siêu sanh lên cõi trời Tusita (Đâu Suất), nàng chỉ chịu khổ cảnh trong Địa ngục có bảy ngày mà thôi.

Tại sao Bậc Đạo Sư phải làm cho Đức vua lãng quên như vậy?

Hoàng hậu Mallikā là người được Vua sủng ái nhất, mà bà lại là người có nhiệt tâm với Phật Giáo. Nếu Đức vua biết rằng nàng thọ khổ trong Địa ngục, Ngài còn là phàm nhân nên Ngài chẳng chịu suy xét sâu, Đức nua sẽ rơi vào tà kiến, cho rằng người nữ như Hoàng hậu Mallikā có đức tin nhiệt thành với Tam Bảo như thế, khi chết lại phải thọ sanh vào Địa ngục, thế thì ta còn bố thí đến chư Tỳ khưu Tăng để mà làm gì chứ? Và như thế Đức vua sẽ bãi bỏ việc để bát cúng dường đến năm trăm vị Tỳ khưu mỗi ngày tại hoàng cung, ngoài ra với vương quyền Ngài còn có thể tạo ra những ác trọng nghiệp khác dẫn đến khổ cảnh nữa. Vì thế, Ngài khiến cho Đức vua lãng quên trong bảy ngày qua.

Vào sáng ngày thứ tám, Đức Thế Tôn đi bát và thân hành ngự đến trước Ngọ môn. Quan giữ cổng thành hoàng cung báo tin cho Đức Vua rằng:

- Tâu Đại vương! Đức Thế Tôn đang ngự đến.

Đức vua bèn ra khỏi hoàng cung rước bát và thỉnh Ngài ngự vào cung nội, nhưng Bậc Đạo Sư tỏ ý muốn ngồi nơi kho xe của hoàng gia. Đức vua hội ý, bèn thỉnh Ngài ngồi vào nơi cao quý tại nơi đó, rồi cho người dâng cúng cháo và bánh ngọt điểm tâm. Xong rồi, Đức vua ngồi xuống một bên phải lễ, đảnh lễ Đức Thế Tôn và bạch rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn, Trẫm định đến nơi cư ngụ của Ngài để hỏi về nơi tái sanh của Hoàng hậu Mallikā, nhưng suốt cả bảy ngày qua, khi đến Tịnh xá Trẫm đều quên mất. Bạch Đức Thế Tôn, chẳng hay hiện nay Hoàng hậu Mallikā tái sanh về cảnh giới nào?

- Này Đại Vương! Lịnh bà đã sanh lên cõi trời Tusita (Đâu Suất).

- Bạch Thế Tôn! Nếu Hoàng hậu Mallikā không sanh về nơi ấy thì còn ai có thể thọ sanh lên đó được? Bạch Ngài, người nữ như Hoàng hậu thật khó kiếm. Đúng vậy, ở khắp nơi, nhất là tại các chỗ ngồi, bà cứ luôn miệng nói: "Ngày mai, thần thiếp sẽ cúng dường vật này lên Đức Thế Tôn và Tăng chúng, thần thiếp sẽ làm việc này!…". Ngoài việc lo sắp đặt việc cúng dường, bà không có phận sự nào khác. Bạch Thế Tôn! Từ khi nàng mệnh chung, long thể của Trẫm nghe rũ riệt bần thần…

Đức Thế Tôn bèn an ủi Đức vua rằng:

- Đại vương chớ nên ưu tư, sanh tử là lẽ thường đối với tất cả chúng sanh!

Nói rồi, Ngài lại hỏi:

- Tâu Đại vương! Chiếc xe này của vị nào?

Đức Vua chắp hai tay lên khỏi đầu, đáp rằng:

- Bạch Ngài! Chiếc xe ấy của Tiên vương Trẫm.

- Chiếc này của vị nào?

- Bạch Ngài, của Phụ vương Trẫm.

- Còn chiếc này của vị nào?

- Bạch Ngài, của Trẫm.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền dạy rằng:

- Tâu Đại vương, do đâu mà chiếc xe của Tiên vương Đại vương không sánh kịp chiếc xe của Phụ vương Đại vương và chiếc xe của Phụ vương Đại vương không bì kịp chiếc xe của Đại vương? Những vật hữu hình như vậy, dầu là khúc gỗ, cây mục cũng đều phải cũ, phải già, huống chi là cái xác thân. Tâu Đại vương, Pháp của bậc Trượng phu thì không cũ, không già, chớ thân của chúng sanh mà không già, không cũ là chuyện không hề có.

Nói rồi Đức Bổn Sư ngâm kệ rằng:

"Jīranti ve rājarathā sucittā,
Atho sarīrampi jaraṃ upeti;
Satañca dhammo na jaraṃ upeti,
Santo have sabbhi pavedayanti".

Cái xe vua đi dù được trang hoàng lộng lẫy cũng phải hư hoại, thân này dù có trau dồi cũng có lúc già yếu. Chỉ trừ Thiện pháp của bậc thiện nhân là không bị suy già và cứ di chuyển từ người lành này sang người lành khác.

☸

CHÚ GIẢI

Ve = ***Have:*** Phân từ bất biến nghĩa là *chắc vậy.*

Sucitta*: Các thứ xe,* dầu là xe vua tốt đẹp được trang bị bằng bảy thứ báu và vật quý khác, cũng đều phải cũ lần lần cho đến cuối cùng phải tan rã.

Sarīrampi: Chẳng phải riêng toàn thể các thứ suy yếu như vậy mà cái xác thân này, dầu khéo săn sóc cách nào rồi cũng đi đến sự già yếu, tóc bạc, răng long, lưng mỏi, gối dùn.

Satañca*:* Sự truyền thừa Pháp của Chư Phật là Chín Pháp Siêu Thế. Pháp ấy không một ai huỷ diệt được, không có trạng thái già cũ, suy yếu.

Pavedayaṃ*:* Các bậc đức hạnh như vậy, nhất là Chư Phật hằng khẩu truyền cho các bậc Hiền Triết.

☸

Cuối thời pháp, có nhiều chúng sanh đắc Thánh quả, nhất là quả Tu Đà Hườn.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Mạt Lỵ lâm chung thọ khổ hình,
Nếu Vua hỏi, Phật khó làm thinh,
Chờ bà siêu thoát về Đâu Suất,
Vua mới hay bà được vãng sinh.
Nói thật, hại người cũng hại mình,
Làm thinh, phải biết cách làm thinh,
Đây là công án mà Phật giải:
"Nói phải hợp thời, hợp lý, tình!".
Với Vua, Phật hỏi chuyện xe Vua,
Long thể khi già cũng chịu nua,
Chánh Pháp truyền thừa hằng sáng tỏ,
Đời đời chẳng biết sự già nua.

DỨT TÍCH HOÀNG HẬU MẠT LỴ THĂNG HÀ



Decorated royal coaches perish. Even so our bodies. The revered true Dhamma thrives.

151. Xe vua được trang hoàng lỗng lẫy sẽ tàn tạ, thân xác ta cũng vậy.
Chỉ có Chánh Pháp được tôn trọng nhưng vẫn hưng thịnh mãi.

XI.7- Tích TRƯỞNG LÃO LÔ LƯU ĐÀ DI LẦN THẨN

(Loḷudāyittheravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 152)

"Appassutāyaṃ puriso,	***"Người ít nghe kém học,***
Balibaddova jīrati;	***Lớn già như trâu đực,***
Maṃsāni tassa vaḍḍhanti,	***Thịt nó tuy lớn lên,***
Paññā tassa na vaḍḍhati".	***Nhưng Tuệ không tăng trưởng".***

Kệ Pháp Cú này, Đức Thế Tôn đã thuyết, khi ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến Trưởng lão Loḷudāyi (Lô Lưu Đà Di).

Tương truyền rằng: Trưởng lão Loḷudāyi có tật thuyết pháp, tụng kinh không đúng chỗ. Khi đến nhà gia chủ thỉnh tụng kinh Cầu An (Maṅgala) thì vị ấy lại tụng kinh Cầu Siêu, như kinh: Tirokuḍḍesu tiṭṭhanti (Các hàng Ngạ quỷ đã đến nhà quyến thuộc rồi…). Trái lại, khi thí chủ đang làm lễ Cầu Siêu (avamaṅgala), đáng lẽ phải tụng bài kinh trên đây và các kinh phù hợp thì vị ấy lại tụng những kinh giải về Bố thí, Trì giới, Tham thiền, chẳng hạn như Hạnh phúc kệ, hoặc kệ tụng Tam Bảo dài (Ratanasutta). Vì kém trí nhớ, khi đi đến chỗ này, chỗ nọ để tụng kinh, vị ấy lập tâm: "Ta sẽ tụng bài kinh này, kinh nọ", nhưng lúc đến nơi rồi, Trưởng lão lại tụng bài kinh khác mà không tự biết.

Chư Tỳ khưu biết được việc tụng pháp phi thời của Trưởng lão Loḷudāyi như thế, bạch trình với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao Trưởng lão Loḷudāyi trong chỗ cần tụng kinh Cầu An thì lại tụng kinh Cầu Siêu. Và ngược lại, trong chỗ cần tụng kinh Cầu Siêu thì lại tụng kinh Cầu An như vậy?

- Này chư Tỳ khưu! Chẳng phải trong kiếp này đâu, cho đến thời trước, Loḷudāyi cũng đã từng tụng như thế.

Chư Tỳ khưu cung thỉnh Đức Bổn Sư thuyết lên Bổn sanh. Đức Thế Tôn giảng rằng:

Thuở quá khứ, Bồ Tát Somadatta (Xô Má Đát Tá) là con của một vị Bà la môn Aggidatta (Ắc Gí Đát Tá) trong thành Bārāṇasī (Ba La Nại). Bồ Tát Somadatta phục vụ Đức vua rất chu đáo, nên được Đức vua yêu mến. Riêng Bà la môn Aggidatta vẫn sống bằng nghề nông.

Bà la môn Aggidatta có được hai con bò, chẳng may bị chết một con, ông nói với con trai rằng:

- Này Somadatta thân yêu! Con hãy xin Vua cho cha con bò đi.

Đại thần Somadatta suy nghĩ: "Nếu ta xin Vua ban thưởng cho mình, thì sự tình không xứng đáng như vậy!". Ngài bảo với cha rằng:

- Thưa cha! Cha hãy tự mình đến xin Đức vua đi.

- Con ơi! Nếu thế, con hãy đưa cha đến triều đình đi.

Đại thần Somadatta suy nghĩ: "Vị Bà la môn này là người kém trí, hằng nói phi thời, dù chỉ một câu "Hãy tiến lên phía trước, hãy lui về phía sau"cũng nói chẳng hợp thời. Những câu đáng nói thì không nói, trái lại những câu không đáng nói thì lại nói. Ta hãy làm cho vị ấy ý thức trước, rồi hãy đưa đến triều".

Bồ Tát Somadatta đưa cha đến mộ địa có tên là Vīraṇatthambhaka (Qui Ra Nát Tham Phá Ka), cột các bó cỏ lại, sắp xếp thành một quang cảnh của triều đình rằng: Đây là Đại vương, đây là quan Tể tướng, đây là Đại tướng quân… Bằng những bó cỏ, Bồ Tát chỉ dạy cho cha hiểu rõ, rồi lại dặn bảo cha rằng: "Khi cha đến hoàng cung, cần phải đi tiến về phía trước như thế này, phải đi thụt lùi như thế này…".

Rồi Bồ Tát dạy cho Bà la môn ấy biết rằng:

- Khi cha đến yết kiến Đức vua, phải làm lễ như vầy, phải chào các Đại thần như vầy, rồi cha chúc tụng Đức vua bằng kệ ngôn nầy để xin bò.

Ngài dạy cho Bà la môn ấy thuộc lòng bài kệ rằng:

"Dve me goṇā mahārāja,
Yehi khettaṃ kasāmase;
Tesu eko mato deva,
Dutiyaṃ dehi khattiyāti".

- Tâu Đại vương, hạ thần có một đôi bò, dùng để cày ruộng nhà, nhưng một con đã chết rồi. Tâu Đại vương! Mong cầu Đại vương ân tứ con thứ hai!

Suốt cả năm trời, vị Bà la môn ấy mới thuộc được kệ ngôn ấy, trả bài cho Bồ Tát xong. Bấy giờ, Bồ Tát chỉ bảo rằng:

- Cha hãy mang chút ít lễ vật dâng lên Đức vua đi, con sẽ đợi cha ở hoàng cung.

- Này con, được thôi.

Bà la môn mang lễ vật đi đến hoàng cung, có Bồ Tát đã chờ nơi đấy. Bà la môn được Đức vua ân cần hỏi han, rồi Ngài phán rằng:

- Này khanh! Khanh đến đây lâu chưa? Đây là nơi ngồi, khanh hãy ngồi vào đó, khanh cần những gì từ nơi Trẫm, khanh hãy nói lên.

Bà la môn ấy liền quỳ xuống tâu rằng:

"Dve me goṇā mahārāja…
Dutiyaṃ gaṇha khattiyā".

- Tâu Bệ hạ! Thần có hai con bò để cày ruộng, đã chết mất một con rồi. Tâu Bệ hạ! Ngài là bậc Sát Đế Lỵ cao quý, xin Ngài hãy lấy luôn con bò thứ hai đi.

Nghe vậy, Đức vua phán hỏi lại rằng:

- Này khanh! Khanh nói chi lạ vậy, hãy nói lại đi.

Bà la môn vẫn lặp lại bài kệ trên như vậy. Đức vua hiểu là Bà la môn ấy nói sai ý mình, Ngài mỉm cười quay sang Bồ Tát phán hỏi rằng: "Này Somadatta! Nhà của khanh hẳn có nhiều bò lắm nhỉ?". Bấy giờ, Bồ Tát đáp rằng:

- Tâu Bệ hạ! Bò được Bệ hạ ban cho thì có nhiều.

Đức vua hoan hỷ trước lời thông minh ấy, Ngài ban thưởng cho Bồ Tát và Bà la môn ấy mười sáu con bò cùng với đồ phục sức cho bò và nhà ở thì miễn thuế. Rồi tiễn Bà la môn ấy ra về với nhiều lễ vật.

Bậc Đạo Sư sau khi thuyết giảng Bổn sanh xong, Ngài nhận diện rằng: "Đức vua thời ấy nay là Ānanda, Bà la môn ấy nay là Loḷudāyi, Đại thần Somadatta nay chính là Đấng Như Lai".

- Này các Tỳ khưu! Tỳ khưu Loḷudāyi nói phi thời với những câu nói bất xứng như thế, chẳng phải chỉ có trong kiếp này mà thôi, trong quá khứ cũng đã từng như thế rồi, vì là người ít nghe Pháp. Do vậy, người thiển kiến quả văn ví như con bò đực.

Nói rồi, Đức Bổn Sư ngâm kệ rằng:

"Appassutāyaṃ puriso,
Balibaddova jīrati;
Maṃsāni tassa vaḍḍhanti,
Paññā tassa na vaḍḍhati".

Những người ít nghe, kém học, suốt đời chỉ như trâu nái, gân thịt dẫu lớn mạnh mà Trí tuệ không tăng thêm.

CHÚ GIẢI

***Appassutāyaṃ**: người kém nghe* ở đây, ám chỉ người ít được nghe giảng về chân lý chứa đựng trong một hoặc hai phẩm kinh tụng, hoặc một hay hai bộ kinh văn trong Tam tạng Thánh điển. Trái lại, bậc đa văn (bahussuto) là người đã học hỏi chút ít đề mục rồi Tinh tấn công phu hành đạo.

***Balibaddova jīrati**:* Quả thật, cũng như con bò đực (hay trâu nái) đang già, đang lớn, không phải nó già lớn vì sự lợi ích của cha mẹ nó, hoặc cho thân bằng quyến thuộc của nó thì là nó già lớn một cách vô ích. Thầy này cũng thế, không làm công việc phục dịch thầy Hoà thượng, không cố gắng hộ độ thầy Yết ma và Khách Tăng, cũng không Tinh tấn hành Thiền định, như thế tức là già lớn một cách vô ích.

***Maṃsāni tassa vaḍḍhanti**:* Cũng như con bò đực (trâu nái) mang ách kéo cày thì hữu ích. Khi nghỉ cày tháo ách, thả đi rong trong rừng, nó tha hồ ăn cỏ, uống nước, da thịt nở nang. Thầy này cũng vậy, sau khi ra khỏi sự kiềm chế của thầy Hoà thượng và thầy Yết ma, nương nhờ Tăng mà hưởng thụ bốn món vật dụng, tẩy sạch ruột gan, bồi dưỡng thân thể, các bắp thịt nở nang, mình mẩy mập béo đẫy đà…

***Paññā tassa**:* Về mặt Trí tuệ của thầy, dẫu Phàm tuệ hay Thánh tuệ cũng không phát triển thêm được gang tấc, thầy giống như các dây leo trong rừng, nương cậy vào Lục căn, buông xuôi theo Ái dục, chỉ phát triển được chín lớp Ngã mạn mà thôi.

☸

Cuối thời pháp, đại chúng an trú vào Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Trưởng lão mà không hiểu nghĩa kinh,
Nhớ đâu tụng đó, chẳng quy trình,
Chư Tăng, Thiện tín đều chê trách,
Phật kể cho nghe tích Bổn Sinh:
Xưa có con trai được chúa yêu,
Một nông dân nọ muốn lai triều,
Xin Vua cấp một con bò đực,
Ráng tập lễ nghĩ cả sớm chiều.
Một năm qua học kệ vừa thông,
Vào gặp Đức vua lại nói ngông:
"Thần có một con bò đực chết,
Xin vua bắt hết cặp cho xong!".
Phật dạy: Con người dốt tợ trâu,
Lớn lên chỉ được cái to đầu!
Thịt xương phát triển mà không Tuệ,
Ít học kém nghe, chẳng quý đâu!

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO LƯU LÔ ĐÀ DI LẪN THẨN

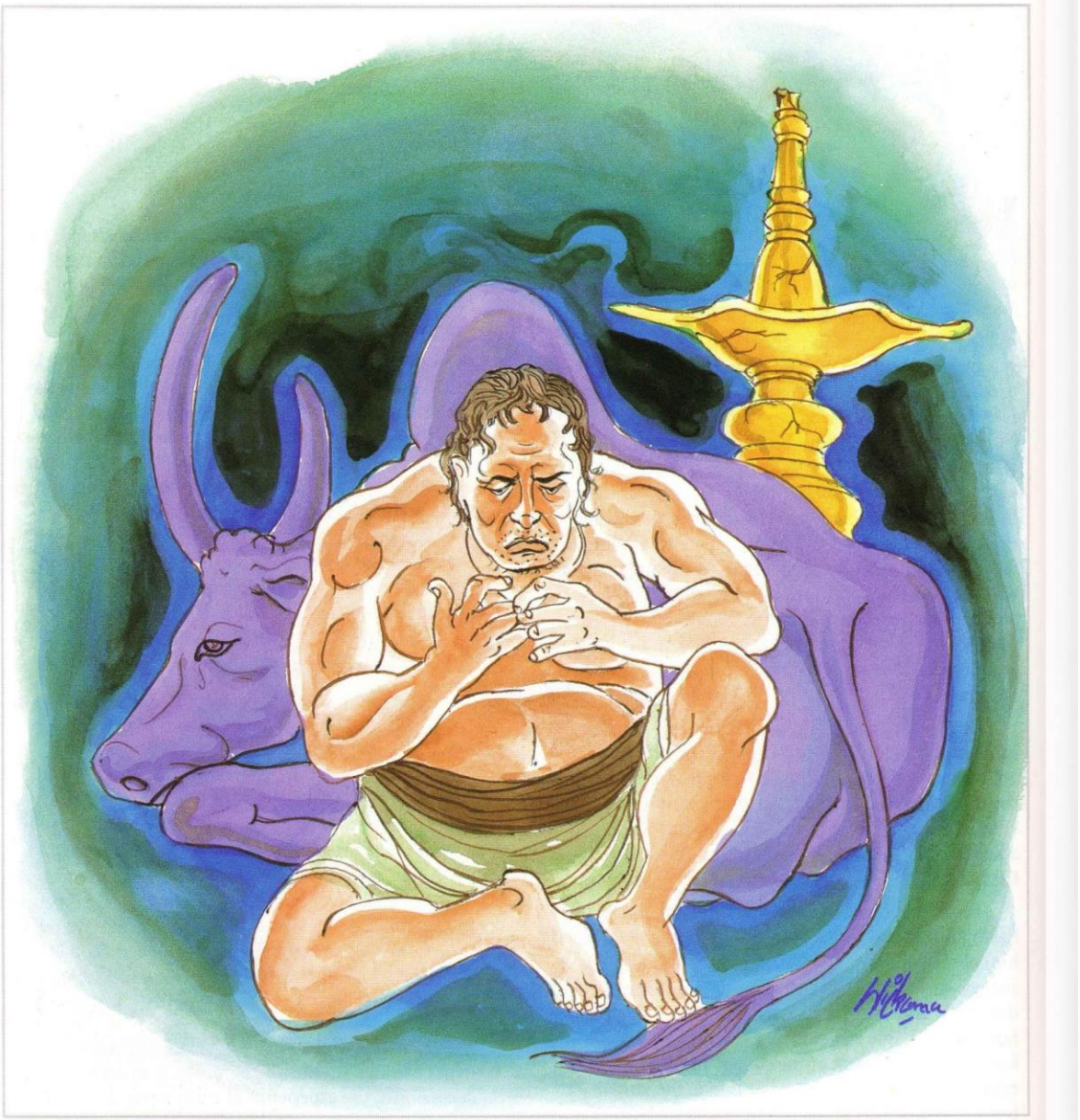

The unwise man of little learning ages like the bull. His flesh does grow. Not his wisdom.

152. Kẻ vô trí ít học lớn già như trâu đực. Thịt nó tăng dần nhưng trí tuệ không tăng.

XI.8- Tích PHẬT THÀNH ĐẠO

(Pathamabodhivatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 153-154)

153. "Anekajātisaṃsāraṃ,	***"Lang thang bao kiếp sống,***
Sandhāvissaṃ anibbisaṃ;	***Ta tìm nhưng chẳng gặp,***
Gahakārakaṃ gavesanto,	***Người xây dựng nhà này,***
Dukkhā jāti punappunaṃ".	***Khổ thay, phải tái sanh".***
154. "Gahakāraka diṭṭhosi,	***"Ôi! Người làm nhà kia,***
Puna gehaṃ na kāhasi;	***Nay ta đã thấy ngươi!***
Sabbā te phāsukā bhaggā,	***Ngươi không làm nhà nữa.***
Gahakūṭaṃ visaṅkhatam;	***Đòn tay ngươi bị gẫy,***
Visaṅkhāragataṃ cittaṃ,	***Kèo cột ngươi bị tan,***
Taṇhānaṃ khayamajjhagā".	***Tâm ta đạt tịch diệt,***
	Tham ái thảy tiêu vong".

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã cảm hứng thốt lên khi ngồi dưới gốc cây Bồ Đề, về sau, Ngài thuyết lại thể theo lời yêu cầu của Trưởng lão Ānanda.

Khi Đức Bồ Tát ngồi dưới cây Bồ Đề, vào lúc mặt trời chưa lặn Ngài đã thắng toàn đội binh của Ma Vương. Trong canh đầu đêm ấy, Ngài phá vỡ màn vô minh mà đắc Túc Mạng Minh, vào canh giữa Ngài chứng đắc Thiên Nhãn Minh, vào canh cuối Ngài phát khởi tâm Từ mẫn đối với chúng sanh, quán xét Thập nhị nhân duyên theo lý thuận nghịch (hoặc sanh và diệt) và đắc Lậu Tận Minh. Khi bình minh vừa ló dạng, Ngài đắc quả Chánh Biến Tri với các Pháp huyền diệu. Đó là theo truyền thống của hằng sa Chư Phật rao truyền không dứt, khi vừa chứng quả Chánh Giác. Ngài thốt lên lời cảm hứng, xuất khẩu thành kệ như sau:

153. "Anekajātisaṃsāraṃ,
Sandhāvissaṃ anibbisaṃ;
Gahakārakaṃ gavesanto,
Dukkhā jāti punappunaṃ".

154. "Gahakāraka diṭṭhosi,
Puna gehaṃ na kāhasi;
Sabbā te phāsukā bhaggā,
Gahakūṭaṃ visaṅkhatam ;
Visaṅkhāragataṃ cittaṃ,
Taṇhānaṃ khayamajjhagā".

153 - 154. Ta lang thang trong vòng luân hồi qua bao kiếp sống, tìm mãi mà không gặp kẻ làm nhà.
Đau khổ thay, kiếp sống cứ tái diễn mãi.
Hỡi kẻ làm nhà! Nay ta đã gặp được ngươi rồi.
Ngươi không được làm nhà nữa!

Bao nhiêu rui mè của ngươi đều gãy cả rồi,
Kèo cột của ngươi đã tan vụn cả rồi.
Trí ta đã đạt đến Vô Thượng Níp Bàn,
Bao nhiêu dục vọng đều dứt sạch cả.

☸

CHÚ GIẢI

Gahakārakaṃ gavesanto: Trong khi Ta đang đi tìm tên thợ mộc Ái dục, là người làm nên ngôi nhà gọi là tự ngã của Ta đây. Ta đã từng phát nguyện dưới chân Đức cổ Phật Dīpaṅkara (Nhiên Đăng), xin cho đắc Giác tuệ (Bodhiñāṇa) ngõ hầu có thể thấy gặp tên thợ làm nhà. Từ bấy lâu đến nay, Ta đã trải qua vô số kiếp luân hồi, vô số trăm ngàn lần sanh tử, cho đến vòng luân hồi mà vẫn chưa gặp mặt hẳn, vẫn chưa ngộ được Giác tuệ. Vì chưa đạt đến mục đích cứu cánh như thế, nên Ta cứ mãi trôi lăn trong biển luân hồi liên miên bất tận.

Dukkhā jāti punappunaṃ: Lời nầy chỉ về nguyên nhân của luân hồi là sự đi tìm tên thợ làm nhà. Một khi còn tái sanh trở đi trở lại còn phải chịu luôn cả lão, bệnh, tử. Dầu chịu khổ nhưng chưa gặp tên thợ làm nhà là chưa quay trở lại, bởi thế mới đi tìm mãi.

Diṭṭho'si: bây giờ Ta đã thấy, đã gặp ngươi, hỡi tên thợ làm nhà! (Tức là Ta đã thấu rõ nguyên nhân sanh tử luân hồi), Ta đã đắc quả Toàn Giác!

Puna gehaṃ: Kể từ nay, trong vòng luân hồi này, nhà ngươi không còn tạo tác nhà tức là Tự ngã cho Ta nữa.

Sabbā te phāsukā bhaggā: Ta đã bẻ gãy tất cả cây làm sườn nhà, tức nhà những phiền não còn sót lại của ngươi.

Gahakūṭaṃ visaṅkhataṃ: Cái nóc nhà gọi là vô minh của cái nhà tự ngã, do nhà ngươi tạo ra, Ta đã phá đổ rồi.

Visaṅkhāragataṃ cittaṃ: Bây giờ, Tâm ta đã đạt đến đối tượng (cảnh giới) Níp Bàn Vô vi rồi.

Taṇhānaṃ khayamajjhagā: Ta đã chứng đạt A La Hán, tức là đã đoạn Ái dục.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Dưới cội Bồ Đề thắng Quỷ Vương,
Một mình chứng đạt Pháp chơn thường,
Thích Ca cảm hứng ngâm bài kệ,
Như của Phật Đà cả thập phương:
"Lang thang rong ruổi khắp san hà,
Kiếm mãi không ra thợ cất nhà,
Luẩn quẩn Luân hồi trong biển khổ,
Vì chưa gặp một kẻ oan gia,
Hôm nay, Ta bắt gặp ngươi rồi!
Biển khổ từ đây hết nổi trôi.
Nhà mới, ngươi không quyền cất nữa.
Mè rui, kèo cũ, gãy thì thôi!
Đòn dông cũ cũng đã tiêu tan,
Tâm của Như Lai đạt Níp Bàn,
Ái dục, Vô minh đều diệt tận,
Không còn trở lại cõi nhân gian".

DỨT TÍCH PHẬT THÀNH ĐẠO

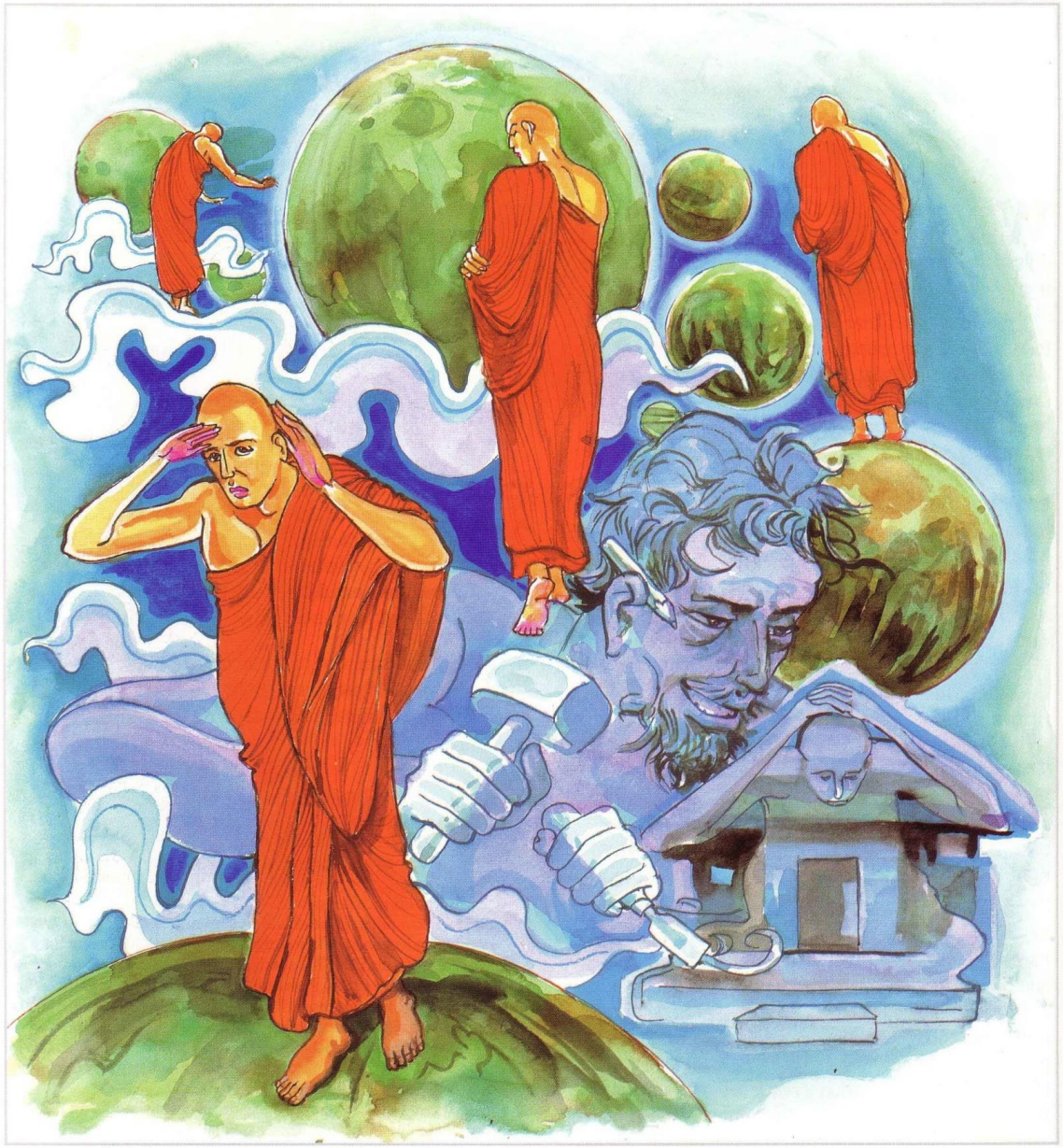

Long in Saṁsāra, the house-builder I sought. Never did I find. Birth's recurrence is painful.

153. Ta đã đi tìm kẻ xây nhà này rất lâu trong vòng luân hồi sanh tử, nhưng Ta chưa từng thấy được. Tái sanh thật khổ thay.

154. Hỡi kẻ xây nhà kia, ngươi đã bị diệt vong. Ngươi không còn xây nhà được nữa. Tâm trí Ta đã vượt qua tham ái rồi.

XI.9- Tích ĐẠI PHÚ PHÁ SẢN

(Mahadhanasetthiputta Vatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 155-156)

"Acaritvā brahmacariyaṃ,	***"Lúc trẻ, không Phạm hạnh,***
Aladdhā yobbane dhanaṃ;	***Không tìm kiếm bạc tiền,***
Jiṇṇakoñcāva jhāyanti,	***Như cò già bên ao,***
Khīṇamaccheva pallale".	***Ủ rũ, không tôm cá".***
"Acaritvā brahmacariyaṃ,	***"Lúc trẻ, không Phạm hạnh,***
Aladdhā yobbane dhanaṃ;	***Không tìm kiếm bạc tiền,***
Senti cāpātikhīṇāva,	***Như cây cung bị gãy,***
Purāṇāni anutthunaṃ".	***Thở than những ngày qua".***

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư thuyết khi ngự tại Isipatane migadāye (rừng Lộc Giả), đề cập đến con trai ông Bá hộ Mahādhana (Cự Phú).

Tương truyền rằng: Công tử này sanh ra trong một gia đình cự phú trong thành Bārāṇasī (Ba La Nại), giàu có đến tám trăm triệu đồng vàng. Song thân của Công tử đã nghĩ rằng: "Gia tộc ta có đại tài sản, ta sẽ giao lại cho con ta, nó sẽ tiêu xài thoải mái, không cần phải làm việc gì khác".

Thế là, ông bà Bá hộ rước thầy về dạy cho Công tử ca, hát, đờn, kèn, v.v… (ca vũ nhạc).

Cũng vào thời ấy, trong thành Bārāṇasī ấy cũng có một gia tộc Bá hộ khác, cũng có gia sản là tám trăm triệu đồng vàng, gia tộc này cũng chỉ có độc nhất một nàng Tiểu thư, hai ông bà Bá hộ này lại cùng có sự suy nghĩ như Bá hộ trên nên chỉ cho Tiểu thư học khiêu vũ cùng với hoà tấu.

Đến tuổi thành nhơn, Công tử và Tiểu thư này được phối ngẫu thành vợ chồng, và một thời gian sau, cả song thân của hai người đều qua đời, hai phần tài sản từ đó được nhập chung về một nhà, tổng cộng là một trăm sáu mươi triệu đồng tiền vàng.

Công tử thường xuyên vào hầu Đức vua, mỗi ngày là ba lần. Bọn du đãng trong thành nghĩ rằng: "Nếu mà Công tử này trở nên nghiện rượu, thì có lẽ bọn mình sẽ sung sướng lắm! Vậy ta hãy tìm cách tập cho Công tử chè chén, nhậu nhẹt".

Thế rồi, họ mang theo rượu ngon, thịt béo, muối hột, bọc trong một chéo vải, và lấy thêm gia vị như củ hành, v.v… ra ngồi bên đường, đón chờ Công tử đi vào triều chầu Đức vua. Khi thấy dạng Công tử đi đến, bọn du thủ du thực bắt đầu uống rượu, bỏ muối hột vào miệng, cắn một củ hành rồi đồng thanh nói:

- Chúc Công tử tiểu chủ sống lâu trăm tuổi! Nhân dịp này, chúng tôi ăn uống để chúc mừng Công tử.

Được nghe mấy lời của bọn du thực, lúc đi trở về, Công tử hỏi người chuốc rượu:

- Họ uống nước gì thế?

- Thưa ông chủ, đó là một thứ nước giải lao!

- Nước ấy có ngon ngọt không?

- Thưa ông chủ, trong cõi nhân gian này, không có thứ nước nào nên uống cho bằng nước ấy cả!

- Nếu vậy, thì ta cũng phải uống nước ấy mới được.

Thế rồi, Công tử cho người mang rượu đến và tập uống lần lần, từng chút. Không bao lâu, bọn du thực biết tin Công tử đã ghiền rượu, chúng đến tháp tùng Công tử. Công tử có đi đâu, chúng cũng đi theo đông đủ, lúc thì một trăm, lúc thì hai trăm. Công tử cho mang theo rượu, uống cho đã rồi ngồi nơi nọ, nơi kia, cho chất tiền vàng cao lên thành đống, vừa nhậu vừa bảo bộ hạ: "Lấy tiền này đi mua tràng hoa, lấy tiền này mua hương..." và ban thưởng cho ca sĩ hay, vũ nữ và nhạc công giỏi, người một ngàn, người hai ngàn đồng vàng…

Công tử tiêu pha hoang phí như vậy, chẳng bao lâu số tiền tám trăm triệu đồng của riêng Công tử hết sạch. Vị quản gia cho biết:

- Thưa chủ! Tài sản của ông đã hết sạch rồi!

- Thế phần tài sản của vợ ta không có ư?

- Thưa ông chủ! Có ạ!

- Nếu vậy, hãy đem của ấy lại cho ta tiêu xài!

Thế là số tài chánh sau này cũng bị Công tử phung phí hết sạch, rồi lần lượt đến ruộng vườn, đất cát, bò xe… Cho đến nồi đồng, mâm thau, dụng cụ, thảm chiếu, tọa cụ… Tất cả đều bị Công tử đưa đi bán để lấy tiền ăn. Đến lúc tuổi già, gia tài khánh kiệt, Công tử bán luôn ngôi nhà của mình, rồi bị chủ nhà mới đuổi ra khỏi nhà. Công tử dắt vợ đi ngụ nhờ ở vách chái nhà người khác, cầm cái mai rùa đi khất thực xin ăn cơm thừa canh cặn của người.

Thế rồi một hôm, Công tử đến trước cửa phước xá. Thấy Công tử thọ lãnh đồ ăn thừa do các Tỳ khưu trẻ bố thí, Đức Bổn Sư mỉm cười. Trưởng lão Ānanda bèn hỏi Ngài về lý do của cái cười nụ ấy. Đức Bổn Sư bèn giải rằng:

- Này Ānanda! Hãy nhìn xem vị Công tử con ông Đại Bá hộ ở kinh thành này đã phung phí hết hai cái gia tài tám trăm triệu đồng vàng rồi dắt vợ đi xin ăn như thế kia! Giá như lúc thiếu niên, Công tử đừng phung phí của cải, siêng năng chăm làm công việc, thì chắc sẽ trở nên đệ nhất Bá hộ ở thành này chẳng sai. Hoặc giả nếu Công tử xuất gia hành đạo, ắt đắc quả A La Hán, vợ Công tử cũng đắc quả A Na Hàm…

Giá như lúc trung niên, đừng phung phí của cải, siêng năng, chăm làm việc, chắc sẽ trở nên đệ nhị Bá hộ ở thành này, nhược bằng xuất gia hành đạo, chắc sẽ đắc quả A Na Hàm, vợ thì đắc Tư Đà Hàm.

Giá như lúc lão niên, đừng phung phí của cải, siêng năng chăm làm việc, chắc sẽ trở nên đệ tam Bá hộ trong thành này, nhược bằng xuất gia hành đạo, chắc sẽ đắc quả Tư Đà Hàm, vợ thì đắc Tu Đà Hườn chẳng sai. Còn bây giờ Công tử đã bỏ cả tài sản của người cư sĩ tại gia, bỏ cả quả báu của bậc xuất gia giải thoát, thành ra phải chịu đói khát y như con cò già đứng dưới cái ao khô.

Nói rồi, Đức Bổn Sư ngâm kệ rằng:

155. "Acaritvā brahmacariyaṃ,
Aladdhā yobbane dhanaṃ;
Jiṇṇakoñcāva jhāyanti,
Khīṇamaccheva pallale".

Lúc thanh niên cường tráng, đã không kiếm ra tài sản, cũng chẳng lo tu hành, thì khi già cả chẳng khác gì con cò già bên bờ ao, chẳng kiếm ra mồi, phải khô héo chết mòn.

156. "Acaritvā brahmacariyaṃ,
Aladdhā yobbane dhanaṃ;
Senti cāpātikhīṇāva,
Purāṇāni anutthunaṃ".

Lúc thanh niên cường tráng, đã không kiếm ra tài sản, cũng chẳng lo tu hành, nên khi già nằm xuống, dáng người như cây cung gẫy, cứ buồn than về dĩ vãng.

☸

CHÚ GIẢI

Acaritvā: đã không trú trong Phạm hạnh, tức là không tu hành kiên cố để đắc Đạo quả.

Yobbane: trong thời tráng kiện, của cải chưa sanh có thể làm cho phát sanh, của cải đã sanh có thể gìn giữ được, mà không kiếm được của cải.

Khīṇamaccheva: những kẻ ngu ngốc như vậy, giống như những con cò già quá sức già đứng dưới cái ao cạn hết nước, không có cá, tận tuyệt hết lương thực, không có gì để xơi cả. Như trên đã nói, ví như trong ao cạn hết nước, những người này không có chỗ ngụ; ví như trong ao hết cá, những người này gia tài đã khánh kiệt; ví như những con cò già bay đi đây đó, những người này bây giờ không có năng lực để kiếm ra tiền của dầu dưới nước hay trên bộ. Bởi thế cho nên, họ giống như con cò già nằm ủ rũ bên bờ ao khô vậy.

Cāpātikhīṇāva: *bắn ra khỏi cây cung* (cāpavinimuttā). Theo Chú giải thì ví như mũi tên đã thoát ra khỏi cây cung, bay nhanh đi cho đến hết trớn thì rơi xuống, không còn lấy lên được nữa, chỉ còn nằm dưới đất làm mồi cho mấy con mối. Những người này cũng thế, đã trải qua ba thời (thanh, trung, lão niên), bây giờ không thể tự cất mình lên được nữa, chỉ còn chờ chết mà thôi. Do đó, Đức Bổn Sư mới ví họ như những mũi tên đã thoát ra khỏi cây cung rồi (cāpāti khīṇāva) vậy.

Purāṇāni anutthunaṃ: những người này thở than hối tiếc dĩ vãng, nhớ mãi thời vàng son đã qua rồi, nào là "những khi ăn, nhậu, những lúc đàn ca, nhảy múa mà than ôi! Bây giờ đã không còn…".

Cuối thời pháp, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Đại phú là con Bá hộ thành,
Phong lưu tài tử, điệu chơi sành,
Sau vì nhậu nhẹt, gia đình khổ,
Bán nốt ngôi nhà để độ sanh.
Đến già, chồng vợ dắt đi xin,
Ăn mót đồ dư, ngủ quán đình.
Phật thấy mỉm cười, A Nan hỏi:
Mới hay: Đại phú ở trong thành,
Không lo tu niệm, chỉ ăn chơi,
Nhậu nhẹt, đờn ca, lúc thiếu thời,
Nay giống cò già bên suối cạn,
Mỏi mòn, đứng đợi hột cơm rơi!

DỨT TÍCH ĐẠI PHÚ PHÁ SẢN

☸

DỨT PHẨM LÃO

ꕥ☸ꕥ



Youth wasted. Spiritual life not lived. Now an old stork broods by a fishless lake.

155. Phung phí tuổi trẻ, không sống đời tu tập: giờ đây giống như con cò già, đứng bên hồ không có cá.



Youth wasted. Spiritual life not lived. Now a mere spent arrow perishing in the forest.

156. Phung phí tuổi trẻ, không sống đời tu tập: giờ đây giống như mũi tên gãy nằm chết trong rừng.

XII. PHẨM TỰ NGÃ
(ATTAVAGGA)

10 bài kệ: Pháp cú 157 - 166

10 tích truyện

☸

XII.1- Tích BỒ ĐỀ VƯƠNG TỬ

(Bodhirājakumāravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 157)

"Attānañce piyaṃ jaññā,	***"Nếu biết yêu tự ngã,***
Rakkheyya naṃ surakkhitaṃ,	***Phải khéo bảo vệ mình,***
Tiṇṇam aññataraṃ yāmaṃ,	***Người trí trong ba canh,***
Paṭijaggeyya paṇḍito".	***Phải luôn luôn tỉnh thức".***

Kệ Pháp Cú này, Đức Thế Tôn thuyết, khi ngự tại Bhesakaḷāvana, đề cập đến đề cập đến Hoàng Tử Bodhi (Bồ Đề).

Tương truyền rằng: Hoàng tử Bodhi cho xây toà Phi lâu có tên là Kokanada (Hồng Liên), lâu đài này không giống như các lâu đài khác, nó dường như nổi trên hư không.

Khi mới khởi công, Hoàng tử Bodhi hỏi ông thợ mộc kỳ tài rằng:

- Ngươi có từng xây dựng toàn Phi lâu nầy cho ai chưa hay đây là công trình đầu tiên của ngươi vậy?

- Tâu Bệ hạ! Đây là công trình đầu tiên của hạ thần!

Hoàng tử suy nghĩ: "Nếu người thợ mộc này xây dựng toà Phi lâu xong, ta sẽ hạ sát hắn ngay, nếu không y sẽ xây dựng toà Phi lâu khác cho nhiều người, thì lâu đài của ta sẽ chẳng có gì là độc đáo cả. Ta sẽ cho móc mắt y, hay sẽ cho chặt cả tay chân y. Như thế gã sẽ chẳng có dịp xây dựng Phi lâu cho bất cứ ai khác".

Hoàng tử Bodhi tỏ thật ý mình cho Công tử con Đại thần Sañjīvaka (Xanh Chi Vá Ká) là bạn tâm đắc của mình. Công tử suy nghĩ: "Chắc chắn Hoàng tử sẽ hạ sát người thợ mộc kỳ tài này, người có tài nghệ như thế thật hiếm, ta không nên để cho y bị chết oan uổng như thế được. Ta sẽ báo cho y biết".

Công Tử đến thăm người thợ mộc và hỏi:

- Công việc xây dựng toà Phi lâu của ông đã xong chưa?

- Thưa đã xong cả rồi!

- Nếu thế, ông hãy lo bảo vệ lấy mình đi! Hoàng tử Bodhi sẽ sát hại ông khi toà Phi lâu hoàn tất đấy!

Người thợ mộc vô cùng kinh hãi, nghĩ thầm: "May thật! Ta được tin này thật may mắn". Ông tạ ơn vị Công tử rằng:

- Mang ơn Công tử đã có lòng tốt báo tin cho tôi được biết, tôi sẽ có cách làm điều lợi ích nên làm!

Khi Hoàng tử Bodhi đến hỏi người thợ mộc rằng:

- Này khanh, Phi lâu của Trẫm khanh xây dựng đã xong chưa?

- Thưa Bệ hạ, chưa xong, còn dở dang nhiều chuyện lắm!

- Còn công việc gì dở dang đâu?

- Tâu Bệ hạ, sau đây, hạ thần sẽ chỉ ra bây giờ. Xin Bệ hạ truyền lệnh cho đem thêm những gỗ súc.

- Gỗ súc gì?

- Tâu Bệ hạ, những gỗ tầm bộng (không có lõi) thật khô.

Hoàng tử Bodhi cho người mang gỗ đến theo yêu cầu của người thợ. Bấy giờ người thợ mộc nói với Hoàng tử Bodhi rằng:

- Tâu Bệ hạ! Từ hôm nay trở đi, Ngài không nên đến gần hạ thần. Bởi vì công việc này phức tạp, rắc rối lắm sợ e có người ở một bên quấy rầy thì khó xong. Vậy nên, hạ thần xin Bệ hạ cho phép vợ hạ thần đến giờ sẽ mang cơm đến mà thôi.

Ông Hoàng chấp nhận ngay:

- Lành thay!

Ông thợ mộc vào trong một gian phòng, ngồi xuống, đẽo những gỗ súc, đóng thành cỗ xe, hình nhân điểu (chim linh) có đủ chỗ ngồi cho cả mình và vợ con. Khi hoàn tất công trình, ông bảo vợ ông:

- Bà hãy bán hết đồ đạc trong nhà, rồi thâu vàng bạc để dành sẵn đi.

Bên ngoài khu biệt ốc, Hoàng tử Bodhi cho quân canh gác thật nghiêm ngặt, canh phòng người thợ mộc bỏ trốn. Tuy nhiên, khi hoàn tất con chim máy rồi, người thợ mộc bảo vợ rằng:

- Hôm nay, bà hãy về dắt hết mấy đứa trẻ lại đây!

Sau khi độ điểm tâm sáng, ông thợ mộc bảo vợ con vào ngồi trong bụng con chim linh rồi theo lỗ trống cửa sổ mà thoát ra ngoài, bay đi lánh nạn.

Mặc kệ những tiếng kêu khóc của đám lính gác: "Tâu Bệ hạ, ông thợ mộc chạy trốn". Ông ta lái máy bay thẳng đến Tuyết Sơn, tìm nơi tốt đẹp hạ cánh. Người thợ mộc đã kiến thiết một thành phố tại đó và được mệnh danh là Vua Chở Gỗ (Kaṭṭhavāhana).

Về phần ông Hoàng, sau khi ông thợ mộc biệt tích, một mặt cho người thỉnh Đức Bổn Sư đến dự lễ khánh thành toà Phi lâu do mình kiến tạo, một mặt cho rải bốn loại hương thơm như nghệ, hoa lài,v.v.. khắp toàn Phi lâu. Từ cổng ngõ bước vào, Đức vua cho trải vải trắng mới tinh.

Người ta nói: Đức vua không có con cho nên đã trải tấm vải lót đường với ý nghĩ: "Nếu số Trẫm có con trai hoặc con gái, chớ không đến nỗi tuyệt tự, thì xin cho Đức Bổn Sư sẽ bước đi trên vải trải này!".

Khi Bậc Đạo Sư ngự đến, Hoàng tử Bodhi đảnh lễ Ngài bằng cách ngũ thể đầu địa, rước lấy cái bát Ngài và bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Kính thỉnh Ngài vào cung.

Đức Bổn Sư không tiến bước dầu Hoàng tử Bodhi có thỉnh cầu đôi ba lượt, Đức Thế Tôn vẫn đứng lặng yên, Ngài đưa mắt nhìn Trưởng lão Ānanda, hiểu ý Đức Thế Tôn, Trưởng lão Ānanda bảo Hoàng tử Bodhi rằng:

- Tâu Bệ hạ, xin Ngài hãy cho cuốn tấm vải trắng ấy đi. Đức Thế Tôn không muốn bước lên tấm vải trắng ấy, vì Đức Như Lai nhìn thấy được những gì sẽ phát sanh!

Đức vua y lời, cho người cuốn tấm vải lại, xong rồi lại thỉnh Đức Thế Tôn ngự vào cung, cúng dường cháo và bánh ngọt cho Ngài điểm tâm, đoạn ngồi xuống một nơi phải lẽ, đảnh lễ Ngài và bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Trẫm là người hộ độ Ngài, Trẫm là người Thiện nam đã có Quy y Ngài ba lần rồi. Nghe nói lần thứ nhất khi con còn trong thai bào của mẫu thân, lần thứ hai vào thời thanh thiếu niên và lần thứ ba khi Trẫm đến tuổi lớn khôn. Thế mà, tại sao Ngài chẳng niệm tình bước đi trên tấm vải trắng tinh của Trẫm lót đường nơi Phi lâu này?

- Tâu bệ hạ! Người đã suy nghĩ thế nào, khi người cho trải tấm vải trắng ấy?

- Bạch Thế Tôn! Con suy nghĩ rằng: "Nếu Trẫm được có con trai hoặc con gái thì Bậc Đạo Sư sẽ ngự đi trên tấm vải của Trẫm lót đường".

- Tâu bệ hạ! Hãy hiểu rằng vì sao Như Lai không bước lên tấm vải trắng ấy đi?

- Bạch Thế Tôn! Sao thế? Trẫm sẽ không bao giờ có con trai, con gái gì chăng?

- Thật như vậy, tâu Bệ hạ!

- Bạch Thế Tôn! Tại nguyên nhân nào vậy?

- Vì ngươi cùng vợ ngươi đã dễ duôi trong quá khứ.

- Bạch Thế Tôn! Trong thời nào vậy?

Tiếp đến, Đức Thế Tôn thuyết lên Túc Sanh về tiền nghiệp của Hoàng tử Bodhi như sau:

Thuở quá khứ, có đoàn thương buôn hàng trăm người đi trên một thuyền buôn ra biển. Khi chiếc thương thuyền ra giữa biển thì một cơn bão lớn nổi lên, đánh đắm con thuyền, có hai vợ chồng người thương buôn nọ nhờ bám vào một tấm ván tàu, sóng đánh tạt họ vào một đảo hoang nhỏ giữa biển nên được sống sót, kỳ dư đều chết dưới lòng đại dương. Hoang đảo ấy có rất nhiều chim trú ngụ, khi hai vợ chồng đói thì họ dùng trứng chim để ăn, khi trứng chim hết thì họ lại bắt lấy những con chim non mà dùng, rồi đến các chim lớn. Cả hai vợ chồng đều dùng trứng, chim non và chim lớn suốt cả ba thời kỳ: Thiếu niên, trung niên và lão niên, cả ba thời kỳ ấy, hai vợ chồng

thương buôn ấy đều dễ duôi như thế. Sự không dễ duôi dù chỉ là một thời kỳ thôi cũng không có. Lại nữa, trong hai người, nếu chỉ một người không dễ duôi, sự kiện này lại không hề có.

Sau khi giải rõ tiền nghiệp của Đức vua, Bậc Đạo Sư kết luận rằng:

- Tâu Bệ hạ! Nếu như lúc bấy giờ, Bệ Hạ cùng với nương nương đã giữ mình không dễ duôi, dù chỉ trong một thời kỳ, thì ắt hoàng nam hay công nữ sẽ sanh ra trong một thời kỳ. Nếu như một trong hai người không buông lung thì tuỳ theo người đó mà con trai hay con gái sẽ sanh lên. Tâu bệ hạ! Những ai biết nghĩ thương mình thì trong ba thời kỳ phải lo giữ mình một cách chuyên cần. Bằng không được vậy thì cũng phải ráng lo giữ mình cho được một thời kỳ.

Nói rồi, Đức Bổn Sư ngâm kệ rằng:

"Attānañce piyaṃ jaññā,
Rakkheyya naṃ surakkhitaṃ,
Tiṇṇam aññataraṃ yāmaṃ,
Paṭijaggeyya paṇḍito".

Nếu tự biết thương mình, phải gắng tự bảo hộ, trong ba thời có một, người có Trí nên tỉnh ngộ, chớ mê man!

☸

CHÚ GIẢI

Yāmaṃ: Đức Bổn Sư là bậc Pháp Vương, Ngài thuyết pháp rất thiện xảo. Ở đây, Ngài dùng danh từ yāmaṃ là *(ba) canh (trong một đêm)* để ám chỉ luôn ba thời kỳ (thanh, trung, lão) của một đời người, hoặc trong ba thời đó. Bởi vậy, ở đây, ta nên giải thích rằng: Nếu ai biết tự thương và tự giữ mình, thì đó là người khéo giữ lấy mình. Người ấy khéo giữ mình thế nào, ta nên khéo giữ mình như thế ấy".

Ví như có người cư sĩ suy nghĩ rằng: "Ta sẽ giữ mình cho bình thản", rồi vào trong căn phòng riêng được thu thúc kỹ lưỡng, trên tầng thượng của toà lâu đài, sau khi có đầy đủ sự giữ gìn, rồi ở trong đó; hoặc bậc đã xuất gia an cư trong động đá, được thu thúc kỹ lưỡng là các cửa lớn và cửa sổ đều đóng kín đi nữa, hai người làm như thế chưa hẳn là tự giữ mình đúng cách.

Còn người cư sĩ có tâm bình thản tuỳ sức mình mà tạo phước đức như Bố thí, Trì giới v.v.., hoặc bậc Xuất gia mà ráng chú tâm học hỏi các phận sự lớn nhỏ của mình, cả hai người mới đáng gọi là đang bảo vệ mình. Như vậy, trong ba thời kỳ, người thường không thể làm, còn bậc trượng phu, Hiền trí thì dầu sao cũng tự chăm sóc lấy mình được trong một thời kỳ nào đó. Thật vậy, nếu người cư sĩ trong thời thanh niên đã lỡ mải miết vui chơi không chuyên cần lo làm điều thiện, nếu như trong thời trung niên mắc bận nuôi vợ con mà không thể hành thiện thì đến thời kỳ lão niên cũng phải ráng lo thực hành. Được như vậy mới là người tự bảo vệ, săn sóc lấy mình. Nhược bằng ai không làm như vậy, tức là không có sự thương mình, ắt là tự mình khiến cho mình kiếp sau sa vào khổ cảnh chẳng sai.

Còn bậc Xuất gia mà trong thời kỳ đầu tiên lỡ không lo tập dượt, ôn thuần, học thuộc làu pháp Hành, lại dễ duôi không làm các phận sự của mình thì đến thời kỳ giữa

phải ráng chuyên cần hành Sa môn Pháp. Nếu trong thời kỳ giữa đã lỡ dễ duôi, không lo học hỏi Kinh Luật và Chú giải, thì đến thời kỳ chót cũng phải lo chuyên cần hành Sa môn Pháp. Như thế mới là người chăm lo gìn giữ tự kỷ. Bằng ai không làm như vậy, tức là người ấy không có lòng thương mình. Về sau, người ấy cũng bị lửa phiền não theo thiêu đốt họ.

Cuối thời Pháp, ông Hoàng Bodhi đắc quả Tu Đà Hườn. Kỳ dư hội chúng đều hưởng lợi ích do nhờ thời pháp của Đức Bổn Sư.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Bồ Đề Vương muốn có con trai,
Thỉnh Phật đi trên tấm vải dài,
Phật chẳng ưng đi, Vương mới hỏi,
Phật rằng: "Vương chớ khá van nài!
Kiếp trước, hai người trên đào hoang,
Trứng chim ăn hết, mạng châu toàn,
Suốt đời, chẳng tuổi nào tu niệm,
Nay tuyệt tự thì cũng chẳng oan…".
Phật ngôn: Một đêm có ba canh,
Phải có canh nào lo Pháp hành,
Người Trí thương mình, nên Tỉnh giác.

DỨT TÍCH BỒ ĐỀ VƯƠNG TỬ

☸



One who loves himself should guard himself. A wise man checks at least once every night.

157. Ai biết yêu tự ngã phải phòng hộ mình. Bậc trí tự kiểm điểm ít nhất mỗi đêm một lần.

XII.2- Tích THÍCH TỬ UPANANDA

(Upanandasakyaputtattheravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 158)

"Attānameva paṭhamaṃ,	***"Trước hết tự đặt mình,***
Paṭirūpe[1] nivesaye,	***Vào những gì thích đáng,***
Athaññamanusāseyya,	***Sau mới giáo hoá người,***
Na kilisseyya paṇḍito".	***Người Trí khỏi bị nhiễm".***

Kệ Pháp Cú này, Đức Thế Tôn thuyết khi ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự) trong thành Sāvatthī (Xá Vệ), đề cập đến Trưởng lão Upananda (Ú Pá Nan Đá).

Tương truyền rằng: Vị ấy là một Trưởng lão có biệt tài thuyết pháp. Nhiều vị Tỳ khưu nghe Ngài thuyết Pháp thoại liên hệ đến Tri túc, Thiểu dục, đã cúng dường thượng y của mình đến Tôn giả Upananda, rồi thọ trì Hạnh Đầu đà. Riêng về Tôn giả Upananda thì thọ dụng tất cả những vật dụng mà chư Tỳ khưu ấy xả bỏ.

Gần đến ngày an cư mùa mưa, Tôn giả Upananda đi viếng các chùa ở miền quê. Trong một chùa nọ, các Sadi trẻ rất quý mến vị Pháp sư có tài như Trưởng lão, bèn yêu cầu:

- Bạch Ngài! Xin thỉnh Ngài nhập hạ ở đây!

- Ở đây, mỗi Sư nhập hạ được dâng bao nhiêu y?

- Bạch Ngài, mỗi vị sư được một cái y choàng (Sāṭaka).

Tôn giả Upananda để lại nơi ấy đôi dép, rồi đến tịnh xá khác, cũng được thỉnh Tôn giả an cư, Tôn giả hỏi:

- Trong Tịnh xá này chư Tỳ khưu được những vật dụng gì?

- Thưa Ngài, mỗi vị được hai tấm choàng.

- Tôn giả để lại chiếc gậy nơi đó, rồi đi đến một tịnh xá thứ ba, hỏi rằng: "Trong tịnh xá này chư Tỳ khưu được vật dụng gì?".

- Mỗi vị được ba chiếc y choàng.

Tôn giả để lại nơi ấy cái bình nước, đi đến tịnh xá thứ tư:

- Trong tịnh xá này chư Tỳ khưu được cái chi?

- Thưa, mỗi vị được bốn chiếc y choàng.

- Thôi thì ta sẽ an cư mùa mưa tại nơi này vậy.

Tôn giả Upananda an cư mùa mưa tại nơi ấy, thuyết pháp đến thính chúng cư sĩ lẫn Tỳ khưu. Các Tỳ khưu cùng cư sĩ đã cúng dường Tôn giả Upananda rất nhiều y và vải. Khi mãn mùa an cư, Tôn giả cho người đến các tịnh xá kia bảo rằng:

[1] Patirūpe (theo bản Pāḷi của CSCD./ Dhammagiri. India).

- Tôi cũng được vải nhập hạ đấy nhé, vì tôi đã để lại dép nơi ấy… gậy nơi ấy… bình nước nơi ấy. Vậy chư Tỳ khưu hãy gởi vải an cư mùa mưa cho tôi.

Bấy giờ, trong tịnh xá có hai vị Tỳ khưu trẻ phát sanh được hai tấm y choàng và một cái mền gấm (Kambala). Một vị đề nghị: "Đạo hữu hãy lấy hai lá y choàng, còn cái mền gấm để phần tôi", nhưng vị kia không chấp thuận lối phân chia này. Hai vị còn đang ngồi cãi nhau gần bên đường cái thì bỗng nhìn thấy vị Trưởng lão Pháp sư từ xa đi đến. Họ bèn yêu cầu:

- Bạch Ngài, xin Ngài hoan hỷ chia những vật này hộ chúng tôi!

- Quý Sư cứ tự mình chia nhau đi chứ!

- Bạch Ngài! Chúng tôi không thể chia được, xin Ngài hoan hỷ chia hộ chúng tôi.

- Mà quý Sư sẽ tuân theo lời của ta hay không?

- Thưa vâng, chúng tôi sẽ nghe lời Ngài.

- Nếu vậy thì tốt lắm.

Thế rồi, vị Trưởng lão trao cho hai Tỳ khưu hai lá y choàng, còn mình giữ lấy cái mền quý giá ra đi, bảo rằng:

- Phần này của ta là Pháp sư đã mất công hoà giải quý vị.

Hai vị Tỳ khưu trẻ bị chơi gác, lấy làm hối tiếc, bèn về yết kiến Đức Bổn Sư bạch lại mọi việc. Bậc Đạo Sư giải rằng:

- Này chư Tỳ khưu! Không phải bây giờ thầy ấy mới sang đoạt tài vật của hai con, làm cho hai con hối tiếc, mà trong thời trước thầy ấy đã từng làm như thế rồi.

Nói xong, Đức Thế Tôn thuyết lại Bổn sanh như sau:

Thời quá khứ, có hai con rái, một con lặn bờ sông, con kia thì lặn sâu dưới nước. Một hôm, chúng cùng bắt được một con cá hồi (màu hồng hồng) thật bự. Hai con tranh giành nhau: "Đầu cá là phần của tao, còn cái đuôi là của mày". Rốt cuộc, hai con không thể chia đồng phần nhau được. Chúng thấy một con giã can, bèn mời nó làm trọng tài:

- Thưa cậu! Xin cậu làm ơn chia đồng phần con cá này giùm chúng tôi đi.

Con giã can nói:

- Ta đã ngồi xử kiện trong toà án của Đức vua quá lâu, vừa mới xả ra đi cho hết tê chân đây! Bây giờ ta không có rảnh!

- Thôi mà cậu, xin cậu đừng làm thái! Xin cậu làm ơn chia con cá giùm chúng tôi!

- Tụi bây có nghe lời của tao không?

- Thưa cậu, chúng tôi sẽ nghe lời cậu.

- Nếu vậy, thì ta sẽ chia hộ cho các người.

Rồi giã can chia như sau: "Trong hai ngươi, con nào đi dọc theo bờ thì nhận lấy cái đuôi. Đứa nào lặn sâu dưới nước thì được lấy cái đầu. Còn khúc giữa này sẽ là phần của ta, vì ta đã đứng ra phân xử vụ này".

Con giã can cắt đầu và đuôi giao cho hai con rái, còn mình lấy khúc giữa, con giã can còn lập lại bằng kệ cho hai con rái nghe bản án như sau:

"Anutīracārino naṅguṭṭhaṃ,
Sīsaṃ gambhīracārino;
Athāyaṃ majjhimo khaṇḍo,
Dhammaṭṭhassa bhavissatīti".

- *Con lặn gần bờ hãy lấy cái đuôi, con lặn dưới sâu hãy lấy cái đầu, còn khúc giữa này sẽ là phần của công lý vậy!*

Ngâm kệ xong, con giã can ngậm khúc mình cá ra đi, bỏ mặc hai con rái cá, đứng nhìn theo ăn năn hối tiếc.

Sau khi kể dứt Bổn sanh, Ngài kết luận: "Ấy đấy, từ đời quá khứ, các con cũng đã ăn năn, hối tiếc như thế rồi. Hai con rái cá nay là hai vị Tỳ khưu trẻ, con giã can nay là Upananda". Sau khi giảng dạy hai Tỳ khưu trẻ rồi. Đức Thế Tôn quở trách Upananda rằng:

- Này các Tỳ khưu, muốn xứng đáng làm vị Pháp sư thuyết pháp dạy dỗ người khác, trước hết phải tự đặt mình trên một vị trí đúng đắn.

Nói rồi, Đức Bổn Sư ngâm kệ rằng:

"Attānameva paṭhamaṃ,
Paṭirūpe nivesaye,
Athaññamanusāseyya,
Na kilisseyya paṇḍito".

Trước hãy tự đặt mình vào Chánh đạo, rồi sau giáo hoá kẻ khác, được như vậy người có Trí mới tránh khỏi điều lầm lỗi xảy ra.

CHÚ GIẢI

***Paṭirūpe nivesaye**: tự đặt mình trên vị trí đạo đức thích đáng.* Như trên đã nói, người nào có ý muốn làm thầy dạy kẻ khác, về các hạnh Thiểu dục, Tri túc hoặc về đường lối hành đạo của bậc Thánh nhân thì trước nhất, người ấy hãy tự mình trên đường lối nết hạnh đó. Sau hãy đem những ân đức ấy mà chỉ dạy kẻ khác. Nhược bằng, tự mình chưa đạt đến mức đó mà mong chỉ dạy kẻ khác thì trong khi chỉ dạy, ắt sẽ bị toàn thể mọi người chê trách, thật là nhơ nhuốc vậy.

Người đã tự đặt mình lên Chánh đạo rồi, sau mới chỉ dạy kẻ khác, ắt sẽ được khen ngợi tán dương, cho nên không bị nhuốc nhơ. Bậc Hiền trí hằng làm vậy nên không bị biếm nhẻ.

Cuối thời Pháp, hay Tỳ khưu trẻ ấy đắc quả Tu Đà Hườn. Đại chúng thính pháp cũng được hưởng phần lợi ích.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Thuyết Pháp khuyên Tăng tập Xả ly,
Tự mình lại chấp giữ nhiều y,
Tỳ khưu tham luyến trong tài vật,
Chẳng xứng danh từ Thích tử chi!
Đứng chia lễ lộc giúp hai Sư,
Đoạt lấy chiếc mền gấm lẻ dư…
Phật dạy: Trọng tài nên đứng đắn,
Xử người, phải chí công vô tư.

DỨT TÍCH THÍCH TỬ UPANANDA

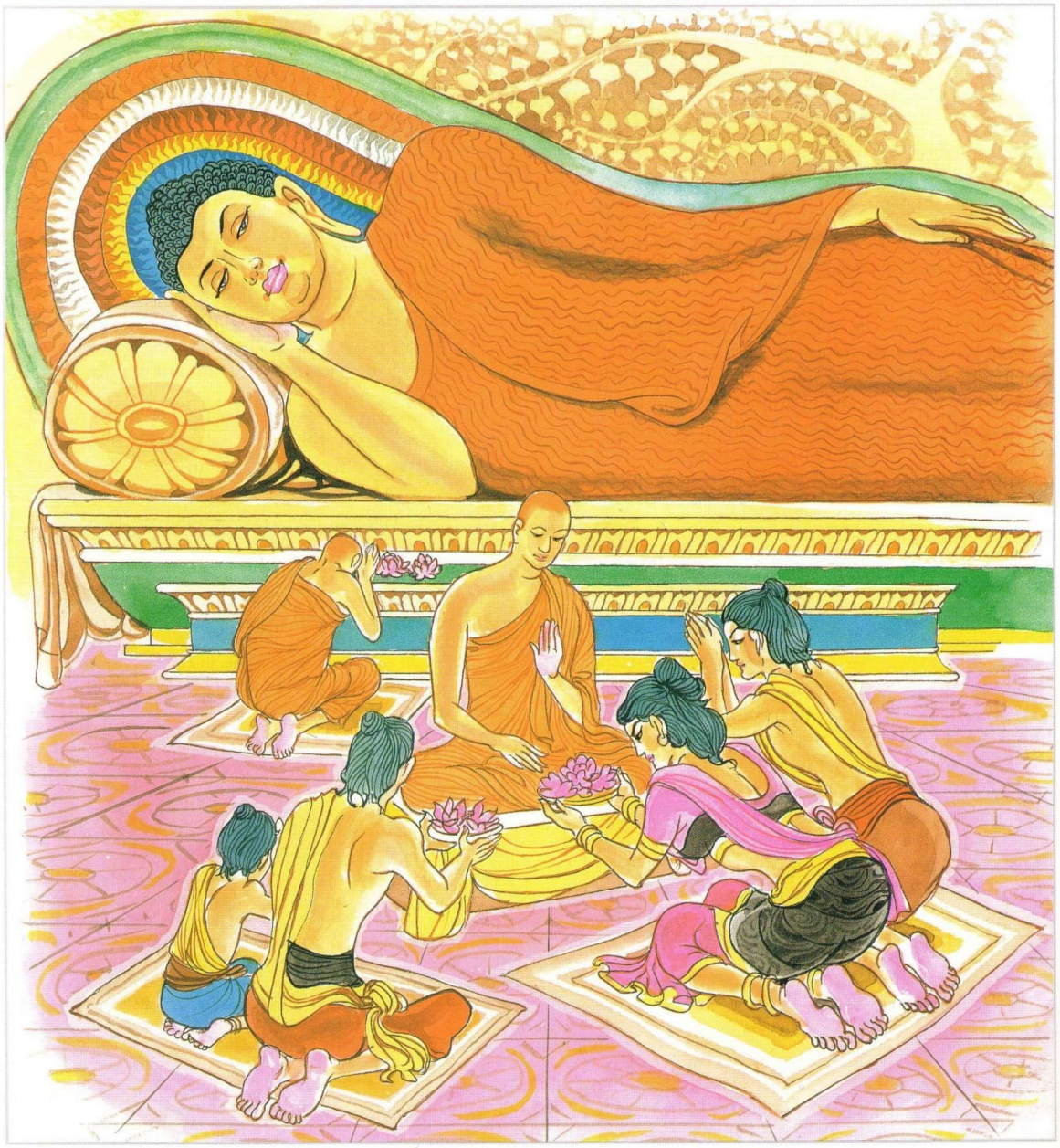

First do the right thing yourself. Then instruct others. One's own purity a wise man treasures.

158. Trước tiên hãy tự mình làm việc chân chánh, sau đó mới dạy người!
Bậc trí trân trọng giữ sự thanh tịnh bản thân như kho báu.

XII.3- Tích TRƯỞNG LÃO ĐỀ XÁ TINH TẤN THIỀN

(Padhānikatissatthera Vatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 159)

"Attānañce tathā kayirā,	***"Hãy tự làm cho mình,***
Yathaññamanusāsati;	***Như điều mình dạy người,***
Sudanto vata dametha	***Khéo tự điều, điều người,***
Attā hi kira duddamo".	***Khó thay, tự điều phục!".***

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư thuyết lên khi ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến Trưởng lão Padhānikatissa (Đề Xá Tinh Tấn Thiền).

Tương truyền rằng: Trưởng lão Padhānikatissa thọ huấn đề mục Tham thiền nơi Bậc Đạo Sư, rồi dẫn năm trăm vị Tỳ khưu vào rừng hành thiền, Trưởng lão dạy rằng:

- Này chư đạo hữu! Quý vị đã may mắn được thọ trì đề mục Tham thiền từ nơi Đức Phật hiện tại. Vậy quý vị hãy chuyên cần hành Sa môn Pháp đi!

Giáo hoá chúng Tăng như vậy, thế nhưng Tôn giả ấy lại chính mình nằm ngủ.

Vào canh đầu, các Tỳ khưu đi kinh hành, đến canh giữa thì vào Tịnh thất riêng. Trưởng lão Padhānikatissa tỉnh giấc, đi đến chư Tỳ khưu ấy quở trách:

- Các vị trở vào tịnh thất với ý định "Sẽ ngủ" đấy à? Hãy nhanh chóng trở ra hành Pháp Sa môn đi chứ!

Rồi Tôn giả lại chính mình vào tịnh thất ngủ. Các Tỳ khưu đi kinh hành trọn cả canh giữa, đến canh cuối mới trở vào tịnh thất, và Tôn giả lại thức giấc, đến nơi các Tỳ khưu ấy, dẫn các vị ấy ra khỏi tịnh thất, rồi tự mình trở vào ngủ tiếp.

Tôn giả Padhānikatissa thường làm như thế, chư Tỳ khưu không thể học hỏi hoặc Định tâm trên đề mục được, tâm đã bị phóng dật nhiều, chư Tỳ khưu bàn luận cùng nhau rằng:

- Thầy A Xà Lê của chúng ta đã tinh tấn quá mức như thế. Vậy chúng ta hãy rình xem Ngài như thế nào?

Khi biết rõ sự việc như thế, các Tỳ khưu bàn luận với nhau:

- Này các đạo hữu ơi! Chúng ta bị tổn hại rồi, thầy A Xà Lê chúng ta chỉ dạy chúng ta suông thôi, khi chính Ngài lại không thực hành.

Trong số năm trăm vị Tỳ khưu vất vả đó, chẳng có ai chứng đạt Pháp Thượng nhân cả.

Mãn mùa an cư, chư Tỳ khưu trở về yết kiến Đức Thế Tôn, được Ngài tự thân đón tiếp thân hữu, Ngài phán hỏi rằng:

- Này các Tỳ khưu! Các thầy đã chuyên cần hành Sa môn Pháp, phải chăng?

Chư Tỳ khưu bạch trình lên Đức Thế Tôn mọi việc, Ngài dạy rằng:

- Thật vậy, này các Tỳ khưu, Tỳ khưu ấy chẳng phải chỉ làm tổn hại các thầy trong hiện tại, trong quá khứ y cũng đã từng như thế rồi.

Rồi theo lời thỉnh cầu của chư Tỳ khưu, Ngài thuyết giảng rộng rãi Bổn sanh, bắt đầu bằng kệ rằng:

"Amātāpitusaṃvaḍḍho,
Amācāriyakule vasaṃ;
Nāyaṃ kālamakālaṃ vā,
Abhijāmīti kukkuṭoti".

"Không được cha mẹ nuôi nấng dạy dỗ, cư ngụ trong nhà thầy giáo của ta, con gà trống này không biết rõ lúc nào là chánh thời hoặc phi thời".

Sau khi kể hết Túc sanh truyện về Con Gà Trống Gáy Phi Thời này (Akālaravakukkuṭa). Bậc Đạo Sư kết luận rằng:

- Này các Tỳ khưu, muốn xứng danh là bậc thầy dạy dỗ kẻ khác, thì phải khéo tự dạy lấy mình trước đã, người đã khéo dạy mình như thế mới đáng gọi là điều ngự.

Nói rồi, Đức Bổn Sư ngâm kệ rằng:

"Attānañce tathā kayirā,
Yathaññamanusāsati;
Sudanto vata dametha
Attā hi kira duddamo".

Nếu muốn khuyên người khác nên làm như mình, trước hãy sửa mình rồi sau sửa người, vì tự sửa mình vốn là điều khó nhất.

CHÚ GIẢI

"Attānañce tathā kayirā yathaññaṃ anusāsati: *Dạy người như thế nào, hãy tự dạy mình thế ấy,* cũng như khi dạy người khác, mình đã nói: "Này Tỳ khưu, thầy phải tinh tấn đi kinh hành trong canh một, v.v.." thì tự mình phải cương quyết hành đạo như đi kinh hành v.v..

Sudanto vata dametha*: Khéo điều mình rồi mới điều người,* bằng ân đức nào mình chỉ dạy người, mình hãy tự điều bằng cách khéo dạy mình ân đức đó.

Attā hi kira duddamo*:* Quả thật, cái gọi là tự ngã này rất khó điều phục. Bởi thế, mình khéo tự điều thế nào, thì nên điều kẻ khác thế ấy.

Cuối thời Pháp, Chư Tăng đông đến năm trăm vị thảy đều đắc A La Hán quả hết.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Đề Xá có danh "Tinh Tấn Thiền",
Ngờ đâu thầy cứ ngủ liên miên,
Cuối canh thức dậy, kêu hành giả:
"Hãy thức hành Thiền, chớ ngủ yên!".
Mỗi đêm thức suốt cả ba canh,
Mệt mỏi thân tâm, Đạo chẳng thành,
Đệ Tử đi rình xem Trưởng lão,
Mới hay: Ông ngủ ngáy ngon lành!
Phật dạy: Tự điều rất khó khăn!
Bản thân phải huân tập siêng năng,
Để làm gương mẫu cho người khác,
Mới đáng là thầy hướng dẫn Tăng.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO ĐỀ XÁ TINH TẤN THIỀN



If one himself does exactly as one instructs, then with a well-tamed self one tames others.

159. Nếu ta làm đúng những gì ta dạy người khác làm, thì ta có thể điều phục người khác với bản thân đã được khéo điều phục.

XII.4- Tích MẸ CỦA TRƯỞNG LÃO CA DIẾP ĐỒNG TỬ

(Kumārakassapamātutherīvatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 160)

"Attā hi attano nātho,	***"Tự mình y chỉ mình,***
Ko hi nātho paro siyā;	***Nào có y chỉ khác,***
Attanā hi sudantena,	***Nhờ khéo điều phục mình,***
Nāthaṃ labhati dullabhaṃ".	***Được y chỉ khó được".***

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư thuyết khi ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến Mẹ của Trưởng lão Kumārakassapa (Ca Diếp Đồng Tử).

Tương truyền rằng: Mẹ của Trưởng lão Kumārakassapa là con gái của một Bá hộ trong thành Rājagaha (Vương Xá). Khi tuổi có trí khôn, nàng lại hướng tâm đến đời sống xuất gia. Nhiều lần Tiểu thư xin song thân cho mình sống được sống đời sống vô gia đình trong Giáo Pháp của Đức Thế Tôn nhưng song thân nàng không ưng thuận.

Đến tuổi cập kê, Tiểu thư xuất giá vu quy về ở nhà chồng, chẳng bao lâu Tiểu thư thọ thai. Tuy nhiên nàng chẳng hề biết được điều đó, nên vẫn làm vừa lòng chồng rồi xin xuất gia.

Một hôm, trong thành Rājagaha có lễ hội, không màng trang điểm, nàng lại chẳng tha thiết chi đến lễ hội. Công tử lấy làm lạ hỏi nguyên nhân, nàng bày tỏ nguyện vọng của mình. Công tử vô cùng hoan hỷ cho Tiểu thư được xuất gia trong Ni viện.

Khi ấy, người chồng cho sắm sửa nhiều lễ vật trọng thể đưa vợ mình đi xuất gia, nhưng vì không biết Tịnh xá Ni ở đâu nên đi ngay đến chỗ trú của chư Tỳ khưu Ni thuộc nhóm chia rẽ Tăng của Devadatta (Đề Bà Đạt Đa).

Thời gian sau, khi thai bào tăng trưởng, chư Ni biết được, hỏi nàng rằng:

- Này Sư Cô! Vì sao có chuyện lạ như thế?

- Thưa chư Hiền tỷ! Tôi cũng không rõ vì sao nữa nhưng giới hạnh của tôi không bị lấm nhơ đâu!

Chư Tỳ khưu Ni bèn đem việc này trình với Devadatta rằng:

- Bạch Ngài! Nữ Ni này xuất gia do đức tin nhưng chúng tôi không rõ vì sao nàng lại mang thai cả. Giờ đây chúng tôi phải xử sự làm sao?

Devadatta chẳng chịu suy xét kỹ lưỡng, chỉ nghĩ đến một điều là: "Đừng để tai tiếng đến chư Ni trong trú xứ của ta là những người mà chính ta hằng giáo giới". Tôn giả nói với chư Tỳ khưu Ni rằng:

- Các cô hãy tẩn xuất nàng ấy ra khỏi trú xứ, cho nàng trở về đời sống thế tục đi.

Nghe Devadatta nói như thế, vị Nữ Ni trẻ bạch với chư Tỳ khưu Ni rằng:

- Thưa chư Hiền tỷ! Xin các Hiền tỷ đừng làm tổn hại đến tôi, tôi không có xuất gia riêng với Devadatta. Xin chư Hiền tỷ hãy đưa tôi đến yết kiến Đức Thế Tôn và trình bày việc này đến Đức Đạo Sư đi.

Chư Tỳ khưu Ni bèn dắt nàng về yết kiến Đức Thế Tôn đang ngự tại Jetavana Vihāra (Tịnh xá Kỳ Viên) trong thành Sāvatthī (Xá Vệ). Khi sự việc được trình lên Đức Thế Tôn, Ngài đã rõ biết rằng: "Nữ Ni này đã mang thai trước khi xuất gia". Để làm sáng tỏ vấn đề này, Ngài cho mời Đức vua Pasenadi (Ba Tư Nặc), Trưởng giả Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc), ông Cūḷānāthapiṇḍika (Tiểu Cấp Cô Độc), Đại Tín nữ Visākhā (Thiện Chi) cùng các đại gia vọng tộc khác đến, rồi Ngài phán bảo Trưởng lão Upāli (Ú Pa Ly) rằng:

- Này Upāli! Giữa hàng Tứ chúng, hãy xét xử minh bạch trường hợp của Tỳ khưu Ni trẻ này!

Vâng lịnh Đức Thế Tôn, Trưởng lão Upāli cho mời nàng Visākhā đến và giao cho bà thẩm nghiệm thời gian thọ thai, cùng xác minh Giới hạnh của Nữ Ni ấy trước mặt đại chúng.

Bà Thiện Chi cho người che màn chung quanh rồi tự thân bà kiểm tra từ tay chân đến rún, bụng của nàng Nữ Ni, rồi tính toán ra ngày tháng đậu thai và biết được rằng: "Ni Cô này đã mang thai trước khi xuất gia". Bà liền thông qua cho Trưởng lão biết kết quả. Lúc ấy, ngay giữa tứ chúng Trưởng lão đã công bố bản án: "Ni cô hoàn toàn trong sạch".

Do tiền kiếp Ni Cô này đã có phát nguyện dưới chân Đức Cổ Phật Thượng Liên Hoa (Padumuttara) nên thời gian sau, nàng hạ sanh được một hài nhi, có oai lực lớn.

Một hôm, Đức vua ngự đến Tịnh xá Tỳ khưu Ni ấy, bỗng nghe tiếng trẻ thơ, Ngài phán hỏi cận tướng rằng:

- Này các khanh! Tiếng gì thế?

- Tâu Bệ hạ! Đứa con trai của Tỳ khưu Ni mới sanh, chính đó là tiếng của nó.

Nghe vậy, Đức vua bèn đem đứa đồng tử ấy về hoàng cung giao cho các vú nuôi. Đến ngày lễ đặt tên, đứa bé được đặt tên la Kassapa (Ca Diếp). Nhân vì các vú nuôi săn sóc từ lúc ấu thơ cho đến tuổi trưởng thành, cho nên các bà quen miệng cứ kêu cậu là Kumārakassapa (Ca Diếp Đồng Tử).

Khi chơi thể thao ở sân vận động, cậu đánh bại hết các trẻ khác. Chúng nói:

- Chúng ta đã thua kẻ không có cha mẹ.

Công tử Kumārakassapa nghe như thế, liền đi đến Đức vua Pasenadi bạch hỏi rằng:

- Tâu Bệ hạ! Các đứa trẻ luôn bảo con là đứa không cha không mẹ, xin Ngài hãy chỉ cha mẹ cho con đi!

- Các nhũ mẫu chính là mẹ của con đấy.

Nghe vậy, cậu bé cãi lại:

- Không phải bấy nhiêu bà đều là mẹ của con hết. Mẹ của con phải là một bà mà thôi. Xin Bệ hạ hãy chỉ giùm bà ấy cho con!

Đức vua suy nghĩ: "Ta không thể nói gạt được đứa bé này", nên tỏ thật rằng:

- Con ạ! Mẹ ruột của con là một Tỳ khưu Ni, Trẫm đã đến tịnh xá Ni đem con về đây.

Lúc bấy giờ, cậu bé bỗng phát sanh kinh cảm suy nghĩ chín chắn rồi nói:

- Xin Phụ vương cho con xuất gia.

- Lành thay! Con ạ!

Thế rồi, Đức vua cho sắp đặt cuộc lễ rất trọng đại và cho cậu bé xuất gia với Đức Bổn Sư.

Sau khi được thọ Cụ túc giới, ông sư trẻ được gọi là Trưởng lão Kumārakassapa (Ca Diếp Đồng Tử). Ngài thọ huấn đề mục Chỉ Quán từ nơi Đức Thế Tôn rồi, bèn vào rừng thanh vắng yên tịnh để Tinh tấn hành Sa môn Pháp, nhưng không thể giác ngộ Chánh Pháp. Trưởng lão tính trở về đảnh lễ Đức Bổn Sư để xin thụ huấn đề mục hành thiền một lần nữa. Trên đường về, Trưởng lão tạm an cư trong khu rừng Mù (Andhavana). Lúc bấy giờ, có một vị Phạm Thiên, nguyên là một Tỳ khưu đồng hành Sa môn Pháp với Trưởng lão trong thời Đức Phật Tổ Ca Diếp, vị ấy đã đắc A Na Hàm quả và sau đó được sanh lên cõi Phạm Thiên. Từ Phạm Thiên giới, vị ấy bèn xuống hỏi Trưởng lão mười lăm câu hỏi, rồi tiễn Trưởng lão lên đường và bảo rằng:

- Những câu hỏi này, ngoại trừ Bậc Đạo Sư ra không một ai khác giải đáp nổi. Hãy đi về tìm gặp Bậc Đạo Sư mà học nghĩa lý của những câu này.

Trưởng lão làm theo lời chỉ bảo của vị Phạm Thiên và đắc quả A La Hán khi các câu hỏi vừa được giải đáp hết.

Kể từ khi Trưởng lão ra đi hành pháp Sa môn trong rừng, thấm thoát được mười hai năm, trong mười hai năm trường ấy, mẹ Ngài không thể ngăn được nước mắt khi nhớ đến con. Vì xa cách con trai nên bà buồn khổ, đang đi khất thực mà mặt đầm đìa nước mắt. Bỗng nhiên, gặp Trưởng lão giữa đường, bà mừng quýnh, vừa chạy đến nắm Trưởng lão vừa kêu to:

- Con ơi, con ơi!

Bất ngờ, bà té nhào xuống đất, hai vú bà tươm sữa ra dính vào y do sự xúc cảm quá mãnh liệt, bà lồm cồm đứng dậy, mang y ướt đến nắm lấy Trưởng lão.

Trưởng lão nghĩ thầm: "Nếu ta dùng lời dịu ngọt nói với mẹ ta, ắt bà sẽ hư hỏng chứ chẳng ích lợi chi cả. Vậy ta nên dùng lời cứng xẵng mà nói chuyện với bà".

Trưởng lão suy nghĩ như thế bèn làm nghiêm, hỏi trách bà rằng:

- Bà tu làm chi thế? Tại sao bà đã xuất gia rồi mà không thể cắt đứt được sự thương yêu ấy ư?

Tỳ khưu Ni ấy suy nghĩ rằng: " Than ôi, lời lẽ của con ta sao mà chát chúa quá!".

Tuy nhiên, bà cũng hỏi lại một lần nữa:

- Con à, con vừa nói chi vậy?

Trưởng lão cũng lặp lại như trước, khiến cho bà tỉnh ngộ, nghĩ rằng: "Ta đã không cầm được nước mắt suốt cả mười hai năm trường vì lòng thương nhớ con, nhưng con của ta nó vô tình quá, té ra đối với ta lòng nó lại cứng cỏi như sắt đá, chẳng nghĩ chi đến ta cả! Thế thì ta còn nuối tiếc nó làm gì nữa!". Bà suy nghĩ như thế rồi, buông y Trưởng lão ra, trở về Tịnh thất, cố gắng quên đi đứa con vô tình, tinh tấn hành Đạo. Lòng thương con không còn tha thiết như trước nữa, nhờ áp chế được tình thâm mẫu tử bà chứng đạt A La Hán quả trong ngày đó. Thời gian sau, chư Tỳ khưu bàn luận cùng nhau nơi giảng đường:

- Các đạo hữu ơi! Tôn giả Kumārakassapa và Trưởng lão Ni có đầy đủ duyên lành như thế, vậy mà suýt nữa bị Devadatta làm tổn hại. Còn Bậc Đạo Sư là nơi nương nhờ của hai vị ấy, thật là kỳ diệu thay! Lẽ thường chư Phật là bậc hằng tế độ thế gian vậy!

- Với thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân, Đức Thế Tôn nghe được sự luận bàn ấy của chư Tỳ khưu, Ngài ngự đến hỏi rằng:

- Này các Tỳ khưu! Các ngươi đang bàn luận cùng nhau về việc gì?

- Bạch Thế Tôn, chuyện này…

- Này các Tỳ khưu! Chẳng phải chỉ trong kiếp này ta là nơi nương nhờ cho hai mẹ con Kumārakassapa mà trong quá khứ, hai người ấy cũng đã từng nương nhờ nơi Ta rồi.

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳ khưu, Ngài thuyết giảng rộng tích Bổn Sanh Nigrodha (Ni Câu Luật Đà), rồi Đức Bổn Sư ngâm kệ rằng:

"Nigrodhameva seveyya
Na sākhamupasaṃvase,
Nigrodhasmiṃ mataṃ seyyo
Yañce sākhasmiṃ jīvitanti".

- *Thà sống với con hươu Nigrodha (Ni Câu Luật Đà), chớ đừng sống Sākha. Thà chết với Nigrodha, còn hơn sống với Sākha.*

Đức Thế Tôn nhận diện Bổn sanh[(1)] rằng: "Nai Sākha trong quá khứ nay là Devadatta, hội chúng của nai Sākha nay là hội chúng của Devadatta trong hiện tại. Nai cái nay chính là Trưởng lão Ni, con nai con nay là Trưởng lão Kumārakassapa. Nai chúa Nigrodha nay chính là Đấng Như Lai vậy".

Tiếp theo đó, Đức Bổn Sư dạy cho biết là sau khi đoạn tình mẫu tử, Trưởng lão Ni tự mình đã khiến cho mình giác ngộ Chánh Pháp: "Này các Tỳ khưu, người nào nương cậy kẻ khác thì không thể hy vọng sẽ sanh lên cõi trời, hoặc sẽ chứng đắc Đạo quả. Bởi vậy cho nên, mình hãy là chỗ tựa của mình, chớ ai đâu khác sẽ làm chuyện ấy".

Nói rồi, Đức Bổn Sư ngâm kệ rằng:

"Attā hi attano nātho,

[1] Bổn sanh Nigrodha (Jāt.145).

Ko hi nātho paro siyā ;
Attanā hi sudantena,
Nāthaṃ labhati dullabhaṃ”.

Chính tự mình làm chỗ nương cho mình, chứ người khác làm sao nương được?
Tự mình khéo tu tập mới đạt đến chỗ nương tựa nhiệm màu (quả vị A La Hán).

CHÚ GIẢI

Nātho: *nương nhờ.* Như trên đã nói, người nào tự mình nương cậy lấy mình, kiện toàn thiện pháp rồi, ắt có thể siêu sanh lên nhà cảnh, hoặc chứng đắc Đạo quả, làm cho thấu rõ Níp Bàn được, bởi vậy mới nói tự ngã chính là chỗ nương (patiṭṭhā = nātho) của mình. Người khác là ai, xưng danh là chỗ nương của ai? Như vậy thì do mình khéo léo tự điều phục lấy mình mà đắc quả A La Hán, là chỗ nương khó mà có được.

Nāthaṃ labhati dullabhaṃ: được điểm tựa khó được trên đây ngụ ý chỉ Quả vị A La Hán vậy.

Cuối thời Pháp, nhiều vị Tỳ khưu đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Mười hai năm chẵn cách xa con,
Sư nữ trông chờ, dạ héo hon,
Bỗng gặp, chào mừng Sư Lậu tận,
"Lời Sư sao đẳng tợ bồ hòn".
Nhờ Minh Sát Khổ đến kỳ cùng,
Mẫu tử tình thâm tự cáo chung.
Sư nữ đắc ngay La Hán quả,
Não phiền rũ sạch, sống ung dung.
Phật dạy: "Mỗi người tự độ mình,
Lên trời hoặc đến cõi Vô sinh,
Ngoài Ta, chẳng có người ta tựa,
Tự Ta là nơi tựa tối linh".

DỨT TÍCH MẸ CỦA TRƯỞNG LÃO KUMĀRAKASSAPA

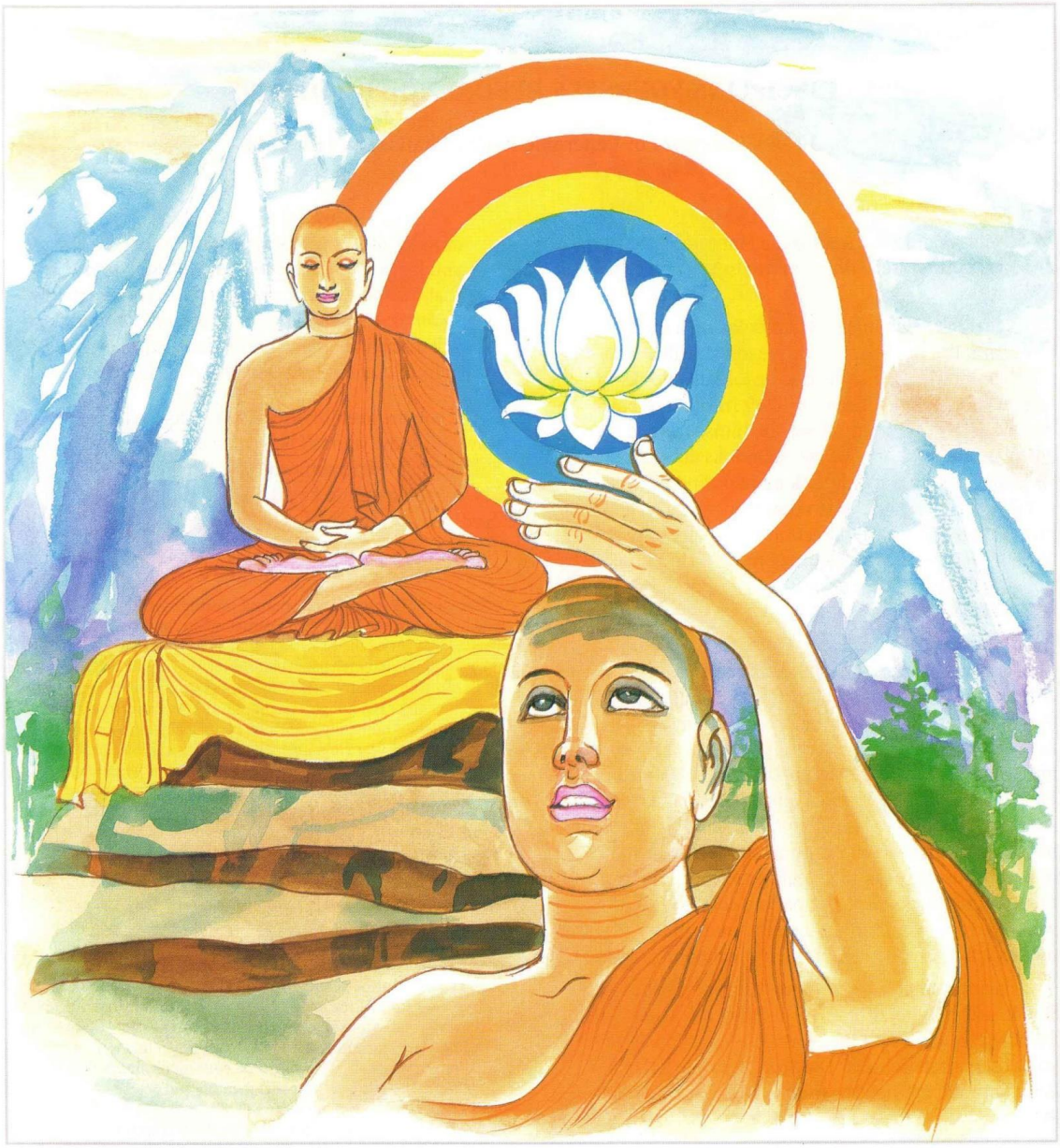

Be ye your own protector. Who else is? With a well-tamed self one's found a rare protector.

160. Hãy tự bảo hộ mình. Nào có ai khác nữa? Với tự ngã khéo điều phục, ta đã tìm được vị bảo hộ hiếm có.

XII.5- Tích THIỆN NAM MÁ HA KA LÁ

(Mahākāḷa-upāsakavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 161)

Attanā hi kataṃ pāpaṃ,	***"Điều ác tự mình làm,***
Atrajaṃ[1] attasambhavaṃ ;	***Tự mình sanh, mình tạo,***
Abhimatthati dummedhaṃ,	***Nghiền nát kẻ ngu si,***
Vajiraṃva'mhayaṃ maṇiṃ".	***Như kim cương, ngọc báu".***

Kệ Pháp Cú này, Đức Thế Tôn thuyết khi ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến Cận sự nam Mahākāḷa (Má Ha Ka Lá) đã đắc quả Tu Đà Hườn.

Tương truyền rằng: Cận sự nam Mahākāḷa đã thọ trì giới Bát quan trai đủ tám ngày trong tháng, mới thức nghe Pháp suốt đêm trong chùa.

Một hôm cũng vào ngày Trai giới, có bọn trộm đạo đã đánh cắp tài sản của một gia tộc nọ, ở gần tịnh xá Kỳ Viên vào lúc ban đêm. Trong khi chúng di chuyển vật trộm đi, gia chủ phát giác được liền báo động, cùng nhau rượt đuổi theo bọn trộm cướp. Chúng quăng bỏ những tang vật rồi bỏ chạy thoát thân. Riêng vị gia chủ vẫn theo truy lùng bọn trộm, chúng chạy tán loạn khắp bốn hướng, có một tên chạy về hướng Tịnh xá Kỳ Viên.

Bấy giờ, đêm gần mãn, Cận sự nam Mahākāḷa sau khi nghe Pháp trọn đêm, đã ra bờ hồ súc miệng rửa mặt, tên trộm ấy chạy đến hồ, quăng bỏ túi đồ trước mặt ông Thiện nam rồi bỏ chạy luôn. Những người đuổi theo bọn ăn trộm, chạy trờ tới, thấy tang vật bị lấy cắp, đổ tội cho ông Thiện nam: "Mày đã khoét vách đột nhập vào nhà chúng ta mà trộm cắp đồ đạc, lại làm bộ đi nghe thuyết pháp". Họ túm lấy ông Thiện nam đánh đập ông đến chết rồi vứt xác ông một bên mà trở về nhà.

Sáng sớm, các Tỳ khưu trẻ cùng các Sadi đi ra hồ múc nước, thấy xác ông Thiện nam như thế, bảo nhau rằng:

- Cận sự nam Mahākāḷa nghe Pháp trong Tịnh xá suốt cả đêm, nay chết như thế thật là bất ngờ, oan uổng quá!

Các Tỳ khưu trình lên Đức Thế Tôn về sụ việc nầy. Bậc Đạo Sư đáp rằng:

- Đúng như vậy, này các Tỳ khưu! Ông ta chết bất xứng trong kiếp này, nhưng lại tương xứng với nghiệp ác đã tạo trong quá khứ.

Chư Tăng cung thỉnh Bậc Đạo Sư thuyết giảng Bổn Sự về tiền nghiệp của Mahākāḷa.

Thuở quá khứ, có một bọn cướp gần bìa rừng, thuộc vùng biên địa của Quốc vương Bārāṇasī, để giữ an toàn cho sơn dân nơi ấy, Đức vua đặt một viên quan trấn giữ nơi bìa rứng, có phận sự đưa người từ bên này rừng sang bên kia rừng, hay từ bên kia rừng sang bên này rừng.

[1] Atta – Abhimanthati (theo bản Pāḷi của CSCD. / Dhammagiri. India).

Một hôm, có chàng thanh niên cùng cô vợ xinh đẹp, khả ái của mình, đánh xe đến nơi bìa rừng ấy. Quan Tổng trấn nhìn thấy giai nhân, bỗng sanh lòng luyến ái, khi người chồng ngỏ ý rằng:

- Xin tướng quân hộ tống chúng tôi qua truông.

- Bây giờ là phi thời rồi, thôi để sáng mai, bản chức sẽ hộ tống ông bà đi sớm!

- Bẩm quan! Bây giờ vẫn còn sớm, xin Ngài hộ tống chúng tôi đi ngay.

- Thôi bạn ạ! Mời hai ông bà trở lại tư dinh của bản chức dùng cơm và nghỉ lại qua đêm.

Tuy không muốn ở lại, nhưng chàng thanh niên cũng đành chịu. Quan Trấn thủ hướng dẫn chàng đánh xe trở lại đồn trấn của mình, ông sắp xếp vật thực cho chàng thanh niên dùng.

Quan Trấn thủ có một viên ngọc quý, ông sai gia nhân lén bỏ vào nơi kín đáo trong xe của khách, rồi đến rạng đông hôm sau, quan cho hô hoán lên rằng: "Hồi hôm, có bọn ăn trộm đã lẻn vào tư dinh". Nhưng người nhà của quan lại báo cáo:

- Bẩm quan, bọn ăn trộm đã lấy mất viên bảo ngọc rồi.

Sau khi bố trí binh lính phòng thủ các cổng làng, quan ra lịnh rằng:

- Hãy lục soát những người từ trong làng đi ra.

Chàng thanh niên cùng vợ đã chuẩn bị đi từ sáng sớm, khi gia nhân của quan Trấn thủ khám xét xe chàng, tìm thấy viên Bảo Ngọc trong xe ấy, ghép tội chàng rằng:

- Ngươi đã đánh cắp viên ngọc này rồi toan trốn đi phải chăng?

Chúng liền bắt trói và đánh đập chàng thanh niên, đem trình lên quan Trấn thủ:

- Thưa chủ! Tôi đã bắt được kẻ trộm bảo ngọc, chính là gã thanh niên này.

- Bản chức là quan Trấn thủ nơi này. Bản chức đã tiếp đãi nó trọng hậu, cho nghỉ lại qua đêm trong đồn. Thế mà nó lại liên hệ với bọn cướp, đánh cắp bảo ngọc của bản chức như thế. Các ngươi hãy đánh chết nó đi.

Thế là gia nhân của quan Trấn thủ đánh chàng thanh niên cho đến chết, ném xác chàng vào rừng. Quan Trấn thủ chiếm đoạt vợ chàng thanh niên bằng cách như thế. Do ác nghiệp ấy, khi mệnh chung, y bị đoạ vào Địa ngục A Tỳ, bị lửa thiêu đốt trong thời gian dài đếm năm không kể xiết, khi thoát khỏi Địa Ngục, quả còn dư sót của ác nghiệp ấy, khiến cho y bị đánh chết vô cớ đã một trăm kiếp rồi.

Sau khi thuyết xong tiền tích của Mahākāḷa, Ngài kết luận rằng:

- Này các Tỳ khưu, những chúng sanh này tự mình đã tạo ác nghiệp như thế, mới bị ác nghiệp nghiền nát trong bốn ác đạo như thế.

Nói rồi, Đức Bổn Sư ngâm kệ rằng:

"Attanā hi kataṃ pāpaṃ,
Atrajaṃ attasambhavaṃ ;
Abhimatthati dummedhaṃ,

Vajiraṃva'mhayaṃ maṇiṃ".

Ác nghiệp do tự mình tạo, tự mình sinh ra, ác nghiệp làm hại kẻ ngu dễ dàng như kim cang phá hoại bảo thạch.

CHÚ GIẢI

Vajiraṃva'mhayaṃ maṇinti = Vajiraṃva ahamayaṃ maṇiṃ:

Bản kinh lời vàng chép là (Vajiraṃ vasmamayaṃ): như kim cang nghiền bảo thạch.

Như trên đã nói, cũng như kim cang nguyên chất đá, do đá sản xuất ra, mà trở lại nghiền nát bảo thạch Ma ni là chỗ gọi là nguồn gốc sanh ra nó thành những mảnh vụn văn manh mún, hết dùng xài được như thế nào, thì cũng như thế ấy, nghiệp ác tự mình làm, tự mình sanh ra, tự mình sản xuất, nghiền nát, phá hoại kẻ ngu si, vô trí trong bốn đường ác đạo.

Cuối thời Pháp, các Tỳ khưu hiện diện đều đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Suốt đêm nghe Pháp ở Kỳ Viên,
Vừa sáng tinh sương bị giết liền,
Xác vứt bên hồ sen trước cổng,
Tăng vào hỏi Phật nghiệp tiền khiên.
Phật bảo: Thiện nam chết chẳng oan,
Đời xưa trấn ải, ý quyền quan,
Phao vu, giết hiếp người vô tội,
Để chiếm vợ người mượn đưa đàng!".
Kẻ ác tự mình gieo ác nhân,
Tự nhiên ác quả đến ngay thân.
Người ngu ác nghiệp nghiền tan nát,
Như ngọc Kim cương nát bảo trân.

DỨT TÍCH THIỆN NAM MAHĀKĀḶA

ଓ☸ଓ



A diamond being itself a stone, cuts stones. Likewise, self-wrought evil assails the fool.

161. Kim cương chính là loại ngọc có thể cắt đức các loại ngọc khác.
Cũng vậy ác nghiệp do tự mình tạo sẽ tàn phá kẻ ngu si.

XII.6- Tích ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA GÂY TỘI ÁC

(Devadattavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 162)

"Yassa accantadussīlyaṃ,	***"Phá giới quá trầm trọng,***
Māluvā sālamivotthataṃ;	***Như dây leo bám cây,***
Karoti so tathattānaṃ,	***Gieo hại cho tự thân,***
Yathā naṃ icchatī diso".	***Như kẻ thù mong ước".***

Kệ Pháp Cú này, Đức Thế Tôn thuyết khi ngự tại Veḷuvana (Trúc Lâm), gần thành Rājagaha (Vương Xá), đề cập đến Devadatta (Đề Bà Đạt Đa).

Tương truyền rằng: Một hôm, các Tỳ khưu cùng nhau hội họp tại Giảng đường, bàn luận cùng nhau rằng:

- Này chư đạo hữu! Devadatta là người phá giới, là người hành theo ác pháp, đã khuyến dụ Thái tử Ajātasattu (A Xà Thế) làm phát sanh lợi lộc đến ông một cách phi pháp, rồi xúi dục Thái tử giết cha là vua Bimbisāra (Bình Sa Vương), ông ta lại còn mưu hại Đức Thế Tôn nhiều phen nữa chứ. Do ông làm cho ái dục cùng tăng trưởng với ác giới nên ông trở nên người ác hạnh vậy.

- Với thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân, Đức Thế Tôn nghe được sự bàn luận ấy, Ngài ngự đến nơi, hỏi rằng:

- Này các Tỳ khưu! Các ngươi đang bàn luận về vấn đề gì thế?

- Bạch Ngài, chuyện này…

Ngài phán dạy rằng:

- Này các Tỳ khưu! Chẳng phải chỉ trong kiếp này Devadatta đã âm mưu sát hại cho được Ta đâu, mà trong quá khứ cũng đã từng như thế rồi. Theo lời thỉnh cầu của các Tỳ khưu, Ngài thuyết giảng về các Bổn sanh như con nai Kuruṅga… rồi Ngài kết luận rằng:

- Này các Tỳ khưu, giống như cây chùm gởi quất siết làm nứt chết cây Long thọ (Tala), ái dục phát sanh từ sự phá giới, thúc đẩy kẻ phá giới sa vào khổ cảnh, nhất là các Địa ngục.

Nói rồi, Đức Bổn Sư ngâm kệ rằng:

"Yassa accantadussīlyaṃ,
Māluvā sālamivotthataṃ;
Karoti so tathattānaṃ,
Yathā naṃ icchatī diso".

Sự phá giới làm hại mình như dây Mang la bao quanh cây Ta la làm cho cây này khô héo. Người phá giới chỉ là người làm điều mà kẻ thù muốn làm cho mình.

CHÚ GIẢI:

Accantadussīlyaṃ: Người đáng gọi là Phá giới thật sự, là người cư sĩ tại gia, từ lúc mới sanh trở đi cứ hành động theo lộ trình của mười nghiệp bất thiện, hoặc là người xuất gia, từ ngày thọ Cụ túc giới về sau, lúc phạm các tội nặng.

Ở đây, ai là người Phá giới trong hai, ba kiếp này rồi, bây giờ chính là sự Phá giới trong kiếp thứ ba được nói đến.

Dussīlabhāvo: trạng thái Phá giới, ở đây nên giải là ái dục theo Lục căn mà khởi lên.

Māluvā sālam iv'otthataṃ: cái gọi là ác dục của kẻ Phá giới cũng bao trùm, quấn chặt tự thân kẻ ấy, giống như dây bìm, dây chùm gởi bao trùm cây Ta la Long thọ, trong lúc trời mưa có nước rơi xuống từ các lá cây, khiến cho nó phát triển bao vây khắp cả tàng cây vậy. Cũng như cây Ta la bị dây chùm gởi siết chặt đang ngã xuống đất, kẻ Phá giới bị cái gọi là ái dục siết chặt đang sa đọa xuống bốn ác đạo. Kẻ thù muốn cho kẻ ấy bị thiệt hại thế nào thì chính kẻ ấy tự làm cho mình bị thiệt hại thế ấy vậy.

Cuối thời Pháp, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Rẽ Tăng, phản Phật, có Đề Bà,
Phá giới, làm nên nghiệp xấu xa!
Lăn đá, khiến chân Phật chảy máu,
Xúi A Xà Thế giết Vua cha.
Phật rằng: Phá giới tợ dây leo,
Siết chết Ta la, rất hiểm nghèo!
Kẻ nghịch mong điều gì tai hại,
Cho ta, ta lại tự mình gieo.

DỨT TÍCH DEVEDATTA GÂY TỘI ÁC

ଓ☸ଓ



Corrupt behaviour is suicidal, self-ruinous like the strangling Māluva creeper on a Sāla tree.

162. Giới hạnh suy đồi tự phá hại mình như cây leo Māluva siết chặt thân cây Sāla.

XII.7- Tích CỐ Ý CHIA RẼ TĂNG

(Saṅghabhedaparisakkanavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 163)

Sukarāni asādhūni,	***"Dễ làm các điều ác,***
Attano ahitāni ca;	***Dễ làm tự hại mình,***
Yaṃ ve hitañca sādhuñca,	***Còn việc lành, việc tốt,***
Taṃ ve paramadukkaraṃ".	***Thật tối thượng khó làm".***

Kệ Pháp Cú này được Đức Bổn Sư thuyết khi ngự tại Veḷuvana (Trúc Lâm), đề cập đến Devadatta (Đề Bà Đạt Đa) cố ý chia rẽ Tăng. Câu chuyện chi tiết về Devadatta cố ý chia rẽ Tăng như vầy:

Một hôm, Devadatta trông thấy Trưởng lão Ānanda đang trì bình khất thực, đã nói lên ý định của mình rằng:

- Này đạo hữu Ānanda! Tôi sẽ hành lễ Phát lồ cùng các Tăng sự riêng, không hành Tăng sự chung với Đức Thế Tôn nữa.

Trưởng lão Ānanda im lặng không hoan hỷ cũng không chỉ trích, sau khi khất thực xong, Trưởng lão trở về bạch trình lên Đức Thế Tôn:

- Bạch Đức Thế Tôn! Vào sáng nay khi con đang trì bình khất thực, Devadatta trông thấy con đang đi khất thực trong thành Rājagaha (Vương Xá), vị ấy đi đến nói với con rằng: "Này đạo hữu Ānanda! Kể từ hôm nay trở đi tôi sẽ hành lễ Phát lồ và các Tăng sự riêng, không hành Tăng sự chung với Đức Thế Tôn và Tăng chúng nữa". Bạch Đức Thế Tôn, hôm nay Devadatta sẽ chia rẽ Tăng, tức là sẽ hành lễ Phát lồ và Tăng sự riêng.

Được nghe Trưởng lão Ānanda bạch trình câu chuyện ấy, Bậc Đạo Sư đã thốt lên cảm hứng nghĩ rằng:

Sukaraṃ sādhunā sādhu,
Sādhu pāpena dukkaraṃ;
Pāpaṃ pāpena sukaraṃ
Pāpamariyehi dukkaranti.

Thiện nhân hành thiện dễ dàng thay!
Ác nhân hành thiện khó chi tày!
Ác nhân hành ác không gì khó!
Thánh nhân hành ác chẳng quen tay!

Sau khi thốt lời cảm khái này, Đức Bổn Sư bảo:

- Này Ānanda! Việc làm đáng gọi là vô ích cho mình thì dễ làm, còn trái lại, việc làm hữu ích cho mình thì khó làm.

Nói rồi, Ngài ngâm kệ rằng:

"Sukarāni asādhūni,
Attano ahitāni ca;

Yaṃ ve hitañca sādhuñca,
Taṃ ve paramadukkaraṃ".

Việc hung ác thì dễ làm, nhưng chẳng có lợi gì cho ta, trái lại việc từ thiện có lợi cho ta thì rất khó làm.

CHÚ GIẢI:

Ý nghĩa của Kệ ngôn này là:

Những việc nào là bất thiện, đáng chê trách và xoay chuyển trong vòng bốn ác đạo và khi làm xong chẳng có lợi ích cho mình, những việc ấy lại dễ làm. Trái lại, việc nào làm xong có lợi ích cho mình, không có gì đáng chê trách, xoay chuyển trong vòng Thiên giới và giải thoát Níp Bàn, việc làm ấy thật rất khó làm, giống như việc kéo mặt trời đã mọc ở phương đông, từ dưới chỗ thấp của con sông, cho nó đi thụt lùi, lấy phía sau làm phía trước vậy.

Cuối thời Pháp, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Trong thành Vương Xá, gặp A Nan,
Đại đức Đề Bà thổ lộ rằng:
"Ta sẽ Phát lồ riêng chỗ khác,
Không hành Tăng sự với Chư Tăng".
Phật dạy : Việc hung ác dễ làm,
Nhưng mà bất lợi, chớ nên ham!
Việc lành, trái lại, tuy là lợi,
Nhưng khó làm nên, ít kẻ cam!

DỨT TÍCH DEVEDATTA GÂY TỘI ÁC

☸

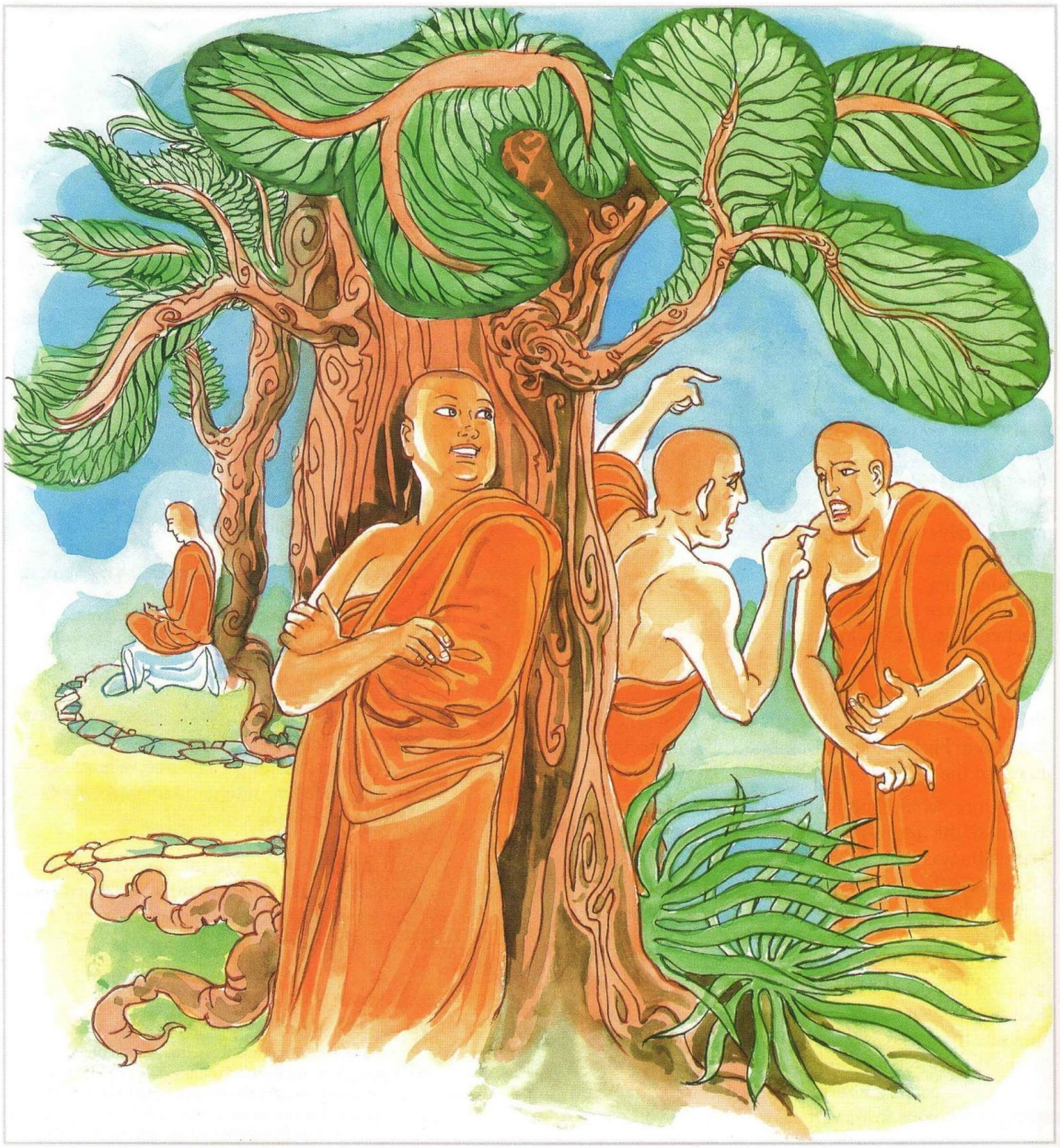

Calamitous, self-ruinous things are easy to do. Beneficial and worthy are most difficult to do.

163. Thật dễ tạo những ác nghiệp gây tai họa cho mình, nhưng thật khó làm những điều thiện có lợi ích đáng khen.

XII.8- Tích TRƯỞNG LÃO KA LÁ

(Kālattheravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 164)

"Yo sāsanaṃ arahataṃ,	***"Kẻ ngu si miệt thị,***
Ariyānaṃ dhammajīvinaṃ;	***Giáo Pháp bậc La Hán,***
Paṭikkosati dummedho,	***Bậc Thánh, bậc Chánh mạng,***
Diṭṭhiṃ nissāya pāpikaṃ;	***Chính do Ác kiến này,***
Phalāni kaṇṭakasseva[(1)],	***Như quả loại cây lau,***
Attaghaññāya phallati".	***Mang quả tự hoại diệt".***

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư thuyết khi ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến Trưởng lão Lāla (Ka Lá).

Tương truyền rằng: Trong thành Sāvatthī (Xá Vệ) có nàng tín nữ với tâm thành tín, hộ độ cho Trưởng lão Kāla, nàng đã chu đáo trong việc phụng sự Trưởng lão như người mẹ lo lắng cho con mình.

Thân tộc của nàng thường xuyên đến tịnh xá Kỳ Viên nghe Pháp từ Bậc Đạo Sư, trở về nhà hằng tán dương: "Chư Phật thật huyền diệu thay! Giáo Pháp của Ngài thật là thậm thâm thay!".

Nghe người nhà tán thán Pháp bảo như thế, nàng Tín nữ đã bạch với Trưởng lão Kāla rằng:

- Bạch Ngài! Tôi muốn đến tịnh xá Kỳ Viên để được nghe Pháp từ nơi Đức Thế Tôn.

- Này Cận sự nữ! Nàng chớ nên đến nơi đó.

Sáng hôm sau, nàng Tín nữ ấy lại xin Trưởng lão lần nữa, vị ấy lại từ khước. Cả ba lần như thế, và Trưởng lão Kāla cũng ngăn cản trọn cả ba lần việc nàng Tín nữ muốn được nghe Pháp từ nơi Đức Thế Tôn.

Hỏi rằng: Tại sao vị ấy lại cản trở cô tín nữ?

Người ta đồn rằng: Vì vị ấy có suy nghĩ: "Nếu nàng ta nghe được Pháp từ Bậc Đạo Sư rồi, hẳn sẽ bỏ rơi ta". Do vậy, ông mới cản trở cô Tín nữ ấy.

Một hôm, trong buổi sáng vào ngày Bát quan trai, độ điểm tâm và thọ giới xong, bà đi đến chùa sau khi đã dặn bảo con gái:

- Con hãy ở nhà lo việc cúng dường vật thực đến Trưởng lão cho chu đáo nhé!

Nàng đi đến tịnh xá từ mờ sáng, về phần cô con gái đã chu toàn việc mẹ dặn bảo. Trưởng lão đến nơi thọ thực tại tư gia ấy, thấy vắng bóng nàng tín nữ, nên hỏi thăm rằng:

- Mẹ của con đâu rồi?

---

[1] Kaṭṭhakasseva (Theo bản Pāḷi của CSCD. / Dhammagiri. India).

- Bạch Ngài! Mẹ con đi đến tịnh xá Kỳ Viên nghe Pháp!

Nghe như vậy, tâm của Trưởng lão Kāla bồn chồn, lo lắng nghĩ: "Thật thế, giờ đây nàng ấy đã bỏ ta rồi!".

Ông đi nhanh về tịnh xá, thấy nàng Cận sự nữ ấy đang ngồi trong thính chúng nghe Pháp, mới bạch với Bậc Đạo Sư rằng:

- Bạch Thế Tôn! Người nữ này rất tối trí, không hiểu được Diệu Pháp thâm sâu, xin Ngài đừng giảng thuyết về Chân đế như Uẩn, Xứ, Giới, Đế… Ngài nên nói về Bố thí, Trì giới cho nàng ta là đủ.

Với Phật Tuệ, Đức Thế Tôn hiểu rõ thâm ý của vị ấy, Ngài phán dạy rằng:

- Thầy là người Thiểu trí, chấp theo Tà kiến quấy ác đã miệt thị Giáo pháp của Chư Phật. Như thế là thầy cố gắng tự huỷ diệt mình đó.

Nói rồi, Ngài ngâm kệ rằng:

"Yo sāsanaṃ arahataṃ,
Ariyānaṃ dhammajīvinaṃ;
Paṭikkosati dummedho,
Diṭṭhiṃ nissāya pāpikaṃ,
Phalāni kaṇṭakasseva
Attaghaññāya phallati".

Những người Ác tuệ ngu si, vì tâm tà kiến mà vu miệt Giáo pháp A La Hán, vu miệt người hành Chánh đạo và Giáo pháp Đức Như Lai để tự mang lấy bại hoại, như giống cỏ Cách Tha, hễ sinh hoa quả xong, liền tiêu diệt[(1)].

CHÚ GIẢI

Ý nghĩa của kệ ngôn này là:

Kẻ ngu nào do sự tự tôn tự đại, chấp theo Tà kiến quấy ác, nghe ai nói: "Chúng tôi sẽ Thính pháp, hoặc chúng tôi sẽ Bố thí" mà khinh chê, tức là kẻ ấy miệt thị Giáo Pháp của Chư Phật, miệt thị các bậc Thánh nhân và những bậc sống Chánh Mạng. Sự tà kiến của kẻ ấy giống như những trái của thứ cỏ lau có tên là Cách Tha Cách Trúc (Veḷusaṅkhatakaṭṭhaka). Hễ cỏ lau này kết quả xong là tự hoại như thế nào, thì kẻ ngu chấp theo tà kiến cũng tự hoại như thế ấy. Bởi thế, còn có kệ rằng:

"Phalaṃ ve kadaliṃ hanti,
Phalaṃ veluṃ phalaṃ naḷaṃ;
Sakkāro kāpurisaṃ hanti,
Gabbho assatariṃ yathāti".

"Quả thật trái chuối giết hại cây chuối, trái trúc giết cây trúc, trái lau giết cây lau, thai bào giết tài ngựa hay, cũng y như sự tự tôn giết hại kẻ đê tiện vậy".

Cuối thời Pháp, bà Tín nữ đắc Tu Đà Hườn quả. Tất cả hội chúng thính pháp cũng đều được sự lợi ích.

[1] Cách Tha Cách (Kaṭṭhaka), loại cây lau có tên là Cách Tha Cách Trúc (Veḷusaṅkhatakaṭṭhaka), hễ ra hoa kết trái rồi là chết.

Dịch Giả Cẩn Đề

Ngăn người đi thính Pháp cao siêu,
Sợ bị bỏ rơi, mất lợi nhiều,
Trưởng lão quên rằng: Chư Phật biết,
Tâm mình bỏn xẻn pháp và kiêu!
Phật dạy: Kẻ ngu ác tự hào,
Dám khinh miệt Pháp bậc thanh cao,
Rồi đây sẽ đến nơi tự diệt,
Như Tha Cách Trúc ở bờ ao.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO KA LÁ



The fool's scant respect for the words of the wise invariably spells disaster for him.

164. Kẻ ngu không tôn trọng lời dạy của bậc trí tất nhiên tự gây tai họa cho mình.

XII.9- Tích THIỆN NAM TIỂU KA LÁ

(Cūḷakāla-upasakavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 165)

"Attanā va kataṃ pāpaṃ,	***"Tự mình, điều ác làm,***
Attanā saṃkilissati;	***Tự mình làm nhiễm ô.***
Attanā akataṃ pāpaṃ,	***Tự mình ác không làm,***
Attanā va visujjhati;	***Tự mình làm thanh tịnh.***
Suddhi asuddhi paccattaṃ,	***Tịnh, không tịnh tự mình,***
Nāñño aññaṃ visodhaye".	***Không ai thanh tịnh ai!".***

Kệ Pháp Cú này, Đức Thế Tôn thuyết khi ngự tại Jetavana Vihāra (Tịnh xá Kỳ Viên), đề cập đến Cận sự nam Cūḷakāla (Tiểu Ka Lá).

Tương truyền rằng: Cận sự nam Cūḷakāla là người tinh cần nghe Pháp, ông trú trong trong thành Sāvatthī (Xá Vệ),vào ngày Trai giới, ông đến tịnh xá nghe Pháp suốt đêm, đến sáng mới trở về nhà.

Lần nọ, cũng vào ngày Trai giới, ông đến chùa nghe Pháp, trong đêm ấy có bọn cướp đào hang ngầm vào nhà một gia chủ nọ, bị gia chủ phát giác, chúng bỏ chạy tứ tán, một tên cướp chạy đến trước mặt của ông Thiện nam quăng bỏ lại gói đồ, khi ông vừa ra đến bờ hồ múc nước súc miệng rửa mặt. Câu chuyện này diễn tiến cũng giống như chuyện Mahākāḷa.

Những người rượt đuổi bọn cướp thấy tang vật trước mặt ông Thiện nam, nghi ngờ vị ấy là kẻ trộm, bắt lấy và đánh đập ông. Khi ấy có nhóm nữ tỳ đi đến bờ hồ múc nước, thấy được việc ấy, đã can ngăn rằng: "Ông chủ ơi, đừng đánh nữa, người này không làm việc trộm cắp như thế đâu!".

Nhóm nữ tỳ ấy đã phân giải rõ ràng về Giới hạnh của Cūḷakāla và Cận sự nam ấy được buông tha. Cūḷakāla đi vào trong tịnh xá trình bày với chư Tỳ khưu về chuyện ấy:

- Bạch các Ngài! Con vừa mới bị người ta đánh gần chết, nhờ có các cô tỳ nữ ấy mà con được sống sót đây.

Chư Tỳ khưu mang câu chuyện bạch trình Đức Thế Tôn, Ngài dạy rằng:

- Này các Tỳ khưu, Thiện nam Cūḷakāla nhờ các nữ tỳ đội nước biện hộ và cũng do chính mình không làm tội mà được toàn mạng. Quả thật, đã gọi là chúng sanh thì phải theo cái công lệ: tự mình làm ác, tự mình nhiễm ô, rồi tự mình sa xuống ác đạo, Địa Ngục và cũng tự mình làm lành, tự mình thanh tịnh mà sanh lên nhàn cảnh và giải thoát Níp Bàn.

"Attanā va kataṃ pāpaṃ,
Attanā saṅkilissati;
Attanā akataṃ pāpaṃ,
Attanā va visujjhati;

Suddhi asuddhi paccattaṃ,
Nāñño aññaṃ visodhaye”.

Làm dữ bởi ta mà nhiễm ô cũng bởi ta, làm lành bởi ta mà thanh tịnh cũng bởi ta.

Tịnh hay bất tịnh đều bởi ta, chứ không ai có thể làm cho ai thanh tịnh được.

CHÚ GIẢI:

Ý nghĩa của Kệ ngôn này là:

Kẻ nào tự mình đã tạo nghiệp bất thiện, ắt sẽ phải thọ quả khổ trong bốn ác đạo, tự mình làm mình nhiễm ô. Còn kẻ nào tự mình đã không tạo nghiệp ác, ắt sẽ siêu sanh lên nhàn cảnh và chứng đắc Níp Bàn, tự mình thanh tịnh lấy mình. Một bên là sự thanh tịnh có tên là thiện nghiệp, một bên là sự không thanh tịnh có tên là bất thiện nghiệp, các chúng sanh tạo Nghiệp nào thì rốt cuộc sẽ phải thọ Quả của Nghiệp ấy chẳng sai, Ngoài tự kỷ ra, không có ai khác làm cho ai trong sạch được, cho nên Đức Phật đã dạy: “Không ai làm cho ai thanh tịnh, không ai làm cho ai nhiễm ô”.

Cuối thời Pháp, Thiện nam Cūḷakāla quả đắc Tu Đà Hườn. Kỳ dư thính chúng đều được sự lợi ích của bài Pháp được thuyết.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Kẻ trộm vứt đồ bỏ chạy đi,
Thiện nam ra sớm, bị tình nghi,
Thời may, khỏi chết như ông trước,
Nhờ có lời can của nữ tỳ.
Phật dạy: Tự mình sanh nhiễm ô.
Do nơi nghiệp ác quấy hồ đồ,
Tự mình thanh tịnh, không làm ác,
Thì chẳng sa vào cảnh ác thô.

DỨT TÍCH THIỆN NAM CŪḶAKĀLA

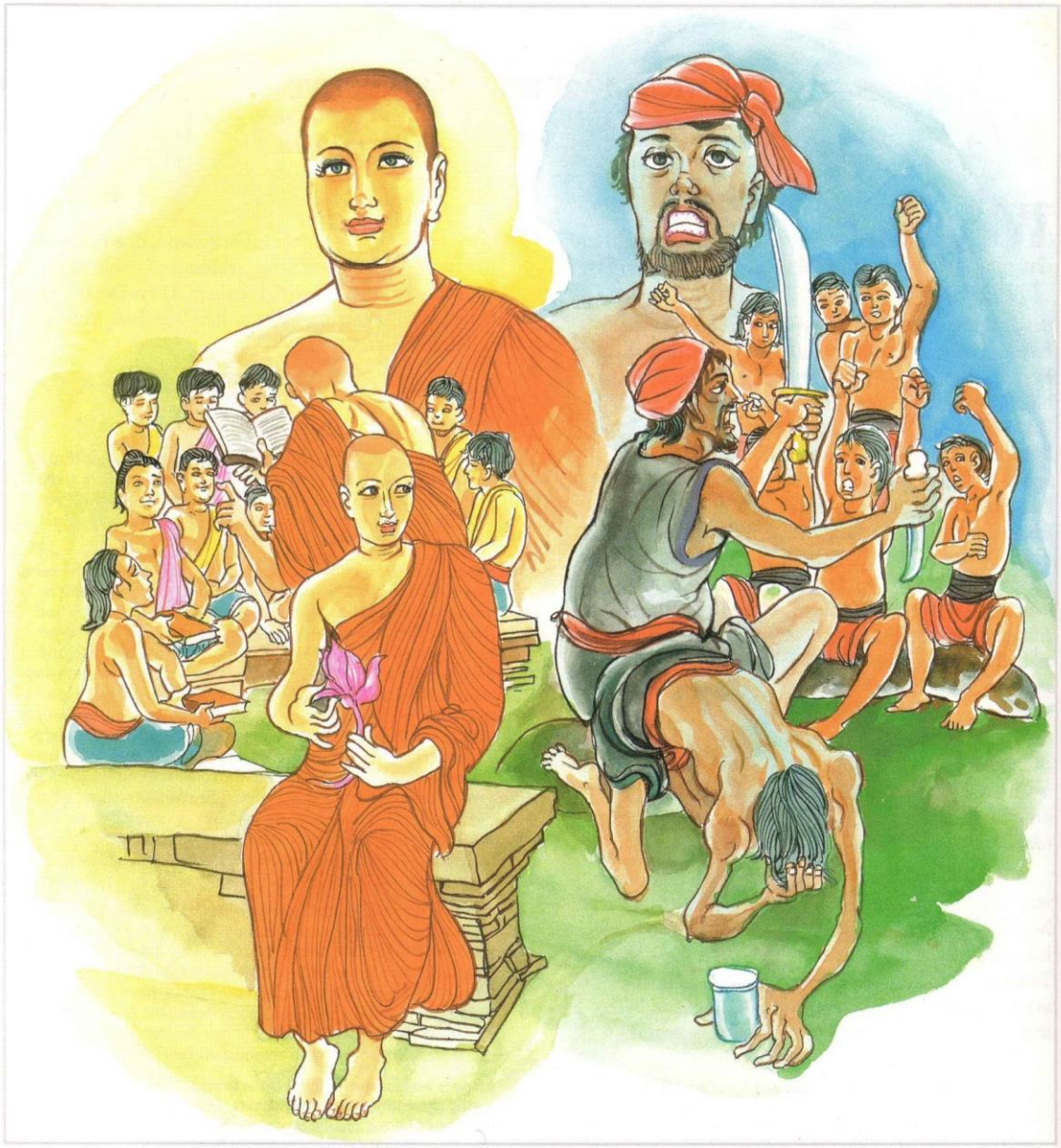

Self-wrought evil defiles the doer. In evil undone one's truly pure. None redeems another.

165. Ác nghiệp tự tạo làm cấu uế bản thân mình. Con người thật sự thanh tịnh nhờ không tạo ác nghiệp. Không ai đền tội thay kẻ khác.

XII.10- Tích TRƯỞNG LÃO TỰ LỢI

(Attadatthattheravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 166)

"Attadatthaṃ paratthena,	***"Dầu lợi người bao nhiêu,***
Bahunāpi na hāpaye;	***Chớ quên phần tự lợi,***
Attadatthamabhiññāya,	***Nhờ Thắng trí tư lợi,***
Sadatthapasuto siyā".	***Hãy chuyên tâm lợi mình".***

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư thuyết khi ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến Trưởng lão Attadattha (Tự Lợi).

Tương truyền rằng: Khi Bậc Đạo Sư nhận lời thỉnh cầu của Ma Vương, sau ba tháng nữa Ngài sẽ nhập Níp Bàn. Rồi Đức Bổn Sư cho triệu tập Chư Tăng đến và tuyên bố rằng:

- Này các Tỳ khưu! Sau ba tháng nữa, Như Lai sẽ viên tịch vậy!

Nghe tin này, bảy trăm Tỳ khưu phàm phát sanh sự kinh cảm, ngày đêm không dám rời Đức Bổn Sư. Các vị ấy băn khoăn đi đi lại lại, thảo luận với nhau:

- Này chư đạo hữu, chúng ta sẽ làm gì đây?

Riêng Trưởng lão Attadattha không tham gia vào việc bàn luận với chư Tỳ khưu mà nghĩ thầm: "Nghe nói còn ba tháng nữa Bậc Đạo Sư sẽ viên tịch Níp Bàn mà ta hiện nay chưa dứt trừ được tình dục, phiền não tham ái. Vậy trong thời gian Bậc Đạo Sư còn tại thế, ta sẽ tinh cần hành đạo để đắc quả A La Hán mới phải!".

Thế nên Trưởng lão không đi đến nơi chư Tỳ khưu đang luận bàn về sự việc Đức Thế Tôn sắp viên tịch, mà tìm nơi thanh vắng để hành đạo. Chư Tỳ khưu không thấy Trưởng lão đến dự bàn như thế, bèn hỏi rằng:

- Này đạo hữu! Vì sao đạo hữu không nhập chúng mà cũng chẳng tham gia cuộc thảo luận nào với chúng tôi cả?

Nói rồi, họ đưa Trưởng lão đến mách với Đức Bổn Sư:

- Bạch Ngài, thầy này đac hành động như thế, như thế …

Đức Bổn Sư hỏi Trưởng lão:

- Tại sao, thầy đã làm vậy?

Trưởng lão đáp rằng:

- Bạch Thế Tôn, con nghe Ngài sắp viên tịch Đại Níp Bàn trong ba tháng tới đây, mà con thì chưa chứng đắc Giải thoát quả, cho nên con ráng Tinh tấn hành đạo để đắc quả A La Hán trong khi Ngài còn tại thế.

Sau khi khen ngợi Trưởng lão, Đức Bổn Sư dạy rằng: "Này các Tỳ khưu, thầy nào có lòng thương mến Ta thì hãy bắt chước gương của Trưởng lão Attadattha này, không phải những người dâng cúng Ta bằng lễ vật hương hoa là tôn kính Ta đâu!

Những người tôn kính Ta chính là những hành giả noi theo Chánh đạo. Bởi thế, các Tỳ khưu khác hãy nên noi gương của Trưởng lão Attadattha này".

Nói rồi Ngài ngâm kệ rằng:

"Attadatthaṃ paratthena,
Bahunāpi na hāpaye;
Attadatthamabhiññāya,
Sadatthapasuto siyā".

Chớ nên vì lợi ích cho kẻ khác mà quên hẳn lợi ích cho chính mình. Người biết lo lợi ích của mình mới thường chuyên tâm vào những điều ích lợi.

☸

CHÚ GIẢI:

Ý nghĩa của Kệ ngôn này là:

Là người cư sĩ tại gia, chớ nên vì sự lợi ích của kẻ khác mà lãng quên sự lợi ích của mình, mặc dù ích lợi của mình nhỏ nhen, chỉ đáng giá một đồng chinh, so với sự ích lợi nhiều gấp cả ngàn lần của kẻ khác. Ở đây câu nói: "Dầu sự tư lợi chỉ ít ỏi cỡ một đồng chinh" không ám chị vật thực cúng hoặc vật thực mềm mà đề cập đến kết quả của sự Hành đạo. Bởi vậy, Tỳ khưu nào đã quyết định: Ta không bỏ quên tự lợi thì dầu có công việc phát sanh đến Tăng, như việc tu bổ Thánh pháp, hoặc việc phục vụ Thầy tổ, cũng không nên quên lãng phận sự Hành đạo để đắc Thông tuệ làm thấu rõ các Thánh quả. Bởi vậy, Tỳ khưu Attadattha này cũng là chỉ định vị Tỳ khưu nào đã quyết định bắt đầu hành Thiền Minh Sát, nguyện đắc Đạo quả ngay trong ngày nay rồi ra đi. Vị ấy nên bỏ qua các phận sự phục vụ Thầy Tổ v.v.. mà chỉ nên lo phận sự Hành đạo của chính mình. Người nào đã hiểu rõ tự lợi như thế, sau khi suy xét thấy: "Điều này ích lợi cho ta" tức là người chăm lo sự lợi ích của mình. Người ấy hãy kiên quyết chú tâm vào sự lợi ích của chính mình vậy.

Cuối thời Pháp, vị Trưởng lão đắc quả A La Hán. Chư Tỳ khưu hiện diện cũng được hưởng lợi ích của thời Pháp thuyết.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Tin Đức Bổn Sư sắp Níp Bàn
Khiến Ngài Tự Lợi phát kinh hoàng:
"Làm sao đắc quả A La Hán,
Để đáp ơn Thầy tổ nặng mang?".
Một mình đóng cốc, quyết công phu.
Tinh tấn cầu mong Quả đặc thù.
Phật gọi Ngài ra trình mật ý,
Và khen: "Vầy mới đáng Tỳ khưu!".
Phật dạy: Tự mình biết lợi mình,
Cần tu cho đắc Quả Vô sinh,
Cúng dường hành đạo là cao thượng,
Hơn cả suy tôn của thế tình!

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO TỰ LỢI

☸

DỨT PHẨM TỰ NGÃ

ଓ☸ଌ



With the highest altruism damage not one's welfare. Pursue your goal with wisdom.

166. Đừng quên phần tự lợi vì quá lợi tha đến cao độ. Hãy theo đuổi cứu cánh của mình với trí tuệ sáng suốt.

XIII. PHẨM THẾ GIAN
(LOKA VAGGA)

☸

- 11 bài kệ: Pháp cú 167-178

- 11 tích truyện

☸

XIII.1- VỊ TỲ KHƯU TRẺ
(Hīnaṃ dhammamtī)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 167)

Hīnaṃ dhammaṃ na seveyya,	***"Chớ theo pháp hạ liệt,***
Pamādena na saṃvase,	***Chớ sống mặc, buông lung;***
Micchādiṭṭhiṃ na seveyya	***Chớ tin theo tà kiến,***
Na siyā lokavaḍḍhano".	***Chớ tăng trưởng lục trần".***

Kệ ngôn này Đức Bổn Sư thuyết khi ngự tại Jetavana, nhân đề cập đến vị Tỳ khưu trẻ.

Tương truyền rằng: Có vị Trưởng lão cùng với vị Tỳ khưu trẻ thường đến nhà của Đại tín nữ Visākhā để thọ thực từ sáng sớm.

Nàng Visākhā hằng cúng dường cháo đến 500 vị Tỳ khưu, khi Trưởng lão cùng với vị Tỳ khưu trẻ dùng cháo xong, Ngài để vị ấy ở lại, còn mình thì đến nhà một gia chủ khác.

Bây giờ, cháu nội của bà Visākhā là người phục vụ chư Tăng, dâng nước lên chư Tăng. Cô cháu gái ấy đang lọc nước để dâng đến vị Tỳ khưu trẻ, thấy gương mặt mình trong nước nên mỉm cười, vị Tỳ khưu trẻ thấy nàng mỉm cười, ngỡ nàng ta mỉm cười với mình, vị ấy cũng mỉm cười đáp trả. Thấy thế, nàng ta nói rằng:

- Người đứt đầu hay cười.

Cho rằng nàng miệt thị mình, vị Tỳ khưu trẻ tức giận mắng nàng:

- Ngươi cũng là kẻ đứt đầu, ngay đến cha mẹ ngươi cũng là kẻ đứt đầu.

Cô ấy than khóc, đi mách với bà Visākhā, bà Visākhā hỏi rằng:

- Này con, việc chi mà khiến con sầu não như thế?

- Thưa nội! Vị Tỳ khưu ấy đã mắng con.

Nàng thuật lại câu chuyện cho bà Visākhā nghe. Bà Visākhā đi đến bạch với vị Tỳ khưu ấy rằng:

- Xin Ngài chớ nên giận, câu nói ấy chẳng phải là câu nói xúc phạm đến Ngài đâu. Vì rằng: Ngài là người có râu tóc đã cạo bỏ, có móng tay móng chân đứt, có y

phục khác với y phục của thế tục, Ngài là người cắt đứt đời sống tại gia rồi, sống giữa hội chúng đi khất thực để nuôi mạng.

- Thật vậy, này cận sự nữ, cô là người biết tôi có râu tóc cạo bỏ… nhưng cháu của cô đâu hiểu điều đó, cô ấy đã mắng tôi là "*người đứt đầu",* như thế có nên chăng?

Bà Visākhā không thể giảng hoà giữa cháu nội mình và vị Tỳ khưu trẻ ấy. Khi ấy, vị Trưởng lão trở lại, nghe câu chuyện cãi lây như thế, hỏi rằng: *"Này cận sự nữ, việc gì thế?".*

Được nghe lại mọi chuyện, vị Trưởng lão bảo vị Tỳ khưu trẻ rằng:

- Này Hiền giả! Ông hãy nhẫn nại đi, nữ nhân này không có mắng ông đâu, vì ông là người đã cạo bỏ râu tóc… nên nàng gọi ông là người đứt đầu thôi. Ông nên hiểu như thế đi.

- Đúng vậy, bạch Ngài! Nhưng Ngài hãy rầy la cô ấy đi, sao Ngài lại la rầy tôi. Nàng ấy nói tôi là kẻ đứt đầu như thế có nên chăng?

Thế là, câu chuyện hoà giải cũng không thành. Kế đến, Bậc Đạo Sư ngự đến tư gia của bà Visākhā, Ngài phán hỏi rằng:

- Này các Tỳ khưu! Việc gì thế?

Bà Visākhā bạch lại câu chuyện ấy. Bậc Đạo Sư quán thấy duyên lành Thánh Quả của vị Tỳ khưu trẻ. Ngài suy nghĩ *"Ta nên chuẩn y cho y, khiến y bình tâm lại là việc tốt nhất".* Suy nghĩ như thế Ngài phán dạy rằng:

- Này Visākhā! Cháu của ngươi nói đệ tử của Như Lai là người đứt đầu, như thế có xứng đáng chăng? Tuy là nói với ý nghĩa cạo bỏ râu tóc… nhưng cũng chẳng nên nói như thế.

Nghe vậy, vị Tỳ khưu trẻ đứng dậy, chấp tay đảnh lễ Đức Thế Tôn bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Ngài thông suốt mọi vấn đề, còn vị Trưởng lão Tế Độ Sư của con cùng nàng Visākhā lại không thông suốt.

Đức Thế Tôn biết tâm vị Tỳ khưu trẻ đã dịu lại rồi, cuộc tranh chấp trong tâm của vị ấy không còn, Ngài lại phán dạy rằng:

- Này Tỳ khưu! Sự cười hướng về dục lạc là pháp hạ liệt. Hơn nữa thọ dụng pháp hạ liệt và sống với sự dễ duôi là điều không nên vậy.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Hīnaṃ dhammaṃ na seveyya,
Pamādena na saṃvase;
Micchādiṭṭhiṃ na seveyya,
Na siyā lokavaḍḍhano".

"Chớ theo pháp hạ liệt,
Chớ sống mặc, buông lung;
Chớ tin theo tà kiến,
Chớ tăng trưởng tục trần".

Không nên phục dịch mục tiêu bần tiện. Không nên sống buông lung phóng dật. Không nên ôm ấp tà kiến. Không nên nâng đỡ thế gian.

☸

CHÚ GIẢI:

Hīnaṃ dhammaṃ: Nghĩa là Pháp hạ liệt, tức là ngũ dục. Thật vậy ngũ dục ấy, dù là chúng sanh hạ liệt như trâu, bò, lạc đà… cũng thọ dụng. Ngũ dục hằng đưa chúng sanh rơi vào khổ cảnh như địa ngục… Vì vậy ngũ dục gọi là pháp hạ liệt.

Pamādena: Nghĩa là không nên sống với sự dễ duôi, có tướng là thất niệm.

Na saṃvase: Tức là không nên ôm ấp tri kiến sai lầm.

Lokavaḍḍhano: Nghĩa là người nào hành như vậy, người ấy gọi là người ô nhiễm ở đời. Do đó (không) nên là người ô nhiễm ở đời, do không hành như vậy.

Dứt kệ ngôn, vị Tỳ khưu trẻ chứng đạt Dự Lưu Quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Đứt đầu, đứt tóc, khác nhau xa,
Tín nữ nhập chung để giảng hoà,
Sư trẻ còn hăng, đâu chịu kém,
Thời may Phật đến, mở oan gia.
Phật dạy: Đã là bậc Tỳ kheo,
Ngũ trần dục lạc chớ đua theo,
Cười vui thấp thỏi, đừng mê mải
Tà kiến nhiều khi rất hiểm nghèo.

DỨT TÍCH VỊ TỲ KHEO TRẺ

ଔ☸ଌ



No depraved vision, no heedlessness, and no low pursuits for worldly gains.

167. Đừng khởi tà kiến điên đảo, đừng sống buông lung phóng dật và đừng theo đuổi tìm kiếm những lạc thú thế gian hạ liệt.

XIII.2- ĐỨC VUA SUDDHODANA

(Uttiṭṭhe nappamajjeyyāti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 168-169)

168. Uttiṭṭhe nappamajjeyya,	***"Nỗ lực, chớ phóng dật!***
Dhammaṃ sucaritaṃ care;	***Hãy sống theo chánh hạnh;***
Dhammacārī sukhaṃ seti,	***Người chánh hạnh hưởng lạc,***
Asmiṃ loke paramhi ca".	***Cả đời này, đời sau".***
169. Dhammaṃ care sucaritaṃ,	***"Hãy khéo sống chánh hạnh,***
Na taṃ duccaritaṃ care;	***Chớ sống theo tà hạnh!***
Dhammacārī sukhaṃ seti,	***Người chánh hạnh hưởng lạc,***
Asmiṃ loke paramhi ca".	***Cả đời này, đời sau".***

Kệ Pháp Cú này Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự về thành Kapilavatthu, trú trong Tịnh xá Nigrodha, đề cập về Đức vua Suddhodana.

Tương truyền rằng: Sau khi thành đạo, chứng đạt quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Giác. Bậc Đạo Sư ngự về kinh thành Kapilavatthu lần đầu để tế độ quyến thuộc, gia quyến đã tiếp đãi Ngài trọng hậu, cúng dường đến Đức Phật và chư Thánh Tăng Tịnh xá Nigrodha.

Trong buổi tiếp đón ấy, Ngài thị hiện thần thông, đi kinh hành trên hư không và thuyết pháp thoại để diệt lòng ngã mạn thái quá của dòng Sakya. Các thân quyến của Ngài ngay cả Đức vua Suddhodana cũng đảnh lễ Ngài. Một trận mưa màu đỏ rơi xuống trong buổi trùng phùng ấy, người nào muốn ướt thì ướt, ai không muốn thì sẽ không có giọt mưa nào chạm vào mình.

Thế rồi, gia tộc Sakya bàn luận về điều kỳ diệu của trận mưa ấy, Bậc Đạo Sư phán dạy rằng:

- Chẳng phải chỉ trong kiếp này đây, này các Tỳ khưu! Trong quá khứ mưa cũng rơi xuống khi gia tộc Như Lai được đoàn viên rồi.

Đại Đức Sāriputta và Đại Đức Moggallāna thỉnh cầu Đức Thế Tôn thuyết giảng Bổn sự, Ngài thuyết giảng Bổn sanh Vessantara. Thân quyến của Ngài, sau khi nghe xong Pháp thoại, hoan hỷ ra về không một ai nghĩ đến việc thỉnh Ngài cùng chư Tăng vào ngày mai. Ngay cả Đức vua Suddhodana cũng không nghĩ đến, vì Đức vua nghĩ rằng:

- Con của ta còn phải đến đâu ngoài Hoàng Cung nữa chứ. Thân tộc của Ngài cũng cùng chung một ý nghĩ ấy, nên ra về. Đức vua về đến Hoàng Cung, cho người sắp đặt vật thực thượng vị như cháo cơm… để dâng đến Đức Thế Tôn cùng hai muôn Tăng chúng, sửa soạn nơi ngồi cho Tăng chúng nơi Hoàng Cung.

Vào buổi sáng hôm ấy, Đức Thế Tôn vận mặc y phục, tay cầm y bát, đi vào thành Kapilavatthu khất thực, theo sau Ngài là hai muôn Tăng chúng. Đức Thế Tôn dùng Phật Tuệ quán xét rằng: Chư Phật quá khứ khi về đến thân tộc, có đi khất thực

ngay nhà thân tộc hay chăng? Hay là đi khất thực theo tuần tự? Ngài thấy rằng: Chư Phật quá khứ khất thực theo tuần tự thứ lớp.

Thế là, Đức Thế Tôn ngự đến căn nhà đầu tiên. Dân thành náo động hẳn lên với tin rằng: Thái Tử Siddhattha đi ăn xin. Các cung nữ được tin này liền trình lên Hoàng Hậu Yasodharā là mẹ của Thái Tử Rāhula, nàng Yasodharā nghe tin sét đánh ấy vội báo lại cho vua Suddhodana biết. Đức vua hối hả chạy ra cổng Hoàng Cung, đến đảnh lễ Đức Thế Tôn bạch rằng:

- Con ơi! Vì sao con lại làm cho cha mất mặt như thế. Con đi khất thực như vậy đã làm tổn hại đến cha vô cùng, con không nên làm như thế. Con hãy ngự trên kiệu vàng đi tuần du Hoàng thành mới thích hơn. Này Thái Tử con! Vì sao con làm cha mất mặt như thế?

- Này Đại Vương! Như Lai không có làm Ngài mất mặt đâu, Như Lai đang hành theo phận sự của dòng dõi mình.

- Này con, sự đi khất thực sống là dòng dõi của Sát Đế Lỵ sao?

- Này Đại Vương! Việc làm ấy không thuộc về dòng Vua như Ngài nhưng lại thuộc về dòng dõi của Như Lai, dòng dõi Như Lai là dòng Phật. Chư Phật quá khứ hằng nuôi mạng bằng cách đi khất thực.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

168. Uttiṭṭhe nappamajjeyya, Dhammaṃ sucaritaṃ care; Dhammacārī sukhaṃ seti, Asmiṃ loke paramhi ca”.	*“Nỗ lực, chớ phóng dật!* *Hãy sống theo chánh hạnh;* *Người chánh hạnh hưởng lạc,* *Cả đời này, đời sau”.*
169. Dhammaṃ care sucaritaṃ, Na taṃ duccaritaṃ care; Dhammacārī sukhaṃ seti, Asmiṃ loke paramhi ca”.	*“Hãy khéo sống chánh hạnh,* *Chớ sống theo tà hạnh!* *Người chánh hạnh hưởng lạc,* *Cả đời này, đời sau”.*

168. Không nên dễ duôi phóng dật khi đừng (trì bình trước cửa người ta). Hãy trang nghiêm hành chánh hạnh (ấy). Người hành chánh hạnh ấy trang nghiêm sẽ được an vui ở thế gian này và trong thế gian sắp tới.

169. Hãy trang nghiêm hành chánh hạnh ấy. Không dễ duôi phóng dật. Người hành chánh hạnh ấy trang nghiêm sẽ sống an vui, ở thế gian này và trong thế gian sắp đến.

CHÚ GIẢI:

Uttiṭṭhe: Nghĩa là với miếng cơm mà mình đứng nhận trước cửa nhà người khác.

Nappamajjeyya: Nghĩa là khi vị Tỳ khưu bỏ phong tục của hạnh khất thực, lại đi tầm cầu vật thực thượng vị, gọi là người có sự dễ duôi trong vật thực mà mình đứng nhận. Nhưng nếu đi khất thực theo tuần tự thứ lớp thì gọi là không có sự dễ duôi . Hành như thế được gọi là không dễ duôi với vật thực mà mình đón nhận.

Dhammaṃ: Nghĩa là khi bỏ sự tìm kiếm bất chánh rồi, đi khất thực tuần tự, gọi là thực hành Pháp, tức là sự khất thực nuôi mạng là chánh hạnh.

Sukhaṃ seti: Chỉ sự thuyết giảng rằng khi thực hành khất thực Pháp, được gọi là thường thực hành Pháp trong bốn oai nghi, sẽ được an lạc trong đời này lẫn đời sau.

Na naṃ duccaritaṃ: Nghĩa là khi đi đến nơi phi chánh đạo như lầu xanh… gọi là hành pháp (khất thực) tà hạnh. Chớ nên hành như thế, hãy thực hành chánh hạnh, không hành tà pháp.

Dứt kệ ngôn, Đức vua Suddhodana chứng Quả Dự Lưu.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Đức Phật trì bình phía ngoại thành,
Theo gương chư Phật vẫn thường hành,
Phụ vương Ngài thấy không hoan hỷ,
Bởi chấp: Ta dòng Vua chúa sanh.
Phá chấp theo tà kiến thế gian,
Độ vua đắc quả Tu đà hoàn,
Phật bèn đứng thuyết hai bài kệ
Khen pháp trì bình, chánh hạnh toàn.

DỨT TÍCH ĐỨC VUA SUDDHODANA



Diligently active, live the Dhamma to perfection. Such life gives happiness here and hereafter.

168. Nỗ lực tinh cần sống theo chánh pháp để đạt hoàn thiện. Cuộc sống như vậy đem hạnh phúc đời này và đời sau.



Live dhamma to perfection, not half-heartedly. Dhamma-life ensures happiness everywhere.

169. Hãy sống theo chánh pháp đến mức hoàn thiện, chớ phóng dật buông lung. Nếp sống đạo hạnh bảo đảm hạnh phúc đời đời.

XIII.3- CHƯ TỲ KHƯU TU THIỀN QUÁN

(Yathā pubbuḷakaṃ passeti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 170)

"Yathā bubbuḷakaṃ passe,	***"Hãy nhìn như bọt nước,***
Yathā passe marīcikaṃ ;	***Hãy nhìn như cảnh huyễn!***
Evaṃ lokaṃ avekkhantaṃ,	***Quán nhìn đời như vậy,***
Maccurājā na passati".	***Thần chết không bắt gặp".***

Kệ Pháp Cú này Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài trú tại Jetavana, đề cập đến 500 vị Tỳ khưu tu quán.

Tương truyền rằng: Có 500 vị Tỳ khưu học đề mục nghiệp xứ nơi Đức Thế Tôn được thành thạo phương cách hành để chứng đạt A La Hán. Chư Tỳ khưu ấy đến đảnh lễ Đức Thế Tôn, rồi ra đi tìm trú xứ thanh vắng hành Sa môn Pháp. Trải qua thời gian dài, các vị ấy chẳng chứng đạt được chi, bàn luận cùng nhau rằng:

- Chúng ta hãy trở về học đề mục nghiệp xứ khác.

Cả 500 vị Tỳ khưu cùng nhau trở lại thành Sāvatthī, đến Tịnh xá Jetavana để yết kiến Bậc Đạo Sư. Trên đường về, chư Tỳ khưu bị một trận mưa lớn, cùng nhau vào ẩn trú trong hang động, nhìn ra ngoài trời thấy những bong bóng nước nổi rồi tan, trước đó chư vị còn trông thấy những ảo ảnh, nay lại thấy bọt nước hiển hiện. Cả 500 vị lấy đề mục này mà quán niệm rằng: *"Thân này cũng giống như bọt nước kia, bởi vì có trạng thái sanh diệt nhanh chóng như thế".*

Bậc Đạo Sư ngồi nơi Hương Thất, với tâm mình Ngài biết rõ sự suy tư của chư Tỳ khưu ấy, Ngài phóng hào quang từ Hương Thất đến các vị ấy, như hiện ra trước mắt, thuyết lên kệ ngôn rằng:

170. Như ta nhìn bọt nước. Như ta nhìn ảo ảnh. Nếu người kia nhìn thế gian này nhu vậy, Tử Thần không còn thấy người ấy nữa.

"Yathā bubbuḷakaṃ passe,	*"Hãy nhìn như bọt nước,*
Yathā passe marīcikaṃ ;	*Hãy nhìn như cảnh huyễn!*
Evaṃ lokaṃ avekkhantaṃ,	*Quán nhìn đời như vậy,*
Maccurājā na passati".	*Thần chết không bắt gặp".*

☸

CHÚ GIẢI:

Marīcikaṃ: tức ảo ảnh. Thật vậy, ảo ảnh hiện lên từ xa có thể có hình dáng như căn nhà… là vật không có hình thể, là vật rỗng không (thường xuất hiện) đối với người đến gần. Vì thế, có lời giải rằng: Tử thần không thể thấy được người hằng quán xét ở đời như uẩn… Ví như người nhìn thấy bọt nước, bởi do ý nghĩa sanh rồi diệt (và) vì như người nhìn thấy ảo ảnh, do nó là pháp tự nhiên rỗng không như vậy.

Dứt kệ ngôn, cả 500 vị Tỳ khưu chứng đạt A La Hán Quả tại chính nơi mình đứng.

Dịch Giả Cẩn Đề

Vào rừng hành chẳng đắc vô sanh
Tăng lữ quay về hỏi Phật rành.
Trưa nắng theo đường nhìn ảo ảnh,
Đến chùa, mưa đổ, quán phù sanh.
Phóng quang, Phật dạy: Bọt trôi sông
Xét với thân này thể cũng đồng,
Chợ bể, lầu sò, toàn ảo mộng,
Tử thần, bậc trí, quán như không.

DỨT TÍCH CHƯ TỲ KHƯU TU THIỀN QUÁN

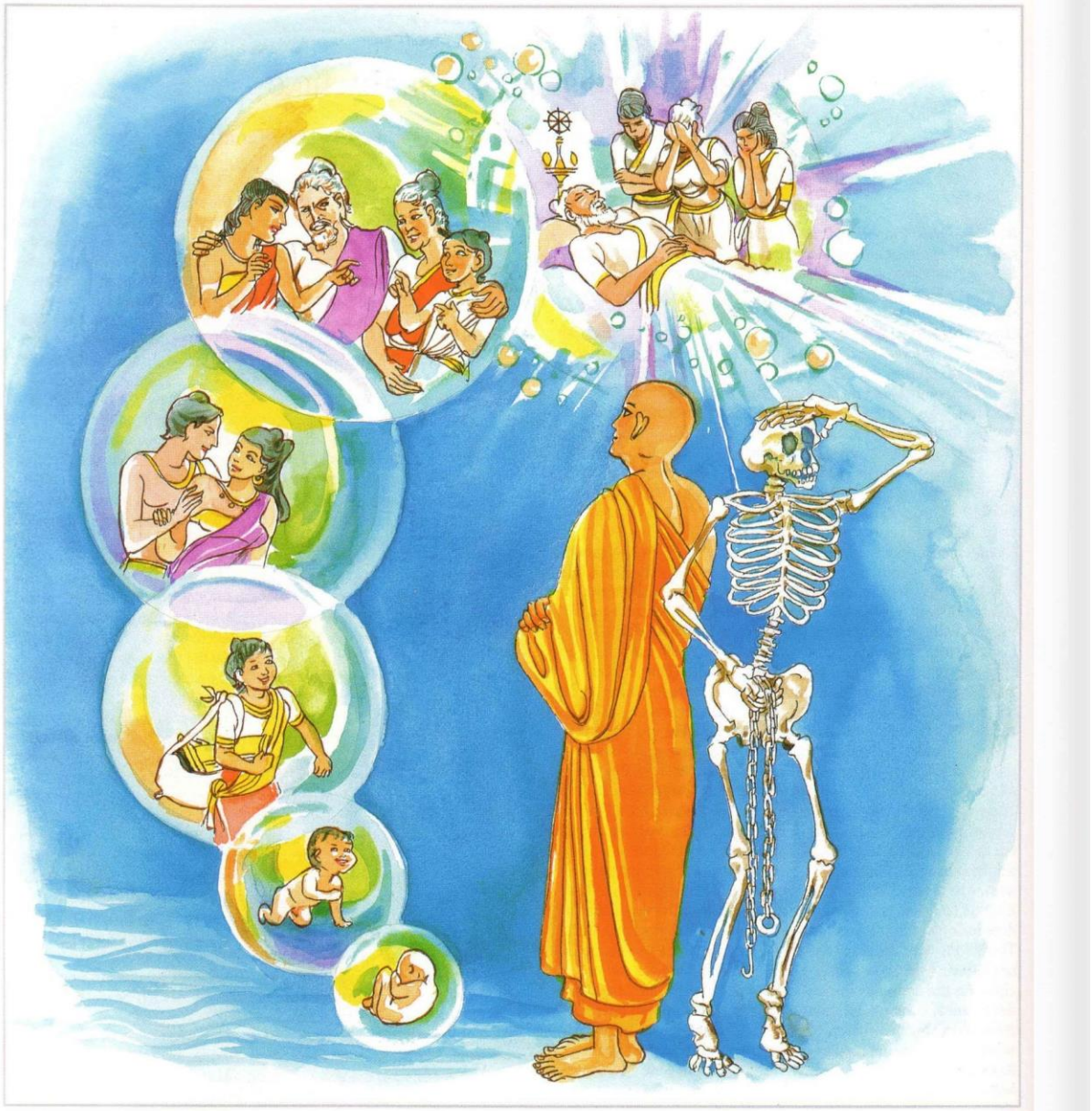

With correct vision of life one slips out of Death's grip.

170. Với tri kiến chân chánh về cuộc sống, ta vượt khỏi nhà vuốt Tử Thần.

XIII.4- HOÀNG TỬ ABHAYA

(Etha passath'imaṃ lokanti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 171)

"Etha passathimaṃ lokaṃ,	***"Hãy đến nhìn đời này,***
Cittaṃ rājarathūpamaṃ;	***Như xe Vua lộng lẫy,***
Yattha bālā visīdanti,	***Người ngu mới tham đắm,***
Natthi saṅgo vijānataṃ".	***Kẻ trí nào đắm say".***

Kệ Pháp Cú này Ngài thuyết ra khi ngự tại Valuvana, gần thành Rājagaha, đề cập đến Hoàng Tử Abhaya.

Tương truyền rằng: Hoàng Tử Abhaya vâng lịnh Phụ vương ra biên cương dẹp loạn, Ngài chiến thắng được giặc, ca khúc khải hoàn hồi triều ca. Đức vua Bimbisāra vô cùng đẹp dạ, ban thưởng cho chàng được trị ngôi trong 7 ngày, ngoài ra còn ban cho Vương Tử một nàng mỹ nữ tuyệt sắc, với tài vũ điêu luyện.

Hoàng Tử Abhaya thọ hưởng Vương Vị trọn bảy ngày, không hề rời Cung Vị mà ra ngoài. Đến ngày thứ tám, chàng mới ra sông tắm, khi đi chàng mang theo cô vũ nữ xinh đẹp ấy. Tắm xong, Hoàng Tử cùng với tuỳ tùng và nàng vũ nữ đến vườn Thượng Uyển ngoạn cảnh và nghỉ ngơi tại nơi đó. Nàng vũ nữ đang biểu diễn nghệ thuật múa hát của mình cho Vương Tử ngự lãm, chẳng may một ngọn độc phong xâm nhập vào thân nàng, khiến nàng mệnh chung trong nháy mắt, cũng giống như nàng vụ nữ của Đại Thần Santati, ngọn độc phong bén như lưỡi dao nhỏ, cắt đứt trái tim của nàng. Hoàng Tử Abhaya vô cùng sầu não, tiếc thương nàng vũ nữ với vẻ đẹp diễm lệ của nàng. Lòng Vương Tử ảo não, chàng suy nghĩ rằng:

- Ngoài Bậc Đạo Sư ra, không ai có thể làm cho ta hết sầu khổ được.

Chàng đi vào tịnh xá Veluvana, đảnh lễ Đức Thế Tôn xong rồi ngồi vào nơi phải lẽ. Đức Thế Tôn phán hỏi rằng:

- Này Vương Tử! Vì sao ngươi lại sầu não như thế?

- Bạch Thế Tôn! Con sầu não bởi tiếc thương nàng vũ nữ diễm lệ đã chết đi.

- Này Vương Tử! Nước mắt mà ngươi khóc cho nàng ấy khi nàng ấy chết đi, nếu gom lại còn nhiều hơn cả nước trong bốn đại dương. Nhưng nào ngươi có thấu được đâu.

Nghe như vậy, Hoàng Tử dịu bớt cơn sầu não, biết được tâm chàng với sầu khổ, Đức Thế Tôn phán dạy tiếp rằng:

- Này Hoàng Tử! Ngươi chớ nên sầu khổ nữa, vì đó là nơi sa đoạ của ngu nhân.

Rồi Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

171. Đến đây, hãy nhìn thế gian này, như chiếc Long xa trang hoàng lộng lẫy. Kẻ cuồng dại lặn hụp trong thế gian ấy, nhưng người thiện trí thì không luyến ái.

"Etha passathimaṃ lokaṃ,	*"Hãy đến nhìn đời này,*
Cittaṃ rājarathūpamaṃ;	*Như xe Vua lộng lẫy,*
Yattha bālā visīdanti,	*Người ngu mới tham đắm,*
Natthi saṅgo vijānataṃ".	*Kẻ trí nào đắm say".*

☸

CHÚ GIẢI:

Etha passatha: Nghĩa là Đức Thế Tôn chỉ vị Hoàng Tử Abhaya.

Imaṃ lokaṃ: Nghĩa là xác thân tức là uẩn thế gian.

Cittaṃ: Nghĩa là trang điểm lộng lẫy với vải, ngọc… ví như chiếc Long xa được trang hoàng với 7 loại ngọc.

Yattha bālā: Nghĩa là chỉ có những kẻ ngu dính mắc trong xác thân.

Vijānataṃ: Nghĩa là đối với người trí hiểu biết, tức là các bậc trí không bị dính mắc vào các phiền não, vật trói buộc như ái… dù chỉ trong xác thân này cũng không hề có.

Dứt thời Pháp, Hoàng Tử Abhaya chứng đạt Dự Lưu Quả, pháp thoại mang lại lợi ích cho thính chúng như thế.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Hoàng tử được Vua thưởng bảy ngày,
Tha hồ ngũ dục hưởng vui say!
Bất ngờ vũ nữ nhào lăn chết,
Hoàng tử sầu bi, kiếm Phật ngay!
Phật dạy: Về nàng vũ nữ kia,
Đau lòng từ biệt với sanh lìa,
Hoàng nam đã đổ hằng sa lệ
Trong cõi luân hồi mãi đoạn chia!
Kẻ trí khi nhìn cảnh thế gian,
Như xe Vua lộng lẫy muôn vàn
Cũng không thấy bận lòng lo nghĩ
Chỉ có người ngu mới tiếc than.

DỨT TÍCH HOÀNG TỬ ABHAYA



The world looks a gaily decked royal chariot. But the wise sink not therein.

171. Đời thế tục trông giống chiếc xe vua được trang hoàng rực rỡ.
Những bậc trí không chìm đắm vào đó.

XIII.5- TRƯỞNG LÃO SAMMAJJANA

(Yo ca pubbe pamajjitvā)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 172)

"Yo ca pubbe pamajjitvā,	***"Ai sống trước buông lung,***
Pacchā so nappamajjati;	***Sau sống không phóng dật,***
Somaṃ lokaṃ pabhāseti,	***Chói sáng rực đời này,***
Abbhā muttova candimā".	***Như trăng thoát mây che".***

Đức Thế Tôn khi ngự tại Jetavana, đề cập đến Trưởng lão Sammajjana, tuyên thuyết kệ ngôn này.

Được nghe rằng: Trưởng lão Sammajjana là người không phân biệt thời, bất cứ lúc nào vị ấy cũng cầm chỗi quét rác cỏ ở khắp tịnh xá, bất kể là sáng hay chiều.

Một hôm, Trưởng lão đi đến Tịnh thất của Đại Đức Revata để quét dọn, thấy Đại Đức đang ngồi nơi chỗ ban ngày yên lặng, Trưởng lão Sammajjana nói rằng:

- Vị Trưởng lão này lười biếng quá, dùng vật thực của tín thí gia xong, đến đây ngồi yên, chỉ cầm chổi quét một chút cũng không thấy.

Nghe thế Trưởng lão Revata suy nghĩ:

- Ta nên giáo giới vị này vậy.

Ngài nói với Trưởng lão Sammajjana rằng:

- Hãy đến đây, hỡi Hiền giả.

- Bạch Ngài, có chuyện chi vậy?

- Hiền giả hãy đi tắm đi rồi đến đây.

Sau khi Trưởng lão Sammajjana tắm xong, đi đến Trưởng lão Revata, Ngài bảo vị ấy ngồi sang một bên, dạy rằng:

- Này Hiền giả! Lẽ thường vị Tỳ khưu cứ cầm chổi quét suốt cả ngày là điều không hợp lẽ. Tỳ khưu chỉ nên quét dọn vào buổi sáng xong, đi khất thực. Khi về đến tịnh xá, ngồi vào chỗ ban ngày hay chỗ ban đêm, để tâm quán xét về 32 thể trược, để thấy được sự sanh diệt của thân này. Vào buổi chiều quét dọn tịnh xá, đó là hợp lẽ. Tỳ khưu chớ nên quét suốt cả ngày, hãy dành thời gian tạo lợi ích cho mình vậy.

Trưởng lão Sammajjana vâng theo lời giáo hoá của Trưởng lão Revata, chẳng bao lâu Ngài chứng đắc A La Hán Quả. Và trong tịnh xá có nhiều chỗ rác đã ứ đọng, bây giờ chư Tỳ khưu nói với Trưởng lão Sammajjana rằng:

- Này hiền giả Sammajjana! Các chỗ đã ứ đọng đầy rác, vì sao hiền giả không quét?

- Thưa chư Hiền! Trước đây tôi đã quét rác trong lúc dễ duôi, nhưng bây giờ tôi không còn dễ duôi quét rác nữa.

Chư Tỳ khưu cho rằng Trưởng lão Sammajjana khoe đạo giả cao nhân, tuyên bố mình là vị Thánh Vô Lậu, nên trình lên Đức Thế Tôn về câu chuyện đó và bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vị Tỳ khưu này nói sai sự thật, vị ấy nói không đúng theo sự thật.

- Này các Tỳ khưu! Thật vậy, trước kia con Như Lai đã cầm chổi quét trong lúc dễ duôi. Nhưng bây giờ đây con Như Lai không còn làm như thế nữa, đã đình chỉ, sống an lạc phát sanh từ Đạo Quả.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

172. Người trước kia phóng dật, về sau chuyên cần tu niệm. Người như thế rọi sáng thế gian như vầng trăng thoát ra khỏi đám mây mờ.

"Yo ca pubbe pamajjitvā,	*"Ai sống trước buông lung,*
Pacchā so nappamajjati;	*Sau sống không phóng dật,*
Somaṃ lokaṃ pabhāseti,	*Chói sáng rực đời này,*
Abbhā muttova candimā".	*Như trăng thoát mây che".*

☸

CHÚ GIẢI:

Bậc trí nên hiểu ý nghĩa của câu kệ ngôn này như sau:

Người trước kia có sự dễ duôi bằng các phận sự làm đi làm lại, hoặc tụng đọc… về sau đình chỉ những việc làm đó, sống an lạc phát sanh từ Đạo Quả, gọi là người không muốn dễ duôi. Người ấy thường rực sáng trong thế gian này như uẩn… tức là làm cho sáng chói thuần chất với trí đạo, ví như vầng trăng thoát khỏi mây mờ… là cơ hội giúp cho thế gian được sáng chói như thế.

Dứt kệ ngôn, nhiều người chứng đạt Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Đại Đức quét này thật xứng danh:
Tối ngày cầm chổi quét loanh quanh!
Chê Ngài lậu tận ta lười biếng,
Ngồi mãi, làm sao đạo quả thành?
Cũng may, Đại Đức Ly Bà Đa,
Biết có duyên lành, mới nhắc qua,
Nhờ đó hành thân, sau đắc quả,
Chùa dơ, mặc kệ, chẳng lo ra!
Tăng hỏi: Sư không quét nữa đi!
Sư rằng: Nay đã hết ngu si,
Nên không thích quét như hồi trước!
Tăng hỏi Phật Đà để phá nghi,
Phật dạy: Con Ta trước dễ duôi,
Bây giờ tinh tấn, hết buông xuôi,
Như trăng thoát khỏi vầng mây án
Soi sáng nhân gian, ánh rạng ngời!

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO SAMMAJJANA

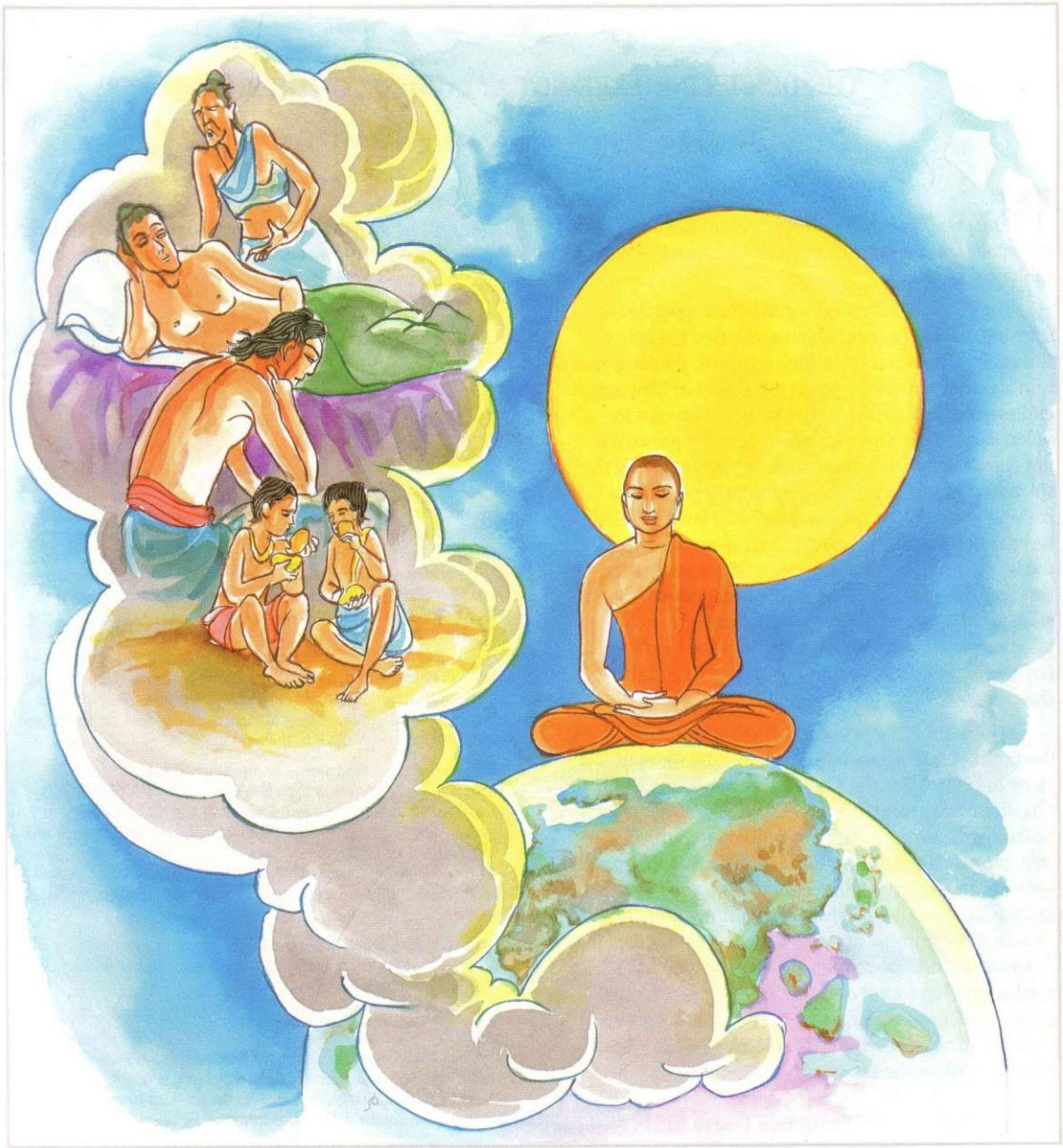

Mistakes corrected makes one to shine like the moon beaming out of a bank of clouds.

172. Biết sửa chữa lỗi lầm khiến cho họ tỏa sáng như mặt trăng ngời tỏ nhờ thoát khỏi đám mây.

XIII.6- TRƯỞNG LÃO ANGULIMĀLA

(Yassa pāpaṃ kataṃ kammanti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 173)

"Yassa pāpaṃ kataṃ,	***"Ai dùng các hạnh lành,***
Kammaṃ kusalena pithīyati;	***Làm xóa mờ nghiệp ác,***
Somaṃ lokaṃ pabhāseti,	***Chói sáng rực đời này,***
Abbhā muttova candimā".	***Như trăng thoát mây che".***

Đức Thế Tôn khi trú tại Jetavana, đề cập đến Ngài Angulimāla, thuyết lên kệ ngôn này.

Bậc trí nên hiểu theo bài Kinh Angulimāla. Khi Trưởng lão xuất gia trong Giáo Pháp của Đức Thế Tôn, Ngài đã chuyên hành đạo, chẳng bao lâu chứng đạt quả vị A La Hán. Và khi ấy, Trưởng lão thường tịnh cư, sống an hưởng hạnh phúc giải thoát, Ngài thốt lên cảm hứng ngữ trong khi ấy rằng:

- Người nào trước kia đã dễ duôi, về sau không dễ duôi, người ấy thường rọi sáng thế gian, ví như vầng trăng thoát khỏi áng mây mờ vậy.

Sau khi thốt lên kệ hoan hỷ về sự cảm hứng xong, Ngài viên tịch Níp Bàn. Bây giờ, chư Tỳ khưu cùng nhau bàn luận nơi Giảng đường:

- Này chư Hiền! Trưởng lão Angulimāla sẽ tái sanh về cảnh giới nào nhỉ?

Với Thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân, Bậc Đạo Sư nghe được lời bàn luận của chư Tỳ khưu, Ngài nghĩ rằng:

- Đây là thời hợp lẽ, Như Lai sẽ đoạn nghi cho Tăng chúng.

Từ nơi Hương thất, Ngài ngự ra Giảng đường. Ngồi vào nơi được soạn sẵn, phán hỏi rằng:

- Này các Tỳ khưu! Bây giờ các ngươi đang bàn luận về việc gì?

- Bạch Thế Tôn, về chuyện như vậy…

- Này chư Tỳ khưu! Con của Như Lai đã viên tịch Níp Bàn rồi, không còn phải tái sanh vào cảnh giới nào nữa.

- Bạch Thế Tôn! Trưởng lão Angulimāla giết người nhiều như thế mà được Níp Bàn sao?

- Này các Tỳ khưu! Thật vậy, vì Angulimāla trước kia chẳng có ai là bạn lành cả, nên mới tạo nhiều ác nghiệp như thế, nhưng về sau vị ấy được thiện bạn hữu, đó là nhân khiến cho vị ấy không có sự dễ duôi.Vì thế con Như Lai đã có tạo thiện hạnh để ngăn chặn ác nghiệp xưa.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn:

"Yassa pāpaṃ kataṃ,	*"Ai dùng các hạnh lành,*
Kammaṃ kusalena pithīyati;	*Làm xóa mờ nghiệp ác,*

Somaṃ lokaṃ pabhāseti, Abbhā muttova candimā”.	*Chói sáng rực đời này,* *Như trăng thoát mây che”.*

173. Người có hành động lành để che nghiệp xấu, người ấy rọi sáng thế gian như vầng trăng ló dạng, thoát ra khỏi đám mây mờ.

☸

CHÚ GIẢI:

Trong ý nghĩa kệ ngôn này, Kusalena Bậc Đạo Sư ám chỉ cho A La Hán đạo. Những câu còn lại có ý nghĩa như kệ ngôn 172.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Tướng cướp giết người cả số trăm,
Tu rồi, đắc đạo quả cao thâm,
Lâm chung nhập Niết Bàn vô tưởng
Tăng chúng hoài nghi hỏi, sợ lầm!
Phật dạy: Trước kia thiếu bạn lành,
Nên thấy tà kiến hại quần sanh
Sau nhờ bạn tốt, thầy soi thế,
Như ánh trăng rằm giữa khoảng xanh.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO ANGULIMĀLA

ଓ☸ଌ

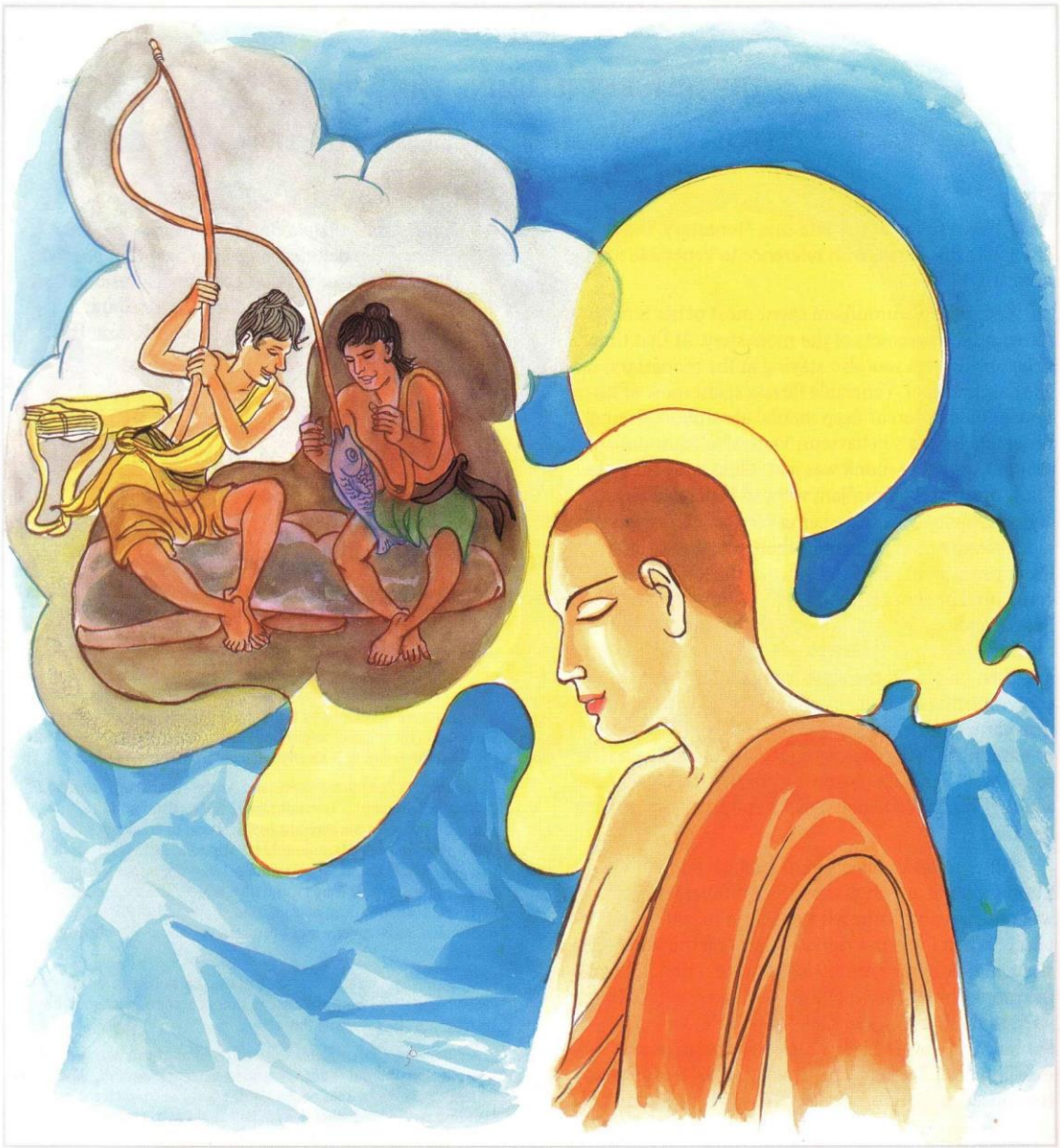

Who so by the power of one's virtues reduces one's evil done, he beams like the moon...

173. Người nào dùng các phước nghiệp xóa dần các ác nghiệp đã tạo sẽ tỏa sáng như mặt trăng.

XIII.7- CON GÁI NGƯỜI THỢ DỆT

(Andhabhūto ayaṃ lokoti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 174)

"Andhabhūto ayaṃ loko,	***"Đời này thật mù quáng,***
Tanukettha vipassati;	***Ít kẻ thấy rõ ràng,***
Sakuṇo jālamuttova,	***Như chim thoát khỏi lưới,***
Appo saggāya gacchati".	***Rất ít đi thiên giới".***

Kệ ngôn này được Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại tháp Aggalava, đề cập đến thiếu nữ con gái người thợ dệt…

Tương truyền rằng: Một lần nọ, Đức Thế Tôn du hành đến xứ Ālavī, thị dân Ālavī đã cúng dường đến chư Tăng có Đức Phật là vị Thượng thủ. Khi thọ thực xong, Đức Thế Tôn đã tuỳ hỷ phước với pháp thoại rằng:

- Này các cận sự! Các ngươi nên tu tập về tuỳ niệm sự chết như vầy: "Đời sống của ta không tồn tại, sự chết chắc chắn sẽ đến với ta. Ta chắc chắn phải chết, đời sống của ta có sự chết là lẽ thường hằng". Người không tu tập niệm sự chết, khi lâm chung thường thường giật mình kinh sợ, than khóc kinh hoàng, ví như người trông thấy rắn độc sẽ kinh hoàng lên như thế. Còn người tu tập niệm sự chết, người ấy không có sự giật mình kinh sợ, hay hoảng hốt trong lúc lâm chung, ví như người trông thấy rắn độc từ xa, dùng cây đuổi nó đi xa như vậy. Do vậy, các ngươi hãy chuyên niệm về sự chết đi.

Những người nghe pháp ấy, sau khi nghe Bậc Đạo Sư thuyết giảng pháp thoại xong, chỉ tầm cầu trong phận sự của mình mà thôi.

Riêng con gái người thợ dệt vừa tròn 16 tuổi, có sự suy nghĩ rằng:

"Lời dạy của Đức Thế Tôn thật là thù diệu, ta nên là người tu tập niệm sự chết vậy".

Thế rồi, nàng hằng chuyên tu về đề mục niệm sự chết cả ngày lẫn đêm. Riêng về Đức Thế Tôn sau khi thuyết giảng pháp thoại, Ngài tuần tự du hành về kinh thành Sāvatthī, đến tịnh xá Jetavana. Suốt cả ba năm dài, nàng tín nữ ấy luôn tu tập về niệm sự chết. Một hôm, Đức Thế Tôn dùng Phật nhãn quán xét thế gian, Ngài nhìn thấy hình ảnh của nàng con gái người thợ dệt trong Giác võng của Ngài. Ngài suy xét rằng: *"Đây là nhân thế nào nhỉ".*

Ngài thấu hiểu rằng: *"Nàng Chức Nữ này, từ khi nghe Pháp của Như Lai, tinh cần tu tập niệm về sự chết đã trọn ba năm. Như Lai sẽ ngự đến đó, nàng đi đến nghe Pháp, Như Lai sẽ hỏi nàng bốn câu hỏi, nàng sẽ trả lời đúng theo ý Như Lai, Như Lai ban cho nàng tiếng Sādhu sau mỗi câu trả lời. Nhân đó, Như Lai sẽ thuyết pháp thoại, khi dứt kệ ngôn nàng Chức Nữ ấy đã chứng đạt Dự Lưu Quả. Và nương nhờ nàng, đại chúng sẽ nhận được nhiều lợi ích".*

Sau khi quán xét rõ ràng rồi, Đức Thế Tôn cùng chư Tỳ khưu khởi hành đi từ Jetavana đến xứ Ālavī. Sau khi tuần tự du hành đến xứ Ālavī, Ngài cùng chư Tăng vào ngụ tại tịnh xá Aggalava.

Thị dân trong xứ Ālavī biết rằng: "Bậc Đạo Sư ngự đến", liền đi đến tịnh xá cung thỉnh Ngài và Tăng chúng thọ thực nơi tịnh xá ấy, cả nàng Chức Nữ cũng biết được rằng: Bậc Đạo Sư ngự đến, nàng có tâm hoan hỷ rằng:

- Bậc Đạo Sư đã ngự đến nơi này rồi, Ngài là bậc Vô Thượng Pháp Vương, là bậc Tối Thượng Nhân, là bậc Thầy của Chư Thiên và nhân loại. Ngài có gương mặt sáng rực như trăng rằm, đã ngự đến Ālavī. Nàng lại suy nghĩ thêm rằng:

"Ta đã được diễm phúc chiêm ngưỡng kim thân Ngài, có màu da vàng ròng tinh anh cao thượng cách đây ba năm. Giờ đây, ta lại được duyên may chiêm ngưỡng kim thân Ngài và được nghe lời giáo giới của Ngài. Pháp thoại có hương vị thật thù thắng".

Vào sáng hôm sau, khi cha nàng đi đến hàng dệt, dặn bảo nàng:

- Này con! Tấm vải sātaka của người mướn ta dệt, ta đang dệt còn khoảng một gang tay nữa thì xong, ta phải dệt cho xong tấm vải ấy trong ngày hôm nay. Vậy con hãy cuộn tơ đi, khi xong rồi mang đến hàng dệt cho cha.

Nàng nghe cha bảo như thế, suy nghĩ rằng:

- Ta đang muốn nghe Pháp nơi Đức Đạo Sư, nhưng cha ta lại dặn phải cuộn tơ như thế. Ta phải làm sao đây nhỉ? Nghe Pháp của Bậc Đạo Sư hay là cuộn tơ cho cha ta?

Nàng lo lắng, rồi suy tư: *"Nếu ta không lo cuộn tơ cho cha, người sẽ đánh ta. Thôi ta hãy gắng cuộn tơ cho mau chóng, rồi đi đến nghe Pháp sau".*

Nàng ngồi cuộn tơ, rồi mang cuộn tơ đặt vào giỏ đi đến hàng dệt của cha.

Bây giờ, cả thị dân trong thành Ālavī đều đến tịnh xá cúng dường Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng, rồi ngồi yên lặng chung quanh để chuẩn bị nghe Pháp thoại của Đức Thế Tôn. Bậc Đạo Sư im lặng, Ngài suy nghĩ rằng:

- Ta vì nàng tín nữ này mà đến đây, du hành trọn quãng đường 30 do tuần[(1)]. Hiện nay nàng Chức Nữ chưa có mặt, khi nào nàng ấy đến, khi ấy Như Lai mới giảng pháp tuỳ hỷ.

Đức Như Lai vẫn im lặng. Khi Bậc Tối Thượng nhân im lặng thì không một ai trong thế gian này, kể cả Ma Vương, Phạm Thiên có đủ thần lực để bạch hỏi được.

Khi nàng Chức Nữ mang giỏ đựng tơ đến tịnh xá, nàng đi vào hội chúng, đứng phía sau thính chúng, chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn. Bây giờ, Bậc Đạo Sư đưa mắt nhìn nàng, nàng hiểu rằng: *"Bậc Đạo Sư đang ngồi giữa đại chúng, Ngài im lặng nhưng lại đưa mắt nhìn ta, nghĩa là Ngài đang chờ đợi ta".*

Vô cùng hoan hỷ, cô đặt giỏ đựng tơ xuống, đi đến đảnh lễ dưới chân Đức Đạo Sư.

[1] 1 do tuần = 16km.

Hỏi rằng: Vì sao Đức Thiện Thệ trông chờ nàng tín nữ ấy?

Đáp rằng: Được biết rằng: Nghiệp đoạn tận sẽ đến với nàng trong ngày hôm ấy, nếu nàng mệnh chung trong lúc còn phàm nhân thì sẽ không có được sự sanh thú chắc chắn. Nhưng khi nàng đến nơi ngự của Đấng Như Lai, sẽ chứng đạt Dự Lưu Quả, có được sanh thú chắc chắn, sẽ sanh về cõi Tusitā.

Bấy giờ, nàng Chức Nữ đi vào đảnh lễ Đức Thế Tôn xong rồi đứng vào nơi phải lẽ, Đức Thế Tôn phóng hào quang 6 màu toả ra. Đợi cho nàng yên vị, Đức Thế Tôn phán hỏi nàng rằng:

- Nàng tín nữ! Nàng từ đâu đến?

- Bạch Thế Tôn! Con không biết.

- Này tín nữ, rồi nàng sẽ đi về đâu?

- Bạch Thế Tôn, con không biết được.

- Này tín nữ, nàng không biết thật ư?

- Bạch Thế Tôn, con biết.

- Có thật nàng biết chăng?

- Bạch Thế Tôn, con không biết.

Đức Thế Tôn phán hỏi nàng bốn câu hỏi như thế. Khi ấy đại chúng nghe nàng trả lời như thế, xôn xao trách nàng rằng:

- Này các người, hãy nhìn xem cô con gái người thợ dệt, nàng ta đã giễu cợt Đức Đạo Sư. Khi Ngài hỏi: Nàng từ đâu đến, thì nàng nên đáp là: Từ nhà đến. Khi Ngài hỏi nàng: Nàng sẽ đi về đâu, thì nên đáp là: Con sẽ trở về nhà. Khi Ngài hỏi thì nàng ta cần phải trả lời như thế chẳng là thích hợp, chẳng phải sao?

Bấy giờ, đợi cho thính chúng lặng yên, Đức Thế Tôn từ tốn hỏi nàng Chức Nữ rằng:

- Này tín nữ, khi Như Lai hỏi nàng: Nàng từ đâu đến? Vì sao nàng trả lời rằng: Con không biết?

- Bạch Thế Tôn! Ngài vẫn biết con từ nhà đi đến đây, nhưng Ngài hỏi: "Ngươi từ đâu đến?" không phải là ý như vậy, mà Ngài hỏi rằng: "Con từ đâu sanh đến đây?". Nhưng con không biết được con từ cảnh giới nào tái sanh vào cảnh giới này, nên con đáp là: "Con không biết".

Lần thứ nhất, Đức Như Lai tán thán rằng:

- Sadhu! Sadhu! Này tín nữ, ngươi đã giải đáp đúng câu hỏi mà Như Lai hỏi nàng. Này tín nữ! Thế tại sao, khi Như Lai hỏi nàng: "Ngươi sẽ đi về đâu?" thì nàng lại đáp rằng: "Con không biết?".

- Bạch Thế Tôn! Lẽ thường Ngài vẫn biết sau khi con nghe Pháp xong thì trở về nhà. Nhưng Ngài muốn hỏi con rằng: "Sau khi chết, con sẽ tái sanh vào cảnh giới nào?". Nhưng con thì không biết cảnh giới tái sanh của mình, nên con đáp là: "Con không biết".

- Lành thay! Lành thay! Này tín nữ, nàng đã đáp đúng với ý nghĩa của câu hỏi này.

Bậc Đạo Sư khi tán thán nàng lần thứ hai rồi, Ngài phán hỏi tiếp:

- Này tín nữ! Khi Như Lai hỏi nàng: "Nàng không biết thật sao?". Vì sao nàng lại trả lời rằng: "Bạch Thế Tôn, con biết".

- Bạch Thế Tôn! Vì con hiểu biết rằng: Hễ có thân tâm này, tất sẽ có ngày hoại diệt. Vì thế con trả lời rằng: "Bạch Thế Tôn! Con biết".

Lần thứ ba, Đức Thế Tôn tán thán nàng Chức Nữ:

- Lành thay! Lành thay! Nàng đã đáp đúng ý nghĩa của câu hỏi Như Lai. Này tín nữ! Khi Như Lai hỏi: "Nàng biết thật sao?". Vì sao nàng lại trả lời rằng: "Bạch Thế Tôn, con không biết?".

- Bạch Thế Tôn! Con vẫn biết chắc chắn rằng con phải chết, nhưng sau khi chết sẽ sanh vào nơi nào, lại nữa con sẽ chết vào ban ngày hay ban đêm? Chết bằng cách nào? Nơi nào trên rừng hay dưới nước? Vào lúc nào thiếu niên hay trung niên… Con không thể biết được, nên con trả lời rằng: "Bạch Thế Tôn! Con không biết".

Lần thứ tư, Đức Thế Tôn tán thán nàng rằng:

- Này tín nữ! Câu hỏi của Như Lai, nàng đã giải đáp đúng theo ý nghĩa như thế.

Và Ngài dạy đại chúng rằng:

- Các người không hiểu biết ý nghĩa câu hỏi của Như Lai như nàng tín nữ ấy. Những câu hỏi thâm diệu đã được nàng giải đáp phơi bày đúng lý. Các ngươi nên tán thán nàng, chớ đừng phiền hà trách cứ nàng. Người vô nhãn gọi là người mù, cũng vậy người thiếu trí được gọi là kẻ ngu. Còn người có mắt sẽ thấy được các sắc rõ ràng, người có trí thường thấu đạo lý nghĩa thậm thâm vậy.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Andhabhūto ayaṃ loko,	*"Đời này thật mù quáng,*
Tanukettha vipassati;	*Ít kẻ thấy rõ ràng,*
Sakuṇo jālamuttova,	*Như chim thoát khỏi lưới,*
Appo saggāya gacchati".	*Rất ít đi thiên giới".*

174. Thế gian này mù quáng. Người thấy rõ thật hiếm hoi. Như (số) chim thoát khỏi lưới, ít người vào nhàn cảnh.

CHÚ GIẢI:

Trong những câu văn ấy: ***Ayaṃ loko:*** nghĩa là thế gian này giống như mù, vì là người không có trí tuệ.

Tanukettha: nghĩa là trong đời này ít người, tức là không nhiều, có thể liễu ngộ được Tam tướng như Vô thường, khổ, vô ngã.

Jālamuttova: nghĩa là trong đám chim sẻ bị thợ săn quăng bắt lưới, chỉ có số ít thoát ra được, những con còn lại bị dính trong lưới như thế nào. Cũng vậy đa số chúng sanh bị dính mắc tức là Ma Vương đã tóm lấy rất nhiều chúng sanh, khiến họ tái sanh

vào khổ cảnh, chỉ một số rất ít sanh về cõi trời, tức là được nhàn cảnh hay chứng đắc Níp Bàn.

Dứt kệ ngôn, nàng Chức Nữ chứng đắc Thánh Quả Dự Lưu. Pháp thoại mang lại lợi ích cho đại chúng như thế.

Sau khi nghe Pháp thoại xong, nàng Chức Nữ hoan hỷ, nhặt lấy giỏ đựng cuộn tơ, đi đến nơi làm việc của cha. Khi ấy cha nàng đang ngồi ngủ, nàng vô ý cúi mình đi vào giỏ tơ chạm vào khung cửi, làm lay động khiến cha nàng giật mình, theo động tác thường ngày, ông kéo ngay khung cửi, thanh sắt khung cửi đã đâm ngay vào ngực của nàng Chức Nữ. Nàng chết ngay lập tức, được thọ sanh vào Tusitā.

Người cha nhìn xác con đẫm máu, ngã sóng soài ra chết, ông hối hận tâm tràn ngập sầu não, than khóc thảm thiết. Với gương mặt đẫm lệ, ông suy nghĩ:

- Không gì có thể làm cho ta dứt khổ sầu này được, ngoài Đức Thế Tôn ra.

Ông đi đến Đức Thế Tôn với gương mặt tràn nước mắt, đảnh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Xin Ngài hãy nhổ mũi tên sầu muộn trong tâm con đi.

Đức Thế Tôn phủ uý ông rằng: "Này cận sự nam! Ngươi chớ nên sầu thảm nữa, nước mắt mà ngươi tuôn ra vì thương tiếc con mình, nay đã nhiều hơn nước trong bốn đại dương. Không gì thấu rõ sự khổ sầu của ngươi đâu, ngươi hãy diệt tắt sự thương mến đi.

Rồi Đức Thế Tôn thuyết lên pháp thoại Amatagga. Cận sự nam ấy được vơi sầu muộn, xin xuất gia sống đời phạm hạnh trong Pháp Luật Đức Thế Tôn, ông tinh cần hành Sa môn Pháp chẳng bao lâu chứng đạt A La Hán Quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Con ông thợ dệt có duyên lành,
Niệm chết ba năm, được vãng sanh!
Trước phút lâm chung đắc nhất quả,
Nhờ nghe lời giải bốn câu rành.
Phật dạy: Người không tuệ, mắt mù,
Chỉ nhìn sự vật lối phàm phu,
Bốn câu hỏi đố là thiền ngữ,
Không hiểu, còn cho cô gái ngu!
Thợ dệt sầu con chết, xuất gia
Vui trong nếp sống của tăng già
Về sau đắc quả Alahán,
Đáp được ân sâu Đức Phật Đà.

DỨT TÍCH CON GÁI NGƯỜI THỢ DỆT



Of this blind world only a handful escapes like birds escaping from a net.

174. Chỉ một số ít người trong cõi đời mù quáng này đạt giải thoát như bầy chim thoát khỏi lưới.

XIII.8- CHUYỆN BA MƯƠI VỊ TỲ KHƯU

(Haṃsā ādiccapathe yantīti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 175)

"Haṃsādiccapathe yanti,	***"Như chim thiên nga bay,***
Ākāse yanti iddhiyā;	***Thần thông liệng giữa trời;***
Nīyanti dhīrā lokamhā,	***Chiến thắng ma, ma quân,***
Jetvā māraṃ savāhiniṃ".	***Kẻ trí thoát đời này".***

Kệ pháp cú này Đức Thế Tôn thuyết lên, khi Ngài ngự tại Tịnh xá Jetavana, đề cập đến chư Tỳ khưu viếng thăm Ngài.

Tương truyền rằng: Một lần nọ, có ba mươi vị Tỳ khưu đến yết kiến Đức Thế Tôn. Trưởng lão Ānanda đi đến nơi ngụ của Bậc Đạo Sư để làm phận sự của mình, trông thấy ba mươi vị Tỳ khưu đang ngồi hầu chung quanh Đức Thế Tôn, Ngài suy nghĩ:

- Khi nào Bậc Đạo Sư thăm hỏi chư Tỳ khưu ấy xong, ta hãy trở vào làm phận sự của mình.

Trưởng lão đứng đợi bên ngoài Hương thất của Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn sau khi ban những lời thăm hỏi thân hữu đến chư Tỳ khưu ấy, rồi Ngài thuyết lên Pháp thoại thức tỉnh chư Tỳ khưu.

Khi nghe được pháp âm từ nơi Đức Thế Tôn, cả ba mươi vị Tỳ khưu chứng đắc A La Hán Quả, đảnh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, dùng thần lực theo đường hư không trở về trú xứ thanh vắng của mình.

Sau một thời gian dài chờ đợi, Trưởng lão Ānanda liền đi vào Hương Thất của Đức Thế Tôn, không thấy bóng dáng chư Tỳ khưu khách đâu cả, Ngài bạch hỏi Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Ba mươi vị Tỳ khưu ở đây đi đâu rồi?

- Này Ānanda! Các vị ấy đã theo đường hư không đi rồi.

- Bạch Thế Tôn! Các vị ấy đã theo đường hư không đi ư?

- Thật vậy, này Ānanda.

- Thế thì các vị ấy là bậc Lậu Tận hay sao? Bạch Thế Tôn.

- Đúng như vậy, này Ānanda! Chư Tỳ khưu ấy sau khi nghe Như Lai thuyết pháp, đã chứng đắc ngay quả A La Hán tại chỗ ngồi.

Bấy giờ, có con hạc đang bay trên hư không, Bậc Đạo Sư nhân đó dùng hình ảnh ấy, phán dạy Trưởng lão Ānanda rằng:

- *Này Ānanda! "Người nào khéo tu tập Tứ Thần Túc rồi, người ấy thường bay trên hư không, ví như chim hạc kia vậy".*

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Haṃsādiccapathe yanti,	*"Như chim thiên nga bay,*
Ākāse yanti iddhiyā;	*Thần thông liệng giữa trời;*
Nīyanti dhīrā lokamhā,	*Chiến thắng ma, ma quân,*
Jetvā māraṃ savāhiniṃ".	*Kẻ trí thoát đời này".*

174. Chim Thiên nga bay dài theo đường mặt trời. (Con người) nhờ thần thông bay giữa không trung. Bậc thiện trí thoát ra khỏi thế gian này, nhờ chinh phục Ma Vương và khách của Ma Vương.

☸

CHÚ GIẢI:

Bậc trí nên hiểu câu kệ ngôn này như vậy:

"Đàn hạc thường bay theo đường mặt trời, tức là bay liệng trong hư không. Cũng như thế ấy, người khéo tu tập được Tứ Thần Túc, người ấy tưởng đi trên hư không do năng lực thần thông của mình".

Người có trí là bậc sáng suốt thắng được Ma Vương, thoát ra khỏi trói buộc của Chúa Ma, tức là có được phương tiện thoát ra khỏi luân hồi, nghĩa là chứng đắc được Níp Bàn.

Dứt Pháp thoại, có nhiều chúng sanh chứng đắc Pháp nhãn.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Vừa mới về thăm Phật, kế đi
Theo đường phi điểu, thật ly kỳ!
Ba mươi sư đắc La Hán quả,
Làm Đức A Nan chẳng biết gì!
Phật dạy: theo đường hướng mặt trời,
Thiên nga rong ruổi, vượt ngàn khơi,
Người thần thông giỏi, bay cao được
Kẻ trí trừ ma, thoát khỏi đời.

DỨT TÍCH CHUYỆN BA MƯƠI VỊ TỲ KHƯU

☸



Like geese in flight, the wise steadily move away from the world.

175. Như đàn thiên nga bay, các bậc trí vững vàng tiến lên thoát khỏi cuộc đời này.

XIII.9- NÀNG CIÑCAMĀṆAVIKĀ

(Ekamdhammamatitassāti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 176)

Ekaṃ dhammaṃ atītassa,	***"Ai vi phạm một pháp,***
Musāvādissa jantuno;	***Ai nói lời vọng ngữ,***
Vitiṇṇaparalokassa,	***Ai bác bỏ đời sau,***
Natthi pāpaṃ akāriyaṃ.	***Không ác nào không làm".***

Kệ pháp cú này được Đức Bổn Sư thuyết lên, khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến nàng Ciñcamāṇavikā.

Tương truyền rằng: Trong thời đầu tiên hoằng hoá Chánh Pháp, Đấng Thập Lực có rất đông đại chúng, số lượng đệ tử ngày càng tăng thịnh, hội chúng Sa môn Thích Tử càng phát triển. Đa số Chư Thiên cùng nhân loại đi vào Thánh Vức. Khi Đạo Quang của Đức Thế Tôn càng lan rộng thì Tăng chúng càng phát sanh nhiều thắng lợi, danh thơm, tài vật càng tăng thịnh…

Bấy giờ, các ngoại đạo giống như con đóm đóm giữa ánh sáng nhật nguyệt rạng ngời. Bọn ngoại đạo sư cuồng nộ, đứng bên ven lộ tuyên bố với chúng thị dân rằng:

- Này các người! Chẳng phải chỉ có Sa môn Gotama là vị Phật thôi. Chúng tôi cũng là vị Phật vậy. Cúng dường đến Sa môn có quả báu như thế nào, thì cúng dường đến chúng tôi cũng có nhiều quả phước như thế. Các người nên làm những gì đáng làm đến chúng tôi đi.

Tuy ngoại đạo tuyên thuyết lên như thế, những lợi lộc vẫn không phát sanh đến cho họ được. Họ liền hội họp cùng nhau rằng:

- Chúng ta hãy nêu tội trạng của Sa môn Gotama giữa đại chúng khiến cho lợi lộc của y sẽ bị tổn giảm. Nhưng chúng ta phải làm như thế nào đây nhỉ?

Trong khi ấy, trong thành Sāvatthī có nàng cư sĩ ngoại đạo là Ciñcamāṇavikā, nàng ta có một nhan sắc lộng lẫy như thiên tiên, thân nàng có đầy đủ những nét diễm kiều.

Bấy giờ một gã ngoại giáo suy nghĩ được một cách vu hoạ đến Đức Thế Tôn rằng:

- Chúng ta hãy nhờ nàng Ciñcamāṇavikā nêu tội của Sa môn Gotama làm cho y cùng hội chúng của y bị tổn giảm lợi lộc.

Chúng ngoại đạo hoan hỷ tán thành kế ấy rằng: *"Thật là diệu kế".*

Thế là, khi nàng Ciñcamāṇavikā đi đến tu viện của ngoại Đạo Sư, nàng đảnh lễ xong rồi, đứng yên tại một chỗ. Bọn ngoại đạo không ngó ngàng cũng không nói đến nàng chi cả. Nàng Ciñcamāṇavikā suy nghĩ rằng:

- Hẳn là ta đã phạm tội gì với quý Ngài đây, nhưng ta không biết được lỗi ấy là lỗi chi?

Nàng liền bạch hỏi rằng:

- Thưa các Ngài! Có phải là tôi đã phạm một lỗi lầm trầm trọng đến quý Ngài chăng?

Bọn ngoại đạo vẫn im lặng, nàng bạch hỏi đến ba lượt:

- Bạch các Ngài! Tôi xin đảnh lễ các Ngài, chẳng hay tôi đã phạm vào lỗi gì đối với các Ngài vậy? Tại sao các Ngài lại im lặng đối với tôi như thế?

- Này cô! Cô không biết rằng Sa môn Gotama đã làm chúng tôi tổn giảm lợi đắc hay sao?

- Bạch các Ngài! Tôi nào biết việc ấy đâu. Vậy thì trong chuyện này tôi phải làm sao?

- Này cô! Nếu cô muốn đem lại sự an lạc cho chúng tôi, cô hãy nêu tội Sa môn Gotama ra, như thế sẽ khiến lợi đắc của y tổn giảm.

- Được thôi, điều ấy là việc làm của tôi, xin các Ngài đừng có suy nghĩ chi cả.

Nàng Ciñcamāṇavikā đi vào Tịnh Xá Jetavana ngày hôm sau, nàng mặc chiếc áo có màu vàng như con rùa vào Tịnh Xá, tay cầm hương hoa, vật thơm… Khi vào Tịnh Xá nghe Pháp được thời gian ngắn, bấy giờ nàng đợi cho thính chúng nghe Pháp ra về hết, nàng mới ra về sau; rồi thì nàng chờ cho Đại chúng nghe pháp ra về khi ấy nàng mới đi đến Tịnh Xá, khi gặp người hỏi, thì nàng xảo quyệt trả lời câu hỏi của người ấy: *"Nàng đi đâu đến Tinh Xá vào giờ này?"*.

Nàng: *"Tôi đi đâu thì mặc kệ tôi, các người hỏi mà làm gì?"*. Thừa lúc vắng người, nàng lẻn trốn về trú nơi Tịnh Xá của ngoại đạo ở gần đó. Khi gần sáng, đợi có bóng người lảng vảng, là cận sự nữ hay cận sự nam đến đảnh lễ Đức Thế Tôn, nàng lại giả vờ như người vừa từ trong Tịnh Xá Jetavana trở về, các cận sự hỏi rằng: *"Này cô! Cô ở đâu mà về thế?"*.

Nàng trả lời: *"Các người hỏi nơi trú ngụ của tôi để mà làm gì?"*.

Trải qua một, hai tháng sau, khi bị hỏi, nàng tỏ vẻ thật thà nói rằng:

"Tôi ngụ chung Hương Thất với Sa môn Gotama trong Tịnh Xá Jetavana".

Những kẻ phàm nhân nghe vậy, phát sanh nghi hoặc rằng:

- Điều này nàng nói có thật như thế chăng nhỉ?

Đến khoảng ba, bốn tháng sau, nàng lấy vải độn vào bụng, giả như người có mang, làm cho hạng phàm nhân thiếu trí nghĩ rằng: *"Đây là thai bào do Sa môn Gotama tạo ra"*. Vào khoảng 8-9 tháng sau, nàng dùng gỗ tròn, đẽo gọt tròn lẳn rồi độn vào bụng phủ áo bên ngoài, nàng còn gian xảo dùng cây đập vào tay chân, mình mẩy cho sưng lên, giống như người sắp đến thời kỳ sanh nở.

Một hôm, vào buổi chiều khi Đức Thế Tôn đang giảng Pháp thoại giữa đại chúng nơi Giảng Pháp đường, nàng Ciñcamāṇavikā đi vào giữa Giảng đường, đứng giữa hội chúng, trước mặt Đức Như Lai, nói rằng: "Này ông Đại Sa Môn! Ông chỉ giỏi nói Pháp cho thính chúng nghe mà thôi, tiếng của ông thanh cao, giọng nói của ông ngọt ngào, lời nói của ông thật là êm ái. Riêng tôi cũng vì thế mà nay đã đến ngày

sanh rồi. Sao ông không biết đến việc sanh nở của tôi, ông không biết điều dưỡng thai nhi bằng những loại thuốc bổ dưỡng như bơ lỏng, sữa, đậu mè… Ông không tự làm, cũng không hề sai bảo cận sự nam hay cận sự nữ của mình như bà Vīsakhā hoặc ông Anāthapiṇḍika, hoặc giả một cận sự nào khác rằng: "Hãy lo cho nàng Ciñcamāṇavikā này". *Ông chỉ là người biết hưởng thụ khoái lạc, không hề biết đến phận sự chu toàn cho thai nhi của chính mình".*

Nàng Ciñcamāṇavikā giống như người cầm phân toan bôi bẩn mặt trăng sáng, nàng tạo thành ác trọng nghiệp quá nặng, là phỉ báng Đức Thế Tôn, vu hoạ cho Ngài giữa đại hội chúng như thế.

Khi ấy, Đức Thế Tôn rống lên tiếng rống Sư Tử Vương rằng:

- Này Ciñcamāṇavikā! Sự việc mà nàng vừa nói đó, chỉ có nàng và Như Lai biết rõ mà thôi.

- Đúng như thế, này ông Đại Sa Môn! Điều đó phát sanh lên chỉ có ông và tôi biết mà thôi.

Đức Thế Tôn im lặng, khi ấy nơi Bảo Toạ của Đức Thiên Vương bỗng nóng ran, Ngài ngạc nhiên suy nghĩ: *"Ai muốn chiếm ngôi vị của ta như thế".*

Thiên chủ dùng Thiên Nhãn quán xét thế gian biết rằng nàng Ciñcamāṇavikā đã phỉ báng và vu cáo Ngài giữa đại chúng, làm phát sanh nghi ngờ cho đại chúng. Thiên Chúa suy nghĩ: *"Ta sẽ thanh minh việc này giữa Hội chúng, làm thanh tịnh Giới hạnh Sa môn của Ngài",* Đế Thích sai bốn vị Thiên Tử đến phán:

- Các ngươi hãy đến Tịnh Xá Jetavana làm rõ ràng minh bạch việc nàng Ciñcamāṇavikā vu cáo Đức Thế Tôn.

Bốn vị Thiên Tử vâng lịnh Đế Thích, đi đến Jetavana, hoá thành bốn con chuột, cắn đứt vải buộc khúc gỗ tròn, rồi nổi gió lên thổi tung vạt áo, khiến khúc gỗ tròn đột nhiên rơi xuống bàn chân của nàng Ciñcamāṇavikā, khiến hai chân nàng đau đớn kinh khủng.

Sự việc ấy, đã làm sáng tỏ giới hạnh thanh nghiêm của Đức Thế Tôn, và tố cáo sự cáo gian của nàng Ciñcamāṇavikā, đại chúng phẫn nộ rằng: *"Này ác nữ! (Tại sao) ngươi lại phỉ báng Đức Thế Tôn với những lời phi chân thật như thế?".*

Đại chúng tẩn xuất nàng ra khỏi Tịnh Xá Jetavana, cùng làm những hình phạt ô nhục dành cho nàng. Nàng Ciñcamāṇavikā vừa ra khỏi Tịnh Xá Jetavana, khuất mắt Đức Thế Tôn, quả địa cầu bỗng nứt ra rút nàng vào tận Đại địa ngục A Tỳ, ngọn lửa trong ngục A Tỳ phun ra thiêu đốt nàng vàng hực như tấm vải vàng mà nàng hằng mặc. Sau việc này, lợi đắc của ngoại giáo càng tổn giảm nặng nề, trái lại lợi đắc của Tăng chúng càng thêm tăng thịnh.

Sáng hôm sau chư Tỳ khưu cùng nhau bàn luận trong Giảng đường rằng:

- Này chư Hiền giả! Nàng Ciñcamāṇavikā đã phỉ báng Đức Thế Tôn Chánh Đẳng Giác, là bậc đáng cúng dường cao thượng hơn mọi nhân thiên, là bậc có ân đức vô lượng như thế. Với lời vu khống phi chân như thế đã mang đến tổn thất nặng nề cho nàng.

Từ nơi Hương Thất, với thiên nhĩ thuần tịnh Siêu Nhân, Bậc Đạo Sư nghe được sự luận bàn ấy, Ngài ngự đến Giảng đường, ngồi vào nơi được soạn sẵn, phán hỏi rằng:

- Này các Tỳ khưu! Bấy giờ các ngươi ngồi lại đây, bàn luận về việc chi thế?

- Bạch Thế Tôn, về chuyện như vậy…

Đức Thế Tôn, Ngài phán dạy rằng:

- Này các Tỳ khưu! Chẳng phải chỉ trong kiếp này nàng Ciñcamāṇavikā vu khống Như Lai rồi phỉ báng. Mà trong quá khứ, nàng cũng đã từng làm như thế rồi, và cũng bị tổn hại như thế.

Theo thỉnh cầu của chư Tỳ khưu, Đức Thế Tôn thuyết lại Bổn Sanh Mahāpaduma trong Dvādosakanipāta với đầy đủ chi tiết rằng: *"Người không thấy được lỗi nhỏ, lớn của người khác một cách toàn diện. Tự mình chưa kịp quán xét (thì) không nên hành phạt"*. Ngài phán rằng: Trong thời đó, nàng Ciñcamāṇavikā chính là kế mẫu của Bồ Tát Mahāpaduma, là Hoàng Hậu của Đức vua, cha của Bồ Tát, đã toan nài ép Bồ Tát hành phi phạm hạnh với nàng, nhưng Bồ Tát cự tuyệt, nàng giả vờ bịnh nặng, tâu với Đức vua rằng:

- Con của Bệ Hạ đã làm cho thần thiếp không còn muốn sống nữa, nên phải bị bịnh.

Đức vua nổi giận, cho bắt Bồ Tát ném xuống núi, là hố chôn xác bọn cướp cho chết đi.

Một Thiên nhân ngụ gần sườn núi ấy, đã đỡ lấy Bồ Tát mang Ngài xuống Long Cung. Long Vương nhường cho Bồ Tát nửa Thuỷ Quốc, Bồ Tát sống ở Long Cung được một năm, Ngài lại trở về Nhân giới, xuất gia làm đạo sĩ trong rừng Tuyết Lãnh, chứng đắc thiền định và thần thông.

Bấy giờ, có người thợ săn, y lạc đường khi đi sâu vào rừng Tuyết Lãnh, thấy Bồ Tát liền trở về báo lại Đức vua. Đức vua rất vui mừng ngự thân đến nơi cư ngụ của Bồ Tát, được Bồ Tát tiếp đón rất cung kính. Ngài thuật lại mọi việc câu chuyện, cùng với sự dâm loạn của Hoàng hậu. Nghe rõ câu chuyện, Đức vua hối hận, mời Bồ Tát trở về thay Vua trị quốc, nắm giữ Vương quyền. Nhưng Bồ Tát khước từ, trước khi từ giã Phụ vương, Ngài ban lời giáo huấn Vương Phụ:

- Tâu Phụ vương! Con chẳng còn có phận sự gì đối với Vương Quốc cả. Xin Phụ vương hãy trị dân theo đúng Thập pháp Vương, hãy từ bỏ sự thiên vị. Xin Phụ vương hãy là người cai trị Vương Quốc tốt đẹp đi, hãy xứng đáng là vị Minh quân vậy.

Đức vua đành gạt lệ từ giã đứa con thân yêu hiền trí trở về kinh thành, trên đường về Đức vu hỏi các Đại Thần rằng:

- Do ai mà Trẫm mất đứa con hiều trí, hiếu hạnh như vậy?

- Tâu Bệ hạ! Đó là do Hoàng hậu làm ra.

Đức vua nghe tâu như thế, truyền lịnh bắt Hoàng Hậu, tự thân Ngài nắm lấy hai chân Hoàng hậu đỡ lên cao, ném xuống hố bọn cướp, rồi Ngài trở về kinh thành cai trị Vương Quốc theo đúng Thập Vương Pháp của vị Minh quân.

Bồ Tát Mahāpaduma chính là tiền thân của Đức Thế Tôn, kế mẫu của Ngài nay là nàng Ciñcamāṇavikā.

Sau khi thuyết giảng ý nghĩa này xong, Đức Thế Tôn phán dạy rằng:

- Này các Tỳ khưu! Gọi là ác nghiệp mà người đã từ bỏ pháp chân thật ấy, sống bằng pháp hư nguỵ phi ngôn, là người làm mất đi gốc hướng thượng cho đời sau, vì rằng: Như vậy thì không có tội lỗi nào mà người ấy không dám làm cả.

Rồi Ngài phán lên kệ ngôn rằng:

Ekaṃ dhammaṃ atītassa,	*"Ai vi phạm một pháp,*
Musāvādissa jantuno;	*Ai nói lời vọng ngữ,*
Vitiṇṇaparalokassa,	*Ai bác bỏ đời sau,*
Natthi pāpaṃ akāriyaṃ.	*Không ác nào không làm".*

176. Không có điều ác nào mà người vọng ngữ vi phạm định luật (chân thật), và dửng dưng trước thế giới bên kia, không làm được.

☸

CHÚ GIẢI:

Ekaṃ dhammaṃ: Nghĩa là pháp độc nhất, chính là pháp chân thật.

Musāvādissa: Nghĩa là trong 10 lời nói chân thật, thì một lời cũng không có đến cho người nào, người ấy được gọi là người thường vọng ngôn.

Vitiṇṇaparalokassa: Nghĩa là người đã mất gốc, đứt mãi sự tăng trưởng tốt đẹp cho đời sau. Người như thế sẽ không nhận được một trong ba loại tài sản là nhân sản, thánh sản và thiên sản.

Natthi pāpaṃ: Nghĩa là sự nghi ngờ là tội lỗi như vậy mà người đó, tức là người như vậy không làm thì không có.

Dứt Pháp thoại, nhiều người an trú vào Dự Lưu Quả…

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Ngoại đạo Chinh Cha đẹp tợ tiên,
Hằng ngày độn bụng đến Kỳ Viên.
Để phao vu Phật trò ân ái;
Dân chúng ngu khờ cũng đảo điên!
Thiên Vương Đế Thích nóng ngai vàng,
Không thể ngồi yên, xuống đạo tràng,
Hoá chuột, cắn dây đai buộc bụng
Làm rơi khúc gỗ, dập chân nàng.
Thiện tín đứng lên đánh Chinh Cha,
Người cầm gạch đá, đuổi nàng ra,
Khỏi chùa, đất sụp và chôn sống
Kẻ cố tâm bôi nhọ Thích Ca.
Phật dạy: Ai vi phạm lý chân,
Nói lời giả dối, gạt thường nhân,
Không tin quả báo, luân hồi nghiệp,
Thì có ác nào chẳng dấn thân?

DỨT TÍCH NÀNG CIÑCAMĀṆAVIKĀ

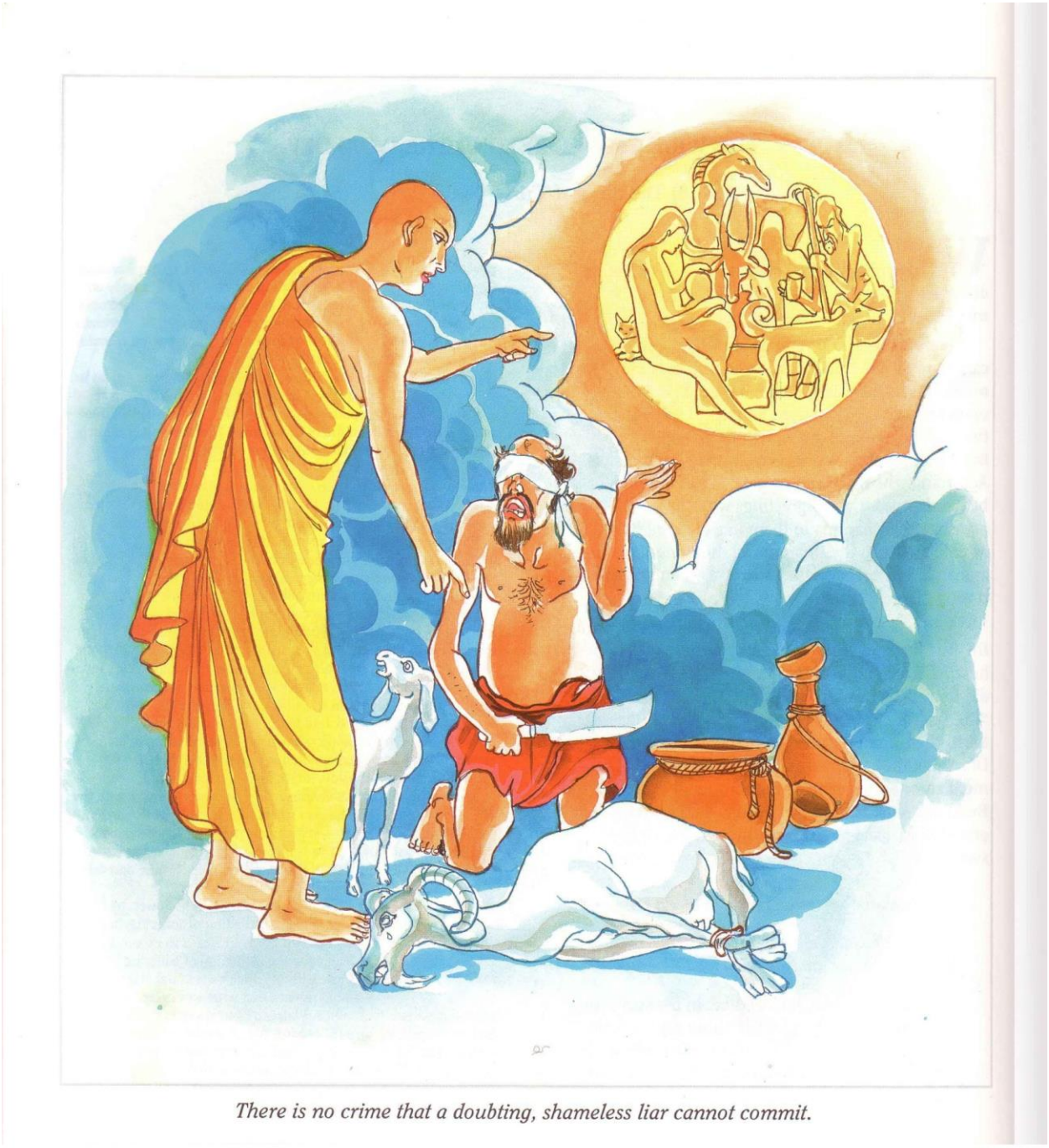

There is no crime that a doubting, shameless liar cannot commit.

176. Không có tội lỗi nào mà một kẻ dối trá vô sỉ với tâm đầy nghi hoặc không phạm (kẻ dối trá có thể phạm mọi tội lỗi).

XIII.10- ĐẠI THÍ VÔ SONG

(Nave kadariyā devalokaṃ vajatīti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 177)

"Na ve kadariyā devalokaṃ vajanti,	***"Keo kiết không sanh thiên,***
Bālā have nappasaṃsanti dānaṃ;	***Kẻ ngu ghét bố thí,***
Dhīro ca dānaṃ anumodamāno,	***Người trí thích bố thí,***
Teneva so hoti sukhī parattha".	***Đời sau, được hưởng lạc".***

Kệ ngôn Pháp cú này được Đức Thế Tôn thuyết lên, khi Ngài trú tại Jetavana, đề cập đến cuộc thi đại thí vô song của vua Pasenadi.

Tương truyền rằng: Một thời nọ, sau khi Đức Thế Tôn cùng chư Tỳ khưu đi du hoá, rồi Ngài trở về trú tại Jetavana gần thành Sāvatthī. Bấy giờ, Đức vua Pasenadi đi đến Tịnh xá, bạch thỉnh rằng:

- Bạch Thế Tôn! Xin thỉnh Đức Thế Tôn cùng chư Tăng ngụ đến Hoàng cung của Trẫm thọ thực vào ngày mai.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời, Đức vua trở về Hoàng cung. Vào sáng hôm sau, Ngài cho chuẩn bị mọi vật thực thượng vị để cúng dường, loan truyền trong thần dân rằng:

- Hãy đến xem sự cúng dường của Vua Pasenadi Kosala.

Dân chúng tề tựu đến Hoàng cung, chứng kiến sự cúng dường của Đức vua. Rồi đại chúng đi đến Tịnh xá bạch thỉnh Đức Thế Tôn cùng chư Tỳ khưu nhận lời thọ thực vào ngày mai của thị dân Sāvatthī.

Vào sáng hôm sau, khi đã chuẩn bị đầy đủ mọi vật thí thượng vị, đại chúng đến tâu với Đức vua rằng:

- Tâu bệ hạ! Xin thỉnh Bệ hạ ngự đến xem chúng thần cúng dường Đức Thế Tôn và chư Tăng.

Sự cúng dường của thị dân hơn hẳn Đức vua ngày hôm trước. Khi Đức vua ngự đến xem, thấy thế nghĩ rằng:

"Dân chúng cúng dường hơn cả ta rồi. Một vị Vua như ta không thể thua chúng thần dân".

Thế là, Đức vua bạch xin cúng dường Tăng chúng có Đức Phật là vị Thượng Thủ vào ngày mai.

Đức vua lại cúng dường hơn thị dân Sāvatthī, cứ như thế cuộc tranh tài về thí sự giữa thị dân và Đức vua kéo dài đến 6 lần. Đến lần thứ 7 thì chúng thị dân dốc tất cả tài lực vào cuộc đại thí, cuộc cúng dường của thị dân vô cùng long trọng, không ai có thể phàn nàn rằng: Trong cuộc đại thí này thiếu đi loại vật thực được chúng dân đem đến cúng dường.

Đức vua kinh hoàng trước đức tin của thị dân, Ngài suy nghĩ:

- Nếu sự cúng dường của ta mà thua kém chúng dân thì ta còn mặt mũi nào làm Chúa của họ được chứ.

Đức vua cứ băn khoăn, suy nghĩ tìm phương cách bố thí hơn thị dân Sāvatthī. Bấy giờ, Hoàng Hậu Mallikā đi vào yết kiến Đức Vua, thấy Ngài đang đăm chiêu suy nghĩ, bà hỏi rằng:

- Tâu Bệ Hạ! Vì sao Ngài ủ rũ như thế? Vì sao Long Thể của Bệ Hạ có vẻ rã rượi như thế này?

- Này Hậu! Hậu chưa biết việc chi hay sao?

- Tâu Bệ Hạ! Thần thiếp nào biết được việc gì đâu?

Đức Vua tường thuật lại cuộc thi tài cúng dường giữa mình với thị dân, đã trải qua 6 lần bất phân thắng bại cho Hoàng Hậu nghe tận tường. Bấy giờ, Hoàng Hậu tâu rằng:

- Tâu Thánh thượng! Xin Ngài chớ nhọc tâm suy nghĩ nữa. Lẽ thường là vị Chúa tất phải hơn chúng dân chứ. Ngài hãy nghe và biết như thế này đi, thần thiếp sẽ giúp Bệ hạ thắng trong cuộc thí sự này.

Hoàng Hậu tâu với Đức Vua như thế, vì nàng muốn rằng sự cúng dường tối thắng này do bà sắp xếp, sự cúng dường này là cuộc đại thí sự không một thí sự nào có thể sánh bằng.

- Tâu Đại Vương! Xin Ngài hãy cho làm nhà Trai đường bằng cây quý, nền được san bằng phẳng, mái nhà là cây mà phải là cây Sôla mới được. Trai thí đường này rộng rãi, đủ chỗ cho Đức Thế Tôn cùng 500 vị Tỳ khưu ngồi theo thứ lớp cao thấp được phân theo hạ lạp. Bên ngoài là sân rộng dành cho đại chúng. Hãy cho làm 500 cây lọng trắng, lọng che Đức Thế Tôn là lọng hai tầng, còn những vị Tỳ khưu là lọng một tầng. Chọn 500 thớt tượng thuần hoá để cầm lọng che cho các Ngài. Cho làm từ 8 đến 10 chiếc thuyền vàng đặt giữa trai đường, trong thuyền ấy chứa đầy hương trầm Chiên Đàn được tán nhuyễn, cho những nàng Công Nương đứng quanh thuyền,dùng hoa sen xanh để rải hương thơm Chiên Đàn cúng dường Đức Phật và chư Tăng, cho mỗi vị Công Nương đứng quạt hầu hai vị Tỳ khưu và rải hương hoa cúng dường khắp hướng. Những vị Công Chúa trẻ tuổi sẽ mang vật thơm được tán nhuyễn đổ vào thuyền. Mùi hương thơm sẽ toả thơm ngát ngôi trai thí đường ấy. Rồi Đại Vương cho dâng những vật thực có đầy đủ hương vị tối thắng đến Đức Thế Tôn cùng chư Tăng. Như thế, Bệ Hạ sẽ thắng cuộc vì thị dân làm sao có được voi thuần hoá, cũng không thể có những Công Nương xinh đẹp trang điểm lộng lẫy phục vụ chư Tăng và Đức Thế Tôn. Xin Thánh thượng hãy thực hiện như thế đi.

- Lành thay! Lành thay, này Ái Hậu.

Đức vua thực hiện y theo lời của Hoàng Hậu Mallikā, mọi việc tiến hành được thuận lợi và tốt đẹp. Chỉ riêng về tượng chiến thì chỉ có được 499 con là thuần hoá, có thể điều khiển voi dùng vòi quấn lọng hầu chư Tăng mà thôi. Đức vua bối rối, hỏi Hoàng Hậu rằng:

- Này Hậu! Voi chiến thuần hoá chỉ có được 499 con thôi, thiếu mất một con, vậy Trẫm phải xử trí ra sao bây giờ?

- Tâu Bệ Hạ, không có đủ 500 voi chiến sao?

- Này Hậu, tượng chiến thì có nhiều, nhưng tượng được thuần hoá rồi chỉ có 499 con thôi. Lại nữa, có con tượng rất hung dữ, e rằng nó sẽ nổi cơn hung bạo như cuồng phong, làm hại đến chư Tỳ khưu.

- Tâu Bệ Hạ! Thần thiếp biết cách sắp xếp hung tượng ấy vào đâu rồi! Bệ Hạ hãy cho hung tượng ấy đứng cầm lọng hầu Ngài Angulimāla đi.

Đức vua y theo lời của Hoàng Hậu Mallikā. Khi hung tượng cầm lọng đứng hầu Trưởng lão Angulimāla thì nó trở nên hiền thục như đã từng được dày công huấn luyện. Nó cúp đuôi vào hai chân sau, hai tai phe phẩy, đứng ôm lọng nhắm mắt che cho Trưởng lão Angulimāla. Chúng thị dân trông thấy như thế, suy nghĩ rằng:

- Tượng này có tiếng là hung dữ bậc nhất, thế mà Trưởng lão Angulimāla chinh phục được tượng hung hãn ấy.

Đức vua sau khi cúng dường vật thực thượng vị loại cứng loại mềm đến chư Tăng rồi cung kính đảnh lễ Đức Thế Tôn và chư Tăng. Trải qua 7 ngày như thế, đến ngày thứ 7 thì Đức vua bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Trong cuộc đại thí vật trọng thể này, ngoài những vật bất hợp lẽ, vật nào dâng cúng hợp pháp, Trẫm xin cúng dường tất cả đến Đức Thế Tôn và chư Tỳ khưu Tăng.

Người ta bảo rằng: Trong cuộc đại thí ấy, Đức Vua đã tiêu hết 14 Koti tiền vàng trong một ngày. Cả bốn vật là: lọng, bảo tọa, chân bát và bệ kê chân dành cho Đức Phật và chư Tăng Tỳ khưu đều là những vật vô giá toàn bằng vàng ròng cả. Không một ai có thể cúng dường thí vật tối thắng hơn cả Vua Pasenadi được và trong đời Đức Phật hiện tiền (kể cả chư Phật quá khứ) các Ngài chỉ có một lần Đại thí vô song mà thôi. Và cũng phải do người nữ sắp xếp (sự cúng dường ấy) đến Bậc Đạo Sư được thành tựu viên mãn.

Đức vua Pasenadi có hai vị quan Đại Thần là Kāla và Junha. Vị Đại Thần Kāla có sự suy nghĩ thấp kém rằng:

- Ôi! Sự tổn hại đã đến và vây Hoàng Tộc rồi, Đức vua đã bỏ ra 14 Koti tiền vàng trong mỗi ngày cho đại thí này, cúng dường đến các vị Sa môn ấy, khi các vị ấy chỉ có ăn rồi ngủ mà thôi. Công khố của Hoàng Tộc sẽ đi đến chỗ suy vong mất. Hoàng Tộc sẽ có sự tổn hại như vầy rồi.

Riêng Đại Thần Junha thì hoan hỷ, nghĩ rằng:

- Sự cúng dường của Đức Vua thật là thù diệu và hy hữu, ngoài Ngài ra không một ai có thể cúng dường thí vật cao thượng được như thế nữa. Đức Vua không chia phần phước báu của mình đến các chúng sanh, việc như thế sẽ không hề có đến cho Ngài đâu. Vậy ta hãy hoan hỷ với phước báu cao thượng của Đức Vua Pasenadi.

Khi Đức Thế Tôn cùng chư Tỳ khưu đã thọ thực xong, tay rời khỏi miệng bát, đã ngăn vật thực. Đức vua đến nhận bát và lời phúc chúc tuỳ hỷ nơi Bậc Đạo Sư, Đức Thế Tôn suy nghĩ:

- Đức vua cúng dường Đại thí như vầy, ví như dòng nước lớn được khai mở, nhưng đại chúng hoan hỷ không nhỉ?

Ngài dùng trí quán xét, thấy được hai nguồn tư tưởng của hai vị Đại Thần, và quán tiếp Ngài thấy rằng: *"Nếu Như Lai tuỳ hỷ phước cho xứng đáng với phước báu của Đức vua, thì Đại Thần Kāla sẽ vỡ tim, đầu bị bể thành bảy mảnh mà chết. Trái lại Đại Thần Junha sẽ chứng đạt Dự Lưu Quả".*

Với tâm đại bi đối với Đại Thần Kāla, Ngài chỉ tuỳ hỷ phước bằng bốn kệ ngôn ngắn, rồi từ nơi ngồi đứng dậy cùng Tăng chúng trở về Tịnh Xá. Khi về đến Jetavana, chư Tỳ khưu hỏi Tỳ khưu Angulimāla rằng:

- Này Hiền giả! Hiền giả thấy con tượng hung dữ ấy đứng cầm lọng che cho mình như thế, Hiền giả có hãi kinh chăng?

- Này chư Hiền! Tôi không có sự sợ hãi đó đâu.

Chư Tỳ khưu cho rằng Trưởng lão là người khoe Thượng Nhân Pháp, là đạo quả A La Hán, nên trình bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Tỳ khưu Angulimāla đã nói điều phi chân, sai với ý của mình.

- Này các Tỳ Khưu! Angulimāla hằng không còn kinh sợ nữa, con của Như Lai giống như Ngưu Vương giữa đàn bò, tức là đồng với Bậc Vô Lậu rồi.

Ngài thuyết lên kệ ngôn (trong phẩm Bà la môn) rằng:

"Ta nói rằng: Người dũng cảm, cao thượng, hùng dũng, người tầm cầu ân đức lớn, người chiến thắng đặc biệt, người không rúng động, người đã rửa sạch (mọi ô nhiễm) người đã giác ngộ, đó gọi là Bà la môn".

Riêng Đức vua Pasenadi u sầu khi nghe Đức Thế Tôn chỉ tuỳ hỷ phước bằng bốn câu kệ ngắn, rằng:

"Bậc Đạo Sư đã không tuỳ hỷ phước xứng đáng với sự cúng dường của ta, giữa hội chúng Ngài chỉ thuyết lên có bốn câu kệ ngôn vắn tắt như thế, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. Có lẽ ta đã thất kính với Đức Đạo Sư, đã cúng dường bất xứng đến Ngài rồi chăng? Có phải chăng ta đã làm cho Ngài không hoan hỷ. Lẽ ra Ngài sẽ tuỳ hỷ phước xứng đáng với đại thí này rồi. Vì Ngài hằng tuỳ hỷ xứng đáng với những ai hằng hạnh đại thí kia mà".

Đức vua đi đến Tịnh Xá Jetavana, vào đảnh lễ Đức Thế Tôn, xong rồi bạch hỏi Ngài rằng:

- Bạch Thế Tôn! Có phải Trẫm cúng dường vật không thích hợp chăng? Hay là vật cúng dường của Trẫm không được thanh tịnh? Hoặc Trẫm chỉ cúng dường vật bất xứng còn vật thích hợp lại không cúng dường?

- Tâu Đại Vương! Vì sao Đại Vương lại hỏi Như Lai như thế?

- Bạch Thế Tôn! Vì Trẫm thấy Ngài tuỳ hỷ phước đại thí chỉ bốn kệ ngôn ngắn.

- Này Đại Vương! Đại Vương đã cúng dường đại thí vật Vô Song. Đó là sự cúng dường thí vật không sự cúng dường thí vật nào có thể so sánh được. Trong đời chư

Phật chỉ có một lần Vô Song Thí như thế thôi. Lẽ thường, đại thí như thế, người thường khó làm.

- Nếu sự kiện là như thế, vì sao Đức Thế Tôn lại không phúc chúc cho xứng với đại thí như thế.

- Này Đại Vương! Vì trong hội chúng của Đại Vương không được trong sạch.

- Bạch Thế Tôn! Vậy trong hội chúng có lầm lỗi chi thế?

Đức Thế Tôn thuật lại hai ý nghĩ của Đại Thần Kāla và Đại Thần Junha, rồi cho Vua biết rằng với tâm đại bi mẫn đối với Kāla, nên Ngài chỉ chúc phước ngắn gọn bằng bốn câu kệ mà thôi.

Được nghe như thế, Đức vua trở về Hoàng Cung cho đòi Đại Thần Kāla đến, hỏi rằng:

- Này Kāla khanh! Được biết rằng khanh có ý nghĩ như thế, như thế phải chăng?

- Tâu Đại Vương! Có thật như thế.

- Này khanh! Ta và Hoàng Tộc đâu có dùng tài sản của khanh hay của gia tộc khanh để cúng dường, Trẫm cũng không có làm điều chi khiến khanh buồn phiền cả. Vậy thì, tài sản nào mà Trẫm đã ban cho khanh, khanh hãy mang theo đi, khanh hãy rời khỏi Vương Quốc của Trẫm.

Đức vua sau khi tẩn xuất Đại Thần Kāla ra khỏi Vương quốc rồi, Ngài cho gọi Junha đến phán hỏi rằng:

- Được nghe rằng khanh có được ý nghĩ như thế phải chăng?

- Tâu bệ hạ! Vâng.

- Lành thay! Lành thay, Trẫm rất hài lòng về khanh, Trẫm sẽ ban cho khanh ngôi vị Quốc Vương trong 7 ngày, khanh toàn quyền xuất cửa kho ra hành thí hạnh như Trẫm đã làm.

Đức vua Pasenadi giao vương quốc cho Đại Thần Junha trị vì 7 ngày. Rồi Đức vua đến trình lên Đức Thế Tôn việc làm của mình, bạch rằng: "Bạch Thế Tôn! Xin Ngài hãy nhìn thấy hậu quả xấu của kẻ cuồng si kia, y đã khinh thường sự tín thí của Trẫm cúng dường như thế đấy".

Đức Đạo Sư phán rằng:

- Thật vậy, này Đại Vương! Kẻ ngu không hoan hỷ với thí hạnh của kẻ khác, là người sẽ nhận lấy khổ cảnh sau này. Còn Bậc Đại trí có sự hoan hỷ thí hạnh của kẻ khác nên nhận được thiên giới sau này vậy.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Na ve kadariyā devalokaṃ vajanti,	*"Keo kiết không sanh thiên,*
Bālā have nappasaṃsanti dānaṃ;	*Kẻ ngu ghét bố thí,*
Dhīro ca dānaṃ anumodamāno,	*Người trí thích bố thí,*
Teneva so hoti sukhī parattha".	*Đời sau, được hưởng lạc".*

177. Đúng như vậy, người hà tiện không lên cảnh trời, kẻ cuồng si không tán dương đức quảng đại.

Người thiện trí hoan hỷ bố thí, do đó được hạnh phúc về sau.

☸

CHÚ GIẢI:

Kadariyā: Nghĩa là người có sự bỏn xẻn, rón rít. Người không biết lợi ích đời này và đời sau, gọi là ngu nhân.

Sukhī parattha: Nghĩa là Bậc trí khi thọ hưởng Thiên sản, gọi là người có sự an lạc về sau, vì chính do quả phước tuỳ hỷ về sự bố thí đó.

Dứt kệ ngôn, Đại Thần Junha chứng đắc Pháp Nhân. Pháp thoại mang lại lợi ích cho đại chúng như thế.

Đại Thần Junha đã cúng dường đến Đức Thế Tôn cùng chư Tăng trong cả 7 ngày như Đức vua Pasenadi thường làm.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Vua với dân thành gắng sức đua,
Trai Tăng làm phước chẳng ai thua.
Nhờ bà Mạt Lỵ bày mưu chước,
Dân chẳng làm hơ nổi Đức vua.
Trong lễ trai tăng bất nhị này,
Năm trăm voi, lọng hộ tăng thầy,
Thêm ban chiêu đãi dòng vương giả.
Vật thực, hương hoa cúng đủ đầy.
Dầu Vua thiết lễ tốn nhiều tiền
Phật chẳng khen theo lẽ tự nhiên,
Vì có Đại Thần không đắc ý,
Sợ ông vỡ sọ phải quy thiên.
Phật dạy: trai tăng phước thật nhiều,
Người tâm tuỳ hỷ cũng đồng siêu,
Kẻ ngu bón rít, không khen tặng
Lợi ích không cầu, họa hại chiêu!

DỨT TÍCH ĐẠI THÍ VÔ SONG

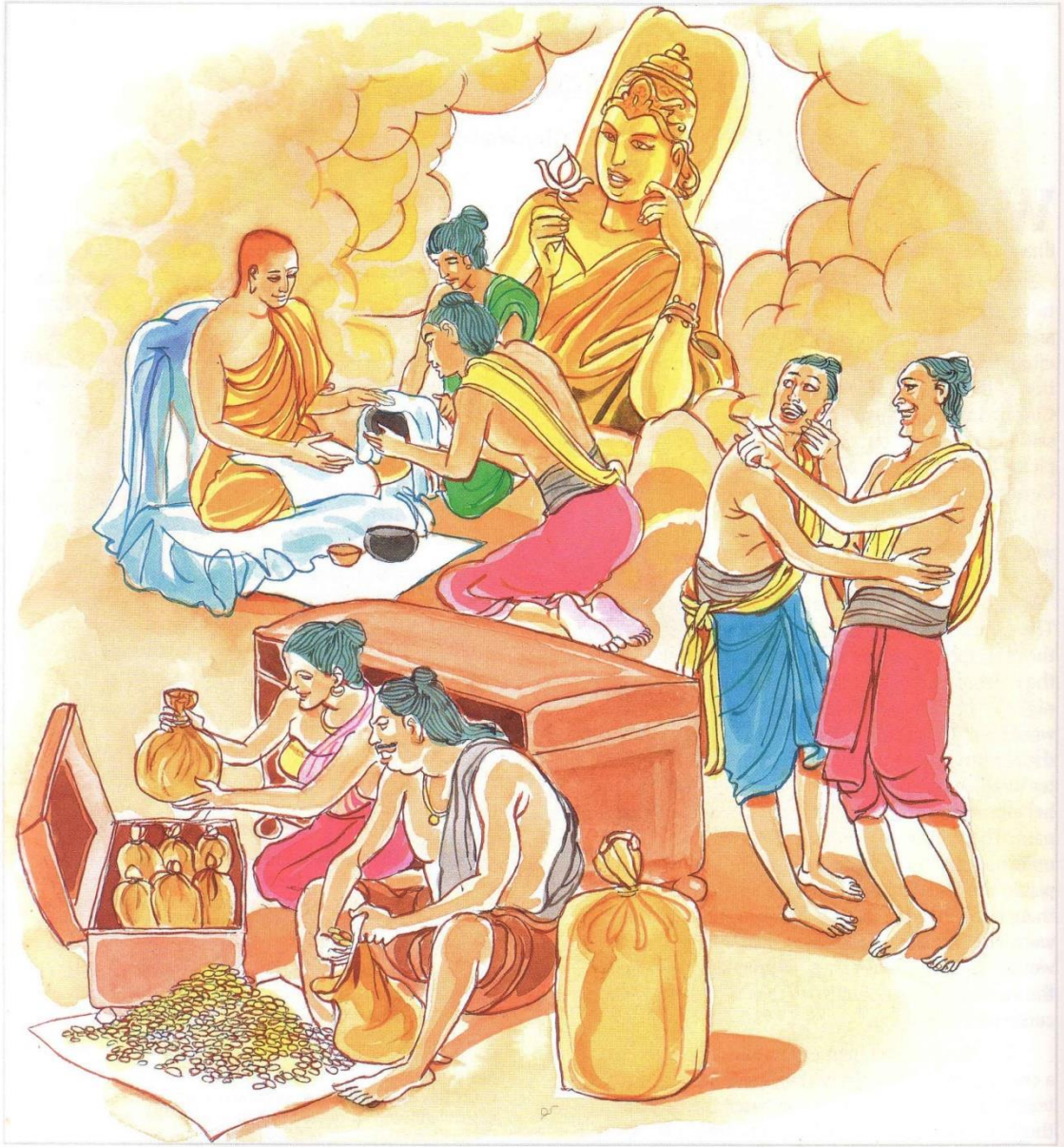

177. Người keo kiệt không bao giờ tán thán bố thí, vì vậy họ không bao giờ đi lên cõi Thiên.

XIII.11- CÔNG TỬ KĀLA

(Paṭhabyā ekarajjenāti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 178)

"Pathabyā ekarajjena,	***"Hơn thống lãnh cõi đất,***
Saggassa gamanena vā;	***Hơn được sanh cõi trời,***
Sabbalokādhipaccena,	***Hơn chủ trì vũ trụ,***
Sotāpattiphalaṃ varaṃ".	***Quả Dự Lưu tối thắng".***

Kệ ngôn Pháp Cú nầy được Đức Bổn Sư thuyết lên, khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến công tử Kāla, là con của Trưởng giả Anāthapiṇḍika.

Tương truyền rằng: Trưởng giả Anāthapiṇḍika là người viên mãn đức tin trong ân đức Tam Bảo, nhưng con trai ông là công tử Kāla lại không có niềm tin nơi Bậc Đạo Sư. Cậu không muốn gần gũi Đức Thế Tôn cũng như không muốn nghe Pháp nơi Ngài. Cậu không hài lòng khi thấy Bậc Đạo Sư ngự đến nhà, không muốn phục vụ Tăng chúng. Mặc dù Trưởng giả Anāthapiṇḍika nhiều phen khuyến dụ:

- Nầy Kāla! Con chớ nên như thế, hãy cung kính phục vụ Tăng đi.

Nhưng chàng vẫn cứ lơ là, Trưởng giả suy nghĩ:

- Con ta là Kāla nầy, mãi chấp giữ thành kiến sai lạc ấy, nó sẽ rơi vào địa ngục A Tỳ về sau thôi. Ta thấy con mình rơi vào khổ cảnh như thế, lại làm ngơ đi thì đó là điều không phải cho ta. Lẽ thường, chúng sanh không hoan hỷ với tài sản, không thỏa thích với tài sản, điều nầy không hề có đâu. Ta sẽ cải huấn lại tư kiến sai lạc của Kāla, cho nó trở lại chánh kiến bằng cách phủ dụ nó bằng tài vật.

Trưởng giả Anāthapiṇḍika nói với công tử Kāla rằng:

- Nầy con thân! Con hãy thọ trì Trai giới đi, hãy đến Tịnh xá nghe Pháp trọn đêm. Cha sẽ cho con 100 đồng vàng.

- Có thật thế chứ? Thưa cha.

- Nếu con làm được như thế, cha sẽ cho con ngay.

Công Tử Kāla nhận lời, vào ngày Trai giới, chàng đi đến Tịnh Xá, thọ trì trai giới. Nhưng chàng chẳng màng nghe Pháp, chỉ tìm chỗ ngủ cho thỏa thích, thoải mái, rồi khi trời rựng sáng, chàng từ Tịnh Xá trở về nhà. Trưởng giả hoan hỷ nói với chàng rằng:

- Con của ta đã thọ trì Giới hạnh trọn cả ngày đêm rồi, các ngươi hãy dọn những vật thực thượng vị cho con ta dùng nhanh đi.

Trưởng giả sai gia nhân dọn vật thực ngon ngọt thượng vị, gọi người mời Công Tử Kāla dùng sáng. Nhưng khi ngồi vào bàn, công tử không chịu dùng ngay, mà bảo với cha rằng:

- Thưa cha! Cha hứa cho con 100 đồng vàng, nếu con thọ trì Trai giới và nghe pháp trong Tịnh Xá của Đức Thế Tôn. Vậy cha hãy ban thưởng cho con đi.

- Nầy con! Con hãy dùng vật thực đi, cha sẽ cho con ngay món tiền ấy.

- Thưa cha! Nếu chưa được tiền thì con sẽ không dùng vật thực.

Thấy công tử kèo nài như thế, Trưởng giả cho mang tiền ra, bảo rằng:

"Nầy Kāla con! Vậy là 100 đồng vàng của con đấy".

Sau khi nhận được tiền rồi, Công Tử mới dùng vật thực. Hôm sau, Trưởng giả bảo với Công Tử rằng:

- Nầy Kāla con! Cha sẽ cho con ngàn đồng vàng, nếu con thuộc được một câu kệ của Đức Thế Tôn thuyết giảng, nếu con nghe Pháp từ nơi chính Ngài.

Công tử nghe vậy, chàng nhận lời đi đến Tịnh Xá Jetavana nghe Pháp với chú ý rằng: *"Ta chỉ cần học thuộc một câu kệ ngôn từ nơi Đức Thế Tôn rồi ta sẽ trở về".* Bậc Đạo Sư quán xét, thấy được duyên lành đạo quả của Kāla đã chín muồi, Ngài liền dùng Phật Lực khiến cho Công Tử thuộc được câu kệ ngôn, khi vừa ra khỏi Tịnh Xá thì chàng lại quên ngay. Chàng trở vào lại Tịnh Xá nghe Pháp để học thuộc câu kệ ngôn khác, rồi ra về, nhưng khi ra khỏi Tịnh Xá thì chàng lại quên mất. Lần thứ ba, chàng quyết tâm rằng:

"Ta sẽ trở lại nghe pháp, lần nầy ta cố nhớ cho thật kỹ, học thuộc rõ ràng câu Phật Ngôn rồi mới ra về".

Nhưng chàng đâu có hiểu rằng: Nghe với tâm như thế gọi là nghe pháp với sự tôn kính. Lẽ thường sự nghe Pháp với tâm tôn kính, tâm an tịnh như thế sẽ nhận được nhiều lợi ích, là tài sản của Bậc Thánh như Đạo Quả Dự Lưu…

Duyên lành của Kāla đã đến thời rực rỡ, trí tuệ của chàng được Pháp Bảo khai thông, nghe Pháp xong chàng chứng đắc Dự Lưu Quả.

Chàng trú lại Tịnh Xá suốt đêm, vào khi trời rạng sáng, chàng cung thỉnh Đức Thế Tôn và chư Tăng đến thọ trai tại nhà của mình.

Trưởng giả Anāthapiṇḍika trông thấy con mình trở về từ đằng xa, có Đức Phật và chư Tỳ khưu ngự đến đang dẫn đầu. Ông vô cùng hoan hỷ, nghĩ rằng:

"Hôm nay con ta đã làm một việc khiến ta rất hài lòng. Cử chỉ con ta hôm nay thật khác hẳn ngày thường".

Trưởng giả thân hành ra rước bát và cung thỉnh Đức Phật cùng chư Tăng ngự vào chỗ ngồi đã được soạn sẵn. Công tử thưa với cha rằng:

- Thưa cha! Hôm nay con cung thỉnh Đức Thế Tôn và chư Tăng đến thọ thực tại nhà chúng ta. Xin cha hãy hoan hỷ phước cùng con.

- Lành thay! Lành thay, nầy con.

Nhưng rồi chàng lại có sự hổ thẹn trong tâm rằng:

- Mong rằng cha ta đừng nhắc lại việc cho tiền ta trước mặt Đức Thế Tôn và chư Tăng. Mong cha ta giữ kín việc ta thọ giới Bát Quan chỉ vì 100 đồng vàng, và đi nghe Pháp chỉ vì món tiền 1000 đồng vàng.

Nhưng mọi việc ấy, Đức Thế Tôn đã thấu rõ ngọn ngành. Khi Trưởng giả cúng dường cháo đến Đức Thế Tôn cùng chư Tỳ khưu xong, ông bảo với Công Tử Kāla rằng:

- Nầy con! Con hãy dùng vật thực sáng đi. Món tiền 1000 đồng đang đặt trên bàn cho con đấy. Cha có hứa với con rằng: Khi con nghe Pháp từ Đức Thế Tôn, thuộc được một câu kệ ngôn của Ngài cha sẽ cho con ngàn đồng vàng. Đây là số tiền đó, nó đã thuộc về con.

Công Tử Kāla nghe cha nói như thế trước mặt Đức Thế Tôn, chàng hổ thẹn nói rằng:

- Thưa cha, giờ đây con không còn mong được tiền như thế nữa.

Mặc cho Trưởng giả nài ép nhiều lần, chàng cương quyết không nhận ngàn đồng vàng. Ngạc nhiên trước thái độ hy hữu ấy, Trưởng giả bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Hôm nay con rất hài lòng về tư cách của Kāla.

- Nầy Trưởng giả, chuyện chi thế?

- Bạch Thế Tôn! Hôm qua khi Kāla thọ trì giới Bát quan, trọn đêm trú trong Tịnh Xá, sáng trở về nhà, nếu chưa nhận được một trăm đồng thì không chịu dùng vật thực. Nhưng hôm nay, cả ngàn đồng vàng Kāla lại cương quyết khước từ.

- Thật vậy, nầy Trưởng giả! Hôm nay chính quả vị Dự Lưu mà Kāla chứng đạt được còn cao quý hơn ngôi Vua Chuyển Luân, hơn cả tài sản Chư Thiên, Phạm Thiên sản nữa.

Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

"Pathabyā ekarajjena,	*"Hơn thống lãnh cõi đất,*
Saggassa gamanena vā;	*Hơn được sanh cõi trời,*
Sabbalokādhipaccena,	*Hơn chủ trì vũ trụ,*
Sotāpattiphalaṃ varaṃ".	*Quả Dự Lưu tối thắng".*

178. Hơn quyền bá chủ trên quả địa cầu, hơn tài sản nơi Thiên giới, hơn quyền chúa tể của toàn thể vũ trụ, là quả bậc Nhập Lưu.

☸

CHÚ GIẢI:

Pathabyā ekarajjena: Tức là cao quý hơn ngôi vua Chuyển Luân.

Saggassa gamanena vā: Nghĩa là cao quý hơn 26 cõi trời.

Sabbalokādhipaccena: Nghĩa là cao quý hơn sự làm chúa tể trong thế gian, kể cả Long Vương, Kim Sí Điểu Vương…

Sotāpattiphalaṃ varaṃ: Nghĩa là dù cho Đức Vua tối thượng, thọ hưởng nhân sản như thế nào, cũng không thể thoát khỏi địa ngục.

Còn Bậc Tu Đà Hườn sát trừ được ba kiết sử, thì đoạn tận được bốn cảnh khổ. Dù có dễ duôi mấy, bậc Tu Đà Hườn cũng chẳng thọ sanh quá 7 kiếp. Vì thế quả Tu Đà Hườn cao tột hơn tất cả mọi tài sản thế gian nầy.

Dứt Pháp thoại, nhiều người chứng đạt quả như Tu Đà Hườn…

***

Dịch Giả Cẩn Đề

Muốn con thọ giới, phải cho tiền,
Để dụ con mình tạo phước duyên.
Công tử ham vàng, chăm thính pháp,
Đắc ngay sơ quả, được vui yên,
Từ nay, công tử hết ham vàng,
Cha cứ đem cho, thấy ngỡ ngàng,
Tài sản thánh nhân còn quý trọng
Hơn bao sự nghiệp của trần gian,
Phật dạy: làm Vua cõi thượng thiên,
Hoặc trên mặt đất nắm vương quyền,
Hoặc làm bá chủ trên tam giới,
Thì cũng không bằng quả tối tiên.

DỨT TÍCH CÔNG TỬ KĀLA

ꕥ

DỨT PHẨM THẾ GIAN – LOKA VAGGA

DỨT PHẨM 13

ꕥ

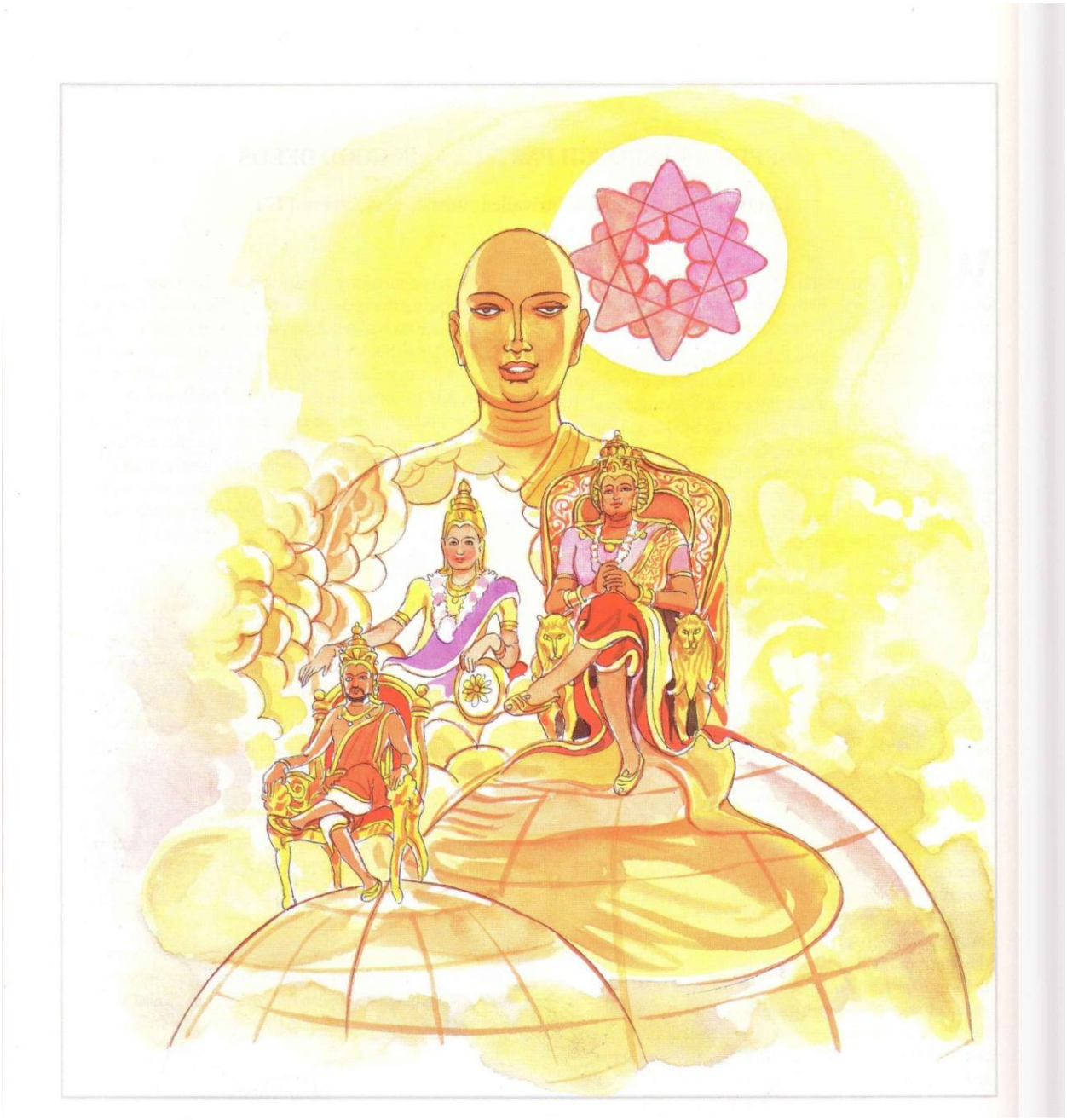

178. Đạt quả Dự lưu còn cao quý hơn nhiều so với sanh Thiên.

XIV. PHẨM PHẬT ĐÀ
(BUDDHA VAGGA)

- 16 bài kệ: Pháp cú 179-195

- 9 Tích truyện

☸

XIV.1- CON GÁI MA VƯƠNG

(Māradhītā)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 170-180)

179. "Yassa jitaṃ nāvajīyati,	***"Vị chiến thắng không bại,***
Jitaṃ yassa, no yāti koci loke.	***Vị bước đi trên đời,***
Taṃ buddhamanantagocaraṃ,	***Không dấu tích chiến thắng,***
Apadaṃ kena padena nessatha".	***Phật giới rộng mênh mông,***
	Ai dùng chân theo dõi
	Bậc không để dấu tích?".
180. "Yassa jālinī visattikā,	***"Ai giải tỏa lưới tham,***
Taṇhā natthi kuhiñci netave;	***Ái phược hết dắt dẫn,***
Taṃ buddhamanantagocaraṃ,	***Phật giới rộng mênh mông,***
Apadaṃ kena padena nessatha".	***Ai dùng chân theo dõi***
	Bậc không để dấu tích?".

Kệ Pháp Cú nầy Đức Thế Tôn thuyết lên khi Ngài vừa chứng ngộ Đạo Quả, Ngài ngồi dưới cội Bồ Đề, đề cập đến ba nàng Ma nữ là con gái của Ma Vương.

Được biết rằng: Trong kinh thành xứ Kuru, có Bà la môn tên là Māgandiyā. Ông có được một nàng con gái xinh đẹp, tên là Māgandiyā, với sắc đẹp kiêu sa lộng lẫy của nàng, rất nhiều Vương Tôn Công Tử, đã cho người đến cầu hôn nàng, nhưng Bà la môn Māgandiyā khước từ tất cả, với lời nói rằng:

- Các vị không xứng đáng với nhan sắc xinh đẹp của con gái tôi.

Một hôm, theo phong tục của Bà la môn, Māgandiyā đi đến đền thờ đền của mình. Bây giờ, theo thông lệ của chư Phật, vào khi trời hửng sáng, Đức Thế Tôn dùng Phật Tuệ quán sát thế gian, nhìn thấy hình ảnh Bà la môn Māgandiyā trong Phật trí. Ngài quán xét: *"Đây là do nhân nào?"*. Ngài thấy được duyên lành quả vị A Na Hàm của hai vợ chồng Māgandiyā.

Khi trời sáng, Đức Thế Tôn vận mặc y phục, tay cầm y bát ngự đến đền thờ Thần Lửa để tế độ vợ chồng Bà la môn Māgandiyā.

Bấy giờ, khi Bà la môn Māgandiyā vừa đến đền thờ Thần Lửa, ông nhìn thấy Phật tướng trang nghiêm, vô cùng đẹp với 32 Đại Nhân tướng hiển lộ, ông khởi lên sự suy nghĩ rằng:

- Trong thế gian, ta chưa từng thấy được ai có sắc diện thanh tú đẹp đẽ như vị Sa môn nầy. Vị nầy quả thật xứng đáng với sắc đẹp diễm kiều của con gái ta. Vậy ta hãy gả con gái của ta cho vị ấy vậy.

Thế rồi, ông Māgandiyā đi đến gần Đức Thế Tôn, nói rằng:

- Thưa ông Sa môn anh tuấn, tôi có được đứa con gái, tên là Māgandiyā, nó rất tuyệt mỹ, rất xứng đáng làm vợ Ngài. Tôi sẽ gã nó cho Ngài để nó được phụng sự Ngài. Ngài hãy đợi tôi nơi này, tôi sẽ dẫn nó đến đây.

Nghe y nói như thế, Bậc Đạo Sư không tán thán cũng không ngăn cản. Bà la môn Māgandiyā trở về nhà nói với vợ rằng:

- Nầy Bà ơi! Nay tôi trông thấy một người rất xứng đáng với con gái của mình. Chúng ta sẽ gả Māgandiyā cho người ấy.

Vợ chồng Bà la môn Māgandiyā bảo Māgandiyā trang điểm cực kì diễm lệ, rồi cùng nhau đi đến nơi ngự của Đức Bổn Sư, đại chúng hiếu kì cũng rủ nhau đến xem người mà Māgandiyā vừa tán tụng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn không đứng tại nơi ấy, Ngài để lại dấu chân để tế độ hai ông Bà la môn, rồi đi đến một nơi gần đó không xa mấy. Tương truyền rằng: Dấu chân chư Phật chỉ xuất hiện nơi mà Ngài chú nguyện rằng: *"Người nầy hãy nhìn thấy dấu chân Như Lai tại nơi nầy".* Rồi Ngài đạp xuống để lưu lại dấu chân, ngoài ra thì không hề lưu lại dấu chân Phật.

Khi hai vợ chồng Māgandiyā đi đến, không thấy Bậc Đạo Sư, người vợ hỏi chồng rằng:

- Nầy ông, người ấy đâu rồi?

- Tôi có dặn rằng: Ông hãy đứng chờ đợi nơi đây mà.

Bà la môn Māgandiyā nhìn quanh quất, chợt ông nhìn thấy dấu chân được lưu lại của Đức Thế Tôn, nên reo lên rằng:

- Đây rồi, dấu chân nầy của người ấy, người ấy đã để dấu lại cho chúng ta đây.

Vợ Māgandiyā là người tinh tường về khoa chiêm tướng, quan sát dấu chân Phật rồi, bà nói với chồng rằng:

- Ông ơi! Việc mà ông định gả Māgandiyā cho người nầy, không có được đâu, vì đây là dấu chân của người không còn thọ hưởng dục.

- Nầy bà, sự hiểu biết về khoa chiêm tướng của bà, ví như cá lội trong lu nước mà thôi. Chính tôi đã nói với vị Sa môn ấy rằng: Tôi sẽ đem con gái mình gã cho Ngài. Vị ấy đã im lặng nhận lời rồi kia mà.

- Thưa ông! Tuy ông đã nói như thế, nhưng đây chính là dấu chân của Bậc đã đoạn lìa phiền não rồi.

Bà ngâm tiếp kệ ngôn rằng:

"Người ái dục với nhiều phiền não thì dấu chân lõm vào giữa. Người nhiều sân hận thì dấu chân nặng về gót. Người tham ái thì dấu chân thiên nặng về đầu ngón

chân. Người có bàn chân bằng phẳng như thế nầy, là người đã chấm dứt phiền não rồi".

Thôi đi bà, bà chớ có ồn ào như thế. Chúng ta sẽ tìm thấy vị Sa môn anh tuấn kia thôi.

Hai vợ chồng Bà la môn Māgandiyā đi tìm, thấy được Bậc Đạo Sư ông liền chỉ cho vợ thấy rằng:

- Nầy bà, đây chính là vị Sa môn mà tôi đã nói đấy.

Ông đi đến đảnh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, thưa rằng:

- Thưa vị Sa môn! Tôi sẽ gả con gái chúng tôi cho Ngài. Đây là con gái tôi, có tên là Māgandiyā.

Khi ấy, Đấng Như Lai không nói rằng: *"Như Lai đâu có cần đến con gái ngươi".* Ngài lại phán dạy Bà la môn ấy thế nầy:

- Nầy ông Bà la môn! Như Lai sẽ nói với ông điều như vầy, ông có chịu nghe chăng?

- Vâng, thưa ông Đại Sa môn.

Đức Thế Tôn liền thuật lại câu chuyện từ khi Ngài rời Hoàng Cung Kapilavatthu ra đi tìm đạo giải thoát, cho đến khi Ngài thắng phục được Ma nữ, tóm tắt câu chuyện như sau:

Đức Đại Bồ Tát từ bỏ Vương vị, lên ngựa Kanthaka có chàng hầu cận trung tín là Channa làm bạn đồng hành, Ngài ra đi xuất gia tìm đạo giải thoát khổ. Bấy giờ, Ma Vương đứng tại cổng Hoàng Thành khuyến dụ Đấng Đại Hùng rằng:

- Nầy Siddhattha! Ngươi hãy quay trở lại đi, kể từ hôm nay trở đi, sau 7 ngày nữa ngươi sẽ là vị Vua Chuyển Luân Vương, những Bảo vật của Đức Vua Chuyển Luân như Thiên báu luân, Tượng báu, Mã báu, Ngọc báu, Nữ báu, Cư sĩ báu và Tướng quân báu sẽ xuất hiện cho ngươi đây.

- Nầy Ma Vương! Ta cũng vẫn rõ biết sẽ có những báu vật ấy, nhưng ta có cần chi những báu vật ấy. Ta cần đạo giải thoát mà thôi.

- Nếu vậy, ngươi ra đi xuất gia như thế, có ích lợi gì cho ngươi?

- Ta xuất gia để trở thành bậc Toàn Giác Vô Thượng, nhằm cứu vớt chúng sanh khỏi khổ.

- Nếu vậy, từ hôm nay trở đi, ta sẽ theo dõi ngươi. Nếu ngươi khởi lên tầm cầu một trong ba loại tầm cầu như dục tầm… ta sẽ có cách đối phó với ngươi vậy.

Kể từ hôm ấy, Ma vương luôn theo dõi tâm Bồ Tát để tìm sơ hở của Ngài, hòng bắt lỗi Đấng Đại Hùng. Trọn cả 6 năm dài như thế, y không thể tìm được lỗi lầm dù chỉ là chút ít của Ngài. Sau 6 năm tinh cần khổ hạnh, Ngài đã ép xác quá mức trong khổ hạnh, nhưng không thể chứng đạt Đạo Quả Giải Thoát. Thế rồi, nhân nghe được tiếng thiên cầm ba dây: Căng quá dây đàn sẽ đứt, chùn quá thì âm thanh không thể du dương đúng điệu hòa âm thù diệu hòa hợp với nhau. Ngài từ bỏ hai cực đoan là khổ hạnh và lợi dưỡng, thực hành theo Trung đạo.

Dưới cội Bồ Đề, sau khi chiến thắng Ma Vương cùng binh tướng, trong đêm rằm tháng Vesak, Ngài chứng đạt Vô Thượng Chánh Đẳng Giác quả vị. Ngồi dưới cội Bồ Đề an hưởng hạnh phúc giải thoát.

Vào tuần lễ thứ năm, Ngài ngự đến cội cây Ajapālanigrodha, khi ấy Ma Vương đang sầu khổ ngồi ven đường, vạch lên 16 vạch so sánh sự thua kém của mình với Đức Đại Giác. Ma Vương suy nghĩ:

- Bấy lâu nay, ta hằng theo dõi Siddhattha để tìm lỗi y, nhưng không tìm được lỗi lầm nào cả. Nay y đã thoát ra khỏi quyền lực của ta rồi.

Bấy giờ, ba nàng Thiên Nữ là con gái của Ma Vương, thấy vắng cha, các cô tìm gặp Ma Vương, suy nghĩ rằng:

- Vương Phụ của Ta đang trú nơi nào nhỉ?

Ba Thiên Nữ thấy cha mình đang ngồi bên vệ đường, đi đến bạch hỏi rằng:

"Thưa cha! Vì sao cha lại sầu não như thế?".

Ma Vương tường thuật lại câu chuyện cho ba nàng Thiên Nữ ấy nghe. Các nàng nói với Ma Vương rằng:

- Thưa cha! Cha chớ nên sầu não nữa, chúng con sẽ làm cho Siddhattha ở trong quyền lực của chúng con, rồi sẽ dẫn về cho cha.

- Nầy các con! Không một ai trong thế gian nầy còn có thể làm cho vị ấy rơi vào quyền lực được nữa đâu.

- Thưa cha! Chúng con là nữ nhân, chúng con sẽ quyến rũ y vào cạm bẫy ái dục, luyến ái… Rồi chúng con sẽ dẫn y về cho cha. Xin cha đừng bận lòng, khi cha có được các người con đầy quyền lực như chúng con.

Ba nàng Thiên Nữ ấy có tên là Tanha, Aratī và Hāgā. Sau khi từ giã Ma Vương, ba nàng đi đến cội cây Ajapālanigrodha, đảnh lễ Đức Thế Tôn rồi thưa rằng:

- Kính bạch Bậc Đại Sĩ! Chúng em sẽ phục vụ Ngài.

Đức Thế Tôn lặng yên, nhắm mắt, Ngài chẳng đoái hoài gì đến các Thiên Ma Nữ ấy. Các Ma nữ suy nghĩ: *"Nam nhân thường có sự yêu thích sai biệt, một số ái luyến những nữ nhân mới lớn, một số thì thương yêu những góa phụ một con, trung niên, còn số khác thì ưa chuộng những sương phụ lớn tuổi. Thế thì, chúng ta sẽ quyến rũ y bằng nhiều hình tướng nữ nhân, bằng nhiều cách khêu gợi dục cảm nơi y".*

Ba nàng Thiên Ma Nữ ấy hóa thân thành hàng ngàn cách, từ những thiếu nữ còn xuân, sương phụ một con, hai con, cho đến hạng tuổi trung niên… đi đến yết kiến Đức Thế Tôn, thưa rằng:

- Kính thưa bậc Đại Sĩ! Chúng tôi đến phục vụ Ngài đây.

Cả sáu lần như thế, nhưng Đức Thế Tôn chẳng màng đến lời của ba Thiên Nữ, tâm Ngài đang hướng đến pháp tận diệt mọi phiền não ái vi tế tiềm hiện. Rồi Ngài phán với các Ma Nữ rằng:

- Các ngươi hãy đi đi, các ngươi tìm được lợi ích gì mà cố gắng làm như thế chứ. Việc làm của các ngươi chỉ có thể quyến rũ được người còn ái dục thôi. Như Lai đã

tận diệt mọi tham ái phiền não rồi. Các ngươi mong Như Lai rơi vào quyền lực của các ngươi do nhân nào được chứ.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

179. "Yassa jitaṃ nāvajīyati, Jitaṃ yassa, no yāti koci loke. Taṃ buddhamanantagocaraṃ, Apadaṃ kena padena nessatha".	*"Vị chiến thắng không bại,* *Vị bước đi trên đời,* *Không dấu tích chiến thắng,* *Phật giới rộng mênh mông,* *Ai dùng chân theo dõi* *Bậc không để dấu tích?".*
180. "Yassa jālinī visattikā, Taṇhā natthi kuhiñci netave; Taṃ buddhamanantagocaraṃ, Apadaṃ kena padena nessatha".	*"Ai giải tỏa lưới tham,* *Ái phược hết dắt dẫn,* *Phật giới rộng mênh mông,* *Ai dùng chân theo dõi* *Bậc không để dấu tích?".*

179. Người mà cuộc chinh phục (dục vọng) không thể thất bại trên thế gian nầy, không (dục vọng nào) đã bị khắc phục còn theo người ấy. Oai lực của vị Phật không dấu vết ấy thật vô cùng tận. Ngươi sẽ dẫn dắt Ngài bằng đường lối nào?

180. Người không còn bị ái dục, hỗn tạp và rối ren dẫn dắt đến kiếp sống nào. Oai lực của vị Phật không dấu vết ấy thực vô cùng tận. Ngươi sẽ dẫn dắt Ngài bằng đường lối nào?

CHÚ GIẢI:

Yassa jitaṃ nāvajīyati: Nghĩa là bản chất phiền não dư ái… mà Đức Chánh Đẳng Giác đã chinh phục bằng Đạo Tuệ rồi, Ngài không còn trở lui lại, tức là đã chinh phục rồi thì không còn điều ác nào khởi lên được do nương vào phóng dật.

No yāti (tách thành: No+uyyāti) là không theo đuổi.

Giải rằng: Các phiền não như ái… dù là chút ít trong đời, cũng không hề có được ở phía sau, tức là phiền não mà bậc Chánh Đẳng Giác đã diệt trừ rồi, sẽ không còn được bậc ấy theo đuổi nữa.

Anantagocaraṃ: Nghĩa là bậc có cảnh giới vô tận bằng khả năng của bậc Toàn Giác, có cảnh giới vô tận.

Hai câu: Kena padena… nghĩa là: Các dấu vết như ái… dù chỉ là chút ít cũng không hề có đối với vị Chánh Đẳng Giác. Các ngươi sẽ dùng dấu vết gì để quyến rũ vị ấy được?

Phân tích kệ ngôn thứ hai: Gọi là ái, tức là jālinī (lưới dệt) vì nhận thấy rằng: Ái được so sánh như tấm lưới, bởi ý nghĩa bao trùm, cột, trói chặt. Gọi là Visattikā vì có đặc tánh là thường dẫn đi trong các cảnh như sắc, thinh, vị, hương… được so sánh như vật thực độc, như hoa độc, như trái cây độc, như vật dụng tẩm chất độc.

Giải rằng: Ái như thế không thể có đối với vị Phật, để có thể đưa Ngài đi vào cảnh giới nào khác được cả. Các ngươi sẽ dùng dấu vết, vết tích nào đối với vị Phật ấy được?

Dứt kệ ngôn, nhiều vị Chư Thiên giác ngộ Pháp nhãn. Ba nàng Thiên Ma Nữ biến mất tại chỗ.

Sau khi thuyết lên Pháp thoại nầy xong, Bậc Đạo Sư phán dạy Bà la môn Māgandiyā rằng:

- Nầy Māgandiyā! Thời trước Như Lai đã trông thấy thân của Ba Ma Nữ như vàng ròng tinh anh sáng ngời, không có sự uế nhiễm như mật, đàm, mủ… dù là như thế, trong thời ấy Như Lai cũng không hề có sự thỏa thích trong dâm pháp, huống hồ chỉ thân xác của con người đầy rẫy 32 thể trược, như túi da chứa đựng những trược chất phân, nước tiểu… được trang điểm xinh đẹp bên ngoài. Con người dù có nằm trước ngưỡng cửa, chân Ta dù có bẩn chăng nữa, Ta cũng không hề có ý muốn dẫm chân lên, đụng vào người của nàng ấy.

Nói rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn:

"Sự thỏa thích trong dâm pháp không hề có, cho dù đó là nàng Tanhā, nàng Aratī, nàng Rāgā. Còn xác thân con người chứa đựng đầy phân và nước tiểu. Làm thế nào ta có sự thỏa thích trong dâm pháp được. Thậm chí chân của ta còn chẳng hề muốn đụng vào thân nàng ta nữa là".

Dứt là , hai ông bà Māgandiyā đắc quả A Na Hàm.

Dịch Giả Cẩn Đề

Vào thất thứ năm, đức Phật đà,
Đang ngồi tịnh tọa gốc cây đa,
Bỗng nhiên ma nữ, ba nàng đến,
Quyết bắt Ngài về nạp mạng cha.
Không ngờ ái dục Phật trừ rồi,
Nữ sắc đâu còn sức cuốn lôi,
Ma quái chỉ toàn là ảo ảnh,
Đàn bà cũng xác chứa tanh hôi!
Nghe pháp, vợ chồng đắc Bất lai,
Nhưng cô gái đẹp bị chê bai,
Tức mình, từ đó sanh thù hận
Sau gặp dịp thuê kẻ mắng Ngài.

DỨT TÍCH CON GÁI MA VƯƠNG

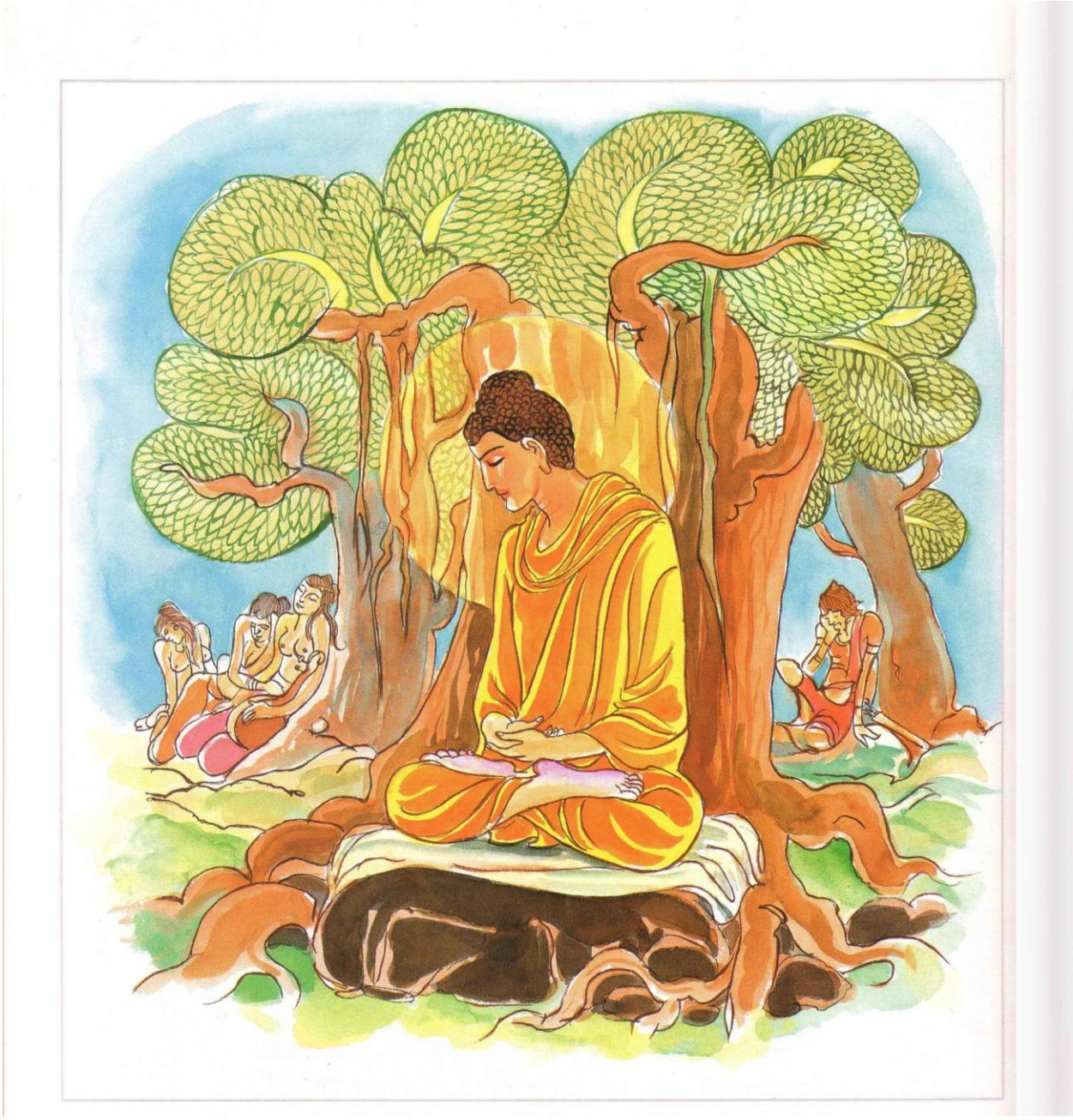

179. Sự chiến thắng của Phật quả là chiến thắng viên mãn, không thể đảo ngược lại và không ai phá hoại được cả.

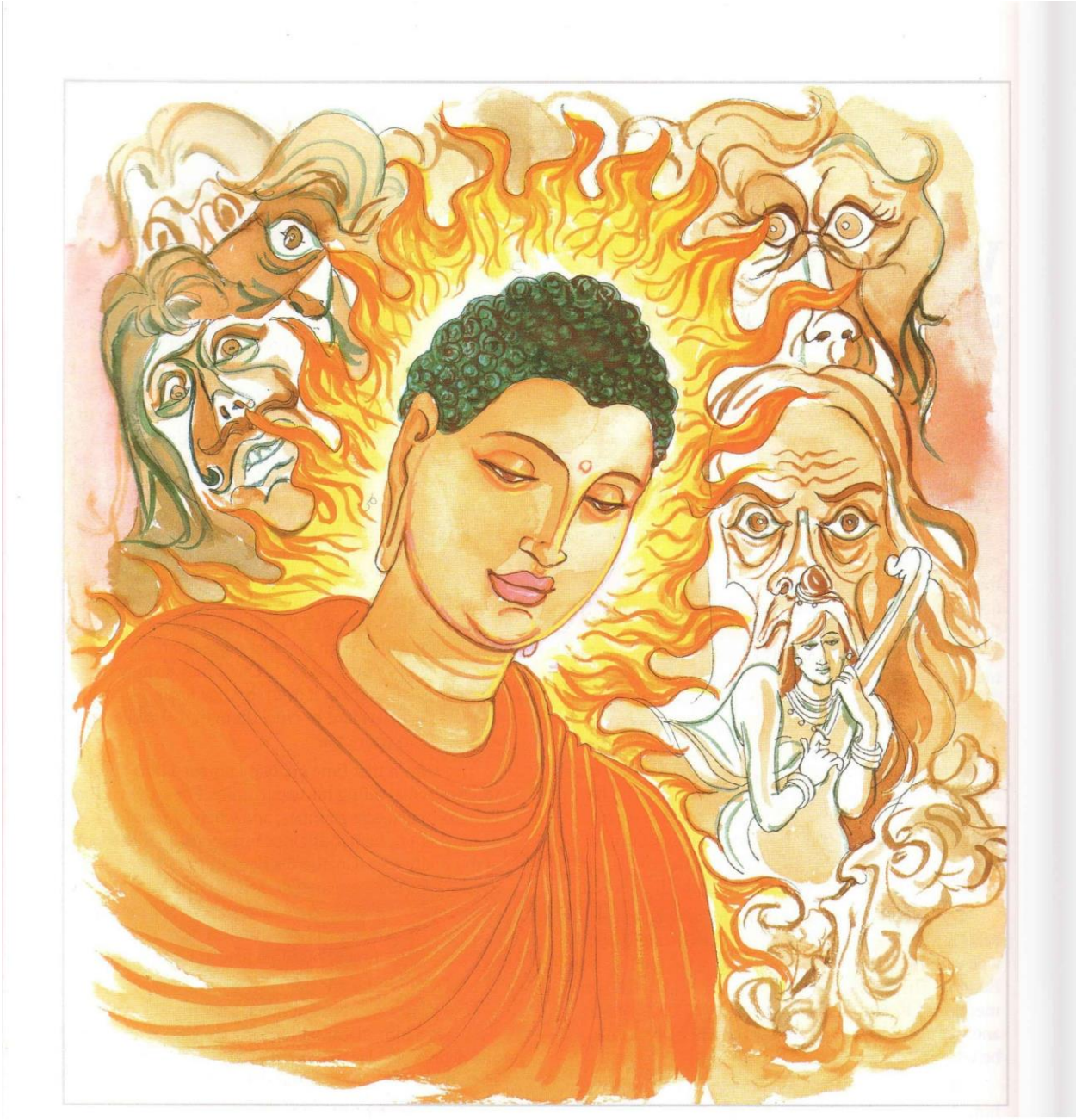

180. Khi đạt Phật quả (giác ngộ) mọi tham ái đều tiêu vong. Không còn lưới giăng cũng không còn ai bị mắc lưới nữa.

XIV.2- THỂ HIỆN SONG THÔNG NHIẾP NGOẠI ĐẠO

(Yamakapaṭihāriyavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 181)

"Ye jhānapasutā dhīrā,	***"Người trí chuyên thiền định,***
Nekkhammūpasame ratā;	***Thích an tịnh viễn ly,***
Devāpi tesaṃ pihayanti,	***Chư Thiên đều ái kính,***
Sambuddhānaṃ satīmataṃ".	***Bậc chánh giác, chánh niệm".***

Kệ Pháp Cú nầy được Đức Bổn Sư thuyết lên, khi Ngài trú tại thành Sankassa, đề cập đến nhiều vị Chư Thiên và nhân loại tại cửa thành Sankassa.

Một thời, có vị Trưởng giả trong thành Rājagaha, ông ta cho giăng lưới có hình như chiếc chai bể, để giữ an toàn khu vực tắm riêng mình và giữ lại những đồ vật do vô ý làm rớt xuống nước bị trôi đi như là: y phục… chẳng hạn.

Một hôm, khi đi tắm sông, ông bỗng trông thấy một khúc gỗ trầm hương đỏ trôi tấp vào lưới giăng và mắc vào đó. Nguyên trên thượng lưu sông Gangā, có một cây Trầm hương mọc dựa mé thượng nguồn, dần dần nước xoáy gốc trầm hương, cây trầm hương ngã xuống, một đoạn trầm có vòng tròn bằng cái nồi rơi trên một tảng đá, bị đá cắt dần rồi đứt ra, sóng đánh vào và rút dần ra, khúc trầm ấy rơi vào dòng sông Gangā, xuôi theo dòng nước trôi xuống miền hạ lưu sông, dính mắc vào lưới của Trưởng giả ấy. Vị Trưởng giả hỏi tùy tùng rằng: *"Cái gì thế?"*.

Khi biết là khúc lõi trầm hương. Ông cho mang lên, quán sát biết đây là loại trầm hương đỏ quý giá. Trưởng giả nầy chẳng phải là người có chánh kiến, cũng không rơi vào tà kiến của ngoại giáo. Ông ta không theo một đạo giáo nào cả, khi nhặt được khúc gỗ trầm quý giá đó, ông khởi lên sự suy nghĩ rằng:

- Loại trầm hương đỏ nầy, nơi gia tộc ta có nhiều. Ta cần thiết chi đến loại trầm hương nầy.

Rồi ông lại khởi lên ý tưởng rằng: *"Hiện nay trong thành Rājagaha có nhiều người tự xưng mình là bậc A La Hán. Riêng ta thì chẳng biết giáo phái nào có được vị A La Hán. Vậy ta hãy cho tiện khúc gỗ trầm nầy làm thành bát, treo giữa hư không cao khoảng 60 hắc tay (30m), cho rao truyền rằng: Bậc nào là Thánh A La Hán thì hãy bay lên nhận lấy bát ấy. Người nào nhận được bát bằng thần thông lực thì ta cùng với vợ con sẽ theo người ấy"*.

Ông cho tiện khúc gỗ trầm hương đỏ thành cái bát, rồi thực hành theo ý tưởng của mình, xong rồi cho gia nhân đánh trống rao truyền khắp kinh thành Rājagaha rằng:

"Trong thế gian nầy, bậc nào là A La Hán, vị ấy hãy đến nhận lấy bát này đi".

Nghe được tin ấy, cả Giáo chủ của sáu ngoại đạo, cho người đến thảo luận riêng với Trưởng giả ấy rằng:

- Nầy Trưởng giả, cái bát ấy rất xứng đáng với Giáo chủ của chúng tôi, ông hãy dâng bát ấy đến Giáo chủ chúng tôi đi.

- Thưa các Ngài! Giáo chủ của Ngài hãy dùng thần thông bay lên lấy bát ấy đi.

Ông đã từ khước dâng bát bằng cách như vậy. Đến ngày thứ sáu, Giáo chủ ngoại đạo Nigantha là Niganthanātapliputta bày mưu cùng các đệ tử rằng:

- Các con hãy đến tán dương oai đức của ta với Trưởng giả ấy, rằng: *"Bát trầm nầy xứng đáng với Giáo chủ của chúng tôi, ông chớ vì cái bát có giá trị nhỏ mọn nầy mà để Giáo chủ chúng tôi phải hiển lộ thần thông như thế"*.

Nhóm đệ tử Nigantha làm theo lời thầy dạy, nhưng vị Trưởng giả đã trả lời rằng:

- Người nào có khả năng thần thông, hãy bay lên hư không mà nhận bát ấy.

Rồi Nātapliputta bàn với đệ tử rằng:

- Khi ta đưa tay chân lên, giả vờ như muốn bay đi lấy bát, các con hãy ôm ta lại, thưa rằng: *"Thưa thầy! Thầy làm chi như thế, xin thầy đừng phô diễn khả năng thượng pháp của bậc A La Hán, chỉ vì cái bát có giá trị nhỏ nhoi như vầy"*. Rồi nắm lấy tay, chân của ta xuống.

Xong rồi, Giáo chủ Niganthanātapliputta đi đến Trưởng giả nói:

- Nầy Đại Trưởng giả! Bát trầm nầy chỉ xứng đáng với ta, chẳng xứng đáng với ai khác đâu. Ông chớ nên vui thích sự bay lên không trung của ta chỉ vì nguyên nhân cái bát có giá trị nhỏ nhoi nầy. Ông hãy dâng bát ấy đến ta đi.

- Thưa Ngài, nếu Ngài cần thì Ngài hãy bay lên lấy bát ấy đi.

- Nếu thế thì, ông hãy xem đây.

Niganthanātapliputta giả vờ đưa cao chân tay, như muốn thi triển thần thông bay đi lấy bát, chúng đệ tử Niganthanātapliputta lập tức chạy đến, nắm lấy tay chân của y, nói rằng:

- Thưa thầy, thầy làm chi thế? Có ích lợi chi cho thầy khi phải phô diễn thần thông lực với Đại chúng chỉ vì cái bát nhỏ nhoi nầy chứ.

Rồi họ kéo tay chân của Niganthanātapliputta xuống. Khi ấy, y nói với Trưởng giả rằng:

- Nầy Đại Trưởng giả! Các đệ tử của ta không cho ta phô diễn thần thông. Vậy ông hãy cho ta cái bát trầm ấy đi.

- Thưa Ngài, nếu muốn bát ấy, thì Ngài hãy cứ bay lên lấy vậy.

Bọn ngoại đạo dù cho cố dùng đủ mọi phương cách, thủ thuật như thế cũng không lấy được bát. Vào sáng ngày thứ bảy, Tôn giả Moggallāna cùng Tôn giả Pindolabhāradvāja, hai vị trú ở tảng đá đen (kālanilā) nơi ngoại thành Rājagaha cùng đi vào thành Rājagaha khất thực. Hai Ngài nghe đại chúng bàn luận cùng nhau rằng:

- Trưởng giả cho treo bát cao khoảng 60 hắc tay, loan báo rằng: Vị nào là Thánh A La Hán hãy đến nhận lấy bát ấy. Nhưng đã bảy ngày rồi chẳng có ai lấy được bát ấy cả. Chẳng lẽ trong thế gian nầy không có bậc A La Hán sao nhỉ?

- Lại nữa, thời trước cả 6 vị Giáo chủ danh tiếng, tự xưng là bậc A La Hán trong thế gian, thế mà cũng không thể dùng thần thông bay lên để lấy bát trầm ấy. Cả thời gian bảy ngày trôi qua như thế, không có ai phô diễn năng lực của Bậc A La Hán cho chúng ta được mục kích. Như thế, hôm nay chúng ta biết rằng: Trong thế gian nầy không có bậc A La Hán đâu.

Nghe vậy, Tôn giả Moggallāna hỏi Tôn giả Pindolabhāradvāja:

- Nầy Hiền giả! Hiền giả có nghe sự bàn luận của chúng dân trong thành Rājagaha chăng?

- Thưa Hiền giả! Tôi có nghe.

- Nầy Hiền giả! Họ đã khích bác Phật Giáo. Hiền giả là người có thần thông lực, hãy bay lên nhận bát ấy và làm loạn nghi đại chúng đi, mang lại niềm tin cho những ai chưa tín ngưỡng, làm tăng trưởng niềm tin cho người đã có đức tin.

- Thưa Hiền giả! Hiền giả là bậc được Đức Thế Tôn ban cho danh hiệu là Tối thắng đệ nhất về thần thông. Xin Hiền giả hãy đi lấy bát ấy đi. Nếu Hiền giả không đi lấy thì tôi sẽ đi lấy vậy, vì đó là phận sự của tôi.

- Nầy Hiền giả Pindolabhāradvāja! Hiền giả hãy lấy bát ấy đi.

Được tôn giả Moggallāna cho phép, Tôn giả Pindolabhāradvāja nhập vào Tứ Thiền, ước nguyện thi triển thần thông, khi xả thiền Ngài dùng hai ngón chân kẹp lấy một tảng đá lớn khoảng 3 gāvuta, bay lên hư không như người ta kẹp lấy mảnh bông gòn, Tôn giả bay quanh kinh thành bảy vòng. Tảng đá như cái lọng lớn che kín một vùng kinh thành khoảng 7 gāvuta. Thị dân kinh hoàng rằng: *"Tảng đá sẽ rớt đè chúng tôi"*. Họ tìm lấy thúng, nia… để che trên đầu, thấy chúng dân kinh hoàng, Tôn giả Pindolabhāradvāja hiện rõ thân, Ngài vẫn kẹp chặt tảng đá trong hai ngón chân. Đại chúng thấy được Tôn giả, liền kêu lên rằng:

- Thưa Tôn giả Pindolabhāradvāja! Ngài giữ chặt lấy tảng đá ấy, đừng để rơi xuống đè chết chúng tôi.

Tôn Giả Pindolabhāradvāja thấy chúng dân kinh hoàng như thế, Ngài vận thần thông đưa tảng đá trở về nơi cũ, rồi bay đến lấy bát trầm đang treo cao 60 hắc tay ấy. Vị Trưởng giả mục kích được cảnh tượng hy hữu, đúng theo nguyện vọng của mình, ông đi đến đảnh lễ Tôn Giả Pindolabhāradvāja, rước bát trầm ấy và bạch:

- Xin thỉnh Ngài hãy ngự vào nhà của con.

Khi Tôn Giả ngự vào nhà của Trưởng giả, ngồi lên chỗ ngồi đã được soạn sẵn, Trưởng giả cho đặt vào bát trầm ấy bốn loại vật thực có đầy đủ hương vị tối thắng, cúng dường đến Tôn Giả. Tôn giả thọ lãnh xong rồi, trở ra hướng về Tịnh Xá Jetavana.

Khi ấy, có những người dân phải ra ngoại thành làm việc trong rừng, hay đồng ruộng, trở về nghe thị dân tán dương và thuật lại cảnh tượng hy hữu ấy. Những người không có duyên mục kích hiện cảnh thần thông lực của Tôn Giả, đã hội lại với nhau, đến bạch xin Trưởng Lão hãy thi triển thần thông như ban sáng, rằng:

- Xin Ngài hãy thể hiện thần thông cho chúng tôi xem đi.

Tôn Giả Pindolabhāradvāja đành phải thi triển lại thông lực như ban sáng để làm lắng yên sự náo động của nhóm người ấy. Đức Thế Tôn nghe được tiến ồn ào náo nhiệt của nhóm người hiếu kỳ ấy, Ngài phán hỏi Đại Đức Ānanda rằng:

- Nầy Ānanda! Tiếng ồn ào náo nhiệt ấy là do nhân chi thế?

Đại Đức Ānanda thuật lại mọi sự việc, khi biết được rằng: *"Bạch Thế Tôn! Đó là tiếng thỉnh cầu của Đại chúng, thỉnh Tôn Giả Pindolabhāradvāja thi triển lại thần thông như ban sáng".*

Đức Thế Tôn cho gọi Tôn giả Pindolabhāradvāja đến, hỏi rằng:

- Nầy Bhāradvāja! Có thật chăng, được nghe rằng ngươi đã làm như thế, như thế?

- Bạch Thế Tôn! Có thật như vậy.

- Nầy Bhāradvāja! Tại sao ngươi lại làm như thế, tại sao ngươi lại phô diễn năng lực Thượng nhân pháp chỉ vì cái bát trầm có giá trị nhỏ nhoi nầy.

Sau khi khiển trách Tôn Giả Pindola xong, Ngài thuyết pháp thoại, rồi dạy đập bỏ bát trầm ấy, tán nhuyễn ra dùng làm thuốc nhỏ mắt. Do nhân đó, duyên đó Bậc Đạo Sư chế định học giới cấm Tỳ khưu không được phô diễn thần thông lực.

Bọn ngoại giáo được tin rằng: *"Sa môn Gotama cho đập bỏ bát trầm, tán nhuyễn dùng làm thuốc nhỏ mắt, rồi chế định học giới, không cho Tỳ khưu phô diễn thần thông".* Chúng liền đi rao truyền trong kinh thành rằng:

- Chúng ta gìn giữ Pháp của mình, nên mới không phô diễn năng lực bậc A La Hán chỉ vì bát trầm có giá trị nhỏ nhoi như thế. Sa môn Gotama đã cấm chế đệ tử mình dùng thần thông, vậy thì giờ đây chúng ta sẽ thi triển thần thông đấu với Sa môn Gotama vậy.

Bọn ngoại đạo biết được rằng: *"Các đệ tử của Đức Thế Tôn, khi Ngài chế định học giới rồi, dù có chết các Ngài cũng chẳng hề vi phạm, luôn bảo vệ học giới"*. Nên chúng bảo nhau: *"Chúng ta đã có cơ hội làm giảm uy danh của Sa môn Gotama rồi",* do vậy chúng mới trân tráo lên tiếng thách thức, thi đấu thần thông như vậy. Nghe bọn ngoại đạo tuyên bố như thế, Đức Vua Bimbisāra lo lắng, Ngài đi đến Tịnh Xá Veḷuvana bạch hỏi với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Được biết rằng Ngài chế định học giới cho chư Tỳ khưu: Không được thi triển, phô diễn năng lực thần thông phải chăng?

- Thật như thế, nầy Đại Vương.

- Hiện nay bọn ngoại giáo đã tuyên bố rằng: chúng sẽ thi triển thần thông để đấu với Ngài. Giờ đây Đức Thế Tôn phải làm sao?

- Nếu bọn ngoại đạo muốn dùng thần thông đấu với Như Lai, Như Lai sẽ thể hiện thần thông.

- Bạch Thế Tôn! Có phải Ngài đã chế định học giới ấy rồi?

- Nầy Đại Vương! Thật vậy Như Lai chế định học giới cho đệ tử Như Lai, chứ chẳng phải chế định học giới ấy cho mình.

- Bạch Thế Tôn! Điều học Ngài chế định chỉ cho riêng đệ tử Ngài, chứ riêng Ngài thì không bỏ cuộc trong học giới ấy sao?

- Nầy Đại Vương! Như Lai sẽ hỏi Đại Vương về vấn đề nầy. Nầy Đại Vương! Vườn Thượng Uyển của Hoàng gia trong thành nầy có chăng?

- Bạch Thế Tôn có!

- Đại Vương có ra lịnh: Người ngoài vào vườn hái hoa quả, người ấy sẽ bị hình phạt chăng?

- Bạch Thế Tôn có!

- Nếu người khác vi phạm đi vào vườn Thượng Uyển hái trái, hái hoa thì Đại vương sẽ làm sao?

- Bạch Ngài! Trẫm sẽ trừng phạt kẻ ấy, vì đã sai lịnh của Trẫm.

- Nầy Đại Vương! Nếu như Đại Vương vào vườn Thượng Uyển hái lấy những quả chín như xoài… để dùng, thì Ngài có phạm tội chăng?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Vì sao vậy, nầy Đại Vương khi Ngài ra lịnh: Không ai được vào vườn Thượng Uyển hái hoa, trái, người khác vào thì phạm tội, còn riêng Ngài thì không?

- Bạch Thế Tôn! Trẫm ra lệnh ngăn cấm như thế, là ngăn cấm người khác, chứ riêng Trẫm thì không bị ràng buộc bởi sự ngăn cấm ấy.

- Cũng vậy, nầy Đại Vương! Đấng Như Lai chế định điều học là dành cho đệ tử mình, riêng Như Lai là bậc Pháp Vương không hề bị ràng buộc do sự ngăn cấm ấy. Nầy Đại Vương, điều học mà Như Lai chế định cho đệ tử có oai lực đến trăm ngàn koti thế giới, cũng như hình phạt của Đại Vương có năng lực trong 300 do tuần quốc độ của mình. Hình Phạt ấy không có hiệu lực đối với Đại Vương như thế nào, thì học giới mà Như Lai chế định cho đệ tử, Như Lai chẳng bị ràng buộc vào trong đó như thế ấy. Do vậy, Như Lai sẽ tự thân thi triển thần thông vậy.

Nghe Đức Thế Tôn tự thân thi triển thần thông, bọn ngoại đạo lo lắng, bàn luận cùng nhau rằng:

Giờ đây, chúng ta bị tổn hại rồi, nghe rằng: Sa Môn Gotama tự thân thi triển thần thông, ông chỉ chế định học giới cho hàng đệ tử mà thôi, chứ riêng Sa Môn Gotama chẳng bị ràng buộc trong điều học nầy. Giờ đây chúng ta phải làm sao đây?

Thế rồi, Đức Vua Bimbisāra đi đến tịnh xá Veḷuvana, bạch hỏi Đức Thế Tôn rằng:

"Bạch Thế Tôn! Khi nào Ngài thể hiện thần thông?".

- Nầy Đại Vương! Còn bốn tháng nữa, vào ngày rằm tháng sáu, Như Lai sẽ thi triển thần thông.

- Bạch Thế Tôn! Ngài sẽ thực hiện thần thông ở nơi đâu?

- Như Lai sẽ thi triển thần thông tại thành Sāvatthī.

Hỏi rằng: Vì sao Bậc Đạo Sư định thời gian xa như vậy?

Đáp rằng: Vì kinh thành Sāvatthī là nơi chư Phật quá khứ đã dùng thần thông nhiếp phục ngoại đạo. Lại nữa, Ngài dự định thời gian dài như vậy, để đại chúng có dịp tụ hội với nhau. Và trong đời chư Phật chỉ có một lần Ngài thể hiện Song Thông Lực mà thôi.

Bọn ngoại đạo nghe được tin nầy, chúng bàn tính với nhau rằng:

- Được nghe nói rằng: Sa môn Gotama còn bốn tháng nữa sẽ thi thố thần thông tại thành Sāvatthī. Bây giờ, chúng ta hãy bám sát theo Sa môn Gotama. Đại chúng thấy thế có hỏi, thì chúng ta đáp rằng: "Chúng tôi có tuyên bố thi triển thần thông với Sa môn Gotama, nay Sa môn Gotama toan trốn chạy, nên chúng tôi phải truy đuổi theo ông ta".

Bấy giờ, Bậc Đạo Sư sau khi ngự vào kinh thành Rājagaha khất thực xong, khi Ngài trở ra thì bọn ngoại đạo cử người theo sau bám sát Ngài. Khi bọn chúng bị đại chúng hỏi rằng: *"Vì sao các ông theo sát Đức Thế Tôn như thế?"*. Chúng trả lời rằng: *"Vì chúng tôi tuyên bố sẽ dùng thần thông đấu với Sa môn Gotama, nay ông ấy toan trốn, nên chúng tôi phải theo sát như thế"*.

Đại chúng suy nghĩ rằng: "Chúng ta sẽ được mục kích hết thần thông của Đấng Thập Lực".

Đức Thế Tôn từ giã thành Rājagaha tuần tự du hành đến thành Sāvatthī. Bấy giờ, bọn ngoại giáo theo phía sau Ngài, khi đi đường chúng quyên góp tài vật của các giáo dân mà rằng: Hãy bỏ ra 100 đồng vàng, hãy bỏ ra 1000 đồng vàng. Chúng tích trữ được số tài sản lớn, bỏ ra trăm ngàn đồng vàng kiến tạo mái nhà nóc nhọn bằng gỗ sālā, lợp nóc nhà bằng hoa sen xanh. Rồi tuyên bố với chúng dân thành Sāvatthī rằng: *"Chúng tôi sẽ dùng nơi nầy thi triển thần thông với Sa môn Gotama"*.

Được tin Đức Thế Tôn ngự về quốc độ Kosala của mình, Đức Vua Pasenadi đi vào Jetavana, đảnh lễ Đức Thế Tôn rồi bạch hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn! Hiện nay bọn ngoại đạo đã kiến tạo ngôi nhà nóc nhọn, lợp bằng hoa sen xanh, chính nơi ấy chúng tuyên bố sẽ dùng thần thông đấu với Ngài. Bạch Thế Tôn! Trẫm sẽ kiến tạo mái nhà dâng đến Ngài.

- Nầy Đại Vương! Chớ phí sức như thế, Như Lai sẽ có người làm nhà rồi.

- Bạch Thế Tôn! Ngoài Trẫm ra, ai có năng lực làm được việc ấy?

- Nầy Đại Vương! Thiên Vương Đế Thích sẽ đảm nhận việc đó cho Như Lai.

- Bạch Thế Tôn! Nếu thế, Ngài sẽ thể hiện thần thông tại nơi nào?

- Nầy Đại Vương! Tại cây xoài Ganda.

Chúng ngoại giáo được biết: Sa môn Gotama sẽ thi triển thần thông tại cây xoài Ganda. Chúng liền cho những người hộ độ của mình, thuê tiền nhổ tất cả những cây xoài, dù chỉ là cây con mới vừa mọc trong ngày, khắp thành Sāvatthī ném bỏ. Cả một do tuần thành phố quanh đó không có cây xoài nào cả, chúng đem những cây xoài nhổ bỏ đó ném vào rừng.

Vào ngày rằm tháng sáu, sáng hôm ấy Đức Thế Tôn ngự vào thành Sāvatthī để khất thực. Bấy giờ, nơi vườn Thượng Uyển của Đức Vua Pasenadi, có một cây xoài

già cằn cỗi, người giữ vườn Thượng Uyển tên là Ganda, y nhìn thấy giữa chùm lá có một đàn kiến vây quanh, ngạc nhiên y trèo lên xem xét thì thấy rằng đàn kiến vây chung quanh một trái xoài độc nhất, xoài đang chín, có mùi thơm ngất. Y hái trái xoài ấy xuống, dự định mang vào Hoàng Cung dâng lên Đức Vua Pasenadi. Trên đường đi đến Hoàng Cung, Ganda trông thấy Đức Thiện Thệ đang ngự đi trì bình, y khởi tâm tịnh tín, nghĩ rằng:

- Đức Vua dùng trái xoài nầy, Ngài cũng chỉ ban thưởng cho ta 8 hoặc 16 đồng Kahāpana mà thôi. Số tiền ấy chỉ có lợi cho ta vài tháng mà thôi. Nếu giờ đây ta cúng dường xoài nầy đến Đức Thế Tôn, ta sẽ được lợi ích suốt thời gian lâu dài. Phước báu ấy sẽ hộ trì ta vô lượng kiếp.

Rồi y tín thành dâng xoài ấy đến Đức Thế Tôn. Bậc Đạo Sư đưa mắt nhìn lại Đại đức Ānanda. Hiểu ý Đức Thế Tôn, Trưởng Lão Ānanda mang chiếc bát mà Tứ Thiên Vương cúng dường, Đức Thế Tôn dùng bát ấy thọ nhận trái xoài từ tay người giữ vườn Ganda. Ngài tỏ ý muốn ngồi tại nơi ấy, Đại đức Ānanda trải tọa cụ ra, cung thỉnh Đức Thế Tôn ngự lên. Rồi Tôn giả Ānanda dùng nước ép xoài ra dâng lên Đức Đạo Sư. Đức Thế Tôn thọ dụng nước xoài xong, Ngài bảo người giữ vườn Ganda rằng:

- Nầy Ganda! Ngươi hãy gieo trồng hạt xoài nầy đi.

Ganda đào khoảng đất xốp, rồi gieo hạt xoài xuống đó, lấp đất lại. Đức Thế Tôn ngự đến Ngài dùng nước rửa tay mình trên chỗ ấy. Khi Ngài vừa rửa tay xong, xoài nứt mộng, mộng lên và tăng trưởng nhanh chóng, chỉ trong thời gian ngắn cây xoài trở thành một cây cổ thụ, thân xoài to bằng cán cày, cao 50 hắc tay (25m). Cây xoài ấy có năm tầng, một ngọn mọc thẳng, còn bốn ngọn kia xuôi theo bốn bốn hướng, mỗi ngọn dài khoảng 50 hắc tay. Ngay khi ấy, xoài trở nên sum suê, ra hoa kết trái, rồi chín vàng, rơi rụng xuống, chư Tỳ Khưu đi đến sau, lượm những trái xoài chín mộng ấy dùng.

Đức Vua Pasenadi được nghe tin: *"Một cây xoài kỳ diệu vừa phát sanh"*. Ngài sợ bọn ngoại giáo cho người chặt bỏ đi, nên phái quân sĩ đến canh giữ, với lịnh truyền rằng: *"Cấm bất kì ai chặt phá cây xoài nầy"*.

Cây xoài ấy được mang tên là Ganda, vì là của ông Ganda trồng lên. Bọn côn đồ nghe tin có cây xoài kỳ diệu như thế, tìm đến xem, nhặt lấy những quả xoài chín ăn, hưởng được hương vị thơm ngọt của trái xoài, nên mắng chửi nhóm ngoại đạo rằng:

- Bọn ngoại đạo ác độc nầy, chúng được tin Sa Môn Gotama thể hiện thần thông trên cây xoài, nên chúng cho người đến phá tất cả xoài trong thành Sāvatthī nầy. Thậm chí những cây con vừa mọc, chúng cũng chẳng tha. Chúng khiến chúng ta không được nếm hương vị thù diệu của xoài như xoài Ganda nầy.

Bọn côn đồ tức giận, đi tìm kiếm bọn ngoại giáo, dùng hạt xoài ném vãi vào chúng.

Bấy giờ, nơi Thiên Cung Đao Lợi, Đức Đế Thích biết rằng: Hôm nay Đức Bổn Sư sẽ thi triển thần lực để nhiếp phục ngoại giáo. Ngài ra lịnh cho Thiên Tử Vātavalāhaka (Thần Gió) rằng:

- Ngươi hãy nổi cuồng phong, thổi bay tróc ngôi nhà mái nhọn của ngoại đạo đi, hãy ném nóc nhà ấy vào đống rác trong thành Sāvatthī. Rồi Đế Thích ra lịnh tiếp cho Thiên Tử Suriya rằng:

- Ngươi hãy chiếu ánh sáng mặt trời thật mãnh liệt vào chúng ngoại đạo, khiến cho chúng trở nên nóng nảy.

Ngài phán bảo thêm Thiên Tử Vātavalāhaka rằng:

- Khi bọn ngoại đạo bị nắng chiếu rực vào người, mồ hôi tuôn đổ, ngươi hãy nổi gió cuốn bụi tấp vào bọn chúng.

Hai vị Thiên Tử vâng lịnh Thiên Vương thực hành y như thế, bấy giờ nhóm ngoại đạo đang nhễ nhại mồ hôi, một cơn gió cuốn bụi vây quanh bọn chúng, người của chúng giống như con mối đỏ, ngôi nhà nóc nhọn của chúng bị trận cuồng phong dữ dội thổi bay mất, ngôi nhà rơi vào đống rác lớn trong thành Sāvatthī.

Đức Đế Thích lại ra lịnh cho Thiên Tử Vassavalāhaka (Thần làm mưa) rằng: *"Ngươi hãy làm mưa rơi trên người bọn ngoại giáo đi"*. Thiên Tử vâng lịnh, bây giờ, thân hình chúng ngoại đạo giống như con bò đốm. Chúng bị nhiệt bức khi dứt cơn mưa, ánh sáng mặt trời càng gắt chiếu vào người, chúng bỏ chạy tứ tán, chẳng còn tha thiết chuyện đấu thần thông. Khi ấy, có gã nông dân là người hộ độ cho giáo chủ Pūranakadasspa, y suy nghĩ rằng:

- Chắc giờ nầy Giáo chủ của ta đang thi triển thần thông, vậy ta hãy đến xem Thần lực của Giáo chủ ta.

Y thả bò ra, mang theo sợi dây cột bò cùng với cái nồi cháo, trên đường đi đến thành, y trông thấy vị Giáo chủ của mình đang chạy trốn, y liền gọi rằng:

- Bạch Ngài! Tôi đến để xem Ngài thi triển thần thông đây. Ngài bỏ chạy đi đâu thế?

- Ngươi cần thiết chi với thần thông chứ, hãy trao sợi dây và cái nồi cháo cho ta ngay đi.

Pūrana cầm lấy nồi cháo cùng với sợi dây mà gã nông dân đệ tử vừa trao cho, chạy thẳng ra bờ sông, cột nồi vào cổ mình rồi nhảy xuống sông để tránh sự nhiệt bức bởi ánh mặt trời, bọt nước bắn lên tung tóe, Pūrana mệnh chung dưới dòng sông ấy và rơi vào A Tỳ địa ngục.

Vào xế chiều, Đức Như Lai ngự trong Hương thất, Ngài suy nghĩ rằng:

"Đây là giờ hợp lẽ, Như Lai sẽ thể hiện Phật Lực".

Đấng Như Lai hóa hiện ra con đường kinh hành bằng ngọc Maṇi trên hư không. Chỗ tận cùng của con đường là tận cùng của vũ trụ về phương Tây.

Hội chúng thấy được kinh hành lộ bằng ngọc Maṇi như thế, vô cùng hoan hỷ, tụ tập lại nơi ấy một khoảng rộng lớn đến cả 36 do tuần. Rồi từ trong Hương thất, Đức Thế Tôn ngự ra, tiến về phía cây xoài Ganda. Khi ấy một cận sự nữ đã chứng đạt Bất Lai Quả, đi đến đảnh lễ Đức Thế Tôn, bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Xin ngài chớ nhọc sức làm chi, khi Ngài có được đứa con gái như con. Con sẽ thể hiện thần thông thay thế Ngài.

- Nầy Ganranī! Ngươi sẽ thể hiện thần thông như thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ biến vũ trụ nầy thành nước, nhưng mọi chúng sanh đều an toàn, con sẽ lặn trong nước ấy như con ngỗng trời, nổi lên ở ranh giới vũ trụ về phương Đông, phương Nam, phương Tây và phương Bắc, sau cùng con nổi lên ở giữa quả địa cầu cho đại chúng tận tường. Khi sự kiện xảy ra như thế, đại chúng sẽ nói: *"Nàng là ai?"*. Con sẽ đáp rằng: *"Tôi là một cận sự nữ của Đức Thế Tôn, tên Gharanī"*. Đại chúng sẽ nghĩ rằng: Chỉ là một cận sự nữ mà có được thần lực như thế, thì còn nói gì đến oai đức của Đức Thế Tôn chứ. Và bọn ngoại đạo không kịp trông thấy Ngài, họ đã trốn chạy mất.

- Nầy Gharanī! Như Lai biết ngươi có khả năng thể hiện thần thông như thế. Nhưng vòng vương miện nầy họ không dành cho ngươi đâu.

Ngài khước từ lời thỉnh cầu của nàng Gharanī. Nàng suy nghĩ: Bậc Đạo Sư từ chối ta, chắc có người khác có khả năng thần thông để thể hiện rồi.

Và nàng lui đứng sang một bên. Bậc Đạo Sư quán xét rằng:

- Thật vậy, trong hàng cận sự nữ của Như Lai, cũng có được đạo hạnh như thế.

Rồi Ngài quán xét thấy được rằng:

"Đệ tử của Đấng Như Lai sẽ rống tiếng rống sư tử giữa đại chúng 36 do tuần nầy".

Chư Thánh đệ tử Thinh Văn ấy lần lượt tỏ bày rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ thể hiện thần thông như thế nầy…

Trước mặt Đức Thế Tôn, giữa đại chúng rộng cả 36 do tuần ấy, các Ngài đã rống lên tiếng rống của con sư tử đang thời sung sức.

Được nghe lại rằng: Trong hàng cận sự nam, có Trưởng giả Cūla Anāthapiṇḍika suy nghĩ rằng:

- Khi Đức Thế Tôn có được người con trai như ta, là bậc Bất Lai Quả, Ngài chẳng can chi vất vả cả.

Ông liền bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ hoán hiện như vị Phạm Thiên cao lớn khoảng 12 do tuần, phát ra Phạm âm vang như sấm động giữa đại chúng. Mọi người đều nghe rõ ràng phạm âm, sẽ nói rằng:

- *"Đây là âm thanh của Phạm Thiên, được ông Cūla Anāthapiṇḍika phát ra bởi thần lực"*.

Bọn ngoại giáo sẽ nghĩ rằng:

"Thần lực của gia chủ, chỉ là một cận sự của Đức Thế Tôn thôi, mà còn có oai lực như thế, thì còn nói chi đến oai lực siêu việt của Đức Thế Tôn chứ. Và chúng chưa kịp nhìn thấy Ngài, đã kinh hoàng bỏ chạy trốn".

- Nầy Cūlānāthapinṇḍika! Như Lai vẫn biết ngươi sẽ thực hiện được điều đó. Nhưng đây không phải là phận sự của ngươi. Đây là việc làm của Đấng Như Lai.

Đức Thế Tôn từ chối sự thỉnh cầu của gia chủ Cūlānāthapiṇḍika, không chấp thuận cho ông thể hiện thần thông.

Kế đến có vị sa di ni, tuổi vừa lên 7 nàng đã chứng đạt Tuệ Phân Tích, đến đảnh lễ Đức Thế Tôn bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ thực hiện pháp thần thông.

- Này Vīrā! Ngươi sẽ làm như thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ mang quả núi Sineru, núi Luân Vi và núi Hy Mã đặt giữa đại chúng nầy, rồi từ những quả núi ấy, con chui ra nhẹ nhàng, bay lượn giữa hư không như con hạc chúa vàng. Đại chúng sẽ hỏi nhau rằng: *"Người nầy là ai thế?"*. Con sẽ trả lời rằng: *"Ta là Sa di ni Vīrā"*. Đại chúng sẽ suy nghĩ rằng: *"Vị Sa di ni mới 7 tuổi mà có đại thần lực như thế, thì còn nói gì đến oai lực Đức Như Lai chứ". Bọn ngoại giáo sẽ kinh hoàng, không kịp nhìn thấy Ngài đã bỏ chạy trốn mất".*

- Nầy Sa di ni Vīrā! Như Lai biết ngươi có thể thực hiện được điều đã nói. Nhưng đây không phải là phận sự của ngươi.

Đến Sa di Cunda, là bậc Lậu Tận chứng đạt Tuệ Phân Tích, Ngài cũng vừa tròn bảy tuổi, đến đảnh lễ Đức Thế Tôn, bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ thể hiện thần thông lực.

- Nầy Sa di Cunda! Ngươi sẽ làm như thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ nắm lấy Hồng quân lớn, làm thành cột cờ của cõi Diêm Phù, rung mạnh cho trái Hồng quân rơi rụng xuống, đại chúng nhặt lấy dùng. Và con sẽ hóa hiện hoa mạn đà rơi như mưa để cúng dường Đức Thế Tôn.

- Nầy Cunda! Như Lai biết rằng ngươi sẽ thực hiện được những điều như ngươi đã nói. Nhưng đây không phải là phận sự của ngươi.

Tiếp theo là vị Thánh Nữ đệ nhị của Đức Thế Tôn là nàng Uppalavannā, bước ra đảnh lễ Đức Thế Tôn, bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ thực hiện thần thông lực.

- Nầy Uppalavannā! Ngươi sẽ làm thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ hóa thành vị Chuyển Luân Vương, có hội chúng vây quanh rộng 6 do tuần. Vị Vua Chuyển Luân với đầy đủ 7 báu ấy cùng đại chúng rộng lớn đi đến đây đảnh lễ Đức Thế Tôn.

- Nầy Uppalavannā! Như Lai biết ngươi sẽ thực hiện được điều ngươi vừa nói. Nhưng đây không phải là phận sự của ngươi.

Tiếp đến, Trưởng lão Moggallāna, vị Thượng Thủ Thinh Văn đệ nhị bước đến đảnh lễ Đức Thế Tôn, xin phép Ngài cho thi triển thần thông.

- Nầy Moggallāna! Ngươi sẽ thực hiện được điều gì?

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ đặt núi Sineru ở giữa đôi hàm răng, rồi con nhai núi ấy như nhai hạt cải.

- Ngươi còn thực hiện được điều gì nữa?

- Con sẽ đặt quả địa cầu nầy vào lòng tay trái, đặt tất cả sinh chúng trên địa cầu vào lòng tay phải.

- Ngươi còn làm chi nữa?

- Con sẽ dùng núi Sineru làm thành các lọng, che cho quả địa cầu, rồi một tay cầm lấy núi Sineru như cầm lọng trong tay, đi kinh hành giữa hư không.

- Nầy Moggallāna! Như Lai biết ngươi thực hiện được những điều như thế. Nhưng đây không phải là phận sự của ngươi.

Trưởng lão Moggallāna suy nghĩ: Có lẽ Đức Đạo Sư biết người sẽ thể hiện thần thông rồi. Trưởng lão lui ra đứng vào nơi thích hợp. Bây giờ, Đức Thế Tôn phán dạy Trưởng lão Moggallāna rằng:

- Nầy Moggallāna! Vòng hoa nầy không phải dành cho ngươi hay bất cứ ai trong đại chúng. Vì rằng: Phận sự nào của Như Lai, thì không một ai có thể làm thay được. Không một ai có thể nhận lãnh phận sự Như Lai trong hiện tại đây, không phải là điều kỳ diệu, mà trong thời quá khứ, việc làm của Như Lai, khi ta sanh làm hạng người vô nhân là bàng sanh, việc làm của Ta cũng chẳng có ai có thể thay thế làm được rồi.

- Bạch Thế Tôn! Câu chuyện ấy như thế nào vậy?

Theo lời thỉnh cầu chư Tỳ khưu, Đấng Như Lai thuyết giảng lên Túc Sanh Kanhavisabha với chi tiết như sau:

"Công việc nặng có trong thời nào, con đường khó khăn trong thời nào. Chính trong thời ấy, người chủ bò Kanha, chính bò Kanha ấy giải quyết được công việc ấy mà thôi".

Rồi Ngài thuyết lên Bổn Sanh ly kỳ Nandavisābha chi tiết như sau: *"Người chỉ nên nói lời tao nhã, không nói lời thô ác. Khi Bà la môn nói lời tao nhã, bà Nanda mới kéo được chiếc xe nặng được, khiến Bà la môn ấy được tài sản. Bà la môn ấy có tâm thỏa thích vì nhận được tài sản lớn".*

Sau khi thuyết giảng xong Bổn Sanh, Đức Thế Tôn ngự lên con đường kinh hành bằng Ngọc Maṇi ở giữa 24 do tuần đại chúng, phía trái phía phải, trước sau là 12 do tuần đại chúng. Tất cả đều trông thấy rõ ràng như hiện ra trước mắt mình. Đức Thế Tôn hiển lộ Song Thông Lực giữa đại chúng ấy.

Bậc trí nên hiểu Song Thông Lực ấy theo ý nghĩa Pāli như vậy:

- Thế nào là Song Thông Tuệ của Đấng Như Lai? Tuệ nầy chỉ có đối với bậc Chánh Đẳng Giác, không phổ cập đến Thinh Văn Đại Đệ Tử. Hàng Thinh Văn không thể nào có được Song Thông Tuệ. Trong cùng một lúc, Ngài an trú vào hai đề mục, từ kim thân Ngài lửa và nước cùng tuôn ra, bên phải phun lửa, bên trái tuôn nước, bên trái tuôn lửa thì bên phải phun nước. Phía trên ra lửa, phía dưới ra nước, phía trên tuôn nước, phía dưới phun lửa. Phía trước hiện lửa, phía sau hiện nước, phía trước hiện nước, phía sau hiện lửa. Mắt nầy phun lửa, mắt kia phun nước và ngược lại. Tai nầy ra lửa tai kia ra nước và ngược lại. Đầu thượng y bên nầy ra lửa, đầu thượng y bên kia ra nước và ngược lại. Ngón tay tuôn lửa, kẽ tay tuôn nước và ngược lại. Lông tuôn nước thì chân lông tuôn lửa và ngược lại. Hông nầy ra lửa thì hông kia ra nước và ngược lại. Chân nầy ra lửa thì chân kia ra nước và ngược lại. Hay là thân trên có màu

xanh, thân dưới có màu đỏ và ngược lại… Hào quang sáu màu xanh-đỏ-vàng-trắng-cam và dợn sóng tuôn ra như vàng tuôn chảy không ngớt từ nồi nấu vàng, khắp cả mười muôn triệu thế giới đều sáng ngời Phật Quang.

Đức Thế Tôn hóa hiện một vị Phật Chánh Đẳng Giác giống như Ngài. Khi hiện thân đi thì hóa thân ngồi, đứng hoặc nằm và ngược lại khi hóa thân đi thì hiện thân đứng, nằm hay ngồi… Hiện thân vấn đạo thì hóa thân đáp, hóa thân vấn pháp thì hiện thân trả lời. Đây là Song Thông Tuệ của Đức Chánh Đẳng Giác. Bậc Đạo Sư ngự đi trên kinh hành lộ ngọc Maṇi, Ngài thể hiện song thông trí như thế, nêu lên ý nghĩa rằng: Kim thân phía trên phun lửa là do định lựa từ Tejokasina (đề mục lửa), kim thân phía dưới phu nước là do định lực Āpokasina (đề mục nước), hay bên phải có màu xanh là do định lực đề mục Xanh (Nilakasina), nên trái có màu đỏ là do định lực Lohitakasina (đề mục Đỏ)… Lửa phun ra từ nước, nước tuôn ra từ lửa. Ánh sáng xanh từ trong ánh sáng đỏ phát ra, ánh sáng đỏ từ trong ánh sáng xanh hiện khởi…

Trưởng lão Sāriputta có giải rằng:

Ý nghĩa của những câu văn nầy cũng như thế. Song Thông Lực nầy là: Lửa không lẫn với nước, nước chẳng phải lẫn với lửa. Và cả nước với lửa ấy đã xông tới tận Phạm Thiên Giới, rồi lan rộng khắp mọi Luân Vi trong vũ trụ. Vì thế, Trưởng Lão Sāriputta mới giải rằng: "Channam Vannānam… hào quang sáu màu của Bậc Đạo Sư phóng ra khắp vũ trụ như khoáng chất vàng tuôn chảy từ nồi luyện kim, thấu đến tận Phạm Thiên Giới rồi phản chiếu khắp cùng vũ trụ, ánh sáng đều đồng nhất rực rỡ ví như: Diêm phù nầy là trung tâm, tựa cội Bồ Đề được đóng cướng với những cọc sắt, từ nơi ấy phát ra ánh sáng lan rộng khắp nơi đồng nhất như nhau.

Ngày hôm ấy, Đức Đạo Sư đi kinh hành trên Ngọc lộ, thuyết pháp thoại giữa đại chúng bằng cách vấn đáp với vị Phật hóa thân, làm cho đại chúng thêm hiểu nghĩa văn thâm mật của Phật Ngôn rõ ràng. Tiếng tán dương vang dội, tiếng Sādhu từ đại chúng vang rền như tiếng sấm nổ giữa trời quang đảng. Bậc Đạo Sư dùng Phật tuệ quán xét cơ tính chúng sanh của đại chúng ấy, Ngài thấu hiểu tâm chúng sanh đủ cả 16 chi phần. Tâm Chư Phật diễn tiến rất nhanh như thế, người tịnh tín với Pháp nào và loại thần thông nào, Ngài thuyết lên Pháp ấy và loại thần lực ấy, tùy theo cơ tánh từng chúng sanh. Ngài thuyết pháp hợp theo cơ tánh ấy. Khi Ngài thể hiện Song thông lực và thuyết pháp thoại như thế, chúng sanh đắc chứng đạo quả không thể kể đến số lượng được. Vì sao Ngài lại hóa thân thêm một vị Phật nữa? Vì rằng: Ngài biết rõ rằng: Giữa Đại chúng nầy, không một ai có thể giải đáp những câu hỏi thuộc về Phật Giới, cũng không một ai có thể đặt được một câu hỏi thuộc cảnh giới Phật Tuệ. Do đó, Ngài phải hóa thân thêm một vị chánh Đẳng Giác như Ngài, khi vị Hóa thân hỏi thì Hiện thân đáp. Nên để nêu lên ý nghĩa nầy, các Luận Giải Sư đã nói: *"Đức Phật hóa thân đi kinh hành thì Đức Phật hiện thân ngồi tham thiền…"*.

Có đến 22 koti (220 triệu) chúng sanh đắc Pháp do thấy được Song Thông Trí mà bậc Đạo Sư thể hiện cùng với sự nghe Pháp Bảo từ hai vị Phật ấy.

Sau khi thể hiện Song Thông Lực rồi, Đức Thế Tôn suy nghĩ rằng:

- Chư Phật quá khứ, sau khi dùng thần thông nhiếp phục ngoại đạo rồi, Ngài ngự đi đâu? Nhập hạ tại nơi nào?

Với Phật Trí, Ngài thấy rằng: Sẽ an cư tại cõi Đao Lợi, thuyết lên Tạng Thắng Pháp để tế độ Phật mẫu.

Sau khi hiểu rõ điều nầy, Ngài đưa chân phải lên đỉnh núi Yugandhara, núi Sineru dường như chạy đến hạ thấp xuống thỉnh rằng: "Xin Bậc Đại Giác hãy đặt chân Ngài lên đỉnh nầy". Ngài đưa chân trái lên đỉnh Sineru, núi Sineru dường như vươn thẳng người, đưa Ngài đến cõi Đao Lợi. Khoảng cách ba bước chân ấy là sáu mươi tám trăm ngàn do tuần (6.800.000). Hai chân Ngài đều duỗi thẳng ra như bình thường ngự đi trì bình. Không nên nghĩ rằng: Đức Thế Tôn đưa chân lên cao rồi đặt xuống, vì khi Ngài đưa chân tới trước thì các đỉnh núi như chạy đến đỡ chân Ngài, khi chân Ngài rời khỏi thì như chạy trở về vị trí cũ. Đức Đế Thích trông thấy Bậc Đạo Sư ngự đến, Ngài suy nghĩ rằng:

- Đức Thế Tôn Ngài ngự lên đây để an cư mùa mưa, Ngài sẽ ngự nơi tảng đá vàng Pandukambala. Khi Đức Thế Tôn ngự đến nơi nầy, chư thiên sẽ phục vụ Ngài, các Thiên Nhân không thể có sự dễ duôi trong phận sự ấy được. Nhưng tảng đá Pandukambala nầy dài 60 do tuần, rộng 50 do tuần, cao 15 do tuần, Đức Thế Tôn ngự lên trên đó quả thật là trống rỗng.

Hiểu được tư tưởng ấy của Đức Đế Thích, Đức Thế Tôn liền trải tọa cụ ra, phủ trọn vẹn tảng đá vàng Pandukambala, rồi ngự ngồi trên ấy. Thiên chúa lại suy nghĩ rằng: *"Đức Thế Tôn trải tọa cụ như thế, nhưng Ngài chỉ ngồi chút ít thôi"*.

Biết được ý nghĩ nầy, Đức Thế Tôn liền thu tảng đá Pandukambala vừa dặn với tọa cụ và Ngài ngồi vừa vặn với tọa cụ ấy, giống như vị Tỳ khưu mặc phấn tảo y ngồi thường nhật trên tọa cụ của mình.

Đức Đế Thích mục kích cảnh tượng thù diệu ấy, Ngài vô cùng hoan hỷ, đảnh lễ Đức Thế Tôn, Ngài phán rằng:

- Nầy Đế Thích, ngươi chớ nghĩ rằng Ngai vàng nầy rộng lớn đối với Như Lai. Như Lai hành pháp độ với vô lượng kiếp, mong chứng đạt Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, thì không phải là nhỏ đâu.

Bây giờ, nơi nhân giới, đại chúng bỗng nhiên thấy Đức Thế Tôn biến mất, ví như ánh mặt trời cùng mặt trăng cùng vụt tắt. Đại chúng than khóc rằng:

- Bậc Đạo Sư đã ngự đến núi Cittakūta hay núi Kreylāsa hoặc núi Yugandhara mất rồi, từ nay chúng ta không còn được thấy Ngài nữa, Bậc Chánh Đẳng Giác không còn trở về với chúng ta.

Nhóm khác thì sầu khổ than khóc rằng:

- Bậc Đạo Sư là bậc hàng an trú nơi thanh vắng, tán thán nơi an tịnh, nay Ngài đã ngự đến nơi khác, vì Ngài nghĩ rằng: *"Ta đã thể hiện Song Thông như vậy với đại chúng"*. Hẳn là chúng ta không còn được chiêm bái Ngài nữa rồi. Họ nói lên kệ ngôn rằng:

"Ngài là bậc Thượng Trí, Ngài vui thích nơi thanh vắng, không còn trở lại thế gian nầy nữa. Chúng ta không còn thấy Bậc Chánh Đẳng Giác, bậc chúa tể của thế gian, bậc cao quý hơn cả nhân thiên".

Đại chúng liền đi đến bạch hỏi Trưởng Lão Moggallāna rằng:

- Bạch Ngài, Đức Đạo Sư của chúng tôi đang ngự trú nơi nào?

Quán xét rõ việc Đức Thế Tôn an cư mùa mưa nơi cõi Đao Lợi, Trưởng Lão Moggalāna đáp rằng:

- Các người nên đến hỏi Tôn giả Anuruddha, bậc đệ nhất Thiên Nhãn trong hàng Thinh Văn.

Sở dĩ, Đại đức Moggallāna không trả lời, và khuyên dạy thính chúng đến hỏi Tôn Giả Anuruddha, vì Ngài muốn cho đại chúng hiểu rằng: Các Công hạnh của Thánh Thinh Văn thật thù diệu, và làm công hạnh của chư Thánh Thinh Văn được hiển lộ.

Đại Chúng đi đến bạch hỏi Trưởng Lão Anuruddha rằng:

- Bạch Ngài, Đức Đạo Sư của chúng tôi ngự nơi nào?

- Ngài đang an ngự trên cõi Đao Lợi, nơi tảng đá Pandukambala là ngai vàng của Thiên Vương Đế Thích, để tuyên thuyết Tạng Thắng Pháp tế độ Mẫu hậu Māyā.

- Bạch Ngài! Bao giờ Đức Đế Thế Tôn trở về nhân giới?

- Ngài sẽ thuyết tạng Thắng Pháp trọn cả ba tháng trường (tính theo cõi nhân loại). Rồi Ngài sẽ trở về nhân giới trong ngày Tự Tứ (Mahāpavāranā).

Đại chúng bàn nhau rằng: *"Chúng ta sẽ không rời khỏi nơi nầy nếu chưa gặp Đức Đạo Sư trở về".* Và họ cư ngụ tại nơi ấy. Tương truyền rằng: Đại chúng dùng hư không làm màn, lấy mặt đất làm chiếu trải, nhưng cả đại hội chúng to lớn như thế cũng không làm cho mặt đất nơi ấy trở nên chật và ô nhiễm, mặt đất gồ ghề ở nơi ấy bỗng trở nên bằng phẳng cho đại chúng và rộng rãi. Sự sạch sẽ luôn hiện đến với đại chúng. Trước đó, Bậc Đạo Sư đã phán dạy Tôn Giả Moggallāna rằng:

- Nầy Moggallāna! Ngươi hãy thuyết pháp đến đại chúng ấy. Còn gia chủ Cūla Anāthapiṇḍika hãy bố thí vật thực đến đại chúng.

Trưởng giả Cūla Anāthapiṇḍika bố thí đến đại chúng cơm, cháo, vật thực, cau, trầu, vật thơm, vật thoa và vật trang điểm cho đại chúng cả sáng lẫn chiều, hay trong mỗi giờ. Đại thí ấy được thực hiện cả ba tháng trọn vẹn như thế. Riêng Tôn Giả Moggallāna thì thuyết lên Pháp thoại, giải đáp những thắc mắc, đoạn nghi cho đại chúng đến chứng kiến Thần Thông của Đức Phật tại nơi ấy.

Nơi Thiên Giới Đao Lợi, Chư Thiên trong 10 muôn triệu thế giới được biết Đức Thế Tôn an cư tại cõi Đao Lợi nên cùng nhau vân tập đến cõi Đao Lợi ấy, nên các Luận Giải Sư đã ghi rằng:

- Trong thời Đức Phật là bậc cao quý nhất trong nhân, thiên giới, Ngài ngự nơi tảng đá vàng Pandukambala, dưới cội cây Pāricchattaka ở Đao Lợi Thiên. Bấy giờ, Chư Thiên trong 10 muôn triệu thế giới Sa bà cùng nhau tụ hội đến đảnh lễ Đức Chánh Đẳng Giác. Khi Ngài ngự trên đỉnh núi Sineru ấy, không một Thiên nhân nào sáng rực hơn Đức Chánh Đẳng Giác, chỉ có Đức Chánh Đẳng Giác hằng sáng ngời hơn tất cả Thiên nhân.

Đức Thế Tôn ngự giữa ngai vàng Kambala như thế, Đức Đế Thích hiểu biết với trí của mình rằng: *"Đức Thế Tôn ngự đến cõi Đao Lợi nầy, với mục đích là tế độ Mẫu*

hậu Māyā của Ngài". Tự thân Đức Đế Thích đi đến cung trời Tusitā cung thỉnh Thiên Tử Māyā từ nơi cung trời Tusitā ngự xuống cõi Đao Lợi, và ngồi bên tay phải của Đức Thế Tôn.

Khi ấy, có hai vị Thiên Tử là Indaka cũng ngồi phía bên phải Đức Thế Tôn và Thiên Tử Anruka thì ngồi phía tay trái của Ngài. Khi Chư Thiên có đại oai lực đi đến, Thiên nhân nào kém oai lực thì phải đứng dậy nhường chỗ ngồi lui ra sau. Và Thiên Tử Ankura phải lui ra xa cả 12 do tuần, trái lại Thiên Tử Indaka vẫn ngồi yên một chỗ. Thấu rõ sự kiện nầy như thế nào rồi, nhưng Bậc Đạo Sư muốn cho Chư Thiên thấy rõ oai lực thù diệu của ân đức Phật Đạo rằng: *"Vật thí mà tín gia cúng dường đến bậc đáng cúng dường trong Phật Giáo, tuy vật thí dù nhỏ chút ít vẫn có đại oai lực thù thắng, có đại quả báu"*. Ngài phán hỏi Thiên Tử Anruka rằng:

- Nầy Ankura! Ngươi thọ sanh vào cảnh Thiên Giới nầy là do phước thiện nào thế?

- Bạch Thế Tôn! Khi còn là nhân loại, con hằng bố thí đến chúng nhân, con đã cho xây lò bếp dùng nấu vật thực bố thí, dài đến 12 do tuần. Con hành thí sự ấy suốt cả 10 ngàn năm như thế. Quả thiện ấy cho con được tái sanh vảo cảnh giới nầy.

- Nầy Indaka! Ngươi tái sanh cõi Đao Lợi là do quả thiện nào?

- Bạch Thế Tôn! Khi còn là người, con cúng dường đến Trưởng Lão Anuruddha một vá cơm. Do nhân ấy, con được thọ sanh về cõi nầy.

- Nầy Ankura! Ngươi đã hành thí sự suốt 10 ngàn năm, xây lò bếp dài 12 do tuần. Thế vì sao, hiện nay trong hội chúng nầy, ngươi lại lui ra xa đến 12 do tuần như thế?

Thật vậy, các Luận Giải Sư đã thuyết lên rằng:

Bậc Chánh Đẳng Giác thay Thiên Tử Ankura và Indaka, Ngài tán dương sự cúng dường bậc đáng tôn kính, đáng cúng dường trong câu Phật Ngôn nầy: *"Nầy Ankura! Ngươi đã bố thí rất nhiều trong khoảng thời gian dài 10 ngàn năm, xây bếp lò dài cả 12 do tuần. Nhưng khi đến hội chúng Thiên nhân nầy, vì sao ngươi lại lui xa 12 do tuần như thế?"*.

Âm thanh vi diệu của Đức Thế Tôn xuyên suốt cả kinh thành Sudassana là thành phố Chư Thiên cõi Đao Lợi, lan đến nhân giới. Đại chúng đó đã nghe được Phật âm vi diệu ấy.

Nghe Bậc Đạo Sư phán hỏi như thế, Thiên Tử Ankura buồn rầu đáp:

- Bạch Thế Tôn! Con cầu mong được gì nơi quả phước ấy, vì con tạo phước vào thời không có Phật Pháp, không có bậc đáng cúng dường. Dạ Xoa Indaka chỉ cúng dường chút ít, nhưng được cúng dường vào thời có Phật Pháp, cúng dường đến bậc đáng cúng dường nên vị ấy có nhiều oai lực hơn con. Ví như vầng trăng rực sáng trong chòm sao như thế.

(Trong những câu văn ấy, chữ Dajjā đổi thành Datvā nghĩa là đã cho). Nghe Thiên Tử Ankura bạch như thế, Đức Thế Tôn phán hỏi Thiên Tử Indaka rằng:

- Nầy Indaka! Vì sao chỉ với chút ít vật thí như thế, mà ngươi có đại oai lực, ngươi không lui ra như vậy?

- Bạch Thế Tôn! Con đã cúng dường đến bậc đáng cúng dường, ví như người nông dân gieo hạt vào ruộng màu mỡ, dù chỉ là ít hạt giống nhưng được nhiều kết quả.

Sau khi nêu lên sự kiện cúng dường đến bậc cúng dường như thế. Thiên Tử Indaka bạch tiếp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Dù là hạt giống nhiều, nhưng gieo vào ruộng xấu khô cằn thì kết quả không sung mãn, không thể làm người nông dân ấy hài lòng hoan hỷ như thế nào, cũng vậy người bố thí nhiều đến những kẻ ác giới thì quả phước không được sung mãn, thí nhân ấy hằng không được hoan hỷ với quả ấy. Trái lại, tuy ít hạt giống, nhưng được gieo vào ruộng tốt, đúng thời mưa thuận gió hòa, thì quả sẽ sung mãn, khiến người nông dân hoan hỷ hả dạ. Cũng như thế ấy, thí vật tuy chút ít, nhưng được dâng cúng đến bậc đáng cúng dường là bậc có giới đức, chắc chắn quả ấy sẽ cho người làm thí sự hoan hỷ như thế.

Hỏi rằng: Tiền nghiệp của Thiên Tử Indaka ấy là thế nào?

Đáp rằng: Được biết Thiên Tử Indaka đã cúng dường một vá cơm đến Trưởng Lão Anuruddha, khi Ngài đang trì bình khất thực trong thành. Nên quả phước của vị ấy có nhiều quả báu hơn sự bố thí của Thiên Tử Ankura xây bếp lò cả 12 do tuần, bố thí suốt thời gian 10 ngàn năm. Do đó, Thiên Tử Indaka mới bạch như thế.

- Nầy Ankura! Sự lựa chọn bậc đáng cúng dường rồi cúng dường, thí sự ấy thường có nhiều quả báu. Ví như hạt giống mà được gieo xuống ruộng tốt như vậy.

Nhưng ngươi không làm như thế, do vậy thí sự của ngươi mới không có quả tối thắng.

Rồi Ngài nêu lên ý nghĩa để làm sáng tỏ vấn đề nầy:

"Sự bố thí mà người đã bố thí trong chỗ nào có quả nhiều, người nên lực chọn rồi bố thí trong chỗ ấy. Sự chọn lựa để cúng dường mà Đức Thiện Thệ tán dương là thí sự đến bậc cúng dường hiện hữu trong thế gian, sẽ có quả nhiều, ví như hạt giống được gieo vào ruộng tốt không cỏ dại".

Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

Ruộng có cỏ là độc hại, chúng sanh có ái là độc hại. Vì vậy sự thí mà người đã bố thí đến người đã đoạn tận ái có nhiều quả.

Ruộng có cỏ là độc hại, chúng sanh có sân hận là độc hại. Vì vậy sự thí mà người đã bố thí đến người đã đoạn tận sân có nhiều quả.

Ruộng có cỏ là độc hại, người có si mê là độc hại. Vì vậy sự thí mà người đã bố thí đến người đã đoạn tận si có nhiều quả.

Ruộng có cỏ là độc hại, chúng sanh có tham là độc hại. Vì vậy sự thí mà người thí đến bậc đã đoạn tận tham có nhiều quả.

Dứt kệ ngôn, hai Thiên Tử Ankura và Indaka đều an trú vào Dự Lưu Quả.

Thế rồi, Bậc Đạo Sư ngồi giữa Đại chúng thiên nhân, đề cập đến Phật mẫu rằng:

- Mẫu hậu hãy đến đây, lắng nghe Pháp Như Lai. Như Lai sẽ đền đáp công ơn của người đã nuôi dưỡng Như Lai trong vòng luân hồi.

Ngài nghĩ tiếp: Công ơn của Mẫu hậu Māyā đối với Ta thật là vĩ đại. Vậy ta phải dùng Pháp môn nào để đền đáp cho xứng đáng ơn nghĩa thâm sâu kia? Ngài thấy rằng chỉ có Thắng Pháp Tạng mới xứng đáng với công ơn của Bà Māyā nuôi dưỡng Ngài khi Ngài còn lang thang trong vòng luân hồi. Và Ngài khởi đầu thuyết lên Tạng Thắng Pháp rằng: *"Kusalādhammā, akusalādhammā, abyākatā dhammā…"*. Đức Thế Tôn thuyết Tạng Diệu Pháp theo cách nầy trọn cả ba tháng. Trong khi Ngài ngự đi khất thực thì Ngài hóa thân một vị Phật như Ngài và vẫn tiếp tục thuyết Pháp với sự chú nguyện rằng: *"Vị Phật hóa thân nầy sẽ thuyết pháp cho đến khi Như Lai trở về"*.

Rồi Ngài ngự đến rừng Tuyết Lãnh, đánh răng bằng cây chà răng của rừng ấy ở hồ Anotatto trong rừng Anāgalatā. Ngài ngự đi khất thực ở xứ Kuru (Bắc Cưu Lưu Châu), khi khất thực xong, Ngài ngự về ngôi nhà lớn nơi thành Sankassa. Khi ấy, Tôn Giả Sāriputta quán:

- *"Bậc Đạo Sư hiện đang trú tại đâu?"*. Khi biết Đức Thế Tôn đang ngự tại thành Sankassa, Trưởng Lão đi đến phục vụ Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn khi thọ thực xong, Ngài phán dạy Trưởng Lão Sāriputta rằng: "Nầy Sāriputta! Hôm nay ta sẽ thuyết Pháp như thế như thế. Ngươi hãy thuyết lại ý nghĩa nầy đến 500 vị tân Tỳ khưu vừa mới xuất gia của ngươi đi".

- Thưa vâng! Bạch Thế Tôn.

Tương truyền rằng: Có 500 thiện gia từ khi được chứng kiến Song Thông Lực của Đức Thế Tôn, phát tâm tịnh tín mãnh liệt nơi Phật Lực, cả 500 vị đã xin xuất gia ngay khi ấy, và Tôn Giả Sāriputta đã tiếp độ cho 500 vị thiện gia tử ấy trong trú xứ của mình. Lời dạy của Đức Thế Tôn là Ngài ám chỉ đến 500 tân Tỳ khưu ấy.

Sau khi phán dạy xong, Đức Thế Tôn ngự lên cõi Đao Lợi, vị Phật hóa thân biến mất và Đức Phật tiếp tục thuyết lên Pháp thoại Thắng Pháp. Riêng Ngài Sāriputta trở về trú xứ của mình, thuyết lên Pháp mà Đức Đạo Sư vừa tóm tắt cho mình đến các vị tân Tỳ khưu một cách rộng rãi. Khi vừa mãn ba tháng an cư thì nhóm Tỳ khưu ấy đã thông suốt trọn vẹn 7 bộ Thắng Pháp.

Được nghe lại rằng: Trong thời Giáo Pháp của Đức Chánh Đẳng Giác Kassapa, có một đàn dơi 500 con trú tại một hang động trong núi. Bấy giờ, có hai vị Tỳ khưu trong Giáo Pháp Đức Phật Kassapa cũng trú ngụ nơi động ấy, khi các Ngài kinh hành hay ngồi lại cùng nhau, hằng tụng niệm Abhidhamma. Đàn dơi ấy bắt lấy cảnh thinh ấy, với ấn tượng rằng đây là Pháp chư Phật. Đàn dơi ấy không thể hiểu rằng: *"Đây là uẩn, đây là xứ, đây là Giới…"*, chúng chỉ bắt lấy tiếng tụng niệm làm cảnh với ấn tượng là lời Phật dạy mà thôi. Sau khi mệnh chung, cả 500 con dơi ấy tái sanh lên Thiên giới, thọ hưởng Thiên sản trọn một kiếp Phật. Mạng chung từ Thiên giới, 500 vị Thiên Tử tái sanh vào nhân giới trong thời Phật hiện tại, ở trong thành Sāvatthī. Nhân dịp mục kích được quang cảnh hy hữu của Song Thông Trí của Đấng Như Lai. Cả 500 thiện gia tử ấy khởi tâm tịnh tín, xin xuất gia trong Pháp Luật của Đức Thế Tôn, và Trưởng Lão Sāriputta đã tế độ 500 thiện gia tử ấy trong trú xứ của mình. Và trong ba

tháng an cư mùa mưa ấy, 500 vị Tỳ khưu ấy thông suốt trọn vẹn 7 bộ Thắng Pháp trước những vị Tỳ khưu kia.

Đức Thế Tôn thuyết trọn vẹn Tạng Thắng Pháp trên cõi Đao Lợi ròng rã ba tháng dài (tính theo cõi nhân loại), đã mang đến Đạo Quả cho 80 koti Chư Thiên, và Hoàng hậu Māyā chứng đạt được Pháp Nhãn Dự Lưu Quả.

Còn bảy ngày nữa là đến ngày Đại Lễ Tự Tứ, đại chúng rộng 36 do tuần ấy, khởi lên sự suy nghĩ rằng:

- Từ hôm nay trở đi, đến ngày thứ bảy là ngày Đại Lễ Tự Tứ. Đức Thế Tôn sẽ ngự về nơi nào?

Họ đi đến Trưởng Lão Moggallāna bạch rằng:

- Bạch Ngài! Chúng tôi muốn biết ngày trở về của Đức Thế Tôn, nếu chúng tôi chưa được chiêm bái Ngài, chúng tôi sẽ không rời khỏi nơi đây đâu.

- Nầy đại chúng, thôi được.

Trưởng Lão Moggallāna chú nguyện rằng: *"Đại chúng hãy trông thấy ta đi đến cõi Đao Lợi, diện kiến với Đức Thế Tôn"*.

Ngài độn thổ, đi đến chân núi Sineru, rồi theo triền núi đi dần lên, giống như sợi chỉ vàng xỏ vào viên ngọc trai đỏ. Ngài đi lên đỉnh núi Sineru, đại chúng thấy rõ ràng như đang thấy cảnh Ngài đi trên núi Sineru trước mặt, Trưởng Lão đi được 1 do tuần, 2 do tuần… Tôn Giả Moggallāna đi đến Thiên Cung Đao Lợi, đến tảng đá Pandukambala, đảnh lễ dưới chân Ngài với sự cung kính cực điển, bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Hội chúng muốn yết kiến Ngài, nếu chưa được chiêm bái Ngài, họ sẽ không rời chỗ ấy. Bạch Thế Tôn! Xin Ngài mở lòng bi mẫn ngự về nhân giới.

- Nầy Moggallāna! Sư huynh ngươi là Tôn giả Sāriputta hiện nay đang ở nơi nào?

- Bạch Thế Tôn! Vị ấy đang trú tại thành Sankassa.

- Nầy Moggallāna! Kể từ hôm nay trở đi, đến ngày thứ bảy, Như Lai sẽ ngự về nhân giới, tại chân thành Sankassa. Đại chúng muốn yết kiến Đấng Như Lai thì hãy đến nơi ấy.

Từ Sāvatthī đến thành Sankassa chỉ cách nhau 30 do tuần, chẳng cần phải chuẩn bị lương thực chi cho lắm. Ngươi hãy thông báo cho đại chúng biết như thế. Đại chúng hãy thọ trì Trai giới rồi đến nghe pháp vậy.

- Lành thay! Bạch Thế Tôn.

Trưởng Lão Moggallāna trở lại nhân giới, tuyên ngôn lại lời dạy của Đức Thế Tôn cho đại chúng biết. Vào ngày Đại Tự Tứ, Bậc Đạo Sư phán bảo Đức Thiên Chúa rằng:

- Nầy Đại Vương! Như Lai sẽ ngự về nhân giới.

Thiên chúa liền hóa hiện ba thang trời, một thang ngọc Maṇi ở giữa, một thang bạc và một thang vàng ở hai bên, chân thang đặt ở chân thành Sankassa, đầu thang ở

đỉnh núi Sineru. Thang vàng ở bên phải dành cho Chư Thiên, thang bạc bên trái dành cho Phạm Thiên, Đấng Như lai ngự đi giữa thang ngọc Maṇi.

Từ đỉnh núi Sineru Đức Thế Tôn ngự đi giữa thang ngọc ấy. Ngài đưa mắt nhìn lên trên, thấu suốt cõi Phạm Thiên như tụ hội lại thành một điểm, Ngài đưa mắt nhìn xuống, thấu suốt cõi địa ngục A Tỳ như thu lại thành một điểm. Cả 10 muôn triệu thế giới như thu thành một điểm trong Phật Lực của Ngài như vậy. Chư Thiên thấy được nhân loại và Phạm Thiên, nhân loại thấy được Chư Thiên cùng Phạm Thiên dường như đang đứng đối diện với nhau. Đức Thế Tôn phóng hào quang 6 màu tỏa đi khắp muôn trùng vũ trụ. Cả 36 do tuần đại chúng ấy, thấy được oai lực tuyệt diệu hy hữu của Đức Phật, đều khởi tâm ước muốn thành vị Chánh Đẳng Giác vị lai.

Bấy giờ, Phạm Thiên ngự đi nơi thang bạc cầm lọng cho cho Đức Thế Tôn, Đức Đế Thích ngự đi nơi thang vàng ôm bát hầu Ngài. Càn Thát Bà Pancasikha cầm thiên cầm Baluva màu vàng xinh đẹp, tấu lên những thiên khúc, ca hát cúng dường Bậc Đạo Sư, Thiên Tử Mātalisangāhaka cầm vật thơm và tràng hoa tung lên hư không cúng dường Đức Thiện Thệ, hoa thiên Mạn Đà của Chư Thiên cúng dường rơi như mưa, Thiên Tử Suyāma cầm quạt Vālavījavī quạt hầu Đức Đạo Sư…

Đức Thế Tôn ngự về nhân giới, tại chân thành Sankassa. Trưởng Lão Sāriputta đến đảnh lễ Đức Thế Tôn, tán thán tướng hảo quang minh của Đức Thế Tôn, vì đây Phật Tướng hiển lộ thù diệu như thế nầy, Trưởng Lão chưa từng trông thấy bao giờ cả. Trưởng Lão thốt lên kệ hoan hỷ tán thán như vậy:

"Bậc Đạo Sư với Phật âm du dương, với lời tao nhã. Ngài là bậc Thầy của Chư Thiên và nhân loại. Từ Cung trời Đấu Suất Ngài hạ sanh về nhân giới cũng không có được quang cảnh thù thắng như thế nầy đây. Ta chưa từng thấy tướng hảo của một ai chói sáng rực như Ngài, không ai so sánh được với Phật Thân".

Rồi Tôn Giả Sāriputta bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Hôm nay cả nhân thiên đều hoan hỷ cung nghinh Ngài trở về nhân giới.

Đức Đạo Sư phán dạy Tôn Giả Sāriputta rằng:

- Nầy Sāriputta! Một vị Phật đầy đủ ân đức tối thượng, thường là nơi kính mến của Chư Thiên và nhân loại như thế.

Rồi nhân đó, Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Ye jhānapasutā dhīrā,	*"Người trí chuyên thiền định,*
Nekkhammūpasame ratā;	*Thích an tịnh viễn ly,*
Devāpi tesaṃ pihayanti,	*Chư Thiên đều ái kính,*
Sambuddhānaṃ satīmataṃ".	*Bậc chánh giác, chánh niệm".*

181. Bậc trí chuyên cần hành thiền, đã thỏa thích trong sự an tịnh của hạnh khước từ (tức Níp Bàn), những vị Phật giác tỉnh toàn hảo như vậy, chí đến Chư Thiên cũng hết lòng ngưỡng mộ.

☸

<u>CHÚ GIẢI:</u>

Ye jhānapasutā: nghĩa là đầy đủ sự chuyên cần về 2 loại thiền là Lakkhaṇūpanijjhāna và Ārammaṇūpanijjhāna, bằng sự ghi nhớ, sự an trú, sự chú nguyện, sự xả thiền và sự quán xét. Bậc xuất gia học giả không nên chấp rằng: *"Nekkhamma"* trong kệ ngôn Nekkhammūpasame ratā nầy, chính câu Nekkhamma đó là chỉ về sự hoan hỷ với Níp Bàn, là nơi đoạn tận phiền não.

Devāpi: nghĩa là Chư Thiên và nhân loại thường hoan hỷ, tức mong mỏi được như bậc Chánh Giác.

Satīmataṃ: nghĩa là Chư Thiên cùng nhân loại mong muốn thành Đấng Chánh Giác rằng: *"Ngài có tướng hảo quang minh thù thắng như thế, ta cũng nên thành vị Phật vị lai".* Như vậy, gọi là sự hoan hỷ với Bậc Chánh Đẳng Giác, là người có ân đức lớn như vậy, bậc tròn đủ chánh niệm và giác tỉnh.

Dứt kệ ngôn có đến 30 koti chúng sanh đạt Pháp Nhãn. Cả 500 vị tân Tỳ khưu đệ tử của Trưởng Lão Sāriputta cũng chứng đạt A La Hán.

Tương truyền rằng: Sự thể hiện Song Thông Tuệ rồi an cư tại cung trời Đao Lợi, thuyết Tạng Thắng Pháp tế độ Phật Mẫu, ngự về nhân giới nơi cổng thành Sankassa, đó là cổ lệ của chư Phật Quá khứ. Chỗ di tích dấu chân phải nơi Ngài ngự xuống có tên là Sineru. Đức Đạo Sư đứng tại chính nơi ấy giảng giải về cơ tánh trí của chúng sanh rằng:

Phàm nhân chỉ biết cơ tánh của mình và đồng bậc, không thể biết được trí của Bậc Tu Đà Hườn, Bậc Dự Lưu chỉ biết được căn cơ của hàng Dự Lưu, không biết được căn cơ của bậc Nhất Lai. Bậc Nhất Lai chỉ biết được căn cơ của hàng Nhất Lai, không biết được căn cơ của bậc Bất Lai. Bậc Bất Lai chỉ biết được căn cơ của hàng Bất Lai không biết được căn cơ của bậc A La Hán. Bậc A La Hán Nhứt Minh... Tam Minh... Lục Thông... Tuệ Phân Tích, Chư Thánh Đại Đệ Tử không biết được căn cơ của Tôn Giả Moggallāna. Tôn Giả Moggallāna không thấu rõ cơ tánh của Tướng Quân Chánh Pháp Sāriputta. Tôn Giả Sāriputta không thể giải được căn cơ của bậc Độc Giác Phật. Chư Độc Giác Phật không thể giải được căn cơ của Bậc Chánh Đẳng Giác.

Rồi Ngài phán lên một câu hỏi, Ngài đưa mắt nhìn khắp bốn phương tám hướng, hướng trên hướng dưới, các thế giới tụ về một điểm. Chư Thiên, nhân loại, Phạm Thiên cả đến Long Vương, Kim Sí Điểu ở hướng dưới đều chấp tay bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Không một ai trong hội chúng nầy giải đáp được, xin Ngài từ bi quán xét hội chúng nầy.

Bậc Đạo Sư suy nghĩ: *"Sāriputta thường vất vả, vì vị ấy nghe được câu hỏi của Đức Như Lai, nhưng câu hỏi ấy thuộc về Phật Giới Trí". Rằng: "Nầy người vô phiền! Người có trí tuệ phòng hộ mình, khi Như Lai hỏi về sự diễn tiến của người có đầy đủ các Pháp và các Bậc Hữu Học nhiều trong thế gian. Hãy nói lên sự diễn tiến ấy cho Như Lai".*

Là người đã đoạn tận hoài nghi về câu hỏi: *"Tuy rằng, Bậc Đạo Sư hỏi đến sự diễn tiến của Đạo Hành (Patipadā) của bậc Hữu Học và Bậc Vô Học. Dù là như thế, nhưng ta không thể nắm lấy được ý nghĩa trong câu hỏi của Như Lai, Ngài đang đề cập đến vấn đề nào trong các Pháp như Uẩn, Xứ, Giới, Đế... Khi nhận được Phật ý,*

ta mới có thể diễn đạt thuận theo câu hỏi mà Ngài vừa nêu ra được". Khi Bậc Đạo Sư không vạch ra đường lối, thì Ngài Sāriputta không thể giải đáp được, Đức Như Lai suy nghĩ: *"Như Lai hãy vạch ra đường lối cho Sāriputta".* Ngài phán rằng:

- Nầy Sāriputta! Ngươi hãy quán xét sự thật nầy đi.

Được nghe rằng! Khi nhận được đường lối rồi. Khi Ngài Sāriputta nhận lấy ý của Đức Như Lai, sẽ nói lên ý nghĩa về uẩn… được.

Câu hỏi của Đức Như Lai, làm phát sanh đến Tôn Giả Sāriputta cả trăm, cả ngàn, cả trăm ngàn ý, cùng với sự vạch ra đường lối của Đức Như Lai. Khi ấy, Ngài Sārputta mới trả lời được câu hỏi của Đức Thế Tôn.

Được biết rằng: Ngoại trừ Đức Thế Tôn, không một Thánh Thinh Văn nào có Đại Trí như Trưởng Lão Sāriputta. Vì rằng: Tôn Giả Sāriputta từng rống lên tiếng rống sư tử đang thời sung sức trước mặt Đức Thế Tôn giữa hội chúng rằng:

- Bạch Thế Tôn! Dù cho có mưa suốt cả đại kiếp nầy, con vẫn có thể đếm được số lượng hạt mưa. Con vẫn biết được bao nhiêu hạt rơi xuống biển, chừng nầy hạt mưa rơi trên đất, chừng nầy hạt mưa rơi trên núi…

- Nầy Sāriputta! Như Lai biết rằng ngươi có được khả năng như thế ấy.

Gọi là điều ví dụ để so sánh với trí tuệ của Tướng Quân Chánh Pháp không có được. Do vậy, Tôn Giả Sāriputta đã bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Cát trong địa đại, nước trong sông Gangā luôn được tràn đầy từ suối nguồn, sông rạch, nhưng cũng không so sánh được sự hiểu biết của con.

Ý nghĩa của câu ấy như vầy: Bạch Thế Tôn! Bậc Đại Thượng Trí, bậc nương nhờ của thế gian. Điều hiểu biết (chỉ một điều) của con, người lấy ra một hạt cát. Nhưng cát trên địa cầu nầy có thể hết mà sự hiểu biết của con không hết. Hay là, mỗi một điều hiểu biết của con sánh với 1 giọt nước sông Gangā được làm tràn đầy bởi suối nguồn, sông rạch, nước sông Gangā có thể hết, nhưng sự hiểu biết của con thì không hết. Hay là mỗi mảnh đá vụn được so sánh một điều hiểu biết của con, núi đá trên địa cầu nầy có thể hết, nhưng sự hiểu biết của con thì không hết.

Tuy là bậc Đại Trí như thế, nhưng Tôn Giả Sāriputta vẫn không nắm được gốc ngọn của vấn đề mà Đức Thế Tôn phán hỏi theo cơ tánh của vị Phật. Chỉ khi nào nhận được đường lối Đức Phật vạch ra, bấy giờ vị ấy mới giải đáp được thấu đáo.

Được nghe như thế, chư Tỳ Khưu bàn luận cùng nhau rằng:

"Bậc Đạo Sư đã hỏi câu nào rồi, mọi người không thể giải đáp được, chỉ có Bậc Tướng Quân Chánh Pháp mới có thể giải đáp được mà thôi".

Nghe chư Tỳ Khưu bàn luận như thế, Bậc Đạo Sư phán dạy rằng:

- Nầy chư Tỳ Khưu! Chẳng phải chỉ trong kiếp nầy Sāriputta giải đáp được câu hỏi của Đức Như Lai, câu hỏi mà đại chúng không một ai có thể giải được. Trong quá khứ, vị ấy cũng đã từng là như thế rồi.

Rồi Ngài thuyết lên Bổn Sanh với đầy đủ chi tiết rằng:

"Người đi đến nơi tụ họp rồi, dù cả ngàn người vô trí, tuy có quán sát cả 100 năm, người ấy cũng không thấu đáo được ý nghĩa của Phật ngôn. Duy chỉ bậc trí là cao quý hơn cả".

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Phật cấm thỉnh văn dụng phép thần,
Khiến cho ngoại đạo được lên chân:
Phen nầy, ta sẽ khoe tài giỏi,
Thách thức Cồ Đàm, gạt thế nhân.
Bất ngờ, Phật hứa sẽ thi tài
Gần Xá Vệ thành, dưới gốc xoài,
Dân chúng rần rần rần theo ngoại đạo,
Để xem họ sẽ thắng hay Ngài.
Ngoại đạo quyên tiền cất trại xong,
Khoe rằng: Ta sẽ hiện thần thông.
Thiên Vương khiến các thần mưa gió,
Thổi sập tan nhà, hóa đất không!
Phật được Ganh Đô cúng quả xoài,
Hột vùi xuống đất mọc lên ngay,
Thành cây to lớn năm mươi hắc,
Năm hướng, năm cành, quả thật sai!
Thỉnh văn lớn nhỏ đến xin Ngài,
Cho họ biểu dương chút ít tài,
Ngài bảo: Không ai làm được cả,
Vì là phận sự của như Lai.
Đức Phật ngự lên lộ báu hành
Khắp mình nước lửa tỏa chung quanh
Hòa quang lục sắc huy hoàng chói,
Thuyết pháp từng hồi, độ chúng sanh.
Ngài lên Đao Lợi độ mẫu thân,
Thuyết Vi Diệu Tạng bảy thành phần,
Suốt ba tháng hạ, rồi ngự xuống
"Xăng cách Xá" thành gặp chúng dân.

DỨT TÍCH THỂ HIỆN SONG THÔNG NHIẾP NGOẠI ĐẠO

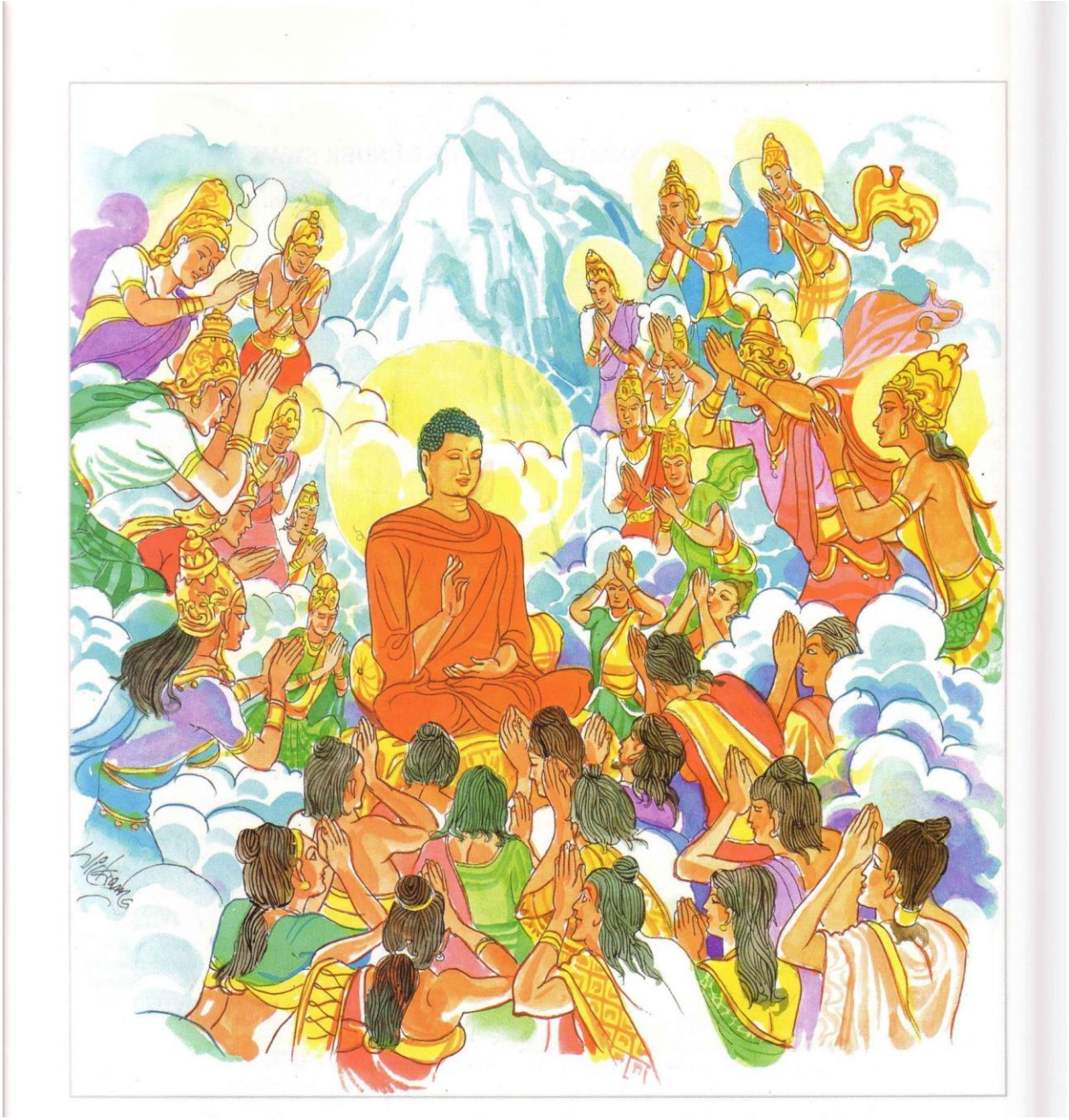

181. Chư Phật thích sống thiền định viễn ly được cả Chư thiên ái kính.

XIV.3- LONG VƯƠNG ERAKAPATTA

(Erakapattanāgarājavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 182)

"Kiccho manussapaṭilābho	***"Khó thay được làm người!***
Kicchaṃ maccāna jīvitaṃ	***Khó thay sống vui tươi!***
Kicchaṃ saddhammassavanaṃ	***Khó thay nghe diệu pháp!***
Kiccho buddhānamuppādo".	***Khó thay Phật ra đời!".***

Kệ ngôn Pháp Cú nầy được Đức Thế Tôn thuyết lên, khi Ngài ngự tại thành Bāranasī, đề cập đến Long Vương Erakapatta.

Tương truyền rằng: Vào thời Giáo pháp của Đức Thế Tôn Kassapa, Long Vương Erakapatta là một vị Tỳ Khưu trẻ, một khi đi thuyền trên dòng sông Gangā, dòng nước chảy xiết, khiến thuyền trôi băng băng, kinh hãi vị ấy nắm lấy bụi cỏ tranh để giữ lại, vô ý làm đứt cọng cỏ tranh ấy. Vì vô ý cho rằng đây là lỗi nhẹ, vị ấy không sám hối, có ý nghĩ rằng: *"Đây chỉ là lỗi nhỏ bé".*

Tuy hành Sa môn pháp hết 20 ngàn năm, nhưng khi gần lâm chung, vị ấy có cảm tưởng nhiều cọng cỏ tranh đang cứa vào cổ mình, tâm bứt rứt vì lỗi lầm ấy sanh khởi, vị ấy muốn sám hối lỗi lầm, nhưng hại thay vào khi ấy chẳng có vị nào là Tỳ khưu ở quanh đó, vị ấy khởi lên nhiệt não rằng: *"Ôi! Giới của ta đã bất tịnh rồi".*

Mạng chung, vị ấy tái sanh làm Long Vương, có thân hình to lớn như chiếc thuyền. Có tên gọi là Long Vương Erakapatta, khi sanh ra, Long Vương nhìn thấy mình mang thân là loài thú, phát sanh nhiệt não rằng:

- Ta đã hành Sa môn Pháp trọn 20 ngàn năm, lại phải tái sanh vào hạng vô nhân như thế nầy ư?

Thời gian sau, Long Vương Erakapatta có được một nàng Long Nữ, y huấn luyện con gái mình ca múa điêu luyện, rồi y đặt Long Nữ lên cái mang phùng rộng của mình, nổi lên mặt sông Gangā, cho nàng Long Nữ nhảy múa. Được biết rằng: Y khởi lên sự suy nghĩ rằng: *"Bằng cách cho con gái ta hát đối, ta sẽ biết được Bậc Chánh Đẳng Giác đã xuất hiện trên thế gian nầy chưa? Người nào đáp đối lại được câu đố của con ta, ta sẽ nhường cả Long Cung cho người ấy ngự trị".*

Thế là, cứ mỗi nửa tháng, vào ngày Uposatha, y cùng con gái nổi lên giữa sông Gangā hát đối.

Nàng Long Nữ đứng trên chiếc mang phùng rộng của Long Vương, nhảy múa rồi hát lên rằng:

"Người lớn như thế nào được gọi là vua? Như thế nào gọi là vua có bụi trên đầu? Như thế nào gọi là không có bụi? Như thế nào gọi là người ngu?".

Toàn dân trên cõi Diêm Phù đều hiểu rõ câu chuyện rằng: Nếu hát đối được câu hát đối của Long Nữ, sẽ được cưới nàng và làm chủ Long Cung, nên đều đi đến sông

Gangā, vận dụng trí tuệ để tìm câu hát đối lại câu hát của Long Nữ. Nhưng họ đều bị nàng Long Nữ vạch rõ những chỗ sai lầm trong câu hát đối với họ.

Cứ như thế, rồi nữa tháng thì Long Vương nổi lên một lần, suốt cả thời gian dài không một ai giải đáp câu hát đối đó được.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn Gotama đã xuất hiện trong thế gian, Ngài ban cho chúng sanh Bất Tử Lộ. Theo thông lệ, vào hửng sáng Ngài dùng Phật trí quán xét thế gian, tìm người hữu duyên lành nên tế độ, thấy được duyên lành của thanh niên Uttara và Long Vương Erakapatta. Ngài quán rằng: *"Đây là do nhân gì thế?"*. Ngài thấy rằng: *"Hôm nay, Long Vương Erakapatta cùng con gái nổi lên hát đối trên mặt sông Gangā. Thanh niên Uttara sẽ học lấy lời giải của Đấng Như Lai, chàng sẽ chứng ngộ Dự Lưu Quả. Long Vương Erakapatta sẽ hiểu biết rằng: Đức Chánh Đẳng Giác đã xuất hiện trong thế gian"*. Long Vương sẽ đi đến đảnh lễ Như Lai, nhân đó Như Lai sẽ thuyết lên pháp thoại giữa đại chúng, dứt kệ ngôn có 84 ngàn chúng sanh chứng đạt Đạo Quả. Long Vương trú vào Tam quy.

Vào buổi sáng hôm ấy, sau khi vận mặc y, Ngài cầm bát ngự đến gần bờ sông Gangā, gần nơi Long Vương Erakapatta sắp nổi lên, Ngài ngồi dưới gốc cây phượng vĩ, đây là một trong 7 cây phượng nổi tiếng của cõi Diêm Phù, gần thành Bārānasī. Bấy giờ, dân chúng cùng nhau mang câu hát đối của Long Nữ ra bàn luận, chàng thanh niên Uttara cũng đi đến bờ sông, nơi Long Vương cùng Long Nữ nổi lên để hát đối, mong chiếm được nàng Long Nữ yêu kiều ấy. Trông thấy chàng từ xa đi đến, khi chàng trông thấy Đức Thế Tôn đang ngồi dưới gốc cây phượng vĩ, Uttara đi đế đảnh lễ Đức Thế Tôn, xong rồi ngồi vào nơi phải lẽ, Đức Thế Tôn phán hỏi:

- Nầy Uttara! Ngươi đi đâu thế?

- Bạch Thế Tôn! Con đi đến nơi Long Vương Erakapatta sắp nổi lên để hát đối cùng với Long Nữ.

- Ngươi có biết câu hát để đối lại câu hát của Long Nữ ấy chăng?

- Bạch Thế Tôn! Con biết.

- Ngươi hãy hát lên xem nào?

Thanh niên Uttara hát lên câu hát đối theo trí tuệ của y đã nghĩ ra, Bậc Đạo Sư phán dạy y rằng:

- Nầy Uttara! Đó không phải là lời giải đáp câu hát đối của Long Nữ đâu. Nầy Uttara, ngươi hãy đọc câu hát nầy, đó là lời giải đáp.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Nầy Uttara! Khi Long Nữ hát đố xong, ngươi hãy hát lại rằng: *"Người chế ngự được sáu căn gọi là Vua, Đức Vua có dục vọng gọi là có bụi trên đầu. Người không có dục vọng gọi là người bô trần cá. Người có dục vọng gọi là người ngu"*.

Câu hát đố của Long Nữ, theo Pāli là như vậy:

"Kiṃsu edhipatīrājā Kiṃsu rājā rajassiro Kedhaṃ su?".

"Người như thế nào gọi là vua? Như thế nào gọi là vua có bụi trên đầu? Như thế nào gọi là vua không có bụi".

Câu Đáp giải là:

"Chavārādhipatī Rajamāno rajassiro Arajaṃ".

"Người làm chủ được sáu căn và cả sáu cảnh như sắc… dù chỉ một căn cũng không thể xâm nhập được, người ấy gọi là vua. Vị vua có dục vọng gọi là có bụi trên đầu. Người có dục vọng gọi là người ngu".

Bậc Đạo Sư dạy câu hát đáp ấy cho chàng thanh niên Uttara xong rồi, Ngài phán rằng:

- Nầy Uttara! Khi ngươi hát lên câu hát giải đáp nầy rồi, Long Nữ sẽ hát đố tiếp rằng: "Cái gì người ngu bị cuốn trôi? Bậc trí thường giải trừ như thế nào? Ta hỏi chàng, hãy vui lòng trả lời câu hỏi của ta".

Khi ấy, ngươi hãy đáp lại như vậy: *"Người ngu bị dòng nước tức dục bộc… cuốn trôi. Bậc trí thường giải trừ (bộc lưu) ấy với sự tinh tấn. Bậc trí hằng không có sự trói buộc, Ngài gọi là người có sự an lạc khỏi bị trói buộc".*

Câu này có ý nghĩa như vậy:

"Người ngu thường bị bộc lưu (phiền não ví như dòng nước), có bốn loại bộc là: Dục bộc, hữu bộc, kiến bộc và vô minh bộc cuốn trôi chúng sanh. Bậc trí thường giải trừ bộc lưu ấy với sự tinh cần, tức là Sammappadhāna (Tứ Chánh cần). Bậc trí không có sự trói buộc như dục kết… Ngài gọi người như thế là người có sự an lạc khỏi trói buộc".

Chàng thanh niên Uttara đang học thuộc câu hát đối như thế, thì chứng đạt được Quả vị Tu Đà Hườn. Khi học thuộc kệ ngôn rồi, chàng đảnh lễ Đức Thế Tôn, từ giã ra đi đến nơi Long Vương nổi lên.

Chàng đứng giữa đại chúng đông đảo, khi ấy Long Nữ đang nhảy múa, hát rằng: *Người như thế nào gọi là Vua?".* Chàng Uttara đáp rằng: *"Người làm chủ được sáu căn gọi là Vua".*

Long Nữ hát tiếp rằng:

"Như thế nào gọi là Đức Vua có bụi trên đầu?"- "Đức Vua có dục vọng, gọi là có bụi trên đầu"…

Long Nữ lại hát đố tiếp câu thứ hai rằng:

"Cái gì người ngu bị cuốn trôi?..."

Thanh niên Uttara đáp lại rằng:

- *Người ngu bị dòng nước cuốn trôi…*

Nghe được những lời hát giải đáp của thanh niên Uttara, Long Vương Erakapatta biết rằng: Đức Phật đã khởi hiện trên thế gian, tâm y vô cùng hoan hỷ rằng: *"Ta chưa từng được nghe câu kệ giải đáp nầy suốt cả khoảng thời gian dài không có Đức Phật, nay có được kệ ngôn nầy, hẳn là Đức Phật đã xuất hiện".* Y liền tuyên bố giữa đại chúng rằng:

- Nầy quý vị, Đức Phật đã hiện khởi trên thế gian rồi.

Y hoan hỷ dùng đuôi đập mạnh xuống nước, nước dạt thành hai ngọn sóng lớn cuốn tấp lên hai bên bờ, đại chúng khoảng 1 usebha cả hai bên bờ đều rơi xuống nước, Long Vương dùng mang của mình để đại chúng lên trên đó như là lên chiếc thuyền, rồi đưa đại chúng lên bờ. Long Vương tìm đến thanh niên Uttara, hỏi rằng:

- Nầy chàng trẻ tuổi! Bậc Đạo Sư hiện đang ngụ nơi đâu?

- Ngài đang ngự dưới gốc cây phượng vĩ, là một trong bảy cây phượng nổi tiếng, gần thành Bārāṇasī.

- Hãy đến đây chàng trẻ tuổi, chàng hãy đưa ta đến nơi ngụ của Đức Thế Tôn. Long Vương đi vào giữa hào quang sáu màu, đảnh lễ Đức Thế Tôn, rồi đứng lặng mà khóc. Bậc Đạo Sư phán hỏi rằng:

- Nầy Long Vương! Chuyện chi ngươi lại sầu thảm như thế?

- Bạch Thế Tôn! Trước đây con là một vị Tỳ khưu trong Giáo Pháp của Đức Thế Tôn hiệu Kassapa, con đã hành Sa môn Pháp trọn cả 20 ngàn năm, Sa môn Pháp ấy không thể hộ trì cho con được, chỉ vì con đã dễ duôi, không sám hối tội làm đứt cọng cỏ tranh. Nay con lại phải sanh vào Bàng sanh giới, là hạng người vô nhân, thuộc loài bò trườn, không được làm người để được nghe Chánh Pháp, không được gặp Phật như Ngài suốt cả một thời gian dài rồi.

Nghe Long Vương bạch như thế, Bậc Đạo Sư phán rằng:

- Nầy Long Vương! Quả thật như thế, được sanh làm người là điều khó. Được nghe Chánh pháp là điều khó, được thấy Đức Phật là điều khó. Cả ba điều nầy, người hằng khó đạt được.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Kiccho manussapaṭilābho	*"Khó thay được làm người!*
Kicchaṃ maccāna jīvitaṃ	*Khó thay sống vui tươi!*
Kicchaṃ saddhammassavanaṃ	*Khó thay nghe diệu pháp!*
Kiccho buddhānamuppādo".	*Khó thay Phật ra đời!".*

182. Được sanh làm người quả thật hiếm hoi. Kiếp sống làm người quả thật khó. Nghe được chân lý tối thượng quả là khó. Hy hữu thay, có được vị Phật ra đời".

CHÚ GIẢI:

Ý nghĩa kệ ngôn nầy nên hiểu như sau:

"Được xác thân làm người là khó", vì được sanh làm người rất khó, người cần phải tinh cần với nhiều thiện pháp.

"Sự sống thọ của chúng sanh thật là khó", vì rằng phải làm những việc làm hằng ngày để duy trì được mạng sống, sự sống nầy quá mỏng manh.

"Được nghe Chánh Pháp cũng là điều khó", vì khó tìm người nói pháp, cả kiếp cũng khó tìm được.

Lại nữa, được gặp Phật ra đời cũng là điều khó vô cùng, vì phải có hành đủ Pháp độ với sự tinh tấn nhiều. Và khi người có được pháp độ như thế rồi, cũng chẳng phải

gặp được vị Chánh Đẳng Giác xuất hiện, có khi phải trải qua thời gian cả ngàn koti kiếp.

Dứt pháp thoại có 84 ngàn chúng sanh an trú vào Thánh Quả. Lẽ ra, Long Vương Erakapatta cũng chứng đạt Dự Lưu, nhưng vì phải mang thân thú, Long Vương ấy có năm chướng ngại với thân Rồng là phải xuất hiện nguyên hình tướng với năm trường hợp: khi tái sanh, khi lột da, khi ngủ mê, khi giao hợp cùng Long nữ cùng chủng và khi chết. Vì Long Vương khó mang thân Rồng đi đây đi đó, nên Long Vương Erakapatta thường hóa thân thành thanh niên để đi.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Kiếp trước làm sư rủi lỡ tay
Bứt chằm cỏ lát, bỏ đi ngay.
Vì không sám hối, sau sa đọa,
Mang lốt Long Vương, khổ lắm thay!
Muốn biết chừng nào Phật ra đời,
Cho con hát đố kén chồng người,
Đến khi gặp Phật và nghe pháp,
Tủi hổ thân mình, nước mắt rơi!
Thân người khó được lắm ai ơi,
Sống được lâu dài khó chẳng chơi,
Pháp Phật được nghe là chuyện khó.
Khó mà gặp Phật tổ ra đời.

DỨT TÍCH LONG VƯƠNG ERAKAPATTA

☸

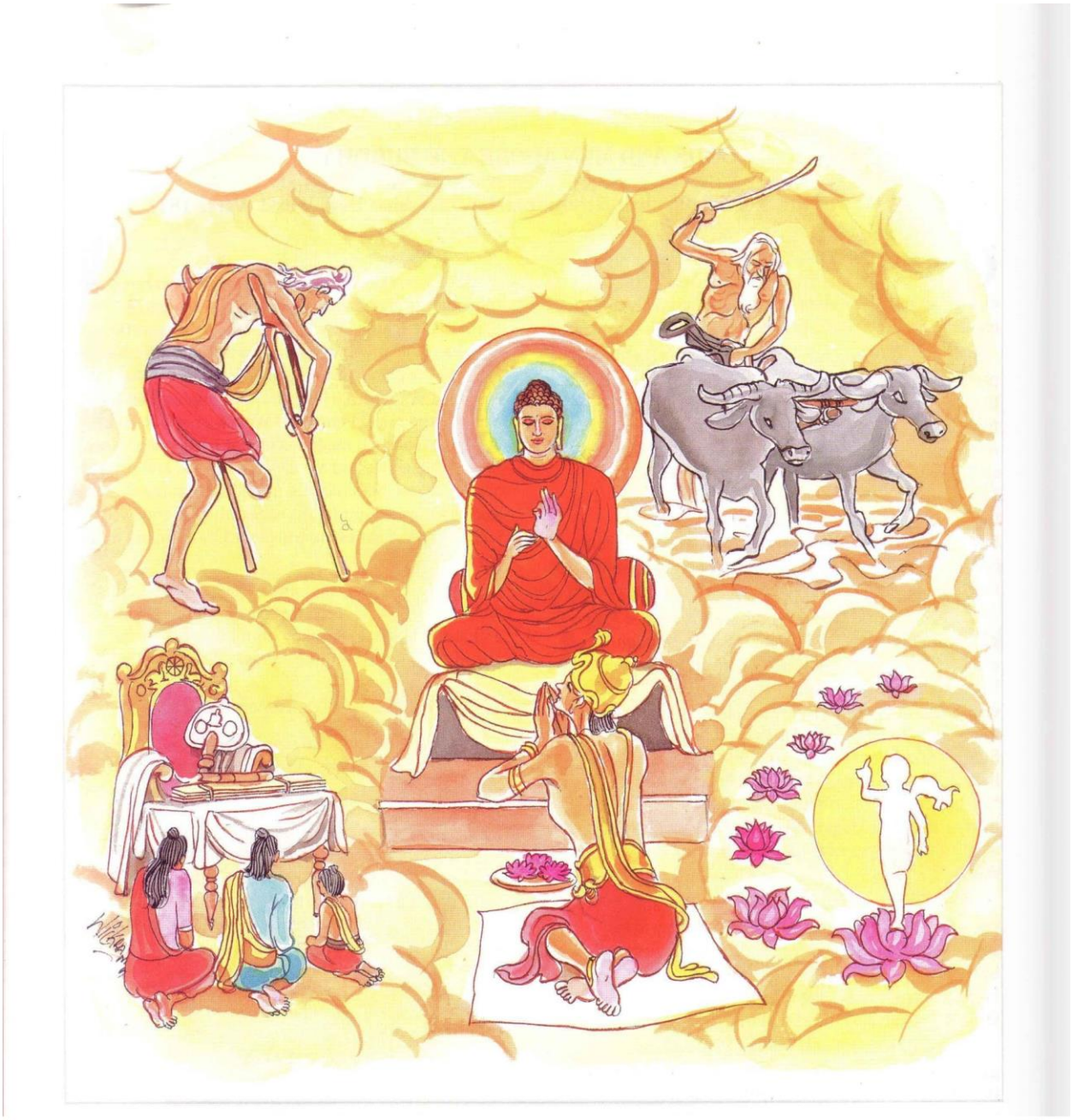

182. Sinh làm người thật khó và hiếm thay. Cũng vậy, Phật Pháp thật hiếm có thay.

XIV.4- VỀ CÂU HỎI CỦA TRƯỞNG LÃO ĀNANDA

(Ānandattherassapañhavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 183-184-185)

183. "Sabbapāpassa akaraṇaṃ,	***"Không làm mọi điều ác,***
Kusalassa upasampadā,	***Thành tựu các hạnh lành,***
Sacittapariyodapanaṃ,	***Tâm ý giữ trong sạch,***
Etaṃ buddhāna sāsanaṃ".	***Chính lời chư Phật dạy".***
184. "Khantī paramaṃ tapo titikkhā,	***"Chư Phật thường giảng dạy,***
Nibbānaṃ, paramaṃ vadanti buddhā,	***Nhẫn, khổ hạnh tối thượng,***
Na hi pabbajito parūpaghātī,	***Niết bàn quả tối thượng,***
Na samaṇo hoti paraṃ viheṭhayanto".	***Xuất gia không phá người,***
	Sa môn không hại người".
185. "Anūpavādo anūpaghāto,	***"Không phỉ báng, phá hoại,***
Pātimokkhe ca saṃvaro,	***Hộ trì giới căn bản,***
Mattaññutā ca bhattasmiṃ,	***Ăn uống có tiết độ,***
Pantañca sayanāsanaṃ,	***Sàng tọa chỗ nhàn tịnh***
Adhicitte ca āyogo,	***Chuyên chú tăng thượng tâm,***
Etaṃ buddhāna sāsanaṃ".	***Chính lời chư Phật dạy".***

Kệ ngôn Pháp cú nầy, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự an tại Jetavana, đề cập đến câu hỏi của Trưởng Lão Ānanda.

Tương truyền rằng: Một hôm Trưởng Lão Ānanda ngồi nơi chỗ ngụ ban ngày, khởi lên suy nghĩ rằng:

- Bậc Đạo Sư chỉ tuyên thuyết về bảy sự kiện của mỗi vị Phật là: Cha, mẹ, tuổi thọ, cây Bồ Đề, cuộc đại hội, Thượng Thinh Văn và đại thí chủ. Nhưng Ngài không nói gì về Uposatha, Uposatha của chư Phật quá khứ có giống như Uposatha của Đức Thế Tôn hiện tại chăng? Hay là có sự khác biệt nhỉ?

Trưởng Lão bèn đi đến nơi ngự của Đức Thế Tôn, đảnh lễ Bậc Đạo Sư xong rồi, trình lên sự suy nghĩ của mình. Đức Thế Tôn giảng rằng: *"Chư Phật quá khứ có sự khác biệt về thời gian, nhưng lời dạy thì không sai khác. Bậc Chánh Đẳng Vipassī cứ bảy năm Ngài hành Uposatha 1 lần, vì lời Giáo giới của Ngài chỉ ban trong 1 ngày được tồn tại cả 7 năm. Bậc Chánh Đẳng Giác Sikhā và Đấng Chánh Đẳng Giác Vessaphū cứ 6 năm Ngài hành Uposatha 1 lần, vì lời Giác giới của các Ngài chỉ trong 1 ngày được tồn tại suốt 6 năm. Bậc Chánh Đẳng Giác Kakusandha và Đấng Chánh Đẳng Giác Koṇāgamana cứ mỗi năm Ngài hành Uposatha 1 lần, lời giáo giới của Ngài chỉ trong 1 ngày được tồn tại suốt 1 năm. Đấng Chánh Đẳng Giác Kassapa thì cứ 6 tháng Ngài ban hành Giáo giới 1 lần, vì lời Giáo Giới trong 1 ngày của Ngài có được sự tồn tại suốt 6 tháng…".*

Đức Thế Tôn thuyết lên sự sai biệt thời gian ban Giáo giới của chư Phật quá khứ, rồi Ngài dạy rằng:

- Còn Uposatha của Đấng Như Lai hiện tại, cứ nữa tháng thì hành một lần, vì lời dạy của Như Lai chỉ trong một ngày được tồn tại suốt nữa tháng. Nầy Ānanda! Còn tất cả lời giáo giới của chư Phật đều như nhau cả.

183. "Sabbapāpassa akaraṇaṃ, Kusalassa upasampadā, Sacittapariyodapanaṃ, Etaṃ buddhāna sāsanaṃ".	*"Không làm mọi điều ác,* *Thành tựu các hạnh lành,* *Tâm ý giữ trong sạch,* *Chính lời chư Phật dạy".*
184. "Khantī paramaṃ tapo titikkhā, Nibbānaṃ, paramaṃ vadanti buddhā, Na hi pabbajito parūpaghātī, Na samaṇo hoti paraṃ viheṭhayanto".	*"Chư Phật thường giảng dạy,* *Nhẫn, khổ hạnh tối thượng,* *Niết bàn quả tối thượng,* *Xuất gia không phá người,* *Sa môn không hại người".*
185. "Anūpavādo anūpaghāto, Pātimokkhe ca saṃvaro, Mattaññutā ca bhattasmiṃ, Pantañca sayanāsanaṃ, Adhicitte ca āyogo, Etaṃ buddhāna sāsanaṃ".	*"Không phỉ báng, phá hoại,* *Hộ trì giới căn bản,* *Ăn uống có tiết độ,* *Sàng tọa chỗ nhàn tịnh* *Chuyên chú tăng thượng tâm,* *Chính lời chư Phật dạy".*

183. Không làm điều ác. Trau dồi việc thiện. Thanh lọc tâm. Đó là lời Giáo Huấn của chư Phật.

184. Hành Pháp nhẫn nại là khổ hạnh cao thượng nhất. Níp Bàn là tối thượng, chư Phật dạy. Đúng vậy, người gây tổn hại cho kẻ khác không phải là bậc xuất gia. Bậc Sa Môn không hề áp bức ai.

185. Không lăng mạ, không gây tổn hại, tự thu thúc đúng theo Giới Luật Căn Bản, ẩm thực tiết độ, sống ẩn dật, chuyên cần chú niệm cao thượng. Đó là Giáo Huấn của chư Phật.

☸

CHÚ GIẢI:

Sabbapāpassa: Tức là mỗi điều ác pháp.

Làm cho thiện pháp phát sanh, kể từ khi xuất gia cho đến khi chứng đắc A La Hán Quả, và khi tạo thiện pháp phát sanh rồi hãy làm cho tăng trưởng thiện pháp ấy, gọi là upasampadā.

Giữ tâm cho trong sạch thoát ra năm pháp cái, gọi là Sacittapariyodapanaṃ.

Etaṃ buddhāna sāsanaṃ: Đây là lời dạy của chư Phật.

Khantī: Gọi là sự kiên trì, tức nhẫn nại. Đây là hạnh cao thượng trong Giáo Pháp.

Nibbānaṃ paramaṃ vadanti buddhā: Cả ba bậc Toàn Giác, Độc Giác và Thinh Văn Giác thường nói về Níp Bàn là pháp cao thượng.

Na hi pabbajito: Người tác hại chúng sanh khác bằng những vật như dao, gươm, gậy, trượng... gọi là người gây hại kẻ khác, không gọi là bậc xuất gia.

Samaṇo: Người áp bức chúng sanh khác, không phải là bậc Sa môn.

Tự mình không chỉ trích và không bảo kẻ khác chỉ trích, gọi là anūpavādo.

Pātimokkhe tức là Giới làm chủ. Sự gìn giữ gọi là Saṃvaro. Người biết tri túc, biết đủ gọi là mattaññutā.

Panthañ tức là vắng lặng.

Adhicitte nghĩa là tâm an trụ, tức là tâm tương ưng với 8 bậc thiện.

Āyogo: Gọi là tinh cần.

Etaṃ: Nghĩa là lời dạy của chư Phật trong kệ ngôn nầy.

Đức Thế Tôn nói về Giới thuộc khẩu bằng anūpavāda, nói về Giới thuộc về thân là anūpaghāta, nói về giới thuộc thu thúc lục căn bằng câu nầy: Pātimokkha ca saṃvaro. Nói về Giới nuôi mạng chân chánh và Giới quán tưởng khi thọ lãnh tứ sự bằng câu Mattaññutā, nói về chỗ ngụ thanh vắng bằng câu pantasehāsana. Nói về Tám bậc Thiền bằng Adhicitta. Cả ba điều học nầy, Ngài đã nói lên như thế.

Dứt kệ ngôn, nhiều vị Tỳ Khưu chứng đắc Thánh Quả như là Quả Dự Lưu.

☸

DỨT TÍCH VỀ CÂU HỎI CỦA TRƯỞNG LÃO ĀNANDA

ꕥ☸ꕥ

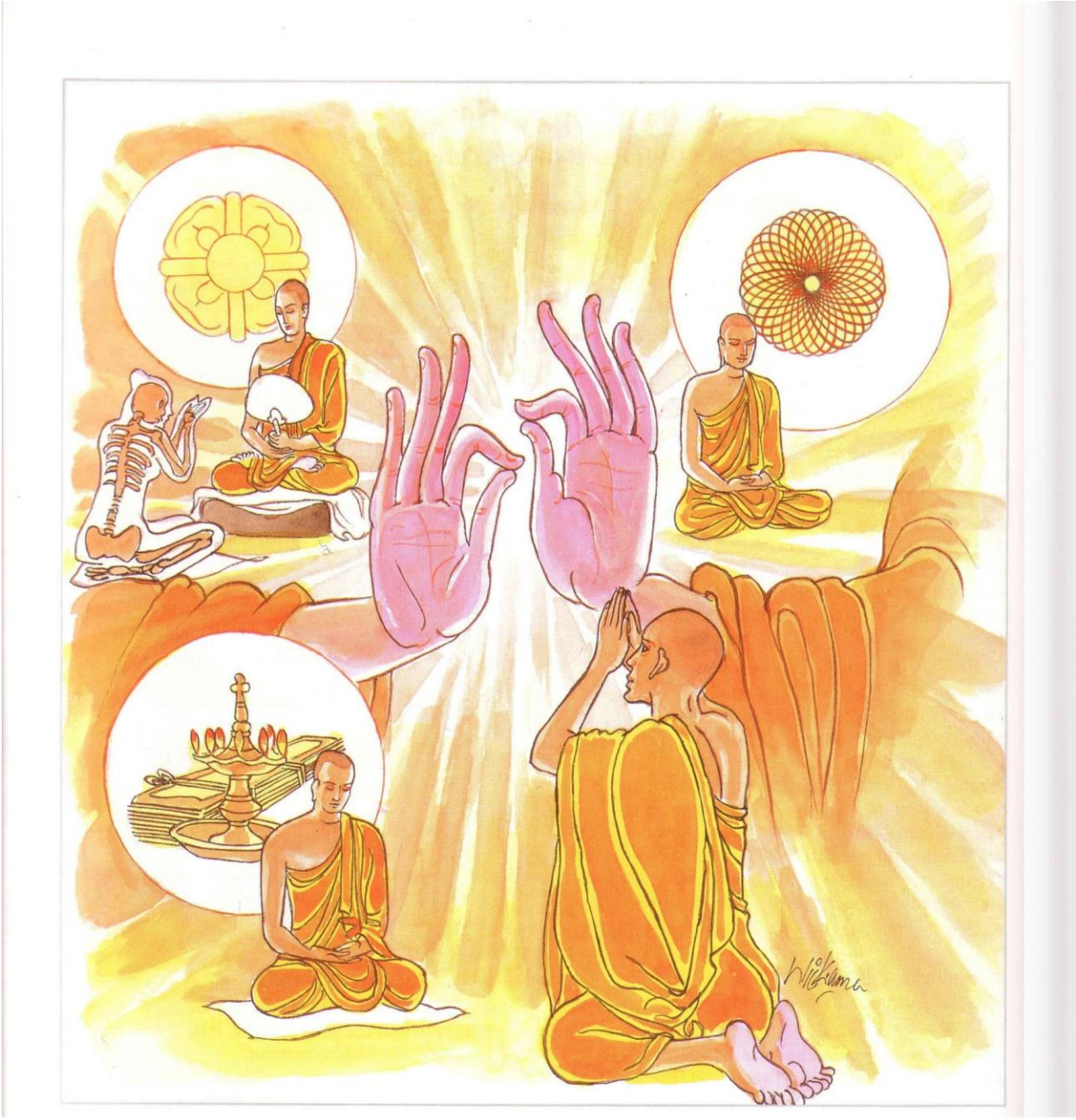

183. Không làm mọi điều ác. Hãy thực hiện hạnh lành. Làm trong sạch tâm ý. Đây là lời dạy của Chư Phật.



184. Nhẫn nhục là hạnh tu tập tối thượng. Bậc chân tu không bao giờ hại người khác.

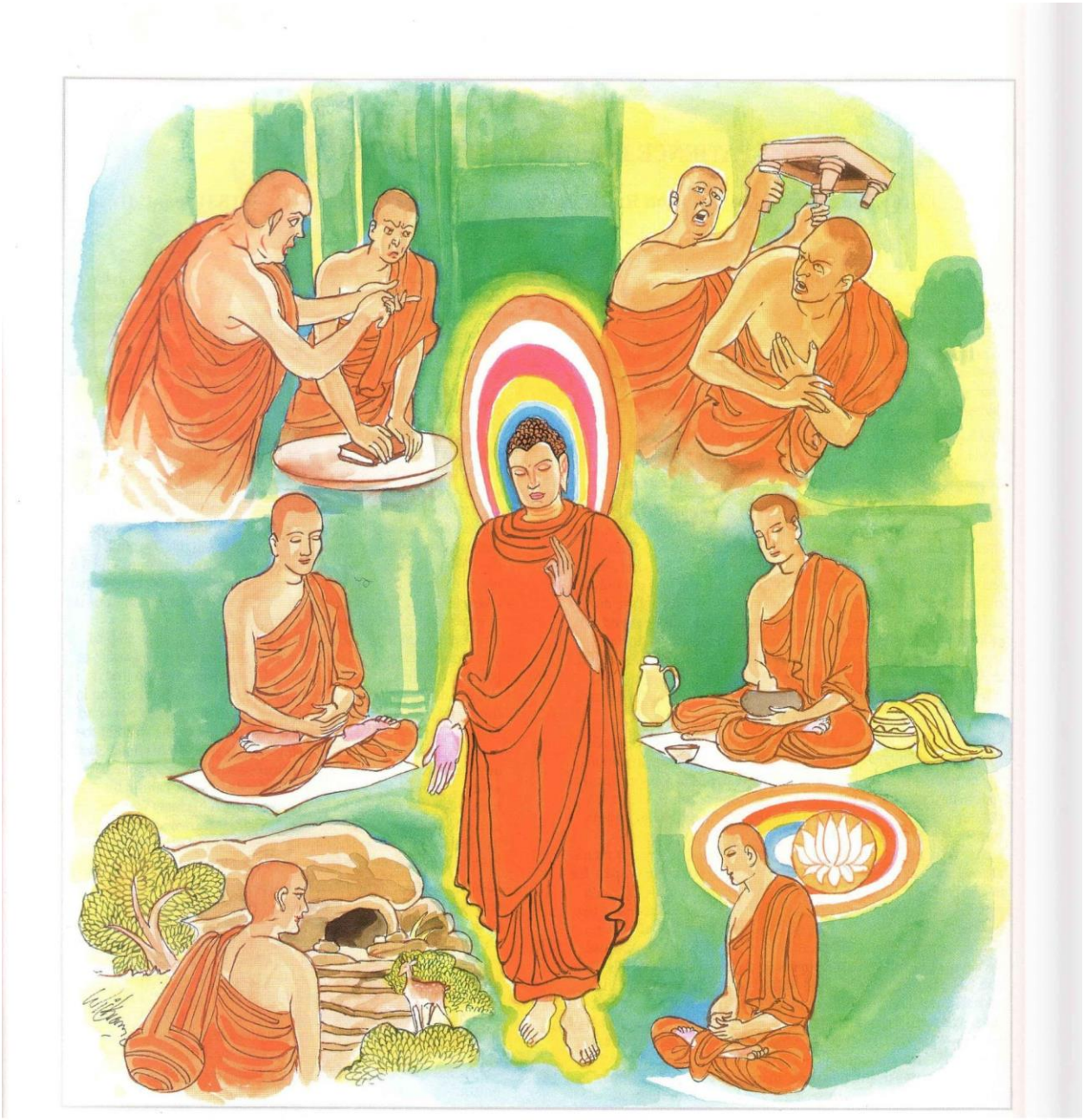

185. Tiết độ ăn uống, tinh cần tu học, sống theo giới luật, không làm hại ai, tức là hoàn thành ý nguyện của Đức Phật.

XIV.5- VỊ TỲ KHƯU KHÔNG HOAN HỶ

(Anabhiratabhikkhuvatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 186-187)

186. "Na kahāpaṇavassena,	***"Dầu mưa bằng tiền vàng,***
Titti kāmesu vijjati;	***Các dục khó thỏa mãn.***
Appassādā dukhā kāmā,	***Dục đắng nhiều ngọt ít,***
Iti viññāya paṇḍito".	***Biết vậy là bậc trí".***
187. "Api dibbesu kāmesu,	***"Đệ tử bậc chánh giác,***
Ratiṃ so nādhigacchati;	***Không tìm thấy dục lạc,***
Taṇhakkayarato hoti,	***Dầu là dục Chư Thiên,***
Sammāsambuddhasāvako".	***Chỉ ưa thích ái diệt".***

Kệ ngôn Pháp cú nầy Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài trú tại Jetavana, đề cập đến vị Tỳ khưu không hoan hỷ (trong đời sống Phạm Hạnh).

Vào thời Đức Phật, có vị Tỳ khưu xuất gia, thọ Cụ túc giới, vị Tế Độ Sư bảo rằng:

- Hiền giả hãy đến nơi ấy để học xiên thuật (uddana).

Vị Tỳ khưu ấy vâng lời. Khi song thân vị ấy lâm trọng bịnh, muốn gặp mặt con, nhưng không có người đến nhắn tin được, song thân vì thương nhớ vị Tỳ khưu ấy, nên khi sắp lâm chung, bảo lại với người em trai rằng:

- Nầy em, em hãy dâng y bát đến con trai ta nhé.

Song thân vị ấy trao lại người em số tiền là 100 Kahāpana rồi mệnh chung.

Khi vị Tỳ khưu trở về, người chú quỳ dưới chân vị ấy mà than khóc rằng:

- Bạch Ngài! Vì sầu muộn do thương nhớ Ngài, nên song thân của Ngài đã qua đời. Cha Ngài có trao lại cho Ngài số tiền là 100 Kahāpana, vậy tôi sẽ phải làm thế nào với món tiền nầy đối với Ngài đây.

- Nầy chú! Thôi được, tôi chẳng cần chi số tiền ấy đâu.

Thời gian sau, vị ấy suy nghĩ: *"Lợi ích chi mà ta phải đi bát từng nhà để nuôi mạng sống, ta có thể nhờ vào 100 Kahāpana để nuôi mạng sống cũng được. Vậy ta hãy hoàn tục đi".*

Thế là, vị ấy không còn hoan hỷ trong đời sống phạm hạnh nữa, y bỏ trì tụng kinh điển và bỏ rơi việc Thiền Định, chẳng bao lâu y trở nên ốm o gầy còm, chư Tỳ khưu trẻ và các Sa di hỏi thăm, vị ấy bày tỏ ý mình rằng: *"Tôi bị cảm dục, tôi muốn hoàn tục".*

Chư Tỳ khưu cùng các Sa di mang vị Tỳ khưu ấy đến trình bạch cùng với Đức Thế Tôn. Bậc Đạo Sư phán hỏi rằng:

- Nầy Tỳ khưu! Có thật chăng? Được nghe nói rằng ngươi bị cảm dục nên muốn lìa bỏ đời sống phạm hạnh.

- Bạch Thế Tôn! Có thật như vậy.

- Nầy Tỳ khưu! Vì sao ngươi lại hành động như thế? Ngươi có chi làm duyên để nuôi mạng chăng?

- Bạch Thế Tôn! Có.

- Vậy ngươi có cái chi?

- Thưa con có được 100 Kahāpana, bạch Thế Tôn.

- Nếu thế, ngươi hãy mang một số sỏi, ngươi hãy tính thử xem. Ngươi có thể nuôi mạng sống với số Kahāpana bấy nhiêu chăng? Hay là không thể đủ nuôi mạng sống.

Vị Tỳ khưu ấy mang sỏi đến, Bậc Đạo Sư phán dạy y rằng:

- Ngươi hãy bỏ ra 50 đồng vàng mua vật thực trước, bỏ ra 25 đồng vàng mua đôi bò, bỏ ra bao nhiêu đây để mua hạt giống, bấy nhiêu đây để mua ách và cày, bấy nhiêu mua cuốc, bấy nhiêu mua rựa và búa. Khi ngươi tính như vậy rồi, thì 100 Kahāpana nầy cũng không đủ được.

Rồi Bậc Đạo Sư phán dạy vị Tỳ khưu ấy rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Số Kahāpana mà ngươi có được quá ít, ngươi nhờ số Kahāpana nầy để tầm cầu thì làm sao thỏa mãn được. Được nghe rằng: Thời trước bậc trí làm Vua Chuyển Luân, chỉ cần vỗ tay thì mưa bảy báu rơi xuống ngập đến ngang lưng trong khoảng 12 do tuần, dù cho vị Chuyển Luân Vương ấy làm chúa nữa cõi Đao Lợi suốt khoảng thời gian của 36 vị Đế Thích, nhưng cũng không hề thỏa mãn, phải mệnh chung.

Theo lời thỉnh cầu của chư Tỳ khưu, Đức Thế Tôn thuyết lên Bổn Sanh Đức Vua Mandhātu theo chi tiết rằng:

"Mặt trời và mặt trăng (thường xoay tròn) rọi sáng các hướng như thế nào, tất cả chúng sanh sống trên trái đất nầy thường là kẻ nô lệ của Vua Mandhātu như vậy".

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

186. "Na kahāpaṇavassena,
Titti kāmesu vijjati;
Appassādā dukhā kāmā,
Iti viññāya paṇḍito".

"Dầu mưa bằng tiền vàng,
Các dục khó thỏa mãn.
Dục đắng nhiều ngọt ít,
Biết vậy là bậc trí".

187. "Api dibbesu kāmesu,
Ratiṃ so nādhigacchati;
Taṇhakkayarato hoti,
Sammāsambuddhasāvako".

"Đệ tử bậc chánh giác,
Không tìm thấy dục lạc,
Dầu là dục Chư Thiên,
Chỉ ưa thích ái diệt".

186-187. Trận mưa bạc mưa vàng không làm cho hạnh tri túc phát sanh đến người dục lạc. Khoái lạc vật chất đem lại chút ít êm đềm và nhiều đau khổ. Biết như

thế, người thiện khí không tìm được thỏa mãn trong khoái lạc, dầu ở cảnh giới trời. Hàng môn đệ của Đấng Toàn Giác hoan hỉ tận diệt ái dục.

☸

CHÚ GIẢI:

Kahāpaṇavassena: Nghĩa là bậc trí vỗ tay khiến cho mưa bảy báu rơi xuống, mưa bảy báu nầy Ngài gọi là Kahāpanavassena trong bài kệ nầy. Gọi là dục và phiền não dục cũng không sao thỏa mãn được, dù là mưa bảy báu. Chính sự tham dục ấy khó được thỏa mãn như vậy.

Appassādā: Tức là có sự vui ít, vì giá trị của dục ví như giấc mộng…

Dukhā: Tức gọi là khổ thì có nhiều, chắc chắn do tác động của khổ đưa đến như trong bài kinh Đại khổ uẩn…

Iti viññāya: Tức là biết rõ các dục với điều như thế.

Api dibbesu: Nghĩa là nếu có ai mời thiên dục, dù như vậy, các Ngài vẫn không hoan hỷ trong các dục ấy, giống như Ngài Samiddhi được Chư Thiên mời.

Taṇhakkhayarato: Nghĩa là người hoan hỷ nhất với A La Hán và Níp Bàn, tức là mong muốn A La Hán với Níp Bàn.

Vị Tỳ khưu hành giả chứng quả được nghe do Pháp của Đức Chánh Đẳng Giác thuyết. Đó gọi là đệ tử của Bậc Chánh Đẳng Giác.

Dứt Pháp thoại vị Tỳ khưu ấy chứng Quả Dự Lưu. Pháp thoại mang lại nhiều lợi ích cho thính chúng.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Cha chết, còn tiền để lại sư,
Trăm đồng, không thiếu, cũng không dư,
Sư toan hoàn tục, tùn sinh kế,
Bất mãn đời tu mãi nhẫn từ.
Phật chỉ cho sư cách tính tiền,
Năm mươi đồng chẵn để ăn liền,
Lúa, bò hăm bốn và hăm bốn,
Cày, cuốc, rìu, sau sẽ tậu riêng...
Phật dạy: Bấy nhiêu có đủ gì?
Dầu mưa vàng bạc lút chân đi,
Cũng chưa thõa mãn lòng tham dục!
Bậc trí không còn tham ái si...

DỨT TÍCH VỊ TỲ KHƯU KHÔNG HOAN HỶ

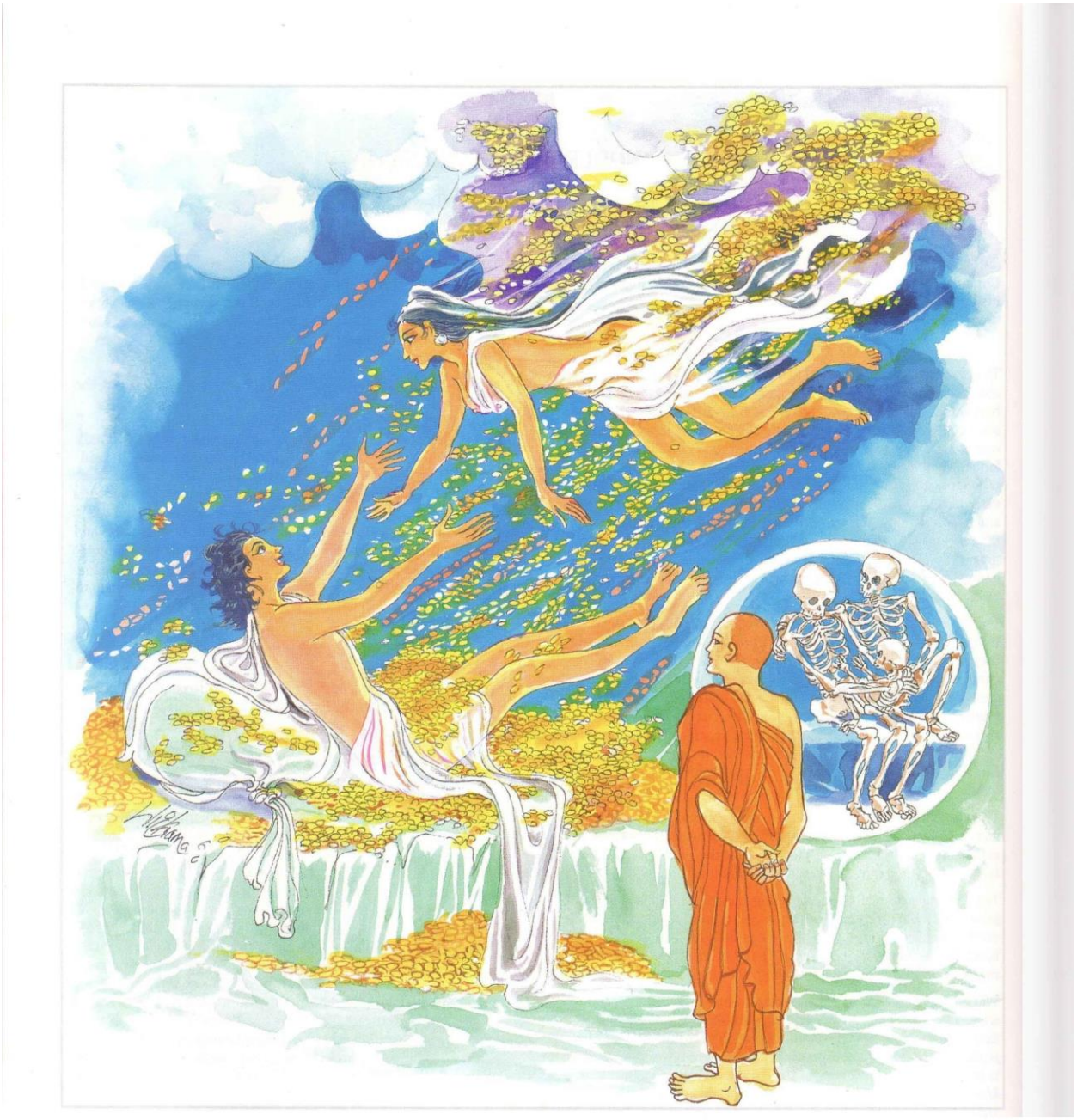

186. Bọn người kia không hề thỏa mãn dù được trận mưa vàng hay sống buông thả theo dục lạc vô độ.

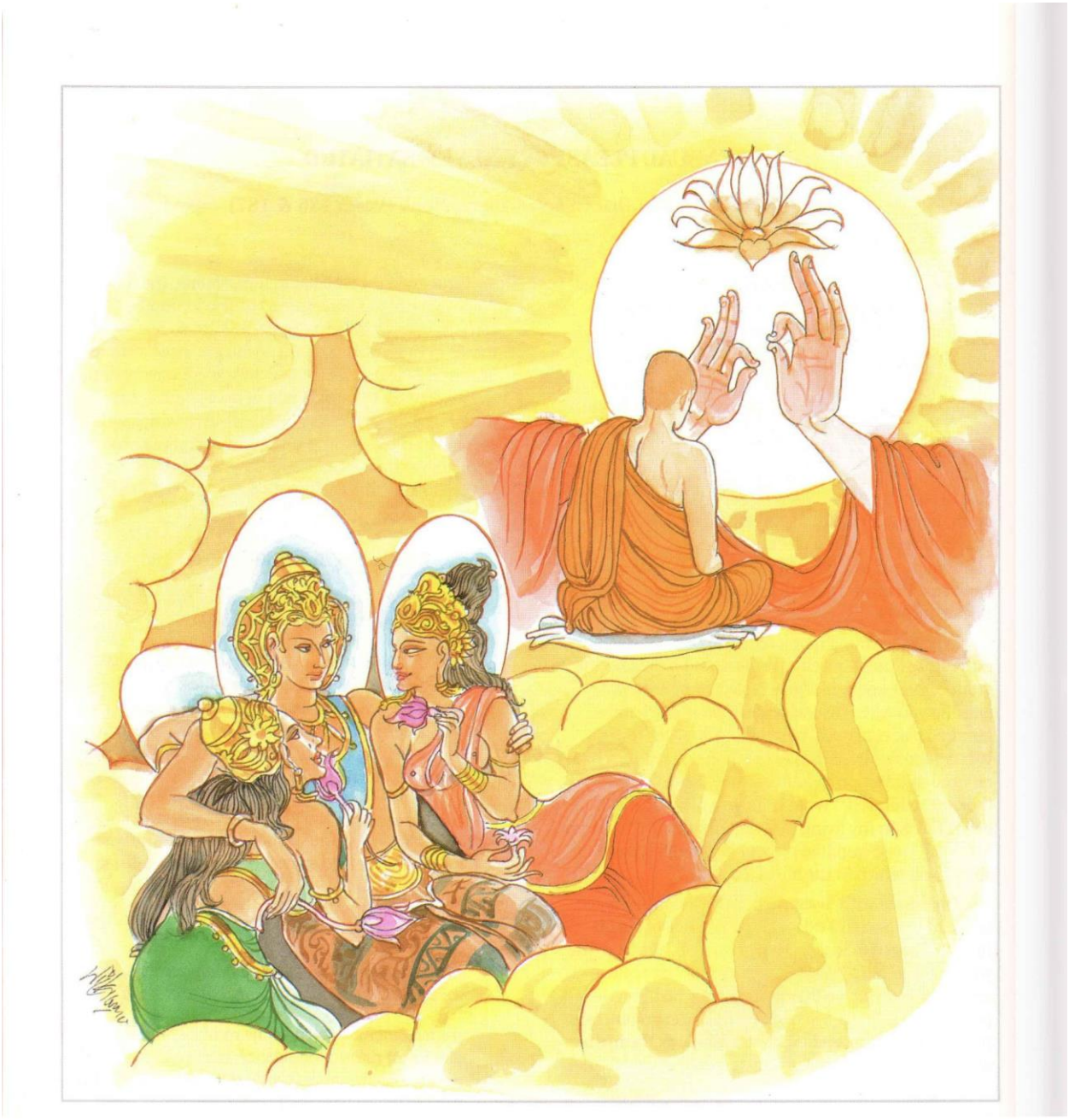

187. Các đệ tử chân chánh của Đức Phật không ham muốn dù là dục lạc Thiên giới.

XIV.6- QUỐC SƯ AGGIDATTA

(Aggidattapurohitavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 188-189-190-191-192)

188. "Bahuṃ ve saraṇaṃ yanti, **Pabbatāni vanāni ca;** **Ārāmarukkhacetyāni,** **Manussā bhayatajjitā".**	***"Loài người sợ hoảng hốt,*** ***Tìm nhiều chỗ quy y,*** ***Hoặc rừng rậm, núi non,*** ***Hoặc vườn cây, đền tháp".***
189. "Netaṃ kho saraṇaṃ khemaṃ, **Netaṃ saraṇamuttamaṃ;** **Netaṃ saraṇamāgamma,** **Sabbadukkhā pamuccati".**	***"Quy y ấy không ổn,*** ***Không quy y tối thượng.*** ***Quy y các chỗ ấy,*** ***Không thoát mọi khổ đau".***
190. "Yo ca buddhañca dhammañca, **Saṅghañca saraṇaṃ gato;** **Cattāri ariyasaccāni,** **Sammappaññāya passati".**	***"Ai quy y Đức Phật,*** ***Chánh Pháp và chư Tăng,*** ***Ai dùng chánh tri kiến,*** ***Thấy được bốn Thánh đế".***
191. "Dukkhaṃ dukkhasamuppādaṃ, **Dukkhassa ca atikkamaṃ;** **Ariyaṃ caṭṭhaṅgikaṃ maggaṃ,** **Dukkhūpasamagāminaṃ".**	***"Thấy khổ và khổ tập,*** ***Thấy sự khổ vượt qua,*** ***Thấy đường Thánh tám ngành,*** ***Đưa đến khổ não tận".***
192. "Etaṃ kho saraṇaṃ khemaṃ, **Etaṃ saraṇamuttamaṃ;** **Etaṃ saraṇamāgamma,** **Sabbadukkhā pamuccati".**	***"Thật quy y an ổn,*** ***Thật quy y tối thượng,*** ***Có quy y như vậy,*** ***Mới thoát mọi khổ đau".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư thuyết lên khi Ngài ngự trú tại Jetavana, đề cập đến vị Quốc Sư của Đức Vua Pasenadi.

Tương truyền rằng: Aggidatta là vị Quốc Sư của Vua Mahākosala. Khi vua băng hà, ngai vương được trao lại cho Đức Vua Pasenadikosala, Đức Vua Pasenadi suy nghĩ rằng: *"Aggidatta là Quốc Sư của Vương Phụ",* nên Ngài vẫn ban cho vị ấy địa vị cũ, khi Quốc Sư Aggidatta đến, Đức Vua đứng dậy tiếp nghinh một cách tôn kính, thỉnh ngồi ngang hàng và phán rằng:

- Thưa Thầy! Xin Thầy hãy ngự vào nơi nầy.

Khi ấy, Quốc Sư Aggidatta suy nghĩ:

- Đức Vua nầy rất tôn kính ta, nhưng ta không thể nào làm hài lòng Đức Vua mãi mãi được. Lại nữa, Đức Vua là người còn trẻ, phải là người đồng trang lứa mới hợp với Ngài, đem lại sự an lạc và thoải mái khi Ngài cùng vị ấy bàn chuyện. Còn ta nay đã già, thôi ta hãy xin Ngài được phép xuất gia đi.

Quốc Sư Aggidatta xin Đức Vua cho mình được xuất gia, mặc cho Đức Vua nài nỉ can ngăn, sau cùng Đức Vua đành chiều theo ý của Aggidatta. Quốc Sư cho người

đánh trống truyền rao khắp kinh thành, mang tài sản của mình ra bố thí tất cả trọn bảy ngày, rồi ra đi xuất gia.

Bây giờ, có 10 ngàn tùy tùng của Quốc Sư cũng xuất gia theo hầu hạ Aggidatta. Du sĩ Aggidatta cùng với đại chúng tùy tùng tuần tự du hành đến xứ Anga, Magadha, Kuru, ban lời giáo huấn rằng:

- Nầy các con! Người nào khi có dục tầm... sanh khởi, người ấy đến bờ sông, múc một nồi cát đem lại đây.

- Thưa thầy! Vâng.

Thế là, trong khi dục tầm... sanh khởi, người đệ tử ấy múc nồi cát ở bờ sông mang đến đổ vào một nơi. Thời gian sau, đống cát trở nên to lớn, khi ấy có con Long Vương đến nơi đống cát ấy mà trú ngụ. Dân ba xứ lớn là Anga, Magadhu và Kuru đã hộ độ cúng dường các du sĩ ấy mỗi tháng. Aggidatta đã dạy cho nhóm đệ tử nương nhờ rằng:

- Các người hãy nương vào núi, rừng, chùa miếu, đền vắng, cội cây để được thanh tịnh. Các ngươi sẽ được chấm dứt đau khổ với cách nương nhờ như vậy.

Bấy giờ, Đức Đạo Sư đang ngự trú nơi Jetavana trong thành Sāvatthī. Vào rạng đông, Ngài dùng Phật nhãn quán xét thế gian, thấy được hình ảnh của Aggidatta cùng chúng đệ tử của ông trong võng tuệ của Ngài, Ngài biết được rằng: *"Những người nầy có duyên lành đắc A La Hán Quả"*. Vào buổi chiều, Ngài phán gọi Trưởng Lão Moggallāna rằng:

- Nầy Moggallāna! Ngươi có thấy Bà la môn Aggidatta dạy đại chúng của mình theo con đường phi pháp, là con đường phi giải thấy, không phải là con đường đưa đến bờ kia chăng? Ngươi hãy đến ban lời giáo huấn bọn họ đi.

- Bạch Thế Tôn! Nhóm đại chúng ấy quá đông, một mình con không thể chinh phục được. Nếu Ngài ngự đến thì sẽ chinh phục được nhóm ấy dễ dàng.

- Nầy Moggallāna! Như Lai sẽ đi cùng với ngươi, ngươi hãy đến nơi ấy trước đi.

Trưởng Lão Moggallāna vừa đi vừa suy nghĩ:

- Hội chúng nầy quá đông, họ có nhiều sức mạnh, nếu ta nói lời chi nghịch ý họ, họ sẽ nổi lên bênh vực nhau. Vậy ta hãy dùng thần lực của mình khiến cho mưa đá rơi xuống, khi những người ấy bị mưa đá sẽ chạy về trú trong Tịnh Xá của mình.

Trưởng Lão đi đến Tịnh thất của Aggidatta nói rằng:

- Nầy Aggidatta.

Nghe tiếng Trưởng Lão, Aggidatta hỏi lại: *"Ai đó?"*, vì y phát sanh ngã mạn trong tâm rằng: Trong thế gian nầy, không ai dám gọi ta là Aggidatta tục danh như thế. Vậy ai đã dám gọi tên ta như thế chứ?

- Nầy Bà la môn! Là Ta đây.

- Nầy ông! Ông vừa nói chi thế?

- Nầy Bà la môn! Ông hãy soạn nơi nghỉ cho ta đi, ta sẽ nghỉ lại nơi đây một đêm.

- Nầy ông, nơi đây không có chỗ nghỉ, mỗi tịnh thất chỉ vừa cho một người mà thôi.

- Nầy Aggidatta! Lẽ thường! Người đến chỗ người, bò đến chỗ bò, bậc xuất gia thì đến nơi trú của bậc xuất gia. Ông chớ nên xử sự với ta như thế. Ông hãy cho ta chỗ ngụ đi.

- Thế ông là bậc xuất gia hay sao?

- Đúng thế, ta là bậc xuất gia.

- Nếu ông là bậc xuất gia, thì túi Sa môn cụ của ông đâu?

- Ta có thật đấy, nhưng ta thấy rằng túi Sa môn cụ mang theo cồng cềnh, khó đi, do đó ta chỉ mang theo một số ít tư cụ Sa môn mà thôi, để đi du hành. Này bà la môn y cụ Sa môn ta mang theo trong tâm đây.

Nghe vậy, Bà la môn Aggidatta phát khởi sân tâm với Trưởng Lão:

- Ông không có đem theo vật dụng hay sao?

- Nầy Aggidatta! Ngươi chớ có sân hận với ta, hãy cho ta một chỗ trú đêm nay đi.

- Ở đây không có chỗ cho ngươi.

- Vậy thì, nơi đống cát ấy có ai nghỉ chăng?

- Ở đó có con Long Vương Ahichatta hung ác trú đấy.

- Thế thì, ông hãy cho ta chỗ ấy đi.

- Không được, vì Long Vương ấy hung dữ lắm.

- Không sao cả, ông hãy cho ta chỗ ấy đi.

- Nếu ông muốn nơi ấy thì tùy ông.

Trưởng Lão đi đến đống cát, Long Vương Ahichatta trông thấy Trưởng Lão đi đến, nó nổi cơn hung ác, suy nghĩ rằng: Vị Sa Môn nầy không biết có ta nơi nầy, toan chiếm chỗ trú của ta, ta sẽ phun khói làm vị nầy chết ngạt đi.

Long Vương liền phun khói độc ra, toan sát hại Trưởng Lão. Trưởng Lão suy nghĩ: *"Long Vương nầy tưởng rằng: Chỉ có ta có thể phun khói được, không ai có thể làm được như nó".* Ta sẽ phun khói ra thu phục nó.

Trưởng Lão vận thần lực phun khói ra đối kháng với luồng hung khói của Long Vương. Cả hai luồng khói bốc cao thấu đến Phạm Thiên Giới, nhưng hai luồng khói ấy chẳng tác hại gì đến ai cả, chỉ tác hại riêng đến Long Vương mà thôi. Long Vương không thể chịu đựng được sức mạnh của Trưởng Lão, liền phun lửa ra, Trưởng Lão liền nhập vào hỏa giới, phun lửa ra đấu với lửa Long Vương, ngọn lửa bốc cao lên Phạm Thiên Giới, rồi đốt vào thân của Long Vương. Long Vương như một thân đuốc rực sáng khổng lồ. Các du sĩ thấy cảnh ấy, suy nghĩ rằng:

- Long Vương hung dữ nầy sẽ thiêu đốt vị Sa môn kia, thật y chết cũng phải, vì chẳng chịu nghe lời chúng ta.

Bây giờ, Đại đức Moggallāna dùng thần lực của mình, chinh phục được Long Vương, Ngài ngồi trên đống cát. Long Vương dùng thân khoanh tròn đống cát, phùng mang ra thật lớn che trên đầu Đại Đức như mái che lớn.

Các du sĩ đi đến đống cát với sự suy nghĩ rằng:

- Chúng ta hãy đến xem ông Sa môn nầy chết chưa?

Khi trông thấy Trưởng Lão ngồi trên đống cát, được Long Vương che chở như thế, phát sanh tâm kính phục, chấp tay đảnh lễ tán dương rằng: *"Thưa Ngài Đại Sa Môn! Long Vương không làm hại Ngài được sao?"*.

- Các ngươi không thấy Long Vương đang che trên đầu của ta, với mang lớn y bảo vệ ta đó sao?

Các du sĩ đồng thanh tán thán rằng:

- Thật kỳ diệu thay! Bạch Ngài, thần lực của vị Sa môn nầy là như vậy, vị Sa môn đã chinh phục được Hung Long.

Các du sĩ đứng vây quanh Trưởng Lão với lời chúc tụng như thế. Đức Thế Tôn ngự đến, Trưởng Lão trông thấy Đức Thế Tôn từ xa đang ngự đến, Ngài đứng lên đảnh lễ Đức Thế Tôn. Các du sĩ hỏi Trưởng Lão rằng:

- Bạch Ngài! Vị Sa môn nầy còn cao quý hơn Ngài nữa sao?

- Thật vậy, vì Ngài là Bậc Đạo Sư của Ta! Ta chỉ là đệ tử của Ngài mà thôi.

Đức Thế Tôn ngồi yên trên đống cát, các du sĩ chấp tay đảnh lễ và tán dương Ngài rằng:

- Thần lực của vị đệ tử mà như thế thì còn nói gì đến thần lực của Bậc Đạo Sư như Ngài nữa chứ.

Đức Thế Tôn cho phán gọi Aggidatta đến phán dạy rằng:

- Nầy Aggidatta! Ngươi đã giáo huấn môn đệ và các tín thí hộ độ ngươi như thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Con đã giáo giới đại chúng tùy tùng như vầy: *"Các ngươi hãy nương vào nơi núi, rừng, đền, miếu... vì rằng: các ngươi nương vào đó sẽ được thanh tịnh, sẽ chấm dứt được đau khổ"*.

- Nầy Aggidatta! Ngươi đã đi đến các chỗ như núi rừng... nương tựa vào những nơi ấy không thể thoát khổ được. Còn nương vào Phật, Pháp, Tăng sẽ thoát khỏi khổ trong luân hồi. Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

188. "Bahuṃ ve saraṇaṃ yanti, Pabbatāni vanāni ca; Ārāmarukkhacetyāni, Manussā bhayatajjitā".	*"Loài người sợ hoảng hốt,* *Tìm nhiều chỗ quy y,* *Hoặc rừng rậm, núi non,* *Hoặc vườn cây, đền tháp".*
189. "Netaṃ kho saraṇaṃ khemaṃ, Netaṃ saraṇamuttamaṃ; Netaṃ saraṇamāgamma, Sabbadukkhā pamuccati".	*"Quy y ấy không ổn,* *Không quy y tối thượng.* *Quy y các chỗ ấy,* *Không thoát mọi khổ đau".*

190. "Yo ca buddhañca dhammañca, Saṅghañca saraṇaṃ gato; Cattāri ariyasaccāni, Sammappaññāya passati".	*"Ai quy y Đức Phật,* *Chánh Pháp và chư Tăng,* *Ai dùng chánh tri kiến,* *Thấy được bốn Thánh đế".*
191. "Dukkhaṃ dukkhasamuppādaṃ, Dkkhassa ca atikkamaṃ; Ariyaṃ caṭṭhaṅgikaṃ maggaṃ, Dukkhūpasamagāminaṃ".	*"Thấy khổ và khổ tập,* *Thấy sự khổ vượt qua,* *Thấy đường Thánh tám ngành,* *Đưa đến khổ não tận".*
192. "Etaṃ kho saraṇaṃ khemaṃ, Etaṃ saraṇamuttamaṃ; Etaṃ saraṇamāgamma, Sabbadukkhā pamuccati".	*"Thật quy y an ổn,* *Thật quy y tối thượng,* *Có quy y như vậy,* *Mới thoát mọi khổ đau".*

188. Con người kinh hãi đi tìm nơi nương tựa ở nhiều nơi núi, rừng, vườn, cây cối và đền miếu.

189. Không, đó không phải là nơi nương tựa an toàn, không phải là nơi nương tựa tối thượng. Ẩn náu như vậy không thể thoát khỏi phiền não.

190-191-192. Người đi tìm nơi nương tựa nơi Đức Phật, Giáo Pháp và Tăng Già, có tri kiến chân chánh để nhận thức Tứ Đế: Khổ, nguồn khổ, vượt khỏi khổ và Bát chánh đạo dẫn đến sự diệt khổ.

Đó quả thật là nơi nương tựa an toàn. Đó quả thật là nương tựa tối thượng. Tìm đến các nơi nương tựa ấy ắt thoát ra khỏi mọi phiền não.

☸

CHÚ GIẢI:

Bahuṃ: là bahū nghĩa là nhiều.

Câu pabbatāni vanāni ca: nghĩa là những người đó bị nguy hiểm, muốn thoát khổ, hoặc muốn được con, muốn được tài sản, danh vọng... thường đi vào nương nơi những ngọn núi Isigilivepulla và Vebhāra... hay các khu rừng như rừng Mahāvana, Gosingasālavana... hay những cội cây, đền tháp như Udenacetiya, Gotamacetiyā...

Hai câu Netaṃ saraṇamāgamma, sabbadukkhā pamuccati: nghĩa là nương tựa chỗ không an toàn, không cao quý, vì rằng tất cả chúng sanh có sự sanh, già... là lẽ thường, dù một người nương tựa nơi đó thì không thể thoát khỏi khổ được như sanh, già...

Yo ca buddhañca dhammañca: nghĩa là Đức thế Tôn nói chỗ nương tựa không an toàn, không cao quý, Ngài đề cập đến nơi nương tựa an toàn và cao quý.

Ý nghĩa của câu ***Yo ca buddhañca dhammañca...*** như vậy: Người cư sĩ hay bậc xuất gia cũng thế, nhờ vào Niệm Xứ tức là ân đức Phật, ân đức Pháp, ân đức Tăng... rằng: "Nương tựa nơi Phật, Pháp, Tăng... rằng: Đức Thế Tôn là bậc A La Hán Chánh Đẳng Giác, nương tựa nơi Phật, Pháp, Tăng đó là sự nương tựa cao quý. Sự nương nhờ vào rừng, núi... của người vẫn còn tâm phiền não, khiến cho dao động với những điều như sự đảnh lễ của ngoại đạo... Nhưng Đức Thế Tôn tuyên thuyết rằng sự nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng ấy là những đối tượng không còn bị dao động với cung kính,

lợi đắc, danh vọng... Ngài tuyên bố rằng hãy nương tựa vào Thánh Quả, Đạo Tuệ, rằng:

"Hãy liễu ngộ Tứ Thánh Đế bằng trí tuệ chân chánh". Vì rằng: Do nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng sẽ liễu ngộ được những điều như thế. Đó là chỗ nương tựa tối thượng và an ổn, nương tựa như thế mới thoát khỏi luân hồi.

Do vậy, Đức Thế Tôn mới phán rằng: *"Etaṃ khosaraṇaṃ khemaṃ!"*.

Dứt pháp thoại, các du sĩ chứng đắc quả A La Hán cùng với tuệ phân tích, đảnh lễ dưới chân Đức Thế Tôn xin xuất gia sống đời phạm hạnh trong Giáo Pháp của Ngài. Đức Thế Tôn đưa tay phán:

- Hỡi các Tỳ khưu, hãy đến đây, thực hành phạm hạnh đi.

Lập tức, râu tóc các du sĩ rụng mất, các tư cụ sa môn xuất hiện cho các vị ấy, tuy mới xuất gia nhưng các Ngài có Tăng tướng như vị Trưởng Lão trăm tuổi hạ.

Hôm ấy, cũng là ngày Uposatha, dân chúng xứ Anga, Magadha và Kura mang lễ vật đến cúng dường các du sĩ, thấy các du sĩ ấy đã xuất gia, có sự suy nghĩ rằng: *"Bà la môn Aggidatta của chúng ta cao thượng hơn Sa môn Gotama hay Sa môn Gotama cao thượng hơn Bà la môn của chúng ta nhỉ?"*. Và họ lại xác nhận trong tâm:

- Có lẽ Aggidatta lớn hơn, vì Sa môn Gotama phải đến nơi ngụ của Bà la môn Aggidatta.

Với tâm mình, Đức Thế Tôn biết được suy nghĩ của đại chúng, Ngài phán rằng:

- Nầy Aggidatta! Ngươi hãy đoạn nghỉ cho đại chúng đi.

Tôn giả Aggidatta bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con cũng đang muốn như thế.

Rồi vị ấy bay lên hư không cao độ 1 cây thốt nốt, hạ xuống đảnh lễ Đức Thế Tôn, rồi lại bay lên cao độ 2 cây thốt nốt, rồi hạ xuống đảnh lễ Đức Thế Tôn. Vị ấy làm như thế 7 lần đến độ cao khoảng 7 cây thốt nốt, đảnh lễ Đức Thế Tôn, và tuyên bố rằng:

- Bạch Thế Tôn! Ngài là bậc Đạo Sư của con, con là đệ tử của Ngài.

Đại chúng vô cùng hoan hỷ, tiếp theo Đức Thế Tôn thuyết lên Pháp thoại sách tấn, khích lệ làm hoan hỷ đại chúng. Rồi Ngài cùng đại chúng Tỳ Khưu trở về Jetavana.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Mười ngàn đạo sĩ nhắm theo gương,
Hỏa thí làm nên một đạo trường.
Họ lấy núi, rừng, vườn, thọ tháp,
Làm nơi diệt khổ để mà nương.
Phật sai Đại đức Mục Kiền Liên,
Thâu phục Long Vương tại nhãn tiền,
Để độ mười ngàn tu sĩ ấy,
Quy y Tam Bảo hợp tiền duyên,
Phật kêu Hỏa Thí, dạy ông rằng:
Hãy sớm nương nhờ Phật Pháp Tăng,
Minh sát khổ đau, qua tập, diệt,
Mở đường Bát Chánh, để siêu thăng!
Bấy nhiêu lời pháp đủ cho ông
Với cả mười ngàn đạo sĩ đồng.
Đắc quả Vô sanh, phân tích tuệ,
Tu bằng y bát bởi thần thông…

DỨT TÍCH QUỐC SƯ AGGIDATTA

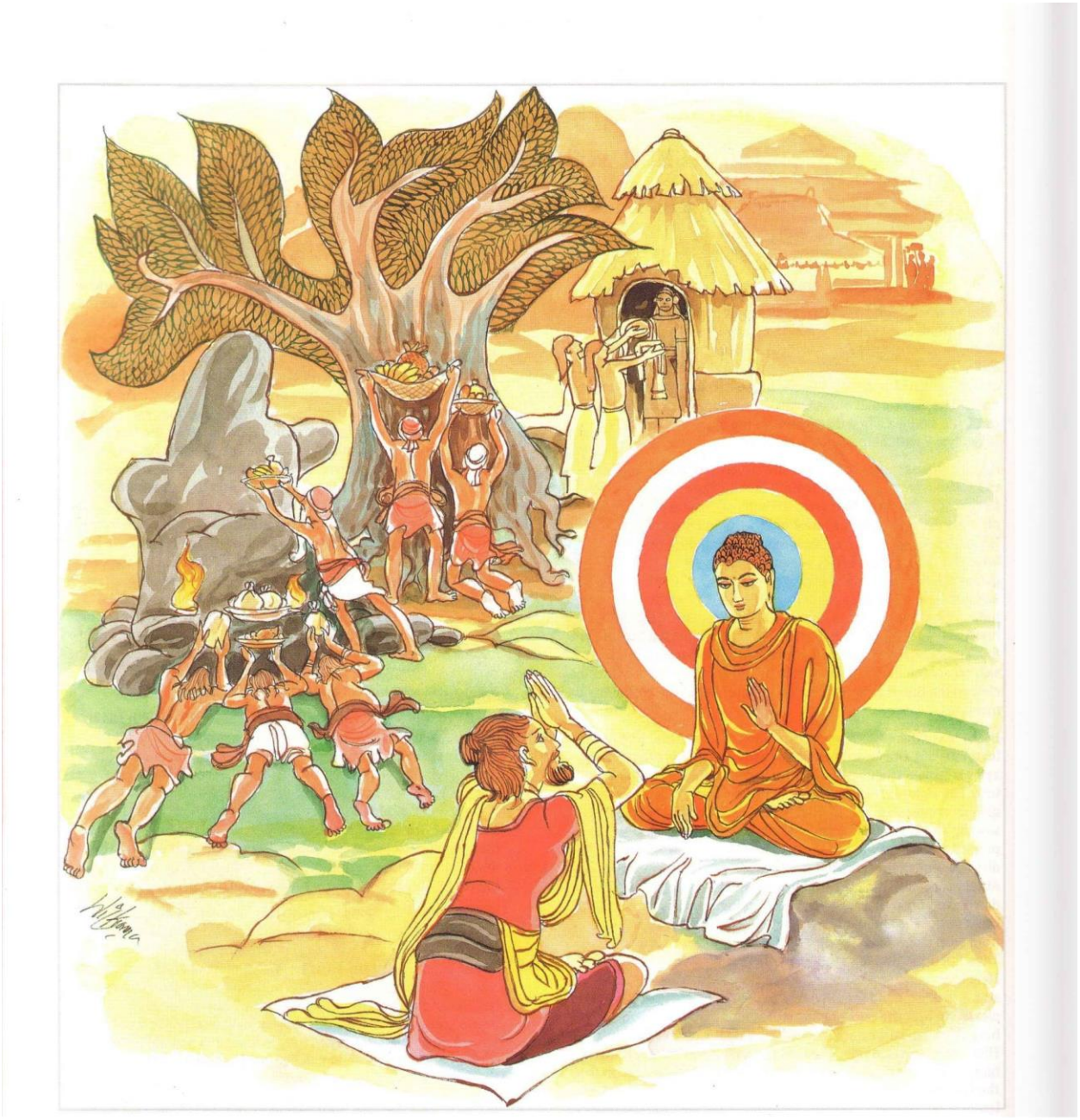

188. Loài người lo sợ tìm nơi nương tựa trong núi non, rừng rậm, vườn cây hay đền đài.

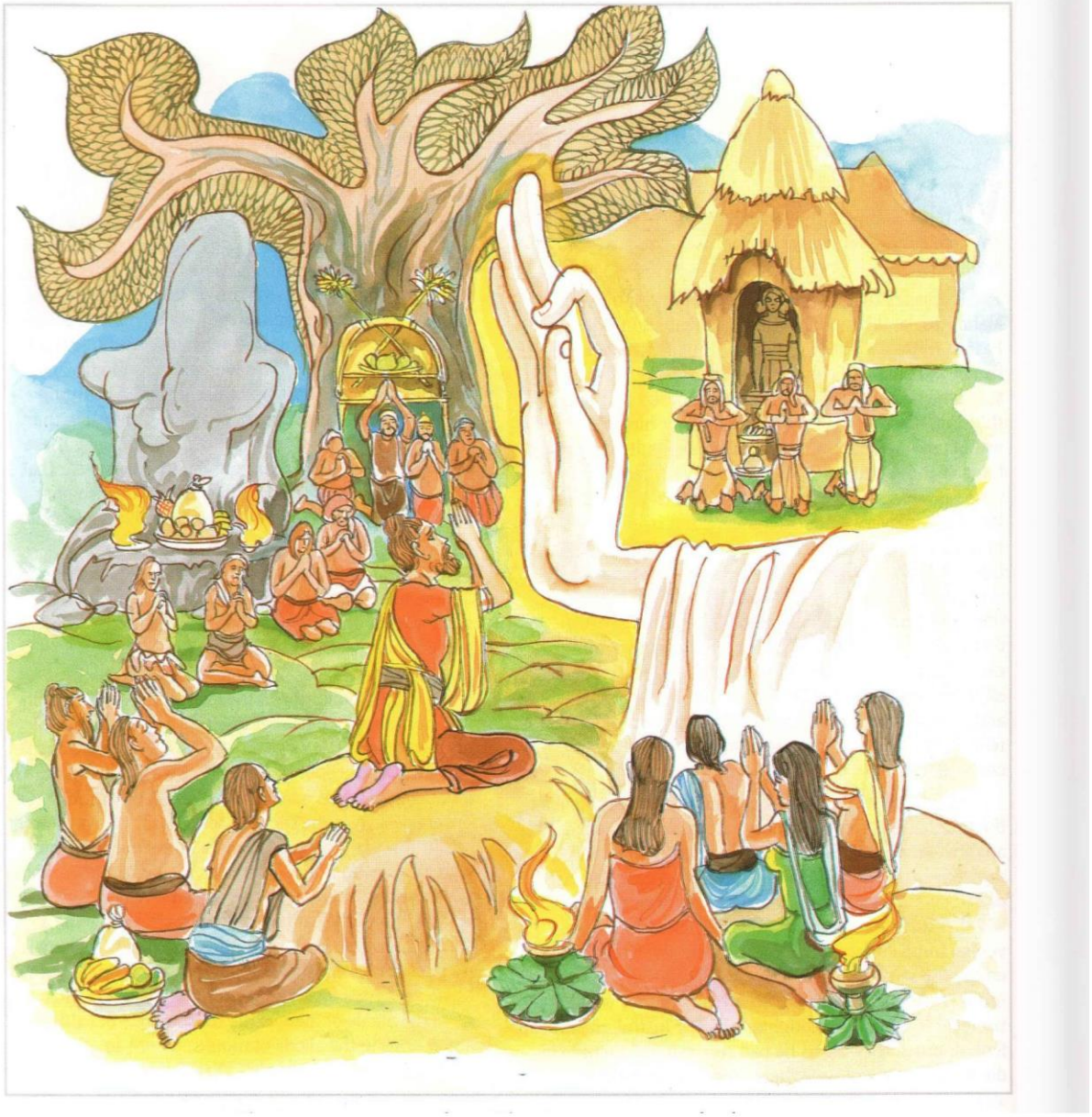

189. Quy y ấy không ổn, không quy y tối thượng,
quy y các chỗ ấy, không thoát mọi khổ đau.



190. Ai quy y Đức Phật, Chánh Pháp và chư Tăng,
Ai dùng chánh tri kiến, thấy được bốn Thánh đế.



191. Thấy khổ và khổ tập, thấy sự khổ vượt qua.
Thấy đường Thánh tám ngành, đưa đến khổ não tận.

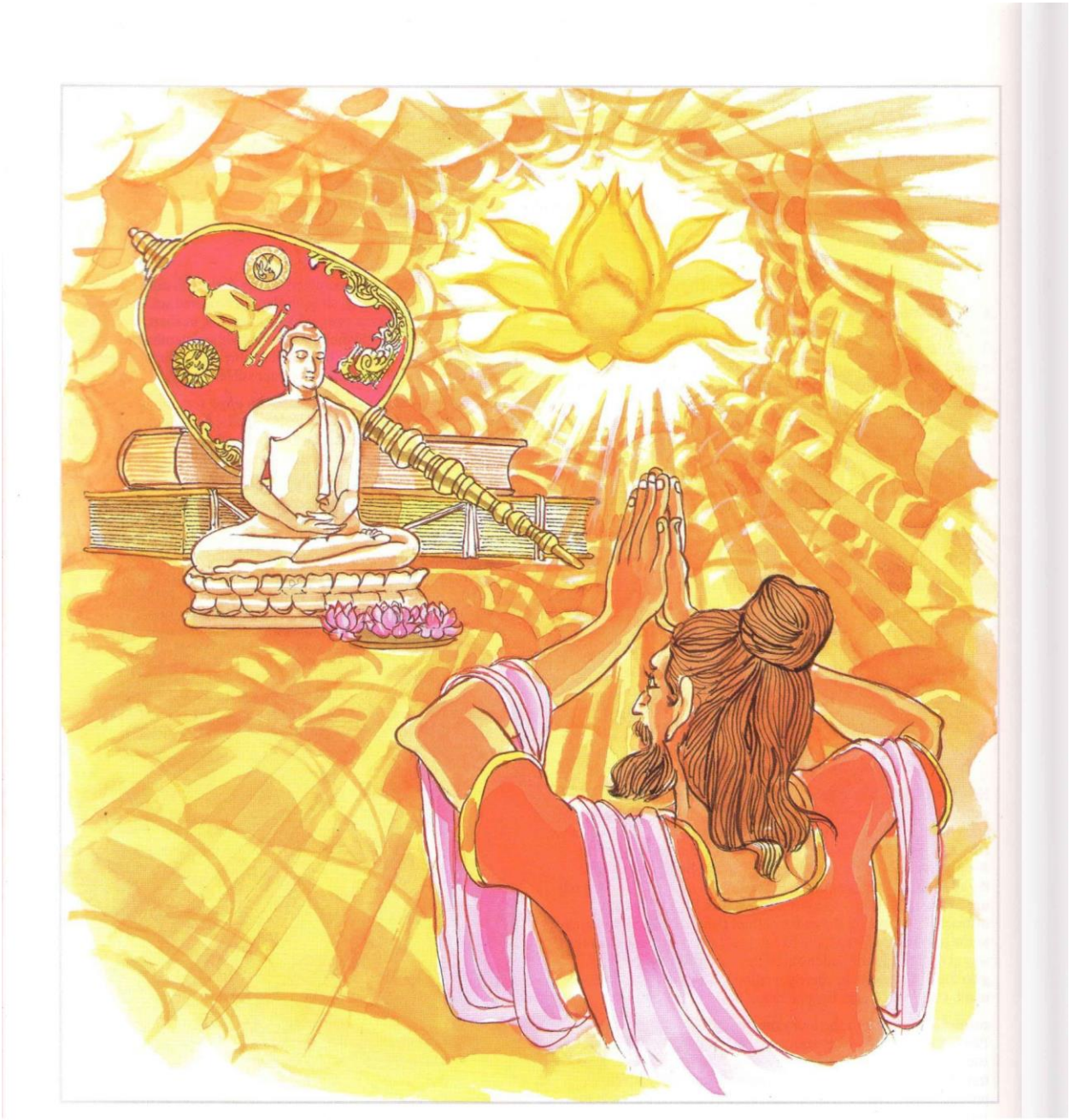

192. Thật quy y an ổn, thật quy y tối thượng.
Có quy y như vậy, mới thoát mọi khổ đau.

XIV.7- CÂU HỎI TRƯỞNG LÃO ĀNANDA

(Ānandattherassapañhavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 193)

"Dullabho purisājañño,	***"Khó gặp bậc thánh nhơn,***
Na so sabbattha jāyati;	***Không phải đâu cũng có.***
Yattha so jāyati dhīro,	***Chỗ nào bậc trí sanh,***
Taṃ kulaṃ sukhamedhati".	***Gia đình tất an lạc".***

Khi Đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, đề cập đến các câu hỏi của Đại đức Ānanda, Ngài thuyết lên kệ ngôn nầy.

Được nghe rằng: Một hôm, Trưởng Lão Ānanda ngồi trên chỗ ngồi ban ngày, khởi lên sự suy nghĩ rằng:

- Bậc Đạo Sư phán dạy rằng: Voi thuần chủng thì sanh vào dòng Chaddanta hay Uposatha, ngựa thuần chủng thì sanh vào dòng Sindhava hay dòng Valāhaka, bò thuần chủng thì sanh vào dòng Dakkhināpathajampada... Đó là Ngài nói đến sanh chủng của những chúng sanh cao quý là voi thuần chủng... Còn Bậc Đại Nhân thì sanh vào dòng nào nhỉ?

Rồi Trưởng Lão đi vào Yết Kiến Bậc Đạo Sư, đảnh lễ Ngài, Bạch hỏi về vấn đề đấy. Đức Thế Tôn phán rằng:

- Nầy Ānanda! Bậc Đại Nhân không sanh cùng khắp, mà chỉ giáng sanh vào miền trung tâm (thế giới). Nơi có chu vi là 300 do tuần đường kính, rộng 900 do tuần. Khi tái sanh thì không sanh vào gia tộc có dòng dõi thấp kém, thường chỉ sanh vào dòng cao quý nhất trong thời ấy như là dòng Hoàng Gia hay là dòng Bà la môn cao thượng.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Dullabho purisājañño,	*"Khó gặp bậc thánh nhơn,*
Na so sabbattha jāyati;	*Không phải đâu cũng có.*
Yattha so jāyati dhīro,	*Chỗ nào bậc trí sanh,*
Taṃ kulaṃ sukhamedhati".	*Gia đình tất an lạc".*

193. Khó tìm được hạng người trí tuệ cao siêu. Người như thế không sanh ra tại nơi nào. Nơi nào có người thiện trí đản sanh, gia đình ấy dồi dào hạnh phúc.

☸

CHÚ GIẢI:

Dullabho: nghĩa là Bậc Đại Nhân là người khó tìm, giống như voi thuần chủng… Bậc Đại Nhân không sanh ra nơi cùng khắp, tức là nơi biên địa hay trong gia tộc dòng hạ liệt, mà chỉ sanh vào trong gia tộc thuộc dòng Bà la môn cao quý hay dòng sát Đế lỵ là giai cấp cao quý nhất đương thời, là nơi tôn kính, nhận lãnh sự đảnh lễ của đại chúng, chỉ sanh nơi trung tâm địa cầu mà thôi.

Bậc Đại Nhân, tức là bậc đại trí tuệ tột cùng, nghĩa là Bậc Chánh Đẳng Giác khi tái sanh như vậy, thường sanh vào gia tộc nào thì gia tộc ấy hằng được sự an lạc dồi dào.

Dứt Pháp thoại nhiều người chứng đạt Thánh Quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Phật dạy nơi sanh thú các nòi
Kể từ ngựa đến bò, voi…
Nhưng chưa giải chỗ sanh người tốt,
Xin Phật từ bi giải rạch ròi!
Phật đáp theo lời đã hỏi han:
Thánh nhân xuất hiện ở trần gian,
Chỉ trong một xứ miền Trung Ấn,
Dòng dõi vua, quan, cấp quý sang!
Rất khó tao phùng bậc thánh nhân,
Khác chi gặp gỡ vật cam trân,
Nơi nào kẻ trí sanh, nơi đó,
Hạnh phúc gia đình đủ thập phân.

DỨT TÍCH CÂU HỎI CỦA TRƯỞNG LÃO ĀNANDA

☸

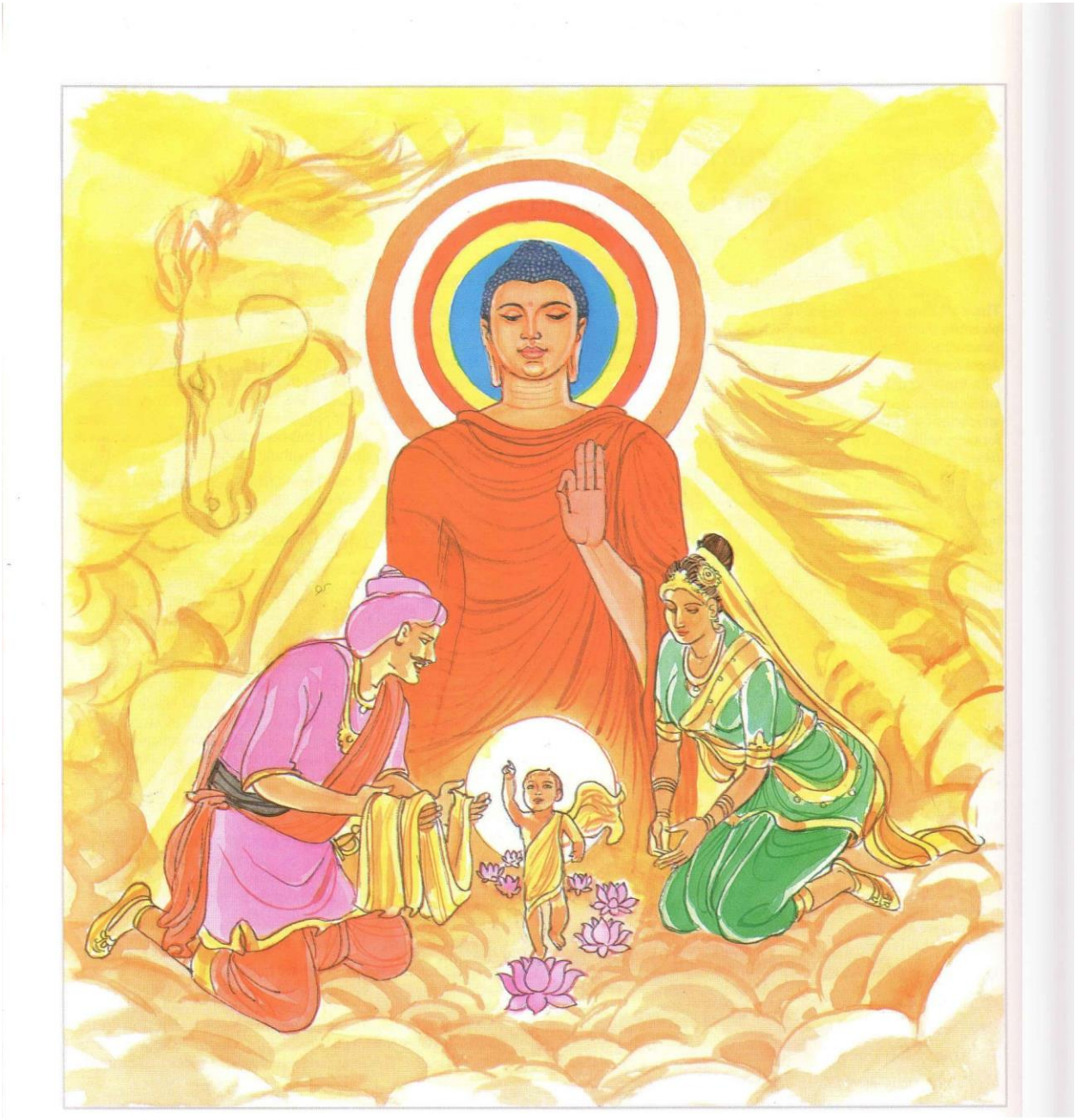

193. Bậc trí đức hi hữu sinh ra đời hướng dẫn mọi loài đến an lạc.

XIV.8- CHUYỆN CHƯ TỲ KHƯU

(Sambalulabhikkhuvatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp cú câu 194)

"Sukho buddhānamuppādo,	***"Vui thay, Phật ra đời!***
Sukhā saddhammadesanā;	***Vui thay, Pháp được giảng!***
Sukhā saṅghassa sāmaggī,	***Vui thay, Tăng hòa hợp!***
Samaggānaṃ tapo sukho".	***Hòa hợp tu, vui thay!***

Kệ ngôn nầy được Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập về sự bàn luận của các vị Tỳ Khưu.

Một hôm, Chư Tỳ khưu gồm có 500 vị, ngồi trong Giảng Đường bàn luận cùng nhau rằng:

- Nầy chư Hiền! Điều chi là an lạc trong đời nầy?

Một số cho rằng: Sự an lạc sánh với Vương quyền thì không có. Một số lại cho rằng: Sự an lạc sánh với dục thì không có. Hay có ý kiến rằng: Sự an lạc sánh với vật thực thì không có.

Nơi Hương thất với thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân, Đức Thế Tôn nghe được câu chuyện luận bàn ấy, Ngài nghĩ rằng:

- Đây là thời phải lẽ, Như Lai sẽ đoạn nghi cho Tăng chúng.

Từ nơi Hương Thất, Ngài ngự đến Giảng đường ngồi vào nơi được soạn sẵn, Ngài phán dạy chư Tỳ Khưu rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Các ngươi đang bàn luận gì về câu chuyện?

Đang hội họp về đề tài gì?

- Bạch Thế Tôn, về câu chuyện như vậy, như vậy…

- Nầy các Tỳ khưu! Tất cả sự an lạc ấy đều liên quan đến khổ trong vòng luân hồi cả. Chỉ có sự giáng sanh của chư Phật, sự giảng giải Giáo Pháp, sự hòa hợp Tăng chúng là nhân an lạc trong đời.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Sukho buddhānamuppādo,	*"Vui thay, Phật ra đời!*
Sukhā saddhammadesanā;	*Vui thay, Pháp được giảng!*
Sukhā saṅghassa sāmaggī,	*Vui thay, Tăng hòa hợp!*
Samaggānaṃ tapo sukho".	*Hòa hợp tu, vui thay!*

194. Hạnh phúc thay chư Phật giáng sanh. Hạnh phúc thay giáo pháp cao minh. Hạnh phúc thay Tăng Già hòa hợp. Hạnh phúc thay Giới luật của người đồng tu.

☸

CHÚ GIẢI:

Buddhānamuppādo: Chư Phật khi giáng sanh thường tế độ đại chúng thoát khỏi mọi sự trở ngại như ái… Do đó sự giáng sanh của chư Phật mới gọi là nhân đem lại an lạc. Tất cả chúng sanh đều có pháp là khổ, là sanh, là già … Sự giảng pháp của Bậc Thánh Nhân thường mang lại sự thoát ra khỏi khổ như khổ sanh, khổ già… Do đó, sự giảng pháp của bậc Chân Nhân mới gọi là nhân đem lại an lạc.

Là người có tâm đồng nhau gọi là sự hòa hợp. Sự hòa hợp ấy là nhân đem lại an lạc.

Lại nữa, sự học Phật ngôn hay sự thọ trì hạnh đầu đà hoặc sự hành Sa môn Pháp của người hòa hợp, tức là người có tâm đồng nhau là nhân đem lại an lạc. Do vậy, Bậc Đạo Sư mới phán dạy rằng:

- Nầy chư Tỳ khưu! Ngày nầy các người còn hội hợp cùng nhau, cùng đồng hành sự thì ngày ấy chư Tỳ khưu Tăng chúng chỉ có cường thịnh, không bị suy yếu.

Dứt pháp thoại có rất nhiều Tỳ Khưu chứng ngộ Vô Lậu quả Giải thoát. Pháp thoại mang lại nhiều lợi ích ho đại chúng.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

"Có chi hạnh phúc nhất trên đời?"
Tăng chúng bàn nhau thử đáp lời,
Người nói: làm Vua là sướng nhất!
Được yêu, hoặc cơm thịt ngon xơi!
Phật dạy: Tỳ khưu sống lục hòa,
Hành chung tăng sự, chớ chia ra,
Tăng càng tăng trưởng khi đoàn kết,
Khỏi sự suy tàn, đáng ngợi ca:
"Hạnh phúc thay chư Phật giáng sinh!
Hạnh phúc thay chánh Pháp xương minh!
Hạnh phúc thay tăng già hòa hiệp!
Hạnh phúc thay tứ chúng tu hành!".

DỨT CHUYỆN CHƯ TỲ KHƯU

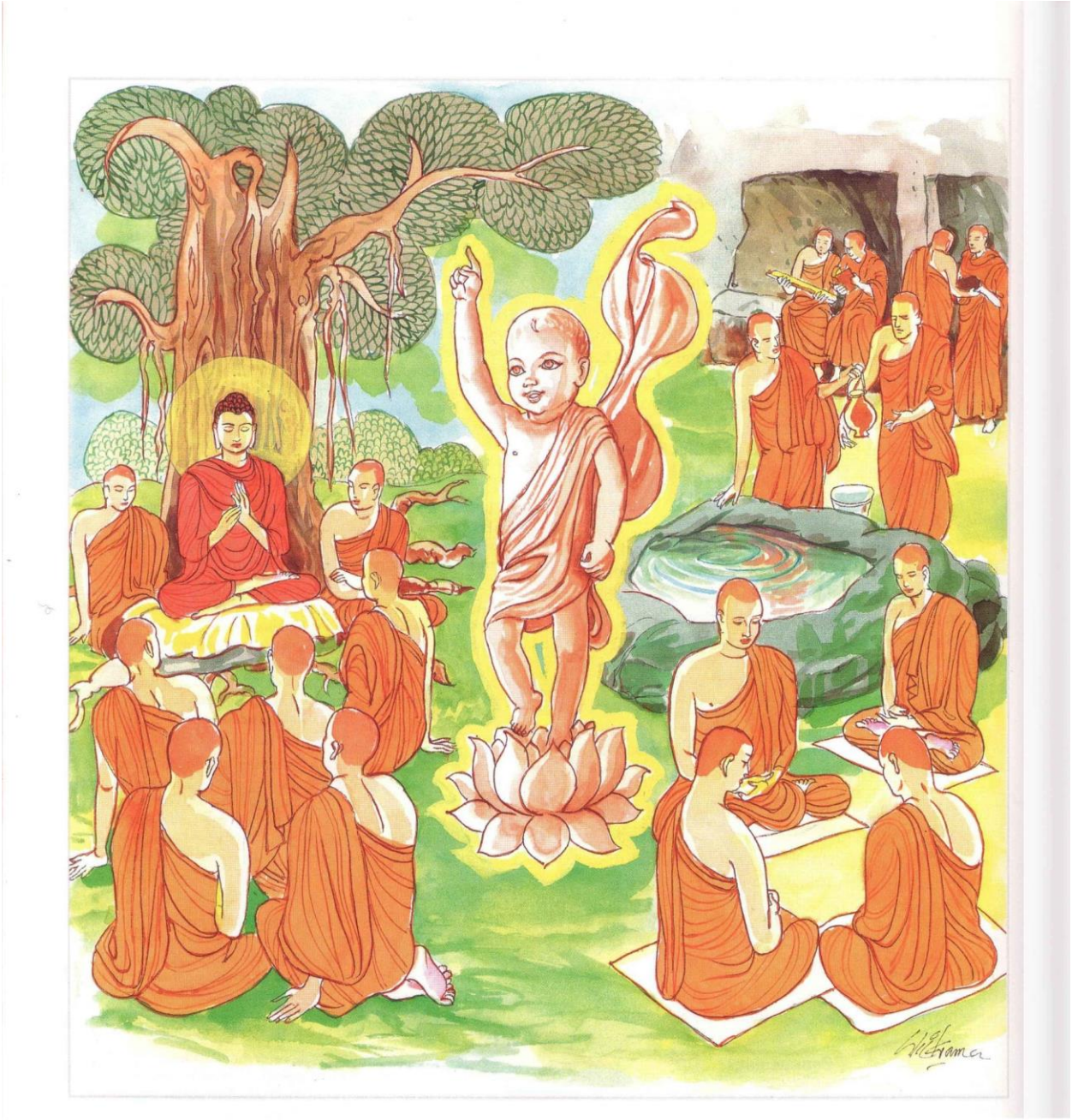

194. Đức Phật đản sanh, hoằng dương Đạo Pháp, hòa hợp Tăng già – những sự kiện này đều đem lại an lạc.

XIV.9- BẢO THÁP CỦA ĐẤNG KASSAPA

(Kassapadasabalassa suvaṇṇacetiyavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 195-196)

195. "Pūjārahe pūjayato,	***"Cúng dường bậc đáng cúng,***
Buddhe yadi va sāvake;	***Chư Phật hoặc đệ tử,***
Papañcasamatikkante,	***Các bậc vượt hý luận,***
Tiṇṇasokapariddave".	***Đoạn diệt mọi sầu bi".***
196. "Te tādise pūjayato,	***"Cúng dường bậc như vậy,***
Nibbute akutobhaye;	***Tịch tịnh, không sợ hãi,***
Na sakkā puññaṃ,	***Các công đức như vậy,***
Saṅkhātuṃ, imettamapi kenaci".	***Không ai ước lường được".***

Kệ Pháp Cú nầy được Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài du hành, đề cập đến Bảo Tháp của Đức Chánh Đẳng Giác Kassapa.

Một thời, Đức Thế Tôn cùng hội chúng Tăng Tỳ khưu 500 vị, khởi sự du hành, rời khỏi kinh thành Sāvatthī đi đến thành Bārāṇasī. Tuần tự du hành, Ngài trú tại một ngôi đền gần làng Todeyyagāma ở giữa đường. Đức Thế Tôn ngự tại ngôi đền ấy và Ngài phán bảo vị Dhammabhandāgārika (Vị Thủ Kho Chánh Pháp, tức là Ngài Ānanda) rằng: *"Nầy Ānanda! Hãy gọi người đang cày ruộng đến đây".*

Bà la môn ấy đi đến nơi Phật ngự, ông không đảnh lễ Đức Đạo Sư mà lại đảnh lễ ngôi đền, rồi bước đứng sang một bên, Đức Thế Tôn phán hỏi rằng:

- Nầy Bà la môn! Ngươi nghĩ rằng: Nơi nầy là nơi nào?

- Thưa Ngài Sa môn Gotama! Tôi đảnh lễ ngôi đền nầy vì nghĩ rằng là bảo tháp theo tục lệ của chúng tôi.

Đức Thế Tôn khiến tâm của Bà la môn ấy hoan hỷ, Ngài phán:

- Lành thay! Nầy Bà la môn, ngươi đảnh lễ nơi nầy là tốt đẹp lắm.

Chư Tỳ khưu nghe vậy, khởi lên sự hoài nghi rằng:

- Vì lẽ nào Đức Thế Tôn làm cho Bà la môn ấy hoan hỷ như thế.

Để đoạn nghi cho Tăng chúng, bấy giờ Đức Thế Tôn liền thuyết giảng bài kinh Ghātikāra (trong Trung Bộ Kinh). Rồi Ngài dùng thần thông hóa thiện ngôi Bảo Tháp vàng của Đấng Thập Lực Kassapa cao 1 do tuần, ngôi Bảo tháp vàng ấy lơ lửng giữa hư không, đại chúng chiêm ngưỡng Bảo Tháp như là Bảo Tháp đang ở trước mặt mình.

Ngài phán dạy Bà la môn ấy rằng:

- Nầy Bà la môn! Sụ cúng dường đến Bậc đáng cúng dường như Bảo Tháp nầy thì rất xứng đáng.

Rồi Ngài tuyên thuyết về bốn hạng người xứng đáng được lập tháp thờ là: Đấng Chánh Đẳng Giác, Đấng Độc Giác Phật, Bậc Ứng Cúng A La Hán và Vua Chuyển Luân Vương. Theo ý nghĩa mà Ngài thuyết trong Kinh Đại Bát Níp Bàn. Rồi Ngài thuyết giảng chi tiết về ba loại Bảo Tháp là Sāricatīya – Uddisacetīya – Paribhogacetīya.

Sau cùng, Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

195. "Pūjārahe pūjayato, Buddhe yadi va sāvake; Papañcasamatikkante, Tiṇṇasokapariddave".	*"Cúng dường bậc đáng cúng,* *Chư Phật hoặc đệ tử,* *Các bậc vượt hý luận,* *Đoạn diệt mọi sầu bi".*
196. "Te tādise pūjayato, Nibbute akutobhaye; Na sakkā puññaṃ, Saṅkhātuṃ, imettamapi kenaci".	*"Cúng dường bậc như vậy,* *Tịch tịnh, không sợ hãi,* *Các công đức như vậy,* *Không ai ước lường được".*

195-196. Người tôn kính những bậc xứng đáng thọ lãnh sự tôn kính, chư Phật hay chư Thinh Văn đệ tử, những bậc đã khắc phục mọi chướng ngại và đã thoát khỏi mọi phiền não âu sầu – công đức của người tôn kính cúng dường bậc an tịnh, bậc vô úy thật là vô lượng.

☸

CHÚ GIẢI:

Người dâng cúng dường gọi trong kệ ngôn nầy là Pūjārahe pūjayato. Câu nói của người đáng cúng dường đến Bậc đáng cúng dường nghĩa là: Người cúng dường bằng cách như đảnh lễ… hoặc bằng tứ vật dụng.

Đức Thế Tôn thuyết giảng người đáng cúng dường là Buddha, nghĩa là chư Phật… là bậc Chánh Đẳng Giác.

Tadi tức là yadivā. Có lời giải rằng: Attavā tức là vậy thì. Câu nói chư Phật Độc Giác mà Ngài phán dạy trong kệ ngôn nầy (hoặc là chư Thinh Văn Giác đệ tử). Câu nói: Người đã vượt qua Pháp chướng ngại, nghĩa là các pháp chướng ngại tức là ái, tà kiến, mạn mà các Ngài đã vượt qua. Câu nói: Người đã thoát khỏi sầu muộn tức là bậc không còn sầu muộn, nghĩa là đã vượt qua cả hai thức. Bậc đáng cúng dường mà Đức Thế Tôn đã phán dạy trong câu Vidasana. Câu nói: Các Bậc đáng cúng dường như Đức Phật… Câu nói: Người như vậy tức là người có đầy đủ ân đức như đã nói trên. Câu nói: Người đã Níp Bàn. Nghĩa là đã Níp Bàn do đã dập tắt phiền não như ái dục…

Câu nói: Không còn nguy hiểm bất cứ ở đâu từ nơi sanh hữu hay cảnh hữu đối với các bậc Thánh, là bậc đáng cúng dường. Do đó các Ngài mới không còn gọi là không còn sự nguy hiểm bất cứ ở nơi đâu. Đó là Bậc không còn nguy hiểm ở bất cứ nơi nào.

Câu nói: Không ai có thể ước lượng quả phước, nghĩa là không ai có thể kể được số lượng. Nếu có câu hỏi rằng: Đếm như thế nào? Thì hãy đáp rằng: Không ai có thể

đếm được quả phước nầy là có được bao nhiêu đây, có được khoảng chừng nầy, quả phước kia có số lượng khoảng chừng bấy nhiêu.

Chữ Api ghép trong câu Kenaci. Nghĩa là: Không có người nào hoặc bằng cách nào đếm được.

Trong hai câu nầy, câu nói NGƯỜI, tức là người như Phạm Thiên.

Câu nói: Cách đếm, tức là đếm bằng ba cách: Cách ước lượng, cách cân và cách đong. Cách ước lượng là theo như thế nầy: Khoảng chừng bao nhiêu đây, gọi là ước lượng. Cách làm cho ngang bằng gọi là cân. Cách làm cho đầy gọi là đong.

Không ai có thể đếm được quả phước của người cúng dường đến bậc đáng cúng dường như thế nào, tức là cúng dường đến Đức Phật… ba cách đếm nầy không thể đếm được quả dị thục thiện. Bởi vì nó có quá nhiều, có vô số lượng. Quả thí của người cúng dường trong hai trường hợp ra sao?

Quả phước của người cúng dường đến Đức Phật…khi Ngài còn tại tiền thì như thế. Nhưng quả phước của người cúng dường đến Đức Phật đã Níp Bàn có sự sai khác nhau chăng? Cũng không có sự sai khác nhau đâu. Vì rằng, Đức Đế Thích có nói lên kệ ngôn trong bộ Thiên Cung Sự rằng:

"Khi Bậc Chánh Đẳng Giác còn tại tiền hay Ngài đã Níp Bàn rồi cũng thế. Nếu tâm đồng nhau thì quả thí cũng đồng nhau, vì rằng nhân tạo phước do sự tịnh tín nơi tâm, tất cả chúng sanh đều sanh về nhàn cảnh như vậy".

Dứt kệ ngôn, Bà la môn ấy chứng đắc Pháp nhãn Dự Lưu.

Ngôi Bảo Tháp Vàng cao 1 do tuần ấy, đứng giữa hư không trọn cả bảy ngày. Về sau, đại chúng trở lại cổ tục của mình. Ngôi Bảo Tháp đã trở về nơi cũ do Phật Lực, trên nền cẩm thạch của Bảo Tháp ở chính tại nơi ấy, đã hiện ra trở lại như xưa.

Trong hội chúng ấy có khoảng 84 ngàn chúng sanh chứng ngộ Pháp.

☸

DỨT TÍCH BẢO THÁP CỦA ĐỨC PHẬT KASSAPA

☸

DỨT PHẨM PHẬT ĐÀ-BUDDHA VAGGA

DỨT PHẨM 14

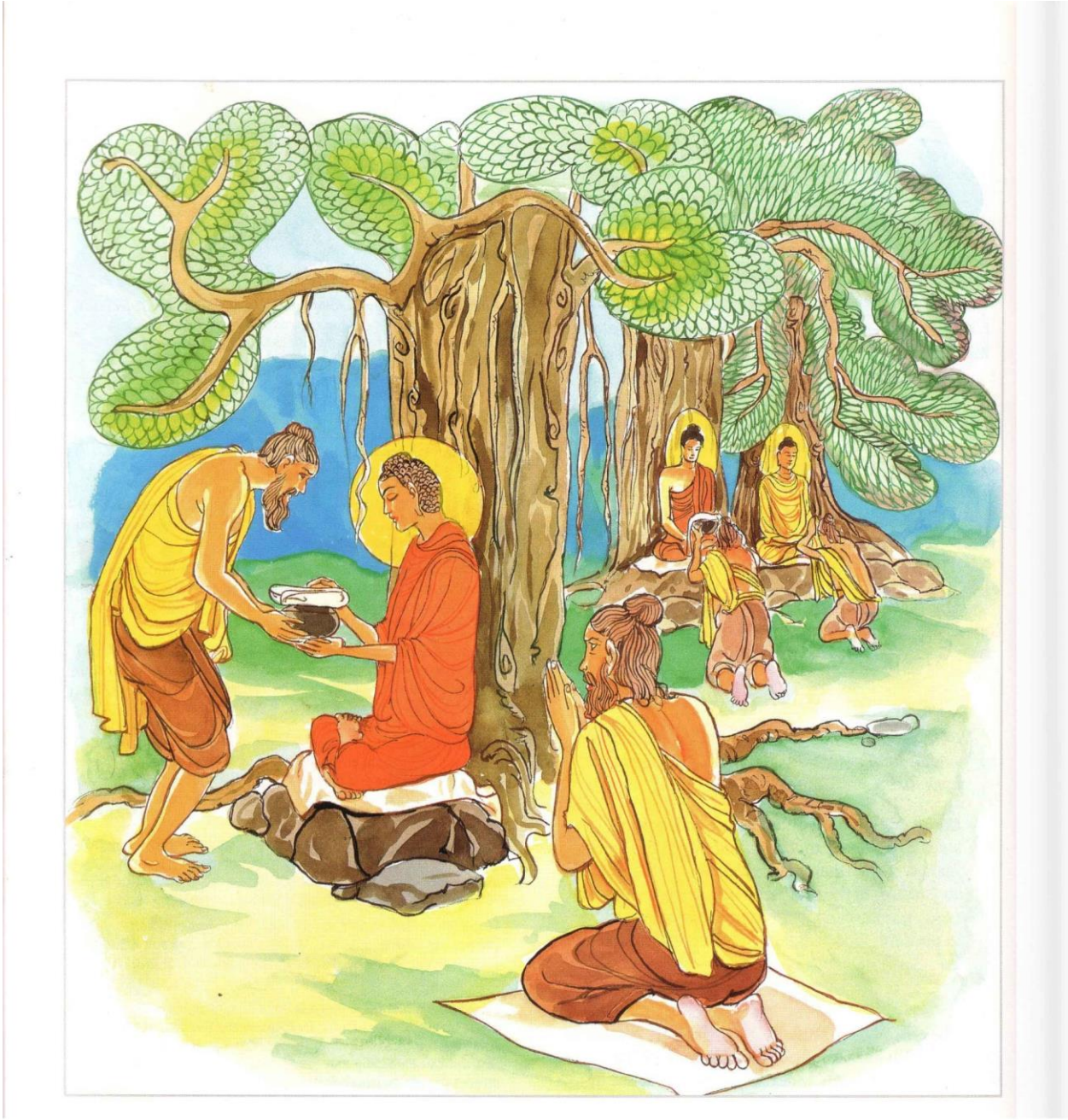

195. Ai biết kính trọng các Bậc Ứng Cúng, Đức Phật hay đệ tử Ngài, đó là các bậc đã vượt khỏi mọi ưu bi.

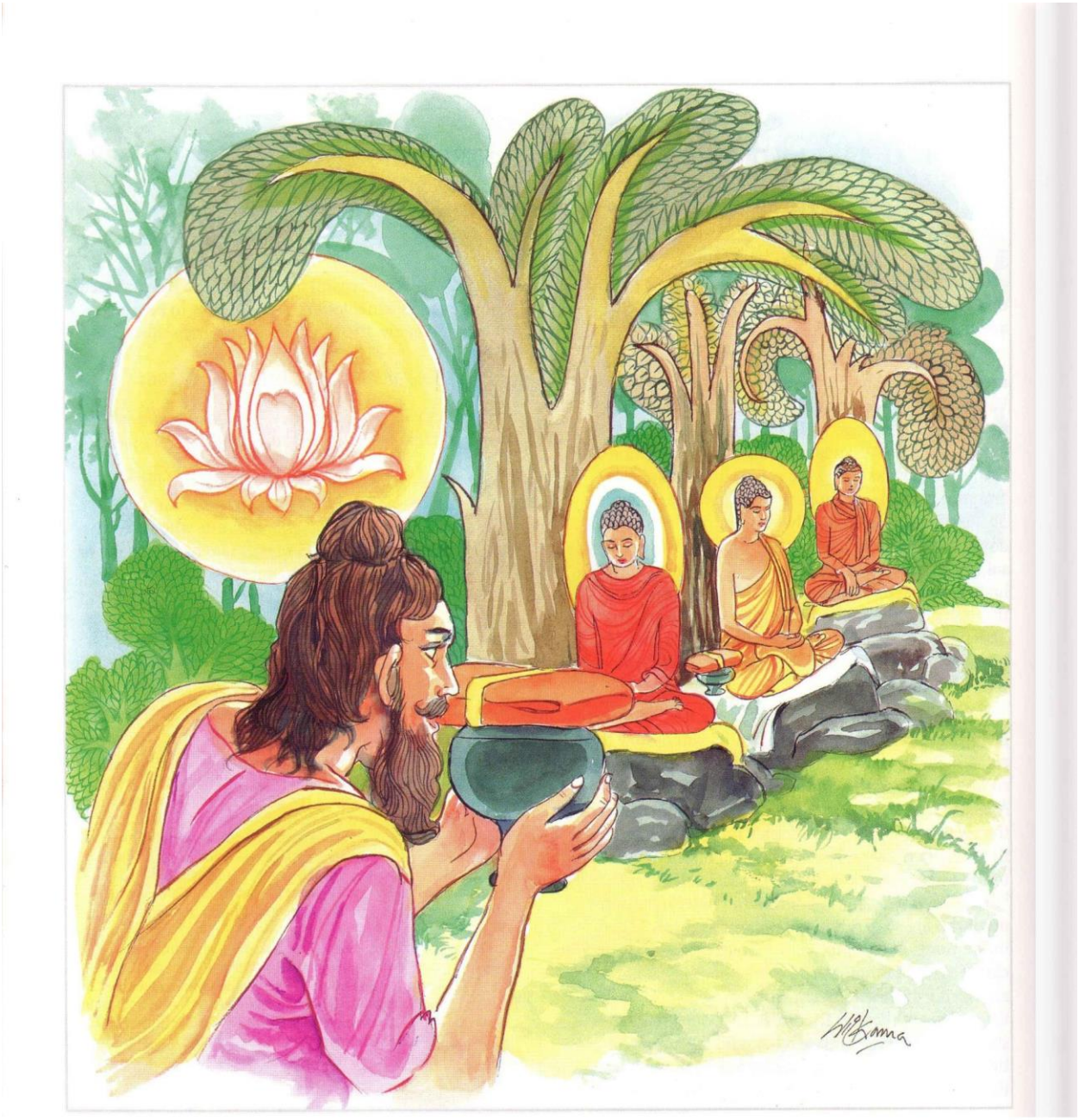

196. Ai tôn sùng những bậc an tịnh và vô úy, sẽ đạt công đức vô lượng.

XV. PHẨM AN LẠC
(SUKHA VAGGA)

- 11 bài kệ: Pháp cú 197-208

- 8 Tích truyện

☸

XV.1- HAI HOÀNG TỘC TRANH GIÀNH NƯỚC

(Nātakānaṃ Rahala Vūpasamana)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 197-198-199)

197. "Susukhaṃ vata jīvāma,	***"Vui thay, chúng ta sống,***
Verinesu averino;	***Không hận, giữa hận thù!***
Verinesu manussesu,	***Giữa những người thù hận,***
Viharāma averino".	***Ta sống, không hận thù!".***
198. "Susukhaṃ vata jīvāma,	***"Vui thay, chúng ta sống,***
Āturesu anāturā;	***Không bệnh giữa ốm đau!***
Āturesu manussesu,	***Giữa những người bệnh hoạn,***
Viharāma anāturā".	***Ta sống, không ốm đau".***
199. "Susukhaṃ vata jīvāma,	***"Vui thay, chúng ta sống,***
Ussukesu anussukā;	***Không rộn giữa rộn ràng;***
Ussukesu manassesu,	***Giữa những người rộn ràng,***
Viharāma anussukā."	***Ta sống, không rộn ràng".***

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư thuyết ra khi ngự giữa hai Hoàng Tộc Thích Ca, đề cập đến sự tranh chấp nước của quyến thuộc.

Tương truyền rằng: Hai họ Hoàng Tộc Sakya và Koliya đã hiệp tác nhau đập một cái đập chung để dẫn nước từ sông Rohinī vào giữa hai thành Kapilavatthu và Koliya, và trồng trọt hoa màu trên những cánh đồng ở hai bên bờ sông.

Đến tháng Jettha mūla (tháng 6-7 dương lịch) năm ấy, nhận thấy các vụ mùa bị thất nhiều, hai bên nông dân hai bờ sông hợp nhau lại. Dân thành Koliya lên tiếng trước rằng:

- Nếu nước sông này dẫn nước chia đôi để tưới cả hai bên sông thì không đủ cho các vị lẫn cho bên chúng tôi. Vụ mùa của chúng tôi sắp chín tới, chỉ cần một lần tưới nữa thôi. Vậy các vị hãy dành trọn nước sông này cho chúng tôi sử dụng đi.

Nhóm dân họ Thích cũng nói rằng: Sau khi các vị gặt lúa chín, chất đầy kho lẫm rồi, chẳng lẽ chúng tôi lại lấy vàng, bạc, ngọc bích, ngọc tuyền và tiền bạc ra, xách theo thúng rỗ hoặc túi bao mà đi đến nhà các người. Vụ mùa của chúng tôi cũng chỉ cần một lần tưới nữa thôi. Vậy hãy nhường cả nước sông này cho chúng tôi.

- Chúng tôi nhất định không nhường được.

- Chúng tôi cũng không cho các vị lấy hết nước dòng sông nầy.

Cuộc bàn luận đi đến nơi bế tắc. Một người đứng lên đánh đối phương, người nầy đánh trả lại. Thế là cuộc xô xát bành trướng ra, hai họ trong Hoàng gia đánh nhau, cùng với những lời lẽ bêu xấu nhau kịch liệt. Những người dòng Koliya nói:

- Nầy những người dân thành Kapilavatthu, các người hãy dắt con cái đi đi. Những kẻ nào sống chung với em gái mình, giống như chó nhà và chó rừng, thì những voi, ngựa, khiên, vũ khí mà những kẻ ấy có được, sẽ làm gì được chúng tôi.

Những người dòng Thích Ca cũng mắng lại rằng:

- Nầy các kẻ hủi! Các ngươi hãy dắt con cái đi đi. Những kẻ hủi khốn nạn, vô hại, giống như loài thú ở trên cây táo, thì những voi, ngựa, khiên và vũ khí của những kẻ ấy làm gì được chúng tôi.

Hai nhóm nông dân nầy đem câu chuyện tranh chấp nầy báo cáo lên cho hai Hoàng Tộc biết tin.

Các chiến sĩ Thích Ca lập tức nai nịt gọn gàng, mang vũ khí ra đi và hét lớn rằng:

- Chúng ta sẽ biểu diễn tài nghệ của những người sống với em, chị gái mình cho bọn chúng nó thấy.

Các chiến sĩ Koliya cũng nai nịt gọn gàng, mang vũ khí ra đi và thét lớn rằng:

- Chúng ta sẽ biểu diễn tài lực của những người cùi sống trên cây táo cho chúng nó thấy.

Sáng hôm ấy, Đức Bổn Sư quán xét thế gian theo thông lệ, vì nhìn thấy những quyến thuộc của Ngài. Ngài tự nghĩ: *"Nếu ta không can thiệp thì những người nầy sẽ giết hại lẫn nhau. Ta phải đến đó mới được".*

Thế rồi, Ngài theo đường hư không đến đứng giữa dòng sông Rohinī. Ngồi kiết già giữa hư không.

Các quyến thuộc trông thấy Đức Bổn Sư liền ném vũ khí xuống đất và đảnh lễ Ngài. Đức Bổn Sư bèn hỏi mỗi bên rằng:

- Tâu Đại Vương! Vì sao có cuộc tranh chấp nầy.

- Bạch Ngài! Trẫm không được biết.

- Vậy thì ai biết bây giờ đây?

Hai vua đáp: *"Có lẽ Phó Vương".* Khi hai vị Phó Vương bị hỏi thì đáp là: *"Có lẽ quan Tổng binh biết",* lần theo thứ tự từ trên xuống, cuối cùng cũng đến các nông dân, họ đáp: *"Bạch Ngài, đây là cuộc tranh giành nước sông Rohinī".* Đức Thế Tôn hỏi hai vị vua:

- Tâu Đại vương! Nước đáng giá bao nhiêu?

- Bạch Ngài, nước giá rẻ lắm.

- Tâu Đại Vương! Các Chiến Sĩ Sát Đế lỵ giá bao nhiêu?

- Bạch các Ngài! Các chiến sĩ Sát Đế Lỵ giá rất cao.

- Thế thì, vì nước có giá trị rẻ như thế lại đem đánh đổi bằng các chiến sĩ Sát Đế Lỵ. Như vậy có thích đáng chăng?

Mọi người đều im lặng, Đức Phật gọi hai vị vua đến phán rằng:

- Tâu Đại Vương! Vì sao Ngài lại làm như thế? Nếu hôm nay Như Lai không ngự đến đây, thì máu các ngươi nhuộm xuống dòng sông rồi. Các Ngài đã làm điều không xứng đáng, các Ngài sống trong thù hận, trú trong ba pháp hận thù, còn Như Lai sống không thù hận. Các Ngài sống trong tham ái, còn Ta sống không tham ái.

Nói rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn như sau:

197. "Susukhaṃ vata jīvāma, Verinesu averino; Verinesu manussesu, Viharāma averino".	*"Vui thay, chúng ta sống, Không hận, giữa hận thù! Giữa những người thù hận, Ta sống, không hận thù!".*
198. "Susukhaṃ vata jīvāma, Āturesu anāturā; Āturesu manussesu, Viharāma anāturā".	*"Vui thay, chúng ta sống, Không bệnh giữa ốm đau! Giữa những người bệnh hoạn, Ta sống, không ốm đau".*
199. "Susukhaṃ vata jīvāma, Ussukesu anussukā; Ussukesu manassesu, Viharāma anussukā."	*"Vui thay, chúng ta sống, Không rộn giữa rộn ràng; Giữa những người rộn ràng, Ta sống, không rộn ràng".*

197. Hạnh phúc thay! Sống không thù hận giữa hận thù. Giữa những người hận thù, Ta sống không thù hận.

198. Hạnh phúc thay! Ta sống mạnh khỏe giữa ốm đau. Giữa những người bệnh tật, Ta sống không ốm đau.

199. Hạnh phúc thay! Ta sống không tham ái. Giữa những người dục vọng ta sống không tham ái.

☸

CHÚ GIẢI:

Susukhaṃ: Sutthusukhaṃ: Sự an vui tốt đẹp. Đại ý của bài kệ nầy là: Những người sư sĩ tại gia, không phải bậc xuất gia, sống bằng một nghề nào như y sĩ… hằng nói *"chúng ta sống an vui"*. Những người nào nghĩ: *"Chúng ta là những người không thù hận trong số những người thù hận với tâm hận thù, là những người không bịnh tật do không phiền não trong số những người bịnh tật là phiền não. Là những người không tham ái tìm cầu ngũ dục, những người ấy có thể nói là hạnh phúc thay".*

Hai kệ ngôn sau cũng cùng chung một ý nghĩa như thế. Cuối thời pháp, nhiều người đắc Thánh Quả, nhứt là Tu Đà Hườn quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Hai họ Hoàng Gia suýt giết nhau
Bởi tranh chút nước tưới hoa màu
Khi thương lựa nói lời ngon ngọt
Lúc giận moi tìm lý lẽ sâu.
Trước múa tay chân còn phải quấy
Sau khoe gươm giáo hết đuôi đầu.
"Máu đào một giọt hơn ao nước"
Phật giảng hòa ngay, khỏi đợi lâu".

DỨT TÍCH HÒA GIẢI GIA TỘC

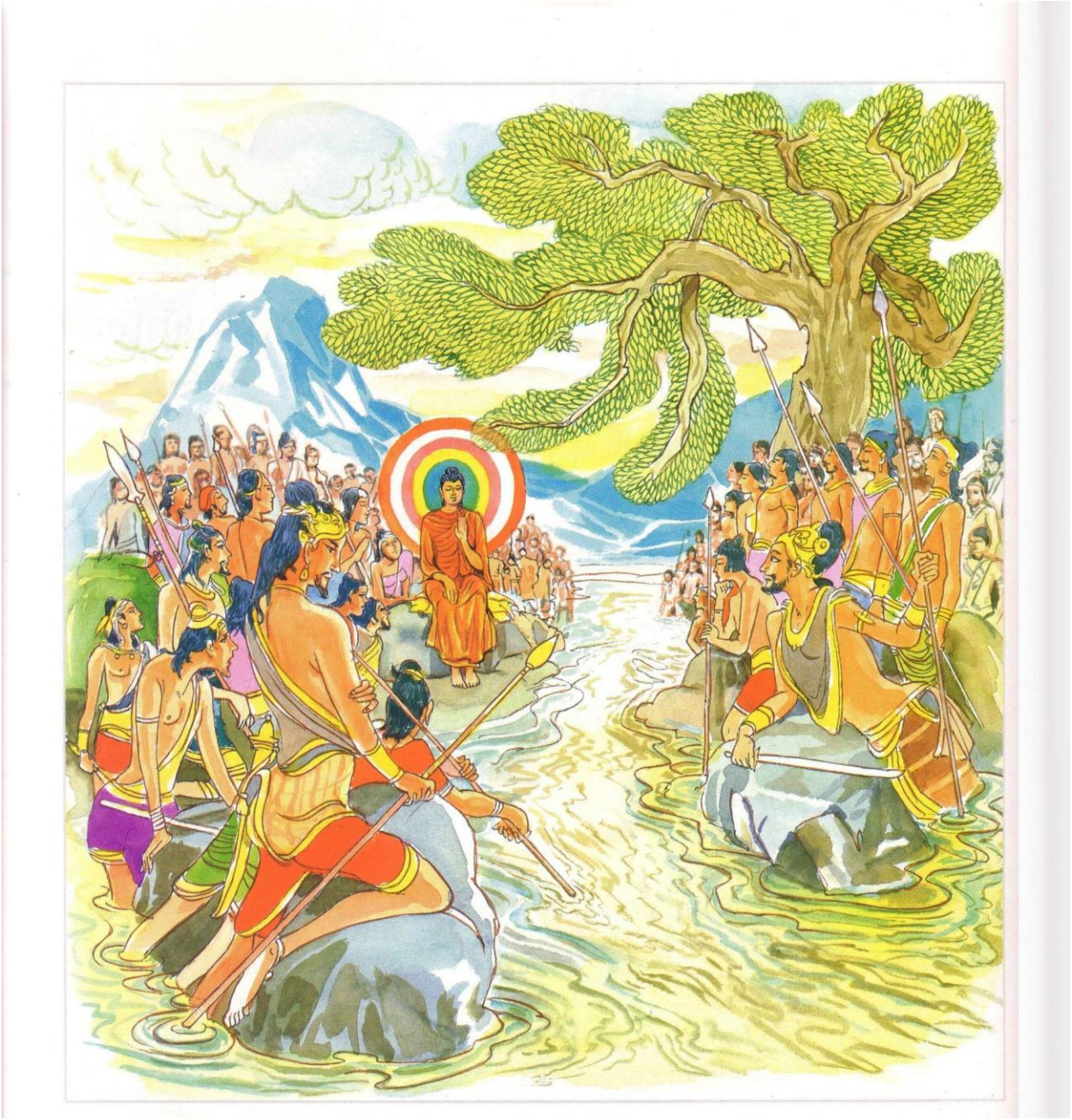

197. Hạnh phúc thay! Sống không thù hận giữa hận thù.
Giữa những người hận thù, Ta sống không thù hận.

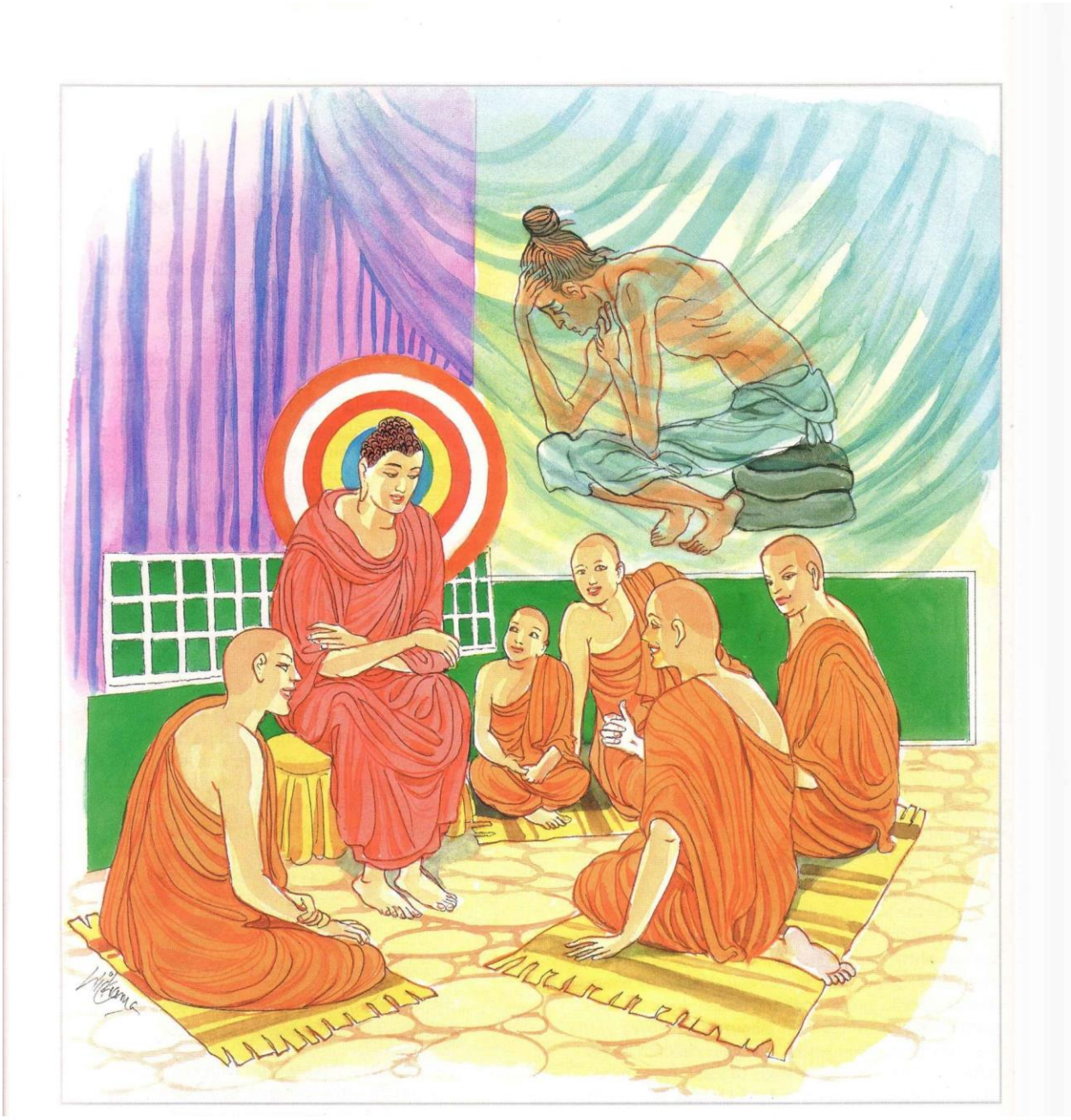

198. Đối với những ai không có bệnh, có thể sống an lạc ngay giữa đám người bệnh hoạn.



199. Chúng ta sống an lạc, không dao động giữa quần sanh vô cùng dao động.

XV.2- MA VƯƠNG TRÊU PHẬT

(Māra)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 200)

"Susukhaṃ vata jīvāma,	***"Vui thay chúng ta sống,***
Yesaṃ no natthi kiñcanaṃ;	***Không gì, gọi của ta.***
Pītibhakkhā bhavissāma,	***Ta sẽ hưởng hỷ lạc,***
Devā ābhassarā yathā".	***Như Chư Thiên Quang Âm".***

Pháp Cú nầy được Đức Bổn Sư thuyết ra khi ngự trong làng Bà la môn Pañcasālā, đề cập đến Ma Vương.

Một lần nọ, nhân thấy 500 cô gái có duyên lành để đắc quả Tu Đà Hườn, Đức Bổn Sư bèn ngự đến gần làng ấy. Những cô gái nầy nhân ngày lễ sao, đã đi xuống sông tắm, tắm xong trang điểm chu tất rồi đồng đi thẳng một mạch về nhà. Đức Bổn Sư cũng đi vào làng ấy khất thực. Ma vương đã nhập vào toàn thể thôn dân, khiến Đức Bổn Sư không được để bát chút nào cả, dầu là một muỗng cơm.

Sau khi làm như thế, Ma Vương đứng trước cổng làng, chờ Đức Bổn Sư ôm bát ngự ra, nói trêu ghẹo rằng:

- Ông Sa Môn! Ông không được vật thực chi phải chăng?

- Nầy Ma Vương! Vì sao ngươi lại khiến Như Lai không được vật thực?

- Bạch Ngài! Thế thì xin Ngài hãy quay trở lại làng đi.

Nghe rằng: Ma Vương tính thầm: *"Nếu Sa môn Gotama trở lại làng, ta sẽ nhập vào thôn dân, khiến cho họ vỗ tay cười chế nhạo trước mặt ông ta".* Ngay khi ấy, thì 500 cô gái đi đến cổng làng, gặp được Đức Đạo Sư, đến đảnh lễ Ngài rồi đứng qua một bên.

Ma Vương lại trêu ghẹo Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Ngài, không được vật thực chắc Ngài phải khổ vì sự đói dữ lắm phải chăng?

- Nầy Ác ma! Mặc dù hôm nay Như Lai chẳng được chút chi cả, nhưng ta sẽ toại hưởng phỉ lạc suốt ngày giống như vị trời Phạm Thiên ở cõi Quang Âm vậy.

Rồi Đức Đạo Sư thuyết lên kệ ngôn sau:

"Susukhaṃ vata jīvāma,	*"Vui thay chúng ta sống,*
Yesaṃ no natthi kiñcanaṃ;	*Không gì, gọi của ta.*
Pītibhakkhā bhavissāma,	*Ta sẽ hưởng hỷ lạc,*
Devā ābhassarā yathā".	*Như Chư Thiên Quang Âm".*

CHÚ GIẢI:

Yesaṃ no: Không có mối buộc ràng nào cả, trong số những dây trói buộc ràng chúng ta, nhất là luyến ái.

Pītibhakkhā: Chư Thiên cõi Quang âm có hỷ lạc làm cơm nên sống tự tại như thế nào, thì ta cũng sẽ có cơm hỷ lạc như thế ấy.

Cuối thời pháp, năm trăm thiếu nữ chứng đắc Tu Đà Hườn.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Dân thành điên đảo tại ma xui
Ôm bát về không, Phật vẫn vui
Lại độ nữa ngàn cô thiếu nữ
Có duyên, chánh tín chẳng hề lui
Phật ví mình như Đại Phạm Thiên
Suốt ngày toại hưởng lạc trường miên
Có đâu bận trí vì cơn đói
Ma chả chuyên lo việc hão huyền.

DỨT TÍCH VƯƠNG TRÊU PHẬT

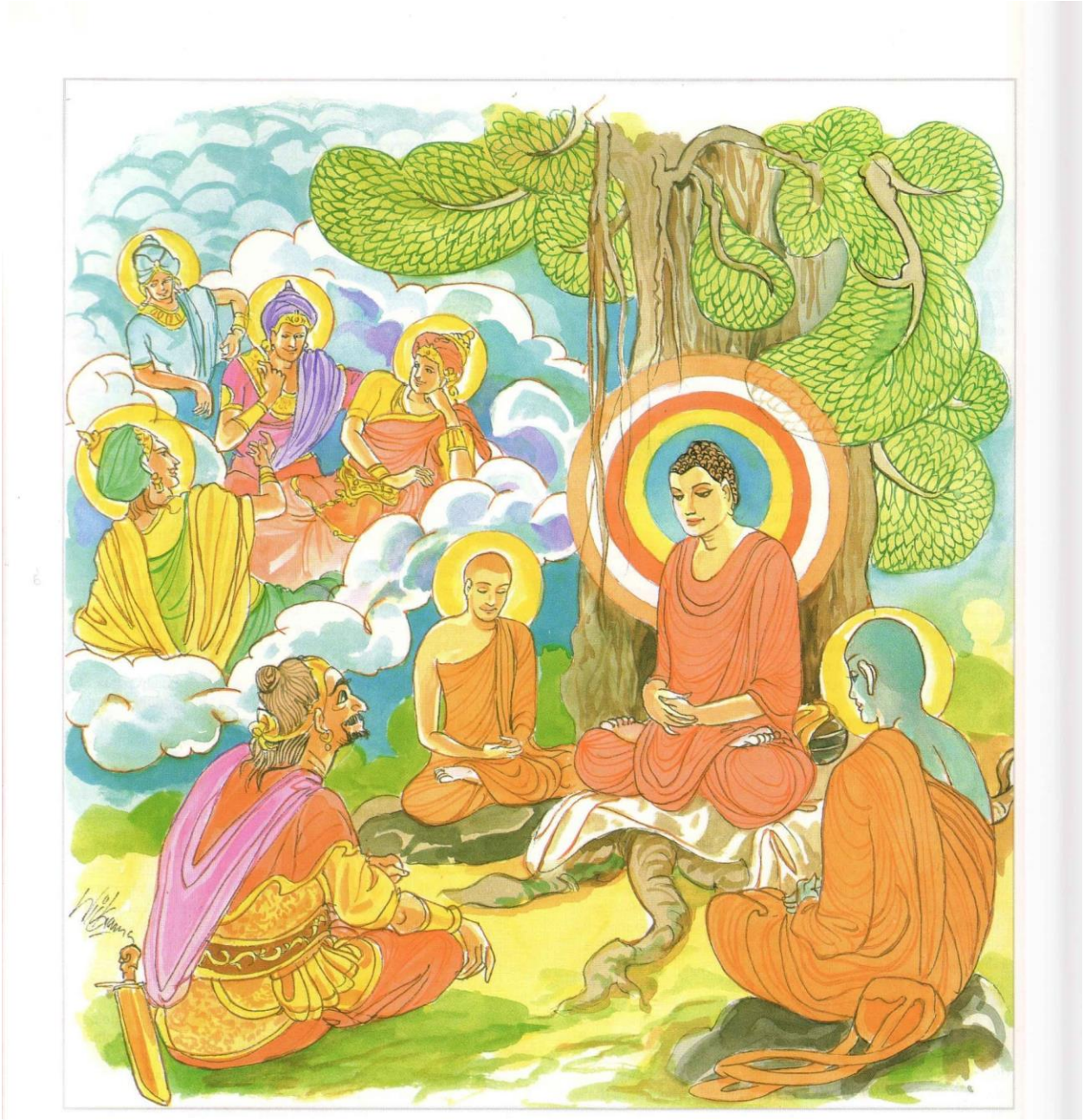

200. Chúng ta sống đầy an lạc dù không có tài sản gì. Chúng ta được nuôi dưỡng bằng niềm hoan hỷ như Chư Thiên.

XV.3- ĐỨC VUA KOSALA BẠI TRẬN

(Kosalarañño parājaya)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 201)

"Jayaṃ veraṃ pasavati,	***"Chiến thắng sinh thù oán,***
Dukkhaṃ seti parājito;	***Thất bại chịu khổ đau,***
Upasanto sukhaṃ seti,	***Sống tịch tịnh an lạc,***
Hitvā jayaparājayaṃ".	***Bỏ sau mọi thắng bại".***

Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến sự bại trận của Vua Pasenadi.

Tương truyền rằng: Đức Vua Kosala chiến đấu với cháu mình là Đức Vua Ajātasattu, gần làng Kāsika đã bị bại trận ba lần liên tiếp. Đến lần thứ ba, Đức Vua tự nghĩ: *"Trẫm không thắng được đứa con nít miệng còn hôi sữa. Vậy Trẫm còn sống để làm gì?".*

Đức Vua bèn tuyệt thực, nằm liệt trên Long sàng.

Tin nầy được lan truyền khắp kinh thành, chư Tăng trình lên Đức Thế Tôn: *"Bạch Ngài! Được tin rằng Đức Vua Kosala ngự giá thân chinh gần thành Kāsika, bị đánh bại ba lần, và bây giờ rút binh trở về. Ngài âu sầu nên tuyệt thực nằm liệt giường, vì nghĩ rằng: Đã không thắng nổi đứa con nít miệng hôi sữa, thì Trẫm còn sống làm gì?".*

Nghe Chư Tăng thuật lại câu chuyện, Đức Bổn Sư phán dạy:

- Nầy các Tỳ khưu! Người thắng cũng bị thù oán, người bại cũng chịu đau khổ.

Rồi Ngài ngâm lên kệ ngôn rằng:

"Jayaṃ veraṃ pasavati,	*"Chiến thắng sinh thù oán,*
Dukkhaṃ seti parājito;	*Thất bại chịu khổ đau,*
Upasanto sukhaṃ seti,	*Sống tịch tịnh an lạc,*
Hitvā jayaparājayaṃ".	*Bỏ sau mọi thắng bại".*

☸

CHÚ GIẢI:

Jayaṃ: Người thắng ắt bị thù oán.

Parājito: Người bị thắng tức là kẻ bại, ắt chịu khổ trong bốn oai nghi là đi, đứng, nằm, ngồi. Lúc nào cũng khổ, luôn luôn tự hỏi:

Chừng nào ta mới có thể trả thù rửa hận.

Upasanto: Ở giữa hai người trên đây. Bậc Lậu Tận đã làm an tịnh phiền não tham ái, đã dứt bỏ sự thắng và bại, luôn luôn được an vui trong cả bốn oai nghi.

Cuối thời Pháp, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn.

Dịch Giả Cẩn Đề

Nhà Vua tham đất, nỡ quên tình
Chẳng đánh người dưng, đánh cháu mình.
Ba lượt ra quân, ba lượt bại
Nghĩ càng tủi nhục, có gì vinh
Hai đàng ra sức giựt giành nhau
Thắng lợi sinh thù, bại khổ đau
Chẳng thắng, chẳng thua, lòng tịnh lạc
Người quen tri túc khỏe làm sao.

DỨT TÍCH ĐỨC VUA KOSALA

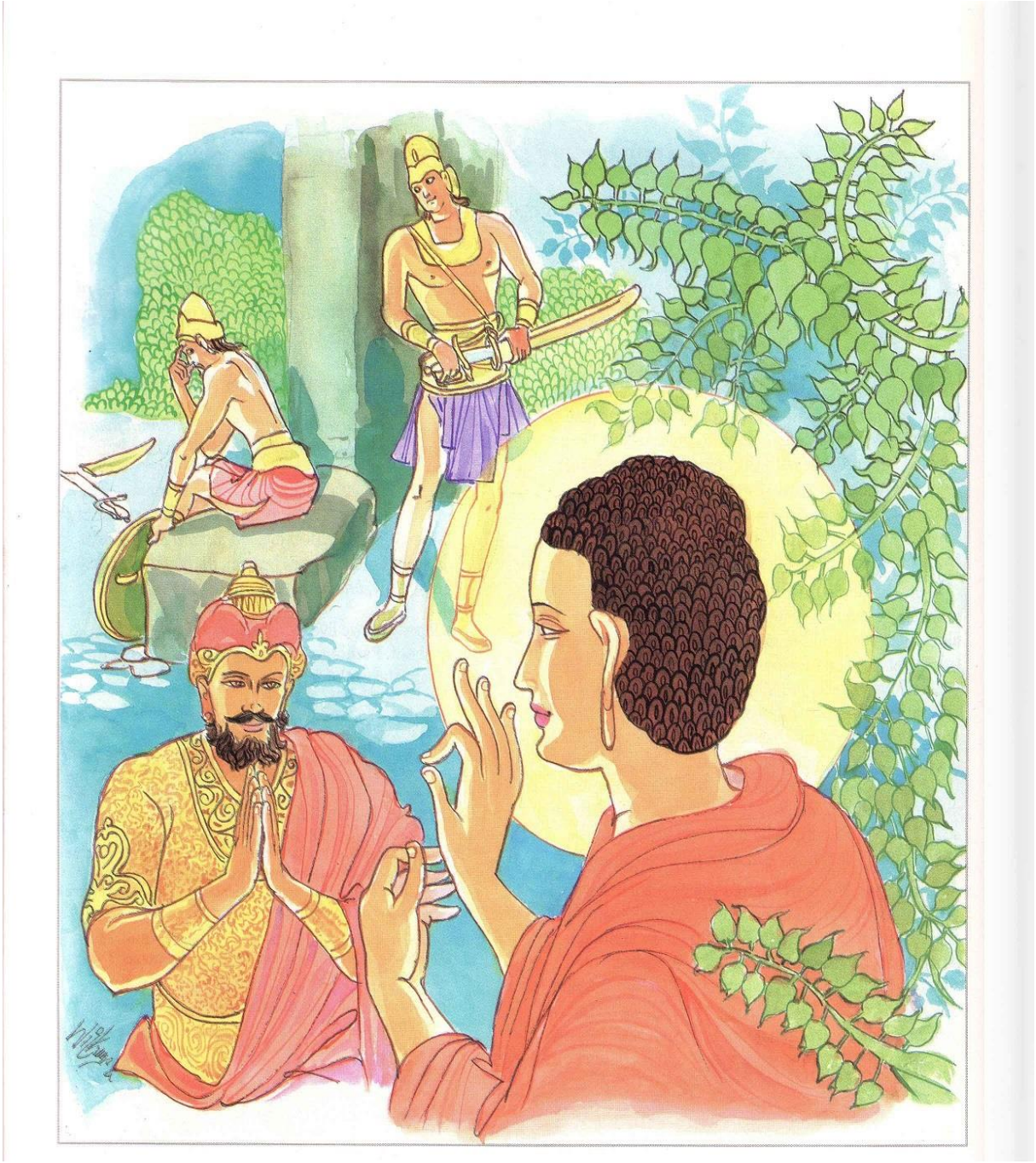

201. Chiến thắng sinh thù hận. Kẻ bại chịu khổ sầu. Miền an tịnh vượt lên cảnh thắng bại.

XV.4- MỘT THIẾU NỮ GIA GIÁO

(Aññatarakuladārikāvatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 202)

"Natthi rāgasamo aggi,	***"Lửa nào sánh lửa tham?***
Natthi dosasamo kali;	***Ác nào bằng sân hận?***
Natthi khandhasamā, dukkhā,	***Khổ nào sánh khổ uẩn,***
Natthi santiparaṃ sukhaṃ".	***Lạc nào bằng tịnh lạc".***

Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến nàng thiếu nữ con nhà gia giáo.

Tương truyền rằng: Cha mẹ của thiếu nữ nầy đã nhận lễ cầu hôn của nhà trai, và đã thỉnh Đức Thế Tôn đến thọ bát vào ngày gả con lấy chồng.

Đức Thế Tôn cùng với Tăng chúng tùy tùng ngự đến và an tọa vào chỗ ngồi được soạn sẵn. Cô dâu đi qua lại, lo phục dịch chư Tăng, nhất là lọc nước để dâng đến Tăng. Chàng rễ thì cứ đứng nhìn cô dâu. Chàng nhìn cô dâu với tâm tham ái, phiền não dục khởi lên trong tâm chàng, bị sự si mê thắng phục, chàng không lo phục dịch Đức Phật cùng với 80 vị Đại Trưởng Lão, mà giơ tay ra định ôm lấy cô dâu. Đức Bổn sư nhìn thấy tư tưởng của chàng ta, khiến chàng không còn trông thấy cô dâu nữa, không thấy được cô dâu chàng ta đành đứng yên nhìn Đức Bổn Sư. Khi chàng đứng nhìn Đức Bổn Sư như vậy, Ngài bảo:

- Nầy cận sự nam, không có lửa nào sánh bằng lửa tham ái, không có ác nào sánh bằng ác sân hận, không có khổ nào bằng khổ giữ gìn ngũ uẩn, không có sự an vui nào bằng sự an vui của Níp Bàn.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Natthi rāgasamo aggi,	*"Lửa nào sánh lửa tham?*
Natthi dosasamo kali;	*Ác nào bằng sân hận?*
Natthi khandhasamā, dukkhā,	*Khổ nào sánh khổ uẩn,*
Natthi santiparaṃ sukhaṃ".	*Lạc nào bằng tịnh lạc".*

☸

CHÚ GIẢI:

Natthi rāgasamo: Tuy không thấy khói hoặc lửa ngọn hoặc than lửa đỏ, nhưng lửa tham ái có thể cháy rần rần trong nội tâm con người, sự tàn phá thiêu đốt của nó không có thứ lửa nào khác sánh kịp.

Kali: Không có tội lỗi nào bằng tội của sân.

Khandhasamā: Khandhehi samā là bằng ngũ uẩn, không có thứ khổ nào khác có thể sánh bằng khổ ngũ uẩn.

Cũng không có sự an lạc nào, có thể sánh với sự an lạc của Níp Bàn. An lạc Níp Bàn là tối thượng.

Cuối thời pháp, cô dâu và chàng rễ chứng đắc quả vị Tu Đà Hườn.

Ngay lúc đó, Đức Thế Tôn thu hồi Phật lực và hai người đã thấy mặt nhau trở lại.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Ngày lễ vua quy thỉnh Phật Đà
Nàng dâu chẳng bận tiếp thông gia
Hộ tăng sợ trễ phần cơm nước
Chàng rễ mong chờ kiệu đuốc hoa
Lửa ái nung lòng trai khó nhịn
Âm từ mát dạ khổ mau qua
Mắt mờ lại sáng vì Sơ quả
Người đẹp còn đây, há cách xa.

DỨT TÍCH THIẾU NỮ CON NHÀ GIA GIÁO

☸

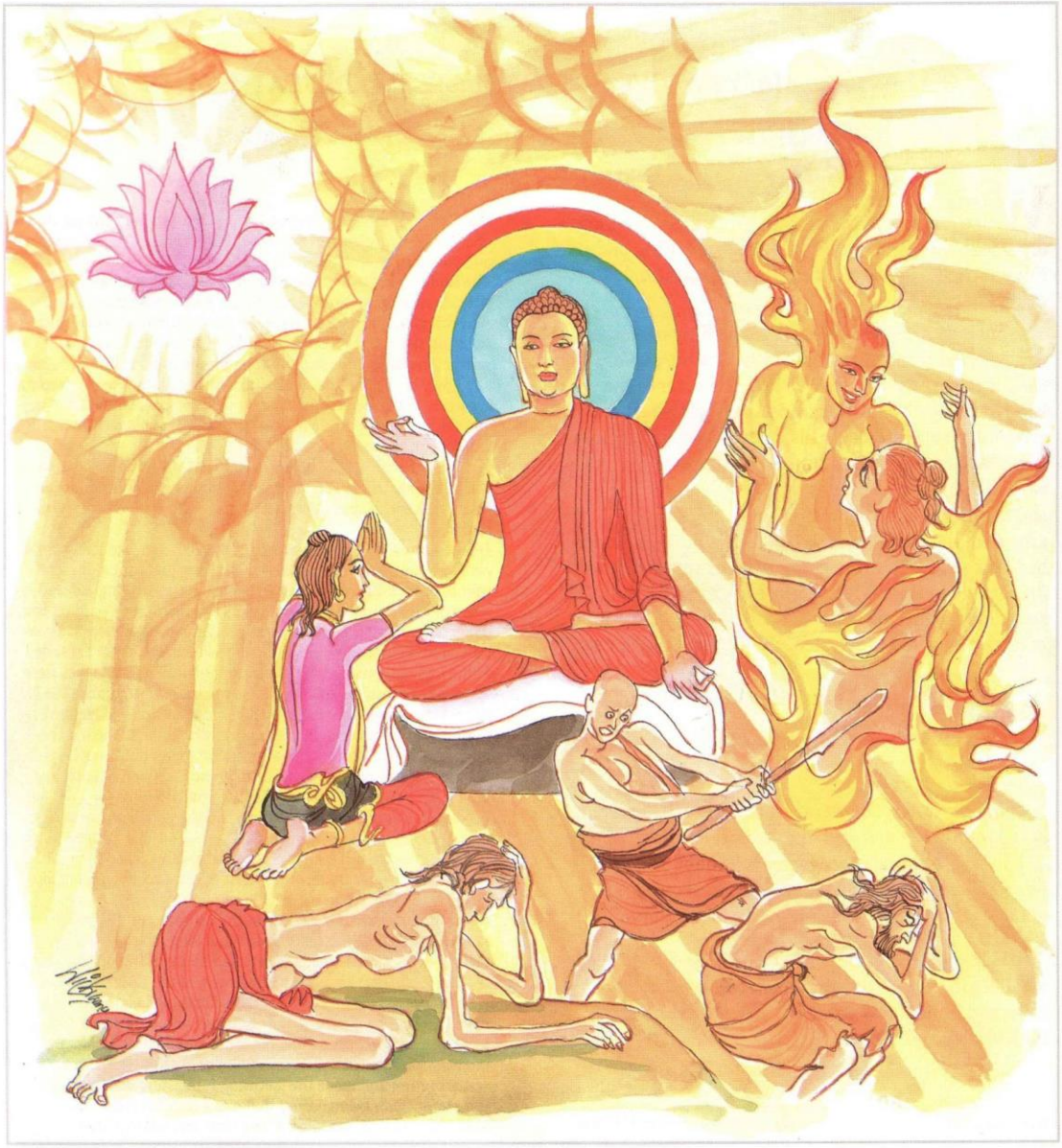

202. Không lửa nào bằng tham dục, không tai hại nào bằng sân hận. Không khổ nào bằng bản thân. Chỉ Niết Bàn là cực lạc.

XV.5- ÔNG THIỆN NAM ĐƯỢC ĂN CƠM PHẬT

(Añnatara-upāsakavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 203)

"Jighacchāparamā rogā,	***"Đói ăn, bệnh tối thượng,***
Saṅkhāraparamā, dukhā.	***Các hành, khổ tối thượng,***
Etaṃ ñatvā yathābhūtaṃ,	***Hiểu như thực là vậy,***
Nibbānaṃ paramaṃ sukhaṃ".	***Niết bàn, lạc tối thượng".***

Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết khi ngự tại thành Ālāvī, đề cập đến một thiện nam.

Lần nọ, Đức Thế Tôn tịnh tọa trong Hương thất ở Jetavana, vào buổi sáng Ngài quán xét thế gian, Ngài thấy được duyên lành của người đàn ông nghèo khó, nên Ngài ngự đến thành Ālavī với 500 Tỳ khưu tùy tùng.

Dân thành Ālavī liền cung thỉnh Đức Thế Tôn. Được tin Đức Thế Tôn ngự đến, người đàn ông nghèo khó ấy cũng có ý định đến nghe Pháp của Ngài, nhưng trong ngày ấy con bò của y sút chuồng chạy mất, người ấy suy nghĩ: *"Ta nên đi kiếm bò hay là đi nghe Pháp?"* rồi y quyết định *"Ta hãy tìm bò mang về chuồng, rồi hãy đi nghe Pháp".* Từ bình minh, người ấy đã ra đi khỏi nhà tìm con bò, dân thành Ālavī đã cung thỉnh chư Tăng có Đức Phật là vị Thượng thủ thọ thực nơi Trai thí đường, sau khi Ngài thọ thực xong, họ xin thỉnh Bát của Đức Bổn Sư để yêu cầu Ngài phúc chúc phước, Đức Bổn Sư phán dạy:

- Chỉ vì một người mà Như Lai vượt khoảng đường xa 30 do tuần đến đây để tiếp độ y. Hiện y đang vào rừng để kiếm con bò đi lạc, khi nào người ấy đến, Như Lai sẽ thuyết pháp.

Rồi Ngài im lặng. Người đàn ông nghèo kiếm được con bò xong, đưa nó trở về với đàn bò, rồi tự nhủ rằng: *"Nếu không có duyên chi khác, ta hãy đi đảnh lễ Đức Bổn Sư".* Mặc dù đang đói bụng, nhưng y không có ý định trở về nhà mà lật đật tìm đến đảnh lễ Đức Bổn Sư, và đứng qua một bên.

Chờ người ấy đứng yên, Đức Bổn Sư hỏi người phụ lo việc trai tăng rằng:

- Vật thực của chư Tăng còn chút chi chăng?

- Bạch Ngài! Còn có đủ ạ.

- Nếu vậy, hãy dọn cơm cho người nầy dùng đi.

Sau khi mời người đàn ông nghèo ngồi nơi Đức Bổn Sư chỉ dạy, người hộ Tăng chăm lo khoản đãi người ấy với cháo, vật thực cúng dường thượng vị loại cứng loại mềm. Sau khi dùng bữa xong, người đàn ông ấy súc miệng (người ta bảo rằng: Ngoài ra chỗ nầy, khắp nơi khác trong Tam Tạng không có ghi chép việc Đức Phật lo lắng về vấn đề cơm nước như thế). Sự khổ thân vừa được yên thì tâm của y cũng được tịnh lặng.

Cuối thời Pháp, người ấy chứng đắc Tu Đà Hườn quả. Sau khi phúc chúc xong, Đức Thế Tôn đứng dậy ra đi, đại chúng theo sau tiễn đưa Đức Bổn Sư một lối đường rồi quay trở lại.

Chư Tăng đang đi với Đức Thế Tôn, tham phiền rằng:

- Nầy chư Hiền! Hãy xem việc làm của Đức Thế Tôn đó, trong những thời khắc thì không có chuyện như vậy, nhưng lần nầy Ngài đã vì một người đàn ông nghèo, mà lo lắng bảo người hộ Tăng dâng hộ cháo cơm.

Đức Bổn Sư quay lại, đứng hỏi rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Các thầy đang bàn chuyện chi thế?

Khi nghe rõ mọi sự, Ngài bảo rằng:

- Phải đó, nầy các Tỳ khưu! Sỡ dĩ ta vượt đường dài cả 30 do tuần mà đến đây, vì ta thấy được duyên lành của ông Thiện nam nầy. Ông ta đang đói bụng quá sức, vì từ sáng sớm đã thức dậy vào rừng để tìm con bò đi lạc. Đang khổ vì đói, dẫu có người thuyết pháp, người ấy cũng không thể lãnh hội được Pháp. Vì nghĩ vậy, nên ta đã làm như thế. Này các Tỳ khưu, không có bịnh nào sánh bằng bịnh đói cả.

Nói rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Jighacchāparamā rogā,	*"Đói ăn, bệnh tối thượng,*
Saṅkhāraparamā, dukhā.	*Các hành, khổ tối thượng,*
Etaṃ ñatvā yathābhūtaṃ,	*Hiểu như thực là vậy,*
Nibbānaṃ paramaṃ sukhaṃ".	*Niết bàn, lạc tối thượng".*

☸

CHÚ GIẢI:

Jighacchāparamā rogā: Mọi bịnh khác chỉ chữa một lần là dứt tuyệt hoặc tạm thời biến mất. Còn chứng đói bụng thì thường xuyên phải chữa trị mãi. Đối với tất cả chứng bịnh khác, bịnh đói nầy là tối thượng.

Saṅkhāra: Pháp hành, ám chỉ ngũ uẩn.

Etaṃ ñatvā: Không có bịnh nào bằng bịnh đói, không có khổ nào bằng khổ ngũ uẩn. Bậc hiền trí biết rõ vấn đề như thật, nên làm cho thấu rõ Níp Bàn.

Nibbānaṃ paramaṃ sukhaṃ: Sự an vui của Níp Bàn ưu việt cao thượng hơn tất cả mọi sự an vui.

Cuối thời pháp nhiều Tỳ Khưu chứng Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Bệnh đói to hơn các bịnh thường
Phàm nhân vì nó phải tư tương
Chú nghèo đến trễ cam lòng đói
Đức Phật từ bi nghĩ xót thương
Cơm Tăng một bữa tạm no lòng
Sơ quả sanh liền khỏi đợi mong
Tứ chúng nào hay vì lẽ khó
Đường xa, Phật chẳng ngại hoài công.

DỨT TÍCH ÔNG THIỆN NAM ĐƯỢC ĂN CƠM PHẬT

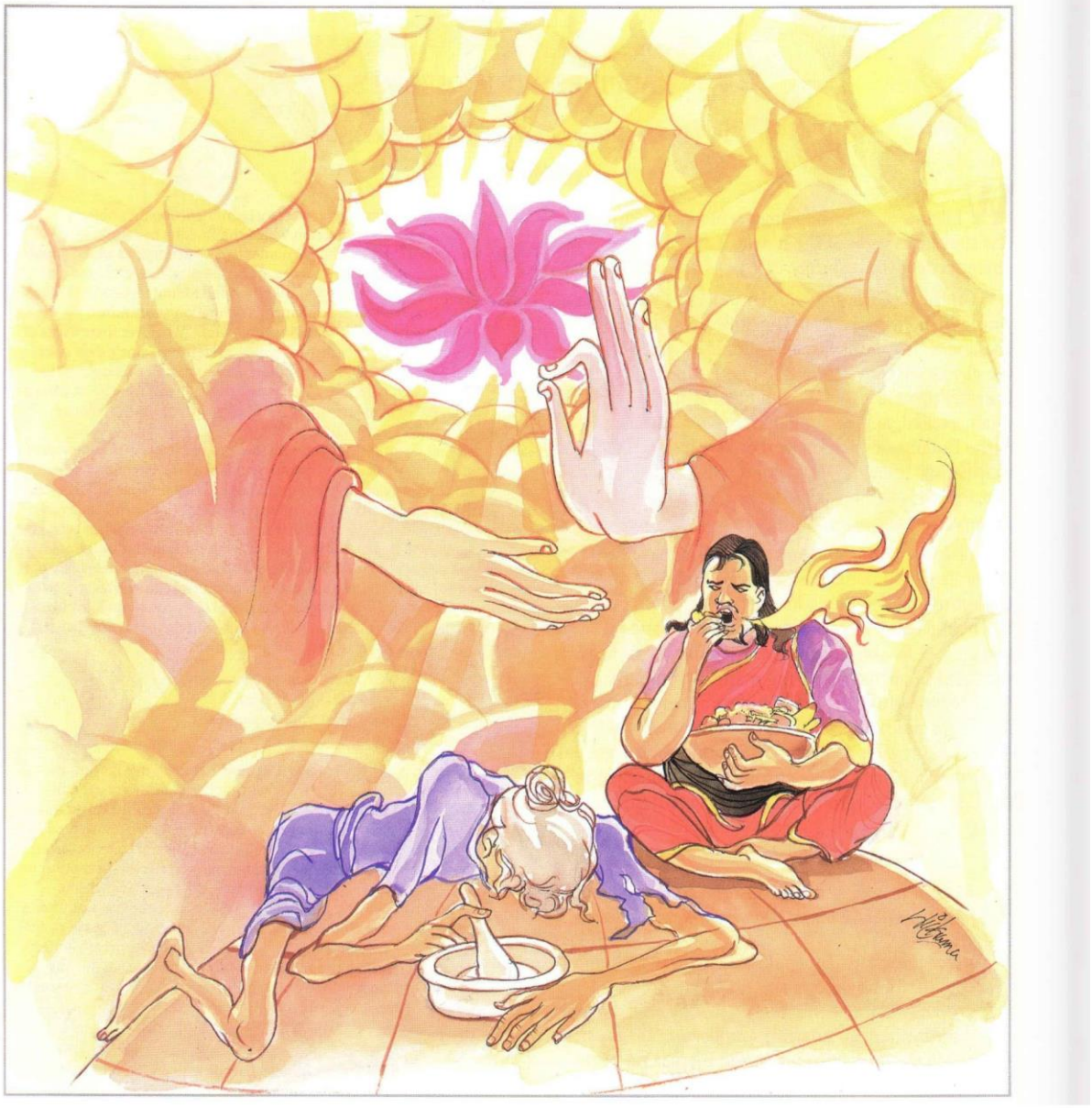

203. Đói là bệnh tối trọng. Sanh tử luân hồi là đại khổ. Vượt khỏi hai cảnh này, Niết Bàn là cực lạc.

XV.6- ĐỨC VUA PASENADI BỚT ĂN

(Pasenadikosalavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 204)

"Ārogyaparamā lābhā,	***"Không bệnh, lợi tối thượng,***
Santuṭṭhiparamaṃ dhanaṃ;	***Biết đủ, tiền tối thượng.***
Vissāsaparamā ñāti,	***Thành tín đối với nhau,***
Nibbānaṃ paramaṃ, sukhaṃ".	***Là bà con tối thượng,***
	Niết bàn, lạc tối thượng".

Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư thuyết lên khi Ngài ngự nơi Jetavana, đề cập đến Đức Vua Pasenadi.

Một thời, Đức Vua Pasenadi thường dùng cơm hấp chung với canh và các món ăn khác. Một hôm, sau khi độ điểm tâm sáng, Đức Vua không thắng được sự hôn trầm vì ăn quá no, bèn ngự giá đến bái yết Đức Bổn Sư rồi đi bách bộ trước mặt Ngài với vẻ mệt mỏi, mặc dù buồn ngủ hết sức nhưng không dám nằm dài xuống. Đức Vua ngồi qua một bên. Khi ấy, Đức Bổn Sư hỏi Đức Vua rằng:

- Tâu Đại Vương! Có phải chưa được nghỉ ngơi thoải mái mà Đại Vương đã đến nơi đây chăng?

- Bạch Ngài, phải, sau bữa cơm Trẫm rất đau khổ nặng nề.

Đức Bổn Sư bèn nói với Đức Vua rằng:

- Tâu Đại Vương, sự thọ thực quá nhiều hằng có cái khổ như thế.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn.

Sau bài kệ nầy, Đức Bổn Sư dạy tiếp rằng:

- Tâu Đại Vương! Phàm trong sự ăn uống, con người phải biết tiết độ. Người biết tiết độ trong ăn uống hằng được sự an vui.

Rồi Ngài dạy thêm câu kệ ngôn:

"Người sẽ lâu già, bảo trì được tuổi thọ".

Đức Vua không thể học thuộc được bài kệ nầy, Đức Bổn Sư bảo Hoàng điệt Sudassana đang đứng bên đó: *"Hãy học thuộc bài kệ nầy".* Sau khi Sudassana học thuộc bài kệ. Đức Bổn Sư được Sudassana hỏi rằng:

- Bạch Ngài, con sẽ làm gì với kệ ngôn nầy?

- Khi nào Đức Vua độ cơm đến vắt cuối cùng, Hoàng diệt nên đọc lên bài kệ nầy, Đức Vua sẽ thấu rõ nghĩa lý của nó, sẽ ném bỏ vắt cơm cuối cùng. Vả lại, trong vắt cơm ấy có được bao nhiêu hạt cơm, thì đến giờ nấu cơm cho Đức Vua, hãy bảo đầu bếp bớt ra bấy nhiêu hạt gạo.

- Lành thay, bạch Ngài.

Thế rồi, suốt cả hai buổi sáng và chiều, khi Đức Vua ngự thiện đến vắt cơm cuối cùng, hoàng diệt Sudassana liền đọc lên bài kệ ấy. Trong vắt cơm cuối cùng được bỏ đếm được bao nhiêu hạt cơm thì bảo bớt ra bấy nhiêu hạt gạo.

Mỗi lần được nghe kệ ngôn, Đức Vua ban thưởng Sudassana ngàn đồng vàng. Thời gian sau, Đức Vua tận được thói quen tri túc với một đấu gạo (độ 1 lít) mỗi bữa ăn và được an vui, nhưng Long thể có ốm bớt.

Thế rồi, một hôm Đức Vua đến bái yết Đức Bổn Sư, bạch rằng:

- Bạch Ngài, bây giờ Trẫm được an vui. Hơn thế nữa, Trẫm còn có thể săn đuổi thú, bắt được hươu nai và ngựa rừng nữa. Lúc trước Trẫm hay chiến đấu với cháu Trẫm, nhưng mới đây Trẫm gã Công Nương Kim Cương cho Hoàng diệt. Trẫm đã ban công chúa làng Kāsi để công chúa có thể làm hồ tắm. Sự tranh chấp giữa Hoàng điệt và Trẫm đã chấm dứt. Nhờ vậy, Trẫm càng được an vui. Hôm trước viên bảo ngọc của Hoàng gia bị mất cắp, nay nó được tìm thấy, trở về với Trẫm, do đó Trẫm càng thêm an vui. Muốn được tình thân thiện với các Thinh Văn của Ngài, do đó Trẫm lại càng được an vui hơn.

- Tâu Đại Vương! Thật vậy, vô bịnh là lợi tối thượng, biết tri túc là được bạc tiền, tình thân mật là những quyến thuộc tốt nhất, sự an vui của Níp Bàn không có gì sánh được.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Ārogyaparamā lābhā,	*"Không bệnh, lợi tối thượng,*
Santuṭṭhiparamaṃ dhanaṃ;	*Biết đủ, tiền tối thượng.*
Vissāsaparamā ñāti,	*Thành tín đối với nhau,*
Nibbānaṃ paramaṃ, sukhaṃ".	*Là bà con tối thượng,*
	Niết bàn, lạc tối thượng".

☸

CHÚ GIẢI:

Ārogyaparamā: Trạng thái vô bịnh là tối thượng. Quả vậy, những người có bịnh dầu đang có lợi cũng giống như không có lợi, bởi thế, tất cả đều có đến cho người vô bịnh, vì thế Đức Bổn Sư đã dạy sự vô bịnh là lợi tối thắng.

Santuṭṭhiparamaṃ dhanaṃ: Người sư sĩ hoặc bậc xuất gia nào có sự vui thích đến lợi lộc của mình hoặc tài sản của mình, sự vui thích ấy là biết đủ hay tri túc. Nó là của cải cao thượng hơn những thứ của cải khác.

Vissāsaparamā ñāti: Ví như mẹ, cha của một người nào mà đối với họ mặc dầu không phải là bà con, họ hàng, người thân mật cũng là quyến thuộc tối thượng. Do đó, Đức Bổn Sư đã nói tình thân mật là quyến thuộc tối thượng vậy.

Không có sự an vui nào sánh bằng sự an vui của Níp Bàn, nên nói Níp Bàn là lạc tối thượng vậy.

Cuối thời Pháp nhiều người đắc chứng Đạo Quả Dự Lưu.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Lợi dưỡng như Vua dễ phát phì,
Nặng nề Long Thể, chẳng vui chi
Ngồi lo mệt mỏi, sanh buồn ngủ
Đừng sợ hôn trầm ráng sức đi.
Phật dạy bớt cơm bằng giọng kệ
Cháu mình nhắc cậu với bài thơ.
Uống ăn tiết độ, người tinh tiến
Vô bịnh, nương nhờ hạnh xả ly.

DỨT TÍCH ĐỨC VUA PASENADI BỚT ĂN

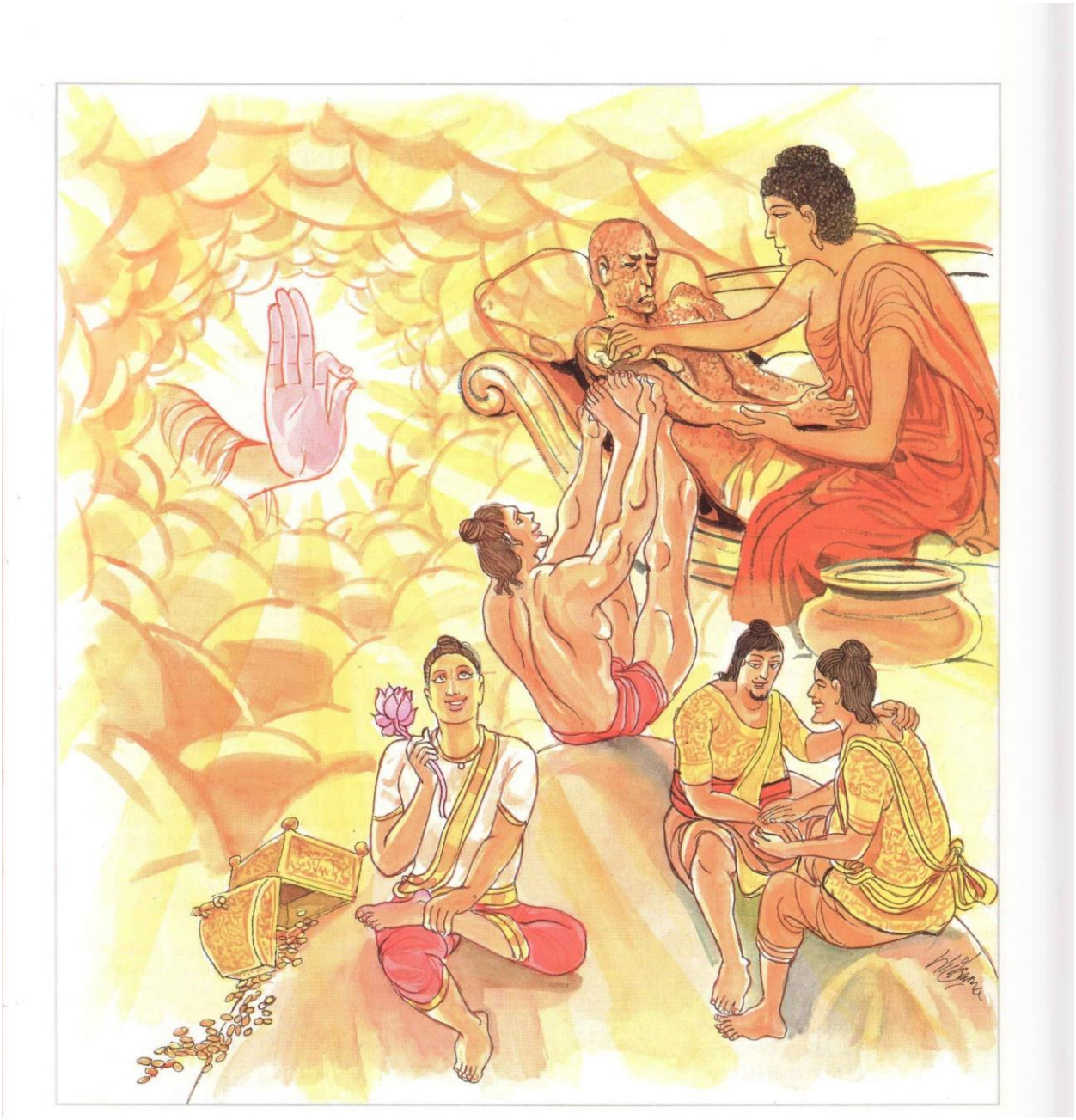

204. Sức khỏe là lợi tối thắng. Tri túc là tài sản tối cao.
Niết Bàn là cực lạc tối thượng.

XV.7- ĐẠI ĐỨC TISSA CÚNG DƯỜNG CAO THƯỢNG

(Tissattheravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 205)

"Pavivekarasaṃ pitvā,	***"Đã nếm vị độc cư,***
Rasaṃ upasamassa ca;	***Được hưởng vị nhàn tịnh,***
Niddaro hoti nippāpo,	***Không sợ hãi, không ác,***
Dhammapītirasaṃ pivaṃ".	***Nếm được vị pháp hỷ".***

Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư thuyết lên khi Ngài ngự tại thành Vesalī, đề cập đến vị Tỳ khưu.

Khi Đức Thế Tôn tuyên bố rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Từ nay đến bốn tháng nữa, Như Lai sẽ viên tịch Níp Bàn.

Nghe xong như vậy, cả 700 vị Tỳ khưu ở gần Ngài phát sanh kinh cảm, cả chư Thánh Thinh Văn Lậu Tận cũng phát sanh sự động tâm về pháp hữu vi vô thường. Những Tỳ khưu phàm không cầm được nước mắt. Chư Tỳ khưu họ thành từng nhóm, đi quanh hỏi ý kiến nhau:

"Chúng ta phải làm gì đây?".

Khi ấy, có vị Tỳ khưu tên là Tissa, tự nghĩ rằng: *"Nghe nói còn bốn tháng nữa, Đức Bổn Sư sẽ Đại Níp Bàn, thế mà ta chưa diệt được tham ái, ta sẽ phải nổ lực hành đạo đắc quả A La Hán, trong khi Đức Bổn Sư còn tại tiền".*

Thế rồi, vị ấy nguyện hành Sa môn pháp trong cả bốn oai nghi, sống hạnh độc cư, không thân cận với chư Tăng, hoặc không trò chuyện với Tỳ khưu nào cả. Chư Tăng nói với vị ấy rằng:

- Nầy hiền giả Tissa! Tại sao hiền giả lại làm như thế?

Vị ấy cũng chẳng màng nghe chuyện chư Tăng nói. Chư Tăng bèn đem chuyện nầy mách lại với Đức Bổn Sư.

- Bạch Ngài! Đại Đức Tissa trình bày việc mình suy nghĩ lên Đức Bổn Sư, Ngài tán thán, nói rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Những vị nào yêu mến Ta, hãy noi gương của Tissa nầy. Dầu ai cúng dường hương hoa, tràng hoa đến Ta, Ta không gọi là họ cúng dường Ta cao thượng. Trái lại, những ai hành đạo đúng theo chánh pháp, chính họ là người cúng dường Ta cao thượng vậy.

Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

"Pavivekarasaṃ pitvā,	*"Đã nếm vị độc cư,*
Rasaṃ upasamassa ca;	*Được hưởng vị nhàn tịnh,*
Niddaro hoti nippāpo,	*Không sợ hãi, không ác,*
Dhammapītirasaṃ pivaṃ".	*Nếm được vị pháp hỷ".*

☸

CHÚ GIẢI:

Pavivekarasam: Vị phát sanh từ nơi thanh vắng, ám chỉ sự an vui của trạng thái độc cư.

Pitvā: Do sự hành thiền làm cho thấu rõ Tứ Đế, nhất là Khổ đế mà nếm được hương vị độc cư nhàn tịnh.

Rasaṃ upasamassa ca: Nếm vị của Níp Bàn tịnh lạc, không còn phiền não.

Niddaro hoti: Do được uống hai thứ nước cam lồ độc cư và nhàn lạc.

Dhammapītirasaṃ pivaṃ: Nhờ 9 Pháp Thánh mà phỉ lạc phát sanh. Người hưởng được thứ gì phỉ lạc của bậc Thánh Nhân thì không còn buồn rầu đau khổ, quấy ác nữa.

Cuối thời Pháp Đại Đức Tissa đắc A La Hán, kỳ dư đại chúng thính pháp đều hưởng được hưởng được lợi ích.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Nhân lành tuy có, thiếu công phu
Đại Đức cầu mong quả đặc thù.
"Cõi Phật", Phật về trong bốn tháng
Đời ta, ta sẽ ở bao thu.
Cúng dường hạ cấp đành buông bỏ
Hành đạo cao nhân quyết tiến tu
Tăng chẳng thấu tình, đem xử lý
Thầy khen một miếng, khỏe chăng ru?

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC TISSA

☸

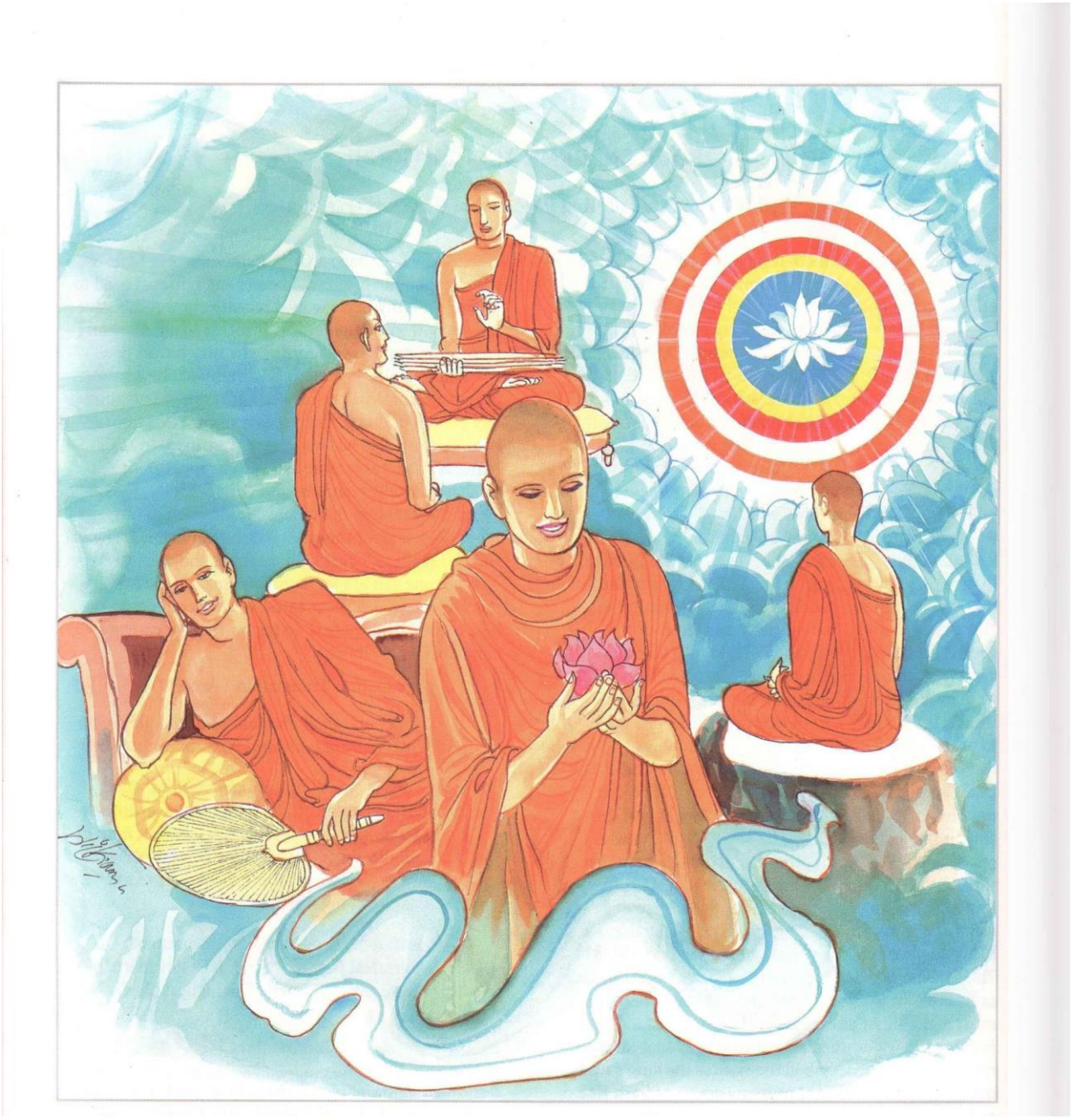

205. Nhờ thọ hưởng độc cư và hoan hỷ an tịnh qua Giáo Pháp, ta đạt đến thanh tịnh.

XV.8- THIÊN VƯƠNG ĐẾ THÍCH SĂN SÓC PHẬT

(Sakhavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 206-208)

206. "Sādhu dassanamariyānaṃ,	***"Lành thay, thấy thánh nhân,***
Sannivāso sadā sukho;	***Sống chung thường hưởng lạc.***
Adassanena bālānaṃ,	***Không thấy những người ngu,***
Niccameva sukhī siyā".	***Thường thường được an lạc".***
207. "Bālasaṅgatacārī, hi,	***"Sống chung với người ngu,***
Dīghamaddhāna socati;	***Lâu dài bị lo buồn.***
Dukkho bālehi saṃvāso,	***Khổ thay gần người ngu,***
Amitteneva sabbadā;	***Như thường sống kẻ thù.***
Dhīro ca sukhasaṃvāso,	***Vui thay, gần người trí,***
Ñātīnaṃva samāgamo".	***Như chung sống bà con".***
208. "Tasmā hidhīrañca	***"Do vậy: Bậc hiền trí, trí tuệ***
Paññañca bahussutañca,	***Bậc nghe nhiều, trì giới,***
Dhorayhasīlaṃ vatavantamariyaṃ;	***Bậc tự chế, Thánh nhân;***
Taṃ tādisaṃ sappurisaṃ	***Hãy gần gũi, thân cận***
Sumedhaṃ, bhajetha	***Thiện nhân, trí giả ấy,***
Nakkhattapathaṃva candimā".	***Như trăng theo đường sao".***

Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi ngự tại làng Beluva, đề cập đến Vua Trời Đế Thích.

Khi thân ngũ uẩn của Đức Như Lai mòn mỏi, sắp hết tuổi thọ, Ngài bịnh kiết lỵ. Thiên Vương Đế Thích biết tin nầy thì tự nghĩ:

- Ta phải xuống thăm Đức Bổn Sư và săn sóc chữa bịnh cho Ngài.

Liền đó, Thiên Vương rời bỏ thân xác Trời cao lớn ba phần tư do tuần, xuống đảnh lễ Đức Thế Tôn, lấy hai tay xoa bóp chân Ngài.

Khi ấy, Đức Thế Tôn phán hỏi: Ai đó?

- Bạch Ngài! Trẫm là Đế Thích.

- Đại Vương xuống đây làm chi?

- Bạch Ngài, Trẫm xuống săn sóc chữa bịnh cho Ngài.

- Nầy Đế Thích, đối với Chư Thiên, mùi hôi của con người ở cách xa từ 100 do tuần trở lại, giống như xác thúi đeo dính nơi cổ. Thôi, Thiên Vương hãy đi đi, Ta đã có chư Tỳ khưu nuôi bịnh rồi.

- Bạch Ngài! Dù có đứng cách xa tám muôn bốn ngàn do tuần, Trẫm cũng ngửi được mùi hương giới đức của Ngài mà đến đây. Một mình Trẫm sẽ săn sóc cho Ngài khi Ngài đang bị bịnh.

Thiên Vương không để ai khác lấy tay rờ đến chậu phẩn của thân Đức Thế Tôn, mà tự mình đội lên đầu mang đi, không nhăn mặt chút nào cả, y như đang đội một chậu hương thơm.

Đức Đế Thích đã nuôi bịnh Đức Bổn Sư như thế và khi Ngài mạnh khỏe trở lại, Thiên Vương mới từ giã ra đi.

Chư Tỳ khưu đề khởi câu chuyện thảo luận rằng:

- Ôi! Lớn thay là sự yêu kính của Đức Thiên Vương đối với Đức Bổn Sư. Sự vinh quang cõi Trời như thế mà dám bỏ, để đi nuôi bịnh cho Đức Thế Tôn. Đội chậu phẩn của thân Ngài, mang đi mà không chút nhăn mặt, giống như đội một chậu hương thơm vậy.

Khi nghe chư Tỳ khưu thảo luận như thế, Đức Bổn Sư phán hỏi:

- Nầy các Tỳ khưu! Các ngươi đang bàn luận về chuyện gì thế?

- Bạch Ngài, chuyện như vậy…

Nghe vậy, Đức Bổn Sư dạy rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Chuyện ấy chẳng có chi lạ. Thiên Vương Đế Thích yêu kính Như Lai, vì nhờ Ta mà Thiên Vương Đế Thích rời bỏ thân xác già cũ, nghe thuyết pháp rồi đắc Tu Đà Hườn, đổi lấy trạng thái Đế Thích trẻ. Có lần, Thiên Vương Đế Thích cùng với Càn thát bà Pañcasikha đi trước, Thiên Vương tìm đến ta, băn khoăn lo sợ sự chết và ngồi trong động đá Indasāla, chính giữa đại chúng Chư Thiên tùy tùng, ta đã thuyết giảng lên kệ ngôn rằng:

(Nầy Vāsava, hãy hỏi Ta. Bất cứ vấn đề nào mà ông muốn hỏi. Ta sẽ trả lời rõ ràng tất cả).

Và Ta đã thuyết pháp thoại đoạn nghi cho Đế Thích. Cuối thời Pháp một trăm bốn mươi triệu chúng sanh chứng đắc Pháp nhãn, và chính cả Đức Đế Thích cũng chứng đạt quả Tu Đà Hườn ngay tại chỗ ngồi và trở thành Đế Thích trẻ. Ta đã giúp cho Thiên Vương nhiều như thế, cho nên không lạ gì khi Thiên Vương yêu mến ta.

- Nầy các Tỳ khưu! Sự gặp gỡ các bậc Thánh Nhân cũng là sự an vui. Trái lại với những kẻ ngu, tất cả mọi sự đều là khổ.

Nói rồi, Ngài ngâm lên kệ ngôn:

206. "Sāhu dassanamariyānaṃ,
Sannivāso sadā sukho;
Adassanena bālānaṃ,
Niccameva sukhī siyā".

"Lành thay, thấy thánh nhân,
Sống chung thường hưởng lạc.
Không thấy những người ngu,
Thường thường được an lạc".

207. "Bālasaṅgatacārī, hi,
Dīghamaddhāna socati;
Dukkho bālehi saṃvāso,
Amitteneva sabbadā;
Dhīro ca sukhasaṃvāso,
Ñātīnaṃva samāgamo".

"Sống chung với người ngu,
Lâu dài bị lo buồn.
Khổ thay gần người ngu,
Như thường sống kẻ thù.
Vui thay, gần người trí,
Như chung sống bà con".

208. "Tasmā hidhīrañca	*"Do vậy: Bậc hiền trí, trí tuệ*
Paññañca bahussutañca,	*Bậc nghe nhiều, trì giới,*
Dhorayhasīlaṃ vatavantamariyaṃ;	*Bậc tự chế, Thánh nhân;*
Taṃ tādisaṃ sappurisaṃ	*Hãy gần gũi, thân cận*
Sumedhaṃ, bhajetha	*Thiện nhân, trí giả ấy,*
Nakkhattapathaṃva candimā".	*Như Trăng theo đường sao".*

☸

CHÚ GIẢI:

Sādhu: Lành thay, tốt đẹp thay.

Sannivāso: Chẳng những chỉ gặp gỡ các vị ấy thôi, mà việc sống chung, ngồi chung một chỗ với các vị ấy, cùng được làm chung những phận sự lớn nhỏ của các vị ấy cũng là tốt cả.

Bālasaṅgatacārī: Người nào sống chung với kẻ ngu.

Dīghamaddhānam: Người ấy khi bị bạn ngu rủ: Lại đây, chúng ta cùng hành đạo chích. Đồng tình với bạn rồi đi đào tường khoét vách, rủi bị bắt hành phạt như bị chặt tay, thì ắt là phải buồn khổ lâu dài.

Sabbadā: Cũng như người đoàn kết sống chung với kẻ thù tay cầm gươm bén nhọn, hoặc với loài rắn độc bị khổ luôn luôn, người chung sống với kẻ ngu cũng như vậy mãi.

Dhīro ca sukhasaṃvāso: Ở đây, người sống chung an vui, nghĩa là người sống một chỗ với bậc hiền trí thì được an vui. Tại sao?

Ñātīnaṃva samāgamo: Ở đây, người đoàn tụ với các quyến thuộc thân yêu được an vui như thế nào, người ấy cũng được an vui như thế ấy.

Tasmā hi: Vì lẽ rằng sống chung với kẻ ngu là khổ, sống chung với bậc hiền trí là an vui, cho nên người trí có đầy đủ nghị lực, người có đủ phàm trí cùng thánh trí, người đa văn thông suốt các bộ kinh, người đã đắc quả A La Hán, người khép mình trong giới luật, người có giới đức đang hộ trì giới, người có thọ các chi Pháp Đầu Đà, bậc Thánh nhân đã xa lìa hết mọi phiền não, bậc thiện trí thức có trí tuệ sáng chói cỡ ấy, ta hãy nương tựa, thân cận những người như vậy, giống như mặt trăng noi theo đường tinh khiết của sao đi trong hư không.

Cuối thời pháp, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Phật đau kiết lỵ, khiến Vua Trời
Tự xuống lo nuôi khỏi đợi mời.
Giới Thánh lòng ghi hằng cảm mến
Phẩn phàm, đầu đội tạm quên hôi.
Gần hiền mới thấy vui vị đạo
Xa trí, còn nghe khổ tại đời.
Tăng chúng luận bàn câu chuyện lạ
"Yêu thì phải vậy, bạn vàng ơi".

DỨT TÍCH ĐẾ THÍCH CHĂM SÓC PHẬT

☸

DỨT PHẨM AN LẠC-SUKHA VAGGA

DỨT PHẨM 15

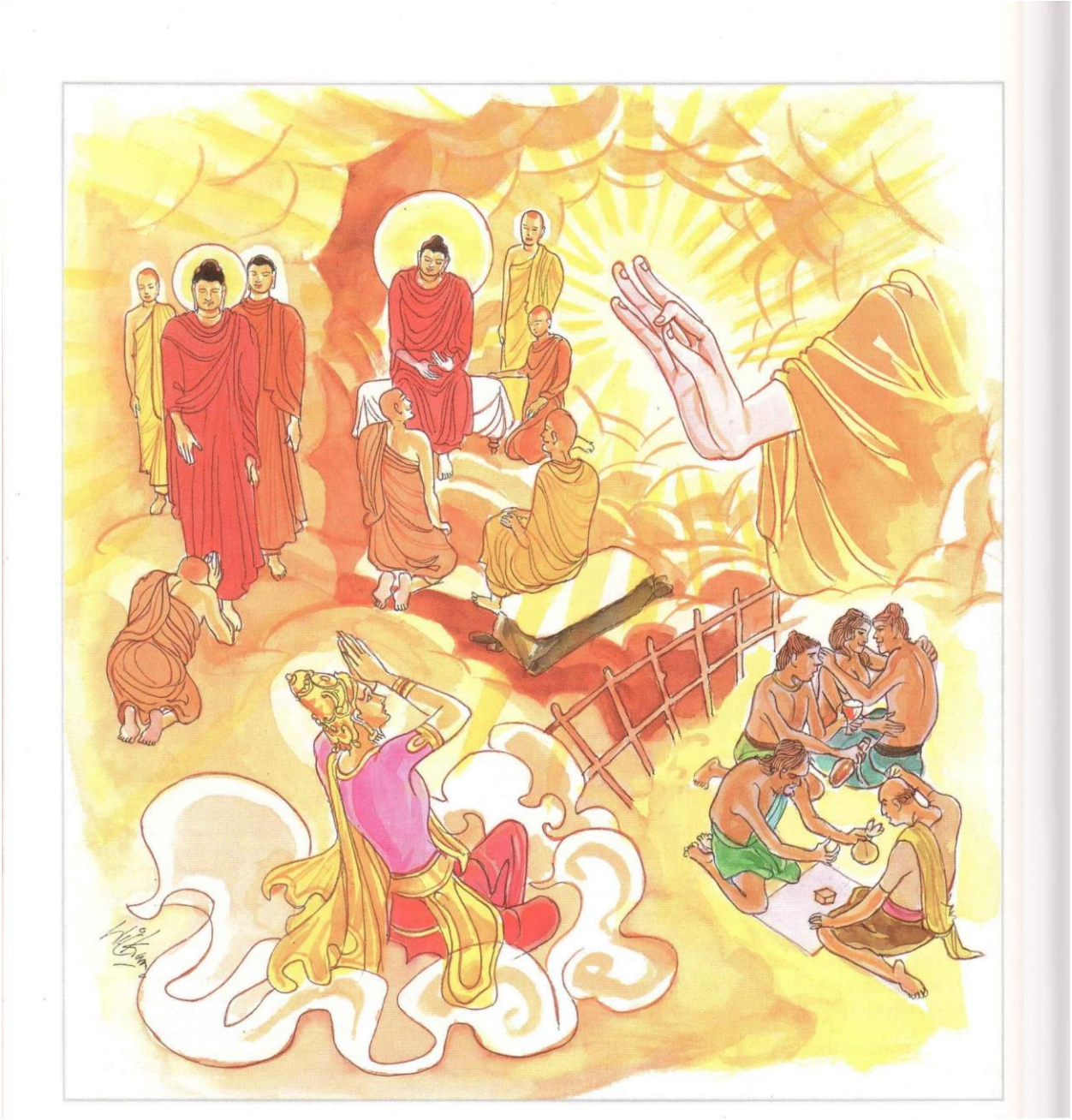

206. Sống gần các Thánh nhân luôn được hạnh phúc.
Tránh xa các ngu nhân thường được an tịnh.

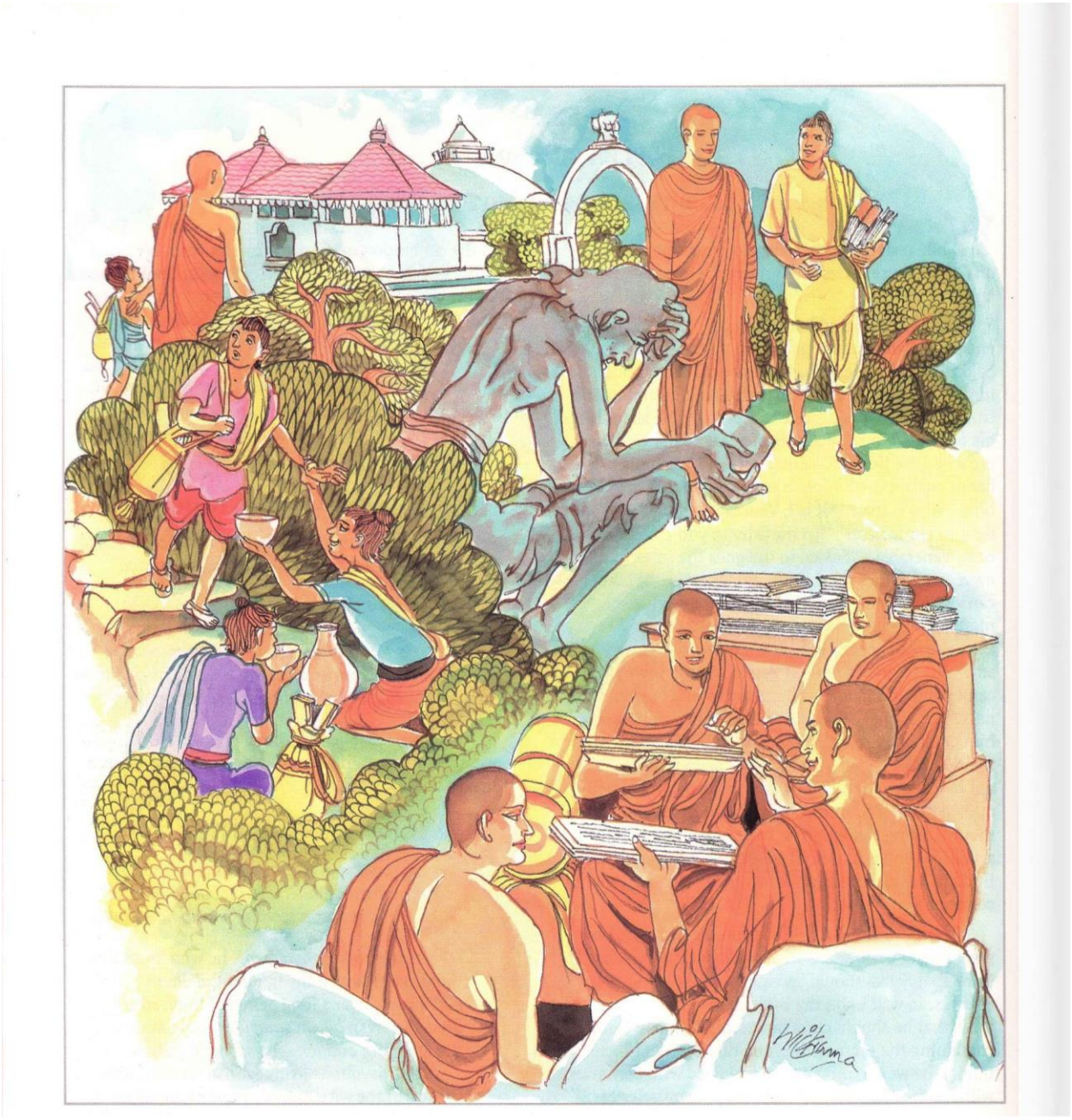

207. Bầu bạn với đám người ngu, ta sẽ chịu khổ đau mãi.
Các bậc trí thức, như quyến thuộc, là nguồn an lạc cho ta.



208. Vậy ta hãy thân cận các bậc trí hiền thiện,
kiên tâm như trăng theo đường sao.

XVI. PHẨM HỶ ÁI

(PIYA VAGGA)

- 12 Bài kệ: Pháp cú 209-220

- 9 Tích truyện

☸

XVI.1- BỘ BA CHA - MẸ - CON XUẤT GIA

(Ayoge Yuñjamāttānanti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 209-210-211)

209. "Ayoge yuñjamattānaṃ,	***"Tự chuyên, không đáng chuyên***
Yogasmiñca ayojayaṃ;	***Không chuyên, việc đáng chuyên***
Atthaṃ hitvā piyaggāhī,	***Bỏ đích, theo hỷ ái,***
Pihetattānuyoginaṃ".	***Ganh tị bậc tự chuyên".***
210. "Mā piyehi samāgañchi,	***"Chớ gần gũi người yêu,***
Appiyehi kudācanaṃ;	***Trọn đời xa kẻ ghét.***
Piyānaṃ adassanaṃ dukkhaṃ,	***Yêu không gặp là khổ,***
Appiyānañca dassanaṃ".	***Oán phải gặp cũng đau".***
211. "Tasmā piyaṃ na kayirātha,	***"Do vậy chớ yêu ai,***
Piyāpāyo hi pāpako;	***Ái biệt ly là ác;***
Ganthā tesaṃ na vijjanti,	***Những ai không yêu ghét,***
Yesaṃ natthi piyāppiyaṃ".	***Không thể có buộc ràng".***

Pháp Cú nầy được Đức Thế Tôn thuyết lên, khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến ba người xuất gia.

Tương truyền rằng: Trong một gia đình ở thành Sāvatthī, có được đứa con trai duy nhất mà cha mẹ rất thương yêu quý mến.

Một hôm, trong khi chư Tỳ khưu được tỉnh mời đến nhà, đang tụng kinh phúc chúc và thuyết pháp, cậu con nghe xong, liền phát tâm muốn xuất gia, mới xin cha mẹ cho mình được xuất gia. Nhưng hai ông bà không chấp nhận lời con mình. Cậu trai tự nghĩ rằng:

"Chờ dịp cha mẹ ta không để ý, ta sẽ thoát ra ngoài mà đi xuất gia".

Rồi khi người cha rời khỏi nhà thì dặn vợ ở nhà lo gìn giữ đứa con. Còn người mẹ khi đi ra thì cũng dặn chồng hãy lo gìn giữ con như vậy.

Một hôm, khi người cha đi khỏi, bà mẹ suy nghĩ: *"Ta phải gìn giữ con trai ta".* Thế rồi, bà ngồi dưới đất mà quay chỉ, sau khi dùng hai chân chặn hai bên ngạch cửa ra vào. Cậu con trai suy nghĩ : *"Ta sẽ gạt mẹ ta mà ra đi mới được".* Cậu nói với mẹ rằng:

- Mẹ thân ơi! Xin mẹ hãy tránh qua một bên đặng cho con đi cầu.

Bà mẹ rút chân, cậu đi ra ngoài được, lật đật chạy đến chùa tìm các vị Tỳ khưu: *"Bạch các Ngài! Xin cho con được xuất gia".*

Sau khi yêu cầu, cậu được xuất gia với chư Tỳ khưu ấy. Khi người cha trở về hỏi người vợ rằng:

- Con trai ta đâu rồi?

- Mình ơi! Con nó mới vừa ở đây mà.

Người cha tìm quanh quất không thấy con mình, nghĩ rằng: *"Chắc có lẽ nó đến chùa để xuất gia rồi".*

Khi đến chùa thấy con trai mình đã xuất gia, người cha than khóc kêu gào: *"Con ơi! Sao con đành giết cha như vậy?".*

Nhưng một lát sau, ông tự nghĩ: *"Con trai ta đã xuất gia, bây giờ ta còn ở nhà mà làm gì?".*

Thế rồi, tự mình ông cũng xuất gia với các Tỳ khưu. Còn bà mẹ ở nhà cũng tự nghĩ rằng: *"Sao con trai và chồng ta đi lâu quá vậy? Có lẽ cả hai cha con đến chùa xuất gia rồi chăng?".*

Khi đến chùa tìm chồng con, bà thấy cả hai đều xuất gia cả rồi, thì nghĩ thầm: *"Cả hai người nầy đã xuất gia cả rồi, ta còn ở lại nhà có ích lợi chi đâu?".* Tự mình, bà cũng đến Tịnh Xá của Chư Tỳ khưu ni mà xin xuất gia.

Tuy đã xuất gia, nhưng cả ba người nầy không thể tách rời nhau. Dầu ở chùa hoặc ở Tịnh Xá của chư Ni, họ cũng ngồi chung nhau một chỗ, nói chuyện cùng nhau suốt ngày. Do đó, chư Tăng và chư Ni đều lấy làm gai mắt. Một hôm, chư Tăng đem hành động của ba người bạch trình lên Đức Thế Tôn, Ngài cho gọi bọn họ đến và hỏi:

- Nghe nói các ngươi đã hành động như thế, có phải chăng?

- Bạch Thế Tôn! Có thật như vậy.

- Tại sao các ngươi lại làm như thế? Việc làm ấy không thích đáng với các bậc xuất gia.

- Bạch Ngài! Chúng con không thể sống xa nhau được.

- Kể từ khi xuất gia về sau, việc làm như thế không còn phù hợp nữa. Sự xa cách những người thương và sự gần gũi những người không thương đều là khổ cả. Bởi thế, đối với chúng sanh hoặc các pháp hữu vi ta không phân biệt là thương hay ghét cái chi cả.

Rồi Đức Bổn Sư thuyết lên kệ ngôn như sau:

209. "Ayoge yuñjamattānaṃ, Yogasmiñca ayojayaṃ; Atthaṃ hitvā piyaggāhī, Pihetattānuyoginaṃ".	*"Tự chuyên, không đáng chuyên* *Không chuyên, việc đáng chuyên* *Bỏ đích, theo hỷ ái,* *Ganh tị bậc tự chuyên".*
210. "Mā piyehi samāgañchi, Appiyehi kudācanaṃ; Piyānaṃ adassanaṃ dukkhaṃ,	*"Chớ gần gũi người yêu,* *Trọn đời xa kẻ ghét.* *Yêu không gặp là khổ,*

Appiyānañca dassanaṃ”.	*Oán phải gặp cũng đau”.*
211. “Tasmā piyaṃ na kayirātha, Piyāpāyo hi pāpako; Ganthā tesaṃ na vijjanti, Yesaṃ natthi piyāppiyaṃ”.	*“Do vậy chớ yêu ai,* *Ái biệt ly là ác;* *Những ai không yêu ghét,* *Không thể có buộc ràng”.*

❁

CHÚ GIẢI:

Ayoge: Việc không đáng cố gắng, không đáng cố ý làm, như sáu chỗ không thường đến, nhất là nhà gái điếm[(1)] là những chỗ không chú tâm niệm tưởng, mà mình lại năng lui tới, nhớ tưởng.

Yogasmiñ: Và trong chỗ khác đáng lưu tâm, đáng cố gắng, mình lại không cố gắng.

Atthaṃ hitvā: Từ khi xuất gia trở về sau, được lợi ích thọ trì tam học nhất là học giới cao thượng, lại bỏ lợi ích ấy đi.

Piyaggāhī: Người bám chặt, luyến ái ngũ trần dục lạc.

Pihetattānuyoginaṃ: Những người xuất gia hành đạo rồi hoàn tục trở về trạng thái cư sĩ, về sau thấy những người tự lực tinh tấn, kiện toàn Giới, Định, Tuệ được Chư Thiên và nhân loại lễ bái cúng dường cũng hâm mộ, ước ao: *Ôi! Phải chi ta là những người ấy.*

Appiyehi: Với những chúng sanh hoặc đồ vật (hữu vi) mà ta yêu, ta chẳng nên hội hợp, bất cứ lúc nào dù chỉ trong giây lát. Với những người và đồ vật mà ta không yêu thích cũng vậy. Tại sao thế? Bởi vì ái ly tức là sự xa cách, không gặp gỡ những người hay đồ vật thương mến và oán mà phải gần gũi, gặp gỡ những người hay vật mà không yêu thích đều là khổ cả.

Tasmā: Vì lẽ cả hai vật thương và ghét đều là khổ cả, cho nên ta chớ yêu ai hoặc ghét vật chi cả.

Piyāpāyo: Sự biệt ly, cách xa nhân vật ta thương yêu.

Pāpako: Thấp kém, tội lỗi.

Ganthā tesaṃ na vijjanti: Những người không yêu, không tham lam, dứt được dây ràng buộc xác thân, những người không ghét thì không sân hận, cũng dứt được dây ràng buộc thân. Những người ấy đã bỏ được hai mối dây ràng buộc thì kể như bao nhiêu triền phược khác cũng cởi bỏ được cả. Bởi vậy, ta không nên thương ghét chi cả.

---

[1] Người xuất gia không nên đến thường 6 chỗ là:
1- Vasiyāgocara: Đến nhà điếm.
2- Vidhavagocara: Đến nhà đàn bà góa
3- Thālāgocara: Đến nhà phụ nữ lỡ thời
4- Bhikkunigocara: Đến chỗ Tỳ Khưu ni
5- Pandakàgocara: Đến nhà người lại cái

Cuối thời pháp, nhiều Tỳ khưu chứng đắc Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn quả. Còn bộ ba người với nhau đã nói: "Chúng ta không thể sống xa nhau". Thế rồi, họ lại hoàn tục trở về nhà.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Ghét với thương chi cũng khổ sầu
Ba người thân thuộc mãi lo âu
Xuất gia chẳng bứng điều ly biệt
Hoàn tục nào qua cuộc bể dâu.
Chánh Pháp an lành tu há dễ
Trần gian lẩn quẩn sống bao lâu
Cái vòng lẩn quẩn làm sao thoát.
Bốn Đế hành thâm, rõ nhiệm mầu.

DỨT TÍCH BỘ CHA - MẸ - CON XUẤT GIA

☸

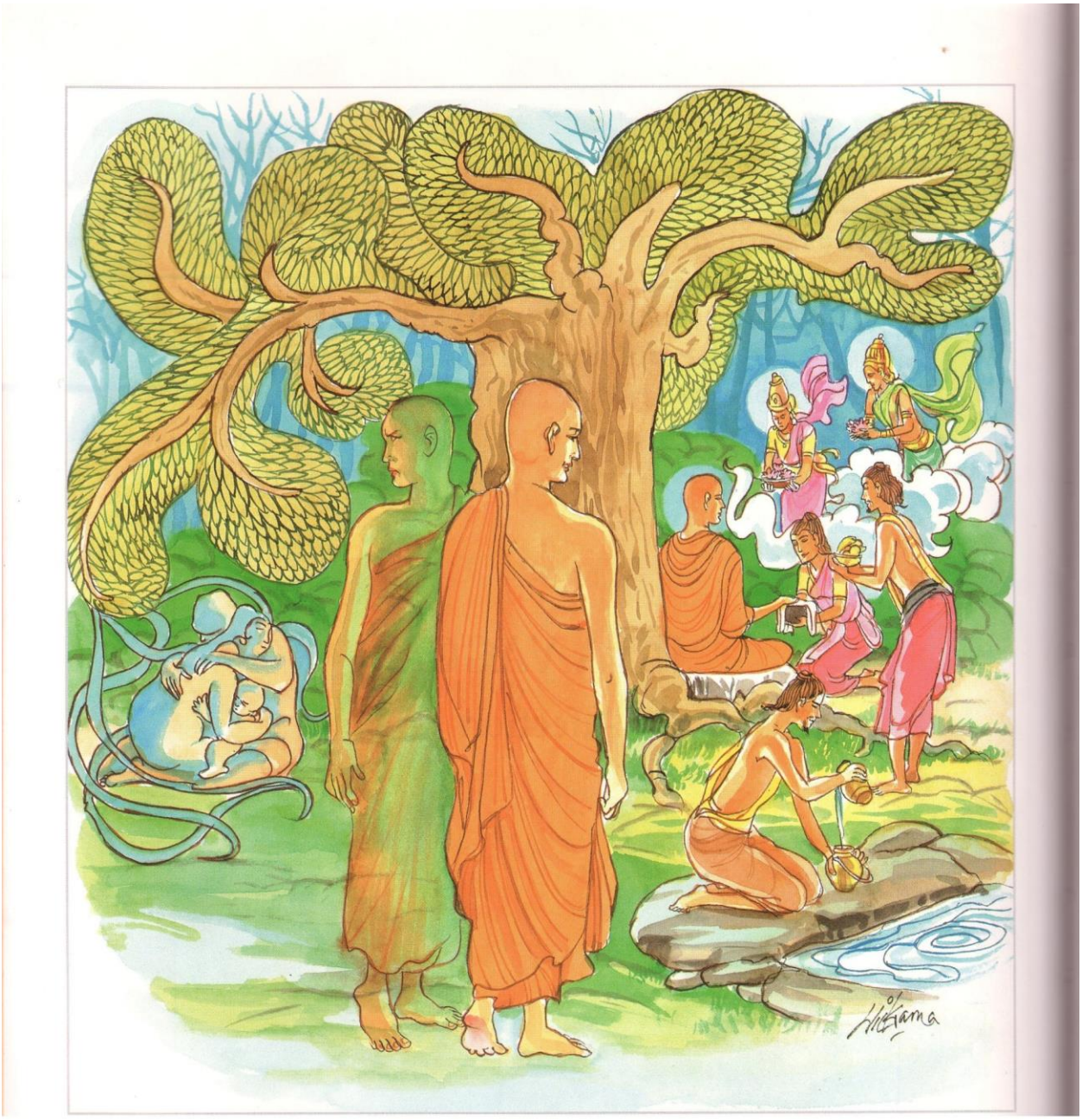

209. Không chuyên tâm hoặc chuyên tâm sai lầm, kẻ mưu cầu dục lạc ganh ghét người nhiệt thành tinh tấn.

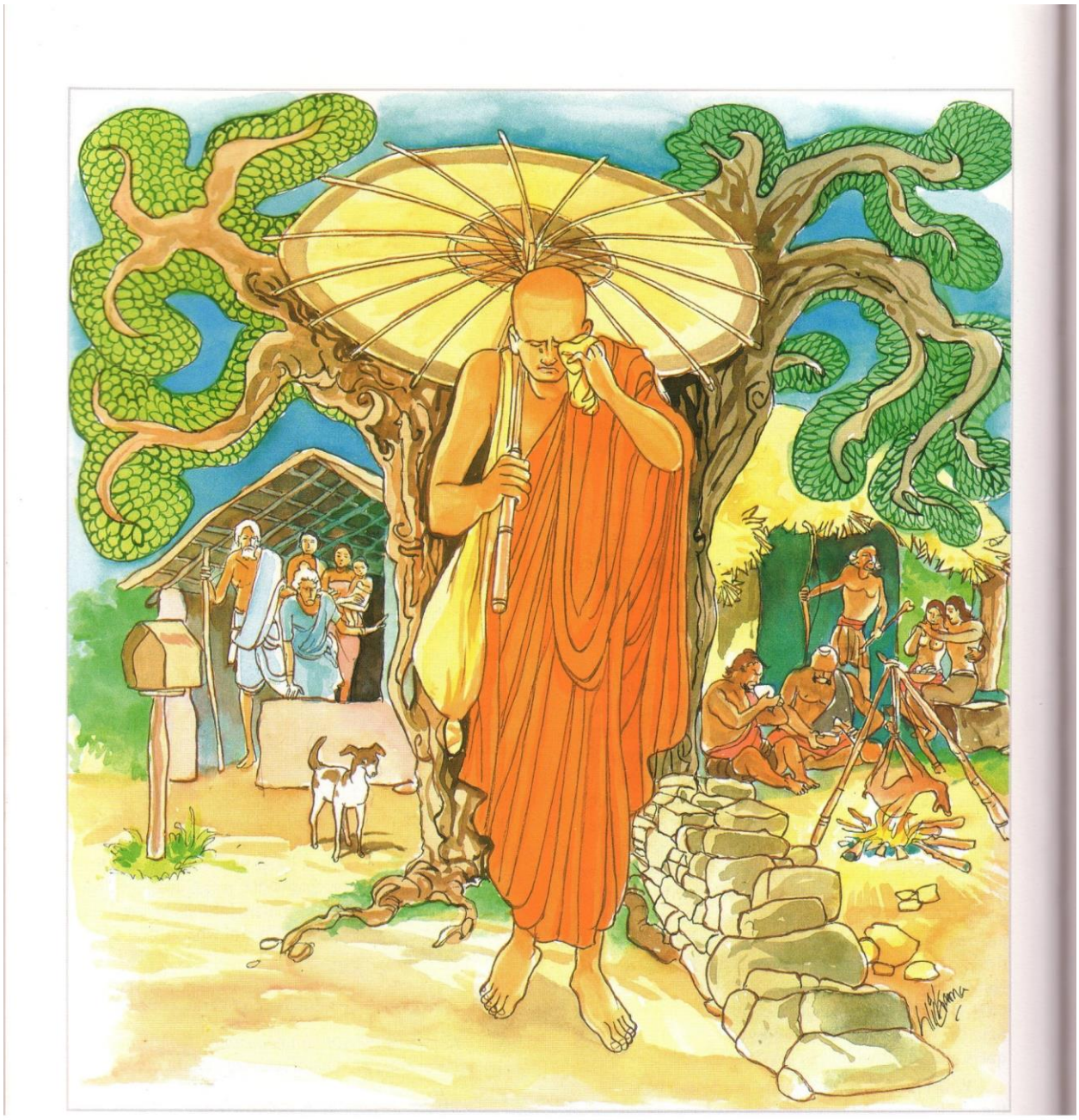

210. Không gặp người thân yêu thật khổ đau, gặp người oán ghét cũng đau khổ. Do vậy đừng gặp gỡ cả hai hạng người ấy.

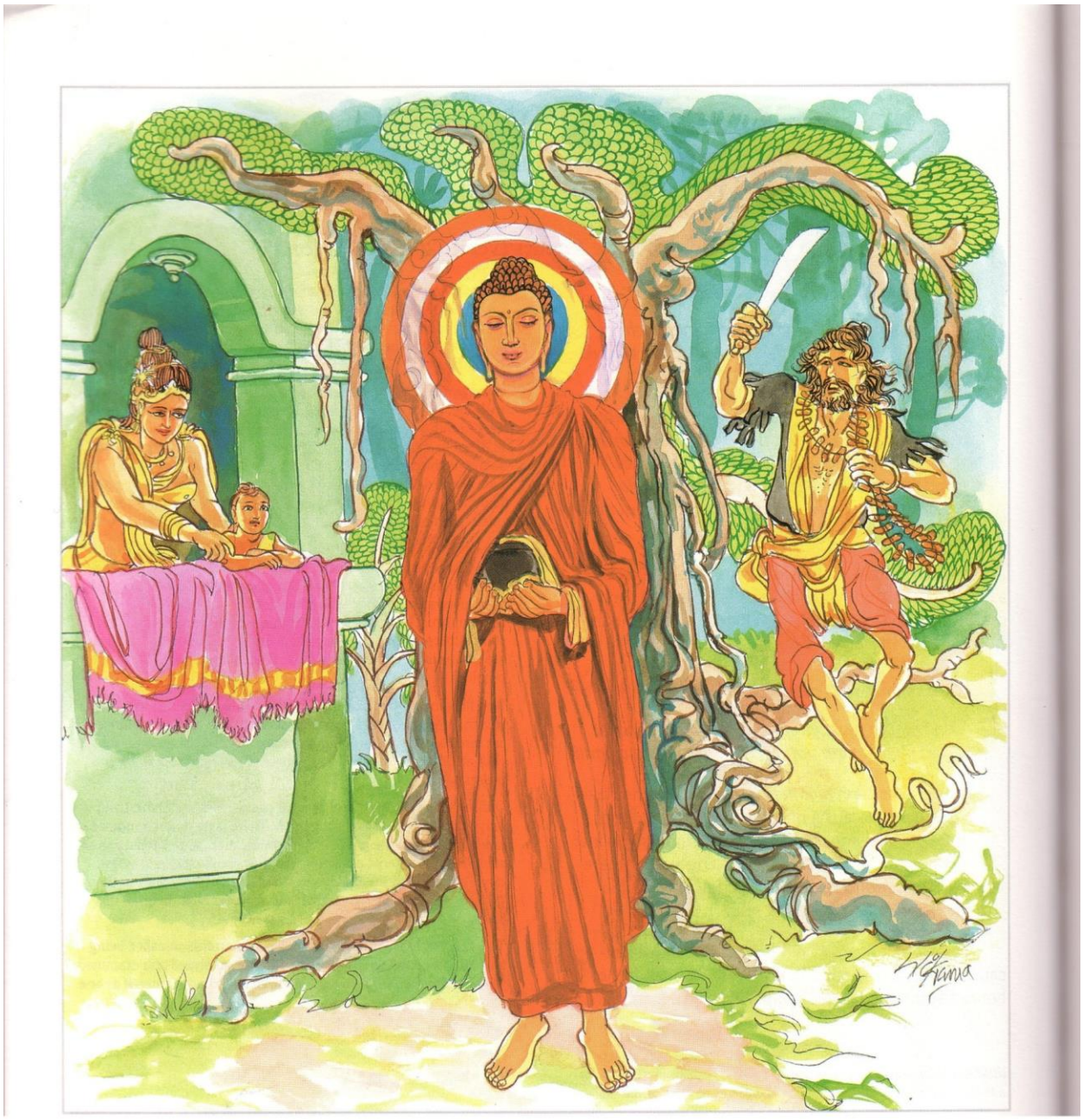

211. Hãy rời bỏ mọi ý tưởng yêu ghét, khi được giải thoát mọi dây ràng buộc, ta không còn chịu khổ đau vì xa cách.

XVI.2- MỘT GIA TRƯỞNG KHÓC CON

(Piyato jāyateti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 212)

"Piyato jāyatī soko,	***"Do ái sinh sầu ưu,***
Piyato jāyatī, bhayaṃ;	***Do ái sinh sợ hãi,***
Piyato vippamuttassa,	***Ai thoát khỏi tham ái,***
Natthi soko kuto bhayaṃ".	***Không sầu, đâu sợ hãi?".***

Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài trú tại Jetavana, đề cập đến một người gia trưởng nọ.

Ông gia trưởng nầy quá buồn khổ vì cái chết của đứa con trai mình, hằng đi đến bãi tha ma mà than khóc kể lể, nhưng không giảm được lòng thương nhớ con.

Đức Bổn Sư khi quán sát thế gian trong buổi sáng sớm, thấy ông gia trưởng có duyên đắc đạo Tu Đà Hườn. Sau khi đi khất thực về, Ngài cùng nhóm Sa môn tùy tùng đi đến nhà của gia trưởng ấy.

Nghe báo tin, có Đức Bổn Sư cùng chư Tăng ngự đến, ông tự nghĩ: Chắc Ngài muốn chuyện trò thân mật với ta.

Ông cung thỉnh Đức Thế Tôn và chư Tăng vào nơi được soạn sẵn, thỉnh ngồi xong, đảnh lễ Ngài và tự ngồi xuống một bên.

Đức Bổn Sư liền hỏi ông rằng:

- Nầy thiện nam, sao ông buồn vậy?

- Bạch Ngài! Con buồn vì cái chết của con con.

- Nầy Thiện nam! Ông chớ nên sầu muộn, cái mà chúng ta gọi là sự chết nầy, chẳng phải chỉ có ở nơi nầy, không phải chỉ có ở nơi kia, không phải chỉ để riêng cho một người, mà để chung cho tất cả chúng sanh trong hoàn vũ. Không có một pháp hữu vi nào là thường tồn cả, bởi vậy không nên khóc than sầu muộn, mà trái lại phải chú ý quán xét về sự chết một cách hợp lí rằng: *"Vật phải chết, vật phải tan rã đã tan rã rồi".*

(Maranadhamman matam, bhijjadhamman bhinnam).

Các bậc hiền trí thuở xưa đã không than khóc khi đứa con yêu chết, mà chỉ dùng chánh niệm tham thiền quán tưởng rằng: Vật phải chết đã chết, vật phải tan rã đã tan rã.

- Bạch Ngài, bậc hiền trí nào đã làm như vậy? Và làm trong thời nào? Xin Ngài hoan hỷ giải rành cho con được biết.

Theo lời yêu cầu của gia trưởng, Đức Bổn Sư thuật Bổn Sanh bằng kệ ngôn rằng:

Cũng như con rắn lột bỏ da cũ, con người lột bỏ xác thân mà đi qua cảnh giới khác.

Xác thân trống rỗng bỏ lại đó, người chết đã ra đi. Trong khi cái xác nó bị thiêu, nó không nghe lời than khóc của thân quyến. Bởi vậy, tôi không thương tiếc nó, mặc nó đi đâu thì đi.

Sau khi giải rộng Bổn Sanh Uraga có năm chương. Đức Bổn Sư dạy tiếp: Thuở xưa các bậc hiền trí đã xử sự như thế khi đứa con yêu chết, chớ không như ông bây giờ đã bỏ bê mọi việc trong nhà, bỏ cả ăn uống mà khóc than suốt ngày đâu. Chẳng những thế, các bậc hiền trí còn tham thiền quán tưởng đề mục chết, không buồn rầu khóc lóc, vẫn ăn uống như thường và chăm lo công việc của mình.

Vậy ông đừng ôm ấp ý nghĩ: *"Đứa con thân yêu của ta đã chết"* nữa. Sỡ dĩ có sự buồn khổ ấy nổi lên, chỉ vì nó có chỗ nương là tình yêu mới dấy lên được.

Rồi Ngài ngâm lên bài kệ rằng:

"Piyato jāyatī soko,	*"Do ái sinh sầu ưu,*
Piyato jāyatī, bhayaṃ;	*Do ái sinh sợ hãi,*
Piyato vippamuttassa,	*Ai thoát khỏi tham ái,*
Natthi soko kuto bhayaṃ".	*Không sầu, đâu sợ hãi?".*

☸

<u>CHÚ GIẢI:</u>

Sự ưu tư, sự sợ hãi là nguồn gốc của vòng sanh tử luân hồi, sau khi sanh lên, bao giờ cũng nương theo sự ái luyến người và vật mà sanh lên. Một khi đã giải thoát sự thân ái rồi tự nhiên cả hai thứ phiền não trên đây không có nữa.

Cuối thời Pháp, ông gia trưởng mất con chứng đắc quả Tu Đà Hườn. Kỳ dư thính chúng đều hưởng sự lợi ích từ pháp thoại.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Con sớm chết đi để lại cha
Khóc thương măng trẻ, tội cha già
Ngày ngày bỏ ngủ, thân rừng xác
Bữa bữa quên ăn, phế việc nhà
Kiếp trước tạo duyên lành cúng Phật.
Đời nầy rảnh nợ khổ tìm ma
Luyến lưu dứt được nhờ nghe Pháp
Đắc quả đầu tiên lúc tại gia.

DỨT TÍCH TRƯỞNG GIẢ KHÓC CON

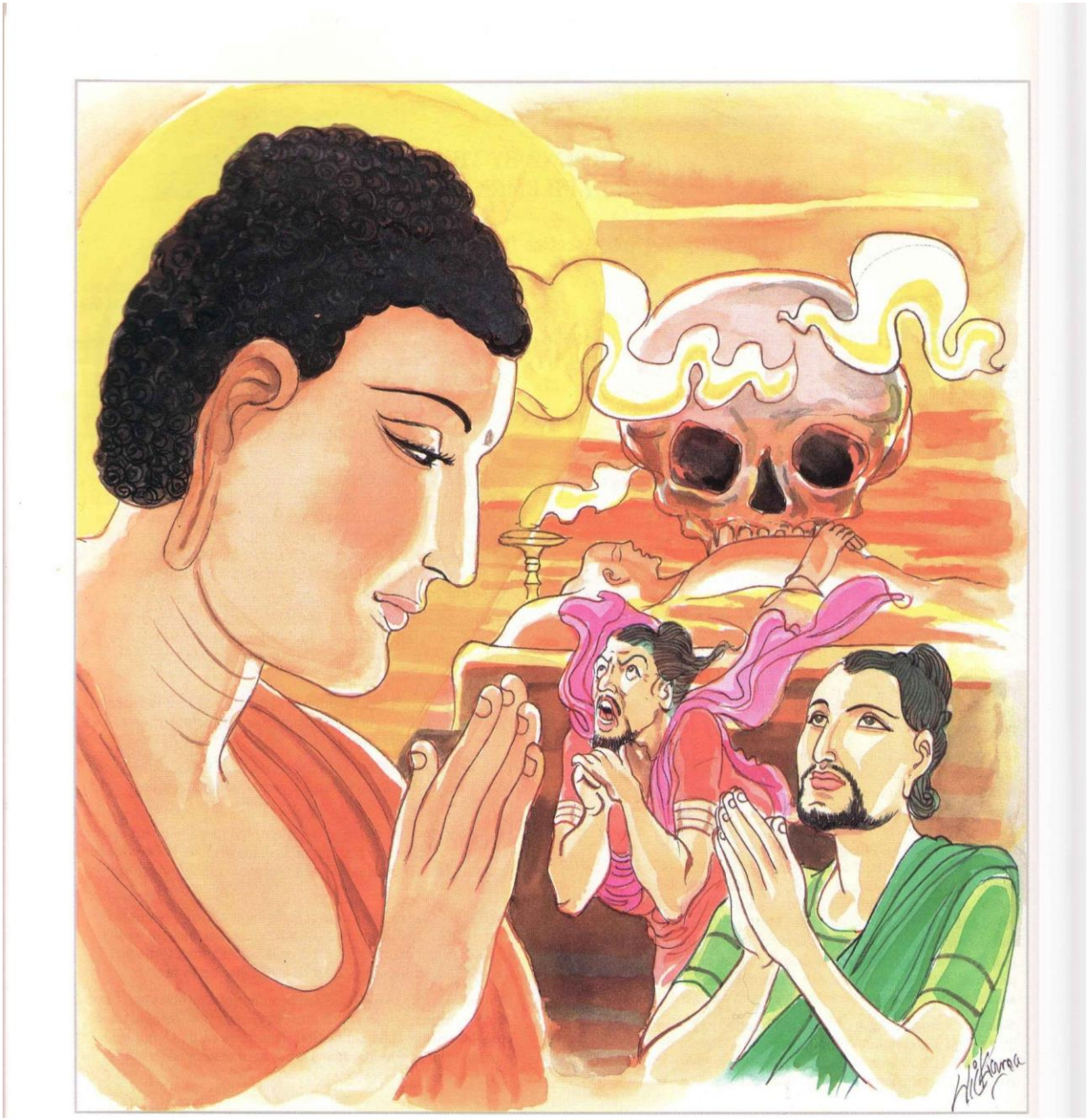

212. Khổ ưu và sợ hãi phát xuất từ mối thân thiết.
Không thân thiết sẽ không còn khổ ưu và sợ hãi.

XVI.3- TÍN NỮ VISĀKHĀ KHÓC CHÁU GÁI

(Pemato jāyateti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 213)

"Pemato jāyatī soko,	***"Ái luyến sinh sầu ưu,***
Pemato jāyatī bhayaṃ;	***Ái luyến sinh sợ hãi.***
Pemato vippamuttassa,	***Ai giải thoát ái luyến***
Natthi soko kuto bhayaṃ."	***Không sầu, đâu sợ hãi?".***

Pháp cú nầy, Đức Bổn Sư thuyết khi Ngài trú tại Jetavana, đề cập đến Bà Visākhā.

Tương truyền rằng: Bà Visākhā thường giao phó cho cô cháu gái tên là Sudattī là cháu nội, thay bà mà lo việc hộ Tăng ở nhà bà. Một thời gian sau, cô ấy chết, sau khi an táng xác cháu gái rồi, bà không thể ngăn được khổ sầu, liền đi đến bái yết Đức Bổn Sư và ngồi khóc, mặt tràn đầy nước mắt, trông rất sầu thảm.

- Nầy Visākhā! Vì sao ngươi lại sầu thảm như vậy?

Bà Visākhā tỏ thật tâm trạng mình, rồi nói rằng:

- Bạch Ngài! Đứa cháu gái thân yêu của con đã chết, nó có nết hạnh đoan trang, thành tín. Con sẽ không còn gặp được người cháu gái như thế nữa đâu.

- Nầy Visākhā! Trong thành Sāvatthī nầy có được bao nhiêu người?

- Bạch Ngài! Con nghe Ngài nói: Trong thành Sāvatthī có được 70 triệu người.

- Nếu tất cả số nầy đều đáng được nàng yêu như cháu gái của nàng, nàng có đồng ý chăng?

- Bạch Ngài, con đồng ý.

- Hằng ngày trong thành Sāvatthī nầy có bao nhiêu người chết?

- Bạch Ngài, nhiều lắm.

- Nếu vậy, ngươi phải khóc than suốt cả ngày lẫn đêm, chứ không có lúc nào vơi khổ được phải chăng?

- Bạch Ngài! Con đã hiểu ý Ngài rồi.

Đức Thế Tôn khuyên nhủ bà Visākhā:

- Vậy thì, ngươi đừng phiền muộn nữa. Sự ưu tư hoặc sự sợ hãi đều từ luyến ái mà sanh ra.

Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

"Pemato jāyatī soko,	*"Ái luyến sinh sầu ưu,*
Pemato jāyatī bhayaṃ;	*Ái luyến sinh sợ hãi.*
Pemato vippamuttassa,	*Ai giải thoát ái luyến*
Natthi soko kuto bhayaṃ."	*Không sầu, đâu sợ hãi?".*

CHÚ GIẢI:

Pemato: Sự luyến ái, tiếc thương con cái đã mất.

Ngoài chữ pemato nầy, ý nghĩa kệ ngôn nầy giống như câu kệ trên.

Cuối thời Pháp nhiều người đắc Thánh Quả, nhất là Dự Lưu.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Buồn thay tín nữ Visākhā
Khóc cháu còn xuân, đủ nết na
Góp mặt, chung lòng làm thí chủ
Thay tay để bát hộ Tăng Già
Bóng tiền đã vắng nơi trần tục
Người càng thân chỗ xuất gia
Phật dạy: Khố sanh từ luyến ái
Không yêu, lo sợ chẳng sanh mà.

DỨT TÍCH VISĀKHĀ KHÓC CHÁU

☸



213. Khổ ưu và sợ hãi xuất phát từ luyến ái.
Không luyến ái sẽ không còn khổ ưu và sợ hãi.

XVI.4- CÁC VƯƠNG TỬ LICCHAVĪ GIÀNH KỲ NỮ

(Ratiyā jāyateti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 214)

"Ratiyā jāyatī soko,	***"Hỷ ái sinh sầu ưu,***
Ratiyā jāyatī bhayaṃ;	***Hỷ ái sinh sợ hãi.***
Ratiyā vippamuttassa,	***Ai giải thoát hỷ ái,***
Natthi soko kuto bhayaṃ".	***Không sầu, đâu sợ hãi?".***

Pháp cú nầy, Đức Bổn Sư thuyết khi Ngài trú tại ngôi Giảng đường nóc nhọn gần thành Vesalī, đề cập nhóm Vương Tử Licchavī.

Tương truyền rằng: Trong một ngày lễ hội, các vương tử Licchavī rủ nhau trang điểm lộng lẫy không ai bằng, rồi ra đi khỏi thành để đến vườn Thượng Uyển. Lúc Đức Bổn Sư vào thành đi bát, thấy các Vương Tử, Ngài gọi các Tỳ khưu và bảo rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Hãy nhìn xem các Vương Tử Licchavī kia. Các thầy nào chưa từng trông thấy Chư Thiên nơi Cung Đao Lợi thì hãy nhìn các Vương Tử nầy.

Nói rồi, Ngài ngự đi vào thành. Các Công Tử khi đi đến công viên có dắt theo một nàng kỹ nữ, vì ghen tuông tranh giành quyền làm chủ cô ấy, các Vương Tử đã đánh đập nhau máu chảy thành sông. Khi ấy người ta đặt các Vương Tử trên những chiếc cáng rồi khiêng các vị ấy trở về thành.

Bây giờ, Đức Bổn Sư sau khi thọ thực xong, vừa ra khỏi cổng thành, chư Tăng trông thấy các Vương Tử bị khiêng đến, thì bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Ngài! Các Vương Tử Licchavī từ lúc sáng sớm trang điểm lộng lẫy giống như Chư Thiên ra khỏi thành. Bây giờ vì tranh nhau cô kỹ nữ mà phải ra nông nổi nầy đây.

- Nầy các Tỳ khưu! Sự ưu tư, sự lo sợ khi sanh lên đều nương vào hỷ ái mà sanh ra.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Ratiyā jāyatī soko,	*"Hỷ ái sinh sầu ưu,*
Ratiyā jāyatī bhayaṃ;	*Hỷ ái sinh sợ hãi.*
Ratiyā vippamuttassa,	*Ai giải thoát hỷ ái,*
Natthi soko kuto bhayaṃ".	*Không sầu, đâu sợ hãi?".*

CHÚ GIẢI:

Ratiyā: Sự đam mê ngũ trần dục lạc. Kỳ dư bài kệ nầy có ý nghĩa giống như hai kệ ngôn trước.

Cuối Pháp thoại, nhiều Tỳ Khưu chứng đạt Thánh Quả, nhất là Dự Lưu Quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Các Vua Lực sĩ giống Chư Thiên
Ngày lễ đua nhau dạo ngự viên
Muốn hưởng ngũ trần, tranh quốc sắc
Thành toan nhất cử lập vương quyền
Ai thua ai thắng đều mang bịnh
Kẻ thị cùng phi, thảy đảo điên
Kỷ ái coi chừng nguy hiểm lắm
Sợ nó, từ nó khởi liên miên.

DỨT TÍCH CÁC VƯƠNG TỬ LICCHAVĪ

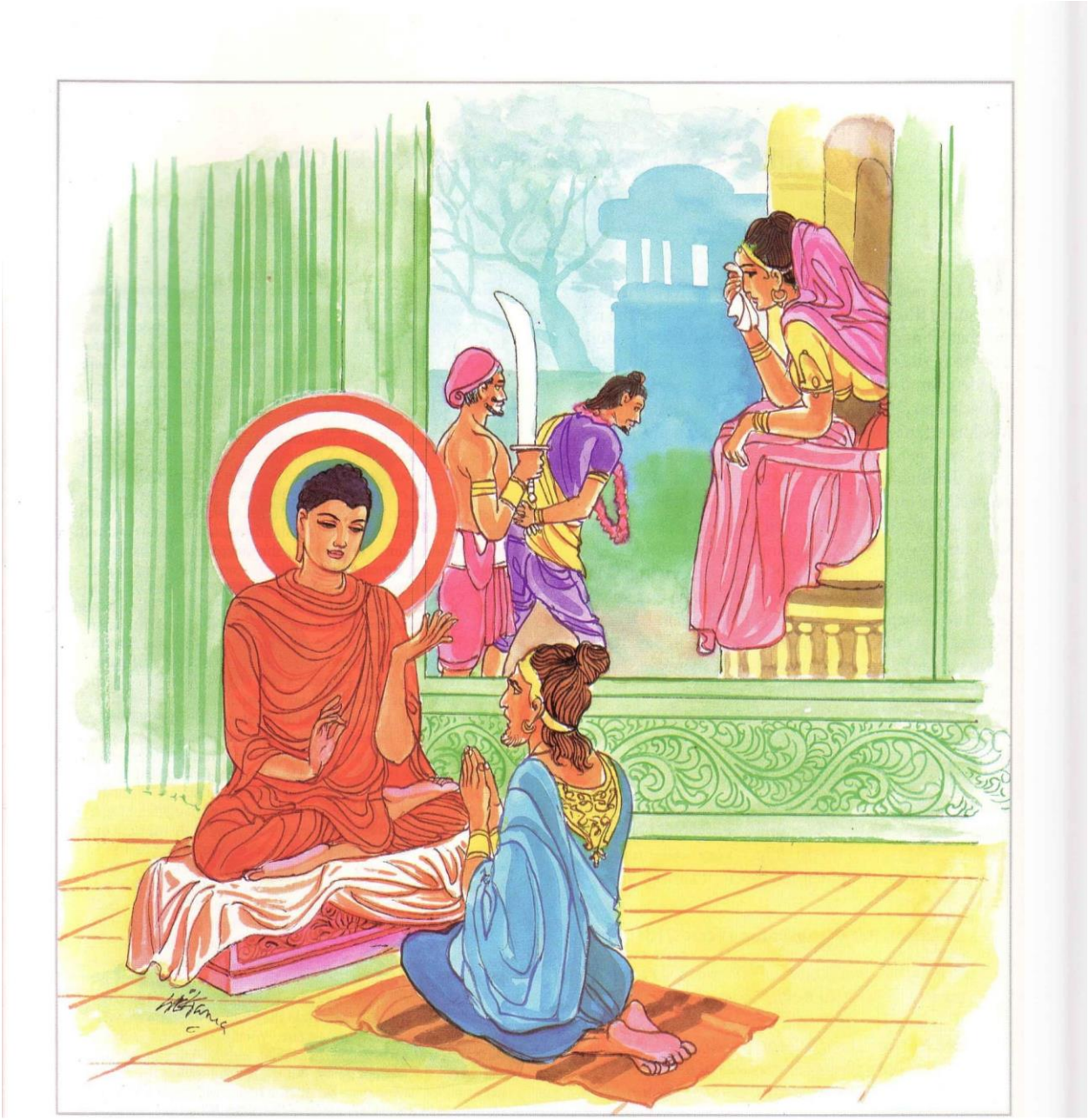

214. Khổ ưu và sợ hãi phát xuất từ đam mê.
Không đam mê sẽ không còn khổ ưu và sợ hãi.

XVI.5- CÔNG TỬ ANITTĀGANDHA

(Kāmato jāyateti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 215)

"Kāmato jāyatī soko,	***"Dục ái sinh sầu ưu,***
Kāmato jāyatī bhayaṃ;	***Dục ái sinh sợ hãi,***
Kāmato vippamuttassa,	***Ai thoát khỏi dục ái,***
Natthi soko kuto bhayaṃ".	***Không sầu, đâu sợ hãi?".***

Pháp cú nầy, Đức Bổn Sư thuyết khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến công tử Anitthāgandha (không quen hơi nữ nhân).

Tương truyền rằng: Anitthāgandha từ cõi Phạm Thiên hạ sanh vào nhân giới, tái sanh vào một gia tộc Trưởng giả trong thành Sāvatthī. Từ ngày chào đời cho đến về sau, cậu không chịu gần phụ nữ, nếu nữ nhân ẵm cậu thì cậu la khóc lên. Khi cho cậu bú, người mẹ phải lấy vải bao phủ kín ngực mình lại.

Khi Anitthāgandha đến tuổi trưởng thành, cha mẹ cậu bảo rằng:

- Nầy con, cha mẹ sẽ lo việc hôn nhân cho con.

- Con không cần đến nữ nhân.

Hai ông bà nài nỉ nhiều lượt, nhưng cậu vẫn một mực chối từ, sau cùng cha mẹ khuyên cậu rằng:

- Nầy con, nếu con không chịu có vợ, gia đình ta sẽ tuyệt tự. Vậy con hãy để cha mẹ tìm vợ cho con.

Chàng cho gọi 500 người thợ bạc đến nhà, lấy 1000 đồng vàng Nikkha, đặt họ làm một pho tượng mỹ nhân bằng vàng thật xinh đẹp theo ý của cậu. Rồi thưa với cha mẹ rằng:

- Được rồi! Nếu cha mẹ tìm được một nữ nhân xinh đẹp y như pho tượng nầy, con sẽ tuân theo lời cha mẹ ngay.

Cậu nói xong, đưa pho tượng vàng ra. Ông bà Trưởng giả cho mời các vị Bà la môn danh tiếng đến nhà và nhờ cậy họ rằng:

- Con trai tôi là bậc đại phúc. Chắc thế nào cũng phải có một thiếu nữ đã từng làm phước chung với nó. Quý vị hãy mang pho tượng nầy đi và hãy tìm đem về một nữ nhân cực kỳ xinh đẹp như pho kim tượng nầy vậy.

- Lành thay.

Các ông mai lãnh sứ mạng ra đi kiếm cô dâu, vân du hết nơi nầy sang nơi nọ, sau cùng họ đi đến thành Sāgaka, trong xứ Madda.

Bấy giờ, trong thành ấy có một cô Tiểu Thư, tuổi vừa cặp kê, nhan sắc tuyệt đẹp, cha mẹ cô cho cô ở trên lầu bảy của ngôi lâu đài 7 tầng.

Các vị Bà la môn đặt pho tượng xuống bên lề đường rồi đi đến bãi tắm, ngồi xuống một bên, nghĩ rằng:

- Nếu ở đây có được nàng thiếu nữ đẹp như pho tượng, thì khi thấy pho tượng, dân chúng sẽ nói: *"Pho tượng nầy tuyệt đẹp, chẳng khác nào Tiểu thư con gái của nhà đó"*.

Sau khi bà nhũ mẫu của tiểu thư ấy, tắm cho nàng xong, đưa nàng trở về nhà, bà trở ra bến tắm để tắm. Thấy pho tượng vàng, bà lầm tưởng là tiểu thư, nên nói với pho tượng: "Ôi! Ngươi thật là khó dạy, ta vừa tắm cho mi xong rồi đi ra, mi đã đi ra đây trước ta rồi". Bà giơ tay đánh vào pho tượng, thấy chai cứng, bà biết rằng mình đã lầm, bèn nói: *"Ta đã lầm tưởng pho tượng nầy là con gái của ta. Sự thật nó là cái chi vậy cà"*.

Khi ấy, nhóm Bà la môn hỏi bà nhũ mẫu rằng:

- Bà ơi! Con gái bà giống pho tượng nầy lắm ư?

- So với con gái tôi thì pho tượng nầy có giá trị chi đâu.

- Vậy con gái bà đâu? Bà hãy chỉ chúng tôi *"coi mắt"* xem nào.

Bà vú cùng với khách về nhà, giới thiệu khách với ông Trưởng giả. Hai ông bà niềm nở tiếp chuyện cùng khách, rồi cho gọi nàng tiểu thư xuống, nàng đến đứng gần pho tượng vàng, pho tượng vàng bị sắc đẹp của nàng lấn át, chẳng còn rực sáng được như trước.

Các ông mai tặng pho tượng vàng cho hai ông bà Trưởng giả, làm lễ vật đính ước, rồi vội vã trở về báo tin vui đến hai ông bà Trưởng giả thành Sāvatthī.

Hai ông bà rất hài lòng, lại phái mấy ông Bà la môn đi rước cô dâu về cho mau cùng với nhiều lễ vật trọng hậu.

Công tử Anitthāgandha được tin: Tìm được cô gái có nhan sắc mỹ lệ, còn xinh đẹp hơn pho tượng vàng của cậu. Chỉ nghe có bấy nhiêu, tình yêu đã chớm nở trong lòng của công tử. Cậu giục cha mẹ rằng: *"Hãy rước cô dâu về cho mau"*.

Cô dâu được rước đi bằng xe, nhưng người cô mảnh mai, yếu ớt quá, không chịu nổi sự dằn xóc, nên bị trúng gió cảm sương, đến nửa đường thì chết.

Công tử sốt ruột chờ mong, hỏi thăm không ngớt: *"Cô dâu đến chưa?"*. Nghe cậu hỏi một cách si tình như thế, các bạn bè thân quyến không ai nói rõ sự thật cho cậu biết ngay, đợi vài ngày sau, khi chàng bớt rạo rực, mới báo tin là cô dâu đã chết. Công tử kêu lên: *"Trời ơi! Ta đã vô duyên, không được kết đôi với giai nhân tuyệt sắc thế nầy ư?"*. Cõi lòng tràn ngập ưu tư, công tử nghe sầu khổ nặng nề, giống như núi đá đè lên mình.

Đức Bổn Sư thấy được duyên lành của công tử, nhân khi đi bát, Ngài đến đứng trước cửa nhà công tử. Khi ấy, cha mẹ cậu thỉnh Đức Bổn Sư vào nhà và cung kính cúng dường, sớt bát. Sau khi xong bữa, Đức Bổn Sư hỏi:

- Công tử Anitthāgandha đâu rồi?

- Bạch Ngài! Nó đã bỏ ăn nằm liệt giường trong thư phòng.

- Hãy cho gọi cậu ấy ra đây.

Công tử bước ra đảnh lễ, chào Đức Bổn Sư xong rồi, ngồi xuống một bên, Đức Bổn Sư phán hỏi:

- Nầy công tử! Trông cậu có vẻ buồn rầu lắm phải không?

- Dạ phải, bạch Ngài một giai nhân tuyệt sắc đã chết ở dọc đường. Hay tin nầy, con phát sanh buồn khổ, cơm canh cũng không muốn ăn.

- Nầy công tử! Công tử có biết tại sao mà công tử phát sanh buồn khổ chăng?

- Bạch Ngài! Con không biết.

- Nầy công tử! Tại vì ái dục mà sự buồn khổ của cậu mới sanh lên, sự ưu tư hay sợ hãi đều do dục ái mà sanh lên cả.

Nói rồi, Ngài ngâm lên kệ ngôn rằng:

"Kāmato jāyatī soko,	*"Dục ái sinh sầu ưu,*
Kāmato jāyatī bhayaṃ;	*Dục ái sinh sợ hãi,*
Kāmato vippamuttassa,	*Ai thoát khỏi dục ái,*
Natthi soko kuto bhayaṃ".	*Không sầu, đâu sợ hãi?".*

CHÚ GIẢI:

Kāmato: Từ hai thứ dục ái là vật dục (vatthukāma) và phiền não dục (kilesakāma) mà phát khởi lên.

Cuối thời Pháp, công tử Anitthāgandha đắc quả Tu Đà Hườn.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Phạm Thiên đọa lạc xuống hồng trần
Không thích mùi hơi xác nữ nhân
Vú nọ vẫn nhởm khi khát sữa
Lòng cha quen chịu lúc cầu thân.
Tưởng đâu đã thoát đường dâm dục
Xem lại còn mang nợ ái ân…
Có khóc vì tang người đẹp hụt
Dự Lưu Đạo quả mới lên lần

DỨT TÍCH CÔNG TỬ ANITTHĀGANDHA

☸

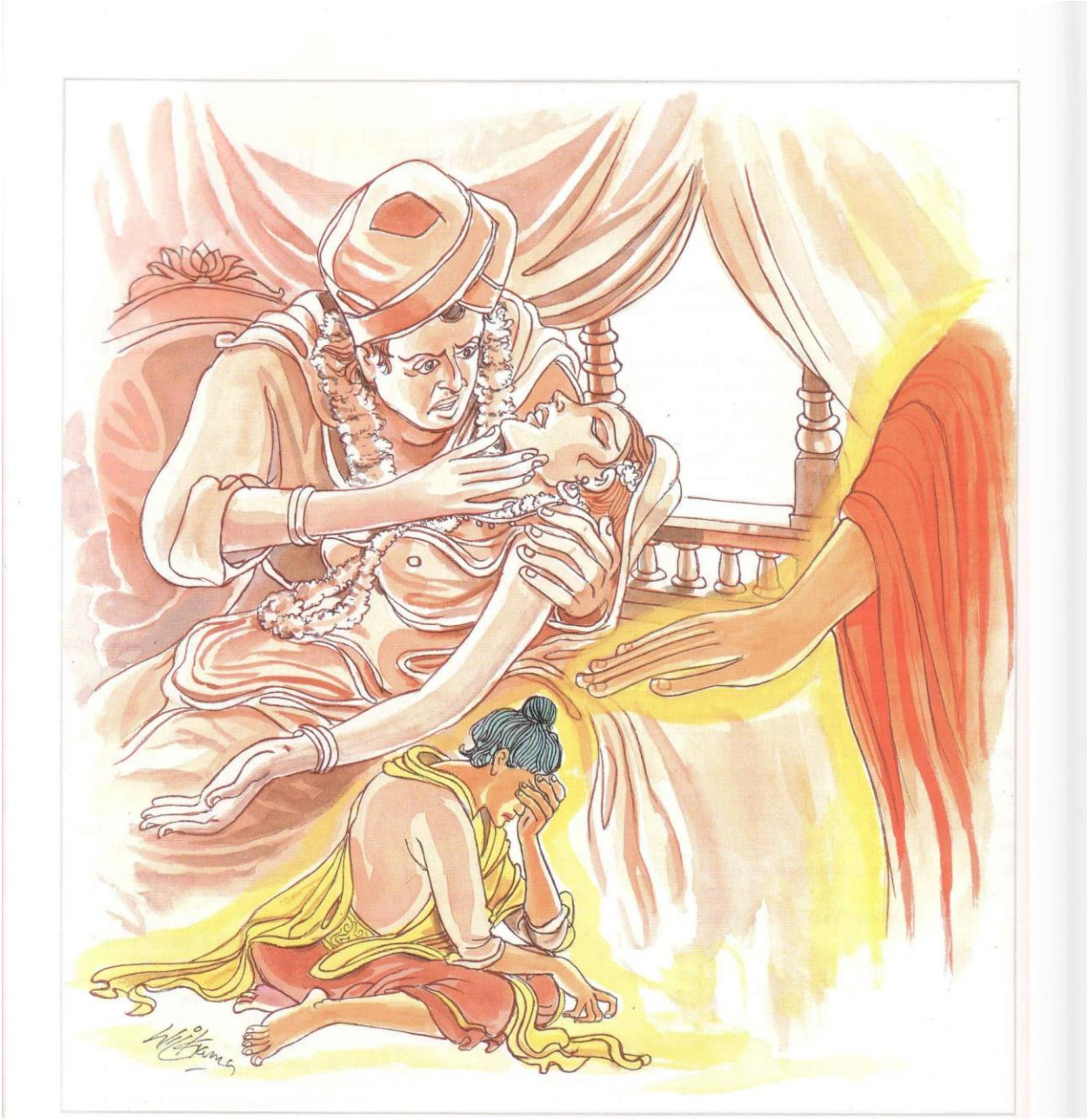

215. Khổ ưu và sợ hãi phát xuất từ tham dục.
Không tham dục sẽ không còn khổ ưu và sợ hãi.

XVI.6- ÔNG BÀ LA MÔN THẤT HỨA

(Taṇhāya jāyateti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 216)

"Taṇhāya jāyatī, soko,	***"Tham ái sinh sầu ưu,***
Taṇhāya jāyatī bhayaṃ;	***Tham ái sinh sợ hãi.***
Taṃhāya vippamuttassa,	***Ai giải thoát tham ái,***
Natthi soko kuto bhayaṃ".	***Không sầu, đâu sợ hãi?".***

Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài trú ngụ tại Jetavana, đề cập đến vị Bà la môn mất mùa.

Tương truyền rằng: Ông Bà la môn ấy là người tà kiến, một hôm ông ra bờ sông dọn đất ruộng. Đức Bổn Sư quán thấy ông có duyên lành đạo quả, nên đi đến gần ông ta. Mặc dù nhìn thấy Đức Bổn Sư, ông chẳng tỏ vẻ gì cung kính Ngài, cứ lặng thinh.

Đức Bổn Sư mở lời trước, hỏi rằng:

- Nầy ông Bà la môn! Ông đang làm gì đó?

- Tôi dọn đất, nầy Sa môn Gotama ạ.

Đức Bổn Sư chỉ nói bấy nhiêu, rồi Ngài ngự đi. Qua ngày sau, Ngài lại đến chỗ Bà la môn đang cày ruộng và hỏi:

- Nầy Bà la môn! Ông đang làm chi đó?

- Tôi cày đất ruộng, nầy Sa môn Gotama ạ.

Nghe vậy, Đức Bổn Sư lại ngự đi. Từ đó cứ mỗi ngày là mỗi lần Đức Bổn Sư đến hỏi thăm Bà la môn về việc làm của ông.

Nghe đáp: *"Tôi đang gieo mạ… tôi đang cấy lúa… tôi đang giữ ruộng…"* Đức Bổn Sư cũng đi luôn.

Thế rồi, một hôm Bà la môn nói với Đức Bổn Sư rằng:

- Nầy Ngài Gotama! Kể từ ngày tôi dọn đất ruộng cho đến nay đều được ông đến hỏi thăm. Nếu sau nầy tôi được mùa tôi sẽ chia phần cho ông, nếu chưa dâng cúng cho ông, tôi chưa ăn đâu. Từ nay về sau ông là bạn của tôi đấy.

Thế rồi, thời gian sau, lúa mùa của ông rất trúng, ông tính thầm: *"Lúa của ta trúng lắm, ngày mai ta sẽ kêu công nhân gặt".* Và ông sắp đặt sẵn mọi việc để mai gặt lúa. Nhưng đêm ấy, mưa to gió lớn đã phá tan mùa màng của ông. Đám ruộng của ông trống trơn, coi như là bị phá sạch.

Ngay từ ngày đầu tiên, Đức Bổn Sư đã biết trước rằng:

Mùa lúa của Bà la môn nầy sẽ hư hoại thôi. Sáng hôm ấy, ông Bà la môn tự nghĩ thầm: *"Ta sẽ đi xem ruộng lúa".*

Nhưng khi đến ruộng, thấy ruộng lúa trống trơn, ông ta phát tâm buồn chán quá, suy nghĩ rằng: *"Sa Môn Gotama có đến thăm ruộng nầy kể từ này ta mới dọn đất về*

sau, và ta đã hứa với ông ấy. Nếu lúa trúng mùa, ta sẽ chia phần đến ông. Nếu chưa cúng dường đến ông thì tôi chưa ăn. Từ nay về sau, ông là bạn của tôi đấy. Thế mà điều mong ước của ta không đạt được sự thành tựu".

Ông Bà la môn bỏ ăn uống, nằm liệt trên giường.

Khi ấy, Đức Bổn Sư đến trước nhà của ông. Nghe tin có Đức Bổn Sư đến, ông bảo người nhà rằng: *"Hãy đưa bạn ta vào đây và hãy tiếp đãi Ngài cho đàng hoàng tử tế"*. Gia nhân làm theo lời của Bà la môn ấy. Sau khi an tọa, Đức Bổn Sư phán hỏi rằng:

- Nầy ông Bà la môn! Ông có biết vì đâu mà sự buồn khổ phát sanh lên cho ông không?

- Tôi không biết được, nầy Sa môn Gotama ạ. Nhưng ông có biết chăng?

- Phải rồi, nầy Bà la môn! Khi nào sự ưu tư hoặc sự sợ hãi phát sanh, nó chỉ xuất ra từ sự tham ái (taṇhā) mà thôi.

Nói rồi, Ngài ngâm lên kệ ngôn rằng:

"Taṇhāya jāyatī, soko,	"*Tham ái sinh sầu ưu,*
Taṇhāya jāyatī bhayaṃ;	*Tham ái sinh sợ hãi.*
Taṃhāya vippamuttassa,	*Ai giải thoát tham ái,*
Natthi soko kuto bhayaṃ".	*Không sầu, đâu sợ hãi?".*

☸

CHÚ GIẢI:

Taṇhāya: Mỗi thứ tham ái trong sáu cửa đều do nơi dục ái làm gốc mà phát khởi lên.

Cuối thời Pháp, ông Bà la môn chứng đắc Thánh Quả Tu Đà Hườn.

☸

Dịch Giả cẩn Đề

Từ lúc ban đầu lúa mới gieo
Bao nhiêu mộng ước phải sanh theo
Đến khi sắp gặt đầy hi vọng
Một tối mưa giông!... nghĩ chán phèo.
Chủ ruộng chưa quen mặt chữ ngờ
Một mình Đức Phật rõ tri cơ
Bởi nhân khát ái mà lo sợ
Hết sợ lo, nhờ quả Tối sơ.

DỨT TÍCH ÔNG BÀ LA MÔN THẤT HỨA

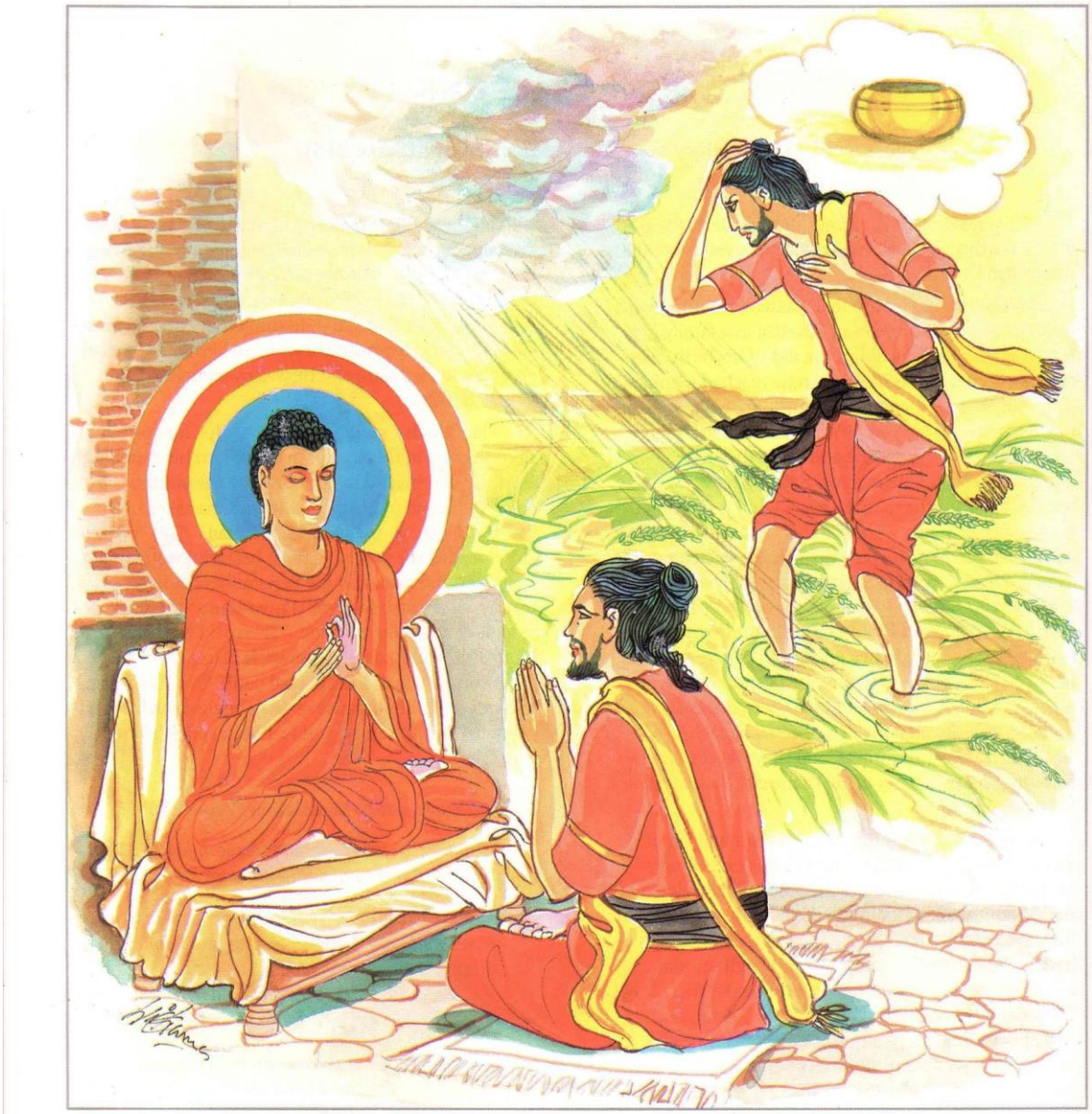

216. Khổ ưu và sợ hãi phát xuất từ khát ái.
Không khát ái sẽ không còn khổ ưu và sợ hãi.

XVI.7- NĂM TRĂM CẬU BÉ DÂNG BÁNH ĐẾN NGÀI KASSAPA

(Sīladassanasampannanti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 217)

"Sīladassanasampannaṃ,	***"Đủ giới đức, chánh kiến***
Dhammaṭṭhaṃ saccavedinaṃ;	***Trú pháp, chứng chân lý,***
Attano kamma kubbānaṃ,	***Tự làm công việc mình,***
Taṃ jano kurute piyaṃ".	***Được quần chúng ái kính".***

Pháp cú nầy, Đức Bổn Sư thuyết ra, khi Ngài an ngự tại Jetavana, đề cập đến 500 cậu bé dâng bánh.

Một lần nọ, nhằm ngày đại lễ, Đức Thế Tôn cùng 80 vị Đại Trưởng Lão và 500 Tỳ khưu Tăng ngự vào thành Sāvatthī để khất thực. Ngài gặp 500 đứa trẻ mang 500 giỏ bánh lên vai ra đi khỏi thành, về hướng vườn Thượng Uyển. Thấy Ngài, lũ trẻ đảnh lễ Ngài rồi đi luôn chớ không có lời mời vị Tỳ khưu nào thọ bánh cả.

Khi chúng đã đi qua, Đức Bổn Sư hỏi chư Tăng:

- Nầy các Tỳ khưu! Các thầy có muốn độ bánh chăng?

- Bạch Ngài, bánh đâu mà độ.

- Các thầy không thấy 500 đứa trẻ ấy sao? Chúng xách 500 giỏ bánh vừa đi qua đây.

- Bạch Ngài! Lũ trẻ đó không có dâng bánh đến ai cả.

- Nầy các Tỳ khưu! Mặc dù các đứa trẻ ấy không dâng bánh đến Ta hay các thầy, nhưng vị Tỳ khưu chủ của bọn trẻ ấy đang đi đến phía sau Ta. Các thầy hãy độ bánh rồi đi.

Chư Phật không hề có tâm ganh tỵ hoặc sân hận đối với một nhân vật nào, bởi vậy Đức Phật đã nói như thế.

Rồi Ngài đưa chư Tăng đến ngồi trong bóng mát của một cội cây bên vệ đường.

Lũ trẻ trông thấy Đại Đức Mahākassapa từ phía sau đi đến, chúng phát tâm hoan hỷ, yêu mến Đại Đức. Do phỉ lạc phát sanh khắp thân rất lẹ, chúng đặt giỏ bánh xong, mọp năm vóc đảnh lễ dưới chân Đại Đức, rồi nâng các giỏ bánh lên nói với Đại Đức:

- Bạch Ngài! Xin Ngài hãy thọ bánh đi.

- Nầy các con! Có Đức Bổn Sư cùng Tăng chúng đang ngự bên cội cây kia. Các con hãy mang lễ vật đi đến chia sớt bát cho chư Tăng đi.

- Lành thay! Bạch Đại Đức.

Sau khi đi giáp vòng, bọn trẻ đi đến Đại Đức và dâng bánh đến Ngài, rồi đứng một bên nhìn Đại đức. Khi bọn trẻ thấy Đức Bổn Sư và chư Tăng độ xong bánh, chúng mang nước đến dâng cúng Đại Đức.

Chư Tỳ khưu than phiền rằng: *"Mấy cậu bé nầy dâng cúng cũng chọn mặt. Chính Đấng Chánh Đẳng Giác cùng các vị Đại Trưởng Lão chúng không hỏi, vừa thấy Đại Đức Mahākassapa, chúng liền mang cả giỏ bánh đến cúng dường".*

Đức Bổn Sư nghe chư Tăng bàn tán, bèn giải thích rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Một Tỳ khưu như con trai là Mahākassapa thì Chư Thiên và nhân loại cùng ái mộ. Một người như vậy, ai cũng hoan hỷ cúng dường bốn món vật dụng.

Rồi Ngài nói lên lời kệ ngôn rằng:

"Sīladassanasampannaṃ,	*"Đủ giới đức, chánh kiến*
Dhammaṭṭhaṃ saccavedinaṃ;	*Trú pháp, chứng chân lý,*
Attano kamma kubbānaṃ,	*Tự làm công việc mình,*
Taṃ jano kurute piyaṃ".	*Được quần chúng ái kính".*

☸

CHÚ GIẢI:

Sīladassanasampannaṃ: Có đầy đủ Tứ thanh tịnh giới và Tương ưng đạo quả, tức là đầy đủ chánh tri kiến.

Dhammaṭṭham: An trú trong 9 Pháp Thánh, có nghĩa là làm cho thấu rõ Pháp Siêu Thế.

Saccavedinaṃ: Người giác ngộ chân lý, do đã làm thấu rõ 16 chi của Tứ Diệu Đế.

Attano kamma kubbānaṃ: Phận sự của mình là Tam Học: Giới-Định-Huệ, phải làm cho tròn.

Taṃ jano: Con người ấy, đại chúng phàm phu yêu mến, muốn gặp gỡ muốn lễ bái và muốn dâng cúng tứ vật dụng.

Cuối thời pháp, cả 500 đứa bé đều đắc chứng Tu Đà Hườn.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Đầu tiên gặp Phật chẳng vui mừng
Đại Đức đi sau lại cúng dâng
Tánh trẻ đã ưa nào lựa mặt
Tăng già không mộ mới xây lưng.
Ca Diếp đến sau Đức Thích Ca
Có duyên được bánh hộ Tăng già
Xưa gieo nay gặt tùy nhân quả
Đáng mến thay, người thật xuất gia.

DỨT TÍCH NĂM TRĂM CẬU BÉ DÂNG BÁNH

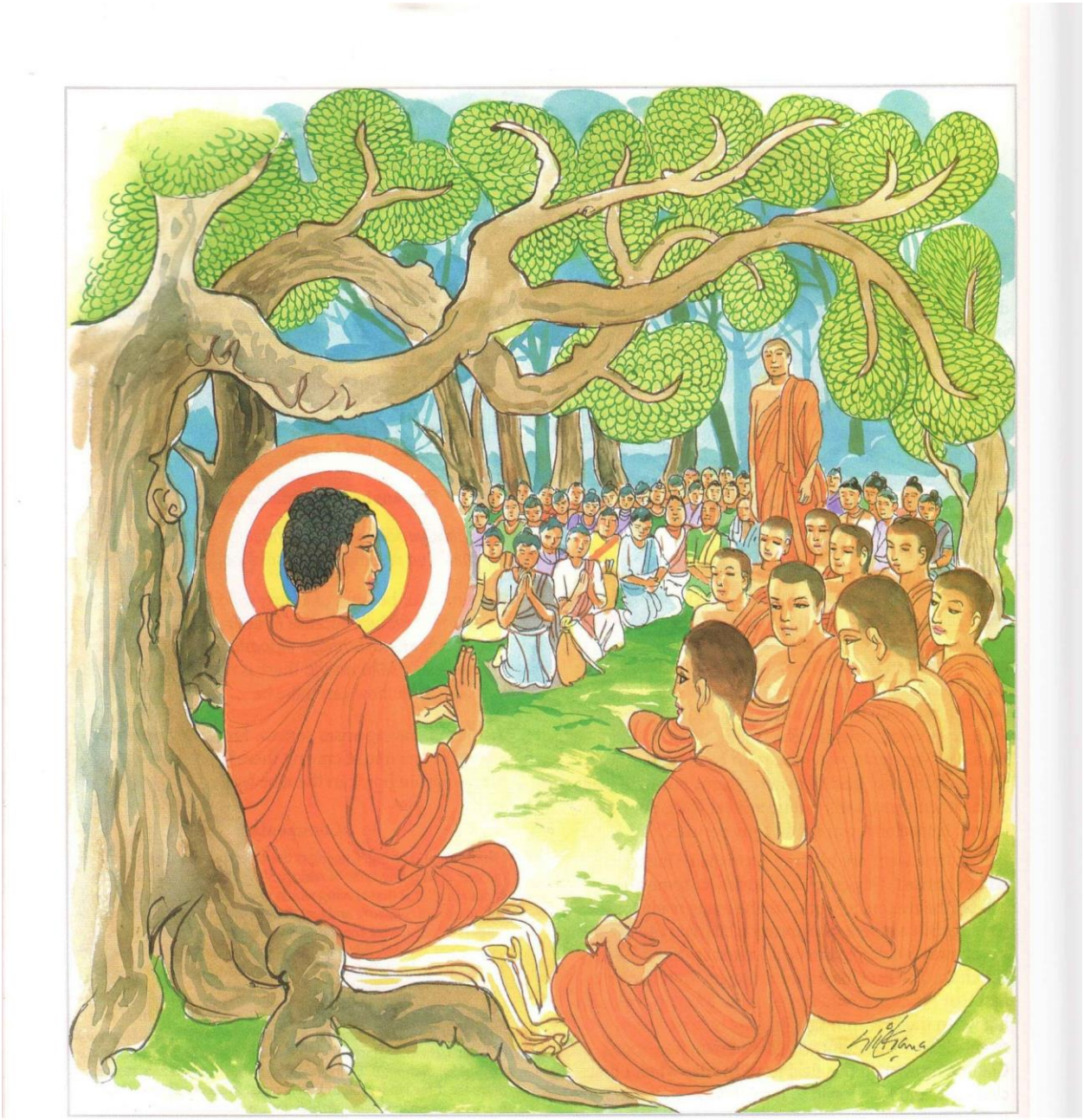

217. Đạt vẹn toàn về đức hạnh và tri kiến, chú tâm vào phận sự của mình, người như vậy được quần chúng ái mộ.

XVI.8- ĐẠI ĐỨC A NA HÀM

(Chandajatoti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 218)

"Chandajāto anakkhāte,	***"Ước vọng pháp ly ngôn***
Manasā ca phuṭo siyā;	***Ý cảm xúc thượng quả***
Kāmesu ca appaṭibaddhacitto,	***Tâm thoát ly các dục,***
Uddhaṃsototi vuccati".	***Xứng gọi bậc Thượng Lưu".***

Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến vị Đại Đức đã đắc quả A Na Hàm.

Tương truyền rằng: Một ngày nọ, các Tỳ khưu đệ tử đã hỏi Đại Đức sư phụ câu hỏi rằng: *"Bạch Ngài! Ngài đã đắc quả đặc thù chưa?"*

Đại Đức tự nghĩ: *"Quả Bất Lai thì hàng cư sĩ tại gia cũng có thể đắc. Vậy để khi nào đắc quả Vô Sanh (A La Hán) rồi, ta sẽ nói chuyện với các đệ tử ta".*

Đang còn đắn đo e dè, chưa nói gì cả, thì Đại Đức mệnh chung, tái sanh lên cõi Tịnh Cư Thiên.

Khi ấy, các đệ tử khóc lóc thở than, rồi đến bái kiến Đức Bổn Sư, ngồi xuống một bên mà vẫn còn khóc.

Đức Bổn Sư bèn hỏi các vị ấy rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Có gì mà các thầy lại khóc?

- Bạch Ngài, Tế Độ Sư của các con đã mệnh chung.

- Nầy các Tỳ khưu! Dầu sao các thầy cũng chớ nên sầu não, vì đó là lẽ thường.

- Bạch Ngài, chúng con vẫn biết như thế, tuy nhiên chúng con có hỏi, Tế Độ Sư của chúng con có chứng đạt quả vị đặc thù nào chưa, Tế Độ Sư không trả lời chi cả, kế đến khi mạng chung. Do đó chúng con mới buồn khổ.

Đức Bổn Sư giải rằng: Nầy các Tỳ khưu, chớ nên buồn khổ, thầy Tế Độ của các thầy đã đắc A Na Hàm, những tự nghĩ rằng: *Quả Bất Lai nầy, cư sĩ tại gia có thể chứng đạt được, đợi khi nào ta chứng đắc A La Hán rồi, ta sẽ nói cho chúng đệ tử nghe*. Đang ngần ngại, chưa kịp nói thì Thầy Tế Độ các ngươi đã mệnh chung, tái sanh về cõi Tịnh Cư. Hãy vui lên đi, nầy các Tỳ khưu! Thầy của các ngươi đã giải thoát tâm khỏi sự ràng buộc của ngũ trần, thành bậc Thượng Lưu bang rồi.

Nói rồi, Ngài ngâm lên kệ ngôn rằng:

"Chandajāto anakkhāte,	*"Ước vọng pháp ly ngôn*
Manasā ca phuṭo siyā;	*Ý cảm xúc thượng quả*
Kāmesu ca appaṭibaddhacitto,	*Tâm thoát ly các dục,*
Uddhaṃsototi vuccati".	*Xứng gọi bậc Thượng Lưu".*

☸

CHÚ GIẢI:

Chandajāto: Do sự ước ao mong mỏi, muốn làm phát sanh, khát cầu mãnh liệt.

Anakkhāte: Níp Bàn là pháp ly ngôn, bởi vì không thể nói, hay làm hoặc tả được rằng: Màu sắc như thế nầy, hình dáng như thế nầy.

Manasā ca phuṭo siyā: Tâm phải thấm nhuần, sung mãn ba đạo quả thấp.

Appaṭibasshacitto: Tâm đã thoát khỏi sự ái luyến ngũ trần do nhờ A Na Hàm đạo.

Uddhaṃsoto: Một Tỳ khưu như thế, sau khi tái sanh vào Vô Phiền thiên (avihā), từ đó trở đi, do ảnh hưởng của sự liên kết sanh lên tới Sắc Cứu Cánh thiên (Akanittha), gọi là Thượng Lưu Bang. Thầy Tế Độ của các thầy đã đạt được như thế.

Cuối thời pháp, các Tỳ khưu ấy chứng đắc A La Hán Quả.

Đại chúng thính pháp đều được hưởng lợi ích Pháp thoại ấy.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Cư sĩ tu còn đắc Bất Lai
Tỳ khưu cũng vậy, có chi tài.
Cầu mong quả tột cùng La Hán
Mới xứng làm gương để dạy ai…
Thầy tịch mà không trối tiếng chi
Trò ngu tưởng quấy, lại sầu bi
Nghe lời Phật giải liền tiêu khổ
Đắc quả Vô Sanh, lẹ cấp kỳ.

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC BẤT LAI

☸

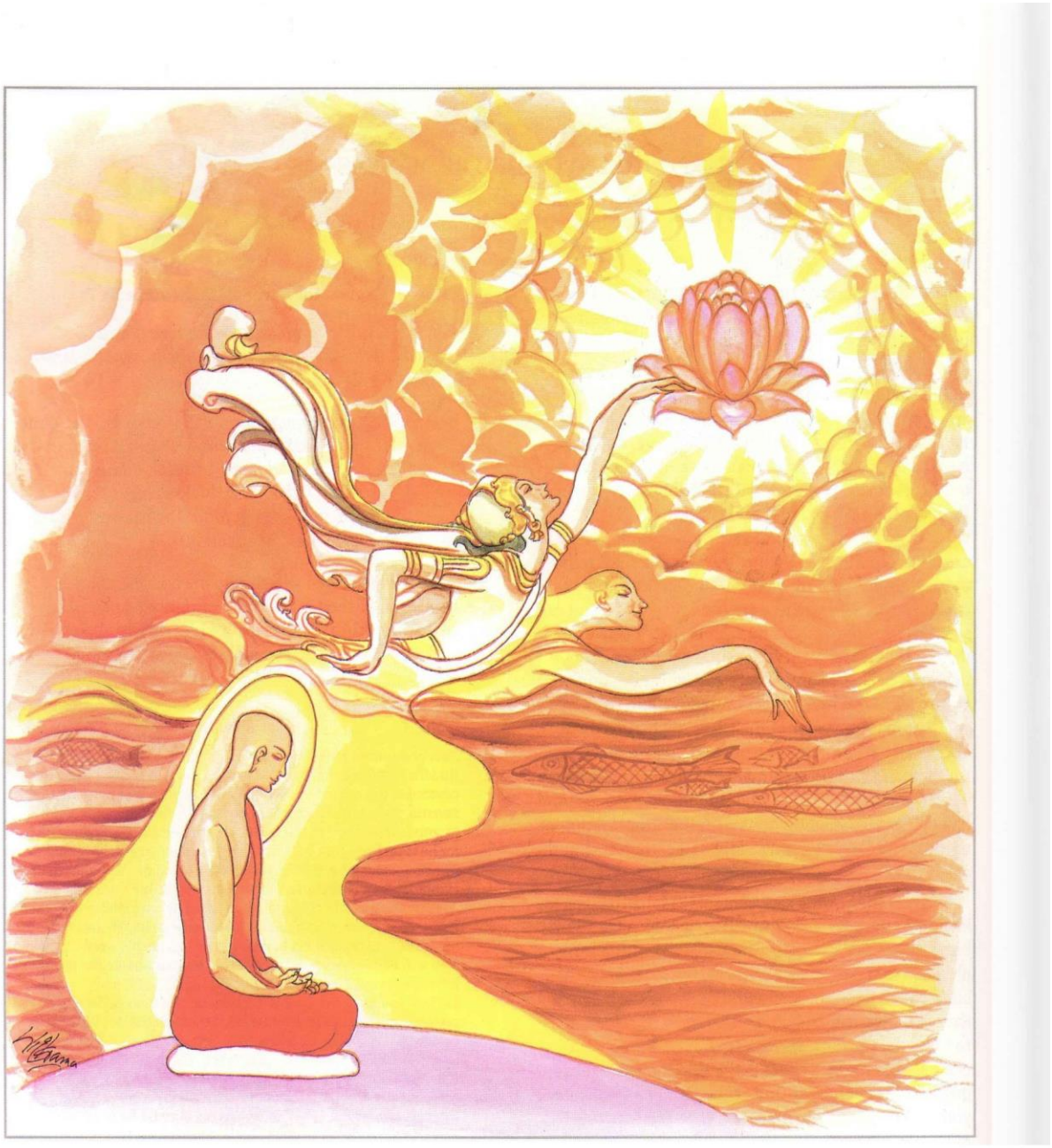

218. Chuyên tâm hướng về Niết bàn, giải thoát mọi dục lạc.
Vị ấy được gọi là bậc thượng lưu.

XVI.9- NANDIYA VỀ TRỜI

(Cirappavasinti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp cú câu 219-220)

219. "Cirappavāsiṃ purisaṃ,	***"Khách lâu ngày ly hương,***
Dūrato sotthimāgataṃ;	***An toàn từ xa về,***
Ñātimittā suhajjā ca,	***Bà con cùng thân hữu,***
Abhinandanti āgataṃ".	***Hân hoan đón chào mừng".***
220. "Tatheva katapuññampi,	***"Cũng vậy các phước nghiệp,***
Asmā lokā paraṃ gataṃ;	***Đón chào người làm lành,***
Puññāni paṭigaṇhanti,	***Đời nầy đến đời kia.***
Piyaṃ ñātīva āgataṃ".	***Như thân nhân, đón chào".***

Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết khi Ngài ngự tại Isipatana (Chư Tiên Đạo Xứ), đề cập đến chàng Nandiya.

Tương truyền rằng: Tại thành Bārāṇasī, có chàng Nandiya, là con trai của một gia đình có đức tin nơi Tam Bảo. Chàng cũng có đức tin như thế, là người hộ Tăng đắc lực, đúng theo sở cầu của cha mẹ. Khi trưởng thành, cha mẹ chàng tìm người nữ môn đăng hộ đối với gia tộc, định cưới con gái của cậu chàng tên là Revatī đem về nhà, nhưng nàng nầy lại là người không có đức tin nơi Tam Bảo, không quen bố thí, thọ trì giới nên chàng Nandiya không ưng cưới nàng làm vợ. Mẹ chàng bảo với nàng Revatī rằng:

- Nầy con gái cưng, trong nhà nầy, nơi ngồi của chư Tăng con nên lau chùi sạch sẽ, sắp đặt sẵn ghế ngồi kê chân cho có thứ tự. Khi chư Tăng đến, con hãy xin rước bát, thỉnh chư Tăng ngồi và lọc nước hộ Tăng bằng đồ lọc, chư Tăng độ cơm xong, con hãy rửa bát cho Ngài. Làm được như thế con mới trở nên là người bạn đường của con trai ta.

Nàng Revatī chịu nghe lời mẹ chồng dạy, để cho chàng Nandiya hài lòng nàng, khi ấy bà báo tin cho con trai biết, chàng đáp rằng: *"Lành thay!"*. Được chàng nhận lời rồi, hai họ định ngày lành tháng tốt cử hành lễ hôn phối.

Chàng Nandiya nói với người vợ mới cưới rằng:

- Nếu em chăm lo phục vụ chư Tăng và cha mẹ anh đàng hoàng tử tế, thì em sẽ được trọn quyền ở trong nhà nầy. Vậy em hãy siêng năng cần mẫn đi nhé.

Nàng Revatī vâng lời chồng, đáp: *"Lành thay!"*.

Nàng xử sự được như thế, chỉ trong vài ngày đầu như là người có chánh kiến, có đức tin đầy đủ. Nàng chăm lo quán xuyến hết công việc trong nhà, và có được hai con với chàng Nandiya. Khi cha mẹ chàng qua đời, nàng nắm hết mọi quyền trong nhà, trọn quyền là nữ chủ nhân của gia tộc. Từ ngày cha mẹ khuất bóng, Nandiya trở thành một đại thí chủ, thiết lập việc để bát thường xuyên đến Tỳ khưu, và đồng thời bày ra việc thí thực tại nhà của mình cho những kẻ nghèo khó và những khách lữ hành đi đến.

Thời gian sau, được nghe Đức Bổn Sư thuyết pháp thoại, chàng Nandiya suy tư đến quả phước của việc bố thí trú xứ là chỗ ngụ đến Tăng, chàng cho xây cất Đại Tự Insipatana, bốn nhà khách gồm có bốn căn phòng, lại cho kê giường, ghế, lót chiếu xong rồi, cung thỉnh Đức Thế Tôn cùng với chư Tăng đến cúng dường, cử hành đại lễ thí chỗ ngụ. Ngay khi nước thí vừa rơi vào tay Đức Thế Tôn thì đồng thời trên cõi Chư Thiên Đao Lợi nổi lên tòa Thất Bảo Thiên Lâu, cao 100 do tuần, dài và rộng 12 do tuần, làm toàn 7 báu và chứa đầy những nhóm Ngọc Nữ xinh đẹp.

Một lần nọ, Đại Đức Moggallāna du hành lên thiên giới, Ngài dừng chân tại tôn Thất Bảo Lâu ấy và hỏi Chư Thiên đến gần mình rằng: *"Tòa Thiên lâu nầy chứa đầy những nhóm Ngọc Nữ, phát sanh lên cho người có phước nào thế?"*.

Chư Thiên liền nói cho Đại Đức biết chủ tòa Thiên Lâu ấy:

- Bạch Ngài! Con trai của một gia tộc Trưởng giả tên là Nandiya cất chùa dâng đến Tăng Tứ phương có Đức Bổn Sư làm tọa chủ, nên tòa Thiên Lâu nầy phát sanh đến y, do phước báu của cậu ấy.

Cả đoàn Thiên Nữ trông thấy Đại Đức bèn đi xuống lầu, ra khỏi lâu đài đến đảnh lễ Đại Đức và bạch rằng:

- Bạch Ngài, chúng con là những nàng hầu của thanh niên Nandiya đã sanh lên đây mà không gặp chàng, chúng con rất là vô phước. Vì chúng con rất mong mỏi gặp chàng, xin Đại Đức hãy khuyên chàng mau về nơi đây, ví như người đập bỏ nồi đất để nhận lấy bát vàng, bỏ sản nghiệp nhân giới để hưởng được tài sản cõi Chư Thiên.

Đại Đức từ Thiên giới trở lại cõi người, đến bái yết Đức Bổn Sư, bạch hỏi rằng:

- Bạch Ngài, có phải trong khi con người còn sống ở nhân gian, những thiện nghiệp của họ đã tạo cũng kết quả thanh tài sản có sẵn nơi Thiên Giới được chăng?

- Nầy Moggallāna! Chính ngươi đã thấy tận mắt phước báu của Nandiya đã thanh tựu cõi Đao Lợi phải chăng? Tại sao ngươi còn hỏi lại Như Lai.

- Bạch Ngài, quả có thật như thế.

- Nầy Moggallāna! Vì cớ gì mà thầy lại nói như vậy? Ví như đứa con trai hay đứa em trai vắng nhà lâu ngày, từ xứ xa trở về, đứng tại cổng làng. Bất cứ ai trông thấy nó, cũng lật đật về báo cho nhà biết tin: *"Có cậu ấy trở về"*. Tức nhiên thân bằng quyến thuộc của người ấy rất vui mừng hớn hở, vội vã ra đi tiếp đón cậu: *"Chào cậu, cậu mới về"*. Cùng như thế ấy, người nữ hoặc nam đã tạo thiện nghiệp ở đây, sau khi từ giã cõi đời nầy, đi tái sanh ở cảnh giới khác, sẽ được Chư Thiên mang theo 10 thứ lễ vật của trời, hoan hỷ đến tranh nhau tiếp rước, nói rằng: *"Để tôi rước trước, để tôi rước trước"*.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

219. "Cirappavāsiṃ purisaṃ,	*"Khách lâu ngày ly hương,*
Dūrato sotthimāgataṃ;	*An toàn từ xa về,*
Ñātimittā suhajjā ca,	*Bà con cùng thân hữu,*
Abhinandanti āgataṃ".	*Hân hoan đón chào mừng"*.

220. “Tatheva katapuññampi,
Asmā lokā paraṃ gataṃ;
Puññāni paṭigaṇhanti,
Piyaṃ ñātīva āgataṃ”.

“Cũng vậy các phước nghiệp,
Đón chào người làm lành,
Đời nầy đến đời kia.
Như thân nhân, đón chào”.

☸

CHÚ GIẢI:

Cirappavāsiṃ: Cūrappavutthaṃ: Người ly hương ở hải ngoại đã lâu.

Dūrato sotthimāgataṃ: Sau khi làm nghề buôn hoặc làm công chức thâu huê lợi, hoặc lãnh tiền lương, lần hồi có nhiều của cải, sống đầy đủ an toàn rồi, từ xứ xa trở về quê cũ.

Ñātimittā suhajjā ca: Những quyến thuộc là người cùng một dòng họ và những thân bằng là bạn mới gặp gỡ kết tình thâm giao.

Abhinandanti āgataṃ: Khi thấy người cũ, họ nói: *“Cậu ấy đã về kìa”,* bằng lời nói, hoặc nắm tay chân, hay chấp tay chào, rồi rước về nhà, họ còn hân hoan hậu đãi bằng nhiều cách, như mang quà đến tặng.

Tatheva: Bởi lẽ đó, người đã tạo phước từ cõi nầy sang đời khác, sẽ được các phước ở cõi Trời chờ đợi, hoan hỷ tiếp đón như cha mẹ ruột, đem cho 10 thứ tặng phẩm của Trời là tuổi thọ, sắc đẹp, sự an lạc, danh vọng, quyền thế cùng với ngũ dục trưởng dưỡng cõi Trời là sắc, thinh, hương, vị, xúc.

Piyaṃ ñātīva: Giống như những thân nhân trong đời nầy và tất cả họ hàng quyến thuộc đều đến tiếp rước.

Cuối thời pháp nhiều Tỳ khưu chứng đắc Thánh Quả, nhất là quả vị Tu Đà Hườn.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Cốc dâng tăng ngụ lúc sanh tiền
Phước đã thành ngay ở Thượng thiên
Ngọc nữ băn khoăn chờ khách tục
Cao lâu sừng sững đợi người tiên
Mâm vàng đổi lấy thê ngàn lượng
Bát đất quăng đi, bớt mấy tiền.
Nhắn chủ là chàng Nandiya
Thông qua Đại Đức Mục Kiền Liên.

DỨT TÍCH CHÀNG NANDIYA

☸

DỨT PHẨM HỶ ÁI – PIYA VAGGA
DỨT PHẨM 16

ꕥ☸ꕥ

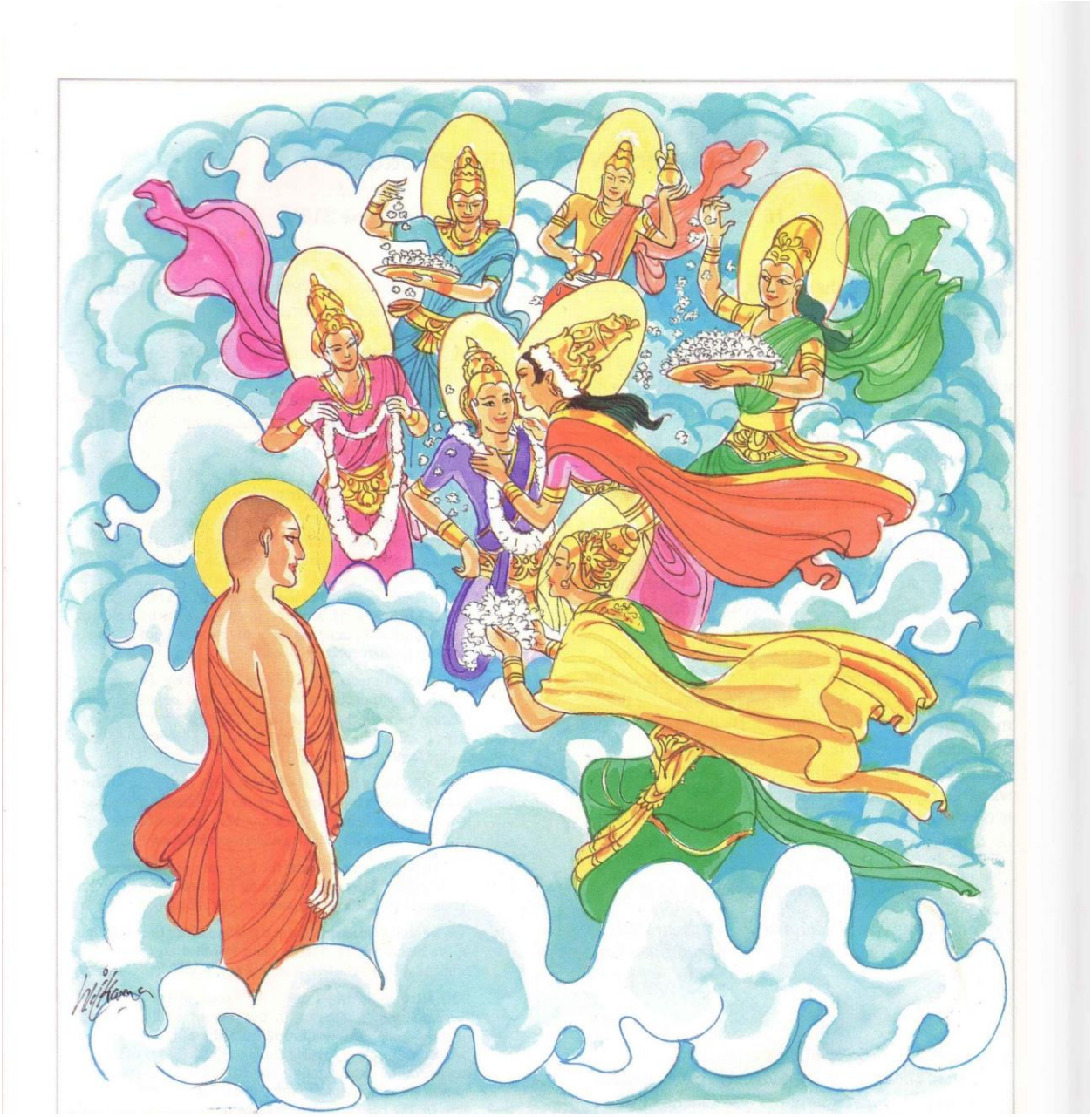

219. Những người làm thiện sự được chào mừng đến thiên giới cũng giống như người đi xa lâu ngày được quyến thuộc đón mừng.

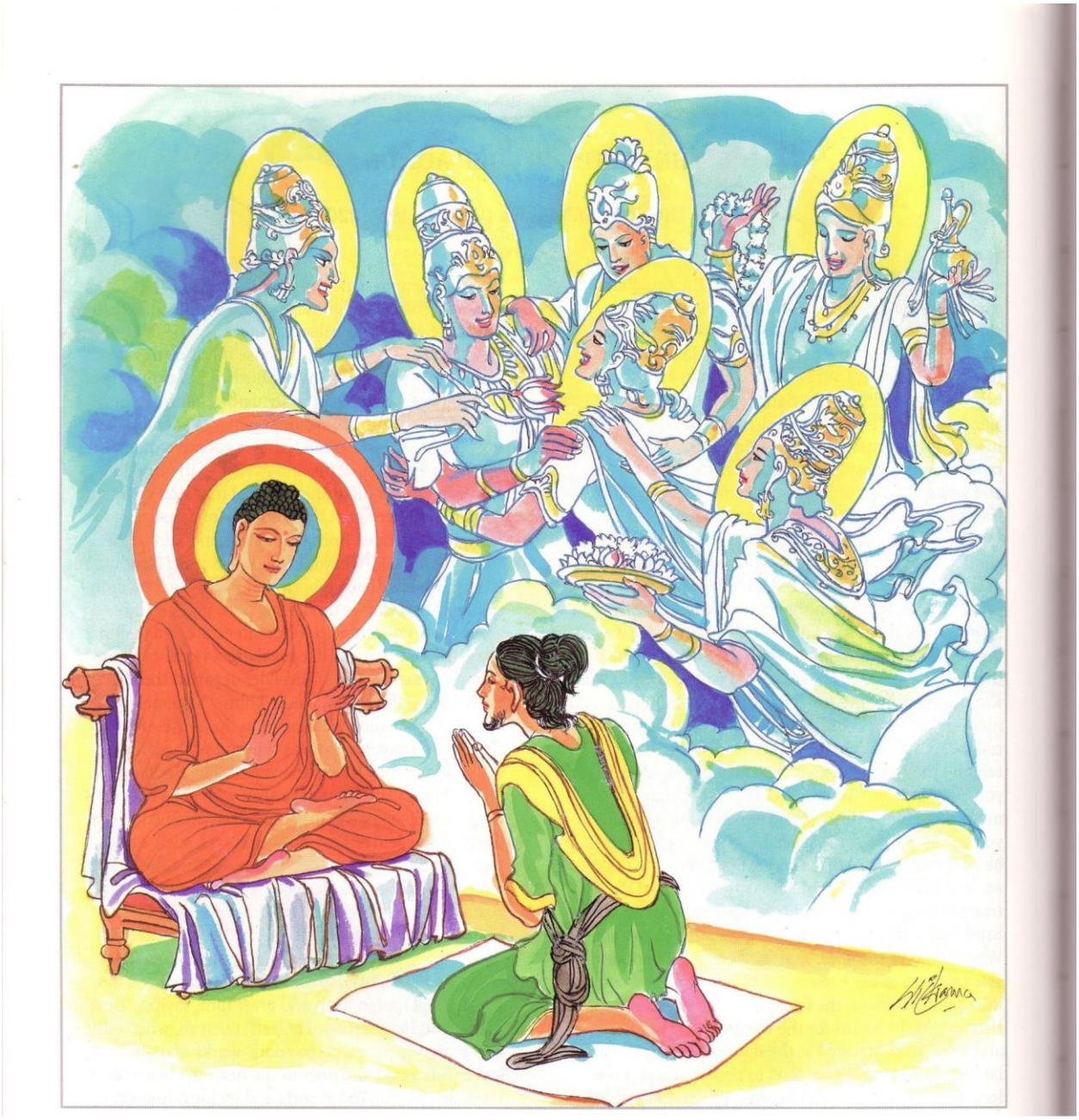

220. Các phước báo đón chờ người thiện hạnh ở đời sau cũng như các thân nhân chờ đón người trở về cố hương.

XVII. PHẨM PHẪN NỘ

(KODHA VAGGA)

- 13 Bài kệ: Pháp cú 221-234

- 8 tích truyện

☸

XVII.1- THÍCH NỮ ROHINĪ

(Kodhaṃ Jaheti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 221)

"Kodhaṃ jahe vippajaheyya	***"Bỏ phẫn nộ, ly mạn,***
Mānaṃ, saṃyojanaṃ	***Vượt qua mọi kiết sử,***
Sabbamatikkameyya;	***Không chấp trước danh sắc.***
Taṃ nāmarūpasmimasajjamānaṃ,	***Khổ không theo vô sản".***
Akiñcanaṃ nānupatanti dukkhā".	

Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại chùa Nigrodha, đề cập đến Thích Nữ Rohinī.

Tương truyền rằng: Một lần nọ, Đại đức Anuruddha cùng với 500 Tỳ khưu tùy tùng về thành Kapilavatthu.

Khi hay tin Đại Đức về, những thân quyến của Đại Đức đều đến thăm Đại Đức, trừ ra người em gái của Ngài là Công chúa Rohinī. Đại Đức hỏi các quyến thuộc rằng: - *"Nàng Rohinī ở đâu rồi?".*

- Bạch Ngài, ở nhà.

- Tại sao nàng ấy không đến?

- Bạch Ngài, nàng ấy nói: *"Khắp mình tôi bị bịnh lác",* vì mắc cỡ nên nàng ấy không đến.

- Hãy cho gọi nàng ấy đến đây!

Khi nàng Rohinī vận kín y phục, che khắp mình rồi, đi đến Đại Đức hỏi rằng: - *"Nầy Rohinī! Vì sao nàng không đến?".*

- Bạch Ngài, khắp mình tôi nổi lác, bởi vậy tôi mắc cỡ không đến nơi nầy.

- Thế thì nàng cần phải làm phước thiện đi.

- Bạch Ngài! Tôi phải làm gì đây?

- Nàng hãy cất lên một Tăng đường đi.

- Tôi lấy chi để cất lên Tăng đường bây giờ?

- Nàng há chẳng có đồ trang sức ư?

- Bạch Ngài có, nhưng không đủ.

- Giá có được là bao nhiêu?

- Bạch Ngài, lối chừng 10 ngàn đồng vàng.

- Nếu vậy, nàng hãy xuất hết tiền ấy ra cất Tăng đường đi.

- Bạch Ngài! Tôi sẽ nhờ ai kiến tạo Tăng đường bây giờ?

Đại Đức nhìn những thân bằng đứng cạnh đó bảo rằng:

- Các thân quyến hãy đảm trách việc nầy với nàng Rohinī đi.

- Còn Ngài, Ngài sẽ làm việc chi?

- Ta cũng lưu ngụ tại nơi đây. Vậy các thân quyến hãy mang vật liệu đến cho nàng Rohinī.

- Lành thay! Lành thay.

Rồi họ chở vật liệu xây dựng đến, Đại đức trông coi việc cất Tăng đường, đề nghị cùng nàng Rohinī rằng:

- Nàng hãy cho cất Tăng đường hai tầng. Từ lúc cho đóng ván để xây dựng tầng trên, lập tức nàng hãy quét dọn sạch tầng dưới, cho lót chỗ ngồi và chăm lo đổ đầy nước vào nơi chứa thường xuyên.

- Lành thay, bạch Ngài.

Nàng Rohinī bỏ ra toàn bộ nữ trang của mình, mướn cất một Tăng đường hai tầng, khi tầng trên bắt đầu xây dựng, nơi tầng dưới nàng thường xuyên quét dọn sạch sẽ, các Tỳ khưu thường xuyên trú ngụ tại nơi ấy.

Trong khi nàng Rohinī quét dọn Tăng đường thì bịnh lác của nàng giảm bớt. Đến khi cất xong Tăng đường, nàng cung thỉnh Đức Phật và chư Tăng ngự đến Tăng đường, rồi cúng dường vật thực thượng vị cứng, mềm đến chư Tăng có Đức Phật là tọa chủ.

Khi độ xong bữa, Đức Phật hỏi:

- Cuộc trai thí nầy của ai vậy?

- Bạch Ngài, của nàng Rohinī.

- Cô ấy đâu rồi?

- Bạch Ngài, ở trong nhà.

- Hãy cho gọi nàng ấy đến đây.

- Bạch Thế Tôn, nàng Rohinī không chịu đến.

- Hãy gọi nàng ấy đến, nhân danh Như Lai vậy.

Dù không muốn đến, nhưng vì lịnh của Đức Phật gọi, nên nàng Rohinī phải đến, đảnh lễ Ngài xong rồi, ngồi xuống một bên, Ngài phán hỏi rằng:

- Nầy Rohinī! Vì sao nàng lại không đến đây?

- Bạch Ngài, vì con bị bịnh lác, con mắc cỡ nên không dám đến.

- Nàng có biết vì sao bịnh ấy lại phát sanh lên cho nàng chăng?

- Bạch Ngài! Con không biết.

- Bệnh ấy phát sanh do nương vào sự phẫn nộ của nàng.

- Bạch Ngài, con đã làm cái chi?

- Nếu thế, nàng hãy lắng nghe.

Thế rồi, Đức Bổn Sư thuyết lại Bổn Sanh rằng: Thuở xưa, có bà Hoàng Hậu của Quốc Vương Bārāṇasī, bà kết oan trái với một cô vũ nữ của Đức Vua. Bà nghĩ rằng: *"Ta sẽ làm cho nó phải khổ".* Bà sai người đi hái một loại trái cây có chứa chất ngứa (kacchu) đem về, nghiền nát ra thành bột, Hoàng hậu cho đòi nàng vũ nữ ấy đến cung mình, đồng thời cho người lén rắc bột ngứa lên giường, ghế, áo choàng, mùng, mền… của cô ấy, bà lại giả vờ giỡn chơi, rắc bột ngứa vào mình nàng vũ nữ ấy. Ngay khi ấy, nàng vũ nữ nổi lên nhiều mụn ngứa, cô vừa gãi vừa làm việc hay vũ múa, khi lên giường nằm, cũng bị chất bột ngứa tẩm vào người, mặc áo cũng vướng phải bột ngứa… Nàng chịu đau khổ vô cùng. Hoàng Hậu ấy nay chính là nàng Rohinī.

Sau khi nhắc lại tiền tích, Đức Bổn Sư dạy rằng:

- Nầy Rohinī, đó là bất thiện nghiệp mà cô đã tạo trong lúc trước. Quả thật vậy, phẫn nộ hay ganh tỵ, dù cho chút ít, cũng không hề thích đáng cả.

Nói rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Kodhaṃ jahe vippajaheyya	*"Bỏ phẫn nộ, ly mạn,*
Mānaṃ, saṃyojanaṃ	*Vượt qua mọi kiết sử,*
Sabbamatikkameyya;	*Không chấp trước danh sắc.*
Taṃ nāmarūpasmimasajjamānaṃ,	*Khổ không theo vô sản".*
Akiñcanaṃ nānupatanti dukkhā".	

❁

<u>CHÚ GIẢI:</u>

Kodhaṃ: Tất cả các mức độ của sự phẫn nộ và chín lớp ngã mạn đều bỏ cả (Kho tàng Pháp bảo trang 130)

Saṃyojanaṃ: Cả mười kiết sử, nhất là dây ràng buộc về tình dục (Kāmarāga) đều được giải thoát hết.

Asajjamānaṃ: Alaggamānam: là không bị dính mắc. Người nào cố chấp sắc của ta, thọ của ta… tức là cố chấp danh sắc và thở than, khóc lóc khi danh sắc tan rã, người ấy gọi là dính mắc trong danh sắc. Người không cố chấp như thế, gọi là không dính mắc. Người ấy không bị dính mắc do không có tình dục, không gặp nỗi khổ bất ngờ xảy đến cho mình.

Cuối thời Pháp nhiều người chứng đắc Thánh Quả, nhất là Quả Dự Lưu, nàng Rohinī cũng chứng đạt quả Tu Đà Hườn. Ngay khi ấy toàn thân nàng tỏa rực màu vàng y.

Sau khi từ trần, nàng được sanh về cõi Trời Đao Lợi, chỗ giáp ranh của bốn vị Thiên Tử, nhan sắc nàng mỹ miều, khả ái. Bốn vị Thiên Tử thấy nàng đều phát sanh lòng luyến ái, vị nào cũng nói: *"Nàng nầy sanh trong ranh giới của tôi".* Để giải

quyết vụ tranh chấp nầy, họ đưa nhau đến trước Thiên Vương Đế Thích, yêu cầu phán xử:

- Tâu Thiên Vương! Xin Ngài xét đoán giữa chúng tôi, xem ai đáng được nàng Thiên nữ nầy.

Đức Đế Thích trông thấy Thiên nữ Rohinī cũng sanh lòng yêu mến, nên phán rằng:

"Từ khi trông thấy Thiên nữ nầy, tâm của quý vị sanh khởi ra sao?".

Một vị Thiên Tử đáp:

"Từ bây giờ, tâm của tôi rộn ràng như trống trận, không thể nào im lặng được".

Vị thứ hai đáp: *"Tâm của tôi cuồn cuộn chảy nhanh như thác đổ".*

Vị thứ ba nói: *"Từ lúc thấy nàng nầy, cặp mắt tôi lồi ra như cua".*

Vị thứ tư đáp: *"Tâm của tôi thì giống như phướn treo trên Thánh tháp, không thể nào đứng yên được".*

Đức Đế Thích bèn nói với bốn vị Thiên Tử:

"Quý vị ơi! Tâm của quý vị thật là nồng nhiệt. Tuy nhiên đối với Trẫm, nếu được Thiên nữ nầy Trẫm mới sống, còn không được thì trẫm sẽ băng hà".

Chư thiên đồng thanh: *"Tâu Đại Vương, Ngài không cần phải chết".* Nói rồi, họ nhường Thiên Nữ lại cho Đức Đế Thích và ra đi.

Thiên nữ là người yêu mến của Đức Đế Thích. Mỗi khi nàng đề nghị:

- Chúng ta hãy đi dự cuộc vui đó.

Đức Đế Thích không thể nào từ chối, bác bỏ lời nói của nàng.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Vì nhân hại vũ nữ sần mình
Thích nữ không ngờ quả lác sinh
Xấu mặt, ngẩn mừng Tăng Đại Đức
Hổ mày gặp Phật cao minh
Quét chùa tẩy sạch lòng sân hận
Dọn cốc trừ tan ý ghét ganh
Sắc đẹp khi lên trời Đao Lợi
Làm Vua Đế Thích cũng si tình…

DỨT TÍCH THÍCH NỮ ROHINĪ

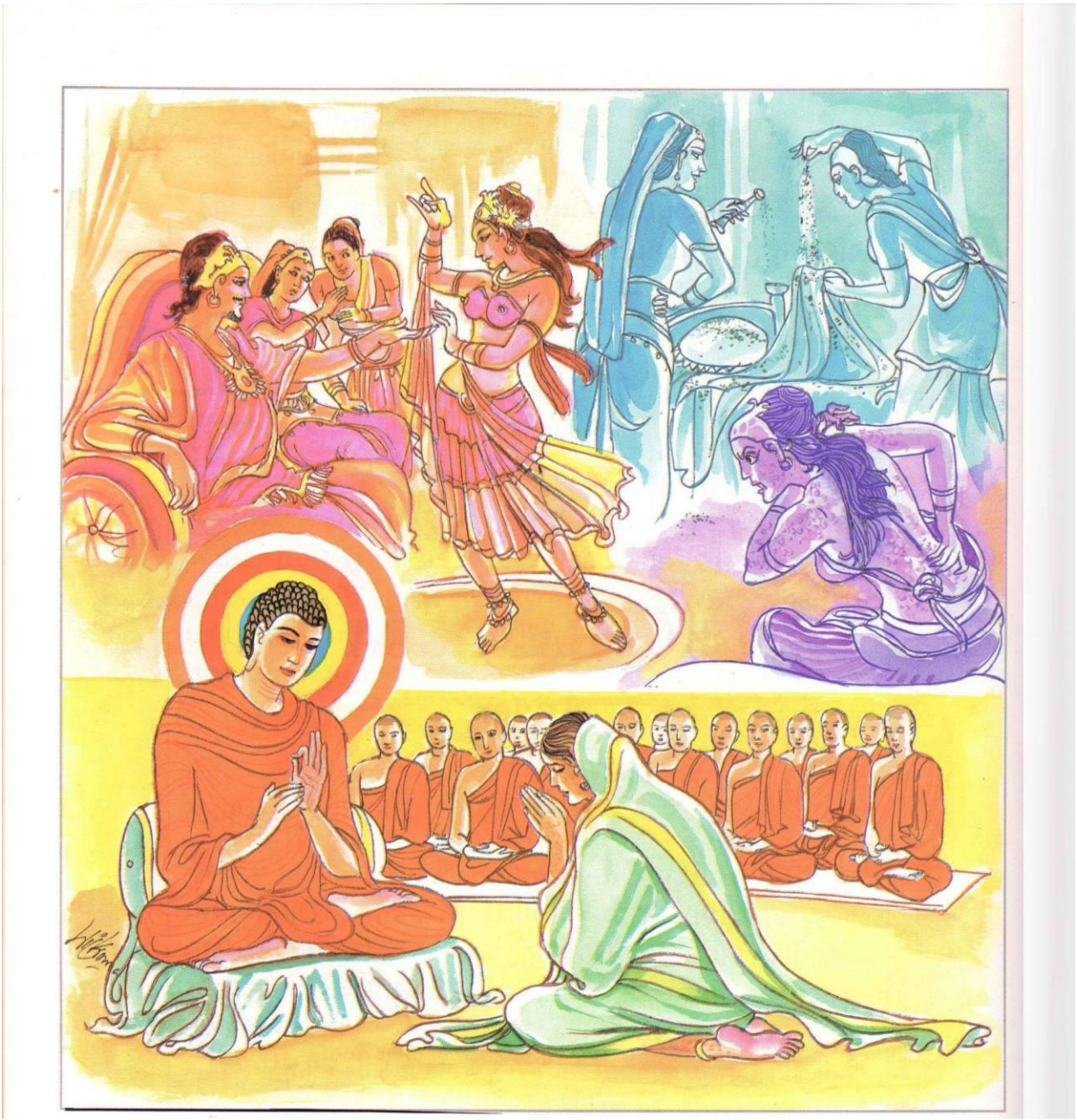

221. Hãy từ bỏ ngã mạn và phẫn nộ; thoát ly mọi triền phược.
Ta sẽ không còn bị khổ trong tâm trí.

XVII.2- TỲ KHƯU ĐỐN CÂY RỪNG

(Yo Ve Appatitaṃ Kodhanti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 222)

"Yo ve uppatitaṃ kodhaṃ,	***"Ai chặn được phẫn nộ,***
Rathaṃ bhantaṃva vāraye,	***Như dừng xe đang lăn,***
Tamahaṃ sārathiṃ brūmi,	***Ta gọi người đánh xe,***
Rasmiggāho itaro jano".	***Kẻ khác, cầm cương hờ".***

Kệ ngôn nầy được Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Tháp Aggālava, đề cập đến một vị Tỳ khưu nọ.

Từ khi Đức Thế Tôn cho phép chư Tỳ khưu Tăng ngụ trong các cốc ngoài ranh chùa, các thí chủ nhất là các Trưởng giả ở thành Vương Xá (Rājagaha) lo xây cất cốc cúng dường, một vị Tỳ khưu ở Alāvī quyết định tự mình cất cốc cho mình, vị ấy tìm thấy một cây rừng thích hợp, nên đốn hạ cây ấy. Nơi ấy là nơi trú ngụ của một vị Thiên nữ, nàng có một đứa con trai còn bé thơ. Thiên nữ ẵm con, hiện ra trước mặt vị Tỳ khưu, yêu cầu rằng:

- Thưa chủ! Xin chủ đừng đốn phá đền đài của tôi. Tôi không thể ẵm con đi lang thang vì không có chỗ trú ngụ được.

- Ta không thể nào tìm được cây khác tốt bằng cây nầy được.

Rồi không cần đếm xỉa gì đến lời của Thiên nữ, vị ấy tiếp tục đốn cây, Thiên Nữ suy nghĩ: *"Nếu nhìn thấy đứa bé nầy, chắc Ngài sẽ dừng tay".* Cô bèn để đứa con trai mình nằm trên nhánh cây. Tuy nhiên vị Tỳ khưu vung búa lên rồi, và không thể điều khiển kềm lại được, theo đà búa đã chặt đứt cánh tay đứa bé. Thiên nữ nổi giận dữ dội, đưa cao hai tay định đập chết vị Tỳ khưu, nhưng nàng tự nghĩ:

- Tỳ khưu nầy là người có giới đức, nếu ta giết chết người, ta sẽ phải rơi vào địa ngục. Vả lại, khi ấy các thọ thần khác thấy vậy sẽ theo gương nầy, sẽ tự nhủ khi thấy có Tỳ khưu đốn cây của mình rằng: *"Đã có một Thọ thần đó, giết chết vị Tỳ khưu trong trường hợp như vầy rồi",* rồi họ sẽ sát hại Tỳ khưu. Vả lại, Tỳ khưu nầy là người có chủ, vậy ta hãy đem chuyện nầy nói lại cho chủ của ông ta.

Khi hạ tay xuống, nữ Thọ thần vừa đi vừa khóc, đến đảnh lễ Đức Bổn sư rồi đứng nép qua một bên. Đức Bổn Sư bèn hỏi Thọ thần rằng:

- Có chuyện gì thế, nầy Thiên nữ.

- Bạch Ngài! Một vị Thinh Văn của Ngài đã làm như thế nầy. Con nổi giận toan giết ông ta, nhưng con suy nghĩ lại, dằn tâm sân hận xuống và đi đến đây trình lên Ngài.

Vị nữ Thọ thần thuật lại trọn vẹn câu chuyện lên Đức Thế Tôn. Nghe xong Đức Thế Tôn phán rằng:

- Lành thay! Lành thay! Nầy Thiên nữ, việc nàng dằn được tâm sân đang khởi lên như thế, ví như người kềm chế được chiếc xe đang chạy nhanh, thật là tốt đẹp vậy.

Nói rồi, Ngài ngâm lên kệ ngôn rằng:

"Yo ve uppatitaṃ kodhaṃ,	*"Ai chặn được phẫn nộ,*
Rathaṃ bhantaṃva vāraye,	*Như dừng xe đang lăn,*
Tamahaṃ sārathiṃ brūmi,	*Ta gọi người đánh xe,*
Rasmiggāho itaro jano".	*Kẻ khác, cầm cương hờ".*

☸

CHÚ GIẢI:

Uppatitaṃ: Uppannaṃ: Đã nổi dậy, đã sanh khởi.

Rathaṃ bhantaṃva: Ví như người đánh xe thông thạo có thể thắng đứng chiếc xe đang chạy rất mau tùy theo ý muốn như thế nào, thì người nào có thể kềm hãm lại được cơn giận dữ đang nổi dậy cũng như thế ấy.

Tamahaṃ: Người ấy, Ta gọi là người đánh xe.

Itaro jano: Người khác, chẳng hạn như Quốc Vương, Phó Vương tuy cũng là người đánh xe, nhưng chỉ xứng đáng là kẻ cầm cương thôi, không phải là người đánh xe thiện xảo.

Mặc dầu chứng quả Tu Đà Hườn, nhưng Thiên Nữ vẫn đứng khóc. Đức Bổn Sư hỏi nàng:

- Nầy Thiên nữ, cái gì thế?

- Bạch Ngài! Đền đài của con đã tan nát, bây giờ con sẽ làm gì đây?

- Được rồi, Thiên Nữ đừng bi lụy nữa. Ta sẽ cho cô một ngôi đền để ở, Ngài chỉ một cây Đại thọ trong vòng chùa Kỳ Viên, gần Hương thất mà vị Thọ thần nơi ấy vừa mệnh chung hôm qua, nói rằng:

- Ở nơi ấy, là nơi trú của cô, là nơi cô tịch với nàng vậy.

Nữ thọ thần vui mừng đến nơi ấy. Từ đó về sau, Chư Thiên Đại Thần lực có đến cũng không dám chiếm đoạt nơi trú của nàng, vì biết rằng ngôi đền nầy được Đức Thế Tôn ban cho nàng Thiên nữ ấy.

Nhân dịp nầy, Đức Thế Tôn chế định học giới, cấm các Tỳ khưu phá hoại thảo mộc.

☸

Dịch Giả cẩn Đề

Luật cấm Tỳ khưu việc đốn cây
Trước tiên, phạm lỗi tại ông nầy
Con thần bé bỏng đang nằm đó
Búa bén to sầm vụt chém đây
Nhờ tỉnh, dằn tâm thưa thẳng Phật
Nếu mê, nổi giận giết ngay Thầy…
Oan gia ráng mở đừng nên buộc
Trong rủi làm sao cũng có may.

DỨT TÍCH TỲ KHƯU ĐỐN CÂY RỪNG

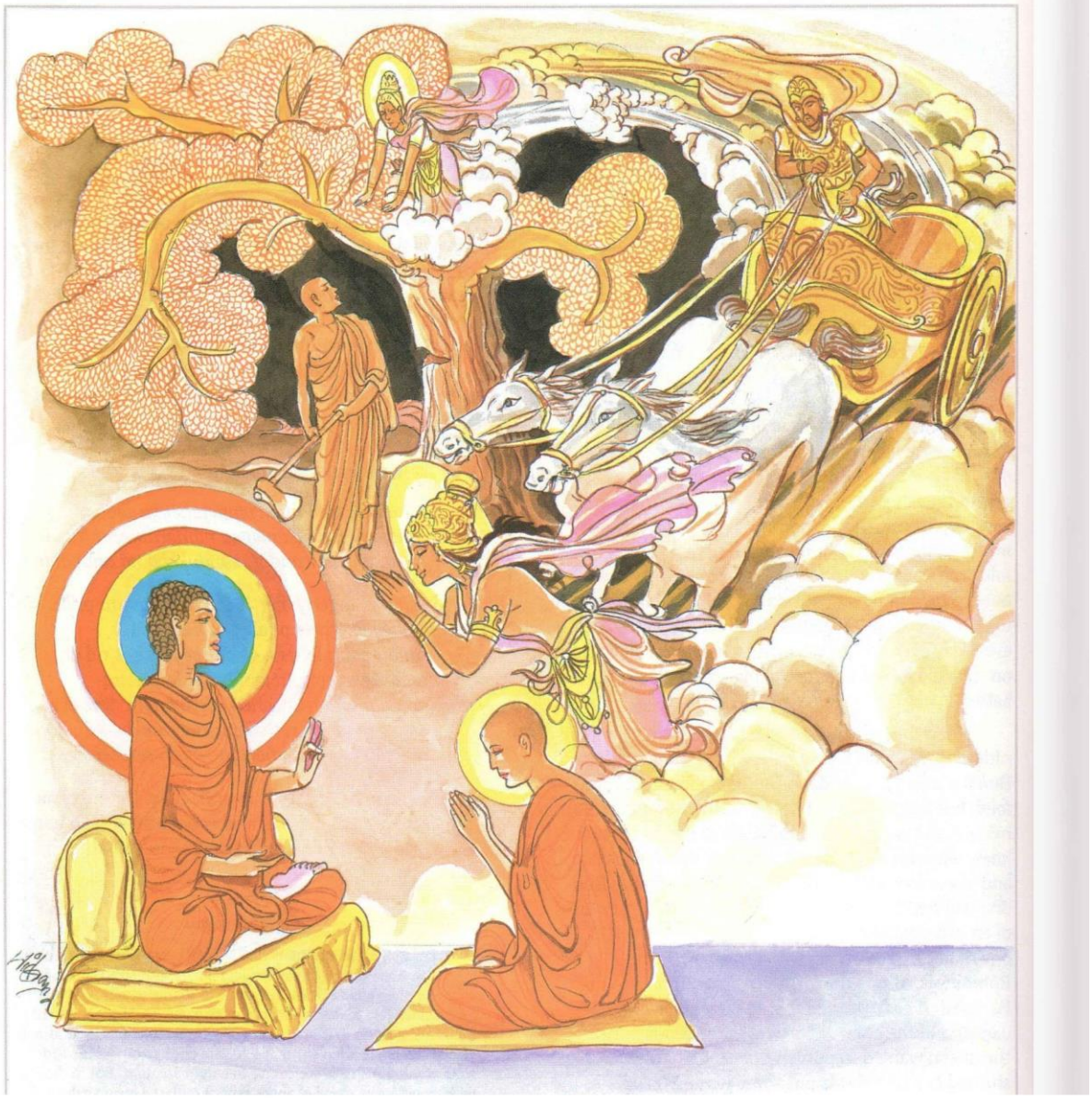

222. Người nào kiềm hãm được phẫn nộ bừng lên tức là tự điều thân với sự chế ngự toàn vẹn.

XVII.3- TÍN NỮ UTTARĀ

(Akkodhena jine kodhanti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 223)

"Akkodhena jine kodhaṃ	***"Từ bi thắng sân hận.***
Asādhuṃ sādhunā jine	***Hiền thiện thắng hung tàn.***
Jine kadariyaṃ dānena	***Bố thí thắng xan tham.***
Saccena alikavādinaṃ".	***Chân thật thắng hư ngụy".***

Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài trú tại Veḷuvana, khi thọ thực tại nhà của nàng Uttarā, đề cập đến nàng.

Câu chuyện nầy tuần tự diễn tiến như sau:

Tương truyền rằng: Trong thành Rājagaha, có một người nghèo khổ tên là Punṇa, làm thuê cho Trưởng giả Sumana mà sống qua ngày. Vợ và con của anh đều có tên là Uttarā, đều làm công trong nhà Trưởng giả. Một ngày nọ, trong thành Rājagaha có tin loan truyền rằng:

- Trong bảy ngày liền, mọi người được nghỉ lễ và ăn chơi.

Nghe tin nầy, sáng hôm sau, Trưởng giả Sumana thấy Punṇa đi đến bèn hỏi anh rằng:

- Nầy Punṇa! Những công nhân của ta đều nghỉ lễ để vui chơi, còn người thì thế nào?

- Thưa chủ! Việc nghỉ lễ để vui chơi là việc của những người giàu có. Còn trong nhà tôi, ngày mai nầy không có gạo để nấu cháo, thì tôi nghỉ lễ làm chi. Tôi sẽ bắt bò đi cày.

- Ờ phải! Ngươi hãy bắt bò khỏe và lấy cái cày.

Punṇa đi về nhà bảo vợ: *"Nầy em! Dân thành sẽ vui chơi trong bảy ngày lễ hội, còn mình thì nghèo quá phải đi làm thuê. Vậy hôm nay, em hãy lấy gạo nhiều gấp đôi, nấu cơm rồi mang ra đồng cho anh nhé".*

Dặn vợ xong, anh mang bò ra ruộng cày.

Lúc bấy giờ, sau bảy ngày nhập Đại Định, Trưởng lão Sāriputta vừa xuất định trong ngày ấy, Ngài phán xét rằng: *"Hôm nay ta sẽ tế độ ai đây?".* Hình ảnh Punṇa lọt vào võng trí của Ngài.

"Anh ta có đức tin và cúng dường đến ta chăng?". Được biết rằng có và nhờ đó Punṇa sẽ có quả báo lớn.

Khi quán xét xong rồi, Đại Đức đắp y mang bát đi đến chỗ Punṇa đang cày ruộng, Ngài đứng trên bờ ruộng nhìn về phía lùm cây.

Punṇa trông thấy Đại Đức, phát tâm tịnh tính, bỏ cày xuống đảnh lễ Đại Đức với cách ngũ thể đầu địa và nghĩ rằng: *"Chắc Ngài cần dùng cây đánh răng".* Y liền làm

cây đánh răng đúng theo Pháp rồi dâng lên Đại Đức. Khi ấy, Đại Đức trao Bát và đồ lọc nước cho y. Punṇa suy nghĩ: *"Chắc Ngài cần dùng nước".* Anh đi lấy nước, lọc nước xong cúng dâng đến Đại Đức. Đại Đức suy nghĩ:

- Punṇa nầy ở nhà cuối xóm, nếu ta đến nhà anh, vợ anh không thể gặp được ta. Chi bằng ta hãy nán chờ nơi nầy giây lát.

Ngài dùng trí quán xét, khi biết vợ Punṇa đang trên đường mang cơm đến cho chồng, Ngài bèn đi thẳng vào thành Rājagaha.

Nàng Uttarā gặp Đại Đức giữa đường, tự nghĩ rằng:

- Đôi khi ta có vật để bát mà không gặp Ngài, đôi khi mình gặp Ngài mà chẳng có chi để bát. Hôm nay vừa được gặp Ngài vừa có vật đặt bát, không biết Ngài có tế độ mình hay chăng?

Đặt mâm cơm xuống, vợ Punṇa đảnh lễ Đại Đức xong, bạch rằng:

- Bạch Ngài! Xin Ngài từ bi tế độ cho kẻ tôi đòi của Ngài, đừng lưu ý vật thực nầy ngon hay dở.

Đại Đức đưa bát ra, nàng Uttarā một tay bưng cơm, một tay sớt cơm và bát. Khi được nữa phần cơm, Đại Đức bảo:

- Thôi vừa rồi.

Ngài lấy tay che miệng bát lại.

Thí chủ van lơn rằng: "Bạch Ngài! Một bữa ăn không thể chia làm hai phần được. Ngài khỏi tế độ kẻ tôi đòi nầy trong đời nầy, nhưng xin Ngài hãy tế độ trong đời vị lai. Con muốn dâng tất cả cơm nầy cho Ngài không còn để dư sót lại.

Nói rồi, thí chủ sớt bát trọn vẹn cho Ngài và phát nguyện rằng:

"Mong sao con đạt được Pháp mà Ngài đã giác ngộ". Đại Đức phúc chúc rằng: *"Mong cho ngươi được như vậy".* Đại Đức tụng lên bài kệ hoan hỷ phước, rồi Đại Đức đi đến một nơi mát mẻ, có nước uống, nước rửa tay chân, Ngài ngồi xuống độ cơm.

Vợ Punṇa quay về nhà nấu phần cơm khác cho chồng. Punṇa cày được độ nữa mẫu ruộng, y đói bụng quá, bèn mở bò ra thả đi ăn, rồi vào ngồi trong một bóng mát của một cây to, nhìn ra lộ.

Vợ Punṇa mang cơm ra cho chồng, nhìn thấy Punṇa đang ngồi trong một bóng mát, hướng nhìn ra lộ, tự nghĩ rằng: "Anh ấy đang đói bụng và đang ngồi chờ mình. Nếu anh ấy trách mắng mình: "Sao lâu quá vậy?" và dùng roi đánh mình thì sẽ làm mất lợi ích. Vậy ta hãy lên tiếng trước". Nàng nói với chồng rằng:

- Anh ơi! Hôm nay anh nên phát tâm trong sạch đừng phá tan phần phước mà em đã tạo. Hồi sáng, khi mang cơm ra ruộng cho anh, dọc đường gặp Trưởng Lão Sāriputta, em đã cúng dường phần cơm ấy đến Ngài, rồi trở về nấu lại phần cơm cho anh. Mong anh hãy phát tâm trong sạch đi.

Punṇa hỏi lại: *"Em vừa nói cái chi thế?".* Khi nghe vợ lặp lại, anh hoan hỷ nói rằng: *"Nầy em! Việc mình đã làm là cúng dường đến Đại Đức phần cơm ấy là phải*

lắm. Chính anh cũng đã cúng dường Ngài cây đánh răng cùng nước súc miệng, rửa mặt sáng hôm nay".

Với tâm trong sạch thỏa thích khi nghe vợ nói, Punṇa dùng cơm xong, thân mệt mỏi, Punṇa nằm xuống gác đầu lên đùi vợ mà ngủ.

Khi ấy, thửa ruộng mà Punṇa vừa cày được từ ban sáng, tất cả đất nát đều trở thành vàng sáng rực như một đống hoa Kanikāra.

Khi thức dậy, nhìn thấy cảnh tượng ấy, Punṇa bảo vợ rằng:

- Nầy em! Thửa ruộng hình như hóa thành vàng cả, có lẽ vì anh hoa mắt do đói bụng mà thấy như vậy phải chăng?

- Anh à! Chính em cũng thấy như anh vậy.

Punṇa đứng dậy, đi đến thửa ruộng, cầm lấy cục đất đập vào cán cày, biết đất thành vàng, thì kêu lên: *"May thật, việc đặt bát cúng dường đến Ngài Pháp Chủ đã trổ quả ngay hôm nay. Nhưng bấy nhiêu vàng đây, ta không thể cất hưởng trọn vẹn được.*

Punṇa lấy vàng đựng vào mâm cơm mà vợ anh mang cơm ra cho anh, đi thẳng vào Hoàng cung, chờ được lịnh vua, anh vào yết kiến Đức vua. Đức vua phán hỏi: *"Cái chi đây? Khanh?".*

- Tâu bệ hạ! Hôm nay đất mà thần vừa cày lên bỗng hóa thành vàng, xin Bệ hạ hãy cho chở về Hoàng Cung đi.

- Khanh là ai?

- Dạ! Thần là Punṇa.

- Hôm nay khanh đã làm gì?

- Sáng hôm nay con có cúng dường cây chà răng cùng nước đến Đức Pháp Chủ Sāriputta và vợ con thì cúng dường cơm là phần của con đến Ngài.

Nghe vậy, Đức vua tán thán rằng: Vậy thì, việc cúng dường của khanh đến Đức Sāriputta đã trổ quả rồi đó. Nầy khanh! Giờ đây Trẫm phải làm gì bây giờ?".

- Xin Bệ hạ cho người mang mấy ngàn cỗ xe bò đến ruộng mà chở vàng về.

Đức vua cho người đánh xe bò mang vàng về. Trong khi chất vàng lên xe, các viên chức Triều đình bảo nhau rằng: *"Đây là vàng của Đức vua".* Tự nhiên các thỏi vàng biến thành đất hết. Mọi người lạ lùng, trở về báo lại cho Đức vua biết, Đức vua phán hỏi rằng:

- Thế các khanh đã nói những gì?

- Tâu Bệ hạ! Chúng thần chỉ nói là *"Đây là vàng của Đức vua".*

- Nầy chư khanh! Đó không phải là tài sản của Trẫm, mà là của Punṇa. Hãy đi, khi cầm lên nói rằng *"Đây là tài sản của Punṇa".*

Các quan làm theo lời của Đức vua, tự nhiên những cục đất họ cầm trên tay đều hóa thành vàng. Họ chở tất cả vàng về đổ thành một đống giữa sân rồng, cao đến 80 hắc tay. Đức vua cho triệu tập thị dân vào Hoàng cung và phán hỏi rằng:

- Trong thành nầy, có ai là người có được tài sản như vậy chăng?

- Tâu Bệ hạ! Chẳng có ai cả.

- Vậy nên ban thưởng cái chi cho người có được tài sản như vậy?

- Tâu Bệ hạ! Nên ban thưởng danh vị Trưởng giả cho người ấy.

- Vậy thì Trẫm phong cho Punṇa tước vị Trưởng Giả Bahudhana (Đa Kim).

Rồi Đức vua ân tứ cho Punṇa nhiều phẩm vật với chiếc lọng Trưởng giả. Punṇa tâu với Đức vua rằng:

- Tâu Bệ hạ! Bấy lâu thần ở nương vào gia tộc của Trưởng giả Sumana. Xin Bệ hạ hãy ban nơi ngụ cho Thần đi.

Đức vua chỉ tay về hướng Nam của ngôi nhà Trưởng giả Sumana, ở khoảng đất trống, nói với Punṇa rằng:

- Khanh hãy nhìn theo đây. Về phía tay mặt, khanh thấy có lùm cây rậm rạp. Hãy dọn sạch nơi đó và cất nhà ở đi.

Chỉ vài ngày sau, Punṇa đã cho cất xong ngôi nhà tại chỗ Đức vua ban cho. Nhân dịp khánh thành ngôi biệt dinh cùng với lễ thọ phong danh vị Trưởng giả được cử hành cùng một ngày, Trưởng giả Punṇa cho thỉnh chư Tăng Tỳ khưu có Đức Phật là vị Thượng Thủ đến dự, cúng dường vật thực đến Đức Phật và chư Tăng.

Khi thọ thực xong, Đức Thế Tôn tùy hỷ bằng thời pháp thoại Tuần Tự Pháp (Anupubbe katham). Đứt thời pháp, Trưởng giả Punṇa cùng vợ và con gái là nàng Uttarā, cả ba người chứng đạt Thánh Quả Tu Đà Hườn.

Thời gian sau, Trưởng giả Sumana định cưới tiểu thư Uttarā cho con trai mình, nhưng Punṇa từ chối rằng:

- Tôi không gả con đâu.

Ông Trưởng giả thành Rājagaha năn nỉ rằng:

- Xin ông đừng làm vậy, bấy lâu nay Ngài vẫn ở chung với chúng tôi, nay được phú quý vinh hoa rồi! Xin hãy gả cho con trai tôi đi.

- Ông là người tà kiến. Con gái tôi không thể sống xa Tam Bảo được. Không bao giờ tôi gã con cho con ông được đâu.

Khi ấy, nhiều công tử, Trưởng giả… xúm nhau thuyết phục Punṇa:

- Xin Ngài đừng đoạn tình hữu nghị như vậy, hãy gã con gái cho con trai ông ấy đi.

Sau cùng, Trưởng giả Punṇa chấp thuận lời yêu cầu, chọn ngày rằm tháng Āsakha (tháng 6 âm lịch) để gả con.

Từ ngày Uttarā về nhà chồng, cô không còn được dịp thân cận chư Tăng hoặc Ni, không được cúng dường, đặt bát đến chư Tăng hoặc được nghe Pháp từ các Ngài.

Trải qua hai tháng rưỡi như thế, cô hỏi những nữ tỳ rằng:

- Bây giờ, còn bao nhiêu ngày nữa là ngày ra hạ?

- Thưa cô! Còn nữa tháng nữa.

Nghe vậy, Uttarā liền gởi thư cho cha, nói rằng:

- Tại sao vứt con vào một nhà tà kiến như vậy? Thà bắt con làm nữ tỳ của kẻ khác, còn hơn là gả con về một gia đình tà kiến như vậy. Kể từ ngày con về làm dâu đến nay, con không hề gặp được một vị Tỳ khưu nào cả, hoặc là được cúng dường một lần nào cả.

Khi nhận được thư con gái như thế, Punṇa xót thương nàng Uttarā, than rằng:

"Khổ thân con gái ta thật".

Trưởng giả Punṇa cho con gái mình 15.000 đồng vàng Kahāpana với phong thư có lời dạy rằng: *"Trong thành nầy có nàng kỹ nữ tên là Sirimā, nhận tiếp khách với giá một ngàn đồng vàng mỗi đêm. Với số tiền nầy, con hãy rước nàng về hầu hạ chồng con nữa tháng, để con được rảnh rang làm phước thiện".*

Nàng Uttarā liền cho rước nàng Sirimā đến nhà, bảo với nàng:

- Nầy cô! Cô hãy nhận số tiền nầy và cố gắng tiếp đãi bạn của tôi trong thời gian nữa tháng đi.

- Được thôi.

Nàng Uttarā đưa kỹ nữ Sirimā đến gặp chồng mình. Chồng nàng thấy nàng Sirimā xinh đẹp liền hỏi rằng: *"Có chuyện gì thế?"*.

- Thưa anh! Trong nữa tháng nầy, anh hãy để bạn em hầu hạ anh, còn em muốn được đi nghe Pháp và cúng dường đến Bậc Đạo Sư và Tăng chúng.

Chồng nàng say đắm nhan sắc của Sirimā, nên nhận lời ngay.

Nàng Uttarā liền cung thỉnh Tỳ khưu Tăng có Đức Phật là vị Thượng Thủ, bạch rằng:

- Bạch Ngài! Trong nữa tháng nầy, xin thỉnh Ngài thọ bát tại nhà của con, đừng ngự đến nơi nào khác.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời, nàng Uttarā hoan hỷ nghĩ rằng:

- Từ đây cho đến ngày Lễ Tự Tứ (Pavāranā), ta may mắn nghe được phục vụ Đức Thế Tôn cùng Chư Tăng và được nghe Pháp thoại từ các Ngài.

Nàng Uttarā thường đến nhà bếp dặn dò, chỉ bảo các nữ tỳ rằng:

"Hãy nấu cháo như vậy, hãy nướng bánh như vậy..."

Bây giờ, còn ngày mai nữa là đến ngày Lễ Tự Tứ, chồng nàng chợt nhớ đến nàng Uttarā, nghĩ thầm rằng:

"Chẳng biết nàng Uttarā đang làm gì nhỉ?". Chàng ngó xuống nhà bếp, thấy nàng Uttarā đang tất bật, sửa soạn lễ Trai Tăng để cúng dường đến Đức Phật và chư Tăng vào ngày mai, mình nàng đẫm ướt mồ hôi, đầu cô thì lấm lem tro bụi, chàng nghĩ rằng: *"Cô nầy thật là lảng trí, ở nơi như vậy mà không biết hưởng thụ, lại thỏa thích làm việc hầu hạ mấy ông Sa môn".* Nghĩ vậy, chàng tức cười rồi bỏ đi nơi khác. Thấy vậy, nàng Sirimā hiếu kỳ, đi đến nơi vừa đứng của công tử, nhìn xuống thấy

nàng Uttarā, nàng Sirimā suy nghĩ: *"Chàng ta cười vì thấy được vợ mình là nàng Uttarā, hẳn hai người có tình ý chi đây"*. (Người ta nói rằng: Trong thời gian nữa tháng ấy, trong nhà với vai trò Tiểu thiếp nhưng nàng Sirimā đã quên hẳn đi, cứ ngỡ rằng mình bà chủ nhân của ngôi nhà).

Nàng Sirimā liền cột oan trái với nàng Uttarā rằng:

- Ta sẽ làm cho nó khổ sở mới được.

Từ nhà trên, nàng đi xuống bếp đến nơi chiên bánh, nàng múc một muỗng bơ sôi, đi thẳng đến nàng Uttarā. Thấy nàng Sirimā đi đến, nàng Uttarā suy nghĩ rằng: *"Bạn ta đã giúp ta thật hữu ích! Cõi Sa bà vẫn còn chật hẹp. Cõi Phạm Thiên vẫn còn thấp kém so với ân đức của bạn ta đã giúp ta. Nhờ có cô mà ta được tạo phước cúng dường chư Tăng và nghe Pháp. Nếu như ta có tâm sân hận với nàng thì bơ nầy sẽ làm hại ta, bằng không thì xin cho ta không bị khổ sở do bơ nầy"*. Rồi nàng rải từ tâm đến nàng Sirimā. Tuy bị Sirimā tạt bơ sôi lên đầu, nhưng bơ ấy khi chạm vào nàng thì trở nên nguội lạnh. *"Có lẽ bơ nầy bị nguội"*, nghĩ vậy, Sirimā lại múc một muỗng bơ khác tại vào người Uttarā. Các nữ tỳ trông thấy la lên rằng: *"Hãy cút đi, đồ ác độc. Ngươi đã tạt bơ nóng lên người chủ chúng ta thật không phải lẽ"*. Vừa la hét, vừa xúm nhau lại, các nữ tỳ dùng tay chân đánh đá vào người nàng Sirimā, nàng ta ngã xuống đất, quá bất ngờ, nàng Uttarā không ngăn cản kịp, bèn ngã nằm trên người của Sirimā che cho nàng và đẩy lui bọn nữ tỳ ra. Và nàng khuyên giải rằng: *"Sao bạn lại tạo ác nghiệp nặng như thế?"*.

Nàng Uttarā còn pha nước ấm tắm cho nàng Sirimā, dùng dầu được tinh chế hằng trăm lần xức vào những nơi bầm của nàng Sirimā.

Khi ấy, nàng Sirimā mới ý thức được địa vị của mình nơi nhà ấy, tự nghĩ rằng: *"Ta đã gây tội ác nặng nề, khi ta tạt bơ nóng vào người nàng, khi chồng nàng cười với nàng. Thay vì oán hận ta, bảo bọn nữ tỳ bắt bớ ta, nàng lại dùng thân che chở ta, quát lui nhóm nữ tỳ khi họ đang áp đảo ta, nàng còn pha nước tắm cho ta, thoa xức dầu. Nếu ta không sám hối tội lỗi với nàng, chắc đầu ta sẽ vỡ thành bảy mảnh"*.

Nàng liền mọp dưới chân của Uttarā, nói rằng:

- Xin cô từ bi xá lỗi cho tôi đi.

- Tôi là con có cha, nếu cha tôi tha thứ cho cô thì tôi sẽ tha thứ cho cô.

- Thưa vâng! Xin cô tha lỗi cho tôi đi, rồi tôi sẽ tìm đến Trưởng giả Punṇa xin sám hối nữa.

- Nầy cô! Trưởng giả Punṇa chỉ là cha của tôi trong vòng sinh tử, người cha mà tôi muốn nói là người đã vượt ngoài sinh tử.

- Ai là cha cô? Là người vượt khỏi sanh tử.

- Chính là Đức Chánh Biến Tri.

- Tôi chưa từng được diện kiến với Ngài, tôi phải làm sao đây.

- Ta sẽ đưa nàng đến yết kiến Ngài. Ngày mai Đức Thế Tôn sẽ cùng 500 Tỳ khưu Tăng đến đây. Hãy mang lễ vật tùy theo sức mình đến cúng dường và sám hối cùng với Ngài đi.

- Lành thay! Thưa cô chủ.

Nàng Sirimā đứng dậy, trở về nhà của mình, ra lịnh cho 500 nữ tỳ của nàng phải sẵn sàng chuẩn bị đủ thứ vật thực để cúng dường. Nàng Sirimā đi đến nhà nàng Uttarā nhưng nàng không dám đặt bát cúng dường vật thực đến Đức Phật và chư Tăng. Nàng Uttarā thu nhận tất cả những lễ vật, rồi nàng cúng dường đến Đức Phật và Tăng chúng thế cho nàng Sirimā.

Khi Đức Thế Tôn thọ thực xong, nàng Sirimā cùng 500 nữ tỳ phủ phục dưới chân Ngài xin sám hối tội lỗi, Ngài phán hỏi:

- Con đã phạm lỗi chi?

- Bạch Ngài! Hôm qua con đã làm như thế nầy, thế nầy. Nhưng nàng Uttarā đã ngăn cản nữ tỳ đang áp đảo và hành hạ con, nàng lại còn giúp đỡ cho con nữa. Khi con hối lỗi, xin sám hối với nàng, thì nàng bảo nếu Ngài tha thứ cho con thì nàng mới tha thứ.

- Nầy Uttarā! Con có nói như thế chăng?

- Bạch Ngài có! Hôm qua bạn con đã tạt bơ nóng vào đầu của con.

- Lúc ấy, tâm của con như thế nào?

- Bạch Ngài! Con rải tâm từ đến nàng Sirimā, tự nghĩ rằng: *"Cõi ta bà nầy còn hẹp, cõi Phạm Thiên còn thấy kém so với ân đức của bạn ta. Nhờ nàng Sirimā, ta được dịp cúng dường và nghe pháp từ nơi Đức Thế Tôn và Tăng chúng trọn nữa tháng nay. Nếu như ta có tâm sân hận với nàng thì bơ nầy sẽ làm hại ta, còn như tâm ta không có sân hận với nàng thì bơ sôi nầy không làm phỏng mình ta được".*

- Lành thay! Lành thay. Nầy Uttarā, cần phải thắng phục sự phẫn nộ như vậy. Thật thế, nên thắng phục người nóng giận bằng sự vô sân, nên thắng phục kẻ mắng nhiếc, phỉ báng mình bằng sự từ hòa dịu ngọt. Nên thắng kẻ bỏn xẻn rít rón bằng sự bố thí tài sản của mình. Nên thắng kẻ dối trá hư ngụy bằng sự chân thật.

Nói rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Akkodhena jine kodhaṃ	*"Từ bi thắng sân hận.*
Asādhuṃ sādhunā jine	*Hiền thiện thắng hung tàn.*
Jine kadariyaṃ dānena	*Bố thí thắng xan tham.*
Saccena alikavādinaṃ".	*Chân thật thắng hư ngụy".*

☸

<u>CHÚ GIẢI:</u>

Akkodhena: Gặp người đang nóng giận, con nên lấy tâm từ hòa mà thắng họ.

Asādhu: Gặp người không tốt, con lấy tâm hiền lành mà thắng phục họ. Bởi thế ta mới nói: *"Lấy từ thắng sân hận,... lấy chơn thắng hư ngụy".*

Cuối thời pháp, nàng Sirimā và 500 nữ tỳ chứng đạt Quả Dự Lưu.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Thân nghèo há nghĩ chuyện vui say
Ngày lễ, Punṇa vẫn ráng cày
Bụng đói, giờ trưa mong vợ đến
Đường xa, gối mỏi, sợ chồng đay
Hai người áo rách duyên tròn đủ
Một đống vàng y, quả trổ đầy
Trưởng Giả Đa Kim nhờ Pháp Chủ
Càng tin tưởng, càng nhớ ơn thầy.

***

Dùng tâm mát mẻ thắng tâm sân
Bơ nóng vô mình, chẳng hại thân
Tiểu thiếp ganh chồng toan bỏ nghĩa
Chánh thê mến bạn, cứ hàm ân
Đức hạnh cảm hóa người ngu ác
Đạo cả dung thông kể độn đần
Gái điếm vào dòng thành Phật tử
Nhờ con Bá Hộ giúp tròn nhân.

DỨT TÍCH TÍN NỮ UTTARĀ

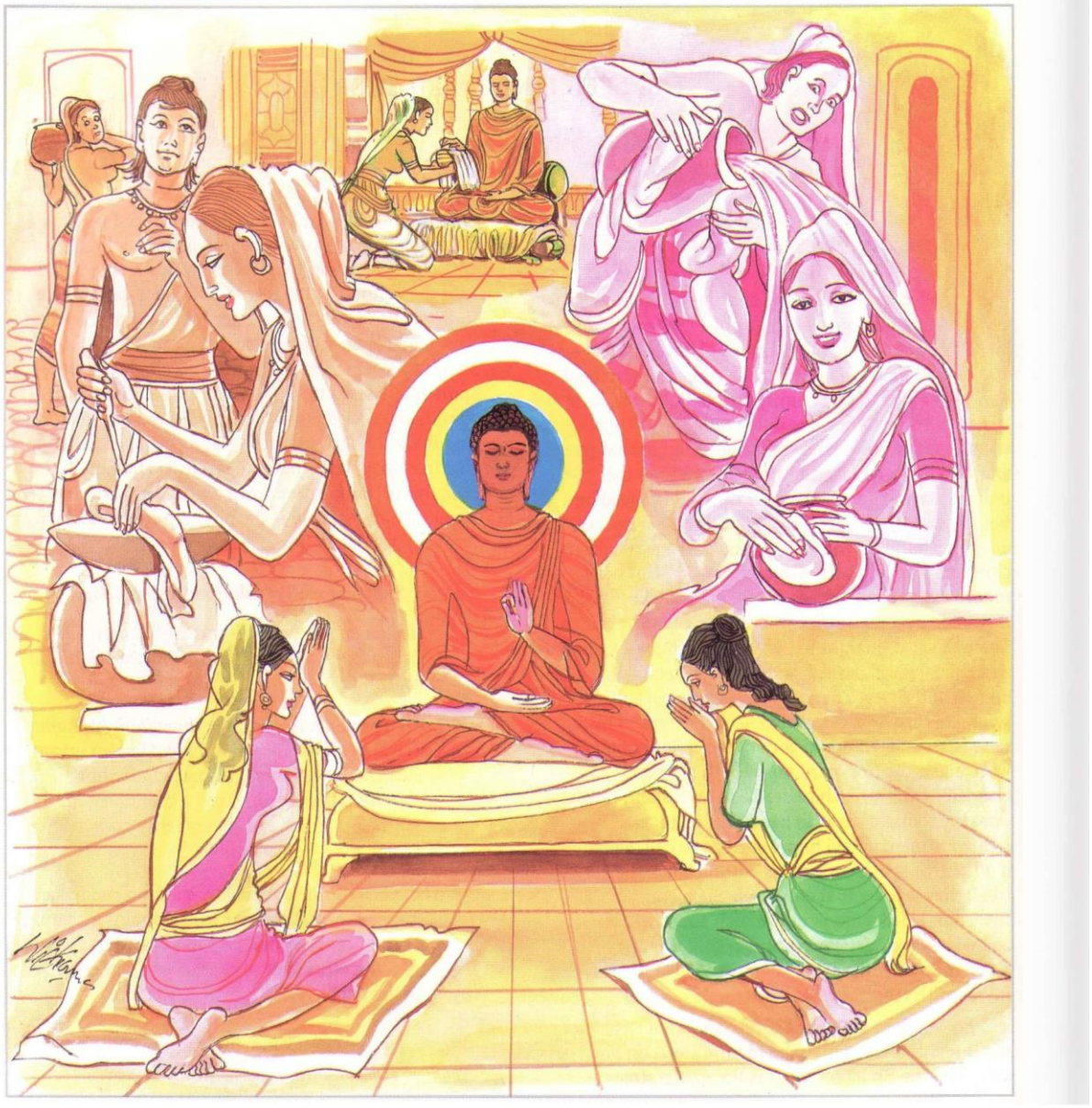

223. Hãy lấy tình thương thắng hận thù, lấy thiện thắng ác, lấy bố thí thắng xan tham và lấy chân thật thắng dối trá.

XVII.4- MOGGALLĀNA VẤN ĐẠO

(Saccaṁ bhaṅe)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 224)

"Saccaṃ bhaṇe na kujjheyya,	***"Nói thật, không phẫn nộ,***
Dajjā appampi, yācito.	***Của ít, thí người xin,***
Etehi tīhi ṭhānehi,	***Nhờ ba việc lành nầy,***
Gacche devāna santike".	***Người đến gần thiên giới".***

Kệ ngôn Pháp Cú nầy Đức Thế Tôn thuyết lên khi Ngài ngự tại Tịnh xá Jetavana, đề cập đến câu hỏi của Trưởng Lão Moggallāna.

Một thuở nọ, Đại Đức đi du ngoạn trên cõi Trời, thấy một Thiên Nữ có nhiều oai lực đang đứng tại cửa đền.

Thiên nữ ấy đi đến đảnh lễ Đại Đức, Đại Đức bèn hỏi rằng:

- Nầy Thiên Nữ! Sự vinh hiển của cô thật lớn thay. Chẳng hay cô đã làm việc chi mà được phước như vậy.

- Bạch Ngài, xin Ngài đừng hỏi tôi việc phước nhỏ nhen ấy.

(Người ta nói rằng: Vì thiên nữ hổ thẹn với phước báu nhỏ nhặt của nàng nên nói thế).

Tuy nhiên, Đại Đức cứ hỏi lại mãi. Sau cùng thiên nữ bèn đáp:

- Tôi chẳng bao giờ biết làm phước bố thí hoặc cúng dường lễ bái, cũng chẳng màng nghe Pháp chi cả. Tất cả việc tôi làm là chỉ giữ lời chân thật mà thôi.

Đại Đức lại lần lượt đi đến các tòa thiên cung khác và hỏi thăm các thiên nữ về thiện nghiệp của các nàng. Tuy giấu quanh như thiên nữ trước, nhưng cuối cùng các nàng cũng thưa rằng:

- Bạch Ngài! Tôi không có làm phước bố thí chi cả. Trong thời Đức Phật Kassapa, tôi là một nữ nô lệ. Chủ tôi là người hung hăng, bạo ngược. Ông ta luôn có ý nghĩ cầm roi đánh hoặc gậy cầm tay đánh bể đầu người khác. Có lắm lúc tôi nổi giận, nhưng lại nghĩ rằng: *"Ông ta là chủ của mầy, ông ta có quyền hỏi tội mầy giữa đại chúng, hoặc xẻo mũi, xẻo tai mầy, mầy không được quyền giận chủ mầy".* Tôi đã tự nguyện khuyến cáo như thế và đã kềm chế được sự nóng giận. Do đó mà tôi được sự vinh hiển nầy.

Một thiên nữ khác bạch rằng:

- Bạch Ngài, thuở trước tôi là người giữ ruộng lúa, tôi có dâng một cây mía đến vị Tỳ khưu…

Cô khác thì: *"Tôi có dâng một trái Timbarasaka[(1)]".*

---

[1] Còn gọi là Tinduka, là cây Dinapuroa thường mọc ở miền nhiệt đới.

Cô khác nói: *"Tôi có dâng trái dưa chuột…"* Cô khác thì: *"Tôi có dâng một nắm trái Nimba*[(1)].

Bằng những lời lẽ như vậy, mỗi thiên nữ cho biết sự cúng dường nhỏ mọn của mình. Tất cả đều kết luận rằng: Do lẽ đó, chúng tôi được sự vinh hiển nầy.

Khi nghe rõ các tiền nghiệp của chư thiên nữ ấy, Đại Đức từ cung trời trở về, đảnh lễ Đức Thế Tôn và bạch hỏi rằng:

- Bạch Ngài! Có thể nào chỉ với lời chân thật, chỉ dập tắt sự nóng giận, chỉ cúng dường vật rất hèn mọn như trái Timbarūsaka…mà được hưởng sự vinh hiển của chư thiên chăng?

- Nầy Moggallāna! Tại sao ngươi còn hỏi Như Lai? Vậy các thiên nữ há chẳng giải rõ cái lý nầy cho ngươi nghe rồi hay sao?

- Vâng! Bạch Ngài, con tin tưởng rằng chỉ làm bấy nhiêu đó cũng có thể hưởng được phước lộc chư thiên.

- Nầy Moggallāna! Dầu chỉ nói lời chân thật, chỉ dứt bỏ sự sân hận, chỉ cúng dường chút ít. Người ấy cũng có thể thọ sanh lên thiên giới được như thế cả.

Nói rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Saccaṃ bhaṇe na kujjheyya,	*"Nói thật, không phẫn nộ,*
Dajjā appampi, yācito.	*Của ít, thí người xin,*
Etehi tīhi ṭhānehi,	*Nhờ ba việc lành nầy,*
Gacche devāna santike".	*Người đến gần thiên giới".*

☸

CHÚ GIẢI:

Saccaṃ bhaṇe: Nói năng, thuyết giảng lẽ thật, trú vững trong sự chân thật.

Na kujjheyya: Đừng giận hờn người khác.

Yācito: Tiếng người ăn xin đây ám chỉ những người xuất gia, có giới đức. Những người tuy không mở miệng xin *"hãy cho chút ít"* nhưng đến tại nhà người cũng có nghĩa là đi xin. Gặp người đi xin có giới đức như vậy, dầu cho chút ít vật thí hãy cho theo sức của mình.

Etehi tīhi: Trong ba việc lành đó, bất cứ việc nào cũng đưa người lên thiên giới cả.

Cuối thời pháp, nhiều Tỳ khưu chứng Thánh Quả, nhất là quả Tu Đà Hườn.

☸

1 Cây ở miền Bắc Ấn Độ, trái hột làm dầu thơm.

Dịch Giả Cẩn Đề

Muốn biết làm sao được thiện duyên
Sanh lên hưởng phước lộc chư thiên
Hãy nghe Phật dạy ba điều thiện
Đúng với lòng tin Đức Mục Liên
Chân thật là nhân sắp đứng đầu
Kể là tắt giận, chớ câu mâu
Sau cùng dâng cúng, tuy rằng ít
Đến bậc ăn xin chẳng vọng cầu.

DỨT TÍCH MOGGALLĀNA VẤN ĐẠO

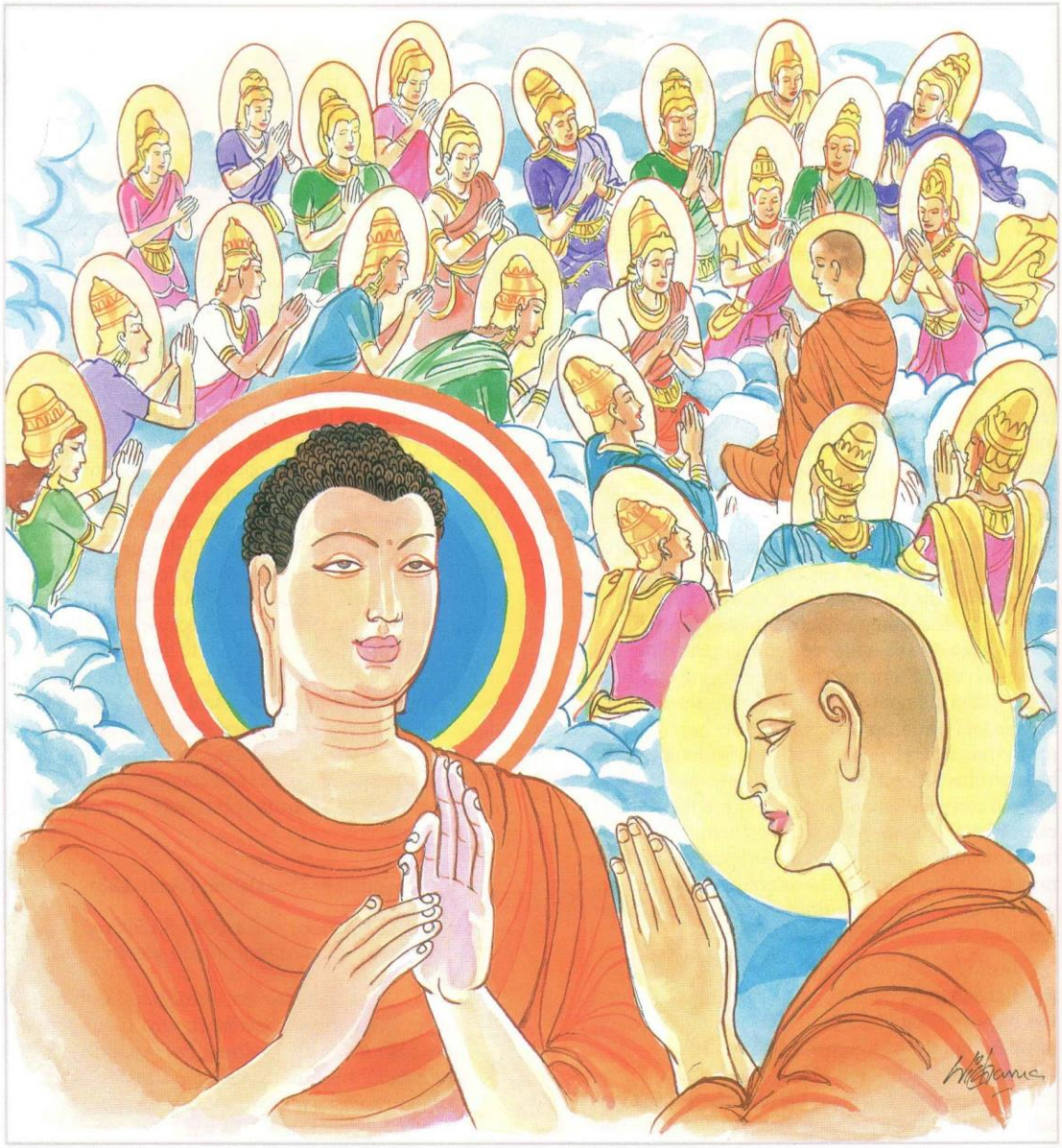

224. Hãy nói chân thật, không phẫn nộ. Khi được cầu xin, hãy bố thí dù có ít ỏi. Đây là con đường lên cõi Thiên.

XVII.5- CHƯ TĂNG VẤN ĐẠO

(Ahimsakā yeti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 225)

"Ahiṃsakā ye munayo,	***"Bậc hiền không hại ai,***
Niccaṃ kāyena saṃvutā.	***Thân thường được chế ngự***
Te yanti accutaṃ ṭhānaṃ,	***Đạt được cảnh bất tử,***
Yattha gantvā na socare".	***Đến đây, không ưu sầu".***

Pháp Cú nầy được Đức Thế Tôn thuyết lên khi Ngài ngự tại Añjanavana, gần thành Sāketa, đề cập đến câu hỏi của vị Tỳ khưu.

Tương truyền rằng: Khi Đức Thế Tôn với đoàn Tăng lữ vào thành Sāketa khất thực, một lão Bà la môn từ trong thành đi ra, gặp Đức Thập Lực, liền nằm mọp xuống dưới chân Ngài, nắm chặt lấy hai cổ chân Ngài và nói rằng:

- Con ơi! Con há chẳng phải có phận sự phụng dưỡng cha mẹ lúc tuổi già ư? Tại sao bấy lâu nay con không về thăm mẹ của con. Mãi đến giờ đây cha mới gặp mặt con. Con hãy trở về thăm mẹ của con.

Ông nắm lấy tay Đức Thế Tôn dắt về nhà mình. Đức Bổn Sư ngự đến đó, ngồi vào chỗ ngồi được soạn sẵn cùng với chư Tỳ khưu.

Bà vợ ông Bà la môn ấy cũng đi đến nằm trước chân Đức Thế Tôn và nói:

- Nầy con ơi! Bấy lâu nay con đi đâu? Con há chẳng phải có phận sự phụng dưỡng cha mẹ lúc tuổi già ư?

Rồi bà bảo các con trai, con gái hãy ra đảnh lễ: *"hãy đảnh lễ anh các con đi"*. Với tâm thỏa thích, hai ông bà cúng dường đến Tăng chúng có Đức Phật là vị Thượng thủ, rồi bạch rằng:

- Bạch Ngài! Xin thỉnh Ngài thường xuyên thọ bát tại nơi đây.

- Nầy Bà la môn! Chư Phật không bao giờ thường xuyên thọ bát ở một nơi như vậy.

"Nếu vậy thì những ai đến thỉnh Ngài, xin Ngài hoan hỷ bảo họ đến với chúng tôi".

Kể từ đó, những người đến thỉnh Đức Thế Tôn, Ngài đều dặn dọ: *"Hãy báo tin cho ông Bà la môn biết nhé"*. Họ đến bảo ông rằng:

- Ngày mai chúng tôi sẽ thỉnh Đức Thế Tôn đến nhà trai tăng.

Hôm sau, ông Bà la môn mang cơm canh từ nhà mình đến nơi ngự của Đức Thế Tôn. Những ngày không có ai thỉnh thì Đức Thế Tôn ngự thọ thực tại nhà của ông bà Bà la môn ấy.

Hai ông bà cúng dường Đức Thế Tôn và nghe pháp từ Đấng Như Lai như thế, thời gian sau chứng đắc quả A Na Hàm.

Chư Tỳ khưu câu hội cùng nhau trong Giảng đường bàn luận:

- Nầy các hiền giả! Ông Bà la môn ấy biết Đức vua Suddhodana là cha và Hoàng hậu Māyā là mẹ Đức Như Lai. Đã biết thế, mà ông bà còn gọi Đức Như Lai là *"Con của chúng ta".* Và Đức Thế Tôn lại chấp nhận như thế chứ? Tại sao vậy nhỉ.

Đức Thế Tôn nghe chư Tăng thắc mắc, bèn giải thích rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Hai ông bà gọi Như Lai là con trai của chúng ta, là hai ông bà đã kêu con của mình thật vậy.

Rồi Ngài dẫn tiền tích rằng: Nầy các Tỳ khưu! Vào thời quá khứ, Bà la môn nầy là cha ta liên tiếp 500 kiếp, làm dượng ta 500 kiếp liên tiếp, làm ông nội ta 500 kiếp liên tiếp. Còn bà Bà la môn đã 500 kiếp liên tiếp là mẹ ta, 500 kiếp làm cô ta, và 500 kiếp liên tiếp làm bà nội ta. Thế là ta được trưởng dưỡng trong tay ông bà Bà la môn một ngàn năm trăm kiếp như thế.

Sau khi giải rõ tiền tích, Đức Thế Tôn ngâm lên kệ ngôn.

Đức Thế Tôn an cư suốt ba tháng hạ, nhờ gia đình ấy hộ độ. Mãn mùa an cư, hai ông bà chứng đạt A La Hán Quả và viên tịch Vô Dư. Thiện tín làm ma chay cúng dường hai ông bà trọng thể, cho xe tang rước thi hài hai ông bà đem ra chỗ hỏa táng. Đức Thế Tôn cũng dắt 500 Tỳ khưu tùy tùng đi đến lò thiêu xác. Đại chúng nghe tin cha mẹ của Đức Phật đã Níp Bàn, rủ nhau ra khỏi thành, đi theo đưa đám. Đức Thế Tôn đứng trong một nhà mồ, gần nơi hỏa táng, nhiều người đến đảnh lễ Ngài xong rồi, tỏ lời phân ưu cùng Ngài rằng:

- Bạch Ngài! Xin Ngài đừng buồn vì cha mẹ mình đã khuất bóng.

Thay vì phản đối họ rằng: *"Chớ nên nói như thế",* Đức Thế Tôn quán xét duyên lành của hội chúng, rồi Ngài thuyết lên pháp thoại hợp cơ tánh căn duyên trong hoàn cảnh đặc biệt nầy.

Đức Thế Tôn thuyết lên Lão Kinh (Jarāsutta). Cuối thời Pháp có tám muôn ngàn chúng sanh chứng đắc Pháp Nhãn. Chư Tỳ khưu không biết ông bà Bà la môn đã viên tịch, nên bạch hỏi Phật:

- Bạch Ngài! Hai ông bà sẽ thọ sanh về nơi nào vậy?

- Nầy các Tỳ khưu! Những bậc Tịnh giả Vô Học như thế không còn cảnh giới tái sanh. Những bậc như thế chỉ có Vô Dư Níp Bàn, là Bất diệt (Accutam) là Bất Tử (Amatam).

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Ahiṃsakā ye munayo,	*"Bậc hiền không hại ai,*
Niccaṃ kāyena saṃvutā.	*Thân thường được chế ngự*
Te yanti accutaṃ ṭhānaṃ,	*Đạt được cảnh bất tử,*
Yattha gantvā na socare".	*Đến đây, không ưu sầu".*

☸

CHÚ GIẢI:

Munayo: Chỉ bậc Tịnh giả Vô học đã đắc Đạo Quả nhờ lối tu hành hoàn hảo.

Kāyena: Lời kinh thì vắn tắt, nhưng theo Lý thì cả ba là thân, khẩu, ý đều phải thu thúc.

Accutaṃ: Bất hoại, thường tồn (massatam)

Ṭhānaṃ: Chỗ vững bền, không xao động, chỗ vĩnh cửu, trường tồn.

Yattha: Nơi đó, ám chỉ Níp Bàn là nơi không còn sầu bi, khóc lóc nữa.

Cuối thời Pháp nhiều vị Tỳ khưu chứng Thánh Quả, nhất là quả Tu Đà Hườn.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Ba ngàn kiếp sống, rõ lâu xa
Ấp ủ tình thâm mẹ với cha
Ai dễ nào quên con, cháu cũ
Dầu nay cách biệt, chẳng chung nhà
Phật không phủ nhận tiếng kêu con
Tình đã phôi pha nghĩa vẫn còn
Độ mẹ cha già xưa khỏi khổ
Ba trăng, bốn Quả kịp vuông tròn.

DỨT TÍCH CHƯ TĂNG VẤN ĐẠO

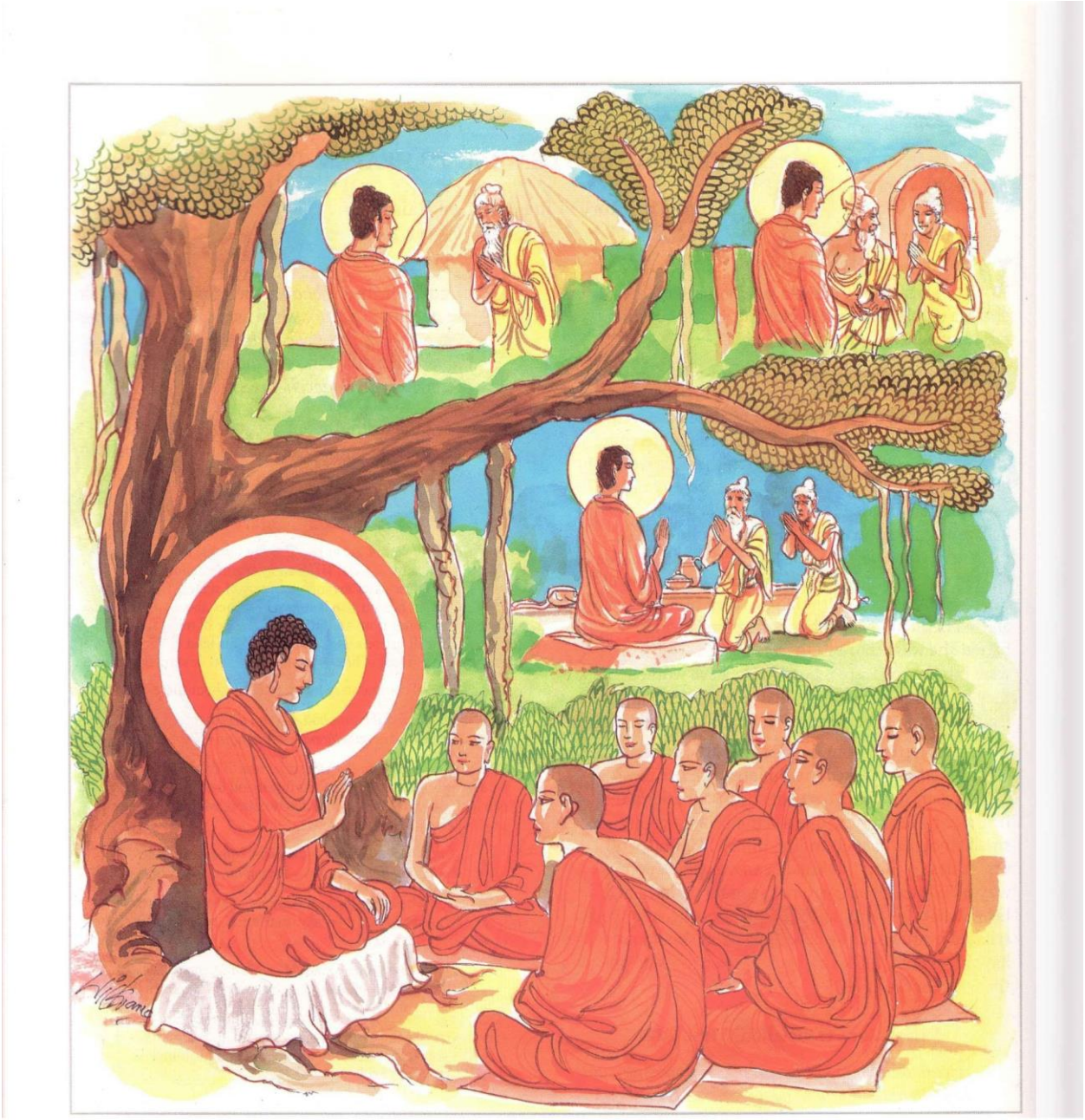

225. Thường xuyên chế ngự bản thân và không hại ai, các bậc trí đạt đến Niết bàn bất tử ly sầu.

XVII.6- NỮ TỲ PUNṆĀ

(Puṇṇadāsīvatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 226)

"Sadā jāgaramānānaṃ,	***"Những người thường giác tỉnh,***
Ahorattānusikkhinaṃ;	***Ngày đêm siêng tu học,***
Nibbānaṃ adhimuttānaṃ,	***Chuyên tâm hướng Niết bàn,***
Atthaṃ gacchanti āsavā".	***Mọi lậu hoặc được tiêu".***

Kệ ngôn nầy được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại núi Gijjhakūta, đề cập đến cô Punṇā là nữ tỳ của Trưởng giả trong thành Rājagaha.

Tương truyền rằng: Một hôm chủ giao cho cô Punṇā đãi lúa rất nhiều. Giã lúa đến tối mịt, cô phải đốt đèn lên. Để nghỉ xả hơi, cô bước ra ngoài để hóng gió cho mát, mình mẩy cô đầm đìa mồ hôi.

Thời ấy, Ngài Dabba Mallaputta là người có phận sự sắp xếp chỗ ngự cho chư Tăng. Sau khi nghe dứt pháp thoại, Ngài nhập hỏa giới, triển khai thần thông ngón tay trỏ của Ngài sáng rực giống như ngọn đuốc cháy sáng, Ngài dẫn đường đưa chư Tăng về nơi chỗ ngụ. Nhờ có ánh sáng từ ngón tay trỏ của Ngài, cô Punṇa trông thấy chư Tăng đi trên núi. Cô tự nghĩ: *"Như ta đây, vì hoàn cảnh khổ ép ngặt, mãi đến giờ nầy chưa ngủ được. Còn mấy Ngài Đại Đức tại sao cũng chưa đi ngủ?"*. Rồi nàng kết luận rằng: *"Trên đó, chắc có vị Tỳ khưu nào bị bịnh hoặc bị tai hại vì rắn rít"*.

Với sự lầm tưởng như vậy, sáng hôm sau cô Punṇā lấy cám nhồi với nước trong lòng bàn tay, làm thành bánh cám nướng lên trên lửa than. Bánh chín, nàng định ăn bánh, nhưng vì còn múc nước nơi bến nước, nên nàng mang theo ra bến nước.

Đức Thế Tôn ngự vào thành khất thực, Ngài gặp nàng Punṇā đang đi ra, nhìn thấy Đức Như Lai, cô nghĩ thầm rằng: *"Trong mấy ngày khác khi gặp Ngài thì không có vật đặt bát, khi có vật đặt bát lại không gặp Ngài. Hôm nay ta có vật đặt bát lại vừa gặp Ngài, nếu Ngài đừng chê khen vật thực dở hay ngon, ta sẽ yêu cầu: Xin Ngài hoan hỷ thọ lãnh, con xin dâng bánh nầy đến Ngài"*.

Để vò nước xuống một bên, nàng Punṇā đảnh lễ Đức Bổn Sư rồi bạch rằng:

"Bạch Ngài! Xin Ngài hoan hỷ thọ lãnh vật thí thô kệch nầy, rồi ban phước tế độ cho con".

Đức Thế Tôn đưa mắt nhìn Đại Đức Ānanda. Đại Đức liền rút cái bát mà Tứ Đại Thiên Vương đã dâng, trao đến Đức Thế Tôn. Ngài đưa bát ra thọ lãnh bánh.

Sau khi đặt bánh vào bát của Đức Thế Tôn, cô Punṇā đảnh lễ Ngài với năm vóc gieo mình xuống đất, nguyện rằng: *"Bạch Ngài, mong sao con chứng đạt được Pháp mà Ngài đã chứng ngộ"*.

Đức Thế Tôn chúc rằng: *"Hãy được như vậy đi"*. Rồi Ngài phúc chúc đến nàng Punṇā. Khi ấy, nàng ấy nghĩ thầm rằng: *"Mặc dầu Đức Thế Tôn thọ bánh và ban phước cho ta, nhưng chắc Ngài sẽ không độ bánh đó đâu. Thế nào rồi khi đến chỗ*

vắng Ngài sẽ ném bỏ bánh ấy cho quạ hay cho chó ăn. Rồi Ngài ngự đến dinh quan Đại thần nào đó để được cơm ngon quý thượng vị".

Với tâm thông Đức Thế Tôn quán xét biết rõ ý nghĩ của Punṇā, Ngài đưa mắt nhìn Đại Đức Ānanda, tỏ ý muốn ngồi. Đại Đức bèn xếp y lót làm tọa cụ dâng lên Ngài, Đức Bổn Sư ngồi ngay gần cổng thành mà thọ thực.

Chư thiên khắp cõi Sa bà ép lấy dưỡng tố (ojā) trời, giống như người ép mật ong, rồi trộn vào trong bánh cám cúng dường đến Đức Đạo Sư. Còn nàng Punṇā thì ngẩn ngơ đứng nhìn Đức Thế Tôn thọ thực. Khi Đức Thế Tôn thọ thực xong, Đại Đức Ānanda dâng nước đến Ngài, rồi Ngài gọi Punṇā đến hỏi rằng:

- Nầy Punṇā! Vì sao cô lại chỉ trích các Thinh Văn của Như Lai.

- Bạch Ngài! Con đâu dám chỉ trích các Ngài.

- Đêm qua cô đã nghĩ gì khi nhìn thấy Thinh Văn của Như Lai?

- Bạch Ngài! Con chỉ nghĩ rằng: *"Như ta vì hoàn cảnh ép buộc nên giờ nầy chưa thể đi ngủ được, còn chư Đại Đức vì sao chưa đi ngủ? Chắc có vị nào bị bịnh hay bị tai hại vì loài bò sát chăng?".*

- Nầy Punṇā! Nàng vì hoàn cảnh không ngủ được, còn Thinh Văn của Như Lai sở dĩ không ngủ được là vì phải tinh tấn giác tỉnh luôn luôn.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Sadā jāgaramānānaṃ,	*"Những người thường giác tỉnh,*
Ahorattānusikkhinaṃ;	*Ngày đêm siêng tu học,*
Nibbānaṃ adhimuttānaṃ,	*Chuyên tâm hướng Niết bàn,*
Atthaṃ gacchanti āsavā".	*Mọi lậu hoặc được tiêu".*

☸

CHÚ GIẢI:

Ahorattānusikkhinaṃ: Cả ngày lẫn đêm đều lo tu tập Giới, Định, Tuệ

Nibbānaṃ adhimuttānaṃ: Chú ý trọn vẹn vào đối tượng Níp Bàn.

Atthaṃ gacchanti: Nơi những người như vậy, tất cả các lậu hoặc đều hoại diệt, trở thành không.

Cuối thời pháp, nữ tỳ Punṇā chứng đắc Dự Lưu Quả ngay tại chỗ đang đứng. Kỳ dư hội chúng thính pháp đều được hưởng lợi ích.

Sau khi độ xong bữa ngọ với bánh cám nướng trên lửa hồng, Đức Thế Tôn trở về Tịnh Xá. Chư Tỳ khưu câu hội tại Giảng đường, bàn luận cùng nhau rằng:

- Nầy chư đạo hữu! Khó thay là việc làm của Đức Chánh Biến Tri đã làm, Ngài đã độ xong bữa ngọ với bánh cám nướng của nàng nữ Tỳ Punṇā cúng dâng.

Đức Bổn Sư ngự đến phán hỏi rằng: *"Này các Tỳ Khưu! Hôm nay các thầy đang luận bàn về vấn đề gì thế?".*

- Bạch Ngài, chuyện nầy…

Nghe xong, Đức Thế Tôn dạy rằng: *"Nầy các Tỳ khưu, không phải chỉ hiện nay thôi. Xưa kia Ta cũng đã thọ thực bằng bánh cám của nàng nầy dâng cúng như thế rồi".*

Nói đoạn, Ngài ngâm lên bài kệ dẫn chứng tích xưa rằng:

Đức Bổn Sư thuật lại chi tiết trong Bổn Sanh Kundaksindhavapotaka (Jātaka 234)

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Bàn thiền đêm vắng rọi đồi cao
Tăng chúng giờ khuya vẫn thức thao
Khiến gái Punnā lòng thắc mắc
"Có khi rắn cắn vị Sư nào?"
Người ta tinh tấn mãi hành thiền
Há dám chờ đêm để ngủ yên
Giác ngộ lý nầy, cô tớ gái
Tự nhiên đắc quả Nhập Lưu liền.
Xuống độ dân nghèo đủ thiện căn
Bánh thô, cám nướng Phật ưng ăn
Đời nay chiếu lại phim tuồng cũ
Nào có chi mà gọi khó khăn.

DỨT TÍCH NỮ TỲ PUNṆĀ

☸

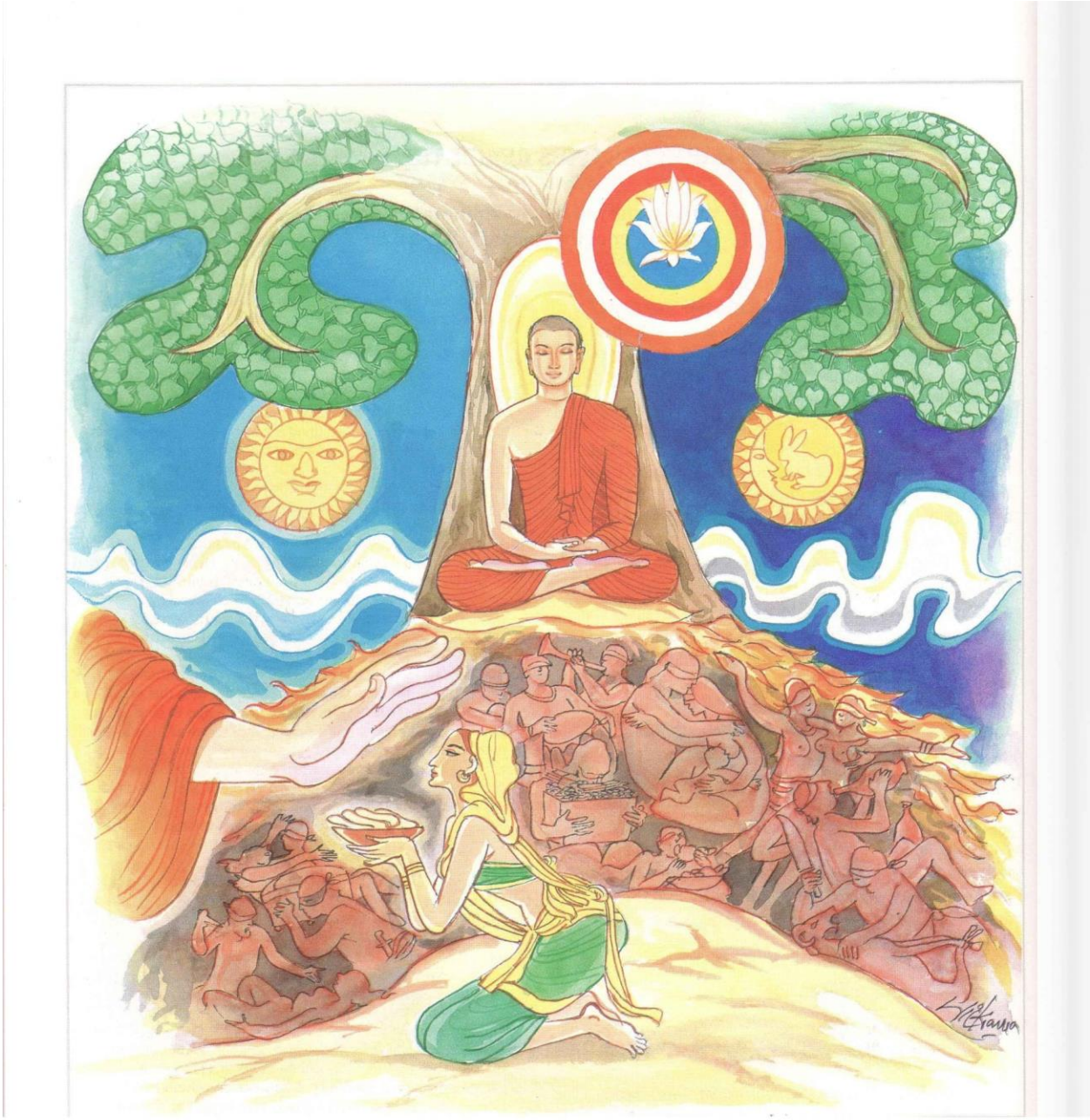

226. Luôn luôn tỉnh giác tu tập suốt ngày đêm, những vị tầm cầu Niết bàn được giải thoát mọi lậu hoặc.

XVII.7- THIỆN NAM ATULA

(Porāṇāmatanti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 227-228-229-230)

227.“Porāṇametaṃ atula,	***“A-tu-la, nên biết,***
Netaṃ ajjatanāmiva;	***Xưa vậy, nay cũng vậy,***
Nindanti tuṇhimāsīnaṃ,	***Ngồi im, bị người chê,***
Nindanti bahubhāṇinaṃ;	***Nói nhiều, bị người chê,***
Mitabhāṇimpi nindanti,	***Nói vừa phải, bị chê.***
Natthi loke anindito”.	***Làm người không bị chê,***
	Thật khó tìm ở đời”.
	(Tỳ khưu Pháp Minh)
228. Na cāhu na ca bhavissati	***Xưa, vị lai,và nay,***
na cetarahi vijjati,	***Đâu có sự kiện này,***
ekantaṃ nindito poso	***Người hoàn toàn bị chê,***
ekantaṃ vā pasaṃsito.	***Người trọn vẹn được khen.***
229. Yañce viññū pasaṃsanti	***Sáng sáng, thẩm xét kỹ,***
anuvicca suve suve,	***Bậc có trí tán thán,***
acchiddavuttiṃ medhāviṃ	***Bậc trí không tỳ vết,***
paññāsīlasamāhitaṃ.	***Đầy đủ giới định tuệ.***
230. Nekkhaṃ jambonadasseva	***Hạnh sáng như vàng ròng,***
ko taṃ ninditumarahati,	***Ai dám chê vị ấy?***
devā pi naṃ pasaṃsanti	***Chư thiên phải khen thưởng,***
brahmunā pi pasaṃsito.	***Phạm Thiên cũng tán dương.***
	(HT Minh Châu)

Pháp Cú nầy Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Tịnh xá Jetavana, đề cập đến cận sự nam Atula.

Atula là một thiện nam cư ngụ trong thành Sāvatthī, đứng đầu một nhóm 500 thiện nam khác. Một hôm, ông ta dẫn đoàn tùy tùng của mình đi chùa nghe pháp. Muốn nghe Đại Đức Revata thuyết pháp, ông đến đảnh lễ Đại Đức rồi ngồi xuống chờ đợi. Nhưng Đại Đức giữ hạnh độc cư, thỏa thích ở nơi thanh vắng một mình như sư tử chúa, bởi thế, Ngài chẳng thuyết chi đến thiện nam Atula cả.

Ông ta nổi giận đứng dậy nói: *“Đại Đức nầy không có gì để thuyết cả”.* Rồi ông ta đến với Đại Đức Sāriputta đứng nép qua một bên sau khi đã đảnh lễ Ngài.

- Nầy cận sự nam! Ông đến đây với ý gì?

- Bạch Ngài! Con đưa những thiện nam nầy đi nghe Pháp và dẫn gặp Ngài Revata. Nhưng vị ấy chẳng có chi để thuyết cho con nghe cả, nên con giận bỏ đi đến gặp Ngài. Xin Ngài hãy thuyết pháp cho chúng con nghe.

- Nếu vậy, các ngươi hãy ngồi xuống, lắng tâm nghe pháp.

Đại Đức liền thuyết về Vi Diệu Tạng. Atula suy nghĩ: *"A Tỳ Đàm luận rất là sâu xa, tế nhị, thế mà Đại Đức giải dài dòng, nào có ích lợi gì cho chúng ta đâu".*

Tâm ông phát sân hận, liền dẫn đoàn tùy tùng đi tìm Đại Đức Ānanda. Đại Đức hỏi:

- Cái gì thế? Nầy ông thiện nam.

- Bạch Ngài! Chúng con tìm đến Đại Đức Revata nghe pháp, nhưng chẳng nghe được lời nào cả. Chúng con bỏ đi tìm đến Đại Đức Sāriputta, Đại Đức lại thuyết quá nhiều về Vi Diệu Tạng, pháp nầy rất vi tế sâu xa, có ích gì cho chúng con đâu. Nên chúng con bỏ Ngài Sāriputta đi đến đây. Bạch Ngài! Xin Ngài hoan hỷ thuyết pháp cho chúng con nghe đi.

- Nếu vậy, các người hãy ngồi xuống nghe Pháp đi.

Đại Đức Ānanda thuyết lên thời Pháp ngắn, nhưng giải thật rành mạch cho hội chúng dễ hiểu. Nhưng họ cũng không hài lòng, bỏ đi tìm đến Đức Đạo Sư, đảnh lễ Ngài xong rồi, ngồi nép một bên. Đức Thế Tôn phán hỏi:

- Nầy các cận sự! Vì sao các ngươi đến đây?

- Bạch Ngài, chúng con muốn nghe Pháp.

- Nhưng các ngươi đã được nghe Pháp rồi mà.

- Bạch Ngài! Ban đầu chúng con đến Ngài Revata, nhưng Đại Đức chẳng thuyết chi cả. Giận Đại Đức chúng con tìm đến Đại Đức Sāriputta, thì Đại Đức thuyết quá nhiều về Vi Diệu Tạng, chúng con nghe không thấu. Chúng con lại tìm đến Đại Đức Ānanda, nhưng Đại Đức lại thuyết cho chúng con nghe thời Pháp ngắn ngủi, chúng con lại bất mãn rủ nhau đến đây.

- Nầy Atula! Từ xưa đến giờ con người vẫn có thói quen chê trách kẻ lặng thinh, kẻ nói nhiều và kẻ ít nói như vậy rồi. Không một ai là khỏi bị chê trách hoặc là khỏi bị khen ngợi. Dầu là vua chúa đi nữa vẫn có người chê trách và vẫn có người khen tặng. Cho đến địa đại, mặt trăng, mặt trời, hư không hoặc ngay Đấng Chánh Biến Tri đang ngồi thuyết pháp giữa hội chúng, cũng có một số người chê và một số người khen. Sự chê và khen của kẻ ngu si thì không giới hạn. Nhưng các bậc hiền trí, hàng thức giả thì chê đáng gọi là chê, khen đáng gọi là khen.

Nói rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

227."Porāṇametaṃ atula, Netaṃ ajjatanāmiva; Nindanti tuṇhimāsīnaṃ, Nindanti bahubhāṇinaṃ; Mitabhāṇimpi nindanti, Natthi loke anindito".	*"A-tu-la, nên biết,* *Xưa vậy, nay cũng vậy,* *Ngồi im, bị người chê,* *Nói nhiều, bị người chê,* *Nói vừa phải, bị chê.* *Làm người không bị chê,* *Thật khó tìm ở đời".* *(Tỳ khưu Pháp Minh)*
228. Na cāhu na ca bhavissati na cetarahi vijjati,	*Xưa, vị lai,và nay,* *Đâu có sự kiện này,*

ekantaṃ nindito poso ekantaṃ vā pasaṃsito.	*Người hoàn toàn bị chê,* *Người trọn vẹn được khen.*
229. Yañce viññū pasaṃsanti anuvicca suve suve, acchiddavuttiṃ medhāviṃ paññāsīlasamāhitaṃ.	*Sáng sáng, thẩm xét kỹ,* *Bậc có trí tán thán,* *Bậc trí không tỳ vết,* *Đầy đủ giới định tuệ.*
230. Nekkhaṃ jambonadasseva ko taṃ ninditumarahati, devā pi naṃ pasaṃsanti brahmunā pi pasaṃsito.	*Hạnh sáng như vàng ròng,* *Ai dám chê vị ấy?* *Chư thiên phải khen thưởng,* *Phạm Thiên cũng tán dương.* *(HT Minh Châu)*

☸

CHÚ GIẢI:

Porāṇametaṃ (Purānakaṃ etaṃ) chuyện ấy đã xưa, đã có từ xưa.

Atula: Tên gọi cận sự nam.

Netaṃ ajjatanāmiva: Chuyện chê hay khen nầy không phải vừa mới sanh lên đâu. Quả vậy, người làm thinh thì bị chê rằng: Ông đó cứ ngồi làm thinh hoài, giống như câm, như điếc, như không biết chi hết vậy. Người nói nhiều cũng bị chê rằng: *"Ông nầy sao cứ nói lòng vòng mãi, không có chỗ tận cùng, giống như gió thổi qua tàu lá thốt nốt vậy".* Người nói quá ít cũng bị chỉ trích rằng: *"Ông nầy nói có một hai tiếng rồi làm thinh, tưởng như lời nói của mình là vàng bạc vậy".* Như thế thì khắp nơi trên thế giới, không đâu không có người bị chê trách.

Na cāhu: Trong quá khứ không có, trong hiện tại cũng không có, trong tương lai cũng sẽ không có.

Yañce viññū: Việc chê hay khen của hạng người ngu xuẩn không giới hạn. Còn việc nào mà bậc hiền trí hằng quán xét biết rõ là việc chê hay khen, rồi mới chê hoặc khen. Đó là việc khen chê đúng đắn.

Acchiddavattim: Có đầy đủ sự nuôi mạng thanh tịnh và học giới không sứt mẻ. Bậc trí quả (kedhavī) là bậc có đầy đủ trí tuệ và hương vị chánh pháp. Bậc hiền trí khen ngợi bậc đã thanh lọc, bậc không ô nhiễm, như đồng tiền vàng sáng chói. Ai dám chê bậc ấy?

Davāpi: Dầu là chư thiên hay nhân loại hiền trí đều tán dương bậc trí giả ấy.

Bhāṇimpi: Chẳng những nhân thiên mà thôi, luôn cả Đại Phạm Thiên trong 10 ngàn thế giới cũng khen ngợi vị ấy nữa.

Cuối thời pháp, 500 cận sự nam chứng đắc quả Tu Đà Hườn.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Nói nhiều, nói ít, hoặc làm thinh
Đều bị cười chê, chẳng vị tình
Ví gặp nhà Vua hay Đức Phật
Nhưng ông ngã mạn vẫn xem khinh
Miệng thế gièm pha khó liệu lường
Tỳ khưu giới hạnh ráng tìm nương
Gặp ai cao kiến, nên cầu học
Hạnh sáng như vàng, Phật tán dương.
Dắt dẫn người nghe Pháp nhiệm mầu
Sao lòng tự mãn cứ câu mâu
Năm trăm thính giả nhờ không giận
Qua mặt "ĀGHĀ" chứng quả mầu.

DỨT TÍCH THIỆN NAM ATULA

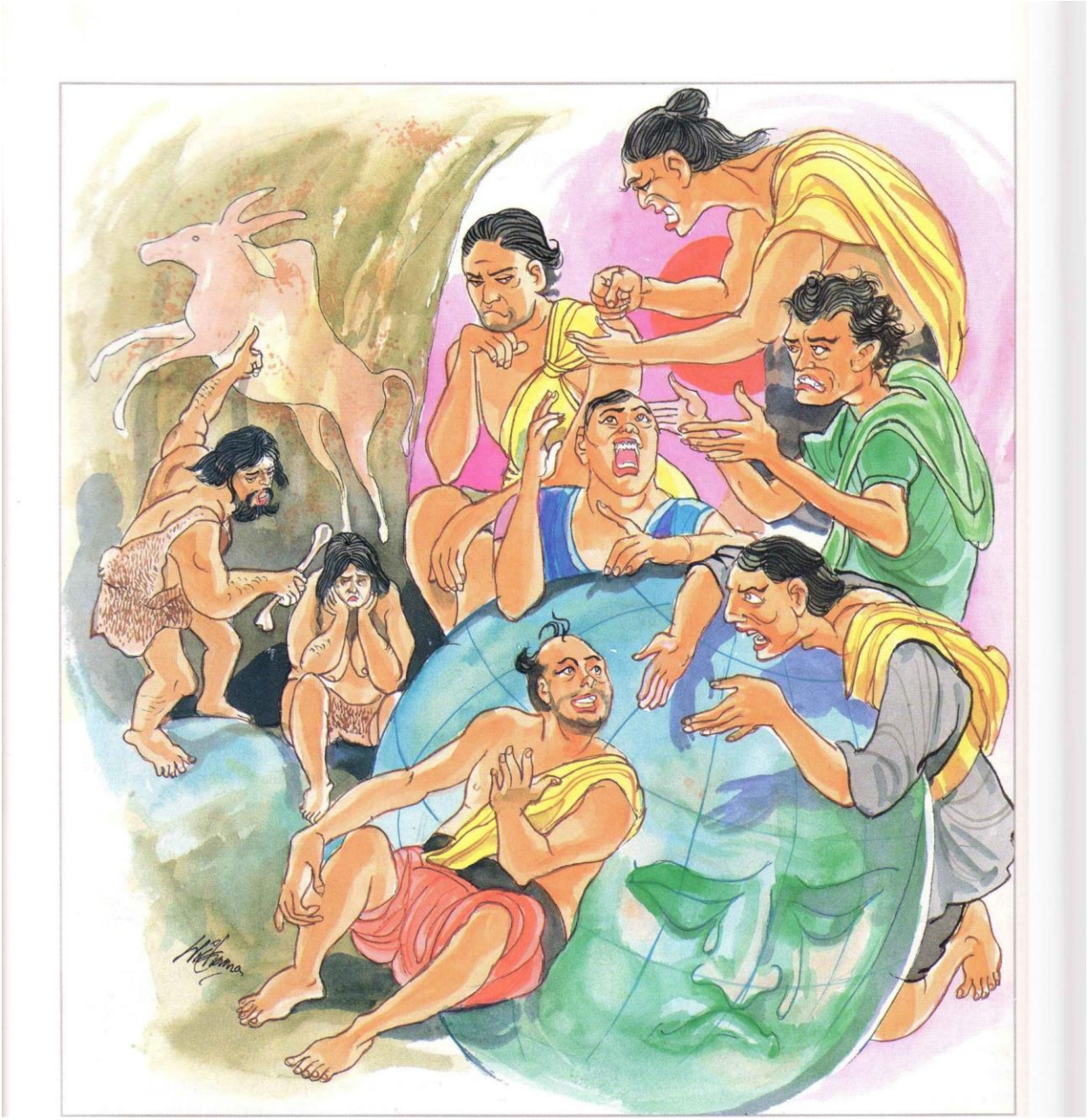

227. Rằng không nói gì đã bị chê trách, rằng nói cho nhiều cũng bị chê trách, rằng nói ít thôi vẫn bị chê trách.

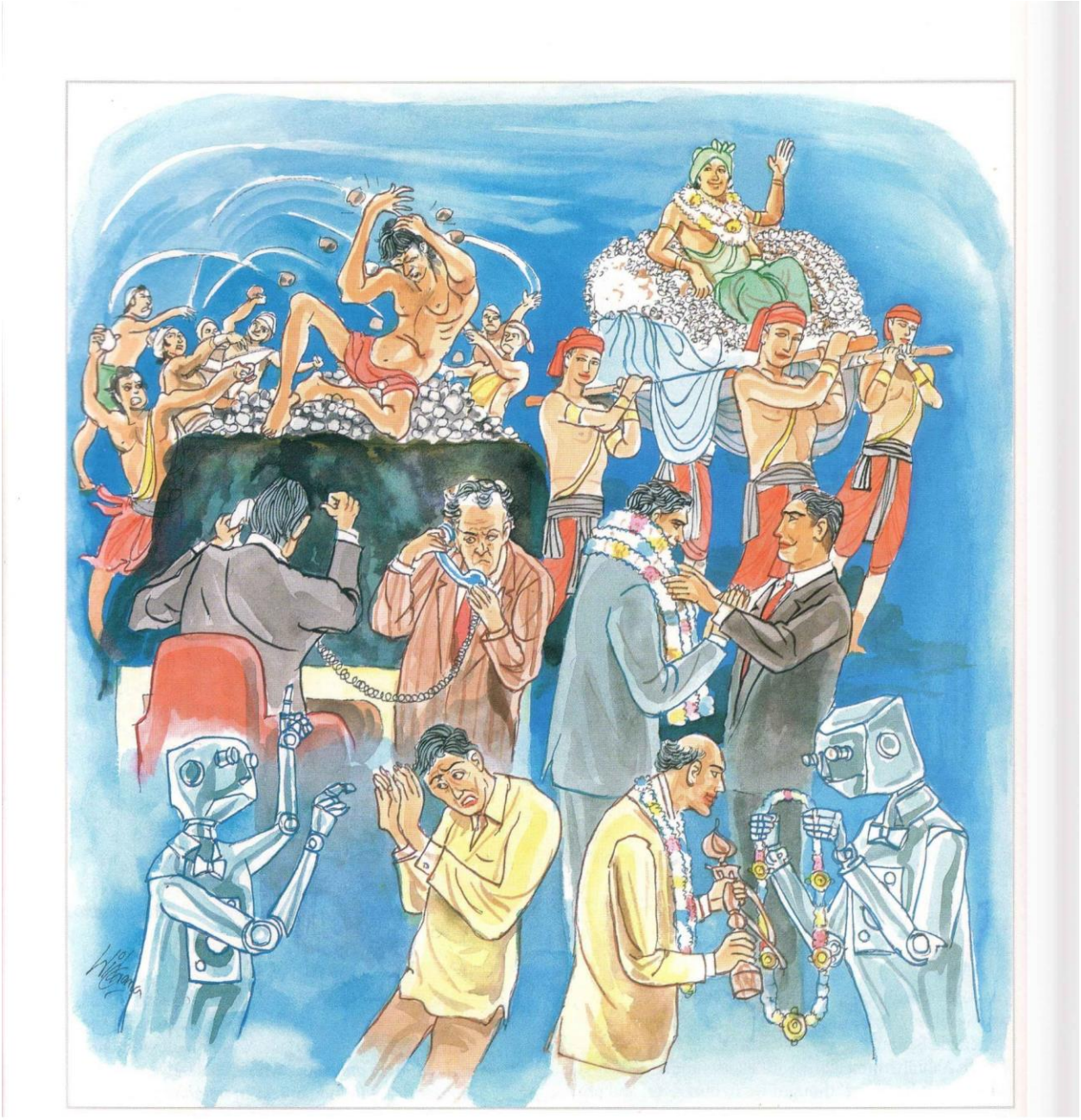

228. Ở trên đời nầy khó mà có được ai đó không bị chê trách điều gì.

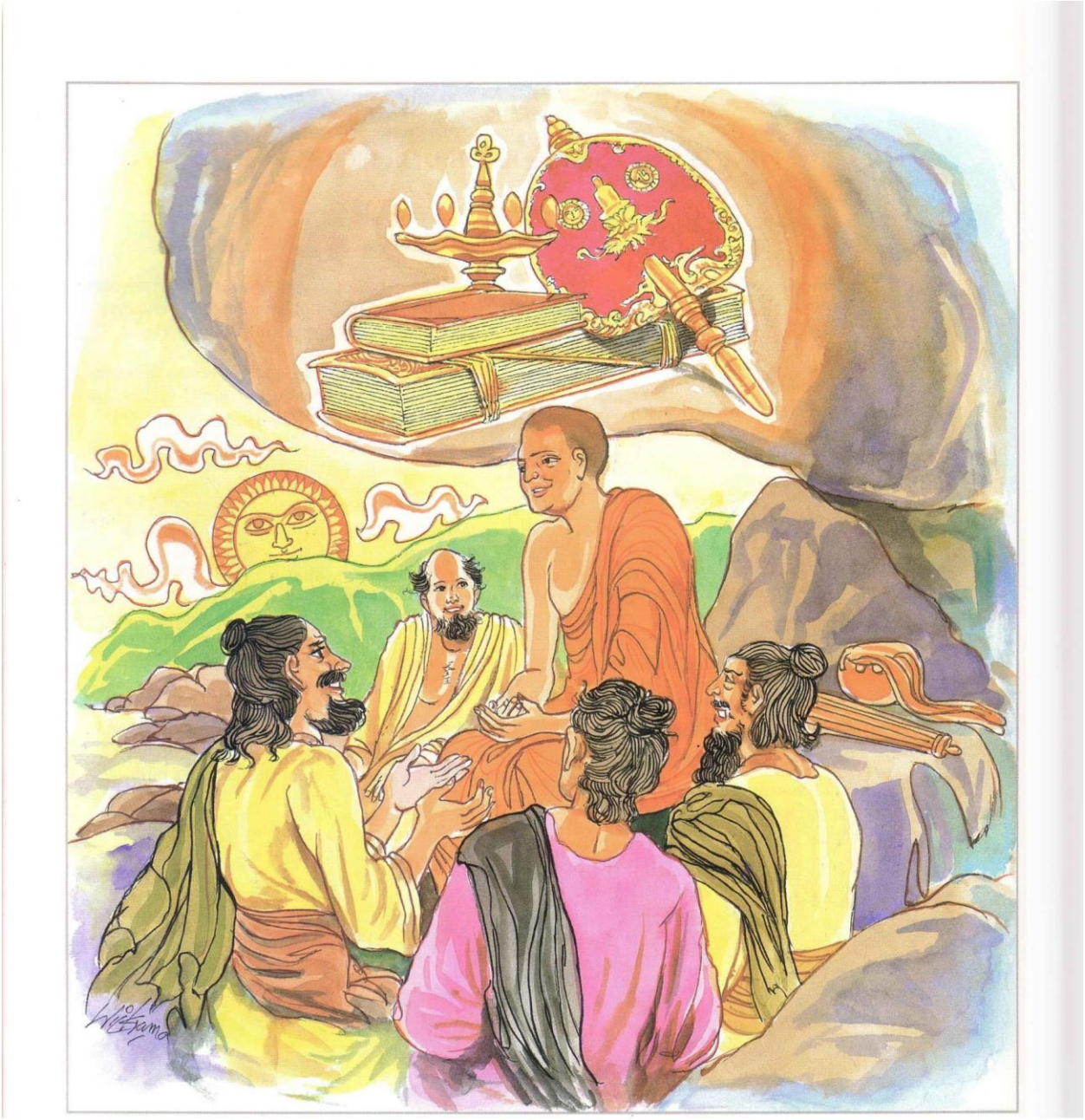

229. Sau khi xem xét ngày ngày, những người tri thức ngợi khen vị có hành vi không bị sứt mẻ, sáng suốt, được đầy đủ trí tuệ và giới hạnh.

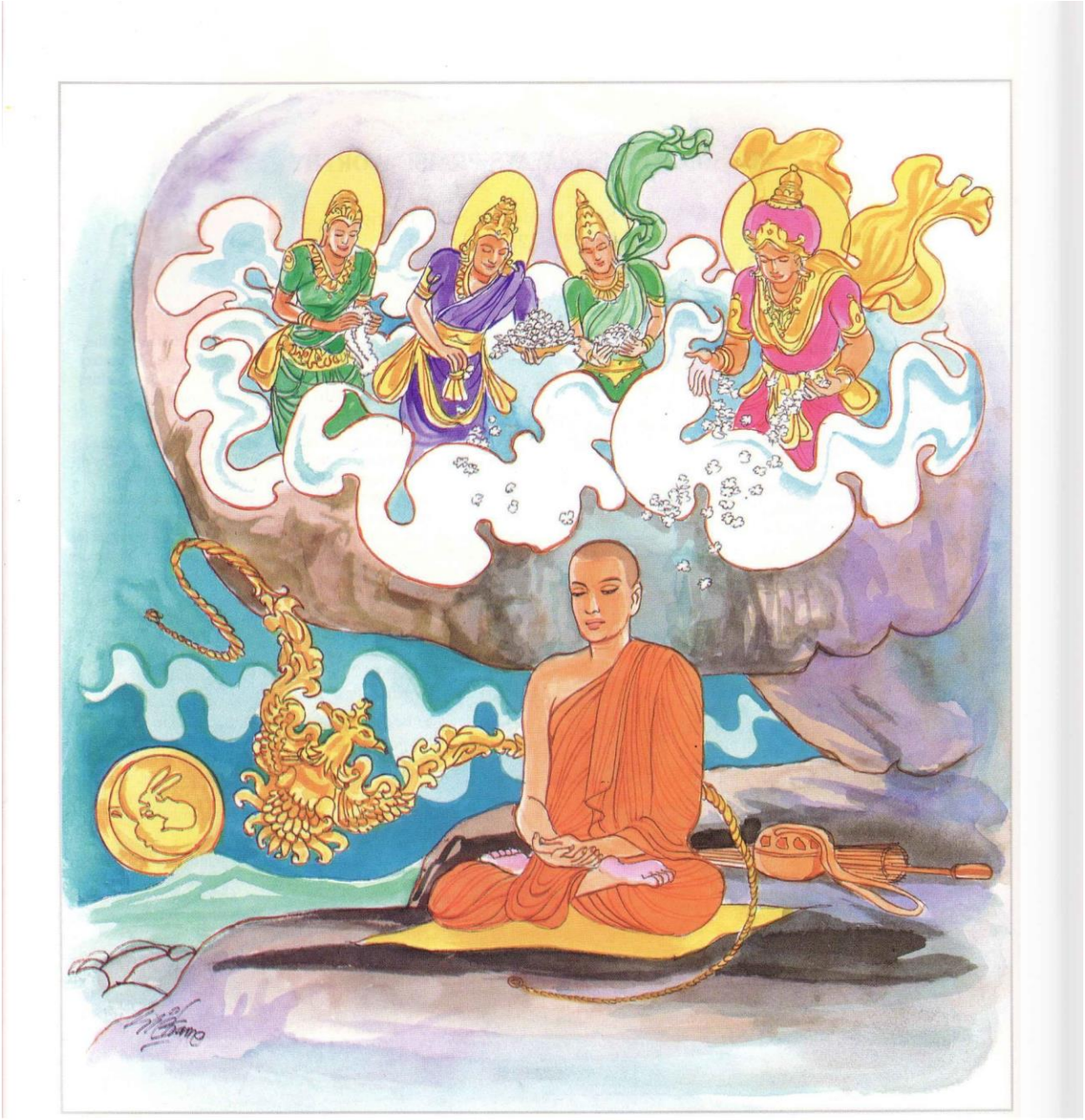

230. (Vị ấy) tợ như đồng tiền bằng vàng ròng, ai xứng đáng để chê vị ấy? Chính chư Thiên cũng khen ngợi vị ấy. Vị ấy còn được khen ngợi bởi Phạm Thiên.

XVII.8- NHÓM TỲ KHƯU LỤC SƯ

(Kāyappakopanti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 231-232-233-234)

231. "Kāyappakopaṃ rakkheyya,	***"Giữ thân đừng phẫn nộ,***
Kāyena saṃvuto siyā;	***Phòng thân khéo bảo vệ,***
Kāyaduccaritaṃ hitvā,	***Từ bỏ thân làm ác,***
Kāyena sucaritaṃ care".	***Với thân làm hạnh lành".***
232. Vacipakopaṃ rakkheyya,	***Giữ lời đừng phẫn nộ,***
Vācāya saṃvuto siyā,	***Phòng lời khéo bảo vệ,***
Vacīduccaritaṃ hitvā,	***Từ bỏ lời thô ác,***
Vācāya sucaritaṃ care.	***Với lời, nói điều lành.***
233. Manopakopam rakkheya,	***Giữ ý đừng phẫn nộ,***
Vācāya saṃvuto siyā,	***Phòng ý khéo bảo vệ,***
Vacīduccaritaṃ hitvā,	***Từ bỏ ý nghĩ ác,***
Vācāya sucaritaṃ care.	***Với ý, nghĩ hạnh lành.***
234. Kāyena saṃvutā dhīvā,	***Bậc trí bảo vệ thân,***
Atho vācāya saṃvuta dhīrā,	***Bảo vệ luôn lời nói,***
Manasā saṃvuta dhīrā,	***Bảo vệ cả tâm tư,***
Te ve suparisaṃvutā.	***Ba nghiệp khéo bảo vệ.***

Pháp Cú nầy được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Veḷuvana, đề cập đến nhóm Lục Sư Tỳ khưu.

Một hôm, nhóm Lục Sư mang guốc, tay cầm gậy đi khua trên đường kinh hành. Đức Bổn Sư nghe tiếng guốc khua lộp cộp, Ngài hỏi Đại Đức Ānanda rằng:

- Nầy Ānanda! Tiếng kêu chi thế?

- Bạch Ngài! Nhóm Lục Sư mang guốc gỗ đi kinh hành, mới có tiếng khua lộp cộp vậy.

Nhân dịp nầy, Đức Thế Tôn chế định học giới, dạy rằng:

"Vị Tỳ Khưu cần giữ gìn thân, khẩu, ý của mình".

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

231. "Kāyappakopaṃ rakkheyya,	*"Giữ thân đừng phẫn nộ,*
Kāyena saṃvuto siyā;	*Phòng thân khéo bảo vệ,*
Kāyaduccaritaṃ hitvā,	*Từ bỏ thân làm ác,*
Kāyena sucaritaṃ care".	*Với thân làm hạnh lành".*
232. Vacipakopaṃ rakkheyya,	*Giữ lời đừng phẫn nộ,*
Vācāya saṃvuto siyā,	*Phòng lời khéo bảo vệ,*
Vacīduccaritaṃ hitvā,	*Từ bỏ lời thô ác,*
Vācāya sucaritaṃ care.	*Với lời, nói điều lành.*

233. Manopakopam rakkheya, Vācāya saṃvuto siyā, Vacīduccaritaṃ hitvā, Vācāya sucaritaṃ care.	*Giữ ý đừng phẫn nộ,* *Phòng ý khéo bảo vệ,* *Từ bỏ ý nghĩ ác,* *Với ý, nghĩ hạnh lành.*
234. Kāyena saṃvutā dhīvā, Atho vācāya saṃvuta dhīrā, Manasā saṃvuta dhīrā, Te ve suparisaṃvutā.	*Bậc trí bảo vệ thân,* *Bảo vệ luôn lời nói,* *Bảo vệ cả tâm tư,* *Ba nghiệp khéo bảo vệ.*

CHÚ GIẢI:

Kāyappakopaṃ: Hãy ráng giữ ba thân ác hạnh (sát sanh, trộm cắp, tà dâm).

Kāyena saṃvuto: Sau khi ngăn chặn lối vào ác hạnh trong thân môn, có được sự thu thúc, sự đóng chặt các môn rồi, là đã dứt bỏ thân ác hạnh, chỉ con thân thiện hạnh. Con người làm được hai việc (cải ác, tùng thiện) một lúc. Bởi vậy mới nói: Xa lìa thân làm ác, dùng thân làm hạnh lành.

Trong những bài kệ tiếp theo về thân khẩu ý ta cũng nên hiểu theo ý như vậy.

Kāyena samvutā dhīrā: Bậc hiền trí không phạm giới sát, đạo, dâm, gọi là đã điều phục thân, không phạm giới vọng ngữ, lượng thiệt, thô ngữ, hý ngữ gọi là đã điều phục khẩu không tham, sân, tà kiến gọi là đã điều phục ý. Các bậc ấy là những bậc khéo tự điều phục, khéo tự giữ gìn, khéo thu thúc, đóng chặt lục căn trong thế gian nầy vậy.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khưu chứng đạt Thánh Quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Sáu Sư mang guốc, gậy cầm tay.
Đạp đá kinh hành, khiến Phật hay
Dạy chúng Tăng gìn thân, khẩu, ý
Ngài ban việc cấm chuyện thày lay.

DỨT TÍCH NHÓM TỲ KHƯU LỤC SƯ

ꕥ☸ꕥ

DỨT TÍCH PHẨN NỘ - KODHA VAGGA

DỨT PHẨM 17

ꕥ☸ꕥ

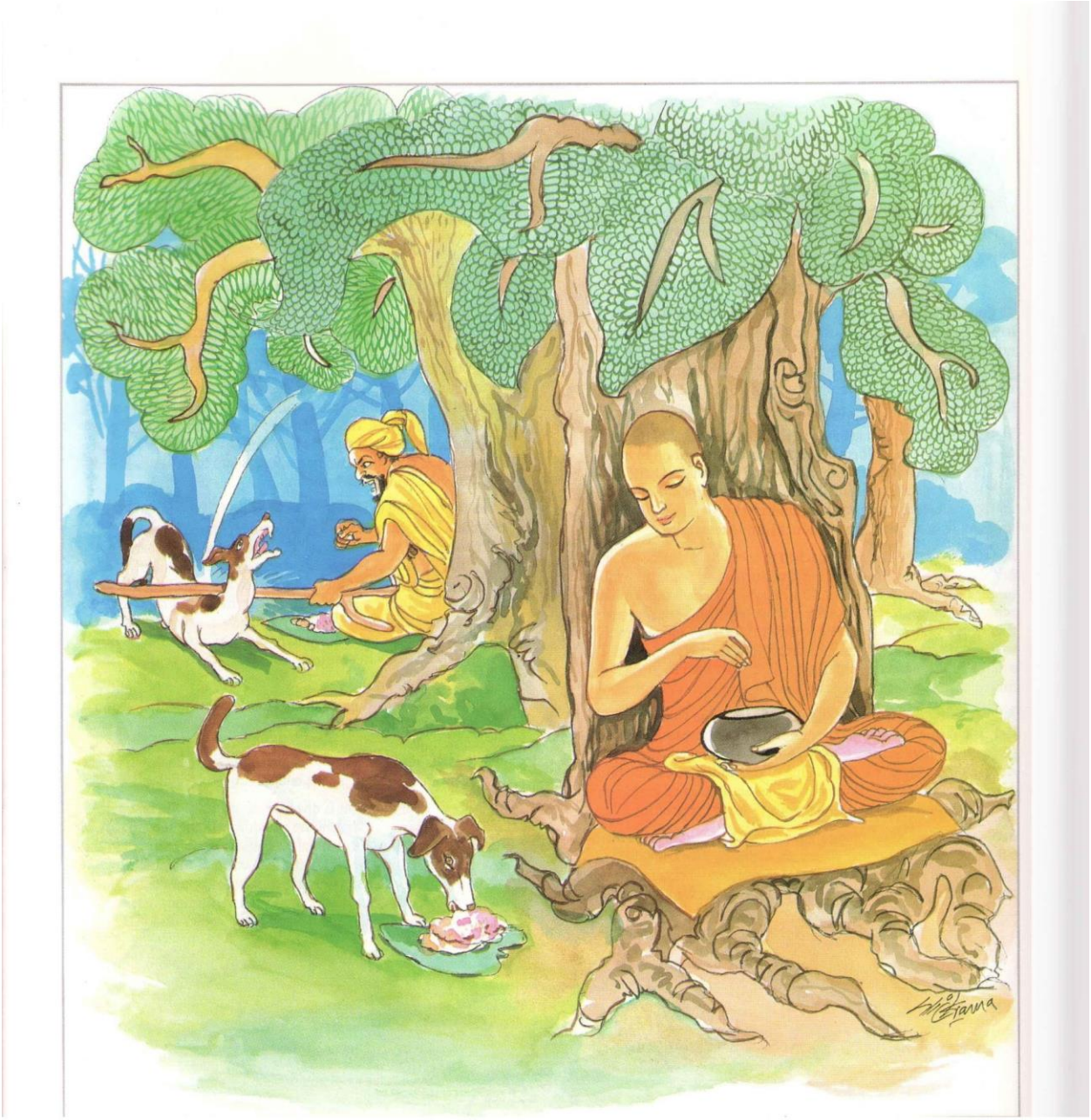

231. Hãy tránh xa ác hạnh về thân. Hãy sống đời thiện hạnh vẹn toàn.



232. Hãy tránh xa ác hạnh về lời. Hãy sống đời chế ngự toàn vẹn về ngôn ngữ.

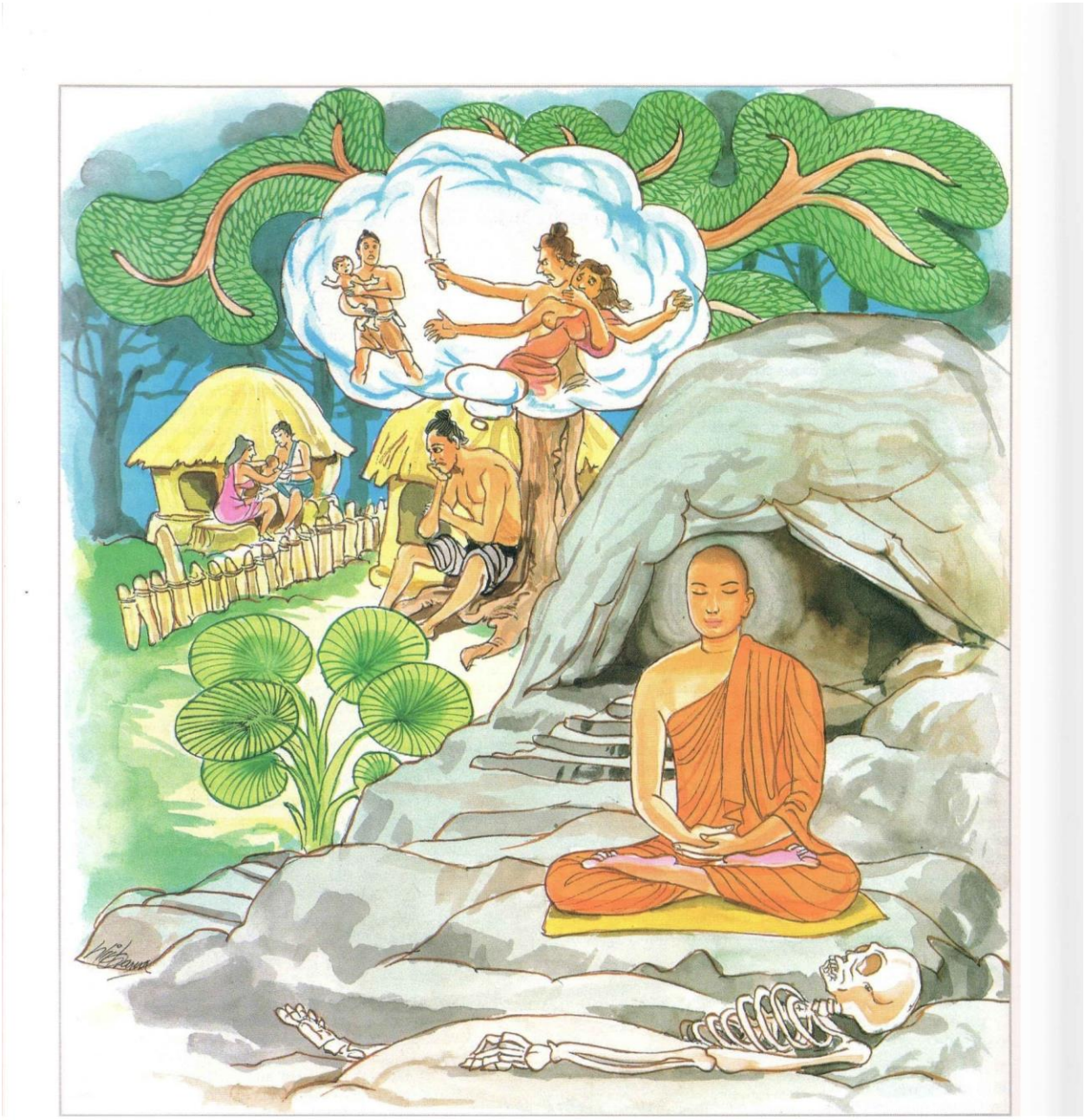

233. Hãy tránh xa ác hạnh về ý. Hãy sống đời chế ngự toàn vẹn về tâm ý.

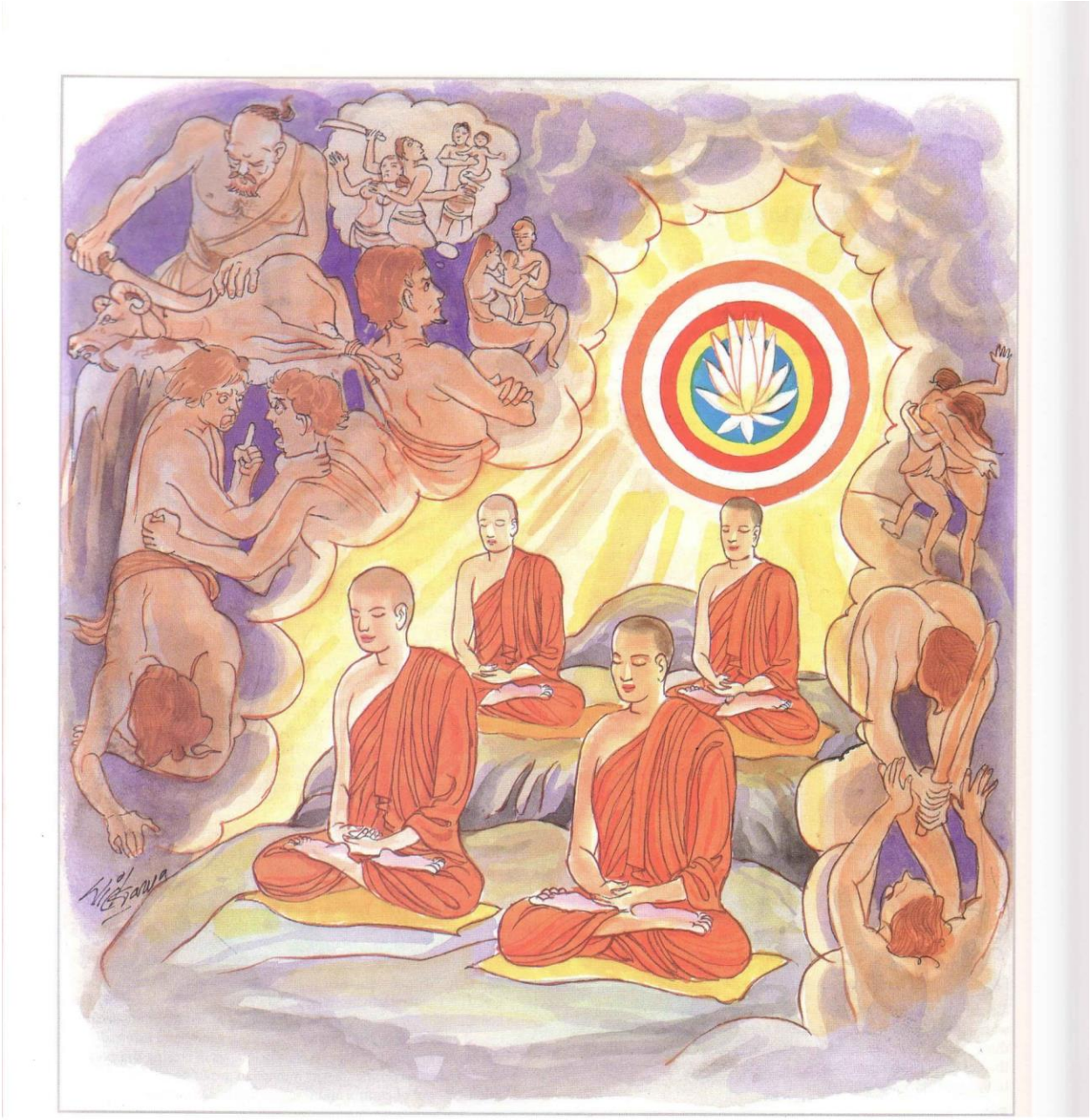

234. Những ai chế ngự về ý tưởng, lời nói và hành động mới thực sự tu tập viên mãn.

XVIII. PHẨM CẤU UẾ

(MALA VAGGA)

18 bài kệ: Pháp Cú số 235-253

12 tích truyện

☸

XVIII.1- CON TRAI ÔNG HÀNG BÒ

(Goghātaraputta)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 235-236-237-238)

235. "Paṇḍupalāsova dānisi,	***"Ngươi nay giống lá héo,***
Yamapurisāpi ca te upaṭṭhitā.	***Diêm sứ đang chờ ngươi,***
Uyyogamukhe ca tiṭṭhasi,	***Ngươi đứng trước cửa chết,***
Pātheyyampi ca te na vijjati".	***Đường trường thiếu tư lương".***
236. "So karohi dīpamattano,	***"Hãy tự làm hòn đảo,***
Khippaṃ vāyama paṇḍito bhava;	***Tinh cần gấp, sáng suốt.***
Niddhantamalo anaṅgaṇo,	***Trừ cấu uế, thanh tịnh,***
Dibbaṃ ariyabhūmiṃ upehisi"	***Đến Thánh địa Chư Thiên".***
237. "Upanītavayo ca dānisi,	***"Đời ngươi nay sắp tàn,***
Sampayātosi yamassa santike;	***Tiến gần đến Diêm Vương.***
Vāso te natthi antarā,	***Giữa đường không nơi nghỉ,***
Pātheyyampi ca te vijjati".	***Đường trường thiếu tư lương".***
238. "So karohi dīpamattano,	***"Hãy tự làm hòn đảo,***
Khippaṃ vāyama paṇḍito bhava;	***Tinh cần gấp, sáng suốt.***
Niddhantamalo anaṅgaṇo,	***Trừ cấu uế, thanh tịnh,***
Na punaṃ jātijaraṃ upehisi".	***Chẳng trở lại sanh già".***

Pháp Cú nầy được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến người con trai của ông hàng bò.

Tương truyền rằng: Ở thành Sāvatthī có ông hàng bò, sau khi giết bò lấy thịt ngon đem cho người nấu nướng, rồi cùng vợ con ngồi ăn thịt ấy. Phần thịt còn dư ông mới bán lấy tiền. Trong suốt 15 năm hành nghề như thế, ông không hề có được một lần nào cúng dường một muỗng cháo hoặc một muỗng cơm đến Đức Bổn Sư đang ngự trong một ngôi chùa gần đó. Ông ta có một tật xấu là: Vắng thịt thì không dùng cơm được.

Một hôm, sau khi lấy phần thịt dành cho mình, giao cho vợ để nấu vật thực cho mình. Phần thịt còn lại ông bán hết cả, rồi ông đi tắm. Khi ấy có một người bạn đi đến bảo với vợ ông ta rằng:

- Chị hãy bán cho tôi một chút ít thịt. Tôi vừa có khách.

- Thịt bán không còn. Bạn anh đã bán hết rồi, hiện giơ ảnh đang đi tắm.

- Chị đừng nên từ chối, còn cục thịt nào thì hãy để cho tôi đi.

- Trừ thịt dành cho ảnh ra, không còn thịt nào khác nữa.

Bạn người đồ tể suy nghĩ: *"Không còn thịt ngoài thịt dành cho anh ta. Mà bạn ta không có thịt thì không dùng cơm, chắc chắn anh ta không nhường thịt nầy cho ta đâu"*. Thế là, người bạn ấy lấy ngay phần thịt ấy đi, không hỏi han gì cả.

Khi người đồ tể tắm xong, trở về, vợ ông dọn cơm và vật thực là vài thứ rau nấu với gia vị. Ông ta hỏi rằng:

- Còn thịt đâu?

- Không có ông à.

- Trước khi đi, tôi há chẳng phải đưa thịt cho bà rồi còn gì?

- Bạn của ông đến nói rằng: Nhà có khách, và cần thịt. Mặc dầu tôi đã nói rằng hết thịt rồi, đây là phần thịt dành cho ông dùng nhưng bạn ông vẫn cứ lấy đi mất rồi.

- Không có thịt, tôi không ăn cơm, bà hãy dẹp cơm đi.

- Biết làm sao bây giờ, thôi ông hãy dùng cơm đi.

- Tôi không ăn cơm đâu.

Bảo vợ dọn dẹp cơm rồi, ông đồ tể cầm dao nhỏ ra đi phía sau nhà. Nơi đó có con bò đang bị cột đứng tại đó. Ông đến gần con bò, thọc tay vào miệng, kéo lưỡi bò ra, đưa con dao cắt phăng khúc lưỡi bò, xách vào bảo vợ nướng cho mình dùng. Bà vợ nướng lưỡi bò trên lửa, ông dùng mỗi vắt cơm với một miếng lưỡi bò vừa nướng chín. Đột nhiên lưỡi ông ta chợt đứt ngang, rớt xuống đĩa cơm. Ngay lúc ấy ông thọ quả ác trong hiện tại xứng với việc làm của mình, máu từ miệng chảy ra như suối, ông bò lê vào nhà, rống lên như bò bị hành hình.

Cậu con trai của ông đang đứng gần đó, bà mẹ bảo cậu rằng:

- Nầy con! Hãy nhìn xem, ác nghiệp của ông đồ tể đã hiện, con khỏi lo cho mẹ, hãy bỏ chạy đi hầu cứu vãn hạnh phúc của mình.

Cậu con trai vì quá sợ chết, liền lạy từ giã mẹ rồi chạy trốn, thoát khỏi nơi ấy, cậu đi đến xứ Takkasilā. Ông đồ tể thì bò quanh trong nhà, rống lên như bò rống, khi chết bị rơi vào địa ngục A Tỳ.

Khi đến Takkasilā, cậu học nghề thợ bạc. Một hôm, thầy có việc đi xa làng, bảo học trò rằng: *"Con hãy làm một món nữ trang như thế nầy, thế nầy…"*. Cậu làm đúng theo lời chỉ của thầy, khi trở về nhìn thấy món trang sức cậu ta làm, người thầy suy nghĩ:

- Thanh niên nầy, giờ đây đến nơi nào sống cũng được rồi.

Khi cậu tới tuổi thành nhân, thầy cậu gả cho cậu con gái của mình. Về sau, gia tộc cậu sung mãn, có đầy đủ con trai, con gái. Các người con khi trưởng thành, lại tìm về thành Sāvatthī sinh sống, với sự thành thạo nghiệp nghề, và trở nên những người có chánh tín trong sạch. Cha của họ thì vẫn ở tại thành Takkasilā đến tuổi già mà không có chút phước thiện nào cả. Các người con bàn tính:

- Cha chúng ta đã già rồi, chúng ta hãy rước người về ở với chúng ta đi.

Rồi họ lại rủ nhau: *"Chúng ta hãy làm phước trai tăng để cầu an cho cha chúng ta"*. Họ cung thỉnh chư Tỳ khưu có Đức Phật là vị tọa chủ đến nhà thọ bát.

Qua ngày sau, khi Đức Phật và chư Tăng ngự đến tư gia, họ cúng dường vật thực như cơm, nước, bánh trái… đến Tăng. Chờ Tăng thọ thực xong, họ thưa với Đức Bổn Sư rằng: *"Bạch Ngài! Cuộc lễ Tăng thí nầy, chúng con làm để cầu an cho cha chúng con được sống lâu, xin Ngài hoan hỷ tụng kinh phúc chúc cho cha chúng con"*.

Đức Bổn Sư bèn kêu ông lão mù rằng: *"Nầy thiện nam! Nay ông tuổi thọ đã cao, xác thân đã chín muồi như chiếc lá vàng, ông không có phước lành làm tư lương để sang qua thế giới khác. Ông hãy tự nương nhờ lấy mình để gắng trở nên bậc hiền trí, đừng làm kẻ ngu si"*.

Rồi Ngài tụng kinh phúc chúc như sau:

235. "Paṇḍupalāsova dānisi, Yamapurisāpi ca te upaṭṭhitā. Uyyogamukhe ca tiṭṭhasi, Pātheyyampi ca te na vijjati".	*"Ngươi nay giống lá héo, Diêm sứ đang chờ ngươi, Ngươi đứng trước cửa chết, Đường trường thiếu tư lương"*.
236. "So karohi dīpamattano, Khippaṃ vāyama paṇḍito bhava; Niddhantamalo anaṅgaṇo, Dibbaṃ ariyabhūmiṃ upehisi"	*"Hãy tự làm hòn đảo, Tinh cần gấp, sáng suốt. Trừ câu uế, thanh tịnh, Đến Thánh địa Chư Thiên"*.

❁

CHÚ GIẢI:

Paṇḍupalāsova dānisi: Nầy thiện nam, ông giờ đây chẳng khác gì lá vàng khô đã lìa cành, rụng gần tới đất rồi.

Yamapurisā: Sứ giả của Diêm Vương. Thành ngữ nầy ám chỉ sự chết, câu nầy có nghĩa là sự chết đang chờ người.

Uyyogamukhe: Người đang đứng trước của sự sụp đổ, của diệt vong.

Pātheyyam: Tư lương là vật thực đem theo ăn dọc đường của khách lữ hành. Câu nầy có nghĩa là: người sang qua cảnh giới khác mà không có việc lành để làm tư trang, tư lương.

So karohi: Bởi vậy, như người bị đắm thuyền giữa biển khơi mà thiết lập được một hòn đảo để trú vững trên đó, người hãy cố gắng làm các việc lành cho thật mau lẹ, để tự tạo một hòn đản giữa biển đời, hãy ráng tu hành cho mau thành bậc thông minh. Người nào tránh được tử thần, có thể tùy thời làm các việc lành, người đó xứng danh là bậc hiền trí, hãy ráng làm người thông minh như vậy, chớ đừng làm kẻ dốt nát ngu si.

Dibbaṃ ariyabhūmiṃ: Một khi đã hành tinh tấn như vậy rồi, các thứ phiền não như ái dục (rāga), cấu uế (mala) đều trừ bỏ được, thành người không cấu uế, do không có sự nhơ bẩn tinh thần, thành người vô nhiễm (amangano) vô phiền (nikkileso) thì người sẽ đạt đến năm tầng Trời Tịnh Cư (Suddhāvāsa) chẳng sai.

Cuối thời Pháp, ông thiện nam chứng quả Tu Đà Hườn. Kỳ dự thính chúng đều được hưởng lợi ích của thời Pháp.

Các thí chủ lại thỉnh Đức Bổn Sư qua ngày sau đến thọ bát. Sau buổi lễ, Đức Bổn Sư thọ thực xong, Ngài sắp tùy hỷ phước thì gia chủ bạch rằng:

- Bạch Ngài! Cuộc lễ nầy chúng con làm để cầu an cho thân phụ chúng con, chúc thọ đến thân phụ. Xin Ngài hoan hỷ tụng phúc lành cho người.

Và Đức Bổn Sư lại thuyết lên tiếp hai kệ ngôn rằng:

237. "Upanītavayo ca dānisi, Sampayātosi yamassa santike; Vāso te natthi antarā, Pātheyyampi ca te vijjati".	*"Đời ngươi nay sắp tàn,* *Tiến gần đến Diêm Vương.* *Giữa đường không nơi nghỉ,* *Đường trường thiếu tư lương".*
238. "So karohi dīpamattano, Khippaṃ vāyama paṇḍito bhava; Niddhantamalo anṅgaṇo, Na punaṃ jātijaraṃ upehisi".	*"Hãy tự làm hòn đảo,* *Tinh cần gấp, sáng suốt.* *Trừ cấu uế, thanh tịnh,* *Chẳng trở lại sanh già".*

Upanītavayo: Upa, tiếp đầu ngữ có nghĩa là rơi xuống, đi xuống, tàn tạ, 5 Nitavayo là tuổi thọ đã luống qua, đã mất đi. Bây giờ người đã trải qua ba lứa tuổi (ấu, trung và lão niên), người đã đứng trước mặt sự chết rồi.

Sampayātosi yamassa santike: Người đã đứng giáp mặt với sự chết rồi.

Vāso te natthi antarā: Những người đi đường xa mà làm công việc nọ, việc kia, họ tạm cư trú dọc theo đường. Nhưng người đi qua cảnh giới khác thì không được như thế. Thật vậy, không thể nào đi qua cảnh giới khác, các người có thể nói xin trì hoãn lại vài ba ngày để cho tôi kịp làm phước bố thí, để cho tôi kịp nghe Pháp… Tự nhiên, vừa chết nơi đây đã thọ sanh nơi cảnh giới khác lập tức. Do đó mới nói: Giữa đường không có trạm nghỉ ngơi.

Pātheyyam: Danh từ nầy tuy có đề cập đến rồi, nhưng Đức Bổn Sư đã lặp đi lặp lại cốt để nhấn mạnh ý nghĩa của nó cho ông thiện nam lưu ý.

Jātijaraṃ: Sanh lão. Chỗ nầy nên hiểu có thêm bịnh và tử nữa cho đủ tứ khổ.

Hai kệ ngôn trước thuyết về A Na Hàm Đạo. Hai câu kệ nầy là nói về A La Hán Đạo. Ở đây, chẳng khác nào nhà vua vắt cơm vào miệng trao tặng cho con. Nhưng Hoàng Tử chỉ cầm lấy vắt cơm vừa với miệng mình thôi. Cũng như thế, dầu Đức Bổn Sư có thuyết pháp đề cập đến đạo cao, nhưng thiện nam ấy cũng tùy theo duyên, theo sức mà chứng đắc quả thấp là Tu Đà Hườn. Lần sau thì ông chứng A Na Hàm, kỳ dư đại chúng đều hưởng được lợi ích của thời pháp.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Mổ bò, khi chết hiện thân bò
Quả ác hành cha, khiến mẹ lo
Xúi trẻ bỏ nhà qua đất khách
Thay nghề thợ bạc, phát tài to
Đời ông dẫn xuống đến đời cha
Tiền của gom vào chẳng thí ra
Con cái sau tìm nương chánh pháp
Quy y Phật Bảo hộ Tăng Già.
Hai buổi cầu an chúc thọ ông
Phật ban Tam quả dễ như không
Ý bình cha ác cùng con thiện
Học đủ ba thấy, đạo lý thông.

DỨT TÍCH CON TRAI ÔNG HÀNG BÒ

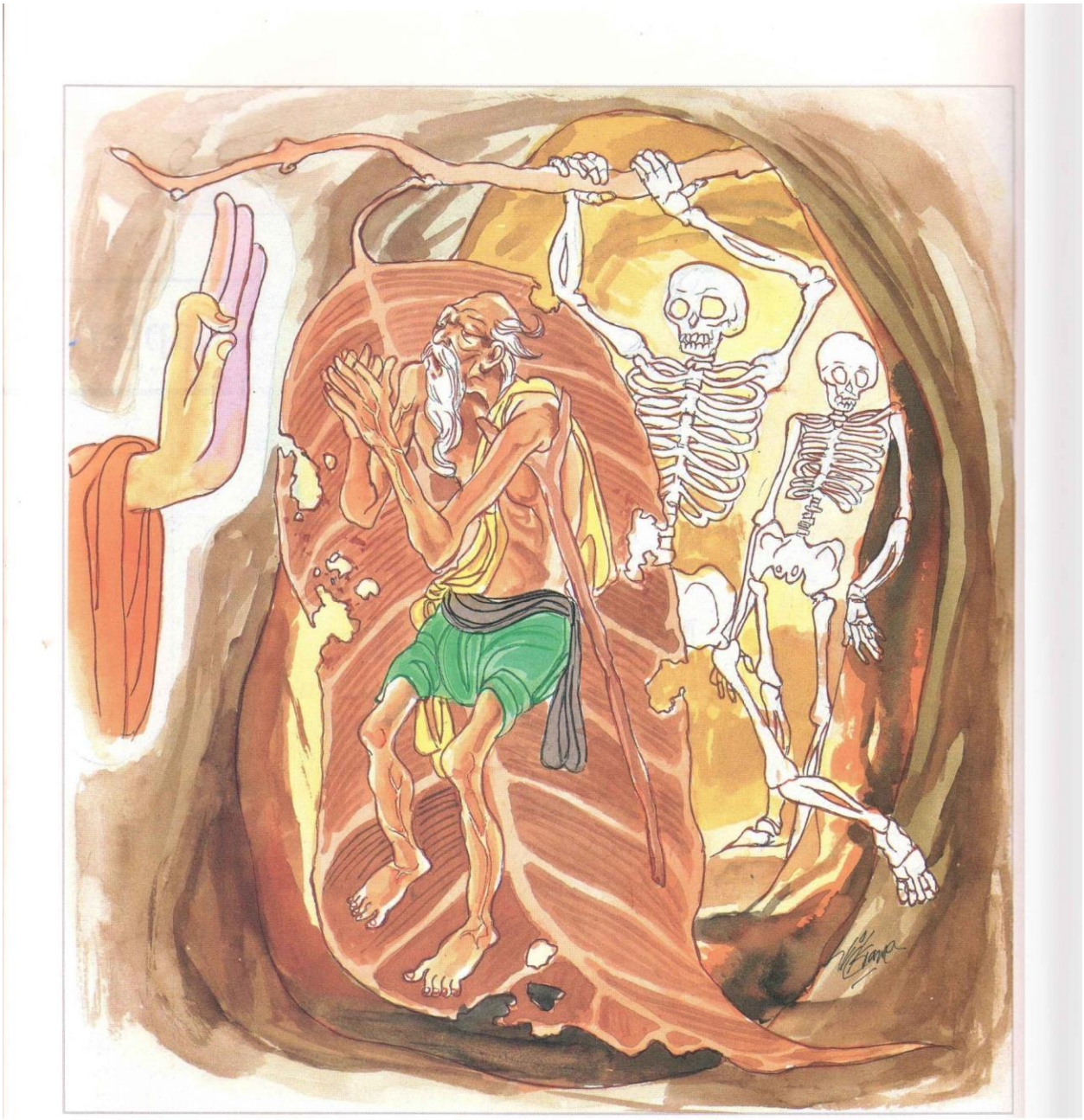

235. Những người không chuẩn bị trước thần chết cũng như ngọn lá héo tàn, phải từ giã cuộc đời với bàn tay trắng.

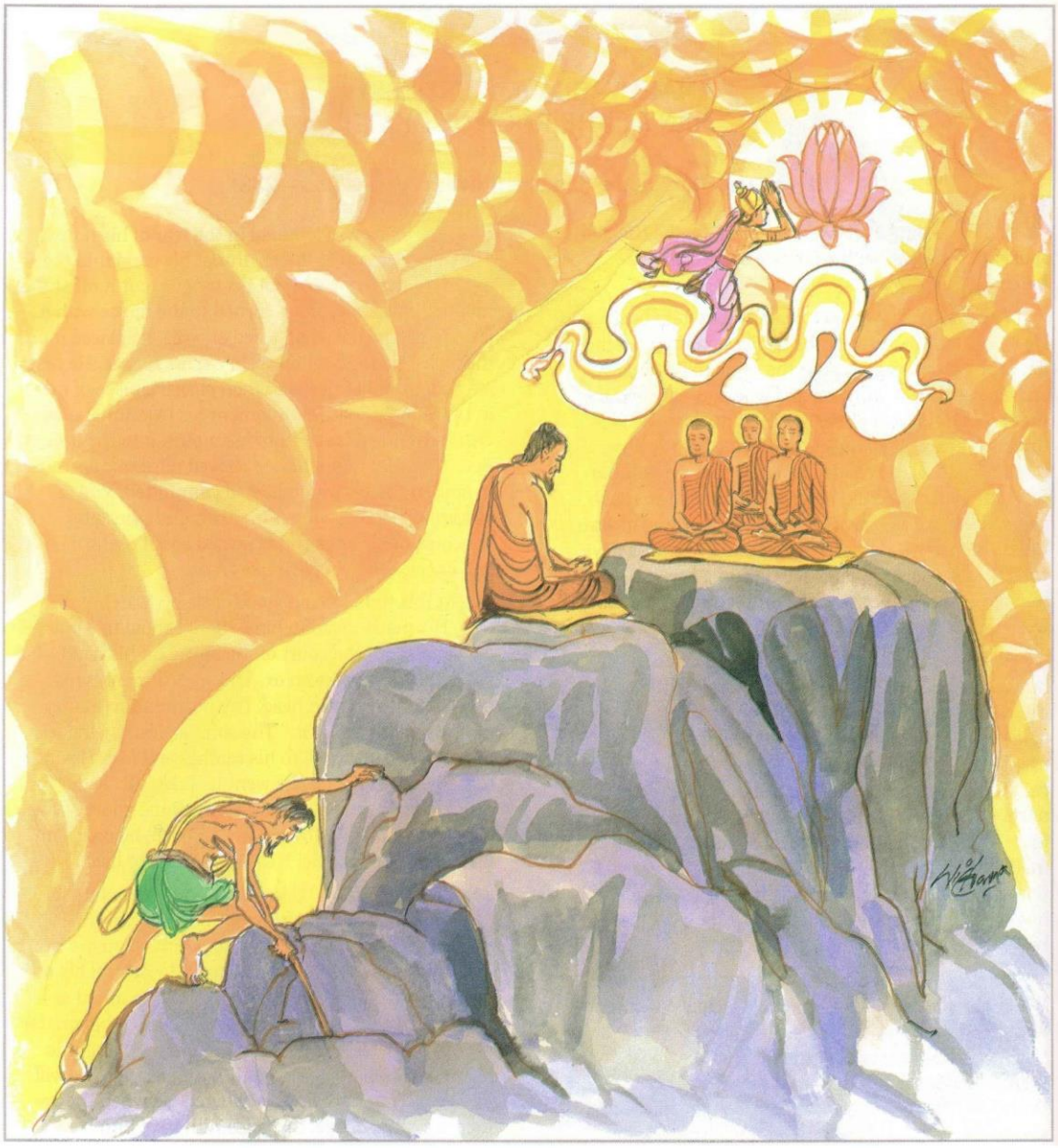

236. Hãy sáng suốt nổ lực tinh cần. Hãy tự mình làm hòn đảo cho chính mình. Chư vị tất nhiên sẽ đến nơi thanh tịnh.

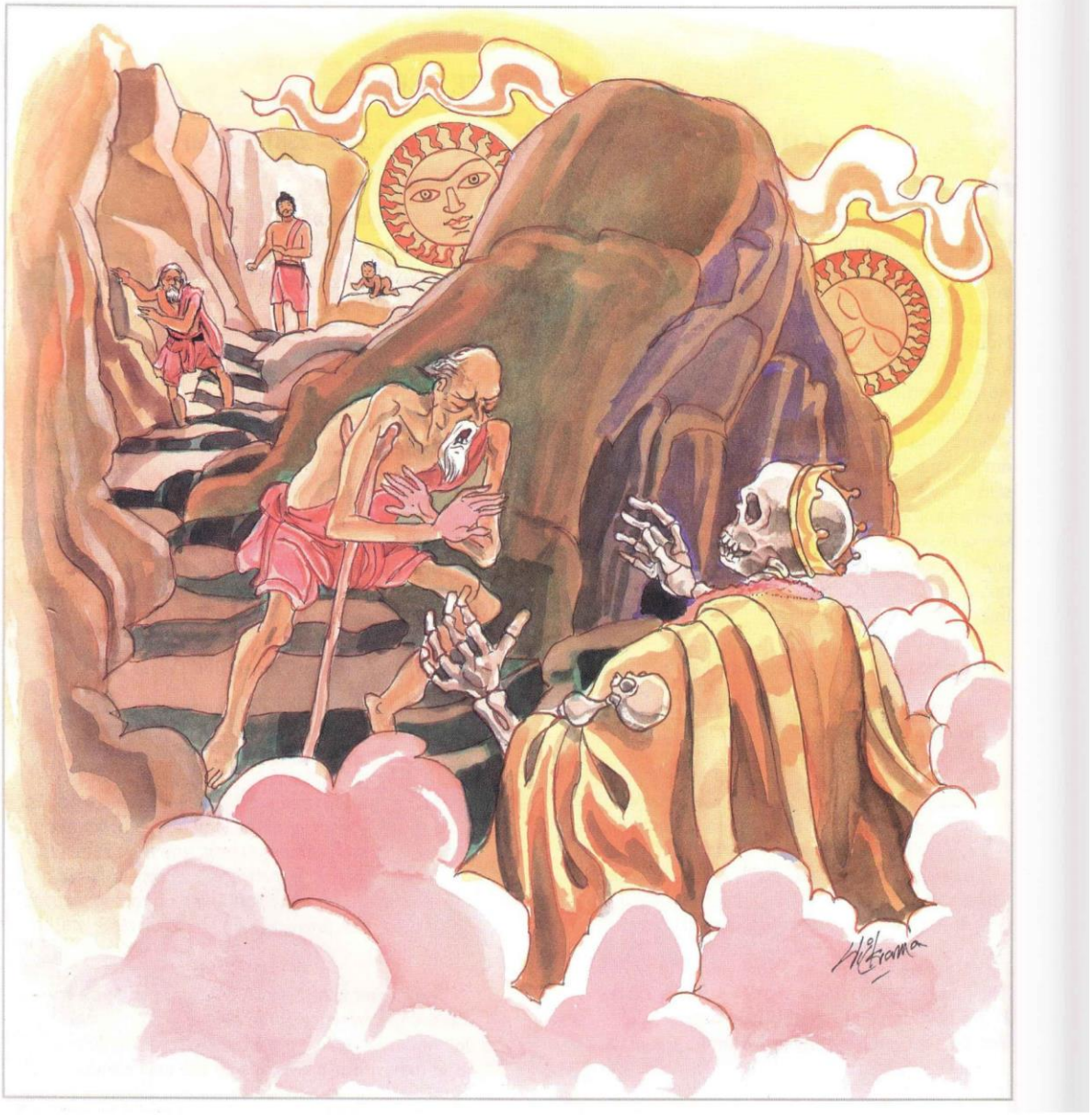

237. Nay đến lúc đời sắp tàn trước cửa thần chết, ngươi lại không chuẩn bị gì để lên đường không có trạm dừng nghỉ.



238. Hãy nhanh chóng sáng suốt tự làm hòn đảo cho chính mình, đoạn trừ cấu uế và thoát ly lão tử.

XVIII.2- ÔNG BÀ LA MÔN TUẦN TỰ

(Aññatarabrāhmaṇa)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 239)

"Anupubbena medhāvī,	***"Bậc trí theo tuần tự***
Thokaṃ thokaṃ khaṇe khaṇe;	***Từng sát na trừ dần***
Kammāro rajatasseva,	***Như thợ vàng lọc bụi***
Niddhame malamattano".	***Trừ cấu uế nơi mình".***

Kệ Pháp Cú nầy Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến ông Bà la môn nọ.

Tương truyền rằng: Một lần nọ, ông Bà la môn ấy vào sáng tinh sương, đã ra khỏi thành, chợt ông trông thấy chư Tỳ khưu đứng đắp y. Ngay tại chỗ chư Tỳ khưu đứng đắp y, cỏ mọc rậm rì, khi ấy một đường viền y của một vị Tỳ khưu đang đắp bị kéo lê trên cỏ và bị thấm ướt bởi những giọt sương đêm. Thấy vậy, Bà la môn nghĩ thầm: *"Cần phải làm sạch cỏ chỗ nầy mới được".* Qua ngày sau, ông mang cuốc đến làm sạch cỏ nơi ấy và san bằng phẳng như cái sân phơi lúa.

Qua ngày sau, ông đến nơi ấy lại thấy đường viền y của chư Tỳ khưu kéo lê trên đất, lấm bụi vào y, ông suy nghĩ: *"Cần phải rải cát lên nơi nầy mới được"*. Và ông đã thực hiện việc ấy.

Một lần khác, nhìn thấy chư Tỳ khưu bị nóng bức, mồ hôi chảy tươm ra khi đứng đắp y. Ông suy nghĩ: *"ta cần cất một cái rợp che mát tại nơi nầy mới được"*. Ông thuê người đến che thành một rạp che mát tại nơi ấy. Hôm sau, khi ông đến thì trời đang vần vũ, mưa tạt vào y của chư Tỳ khưu đứng trong rạp ấy, ông lại suy nghĩ: *"Nơi đây, ta cần cho người dựng lên một gian phòng kín đáo và lớn"*. Sau khi mướn người dựng xong đại sảnh, ông suy nghĩ rằng: *"Giờ đây, ta nên làm lễ khánh thành gian phòng lớn nầy"*.

Ông thỉnh Tỳ khưu Tăng có Đức Phật là vị Thượng Thủ đến ngồi vào nơi được soạn sẵn trong đại sảnh ấy, dâng vật thực cúng dường xong, chờ Đức Bổn Sư thọ thực xong, ông thỉnh bát Ngài và mong Ngài phúc chúc cho ông. Ông bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Ngài! Trong khi con đứng tại chỗ nầy, đã trông thấy Chư Tỳ khưu đã như thế…như thế nầy. Và con đã làm như thế nầy…như thế nầy…

Ông thuật lại mọi việc đến Đức Thế Tôn. Khi nghe dứt câu chuyện, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nầy Bà la môn! Bậc được gọi là hiền trí vẫn giữ mực chậm rãi, từ tốn, tuần tự làm việc lành để giải trừ sự cấu uế của các ác hạnh của mình như thế đó.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Anupubbena medhāvī,	*"Bậc trí theo tuần tự*
Thokaṃ thokaṃ khaṇe khaṇe;	*Từng sát na trừ dần*

Kammāro rajatasseva, *Như thợ vàng lọc bụi*
Niddhame malamattano". *Trừ cấu uế nơi mình".*

❁

CHÚ GIẢI:

Anupubbena: Lần lượt theo thứ tự.

Medhāvī: Bậc viên mãn trí, nếm được hương vị của Chánh Pháp rồi.

Khaṇe khaṇe: Từng dịp, từng dịp làm lành.

Kammāro rajatasseva: Cũng như người thợ vàng, không thể nào chỉ một lần mỡ nung đốt, nghiền nát, lọc bỏ chất dơ được của vàng để làm thành món nữ trang được, nhiều lần lược bỏ chất bẩn lẫn trong vàng mới có thể làm thành món nữ trang. Cũng như thế ấy, bậc hiền trí phải làm lành nhiều lượt để tống trừ những ô nhiễm, cấu uế, nhất là tham ái từ nơi mình. Có như thế mới giải trừ được những ô nhiễm, phiền não, uế trược.

Cuối thời pháp, ông Bà la môn chứng đắc Quả Tu Đà Hườn, đại chúng thính Pháp cũng được nhiều lợi ích.

❁

Dịch Giả Cẩn Đề

Từ từ chậm rãi tiến dần lên
Việc nhỏ an bài, việc lớn lên
Bậc trí kiên tâm trừ cấu uế
Đầu tiên lập chí phải cho bền
Như ông Phạm Chí trước ban nền
Dẫy cỏ vừa xong, rải cát lên
Cất rạp tiện bề Sư đụt nắng
Cho làm phòng rộng, cũng không quên
Nhân lễ khánh thành nghe Pháp Phật
Thời lai Tuệ Nhãn tự nhiên thông.

DỨT TÍCH ÔNG BÀ LA MÔN TUẦN TỰ

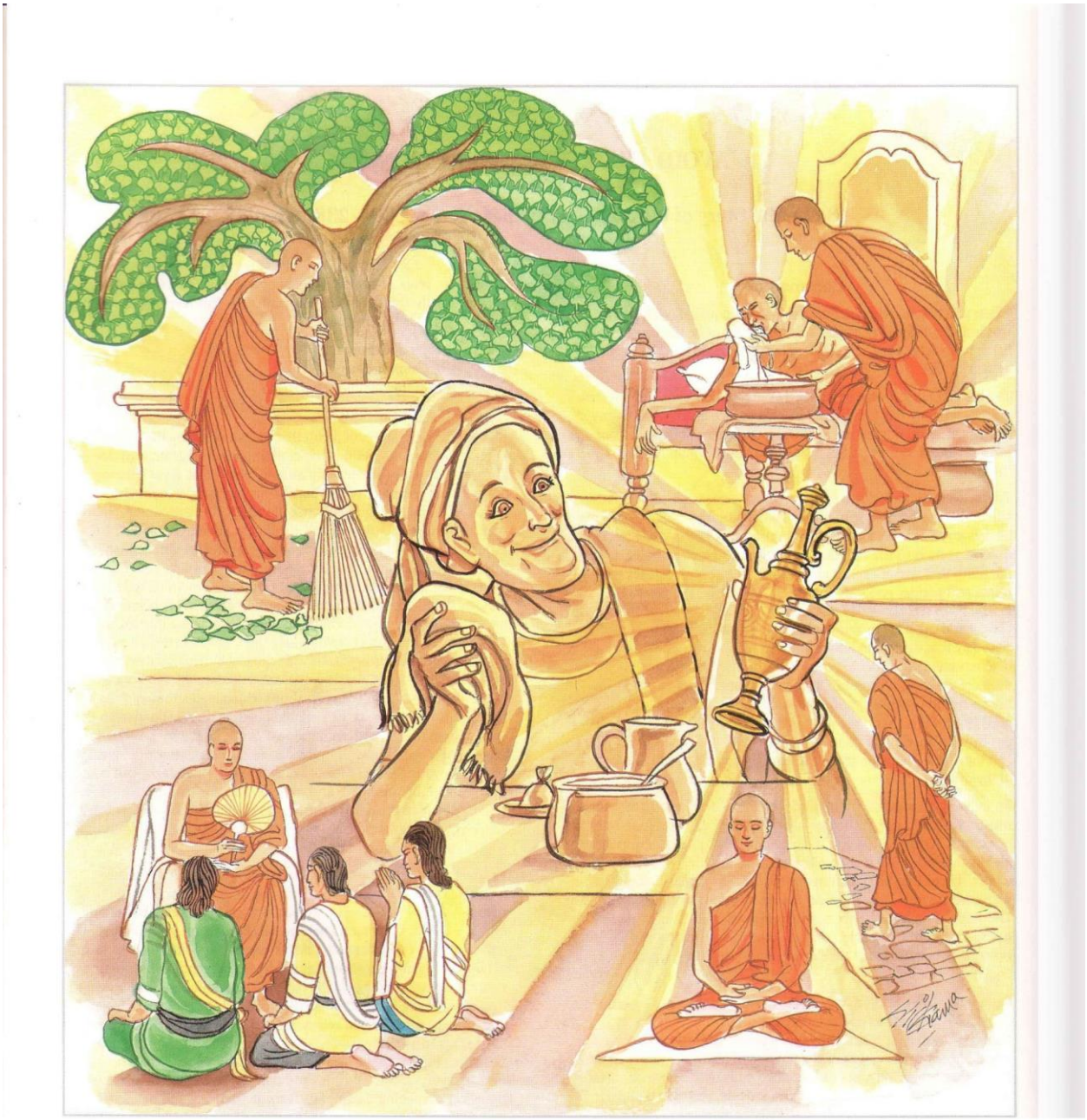

239. Hãy đoạn trừ cấu uế dần dần từng tí một, giống như người thợ bạc lọc bụi dơ.

XVIII.3- ĐẠI ĐỨC TISSA GIỮ Y

(Ayasāva malaṃ samuṭṭhāyāti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 240)

"Ayasā'va malaṃ samuṭṭhitaṃ,	***"Như sét do sắt sanh,***
Taduṭṭhāya taṃ'eva khādati.	***Trở lại ăn thân sắt,***
Evaṃ atidhonacārinaṃ,	***Ác nghiệp mình tự tạo,***
Sakakammāni nayanti duggatiṃ".	***Dẫn mình đến cõi ác".***

Kệ Pháp Cú nầy được Đức Bổn Sư thuyết lên khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Đại Đức Tissa.

Tương truyền rằng: Một thiện gia tử con nhà lễ giáo, sau khi xuất gia thọ Cụ túc giới, được gọi là Đại Đức Tissa.

Thời gian sau, Đại Đức an cư mùa mưa trong một ngôi chùa miền quê và được dâng tấm vải thô dài tám tấc (hattha). Khi mãn mùa an cư, xong lễ Tự Tứ rồi, Đại Đức mang tấm vải ấy gởi người chị. Người chị lại nghĩ rằng: *"Tấm vải nầy không xứng với em trai ta"*. Nàng dùng dao rọc vải ra từng mảnh, rồi bỏ vào cối giã nhuyễn, sau đó se chỉ lại, gởi thợ dệt dệt thành tấm vải mịn. Phần Đại Đức Tissa đi tìm kim chỉ rủ vài vị Sa di trẻ biết may y đi đến nhà chị, bảo rằng:

- Chị hãy đưa vải cho tôi, tôi sẽ may thành y để mặc.

Người chị rút tấm vải mịn chín hắc tay, trao cho Đại Đức. Đại Đức trải y ra, nói rằng:

- Tấm vải của tôi thô và chỉ có tám hắc. Còn tấm nầy mịn mà lại dài chín hắc, đây không phải là tấm vải của tôi, tôi không dùng đến nó. Hãy đưa tôi tấm vải mà tôi đã trao cho chị.

- Bạch Ngài! Đó chính là tấm vải của Ngài, Ngài hãy lấy đi.

Đại Đức không chịu nhận, khi ấy người chị mới bày tỏ sự thật các việc mình làm và dâng vải đến Đại Đức rằng:

- Bạch Ngài, tấm vải nầy thuộc về Ngài, xin Ngài hãy lấy đi.

Đại Đức mang vải về chùa, khiến Sa di may y. Chị Ngài cúng dường vật thực đến các vị Sư may y. Khi y may xong, nàng còn dâng cúng thêm một bữa ăn thịnh soạn.

Đại Đức nhìn lá y mới sanh tâm ưa thích nó lắm, nghĩ thầm rằng: *"Ngày mai ta sẽ mặc tấm y nầy"*. Đại Đức xếp y lại, phơi y trên sào phơi y.

Đêm ấy, Đại Đức bị trúng thực, đau bụng mà chết, tái sanh làm con rận trong chiếc y ấy. Người chị hay tin Đại Đức chết, nàng khóc than lăn lộn dưới chân chư Tỳ khưu.

Sau khi hỏa táng xác Đại Đức Tissa xong, chư Tăng quyết định: *"Vì Đại Đức không có người nuôi bịnh nên chiếc y nầy thuộc về Tăng chúng. Vậy chúng ta hãy bắt thăm đi"*.

Con rận trong lá y chạy lăng xăng qua lại, kêu rằng:

- Mấy ông nầy cướp đoạt tài sản của ta.

Mặc dầu đang an tọa trong hương thất, Đức Thế Tôn với thiên nhĩ, nghe được tiếng kêu thét của con rận, Ngài dạy Đại Đức Ānanda rằng:

- Nầy Ānanda! Hãy bảo chư Tỳ khưu giữ chiếc y của Tissa lại, qua bảy ngày sau hãy chia nhau.

Đại Đức Ānanda làm theo lời Đức Bổn Sư dạy.

Đến ngày thứ bảy, con rận chết tái sanh lên cung trời Đâu Suất, qua ngày thứ tám Đức Bổn Sư ra lịnh:

- Các Tỳ khưu hãy chia nhau lá y của Tissa đi.

Chư Tỳ khưu vâng lịnh. Thế rồi trong Giảng đường, chư Tỳ khưu cùng nhau bàn luận rằng: *"Tại sao Đức Bổn Sư bảo phải giữ y lại bảy ngày, đến ngày thứ tám mới cho phép sử dụng?"*.

Đức Bổn Sư ngự đến hỏi:

- Này các Tỳ khưu! Hôm nay các thầy ngồi đây thảo luận về vấn đề gì?

- Bạch Thế Tôn, về chuyện như vầy… như vầy…

Nghe vậy, Đức Thế Tôn giải rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Thầy Tissa đã tái sanh làm con rận trong chiếc y của mình. Khi các thầy chia y ấy, con rận chạy lăng xăng, la lên rằng: *"Những ông nầy cướp giật y của tôi"*. Nếu các thầy lấy chiếc y ấy, nó sẽ phát sanh tâm oán hận rồi phải sa địa ngục. Do đó, ta bảo giữ y lại sau bảy ngày rồi hãy chia. Bây giờ Tissa đã thọ sanh về cõi trời Tusitā rồi, cho nên ta cho phép thầy sử dụng chiếc y ấy.

- Bạch Ngài! Thật là đáng sợ cho tâm tham ái (taṇhā).

- Thật vậy! Này các Tỳ khưu, đối với các chúng sanh, tham ái thật là đáng sợ. Như sét sanh từ sắt lại ăn mòn ngay cả sắt, làm cho hư hoại, trở thành vật vô dụng như thế nào thì tham ái (taṇhā) sau khi sanh khởi giữa những chúng sanh, làm cho họ phải rơi vào đọa xứ địa ngục, đẩy họ xuống hố diệt vong như thế ấy.

Nói rồi Ngài ngâm lên kệ ngôn:

"Ayasā'va malaṃ samuṭṭhitaṃ,	*"Như sét do sắt sanh,*
Taduṭṭhāya taṃ'eva khādati.	*Trở lại ăn thân sắt,*
Evaṃ atidhonacārinaṃ,	*Ác nghiệp mình tự tạo,*
Sakakammāni nayanti duggatiṃ".	*Dẫn mình đến cõi ác".*

☸

<u>CHÚ GIẢI:</u>

Ayasā: Ayato: Do nơi, từ nơi sắt.

Samuṭṭhāya: Samuṭṭhāhitvā: Sau khi pháp sanh lên.

Taduṭṭhāya: Sau khi sanh lên từ nơi đó.

Atidhonacārinaṃ: Tiếng Dhonā chỉ những người khôn ngoan, sáng suốt, biết dùng trí tuệ quán tưởng rồi mới thọ tứ sự. Atidhonacārinaṃ là những người vi phạm giới quán tưởng.

Đại ý bài kệ nầy nói rằng: Ví như sét từ nơi sắt sinh ra, lúc sinh ra như vậy rồi, sét sẽ trở lại ăn mòn sắt.

Cũng như thế, những người thọ tứ vật dụng mà không quán tưởng. Trong khi thọ dụng mà không quán tưởng, họ đã tạo ra ác nghiệp từ nơi ấy, do họ phát khởi lên ngã sở, ngã mạn. Chính nó đưa họ đến khổ cảnh.

Cuối thời pháp nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh Quả, nhất là quả Tu Đà Hườn.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Chuyển kiếp còn tham giữ lá y
Bảy hôm làm rận quả sân si
Thầy thương đợi đến Trời Đâu Suất
Bạn sợ e sa ngục Đại Tỳ
Kẻ thế vẫn tưởng: Sanh hữu hạn
Người tu chưa biết: Tử vô kỳ
Lâm chung một phút quên tưởng niệm
Khổ cảnh luân hồi, khó thoát ly.

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC TISSA GIỮ Y

☸

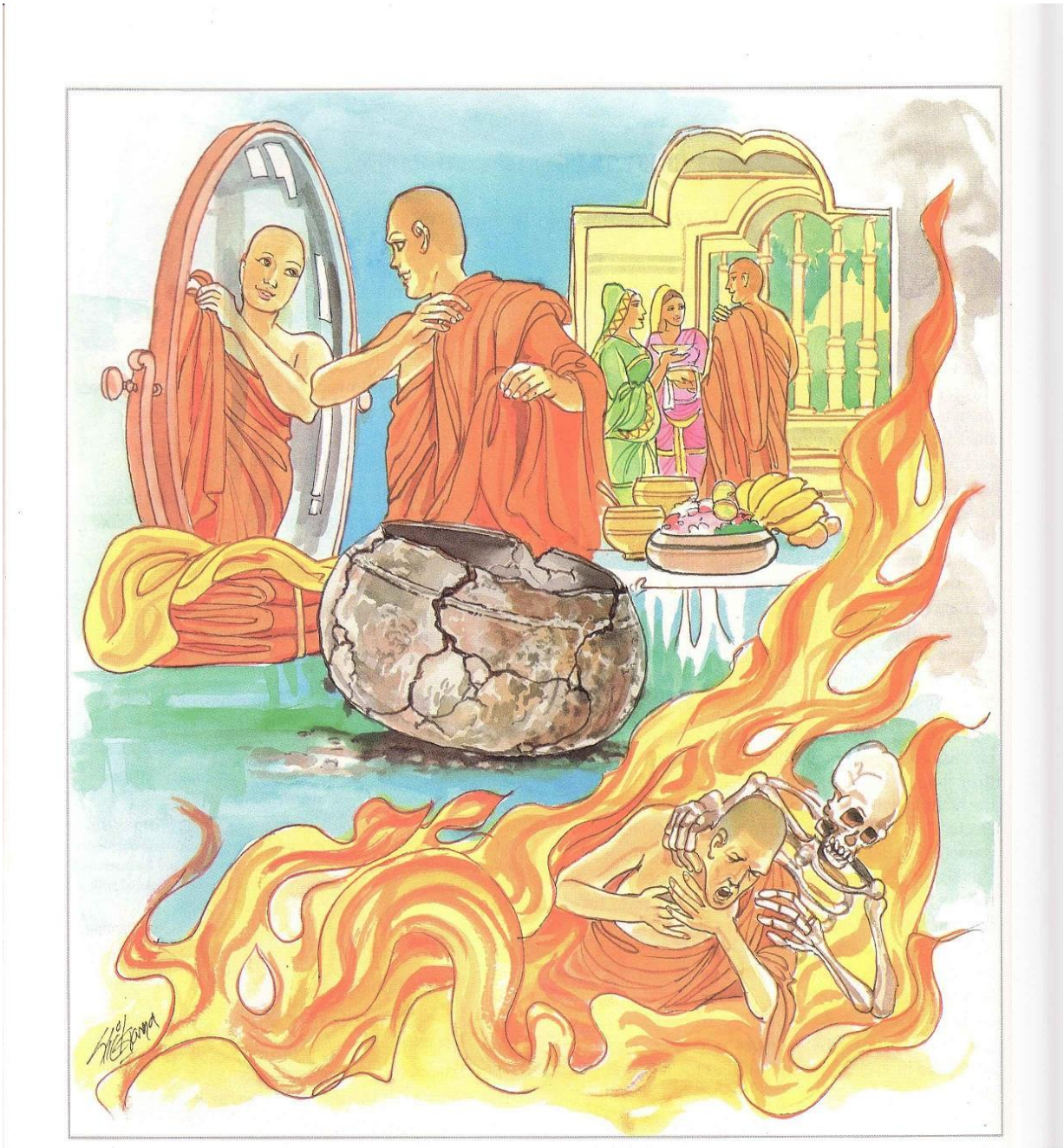

240. Rỉ sét ăn mòn sắt dần, giống như ác nghiệp ăn mòn người phạm giới đức.

XVIII.4- ĐẠI ĐỨC LOḶUDĀYI DỐT PHÁP

(Assajjhāyamalā mantati)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 241)

"Asajjhāyamalā mantā,	***"Không tụng làm nhớp kinh,***
Anuṭṭhānamalā gharā;	***Không siêng làm bẩn nhà,***
Malaṃ vaṇṇassa kosajjaṃ,	***Biếng nhác làm nhơ thân,***
Pamādo rakkhato malaṃ".	***Phóng dật làm tâm uế".***

Pháp Cú nầy được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Tịnh xá Jetavana, đề cập đến Đại Đức Loḷudāyi.

Tương truyền rằng: Trong thành Sāvatthī có đến 50 triệu Thánh Thinh Văn, trước buổi ngọ thì cúng dường trai thực, sau ngọ thì mang lễ vật như là bơ trong, dầu ăn, mật ong, mật mía… đi đến chùa cúng dường và nghe Pháp. Khi nghe Pháp xong, trên đường về, các vị ấy ca tụng ân đức của hai Ngài Sāriputta và Moggallāna.

Bấy giờ Đại Đức Loḷudāyi nghe các thính giả đàm luận cùng nhau, đã xen vào nói rằng:

- Các ông chỉ nghe pháp hai vị ấy thuyết mà đã tán tụng như thế. Nếu được nghe Pháp từ nơi ta thì còn tán thán đến chừng nào nữa.

Mọi người nghe lời của Đại Đức như thế, nghĩ rằng:

- Ngài nầy hẳn là một Pháp Sư, chúng ta cũng nên nghe Pháp từ nơi Ngài vậy.

Một hôm, các thính giả trên yêu cầu Đại Đức:

- Bạch Ngài! Hôm nay sau khi cúng dường trai thực xong, buổi chiều chúng tôi sẽ đến chùa nghe Pháp. Xin Ngài hãy hoan hỷ thuyết pháp đến chúng tôi.

Đại Đức im lặng nhận lời. Đến giờ thính pháp, thính giả cung thỉnh Đại Đức:

- Bạch Ngài! Xin Ngài hoan hỷ thuyết pháp cho chúng tôi nghe đi.

Đại Đức Loḷudāyi lên Pháp tọa ngồi, phe phẩy quạt lông, nhưng không nhớ ra một câu Pháp Cú nào, bèn nói rằng:

- Ta sẽ tụng chú, vị khác hãy lên thuyết pháp đi.

Rồi Đại Đức leo xuống Pháp tọa.

Khi vị Pháp Sư thuyết pháp xong, thiện tín thỉnh Đại Đức lên Pháp tọa tụng chú thuật. Một lần nữa, Đại Đức lại bí lối nên thối thác rằng:

- Ta sẽ tụng vào ban đêm. Bây giờ vị khác hãy tụng trước đi.

Nói rồi Đại Đức bước xuống khỏi Pháp tọa.

Khi vị tụng kinh ban ngày dứt rồi, đến thời ban đêm thính giả thỉnh Đại Đức Loḷudāyi. Té ra vị ấy cũng chẳng nhớ được chi nên nói rằng:

- Ta sẽ tụng vào lúc hừng sáng. Bây giờ vị khác tụng đi.

Rồi lại rời khỏi Pháp tọa.

Và khi trời hừng sáng, thính chúng lại thỉnh Đại Đức. Lúc ấy Đại Đức cũng chẳng nhớ được chút chi cả. Đại chúng phẫn nộ, cầm lấy gậy đá hăm dọa Đại Đức rằng:

- Nầy ông sư dốt, khi chúng tôi tán dương hai Ngài Sāriputta và Moggallāna thì ông nói thế nầy thế nọ. Bây giờ sao ông không giỏi thuyết pháp đi.

Thấy dáng hùng hổ của đại chúng, Đại Đức kinh sợ bỏ chạy, bị đại chúng rượt theo bén gót. Trong lúc hoảng hốt, Đại Đức hụt chân té xuống hầm phẩn. Đại chúng bàn luận rằng:

- Khi nghe chúng ta tán thán ân đức của hai Ngài Sāriputta và Moggallāna, Đại Đức Loḷudāyi ganh tỵ, khoác loác khoe khoang tài thuyết pháp của mình. Đến khi người ta thỉnh cầu, nói rằng: *"Chúng tôi muốn nghe pháp"*. Đại Đức lên Pháp tọa cả bốn lần mà không tìm được pháp chi để thuyết cả. Giờ đây, Đại Đức lại rơi xuống hầm phẩn như thế.

Đức Thế Tôn ngự đến, phán hỏi rằng:

- Này các Tỳ khưu! Các Thầy đang bàn luận việc chi thế?

- Bạch Ngài, chuyện nầy… chuyện nầy…

Nghe xong, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này chư Tỳ khưu! Chẳng phải chỉ bây giờ, mà xưa kia thầy ấy cũng bị lún chìm trong phẩn rồi vậy.

Rồi Ngài ngâm kệ bổn sanh rằng:

"Catuppado ahaṃ samma tvaṃpi samma catuppado
Ehi sīha nivattassu kinnu bhīto palāyasi
Asuci pūtilomosi duggandho vāyasi sūkara
Sace yujjhitukāmosi jayaṃ samma dadāni teti".

"Chúa ơi! Chúa có bốn chân
Tôi cũng bốn cẳng, ta gần ngang nhau
Lại đây, Sư tử anh hào
Có chi mà sợ chạy nhiều thế kia
Heo ơi! Mình chú thúi tha
Lông chú dơ dáy thật là quá hôi
Xin nhường chú thắng cho rồi
Nếu như chú muốn cùng tôi tranh tài".

Sau khi thuyết xong Bổn Sanh, Đức Bổn Sư cho biết rằng Sư tử khi trước nay là Đức Sāriputta, còn con heo chính là Đại Đức Loḷudāyi. Xong rồi Đức Thế Tôn phán dạy rằng:

- Này các Tỳ khưu! Loḷudāyi chỉ học rất ít Pháp mà không bao giờ lo ôn tập. Pháp nào dầu học ít, một khi đã học được nếu không ôn tập ắt trở thành nhớp nhúa vậy.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn như sau:

"Asajjhāyamalā mantā,
Anuṭṭhānamalā gharā;
Malaṃ vaṇṇassa kosajjaṃ,
Pamādo rakkhato malaṃ".

"Không tụng làm nhớp kinh,
Không siêng làm bẩn nhà,
Biếng nhác làm nhơ thân,
Phóng dật làm tâm uế".

☸

CHÚ GIẢI:

Asajjhāyamalā: Bất luận là Kinh pháp hoặc học nghề nghiệp chi nếu không thường ôn tập, thực hành, thì nó sẽ tiêu lần hoặc đứt đoạn không dễ nhớ ra, bởi vậy mới nói: "Không tụng làm nhớp kinh".

Người là cư sĩ hoặc bậc xuất gia mà biếng nhác không lo chăm sóc, gìn giữ thân thể hoặc đồ vật dụng, thì thân sẽ có màu sắc xấu xa, bởi vậy mới nói: "Biếng nhác làm nhơ thân".

Người chăn giữ bò cái mà dễ duôi, cứ lo ngủ hoặc lo chơi thì bầy bò không phát triển, dễ bị hao hụt vì thú dữ, trộm cướp làm thiệt hại. Hoặc bò vào ăn mất lúa ruộng của người khác, chủ bị bắt bớ, đền bồi. Chính mình là người chăn cũng bị hành phạt hoặc bị mắng nhiếc.

Cũng vậy, bậc xuất gia không lo thu thúc lục căn, dễ duôi để cho phiền não làm sa đọa, rồi phải hoàn tục xa lìa giáo pháp. Bởi vậy mới nói: "Phóng dật làm tâm uế". Vì lẽ nó dẫn dắt người ấy đến chỗ hư hỏng, dơ bẩn nên gọi là nhơ uế vậy.

Cuối thời Pháp, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh Quả Tu Đà Hườn.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Nếu dốt thì cam chịu dốt đi
Huênh hoang bịp chúng có hay gì
Bốn lần thỉnh Pháp, chưa thèm thuyết
Một trận ăn đòn, đã chạy thi
Vì thích cầu cao, sa hố phẩn
Bởi ưu tật đố, mất màu y
Gần thầy sao chẳng chuyên cần học
Lại móng hư danh, nghĩ cũng kỳ!...

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC LOḶUDĀYI

☸

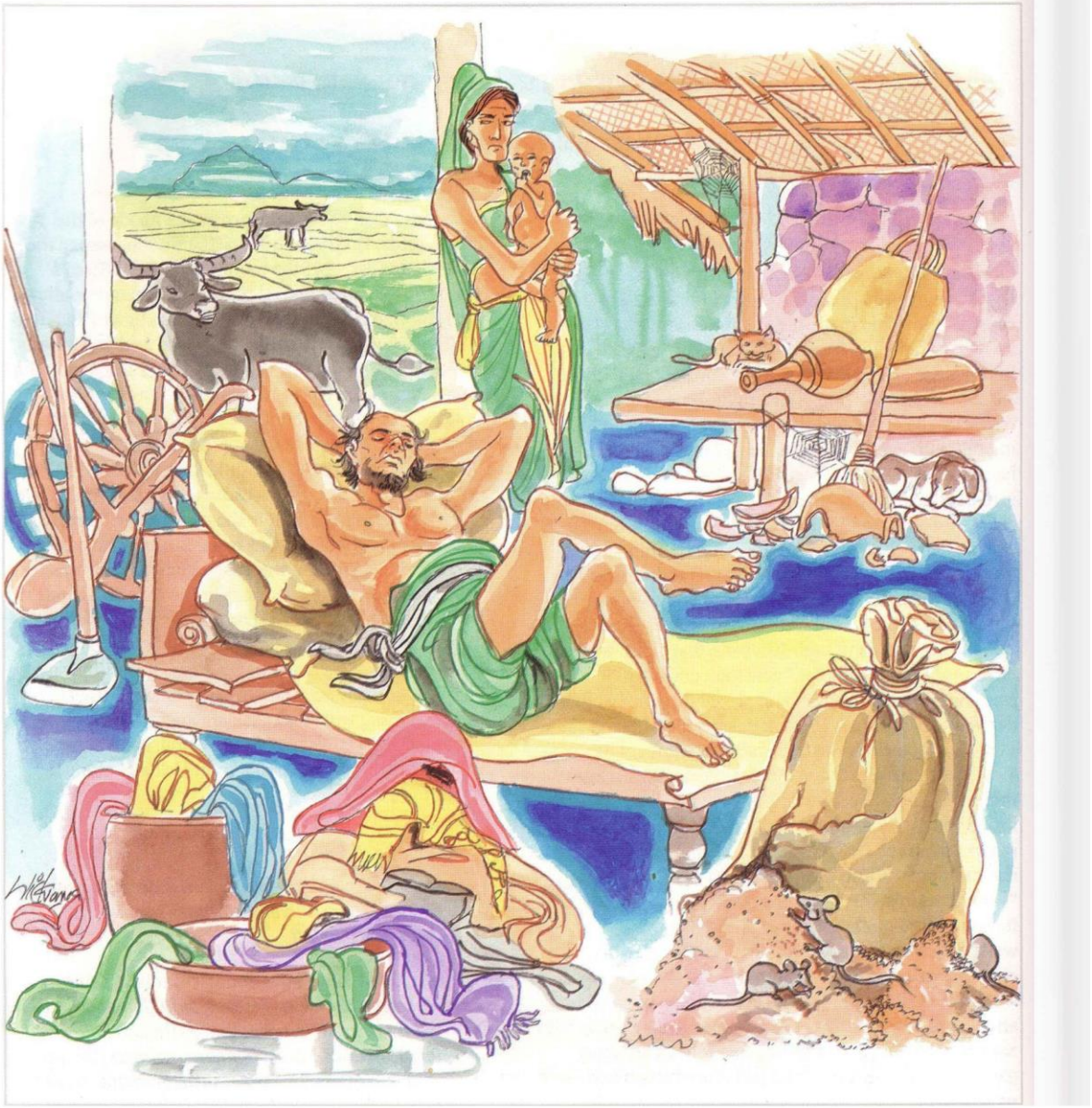

241. Không trì tụng kinh làm hỏng kiến thức. Giải đãi phá hoại đời sống gia đình. Thiếu quan tâm làm hại dung sắc.

XVIII.5- MỘT CÔNG TỬ BỊ CẮM SỪNG

(Malitthiyā duccaritanti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 242-243)

242. Malitthiyā duccaritaṃ,	***Tà hạnh nhơ đàn bà,***
Maccheraṃ dadato malaṃ;	***Xan tham nhơ kẻ thí,***
Malā ve pāpakā dhammā,	***Tội ác là vết nhơ,***
Asmiṃ loke paramhi ca.	***Đời nầy và đời sau.***
243. tato malā malataraṃ,	***Trong hàng cấu uế ấy,***
Avijjā paramaṃ malaṃ;	***Vô minh nhơ tối thượng,***
Ataṃ malaṃ pahatvāna,	***Hãy trừ bỏ nhơ ấy,***
Nimmalā hotha bhikkhavo.	***Thành Tỳ kheo vô cấu.***

Pháp Cú nầy được Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Veḷuvana, đề cập đến chàng công tử nọ.

Tương truyền rằng: Công tử ấy đã cưới vợ là một tiểu thư môn đăng hộ đối. Từ ngày về nhà chồng, cô vợ cứ tà hạnh mãi, công tử xấu hổ về việc làm của vợ, không thể đến gặp gỡ tiếp xúc cùng ai cả, nên cắt đứt luôn cả sự viếng thăm và hộ độ cúng dường Đức Phật. Thế rồi, sau vài ngày chàng lại viếng thăm Đức Bổn Sư, sau khi đảnh lễ Ngài xong rồi, ngồi qua một bên, Ngài hỏi công tử:

- Nầy công tử! Dạo nầy sao ngươi ít đến đây vậy?

Công tử liền đem việc nhà ra giãi bày cùng Đức Thế Tôn, Ngài dạy rằng:

- Nầy công tử! Xưa kia ta đã từng dạy rằng: Đàn bà giống như sông rạch và bậc hiền trí không nên giận nữ nhân. Nhưng vì ngươi do cõi luân hồi khuất lấp nên không thấu đáo đó thôi.

Công tử thỉnh Ngài thuyết giảng Bổn Sanh, Ngài ngâm lên rằng:

"Yethānadī ca pantho ca pānāgāraṃ sabbā papā
Evaṃ lokitthiyo nāma velā tālaṃ navijjatīti".

"Đàn bà như thể rạch, sông
Đường đi, động đá, nhà công, quá chở
Đàn bà thế tục bẩn nhơ
Lăng loàn sá kể ngày giờ chi đâu".

Sau khi thuyết xong Bổn Sanh, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này công tử! Tà hạnh trắc nết là vết nhơ của nữ nhân, sự bón rít là vết nhơ của tín thí, nghiệp ác là vết nhơ làm hại chúng sanh cả đời nầy và đời sau. Vô minh là vết nhơ tối thượng của tất cả vết nhơ.

Nói rồi Ngài ngâm lên kệ ngôn rằng:

242. Malitthiyā duccaritaṃ,	*Tà hạnh nhơ đàn bà,*
Maccheraṃ dadato malaṃ;	*Xan tham nhơ kẻ thí,*

Malā ve pāpakā dhammā, Asmiṃ loke paramhi ca.	*Tội ác là vết nhơ,* *Đời nầy và đời sau.*
243. tato malā malataraṃ, Avijjā paramaṃ malaṃ; Ataṃ malaṃ pahatvāna, Nimmalā hotha bhikkhavo.	*Trong hàng cấu uế ấy,* *Vô minh nhơ tối thượng,* *Hãy trừ bỏ nhơ ấy,* *Thành Tỳ kheo vô cấu.*

CHÚ GIẢI:

Duccaritaṃ : Aticaro: Tà hạnh, chỉ sự lăng loàn trắc nết, gian dâm, ngoại tình. Phàm đàn bà ngoại tình bị chồng đuổi trở về cùng cha mẹ, cũng bị mắng rằng: *"Mầy không nên làm ô nhục, tồi bại gia phong, nhục nhã tông đường..."*. Rồi bị cha mẹ đuổi ra khỏi gia tộc, nữ nhân ấy sống bơ vơ khổ sở vô cùng. Do đó mới nói rằng: *"Tà hạnh là nhơ nữ nhân"*.

Dadato: Đến thí chủ (dāyakassa). Người nào khi mới cày ruộng đã lập nguyện rằng *"Nếu lúa trúng kỳ nầy, ta sẽ làm phước Trai Tăng hoặc rút thẻ để bát chẳng hạn"*. Nhưng khi gặt hái có kết quả tốt đẹp, lại phát sanh tâm bỏn xẻn, ngăn chặn tâm bố thí. Do ảnh hưởng tâm bỏn xẻn thắng được tâm xả ly, người ấy không được hưởng ba phước lộc là nhân sản, thiên sản và Níp Bàn. Do đó mới nói rằng: Sự bỏn xẻn là vết nhơ của bố thí.

Trong các câu khác đều có một lý chung như vậy.

Pāpakā dhammā: Chỉ những pháp bất thiện, là vết nhơ của chúng sanh từ đời nầy đến những đời sau.

Tato: Từ vết nhơ đã nói trên.

Malataraṃ: Ta sẽ thuyết về vết nhơ tối thượng cho các ngươi nghe.

Avijjā: Vô minh, dốt nát, các thầy vứt bỏ vết nhơ Vô minh mà thành bậc Vô nhiễm (nimmalā).

Cuối thời Pháp, nhiều thính giả chứng đắc Thánh Quả, nhất là Quả Dự Lưu.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Không may vớ phải thứ đàn bà
Trắc nết, lăng loàn thật xấu xa
Tủi phận láng giềng không tiếp xúc
Buồn duyên bạn lữ, chẳng giao hòa…
Chơn ngôn Phật dạy bình tâm xét
Chánh lý thầy khuyên mở tuột ra
Nghiệp báo, cửa nhà, con ấy nợ
Đa tình, trẻ đẹp, vợ oan gia.

DỨT TÍCH CÔNG TỬ BỊ CẮM SỪNG

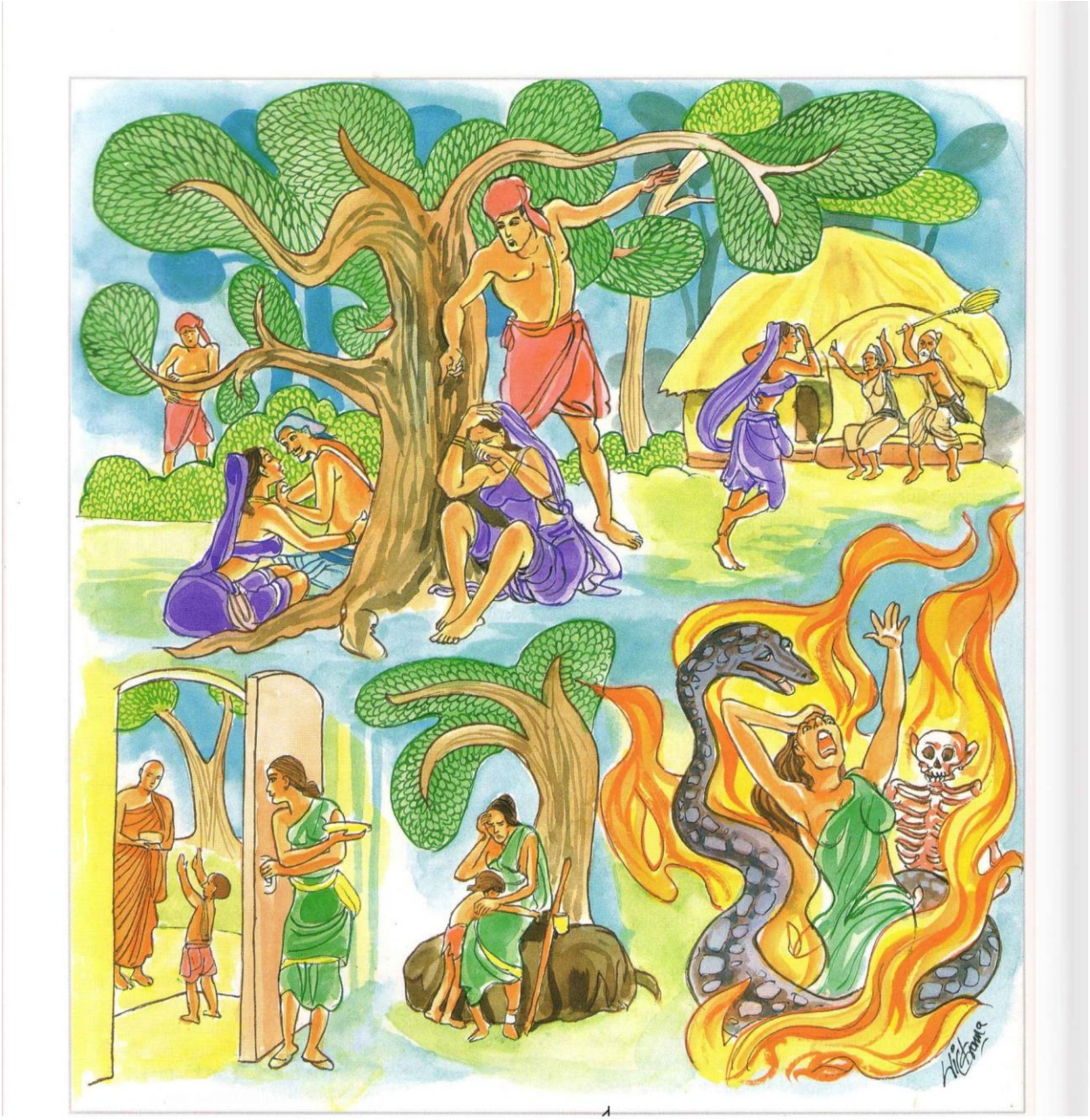

242. Tà hạnh làm hỏng đàn bà. Tính keo kiệt làm hỏng người bố thí. Mọi ác pháp phá hoại đời này lẫn đời sau.



243. Vô minh là cấu uế nguy hiểm nhất. Này các Tỳ kheo, hãy đoạn trừ vô minh và trở thành các bậc vô cấu.

XVIII.6- TỲ KHƯU CŪḶASĀRI TÀ MẠNG

(Sujīvaṃ ahirikenāti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 244-245)

244. "Sujīvaṃ ahirikena,	***"Sống không biết tàm quý,***
Kākasūrena dhaṃsinā;	***Sống lỗ mãng như quạ,***
Pakkhandinā pagabbhena,	***Sống chê bai khoác lác,***
Saṃkiliṭṭhena jīvitaṃ".	***Sống ngạo mạn nhiễm ô".***
245. "Hirīmatā ca dujjīvaṃ	***"Sống vô cầu khiêm tốn,***
Niccaṃ sucigavesinā	***Sống thường cầu thanh tịnh,***
Alīnen'appagabbhena	***Sống thanh tịnh sáng suốt,***
Suddhājīvena passatā".	***Khó thay đời sống ấy".***

Pháp Cú nầy được Đức Thế Tôn thuyết lên, khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Tỳ Khưu Cūḷasāri là đệ tử theo hầu Đại Đức Sāriputta.

Tương truyền rằng: Một ngày nọ, sau khi làm nghề thầy thuốc, Tỳ khưu Cūlasāri được dâng cúng thực phẩm ngon quý, đang ôm bát ra cổng thành, giữa đường gặp Đại Đức, bèn thưa rằng:

- Bạch Ngài, vật thực nầy con có được nhờ làm y sĩ. Ở nơi khác Ngài sẽ không có được loại vật thực nầy đâu. Xin thầy hãy thọ dụng vật thực nầy. Với nghề thầy thuốc, con sẽ cúng dường Ngài vật thực ngon quý như vậy luôn luôn.

Đại Đức nghe dứt mấy lời của đệ tử, Ngài im lặng bỏ đi luôn. Chư Tỳ khưu về đến chùa, đem chuyện nầy bạch với Đức Thế Tôn. Ngài dạy rằng:

- Nầy các Tỳ khưu, người xuất gia mà vô tàm vô quý, giống như con quạ, sống theo 21 pháp tà mạng để được sung sướng. Còn bậc có đầy đủ tàm quý thì hằng sống vất vả cực khổ.

Nói rồi Ngài ngâm lên kệ ngôn:

244. "Sujīvaṃ ahirikena,	*"Sống không biết tàm quý,*
Kākasūrena dhaṃsinā;	*Sống lỗ mãng như quạ,*
Pakkhandinā pagabbhena,	*Sống chê bai khoác lác,*
Saṃkiliṭṭhena jīvitaṃ".	*Sống ngạo mạn nhiễm ô".*
245. "Hirīmatā ca dujjīvaṃ	*"Sống vô cầu khiêm tốn,*
Niccaṃ sucigavesinā	*Sống thường cầu thanh tịnh,*
Alīnen'appagabbhena	*Sống thanh tịnh sáng suốt,*
Suddhājīvena passatā".	*Khó thay đời sống ấy".*

☸

CHÚ GIẢI:

Ahirikenā: Sống mà không có sự hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi. Tỳ khưu không có tàm quý, gặp người nữ không phải mẹ cũng nhận làm mẹ mình, người nam không

phải cha cũng nhận là cha mình, hoặc dùng lối nói hay hành vi tưng bợ người thế theo 21 pháp tà mạng, có thể sống sung sướng.

Kākasūrena: Sống bạo dạn như con quạ, như là con quạ lỗ mãng (sūrakāko) muốn xớt vật thực như cháo… trong nhà khá giả, thường đậu lên trên mái nhà cao như đầu tường…, sợ người ta biết ý đồ của mình nên giả vờ như không có ý nhìn vật chi cả, hoặc giả vờ ngủ, chờ người ta sơ ý, không lưu tâm gìn giữ, nói chuyện cùng nhau, nó bay xuống cực nhanh xớt đồ ăn đầy miệng rồi bay vụt đi. Cũng như thế, kẻ vô tàm vô quý cùng các Tỳ khưu vào làng để biết những nơi nào có cúng dường tứ vật dụng. Sau khi khất thực về, chư Tỳ khưu quán tưởng, rồi tham thiền chú tâm trên đề mục thiền định, hoặc quét sạch Tăng đường. Kẻ vô tàm vô quý thì chẳng làm việc ấy, chỉ thừa cơ Tăng vào làm, sợ chư Tăng để ý mình, dầu đang nhìn cũng giả cách không nhìn, giả vờ như ngủ hoặc như đang thắt dây lưng, đang xếp y… rồi nói rằng: *"Tôi bận việc nầy…"*. Từ chỗ ngồi đi vào làng, đến một nhà trong số những nhà được Tăng chỉ định từ sáng sớm. Mặc dầu gia chủ đã khép kín cửa, vị ấy cũng đưa tay mở cửa để đi vào. Khi thấy vị Sa môn, dù muốn dù không, gia chủ cũng phải mời ngồi, tiếp hộ cơm cháo, dâng cúng vật theo khả năng có được của mình. Sau khi thọ thực rồi, còn tàn thực thì kẻ vô tàm vô quý bỏ vào bát mang về. Kẻ vô tàm vô quý sống một cách sung sướng như thế, thật đáng gọi là con quạ lỗ mãng.

Dhamsinā: Khi nghe chư Tăng nói: *"Đại Đức tên đó là vị Tỳ khưu tri túc, thiểu dục…"* thì lại chê rằng: *"Như vậy có gì đáng khen đâu? Chúng ta há chẳng phải cũng là những Sa môn tri túc thiểu dục sao?"* cốt ý hạ bớt giá trị ân đức của kẻ khác và tự đề cao mình. Mọi người nghe vậy, tưởng lầm rằng: *"Vị nầy cũng là bậc có giới đức trong sạch, tri túc, thiểu dục"*. Rồi họ nghĩ đến sự cúng dường. Nhưng từ đó về sau, kẻ hay chê bai cũng không lấy được niềm tin của hàng thức giả, vì thế lợi lộc cũng suy tàn. Kẻ hay chê bai (dhamsī) phá hoại lợi lộc của chính mình và của người khác như thế đó.

Pakkhandinā: (Sống khoác lác), kẻ khoác lác thì hay mạo nhận những công việc của người khác là công việc chính mình. Như buổi sáng sớm chư Tăng chia nhau thành từng nhóm làm công việc nọ việc kia, như quét sân Thánh tháp chẳng hạn, làm xong việc rồi, ngồi tịnh tham thiền giây lát mới đứng dậy vào làng khất thực. Lúc bấy giờ kẻ khoác lác mới dậy súc miệng rửa mặt khoác y vàng lên mình, nhỏ thuốc vào hai mắt, xức dầu… trang điểm thân thể xong, giả vờ lấy chổi quét sân chùa, nhưng chỉ quét qua loa vài cái thôi.

Ngay trước cổng chùa, những người đến từ sáng sớm với ý định *"Chúng ta sẽ lễ bái Thánh tháp, chúng ta sẽ dâng cúng tràng hoa"*. Trông thấy vị Sa môn đang quét thì nghĩ rằng: *"Nhờ có vị nầy chăm nom, săn sóc ngôi chùa mới được sạch sẽ như vầy, chúng ta chớ nên lãng quên vị ấy"*. Nói rồi, họ làm phước cúng dường đến ông ta. Do khéo giả vờ mà kẻ khoác lác sống được an vui hạnh phúc.

Pagabbhena: Nhờ có đủ tư cách bạo dạn bằng thân, khẩu, ý do dám liều lĩnh.

Sankiliṭṭhena jīvitaṃ: Con người sống nếp sống như thế nào, đáng gọi là sống nhiễm ô. Sống như thế là sống xấu xa tội lỗi.

Hiramatā ca: Người có đầy đủ tàm quý thì sống khó khăn. Thật vậy: Những ai không phải là cha mẹ ruột, người ấy không mạo nhận: *"Đây là cha mẹ của tôi"*. Tứ

vật dụng không hợp lẽ đạo, người ấy thị như phẩn uế. Khi đói khát, người ấy đi khất thực với tâm bình đẳng đi bát từng nhà mà nuôi mạng sống và sống một nếp sống đạm bạc, đơn sơ.

Sucigavesinā: Sống thường cầu thanh tịnh cả ba nghiệp thân, khẩu, ý.

Alīnena: Sống hoạt động, không làm biếng.

Suddhājīvena passata: Người như thế đáng gọi là người sống trong sạch. Do nếp sống thanh bạch như thế, người ấy càng nhớ rõ, hiểu rành nếp sống thanh bạch, rồi cam chịu sống vất vả khổ cực với nếp sống đạm bạc đơn sơ. Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khưu đắc Thánh Quả, nhất là quả Tu Đà Hườn. Hai mươi mốt pháp tà mạng của vị Tỳ khưu, có ghi trong Tứ Thanh Tịnh giới của Ngài Bửu Chơn. Đây kể sơ lược[1].

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Tu thật, làm sao cũng chịu nghèo
Giả thì hỏng mất hạnh Tỳ khưu
Mỗi ngày quán tưởng, tùy duyên sống
Hàng bữa tham thiền, liệu sự đeo
Tà mạng, lòng no ăn giống quạ
Chánh tâm, bụng đói nhửi như mèo
Thánh phàm hai hạng, xưa từng vậy
Rằng khổ, rằng vui chớ trả treo…

DỨT TÍCH TỲ KHƯU CŪḶASĀRI

☸

[1] 1- Cho tre, 2- Cho lá, 3- Cho hoa, 4- Cho trái, 5- Cho cây đánh răng, 6- Cho nước rửa mặt, 7- Cho vật tắm gội, 8- Cho phấn sáp, 9- Cho đất sét, 10- Nịnh bợ, 11- Nói nửa thật nửa đùa, 12- Giúp đỡ, 13- Làm công nhân, 14- Làm thầy thuốc, 15- Đem tin, 16- Làm tay sai, 17- Cho ăn bát trước, 18- Cho qua cho lại, 19- Làm thầy địa lý, 20- Xem thiên văn, 21- Xem tướng coi tay.

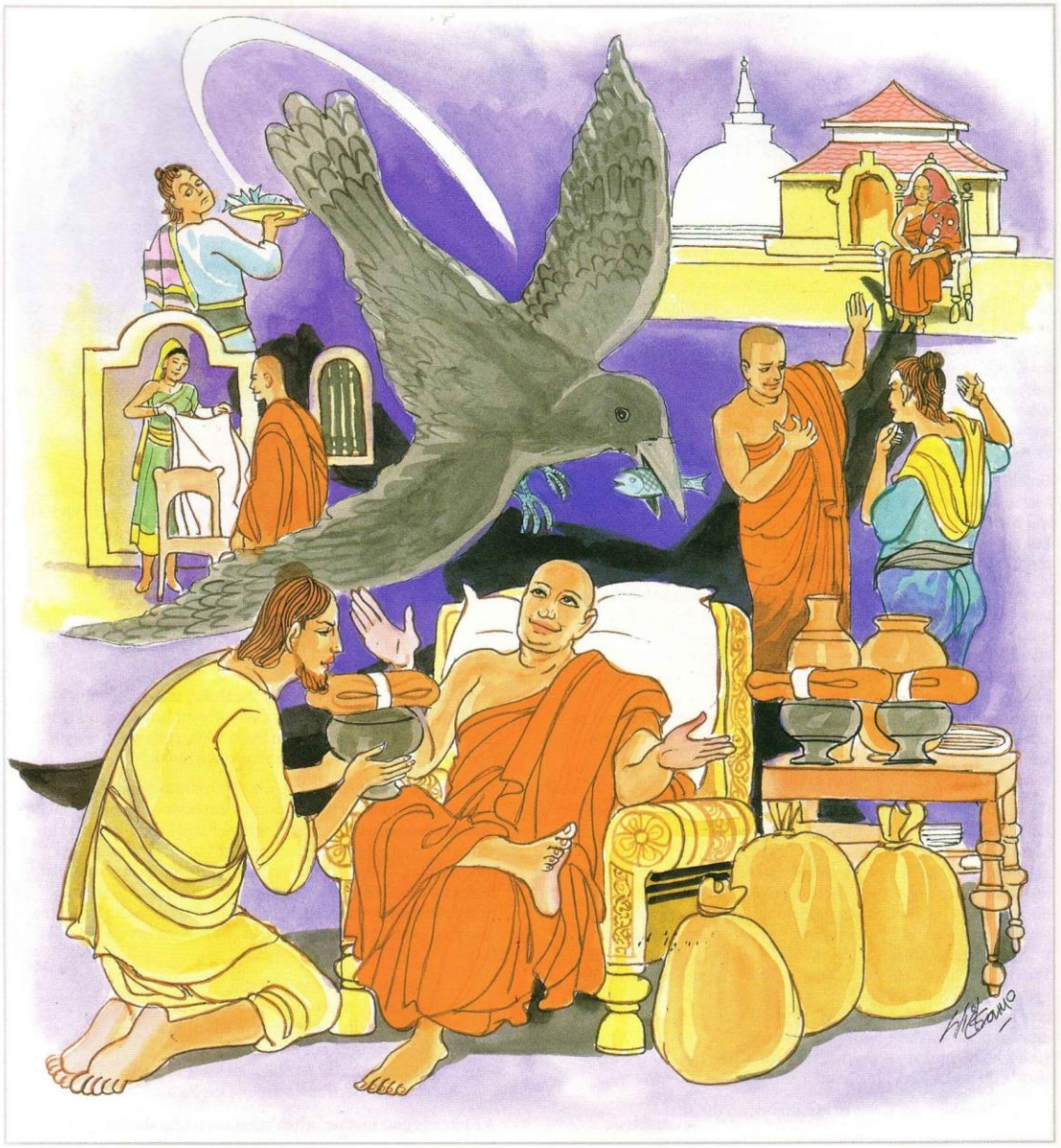

244. Dễ thay sống trơ tráo, lỗ mãng như quạ diều, miệng bêu rêu, ngạo mạn. Lòng ô nhiễm, tự kiêu.

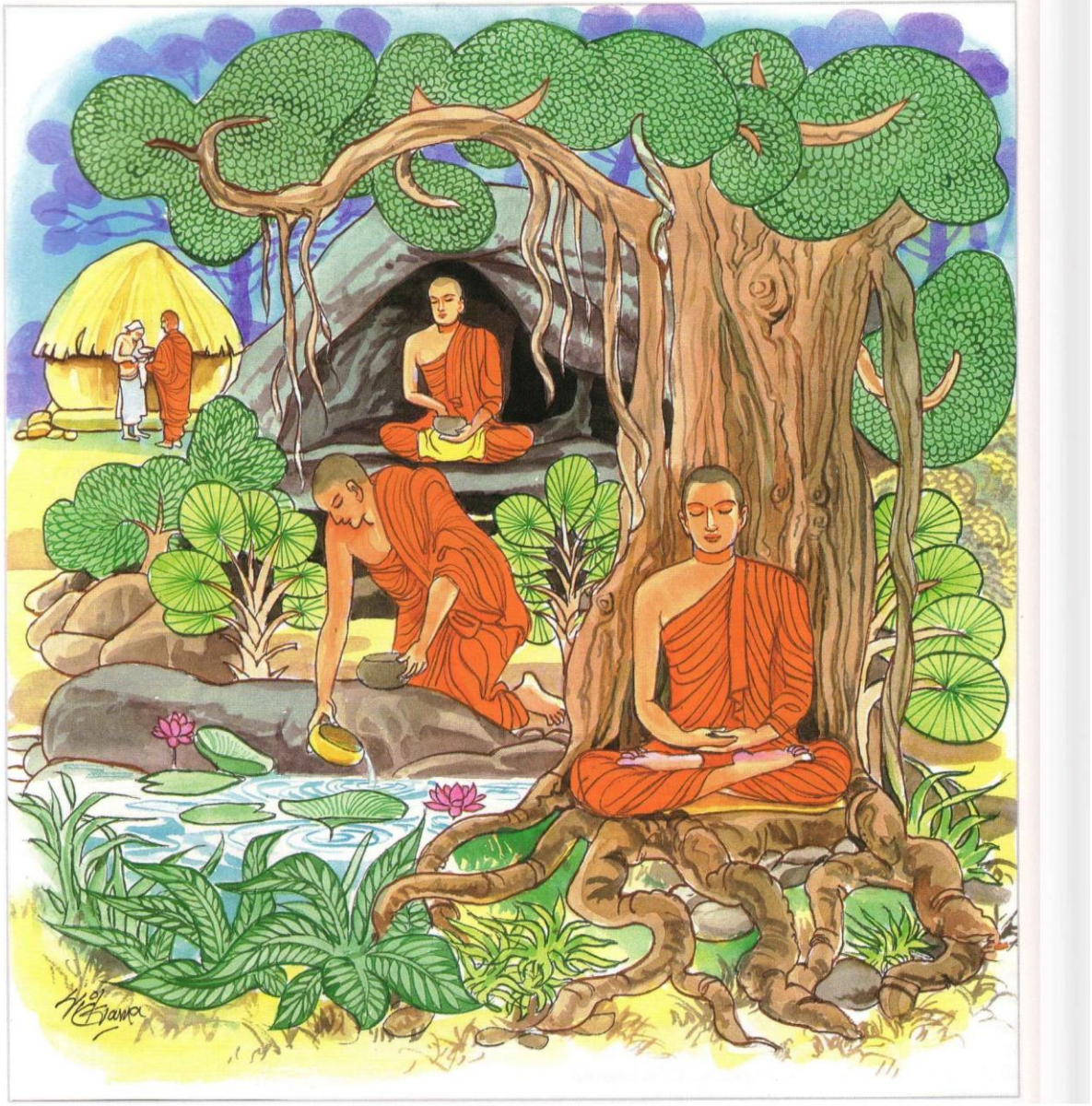

245. Khó thay sống khiêm tốn. Thanh tịnh tâm vô tư, giản dị đời trong sạch, sáng suốt trọn kiếp người.

XVIII.7- NĂM CẬN SỰ NAM (VỚI NĂM GIỚI)

(Yo pāṇamatimāpetīti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 246-247-248)

246. "Yo pāṇaṃ atiteti	***"Ai sống hại sinh linh,***
Musāvādañ ca bhāsati	***Nói láo trong đời nầy,***
Loke adinaṃ ādiyati	***Lấy của người không cho***
Paradārañ ca gacchati".	***Qua lại với vợ người".***
247. "Surāmerayapānañ ca	***"Lại rượu chè say sưa,***
Yo naro anuyuñjati	***Người sống đời sống ấy,***
Idh'evam eso lokasmiṃ	***Tất chính ngay đời nầy,***
Mūlaṃ khaṇati attano".	***Tự đào bỏ thiện căn".***
248. "Evaṃ bho purisa jānāhi	***"Vậy người hãy nên biết,***
Pāpadhammā asaññatā	***Chế ác chẳng dễ gì,***
Mā taṃ lobho adhammo ca	***Chớ tham lam phi pháp,***
Ciraṃ dukkhāya randhayuṃ".	***Mà trường khổ lụy thân".***

Pháp cú nầy được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài trú tại Tịnh xá Jetavana, đề cập đến năm ông thiện nam.

Trong năm ông, có một vị giữ giới sát sanh, bốn vị kia mỗi vị giữ một giới khác nhau.

Một hôm cả năm người tranh luận cùng nhau rằng: *"Tôi giữ được giới khó giữ nhất".* Rồi họ mang câu chuyện trình lên Đức Thế Tôn. Nghe xong câu chuyện, Đức Thế Tôn không xác định là giới nào khó giữ nhất, là kém nhất mà Ngài lại dạy rằng:

- Tất cả năm giới đều khó hành trì như nhau.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

246. "Yo pāṇaṃ atiteti	*"Ai sống hại sinh linh,*
Musāvādañ ca bhāsati	*Nói láo trong đời nầy,*
Loke adinaṃ ādiyati	*Lấy của người không cho*
Paradārañ ca gacchati".	*Qua lại với vợ người".*
247. "Surāmerayapānañ ca	*"Lại rượu chè say sưa,*
Yo naro anuyuñjati	*Người sống đời sống ấy,*
Idh'evam eso lokasmiṃ	*Tất chính ngay đời nầy,*
Mūlaṃ khaṇati attano".	*Tự đào bỏ thiện căn".*
248. "Evaṃ bho purisa jānāhi	*"Vậy người hãy nên biết,*
Pāpadhammā asaññatā	*Chế ác chẳng dễ gì,*
Mā taṃ lobho adhammo ca	*Chớ tham lam phi pháp,*
Ciraṃ dukkhāya randhayuṃ".	*Mà trường khổ lụy thân".*

☸

CHÚ GIẢI:

Yo pānaṃ atiteti: Bằng một lối nào trong sáu payoga (phương thế) bằng thân, khẩu hoặc ý cắt đứt mạng căn của kẻ khác.

Musāvādaṃ: Người nào nói lời dối trá và phá nát lợi ích của những người khác.

Loke adinaṃ ādiyati: Bằng một cách nào trong các cách trộm cắp trong thế gian nầy mà lấy cắp vật người khác gìn giữ.

Paradāraṅ ca gacchati: Làm điều sái quấy khi xâm phạm những tài vật có kẻ khác bảo vệ.

Surāmerayapānaṃ: Bất cứ thứ rượu hay thứ nước có chất say nào.

Anuyuñjati: Hằng sống nương vào, hằng thực hành làm cho phát sanh, phát triển.

Mūlaṃ khaṇati: Khỏi cần nói đến đời sau, chính trong kiếp hiện tại đây, tài sản nào như ruộng vườn, nhà cửa… đã tạo được bằng tiền, không biết khuếch trương thêm lại tuôn ra bán lần mà uống rượu là tự mình đang đào gốc tài sản của chính mình để rồi trở thành kẻ bần cùng, nghèo khổ xin ăn.

Evaṃ bho: Người vi phạm năm giới cấm được kêu gọi thân mật là bho.

Pāpadhammā: Những pháp thấp hèn tội lỗi.

Asaññatā: Người vô độ, không tiết chế thân, khẩu lại mải miết trong sự buông lung, người vô tư lự (acittako).

Lobho adhammo ca: Tham và sân hận đều là bất thiện cả hai.

Ciraṃ dukkhāya randhayuṃ: Chớ phạm ngũ giới nhất là sát sanh, để khỏi sa vào cảnh khổ như địa ngục, lâu dài không được siêu thoát.

Cuối thời pháp cả năm thiện nam đều chứng đạt Tu Đà Hườn quả. Thính chúng câu hội cũng đạt được nhiều lợi ích.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Năm giới đầu tiên nếu chẳng gìn giữ
Đừng hòng thoát khỏi ngục U minh
Sát sanh, trộm cắp đều nên sợ
Uống rượu, tà dâm thảy đáng kinh
Nói dối, cười chơi, thường uổng tiếng
Rủa ngay, thọc xéo chỉ làm thinh
Cư gia khó bước vô dòng Thánh
Lỗi tại tham sân, khiến lụy mình.

DỨT TÍCH NĂM THIỆN NAM GIỮ GIỚI

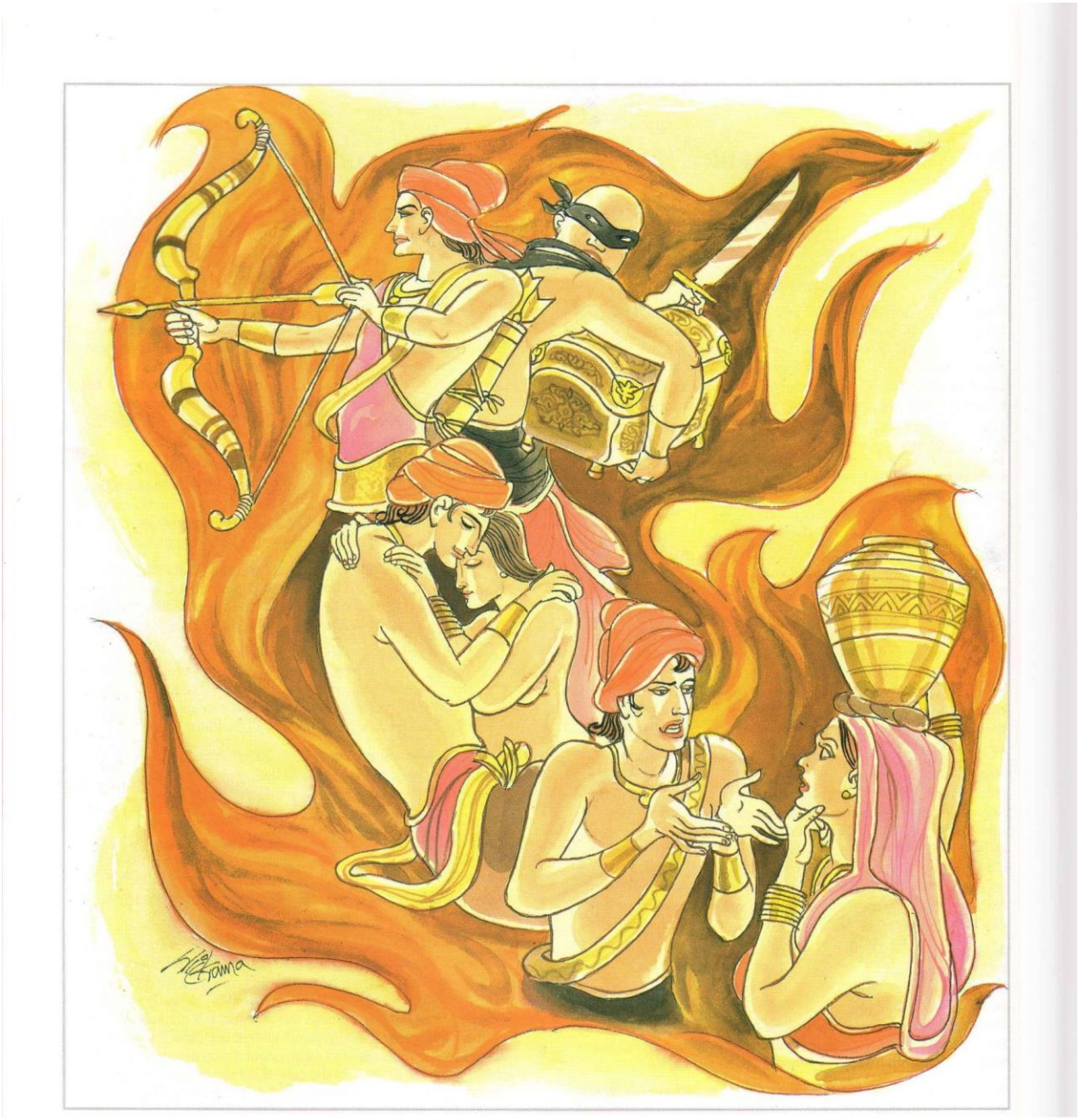

246. Ở đời ai sát sanh, láo thoét không chân thật, lừa đảo trộm tài vật, gian díu vợ người ta…



247. ...và người nào đam mê việc uống rượu và chất lên men, kẻ ấy đào bới gốc rễ của chính mình ở ngay tại nơi đây, trên thế gian này.

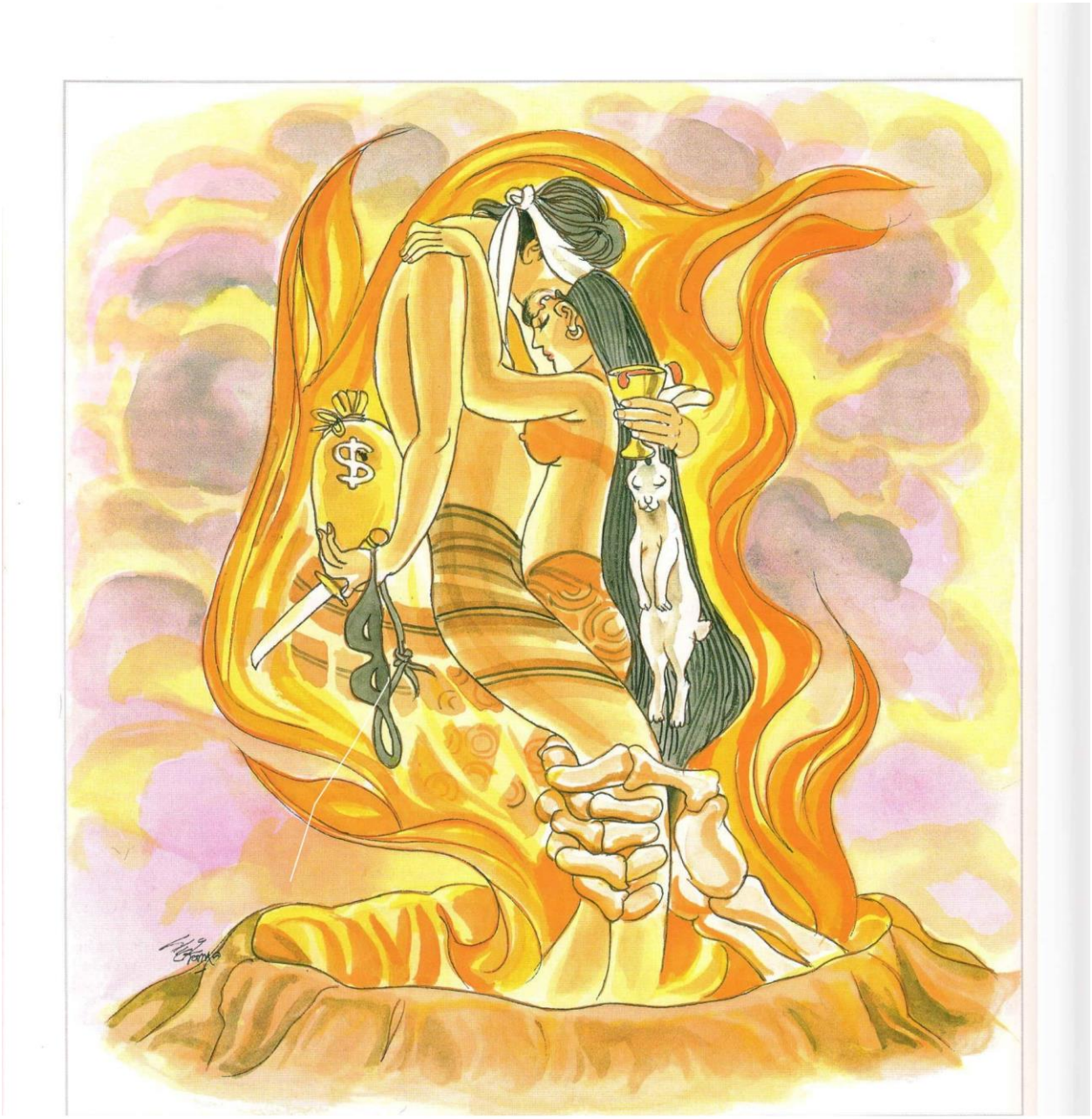

248. Bậc thiện nhơn nên biết, không tự chế là ác, đừng để tham, phi pháp, dìm ngươi khổ triền miên.

XVIII.8- TISSA NHÀ SƯ TRẺ (HAY CHÊ)

(Dadāti ve yathasaddhanti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 249-250)

249. "Dadāti ve yathāsaddhaṃ	***"Do tín tâm, hỷ tâm,***
Yathāpasādanaṃ jano	***Loài người mới bố thí***
Tattha yo yathāsaddhaṃ	***Kẻ sanh lòng đố kỵ,***
Paresaṃ pānabhojane	***Vật thực cúng đến người,***
Na so divā vā rattiṃ vā	***Ngày đêm không an tịnh".***
Samādhiṃ adhigacchati".	
250. "Yassa cetaṃ sammucchinnaṃ	***"Những ai đã đoạn tận***
Mūlaghacchaṃ samūhātaṃ	***Dứt trừ tâm ganh tỵ,***
Save diva vārattiṃ vā	***Ban ngày lẫn ban đêm,***
Samādhiṃ adhigacchati".	***Tâm hằng được tịnh lạc".***

Pháp Cú nầy Đức Bổn Sư thuyết lên khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Tỳ khưu Tissa.

Người ta nói rằng: Vị Sa môn trẻ nầy thường hay chê sự cúng dường, bố thí của Trưởng giả Anāthapiṇḍika, của bà Visākhā, chê luôn cả sự bố thí của 50 triệu Thánh Thinh Văn, cho đến cuộc Vô song thí của Đức vua Pasenadi cũng bị vị ấy chê tuốt. Vào trong Phước xá, nếu được vật nguội thì vị ấy chê là vật thực quá nguội, được vật thực nóng thì lại chê là đồ nóng. Thí chủ đặt bát thì bị vị ấy quở rằng: *"Sao lại đặt bát ít thế?"*. Còn nếu dâng nhiều thì bị nói rằng: *"Có lẻ trong nhà nầy không còn chỗ cất giữ vật thực sao? Nên họ không biết cúng dường vừa phải để Tỳ khưu vừa đủ nuôi mạng thôi, lại dâng cúng quá nhiều cháo cơm như thế nầy, thật là phí phạm quá".*

Tuy nhiên, khi nói đến quyến thuộc của mình, nhà sư lại đổi giọng khen ngợi rằng: *"Ồ! Ngôi nhà của quyến thuộc chúng tôi thật là quán nước, tha hồ chư khách Tăng từ bốn phương tựu đến".*

Thật sự thì, vị sư trẻ nầy vốn là con của người gác cổng thành, nhân đi chung với nhóm thợ mộc, phiêu du khắp nơi, đến thành Sāvatthī, rồi y xin xuất gia.

Khi chư vị Tỳ khưu thấy vị sư trẻ nầy cứ chê sự bố thí cúng dường của người khác thì nghĩ rằng: *"Chúng ta hãy tìm hiểu sự thật về ông sư nầy đi".* Chư khách Tăng hỏi vị ấy rằng:

- Nầy hiền giả! Quyến thuộc của hiền giả ở đâu?

- Ở nơi làng ấy, nơi trú xứ ấy.

Chư vị Tỳ khưu phái vài vị Tỳ khưu trẻ đi dò hỏi. Các vị đi đến làng ấy, được thôn dân cung thỉnh vào ngồi trong ký túc xá. Chờ đợi họ cúng dường vật thực xong, các vị hỏi rằng:

- Có vị sư trẻ tên Tissa, gốc người ở làng nầy đi xuất gia. Ở đây, ai là thân nhân của vị ấy?

Những người dân nghĩ rằng: *"Làng nầy không có ai là con nhà vọng tộc đi xuất gia cả, vì sao các vị nầy lại hỏi như thế?"*.

Họ bạch rằng:

- Bạch Ngài! Chúng tôi có nghe rằng một cậu con trai của người giữ cổng thành, sau khi phiêu lưu cùng với nhóm thợ mộc đã xuất gia rồi. Có lẽ Ngài hỏi về vị ấy phải chăng?

Các vị Tỳ khưu biết được vị Sa môn trẻ Tissa kia không có quyến thuộc giàu sang, thế lực ở tại đó, nên trở về thành Sāvatthī thuật lại với Tăng chúng rằng:

- Bạch các Ngài! Thầy Tissa không phải nói thật, đã bày chuyện vô cớ, nói nhảm nhí mà thôi.

Chư Tăng mang câu chuyện bạch trình lên Đức Thế Tôn, Ngài phán dạy rằng:

- Nầy chư Tỳ khưu! Chẳng phải bây giờ Tissa mới khoe khoang khoác lác. Thuở xưa, y cũng đã từng như thế rồi.

Chư Tỳ khưu thỉnh cầu Đức Bổn Sư thuyết giảng Bổn sanh, Ngài thuật lại tiền tích với kệ ngôn rằng:

"Bahumpi so vikattheyya aññaṃ janapadaṃ gato
Anvāgantvāna dūseyya bhuñja bhoge kaṭāhakāti".

"Khoe khoang khoác lác lung tung
Đã qua xứ lạ ai lùng mà lo
Hại thay, bị kẻ theo dò…
Kaṭāhaka, ăn no đi nò!..."

Sau khi thuật xong Bổn sanh Kaṭāhaka, Đức Bổn Sư dạy rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Nếu vị nào cảm thấy hổ thẹn vì được người dâng cúng ít hoặc nhiều, thô đạm hoặc thanh quý, hoặc không được cúng dường sau khi mình đã dâng phần mình cho những người khác, thì thiền định (ghānaṃ) hoặc Minh sát (Vipassanā) hoặc Đạo quả (Maggaphalāni) không phát sanh đến vị ấy.

Nói rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

249. "Dadāti ve yathāsaddhaṃ	*"Do tín tâm, hỷ tâm,*
Yathāpasādanaṃ jano	*Loài người mới bố thí*
Tattha yo yathāsaddhaṃ	*Kẻ sanh lòng đố kỵ,*
Paresaṃ pānabhojane	*Vật thực cúng đến người,*
Na so divā vā rattiṃ vā	*Ngày đêm không an tịnh".*
Samādhiṃ adhigacchati".	
250. "Yassa cetaṃ sammucchinnaṃ	*"Những ai đã đoạn tận*
Mūlaghacchaṃ samūhātaṃ	*Dứt trừ tâm ganh tỵ,*
Save diva vārattiṃ vā	*Ban ngày lẫn ban đêm,*
Samādhiṃ adhigacchati".	*Tâm hằng được tịnh lạc".*

CHÚ GIẢI:

Dadāti ve yathāsaddhaṃ: Con người ta khi dâng cúng món chi dầu thô bạc hay thanh quý cũng đều tùy theo đức tin của mình mà dâng cúng cả.

Tathā padānaṃ: Người phát tâm trong sạch đối với các vị Đại Đức Trưởng Lão… khi dâng cúng đến các vị ấy là dâng cúng tùy tâm trong sạch của mình.

Tattha: Trong sự bố thí (vật thí) của người khác, có trạng thái hổ thẹn sanh lên, nghĩ rằng: *"Ta được ít, ta được đồ thô bạo".*

Samādhiṃ: Ban ngày hoặc ban đêm, người ấy không đắc thiền định như cận định, chánh định hoặc Đạo quả.

Yassa cetaṃ: Người nào đã cắt đứt, đã nhổ bật gốc rễ trạng thái bất thiện, có tên là sự hổ thẹn trong những chỗ ấy và đắc A La Hán đạo tuệ. Người ấy là người chứng đạt thiền định ấy.

Cuối thời Pháp nhiều vị Tỳ khưu chứng Thánh Quả, nhất là quả vị Tu Đà Hườn.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Ai ngờ Sư trẻ gốc nhà quê
Lại giả làm sang cứ nhúng trề
Thọ ít, than phiền dâng ít quá
Dâng nhiều, trách móc: thọ nhiều ghê
Bày điều quyến thuộc ta giàu có
Đặt chuyện anh em tớ bộn bề
Rốt cuộc để lòi gương mặt mốc
Chê người, sao khỏi bị người chê?...

DỨT TÍCH NHÀ SƯ TRẺ HAY CHÊ

☸

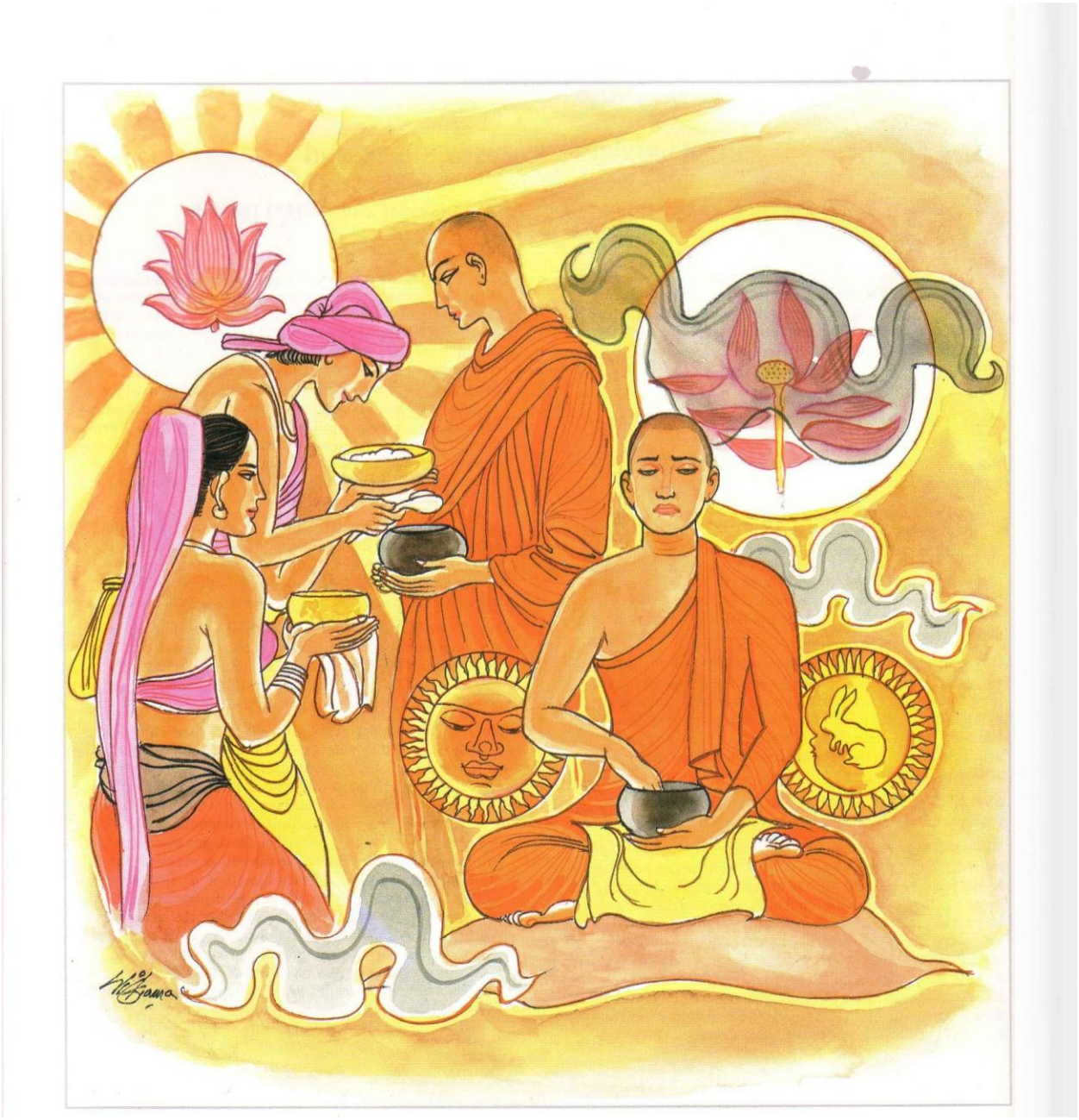

249. Do tín tâm hoan hỷ, nên người ta bố thí, ai đem lòng ganh tị, miếng ăn uống của người, kẻ ấy trong tâm tư, ngày đêm chẳng an tịnh.

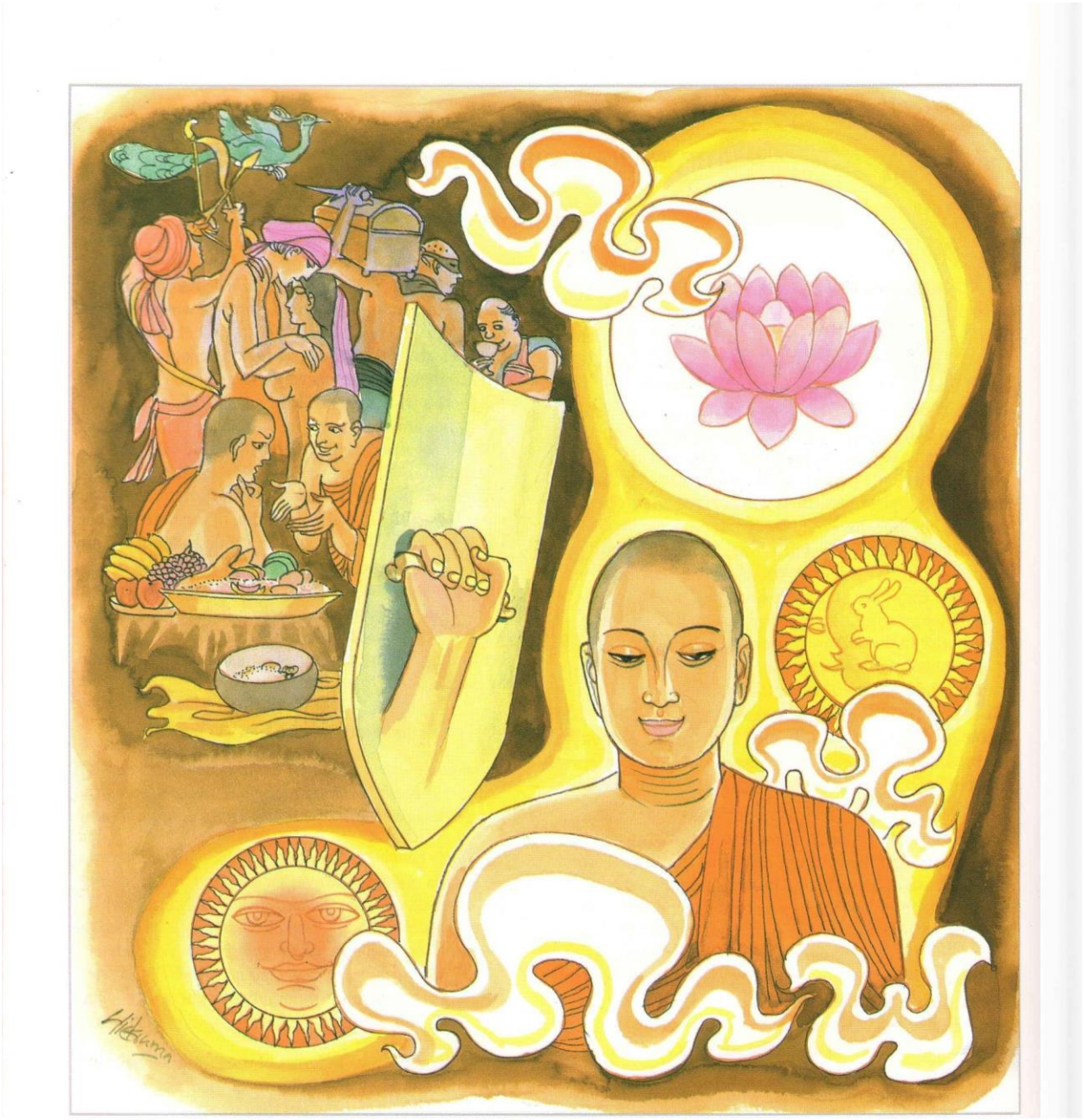

250. Ai nhổ, chặt gốc rễ; tận diệt thói ghét ghen;
người ấy cả ngày đêm; tâm thường được an tịnh.

XVIII.9- NĂM CẬN SỰ NAM THÍNH PHÁP

(Natthi rāgasamo aggīti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 251)

"Natthi rāgasamo aggi	***"Không lửa nào bằng tham!***
Natthi dosasamo gaho	***Không chấp nào bằng sân!***
Natthi mohasamaṃ jālaṃ	***Không lưới nào bằng si!***
Natthi taṇhāsamā nadi".	***Không sông nào bằng ái!".***

Pháp Cú nầy được Đức Bổn Sư thuyết lên khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến năm cận sự nam.

Năm cận sự nam nầy muốn đi nghe Pháp, bèn rủ nhau đến chùa, đảnh lễ Đức Bổn Sư rồi ngồi nép lại một bên nghe Pháp. Tâm bậc Chánh Đẳng Giác không bao giờ khởi lên, nghĩ rằng: *"Đây là Sát Đế Lỵ, đây là Bà La Môn, người nầy là Trưởng Giả, kẻ ấy là Thủ Đà La (dòng nô lệ). Đây là người giàu, nọ là kẻ nghèo. Đối với người nầy ta sẽ thuyết pháp cao siêu, đối với người kia ta sẽ thuyết trung bình. Còn đối với người nầy ta sẽ không thuyết".* Dầu bất cứ đối tượng nào, thuyết pháp nào, Ngài vẫn giữ lấy Pháp làm trọng yếu, thuyết Pháp như Thiên Hà đổ từ cao xuống vậy (ākāsagaṅgā).

Trong khi Đức Như Lai đang thuyết giảng Pháp như thế: Năm cận sự nam có năm trạng thái khác nhau: Một ông thì ngủ gật, một ông thì dùng ngón tay xủi dưới đất, ông kia thì ngồi lắc một cái cây, một ông nhìn lên trời, chỉ có một vị ngồi chăm chú lắng nghe Pháp mà thôi.

Đang quạt hầu Đức Thế Tôn, Đại Đức Ānanda nhìn thấy những hành động ấy, bèn bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Ngài, Ngài thuyết pháp cho các người nầy nghe, ví như trời sấm sét trong trận mưa to, thế mà họ lại hành động như thế nầy thế nọ trong khi Ngài đang thuyết giảng Pháp.

- Nầy Ānanda! Ngươi không biết gì về những cận sự nam nầy ư?

- Bạch Ngài! Con không biết.

- Trong những ông ấy, người ngồi ngủ gật đã từng là rắn năm trăm kiếp và mỗi kiếp đều tựa đầu lên mang mà ngủ. Bây giờ ông ta vẫn mê ngủ như thế. Không có tiếng nói nào của ta lọt vào tai ông ta cả.

- Bạch Ngài! Xin Ngài giải rõ sự tái sanh của ông ta tuần tự diễn tiến hay là có bị gián đoạn?

- Nầy Ānanda! Có khi ông sanh làm người, có khi ông sanh làm chư Thiên, có khi làm Long Vương. Sự tái sanh của ông ta nhiều vô số kể, không thể biết chính xác số lượng. Nhưng trong năm trăm kiếp liên tục, ông đã sanh làm rắn và cứ mê ngủ như thế, cho đến kiếp nầy vẫn còn mê ngủ như thế.

Người dùng tay xủi đất kia, đã sanh làm con trùn năm trăm kiếp liên tục, cứ lo đào đất mãi. Bây giờ do thói quen từ trước, ông ta cứ lo xủi đất như thế, tiếng của Như Lai không vào tai ông ta được.

Ông đang ngồi lắc cây, thì đã từng là khỉ liên tục năm trăm kiếp, vì thói quen tạp nhiễm như thế, ông ta cứ lo lắc cây chớ không lắng nghe Pháp Như Lai.

Còn ông Bà la môn nhìn trời do đã từng là nhà thiên văn trọn năm trăm kiếp liên tục. Giờ đây do thói quen tạp nhiễm nên cứ ngồi nhìn trời như thế. Tiếng nói của ta không lọt vào tai của ông.

Vị Bà la môn ngồi nghe Pháp chăm chú kính cẩn, thì đã từng sanh liên tiếp năm trăm kiếp là vị Bà la môn trì tụng Tam Phệ Đà, chuyên việc tham thiền niệm chú, bây giờ cũng ngồi kính cẩn nghe Pháp, giống như đang niệm chú vậy.

- Bạch Ngài! Pháp của Ngài thuyết banh da xẻ thịt, thấu tận xương tủy. Tại sao trong khi Ngài thuyết pháp, mấy ông nầy lại không chăm chú nghe?

- Nầy Ānanda! Ngươi ngỡ rằng Pháp Như Lai thuyết là dễ nghe lắm sao? Dễ lãnh hội lắm sao?

- Bạch Ngài! Ngài cho rằng Pháp ấy khó lãnh hội lắm sao?

- Thật như vậy, nầy Ānanda.

- Tại sao vậy? Bạch Ngài.

- Nầy Ānanda! Những chúng sanh nầy đã trải qua vô số trăm ngàn kiếp trái đất, chưa từng nghe tiếng Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, cho nên bây giờ không thể nghe được Pháp của ta thuyết đây.

Trong vòng luân hồi vô thủy, những chúng sanh nầy chỉ thường nghe ngôn ngữ của cầm thú dưới mọi hình thức, bởi vậy họ quen la cà tại những nơi mà người ta ăn uống vui chơi, ca hát, nhảy múa. Họ không thể nào nghe Pháp được.

- Bạch Ngài! Tại cớ nào mà họ không thể nghe Pháp được.

- Nầy Ānanda! Không thể nghe Pháp được tại vì tham (Rāga), tại vì sân (Dosa), tại vì si (Moha). Không có lửa nào bằng lửa tham, một thứ lửa không thấy tro than mà hằng thiêu đốt chúng sanh. Lửa nương từ bảy mặt trời sanh lên trong Hoại kiếp của trái đất để thiêu đốt cháy tan thế gian nầy, thứ lửa ấy có lúc thiêu đốt, có lúc không có để thiêu đốt. Còn lửa tham thì không lúc nào là không thiêu đốt cả. Bởi thế mới gọi rằng: *"Không có lửa nào bằng lửa tham, không chấp nào bằng sân, không lưới nào bằng si, không sông nào bằng sông ái".*

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Natthi rāgasamo aggi	*"Không lửa nào bằng tham!*
Natthi dosasamo gaho	*Không chấp nào bằng sân!*
Natthi mohasamaṃ jālaṃ	*Không lưới nào bằng si!*
Natthi taṇhāsamā nadi".	*Không sông nào bằng ái!".*

CHÚ GIẢI:

Rāgasamo aggi: Mặc dầu bên ngoài không thấy có khói, nhưng sức thiêu đốt của tham phát khởi bên trong không có lửa nào sánh bằng.

Dosasamo: Mặc dầu Dạ xoa, con trăn, con sấu... có thể cầm giữ quấn chặt, gấp cái xác thân nầy, nhưng so với sự sân thì sự nắm chắc hay cố chấp, không có lưới nào bằng lưới si.

Taṇhā samā: Các sông rạch, khi nước lớn, khi nước ròng và khi cạn hết cũng đều có thể thấy rõ được. Còn khát ái (taṇhā) không có khi đầy tràn hoặc khô cạn. Luôn luôn lúc nào cũng thấy nó thiếu thốn. Về sự khó làm cho đầy của khát ái, không có sông nào sánh bằng.

Cuối thời Pháp, ông cận sự nam chăm chú nghe Pháp chứng đắc quả Tu Đà Hườn. Hội chúng cũng được hưởng nhiều sự lợi ích.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

- Ông ngồi nhắm mắt ngáy o o...
Mặc Pháp cao siêu cứ ngủ khò
Thưở trước đã từng quen tánh rắn
Năm trăm kiếp ngủ ít buồn lo.
- Ông ngồi sủi đất chẳng nghe kinh
Tánh cũ thường quen lủi xuống sình
Sợ đói đêm ngày, trùn kiếm đất
Ngờ đâu đất vẫn ở quanh mình
- Ông lắc cây kia giữ tánh xưa
Năm trăm kiếp khỉ nết không chừa
Ngồi nghe thuyết Pháp tai dường điếc
Tâm động, người ông cứ đẩy đưa.
- Ông nầy ngồi cứ ngó trên không
Quen tánh xem trời, đoán kiết hung
Tai chẳng buồn nghe Kinh Phật thuyết
Tâm còn bận nghĩ chuyện mông lung.
- Còn ông kính cẩn ráng nghe kinh
Do biết tham thiền, đắc quả linh
Được Phật nhắc vài câu Pháp Cú
Năm trăm kiếp đạo đủ công trình.

DỨT TÍCH NĂM ÔNG THIỆN NAM NGHE PHÁP



251. Lửa nào cho bằng cái lửa tham lam, chấp nào cho bằng cái chấp tức giận, lưới nào cho bằng cái lưới vô minh, sông nào cho bằng cái sông ái dục.

XVIII.10- TRƯỞNG GIẢ MEṆḌAKA

(Sudassaṃ vajjamaññesanti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 252)

"Sudassaṃ vijjaṃ aññesaṃ	***"Thấy lỗi người thì dễ,***
Attano pana duddasaṃ	***Thấy lỗi mình mới khó,***
Paresaṃ hi so vajjāni	***Lỗi người ta phanh tìm,***
Opuṇāti yathā bhusaṃ	***Như tìm trấu trong gạo.***
Attano pana chādeti	***Còn lỗi mình thì dấu,***
Kalim'va kitavā saṭho".	***Như thợ săn dấu mình".***

Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự tại Jātiyā gần thành Bhaddiya, đề cập đến Trưởng Giả Meṇḍaka (Miên Dương).

Tương truyền rằng: Trong khi đi vân du trong xứ Aṅguttara, Đức Thế Tôn quán thấy: Ông Trưởng giả Meṇḍaka cùng vợ là Candapadumā (Nguyệt Liên), con trai Dhanañjaya (Tài Thắng), người dâu Sumanadevī (Tố Tâm Nương Tử), cô cháu gái Visākhā (Thiện Chi) và người đầy tớ Puṇṇa (Viên Mãn), tất cả đều có duyên lành với Thánh Quả Tu Đà Hườn. Nên Ngài ngự đến thành Bhaddiya, an cư trong rừng Jātiyā, Trưởng giả Meṇḍaka hay tin Đức Thế Tôn đã ngự đến rồi.

Vì sao có tên là Meṇḍaka? Người ta đồn rằng: Phía sau nhà của Trưởng Giả, trong một khoảng đất Karīsa (lối 8 mẫu) có nhiều con cừu (Miên dương trừu) bằng vàng, lớn cỡ con voi, con ngựa và con bò mộng, đội đất hiện ra đứng nối đuôi nhau, đâu lưng cùng nhau chật cả khoảng đất. Trong miệng chúng có những cuộn chỉ. Khi nào cần dùng năm món thuốc như bơ, sữa, mật, đường, dầu hoặc vải vóc, y phục hay vàng ròng, vàng thô… người ta móc cuộn chỉ trong miệng con dê ra, chỉ một con cũng đủ số lượng sữa, bơ, đường… hay vàng ròng, vàng thô cần dùng đủ cho tất cả dân trong cõi Diêm Phù Đề. Nên Trưởng giả có tên gọi là Meṇḍaka (Miên Dương).

Ông đã tạo thiện nghiệp gì trong quá khứ?

Theo truyền thuyết, vào thời Đức Phật Vipassī, ông có người cậu là Trưởng giả Avarajavā và ông cũng đồng tên như cậu của mình.

Bấy giờ, người cậu dự kiến xây dựng một Hương thất. Ông đến gặp mặt cậu và đề nghị:

- Thưa cậu, hai cậu cháu mình hợp tác nhau mà làm nhé.

- Cậu không muốn làm chung với ai cả. Cậu chỉ làm một mình thôi.

Bị cậu từ chối không cho hợp tác, ông nghĩ thầm: *"Khi nào Hương thất nầy cất xong thì ta sẽ cất thêm một cái Tượng đình (Kuñjarasāla)"*. Thế rồi, ông khiến người mang vật liệu từ rừng về, dựng thành một cây trụ cẩn vàng, một cây cẩn bạc, một cây cẩn ngọc Maṇi. Tất cả những cột kèo, đòn tay, ngạch cửa cái, cửa sổ, mái hiên, nóc, mái lợp ông cũng đều cho cẩn bằng vàng, bạc và ngọc Maṇi như thế. Rồi đối diện với Hương thất, ông cho dựng lên ngôi tượng đình của Đức Như Lai toàn bằng bảy báu. Trên nóc Tượng đình có ba cái tháp nhọn bên dưới bằng vàng khối, bên trên bằng

ngọc San hô. Ngay chính giữa tượng đình, ông cho làm một cái nhà bằng Bảo ngọc và cho thợ làm bốn con trừu bằng vàng kê dưới chân Pháp tọa. Làm thêm hai con trừa để làm ghế kê chân và sáu con khác cũng bằng vàng bao quanh ngôi Giảng Pháp đường. Bên dưới Pháp tọa ông cho dệt bằng chỉ thường, lớp giữa là chỉ vàng và bên trên là chỉ bạc, còn chỗ dựa lưng của Pháp tọa là gỗ Chiên đàn.

Khi hoàn tất ngôi Tượng đình, ông tổ chức lễ khánh thành, cung thỉnh Đức Thế Tôn cùng với sáu triệu tám trăm ngàn Tỳ khưu đến dự lễ, rồi cúng dường vật thực suốt bốn tháng. Đến ngày cuối, ông cúng dường Tam y đến toàn thể Chư Tăng, mỗi bộ có giá trị là cả ngàn đồng Kahāpana.

Trong thời Đức Phật Vipassī, ông đã tạo phước lành như thế, nên luân chuyển hai cõi nhân thiên cho đến hiền kiếp (Bhaddakappa) nầy. Ông tái sanh vào một đại gia tộc Trưởng giả ở thành Bārāṇasī và được phong chức Trưởng giả nơi thành ấy.

Một hôm, trong lúc vào cung hầu Đức vua, ông gặp vị Quân Sư tế tự, hỏi rằng:

- Thưa Quân Sư! Ngài vẫn thường xem thiên văn để tiên đoán Quốc sự đấy chứ?

- Phải rồi, tôi vẫn thường làm việc nầy, ngoài ra tôi còn có đảm nhận việc gì khác đâu.

- Xin Quân Sư cho biết tình hình trong nước như thế nào?

- Sẽ có một thiên tai nặng nề.

- Thiên tai chi thế?

- Nạn đói sẽ hoành hành, Trưởng giả ạ.

- Chừng nào mới có nạn đói?

- Kể từ nay cho đến ba năm nữa.

Được nghe lời tiên đoán của vị Quân Sư tế tự, Trưởng giả thành Bārāṇasī đốc thúc người nhà làm thật nhiều ruộng, xuất hết tiền của hiện đang có mua trữ thóc gạo, cho xây dựng 2500 kho, vựa chứa lúa, đổ đầy kho vựa ấy. Khi kho hết chỗ chứa lúa, ông cho đổ đầy các lu, hũ… và cho đào hố chôn dưới đất. Số còn dư sau cùng ông cho nhào trộn cùng đất sét rồi trét lên vách nhà.

Thời gian sau, khi có nạn đói, ông cho lấy số lúa được tích trữ ra mà dùng. Khi số lúa để dành trong các kho lẫm, các đồ đựng đã hết sạch. Trưởng giả cho triệu tập tất cả gia nhân đến, bảo:

- Các người hãy vào trong núi mà sống chung với nhau. Đến thời hết nạn đói thì trở về, ai muốn về với ta thì về, bằng không thì cứ ở luôn nơi đó đi.

Bấy giờ, chỉ còn có người nô lệ tên Puṇṇa là ở lại phục dịch hầu hạ chủ mà thôi. Gia tộc chỉ còn lại tổng cộng là năm người: hai ông bà Trưởng giả, cậu công tử, cô dâu và người tớ Puṇṇa. Dùng số lúa chôn dưới đất đã hết, bà Trưởng giả đập số đất sét trét tường ra, lọc lấy những hạt thóc để nấu cơm, cháo sống qua ngày. Khi nạn đói kéo dài, số hạt thóc trét tường cũng hết, chỉ còn lại độ nửa āḷahaka lúa, giã ra được một lon gạo. Bà Trưởng giả tự nghĩ: *"Trong thời đói kém, kẻ trộm cướp rất nhiều"*. Vì sợ trộm cướp bà bỏ gạo vào cái vò, đem chôn dưới đất.

Khi Trưởng giả đi chầu Vua về, ông bảo vợ rằng:

- Bà ơi! Tôi đói bụng quá, có chi cho tôi ăn không?

Thay vì nói *"Không có chi"*, vợ ông lại nói:

- Thưa ông! Còn một lon gạo.

- Bà để ở đâu?

- Tôi chôn dưới đất vì e sợ trộm cắp.

- Vậy bà hãy đào lên lấy chút ít nấu cơm đi.

- Nếu tôi nấu cháo thì sẽ dùng được hai bữa. Còn nấu cơm thì chỉ dùng được một bữa thôi. Vậy tôi sẽ nấu cái chi đây thưa ông?

- Chúng ta chỉ còn nước ăn cơm rồi chờ chết, chớ còn làm cái chi nữa đâu. Bà hãy nấu cơm đi.

Bà trưởng giả lấy gạo nấu cơm, rồi chia làm năm phần, xúc trong nồi ra một phần đầy một bát của ông Trưởng giả, để trước mặt ông.

Bấy giờ, trong núi Gandhamādana (Hương Đàn) có vị Độc Giác Phật vừa xuất thiền Diệt. Theo truyền thuyết, trong lúc nhập Đại Định, vị Độc Giác Phật không bị sự áp bức của đói khát do nhờ mãnh lực thiền định. Nhưng khi xuất khỏi định, sự đói khát phát khởi mãnh liệt, như có lửa đốt phía bụng dưới các Ngài. Bởi thế, các Ngài quán xét nơi nào có được vật thực là Ngài sẽ đến ngay nơi đó để thọ nhật vật thực. Trong ngày ấy, người cúng dường đến vị ấy sẽ được quả sanh khởi ngay trong hiện tại mau chóng, chẳng hạn như sẽ trở thành vị Trưởng giả hay trở thành quan Đại Thần... Khi Đức Phật Độc Giác dùng thiên nhãn quán xét cõi Diêm Phù, thấy nạn đói đang hoành hành và hình ảnh năm người trong gia tộc Trưởng giả lọt vào võng trí của Ngài, thấy cả năm người chỉ còn có một lon gạo để nấu cơm. Ngài tự hỏi: *"Những người nầy có đức tin và cúng dường đến ta chăng?"*. Khi quán thấy họ có đức tin và có sự cúng dường vật thực đến mình. Đức Phật Độc Giác từ núi Gandhamādana ngự xuống, đứng trước nhà ông Trưởng giả.

Thấy Ngài, Trưởng giả phát tâm trong sạch, nghĩ rằng: *"Vì kiếp trước ta không làm phước bố thí, nên kiếp nầy gặp phải cảnh đói khát như thế nầy. Phần cơm nầy chỉ hộ trì ta sống được một bữa, nhưng nếu ta cúng dường nó đến Ngài, nó sẽ có lợi ích cho ta vô số kiếp trái đất"*.

Thế rồi, Trưởng giả dời bát cơm qua một bên, đảnh lễ dưới chân Đức Độc Giác với ngũ thể đầu địa, đoạn rước Ngài vào nhà, thỉnh Ngài ngồi nơi được soạn sẵn, dùng nước rửa chân Ngài, đặt ghế thấp bằng vàng cho Ngài gác chân. Xong rồi đem cúng dường bát cơm của mình đến Đức Độc Giác Phật. Khi ông sớt được phân nữa bát cơm thì Đức Phật Độc Giác dùng tay ngăn lại. Trưởng giả thưa rằng:

- Bạch Ngài! Một lon gạo nấu thành cơm, được chia cho năm người, đây là phần của con, không thể xẻ phần này ra làm hai được. Con không xin Ngài ban phước trong hiện tại, con chỉ cúng dường Ngài cả phần cơm nầy để lợi ích trong vị lai.

Nói rồi, Trưởng giả cúng dường trọn bát cơm đến Đức Độc Giác Phật, xong rồi ông phát nguyện rằng:

- Bạch Ngài! Trong các cảnh giới luân hồi, xin cho con đừng bao giờ gặp lại cảnh nạn đói như đây. Hơn nữa, từ nay về sau cho con có đủ phương tiện, khả năng bố thí lúa gạo cho tất cả cư dân trong toàn cõi Diêm Phù. Xin cho con khỏi phải làm lụng vất vả để nuôi sống. Sau khi cho người quét sạch 2500 kho lúa, con gội đầu ngay trước những kho lúa ấy, khi ngẩng lên trời thì trận mưa lúa Sāli đỏ từ trên hư không tràn ngập vào các kho vựa. Và trong những cảnh giới tái sanh, xin cho những người nầy sẽ là vợ, là con trai, là con dâu, là nô nhân như trong hiện tại đây.

Bà Trưởng giả suy nghĩ: *"Trong khi chồng ta nhịn đói xót ruột, ta không thể nào no bụng riêng mình được"*. Rồi bà cũng đem phần cơm của mình cúng dường đến Đức Độc Giác, phát nguyện rằng:

- Bạch Ngài! Xin cho con từ nay trở đi, dầu tái sanh ở cảnh giới nào, đừng bao giờ cho con gặp lại cảnh đói khủng khiếp như vầy nữa. Xin cho con có quyền năng bố thí cơm đến tất cả cư dân trong toàn cõi Diêm Phù, bằng cách đặt một nồi cơm trước mặt, con xúc cơm bô thí cách mấy nồi cơm vẫn đầy tràn lại như cũ, cho đến khi con đứng dậy mới thôi. Xin cho những người nầy sẽ là chồng con, con trai con, con dâu con và nô bộc của con y như quan hệ bây giờ.

Công tử con Trưởng giả cũng dâng phần cơm của mình lên Đức Phật Độc Giác và phát nguyện rằng:

- Xin cho con đừng bao giờ gặp lại nạn đói như vầy nữa. Xin cho con có quyền năng, chỉ với một túi tiền đựng ngàn đồng, con có thể bố thí cho tất cả cư dân trên cõi Diêm Phù, dầu cho con có bố thí bao nhiêu, túi tiền vẫn không vơi. Xin cho những người nầy hãy là cha, là mẹ, là vợ, là nô bộc của con như quan hệ trong hiện tại nầy mãi mãi.

Cô dâu của Trưởng giả cũng dâng cúng phần cơm của mình đến Đức Phật Độc Giác và nguyện rằng:

- Xin cho con đừng bao giờ gặp nạn đói như vầy nữa. Xin cho con có quyền năng bố thí cho tất cả mọi người trên cõi Diêm Phù nầy, xin cho thúng mẽ cốc mà con dùng bố thí chẳng bao giờ vơi. Trong các cảnh giới con tái sanh xin cho những người nầy là cha chồng, là mẹ chồng, là chồng và nô bộc của con như trong hiện tại đây.

Người tớ Puṇṇa cũng dâng phần cơm của mình đến Đức Phật Độc Giác, phát nguyện rằng:

- Xin cho con đừng gặp cảnh đói như vầy nữa. Xin cho tất cả những người nầy hãy là chủ của con mãi mãi.

- Khi con cày một đường cày thì mỗi bên lại có thêm ba đường cày ruộng cỡ một aminaṇa.

Trong ngày ấy, người tớ Puṇṇa có thể nguyện kết quả là vị Đại Thần được nhưng vì lòng mến chủ nên tự nguyện "Xin cho những người nầy mãi là chủ của con" như vậy.

Khi mọi người cúng dường và phát nguyện xong rồi, Đức Phật Độc Giác chúc phúc:

- Mong cho được như vậy.

Rồi tụng lên kệ ngôn mà chư Độc Giác hằng tụng chúc phúc khi thọ thực. Ngài suy nghĩ rằng: *"Ta có phận sự khiến cho những gia chủ nầy phát tâm hoan hỷ và tịnh tín hơn nữa. Mong cho những người nầy trông thấy ta về đến núi Gandhamādana".* Ngài theo đường hư không về núi. Cả năm người chứng kiến như đang diễn ra trước mắt mình. Về đến núi Ngài mang phần cơm ra cúng dường đến 500 vị Độc Giác Phật. Nhờ thần lực của Ngài, cả 500 vị Độc Giác dùng cơm ấy vẫn không hết. Cả năm người chứng kiến quang cảnh ấy càng tịnh tín và hoan hỷ thêm lên.

Qua khỏi giờ ngọ rồi, bà Trưởng giả đem nồi đi rửa, xong rồi đem cất. Ông Trưởng giả vì bụng cồn cào do đói nên đi ngủ, đến xế chiều ông thức giấc nói với vợ rằng:

- Bà ơi! Tôi đói quá, bà coi dưới đáy nồi còn dư sót cơm chăng?

Dầu biết rằng đã rửa nồi cất rồi nhưng bà Trưởng giả không nói là *"Không còn gì đâu"*, mà lại nói:

- Để tôi giở coi thử.

Bà đứng dậy đi đến cái nồi, giở nắp nồi ra. Lạ thay! Trong nồi đầy ắp cơm trắng, mùi thơm như nụ hoa lài. Cơm nở vun lên đẩy nắp nồi lên cao.

Thấy vậy, toàn thân bà Trưởng giả phát sanh phỉ lạc, bảo rằng:

- Ông ơi! Hãy dậy xem nầy, tôi đã rửa nồi cất đi rồi. Thế mà bây giờ trong nồi, cơm trắng xuất hiện thơm như những nụ hoa lài. Việc phước thiện quả thật đáng nên làm, việc bố thí thật đáng nên làm. Ông hãy ăn cơm đi.

Rồi bà mang cơm cho cả Trưởng giả, mình, công tử, con dâu và nô lệ Puṇṇa dùng. Mặc dầu cơm được xúc dùng no đủ nhưng vẫn đầy tràn trở lại như cũ không hề vơi đi một muỗng nào cả.

Cũng ngay trong lúc ấy, những kho lúa của Trưởng giả khi trước tràn đầy như thế nào, thì nay lại tràn đầy như thế ấy. Trưởng giả cho người lan truyền khắp thành Bārāṇasī rằng:

- Trong nhà Trưởng giả có cơm trắng phát sanh. Ai thiếu hụt lúa gạo hã đến đó mà lãnh đi.

Thế là, tất cả dân trong cõi Diêm Phù nhờ ông Trưởng giả mà thoát khỏi nạn đói, được sống còn.

Sau khi mệnh chung, tất cả sanh về Thiên giới. Đến thời hiện tại, từ nơi Thiên giới Trưởng giả hạ sanh vào một gia tộc Trưởng giả trong thành Bhaddiya. Bà Trưởng giả cũng tái sanh vào một gia đình cự phú. Khi trưởng thành, hai người được thành gia tộc với nhau như quan hệ trong thưở trước. Do phước của tiền nghiệp, phía sau nhà Trưởng giả nổi lên những con trừu bằng vàng như đã nói ở trước. Cậu công tử, cô dâu và chàng nô bộc Puṇṇa cũng sum họp trong gia tộc như lời nguyện ước khi xưa.

Một hôm, để trắc nghiệm quả phước của mình, sau khi cho người quét sạch một ngàn năm trăm kho lúa, ông gội đầu tại cửa kho, xong rồi ngước mắt nhìn lên hư không. Tất cả các kho lúa tự nhiên đầy ắp lúa Sāli đỏ như đã thuật ở trước.

Ông Trưởng giả muốn trắc nghiệm phước của bà Trưởng giả nên bảo rằng:

- Các ngươi hãy thử nghiệm quả phước của mình xem sao?

Bà Trưởng giả trang điểm thật xinh đẹp, đeo tất cả những nữ trang lên mình, ngay trước mặt đại chúng, bà đong một đấu gạo đầy đủ nấu một nồi cơm, bà ngồi lên chỗ đã soạn sẵn tại phòng khách tiết, tay cầm muỗng vàng, bà gọi lớn rằng:

- Ai cần dùng cơm hãy đến nơi đây.

Bất cứ người nào mang chén, tô… bà đều múc đầy cơm trắng vào cả. Bà cho cơm như thế suốt cả ngày mà nồi cơm trắng không hề vơi, vẫn tràn đầy như cũ.

Trong những kiếp trước nàng Candapadumā đã từng cúng dường đến chư Tỳ khưu Tăng của các vị Cổ Phật, cũng như bây giờ, bà tay trái bưng nồi cơm, tay phải cầm muỗng sớt cơm đầy bát dâng đến chư Tăng. Nhờ vậy mà lòng bàn tay trái của bà có hình hoa sen, còn bàn tay phải có hình mặt trăng tròn, nên bà có tên là Candapadumā. Hơn nữa, bà đã từng cầm đồ lọc nước đi tới đi lui, lọc nước hộ chư Tỳ khưu Tăng. Nhờ vậy lòng bàn chân phải của bà có hình mặt trăng, còn lòng bàn chân trái thì có hình cánh hoa sen.

Bấy giờ, công tử tên là Dhanañcaya cũng gội đầu, lấy túi tiền có đựng ngàn đồng vàng của mình ra, tuyên bố rằng:

- Những ai cần tiền hãy đến đây.

Tất cả mọi người đến, cầm các thứ đồ đựng, đều được cậu cho đầy đủ, nhưng túi tiền vẫn còn nguyên vẹn ngàn đồng Kahāpana.

Đến nàng dâu Sumanadevī, cô cũng trang điểm và đeo tất cả nư trang rồi bưng thúng lúa ra ngồi ngoài sân trống rao lớn:

- Những ai cần dùng mễ cốc hãy đến đây.

Mọi người cầm thúng, đồ đựng đưa ra, tất cả đều được nàng cho đầy đủ, nhưng thúng lúa không hề vơi đi chút nào cả.

Người tớ Puṇṇa cũng trang điểm bằng đủ thứ đồ trang sức, rồi mắc bò vào ách vàng, dây giàm vàng, tay cầm roi vàng, in dấu năm ngón tay của bàn tay xòe có thoa hương liệu lên mình bò và buộc dây lên sừng con bò những chén chung bằng vàng. Xong rồi, anh mới dắt bò ra ngoài ruộng, bắt đầu cày. Lập tức lớp đất mặt lật lên thành bảy luống cày: ba luống bên nầy, ba luống bên kia và một luống ngay chính diện.

Thế là, từ nơi Trưởng giả, chúng dân cõi Diêm Phù được lãnh nào là mễ cốc, nào là vàng thô, vàng ròng, đủ thứ tùy theo nhu cầu, sở thích.

Khi Trưởng giả là người đại phúc như thế, hay tin Đức Thế Tôn ngự đến, ông quyết định: *"Ta sẽ đi nghinh tiếp Đức Bổn Sư"*. Ra khỏi nhà, dọc đường ông gặp các nhóm du sĩ ngoại đạo. Họ hỏi ông:

- Nầy trưởng giả! Tại sao ông là người theo thuyết hữu vi mà lại đi tìm Sa môn Gotama là người chủ trương thuyết Vô vi?

Dầu họ có ngăn cản, Trưởng giả cũng không màng nghe theo họ, cứ thế đi đến gặp Đức Bổn Sư, đảnh lễ Ngài rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy, Đức Bổn Sư thuyết lên tuần tự Pháp cho ông ta.

Cuối thời Pháp, Trưởng giả Meṇḍaka đắc quả Tu Đà Hườn. Ông kể lại chuyện các nhóm ngoại đạo nói xấu Đức Thế Tôn, cốt để ngăn cản không cho ông viếng Đức Thế Tôn.

- Nầy gia trưởng, đối với những chúng sanh nầy, dầu lỗi của họ có lớn đến đâu họ cũng không thấy. Còn người khác không có lỗi gì, họ cũng bịa đặt ra mà nói như là sàng sẩy trấu vậy.

Nói rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Sudassaṃ vijjaṃ aññesaṃ	*"Thấy lỗi người thì dễ,*
Attano pana duddasaṃ	*Thấy lỗi mình mới khó,*
Paresaṃ hi so vajjāni	*Lỗi người ta phanh tìm,*
Opuṇāti yathā bhusaṃ	*Như tìm trấu trong gạo.*
Attano pana chādeti	*Còn lỗi mình thì dấu,*
Kalim'va kitavā saṭho".	*Như thợ săn dấu mình".*

☸

CHÚ GIẢI:

Sudassaṃ: Một mảy may tội lỗi của người khác cũng dễ thấy, ta có thể thấy được dễ dàng. Trái lại, tội lỗi của chính mình dầu hết sức to lớn ta cũng khó thấy được.

Paresaṃ hi: Bởi lẽ đó, Tỳ khưu ở giữa Tăng chúng hằng nêu lên những tội lỗi của những vị khác mà bắt bẻ, y như người ta sàng sẩy trấu trong gạo vậy.

Kalim'va kitavā saṭho: Ở đây tiếng Kali ám chỉ xác thân con người mà loài chim sợ, không dám đến gần, tiếng Kitvā chỉ sự ngụy trang như dùng nhánh, lá cây che giấu thân mình, là xảo thuật của người săn chim. Người thợ săn chim muốn bắt chim làm thịt phải ngụy trang, che giấu thân mình như thế nào, thì người che giấu lỗi mình cũng như thế đó.

Cuối thời Pháp, nhiều người chứng đắc Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Năm người nhịn đói chẳng rời nhau
Khỏi chết mà còn nhẹ khổ đau
Kiếp trước chung tình giờ khốn khổ
Đời sau hiệp mặt buổi sang giàu
Bạc vàng bố thí hoài không hết
Lúa thóc quy hoàn mãi, rất mau
Chồng, vợ, con dâu, thêm tớ giỏi
Gương ông Trưởng giả sáng làu làu
Kẻ nói xấu người để tự khoe
Miên Dương có trí chẳng thèm nghe
Xưa từng Hộ Pháp nay tìm Phật
Chứng quả ban đầu thật khỏe re.

DỨT TÍCH TRƯỞNG GIẢ MENḌKA

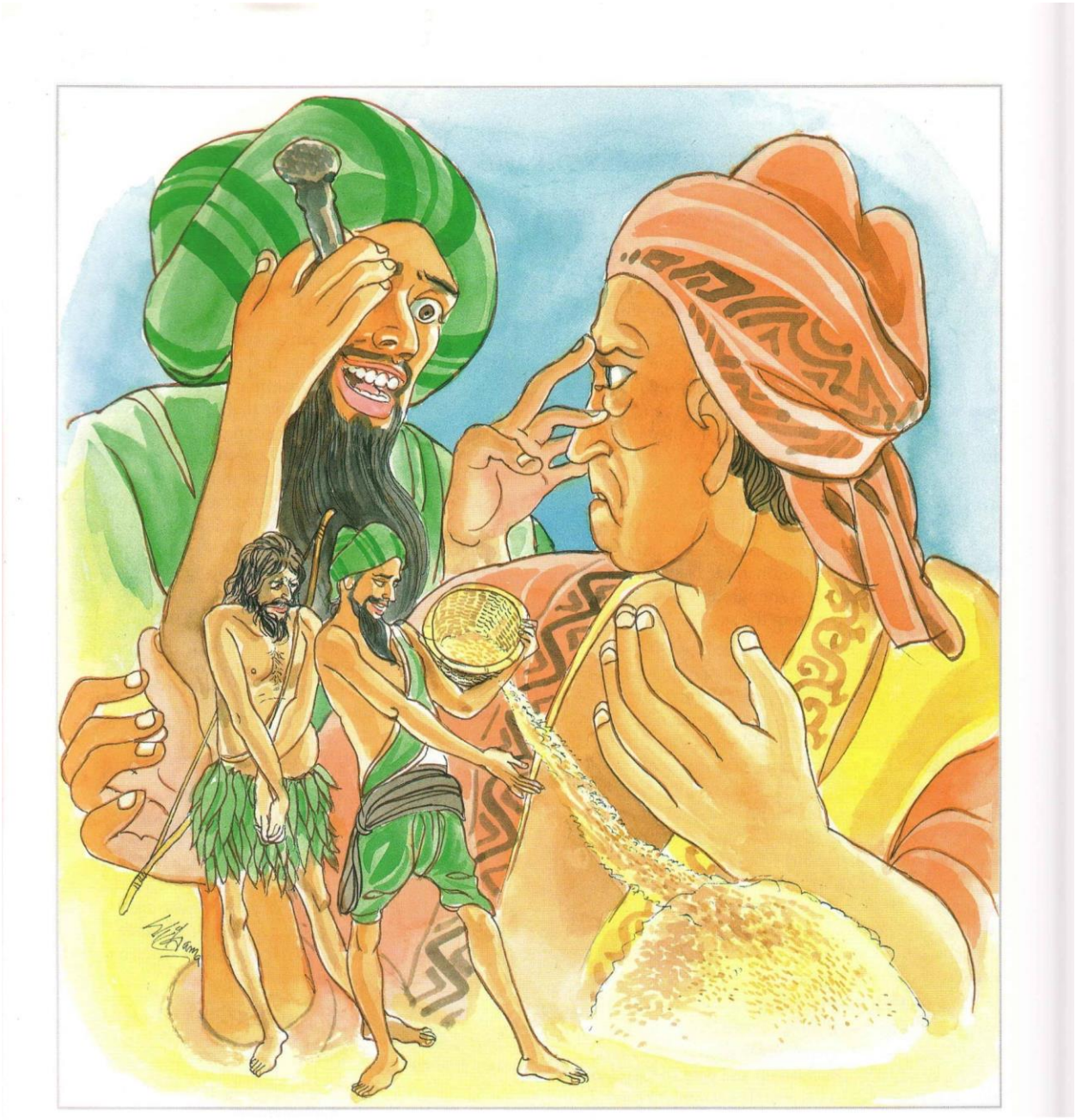

252. Lỗi người thật dễ thấy. Lỗi mình khó thấy thay! Lỗi người thì cố bới, như sàng sảy trấu mày. Lỗi mình thì cố dấu, như bẫy chim, núp ngay.

XVIII.11- ĐẠI ĐỨC UJJHĀNASAÑÑĪ

(Paravajjānupassissāti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 253)

"Paravajjānupassissa,	***"Ai thấy rõ lỗi người,***
Niccaṃ ujjhānasaññino,	***Thường sanh lòng nóng giận,***
Āsavā tassa vaḍḍhanti,	***Lậu hoặc ắt tăng trưởng,***
Ārā so āsavakkhayā".	***Rất xa lậu hoặc trừ".***

Pháp Cú nầy được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến vị Đại Đức Ujjhānasaññī (Ưa Bắt Lỗi).

Tương truyền rằng: Vị Đại Đức nầy hay đi đây đi đó, tìm lỗi chư Tỳ khưu, nói rằng: *"Ông nầy mặc y như thế nầy, ông kia khoác y vai trái như thế kia"*. Chư Tỳ khưu mách với Đức Bổn Sư rằng:

- Bạch Ngài! Có vị Đại Đức Ujjhānasaññī thường hành động như thế đó.

- Nầy các Tỳ khưu! Người đứng ở địa vị trưởng, khi ban huấn từ để giáo hóa thì không gọi là người ưa bắt lỗi. Còn người có tâm đi tìm lỗi người để chỉ trích, là người vạch lá tìm sâu thì trong tám bậc thiền, dầu một bậc cũng không phát sanh đến người đó, mà toàn là lậu hoặc tăng trưởng lên thôi.

Nói rồi, Đức Bổn Sư ngâm lên kệ ngôn rằng:

"Paravajjānupassissa,	"Ai thấy rõ lỗi người,
Niccaṃ ujjhānasaññino,	Thường sanh lòng nóng giận,
Āsavā tassa vaḍḍhanti,	Lậu hoặc ắt tăng trưởng,
Ārā so āsavakkhayā".	Rất xa lậu hoặc trừ".

CHÚ GIẢI:

Ujjhānasaññino: *"Phải mặc y nội như vầy, phải mặc y vai trái như vầy…"* Người nào mà ưa đi tìm lỗi người để chỉ trích thế nọ, thế kia, thì một trong tám bậc thiền định không phát triển đến người đó mà các lậu hoặc lại tăng trưởng. Bởi lẽ đó, người ấy rất xa cái gọi là A La Hán lậu tận. Cuối thời Pháp, nhiều người chứng đắc quả Thánh, nhất là Tu Đà Hườn quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Phải được làm Sư mới dạy trò
Không thì chớ để nặng lòng lo…
Càng hay chỉ trích tâm càng động
Lỗi nhỏ nơi người lại thấy to
Bắt lỗi ai chi tự xét mình
Tâm từ thanh tịnh, miệng làm thinh
Tám thiền, tám quả, may còn đạt
Lậu hoặc nhờ đây hết tái sinh.

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC ƯA BẮT LỖI

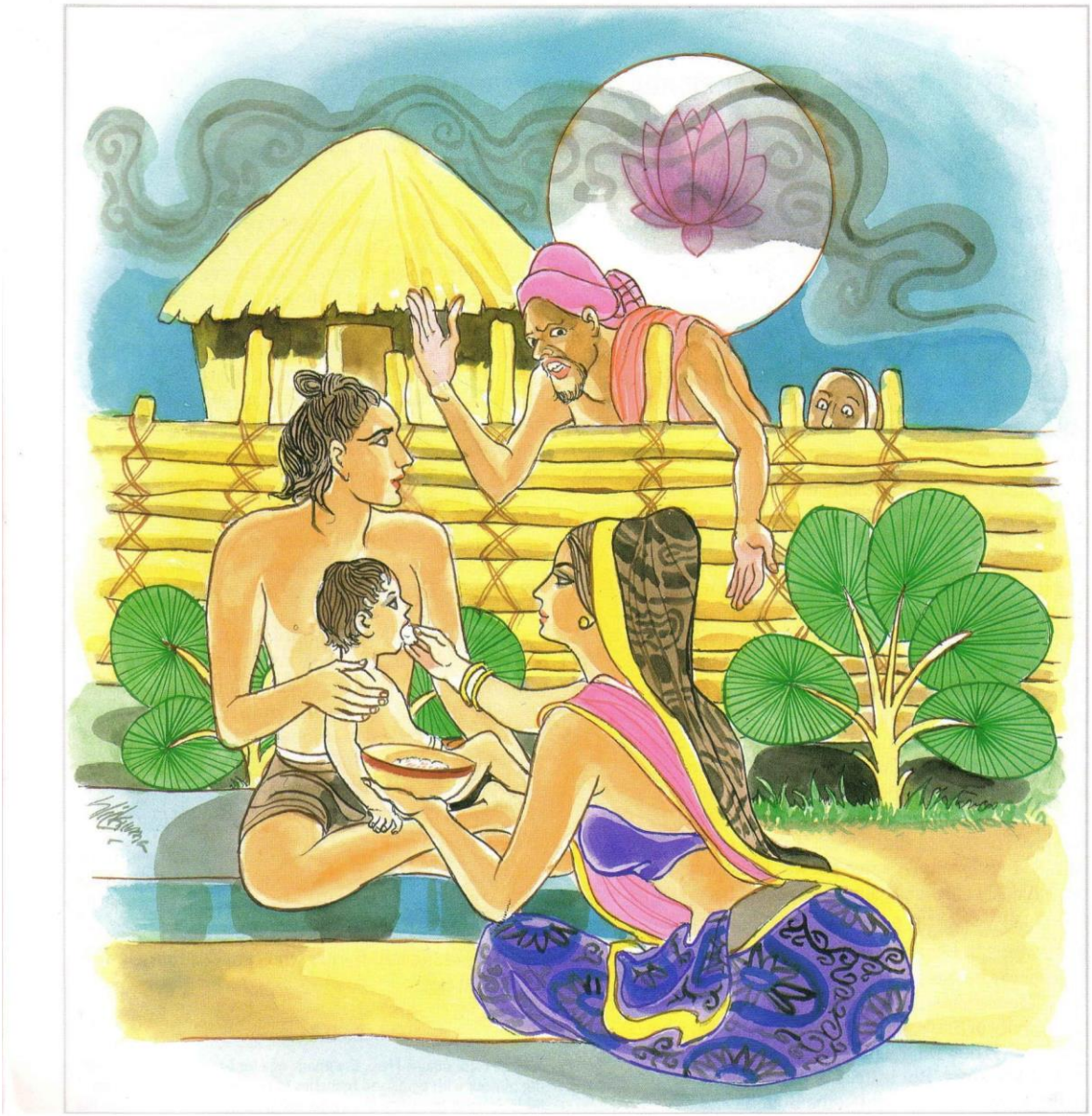

253. Tìm thấy lỗi người thì hay chỉ trích. Kẻ nào như vậy thì xấu thêm lên, và càng xa cách "trạng huống hết xấu".

XVIII.12- DU SĨ SUBHADDA

(Ākāseva padaṃ natthīti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 254-255)

254. "Ākāse padaṃ natthi	***"Hư không không dấu vết***
Samaṇo natthi bāhire	***Ngoại đạo không Sa môn***
Papañcābhiratā pajā	***Chúng sanh thích hư vọng***
Nippapañcā tathāgatā".	***Như Lai vọng diệt trừ".***
255. "Ākāse padaṃ natthi	***"Hư không không dấu vết***
Samaṇo natthi bāhire	***Ngoại đạo không Sa môn***
Saṅkhārā sassatā natthi	***Hữu vi không thường trú***
Natthi Buddhānaṃ iñjitaṃ".	***Chư Phật không loạn động".***

Pháp Cú nầy Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại rừng Ta la xứ Kusināra, đề cập đến du sĩ Subhadda, khi Ngài ngọa thiền trên giường của xứ Malla, tại Upavattana.

Tương truyền rằng: Trong thời quá khứ, khi em trai của Subhadda trong một mùa lúa đã làm phước cúng dường chín lần những sản phẩm đầu tiên thì chính Subhadda không thích làm phước, nên cứ trì hoãn mãi, nhưng rốt cuộc cũng làm phước. Do đó, ông không gặp được Đức Phật trong thời giác ngộ đầu tiên và thời giác ngộ khoảng giữa của Ngài. Tuy nhiên vào lúc hậu thời giác, khi Đức Bổn Sư sắp Níp Bàn, Subhadda tự nghĩ:

- Ta vẫn thắc mắc về ba nghi vấn mà ta chưa hỏi Sa môn Gotama, vì ta cho là ông ta còn trẻ quá. Nhưng giờ đây, là thời Sa môn Gotama sắp viên tịch, nếu ta không hỏi ông thì sau nầy ta phải hối tiếc.

Khi ông vào gần Đức Bổn Sư, Đại Đức Ānanda tìm lời ngăn cản ông, nhưng Đức Bổn Sư đã cho phép ông được dịp may gặp Ngài. Ngài bảo:

- Nầy Ānanda đừng cản ngăn Subhadda, hãy để cho thầy ấy vào gặp Như Lai.

Nghe vậy, Subhadda vén màn bước vào trong, ngồi tại chân giường và hỏi Đức Bổn Sư ba câu rằng:

- Thưa Sa Môn Gotama, trên hư không có dấu vết gì chăng? Ngoài Phật giáo có Sa Môn chăng? Pháp hữu vi có thường tồn chăng?

Đức Thế Tôn chỉ rõ những vật ấy là không thật hữu, rồi Ngài dạy hai kệ ngôn rằng:

254. "Ākāse padaṃ natthi	*"Hư không không dấu vết*
Samaṇo natthi bāhire	*Ngoại đạo không Sa môn*
Papañcābhiratā pajā	*Chúng sanh thích hư vọng*
Nippapañcā tathāgatā".	*Như Lai vọng diệt trừ".*
255. "Ākāse padaṃ natthi	*"Hư không không dấu vết*

Samaṇo natthi bāhire	*Ngoại đạo không Sa môn*
Saṅkhārā sassatā natthi	*Hữu vi không thường trú*
Natthi Buddhānaṃ iñjitaṃ".	*Chư Phật không loạn động".*

☸

CHÚ GIẢI:

Padaṃ: Trên hư không nầy không có vết tích của ai cả, ví như ta không thể làm hiển lộ vật gì không có màu sắc, hình dáng ra sao cả.

Bāhino: Ngoài Giáo Pháp của Như Lai, không có hạng Sa Môn chứng đắc Bốn Đạo và Bốn Quả.

Pajā: Chúng sanh trên thế gian nầy vui thích trong những Pháp chướng ngại cho sự giải thoát, nhất là ái dục (Taṇhā).

Nippapañca: Như Lai không còn chướng ngại vì đã cắt đứt tật và mọi chướng ngại trong bờ giác ngộ dưới cội Bồ Đề.

Saṅkhārā: Trong ngũ uẩn, không có một uẩn nào là thường tồn cả.

Iñjitaṃ: Trong các tâm vọng động, cố chấp rằng các pháp hữu vi là thường tồn, như tâm ái dục, ngã mạn, tà kiến… Chư Phật không có một vọng tâm nào cả.

Cuối thời Pháp, du sĩ Subhadda đắc quả A Na Hàm, Tứ chúng hiện diện nơi ấy cũng hưởng được lợi ích.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Chần chờ, chậm gặp Đức Như Lai
Những thắc mắc nầy biết hỏi ai
Phật sắp Níp Bàn, cơ hội chót
Bỏ qua, sau sẽ hận lâu dài
Phật vẫn trông chàng Sú Phách Đa
"Thinh Văn tối hậu của đời ta,
Ānanda cứ để chàng vào hỏi
Dứt hết hoài nghi đắc quả đa".
"Hư không không giữ dấu chân bay
Chẳng có Sa môn ngoài đạo nầy
Ngũ uẩn thường tồn không thể có
Tam không, Phật đã giải cho thầy!"...

DỨT TÍCH DU SĨ SUBHADDA

DỨT PHẨM CẤU UẾ - MALA VAGGA

DỨT PHẨM 18

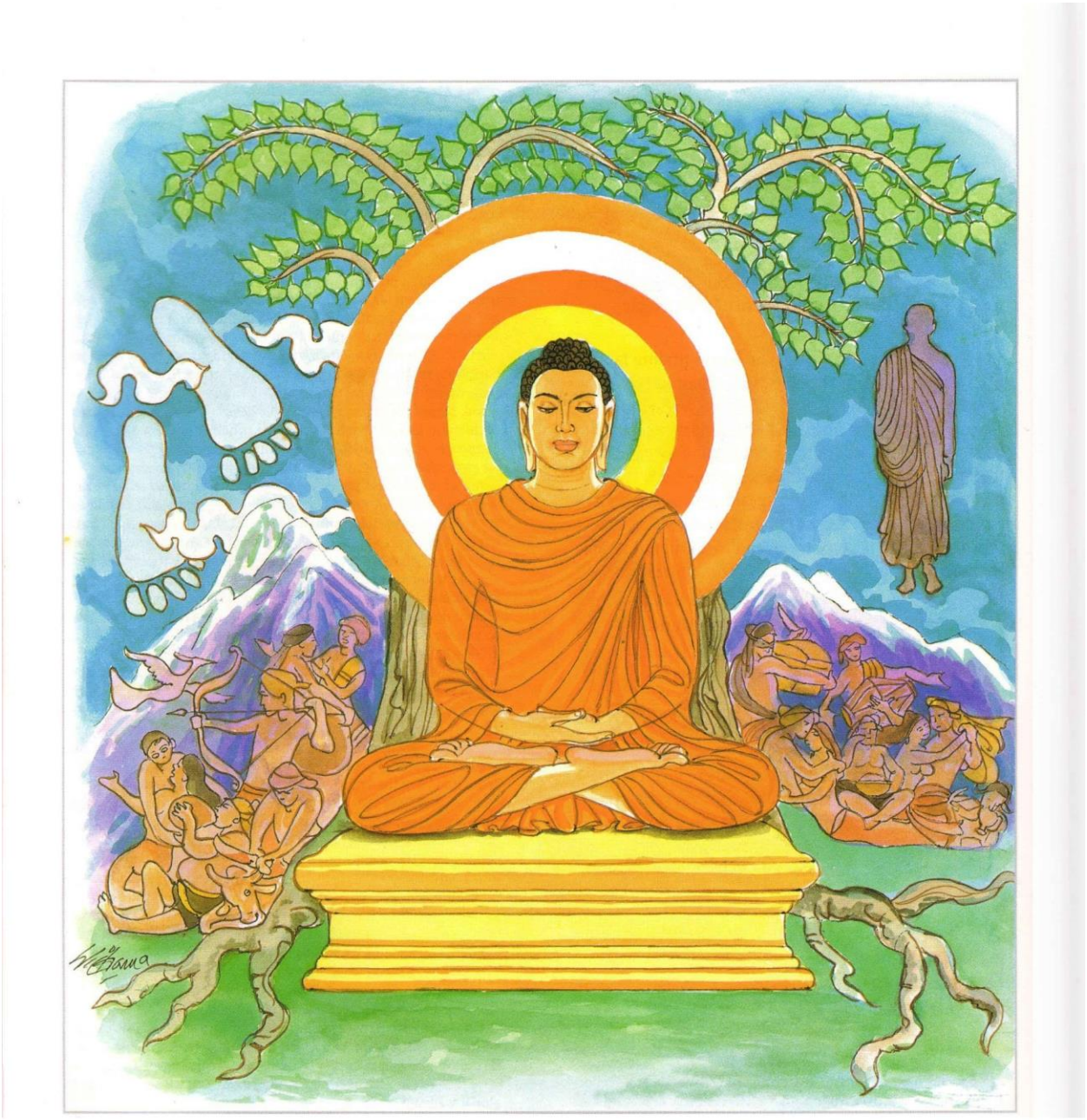

254. Hư không không dấu vết, ngoại đạo không sa môn, nhân loại thích chướng ngại. Như Lai thoát chướng phiền.

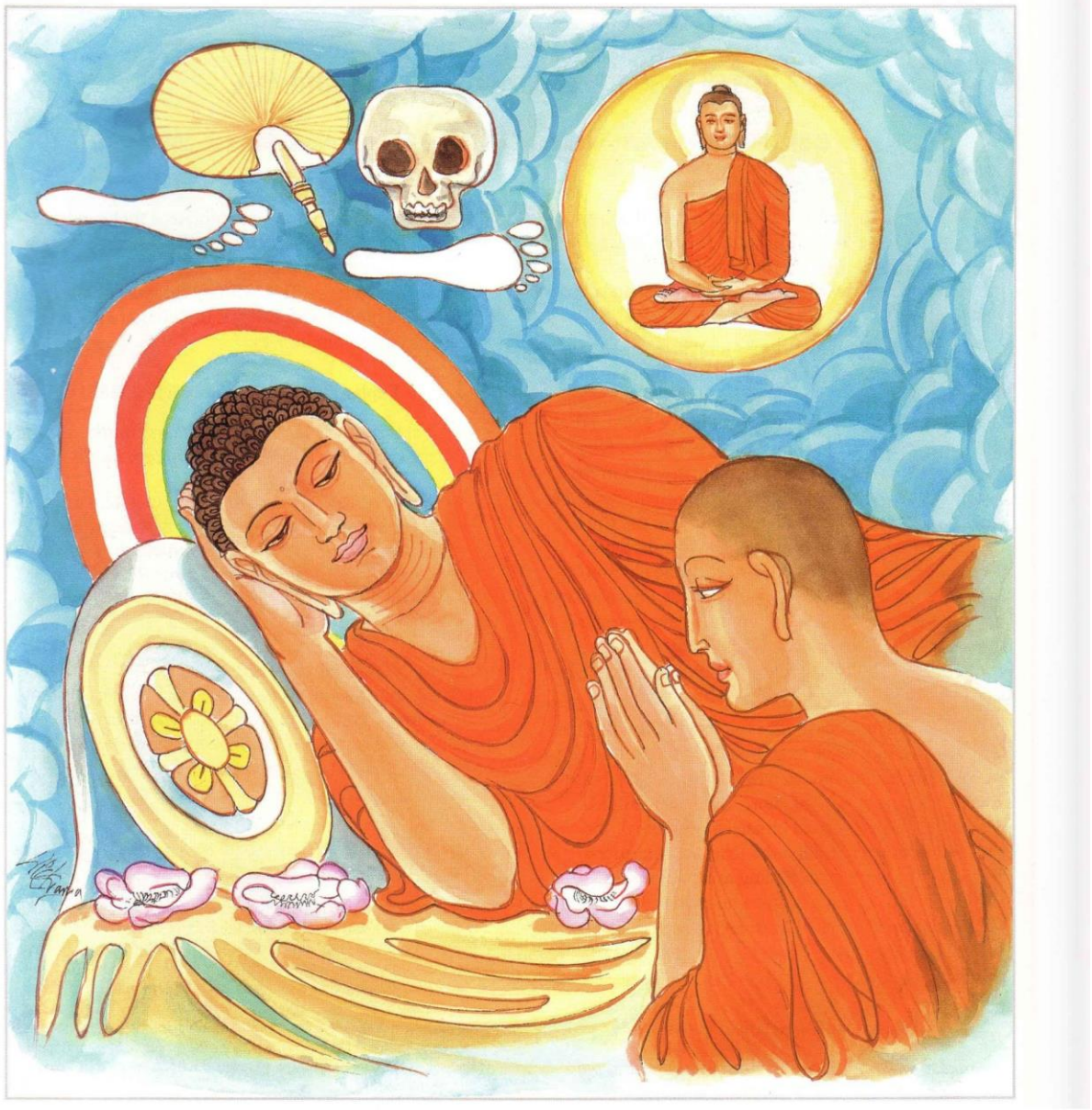

255. Hư không không dấu vết, ngoại đạo không Sa môn,
hữu vi không thường trú, Chư Phật không loạn động.

XIX. PHẨM PHÁP TRỤ
(DHAMMAṬṬHA VAGGA)

16 bài kệ: Pháp Cú số 256-271

9 tích truyện

☸

XIX.1- CÁC QUAN TÒA

(Na tena hoti dhammaṭṭhoti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 256-257)

256. "Na tena hoti dhammaṭṭhe	***"Người đâu phải Pháp trụ***
Yen'atthaṃ sahasā naye	***Nếu xử sự khinh suất***
Ye ca atthaṃ anatthañ ca	***Kẻ trí cần phân biệt***
Ubho nicchayya paṇḍito".	***Đâu chánh đâu tà vạy".***
257. "Asāhasena dhammena	***"Không khinh suất, đúng pháp***
Samena nayatī pare	***Công bằng dẫn đến người***
Dhammassa gutto medhavī	***Kẻ trí hộ trì Pháp***
Dhammaṭṭho'ti pavuccati".	***Thật xứng danh Pháp trụ".***

Pháp Cú nầy Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến các quan Thẩm Phán.

Một ngày nọ, chư Tỳ khưu đi khất thực ở cổng thành phía Bắc của Sāvatthī, khi đi bát xong, các vị ấy xuyên qua trung tâm thành phố và đi về chùa. Ngay lúc ấy, trời kéo mây vần vũ rồi đổ mưa. Vào ngay trong tòa án phía trước mặt, chư Tăng thấy các quan tòa ăn hối lộ rồi tước đoạt quyền làm chủ của các sở hữu chủ, thì nghĩ rằng: *"Than ôi! Mấy ông nầy làm việc trái đạo. Vậy mà bấy lâu nay ta cứ tưởng là mấy ông xử đoán công minh chánh trực chớ".*

Tạnh mưa, chư Tăng về chùa đảnh lễ Đức Bổn Sư, ngồi xuống một bên và tường thuật việc mình đã mục kích. Đức Bổn Sư phán rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Người nào chiều theo tham dục xấu xa, xử đoán một cách thô bạo, thì không đáng gọi là Pháp trụ. Người nào thấu triệt tội lỗi tùy theo tội nặng nhẹ mà xử phạt công minh, không thô bạo, thì đáng gọi là Pháp trụ vậy.

Nói rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

256. "Na tena hoti dhammaṭṭhe	*"Người đâu phải Pháp trụ*
Yen'atthaṃ sahasā naye	*Nếu xử sự khinh suất*
Ye ca atthaṃ anatthañ ca	*Kẻ trí cần phân biệt*
Ubho nicchayya paṇḍito".	*Đâu chánh đâu tà vạy".*
257. "Asāhasena dhammena	*"Không khinh suất, đúng pháp*
Samena nayatī pare	*Công bằng dẫn đến người*
Dhammassa gutto medhavī	*Kẻ trí hộ trì Pháp*

Dhammaṭṭho'ti pavuccati". *Thật xứng danh Pháp trụ".*

CHÚ GIẢI:

Tena: Do những lẽ trên đây

Dhammaṭṭho: Người là quan tòa mà xử phạt thiên vị, theo ý riêng mình, thì không xứng danh là Pháp trụ (người công bình).

Yena: Do lẽ nào.

Atthaṃ: Cần phải xử đoán rồi quyết định là có.

Sahasā naye: Người chiều theo tham dục, dùng cách thô bạo như nói dối mà xử phạt. Như người chiều theo ái dục mà binh vực bà con, bạn hữu của mình, nói dối rằng họ là sở hữu chủ, khi họ không phải là sở hữu chủ thật. Người chiều theo sân hận gặp kẻ thù của mình thì cũng nói dối phủ nhận quyền làm sở hữu chủ của họ.

Còn người chiều theo si mê, sau khi đã ăn của đút lót, hối lộ rồi, ngồi xử kiện, giả tuồng như tâm đang bận nghĩ đến việc khác, nhìn bên nầy bên kia và nói dối rằng: *"Người nầy thắng, người nầy bại".* Còn người thiên vị vì sợ hãi thì cho dù người quyền cao chức trọng thất thế chăng nữa, cũng tuyên bố cho người ấy được kiện bằng cách thô bạo, ức hiếp như vậy. Người xử kiện như vậy không phải là Pháp trụ.

Yo ca atthaṃ anatthañca: Hữu lý và vô lý hay phi lý, chơn và ngụy, chánh và tà.

Ubho niccheyya: Nếu là bậc hiền trí, sau khi kết đoán cả hai bên nguyên và bên bị, xem bên nào chân thật, bên nào giả trá rồi mới quyết định.

Asāhasena: Không dùng cách nói dối.

Dhammena: Xử đoán đúng theo lẽ công, không có sự thiên vị nhất là vì tham.

Samena: Bằng lẽ công dắt dẫn người, ai thắng nói thắng, ai bại nói bại, tùy theo tội mà lên án xử phạt.

Dhammassa gutto: Bậc hiền trí đã chứng đắc Pháp hỷ, là người hộ trì Pháp, gìn giữ pháp, hằng xử đoán đúng theo lẽ công bằng, đáng gọi là Pháp trụ.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khưu đắc Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Làm tòa xử đoán chẳng công minh
Bởi bốn điều tư phải vị tình
Thương, ghét, sợ, mê chưa dứt bỏ
Cầm cân bên trọng lại bên khinh
Bậc trí không hề bỏ lẽ công
Thân, sơ, quý, tiện cũng xem đồng
Chánh tà thấu triệt, tâm bình đẳng
Pháp trụ là người đạo lý thông.

DỨT TÍCH CÁC QUAN TÒA

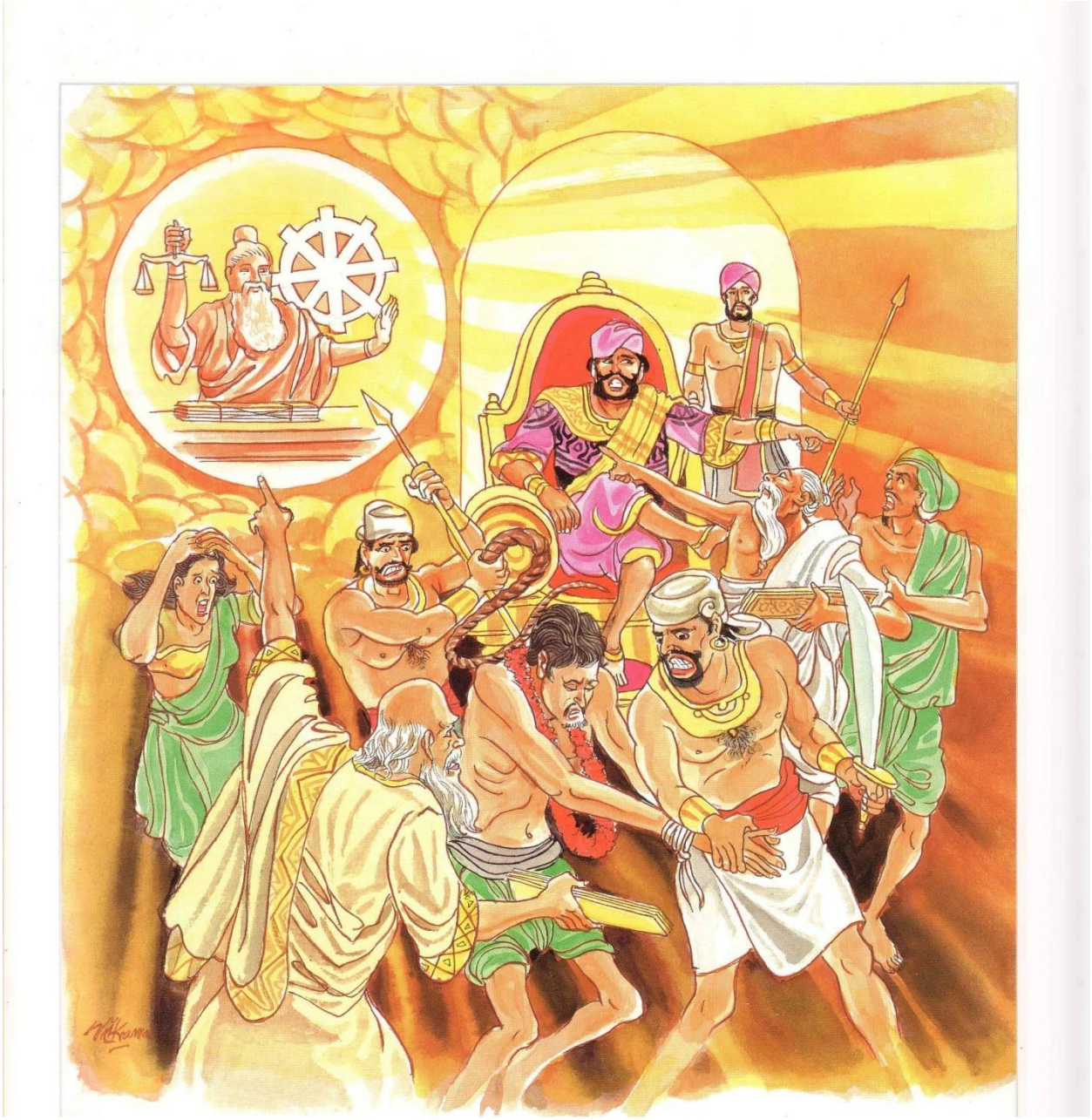

256. Người ấy thiếu công bình, vì phân xử vội vã. Bậc trí nên xét cả hai trường hợp chánh tà.

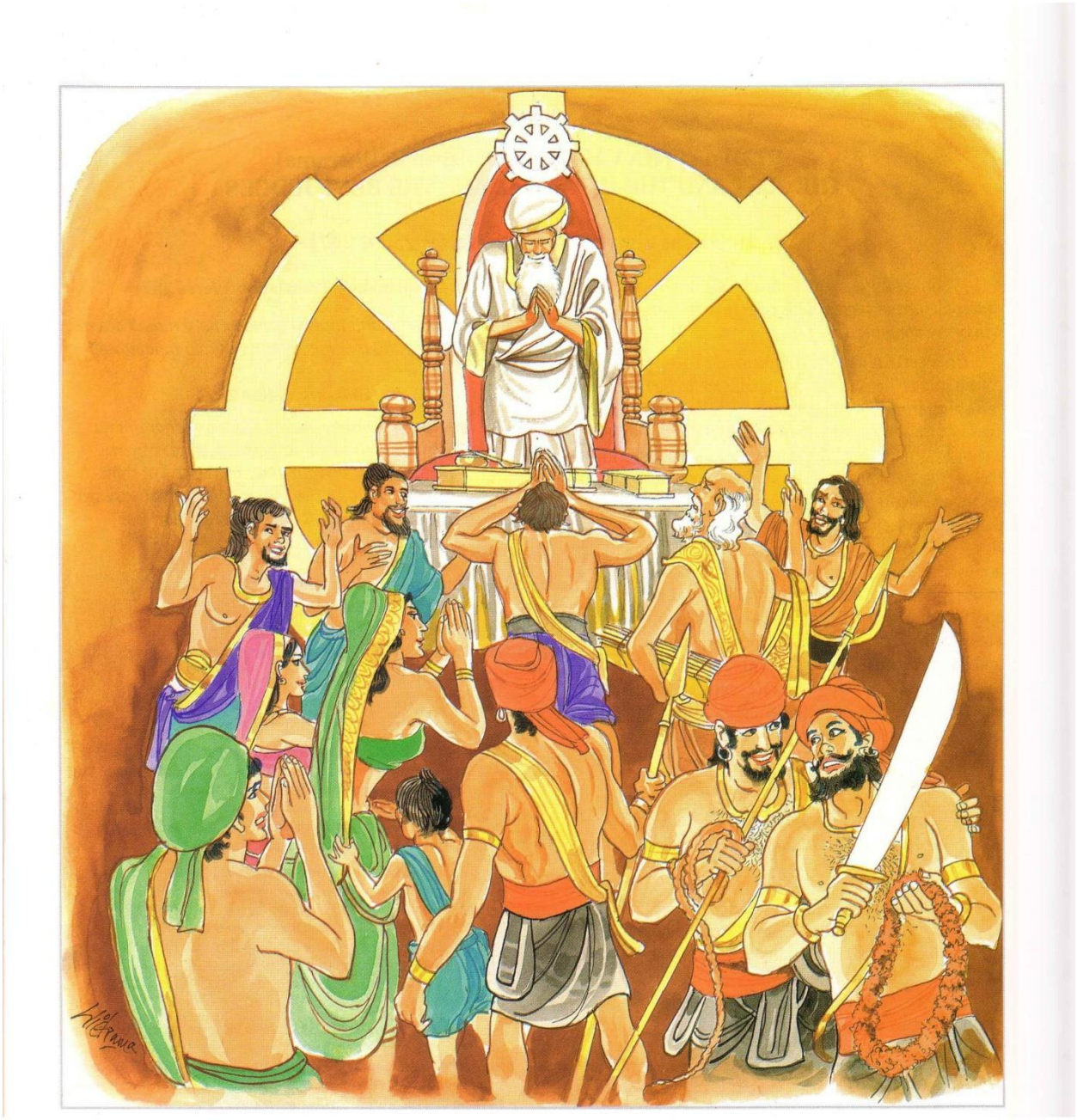

257. Bậc trí hướng dẫn người, vô tư và đúng pháp. Người bảo vệ luật pháp, hẳn tôn trọng pháp luật.

XIX.2- NHÓM LỤC SƯ GÂY RỐI

(Natena paṇḍito hotīti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 258)

258. "Na tena paṇḍito hoti	***"Không phải vì nói nhiều***
Yāvatā bahu bhāsati	***Mới xứng danh kẻ trí***
Khemī averī abhayo	***An tịnh, không oán sợ***
Paṇḍito'ti pavuccati".	***Mới xứng danh kẻ trí".***

Pháp cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến nhóm Tỳ khưu Lục Sư.

Tương truyền rằng: Nhóm sáu Tỳ khưu nầy hằng đi la cà đến các chùa hoặc các làng, gây sự rối loạn trong trai đường.

Một hôm, sau khi thọ thực trong làng trở về chùa, chư Tăng hỏi các vị Tỳ khưu trẻ và các Sa di rằng:

- Nầy các đạo hữu, các đạo hữu thấy trai đường nầy ra sao?

- Bạch Ngài! Xin các Ngài đừng hỏi.

Nhóm Lục Sư bàn luận cùng nhau rằng: *"Chỉ có chúng ta là khôn khéo, chỉ có chúng ta là bậc hiền trí. Chúng ta sẽ đánh, sẽ đổ rác lên đầu mấy ông nầy rồi đuổi tống họ đi".*

Thế rồi, nhóm ấy nắm lấy lưng chúng tôi, đổ rác lên đầu chúng tôi, làm rối loạn cả trai đường.

Chư Tăng đến gặp Đức Bổn Sư, phúc trình lên Ngài chuyện ấy. Đức Bổn Sư dạy rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Ta không gọi kẻ nói nhiều và làm phiền người khác là bậc hiền trí. Ta chỉ gọi người an tịnh, không oán thù, không sợ sệt là bậc hiền trí mà thôi.

Nói rồi, Ngài ngâm kệ ngôn rằng:

258. "Na tena paṇḍito hoti	*"Không phải vì nói nhiều*
Yāvatā bahu bhāsati	*Mới xứng danh kẻ trí*
Khemī averī abhayo	*An tịnh, không oán sợ*
Paṇḍito'ti pavuccati".	*Mới xứng danh kẻ trí".*

☸

CHÚ GIẢI:

Yāvatā: Kẻ nào vì mình mà nói nhiều ở giữa Tăng chúng, kẻ ấy không phải là bậc hiền trí. Kẻ nào tự mình an tịnh, không có năm sự oán hận, là kẻ không oán hận, đã hết sợ sệt, dầu gặp Đức vua cũng không sợ, kẻ ấy đáng gọi là kẻ trí.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khưu chứng đắc Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Nhóm sáu Tỳ khưu quấy rối chùa
Hiếp nhiều Tăng khách, sợ hơn thua
Ỷ mình Đại Đức xưng hiền trí
Đuổi chúng Sa di chẳng thẹn thùa
Há phải nói nhiều gọi trí đâu?
Trí hiền, tâm tịnh, sạch lo âu
Không hay ganh tỵ, không thù oán
Không để cho ai phải khổ sầu.

DỨT TÍCH NHÓM LỤC SƯ GÂY RỐI

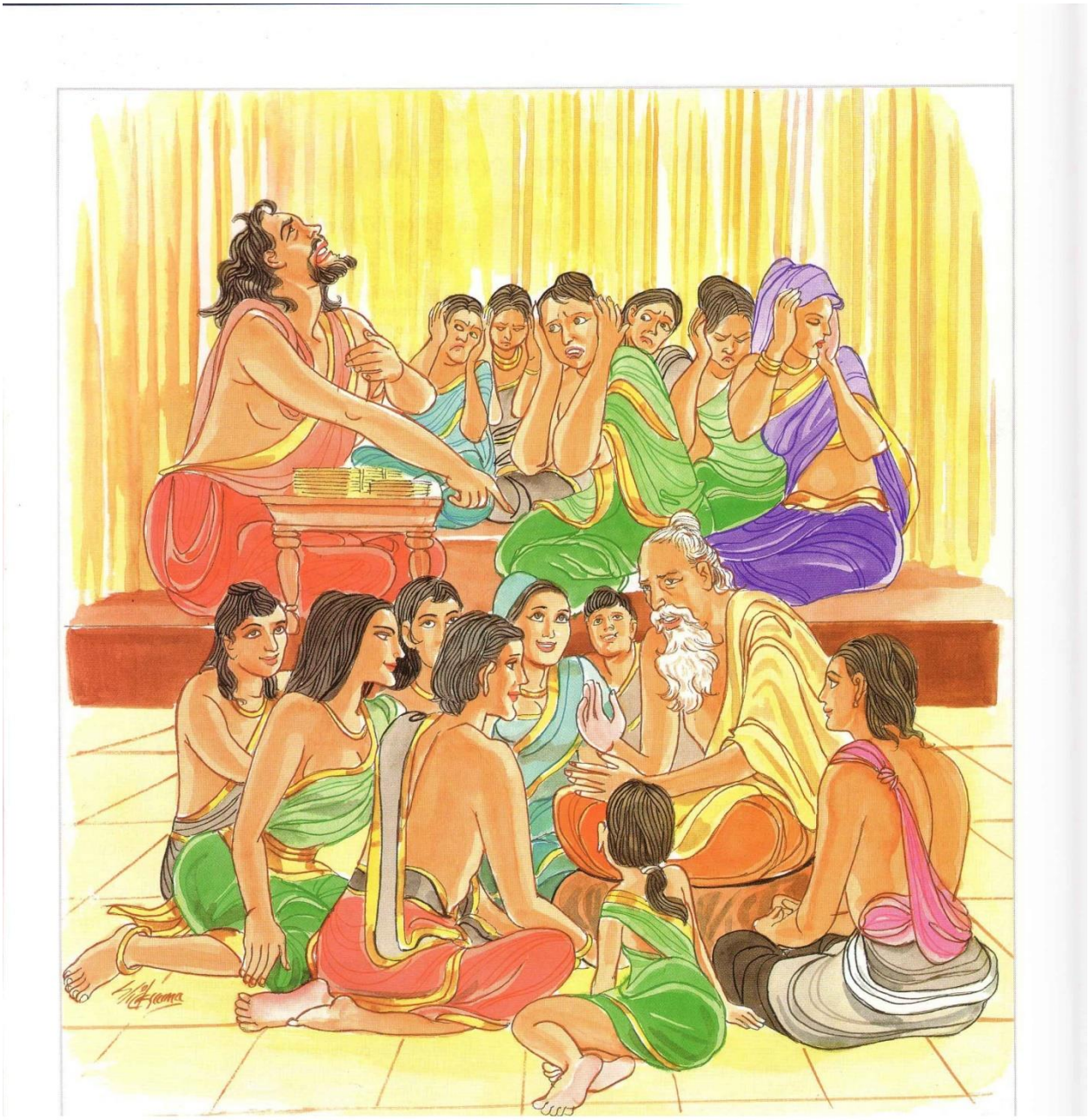

258. Không phải vì nói nhiều, là xứng danh bậc trí. Người an tâm, vô úy, thân thiện là hiền tài.

XIX.3- ĐẠI ĐỨC EKUDĀNA

(Na tāvatā dhammadharoti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 259)

"Na tāvatā dhammadharo	***"Không phải vì nói nhiều***
Yāvatā bahu bhāsati	***Mới xứng danh Pháp Hộ***
Yo ca appaṃ pi sutvāna	***Những ai tuy nghe ít***
Dhammaṃ kāyena passati	***Nhưng tâm hành chánh Pháp***
Sa ve dhammadharo hoti	***Không buông lung chánh Pháp***
Yo dhammaṃ nappamajjati".	***Mới xứng danh Pháp Hộ".***

Pháp Cú nầy được Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana. Đề cập đến vị Lậu Tận Minh có tên Ekudāna.

Tương truyền rằng: Đại Đức một mình tịnh cư trong khu rừng nọ. Ngài chỉ thuộc lòng một kệ ngôn "Tự thuyết (Udāna)" như vầy:

"Adhicetaso appamajjato munino monapathesu sikkhato
Sokāna bhavanti tādino upasantassa sadā satīmototi".

"Với tâm cao thượng, chí cần chuyên
Học tập đường tu tịnh, định thiền
Bậc đắc tâm hình, thường chánh niệm
Như trên những chỗ chứa ưu phiền".

Tương truyền rằng: Trong ngày lễ Phát lồ, Đại Đức lớn tiếng kêu gọi người nghe Pháp, rồi đọc bài kệ trên đây. Chư thiên đồng thanh tán dương, tiếng vang rền như nổ tung cả địa đại.

Về sau cũng trong ngày lễ Phát lồ, có hai vị Tỳ khưu thuộc lòng Tam Tạng, mỗi vị dắt theo 500 tùy giả, đi đến chỗ ngụ của Đại Đức. Thấy chư khách Tăng đến, Đại Đức rất hoan hỷ, nói rằng:

- Lành thay hôm nay được chư Tăng quang lâm đến đây. Chúng tôi sẽ được nghe Pháp trong dịp được gần gũi với các Ngài.

- Nhưng nầy Hiền giả! Ở đây có thính giả chăng?

- Bạch các Ngài! Trong ngày thuyết pháp, khu rừng nầy vang dội tiếng hoan hô của chư thiên.

Hai vị Pháp sư Tam Tạng thuyết pháp nhưng không có vị thiên nhân nào tán dương cả. Hai vị trách Đại Đức rằng:

- Nầy Hiền hữu! Hiền hữu nói trong ngày lễ Phát lồ, chư thiên trong khu rừng nầy đã tán dương vang dội. Nhưng thế nầy là nghĩa làm sao?

- Bạch các Ngài, trong những ngày khác quả có như thế. Nhưng hôm nay tôi cũng không biết tại sao vậy.

- Nếu thế thì, Hiền giả thử thuyết pháp xem sao?

Đại Đức cầm quạt ngồi trên Pháp tọa thuyết bài kệ đã thuộc lòng như trước. Chư thiên đồng thanh hoan hô vang dậy. Khi ấy, hai đoàn Tăng lữ của hai Đại Đức Tam Tạng Pháp Sư trách móc rằng:

- Trong khu rừng nầy, chư thiên chỉ coi mặt mà tán thán, ca tụng. Hai Ngài Tam Tạng Pháp Sư thuyết bằng ấy Pháp mà chư thiên chẳng có một lời khen ngợi, còn vị Đại Đức già nầy chỉ thuyết có một bài kệ mà chư thiên lại lớn tiếng hoan hô.

Khi trở về chùa, chư Tăng đem sự kiện nầy bạch với Đức Bổn Sư, Ngài dạy rằng:

- Nầy các Tỳ khưu, người học được nhiều hoặc thuyết ra nhiều Pháp, Ta không gọi là Pháp Hộ (Dhammadharo). Người chỉ thuộc lòng một câu kệ mà thấu triệt chơn lý, mới xứng danh là Pháp Hộ vậy. Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Na tāvatā dhammadharo	*"Không phải vì nói nhiều*
Yāvatā bahu bhāsati	*Mới xứng danh Pháp Hộ*
Yo ca appaṃ pi sutvāna	*Những ai tuy nghe ít*
Dhammaṃ kāyena passati	*Nhưng tâm hành chánh Pháp*
Sa ve dhammadharo hoti	*Không buông lung chánh Pháp*
Yo dhammaṃ nappamajjati".	*Mới xứng danh Pháp Hộ".*

CHÚ GIẢI:

Yāvatā: Không phải do nơi học nhớ cho nhiều Phật ngôn và Chú giải… rồi đem thuyết giảng cho nhiều mà xứng đáng gọi là Pháp Hộ. Người bảo tồn dòng giống của mình mới là người giữ gìn gia phong.

Appampi: Người dầu chỉ nghe ít Pháp, nhưng chú ý theo dõi nghĩa lý của Pháp, rồi vâng giữ hành theo Pháp, do danh sắc (nāmakāya) mà hiểu rõ các trạng thái vui, khổ… thấy được Pháp Tứ Đế, Người ấy chính là Pháp Hộ vậy.

Yo dhammaṃnappamajjati: Người nào từng mong mỏi: Hôm nay ta sẽ giác ngộ, rồi chuyên cần tinh tấn mãi, không dễ duôi Pháp, người ấy cũng là Pháp Hộ nữa.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khưu chứng đắc Thánh Quả, nhất là quả Tu Đà Hườn.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Tuy thuộc một bài kệ bốn câu
Nhưng hành chứng đắc tuệ cao sâu
Còn hơn giải thích rành Tam Tạng
Mà chỉ phô trương pháp khẩu đầu
Nhà Sư sợ khổ, chẳng đi hành
Đeo núi chùa chiền, bám lợi danh
Học hỏi cho nhiều Kinh Pháp thuyết
Thua Ngài nhất Kệ ở rừng xanh.

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC EKUDĀNA

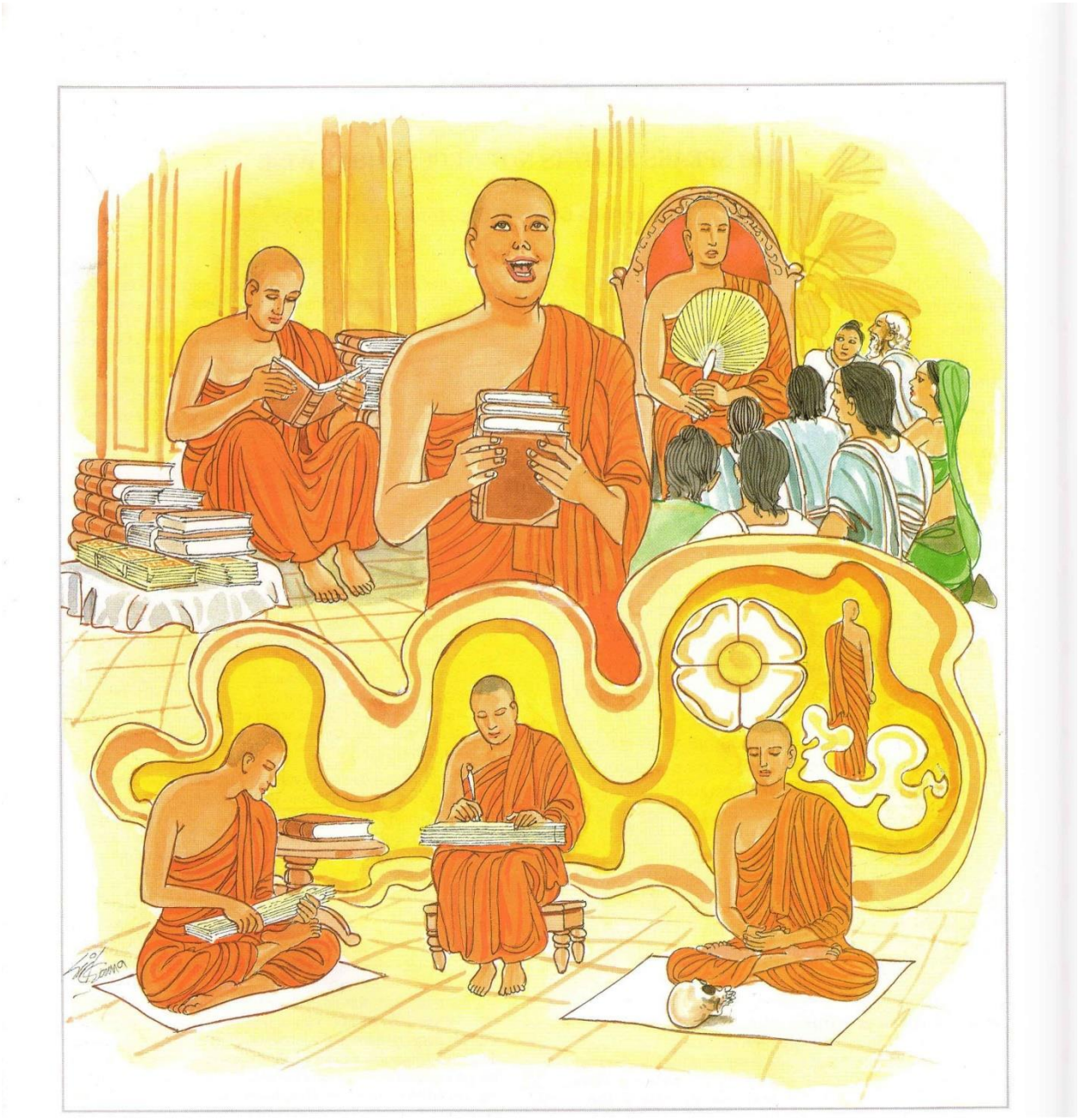

259. Không phải vì nói nhiều, là thọ trì chánh pháp. Người nghe ít diệu pháp, nhưng trực nhận viên dung, chánh pháp không buông lung, là thọ trì chánh pháp.

XIX.4- ĐẠI ĐỨC LAKUṆṬAKA BHADDIYA

(Na tena thero hotīti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 260-261)

260. "Na tena thero hoti	***"Không phải vì bạc đầu***
Yanassa palitaṃ siro	***Mà được gọi Trưởng Lão***
Paripakko vayo tassa	***Chỉ có tuổi tác cao***
Moghajiṇṇoti vuccati".	***Danh chỉ xứng "Lão ngu"."***
261. "Yamhi saccañ ca dhammo ca	***"Ai chân thật đúng pháp***
Ahiṃsā saññamo damo	***Bất hại biết chế phục***
Sa ve vantamalo dhīro	***Kẻ trí không cấu uế***
Thero iti pavuccati".	***Mới xứng danh Trưởng lão".***

Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư thuyết lên khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Đại Đức Lakuṇtaka Bhaddiya.

Một hôm nọ, khi vị Đại Đức ấy đến hầu hạ Đức Thế Tôn, Ngài vừa đi ra thì có ba mươi vị Tỳ khưu ở rừng về, thấy Đại Đức các Tỳ khưu vào đảnh lễ Đức Bổn Sư rồi ngồi xuống.

Thấy duyên lành đắc quả A La Hán của nhóm Tăng nầy, Đức Bổn Sư nêu lên một câu hỏi như vầy:

- Các thầy có gặp vị Đại Đức từ nơi đây vừa đi ra chăng?

- Bạch Ngài! Chúng con không thấy.

- Các thầy há chẳng thấy vị ấy ư?

- Bạch Ngài, chúng con có trông thấy một Sa di.

- Này các Tỳ khưu, đó là một vị Đại Đức, chứ không phải là Sa di đâu.

- Bạch Ngài! Ông ta còn quá trẻ mà.

- Nầy các Tỳ khưu! Ta không gọi Thera[(1)] (Đại Đức hay Trưởng Lão) vì lẽ tuổi cao hạ lớn, vì lẽ được ngồi ở chỗ ngồi của các Thượng tọa. Ai thấu triệt Tứ Diệu Đế, không có tâm não hại đại chúng, người ấy mới xứng danh Thera đó thôi.

Nói rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

260. "Na tena thero hoti	*"Không phải vì bạc đầu*
Yanassa palitaṃ siro	*Mà được gọi Trưởng Lão*
Paripakko vayo tassa	*Chỉ có tuổi tác cao*
Moghajiṇṇoti vuccati".	*Danh chỉ xứng "Lão ngu"."*

[1] Danh từ nầy ngày xưa đồng nghĩa với bhikkhu, dầu mới thọ Cụ Túc cũng được gọi là Thera. Về sau, chư Tăng tu lâu lại chỉ định Thera là Tỳ khưu 10 hạ, Anuthera là Tỳ khưu dưới 10 hạ và Mahā thera là Tỳ Khưu trên 10 hạ.

261. "Yamhi saccañ ca dhammo ca	*"Ai chân thật đúng pháp*
Ahiṃsā saññamo damo	*Bất hại biết chế phục*
Sa ve vantamalo dhīro	*Kẻ trí không cấu uế*
Thero iti pavuccati".	*Mới xứng danh Trưởng lão".*

☸

CHÚ GIẢI:

Paripakko: (Chín muồi) là già nua, đã đến tuổi lão rồi.

Moghajiṇṇo: Người không có những pháp hành trong Pháp vị Thượng nhân thì chỉ là già suông, là lão rỗng (Tucchajjiṇṇo).

Saccañca: Nơi người nào đã hiểu rõ 16 lý, đã dùng trí tuệ làm cho thấu rõ bốn chân lý, ắt phải có Chín pháp Siêu thế.

Ahiṃsa: Trạng thái vị nào, không làm hại, không bạo động. Phải có thiền chứng về Tứ vô lượng tâm là Từ, Bi, Hỷ, Xả.

Saññamo namo: Người có sự kềm chế, thu thúc trong Giới Luật và thu thúc lục căn.

Vantamalo: Đã tẩy sạch hết nhơ bẩn.

Dhīro: Người có đầy đủ nghị lực, quả quyết.

Thera: Người có điều để xứng danh là Trưởng Lão.

Cuối thời Pháp, nhóm Tỳ khưu ấy chứng đắc A La Hán.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Chẳng đợi già nua mới xứng danh
Thủ tòa, Đại Đức, bậc đàn anh
Già nua, ngu dốt, tên già rỗng
Đầu bạc không, sao gọi lão thành
Trẻ, nhưng Tứ Đế hiểu thật rành
Vô não, không làm hại chúng sanh
Lậu Tận, Phật khen, kêu Trưởng Lão
Níp Bàn tu chứng lúc đầu xanh.

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC LAKUṆṬAKA BHADDIYA

☸

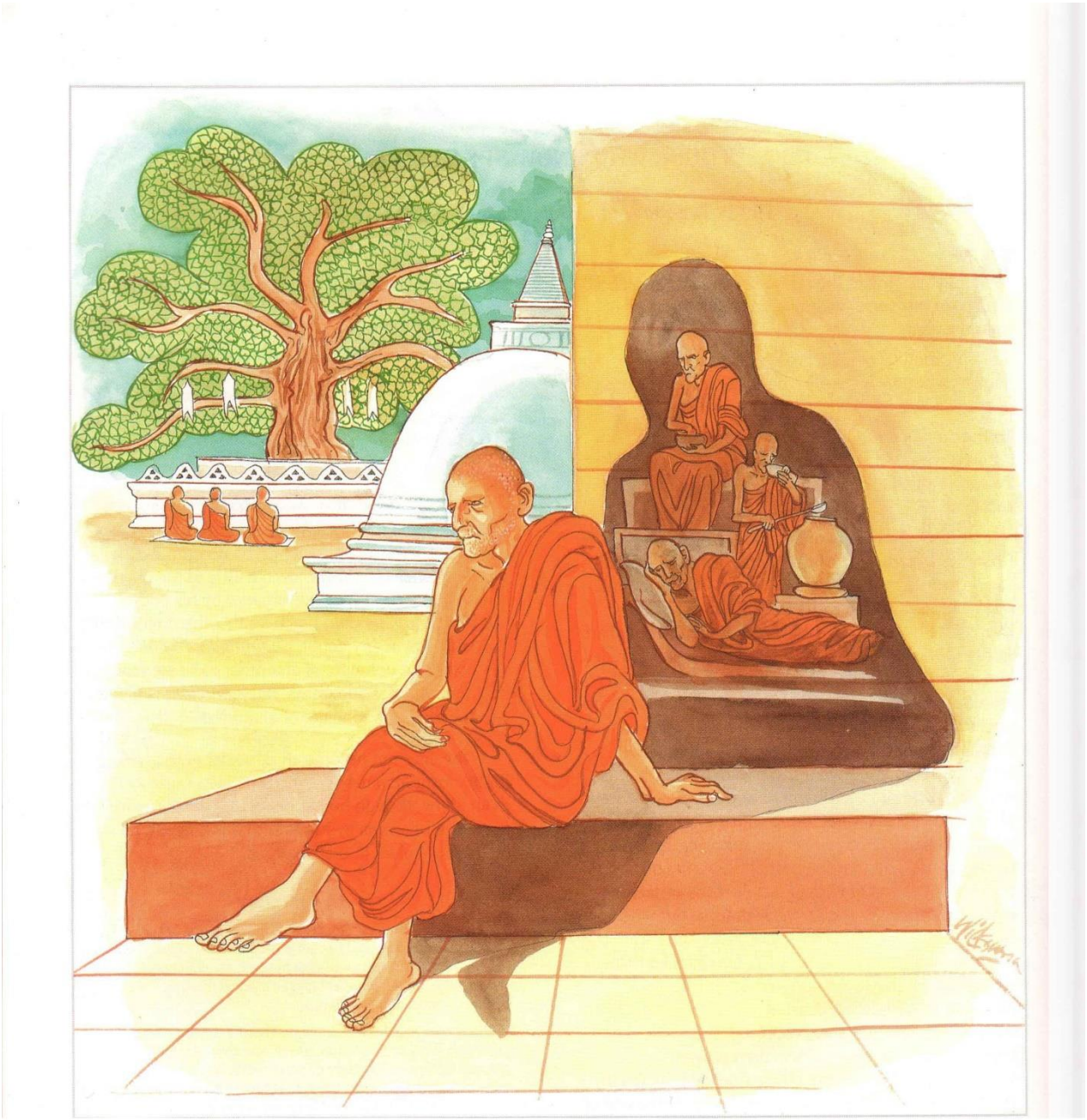

260. Không phải vì bạc đầu, là xứng danh Trưởng lão. Vịa ấy dù tuổi cao, nhưng là sư già hão!

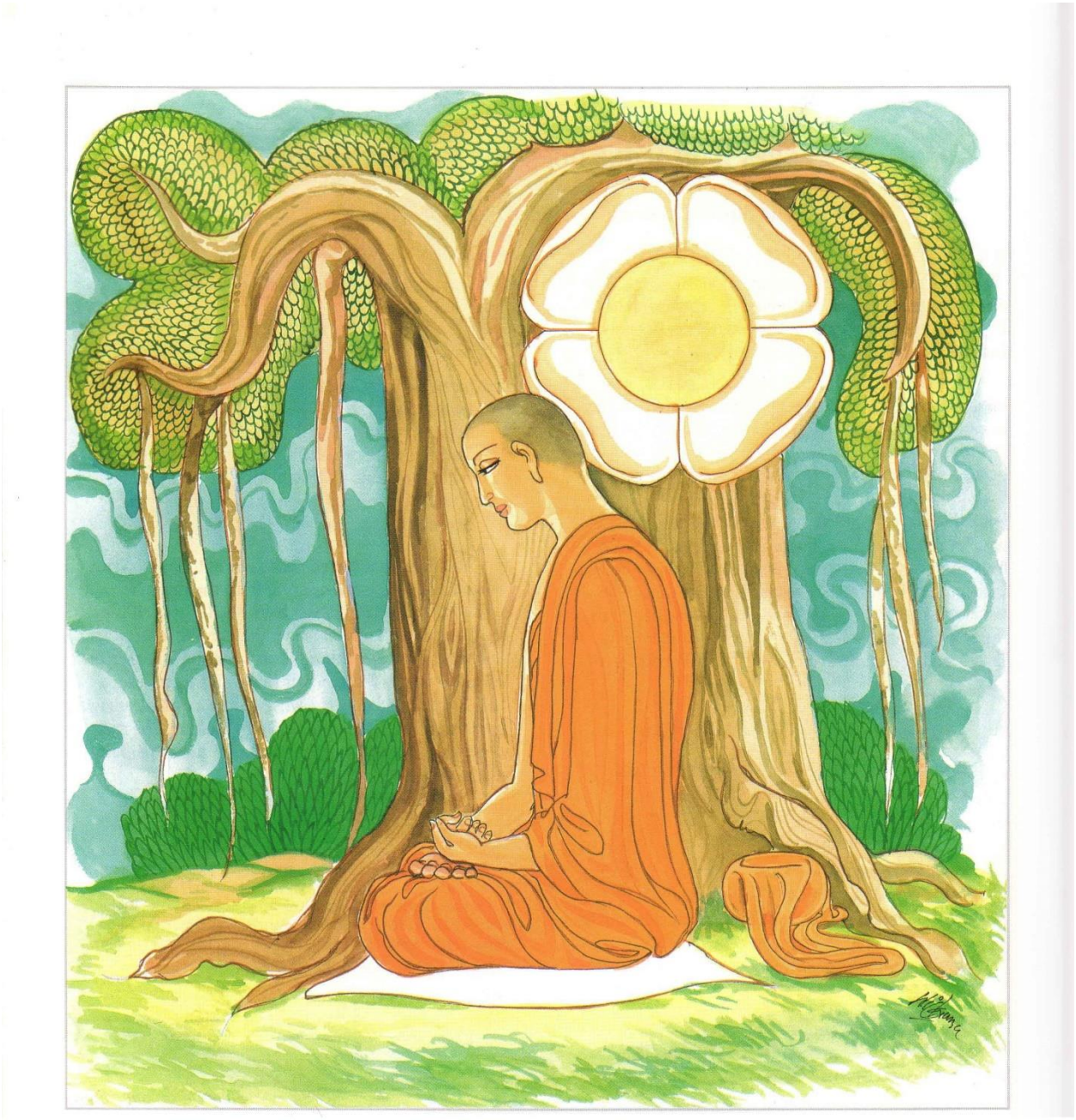

261. Sống chân thật, chánh hạnh, vô hại, điều phục mình, bậc trí trừ cấu uế, là Trưởng lão cao minh.

XIX.5- NHIỀU VỊ TỲ KHƯU THAM VỌNG

(Na vākkaraṇamattenāti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 262-263)

262. "Na vākkaraṇamattena	***"Không phải nói lưu loát***
Vaṇṇapokkharatāya vā	***Không phải sắc mặt đẹp***
Sādhurūpo naro hoti	***Mà thành người lương thiện***
Issukī maccharī saṭho".	***Nếu con người ganh tỵ***
	Xan tham và dối trá".
263. "Yassa cetaṃ samucchinaṃ	***"Chỉ những ai cắt tuyệt***
Mūlagacchaṃ samūhataṃ	***Nhổ tận gốc đoạn trừ***
Sa vantadoso medhavī	***Người trí tận diệt sân***
Sādhurūpo'ti vuccati	***Mới phải người lương thiện".***

Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết lên khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến nhiều vị Tỳ Khưu.

Một thuở nọ, khi nhìn thấy các Tỳ khưu trẻ và các vị Sa di lo hầu hạ các vị A Xà Lê (Ācariya) của mình như: giặt, nhuộm y, và làm việc lặt vặt hộ các Ngài, thì một số Đại Đức đề nghị với nhau rằng: "Chúng ta tuy có tài thuyết pháp nói đạo nhưng rốt cuộc chẳng được ai phục dịch cả... Hay là bây giờ chúng ta hãy đến bạch với Đức Bổn Sư như vầy: "Bạch Ngài, chúng con thông thạo về Kinh điển, Phật ngôn. Xin Ngài ra chỉ thị cho các Tỳ khưu trẻ và các Sa di rằng: *"Dầu học Pháp với thầy khác, các con cũng phải đến nhờ các thầy nầy bổ túc cho rồi mới nên ôn tập". Làm như vậy, ắt lễ lộc chúng ta sẽ tăng trưởng.*

Thế rồi, các Đại Đức ấy đến bạch với Đức Bổn Sư như vậy.

Sau khi nghe lời các Đại Đức bạch, Đức Bổn Sư biết ngay rằng: *"Theo Giáo Pháp nầy, nếu theo truyền thống là đúng. Nhưng các vị nầy chỉ chú trọng phần lễ lộc mà thôi".* Do đó, Ngài phán dạy rằng:

- Ta không gọi các thầy là Lương thiện (sādhupūpā) chỉ vì các thầy có tài biện thuyết thiện xảo. Người nào đã cắt đứt các pháp bất thiện, nhất là ganh tỵ bằng A La Hán đạo, người ấy thật là người lương thiện.

Nói rồi Ngài ngâm lên hai bài kệ rằng:

262. "Na vākkaraṇamattena	*"Không phải nói lưu loát*
Vaṇṇapokkharatāya vā	*Không phải sắc mặt đẹp*
Sādhurūpo naro hoti	*Mà thành người lương thiện*
Issukī maccharī saṭho".	*Nếu con người ganh tỵ*
	Xan tham và dối trá".
263. "Yassa cetaṃ samucchinaṃ	*"Chỉ những ai cắt tuyệt*
Mūlagacchaṃ samūhataṃ	*Nhổ tận gốc đoạn trừ*
Sa vantadoso medhavī	*Người trí tận diệt sân*

Sādhurūpo'ti vuccati *Mới phải người lương thiện".*

CHÚ GIẢI:

Na vākkaraṇamattena: Không phải bằng lời nói, không phải bằng cái tướng có đầy đủ thiện xảo về khoa nói như hùng biện...

Vaṇṇapokkharatāya vā: Hoặc dung nhan có đầy đủ sắc đẹp mỹ miều khả ái.

Naro: Do các lẽ trên đây, người có tâm ganh tỵ lợi lộc của kẻ khác, có đủ cả năm pháp bỏn xẻn (là āsāve, kula, lābha, vaṇṇa, dhamma macchariyaṃ) nhập theo phe phái xảo trá, lường gạt, không phải là người lương thiện.

Yassa cetaṃ: Người chứng A La Hán đạo tuệ cắt đứt tận gốc rễ các tội lỗi nhất là ganh tỵ, không tái sanh, người đã xa lìa tội lỗi, có đầy đủ trí tuệ hưởng thụ Pháp hỷ, gọi là người lương thiện.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khưu chứng đắc Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Lương thiện là tâm chánh thiện lương
Không do môi miệng lưỡi khéo trăm đường
Tỳ khưu mặt đẹp lòng đen xấu
Chẳng phải Tăng đồ Phật tán dương
Ai khéo trừ tan gốc rễ phàm
Đoạn lìa sân hận với xan tham
Không tâm dối trá cùng ganh tỵ
Thật xứng danh là Phật hiếu nam.

DỨT TÍCH NHIỀU TỲ KHƯU THAM VỌNG

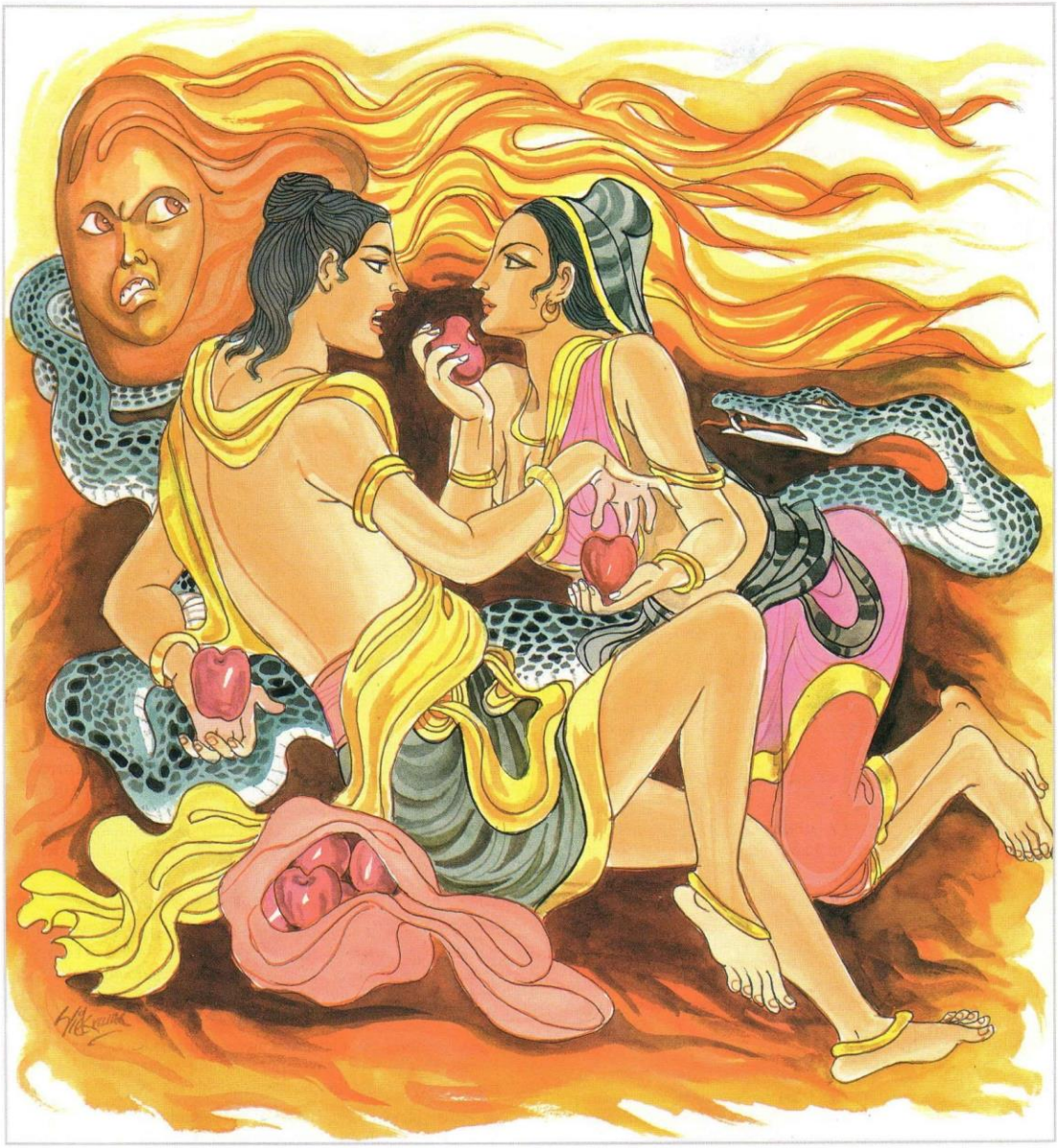

262. Không phải tài hùng biện, hay vóc dáng đường đường, là ra bậc hiền lương, nếu ganh, tham, dối trá!

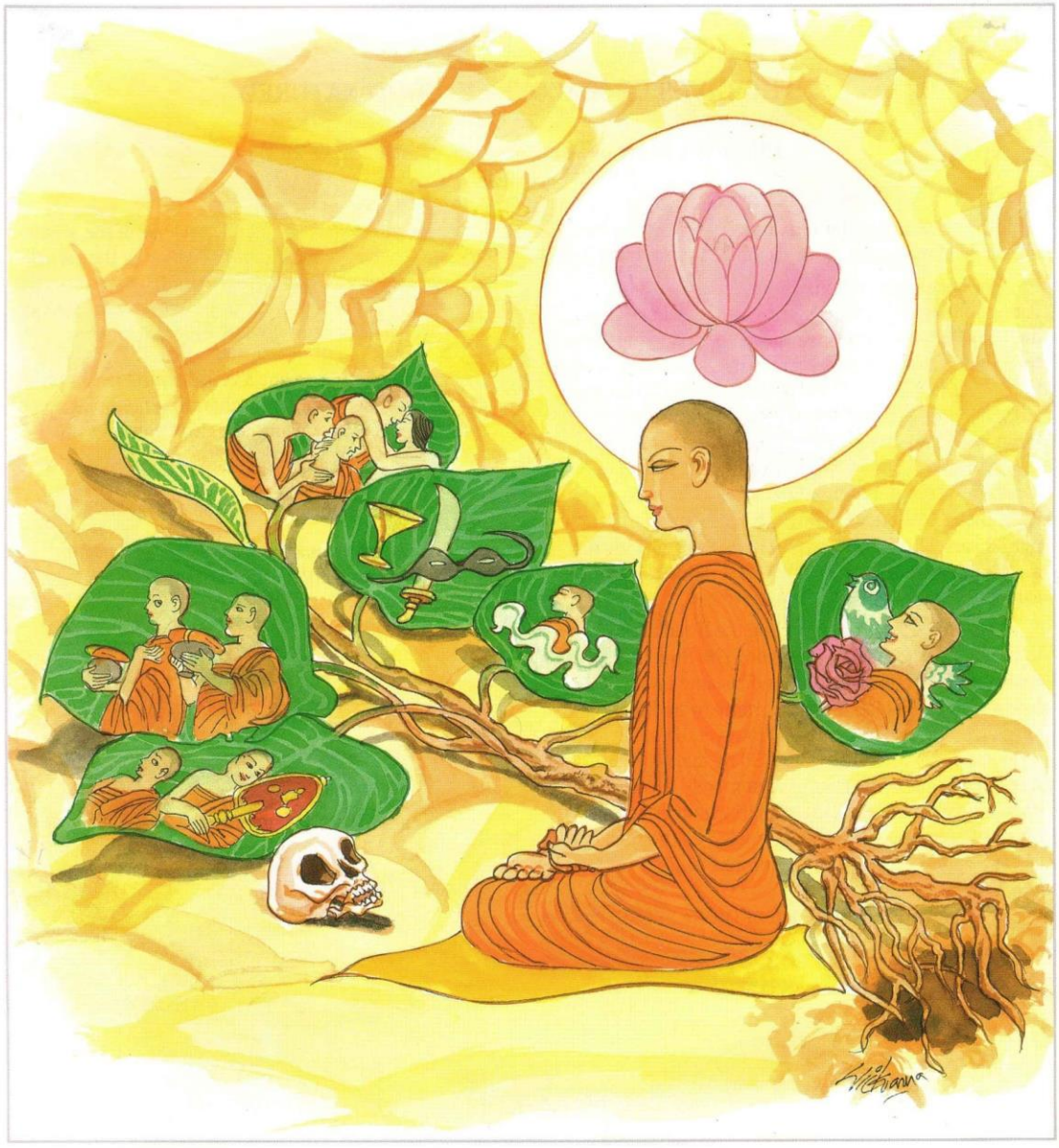

263. Nhổ chặt sạch gốc rễ, dập tắt tâm tham lường, bậc trí diệt sân hận, là xứng danh hiền lương.

XIX.5- HATTHAKA TRỚ TRÊU

(Na muṇḍakena samaṇoti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 264-265)

264. "Na muṇḍakena samaṇo	***"Không tự chế, nói láo***
Abbato alikaṃ bhaṇaṃ	***Dầu cạo tóc trọc đầu***
Yechālobhasamāpanno	***Ai còn đầy dục ái***
Samaṇo kiṃbhavissati".	***Sao được gọi Sa môn".***
265. "Yo ca sameti pāpāni	***"Ai trừ tiệt điều ác***
Aṇuṃ thūlāni sabbaso	***Không luận nhỏ hay lớn***
Samitattā hi pāpānaṃ	***Điều phục được ác pháp***
Samaṇo'ti pavucceti".	***Xứng danh là Sa môn".***

Pháp cú nầy được Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Hatthaka.

Tương truyền rằng: Mỗi khi tranh luận với ngoại đạo mà đuối lý thì Hatthaka đề nghị rằng:

- Mấy người hãy đến nơi đó, vào giờ đó, rồi chúng ta sẽ tiếp tục bàn cãi với nhau.

Thế rồi, vào giờ đó thầy đến nơi hẹn trước và nói với mọi người rằng:

- Hãy coi đó, nhóm ngoại đạo quá sợ tôi nên không dám đến, thấy chưa. Như vậy, đủ chứng minh rằng họ chịu thua.

Hatthaka dùng cách trớ trêu như vậy mà xử sự với đối phương mỗi lần tranh luận khi bị đuối lý, lẽ ra thì Hatthaka nên nhận mình thua.

Đức Bổn Sư nghe chuyện Hatthaka trớ trêu như thế, bèn cho gọi đến và phán hỏi rằng:

- Nầy Hatthaka! Nghe nói thầy đã hành động như thế có thật chăng?

- Bạch Ngài! Có thật như vậy.

- Tại sao thầy làm như vậy? Người nói dối như thế, nếu đi đây đi đó với cái đầu trọc thì không xứng danh là bậc Sa môn. Người nào làm yên lặng các ác pháp dầu nhỏ hoặc lớn, người ấy mới thật sự là một Sa môn.

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết lên kệ ngôn rằng:

264. "Na muṇḍakena samaṇo	*"Không tự chế, nói láo*
Abbato alikaṃ bhaṇaṃ	*Dầu cạo tóc trọc đầu*
Yechālobhasamāpanno	*Ai còn đầy dục ái*
Samaṇo kiṃbhavissati".	*Sao được gọi Sa môn".*
265. "Yo ca sameti pāpāni	*"Ai trừ tiệt điều ác*
Aṇuṃ thūlāni sabbaso	*Không luận nhỏ hay lớn*

Samitattā hi pāpānaṃ
Samaṇo'ti pavucceti".

Điều phục được ác pháp
Xứng danh là Sa môn".

CHÚ GIẢI:

Muṇḍakena: chỉ với đầu trọc thôi.

Abbato: Trống rỗng, không có Giới luật và pháp hành đầu đà chi cả.

Alikaṃ bhaṇaṃ: Nói vọng ngữ trong những cảnh giới thiền chưa đạt đến, lòng còn đầy tham xan, chỉ đạt tới cảnh ái dục thì làm sao gọi là Sa môn.

Sameti: Người nào làm yên lặng các ác pháp, dầu nhỏ hoặc lớn, người ấy mới đáng gọi là Sa môn.

Cuối thời Pháp, nhiều người chứng đắc Thánh Quả, nhất là quả Tu Đà Hườn.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Tên Hatthaka thật đúng thay
Miệng mồm tráo trở tợ bàn tay
Đến nơi hẹn trước người tranh luận
Để nói: "Người thua, sợ đến đây".
Phật quở: "Tỳ khưu nghịch lối nầy
Tăng già cả đám chịu nhơ lây
Sa môn phải nói lời chân thật
Đầu trọc không, chưa đủ gọi thầy".

DỨT TÍCH HATTHAKA TRỚ TRÊU

☸

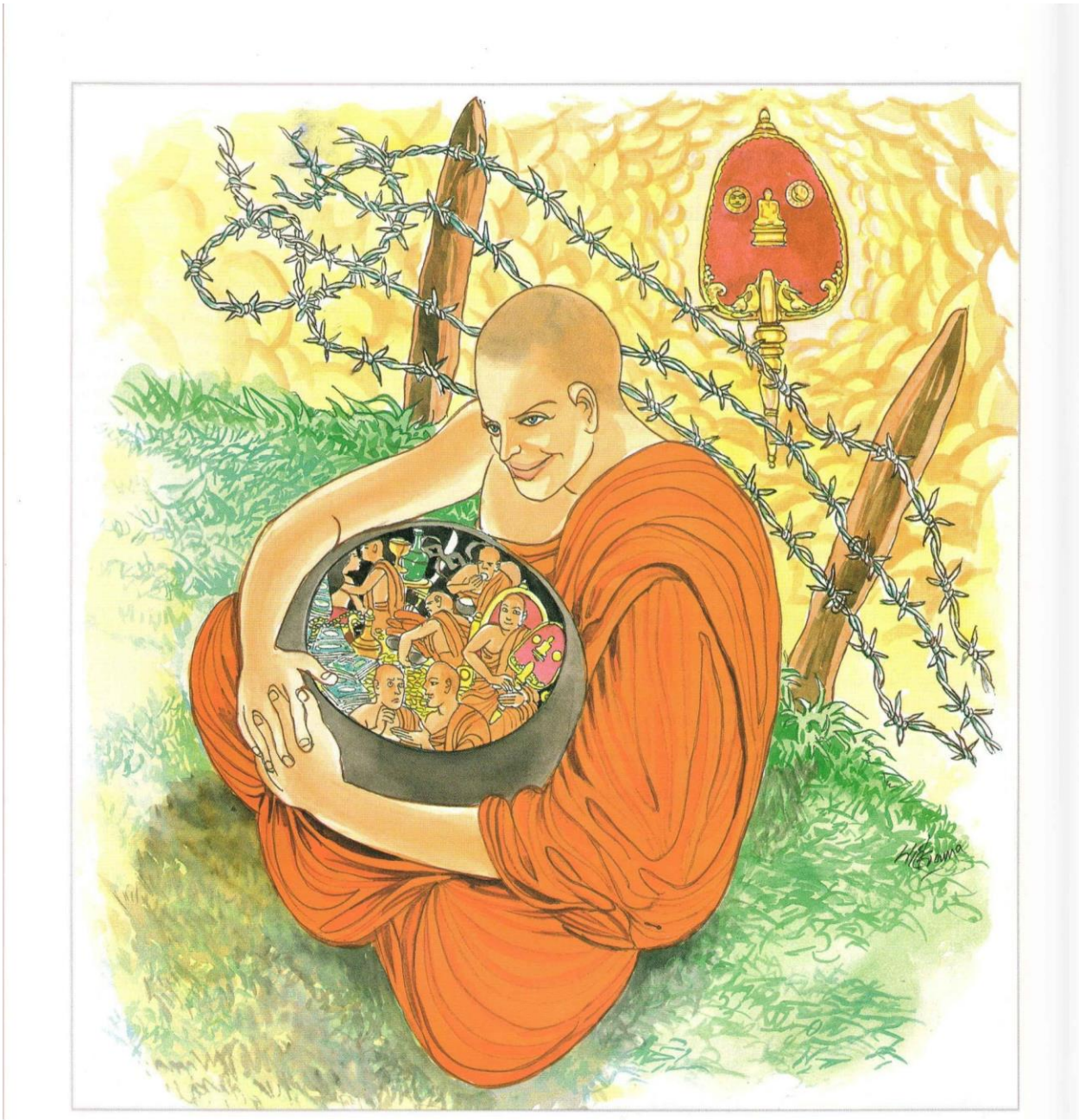

264. Không phải đầu cạo nhẵn, là nên danh sa môn, nếu buông lung láo khoét, đầy tham dục tâm hồn!

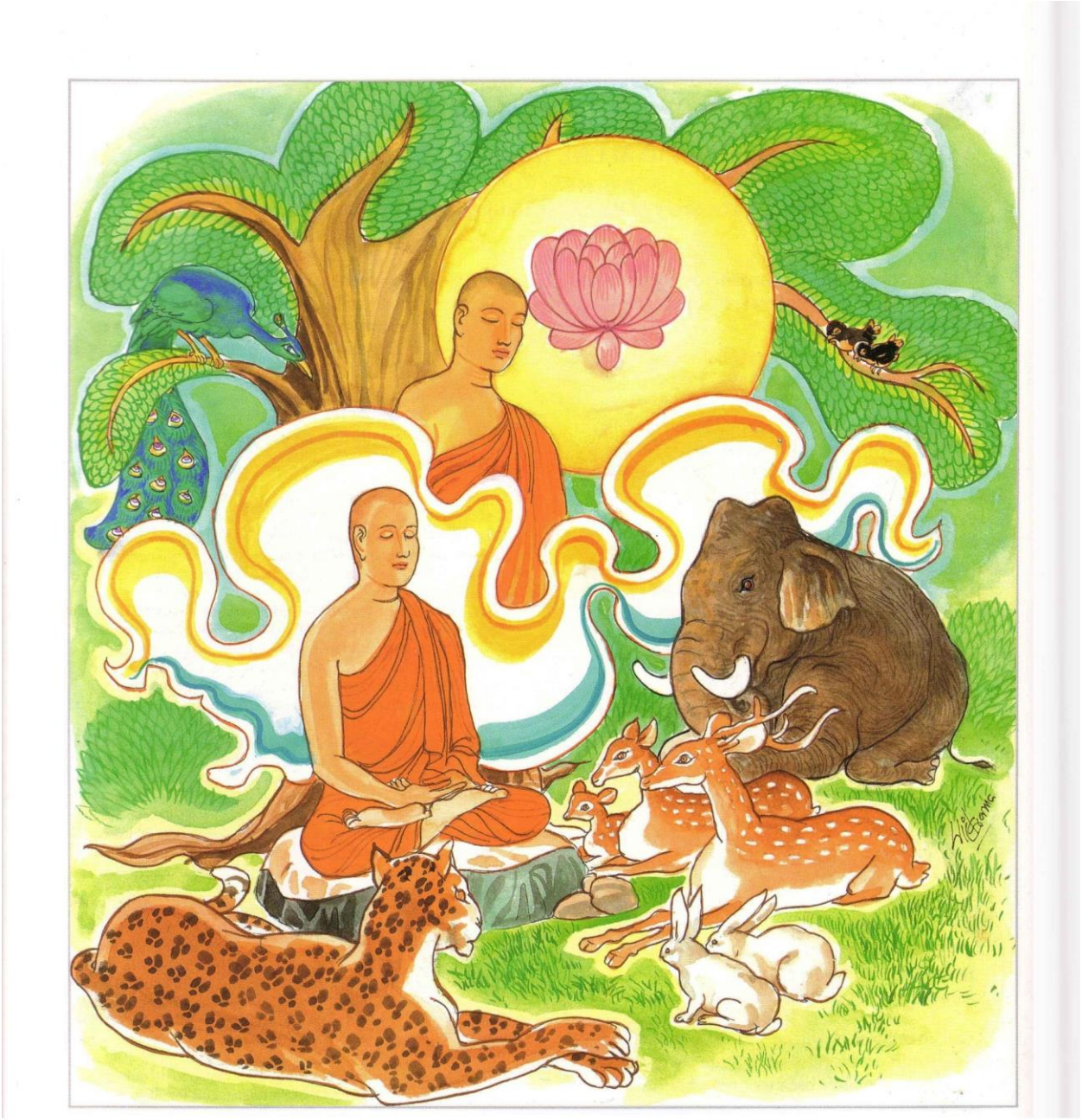

265. Ai hàng phục trọn vẹn, mọi ác nghiệp tế thô, vị ấy là sa môn, nhờ trừ nghiệp thô tế.

XIX.6- THẦY BÀ LA MÔN KHẤT SĨ

(Na tena bhikkhu so hotīti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 266-267)

266. "Na tena bhikkhu hoti	***"Chỉ mang bình khất thực***
Yāvatā bhikkhate pare	***Đâu phải là Tỳ khưu***
Vissaṃ dhammaṃ samādāyā	***Phải theo Giới pháp bổn***
Bhikkhu hoti na tāvatā".	***Mới xứng danh Tỳ khưu".***
267. "Yo'dha puññañ ca pā pañca	***"Ai bỏ cả thiện ác***
Bāhetvā brahmacariyavā	***Chuyên tu hành thanh tịnh***
Saṅkhāya loke carati	***Lấy hiểu biết ở đời***
Sa ve bhikkhū'ti vuccati".	***Mới xứng danh Tỳ khưu".***

Pháp cú nầy, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến một thầy Bà la môn nọ.

Tương truyền rằng: Thầy Bà la môn nầy đã xuất gia tu theo Giáo phái ngoại đạo. Lúc đi khất thực, thầy tự nghĩ: *"Sa môn Gotama gọi các Thinh Văn hằng đi khất thực của mình là Tỳ khưu. Vậy thì ta đây cũng phải được gọi là Tỳ khưu".* Thầy ấy đến gặp Đức Bổn Sư nói rằng:

- Thưa Sa môn Gotama, tôi cũng đi khất thực và nuôi mạng, vậy thầy cũng nên gọi tôi là Bhikkhu.

- Nầy Bà la môn! Ta không gọi là Tỳ khưu chỉ vì việc đi khất thực mà thôi. Không phải một người thọ trì đủ các pháp về mặt hình thức mà xứng danh là Tỳ khưu đâu. Người hằng suy xét tất cả pháp hữu vi, người ấy mới xứng danh là Tỳ khưu.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

266. "Na tena bhikkhu hoti	*"Chỉ mang bình khất thực*
Yāvatā bhikkhate pare	*Đâu phải là Tỳ khưu*
Vissaṃ dhammaṃ samādāyā	*Phải theo Giới pháp bổn*
Bhikkhu hoti na tāvatā".	*Mới xứng danh Tỳ khưu".*
267. "Yo'dha puññañ ca pā pañca	*"Ai bỏ cả thiện ác*
Bāhetvā brahmacariyavā	*Chuyên tu hành thanh tịnh*
Saṅkhāya loke carati	*Lấy hiểu biết ở đời*
Sa ve bhikkhū'ti vuccati".	*Mới xứng danh Tỳ khưu".*

☸

CHÚ GIẢI:

Yāvatā: Chỉ bấy nhiêu đó, là chỉ có một việc ôm bát đi khất thực thì không đáng gọi là Tỳ Khưu.

Visaṃ: Các Pháp khác nhau. Đây ám chỉ cho toàn thể giới hạnh mà một vị Tỳ khưu phải thọ trì, chớ chỉ một hạnh đi khất thực không thôi, chưa đủ được gọi là Tỳ khưu.

Yodha: (Yo idha): Người nào trong Giáo Pháp nầy, vượt qua cả phước và tội, đi trên con đường phạm hạnh cao thượng.

Saṅkhāya: Bằng trí tuệ sáng suốt.

Loke: Trong thế gian nhất là ngũ uẩn: Đây là nội uẩn, đây là ngoại uẩn. Tất cả Pháp đều thông suốt như vậy, người dùng trí tuệ mà phá vỡ phiền não, đáng gọi là Tỳ khưu.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khưu đắc Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Tỳ khưu có nghĩa kẻ xin ăn
Nhưng phải tu thiền, giữ giới răn
Chẳng giống Bàn môn cùng Khất cái
Biết mình cao thượng, bậc Thinh Văn
Ngoại đạo trì bình nhận bạc tiền
Món ăn sống sít chẳng hề kiêng
Thọ nhiều, tích trữ rồi đem bán
Phá giới, làm hoen ố cửa thiền…

DỨT TÍCH KHẤT SĨ BÀ LA MÔN

☸

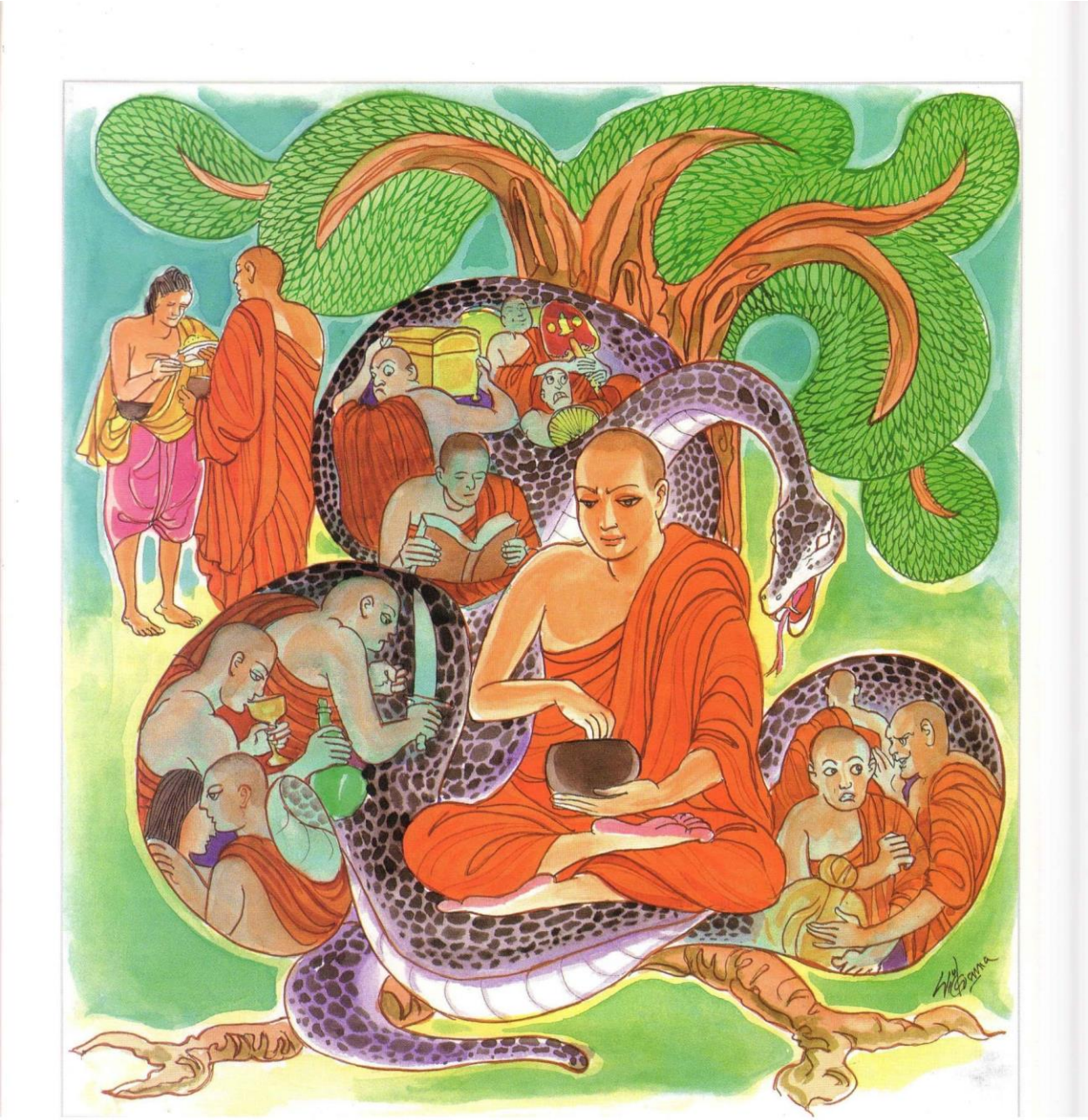

266. Không phải đi khất thực, là đích thực tỳ kheo, bậc đích thực tỳ kheo, là sống theo giới luật.

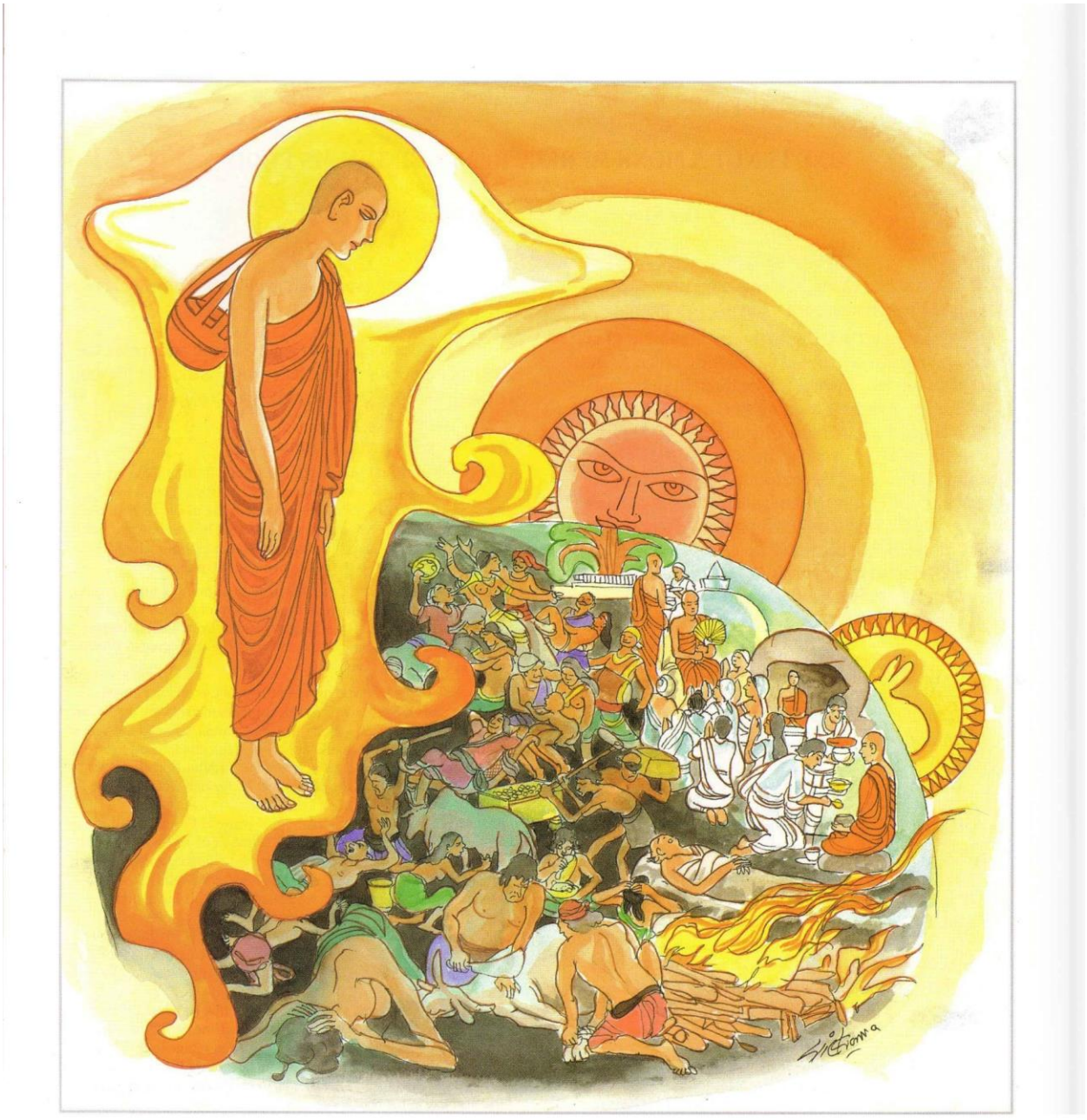

267. Ai siêu việt thiện ác, sống đức hạnh tuyệt vời, thấu triệt được lẽ đời, là tỳ kheo đích thực.

XIX.7- NGOẠI ĐẠO LÀM THINH

(Na manenāti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 268-269)

268. "Na monena munī hoti	***"Im lặng nhưng ngu đần***
Mūḷharūpo aviddasu	***Đâu được gọi Tịnh giả***
Yo ca tulaṃ'va paggayha	***Như người cầm cán cân***
Varaṃ ādāya paṇḍito".	***Kẻ trí chọn điều lành".***
269. "Pāpāni parivajjeti	***"Từ bỏ các ác pháp***
Sa munī tena so munī	***Mới thật là Tịnh giả***
Yo munāti ubho loke	***Ai thật hiểu hai đời***
Munī tena pavuccati".	***Mới xứng danh Tịnh giả".***

Pháp Cú nầy được Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến các ngoại đạo.

Tương truyền rằng: Sau khi thọ thực ở một nơi nào, các tu sĩ ngoại đạo thường chúc phúc cho thí chủ như vầy: *"Xin cho người được bình yên, xin cho người được hạnh phúc, xin cho người tăng thêm tuổi thọ. Ở nơi nọ có sình lầy, ở nơi nọ có gai góc, người không nên đi đến chỗ như vậy…"*.

Trong thời kỳ Giác ngộ đầu tiên, sự tụng kinh phúc chúc chưa được Đức Thế Tôn cho phép, nên các Tỳ khưu sau khi thọ thực tại nhà gia chủ là ra đi, chớ không chúc phúc cho gia chủ chi cả. Các tín gia bất mãn than phiền rằng: *"Gần các tu sĩ ngoại đạo, chúng ta còn được nghe chúc phúc. Riêng các Sa môn Thích Tử đây chỉ làm thinh ra đi"*.

Chư Tỳ khưu đem việc nầy bạch trình với Đức Bổn Sư, Ngài dạy rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Từ rày về sau ở trong trai đường hoặc nơi nào khác, Ta cho phép các thầy phúc chúc tùy theo sở thích và trò chuyện cởi mở với thí chủ khi ngồi gần bên họ.

Chư Tăng tuân theo lời dạy như vậy. Khi các thiện tín được nghe những lời phúc chúc, họ càng tinh tấn thêm hằng mời thỉnh và cúng dâng lễ vật đến Chư Tăng.

Các nhóm ngoại đạo than phiền rằng: *"Chúng ta là những bậc Tịnh giả. Chúng ta giữ sự im lặng. Còn các Thinh Văn của Sa môn Gotama hay thuyết giảng dài dòng trong các trai đường hoặc những chỗ khác tương tợ như vậy"*.

Khi nghe những lời chỉ trích của nhóm ngoại đạo, Đức Bổn Sư nói:

- Nầy các Tỳ khưu, Ta không gọi là Tịnh giả (Muni) chỉ vì người ấy giữ sự im lặng. Quả thật, có một số người vì không biết mà không nói, một số khác vì thiếu sự tín nhiệm và một số khác nữa lại cống cao ngã mạn sợ e người khác học được những tri kiến quan trọng của họ. Là vì họ bỏn xẻn pháp. Bởi vậy, Ta không gọi là Tịnh giả chỉ vì lẽ họ giữ sự im lặng. Theo Ta, ai làm Tịnh giả, làm im lặng được các pháp bất thiện, người ấy mới xứng danh Tịnh giả.

Rồi Ngài thuyết lên hai kệ ngôn rằng:

268. "Na monena munī hoti	*"Im lặng nhưng ngu đần*
Mūḷharūpo aviddasu	*Đâu được gọi Tịnh giả*
Yo ca tulaṃ'va paggayha	*Như người cầm cán cân*
Varaṃ ādāya paṇḍito".	*Kẻ trí chọn điều lành".*
269. "Pāpāni parivajjeti	*"Từ bỏ các ác pháp*
Sa munī tena so munī	*Mới thật là Tịnh giả*
Yo munāti ubho loke	*Ai thật hiểu hai đời*
Munī tena pavuccati".	*Mới xứng danh Tịnh giả".*

☸

CHÚ GIẢI:

Na monena: Tịnh giả là người đã làm im lặng tình dục bằng sự im lặng của Đạo Tuệ, bằng sự im lặng của Pháp hành (patipadā). Ở đây ám chỉ sự làm thinh, không nói.

Mūḷharūpo: Là người rỗng không.

Aviddasa: Là người vô trí.

Người như vậy dầu có im lặng chăng nữa cũng không phải là Tịnh giả. Hoặc là người mà chỉ có sự rỗng không, vô trí thì không đáng gọi là Tịnh giả.

Yo ca tulaṃ'va paggayha: Ví như người cầm cân lấy ra bên dư đưa vào bên thiếu như thế nào, thì cũng như thế ấy, bậc hiền trí lấy bên dư là ác pháp bỏ ra, châm đầy thiện pháp vào bên thiếu. Nói cách khác, bậc hiền trí hằng bổ túc các pháp cao nhân quý báu là Giới, Định, Tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến và mang theo mình, đồng thời xa lánh các tội ác, các nghiệp bất thiện.

Sa munī: Bậc ấy đáng gọi là Tịnh giả.

Tena so munī: Tại sao bậc ấy gọi là Tịnh giả. Vì mấy lẽ đã giải trên, nên bậc ấy gọi là Tịnh giả vậy.

Yo munāti ubho loke: Người nào đã cân nhắc kỹ mọi thế giới, nhất là ngũ uẩn. Theo cách nầy biết rõ cả hai thế gian pháp.

Munī tena pavuccati: Do lí lẽ trên mà gọi bậc ấy là Tịnh giả vậy.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khưu chứng đắc Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Tận trừ tam độc, tuệ cao thâm
Không vì danh lợi phê tuồng giả
Một mực làm thinh, giống kẻ câm
Tịnh khẩu thì không nói bá xàm
Nói điều hữu ích, chống sân tham
Nương theo chánh mạng, xa tà kiến
Cấm khẩu là xa lánh tục phàm.
Tịnh Giả, người tu tịnh nơi tâm.

DỨT TÍCH NGOẠI ĐẠO LÀM THINH

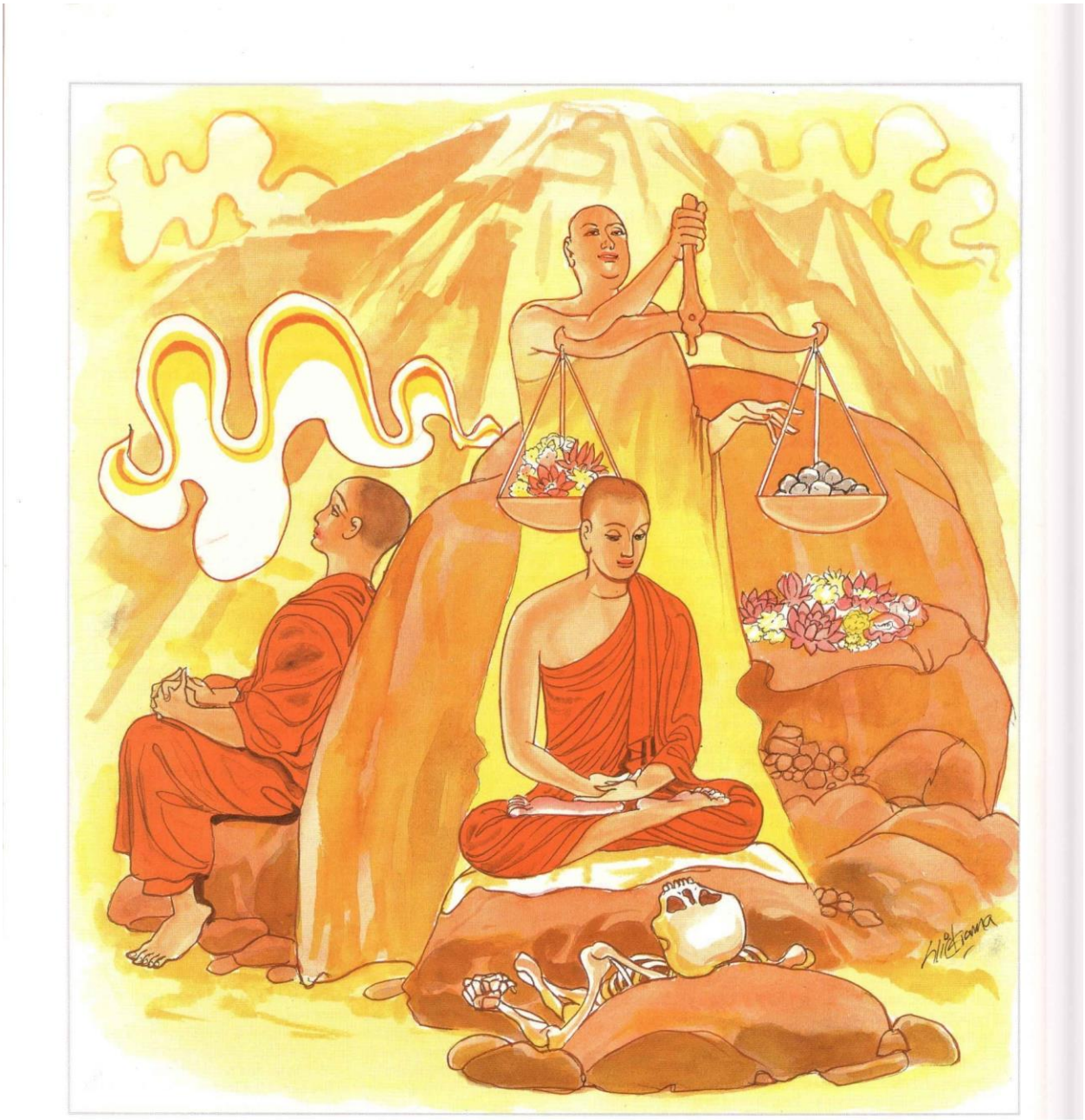

268. Im lặng nhưng ngu si, đâu phải là hiền trí, như cầm cân công lý, bậc trí chọn điều lành.



269. Từ bỏ mọi ác pháp, là xứng danh bậc trí, người được gọi hiền sĩ, am hiểu cả hai đời.

XIX.8- NGƯỜI DÂN CHÀI TÊN ARIYA

(Na tena ariyo hotīti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 270)

"Na tena ariyo hoti	***"Còn sát hại chúng sanh***
Yena pāṇāni himsati	***Đâu được gọi Hiền Thánh***
Ahiṃsā sabbapāṇānaṃ	***Không hại mọi chúng sanh***
Ariyo'ti pavuccati".	***Xứng danh bậc Hiền Thánh".***

Pháp Cú nầy Đức Bổn Sư đã thuyết khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến người dân chài tên Ariya.

Một hôm, quán thấy Ariya nầy có duyên lành đắc quả Tu Đà Hườn. Đức Bổn Sư dẫn chư Tỳ khưu đi khất thực trong làng ở phía Bắc thành Sāvatthī rồi trở về chùa.

Ngay lúc bấy giờ, người dân chài đang lo câu cá. Khi trông thấy Tỳ khưu Tăng có Đức Phật dẫn đầu, người ấy buông bỏ cần câu và đứng im.

Đức Bổn Sư dừng chân không xa chỗ Ariya đứng và quay lại hỏi Đại Đức Sāriputta và các vị khác rằng:

- Thầy tên gì?

Chư Tỳ khưu lần lượt đáp tên mình như là: "Con là Sāriputta, con là Moggallāna…".

Người câu cá nghĩ rằng: *"Đức Thế Tôn hỏi tên các vị Tỳ khưu, có lẽ Ngài sẽ hỏi đến tên ta chẳng sai".*

Đức Thế Tôn biết được tâm ý của y, liền hỏi rằng:

- Nầy thiện nam, ông tên là chi?

- Bạch Ngài! Con tên Ariya (Thánh nhân)

Nghe vậy, Đức Bổn Sư cải chính rằng:

- Nầy Thiện nam, sát sanh như ông không xứng danh là Ariya. Bậc Ariya thì tâm đầy đủ từ bi, không bao giờ có lòng não hại chúng sanh.

Nói rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn:

"Na tena ariyo hoti	*"Còn sát hại chúng sanh*
Yena pāṇāni himsati	*Đâu được gọi Hiền Thánh*
Ahiṃsā sabbapāṇānaṃ	*Không hại mọi chúng sanh*
Ariyo'ti pavuccati".	*Xứng danh bậc Hiền Thánh".*

☸

CHÚ GIẢI:

Bằng sự vô não hại, như trên đã nói, người nào não hại chúng sanh thì vì lẽ đó không phải Ariya (Bậc Thánh Nhân). Còn người nào bằng cách vô hại, không dùng

tau chân, gậy gộc… mà đối với tất cả chúng sanh, trú tâm trong thiền định nhất là niệm tâm từ mà xa lìa được não hại (bạo động), người ấy chính là bậc Ariya vậy.

Cuối thời Pháp, người câu cá chứng quả Tu Đà Hườn, thính chúng hiện diện cũng được nhiều lợi ích.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Ariya là bậc Thánh Nhân
Giống như Vô Não đã dừng chân
Không còn sát hại sinh linh nữa
Bỏ kiếm quay về với Phật thân
Ariya nầy ném cá câu
Đứng im nghe Phật hỏi cơ mầu
Dứt liền niệm ác, tâm Vô não
Hiệp đủ nhân duyên, đắc quả đầu.

DỨT TÍCH NGƯỜI DÂN CHÀI TÊN ARIYA

☸

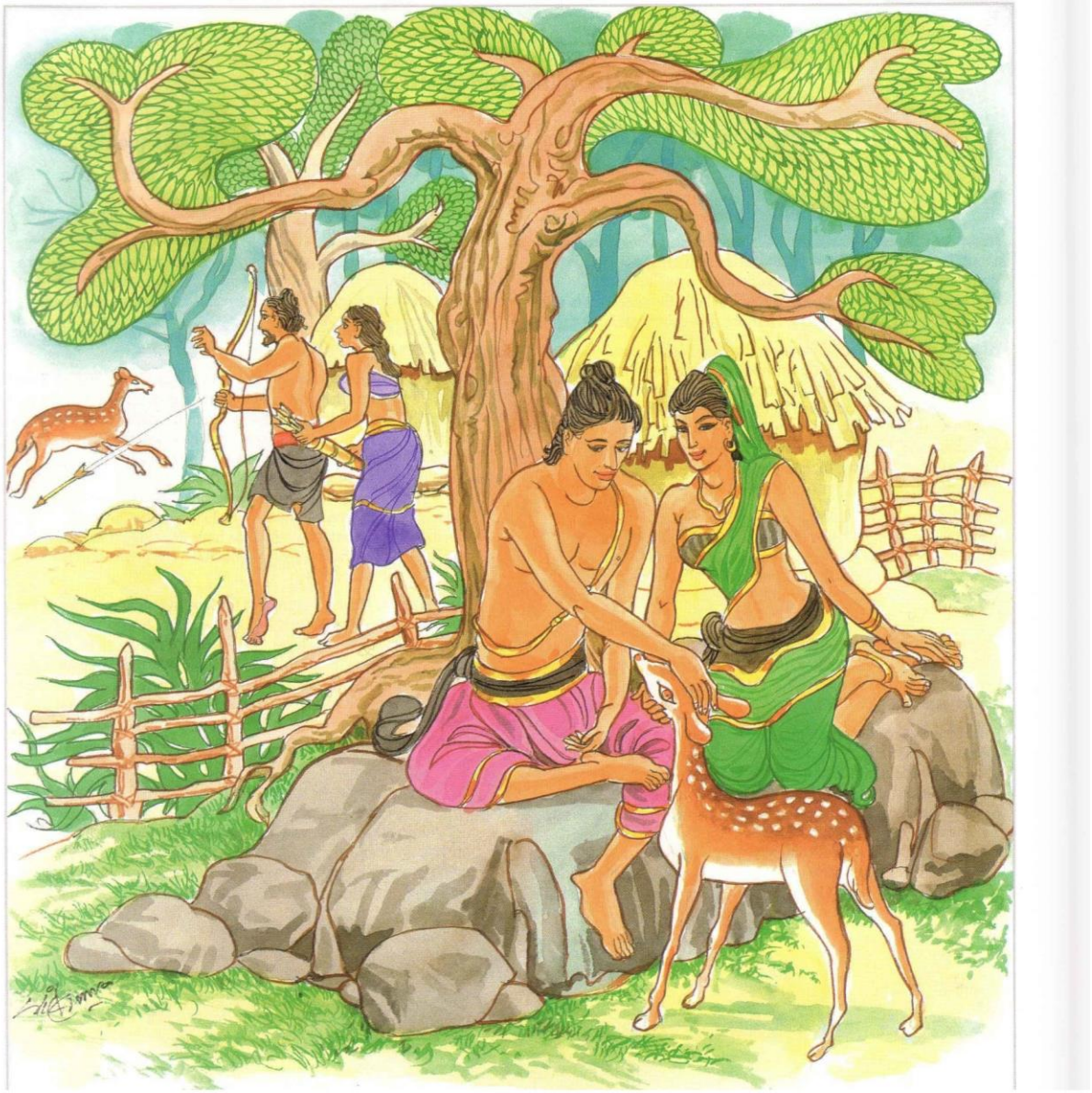

270. Sát hại sanh linh thì đâu có phải là bậc cao quý. Mà bậc cao quý thì phải là người không tổn hại ai.

XIX.9- NHIỀU VỊ TỲ KHƯU TỰ MÃN

(Na sīlabbata mattenāti)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 271-272)

271. "Na sīlabbatamattena	***"Chẳng phải giữ giới cấm***
Bāhusaccena vā puna	***Cũng chẳng phải nghe nhiều***
Atha vā samādhilābhena	***Hoặc chứng được thiền định***
Vivicca sayanena vā".	***Sống cô độc một mình".***
272. "Phusāmi nekkhammasukhaṃ	***"Tự xem đã thọ hưởng***
Aputhujjanasevitaṃ	***Hạnh phúc giải thoát lạc***
Bhikkhu vissāsam āpādi	***Phàm phu chưa hưởng được***
Appatto āsavakkhayaṃ".	***Tỳ khưu chớ bằng lòng***
	Nếu lậu hoặc chưa diệt".

Pháp Cú nầy Đức Bổn Sư đã thuyết khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến nhiều vị Tỳ khưu đầy đủ giới hạnh.

Tương truyền rằng: Trong các Tỳ khưu nầy có một số nghĩ rằng: *"Chúng ta là bậc Cụ Túc giới, chúng ta là bậc Đa Văn, chúng ta cư ngụ nơi xa xôi hẻo lánh, chúng ta đã chứng đắc thiền định. Đối với chúng ta quả A La Hán không khó đắc. Ngày nào chúng ta muốn, chúng ta sẽ đắc A La Hán trong ngày đó".*

Cùng một lối như vậy, các Tỳ khưu đắc A Na Hàm cũng tự nghĩ rằng: *"Bây giờ, đối với chúng ta quả A La Hán không khó đắc".*

Tuy nhiên, một ngày nọ, tất cả các Tỳ khưu đều đến yết kiến Đức Bổn Sư. Đảnh lễ xong rồi ngồi xuống, Đức Bổn Sư bèn hỏi:

- Nầy các Tỳ khưu! Các thầy đã đạt đến mục đích cứu cánh của bậc xuất gia giải thoát chưa?

- Bạch Ngài! Chúng con đã đạt đến trình độ như thế, như thế… Bởi vậy, chúng con có thể đạt đến quả vị A La Hán ngay lúc nào mà chúng con muốn. Với ý nghĩ như vậy, chúng con sống bình an.

Nghe chư Tăng đáp như thế, Đức Bổn Sư cảnh tỉnh rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Một Tỳ khưu xứng đáng không nên chỉ ỷ vào chỗ mình đã thọ trì đầy đủ Tứ thanh tịnh giới, hoặc hạnh đầu đà, hoặc chỉ ỷ thị vào chỗ đã hưởng hỷ lạc cả A Na Hàm quả mà vội cho rằng: *"Hiện nay đời sống của ta ít có khổ não"*. Ngày giờ nào chưa đạt đến mức lậu tận thì chớ nên khơi lên cái tâm nghĩ rằng: *"Ta được an vui"*.

Nói rồi, Ngài ngâm kệ rằng:

271. "Na sīlabbatamattena	*"Chẳng phải giữ giới cấm*
Bāhusaccena vā puna	*Cũng chẳng phải nghe nhiều*

Atha vā samādhilābhena Vivicca sayanena vā”.	*Hoặc chứng được thiền định* *Sống cô độc một mình”.*
272. “Phusāmi nekkhammasukhaṃ Aputhujjanasevitaṃ Bhikkhu vissāsam āpādi Appatto āsavakkhayaṃ”.	*“Tự xem đã thọ hưởng* *Hạnh phúc giải thoát lạc* *Phàm phu chưa hưởng được* *Tỳ khưu chớ bằng lòng* *Nếu lậu hoặc chưa diệt”.*

CHÚ GIẢI:

***Sīlabbatamattena*:** Do nơi sự giữ Tứ Thanh Tịnh giới hoặc trọ trì mười ba chi đầu đà, hoặc là do sự nghe nhiều học rộng, hoặc thuộc lòng cả Tam Tạng kinh.

***Samādhilābhena*:** Do đắc tám tầng thiền.

***Nekkhammasukhaṃ*:** Hỷ lạc của bậc A Na Hàm. Bởi vậy mới nói ta hưởng hạnh phúc của A Na Hàm.

***Apputhukkanasevitaṃ*:** Phàm phu không được hưởng, nhưng Thánh nhân thì hưởng được.

***Bhikkhu*:** Nầy Tỳ khưu! Đây là gọi một Tỳ khưu nào trong đó.

***Vissāsamāpādi*:** Chớ tin cậy, bằng lòng. Như trên đã nói: Nầy Tỳ khưu, việc thọ trì Cụ Túc Giới và đắc thiền định, theo Ta vẫn còn ít ỏi, nhỏ nhen, nếu chưa đắc quả Lậu Tận.

Chưa đắc A La Hán, một Tỳ khưu xứng đáng chưa bằng lòng. Ví như phẩn, dầu chỉ chút ít cũng có mùi hôi thúi như thế nào thì biết là cảnh giới tái sanh dầu nhỏ nhen chút ít cũng là khổ.

Cuối thời Pháp, các Tỳ khưu ấy đều đắc quả A La Hán. Thính chúng câu hội nơi đó cũng hưởng được lợi ích của thời Pháp.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Chưa đến tận cùng mục đích tu
Chớ nên hưởng đãi việc công phu
Bao giờ đắc quả A La Hán
Mới chắc từ đây thoát ngục tù…
Giữ giới tu thiền chẳng đủ đâu
Đầu đà thêm học vấn cao sâu
A Na Hàm hỷ làm chi đó
Nếu vẫn còn vương "hữu" khổ sầu.

DỨT TÍCH NHIỀU VỊ TỲ KHƯU TỰ MÃN

☸

DỨT PHẨM PHÁP TRỤ - DHAMMADAṬṬHA VAGGA
DỨT PHẨM 19

ꕥ☸ꕥ



271. Không phải giữ giới luật, khổ hạnh hay học nhiều,
Thiền định, hay ẩn dật, mà sanh tâm tự kiêu.



272. "Ta hưởng phúc xuất thế. Phàm phu hưởng được nào".
Tỳ kheo, chớ tự mãn. Lậu hoặc hãy triệt tiêu.

THÁNH ĐIỂN PĀLI

PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

Dịch giả

Trưởng Lão Thiền Sư PHÁP MINH

Chú giải Kinh Pháp Cú

Quyển 4



DHAMMAPĀDAṬṬHAKATHĀ

Nhà Xuất Bản Tổng Hợp Thành Phố Hồ Chí Minh

LỜI PHI LỘ

Pháp hành tuy ít mà hay
Ví như nắm lá trong tay Phật Đà!
Pháp học như lá rừng già,
Tuy cần, nhưng chỉ để mà thuyết suông!

Hành giả phải có kinh nghiệm, tin chắc nơi Chánh Pháp mà mình đã chọn, không còn tìm cầu kiến thức gì nữa cả, từ bên ngoài. Bực sơ cơ nên noi gương các bực tiên tiến, làm đủ các phận sự phải làm, và giữ tâm bình thản như đứa bé thơ. Dò theo dấu chân Phật, nhất định sẽ gặp Phật, ở Niết Bàn nội tâm của chính mình.

Cốc Bình Thủy 03/11/ Đinh Mão

(21.01.1988)

Trưởng Lão Thiền Sư Pháp Minh



MỤC LỤC

XX. PHẨM CHÁNH ĐẠO 1
(MAGGA VAGGA) 1
XX.1- NĂM TRĂM TỲ KHƯU LUẬN ĐẠO 1
XX.2- NĂM TRĂM TỲ KHƯU QUÁN VÔ THƯỜNG 9
XX.3- QUÁN KHỔ NÃO 12
XX.4- QUÁN PHI NGÃ 14
XX.5- ĐẠI ĐỨC TISSA NÔN TU 16
XX.6- NGẠ QUỶ HEO 20
XX.7- ĐẠI ĐỨC POTHILA 26
XX.8- CÁC ĐẠI ĐỨC GIÀ 30
XX.9- ĐỆ TỬ ĐẠI ĐỨC SĀRIPUTTA 35
XX.10- ĐẠI PHÚ THƯƠNG 40
XX.11- NÀNG KISĀ GOTAMĪ 44
XX.12- NÀNG PATĀCĀRĀ 47
XXI. PHẨM TẠP LỤC 51
(PAKIṆAKA VAGGA) 51
XXI.1- HẠNH NGHIỆP CỦA ĐỨC PHẬT 51
XXI.2- THIẾU NỮ ĂN TRỨNG GÀ 58
XXI.3- CHUYỆN TỲ KHƯU XỨ BHADDIYA 61
XXI.4- TRƯỞNG LÃO LAKUṆṬAKA BHADDIYA 65
XXI.5- CON TRAI ÔNG DĀRUSĀKAṬIKA 70
XXI.6- TỲ KHƯU VAJĪPUTTA 80
XXI.7- TRƯỞNG GIẢ CITTA 84
XXI.8- NÀNG CŪḶASUBHADDĀ 87
XXI.9- TRƯỞNG LÃO EKAVIHĀRĪ 92
XXII. PHẨM KHỔ CẢNH 95
(NIRAYA VAGGA) 95
XXII.1- NỮ NGOẠI GIÁO SUNDARĪ 95
XXII.2- CHUYỆN KHỔ NHÂN 99
XXII.3- Tích CHƯ TỲ KHƯU TRÚ GẦN SÔNG VAGGUMUDĀ 102
XXII.4- THANH NIÊN KHEMAKA 105
XXII.5- TỲ KHƯU ĐA NGÔN 109
XXII.6- CHUYỆN NỮ NHÂN HỜN GHEN 114

XXII.7- CHUYỆN TĂNG KHÁCH 117
XXII.8- CHUYỆN NIGANTHA 120
XXII.9- MÔN ĐỒ NGOẠI GIÁO 124
XXIII. PHẨM VOI 128
(NĀGA VAGGA) 128
XXIII.1- CHUYỆN BẬC ĐẠO SƯ 128
XXIII.2- CHUYỆN MỘT TĂNG SĨ 134
XXIII.3- BÀ LA MÔN LÃO NIÊN 137
XXIII.4- QUỐC VƯƠNG PASENADIKOSALA 143
XXIII.5- SA DI SĀNU 146
XXIII.6- THỚT TƯỢNG PĀVERAKA 152
XXIII.7- CHUYỆN CHƯ TỲ KHƯU 155
XXIII.8- CHUYỆN MA VƯƠNG 162
XXIV. PHẨM ÁI DỤC 168
(TAṆHĀ VAGGA) 168
XXIV.1- TÍCH CON CÁ KAPILA 168
XXIV.2- CHUYỆN CON HEO NÁI 179
XXIV.3- CHUYỆN VỊ TỲ KHƯU HOÀN TỤC 190
XXIV.4- CHUYỆN KHÁM ĐƯỜNG 194
XXIV.5- HOÀNG HẬU KHEMĀ 199
XXIV.6- CÔNG TỬ UGGASENA 203
XXIV.7- HIỀN TRÍ CŪḶADHANUGGAHA 210
XXIV.8- CHUYỆN MA VƯƠNG 215
XXIV.9- DU SĨ UPAKA 220
XXIV.10- ĐỨC THIÊN VƯƠNG ĐẾ THÍCH 223
XXIV.11- VỊ TRƯỞNG GIẢ KHÔNG CON 227
XXIV.12- THIÊN TỬ AṄKURA 231
XXV. PHẨM TỲ KHƯU 237
(BHIKKHU VAGGA) 237
XXV.1- NĂM VỊ TỲ KHƯU 237
XXV.2- VỊ TỲ KHƯU GIẾT HẠC 243
XXV.3- TỲ KHƯU KOKĀLIKA 248
XXV.4- TRƯỞNG LÃO DHAMMĀRĀMA 252
XXV.5- HAI VỊ TỲ KHƯU NGHỊCH GẶP NHAU 256
XXV.6- BÀ LA MÔN PAÑCAGGADĀYAKA 261
XXV.7- NHIỀU VỊ TỲ KHƯU 265

XXV.8- CHUYỆN 500 VỊ TỲ KHƯU....282
XXV.9- TRƯỞNG LÃO SANTAKĀYA....285
XXV.10- TRƯỞNG LÃO NAṆGALAKŪṬA....288
XXV.11- TRƯỞNG LÃO VAKKALI....293
XXV.12- SADI SUMANA....297
XXVI. PHẨM BÀ LA MÔN....310
(BRĀHMAṆA VAGGA)....310
XXVI.1- VỊ BÀ LA MÔN NHIỀU ĐỨC TIN....310
XXVI.2- NHIỀU VỊ TỲ KHƯU....313
XXVI.3- CHUYỆN MA VƯƠNG....316
XXVI.4- MỘT VỊ BÀ LA MÔN....319
XXVI.5- TRƯỞNG LÃO ĀNANDA....322
XXVI.6- CHUYỆN MỘT NGƯỜI XUẤT GIA....325
XXVI.7- TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA....328
XXVI.8- TRƯỞNG LÃO NI MAHĀ PAJĀPATIGOTAMĪ....333
XXVI.9- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA....336
XXVI.10- CHUYỆN BÀ LA MÔN JĀṬILA....339
XXVI.11- BÀ LA MÔN KUHAKA....342
XXVI.12- NÀNG KISĀGOTAMĪ....346
XXVI.13- CHUYỆN VỊ BÀ LA MÔN....349
XXVI.14- NGÀI UGGASENA....352
XXVI.15- CHUYỆN HAI VỊ BÀ LA MÔN....355
XXVI.16- BÀ LA MÔN AKKOSAKA BHĀRADVĀJA....358
XXVI.17- TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA....361
XXVI.18- TRƯỞNG LÃO NI UPPALAVAṆṆĀ....364
XXVI.19- CHUYỆN MỘT VỊ BÀ LA MÔN....367
XXVI.20- TRƯỞNG LÃO NI KHEMĀ....370
XXVI.21- TRƯỞNG LÃO TISSA NGỤ TRONG NÚI....373
XXVI.22- CHUYỆN NHIỀU VỊ TỲ KHƯU....378
XXVI.23- CÁC SADI....381
XXVI.24- TRƯỞNG LÃO MAHĀPAṆṬHAKA....386
XXVI.25- TRƯỞNG LÃO PILIṆḌAVACCHA....389
XXVI.26- CHUYỆN MỘT VỊ TỲ KHƯU....392
XXVI.27- TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA....395
XXVI.28- TRƯỞNG LÃO MOGGALLĀNA....398
XXVI.29- TRƯỞNG LÃO REVATA....400

XXVI.30- TRƯỞNG LÃO CANDĀBHA.....403
XXVI.31. TRƯỞNG LÃO SĪVALI.....409
XXVI.32- TRƯỞNG LÃO SUNDARASAMUDDA.....412
XXVI.33- TRƯỞNG LÃO JOTIKA 418
XXVI.34- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO JĀṬILA 431
XXVI.35- CHUYỆN VỊ TỲ KHƯU KHIÊU VŨ (THỨ NHẤT).....439
XXVI.36- CHUYỆN VỊ TỲ KHƯU KHIÊU VŨ (THỨ HAI).....442
XXVI.37- TRƯỞNG LÃO VAṄGĪSA 444
XXVI.38- TRƯỞNG LÃO NI DHAMMADINNĀ 449
XXVI.39- TRƯỞNG LÃO ANGULIMĀLA 453
XXVI.40- BÀ LA MÔN DEVAHITA.....456

XX. PHẨM CHÁNH ĐẠO
(MAGGA VAGGA)
- 15 bài kệ: Pháp cú 273-288
- 12 tích truyện

☸

XX.1- NĂM TRĂM TỲ KHƯU LUẬN ĐẠO
(Pañcatabhikkhu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 273-276)

273. "Maggān'eṭṭhaṅgiko seṭṭho **Saccānaṃ caturo padā** **Virāgo seṭṭho dhammānaṃ** **Dipadānañ ca cakkhumā".**	***"Bát chánh đường thù thắng*** ***Bốn đế lý thù thắng*** ***Ly dục pháp thù thắng*** ***Giác nhân người thù thắng".***
274. "Eso'va maggo natthaññho **Dassanassa visuddhiyā,** **Etamhi tumhe paṭipajjatha** **Mārass'etaṃ pamohanaṃ".**	***"Chỉ đường nầy độc nhất*** ***Khiến tri kiến thanh tịnh*** ***Nếu ngươi theo đường nầy*** ***Ma quân sẽ mê loạn".***
275. "Etaṃ hi tumhe paṭipannā **Dukkhassantaṃ karissatha,** **Akkhāto ve mayā maggo** **Aññāya sallasanthanaṃ".**	***"Nếu ngươi theo đường này*** ***Đau khổ được diệt trừ*** ***Hiểu được diệt gai chướng*** ***Ta dạy người con đường".***
276. "Tumhehi kiccaṃ ātappaṃ **Akkhātāro tathāgatā,** **Paṭipannā pamokkhanti** **Jhāyino māra bandhanā".**	***"Người hãy tự nổ lực*** ***Như Lai chỉ thuyết dạy*** ***Người thiền định tu đạo*** ***Thoát khỏi lưới ma quân".***

Pháp cú này Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến năm trăm vị Tỳ khưu.

Tương truyền rằng: Sau khi Đức Bổn Sư đi vân du khắp xứ rồi trở về thành Sāvatthī, chư Tỳ khưu ngồi trong Hội trường đàm luận về đường xá, nói rằng: *"Con đường từ làng nọ sang làng kia bằng phẳng, con đường qua làng khác thì không bằng phẳng, con đường này có sạn sỏi, con đường kia không sạn sỏi…"*. Bằng cách ấy, chư Tăng nhắc lại lộ trình mình đã trải qua. Đức Thế Tôn quán thấy duyên lành A La Hán của chư Tỳ khưu, bèn ngự đến giảng đường, ngồi lên chỗ ngồi đã soạn sẵn và hỏi:

- Này các Tỳ khưu! Hôm nay các thầy nhóm họp thảo luận về chuyện gì đây?

- Bạch Ngài! Chuyện như thế, như thế…

Nghe vậy, Đức Bổn Sư phán dạy rằng:

- Này các Tỳ khưu, đó là con đường bên ngoài (ngoại đạo), một Tỳ khưu chính danh cần phải công tác trên con đường Thánh. Có làm như thế, thầy mới được giải thoát mọi đau khổ.

Nói rồi, Ngài thuyết lên các kệ ngôn rằng:

273. "Maggān'eṭṭhaṅgiko seṭṭho	*"Bát chánh đường thù thắng*
Saccānaṃ caturo padā	*Bốn đế lý thù thắng*
Virāgo seṭṭho dhammānaṃ	*Ly dục pháp thù thắng*
Dipadānañ ca cakkhumā".	*Giác nhân người thù thắng".*
274. "Eso'va maggo natthaññho	*"Chỉ đường nầy độc nhất*
Dassanassa visuddhiyā,	*Khiến tri kiến thanh tịnh*
Etamhi tumhe paṭipajjatha	*Nếu ngươi theo đường nầy*
Mārass'etaṃ pamohanaṃ".	*Ma quân sẽ mê loạn".*
275. "Etaṃ hi tumhe paṭipannā	*"Nếu ngươi theo đường này*
Dukkhassantaṃ karissatha,	*Đau khổ được diệt trừ*
Akkhāto ve mayā maggo	*Hiểu được diệt gai chướng*
Aññāya sallasanthanaṃ".	*Ta dạy người con đường".*
276. "Tumhehi kiccaṃ ātappaṃ	*"Người hãy tự nổ lực*
Akkhātāro tathāgatā,	*Như Lai chỉ thuyết dạy*
Paṭipannā pamokkhanti	*Người thiền định tu đạo*
Jhāyino māra bandhanā".	*Thoát khỏi lưới ma quân".*

CHÚ GIẢI:

Maggānatthaṅgiko: Dầu kể tất cả những con đường, nhất là con đường của sáu mươi hai chủ thuyết tà kiến, khi đem ra so sánh bằng tám chi đạo. Tuần tự lấy chánh kiến dẹp bỏ tà kiến… tám lần như thế cho đến chỗ diệt tuyệt các đối tượng để giác ngộ Khổ Đế trong Tứ Đế, thì thấy rằng Bát Chánh Đạo là con đường tối thượng thù thắng nhất.

Saccānaṃ caturo padā: Không nên nóng giận với lời chân thật. Xin cho có sự chân thật trong lời nói ngày vị lai. Người Bà La Môn thật, người Sát Đế Lỵ thật theo sự phân chia giai cấp ở Ấn Độ, tất cả sự thật (sacca) nầy chỉ là giải định, thuộc về Tục Đế sự thật (Sammutisacca) hay chỉ là chân lý của thế gian, chỉ là không tưởng (Moghaṃ aññaṃ) là chân lý tà kiến hoặc là Tứ Đế nhất là Khổ Đế. Còn đối với bậc Thánh thì sự thật ở đây chính là sự thật cùng tột hay Thánh Đế, hay Đệ nhất nghĩa đế (Paramatthasaccaṃ).

Nói cách khác, trong hai thứ chân lý: Tục Đế và Chân Đế thì Chân Đế là điều cần phải thực thi như: Khổ Đế cần phải thắng tri, Tập Đế cần phải đoạn trừ, Diệt Đế cần phải tác chứng và Đạo Đế cần phải tu tiến. Chân lý hay Tứ Đế ấy là tối thượng.

Virāgo saṭṭho dhammānaṃ: Có Phật ngôn rằng: Nầy các Tỳ khưu, khi so sánh với các hữu vi hoặc vô vi thì sự ly dục là cao siêu hơn cả các pháp ấy. Do đó, ly dục gọi là Níp bàn thù thắng.

Dipadānañ ca cakkhumā: Trong tất cả các chúng sanh nhất là về phía Chư Thiên và nhân loại là giống lưỡng túc (hai chân), chỉ có Đức Như Lai là thù thắng trong thân sắc, ngay cả trong vô sắc pháp hay danh pháp thì Đức Như Lai cũng thù thắng tối thượng (hơn cả Phạm Thiên Vô Sắc).

Dassanassa visudhiyā: Con đường nào khiến ta hưởng được lợi ích của đạo quả tri kiến tịnh, đó chính là con đường độc nhất vô nhị.

Etaṃhi: Bởi thế, các thầy hãy hành trì theo như vậy.

Mārassetaṃ pamohanaṃ: Ma vương sẽ mê loạn, sẽ bị phỉnh lừa, sẽ ngơ ngác.

Dukkhassantaṃ: Hãy đoạn tuyệt toàn thể cái vòng luân hồi khổ.

Sallasanthanaṃ: Các mũi nhọn, nhất là mũi nhọn của tình ái, các dao bén, các sự đè ép, trói buộc. Con đường đó không có ai chỉ dạy ta cả, chỉ tự Ta giác ngộ lấy một mình, nay Ta chỉ dạy cho các thầy. Bây giờ, con đường đó đã được chỉ dạy, các thầy đang bị phiền não thiêu đốt. Muốn mau giác ngộ con đường đó, các thầy phải nỗ lực, chuyên cần làm các phận sự cần thiết mà Như Lai đã chỉ dạy toàn bộ rồi. Bởi vậy, những hành giả nào nương theo những điều chỉ dạy, hành thiền Chỉ quán, những hành giả ấy sẽ thoát khỏi những trói buộc của Ma vương, có tên là cái vòng luân hồi trong Tam giới.

Cuối thời pháp, năm trăm Tỳ khưu đều đắc quả A La Hán. Kỳ dư thính chúng cũng được hưởng sự lợi ích của thời Pháp.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Con đường Bát Chánh Phật tìm ra,
Dẫn chúng sanh lên khỏi ái hà,
Lấy Khổ làm đầu trong Tứ Đế,
Vô vi khắc phục chúng quần ma,
Là đường độc nhất cả xưa nay,
Có sản nhưng không được hiển bày,
Phật tự giác rồi đem giáo hóa,
Chư Tăng hưởng ứng bước theo ngay,
Chẳng phải đường đi của thế nhân,
Ngựa xe rộn rịp khách quen chân,
Hoặc đường đạo khác theo tà kiến,
Đường Níp Bàn xa hẳn bụi trần…

DỨT TÍCH NĂM TRĂM TỲ KHƯU LUẬN ĐẠO

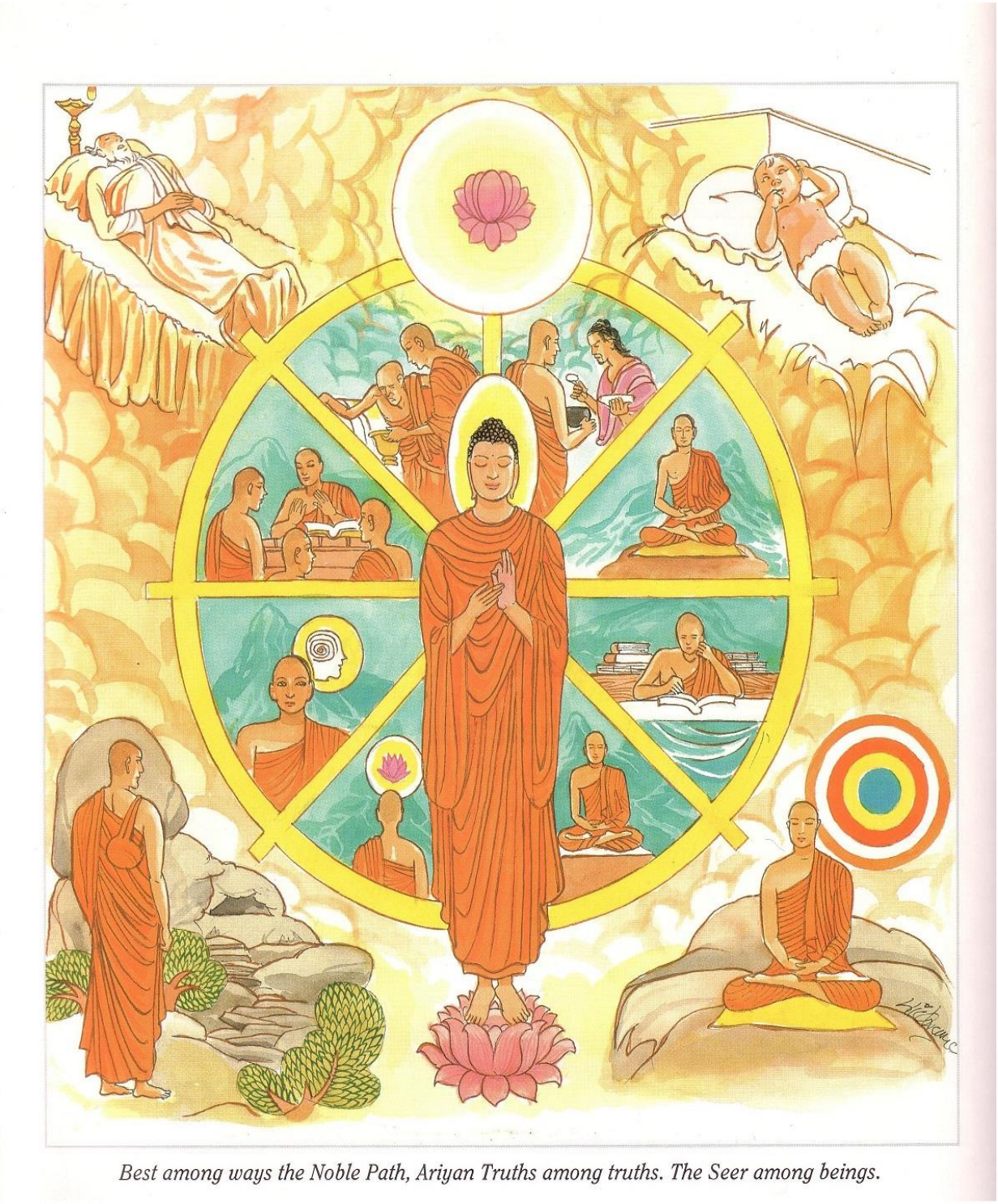

Best among ways the Noble Path, Ariyan Truths among truths. The Seer among beings.

273. Tám chánh, đường thù thắng. Bốn câu, lý tuyệt luân.
Ly tham, pháp tối thượng. Pháp nhãn, đấng siêu quần.

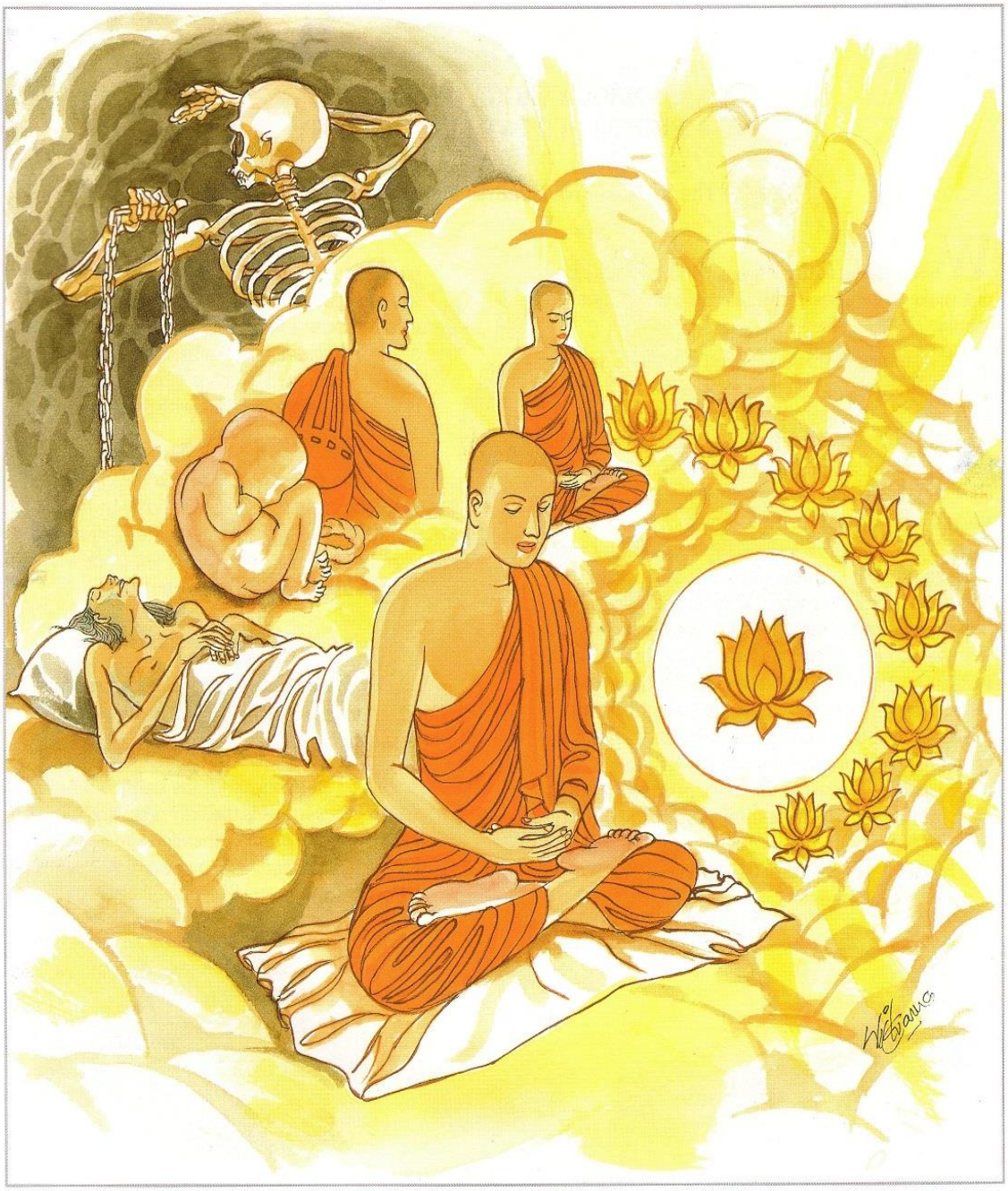

This way and none other for purified vision. Enter thereupon and defy all evil.

274. Hướng tri kiến thanh tịnh, duy chỉ có đường này.
Nếu ngươi theo đường này. Ma vương ắt rối loạn.



Treading this path you shall terminate all suffering. Realising the way, I've made it known.

275. Đi trên đường Tám Chánh, là tránh mọi đau thương.
Ta dạy ngươi con đường, nhổ sạch mọi gai gốc.

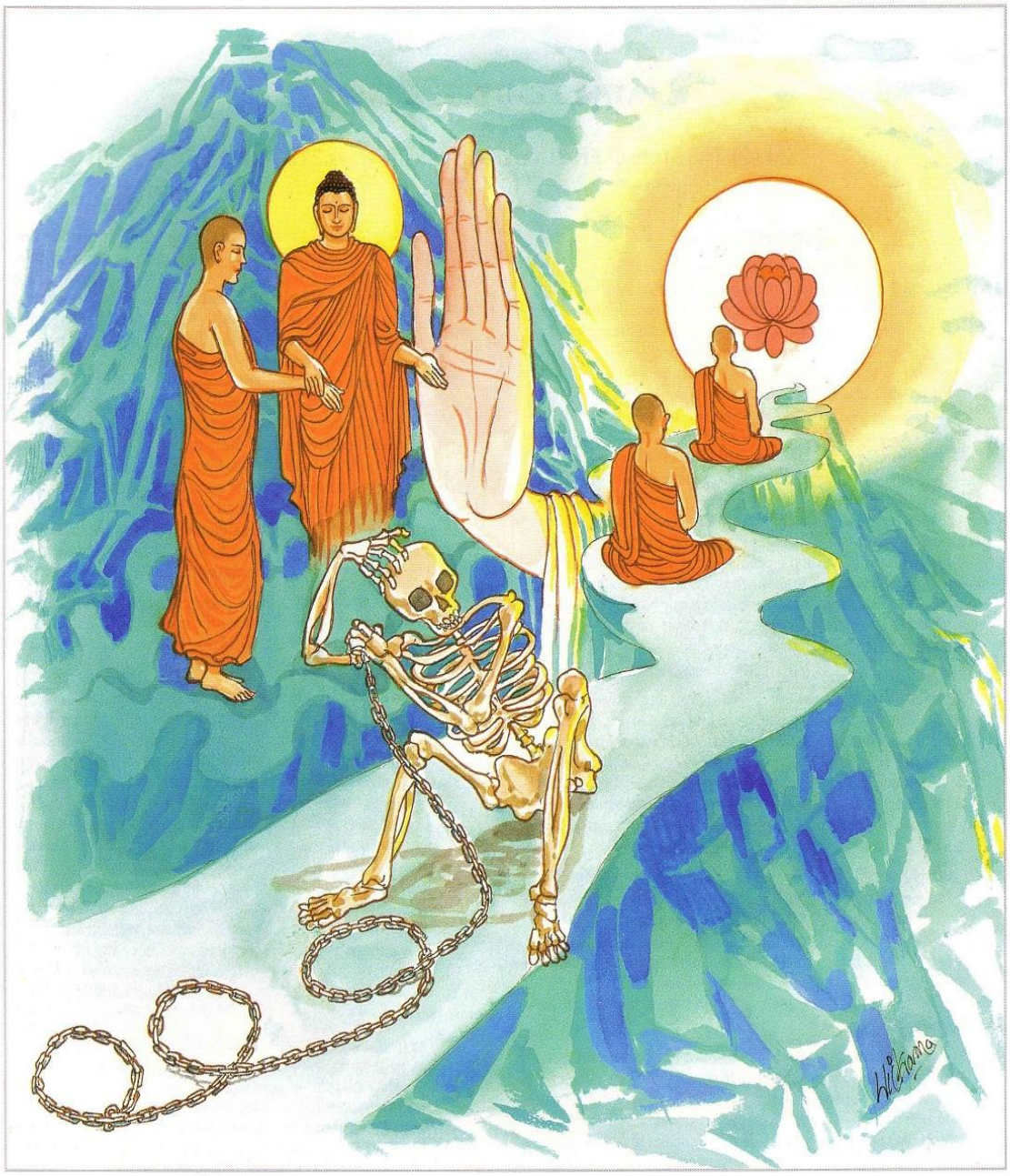

Do ye strive yourselves. Buddhas only teach the way. Tread the path and be ye released.

276. Hãy nổ lực tinh tấn, Như Lai bậc dẫn đường.
Ai tu tập thiền định, ắt thoát vòng Ma vương.

XX.2- NĂM TRĂM TỲ KHƯU QUÁN VÔ THƯỜNG

(Aparaṃpañcasatabhikkhu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 277)

"Sabbe saṅkhārā aniccāti	***"Các hành là vô thường***
Yadā paññāya passati	***Nhờ trí quán xét vậy***
Atha nibbindati dukkhe	***Sẽ nhàm chán thống khổ***
Esa maggo visuddhiyā".	***Chính là đạo thanh tịnh".***

Kệ Pháp cú này Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài trú tại Jetavana, đề cập đến 500 vị Tỳ khưu.

Tương truyền rằng: Sau khi thụ huấn đề mục thiền (Chỉ - Quán) nơi Đức Thế Tôn, nhóm Tỳ khưu này đã vào rừng hành đạo, nhưng dầu tinh tấn cách nào cũng không đắc quả A La Hán, nên tự nghĩ rằng:

- Chúng ta nên trở về học đề mục khác thích hợp hơn.

Rồi chư Tăng lên đường trở về bái yết Đức Thế Tôn, Ngài quán xét rằng: *"Ta nên chọn đề mục nào thích hợp với duyên lành của chư Tỳ khưu nầy?".* Ngài thấy rằng: Trong thời Đức Phật Kassapa chư Tỳ khưu nầy đã từng chú niệm án xứ Vô thường tướng suốt hai mươi ngàn năm. Bởi vậy, ta nên thuyết về Pháp môn Vô thường tướng là thích hợp.

Suy xét xong, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này các Tỳ khưu! Trong các cảnh giới, nhất là Dục giới, tất cả các pháp hữu vi là không có thật, là không vững bền, là vô thường.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Sabbe saṅkhārā aniccāti,	*"Các hành là vô thường,*
Yadāpaññāya passati;	*Nhờ trí quán xét vậy,*
Atha nibbindati dukkhe,	*Sẽ nhàm chán thống khổ,*
Esa maggo visuddhiyā".	*Chính là đạo thanh tịnh".*

☸

CHÚ GIẢI:

Sabbe saṅkhārā: Trong các cõi nhất là cõi Dục, các uẩn sanh lên tại đâu thì diệt tại nơi đó, nên nói: *"Các hành là vô thường".* Nhờ Minh sát tuệ (Vipassanāñaṇa) thấy được như vậy, mới sanh tâm nhàm chán trong khổ vì bảo dưỡng thân ngũ uẩn này. Người đang nhàm chán do sự từng trải kinh nghiệm cái khổ mà thấu triệt các lẽ thật (của Thánh nhân).

Esa maggo visuddhiyā: Chính đó là con đường để Thánh hóa, làm cho trở nên trong sạch thanh tịnh vậy.

Cuối thời Pháp, cả nhóm Tỳ khưu ấy đều đắc quả A La Hán. Tứ chúng hiện diện cũng hưởng được lợi ích của thời pháp

❁

Dịch Giả Cẩn Đề

Năm trăm Tăng lữ quán vô thường,
Thấy rõ thân sanh đáng chán chường,
Giác ngộ đầu tiên chân lý khổ,
Xả ly ngã chấp, khỏi sầu thương.

DỨT TÍCH NĂM TRĂM TỲ KHƯU QUÁN VÔ THƯỜNG

ꕥ❁ꕥ

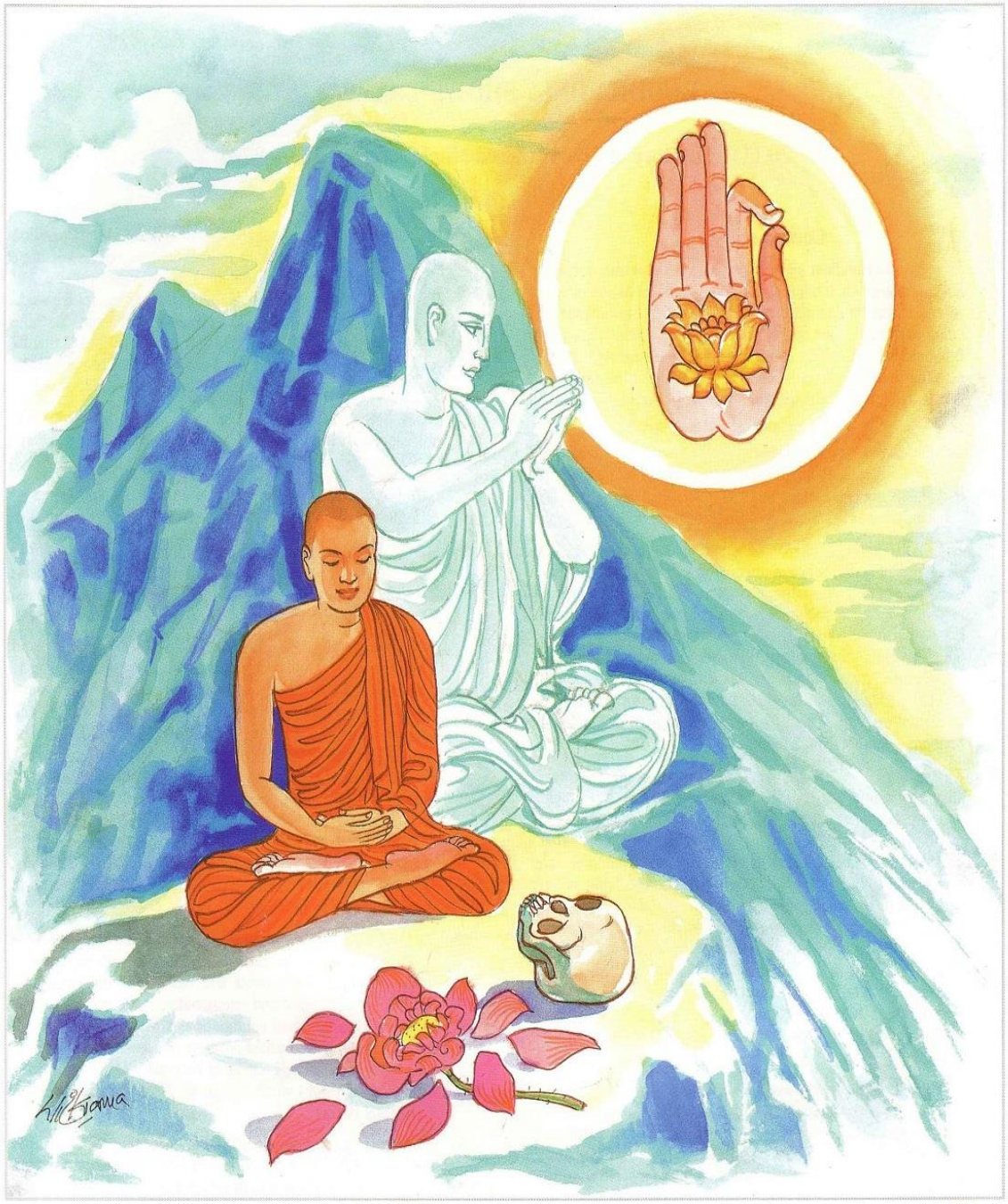

277. Nhờ trí tuệ quán chiếu. Thấy các hành vô thường; Thế là chán đau thương. Đây chính đường thanh tịnh

XX.3- QUÁN KHỔ NÃO

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 278)

"Sabbe saṅkhārā dukkhāti	***"Chư hành là khổ não***
Yadā paññāya passati	***Nhờ trí quán xét vậy***
Atha nibbindati dukkhe	***Sẽ nhàm chán thống khổ***
Esa maggo visuddhiyā".	***Chính là đạo thanh tịnh".***

Kệ Pháp cú này Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài trú tại Jetavana.

Cũng như ý nghĩa trong kệ ngôn trước, Đức Thế Tôn thấy duyên lành đạo quả của 500 vị Tỳ khưu, do quán xét Khổ não tướng, nên Ngài phán dạy rằng:

"Sabbe saṅkhārā dukkhāti	*"Chư hành là khổ não*
Yadā paññāya passati	*Nhờ trí quán xét vậy*
Atha nibbindati dukkhe	*Sẽ nhàm chán thống khổ*
Esa maggo visuddhiyā".	*Chính là đạo thanh tịnh".*

☸

CHÚ GIẢI:

Dukkhā: nghĩa là khổ não, hằng bị áp bức.

Những câu sau có ý nghĩa như đã giải ở kệ ngôn trên.

ꕥ☸ꕥ

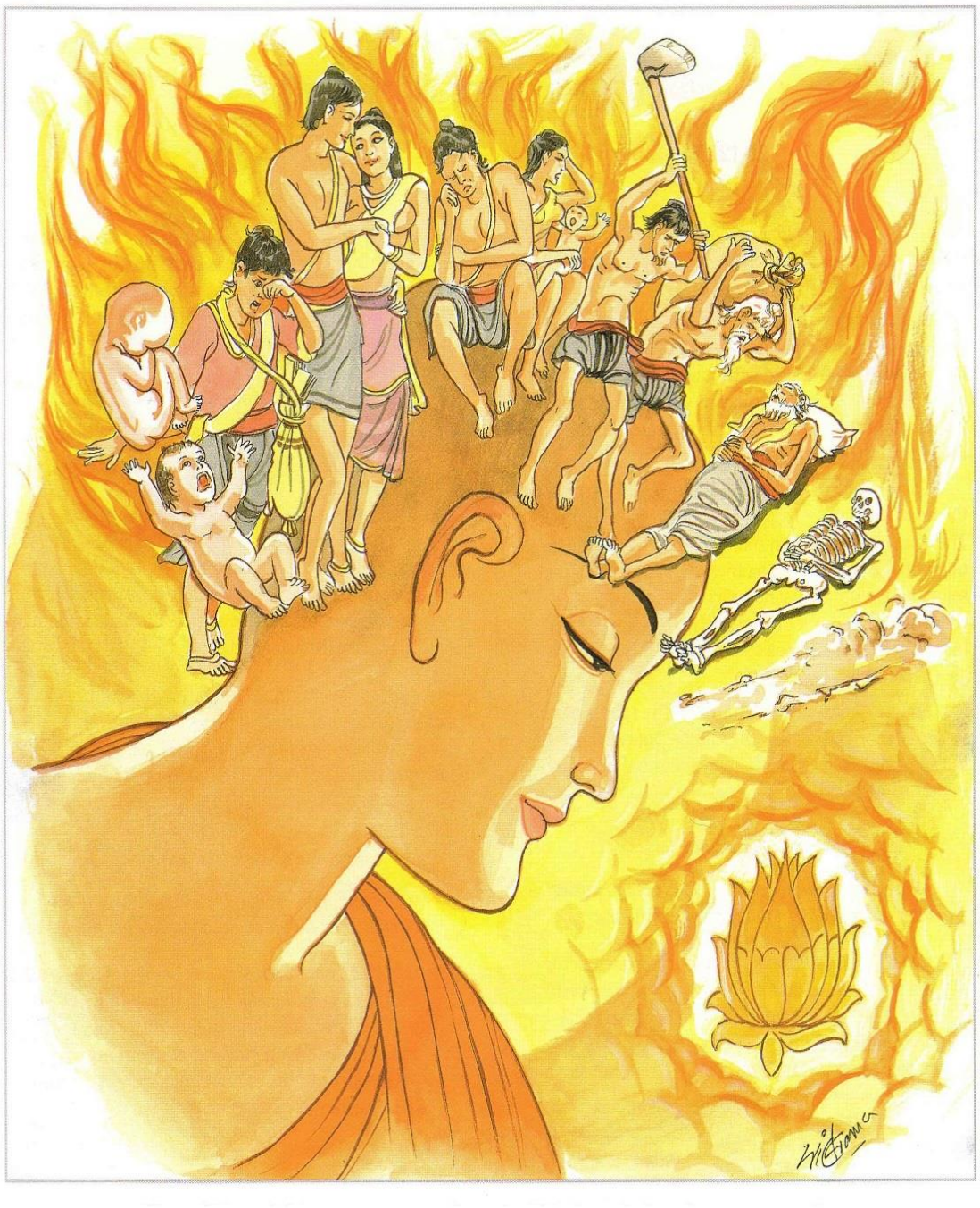

278. Nhờ trí tuệ quán chiếu. Thấy các hành khổ đau;
Thế là chán khổ đau. Đây chính đường thanh tịnh.

XX.4- QUÁN PHI NGÃ

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 279)

"Sabbe saṅkhārā anattāti	***"Các Pháp là vô ngã***
Yadā paññāya passati	***Nhờ trí quán xét vậy***
Atha nibbindati dukkhe	***Sẽ nhàm chán thống khổ***
Esa maggo visuddhiyā".	***Chính là đạo thanh tịnh".***

Bài kệ thứ ba nầy cũng đồng một sự tích và cùng ý nghĩa, chỉ khác chút ít là: Ở đây Đức Thế Tôn biết chư Tăng đã từng quen niệm đề mục Phi ngã tướng, nên dạy rằng:

- Này các Tỳ khưu, tất cả ngũ uẩn đều là Phi ngã, do ý nghĩa ta không thể điều hành gì được nơi chúng cả.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Sabbe saṅkhārā anattāti	*"Các Pháp là vô ngã*
Yadā paññāya passati	*Nhờ trí quán xét vậy*
Atha nibbindati dukkhe	*Sẽ nhàm chán thống khổ*
Esa maggo visuddhiyā".	*Chính là đạo thanh tịnh".*

☸

CHÚ GIẢI:

Sabbe dhammā: Đây là ngũ uẩn mà giải rộng như vậy.

Anattā: Phi ngã, không phải là ta, không phải của ta. Do cái lý ra lệnh, bảo nó: Đừng sống nữa, đừng sống nữa. Mà bắt nó phải làm theo ý ta, không ai có thể làm chủ, sai khiến được nó cả.

Mấy câu kia cũng giống như trước.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Phi ngã là không phải của mình,
Không quyền bảo nó: Hãy đừng sinh,
Thân ta chớ tưởng là ta nhé,
Chính "NGÃ" là "không", chẳng tướng hình,
Đừng nghĩ không, là không có chi,
"Không" là dẹp trống nộ, dâm, si,
Không còn ngã chấp hay duy kỷ,
Giới, định kiện toàn, tuệ đủ y.

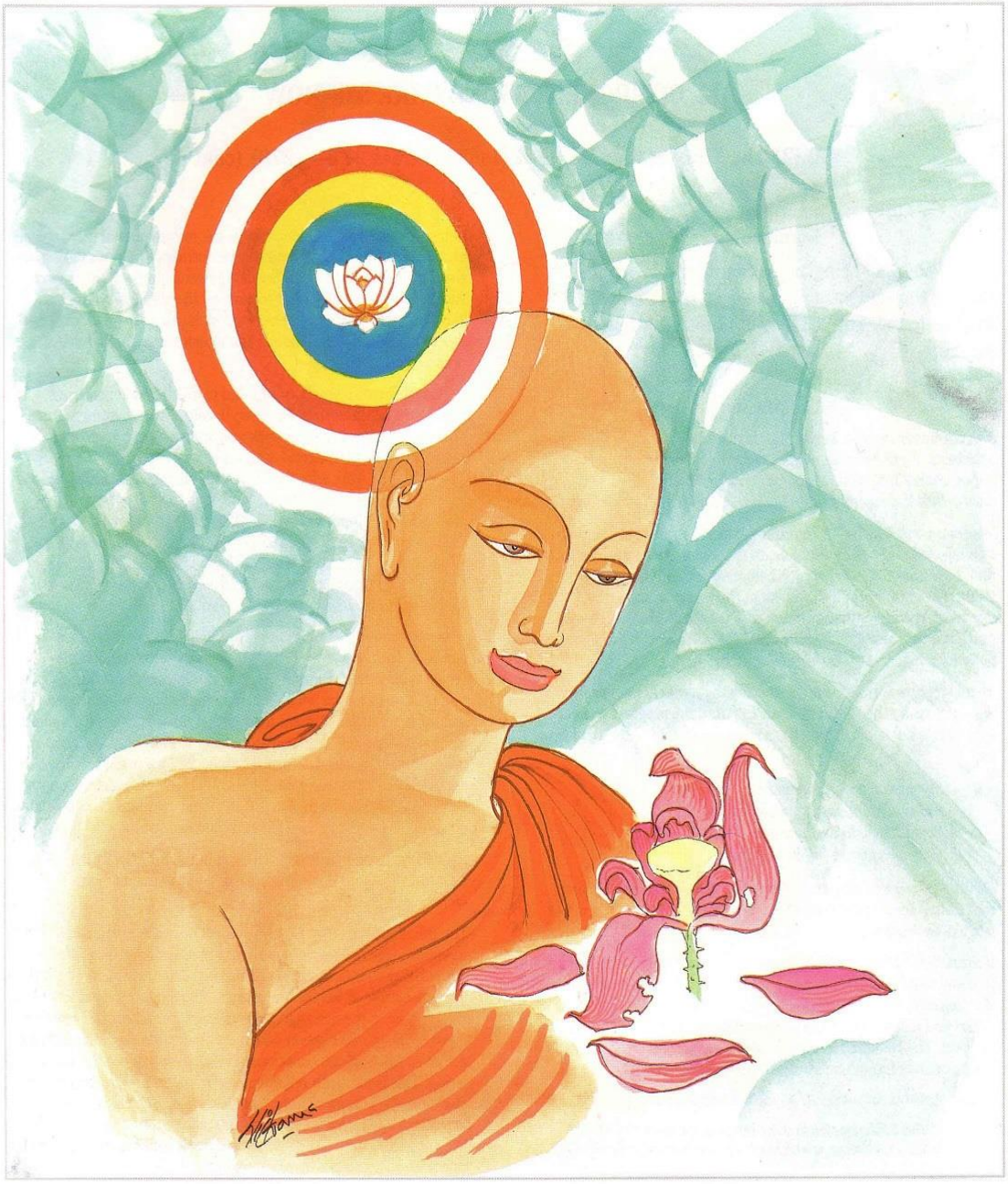

279. Nhờ trí tuệ quán chiếu. Thấy pháp vô ngã rồi;
Thế là chán khổ thôi. Đây chính đường thanh tịnh.

XX.5- ĐẠI ĐỨC TISSA NÔN TU

(Padhānakammikatissatthera)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 280)

"Uṭṭhānakālamhi anutthāno	***"Khi cần không nỗ lực***
Yuvā balī ālasiyaṃ upeto,	***Tuy trẻ mạnh, nhưng lười***
Saṃsannasaṅkappamano kusīto	***Chỉ tiêu trầm nhu nhược***
Paññāya maggaṃ alaso na vindati".	***Sao có trí ngộ đạo".***

Kệ Pháp cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Đại Đức Tissa Padhāna kammika (Tinh Cần khổ hạnh).

Tương truyền rằng: Có năm trăm công tử con nhà gia thế, cư ngụ trong thành Sāvatthī, sau khi xuất gia với Đức Bổn Sư, đã thụ huấn đề mục Chỉ quán và đi vào rừng hành đạo. Trong số đó có một số rớt lại phía sau, kỳ dư đều hành Sa môn pháp trong rừng và chứng đắc A La Hán Quả. Các Ngài trở về thành Sāvatthī với ý nghĩ:

- Chúng ta sẽ báo tin mừng đắc quả cho Đức Bổn Sư hay.

Khi về còn cách Sāvatthī độ một do tuần, các Ngài đi trì bình ở một thôn trang, một cận sự nam trong thấy quý Ngài, đã hộ độ cơm, cháo, bánh trái… Sau khi nghe kinh phúc chúc, lại thỉnh chư Tỳ khưu nhận vật thực vào ngày mai.

Trong ngày ấy chư Tỳ khưu về đến thành Sāvatthī, sau khi cất dẹp y bát, vào xế chiều đến yết kiến Đức Thế Tôn, đảnh lễ rồi ngồi xuống một bên. Đức Bổn Sư rất hoan hỷ đối với đoàn khách Tăng, niềm nở tiếp đãi, chuyện trò thân mật với chư Tăng. Khi ấy có vị Tỳ khưu là bạn cũ của chư Tăng nầy, nhưng vì giải đãi mà rớt lại phía sau, tự nghĩ rằng:

- Đức Bổn Sư không đủ lời lẽ để tiếp đãi, chuyện trò thân mật với các vị này. Còn đối với ta, có lẽ vì ta chưa đắc Đạo quả nên Ngài không nói lời nào cả. Nội ngày mai ta sẽ hành cho đắc quả A La Hán để được Ngài nói chuyện với ta.

Đoàn Tăng khách sau cuộc hàn huyên, cáo từ Đức Thế Tôn lui ra, bạch rằng:

- Bạch Ngài! Trên đường về chùa, chúng con được một thiện nam cung thỉnh nhận vật thực vào ngày mai. Vậy sáng sớm mai, chúng con sẽ đi đến đó.

Khi ấy, một vị Tỳ khưu của chư Tăng vì thức đi kinh hành suốt đêm, đến khuya mòn mỏi, phát sanh hôn trầm, té xuống một tảng đá bằng phẳng ở đầu đường kinh hành và bị gãy xương bắp vế. Vị ấy kêu thét lên một tiếng lớn. Các Tỳ khưu khách nhận ra tiếng kêu của Đại Đức Tissa, nên đốt đèn lên, tìm thuốc, săn sóc, băng bó vết thương cho Đại Đức Tissa. Khi công việc đã xong thì mặt trời đã lên cao, chư Tăng không còn đủ thời giờ đi đến làng ấy khất thực nữa.

Đức Bổn Sư thấy vậy, hỏi chư Tăng rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Các thầy không đi đến làng nhận vật thực ư?

- Bạch Ngài, không ạ. – Chư tăng thuật chuyện đến Đức Thế Tôn.

- Nầy các Tỳ khưu! Không phải đây chỉ là lần đầu mà vị ấy làm trở ngại việc nhận thực thí của chư Tăng. Mà xưa kia thầy ấy cũng đã từng thế rồi.

Theo lời thỉnh cầu của chư Tăng, Ngài thuyết lên tiền tích rằng:

"Yo pubbe karanīyāni
Paccha so kātumicchāti
Varanakatthaṃ bhañjova
Sa pacchā anutappatīti".

"Ai việc phải làm trước
Về sau mới muốn làm
Như bẻ củi Varana
Nó về sau bị khổ".

Rồi Ngài giảng rộng Bổn sanh rằng: Theo truyền thuyết: Thưở xưa, chư Tăng này cũng là năm trăm thanh niên, chàng trai lười biếng nay là Tỳ khưu Tissa, Giáo Sư năm xưa nay là Đấng Như Lai vậy.

Để kết thúc câu chuyện, Đức Bổn Sư dạy rằng:

- Nầy chư Tỳ khưu! Kẻ không thức dậy khi đến thời cần thức dậy, kẻ lười biếng, ý chí nhu nhược, kẻ ấy không bao giờ phát triển được Thiền Định hay giác ngộ Đạo quả Níp Bàn cùng các pháp Thượng nhân khác.

Rồi Ngài ngâm lên kệ ngôn rằng:

"Uṭṭhānakālamhi anutthāno	*"Khi cần không nỗ lực*
Yuvā balī ālasiyaṃ upeto,	*Tuy trẻ mạnh, nhưng lười*
Saṃsannasaṅkappamano kusīto	*Chỉ tiêu trầm nhu nhược*
Paññāya maggaṃ alaso na vindati".	*Sao có trí ngộ đạo".*

☸

<u>CHÚ GIẢI:</u>

Anutthāno: Anutthahanto: là không tinh tấn.

Yuvā balī: Trong thời trai tráng có đầy đủ sức mạnh.

Ālasiyaṃ upeto: Sanh tật lười biếng, ăn no lại nằm.

Saṃsannasaṅkappamano: Cái tâm tốt đẹp trở thành nhu nhược vì ba thứ tư tưởng tà kiến (Tīhimicchāvitakkehi). (Câu này theo bản dịch của ông Phạm Kim Khánh dịch từ Ngài Nārada là: Tinh thần suy nhược, trong ấy các tâm chân chính bị suy đồi).

Kusīto: Không tinh tấn.

Alaso: Uể oải, lười biếng, kẻ đại lẫn (māhā-alaso) ấy không giác ngộ, không đắc vì không thấy Thánh Đạo cần phải thấy bằng trí tuệ.

Cuối thời Pháp, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh Quả như Tu Đà Hườn.

Dịch Giả Cẩn Đề

Xưa đã từng quen nết biếng lười
Nay tu chẳng tiến kịp theo người
Nôn nao muốn gấp hầu bên Phật
Hăng hái hành khuya, sợ sáng trời
Mệt mỏi thành ra tâm ý muội
Hôn trầm mới để xác thân rơi
Xương đùi sư gãy, làm Tăng đói
Một phút vô minh, tật suốt đời.

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC TISSA NÔN TU

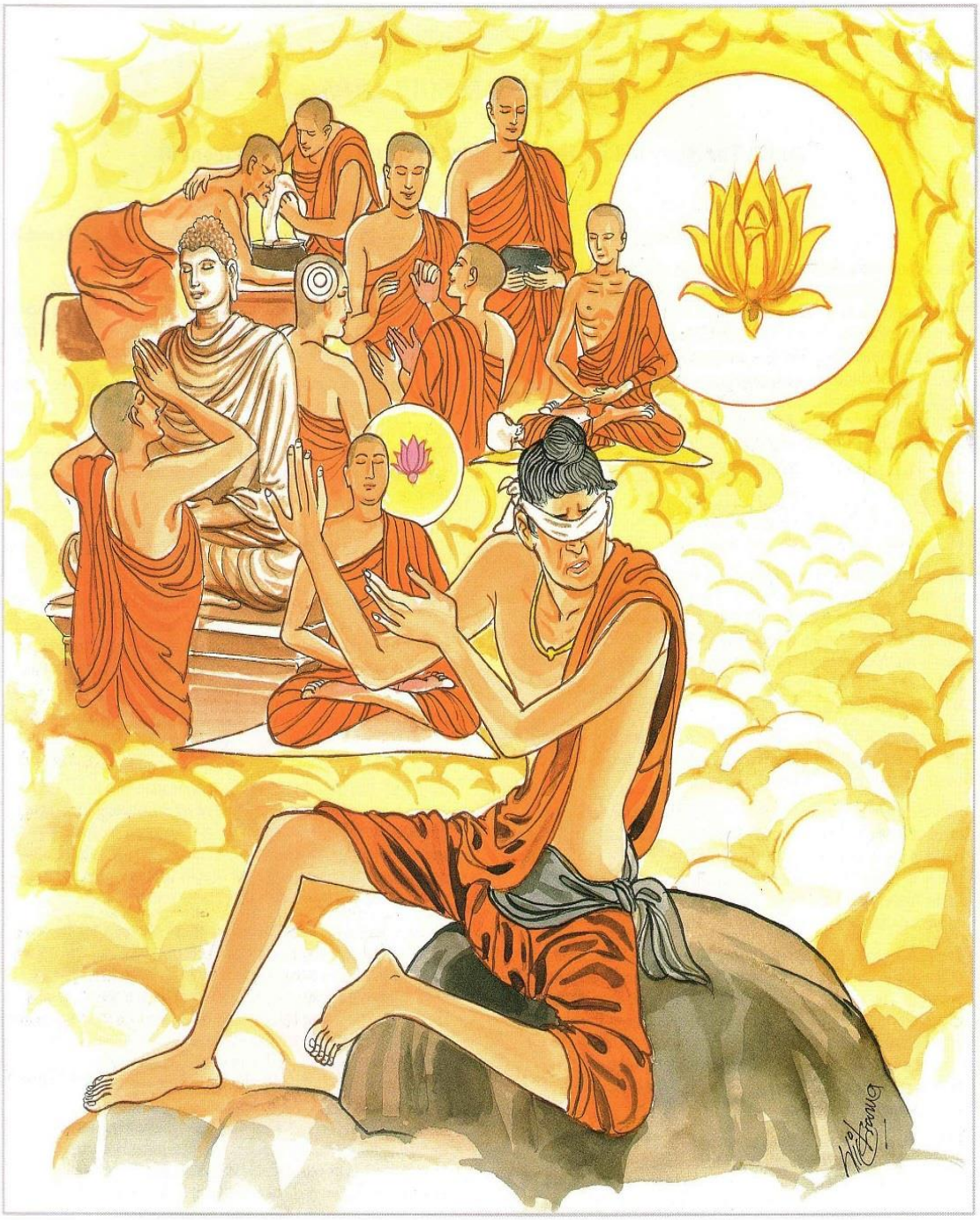

280. Khi cần không nổ lực. Tuy trẻ khỏe nhưng lười, chí còn, trí thụ động. Ngộ đạo sao được ngươi!

XX.6- NGẠ QUỶ HEO

(Sūrarapeta)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 281)

"Vācānurakkhī manasā susaṃvuto	***"Ý điều lời thận trọng***
Kāyena ca akusalaṃnakayirā	***Thân không làm điều ác***
Ete tayo kammapathe visodhaye	***Ba nghiệp nầy thanh tịnh***
Ārādhaya maggaṃ isippaveditaṃ".	***Chứng đạo Thánh nhân dạy".***

Một ngày nọ, lúc đang đi xuống núi Gijjhakūṭa (Kỳ Xà Quật) với Đại Đức Lakkhaṇa, đến một nơi Đại Đức Moggallāna bỗng mỉm cười. Thấy vậy, Đại Đức Lakkhaṇa bèn hỏi:

- Nầy Đạo hữu, do nhân gì mà hiền giả lại mỉm cười?

- Nầy hiền giả! Không phải thời để trả lời câu hỏi nầy. Khi về trước Đức Thế Tôn hiền giả hãy hỏi tôi việc ấy.

Nói rồi hai vị Đại Đức cùng vào thành Sāvatthī khất thực. Vào xế chiều hai vị đến Veḷuvana đảnh lễ Đức Thế Tôn xong rồi ngồi xuống một bên, khi ấy Đại Đức Lakkhaṇa hỏi về sự mỉm cười của Đại Đức Moggallāna vào ban sáng rằng:

- Nầy hiền giả Moggallāna! Do nhân gì duyên gì vào ban sáng hôm nay hiền giả lại mỉm cười?

- Nầy hiền giả Lakkhaṇa! Tôi đã thấy con ngạ quỷ heo, mình dài ba dặm (tigāvuta), mình như người nhưng đầu lại là heo, trong miệng nó mọc ra cái đuôi, từ đó dòi bò ra lúc nhúc, tôi nghĩ thầm rằng: "Từ trước đến nay ta chưa từng thấy một chúng sanh có hình tướng như thế", nên tôi mỉm cười.

Đức Thế Tôn xác nhận rằng:

- Thật vậy, nầy chư Tỳ khưu! Các Thinh Văn của Ta hằng là bậc có chánh kiến (tức Thiên nhãn: Cakkhubhuta)! Chính Như Lai đã từng thấy loại chúng sanh như thế khi Như Lai đắc quả Vô Thượng Chánh Giác dưới cội Bồ Đề, nhưng không tuyên thuyết vì chưa có ai trông thấy, Như Lai suy nghĩ: *"Những ai không tin lời Như Lai sẽ có nhiều bất lợi cho họ".* Nay có được Moggallāna làm chứng, nên ta xác nhận như thế: Nầy các Tỳ khưu! Moggallāna đã nói đúng sự thật.

- Bạch Thế Tôn! Chẳng hay trong tiền kiếp chúng sanh ấy đã tại ác nghiệp gì?

- Nầy các Tỳ khưu! Các thầy hãy lắng nghe.

Rồi Ngài thuật lại tiền kiếp của con ngạ quỷ heo như sau:

Tương truyền rằng: Trong thời Đức Phật Kassapa, trong một thôn nọ có hai vị Đại Đức sống hòa hợp cùng nhau. Vị lớn được 60 tuổi, vị nhỏ thì 59 tuổi. Mỗi khi hai vị đi đâu, vị nhỏ cũng mang y bát theo hầu vị lớn, làm tất cả mọi công việc phục dịch y như vị Sa di theo hầu thầy. Giống như hai anh em cùng cha mẹ sinh ra. Hai vị Đại Đức hòa thuận êm ấm, cho đến một hôm có một vị khách Tăng Pháp Sư ghé vào chùa

của hai Đại Đức. Hôm ấy là ngày Pháp lệ. Hai vị Đại Đức hoan hỷ cho vị khách Tăng trú ngụ trong chùa, nói rằng:

- Thưa bậc Thiện trí thức! Xin hãy thuyết pháp cho chúng tôi nghe đi.

Vị Pháp Sư thuyết pháp, hai vị Đại Đức hoan hỷ với ý nghĩ rằng: "Chúng ta thỉnh được vị Pháp Sư rồi".

Qua hôm sau, hai vị Đại Đức dẫn vị khách Tăng đi khất thực trong làng. Sau khi thọ thực nơi ấy, hai Ngài bảo vị Pháp Sư rằng:

- Thưa hiền giả! Hãy thuyết Pháp đến tín gia đi.

Hai vị Đại Đức thỉnh cầu vị Pháp Sư thuyết Pháp cho dân chúng nghe như thế. Sau khi nghe Pháp, mọi người cung thỉnh ba vị Đại Đức sáng mai đến thọ thực tại nơi ấy. Cứ đều đều như thế, hai vị Đại Đức cùng vị Pháp Sư đi khất thực khắp các làng quanh chùa, thọ bát hai ngày liền ở một nơi nhà thí chủ.

Vị Pháp Sư suy nghĩ: "Hai ông này nhu nhược quá. Ta phải làm sao cho họ bỏ trú xứ này đi, ta sẽ chiếm ở luôn trong chùa này mới được".

Buổi chiều, vị Sư khách đến phục dịch hai vị Đại Đức, khi hai vị trở về phòng riêng thì vị ấy quay lại nơi ngụ của vị Đại Đức lớn và thưa rằng:

- Bạch Ngài, con có chút chuyện cần phải bạch với Ngài.

- Hiền giả cứ nói.

Vị Pháp Sư suy nghĩ đôi chút, rồi nói rằng:

- Bạch Ngài, chuyện này nếu con nói ra e phạm lỗi nặng lắm.

Rồi vị ấy từ giã ra đi, đến phòng vị Đại Đức nhỏ, ông cũng làm y như thế. Ngày hôm sau, vị Pháp Sư cũng làm y như cũ. Qua ngày hôm sau, sự tò mò của hai vị Đại Đức lên cực độ, khi vị Pháp Sư đến gặp riêng vị Đại Đức lớn rằng:

- Bạch Ngài, con có chút chuyện cần phải bạch, nhưng trước mặt Ngài con không dám nói ra.

- Không sao đâu, Hiền hữu cứ nói ra đi.

Sau cùng, làm như bị này ép quá, vị Pháp Sư hỏi rằng:

- Bạch Ngài, vị Đại Đức nhỏ có điều chi xích mích với Ngài chăng?

- Nầy bậc Thiện trí thức! Vì sao hỏi vậy? Chúng tôi chẳng khác nào như anh em ruột từ một cha mẹ sanh ra, hễ người này được lợi lộc thì người kia cũng được lợi lộc. Từ trước đến nay tôi chưa hề thấy Sư đệ tôi lầm lỗi gì cả.

- Thật thế ư? Bạch Ngài.

- Nầy Hiền hữu! Thật như vậy.

- Bạch Ngài! Vị Sư đệ của Ngài nói với con rằng: "Nầy bậc Thiện trí thức, người là con nhà gia thế, còn vị Đại Đức lớn kia, nếu người ngỡ là thanh tịnh, có tàm có quý thì lầm đấy, khi tiếp xúc với vị ấy, người nên cẩn thận thân và khẩu đi". Vị Sư đệ của Ngài nói với con như thế, từ khi con vừa đến nơi nầy.

Nghe vậy, vị Đại Đức lớn phát sanh sân hận, tâm thần bấn loạn như cái bát sành bị gậy đập nát vậy. Rồi vị Pháp Sư đi ngay đến vị Đại Đức nhỏ và cũng nói y như trước. Vị sau cũng phát sanh sân hận, tâm thần bấn loạn như vị kia.

Suốt thời gian chung sống trước đây, không bao giờ hai vị vào làng riêng nhau, nhưng qua việc nầy, ngày hôm sau vị Đại Đức nhỏ vào làng khất thực, rồi trở về trước đứng ở nơi Giảng đường, vị Đại Đức lớn khất thực về sau, đi đến Giảng đường. Vị nhỏ suy nghĩ: *"Ta có nên rước bát Ngài hay không?".* Mặc dầu có ý nghĩ: *"Sẽ không rước bát",* nhưng vị Đại Đức nhỏ suy nghĩ: *"Từ trước giờ ta chưa từng làm như thế, thôi ta không nên bỏ qua phận sự của mình".*

Khi tự làm tâm dịu xuống, vị Đại Đức nhỏ đến gần vị lớn nói:

- Bạch Ngài! Cho con thỉnh y bát.

- Hãy đi đi! Ngươi không xứng đáng thỉnh y bát của ta.

Vừa nói, vị ấy khoát tay xua đuổi, tỏ vẻ bất cần.

- Dạ phải rồi! Thưa Ngài, con cũng có ý nghĩ là không rước y bát của Ngài nữa đâu.

- Nầy Hiền giả! Có lẽ ngươi nghĩ rằng ta quyến luyến ngôi chùa nầy lắm phải chăng?

- Bạch Ngài! Xin Ngài cũng đừng lầm tưởng rằng con quyến luyến ngôi chùa nầy. Đây là ngôi chùa của Ngài mà.

Nói rồi, vị Đại Đức nhỏ mang lấy y bát ra đi. Vị Đại Đức lớn cũng bỏ chùa đi luôn. Hai vị không cùng đi một đường, vị đi cửa sau, vị đi cửa trước. Vị Pháp Sư giả vờ rằng:

- Bạch hai Ngài! Các Ngài chớ nên làm như thế.

Hai vị Đại Đức bảo rằng:

- Thôi hiền giả hãy ở lại đi.

Qua ngày sau, vị Pháp Sư đi vào làng kế cận. Các thiện tín hỏi:

- Bạch Ngài! Còn hai vị Đại Đức nữa đâu?

- Thôi các tín gia đừng hỏi nữa. Hôm qua hai vị Đại Đức của quý vị tranh chấp lẫn nhau, rồi bỏ đi cả rồi. Ta đã hết lời yêu cầu các Ngài ở lại mà không được.

Trong số ấy, những người thiểu trí thì làm thinh, trái lại các bậc có trí suy nghĩ rằng: *"Hai Đại Đức ấy, từ bấy lâu nay chẳng hề phạm lỗi lầm chi gọi là nhỏ nhặt. Nếu có điều kinh sợ, tai hại phát sanh đến hai Ngài, chắc hẳn là do nơi vị Sư mới nầy vậy".*

Còn hai vị Đại Đức, dầu đi đến nơi nào tâm trí cũng không hề an vui. Đại Đức lớn suy nghĩ: "Than ôi! Nặng thay là việc hành quấy của vị mới tu kia, vừa mới gặp khách Tăng trong giây phút đã nói: *"Đừng tiếp xúc thân thiện với Đại Đức lớn".*

Còn vị Đại Đức nhỏ cũng nghĩ rằng: "Ôi! Nặng thay là việc làm sai quấy của vị Đại Đức lớn. Vừa gặp khách Tăng trong giây lát mà đã dặn đừng nên tiếp xúc thân thiện với ông Sư nầy".

Cả hai đều không còn tâm trí để ôn tập kinh điển hay thiền định chi cả. Một năm trôi qua. Một hôm, cả hai vị cùng đến một ngôi chùa ở phía Tây và cùng vào một Đạo trường. Vừa nhìn thấy vị Đại Đức nhỏ, vị lớn không cầm được lòng, nước mắt tuôn trào. Vị Đại Đức nhỏ cũng nhận thấy vị lớn, hai mắt đầy lệ nhỏ, tự nghĩ rằng: *"Ta nên nói trước hay là không?"*. Rồi nghĩ rằng: *"Điều này cũng chẳng có chi là hệ trọng"*. Nên đảnh lễ vị lớn, bạch rằng:

- Bạch Ngài! Từ trước đến lúc chia tay, con hằng rước y bát của Ngài, đi chung với Ngài. Ngài có thấy con làm điều chi lầm lỗi với Ngài chăng?

- Ta chưa hề trông thấy, này Hiền giả.

- Thế sao Ngài lại bảo với vị Pháp Sư rằng: *"Đừng nên tiếp xúc thân thiện với con"*.

- Nầy Hiền giả! Ta không hề nói như thế đâu. Nhưng ta được nghe rằng Hiền giả cũng nói với vị Pháp Sư về ta như thế đó.

- Bạch Ngài, con không bao giờ nói như thế.

Khi ấy, hai vị mới vỡ lẽ ra, biết rằng: *"Chắc vị Pháp Sư có ý muốn ly gián chúng ta, nên nói như thế?"*. Rồi hai vị xin sám hối với nhau về chuyện đã hiểu lầm nhau.

Suốt một năm không thể làm cho tâm được an vui, ngày hôm ấy hai vị hòa hợp cùng nhau, và quyết định: *"Chúng ta sẽ tống cổ vị Pháp Sư ra khỏi chùa"*. Thế rồi, hai vị Đại Đức khởi hành lần hồi về ngôi chùa cũ. Vị Pháp Sư trông thấy hai vị Đại Đức trở về, bèn rước y bát. Hai vị Đại Đức khoát tay rằng:

- Thầy là người không xứng đáng ở trong ngôi chùa nầy nữa.

Không thể nán lại, vị Pháp Sư liền ra khỏi chùa ngay và đi nơi khác. Mặc dầu đã hành Sa môn Pháp hết hai muôn năm, nhưng vị ấy không thể chịu đựng sự trách mắng. Đến lúc chết phải xa xuống A Tỳ địa ngục, bị thiêu đốt suốt cả thời gian một vị Phật. Bây giờ, quả còn dư sót, vị ấy còn thọ khổ với thân hình ngạ quỷ heo trên núi Gijjhakūṭa như đã nói ở phía trước.

Sau khi thuật lại tiền nghiệp của ngạ quỷ heo, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Vị Tỳ khưu chánh danh cần phải có thân, khẩu, ý thanh tịnh.

Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

"Vācānurakkhī manasā susaṃvuto	*"Ý điều lời thận trọng*
Kāyena ca akusalaṃnakayirā	*Thân không làm điều ác*
Ete tayo kammapathe visodhaye	*Ba nghiệp này thanh tịnh*
Ārādhaya maggaṃ isippaveditaṃ".	*Chứng đạo Thánh nhân dạy".*

☸

CHÚ GIẢI:

Vācānurakkhī: Giữ gìn lời nói, đừng để phạm giới vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác ngữ, ỷ ngữ.

Manasā: Thu thúc đừng cho tham, sân, tà kiến.

Kāyena: Giữ thân đừng làm ba hạnh bất thiện là sát sanh, trộm cắp, tà hạnh.

Hãy làm thanh tịnh thân, khẩu như vậy. Người làm thanh tịnh thân, khẩu như thế sẽ thành tựu được Bát Chánh Đạo mà chư Phật và các Đạo sĩ hằng chỉ dạy.

Cuối thời Pháp, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Hai sư hòa hợp sống chung vui,
Tin khách đường xa, thọc mũi dùi,
Một sớm rời nhau tâm đã khổ,
Trăm năm gặp lại, lệ còn rơi,
Đoạt chùa, trách kẻ lòng đanh đá,
Nghĩ bạn, thương ai dạ ngậm ngùi…
Núi trọc chưa mờ gương Ngạ quỷ,
Thân người, đầu lợn, miệng lòi đuôi,
Thân tịnh, miệng đầu chẳng tịnh theo,
Làm con Ngạ quỷ mọc đầu heo,
Lưỡi trong, thêm lưỡi ngoài: đuôi thúi,
Ăn nói làm sao? Rõ ngặt nghèo.

DỨT TÍCH NGẠ QUỶ HEO

☸

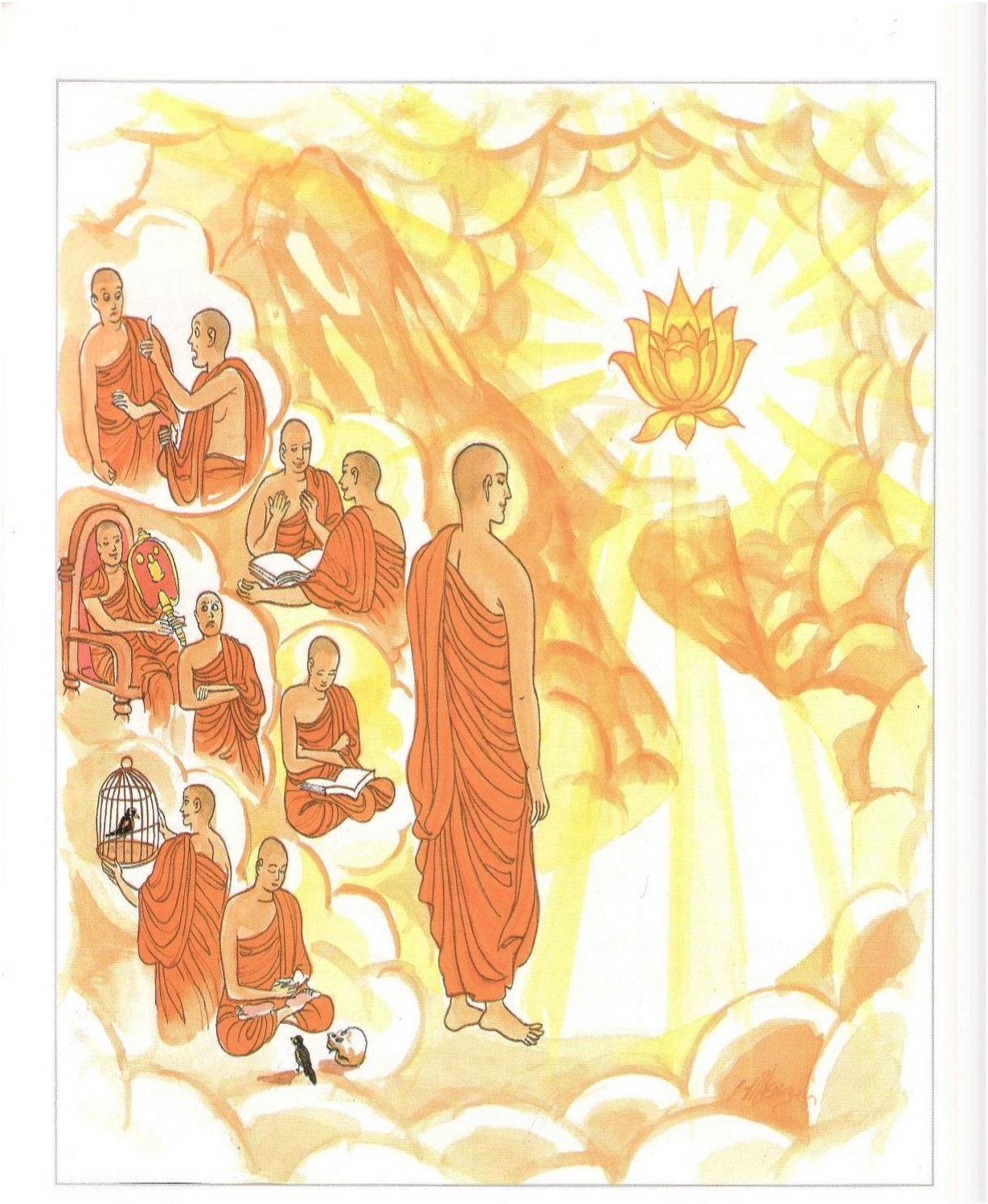

281. Thân không được làm ác. Khéo giữ ý giữ lời.
Thường thanh tịnh ba nghiệp. Đạt đạo thánh nhân thôi.

XX.7- ĐẠI ĐỨC POTHILA

(Pothilatthera)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 282)

"Yogā ve jāyati bhūri	***"Tu thiền trí tuệ sanh***
Ayogā bhūrisaṅkhayo	***Bỏ thiền trí tuệ diệt***
Etaṃ dvedhā pathaṃ ñatvā	***Biết con đường hai ngã***
Bhavāya vibhavāya ca	***Hướng đến lợi và hại***
Tath'attānaṃ niveseyya	***Hãy tự mình nổ lực***
Yathā bhūri pavaḍḍhati".	***Khiến trí tuệ tăng trưởng".***

Pháp Cú nầy được Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Đại Đức Pothila.

Tương truyền rằng: Vị Đại Đức nầy đã từng là Tam Tạng Pháp Sư suốt cả 7 đời vị Phật Tổ và hằng thuyết giảng kinh điển cho một nhóm 500 Tỳ khưu nghe.

Một hôm, Đức Bổn Sư tự nghĩ: *"Tỳ khưu nầy không có tâm nghĩ đến sự giải thoát khỏi khổ. Ta sẽ làm cho y kinh cảm mới được"*. Từ ấy về sau, mỗi khi Đại Đức ấy đến hầu Đức Bổn Sư, Ngài gọi: *"Hãy đến, nầy Pothila rỗng không! Hãy ngồi xuống, nầy Pothila rỗng không!"*. Đại Đức làm chi cũng dùng danh từ "Pothila rỗng không" mà gọi Đại Đức cả. Đại Đức suy nghĩ: *"Ta thông suốt Tam Tạng luôn cả Sớ giải. Hơn thế nữa, ta là giảng sư dạy Pháp cho 500 Tỳ khưu và đứng đầu 18 đoàn Tăng lữ. Thế mà Đức Bổn Sư cứ gọi ta là Pothila rỗng không mãi. Chắc tại ta không xúc tiến Pháp hành, tham thiền nhập định, cho nên Ngài mới gọi ta như thế"*. Sanh tâm kinh cảm, Đại Đức quyết định: *"Ta sẽ vào rừng hành Sa Môn Pháp ngay bây giờ"*. Sau khi đã tự mình sắp đặt sẵn y bát, lúc rạng đông, Đại Đức ra đi chung với Tỳ khưu sau cùng, là vị Pháp Sư dở nhất. Các Tỳ khưu trong lớp ấy đang đọc dượt Kinh tụng, không lưu ý đó là thầy "A Xà Lê" của mình.

Sau khi vượt qua một trăm hai mươi do tuần (Visamyojanasatam) Đại Đức đến một thiền thất trong rừng, có ba mươi vị Tỳ khưu trú nơi ấy. Vào gần chư Tăng, Đại Đức đảnh lễ vị Tăng trưởng nhóm và bạch rằng:

- Bạch Ngài, xin Ngài từ bi tế độ cho con.

- Nầy Đạo hữu, Hiền giả là một Pháp Sư danh tiếng, chính tôi còn có điều cần học nơi Hiền giả, sai Hiền giả lại nói như thế?

- Bạch Ngài! Xin Ngài đừng nói thế, xin Ngài từ bi tế độ cho con.

Thật sự thì, chư Tăng thiền Sư nơi ấy đều là bậc Lậu Tận. Vị Đại Đức Tăng trưởng nghĩ rằng: *"Vị nầy ỷ vào Pháp học của mình, còn có tâm ngã mạn cống cao"*. Nên Ngài bảo Pothila đến bạch với vị Phó Tăng trưởng và cũng được giới thiệu tiếp đến vị kế. Cứ như thế, Pothila được giới thiệu đến vị trẻ nhất là Sa di bảy tuổi, Ngài đang ngồi vá y nơi chỗ tham thiền ban ngày. Thế là Thiền Sư triệt hạ tánh ngã mạn

của Pothila. Áp chế được tâm ngã mạn, Pothila đến gần vị Thánh Sa di, chấp tay kính cẩn:

- Xin Bậc Thiện trí thức từ bi tế độ cho tôi.

- Thầy A Xà Lê ơi! Sao thầy lại nói như thế, thầy niên cao kỷ trường, quảng kiến đa văn. Chính tôi phải tìm thầy mà học hỏi điều gì cần nên hiểu biết chứ.

- Bậc Trí thức ơi! Ngài đừng làm như thế. Xin hãy là thầy tế độ của tôi đi.

- Bạch Ngài, nếu Ngài nhẫn nại làm theo lời huấn từ, thì tôi sẽ tế độ Ngài.

- Bậc Thiện trí thức ơi! Tôi xin vâng lệnh Ngài. Nếu Ngài khiến tôi nhảy vào lửa đỏ, tôi cũng sẽ nhảy vào lập tức.

Khi ấy, ông Sa di chỉ một ao nước ở gần đó và nói với Pothila rằng:

- Bạch Ngài, xin Ngài để nguyên bộ y đang mặc mà lội xuống ao nầy đi.

Mặc dầu, Sa di vẫn biết Pothila đang mặc thượng y, y nội và y hai lớp loại đắt giá, nhưng Ngài vẫn bảo như thế để xem tâm của Pothila có nhẫn nại theo huấn từ hay không. Ngài Sa di vừa dứt lời thì Pothila đã đi xuống ao ngay. Khi các đường viền y của Đại Đức bị thấm ướt, vị Sa di gọi:

- Bạch Ngài, hãy đến đây.

Vị Sa di vừa dứt lời, Đại Đức đã đến trước mặt ông Sa di. Vị Sa di lại nói:

- Bạch Ngài! Ví như trong một gò mối có sáu lỗ ngách và một con kỳ đà theo một lỗ ngách nào đó mà chui vào trong gò mối. Người ta muốn bắt được con kỳ đà đó, phải bít cả năm cửa ngách, chừa lại chỉ có một cửa mà thôi, và bắt con kỳ đà tại cái lỗi ngách mà nó đã chui qua. Đối với lục căn môn, Ngài cũng phải làm như thế, hãy đóng chặt hết năm căn môn và định tâm vào ý căn môn.

Mấy lời của Sa di vừa dứt, khiến tâm tư Pothila đa văn vụt bật sáng như đèn cầy vừa được thắp lên. Pothila nói:

- Bậc Trí giả ơi! Bấy nhiêu đây cũng đủ rồi.

Hạ thấp sự hiểu biết trong thân bất tịnh nầy xuống, vị Tỳ khưu đa văn hướng tâm đến Sa Môn Pháp.

Đức Bổn Sư đang ngồi cách xa 120 do tuần, nhìn theo dõi vị Tỳ khưu ấy và tự nghĩ rằng: *"Tỳ khưu nầy phải tự mình hành đạo như thế để trở nên Bậc Trí tuệ quảng bác"*. Nghĩ rồi, Đức Bổn Sư phóng hào quang, thị hiện như đang nói chuyện với Pothila và nói lên kệ ngôn rằng:

"Yogā ve jāyati bhūri	*"Tu thiền trí tuệ sanh*
Ayogā bhūrisaṅkhayo	*Bỏ thiền trí tuệ diệt*
Etaṃ dvedhā pathaṃ ñatvā	*Biết con đường hai ngã*
Bhavāya vibhavāya ca	*Hướng đến lợi và hại*
Tath'attānaṃ niveseyya	*Hãy tự mình nổ lực*
Yathā bhūri pavaḍḍhati".	*Khiến trí tuệ tăng trưởng"*.

CHÚ GIẢI:

Yogā: Chú tâm trên ba mươi tám đối tượng.

Bhūri: Có trí tuệ rộng lớn như địa đại.

Savi khayo: Tiêu diệt.

Etaṃ dvedhā pathaṃ: Con đường hai ngã là có tu thiền.

Bhavāya vibhāvāya ca: Có lợi và bất lợi.

Tath'attānaṃ niveseyya: Tự mình hãy nổ lực thế nào để trí tuệ phát triển đến mức gọi là trí quảng bác như mặt đất.

Cuối thời kệ, Đại Đức Pothila đắc quả A La Hán.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Pháp thuyết học rồi thật lắm công,
Mà sao Phật cứ gọi "Đầu không?"
Bực mình Đại Đức Pô Thí Lá,
Lặn lội vô rừng kiếm "NỘI TÔNG",
Ngã mạn vì: Ta cũng bậc cao,
Gặp thiền sư trưởng mới xin vào,
Các Ngài Đại Đức không ai nhận,
Phải lại Sa di, hết tự hào,
Ngờ đâu bảy tuổi đã vô sanh,
Dạy Pháp Sa Môn gắng thực hành,
Phật ở xa đường nhưng cũng độ,
ĐẦU KHÔNG, đạo quả kịp viên thành.

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC POTHILA RỖNG KHÔNG

☸



282. Thu thiền trí tuệ sanh. Bỏ thiền trí tuệ diệt.
Được mất khéo phân biệt. Biết rõ đường chánh tà.
Tự nỗ lực theo đà. Trí tuệ dần tăng trưởng.

XX.8- CÁC ĐẠI ĐỨC GIÀ

(Mahallakatthera)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 283-284)

"Vanaṃ chindatha mā rukkhaṃ	***"Đốn rừng không đốn cây (dục vọng)***
Vanato jāyati bhayaṃ	***Từ rừng sinh sợ hãi***
Chetvā vanañ ca vanathañ ca	***Đốn rừng và củi gỗ (dục)***
Nibbanā hotha bhikkhavo".	***Tỳ kheo hãy thoát ly".***
"Yāvaṃ hi vanatho na chijjati	***"Khi nào chưa dứt sạch***
Aṇumatto'pi narassa nārisū,	***Dây tình giữa trai gái***
Paṭibaddhamano va tāva so	***Tâm ý vẫn buộc ràng***
Vaccho khīrapako'va mātari".	***Như bò con vú mẹ".***

Pháp Cú nầy Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến nhiều vị Tỳ khưu già.

Tương truyền rằng: Trong thời gian còn là cư sĩ, các vị ấy là những Trưởng giả trong thành Sāvatthī thuộc hạng cự phú. Là những bạn thân, họ thường rủ nhau đi làm phước và nghe Đức Bổn Sư thuyết pháp. Rồi họ tự hỏi lẫn nhau rằng: "Chúng ta đã già rồi. Chúng ta còn nán lại nơi nhà làm gì nữa?".

Sau khi xuất gia với Đức Bổn Sư, vì tuổi già nên họ không thể học thuộc lòng Pháp thuyết. Do đó họ cho cất một thảo am, ở sát ranh chùa rồi sống chung ở đó. Khi đi trì bình xong, họ ghé qua nhà để vợ con họ thêm vật thực mà độ.

Trong nhóm các vị Sư ấy, có một bà vợ cũ của một vị, có tên là Madhurapanikā (Mādhurapacikā) (Bàn tay thiện xảo), là người hộ độ cho tất cả nhóm. Cho nên các vị ấy thường mang vật thực khất thực được đến nhà bà mà ngồi độ, và bà tùy tiện nấu nướng thêm canh với thức ăn vào vật thực các vị ấy.

Ít lâu sau, bà lâm trọng bệnh và mệnh chung. Khi ấy các vị Sư già ấy ngồi tụ hội lại cùng nhau tại thảo am, ôm cổ nhau mà khóc than, kể lể rằng:

- Bà tín nữ có tay thiện xảo nay mất rồi.

Chư Tỳ khưu khắp nơi đi đến hỏi thăm rằng:

- Có việc chi thế, nầy các hiền giả?

- Bạch các Ngài! Bà vợ cũ của bạn chúng tôi đã mất rồi. Một tay bà đã hộ độ chúng tôi thật nhiều. Nay bà mất đi, chúng tôi tìm đâu ra được một bà hộ tăng như thế đó nữa. Do đó, chúng tôi khóc.

Chư Tỳ khưu đem việc nầy ra thảo luận tại Giảng đường. Đức Thế Tôn ngự đến phán hỏi rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Hôm nay các thầy tụ hội thảo luận việc chi vậy?

- Bạch Ngài, việc như thế… như thế…

- Nầy các Tỳ khưu! Không phải bây giờ, mà trước kia bà ấy là một con quạ mái. Một hôm đi kiếm ăn dọc bờ biển, bị một lượn sóng kéo lôi xuống biển mà chết. Các vị Tỳ khưu nầy khi ấy là những con quạ trống, chúng cũng đã từng khóc than trước cái chết của con quạ mái, thở than cùng nhau rằng: *"Chúng ta sẽ vớt nàng lên"*. Rồi chúng dùng mỏ định rút hết nước biển lớn, nhưng chỉ nhọc công vô ích.

Nói rồi, Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

"Api na bahukā santā
Mukhañca Parisassati
Cramāna na pārema
Pūrateva mahodathati".

"Quai hàm ta đã mỏi
Miệng mồm ta đã khô
Ta không tát vơi nước
Biển lớn lại đầy tràn".

Sau khi thuật xong Bổn sanh con quạ, Đức Thế Tôn gọi chư Tỳ khưu già đến bảo rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Sở dĩ các thầy gặp phải khổ nầy là tại vì khu rừng tham, sân, si. Phải đốn tuyệt khu rừng ấy đi thì các thầy sẽ giải thoát khổ.

Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

283. "Vanaṃ chindatha mā rukkhaṃ Vanato jāyati bhayaṃ Chetvā vanañ ca vanathañ ca Nibbanā hotha bhikkhavo".	*"Đốn rừng không đốn cây (dục vọng)* *Từ rừng sinh sợ hãi* *Đốn rừng và củi gỗ (dục)* *Tỳ kheo hãy thoát ly".*
284. "Yāvaṃ hi vanatho na chijjati Aṇumatto'pi narassa nārisū, Paṭibaddhamano va tāva so Vaccho khīrapako'va mātari".	*"Khi nào chưa dứt sạch* *Dây tình giữa trai gái* *Tâm ý vẫn buộc ràng* *Như bò con vú mẹ".*

☸

CHÚ GIẢI:

Nā rukkhaṃ: Nghe Đức Bổn Sư bảo: Hãy đốn rừng. Những vị mới tu ngỡ rằng: Đức Bổn Sư ta hãy dùng búa, lấy rìu đi đốn rừng, rồi khởi lên ý đốn cây.

Thật ra, Đức Bổn Sư ngụ ý nói đến khu rừng phiền não nhất là tình ái, chứ không ám chỉ các cây, nên nói rằng: "Đừng đốn cây".

Vanato: Ví như từ khu rừng thông thường hằng có sự sợ hãi do thú dữ trú ẩn như sư tử… Cũng vậy, những sự sỡ hãi khởi lên từ khu rừng dục vọng phiền não, phát sanh bốn sự sợ nhất là sự sợ sanh.

Vanaṃ hi vanatthañ ca: Ở đây, những cây to gọi là rừng (vana), những cây mọc sau gọi là củi gỗ. Cũng vậy, những đại phiền não dẫn đi thọ sanh các cảnh giới gọi là

rừng, còn các phiền não cho quả dị thục, gọi là củi gỗ. Cả hai thứ nầy cần nên chặt đứt bằng Bốn Đạo, nên mới có câu: "Đốn rừng và củi gỗ".

Nibbānā hotha: Hãy dập tắt phiền não.

Kāvaṃ hi vanatho*:* Dầu nhỏ như hạt bụi của các củi gỗ ấy, là dây luyến ái giữa nam và nữ chưa cắt đứt đến chừng nào tâm còn bị dính mắt buộc ràng, như bò con chưa rời vú mẹ.

Cuối thời Pháp, các vị Tỳ khưu già đắc quả Tu Đà Hườn. Thính chúng cũng được hưởng nhiều lợi ích.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Bà hộ Tăng nay đã mất rồi,
Sư già khóc tợ trẻ mồ côi,
Vắng người dâng phụ đồ ăn uống,
Thiếu kẻ lau qua chỗ đứng ngồi,
Khát sữa bò con mơ tưởng vú,
Thèm cơm quạ trống ước ao mồi,
Dây tình trai gái còn miên viễn,
Biển khổ trầm luân mãi mãi trôi.

DỨT TÍCH CÁC ĐẠI ĐỨC GIÀ

☸



283. Đốn rừng chớ đốn cây. Vì rừng gây sợ hãi.
Nên đốn rừng tham ái. Tỳ kheo, hãy ly tham.

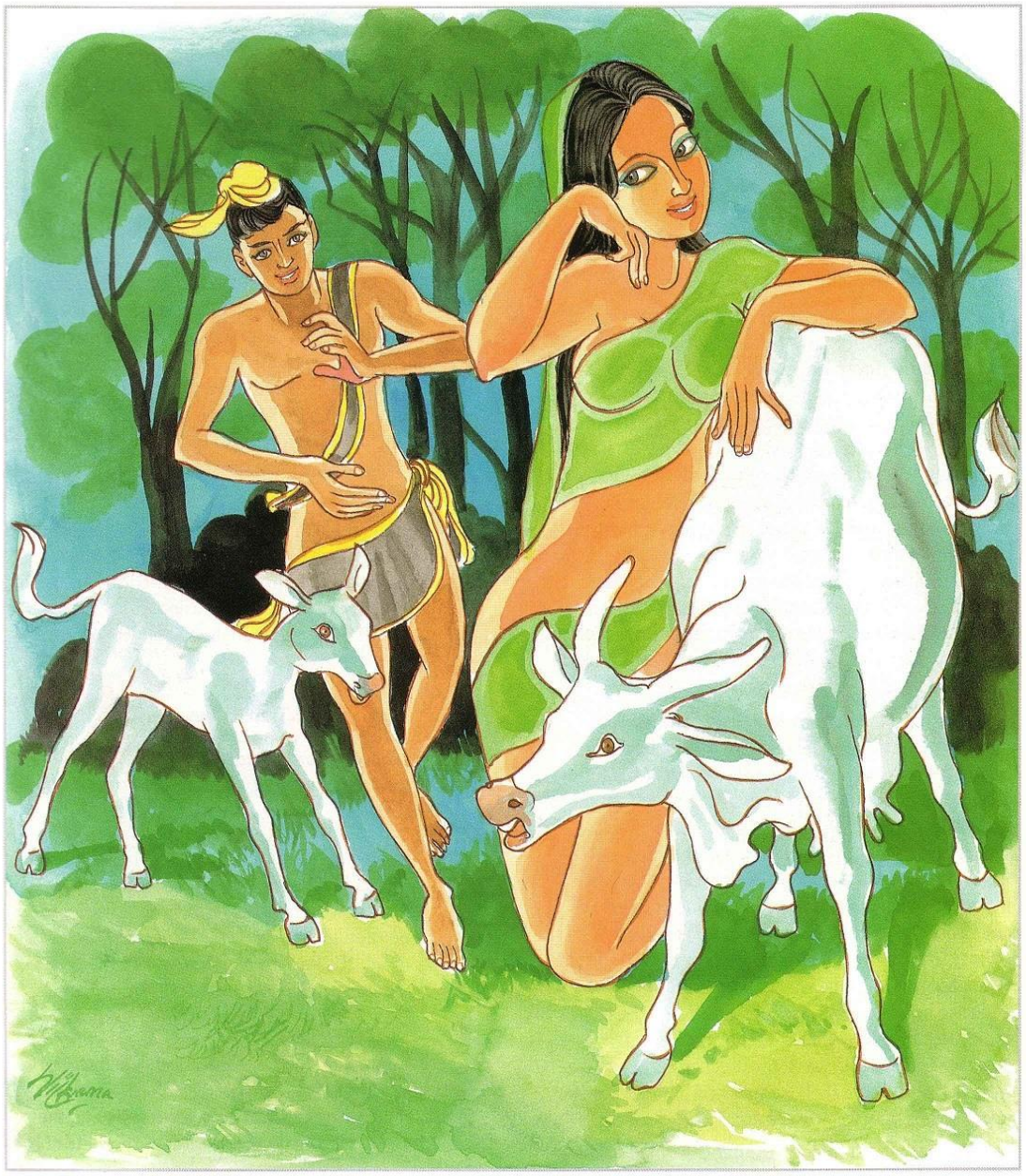

284. Bao lâu chưa đoạn tuyệt. Ái dục giữa gái trai.
Tâm tư đeo đuổi hoài. Như bê con theo mẹ.

XX.9- ĐỆ TỬ ĐẠI ĐỨC SĀRIPUTTA

(Sāriputtattherassasaddhivihāri)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 285)

"Ucchinda sineham attano	***"Tự cắt dây tình ái***
Kumudaṃ sāradikaṃ'va pāṇinā,	***Như tay bẻ sen thu***
Santimaggam eva brūhaya	***Hãy tu đạo tịch tịnh***
Nibbānaṃ sugatena desitaṃ".	***Níp Bàn, Thiện Thệ dạy".***

Pháp cú nầy được Đức Thế Tôn thuyết lên khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến đệ tử Ngài Sāriputta.

Tương truyền rằng: Một thanh niên con nhà làm nghề thợ bạc, đẹp trai đã xin xuất gia với Đại Đức Sāriputta. Đại Đức nghĩ: *"Các thanh niên thì tình ái rất mạnh"*. Thế rồi, Đại Đức cho đệ tử mình đề mục niệm tử thi (bất tịnh), ngõ hầu chống lại tình xuân. Đề mục nầy không thích hợp với vị đệ tử. Bởi vậy, khi vào rừng hành thiền suốt cả ba tháng, vị nầy chẳng đạt đến trạng thái định tâm (citta ekaggatā), bèn trở về bạch với Đại Đức. Đại Đức hỏi:

- Nầy Hiền giả! Hiền giả đã đạt được đề mục chưa?

Vị trò liền đem chuyện mình bạch lại với thầy. Khi ấy, Đại Đức nói với đệ tử rằng:

- Hành giả không nên bỏ cuộc, nói rằng: *"Đề mục thiền của ta không thành tựu"*.

Rồi Đại Đức giảng giải thật kỹ về đề mục Bất tịnh nầy cho đệ tử. Nhưng lần thứ hai, vị đệ tử cũng không đạt được pháp Thượng nhân nào cả, nên lại trở về bạch với thầy. Lần nầy Đại Đức Sāriputta cũng vẫn dạy đề mục cũ, dùng nhiều ví dụ để vạch rõ những lý do then chốt. Rốt cuộc lại cũng chẳng có kết quả chi.

Đại Đức nghĩ thầm: *"Vị Tỳ khưu đang hành đạo, nếu trong tâm có nhiều phiền não dục vọng thì biết rằng có, không có thì biết rằng không có. Tỳ khưu nầy hành đạo tinh tấn, không phải là không tinh tấn. Đi trên chánh lộ chứ không phải tà lộ, trịch ngoài tà lộ. Chắc có lẽ người nầy có duyên được Đức Thế Tôn chuyển hóa"*. Vào xế chiều, Đại Đức dắt vị đệ tử đến yết kiến Đức Bổn Sư và tường trình hết mọi việc, nói rằng:

- Bạch Ngài! Đây là vị Tỳ khưu đệ tử của con. Do đó con đã truyền dạy vị ấy đề mục quán bất tịnh.

- Nầy Sāriputta! Tuệ hiểu biết rõ những khuynh hướng và tùy miên phiền não của chúng sanh chỉ có nơi Đấng Chánh Đẳng Giác, là bậc đã viên mãn Pháp Độ, chứng đắc Toàn Giác quả khiến cho mười ngàn thế giới hoan hô vang dội.

Đức Thế Tôn quán xét nội tâm của vị Tỳ khưu trẻ rằng: *"Tỳ khưu nầy từ gia tộc nào xuất gia"*. Khi biết vị nầy từ gia đình thợ bạc đi xuất gia, Đức Thế Tôn tiếp tục

quán tiền kiếp của vị ấy, thấy được rằng: *"Vị nầy đã tái sanh trong gia đình thợ bạc 500 kiếp liên tục rồi".*

Đức Bổn Sư suy nghĩ rằng: *"Tỳ khưu nầy đã từng sống trong gia đình thợ bạc 500 kiếp, đã nhiều lần nói: Ta sẽ làm ra những cánh hoa Kannikā (bông đeo tai), những đóa hoa sen…"* và quanh quẩn chỉ tiếp xúc với chất vàng ròng mà thôi. Những đề mục bất mỹ, như thể trược không thích hợp với Tỳ khưu nầy. Nên cho Tỳ khưu ấy niệm những đề mục khả ái hơn. Đức Bổn Sư bảo rằng:

- Nầy Sāriputta! Đề mục của ngươi khiến Tỳ khưu nầy mệt mỏi, dụng công trong bốn tháng mà chẳng có kết quả chi. Hôm nay, sau bữa thọ trai ngày mai đệ tử thầy sẽ chứng A La Hán. Thôi thầy hãy về đi.

Đại Đức Sāriputta ra về. Vào sáng hôm sau, Đức Thế Tôn dùng thần thông tạo ra một đóa hoa sen vàng lớn như bánh xe bò, khiến cho những cánh hoa và cuống sen có vẻ như có nước nhểu ra từng giọt và dẫn người đệ tử ấy ra bờ hồ, trao đóa sen ấy cho thầy, bảo rằng:

- Nầy Tỳ khưu! Hãy cầm lấy đóa sen nầy đi đến tận ranh chùa và đặt nó lên một đống cát. Ngồi kiết già, lưng thẳng trước cánh hoa sen, khởi niệm đề mục *"Lohitakaṃ! Lohitakaṃ"* (Đỏ! Đỏ!).

Cầm lấy cánh hoa sen từ tay Đức Phật trao cho, thầy Tỳ khưu trẻ bỗng phát sanh tâm tịnh tín. Thầy ra tận ranh chùa, vun cát thành đống rồi cắm cuống sen lên đó, ngồi kiết già đối diện với cánh hoa sen, niệm đề mục *"Lohitakaṃ! Lohitakaṃ!".*

Ngay khi đó, năm pháp cái (Nīvarana) đều bị vẹt ra và Cận định (upacāra-jhānaṃ) sanh lên. Không gián đoạn, vị Tỳ khưu liền nhập Sơ Định, xuất sơ thiền, đi kinh hành cho đến khi thuần thục năm pháp Vasī, rồi lại ngồi hành đạo chứng đắc Nhị Thiền, rồi Tam Thiền. Sau khi thuần thục trong Tứ Thiền, vị ấy tâm thỏa thích với thú vui Thiền định (jhānakitamkilanto nisīdi).

Đức Bổn Sư biết vị Tỳ khưu trẻ đắc các tầng thiền rồi, nhưng Ngài quán xét thêm rằng: *"Tỳ khưu trẻ nầy có thể tự lực phát triển Quán minh để chứng đạt đạo quả cao siêu chăng?".* Khi Ngài thấy rằng: *"Không thể được".* Ngài liền khiến cho cánh hoa sen từ từ héo úa, trở thành đen giống như bị vò nát trong hai bàn tay vậy.

Vị Tỳ khưu trẻ xuất thiền, nhìn thấy đóa hoa sen hiện rõ tướng vô thường như vậy, tự nghĩ rằng: *"Đóa sen nầy sao lại lộ vẻ như là bị già nua đánh đập vậy? Rất đỗi những vật không có sự bám víu vào thế gian (anupādinnake) mà còn phải già nua như vậy huống chi những chúng sanh có sự bám víu vào thế gian sẽ bị già nua thắng phục".* Đồng thời với sự thấy rõ Vô thường tướng (Aniccālakkhaṇa), hành giả cũng thấy Khổ não tướng (Dukkhālakkhaṇa) và Phi ngã tướng (Anattālakkhaṇa). Bấy giờ ba tướng hiện lên giống như đang thiêu đốt cả Tam giới và ghê tởm như xác chết buộc vào cổ vậy.

Ngay lúc ấy, cách vị Tỳ khưu trẻ không xa, một đứa con trai lội xuống ao, hái những cánh hoa sen trắng chất đống trên bờ. Vị Tỳ khưu ngắm những đóa Bạch liên dưới nước và trên bờ, thì thấy những cánh dưới nước có vẻ tuyệt đẹp giống như chúng đang vươn lên đầm nước mát, còn những cánh sen nằm trên bờ thì dần héo tàn.

Vị ấy tự nghĩ: *"Với những vật không có thủ hữu mà sự già nua còn đánh đập như thế, huống hồ gì những vật có thủ hữu nó lại không buông tha (không đánh những chúng sanh bám víu vào thế gian) hay sao?"*.

Càng suy xét, vị ấy càng thấy rõ bản chất tướng vô thường, khổ não và phi ngã hơn bao giờ hết. Đức Bổn Sư biết rõ rằng: *"Bây giờ, những đề mục của Tỳ khưu nầy được thấu triệt đến nguồn cội"*. Ngồi trong hương thất, Ngài phóng hào quang đến ngay trước mặt vị Tỳ khưu trẻ. Vị ấy suy nghĩ: *"Cái chi thế?"*. Ngước mắt nhìn lên thấy hình ảnh Đức Thế Tôn, vị ấy đứng dậy đảnh lễ Ngài. Khi ấy, Đức Thế Tôn suy xét đến pháp tánh thích hợp cho vị ấy rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Ucchinda sineham attano	*"Tự cắt dây tình ái*
Kumudaṃ sāradikaṃ'va pāṇinā,	*Như tay bẻ sen thu*
Santimaggam eva brūhaya	*Hãy tu đạo tịch tịnh*
Nibbānaṃ sugatena desitaṃ".	*Níp Bàn, Thiện Thệ dạy"*.

☸

CHÚ GIẢI:

Ucchinda: Cắt đứt bằng A La Hán đạo.

Sāradikaṃ: Mọc trong mùa thu.

Santimaggaṃ: Bát Chánh Đạo, đường đến Níp Bàn.

Bruhāya: Phát triển gia tăng.

Nibbānaṃ: Níp Bàn, Đức Thiện Thệ đã thuyết giảng rồi, bởi vậy hãy tu theo Đạo của Ngài.

Cuối thời Pháp, vị Tỳ khưu chứng đắc A La Hán Quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Bốn tháng nguyên đề niệm chẳng thông,
Đổi đề, một ngọ đã nên công,
Truy ra chỉ tại năm trăm kiếp,
Thợ bạc ưa vàng, thích chạm bông,
Tuy nhiên vạn vật thảy vô thường,
Sắc đẹp khi già hết chỗ nương,
Tình ái như sen thu sắp úa,
Đoạn tình, mới dứt được sầu vương.

DỨT TÍCH ĐỆ TỬ ĐẠI ĐỨC SĀRIPUTTA

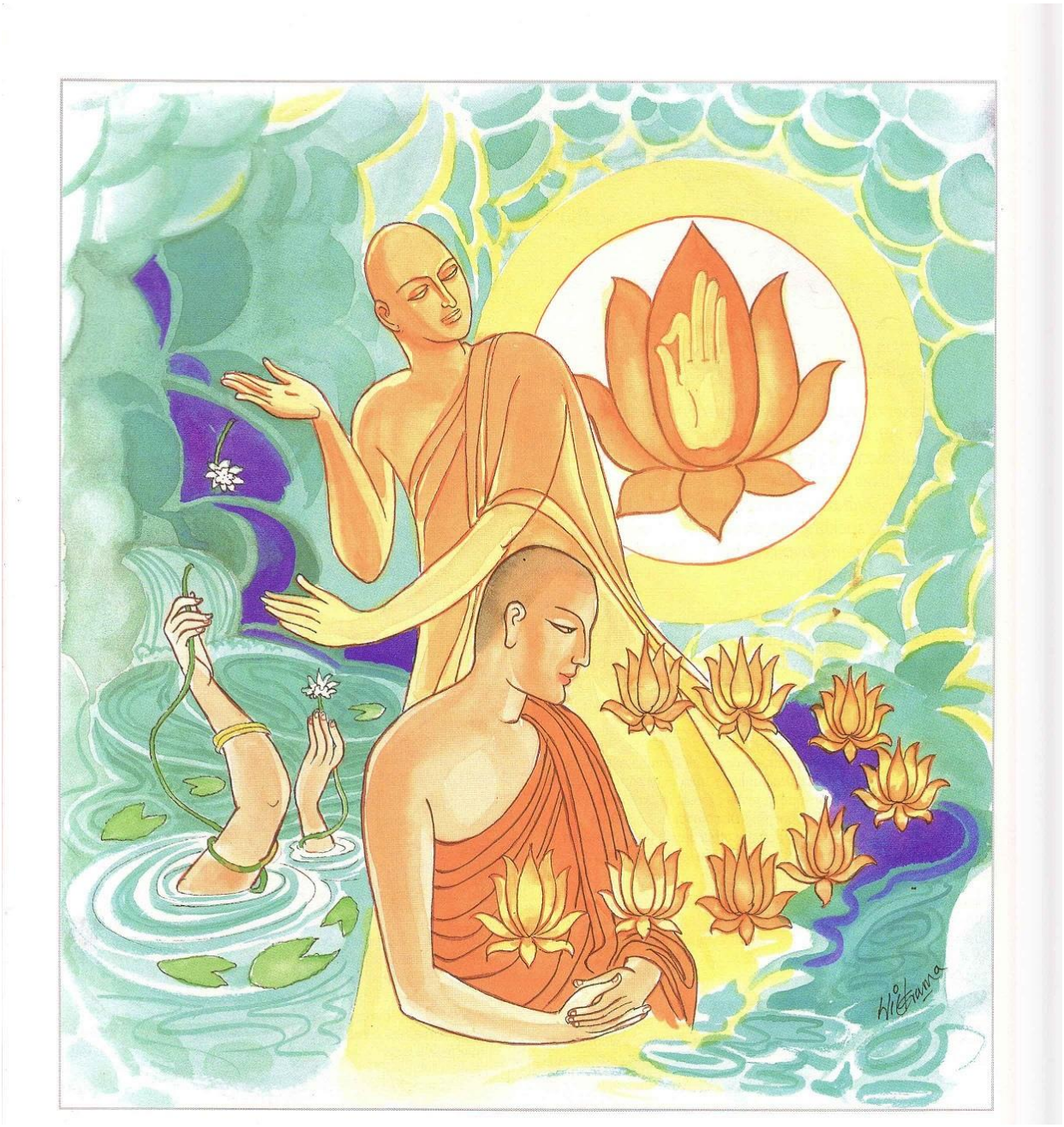

285. Hãy cắt tiệt ái dục. Như tay ngắt sen thu.
Đạo tịch tịnh gắng tu. Bậc Thiện Thệ dạy vậy.

XX.10- ĐẠI PHÚ THƯƠNG
(Mahādhana vāṇja)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 286)

"Idha vassaṃ vasissāmi	***"Mùa mưa ta ở đây***
Idha hemantagimhisu	***Đông, Hạ cũng ở đây***
Iti bālo visinteti	***Người ngu tâm tưởng vậy***
Antarāyaṃ na bujjhati".	***Không tự giác hiểm nguy".***

Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết tại Jetavana, đề cập đến ông phú thương Mahādhana.

Tương truyền rằng: Đại phú thương nầy cho chất đầy 500 cỗ xe bò vật dụng như vải nhuộm vàng, đỏ… từ thành Bārāṇasī đi buôn bán. Trên đường trở về thành Sāvatthī, khi đi đến bờ sông, ông nghĩ thầm: *"Ngày mai ta sẽ sang sông".* Ông cho mở bò, dừng xe tại nơi ấy. Ban đêm trời bỗng nổi giông to bão lớn suốt cả bảy ngày, nước sông dâng cao. Dân chúng trong thành mở lễ hội vui chơi, thế là số vải đỏ, vàng không có dịp bày ra bán. Ông lái buôn thầm nghĩ: *"Ta từ phương xa đến đây, nếu trở về thì phí mất nhiều ngày. Chi bằng ta hãy lưu lại nơi nầy cả mùa mưa, mùa lạnh và mùa nóng. Vừa làm công việc của ta, vừa bán các hàng vải nầy".*

Đức Bổn Sư đang đi khất thực trong thành Sāvatthī, biết được tâm của người thương buôn nên Ngài mỉm cười. Đại Đức Ānanda thấy lạ liền bạch hỏi Ngài về lí do sự mỉm cười. Ngài hỏi rằng:

- Nầy Ānanda! Thầy có thấy người thương buôn nầy chăng?

- Bạch Ngài! Có.

- Vì không biết có sự tai hại đến sinh mạng của mình, nên ông ta quyết định ở lại nơi nầy trọn năm để bán hàng hóa.

- Bạch Ngài! Ông ta gặp tai nạn gì?

- Phải! Nầy Ānanda! Ông ta chỉ còn sống được bảy ngày nữa thôi, rồi ông ta sẽ chết.

Tiếp theo, Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Ajjeva kiccaṃ ātappaṃ
Kojaññā maranaṃ suve
Nahino savigarantena
Mahāsenena maccunā
Taṃ ve bhaddekarattoti
Santo ācikkhate munīti".

(Hãy gấp rút làm việc phải làm trong ngày hôm nay. Ai đâu biết ngày mai tử thần có thể đến. Vì chúng ta chưa chiến đấu với Tử thần và đội hùng binh của nó?

Hạnh phúc thay! Người hằng tinh cần ngày đêm như vậy không biết mệt mỏi. Dầu người chỉ sống một đêm thôi. Bậc Tịnh giả đã tuyên bố như thế).

- Bạch Ngài! Xin Ngài cho phép con báo cho ông ta biết.

- Lành thay! Nầy Ānanda! Thầy cứ đi tự do.

Đại Đức đi đến vòng rào xe bò và trì bình nơi ấy, người lái buôn cúng dường vật thực đến Đại Đức. Đại Đức hỏi ông ta rằng:

- Ông còn định ở đây bao lâu nữa?

- Bạch Ngài! Con từ phương xa đến, nếu con quay về thì phí thời giờ, bất tiện lắm. Con sẽ lưu lại đây trọn năm nay và chừng nào con bán hết hàng hóa rồi con mới ra đi.

- Nầy thiện nam, cho dầu là phút lâm chung cũng khó biết được. Ông nên tinh cần mới được.

- Bạch Ngài! Chắc có tai nạn gì cho con chăng?

- Phải, nầy thiện nam, ông chỉ còn sống thêm bảy ngày nữa mà thôi.

Sanh tâm kinh cảm, ông lái buôn cung thỉnh Tỳ khưu có Đức Phật là vị Thượng Thủ đến thọ trai thực suốt cả bảy ngày liền, rồi rước bát Đức Thế Tôn, thỉnh cầu Ngài ban phúc. Ngài tùy hỷ bằng những lời rằng:

- Nầy cận sự nam! Bậc hiền trí không bao giờ nghĩ rằng: Ta sẽ ở đây trọn cả mùa mưa, mùa lạnh và mùa nóng. Ta sẽ làm công việc nầy, công việc kia. Trái lại, vị ấy hằng quán tưởng rằng: "Phút lâm chung của mình". Rồi Đức Thế Tôn ngâm kệ ngôn rằng:

"Idha vassaṃ vasissāmi	*"Mùa mưa ta ở đây*
Idha hemantagimhisu	*Đông, Hạ cũng ở đây*
Iti bālo visinteti	*Người ngu tâm tưởng vậy*
Antarāyaṃ na bujjhati".	*Không tự giác hiểm nguy".*

☸

CHÚ GIẢI:

***Idha vassaṃ*:** Trong chỗ nầy ta sẽ kiết hạ an cư trong bốn tháng, vừa làm việc nầy, vừa làm việc nọ.

***Hemantagimhisu*:** Trong bốn tháng lạnh và bốn tháng nóng, ta sẽ ở đây làm việc nầy, việc nọ. Kẻ ngu cứ nghĩ như vậy, chớ không hiểu biết sự lợi ích hiện tại và vị lai.

Antarāya: Không biết trước giờ lâm chung của mình. Như ta sẽ chết tại một địa điểm nào, vào thời nào, ở xứ nào, chừng tuổi nào…

Cuối thời Pháp, lái buôn chứng đắc quả Tu Đà Hườn. Thính chúng câu hội hưởng được sự lợi ích của thời Pháp.

Thương nhân theo tiễn chân Đức Phật, khi quay trở lại, ông kêu:

- Tôi nhức đầu quá. Rồi ông lên giường nằm và mệnh chung, tái sanh về cõi Tusitā.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Điều cần hãy gấp rút làm đi,
Chớ để dây dưa trễ hạn kỳ,
Ai chắc ngày mai ta vẫn sống,
Hay là chết đọa xuống A Tỳ,
Phú thương định ở trọn năm nay,
Khi biết mình còn sống bảy ngày,
Lật đật cúng dường luôn một thất,
Vãng sanh Đâu Suất cũng là may.

DỨT TÍCH ĐẠI PHÚ THƯƠNG

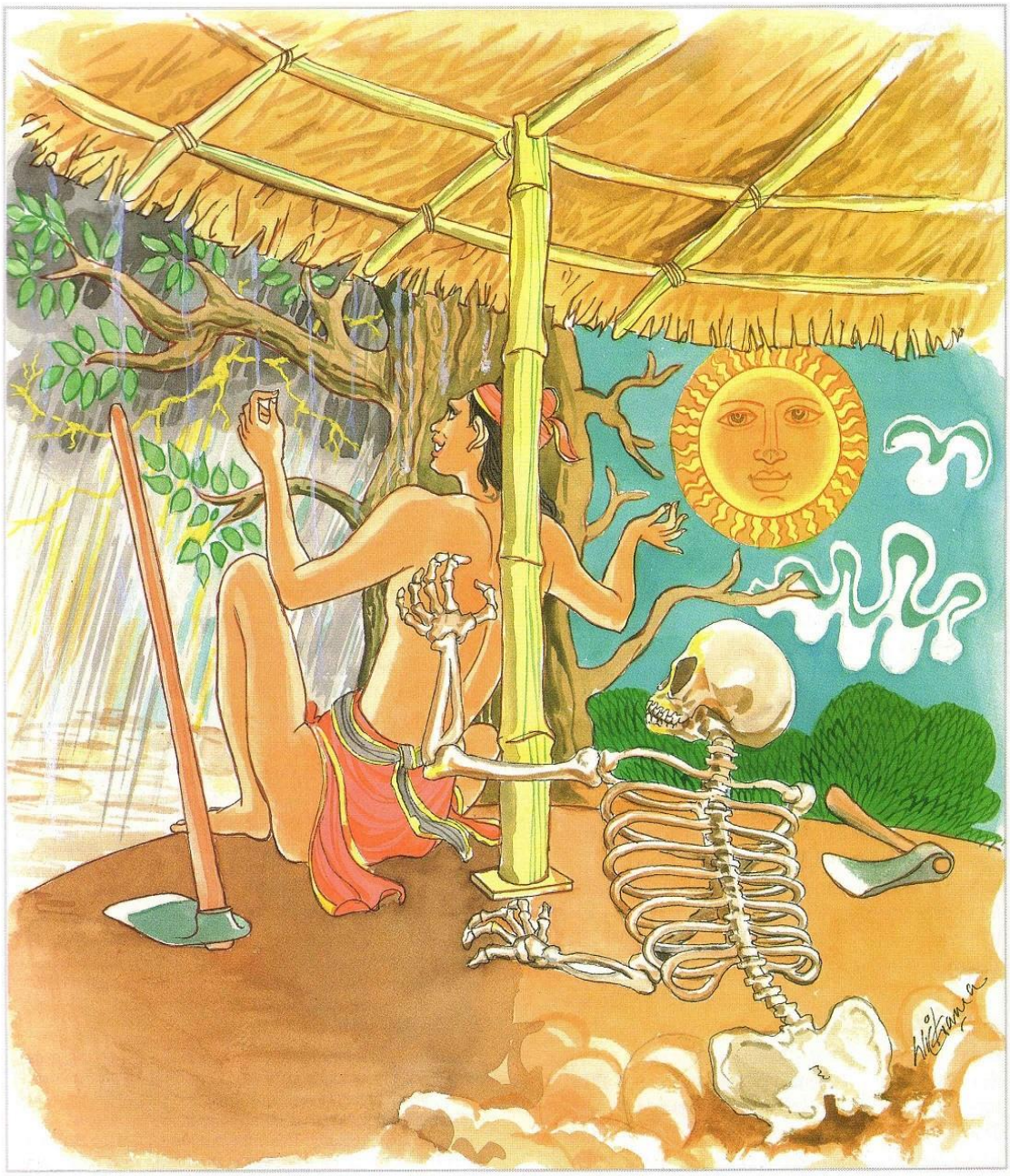

286. Mùa mưa ta ở đây. Hè thu ta ở đây. Kẻ ngu si nghĩ vậy. Nào đâu thấy hiểm nguy.

XX.11- NÀNG KISĀ GOTAMĪ

(Kisāgotamī)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 287)

"Taṃ puttapasusammattaṃ	***"Tâm nầy bị đắm say***
Byāsattamanasaṃ naraṃ	***Con cái và súc vật***
Suttaṃ gāmaṃ mahogho'va	***Bị tử thần bắt đi***
Maccu ācāya gacchati".	***Như nước trôi làng ngủ".***

Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết khi ngự tại Jetavana, đề cập đến nàng Kisā Gotamī.

Sự tích nàng Kisā Gotami nằm trong phẩm NGÀN và được nói rõ trong kệ ngôn 114.

Lúc bấy giờ Đức Bổn Sư hỏi:

- Nầy Kisā Gotamī! Con đã kiếm được một nhúm hạt cải chưa?

- Bạch Ngài! Con kiếm không được. Khắp cả làng số người chết nhiều hơn cả số người sống.

Nhân đó, Đức Bổn Sư dạy rằng:

- Con trai ta đã chết. Thật uổng công vô ích. Đó là định luật tự nhiên đối với tất cả chúng sanh. Tử thần như luồng nước lũ cuốn tất cả chúng sanh chìm đắm xuống biển khổ.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Taṃ puttapasusammattaṃ	*"Tâm nầy bị đắm say*
Byāsattamanasaṃ naraṃ	*Con cái và súc vật*
Suttaṃ gāmaṃ mahogho'va	*Bị tử thần bắt đi*
Maccu ācāya gacchati".	*Như nước trôi làng ngủ".*

☸

CHÚ GIẢI:

***Taṃ puttapasusammattaṃ*:** Người nào có con cái và súc vật, đầy đủ các hạnh phúc như sức khỏe, sống lâu... hằng tự hào rằng: Những con trai ta tuấn tú khôi ngô, đầy đủ sức mạnh, là bậc hiền trí có khả năng làm đủ mọi công việc. Bò đực của ta hình dáng xinh đẹp, vô bịnh, có sức khỏe kéo xe nặng, bò cái của ta có nhiều sữa... Người đó là người còn say đắm con cái và súc vật vậy.

***Byāsattamanasaṃ*:** Trong những tài vật như là bạc, vàng hoặc là bát y chẳng hạn. Nếu được chút ít chi, từ đó người ta lại mong ước và tâm bị dính mắc vào sự cao xa hơn nữa. Trong những đối tượng có thể nhận thức bằng nhãn quan... đã kể trên hoặc những nhu cầu phụ thuộc kiếm được món nào rồi là tâm bị dính mắc vào món đồ đó ngay, nên nói là tâm còn bị đắm say.

***Suttaṃ gāmaṃ*:** Làng ngủ. Đây là chỉ những chúng sanh còn đang ngủ trong làng đó.

***Mahoghova*:** Ví như nguyên cả làng như vậy, mà dòng nước lũ sâu rộng mênh mông cũng lôi đi tất cả, dầu một con chó cũng không sót lại. Như thế nào, thì Tử thần cũng lôi cuốn con người ra đi như thế ấy.

Cuối thời Pháp, nàng Kisā Gotamā đắc quả Tu Đà Hườn. Kỳ dư thính chúng đều hưởng lợi ích.

☸

Dích Giả Cẩn Đề

Chết đứa con so, dạ mẹ sầu,
Tưởng rằng: trẻ chết chẳng bao lâu,
Bàn tay cứu tử còn mong ước,
Hột cải hoàn sinh hết vọng cầu...
Thấy lẽ vô thường mau tỉnh giác,
Gặp đường diệt khổ nhẹ lo âu.
Hữu duyên Phật độ Kiều Đàm ốm,
Nghe pháp vừa xong đắc quả đầu.

DỨT TÍCH NÀNG KISĀ GOTAMĪ

☸

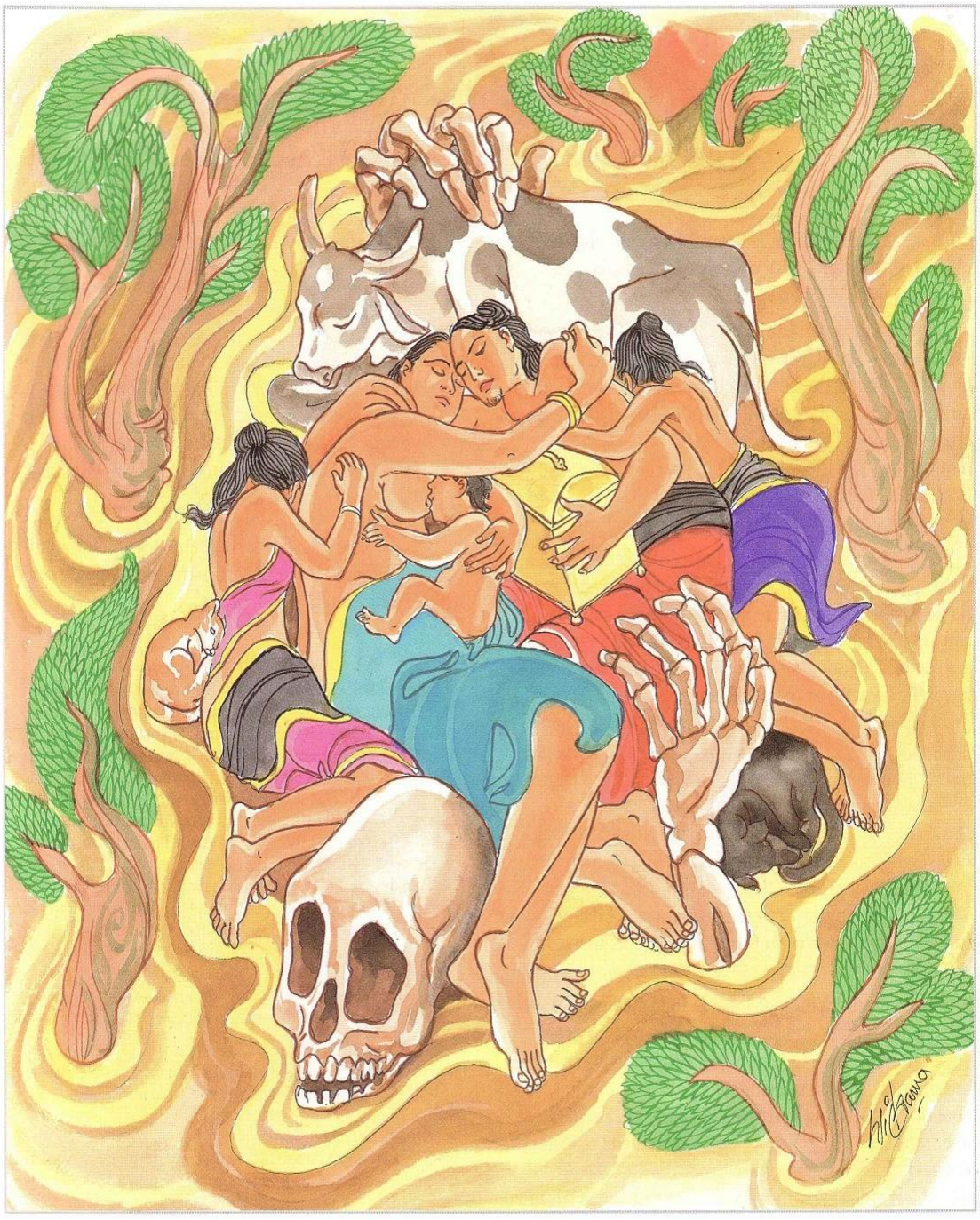

287. Say đắm bám lấy con cái tài sản, người mà như vậy cái chết bám lấy, túm lấy lôi đi như là bão lũ cuốn trôi cả vùng đang còn say ngủ.

XX.12- NÀNG PATĀCĀRĀ

(Patācārā)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 288-289)

288. "Na santi puttā tāṇāya	***"Một khi tử thần đến***
Na pitā na'pi bandhavā	***Không có con che chở***
Antakenādhipannassa	***Không cha không bà con***
Natthi ñātisu tāṇatā".	***Không thân thích che chở".***
289. "Etaṃ atthavasaṃ ñatvā	***"Biết rõ lí lẽ trên***
Paṇḍito sīlasaṃvuto	***Kẻ trí siêng trì giới***
Nibbānagamanaṃ maggaṃ	***Thấu triệt đường Níp Bàn***
Khippaṃ'eva visodhaye".	***Sớm chứng thanh tịnh đạo".***

Pháp Cú nầy, Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến nàng Patācārā.

Sự tích nàng Patācārā cũng nằm trong phẩm NGÀN, được thuyết giảng đầy đủ ở kệ ngôn 113.

Lúc bấy giờ, Đức Bổn Sư biết rằng nàng Patācārā đã vơi bớt sầu khổ, nên dạy nàng rằng:

- Nầy Patācārā! Khi con người sang thế giới khác, thì vợ chồng, con cái, cha mẹ, anh em chi cũng không thể làm chỗ nương nhờ, chỗ trú ẩn, chỗ an toàn cho mình được cả. Bởi vậy, dầu cho có họ cũng như không mà thôi. Ai là bậc hiền trí thì phải lo giữ giới cho trong sạch và phải quét sạch con đường đi đến Níp Bàn.

Nói rồi, Ngài ngâm lên kệ ngôn rằng:

288. "Na santi puttā tāṇāya	*"Một khi tử thần đến*
Na pitā na'pi bandhavā	*Không có con che chở*
Antakenādhipannassa	*Không cha không bà con*
Natthi ñātisu tāṇatā".	*Không thân thích che chở".*
289. "Etaṃ atthavasaṃ ñatvā	*"Biết rõ lí lẽ trên*
Paṇḍito sīlasaṃvuto	*Kẻ trí siêng trì giới*
Nibbānagamanaṃ maggaṃ	*Thấu triệt đường Níp Bàn*
Khippaṃ'eva visodhaye".	*Sớm chứng thanh tịnh đạo".*

☸

CHÚ GIẢI:

***Pāṇāya*:** Để che chở giúp đỡ cho mình.

***Bandhavā*:** Ngoài con cái và cha mẹ ra, còn những thân bằng quyến thuộc.

***Antakenā'dhipannassa*:** Bị tử thần thắng phục. Quả nhiên, dầu cho tất cả thân nhân, nhất là con cái bao vây, chăm lo cúng dường cơm nước, thuốc men... và làm hết

mọi công việc để giúp đỡ, che chở, nhưng tới giờ phút lâm chung thì phương tiện nào cũng không thể dùng để tránh cái chết được cả. Do nơi không có sự giúp đỡ, chở che lên nhau vì đó là việc vô ích. Bậc hiền trí ráng lo thu thúc thọ trì, gìn giữ Tứ thanh tịnh Giới và tiếp theo đó cấp tốc quét sạch phiền não theo đường Bát Chánh Đạo, là con đường đi đến Níp Bàn.

Cuối thời Pháp, nàng Patācārā đắc quả Tu Đà Hườn. Ngoài ra còn nhiều người khác cũng đắc quả Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Chồng con, em út, mẹ cùng cha,
Một lúc trùng tang hết cả nhà,
Mệnh bạc, nóng lòng như lửa đốt,
Má hồng, đổ lệ tợ mưa nhòn,
Thất tình, tuột áo, quên mình khóc,
Loạn trí, đi đường, chọc chúng la...
Tỉnh ngộ liền đắc Sơ Thánh Quả,
Noi gương Từ Phụ đắp cà sa...

DỨT TÍCH NÀNG PATĀCĀRĀ

☸

DỨT PHẨM ĐẠO – MAGGA VAGGA

DỨT PHẨM 20

☸

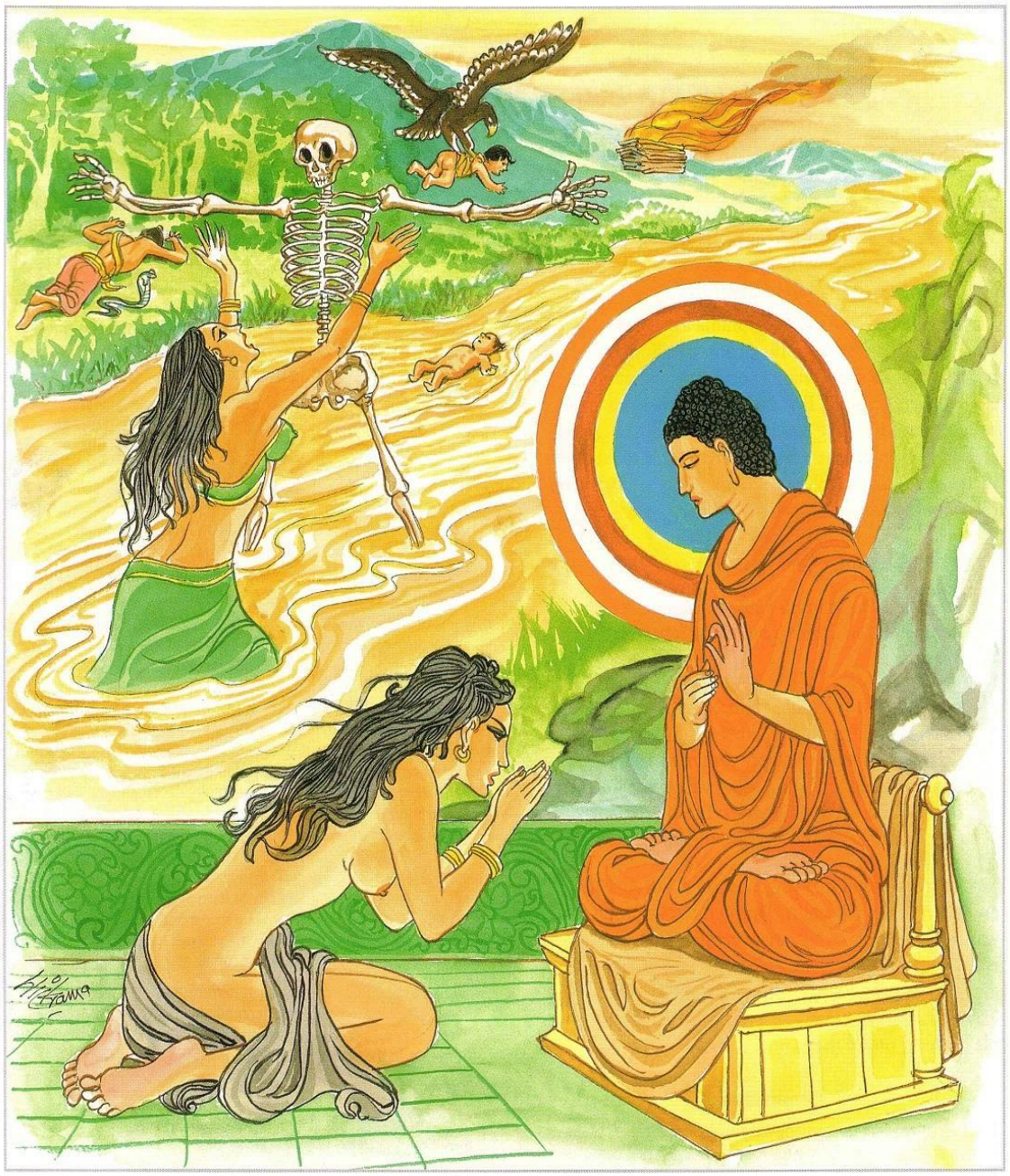

288. Con cái nào chở che. Mẹ cha nào o bế.
Thân thích nào bảo vệ. Khi bị thần chết lôi.

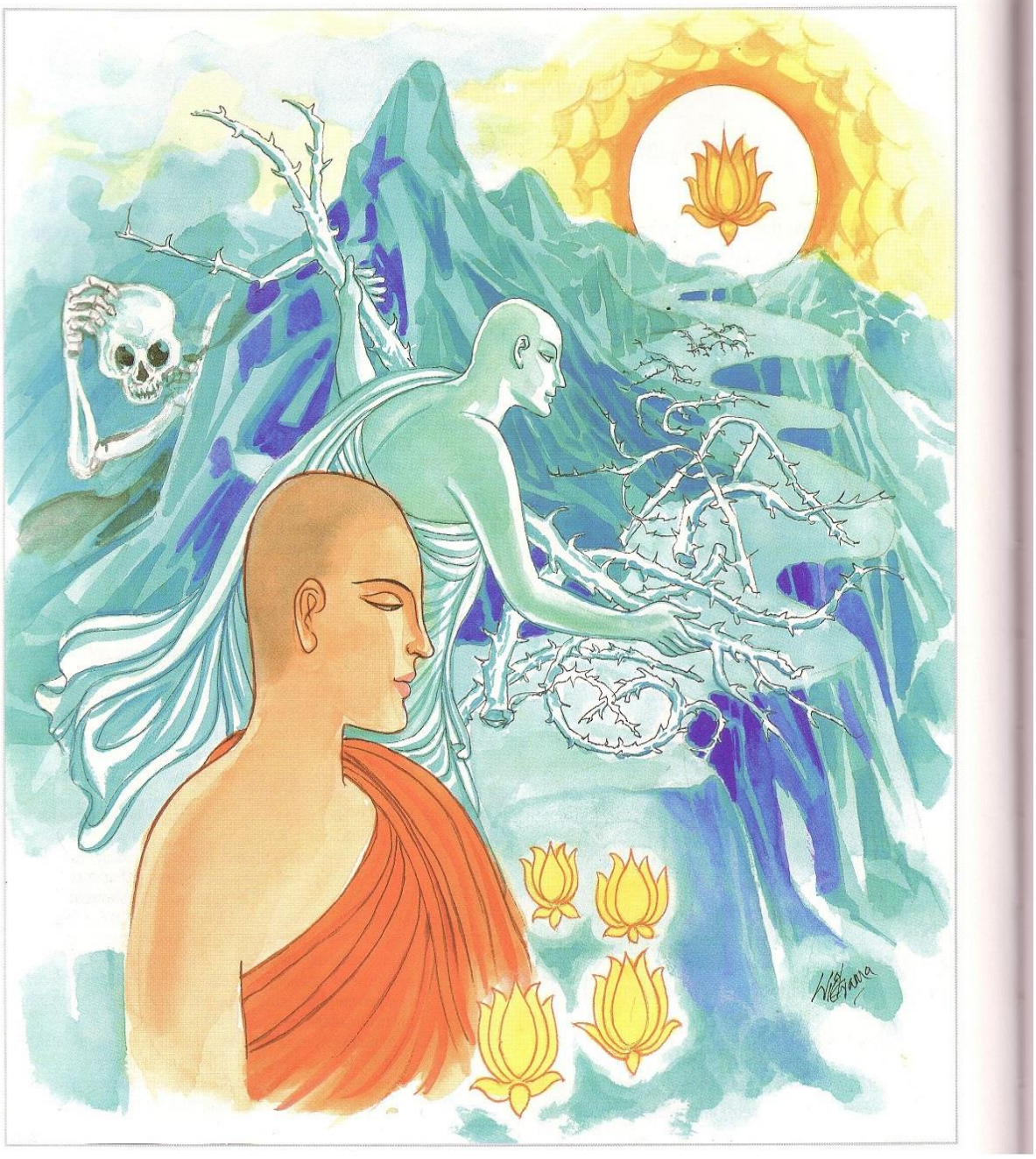

289. Hiểu rõ sự lý trên. Bậc trí nên trì giới.
Khai sáng đường đi tới. Trực chỉ đến Niết bàn.

XXI. PHẨM TẠP LỤC
(PAKIṆAKA VAGGA)

☸

- 15 Bài kệ: Pháp Cú 290-305

- 9 tích truyện

XXI.1- HẠNH NGHIỆP CỦA ĐỨC PHẬT

(Attanopubbakammavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 290)

"Mattāsukhapariccāgā	***"Nhờ từ bỏ lạc nhỏ,***
Passe ce vipulaṃ sukhaṃ	***Thấy được lạc lớn hơn,***
Caje mattā sukhaṃ dhīro	***Bậc trí bỏ lạc nhỏ,***
Sampassaṃ vipulaṃ sukhaṃ".	***Thấy được lạc lớn hơn".***

Pháp Cú nầy được Đức Thế Tôn thuyết lên khi Ngài ngự tại Veḷuvana, đề cập đến hạnh nghiệp của Ngài.

Tương truyền rằng: Một thời, kinh thành Vesalī là một vương quốc giàu có, đất đai trù phú, dân cư đông đúc. Vương quốc nầy có 7700 vị vua kế vị theo tuần tự. Nói về sự kiến tạo hoàng cung, châu viên, vườn Thượng Uyển, hồ sen thì đều như nhau cả.

Lần nọ, thành Vesalī phát sanh nạn đói kém, thất mùa, dân cư chết quá nhiều, phi nhơn khuấy phá, bịnh dịch lan khắp. Dân chúng tâu trình với Đức vua:

- Trong thành phát sanh ba điều kinh hoàng, đã bảy đời vua rồi chưa bao giờ có điều nguy hại như vậy. Vì những đời vua trước đã thực hành Thập Pháp Vương nên không có nguy hại.

Đức vua liền xuất của kho bố thí cho toàn dân và Ngài phán:

- Nếu Trẫm không hành đúng pháp Minh Quân thì thần dân hãy xem xét việc gì đã xảy ra.

Dân chúng thấy nhà vua rất quang minh chính đại, không có sai phạm điều gì. Nhưng tại sao chúng ta phải khổ sở, không an lạc?

Có người bảo rằng: *"Phải cúng tế, cầu an mới thoát khỏi".* Nhưng không thể được. Có người lại cho rằng: *"Ở đây, có sáu vị Giáo Chủ có đại thần lực, chúng ta nên nhờ quý Ngài giúp mới được an lành".* Và có người ý kiến rằng: *"Đức Thế Tôn đã xuất hiện trên thế gian, Ngài có đại thần lực, Pháp Âm của Ngài đưa chúng sanh giác ngộ. Nếu Ngài ngự đến đây, mọi điều rủi ro tai hại sẽ tan biến".* Họ đồng tán thán ý kiến ấy. Và không biết bây giờ Bậc Đạo Sư ngự tại nơi nào?

Lúc bấy giờ là thời điểm nhập hạ, vì lời hứa đối với vua Bimbisāra nên Ngài phải ngự về Veḷuvana. Thời đó, Đức vua Bimbisāra chứng Quả Dự Lưu và Đức vua

Licchavīmahāli cũng chứng quả Dự Lưu và cũng là chư hầu của Đức vua Bimbisāra. Đức vua Vesalī cùng với các vương tôn, công tử Licchavī và thần dân xứ Vesalī sắm lễ vật đến hiến dâng cho Đức vua Bimbisāra và trình bày sự việc đó, nhờ Ngài thỉnh cầu Bậc Đạo Sư ngự về kinh đô. Dù thần dân có *"van xin khẩn cầu"* nhưng Đức vua vẫn một mực từ chối. Cuối cùng, dân chúng đi đến yết kiến Đức Thế Tôn và bạch thỉnh:

- Bạch hóa Thế Tôn! Trong thành Vesalī phát sanh ba điều kinh sợ, nếu Ngài ngự đến thì quốc thái dân an, chúng con xin thỉnh cầu Ngài từ bi quang lâm.

Bậc Đạo Sư quán xét thấy duyên lành của Kinh đô Vesalī, dứt thời Kinh năng lực sẽ thấu đến 100.000 Koṭi thế giới, có 84.000 chúng sanh chứng ngộ Pháp và dân an lạc thái hòa nên Ngài đã nhận lời thỉnh cầu.

Đức vua hay tin: *"Bậc Đạo Sư quang lâm về thành Vesālī"* và truyền tin cho tất cả thần dân đến yết kiến Đức Phật và bạch hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Ngài nhận lời về thành Vesalī hay sao?

- Đúng vậy, nầy Đại vương.

- Bạch Thế Tôn! Nếu vậy xin Ngài tạm ngự nơi đây, con cho dọn đường trước.

Rồi truyền lệnh cho thu dọn con đường dài năm do tuần giữa kinh đô Rājagaha và sông Hằng, thu dọn Tịnh xá rồi mới thỉnh Đức Đạo Sư.

Đức Thế Tôn cùng ngự đến với 500 vị Tỳ khưu. Đức vua cho rải hoa ngũ sắc cao ngang gối, treo cờ xí khắp nơi, che lọng hai tầng cho Đức Phật và lọng một tầng cho chư Tỳ khưu, cúng dường hoa, hương liệu… thỉnh Ngài an ngự trong tịnh xá, cúng dường trọng thể. Ngài an ngự dưới thuyền năm ngày, truyền cho thần dân xứ Vesalī hãy cung nghinh Bậc Đạo Sư long trọng.

Thần dân xứ Vesalī nghinh tiếp Đức Thế Tôn từ sông Hằng đến kinh đô, xa khoảng ba do tuần. Che lọng bốn tầng cho Đức Phật, lọng hai tầng cho chư Tăng, cung nghinh long trọng như vậy.

Dưới hai chiếc thuyền trang hoàng hoa màu rực rỡ, trải bảo tọa lộng lẫy thỉnh Ngài an ngự và Tăng chúng ngồi vây quanh. Đức vua lội xuống nước tới cổ và bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Bao giờ Ngài ngự về, con sẽ ở đây chờ Ngài đến chừng đó.

Rồi Đức vua tiễn biệt Ngài ra đi, Đức Phật ngự trên thuyền khoảng 1 do tuần mới đến lãnh thổ xứ Vesālī. Các vương tôn Licchavī xuống nước kéo thuyền vào, lúc Bậc Đạo Sư vừa đặt chân lên bờ, cơn mưa bắt đầu đổ xuống, làm trôi đi các tử thi ra sông Hằng, không còn ô uế nữa. Các vương tôn Licchavī thỉnh Đức Thế Tôn an ngự một nơi, cúng dường trọng thể suốt ba ngày, mới thỉnh Ngài về kinh thành Vesālī. Đức Thiên Vương Đế Thích cùng hội chúng chư thiên đến đó thì các phi nhơn đều biến mất.

Nắng vừa tắt, Bậc Đạo Sư ngự đến cổng thành và phán gọi Đại Đức Ānanda:

- Nầy Ānanda! Ngươi hãy tụng kinh Paritta khắp ba vòng thành Vesalī nầy.

Đại Đức lấy bát đá của Ngài múc nước, suy niệm về các công đức của Phật là 10 pháp Pāramī, 10 pháp Upapāramī, 10 pháp Paramatthapāramī, 5 pháp Đại thí, 3 pháp hành: Lokatthacariyā, Nātatthacariyā và Buddhatthacariyā. Tư cách giáng sanh vào lòng mẹ trong kiếp chót, tư cách ra đời, tư cách xuất gia, tư cách tu khổ hạnh, tư cách cảm thắng Ma Vương, tư cách chứng quả Chánh Biến Tri trên Bồ Đoàn, 9 Pháp Thánh.

Đại Đức Ānanda tụng kinh Paritta cả đêm, trọn đủ ba canh tại trong ba vòng thành Vesālī, tụng: *"Taṃkiñci..."* rải nước bên trên và khắp nơi.

Từ bài kệ *"Yānīdha bhūtāni..."* rải bên trên, bên dưới, tất cả tật bệnh của nhân loại đều tiêu diệt. Đại Đức vừa tụng bài kinh *"Yaṃkiñci..."* những giọt nước vừa chạm phải chúng phi nhơn không nơi nương trú đều biến mất. Dân chúng trang trí bảo tọa để Ngài an ngự.

Bậc Đạo Sư an ngự trên bảo tọa, chư Tỳ khưu Tăng cùng các vương tôn Licchavī ngồi vây quanh nơi ấy. Cả Đức Đế Thích và hội chúng chư thiên cũng đến đó. Sau khi tụng kinh Paritta xong, Đại Đức Ānanda cùng dân chúng đến đảnh lễ Ngài, Đức Thế Tôn quán xét thấy duyên lành của hội chúng, Ngài đã thuyết bài Kinh trên. Dứt thời Pháp, 84.000 chúng sanh giác ngộ.

Đức Thế Tôn tụng kinh Paritta trọn bảy ngày, do oai lực Phật, các thần dân an lạc thái hòa. Sau khi giáo giới các vương tôn Licchavī, Ngài rời thành Vesālī. Các vương tôn cúng dường Đức Phật trọng thể trọn ba ngày tại bờ sông Hằng.

Các Long vương thấy nhân loại cúng dường Đức Như Lai long trọng, chúng hóa ra thuyền vàng, bạc, ngọc. Trong thuyền đầy đủ tiện nghi và ngôi Bảo tọa bằng ngọc, rải hoa sen ngũ sắc rồi đến bạch thỉnh:

- Bạch Thế Tôn! Xin Ngài từ bi tế độ cho chúng con.

Nhân loại và Long vương cúng dường long trọng đến Ngài như vậy.

Tất cả chư thiên và phạm thiên khắp nơi bên trên đều hân hoan cúng dường. Lọng của nhân loại và Long vương che khắp một do tuần. Long vương bên dưới, loài người trên đất, chư thiên cội cây, bọng cây, hang núi... che giữa hư không, tàn lọng từ Long vương thấu đến phạm thiên che khắp thế giới như vậy. Cờ xí, tràng hoa, hương liệu treo rải khắp nơi. Các thiên tử trang sức lộng lẫy thông báo khắp hư không. Được nghe rằng: Có ba Đại hội chư thiên lớn:

1- Lúc Ngài thể hiện Song Thông Lực.

2- Lúc Ngài từ thiên giới ngự về.

3- Lúc Ngài ngự đến sông Hằng.

Đức vua Bimbisāra đứng bên bờ nầy, thấy các vương tôn Licchavī cúng dường long trọng khi Đức Phật ngự về, Ngài cũng cúng dường gấp đôi sự cúng dường ấy.

Bậc Đạo Sư thấy đại thí của hai vị vua ở hai bên bờ sông Hằng, Ngài thấy rõ duyên lành của Long vương... nên hóa ra một vị Phật có 500 vị Tỳ khưu ngồi trong con thuyền dưới tàn lọng Như Ý với tràng hoa màu sắc rực rỡ. Tất cả chư thiên trong khắp vũ trụ đã vui mừng ca hát. Bậc Đạo Sư ban huấn từ cho Long vương.

Chúng Long vương thỉnh Đức Phật và Tăng chúng ngự về Long cung thuyết Pháp suốt đêm, rạng ngày thứ hai đã cúng dường thực phẩm thượng vị đến Đức Phật và Chư Tỳ khưu Tăng. Sau khi phúc chúc, Ngài rời khỏi Long cung, 500 con thuyền của chư thiên trong vũ trụ cũng đến sông Hằng để cúng dường trọng thể đến Ngài.

Khi Ngài ngự về, Đức vua thỉnh Ngài cúng dường, rồi thỉnh Ngài đến thành Rājagaha cúng dường liên tiếp năm ngày như đã nói ở trên. Ngày hôm sau, chư Tỳ khưu ngồi tại giảng đường bàn luận:

- Thật đáng tán dương oai đức của chư Phật. Thật hy hữu thay! Chư thiên và loài người đều tịnh tín Ngài. Các vị vua cho dọn con đường dài 8 do tuần, cả bên bờ nầy bên bờ kia sông Hằng, rải hoa đủ loại tới gối cúng dường Ngài, do oai lực Long vương sông Hằng đầy hoa ngũ sắc. Tất cả chư thiên che lọng cao đến cõi Sắc Cứu Cánh, toàn cõi Diêm Phù đều hân hoan tịnh tín.

Bậc Đạo Sư ngự đến phán hỏi rằng:

- Nầy chư Tỳ khưu! Bây giờ các ngươi ngồi hội nhau bàn luận về câu chuyện gì?

Chư Tỳ khưu bạch lại sự kiện đó, Ngài bèn phán rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Chẳng phải sự cúng dường đến Như Lai do Phật lực hay do oai lực chư thiên, phạm thiên. Mà sự cúng dường do phước báu của Như Lai trong quá khứ.

Chư Tỳ khưu thỉnh cầu Đức Thế Tôn thuyết giảng Bổn sanh, Ngài giảng tiền tích quá khứ như sau:

Trong thời quá khứ, tại thành Takkasilā có vị Bà la môn Saṅkha, ông có người con trai là Susima vừa tròn 16 tuổi. Một hôm thanh niên Susima xin phép cha:

- Cho con đến thành Bārāṇasī để học chú thuật.

- Nầy con! Nếu vậy, có vị Bà la môn ấy là bạn cũ của cha, con hãy đến đó mà thụ giáo.

Chàng vâng lời, đi đến thành Bārāṇasī, tìm đến Bà la môn ấy và thưa lại sự gởi gắm của cha. Bà la môn suy nghĩ: "Không biết thanh niên nầy có cố gắng học và có ưu tư về lứa tuổi dậy thì?".

Thanh niên Susima học nhiều, mau thuộc, khó quên, không bao lâu chàng đã thọ giáo tất cả học vấn của vị thầy truyền dạy, chàng thấy kinh điển của thầy chỉ có bấy nhiêu, chưa tìm ra được cứu cánh, chàng hỏi thầy rằng:

- Thưa thầy! Chẳng lẽ kinh điển của thầy chỉ có bấy nhiêu? Không còn gì nữa sao?

- Thật vậy, thầy cũng chỉ thấy có bấy nhiêu.

- Thưa thầy, nếu vậy có vị nào hiểu được chỗ cứu cánh chăng?

- Nầy thanh niên! Ở trong rừng Īsipatana, có các vị Đạo sĩ đã hiểu. Vậy con hãy đi đến bạch hỏi đi.

Chàng tìm đến chư Phật Độc Giác, bạch hỏi:

- Thưa các Ngài! Được nghe rằng các Ngài biết được chỗ cứu cánh phải chăng?

- Nầy thanh niên đúng vậy.

- Nếu vậy xin các Ngài chỉ giáo cho con.

- Chúng tôi không thể chỉ giáo cho người cư sĩ. Nếu chàng muốn biết tận tường thì hãy xuất gia đi.

Chàng Susima thuận ý xuất gia với các Ngài. Chư Phật Độc Giác đã dạy y thọ trì những học giới: *"Nên mặc như vầy, nên đạp như vầy..."* do nghiêm trì trong sạch và có duyên lành, không bao lâu, chứng quả Phật Độc Giác, danh thơm tỏa rạng khắp kinh thành Bārāṇasī như vầng nhật nguyệt và các vì sao sáng cả bầu trời, đạt được lợi lộc và địa vị tối thượng. Không bao lâu, Ngài Níp Bàn Vô Dư vì tuổi thọ quá ít. Chư Độc Giác Phật cùng thị dân an táng thi thể Ngài và xây tháp tôn thờ.

Phần Bà la môn Saṅgha suy nghĩ: *"Con ta đi lâu quá sao chưa về, không biết hiện giờ ra sao?"*. Rồi ông đến thành Bārāṇasī tìm con, thấy dân chúng tụ hội đông đảo mới hỏi rằng:

- Chàng Susima có đến kinh thành nầy chăng? Các người có biết chàng chăng?

- Nầy Bà la môn! Chúng tôi biết, thanh niên Susima thông suốt Tam Phệ Đà đã học với vị Bà la môn đó, rồi xuất gia chứng quả vị Độc Giác, đã viên tịch Níp Bàn rồi. Đây là tháp của Ngài mà chúng tôi kiến tạo thờ.

Bà la môn vừa nghe đến đó, than khóc, bi ai, rồi đi đến tháp nhỏ cỏ, hốt cát, rải sỏi chung quanh tháp, rưới nước cho sạch, treo cờ, lọng trên tháp, cúng dường hoa rừng.

Sau khi thuyết giảng tiền tích quá khứ, Bậc Đạo Sư phán:

- Nầy các Tỳ khưu! Bà la môn Saṅgha trong lúc đó, chính là Như Lai hiện tại, ta đã nhổ sạch cỏ ở chân tháp của Đức Phật Susima, do quả phước ấy nên hiện tại dân chúng dọn sạch con đường dài tám do tuần cho Như Lai ngự qua, do cúng dường hoa rừng ở tháp nên chúng dân rải đủ các loại hoa suốt đường dài 8 do tuần để cúng dường. Do rải nước cúng dường sân tháp, nên một do tuần sông Hằng đầy hoa sen ngũ sắc. Do treo cờ, lọng trên bảo tháp nên khắp cả vũ trụ treo cờ lọng thấu đến trời Sắc Cứu Cánh. Hân hoan vui mừng, nên do quả phước nầy mưa đổ xuống thành Vesālī. Nầy các Tỳ khưu! Sự cúng dường phát sanh cho Như Lai không phải do nhờ Phật Lực hay oai lực của chư thiên, phạm thiên, mà phát sanh do phước báu Như Lai đã tạo trong quá khứ.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Mattāsukhapariccāgā	*"Nhờ từ bỏ lạc nhỏ,*
Passe ce vipulaṃ sukhaṃ	*Thấy được lạc lớn hơn,*
Caje mattā sukhaṃ dhīro	*Bậc trí bỏ lạc nhỏ,*
Sampassaṃ vipulaṃ sukhaṃ".	*Thấy được lạc lớn hơn".*

290. Nếu từ bỏ lạc nhỏ mà có thể thành đạt hạnh phúc lớn, người thiện trí hãy từ bỏ hạnh phúc nhỏ để mưu cầu hạnh phúc lớn.

☸

CHÚ GIẢI:

***Mattāsukhapariccāgā*:** Là từ bỏ hạnh phúc nhỏ mà Đức Thế Tôn gọi là Mattāsukhaṃ, thành đạt hạnh phúc lớn là Níp Bàn, Ngài gọi là hạnh phúc tuyệt đối.

Ngài giảng giải: Hạnh phúc nhỏ như người được một mâm vật thực rồi tiêu mất, còn Níp Bàn hiện hữu với người từ bỏ hạnh phúc nhỏ, như hành Uposatha, bố thí... Vì vậy, người thành đạt hạnh phúc lớn do từ bỏ hạnh phúc nhỏ. Nếu thế, người thiện trí hãy từ bỏ hạnh phúc nhỏ để thành đạt hạnh phúc chân chánh.

Dứt thời Pháp, rất nhiều người chứng đạt Quả Dự Lưu.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Nhờ kinh Tam bảo tụng ba canh,
Cứu được nhân dân cả một thành.
Bệnh tật, phi nhân và đói kém,
Từ đây khỏi sợ chúng hoành hành.
Giọt nước cam lồ đuổi được ma,
Chính từ bát Phật rải tung ra,
Bệnh nhân nhờ đó liền nghe khỏe,
Kẻ đói thành no, hết xót xa...
Các vua đưa rước đức Như Lai
Lễ lộc tưng bừng ấy, bởi ai?
Phật bảo không vì nhân hiện tại,
Không do Phật lực với thần oai.
Ma do công đức kiếp ban sơ,
Nhổ cỏ, dâng hoa, dựng lọng cờ,
Trải cát trong vòng sân thánh tháp,
Quả to, nhân nhỏ, thật không ngờ!!!

DỨT TÍCH HẠNH NGHIỆP ĐỨC PHẬT



290. Nếu bỏ hạnh phúc nhỏ. Để được hạnh phúc lớn.
Bậc trí chẳng đắn đo. Bỏ ngay hạnh phúc nhỏ.

XXI.2- THIẾU NỮ ĂN TRỨNG GÀ

(Kukkuṭa-aṇḍakhādikāvatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 291)

"Paradukkhūpadānena	***"Gieo khổ đau cho người,***
Attano sukhaṃ icchati	***Mong cầu lạc cho mình,***
Verasaṃsaggasaṃseṭṭho	***Bị hận thù buộc ràng***
Verā so na parimuccati".	***Không sao thoát hận thù".***

Pháp Cú nầy được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Tịnh xá Jetavana, đề cập đến thiếu nữ ăn trứng gà.

Tương truyền rằng: Ở làng Paṇḍura gần thành Sāvatthī có một ngư dân. Trên đường đến thành Sāvatthī, ông nhặt được trứng rùa ở gần bờ sông Aciravatī, ông cho con gái một trứng ăn, còn mình ăn một trứng. Từ đó nàng con gái ấy chỉ thích ăn trứng rùa..

Một hôm mẹ nàng nhặt được trứng gà, cho nàng. Bấy giờ nàng chỉ thích ăn trứng gà do hợp với khẩu dục của mình. Cứ mỗi lần gà đẻ là nàng đến lấy trứng, gà mẹ bị nàng bức hiếp lấy trứng nên cột oan trái: "Nếu sau khi chết ta sanh làm Dạ xoa thì ta sẽ ăn thịt con nó".

Gà mẹ chết đi sanh làm con mèo ở trong nhà ấy. Cả thiếu nữ cũng mệnh chung và sanh làm con gà mái trong nhà đó. Gà mái đẻ ba lần đều bị mèo cái ăn hết. Gà mái nguyện: *"Nó ăn trứng của ta ba lần, lần nầy định ăn luôn ta, ta chết đi sẽ ăn thịt con nó".*

Gà mái chết sanh làm con cọp cái. Mèo chết sanh làm nai cái, khi nai đẻ con ra bao nhiêu đều bị cọp ăn hết. Hai con thú nầy oan trái lẫn nhau, sanh khổ suốt 500 kiếp. Cuối cùng một người sinh làm nữ dạ xoa, người kia sanh làm con gái Trưởng giả trong thành Sāvatthī. Phần nầy đã có ghi trong bài kệ: *"Na hi verena verāni - Hận thù được chấm dứt nhờ không hận thù".*

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn:

"Paradukkhūpadānena	*"Gieo khổ đau cho người,*
Attano sukhaṃ icchati	*Mong cầu lạc cho mình,*
Verasaṃsaggasaṃseṭṭho	*Bị hận thù buộc ràng*
Verā so na parimuccati".	*Không sao thoát hận thù".*

291. Người gây đau thương cho kẻ khác để mưu cầu hạnh phúc cho mình không thoát khỏi hận thù. Vì sẽ vương vấn vào guồng máy phức tạp của các hận thù.

☸

CHÚ GIẢI:

***Paradukkhūpadhānena*:** Gây đau khổ cho kẻ khác.

***Varasaṃsaggasaṃsaṭṭho*:** Là người ấy uất ức, oan trái làm hại lẫn nhau như lăng mạ, đánh đập...

***Vera so na parimuccati*:** Là đưa đến đau khổ triền miên vì sự hận thù.

Dứt thời Pháp, nữ Dạ xoa quy y Tam Bảo, thọ trì ngũ giới, tâm an lạc. Còn thiếu nữ cũng chứng Quả Dự Lưu. Pháp thoại mang lại lợi ích cho hội chúng.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Ăn lắm trứng gà lại làm gà,
Nhân nào quả nấy chẳng sai ngoa,
Giết sau, giết trước năm trăm kiếp,
Thù mới, thù xưa, một cửa nhà!
Tội khổ bắt đầu từ khẩu vị,
Trái oan kết cuộc đến Dạ xoa...
Phi nhân có giới cùng cô thánh,
Sơ quả, nay chung sống hiệp hòa.

DỨT TÍCH THIẾU NỮ ĂN TRỨNG GÀ

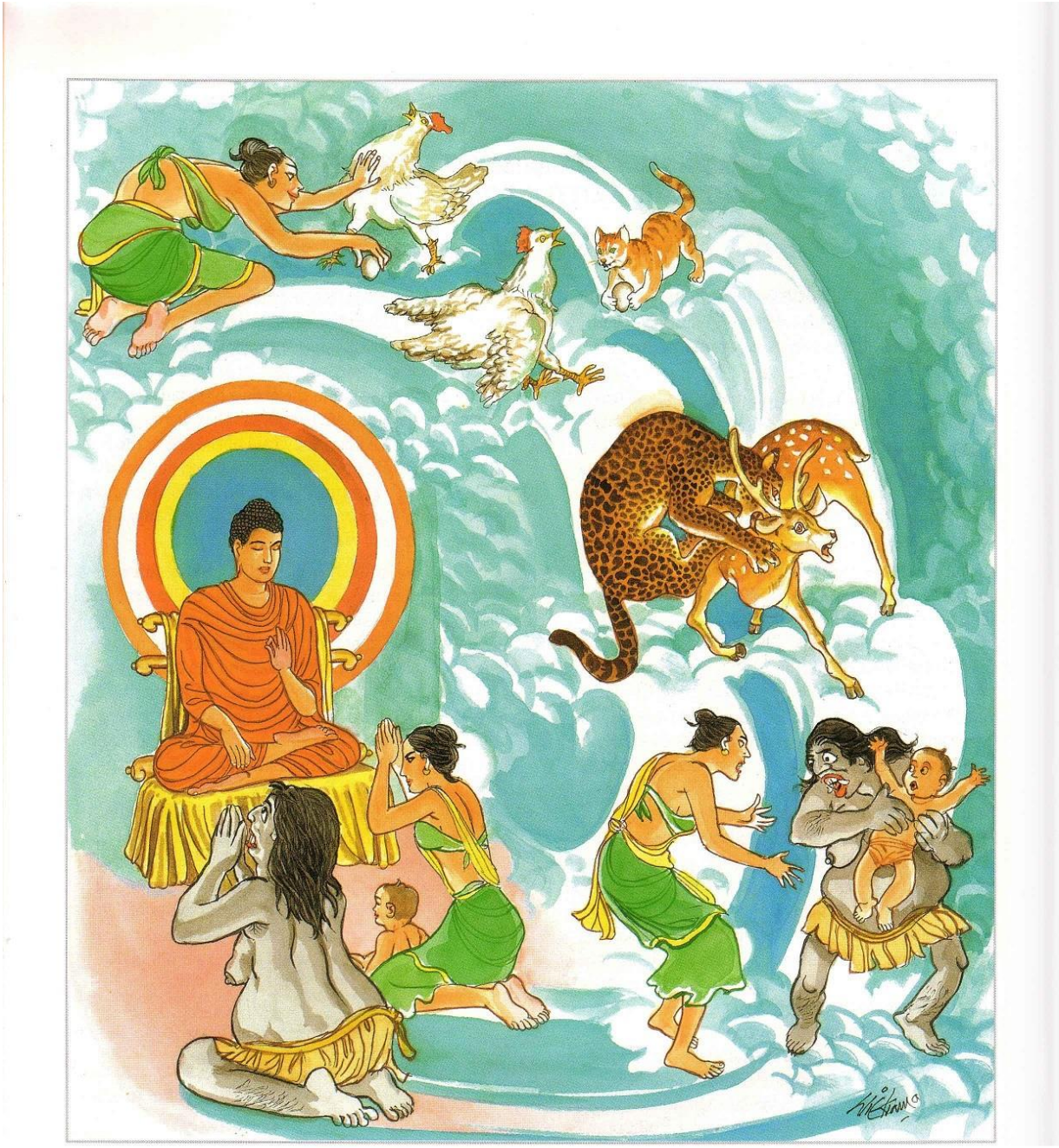

291. Mình mưu cầu hạnh phúc, lại gây khổ cho người.
Thế là chuốc hận thù, không sao trừ hết hận.

XXI.3- CHUYỆN TỲ KHƯU XỨ BHADDIYA

(Bhaddiyabhikkhuvatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 292-293)

292. "Yaṃ hi kiccaṃ tadapaviddhaṃ	***"Việc đáng làm, không làm,***
Akiccaṃ pana kayirati	***Không đáng làm lại làm,***
Unnaḷānaṃ pamattānaṃ	***Người ngạo mạn phóng dật***
Tesaṃ vaḍḍhanti āsavā".	***Lậu hoặc ắt tăng trưởng".***
293. "Yesañ ca susamāraddhā	***"Người siêng năng cần mẫn,***
Niccaṃ kāyagatā sati	***Thường thường quán thân niệm,***
Akiccaṃ te na sevanti	***Không làm việc không đáng,***
Kicce sātaccakārino	***Gắng làm việc đáng làm,***
Satānaṃ sampajānānaṃ	***Người tư niệm giác tỉnh,***
Atthaṃ gacchanti āsavā".	***Lậu hoặc được tiêu trừ".***

☸

Pháp Cú nầy được Đức Đạo Sư thuyết lên khi Ngài ngự tại Jātiyavana trong thành Bhaddiya, đề cập đến vị Tỳ khưu xứ Bhaddiya.

Nghe rằng: Nhóm Tỳ khưu xứ Bhaddiya chỉ lo trang trí đôi dép. Đúng thật như lời Trưởng Lão Upāli nói:

- Cũng chính thời đó nhóm Tỳ khưu Bhaddiya chỉ lo làm các loại dép bằng cỏ ống, bằng lông thỏ, bằng cây, bằng vải Kambala, tự làm hoặc bảo người khác làm, lãng quên bổn phận (thọ trì Pháp Luật), sự vấn hỏi, Tăng thượng Giới (Adhisīla), Tăng thượng Tâm (Adhicitta), Tăng thượng Tuệ (Adipaññā), tu tập chỉ quán. Chư Tỳ khưu thấy sự kiện đó mới bạch với Bậc Đạo Sư.

Bậc Đạo Sư khiển trách nhóm Tỳ khưu ấy:

- Nầy các Tỳ khưu! Các ngươi xuất gia với bổn phận nào, mà làm những việc không nên lại làm.

Rồi Ngài thuyết kệ ngôn:

292. Không làm những gì phải làm. Những gì không nên làm lại làm. Các lậu hoặc của người ngã mạn và không có tâm niệm ấy sẽ tăng trưởng.

293. Những ai hằng chuyên cần thực hành pháp NIỆM THÂN, không theo những gì không nên làm và chuyên cần làm những việc phải làm. Lậu hoặc của người suy tư và có tâm niệm ấy sẽ chấm dứt.

CHÚ GIẢI:

***Yaṃ hi kiccaṃ*:** Là phận sự… thu thúc giới luật, trú nơi thanh vắng (rừng), hành đầu đà, hoan hỷ trong thiền định, đó là phận sự nên làm của Tỳ khưu từ khi xuất gia. Nhưng nhóm Tỳ khưu nầy bỏ quên bổn phận của mình.

***Akiccaṃ…*:** Làm dù, dép, đế bát, vải lọc nước, dây lưng, hồng sắc. Đó là việc không nên làm của vị Tỳ khưu. Nghĩa là vị Tỳ khưu nào làm những việc đó, cả bốn lậu hoặc tăng trưởng cho vị Tỳ khưu ấy, ngã mạn ngày càng nhiều như cây sậy dựng đứng, đó gọi là bất khinh xuất, thất niệm.

***Susamāraddhā*:** Là khéo phòng hộ.

***Kāyagatāsati*:** Là pháp Niệm Thân.

***Akiccaṃ*:** Là nhóm Tỳ khưu đó không dính mắc những gì không nên làm như dù…

***Kicce*:** Là nên nhiệt tâm với những phận sự là nghiêm trì Giới Luật… từ khi xuất gia.

***Sātaccakārino*:** Hằng tinh tấn thực hành liên tiếp, luôn có Tứ tỉnh giác.

1- Satthakasampajañña: Lợi lương tri.

2- Sappāyasampajañña: Thuận lương tri.

3- Gocarasampajaññā: Hành xứ lương tri.

4- Asammohasampajañña: Vô hồn lương tri.

Thì Tứ Lậu của vị Tỳ khưu nầy sẽ được chấm dứt.

Dứt thời Pháp thoại, nhóm Tỳ khưu đó chứng quả A La Hán. Pháp thoại mang lại kết quả lợi ích cho hội chúng vậy.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Tỳ khưu quý tộc thích làm sang,
Ngày tối chăm lo việc điểm trang,
Dép tốt, dèm thêu, y bát đẹp,
Tay chân óng chuốt tợ ông hoàng!
Chư Tăng tri túc thấy than phiền,
Phật quở: Thầy tu thiếu giới thiền,
Giải thoát không lo, lo trói buộc,
Quên mình quên mục đích đầu tiên.

DỨT TÍCH NHÓM TỲ KHƯU XỨ BHADDIYA

☸

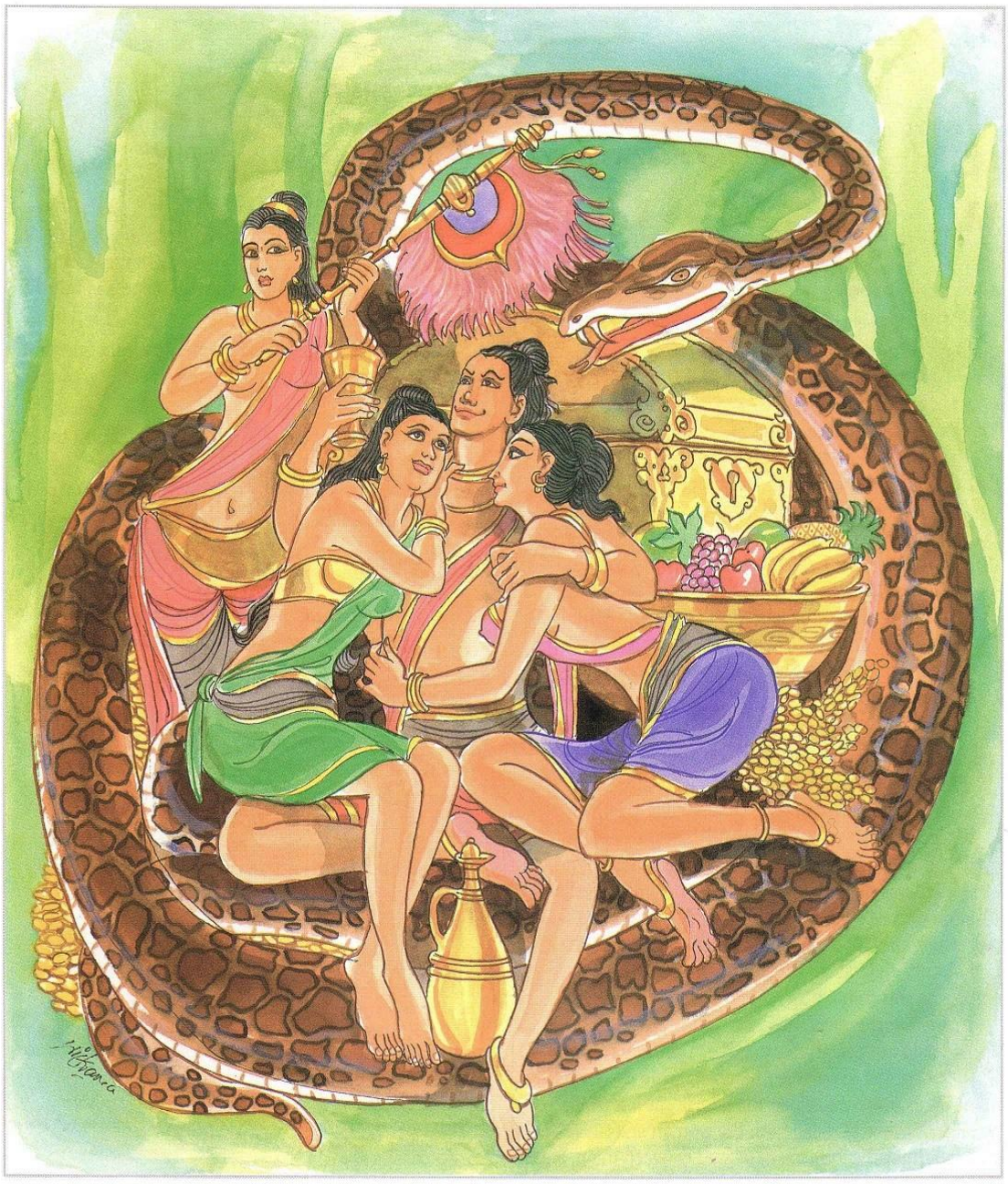

292. Việc đáng làm không làm. Việc không đáng lại làm. Kẻ phóng dật ngạo mạn. Lậu hoặc dần dần lan.

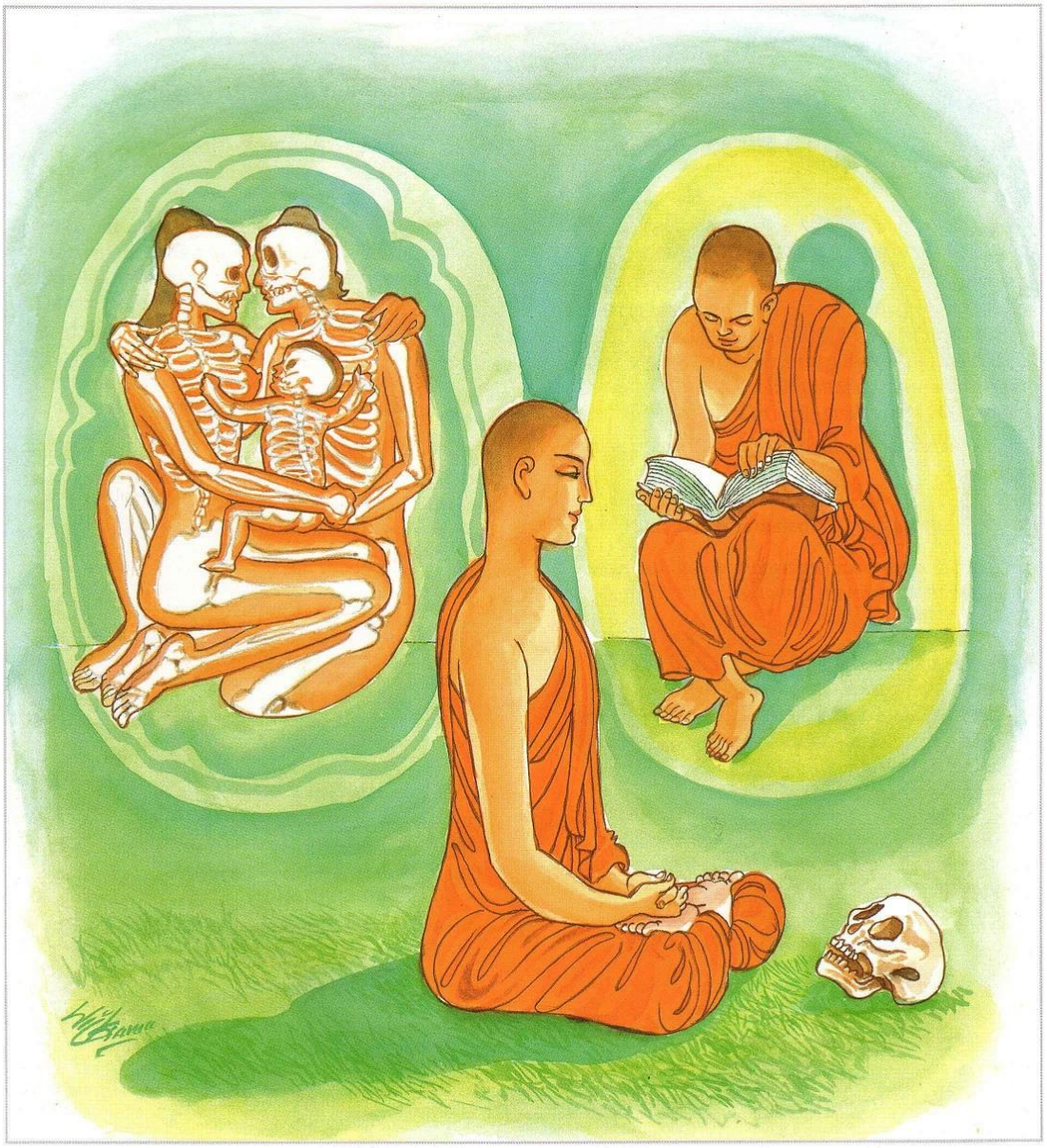

293. Người tinh chuyên cần mẫn. Tu tập pháp niệm thân. Không làm việc không đáng. Thực hành pháp chánh cần. Tâm thường niệm tỉnh giác. Lậu hoặc tiêu tan dần.

XXI.4- TRƯỞNG LÃO LAKUṆṬAKA BHADDIYA

(Lakuṇṭakabhaḍiyattheravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 294-295)

294. "Mātaraṃ pitaraṃ hantvā	***"Sau khi giết mẹ cha***
Rājāno dve ca khattiye	***Giết hai vua Sát lỵ***
Ratthaṃ sānucaraṃ hantvā	***Giết vương quốc, quần thần***
Anīgho yāti brahmaṇo".	***Vô ưu, Phạm chí sống".***
295. "Mātaraṃ pitaraṃ hantvā	***"Sau khi giết mẹ cha***
Rājāno dve ca sotthiye	***Hai vua Bà la môn***
Veyyagghapañcamaṃ hantvā	***Giết hổ tướng thứ năm***
Anīgho yati brāhmaṇo".	***Vô ưu, Phạm chí sống".***

Bậc Đạo Sư trú tại Jetavana, đề cập đến Trưởng Lão Lakuṇṭaka, thuyết Pháp thoại nầy.

Tương truyền rằng: Một hôm có các vị Tăng khách từ phương xa về yết kiến Đức Thế Tôn, đảnh lễ rồi ngồi xuống một nơi phải lẽ. Khi ấy Đại đức Lakuṇṭaka đi gần đó.

Bậc đạo Sư hiểu ý nghĩ của nhóm Tỳ khưu ấy, Ngài bèn phán rằng:

- Nầy chư Tỳ khưu! Các ngươi thấy chăng? Vị Tỳ khưu nầy giết cha, giết mẹ ra đi không sầu muộn.

Chư Tỳ khưu nhìn nhau nghi vấn: "Do nhân gì mà Bậc Đạo Sư phán như vậy?".

- Bạch Thế Tôn! Do nhân gì mà Đức Thế Tôn phán như thế?

Đức Thế Tôn liền thuyết lên kệ ngôn rằng:

294. Đã giết mẹ (ái dục), cha (ngã mạn) và hai vua hiếu chiến (thường kiến và đoạn kiến) và đã tiêu diệt một quốc gia (lục căn và lục trần) cùng với vị đại thần phụ trách quốc khố (ái luyến). Vị A La Hán ra đi không sầu muộn.

295. Đã giết mẹ, cha và hai ông vua của giai cấp Bà la môn và tiêu diệt con đường nguy hiểm (chướng ngại), vị A La Hán ra đi không sầu muộn.

☸

CHÚ GIẢI:

***Sānucaraṃ*:** Là cùng với vị quan đại thần phụ trách quốc khố, người thu thuế.

Bài kệ nầy bậc trí nên hiểu rằng: Mẹ tiêu biểu tâm ái dục, đưa tái tạo trong ba cõi. Pāli gọi là *"Ái dục là nhân sanh tái dục"*.

***Assamimāna*:** (Tự ngã – là của ta): Cha tiêu biểu tánh ngã mạn, chấp cái ta như: *"Ta là con của vị vua đó, con của vị đại thần kia và của vị vua nọ"*.

***Diṭṭhi*:** Cả hai đoạn kiến và thường kiến, như quyền lực của vị vua. Vì vậy, ở đây hai vị vua tiêu biểu: Thường kiến – Sassatadiṭṭhi và Đoạn kiến – Ucchedadiṭṭhi.

12 xứ Kāyatana: 6 nội xứ như mắt…, 6 ngoại xứ như sắc… gọi là vương quốc, là luyến ái bám níu vào đời sống như vị đại thần phụ trách quốc khố trông nom kho tàng quốc gia.

***Anīgho*:** Là không sầu muộn.

Brāhmaṇo: Là đã chấm dứt mọi Lậu hoặc như ái dục… tự mình cầm gươm chặt đứt, tức A La Hán mới ra đi không sầu muộn.

Dứt Pháp thoại, nhóm Tỳ khưu ấy chứng quả A La Hán.

***Dve ca sotthiye*:** Là cả hai ông vua.

Bài kệ thứ hai Đức Phật thuyết về cả hai vị vua giai cấp và Bà la môn tiêu biểu cho thường kiến và đoạn kiến, vì Ngài là Bậc tối thượng Pháp Vương, nên Ngài có thiện xảo trí thuyết.

Bậc trí nên hiểu câu Veyyagghapañcamaṃ: Con đường nguy hiểm là chỗ có nhiều cọp thường lui tới, sự đi lại rất khó khăn, pháp triền cái chỉ về con đường nguy hiểm, trong ấy hoài nghi hay tâm bất quyết là chướng ngại thứ năm trong năm chướng ngại, hoài nghi là một chướng ngại được ví như con đường thế ấy.

Bài kệ thứ hai giải: *"Những người tiêu diệt 5 chướng ngại bằng gươm A La Hán, do đó ra đi không sầu muộn"*.

Những câu sau như trên.

Dịch Giả Cẩn Đề

Đại đức Bé Hiền giết mẹ cha,
Chém luôn hai chúa, chẳng dung tha,
Quần thần vương quốc đều tru diệt,
Rồi sống ung dung cạnh Phật đà,
Tăng khách ngại ngùng nghĩ chẳng ra,
Ái tham là mẹ, mạn là cha,
Hai vua: đoạn kiến hay thường kiến,
Lục tặc: Tôi loàn, chớ khá tha!
Gươm báu vung lên, ánh sáng lòa,
Vô sanh đạo tuệ sát quần ma,
Chém tên hổ tướng hoài nghi trước,
Bát chánh thông thường, bé lại qua…

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO LAKUṆṬAKABHADDIYA



294. Giết cả mẹ lẫn cha[1]. Hạ hai vua Đế lỵ[2].
Diệt quê hương quốc sĩ[3]. Phạm thiên[4] đạt vô ưu.

---

(1). Ái dục và kiêu mạn. (2) Thường kiến và đoạn kiến.
(3) Lục căn và lục trần. (4) A la hán.

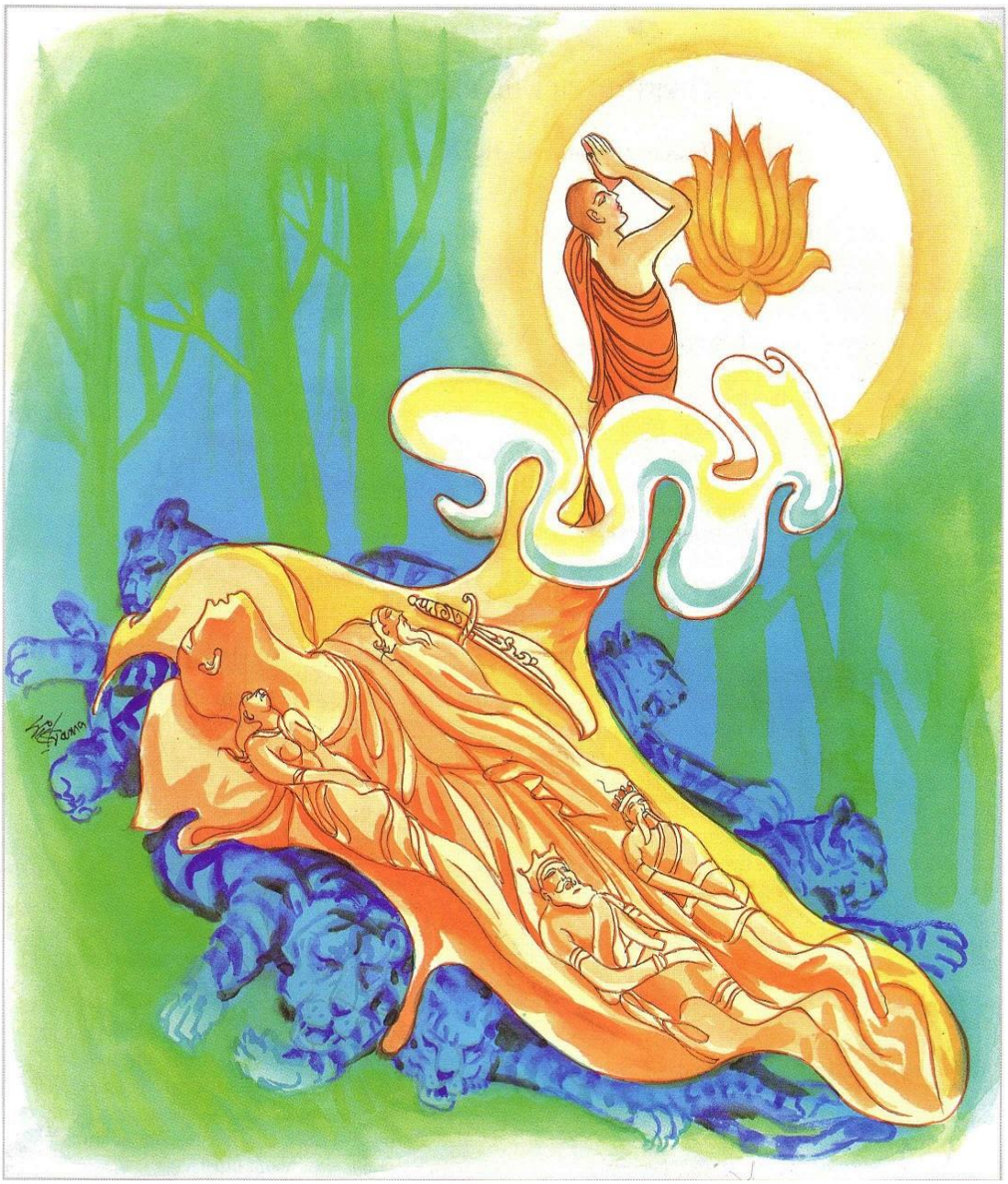

295. Giết cả mẹ lẫn cha. Hạ hai vua Phạm chí. Diệt luân tướng tài trí[1]. Phạm thiên đạt vô ưu.

---

(1) Nghi.

XXI.5- CON TRAI ÔNG DĀRUSĀKAṬIKA

(Dārusākaṭikaputtavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 296-297-298-299-300-301)

296. "Suppabuddhaṃ pabujjhanti	***"Đệ tử Gotama,***
Sadā Gotamasāvakā	***Luôn luôn tự tỉnh giác***
Yesaṃ divā ca ratto ca	***Vô luận ngày hay đêm,***
Niccaṃ budhagatāsati".	***Thường tưởng niệm Phật Đà".***
297. "Suppabuddhaṃ pabujjhanti	***"Đệ tử Gotama,***
Sadā Gotamasāvakā	***Luôn luôn tự tỉnh giác***
Yesaṃ divā ca ratto ca	***Vô luận ngày hay đêm,***
Niccaṃ dhammagatāsati".	***Thường tưởng niệm Chánh Pháp".***
298. "Suppabuddhaṃ pabujjhanti	***"Đệ tử Gotama,***
Sadā Gotamasāvakā	***Luôn luôn tự tỉnh giác***
Yesaṃ divā ca ratto ca	***Vô luận ngày hay đêm,***
Niccaṃ saṅghagatāsati".	***Thường tưởng niệm Tăng Già".***
299. "Suppabuddhaṃ pabujjhanti	***"Đệ tử Gotama,***
Sadā Gotamasāvakā	***Luôn luôn tự tỉnh giác,***
Yesaṃ divā ca ratto ca	***Vô luận ngày hay đêm,***
Niccaṃ kāyagatāsati".	***Thường tưởng niệm sắc thân".***
300. "Suppabuddhaṃ pabujjhanti	***"Đệ tử Gotama,***
Sadā Gotamasāvakā	***Luôn luôn tự tỉnh giác***
Yesaṃ divā ca ratto ca	***Vô luận ngày hay đêm,***
Ahiṃsāya rato mano".	***Ý vui niềm bất hại".***
301. "Suppabuddhaṃ pabujjhanti	***"Đệ tử Gotama,***
Sadā Gotamasāvakā	***Luôn luôn tự tỉnh giác***
Yesaṃ divā ca ratto ca	***Vô luận ngày hay đêm,***
Bhāvanāya rato mano".	***Ý vui tu thiền quán".***

Khi Bậc Đạo Sư trú tại Veḷuvana, Ngài đề cập đến con trai ông Dārusākaṭike, thuyết lên kệ ngôn nầy.

Tương truyền rằng: Có hai đứa trẻ cùng nhau trú ngụ chung một kinh thành, một đứa là con nhà chánh kiến, đứa kia thì con nhà tà kiến. Đứa có chánh kiến trước khi chơi môn nào, thường tưởng niệm ân đức Phật: *"Namo buddhassa"*. Còn đứa kia niệm tưởng tà giáo: *"Namo arahantānaṃ"*. Và trẻ chánh kiến thường thắng bạn trong những môn chơi. Trẻ tà kiến thấy bạn mình hằng niệm như thế mà thắng nó, nên nó cũng lần lần niệm tưởng theo cách của bạn mình.

Một hôm, hai cha con vào rừng kiếm củi, trên đường trở về kinh thành, dừng chân tạm nghĩ gần mộ địa để ăn tối, và cho bò nghỉ ngơi uống nước. Chẳng may bò của ông lại nhập đàn với bầy bò khác, đi vào thành. Ông rượt theo bắt được nhưng khi

ấy đã xế chiều, cửa thành đã đóng không về được. Khi ấy chỉ còn có con trai ông đang ngủ dưới xe.

Thành Rājagaha rất nhiều phi nhơn. Hai phi nhơn thấy đứa bé đang ngủ gần đó, một phi nhơn tà kiến đối nghịch với Đức Phật, còn phi nhơn kia là hạng chánh kiến luôn có lòng tin Tam Bảo.

Phi nhơn tà kiến bảo bạn rằng:

- Ta sẽ ăn thịt đứa bé.

Nhưng phi nhơn chánh kiến cản lại, không đồng ý với sát niệm ấy. Dù bị ngăn cản, nhưng phi nhơn nầy vẫn hành động, lôi chân đứa bé.

Lúc đó, đứa bé giật mình niệm: *"Namo budhassa"* vì trong đời sống bình nhật quen niệm rồi, phi nhơn ấy khiếp sợ biến mất.

Khi phi nhơn chánh kiến nói với phi nhơn tà kiến:

- Chúng ta không nên hành động như vậy. Vậy hãy vào thành vua, đem vật thực về cho đứa bé nầy mong chuộc lỗi.

Hai phi nhơn như cha mẹ đứa bé, lúc thức dậy đứa bé thấy thực phẩm đầy mâm mà phi nhơn mang về. Rồi với nguyện lực của mình, hai phi nhơn nguyện rằng: *"Chỉ có Đức vua mới nhìn thấy chúng ta thôi"*. Sáng hôm sau, quân lính báo động: *"Bọn cướp đã vào hoàng cung đánh cắp mâm vàng"*. Các cổng thành đóng kín, chúng lùng sục khắp nơi, thấy mâm vàng ở trong xe củi, chúng cho rằng: *"Đứa bé nầy đánh cắp mâm vàng"*. Nên bắt đem về trình với Đức vua. Đức vua nhìn thấy phán hỏi rằng:

- Nầy em bé, chuyện nầy là thế nào?

- Tâu Hoàng thượng! Con không rõ, cha mẹ của con đem cho con hồi hôm và bảo vệ cho con, cho nên yên tâm ngủ, con chỉ biết có bấy nhiêu.

Khi cho đòi cha mẹ của đứa bé đến, rồi thì hai phi nhơn hiện rõ cho Đức vua biết sự kiện nầy. Cả ba người là cha mẹ đứa bé cùng đến Tịnh xá yết kiến Đức Bổn Sư, bạch trình tự sự và hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chỉ có niệm tưởng ân Đức Phật, ân Đức Pháp, ân Đức Tăng… mà được bảo vệ sao?

- Nầy Đại vương! Chẳng phải chỉ có niệm Phật, người nào tâm khéo tu tập sáu đặc điểm, người ấy không bị bùa chú hay tật bệnh.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn:

296. Chư đệ tử của Đấng Cồ Đàm, ngày đêm luôn giác tỉnh, hằng suy niệm về Phật.

297. Chư đệ tử của Đấng Cồ Đàm, ngày đêm luôn giác tỉnh, hằng suy niệm về Giáo Pháp.

298. Chư đệ tử của Đấng Cồ Đàm, ngày đêm luôn giác tỉnh, hằng suy niệm về Tăng già.

299. Chư đệ tử của Đấng Cồ Đàm, ngày đêm luôn giác tỉnh, hằng suy niệm về Thân.

300. Chư đệ tử của Đấng Cồ Đàm, ngày đêm luôn giác tỉnh, hằng suy niệm về đức Vô hại.

301. Chư đệ tử của Đấng Cồ Đàm, ngày đêm luôn giác tỉnh, hằng suy niệm, thỏa thích trong Thiền định.

☸

CHÚ GIẢI:

Câu: ***"Suppabuddhaṃ pabujjhanti"*:** là ngày đêm giác tỉnh, hằng suy niệm về Phật, lúc ngủ hay lúc thức cũng vậy .

Câu: ***"Sāda Gotamasāvakā"*:** là đệ tử của Đấng Cồ Đàm là người tín thọ lời dạy của Đức Thế Tôn.

Hai câu: ***"Buddhagatāsati"*:** là tâm luôn luôn niệm các Hồng Ân của Đức Phật như: *"Itipi so Bhagavā…"* ngày đêm không xao lãng. Một ngày người ấy không niệm đủ cả ba lần, hay hai lần, dù chỉ niệm một lần cũng gọi là thức tỉnh.

Hai câu: ***"Dhammāgatāsati"*:** là tâm luôn luôn niệm ân đức Pháp như: *"Svākhāto bhagavatā dhammo…"*

Hai câu: ***"Saṅghagatāsati"*:** là tâm luôn niệm tưởng ân đức Tăng như *"Suppati panno bhagavato sāvakasaṅgho…"*

Hai câu: ***"Kāyagatāsati"*:** là luôn niệm thân, suy niệm 32 thể trược, tử thi, tứ đại, thể xác như màu xanh…

Hai câu: ***"Ahiṃsāya rato":*** là thỏa thích trong Thiền định và Đức Thế Tôn đã truyền dạy: *"Vị Tỳ khưu an trú từ tâm rải nhất hướng".*

Hai câu: ***"Bhāvanāya"*:** an trú tâm từ. Lời của Đức Thế Tôn chỉ về Bhāvanāya trong phần đầu. Nhưng ở đây Ngài ám chỉ tu tập tâm từ. Những câu sau như trên.

Dứt thời Pháp thoại ấy, đứa bé cùng cha mẹ chứng Quả Dự Lưu. Sau đó đều xuất gia chứng quả A La Hán, Pháp thoại kết quả lợi ích cho hội chúng.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Sáu đề niệm thắng bùa linh,
Tinh tấn hành thâm bảo hộ mình,
Mộ địa rừng đêm, con trẻ sợ,
Âm vang hiệu Phật, Dạ xoa kinh,
Đức vua mất đĩa, truy ra lý,
Cha mẹ tìm con, thấu rõ tình,
Sum họp một nhà, nghe chánh pháp,
Xuất gia hạnh đắt quả vô sinh.

DỨT TÍCH CON TRAI ÔNG DĀRUSĀKAṬIKA

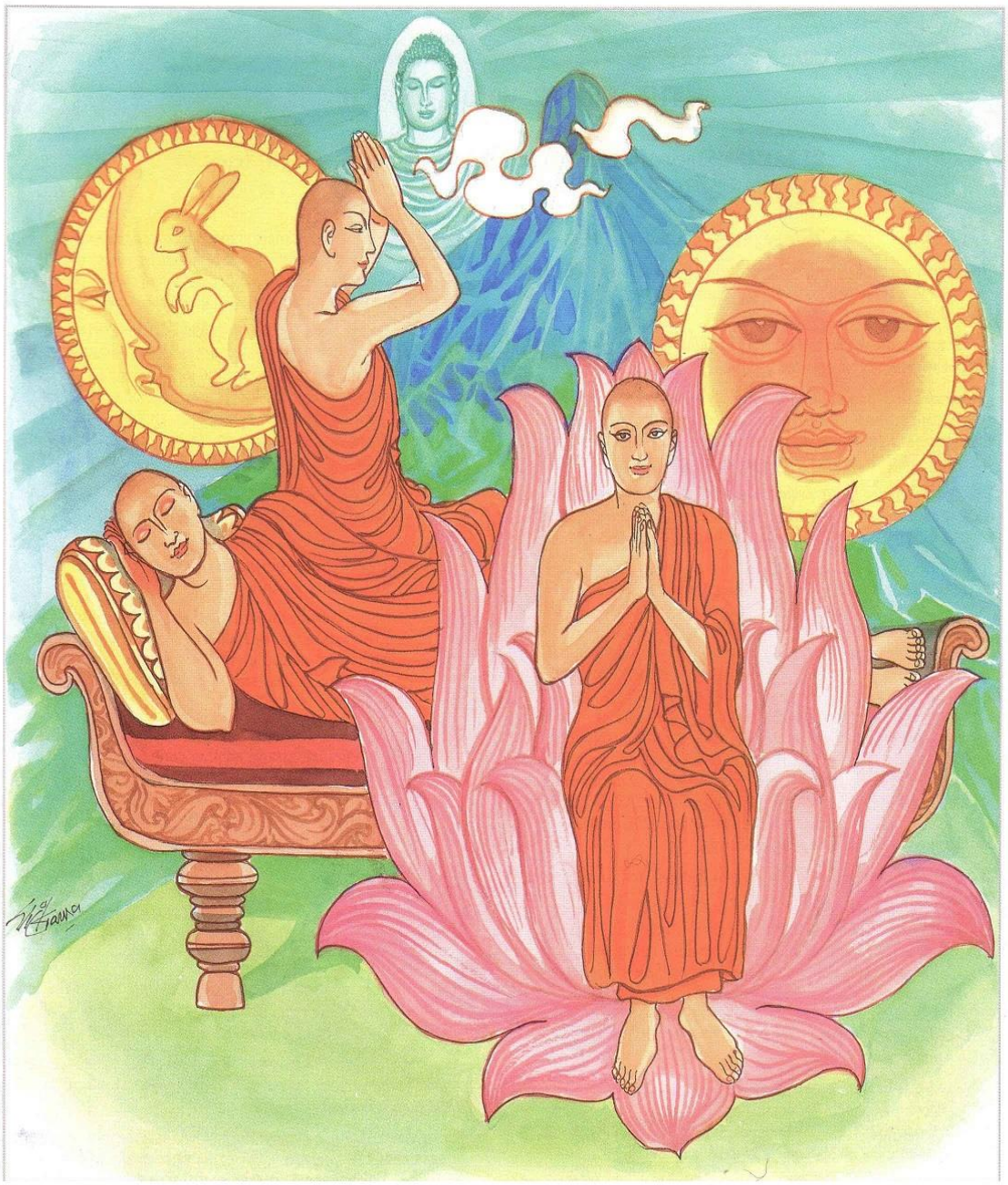

296. Tự thân luôn tỉnh giác. Đệ tử Go-ta-ma, Bất luận ngày hay đêm. Chuyên tâm niệm Phật-đà.

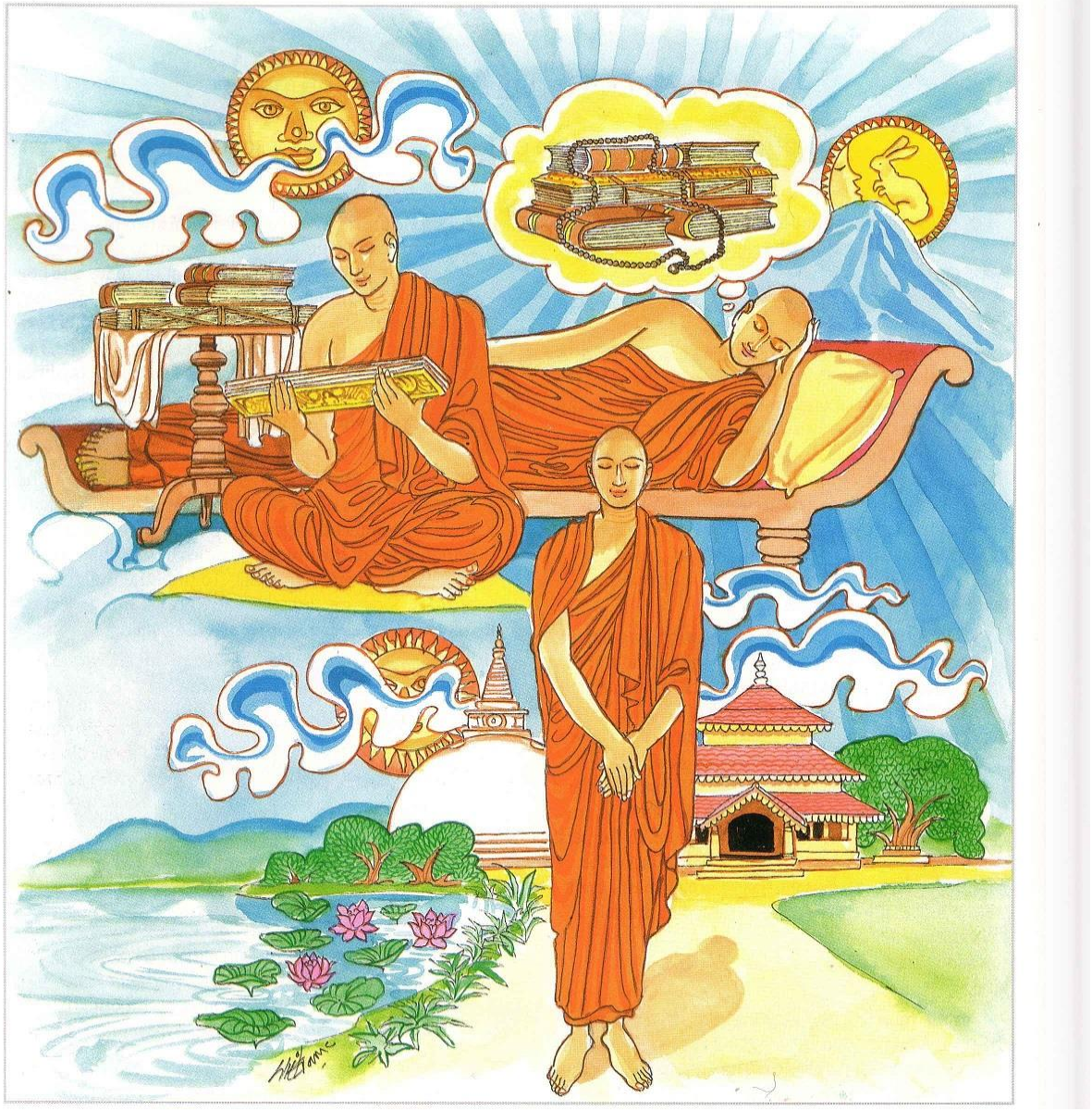

297. Tự thân luôn tỉnh giác. Đệ tử Go-ta-ma. Bất luận ngày hay đêm. Chuyên tâm niệm Dhamma: Pháp.

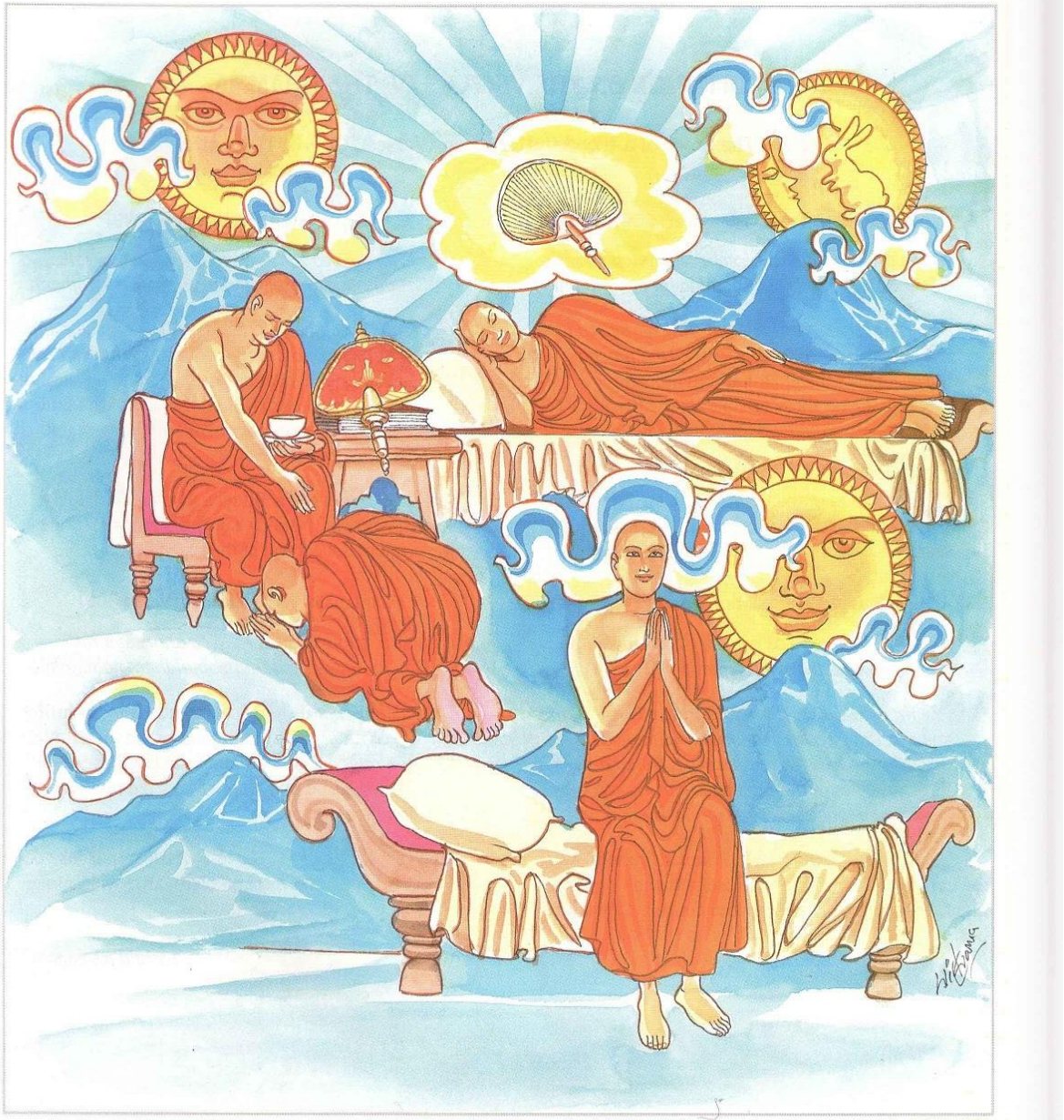

298. Tự thân luôn tỉnh giác. Đệ tử Go-ta-ma. Bất luận ngày hay đêm. Chuyên tâm niệm Tăng-già.

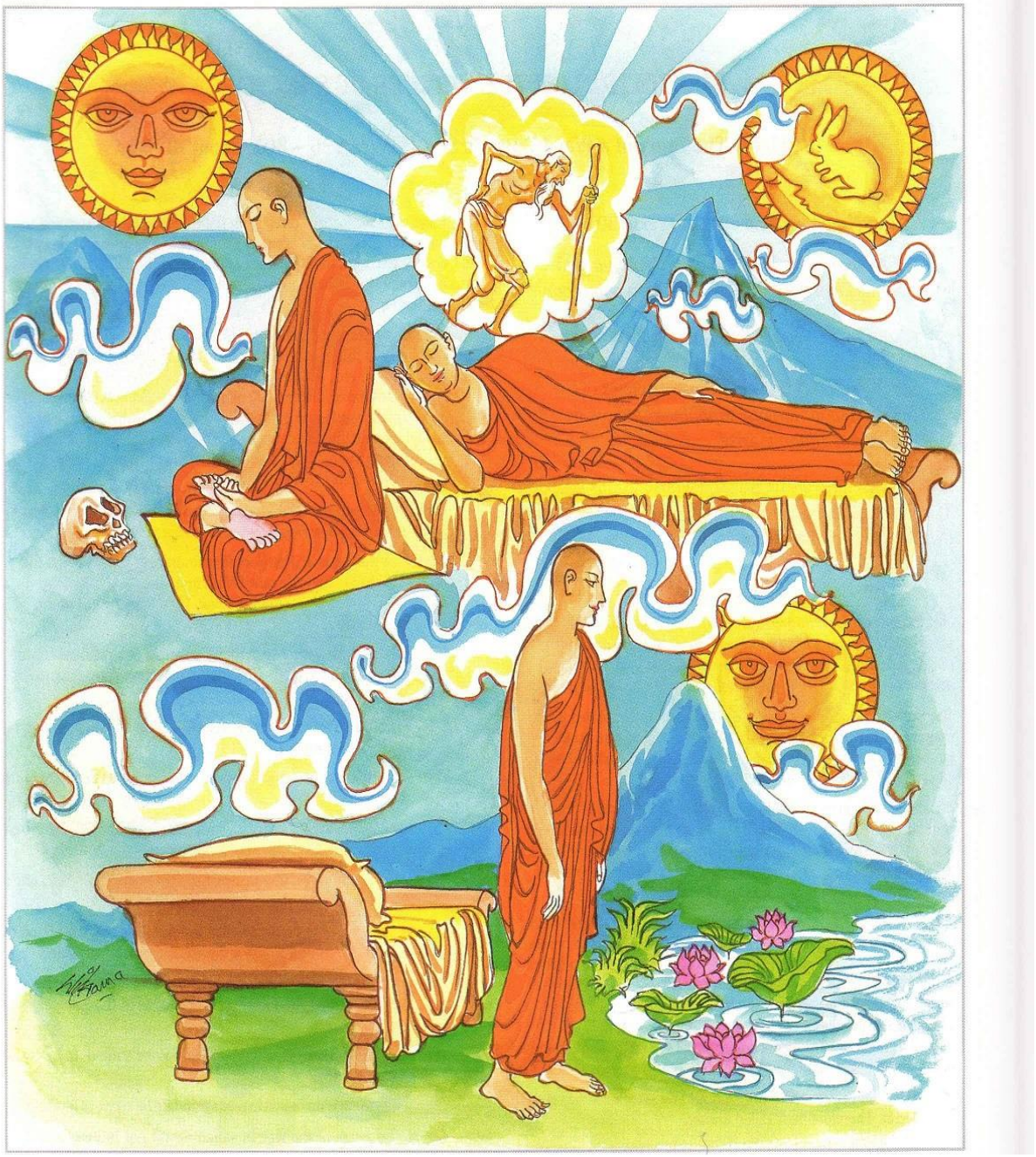

299. Tự thân luôn tỉnh giác. Đệ tử Go-ta-ma. Bất luận ngày hay đêm. Chuyên niệm thân xác ta.

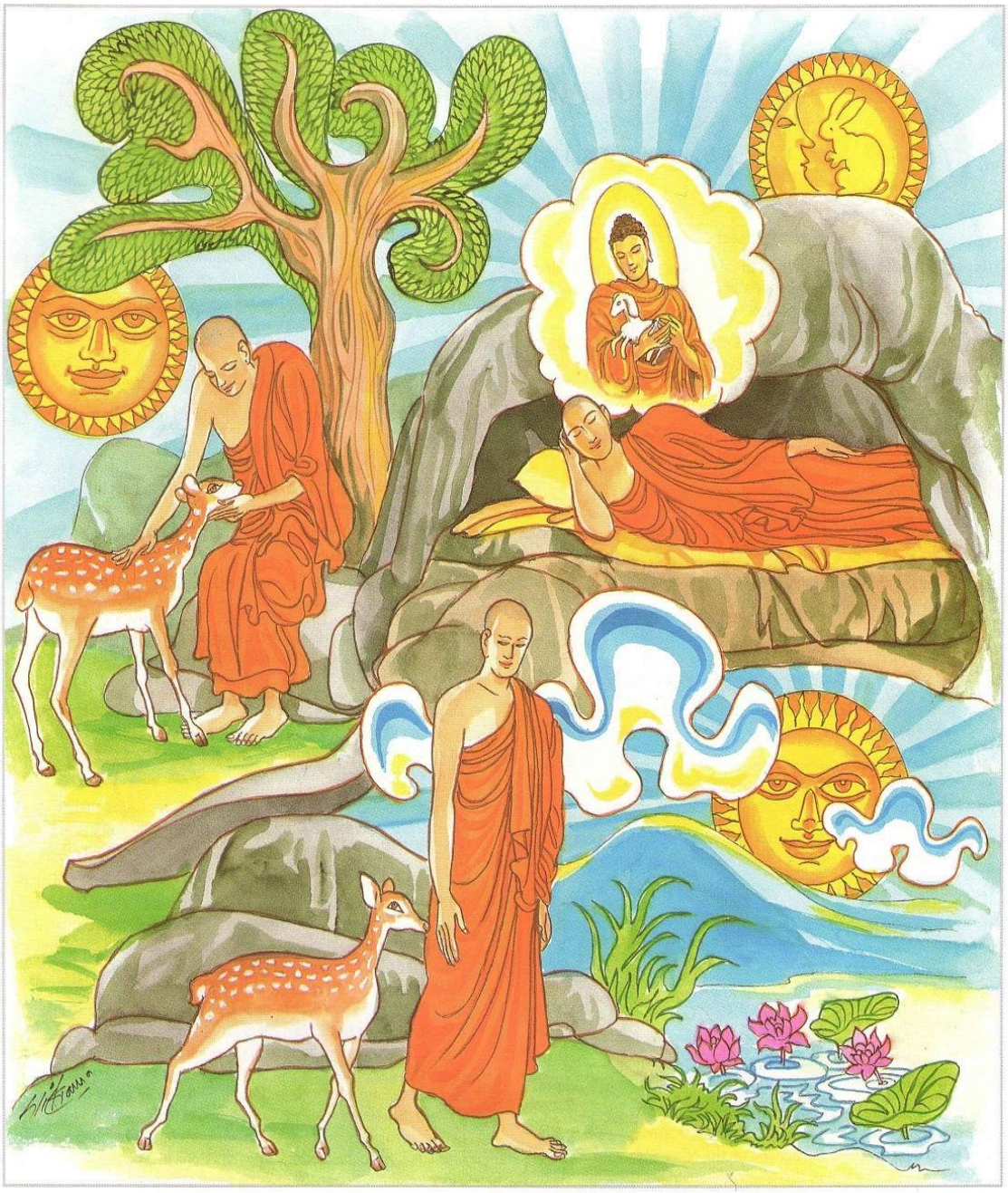

300. Tự thân luôn tỉnh giác. Đệ tử Gô-ta-ma. Bất luận ngày hay đêm. Tâm vô hại hiền hòa.

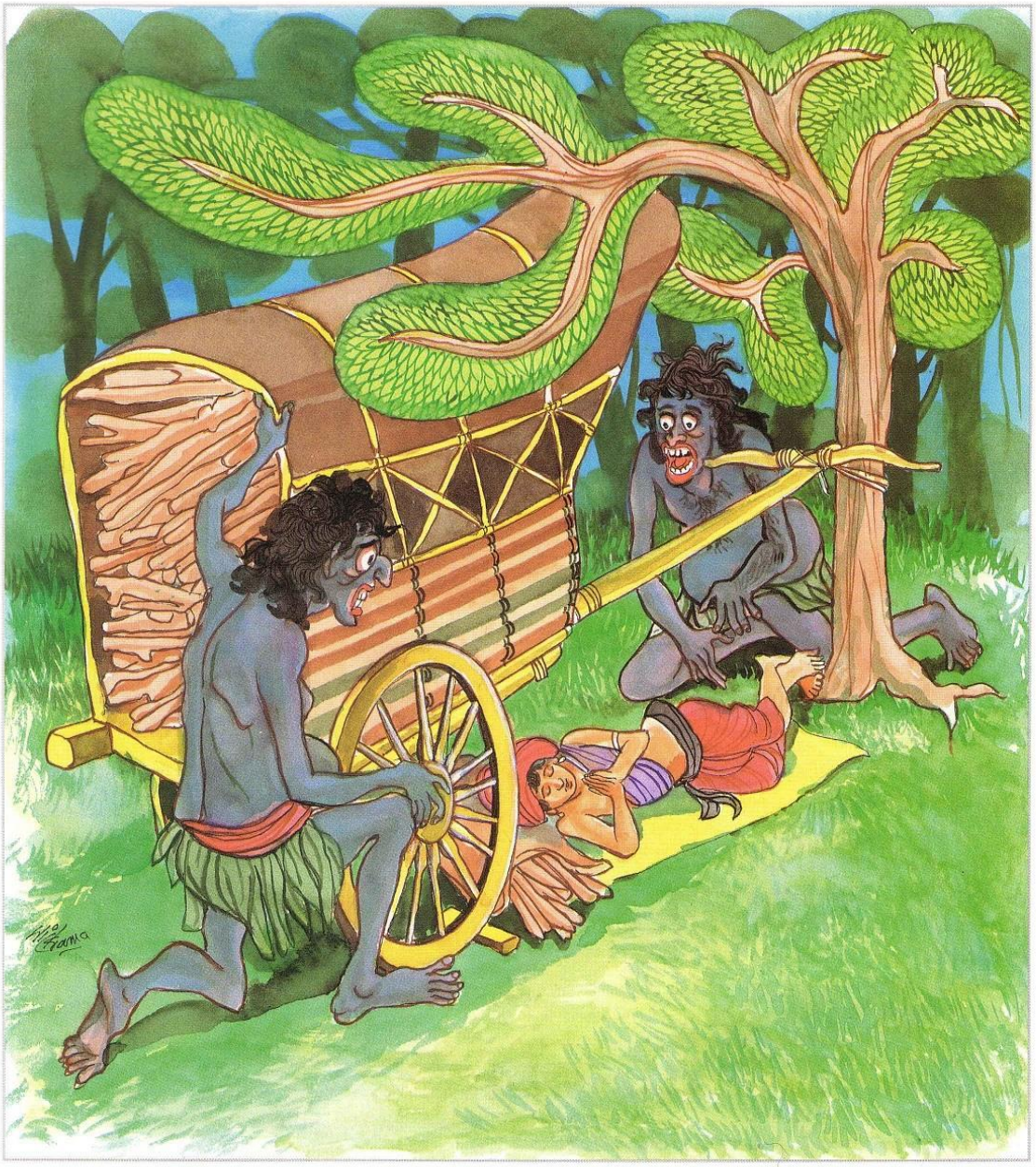

301. Tự thân luôn tỉnh giác. Đệ tử Gô-ta-ma. Bất luận ngày hay đêm. Vui trong cảnh thiền-na.

XXI.6- TỲ KHƯU VAJĪPUTTA

(Vajjiputtakabhikkhuvatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 302)

"Dubbajjaṃ durabhiramaṃ	***"Vui hạnh xuất gia khó,***
Durāvāsā gharā dukhā	***Tại gia sinh hoạt khó,***
Dukkho samānasaṃvaso	***Sống bạn không đồng, khổ.***
Dukkhānupatitaddagū	***Vậy chớ sống luân hồi,***
Tasmā na c'addhagū siyā	***Chớ chạy theo đau khổ".***
Na ca dukkhānupatito siyā".	

Khi bậc Đạo Sư ngự tại Vesalī trong Đại Lâm, đề cập đến vị Tỳ khưu là con vua Vajjī, thuyết lên kệ ngôn nầy.

Các vị Luận Giải Sư giảng ý nghĩa: Vị Tỳ khưu con vua Vajjī nầy sống một mình độc cư trong rừng, gần thành Vesālī. Vị ấy nghe văng vẳng tiếng đàn hát từ thành vọng đến, lấy làm bất mãn mới thốt lên bài kệ:

"Ta sống độc cư trong rừng sâu
Như khúc gỗ người vất hố sâu
Đêm về tiếng hát vọng từ đâu?
Có ai sánh cùng ta đâu".

Được nghe rằng: Vị Tỳ khưu ấy là Hoàng tử xứ Vajjī, đã từ bỏ lầu son, điện ngọc đi xuất gia. Một hôm khắp kinh thành Vesalī treo cờ xí trang trí kinh đô rực rỡ, mừng đại hội. Có 7707 vị vua cùng triều thần các xứ và cả Tứ Đại Thiên Vương đến dự, cuộc lễ diễn ra suốt đêm ngày. Hôm ấy là đêm rằm, nhằm lúc sen nở, bầu trời đầy trăng sao, vị nầy đi kinh hành liên tiếp, bỗng nghe khúc khải ca từ xa vọng đến, chạnh lòng Tăng sĩ, nên đã nói lên như vậy.

Chư thiên ngự tại đó nói lên bài kệ như sau:

"Người sống độc cư trong rừng
Như khúc gỗ bị ngươi vứt bỏ
Thích thú khoái lạc đưa địa ngục
Thích thú hành thiện đến cõi trời".

Vị ấy nghe bài kệ nầy động tâm, sáng ngày vào yết kiến Bậc Đạo Sư. Đức Thế Tôn hiểu rõ sự kiện nầy, Ngài biết rõ rằng đời sống tại gia là đau khổ, nên sách tấn vị ấy bằng kệ ngôn rằng:

302. Xuất gia là khó, thỏa thích trong sự xuất gia là khó. Đời sống tại gia là khó và đau khổ. Liên kết với người không tương hợp là đau khổ. Đau khổ đến với khách lữ hành (trong vòng luân hồi). Vậy chớ nên làm khách lữ hành, chớ nên làm người chạy theo đau khổ".

CHÚ GIẢI:

***Dubbajjaṃ*:** là sự từ bỏ tài sản ít hay nhiều, hoặc là thân quyến để xuất gia (hiến dâng) cho Đạo Pháp là khó làm.

***Durabhiramaṃ*:** là người nam tử đi xuất gia, đi khất thực thích thú trong giới hạnh, dù chưa thực hành pháp trọn vẹn, là đã khó rồi.

***Durāvāsa*:** là phận sự của vị vua cai trị Minh Chánh, Bậc Sa môn, Bà la môn hành đúng pháp mới tế độ. Dù vậy đời sống tại gia là khó, giống như cái nồi ở biển sâu. Vì vậy trong gia đình nếu không khéo lãnh đạo sẽ sanh khổ.

***Dukkho samānasaṃvāso*:** dù người cư sĩ giai cấp, gia đình, tài sản đồng nhau và khi xuất gia là đồng giới hạnh, đa văn đều tương xứng. Nhưng chỉ hỏi rằng: Ông ấy là ai? Tôi là ai? Cốt ý tìm hiểu như vậy, sự sống chung không tương xứng là đau khổ.

***Dukkhānupatitaddhagū*:** là đau khổ đến với khách lữ hành đi đường xa, là luân hồi. Vậy khách lữ hành chớ nên chạy theo đau khổ như đã giải trên.

Sau khi Đức Thế Tôn thuyết về năm sự khổ, vị Tỳ khưu ấy chấm dứt thập phần kiết sử, chứng quả A La Hán.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Chán cảnh vương hầu quyết xuất gia,
Vào rừng xa lánh bụi phồn hoa,
Trăng tròn, trống phách vàng lồng lộng,
Giục khách thiền lâm chạnh nỗi nhà…
Xuất gia là việc khó đầu tiên,
Tuy vượt qua rồi, khó được yên,
Đường đạo còn bao nhiêu phận sự,
Làm xong mới giũ sạch ưu phiền,
Nếu muốn vất ra chẳng dễ gì,
Này là sản nghiệp, nọ thê nhi!
Làm vua, làm tớ đều lo lắng,
Thế lộ thăng trầm, lắm kẻ đi…
Hành giả chuyên tu hạnh đầu đà,
Vì người đồng đẳng kiếm không ra,
Sống không đồng đẳng ngày thêm khổ,
Kẻ thấp, người cao, khó cộng hòa,
Có khổ nào hơn khổ luân hồi?
Sáu đường, ba cõi mãi lăn trôi,
Tam tai, bát nạn đều quen mặt,
Cho đến bao giờ hết chấp "tôi".
Cái khổ là chân lý thánh nhân,
Người minh sát khổ thoát mê tân,
Nghe lời Phật dạy rành năm khổ,
Vương tử Tỳ khưu tỉnh mộng trần.

DỨT TÍCH TỲ KHƯU VAJJĪPUTTA

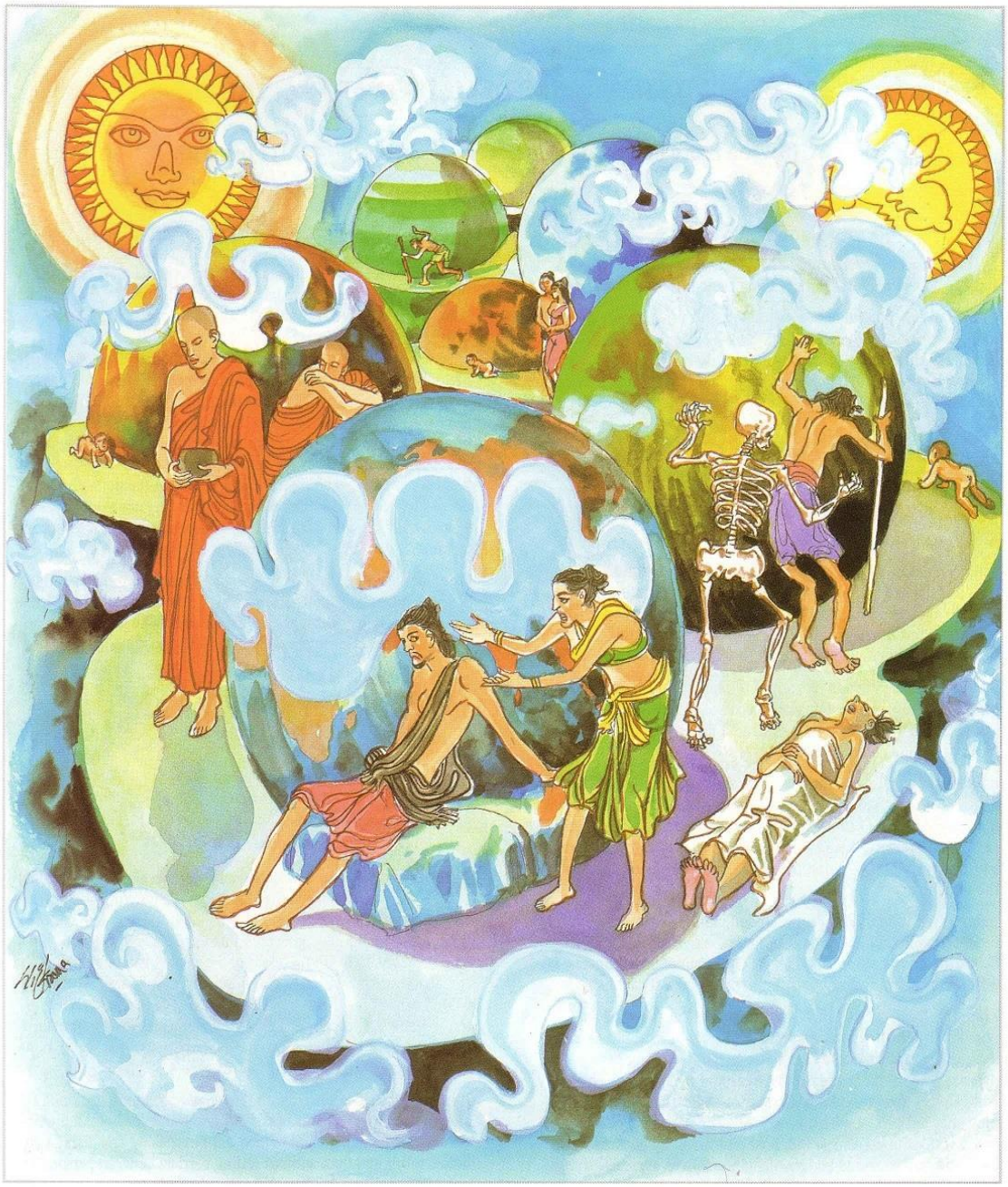

302. Khó thay vui xuất gia. Khổ thay sống tại gia. Khổ thay bạn không hợp. Khổ thay khách ta bà. Thế nên đừng phiêu bạt. Đừng đeo đuổi khổ đau.

XXI.7- TRƯỞNG GIẢ CITTA

(Cittagahapativatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 303)

"Saddho sīlena sampanno	***"Tín tâm, sống giới hạnh***
Yasobhogasamappito	***Đủ danh xưng tài sản,***
Yaṃ yaṃ padesaṃ bhajati	***Chỗ nào người ấy đến,***
Tattha yaṃ tatth'eva pūjito".	***Chỗ ấy được cung kính".***

Kệ ngôn nầy được Đức Đạo Sư thuyết ra khi ngự tại Tịnh xá Jetavana, đề cập đến Trưởng giả Citta.

Chuyện nầy đã có trong Phẩm CUỒNG DẠI: *"Asantaṃ bhāvamiccheyya…"*. Thật vậy, Đại Đức Ānanda bạch hỏi Bậc Đạo Sư rằng:

- Bạch Thế Tôn! Gia chủ nầy chỉ đến viếng Ngài mà được kính trọng. Vậy đến nơi khác có được như vậy không?

- Nầy Ānanda! Gia chủ Citta nầy đến với Như Lai hay đến nơi khác cũng đều được trọng đãi như vậy. Vì do nhờ lòng tịnh tín, giới hạnh trang nghiêm, nên đến bất cứ nơi nào cũng đều được kính mộ.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn:

303. Người có niềm tin và giới hạnh, có thiên tài thành đạt địa vị và tài sản (của bậc Thánh Giả) người ấy ở đâu cũng được quý trọng bất cứ trên lãnh thổ nào.

☸

CHÚ GIẢI:

***Saddho*:** là người có niềm tin, thế gian và siêu thế.

***Sīlena*:** có hai loại giới, tại gia giới và xuất gia giới. Nhưng ở đây, Đức Thế Tôn ám chỉ về giới tại gia cư sĩ.

***Yasobhogasamappito*:** người có địa vị như Trưởng giả Anāthapiṇḍika có 500 tùy tùng… có hai loại gia sản là: Tài sản phàm nhân và Thất Thánh Sản.

***Yaṃ yaṃ…*:** là nam tử ấy đi bất cứ nơi nào cũng được ái mộ, trọng đãi như vậy.

Dứt Pháp thoại, nhiều người chứng đạt Thánh Quả Dự Lưu.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Gia trưởng Tâm là bậc Bất Lai,
Một mình đầy đủ thánh, phàm tài,
Danh tiếng vang lừng, chẳng kém ai!
Phước báu do nơi thiện nghiệp mình,
Không nhờ tha lực để nương sinh,
Dầu thời có Phật hay không Phật,
Cũng có người tu đắc quả linh.

DỨT TÍCH TRƯỞNG GIẢ CITTA

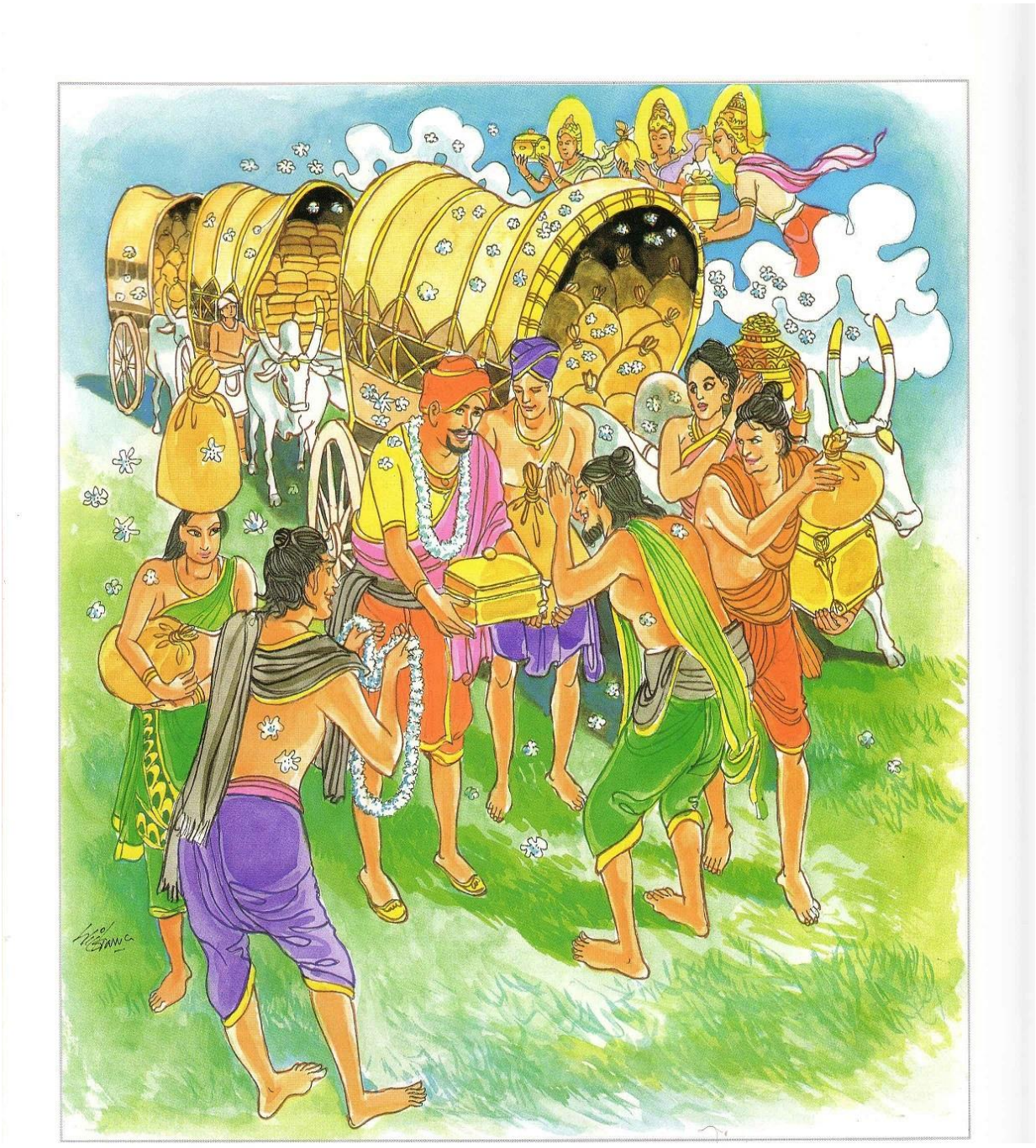

303. Đủ giới hạnh chánh tín. Nhiều tài sản, danh cao. Dù đi đến nơi nào. Cũng được người cung kính.

XXI.8- NÀNG CŪḶASUBHADDĀ

(Cūḷasubhaddāvatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 304)

"Dūre santo pakāsenti.	***"Người lành đầu ở xa***
Himavanto va pabbato;	***Sáng tỏ như núi tuyết,***
Asantettha na dissanti,	***Người ác dầu ở gần***
Rattiṃ khittā yathā sarā".	***Như tên bắn đêm đen".***

Pháp Cú nầy được Đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, thuyết ra nhân đề cập đến ái nữ của Anāthapiṇḍika là Cūḷasubhaddā.

Tương truyền rằng: Triệu phú Ugga thành Ugga là bạn của Trưởng giả Anāthapiṇḍika. Lúc thiếu thời, đôi bạn chân tình cùng học chung thầy, đã ước hẹn cùng nhau rằng: *"Khi hai ta thành gia thất, sẽ kết làm thông gia với nhau"*. Thời gian thấm thoát thoi đưa, hai người nay trở thành Trưởng giả.

Một hôm, Trưởng giả Ugga chở 500 cỗ xe hàng đến thành Sāvatthī bán. Trưởng giả Anāthapiṇḍika gọi con gái mình là Cūḷasabhaddā đến bảo rằng:

- Nầy con, đây là triệu phú Ugga, sẽ là thân phụ của con. Vậy con phải hết lòng kính cẩn.

Nàng vâng lời cha, tự thân nấu những thực phẩm hợp vị. Từ ngày triệu phú Ugga đến đây, nàng luôn phục vụ chu đáo, làm triệu phú rất hài lòng.

Triệu phú Ugga thấy nàng Cūḷasubhaddā công dung ngôn hạnh và có tâm tịnh tín, nhân một ngày đẹp trời, đang ngồi trọ chuyện vui vẻ với Trưởng giả Anāthapiṇḍika, chợt ông nhớ lại lời hẹn ước lúc thiếu thời mới tỏ lời tác hợp lương duyên cho nàng Cūḷasubhaddā với con trai mình. Nhưng vì ông là người tà kiến, theo ngoại đạo nên Trưởng giả Anāthapiṇḍika trình bạch việc nầy đến Đức Thế Tôn. Bậc Đạo Sư nhận thấy duyên lành của Ugga nên Ngài thuận ý. Anāthapiṇḍika họp ý kiến của vợ rồi nhận lời cầu hôn của gia chủ Ugga định ngày hôn lễ. Cuộc lễ diễn ra rất long trọng như Trưởng giả Dhanañjaya gả nàng Visākhā. Trưởng giả Anāthapiṇḍika cũng giáo giới con mình bằng 10 lời dạy như Trưởng giả Dhanañjaya dạy bà Visākhā. Ông cho mời tám vị Bô lão của gia tộc đến gởi gắm rằng: "Nếu con gái tôi có điều chi sơ sót, xin quý vị niệm tình chỉ bảo". Ngày lễ thành hôn cho con gái, Trưởng giả cung thỉnh Đức Thế Tôn cùng chư Tăng đến cúng dường trọng thể. Lễ vu quy của nàng Cūḷasubhaddā được linh đình rực rỡ là do phước nghiệp quá khứ của nàng. Khi xe hoa về đến kinh thành Ugga, được bên nhà trai tiếp đón nồng hậu.

Còn nàng Cūḷasubhaddā cũng vinh hạnh, hãnh diện với mọi người như nàng Visākhā, nàng chứng tỏ mình là một Tiểu thơ trâm anh thế phiệt, khiến mọi người trong thành vui mừng sự vinh hạnh của nàng.

Hôm ấy, gia đình bên chồng cũng tổ chức lễ an lành. Nhạc phụ nàng bảo nàng ra đảnh lễ nhóm lõa thể ngoại đạo, nàng hổ thẹn khi thấy ngoại đạo trần trụi, không vâng

lời ra đảnh lễ chúng. Dù nhạc phụ nàng có nhắc mãi, nàng vẫn một mực khước từ, ông nổi giận:

- Hãy đuổi nó đi đi!

Nàng thấy mình chẳng có lỗi lầm chi, chỉ vì lí do đó thôi, bèn cho mời tám vị Bô lão đến, tỏ bày mọi sự. Các vị Bô lão minh giải nàng vô tội, cuối cùng Ugga đành thuận ý. Ông bà Triệu phú nói chuyện với nhau rằng: *Nàng dâu chúng ta không đảnh lễ các Sa môn của chúng ta vì nghĩ rằng: "Những người nầy không ngại ngùng"*. Bà Triệu phú thắc mắc rằng: *"Chẳng hay các vị Sa môn của con gái ta như thế nào? Mà sao nó tán dương nhiều vậy?"*.

Bà hỏi con dâu rằng:

"Các vị Sa môn của con ra sao?
Phẩm hạnh trang nghiêm như thế nào!
Nghe con thường tán dương đạo mạo.
Khiến lòng mẹ nôn nao
Con hãy thuật lại mau".

Muốn mẹ chồng phát tâm tín ngưỡng, nàng tán thán công hạnh của Đức Phật và chư Thánh Thinh Văn như sau:

"Bậc thanh tịnh vắng lặng
Oai nghi và tề chỉnh
Nhãn căn phòng hộ, nói hợp thời.
Bậc Sa môn của con như vậy.
Thân khẩu ý thanh tịnh
Bậc Sa môn của con như vậy.
Tinh khiết như ngọc trai
Bên trong và bên ngoài
Tinh thông các Giáo điển
Bậc Sa môn của con như vậy.
Thế gia vui lợi, danh thịnh
Buồn khổ lợi, danh suy
Không vui lợi, danh thịnh
Không buồn lợi, danh suy
Bậc Sa môn của con như vậy.
Thế gian vui được khen
Buồn phiền bị chỉ trích
Các Ngài tâm bình thản
Không ưu buồn, khen chê
Thế gian thích thú trong an lạc
Buồn phiền khi khổ đau
Các Ngài không vui buồn lạc khổ
Không rúng động rung chuyển
Bậc Sa môn của con như vậy".

Nghe vậy, mẹ chồng nàng muốn được diện kiến chư Tăng, nên bảo nàng tìm cách đặng gặp, nàng chuẩn bị sẵn vật thực dâng cúng, đứng tại biệt thự hướng về Tịnh xá Jetavana, đảnh lễ Đức Thế Tôn, gởi luồng tư tưởng thỉnh cầu Đức Phật và Tăng chúng sáng mai thọ thực tại nhà nàng, do năng lực nầy xin Bậc Đạo Sư hiểu được tâm tôi. Rồi nàng liệng tám cánh hoa lài lên không trung.

Các hoa ấy liền rơi xuống trước mặt Bậc Đạo Sư trong khi Ngài đang thuyết pháp cho Tứ chúng.

Lúc ấy Trưởng giả Anāthapiṇḍika vừa nghe Pháp xong, cung thỉnh Đức Thế Tôn đến nhà ngày mai để ông cúng dường. Bậc Đạo Sư trả lời rằng:

- Nầy gia chủ! Sáng mai Như Lai đã nhận lời thỉnh cầu của con gái ông trước rồi.

Ông ngạc nhiên vì ông đã gả con gái đi xa cách đây 120 do tuần rồi kia mà. Khi ông bạch hỏi, Đức Phật dạy rằng:

- Nầy gia chủ! Người tốt được nhận thấy từ xa.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn:

304. Người thiện nổi bật từ đàng xa tựa như là Hi Mã Lạp Sơn, lộ rõ trước mọi người. Người hạ liệt tội lỗi, dù ở kề cận cũng không ai trông thấy tựa như mũi tên bay trong đêm tối.

CHÚ GIẢI:

***Santo...*:** Bậc Chân Nhân như Đức Phật... vì các Ngài đã tận diệt gốc rễ của ái dục... nhưng ở đây Đức Thế Tôn chỉ về người đã tạo phước trong quá khứ, nên Ngài dạy về phương pháp tu tập của bậc Chân Nhân.

***Pakāsenti*:** Dù ở đàng xa, tác ý đến chư Phật đó được gọi là nhận thấy.

Câu ***Himavantena*:** Như núi Hi Mã Lạp Sơn lớn 3000 do tuần, cao 500 do tuần, ngọn cao 84000 do tuần hiện rõ trước mặt dân chúng từ xa như thế nào, người thiện cũng lồ lộ như vậy.

***Asantettha*:** Người cuồng dại tri kiến sai lệch, nghiêng về lợi lộc, xuất gia mục đích nuôi mạng, đó gọi là phi chân nhân. Người ấy dù kề cận bên Đức Phật cũng không trông thấy.

***Rattiṃ khittā*:** Như mũi tên bay trong đêm tối.

Kẻ phi chân nhân không trông thấy, do không có duyên lành.

Dứt thời Pháp, nhiều người chứng quả Dự Lưu.

Đức Thiên Vương Đế Thích biết: *"Bậc Đạo Sư nhận lời thỉnh của nàng Cūḷasubhaddā"*. Mới truyền lệnh cho Thiên Tử Kiến Trúc tạo ra 500 ngôi biệt thất đặng ngày mai Đức Phật và Tăng chúng đến thành Ugga an ngự.

Sau khi Thiên tử xong phận sự, đến trước Tịnh xá Jetavana. Đức Thế Tôn cùng với 500 vị Thánh Tăng Vô Lậu ngự đến thành Ugga.

Triệu phú Ugga thấy Đức Phật từ xa ngự đến, với tướng hảo quang minh, ông khởi tâm kính mộ cúng dường tràng hoa... đảnh lễ và bạch thỉnh cúng dường trọn bảy ngày.

Đức Phật thuyết pháp hợp theo cơ tánh của triệu phú. Dứt thời Pháp, Trưởng giả Ugga cùng với 84000 chúng sanh chứng ngộ Pháp.

Để tế độ nàng Subhaddā, Ngài phán bảo Đại Đức Anurudha:

- Ngươi hãy trú tại đây.

Và Ngài ngự về kinh thành Sāvatthī. Kể từ đó kinh thành ấy tín thành Giáo Pháp.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Nực cười lõa thể cũng sa môn!
Hổ mặt, dầu Hiền chẳng kính tôn...
Đầu tộc vui lòng lo biện lý,
Nhạc gia đẹp dạ hết hồi hôn,
Lầu cao thỉnh Phật, xin cầu viện,
Dịp tối nghe kinh, chịu nhập môn,
Tám vạn bốn ngàn cùng bá hộ,
Có duyên ngộ pháp, khỏi bôn chôn...

DỨT TÍCH NÀNG CŪḶASUBHADDĀ

☸

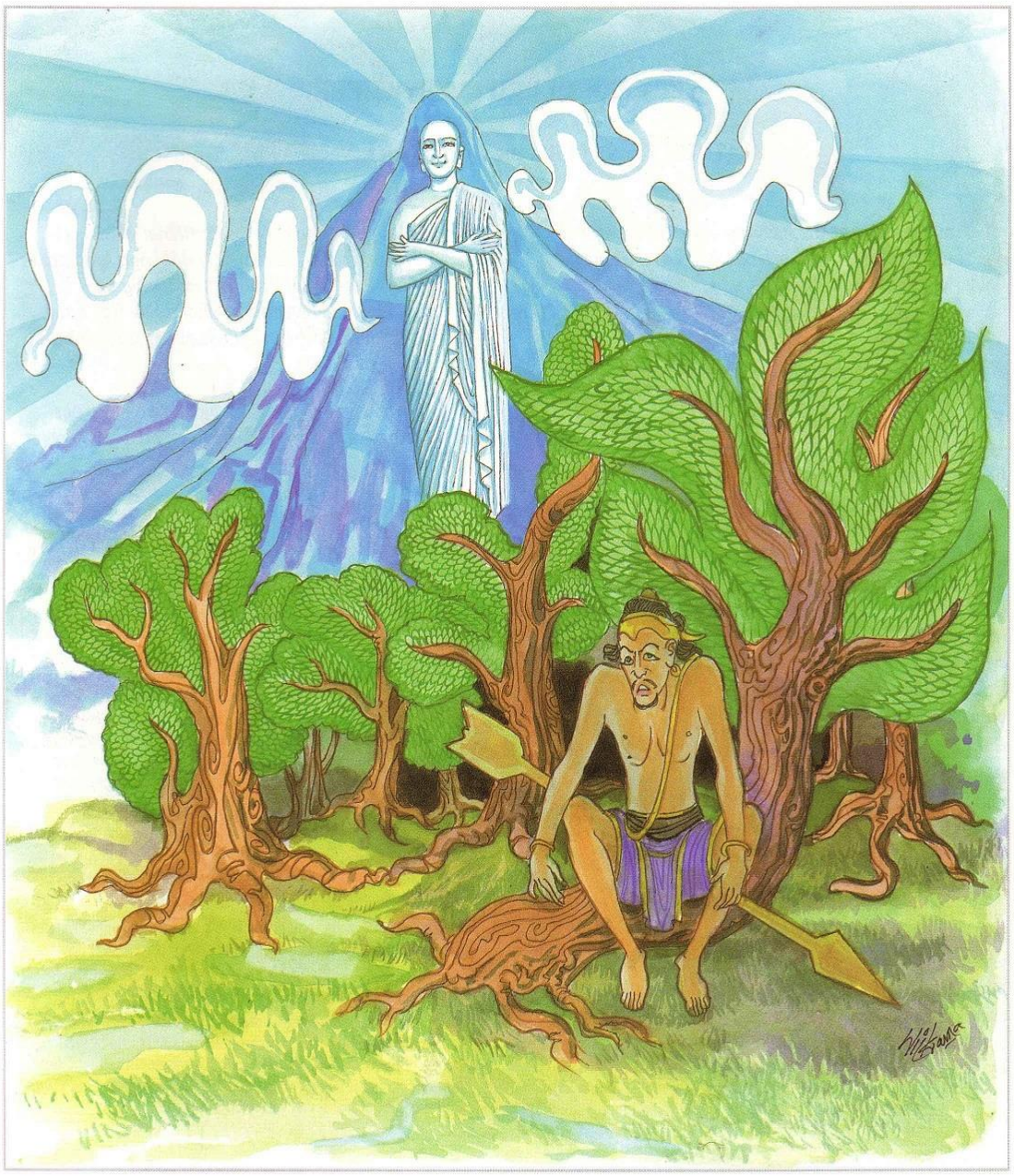

304. Người hiền dù ở xa. Hiện ra như núi tuyết. Kẻ ác dù đứng gần. Như tên bắn trong đêm.

XXI.9- TRƯỞNG LÃO EKAVIHĀRĪ

(Ekavihārittheravatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 305)

"Ekāsanaṃ ekaseyyaṃ	***"Ai ngồi nằm một mình,***
Eko casaṃ atandito	***Độc hành không buồn chán,***
Eko damayaṃ attānaṃ	***Tự điều phục một mình***
Vanante ramito siyā".	***Sống thoải mái rừng sâu".***

Bậc Đạo Sư khi ngự tại Jetavana thuyết lên kệ ngôn nầy khi đề cập đến Đại Đức Ekavihārī.

Được nghe rằng: Vị Đại Đức ấy dù ở giữa Tứ chúng nhưng vẫn ngồi một mình, đi một mình, đứng một mình. Chư Tỳ khưu đã bạch lại sự kiện nầy với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vị Tỳ khưu đó có cử chỉ như thế ấy.

- Lành thay! Lành thay! Nầy các Tỳ khưu, vị Tỳ khưu hãy sống độc cư tịch mịch.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

305. Vị Tỳ khưu ngồi một mình, nghỉ một mình, đi một mình, sống độc cư, không biêng nhác, tự kiểm soát tâm trong cảnh cô đơn, thỏa thích ở trong rừng.

☸

CHÚ GIẢI:

Trong những câu văn ấy, hai câu: Ekāsanaṃ ekaseyyaṃ: là dù giữa cả ngàn vị Tỳ khưu, vị ấy vẫn chánh niệm tỉnh giác, đó là ngồi một mình. Dù chung trong biệt thự cả ngàn vị Tỳ khưu nghỉ, vị ấy vẫn tìm chỗ trải thích hợp, tác ý hành đạo. Đó gọi là nghỉ một mình. Vị Tỳ khưu ngồi một mình và nghỉ một mình như vậy.

Câu: ***Atandito*****:** là vị Tỳ Khưu không biếng nhác, dù thân bịnh hoạn, vị ấy vẫn đi một mình.

Câu: ***Eko damayamattānaṃ*****:** vị ấy kiểm soát tâm trong cảnh tịch tịnh, thành đạt đạo quả.

Câu: ***Vanante ramito siyā*****:** là vị ấy kiểm soát tâm như vậy, thỏa thích sống trong rừng không có tiếng nói nam nữ… Nếu vị ấy sống ồn ào, không thể nhiếp tâm được.

Dứt thời Pháp thoại, rất nhiều vị Tỳ khưu chứng Quả Dự Lưu. Từ đó, mọi người chỉ thích sống độc cư.

☸

Dịch Giả cẩn Đề

Tỳ Khưu gấp đến cõi vô sanh,
Tinh tấn ngày đêm cũ độc hành,
Đi đứng nằm ngồi, đến tự chế,
Giữa chùa như ở giữa rừng xanh,
Đại Đức bày gương lắm kẻ theo,
Nhưng còn mấy cụ vẫn mè nheo:
"Tu gì ngảnh chúng làm cao vậy?"
Đường dốc siêu phàm, mãi vắng teo!...

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO EKAVIHĀRĪ

DỨT PHẨM TẠP LỤC – PAKIṆṆAKA VAGGA
DỨT PHẨM 21

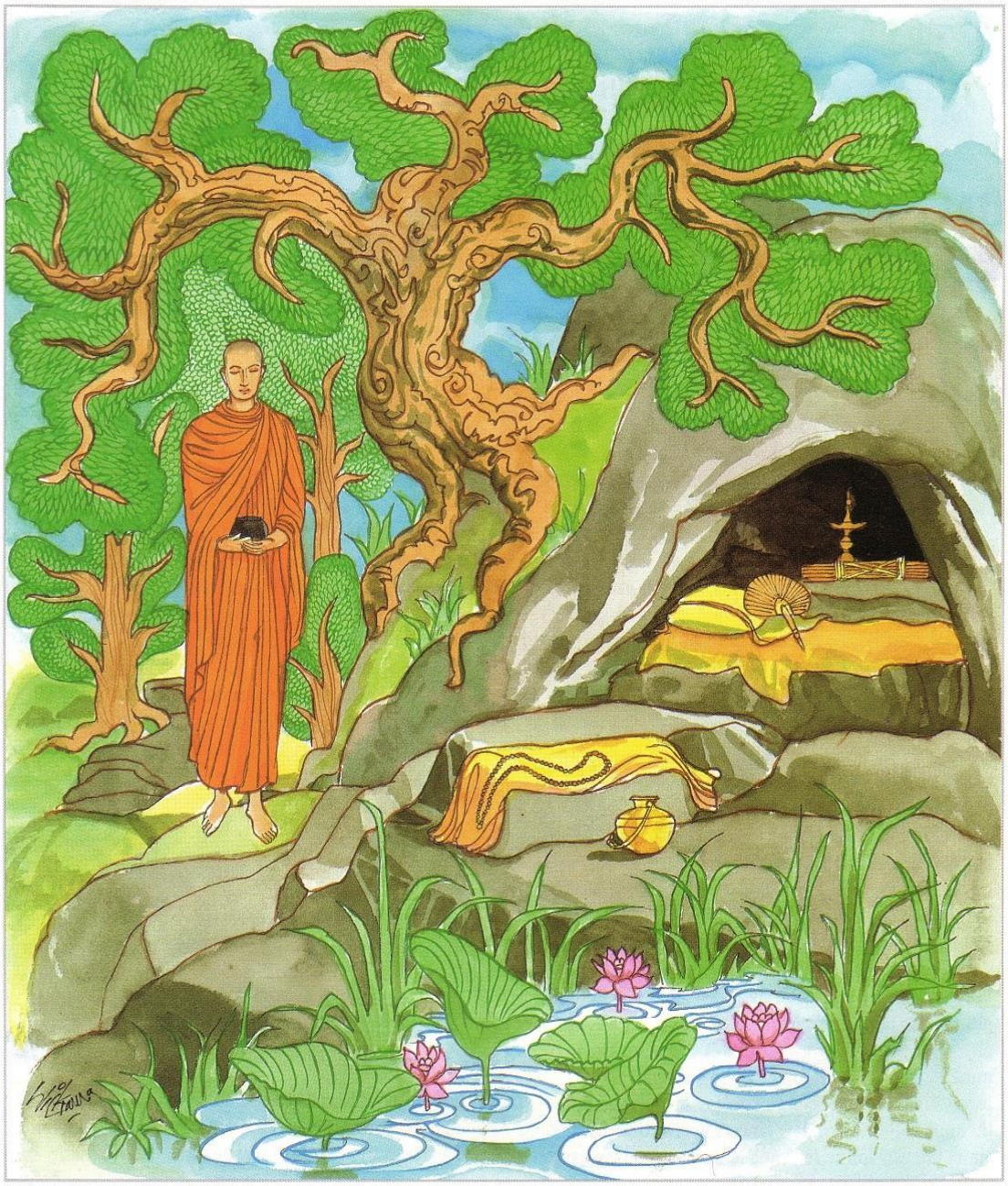

305. Ai ngồi nằm đơn độc. Tinh tấn đi một mình. Điều phục được chính mình. Sẽ vui nơi rừng thẳm.

XXII. PHẨM KHỔ CẢNH
(NIRAYA VAGGA)

☸

- 12 bài kệ: Pháp cú 306-318

- 9 tích truyện

XXII.1- NỮ NGOẠI GIÁO SUNDARĪ

(Sundarīparibbājikāvatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 306)

"Abhūtavādī nirayaṃ upeti	***"Nói láo đọa địa ngục***
Yo c'āpi katvā na karomīti c'āha	***Có làm nói không làm,***
Ubho pi te pecca samā bhavanti	***Cả hai chết đồng đẳng,***
Nīhīnakammā manujā parattha".	***Làm người, nghiệp hạ liệt".***

Khi Bậc Đạo Sư lưu trú tại Jetavana, Ngài đề cập đến nữ ngoại giáo Sundarī, thuyết lên kệ ngôn nầy.

Tương truyền rằng: Khi tất cả mọi người tập trung vật chất cúng dường Đức Thế Tôn. Vì Ngài và Tăng chúng được mọi người dâng cúng dồi dào, ngược lại nhóm ngoại giáo bị suy giảm. Khi vầng hồng ló dạng, chúng xầm xì bàn tán: *"Từ ngày Sa môn Gotama xuất hiện, lợi lộc của chúng ta bị suy giảm, không ai hiểu và chia sẻ cùng chúng ta. Lỗi lầm nầy do Sa môn Gotama gây ra".*

Chúng bàn tính: *"Chỉ có nàng Sundarī hi sinh cho chúng ta".* Nhân một ngày nọ, nàng đến tu viện chào hỏi mà bọn ngoại giáo vẫn không trả lời, vì thắc mắc nàng mới hỏi rằng:

- Chẳng hay các Ngài có điều chi buồn phiền?

- Cô không thấy Sa môn Gotama làm chúng tôi suy giảm lợi lộc hay sao?

- Nếu vậy, tôi có giúp được việc gì?

Cô thật là một mỹ nhân sắc nước hương trời, phải làm thế nào cho Sa môn Gotama mất uy tín.

Nàng Sundarī nhận lời, chấp hành phương kế. Hàng ngày nàng đem tràng hoa vật thơm đi đến Jetavana, đợi lúc mọi người nghe Pháp xong ra về thì nàng vào, nếu ai có hỏi *"Đi đâu?"* thì trả lời: *"Đi đến trú xứ Sa môn Gotama, vì tôi ở chung Hương thất với Ngài".* Nàng đi đến trú tại một tu viện gần đó rồi từ mờ sáng nàng từ Jetavana đi về thành, nếu có người gặp hỏi *"Đi đâu vậy Sundarī?"* thì trả lời: *"Sa môn Gotama vừa ân ái với tôi nên tôi mới ra về".*

Hai ba ngày sau, chúng thuê người giết Sundarī, chôn vùi dưới đống rác gần hương thất của Bậc Đạo Sư. Rồi phao tin nàng mất tích, sự kiện nầy chúng tấu trình

với Đức vua, cho phép vào Jetavana để tìm nàng Sundarī, vì suốt ngày nàng chỉ ở nơi đó. Chúng đến đống rác bươi xác lên, loan tin khắp nơi: *"Đệ tử Gotama giết nàng Sundarī chôn dưới đống rác, xin quý vị hãy nhìn xem những hành động của Sa môn Thích Tử"* nhằm triệt hạ uy tín Bậc Đạo Sư. Đức vua truyền lịnh đem xác Sundarī liệng vào rừng, khiến cho mọi người nghi vấn, chỉ trừ những bậc Thánh nhân lòng tin bất động nơi Tam Bảo.

Chư Tỳ Khưu đem câu chuyện nầy bạch với Đức Thiện Thệ. Đức Thế Tôn phán dạy kệ ngôn rằng:

306. Người nói điều không thật vào khổ cảnh, người đã làm rồi nói "tôi không có làm" cũng vậy. Sau khi chết cả hai đều bằng nhau, người có hành động ti tiện trong thế giới khác.

☸

CHÚ GIẢI:

Trong những câu văn ấy, câu Abhūtavādī: Không thấy lỗi người khác nhưng nói thấy (nói dối).

Câu: ***Katvā*:** Người có hành động ti tiện nói *"tôi không có làm"*.

Câu: ***Pecca samā bhavanti*:** Cả hai người đều bằng nhau, sau khi chết sanh vào khổ cảnh, sanh thú của họ Ngài đã xác định rõ ràng mà tuổi thọ thì Ngài không xác định. Nếu người hạnh động bất thiện hằng bị thiêu đốt trong địa ngục lâu dài, dù chỉ là điều ác nhỏ cũng bị thiêu đốt theo mức của việc làm. Cả hai trường hợp đều là hành vi hạ liệt mà Đức Thế Tôn gọi là *"nihīnakammā manujā parattha"*.

Câu: ***Parattha*** chung với câu ***Pecca*** trên. Người hành vi hạ liệt sau khi chết đi vào khổ cảnh.

Đức vua truyền lịnh cho quan quân *"đi tìm hiểu cái chết của nàng Sundarī"*. Lúc đó bọn côn đồ giết nàng Sundarī đang uống rượu cùng nhau, chúng say sưa, ẩu đả nhau, chúng chửi nhau: *"Chính mầy đã giết nàng Sundarī chôn dưới đống rác", "Thôi chuyện ấy bỏ qua đi"*. Quân lính liền bắt chúng tra gạn, trình lên Đức vua:

- Có phải các ngươi giết nàng Sundarī không?

- Thưa vâng, tâu Hoàng thượng.

- Ai bảo các ngươi giết?

- Thưa các tu sĩ ngoại giáo.

Đức vua truyền lệnh cho các tu sĩ ngoại giáo đi vào kinh thành thông báo:

- Chúng tôi phao vu Sa môn Gotama giết nàng Sundarī, nhằm triệt hạ uy tín. Chuyện nầy đệ tử Sa môn Gotama vô tội, chính chúng tôi có tội.

Do tội sát nhân nên bọn ngoại giáo và bọn côn đồ bị hành hình. Từ đó Đức Phật và chư Thinh Văn được dân chúng sùng bái cúng dường rất nhiều.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Ni đẹp vì ham bã lợi danh,
Vu oan Đức Phật tội giao tình,
Hại chúng chưa xong, đã hại mình!
Ngoại đạo mưu đồ việc bất lương,
Rốt cùng phải chịu cảnh tai ương,
Lưu manh thích rượu, ham tiền bạc,
Cùng xích tay nhau đến pháp trường,
Những ai có tội chối rằng không,
Với kẻ vu oan tội cũng đồng,
Chỉ một đường chung đi địa ngục,
Bạn ơi, thiện nghiệp ráng gieo trồng.

DỨT TÍCH NGOẠI GIÁO SUNDARĪ

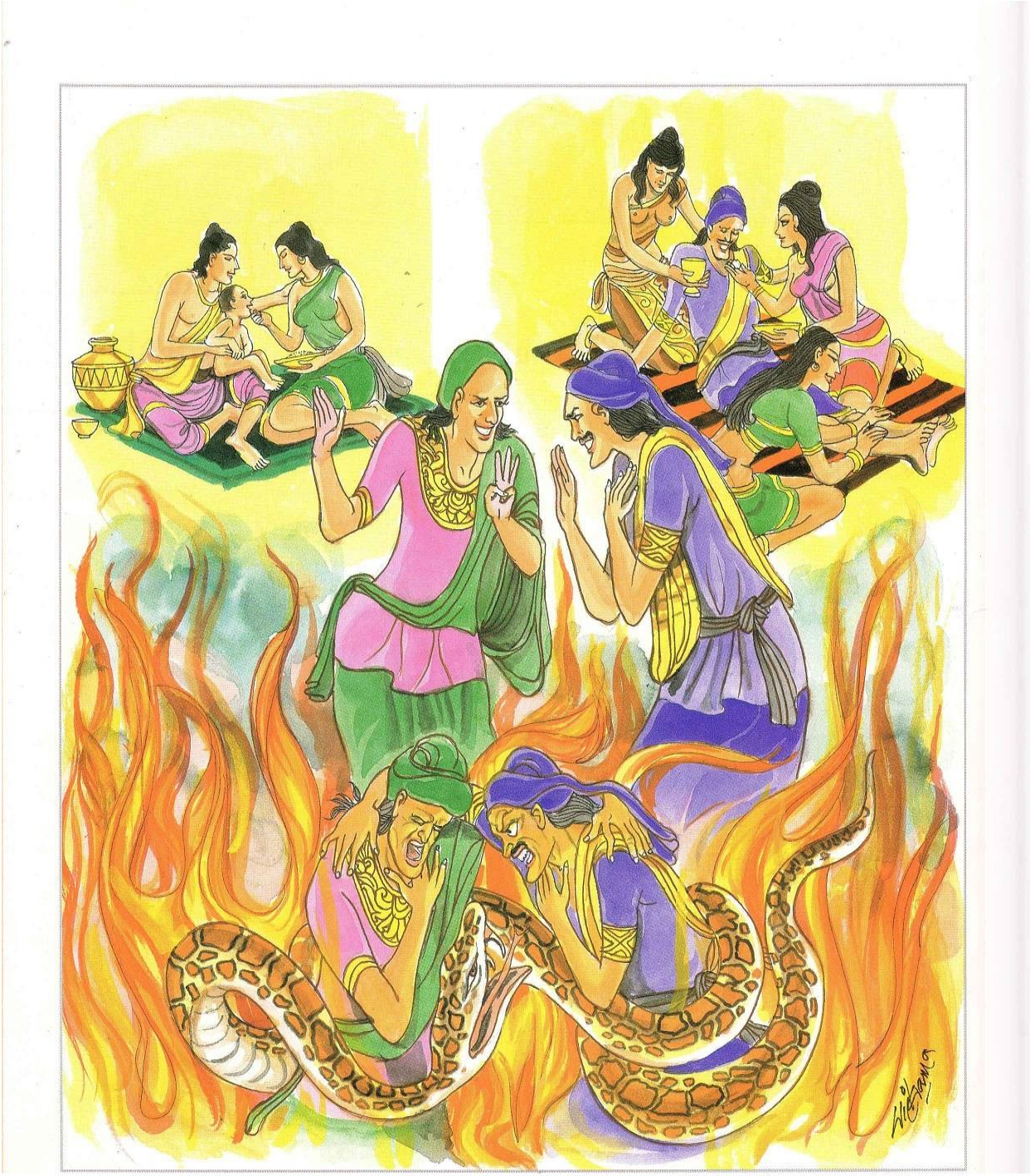

306. Người mồm miệng láo khoét. Kẻ làm rồi nói không. Cả hai chết tương đồng. Đê tiện, đọa địa ngục.

XXII.2- CHUYỆN KHỔ NHÂN

(Duccaritaphalapīḷitavatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 307)

"Kāsāvakaṇṭhā bahavo	***"Nhiều người khoác cà sa,***
Pāpadhammā asaññatā	***Ác hạnh không nhiếp nhục.***
Pāpā papehi kammehi	***Người ác, do ác hạnh,***
Nirayaṃ te upapajjare".	***Phải sanh cõi Địa ngục".***

Pháp Cú nầy được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến những khổ nhân tạo ác nghiệp.

Đại Đức Moggallāna cùng với Đại Đức Lakkhaṇa từ trên núi Gijjhakūṭa đi xuống, thấy con ngạ quỷ hình dáng bộ xương… Đại Đức mỉm cười, thấy vậy Đại Đức Lakkhaṇa vấn hỏi:

- Thưa Tôn giả! Lý do gì mà Ngài mỉm cười?

- Nầy Hiền giả! Lúc nầy chẳng phải thời, Hiền giả nên hỏi tôi khi nào có Đức Thiện Thệ.

Sau khi về đến Jetavana, Đại Đức Lakkhaṇa vấn hỏi, Đại Đức Moggallāna trả lời:

- Nầy Hiền giả! Tôi từ núi Gijjhakūta đi xuống, đã thấy ngạ quỷ đắp y vàng hình dáng bộ xương đang phừng phừng cháy trên hư không.

Bậc Đạo Sư giải thích rằng đó là hậu quả của một kiếp sống làm tăng sĩ ô nhiễm trong thời Giáo Pháp của đấng Thập Lực Kassapa.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn sau:

307. Nhiều người đắp y vàng, không điều phục pháp bất thiện. Chính hành vi hạ liệt của mình sẽ tái sanh vào đọa xứ.

CHÚ GIẢI:

Trong những câu văn ấy, câu: ***Kāsāvakaṇṭhā*****:** người đắp y casa. Câu Pāpadhamma là pháp bất thiện.

Câu: ***Asaññatā*****:** thúc liễm thân nghiệp… Người đã tạo điều bất thiện đưa đến khổ cảnh, hết nghiệp ở địa ngục sanh làm ngạ quỷ bị thiêu đốt do quả dư sót.

Dứt thời Pháp thoại rất nhiều người chứng Quả Dự Lưu…

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Ngạ quỷ bộ xương bởi nghiệp chi?
Lửa hồng theo đốt bát, thiêu y?
Vào thời Phật tổ, tên Ca Diếp,
Có những Tỳ khưu đứt giới quy…
Đến nay, trên đỉnh núi Linh San,
Chưa vắng hình ma khoác áo vàng,
Lúc sống làm sư chuyên dối thế.

DỨT TÍCH CHUYỆN KHỔ NHÂN

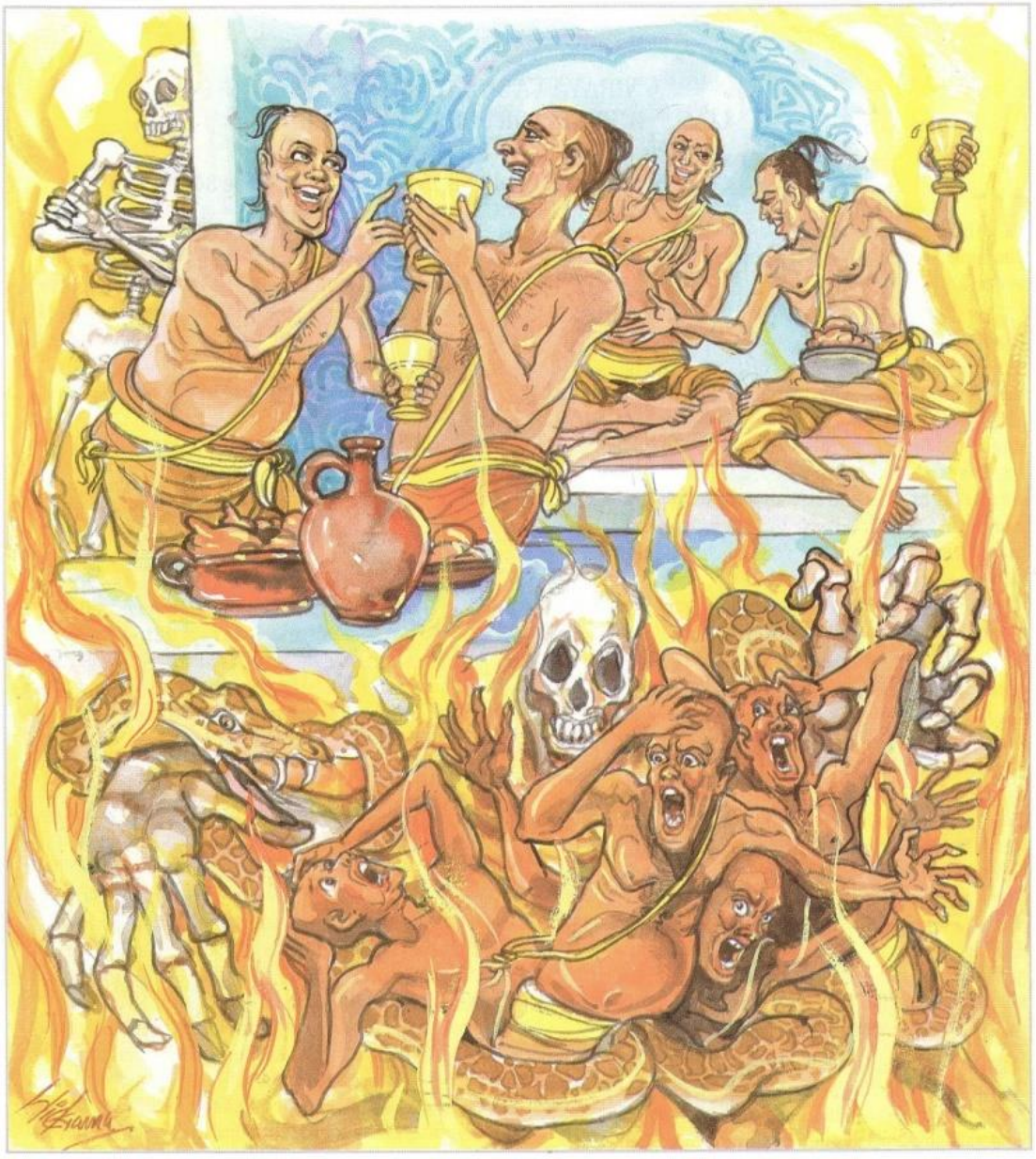

307. Nhiều người khoác cà sa. Ác hạnh, không điều phục. Kẻ ác, do nghiệp thúc. Phải đọa địa ngục thôi.

XXII.3- Tích CHƯ TỲ KHƯU TRÚ GẦN SÔNG VAGGUMUDĀ

(Vaggumudātīriyabhikkhuvatthu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 308)

"Seyyo ayoguḷo bhutto	***"Tốt hơn nuốt hòn sắt***
Tatthi aggisikhūpamo	***Cháy đỏ như than hồng,***
Yañ ce bhuñjeyya dussīlo	***Hơn ác giới buông lung***
Raṭṭhapiṇḍaṃ asaññato".	***Ăn đồ ăn quốc độ".***

Pháp Cú nầy được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại thành Vesalī, đề cập đến chư Tỳ khưu trú gần sông Vaggumudā.

Chuyện nầy thuộc về điều học Pārājika về khoe pháp Thượng nhân:

- Nầy các Tỳ khưu! Có phải các ngươi khoe pháp Thượng nhân, tôn xưng lẫn nhau đăng đàn việc dâng cúng phải chăng?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Nhân đó, Đức Thế Tôn giảng Pháp và Ngài thuyết lên kệ ngôn:

308. Thà nuốt một hòn sắt cháy đỏ (có khả năng thiêu đốt) như một ngọn lửa, còn hơn làm vị Tỳ khưu sống nhờ vật thực của dân chúng mà có hành động bất thiện và không thu thúc thân tâm.

☸

CHÚ GIẢI:

Trong những câu văn ấy, hai câu: ***Yañca bhuñjeyya:*** Vị Tỳ khưu ác giới không thúc liễm thân nghiệp... tuyên bố mình *"là vị Sa môn"* thọ lãnh vật thực của người cúng dường với lòng tin như thế nào, thà nuốt hòn sắt cháy đỏ còn hơn. Do duyên gì?

Vì hòn sắt cháy đỏ chỉ thiêu chết có một kiếp, còn hơn người ác giới thọ lãnh của tín thí dâng cúng với lòng tin, bị thiêu đốt trong địa ngục cả nhiều trăm kiếp.

Dứt thời Pháp rất nhiều người chứng Quả Dự Lưu...

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Tự mình giới hạnh một đường,
Nói ra một ngả, gạt lường kiếm ăn,
Như người săn giống phi cầm,
Núp trong bụi rậm lập tâm khác nào,
Y vàng quấn cổ không sao,
Đậy che ác pháp ngăn rào phóng tâm,
Do nơi tội ác mình làm,
Mà sau kẻ ác bị giam A- Tỳ...

DỨT TÍCH CHƯ TỲ KHƯU TRÚ GẦN SÔNG VAGGUMUDĀ

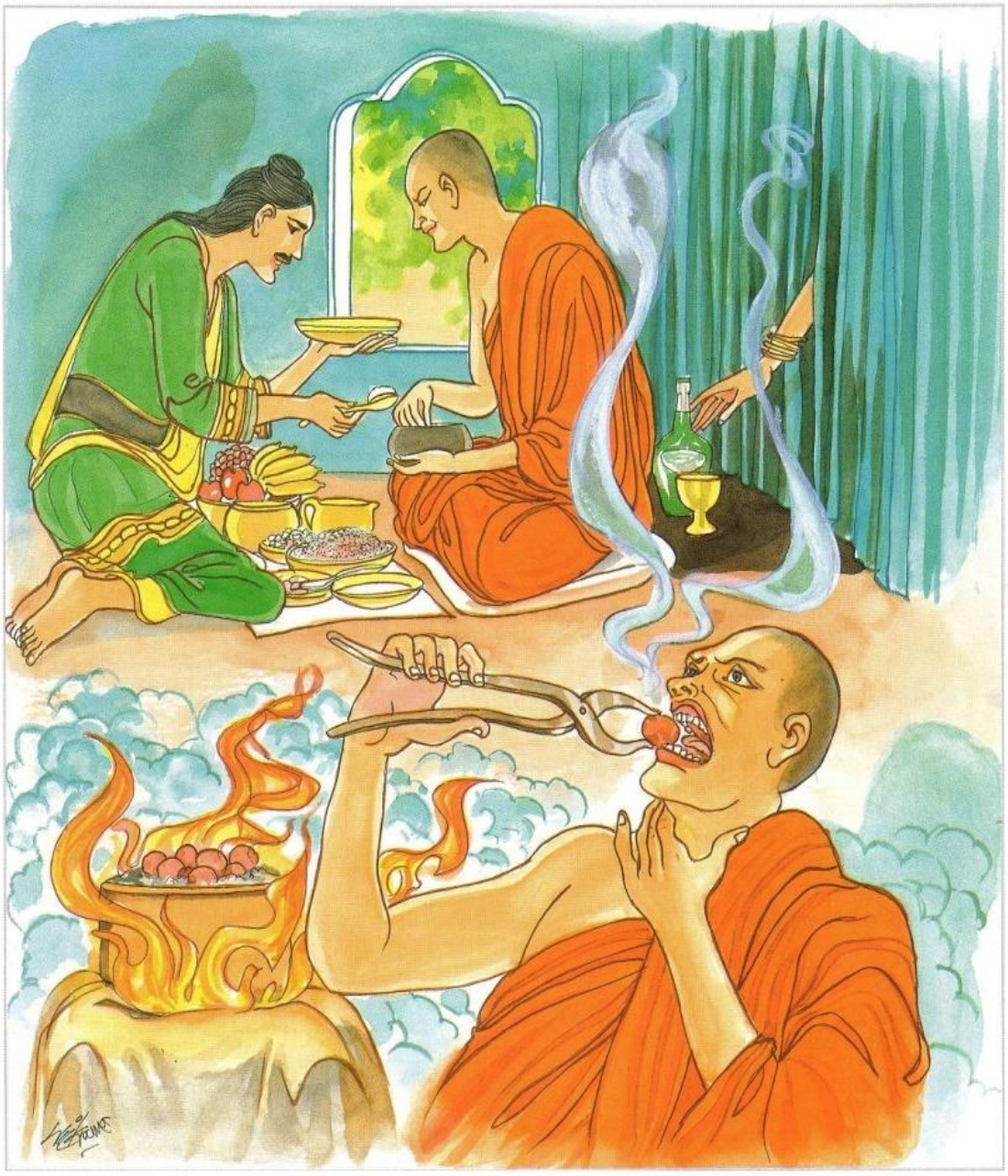

308. Thà nuốt hòn sắt nóng. Như ngọn lửa hừng hừng.
Hơn phá giới buông lung. Sống nhờ cơm tín thí.

XXII.4- THANH NIÊN KHEMAKA

(Khemakaseṭṭhiputtavattu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 309-310)

309. "Cattāri ṭhānāni naro pamatto **Āpajjati paradārūpasevī** **Apuññalābhaṃ na nikāmaseyyaṃ** **Nindaṃ tatiyaṃ nirayaṃ catuthaṃ".**	***"Bốn nạn chờ đợi người,*** ***Phóng dật theo vợ người;*** ***Mắc ho, ngủ không yên,*** ***Bị chê là thứ ba,*** ***Đọa địa ngục thứ bốn".***
310. "Apuññalābho ca gati na pāpikā **Bhītassa bhītāya ratī ca thoki lā** **Rājā ca dandaṃ garukaṃ paṇeti** **Tasmā naro paradāraṃ na seve".**	***"Mắc họa, đọa ác thú,*** ***Bị hoảng sợ, ít vui.*** ***Quốc vương phạt trọng hình.*** ***Vậy chớ theo vợ người".***

Pháp Cú nầy được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến chàng thanh niên Khemaka.

Được nghe rằng: Thanh niên Khemaka đẹp trai, khiến nhiều nữ nhân mê mẩn, rơi vào tay chàng. Một đêm nọ, quân lính bắt dẫn đến nhà vua. Đức vua không giam giữ, thả về vì nể tình ông Đại triệu phú là cha chàng. Như vậy mà Khemaka cũng chưa từ bỏ hành động tà quấy của mình. Chàng bị bắt cả ba lần và đều được thả về như thế. Cuối cùng cha chàng phải dẫn chàng đến Bậc Đạo Sư, thỉnh cầu Ngài khuyên dạy.

Sau khi giảng giải về hậu quả của sự tà hạnh vợ người, Ngài thuyết giảng kệ ngôn rằng:

309. Bốn điều bất hạnh đến với người bất cẩn, có hành động tà dâm: Gặt hái tội khổ, ngủ không yên giấc, ba là bị khiển trách và bốn là ở khổ cảnh.

310. Sự gặt hái tội khổ cũng như số phận bất hạnh. Mỹ lạc của nam nhân và nữ nhân đang run sợ quả thật ngắn ngủi. Vua lại ban hành hình phạt nặng nề. Vì vậy không nên lân la với vợ người.

☸

CHÚ GIẢI:

Trong những câu văn ấy, câu:

Ṭhānāni: là nhân sanh khổ.

Pamatto: là thất niệm.

Āpajjati: là đi đến.

Paradārūpasevī: lân la với vợ người.

Apuññalābhaṃ: là bất thiện.

Na nikāmaseyyaṃ: là người ấy không được ngủ yên theo ý, thường thức giấc.

Apaññalābho ca: là gặt hái quả khổ, sanh thú hạ liệt, do nhân đó họ phải lãnh nhận hậu quả tai hại.

Ratī ca thotikā: khoái lạc của nam nhân và nữ nhân đang run sợ thật ngắn ngủi.

Garukaṃ: Đức vua ban sắc lệnh hình phạt như chặt tay...

Tasmā...: lân la vợ người, hành động bất chánh... Do đó không nên vi phạm điều ấy.

Dứt thời Pháp, thanh niên Khemaka chứng quả Tu Đà Hườn và từ đó gia đình mọi người được hạnh phúc.

Hạnh nghiệp của Khemaka như thế nào mà chàng có duyên chứng đắc đạo quả? Lại như thế nào mà chàng mang nghiệp tà hạnh như thế.

Được nghe lại rằng: Trong thời Giáo Pháp của Đức Phật Kassapa, y là võ sĩ vô địch, đã treo hai lá cờ màu vàng trên ngôi Bảo Tháp của Đấng Thập Lực, phát nguyện rằng: *"Trừ ra những nữ nhân thân quyến, bất cứ những nữ nhân nào nhìn thấy ta đều khởi sanh dục tình".*

Đây là tiền nghiệp của y. Vì vậy các nữ nhân vừa thấy y đã sanh khởi và trao thân cho y.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Công tử Đào Hoa đẹp tuyệt vời,
Làm bao phụ nữ phải mê tơi,
Ong kia kiếm nhụy còn bay bướm,
Hoa nọ chào xuân cứ lả lơi,
Vua mãi vì tình không hỏi tội,
Câu chưa bỏ nghĩa, có xin lời...
Nhờ nghe Pháp Phật sanh kinh cảm,
Đắc quả đầu ngay, hết thích chơi.

DỨT TÍCH THANH NIÊN KHEMAKA

☸

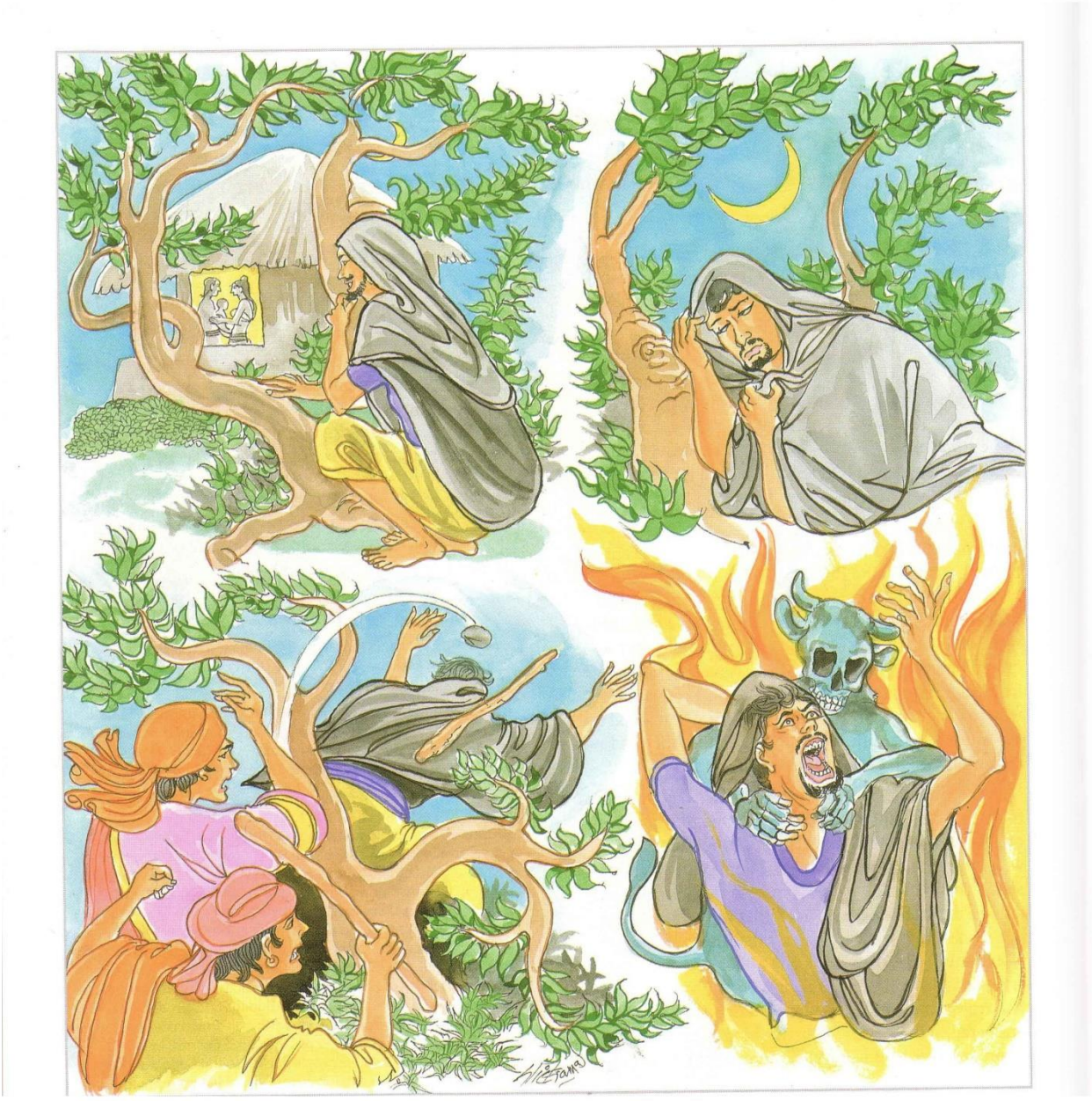

309. Bốn tai họa ập đến, hành hạ kẻ ngoại tình: Mang tiếng, ngủ không an, bị chê, đọa địa ngục.



310. Mang tiếng, đọa ác thú. Lo sợ, tâm ít vui. Quốc vương phạt trọng tội. Kẻ gian díu vợ người.

XXII.5- TỲ KHƯU ĐA NGÔN

(Dubbacabhikkhu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 311-312-313)

311. "Kuso yathā duggahito	***"Như cỏ sa vụng nắm,***
Hatthaṃ evānukantati	***Tất bị họa đứt tay.***
Sāmaññaṃ dupparāmaṭṭhaṃ	***Hạnh sa môn tà vạy,***
Nirayāyūpakaḍḍhati".	***Tất bị đọa địa ngục".***
312. "Yaṃ kiñci sithilaṃ kammaṃ	***"Sống phóng đãng buông lung,***
Saṅkiliṭṭhañ ca yaṃ vataṃ	***Theo giới cấm ô nhiễm,***
Saṅkassaraṃ brahmacariyam.	***Sống phạm hạnh đáng nghi***
Na taṃ hoti mahapphalaṃ".	***Sao chứng được quả lớn".***
313. "Kayirā ce kayirāthenaṃ	***"Cần phải làm, nên làm***
Dalhaṃ enaṃ parakkame	***Làm cùng tận khả năng***
Sithilo hi paribbājo	***Xuất gia sống phóng đãng,***
Bhiyyo ākirate rajaṃ".	***Chỉ tăng loạn bụi đời".***

Khi Bậc Đạo Sư lưu trú tại Jetavana, Ngài đã đề cập đến vị Tỳ khưu đa ngôn, thuyết lên pháp thoại nầy.

Tương truyền rằng: Vị Tỳ khưu ấy vô tình kéo những ngọn cỏ đứt, khởi lên hoài nghi mới đến một vị Tỳ khưu hỏi rằng:

- Nầy hiền giả! Nếu có vị Tỳ khưu nào kéo đứt những ngọn cỏ. Vậy vị ấy có phạm tội chăng?

- Nầy hiền giả! Vị ấy vô tội do vô ý, nhưng phạm tội do cố ý và sám hối thì hết tội.

Tưởng chừng là như thế, vị ấy vẫn tiếp tục làm như thế. Chư Tỳ khưu bạch chuyện nầy đến Đức Thế Tôn, Ngài khiển trách bằng kệ ngôn rằng:

311. "Kuso yathā duggahito	*"Như cỏ sa vụng nắm,*
Hatthaṃ evānukantati	*Tất bị họa đứt tay.*
Sāmaññaṃ dupparāmaṭṭhaṃ	*Hạnh sa môn tà vạy,*
Nirayāyūpakaḍḍhati".	*Tất bị đọa địa ngục".*
312. "Yaṃ kiñci sithilaṃ kammaṃ	*"Sống phóng đoãng buông lung,*
Saṅkiliṭṭhañ ca yaṃ vataṃ	*Theo giới cấm ô nhiễm,*
Saṅkassaraṃ brahmacariyam.	*Sống phạm hạnh đáng nghi*
Na taṃ hoti mahapphalaṃ".	*Sao chứng được quả lớn".*
313. "Kayirā ce kayirāthenaṃ	*"Cần phải làm, nên làm*
Dalhaṃ enaṃ parakkame	*Làm cùng tận khả năng*
Sithilo hi paribbājo	*Xuất gia sống phóng đãng,*
Bhiyyo ākirate rajaṃ".	*Chỉ tăng loạn bụi đời".*

☸

CHÚ GIẢI:

Nirayāyūpakaḍḍhati: là đưa đến khổ cảnh.

Câu ***Sithilaṃ:*** hành động buông lung cẩu thả.

Câu ***Saṅkiliṭṭhaṃ:*** một pháp hành ô nhiễm như là kỹ nữ.

Câu ***saṅkassaraṃ:*** nghi ngờ khi thấy Tăng hội nhau hành Uposatha: *"Chư Tỳ Khưu biết chuyện làm của ta nên hội nhau – tuyên bố phạt ta".*

Na taṃ hoti: là đời sống đạo hạnh không vững chắc, vì không được người dâng cúng vật thực.

Kayirā ce: vì vậy nếu có điều nào phải làm điều ấy.

Daḷhamenaṃ parakkame: là hãy tiến hành vững chắc, là phải làm cho chắc chắn.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Định nhổ khỏi cây, dấu vẫn còn,
Phải đâu sám hối, tội tiêu mòn?
Dễ duôi chồng chất nhiều sơ suất,
Hành pháp Sa môn khó đủ tròn!
Lỗi nhỏ phạm rồi, cải hối ngay,
Nguyện chửa, chớ tái phạm liền tay,
Bụi đời tham ái, không gieo rắc,
Phút chốc Vô sanh quá hiểm bày.

DỨT TÍCH TỲ KHƯU ĐA NGÔN

☸



311. Vụng nắm cỏ cu-xa. Là tay ta bị cắt. Hạnh sa môn, tà hoặc. Tất đoạ địa ngục thôi.

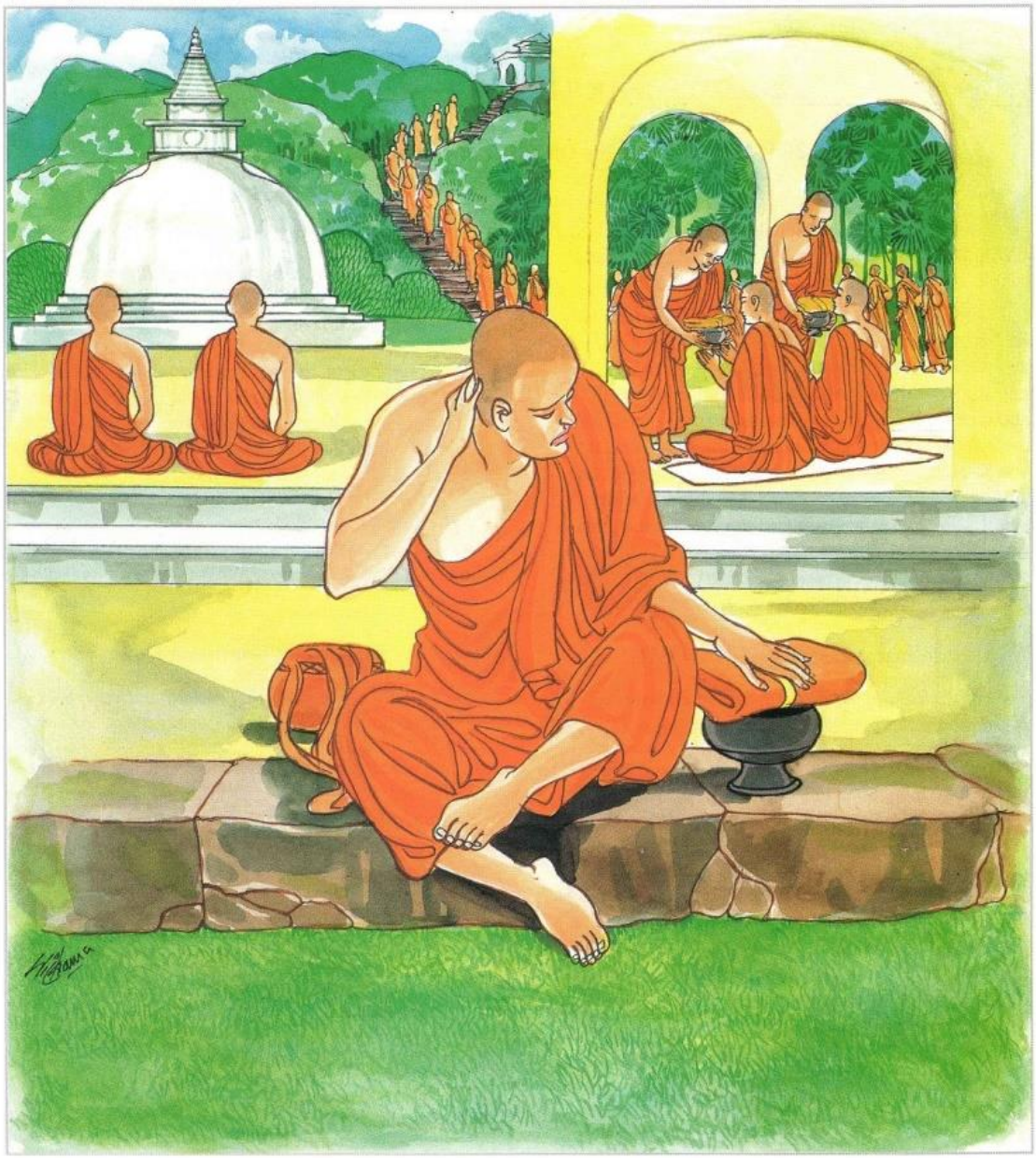

312. sống buông lung phóng dật. Chạy theo thói nhiễm ô.
Hoài nghi đời phạm hạnh. Thành quả đạt chi mô.

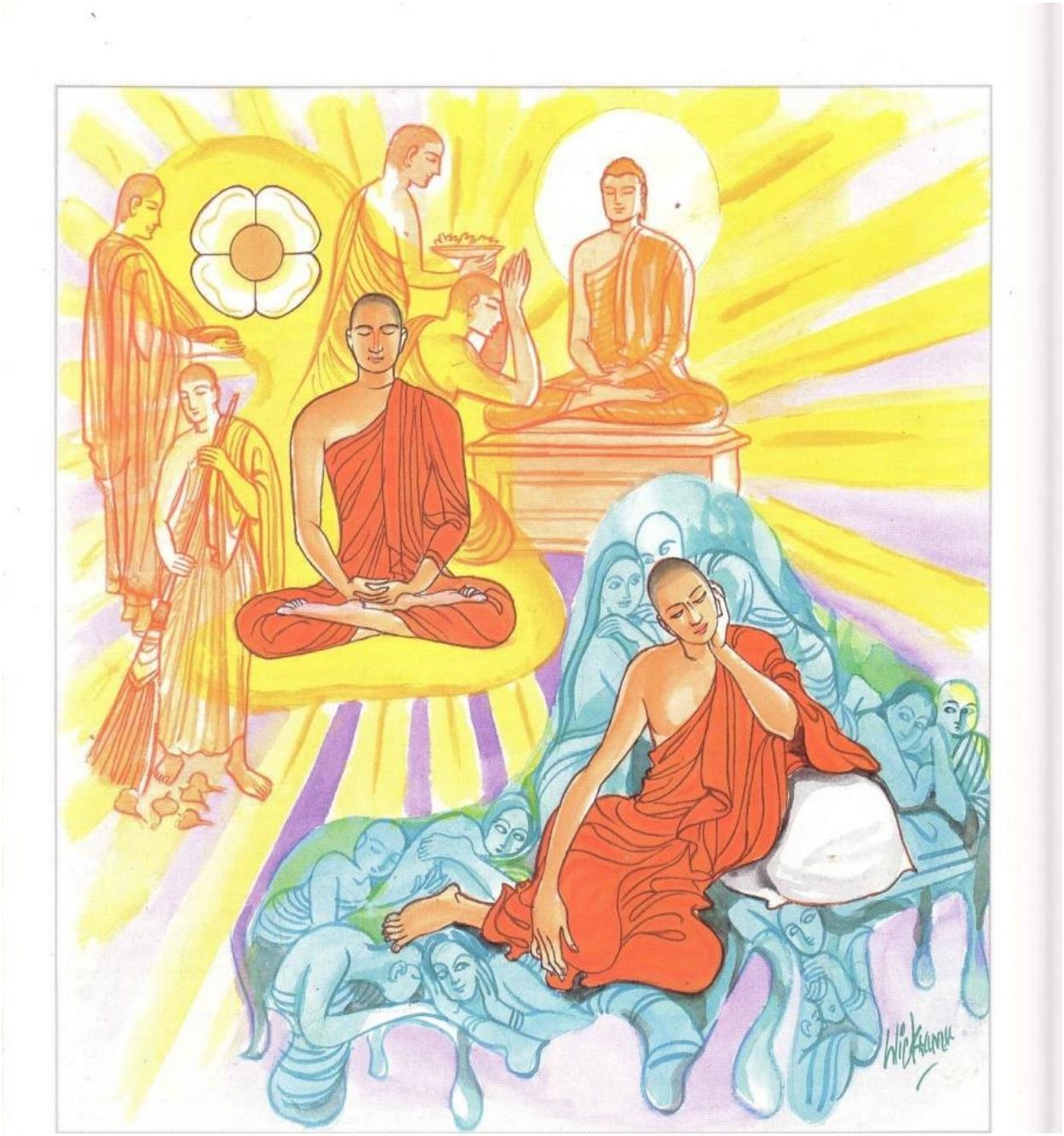

313. Nếu việc cần phải làm. Hãy quyết làm hết sức.
Thiếu công phu, nghị lực. Chỉ tung cát bụi mù!

XXII.6- CHUYỆN NỮ NHÂN HỜN GHEN

(Issāpakatatthī)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 314)

"Akataṃ dukkaṭaṃ seyyo	***"Ác hạnh không nên làm,***
Pacchā tapati dukkaṭaṃ	***Làm xong chịu khổ lụy,***
Katañ ca sukataṃ seyyo	***Thiện hạnh, ắt nên làm,***
Yaṃ katvā nānutappati".	***Làm xong, không ăn năn".***

Pháp Cú nầy được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài trú tại Jetavana, đề cập đến nữ nhân hờn ghen.

Một nữ nhân hờn ghen, bà đã hành phạt tàn nhẫn đối với một nữ tỳ đã gian díu với chồng bà. Bà bắt trói giam vào nhà, rồi hai vợ chồng đi đến Tịnh xá nghe Pháp. Thân tộc thấy tội nàng nữ tỳ, nên thả nàng ấy ra. Người tớ gái liền đi đến Tịnh xá, bạch sự kiện nầy đến Đức Thập Lực. Đức đạo Sư phán dạy rằng:

- Dù chỉ một việc ác nhỏ cũng không nên phạm. Dù chính hành động không ai biết cũng không nên thể hiện. Vì hành vi bất thiện sẽ kết quả khổ ở tương lai, hành vi thiện sẽ được sự an lạc.

Rồi Ngài thuyết kệ ngôn:

314. Tốt hơn không nên có hành vi sai lầm, nếu hành ác sẽ làm khổ ta về sau. Nên có hành động tốt, sau khi làm không sầu muộn.

☸

CHÚ GIẢI:

Trong những ý nghĩa các câu văn ấy, câu: Dukkaṭaṃ: Hành ác dẫn đến khổ cảnh, tốt hơn nên hành thiện, hướng thượng.

Pacchā tappati: chính hành động ấy khiến chúng sanh mòn mỏi sầu muộn mỗi khi nhớ đến.

Sukataṃ: hành thiện sẽ đưa chúng sanh đến nhàn cảnh.

Yaṃ katvā: người có hành động tốt về sau không sầu muộn, là hoan hỷ với việc thiện mình đã làm.

Dứt thời Pháp cả hai vợ chồng chứng Quả Dự Lưu… Tất cả gia nhân cùng gia chủ đều hướng về Chánh Pháp.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Máu ghen thông bịnh của đàn bà!
Tớ gái sao gan lấy chủ nhà,
Lẽo mũi, lắc tay cho xấu mặt,
Từ nay phải bỏ thói điêu ngoa,
Chồng ngốc tưởng đâu vợ cũng hiền,
Theo đi nghe pháp ở Kỳ Viên,
Bất ngờ nô tỳ ra đầu cáo,
Gương bể không lành, thật đảo điên,
Đời nay bác sĩ giỏi nhiều khoa,
Ghép mũi, khâu tai, trẻ đẹp ra,
Tóc giả trùm đầu, xinh quá mộng,
Còn ai hờn mát tuổi xuân già?...

DỨT TÍCH NỮ NHÂN HỜN GHEN

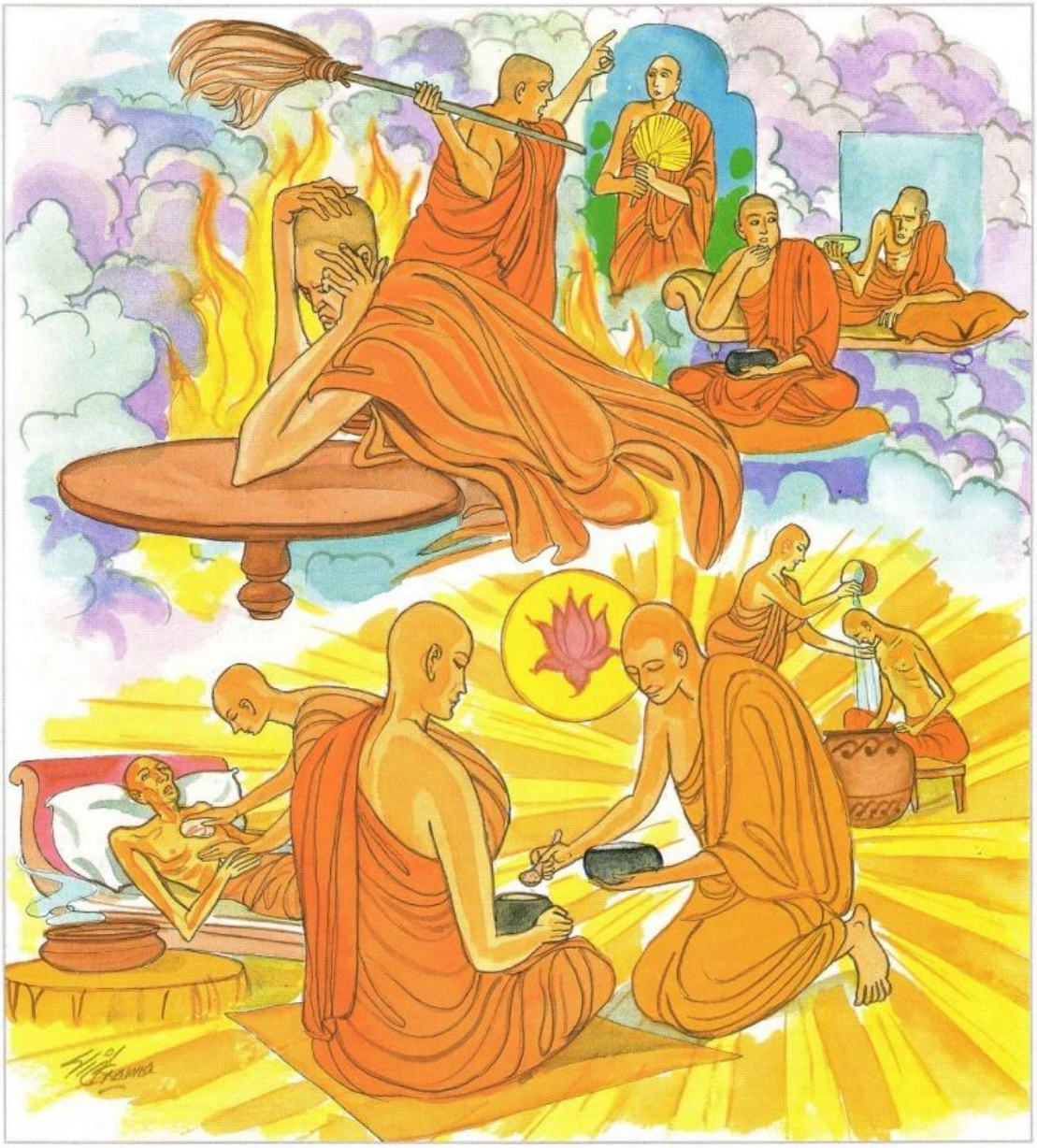

314. Chớ phạm phải điều ác. Làm ác khổ vô vàn. Việc thiện nên chu toàn. Làm xong khỏi ân hận.

XXII.7- CHUYỆN TĂNG KHÁCH

(Āgantu Rabhikkhu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 315)

"Nagaraṃ yathā paccantaṃ	***"Như thành ở biên thùy,***
Guttaṃ santarabāhiraṃ	***Trong ngoài đều phòng hộ***
Evaṃ gopetha attānaṃ	***Cũng vậy, phòng hộ mình,***
Khaṇo vo mā upaccagā	***Sát na chớ buông lung.***
Khaṇātīhā hi socanti	***Giây phút qua, sầu muộn.***
Nirayaṃhi samappitā".	***Khi rơi vào địa ngục".***

Pháp Cú nầy được Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến chư khách Tăng.

Được nghe rằng: Nhóm Tỳ khưu đó nhập hạ ở thành Paccanta, tháng đầu được an vui. Bỗng đâu vào tháng giữa bọn cướp tấn công thành, dân chúng bị trấn lột, từ đó thị dân luôn canh phòng bọn cướp cẩn mật, nên không có cơ hội hộ độ chư Tăng thường xuyên. Suốt thời gian an cư còn lại, các vị không được an vui vì gặp nhiều trở ngại. Sau khi mãn mùa an cư, các vị về yết kiến Bậc Đạo Sư, đảnh lễ rồi ngồi xuống một bên cho phải lẽ. Đức Thế Tôn phán:

- Nầy chư Tỳ khưu! Suốt ba tháng hạ, các ngươi có được an vui chăng?

- Bạch Thế Tôn, chúng con chỉ được an ổn trong tháng đầu, tháng giữa bị cướp bóc, dân cư phải lo rộn rịp canh phòng, không thường xuyên ủng hộ nên chúng con rất vất vả.

- Nầy các Tỳ khưu! Các ngươi đừng nghĩ khó tìm được cuộc sống an vui bền lâu. Tỳ khưu hãy canh chừng thân tâm như canh phòng thành trì vậy.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn sau:

315. Các người hãy cẩn mật giữ mình như người canh ải trấn biên thùy, thận trọng bên trong và ngoài không nên bỏ qua cơ hội, vì người bỏ lỡ cơ hội sẽ sầu muộn khi sanh vào đọa xứ.

CHÚ GIẢI:

Câu ***Santarabāhiraṃ…***: như người đóng bít các cửa ải trong và ngoài, canh giữ nghiêm ngặt như thế nào. Cũng vậy, chư Tỳ khưu hãy an trú niệm, thúc liễm lục căn, cẩn mật 6 nội xứ, dứt bỏ 6 ngoại xứ, đó là cẩn mật giữ mình.

Khaṇo vo mā upaccagā: là canh phòng thân tâm, những cơ hội như khi có Đức Phật giáng sanh tại Trung Ấn Độ, có thân hình khỏe mạnh, có chánh kiến chớ bỏ lỡ cơ hội, sẽ sầu muộn về sau.

Khaṇātītā…: người bỏ lỡ cơ hội sẽ sầu muộn khi sanh vào khổ cảnh.

Dứt thời Pháp, chư Tỳ khưu ấy chứng quả A La Hán.

Dịch Giả Cẩn Đề

Kiết hạ an cư tận ngoại biên,
Khách Tăng vì giặc sống không yên,
Nhân dân mãi bận xây thành lũy,
Thiện tín quên lo hưởng phước điền,
Ghi nhớ trong ngoài, phòng lục tặc,
Biết mình sau trước, dẹp chư duyên,
Tỳ Khưu cũng phải xây thành trí,
Mỗi sát na tâm chớ hận phiền.

DỨT TÍCH CHUYỆN TĂNG KHÁCH

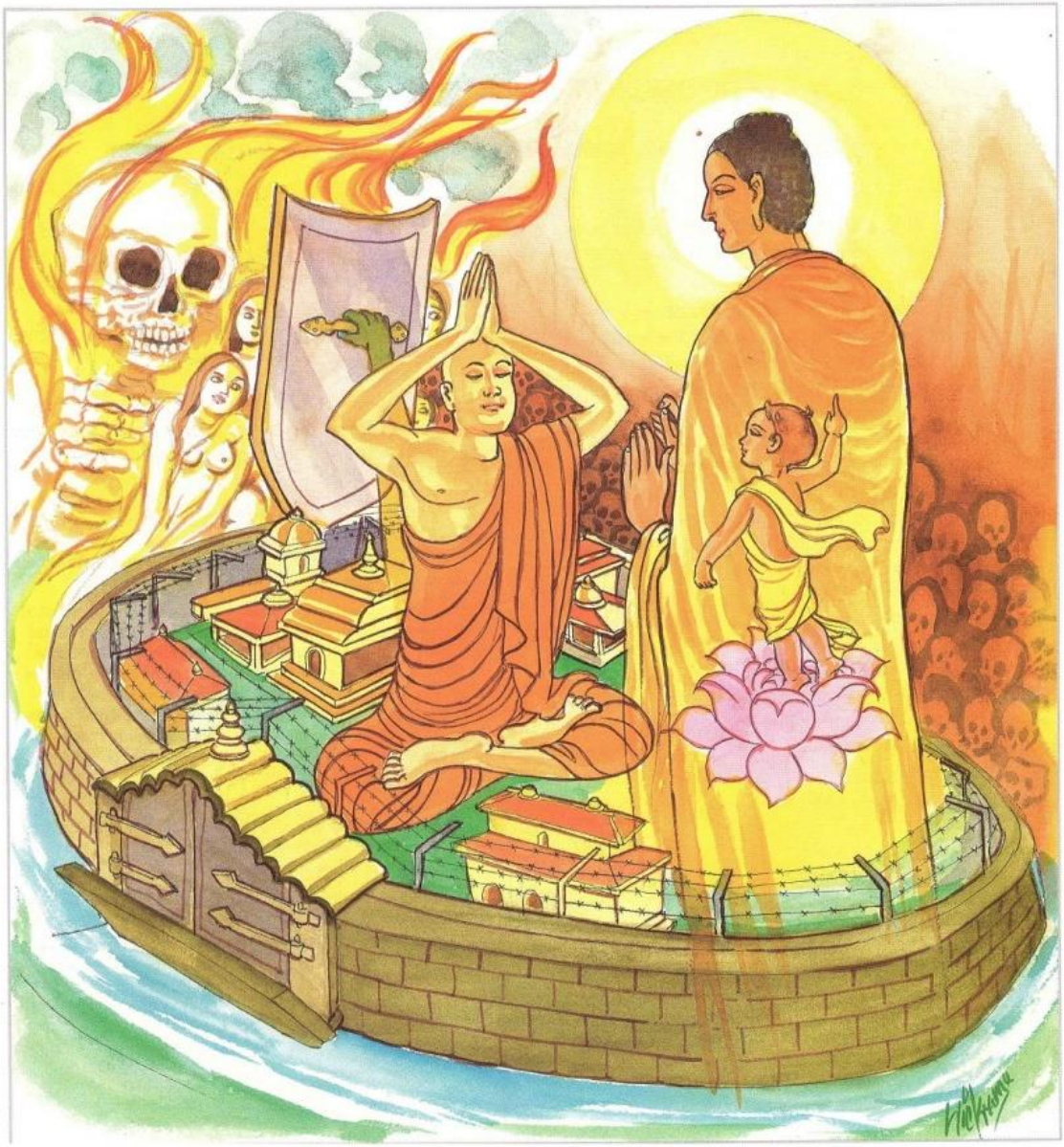

315. Như thành sát biên thùy. Trong ngoài canh nghiêm mật. Hãy phòng hộ chính mình. Đừng để cơ hội mất. Ai để cơ hội mất. Đọa địa ngục khổ đau.

XXII.8- CHUYỆN NIGANTHA

(Nigaṇḍha)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 316-317)

316. "Alajjitāye lajjanti	***"Không đáng hổ, lại hổ***
Lajjitāye na lajjare	***Việc đáng hổ, lại không.***
Micchādiṭṭhisamādānā	***Do chấp nhận tà kiến,***
Sattā gacchanti duggatiṃ".	***Chúng sanh đi ác thú".***
317. "Abhaya ca bhayadassino	***"Không đáng sợ, lại sợ***
Bhaye cābhayadassino	***Đáng sợ, lại thấy không,***
Micchādiṭṭhisamādānā	***Do chấp nhận tà kiến.***
Sattā gacchanti duggatiṃ".	***Chúng sanh đi ác thú".***

Pháp Cú nầy được Đức Đạo Sư thuyết lên khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến phái Nigantha.

Câu chuyện chi tiết rằng: Ngày kia, chư Tỳ khưu gặp phái Nigantha, rồi về luận bàn cùng nhau rằng: "Phái Nigantha tốt hơn phái lõa thể, vì họ che thân kín đáo và có sự hổ thẹn".

Phái Nigantha nghe được chuyện luận bàn nầy, họ giải thích: *Sở dĩ chúng tôi che kín thân thể, cát bụi đừng rớt vào thức ăn".*

Họ tranh luận sôi nổi với chư Tỳ khưu. Nhân cơ hội nầy, chư Tỳ khưu về yết kiến Bậc Đạo Sư, bạch rõ câu chuyện ấy.

Đức Thế Tôn phán rằng:

- Nầy Chư Tỳ khưu! Chúng sanh hổ thẹn ở chỗ không nên hổ thẹn và không hổ thẹn chỗ đáng hổ thẹn. Ôm ấp sai lầm ấy dẫn đến khổ cảnh.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn sau:

316. Chúng sanh hổ thẹn ở chỗ không đáng hổ thẹn, không hổ thẹn ở chỗ đáng hổ thẹn, ôm ấp tà kiến sẽ rơi vào khổ cảnh.

317. Chúng sanh thấy run sợ ở chỗ khôn nên run sợ, không sợ ở chỗ đáng sợ, ôm ấp tà kiến sẽ rơi vào khổ cảnh.

☸

CHÚ GIẢI:

Alajjitāye: không đáng hổ thẹn nơi chỗ đi khất thực. Thật vậy, sự hành khất thực không nên hổ thẹn, mà chúng cho là đáng hổ thẹn, đó gọi là hổ thẹn nơi không đáng hổ thẹn.

Lajjitāye: thân thể lõa lồ không kín đáo. Thật vậy, đó là chỗ đáng hổ thẹn mà chúng không hổ thẹn, lang thang đó đây. Vì vậy, chúng hổ thẹn ở chỗ không đáng hổ thẹn, không hổ thẹn ở chỗ đáng hổ thẹn.

Ôm ấp tà kiến, chấp thủ tự ngã, chúng cố chấp bám chấp như vậy, sau khi chết phải thọ sanh khổ cảnh - địa ngục...

Abhaye… là đi hành khất không đáng sợ, vì những phiền não như ái dục, sân hận, si mê, ngã mạn, tà kiến, sự nguy hại không sanh khởi do nhờ hạnh trì bình. Mà chúng không hành vì sợ sệt, đó là thấy chỗ không nên sợ lại sợ. Chỗ đáng sợ là lõa thể không kín đáo, khiến cho ái dục… phát sanh, đó là thấy chỗ đáng sợ lại không sợ. Chúng sanh ôm ấp tà kiến vì chấp thủ kiến sai lầm ấy, sau khi mệnh chung sanh vào khổ cảnh.

Dứt thời Pháp, phái Nigantha xuất gia theo chánh pháp. Pháp thoại có lợi ích cho hội chúng.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Nhóm Tỳ Kiều tử rộng tâm bi
Thương xót muôn loài bé tí ti,
Che miệng, mũi ngăn ngừa bụi bặm,
Xét ra tội chẳng nặng nề chi,
Tuy nhiên họ lại thích chơi kỳ,
Ôm bát ra đường, khỏi đắp y,
Tiết kiệm vải sô theo lối ấy,
Trăm người khen tặng, vạn người khi.

DỨT TÍCH NIGANTHA

☸



316. Việc đáng hổ không hổ. Việc không đáng lại hổ. Do ôm ấp tà kiến. Chúng sanh bị khốn khổ.

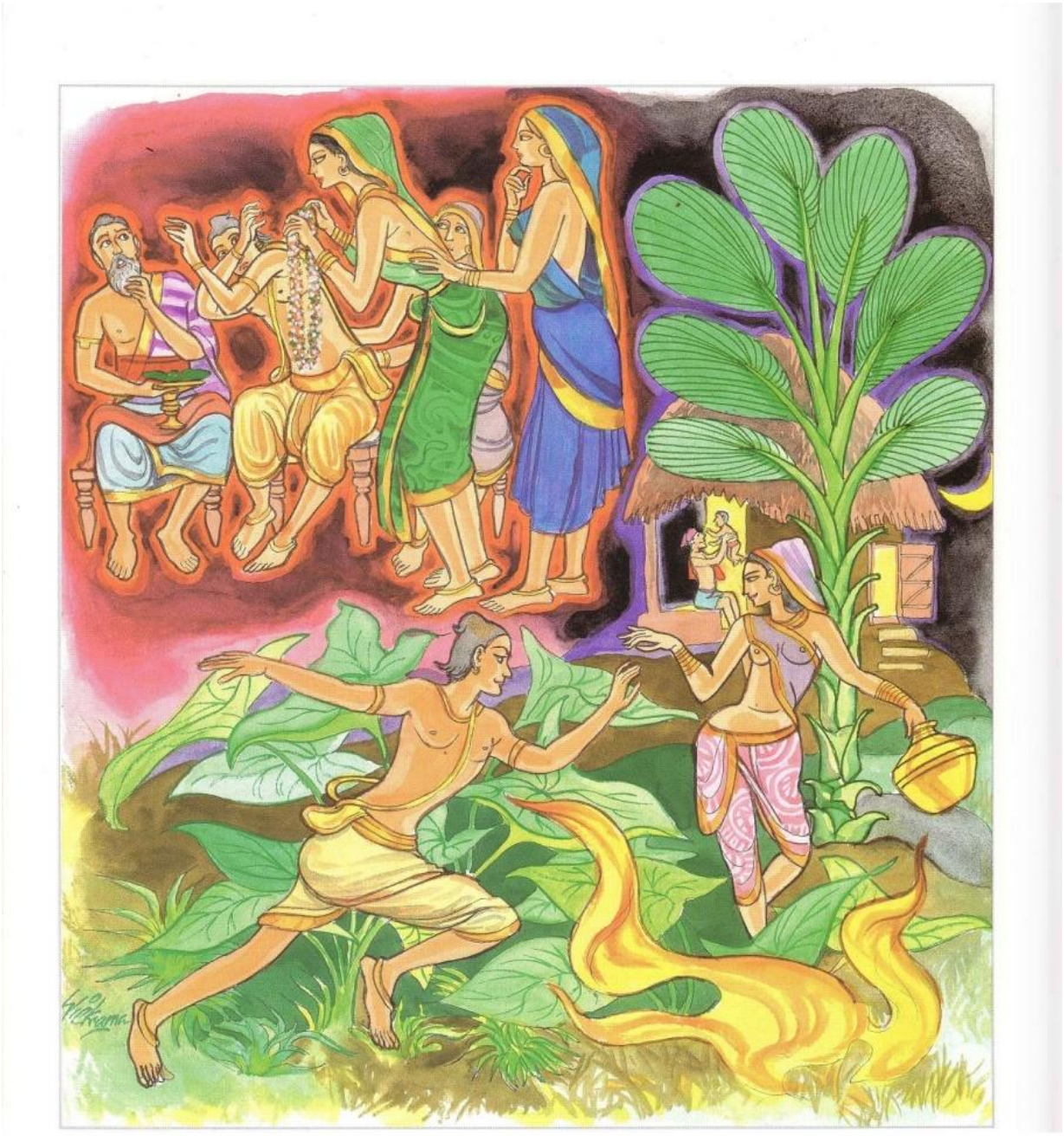

317. Việc đáng kinh không kinh. Việc không đáng lại kinh.
Do ôm ấp tà kiến. Chúng sanh bị ngục hình.

XXII.9- MÔN ĐỒ NGOẠI GIÁO

(Titthiyasāvaka)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 318-319)

318. "Avajje vajjadassino	***"Không lỗi, lại thấy lỗi,***
Vajje cāvajjadassino	***Có lỗi, lại thấy không,***
Micchādiṭṭhisamādānā	***Do chấp nhận tà kiến,***
Sattā gacchanti duggatiṃ".	***Chúng sanh đi ác thú".***
319. "Vajjañ ca vajjato ñatvā	***"Có lỗi, biết có lỗi,***
Avajjañ ca avajjato	***Không lỗi, biết là không,***
Sammādiṭṭhisamādānā	***Do chấp nhận chánh kiến,***
Satta gacchanti sugatiṃ".	***Chúng sanh đi cõi lành".***

Pháp Cú nầy được Đức Đạo Sư thuyết ra khi ngự tại Jetavana, đề cập đến môn đồ ngoại giáo.

Tương truyền rằng: Một ngày kia vài người ngoại đạo thấy con mình chơi đùa chung với những đứa bé con nhà chánh kiến, mãn cuộc chơi chúng về nhà, bị cha mẹ chúng ngăn cấm rằng: *"Không được đảnh lễ các Sa môn Thích Tử và không được đến chùa của các Sa môn".*

Một hôm, chúng đang chơi gần cổng chùa Jetavana, chúng khát nước nên bảo những đứa kia vào chùa xin nước uống. Lúc vào chùa mấy đứa kia đảnh lễ Bậc Đạo Sư và thuật lại chuyện ấy.

Đức Phật bảo chúng kêu đám trẻ nọ vào chùa uống nước. Sau khi chúng uống xong, Ngài giảng giải giáo pháp cho nghe, chúng phát tâm tín thành quy y. Chúng trở về thuật lại cho cha mẹ nghe, cha mẹ không hài lòng rằng:

- Các con đã sai lầm rồi.

Lúc bấy giờ, đứa trẻ thông minh nhất, đã truyền lại bài Pháp mà chúng vừa được nghe cho họ bớt phần nộ.

Cha mẹ chúng nghe xong vô cùng hoan hỷ: *Chúng ta sẽ giao những đứa bé nầy cho Sa môn Gotama".*

Rồi họ đi đến Tịnh xá yết kiến Đức Phật. Đức Phật quán xét thấy được Túc duyên của họ, Ngài thuyết lên kệ ngôn:

318. Chúng sanh nghĩ lỗi lầm ở chỗ không có lỗi, không thấy sai ở chỗ sai. Ôm ấp tà kiến sẽ rơi vào khổ cảnh.

319. Chúng sanh hiểu sai, biết sai, thấy đúng, biết đúng, là có chánh kiến sẽ vào nhàn cảnh.

☸

CHÚ GIẢI:

Trong những câu văn ấy, câu: ***Avajja:*** trong Chánh kiến có 10, nhờ pháp trợ duyên cho tri kiến chân chánh.

Vajjamatino: tưởng rằng: *"Có lỗi"*. Những chúng sanh không thấy sai ở chỗ sai, tà kiến có 10, những sai lầm trợ duyên cho tà kiến, chúng sanh ôm ấp tà kiến, cho mình đúng, nhận thức chánh cho là tà, tà cho là chánh. Do đó cứ khăng khăng cố chấp, sau khi chết sanh vào khổ cảnh.

Bài kệ thứ hai, Bậc Trí hãy hiểu nghịch lý như đã nói trên.

Dứt thời Pháp, cả những người ấy đều quy y Tam Bảo và chứng Quả Dự Lưu.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Cha theo ngoại đạo, cấm con nhà,
Chẳng được vào chùa lễ Phật Đà
Lũ trẻ mê chơi, chừng khát nước,
Vào chùa gặp Phật, vội quên cha,
Đã thế mà còn thọ giới quy,
Làm cha mẹ chúng quá sầu bi,
May nhờ khách đến khuyên theo chánh,
Phật độ toàn gia hết sở nghi.

DỨT TÍCH MÔN ĐỒ NGOẠI GIÁO

☸

DỨT PHẨM KHỔ CẢNH – NIRAYA VAGGA
DỨT PHẨM 22

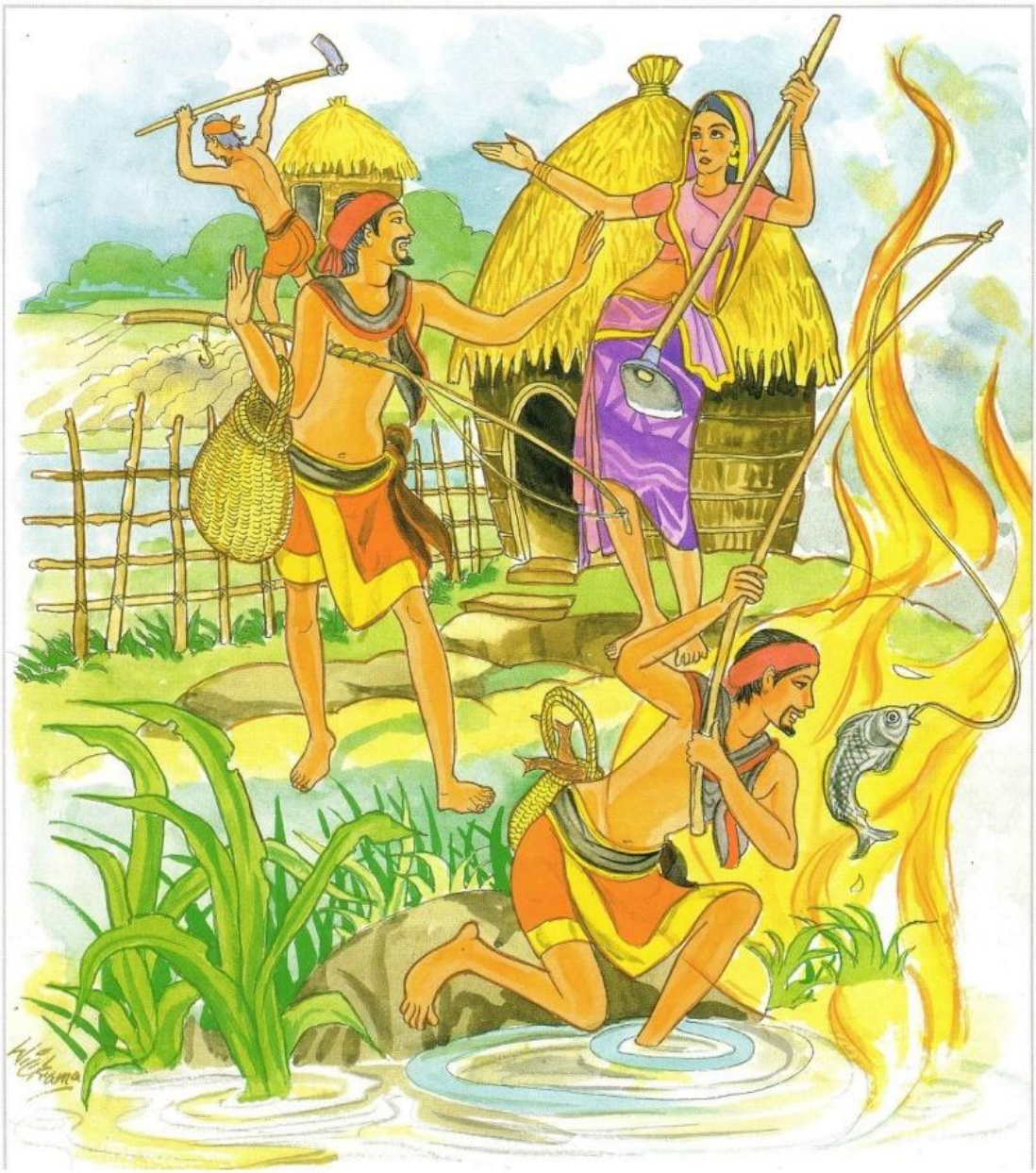

318. Không lỗi lại tưởng có. Có lỗi lại thấy không. Do ôm ấp tà kiến. Chúng sanh khổ vô ngần.

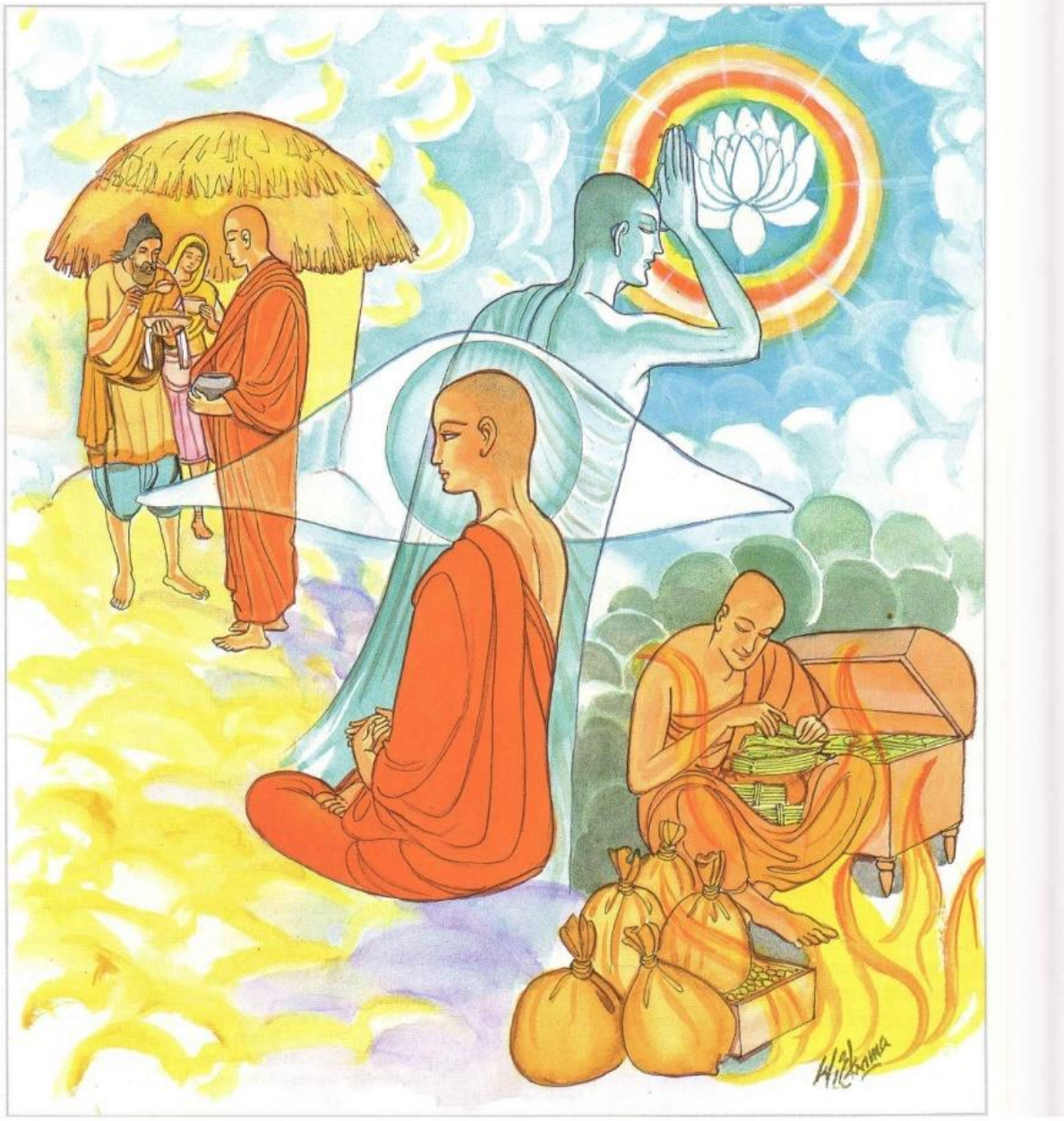

319. Có lỗi biết rằng có. Không lỗi biết rằng không. Nhờ hàm dưỡng chánh kiến. Chúng sanh sướng vô ngần.

XXIII. PHẨM VOI
(NĀGA VAGGA)

☸

- 13 bài kệ: Pháp Cú 320-333

- 8 tích truyện

XXIII.1- CHUYỆN BẬC ĐẠO SƯ

(Attano)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 320-321)

320. "Ahaṃ nāgo'va saṅgāme **Cāpāto patitaṃ saraṃ** **Ativākyaṃ titikkhissam.** **Dussīlo hi bahujjano".**	***"Ta như voi giữa trận*** ***Hứng chịu cung tên rơi,*** ***Chịu đựng mọi phỉ báng.*** ***Ác giới rất nhiều người".***
321. "Dantaṃ nayanti samitiṃ **Dantaṃ rājābhirūhati** **Danto seṭṭho manussesu** **Yo tivākyaṃ ti tikkhati".**	***"Voi luyện, đưa dự hội,*** ***Ngựa luyện, được Vua cưỡi,*** ***Người luyện, bậc tối thượng*** ***Chịu đựng mọi phỉ báng".***
322. "Varaṃ assatarā dantā **Ājānīyā ca sindhavā** **Kuñjarā ca mahānāgā** **Attadanto tato varaṃ".**	***"Tốt thay, con la thuần,*** ***Thuần chủng, loài ngựa xinh,*** ***Đại tượng, voi có ngà.*** ***Tự điều mới tối thượng".***

Pháp Cú nầy được Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại kinh thành Kosambi.

Chuyện nầy được nói rõ trong phẩm BẤT KHINH SUẤT. Tuy nhiên ở đây chỉ trích lược: Khi Thứ phi Māgandiyā không làm được gì Hoàng hậu Sāmāvatī và 500 cung nữ, nên tìm cách ám hại Đức Phật.

Nàng thuê người cả những côn đồ, nô lệ hay bất cứ ai, khi thấy Đức Thế Tôn đi vào thành phố là lăng mạ Ngài thậm tệ. Những kẻ sai lầm, không tin nơi Tam Bảo cứ đi theo sau Đức Phật mà mắng nhiếc Ngài với 10 thô tục ngữ như: Ngươi là đồ cướp, đồ ngu, đồ điên, đồ lừa, đồ bò, đồ lạc đà, đồ súc sanh, địa ngục, ngươi không thể sanh về nhàn cảnh, ngươi chỉ có khổ cảnh mà thôi.

Không chịu nổi, Đại Đức Ānanda bạch thỉnh Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Dân cư ở đây lăng mạ chúng ta, vậy xin Ngài hãy đi nơi khác vậy.

- Đi đâu đây hỡi Ānanda!

- Bạch Thế Tôn, đến nơi nào cũng được, miễn là rời khỏi đây.

- Nếu người xứ đó lại mắng chửi nữa thì phải làm sao?

- Bạch Ngài! Chúng ta sẽ đi xứ khác nữa.

- Nếu nơi mới lại lăng mạ chúng ta nữa thì sao?

- Bạch Thế Tôn! Ta lại tiếp tục đến xứ khác nữa.

- Nầy Ānanda! Không nên như thế, sự kiện nào khởi sanh nơi đâu thì phải dàn xếp chính tại nơi ấy, rồi mới ra đi. Nầy Ānanda! Ai là người lăng mạ chúng ta?

- Bạch Thế Tôn! Tất cả mọi người ngay cả những nô lệ.

- Nầy Ānanda! Ta ví như voi chiến lâm trận, bình thản vững tiến trước làn tên mũi đạn tứ phía bắn vào. Cũng vậy, hãy thản nhiên hứng chịu những lời nguyền rủa ấy đi.

Rồi Ngài thuyết lên bài kệ như sau:

320. Như Lai sẽ chịu đựng những lời nguyền rủa, giống như voi chiến ở trận mạc, hứng lãnh những làn tên mũi đạn. Thật vậy, phần nhiều là những người sống phi pháp.

321. Người ta dẫn những con ngựa đã khéo điêu luyện đến nơi (vua quan) hội họp. Nhà vua chọn con nào thiện xảo nhất để cưỡi. Cũng vậy, giữa những người, tối thượng nhất là người thiện xảo chịu đựng những lời nhục mạ.

322. Cao quý thay những con lừa thuần thục, những con ngựa thuần chủng của xứ Sindha và những thớt tượng sang trọng có ngà, hơn những loài thú khác. Nhưng con người thuần thục (tự chế) là hơn tất cả.

☸

CHÚ GIẢI:

Nāgo'va: Giống như thớt tượng. Hai câu: ***Cāpāto patitaṃ:*** rớt khỏi cung. Câu: ***Ativākyaṃ:*** là vọng ngôn, có tám điều:

1- Adiṭṭhe diṭṭhavāditā: không thấy nói thấy.

2- Assute sutavāditā: không nghe nói nghe.

3- Amute mutavāditā: không hiểu nói hiểu.

4- Aviññāte viññātavaditā: không biết nói biết.

5- Diṭṭhe adiṭṭhāvāditā: thấy nói không thấy

6- Sute asutavāditā: nghe nói không nghe.

7- Mute amutavāditā: hiểu nói không hiểu.

8- Viññāte aviññātavāditā: biết nói không biết.

Titikkhissaṃ: Như voi thuần thục lâm trận, phải hứng lãnh những mũi tên bắn vào người như thế nào, Như Lai đã kham nhẫn đối với những lời lăng mạ như vậy.

Dussīlo hi: thế gian rất nhiều người phi pháp, nói những lời thô bỉ cho vừa ý mình. Sự kham nhẫn là trách nhiệm của Như Lai.

Samitiṃ: là giữa hội chúng như nơi vườn Thượng Uyển – hội trường... bò hay ngựa kéo xe rất điêu luyện.

Rājā: Đức vua rất hài lòng khi cỡi những con vật khéo thuần thục.

Câu ***Manussesu:*** những người thiện xảo chấm dứt mọi phiền não bằng Tứ Thánh Đạo, là nơi tối thượng nhất.

Yotivākyaṃ: người kham nhẫn là người không trả lời, không rung động trước những lời lẽ thô bỉ, vì đã khéo huấn luyện, đó là người tối thượng nhất.

Mẹ ngựa – cha lừa sẽ sanh ra con La thuần thục, gọi là Assatara.

Ājānīyā: nhạy bén trong lúc người xà ích luyện tập.

Ngựa sinh ra ở xứ Sindha gọi là ngựa Sindha, thớt tượng gọi là voi chiến.

Attadanto…: lừa thuần thục hay ngựa thuần chủng hoặc voi chiến đã khéo huấn luyện là thứ quý nhất. Người tự điều phục mình, chấm dứt mọi trói buộc bằng Tứ Thánh Đạo, người nầy còn cao quý hơn tất cả những loài thuần chủng ấy.

Dứt thời Pháp, những người đứng lăng mạ Ngài ở ngã ba đường chứng Quả Dự Lưu.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Đức Phật người đời cũng chẳng tha,
Chửi luôn bảy bữa, thử chơi mà!
Như voi chiến chịu nhiều tên bắn,
Ngài vẫn điềm nhiên, giữ dịu hòa,
Tâm chẳng thù vơ, chỉ xót thương,
Chúng sanh đa số hạng tầm thường,
Ví như con trẻ ham đường kẹo,
Bị xúi làm nhăng cũng tán dương,
Bỗng nhiên thấy pháp vội quay đầu,
Quần chúng từ đây mến đạo mầu,
Chửi Phật để rồi thành Phật tử,
Độ người, người độ, chẳng lâu đâu.

DỨT TÍCH CHUYỆN BẬC ĐẠO SƯ

☸

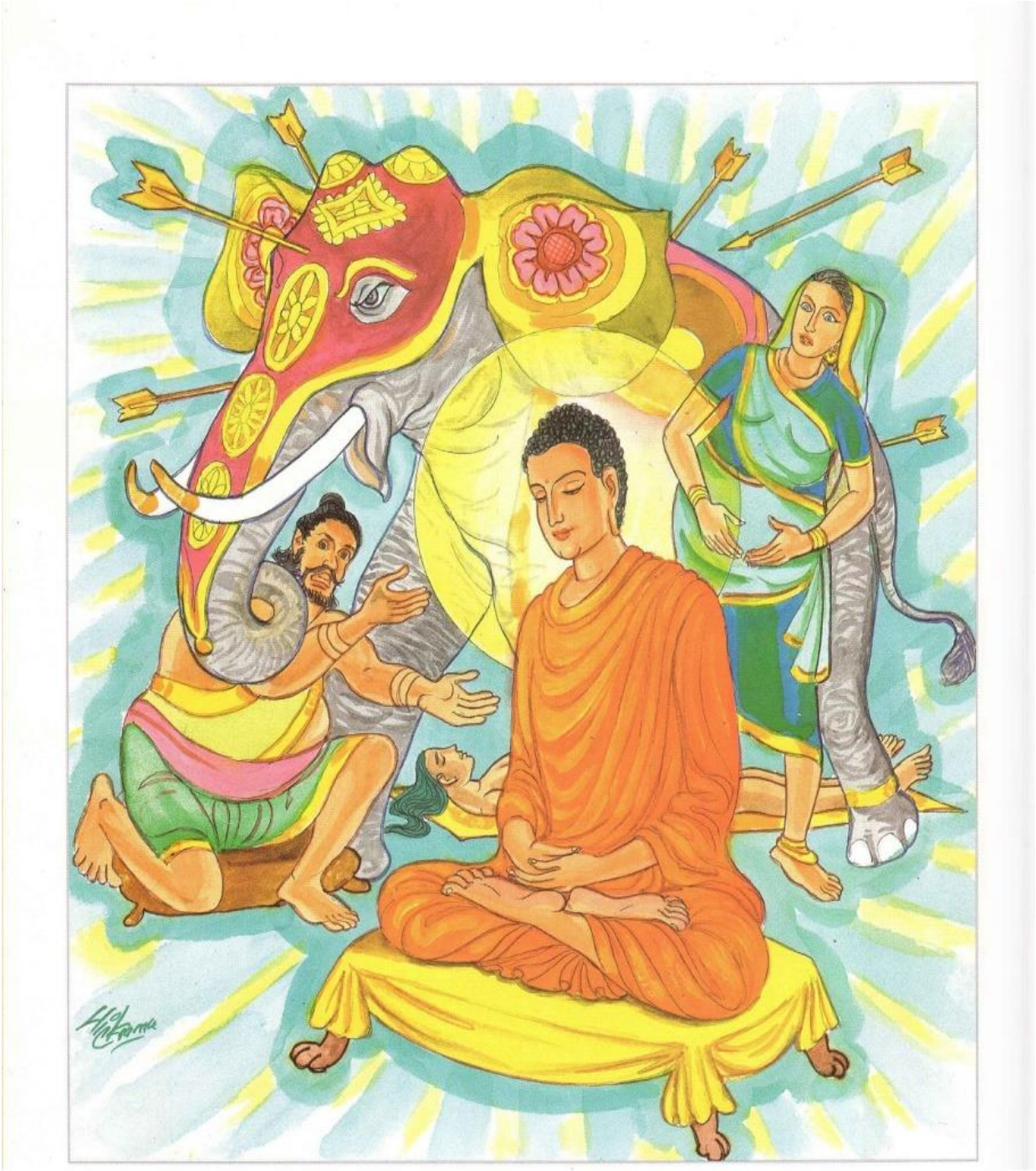

320. Như voi giữa chiến địa. Kháng cự mọi cung tên.
Ta chịu đựng hủy báng. Phá giới biết bao người.

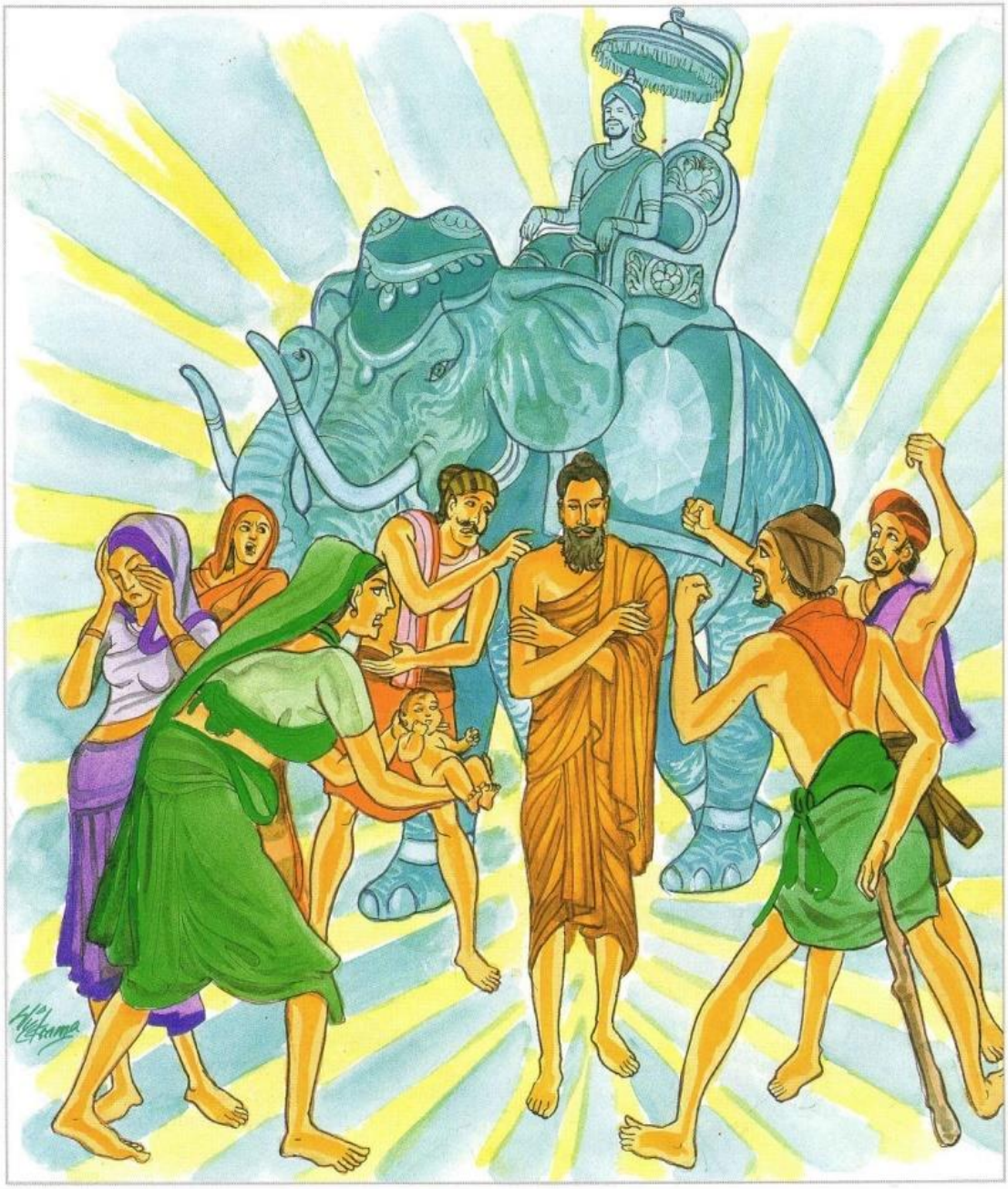

321. Kẻ luyện voi dự hội. Người luyện ngựa dâng vua.
Bậc tôi luyện thượng thừa. Chịu đựng mọi phỉ báng.



322. Quý thay lừa thuần thục. Quý thay giống ngựa Sindha. Quý thay voi ngà báu. Tuyệt thay bậc luyện mình.

XXIII.2- CHUYỆN MỘT TĂNG SĨ

(Hatthācariyapubbaka)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 323)

"Na hi etehi yānehi	***"Chẳng phải loài cưỡi ấy,***
Gaccheyya agataṃ disaṃ	***Đưa người đến Níp Bàn,***
Yathā'attanā sudantena	***Chỉ có người tự điều,***
Danto dantena gacchati.	***Đến đích nhờ điều phục".***

Pháp Cú nầy Bậc Đạo Sư thuyết ra khi Ngài trú tại Jetavana, đề cập đến vị Tỳ khưu trước kia huấn luyện voi.

Được nghe rằng: Một ngày kia, vị ấy thấy người nài đang huấn luyện con voi ở bờ sông Aciravatī, nhưng không điều khiển được nó, thấy vậy vị ấy chỉ cách điều voi cho người nài voi:

- Anh hãy thọt đót vào chỗ đó, chỗ đó, thì nó sẽ vâng lời anh ngay.

Theo lời chỉ dẫn của vị ấy, người nài voi đã thành công. Chư Tỳ khưu bạch chuyện nầy lên Đức Thế Tôn. Ngài cho đòi vị ấy đến phán hỏi rằng:

- Nầy Tỳ khưu! Sự thật ra sao vậy?

Khi vị ấy xác nhận là đúng theo sự thật như thế. Ngài khiển trách:

- Hỡi kẻ cuồng sĩ, vì sao ngươi lại làm như vậy. Vì rằng chẳng có cỗ xe nào đưa mình đến cứu cánh cả, chỉ có tự khắc phục lấy mình mới đi đến đó được. Do đó, hãy tự đào luyện mình, cần gì với những phương tiện đó chứ.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn như sau:

323. Chắc chắn không bao giờ có những phương tiện đưa đến cứu cánh, giống như người khéo điêu luyện khắc phục tự ngã chân chánh.

☸

CHÚ GIẢI:

Bài kệ nầy có ý nghĩa rằng: Đến mục đích là Níp Bàn, thì dù cho có mơ ước đi bằng phương tiện nào cũng chẳng được. Chỉ trừ ra tự đào luyện trí tuệ để đưa đến Níp Bàn là chỗ chưa từng đến, phải thu thúc các căn ở giai đoạn đầu, tu tiến Thánh Đạo ở giai đoạn cuối như vậy. Vì vậy phải chuyên cần khắc phục tự ngã tối thượng.

Dứt thời Pháp, nhiều người chứng Quả Dự Lưu.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Thấy anh quản tượng chẳng rành nghề,
Sư cũng thày lay nói nọ kia,
Dạy chúng làm nên, thầy lại quở,
"Đường tu không thiết ngựa, voi, xe!",
Niết Bàn là cảnh giới cao siêu,
Phải đến bằng danh sắc tự điều,
Thu thúc lục căn, noi Thánh Đạo,
Đạt thành sơ quả quý hơn nhiều.

DỨT TÍCH MỘT TĂNG SĨ



323. Chẳng phải nhờ voi ngựa. Đưa ta đến Niết bàn.
Chính bậc tự điều phục. Đạt đến bờ thênh thang.

XXIII.3- BÀ LA MÔN LÃO NIÊN

(Parijiṇbrāhmaṇaputtā)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 324)

"Dhanapālako nāma kuñjaro	***"Con voi tên Tài Hộ,***
Kaṭukappabhedano dunivārayo	***Phát dục, khó điều phục,***
Baddho kabalaṃ na bhuñjati	***Trói buộc, không ăn uống.***
Sumarati nāgavanassa kuñjaro".	***Voi nhớ đến rừng voi".***

Khi Bậc Đạo Sư lưu trú ở Jetavana, Ngài đề cập đến con trai vị Bà la môn già.

Được nghe rằng: Tại thành Sāvatthī có một ông Bà la môn có gia sản trị giá 80 Koṭi, ông có bốn người con. Khi chúng trưởng thành, ông phân chia cho chúng nữa gia sản. Rồi thì theo định luật vô thường, nó như bóng câu qua cửa sổ, vợ ông mệnh chung. Bấy giờ các con ông bàn tính rằng: "Nếu ông ta bước thêm bước nữa thì e rằng gia đình suy sụp, vì phải chia tài sản cho em cùng cha khác mẹ". Nhất trí cùng nhau, họ an ủi và phụng dưỡng cho ông. Hằng ngày chúng săn sóc cho ông từ miếng ăn thức uống, cho đến việc tắm rửa cho ông rất chu đáo. Ngày kia, sau khi ông thức dậy, chúng vừa vệ sinh cho ông vừa nói về kiếp sống thế tục đau thương, rồi khẩn khoản.

- Cha hãy an lòng, chúng con sẽ nuôi dưỡng cha suốt đời. Vậy cha hãy giao hết gia sản cho chúng con đi.

Và ông cho thêm mỗi người là 10 Koṭi tiền vàng, chỉ chừa lại những bộ xiêm y. Người con trưởng nuôi ông được vài ba ngày, rồi khi ông vừa đi tắm trở về, nàng dâu hỏi ông rằng:

- Cha có cho anh hai hơn những người kia số tiền là 100 hay 1000 đồng vàng đâu? Sao cha ở lại nơi nầy lâu như thế, mà không ở nhà những người kia.

Ông tức giận nạt rằng:

- Thôi ngươi hãy im đi.

Ông bỏ đi đến nhà người con trai thứ hai, vài ngày sau ông cũng bị nàng dâu thứ hai hỏi như thế. Ông lại lần lượt đến hai nhà của hai người con kia, cũng bị như thế nữa. Sự đau buồn càng lúc càng dồn dập trong tâm ông, ông quyết định xuất gia làm Đạo sĩ. Đi hành khất từ tháng nầy sang năm nọ nên thân thể hao mòn, sức lực ngày càng mòn mỏi vì thiếu chất bổ dưỡng. Ông cảm thấy mình cô đơn hiu quạnh, khi tuổi đã xế chiều mà không có người con nào nuôi dưỡng cả. Càng nghĩ ông càng buồn tủi, chợt ông nhớ đến Đức Phật "Sa môn Gotama vẻ mặt thanh nhã vui tươi, lời nói thanh tao nhã nhặn". Rồi ông mang hành trang đi đến trú xứ của Đức Thế Tôn, để tìm người an ủi tinh thần.

Thật vậy, ngay cả những vị A Xà Lê đã ghi lại: Lúc đó, Bà la môn ấy thiểu não, xiêm y tả tơi, đi đến yết kiến Đức Phật. Bậc Đạo Sư thấu rõ nỗi khổ tâm của ông, Ngài bèn phán hỏi:

- Nầy Bà la môn vì sao ngươi u buồn, y áo rách đến như vậy?

Ông nói với những nỗi nghẹn ngào:

- Thưa Sa môn Gotama! Tôi có bốn người con. Chúng nghe lời vợ sàm tấu nên đuổi tôi đi.

- Nầy Bà la môn! Nếu vậy ông hãy học lấy bài kệ nầy đi, đi đến chỗ đông người, chờ có con ông ông hãy đọc lên: "Tôi có bốn người con, tôi thương chúng vô hạn, mong muốn chúng trưởng thành hạnh phúc, nhưng ngờ đâu chúng hắt hủi tôi như con chó uy hiếp con lợn. Chúng là kẻ phi nghĩa, hạ liệt, tuy hình thức là con tôi nhưng thực chất là loài phi nhơn dã thú, chúng bỏ tôi lang thang buồn khổ khi tuổi xế chiều, nên bây giờ phải đi hành khất từng nhà, giống như ngựa già không còn sức kéo xe, nên bị họ mổ thịt vậy. Tôi còn có cây gậy quý báu, những người còn hồ nghi: Cây gậy đồng nghĩa với con bò dữ hoặc con chó, tuy nhiên nó có hại đối với người không khéo dùng. Khi đi ban đêm bị ngã nó chống đỡ tôi dậy, nó trở thành hữu dụng đúng cách".

Sau khi thọ trì bài kệ nơi Đức Thế Tôn, nhân ngày hội có đủ mặt mọi người, có cả những nghịch tử của ông, đứng giữa hội chúng, ông kiến nghị:

- Tôi muốn nói với quý vị bài kệ nầy, chẳng hay quý vị có lắng nghe hay chăng?

Mọi người nôn nóng muốn nghe, ông liền nói bài kệ ấy, lúc ấy, những vị có quan chức đã đề nghị:

- Người con nào đã thừa hưởng phụ ấm (mà) không phụng dưỡng cha mẹ. Người con ấy phải xử tử.

Lúc bấy giờ, các con ong quỳ xuống khẩn cầu:

- Cha ơi! Xin cha thương xót tha chết cho chúng con.

Ông xúc động tình phụ tử nên cũng xin cho con rằng:

- Xin quý vị hãy ân xá cho chúng, chúng sẽ nuôi dưỡng tôi.

Khi mọi người quyết định: *"Kể từ nay trở đi, các người phải hết lòng phụng dưỡng ông, nếu còn tái phạm chúng tôi sẽ trừng trị đúng cách".* Các con thất kinh, rước ông về tắm rửa sạch sẽ thoa xức hương liệu… Các nữ Bà la môn cũng đến răn dạy: *"Từ nay trở đi các ngươi hãy cố tâm chăm sóc cho ông, nếu còn tái phạm sẽ bị trừng trị đích đáng đó".*

Nhờ vật thực bổ dưỡng nên thân thể ông hồng hào mập tròn, hai ba ngày sau thân thể ông khỏe mạnh. Ông lại nhớ đến Đức Phật nên mới được như vậy. Ông mang một cặp vải đến dâng Ngài, đảnh lễ Ngài rồi bạch rằng:

- Thưa Sa môn Gotama, con là Bà la môn được tài sản nhờ Ngài, xin Ngài vui lòng nhận chút quà nhỏ bé nầy, gọi là tấm lòng thành của con, (kể từ nay) con xin làm đệ tử Ngài.

Đức Thế Tôn nhận lãnh cặp vải rồi, Ngài giảng pháp tế độ cho ông. Dứt thời Pháp, ông Bà la môn quy y Tam Bảo, rồi bạch rằng:

- Thưa Sa môn Gotama! Con được bốn bát cơm của con cho con, con xin dâng Ngài hai bát.

- Lành thay! Nầy Bà la môn Ta sẽ đến đó theo ý ông. Ông về nhà bảo các con:

- Các con ơi! Sa môn Gotama là bạn của cha. Ngày mai Ngài đến đây, các con nhớ dâng hai bát cơm nầy cho Ngài.

Sáng ngày Đức Phật ngự đến nhà người con Trưởng nam của ông. Vừa thấy Ngài, y rước bát thỉnh vào nhà an ngự chỗ thích hợp và đã dâng cúng thực phẩm thượng vị. Tuần tự mỗi ngày, Ngài tiếp tục ngự đến nhà những người con kia. Và những người ấy đã dâng cúng Ngài rất kính trọng.

Ngày hôm sau, người Trưởng nam tổ chức lễ cầu an mới thưa với ông Bà la môn:

- Thưa thân phụ! Chúng con sẽ thỉnh vị nào tụng kinh an lành?

- Cha chỉ biết Sa môn Gotama, bạn của cha thôi.

- Nếu vậy, cha hãy thỉnh Ngài và 500 vị Tỳ khưu sáng mai đến đây thọ thực.

Ông đã đến thỉnh Ngài. Sáng ngày Bậc Đạo Sư cùng Tăng chúng an vị nơi sang trọng và thích hợp, cúng dường cơm đề hồ cùng vật thực thượng vị. Bốn người con của ông bạch rằng:

- Thưa Sa môn Gotama! Chúng con đã phụng dưỡng thân phụ của chúng con chu đáo, xin Ngài từ bi tế độ cho ông.

- Các ngươi đã hành thiện sự, sự nuôi dưỡng cha mẹ, các bậc trí tuệ ngày xưa cũng đã từng làm rồi.

Và Ngài thuyết giảng Bổn Sanh chi tiết rằng: "Con tượng ấy bỏ đi vì những cây non đâm chồi sung mãn…". Rồi Ngài thuyết bài kệ như sau:

324. Tượng Dhanapālako bất trị, bị giam cầm bỏ ăn, nhịn đói. Tượng (luôn) nhớ tưởng về rừng nhà.

☸

<u>CHÚ GIẢI:</u>

Câu: ***Dhanapālako nāma:*** Đó là tên con voi của Đức vua Kāsikarāja, do người nài voi bắt ở rừng Nāga (Mù U) đem về.

Kaṭukappabhedano: Hung tợn. Thật vậy, trong lúc nó thịnh nộ, hai tai nó vểnh lên, ngay cả lúc bình thường nó cũng không sợ vũ khí, nhưng con tượng Dhanapālako rất dung dữ, vì thế Đức Thế Tôn gọi là Kaṭukappabhedano dunnivārayo.

Câu: ***Baddho kabalaṃ nabhuñjati:*** Voi Dhanapālako bị giam cầm dù nhà vua ra lịnh cho họ trải lót thảm nhung và cho ăn những thức ăn ngon, nó chẳng màng đến, cho nên câu: Baddho kabalaṃ nabhuñjati (nầy) Đức Thế Tôn chỉ về trạng thái của con tượng bị giam cầm.

Sumarati nāgavanassa: Chẳng phải con voi Dhanapālako chỉ nhớ về khu rừng, trú xứ an lành, mà nó nhớ tưởng mẹ phải xa lìa con, con voi ấy luôn có pháp phụng dưỡng cha mẹ và đắn đo suy nghĩ: *"Vật thực nầy đối với ta có ích gì?"*. Mà chỉ luôn

nghĩ về cha mẹ. Chính con voi ấy có những pháp đó cho nên Đức Phật gọi là *"Sumarati nāgavansasa kuñjaro".*

Sau khi Ngài thuyết dẫn Bổn Sanh của con tượng ấy, các con của Bà la môn già động tâm, thân tình phụ tử nổi lên dào dạt và thấm nhập lạc pháp, rồi Ngài thuyết lên Tứ Thánh Đế.

Dứt thời Pháp, Bà la môn cùng các con chứng Quả Dự Lưu.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Bốn con nghe vợ đuổi cha già,
Ông cụ buồn hiu phải xuất gia,
Sống nếp thanh bần đời Khất sĩ,
Người ông tiều tụy khác xưa xa,
Nghe đồn Đức Phật Đại từ bi,
Tìm đến mong Ngài dạy pháp chi,
Thoát khỏi đường tu đầy khổ hạnh,
Phật cho ông học một bài thi,
Giữa nơi tứ chúng hội đông vầy,
Ông nói: "Cho tôi đọc kệ nầy"
Kệ dứt, con ông xin sám hối,
Nguyện xin chuộc tội, kể từ đây.
Cây gậy nào hơn bốn đứa con trai,
Chẳng qua mượn cớ nhắc chừng ai,
Quạt nồng ấp lạnh, gương con hiếu,
Kìm Cổ Đông Tây tán tụng hoài.

☸

Kệ rằng:

Những con ta đã cầu mong,
Lúc sanh, ta đã thỏa lòng ước ao,
Nghe lời vợ chúng xúi vào,
Ngăn ta như thể chó nhào cắn heo,
Khinh ta là kẻ đói nghèo,
Ngoài môi vẫn gọi "Cha yêu" ngọt ngào,

Con ta la sát khác nào,
Bỏ ta lúc tuổi tác cao, yếu già,
Ngựa già vô dụng thải ra,
Cỏ tươi, cháo cám đâu mà thí cho,
Làm cha những đứa ngu khờ,
Nhà người dưng phải ăn nhờ bát cơm,
Gậy ta có lẽ quý hơn,
Đám con bất hiếu không còn biết cha,
Gậy xưa bò dữ tránh xa,
Ngăn con chó dữ không ai lại gần,
Ban đêm có gậy mò lần,
Chỗ sâu, chỗ cạn, khỏi cần sợ lo,
Nhờ cây gậy chống đỡ giò,
Sẩy chân đứng dậy, tự do một mình.

DỨT TÍCH BÀ LA MÔN LÃO NIÊN

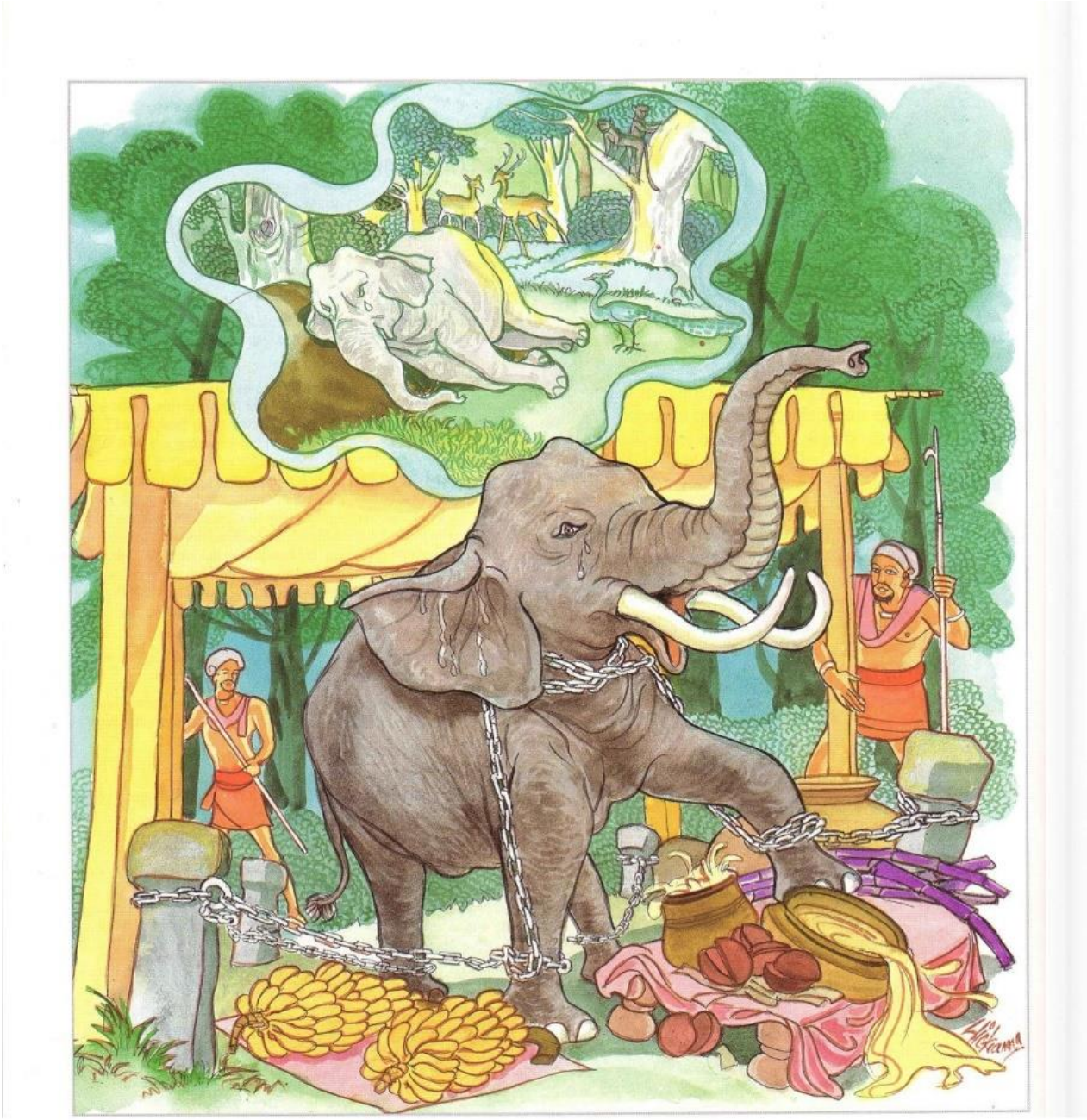

324. Voi kia tên Tài hộ. Phát dục tiết mùi hăng.
Bất trị bị giam giữ. Bỏ ăn, nhớ rừng xanh.

XXIII.4- QUỐC VƯƠNG PASENADIKOSALA

(Pasenodikosalarāja)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 325)

"Middhī yadā hoti mahagghaso ca	***"Người ưa ngủ, ăn nhiều***
Niddāyitā samparivattasāyī	***Nằm lăn lóc qua lại,***
Mahāvarāho va nivāpapuṭṭho	***Chẳng khác heo no bụng,***
Punappunaṃ gabbham upeti mando".	***Kẻ ngu nhập thai mãi".***

Pháp Cú nầy được Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến vua Pasenadikosala.

Tương truyền rằng: Ngày kia Đức vua ăn uống quá độ, không tiết chế vật thực, rồi đi đến yết kiến Đức Phật, thân hình mệt mỏi khó chịu, ráng kham nhẫn hôn mê, mãi lo nhìn quanh quẩn. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn phán hỏi rằng:

- Nầy Đại vương! Đại vương chưa được nghỉ ngơi sao lại đến đây?

- Bạch Thế Tôn! Vì con ăn quá độ nên thấy khó chịu.

Đức Thế Tôn phán rằng:

- Nầy Đại vương! Người ăn uống thiếu tiết độ thường cảm nhận là khổ.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

325. "Người thiếu trí ăn quá độ, khi hôn mê thích ngủ, ngã lăn nằm dài như con heo to mà họ nuôi bằng thức ăn thừa vậy. Người ấy sanh tử trở đi trở lại triền miên.

☸

CHÚ GIẢI:

Trong những câu văn ấy, câu: ***Middhī:*** Người uể oải hôn mê.

> **Mahagghaso:** Người ăn quá độ giống như āharahatthakabrāhmaṇa alaṅsātakabrahmaṇa, tatthavaṭṭakabrāhmaṇa, kākamāsakabrāhmaṇa và bhuttavannikabrahmaṇa: Một người nào.

Nivāpapuṭṭho nghĩa là: Được nuôi bằng cám… Thật vậy, con heo được họ nuôi từ nhỏ, thân hình béo mập, cứ quanh quẩn trong chuồng rồi ngủ mê man. Cũng vậy, Ngài giảng giải: "Như người hôn mê ăn nhiều, không thể luyện tập thân thể khỏe mạnh, thường ngủ mãi như con heo to được nuôi bằng thức ăn thừa thế nào. Khi người không thể suy niệm về Tam tướng *"Aniccaṃ, dukkhaṃ, anattā"* được, vì trí tuệ lu mờ, nặng bụng, khó chịu.

Dứt thời Pháp, Ngài liền thuyết tiếp bài kệ:

"Người chánh niệm luôn khi, ẩm thực tiết độ, thiểu bịnh và trường thọ". Ngài đã dạy thanh niên Uttara bài kệ nầy: "Khi nào Đức vua dùng, ngươi hãy nói lên để Đức

vua tiết chế lại". Y theo lời dạy của Ngài, Uttara nói lên kệ ngôn ấy khi Đức vua đang dùng vật thực.

Nhờ sự khuyên dạy của Đức Phật, nhà vua ăn uống tiết độ, thân thể khỏe mạnh, càng tăng thêm niềm kính mến Ngài, rồi Đức vua cúng dường trọng thể trọn 7 ngày. Sau khi Ngài phúc chúc, hội chúng tại nơi ấy chứng quả Thánh Nhân.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Nhiều cám thì heo mặc sức ăn,
Ăn no, mặc sức cứ nằm lăn,
Người khôn chẳng giống như heo ú,
Tiết độ nơi mình, tự giới răn,
Nhà vua lúc trước mập nặng nề,
Vì lẽ ăn uống quá phủ phê,
Sau khỏe nhờ ra công giảm thực,
Đồng thời cũng giảm được si mê.

DỨT TÍCH QUỐC VƯƠNG PASENADIKOSALA

☸

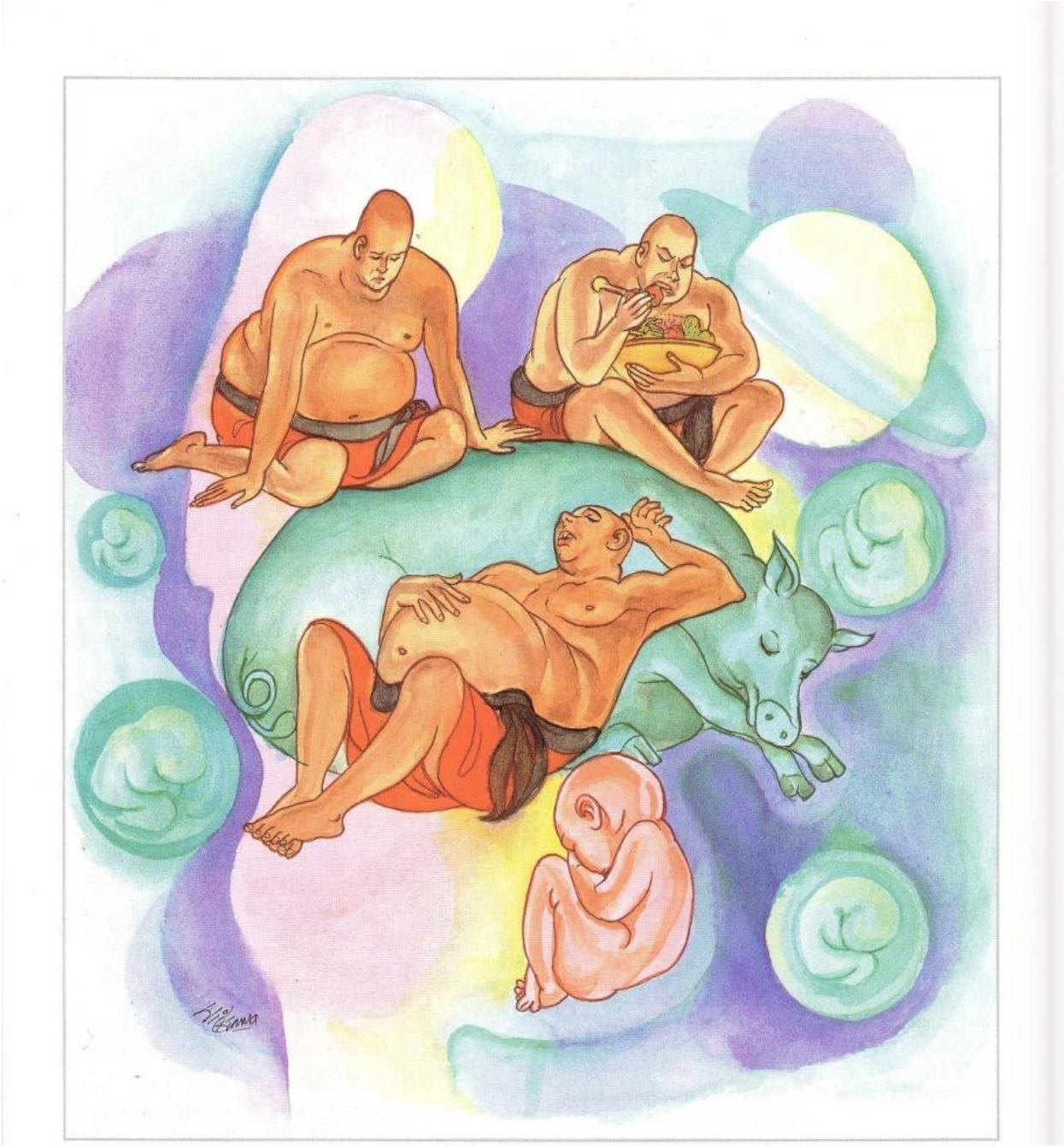

325. Kẻ ngu si ám độn. Ham ăn ngủ như heo.
Bạ đâu nằm lăn đó. Luân hồi mãi cuốn theo.

XXIII.5- SA DI SĀNU

(Sānusāmaṇera)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 326)

"Idhaṃ pure cittaṃ acāri cārikaṃ	***"Trước tâm nầy buông lung***
Yena icchakaṃ yatthakāmaṃ yatthāsukhaṃ	***Chạy theo ái, dục, lạc.***
Tadajj'ahaṃ niggahessāmi yoniso	***Nay Ta chánh chế ngự,***
Hatthippabhinnaṃ viya aṅkusaggaho".	***Như cầm móc điều voi".***

Kệ ngôn nầy được Đức đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Sa di Sānu.

Tương truyền rằng: Sa di tuổi trẻ ấy là con của một cận sự nữ, được mẹ cho xuất gia từ nhỏ. Sau khi xuất gia, vị ấy giữ giới hạnh rất trang nghiêm, luôn làm tròn phận sự với bậc Trưởng thượng như thầy hòa thượng, thầy Giáo thọ và những vị Khách Tăng.

Một tháng tám ngày (bát quan) vị ấy thức dậy sớm, múc nước nhà tắm, quét dọn giảng đường, thắp hương đăng, vị ấy thuyết pháp rất thanh tao, lời nói ngọt ngào tuyệt diệu. Chư Tỳ khưu thường biết Sānu là người có nhiều kiến thức nên thường mời Sa di giảng pháp. Vị ấy không bao giờ viện lẽ mệt mỏi hay bịnh hoạn, luôn sẵn lòng giảng giải, lời nói rất trôi chảy như nước từ hư không đổ xuống, luôn hồi hướng công đức Pháp thí đến cha mẹ. Mọi người đều biết sau thời giảng vị ấy luôn tâm nguyện như vậy.

Một nữ dạ xoa là mẹ kiếp trước của Sa di Sānu, bà cùng chư thiên được Sa di hồi hướng Pháp Thí. Chư thiên giới đức trang nghiêm hằng được chư thiên và nhân loại mến mộ. Do đó, chư thiên rất kính trọng và nể sợ Sa di như vị Đại Phạm Thiên. Cả nữ dạ xoa là mẹ của Sānu cũng kính trọng Sa di, những lúc thính pháp hay hội họp nơi đâu, nữ dạ xoa nhờ năng lực hồi hướng pháp thí của Sānu mà được chư thiên kính trọng. Các nữ dạ xoa khác rất ưu trọng nữ dạ xoa về cung cách như nhường chỗ sang trọng, đãi những loại nước thơm ngon tinh khiết, hoặc những vật thực thượng vị, vì luôn tâm niệm: "Dạ xoa nữ nầy là mẹ của Sa di Sānu".

Dù cho nữ dạ xoa đại uy lực khi thấy nữ dạ xoa nầy cũng kiêng nể mà mở đường nhường chỗ.

Khi đến tuổi trưởng thành, thân hình tráng kiện, bị mùi tục lụy cám dỗ. Sa di chán nản với đời sống đạo hạnh, để tóc và móng tay dài, y bát nhơ nhớp, thui thủi một mình trở về nhà mà chẳng tỏ bày cho ai biết cả, mẹ ông thấy về nhà mới hỏi rằng:

- Khi trước Sư về nhà với chư Tăng hay thầy Hòa Thượng hoặc Giáo thọ sư hoặc bạn đồng phạm hạnh, mà sao hôm nay Sư lại về một mình.

Sa di trình bày sự việc ấy cho mẹ biết. Bà mẹ là tín nữ thuần thành, bà có giải thích về sự khổ của thế tục bằng cách nào đi nữa, Sa di cũng không nghe, vẫn khăng khăng quyết định theo ý mình. Bà mẹ nói:

- Thôi, nếu Sư đã quyết định thì hãy chờ tôi nấu cơm ăn xong rồi, sẽ lựa những loại hàng quý để may đồ theo ý thích của Sư.

Rồi trải chỗ ngồi cho Sa di gần chỗ bà nấu cơm. Trong lúc đó, nữ dạ xoa suy nghĩ: "Sa di đi đâu? Có được vật thực hay chưa?". Bà thấy được ông đang ở nhà và có ý niệm hoàn tục, nghĩ rằng: *"Ông nầy sẽ làm cho ta thẹn với chư thiên, ta phải đến khuyên ngăn chuyện hoàn tục của ông"*. Rồi nhập vào Sa di, bẻ cổ mắt trợn ngược, sôi bọt miếng, té sấp dưới đất. Bà mẹ thấy thế hốt hoảng la to rằng: *"Ôi nầy Sa di"*, rồi ôm con vào lòng. Tất cả mọi người chung quanh tụ lại cúng vái khẩn cầu. Bà tín nữ than khóc bằng kệ ngôn rằng:

"Người thọ trì bát quan
Trong một tháng tám ngày
14,15 và mùng tám
Giữ tròn ngày đưa rước
Thực hành phạm hạnh ấy
Dạ xoa không uy hiếp
Tôi tín thọ lời nầy
Từ những bậc La Hán
Tại sao ngày hôm nay
Tôi thấy các dạ xoa
Bắt Sa di Sānu".

Nữ dạ xoa nghe bà nói kệ như thế, liền đáp rằng:

"Dạ xoa không uy hiếp
Những người thọ Bát quan
Trong một tháng tám ngày
14,15 và mùng tám
Giữ tròn ngày nguyện xả
Thực hành phạm hạnh ấy
Đó là lời giảng dạy
Của các bậc La Hán
Chân chánh và thuần mỹ".

Rồi bà nói tiếp rằng:

"Xin bà hãy thuật lại
Những lời của dạ xoa
Cho Sa di Sānu
Tỉnh ngộ và chánh niệm
Ông không nên tạo ác nghiệp
Chỗ thanh vắng hay kín đáo
Một khi ông sắp làm
Hay đang làm một tội nào

Dù ông bay trốn đâu
Cũng không thoát khỏi khổ đau".

Nữ Dạ xoa nói:

- Một khi đã tạo ác nghiệp, dù có cánh bay như các loài chim cũng không tránh khỏi.

Rồi bà xuất ra.

Sa di tỉnh lại, thấy mẹ xả tóc khóc than và có rất nhiều người láng giềng vây quanh, không biết mình đã bị phi nhơn nhập vào, ông ngạc nhiên hỏi mẹ rằng:

- Khi nãy con ngồi trên ghế, mẹ ngồi nấu cơm gần đây, sao giờ con lại nằm dưới đất. Ông lại hỏi mẹ bằng kệ ngôn rằng:

"Mẹ ơi người ta khóc
Những người chết hay sống?
Ở đây không thấy nói
Mẹ ơi! Mẹ có thấy
Con vẫn còn sống mà
Mà sao lại khóc than
Tại sao vậy hở mẹ".

Bà liền nói về tai hại của đời sống thế tục, cùng ác quả của người đã từng xuất gia, từ bỏ lạc thú ở đời và bây giờ định hoàn tục. Bà đáp rằng:

"Thật đúng vậy con ạ
Người ta khóc kể người
Quá cố hay sinh tồn
Ở đây không đề cập
Mà ở đây chỉ nói
Người ta than khóc cho
Người đã bỏ trần tục
Bây giờ lại trở về
Thọ hưởng trần dục lạc
Dù người ấy còn sống
Cũng xem như đã chết".

Sự nguy hại của thế tục, đời sống xuất gia là tốt đẹp, đời sống gia đình tựa như lò lửa than hay như vực thẳm đang trói buộc chúng ta.

"Con ơi! Con thoát khỏi
Vòng trói buộc vực thẳm
Mà bây giờ lại rớt
Vào trói buộc vực thẳm".

- Con ơi! Con hãy chuyên cần tinh tấn và bây giờ tôi nhờ ai giải quyết được việc nầy. Con yêu quý của tôi, xuất gia trong Đạo Pháp ví như người đem vật quý trong nhà đang cháy ra ngoài, mà hôm nay lại trở vào căn nhà cháy. Xin quý vị giúp tôi khuyên ngăn Sa di Sānu việc nầy.

Rồi bà nói lên kệ ngôn rằng:

"Xin quý vị giúp tôi
Sách tấn cho Sa di
Tôi nhờ ai giải quyết
Nỗi khổ tâm khó xử
Sa di như vật báu
Được đem từ nhà cháy
Bây giờ trở lại vào
Căn nhà đang bị cháy".

Sa di Sānu nghe vậy chán nản không hoàn tục nữa. Và khi đúng tuổi thọ Tỳ khưu. Mẹ ông rất hoan hỷ lo lễ cho ông xuất gia Tỳ khưu.

Sự kiện nầy thấu đến Bậc Đạo Sư, Ngài khuyên dạy rằng:

- Dĩ nhiên, tâm thường bám vào trần cảnh, tức nhiên tâm người ấy không được an vui. Vì vậy, người hãy cố gắng khắc phục tâm cũng như quản tượng cố gắng điều phục con tượng vậy.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

326. Trước kia tâm nầy buông lung phóng dật, theo trần cảnh tùy thích, theo ý muốn. Ngày nay ta nắm vững và điều phục nó với chánh niệm, như người quản tượng trị thớt tượng.

☸

CHÚ GIẢI:

Ý nghĩa của bài kệ nầy là: Trước kia tâm nầy buông lung, phóng dật tùy thích theo các cảnh như cảnh sắc… làm theo ước vọng của nó như ái dục… đó là (đi theo) cảnh trần tùy sở thích của tâm. Khi nào nó chạy theo khi ấy lạc thú cũng bám dính, nhưng hôm nay ta sẽ chế ngự nó, an trú chánh niệm, trói cột nó như người quản tượng nắm vững và điều phục con tượng vậy.

Dứt thời Pháp vô số chư thiên và Sānu thành đạt Thánh nhân. Từ đó, Tỳ khưu Sānu học giỏi thông suốt Tam Tạng trở thành vị Pháp Sư lỗi lạc và sống đến 120 tuổi mới Níp Bàn.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Sa Nú xuất gia lúc bé thơ,
Chăm lo phận sự, chẳng bơ thờ,
Hay hồi hướng phước cho Cha Mẹ,
Đến tuổi hai mươi muốn trở cờ,
Mẹ đâu muốn trẻ sất về nhà,
Khi sắp vô giòng Phật Thích Ca,
Chẳng phải riêng mình bà thí chủ,
Thương con, còn có nữ Dạ xoa,
Hai mẹ giúp thầy vượt khỏi rừng,
Từ đây bước tiến nguyện không ngừng,
Phật càng đốc thúc thầy tinh tấn,
Chế ngự tâm phàm, chớ dửng dưng,
Như anh quản tượng, khéo điều voi,
Sa Nú điều tâm thật hẳn hoi,
Tam Tạng thuộc làu, thành lậu tận,
Trăm hai tuổi thọ, đáng con nòi.

DỨT TÍCH SADI SĀNU

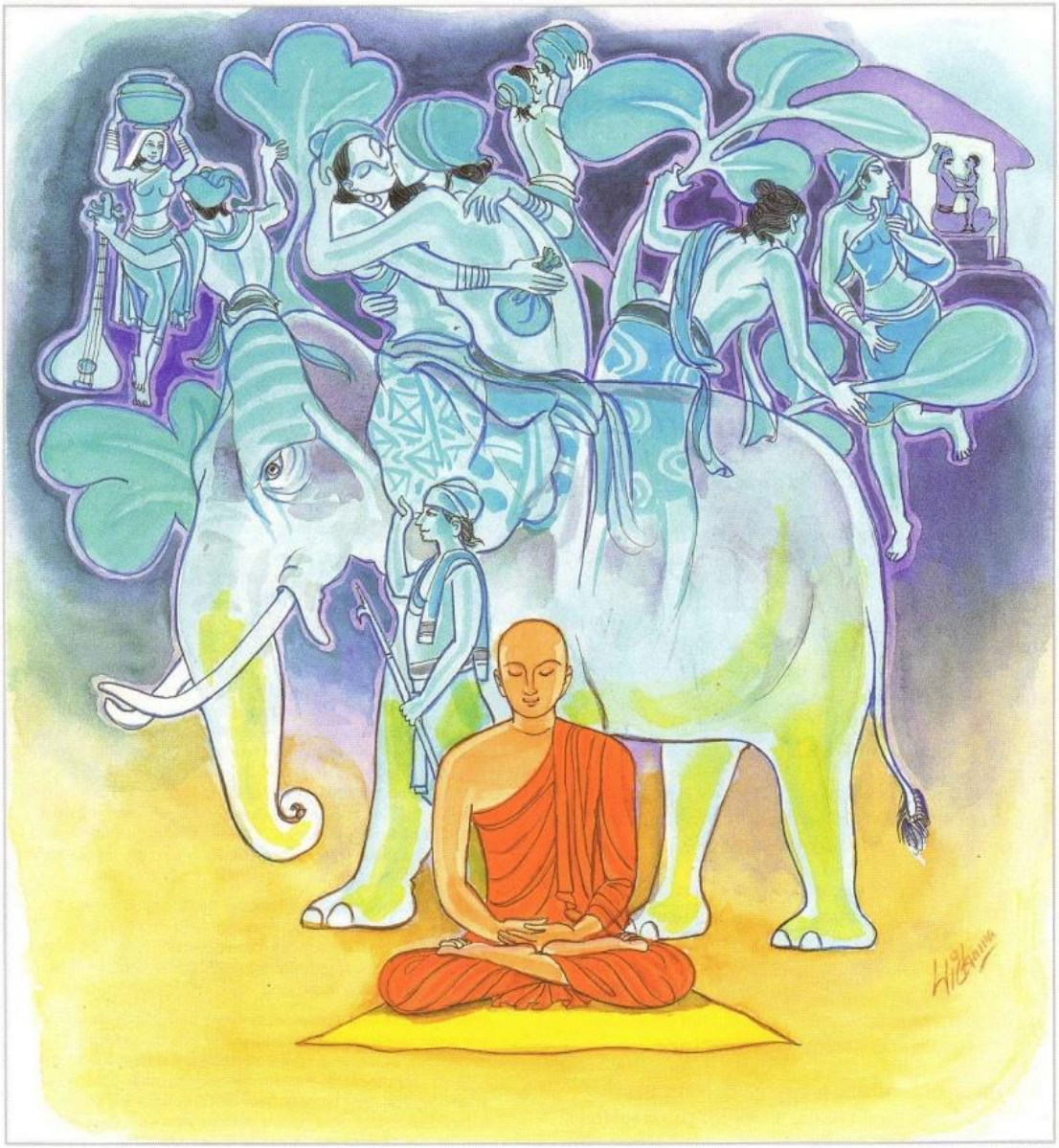

326. Xưa tâm này phóng đãng. Theo dục lạc đua đòi. Nay chuyên tâm nhiếp phục. Như quản trượng điều voi.

XXIII.6- THỚT TƯỢNG PĀVERAKA

(Pāverakahatthi)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 327)

"Appamādaratā hotha	***"Hãy vui không phóng dật,***
Sa cittaṃ anurakkhattha	***Khéo phòng hộ tâm ý.***
Dugga uddharathattānaṃ	***Kéo mình khỏi ác đạo,***
Paṃke sanno va kuñjaro".	***Như voi bị sa lầy".***

Bậc Đạo Sư khi trú tại Jetavana, đề cập đến tượng Pāveraka của Quốc Vương Pasenadi, thuyết lên kệ ngôn nầy.

Được nghe rằng: Tượng ấy đã hết sức mạnh vì đã già nua, một hôm đi xuống hồ tắm bị mắc lầy không còn đủ sức để vươn lên khỏi bùn lầy. Mọi người thấy vậy bàn tán xôn xao: *"Tượng nầy chưa kiệt sức"*. Sự kiện nầy thấu đến tai Đức vua, Ngài truyền lệnh cho người quản tượng *"đi cứu tượng khỏi đầm lầy"*. Ông cho đánh chiêng trống lên như đang sẵn sàng lâm trận. Tượng nổi hăng rút chân ra khỏi đầm lầy. Chư Tỳ khưu thấy sự việc nầy về bạch trình với Bậc Đạo Sư. Ngài phán rằng:

- Nầy chư Tỳ khưu! Tượng ấy cố gắng rút mình ra khỏi đầm lầy. Cũng vậy, các ngươi hãy tinh cần rút ra khỏi đầm lầy phiền não, cho nên các ngươi hãy nổ lực như con tượng ấy.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

327. Các ngươi hãy thỏa thích trong chánh niệm, hãy tinh cần canh phòng tâm, hãy rút mình ra khỏi đầm lầy như vậy.

☸

CHÚ GIẢI:

Câu: ***Appamādaratā***: là các ngươi hãy thỏa thích trong sự bất khinh suất.

Sa cittaṃ: nghĩa là hãy canh phòng tâm trong các cảnh trần như sắc trần… đừng để nó chạy ra theo.

Sanno: nghĩa là con tượng cố gắng rút chân ra khỏi đầm lầy, lên bờ được như thế nào, cả các ngươi cũng hãy nhiệt tâm nỗ lực rút khỏi đầm lầy phiền não, thành đạt Níp Bàn như vậy.

Dứt thời Pháp, chư Tỳ khưu ấy chứng quả A La Hán.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Pa Vê Rá Ká bị sa lầy,
Già yếu không mong thoát khỏi đây,
Quản tượng phất cờ rung trống trận,
Làm voi phấn khởi vượt lên ngay,
Tỳ khưu lợi dưỡng cũng sa lầy,
Chẳng thể tự mình thoát khỏi đây,
Đức Phật đóng vai người quản tượng

DỨT TÍCH TƯỢNG PĀVERAKA

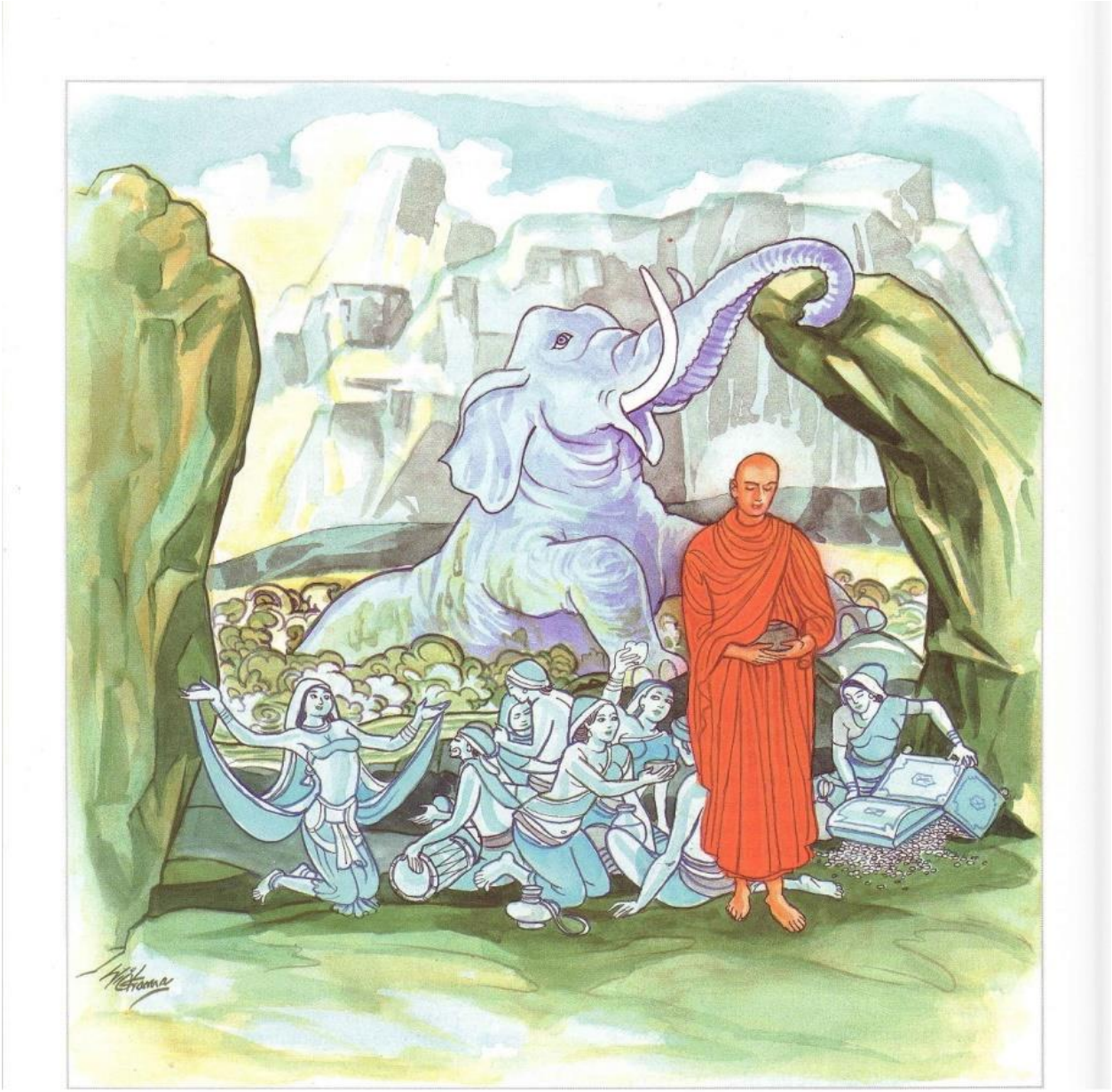

327. Hãy tinh cần, vui vẻ. Khéo giữ tâm ý thầy.
Tự thoát khỏi ác đạo. Như voi vượt sình lầy.

XXIII.7- CHUYỆN CHƯ TỲ KHƯU

(Sanbahulabhikkhu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 328-329-330)

328. "Sace labhetha nipakaṃ sahāyaṃ **Saddhiṃ caraṃ sādhuvihāridhīraṃ** **Abhibhuyya sabbāni parissayāni** **Careyya ten'attamano satīmā".**	***"Nếu được bạn hiền trí*** ***Đáng sống chung, hạnh lành,*** ***Nhiếp nhục mọi hiểm nguy*** ***Hoan hỷ sống chánh niệm".***
329. "No ce labhetha nipakaṃ sahāyaṃ **Saddhiṃ caraṃ sādhuvihāridhīraṃ** **Rājā va raṭṭhaṃ vijitaṃ pahāya** **Eko care mātaṅgarañño'va nāgo".**	***"Không gặp bạn hiền trí*** ***Đáng sống chung, hạnh lành,*** ***Như Vua bỏ nước bại,*** ***Hãy sống riêng cô độc,*** ***Như voi sống rừng voi".***
330. "Ekassa caritaṃ seyyo **Natthi bāle sahāyatā** **Eko care na ca pāpāni kayirā** **Appossukko mataṅgarañño'va nāgo".**	***"Tốt hơn sống một mình,*** ***Không người ngu kết bạn.*** ***Độc thân không ác hạnh*** ***Sống vô tư vô lự*** ***Như voi sống rừng voi".***

Khi Bậc Đạo Sư lưu trú tại khu Lâm Vụ Pālileyaka thuộc Đại Lâm Rakkhita, Ngài đề cập đến số đông Tỳ Khưu, thuyết pháp thoại nầy.

(Tương truuyền rằng): Câu chuyện nầy đã có trong kệ ngôn *"Pare ca ne vijānanti",* thuộc Phẩm Song yếu.

Thật vậy, câu chuyện Đức Thế Tôn trú ngụ tại rừng Rakkhita, Ngài được Tượng chúa phục dịch chu đáo, mọi người đều hiểu rõ. Những gia đình đại cự phú tộc như Trưởng giả Anāthapiṇḍika, bà Visākhā đã khẩn cầu Đại Đức Ānanda rằng:

- Bạch Ngài, Ngài hãy nói rõ cho chúng tôi biết hiện Đức Đạo Sư ngự tại nơi nào?

Cả 500 vị Tỳ khưu khác cũng đến nơi, yêu cầu Đại Đức Ānanda thỉnh Đức Thế Tôn trở về, muốn diện kiến và nghe Pháp của Đức Thế Tôn, vì đã lâu rồi không được nghe.

Đại Đức cùng chư Tăng đến rừng Rakkhita, Đại Đức suy nghĩ: *"Suốt ba tháng an cư kiết hạ, Ngài sống độc cư một mình, không có bóng dáng Tỳ khưu nào đến trú xứ của Ngài, mà bây giờ vào đông đảo như thế nầy thì không thích hợp".*

Một mình Đại Đức đi vào yết kiến Đức Thế Tôn. Tượng chúa Pālileyyaka vừa thấy Đại Đức đến vội ngăn cản, nó ngậm khúc cây chạy đến. Liền khi đó Đức Thế Tôn phán bảo rằng:

- Nầy Pālileyyaka! Hãy tránh ra, đó là đệ tử của Đức Như Lai.

Nghe lời Ngài dạy, nó liền buồn cây xuống, tỏ ý thăm hỏi bằng cách nhận y bát. Đại Đức Ānanda không trao. Tượng chúa suy nghĩ: *"Nếu vị Tỳ khưu nầy đa văn, kiến thức thâm sâu thì không bao giờ đặt trên tảng đá, chỗ ngự của Đức Phật"*. Đại Đức đặt y bát xuống đất, tất nhiên nếu vị Tỳ khưu thông suốt và hành động đúng Luật thì không bao giờ để những vật dụng trên chỗ ngồi hay nằm của vị Thầy. Đại Đức đảnh lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi xuống nơi phải lẽ. Ngài phán hỏi rằng:

- Nầy Ānanda! Ngươi đến một mình hay sao?

- Bạch Thế Tôn! Con đến với 500 vị Tỳ khưu.

- Nầy Ānanda! Nếu vậy chư Tỳ khưu ấy hiện giờ ở đâu?

- Bạch Thế Tôn! Con không biết Ngài như thế nào, nên để các vị nghỉ bên ngoài rồi con vào đây một mình.

- Nầy Ānanda! Hãy gọi các Tỳ khưu ấy vào đi.

Đại Đức Ānanda tín thọ lời dạy Đức Thế Tôn xong rồi, các Tỳ khưu ấy hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn! Ngài là bậc Tối Thượng Giác, là Pháp Vương cao thượng, suốt ba tháng Ngài sống đơn độc, chắc gặp nhiều vất vả, có lẽ không ai phục dịch Ngài như dâng nước súc miệng...

- Nầy các Tỳ khưu! Đã có Tượng chúa Pālileyyaka phục dịch Như Lai. Thật vậy, nếu không gặp được bạn đồng hành cùng chung lý tưởng, thì tốt hơn nên đơn độc một mình.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn như vầy.

328. Nếu trên đường đời con gặp được bạn đồng hành thận trọng, (thích hợp) để sống với nhau, người có phong cách và trí tuệ, hãy kết hợp với người ấy một cách hoan hỷ và giác tỉnh, sẽ vượt khỏi mọi hiểm nguy.

329. Nếu không gặp được bạn đồng hành thận trọng, (thích hợp) để sống chung, người đó không có phong cách chân chánh và trí tuệ thì con nên đơn độc một mình như vị vua đã rời bỏ một Vương quốc đã chinh phục, hãy sống một mình như voi sống giữa rừng sâu vậy.

330. Tốt hơn đơn độc một mình, không kết hợp với kẻ cuồng dại, hãy sống cô độc, không hành mọi điều ác, khỏi lo âu như voi Mātaṅga sống giữa rừng sâu vậy.

☸

CHÚ GIẢI:

Nipakaṃ: là người có trí tuệ sáng suốt thận trọng.

Sādhuvihāridhīraṃ: phong cách chân chánh và trí tuệ.

Parissayāni...: Nếu gặp được bạn lành an vui, trú tâm từ sẽ vượt khỏi mọi hiểm nguy như: Sư tử, cọp... và vắng lặng ái dục, sân hận. Tất cả hãy kết hợp với người ấy một cách hoan hỷ và giác tỉnh một cách vững chắc.

Rājāva raṭṭhaṃ: là như vị vua từ bỏ ngai vàng, vương quốc, xuất gia làm đạo sĩ vậy. Ngài giảng giải Đức vua đã từ bỏ lãnh thổ mà ngự trí với ý niệm: *"Đời sống*

vương giả là sự khinh suất trọng đại, có ích gì cho ta sống trong nhung lụa cao sang". Rồi bỏ vào rừng sâu xuất gia làm đạo sĩ, chỉ một mình đơn độc trong tứ oai nghi thế nào, người hãy sống đơn độc, độc cư một mình như vậy.

Mātaṅga saññeva nāgo: nghĩa là như Tượng chúa "Mātaṅga" suy nghĩ: "Ta thường bị đàn quấy rầy, như voi già, voi trẻ, voi cái, voi con, lúc ta ăn thì chúng kéo ngọn xuống ăn, khi ta với nhánh cây thì chúng ghì xuống, lúc ta uống nước chúng xuống quậy cho đục nước, bây giờ ta chỉ ra đi đơn độc một mình vào rừng sâu, sống an lạc trong mọi oai nghi thế nào, người hãy sống đơn độc như vậy.

Câu: ***Ekassa:*** nghĩa là ra đi xuất gia, hoan hỷ sống đơn độc, tốt hơn là nếp sống cô đơn.

Natthi bālo sahāyatā: nghĩa là Pháp Thượng Nhân là: Tiểu Giới (Cūḷasīla), Trung Giới (Majjhimasīla), Đại Giới (Mahāsīla). Mười Kathāvatthu, 13 pháp Đầu Đà (dhutaṅgaguṇa), Minh sát tuệ (Vipassanāñāṇa), bốn Đạo, bốn Quả, Tam minh, Lục thông, và Bất Tử Đại Níp Bàn. Đó là Pháp Thượng Nhân của thiện hữu, những người không thành đạt những ân đức nầy là kẻ cuồng dại, vì vậy người thiện hữu không kết hợp với kẻ cuồng si.

Câu: ***Eko care...:*** là do đó, người chỉ sống đơn độc một mình trong mọi oai nghi, dù điều ác nhỏ cũng không tác hành. Người ấy chỉ sống đơn độc như voi Mātaṅga, khỏi lo âu, đi tự tại giữa khu rừng sâu, nơi nào mình thích như vậy, dù việc ác nhỏ cũng không làm.

Vì thế, Bậc Đạo Sư giảng giải:

- Nếu các ngươi không gặp được thiện hữu, chỉ nên sống một mình.

Dứt thời Pháp, cả 500 vị Tỳ khưu ấy chứng đạt quả A La Hán.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Vì không hòa giải được chư Sư,
Phật lẫn vô rừng, giữ độc cư,
Voi chúa một mình, lo phục dịch,
Thú, người, kết bạn sống trầm tư,
Tăng, Phật khổ bởi xa đoàn,
Mãn hạ cùng nhau đến vấn an,
Phật lấy gương voi răn dạy chúng,
Đến thành vô học chẳng nghi nan,
Khi nào Tăng chúng tự phân ly,
Dân giã không còn trọng Bát Y,
Thì hạnh độc cư càng cấp thiết,
Pháp minh sát khổ phải kiên trì

DỨT TÍCH CHƯ TỲ KHƯU

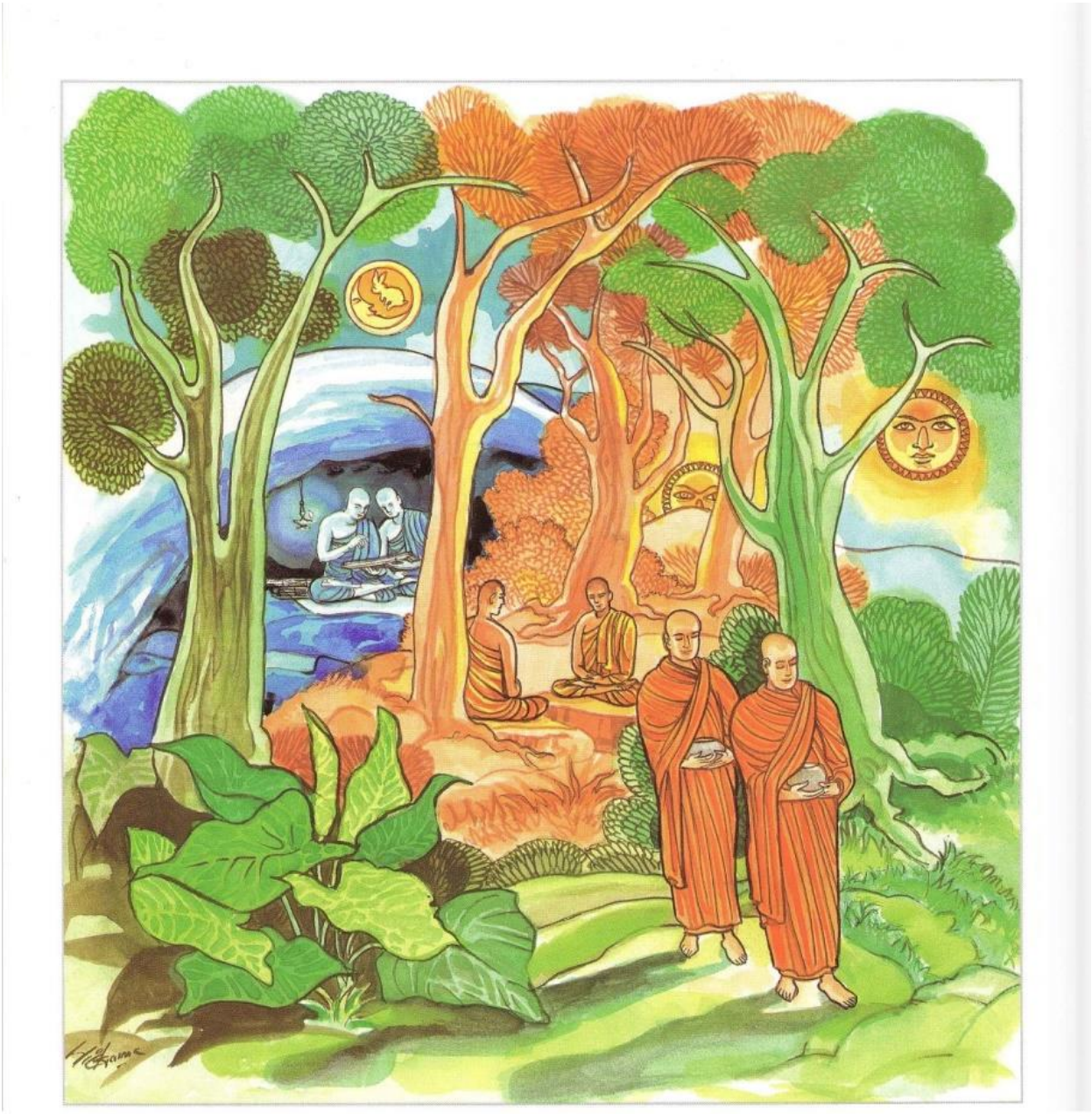

328. Nếu gặp bạn sáng suốt. Cẩn trọng sống hiền lương.
Hàng phục mọi nguy biến. Hoan hỷ kết bạn đường.

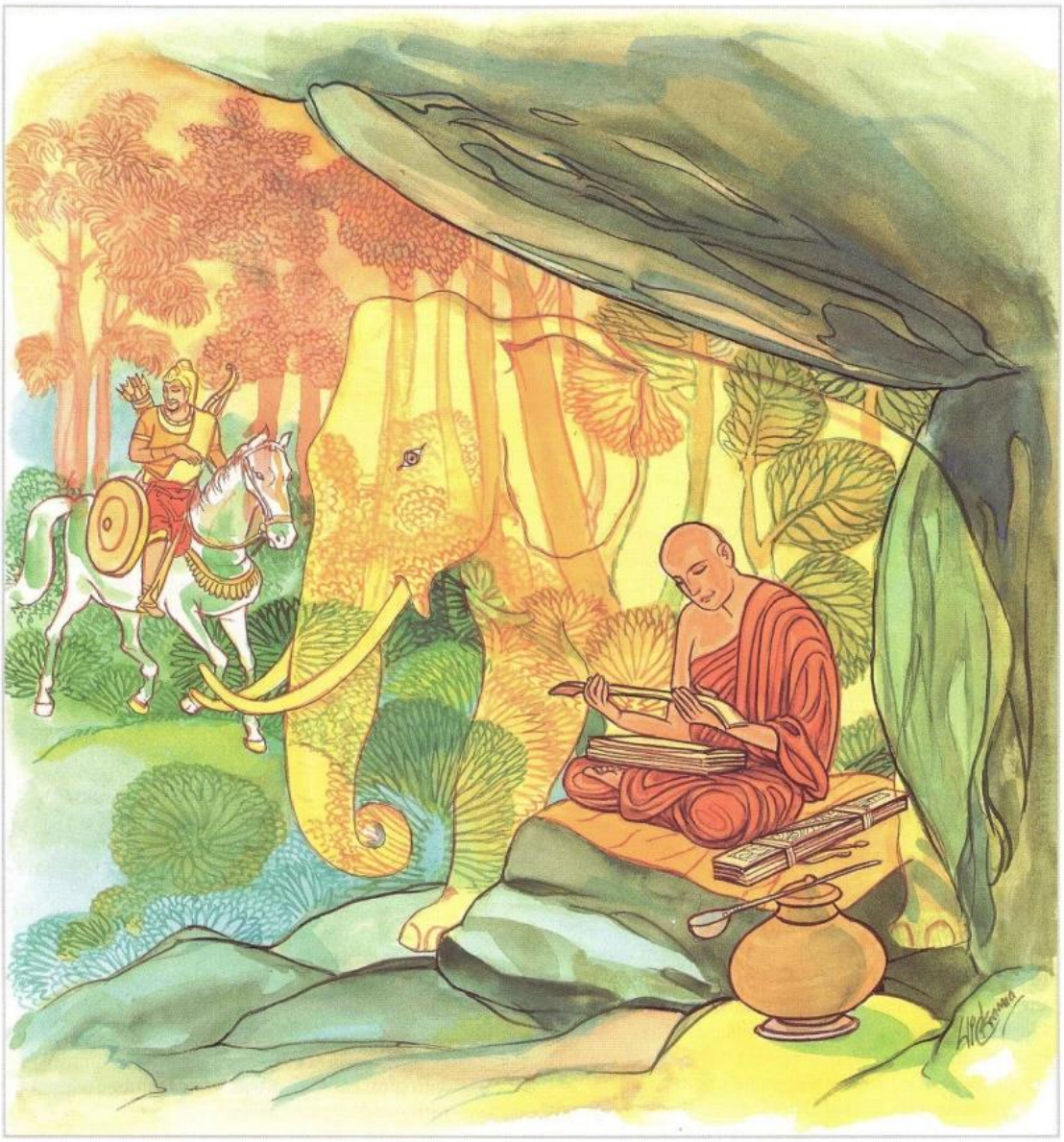

329. Nếu không gặp bạn trí. Cẩn trọng, sống hiền lành. Nên như vua từ bỏ. Vương quốc bị xâm lăng. Hãy sống đời đơn độc. Như voi giữa rừng xanh.

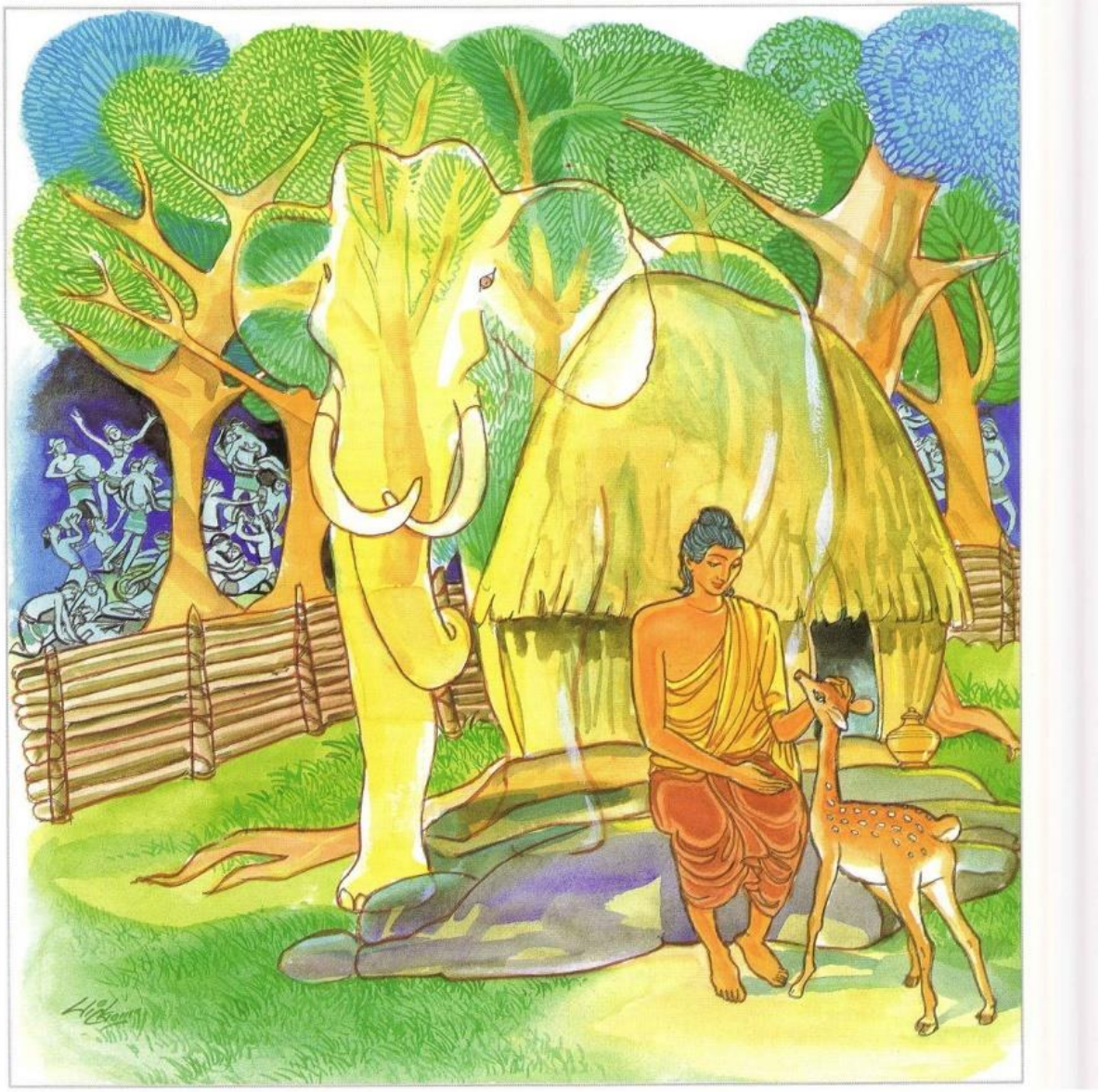

330. Thà sống cảnh cô đơn. Hơn bạn bè kẻ ngốc. Sống lẻ loi đơn độc. Không gây nghiệp ác hành. Như voi giữa rừng xanh. Thênh thang vô tư lự.

XXIII.8- CHUYỆN MA VƯƠNG

(Māra)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 331-332-333)

331. "Atthamhi jātamhi sukhā sahāyā	***"Vui thay, bạn lúc cần!***
Tuṭṭhī sukhā yā itarītarena	***Vui thay, sống biết đủ,***
Puññaṃ sukhaṃ jīvitasaṅkhayamhi	***Vui thay, chết có đức!***
Sabbassa dukhhassa sukhaṃ pahāṇāṃ".	***Vui thay, mọi khổ đoạn".***
332. "Sukhā matteyyatā loke	***"Vui thay, hiếu kính mẹ,***
Atho petteyyatā sukhā	***Vui thay, hiếu kính cha,***
Sukhā samaññata loke	***Vui thay, kính Sa môn,***
Atho brahmaññata sukhā".	***Vui thay, kính Hiền Thánh".***
333. "Sukhaṃ yāva jarā sīlaṃ	***Vui thay, già có giới!***
Sukhā saddhā patitṭṭhitā	***Vui thay, tín an trú!***
Sukho paññāya paṭilābho	***Vui thay, được trí tuệ,***
Pāpānaṃ akaraṇaṃ sukhaṃ".	***Vui thay, ác không làm".***

Kệ ngôn nầy được Đức Thế Tôn ngự tại một thảo am trong rừng Himalava, đề cập đế Ma Vương.

Tương truyền rằng: Thời đó các vị vua cai trị thần dân rất khắc nghiệt. Khi ấy Đức Thế Tôn quán thấy thần dân bị hình phạt nặng nề của những vị vua bất minh. Ngài an trú Bi quán: *"Ta là một minh quân, không uy hiếp hay áp chế kẻ khác, không tranh thắng bại, vô ưu, luôn đem lại hạnh phúc cho mọi người".*

Ma Vương hiểu được ý nghĩ của Đức Phật *"Sa môn Gotama tư niệm – Ta là vị minh quân – hay sao? Hiện giờ Sa môn Gotama muốn làm Quốc vương, nếu hoài vọng như vậy, ta sẽ có cơ hội trêu giận Ngài".* Rồi đến yết kiến Đức Phật và bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Xin Ngài hãy trị vì Vương quốc, trở thành vị minh quân, là không uy hiếp hay áp chế kẻ khác, không tranh thắng bại vô ưu và đem lại an lạc cho mọi người.

Lúc đó Ngài phán hỏi Ma Vương:

- Nầy ác ma! Ngươi thấy thế nào về Như Lai mà nói bất nhã như vậy?

- Bạch Ngài! Nếu Ngài đã khéo tu tập Tứ Như Ý Túc, thì Ngài hãy hóa núi Hy Mã Lạp Sơn nầy trở thành vàng, khi ấy cả tôi sẽ phục vụ cho Ngài. Nhờ đó Ngài thành kẻ minh quân.

Rồi Ma Vương nói lên bài kệ rằng:

"Núi hãy trở thành vàng
Dù tăng gấp hai lần
Cũng chưa thỏa mãn người

Ai hiểu được như vậy
Hãy thực hành chân chánh
Người đã sinh tồn ra
Thấy khổ đau của Dục
Tại sao người ấy lại
Chìm đắm trong Dục lạc
Ai hiểu rõ sinh tồn
Là trói buộc thế gian
Sao không chịu thực hành
Để thoát khỏi sinh tồn".

Đức Thế Tôn phán rằng:

- Nầy Ác Ma, Như Lai không có gì giống ngươi vì Như Lai hằng dạy như vậy, ngươi không thể Luận Pháp cùng ta.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn:

331. Vui thay gặp bạn lúc cần. Lành thay tri túc các vật dụng, đã tạo thiện lúc đời sống chấm dứt. Chấm dứt khổ đau là hạnh phúc.

332. Trên thế gian nầy sự phụng dưỡng phụ mẫu là an lạc, phụng dưỡng Sa môn là an lạc và phụng dưỡng Thánh nhân là an lạc trên thế gian.

333. Vui thay có giới hạnh từ lúc trẻ chí đến tuổi già. Lành thay có niềm tin vững chắc và thành đạt trí tuệ, lành thay không hành ác.

☸

CHÚ GIẢI:

Câu: ***Atthamhi:*** nghĩa là nên làm những việc như may y hay giảng hòa những sự kiện xảy ra trong Tăng chúng, hoặc giải quyết đất đai giữa những người thế tục, người bạn nào có khả năng làm những việc ấy thành tựu hoặc giảng hòa được, đó là thiện hữu đem lại sự an lạc.

Tuṭṭhī sukhā: nghĩa là cả những hàng cư sĩ không tri túc mới sanh những bất thiện... còn bậc xuất gia không tri túc trong vật dụng thường sanh những pháp tà mạng, cho nên cả tại gia và xuất gia mới không an lạc. Vì thế, sự tri túc vật nầy vật nọ, tự biết là đủ tức là đem lại an lạc.

Puññaṃ: nghĩa là tạo phước theo ý muốn, sẽ an lạc trong lúc lâm chung.

Câu: ***Sabbassa:*** nghĩa là bậc A La Hán đã chấm dứt mọi khổ đau trong luân hồi, là an lạc trên thế gian.

Sự phụng dưỡng mẹ gọi là Metteyyatā.

Sự phụng dưỡng cha gọi là Petteyyatā.

Sự phụng dưỡng cha mẹ, Đức Thế Tôn gọi cả hai câu đó vậy. Thật vậy, cha mẹ biết các con không phụng dưỡng, những gia sản chôn giấu ông bà đem ra bố thí cho kẻ khác. Những người con phải bị chỉ trích: *"Con bất hiếu không nuôi cha mẹ"*, sau khi chết chúng lâm vào khổ cảnh, còn người con nào phụng dưỡng cha mẹ một cách

tôn kính, được thừa hưởng của phụ ấm và được thế gian khen ngợi. Vì vậy, lúc lâm chung được sanh vào nhàn cảnh. Do đó, cả hai điều nầy, Đức Phật gọi là an lạc. Sự phụng dưỡng các bậc Sa môn gọi là Samaññatā. Sự phụng dưỡng chư Phật Toàn Giác, Phật Độc Giác, Phật Thinh Văn Giác gọi là Brāhmaññatā vì các Ngài đã chấm dứt mọi điều ác, như cúng dường Tứ vật dụng đến chư Phật. Nên Đức Phật gọi cả hai câu nầy. Điều nầy Ngài gọi là an lạc trên thế gian nầy.

Câu: ***Sīlaṃ...:*** những đồ trang sức như ngọc báu, bông tai... chỉ nổi bật xinh đẹp trong lứa tuổi trẻ, hoặc nếu người già trang sức xinh đẹp như hồi còn trẻ không được, (thế gian) họ sẽ cho là *"người loạn trí",* còn Giới hạnh như ngũ giới, thập giới... luôn đẹp cho mọi lứa tuổi, chí đến tuổi già, hằng đem lại an lạc và được mọi người khen ngợi *"Thật là một người có giới hạnh".* Do đó Đức Phật gọi là *"Sukhaṃ yāva jarā sīlaṃ".*

Hai câu: ***Saddhā paṭiṭṭhitā:*** nghĩa là có cả hai niềm tin: Phàm tính và Thánh tín bất động kiên cố, là đem lại an lạc.

Câu: ***Sukho paññā paṭilābho:*** nghĩa là thành đạt trí tuệ Hiệp thế và Siêu thế, là an lạc.

Pāpānaṃ akaranaṃ: nghĩa là không hành các điều ác, chấm dứt mọi bất thiện bằng Thánh Đạo là an lạc trên thế gian.

Dứt thời Pháp, vô số Chư Thiên chứng quả Thánh nhân.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Ma Vương tưởng Phật muốn làm Vua,
Thấy có dịp may để cợt đùa,
Thỉnh Phật cầm quyền cai trị nước,
Vào vòng danh lợi, tính hơn thua...,
Phật đem lẽ thật dạy Ma Vương,
Chớ nghĩ Niết Bàn giống thiên đường,
Ở chỗ có vui là có khổ,
Ngoài vòng danh lợi, khỏi tai ương!..

DỨT TÍCH MA VƯƠNG

☸

DỨT PHẨM VOI – NĀGA VAGGA

DỨT PHẨM 23

☸

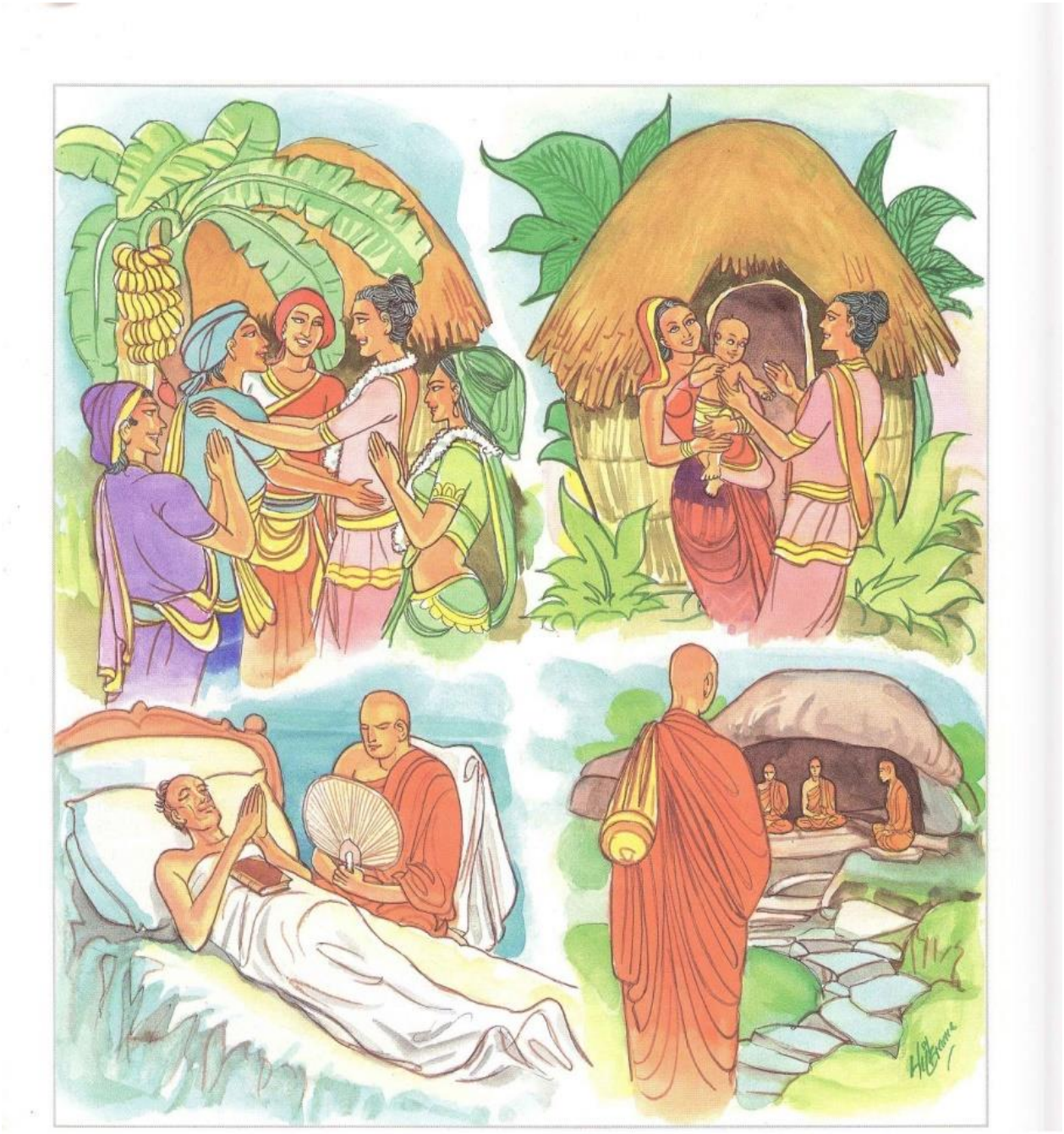

331. Vui thay gặp bạn lúc cần. Lành thay tri túc các vật dụng, đã tạo thiện lúc đời sống chấm dứt. Chấm dứt khổ đau là hạnh phúc.

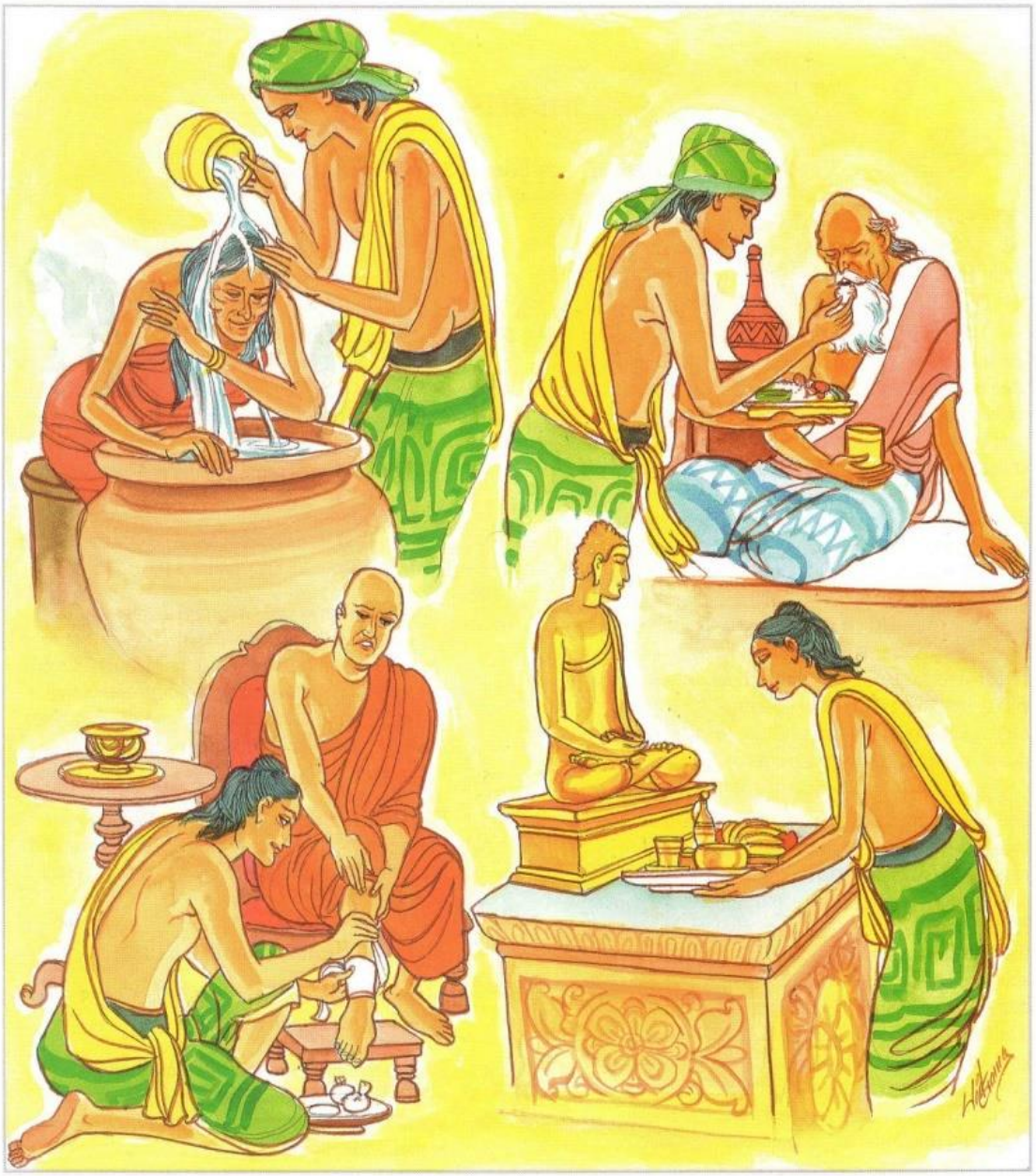

332. Trên thế gian nầy sự phụng dưỡng phụ mẫu là an lạc, phụng dưỡng Sa môn là an lạc và phụng dưỡng Thánh nhân là an lạc trên thế gian.



333. Vui thay có giới hạnh từ lúc trẻ chí đến tuổi già. Lành thay có niềm tin vững chắc và thành đạt trí tuệ, lành thay không hành ác.

XXIV. PHẨM ÁI DỤC
(TAṆHĀ VAGGA)

☸

- 23 bài kệ: Pháp Cú 334-357

- 12 tích truyện

XXIV.1- TÍCH CON CÁ KAPILA

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 334-335-336-337)

334. "Manujassa pamattacārino	***"Người sống đời phóng dật***
Taṇhā vaḍḍhati māluvā viya	***Ái tăng như dây leo***
So plavati hurāhuraṃ	***Nhảy đời nầy đời khác***
Phalaṃ icchaṃ'va vanasmiṃ vānaro".	***Như vượn tham trái rừng".***
335. "Yaṃ esā sahatī jammī	***"Ai sống trong đời nầy***
Taṇhā loke visattikā	***Bị ái dục ràng buộc***
Sokā tassa pavaḍḍhati	***Sầu khổ sẽ tăng trưởng***
Abhivaṭṭhaṃ'va bīranaṃ".	***Như cỏ Bi gặp mưa".***
336. "Yo c'etaṃ sahātī jammiṃ	***"Ai sống trong đời nầy***
Taṇhā loke duraccayaṃ	***Ái dục được hành phục***
Sokā tamhā papatanti	***Sầu rời khỏi người ấy***
Udabindu'va pokkharā vo".	***Như giọt nước lá sen".***
337. "Taṃ vo vadāmi bhaddaṃ vo	***"Đây điều lành ta dạy***
Tāvant'ettha samāgatā	***Các ngươi tụ họp đây***
Taṇhāya mūlaṃ khanatha	***Hãy nhổ tận gốc ái***
Usīrattho'va bīraṇaṃ	***Như nhổ gốc cỏ Bi***
Māvo nalaṃ va soto'va	***Chớ để ma phá hoại***
Māro bhañji punapppunaṃ".	***Như giòng nước cỏ lau".***

Kệ ngôn nầy Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại thành Sāvatthī, nơi Tịnh xá Jetavana, đề cập đến con cá Kapila.

Tương truyền rằng: Thời quá khứ, khi Giáo Pháp của Đức Chánh Đẳng Giác có hồng danh là Kassapa đang rực sáng trong thế gian. Khi Ngài Níp Bàn rồi, bấy giờ có hai anh em của một thiện gia tử, xuất gia với chư Tỳ khưu. Người anh có tên là Sodhana, người em tên là Kapila, mẫu thân là Sodhanā cùng với cô em gái tên Tāpanā cũng xuất gia làm Tỳ khưu ni trong Ni chúng.

Sau khi xuất gia, hai thiện gia tử ấy đã hành tròn bổn phận đối với Giáo Thọ Sư cùng với Tế Độ Sư. Một hôm, hai vị bạch hỏi thầy rằng:

- Bạch Ngài! Trong Giáo pháp nầy có bao nhiêu phận sự phải hành?

- Nầy Hiền giả! Có hai phận sự cần phải hành là: Pháp Học và Pháp Hành.

Tỳ khưu Sodhana suy nghĩ: *"Ta sẽ tu tập Pháp hành"*. Sau khi ở với Tế Độ Sư tròn năm hạ, Tỳ khưu Sodhana học đề mục nghiệp xứ cho thông suốt để đắc chứng A La Hán, mới đi vào rừng chuyên cần hành Sa môn Pháp và chứng đắc Vô Lậu Quả.

Riêng Tỳ khưu Kapila suy nghĩ rằng: *"Bây giờ ta còn trẻ, khi đến tuổi già rồi thì sẽ hành pháp Sa môn cũng chưa phải là muộn"*.

Vị ấy bắt đầu học Tam Tạng Pháp Bảo, chẳng bao lâu vị ấy thông Tam Tạng, có nhiều tùy chúng vây quanh và lợi đắc phát sanh đến cho vị ấy. Do nhân lợi đắc dồi dào Tỳ khưu Kapila phát sanh sự ngã mạn, cho rằng: *"Ta là bậc đại trí"*. Y đã dùng biện tài của mình nói lên những điều sai lệch với chân lý khi tranh luận cùng người khác, những điều hợp pháp y cho rằng *"không hợp pháp"*, những điều có tội y cho rằng *"vô tội"*. Trái lại điều vô tội y chi rằng có tội, điều không hợp pháp y cho rằng là hợp pháp. Chư Tỳ khưu có Giới hạnh khuyên nhủ y rằng:

- Nầy Hiền giả Kapila, Hiền giả chớ nên nói thế.

Chư Tỳ khưu giảng giải luật đến y, y phẫn nộ đối với chư Tỳ khưu rằng:

- Các vị mà biết cái gì? Các vị ví như người nắm tay trắng…

Thấy khuyên nhủ Tỳ khưu Kapila không có hiệu quả, chư vị ấy đem sự việc ấy bạch lên Trưởng Lão Sodhana. Trưởng lão khuyên ngăn y rằng:

- Nầy Hiền giả Kapila! Sự thực hành chân chánh của Chư Tỳ khưu được xem là tuổi thọ của Giáo Pháp, Hiền giả cũng là vị Tỳ khưu, Hiền giả chớ nên bỏ việc thực hành chân chánh Sa môn Pháp.

Rồi Trưởng lão Sodhana đã khuyên giải những điều hợp lý về Pháp, về Luật… Nhưng Tỳ khưu Kapila vẫn để ngoài tai những lời khuyên nhủ ấy, y không nhận lấy lời khuyên nhủ của anh mình.

Trưởng lão Sodhana đã khuyến giáo Tỳ khưu Kapila đến hai, ba lần mà kết quả chẳng được chi cả, Ngài biết rằng: "Tỳ khưu Kapila là người khó dạy, y đã chẳng vâng lời ta". Ngài bảo với Tỳ khưu Kapila rằng:

- Nầy Hiền giả Kapila! Nếu sự việc là như thế, Hiền giả sẽ nhận lãnh quả nghiệp của mình vậy.

Và Trưởng lão bỏ đi. Kể từ đó những vị Tỳ khưu có Giới hạnh thanh tịnh đã lìa xa Tỳ khưu Kapila. Tỳ khưu Kapila có hành vi bất thiện như thế nên thường thân cận với những người bất thiện.

Một hôm, vào ngày Uposatha, Tỳ khưu Kapila đi đến nơi hội họp của chư Tỳ khưu với ý niệm rằng: *"Ta sẽ là người Tụng Giới Bổn"*. Y liền cầm quạt đi đến ngồi trên Pháp tòa trong Giảng Pháp đường, hỏi rằng:

- Nầy chư Hiền! Chư Tỳ khưu hội họp nơi đây tụng đọc Giới Bổn phải chăng?

Chư Tỳ khưu im lặng, tự ngã của kapila bị xúc phạm, y suy nghĩ: *"Cần gì ta phải vấn đáp với chư Tỳ khưu nầy nhỉ?"*.

Y bèn nói rằng:

- Nầy chư Hiền, Pháp chẳng có đâu, Luật cũng chẳng có đâu, lợi ích chi với Giới Bổn mà các vị nghe hay không nghe chứ.

Nói rồi, y rời bỏ Pháp tòa đi khỏi Giảng đường. Tỳ khưu Kapila đã làm Giáo Pháp của Đức Thế Tôn Kassapa tổn giảm như thế. Và Trưởng lão Sodhana đã Vô Dư Níp Bàn ngay trong ngày ấy.

Khi mãn tuổi thọ, Tỳ khưu Kapila rơi vào A Tỳ địa ngục, mẹ và em gái của y là Sodhanā và Tāpanā thuở sanh tiền đã xu hướng với Tỳ khưu Kapila, đã mắng chửi chư Tỳ khưu nào khuyên giải Kapila. Do đó, cả hai cùng chịu chung số phận như Tỳ khưu Kapila.

Vào thời đó, có 500 thanh niên tụ hội với nhau thành một đảng cướp, bọn cướp đã cướp giật dân chúng, sách nhiễu đến chúng dân. Bọn chúng sanh sống bằng nghề nghiệp phi chân chánh như thế. Một hôm, chúng dân cùng quan binh truy nã bọn chúng, cả 500 tên cướp chạy vào rừng trốn, nhưng quân binh cùng chúng dân theo rượt quá gắt, bọn chúng chẳng có nơi nào ẩn thân được. Trên đường chạy vào rừng trốn, 500 tên cướp trông thấy vị Sa môn sống hạnh ẩn lâm đang ngồi thiền tư. Chúng vui mừng như bắt gặp tài sản quý, cả 500 tên cướp đến đảnh lễ vị ẩn lâm Tỳ khưu, bạch rằng:

- Bạch Ngài! Xin Ngài hãy là nơi nương chờ của chúng con đi.

- Nầy các người, chẳng có nơi nào nương nhờ an ổn cho bằng Giới. Vậy các ngươi hãy trọ trì giới đi.

- Thưa vâng, Bạch Ngài.

Bọn cướp đã thọ trì ngũ giới, thế rồi vị Tỳ khưu khuyên dạy bọn chúng rằng:

- Bây giờ các ngươi là người có giới rồi, dù có thiệt hại đến mạng sống đi nữa, các ngươi cũng không được lìa bỏ giới hạnh của mình, một ý ác cũng không nên vọng đến.

- Thưa vâng, Bạch Ngài.

Khi ấy, dân chúng cùng quan quân kéo đến bắt được bọn cướp tại nơi ấy, bọn cướp không chống trả lại và bọ sát hại hết. Và cả 500 tên cướp thọ sanh vào Thiên giới, tên chúa đảng trở thành vị Thiên tử trưởng của nhóm Thiên tử ấy.

Trải qua tuổi thọ một vị Phật, 500 Thiên tử ấy tái sanh vào nhân giới, vào thai bào của 500 gia tộc chuyên nghề đánh cá ven sông Aciravatī gần kinh thành Sāvatthī. Vị Thiên tử trưởng nhóm nầy cũng là người cầm đầu 500 thanh niên chài lưới ấy. Cả 500 thanh niên đã hạ sanh cùng một ngày như vậy.

Được biết rằng: Vào ngày hạ sanh đứa bé Trưởng đoàn, gia tộc trưởng của nhóm dân chài cho người đi tìm *"Có đứa bé nào hạ sanh cùng ngày trong làng nầy chăng?"*. Được biết có được 500 đứa bé trai cùng sanh ra trong ngày, nên gia tộc trưởng nhóm dân chài cho tiền trợ cấp nuôi dưỡng của năm trăm hài nhi ấy, với ý niệm rằng: *"Những hài nhi nầy sẽ là bạn của con ta"*.

Những hài nhi ấy sinh hoạt chung với nhau từ thuở bé cho đến lớn, và con của người Trưởng tộc dân chài có uy quyền hơn cả.

Tỳ khưu Kapila bị thiêu đốt trong lửa địa ngục A Tỳ hết một đời vị Phật, quả nghiệp còn dư sót, vào thời Đức Phật Gotama y tái sanh làm con cá vàng ở sông Aciravatī, con cá có làn da vàng óng ánh, nhưng khi nó mở miệng ra thì phát sanh mùi hôi thối nồng nặc, đây là kết quả dị thục của lời phỉ ngữ đã hủy báng Giáo Pháp chư Phật. Một hôm, 500 thanh niên bàn luận cùng nhau rằng:

- Chúng ta ra sông bắt cá đi.

Họ mang lưới đánh cá dọc theo sông Aciravatī. Con cá vàng đã mắc lưới của 500 chàng thanh niên. Khi kéo lưới lên, thấy con cá vàng xinh đẹp óng ánh, 500 thanh niên reo lên rằng:

- Ồ! Lần đầu tiên chúng ta bắt được con cá kì lạ như vầy, lần nầy chúng ta sẽ mang đến dâng Đức vua, chắc chắn Ngài sẽ ban thưởng chúng ta trọng hậu.

Những chàng thanh niên mang con cá lên thuyền, bơi thuyền đến Hoàng cung, dâng lên Đức vua con cá vàng xinh đẹp. Đức vua Pasenadi vị thủ lãnh xứ Kosala phán hỏi rằng:

- Cái chi thế?

- Tâu Bệ hạ! Đây là con cá kỳ lạ mà chúng thần vừa bắt được trên sông Aciravatī.

Trông thấy con cá như thế, Ngài suy nghĩ rằng: *"Việc nầy ngoài Bậc Đạo Sư ra hẳn không ai hiểu được tiền nghiệp con cá vàng nầy đâu. Vậy ta hãy mang đến Jetavana bạch hỏi Đức Thế Tôn vấn đề nầy".*

Ngài truyền lịnh mang con cá vàng đến Tịnh xá Jetavana, khi con cá mở miệng ra ngáp, một mùi thúi nồng nặc bay khắp kinh thành Sāvatthī. Đức vua bạch hỏi Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Do nhân chi mà con cá nầy có màu da vàng óng ánh. Và do nhân chi mà miệng nó thối nồng nặc như thế.

- Nầy Đại vương! Con cá nầy chính là vị Tỳ khưu Kapila, y là bậc đa văn, có nhiều tùy tùng trong thời Giáo Pháp của Đức Thế Tôn Kassapa, do bị tham đắm lợi lộc chửi mắng chư Tỳ khưu có giới hạnh, vì những vị nầy đã khuyên nhủ y. Y lại làm tổn giảm Giáo Pháp của Đấng Kassapa. Do nghiệp ác ấy, y phải rơi vào địa ngục A Tỳ trọn cả một đời vị Chánh Đẳng Giác, khi thoát khỏi địa ngục, quả nghiệp còn dư sót, Tỳ khưu Kapila họ sanh làm con cá vàng ở sông Aviravatī. Thuở trước do nhờ y thuyết giảng Phật ngôn, tán dương ân đức Phật và thân hạnh của y trong sạch một thời gian, nên có được màu da vàng ròng. Do mắng chửi chư Tỳ khưu và làm tổn giảm Giáo Pháp của Đức Thế Tôn nên miệng có mùi thối. Nầy Đại Vương, Như Lai sẽ khiến con cá nầy nói lên sự kiện ấy.

- Bạch Thế Tôn! Xin Ngài hãy làm con cá nói lên đi.

Đức Thế Tôn phán hỏi con cá vàng rằng:

- Nầy cá Aciravatī! Ngươi thuở trước tên là chi?

- Bạch Thế Tôn! Con là Tỳ khưu Kapila.

- Ngươi từ đâu đến?

- Con từ địa ngục A Tỳ thọ sanh lên đây.

- Nầy Kapila! Anh trai của ngươi đâu rồi?

- Bạch Thế Tôn! Anh con là Trưởng lão Sodhana đã Níp Bàn rồi.

- Còn nàng Sodhanā, mẹ ngươi hiện ở đâu?

- Đã rơi vào địa ngục A Tỳ rồi, bạch thế Tôn.

- Còn nàng Tāpanā, em gái của ngươi thì sao rồi?

- Bạch Thế Tôn, cũng đang rơi vào địa ngục A Tỳ.

- Nầy Kapila, giờ đây ngươi sẽ phải đi về đâu?

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ rơi và địa ngục lại thôi.

Cá Kapila bị nhiệt não khi nhớ lại nghiệp ác thưở trước, nó đập đầu vào thuyền và mệnh chung, ngay khi ấy nó lại tái sanh vào địa ngục A Tỳ một lần nữa. Đại chúng kinh cảm trước sự việc ấy, lông tóc dựng ngược.

Đức Thế Tôn khi ấy dùng Phật trí quán xét hội chúng, Ngài thuyết lên Pháp thoại thích ứng với căn cơ hội chúng, Ngài thuyết bài kinh Kapila trong Suttanipāta rằng:

- Bậc trí đã nói lên sự thực hành Pháp và sự thực hành Phạm hạnh, đó là: Viên ngọc quý nhất.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

334. "Manujassa pamattacārino Taṇhā vaḍḍhati māluvā viya So plavati hurāhuraṃ Phalaṃ icchaṃ'va vanasmiṃ vānaro".	*"Người sống đời phóng dật* *Ái tăng như dây leo* *Nhảy đời nầy đời khác* *Như vượn tham trái rừng".*
335. "Yaṃ esā sahatī jammī Taṇhā loke visattikā Sokā tassa pavaḍḍhati Abhivaṭṭhaṃ'va bīranaṃ".	*"Ai sống trong đời nầy* *Bị ái dục ràng buộc* *Sầu khổ sẽ tăng trưởng* *Như cỏ Bi gặp mưa".*
336. "Yo c'etaṃ sahātī jammiṃ Taṇhā loke duraccayaṃ Sokā tamhā papatanti Udabindu'va pokkharā vo".	*"Ai sống trong đời nầy* *Ái dục được hành phục* *Sầu rời khỏi người ấy* *Như giọt nước lá sen".*
337. "Taṃ vo vadāmi bhaddaṃ vo Tāvant'ettha samāgatā Taṇhāya mūlaṃ khanatha Usīrattho'va bīraṇaṃ Māvo nalaṃ va soto'va Māro bhañji punapppunaṃ".	*"Đây điều lành ta dạy* *Các ngươi tụ họp đây* *Hãy nhổ tận gốc ái* *Như nhổ gốc cỏ Bi* *Chớ để ma phá hoại* *Như giòng nước cỏ lau".*

Chú thích:

Pamattacārino: nghĩa là: Thiền không phát triển Minh sát. Đạo quả cũng không phát triển với người sống dễ duôi như thất niệm.

Có lời giải rằng: Giống như dây leo quấn vào thân cây thường phát triển làm cho thân cây ấy bị tổn hại như thế nào, thì ái dục cũng như thế đó. Gọi là đã phát triển cho người ấy qua sáu căn, luôn luôn sanh khởi.

So pariplavati hurāhuraṃ: nghĩa là: Người ấy tiến theo đường lối của ái dục, thường lang thang kiếp nầy sang kiếp khác.

HỎI RẰNG: Họ thường lang thang giống như gì?

ĐÁP RẰNG: Giống như con khỉ mong muốn trái cây rừng, nhảy nhót trên những cành cây.

☸

CHÚ GIẢI:

Khi con khỉ mong muốn trái cây, nó sẽ nhảy nhót trong rừng, nó nắm lấy cành nầy, buông bỏ cành kia, bắt lấy cành nọ. Nó không phải là loài thú được người ta bảo rằng: "Vì không bắt được cành cây nên nó ngồi yên", nó cứ lao chao mãi . Cũng vậy, người diễn tiến theo đường lối ái dục, thường lang thang từ kiếp nầy sang kiếp khác, không thể là người được nói rằng: "Họ không bắt được cảnh rồi mới ngồi yên, không tầm cầu dục", họ luôn đi tìm cảnh khả ái.

Câu: ***Yaṃ…:*** Nghĩa là ái diễn tiến trong sáu căn môn là hạ liệt, vì đó là điều bất thiện, kể là: Visattikā, vì ái dục phóng đi tức là bắt theo cảnh sắc…giống như vật thực độc, hoa độc, trái độc, vật dụng độc thường xâm nhập người nào, thì các sự sầu muộn như luân hồi làm gốc thường tăng trưởng nhiều trong tâm của người ấy, giống như loại cỏ bén nhọn khi trời mưa xuống thường xanh tươi trong rừng vậy.

Duraccayaṃ…: nghĩa là: Người nào khắc phục được ái dục như đã nói rằng: Khó vượt qua, vì đó là điều khó dứt bỏ được. Thì người ấy làm cho các sầu muộn như luân hồi làm gốc không thể thấm vào người ấy, giống như giọt nước không thể thấm trên lá sen.

Taṃ vo vadāmi: tức là do đó Như Lai mới dạy các ngươi.

Hai câu: ***Bhadaṃ vo:*** nghĩa là: may mắn cho các ngươi. Có lời giải rằng: Các ngươi chớ làm tổn hại như Tỳ khưu Kapila nầy.

Mūlaṃ…: nghĩa là: các ngươi hãy đào xới tận gốc rễ ái dục diễn tiến trong sáu căn nầy bằng trí tương ưng đạo A La Hán.

HỎI: Đào xới tận gốc rễ giống như cái gì?

ĐÁP: Giống như người ta đào lấy rễ của loại cỏ bén nhọn bằng cuốc như thế nào các ngươi hãy đào xới tận gốc rễ ái dục bằng trí tuệ như vậy.

Mā vo nalaṃva sotova māro bhañji punappunaṃ: Nghĩa là: Phiền não ma, Tử thần ma, và Chư Thiên ma chớ để cho nó xâm nhập, chiếm ngự các ngươi mãi mãi như dòng nước chảy mạnh cuốn trôi cả lát mọc ở bờ sông vậy.

Dứt pháp thoại, cả 500 thanh niên làng chài lưới động tâm, muốn dứt khỏi khổ. Cả 500 thanh niên xin xuất gia sống đời Phạm hạnh trong Giáo Pháp của Đức Thế Tôn. Chẳng bao lâu, các vị ấy đã đoạn tận khổ ưu, cùng an trú trong một Pháp là Aneñājāvihāradhamma và Samāpattidhamma với Bậc Đạo Sư.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Con cá vàng kim, miệng thúi tha,
Phật cho nói được tiếng người ta!
Khai rằng: "Tôi đến từ địa ngục,
Tên thật tôi là Kapila".
Kiếp trước, cá là một Pháp Sư,
Nói năng hoạt bát giỏi kinh thư,
Ỷ tài, thị chúng, khinh thường luật,
Sót nghiệp A Tỳ, đọa lý ngư,
Phật dạy: Tỳ khưu chớ dễ duôi,
Theo dòng ái dục thả trôi xuôi,
Ngược dòng tuy khổ, nhưng vô hại,
Giờ phút lâm chung khỏi ngậm ngùi.

DỨT TÍCH CON CÁ KAPILA

☸

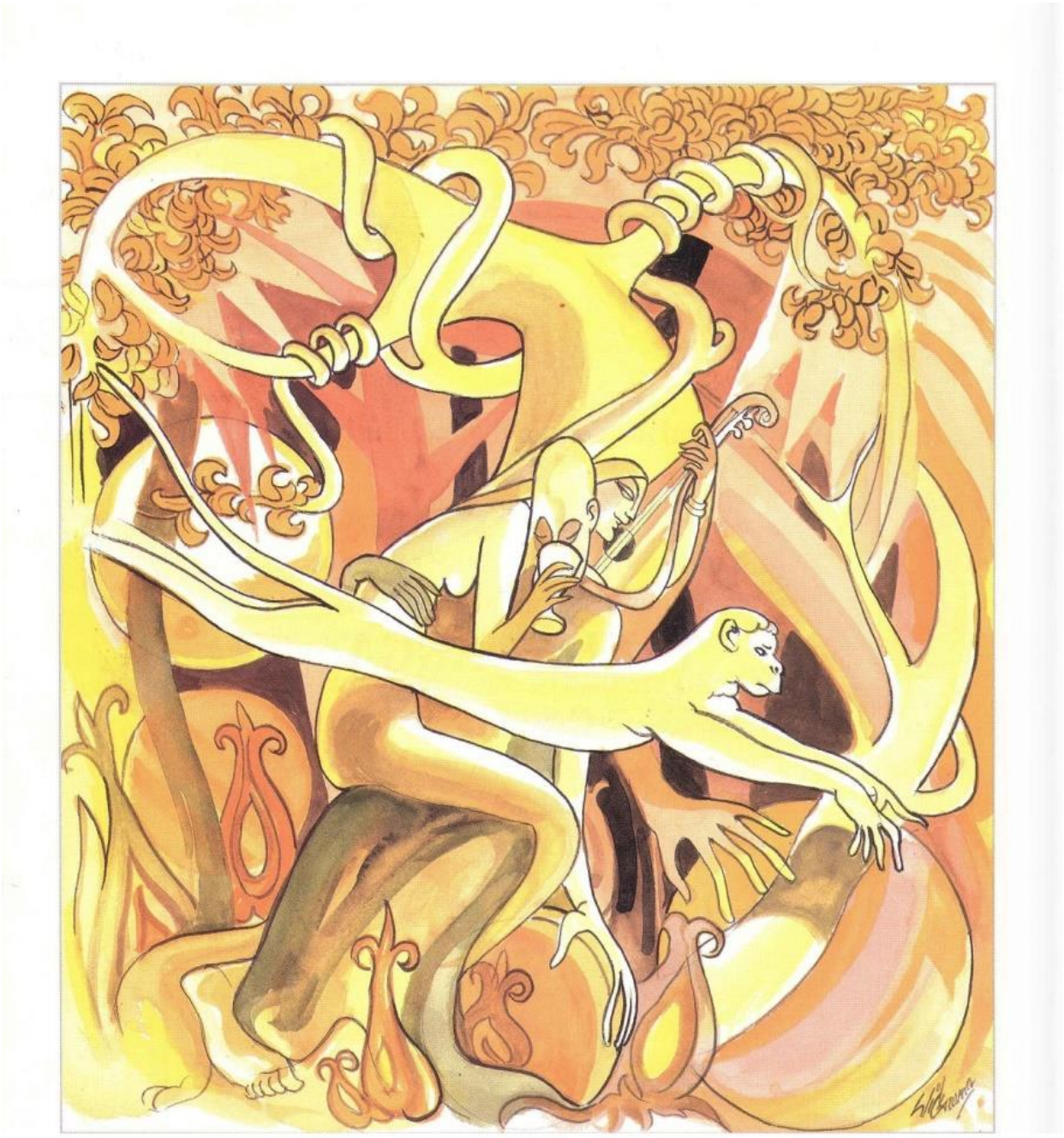

334. Kẻ buông lung phóng dật. Tham ái tợ dây leo.
Đời đời vọt nhảy theo. Như khỉ chuyền hái trái.

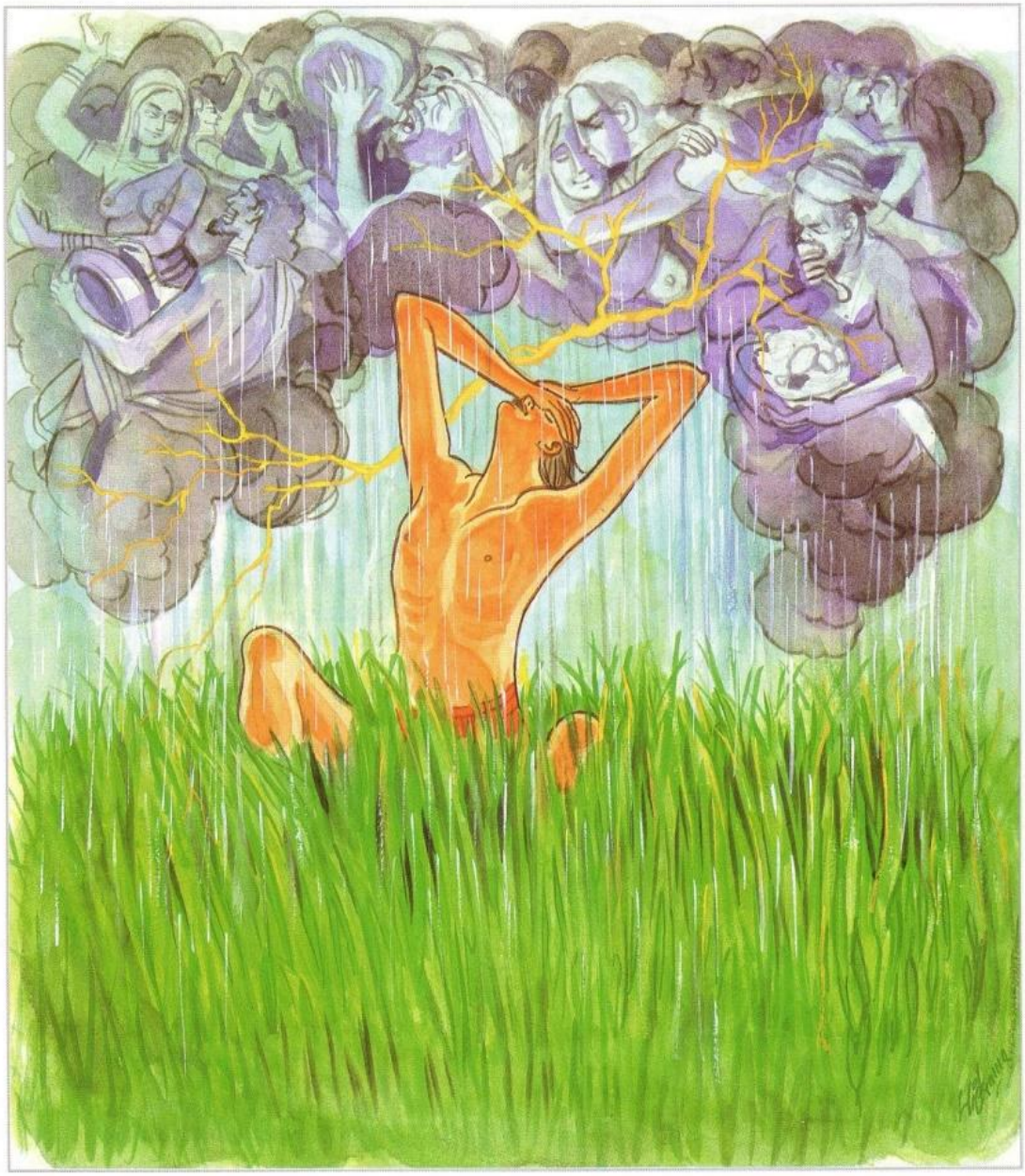

335. Ai sinh sống trên đời. Bị ái dục lôi cuốn.
Khổ đau mãi tăng trưởng. Như cỏ Bi gặp mưa.

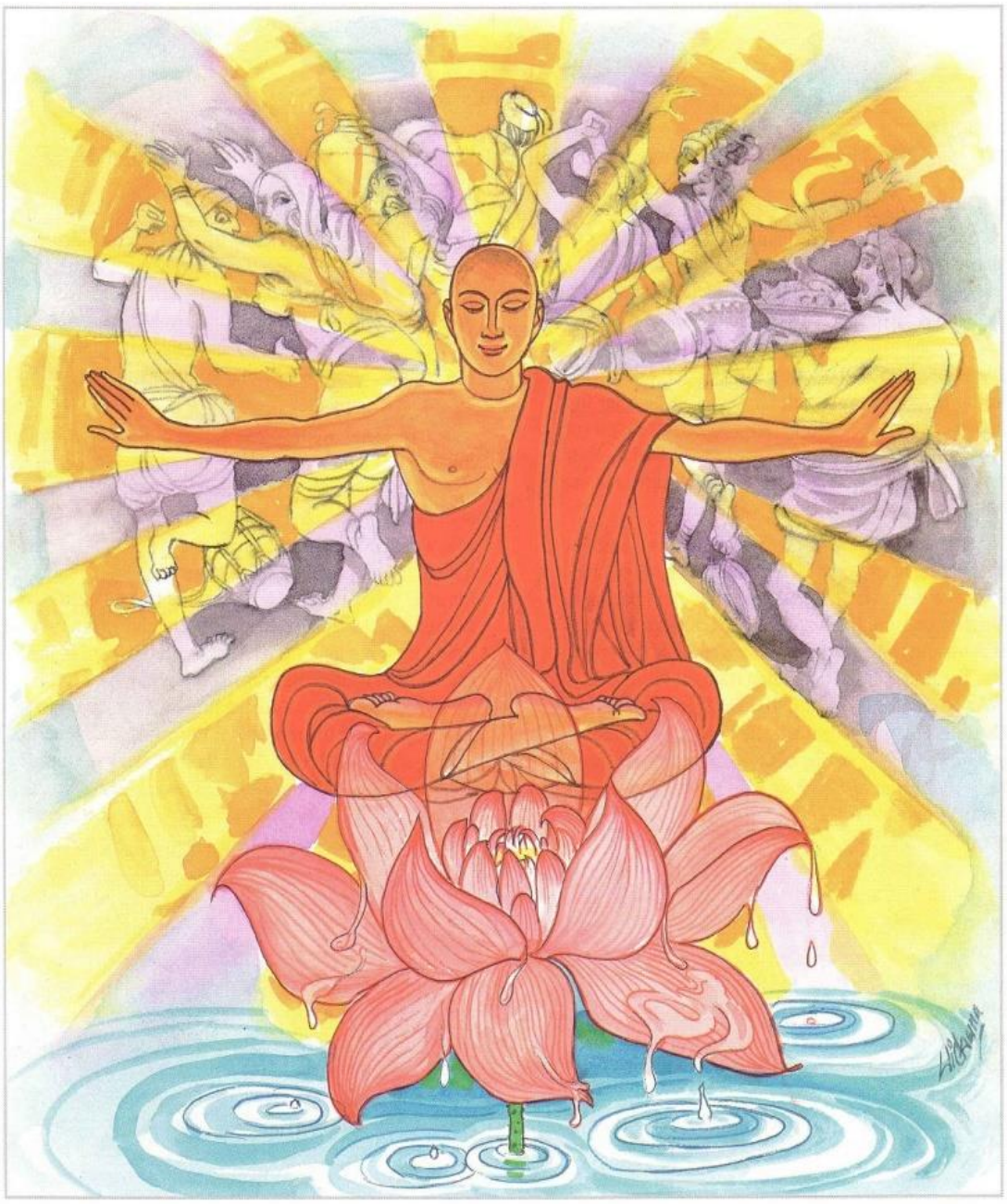

336. Ai sinh sống trên đời. Hàng phục được tham ái.
Khổ đau sẽ vuột khỏi. Như nước trượt lá sen.

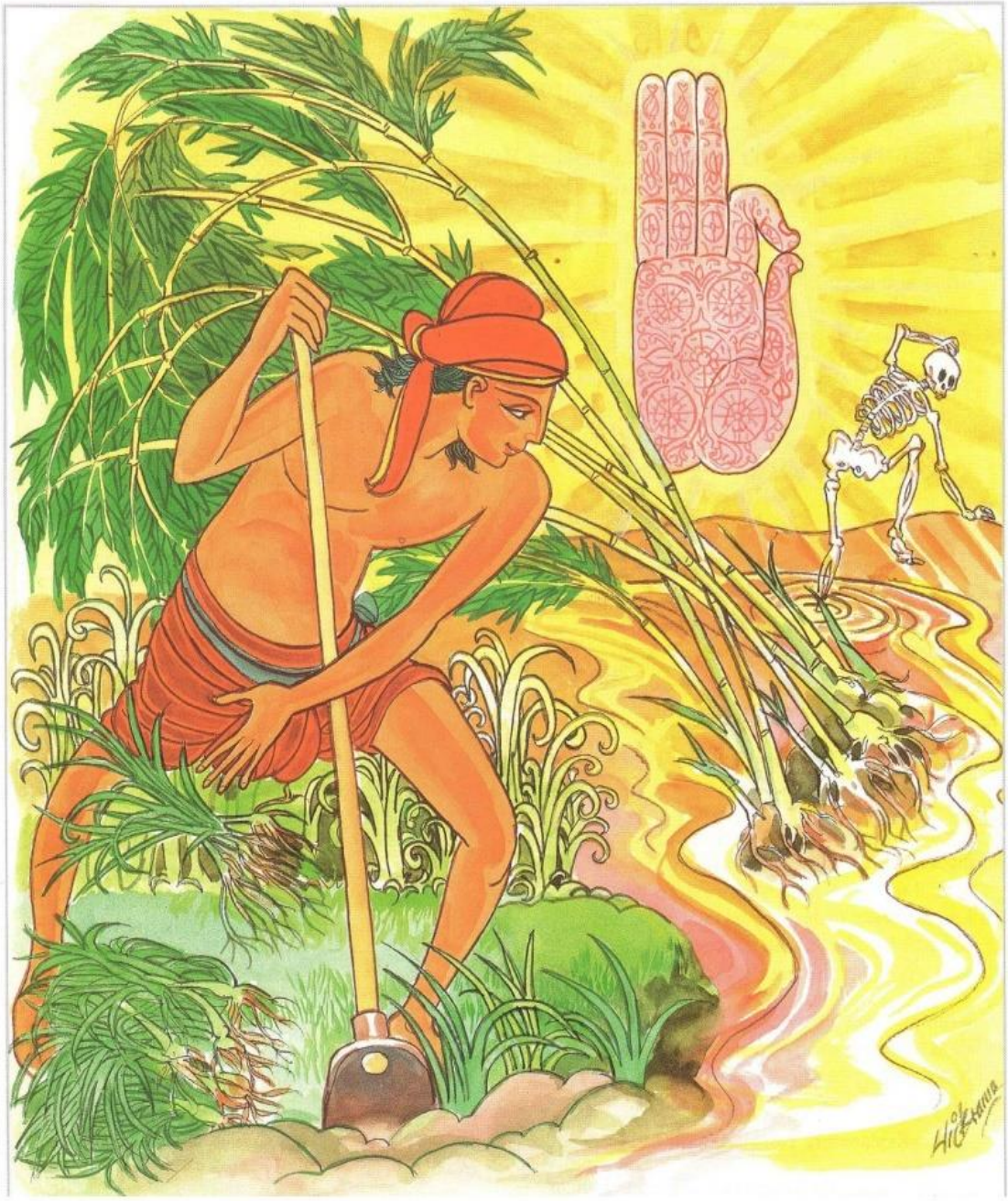

337. Các ngươi hợp nhau đây. Ta có lời dạy nầy: Hãy bới gốc tham ái, như đào rễ cỏ Bi, đừng để Ma vương hại, như lau bị lụt đầy.

XXIV.2- CHUYỆN CON HEO NÁI

(Sūkarapotikā)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 338-343)

338. "Yathā'pi mūle anupaddave daḷhe **Chinno'pi rukkho punareva rūhati** **Evaṃ pi taṇhānusaye anūhate** **Nibbattatī dukkhaṃ idaṃ punappunaṃ".**	***"Như cây bị chặt đốn*** ***Rễ chưa hại vẫn bền*** ***Sẽ được mọc lên lại*** ***Ái tùy miên chưa nhổ*** ***Khổ nầy vẫn sanh hoài".***
339. "Yassa chattiṃsati sotā **Manāpassavanā bhusā** **Vāhā vahanti duddiṭṭhiṃ** **Saṅkappā rāganissitā".**	***"Ba mươi sáu dòng ái*** ***Còn đẩy mạnh người nầy*** ***Đến cảnh giới ái lạc*** ***Các tư tưởng ái dục*** ***Như dòng nước cuốn trôi*** ***Người có ác tà kiến".***
340. "Savanti sabbadhī sotā **Latā ubbhijja tiṭṭhati** **Taṅ ca disvā lataṃ jātaṃ** **Mūlaṃ paññāya chindatha".**	***"Dòng ái dục chảy khắp*** ***Như dây leo mọc tràn*** ***Thấy dây leo vừa sanh*** ***Với tuệ hãy đoạn gốc".***
341. "Saritāni sinehitāni ca **Somanassāni bhavanti jantuno** **Te sātasitā sukhesino** **Te ve jātijarūpagā narā".**	***"Người đời nhớ ái dục*** ***Ưa thích các hỷ lạc*** ***Tuy mong cầu hạnh phúc*** ***Chúng vẫn phải sanh già".***
342. "Tasiṇāya purakkhatā pajā **Parisappanti saso'va bādhito** **Saññojanasaṅgasatā** **Dukkhaṃ upenti punappunaṃ cirāya".**	***"Người bị ái buộc ràng*** ***Vùng vẫy và lăn lóc*** ***Như thỏ bị sa lưới*** ***Bị kiết sử trói buộc*** ***Chúng sanh chịu khổ đau*** ***Tiếp tục và lâu dài".***
343. "Tasiṇāya purakkhatā pajā **Parisappanti saso'va bādhito** **Tasmā tasiṇaṃ vinodaye** **Bhikkhu ākaṇhī virāgam attano".**	***"Người bị ái buộc ràng*** ***Vùng vẫy và lăn lóc*** ***Như thỏ bị sa lưới*** ***Do vậy, vị Tỳ kheo*** ***Nên nhiếp phục ái dục*** ***Tự ly tham vô cấu".***

Đề cập đến con heo nái tơ.

Tương truyền rằng: Một hôm, Đức Thế Tôn đi vào thành Rājagaha để trì bình, Ngài nhìn thấy con heo nái tơ, Ngài mỉm cười rồi bước sang vệ đường. Trưởng lão Ānanda trông thấy Đức Thế Tôn mỉm cười liền bach hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn! Do nhân chi duyên chi Ngài lại mỉm cười?

- Nầy Ānanda! Ngươi có trông thấy con heo nái tơ ấy chăng?

- Thưa vâng, Bạch Thế Tôn.

- Nầy Ānanda! Con heo nái tơ ấy thuở quá khứ là con gà mái, ở gần ngôi trai đường, nhằm thời Đức Phật Kakusandha, Giáo Pháp của Ngài hiển chiếu trong thế gian. Con gà mái ấy được nghe vị Tỳ khưu trì tụng về Thiền Quán, nó nghe kinh với ấn tượng đây là Pháp Bảo. Nhờ hạnh nghiệp ấy, sau khi mệnh chung, con gà mái được sanh làm công chúa tên là Ubbarī. Một hôm, nàng công chúa Ubbāri đi vào nhà cầu, nhìn thấy những con dòi trong hầm cầu, nàng quán tưởng về thể trượt, chứng đắc được Sơ thiền. Sau khi hết tuổi thọ, nàng tái sanh về Phạm Thiên Giới, từ Phạm Thiên Giới nàng tái sanh về nhân giới, và do tư vị nên nàng phải sanh làm con heo nái tơ. Do vậy ta mới mỉm cười.

Trưởng lão Ānanda cùng hội chúng Tỳ khưu của Ngài, nghe câu chuyện như thế, tâm kinh cảm vô cùng, chán nản thế gian bẩn chật nầy.

Bậc Đạo Sư khiến chư Tỳ khưu phát sanh sự động tâm rồi, từ nơi vệ đường ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn:

338. "Yathā'pi mūle anupaddave daḷhe Chinno'pi rukkho punareva rūhati Evaṃ pi taṇhānusaye anūhate Nibbattatī dukkhaṃ idaṃ punappunaṃ".	*"Như cây bị chặt đốn* *Rễ chưa hại vẫn bền* *Sẽ được mọc lên lại* *Ái tùy miên chưa nhổ* *Khổ nầy vẫn sanh hoài".*
339. "Yassa chattiṃsati sotā Manāpassavanā bhusā Vāhā vahanti duddiṭṭhiṃ Saṅkappā rāganissitā".	*"Ba mươi sáu dòng ái* *Còn đẩy mạnh người nầy* *Đến cảnh giới ái lạc* *Các tư tưởng ái dục* *Như dòng nước cuốn trôi* *Người có ác tà kiến".*
340. "Savanti sabbadhī sotā Latā ubbhijja tiṭṭhati Tañ ca disvā lataṃ jātaṃ Mūlaṃ paññāya chindatha".	*"Dòng ái dục chảy khắp* *Như dây leo mọc tràn* *Thấy dây leo vừa sanh* *Với tuệ hãy đoạn gốc".*
341. "Saritāni sinehitāni ca Somanassāni bhavanti jantuno Te sātasitā sukhesino Te ve jātijarūpagā narā".	*"Người đời nhớ ái dục* *Ưa thích các hỷ lạc* *Tuy mong cầu hạnh phúc* *Chúng vẫn phải sanh già".*
342. "Tasiṇāya purakkhatā pajā Parisappanti saso'va bādhito Saññojanasaṅgasatā Dukkhaṃ upenti punappunaṃ cirāya".	*"Người bị ái buộc ràng* *Vùng vẫy và lăn lóc* *Như thỏ bị sa lưới* *Bị kiết sử trói buộc* *Chúng sanh chịu khổ đau* *Tiếp tục và lâu dài".*
343. "Tasiṇāya purakkhatā pajā	*"Người bị ái buộc ràng*

Parisappanti saso'va bādhito	*Vùng vẫy và lăn lóc*
Tasmā tasiṇaṃ vinodaye	*Như thỏ bị sa lưới*
Bhikkhu ākaṇhī virāgam attano".	*Do vậy, vị Tỳ kheo*
	Nên nhiếp phục ái dục
	Tự ly tham vô cấu".

☸

CHÚ GIẢI:

Câu: ***Mūle...punappunaṃ:*** nghĩa là: Khi cả năm rễ cây, bốn rễ đâm ra bốn hướng, một rễ chính cắm sâu vào đất thì rễ ấy sẽ vững chắc, không có sự nguy hại nào như chặt, đốn... ảnh hưởng được. Và khi đó nó vững chắc như thế, dù người ta có chặt đốn, róc bên trên chăng nữa, nó vẫn có khả năng tái phát triển lại thành những cành nhỏ, cành lớn. Cũng vậy, khi khổ sanh, khổ già... đang còn tiềm ẩn bên trong, tức là sự ngủ ngầm của ái dục còn đang diễn tiến trong tâm theo sáu căn môn, ái dục ấy chưa bị trí đạo diệt đi, ái ấy vẫn còn tái diễn trở đi trở lại từ kiếp nầy sang kiếp khác.

Yassa... rāganissitā: nghĩa là: Ái gồm có ba mươi sáu dòng do tính theo đặc tính của nó, tức là y cứ theo 18 nội xứ và 18 ngoại xứ, nó trôi chảy, nghĩa là thường diễn tiến trong các cảnh khả ái như cảnh sắc, cảnh thinh... nó có bản chất rất mạnh, nghĩa là ái có một sức mạnh khi phát sanh lên cho người nào rồi, nó có sự tầm cầu là pháp đại chủng, vì rằng: Nó hằng làm trưởng, luôn luôn phát sanh không cần nương vào thiền định hay thiền quán. Sự tầm cầu ái dục ấy thường lôi cuốn người có ác tà kiến ấy, vì có tri kiến sai lầm.

Savanti sabbadhī sotā: nghĩa là dòng ái dục thường trôi chảy các cảnh như nó trôi chảy theo cảnh sắc phối hợp với nhãn môn... Hoặc do các ái như thinh ái, hương ái, vị ái, xúc ái và pháp ái tuôn chảy khắp các cảnh.

Latā: nghĩa là ái được gọi là latā. Latā theo nghĩa đen là dây leo, ở đây có nghĩa là vật liên kết, hay vật trói buộc.

Hai câu: ***Ubbhijja tiṭṭhati:*** nghĩa là ái ví như dây leo sanh lên theo sáu căn, thường có mặt trong các cảnh như cảnh sắc...

Taṅ ca disvā: nghĩa là Ngài thấy ái như dây leo, do năng lực của nó phát sanh lên, rằng: Ái dục này phát sanh theo Piyarūpa hay theo Sātarūpa.

Paññāya: nghĩa là các ngươi hãy đào tận gốc rễ bằng trí đạo như người chặt dây leo mọc trong rừng bằng dao bén.

Saritāni: nghĩa là phóng đi, tức là lan rộng.

Sinehitāni: nghĩa là dính nhựa ái dục do quyền lực của ái dục như nhựa bám dính trong các vật dụng như y phục... Lời giải rằng: Bị nhựa tức là bị ái dục bao bọc.

Somanassāni: nghĩa là hỷ lạc loại như vậy thường phát sanh cho người sống trong quyền lực của ái dục.

Hai câu: ***Tesātasitā:*** nghĩa là những người ấy, tức là người sống trong quyền lực của ái dục, là người đang sống với lạc, đang hưởng lạc, đang tầm cầu đến lạc.

Te ve... narā: nghĩa là: Người nào như thế, hằng đi đến sanh, già, bịnh, chết. Do đó, mới gọi là đi đến sanh diệt.

Pajā: nghĩa là chúng sanh bị ái dục quá mạnh.

Tasiṇa: (sự luống cuống) do tạo sự kinh sợ dẫy đầy, tức là kinh sợ đang bao phủ người ấy.

Bādhito: nghĩa (chúng sanh) thường kinh hoàng, rối rắm đầy sợ hãi như con thỏ bị thợ săn bẫy được bằng lưới giăng trong khu rừng.

Saññojanasaṇgasattā: nghĩa là tất cả chúng sanh thường đi đến sự khổ sanh… triền miên lâu dài.

Tasmā...: do tất cả chúng sanh bị ái dục tạo ra sự kinh sợ và bị ràng buộc như thế. Vì vậy, Vị Tỳ khưu mong cầu Pháp để sát trừ, nghĩa là đạt đến Níp Bàn, đó là Pháp sát tuyệt phiền não như ái... Hãy xa lìa, hãy ném bỏ, hãy liệng quăng ái dục bằng chính A La Hán đạo.

Dứt kệ ngôn, nhiều chúng sanh an trú vào Thánh Quả như Dự Lưu...

Riêng con heo nái tơ ấy, sau khi dứt kiếp sống ấy, thọ sanh vào dòng Hoàng tộc thuộc lãnh thổ Suvaṇṇa. Dứt kiếp ấy, thọ sanh vào kinh thành Bārāṇasī, rồi lại lăn trôi vào gia tộc của người buôn ngựa ở bến cảng Suppāraka. Mạng chung kiếp ấy, nàng tái sanh vào gia đình người lái đò ở bến Gāriva, kế đến nàng sanh vào gia tộc Trưởng giả trong thành Anurādhapurā. Mạng chung kiếp ấy lại tái sanh vào gia tộc Trưởng giả Sumana trong làng Bhekkantagāma ở hướng nam Kinh đô Sumana theo tên gọi của Tộc Trưởng.

Khi ấy, dân chúng lìa bỏ xứ ấy ra đi, cha của nàng cũng ra đi đem gia đình đến trú tại xứ Dīghavāpī, sống trong làng Mahāmunīgāma. Thế rồi, vị Đại thần của Đức Vua Duṭṭhagāmaṇī tên là Lakuṇṭaka Atima nhân một vài công vụ đã đi đến làng ấy, quan Đại thần trông thấy nàng Tiểu thư phát sanh lòng ái luyến, xin cưới nàng làm vợ, lễ cưới được diễn ra rất long trọng. Sau lễ thành hôn, quan Đại thần Lakuṇṭaka Atima rước nàng về làng Mahāpuṇṇagāma sinh sống. Bấy giờ, Trưởng lão Mahā Atula cư ngụ tại Tịnh xá Koṭipabbata, một hôm Ngài đi vào làng Mahāpuṇṇagāma để trì bình khất thực, đứng tại cổng nhà của nàng ấy, chợt trông thấy nàng, Trưởng lão nói với các Tỳ khưu rằng:

- Nầy chư Hiền giả! Thật kỳ diệu thay, con heo nái đã sanh lên đây rồi, và đang là phu nhân của Đại thần Lakuṇṭaka.

Nghe nói như vậy, nàng chợt động tâm, cố đưa tâm quán xét và nhớ lại kiếp quá khứ của mình. Tâm nàng kinh đảm, xin chồng cho mình được xuất gia. Đại thần Lakuṇṭaka Atima đồng ý cho nàng xuất gia trong Ni chúng. Sau khi xuất gia, nàng tinh cần hành Pháp, phát triển ngũ quyền lớn mạnh, làm cho ngũ lực được sung mãn. Một hôm, nàng nghe giảng kinh Mahāsatipaṭṭhāna (Đại Niệm Xứ), nhân đó nàng triển khai tuệ quán, chứng đắc Dự Lưu Quả.

Thời gian sau, khi Đức vua đánh chiếm lại thổ xứ Damila, vị Trưởng lão ni ấy du hành đến làng Bhekkantagāma là trú xứ của cha mẹ nàng. Chính tại nơi nầy, nàng

được nghe bài kinh Āsīvirūpa trong Tịnh xá Kallaka, vị Trưởng lão ni chứng đạt A La Hán Quả.

Khi nàng Níp Bàn, vào ngày ấy nàng bị Tỳ khưu ni cật vấn. Nàng đã thuật lại tiểu sử với đầy đủ chi tiết về tiền kiếp của nàng, rồi bạch với Trưởng lão Mahātissa đang ngồi giữa Tăng chúng rằng:

- Thưở quá khứ, tôi sanh làm người, sanh làm gà đã bị con diều hâu bắt cắn đứt đầu, rồi tái sanh vào thành Rājagaha xuất gia trong giáo phái ngoại đạo. Lại sanh lên cõi Sơ thiền, tái sanh vào gia tộc Trưởng giả, rồi sanh làm heo nái tơ, từ đó lại lăn trôi các sanh thú như: Làm người trong xứ Suvaṇṇa, nơi thành Bārāṇasī, ở bến Suppāraka, ở bến đò Gārika, tái sanh vào thành Anurādhapurā, tái sanh vào làng Bhekkantagāma. Tôi đã trải qua 13 lần sanh thú như thế với xác thân cao thấp… Như vậy, giờ đây tôi có được xác thân cao quý, xin các Ngài đầy đủ thiện pháp, hãy sống với sự không dễ duôi.

Trưởng lão ni sau khi làm đại chúng động tâm kinh cảm rồi bà liền Vô Dư Níp Bàn.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Chuyện con heo nái thật ly kỳ,
Đáng lấy làm đề mục quán suy,
Người, thú tái sanh vô trật tự,
Do nhân ái dục với mê si,
Kiếp chót sanh làm vợ Đại thần,
Xuất gia, đắc quả, dứt căn trần,
Lâm chung nhắc lại bao tiền kiếp,
Cảnh cáo môn đồ, nhất nữ nhân.

DỨT TÍCH CON HEO NÁI TƠ

☸

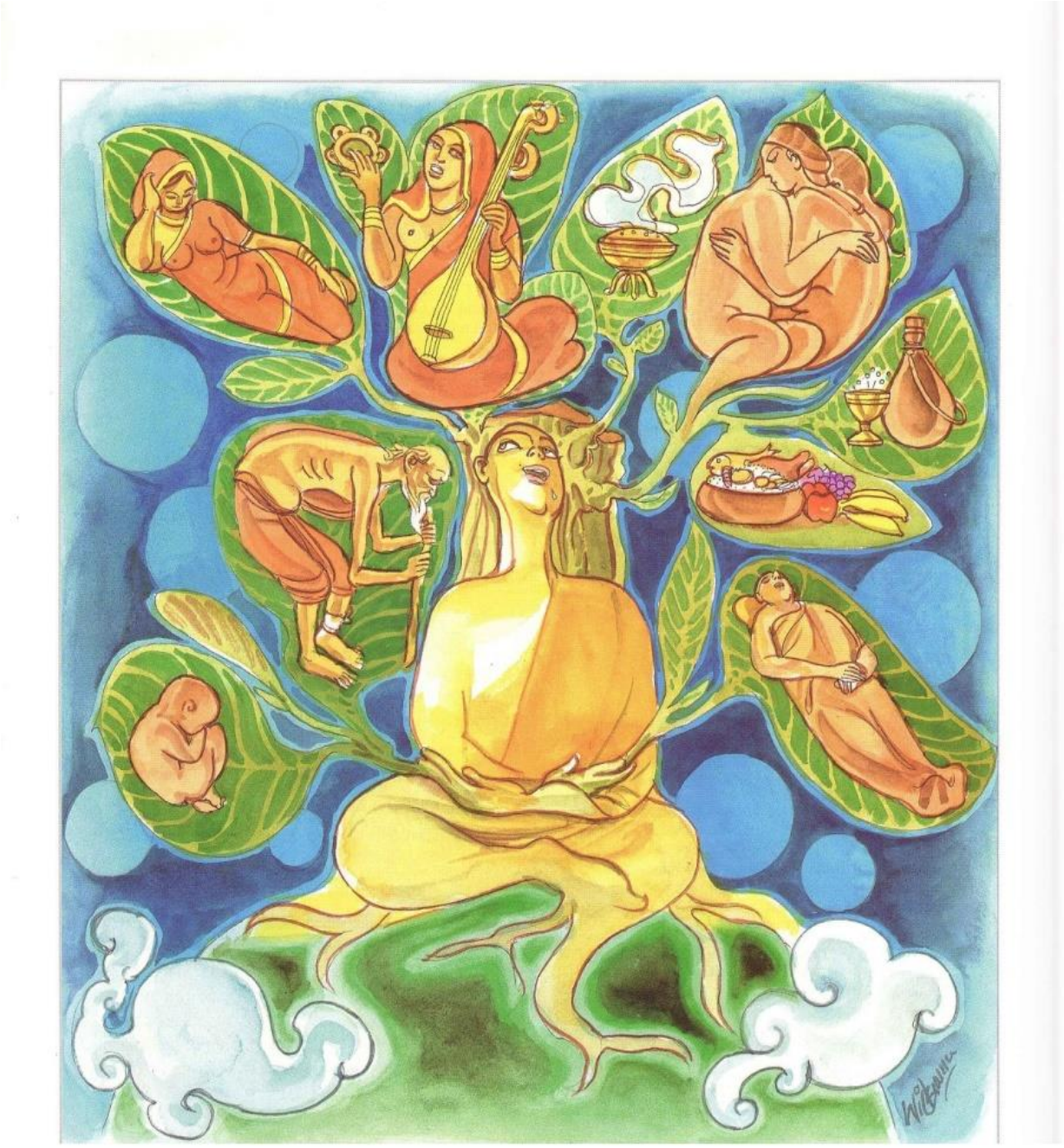

338. Đốn cây không đào gốc. Chồi tược sẽ lên hoài.
Tham ái chưa nhổ rễ. Khổ đau mãi dằng dai.

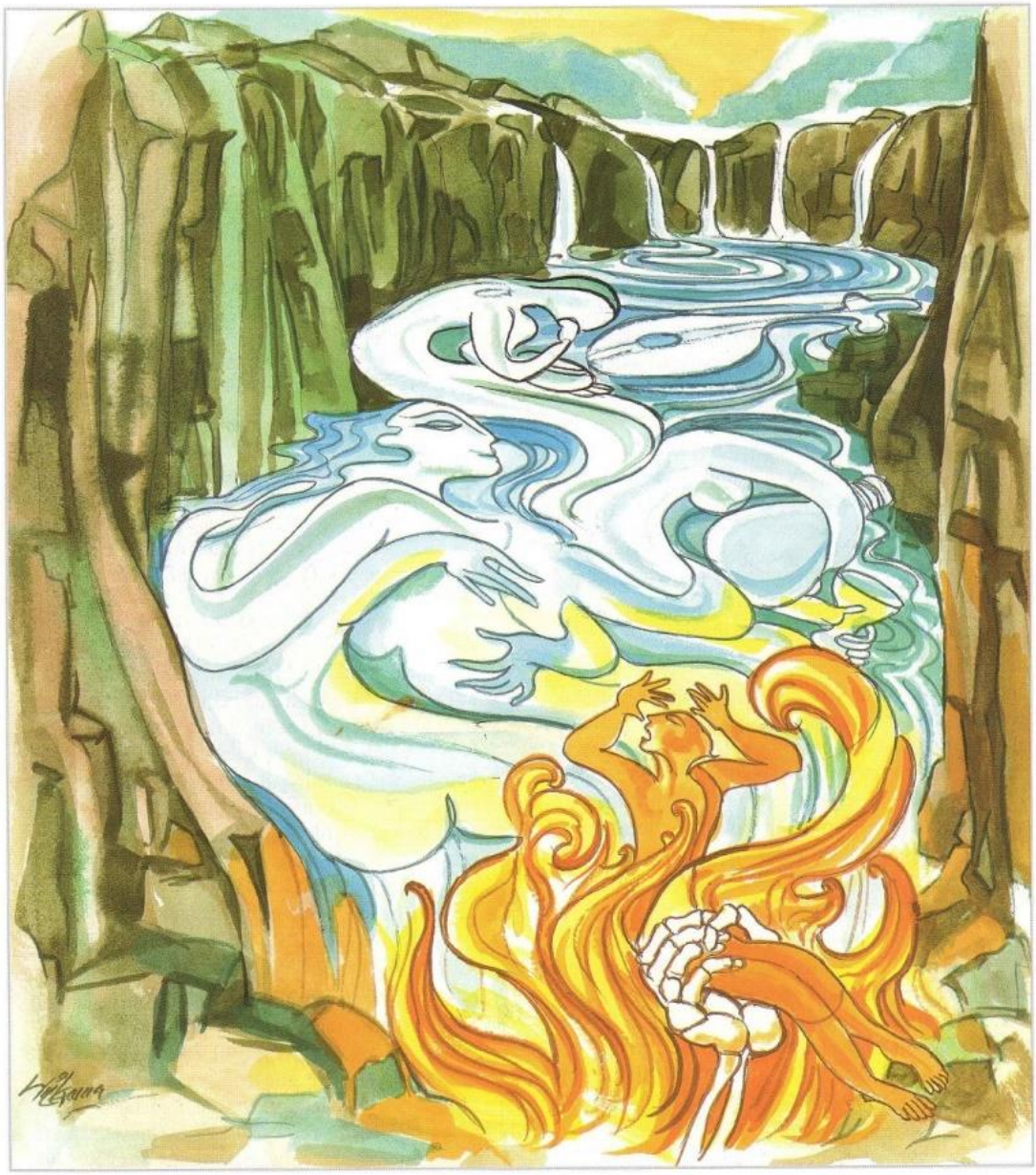

339. Ba mươi sáu dòng ái. Tuôn chảy theo dục trần.
Ý tham dục cuồn cuộn. Cuốn phăng kẻ mê đần.

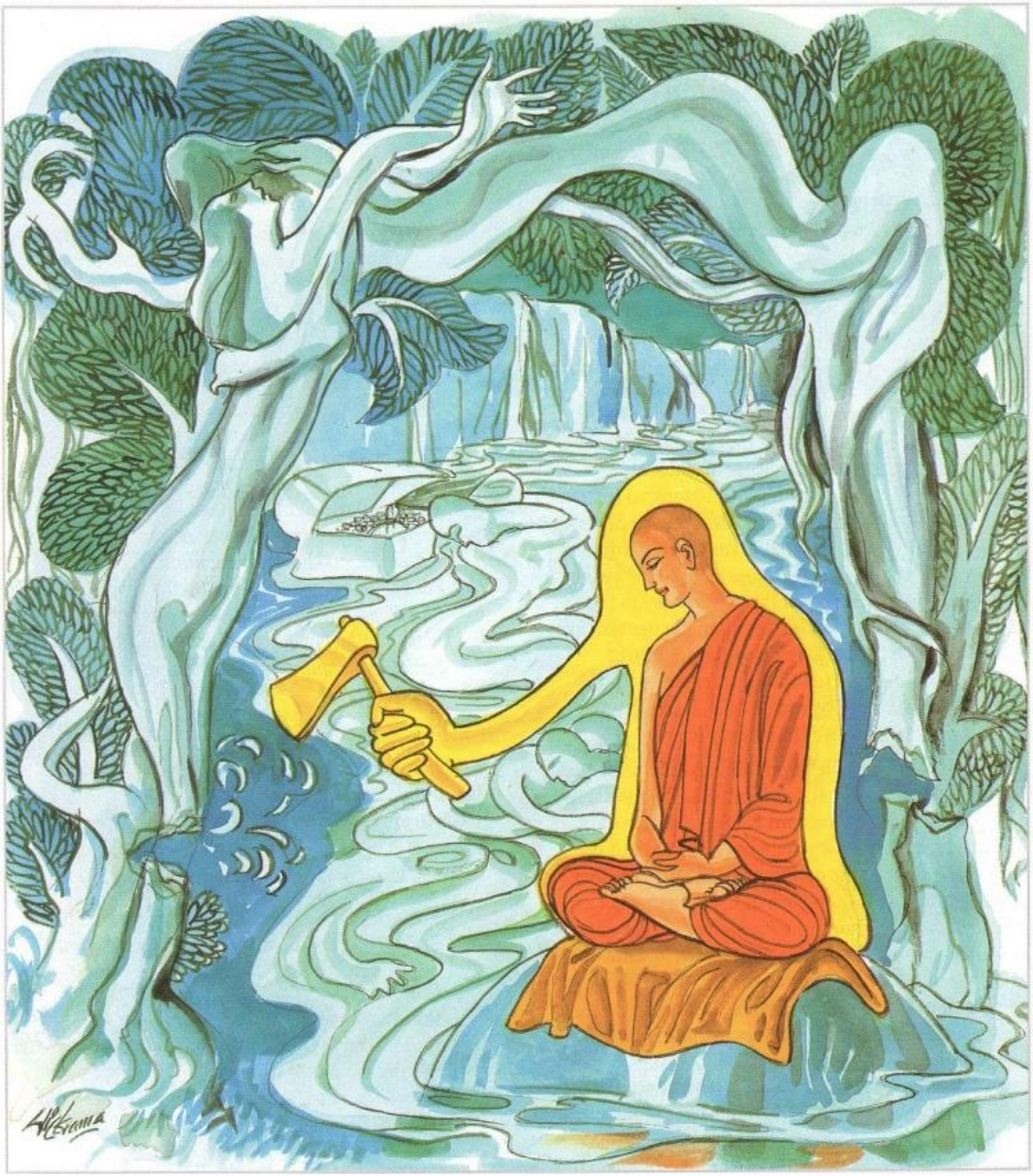

340. Dòng ái dục chảy khắp. Như giây leo mọc tràn.
Thấy giây leo vừa sanh. Với tuệ, hãy đoạn gốc.



341. Kẻ đam mê ái dục. Say đắm theo lục trần.
Tuy mong cầu an lạc. Sanh tử vẫn hoại thân.



342. Người bị ái buộc ràng. Hẳn lo sợ hoang mang.
Như thỏ bị trói chặt. Đau khổ mãi cưu mang.



343. Người bị ái buộc ràng. Như thỏ bị trói ngang.
Tỳ kheo cầu Niết bàn. Phải dứt trừ tham dục.

XXIV.3- CHUYỆN VỊ TỲ KHƯU HOÀN TỤC

(Vibhantaka)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 344)

"Yonibbanatho vanādhimutto	***"Người lìa dục xuất gia***
Vanamutto vanam eva dhāvati	***Sống khổ hạnh rừng núi***
Taṃ puggalaṃ etha passatha	***Thoát rừng chạy theo rừng***
Mutto bandhanam eva dhāvati".	***Nên xem người như vậy***
	Được thoát khỏi buộc ràng
	Lại chạy theo buộc ràng".

Pháp Cú nầy được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài an trú tại Jetavana, gần thành Sāvatthī. Đề cập đến vị Tỳ khưu hoàn tục.

Tương truyền rằng: Có vị Tỳ khưu là đệ tử của Ngài Kassapa, vị ấy chứng được ngũ thiền. Một hôm, vị ấy thấy cảnh sắc đối ngại (tức là sắc khả ái) trong nhà của người thợ bạc là chú của mình, y liền thả tâm ái nhiễm trong cảnh sắc ấy, nên hoàn gia trở về đời sống thế tục.

Thời gian sau, do sự lười biếng, thân tộc đã xua đuổi y ra khỏi nhà, không cho y theo nghề thợ bạc nữa. Thế là, y thân cận với những ác nhân, nuôi sống bằng nghề trộm cướp.

Một lần nọ, y bị quan quân bắt được, chúng trói quặt hai tay y ra phía sau, mang đến Pháp trường để chém đầu. Trên đường đi, tãi mỗi ngã tư đường, bị quan quân đánh đập bằng roi và bị rao truyền cho mọi người biết y là tên tội phạm.

Y bị trói để giữa Pháp trường để chờ giờ hành quyết, khi ấy Đại đức Kassapa đi vào thành khất thực, đến đây trông thấy tình trạng bi thảm của y như thế, Ngài xin quan canh giữ nới lỏng dây trói cho y được thong thả đôi chút, rồi Ngài dạy rằng:

- Ngươi hãy quán tưởng đến nghiệp xứ đã hành trì khi trước đi.

Vâng theo lời dạy của Đại đức, y an trú chánh niệm với án xứ đã từng tu tập, chỉ trong giây phút sau y chứng đắc ngũ thiền trở lại. Kế đến đã đến giờ hành quyết, quan quân mang y đến trước cây cọc, đặt đầu y trên thớt với ý niệm là "Sẽ giết chết tên cướp". Tuy nhiên, y chẳng chút chi sợ sệt hay là có sự hoảng hốt. Tuy mọi người đứng chung quanh y, với vũ khí tuốt ra khỏi vỏ như gươm giáo... Mọi người thấy y vẫn điềm nhiên không đổi sắc, nên kinh ngạc, bàn luận cùng nhau rằng:

- Các bạn hãy nhìn xem, tên nầy không có chút chi là run sợ trước cái chết đang cề cận với y. Giữa những vũ khí trong tay, y vẫn an nhiên trầm tĩnh. Thật là kỳ diệu thay.

Tiếng thán phục y lan rộng ra, những người hành quyết thấy vậy, tạm đình chỉ án lịnh, trình lên Đức Vua sự kiện hy hữu nầy. Nghe sự việc lạ lùng, Đức Vua truyền lịnh rằng:

- Các khanh hãy thả tên tù tội ấy ra đi.

Và Đức Vua Bimbisāra đi đến Tịnh xá Veḷuvana bạch trình lên Đức Thế Tôn sự kiện ấy. Từ nơi Hương thất ở Veḷuvana, Đức Đạo Sư phóng hào quang đến trước mặt tên tử tội ấy, thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Yonibbanatho vanādhimutto	*"Người lìa dục xuất gia*
Vanamutto vanam eva dhāvati	*Sống khổ hạnh rừng núi*
Taṃ puggalaṃ etha passatha	*Thoát rừng chạy theo rừng*
Mutto bandhanam eva dhāvati".	*Nên xem người như vậy*
	Được thoát khỏi buộc ràng
	Lại chạy theo buộc ràng".

☸

CHÚ GIẢI:

Ý nghĩa của kệ ngôn nầy là: Người nào có sự quyến luyến như đám cây trong rừng mà mình đã ra khỏi rồi, vì mình đã từ bỏ đám cây trong rừng tức là sự luyến ái đời sống cư sĩ. Đã xuất ra rồi nhưng chạy trở lại rừng tức là theo lại sự ái luyến, là kẻ trói buộc, là vật trói buộc, quay về đời sống thế gian. Như vậy, ái là đời sống thế gian, là vật ràng buộc, các ngươi hãy nhìn những người ấy như vậy, người đã thoát ly khỏi vật ràng buộc là gia đình rồi, lại còn chạy vào vòng trói buộc là gia đình trở lại nữa.

Trên cọc nhọn, giữa pháp trường chung quanh là quan quân, y liền quán pháp bắt đầu từ sự sanh rồi diệt, sau đó chuyển tâm qua quán Tam Tướng, chứng đắc Đạo Quả Dự Lưu, y thọ hưởng quả vị Giải thoát, một trạng thái phỉ lạc do định sanh, y bay lên hư không rồi bước xuống đảnh lễ Đức Thế Tôn, xin được xuất gia lại. Đức Thế Tôn nhận lời, và sau đó Ngài thuyết lên kinh Pháp tuần tự. Y nghe xong chứng đắc quả A La Hán giữa hội chúng có cả Đức vua nơi ấy.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Tỳ Khưu tu đắc Tứ thiền rồi,
Mê sắc vàng kim bỏ đạo trôi,
Hoàn tục, nhập theo phe trộm cướp,
Sẩy chân, bị bắt, đáng thương ôi!
Pháp trường tưởng đã bị đầu rơi,
May gặp thầy xưa nhắc mấy lời,
Định trí niệm ngay đề mục cũ,
Được Vua ân xá dễ như chơi,
Phật dạy: Người lìa dục xuất gia,
Nếu ham sắc cảnh chạy về nhà
Gông cùm đã mở, rồi lại buộc,
Hành giả tu rừng, khá nghỉ xa!
Một lần chết hụt được tồn sinh,
Tâm đã buông rời cảnh sắc thinh,
Quán khổ, vô thường, phi ngã tướng,
Đắc ngay La Hán, quả viên minh.

DỨT TÍCH VỊ TỲ KHƯU HOÀN TỤC

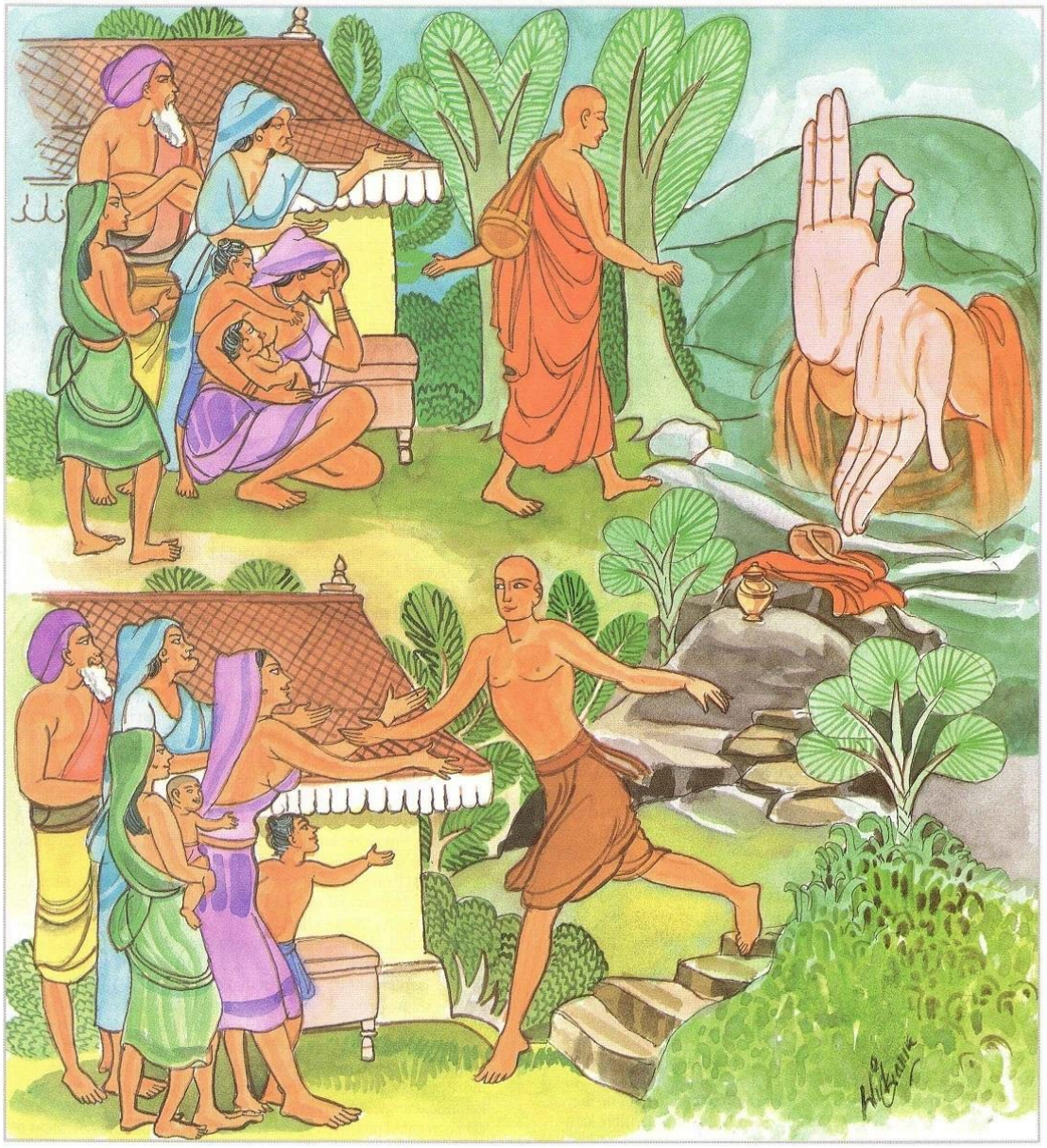

344. Cắt ái đi xuất gia. Khổ hạnh trong rừng già. Đã giải thoát dục vọng. Nhưng lai trở về nhà. Kìa xem hạng người ấy. Mở rồi buộc lại ta.

XXIV.4- CHUYỆN KHÁM ĐƯỜNG

(Bandhanāgāra)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 345-346)

345. "Na taṃ daḷnaṃ bandhanam āhu dhīrā **Yadāyasaṃ dārujaṃ babbajañ ca** **Sārattarattā maṇikuṇḍalesu** **Puttesu dāresu ca yā apekkhā".**	***"Sắt, cây, gai trói buộc*** ***Người trí xem chưa bền*** ***Tham châu báu trang sức*** ***Tham vọng vợ và con".***
346. "Etaṃ daḷnaṃ bandhanam āhu dhīrā **Ohārinaṃ sithilaṃ duppamuñcaṃ** **Etaṃ pi chetvāna vajanti dhītā** **Anappekkhino kāmesukhaṃ pahāya".**	***"Người có trí nói rằng:*** ***Trói buộc nầy thật bền*** ***Trì kéo xuống, lỏng lẻo*** ***Nhưng thật sự khó thoát*** ***Người trí cắt trừ nó*** ***Bỏ dục lạc, không màng".***

Kệ ngôn nầy được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến khám đường.

Tương truyền rằng: Trong thành Sāvatthī có một bọn cướp, chúng thường xuyên gây rối loạn trong chúng dân, đã cạy cửa, cướp dọc đường và đã sát hại rất nhiều người.

Một lần nọ, quan quân truy lùng và bắt được bọn chúng, đem trình lên Đức vua Kosala, Đức vua truyền giam chúng vào những gông cùm, trói hay xiềng chúng lại bằng những dây gai cùng xích xiềng vững chắc.

Đúng hôm ấy, có 30 vị Tỳ khưu sau khi đến đảnh lễ Đức Thế Tôn rồi, các Ngài đi vào thành khất thực. Các vị ấy đi ngang qua khám đường, trông thấy bọn cướp đang bị gông cùm khổ sở như thế, sau khi khất thực xong, trở về yết kiến Bậc Đạo Sư và bạch hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn! Hôm nay chúng con đi khất thực thấy bọn cướp trong khám đường bị giam cầm bằng gông… thọ khổ vô cùng, chúng không thể bẻ xiềng trốn được. Bạch Thế Tôn có loại gông cùm nào chắc hơn gông xiềng đó không?

- Nầy các Tỳ khưu, có loại gông cùm xiềng xích chắc chắn hơn, gông xiềng mà các người thấy đó chẳng đáng gọi là gông xiềng đâu. Gông xiềng phiền não là ái đối với các động sản, bất động sản như tiền bạc, lúa gạo, kho lẫm, vợ con… là gông xiềng chắc hơn cả. Loại gông xiềng nầy chắc chắn gấp trăn ngàn lần gông xiềng mà các ngươi trông thấy. Nhưng bậc trí thưở quá khứ, dù rằng là loại gông xiềng chắc chắn như vậy vẫn khước từ bỏ đi được, vào Tuyết lãnh Sơn sống đời ẩn sĩ.

Rồi Đức Thế Tôn thuyết lên Bổn sự rằng:

Thưở quá khứ, khi Đức Vua Brahmadatta trị vì kinh đô Bārāṇasī, Bồ Tát hạ sanh vào một gia đình nông phu nghèo khổ, khi Ngài đến tuổi trưởng thành thì thân phụ qua đời. Bồ Tát đi làm công nuôi dưỡng mẫu thân.

Thấy con mình quá cực nhọc vì phải chăm lo bên trong lẫn bên ngoài, mẹ Bồ Tát khuyên Ngài cưới vợ. Tuy không hài lòng lắm, nhưng để cho mẹ vui lòng Bồ Tát đành ưng thuận, mẹ Bồ Tát cưới một nàng thiếu nữ cho Bồ Tát, thời gian sau, mẹ Bồ Tát cũng qua đời, riêng vợ Bồ Tát đang mang thai, Ngài không biết vợ đang mang thai, nên nói rằng:

- Nầy em thân, em hãy đi làm công để nuôi mạng sống đi, còn anh sẽ xuất gia sống đời ẩn sĩ vậy.

- Nầy anh thân yêu, em nay mang thai chẳng phải vậy sao? Vậy anh hãy đợi khi em sanh nở xong, anh hãy xuất gia cũng chẳng muộn.

- Nầy em, thôi được.

Khi nàng sanh con xong được khỏe mạnh, Bồ Tát nói với vợ rằng:

- Nầy em, nay em đã sanh nở tốt đẹp rồi. Giờ đây anh sẽ đi xuất gia vậy.

- Nầy anh thân! Xin anh hãy đợi khi nào con mình dứt sữa mẹ, khi ấy anh hãy đi cũng chẳng muộn gì.

- Thôi được, nầy em.

Khi con nàng vừa dứt được sữa mẹ thì nàng lại mang thai lần nữa. Bồ Tát suy nghĩ: *"Nếu ta nói lên ý của mình, nàng nầy sẽ chẳng chấp nhận đâu. Thế thì ta sẽ không nói, ta sẽ trốn đi xuất gia".* Bồ Tát yên lặng, vào lúc canh khuya vắng người, Ngài lẻn trốn ra đi. Trên đường đi, Ngài bị người giữ thành bắt lại, Ngài nói rằng:

- Thưa các Ngài! Tôi còn phải nuôi mẹ tôi nữa, xin các Ngài hãy thả tôi ra đi.

Ngài khơi dậy mối từ tâm của những người gác cổng khiến họ thả Ngài ra. Sau khi tìm một nơi nghỉ mệt, Ngài tiếp tục hướng về rừng thiêng Tuyết Lãnh, xuất gia làm ẩn sĩ. Chẳng bao lâu Ngài chứng đắc được Bát thiền và thần thông lực. Ngài cư ngụ nơi Tuyết Lãnh Sơn, với tâm hân hoan Ngài thốt lên cảm hứng ngữ rằng:

- *Vật trói buộc là vợ con, là phiền não chướng, người đời khó dứt bỏ được. Như vậy ta đã thoát được rồi.*

☸

CHÚ GIẢI:

Câu: ***Dhīrā…:*** nghĩa là các Bậc trí như Đức Phật… gọi các loại gông xiềng làm bằng sắt, bằng gỗ, bằng gai hay những loại gông xiềng được bện lại từ cỏ lát, dây đai… những loại nầy không bền chắc, vì rằng: Người ta có thể phá hủy hay cắt đứt bằng những vũ khí bén như gươm dao… được.

Sārattarattā: nghĩa là người có dục vọng mãnh liệt, tức là dục vọng do ái hướng đạo, do ái sai xử.

Maṇikuṇḍalesu: Ngọc Maṇi và các loại trang sức, hay loại trang sức làm bằng ngọc Maṇi.

Daḷhaṃ: nghĩa là: Sự dục vọng của người luyến ái mãnh liệt với ngọc Maṇi và các trang sức ấy, cùng với sự luyến ái vợ con. Các bậc trí gọi là sự dục vọng. Và sự ái luyến ấy là vật trói buộc làm bằng phiền não dục thì bền chắc hơn cả.

Chārinaṃ: Sự trì xuống, kéo xuống, đưa đến nơi thấp, làm cho rơi vào bốn đường ác.

Sithilaṃ: nghĩa là: Đừng vì nó không cứa đứt da thịt, không làm máu tuôn rơi nơi bị trói buộc. Tức là người bị trói buộc không có cảm giác rằng: Mình đang bị trói buộc như thường có, khi đang thực hiện các việc làm như là: Đi trên đường phố, đường thủy…

Duppamuñcaṃ: nghĩa là khó tháo gỡ vì phiền não trói buộc sanh khởi bởi năng lực của lợi lộc dù chỉ một lần, nó là bản chất phiền não khó tháo gỡ, giống như con rùa khó thoát ra khỏi nơi trói buộc vậy.

Etaṃ pi chetvāna: dù nó bền chắc như vậy, nhưng các bậc trí vẫn cắt đứt được nhờ gươm trí tuệ, đã chấm dứt được sự quyến luyến, đã từ bỏ dục lạc hoàn toàn, xa lánh thế gian, tìm đường xuất gia.

Dứt thời Pháp thoại, nhiều người chứng đạt Thánh Quả như Dự Lưu quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Gông cùm, xiềng xích của nhà tù,
Nhắc nhở Tỳ Khưu hãy ráng tu,
Đã thoát gia đình, dây nịch ái,
Đừng nên bê trễ việc công phu,
Nữa đêm Bồ Tát trốn nhà đi,
Bởi sự tình yêu mãi kéo trì,
Ly dục tức là ra khỏi ngục,
Tự do rồi mới tập vô vi

DỨT TÍCH CHUYỆN KHÁM ĐƯỜNG

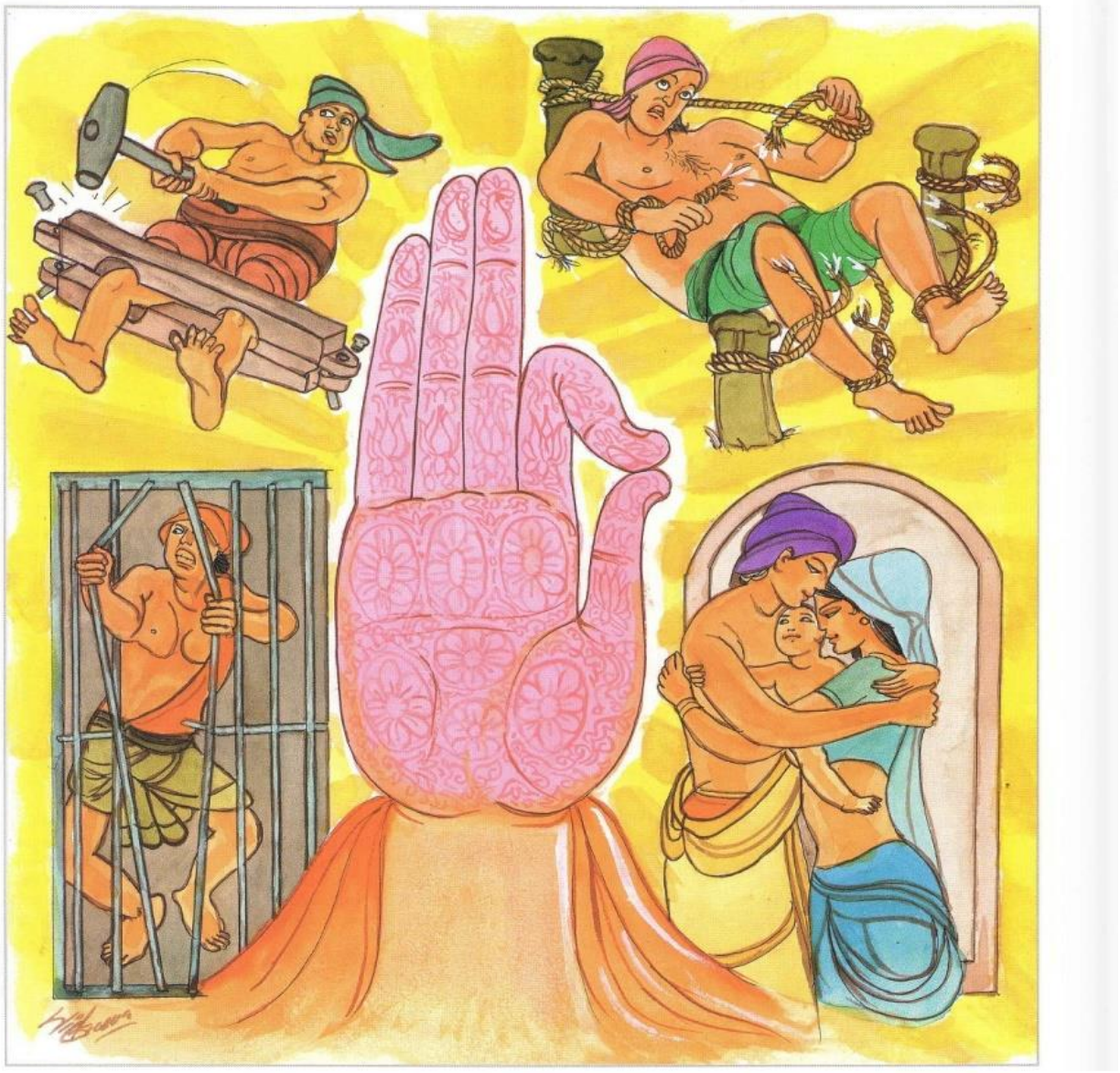

345. Bậc trí giảng dạy rằng: Dây đay, gai, gỗ, sắt. Chưa phải loại buộc chặt. Ham châu báu vợ con. Mê trang sức phấn son. Thứ đó buộc chắc nhất.

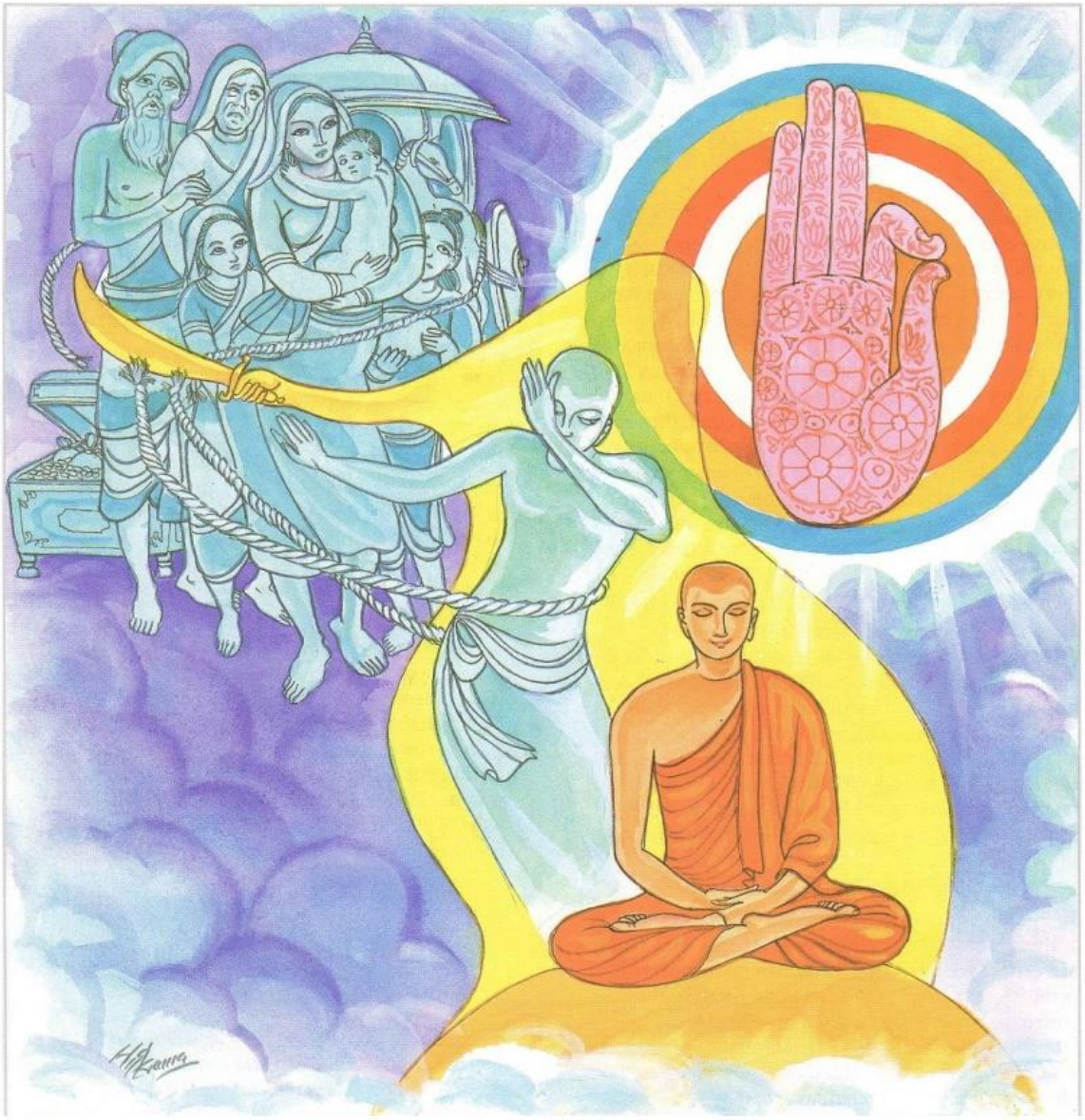

346. Bậc trí giảng dạy rằng: Trói buộc đó rất chắc. trì kéo xuống thật chặt. khó tháo gỡ vô vàn. Bậc trí nên cắt ngang. Từ khước mọi tham ái.

XXIV.5- HOÀNG HẬU KHEMĀ

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 347)

"Ye rāgarattānupatanti sotaṃ	***"Người đắm say ái dục***
Sayaṃ kataṃ makkaṭako'va jālaṃ	***Tự lao mình xuống dòng***
Etaṃ pi chetvāna vajanti dhīrā	***Như nhện sa lưới dệt***
Anapakkhino sabbadukkhaṃ pahāya".	***Người trí cắt đứt nó".***

Pháp Cú nầy được Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Tịnh xá Veḷuvana, đề cập đến Hoàng hậu Khemā.

Tương truyền rằng: Hoàng hậu Khemā đã phát nguyện dưới chân của đức Chánh Đẳng Chánh Giác có Hồng danh là Padumuttara, nàng mong cầu được sắc đẹp vô cùng khả ái cho mình. Đến thời Đức Phật hiện tại, nàng thành tựu sắc đẹp tuyệt mỹ, nàng là Vương hậu của vua Bimbisāra. Khi Bậc Đạo Sư ngự về Vương Xá thành để tế độ quần sanh, tiếng tán thán Ngài lan truyền đến tai Hoàng hậu Khemā và nàng cũng được nghe rằng: *"Bậc Đạo Sư thường chỉ trích về thể trược của xác nhân".* Vì thế, nàng e ngại khi đến đảnh lễ Đức thế Tôn.

Để khuyến dụ nàng Khemā, Đức vua Bimbisāra biết nàng rất ưa thích cảnh đẹp khả ái, Ngài liền thuê những thi nhân mặc khách, sáng tác những vần thơ ca ngợi cảnh trí u nhàn thanh nhã của Tịnh xá Trúc Lâm, Ngài giao cho nhạc sĩ những vần thơ tạo thành những khúc ca du dương, rồi những vũ nữ của nàng Khemā ngâm vịnh, hoặc hát lên những bài hát tán thán cảnh trí u tịch của Tịnh xá Veḷuvana. Hoàng hậu Khemā nghe những đoản thi, những khúc nhạc ấy, có cảm tưởng rằng mình chưa từng được viếng cảnh Trúc Lâm, chưa từng thưởng thức được cảnh đẹp u nhã thanh mặc như vậy. Nàng phán hỏi nữ tỳ rằng:

- Cảnh nầy ở đâu thế?

- Tâu lịnh Bà! Đây là cảnh thanh nhã của Veḷuvana.

Hoàng hậu Khemā khởi lên sự ước muốn đến thăm viếng cảnh đẹp Veḷuvana.

Một hôm, không dằn được lòng với sự náo nức của tâm, Hoàng hậu Khemā lần dò đến Tịnh xá Veḷuvana, Đức thế Tôn bấy giờ đang thuyết giảng Pháp thoại đến thính chúng, biết được duyên lành của Hoàng hậu Khemā đã chín muồi. Ngài liền hóa hiện ra một nữ lang xinh đẹp tuyệt trần, đang cầm quạt hầu Đức Thế Tôn.

Hoàng hậu Khemā lần bước đi đến nơi ngự của Đức Đạo Sư, trông thấy mỹ nữ đang cầm quạt hầu Đức Thế Tôn, nàng suy nghĩ: *"Mọi người thường nói: "Bậc Chánh Đẳng hằng chê trách sắc đẹp", thế nhưng nàng thiếu nữ nầy đang quạt hầu Ngài đây, nhan sắc của ta so với nàng thật một trời một vực, ta không được một phần xinh đẹp của nàng. Nhan sắc tuyệt mỹ như thiên tiên nầy, ta chưa từng thấy bao giờ cả. Hẳn mọi người đã vu khống cho Ngài với lời lẽ không thật rồi".*

Thế là, Hoàng hậu Khemā bị nhan sắc thiếu nữ ấy thu nhiếp, nàng không nghe Pháp thoại của Đức Thế Tôn, chỉ chú trọng ngắm nhìn nhan sắc của nàng thiếu nữ.

Đức Thế Tôn biết rằng Hoàng hậu Khemā khởi tâm so sánh về sắc đẹp. Ngài dùng thần thông lực biến chuyển sắc ấy thay đổi theo từng thời: Thiếu niên, trung niên, lão niên, cho đến khi thiếu nữ ấy chết đi, thây thi đã rời, chỉ còn lại một bộ xương (như chuyện nàng Rūpanandā).

Hoàng hậu Khemā theo dõi, thấy được sắc ấy lão mãi rồi đi đến suy vong như thế, suy nghĩ rằng: *"Sắc đẹp tuyệt trần như thế ấy, cũng phải đi đến sự hoại diệt chỉ trong chốc lát như vậy. Thật vậy, thân nầy quả thật trống không, không có cốt lõi".*

Bậc Đạo Sư thấu rõ tâm trạng chán nản của Hoàng hậu Khemā, Ngài liền phán dạy rằng:

- Nầy Khemā, ngươi đang suy nghĩ: Lõi có thật trong sắc thân nầy có chăng? Nầy Khemā, ngươi hãy nhận thức rằng: Trong sắc thân nầy chẳng có cốt lõi đâu, ngươi hãy nhận biết như thế tại nơi nầy đi.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

- Nầy Khemā! Ngươi hãy nhìn xác thân bịnh tật nầy, đầy dẫy chất bất tịnh, sình thúi chảy ra cả phía trên, phía dưới mà kẻ ngu ham thích (đắm say) vô cùng.

Dứt kệ ngôn Hoàng hậu Khemā an trú vào Dự Lưu Thánh Quả. Kế tiếp, Đức Thế Tôn phán dạy nàng rằng:

- Nầy Khemā! Tất cả chúng sanh tràn đầy với mọi ái dục, nóng nảy với sân hận, say cuồng với si mê mới không thể thấy dòng ái dục được, phải bị dính trong dòng ái dục như vậy đó.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Ye rāgarattānupatanti sotaṃ	*"Người đắm say ái dục*
Sayaṃ kataṃ makkaṭako'va jālaṃ	*Tự lao mình xuống dòng*
Etaṃ pi chetvāna vajanti dhīrā	*Như nhện sa lưới dệt*
Anapakkhino sabbadukkhaṃ pahāya".	*Người trí cắt đứt nó".*

☸

CHÚ GIẢI:

Makkaṭoko va jātaṃ: nghĩa là: Giống như con nhện làm lưới, tức là nó nằm ngay giữa lưới được chính nó dệt, để bắt giết những con côn trùng nào rơi vào lưới ấy, sau khi ăn xong, nhện lại quay về nằm nơi chỗ cũ. Việc ấy như thế nào, thì tất cả chúng sanh sẽ rơi vào dòng ái dục do chính mình tạo ra, chúng sẽ không thoát ra được dòng ái dục cũng như thế.

Do vậy, dòng ái dục người ta khó thoát được là như vậy.

Etaṃ pichetvāna vajanti dhīrā: nghĩa là các bậc trí đã cắt đứt sự trói buộc ấy, không ái luyến, chấm dứt mọi khổ đau bằng A La Hán đạo và ra đi.

Dứt kệ ngôn, Hoàng hậu Khemā an trú vào Thánh Đạo A La Hán. Đức Thế Tôn phán dạy Đức vua Bimbisāra rằng:

- Nầy Đại Vương, nên để Hoàng hậu Khemā xuất gia hay để nàng Vô Dư Níp Bàn?

- Bạch Thế Tôn, xin Ngài hãy cho nàng được xuất gia, chớ nên để người như nàng sớm Níp Bàn.

Thế là Hoàng hậu Khemā được xuất gia trong Ni chúng, nàng trở thành vị Tỳ Khưu Ni tối thắng về hạnh trí tuệ.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Khê Ma Hoàng hậu đẹp tuyệt trần,
Sợ Phật chê mình, chẳng dám gần,
Vua phải cho phường ca hát dạo,
Dụ vào ngự uyển, gặp giai nhân,
Phật cho hậu thấy cảnh vô thường,
Mỹ nữ già nua, giống bộ xương,
Sắc đẹp mau tàn, không thực chất,
Thân người: như xác chết sình chương!
Khê Ma hết luyến tự thân bà,
Tâm đã băng qua khỏi ái hà…,
La Hán không còn nương thế tục,
Vua đành để Hậu sống ly gia

DỨT TÍCH HOÀNG HẬU KHEMĀ

☸



347. Người đắm say ái dục. Là tự lao xuống dòng.
Như nhện sa vào lưới. Do chính nó làm xong.
Bậc trí dứt tham ái. Ắt thoát khổ thong dong.

XXIV.6- CÔNG TỬ UGGASENA

(Uggasenaseṭṭhīputta)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 348)

Muñca pure muñca pacchato,	***"Bỏ quá, hiện, vị lai***
Majjhe muñca bhavassa pāragu;	***Đến bờ kia cuộc đời***
Sabbattha vimuttamānaso.	***Ý giải thoát tất cả***
Na puna jātijaraṃ upehisi".	***Chớ vướng lại sanh già".***

Pháp Cú nầy được Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Veḷuvana, đề cập đến Công tử Uggasena.

Tương truyền rằng: Vào thuở ấy, trong thành Rājagaha cứ khoảng sáu tháng hay là một năm, thì có đoàn hát khoảng 500 người đến kinh thành Rājagaha để trình diễn những tiết mục độc đáo hầu Đức Vua thưởng thức, biểu diễn trong cả 7 ngày đêm, và họ được Đức Vua ban thưởng rất nhiều vàng ngọc. Sự ban thưởng của Đức vua rất dồi dào, khi đại chúng đến xem biểu diễn nghệ thuật ấy cũng ban thưởng và thường đại chúng mang cả giường, ghế dài… đến nơi trình diễn xem và nghỉ tại nơi ấy.

Trong đoàn xiếc ấy có một cô vũ nữ chuyên nghề nhào lộn trên không trung, nàng bắc một tấm ván ngang qua hai thanh tre cao, nàng vừa đi, nhào vừa ca hát trên tấm ván ấy, hay là vũ những vũ khúc điêu luyện trên không qua hai thanh ván ấy.

Trong thành Rājagaha có một công tử tên Uggasena, chàng là con một Đại Trưởng giả trong thành. Khi chàng đi đến vui chơi lễ hội, nhìn thấy nàng vũ nữ biểu diễn nghệ thuật nhào lộn trên không trung, với những độc tác uyển chuyển , mềm mại, nên tâm chàng phát sanh ái luyến. Công tử Uggasena bị ái nhiễm tấn công tâm quá mức, khi trở về nhà chàng suy tưởng đến hình bóng của nàng vũ nữ rằng:

- Nếu ta không được nàng vũ nữ ấy, chắc là ta phải chết thôi.

Chàng sầu não, nằm tuyệt thực với dáng ủ rũ. Song thân chàng gặn hỏi chàng rằng:

- Nầy con thân! Con đang bị bịnh chi thế?

- Thưa cha mẹ! Nếu con không được nàng vũ nữ đó làm vợ, chắc là con sẽ chết thôi.

- Nầy con thân! Con chớ nên ao ước như thế, cha mẹ sẽ tìm cho con một cô tiểu thư môn đăng hộ đối với nhà ta.

Bỏ mặc lời khuyên của cha mẹ ngoài tai, chàng Uggasena vẫn im lặng, mơ tưởng đến hình bóng của nàng vũ nữ ấy.

Song thân chàng khuyên giải chàng phiều phen nhưng không được, không thể làm cho chàng thay đổi ý niệm, nên nhờ những thân hữu của chàng đến khuyên giải chàng. Vẫn vô ích, chàng khăng khăng giữ mãi ý định của mình.

Cuối cùng hai ông bà Trưởng giả đành nhờ người thân đi đến đoàn hát gặp người Trưởng đoàn trao cho ông ta một ngàn đồng vàng, mời ông đến nhà nói rằng:

- Nầy ông! Ông hãy nhận số tiền nầy đi, rồi hãy gả con gái ông cho con chúng tôi đi.

- Thưa bà! Cho dù tôi nhận số tiền lớn như vầy, nhưng tôi không thể gả con gái mình cho công tử được. Vì nếu vắng con gái tôi thì đoàn hát sẽ thất thu ngay, nó là cột trụ của đoàn đấy.

- Nầy ông, chớ nên như vậy, nếu con trai tôi không cưới được con gái ông, nó sẽ chết mất.

- Thưa ông bà, nếu công tử không cưới được con gái tôi thì sẽ chết, thế thì công tử hãy theo đoàn hát của chúng tôi đi. Bấy giờ chúng tôi sẽ gả con gái cho cậu ấy.

Song thân chàng báo lại cho chàng biết sự việc ấy. Công tử Uggasena bảo rằng:

- Nếu thế, con sẽ theo đoàn hát ấy.

Và công tử đã đi theo đoàn hát ấy, mặc cho những lời khuyên giải tha thiết của song thân chàng. Người chủ gánh xiếc gả con cho công tử Uggasena như lời hứa. Công tử cùng đoàn hát trôi nổi lang bạc qua các làng mạc, thị trấn, kinh thành để biểu diễn nghệ thuật nhào lộn trên không. Nàng vũ nữ làm vợ công tử chẳng bao lâu thì có mang và hạ sanh một đứa bé trai. Một hôm, nàng cùng với con đùa giỡn, ngoảnh ra thấy công tử đang lấy cỏ cho bò ăn và chất những tặng phẩm lên xe, nàng hát trêu cợt chồng rằng:

- Nầy con! Con của người giữ xe, con của người chất hàng, con của người chẳng biết làm chi cả.

Nghe câu hát cợt đùa ấy, công tử Uggasena hổ thẹn hỏi vợ rằng:

- Có phải nàng hát trêu cợt ta chăng?

- Nầy anh, sự thật là như vậy.

- Nếu là như thế, anh sẽ bỏ ra đi.

- Nầy anh, sự ra đi hay ở lại của anh có làm thiệt thòi hay lợi ích chi cho đoàn đâu.

Thế rồi, nàng lại tiếp tục nô đùa cùng con với những câu hát trêu cợt chồng như thế. Được biết rằng: Nàng vũ nữ ấy ỷ vào nhan sắc cùng với nghệ thuật nhào xiếc của mình ở trên không trung, nên chẳng nể nang chi chồng cả, bất cứ là chuyện gì. Công tử Uggasena suy nghĩ: *"Nàng nầy kiêu hãnh như thế do dựa vào cái chi nhỉ?"*. Chàng được biết rằng: *"Do nghệ thuật nhào xiếc trên không"*. Chàng suy nghĩ tiếp: *"Thôi được, ta sẽ cố gắng học lấy nghệ thuật nầy"*.

Chàng đi đến cha vợ học nơi ông ta tài nghệ, sở trường của cha vợ cho đến khi thành thục thông thạo. Và chàng trở thành một nghệ thuật gia nhào xiếc trên hư không xuất sắc. Theo đoàn hát chàng lang bạt khắp nơi, tuần tự trở lại thành Rājagaha. Bấy giờ chàng thông báo:

- Kể từ hôm nay trở đi, sau bảy ngày nữa, công tử Uggasena sẽ biểu diễn nghệ thuật trên hư không. Đại chúng hãy đến xem tài nghệ của công tử Uggasena.

Vào ngày thứ bảy, khi đại chúng tụ hội đông đảo nơi biểu diễn, công tử Uggasena đi đi lại lại trên hai tấm ván cao 60 hắc tay (30 mét), và chàng đứng trên tấm ván ấy.

Cũng trong ngày hôm ấy, vào buổi hừng đông, Đức Thế Tôn dùng Phật trí tỏa ra khắp thế gian, tìm người hữu duyên nên tế độ. Ngài thấy Uggasena rong võng trí của mình, Ngài quán xét rằng: *"Nguyên nhân nào đây?",* Ngài biết được rằng: *"Hôm nay thanh niên Uggasena đứng trên tấm ván để biểu diễn nghệ thuật nhào lộn, đại chúng hội họp tại nơi ấy để xem y biểu diễn. Như Lai sẽ thuyết lên bốn câu kệ ngôn trong hội chúng ấy, sẽ có 84 ngàn chúng sanh chứng ngộ chánh Pháp, cả thanh niên Uggasena cũng chứng đạt A La Hán Quả".*

Vào sáng ngày, Đức Thế Tôn cùng chư Tỳ khưu đi vào thành khất thực. Bấy giờ, công tử Uggasena đang ra hiệu cho đại chúng hãy chú ý, chàng sẽ biểu diễn nghệ thuật trên hư không. Chàng nhào lộn trên hư không bảy vòng, rơi xuống tấm ván bắt cao 60 hắc tay. Đại chúng chưa kịp vỗ tay hoan hô tán thán, thì Đức Thế Tôn cùng chư Tăng ngự đến, Ngài dùng thần lực khiến cho đại chúng không màng đến Uggasena nữa, chỉ chú tâm vào đoàn Tăng lữ có Đức Phật đang dẫn đầu. Khi ấy, công tử Uggasena trông thấy cảnh nầy, tâm tư chàng sầu muộn, vô cùng chán nản nghĩ rằng: "Đại chúng nầy chẳng màng gì ta cả, nghệ thuật nầy ta chỉ biểu diễn tại đây mỗi năm có một lần. Thế nhưng khi bậc Đạo Sư ngự đến thì đại chúng không chú ý gì đến ta, chỉ chú tâm chiêm ngưỡng Ngài và chư Tăng thôi. Sự biểu diễn nghệ thuật nầy của ta thật vô ích thay".

Biết được ý nghĩ của Uggasena, Ngài dạy Trưởng lão Moggallāna:

- Nầy Moggallāna, hãy nói với Uggasena như thế nầy: *"Ngươi hãy biểu diễn tài nghệ nhào lộn trên không đi".*

Trưởng lão Moggalāna vâng lịnh dạy của Đức Thế Tôn, đi đến nói với Uggasena bằng kệ ngôn rằng:

"Mời Uggasena người nhảy múa, người có nhiều sức mạnh, xin người hãy nhìn đây, xin người hãy làm cho đại chúng vui thích phấn khởi đi".

Công tử Ugganesa nghe Trưởng lão nói như thế, chàng khởi hoan hỷ tâm rằng: "Bậc Đạo Sư muốn xem tài nghệ của ta". Chàng đứng yên trên tấm ván, nói kệ ngôn rằng:

"Xin mời Ngài Moggallāna, bậc có nhiều trí tuệ, có nhiều thần thông, xin Ngài hãy nhìn đây, tôi sẽ làm cho hội chúng vui thích và phấn khởi".

Liền đó, Bậc Đạo Sư phán dạy y rằng:

- Nầy Uggasena! Lẽ thường người trí hằng dứt bỏ sự luyến ái đối với các uẩn và ba thời quá khứ, vị lai và hiện tại để thoát khỏi mọi khổ đau sầu muộn như sanh, già…

☸

CHÚ GIẢI:

Muñca pure: nghĩa là hãy dứt bỏ sự ái luyến, sự vui thích, say mê, mong muốn tầm cầu, sự chấp thủ, sự tham dục trong các uẩn thuộc quá khứ.

Pacchato: là hãy dứt bỏ sự luyến ái… trong các uẩn vị lai.

Majjho: nghĩa là hãy dứt bỏ các luyến ái trong các uẩn thuộc về hiện tại.

Bhavassa pāragū: nghĩa là khi đã thực hành như vậy rồi, mới vượt qua cả ba bờ sanh hữu được theo sự hiểu biết, từ bỏ, tu tiến và chứng ngộ bằng trí cao thượng, tâm giải thoát các pháp hành như uẩn, xứ, giới… không còn đi tới sự sanh, già và chết.

Dứt pháp thoại có đến 84 ngàn chúng sanh chứng ngộ Pháp, riêng công tử Uggasena đang đứng yên trên tấm ván, chứng quả A La Hán cùng với tuệ Phân tích, từ trên tấm ván phóng xuống đảnh lễ dưới chân Bậc Đạo Sư với tư thế ngũ thể đầu địa, bạch xin xuất gia với Bậc Đạo Sư. Đức Thế Tôn đưa tay phán rằng: *"Ehi bhikkhu"* lập tức râu tóc của công tử Uggasena rụng mất, trên thân xuất hiện tám món vật dụng của bậc xuất gia, tuy mới xuất gia nhưng Trưởng lão Uggasena có tăng tướng như vị Sa môn trăm tuổi hạ. Vào buổi chiều, chư Tăng ngồi lại Thiện Pháp đường, hỏi Trưởng lão Uggasena rằng:

- Nầy hiền giả Uggasena, khi hiền giả rời tấm ván phóng từ trên cao xuống đảnh lễ Đức Thế Tôn, hiền giả có sợ sệt chi chăng?

- Nầy chư hiền giả! Tôi không còn sự sợ hãi như thế nữa.

Chư Tỳ khưu cho rằng Trưởng lão Uggasena khoe pháp Thượng nhân, nên đem câu chuyện ấy trình bạch lên Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, hiền giả Uggasena nói rằng: *"Tôi không còn sự sợ hãi như thế nữa"*. Vịa ấy nói không thật, sự thật không được vị ấy nói lên.

- Nầy các Tỳ khưu! Vị Tỳ khưu nào đã cắt đứt mọi triền phược như Uggasena, con của Như Lai thì không còn phải lo sợ chi cả. Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn trong Phẩm Bà la môn rằng:

"Đã cắt đứt mọi triền phược, người không còn chao động, không run sợ, ta gọi người đã vượt qua khỏi các triền phược ấy là Bà la môn".

Dứt kệ ngôn nhiều người chứng ngộ Pháp.

Sáng hôm sau, chư Tỳ khưu lại cùng nhau bà luận nơi Giảng đường rằng:

- Nầy chư hiền, do người con gái vũ nữ mà một người có duyên lành A La Hán phải đắm đuối nàng ta, phải bỏ cả thân tộc ra đi theo nàng, chẳng hay đó là nhân duyên chi nhỉ?

Bậc Đạo Sư ngự đến phán hỏi rằng:

- Nầy chư Tỳ khưu, các ngươi đang bàn luận về vấn đề chi thế? Vấn đề gì đang bàn luận được bỏ dở?

Chư Tỳ khưu bạch trình lên Đức Thế Tôn câu chuyện như vậy. Ngài phán dạy rằng:

- Nầy chư Tỳ khưu, đây là hai nhân duyên mà Tỳ khưu Uggasena đã tạo trong quá khứ cùng một lúc.

Theo lời thỉnh cầu của chư Tỳ khưu, Đức Đạo Sư thuật lên Bổn Sanh như vầy:

Thưở quá khứ, khi Đức Chánh Đẳng Giác có Hồng danh Kassapa đã Níp Bàn, ngôi bảo tháp bằng vàng thờ Xá Lợi của Ngài được kiến tạo nơi thành Bārāṇasī. Các Thiện gia tử trong thành Bārāṇasī mang nhiều xe vật thực đi đến Tháp Vàng với ý định:

"Chúng ta sẽ kiến tạo ngôi Bảo Tháp Thờ Xá Lợi của Đấng Chánh Đẳng Giác".

Bấy giờ, có đôi vợ chồng Thiện gia tử cũng sắm sửa vật thực, trên đường đi đến nơi xây dựng Bảo tháp vàng. Chợt người vợ trông thấy vị Thánh Tăng A La Hán đang trì bình khất thực, nàng nói với chàng rằng:

- Nầy anh ơi! Ngài của chúng ta đang đi khất thực kìa, trong xe của chúng ta có nhiều vật thực. Vậy anh hãy thỉnh bát Ngài đi, chúng ta sẽ cúng dường vật thực đến Ngài vậy.

- Lành thay, nầy em thân.

Người chồng thỉnh bát vị Thánh Tăng, cả hai vợ chồng cúng dường vật thực đến Ngài. Người chồng dâng bát đến Trưởng lão, xong rồi cả hai đảnh lễ dưới chân vị Thánh Tăng Vô Lậu phát nguyện rằng:

- Bạch Ngài. Xin cho chúng con được chứng ngộ an lạc Pháp mà Ngài đã chứng ngộ được.

Là bậc Thánh Vô Lậu nên Trưởng lão dùng trí quán xét, biết được lời ước nguyện của hai vợ chồng nam tử nầy sẽ được thành tựu trong vị lai, nên Ngài hoan hỷ mỉm cười. Người vợ trông thấy Ngài mỉm cười như thế, nói với chồng rằng:

- Nầy anh, Ngài của chúng ta mỉm cười giống như người múa hát cười vậy.

Người chồng chẳng kịp suy nghĩ, nói theo vợ rằng:

- Nầy em, thật như vậy.

Rồi họ lại tiếp tục lên đường. Đây là tiền nghiệp của họ. Khi vợ chồng thiện gia tử ấy mãn thọ, tái sanh về Đao Lợi Thiên cung, rồi họ trôi lăn theo dòng luân hồi, người vợ tái sanh lại làm cô con gái người chủ đoàn gánh xiếc. Còn người chồng tái sanh vào gia tộc Trưởng giả có tên là Uggasena.

Thưở trước do đồng ý với vợ, cho nên trpng kiếp nầy công tử Uggasena mới đắm say nàng vũ nữ như thế. Còn người vợ do quả dị thục nói vị Thánh Tăng như người làm xiếc, nên nàng phải trở thành vũ nữ làm xiếc trên không như thế.

Lại nữa, do phước nguyện đạt thành quả vị Vô Lậu nên Uggasena chứng đạt Bất Tử Pháp như thế.

Nói về nàng vũ nữ, khi thấy chồng mình đã xuất gia sống đời Phạm Hạnh trong Pháp luật của Đức Thế Tôn, nàng suy nghĩ rằng:

"Đường lối nào của chồng ta, đường lối ấy cũng chính là của ta".

Và nàng cũng xin được xuất gia trong ni chúng. Chẳng bao lâu nàng tinh cần hành Pháp Sa Môn, chứng đắc Vô Lậu Thánh Quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Con ông Bá hộ mến cô đào,
Đành bỏ gia phong học lộn nhào!
Kiếp trước, vợ chồng chung để bát,
Vì câu nói quấy, phải gian lao!
Đền xong tội miệng, phước theo liền,
Phật độ hai người đủ thiện duyên,
Ngũ uẩn ba đời không dính mắc,
Đâu còn sanh lão tử liên miên.

DỨT TÍCH CÔNG TỬ UGGASENA

☸



348. Bỏ quá hiện vị lai. Tâm ý thoát ai hoài. Vượt sang bờ hiện hữu. Dứt sanh lão bi ai!

XXIV.7- HIỀN TRÍ CŪḶADHANUGGAHA

(Paṇḍita)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 349-350)

349. "Vitakkapamathitassa jantuno	***"Người tà ý nhiếp phục***
Tibbarāgamsa subhānupassino	***Tham sắc bén nhiệt nồng***
Bhiyyo taṇhā pavaḍḍhati	***Thường quán nhìn tịnh tướng***
Esa kho daḷhaṃ karoti bandhanaṃ".	***Người ấy ái tăng trưởng".***
350. "Vitakkūpasame ca yo rato	***"An vui an tịnh ý***
Asubhaṃ bhāyayati sadāsato	***Quán bất tịnh thường niệm***
Esa kho byantikāhiti	***Người ấy sẽ diệt ái***
Eso checchati mārabandhanaṃ".	***Cắt đứt ma trói buộc".***

Ngài làm sáng tỏ chuyện hiền trí Cūḷadhanuggaha như sau:

Thời quá khứ có vị hiền trí là Cūḷadhanuggaha. Chàng đi đến kinh thành Takkasilā học nghệ thuật với danh sư Dīsāpa. Với bản chất thông minh, chẳng bao lâu chàng học xong mọi nghiệp nghệ của thầy. Danh sư Dīsāpa rất thương mến người học trò thông minh như thế, nên ông gả cô con gái cho chàng.

Hiền trí Cūḷadhanuggaha từ tạ thầy trở về quê quán nơi kinh thành Bārāṇasī, mang theo người vợ lên đường. Hai vợ chồng đi đến một khu rừng, khu rừng nầy có 500 tên cướp trú ẩn, chúng thường xuyên chận khách xuyên rừng để cướp giật tài vật. Khi thấy hai vợ chồng hiền trí đi vào rừng, bọn chúng liền xông ra toan cướp giật tài sản, nhưng với tài nghệ của mình hiền trí Cūḷadhanuggaha đã giết chết những tên cướp, chỉ còn lại tên Chánh đảng, và tên Chánh đảng chống trả với Bồ Tát mãnh liệt, hắn ta bị Bồ Tát đè xuống trên mặt đất. Bồ Tát bảo vợ rằng:

- Nầy em, em hãy đưa gươm bén cho anh đi.

Người vợ vừa trông thấy tên cướp, tâm nàng chợt khởi lên tâm ái luyến với gã ta, nàng ta lừa kế, trao mũi gươm đến cho hiền trí Cūḷadhanuggaha còn chuôi gươm thì quay về phía tên cướp, tên cướp nhân cơ hội rút gươm sát hại hiền trí Cūḷadhanuggaha.

Sau khi thoát hiểm, tên cướp mang nàng ta theo, trên đường đi tên cướp chợt suy nghĩ rằng: "Cô nầy vừa trông thấy ta, đã say mê ngay và tìm cách sát hại chồng mình. Nếu như nàng trông thấy gã đàn ông khác thì nàng cũng say mê rồi sẽ giết ta như sát hại chồng nàng vậy".

Khi đến bờ sông, y lập kế bảo nàng ta rằng:

- Nầy em! Anh sẽ mang hành trang qua sông trước, rồi trở lại rước em sau. Vì thuyền nầy nhỏ bé, không thể chở nặng được. Em hãy chờ đợi anh.

Tên cướp mang những hành trang qua sông rồi y bỏ đi luôn mặc cho nàng ta ở bên sông nầy. Đến khi biết được mình bị bỏ rơi, nàng ôm mặt khóc. Với Thiên nhãn,

Đức Đế Thích biết rõ câu chuyện. Ngài muốn cảnh tỉnh nàng ta, hóa hiện thành con chó chóc đi đến bên nàng. Câu chuyện nầy được giảng rộng trong Bổn Sanh Pañcakapipāta chi tiết rằng:

- Nầy chàng Bà la môn, anh hãy mang hết hành trang qua sông đi, rồi hãy trở lại rước em với.

- Nầy nàng xinh đẹp ơi, nàng đã chọn tôi không phải là chồng nàng, không phải là người sống chung với nàng, thay vì người chồng đã cùng nàng chung sống từ lâu. Nầy nàng thiếu nữ xinh đẹp kia, nàng sẽ chọn người đàn ông xinh đẹp khác thay vì tôi. Tôi sẽ xa lánh nàng, sẽ đi khỏi nơi nầy thật xa.

- Ai đã cười trong bụi cỏ, ở nơi đây chẳng có sự múa hát hay sự hòa tấu nào mà người tạo nên cả. Nầy nàng xinh đẹp, nàng có mông tròn đầy, tại sao nàng lại sụt sùi than khóc?

- Nầy chó chóc, là loài Jambuka ngu si thiếu trí, ngươi không có cá (thịt) rồi ủ rũ giống như con thú mồ côi.

- Lỗi người thấy thật dễ dàng, còn lỗi mình thì khó thấy, chính nàng vừa bị mất chồng, vừa bị mất tình nhân. Nàng đang ủ rũ còn hơn ta nữa kìa.

- Nầy thú Jambuka! Chuyện ấy đúng như ngươi nói. Ta sẽ ra khỏi nơi nầy, ta chắc chắn sẽ tìm được chàng.

- Ngươi nào dùng bát đất được thì cũng dùng bát đồng được, người đã làm việc ác thuần thục và sẽ làm ác như thế tiếp tục nữa.

Khi Đức Thế Tôn thuyết giảng xong Bổn Sanh, Ngài phán rằng:

- Trong thời đó, hiền trí Cūḷadhanuggaha chính là Tỳ khưu trẻ hiện nay, nữ nhân khi ấy nay chính là thiếu nữ trong hiện tại. Còn Thiên Vương Đế Thích chính là Như Lai vậy.

Tiếp theo Ngài giáo giới vị Tỳ Khưu trẻ ấy rằng:

- Nầy Tỳ Khưu! Người thiếu nữ ấy đã giết chết hiền trí cao quý ấy chỉ vì thương yêu người nam vừa gặp mặt trong giây lát như thế. Nầy Tỳ khưu, ngươi hãy cắt đứt ái dục của ngươi đi, hãy cắt đứt ái dục với nàng thiếu nữ ấy.

☸

CHÚ GIẢI:

Vitakkapamathitassa: tức là người bị ba loại tầm như dục tầm… chi phối.

Tibharāgassa: tức là người tham ái quá độ.

Subhānupassino: nghĩa là người thấy cảnh rằng: "đẹp" vì tâm đã phóng theo các cảnh ước muốn do sự chấp thủ cảnh khả ái.

Taṇhā: nghĩa là: Trong các bậc Thiền như Sơ thiền… Thậm chí một tầng thiền cũng không đắc chứng hay phát triển được với nhiều người tham dục như vậy. Thật sự ái được tăng trưởng qua sáu căn môn.

Esa kho: nghĩa là: Chính người đó làm dây trói buộc tức ái càng bền chắc.

Vikūpasame: nghĩa là: Cả 10 đề mục bất tịnh trong Sơ thiền, tức là Pháp khắc phục các tà tư duy.

Sadāsato: nghĩa là: vị Tỳ khưu nào hoan hỷ trong Sơ thiền… gọi là có niệm, do có niệm vững chắc luôn luôn mới phát triển thiền bất tịnh ấy.

Byantikāhati: nghĩa là: Vị Tỳ khưu ấy đã làm cho ái sanh trong ba cõi được chấm dứt.

Mārabandhanaṃ: nghĩa là: Vị Tỳ khưu ấy đã cắt đứt dây ràng buộc của Ma vương, tức là vòng luân hồi diễn tiến trong ba cõi.

Dứt Pháp thoại, vị Tỳ khưu trẻ chứng đạt quả vị Tu Đà Hườn. Pháp thoại mang lại lợi ích cho hội chúng là như thế.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Xin nước, gặp nhà có gái xinh,
Lân la han hỏi, gợi hoa tình,
Tỳ khưu trẻ tuổi mong hoàn tục,
Phật kể thầy nghe tích bổn sinh,
Xưa kia, nàng ấy đã lang tâm,
Cứu cướp, giết chồng đạo nghĩa thâm!
Cướp đoạt của nàng đi một nước,
Bỏ nàng hiu quạnh giữa sơn lâm…
Đến nay, gặp lại chính chồng xưa,
Nàng vẫn manh tâm, nết chẳng chừa!
Nghe vậy, Tỳ khưu đang bất mãn,
Nhất tâm, ái dục, nguyện ngăn ngừa.

DỨT TÍCH HIỀN TRÍ CŪḶADHANUGGAHA

☸



349. Kẻ vọng tâm tà ý. Say đắm theo dục trần. Tham ái càng tăng trưởng. Tự làm dây buộc thân.

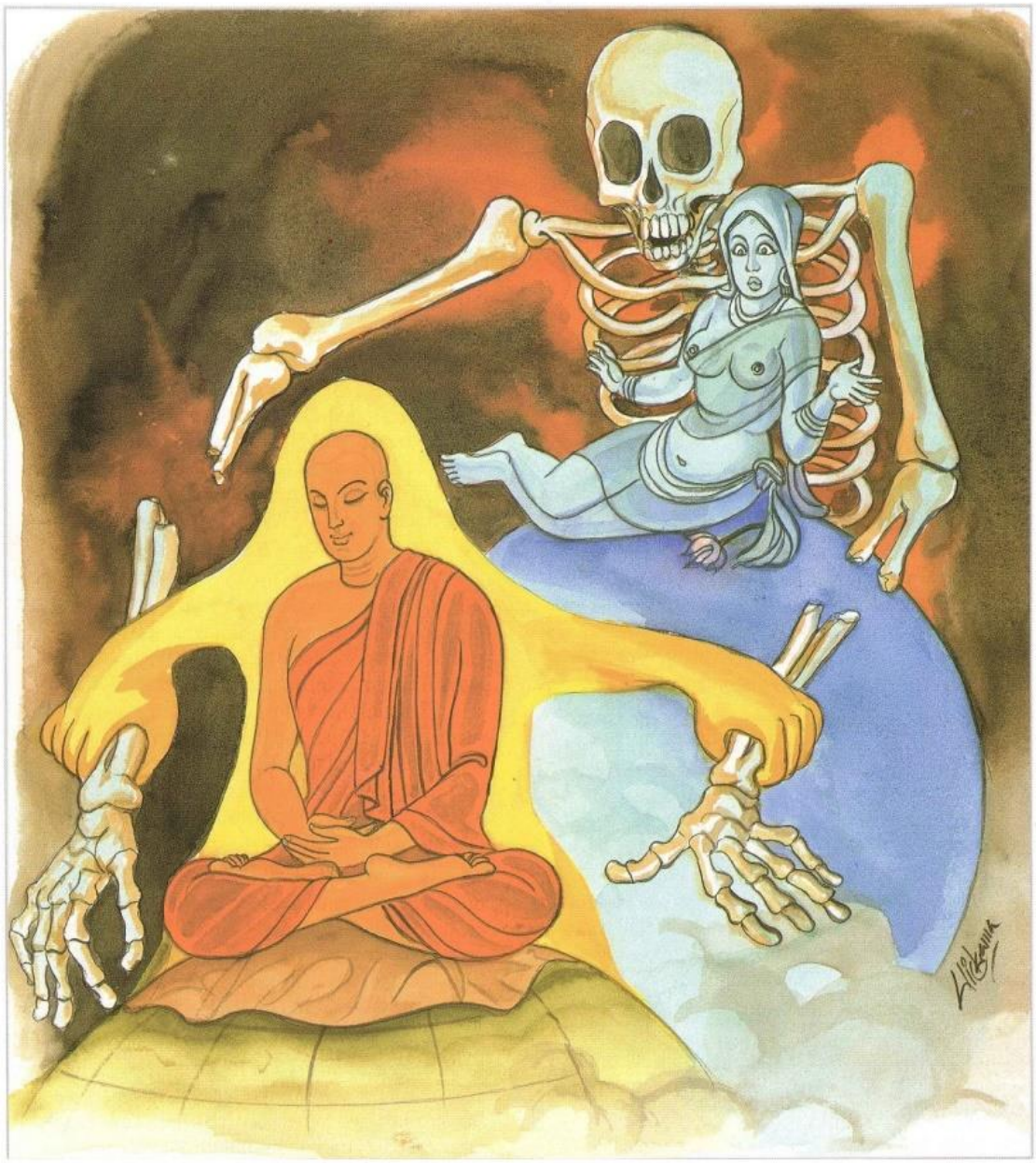

350. Người thích trừ tà ý. Quán bất tịnh, niệm thường. Sẽ đoạn diệt tham ái. Cắt đứt vòng Ma vương.

XXIV.8- CHUYỆN MA VƯƠNG

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 351-352)

351. "Niṭṭhaṅgato asantāsī	***"Ai đến đích không sợ***
Vītataṇho anaṅgaṇo	***Lìa ái không nhiễm ô***
Acchiddi bhavasallāni	***Nhổ mũi tên sanh tử***
Antimo'yaṃ samussayo".	***Thân nầy thân cuối cùng".***
352. "Vītataṇho anālāno	***"Ái lìa không chấp thủ***
Niruttipadakovido	***Cú pháp khéo biện tài***
Akkharānaṃ sannipātaṃ	***Thấu suốt từ vô ngại***
Jaññā pubbaparāni ca	***Hiểu thứ lớp trước sau***
Sa ve antimasārīro	***Thân nầy thân cuối cùng***
Mahāpaññomahāpuriso'ti vuccati".	***Vị như vậy được gọi***
	Bậc Đại Trí, Đại nhân".

Pháp Cú nầy được Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Ma Vương.

Tương truyền rằng: Một lần nọ, chư Tăng viễn phương đến yết kiến Đức Thế Tôn nơi Đại Tự Jetavana quá nhiều. Và Ngài Rāhula phải nhường nơi ngụ của mình cho chư Tỳ khưu cao hạ. Khi không còn nơi nào nghỉ được nữa, Trưởng lão Rāhula nằm nghỉ trước cửa Hương thất của Đức Thế Tôn, khi ấy Trưởng lão Rāhula đã chứng đạt Vô Lậu rồi, nhưng Ngài chưa có hạ nào cả.

Bấy giờ, Ma vương Vasavattī nhân cơ hội ấy, thấy Ngài Rāhula nằm trước Hương thất như thế, nghĩ rằng:

"Mầm non của Sa môn Gotama đang nằm phía ngoài, còn Sa môn thì nằm bên trong, nếu ta xúc chạm đến mầm non nầy, làm cho y hoảng sợ, có nghĩa là ta đã xúc phạm đến Sa môn Gotama và làm cho y kinh hoàng vậy".

Thế là, Ma Vương hóa thân thành một Tượng Vương to lớn, đầy hung ác đi đến trước Hương thất, dùng vòi quấn vào đầu Trưởng lão Rāhula, rống lên những tiếng rống như tiếng kêu vang của loài Hồng Hạc.

Bậc Đạo Sư an trú trong Hương thất, biết rằng Tượng Vương ấy chính là Ma Vương hóa thân, Ngài phán rằng:

- Nầy Ma Vương! Cho dù cả trăm ngàn người như ngươi cũng không làm cho con Như Lai rúng động được. Vì con Như Lai đã cắt lìa ái dục rồi, có nhiệt tâm tinh cần, có nhiều trí tuệ nên không còn run sợ nữa.

☸

CHÚ GIẢI:

Niṭṭhaṃ gato: nghĩa là bậc A La Hán, được gọi là vị thành tựu cứu cánh của Bậc xuất gia trong Pháp Luật nầy, đã đạt đến tận cùng Phạm Hạnh, tức là Đạo quả A La Hán.

Asantāsī: là người không còn sợ hãi, do không còn phiền não ái trong tâm.

Acchiddi bhavasallāni: nghĩa là đã nhổ bỏ mũi tên đi đến sanh hữu.

Samusayo: tức là xác thân nầy của người ấy là sau cùng.

Anādāno: là người không còn chấp thủ trong các uẩn…

Niruttipadakovido: nghĩa là người thông suốt cả Tứ Vô Ngại Giải như Từ vô ngại giải, biện vô ngại giải…

Akkharānaṃ sannipātaṃ jañño pubbāparāni ca: nghĩa là biết rõ sự cấu kết của văn tự, biết chữ cuối do chữ đầu và biết chữ đầu do chữ cuối.

Thế nào gọi là biết được chữ cuối do chữ đầu: Nghĩa là khi thấy được chữ đầu, dù chữ giữa và chữ cuối chưa thấy vẫn biết được rằng: "Đây là có chữ giữa và có chữ cuối".

Thế nào là biết được chữ đầu do chữ cuối: Nghĩa là khi thấy được chữ cuối, dầu rằng chữ đầu và chữ giữa chưa thấy, cũng hiểu biết được rằng: "Đây có chữ đầu, có chữ giữa".

Khi thấy được chữ giữa, dù chữ đầu và chữ cuối chưa được thấy cũng hiểu biết rằng: "Có chữ đầu và có chữ cuối".

Mahāpaññ o: Nghĩa là người có xác thân cuối cùng. Đức Thế Tôn gọi vị ấy là BẬC ĐẠI TRÍ, vì có đầy đủ trí tuệ, thông suốt nghĩa pháp, từ biện, giới, uẩn…và Ngài còn gọi là BẬC ĐẠI NHÂN vì tâm vị ấy đã giải thoát. Theo Pāli rằng: "Nầy Sāriputta, ta gọi người có tâm giải thoát là BẬC ĐẠI NHÂN".

Dứt Pháp thoại, nhiều chúng sanh chứng đạt Đạo Quả. Riêng Ma Vương suy nghĩ rằng:

- Sa môn Gotama biết được ta.

Ma vương bèn biến mất tại chỗ.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Đại Đức mới tu Rahula,
Cốc mình đang ở, chúng mời ra,
Nữa đêm đến ngủ bên hương thất,
Vừa đắc vô sanh, kế thấy Ma,
Ma hóa làm Voi quấn trán Ngài,
Rống lên the thé điếc bùng tai,
Phật rằng: Con của ta không sợ,
Dầu cả ngàn Ma đến thị oai,
Phân tích bốn chi đã làu thông,
Không còn chấp thủ chỉ tâm không,
Đại nhân, đại trí không còn sợ,
Ma nhát làm chi phí uổng công.

DỨT TÍCH CHUYỆN MA VƯƠNG

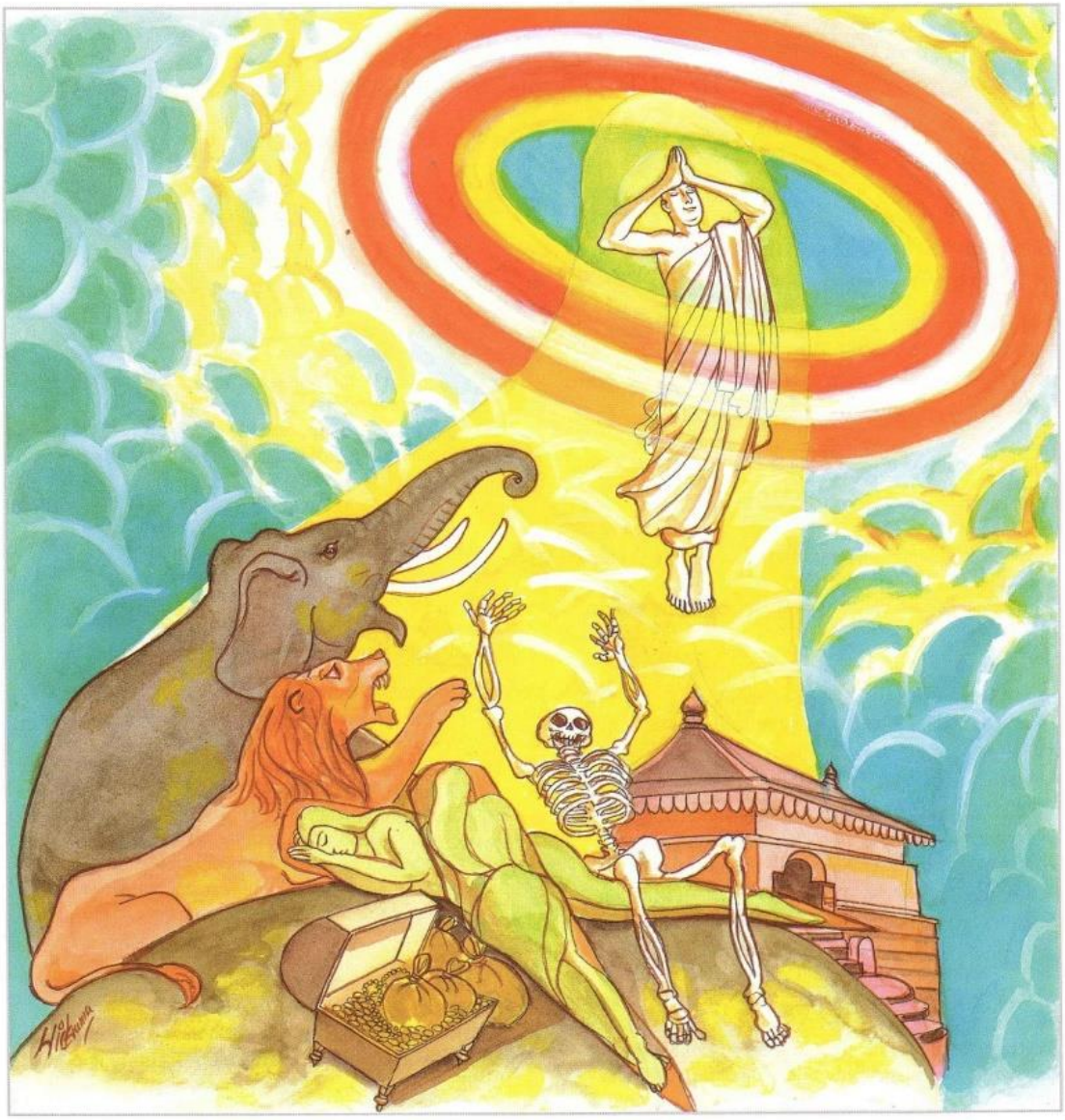

351. Đến đích hết sợ hãi. Ly ái, tham tiêu tùng. Cắt tiệt gai sanh tử. Thân nầy thân cuối cùng.

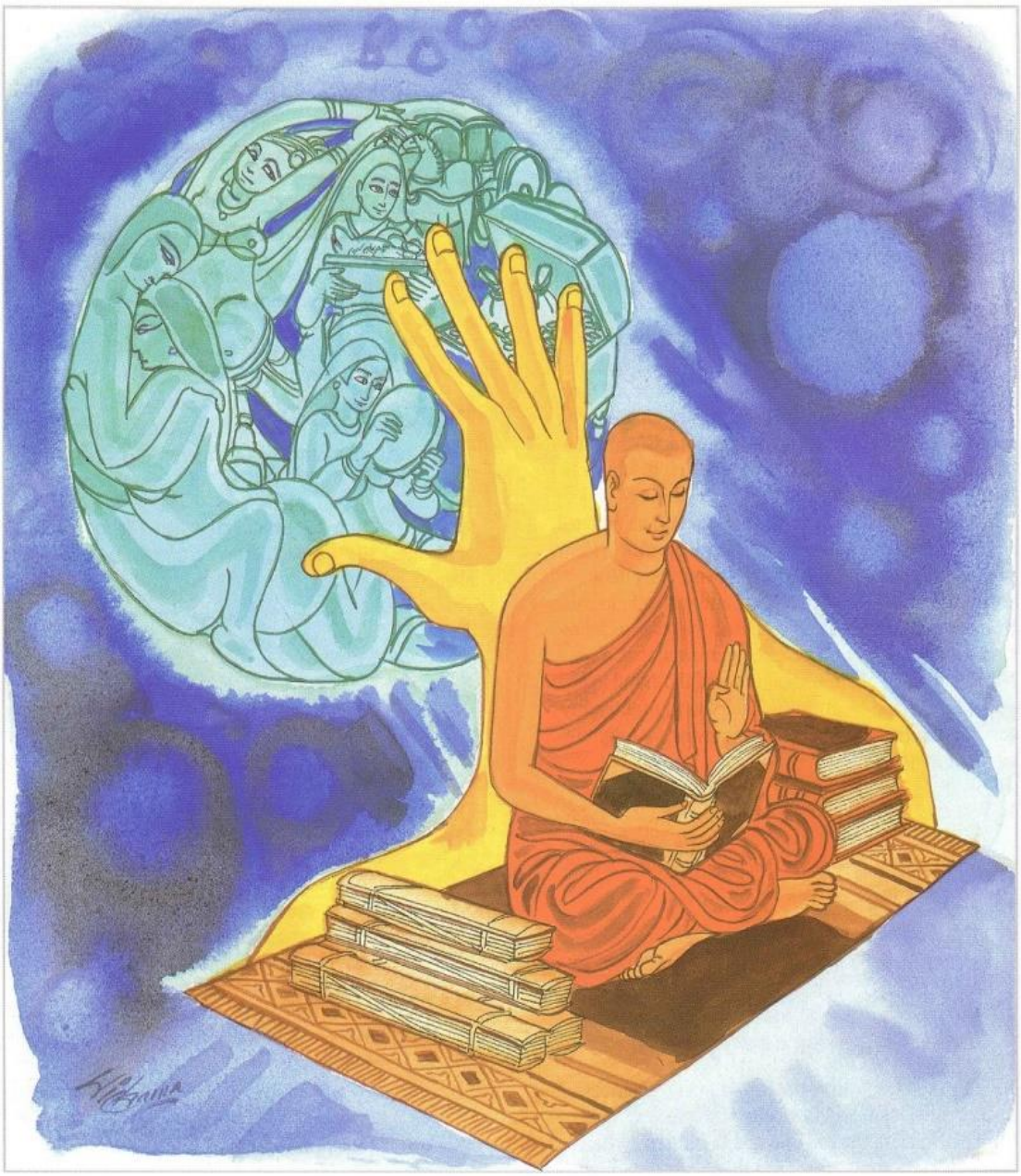

352. Đoạn ái dục, chấp thủ. Khéo giải từ ngữ nguyên. Thấu triệt dạng cú pháp. Phối hợp chúng liền liền. Mang sắc thân lần cuối. Bậc đại nhân, thâm uyên.

XXIV.9- DU SĨ UPAKA

(Upakājīvaka)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 353)

353. "Sabbābhibhū sabbavidū'haṃ asmi	***"Ta hàng phục tất cả***
Sabbesu dhammesu anūpalitto	***Ta biết rõ tất cả***
Sabbañjaho taṇhakkhaya vimutto	***Không uế nhiễm pháp nào***
Sayaṃ abhiññāya kam uddiseyyaṃ".	***Ta từ bỏ tất cả***
	Ái diệt tự giải thoát
	Đã tự mình thắng trí
	Ta cần học việc gì?".

Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn nầy khi Ngài trú tại Jetavana, đề cập đến du sĩ Upaka.

Tương truyền rằng: Sau khi chiến thắng Ma Vương, Bồ Tát đắc thành quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Giác. Đức Thế Tôn an hưởng vị giải thoát trọn bốn mươi chín ngày dưới cội Đại Giác Cổ Thọ. Bấy giờ, sau 49 ngày Đức Thế Tôn đi đến kinh thành Bārāṇasī để tế độ cho năm thầy Koṇḍañña, tiến về vườn Isipatanamigādaya để chuyển Pháp Luân. Ngài ngự du hành suốt 48 do tuần, vì Ngài thấy được duyên lành của ngoại đạo du sĩ Upaka.

Trên đường du hành, ngoại đạo Upaka trông thấy Đức Thế Tôn, y chiêm ngưỡng Pháp tướng với Lục căn thanh tịnh, màu da trong sáng như vàng ròng tinh anh của Bậc Đạo Sư, y liền bạch hỏi rằng:

- Nầy Hiền giả, Hiền giả xuất gia với ai? Ai là Bậc Đạo Sư của Hiền giả? Hoặc Hiền giả hoan hỷ với Giáo Pháp của vị nào?

- Nầy Upaka! Như Lai không có ai là Tế Độ Sư cả, hay là Y Chỉ Sư.

☸

CHÚ GIẢI:

Sabbābhibhū: tức là bậc Toàn thắng tất cả diễn tiến trong ba cõi.

Sabbavidū: tức là thông suốt các pháp diễn tiến trong bốn cõi.

Sabbesu dhammesu: là ái và kiếp diễn tiến trong ba cõi không thể nào xâm chiếm được.

Sabbañjaho: tức là đã từ bỏ các pháp trong ba cõi.

Taṇhakkhaye vimutto: nghĩa là đã giải thoát, tức là A La Hán đạo quả, là pháp chấm dứt ái dục, đã đến tận cùng của sự chứng đạt, chấm dứt trọn vẹn ái dục bằng sự giải thoát của Bậc Vô Học.

Sayaṃ abhiññāya: là tự mình thấu triệt các Pháp…

Kam uddiseyyaṃ: nghĩa là ta cần gì phải y cứ ai là TẾ ĐỘ SƯ hay Y CHỈ SƯ của ta nữa.

Dứt kệ ngôn, du sĩ Upaka không hoan hỷ cũng không phản đối lời dạy của Bậc Đạo Sư. Nhưng y lắc đầu lè lưỡi nói rằng:

- Nầy Hiền giả! Mong rằng Hiền giả sẽ là như thế.

Rồi y tiếp tục du phương theo con đường của mình, đi đến nhà người thợ săn.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Giữa đường gặp Phật hỏi đôi câu,
Nghe đáp làm thinh, lúc lắc đầu,
Lè lưỡi, bỏ đi vào lối nhỏ,
Vì chưa thấu đạt lý cao sâu,
Ú Pá Ká nầy tuy hữu duyên,
Nhưng thời chưa đến phải trì diên,
Về sau mới được theo cùng Phật,
A nhà có phần ngộ trước tiên.

DỨT TÍCH DU SĨ UPAKA

☸

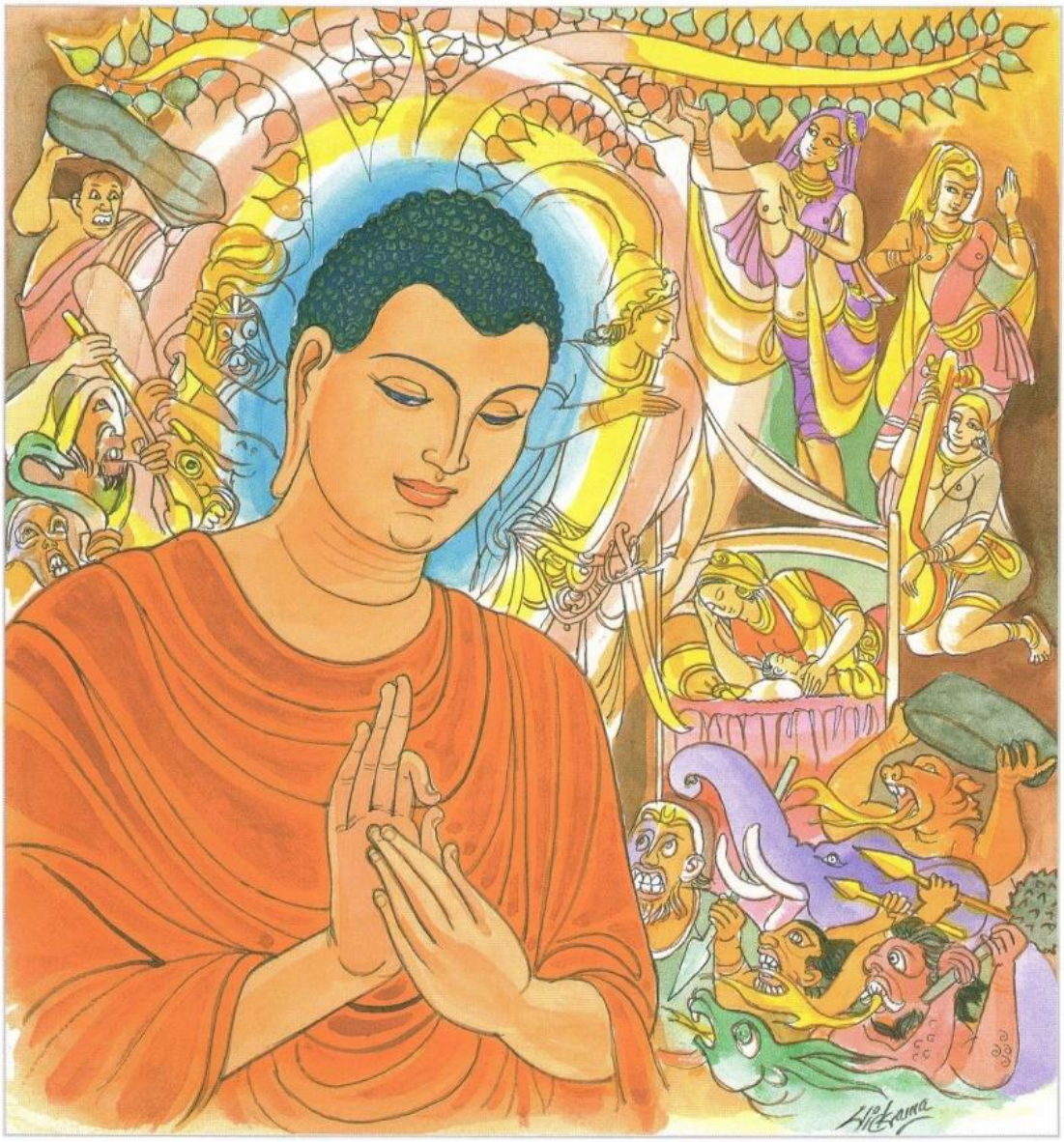

353. Ta hàng phục tất cả. Ta hiểu rõ ngọn ngành. Ta giũ sạch các pháp. Ta đoạn tuyệt mối manh. Ta diệt ái giải thoát. Ta liễu ngộ viên thành. Ai là thầy ta nữa.

XXIV.10- ĐỨC THIÊN VƯƠNG ĐẾ THÍCH

(Sakkadevarāja)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 354)

"Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti	***"Pháp thí thắng mọi thí***
Sabbarasaṃ dhammaraso jināti	***Pháp vị thắng mọi vị***
Sabbaratiṃ dhammaratī jināti	***Pháp hỷ thắng mọi hỷ***
Taṇhakkayo sabbadukkhaṃ jināti".	***Ái diệt thắng mọi khổ".***

Kệ ngôn nầy được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana. Ngài trả lời những câu hỏi của Thiên Vương Đế Thích.

Tương truyền rằng: Một hôm, chư thiên nơi Đao Lợi Cung cùng nhau ngồi hội họp tại Giảng đường Sudhammā, nêu lên bốn câu hỏi rằng: *"Trong các sự thí, bậc trí gọi sự thí nào là tối thắng? Trong các sự hoan hỷ, bậc trí gọi hỷ nào là tối thắng? Trong các vị, vị nào được bậc trí cho là tối thượng? Vì sao chấm dứt ái dục gọi là cao thượng nhất?".*

Khi nêu lên bốn nghi vấn nầy rồi, không có vị Thiên tử nào giải đáp được cả. Chư thiên hỏi lẫn nhau về lời giải đáp bốn vấn đề nầy, tiếng hỏi nhau lan rộng đi khắp 10 ngàn thế giới và trải qua 12 năm, không vị Thiên nhân nào giải đáp được.

Sở dĩ được lan rộng là vì: Khi chư thiên địa cầu nghe được bốn vấn đề nầy liền đi đến hỏi Tứ Thiên Vương. Tứ Thiên Vương hỏi chư thiên địa cầu rằng:

- Nầy các Thiên tử! Việc chi mà các ngươi đến hội họp nơi đây?

- Chúng tôi được bốn nghi vấn như thế nầy… thế nầy… Nhưng không ai giải đáp được, do đó mới đến hỏi Ngài đây.

- Nầy các bạn! Chúng tôi cũng không thể giải đáp được. Chỉ có Thiên Vương Đế Thích có sự hiểu thấu được bốn vấn đề nầy, vì Ngài có trí hiểu được ý nghĩ của ngàn người có cùng một lúc chỉ trong giây phút. Thiên chủ là bậc thù thắng hơn chúng ta về phước báu và trí tuệ. Vậy chúng ta hãy mang vấn đề nầy đến hỏi nơi Ngài.

Thế là chư thiên cùng Tứ Thiên Vương đi đến Đao Lợi hỏi lại bốn vấn đề nơi Thiên Chúa Đế Thích. Đức Thiên Chủ nói rằng:

- Nầy các khanh, vấn đề nầy không có một ai có thể thấu triệt, vì đây thuộc về trí tuệ của vị Chánh Đẳng Giác. Nầy các khanh! Hiện nay Đức Thế Tôn đang ngự nơi nào?

- Thưa Thiên Chủ, Đức Thế Tôn đang trú tại Tịnh xá Jetavana.

- Nầy các khanh, chúng ta hãy đến yết kiến Đức Thế Tôn, trình lên Ngài vấn đề nầy.

Và Thiên Vương Đế Thích cùng chư thiên tùy tùng đi đến Jetavana, làm cho trọn cả Tịnh xá rực sáng trong đêm ấy. Vua Trời sau khi đảnh lễ Đức Thế Tôn rồi, đứng vào nơi phải lẽ, Đức Thế Tôn phán hỏi rằng:

- Nầy Đại Vương! Có việc chi mà Ngài cùng chư thiên tùy tùng đi đến đây?

- Bạch Thế Tôn! Tất cả chư thiên nêu lên bốn vấn đề như thế, nhưng không một ai có thể hiểu thấu đáo ý nghĩa bốn vấn đề nầy. Xin Thế Tôn từ mẫn giảng giải ý nghĩa nầy cho chúng con đi.

- Nầy Đại Vương! Được rồi. Như Lai đã hành Pháp Độ đến bờ cao thượng, đắc thành bậc Chánh Đẳng Giác là để giải trừ hoài nghi cho chúng sanh như Đại Vương đây. Nầy Đại Vương, Ngài hãy lắng nghe ý nghĩa nầy đi: Trong tất cả sự thí, Pháp thí là tối thắng, Pháp vị là vị tối thượng trong tất cả các vị, trong các hỷ thì Pháp hỷ là thù diệu nhất. Sự chấm dứt ái dục là tối thắng vì khiến chúng sanh ấy chứng đắc Vô Lậu quả, chấm dứt trọn vẹn khổ uẩn nầy.

Chú thích:

Sabba dānaṃ…: Nghĩa là người cúng dường như là tam y, vật thực… đến chư Phật Chánh Đẳng Giác, hay chư Phật Độc Giác và bậc Lậu Tận nhiều vô số kể, các bậc ấy ngồi khít khao tràn ngập cả thế giới cho đến cõi Phạm thiên. Sự bố thí ấy chẳng sánh bằng 1/16 của Pháp tùy hỷ mà chư Phật tuyên thuyết, dù chỉ là bốn kệ ngôn. Sự nghe Pháp, sự thí Pháp, thuyết Pháp là cao quý hơn mọi sự thí khác.

Lại nữa, người chú tâm nghe Pháp sẽ tạo được vô lượng công đức, quả lành chắc chắn sẽ phát sanh đến người ấy. Chính sự thí Pháp mà Đức Thế Tôn ban bố bằng tùy hỷ Pháp với 4 kệ ngôn thôi, cũng cao quý hơn sự thí vật thực thượng vị đầy bát đến hội chúng Thánh Tăng nhiều vô số. Hơn cả sự thí dược phẩm trị bịnh mà tín thí gia dâng cúng bởi năm loại thuốc đến chư Tăng Tỳ khưu. Hơn cả sự thí trú xứ mà người thí xây dựng cốc liêu… hay lâu đài vĩ đại có giá trị trăm lần, ngàn lần, hơn cả sự thí Tịnh xá Jetavana của Trưởng giả Anāthapiṇḍika… Vì sao vậy? Vì rằng: Những người làm được phước như vậy, do nhờ nghe Pháp mới làm được, nếu không được thính Pháp thì chẳng bao giờ có tâm dũng mãnh để làm việc đại thí ấy, nếu chúng sanh không được thính Pháp thì dù là một muỗng cơm cũng không cúng dường. Do vậy thí Pháp là tối thắng hơn mọi sự thí.

Lại nữa, ngoại trừ bậc Chánh Đẳng Giác, Độc Giác Phật, ngay cả vị Thượng Thủ Thinh Văn là Sāriputta chẳng hạn, là người có trí tuệ quảng đại, có thể đếm được những hạt mưa rơi xuống một kiếp trái đất, nhưng cũng không thể tự mình chứng Đạo Quả được theo với căn tánh của mình, Ngài cũng phải nghe Pháp của Trưởng lão Assaji mới chứng Quả Dự Lưu được, và tác chứng Vô Lậu quả từ nơi Pháp bảo của Bậc Đạo Sư. Vì vậy Đức Đạo Sư mới tuyên thuyết rằng: *"Nầy Đại Vương! Thí Pháp là tối thắng mọi sự thí – Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti"*.

Hương vị mọi loại cây như là gỗ trầm hương, là vị ngon ngọt thù diệu nhất như Thiên vị chẳng hạn, những hương vị ấy vẫn khiến chúng sanh chịu khổ ải trong trầm luân, chịu sanh tử triền miên ngập tràn đau khổ. Còn hương vị của Giáo Pháp tức là 37 nhân trợ Bồ Đề Giác cùng với 9 pháp Siêu Thế, hương vị ấy mới thật cao quý hơn mọi hương vị. Vì thế, Bậc Đạo Sư phán dạy rằng: *"Sabbarasaṃ dhammaraso jināti"*.

Sự hoan hỷ với con trai, con gái, tài sản, nữ nhân tuyệt sắc… sự hoan hỷ ấy chỉ là một phần nhỏ của sự hoan hỷ khi múa hát… Sự hoan hỷ nầy cũng khiến chúng sanh phải trầm luân khổ ải, chịu đau khổ trong vòng sanh tử. Còn hỷ lạc sanh lên khiến cho

người thính Pháp, thuyết Pháp và dạy Pháp thường mang đến sự an lạc cho tâm làm sung mãn, tràn đầy an lạc nơi tâm. Sự hỷ lạc ấy đưa đến chấm dứt luân hồi được như bậc A La Hán là vị đã đến nơi cuối cùng của thế gian. Chính nhờ hỷ lạc quán Pháp ấy mới là tối thượng, cao quý hơn mọi hỷ lạc khác. Do đó Đức Thế Tôn phán dạy rằng: *"Sabbaratiṃ dhammarati jināti"*.

Sự chấm dứt ái dục ấy đồng nghĩa với bậc A La Hán. Bậc A La Hán là cao quý hơn mọi chúng sanh, vì các Ngài đã nhiếp phục được luân hồi. Do đó, Đức Thế Tôn phán dạy rằng: *"Taṇhakkhayo sabbadukkhaṃ jināti"*.

Đức Thế Tôn giảng giải trọn vẹn ý nghĩa của bốn vấn đề ấy, có đến 84 ngàn chúng sanh chứng đạt Đạo Quả. Ngay cả Thiên Vương Đế Thích khi được nghe Pháp rồi, đảnh lễ và bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Thật là bất lợi cho chúng con khi Ngài không dạy bảo chia phước thí Pháp cao quý như thế. Kể từ nay trở đi, xin Ngài từ bi phán bảo chư Tỳ khưu chia phước Pháp thí đến chúng con đi. Bạch Thế Tôn.

Nhận lời thỉnh cầu Thiên Vương Đế Thích, Ngài đã phán dạy chư Tỳ khưu rằng:

- Nầy chư Tỳ khưu! Kể từ nay trở đi khi các ngươi thuyết pháp hay dạy Pháp, hoặc đàm luận Chánh Pháp, chí đến sự tùy hỷ Pháp, các ngươi nên chia phước đến tất cả chúng sanh vậy.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Đế Thích cầu xin giải bốn điều,
Thí nào là thí thật cao siêu?
Vị nào, hỷ lạc nào cao nhất?
Ái diệt, vì sao gọi tối siêu?
Phật rằng: Pháp thí, thí cao siêu,
Pháp vị ngon hơn các vị nhiều,
Pháp hỷ đáng kêu vì tối thắng,
Ái diệt, vòng đau khổ dứt tiêu!

DỨT TÍCH ĐỨC THIÊN VƯƠNG ĐẾ THÍCH

☸

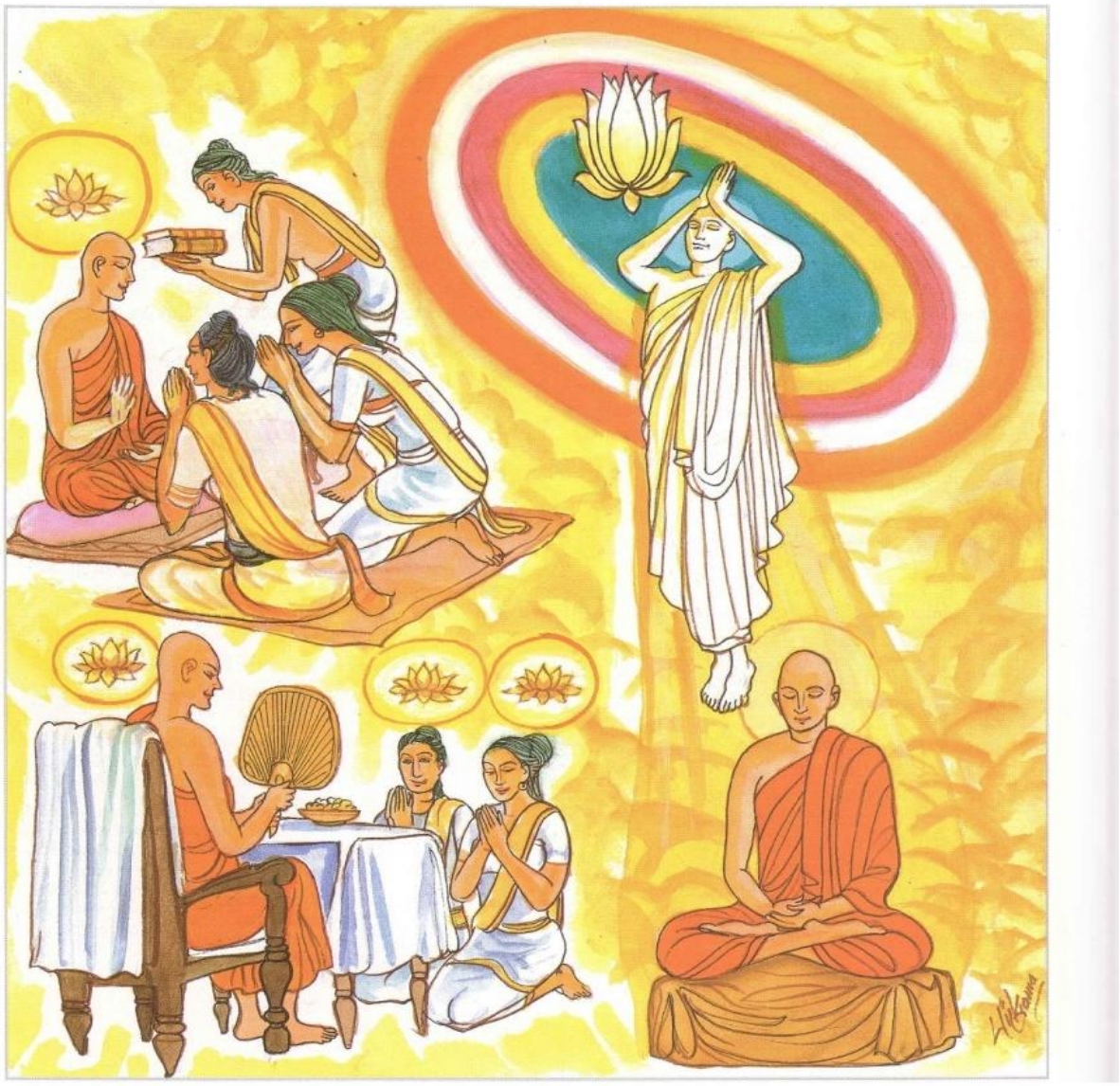

354. Thí nào bằng pháp thí! Vị nào bằng pháp vị! Hỷ nào bằng pháp hỷ! Diệt ái hết khổ lụy!

XXIV.11- VỊ TRƯỞNG GIẢ KHÔNG CON

(Aputtakaseṭṭhī)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 355)

"Hananti bhogā dumedhaṃ	***"Giàu sang hại người ngu***
No ve pāragavesino	***Không hại người cầu tìm***
Bhogataṇhāya dummedho	***Đến được bờ bên kia***
Hanti aññā'va atānaṃ".	***Kẻ ngu vì ham giàu***
	Hại mình và hại người".

Kệ Pháp Cú nầy được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến vị Trưởng giả Aputtaka.

Được nghe rằng: Một hôm, Đức vua Pasenadi vị thủ lãnh xứ Kosala. Đức vua được tin 1 vị Trưởng giả trong thành Sāvatthī vừa mệnh chung, thị dân đến báo cho Ngài rõ tài sản của vị ấy. Đức vua phán hỏi:

- Tài sản ấy sẽ chuyển giao cho ai?

- Tâu Đại Vương, sẽ chuyển giao cho Đại vương sẽ sung vào công khố.

Thế là Đức vua cho chuyển di tài sản ấy vào công khố, trọn cả bảy ngày mới chuyển hết tài sản ấy vào Hoàng cung. Rồi Đức vua Pasenadikosala đi đến Đại Tự Jetavana, yết kiến Đức Thế Tôn, Bậc Đạo Sư phán hỏi rằng:

- Nầy Đại vương! Có chuyện gì mà Đại vương đến đây vào buổi trưa nắng gắt thế nầy?

- Bạch Thế Tôn! Có vị Trưởng giả trong thành Sāvatthī vừa mệnh chung, con phải di chuyển tài sản của vị ấy vào công khố, vì vị ấy không có người thừa tự.

Bạch Thế Tôn! Được nghe rằng Trưởng giả ấy rất giàu có, nhưng khi gia nhân mang thực phẩm thượng vị đến cho ông dùng, thực phẩm ấy đựng trong chiếc mâm vàng, thì ông ta nói rằng: *"Loài người (mà) được dùng vật thực ngon như vậy ư? Các người đang mỉa mai ta chắc".* Khi gia nhân đặt mâm vật thực xuống thì ông lấy cây, gạch, đá… ném xua đuổi gia nhân đi. Y chỉ dùng gạo nát với nước cải chua và nói rằng: *"Đây mới thực sự là vật thực của nhân loại"*. Và khi gia nhân mang vải tốt đến cho ông, hay mang chiếc xe đẹp tốt lộng lẫy đến, thì ông mắng nhiếc, dùng gậy gộc, đá gạch để xua đuổi gia nhân. Ông ta chỉ dùng y thô xấu, chỉ đi xe thô xấu mà thôi.

- Nầy Đại vương! Chuyện nầy quả có thật như thế. Vì thuở quá khứ ông cúng dường đến Đức Phật Độc Giác Tagarasikhī vật thực. Một lần nọ, khi ông đang ngồi trên gác, chợt trông thấy Đức Phật Độc Giác đang trì bình đứng trước cửa nhà. Y bảo với gia nhân rằng: *"Hãy cho vị Sa môn ấy bát cơm đi",* rồi ông ta đứng dậy bỏ đi. Được nghe rằng, vị Trưởng giả ấy là người không có đức tin, nên mới nói như thế thôi. Riêng vợ ông là người có đức tin suy nghĩ rằng: *"Lâu nay ta mới được nghe*

chồng ta nói lên tiếng CHO, sự ước nguyện của ta đã được viên mãn trong ngày hôm nay vậy. Ta hãy cúng dường vật thực hảo hạng đến Ngài".

Bà liền thỉnh bát và đặt vào bát những món vật thực thượng vị, cúng dường đến Đức Phật Độc Giác. Ngài nhận bát rồi đi ra, ông Trưởng giả đi cửa sau ra gặp Đức Phật Độc Giác đang ôm bình đi ra nên hỏi vị Độc Giác rằng:

- Nầy ông Sa môn, ông có được chi chăng?

Không đợi Đức Phật Độc Giác trả lời, y mở nắp bát Ngài ra xem, thấy những loại vật thực thượng vị, y bất bình suy nghĩ rằng: *"Vật thực nầy nên cho nô lệ của ta dùng còn có ích hơn, vì khi họ dùng vật thực nầy rồi, họ sẽ làm việc cho ta. Còn ông Sa môn nầy khi ăn rồi sẽ tìm nơi ngủ mà thôi, vật thực của ta sẽ hao phí đi".*

Lại nữa, nầy Đại vương, cũng trong kiếp ấy Trưởng giả đã giết chết cháu ruột của mình mà sang đoạt tất cả tài sản.

Được biết rằng, Trưởng giả ấy khi dạo chơi với cháu mình thì đứa cháu nắm lấy tay chú nói rằng:

- Chiếc xe nầy là của cha con, con bò nầy cũng của cha con.

Trưởng giả ấy suy nghĩ: *"Hiện giờ nó đã biết nói như thế rồi, khi nó trưởng thành thì ai sẽ là người gìn giữ gia sản nầy chứ?".* Ác tâm sanh khởi cho Trưởng giả ấy, y dẫn đứa cháu mình đi dạo chơi trong rừng, dùng lấy hai tay bóp cổ đứa cháu như người ta bóp củ khoai chín, rồi liệng bỏ xác cháu mình vào bụi rậm gần đó.

- Nầy Đại vương! Đây là tiền nghiệp của Trưởng giả ấy.

Đức Thế Tôn phán dạy tiếp rằng:

- Nầy Đại vương! Do quả Trưởng giả cúng dường vật thực đến Đức Độc Giác Phật Tagarasikhī, nên được thọ sanh làm Chúa Đế Thích 7 lần, quả còn dư sót được làm đệ nhất Trưởng giả có đại tài sản trong thành Savatthī nầy 7 lần. Do nghiệp quả khởi lên tâm bất bình hối tiếc rằng: *"Nên cho vật thực nầy đến nô lệ dùng, vì dùng vật thực nầy sẽ làm việc cho ta có ích lợi hơn"*. Nên tâm của Trưởng giả ấy không chịu dùng vật thực thượng vị, không thích dùng vải quý, hay dùng loại xe đẹp… không chịu dùng hay thọ dụng năm dục trưởng dưỡng.

Do quả nghiệp sát hại cháu mình để cưỡng đoạt gia tài, nên y bị thiêu đốt trong lửa địa ngục với thời gian dài không sao đếm xiết được, và quả còn dư sót nên y bị tuyệt tự, và đại tài sản ấy thường bị sung vào công khố quốc độ đã 7 lần rồi.

- Nầy Đại vương! Lại nữa, phước cũ nay đã hết mà y không có tạo phước thiện mới, vì có tâm bỏn xẻn. Nầy Đại vương! Chính khi mệnh chung thì y rơi vào địa ngục Mahāroruva, bị thiêu đốt trong lửa địa ngục.

Nghe được tiền nghiệp của Trưởng giả Aputtaka như thế, Đức vua bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu thay, đây là quả nghiệp quá nặng. Khi Trưởng giả ấy có được tài sản như thế mà không tự thọ hưởng. Và khi được Đấng Chánh Đẳng ngự trú nơi đây, ông ấy cũng chẳng tạo được phước thiện gì cả.

- Thật vậy! Nầy Đại vương, người thiếu trí đã được tài sản thường không tầm cầu Níp Bàn. Lại nữa, ái dục phát sanh do tài sản thường giết người ấy lâu dài.

☸

CHÚ GIẢI:

No ve pāragavesino: là tài sản hằng không hại người tầm cầu bờ thường hằng, tức là Níp Bàn.

Hanti aññā'va attanaṃ: nghĩa là người thiếu trí thường tự giết mình như giết người khác, cũng vì tham muốn do tài sản mà phát sanh lên.

Dứt kệ ngôn, nhiều người chứng đạt Thánh Quả như Dự Lưu…

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Bá Hộ không con để dối lòng,
Chết rồi, di sản bị sung công,
Đức vua muốn biết rành nhân quả,
Cầu phật từ bi giải lý thông,
Bởi ông Bá hộ kiếp xưa xa,
Bảo vợ dâng cơm đến Phật Đà,
Nhưng lại trở lòng tham hối tiếc,
Nay giàu, chẳng dám hưởng vinh hoa,
Vì giết con anh đoạt sảnh tài,
Bảy đời tuyệt tự, chẳng con trai,
Lại không bỏ của ra làm phước,
Hiện ở A –Tỳ chịu khổ sai,
Tài sản chỉ làm hại kẻ ngu,
Bo bo giữ của chẳng lo tu,
Người khôn biết lánh xa tài dục,
Tâm chỉ cầu mong quả đặc thù.

DỨT TÍCH TRƯỞNG GIẢ VÔ TỰ

☸



355. Của cải hại kẻ ngu. Không tìm người trí giác. Kẻ ngu ham tiền bạc. Tự hại mình, hại người.

XXIV.12- THIÊN TỬ AṄKURA

(Ankuradevaputta)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 356-359)

356. "Tiṇadosāni khettāni	***"Cỏ làm hại ruộng vườn***
Rāgadosā ayaṃ pajā	***Tham làm hại người đời***
Tasmā hi vītarāgesu	***Bố thí người lìa tham***
Dinnaṃ hoti mahapphalaṃ".	***Do vậy, được quả lớn".***
357. "Tiṇadosāni khettāni	***"Cỏ làm hại ruộng vườn***
Dosadosā ayaṃ pajā	***Sân hận hại người đời***
Tasmā hi vītadosesu	***Bố thí người lìa sân***
Dinnaṃ hoti mahapphalaṃ".	***Do vậy, được quả lớn".***
358. "Tiṇadosāni khettāni	***"Cỏ làm hại ruộng vườn***
Mohadosā ayaṃ pajā	***Si làm hại người đời***
Tasmā hi vītamehesu	***Bố thí người lìa si***
Dinnaṃ hoti mahapphalaṃ".	***Do vậy, được quả lớn".***
359. "Tiṇadosāni khettāni	***"Cỏ làm hại ruộng vườn***
Icchādosā ayaṃ pajā	***Dục làm hại người đời***
Tasmā hi vigaticchesu	***Bố thí người lìa dục***
Dinnaṃ hoti mahapphalaṃ".	***Do vậy, được quả lớn".***

Tương truyền rằng: Thiên tử Indaka đã cúng dường đến Đại Đức Anurudha một muỗng cơm mà người ta đã cho mình khi Trưởng lão đang trì bình khất thực. Quả dị thục của thiện nghiệp ấy, tạo cho Thiên tử Indaka một uy lực to lớn, phước ấy thù thắng hơn sự bố thí của Thiên tử Aṅruka, vị ấy đã xây lò cả 12 do tuần, bố thí hết mười ngàn năm. Do đó Thiên tử Indaka đã bạch trình với Đức Thế Tôn rằng:

- Ye jhānappasutā dhīrā… (Vì con cúng dường thời có Phật Pháp, đến bậc đáng cúng dường.).

Và Bậc Đạo Sư phán dạy rằng:

- Nầy Thiên tử Aṅkura! Sự tuyển thí là việc tốt. Sự thí (của Indaka) có quả phước dồi dào, giống như gieo hạt giống xuống ruộng tốt. Do ngươi không làm như vậy nên ngươi không có quả báu dồi dào.

Rồi Đức Thế Tôn nói lên ý nghĩa như sau:

"Người nên chọn chỗ bố thí có quả báu dồi dào. Do sự chọn lựa nên đã được quả báu dồi dào. Đã được Đấng Thiện Thệ tán dương, sự thí đến bậc đáng thọ lãnh ở đời nầy là có quả báu dồi dào, giống như gieo hạt giống xuống ruộng tốt vậy".

☸

CHÚ GIẢI:

Tiṇadosāni: nghĩa là: Sự thật các loại cỏ như cỏ rơm… khi sanh trưởng sẽ làm hại ruộng của những loại cây giống đã sanh trước, hay làm hại đến những loại cây giống sẽ sanh lên, và như thế đồng ruộng ấy sẽ không được xanh tươi. Cũng như thế ấy, khi tham ái sanh khởi trong tâm của chúng sanh thường làm hại chúng. Do đó, sự bố thí đến người còn nhiều tham ái, bố thí ấy không có quả lớn, sự bố thí đến bậc Vô Lậu là sự thí có phước báu cao thượng. Vì thế, Bậc Đạo Sư phán dạy rằng: "Ruộng có cỏ là độc hại, chúng sanh có tham ái là độc hại". Chính vì thế, "Sự thí đến người đã xa lìa tham ái, bố thí ấy mới có quả báu cao thượng".

Những câu còn lại cũng tương tự như trên.

Dứt Pháp thoại, Thiên tử Aṅkura và Indaka chứng đạt quả vị Dự Lưu.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Thiên tử tuy rằng tạo phước nhiều
Nhưng khi gặt quả chẳng bao nhiêu,
Vì tâm không xả sân, si, dục,
Lại chẳng gặp người thánh đức siêu!
Bố thí để mà diệt tánh tham,
Diệt luôn sân hận với si lầm,
Không mong lợi lạc trong tam giới,
Có thể mới vào đến Phật tâm.

DỨT TÍCH THIÊN TỬ AṄKURA

☸

DỨT TÍCH THAM ÁI – TAṆHĀ VAGGA

DỨT PHẨM 24

ꕥ☸ꕥ

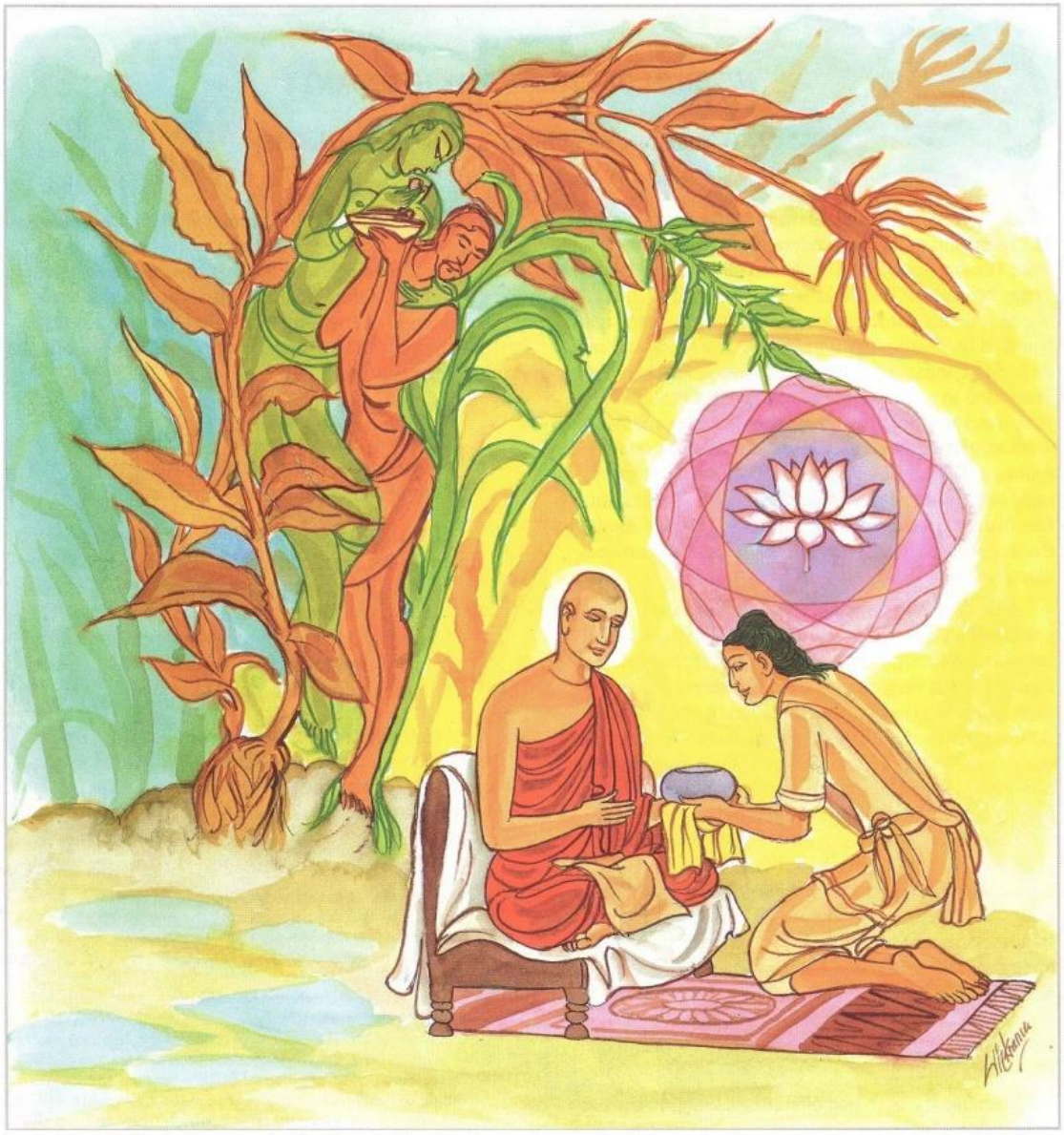

356. Cỏ dại hại ruộng đồng. Tham dục hại thế nhân. Cúng dường bậc ly dục. Quả phúc thật vô ngần.

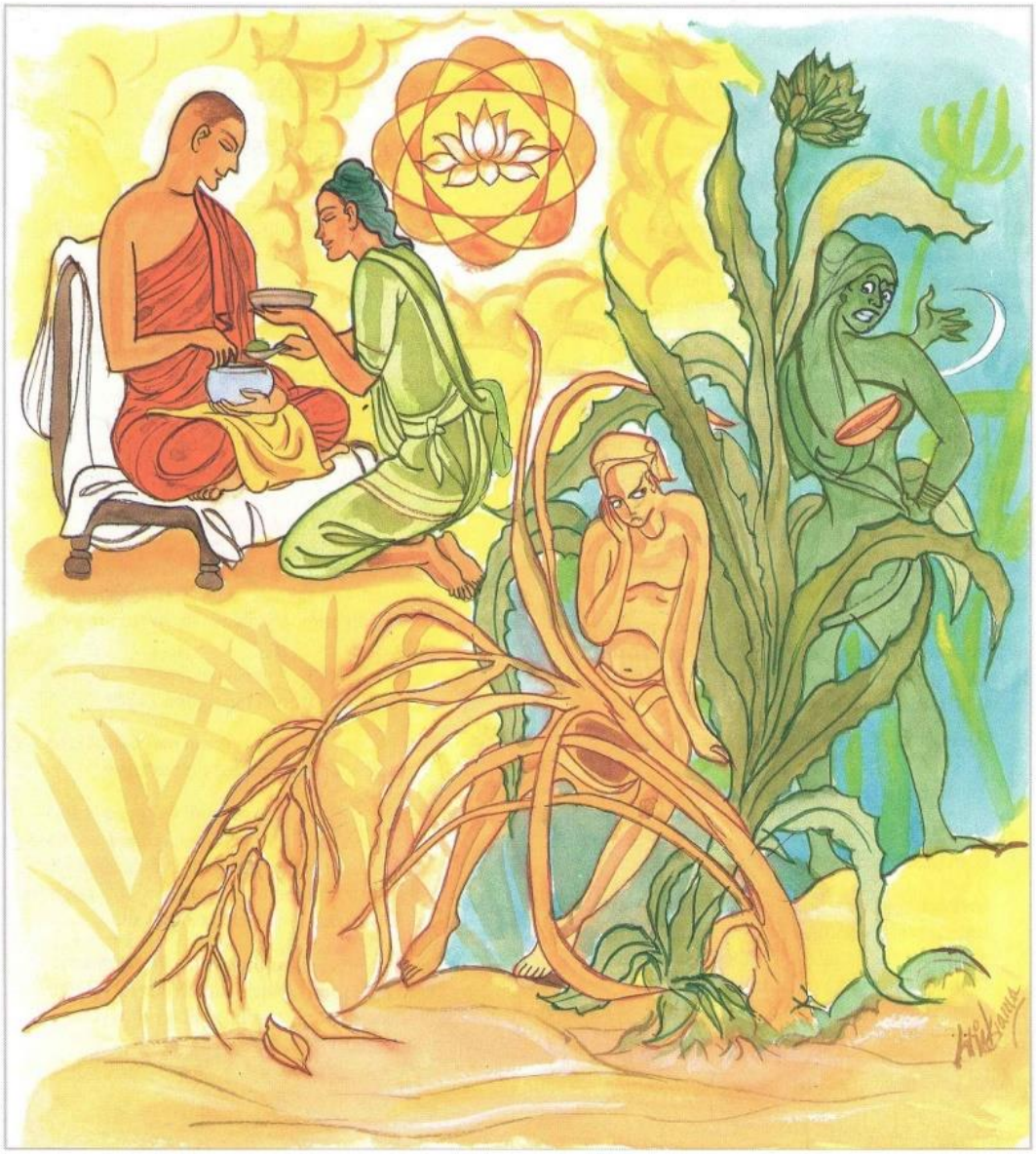

357. Cỏ dại hại ruộng đồng. Sân hận hại thế nhân. Cúng dường bậc ly hận. Quả phúc thật vô ngần.

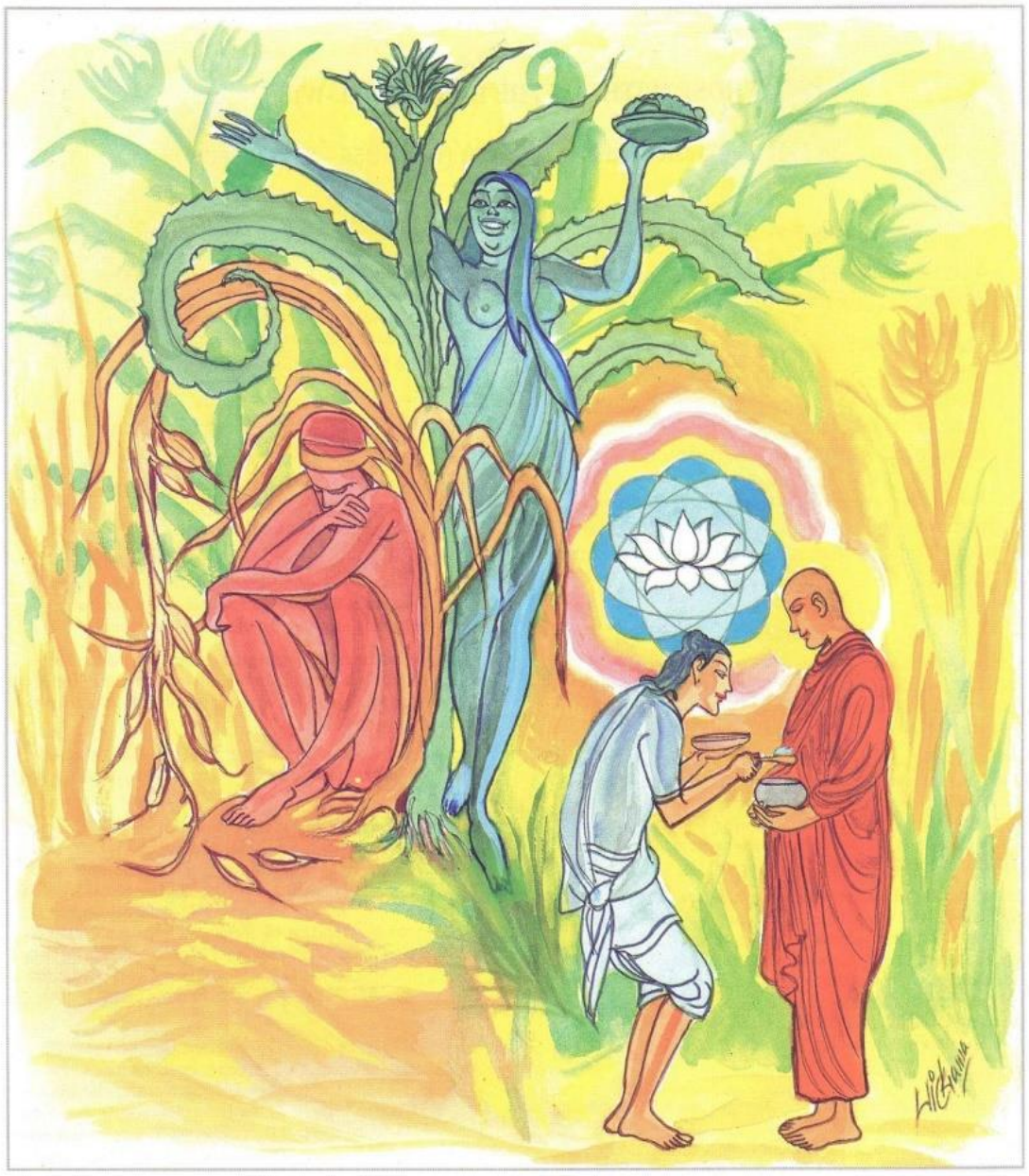

358. Cỏ dại hại ruộng đồng. Si ám hại thế nhân. Cúng dường bậc ly ám. Quả phúc thật vô ngần.



359. Cỏ dại hại ruộng đồng. Tham ái hại thế nhân. Cúng dường bậc ly ái. Quả phúc thật vô ngần.

XXV. PHẨM TỲ KHƯU
(BHIKKHU VAGGA)

☸

- 24 bài kệ: Pháp cú 358-382

- 12 tích truyện

XXV.1- NĂM VỊ TỲ KHƯU
(Pañcabhikkhu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 360-361)

360. "Cakkhunā saṃvaro sādhu,	***"Lành thay, phòng hộ mắt!***
Sādhu sotena saṃvaro;	***Lành thay, phòng hộ tai!***
Ghānena saṃvaro sādhu	***Lành thay, phòng hộ mũi!***
Sādhu jivhāya saṃvaro".	***Lành thay, phòng hộ lưỡi!".***
361. "Kāyena saṃvaro sādhu,	***"Lành thay, phòng hộ thân!***
Sādhu vācāya saṃvaro;	***Lành thay, phòng hộ lời,***
Manasā saṃvaro sādhu,	***Lành thay, phòng hộ ý.***
Sādhu sabbattha saṃvaro;	***Lành thay, phòng tất cả.***
Sabbattha saṃvuto bhikkhu,	***Tỳ Kheo phòng tất cả,***
Sabbadukkhā pamuccati".	***Thoát được mọi khổ đau.***

Kệ ngôn nầy được Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến năm vị Tỳ khưu.

Như được nghe rằng: Có năm vị Tỳ khưu, mỗi vị phòng hộ chế ngự một căn môn, như là chế ngự mắt, chế ngự tai…

Một hôm, cả năm vị Tỳ khưu ấy cùng ngồi lại với nhau trong Thiện Pháp đường, bàn luận cùng nhau rằng:

- Nầy chư Hiền! Tôi là người chế ngự căn môn là mắt, vì mắt là căn khó chế ngự hơn cả.

Vị khác lại nói:

- Nầy chư Hiền! Tai là căn môn khó chế ngự hơn cả, tôi là người phòng hộ nhĩ môn.

Một vị lại bảo rằng:

- Nầy chư Hiền! Theo tôi mũi là căn môn khó chế ngự hơn cả, tôi là người phòng hộ tỷ môn.

Một vị lại bảo rằng:

- Nầy chư Hiền! Theo tôi lưỡi là căn môn khó chế ngự hơn cả, tôi là người phòng hộ thiệt môn.

Và vị Tỳ khưu thứ năm lại nói:

- Thưa chư Hiền! Thật ra thân môn mới khó chế ngự hơn cả. Tôi là người chế ngự được thân môn.

Cả năm vị đều cho rằng căn môn mà mình đang chế ngự, phòng hộ là khó chế ngự hơn cả.

Thế rồi, cả năm vị bảo nhau rằng:

- Chúng ta hãy mang vấn đề nầy bạch hỏi nơi Đức Đạo Sư vậy.

Sau khi đảnh lễ Đức Đạo Sư xong rồi, chư Tỳ khưu ấy ngồi vào nơi phải lẽ, bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chúng con mỗi người chế ngự một căn môn. Chúng con cho rằng môn quyền mà mình đang chế ngự phòng hộ là khó chế ngự hơn cả. Bạch Thế Tôn, trong chúng con, ai là người chế ngự được môn quyền khó chế ngự nhất.

Đức Đạo Sư không làm cho vị Tỳ khưu nào sanh tâm bất lạc cả, Ngài dạy rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Tất cả các căn đều khó phòng hộ thật sự. Một lẽ nữa, chẳng phải bây giờ các ngươi mới là người thu thúc căn môn đâu, trong quá khứ các ngươi vì không thu thúc căn môn, không thực hành theo lời Giáo giới của bậc hiền trí, nên đã đi đến sự hoại vong. Chính vì không thu thúc căn môn ấy.

Chư Tỳ khưu thỉnh cầu rằng: *"Bạch Thế Tôn! Khi nào vậy?"*.

Đức Thế Tôn khi ấy thuyết giảng lên Bổn Sanh Takkasilā chi tiết rằng: Ta không bị rơi vào quyền lực của Dạ xoa, là do ta định tĩnh với sự tinh cần vững chắc trên con đường Giáo Giới của bậc trí, và vì không dễ duôi trước tai hại, nên ta mới đạt được sự an lành, thoát khỏi đại nạn ấy.

Và Bồ Tát làm lễ tôn vương trước sự suy vong của Hoàng Tộc sanh lên từ Dạ xoa. Ngài ngồi trên Long Ngai dưới cây Lọng trắng chín tầng của Vương triều, nhìn Vương quốc mình, thốt lên rằng:

"Sự tinh cần là Pháp mà tất cả chúng sanh nên thọ trì".

Tiếp theo Ngài nhận diện Bổn Sanh rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Trong thời ấy, các ngươi cầm lấy vũ khí sắc bén, tháp tùng theo bậc hiền trí đi chiếm lấy Vương Quốc Takkasilā. Trên đường đi do không thu thúc mắt, tai, mũi, lưỡi và thân nên các ngươi lần lượt rơi vào cạm bẫy của Dạ xoa. Các ngươi đã không hành theo lời Giáo huấn của bậc trí trên đường đi, nên đã đi đến sự hoại vong. Riêng bậc trí không màng đến những cảnh ấy, dù cho Dạ xoa có hóa thân thành Thiên nữ theo đuổi phía sau Ngài, Ngài cũng chẳng màng và đi đến thành Takkasilā được bình an vô sự và được làm Vua. Hiền trí ấy chính là Đấng Như Lai hiện tại vậy.

- Nầy các Tỳ khưu! Lẽ thường Tỳ khưu cần phải thu thúc các căn, vì khi vị Tỳ khưu nào thu thúc các căn đó rồi, thì sẽ thoát khỏi mọi khổ đau.

☸

CHÚ GIẢI:

Nên hiểu câu Cakkhunā… trong kệ ngôn nầy rằng: Khi nào cảnh sắc đi vào lộ nhãn môn của vị Tỳ khưu, khi ấy vị Tỳ khưu không vui thích với sắc ấy, với cảnh khả ái khả lạc, cũng không bất bình với cảnh xấu, bất mỹ, khả ố. Không có sự phóng dật vì tác ý không đều đặn. Thu thúc là sự ngăn trừ, nghĩa là phòng hộ cho hành động mà vị Tỳ khưu thực hiện trong môn quyền ấy. Nhĩ môn, thiệt môn, tỷ môn… cũng đồng ý nghĩa.

Thu thúc hay bất thu thúc không sanh lên trong môn đó, nhưng sẽ sanh tiếp nối theo trong Lộ Đổng Lực. Thật vậy, sự bất thu thúc sanh lên là do nương vào năm pháp bất thiện là:

- Vô tín, bất kham nhẫn, lười biếng, thất niệm và vô minh. Năm pháp bất thiện nầy thường hiện khởi trong lộ tâm đổng lực bất thiện. Còn thu thúc có được là do năm pháp: Đức tin, nhẫn nại, tinh cần, ghi nhớ và trí tuệ hiểu biết, năm pháp nầy thường hiện khởi trong lộ đổng lực thiện.

Pasādakāya hay Copanakāya có trong hai câu: *"Kāyena saṃvaro"*. Hai câu Pasādakāya hay Copanakāya đều là thân môn vậy. Trong cả hai môn ấy, Đức Thế Tôn nói về sự thu thúc và bất thu thúc trong Pasādadvāra (thân môn). Nghĩa là Đức Thế Tôn nói về ba thân trược hạnh là sát sanh, trộm cắp, tà hạnh do y cứ vào Pasādadvāra kể cả Copanadvāra. Vị Tỳ khưu không thu thúc thân môn thì ba ác thân hạnh sẽ hiện khởi trong động lực bất thiện qua thân môn. Còn vị Tỳ khưu thu thúc, ba thân thiện hạnh thường hiện khởi trong lộ động lực thiện qua thân môn.

Copanavācā, Ngài nói trong câu: *"Sādhu vācāya"*. Do không thu thúc khẩu môn (copanadvāra) nên bốn khẩu ác hạnh là nói dối, nói ác, nói đâm thọc, nói nhăm nhí sanh lên trong lộ đổng lực bất thiện. Vị Tỳ khưu thu thúc do có tác ý từ bỏ vọng ngữ, ác ngữ, hại ngữ, hý ngữ và khẩu thiện hạnh sanh lên trong động lực thiện.

Còn ý ác hạnh như tham ác, sân ác, tà kiến ác cùng với các tâm khác từ tâm phóng dật không đề cập đến trong câu Manasā saṃvaro. Ý môn không thu thúc thì lộ đổng lực bất thiện hiện khởi qua ý môn sẽ có tham, sân, tà kiến… Trái lại ý môn được thu thúc thì lộ ý môn động lực sẽ có vô tham, vô sân và trí tuệ.

Sādhu sabbattha nghĩa là sự thu thúc trong các môn như nhãn… sẽ mang lại sự an lạc. Đức Thế Tôn có thuyết giảng tám điều vị Tỳ khưu nên hành trì và tám điều không nên hành trì với Phật ngôn là như thế. Y cứ vào tám điều nên hành trì chắc chắn sẽ thoát khỏi khổ đau, luân hồi, còn y cứ vào tám điều không nên hành trì chắc chắn sẽ rơi vào khổ cảnh.

Vì thế, Đức Thế Tôn dạy: *"Sabbattha saṃvuto bhikkhu, sabbadukkhā pamuccati"*.

Dứt Pháp thoại cả năm vị Tỳ khưu chứng đạt Quả Dự Lưu…

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Năm căn khó giữ nhất căn nào,
Năm vị Tỳ khưu luận thấp cao,
Ai cũng cho mình là hữu lí,
Cùng vào hỏi Phật định ra sao?
Phật bảo: Vì không giữ giới răn,
Năm thầy đã bị Dạ xoa ăn,
Một mình Bồ Tát là ta sống,
Nhờ ráng kiên trì đủ lục căn,
Kiếp trước năm thầy đã bị thua,
Riêng ta toàn thắng được làm Vua,
Tỳ khưu phải giữ toàn sáu cửa,
Biển khổ chưa qua chớ cợt đùa.

DỨT TÍCH NĂM VỊ TỲ KHƯU

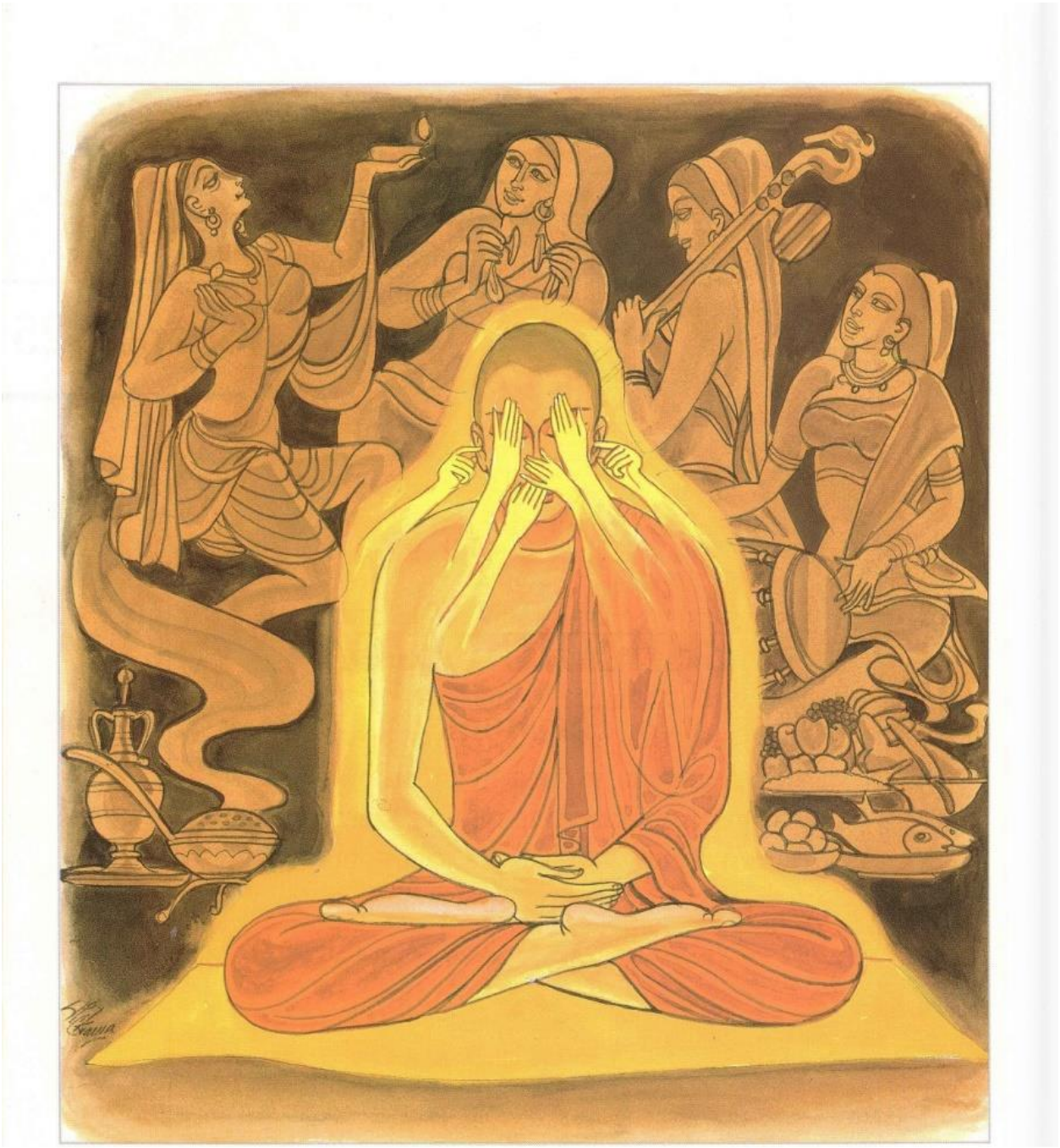

360. Lành thay điều phục mắt! Lành thay điều phục tai!
Lành thay điều phục mũi! Lành thay điều phục lưỡi!

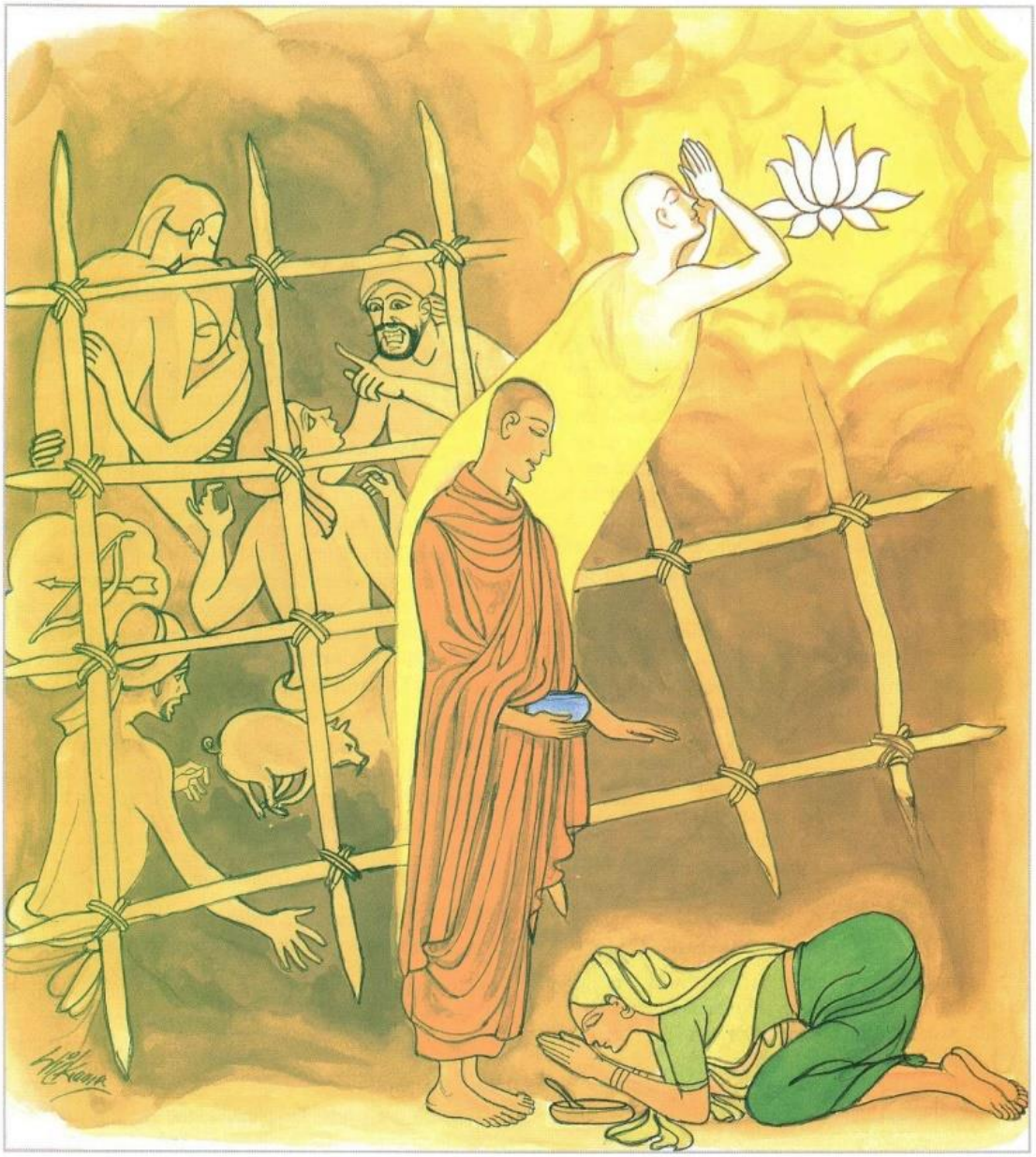

361. Lành thay hàng phục thân! Lành thay hàng phục ý! Lành thay lời chế chỉ! Lành thay phòng mọi điều! Hàng phục được bấy nhiêu. Tỳ Kheo ấy thoát khổ.

XXV.2- VỊ TỲ KHƯU GIẾT HẠC

(Haṃsaghātabhikkhu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 362)

"Hatthasaṃyato pādasaṃyato,	***"Người chế ngự tay chân,***
Vācāsaṃyato saṃyatuttamo;	***Chế ngự lời và đầu,***
Ajjhattarato samāhito,	***Vui thích nội thiền định,***
Eko santusito tamāhu bhikkhuṃ".	***Độc thân, biết vừa đủ,***
	Thật xứng gọi tỳ kheo".

Nhân khi đề cập đến vị Tỳ khưu giết hạc, Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn nầy, khi Ngài ngự tại Jetavana.

Được nghe như vầy: Trong thành Sāvatthī có hai thiện gia tử nhờ nghe Pháp từ nơi Đức Thế Tôn, hai vị ấy xin xuất gia trong Giáo Pháp của Ngài, hai vị ấy thường đi chung với nhau.

Một hôm, hai vị ấy đi đến bờ sông Aciravatī tắm, khi tắm xong, đang đứng phơi khô thân mình và đàm luận cùng nhau. Khi ấy, trên hư không có hai con hạc hay ngang, một vị Tỳ khưu cầm viên sỏi trong tay nói rằng:

- Nầy Hiền giả! Nếu muốn tôi có thể búng trúng mắt con hạc.

- Hiền giả không thể nào búng trúng được đâu.

- Chừa con mắt nầy ra, tôi sẽ búng trúng con mắt kia.

- Dù là mắt nào Hiền giả cũng không búng trúng được.

- Vậy thì, Hiền giả hãy xem đây.

Vị ấy bèn búng viên sỏi lao vút lên không trung về phía đuôi con hạc. Nghe tiếng sỏi rít lên phía sau mình, con hạc quay đầu lại nhìn. Khi ấy, vị Tỳ khưu nhặt lấy viên sỏi khác cầm tay chờ sẵn, và búng ngay vào mắt con hạc, viên sỏi xuyên trúng mắt hạc, hạc kêu thét lên, co quắp người lại và rơi xuống đất.

Chư Tỳ khưu thanh tịnh, thiểu dục trông thấy như thế, liền quở trách vị Tỳ khưu ấy rằng:

- Nầy Hiền giả! Hiền giả là bậc xuất gia, lại sát sanh như thế thật bất xứng với hành động của mình.

Rồi các vị Tỳ khưu mang vị ấy đến trình bạch sự kiện trên lên Đức Thế Tôn. Bậc Đạo Sư phán hỏi rằng:

- Nầy Tỳ khưu! Có thật chăng, nghe rằng ngươi đã búng sỏi giết hạc.

- Bạch Thế Tôn! Có thật như thế.

- Nầy Tỳ khưu! Ngươi đã xuất gia trong Giáo Pháp thanh tịnh của Đấng Như Lai, là con đường đưa chúng sanh thoát khổ. Tại sao, hỡi kẻ rỗng không kia, tại sao ngươi lại làm như thế. Thuở quá khứ, khi Đấng Chánh Đẳng Giác chưa hiện khởi trong thế gian, bậc trí tuy sống đời thế tục, vẫn có sự hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi với giới hạnh của mình dù

chỉ là chút ít. Còn ngươi nay đã xuất gia trong Pháp Luật rực sáng như thế, lại chẳng có sự hổ thẹn, ghê sợ với Giới hạnh của mình chi cả.

Theo lời khẩn cầu của chư Tỳ khưu, Đức Thế Tôn thuyết giảng Bổn Sanh như sau:

Trong thời quá khứ, khi Đức vua Dhanañjaya đang trị vì xứ Kuru, trong kinh thành Indapatta. Bồ Tát giáng hạ vào thai bào của Hoàng hậu Dhanañjaya.

Khi Bồ Tát trưởng thành, Ngài tinh thông mọi nghiệp nghệ đương thời, Ngài theo học nghệ thuật với vị Danh sư trong thành Takkasilā. Ngài được vua phong cho Đạo vị Phổ Vương. Thời gian sau, khi thân phụ qua đời, Ngài lên nối Vương vị, Ngài luôn hành trì Thập Pháp Vương, an trú trong Pháp Kuru (5 giới được gọi là Pháp Kuru). Bồ Tát đã thọ trì năm giới thật trong sạch, rồi thì noi gương Ngài mọi người đều thọ trì Giới hạnh, nổi bật nhất là các vị như: Hoàng Thái hậu, Hoàng hậu, Phó vương (em trai Ngài), vị Quân sư, người xa phu, người đạo điền, vị Trưởng giả, người thủ khố lương thực, người giữ cổng thành và nàng kỹ nữ.

Cả 11 người đang hành trì Pháp Kuru như thế. Nói về nước lân bang xứ Kuru là xứ Kaliṅga, bây giờ nơi kinh đô Dantapurī của xứ Kaliṅga, bây giờ nơi kinh đô Dantapurī của xứ Kaliṅga đang bị hạn hán, Đức vua cho hợp triều thần lại, để tìm cho ra nguyên nhân hạn hán và phương pháp đem lại an lạc cho thần dân trong quốc độ.

Triều thần xứ Kaliṅga luận bàn rằng: *"Được nghe rằng vua xứ Kuru có con tượng Hạnh Phúc tên là Añjanāsabha có nhiều phước báu. Chúng ta hãy đến xin tượng ấy".* Và họ đã đến xin tượng báu Maṅgala của Bồ Tát, vì nghĩ rằng: *"Khi được tượng nầy thì xứ Kaliṅga sẽ mưa thuận gió hòa".*

Đức Vua Kaliṅga cử các đại thần Bà la môn đến xin voi Hạnh Phúc. Để nói lên sự việc của các vị Bà la môn ấy, Bậc Đạo Sư thuyết giảng Bổn Sanh trong Tkanipāta rằng:

"Kính thưa đấng thống lĩnh của nhân giới, chúng thần đã biết được tin Đức vua cùng với Giới hạnh của Ngài rồi. Xin Ngài hãy đổi vàng với con voi có sắc tươi đẹp như hoa đi, chúng thần sẽ mang voi ấy về xứ Kaliṅga".

Nhưng khi Bà la môn mang voi Maṅgala về, xứ Kaliṅga vẫn hạn hán như cũ. Đức vua lại triệu tập các vị đại thần vào triều bàn luận. Và có ý kiến nêu lên rằng:

- Do Đức vua Kuru thọ trì Pháp Kuru, nên vương quốc ấy mưa thuận gió hòa. Chúng ta hãy đến xin thọ trì Pháp Kuru nơi Đức vua Kuru vậy.

Vua xứ Kaliṅga cho các vị đại thần Bà la môn lên đường đến vương quốc Kuru học Pháp Kuru, Ngài giao cho các vị ấy tấm bảng vàng, dặn rằng:

- Nầy chư khanh, hãy ghi chép Pháp Kuru mà Đức vua ấy thọ trì vào tấm bảng bằng vàng nầy, mang về đây cho Trẫm.

Khi các đại thần Bà la môn ấy bạch xin Pháp Kuru, thì từ Đức vua cho đến nàng kỹ nữ đều có sự áy náy về giới hạnh của mình, và từ chối rằng: *"Giới của tôi chưa được trong sạch trọn vẹn".* Mỗi vị đều thuật lại điều e ngại của mình. Đến khi các vị đại thần khẩn thiết rằng: *"Sự phá giới chẳng phải do nguyên nhân nhỏ nhặt ấy đâu".* Bấy giờ các vị ấy mới truyền thụ Pháp Kuru.

Đức vua Kaliṅga thọ trì Pháp Kuru do các quan đại thần ghi chép mang về và Ngài truyền cho cả quốc độ Kaliṅga đồng thọ trì giới hạnh ấy cho thật trong sạch, nạn hạn hán

liền chấm dứt, mưa khởi lên khắp quốc độ ấy, xứ Kaliṅga trở nên sung mãn có vật thực để dâng.

Bậc Đạo Sư sau khi thuyết giảng Bổn Sanh rồi, Ngài nhận diện bổn sanh rằng: *"Kỹ nữ thời ấy nay là Tỳ khưu ni Uppalavaṇṇā, người đạo điền nầy là Tỳ khưu Kaccāyana, quan giữ kho nay là Tỳ khưu Kolita, Trưởng giả nay là Trưởng lão Sāriputta, người xa phu nay là Anuruddha, vị Giáo sĩ đại thần nay là Trưởng Lão Nandapaṇḍita, Hoàng hậu nay là mẹ Rāhula, Hoàng Thái hậu nay là Hoàng hậu Māyā. Đức Vua xứ Kuru nay chính là Đấng Như Lai vậy".*

- Nầy chư Tỳ khưu! Bậc Trí trong thời trước, khi có sự khó chịu chút ít khởi lên, đã có sự e ngại về giới hạnh của mình rồi, còn các ngươi xuất gia trong Giáo Pháp của Đức Phật như ta mà còn sát sanh, đã tạo nên nghiệp bất xứng. Lẽ thường vị Tỳ khưu nên tự điều chế tay, chân và lời nói.

☸

<u>CHÚ GIẢI:</u>

Hatthasaṃyato: Nghĩa là người tự điều chế tay, không có sự múa tay… hoặc đánh đập chúng sanh khác bằng tay.

Gọi là người tự điều chế lời nói, do không nói bốn ác khẩu hạnh như vọng ngữ, ác ngữ, thô ngữ, hý ngữ.

Saṃyatuttamo: Nghĩa là người tự điều chế thân, là không làm điều lạ như lắc mình, lắc đầu hay nhíu mày…

Ajjhattarato: Nghĩa là người thỏa mãn, thỏa thích sự tu tập nghiệp xứ, tức là pháp diễn hành bên trong.

Samāhito: Nghĩa là người có tâm vững chắc.

Eko santusito: Là người thường độc cư hoan hỷ với sự hoan hỷ, tức là tâm hoan hỷ với pháp thành của mình kể từ khi tu tập thiền quán.

Thật vậy, tất cả hạng hữu học kể từ phàm thiện thường hoan hỷ với Pháp Thành của mình, vì thế được gọi là bậc Tri túc, riêng bậc A La Hán thì có sự hoan hỷ thuần nhất. Đức Thế Tôn ám chỉ bậc A La Hán, nên Ngài thuyết rằng: Eko santusito.

Dứt pháp thoại nhiều người chứng đắc quả Thánh.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Tỳ khưu ném đá giết thiên nga,
Phật chẳng khen tài lại quở ta,
Kể tích nghìn xưa gìn giữ giới,
Dẫu là tội nhỏ, chẳng sai ngoa,
Thời ấy, Phật là vị Quốc vương,
Quan, con, vợ, mẹ… cả triều đường,
Đều kiên trì giữ câu lâu pháp,
Gió thuận, mưa hòa, bởi giới hương,
Tỳ khưu phải chế ngự đầu, thân,
Phải chế ngự lời với tay chân,
Vui trong thiền định, người tự tại,
Tri túc, cô đơn, hạnh thánh nhân.

DỨT TÍCH VỊ TỲ KHƯU GIẾT HẠC

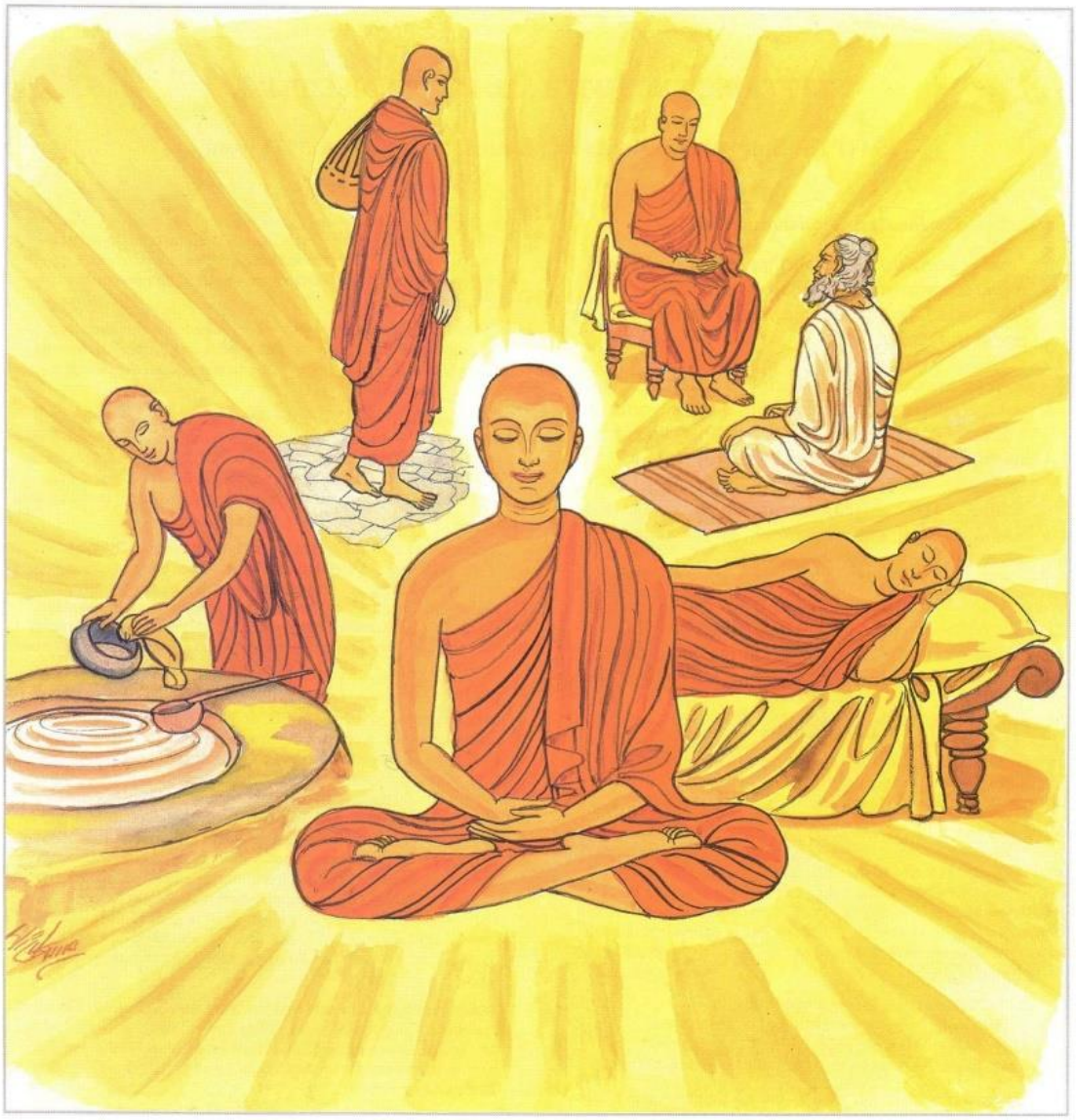

362. Điều phục cả chân tay. Điều phục ngay đầu óc. Điều phục lời ngang dọc. Đơn độc vui hành thiền. Tri túc sống an nhiên. Tỳ kheo là vậy đó.

XXV.3- TỲ KHƯU KOKĀLIKA

(Kokāliko)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 363)

"Yo mukhasaṃyato bhikkhu,	***"Tỳ kheo chế ngự miệng,***
Mantabhāṇī anuddhato;	***Vừa lời, không cống cao,***
Atthaṃ dhammañca dīpeti,	***Khi trình bày pháp nghĩa,***
Madhuraṃ tassa bhāsitaṃ".	***Lời lẽ dịu ngọt ngào".***

Pháp Cú nầy được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Tỳ khưu Kokālika.

Câu chuyện nầy trong Tạng Kinh ghi rằng: *"Lần ấy, Tỳ khưu Kokālika đã đi đến yết kiến Đức Đạo Sư…"*. Câu chuyện nầy, bậc trí hãy hiểu theo nghĩa thuyết của nhà chú giải.

Khi Tỳ khưu Kokālika tái sanh vào địa ngục, chư Tỳ khưu cùng nhau ngồi hội họp tại Giảng Pháp đường, bàn luận rằng:

- Ồ! Tỳ khưu Kokālika đã bị tổn hại, do đã lăng mạ hai vị Thượng Thủ Thinh Văn là Sāriputta và Moggallāna, nên bị rơi vào địa ngục.

Bậc Đạo Sư đi đến giảng Pháp đường, ngồi vào nơi được soạn sẵn phán hỏi rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Các ngươi ngồi hội họp cùng nhau bàn luận về vấn đề gì?

Chư Tỳ khưu trình lên Đức Thế Tôn câu chuyện đang bàn luận, Bậc Đạo Sư phán rằng:

- Nầy các Tỳ khưu, chẳng phải bây giờ Tỳ khưu Kokālika bị tổn hại đâu, trong quá khứ Kokālika cũng bị tổn hại như vậy rồi.

Theo lời thỉnh cầu của chư Tỳ khưu, Đức Thế Tôn thuyết giảng Bổn sanh như vầy:

Vào thời quá khứ có một con rùa sống tại một hồ nước xanh, trong rừng Tuyết Lãnh. Bấy giờ có đôi hạc thường bay đến hồ nước ấy tìm vật thực, đôi hạc kết bạn với con rùa ấy. Một hôm, đôi hạc hỏi con rùa rằng:

- Bạn ơi! Nhà của tôi ở hang núi Gittakūṭa trong rừng Tuyết Lãnh. Bạn có muốn đi với chúng tôi chăng?

- Nầy bạn! Tôi sẽ đi với phương tiện nào bây giờ.

Chúng tôi sẽ mang bạn đi, nếu bạn giữ được miệng mình.

- Bạn ơi! Tôi sẽ giữ, xin bạn hãy mang tôi đi đi.

- Được thôi! Nầy bạn.

Rồi đôi hạc cho rùa ngậm giữa khúc cây, còn hai con thì ngậm hai đầu, đồng cất cánh bay lên.

Khi bay ngang qua kinh thành bọn trẻ trông thấy con rùa như vậy, chúng reo lên rằng:

- Hai con hạc đem con rùa đi bằng khúc cây.

Nghe như thế, con rùa muốn thốt lên rằng: *"Bạn ta mang ta đi, ta cần gì chúng bây nói chứ, đồ ngu si"*. Nó liền mở miệng để trả lời, lập tức nó rơi xuống đất. Bấy giờ hai con hạc đang bay ngang Hoàng cung thành Bārāṇasī, con rùa rơi xuống sân chầu bể ra làm hai mảnh mà chết.

Đức Thế Tôn thuyết giảng Bổn Sự xong rồi, Ngài liền thuyết giảng tiếp Bổn Sanh Bahubhāṇi trong Dukanipāta với chi tiết rằng: *"Con rùa thốt lên lời nói, tự giết mình đó vậy. Trong khi khúc cây mà mình đang ngậm chắc rồi, đã giết mình chính với lời nói mình. Thưa bậc nhân chủ, người thấy được nhân ấy rồi, hãy nói lên thiện ngôn hợp thời. Ngài đã thấy con rùa thiệt mạng do nói phi thời (chẳng phải vậy sao ạ?)"*.

- Nầy chư Tỳ khưu, lẽ thường vị Tỳ khưu hãy là người thu thúc khẩu hành thường xuyên, chớ nên phóng dật, có tâm an tịnh vậy.

CHÚ GIẢI:

Mukhasaṃyato: Nghĩa là đã thu thúc khẩu, do không nói rằng: Ngươi là dòng hạ tiện, ngươi là kẻ ác giới. Tuy người ấy là nô lệ hay người Chandāla.

Mantabhāṇī: Nghĩa là trí tuệ. Đức Thế Tôn gọi là mantā, Ngài ám chỉ đến trí mà người thường gọi.

Anuddhato: Tức là có tâm an tịnh.

Atthaṃ dhammañca dīpeti: Nghĩa là thường trình bày ý nghĩa Pháp tức là thuyết Pháp.

Madhuraṃ: Nghĩa là văn ngôn của vị Tỳ khưu ấy được gọi là thánh thiện.

Còn vị Tỳ khưu nào thuyết y nghĩa thuần nhất, không có Pāli hay có Pāli thuần nhất mà không có ý nghĩa, hoặc gần không có cả hai. Văn ngôn của vị Tỳ khưu ấy không gọi là thánh thiện.

Dứt pháp thoại nhiều người chứng đắc quả thánh như Quả Dự Lưu…

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Tỳ khưu ác khẩu bị tiêu vong,
Khi mắng hai Ngài Thượng Thủ xong,
Kiếp trước đã từng không giữ miệng,
Nát thây, mất mạng giữa sân rồng,
Hai con hạc bạn rủ rùa đi,
Viếng cảnh tuyết sơn chơi một khi,
Hai hạc hai đầu, rùa chính giữa,
Ngậm cây gậy cứng, vội cao phi…
Lũ trẻ đang chơi, thấy chú rùa,
Hạc đưa bay đến trước đền Vua,
Đồng thay hô lớn, kêu là lạ,
Rùa hả mồm ra để phân bua,
Phật dạy: Tỳ khưu chế ngự lời,
Khéo khôn mở miệng hợp theo thời,
Giảng Kinh thích nghĩa, đừng kiêu mạn,
Dịu ngọt, thanh lương, thuyết phục người.

DỨT TÍCH TỲ KHƯU KOKĀLIKA

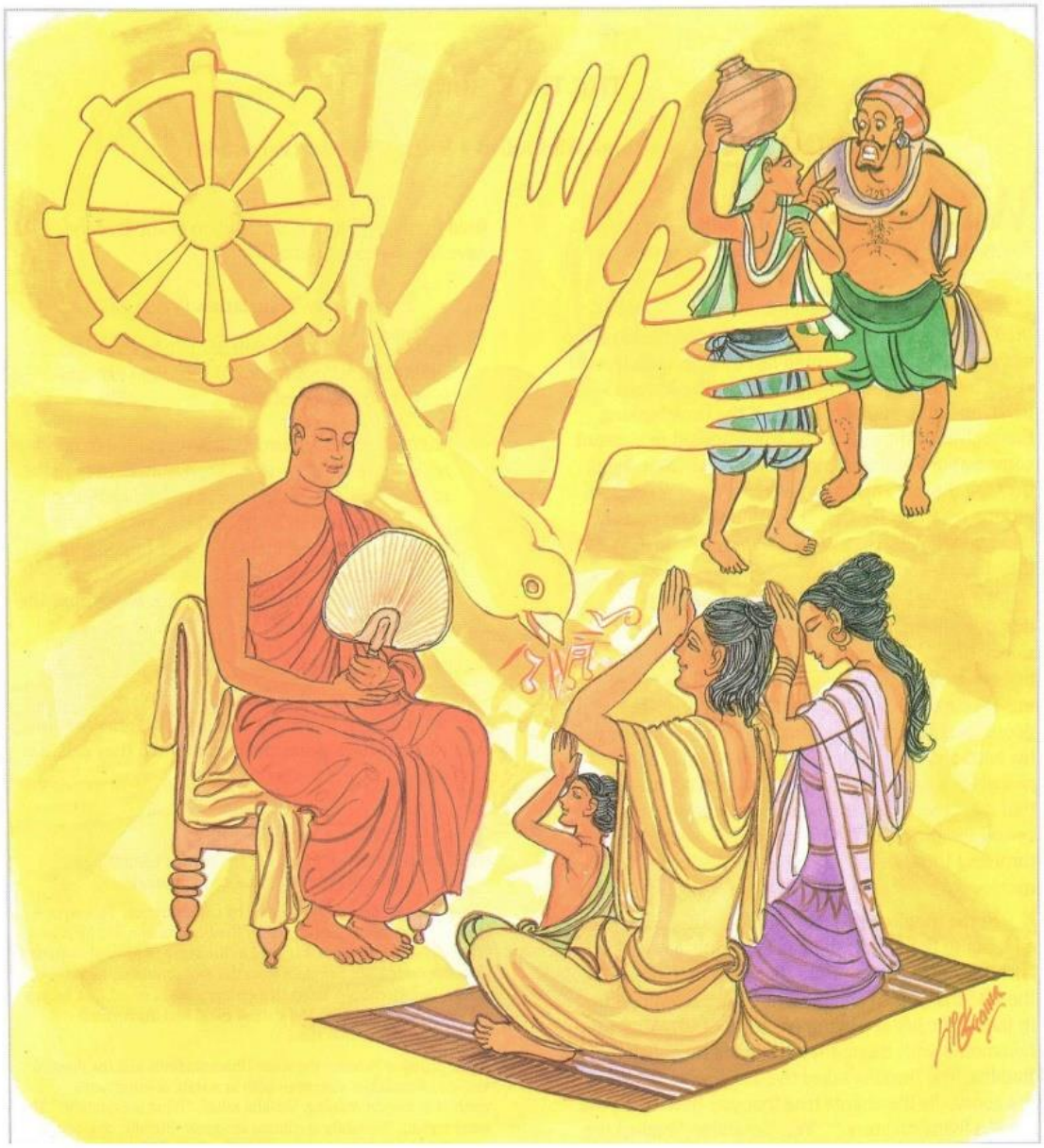

363. Tỳ Kheo điều phục lưỡi. Khiêm ái không tự cao. Diễn giải nghĩa kinh điển. Lời êm dịu ngọt ngào.

XXV.4- TRƯỞNG LÃO DHAMMĀRĀMA

(Dhammārāmatthera)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 364)

"Dhammārāmo dhammarato,	***"Vị Tỳ Kheo thính Pháp,***
Dhammaṃ anuvicintayaṃ;	***Mến Pháp, suy tư Pháp,***
Dhammaṃ anussaraṃ bhikkhu,	***Tâm tư niệm chánh Pháp,***
Saddhammā na parihāyati".	***Không rời bỏ chánh Pháp".***

Kệ ngôn nầy Bậc Đạo Sư thuyết ra khi Ngài trú tại Tịnh xá Jetavana, đề cập đến Trưởng lão Dhammārāma.

Tương truyền rằng: Khi Đức Thế Tôn phán dạy rằng:

"Chỉ cần ba tháng nữa Như Lai sẽ viên tịch Níp bàn".

Bấy giờ, ngàn vị Tỳ khưu vây quanh Ngài, trong số đó có những vị Phàm Tăng, không cầm được giọt lệ thương xót từ phụ. Riêng các vị Thánh Vô Lậu thì phát sanh Pháp động tâm rằng:

"Ôi! Các pháp thật là vô thường thay".

Toàn thể chư Tăng bàn luận cùng nhau rằng:

- Chúng ta phải làm sao đây?

Các vị thường xuyên bàn luận cùng nhau tại nơi Giảng đường, từng nhóm họp nhau bàn luận mãi vấn đề nầy. Riêng vị Tỳ khưu Dhammārāma suy nghĩ rằng: *"Thế Tôn sắp diệt độ mà ta thì chưa chứng đạt được Thánh Quả nào cả. Vậy ta hãy cố gắng hành pháp Sa môn để diệt trọn vẹn lậu hoặc trước khi Đức Thế Tôn viên tịch".*

Tỳ khưu Dhammārāma không đi đến cùng với chư Tỳ khưu nữa, khi chư Tỳ khưu hỏi: *"Nầy Hiền giả! Hiền giả nghĩ sao?"*.

Vị ấy vẫn im lặng. Và rồi, vị ấy độc cư suy niệm Pháp, được Bậc Đạo Sư hằng thuyết. Chư Tỳ khưu bạch việc nầy lên Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, Tỳ khưu Dhammārāma không có sự thương mến Đức Thế Tôn, vị ấy không bàn luận với con rằng: "Được tin Đức Thế Tôn sẽ Níp Bàn sau ba tháng, chúng ta sẽ làm thế nào bây giờ".

Đức Thế Tôn cho gọi Tỳ khưu Dhammārāma đến hỏi rằng:

- Được nghe ngươi có hành động như thế, có thật vậy chăng?

- Bạch Thế Tôn! Có thật như vậy.

- Nầy Tỳ khưu! Do nhân chi ngươi lại hành động như thế?

- Bạch Thế Tôn, con được nghe tin Ngài sẽ Níp Bàn sau ba tháng nữa, nhưng con chưa trừ tuyệt ái dục khi Ngài còn tại tiền, nên con cố gắng thực hành pháp để

chứng đạt A La Hán trước khi Ngài Níp Bàn. Do vậy con hằng suy niệm Pháp mà Ngài đã thuyết giảng.

- Lành thay! Lành thay! Nầy chư Tỳ khưu, vị Tỳ khưu nào thương kính Như Lai, hãy thực hành như Tỳ khưu Dhammārāma đó vậy. Thật vậy, nầy các Tỳ khưu, sự cúng dường tràng hoa hay vật thơm... Không gọi là cúng dường ta, còn người thực hành Pháp chân chánh mới gọi là người cúng dường Như Lai.

☸

CHÚ GIẢI:

Hãy hiểu ý nghĩa những câu nầy như vầy: "PHÁP" tức là Thiền Chỉ hay Thiền Quán, vị Tỳ khưu trú ẩn nơi ấy. Do ý nghĩa "TRÚ", nên được gọi là người trú trong Pháp (ẩn náu trong Pháp), có sự hoan hỷ với Pháp nên gọi là người thỏa thích trong Pháp. Gọi là người suy xét về Pháp do suy xét về Pháp luôn khi, nên gọi là người suy niệm Pháp.

Anussaraṃ: là hằng tưởng nhớ Pháp.

Saddhammā: là vị Tỳ khưu như thế ấy, thường không xa lìa 37 Pháp Bồ Đề và 9 Pháp Siêu thế.

Dứt Pháp thoại, Tỳ khưu Dhammārāma chứng đạt A La Hán Quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Pháp lạc viên tâm khó định an,
Không màng lưu luyến việc trần gian,
Hay tin Phật Tổ gần viên tịch,
Đóng cốc, mong tu đạt Niết Bàn,
Chư Tăng mách Phật gọi thầy ra,
Hỏi:Tại nhân nào, chẳng thiết tha?
Nghĩ đến Như Lai mà ngoảnh chúng?
Thầy rằng: "Con muốn đáp ơn cha",
Cho nên đóng cốc, ráng hành thiền,
Nhất quyết trong khi Phật tại tiền,
Phải đắc vô sanh nhìn thấy Pháp,
Thoát vòng ngũ uẩn khổ triền miên,
Đức Phật khen: Sa thú, lành thay,
Đệ tử thương Ta, niệm pháp hoài,
Trú pháp, tâm hằng vui cảnh pháp,
Cúng dường cao thượng Pháp Như Lai.

DỨT TÍCH TỲ KHƯU DHAMMĀRĀMA

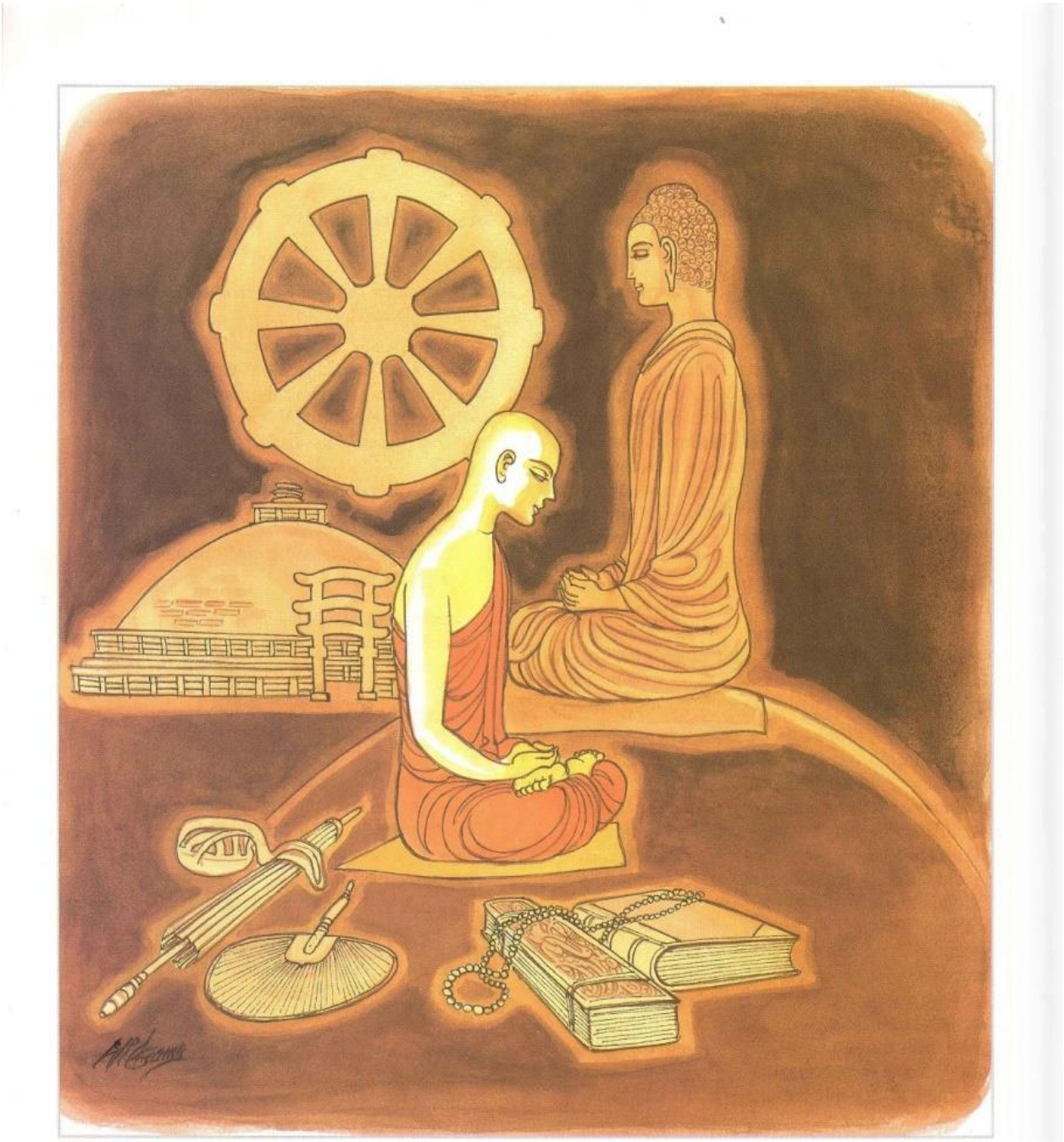

364. Tỳ Kheo trụ chánh pháp. Quý pháp, thường hành thiền.
Niệm pháp, tâm tinh chuyên. Ắt không rời Chánh pháp.

XXV.5- HAI VỊ TỲ KHƯU NGHỊCH GẶP NHAU

(Aññataravipakkhasevakabhikkhu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 365-366)

365. "Salābhaṃ nātimaññeyya,	***"Không khinh điều mình được,***
Nāññesaṃ pihayaṃ care;	***Không ganh người khác được,***
Aññesaṃ pihayaṃ bhikkhu,	***Tỷ kheo ganh tỵ người,***
Samādhiṃ nādhigacchati".	***Không sao chứng Thiền Định".***
366. "Applābhopi ce bhikkhu,	***"Tỷ kheo dầu được ít,***
Salābhaṃ nātimaññati;	***Không khinh điều mình được,***
Taṃ ve devā pasaṃsanti,	***Sống thanh tịnh không nhác,***
Suddhājīviṃ atanditaṃ.	***Chư thiên khen vị nầy".***

Kệ ngôn nầy được Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Veḷuvana, đề cập đến hai vị Tỳ khưu nghịch.

Tương truyền rằng: Có một vị Tỳ khưu trong hội chúng của Devadatta là bạn của một vị Tỳ khưu hội chúng Đức Thế Tôn. Một hôm Tỳ khưu (Devadatta) trông thấy vị kia cùng với chư Tỳ khưu đang trì bình khất thực. Sau khi thọ thực xong, vị Tỳ khưu (Devadatta) đi đến hỏi bạn rằng:

- Nầy Hiền giả, Hiền giả khất thực ở đâu?

- Tôi đi khất thực ở nơi ấy.

- Hiền giả có được vật thực chi chăng?

- Này Hiền giả, chính nơi đây tôi có nhiều lợi đắc và vật cúng dường.

- Vậy Hiền giả hãy ở đây vài ngày đi.

Thế là, vị Tỳ khưu (Đức Thế Tôn) ở lại nơi đó vài ngày theo lời mời của Tỳ khưu (Devadatta), rồi trở về nơi ngụ của Đức Thế Tôn.

Chư Tỳ khưu biết được câu chuyện liền trình bạch lên Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn cho gọi vị ấy lên, phán hỏi rằng:

- Nầy Tỳ khưu! Có thật chăng, được nghe nói rằng ngươi đã hành động như thế?

- Bạch Thế Tôn, có thật như vậy. Con vì nể lời của vị Tỳ khưu bạn nên ở lại vài ngày, chứ con không hoan hỷ hội chúng của Devadatta.

- Nầy Tỳ khưu! Tuy ngươi không hoan hỷ với hội chúng của Devadatta, nhưng ngươi vẫn ở chung trong hội chúng ấy như là người có sự hoan hỷ trong hội chúng ấy. Nầy Tỳ khưu, chẳng phải hiện nay ngươi đã hành động như thế, trong quá khứ ngươi cũng đã từng hành động như thế rồi.

Theo lời thỉnh cầu của chư Tỳ khưu, Đức Thế Tôn thuyết lên Bổn Sự rằng (trong Bổn sanh Mahilamukha).

"Con voi Mahilamukha nghe bọn cướp nói rồi, đã quật chết người nài, nhưng khi nghe vị Sa môn nói đã trở nên con voi có đức hạnh cao quý".

Rồi Ngài phán rằng:

- Nầy chư Tỳ khưu! Lẽ thường vị Tỳ khưu chỉ nên hoan hỷ với lợi lộc của mình, không mong muốn lợi lộc của người khác, vì trong các loại thiền định, Minh Sát và Đạo Quả tuy chỉ là một pháp, cũng không phát sanh đến người mong mỏi lợi lộc của người khác. Nhưng các đức tánh Thiền Định... chỉ phát sanh đến vị Tỳ khưu hoan hỷ với lợi lộc của chính mình.

☸

CHÚ GIẢI:

Salābhaṃ: tức là lợi lộc phát sanh cho mình. Thật vậy, vị Tỳ khưu từ bỏ hạnh đi khất thực từng nhà, nuôi mạng bằng sự tầm cầu bất chánh, gọi là khinh rẻ, tức là khinh thường lợi lộc của mình, vì thế vị Tỳ khưu không nên khinh rẻ lợi lộc của mình, là không nên thực hành pháp như thế.

Nāññesaṃ pihayaṃ: nghĩa là không mong muốn lợi lộc của người khác.

Samādhiṃ nādhigacchati: nghĩa là khi vị Tỳ khưu mong muốn lợi lộc của người khác như sự thèm muốn y phục... đối với hạng người đó thì không thể đắc thiền định hay cận định được.

Salābhaṃ nātimaññati: nghĩa là dù chút ít lợi lộc, khi vị Tỳ khưu đi khất thực từng nhà, bất luận giàu hay nghèo như thế, gọi là không khinh rẻ lợi lộc của mình.

Taṃ ve...: nghĩa là tất cả chư thiên thường tán dương vị Tỳ khưu ấy, người như vậy gọi là có chánh mạng trong sạch, là có chánh mạng chân chánh, gọi là người không biếng nhác, là vì không ngần ngại với sự nỗ lực nuôi sống.

Dứt Pháp thoại nhiều chúng sanh chứng đạt đạo quả, như Thánh Quả Dự Lưu...

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Theo phe phản phật một đôi ngày,
Dự lễ trai tăng lộc đủ đầy,
Sư mới về chùa, Tăng hỏi tội,
Dắt lên để Phật quở Sư ngay,
Đừng khinh lợi nhỏ đến cho ta,
Khao khát tài to của bá gia,
Tâm mãi vọng cầu như kẻ khác,
Tỳ khưu không đắc định cao xa!
Dẫu rằng lãnh ít cũng vui lòng,
Chánh mạng Tỳ khưu sống sạch trong,
Vô nhiễm chư thiên hằng kính mộ,
Định thiền tu tập dễ thành công,
Kiếp trước là voi "mặt nữ nhi",
Khi hiền, khi dữ, tại ngu si,
Nghe đâu tin đó, sanh tà kiến,
Rồi lại quay về với chánh trí.

DỨT TÍCH HAI VỊ TỲ KHƯU NGHỊCH

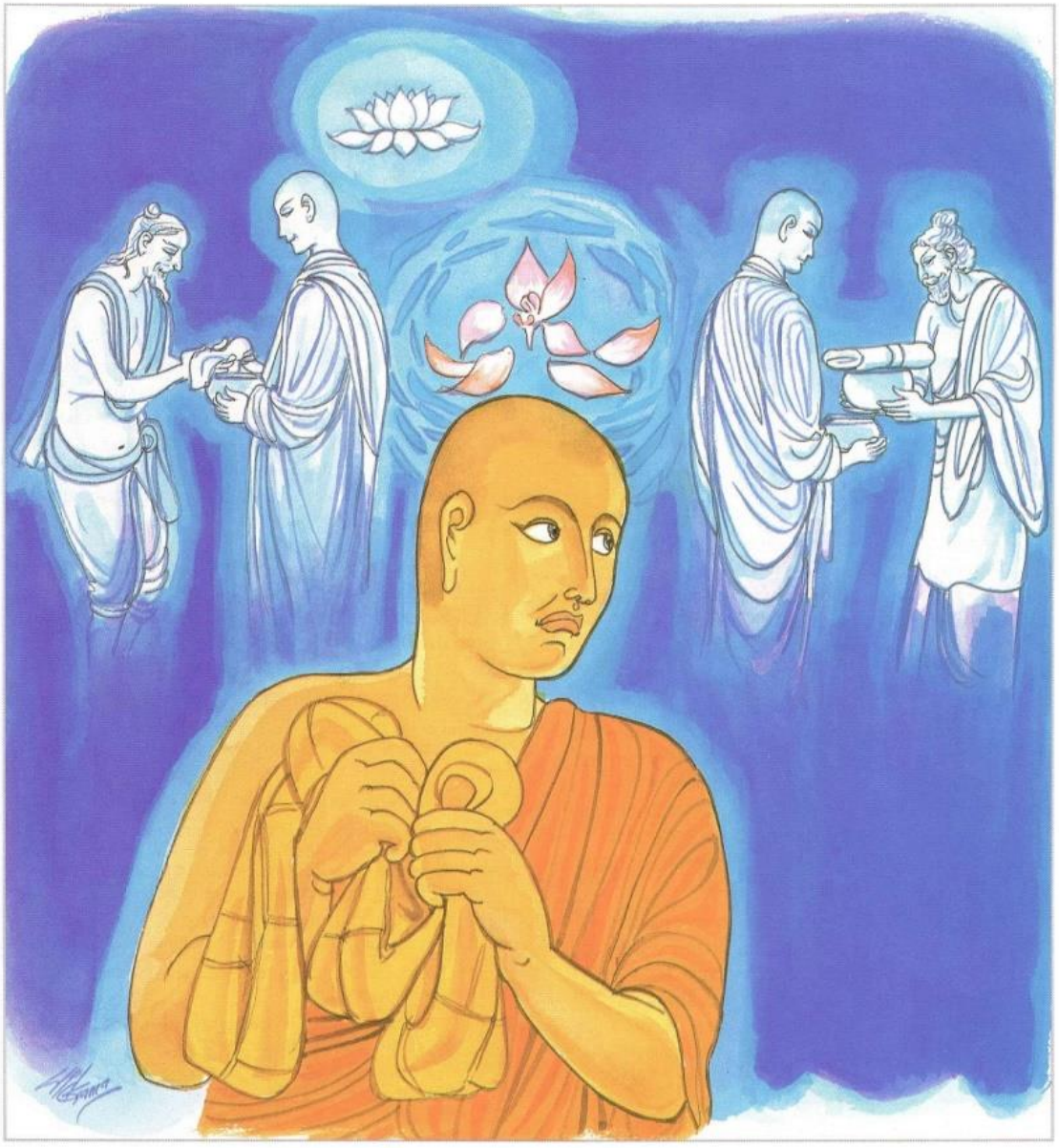

365. Chớ chê điều mình đạt. Chớ ganh ghét của người.
Tỳ kheo vọng tâm tư. Không sao vào chánh định.

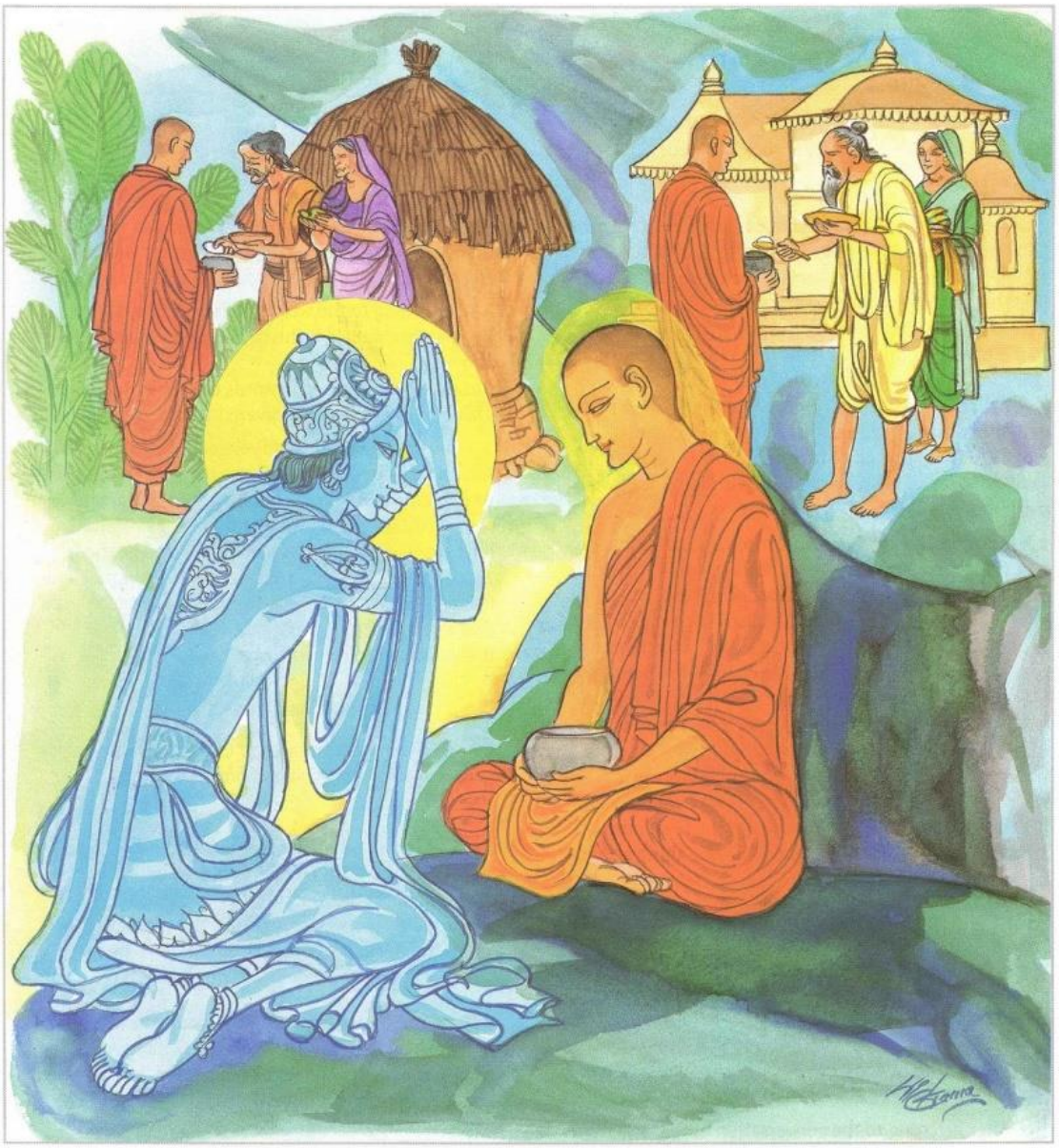

366. Tỳ kheo dù nhận ít. Nhưng tâm không khinh thường.
Sống thanh tịnh, tinh tấn. Chư thiên cũng tán dương.

XXV.6- BÀ LA MÔN PAÑCAGGADĀYAKA

(Pañcaggadāyaka)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 367)

"Sabbaso nāmarūpasmiṃ,	***"Hoàn toàn, đối danh sắc,***
Yassa natthi mamāyitaṃ;	***Không chấp Ta, của Ta.***
Asatā ca na socati,	***Không chấp, không sầu não.***
Sa ve "bhikkhū'ti vuccati".	***Thật xứng danh Tỷ kheo".***

Đức Thế Tôn trú tại Jetavana, đề cập đến Bà la môn Pañcaggadāyaka, thuyết lên kệ ngôn nầy.

Tương truyền rằng: Trong thành Rājagaha có vị Bà la môn thường cúng dường Khattagga trong lúc gặt lúa xong, cúng dường Khalagga trong lúc mang về, cúng dường Khalabhanṇḍagga trong lúc đập lúa, cúng dường Ukkhalikagga trong lúc bỏ vào nồi, cúng dường Pāṭigga trong lúc xới cơm ra bát. Vị Bà la môn ấy thường cúng dường năm vật thí trong thời cao thượng như thế.

Lại nữa, Bà la môn ấy nếu có người đến xin vật thí, nếu chưa cho thì vị ấy chưa ăn. Vì thế ông có tên gọi là Pañcaggadāyaka. Đức Phật thấy duyên lành Bất Lai quả của hai vợ chồng Bà la môn ấy. Ngài đi đến nhà của Bà la môn khất thực vào giờ ăn của vị ấy, Ngài đứng trước cửa tư thất. Bấy giờ, Bà la môn quay lưng ra ngoài, đang ngồi ăn bên cửa sổ, nên y không thấy Bậc Đạo Sư.

Nữ Bà La Môn đang hầu quạt cho chồng, trông thấy Đức Thế Tôn bà ta suy nghĩ: *"Vị Bà la môn nầy thường thí năm vật thí cao thượng rồi mới dùng. Giờ đây Sa Môn Gotama đang đứng trước cửa nhà, nếu Bà la môn nầy thấy vị ấy, y sẽ mang vật thí ra cúng dường, ta không thể nấu phần khác được".*

Rồi nàng suy nghĩ tiếp: *"Ta sẽ làm cho Bà la môn không thể thấy Sa môn Gotama".* Bà xoay lưng cho Bậc Đạo Sư, ví như người dùng tay mà che mặt trăng. Khi che như thế rồi, nữ Bà la môn liếc nhìn xem Bậc Đạo Sư Ngài bỏ đi chưa.

Bậc Đạo Sư vẫn đứng yên, nàng không thể nói lớn rằng: *"Bạch Ngài, xỉn Ngài ngự đi nơi khác"* vì e ngại Bà la môn nghe được, nàng lùi về phía sau bạch nhỏ rằng: *"Xin thỉnh Ngài hãy tế độ những chúng sanh phía trước".*

Đức Đạo Sư lắc đầu, tỏ ý rằng: *"Ta không đi".* Đức Phật là nơi tôn kính của thế gian, Ngài lắc đầu tỏ ý rằng *"Ta không đi"* như thế, khiến nữ Bà la môn không dằn được, bật cười lớn lên.

Vừa khi ấy, Đức Thế Tôn liền phóng hào quang ngay vào nhà vị Bà la môn đang dùng vật thực, nghe tiếng cười của nữ Bà la môn và trông thấy ánh sáng rực chiếu của Đức Đạo Sư, ông ngẩng lên trông thấy Đức Phật.

Lẽ thường chư Phật chưa tế độ người có duyên lành thì Ngài chưa rời nơi đó ra đi. Bà La Môn trông thấy Đức Phật, nói rằng:

- Nầy cô! Sao cô không nói với tôi là: Thái Tử đang đứng trước cửa nhà. Cô đã làm tổn hại đến tôi, cô đã tạo trọng nghiệp lớn.

Rồi Bà la môn liền mang bát vật thực mình đang ăn sớt ra phân nửa, đi đến Bậc Đạo Sư bạch rằng:

- Thưa Ngài Sa Môn Gotama! Con cúng dường cả năm vật thí rồi mới dùng, nhưng con chỉ mới dùng có chút ít. Đây là vật thực tinh khiết, xin Ngài hãy từ bi thọ dụng cho con đi.

Bậc Đạo Sư không nói rằng: *"Nầy Bà la môn, ta không cần vật thực ấy đâu"*. Ngài lại nói rằng:

- Nầy Bà la môn! Phần thù thắng nhất cũng vậy, vật thực mà ngươi đã dùng rồi cũng vậy, tất cả đều thích hợp với Như Lai, dù chỉ là một vắt cơm thừa. Vì rằng, nầy Bà la môn, ta sống nhờ vào vật thực của người khác dâng cúng như ngạ quỷ sống nhờ vào phước của người khác.

Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

"Vị Tỳ khưu nhờ vật thực người khác nuôi dưỡng. Được vắt cơm thù thắng, hay trung bình hoặc là phần dư thừa cũng vậy. Vị Tỳ khưu ấy không nên chê khen ngon dở, mọi người tán dương vị ấy là bậc ẩn sĩ tịch mặc".

Nghe dứt kệ ngôn, Bà la môn khởi tâm tịnh tín:

"Ồ! Thật kỳ diệu thay, vị Thái Tử rực sáng ấy không nói rằng: Ta không cần vật thực dư thừa của ngươi, mà lại nói như thế".

Liền đó, y đứng tại cửa nhà, bạch hỏi Đức Thế Tôn rằng:

- Thưa Sa Môn Gotama, Ngài gọi đệ tử mình là Tỳ khưu. Vậy có bao nguyên nhân được gọi là Tỳ khưu?

Đức Đạo Sư quán xét rằng: "Pháp nào thích hợp với Bà la môn nầy nhỉ?". Ngài xét thấy *"Cả hai người nầy trong thời Đức Phật Kassapa, đã nghe chư Tỳ khưu giảng giải về DANH SẮC. Vậy Như Lai sẽ thuyết DANH SẮC đến hai người nầy"*. Quán xét xong, Đức Thế Tôn phán rằng:

- Nầy Bà La Môn! Người vô dục vọng, không dính mắc trong danh sắc, được gọi là Tỳ khưu.

☸

CHÚ GIẢI:

Sabbaso: tức là danh sắc diễn tiến theo năng lực của ngũ uẩn, gồm sắc uẩn và tứ danh uẩn như thọ uẩn, tưởng uẩn...

Samāyitaṃ: là sự chấp thủ là ta hay của ta không có với người nào.

Ahatā ca na socati: nghĩa là khi danh sắc bị hoại diệt, người không sầu muộn, không nhiệt não rằng: *"Sắc của ta bị hoại diệt, thọ của ta bị hoại diệt... thức của ta bị hoại diệt"* và thấy như thật rằng: *"Lẽ thường, danh sắc nầy hằng bị hoại diệt*".

Sa ve bhikkhūti vuccati: nghĩa là người ấy tức là người dứt bỏ sự chấp thủ trong danh sắc là ta hay của ta, hay không sầu muộn vì danh sắc cũng có, Bậc Đạo Sư gọi người ấy là Tỳ khưu.

Dứt Pháp thoại hai vợ chồng Bà La Môn chứng đắc A Na Hàm quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Năm lần sơ quả cúng dường Tăng,
Để bát Phật Đà nửa bữa ăn,
Thầy hỏi: Cơm chùa dư, lỡ bữa,
Dâng Sư, có phạm tội hay chăng?
Phật dạy: Tỳ khưu chẳng khác ma,
Ăn nhờ vật thí của người ta,
Chẳng chê, khen, ít nhiều, hay dở,
Mới nấu hay còn dư bỏ ra,
Thầy hỏi: Tỳ khưu có nghĩa gì?
Phật rằng: Danh sắc đã viễn ly,
Không cầu, không chấp nơi mình nữa,
Đó thật là Tỳ khưu Chánh quả.

DỨT TÍCH ÔNG BÀ LA MÔN PAÑCAGGADĀYAKA



367. Đối với cả thân tâm. Không chấp ta, của ta. Không buồn điều không có. Đó gọi là tỳ kheo.

XXV.7- NHIỀU VỊ TỲ KHƯU

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 368-376)

368. "Mettāvihārīyo bhikkhu, **Pasanno buddhasāsane;** **Adhigacche padaṃ santaṃ,** **Saṅkhārūpasamaṃ sukhaṃ".**	***"Tỳ kheo trú Từ Bi,*** ***Tín thành giáo Pháp Phật,*** ***Chứng cảnh giới tịch tịnh.*** ***Các hạnh an tịnh lạc".***
369. "Siñca bhikkhu imaṃ nāvaṃ, **Sittā te lahumessati;** **Chetvā rāgañca dosañca,** **Tato nibbānamehisi".**	***"Tỷ kheo, tát thuyền nầy,*** ***Thuyền không, nhẹ đi mau.*** ***Trừ tham, diệt sân hận,*** ***Tất chứng đạt Niết Bàn".***
370. "Pañca chinde pañca jahe, **Pañca cuttari bhāvaye;** **Pañca saṅgātigo bhikkhu,** **"Oghatiṇṇo"ti vuccati".**	***"Đoạn năm, từ bỏ năm,*** ***Tu tập năm tối thượng,*** ***Tỷ kheo cắt năm trói,*** ***Xứng danh vượt "bộc lưu"".***
371. "Jhāya bhikkhu, mā pamādo, **Mā te kāmaguṇe ramessu, cittaṃ.** **Mā lohaguḷaṃ gilī pamatto,** **Mā kandi "dukkhamidan"ti ḍayhamāno".**	***"Tỷ kheo hãy tu thiền,*** ***Chớ buông lung phóng dật,*** ***Tâm chớ đắm say dục,*** ***Phóng dật, nuốt sắt nóng,*** ***Bị đốt, chớ than khổ!".***
372. "Natthi jhānaṃ apaññassa, **Paññā natthi ajhāyato,** **Yamhi jhānañca paññā ca,** **Sa ve nibbānasantike".**	***"Không trí tuệ, không thiền,*** ***Không thiền, không trí tuệ.*** ***Người có thiền có tuệ,*** ***Nhất định gần Niết Bàn".***
373. "Suññāgāraṃ paviṭṭhassa, **Santacittassa bhikkhuno;** **Amānisī rati hoti,** **Sammā dhammaṃ vipassato".**	***"Bước vào ngôi nhà trống,*** ***Tỷ kheo tâm an tịnh,*** ***Thọ hưởng vui siêu nhân,*** ***Tịnh quán theo chánh pháp".***
374. "Yato yato sammasati, **Khandhānaṃ udayabbayaṃ;** **Labhatī, pītipāmojjaṃ,** **Amataṃ taṃ vijānataṃ".**	***"Người luôn luôn chánh niệm,*** ***Sự sanh diệt các uẩn,*** ***Được hoan hỷ, hân hoan,*** ***Chỉ bậc bất tử biết".***
375. "Tatrāyamādi bhavati, **Idha paññassa bhikkhuno;** **Indriyagutti santuṭṭhi,** **Pātimokkhe ca saṃvaro".**	***"Đây Tỷ kheo có trí,*** ***Tu tập pháp căn bản,*** ***Hộ căn, biết vừa đủ,*** ***Gìn giữ căn bản giới,*** ***Thường gần gũi bạn lành,*** ***Sống thanh tịnh tinh cần".***
376. "Mitte bhajassu kalyāṇe, **Suddhājīve atandite;**	***Giao thiệp khéo thân thiện,*** ***Cử chỉ mực đoan trang.***

Paṭisanthāravutyassa,
Ācārakusalo siyā.
Tato pāmojjabahulo,
Dukkhassantaṃ karissati".

Do vậy hưởng vui nhiều,
Sẽ dứt mọi khổ đau.

Kệ Pháp Cú nầy Đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, đề cập đến nhiều vị Tỳ khưu, thuyết lên Pháp thoại nầy.

Tương truyền rằng: Vào thời Đức Phật hiện tại, khi Trưởng lão Mahākaccāyana ngự ở trên thôn trang thuộc xứ Avaṅtī, trong núi Pavatta. Có người cận sự nam tên là Soṇakuṭikaṇṇa đã tịnh tín nơi Pháp Bảo của Ngài, khởi tâm chán nản muốn được xuất gia nơi Ngài. Trưởng lão giải thích rõ đời sống Phạm Hạnh có nhiều sự khó khăn, hai lần giải thích như vậy:

- Nầy Soṇa, đời sống Phạm Hạnh là ngày chỉ dùng có một bữa thôi, ngủ một mình trọn đời, đó là điều mà người khó hành trì.

Nhưng Soṇa có tâm xuất gia mãnh liệt, chàng đã xin được xuất gia đến chùa thứ ba. Và Trưởng lão đã cho xuất gia Sa di. Ba năm sau Soṇa mới được thọ Cụ Túc giới vì trong xứ Avaṅtī rất ít Tỳ khưu.

Sau khi Thọ Cụ Túc Giới, Soṇa muốn lên đường đến kinh thành Sāvatthī để yết kiến Bậc Đạo Sư, Tỳ khưu Soṇa đến xin phép thầy Tế độ, được thầy chấp thuận và Tỳ khưu Soṇa lên đường, mang theo lời đảnh lễ cùng với những điều xin phép Đức Thế Tôn của Bậc Tế Độ Sư của mình.

Tuần tự du hành, Tỳ khưu Soṇa đến kinh thành Sāvatthī, Ngài đi vào Tịnh xá Jetavana, yết kiến Đức Thế Tôn, sau khi được Đức Thế Tôn ân cần thăm hỏi, Bậc Đạo Sư cho phép Tỳ khưu Soṇa được phép ngụ chung trong Hương Thất với Ngài. Trong đêm ấy, Tỳ khưu Soṇa phần lớn là ở ngoài trời trọn canh đầu, đến giữa đêm mới vào Hương Thất. Rồi khi rạng đông, Đức Đạo Sư phán bảo Soṇa rằng:

- Nầy Soṇa, hãy tụng đọc Pháp đi.

Ngài Soṇa liền tụng thuộc lòng 16 bài Kinh trong phẩm thứ tám. Khi Ngài vừa tụng dứt, Đức Thế Tôn ban lời khen thưởng tùy hỷ rằng: *"Sādhu! Sādhu"*. Nghe Đức Thế Tôn tán dương Tỳ khưu Soṇa, chư thiên địa cầu, Kim Xí Điểu, Long vương cũng đồng thanh tán dương Sādhu, sādhu. Tiếng tán dương vang động đến Trời Phạm thiên rồi có vị Thiên tử ngự trong nhà mẹ Soṇa cũng tán thán Sādhu, nơi ấy cách kinh thành Sāvatthī 120 do tuần. Nghe tiếng tán thán của vị Thiên tử ấy, mẹ Ngài Soṇa hỏi rằng:

- Tiếng ai Sādhu thế?

- Nầy nàng Đại tín nữ, đó là tiếng của tôi.

- Người là ai?

- Tôi là vị Thiên tử ngụ ở trong nhà nầy.

- Vì sao từ trước đến giờ, Ngài không tán thán tôi, nay lại tán thán tôi như thế.

- Nầy nàng, ta đâu có tán thán nàng.

- Thế thì Ngài tán thán ai?

- Ta tán thán Ngài Soṇakuṭikaṇṇa con của nàng.

- Con của tôi đã làm gì mà Ngài tán thán?

- Hôm nay Ngài Soṇa ngụ chung Hương Thất với Đức Thế Tôn, và đã thuyết pháp cho Đức Thế Tôn nghe. Đức Thế Tôn tán thán Ngài Soṇa bằng tiếng Sādhu. Chư thiên đều hưởng ứng lời nầy, nên tôi cũng tán thán Ngài Soṇa. Tiếng tán thán đã vang từ địa cầu đến Phạm thiên giới.

- Thưa chư thiên, chẳng hay con tôi thuyết pháp cho Đức Thế Tôn nghe, hay Đức Thế Tôn thuyết pháp cho con tôi nghe?

- Con của bà thuyết pháp cho Đức Thế Tôn nghe.

Nghe Thiên nhân đáp như thế, bà tín nữ phát sanh năm loại phỉ lạc, lan tỏa khắp châu thân. Nàng suy nghĩ rằng: *"Nếu con ta ở chung Hương Thất của Bậc Đạo Sư và thuyết pháp đến Ngài được, thì con ta* sẽ *thuyết pháp đến ta được. Khi con ta đến, ta sẽ thỉnh cầu thuyết pháp cho ta nghe".*

Riêng về Trưởng lão Soṇa, sau khi Đức Thế Tôn ban lời khen thưởng rồi, Ngài suy nghĩ rằng:

- Đây là thời hợp lẽ, ta nên trình bày sự việc mà Tế Độ Sư của ta giao phó.

Trưởng lão Soṇa nhân danh Thầy Tế Độ là Trưởng lão Mahā Kaccāyana, bạch xin năm điều nơi Đức Thế Tôn là:

1- Xin được thọ Cụ Túc giới với nhóm Tăng 5 vị.

2- Xin được mang dép nhiều lớp.

3- Xin được tắm thường xuyên.

4- Xin được dùng đồ trải bằng da.

5- Nếu có người dâng y ở ngoài Sīmā, xin được phép thọ lãnh.

Đức Thế Tôn chuẩn y bốn điều đầu tiên được thực thi ở nơi biên địa Trung Ấn. Sau khi trú tại Jetavana được đôi ngày, Trưởng lão Soṇa bạch với Đức Thế Tôn rằng:

"Bạch ThếTôn! Con sẽ trở về thăm Tế Độ Sư".

Sau khi đảnh lễ Đức Đạo Sư, Tỳ khưu Soṇa từ giã Đức Thế Tôn, tuần tự du hành về đến xứ Avaṇtī thăm viếng Tế Độ Sư.

Sáng hôm sau, Trưởng lão Mahākaccāyana cùng Tỳ khưu Soṇakūṭikaṇṇa đi khất thực nơi gia tộc mình. Mẹ Soṇa thấy con trở về, khởi tâm hoan hỷ cúng dường trọng thể và hỏi rằng:

- Bạch Sư! Được biết rằng Sư ngụ chung hương thất với Đức Đạo Sư, và đã thuyết pháp cho Ngài nghe phải vậy chăng?

- Điều nầy ai đã thuật lại cho thân mẫu biết vậy?

- Bạch Sư, có vị Thiên nhân ngụ trong nhà nầy, đã sādhu tán dương Sư. Khi ấy tôi hỏi rằng: *"Ai đó?"*.

- Vị ấy đáp *"Thưa tôi"* và đã thuật lại câu chuyện ấy cho tôi nghe. Tôi thầm nghĩ: *"Nếu con ta thuyết pháp đến Đức Thế Tôn được, thì sẽ thuyết pháp cho ta được. Vậy khi con ta về ta sẽ thỉnh con ta thuyết pháp cho ta nghe".* Bạch Sư, khi Sư thuyết pháp đến Bậc Đạo Sư nghe được, thì Sư hãy thuyết pháp đến tôi được. Vào ngày đó, tôi sẽ thỉnh trai tăng và nghe Pháp của Sư.

Tỳ khưu Soṇakūṭikaṇṇa nhận lời. Bà tín nữ suy nghĩ:

- Ta sẽ cúng dường đến chư Tỳ khưu, rồi sẽ đi nghe Pháp nơi con ta.

Bà giao phó mọi việc trong nhà cho người nữ tỳ thân tín, bà dẫn đoàn gia nhân đi đến Tịnh xá, và vị Pháp Sư là Tỳ khưu Soṇa đang ngồi giữa Pháp tòa của ngôi nhà nóc nhọc mà bà đã kiến tạo dâng cúng đến chư Tăng.

Vào thời điểm ấy có 900 tên cướp, chúng từ lâu dò xét trang viên của bà tín nữ ấy, chờ dịp bà sơ hở sẽ đánh cướp tài sản của bà. Ngôi nhà của bà tín nữ ấy được canh phòng bởi 7 vòng rào, với 7 cánh cửa ra vào độc nhất. Mỗi cánh cửa được hai con chó hung dữ canh chừng, dưới chân rào bà cho đào những mương hố, đổ chất gang nóng chảy xuống dưới, ban ngày thì gang chảy ra dưới ánh sáng mặt trời. Còn ban đêm thì đông đặc lại, người rớt xuống có thể bị đứt chân. Bà lại cho đặt chông nhọn ở mỗi cửa làm bẫy sập. Chỉ có con đường nhỏ là an toàn thôi. Bọn cướp không thể đột nhập vào ngôi nhà được do sự canh giữ nghiêm phòng như thế.

Hôm ấy, chúng được tin bà tín nữ cùng gia nhân đến Tịnh xá nghe Pháp, lập tức chúng kéo nhau đến cướp tài sàn của bà ta, chúng sắp xếp như vậy: *"Nếu bà tín nữ hay tin trở về, tên Chánh đảng sẽ chận giết chết bà ta ngay tại cửa"*. Tên chánh đảng núp một nơi gần đó.

Bọn cướp thắp sáng cả trang viên, rồi mở kho tiền ra khuân. Người tớ gái thấy thế, vội đến tịnh xá báo tin rằng:

- Thưa bà, bọn cướp đánh chiếm tài sản, chúng đang khuân kho tiền.

- Cứ để bọn cướp khuân vác theo ý chúng thích. Hãy để yên cho ta nghe Pháp của con ta. Ngươi đừng làm hại đến Pháp thoại của ta, hãy trở về đi.

Bọn cướp khuân xong kho tiền, chúng tiếp tục đi đến kho bạc và cùng nhau khuân ra, tiếc của cho chủ, người nữ tỳ lại chạy đến Tịnh xá báo tin rằng:

- Thưa chủ! Bọn cướp đang đánh cướp kho bạc rồi.

- Hãy để yên ta nghe Pháp, bọn chúng cứ lấy gì mà chúng muốn.

Tiếp đến bọn cướp lấy đến kho vàng, người nữ tỳ lại nóng lòng với tài sản của chủ, chạy đến Tịnh xá báo tin rằng:

- Thưa chủ, bọn cướp đã lấy đến kho vàng.

- Ta đã bảo bọn chúng muốn lấy gì thì lấy tùy thích, ngươi cứ quấy rầy sự nghe pháp của ta mãi. Nếu ngươi còn đến quấy rầy ta nữa, ta sẽ trị tội đấy. Hãy trở về đi.

Bấy giờ, người nữ tỳ trở về bảo với bọn cướp rằng:

- Chủ ta bảo các ngươi muốn lấy gì thì cứ lấy tùy thích, chủ ta không màng đâu, vì bà còn đang nghe Pháp nơi con mình.

Nghe vậy, tên Chánh đảng có sự suy nghĩ rằng:

- Chúng ta đã tạo nghiệp nặng rồi, chúng ta lấy tài sản của người có đức hạnh như thế, tai hại sẽ giáng xuống đầu chúng ta thôi. Đầu chúng ta sẽ bể thành bảy mảnh chẳng sai.

Nghĩ như thế, tên chánh đảng ra lịnh cho tùy tùng khuân trả lại những tài sản đã đánh chiếm được. Được nghe rằng: *"Pháp hằng hộ trì người hành pháp như thế, đó là lẽ thường"*. Vì thế, Đức Thế Tôn có thuyết giảng rằng: *"Pháp thường hộ trì người hành pháp: người khéo hành trì Pháp sẽ đem lại an lạc, đây là phước báu mà người khéo thực hành Pháp. Người thường hành trì Pháp sẽ không thối đọa"*.

Bọn cướp cùng nhau đi đến Tịnh xá để sám hối với bà Tín nữ. Và bọn chúng đứng lặng yên để nghe Pháp. Ngài Soṇa thuyết pháp cho đến rạng sáng. Ngài rời Pháp tọa, khi ấy 900 tên cướp đồng đi đến trước mặt bà tín nữ, quỳ xuống đảnh lễ, bạch rằng:

- Thưa bà! Xin bà hãy tha thứ tội lỗi cho chúng tôi.

- Nầy các ông, chuyện chi vậy?

- Chúng tôi đã cột oan trái cùng với bà, chúng tôi đã toan cướp tài sản của bà và sát hại cả bà nữa.

- Nầy các ông, nếu thế tôi sẽ cho các ông sám hối vậy.

Tên chánh đảng nói:

- Thưa bà, nếu bà đã thứ lỗi cho chúng tôi, thì xin bà hãy cho chúng tôi được xuất gia với con bà đi.

Bà tín nữ đảnh lễ Tỳ khưu Soṇa, rồi bạch rằng:

- Bạch Sư, bọn cướp nầy đã tịnh tín do đức hạnh của tôi, và chúng được nghe Pháp của Sư, chúng xin được xuất gia với Sư, vậy Sư hãy từ bi tế độ cho chúng đi.

- Nầy thân mẫu, được thôi.

- Ngài Soṇa cho sửa chữa lại y phục trở thành những tấm y ca sa, nhuộm y ấy trở thành hoại sắc bởi bùn đen, rồi Ngài cho 900 tên cướp xuất gia, thọ trì Giới luật. Khi bọn chúng thọ cụ túc giới xong, Ngài Soṇa chia mỗi nhóm thành 100 người, tổng cộng là 9 nhóm, dạy đề mục nghiệp xứ cho họ. 900 vị Tỳ khưu ấy học đề mục nghiệp xứ khác nhau, rồi đi tìm đến một ngọn núi, ngồi dưới cội cây mà hành Pháp.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ngồi nơi Tịnh xá Jetavana, cách xa 120 do tuần. Ngài quán thấy duyên lành của 900 vị Tỳ khưu ấy, nhận định pháp duyên của những vị ấy, Ngài phóng hào quang đến trước mặt các vị ấy, lần lượt Ngài nói lên 9 kệ ngôn cho chín nhóm Tỳ khưu.

☸

CHÚ GIẢI:

Cắt đứt năm: nghĩa là cắt đứt năm hạ phần kiết sử là: Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, dục ái và sân.

Từ bỏ năm: là năm thượng phần kiết sử: Ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật và vô minh.

Tu tập năm: là tu tập ngũ quyền hay ngũ lực: Tín, tấn, niệm, định và tuệ.

Mettāvihārī: là người tu tập hạnh từ tâm, hoặc khiến cho ba hay bốn bậc Thiền sanh khởi theo năng lực của từ tâm, được gọi là người hằng trú trong từ tâm thật sự.

Pasanno: là vị Tỳ khưu đã tịnh tín, nghĩa là thường vun bồi đức tin trong Phật Giáo vậy.

Padaṃ santaṃ: đó là tên gọi của Níp Bàn. Thật vậy, vị Tỳ khưu như vậy thì chứng đạt, nghĩa là thường thấy được Níp Bàn, là phần an tịnh tuyệt đối. Gọi là đình chỉ các hành vì các hành đã được đình chỉ, tức Níp Bàn, nghĩa là an lạc, vì đó là an lạc tối thượng.

Siñca bhikkhu imaṃ nāvaṃ: nghĩa là nầy Tỳ khưu, ngươi hãy tát nước thuyền, thuyền tức là xác thân nầy, nước là tà tư duy.

Sittā te lahumessati: nghĩa là ví như chiếc thuyền đầy nước trong biển mà họ đã tát sạch, khi tát nước sạch rồi thuyền có thể nhẹ nhàng, không bị chìm sẽ đi nhanh đến nơi. Thuyền là xác thân, nước là tà tư duy, người tát sạch nước rồi là người không còn tà tư duy, do nhờ thu thúc các môn như nhãn môn... bằng sự phòng hộ tát sạch tà tư duy, xác thân sẽ nhẹ nhàng không bị chìm trong biển luân hồi và sẽ đến Níp Bàn nhanh chóng.

Chetvā...: nghĩa là ngươi hãy cắt đứt vòng trói buộc là tham và sân, khi đã cắt đứt vòng trói buộc rồi thì sẽ chứng đạt A La Hán, nghĩa là từ đó trở đi sẽ chứng Vô Dư Níp Bàn.

Pañca chinde: tức là hãy cắt đứt năm hạ phần kiết sử bằng Ba Đạo thấp, vì đó là nhân làm chúng sanh rơi vào khổ cảnh, giống như người cắt đứt sợi dây trói chân bằng gươm bén.

Pañca jahe: là hãy từ bỏ, cắt đứt năm thượng phần kiết sử bằng A La Hán đạo, vì đó là nguyên nhân khiến chúng sanh luân hồi trong cõi Thiên giới, ví như người cắt đứt sợi dây trói cổ vậy.

Pañca cuttari bhāvaye: là hãy tu tập 5 quyền như tín quyền... để từ bỏ những kiết sử thượng phần.

Pañca saṅgātigo: nghĩa là nếu như thế, Tỳ khưu sẽ vượt qua được năm loại phiền não là tham, sân, si, mạn và kiến. Bậc Đạo Sư gọi người ấy là: "Người đã vượt qua Tư Bộc thật sự".

Jhāya bhikkhu: nghĩa là nầy Tỳ khưu, ngươi hãy tinh cần với hai loại Thiền và chớ nên là người có sự dễ duôi với thân hành, khẩu hành và ý hành.

Dhamassu: là tâm của người dừng xoay vần theo năm dục.

Mā lohaguḷaṃ: nghĩa là người dễ duôi do thất niệm bằng nuốt sắt nóng trong địa ngục, vì thế ta mới nói với ngươi, ngươi chớ nên dễ duôi nuốt hòn sắt nóng, và bị đốt trong lửa địa ngục. Có sự than khóc rằng: *"Đây là khổ"*.

Natthi jhānaṃ: nghĩa là thiền định thường không phát sanh với người thiếu trí, vì trí tuệ là nhân tinh tấn khiến thiền định phát sanh.

Natthi paññā: nghĩa là trí tuệ có tướng mà Đức Thế Tôn phán dạy rằng: Vị Tỳ khưu có tâm vững chắc thường biết rõ, thường thấy rõ theo sự thật: *"Hằng không có với người không chuyên cần".*

Yamhi jhānañca paññā ca: nghĩa là thiền định và trí tuệ, cả hai có với người nào, người ấy gọi là gần với Níp Bàn.

Suññāgāraṃ paviṭṭhassa: tức là người thường xuyên hành nghiệp xứ nơi thanh vắng.

Santacittassa: là người có tâm an tịnh.

Sammā...: nghĩa là sự an lạc không có trong loài người, tức Minh sát hay sự an lạc thiền, tức là Tám Bậc Thiền hằng có, tức là thường phát sanh cho người giác ngộ các pháp nhân quả.

Yato yato sammasati: nghĩa là hành 38 đề mục bằng cách nào, tức là hành trong các thời như: Trong giờ thọ thực... bằng cách thích hợp với mình, hay với đề mục nghiệp xứ thích hợp với mình, gọi là thường quán xét thấy rõ.

Udayabbayaṃ: tức là sự sanh của năm uẩn do 25 tướng, và sự diệt của năm uẩn cũng do 25 tướng.

Pītipāmojjaṃ: là khi đã quán xét sự sanh diệt của năm uẩn như vậy, gọi là thường có sự phỉ lạc trong Pháp và sự hân hoan trong Pháp.

Amataṃ: nghĩa là khi danh sắc cùng với duyên hiện bày thì phỉ lạc và hân hoan phát sanh, gọi là người liễu tri bất tử, là bậc trí thật sự. Vì phỉ lạc và hân hoan là Pháp đưa chúng sanh đến bất Tử Đại Níp Bàn.

Tatrāyamādi bhavati: nghĩa là đây là phần khởi đầu, tức là sự phỉ lạc và sự hân hoan, là nền tảng khởi đầu cho Bất Tử Pháp.

Idha paññassa: tức là đối với vị Tỳ khưu trí tuệ trong Giáo Pháp nầy.

Bấy giờ, Đức Đạo Sư thuyết về nền tảng khởi đầu rằng: "Ādi" đó, Ngài mới nói câu: Indriyagutti: Thật vậy, Tứ Thanh Tịnh Giới đó được gọi là nền tảng khởi đầu.

Sự phòng hộ các căn đó được gọi là Indriyagutti trong bày kệ nầy. Sự tri túc với Tứ vật dụng được gọi là: Santuṭṭhi. Giới nuôi mạng chân chánh (Ājīvaparisuddhisīla), Giới quán tưởng thanh tịnh trong khi thọ dụng bốn món vật dụng (Paccayasannissitasīla). Bậc Đạo Sư phán với câu Santuṭṭhi đó.

Sự hành toàn vẹn trong giới cao thượng là Giới Bổn. Bậc Đạo Sư phán với câu Pāṭimokkha.

Mitte bhayassa kālyāṇe: nghĩa là người từ bỏ bạn ác có các hành vi nên từ bỏ, hãy giao du với bạn lành, là người có chánh mạng trong sạch, và gọi người không biếng nhác do nỗ lực nuôi mạng sống.

Paṭisanthāravutyassa: tức là hãy nhiệt tình chào hỏi tiếp đãi, là người tiếp đãi với phần vật chất và Pháp. Đó gọi là người nhiệt tình chào hỏi tiếp đãi.

Ācāsakusalo: nghĩa là Giới cũng được gọi là tế nhị, cho đến phận sự cũng gọi là tế nhị, hãy là người khôn khéo, nghĩa là có phong cách tế nhị.

Tato pāmojjabahulo: nghĩa là người sẽ được tràn đầy sự hân hoan do phát sanh phỉ lạc của Pháp, do sự chào hỏi tiếp đãi và có phong cách tế nhị đó, mới chấm dứt được mọi khổ luân hồi.

Trong chín kệ ngôn mà Đức Thế Tôn tuyên thuyết, khi dứt một kệ ngôn thì có 100 Tỳ khưu chúng đạt A La Hán Quả cùng với Tuệ Phân Tích. Các vị Thánh Nhân Vô Lậu ấy, ngay nơi mình ngồi bay lên hư không đi đến Tịnh xá Jetavana cách đó 120 do tuần, đảnh lễ dưới chân Bậc Đạo Sư.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Chờ đến ba năm mới xuất gia,
Vì miền biên địa thiếu Tăng già,
Tỳ khưu Xô Ná tân hoan hỷ,
Về đến Kỳ Viên lễ Phật Đà,
Thuyết kệ Phật nghe, Phật tán dương,
Tiếng khen vang dội, khắp thiên đường,
Chư thiên ngự tại nhà tín nữ,
Kể lại bà nghe chuyện khác thường!
Mẹ của Tỳ khưu đợi con về,
Thỉnh Thầy thuyết pháp để bà nghe,
Trong giờ thính pháp nghe vui thích,
Thức cả đêm trường chẳng mỏi mê?
Chín trăm tên cướp chiếm nhà bà,
Vơ vét xong rồi lại bỏ ra,
Sám hối, xin tu cùng Đại Đức,
Hành thiền đắc pháp thấy Phật xa,
Phật dạy: Tỳ khưu nhiếp lục căn,
Vẹn gìn giới bổn, bạn hiền năng,
Sống đời phạm hạnh, tâm trong sáng,
Tự tại an nhiên, đạt Niết Bàn.

DỨT TÍCH NHIỀU VỊ TỲ KHƯU

☸



368. Tỳ kheo vui pháp Phật. An trụ tâm từ bi. Chứng đạt cảnh an tịnh. Giải thoát pháp hữu vi.

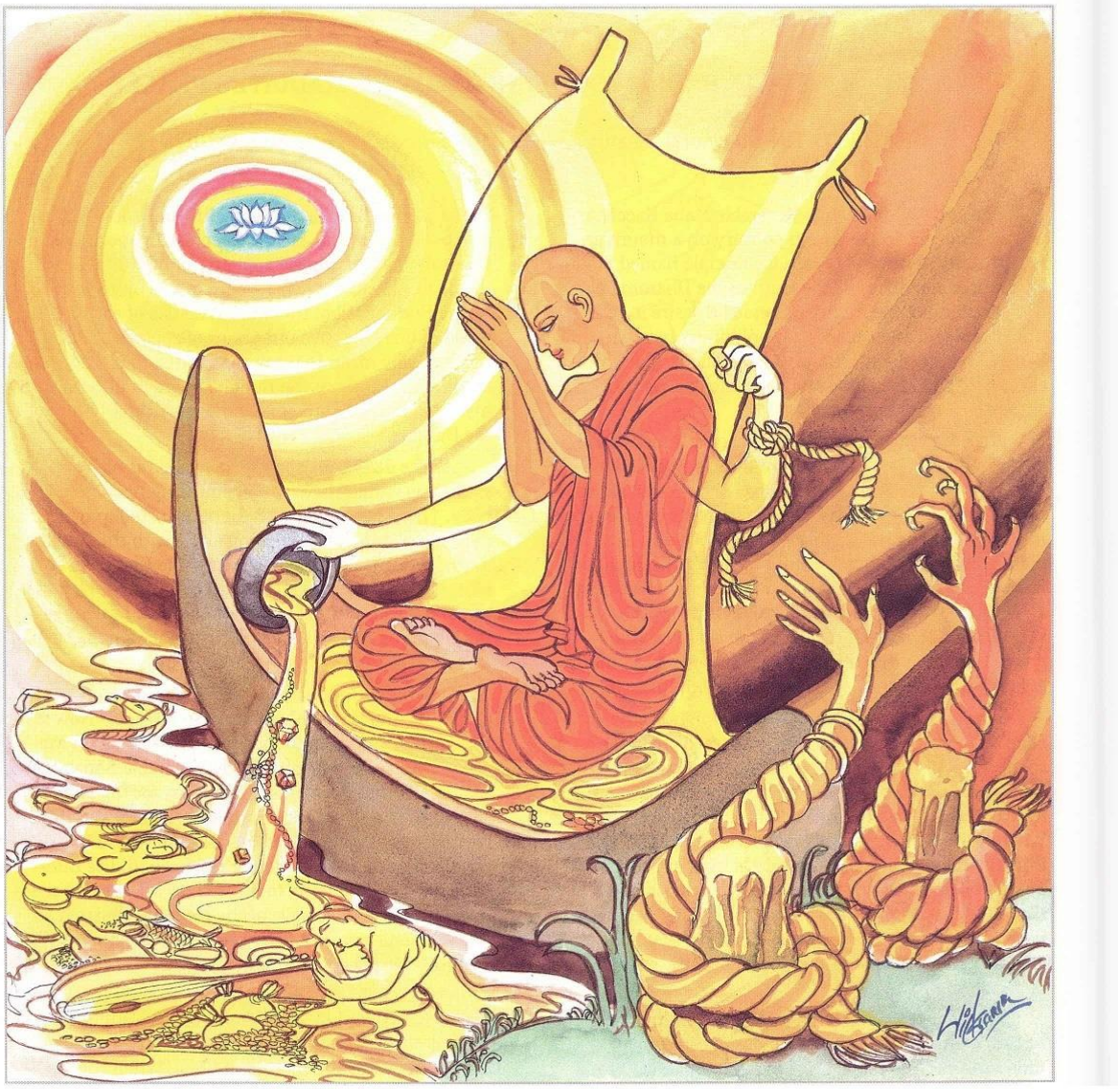

369. Tỷ kheo, tát thuyền nầy. Thuyền không, nhẹ đi mau.
Trừ tham, diệt sân hận. Tất chứng đạt Niết Bàn.

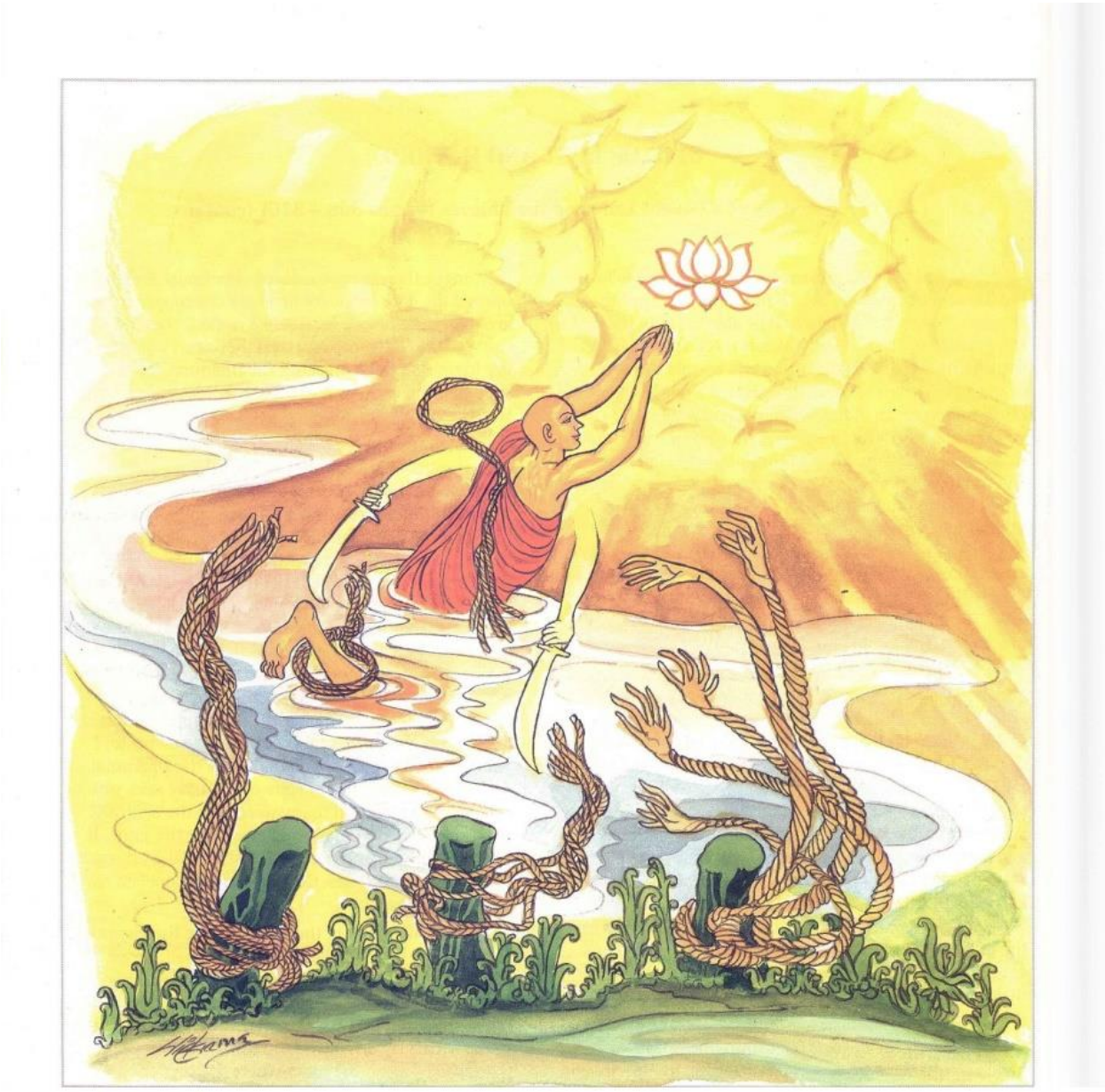

370. Đoạn năm, từ bỏ năm. Tu tập năm tối thượng. Tỷ kheo cắt năm trói. Xứng danh vượt "bộc lưu".

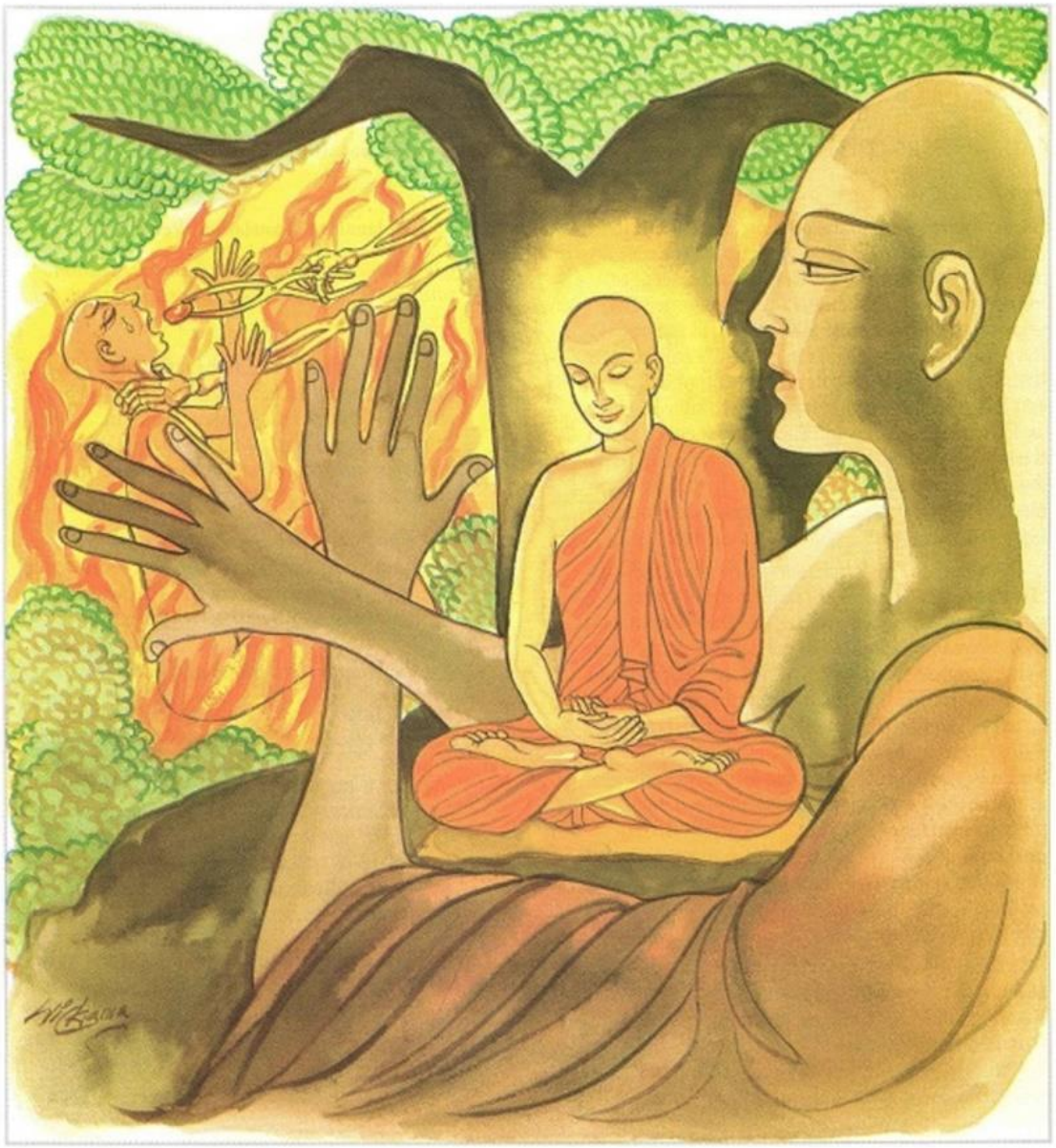

371. Tỷ kheo hãy tu thiền. Chớ buông lung phóng dật. Tâm chớ đắm say dục. Phóng dật, nuốt sắt nóng. Bị đốt, chớ than khổ!

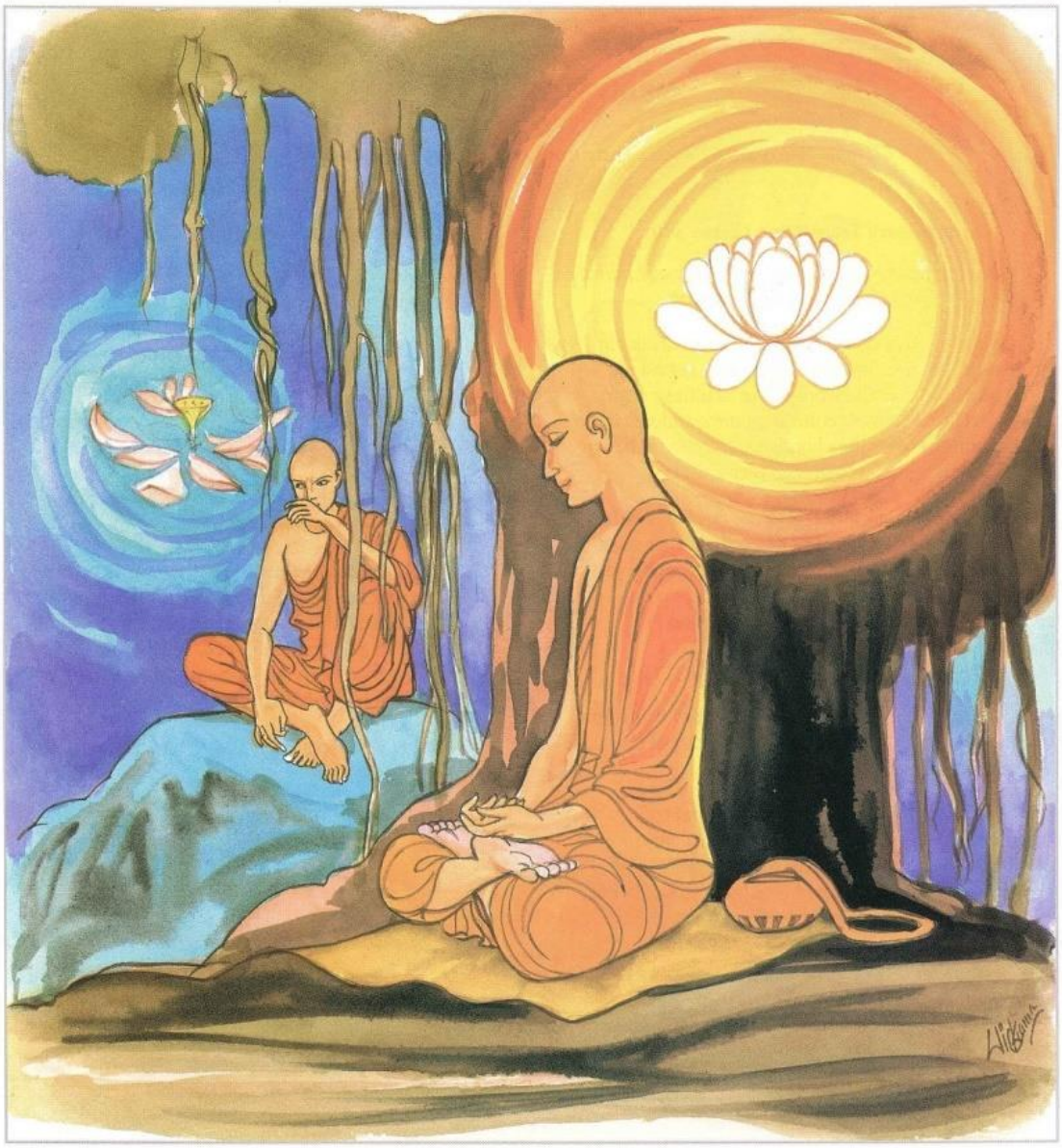

372. Không trí tuệ, không thiền. Không thiền, không trí tuệ. Người có thiền có tuệ. Nhất định gần Niết Bàn.

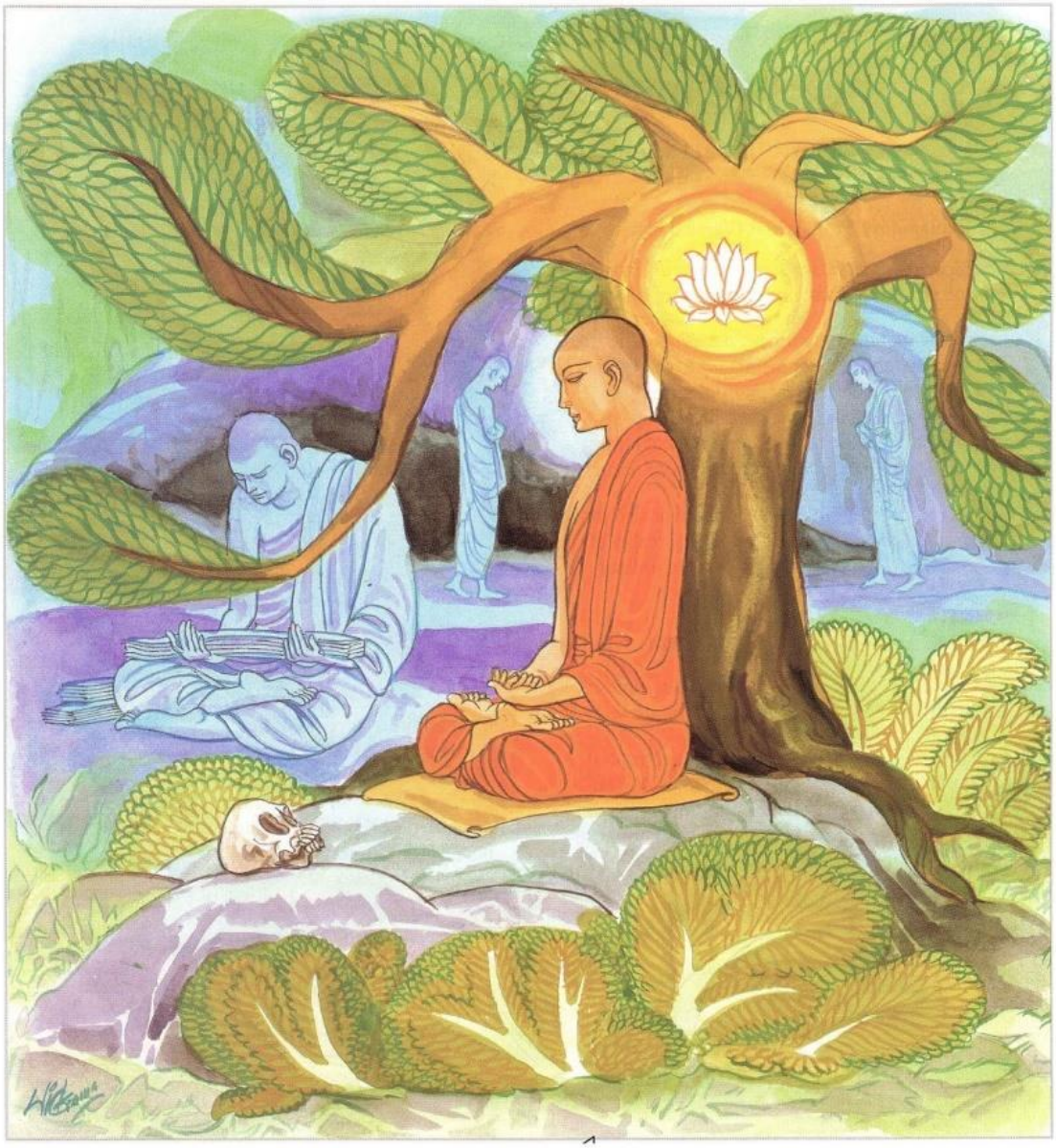

373. Bước vào ngôi nhà trống. Tỷ kheo tâm an tịnh.
Thọ hưởng vui siêu nhân. Tịnh quán theo chánh pháp.

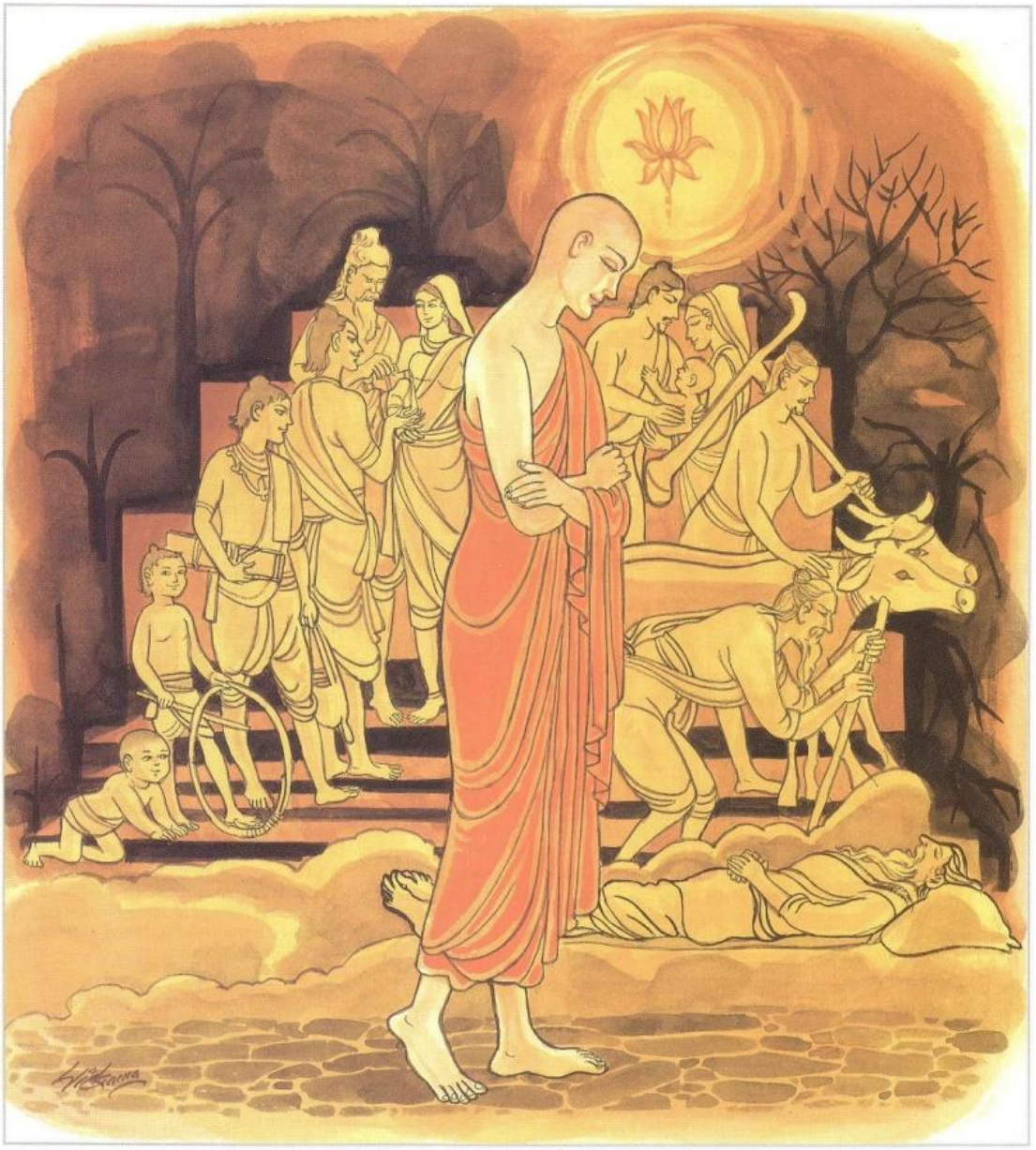

374. Người luôn luôn chánh niệm. Sự sanh diệt các uẩn.
Được hoan hỷ, hân hoan. Chỉ bậc bất tử biết.

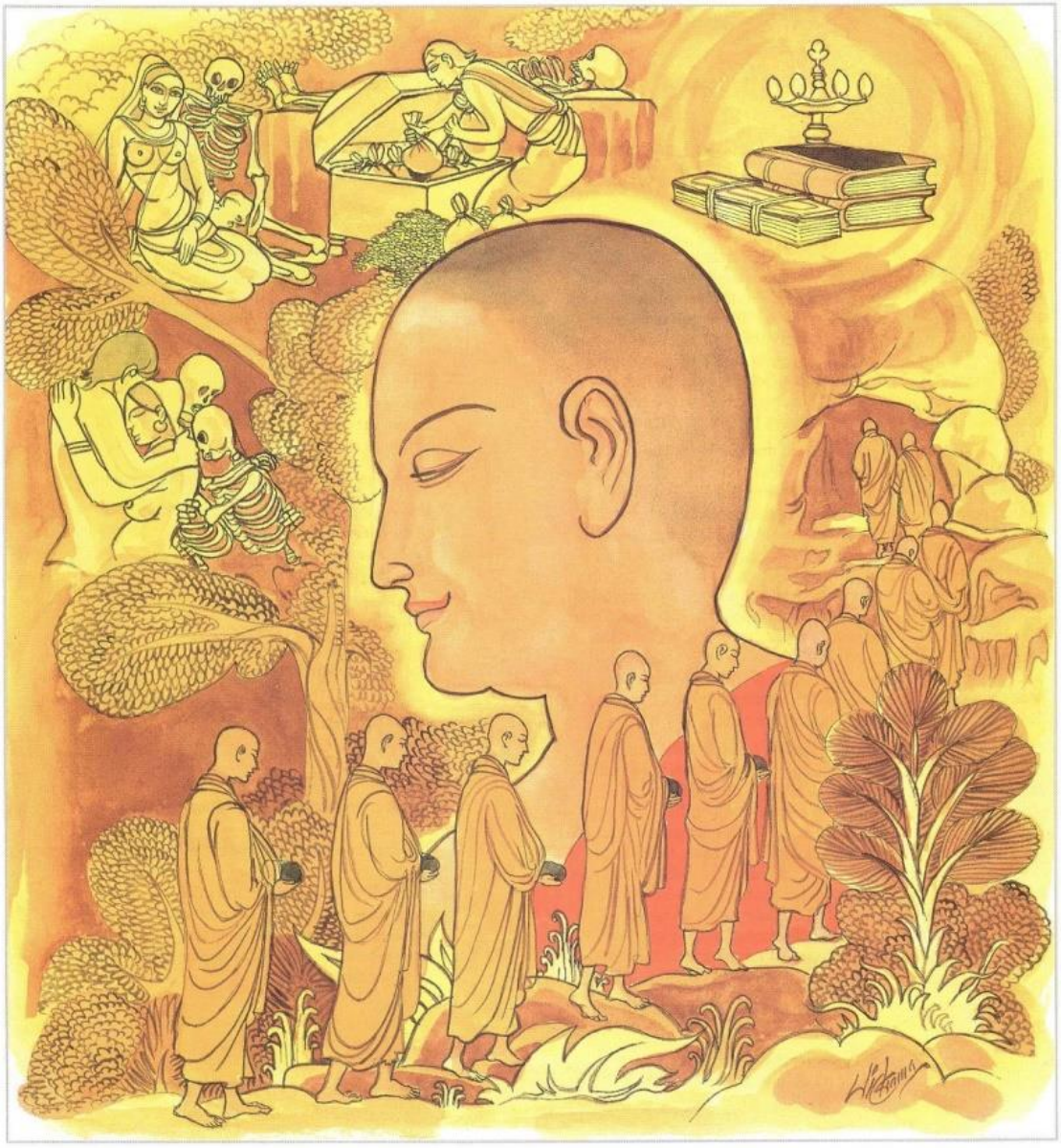

375. Đây Tỷ kheo có trí. Tu tập pháp căn bản. Hộ căn, biết vừa đủ. Gìn giữ căn bản giới.Thường gần gũi bạn lành. Sống thanh tịnh tinh cần.

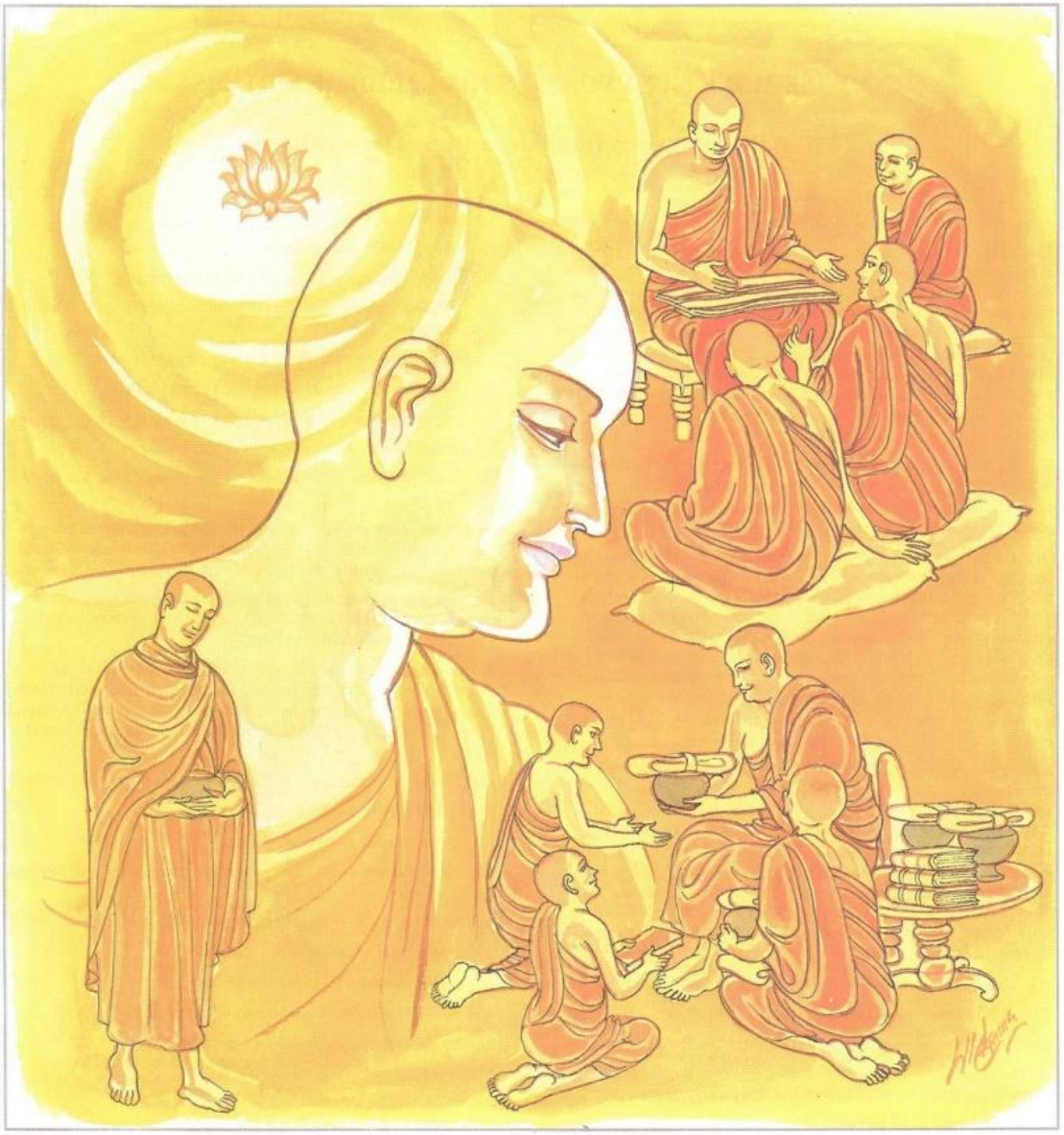

376. Giao thiệp khéo thân thiện. Cử chỉ mực đoan trang.
Do vậy hưởng vui nhiều. Sẽ dứt mọi khổ đau.

XXV.8- CHUYỆN 500 VỊ TỲ KHƯU

(Pañcasatabhikkhu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 377)

"Vassikā viya pupphāni,	***"Như hoa Vassika,***
Maddavāni, pamuñcati.	***Quăng bỏ cánh úa tàn,***
Evaṃ rāgañca dosañca,	***Cũng vậy vị Tỳ kheo,***
Vippamuñcetha bhikkhavo".	***Hãy giải thoát tham sân".***

Kệ ngôn nầy được Đức Thế Tôn ngự tại Jetavana thuyết ra, khi đề cập đến 500 vị Tỳ khưu.

Tương truyền rằng: Nhóm Tỳ khưu đó học đề mục nghiệp xứ với Bậc Đạo Sư rồi vào rừng hành Sa Môn Pháp, thấy cành hoa lài nở ra từ sáng, đến chiều thì đã tàn rụng khỏi cuống, đồng khởi lên sự suy nghĩ rằng:

"Chúng ta sẽ tinh cần thoát khỏi phiền não như tham, sân... trước khi hoa lài rụng khỏi cuống".

Bậc Đạo Sư thả Phật trí quán xét thế gian, thấy được duyên lành của 500 vị Tỳ Khưu ấy, Ngài hiện đến phán dạy rằng:

- Nầy chư Tỳ khưu, lẽ thường vị Tỳ khưu nên tinh cần để thoát khỏi khổ luân hồi như cánh hoa rụng khỏi cuống vậy.

Rồi từ Hương Thất, Ngài phóng hào quang đến trước mặt những vị ấy.

☸

CHÚ GIẢI:

Hoa lài gọi là Vassikā trong kệ ngôn nầy.

Maddavāni: nghĩa là đã tàn (hay là maddavāni)

Ngài thuyết giảng rằng: *"Chùm hoa lài thường buông rơi những cái hoa đã nở hôm qua vào buổi sáng, là hoa úa héo, lìa khỏi cuống như thế nào. Cả các ngươi hãy dứt bỏ các tai hại như tham... như thế ấy".*

Dứt Pháp thoại, chư Tỳ khưu ấy chứng đạt A La Hán.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Năm trăm lữ quán phong lan,
Sáng nở, chiều rơi, quá lẹ làng!
Tự khuyến: Ta mau trừ hận, ái,
Như hoa nọ bỏ cánh điêu tàn!
Phật nhắc: Tỳ khưu ráng sức thiền,
Dứt trừ sanh tử khổ triền miên,
Như Lan bỏ rừng hoa tàn úa,
Tăng đắc Vô sanh đạo quả liền!

DỨT TÍCH CHUYỆN 500 VỊ TỲ KHƯU

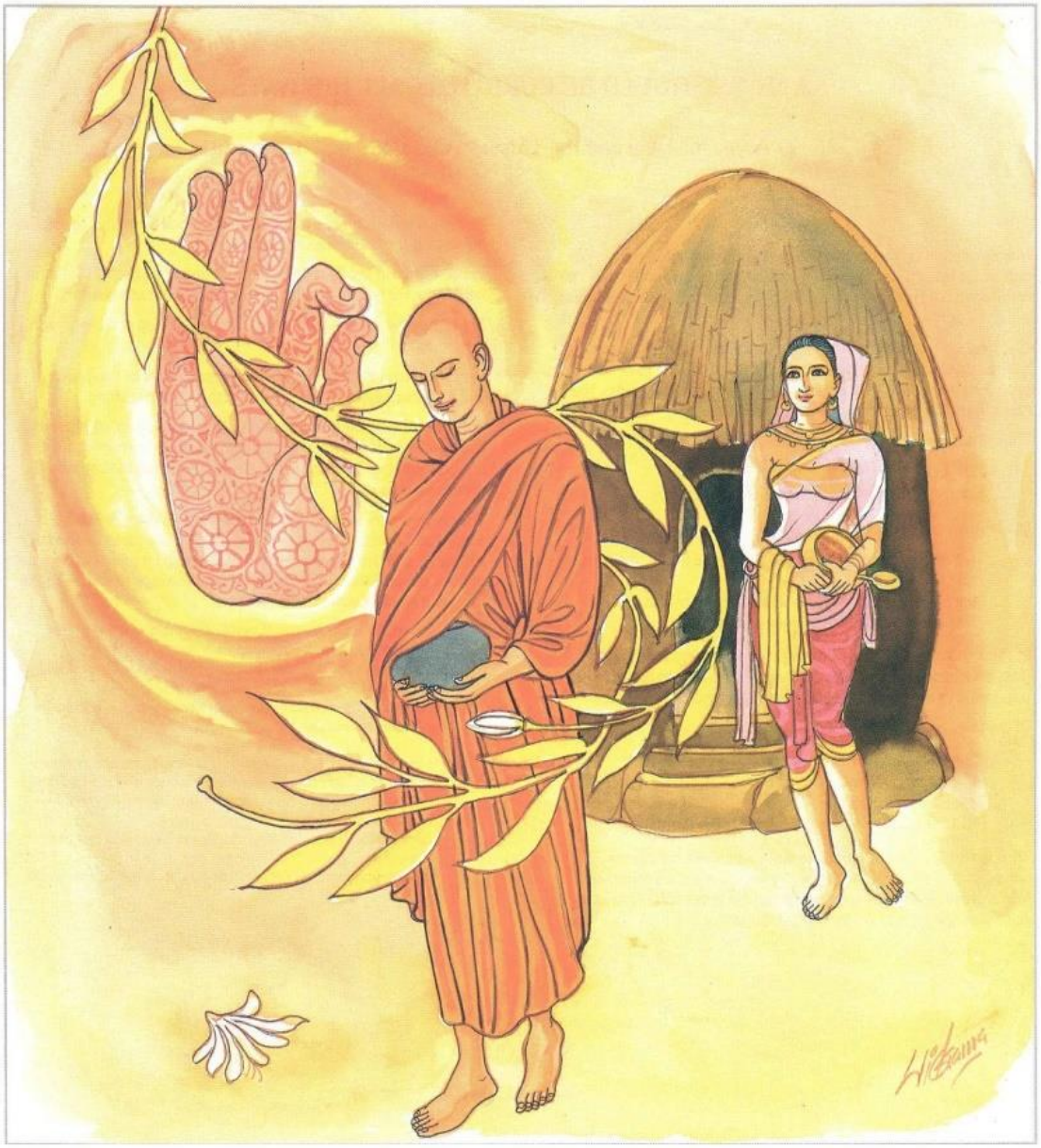

377. Tỳ kheo hãy vất bỏ. Mọi ý niệm tham, sân. Như hoa lài tàn úa. Rơi rụng khỏi cành thân.

XXV.9- TRƯỞNG LÃO SANTAKĀYA

(Santakāyatthera)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 378)

"Santakāyo santavāco,	***"Thân tịnh, lời an tịnh,***
Santavā susamāhito,	***An tịnh, khéo thiền tịnh,***
Vantalokāmiso bhikkhu,	***Tỳ kheo bỏ thế vật,***
"upasanto"ti vuccati".	***Xứng danh bậc tịch tịnh".***

Pháp Cú nầy đề cập đến Trưởng lão Santakāya, Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn nầy, khi Ngài trú tại Jetavana.

Tương truyền rằng: Trưởng lão Santakāya không bao giờ có sự múa máy tay chân hay uốn mình. Trưởng lão là người có được sắc thân tướng an tịnh nhàn nhã.

Được nghe lại rằng: Trưởng lão Santakāya trong thời quá khứ, Ngài là Sư Tử Vương. Theo chủng loại Sư Tử thuần chủng, sau khi no mồi rồi, Sư Tử Vương đi đến hang bạc, hang vàng hay hang ngọc Māni, nằm ngủ trên tảng đá thạch tín đỏ và tảng đá Hồng Hoàng suốt cả bảy ngày, đến ngày thứ bảy thức dậy quan sát nơi nằm, nếu thấy có cát bụi nơi mình nằm đang văng tung tóe do sự ve vẫy tay, hay chân thì giống Sư Tử Vương ấy suy nghĩ: *"Hành vi như vậy thật không xứng đáng với dòng giống Sư Tử Vương"*. Rồi nằm ngủ trở lại, nhịn đói thêm bảy ngày nữa, khi tỉnh thức không thấy cát bụi xung quanh tung tóe, suy nghĩ rằng:

"Hành vi thế nầy mới xứng đáng với chủng tộc Sư Tử Vương".

Thế rồi, Sư Tử Vương máy động chân, vươn mình đi ra khỏi hang động, quan sát các hướng, rống lên tiếng rống ba lần và đi tìm mồi, vị Trưởng lão đã từng sanh làm Sư Tử Vương như thế ấy.

Chư Tỳ Khưu thấy sắc tướng thân của Trưởng lão thanh nhã mới bạch Bậc Đạo Sư rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vị Trưởng lão như Ngài Santakāya nầy, chúng con chưa từng trông thấy, ngay cả trong lúc ngồi, vị ấy cũng không hề có sự múa tay.

- Nầy chư Tỳ Khưu! Lẽ thường vị Tỳ Khưu nên có các căn an tịnh như thân căn... như Santakāya vậy.

CHÚ GIẢI:

Santakāyo...: Nghĩa là người có thân nhàn tịnh, do không có thân ác hạnh như sát sanh... Gọi là người có khẩu nhàn tịnh do không có khẩu ác hạnh như nói dối, nói ác, nói đâm thọc, hý ngữ. Gọi là người có ý nhàn tịnh vì đã tránh xa ý ác hạnh như tham lam, sân hận, tà kiến... Gọi là người đã an trú vững chắc cả ba căn môn như thế, đã khéo tu tập thuần thục, gọi là không vướng bận thế sự, do đã ra khỏi danh lợi thế gian bằng Bốn Đạo. Bậc Đạo Sư phán gọi là "NGƯỜI TỊCH TỊNH", do các phiền não như tham, san, si... bên trong đã được đoạn diệt.

Dứt Pháp thoại, Trưởng lão Santakāyo chứng đạt A La Hán Quả. Pháp thoại đã có ích cho hội chúng như thế.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Đại Đức tịnh thân thất xứng danh,
Tác phong đạo mạo, bậc đàn anh,
Như sư tử mẹ sanh Ngài vậy,
Tề hạnh, oai nghi, thảy trọn lành,
Tăng chúng khen Ngài, Phật tán dương,
Gọi Tỳ Khưu trẻ ráng noi gương.
Độc cư thanh nhã, như thầy ấy,
Tịch tịnh, lìa xa cõi thế thường.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO SANTAKĀYA

☸

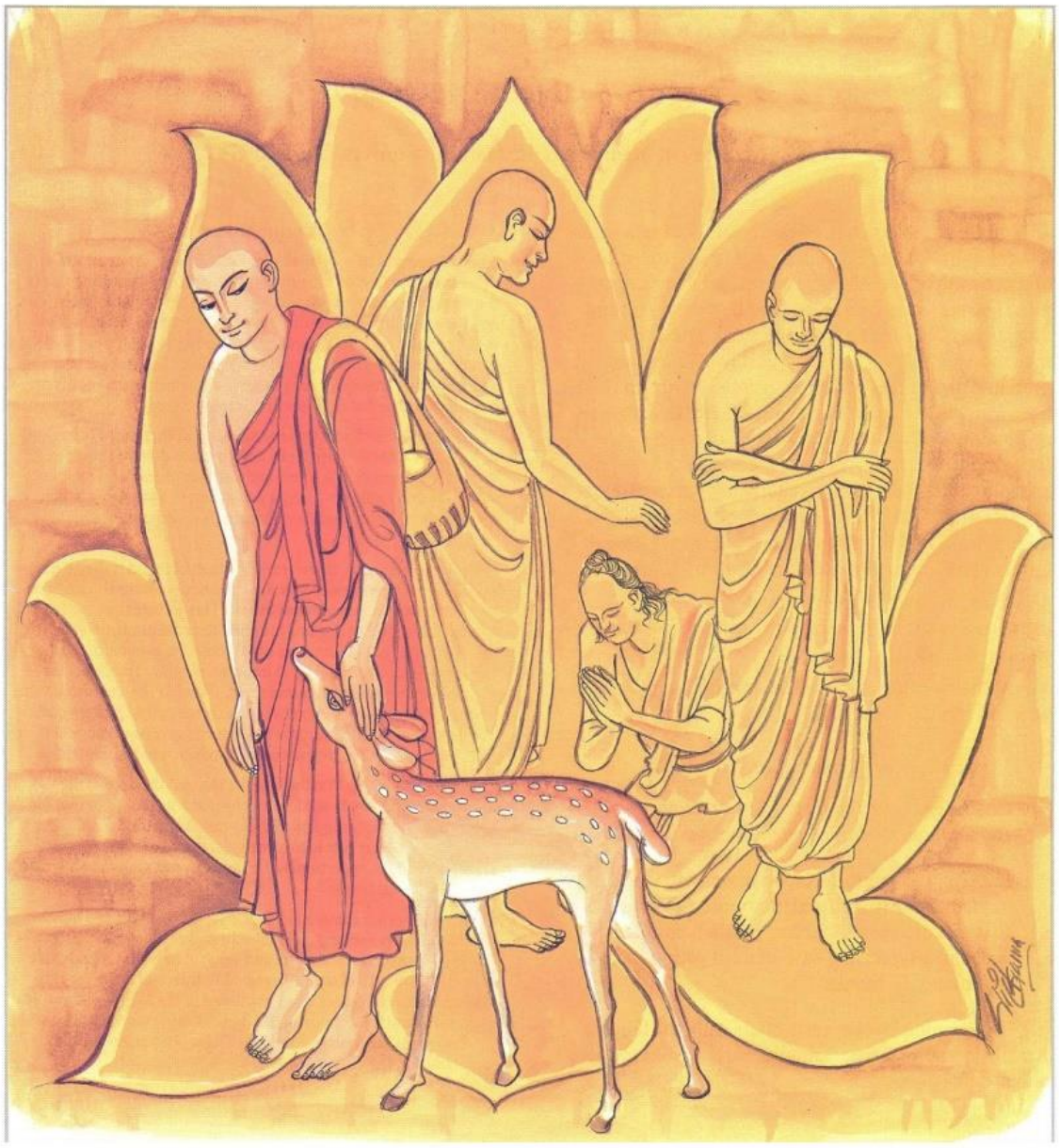

378. Tỳ kheo thường điềm tĩnh. Thân - khẩu - ý tịch tịnh. Từ bỏ mọi việc đời. Xứng danh bậc an tịnh.

XXV.10- TRƯỞNG LÃO NAṆGALAKŪṬA

(Naṇgalakūṭatthera)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 379-380)

379. "Attanā codayattānaṃ,	***"Tự mình chỉ trích mình,***
Paṭimaṃsetha attanā,	***Tự mình dò xét mình,***
So attagutto satimā,	***Tỷ kheo tự phòng hộ,***
Sukhaṃ bhikkhu vihāhisi".	***Chánh niệm trú an lạc".***
380. "Attā hi attano nātho,	***"Tự mình y chỉ mình,***
(ko hi nātho paro siyā),	***Tự mình đi đến mình,***
Attā hi attano gati;	***Vậy hãy tự điều phục,***
Tasmā saṃyamamattānaṃ,	***Như khách buôn ngựa hiền".***
Assaṃ bhadraṃva vāṇijo".	

Đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, đề cập đến Trưởng lão Naṇgalakūṭa thuyết lên kệ ngôn nầy.

Tương truyền rằng: Trong thành Sāvatthī có một nam tử, y phải làm lụng vất vả tự nuôi sống mình. Một hôm, có vị Tỳ khưu đi đến nơi y làm việc, thấy y vác cày ra ruộng cày, trên người y mặc manh áo cũ kỹ. Động lòng trắc ẩn, vị Tỳ Khưu nói với y rằng:

- Ngươi nên xuất gia đi, đời sống xuất gia không cao thượng hơn đời sống hiện tại của ngươi sao?

- Bạch Ngài! Ai sẽ cho tôi được xuất gia bây giờ?

- Nếu ngươi muốn, ta sẽ cho ngươi được xuất gia.

- Lành thay, bạch Ngài. Xin hãy cho tôi được xuất gia đi.

Vị Trưởng lão mang y về Tịnh xá Jetavana, cho y tắm rửa, rồi nghỉ trong Phước xá. Sau đó, y được chư Tỳ khưu cho xuất gia. Ngài Tế Độ Sư bảo y đem chiếc cày cùng bộ quần áo cũ náng lên nhánh cây gần phước xá. Trong lúc thọ Đại giới, y có tên gọi là Naṇgalakūṭa như vậy.

Tỳ khưu Naṇgalakūṭa sống nương nhờ lộc phát sanh từ ân đức Phật, thời gian sau, vị ấy phát sanh cảm dục, không thể chế ngự nổi, mới quyết định rằng:

- Giờ đây, ta không còn xứng đáng mặc chiếc y vàng mà tín thí dâng cúng cho nữa.

Vị ấy đi đến nhánh cây máng bộ quần áo cũ và chiếc cày, đã tự giáo giới mình rằng:

- Ngươi là kẻ không có tàm quý, ngươi lại muốn mặc y phục nầy để trở lại đời sống thế gia hay sao?

Khi tự giáo giới mình như thế, vị ấy đã hồi tâm với đời sống phạm hạnh và trở về Tịnh xá.

Hai ba hôm sau, lại bị cảm dục nữa, Tỳ khưu Naṇgakakūṭa lại đi đến nơi treo bộ quần áo cũ và cây cày, rồi tự giáo giới mình cho đến khi không còn cảm dục. Và từ ấy trở đi, mỗi khi tâm khởi lên cảm dục muốn hoàn tục, vị ấy thường đi đến nhánh cây có máng bộ đồ cũ kỹ và cây cày để tự giáo giới mình.

Chư Tỳ khưu thấy Tỳ khưu Naṇgalakūṭa thường xuyên đến cội cây bèn hỏi rằng:

- Nầy Hiền giả Naṇgalakūṭa! Do nhân chi Hiền giả đến nơi nầy?

- Thưa chư Hiền! Tôi đi đến trú xứ của Giáo Thọ Sư của tôi.

Trải qua một thời gian, nhờ tinh cần hành pháp vị ấy chứng đạt A La Hán Quả và Trưởng lão Naṇgalakūṭa không còn đi đến cội cây đó nữa. Chư Tỳ khưu liền trêu rằng:

- Nãy Hiền giả Nangalakūta, do nhân chi Hiền giả không còn đến nơi Giáo Thọ Sư của mình nữa vậy. Con đường đi của Hiền giả không có dấu vết, hay là Hiền giả không muốn gặp mặt Giáo Thọ Sư của mình.

- Thưa vâng! Thưa chư Hiền, khi tâm tôi còn bị cảm dục, chưa lìa được phiền não dục tôi còn đi đến đấy. Nhưng giờ đây tôi không còn phải đi đến đấy nữa.

Chư Tỳ khưu nghe như thế, nghĩ rằng:

- Vị Tỳ khưu nầy nói lời không thật, tự cho mình đắc chứng A La Hán Quả rồi.

Các vị trình bạch lên Thế Tôn câu chuyện ấy. Đức Thế Tôn phán dạy rằng:

- Thật vậy, nầy chư Tỳ khưu, Tỳ khưu Naṇgalakūṭa, con của Như Lai đã kiểm soát được tâm mình, nên đã hoàn toàn thành tựu phận sự của mình trong đời sống phạm hạnh.

☸

CHÚ GIẢI:

Codayattānaṃ: là hãy tự kiểm soát mình. Tức là tự mình biết mình.

Paṭimaṃse: tức là tự quán xét mình.

So attagutto... : nghĩa là nầy Tỳ khưu, khi ngươi kiểm soát quán xét mình như vậy, gọi là tự canh phòng mình, gọi là có chánh niệm vững chắc trong mỗi oai nghi, sẽ được sự an lạc.

Nātho: là chỗ nương tựa, tức là (không ai là nơi nương nhờ được) vì người nương nhờ vào phước của người khác không thể đến cõi trời hoặc Níp Bàn được. Do đó, gọi là không ai là chỗ nương nhờ được.

Tasmā...: nghĩa là chính mình là nơi nương, nơi bảo hộ, là nơi y chỉ cho chính mình.

Người thương khách bảo vệ ngựa quý để chuyên chở hàng hóa đi đường xa, tránh cho ngựa quý những nơi nguy hiểm, cho ngựa quý dùng những vật thực thích

hợp và no đủ. Gọi là chăm sóc, gìn giữ ngựa quý như thế nào, cũng vậy người chế ngự sự sanh khởi của bất thiện pháp, đoạn trừ bất thiện pháp đã sanh do thất niệm, gọi là sự canh giữ, phòng hộ. Khi người thực hành như thế sẽ chứng được Siêu Thế Pháp và Hiệp Thế thượng nhân Pháp, kể từ Sơ Thiền.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Khố rách và cày bỏ gốc cây,
Xuất gia tu học với sư thầy,
Mỗi lần bất mãn đời tăng lữ
Ra gốc cây ngồi quán "khổ đây",
Tự huấn cho tâm hết khổ rồi,
Gốc cây "khổ quán" chẳng ra ngồi,
Chư Tăng thắc mắc liền kêu hỏi,
Sư đáp: Dục trần kết thủ thôi,
Tăng nghĩ: "Sư này quá tự cao",
Vào thưa Phật xét xử ra sao?
Phật rằng: Tự chế vừa tự giác,
Thương khách đường xa, giữ ngựa hào!...

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO NAṆGALAKŪṬA

☸

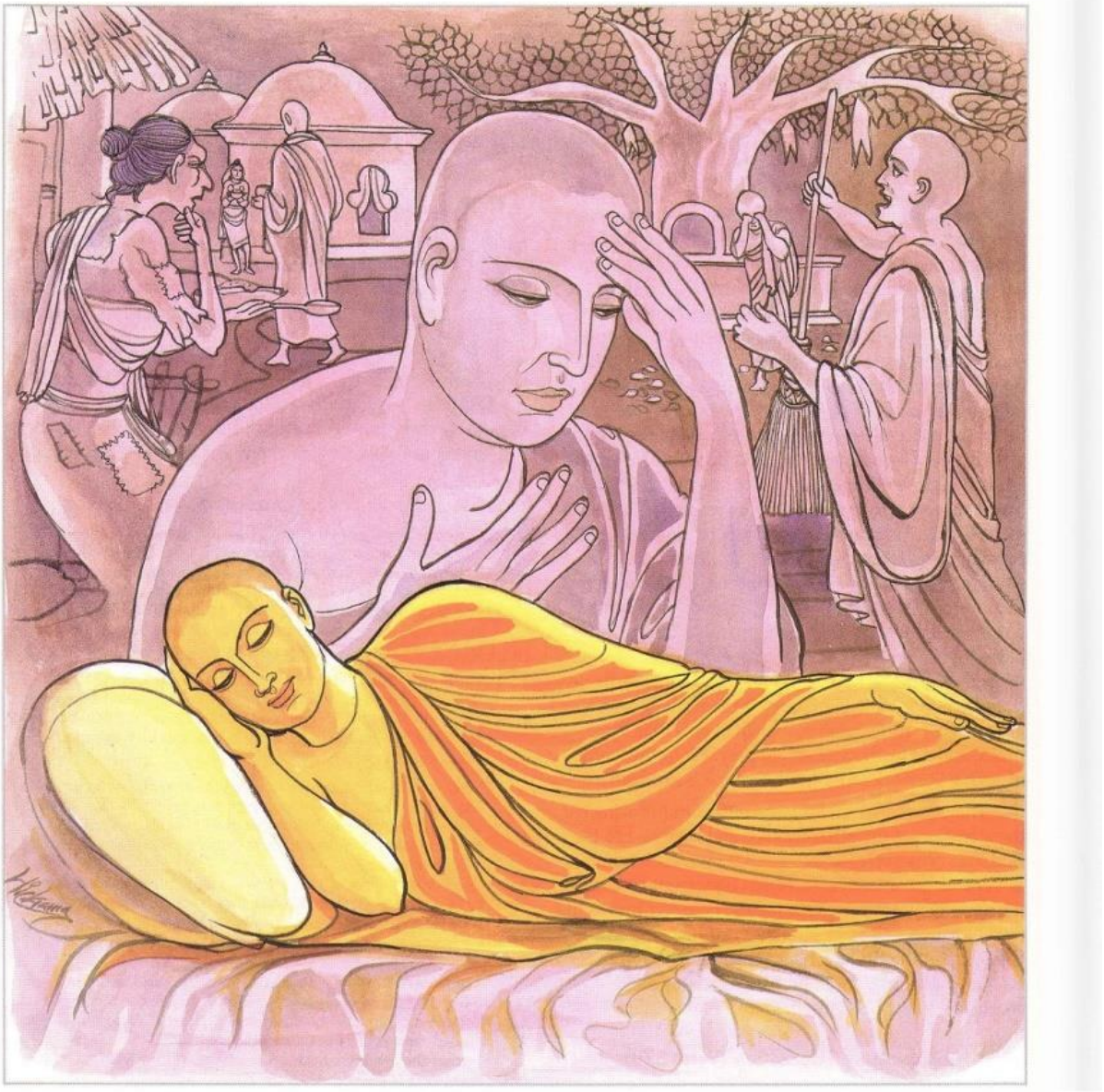

379. Tự mình kiểm điểm mình. Tự mình xem xét mình.
Tự phòng hộ, chánh niệm. Tỳ kheo sống khương ninh.

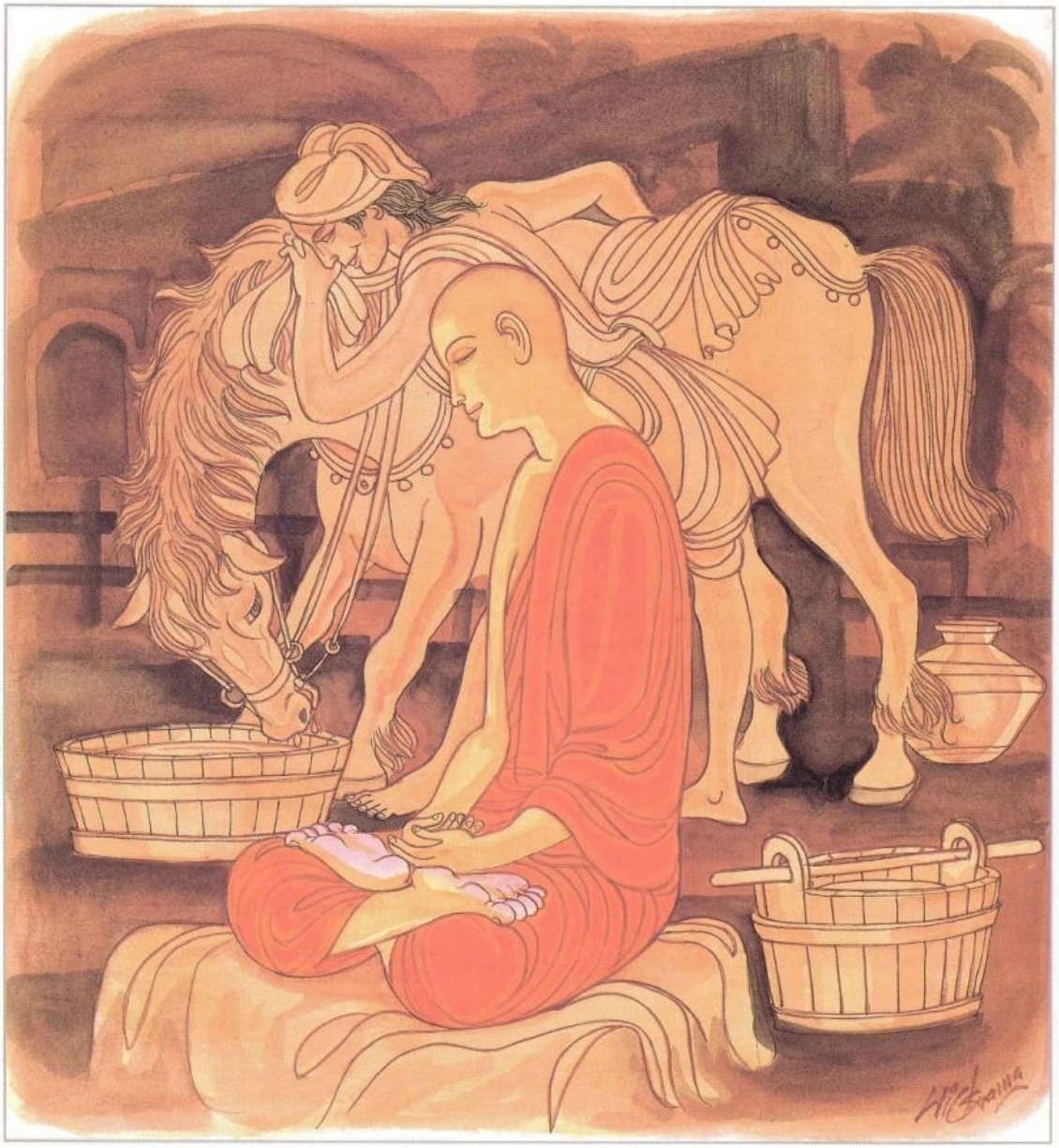

380. Chính ta bảo vệ ta. Chính ta nương tựa ta. Chính ta tự điều phục. Như ngựa theo thương gia.

XXV.11- TRƯỞNG LÃO VAKKALI

(Vakkalitthera)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 381)

"Pāmojjabahulo bhikkhu,	***"Tỳ kheo nhiều hân hoan,***
Pasanno buddhasāsane;	***Tịnh tín giáo pháp Phật,***
Adhigacche padaṃ santaṃ,	***Chứng cảnh giới tịch tịnh,***
Saṅkhārūpasamaṃ sukhaṃ".	***Các hạnh an tịnh lạc".***

Kệ Ngôn nầy được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Trưởng lão Vakkali.

Tương truyền rằng: Trưởng lão Vakkali sanh vào một gia tộc Trưởng giả danh tiếng trong thành Sāvatthī. Một hôm trông thấy Đức Thế Tôn đi khất thực, với ba mươi hai tướng tốt, với màu da vàng rực sáng như kim tinh anh cao thượng, với lục căn thanh tịnh trang nghiêm. Ngài đã chiêm ngưỡng kim thân Đức Thế Tôn không biết chán, thế là Ngài xin được xuất gia với Bậc Đạo Sư với ý nghĩ: *"Với cách nầy, ta sẽ được chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn hoài".*

Từ khi xuất gia, Tỳ khưu Vakkali không có sự tinh cần tu tập Sa môn hạnh, vị ấy mải đứng vào nơi thuận tiện để chiêm ngưỡng sắc tướng của Bậc Đạo Sư, vị ấy buông lìa mọi phận sự như trì tụng hay tu tập nghiệp xứ.

Đức Thế Tôn không nói chi cả, vì Ngài thấy rằng trí tuệ của vị ấy chưa được chín muồi. Khi Ngài thấy rằng:

- Giờ đây, trí tuệ của Vakkali đã thuần thục, lão luyện rồi. Như Lai sẽ Giáo giới Vakkali vậy.

Rồi Thế Tôn giáo giới Tỳ khưu Vakkali rằng:

- Nầy Vakkali, lợi ích chi khi ngươi chiêm ngưỡng xác thân hôi thối nầy. Nầy Vakkali, chính người nào thấy Pháp người ấy (gọi là) thấy Như Lai, người nào thấy Như Lai người ấy (gọi là) thấy Pháp.

- Tuy Bậc Đạo Sư đã khuyến cáo như thế, Tỳ khưu Vakkali vẫn mải mê say đắm, chiêm ngưỡng kim thân Ngài. Bậc Đạo Sư suy nghĩ:

"Nếu vị Tỳ Khưu nầy không được khởi động tâm, vị ấy sẽ không chứng đạt Đạo Quả"

Khi đến mùa an cư mùa mưa, Đức Thế Tôn du hành đến thành Rājagaha. Vào ngày an cư mùa mưa, Đức Thế Tôn phán gọi Tỳ khưu Vakkali đến dạy rằng:

- Nầy Vakkali! Ngươi hãy đi đi.

- Tỳ khưu Vakkali suy nghĩ: *"Ôi, Đức Thế Tôn đã không hề đoái hoài gì đến ta cả. Nhưng ta sẽ không thể sống được, nếu ta phải xa lìa Ngài trọn cả ba tháng".*

Rồi vị ấy suy nghĩ rằng:

"Lợi ích chi ta phải sống nữa chứ, ta sẽ leo lên đỉnh núi cao gieo mình xuống tự tử còn có lợi ích hơn". Thế là, Tỳ khưu Vakkali đến núi Gijjhakūṭa, leo lên đỉnh núi.

Bậc Đạo Sư biết được sự chán nản trong tâm của Vakkali, Ngài suy nghĩ*: "Nếu Tỳ khưu Vakkali không được sự an ủi của Như Lai, duyên lành của y sẽ bị tổn giảm".* Đức Thế Tôn phóng hào quang đến trước mặt Tỳ khưu Vakkali vẫy gọi rằng:

- Nầy Vakkali hãy đến đây!

Tỳ khưu Vakkali nghe Đức Thế Tôn kêu gọi, mọi sầu muộn trong tâm vụt tan biến. Vị ấy nghĩ rằng: "Bậc Đạo Sư gọi đến ta".

Bậc Đạo Sư như hồ nước trong mát đã làm nhiệt não của Vakkali tiêu mất, vị ấy phát sanh phỉ lạc, nhưng nhìn quanh không thấy đường đi xuống, lập tức Vakkali từ trên cao gieo mình xuống trước mặt Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn tuyên thuyết lên kệ ngôn khi Vakkali con lơ lửng trên hư không.

"Pāmojjabahulo bhikkhu,	*"Tỳ kheo nhiều hân hoan,*
Pasanno buddhasāsane;	*Tịnh tín giáo pháp Phật,*
Adhigacche padaṃ santaṃ,	*Chứng cảnh giới tịch tịnh,*
Saṅkhārūpasamaṃ sukhaṃ".	*Các hạnh an tịnh lạc".*

CHÚ GIẢI:

Nên hiểu ý nghĩa của kệ ngôn rằng: Vị Tỳ kheo đầy phỉ lạc, thường vun bồi niềm tin nơi Giáo Pháp. Vị Tỳ khưu tịnh tín trong Giáo Pháp sẽ chứng đạt Níp Bàn, được gọi là Santapada chấm dứt các hành, an lạc (tối thượng).

Rồi Đức Thế Tôn đưa tay phóng hào quang đỡ lấy Vakkali với bài kệ rằng:

- Hãy đến đây Vakkali! Ngươi đừng sợ, hãy nhìn Như Lai. Như Lai sẽ đưa ngươi lên như người dẫn voi bị sa lầy lên đất liền vậy. Hãy đến đây, nầy Vakkali, ngươi đừng sợ hãy nhìn Như Lai, Như Lai sẽ đưa ngươi lên như người giúp mặt trăng thoát khỏi Rāhu vậy.

Vị ấy phát khởi phỉ lạc mãnh liệt, khi chân vừa rời khỏi núi, rơi vào hư không, suy tưởng được lời dạy của Bậc Đạo Sư, tịnh chỉ niềm phỉ lạc tại trong hư không đó và chứng đắc A La Hán Quả cùng với tuệ phân tích. Từ trên hư không vị ấy bước xuống đảnh lễ dưới chân Bậc Đạo Sư đứng trước mặt Ngài.

Thời gian sau, Đức Thế Tôn ban cho Trưởng lão Vakkali địa vị đệ nhất niềm tin nơi Đức Thế Tôn (saddhādhimutta).

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Xuất gia để được ngắm Phật Đà,
Đại đức không ngờ bị đuổi ra,
Phật hỏi: "Thầy nhìn chi xác thúi?"
Kẻ nào thương pháp, tức thương ta,
Nói chi, thầy lên đỉnh Linh San,
Quyết lòng tự tỏ giải trình sau,
Thời nay, Phật hiện kêu, thức tỉnh,
Nghe pháp, lòng tràn ngập hỷ hoan,
Trọn tin giáo pháp của cha lành,
Bỏ hỷ, tâm thầy vẫn tịnh thanh,
Tiến đến xả ly thân ngũ uẩn,
Đắc thần thông với quả Vô sanh.

DƯT TÍCH TRƯỞNG LÃO VAKKALI

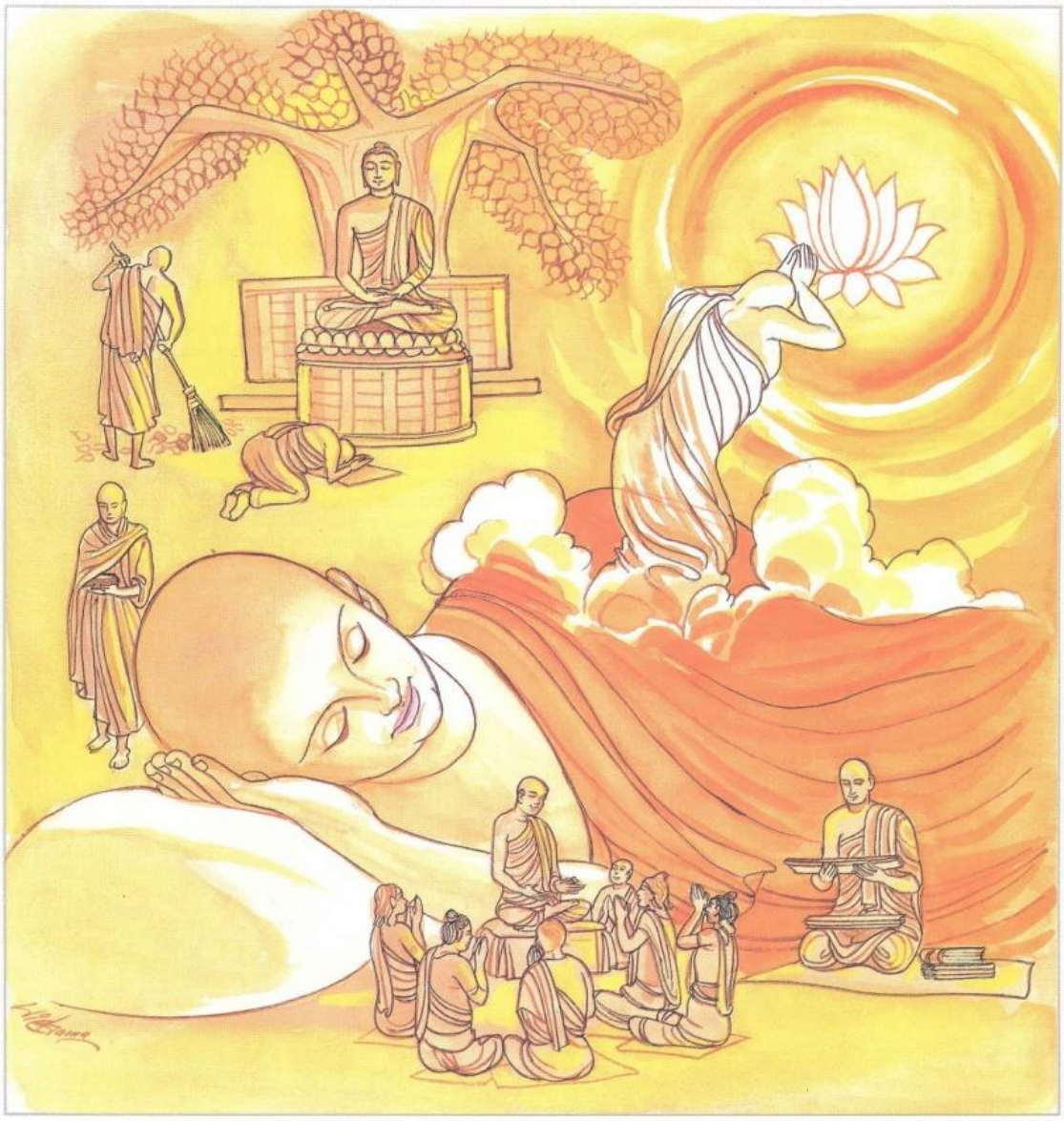

381. Tỳ kheo thường hoan hỷ. Thành tín pháp Phật-đà. Chứng đạt cảnh an tịnh. Các hành an lạc ra.

XXV.12- SADI SUMANA

(Sumanasāmaṇera)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 382)

"Yo have daharo bhikkhu,	***"Tỳ kheo tuy tuổi nhỏ***
Yuñjati buddhasāsane;	***Siêng tu giáo pháp Phật,***
Somaṃ, lokaṃ pabhāseti,	***Soi sáng thế gian nầy,***
Abbhā muttova candimā".	***Như trăng thoát khỏi mây".***

Đức Đạo Sư khi ngự tại Pubbārāma, đề cập đến Sadi Sumana, Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn nầy.

Tương truyền rằng: Trong thời Đức Phật có hồng danh là Padumuttara, một thiện gia nam tử được trông thấy Đức Đạo Sư ban địa vị tối thắng đến một vị Tỳ khưu là đệ nhất về Thiên Nhãn. Nam tử ấy muốn đạt được địa vị ấy, đã cung thỉnh Đức Thế Tôn cùng chư Đại chúng Tăng đến tư thất cúng dường trọn 7 ngày. Đến ngày thứ bảy, sau khi Đức Phật cùng chư Tăng thọ thực xong, nam tử cúng dường y phục đến Đức Phật và chư Tỳ khưu, xong rồi phát nguyện rằng:

"Bạch Thế Tôn! Do công hạnh nầy, con chỉ mong ước được chứng đạt địa vị Tỳ khưu thù thắng nhất về Thiên Nhãn trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Thế Tôn".

Đức Thế Tôn Padumuttara dùng Phật trí quán xét, Ngài thấy rằng: Sau trăm ngàn đại kiếp nữa, lời ước nguyện của thiện gia tử nầy sẽ được thành tựu, Ngài liền thọ ký rằng:

- Nầy Nam tử, kể từ kiếp trái đất nầy trở đi, sau một trăm ngàn đại kiếp, ước nguyện hôm nay của ngươi sẽ thành tựu, ngươi có tên là Anuruddha trong Giáo Pháp của Đấng Chánh Giác có hồng danh là Gotama.

Được Đức Thế Tôn Padumuttara thọ ký như thế, y tưởng chừng rằng tài sản ấy y sẽ đạt được trong nay mai, nên phát sanh năm loại phỉ lạc sung mãn.

Khi Đức Thế Tôn Padumuttara viên tịch, y hỏi chư Tỳ khưu sự tu tập để đạt được Thiên Nhãn. Và y đã tạo ngàn ngọn đuốc xung quanh ngôi Bảo Tháp thờ Xá Lợi Đức Phật cao 7 do tuần.

Sau khi mệnh chung, y thọ sanh về Thiên Giới, từ ấy luân chuyển trong vòng luân hồi với hai sanh thú là chư thiên và người trọn cả 100 ngàn đại kiếp, cho đến hiền kiếp nầy.

Trong hiền kiếp nầy, thiện gia tử ấy tái sanh vào một gia tộc nghèo khổ trong thành Bārāṇasī, là người cắt cỏ cho Trưởng giả Sumana, y có tên gọi là Annabhāra. Trưởng giả Sumana là người có tâm đại thí, hằng cúng dường đại thí trong thành Bārāṇasī.

Một hôm, có vị Độc Giác Phật Upariṭṭha, Ngài xả thiền Diệt dùng Phật trí quán xét rằng:

- *"Hôm nay ta sẽ tế độ cho ai?"*.

Ngài thấy được duyên lành của thanh niên Annabhāra, y đang cắt cỏ ở bìa rừng, rồi y đang trên đường về nhà: *"Khi thanh niên Annabhāra thấy được ta, y sẽ phát sanh tịnh tín cúng dường đến ta vậy"*.

Thế là, từ núi Gandhamādana Đức Độc Giác Phật đắp y mang bát theo đường hư không, xuất hiện trước mặt thanh niên Annabhāra.

Vừa trông thấy Đức Phật Độc Giác, Annabhāra bạch hỏi rằng:

- Bạch Ngài! Ngài được vật thực chi chăng?

- Nầy người đại phước, ta sẽ được vật thực thôi.

- Bạch Ngài, nếu thế xin Ngài hãy hoan hỷ chờ con một chốc.

Y liệng bỏ bó cỏ trên vai xuống, chạy nhanh về nhà hỏi vợ rằng:

- Em đã có vật thực cho anh chưa?

- Thưa anh có chứ.

Y hoan hỷ chạy nhanh đến nơi Đức Phật Độc Giác với tâm hoan hỷ rằng: *"Khi ta muốn cúng dường đến Ngài thì không gặp Ngài, khi gặp Ngài lại không có vật thí. Hôm nay ta có được hai điều hạnh phúc ấy, là lợi đắc lớn đến với ta vậy"*.

Y đặt đầy bát vật thực, rồi cúng dường đến Đức Phật Độc Giác, xong rồi Annabhāra phát nguyện rằng:

"Do sự cúng dường nầy, xin cho con đừng lâm vào cảnh nghèo khổ, đừng nghe biết đến tiếng KHÔNG CÓ trong những kiếp sau".

Đức Độc Giác ban lời tùy hỷ rằng:

"Xin cho phước nguyện của người được mau thành tựu như ý".

Rồi Đức Phật Độc giác từ giã về núi Gandhamādana. Vị Thiên tử ngự trên cây lọng trắng trong nhà Trưởng giả Sumana chứng kiến trọn vẹn cảnh ấy, đã tán thán lòng tịnh tín của Annabhāra rằng: *"Thật rất hoan hỷ với vật thực thù thắng mà Annabhāra đã cúng dường đến Đức Độc Giác Phật"*. Rồi vị Thiên tử ấy đã sādhu ba lần. Trưởng giả Sumana nghe tiếng Sādhu, hỏi vị Thiên tử rằng:

- Nầy Thiên tử, ngươi không thấy ta cúng dường trong bấy lâu nay hay sao? Hôm nay ngươi mới Sādhu như thế.

- Tôi không Sādhu sự cúng dường của ông, tôi Sādhu do sự cúng dường vật thực của Annabhāra đến Đức Phật Độc Giác Upariṭṭha mà thôi.

Trưởng giả Sumana suy nghĩ: *"Thật kỳ diệu thay, ta thường xuyên cúng dường cũng không khiến cho vị Thiên nhân nầy tán thán. Annabhāra đang sống nương vào ta, y chỉ cúng dường vật thực có một lần, thế mà được Thiên nhân tán thán. Vậy ta sẽ làm thế nào để sự để bát của y trở thành là của ta "*.

Trưởng giả Sumana cho gọi thanh niên Annabhāra đến hỏi rằng: *"Hôm nay ngươi đã cúng dường vật thực đến ai thế?"*.

- Thưa chủ, hôm nay tôi cúng dường vật thực đến Ngài Upariṭṭha.

- Ngươi hãy nhận lấy số tiền nầy đi, rồi cho ta phần phước ấy đi.

- Thưa chủ, không được đâu.

Dù cho Trưởng giả Sumana có tăng số tiền lên đến cả ngàn Kahāpana, thanh niên Annabhāra vẫn không màng, không nhường phần phước mà mình đã tạo cho Sumana.

- Thôi được, nếu ngươi không bằng lòng nhường phần phước lại. Ngươi hãy nhận số tiền 1.000 Kahāpana nầy, rồi chia phước lại cho ta đi.

- Thưa chủ! Việc nầy để tôi hỏi lại Đức Phật đã.

Y tìm đến hỏi Đức Phật Độc Giác, Ngài nói rằng:

- Nầy thanh niên! Sự chia phước đến người khác là một điều tốt. Ngươi nên hiểu theo ví dụ nầy đi. Nầy thanh niên Annabhāra! Ví như có người thắp sáng lên ngọn đèn rồi cho ngàn gia tộc khác mồi lửa từ ngọn đèn ấy mang đi. Nầy thanh niên, vậy ngọn lửa có vì sự mồi lửa mà hao bớt đi chăng?

- Bạch Đức Độc Giác, không.

- Nhưng bấy giờ ánh sáng ở tại nơi đó thì như thế nào?

- Thưa Ngài, nơi ấy ánh sáng càng tỏ rạng hơn.

- Cũng vậy, nầy thanh niên người trí dù cúng dường chỉ là một muỗng cháo hay muỗng vật thực cũng vậy. Khi chia phước cúng dường vật thực của mình đến người khác dù là bao nhiêu người đi nữa, phước ấy càng tăng trưởng. Tuy ngươi chỉ cúng dường một muỗng vật thực thôi, nhưng khi ngươi chia phước đến Trưởng giả, phần vật thực ấy trở thành hai phần, của ngươi là một và một của Trưởng giả.

- Lành thay, bạch Ngài.

Rồi thanh niên Annabhāra đảnh lễ Đức Độc Giác Phật, tâm hân hoan vui vẻ ra về, nói với Trưởng Giả Sumana rằng:

Thưa chủ, tôi chia phước nầy đến ông với niềm tin.

- Thế thì, ngươi hãy nhận tiền đi.

- Thưa chủ, tôi không bán vật thực. Tôi chỉ chia phước đến Ngài bởi niềm tin mà thôi.

- Nầy thanh niên, ngươi đã chia phước đến ta bởi đức tin, thế thì ta cũng biếu ngươi công đức bởi đức tin. Lại nữa, kể từ nay trở đi, ngươi không cần phải làm việc bằng tay hay chân nữa, hãy dựng nhà ở cạnh đây và muốn dùng những vật chi hãy đến nơi ta mà lấy.

Vật thực mà người cúng dường đến Bậc xả Thiền Diệt thường phát sanh Quả hiện tại ngay trong ngày là như thế. Vì thế, thậm chí đến Đức vua khi nghe được sự kiện ấy, Ngài cho gọi Annabhāra đến hoàng cung, xin chia phước rồi ban thưởng cho chàng nhiều tài sản và ban cho y địa vị Trưởng giả.

Thanh niên Annabhāra kết bạn với Trưởng giả Sumana cùng nhau đắp xây thiện hạnh suốt đời. Khi mệnh chung thọ sanh về thiên giới. Đến thời Giáo Pháp của Đức Thế Tôn Gotama, từ nơi thiên giới Thiên tử Annabhāra thọ sanh vào chủng tộc Sakya có tên là Amitodana trong thành Kapilavatthu. Thân quyến đặt tên cho hài tử là Anuruddha, vị nầy là em của Hoàng thân Mahānāma, là em chú bác với Đức Đạo Sư. Ngài là bậc đại phước.

Được biết rằng: Có một hôm, Hoàng thân Anuruddha cùng với sáu vị Hoàng tử khác chơi đánh cầu, dùng bánh đặt cuộc. Hoàng tử Anuruddha thua, nhắn mẹ cho bánh để chung cho 5 vị kia, đến lần thứ tư thì không còn bánh nữa.

Ba lần trước mẹ Ngài dùng mâm vàng đựng bánh mang ra cho Anuraddha. Lần thứ tư bà bảo rằng: Bánh KHÔNG CÓ. Nghe mẹ cho người báo như thế, Ngài Anuruddha ngỡ rằng: Có loại bánh tên là "không có". Vì từ nhỏ đến lớn, Hoàng tử Anuruddha chưa từng biết đến tiếng KHÔNG CÓ, nên bảo với gia nhân rằng: *"Ngươi hãy mang bánh "không có" đến nơi đây".*

Mẹ Ngài nghe gia nhân báo lại như thế rằng:

- Tâu lịnh Bà! Hoàng tử bảo mang bánh KHÔNG CÓ đến cho Hoàng tử.

Mẹ Ngài suy nghĩ: *"Con ta chưa từng nghe tiếng KHÔNG CÓ, ta sẽ làm cho nó biết ý nghĩa KHÔNG CÓ bằng cách nào đây nhỉ?"*. Bà lấy mâm vàng trống rỗng úp lên chiếc mâm vàng khác, bảo với tùy tùng rằng: *"Các ngươi hãy mang bánh KHÔNG CÓ đến Hoàng tử".*

Bấy giờ, vị chư thiên giữ thành Kapilavatthu suy nghĩ rằng:

- Hoàng tử Anuruddha khi còn là nhân loại thuở trước, có tên là Annabhāra, phát nguyện rằng: Xin cho đừng biết tiếng KHÔNG CÓ. Nếu ta biết giai thoại nầy, mà vẫn yên lặng thì đầu ta sẽ bể thành bảy mảnh.

Chư thiên kinh sợ, vội mang bánh trời đặt vào mâm vàng đầy ắp. Khi vị Hoàng tử trông thấy gia nhân mang bánh ra đặt trước mặt các vị Hoàng tử, chàng liền dỡ nắp ra, một mùi thơm tỏa ngát khắp kinh thành Kapilavatthu. Bánh ấy khi chạm vào lưỡi, lập tức tan ra lan rộng khắp 700 sợi thần kinh vị.

Hoàng tử Anuruddha suy nghĩ: *"Có lẽ từ trước đến nay mẹ ta chẳng hề thương ta, vì bà không hề làm loại bánh* KHÔNG CÓ *cho ta dùng"*. Hoàng tử không chơi đùa nữa, lập tức trở về lâu đài, đi đến gặp mẹ hỏi rằng: *"Thưa mẹ, chắc mẹ không thương con phải không?"*.

- Nầy Anuruddha! Con nói chi lạ vậy. Con là nơi thương yêu của mẹ, ví như người giữ gìn con mắt còn lại hay người gìn giữ trái tim của chính mình.

- Nếu mẹ thương con, tại sao từ trước đến giờ không làm bánh KHÔNG CÓ cho con ăn.

Ngạc nhiên, bà hỏi lại tên gia nhân rằng:

- Ngươi có thấy vật chi trong mâm vàng không?

- Thưa bà! Trong mâm vàng chứa đầy loại bánh có mùi thơm lan khắp cả kinh thành nầy. Một loại bánh quý mà con chưa từng thấy như thế bao giờ cả.

Bà suy nghĩ rằng: *"Thật vậy, con ta là bậc Đại Phước. Do đó, chư thiên đã mang bánh đặt vào"*.

Rồi Hoàng tử Anuruddha nói với mẹ rằng:

- Thưa mẹ, loại bánh như vậy con chưa từng được dùng, từ nay trở đi mẹ chỉ nên làm loại bánh như thế cho con dùng thôi.

Từ đó, mỗi khi Hoàng tử Anuruddha đòi ăn bánh, Hoàng hậu chỉ sửa soạn mâm vàng, chụp lên mâm khác rồi bảo rằng bánh KHÔNG CÓ. Thế là chư thiên mang bánh trời đặt vào. Với cách ấy, Hoàng tử Anuruddha thọ dụng bánh trời như vậy.

Khi các Hoàng tử trong Hoàng gia Sakya đã lần lượt xuất gia trở thành tùy tùng của Đức Thế Tôn như lời giao ước. Bấy giờ ông Hoàng Mahānāma hỏi em rằng:

- Nầy em, trong gia tộc ta phải có một người xuất gia, vậy em hay anh sẽ phải xuất gia một người.

- Thưa anh! Em là người hay đau ốm nên không thể xuất gia được.

- Nếu thế, em hãy học nghiệp nghệ của người tại gia đi. Để cai quản gia sản của gia tộc.

- Thưa anh, công việc gì cần phải làm như thế?

Thật ra, nơi phát sanh ra vật thực để dùng, Hoàng tử Anuruddha còn chưa biết, vì thế Ngài mới hỏi anh như thế.

Tương truyền rằng: Một hôm ba vị Hoàng tử là Anuruddha, Baddiya và Kimbila tranh luận cùng nhau rằng: *"Vật thực phát sanh từ nơi nào?"*. Hoàng tử Kimbila bảo rằng: *"Vật thực phát sanh từ trong kho"* vì rằng: Một hôm, Hoàng tử Kimbila trông thấy họ vác lúa từ kho ra đề cập, xay xát thành gạo, do đó mới tưởng rằng "Vật thực phát sanh từ trong kho". Hoàng tử Baddiya nói với Kimbila rằng:

- Nầy anh! Anh không biết đâu, vật thực lẽ thường phát sanh từ trong nồi.

Được biết: Một hôm Ngài Baddiya thấy họ múc vật thực từ trong nồi ra, do đó mới nói như thế.

Hoàng tử Anuruddha nói với hai vị kia rằng: "Vậy là cả hai anh đều không biết cả. Thật ra vật thực phát sanh từ mâm vàng chén ngọc". Được biết rằng: Hoàng tử chưa từng thấy giã lúa hay nấu cơm chi chi cả, chỉ thấy có sẵn trong mâm vàng chén ngọc mà thôi. Do vậy, Hoàng tử ngỡ rằng: Vật thực có được từ mâm vàng chén ngọc.

Các thiện gia tử ấy là những bậc đại phước, không biết nơi phát sanh vật thực, cũng không biết việc gì khác cần phải làm.

Thế rồi, Hoàng tử Anuruddha được nghe anh chỉ dẫn các công việc như: Nầy Anuruddha, hãy đến đây anh sẽ chỉ bảo các công việc cho em: Trước tiên em phải biết cày ruộng...như vậy (các công việc) không đi đến sự kết thúc, cứ thay nhau tiếp diễn. Hoàng tử Anuruddha nghe xong, phát sanh chán nản rằng:

- Ôi! Thật khó nhọc thay đời sống tại gia. Thưa anh, em sẽ xuất gia vậy.

- Thưa mẹ, con không còn ham đời sống tại gia. Con sẽ xuất gia. Xin mẹ hãy cho con được xuất gia.

Thế rồi, Hoàng Từ Anuruddha cùng với 5 vị Hoàng tử dòng Sakya cùng đi xuất gia, đó là Hoàng đế Bhaddiya, Hoàng thân Kimbila, Bhagu, Ānanda và Devadatta. Cùng đi đến yết kiến Đức Thế Tôn tại Anupiya Ambavana xin được xuất gia. Sau khi xuất gia xong, Tỳ khưu Anuruddha tinh cần hành Sa môn pháp, chẳng bao lâu Ngài thành đạt phạm hạnh cứu cánh, chứng đạt Tam Minh. Với Thiên Nhãn Minh đệ nhất trong hàng cao đồ của Đức Thế Tôn, Ngài ngồi giữa hư không, có thể trông thấy cả ngàn thế giới như người nhìn thấy trái me trong lòng bàn tay. Ngài đã thốt lên cảm hứng ngữ rằng:

"Ta đã chứng được Túc Mạng Minh, ta đã đạt được Thiên Nhãn Minh, ta đã đạt được Lậu Tận Minh. Tam Minh ta đạt được cùng với thần thông lực. Lời Phật dạy nay ta đã làm xong".

Sau khi đắc quả, Ngài quán xét rằng: *"Ta đã tạo được thiện nghiệp gì trong thời quá khứ? Mới được tài sản như vậy".* Biết được rằng: Ta đã phát nguyện dưới chân Đức Phật Padumuttara. Rồi quán xét tiếp rằng: Ta đã luân chuyển trong luân hồi, là thanh niên Annabhāra, làm thuê cho Trưởng giả Sumana để nuôi sống.

Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

"Trong thời trước ta tên là Annabhāra là người nghèo khổ cắt cỏ, ta đã cúng dường vật thực đến Đức Phật Độc Giác Upariṭṭha là bậc cao quý".

Bấy giờ, Trưởng lão Anuruddha suy nghĩ: *"Trưởng giả Sumana bạn cũ của ta, đã xin phước báu mà ta đã cúng dường đến Đức Phật Độc Giác trong thời đó, nay sanh ở đâu nhỉ?".* Ngài thấy rằng: Trưởng giả ấy nay sanh vào làng Muṇḍanigāma, tại chân núi gần khu rừng cháy. Trong làng ấy, có người thiện nam tên là Muṇḍa, y có hai người con là Mahāsumana và Cūlasumana. Trưởng giả Sumana chính là Cūlasumana. Sau khi quán thấy như thế rồi, Ngài suy nghĩ: *"Khi ta đến đó, có sự tiếp đãi hay chăng?".* Ngài quán thấy Cūlasumana sẽ được xuất gia khi tròn 7 tuổi và sẽ chứng đạt A La Hán Quả khi vừa cạo tóc xong.

Quán xét xong rồi, Trưởng lão Anuruddha ngự đến làng Muṇḍanigāma vào mùa an cư. Ngài dùng thần thông hiện ra trước cửa nhà. Còn thiện nam Mahāmuṇḍa là người thân quen với Trưởng lão từ trước. Khi vừa thấy Trưởng lão, ông đứng dậy tiếp rước bát, bảo con trai lớn là Mahāsumana rằng:

- Nầy con, Trưởng lão Anuruddha đã ngự đến đây, con hãy thỉnh y bát Ngài và cung thỉnh Ngài vào ngự nơi phòng khách đi.

Mahāsumana vâng lời cha, thiện nam ấy cúng dường cung thỉnh Đức Anuruddha an cư mùa mưa tại làng ấy.

Trưởng lão nhận lời. Thiện nam Muṇḍa cúng dường tứ sự đến Trưởng lão trọn ba tháng dễ dàng như chỉ cúng dường có một buổi. Đến ngày lễ Tự Tứ, Muṇḍa cúng

dường Tam y cùng tứ sự đến Trưởng lão, những vật dụng như dầu, sữa, đường... đặt dưới chân Trưởng lão, ông thiện nam bạch rằng:

- Xin Ngài hãy hoan hỷ thọ dụng những vật nầy đi.

- Thôi được rồi! Nầy cận sự nam, những vật nầy ta không nhận, không cần dùng đến.

- Bạch Ngài! Những vật nầy gọi là Vassāvāsikalābha (lợi lộc phát sanh đến người an cư). Xin Ngài hãy nhận lấy đi.

- Thưa vừa rồi, nầy cận sự nam.

- Bạch Ngài! Vì sao Ngài không nhận?

- Vì ta không có Sadi để làm thích hợp.

- Bạch Ngài, nếu thế thì Mahāsumana sẽ làm Sadi cho Ngài.

- Ta không cần đến Mahāsumana.

- Bạch Ngài! Thế thì Cūlasumana có thích hợp chăng?

- Được thôi, nầy cận sự nam.

Trưởng lão cho Giới tử Sumana xuất gia Sadi. Cūlasumana vừa cạo tóc xong đã quán tưởng theo lời dạy của thầy qua đề mục thể trược, Ngài chứng đắc ngay A La Hán Quả. Trưởng lão cùng Sadi trú tại nơi đó chừng nửa tháng, rồi khởi hành tuần tự về Sāvatthī để bái kiến Đức Thế Tôn. Khi hai vị đi đến một căn chòi tranh trong rừng, gần Himavanta (Tuyết Sơn).

Trưởng lão Anuruddha là người hằng có sự tinh cần, Ngài đi kinh hành khi trú đêm tại nơi đó vào canh đầu, tiếp theo vào những canh sau thì Ngài phát sanh chứng đau bụng. Sadi Sumana thấy Thầy bịnh khó nhọc như thế, bạch hỏi rằng:

- Bạch thầy, Thầy lâm bịnh chi thế?

- Ta khởi bịnh đau bụng.

- Bạch Thầy, thế thì Thầy có thường bị chứng bịnh nầy chăng?

- Thường hay bị lắm Sa di à.

- Khi Thầy đau bụng như thế, Thầy dùng vật chi mới hết?

- Ta dùng nước ở hồ Anotatta mới hết bịnh.

- Bạch Thầy, con sẽ đi lấy nước hồ Anotatta về dâng Thầy.

- Nầy Sadi, con đi lấy được chăng?

- Bạch Thầy được.

- Nầy Sadi, trong hồ ấy có con Long Vương Pannaka, Long Vương rất hung dữ đấy, con hãy cẩn thận khi lấy nước hồ Anotatta.

- Bạch Thầy vâng.

Sadi Sumana đảnh lễ thầy xong, dùng thần lực bay lên hư không đi suốt cả 500 do tuần.

Trong ngày hôm ấy, Long Vương cùng đoàn Long nữ đang vui đùa múa hát. Long Vương trông thấy Sadi bay trên hư không hướng về hồ Anotatta, nên nó phát sanh sân hận rằng:

- Sadi nầy bay trên hư không, bụi dưới chân y rơi rớt trên đầu ta, Sadi nầy đi đến hồ Anotatta để lấy nước. Ta sẽ không cho y lấy nước hồ ấy.

Long Vương liền phùng mang che đậy cả ao Anotatta đến 50 do tuần, như người đậy nồi cơm bằng nắp lớn. Thấy Long Vương làm như thế, Sadi Sumana biết rằng: *"Long Vương đang sân hận",* liền nói rằng: *"Nầy Long Vương, người là bậc có đại uy lực, có đại sức mạnh. Ngươi hãy lắng tai nghe ta. Hãy cho ta xin bát nước dùng làm thuốc trị bịnh cho Thầy ta".*

"Sông Gaṅgā ở phía Đông thường chảy vào đại dương, ngươi hãy lấy nước từ con sông Gaṅgā ấy đi".

Sadi Sumana suy nghĩ rằng:

- Long Vương nầy không chịu cho nước theo lời xin của ta. Ta sẽ cho nó biết thần lực, ta sẽ uy hiếp nó để nó phục tùng cho ta nước hồ Anotatta.

Sadi Sumana nói với Long Vương rằng:

- Nầy Đại vương! Thầy Tế Độ của ta bảo, chỉ lấy nước từ hồ Anotatta mà thôi. Do vậy, ta chỉ có thể lấy nước hồ nầy mang về, ngươi hãy cho nước ấy đến ta đi, đừng nên ngăn cản ta.

Rồi Sadi Sumana nói lên kệ ngôn rằng:

"Ta chỉ lấy nước từ hồ Anotatta này thôi. Ta chỉ cần nước hồ nầy. Nếu có sức mạnh, hỡi Long Vương ngươi hãy liệu giữ lấy".

- Nầy Sadi, nếu ngươi làm như thế, ta gọi ngươi là Bậc Đại Hùng. Ta rất hài lòng về lời nói của ngươi. Ngươi hãy dùng thần lực lấy nước của ta đi.

Sadi Sumana nói với Long Vương rằng: "Nầy Đại vương ta sẽ lấy nước cho ngươi xem".

- Ngươi có khả năng thì cứ lấy đi.

Sau khi đã xác định rõ ràng ba lần như thế, Sadi Sumana suy nghĩ: *"Giờ đây, ta hiển lộ Phật Pháp lực để lấy nước hồ Anotatta là hợp lẽ vậy".*

Sadi Sumana đi mời tất cả chư thiên địa cầu, chư thiên trên hư không, các vị ấy đảnh lễ và bạch hỏi rằng:

- Bạch Ngài, chuyện chi vậy?

- Nầy chư thiên, ta sẽ thi đấu với Long Vương tại hồ Anotatta, các ngươi hãy đến xem ai thắng ai bại.

Tuần tự Sadi Sumana đi đến Tứ Đại Thiên Vương, Đức vua Sakka, Đức vua Suyāma, Đức vua Santusita, Đức vua Sunimmitta và Đức vua Vasavattī trình bày sự

việc như thế. Rồi Sadi Sumana tuần tự đi đến Phạm Thiên giới, các vị phạm thiên ở cõi đó đến đảnh lễ và bạch hỏi:

- Bạch Ngài, có chuyện chi thế?

Sadi Sumana thuật lại câu chuyện. Và vị ấy đi khắp nơi chỉ trừ cõi Vô Tưởng và Vô Sắc. Chư thiên và Phạm thiên nhận được lời thỉnh, đã hội họp đông đảo trên hư không, chẳng có một khoảng trống nơi hồ Anotatta, ví như bột bánh mà người ta chất đầy trong nia đó vậy.

Khi chư thiên, phạm thiên đến đông đủ rồi, Sadi Sumana đứng trên hư không nói với Long Vương rằng:

- Nầy hỡi Long Vương, ngươi có nhiều quyền lực, có đại thần lực, ngươi hãy nghe lời ta, hãy cho ta xin bát nước để về làm thuốc cho thầy ta.

- Nầy hỡi Sadi, nếu ngươi là bậc anh hùng. Ta rất thích lời nói của ngươi. Vậy ngươi cứ việc lấy nước của ta đi.

Sadi Sumana xác nhận đủ ba lần rồi, đứng trên hư không hóa thân thành vị Đại Phạm Thiên to lớn 12 do tuần, bay xuống đạp lên đầu Long Vương nhận chìm xuống hồ. Bị Sadi Sumana đè đầu nhận xuống đáy hồ, Long Vương lập tức co rút đầu lại cho nhỏ để thoát ra, đầu Long Vương lúc ấy nhỏ như cái muỗng, giống như mảnh da tươi bị người có sức mạnh đạp lên co rút lại. Khi Long Vương co đầu lại thì một luồng nước lớn bằng cây thốt nốt đã phun lên không. Sadi Sumana hứng đầy bát nước ngay trên hư không. Chư thiên tán dương vang dội Sādhu. Sadi Sumana lấy được nước rồi, dùng thần lực bay về nơi trú của thầy. Long Vương hổ thẹn nổi sân hận vội rượt theo Sadi Sumana, hai mắt nó đỏ rực như hoa hồng (japā). Nó suy nghĩ: *"Sa môn trọc đầu ấy đã mời chư thiên đến chứng kiến cuộc tranh hùng nầy, làm cho ta hổ thẹn. Ta sẽ đuổi theo, bắt được y ta sẽ thọc tay vào ngực moi lấy trái tim y, hay nắm lấy chân y quăng qua bên kia sông Hằng"*.

Long Vương dùng thần lực rượt theo Sadi Sumana, nhưng không thể theo kịp. Sadi về dâng nước lên Tế Độ Sư, bạch rằng:

- Bạch Ngài! Xin Ngài hãy dùng nước đi.

Long Vương theo sau đi đến nói rằng:

- Bạch Ngài Anuruddha! Vị Sadi ấy lấy nước của tôi, nước ấy chưa cho, xin Ngài đừng dùng.

- Nầy Sadi, thế nầy là như thế nào vậy?

- Bạch Thầy! Xin thầy cứ dùng nước ấy, nước nầy Long Vương đã cho nên con mới mang về.

Trưởng lão biết rằng: "Bậc Vô Lậu như Sadi chẳng bao giờ nói dối bao giờ". Và Ngài đã dùng nước ấy trị bịnh cho mình.

Khi bịnh đã thuyên giảm ngay. Long Vương bạch với Trưởng lão rằng: *"Bạch Ngài! Sadi nầy đã thỉnh chư thiên tụ hội lại nơi hồ Anotatta để tranh tài. Và vị ấy đã*

làm cho tôi hổ thẹn, giờ đây tôi sẽ bóp nát trái tim của ông ấy hay nắm lấy chân mà ném qua bên kia sông Hằng!".

- Nầy Long Vương! Sadi nầy là bậc có đại uy lực, có đại thần lực, ngươi không thể thắng được đâu. Ngươi nên sám hối vị ấy đi, rồi trở về hồ Anotatta.

Long Vương vẫn biết thần lực của Sadi, nhưng vì lòng tự ái bị tổn thương nên nó làm như thế thôi. Bây giờ nghe lời của Ngài Anuruddha, nó tỉnh ngộ và bình tâm lại. Long Vương liền sám hối Sadi, kết thân với Sadi Sumana rằng:

- Bạch Ngài! Kể từ nay trở đi, khi nào Ngài cần nước hồ Anotatta Ngài khỏi cần nhọc sức đi lấy, Ngài chỉ nhắn tin đến tôi, tôi sẽ mang nước đến cho Ngài.

Khi lành bịnh rồi, Trưởng lão cùng Sadi lại lên đường về thành Sāvatthī. Đức Thế Tôn biết rằng: Trưởng lão Anuruddha sắp về đến, Ngài ngự nơi lâu đài của Migāramātā nhìn ra đường. Chư Tỳ khưu trông thấy Trưởng lão trở về, hoan hỷ ra đảnh lễ và chào đón thân tình, tiếp rước y bát.

Bấy giờ, có vài vị Tỳ khưu phàm thấy Sadi Sumana còn nhỏ dễ thương, nên nô đùa, vò đầu cũng có, nhéo tai cũng có, kéo tay cũng có, đùa cợt rằng: *"Nầy Sadi! Ông không có cảm dục sao?"*.

Đức Thế Tôn thấy hành động thô tháo của các vị ấy, suy nghĩ:

- Hành động của các Tỳ khưu nầy thật là tai hại. Họ nắm lấy cổ, đầu của Sadi Sumana chẳng khác gì đang nắm lấy đầu cổ của con rắn độc mà không biết. Chúng nào thấu đáo được oai lực của Sadi Sumana. Hôm nay Như Lai sẽ làm sáng tỏ thần lực của Sumana vậy.

Trưởng lão Anuruddha đi đến đảnh lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn ân cần thăm hỏi Trưởng lão Anuruddha, Ngài cho gọi Trưởng lão Ānanda đến dạy rằng:

- Nầy Ānanda! Như Lai đang cần nước rửa chân, nước ấy phải được múc từ hồ Anotatta. Ngươi hãy đưa bát cho các vị Sadi, bảo lấy nước đem về cho Như Lai.

Trưởng lão tụ hội 500 vị Sadi lại, phán truyền lịnh ấy. Trong số đó, Sadi Sumana là vị trẻ nhất, Trưởng lão Ānanda phán dạy Sadi rằng:

- Nầy Sadi! Bậc Đạo Sư đang cần nước ở hồ Anotatta để rửa chân. Vậy hiền giả hãy đi lấy nước về cho Bậc Đạo Sư đi.

- Bạch Trưởng Lão! Con không đủ khả năng.

Thế là Trưởng lão tuần tự hỏi đến các vị Sadi còn lại. Các vị ấy đều từ chối cả.

<u>Hỏi rằng:</u> Trong số 500 vị Sadi ấy, không có vị nào là bậc Vô Lậu hay sao?

<u>Đáp rằng:</u> Có chứ, nhưng các vị Sadi ấy biết rằng: Vòng hoa nầy không phải kết cho ta, mà Đức Thế Tôn kết cho Sadi Sumana. Đối với các vị còn phàm thì từ chối, vì thấy rằng mình không có khả năng ấy.

Cuối cùng thì đến Sadi Sumana. Trưởng lão Ānanda nói:

- Nầy Sadi ơi! Bậc Đạo Sư đang cần nước hồ Anotatta để rửa chân, vậy hiền giả hãy lấy bát đem nước ấy về đi.

- Bạch Ngài! Khi Bậc Đạo Sư cho phép thì con sẽ đi lấy nước đem về.

Rồi Sadi Sumana đi đến đảnh lễ Đức Thế Tôn bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Được nghe rằng: Ngài phán dạy con đi lấy nước hồ Anotatta phải chăng?

- Đúng thế, nầy Sumana.

Sadi Sumana cầm bát lớn như cái nồi, bát ấy có thể chứa được 6 cái bát thường. Những bát nầy được dùng trong Tịnh thất do nàng Visākhā cúng dường. Vị ấy xách đi với ý nghĩ: *"Ta không cần phải vác lên vai".* Và Ngài bay lên hư không nhắm hướng hồ Anotatta mà lướt đến.

Long Vương trông thấy Sadi Sumana từ xa đi đến, tiếp lấy bát để lên vai, nói rằng:

- Bạch Ngài! Khi Ngài có người phục vụ như tôi đây, vì sao Ngài lại đích thân đến lấy nước chứ. Khi Ngài cần nước sao không nhắn cho tôi biết.

Rồi Long Vương múc đầy bát nước, vác lên vai nói rằng:

- Bạch Ngài, xin thỉnh Ngài hãy đi trước, tôi sẽ mang nước theo sau.

- Được rồi, nầy Long Vương, vì Bậc Đạo Sư bảo ta đi lấy.

Sadi Sumana dạy Long Vương hãy trở về, tự tay nắm lấy bát bay lên hư không.

Trông thấy Sadi Sumana trở về, Bậc Đạo Sư phán dạy chư Tỳ khưu rằng:

- Nầy chư Tỳ khưu! Các ngươi hãy nhìn con đường bay của Sadi, đẹp như thiên nga trong hư không vậy.

Sadi Sumana đặt bát nước xuống, đảnh lễ Đức Thế Tôn xong rồi và đứng sang một bên, Bậc Đạo Sư phán hỏi rằng:

- Nầy Sadi Sumana, ngươi được bao nhiêu tuổi?

- Bạch Thế Tôn! Con vừa được 7 tuổi.

- Nầy Sumana, nếu thế từ nay trở đi, ngươi sẽ là vị Tỳ khưu.

Đức Thế Tôn ban Dāyajja upasampada (Cụ túc đặc biệt) đến Sadi Sumana. Được biết rằng: Chỉ có hai vị Sadi là Sumana và Sopāka vừa được 7 tuổi, được Đức Thế Tôn ban cho địa vị Thera. Bấy giờ chư Tỳ khưu cùng nhau bàn luận trong Giảng đường về sự kiện hy hữu ấy rằng:

- Nầy chư Hiền giả, việc làm nầy thật là kỳ diệu thay, từ trước đến nay chúng ta chưa từng thấy vị Sadi trẻ nào có được thần lực như thế.

Đức Thế Tôn ngự đến phán hỏi rằng:

- Nầy chư Tỳ khưu! Các ngươi đang ngồi lại bàn luận về vấn đề gì thế?

Chư Tỳ khưu liền bạch lên Thế Tôn về việc ấy, Ngài phán rằng:

- Nầy chư Tỳ khưu! Trong Giáo Pháp của Như Lai, dù là người trẻ tuổi nhưng thực hành chân chánh, thường đạt được tài sản như vậy.

☸

CHÚ GIẢI:

Yuñjati: là tinh cần siêng năng.

Pabhāseti: nghĩa là vị Tỳ khưu hằng làm cho thế gian như uẩn, xứ..., chói sáng, tức là làm cho ánh sáng bằng trí Tương ưng với A La Hán Đạo của mình, như mặt trăng ra khỏi vầng mây che.

Dứt Pháp thoại, nhiều người chứng đạt Thánh Quả như Dự Lưu.

Dịch Giả Cẩn Đề

Sa di Hảo Ý thật phi thường,
Thi thố thần thông thắng Long Vương,
Lấy nước từ hồ cao Tuyết Lãnh,
Dâng thầy uống hết bệnh can trường,
Chư Tăng không biết tưởng Sa di,
Trẻ dại vào tu đã có chi?
Chọc ghẹo, rờ đầu, cùng bẹo má,
Phật làm Tăng chúng hết khinh khi,
Phật sai, ông lấy nước hồ xa,
Thị hiện thần thông, chúng thấy qua,
Rồi đặt ông lên hàng Đại Đức,
Phàm tăng kinh ngạc, nghĩ không ra
Phật dạy: Tỳ khưu dầu trẻ trung,
Chú tâm học pháp hiểu cho cùng,
Như trăng ra khỏi vùng mây che,
Rọi khắp nhân gian, đuốc Đại Hùng.

DỨT TÍCH SADI SUMANA

☸

DỨT PHẨM TỲ KHƯU – BHIKKHU VAGGA

DỨT PHẨM 25

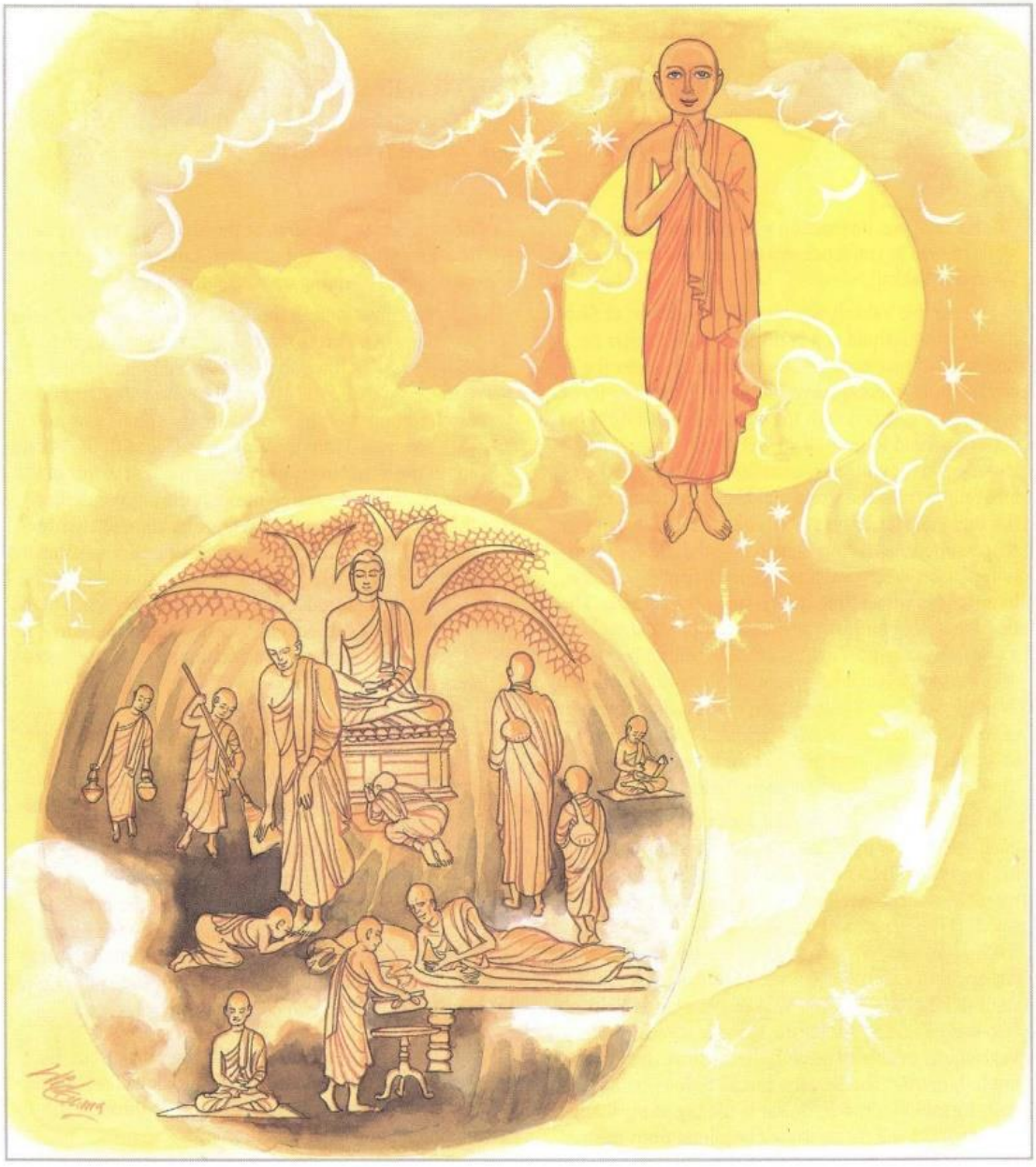

382. Tỳ kheo tuy trẻ tuổi. Chuyên tu pháp Phật-đà. Như trăng thoát mây chắn. Soi sáng trần gian ta.

XXVI. PHẨM BÀ LA MÔN
(BRĀHMAṆA VAGGA)

☸

- 40 bài kệ: Pháp Cú 383-423

- 40 tích truyện

XXVI.1- VỊ BÀ LA MÔN NHIỀU ĐỨC TIN

(Pasādabahulabrāhmaṇa)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 383)

"Chinda sotaṃ parakkamma	***"Hỡi nầy Bà la môn***
Kāme panuda brāhmaṇa	***Hãy tinh tấn đoạn lòng***
Saṅkhārānaṃ khayaṃ	***Từ bỏ các dục lạc***
Ñatvā akataññūsi brāhmaṇa".	***Biết được hành đoạn diệt***
	Ngươi là bậc vô vi".

Đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, Ngài đề cập đến vị Bà la môn có nhiều đức tin, thuyết lên kệ ngôn nầy.

Tương truyền rằng: Vị Bà la môn ấy nghe Pháp của Đức Thế Tôn, khởi tâm tịnh tín. Mỗi ngày, vị ấy sắp đặt vật thực cho 16 vị Tỳ khưu tại tư gia của mình. Khi chư Tỳ khưu đến, ông ra rước bát rất cung kính, bạch rằng:

- Xin thỉnh các Ngài A La Hán hãy vào trong. Xin thỉnh các Ngài A La Hán hãy ngồi...

Bất kỳ một câu nào, ông cũng xưng tụng là A La Hán. Chư phàm Tăng suy nghĩ rằng: *"Vị Bà la môn nay ngỡ rằng ta là vị A La Hán".* Còn những vị Bậc Lậu Tận thì nghĩ: *"Bà la môn nầy đã biết ta rõ rồi".* Và thế là chư Tỳ khưu e ngại cách xưng hô ấy, nên không đến tư gia của vị ấy nữa. Ông buồn phiền rằng:

- Tại sao các Ngài lại không đến nhà ta như thế?

Ông đi đến Tịnh xá đảnh lễ Đức Thế Tôn, trình bạch lên Ngài sự việc ấy. Bậc Đạo Sư cho gọi chư Tỳ khưu đến phán hỏi rằng:

- Nầy chư Tỳ khưu! Điều ấy là như thế nào?

Chư Tỳ khưu trình bày lên Đức Thế Tôn sự suy nghĩ của mình như thế. Ngài phán rằng:

- Nầy chư Tỳ khưu, các ngươi không hài lòng về câu nói A La Hán phải chăng?

- Bạch Thế Tôn! Chúng con không hài lòng về câu nói ấy.

- Nầy các Tỳ khưu! Đây là câu nói do sự tịnh tín, vô tội với lời nói bằng sự tịnh tín. Lại nữa, đây là sự cảm mến của Bà la môn ấy với các vị Thánh Vô Lậu rất nhiều. Lẽ ra, các ngươi cần phải cắt đứt ái dục để chứng đạt quả A La Hán mới phải.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Hỡi nầy Bà la môn. Hãy tinh tấn đoạn lòng. Từ bỏ các dục lạc. Biết được hành đoạn diệt. Ngươi là bậc vô vi".

☸

CHÚ GIẢI:

Parakkamma: nghĩa là dòng ái dục không ai có thể cắt đứt bằng sự tinh cần yếu kém được. Do đó, ngươi hãy tinh cần cắt đứt bằng sự quyết tâm mạnh cùng với trí tuệ. Tức là hãy giảm trừ, nghĩa là hãy dứt bỏ hai loại dục.

Brāhmaṇa: là câu gọi chỉ các Bậc Vô Lậu.

Saṅkhārānaṃ: nghĩa là đã thấu hiểu sự hoại diệt của các uẩn.

Akataññūsi: nghĩa là nếu như vậy ngươi là người vô ơn, vì rằng đã thấu hiểu nghĩa Níp Bàn là gì, đã thấu hiểu các nguyên chất như vàng ròng như thế, (mà tại sao) ngươi lại không thực hành để đến mục đích cứu cánh chứ.

Dứt Pháp thoại nhiều người chứng đạt Thánh Quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Danh từ La Hán chẳng nên ham,
Khi biết tự thân vẫn tục phàm,
Nhưng nếu người đời vì tịnh tín,
Tôn mình La Hán cũng đành cam,
Điều tối yếu là chớ dễ duôi,
Ngược dòng ái dục, chẳng trôi xuôi,
Niết Bàn vô tác, cần tu chứng,
Ngũ uẩn xa lần, chớ trở lui.

DỨT TÍCH VỊ BÀ LA MÔN NHIỀU ĐỨC TIN

☸

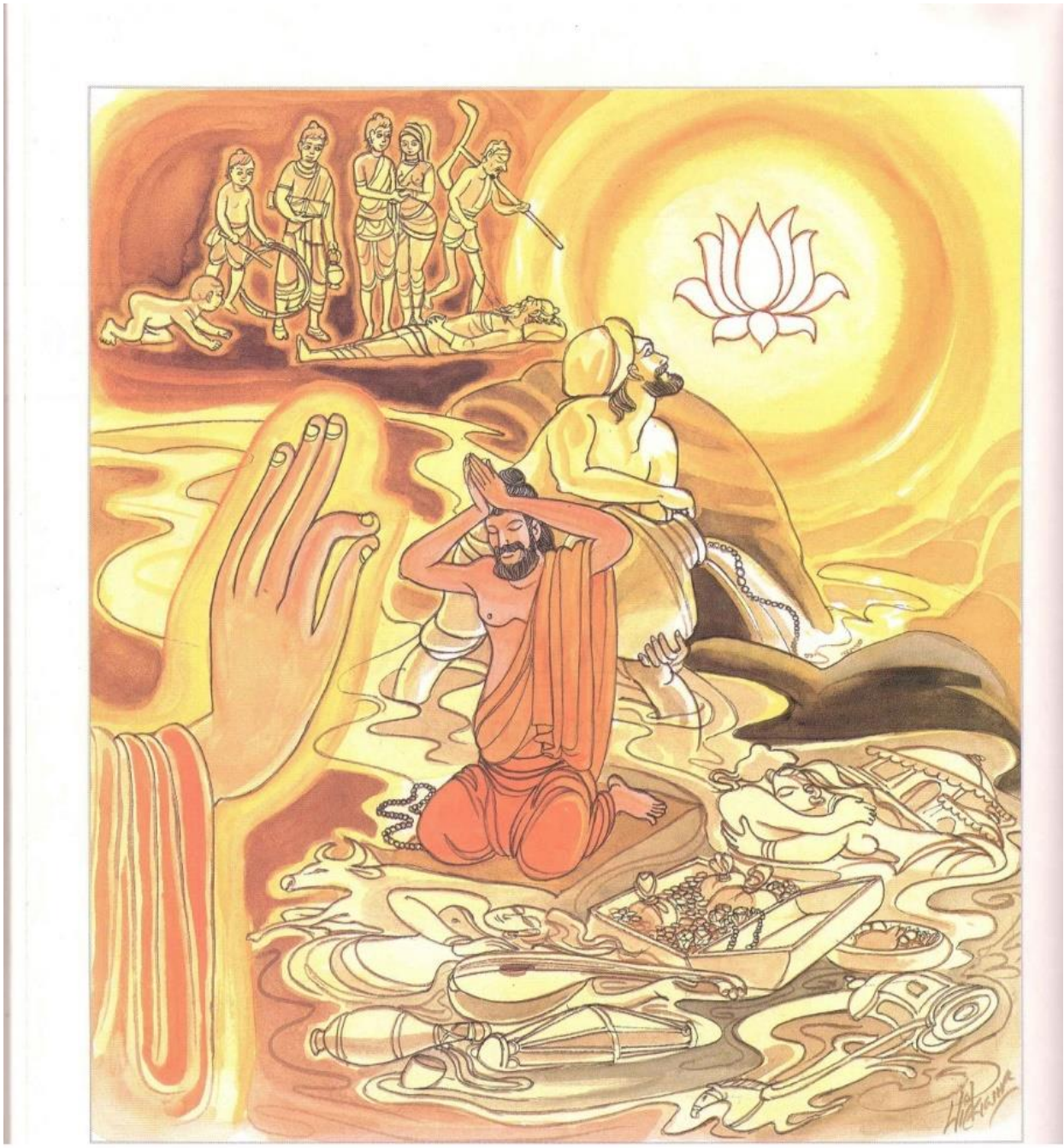

383. Nầy đây Bà la môn. Hãy đoạn dòng tham ái. Thấu triệt pháp suy hoại. Chứng đạt bậc Vô sanh.

XXVI.2- NHIỀU VỊ TỲ KHƯU

(Sambahulabhikkhu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 384)

"Yadā dvayesu dhammesu	***"Nhờ thường trú hai pháp***
Pāragū hoti brāhmaṇo	***Đến được bờ bên kia.***
Athassa sabbe saṃyogā	***Bà-la-môn có trí***
Atthaṃ gacchanti janato".	***Mọi kiết sử dứt sạch".***

Kệ ngôn nầy được Đức Đạo Sư thuyết lên khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến nhiều vị Tỳ khưu.

Được nghe rằng: Một hôm, có ba mươi vị Tỳ khưu từ phương xa đến Tịnh xá, sau khi đảnh lễ Đức Thế Tôn rồi, ngồi vào nơi phải lẽ. Bấy giờ Trưởng lão Sāriputta quán xét thấy được duyên lành của chư Tỳ khưu ấy, Ngài đi vào yết kiến Đức Thế Tôn bạch hỏi rằng:

"Bạch ThếTôn, có hai pháp mà Ngài hằng dạy, đó là hai Pháp thế nào?".

- Nầy Sāriputta, đó lả CHỈ và QUÁN.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Nhờ thường trú hai pháp. Đến được bờ bên kia. Bà-la-môn có trí. Mọi kiết sử dứt sạch".

CHÚ GIẢI:

Yadā...: nghĩa là trong thời nào vị Vô Lậu đạt đến bờ bên kia, do nhờ hai pháp là CHỈ và QUÁN được an trú cả đến sự chứng đắc Lục Thông… thì trong thời đó các pháp tạo tác cho sự luân hồi của Bậc Vô Lậu đó, bậc tỉnh giác như vậy không còn tồn tại tức là hoại diệt.

Dứt pháp thoại, ba mươi vị Tỳ khưu ấy chứng đạt A La Hán Quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Muốn độ nhóm Tăng đủ nghiệp lành,
Nhờ nghe mà đắc quả Vô sanh,
Tùy duyên, Pháp chủ yêu cầu Phật:
"Nhị pháp là chi, xin dạy rành!".
- Chỉ quán là hai pháp song đôi,
Hoặc kêu "mặt chiếu" cũng y thôi,
Trú tâm vào đó, qua bờ giác,
Biển khổ không còn mãi nổi trôi!

DỨT TÍCH NHIỀU VỊ TỲ KHƯU

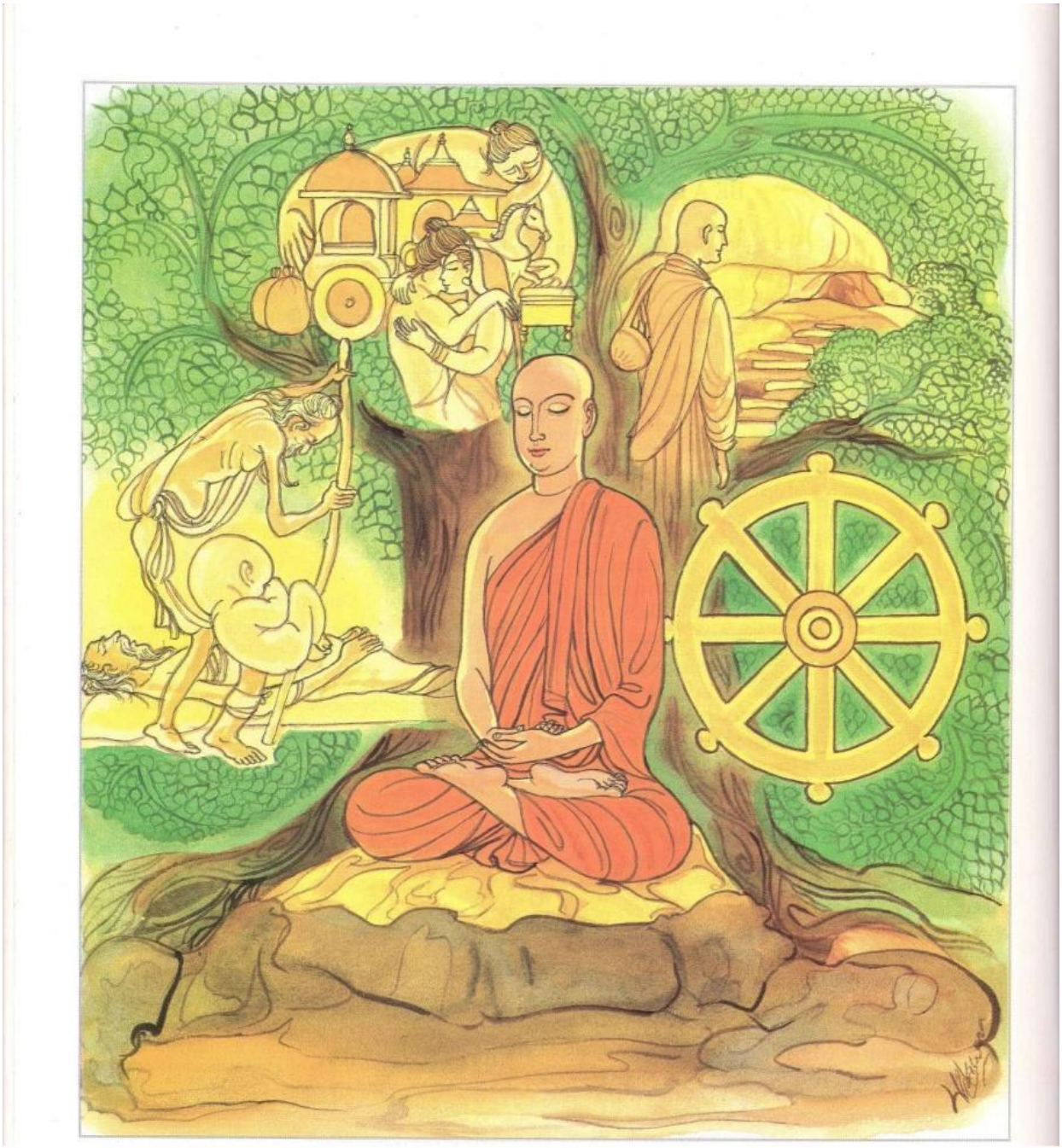

384. Bà la môn trí tuệ. An trụ hai pháp lành(*). Vượt sang bờ bên đó. Dứt phiền não mối manh.

(*) Chỉ và Quán.

XXVI.3- CHUYỆN MA VƯƠNG

(Māra)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 385)

"Yassa pāraṃ apāraṃ,	***"Không bờ nầy bờ kia,***
Vā pārāpāraṃ na vijjati,	***Cả hai bờ không có,***
Vītaddaraṃ visaṃyuttaṃ,	***Lìa khổ không trói buộc,***
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ".	***Ta gọi Bà-la-môn".***

Kệ Ngôn nầy được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Ma Vương.

Một hôm Ma Vương giả dạng người, đi đến yết kiến Đức Thế Tôn bạch hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nơi Ngài gọi là Bờ đó là cái chi? Cái gì được gọi là Bờ.

Bậc Đạo Sư thấu hiểu: *"Đấy là Ma Vương",* Ngài bèn phán dạy rằng:

- Nầy Ma Vương! Bờ hay không phải Bờ, có lợi ích gì cho ngươi đâu (mà hỏi), bờ chỉ có đối với người đã tận diệt tham ái và đã đi đến.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Không bờ nầy bờ kia. Cả hai bờ không có. Lìa khổ không trói buộc. Ta gọi Bà-la-môn".

☸

CHÚ GIẢI:

Bờ kia là sáu nội xứ. Bờ kia cũng ám chỉ cho sáu ngoại xứ. Tiếng Bờ ở đây chỉ cho 12 xứ.

Pāraṃ: (Bờ) là sáu nội xứ. Sáu ngoại xứ gọi là apāraṃ (phi-bờ). Cả hai xứ ấy được gọi là Pārāpāraṃ.

Na vijjati: nghĩa là bờ và không phải bờ, không có với người nào người không có sự chấp thủ TA hay là của TA, người ấy chấm dứt sầu, chấm dứt được phiền não, đã thoát ly khỏi phiền não. Người ấy được gọi là Bà la môn.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Niết Bàn của Phật ở bờ kia,
Ngũ uẩn bên đây, phải đoạn lìa,
Vượt sông trùng dương qua biển khổ,
Thánh phàm hai mé hết phân chia,
Ma vương chỉ đứng mé bờ nầy,
Muốn biết bờ kia hỏi đức thầy,
Phật đáp: Hai bờ đều chẳng có,
Không gì trói buộc, đó là hay!

DỨT TÍCH MA VƯƠNG

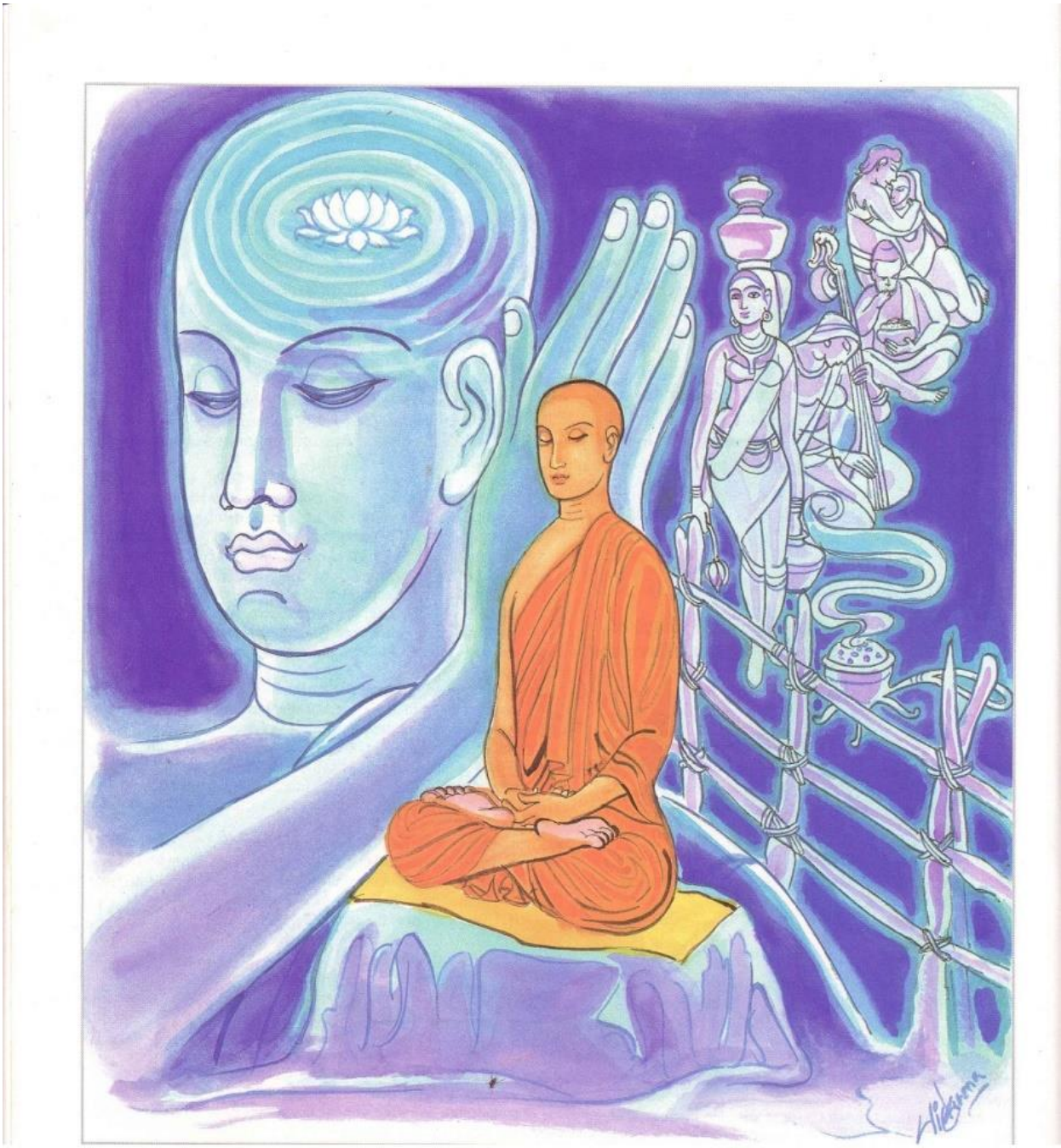

385. Không bờ kia, bờ nầy. Không hai bờ đó đây(*). Không khổ đau buộc trói. Ta gọi Bà la môn.

(*) Sáu căn và sáu trần.

XXVI.4- MỘT VỊ BÀ LA MÔN

(Aññatarabrāhmaṇa)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 386)

"Jhāyiṃ virajam,	***"Tu thiền trú ly trần,***
Āsīnaṃ katakiccam anāsavaṃ,	***Phận sự xong vô lậu,***
Uttamatthaṃ anuppattaṃ,	***Đạt được đích tối thượng,***
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ".	***Ta gọi Bà-la-môn".***

Đức Thế Tôn ngụ tại Đại Tự Jetavana, đề cập đến vị Bà la môn, thuyết lên kệ ngôn nầy.

Tương truyền rằng: Có một vị Bà la môn khởi lên sự suy nghĩ rằng:

"Sa Môn Gotama gọi đệ tử mình là Bà la môn, còn ta cũng là vị Bà la môn theo chủng tộc và dòng giống. Ngài cũng nên gọi ta như vậy mới phải".

Bà la môn ấy liền đi đến Tịnh xá, yết kiến Đức Thế Tôn xong rồi bạch trình việc ấy. Đức Thế Tôn phán rằng:

- Nầy Bà la môn, Như Lai không gọi người Bà la môn chỉ vì dòng chủng tộc, Như Lai chỉ gọi người chứng đạt lợi ích tối thượng là Bà la môn.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Tu thiền trú ly trần. Phận sự xong vô lậu. Đạt được đích tối thượng. Ta gọi Bà-la-môn".

☸

CHÚ GIẢI:

Jhāyiṃ...: nghĩa là ta gọi người nhiệt tâm tinh cần với hai loại thiền vô uế (tức là Dục), sống tịnh cư trong rừng, đã hoàn thành phận sự vì cả 16 loại phận sự mà mình đã hành xong với bốn Đạo gọi là không còn lậu hoặc do đã chứng đạt lợi ích tối thượng là A La Hán. Người ấy được gọi là Bà la môn.

Mười sáu phận sự đó là:

KHỔ ĐẾ có 4:
1- Pīlanattha: ý nghĩa là áp bức.
2- Saṅkhatattha: ý nghĩa là cấu kết.
3- Santāpanattha: ý nghĩa là nhiệt não.
4- Vipariṇāmattha: ý nghĩa là thay đổi.

TẬP ĐẾ có 4:
1- Āyuhanattha: ý nghĩa là làm phát sanh khổ.
2- Nidānattha: ý nghĩa là nhân sanh của khổ.
3- Saṅyogattha: ý nghĩa là kết cấu của luân hồi.

4- Palibodhanattha: ý nghĩa là bị giam trong căn nhà tức là luân hồi.

DIỆT ĐẾ có 4: 1- Nissaraṇattha: ý nghĩa là thoát khỏi sanh y.

2- Vivekattha: ý nghĩa là vắng lặng phiền não.

3- Asaṅkhatattha: ý nghĩa là vô tạo tác.

4- Amatattha: ý nghĩa là Bất Tử.

ĐẠO ĐẾ có 4: 1- Niyyānattha: ý nghĩa là thoát ra khỏi luân hồi.

2- Hetuvattha: ý nghĩa là nhân của Níp Bàn.

3- Dassanattha: ý nghĩa là liễu tri Níp Bàn.

4- Adhipatayya: ý nghĩa là Trưởng trong sự Giác ngộ Níp Bàn.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Bà la môn giống của Như Lai,
Là bậc siêu nhân đủ thánh tài,
Chẳng phải con dòng cha mẹ đẻ,
Hữu danh vô thực, ở bên ngoài,
Bà la môn Phật chứng ở bên trong,
Thiền định, ly trần phận sự xong,
Vô Lậu, Niết Bàn là trú xứ,
Lặng yên tứ khổ với phàm phong.

DỨT TÍCH MỘT VỊ BÀ LA MÔN

☸

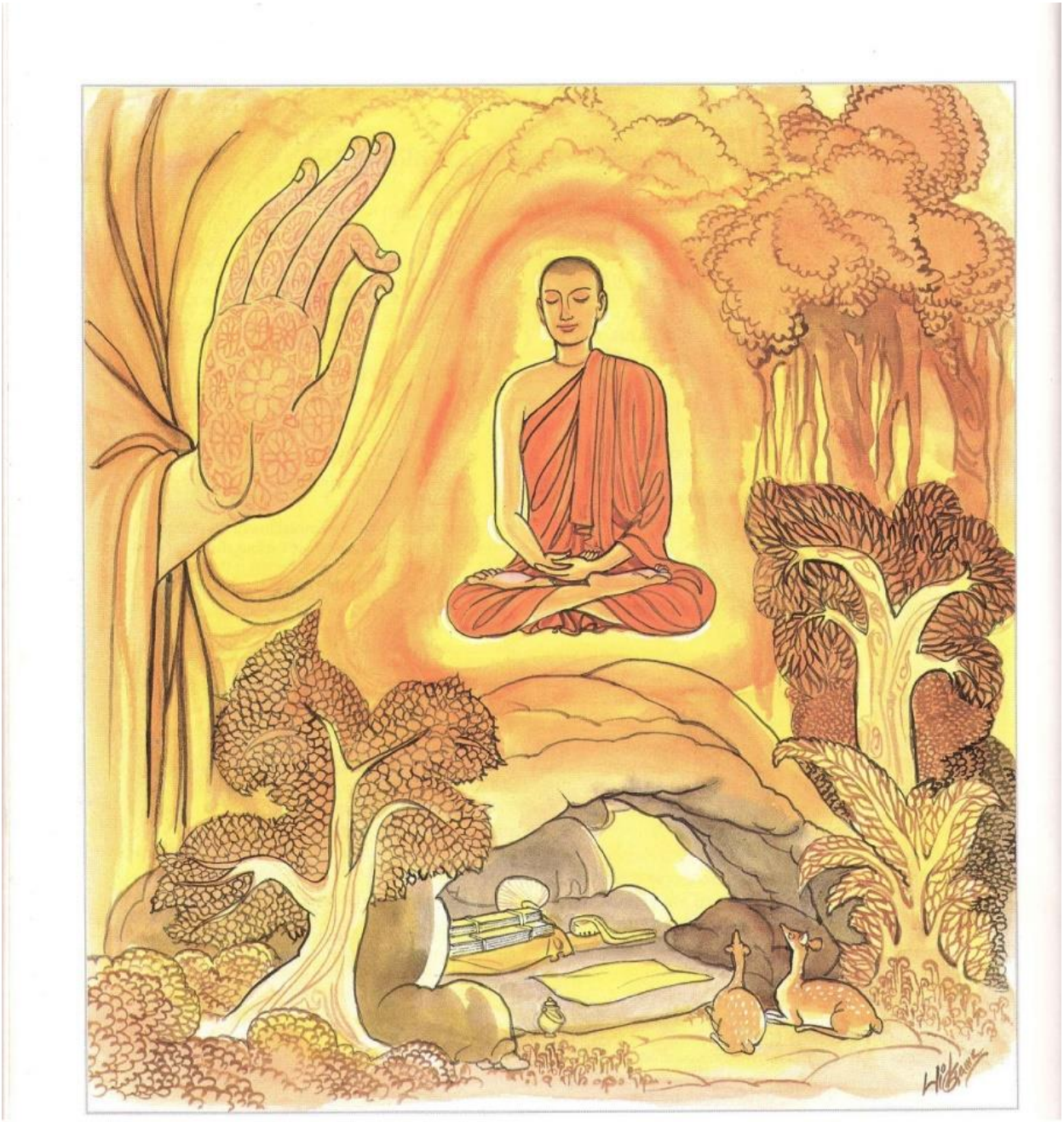

386. Ẩn cư, thiền, thanh tịnh. Vô lậu, tu viên thành. Đạt đến đích tối thượng. Ta gọi Bà la môn.

XXVI.5- TRƯỞNG LÃO ĀNANDA

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 387)

"Divā tapati ādicco rattim	***"Mặt trời sáng ban ngày***
Ābbāti candimā	***Mặt trăng sáng ban đêm.***
Sannaddho khattiyo tapati	***Khí giới sáng ban đêm.***
Jhāyi tapati brāhmṇo	***Khí giới sáng Sát lỵ***
Atha sabbam ahorattiṃ	***Thiền định sáng Phạm chí.***
Buddho tapati tejasā".	***Còn hào quang đức Phật***
	Chói sáng cả ngày đêm".

Kệ Ngôn nầy được Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại ngôi nhà nóc nhọn của Đại Tín nữ Migāramātā, đề cập đến câu hỏi của Trưởng lão Ānanda.

Được nghe rằng: Trong ngày lễ Tự Tứ, Đức vua Pasenadikosala trang điểm thật lộng lẫy với đủ loại trang sức, mang các hương liệu cùng vật thơm khắp mình. Đức vua đi vào Tịnh xá cúng dường rồi ngồi xuống một bên nghe Pháp.

Cạnh đó không xa lắm, Trưởng lão Kāludāyi hành thiền, thân tướng của Trưởng lão có màu vàng sáng chói và mặt trời bắt đầu lặn, nhường cho ánh trăng sắp hiện khởi.

Trưởng lão Ānanda nhìn thấy ánh sáng mặt trời đang lặn, ánh sáng mặt trăng sắp hiện ra, nhìn Long thể của Đức vua, nhìn ánh sáng phát sanh từ Thiền định của Ngài Kāludāyi và Phật tướng của Đức Thế Tôn. Trong năm loại ánh sáng đó, thì ánh Phật quang rực rỡ hơn cả. Trưởng lão Ānanda đi đến đảnh lễ Đức Thế Tôn bạch rằng:

- Hôm nay con nhìn thấy các ánh sáng nầy, con chỉ khả ý với Phật quang của Đức Thế Tôn thôi. Vì rằng: Kim thân của Ngài chói sáng hơn tất cả các ánh sáng khác.

- Nầy Ānanda! Lẽ thường mặt trời chiếu sáng ban ngày, mặt trăng rực rỡ ban đêm. Đức vua chói sáng bởi Vương phục. Bậc Vô Lậu từ bỏ hại chúng chói sáng trong lúc Thiền định. Riêng Đấng Như Lai chói sáng với Phật lực cả ngày lẫn đêm.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Mặt trời sáng ban ngày. Mặt trăng sáng ban đêm.. Khí giới sáng ban đêm. Khí giới sáng Sát lỵ. Thiền định sáng Phạm chí. Còn hào quang đức Phật chói sáng cả ngày đêm".

CHÚ GIẢI:

Divā tapati: nghĩa là mặt trời chỉ chiếu sáng ban ngày, nhưng ban đêm không xuất hiện.

Candimā: nghĩa là mặt trăng ra khỏi vầng mây... chỉ chiếu sáng ban đêm, nhưng ban ngày không chiếu sáng.

Sannaddho: là Đức vua chỉ rực sáng với các trang phục là vàng và ngọc Maṇi, có bốn binh chủng vây quanh. Nếu Đức vua cải trang như thường dân thì không có gì gọi là chói sáng.

Jhāyī: là Bậc Vô Lậu từ bỏ hội chúng, chuyên cần với Thiền định gọi là chiếu sáng.

Tejasā: nghĩa là Bậc chánh Đẳng Giác chinh phục ác giới bằng Giới lực, chinh phục ác hạnh bằng Thiện hạnh, chinh phục ác tuệ bằng Trí tuệ. Chinh phục sự vô phần bằng hữu phần. Chinh phục các bất thiện pháp là thiện pháp. Ngài thường hằng chói sáng như thế với năm oai lực như vậy.

Dứt Pháp thoại nhiều người chứng đạt A La Hán cùng với các Thánh Quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Đại Đức Ānanda thấy rằng:
Quốc Vương sáng chói thế trời trăng,
Người tu thiền định hào quang sáng,
Tùy lúc ngày đêm có giảm tăng,
Một mình ánh sáng của Như Lai,
Bất luận ngày đêm, cứ sáng hoài,
Giới, đức, tuệ và thêm phúc hạnh,
Là năm Phật lực sáng hơn ai.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO ĀNANDA

☸

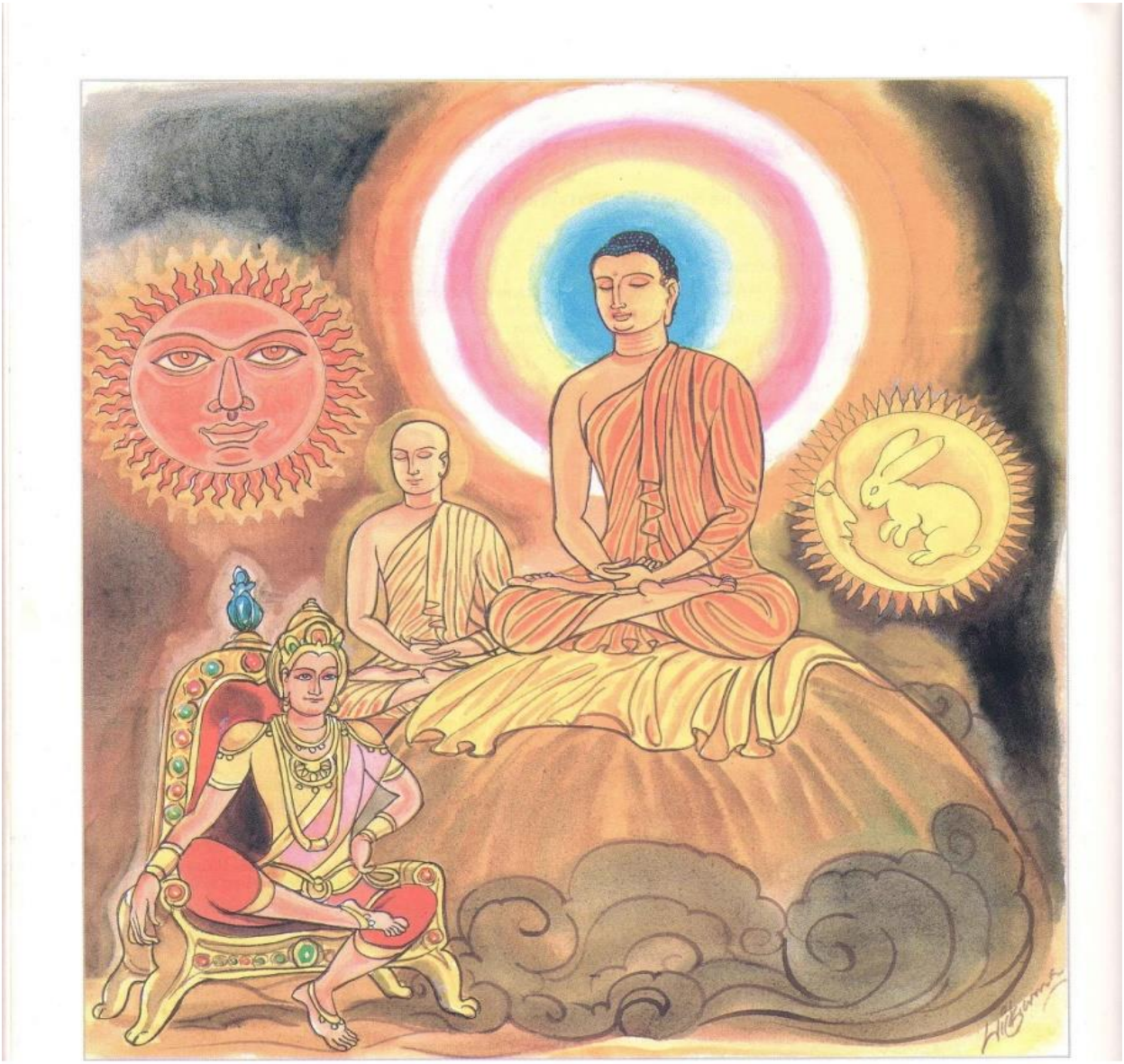

387. Mặt trời sáng ban ngày. Mặt trăng sáng ban đêm. Binh khí sáng vương tướng. Thiền sáng Bà la môn. Riêng hào quang đức Phật, rực sáng cả ngày đêm.

XXVI.6- CHUYỆN MỘT NGƯỜI XUẤT GIA

(Aññatarapabbajita)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 388)

"Bāhitapāpo ti brāhmaṇo	***"Dứt ác gọi Phạm chí***
Samacariyā samaṇo'ti vuccati	***Tịnh hạnh gọi Sa môn***
Pabbajayam attano malaṃ	***Tự mình xuất cấu uế***
Tasmā pabbajito'ti vuccati".	***Nên gọi bậc xuất gia".***

Kệ ngôn nầy, Đức Thế Tôn thuyết ra khi ngự tại Jetavana, đề cập đến một người xuất gia.

Tương truyền rằng: Có một Bà la môn tu theo ngoại giáo, có sự suy nghĩ rằng:

"Sa Môn Gotama gọi đệ tử mình là bậc xuất gia, ta đây cũng là bậc xuất gia. Sa Môn Gotama nên gọi ta như vậy mới phải lẽ".

Y đi đến yết kiến Đức Thế Tôn, bạch hỏi Đức Thế Tôn về việc nầy. Ngài phán rằng:

- Nầy Bà la môn! Ta không nói rằng: là bậc xuất gia chỉ là bấy nhiêu thôi. Người được gọi là bậc xuất gia vì đã đoạn trừ được mọi phiền não cấu uế.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Dứt ác gọi Phạm chí. Tịnh hạnh gọi Sa môn. Tự mình xuất cấu uế. Nên gọi bậc xuất gia".

CHÚ GIẢI:

Samacariyā: tức là do đã ngăn trừ các pháp bất thiện.

Tasmā: nghĩa là người được Bậc Đạo Sư gọi là Bà la môn, do đã xa lìa các ác nghiệp; người được Bậc Đạo Sư gọi là Sa môn, do đã vắng lặng các pháp bất thiện. Vì vậy, người ấy được Bậc Đạo Sư gọi là bậc xuất gia, do đã tẩy sạch các cấu uế đó.

Dứt pháp thoại, ngoại đạo Bà la môn chứng đạt Thánh Quả Dự Lưu.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Ngoại đạo nghĩ mình bậc xuất gia,
Bèn đem ý đó hỏi Phật Đà,
Phật rằng: Chẳng xứng danh từ ấy,
Nếu chỉ đi tu, bỏ cửa nhà,
Đúng theo tôn chỉ, Phật Thích Ca,
Ly cấu uế là bậc xuất gia,
An tịnh gọi là Sa môn vậy,
Bà la môn, ác dứt trừ ra.

DỨT TÍCH CHUYỆN MỘT NGƯỜI XUẤT GIA

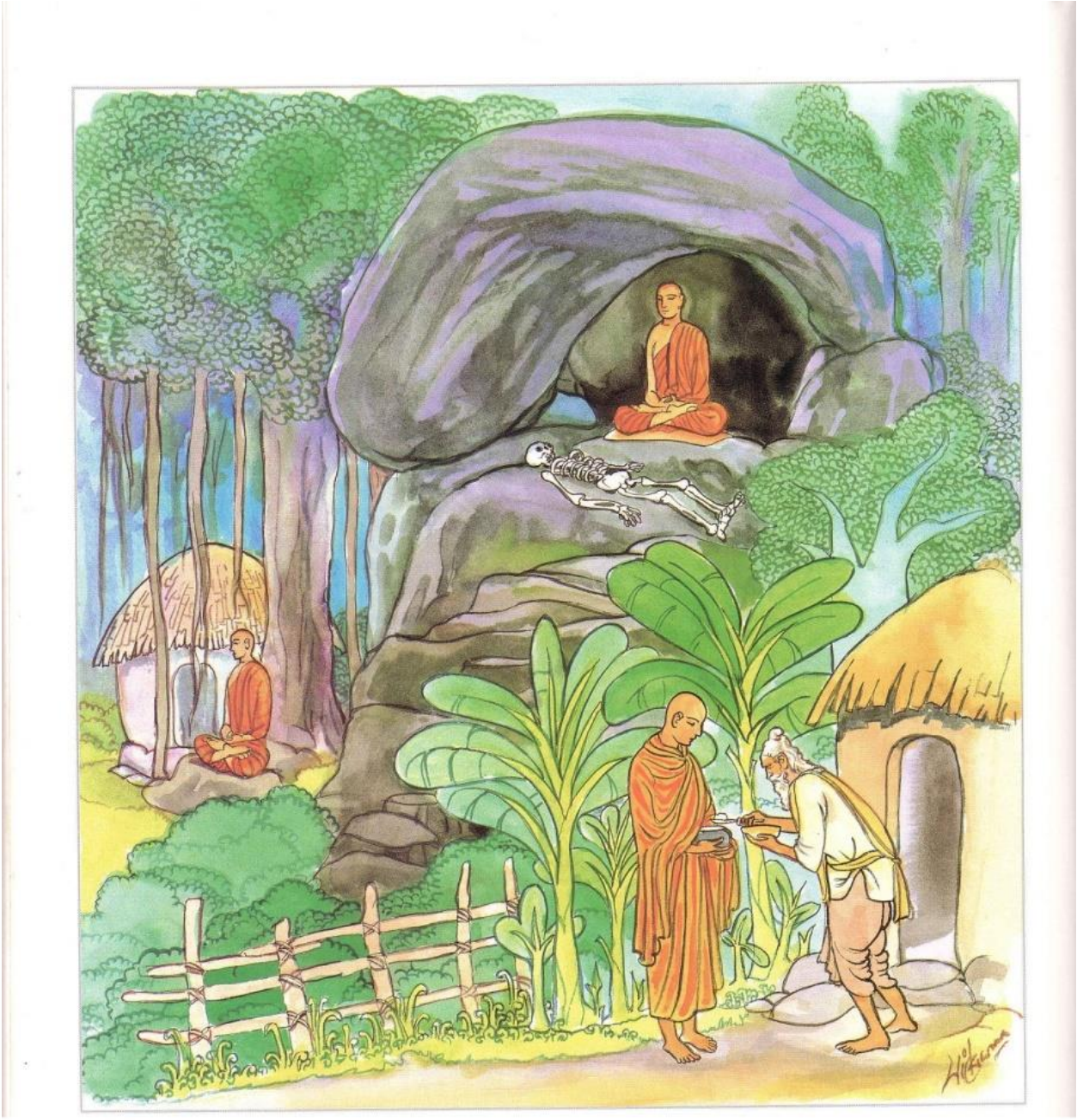

388. Dứt ác gọi Phạm Chí. An tịnh gọi Sa môn. Trừ sạch mọi cấu uế. Gọi ẩn sĩ tu hành(*).

(*) Bậc xuất gia.

XXVI.7- TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA

(Sāriputtatthera)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 389-390)

389. "Na brāhmaṇassa pahareyya	***"Chớ có đập phạm chí!***
Nāssa muñcetha brāhmaṇo	***Phạm chí chớ đập lại!***
Dhi brāhmaṇassa hantāraṃ	***Xấu thay đập phạm chí***
Tato dhī yassa muñcati".	***Đập trả lại xấu hơn!".***
390. "Na brāhmaṇass'etad akiñci seyyo	***"Đối với bà-la-môn***
Yadā nisedho manaso piyehi	***Đây không lợi ích nhỏ.***
Yato yato hiṃsamano nivattati	***Khi ấy không ái luyến***
Tato tato sammatimeva dukkhaṃ".	***Tâm hại được chận đứng***
	Chỉ khi ấy khổ diệt".

Đức Thế Tôn khi trú tại Jetavana đề cập đến Trưởng lão Sāriputta, thuyết lên pháp thoại nầy.

Tương truyền rằng: Dân chúng thường tán dương Ngài rằng: *"Thật đáng khen ngợi Ngài của ta, Ngài có đầy đủ đức nhẫn nại. Khi có người lăng mạ, hoặc đánh đập, dù trong bất cứ trường hợp nào, Ngài cũng không giận"*.

Bấy giờ, một Bà la môn tà kiến hỏi rằng:

- Ai là người không giận chứ?

- Trưởng lão Sāriputta của chúng tôi.

- Không ai có thể làm cho Ngài nổi giận được hay sao?

- Điều khiến Ngài nổi giận đó, không bao giờ có đâu.

- Nếu như thế, ta sẽ làm cho Ngài nổi giận đấy.

- Nếu ông làm được thì hãy làm đi.

Gã Bà la môn tà kiến suy nghĩ rằng:

"Được rồi, ta sẽ có cách". Khi Trưởng lão đang trì bình khất thực, y bèn theo sau lưng Ngài, đánh thật mạnh vào sau lưng Ngài. Trưởng lão suy nghĩ: *"Chuyện chi thế?"*. Và Ngài vẫn tiếp tục đi. Khi ấy toàn thân của Bà la môn nóng nảy vô cùng, y biết rằng:

- Ngài đây là bậc có đầy đủ ân đức cao quý.

Y liền quỳ xuống chân Trưởng lão mà bạch rằng:

- Kính bạch Ngài! Xin Ngài hãy tha lỗi cho con.

- Chuyện chi vậy?

- Con đã đánh Ngài để xem sự nhẫn nại của Ngài đến đâu.

- Thôi được rồi! Ta tha lỗi cho ông đó.

- Bạch Ngài! Nếu Ngài tha lỗi cho con, xin Ngài hãy thọ lãnh vật thực nơi nhà con đi.

Rồi y thỉnh bát của Ngài. Trưởng lão trao bát cho y. Vị Bà la môn thỉnh Ngài về nhà cúng dường.

Dân chúng bất bình rằng: *"Ngài của chúng ta vô lỗi mà bị Bà la môn nầy đánh, y không thể thoát khỏi gậy gộc được, chúng ta sẽ giết y tại nơi đó".*

Rồi cầm đá, gậy... núp ở cửa nhà Bà la môn. Trưởng lão đứng lên trao bát cho Bà la môn. Dân chúng thấy vị Bà la môn ấy đi với Trưởng lão mới bạch rằng:

- Xin Ngài hãy nhận bát lại, để Bà la môn ấy trở về.

- Nầy các cận sự, chuyện chi vậy?

- Vị Bà la môn nầy đã đánh Ngài, nên chúng con sẽ trị hắn.

- Thế các ngươi bị đánh hay ta bị đánh?

- Thưa Ngài bị gã đánh.

- Bà la môn nầy đánh ta và đã sám hối với ta rồi. Vậy các ngươi hãy về đi.

Khi Ngài bảo họ và Bà la môn về rồi, Ngài trở về Tịnh xá, chư Tỳ khưu tán thán rằng:

- Thế nầy là thế nào? Ngài Sāriputta đã bị Bà la môn ấy đánh mà còn nhận vật thực tại nhà của họ. Như vậy, kể từ nay chư Tỳ khưu sẽ tiếp tục bị Bà la môn đánh.

Bậc Đạo Sư ngự đến phán hỏi rằng:

- Nầy chư Tỳ khưu! Các ngươi đang bàn luận về câu chuyện gì thế?

Chư Tỳ khưu trình lên Đức Thế Tôn câu chuyện ấy, Ngài phán rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Bà la môn không hãm hại Bà la môn. Nhưng Bà la môn tu sĩ sẽ bị Bà la môn cư sĩ hãm hại. Và Bậc A Na Hàm đạo đã sát tuyệt sân hận rồi.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Chớ có đập phạm chí!. Phạm chí chớ đập lại! Xấu thay đập phạm chí. Đập trả lại xấu hơn!".

"Đối với bà-la-môn. Đây không lợi ích nhỏ. Khi ý không ái luyến. Tâm hại được chận đứng. Chỉ khi ấy khổ diệt.

☸

<u>CHÚ GIẢI:</u>

Pahareyya: nghĩa là Bà la môn Vô Lậu biết rằng: *"Ta là (Vô lậu), không còn hãm hại Bà la môn Vô Lậu hay Bà la môn khác".*

Nāssa muñcetha: nghĩa là vị Bà la môn Vô lậu dù bị họ đánh đập cũng không cột oan trái với họ, tức là cũng không sân hận với người đánh mình.

Dhi brāhmaṇassa: nghĩa là ta chỉ trích Bà la môn đánh đập Bà la môn Vô Lậu.

Tato dhi: nghĩa là người nào đánh lại người đánh mình gọi là cột oan trái với họ, ta chỉ trích người cột oan trái đó (người bị đánh) hơn là người đánh đập ấy.

Etad akiñci seyyo: nghĩa là đối với Bậc vô Lậu nào không lăng mạ lại người lăng mạ mình hay không hãm hại lại người hãm hại mình, sự không lăng mạ lại và sự không hãm hại lại mà điều cao thượng vô cùng đối với vị Bà la môn Vô Lậu ấy.

Yadā nisedho manaco piyehi: nghĩa là sự phát khởi sân hận gọi là cảnh thương yêu của tâm[1] đối với người thường hay sân. Người hay sân thường tà hạnh với cha, mẹ và Đức Phật... cũng do ảnh huởng cảnh yêu thương đó. Do vậy, sự chế ngự tâm ra khỏi cảnh yêu thương đó tức là áp chế tâm sân ra khỏi cảnh yêu thương, nghĩa là sự áp chế tâm sân của người đa sân là điều cao quý.

Tâm sân được gọi là Hiṃsamano, tâm sân ấy được chấm dứt do Đạo A Na Hàm.

Tato tato: nghĩa là sự chấm dứt từ vật ấy, tức là chấm dứt khổ luân hồi.

Dứt kệ ngôn, nhiều người chứng đạt Thánh Quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Nghe danh Pháp Chủ nhẫn hơn đời,
Rắn mắt, Bà Môn muốn thử chơi,
Cố sức đấm lưng Ngài thật mạnh,
Ngài không quay lại, lặng im hơi,
Bà Môn sám hối thỉnh Ngài về,
Ngài vẫn vui lòng, chẳng chấp nê,
Phật tử xem nhau vây cổng ngõ,
Ngài ra biện lý, xử cho huề,
Tăng chúng chê Ngài chẳng thẹn này,
Phật rằng: Sân hận bứng đi ngay,
Đánh người đáng hổ, sân càng hổ,
Người trí tâm từ, mát mẻ thay.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA

☸

[1] Theo ý chúng tôi, kệ ngôn "Na brāhmaṇassatadakiñcī neyyo": nghĩa là pháp sanh khởi trong tâm thuộc về sân hận, nghĩa là pháp thương yêu trong kệ ngôn. Vị Bà la môn thích cột oan trái là do pháp thương yêu động lực đó. Không chế ngự tâm ra khỏi Pháp thương yêu là không cao quý, là tiếp trợ oan trái đối với ngu nhân.

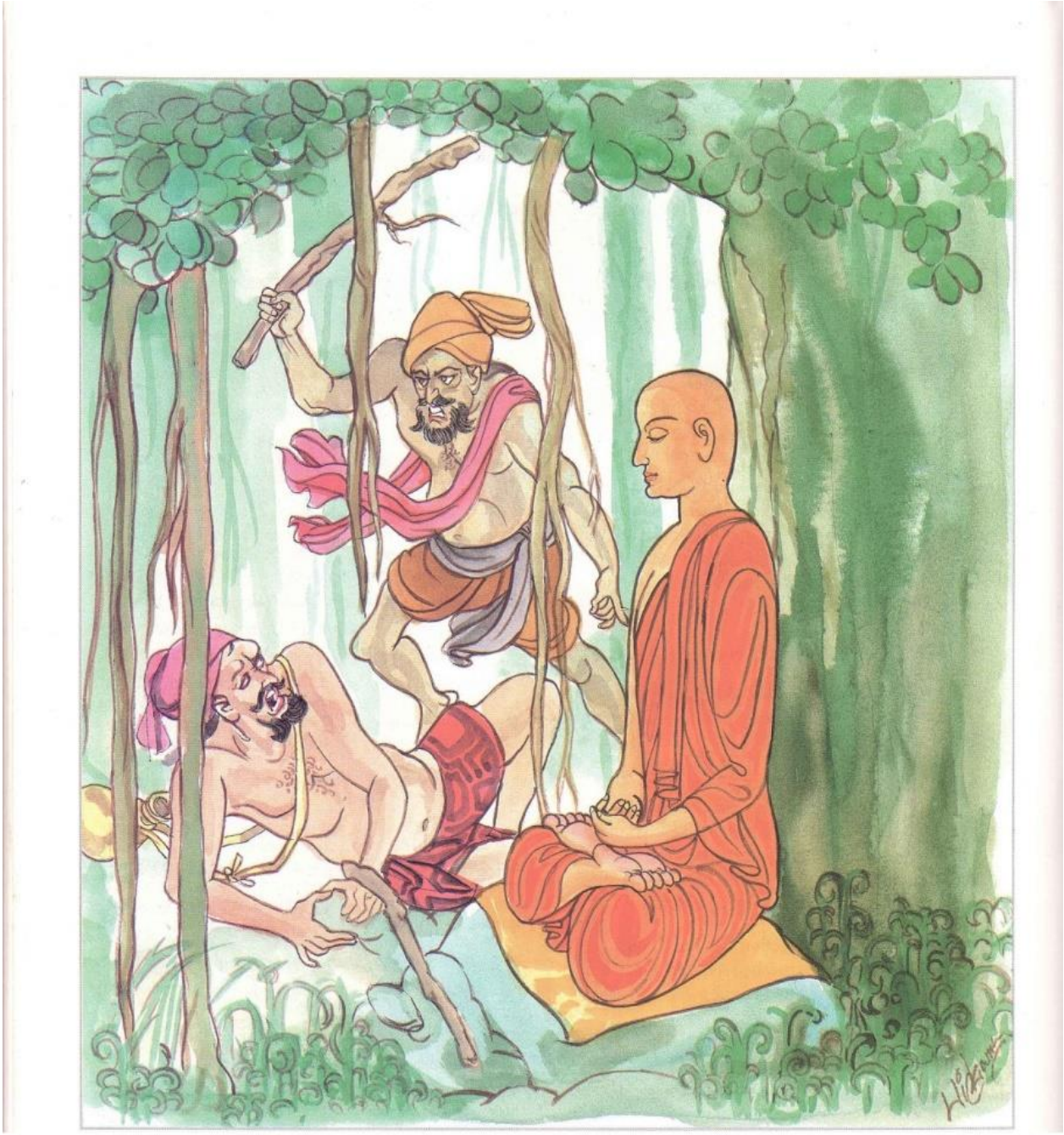

389. Chớ đánh đập Phạm Chí. Phạm chí chớ hận sân. Xấu thay đánh Phạm Chí. Sân hận càng xấu hơn.

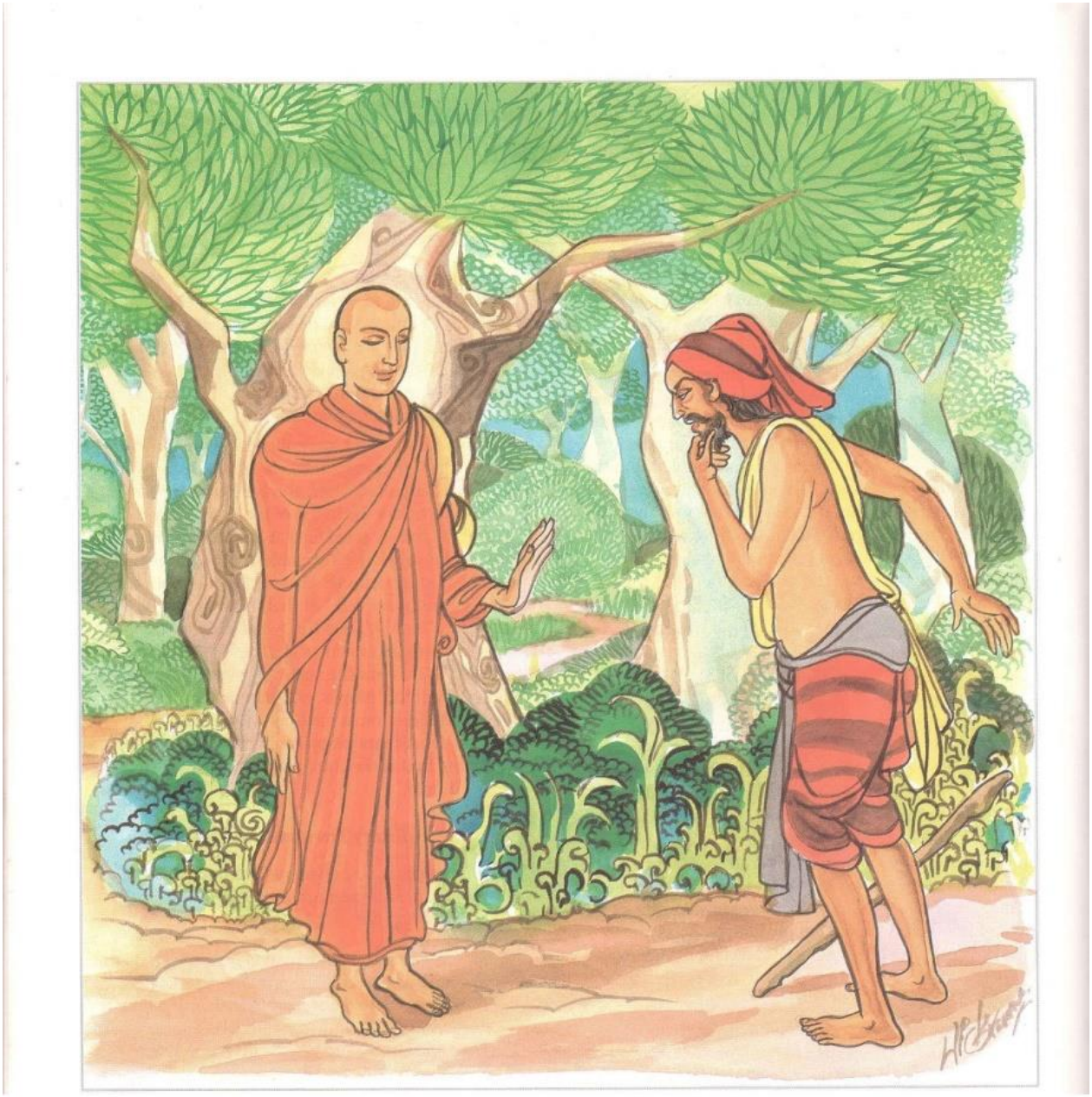

390. Đối với Bà la môn. Điều nầy lợi không nhỏ. Tâm yêu thương từ bỏ. Ý độc hại dứt ngay. Điều phục được thế nầy. Khổ đau hẳn đoạn tuyệt.

XXVI.8- TRƯỞNG LÃO NI MAHĀ PAJĀPATIGOTAMĪ

(Pajāpatigotamī)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 391)

"Yassa kāyena vacaya	***"Với người thân miệng ý***
Manasā natthi dukkataṃ	***Không làm các ác hạnh***
Saṃvutaṃ tīhi ṭhānehi	***Ba nghiệp được phòng hộ***
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ".	***Ta gọi Bà-la-môn".***

Kệ ngôn nầy được Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài trú tại Jetavana, đề cập đến Trưởng Lão ni Mahā Pajāpatigotamī.

Tương truyền rằng: Trưởng lão ni Mahā Pajāpatigotamī cùng tùy tùng thọ trì 8 trọng pháp mà Đức Thế Tôn ban hành là:

1- Tỳ khưu ni dầu trăm tuổi hạ cũng phải đảnh lễ vị Tỳ khưu mới xuất gia trong ngày.

2- Tỳ khưu ni phải nhập hạ nơi có Tỳ khưu Tăng.

3- Tỳ khưu ni phải hành Uposatha ở luỡng phái Tăng.

4- Tỳ khưu ni phải hành Pavāranā ở lưỡng phái Tăng.

5- Tỳ khưu ni phạm trọng pháp phải hành phạt Pakkhamānatta ở lưỡng phái Tăng.

6- Học nữ (Sikkhāmānā) phải thọ trì 6 giới trong hai năm liên tục, mới được xuất gia thọ Cụ túc giới trước lưỡng phái Tăng.

7- Tỳ khưu ni không đuợc khiển trách và lăng mạ Tỳ khưu Tăng.

8- Tỳ khưu ni không được giáo giới Tỳ khưu, chỉ có Tỳ khưu được phép giáo giới Tỳ khưu ni.

Bà Gotamī hân hoan thọ lãnh tám trọng pháp như người thích trang điểm nhận lãnh vòng hoa với sự yêu thích quý trọng. Khi thọ Cụ Túc rồi, bà không có Tế Độ Sư và Y chỉ Sư, chư Tỳ khưu ni sau nầy đã nói bà Gotamī như vậy. Thời gian sau nầy câu chuyện ấy đã được lan rộng, bàn tán xôn xao rằng:

- Bà Gotamī không có Tế Độ Sư cùng Y chỉ Sư, nên Bà không phải là Tỳ khưu ni, bà tự động đắp y.

Câu chuyện được bàn tán như thế, chư Tỳ khưu ni không chịu hành Uposatha và Pavāranā với bà. Chư Tỳ khưu ni bạch sự việc ấy lên Đức Như Lai, Ngài phán dạy rằng:

- Nầy chư Tỳ khưu ni, tám trọng pháp mà Như Lai ban hành cho bà Mahā Pajāpatigotamī chính là Tế Độ Sư của bà. Các ngươi chớ có hoài nghi đối với Bậc Vô Lậu, là người đã chấm dứt thân ác hạnh, khẩu ác hạnh và ý ác hạnh.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Với người thân miệng ý. Không làm các ác hạnh. Ba nghiệp được phòng hộ. Ta gọi Bà-la-môn".

☸

CHÚ GIẢI:

Ác nghiệp có quả là khổ, hằng đưa chúng sanh đến khổ cảnh, gọi là dukkataṃ.

Tīhi ṭhānehi: nghĩa là ta gọi người đã phòng hộ các môn không cho ác hạnh như thân ác hạnh… vào theo ba cửa là Bà la môn.

Dứt Pháp thoại nhiều người chứng đạt Thánh Quả như là Dự Lưu…

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Phái nữ chê bà Gotami,
Xuất gia không đúng Tỳ kheo ni,
Không thầy tế độ, thầy tiếp dẫn,
Mà dám làm ngang tự đắp y,
Họ không sám hối với sư bà,
Lại đốc xúi nhau hỏi Phật Đà,
Phật bảo: Chính ta, thầy tế độ,
Cả thầy tiếp dẫn cũng là Ta,
Tám trọng pháp cho nữ xuất gia,
Tỳ kheo ni đã thọ từ qua,
Với người tam nghiệp đều thanh tịnh,
Còn có chi đâu sợ ác tà?.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO NI MAHĀ PAJĀPATI GOTAMĪ

☸

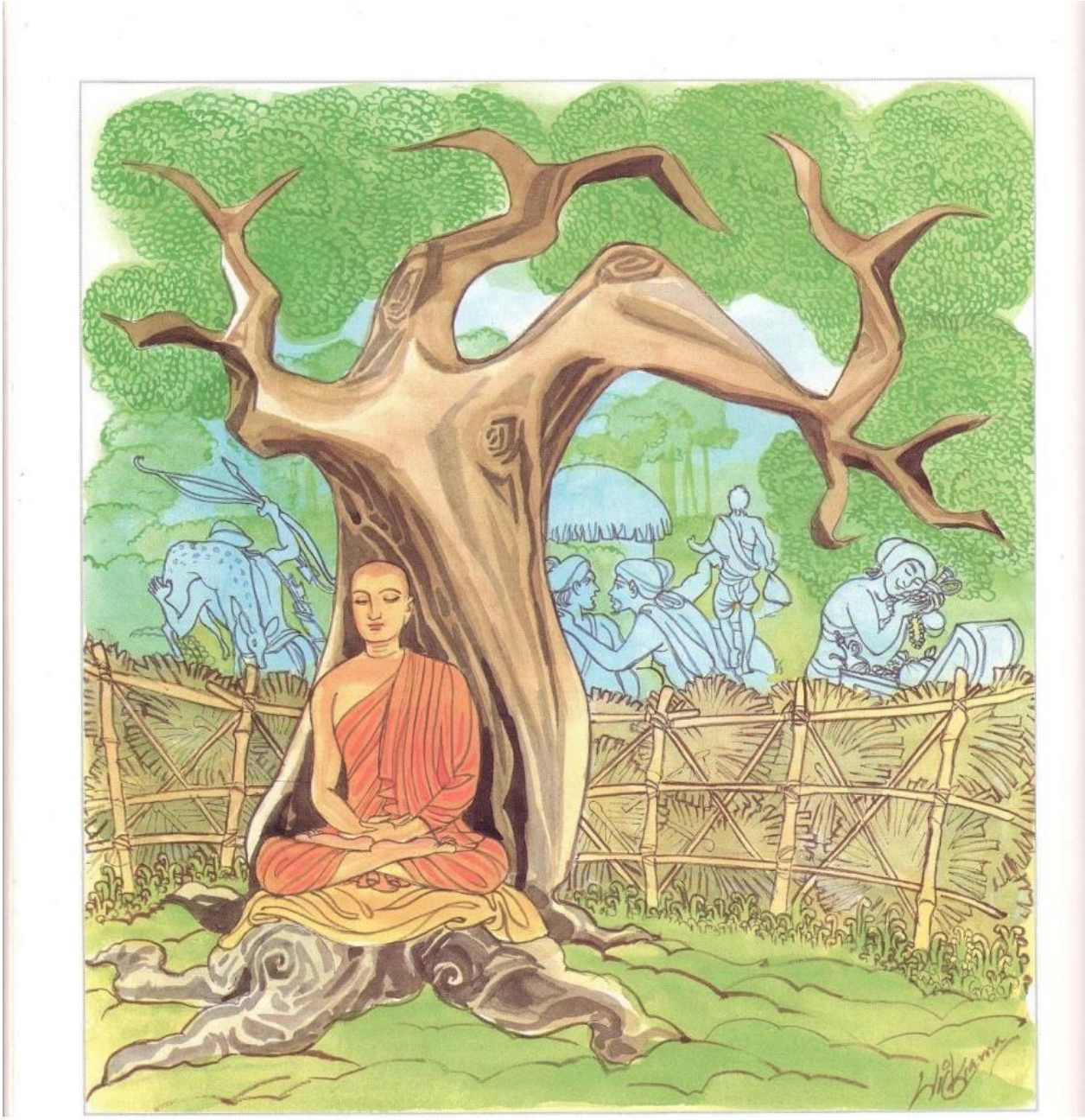

391. Người không tạo ác hạnh. Bằng chính thân khẩu ý. Ba nghiệp được chế chỉ. Ta gọi Bà la môn.

XXVI.9- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 392)

"Yamhā dhammaṃ vijāneyya	***"Từ ai biết chánh pháp***
Sammāsambuddhadesitaṃ	***Bậc Chánh Giác thuyết giảng***
Sakkaccaṃ taṃ namasseyya	***Hãy kính lễ vị ấy***
Aggihutaṃ'va brāhmaṇo".	***Như Phạm chí thờ lửa".***

Đức Thế Tôn trú tại Jetavana, đề cập đến Trưởng lão Sāriputta, thuyết lên kệ ngôn nầy.

Tương truyền rằng: Trưởng lão Sāriputta từ khi nghe được pháp của Trưởng lão Assaji, Ngài chứng đắc được Dự Lưu Quả khi vừa nghe dứt hai câu kệ đầu. Và từ đó, mỗi khi biết Trưởng lão ở nơi nào, Ngài Sāriputta thường hướng về Trưởng lão Assaji chấp tay đảnh lễ và nằm quay đầu về hướng đó. Chư Tỳ khưu bàn luận cùng nhau trong Giảng đường rằng:

- Trưởng lão Sāriputta là người tà kiến, đến như giờ mà vẫn còn đảnh lễ các hướng.

Chư Tỳ khưu mang vấn dề nầy trình bạch lên Bậc Đạo Sư. Đức Thế Tôn cho gọi Trưởng Lão đến hỏi rằng:

- Nầy Sāriputta! Được nghe rằng ngươi thường đảnh lễ các hướng có thật vậy chăng?

- Bạch ThếTôn! Chỉ có Ngài thấu hiểu sự đảnh lễ của con ở các hướng, hay không đảnh lễ ở các hướng.

Rồi Đức Thế Tôn phán dạy chư Tỳ khưu rằng:

- Nầy chư Tỳ khưu! Sāriputta không đảnh lễ các hướng nhưng vì vị ấy được nghe Pháp từ Assaji, chứng đạt Quả Dự Lưu. Do vậy, vị Tỳ khưu nhờ ai được thông suốt Giáo Pháp của Như Lai đã thuyết giảng, vị Tỳ khưu ấy phải thành kính tôn thờ người ấy, như Bà la môn hằng tôn thờ thần lửa vậy.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Từ ai biết chánh pháp. Bậc Chánh Giác thuyết giảng. Hãy kính lễ vị ấy. Như Phạm chí thờ lửa".

☸

CHÚ GIẢI:

Aggihutaṃ'va: nghĩa là nhờ ai ta thông suốt Giáo pháp mà Bậc Toàn Giác đã thuyết giảng, ta phải thành kính tôn thờ vị ấy, giống như là Bà la môn tôn thờ thần lửa bằng cách tế lễ, cúng dường...

Dứt Pháp thoại nhiều người chứng đạt Thánh Quả.

Dịch Giả Cẩn Đề

Pháp chủ nhớ thầy lạy lắm phương,
Chư Tăng đâu rõ lý thông thường,
Chê Ngài xa hướng theo tà đạo,
Mách Đức Tôn Sư được lã tường,
Phật dạy: Tăng nên kính lễ thầy,
Đầu tiên tiếp dẫn đến nơi đây,
Tai nghe Chánh Pháp môn làm lễ.
Như thể Bà môn cúng lửa cây.

DỨT TÍCH CHUYỆN TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA

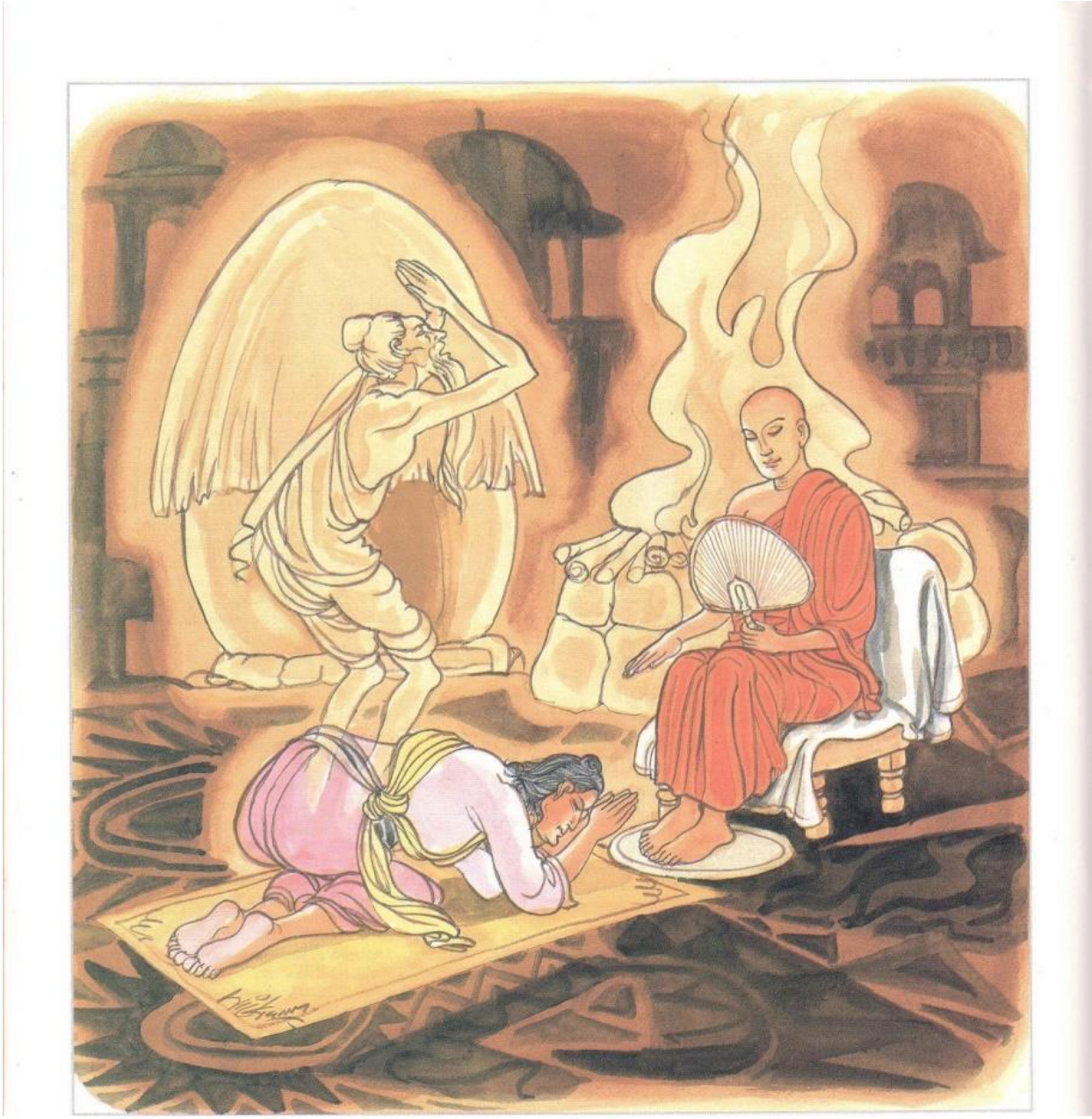

392. Nhờ ai ta hiểu pháp. Bậc Chánh Giác thuyết minh. Vị ấy ta tôn vinh. Như Phạm chí thờ lửa.

XXVI.10- CHUYỆN BÀ LA MÔN JĀṬILA

(Jaṭilobrāhmaṇa)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 393)

Na jaṭāhi na gottena	***"Được gọi Bà-la-môn***
Na jaccā hoti brāhmaṇo	***Không vì đầu bện tóc***
Yamhi saccaṃ ca dhammo ca	***Không chủng tộc thọ sanh***
So sucī so ca brāhmaṇo".	***Ai thật chân chánh tịnh***
	Mới gọi Bà-la-môn".

Đức Đạo Sư khi ngự tại Jetavana, đề cập đến Bà la môn Jātila, thuyết lên Pháp thoại nầy.

Được nghe rằng: Bà la môn Jātila suy nghĩ rằng:

- Ta thọ sanh vào dòng Bà la môn, thiện sanh cả phụ mẫu hệ. Nếu Sa môn Gotama gọi đệ tử mình là Bà la môn, Ngài cũng nên gọi ta như thế mới phải.

Thế là, Bà la môn ấy đi đến Tịnh xá yết kiến Đức Thế Tôn xong rồi, trình lên Đức Thế Tôn vấn đề nầy. Ngài phán rằng:

- Nầy Bà la môn, ta không gọi Bà la môn do vị thắt bím tóc, hay giai cấp hoặc gia tộc, nhưng ta gọi người thông suốt Chơn đế là Bà la môn.

Rồi Ngài tuyên thuyết kệ ngôn rằng:

"Được gọi Bà-la-môn. Không vì đầu bện tóc. Không chủng tộc thọ sanh. Ai thật chân chánh tịnh. Mới gọi Bà-la-môn".

☸

CHÚ GIẢI:

Saccaṃ...: nghĩa là người nào có Saccañāṇa thông suốt Tứ Đế với 16 chi và 9 Pháp Siêu Thế, người ấy là người trong sạch và là Bà la môn.

Dứt Pháp thoại nhiều người chứng đạt Thánh Quả như Dự Lưu.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Phật không, nhưng gọi Bà la môn,
Theo lẽ thông thường của ngoại tôn,
Bện tóc, thọ sanh chi cũng mặc,
Nếu chưa thấu đạt pháp ly ngôn,
Bà la môn Phật, bậc siêu nhân,
Bốn đế an tường, ngộ lý chân,
Tâm vẫn thường hằng trong cõi tịnh,
Không còn mê vọng với tham sân.

DỨT TÍCH BÀ LA MÔN JĀṬILA

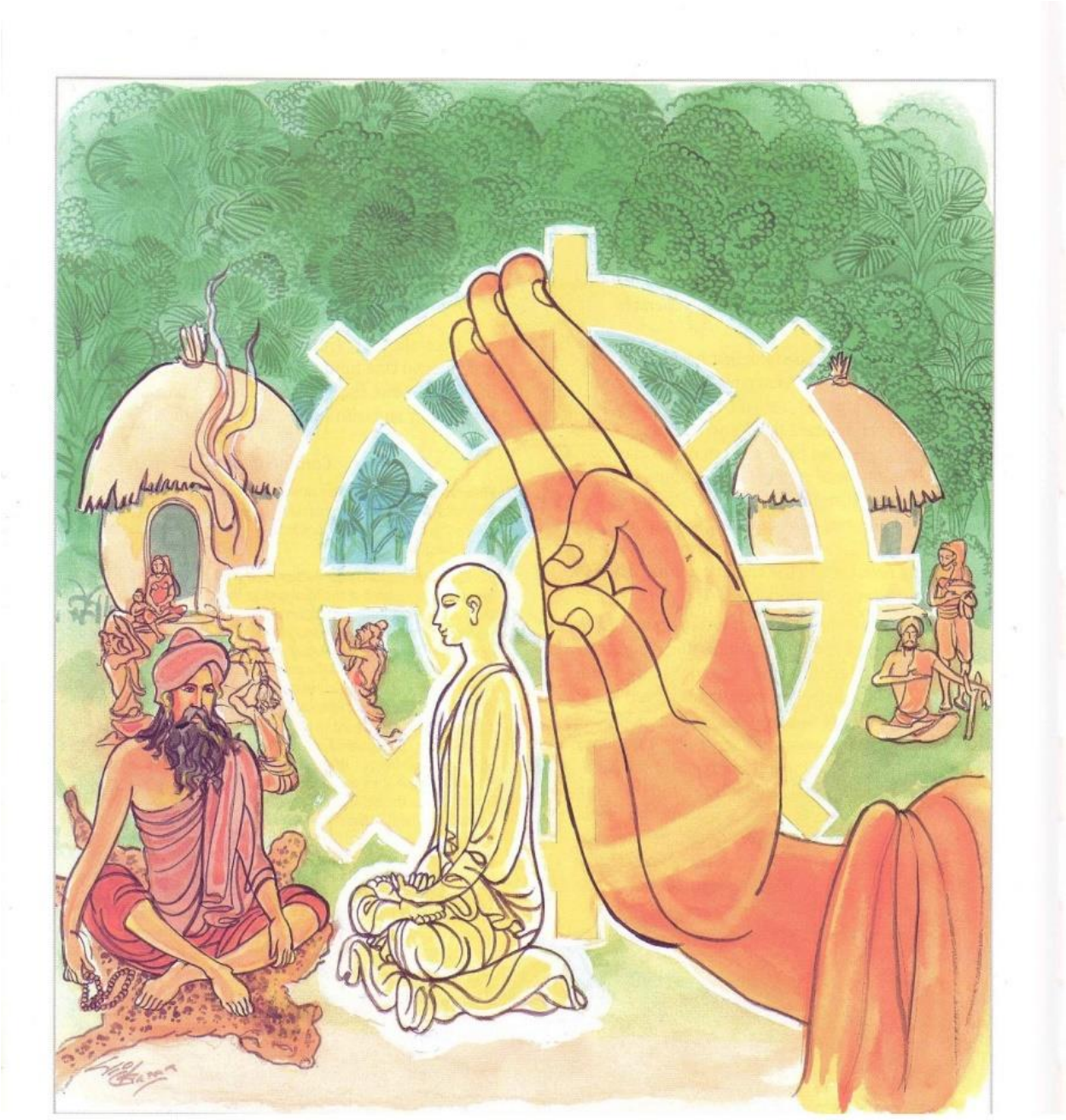

393. Được mệnh danh Phạm Chí. Đâu phải đầu bện tóc. Đâu phải vì gia tộc. Đâu phải gốc thọ sanh. Người chánh, tịnh, chân thành. Thật xứng danh Phạm chí.

XXVI.11- BÀ LA MÔN KUHAKA

(Kuhakabrāhmaṇa)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 394)

"Kiṃ te jaṭāhi dummedha	***"Kẻ ngu có ích gì***
Kiṃ te ajinasātiyā	***Bện tóc với da dê***
Abbhantaraṃ te gahanaṃ	***Nội tâm toàn phiền não***
Bāhiraṃ parimajjasi".	***Ngoài mặt đánh bóng suông".***

Kệ ngôn nầy được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Kūṭagārasālā, Ngài đề cập đến Bà la môn Kuhaka, tuyên thuyết lên.

Tương truyền rằng: Bà la môn Kuhaka trèo lên một cái cây, gần kinh thành Vesalī trèo ngược đầu xuống, nói rằng:

- Các ngươi hãy cho ta 100 con bò, hãy cho ta tiền và hãy cho nữ nhân hầu hạ ta. Nếu các ngươi không tuân, ta sẽ rớt xuống chết, khiến kinh thành các ngươi sẽ tiêu hoại ngay.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn cùng chư Tỳ khưu đi vào thành khất thực khi trở ra vẫn thấy Bà la môn ấy treo mình như thế, riêng về dân chúng suy nghĩ:

- Bà la môn nầy treo mình như thế từ sáng đến giờ, nếu y rớt xuống (chết) thì kinh thành sẽ tan nát như lời nguyện của y.

Vì e sợ kinh thành bị tiêu hoại, nên dân chúng chấp nhận yêu cầu của Bà la môn Kuhaka. Kuhaka được những món y xin, mới chịu rời bỏ đi.

Chư Tỳ khưu thấy y đi giống như loài bò gần Tịnh xá, sực nhớ nên hỏi Bà la môn ấy rằng:

- Nầy Bà la môn, ngươi có được những vật như ý muốn chăng?

- Vâng được rồi.

Chư Tỳ khưu bạch trình lên Đức Thế Tôn việc nầy, Ngài phán rằng:

- Nầy chư Tỳ khưu, chẳng phải bây giờ Bà la môn ấy là người dối trá đâu. Trong quá khứ y cũng đã từng dối trá như thế rồi. Bà la môn ấy chỉ lừa dối được kẻ ngu thôi, chứ trong quá khứ y không thể gạt được người trí.

Chư Tỳ khưu cung thỉnh Đức Thế Tôn thuyết giảng Bổn Sanh.

Thời quá khứ, có vị đạo sĩ dối trá, y sống nhờ một gia đình hộ độ trong làng Kāmika. Gia đình ấy xem đạo sĩ như là con ruột trong nhà, dâng vật thực đến y vào buổi sáng. Phần vật thực buổi chiều thì để dành dâng ngày hôm sau.

Một hôm, gia đình ấy bắt được con kỳ đà, nấu thành món canh thượng vị, để dành một phần canh ấy dâng cho y vào ngày hôm sau. Đạo sĩ dùng thịt kỳ đà, tâm bị đắm nhiễm vào món ăn ấy, y hỏi rằng: Thịt gì thế? Khi biết được đó là thịt kỳ đà, đạo sĩ liền đi khất thực, được bơ sữa cùng những món gia vị như muối... y đem cất riêng.

Bấy giờ, có con kỳ đà ở trong gò mối gần Tịnh thất, thường kỳ đà đi đến đảnh lễ đạo sĩ trong những thời thích bợp. Ngày hôm ấy, đạo sĩ suy nghĩ rằng: *"Ta sẽ giết con kỳ đà nầy".* Y giấu cây, ngồi lim dim như ngủ canh gò mối. Con kỳ đà từ gò mối chui ra, đi đến thấy y có những cử chỉ khả nghi bất thiện, nó suy nghĩ:

- Hôm nay ta không hoan hỷ với hành động của Đạo sĩ nầy.

Kỳ đà liền quay lại hang, thấy vậy gã đạo sĩ liền ném khúc cây để giết chết kỳ đà, nhưng khúc cây trượt đi, kỳ đà chạy vào hang, đưa đầu ra nói với đạo sĩ rằng: *"Ta lầm tưởng ngươi là bậc có sự thu thúc như Sa môn. Nầy người kia, ngươi chẳng phải là Sa môn, ngươi đã dùng khúc cây hại ta. Hỡi người kém trí, sự thắt bính của ngươi có lợi ích chi? Bên trong ngươi đầy ô uế, nhưng bề ngoài ngươi lại điểm tô rất đẹp".*

Thấy âm mưu của mình bị lộ, đạo sĩ dụ dỗ kỳ đà rằng:

- Nầy hỡi kỳ đà, ngươi hãy chui ra ăn cơm Sāli, dầu, muối, tiêu của ta đầy đủ.

Kỳ đà đáp lại rằng:

- Bấy lâu nay ta ngờ ngươi là Sa môn, giờ đây ngươi ném khúc cây toan giết ta. Ngươi không phải là Sa môn. Sự thắt bính của người thiếu trí như ngươi có lợi ích chi? Sự vận mặc y bằng da nai Jina của ngươi có lợi ích chi? Vi bên trong ngươi đầy ô uế, bên ngoài ngươi lại khéo điểm trang.

Sau khi thuyết giảng Bổn Sanh, Đức Thế Tôn phán rằng:

- Nầy chư Tỳ khưu! Đạo sĩ ấy nay chính là Bà la môn Kuhala. Kỳ đà có trí nay chính là Đấng Như Lai vậy.

Sau khi nhận diện bổn sanh rồi, Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Kẻ ngu có ích gì. Bện tóc với da dê. Nội tâm toàn phiền não. Ngoài mặt đánh bóng suông".

CHÚ GIẢI:

Kiṃ te jaṭāhi: là hỡi người kém trí, sự thắt bím tóc ích lợi chi cho ngươi mà ngươi bện, cùng với sự mặc y da dê của ngươi.

Abbhantaraṃ: nghĩa là bên trong ngươi còn đầy ô uế như phiền não như ái... bên ngoài ngươi lại khéo tô điểm như phẩn dê, phẩn ngựa sơn phết bên ngoài.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Hăm sẽ buông mình chết tại đây,
Hồn oan phá nát cả thành nầy,
Dân ngu hoảng sợ, cho tài vật,
Mỗi bữa sơ sơ một đảy đầy,
Bà la môn giỏi thế bây giờ,
Kiếp trước từng quen thói phỉnh phờ,
Tính giết kỳ đà xơi thật ngọt,
Bị cài một mẽ, thật không ngờ,
Ích gì bện tóc, mặc da dê,
Trang điểm bên ngoài gạt kẻ mê,
Phiền não nội tâm chưa dứt sạch,
Một phen lộ tẩy, chỉ trò hề.

DỨT TÍCH BÀ LA MÔN KUHAKA

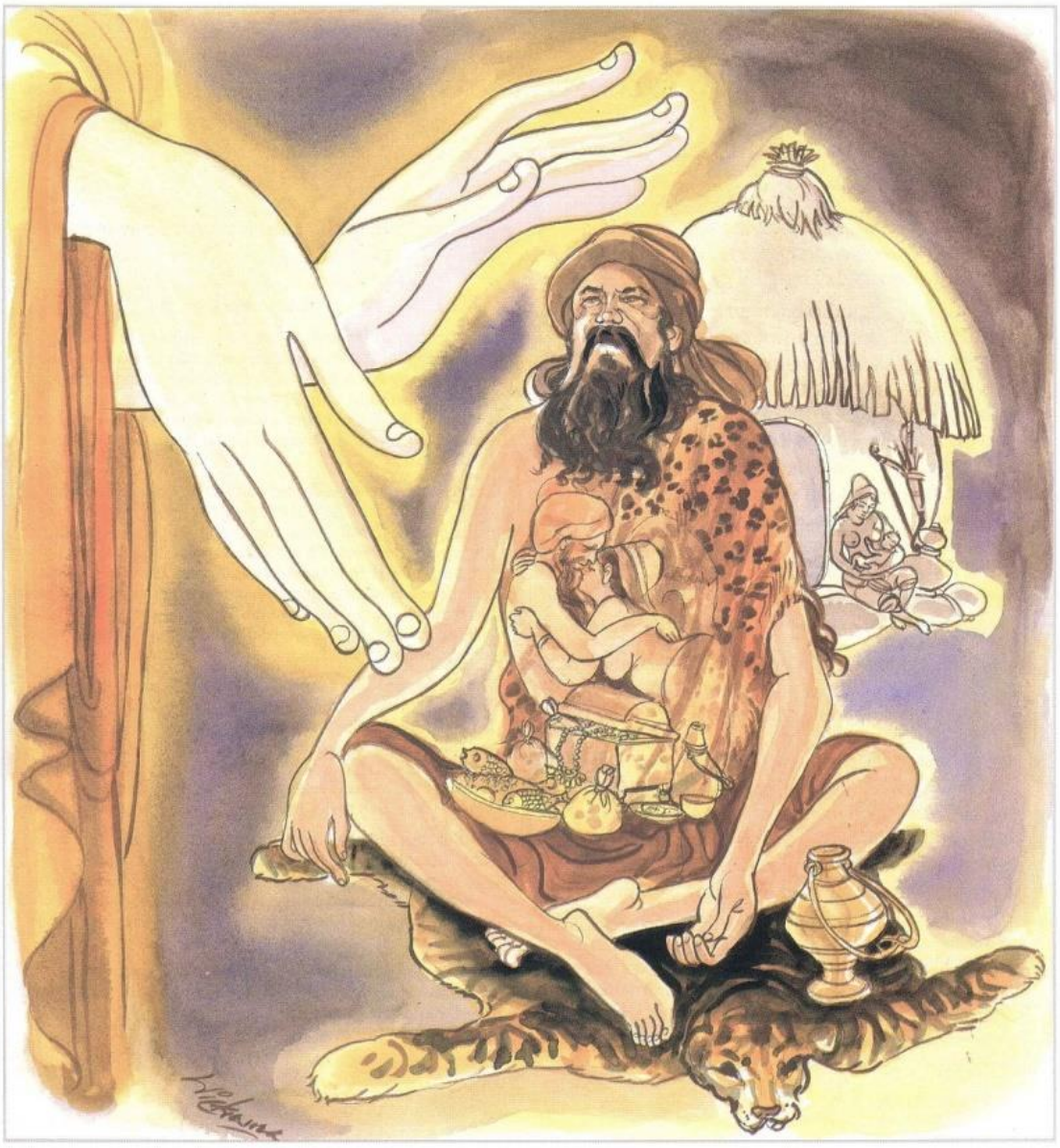

394. Ơ kìa kẻ ngu si! Thắt tóc bím ích chi? Khoác da nai ích gì? Trong chứa đầy tham dục. Ngoài trang điểm dung nghi!

XXVI.12- NÀNG KISĀGOTAMĪ

(Kisāgotamī)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 395)

"Paṃsukūladharaṃ jantuṃ	***"Người mặc áo đống rác***
Kisaṃ dhamanisanthataṃ	***Gầy ốm lộ mạch gân***
Ekaṃ vanasmiṃ	***Độc thân thiền trong rừng***
Jhāyantaṃ tamahaṃ	***Ta gọi Bà-la-môn".***
Brūmi brāhmaṇaṃ".	

Kệ ngôn nầy được Đức Thế Tôn trú tại núi Gijjhakūṭa, đề cập đến nàng Kisāgotamī.

Tương truyền rằng: Một lần nọ, Thiên Vương Đế Thích Sakka cùng Thiên Tử tùy tùng đi đến núi Gijjhakūṭa đảnh lễ Đức Thế Tôn vào canh đầu. Sau khi đảnh lễ Đức Thế Tôn, Thiên Vương cùng tùy tùng ngồi xuống một bên.

Khi ấy, vị Tỳ khưu ni Kisāgotamī suy nghĩ rằng: *"Ta nên đến đảnh lễ Bậc Đạo Sư".*

Nàng Kisāgotamī theo đường hư không đến nơi ngự của Đức Thế Tôn, trông thấy Thiên Vương Đế Thích nơi ấy, nàng quay trở về.

Trông thấy nàng Kisāgotamī, Thiên Vương đến đảnh lễ nàng, rồi quay trở lại bạch hỏi Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vị nữ ni ấy là ai thế? Vì sao vừa thấy Ngài, vị ấy lại ra về.

- Nầy Thiên Vương! Đó là Kisāgotamī, con gái của Như Lai. Nàng là người thù thắng nhất trong hàng Tỳ khưu ni về hạnh mặc y phấn tảo.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Người mặc áo đống rác. Gầy ốm lộ mạch gân. Độc thân thiền trong rừng. Ta gọi Bà-la-môn".

☸

CHÚ GIẢI:

Kisaṃ: nghĩa là người mặc y phấn tảo, hành những điều thích hợp với mình, gầy ốm, thân mình lộ gân xanh. Do vậy Đức Thế Tôn phán như thế.

Ekaṃ vanasmiṃ: nghĩa là ta gọi người hành thiền một mình trong nơi thanh vắng là Bà la môn.

Dứt Pháp thoại nhiều người chứng đạt Thánh Quả như là Dự Lưu.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Đầu hôm Trưởng lão Gotami,
Về lễ Phật rồi, lại biến đi,
Đế Thích chưa quen nên hỏi Phật,
Bà vừa mới đến, ấy tên chi?
Phật đáp: Đầu đà phấn tảo y,
Tên Kiều Đàm ốm, Tỳ kheo ni,
Rừng sâu, siêng sống tu thiền định,
Mình lộ gân xương, sá kể chi?

DỨT TÍCH NÀNG KISĀGOTAMĪ

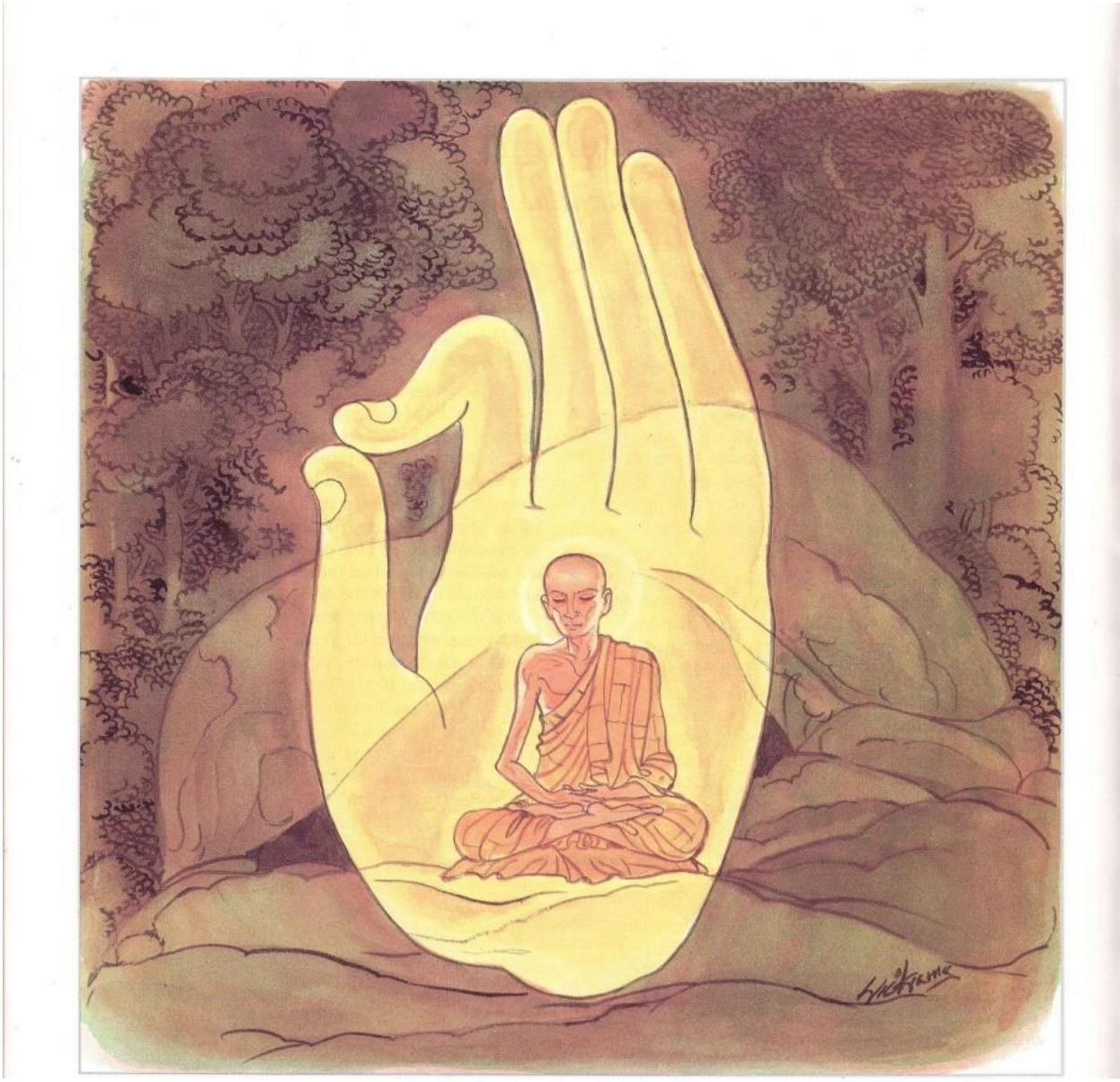

395. Người đắp y chắp vá. Gầy ốm gân lộ ra. Thiền định giữa rừng già. Bà la môn ta gọi.

XXVI.13- CHUYỆN VỊ BÀ LA MÔN

(Aññatarabrāhmaṇa)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 396)

"Na cāhaṃ brāhmaṇaṃ brūmi,	***"Ta không gọi Phạm chí,***
Yonijaṃ mattisambhavaṃ,	***Vì chỗ sanh mẹ sanh,***
Bhovādī nāma so hoti,	***Chỉ được gọi tên suông,***
Sace hoti sakiñcano,	***Nếu tâm còn phiền não,***
Akiñcanaṃ anādānaṃ,	***Không phiền não chấp trước,***
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ".	***Ta gọi Bà-la-môn".***

Khi Bậc Đạo Sư ngự tại Jetavana Ngài đề cập đến vị Bà la môn, thuyết lên kệ ngôn nầy.

Tương truyền rằng: Bà la môn ấy suy nghĩ rằng:

- Sa môn Gotama gọi đệ tử của Ngài là Bà la môn. Ta cũng sanh từ dòng Bà la môn, Ngài nên gọi ta như vậy mới phải.

Bà la môn ấy đi đến Tịnh xá Jetavana đảnh lễ Đức Thế Tôn xong rồi trình lên Ngài việc đó.

- Nầy Bà la môn, Như Lai không gọi *"Bà la môn"* chỉ vì thọ sanh từ dòng Bà la môn, người nào đã chấm dứt không còn phiền não, không còn chấp thủ, ta gọi người ấy là Bà la môn.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Ta không gọi Phạm chí. Vì chỗ sanh mẹ sanh. Chỉ được gọi tên suông. Nếu tâm còn phiền não. Không phiền não chấp trước. Ta gọi Bà-la-môn".

CHÚ GIẢI:

Yonijaṃ: tức là thọ sanh.

Mattisambhavaṃ: nghĩa là người thọ sanh vào thai bào của mẹ là nữ Bà la môn.

Bhovādī: nghĩa là câu nói thường dùng cho người thân mến cách xưng hô như thế... gọi là Bhovādī. Vì rằng chính ý vẫn còn phiền não như ái... nhưng ta gọi người đã chấm dứt phiền não như ái... không còn chấp thủ, người ấy là Bà la môn.

Dứt Pháp thoại, vị Bà la môn ấy chứng Quả Dự Lưu.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Thầy nghĩ: Ta đây có mẹ dòng,
Bà la môn nữ, vậy ta đồng,
Ngang hàng với bậc Thinh Văn Giác,
Hỏi Phật: Ý này có đúng không?
Phật bảo: Bà la môn tên suông.
Nếu còn chấp trước, dục chưa buông,
Não phiền giũ sạch, người không chấp,
Mới thật Bà la môn mẫu khuôn.

DỨT TÍCH CHUYỆN VỊ BÀ LA MÔN

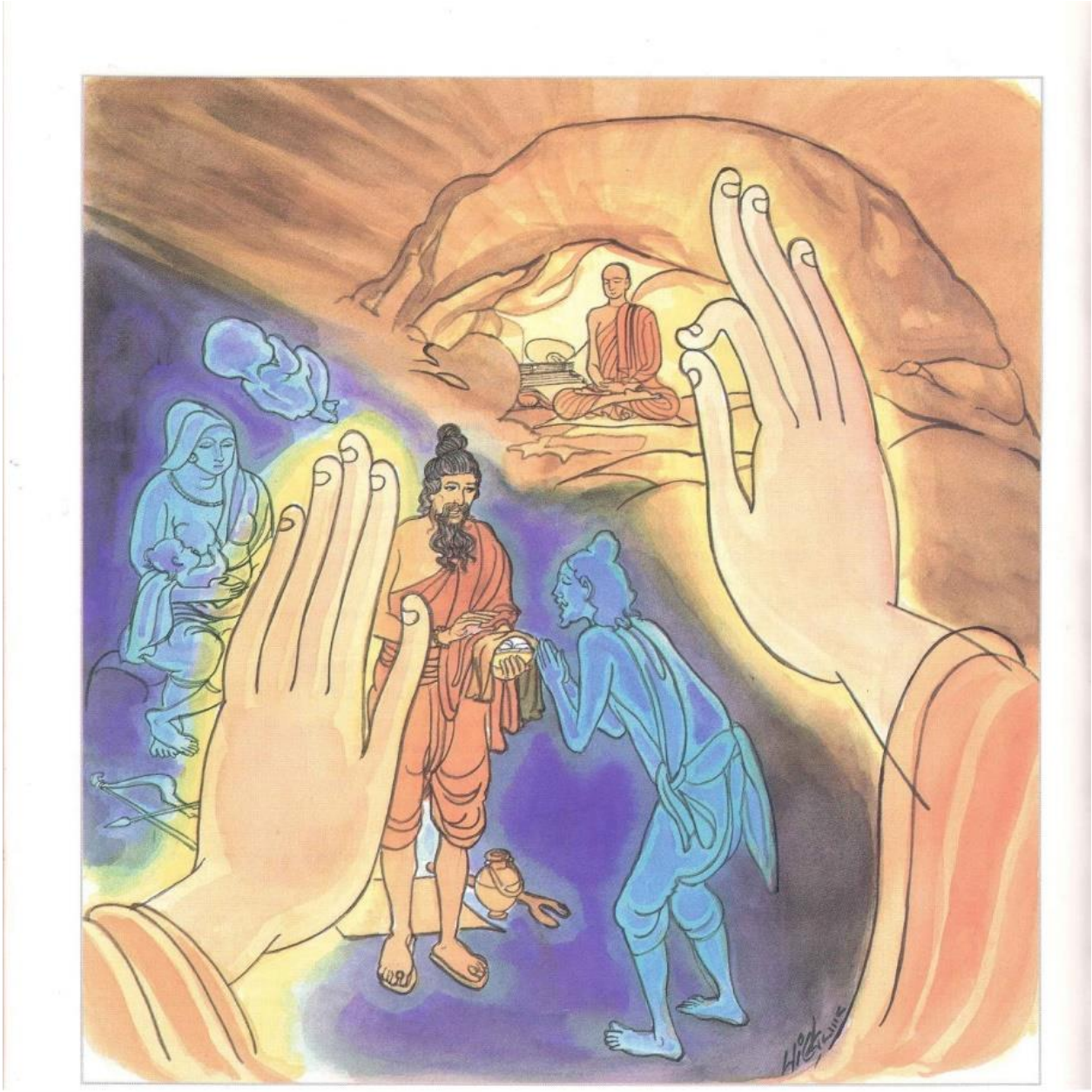

396. Không gọi Bà la môn. Vì thai sanh, mẹ sanh. Chỉ gọi đúng tánh danh. Nếu tâm còn điên đảo. Không chấp thủ, phiền não. Ta gọi Bà la môn.

XXVI.14- NGÀI UGGASENA

(Uggasena)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 397)

"Sabbasaṃyojanaṃ chetvā,	***"Đoạn kết các kiết sử,***
Yo ve na paritassati,	***Không còn gì lo sợ,***
Saṅgātigaṃ visaṃyuttaṃ,	***Không đắm trước buộc ràng,***
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ"	***Ta gọi Bà-la-môn".***

Đức Thế Tôn khi ngự tại Veḷuvana. Ngài đề cập đến con trai Trưởng giả Uggasena, tuyên thuyết lên pháp thoại nầy.

(Câu chuyện nầy được giảng rộng trong bài kệ Kuñca pūre muñca pacchato...(PC.348).

Bấy giờ chư Tỳ khưu ngồi lại Giảng đường, bàn luận với nhau về Ngài Uggasena, nói rằng:

- Nầy Hiền giả Uggasena, khi Hiền giả từ trên cao phóng xuống, Hiền giả có sự sợ hãi chăng?

- Nầy chư Hiền, tôi không có sợ hãi.

Chư Tỳ khưu đã trình lên Đức Thế Tôn về chuyện ấy:

- Bạch Thế Tôn! Hiền giả Uggasena hay nói rằng: *"Ta không có sợ hãi".* Chắc vị ấy khoe pháp Thượng nhân với lời phi chân.

- Nầy chư Tỳ khưu! Con của Như Lai đã cắt đứt mọi triền phược, không còn sợ hãi nữa.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Đoạn kết các kiết sử. Không còn gì lo sợ. Không đắm trước buộc ràng. Ta gọi Bà-la-môn".

☸

CHÚ GIẢI:

Sabbasaṃyojanaṃ: tức là thập triền (10 sợi dây trói buộc).

Na paritassati: là hằng không sợ hãi do ái.

Tamahaṃ: phân tích thành Taṃ + shaṃ nghĩa là ta gọi người đã vượt qua mọi ràng buộc, do đã vượt qua mọi buộc ràng như tham ái... đã thoát khỏi vì không còn Tứ Kết, người ấy là Bà la môn.

Dứt Pháp thoại, nhiều người chứng Thánh Quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Công tử nghỉ nghề hát, xuất gia,
Bỗng nhiên y bát tự sanh ra,
Chư Tăng đón hỏi: Khi nhào lộn,
Trên ngọn tre cao chẳng sợ ai,
Tỳ khưu mới đáp: Chẳng bao giờ,
Tôi thấy kinh hoảng, sợ vẩn vơ,
Nghe vậy chư Tăng vào mách Phật,
Để Ngài khiển trách vị Sư khờ,
Phật dạy: Con ta đã tự mình,
Đoạn trừ kiết sử, đắc Vô sanh,
Không còn sợ hãi, không sầu muộn,
Đáng gọi Bà la môn chính danh.

DỨT TÍCH NGÀI UGGASENA

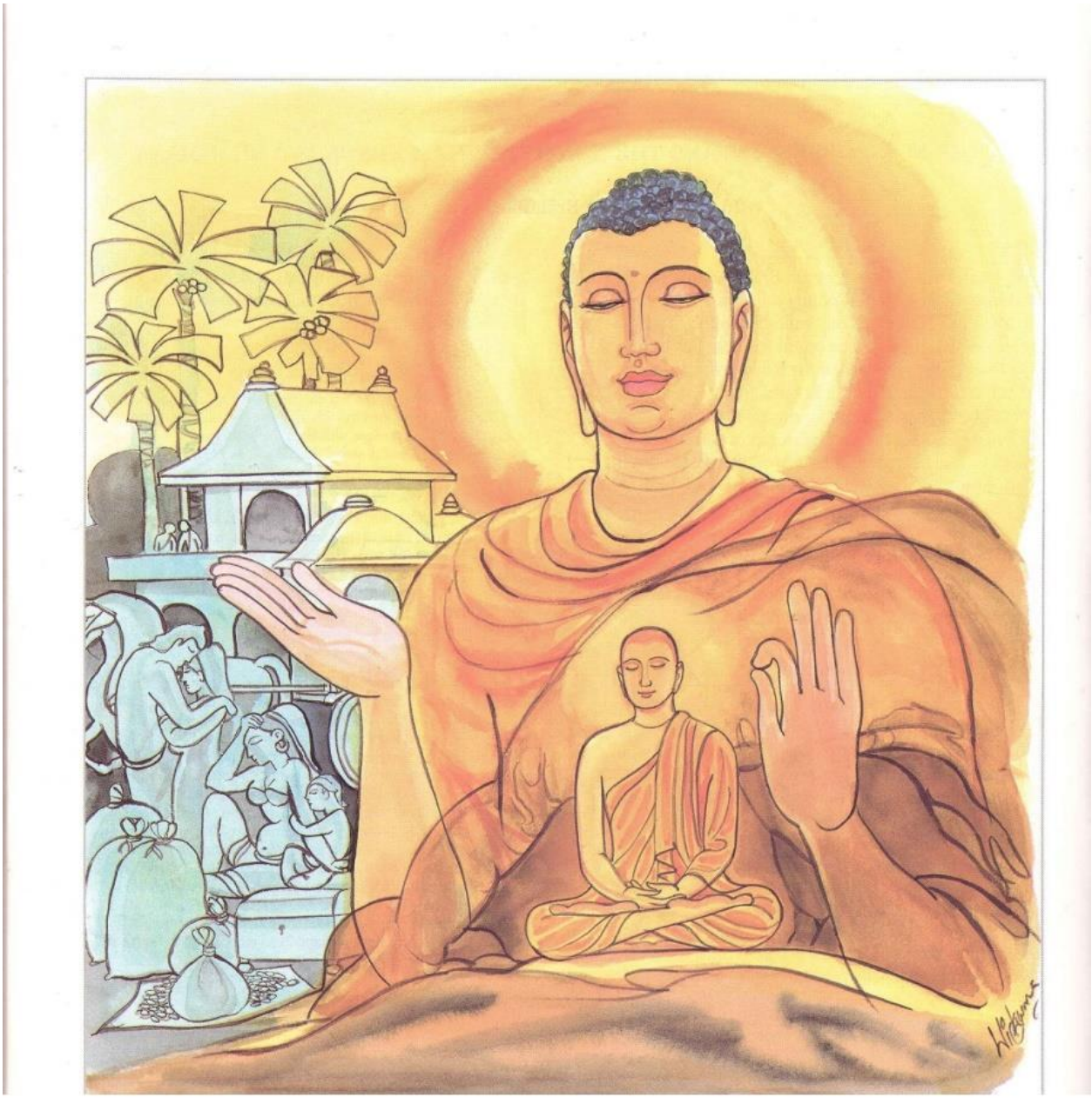

397. Đoạn hết mọi kiết sử. Không khiếp sợ kinh hồn. Vượt xiềng xích đắm trước. Ta gọi Bà la môn.

XXVI.15- CHUYỆN HAI VỊ BÀ LA MÔN

(Dvebrāhmaṇa)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 398)

"Chetvā naddhiṃ varattaṃ	***"Bỏ đai da (sân hận) bỏ cương (luyến ái)***
Ca sandānaṃ sahanukkamaṃ	***Bỏ dây (ngủ ngầm) đồ sở thuộc (vô minh)***
Ukkhittapalighaṃ buddhaṃ	***Bỏ then chốt (Phật) sáng suốt***
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ".	***Ta gọi Bà-la-môn".***

Kệ ngôn nầy được Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến hai vị Bà la môn.

Tương truyền rằng: Có hai vị Bà la môn, mỗi người có một con bò, tên là Mahārohita và Cūlarohita.

Một hôm, hai vị Bàn môn ấy gặp nhau, họ tranh cãi nhau:

- Bò ta mạnh hơn bò của ngươi.

Sau một lúc tranh cãi, ai cũng cho bò của mình mạnh hơn. Cả hai đồng ý với nhau rằng:

"Sự tranh cãi như vầy chẳng đưa đến kết quả chi cả. Vậy chúng ta hãy cho hai con bò thử sức với nhau thôi".

Thế là, họ chất đầy xe cát ở bờ sông Aciravatī cho bò kéo đi. Bây giờ, chư Tỳ khưu cũng đến sông Aciravatī tắm, thấy hai con bò không thể kéo được xe đi, chỉ có đai da và cương bị đứt cả.

Chư Tỳ khưu trở về Tịnh xá, bạch trình lên Đức Thế Tôn sự việc nầy. Ngài phán dạy rằng:

- Nầy chư Tỳ khưu! Đai da và các loại dây ấy chỉ là bên ngoài, cũng có người chặt đứt được loại dây nầy. Nhưng còn vị Tỳ khưu cần phải chặt đứt đai da tức là sự sân hận và dây tức là ái luyến ở bên trong.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Bỏ đai da (sân hận) bỏ cương (luyến ái). Bỏ dây (ngủ ngầm) đồ sở thuộc (vô minh). Bỏ then chốt (Phật) sáng suốt. Ta gọi Bà-la-môn".

☸

CHÚ GIẢI:

(1) Hận, 2 (ái), (3) tà kiến, (4) tùy miên, (5) vô minh.

Naddhiṃ: tức là sân hận là vật trói buộc.

Varattaṃ: tức là ái, là vật trói buộc

Sandānaṃ sahanukkamaṃ... nghĩa là người đã chặt đứt mối nối là 62 tà kiến cùng với những tùy miên, gọi là người đã nhổ bỏ được then chốt, tức là vô minh. Đã giác ngộ Tứ Diệu Đế, người ấy Như Lai gọi là Bà la môn.

Dứt thời Pháp cả 500 vị Tỳ khưu chứng đạt A La Hán. Pháp thoại mang lại lợi ích cho thính chúng.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Hai thầy thử sức của đôi bò,
Cho kéo cát đầy xe thật to,
Bò mạnh kéo xe không nhúc nhích,
Nhưng dây thừng đứt tợ dây nho
Theo dây, Phật nhắc các nhà Sư,
Phiền não ngủ ngầm phải tự tư,
Ráng bức dây thừng sân, dục, ái,
Bà la môn xưng với danh từ.

DỨT TÍCH CHUYỆN HAI VỊ BÀ LA MÔN

☸

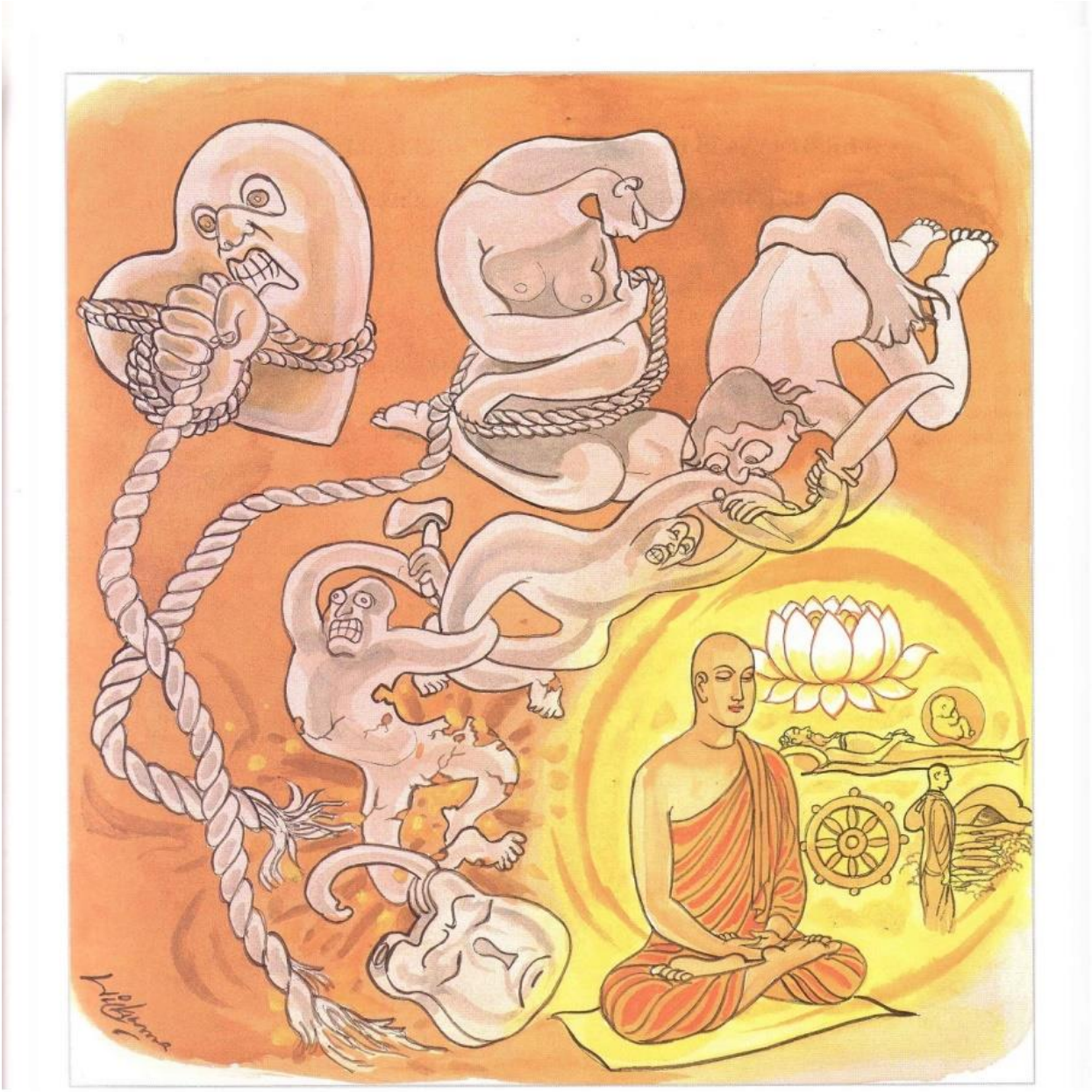

398. Cắt dây cương[1], đai da[2]. Đứt dây[3], đồ phụ xa[4]. Bỏ trục ngang[5], giác ngộ. Ta gọi Bà la môn.

(1) Ái dục; (2) Sân hận; (3)Tà kiến; (4) Tùy miên; (5) Vô minh.

XXVI.16- BÀ LA MÔN AKKOSAKA BHĀRADVĀJA

(Akkosakabhāradvāja)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 399)

"Akkosaṃ vadhabandhañca	***"Không ác ý nhẫn chịu***
Aduṭṭho yo titikkhati	***Phỉ báng đánh phạt hình***
Khantībalaṃ balānīkaṃ	***Lấy nhẫn làm nhân lực***
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.	***Ta gọi Bà-la-môn".***

Đức Thế Tôn khi trú tại Veḷuvana, đề cập đến Bà la môn Akkosaka Bhāradvāja, đã thuyết lên kệ ngôn.

Tương truyền rằng: Bà là môn Akkosaka Bhāradvāja có một người anh, người nầy có người vợ là một nữ Bà la môn đã đắc chứng Bậc Dự Lưu, vợ Bà la môn Bhāradvāja có thói quen tụng niệm danh hiệu Đức Thế Tôn mỗi khi bà ho hoặc nhảy mũi. Khi ấy nàng thường niệm: Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa.

Một hôm, trong lúc mang vật thực lên cho Bà la môn ấy, bà bị vấp té, nên giật mình tụng niệm lời niệm ấy. Bà la môn Bhāradvāja tức giận mắng nhiếc bà:

- Con khốn nầy, lúc nào cũng tán dương Sa môn trọc đầu ấy. Giờ đây ta sẽ đến chất vấn ông Sa môn ấy, là Bậc Đạo Sư của ngươi đây.

- Nầy ông! Ông hãy đi đi, tôi chưa bao giờ thấy ai có thể cật vấn với Đức Đạo Sư được. Ông hãy đi cật vấn Đức Thế Tôn đi.

Bà la môn ấy đi đến Tịnh xá, đảnh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, đứng một bên chất vấn ngài rằng:

- *"Người diệt được chi gọi là sống an lạc? Diệt được vật chi mới không sầu muộn. Thưa Sa môn Gotama, Ngài thường tán tụng pháp chi nhất?"*.

- *"Nầy Bà la môn! Người diệt được sân hận sống an lạc. Diệt được sân hận sống không sầu muộn. Nầy Bà la môn, bậc Thánh hằnq tán thán sự diệt được sân hận, sân hận có rễ là độc, có ngọn là vị ngọt. Người đã trừ được sân hận không còn sầu muộn"*.

Nghe được Pháp âm của Đức Thế Tôn, Bà la môn ấy phát sanh tịnh tín và xin xuất gia với Bậc Đạo Sư. Chẳng bao lâu ông tinh cần hành pháp, chứng đắc được quả vị A La Hán.

Bấy giờ nghe tin anh mình đã xuất gia, Bà la môn Akkosaka (người em) cùng với người em kế bất bình đi đến Tịnh xá Jetavana lăng mạ Đức Thế Tôn bằng lời nói thô tục. Và y cùng với người em kế cũng được Đức Đạo Sư nhiếp phục và tế độ bằng ví dụ đem đãi khách. Y tịnh tín xin xuất gia với Bậc Đạo Sư và về sau tinh cần hành pháp cũng chứng đạt A La Hán Quả.

Akkosaka còn có hai người em nữa là Sandarika và Bilaṇka cũng lăng mạ Đức Thế Tôn như vậy, cả hai cũng được Ngài tế độ, rồi họ cũng được xuất gia trong Giáo Pháp của Ngài và chứng đạt A La Hán Quả.

Một hôm, chư Tỳ khưu ngồi lại Giảng đường bàn luận với nhau rằng:

- Nầy chư Hiền, ân đức Phật thật là thù diệu. Cả bốn anh em Bà la môn ấy lăng mạ Ngài, Ngài vẫn an nhiên, trái lại Ngài còn tế độ, là nơi nương nhờ cho các vị Bà la môn ấy.

Đức Thế Tôn ngự đến phán hỏi rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Các ngươi đang bàn luận về vấn đề gì?

Chư Tỳ khưu trình lên Đức Thế Tôn vấn đề đang bàn luận.

- Nầy chư Tỳ khưu! Như Lai không ác hại với người ác hại. Vì Như Lai có đủ sức mạnh là sự nhẫn nại, thường là nơi nương nhờ của đại chúng thật sự.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Không ác ý nhẫn chịu. Phỉ báng đánh phạt hình. Lấy nhẫn làm quân lực. Ta gọi Bà-la-môn".

☸

CHÚ GIẢI:

Aduṭṭho...: nghĩa là người nào tâm sân hận, chịu đựng lời lăng mạ và lời đả kích với lo sợ đánh đập bằng tay... hoặc sự hình phạt bằng gông xiềng. Người lấy nhẫn nại làm sức mạnh, do có sự nhẫn nại là sức mạnh người ấy có được quân lực tối thắng, người ấy Như Lai gọi là Bà la môn.

Dứt Pháp thoại nhiều người chứng đạt Thánh Quả...

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Bốn anh em nọ ở chung nhà,
Mắng Phật đã rồi, lại xuất gia,
Ấy thế mà sau La Hán cả,
Nhờ Ngài đem nhẫn nại độ tha,
Không giận, dầu ai phỉ báng mình,
Dầu ai đánh đập, hoặc gia hình,
Bà la môn chính danh như Phật,
Mát mẻ nhờ oai lực nhẫn binh.

DỨT TÍCH BÀ LA MÔN AKKOSAKA BHĀRADVĀJA

☸



399. Ai chịu đựng không sân. Trước hủy báng, áp bức. Lấy nhẫn làm quân lực. Ta gọi Bà la môn.

XXVI.17- TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA

(Sāriputtatthera)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 400)

"Akkodhanaṃ vatavantaṃ,	***"Không hận, hết bổn phận,***
Sīlavantaṃ anussutaṃ,	***Trì giới không tham ái,***
Dantaṃ antimasārīraṃ,	***Nhiếp phục thân cuối cùng,***
Tam ahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ".	***Ta gọi Bà la môn".***

(HT Thích Minh Châu)

Kệ ngôn nầy được Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Veḷuvana, đề cập đến Trưởng lão Sāriputta.

Tương truyền rằng: Khi Trưởng lão cùng với 500 Tỳ khưu tùy tùng, một hôm đến nhà của mình để khất thực ở làng Nālaka.

Thân mẫu của Trưởng lão Sāriputta đã cung thỉnh chư Tỳ khưu Tăng vào ngồi trong tư gia, trong lúc cúng dường vật thực đã trách mắng Trưởng lão rằng:

- Con chỉ được toàn những vật thực dư thừa, cơm nước dư thừa, loại vật thực dính nơi đáy nồi của người mà thôi. Con đã từ chối 80 Koṭi tài sản để đi xuất gia, cũng vì con mà ta bị phá sản, nầy con! Con hãy ăn đi.

Trong lúc bà dâng vật thực đến chư Tỳ khưu, đã trách mắng các Ngài rằng:

- Con của tôi bị các ông quyến rũ, nầy các ông hãy ăn đi.

Trưởng lão cùng với chư Tỳ khưu nhận vật thực xong rồi, yên lặng trở về Tịnh xá.

Và Ngài Rāhula dâng vật thực lên Đức Thế Tôn, Ngài phán hỏi rằng:

- Nầy Rāhula (hôm nay) ngươi đi khất thực nơi nào vậy?

- Bạch Thế Tôn, hôm nay chúng con đi khất thực nơi nhà thân mẫu Tế Độ Sư của con.

- Thế thì Thầy Tế Độ của con có bị nói chi chăng?

- Bạch Thế Tôn! Tế Độ Sư của con bị bà thân mẫu mắng.

- Thầy của con bị trách như thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Bị trách mắng như thế nầy thế nầy.

- Thầy của ngươi đã nói như thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Chẳng nói chi cả, Ngài chỉ im lặng mà thôi.

Thế rồi, chư Tỳ khưu đã bàn luận về sự kiện ấy nơi Giảng đường rằng:

- Nầy chư Hiền, ân đức của Trưởng lão Sāriputta thật kỳ diệu thay, dù thân mẫu Ngài có trách mắng như vậy. Ngài cũng chẳng mảy may bất bình.

Đức Thế Tôn đi đến phán hỏi rằng:

- Nầy chư Tỳ khưu! Các ngươi đang bàn luận về vấn đề gì?

Chư Tỳ khưu trình lên Đức Thế Tôn vấn đề ấy. Ngài phán rằng:

- Nầy chư Tỳ khưu! Lẽ thường Bậc Vô Lậu không còn sân hận chi cả.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Không hận, hết bổn phận. Trì giới không tham ái. Nhiếp phục thân cuối cùng. Ta gọi Bà la môn".

CHÚ GIẢI:

Vatavantaṃ...: nghĩa là người làm tròn phận sự là hạnh đầu đà có Tứ thanh tịnh giới là giới hạnh. Gọi là đã chấm dứt ái dục, vì đã thoát ra khỏi ái. Gọi là người điêu luyện bởi nhiếp phục được các căn. Gọi là người mang thân xác cuối cùng vì không còn sanh tử nữa, người ấy Như Lai gọi là Bà la môn.

Dứt kệ ngôn nhiều người chứng đạt Thánh Quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Pháp chủ nghe bà mẹ mắng rằng,
Đồ ăn, cơm mót, kẻ hầu Tăng,
Mà tâm chẳng chút sanh buồn giận,
Miệng chẳng buông lời nói phải chăng,
Tăng khen Pháp chủ nhịn nhường hay,
Phật dạy: Tỳ khưu lậu tận này,
Giới hạnh đủ đầy không hận ai,
Bà la môn thật xứng danh thay

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA

☸

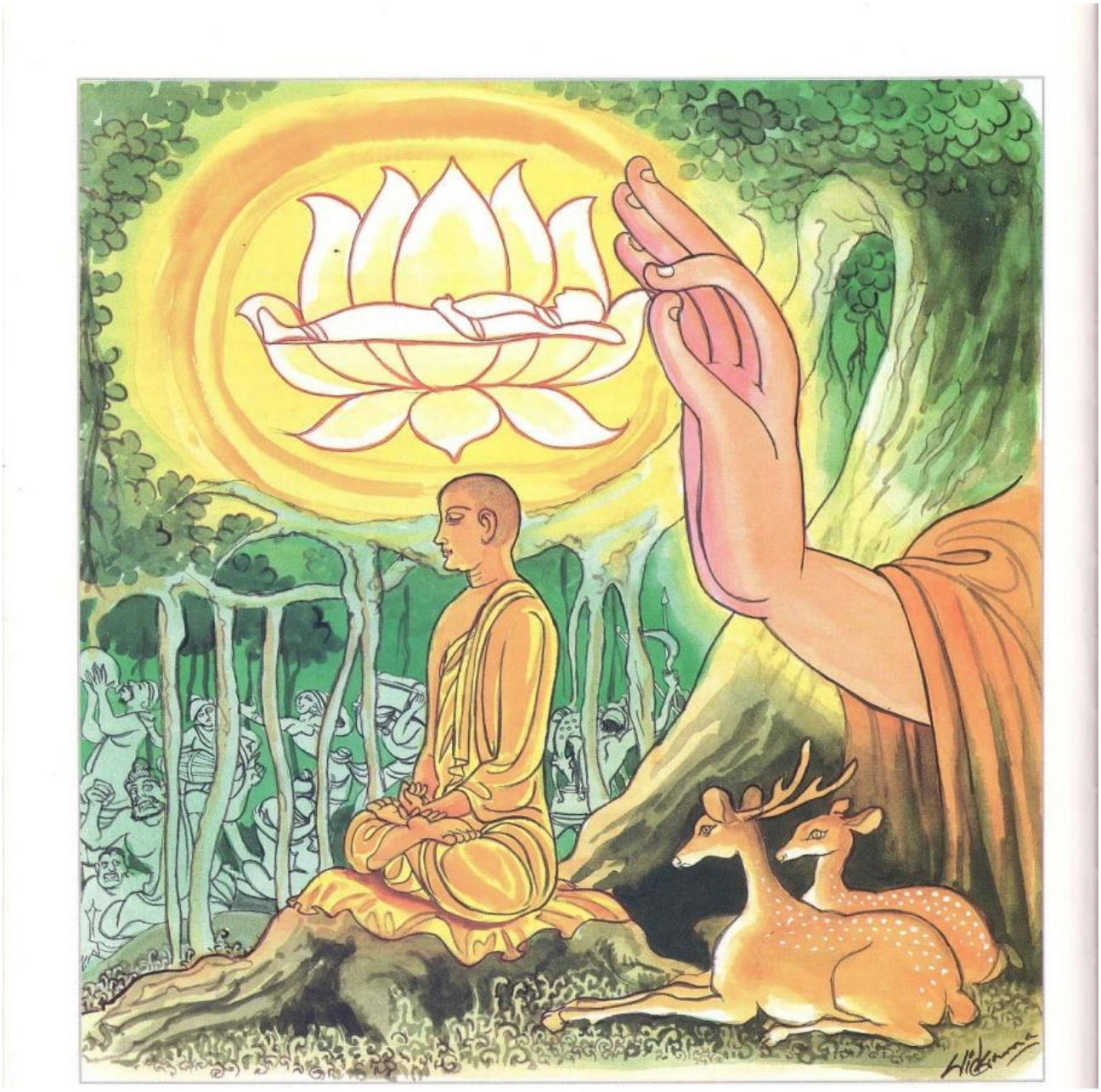

400. Giữ giới đức, ly ái. Tròn bổn phận không sân. Lần cuối tự điều thân. Bà la môn ta gọi.

XXVI.18- TRƯỞNG LÃO NI UPPALAVAṆṆĀ

(Uppalavaṇṇātherā)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 401)

"Vāri pokkharapatte va,	***"Như nước trên lá sen,***
Āraggeriva sāsapo,	***Như hột cải đầu kim,***
Yo na limpati kāmesu,	***Người không nhiễm ái dục,***
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ".	***Ta gọi Bà-la-môn".***

Kệ ngôn nầy được Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự nơi Jetavana, đề cập đến Bà Uppalavannā.

Chuyện nầy được giảng rộng trong kệ ngôn *"Madhuvā muññātibālo..."* (Pháp Cú 69).

Giảng thêm chi tiết rằng: Thời gian sau, chư Tỳ khưu ngồi tại Giảng đường, bàn luận cùng nhau rằng:

- Nầy chư Hiền, đến Bậc Vô Lậu mà còn thọ hưởng ngũ dục nữa, điều nầy có thật chăng? Sao lại không chứ, vì các Ngài không phải vô tri giác, không phải là cây cỏ, gò mối, cây đá chi. Da thịt vẫn còn tươi tốt, do vậy các vị Vô Lậu vẫn còn thọ hưởng dục lạc.

Đức Đạo Sư ngự đến phán hỏi rằng:

- Nầy chư Tỳ khưu! Các ngươi đang bàn luận về vấn đề chi thế?

Chư Tỳ khưu trình lên Ngài vấn đề đang bàn luận, Ngài dạy rằng:

- Nầy chư Tỳ khưu, Bậc Vô Lậu hằng không thích trong dục lạc, không thọ hưởng dục lạc, giống như giọt nước không thể dính trên lá sen được. Hoặc ví như hạt cải không thể dính trên đầu mũi kim được như thế nào, cả hai loại dục không thể dính mắc trong tâm của Bậc Vô Lậu như thế ấy.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Như nước trên lá sen. Như hột cải đầu kim. Người không nhiễm ái dục. Ta gọi Bà-la-môn".

☸

CHÚ GIẢI:

Yo na limpati...: nghĩa là người có tâm không dính mắc trong hai loại dục, tức là không luyến ái theo dục lạc như thế. Như Lai gọi người ấy là Bà la môn.

Dứt Pháp thoại nhiều người chứng đạt Thánh Quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Lậu tận Liên Hoa sắc mất trình,
Là để Tăng chúng khỏi phê bình,
Thánh nhân chắc cũng còn dục lạc,
Chẳng lẽ như cây đá vô tình,
Phật dạy: Liên Hoa Sắc Thánh Nhân,
Không còn vui thích hưởng dục trần,
Lá sen không bẩn vì giọt nước,
Ta gọi Bà la môn Chánh chân.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO NI UPPALAVAṆṆĀ

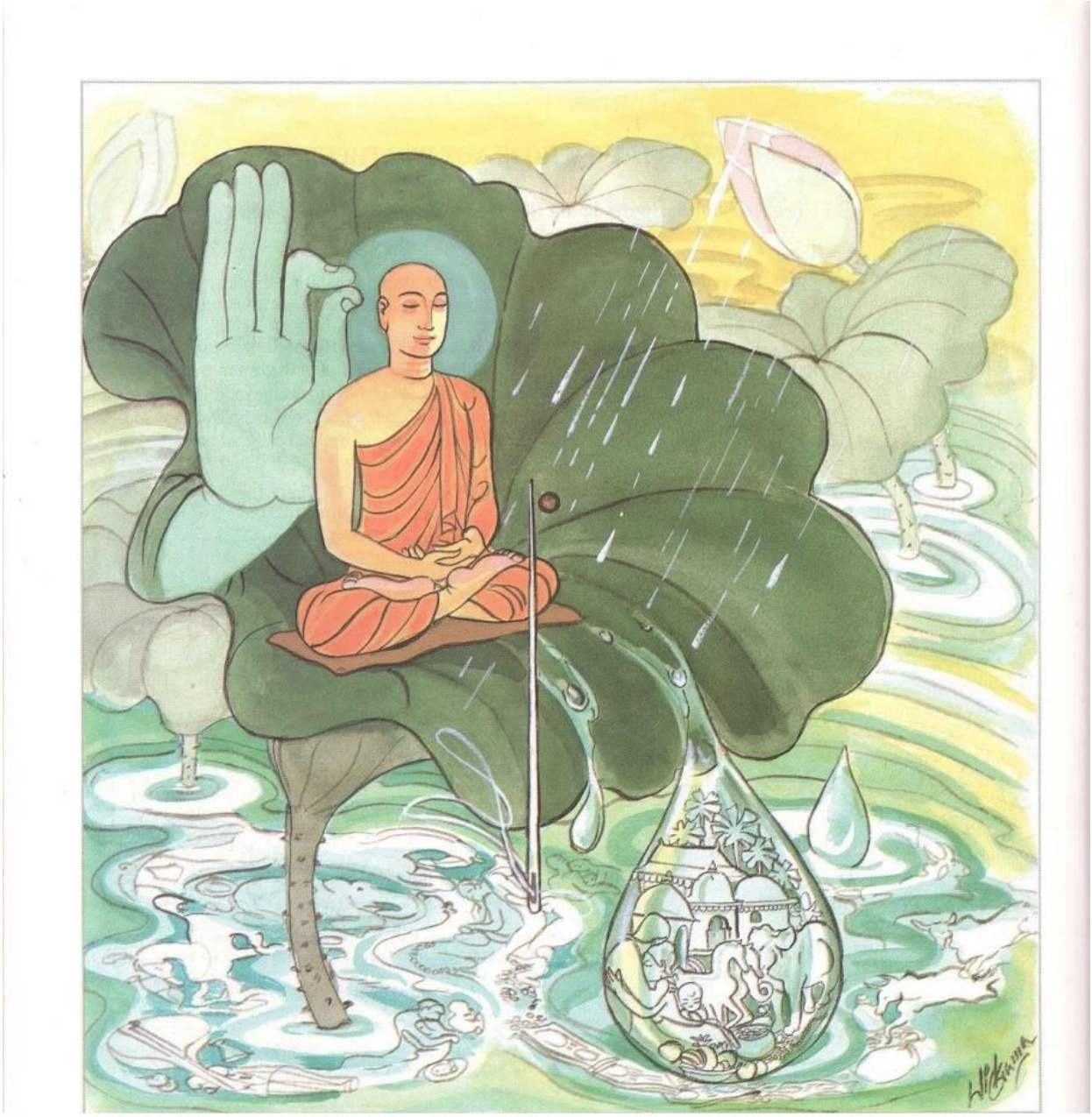

401. Như nước trên lá sen. Đầu kim hạt cải mèn. Dục lạc không vướng mắc. Ta gọi Bà la môn.

XXVI.19- CHUYỆN MỘT VỊ BÀ LA MÔN

(Aññatara)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 402)

"Yo dukkhassa pajānāti,	***"Ai tự trên đời nầy,***
Idheva khayam attano,	***Giác khổ diệt trừ khổ,***
Pannabhāraṃ visaṃyuttaṃ,	***Bỏ gánh nặng giải thoát,***
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ".	***Ta gọi Bà-la-môn".***

Kệ Ngôn nầy được Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến vị Bà la môn.

Tương truyền rằng: Khi Đức Thế Tôn chưa ban hành Giới Luật chế định, có một người nô lệ của vị Bà la môn, y trốn chủ xin được xuất gia trong Giáo Pháp của Đấng Chánh Đẳng Giác và vị Trưởng lão ấy chứng đạt quả vị Vô Lậu. Vị Bà la môn ấy tìm kiếm người nô lệ của mình, nhưng không gặp.

Một hôm, Bà la môn ấy thấy được vị Trưởng lão đang đi khất thực với Đức Thế Tôn, y liền chạy đến nắm lấy y của Trưởng lão kéo lại. Đức Thế Tôn quay lại phán hỏi:

- Nầy Bà la môn, chuyện chi thế?

- Thưa Sa môn Gotama, vị Tỳ khưu nầy là nô lệ của tôi.

- Nầy Bà la môn! Vị Tỳ khưu ấy đã đặt gánh nặng xuống rồi.

Nghe Đức Thế Tôn bảo "đã đặt gánh nặng xuống rồi" Bà la môn ấy biết rằng: "Vị nầy là bậc A La Hán rồi", ông bạch hỏi rằng:

- Thưa Sa môn Gotama! Có thật vậy chăng?

- Thật vậy, nầy Bà la môn, vị ấy đã thành đạt mục đích Phạm hạnh rồi.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Ai tự trên đời nầy. Giác khổ diệt trừ khổ. Bỏ gánh nặng giải thoát. Ta gọi Bà-la-môn".

☸

CHÚ GIẢI:

Dukkhassa: là khổ uẩn.

Pannabhāraṃ...: nghĩa là người đã đặt gánh nặng xuống tức là (gánh nặng ngũ uẩn) và siêu thoát khỏi Tứ kết hay tất cả phiền não, người ấy ta gọi là Bà la môn.

Dứt Pháp thoại, Bà la môn ấy chứng đạt Quả Dự Lưu.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Tớ trốn đi tu, khiến chủ nhà,
Theo tìm bắt gặp, muốn lôi ra,
Phật ngăn chủ lại, rằng: Ông đó,
Nay chẳng còn mang nợ thế gia,
La Hán không còn nợ một ai,
Gánh đời đã hết nặng oằn vai,
Người mà thoát khổ, khi còn sống,
Đáng gọi Bà la môn đức tài.

DỨT TÍCH CHUYỆN MỘT VỊ BÀN MÔN

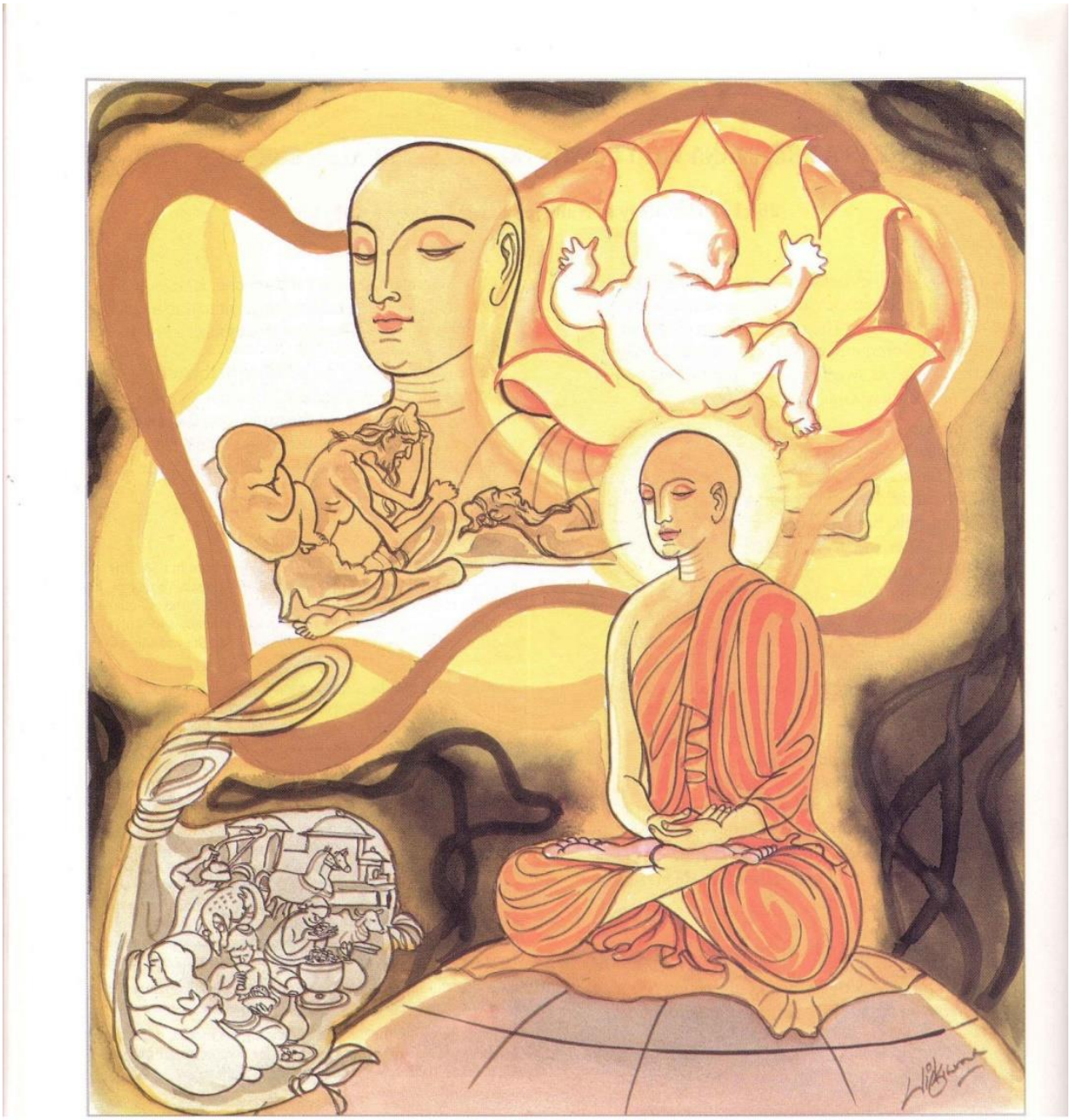

402. Ai tại thế gian nầy. Chứng đắc sự diệt khổ. Bỏ gánh nặng, siêu độ. Ta gọi Bà la môn.

XXVI.20- TRƯỞNG LÃO NI KHEMĀ

(Khemābhikkhunī)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 403)

"Gambhīrapaññaṃ medhāviṃ	***"Người trí tuệ sâu xa***
Maggāmaggassa kovidaṃ	***Khéo biết đạo phi đạo***
Uttamattham anuppattaṃ	***Chứng đạt đích vô thượng***
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ".	***Ta gọi Bà-la-môn".***

Đức Thế Tôn ngự tại Gijjhakūṭā, đề cập đến Trưởng lão Ni Khemā thuyết lên Pháp thoại nầy.

Tương truyền rằng: Một lần nọ, Thiên Vương Đế Thích cùng chư thiên tùy tùng đi đến yết kiến Đức Thế Tôn vào cuối canh đầu. Sau khi đảnh lễ Bậc Đạo Sư rồi, cùng Thiên chúng ngồi vào một bên.

Bấy giờ, Tỳ khưu ni Khemā suy nghĩ rằng:

- Ta sẽ đến yết kiến Bậc Đạo Sư.

Trưởng lão Ni đi đến đứng trên hư không, thấy Thiên chúng đang tụ hội quanh Thế Tôn, Trưởng lão Ni Khemā đảnh lễ Đức Thế Tôn xong rồi quay về.

Đức Thiên Vương thấy Trưởng lão Ni Khemā bạch hỏi.

- Bạch Thế Tôn! Vị Nữ Ni ấy là ai thế? Đứng trên hư không đảnh lễ Ngài rồi quay về ấy.

- Nầy Thiên Vương! Đó là Tỳ khưu Ni Khemā, con gái của Như Lai có nhiều trí tuệ, thấu hiểu đạo và phi đạo.

Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

"Người trí tuệ sâu xa. Khéo biết đạo phi đạo. Chứng đạt đích vô thượng. Ta gọi Bà-la-môn".

CHÚ GIẢI:

Gambhīrapaññaṃ…: là người có trí tuệ thâm sâu, biết rõ sự diễn tiến các Pháp như Uẩn, xứ… là người có trí tuệ sáng chói trong Pháp, gọi là người thấu hiểu Đạo và Phi đạo, tức là biết rõ đây là đường dẫn đến Níp Bàn. Đây là đạo, đây là phi đạo. Người đã thành đạt được lợi ích tối thượng tức là A La Hán, người ấy Như Lai gọi là Bà La môn.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Nữ Thánh Thinh Văn tên Khê Ma,
Đầu hôm, về đảnh lễ Phật Đà,
Thiên Vương mới gặp, chưa quen mặt,
Bà ấy là ai? Thấy lạ xa,
Phật rằng: Lậu tận ấy con Ta,
Đã chứng đạo, phi đạo sâu xa,
Là bậc Bà la môn vô thượng,
Biết rành giải thoát với Mada.

DỨT TÍCH TỲ KHƯU NI KHEMĀ

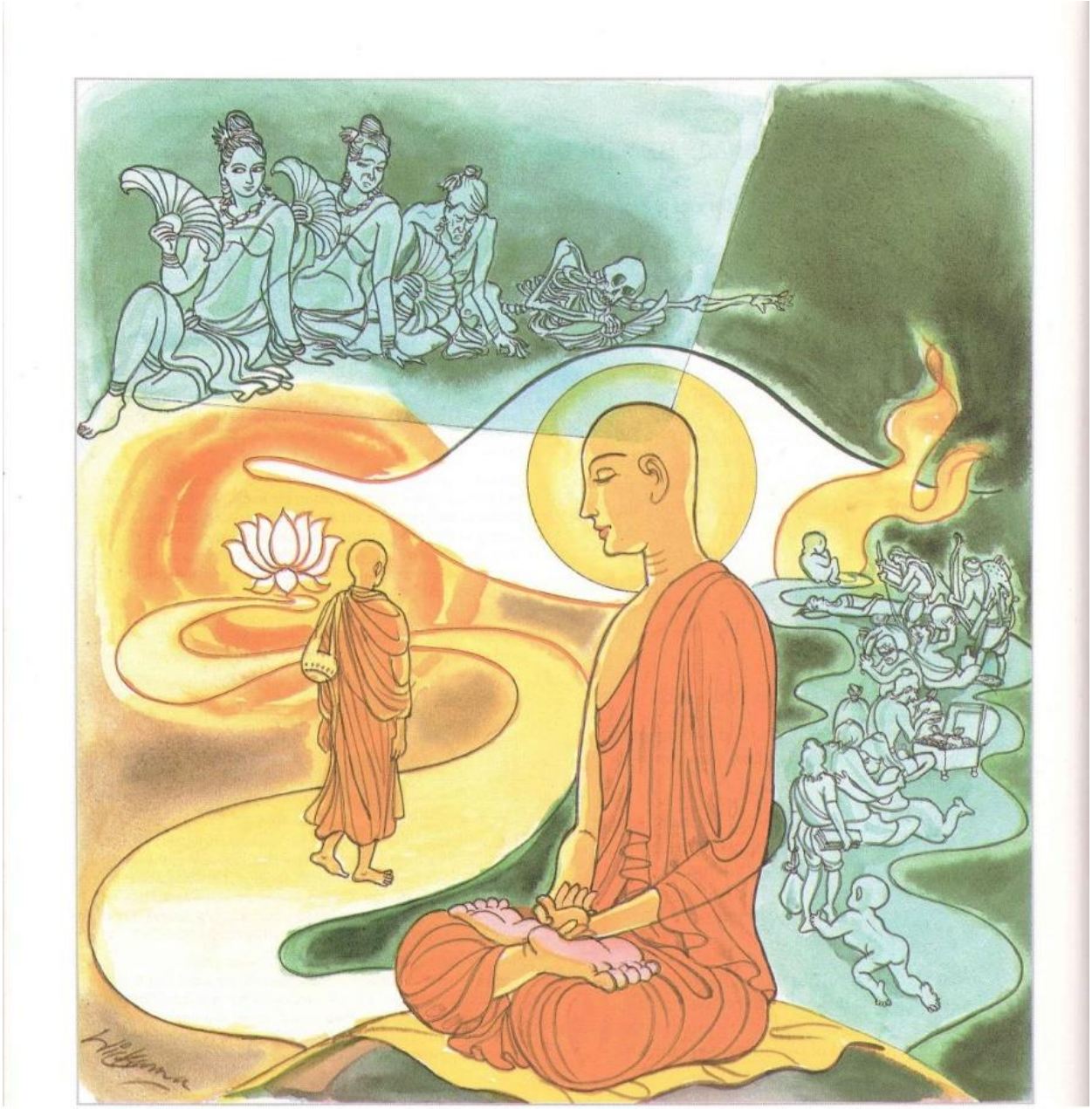

403. Người trí tuệ sâu xa. Quán triệt đường chánh, tà. Đạt đến đích tối thượng. Ta gọi Bà la môn.

XXVI.21- TRƯỞNG LÃO TISSA NGỤ TRONG NÚI

(Pabbhāravāsitissatthera)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 404)

"Asaṃsaṭṭhaṃ gahaṭṭhehi	***"Không liên hệ cả hai***
Anāgārehi cūbhayaṃ	***Xuất gia và thế tục***
Anokasāriṃ appicchaṃ	***Sống độc thân ít dục***
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ".	***Ta gọi Bà-la-môn"***

Kệ Ngôn nầy được Đức Thế Tôn thuyết ra, khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Trưởng lão Tissa.

Tương truyền rằng: Trưởng lão Tissa sau khi học thông thạo đề mục nghiệp xứ với Đức Thế Tôn rồi. Ngài đi sâu vào rừng núi, tìm nơi thích hợp để hành phạm hạnh. Ngài tìm được một hang núi thích hợp với mình, vì khi đến nơi ấy, tâm của Ngài đạt được sự thanh tịnh, Trưởng lão suy nghĩ:

- Ta sẽ ở đây hành Sa Môn Pháp của mình.

Nơi hang núi ấy có một vị thiên nhân trú ngụ, suy nghĩ:

- Vị Tỳ khưu nầy là người có Giới hạnh, nếu ta ngụ chung với Ngài thì bất tiện cho ta lắm. Vị Tỳ khưu nầy ngụ nơi đây có lẽ chỉ một đêm rồi đi.

Sáng hôm sau, Trưởng lão Tissa đi vào làng khất thực, một tín nữ trông thấy Trưởng lão, đã phát sanh niềm thương mến như con của mình, thỉnh Trưởng lão vào nhà cúng dường vật thực, rồi thỉnh cầu rằng:

- Bạch Ngài! Xin Ngài hãy nhận vật thực nơi đây trọn ba tháng. Trưởng lão Tissa suy nghĩ rằng:

- Nhờ sự hộ độ của tín nữ nầy, ta sẽ an tâm thực hành để đạt đến Giải thoát pháp.

Và Trưởng lão nhận lời thỉnh cầu ấy.

Vị thiên nhân thấy Trưởng lão trở về hang núi, khởi lên sự suy nghĩ rằng:

- Hẳn là có ai đã thỉnh Ngài ở lại, có lẽ nay mai Ngài sẽ đi thôi. Đến khoảng nửa tháng sau, vị thiên nhân vẫn thấy Trưởng lão ấy, liền suy nghĩ:

- Có lẽ Trưởng lão nầy trú ngụ nơi đây cho hết mùa mưa chăng?

Nếu như thế sẽ bất tiện cho mẹ con ta, vì ta không thể ngụ sống chung với người có Giới hạnh được, mà ta cũng không thể xua đuổi vị ấy với lời lẽ rằng: *"Xin thỉnh Ngài đi nơi khác"*. Chẳng hay Giới của vị ấy có được thanh tịnh chăng?

Thiên nhân dùng Thiên Nhãn thấy được Giới hạnh của Ngài Tissa thanh tịnh, kể từ ngày thọ trì Cụ Túc Giới. Y suy nghĩ: *"Ta sẽ tìm cơ hội phá hoại Giới của vị nầy"*.

Thiên nhân ấy liền đi đến nơi nhà người tín nữ hộ độ cho Trưởng Lão, nhập vào đứa bé là con trai lớn của tín nữ ấy, làm cho hai mắt lòi ra, nước dãi chảy ra từ hai

khóe miệng, đứa bé đau khổ vô cùng. Nàng tín nữ ấy hoảng hốt, sầu muộn than khóc rằng:

- Vì sao con tôi như thế nầy vậy?

Bấy giờ vị thiên nhân hiện ra nói với nàng rằng:

- Con của nàng bị ta bắt rồi. Nhưng nếu nàng muốn con nàng khỏi, phải nghe theo lời ta. Ta chẳng cần lễ vật gì nơi nàng cả, chỉ cần nàng xin Trưởng lão Tissa lấy nước cam thảo để chữa bịnh cho con mình. Đem cam thảo ấy về rang với dầu và cho nó ngửi, nếu như thế ta mới tha mạng cho con nàng.

- Thưa cô, dầu có chết đi nữa, tôi cũng không thể xin vị ấy cam thảo được đâu.

- Nếu nàng không xin được cam thảo thì hãy xin vật A Quỳ để nhỏ vào mũi nó.

- Tôi cũng không thể xin được vật ấy nơi Trưởng lão.

- Nếu vậy hãy xin nước rửa chân của Trưởng lão rồi gội lên đầu đứa bé.

- Nếu thế, tôi có thể làm được.

Khi Trưởng lão đi đến thọ thực, tín nữ ấy sau khi cúng dường vật thực, đã bạch rằng:

- Bạch Ngài, con sẽ lấy nước rửa chân của Ngài để gội đầu cho đứa bé.

- Được Trưởng lão cho phép, nàng gội đầu cho con mình, vị thiên nhân xuất ra khỏi đứa bé, nó trở nên mạnh khỏe như xưa. Thiên nhân trở về đứng trước cửa hang, Trưởng lão thọ thực xong, trở về hang. Trưởng lão hành trì tụng các thể trược, chuyên chú trong nghiệp xứ của mình. Vừa đến cửa hang, thiên nhân hiện ra nói với Trưởng lão rằng:

- Nầy thầy Lương y, Ngài chớ nên đi vào nơi đây nữa.

- Nàng là ai?

- Tôi là thiên nhân ngự tại nơi đây.

Trưởng lão Tissa suy nghĩ: *"Ta đâu làm thầy thuốc"*. Rồi Ngài quán xét Giới hạnh của mình kể từ ngày thọ Cụ Túc Giới tới nay, thấy hoàn toàn thanh tịnh, không bị lấm nhơ, nên trả lời với thiên nhân rằng:

- Nầy thiên nhân, ta không thấy chỗ nào ta đã làm thầy thuốc cả, duyên cớ chi ngươi lại nói thế?

- Ngài không thấy điều nầy sao?

- Đúng vậy.

- Tôi sẽ cho Ngài biết điều nầy thôi.

- Ngươi cứ nói lên đi.

- Tôi không nói điều xa xôi chi, hôm nay có phải Ngài đã cho nước rửa chân đến con trai người hộ độ Ngài bị phi nhân nhập vào để gội đầu cho nó.

- Nầy thiên nhân, thật như vậy.

- Bạch Ngài! Đó (chính là) thầy thuốc còn gì nữa?

- Nầy thiên nhân, ngươi cho rằng điều ấy là thầy thuốc sao?

Rồi Trưởng giả quán xét, suy nghĩ rằng:

- Ồ! Ta đã thật khéo an trú, ta đã thực hành chân chánh với Giáo Pháp thật sự. Ngay cả thiên nhân nầy cũng không thấy được điểm lấm nhơ, chỉ thấy ta cho nước rửa chân để gội đầu cho đứa bé thôi.

Do quán xét đến Giới hạnh của mình như thế, Trưởng lão Tissa phát sanh phỉ lạc, khi đình chỉ phỉ lạc, Ngài chứng đạt quả vị A La Hán chính tại nơi đó. Khi chân chưa rời khỏi vị trí, Ngài thốt lên rằng:

- Nầy thiên nhân, ngươi đã ác hại đến vị Sa Môn như ta, ngươi chớ nên ở lại nơi nầy nữa, ngươi hãy rời khỏi khu rừng già nầy đi.

Trưởng lão nói lên kệ ngôn rằng:

- Sự sống của ta thật trong sạch, ngươi chớ ác hại ta, là người vô uế, người có giới hạnh, người trong sạch, ngươi hãy ra khỏi khu rừng già nầy đi.

Trưởng lão đã trú ngụ nơi ấy trọn ba tháng, khi mãn mùa an cư, Ngài trở về yết kiến Đức Thế Tôn, chư Tỳ khưu hỏi Ngài rằng:

- Nầy Hiền giả, phận sự xuất gia Hiền giả đã hoàn thành chưa?

Trưởng lão Tissa thuật lại đầu đuôi câu chuyện từ khi sang hang núi ấy nhập hạ. Chư Tỳ khưu hỏi rằng:

- Nầy Hiền giả! Khi thiên nhân ấy nói như vậy, Hiền giả không giận sao.

- Nầy chư Hiền, tôi không giận.

Chư Tỳ khưu bạch lên Đức Thế Tôn câu chuyện nầy rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vị Tỳ khưu ấy nói không đúng sự thật. Sự thật không như lời vị ấy nói. Dù vị thiên nhân ấy nói như thế, vị ấy bảo rằng: *"Ta không có giận"*.

- Nầy chư Tỳ khưu! Thật vậy, con Như Lai không còn giận nữa, vì đã thoát ra khỏi sự dính mắc của hàng tại gia lẫn xuất gia. Con Như Lai không có sự dính mắc đâu, đã thiểu dục tri túc.

Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

"Không liên hệ cả hai. Xuất gia và thế tục. Sống độc thân ít dục. Ta gọi Bà-la-môn."

☸

<u>CHÚ GIẢI:</u>

Asaṃsaṭṭhaṃ: nghĩa là người không dính mắc với sự nhìn, sự nghe, sự bàn luận, sự thọ dụng và sự tự thân.

Ūbhayaṃ: là người vô dính mắc cả hai hạng: Tại gia và xuất gia.

Anokasāriṃ: là người du hành không luyến ái. Người ấy ta gọi là Bà la môn.

Dứt Pháp thoại nhiều người chứng đạt Thánh Quả như là Dự Lưu.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Tissa vào hang đá độc cư,
Nhất tâm nguyện đạt cõi chân như,
Hằng ngày đi bát vào trong xóm,
Tín nữ chân thành tiếp hộ sư,
Sơn thần kiếm cớ đuổi sư ra,
Nhập xác con trai của chủ nhà,
Phao tội sư làm y sĩ gượng,
Không tròn phạm hạnh bậc ly gia,
Nhờ vậy, sư quan sát giới mình,
Hỷ hoan tiến đạt quả vô sanh,
Bình an cư ngụ trong hang đá,
Mãn hạ về chùa viếng đệ huynh,
Chư Tăng ngờ vực chuyện sơn thần,
Vu cáo sư mà sư chẳng sân,
Phật dạy: Bà la môn thiểu dục,
Tục Tăng chẳng phạm, sống cô thân.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO TISSA NGỤ TRONG NÚI

☸

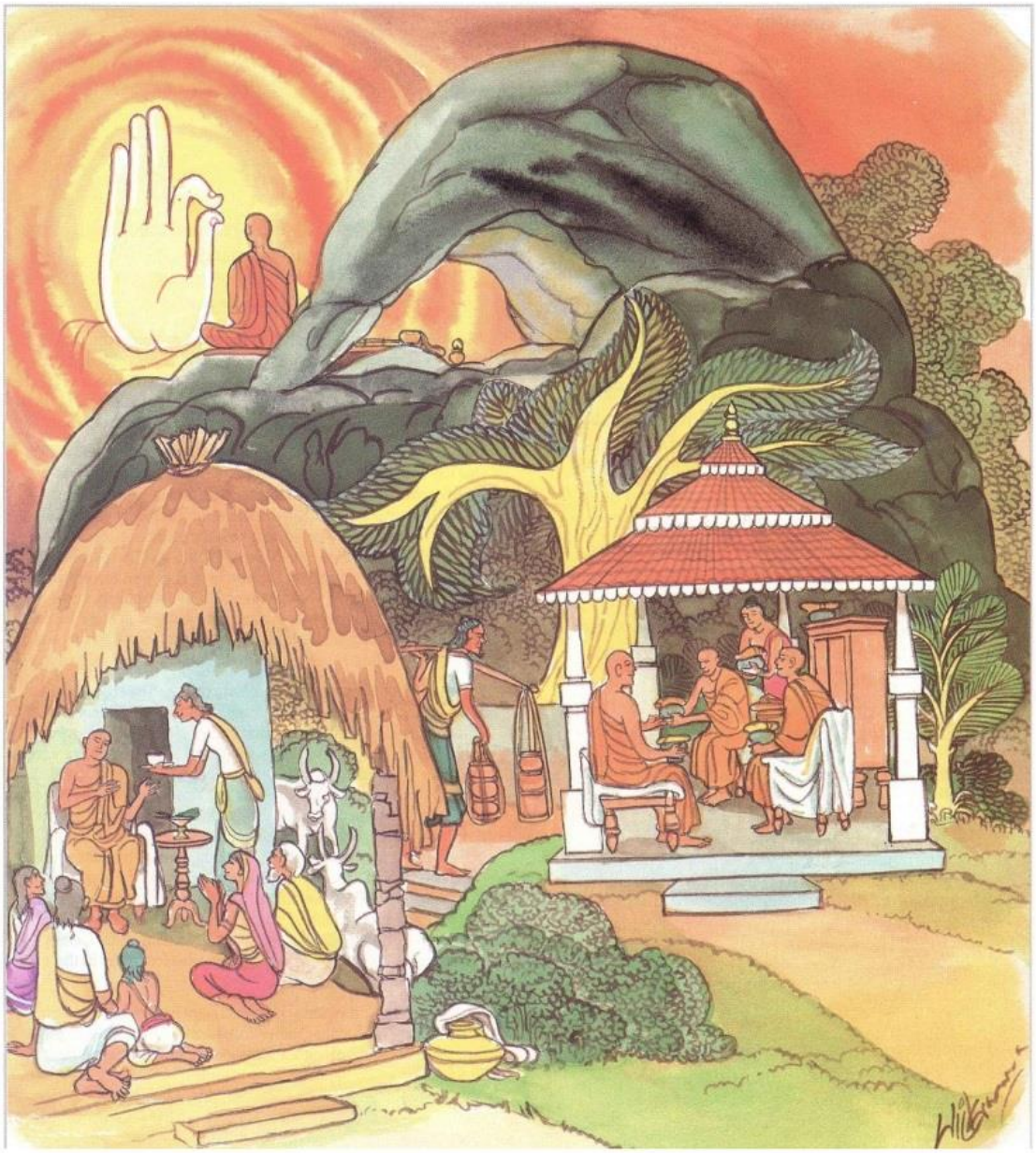

404. Chẳng quan tâm thân thiện. Hàng thế tục, xuất gia. Sống vô dục, không nhà. Ta gọi Bà la môn.

XXVI.22- CHUYỆN NHIỀU VỊ TỲ KHƯU

(Aññatarabhikkhu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 405)

"Nidhāya daṇḍaṃ bhūtesu	***"Bỏ trượng đối chúng sanh***
Tasesu thāvaresu ca	***Yếu kém hay kiên cường***
Yo na hanti na ghāteti tamahaṃ	***Không giết không bảo giết***
Brūmi brāhmaṇaṃ"	***Ta gọi Bà-la-môn".***

Kệ ngôn nầy được Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến vị Tỳ khưu.

Tương truyền rằng: Có vị Tỳ khưu học đề mục Nghiệp xứ nơi Bậc Đạo Sư, chuyên cần hành trì Pháp môn cho đến khi chứng đắc được quả vị A La Hán. Ngài suy nghĩ:

- Ta sẽ trình lên Đức Thế Tôn Pháp mà ta đã chứng đắc, thành đạt.

Ngài rời khỏi khu rừng, du hành về Tịnh xá để yết kiến Đức Đạo Sư. Bấy giờ có nàng thiếu nữ trong làng có sự cải vã với chồng, nhân lúc vắng chồng nàng trốn về với cha mẹ ruột. Trên đường đi về gia đình cha mẹ ruột, trông thấy Trưởng lão đi trên đường ấy, nàng suy nghĩ: *"Ta hãy đi theo sau vị nầy"*. Rồi nàng đi theo phía sau, nhưng Trưởng lão không hề hay biết. Người chồng trở về nhà thấy vắng vợ, biết rằng: *"Nàng đã trốn về với cha mẹ ruột"*. Y liền đi tìm vợ và suy nghĩ rằng: *"Nữ nhân như vợ ta không thể can đảm băng qua khu rừng nầy đâu, hẳn phải có người hướng đạo cho nàng"*. Y rượt theo kịp vợ, trông thấy vị Sa môn liền suy nghĩ:

- Vị Sa môn nầy đã hướng dẫn nàng ta đi trốn.

Y liền phẫn nộ với Trưởng lão, nàng ấy liền bảo chồng nàng:

- Nầy ông, vị Sa môn nầy chẳng quyến rũ chi tôi, Ngài cũng chẳng hay biết tôi đi theo Ngài, ông chớ nên xúc phạm đến Ngài.

Đang cơn phẫn nộ, chồng nàng bất kể lời nàng, nói rằng:

- Nếu ngươi không chỉ ai là người quyến rũ ngươi, dẫn ngươi đi. Ta sẽ trừng trị gã Sa môn nầy.

Rồi tức giận với vợ, y đã đánh đập Trưởng lão ấy, rồi dẫn vợ trở về.

Toàn thân Trưởng lão sưng phù lên. Khi về đến Tịnh xá, chư Tỳ khưu đến bóp, xoa tay chân cho Ngài, thấy như vậy đã hỏi rằng:

- Bạch Ngài! Vì sao như thế nầy?

Trưởng lão thuật lại câu chuyện cho chư Tỳ khưu nghe. Chư Tỳ khưu hỏi rằng:

- Thưa tôn giả, khi người ta đánh đập tôn giả như thế, tôn giả đã nói như thế nào? Và có phiền hận chi chăng?

- Nầy chư Hiền! Tôi chẳng có sự phiền hận đâu.

Chư Tỳ khưu cho rằng Trưởng lão khoe Pháp Bậc Thượng Nhân, nên trình bạch lên Đức Thế Tôn câu chuyện ấy rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chúng con hỏi vị ấy rằng: *"Tôn giả không có phiền hận sao?"*. Vị ấy trả lời: *"Nầy chư Tỳ khưu! Tôi không có phiền hận"*. Vị ấy đã nói không thật, không đúng với sự thật.

Bậc Đạo Sư phán dạy rằng:

- Nầy chư Tỳ khưu! Thật thế, lẽ thường Bậc Vô Lậu đã từ bỏ gậy gộc, không sân hận với người ác hại mình.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Bỏ trượng đối chúng sanh. Yếu kém hay kiên cường. Không giết không bảo giết. Ta gọi Bà-la-môn".

☸

<u>CHÚ GIẢI:</u>

Nidhāya: tức là đã rời bỏ.

Tasesu thāvaresu ca: nghĩa là rúng động vì bị sức mạnh của ái lôi cuốn. Gọi là vững chắc vì đã thoát ly ái.

Yo na hanti...: là người nào đã rời bỏ gậy gộc vì đã đoạn tận sự hiềm kỵ đối với tất cả chúng sanh như vậy, không tự giết cũng không bảo người khác giết bất luận một chúng sanh nào, ta gọi người ấy là Bà la môn.

Dứt Pháp thoại nhiều người chứng đạt Thánh Quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Vợ trốn chồng đi đến giữa rừng,
Thấy sư đi trước, bám sau lưng,
Chồng theo bắt kịp, nghi tầm bậy,
Đánh đập nhà sư, tội quá chừng,
Tỳ khưu La Hán bị đòn ghen,
Không giận vì kham nhẫn đã quen,
Đao trượng bỏ rồi, không não hại,
Bà la môn ấy, thật không hèn.

DỨT TÍCH CHUYỆN VỊ TỲ KHƯU

☸

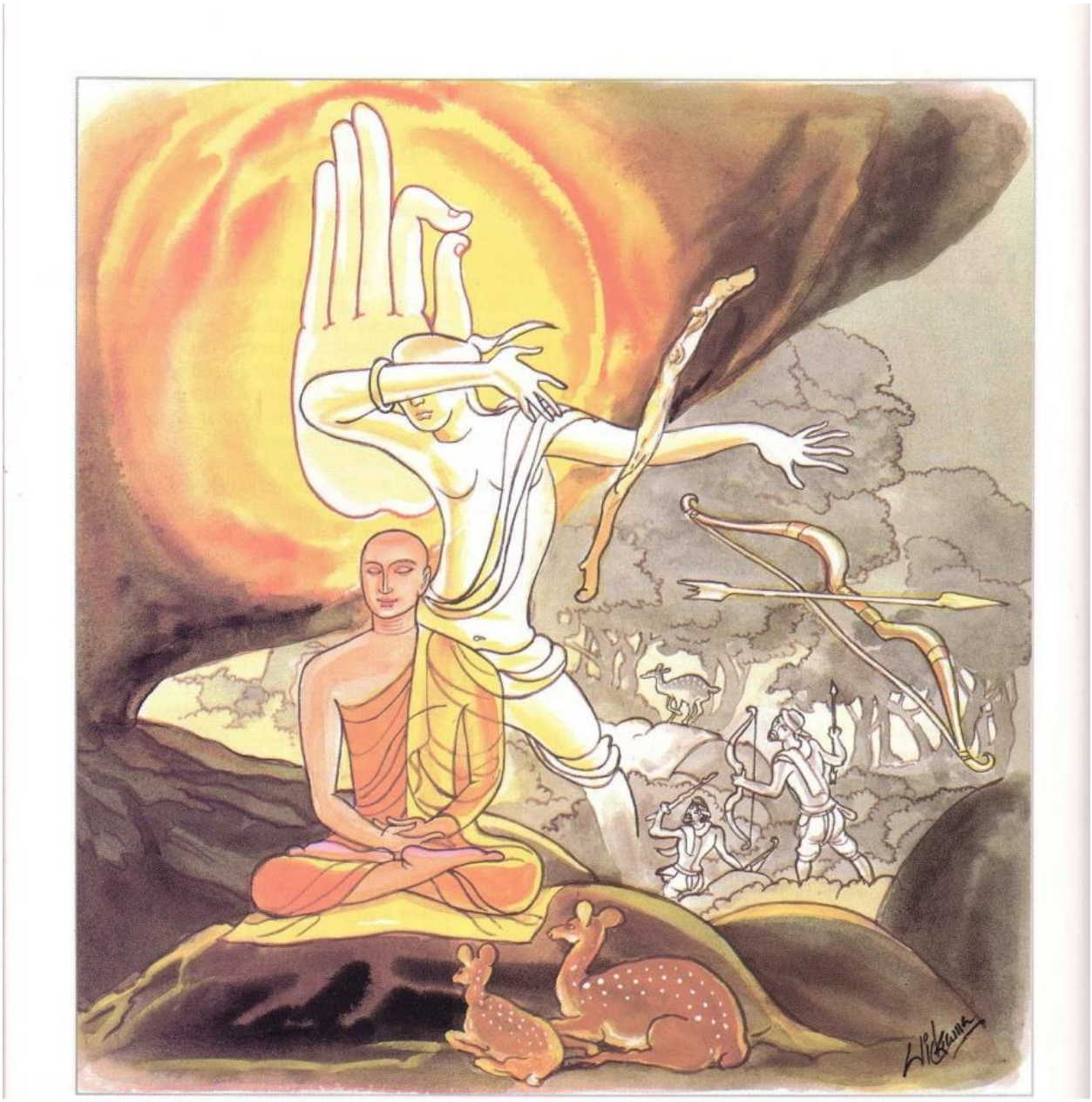

405. Không đánh đập chúng sanh. Mạnh khỏe hay yếu đuối. Không sát hại tàn rụi. Ta gọi Bà la môn.

XXVI.23- CÁC SADI

(Sāmaṇera)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 406)

"Aviruddhaṃ viruddhesu	***"Thiên thần giữa thù địch***
Attadaṇḍesu nibbutaṃ	***Ôn hòa giữa hung hăng.***
Sādānesu anādānaṃ	***Không nhiễm giữa nhiễm trước***
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ".	***Ta gọi Bà-la-môn".***

Kệ ngôn nầy được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài trú tại Jetavana, đề cập đến các vị Sadi.

Tương truyền rằng: Có một nữ Bà la môn được nghe pháp rồi phát tâm tịnh tín, thỉnh bốn vị Tỳ khưu đến thọ thực tại tư gia của mình. Khi sắp đặt vật thực rồi, bà bảo chồng rằng:

- Nầy ông! Hãy đến Tịnh xá thỉnh bốn vị Tỳ khưu.

Ông Bà la môn đến Tịnh xá bạch thỉnh rằng:

- Xin Ngài hãy cho đến tôi bốn vị Tỳ khưu.

Và chư Tăng đã sắp xếp cho bốn vị Vô Lậu là Sadi Saṅkicca, Paṇḍita, Sopāka và Revata đi đến nhà của Bà la môn ấy.

Nói về Bà la môn sau khi sắp đặt vật thực xong rồi, sửa soạn nơi ngồi trang trọng, khi trông thấy bốn vị Sadi đi đến, bà buồn phiền than vãn, luôn lẩm bẩm với những lời đay nghiến chồng rằng:

- Ông đến Tịnh xá mà thỉnh bốn vị Sa môn trẻ tuổi như thế nầy à. Những vị nầy tuổi đáng cháu mình, ông thỉnh như vậy thật là bất xứng với chúng ta quá.

Bà không cung thỉnh các vị ấy vào nơi được soạn sẵn, chỉ trải một chỗ thấp hơn, nói rằng:

- Xin mời các vị hãy ngồi chỗ nầy.

Rồi bảo chồng rằng:

- Ông hãy đến Tịnh xá thỉnh cho được các vị Trưởng lão đi.

Ông Bà la môn đến Tịnh xá, tìm gặp được Trưởng lão Sāriputta bạch rằng: *"Xin thỉnh Ngài đến nhà của tôi đi".*

Trưởng lão đi đến thấy bốn vị Sadi đang ngồi nơi ấy, hỏi rằng:

- Các vị được vật thực chưa?

- Bạch Ngài, sẽ được thôi.

Trưởng lão biết rằng vật thực ấy chỉ đủ dùng cho bốn vị, Ngài liền bảo rằng:

- Hãy trao bát cho tôi.

Rồi Ngài từ giã ra đi, bà vợ hỏi rằng: *'Trưởng lão nói chi thế?"*.

- Có lẽ Ngài đợi các vị Sa môn nầy được vật thực rồi Ngài mới thọ lãnh, Ngài bảo đưa bát lại cho Ngài, và đã ra đi rồi.

- Trưởng lão thấy như vầy nên không muốn thọ vật thực nữa. Vậy ông hãy đi tìm vị Trưởng lão khác đi.

Ông Bà la môn đi tìm, gặp được Trưởng lão Moggallāna cũng cung thỉnh như thế và Ngài Moggallāna đến thấy các vị Sadi, Ngài cũng hỏi và nhận lại bát mình mà ra đi. Bà vợ lại bảo chồng rằng:

- Các vị Sa môn không nhận được vật thực chi từ sáng đến giờ rồi, vậy ông hãy đến đền thờ Bà la môn, thỉnh vị Bà la môn về đi.

Nói về các vị Sadi, tuy từ sáng sớm đến trưa chưa nhận được vật thực, bị cơn đói áp chế nhưng các Ngài vẫn kham nhẫn chịu đựng chẳng nói lên tiếng chi cả.

Bấy giờ, trên Thiên Cung Đạo Lợi, ngôi Bảo Tọa Paṇḍukambala nóng rực lên do oai lực của Bốn vị Thánh Vô Lậu. Đức Đế Thích dùng thiên Nhãn quán xét, biết được rằng:

- Các vị Sadi đang chịu đói từ sáng đến giờ nầy.

Ngài suy nghĩ: *"Ta nên đến đó làm tỏ rạng oai lực của các vị ấy"*. Thiên Vương Đế Thích liền hóa thân thành lão Bà la môn ngồi ở nơi trang trọng nhất trong đền thờ đó. Ông Bà la môn đi đến, trông thấy Đức Đế Thích khởi lên sự suy nghĩ rằng:

- Lần nầy thì vợ ta sẽ hài lòng mà thôi.

Rồi bạch rằng: *"Xin thỉnh Ngài đến thọ thực tại tư gia của tôi"*. Ông đưa Vua Trời Đế Thích đến nhà của mình.

Bà vợ trông thấy Đế Thích, khởi tâm hoan hỷ, trải hai tấm sa lên sàng tọa, nói rằng:

- Xin thỉnh Ngài hãy an ngự vào đây.

Nhưng Vua Trời Đế Thích đi vào đảnh lễ bốn vị Sadi bằng tư thế ngũ thể đầu địa, rồi ngồi phía sau bốn vị Sadi ấy.

Thấy thế, bà vợ lại khiển trách chồng nữa rằng:

- Khổ thật! Ông lại thỉnh về đây một vị Bà la môn điên (nữa), vị Bà la môn nầy lại đảnh lễ các vị Sadi tuổi đáng con cháu của chúng ta. Vậy có cần thiết chi lão Bà la môn ấy, hãy đuổi y ra khỏi nhà đi.

Thế là, vị Bà la môn ấy bị ông Bà la môn cùng vợ nắm cổ, lôi chân, lôi tay kéo ra khỏi nhà, nhưng vô hiệu vị. Vị Bà la môn vẫn yên lặng bất động, không làm sao lay chuyển được. Bà vợ nói với ông chồng rằng:

- Ông hãy nắm một tay, còn tôi nắm một tay.

Cả hai nắm hai bên tay, đấm vào lưng vị Bà la môn lôi ra khỏi nhà. Nhưng khi trở lại vào lại thấy vị Bà la môn ấy vẫn ngồi tại chỗ cũ, hai vợ chồng kinh hoảng bỏ chạy. Bấy giờ Vua Trời hiện thân, phán dạy cho họ biết mình là Vua Trời Đế Thích,

rồi tán thán oai đức của các vị Sadi cho ông bà Bà la môn biết. Cả hai hoan hỷ cúng dường đến bốn vị Sadi. Sau khi dùng vật thực xong, bốn vị Sadi thi triển năng lực thần thông: Một vị trổ nóc nhà ra đi, một vị trổ nóc phía trước, một vị trổ nóc phía sau, vị thì lặn xuống đất, riêng Đức Đế Thích cũng trổ nóc bay lên hư không. Cả năm người cùng ra khỏi nhà ông Bà la môn với năm chỗ khác nhau.

Kể từ ấy, nhà của ông Bà la môn có năm chỗ trống. Các vị Sadi về đến Tịnh xá, chư Tỳ khưu hỏi rằng:

- Nầy các chư Hiền! Có chuyện gì thế?

- Xin các Ngài đừng hỏi nữa! Nữ Bà la môn ấy thấy chúng tôi đến, khởi tấm bất hoan hỷ, phiền muộn, nói với chồng rằng: *"Ông hãy đi nhanh thỉnh vị Trưởng lão khác"* . Khi Thầy Tế Độ của chúng tôi đến, Ngài bảo rằng: *"Khi các vị ấy thọ lãnh vật thực rồi, tôi mới thọ lãnh",* rồi Ngài nhận bát ra đi. Nữ Bà la môn lại bảo chồng đi tìm vị Trưởng lão khác, ông ta thỉnh Trưởng lão Moggallāna đến. Ngài thấy chúng tôi và cũng như thầy Tế Độ, Trưởng lão cũng nhận lại bát và ra đi. Bà vợ lại bảo chồng rằng: *"Các vị nầy không muốn thọ lãnh, ông hãy đến đền thờ Bà la môn thỉnh vị Trưởng lão Bà la môn về đây"*. Ông thỉnh được Vua Trời Đế Thích, Ngài hóa thân thành vị Bà la môn già. Khi Đức Đế Thích đến, Ngài làm cho ông bà Bà la môn ấy thấy được oai lực của mình. Khi ấy họ mới cúng dường vật thực đến chúng tôi.

- Khi ông bà Bà la môn ấy cư xử như thế, các vị có phiền giận chăng? Hay là không có phiền giận?

- Thưa vâng, chúng tôi không có phiền giận chi cả.

Nghe như thế, chư Tỳ khưu phàm cho rằng các vị Sadi khoe pháp Thượng nhân. Đã trình bạch lên Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Các vị Sadi nầy nói không thật, rằng: *"Chúng tôi không phiền giận".*

- Nầy chư Tỳ khưu! Lẽ thường bậc Lậu Tận hằng không thù nghịch với người thù nghịch.

Rồi Ngài phán dạy kệ ngôn rằng:

"Thiên thần giữa thù địch. Ôn hòa giữa hung hăng. Không nhiễm giữa nhiễm trước. Ta gọi Bà-la-môn".

☸

CHÚ GIẢI:

***Aviruddhaṃ*:...** nghĩa là Như Lai gọi người ấy là người vô thù địch, vì không cột oan trái với tất cả chúng sanh, dù đó là người thù nghịch với sự hận thù.

Gọi là người dứt bỏ, là người đã bỏ hình phạt giữa đám người hung hăng.

Gọi là người hung hăng vì họ không từ bỏ sự hãm hại người khác dù người ấy trong tay có gươm dao hay không.

Gọi là người vô chấp thủ vì không còn chấp thủ giữa những người có sự chấp giữ.

Gọi là người chấp thủ vì còn chấp vào ngũ uẩn là Ta, là của Ta.
Người vô chấp như thế, Như Lai gọi là Bà la môn.
Dứt Pháp thoại nhiều người chứng đạt Thánh Quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Vợ bảo chồng đi thỉnh bốn Tăng,
Bốn ông Trưởng lão, chẳng ai bằng,
Để mình sớt bát cho nhiều phước,
Chồng thỉnh Sa di tuổi trẻ măng,
Bốn sư La Hán bảy tuổi đầu,
Thí chủ mắt phàm có thấy đâu?
Tiếp đãi lơ là, rồi lại giục,
Rước ông ngoại đạo bạc đầu râu,
Đế Thích mưu thần dạy chủ nhân,
Biết sư La Hán mới ân cần,
Cúng dường sớt bát Sadi trẻ,
Quý vị không buồn, cũng chẳng sân,
Phật dạy: Hễ là Lậu Tận Thông,
Thì ôn hòa giữa đám hung hăng,
Giữa nơi cừu địch, lòng thân hữu,
Mới thật Bà la môn trí năng.

DỨT TÍCH CÁC VỊ SADI

☸



406. Ôn hòa giữa bạo động. Thân thiện giữa địch thù. Buông xả giữa chấp thủ. Ta gọi Bà la môn.

XXVI.24- TRƯỞNG LÃO MAHĀPAṆṬHAKA

(Mahāpaṇthaka)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 407)

"Yassa rāgo ca doso ca	***"Người bỏ rơi tham sân***
Māno makkho ca pātito	***Không mạn không ganh tị***
Sāsaporiva āragga tamahaṃ	***Như hột cải đầu kim***
Brūmi brāhmaṇaṃ".	***Ta gọi Bà-la-môn".***

Kệ Ngôn nầy được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự nơi Veḷuvana, đề cập đến Trưởng lão Mahāpaṇṭhaka.

Tương truyền rằng: Trưởng lão Cūlapaṇṭhaka vì không thuộc bốn câu kệ, đã bị anh mình đuổi ra khỏi Tịnh xá rằng:

- Nầy Cūlapaṇṭhaka! Đối với Giáo Pháp thì ngươi thiếu duyên, đối với đời sẽ là người không có tài sản, thế thì còn lợi ích chi nữa đối với người sống trong Tịnh xá nầy, ngươi hãy rời khỏi đây đi.

Rồi Trưởng lão Mahāpaṇṭhaka đóng cửa Tịnh xá lại. Chư Tỳ khưu bàn luận cùng nhau rằng:

- Nầy chư Hiền, Ngài Mahāpaṇṭhaka đóng cửa Tịnh xá lại. Chư Tỳ khưu bàn luận cùng nhau rằng:

- Nầy chư Hiền, Ngài Mahāpaṇṭhaka còn hành động như thế, hẳn bậc Vô Lậu còn sân hận.

Bậc Đạo Sư ngự đến phán hỏi rằng:

- Nầy chư Tỳ khưu! Giờ đây các ngươi đang ngồi bàn luận về vấn đề gì?

Chư Tỳ khưu trình bạch lên vấn đề mình đang luận bàn, Ngài dạy:

- Nầy các Tỳ khưu! Các phiền não như tham, sân... hằng không có đối với Bậc Lậu Tận, nhưng con Như Lai có hành động như thế vì hướng đến Pháp.

Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

"Người bỏ rơi tham sân. Không mạn không ganh tị. Như hột cải đầu kim. Ta gọi Bà-la-môn".

☸

CHÚ GIẢI:

Āragga...: nghĩa là phiền não như tham, sân...

Makkho: là sự xem thường ân đức của người khác, những phiền não hậu mạn ấy, người nào đã bỏ rơi như hạt cải rơi khỏi đầu kim. Các phiền não ấy không còn trong tâm giống như hạt cải không dính trên đầu kim, ta gọi người ấy là Bà la môn.

Dứt Pháp thoại, nhiều người chứng đạt Quả Dự Lưu.

Dịch Giả Cẩn Đề

Trách em học kệ mãi không vô,
Đại lộ làm ra vẻ đuổi xô,
Tăng chúng tám phàm không thấu lý,
Chê Ngài Lậu tận cũng còn thô,
Phật dạy: Con ta hết cứ sân,
Cống cao, hư ngụy, cũng không gần,
Đầu kim hột cải không hề dính,
Ta gọi Bà la môn chánh chân.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO MAHĀPAṆṬHAKA

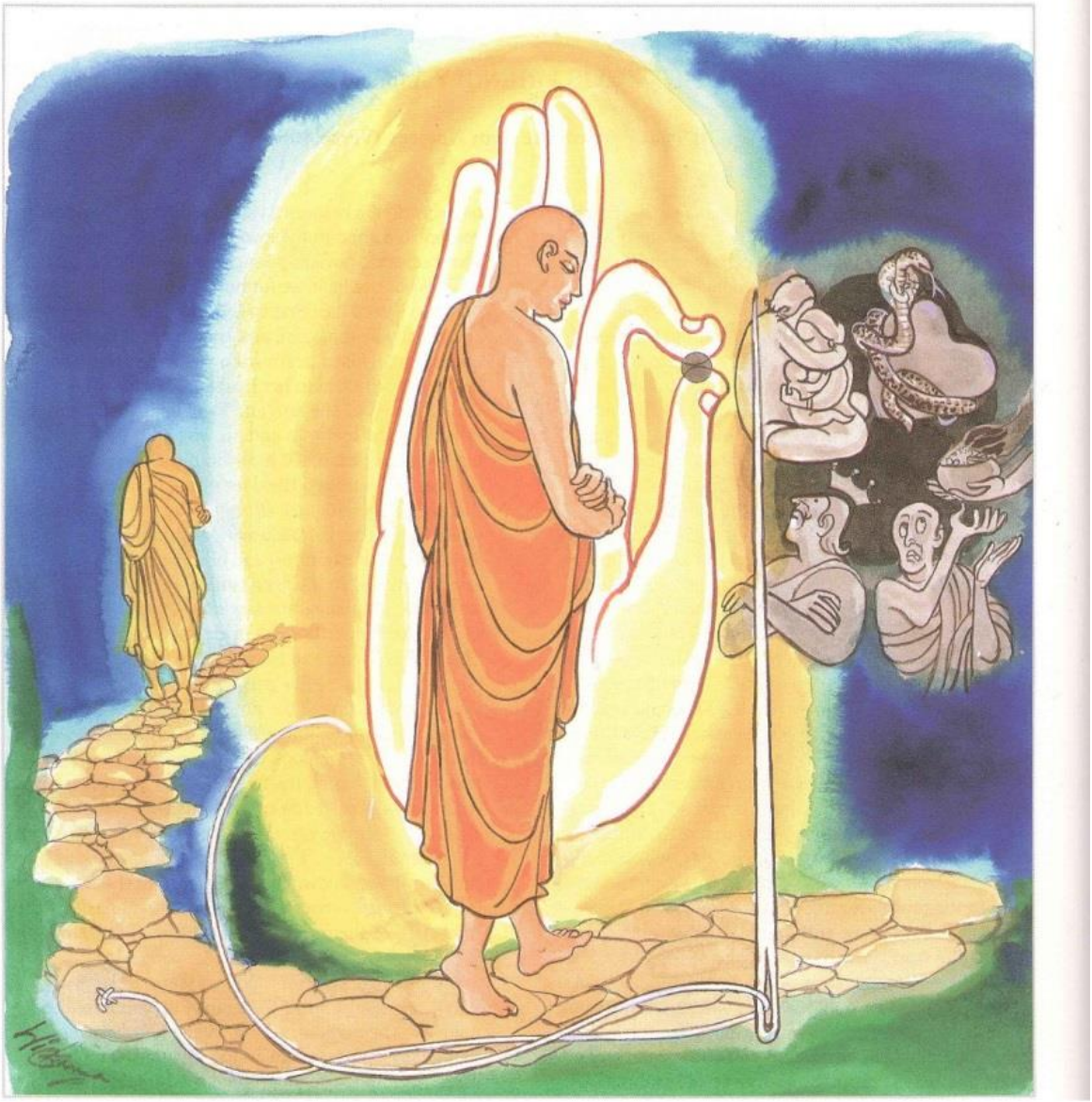

407. Vất tham dục, sân hận. Bỏ kiêu mạn, tị hiềm. Như hạt cải đầu kim. Bà la môn ta gọi.

XXVI.25- TRƯỞNG LÃO PILIṆḌAVACCHA

(Piliṇḍavaccha)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 408)

"Akakkasaṃ viññāpaniṃ	***"Nói lên lời ôn hòa***
Giraṃ saccam udīraye	***Lợi ích và chân thật***
Yāya nābhisaje kañci	***Không mất lòng một ai***
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ".	***Ta gọi Bà-la-môn".***

Kệ ngôn nầy được Đức Thế Tôn ngự tại Veḷuvana, đề cập đến Trưởng lão Piliṇḍavaccha, Ngài thường nói rằng:

- Người đê tiện hãy đến đây, người đê tiện hãy đi đi... Thường vị ấy vẫn gọi Bậc xuất gia hay tại gia bằng danh từ ấy.

Một hôm chư Tỳ khưu bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Hiền giả Piliṇḍavaccha thường gọi chư Tỳ khưu bằng danh từ: *"Người đê tiện".*

Đức Thế Tôn cho gọi Trưởng lão Piliṇḍavaccha đến phán hỏi rằng:

- Nầy Piliṇḍavaccha, được nghe rằng: Ngươi gọi chư Tỳ khưu bằng danh từ đó, có thật chăng?

- Thưa vâng! Bạch Thế Tôn.

Đức Thế Tôn quán xét về tiền hạnh của Trưởng lão Piliṇḍavaccha rồi, Ngài phán dạy rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Các ngươi chớ nên buồn phiền Tỳ khưu Piliṇḍavaccha. Vị ấy không có ác ý khi gọi các ngươi bằng danh từ đó đâu. Nầy chư Tỳ khưu, đó là tiền khiên tật của Tỳ khưu nầy. Vì trong quá khứ, Tỳ khưu Piliṇḍavaccha thọ sanh vào gia tộc Trưởng giả 500 kiếp liên tục, y thường gọi danh từ đó trong nhiều kiếp như thế, nên đã trở thành thói quen. Bậc Vô Lậu không còn nói lời thô bỉ chướng tai để xúc phạm đến người khác, do vậy lời nói ấy của con Như Lai là vị tiền khiên tật.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Nói lên lời ôn hòa. Lợi ích và chân thật. Không mất lòng một ai. Ta gọi Bà-la-môn".

☸

CHÚ GIẢI:

Akakkasaṃ: là lời nói tao nhã.

Viññāpaniṃ: tức là hiểu được nhau.

Saccam: tức là chơn thật.

Nābhisaje: là lời nói nào không làm người khác buồn phiền và tức giận thì các bậc Vô Lậu thường dùng những lời ấy. Do vậy, ta gọi người như thế là Bà la môn.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Đại Đức thường kêu xách mé người,
Ê, đồ khốn nạn, lại đây chơi,
Chư Tăng bất mãn, thưa lên Phật,
Phật bảo: Tiền khiên tật đó thôi,
La hán không hề giận ghét ai,
Ôn hòa, lợi ích, chẳng đơn sai,
Không lời thô ác vì sân hận,
Ta gọi Bà la môn đức tài.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO PILIṆḌAVACCHA

☸

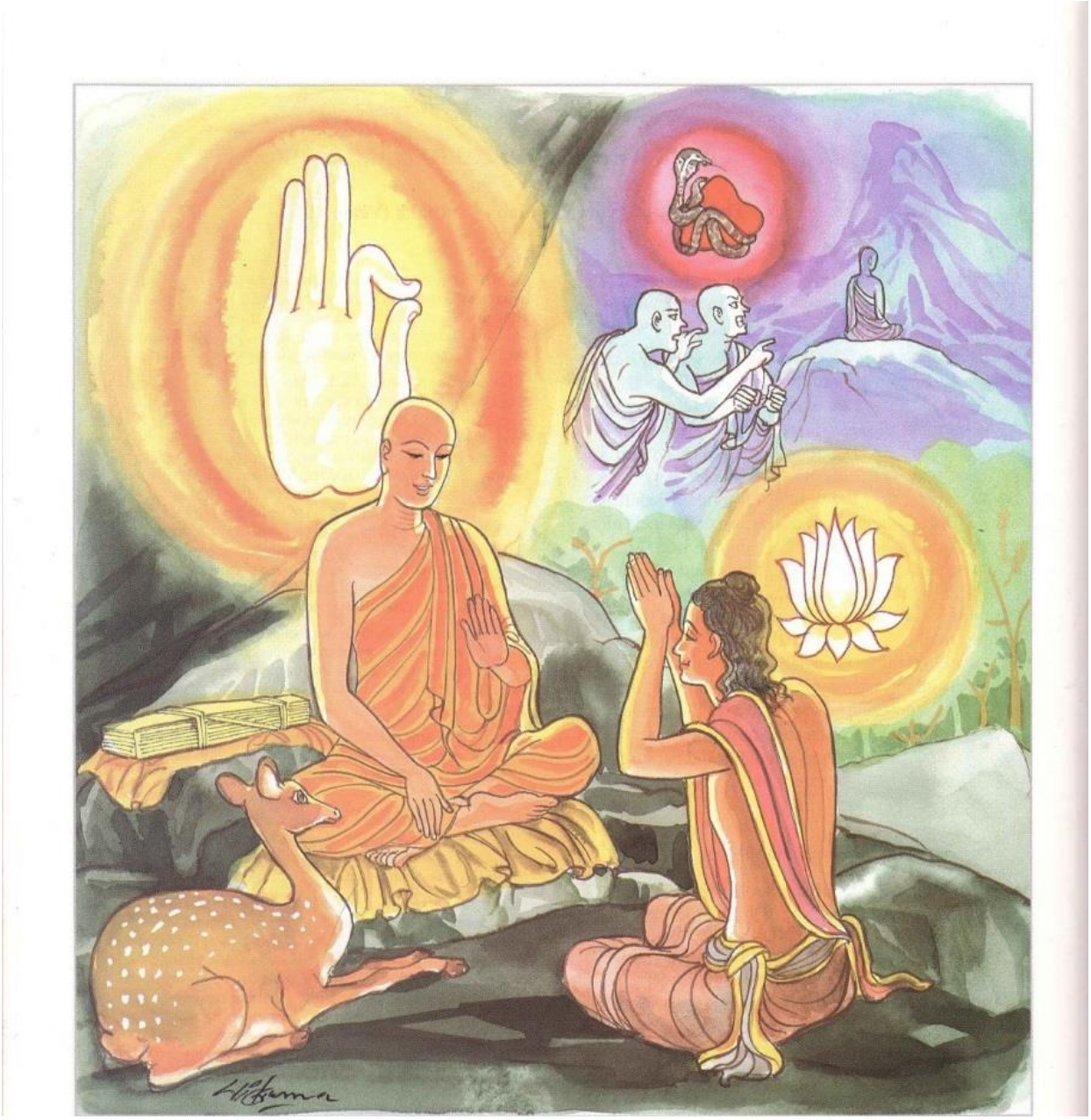

408. Người nói lời chân thật. Ích lợi và từ hòa. Không xúc phạm ai cả. Ta gọi Bà la môn

XXVI.26- CHUYỆN MỘT VỊ TỲ KHƯU

(Aññatarabhikkhu)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 409)

"Yodha dīghaṃ va rassaṃ	***"Ở đời vật dài ngắn***
Vā aṇuṃ thūlaṃ subhāsubhaṃ	***Nhỏ lớn đẹp hay xấu***
Loke adinnaṃ nādiyati	***Phàm không cho không lấy***
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ".	***Ta gọi Bà-la-môn".***

Kệ ngôn nầy được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài trú tại Jetavana, đề cập đến vị Tỳ khưu.

Tương truyền rằng: Trong thành Sāvatthì có vị Bàn môn là người tà kiến, y cởi choàng tắm, rồi để qua một bên vì e ngại mùi hôi thối bốc lên nên y ngoảnh mặt về hướng khác.

Bấy giờ, vị Vô Lậu Sa môn sau khi thọ thực xong, trên đường về Tịnh xá, thấy chiếc choàng tắm, Ngài nhìn chung quanh chẳng thấy ai, ngỡ là vật vô chủ. Suy nghĩ rằng: *"Choàng tắm nầy là vật vô chủ".* Rồi Ngài chú nguyện làm Paṇsukūla.

Khi ấy, gã Bàn môn đi tìm choàng tắm, thấy Ngài cầm lấy chiếc choàng tắm đã lăng mạ rằng:

- Nầy ông Sa môn trọc đầu kia, ông có lấy choàng của tôi chăng?

- Nầy Bà la môn, choàng tắm nầy của ngươi sao?

- Đúng vậy, nầy ông Sa môn.

- Vì tôi không thấy chủ, nên mới lượm choàng tắm ấy về, tôi cho rằng là vải Paṇsukūla, vậy xin ông hãy nhận lại.

Và Ngài đưa lại cho gã Bà la môn ấy cái choàng tắm rồi đi về Tịnh xá, thuật lại cùng chư Tỳ khưu.

Chư Tỳ khưu nghe vậy, nhạo báng rằng:

- Nầy Hiền giả, choàng tắm ấy dài hay ngắn, tốt hay xấu.

- Nầy chư Hiền, choàng tắm ấy dài hay ngắn, tốt hay xấu cũng vậy thôi. Vì tôi chẳng có tâm ái luyến choàng tắm ấy, tôi chỉ nghĩ đây là vải Paṇsukūla.

Chư Tỳ khưu nghe vậy, bạch lên Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vị Tỳ khưu ấy nói không thật, tuyên bố mình là bậc Thượng nhân, có thượng nhân Pháp.

- Nầy chư Tỳ khưu! Vị Tỳ khưu ấy đã nói lời chân thật. Vì lẽ thường Bậc Vô Lậu hằng không có tâm trộm cắp của người khác.

☸

CHÚ GIẢI:

Nên hiểu ý nghĩa của kệ ngôn nầy như vậy:

Trên thế gian nầy, người không thấy vật gì, dài hay ngắn như là choàng tắm và vật trang điểm... nhỏ hay lớn như ngọc Mạni hay choàng tắm và vật trang điểm...nhỏ hay lớn như ngọc Mạni hay ngọc bích… tốt hay xấu tùy theo giá trị nhiều hay ít mà người khác gìn giữ, Như Lai gọi người ấy là Bà la môn.

Dứt Pháp thoại nhiều người chứng quả thánh như là quả vị Dự Lưu.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Thấy vải trên đường vắng lượm lên,
Không ngờ chủ vải ở kế bên,
Chạy ra đòi lại, sư liền trả,
Chẳng lấy của người lỡ bỏ quên,
Chư Tăng mai mỉa: Ngắn hay dài?
Lậu tận nào tham chiếm của ai?
Phật dạy: Của không cho chẳng lấy,
Bà la môn ấy, xứng danh thay.

DỨT TÍCH CHUYỆN MỘT VỊ TỲ KHƯU

☸

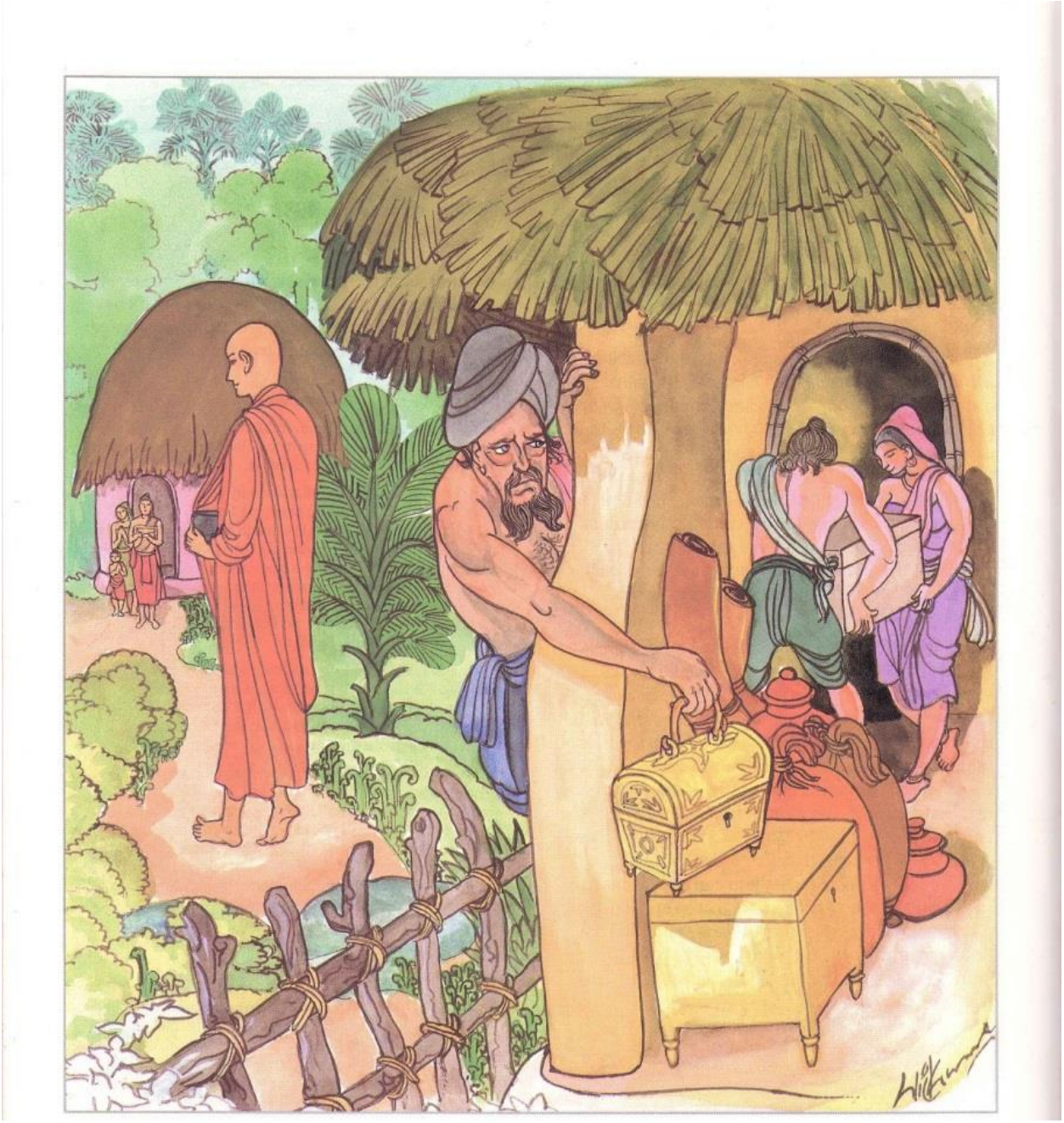

409. Vật ngắn, dài, lớn, nhỏ. Đẹp, xấu có trên đời. Không cho, không động tới. Ta gọi Bà la môn.

XXVI.27- TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA

(Sāriputtatthera)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 410)

"Āsā yassa na vijjanti	***"Người không có hỷ cầu***
Asmiṃ loke paramhi ca	***Đời nầy và đời sau***
Nirāsayaṃ visaṃyuttaṃ	***Không hỷ cầu giải thoát***
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ".	***Ta gọi Bà-la-môn".***

Kệ ngôn nầy được Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Trưởng lão Sāriputta.

Tương truyền rằng: Trưởng lão Sāriputta cùng với 500 vị Tỳ khưu tùy tùng đi đến ngôi Tịnh xá để an cư mùa mưa. Những cận sự trông thấy Trưởng lão đến, chuẩn bị nhiều y. Khi mãn mùa an cư chưa đến ngày lễ dâng y thì Ngài đã nhận lời yêu cầu. Và Ngài trở về để yết kiến Đức Thế Tôn, Ngài dặn bảo chư Tỳ khưu rằng:

- Khi các thiện gia dâng y, hãy để cho các Tỳ khưu cùng sadi trẻ. Các vị hãy nhận và phân phát đi. Khi xong việc rồi thì báo tin cho ta được biết.

Sau khi dặn bảo như thế rồi, Trưởng lão lên đường du hành về Jetavana để yết kiến Đức Đạo Sư. Chư Tỳ khưu bàn luận cùng nhau rằng:

- Cho đến hôm nay, chắc chắn Trưởng lão Sāriputta là người còn ái dục. Thật vậy, vì Trưởng lão đã dặn chư Tỳ khưu rằng: *"Khi thiện gia tử nhận y rồi, các vị hãy gởi y cho nhóm đệ tử mình, hoặc là cất đi và nhắn tin cho tôi hay."*

Đức Đạo Sư ngự đến phán hỏi rằng:

- Nầy chư Tỳ khưu, bấy giờ các ngươi đang bàn luận về vấn đề gì?

Chư Tỳ khưu bạch trình lên Đức Thế Tôn về vấn đề đang bàn luận, Ngài dạy rằng:

- Nầy chư Tỳ khưu! Con Như Lai không còn ái dục nhưng vị ấy nói như thế vì nghĩ rằng: *"Không bị thiệt cho các thiện gia tử về phước báu do sự cúng dường ấy, đó cũng là lợi lộc phát sanh chân chánh đến chư Tỳ khưu và Sadi trẻ"*.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Người không có hỷ cầu. Đời nầy và đời sau. Không hỷ cầu giải thoát. Ta gọi Bà-la-môn".

CHÚ GIẢI:

Āsā: là tên của ái dục.

Nirāsayaṃ: tức là không còn tham ái.

Visaṃyuttaṃ: là ta gọi người đã thoát ly mọi phiền não là Bà la môn.

Dứt kệ ngôn nhiều người đạt thành Thánh Quả.

Dịch Giả Cẩn Đề

Trong khi mãn hạ được nhiều y,
Pháp chủ không chia lại gởi đi,
Cho các chùa xa, sư tuổi trẻ,
Còn dư, sau thí đến Sadi,
Tăng trách Ngài tham ái vị thiên
Phật rằng: Lậu tận chẳng tình riêng,
Đời nầy, đời khác đều vô dục,
Ta gọi Bà la môn trí hiền.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA

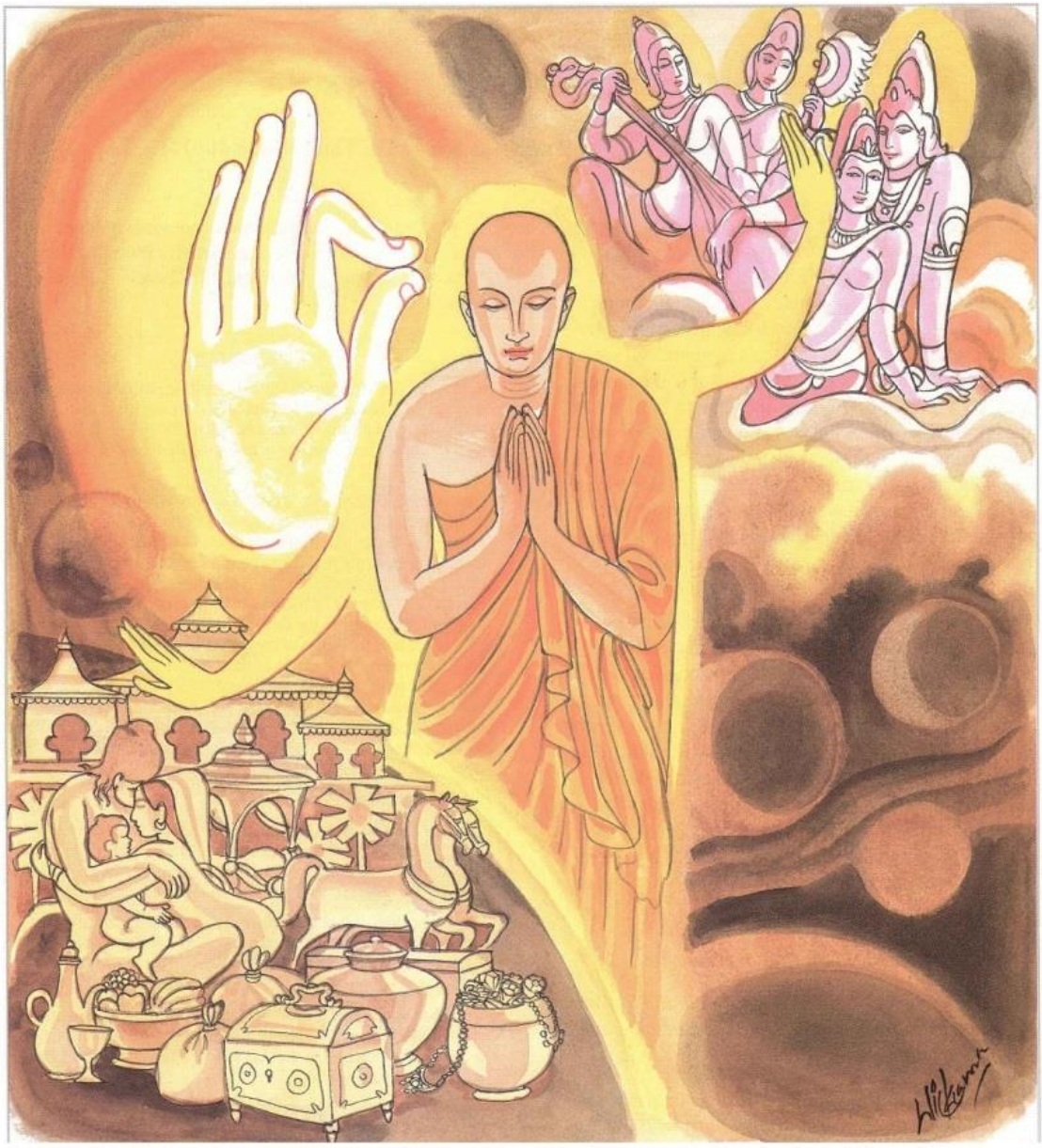

410. Cả đời nay, đời sau. Không vọng cầu thôi thúc. Giải thoát hết tham dục. Ta gọi Bà la môn.

XXVI.28- TRƯỞNG LÃO MOGGALLĀNA

(Moggallānatthera)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 411)

"Yassālayā na vijjanti	***"Người không còn tham ái***
Aññaya akathaṃkathī	***Có trí không nghi hoặc***
Amatogadham anuppattaṃ	***Thể nhập vào bất tử***
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ".	***Ta gọi Bà-la-môn".***

Kệ ngôn nầy Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Trưởng lão Moggallāna.

Câu chuyện nầy tương tự như câu chuyện Ngài Sāriputta ở kệ ngôn trên, nhưng ờ đây là Ngài Moggallāna.

Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Người không còn tham ái. Có trí không nghi hoặc. Thể nhập vào bất tử. Ta gọi Bà-la-môn".

CHÚ GIẢI:

Ālayā: là tên của ái dục.

Aññaya akathamkathī: là người thấu triệt về tám sự thật, không còn hoài nghi với tám điều.

Amatogadham anuppattam: nghĩa là đến thành đạt Níp Bàn gọi là Bất Tử, ta gọi người ấy là Bà la môn.

Dứt Pháp thoại nhiều người chứng đạt Thánh Quả.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Đại Đức Mục Liên cũng gởi y,
Cho Tỳ khưu trẻ với Sadi,
Chư Tăng phiền trách Ngài thiên vị,
Phật dạy: Người khôn hết hoặc nghi,
Vì đạo, không vì một lẽ riêng,
Không còn tham ái, Mục Kiền Liên,
Vô sanh thắng cảnh đà đi tới
Ta gọi Bà la môn trí hiền.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO MOGGALLĀNA

☸

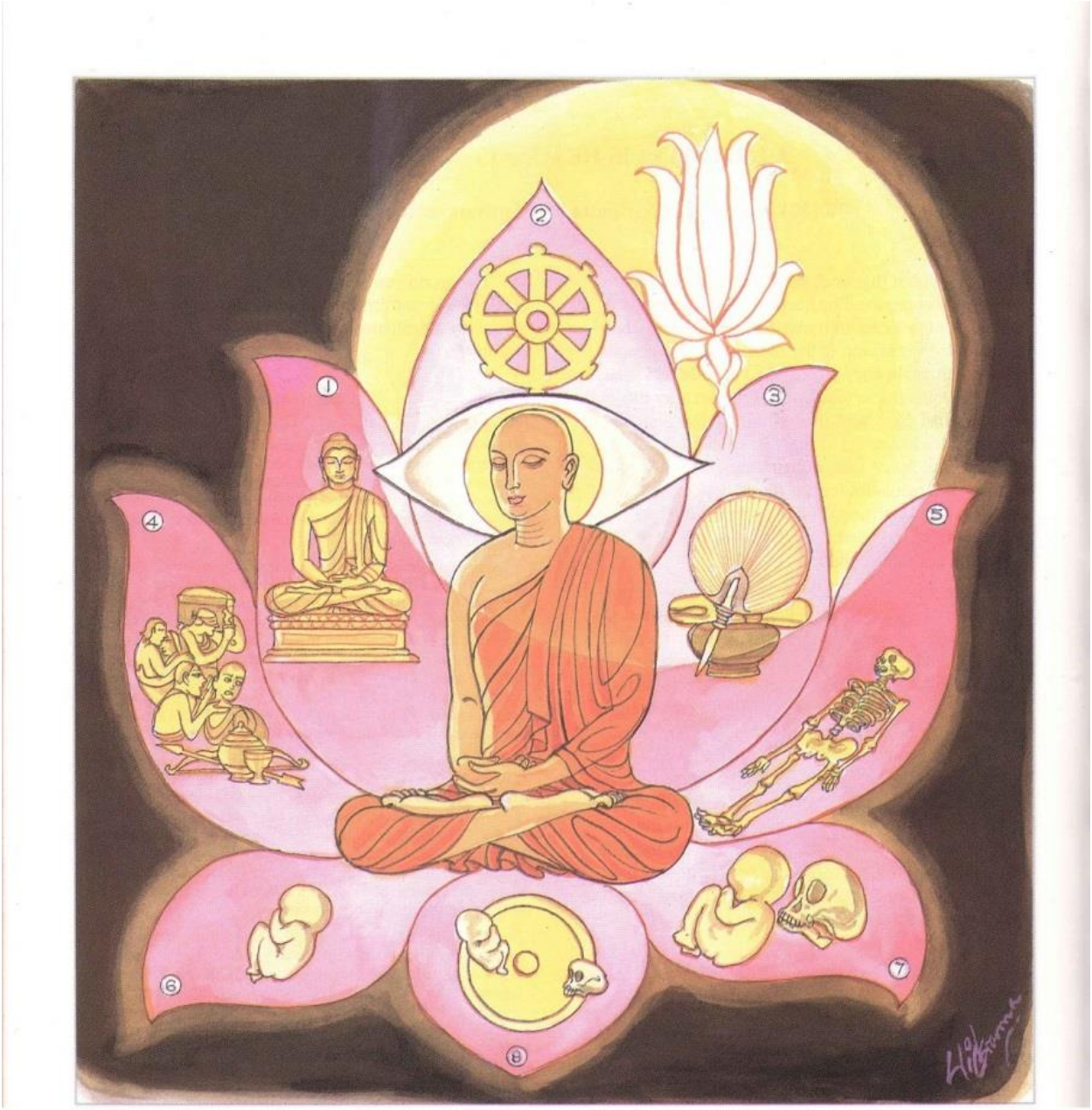

411. Không mong cầu, nghi hoặc. Nhờ trí tuệ viên minh. Đạt bất tử vô sinh. Bà la môn ta gọi.

XXVI.29- TRƯỞNG LÃO REVATA

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 412)

"Yodha puññaṃ ca pāpaṃ	***"Người sống ở đời nầy***
Ca ubho saṅgam upaccagā	***Không nhiễm cả thiện ác***
Asokaṃ virajaṃ suddhaṃ	***Không sầu sạch không bụi***
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ".	***Ta gọi Bà-la-môn".***

Đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, đề cập đến Trưởng lão Revata, Ngài thuyết lên kệ ngôn nầy.

Câu chuyện nầy được giải rộng trong kệ ngôn:

- *"Gāme vā yadi varaññe..."* (PC.98). Thật vậy, câu chuyện ấy được chư Tỳ khưu bàn luận cùng nhau rằng:

- Thật kỳ diệu thay, một Sadi có nhiều lợi đắc như thế, một vị mà có thể kiến tạo 500 ngôi Tịnh thất cho cả 500 vị Tỳ khưu được.

Bậc Đạo Sư ngự đến phán hỏi rằng:

- Nầy chư Tỳ khưu, các ngươi đang bàn luận về vấn đề gì thế?

- Bạch Thế Tôn với câu chuyện như thế...

- Nầy chư Tỳ khưu! Thiện hay ác con Như Lai chẳng còn nữa, cả hai thiện ác ấy, con Như Lai đã thoát ly.

Rồi Ngài tuyên thuyết rằng:

"Người sống ở đời nầy. Không nhiễm cả thiện ác. Không sầu sạch không bụi. Ta gọi Bà-la-môn".

☸

CHÚ GIẢI:

Ubho: nghĩa là thoát ly cả hai điều thiện ác.

Saṅgam: là các phiền não khác với ái...

Upaccagā: tức là đã vượt khỏi. Có lời giải rằng: Không còn sầu muộn là do không có luân hồi làm nhân. Gọi là không ô nhiễm là do không có tham ái bên trong, gọi là thanh tịnh là do không có phiền não tùy miên. Người ấy, Như Lai gọi là Bà la môn.

Dứt Pháp thoại nhiều người chứng đắc quả Thánh.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Sadi lậu tận Ly Bà Đa,
Được sự tán dương của Tăng già,
Cất cốc giữa rừng keo hẻo lánh
Hộ năm trăm chúng với Phật Đà,
Phật dạy: Con người đã thoát ly,
Hai bên tội phước, chấp làm chi,
Sadi vô cấu, vô ưu tịnh,
Ta gọi Bà la môn vô ưu tịnh.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO REVATA

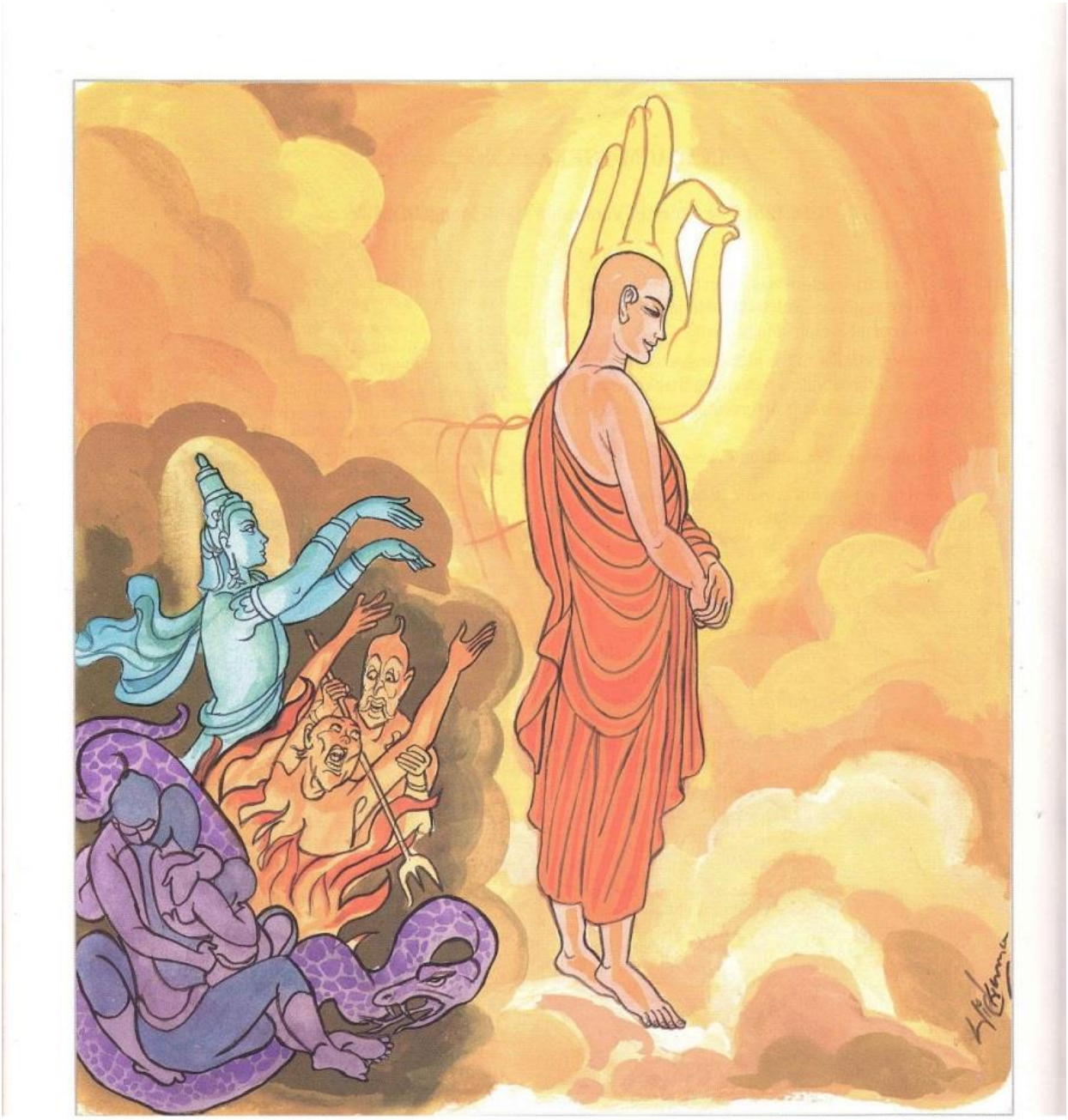

412. Người siêu việt thiện ác. Dứt phiền não buộc ràng. Thanh tịnh sống thênh thang. Bà la môn Ta gọi.

XXVI.30- TRƯỞNG LÃO CANDĀBHA

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 413)

"Candaṃ va vimalaṃ suddhaṃ	***"Như trăng sạch không uế***
Vippasannam anāvilaṃ	***Sáng trong và tịnh lặng***
Nandībhavaparikkhīṇaṃ	***Hữu ái được đoạn tận***
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ".	***Ta gọi Bà-la-môn".***

Đức Thế Tôn khi ngự trú tại Jetavana, đề cập đến Trưởng lão Candābha, Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn nầy.

Tương truyền rằng: Thời quá khứ có người thương buôn ở thành Bārāṇasī suy nghĩ rằng:

- Ta sẽ đến biên địa để đem trầm hương về.

Rồi y mang nhiều vải lụa, và đồ trang sức... đi đến biên địa. Thương buôn cho 500 cổ xe bò dừng nghỉ gần cổng làng, hỏi nhóm mục đồng rằng:

- Trong làng nầy có người nào làm việc tại chân núi ấy chăng?

- Có chứ.

- Người đó là ai vậy? Tên là gì?

Mục đồng chỉ rõ người và tên họ cho thương buôn biết, rồi y hỏi.

- Người nầy có vợ con chi chăng?

- Có vợ chứ.

Thương nhân hỏi nhà người đốn gỗ ấy, đi đến nhà anh ta theo sự chỉ dẫn của nhóm mục đồng. Khi anh tìm đến nhà người tiều phu, hỏi thăm đúng tên họ, vợ người thợ rừng suy nghĩ rằng:

- Người nầy hẳn là thân quyến của ta vậy.

- Nàng trải chỗ ngồi, tiếp rước thương nhân ấy. Người thương buôn sau khi đã an vị rồi, y hỏi thăm rằng:

- Nầy nàng, bạn của tôi đâu rồi?

- Thưa ông, đã đi vào rừng rồi.

Thế rồi, người thương buôn theo lời của mục đồng hỏi tên các đứa con của người thợ rừng rằng:

- Con tôi tên ấy, con gái tôi tên nầy… chúng đã đi đâu rồi?

Rồi y bảo với vợ người thợ rừng rằng:

- Cô hãy đưa vải cùng với những trang sức nầy cho các con của tôi đi. Khi bạn của tôi từ rừng về, cô hãy trao cho anh ấy những phần quà của bạn tôi.

Y cho quà tặng đến từng người, vợ người thợ rừng cũng được tặng phẩm có nhiều giá trị. Vợ người thợ rừng tỏ vẻ cung kính thương nhân lắm. Khi thợ rừng về, nàng nói với chồng rằng:

- Nầy anh thân, người nầy khi đến đây đã biết rõ tên từng người trong nhà ta, lại biếu tặng vật cho từng người nữa.

Thế là, người thợ rừng phát sanh sự kính trọng y. Vào buổi chiều, người thương nhân trở lại, hỏi y rằng:

- Nầy bạn thân mến, bạn làm việc tại chân núi ấy, bạn thấy cái chi nhiều nhất?

- Tôi chẳng thấy chi nhiều cả, chỉ có loại cây màu đỏ là nhiều nhất mà thôi.

- Loại ấy có thơm lắm không?

- Thơm lắm.

- Thế thì bạn hãy chỉ cho tôi xem loại ấy đi.

- Nầy bạn, được thôi.

Thương nhân cùng người thợ rừng đi đến rừng trầm hương để đốn trầm hương chất đầy cả 500 cỗ xe bò, khi trở về kinh thành, y nói với người thợ rừng rằng:

- Nầy bạn ơi! Tôi ở kinh thành Bārāṇasī, nếu bạn có đến đó hãy tìm đến thăm tôi. Bạn chỉ cần mang những loại cây như vậy cho tôi là đủ, khỏi cần phải quà cáp chi cho sang trọng.

- Vâng, thưa bạn.

Thế là, mỗi dịp người thợ rừng đi đến thành Bārāṇasī, y mang biếu người thương nhân trầm hương đỏ và thương nhân cũng tặng lại y vải vóc, tiền bạc cùng những trang sức...

Thời gian sau, khi Đấng Thập Lực Kassapa Níp Bàn, ngôi Bảo Tháp Vàng của Ngài đang được kiến tạo, chàng thợ rừng mang trầm hương đến thăm bạn nơi kinh thành Bārāṇasī. Người thương buôn cho tán nhuyễn trầm hương chất đầy mâm và nói rằng:

- Nầy bạn thân! Chúng ta hãy đến ngôi Bảo Tháp, khi cơm chín, chúng ta sẽ trở về dùng.

Người thợ rừng đi đến ngôi Bảo Tháp, dùng trầm hương tạo thành một vòng tròn cúng dường Bảo Tháp như vầng trăng tròn. Đây là tiền nghiệp của Candābha.

Người thợ rừng sau khi mệnh chung, thọ sanh về Thiên giới, hưởng thiên sản trọn một kiếp Phật, đến thời Đức Thế Tôn hiện tại, từ nơi Thiên cung y hạ sanh vào gia tộc Bà la môn đại hào phú (mahāsāla) trong thành Rājagaha. Do quả phước của y, từ nơi rún của đồng tử ấy phát ra ánh sáng như vầng trăng tròn. Do nhân ấy, thân quyến đặt tên y là Candābha.

Các vị Bàn môn thân tộc của Candābha suy nghĩ:

- Chúng ta có thể dùng đồng tử Candābha để sinh sống.

Các Bàn môn ấy cho đồng tử Candābha ngồi trên một cỗ xe nhỏ, kéo đi khắp làng mạc, thị trấn, châu quận, thông báo rằng:

- Người nào sờ vào thân đồng tử Candābha sẽ được giàu sang, hạnh phúc. Vì đồng tử Candābha là bậc đại phước.

Rồi thì, dân chúng đã cho 100 đồng cũng có, ngàn đồng cũng có, trăm ngàn đồng cũng có... để được sờ tay vào người của Candābha.

Đoàn Bà la môn ấy trẩy qua các kinh thành, châu quận, thị trấn, tuần tự đi đến kinh thành Sāvatthī, dừng chân nghỉ tại khoảng giữa kinh thành và Tịnh xá Jetavana.

Vào khi ấy, trong thành Sāvatthī có khoảng 5 Koṭi Thánh đệ tử, vào buổi sáng các vị cúng dường đến Đức Thế Tôn cùng chư Tỳ khưu, vào buổi chiều tay cầm hương hoa, vật thoa, vật thơm, thuốc trị bịnh đến Tịnh xá để cúng dường và nghe Pháp. Các Bà la môn trông thấy chư Thánh đệ tử mang hương hoa cùng thuốc trị bịnh đến Tịnh xá, đã hỏi rằng:

- Các vị đi đâu thế?

- Chúng tôi đi đến Đức Thế Tôn nghe Pháp.

- Các người đến nơi ấy có lợi ích chi, không ai có thân phước báu như đồng tử Candābha của chúng tôi. Vì khi các người sờ vào thân của Candābha sẽ được giàu sang, do vậy các người hãy đến với Candābha Bà la môn đi.

- Thần lực của Bà la môn Candābha của các ông ra sao. Chỉ có Đức Thế Tôn của chúng tôi mới có Đại thần lực mà thôi.

Thế là, nhóm Bà la môn cùng chư Thánh đệ tử chẳng ai thuyết phục được ai cả, đồng ý cùng nhau rằng:

- Chúng ta hãy đi đến Tịnh xá, khi ấy sẽ biết rõ thần lực của bà la môn Candābha và Bậc Đạo Sư, ai sẽ thắng ai?

Và đại chúng cùng đưa Candābha đến Tịnh xá yết kiến Đức Thế Tôn. Khi vừa đến trú xứ của Đức Thế Tôn, hào quang của Candābha liền tan biến mất, Bà la môn Candābha so với Đức Thế Tôn (về oai lực hào quang) ví như con quạ đen so với lò lửa rực sáng.

Nhóm Bà la môn đưa Candābha ra ngoài Tịnh xá, hào quang của y lại chiếu rực như thường, khi đưa y trở lại vào Tịnh xá thì hào quang của y biến mất. Cả ba lần như thế, Candābha suy nghĩ rằng:

- Có lẽ vị Sa môn nầy biết được chú thuật làm mất hào quang.

Y liền bạch hỏi Đức Thế Tôn:

- Thưa Sa môn, chắc Ngài biết chú thuật làm mất hào quang, phải chăng?

- Đúng vậy, nầy đồng tử.

- Nếu thế, xin Ngài hãy dạy con đi.

- Nầy đồng tử, ta không thể ban cho người chưa xuất gia được.

Candābha liền nói với nhóm Bà la môn rằng:

- Khi tôi được chú thuật nầy rồi, tôi sẽ là người tối thắng trong cõi Diêm Phù nầy. Các vị hãy chờ tôi vài ngày, tôi sẽ xuất gia để học chú thuật.

Và Candābha xin xuất gia với Bậc Đạo Sư. Đức Thế Tôn dạy cho vị ấy quán tưởng đề mục 32 thể trược. Candābha hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn! Đây là chi thế?

- Đây là khởi sự của môn chú thuật ấy, ngươi nên hành trì đi.

Vài ngày sau, nhóm Bà la môn đi đến hỏi rằng:

- Ông đã học xong môn chú thuật chưa?

- Thưa các ông! Tôi còn đang học.

Và chỉ trong hai ba ngày sau, Candābha đã chứng đắc Vô Lậu Quả, khi nhóm Bà la môn đến hỏi rằng:

- Ông đã thông thuộc thần chú chưa?

- Nầy các ông, các ông hãy trở về đi, giờ đây tôi có được Pháp không du hành rồi (tức là không còn đi lại, ám chỉ không còn sanh tử luân hồi).

Chư Tỳ khưu nghe được câu chuyện, trình bạch lên Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vị ấy nói không thật, tuyên bố mình có Pháp Thượng Nhân.

- Nầy chư Tỳ khưu! Bây giờ con của Như Lai là Candābha đã đoạn tận các lậu hoặc rồi, chỉ nói lời chân thật thôi.

Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

"Như trăng sạch không uế. Sáng trong và tịnh lặng. Hữu ái được đoạn tận. Ta gọi Bà-la-môn".

☸

<u>CHÚ GIẢI:</u>

Vimalaṃ: tức là giải thoát khỏi cấu uế, ví như mây che.

Suddhaṃ: là không còn phiền não ngủ ngầm.

Vippasannam: là tâm trong sạch.

Anāvilaṃ: là đoạn trừ cấu uế như phiền não.

Nandībhavaparikkhīṇaṃ: nghĩa là ta gọi người đã đoạn tận ái trong ba cõi là Bà la môn.

Dút Pháp thoại nhiều người chứng đạt quả Thánh.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Bụng nổi hào quang sáng tợ trăng,
Muốn so sánh với bực toàn năng,
Nguyệt quang tự thấy không bì thật,
Chịu phép vào tu, đắc Thánh Tăng,
Phật dạy: Thấy nên pháp bất lai,
Như trăng tròn chẳng nhuộm trần ai,
Sáng, trong, tịnh lặng, vô hữu ái,
Đáng gọi Bà la môn đức tài.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO CANDĀBHA

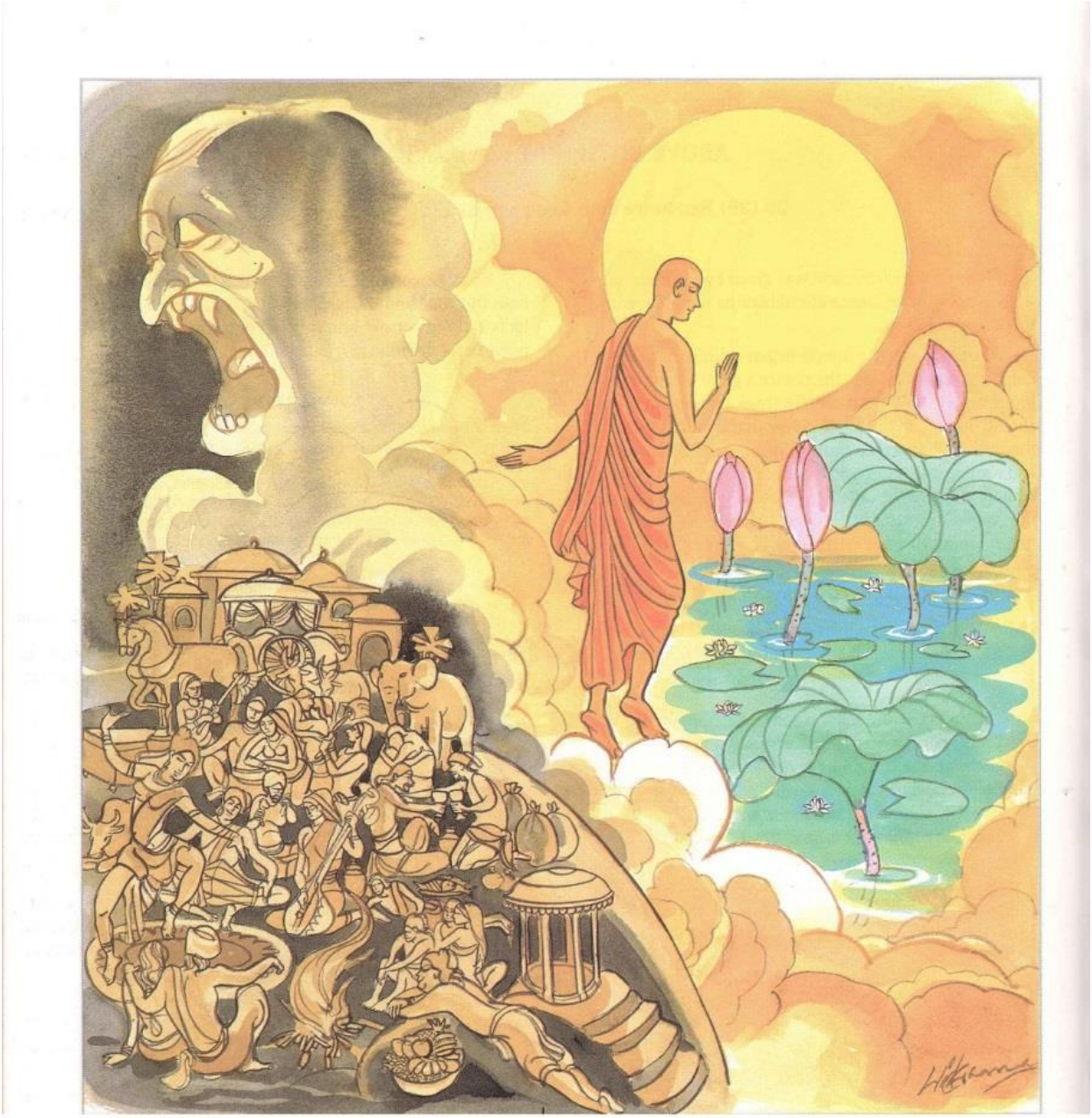

413. Như mặt trăng lồng lộng. Không dao động, sáng, trong. Người diệt ái hữu xong. Bà la môn ta gọi.

XXVI.31. TRƯỞNG LÃO SĪVALI

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 414)

"Yo imaṃ paḷipathaṃ duggaṃ saṃsāraṃ	***"Vượt đường nguy hiểm nầy.***
Moham accagā tiṇṇo pāragato	***Nhiếp phục luân hồi si***
Jhāyī anejo akathaṃkathī anupādāya	***Không dục ái không nghi***
Nibbuto tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ".	***Không chấp trước tịch tịnh***
	Ta gọi Bà-la-môn".

Đức Thế Tôn trú tại Kuṇḍikoliya, ngự tại rừng Kuṇḍadhāna, đề cập đến Trưởng lão Sīvali, Ngài tuyên thuyết pháp thoại nầy.

Tương truyền rằng: Nàng Suppavāsā là con gái dòng Sát Đế Lỵ Koliya, nàng mang thai nhi đến 7 năm, 7 tháng và 7 ngày, lúc gần sanh nở nàng chịu thống khổ vô cùng. Nàng Suppavāsā nhẫn nại với sự thống khổ do suy niệm ba điều là:

1- Đức Thế Tôn thuyết pháp để đoạn trừ khổ của sắc nầy, Ngài là bậc tự giác viên mãn.

2- Tăng chúng là người thực hành để đoạn trừ khổ của sắc nầy, các vị ấy đã thực hành rồi.

3- Khổ như thế nầy chẳng có trong Níp Bàn, Níp Bàn là nơi an lạc tuyệt đối.

Nàng bảo chồng rằng:

- Hãy đến đảnh lễ Bậc Đạo Sư, đảnh lễ Ngài rồi nhân danh em rằng: *"Bạch Thế Tôn, nàng Suppavāsā đảnh lễ Đức Thế Tôn, nàng đang thọ khổ, mong an lạc sẽ đến với nàng"*.

Chồng nàng Suppavāsā làm theo lời dặn của vợ, Bậc Đạo Sư phán dạy rằng:

- Xin cho nàng Suppavāsā, con gái dòng Koliya được sự an lạc vô bịnh, hạ sanh hài nhi được an toàn.

Do nhờ oai lực của Phật Bảo, nàng Suppavāsā hạ sanh hài nhi an toàn, mọi thống khổ tiêu tan. Vô cùng hoan hỷ, nàng Suppavāsā cung thỉnh Đức Phật và Chư Tăng thọ thực nơi tư dinh của nàng trọn 7 ngày.

Công tử Sīvali cũng dùng ống lọc nước, lọc lấy nước dâng cúng đến chư Tăng. Chán nản với thế tục quá nhiều khổ não, khi Công tử Sīvali nhớ lại nơi thai bào mà mình chịu khổ, công tử xin cha mẹ cho mình được xuất gia. Và Ngài chứng A La Hán khi vừa cạo tóc xong. Một hôm, chư Tỳ khưu ngồi lại bàn luận với nhau trong giảng đường rằng:

- Nầy chư Hiền, các vị hãy xem, vị Tỳ khưu đầy đủ duyên lành A La Hán như thế, mà phải chịu khổ trong bụng mẹ suốt 7 năm 7 tháng 7 ngày thì còn nói chi đến người khác. Giờ đây khổ ấy vị Tỳ khưu đã đoạn tận rồi.

Bậc Đạo Sư ngự đến phán hỏi rằng:

- Nầy chư Tỳ khưu, các ngươi đang bàn luận về vấn đề gì thế?

Chư Tỳ khưu bạch lên Thế Tôn câu chuyện bàn luận.

- Nầy chư Tỳ khưu, đúng thật vậy, con Như Lai đã thoát khỏi mọi đau khổ ấy, bây giờ đã Níp Bàn rồi.

Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Vượt đường nguy hiểm nầy. Nhiếp phục luân hồi si. Đến bờ kia thiền định. Không dục ái không nghi. Không chấp trước tịch tịnh. Ta gọi Bà-la-môn".

CHÚ GIẢI:

Nên hiểu ý nghĩa của kệ ngôn như vầy:

Vị Tỳ khưu đã vượt qua đường vòng tức là ái dục, vượt qua hầm là phiền não, vượt qua luân hồi là si, đã chứng đạt Tứ Đế. Là người vượt khỏi Tứ bộc, đi đến bờ kia an tịnh theo tuần tự, tịch tịnh với hai loại thiền định.

Gọi là vô phiền não rúng động vì không còn ái dục.

Gọi là không còn hoài nghi để nói lên vì không còn gì phải nói nữa.

Gọi là vô thủ vì không còn chấp. Gọi là dập tắt vì đã đoạn tận phiền não, Như Lai gọi là Bà la môn.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Nằm trong bụng mẹ bảy năm hơn,
Minh sát khổ sầu, thấu lý chơn,
Tuổi trẻ xuất gia nên thánh quả,
Khỏi vòng sanh tử của phàm nhơn,
Đã đến bờ kia, chứng Niết Bàn,
Không còn nghi, vọng, chủ tâm an,
Trú trong thiền định, không tham ái,
Phật gọi Bà la môn vẹn toàn.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO SĪVALI

☸

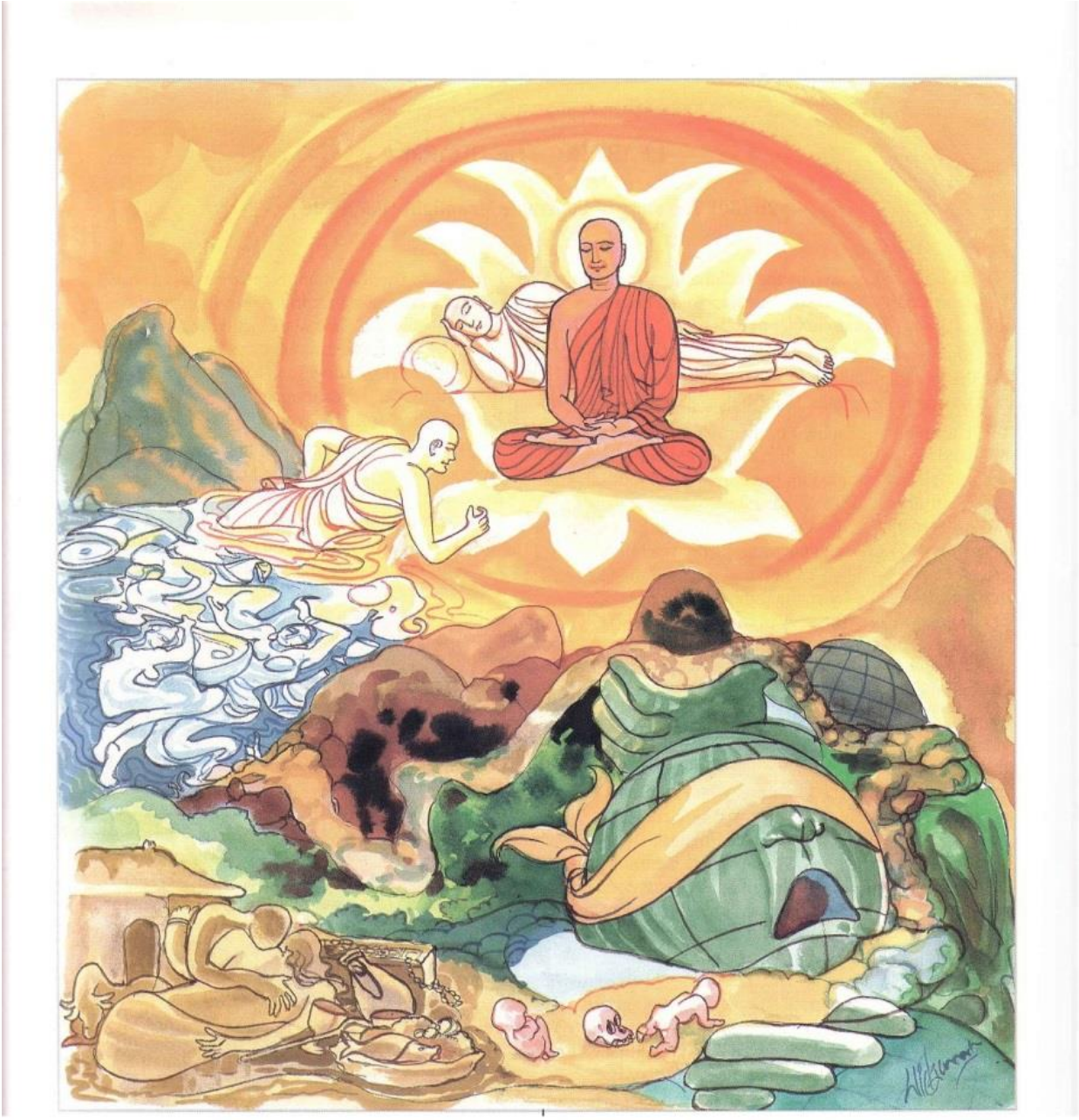

414. Vượt sình lầy đường hiểm. Thoát sinh tử, si mê. Thiền định, sang bờ kia. Đoạn nghi, diệt trừ ái. Chứng Niết Bàn, vô ngại. Ta gọi Bà la môn.

XXVI.32- TRƯỞNG LÃO SUNDARASAMUDDA

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 415)

"Yodha kāme pahatvāna	***"Ai ở đời đoạn dục***
Anāgāro paribbaje	***Bỏ nhà sống xuất gia***
Kāmabhavaparikkhīṇaṃ	***Dục hữu được đoạn tận***
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ".	***Ta gọi Bà la môn".***

Đức Thế Tôn Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Trưởng lão Sundarasamudda, thuyết lên kệ ngôn nầy.

Tương truyền rằng: Trong thành Sāvatthī có một thiện gia tử là Sundarasamudda, là con Trưởng giả có đại tài sản là 40 koṭi.

Một hôm công tử Sundarasamudda trông thấy chư Thánh đệ tử tay mang vật thơm, dược phẩm... đi đến Tịnh xá nghe Pháp, công tử hỏi rằng:

- Nầy các vị, các vị đi đâu thế?

- Chúng tôi đi đến Tịnh xá nghe Pháp từ Bậc Đạo Sư.

- Thế tôi cũng sẽ đi nghe Pháp nữa.

Bậc Đạo Sư thấy được duyên lành xuất gia của công tử, nên thuyết lên tuần tự Pháp. Công tử nghe pháp xong suy nghĩ:

- Theo lời Bậc Đạo Sư, người sống tại gia khó có thể thực hành Phạm hạnh viên mãn được, ví như vỏ ốc đánh bóng mà thôi. Vậy ta hãy xuất gia đi.

Công tử đợi đại chúng ra về hết, đi đến bạch xin Đức Thế Tôn cho mình được xuất gia. Theo thông lệ, chư Phật sẽ không cho người xuất gia nếu chưa có lịnh cha mẹ.

Thế là, công tử Sundarasamudda trở về xin cha mẹ cho mình được xuất gia và công tử cũng thực hiện biện pháp tuyệt thực như công tử Ratthapāla... Khi thành đạt ước nguyện xuất gia rồi, Tỳ khưu Sundarasamudda suy nghĩ:

- Ta ở đây chẳng lợi ích chi, ta hãy rời khỏi nơi đây vậy.

Tỳ khưu Sundarasamudda rời kinh thành Sāvatthī đi đến kinh thành Rājagaha, Ngài trì hạnh khất thực.

Vào ngày lễ hội, tại kinh thành Sāvatthī, ông bà Trưởng giả trông thấy bạn bè của con mình vui vẻ trong lễ hội với y phục sang trọng, lộng lẫy, chợt nhớ đến con, ông bà ngồi than thở rằng:

- Trò chơi vui như thế nầy mà con ta chẳng còn có cơ hội hưởng thụ được nữa.

Bấy giờ, có nàng kỹ nữ đi ngang dinh của ông bà Trưởng giả, thấy mẹ Ngài Sundarasamudda đang nhớ con than khóc như vậy, nàng ngạc nhiên hỏi rằng:

- Thưa bà! Vì sao ông bà lại than khóc như thế?

- Nầy cô, vì ta nhớ con của ta.

- Thế công tử đi đâu rồi?

- Nó đã đi xuất gia rồi, nó xuất gia với Sa môn Gotama.

- Vậy thì, ông bà hãy bảo công tử hoàn tục đi.

- Nầy cô, con chúng ta không chịu điều nầy đâu, nó đã lìa bỏ Sāvatthī đến trú tại Rājagaha rồi.

- Nếu tôi quyến rũ được công tử hoàn tục, bà sẽ đối xử với tôi như thế nào?

- Nếu được như thế, tôi sẽ giao cô cai quản hết gia sản nầy.

- Vậy bà hãy cho tôi trước một món tiền để làm lộ phí đi.

Nàng kỹ nữ nhận lấy món tiền lớn cùng với tùy tùng đến kinh thành Rājagaha. Biết rõ con đường Trưởng lão Sundarasamudda hằng đi khất thực, nàng cho kiến tạo ngôi biệt thự 7 tầng ở trên con đường đó, rồi nàng cho chuẩn bị những loại vật thực thượng vị để cúng dường Trưởng lão từ mờ sáng. Khi Trưởng lão ngự đi khất thực, nàng cung kính đặt bát Ngài, được đôi ba ngày thì nàng bạch:

- Thưa Ngài! Xin thỉnh Ngài hãy ngồi nơi hành lang của tòa lâu đài nầy thọ thực đi.

Nàng kỹ nữ cúng dường đến Trưởng lão những loại vật thực thượng vị, bạch với Trưởng lão rằng:

- Bạch Ngài! Xin Ngài hãy thường xuyên đến đây thọ thực đi, việc khất thực ở nơi đây thật là bất tiện lắm.

Trưởng lão nhận lời, qua đôi ba ngày, nàng kỹ nữ cho các đứa trẻ tiền, và dặn rằng: *"Nầy các em! Khi Trưởng lão ngự đến đây, các em hãy nô đùa, làm cho cát bụi tung lên. Nếu ta có la thì các em vẫn nô đùa hăng lên nữa".*

Sáng hôm sau, khi Trưởng lão đang dùng vật thực, bọn trẻ đùa giỡn làm tung cát bụi lên, nàng kỹ nữ giả vờ la hét thì chúng càng nô đùa thêm lên nữa. Hôm sau, nàng bạch với Trưởng lão rằng:

- Bạch Ngài! Những đứa bé nầy làm tung bụi cát, dù tôi có la rầy chúng vẫn ngang bướng không nghe. Vậy xin Ngài hãy ngự bên trong nhà đi.

Trưởng lão nghe lời nàng thỉnh nên vào ngồi thọ thực bên trong nhà. Trải qua vài ngày, nàng lại bảo bọn trẻ rằng: *"Khi Trưởng lão đang thọ thực, dù chị có la rầy, các em hãy làm nhộn lên nhé".* Và đám trẻ đã làm theo lời dặn của nàng kỹ nữ. Hôm sau, nàng bạch với Trưởng lão rằng:

- Bạch Ngài! cho dù tôi có la rầy, nhưng bọn trẻ vẫn cứ làm nhộn lên. Vậy thỉnh Ngài hãy lên lầu đi.

Khi Trưởng lão lên tầng một rồi, nàng kỹ nữ đóng các cửa sổ lại, đóng các cửa lớn rồi lên sau.

Trưởng lão là người trì hạnh khất thực để sống, nhưng vì tham đắm vào vị ngon của vật thực, đã lần lượt rơi vào mưu kế nàng kỹ nữ, đi đến tầng lầu thứ bảy.

Khi Trưởng lão ngồi vào nơi đã được soạn sẵn nơi lầu bảy, bây giờ nàng kỹ nữ đã khiêu gợi dục tình nơi Trưởng lão, biểu lộ những cách gợi dục của nữ nhân rằng:

- Hỡi chàng có khuôn mặt đẹp như trăng rằm...

Được biết rằng: Nữ nhân hằng quyến rũ nam nhân bằng 40 cách (có giải rõ trong Bổn sanh Kuṇā jātaka) là:

1- Nũng nịu
2- Cúi xuống
3- Ẻo lả người
4- Giả e thẹn
5- Khảy móng tay
6- Đạp chân nhau
7- Dùng cây vẽ trên đất
8- Bồng trẻ thơ
9- Thả trẻ xuống đùa
10- Tự đùa cợt
11- Cho trẻ đùa
12- Tự hôn mình
13- Cho trẻ hôn
14- Ăn uống
15- Cho trẻ ăn
16- Cho đồ trẻ em
17- Xin lại nhà
18- Giả ngây thơ
19- Nói lớn tiếng
20- Nói êm dịu
21- Nói ngắn gọn
22- Nói múp mở
23- Múa hát, hòa tấu, than khóc và trang điểm
24- Cười khúc khích
25- Nhìn thẳng
26- Lắc đầu
27- Lắc mông
28- Dang chân
29- Khép đùi
30- Hở ngực
31- Hở nách
32- Hở bụng
33- Chớp mắt
34- Nhíu mày
35- Cắn môi
36- Le lưỡi
37- Cởi áo ra
38- Mặc áo vào
39- Xõa tóc
40- Cột tóc lại

Nàng kỹ nữ trổ hết bốn mươi cách khêu gợi, nàng có đôi chân nhuộm hồng, mang dép xinh đẹp đứng trước mặt Trưởng lão Sundarasamudda nói rằng:

- Chàng là nam tử xinh đẹp của em, em là nữ xinh đẹp của chàng. Cả hai chúng ta sẽ xuất gia khi tuổi đã xế chiều.

Nghe như vậy, Trưởng lão Sundarasamudda khởi dục tầm rằng:

- Ôi! Sự nguy hại đã sanh lên với ta rồi, do vì ta không quán xét kỹ.

Bấy giờ, cách nơi ấy 25 do tuần, Bậc Đạo Sư đang trú tại Jetavana, Ngài mỉm cười. Thấy thế, Trưởng lão Ānanda bạch hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn! Do nhân chi, duyên chi mà Thế Tôn lại mỉm cười?

- Nầy Ānanda! Tỳ khưu Sundarasamudda cùng nàng kỹ nữ đang có trận thư hùng quyết liệt với nhau, trận chiến đang diễn ra trên lầu bảy, ở thành Rājagaha.

- Bạch Thế Tôn! Trong cuộc thư hùng ấy, ai sẽ thắng? Ai sẽ bại?

- Nầy Ānanda! Tỳ khưu Sundarasamudda là kẻ thắng trận, nàng kỹ nữ thua trận.

Đức Thế Tôn sau khi tuyên bố như thế rồi, từ nơi Hương thất Ngài phóng hào quang đến trước mặt Trưởng lão Sundarasamudda, phán dạy rằng:

- Nầy Tỳ khưu! Hãy cắt đứt ái luyến, hãy thoát ly cả hai loại dục đi.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Ai ở đời đoạn dục. Bỏ nhà sống xuất gia. Dục hữu được đoạn tận. Ta gọi Bà-la-môn".

❁

Trên thế gian nầy, người đã dứt bỏ được hai loại dục, đã từ bỏ đời sống tại gia trở thành người không nhà. Người đã tuyệt trừ dục lạc và hữu, người ấy Như Lai gọi là Bà la môn.

Dứt kệ ngôn, Trưởng lão chứng đạt A La Hán, Ngài dùng thần thông trổ nóc nhà bay lên hư không, tán dương oai lực Đức Phật, từ hư không đi xuống đảnh lễ dưới chân Bậc Đạo Sư.

Chiều đến, chư Tỳ khưu ngồi lại Giảng đường bàn luận cùng nhau rằng:

- Nầy chư Hiền! Tỳ khưu Sundarasamudda do tham đắm vị, suýt nữa làm mất đời sống Phạm hạnh. Nhưng có Bậc Đạo Sư là nơi nương nhờ cho vị ấy.

Bậc Đạo Sư ngự đến phán dạy rằng:

- Nầy chư Tỳ khưu! Ta là nơi nương nhờ cho Tỳ khưu ấy chẳng phải là bây giờ đâu, mà trong quá khứ ta cũng thường là nơi nương nhờ cho vị ấy rồi.

Chư Tỳ khưu thỉnh cầu Thế Tôn thuyết giảng Bổn Sanh, Ngài nhân đó thuyết lên Bổn Sanh Vātamiga chi tiết rằng:

- *"Được nghe rằng: Không có điều đê tiện hơn các vị, người giữ vườn tên là Sañjaya đã bắt được con nai rừng, cũng do các vị ấy"*.

Rồi Ngài nhận diện Bổn sanh rằng:

- Trong thời ấy, Tỳ khưu Sundarasamudda là con nai, Quan đại thần nói lên bài kệ để người giữ vườn thả nai chính là Như Lai vậy.

❁

Dịch Giả Cẩn Đề

Mỹ Hải một lòng quyết xuất gia,
Tu xong, hành đạo chỗ xa nhà,
Bị cô kỹ nữ đem trần vị,
Dụ đến lầu riêng, giở nguyệt hoa,
Đại Đức cảm kinh dạ rối bời,
Kỳ Viên, Đức Phật tự nhiên cười,
Phóng quang tiếp độ kêu: Mỹ Hải!
Hãy lắng nghe ta dạy mấy lời,
Ai ở đời nầy, bỏ dục đi,
Bỏ nhà, chuyên sống hạnh xả ly,
Đoạn trừ hữu ái, thành vô lậu,
Ta gọi Bà la môn chánh quy.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO SUNDARASAMUDDA

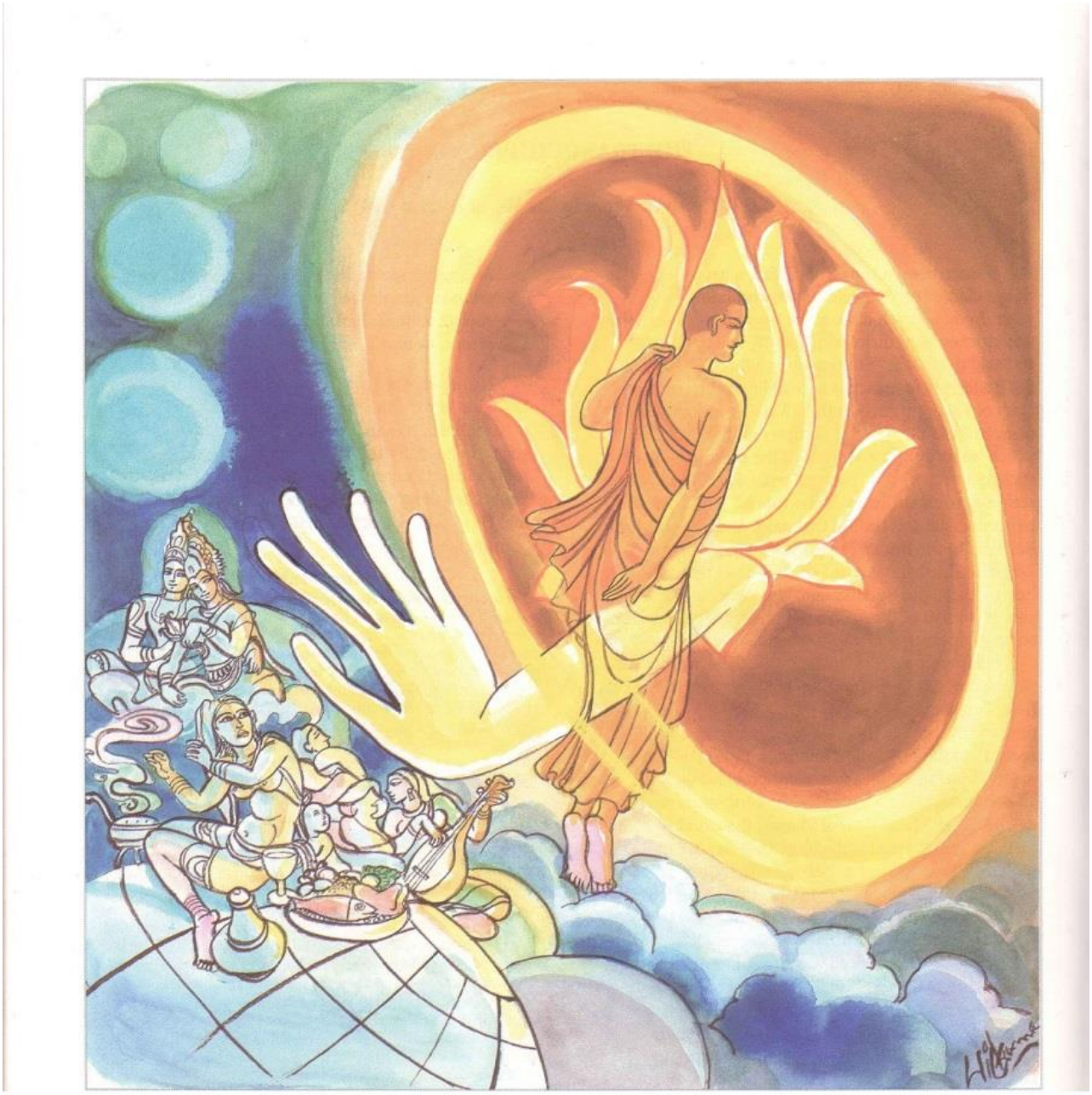

415. Từ bỏ mọi dục lạc. Xuất gia làm sa môn. Đoạn diệt sạch dục, hữu. Ta gọi Bà la môn.

XXVI.33- TRƯỞNG LÃO JOTIKA

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 416)

"Yodha taṇhaṃ pahatvāna	***Ai ở đời đoạn ái***
Anāgaro paribbaje	***Bỏ nhà sống xuất gia***
Taṇhābhavaparikkhīṇaṃ	***Ái hữu được đoạn tận***
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ".	***Ta gọi Bà-la-môn".***

Kệ Ngôn nầy được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Veḷuvana, đề cập đến Trưởng lão Jotika, tuyên thuyết lên kệ ngôn nầy.

Vào thời quá khứ, có hai anh em một Tộc Trưởng ở thành Bārāṇasī. Hai anh em cùng nhau làm ruộng mía. Một hôm người em đi thăm ruộng mía, với ý niệm rằng:

- Ta hãy lấy về một cây cho ta, một cây cho anh ta.

Sau khi thăm ruộng mía xong, anh chặt lấy hai cây mía mang về.

Vào thời ấy, loại mía ấy chỉ cần chặt đứt hai đầu thì nước mía từ trong thân mía chảy ra như nước chứa từ trong chiếc ống rỗng.

Vào lúc ấy có vị Độc Giác Phật vừa xả Thiền Diệt. Ngài quán xét rằng: *"Hôm nay ta sẽ tế độ cho ai nhỉ? Ai là người hữu duyên?".* Ngài thấy hình ảnh của y hiển lộ trong võng trí của mình. Thế là, từ nơi núi Gandhamādana Ngài đắp y mang bát, xuất hiện trước mặt của y.

Trên đường từ rẫy mía về, vừa thấy Đức Độc Giác Phật, chàng phát tâm hoan hỷ tịnh tín, lấy chiếc khăn choàng trải chỗ ngồi cho Ngài ngồi ở một nơi cao ráo, thỉnh Đức Phật ngự tại nơi đó, bạch rằng:

- Bạch Ngài, xin thỉnh Ngài hãy trao bát cho con.

Rồi y cởi dây cột mía ra, lấy nước mía dâng lên Đức Phật Độc Giác, Ngài thọ dụng nước ấy. Tâm Tộc Trưởng ấy lại phát sanh niềm hỷ lạc vô biên, y suy nghĩ: *"Thật hoan hỷ thay, Ngài đã thọ dụng nước mía của ta. Giờ đây còn lại cây mía của anh ta, ta sẽ dâng lên Ngài, nếu anh ta đòi tiền ta sẽ trả tiền, nếu anh ta cần phước thì ta sẽ chia phước cho anh ấy".* Anh bạch rằng:

- Bạch Ngài, xin hãy cho con Bát

Và y cúng dường nước mía đến Đức Phật Độc Giác. Việc làm nầy của y không mang tính chất gian xảo, hay có ý nghĩ rằng: *"Ta sẽ lấy cho anh ta cây mía khác"*. Riêng về Đức Độc Giác Phật muốn cho y hoan hỷ cùng tăng thêm niềm tịnh tín, và chia vị ngọt của mía đến cho các vị Độc Giác khác, vì Ngài đã dùng một cây mía rồi. Ngài ngồi im lặng đưa mắt nhìn Tộc Trưởng, biết được ý của Đức Độc Giác, Tộc Trưởng đảnh lễ Đức Phật Độc Giác với tư thế ngũ thể đầu địa, phát nguyện rằng:

- Bạch Ngài! Do sự cúng dường vị mía nầy, xin cho con đạt được nhân sản, Thiên sản và Thánh sản, là Pháp mà Ngài đã chứng đắc.

Đức Độc Giác phúc chúc cho y rằng:

- Xin cho sự ước nguyện của gia chủ được như ý.

Rồi Ngài tùy hỷ bằng kệ ngôn: *"Icchitaṃ patthitaṃ tumhaṃ..."*.

Ngài chú nguyện cho y thấy Ngài theo đường hư không về đến núi Gandhamādana, đem nước mía ấy chia cho 500 vị Độc Giác Phật dùng, nước mía vẫn còn như cũ. Thấy được thần thông lực ấy, Tộc Trưởng phát sanh phỉ lạc sung mãn. Y trở về nhà, người anh hỏi y rằng: *"Em đi đâu thế?"*.

- Em đi thăm ruộng mía.

- Em thật là đoảng, đến ruộng mía mà trở về với tay không. Lẽ ra em nên mang về một hai cây mía chứ?

- Em có mang về hai cây mía, nhưng giữa đường gặp Đức Phật Độc Giác, em đã cúng dường phần mía của mình đến Ngài. Sau đó, lại dâng luôn phần mía của anh với ý niệm rằng: *"Nếu anh cần tiền sẽ trả lại bằng tiền, nếu anh cần phước sẽ trả lại anh bằng phước"*.

- Nầy em! Nếu như thế, vị Độc Giác Phật hành động ra sao?

- Ngài dùng phần mía của em, riêng phần mía của anh, Ngài mang về núi Gandhamādana chia cho 500 vị Độc Giác Phật dùng.

Và y thuật lại những gì mình mục kích được, trông thấy được, toàn thân người anh đều phát sanh phỉ lạc, càng lúc càng sung mãn, đã phát nguyện rằng:

- *Phước báu nầy, hãy cho tôi đắc được Pháp mà Đức Phật Độc giác ấy chứng đắc.*

Như thế, người em ước nguyện ba loại tài sản, riêng người anh chỉ hướng tâm đến Đạo Quả A La Hán mà thôi.

Sau khi mệnh chung, anh em Tộc Trưởng ấy thọ sanh về Thiên giới, thọ hưởng Thiên sản hết một đời vị Phật, người anh vẫn là vị Thiên Tử anh, người em là vị Thiên Tử em. Sau khi dứt kiếp chư thiên, hai vị thọ sanh về nhân giới cũng theo thứ tự, người anh vẫn là anh, em vẫn là em. Cả hai anh em sanh vào một gia tộc Trưởng giả Đại gia tộc. Ở thành Bandhumatī. Người anh có tên là Sena, người em tên là Aparājita. Bấy giờ, thế gian nầy đang rực sáng với Phật quang của Đấng Đại Giác Kassapa. Giáo Pháp Ngài rực rỡ trong thế gian.

Hai công tử khi đến tuổi trưởng thành thì song thân qua đời, người anh kế tục tài sản gia tộc. Một hôm, người anh được tin rằng: *"Phật Bảo đã hiện khởi trong thế gian, Pháp Bảo hiện khởi trong thế gian và Tăng Bảo hiện khởi trong thế gian"*.

Một thiện gia tử đã truyền rao trong thành Bandhumatī rằng:

"Tam Bảo đã hiện khởi, chiếu sáng thế gian. Các vị hãy nên bố thí, hãy nên làm phước. Hôm nay là ngày Uposatha, hãy thọ trì Bát giới, hãy đến nghe Pháp nơi Đức Thế Tôn".

Công tử Sena thấy đại chúng cúng dường vật thực đến Tăng chúng vào buổi sáng xong rồi, vào buổi chiều tay mang hương hoa cùng dược phẩm trị bịnh vào Tịnh xá nghe Pháp, chàng nói rằng:

- Tôi cũng sẽ đi nghe Pháp nữa.

Và công tử Sena nhập đoàn với đại chúng, đến Tịnh xá ngồi chung với thính chúng ở nơi cuối cùng.

Đức Thế Tôn thấy được duyên lành của y, Ngài thuyết lên tuần tự Pháp. Được nghe Pháp thoại từ nơi Đức Phật, tâm Trưởng giả Sena bỗng phát sanh sự chán nản đời sống thế tục, hướng về sự yểm ly, xuất gia. Trưởng giả Sena bạch lên Đức Đạo Sư xin Ngài cho phép được xuất gia, Đức Thế Tôn phán hỏi rằng:

- Ngươi còn thân quyến chi chăng?

- Bạch Thế Tôn! Con còn có đứa em trai.

- Vậy ngươi hãy từ giã em ngươi đi.

- Thưa vâng! Bạch Thế Tôn.

Công tử Sena trở về bảo với em rằng:

- Nầy em! Kể từ nay tài sản của gia tộc nầy là của em.

- Thế còn anh thì sao?

- Anh sẽ xuất gia sống đời sống Phạm pạnh trong Giáo Pháp của Đức Thế Tôn.

- Thưa Anh! Anh nói chi lạ thế? Khi song thân qua đời, em xem anh như là cha mẹ. Trong gia tộc nầy có đại tài sản, anh hãy sống đời tại gia mà làm phước thiện như bố thí... Anh chớ nên xuất gia.

- Anh đã nghe Pháp của Đức Đạo Sư rồi, đời sống tại gia không thể hành Phạm hạnh được viên mãn. Anh quyết chí xuất gia, em hãy trở về chăm nom tài sản của gia tộc đi.

Thế rồi, Trưởng giả Sena từ giã em, đến Tịnh xá xuất gia với Đức Thế Tôn. Chẳng bao lâu, Ngài tinh cần hành pháp chứng đạt được quả vị A La Hán.

Công tử Aparājita suy nghĩ: *"Ta sẽ cúng dường đến Đức Thế Tôn như anh ta vậy"*.

Chàng cúng dường đại thí đến chư Tăng có Đức Phật là Thượng Thủ trọn bảy ngày. Rồi đến đảnh lễ Trưởng lão Sena, bạch rằng:

- Bạch Ngài! Ngài đã thực hành Pháp để đoạn hữu rồi. Còn tôi bị năm dục cuốn lôi, ràng buộc nhiều, không thể xuất gia sống đời Phạm hạnh như Ngài được. Vậy xin Ngài hãy chỉ dạy phương thức hành thiện Pháp đến tôi đi.

- Lành thay! Nầy Tộc Trưởng, là người có trí ngươi hãy kiến tạo Hương thất cúng dường đến Đức Thế Tôn đi.

- Lành thay! Lành thay.

Tộc Trưởng cho người mang các loại vật liệu như cật, cây... đến, các cây cột được chạm trổ đính bằng ngọc 7 báu, 1 cây nạm vàng, 1 cây nạm bạc, 1 cây nam ngọc Maṇi, 1 cây nạm thủy tinh, 1 cây nạm pha lê, 1 cây nạm lưu ly, 1 cây nạm mã não. Tộc Trưởng cho kiến tạo Hương thất bằng bảy loại ngọc quý như thế, mái Hương thất cũng được lợp bằng 7 loại ngọc như thế.

Trong khi đang kiến tạo Hương thất, người cháu trai trùng tên với Tộc Trưởng là Aparājita, đi đến nói với Tộc Trưởng rằng:

- Cháu cũng muốn kiến tạo Hương thất, xin cậu hãy cho cháu hùn phước với.

- Nầy cháu không được đâu. Khi ta kiến tạo Hương Thất nầy, ta chẳng cho ai hùn phước cả.

Người cháu khẩn khoản nhiều lần, nhưng Tộc Trưởng Aparājita kiên quyết bác bỏ, y suy nghĩ rằng:

"Cậu ta không chịu cho ta hùn phước, vậy ta hãy kiến tạo một giảng đường hình con voi để đối lại với Hương thất ấy".

Thế là, y cho kiến tạo một Giảng đường hình con voi lớn bằng những loại ngọc quý để cúng dường đến Tăng chúng, có Đức Phật là tọa chủ. Y chính là Trưởng giả Meṇḍaka sau nầy trong thời Đức Phật hiện tại.

Tộc Trưởng Apārājita kiến tạo Hương thất, có ba cửa sổ, mỗi cửa sổ làm bằng bảy loại ngọc báu, từ trong Hương thất nhìn ra cửa sổ sẽ thấy hồ sen lớn xây bằng vôi trắng, trong hồ chứa nước thơm gồm bốn loại nước, trong hồ trồng 5 loại hoa ngũ sắc quý, tỏa ngát hương thơm. Xung quanh Hương thất, Tộc Trưởng cho nghiền 7 loại ngọc báu làm bằng cát, cao ngập đến đầu gối.

Khi Hương thất hoàn tất, Tộc Trưởng Aparājita đi đến Trưởng lão Sena bạch rằng:

- Bạch Ngài, Hương Thất đã hoàn tất, mong rằng Hương thất sẽ được sử dụng, tôi được nghe rằng: Sẽ có nhiều phước báu khi Hương Thất được sử dụng.

Trưởng lão Sena đi đến yết kiến Đức Đạo Sư bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Tộc Trưởng Aparājita kiến tạo Hương thất cúng dường đến Đức Thế Tôn và Tăng chúng, giờ đây y mong Ngài sử dụng Hương Thất ấy.

- Đấng Thập Lực Kassapa từ nơi chồ ngồi đứng dậy cùng Tăng chúng đi đến Hương thất, Ngài thấy bảy loại ngọc báu trải chung quanh Hương thất, Ngài đứng lặng yên trước cổng Hương thất. Hiểu ý, Tộc Trưởng bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Việc canh giữ Hương thất ấy là trách nhiệm của con, xin Ngài hãy ngự vào.

Bậc Đạo Sư ngự vào Hương thất ấy, Tộc Trưởng cho người canh giữ chung quanh với lời rằng:

- Các ngươi hãy ngăn cấm những ai lấy (báu vật) với khăn, rổ hay bao... nhưng đừng ngăn cấm những ai dùng tay nắm lấy chút ít. Hãy loan báo khắp kinh thành rằng: *"Tộc Trưởng Aparājita cho rải ngọc báu 7 loại chung quanh Hương thất,*

những kẻ nghèo đến nghe Pháp từ Đức Thế Tôn được phép lấy ngọc với hai nắm tay, người khá giả chỉ nên nhận ngọc bằng một bàn tay thôi".

Được biết rằng: Y có sự suy nghĩ rằng: *"Những người có đức tin muốn nghe Pháp sẽ đi. Riêng những ai chưa có đức tin cũng sẽ đến nghe Pháp vì nhân lợi lộc. Khi nghe được Pháp bảo rồi cũng sẽ thoát khỏi khổ được".* Do đó, Tộc Trưởng đã thông báo như thế để tế độ những người nghèo khổ.

Đại chúng đến nghe Pháp nơi Đức Thế Tôn và ra về với bàn tay nắm ngọc ấy, số ngọc rải đã hết, Tộc Trưởng lại tiếp tục rải lần nhì cũng ngập đến gối, rồi lần thứ ba cũng thế. Ngoài ra, Tộc Trưởng còn cúng dường viên ngọc Mạni lớn bằng quả dưa hấu, có màu đỏ rất xinh đẹp, y đặt viên ngọc dưới chân Đức Thế Tôn, vì y suy nghĩ rằng: *"Đại chúng mong nhìn viên Bảo ngọc, chắn chắc sẽ có cơ hội chiêm ngưỡng dung quang của Đức Phật không biết chán".* Và đại chúng nhờ đó mà chiêm ngưỡng Phật Thân rồi phát sinh tịnh tín nơi Ngài cũng có rất nhiều.

Một hôm, có gã Bà la Môn nghèo, y có tâm tà vạy rằng: *"Được nghe có Bảo ngọc đỏ Mạni vô giá của Tộc Trưởng đã cúng dường Đức Phật, đặt dưới chân Ngài. Ta hãy đến đó đánh cắp Bảo ngọc".*

Gã Bà la Môn đi đến Tịnh xá, trà trộn vào với đại chúng, và đảnh lễ Đức Đạo Sư. Thấy được dáng điệu khả nghi của gã Bà la Môn ấy, Tộc Trưởng Aparājita biết rằng: *"Gã Bà la môn nầy sẽ đánh cắp Bảo châu thôi! Thật là bất xứng với hành động của y vậy".*

Gã Bà la Môn đi đến đảnh lễ Đức Phật, để tay giống như người đảnh lễ, rồi hạ mình xuống, nhân cơ hội ấy, y cuộn viên Bảo ngọc vào trong tay áo, rồi trốn ra khỏi đại chúng. Tộc Trưởng không hài lòng với hành động xấu xa của gã Bà la Môn ấy, khi dứt Pháp thoại, Aparājita đi đến đảnh lễ Đức Phật bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con cho rải ngọc 7 báu ba lần ngập đến gối ở chung quanh Hương thất nầy để cúng dường đến Ngài và Tăng chúng. Khi Đại chúng đến nghe Pháp và nhặt lấy những bảo ngọc ấy, con không hề phiền muộn. Nhưng hôm nay con không hoan hỷ với hành động của gã Bà la Môn khi gã ấy đánh cắp viên Bảo châu Mạni đỏ.

Nghe Tộc Trưởng trình bày như thế, Đức Thế Tôn phán rằng:

- Nầy thiện gia tử, ngươi không thể tự gìn giữ bảo vật của mình, để khỏi bị người khác đánh cắp hay sao?

Ngài gợi ý cho Tộc Trưởng như thế, Tộc Trưởng Aparājita hiểu ý liền phát nguyện rằng:

- Bạch Thế Tôn! Từ nay trở đi dù cho cả trăm cả ngàn hay trăm ngàn người như Đức vua hay bọn cướp đi nữa, cũng không thể nào uy hiếp cướp đoạt của con được dù chỉ là sợi chỉ trong tay áo hay của chiếc khăn choàng, nếu như không có sự đồng ý của con. Ngay cả lửa cũng không đốt được tài sản ấy, nước cũng không thể cuốn trôi được tài sản ấy.

Đức Thế Tôn tùy hỷ rằng: *"Sự ước nguyện của ngươi được thành tựu như vậy đi".*

Vào ngày khánh thành Hương thất, Tộc Trưởng đã cúng dường đại thí đến 680 ngàn vị Tỳ khưu trọn 9 tháng, cuối cùng vào ngày sau chót, y đã dâng Tam y đến mỗi vị Tỳ khưu, y ấy bằng vải Saṭāka có giá trị là 1.000 đồng vàng.

Tộc Trưởng Aparājita tạo thiện hạnh như thế cho đến khi mệnh chung, thọ sanh về thiên giới, luân chuyển trong hai cõi nhân thiên suốt thời gian một vị Phật.

Vào thời hiện tại, từ Thiên cung vị Thiên tử ấy hạ sanh vào thai bào của một Đại Gia Tộc (Mahāsāla) Trưởng giả trong thành Rājagaha, vị ấy ở trong thai bào chín tháng rưỡi. Vào ngày hạ sanh đồng tử ấy, tất cả kinh thành đều rực sáng, những vật trang sức chiếu ngời như đang hiển lộ hào quang, toàn kinh thành đã chói rực đồng loạt như vậy. Từ ban sáng Trưởng giả là thân phụ của Đồng tử ra đi vào hoàng cung để yết kiến Đức vua Bimbisāra. Thấy hiện tượng kỳ lạ xảy ra trong kinh thành, Đức vua phán hỏi các đại thần rằng:

- Nầy chư khanh, vì sao hôm nay tất cả vũ khí, luôn cả những vật trang điểm, ngay cả kinh thành cũng sáng rực lên như thế? Các khanh có biết là do nhân chi chăng?

Trưởng giả tâu rằng:

- Tâu Đại Vương! Thần biết.

- Nầy Trưởng giả! Chẳng hay do nhân chi thế?

- Tâu Bệ Hạ! Đó là do nô lệ của Ngài vừa chào đời. Sự rực sáng ấy là do năng lực phước báu của hài tử là con của hạ thần.

- Nầy khanh! Nó sẽ trở thành giặc cướp hay sao?

- Tâu Đại vương! Không phải như thế đâu, đó là hiện tượng của bậc đại phúc nên đã khiến xảy ra điều hào quang rực rỡ như thế.

Nghe vậy, Đức vua Bimbisāra vô cùng hoan hỷ, ban cho đồng tử ấy mỗi ngày một ngàn đồng và phán rằng:

- Nếu như thế, nầy khanh! Khanh hãy nuôi dưỡng hài tử ấy cho chu đáo. Đây là tiền sữa của nó đấy.

Vào ngày lễ đặt tên, đại chúng đã đặt cho hài tử tên là Jotika (Quang Minh) vì đã khiến cho kinh thành rực sáng đồng loạt.

Công tử Jotika khi trưởng thành, được 16 tuổi, chàng muốn kiến tạo cho mình tòa lâu đài, khi chọn được khoảng đất vừa ý, công tử Jotika gọi thợ đến kiến tạo cho mình tòa lâu đài.

Khi ấy, nơi Đạo Lợi Thiên Cung, chiếc ngai vàng Paṇḍukambala của Đức Thiên Vương Đế Thích chợt nóng rang. Thiên chúa quán sát rằng: *"Đây là do nhân chi thế?"*. Ngài biết rằng: Công tử Jotika đang muốn xây dựng lâu đài cho mình. Ngài suy nghĩ: *"Công Tử Jotika là bậc đại phước, không thể ở trong lâu đài do người kiến tạo được. Vậy ta phải giúp đỡ cho chàng".* Ngài sai vị Thiên Thần kiến trúc giúp cho

Jotika, đích thân Ngài đi xuống nhân giới, hóa thân thành người thợ mộc kỳ tài, đi đến nơi toan xây dựng lâu đài, hỏi đại chúng rằng:

- Các ngươi đang làm chi đó?

- Chúng tôi đang dọn đất cho bằng phẳng để kiến tạo lâu đài cho công tử Jotika.

- Các ngươi hãy tránh ra đi, công tử Jotika không thể nào ngụ được trong tòa lâu đài do các người kiến tạo đâu.

Rồi Thiên Vương đưa mắt nhìn khoảng đất rộng 16 mẩu, lập tức nơi ấy trở nên bằng phẳng như vòng Kasiṇa. Thiên Vương lại chú nguyện rằng: *"Lâu đài bảy tầng bằng 7 loại bảo ngọc hãy hiện khởi nơi nầy",* ngay lập tức, tòa thiên lâu bảy tầng liền xuất hiện. Rồi Ngài chú nguyện tiếp: *"7 vòng rào bằng bảy loại báu vật hãy hiện khởi quanh lâu đài"* và bảy hàng rào đã xuất hiện. Ngài lại nguyện tiếp: *"Bốn Như ý thọ hãy mọc lên ở bốn góc lâu đài đi. Hãy xuất hiện bốn hầm báu vật"* và lập tức bốn hầm báu vật cùng với bốn Như ý thọ hiện ra.

Trong bốn hầm báu vật ấy, một hầm rộng 1 do tuần, một hầm rộng 3 gāvuta, một hầm rộng nửa do tuần và một hầm rộng 1 gāvuta. Nơi bảy cánh cửa của 7 vòng rào có 7 vị chúa Dạ Xoa canh giữ lâu đài. Cửa thứ nhất là chúa Dạ Xoa Yamamolī, cửa thứ hai là Chúa Dạ Xoa Uppala, cửa thứ ba là Dạ Xoa chúa Vajira, cửa thứ tư là Dạ Xoa chúa Vajirabaha, cửa thứ năm là Dạ Xoa chúa Sakaṭa, cửa thứ sáu là Dạ Xoa chúa Sakatattha, cửa thứ bảy là Dạ Xoa chúa Disāmukka. Cửa thứ nhất có 1000 dạ xoa tùy tùng, cửa thứ hai là 2000 dạ xoa tùy tùng, cửa thứ ba là 3000, cửa thứ tư là 4000, cửa thứ năm là 5000, cửa thứ sáu là 6000 và cửa thứ bảy là bảy nàng dạ xoa tùy tùng. Bên trong lẫn bên ngoài đều có sự canh phòng, giữ gìn nghiêm mật như thế.

Đức vua Bimbisāra được tin rằng: *"Lâu đài bằng 7 loại ngọc báu, cao 7 tầng xuất hiện cho công tử Jotika, cùng với bốn hầm châu báu và bốn Như ý Thọ".* Ngài vô cùng hoan hỷ, ban chức vị Trưởng giả cho công tử Jotika. Và chư thiên phải mang một người nữ tuyệt sắc hữu phước từ xứ Bắc Câu Lưu Châu đến tòa lâu đài ấy để kết duyên cùng với Trưởng giả Jotika. Nữ nhân xinh đẹp ấy khi về nhà chồng có mang theo ba bảo vật là ba tảng đá lửa, khi cần nấu vật thực thì lửa tự nhiên phát ra, khi vật thực chín thì tự nhiên lửa tắt đi, ngay cả nấu những loại vật thực khác cũng như thế. Còn về đấu gạo thì cả hai người chỉ dùng loại gạo từ đấu ấy và gạo ấy không bao giờ vơi, dù rằng sống trọn kiếp trái đất cũng không hề hấn chi cả.

Được nghe lại rằng: Khi những người ấy muốn có gạo khoảng 1000 xe bò, lập tức gạo từ đấu ấy tuôn ra, đầy tràn cả ngàn cỗ xe bò, nhưng gạo trong đấu ấy chẳng hề vơi đi một hột. Lại nữa, người trong tòa lâu đài ấy không sống với với ánh sáng của lửa mà chỉ sống bằng ánh sáng phát ra từ bảo châu Maṇi.

Khi tài sản thù diệu tối thắng của Trưởng gia lan truyền khắp cõi Diêm Phù như thế, đại chúng từ muôn phương kéo về kinh thành Rājagaha để chiêm ngưỡng kỳ quan đặc biệt ấy. Bấy giờ, Trưởng giả Jotika lấy gạo từ đấu ấy lên cho đại chúng dùng, và bảo rằng: *"Quí vị hãy nhận vải cùng với vật trang sức từ nơi cây Như Ý đi".*

Sau đó, Trưởng giả lại khai mở một hầm châu báu nhỏ nhất là 1 gāvuta, nói rằng:

- Các vị hãy nhận lấy tài sản đi, muốn lấy bao nhiêu thì lấy. Khi toàn dân trong cõi Diêm Phù nhận lấy tài sản từ lâu đài của Jotika, ở nơi hầm châu báu ấy. Sự vơi đi tài sản châu báu từ hầm ấy, dù chỉ là một lóng tay cũng không hề có. Đây là quả phước của việc rải ngọc 7 báu quanh Hương thất.

Đại chúng lấy vải, trang sức cùng với những loại châu báu tài sản theo ý thích rồi ra đi. Tiếng tán thán về tài sản của Jotika lan đến tai Đức vua Bimbisāra, Ngài muốn ngự lãm đến lâu đài của Jotika, nhưng không thể đến được vì đại chúng quá đông. Về sau, khi đại chúng thưa dần rồi, Đức vua Bimbiasāra phán với thân phụ của Trưởng giả Jotika rằng:

- Nầy khanh! Trẫm muốn ngự đến lâu đài bảy báu của Jotika.

- Tâu Đại vương! Lành thay.

Trưởng giả về bảo với con rằng:

- Nầy con! Đức vua muốn ngự đến lâu đài của con đấy.

- Thưa vâng! Thưa cha, cha hãy thỉnh Đức vua ngự đến đi.

Đức vua cùng với đoàn tùy tùng ngự đến toà lâu đài, khi ấy nàng tỳ nữ quét rác trước cổng lâu đài, nơi cánh cửa thứ nhất, nàng cung kính chào Đức vua khi thấy Ngài ngự đến, đưa tay cho Đức vua nắm lấy. Đức vua e ngại, vì ngỡ rằng là Trưởng giả phu nhân. Ngài không dám nắm tay nàng nữ tỳ ấy. Trưởng giả đi đến tiếp kiến Đức vua, tâu rằng:

- Tâu Đại Vương! Xin thỉnh Ngài hãy ngự đi.

Nền lâu đài bằng ngọc Mani trắng trong, Đức vua không thể phân biệt được, nhìn thấy như có những hố sâu khoảng trăm người chồng lên cũng chưa chạm đáy. Đức vua khởi lên ý nghĩ rằng: *"Chẳng lẽ Jotika đào hố để ám hại ta?"* nên Ngài không dám ngự đi vào, hiểu ý vua, Trưởng giả Jotika tâu rằng:

- Tâu Bệ hạ! Đây không phải là hố sâu đâu, xin Bệ hạ hãy theo chân hạ thần.

Đức vua theo chân Trưởng giả Jotika, quan sát từ lầu một cho đến lầu bảy. Trong khi ngắm nhìn tòa lâu đài, Hoàng tử Ajātasattu đã khởi lên tư tưởng rằng: *"Phụ vương ta thật là ngu xuẩn, gia chủ nầy sống trong tòa lâu đài bằng ngọc bảy báu. Phụ vương ta là vua mà lại sống trong hoàng cung bằng gỗ. Khi ta làm Hoàng đế ta sẽ chiếm đoạt tòa lâu đài nầy ngay... ta sẽ không cho gia chủ nầy sống trong nơi nầy nữa".*

Khi Đức vua cùng với tùy tùng lên đến lầu bảy thì đến giờ thọ thực buổi sáng, Đức vua phán bảo với Trưởng giả Jotika rằng:

- Nầy khanh! Chúng ta sẽ thọ thực tại nơi nầy.

- Tâu Đại vương! Thần đã cho chuẩn bị sẵn sàng rồi.

Trưởng giả Jotika thỉnh Đức vua tắm rửa trước khi độ vật thực. Đức vua tắm bằng nước hoa đựng trong 16 chậu vàng, khi tắm xong Ngài ngự trên sàng tọa được trang hoàng lộng lẫy, bên trên được che bằng chiếc lọng trắng chia tầng bằng ngọc Mạni trắng của Trưởng giả Jotika.

Gia nhân mang nước rửa tay đến dâng Đức vua, rồi dâng cơm đề hồ đựng trong mâm vàng có giá trị là trăm ngàn đồng vàng, mâm cơm đầy vật thực thượng vị đặt trước mặt Đức vua. Khi Đức vua toan dùng cơm ấy thì Trưởng giả ngăn lại rằng:

- Tâu Đại Vương! Hãy đợi, vì đây chỉ là loại cơm đề hồ thôi.

Rồi gia nhân lại dâng những loại vật thực phụ tùng dùng chung với cơm đề hồ lên. Đức vua dùng vật thực rất nhiều, nhưng không hề thấy thỏa mãn. Thấy như thế, Trưởng giả Jotika thưa rằng:

- Tâu Bệ hạ! Thôi vừa đủ rồi, Ngài chớ nên dùng quá hạn lượng như thế.

- Nầy Jotika! Khanh lo ngại mình sẽ vơi hết vật thực sao?

- Tâu Đại vương! Chẳng phải như thế đâu. Lượng vật thực như thế nầy vẫn đủ dùng cho tất cả quan quân trong triều cả tháng, thần chỉ e ngại mình mang tai tiếng mà thôi.

- Vì sao khanh lại mang tai tiếng?

- Tâu Bệ hạ, nếu như Bệ hạ không kềm chế, thì Bệ hạ sẽ bội thực. Và thần sợ tiếng đồn rằng: *"Hôm qua Đức vua ngự đến lâu đài của Trưởng giả Jotika, chẳng biết Jotika đã dùng loại vật thực gì để tiếp đãi nhà vua, khiến cho nhà vua phải lâm bịnh như thế ấy"*.

- Nếu thế thì, khanh hãy mang vật thực nầy đi đi. Và đoàn tùy tùng của Đức vua đã dùng loại vật thực như thế vẫn không thể nào làm cho hết được vật thực ấy.

Sau khi thọ thực xong, Đức vua Bimbisāra ngồi bàn bạc về sự an lạc với Trưởng giả Jotika, Ngài hỏi rằng:

- Nầy Jotika khanh! Chẳng hay phu nhân của khanh ở đâu? Nàng không có ở trong lâu đài nầy sao?

- Tâu Bệ hạ, có ạ.

- Vậy nàng ở đâu?

- Nàng luôn ở trong phòng khánh tiết, nên không hay Bệ hạ ngự đến nơi nầy.

Thật vậy, nàng kiều nữ của Bắc Câu Lưu Châu ấy, tuy Đức vua ngự đến tòa lâu đài từ sáng đến trưa như vậy, nhưng nàng ta chẳng hề hay biết chi cả. Biết rằng: Đức vua muốn biết mặt vợ mình, Trưởng giả Jotika đi vào phòng loan nói với nàng ấy rằng:

- Nầy em thân yêu! Đức vua ngự đến lâu đài của chúng ta, chẳng lẽ em không ra diện kiến với Ngài hay sao?

- Nầy anh thân yêu, Đức vua ấy là thế nào?

- Nầy em, đó là vị lãnh tụ quân của xứ Magadha nầy, là chúa của chúng ta đấy.

Nghe vậy, nàng cau mày lại, lộ vẽ phiền muộn rằng:

- Than ôi! Chúng ta còn có người làm chủ, thế thì việc phước của chúng ta làm khi trước không đủ đức tin trong sạch, nên tài sản nầy phát sanh lên lại có người lớn

hơn ta nữa. Chắc chắn sự thí của chúng ta đã thiếu đức tin, nên quả thí mới như thế. Nầy anh, bây giờ đây em phải làm thế nào?

- Em hãy cầm quạt ra hầu Đức vua đi.

Và vợ Trưởng giả đến quạt hầu Đức vua, trong lúc quạt, màu sắc rực rỡ của chiếc khăn quàng cùng với mùi mồ hôi của Đức vua xông lên mắt và mũi nàng, khiến nàng chảy nước mắt. Thấy vậy, Đức vua Bimbisāra phán với Trưởng giả Jotika rằng:

- Nầy Trưởng giả! Thường nữ nhân là người kém hiểu biết, có lẽ nàng khóc vì sợ rằng: Đức vua sẽ chiếm đoạt tài sản của chồng mình chăng? Khanh hãy làm cho nàng yên lòng đi, Trẫm không chiếm đoạt tài sản của khanh đâu.

- Tâu Đại vương! Chẳng phải nàng khóc đâu.

- Nếu thế thì vì sao vậy?

- Nàng tuôn nước mắt vì màu sắc rực rỡ của chiếc khăn vấn đầu của Đại Vương, cùng với mùi hơi từ ánh sáng của lửa. Vì rằng: Tâu Đại vương, vợ của thần từ trước đến giờ chưa bao giờ quen với loại ánh sáng từ lửa, nàng quen sống với ánh sáng của ngọc Maṇi. Còn Bệ hạ thì quen với ánh sáng từ nơi lửa.

- Thật như vậy ư, nầy Trưởng giả.

- Tâu Đại vương! Từ nay trở đi Ngài hãy sống với ánh sáng của bảo Ngọc Maṇi đi.

Trưởng giả Jotika dâng Đức vua Bimbisāra viên bảo châu lớn bằng quả dưa hấu.

Đức vua ngự lãm tài sản của Jotika xong rồi, Ngài phán rằng:

- Tài sản của Jotika quả thật vĩ đại.

Rồi Ngài cùng với đoàn tùy tùng trở về hoàng cung.

☸

Vào thời ấy, Hoàng tử Ajātasattu giao du với Tỳ khưu Devadatta, sát hại cha mình là Đức vua Bimbisāra, để ngự trị trên chiếc ngai vàng, là vị lãnh tụ quân của xứ Magadha. Khi ấy vua Ajātasattu suy nghĩ rằng:

- Ta sẽ chiếm lấy lâu đài của Trưởng giả Jotika.

Đức vua kéo đại binh hùng mạnh, đầy dũng tướng đến tòa lâu đài của Jotika, toan chiếm đoạt lấy tòa Bảo ngọc báu bảy tầng ấy, nhưng khi đến nơi, nhìn thấy bóng dáng binh lính (của chính mình) thấp thoáng qua tường ngọc bích, pha lê. Vua Ajātasattu ngỡ rằng:

"Trưởng giả Jotika đã chuẩn bị quân lính để giao tranh cùng với ta".

Đức vua chợt chùn quân, không dám ngang nhiên kéo đại binh xông vào tòa lâu đài. Hôm ấy lại nhằm ngày Uposatha, nên Trưởng giả đi đến Tịnh xá Veḷuvana để hầu Phật và nghe Pháp tại nơi ấy.

Dạ xoa Yamamolī canh giữ cổng thứ nhất thấy Đức vua kéo đến, liền hiện ra hỏi rằng:

- Ngài đi đâu thế?

Rồi Dạ xoa dùng thần lực của mình xua đuổi Đức vua cùng quân binh tùy tùng chạy tán loạn khắp nơi. Đức vua thua trận, căm tức nghĩ thầm rằng:

- Ta sẽ đến Tịnh xá tìm cho được thầy của Jotika.

Đức vua Ajātasattu tìm đến Tịnh xá, gặp phải Trưởng giả Jotika đang ngồi nghe Pháp, thấy Đức vua, Trưởng giả hỏi rằng:

- Tâu Đại vương! Có chuyện chi thế?

- Nầy gia chủ! Có phải khanh cho người chống lại ta, còn riêng khanh thì đến đây giả vờ ngồi nghe pháp chăng?

- Có phải Bệ hạ toan xua quân tiến chiếm lâu đài của tôi chăng?

- Nầy khanh, sự thật là như vậy.

- Tâu Đại vương! Nếu thần chưa đồng ý cho thì dù cho cả trăm, cả ngàn, cả trăm ngàn vị vua như Đại vương cũng không thể nào chiếm được tòa lâu đài ấy đâu. Tài sản của hạ thần chẳng bao giờ bị ai chiếm đoạt được cho dù đó chỉ là một sợi chỉ nhỏ của khăn choàng.

Đức vua Ajātasattu nổi giận rằng:

- Khanh có phải là Đức vua chăng? Tại sao khanh dám nói như thế.

- Hạ thần không phải là vua, nhưng khi thần chưa đồng ý thì chẳng một ai có thể chiếm được tài sản của thần.

- Nầy khanh! Làm thế nào chứng minh được lời khanh nói là sự thật chứ?

- Tâu Đại vương! Đây là 10 chiếc nhẫn trên tay hạ thần, ở chân cũng có 10 chiếc, tổng cộng là hai mươi chiếc. Thần không dâng cho Đại vương, Đại vương làm thế nào lấy được đi.

Đức vua Ajātasattu là người có nhiều sức mạnh, khi ngồi thì nhảy cao được 10 hắc tay, khi đứng có thể nhảy xa được 80 hắc tay. Nhưng dù Đức vua có dùng đủ mọi cách cũng không thể nào tháo chiếc nhẫn ra khỏi tay Trưởng giả Jotika được. Trưởng giả Jotika tâu với Đức vua rằng:

- Tâu Đại vương! Xin Ngài hãy trải vải Sāṭaka ra đi.

Rồi Trưởng giả duỗi thẳng các ngón tay ra, cả 20 chiếc nhẫn rơi trên tấm vải Sāṭaka dễ dàng. Trưởng giả tâu rằng:

- Tâu Đại vương! Chẳng có một ai có thể chiếm đoạt được tài sản của thần, nếu như thần không đồng ý.

Rồi Trưởng giả suy xét hành động của vua Ajātasattu, Ngài chợt động tâm, do thấy Đức Vua tạo ác nghiệp cũng chỉ vì tài sản mà ra, nên tâu với Đức vua rằng:

- Tâu Đại vương! Xin Ngài cho phép thần được xuất gia đi.

Đức vua Ajātasattu nghĩ thầm rằng:

- Khi Trưởng giả xuất gia rồi, ta sẽ có được cơ hội chiếm tồn lâu đài ấy.

Nên Đức vua phán rằng:

- Nầy khanh Jotika! Khanh hãy xuất gia đi.

Được phép của Đức vua, Trưởng giả Jotika xuất gia với Đức Thế Tôn, chẳng bao lâu Ngài chứng đạt A La Hán Quả, và được gọi là Trưởng lão Jotika.

Khi Ngài thành bậc Vô Lậu rồi, ngay khi ấy mọi tài sản của Ngài biến mất, chư thiên thỉnh nàng kiều nữ trở về Bắc Cưu Lưu Châu, nàng có tên là Satulakāya.

Một hôm, chư Tỳ khưu cùng nhau bàn luận nơi Giảng đường, hỏi:

- Nầy hiền giả Jotika! Hiền giả có còn quyến luyến lâu đài hay người nữ báu vợ mình chăng?

- Thưa chư Hiền! Tôi không còn lưu luyến chi những vật ấy.

Chư Tỳ khưu cho rằng Trưởng lão nói lời không thật, khoe Pháp Thượng nhân, nên đem câu chuyện ấy trình lên Đức Thế Tôn, Ngài dạy rằng:

- Nầy chư Tỳ khưu! Con Như Lai không còn luyến ái tòa lâu đài hay người vợ mình nữa.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Ai ở đời đoạn ái. Bỏ nhà sống xuất gia. Ái hữu được đoạn tận. Ta gọi Bà-la-môn".

Dứt thời Pháp, nhiều chúng sanh chứng đạt Thánh Quả như là Dự Lưu...

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Hưởng đầy phước báu của nhân thiên,
Kiếp chót, phát quang đủ thiện duyên,
Theo Phật thành Tỳ khưu lậu tận,
Bỏ nhà bảy báu, mặc vua chuyên,
Tăng nghi sư vẫn tiếc vợ nhà,
Phật dạy: Người trừ ái xuất gia,
Diệt hữu, không luân hồi cõi thế,
Đó Phật Bà la môn của ta.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO JOTIKA

☸

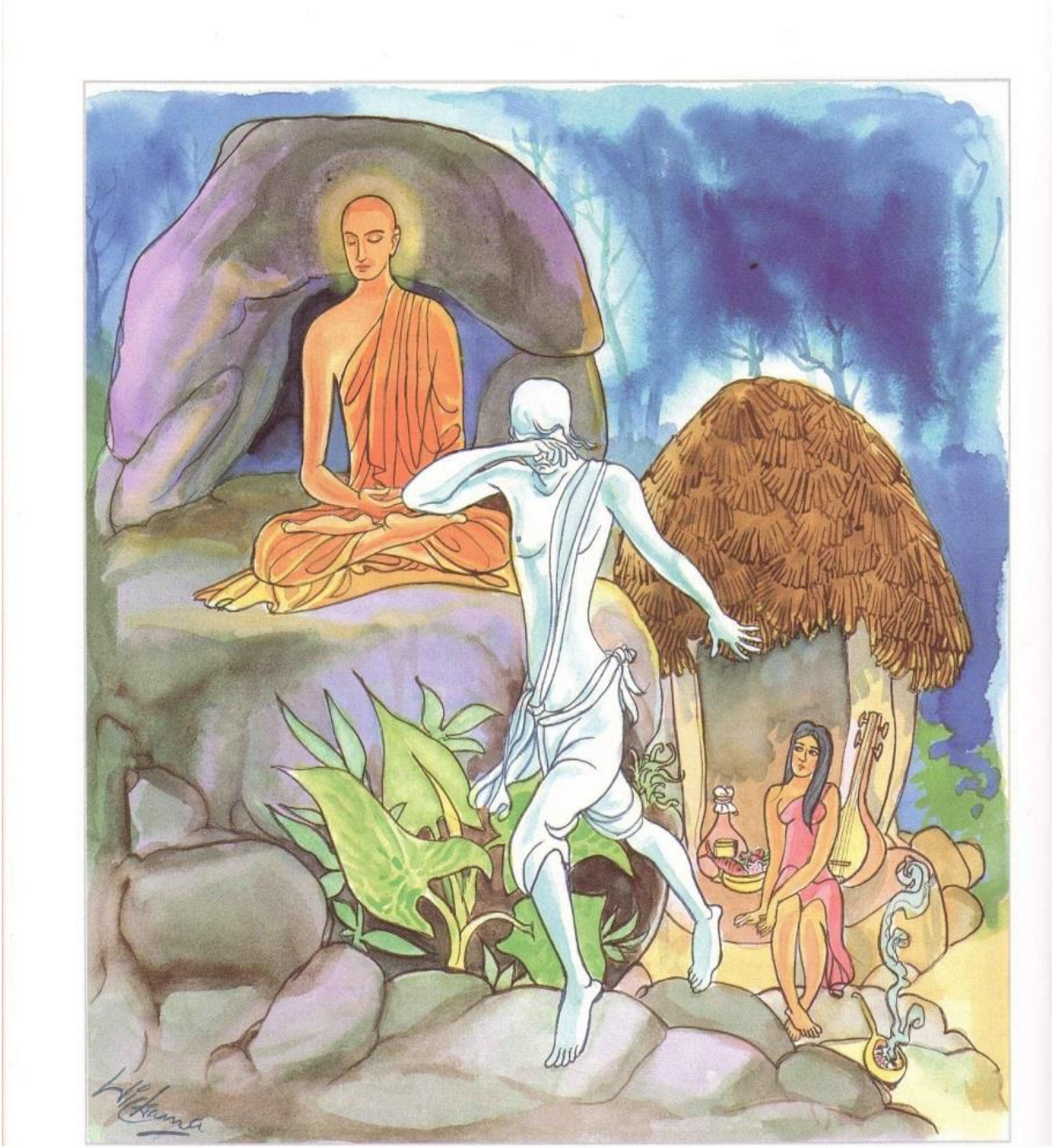

416. Từ bỏ mọi tham ái. Xuất gia làm sa môn. Đoạn diệt sạch ái, hữu. Ta gọi Bà la môn.

XXVI.34- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO JĀṬILA

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 417)

"Yodha taṇhaṃ pahatvāna	***"Ai ở đời đoạn ái***
Anāgāro paribbaje	***Bỏ nhà sống xuất gia***
Taṇhābhavaparikkhīṇaṃ	***Ái hữu được đoạn tận***
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ".	***Ta gọi Bà-la-môn".***

Cùng trong thời ấy, trong thành Bārāṇasī có nàng tiểu thư là con gái một Đại Trưởng giả, nàng có một nhan sắc tuyệt đẹp. Cha mẹ nàng cho một nữ tỳ hầu hạ nàng và an trú nàng ở lầu bảy của một tòa lâu đài bảy tầng. Một hôm, có một chàng chú thuật gia, dùng chú thuật bay trên hư không, chợt trông thấy nàng tiểu thư đang đứng dựa cửa sổ ngắm nhìn ra bên ngoài, tiểu thư trông thấy chú thuật gia nàng mỉm cười, chàng bỗng phát sanh ái luyến với nàng, đi đến bên cửa sổ trò chuyện cùng tiểu thư. Và cả hai đã tư thông với nhau. Thời gian sau, nàng tiểu thư có thai, nữ tỳ thấy được sự khác lạ từ thân của tiểu thư, gạn hỏi rằng:

- Thưa Tiểu Thư! Vì sao có chuyện như vầy.

Tiểu Thư lo sợ, tỏ thật với nữ tỳ và yêu cầu nữ tỳ giữ kín chuyện ấy rằng:

- Ngươi đừng cho ai biết việc nầy nhé.

Thời gian sau, nàng hạ sanh ra một bé trai, bảo nữ tỳ lấy chiếc thau, bỏ hài nhi vào trong đó, chụp lên trên một vòng hoa, rồi bảo nữ tỳ rằng:

- Em hãy mang đứa bé nầy ra khỏi tòa lâu đài, thả nó trôi sông đi. Nếu có người hỏi thì nói rằng: *"Là vật tế lễ của cô tôi"* .

Nàng nữ tỳ làm theo lời dặn, nó bỏ đứa bé trong thau thả trôi trên sông Gaṅgā.

Cái mâm trôi xuôi theo dòng nước về miền hạ lưu, đến lãnh thổ xứ Avaṅtī, có hai nữ tỳ đang tắm sông, chợt trông thấy mâm trôi theo dòng nước, một cô nói rằng: *"Chiếc mâm là của tôi".*

Còn cô kia thì nói rằng: *"Nếu vậy thì vật trong mâm của tôi"*. Hai nàng nữ tỳ vớt mâm thau ấy, thấy có đứa bé trong đó, cả hai phát sanh sự thương mến, giành rằng: *"Đây là vật của tôi".*

- Nầy chị, đứa bé là vật của tôi. Còn mâm thau là vật của chị kia mà.

Cả hai giành nhau đứa bé, cuối cùng phải mang sự việc trình lên quan Đại thần xử kiện. Vị Đại thần không thể giải quyết được, nên trình lên Đức vua. Nghe xong câu chuyện, Đức vua phán giải rằng: *"Người ước mâm thau thì nhận lấy mâm thau, người ước vật đựng trong mâm thì nhận lấy đứa bé"*.

Người nữ tỳ nhận được đứa bé là người hộ độ cho Trưởng lão Mahākaccāyana, nên nàng có ý nghĩ rằng: *"Ta sẽ cho con ta xuất gia với Trưởng lão Mahākaccāyana"*.

Tóc đứa bé bện lại thành từng lọn vì dính lấy chất nhau mà tiểu thư tắm rửa cho con không sạch. Do vậy đứa bé có tên gọi là Jāṭila (tóc bện giả) vào ngày lễ đặt tên cho nó.

Khi Jāṭila vừa biết đi, nàng nữ tỳ cung thỉnh Trưởng lão Mahākaccāyana đến thọ thực tại tư gia của nàng. Sau khi cúng dường vật thực xong rồi, nàng đảnh lễ Trưởng lão và bạch rằng:

- Bạch Ngài! Con xin dâng hài tử nầy đến Ngài.

Thấy Jāṭila, Trưởng lão hỏi rằng:

- Nầy tín nữ! Cô có được đứa bé nầy sao?

- Thưa vâng! Bạch Ngài, đây là con nuôi của con, con nuôi đứa bé nầy với sự ước nguyện rằng: sẽ cho nó xuất gia với Ngài. Vậy xin Ngài hãy tế độ cho nó đi.

- Được thôi! Nầy tín nữ.

Nàng tín nữ giao đứa bé cho Trưởng lão, Ngài quán xét rằng:

"Đứa bé nầy có phước hưởng tục sản chăng?". Ngài thấy rằng có.

"Đứa bé nầy là bậc Đại phước, sẽ thọ dụng đại tài sản, giờ đây nó còn quá bé, trí tuệ chưa viên mãn".

Trưởng lão Mahākaccāyana đưa Jāṭila đến nhà người hộ độ của mình trong thành Takkasilā. Người hộ độ chăm nom săn sóc Jāṭila rất cẩn thận, vì rằng: Khi gặp Ngài Mahākaccāyana, người hộ độ ấy đảnh lễ Ngài, rồi đứng sang một bên, chợt trông thấy Jāṭila, ông đã bạch hỏi rằng:

- Ngài có được đứa bé nầy rồi sao?

- Đúng thế, nầy thiện nam, nó sẽ xuất gia sau nầy, nhưng giờ đây nó còn quá bé. Vậy hãy để nó ở lại đây với ông nhé.

- Thưa vâng, bạch Ngài.

Người hộ độ nhận lời nuôi dưỡng đứa bé, xem Jāṭila như là con mình. Người hộ độ ấy có nhiều tài sản đã ứ đọng cả 12 năm rồi, ông phải tồn trữ trong nhà suốt thời gian 12 năm như thế. Một hôm vào ngày hội chợ, ông mang những tài sản ấy ra bán, dặn bảo Jāṭila rằng:

- Con hãy bán món nầy với giá tiền như vậy, món nầy có giá như thế nầy...

Rồi y trở về nhà, hôm ấy vị thiên nhân trấn giữ thành Takkasilā đã khiến mọi người đi đến gian hàng của Jāṭila mua hết tất cả những món tài sản ấy, dù chỉ là trái ớt hay cọng rau, họ cũng tìm đến cửa hàng ấy mà mua. Đồng tử Jāṭila đã bán sạch những hàng hóa được tồn trữ cả 12 năm chỉ nội trong một ngày.

Vị Tộc trưởng trở ra chợ, thấy hàng hóa đã hết, nên hỏi rằng:

- Nầy Jāṭila con! Những hàng hóa đã mất hết rồi phải chăng?

- Chẳng có mất đâu cha! Con đã bán hết số hàng hóa ấy theo lời cha bảo rồi. Đây là tiền bán được.

Tộc trưởng vô cùng hài lòng trước kết quả tốt đẹp ấy, suy nghĩ rằng: *"Người đại phước như thế nầy, dù cho có sống ở bất cứ nơi nào cũng tốt cả. Vậy ta hãy gả con gái ta cho y".*

Thế là, Trưởng giả gả con cho Jāṭila, rồi ông bảo gia nhân rằng:

- Các ngươi hãy kiến tạo tòa lâu đài cho hai đứa con của ta đi.

Khi ngôi nhà được hoàn tất rồi, ông bảo rằng:

- Hai đứa con hãy ở trong nhà ấy đi.

Chàng Jāṭila vừa đặt chân vào tòa nhà, lập tức một núi vàng cao 80 hắc tay (40 mét) từ dưới đất chui lên, ở phía sau nhà của Jāṭila. Đức vua nghe tin rằng:

- Núi vàng nổi lên gần nhà của Jāṭila.

Đức vua liền ban lọng Trưởng giả đến Jāṭila, đặt chàng vào địa vị đệ nhất Trưởng giả nơi thành Takkasilā. Trưởng giả Jāṭika có được ba người con trai, khi các công tử đã trưởng thành, được tin Đức Phật đã xuất hiện trên thế gian, tâm của Jāṭila mong muốn xuất gia, ông suy nghĩ rằng:

- Nếu giờ ta đi xuất gia, chắc chắn các con ta không cho ta đi đâu. Nếu có vị Trưởng giả nào có đại tài sản như ta hay hơn ta thì các con ta mới chịu cho ta xuất gia. Chẳng lẽ trên cõi Diêm Phù nầy không có người giàu có bằng hoặc hơn ta sao?

Trưởng giả Jāṭila cho thợ đúc những thỏi vàng ra thành những viên gạch bằng vàng, cho đúc cán dù bằng vàng, và đôi dép cũng bằng vàng, rồi bảo những vị Bàn Môn gia tộc rằng:

- Các vị hãy mang những vật nầy, đi chu du khắp cõi Diêm Phù giả như đang đi tìm một vật chi đó. Xem có ai giàu bằng hay hơn ta chăng?

Nhóm Bàn môn ấy đi đến kinh thành Bhaddiya, trong thành Bhaddiya có Trưởng giả Meṇḍaka, trông thấy nhóm gia nhân ấy, hỏi rằng:

- Các ngươi đang đi tìm cái chi thế?

- Chúng tôi đi tìm một món đồ.

Trưởng giả trông thấy họ mang những viên gạch vàng, cán dù vàng và đôi dép vàng như thế, thì biết rằng: *"Những người nầy chẳng phải đi tìm vật chi khác lạ, họ đang tìm xem kẻ nào giàu hơn người đại phú gia này đây?"*.

Nghĩ như thế rồi, Trưởng giả Meṇḍaka nói rằng:

- Nầy các ông, các ông hãy quan sát phía sau nhà của tôi đi.

Phía sau nhà Trưởng giả Meṇḍaka, một khoảng đất trống rộng nơi đó nổi lên những con dê bằng vàng lớn như con voi, con bò mộng Usabha hay con ngựa, những con nầy đứng nối đuôi con kia chật cả 8 mẫu. Quan sát được tài sản của Trưởng giả Meṇḍaka rồi, nhóm Bàn Môn biết được rằng: Đây là người mà chúng ta muốn tìm, họ liền trở lại thành Takkasilā, trình lại với Trưởng giả Jāṭila rằng: *"Thưa ông! chúng tôi đã trở về".*

- Các ngươi có thấy ai giàu bằng hoặc hơn ta chăng?

- Thưa ông! Ông mà thấm vào đâu so với đại tài sản của Trưởng giả Meṇḍaka. Trong thành Baddiya có Trưởng giả tên là Meṇḍaka có tài sản còn nhiều hơn ông nữa kìa.

Rồi nhóm Bàn môn ấy thuật lại cho Trưởng giả Jāṭila nghe. Nghe được tin nầy, Trưởng giả Jāṭila phát sanh hoan hỷ rằng:

- Ta đã gặp được một gia đình đại phú rồi. Giờ đây, còn gia tộc nào giàu có hơn nữa chăng?

Trưởng giả Jāṭila giao cho nhóm Bàn Môn tấm vải Kambala trị giá trăm ngàn đồng vàng, bảo rằng:

- Các vị hãy đi tìm xem có gia tộc nào là bậc đại phú gia nữa chăng?

Nhóm Bàn môn lại ra đi, sau nhiều nơi du hành, nhóm Bàn môn đi đến kinh thành Rājagaha, họ đi lần đến gần lâu đài của Trưởng giả Jotika. Họ giả vờ đi tìm củi, nhóm lên bếp lửa, thị dân trông thấy họ, nên hỏi rằng:

- Các ông đang làm chi thế?

- Chúng tôi có tấm vải trị giá trăm ngàn đồng vàng, chúng tôi muốn bán nhưng chẳng có ai mua nổi. Nay chúng tôi phải lên đường, con đường nầy có nhiều bọn cướp trú. Chúng tôi sợ cướp nên đành phải đốt bỏ tấm vải ấy để khỏi có sự tai hại đến mình.

- Nếu thế, các ông hãy mang đến bán cho Trưởng giả Jotika đi. Nhóm Bàn Môn ấy tìm đến lâu đài của Trưởng giả Jotika, Trưởng giả Jotika hỏi rằng:

- Các ông đến có việc chi chăng?

Nhóm gia nhân bạch trình lại sự việc ấy, Trưởng giả hỏi rằng:

- Vải Kambala nầy trị giá là bao nhiêu?

- Thưa chủ, trăm ngàn đồng vàng.

Trưởng giả sai người giao cho họ trăm ngàn đồng vàng rồi nhờ họ rằng:

- Các ngươi hãy mang tấm vải nầy đến cho người nữ tỳ quét rác trước cổng lâu đài hộ tôi đi.

Nàng nữ tỳ nhận lãnh chiếc vải Kambala ấy, nàng khóc lên đi tìm Trưởng giả Jotika mà than khóc rằng:

- Thưa gia chủ, tôi có phạm lỗi chi, chủ hãy đánh nặng tôi đi, vì sao chủ lại cho tôi tấm vải thô xấu như vậy. Làm thế nào tôi có thể mặc hoặc đắp loại vải thô xấu như vậy được.

- Chẳng phải ta cho ngươi dùng để mặc hay đắp, ta cho ngươi để ngươi đặt gần giường, khi ngủ ngươi sẽ lau chân bằng vải đó vậy.

- Thưa chủ, nếu dùng để lau chân thì tôi có thể sử dụng được.

Nhóm Bàn Môn chứng kiến được sự kiện ấy, vô cùng kinh hoàng trước đại gia sản của Trưởng giả Jotika, nên trở về Takkasilā báo lại cho Trưởng giả Jāṭila biết. Trưởng giả Jāṭila hỏi:

- Các ngươi có gặp người nào có đại tài sản hơn nữa chăng?

- Thưa gia chủ! Gia sản của ông chẳng thấm vào đâu so với gia sản của Trưởng giả Jotika ở thành Rājagaha cả.

Rồi họ thuật lại câu chuyện được chứng kiến đến gia chủ Jāṭila. Nghe xong, tâm của Jāṭila vô cùng phấn khởi rằng:

- Bây giờ thì ta dễ dàng xuất gia rồi. Ta hãy đi xuất gia thôi.

Trưởng giả Jāṭila đi đến hoàng cung, tâu lên Đức vua nguyện vọng của mình rằng:

- Tâu Đại Vương! Thần muốn được xuất gia.

- Lành thay! Lành thay! Nầy Trưởng giả, hãy làm theo những gì ông cho là hợp thời.

Trưởng giả Jāṭila cho gọi ba người con đến, trao cho người con cả cái cuốc bằng vàng, nói rằng:

- Con hãy cuốc một ít vàng ở núi vàng cho cha đi.

Người con cả cầm cuốc vàng đi đến núi vàng để cuốc vàng, nhưng vàng trở nên cứng rắn như đá tảng, không thể cuốc được.

Trưởng giả Jāṭila lại giao cuốc đến cậu công tử thứ hai, cậu nầy cũng như vậy, không cuốc được vàng ở núi vàng đó. Tiếp đến, Trưởng gia Jātila giao cuốc đến cậu công tử thứ ba. Công tử cuốc vàng như ta cuốc vào trong đất vậy. Trưởng giả nói với công tử út rằng:

- Thôi được rồi! Nầy con, bao nhiêu đó được rồi.

Ông cho gọi ba người con lại bảo rằng:

- Núi vàng nầy không phải phát sanh cho hai con, mà là phát sanh cho cha và em út của hai con. Vậy hai con phải sống an vui với em của các con đi.

Hỏi rằng: Vì sao núi vàng chỉ phát sanh đến Jātila và người con út vậy? Tại sao Trưởng giả Jātila bị cuốn trôi sông?

Đáp rằng: Do tiền nghiệp của hai vị ấy. Được biết rằng: Vào thời quá khứ, khi đại chúng đang kiến tạo ngôi Bảo Tháp vàng của Đấng Thập Lực Kassapa, có một vị Thánh Vô Lậu đi đến, sau khi xem xét Bảo Tháp, hỏi:

- Nầy quý vị, tại sao không xây mặt tiền hướng Bắc của ngôi Bảo Tháp?

- Bạch Ngài! Vì không đủ vàng.

- Nếu thế, tôi sẽ đi vào làng mạc để kêu gọi, các ngươi hãy tùy hỷ phước thiện ấy đi.

Vị Thánh Vô Lậu đi vào thôn xóm, kêu gọi đại chúng rằng:

- Nầy quý vị thiện gia tử, mặt tiền hướng Bắc của ngôi Bảo Tháp Đấng Thập Lực còn đang thiếu vàng. Vậy quý vị hãy cùng nhau tạo phước đi.

Tuần tự, Ngài đi đến ngôi nhà của người thợ bạc, ông ta vừa mới cãi cọ với vợ xong, sự phẫn nộ còn đang tiềm ẩn trong tâm. Khi ấy vị Thánh Lậu Tận đi đến kêu gọi người thợ bạc rằng:

- Nầy gia chủ, vàng dùng kiến tạo Bảo Tháp của Đấng Thập Lực còn thiếu. Vậy ông hãy hùn phước đi.

Cơn giận còn đang ẩn náu trong tâm của y, nên y thốt lên rằng:

- Ngài hãy quăng bỏ Đức Đạo Sư của Ngài xuống sông đi.

Nghe ác trọng nghiệp khẩu như thế, vợ ông kinh hoàng nói:

- Nầy ông! Ông đã tạo một ác trọng nghiệp quá nặng rồi. Ông có sân hận mà đánh đập hay chửi mắng tôi thì ác nghiệp ấy vẫn còn nhẹ. Vì sao ông lại quăng Đức Đạo Sư xuống sông chứ? Tại sao ông lại xúc phạm đến chư Phật ba đời như thế?

Người thợ bạc nghe vợ nhắc nhở như thế, y kinh hoàng nói rằng:

- Bạch Ngài! Xin Ngài cho con được sám hối đi.

Y đảnh lễ dưới chân bậc Thánh Vô Lậu ấy. Ngài nói:

- Nầy thiện nam! Ông chẳng có lỗi lầm gì với ta cả, ông chỉ nên sám hối với Đức Đạo Sư mà thôi.

- Bạch Ngài! Con phải làm như thế nào để sám hối Đức Đạo Sư?

- Ông hãy làm ba bình bông để tôn trí Xá Lợi Phật, rồi mặc đồ ướt đẫm, tóc gội ướt đi đến sám hối với Ngài trước Xá Lợi Phật ấy.

- Thưa vâng! Bạch Ngài.

Người thợ bạc có ba người con, ông cho gọi các con đến, tỏ bày sự kiện ấy xong rồi, nói rằng:

- Nầy các con! Cha đã nói xúc phạm đến Đấng Thập Lực, nay cha phải làm ba bình hoa vàng để tôn trí Xá Lợi Đức Thế Tôn, và sẽ sám hối với Ngài. Vậy các con hãy giúp cha làm bình hoa vàng cho mau chóng đi.

Hai người con lớn của ông, nói rằng:

- Thưa cha! Chúng con không có bảo cha nói như thế. Ác nghiệp nầy của cha tạo ra, vậy cha hãy làm bình hoa vàng để chuộc lỗi cho được tốt đẹp hơn.

Riêng người con út suy nghĩ rằng:

- Lẽ thường phận sự của cha cũng là trách nhiệm của con vậy.

Y hoan hỷ cùng cha làm thành ba bình hoa vàng khoảng một gang tay để tôn trí Xá Lợi Đức Thế Tôn nơi ấy. Rồi ông thợ bạc mặc đồ đẫm ướt, tóc đẫm ướt nước, đến trước Xá Lợi Phật mà sám hối. Nhưng quả còn dư sót lại, khiến cho nàng tiểu thư sanh con ra, gọi nữ tỳ đem quăng hài tử xuống sông như vậy.

Hai người con lớn vì không có tâm hoan hỷ làm bình hoa vàng nên núi vàng không phát sanh đến cho hai người con lớn ấy. Mà núi vàng chỉ phát sanh đến Jāṭila cùng người con út, do vì cậu hoan hỷ cùng với cha làm ba bình hoa vàng như vậy.

Trưởng giả Jāṭila sau khi giáo giới con xong rồi, ông tìm đến Tịnh xá Jetavana xin được xuất gia với Đức Thế Tôn. Sau khi xuất gia, Ngài tinh cần hành Sa môn pháp nên chẳng bao lâu chứng đạt A La Hán Quả.

Thời gian sau, Đức Thế Tôn cùng đại chúng Tỳ khưu du hành đến xứ Takkasilā, Ngài cùng với 500 vị Tỳ khưu ngự đến tư thất của ba người con Trưởng Lão Jāṭila để nhận lấy vật thực. Các vị công tử cúng dường vật thực đến chư Tăng có Đức Phật là vị tọa chủ suốt cả nửa tháng.

Một hôm, chư Tỳ khưu bàn luận trong giảng đường rằng:

- Nầy Hiền giả Jāṭila! Giờ đây Hiền giả còn luyến ái núi vàng cao 80 hắc tay ấy chăng?

- Thưa chư Hiền! Tôi không còn ái luyến cùng với sự ngã mạn đối với núi vàng ấy nữa.

Chư Tỳ khưu cho rằng: *"Tỳ khưu Jāṭila khoe pháp thượng nhân, nói lời không thật, tự cho mình là bậc A La Hán".*

Chư Tỳ khưu trình bạch lên Đức Thế Tôn vấn đề nầy, Ngài dạy rằng:

- *"Nầy các Tỳ khưu! Vì ái và mạn đối với núi vàng hay các con mình, con Như Lai đã đoạn tận cả rồi".*

Rồi Đức Thế Tôn dạy lên kệ ngôn rằng:

"Ai ở đời đoạn ái. Bỏ nhà sống xuất gia. Ái hữu được đoạn tận. Ta gọi Bà-la-môn".

CHÚ GIẢI:

Nên hiểu kệ ngôn nầy như vậy:

Người đã đoạn tận ái và kiến diễn tiến theo năng lực 6 môn, là bậc sống vô gia cư, tức là đã khước từ đời sống tại gia. Ta gọi người đã trừ tuyệt ái và hữu như thế là Bà la môn.

Dứt Pháp thoại, nhiều người chứng đạt Thánh Quả như Dự Lưu...

☸

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO LĀṬILA

ꕥ☸ꕥ

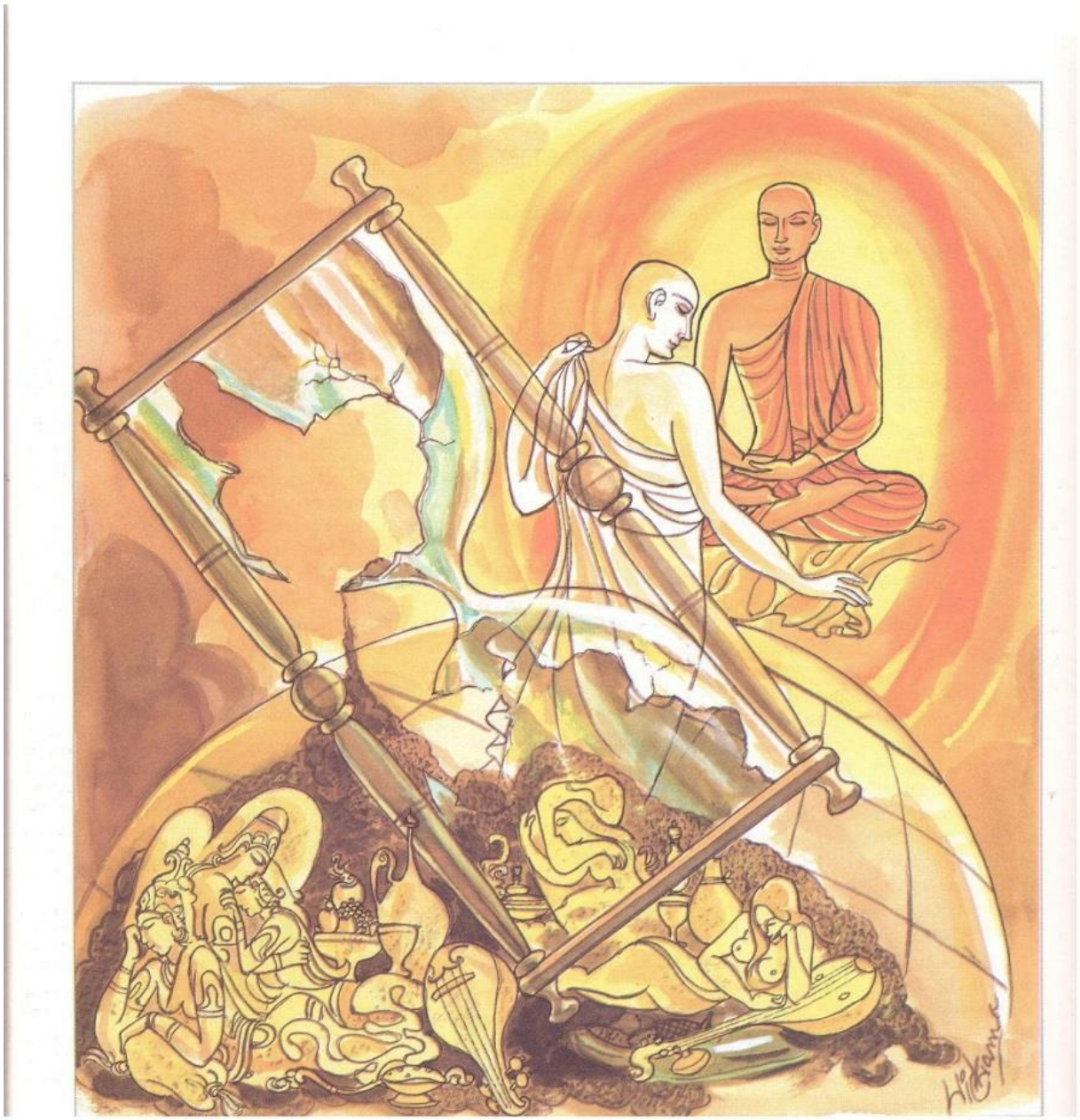

417. Bỏ trói buộc nhân gian. Dứt buộc ràng thiên thượng. Vượt thoát mọi lụy vướng. Ta gọi Bà la môn.

XXVI.35- CHUYỆN VỊ TỲ KHƯU KHIÊU VŨ (THỨ NHẤT)

(Dutiyanaṭapubbaka)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 418)

"Hitvā mānusakaṃ yogaṃ	***"Bỏ trói buộc loài người***
Dibbaṃ yogaṃ upaccagā	***Vượt trói buộc cõi trời.***
Sabbayogavisaṃyuttaṃ	***Giải thoát mọi buộc ràng***
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ".	***Ta gọi Bà-la-môn".***

Đức Thế Tôn trú tại Veḷuvana, nhân đề cập đến vị Tỳ khưu đã từng khiêu vũ, thuyết lên kệ ngôn nầy.

Tương truyền rằng: Có một thiện gia tử từng sinh sống bằng nghề khiêu vũ, một hôm y theo đại chúng đến Tịnh xá nghe pháp của Đức Thế Tôn, nhàm chán đời sống thế tục, y xuất gia, tinh cần hành đạo chẳng bao lâu chứng đạt quả vị Vô Lậu.

Một hôm, vị ấy cùng với đại chúng Tỳ khưu có Đức Phật là vị Thượng thủ đi vào làng khất thực, chư Tỳ khưu thấy con một người khiêu vũ khác đang biểu diễn nghệ thuật nhảy múa, nên hỏi rằng:

- Nầy Hiền giả! Con của người khiêu vũ đang biểu diễn những trò mà Hiền giả từng biểu diễn. Vậy Hiền giả có còn thỏa thích với nghệ thuật đó nữa chăng?

- Thưa chư Hiền! Tôi không còn thỏa thích nữa.

Chư Tỳ khưu nói với nhau rằng:

- Nầy chư Hiền, vị Tỳ khưu nầy nói không thật, tự cho mình là vị A La Hán.

Đức Thế Tôn nghe được những lời bàn tán ấy, Ngài phán dạy rằng:

- Nầy chư Tỳ khưu! Con Như Lai đã vượt khỏi mọi phiền não rồi.

Sau đó, Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Bỏ trói buộc loài người. Vượt trói buộc cõi trời. Giải thoát mọi buộc ràng. Ta gọi Bà-la-môn".

☸

CHÚ GIẢI:

Mānusakaṃ yogaṃ: là tuổi thọ mà năm dục tăng trưởng của loài người. Cả sự trói buộc cảnh trời cũng vậy.

Upaccagā: là người nào đã vượt khỏi trói buộc của loài người và trói buộc của cảnh trời, đã thoát ly cả bốn điều trói buộc, người ấy Như Lai gọi là Bà la môn.

Dứt Pháp thoại, nhiều người chứng đạt đạo quả như Dự Lưu...

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Xưa dẫu làm nghề nhảy múa chơi,
Nay thành La Hán hết theo đời,
Thấy người khiêu vũ, tâm không thích,
Nói thật mà Tăng chẳng nhận lời,
Phật rằng: Bỏ ghét cảnh độc cư,
Dục lạc không ưa, ô nhiễm trừ,
Ta gọi Bà la môn chính thống,
Anh hùng cái thế, thắng vô dư.

DỨT TÍCH VỊ TỲ KHƯU KHIÊU VŨ

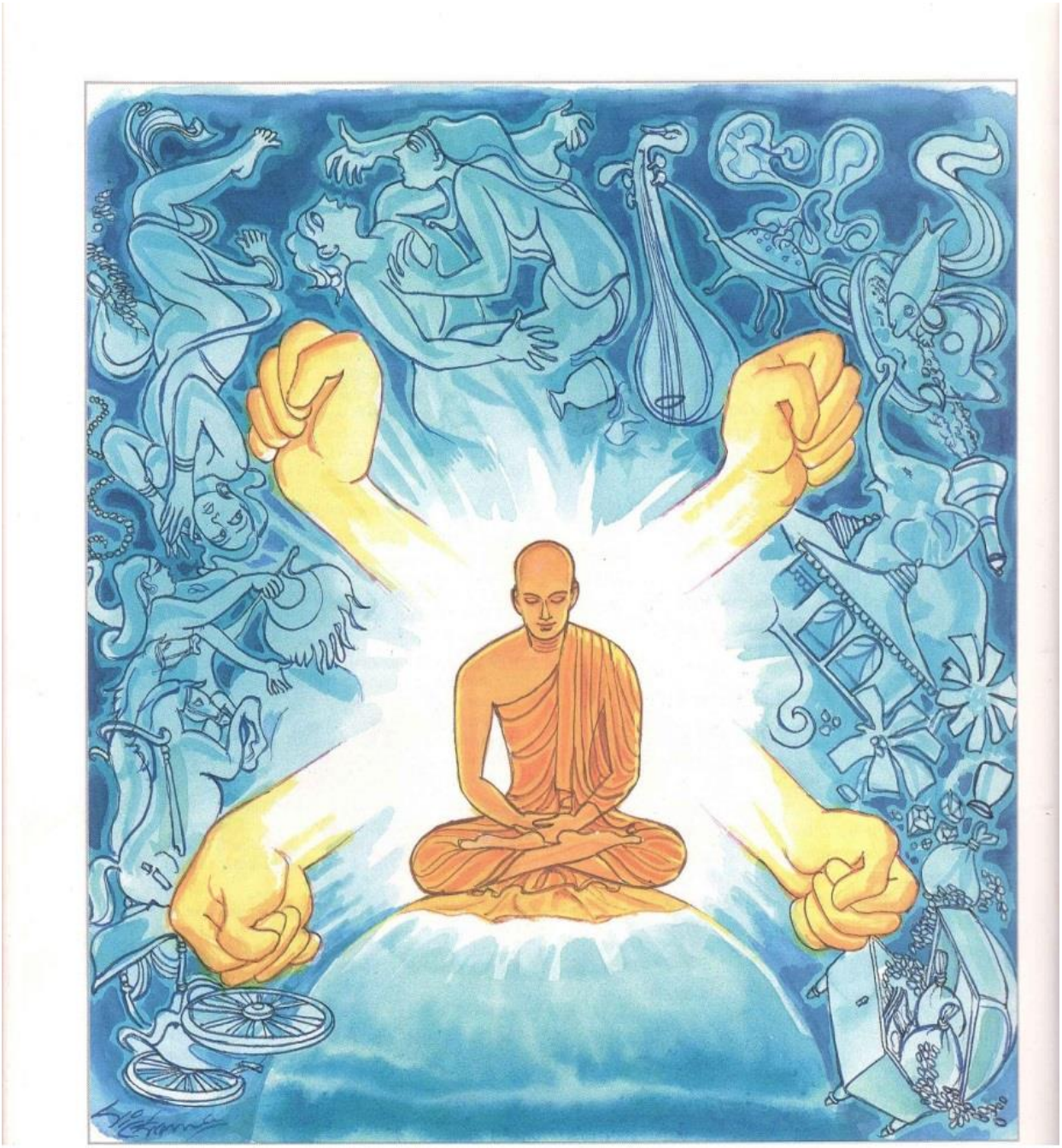

418. Từ bỏ niệm ưa ghét. Thanh lương, không nhiễm ô.
Quyết nhiếp nhục thế giới. Ta gọi Bà la môn.

XXVI.36- CHUYỆN VỊ TỲ KHƯU KHIÊU VŨ (THỨ HAI)

(Vaṇgīsatthera)

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 419)

"Hitvā ratiṃ ca aratiṃ	***"Bỏ điều ưa điều ghét***
Ca sītibhūtaṃ nirūpadhiṃ	***Mát lạnh diệt sanh y***
Sabbalokābhibhuṃ viraṃ	***Bậc anh hùng chiến thắng***
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ".	***Nhiếp nhục mọi thế giới***
	Ta gọi Bà-la-môn".

Kệ ngôn nầy được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài trú tại Veḷuvana, đề cập đến vị Tỳ khưu từng khiêu vũ.

Câu chuyện nầy cũng tương tự như câu chuyện trước, nhưng ở đây Đức Thế Tôn phán dạy rằng:

- Nầy chư Tỳ khưu! Con Như Lai đã từ bỏ thương và ghét, đã thệ nhập bất tử.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Bỏ điều ưa điều ghét. Mát lạnh diệt sanh y. Bậc anh hùng chiến thắng. Nhiếp phục mọi thế giới. Ta gọi Bà-la-môn".

CHÚ GIẢI:

Ratiṃ: là thương yêu, là thỏa thích trong dục.

Aratiṃ: là không ưa đời sống trong rừng, đời sống tịch mặc ẩn cư.

Sītibhūtaṃ: tức là đã dập tắt.

Sirūpadhiṃ: là không còn phiền não.

Viraṃ: là người đã chinh phục mọi thế giới, uẩn và đã thể nhập. Bậc anh hùng, chiến thắng ở đời, người ấy Như Lai gọi là Bà la môn.

☸

DỨT TÍCH TỲ KHƯU KHIÊU VŨ

☙☸❧

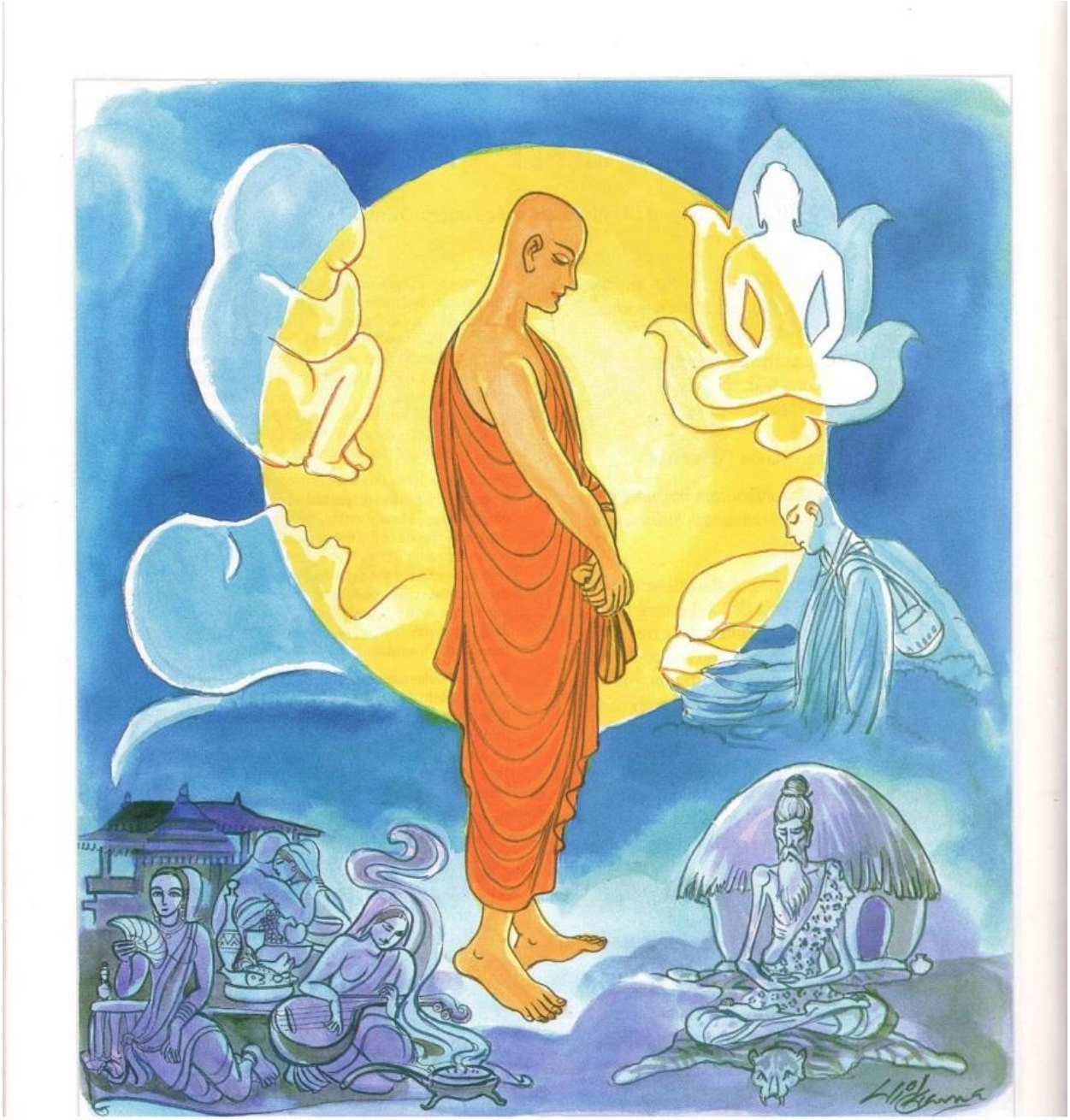

419. Lễ tử của chúng sanh. Hiểu rõ, không chấp trước. Tự giác ngộ, siêu vượt. Ta gọi Bà La môn.

XXVI.37- TRƯỞNG LÃO VAṄGĪSA

❁

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 420)

419. "Cutiṃ yo vedi sattānaṃ	***"Ai hiểu rõ hoàn toàn***
Upapattiṃ ca sabbaso	***Sanh tử các chúng sanh***
Asattaṃ sugataṃ buddhaṃ	***Không nhiễm khéo vượt qua***
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ".	***Sáng suốt chân giác ngộ***
	Ta gọi Bà-la-môn".
420. "Yassa gatiṃ na jānanti	***"Với ai loài trời người***
Devā gandhabbamānusā	***Cùng với Càn thát bà***
Khīṇāsavaṃ arahantaṃ	***Không biết chỗ thọ sanh***
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ".	***Lậu tận bậc La Hán.***
	Ta gọi Bà-la-môn".

Kệ ngôn nầy được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Trưởng lão Vaṅgīsa.

Tương truyền rằng: Có một vị Bà la môn tên là Vaṅgīsa ở thành Rājagaha, vị ấy có môn chú thuật là khi gã sờ vào sọ người chết, thì biết được rằng: *"Người nầy sanh vào địa ngục, sanh vào loài bàng sanh, sanh vào ngạ quỷ giới, sanh làm người hay chư thiên"*.

Nhóm Bàn môn suy nghĩ rằng:

- Chúng ta hãy nương nhờ vào vị Bàn môn nầy mà sinh sống, có thể sống được sung mãn.

Nhóm Bàn môn ấy cho Vaṅgīsa ngồi lên trên cỗ xe, mặc chiếc áo đỏ, đưa vị ấy đi khắp thôn trang, làng mạc, châu quận thị tứ rao giảng với chúng dân rằng:

- Bà la môn Vaṅgīsa nầy gõ vào sọ người chết, có thể biết được sanh thú của người ấy. Các ngươi hãy đến để biết nơi thọ sanh của thân tộc mình đi.

Tùy theo sức mình, đại chúng đã cho nhóm ấy 10 đồng, 20 đồng, 50 đồng, 100 đồng hay ngàn đồng... và hỏi thăm sanh thú của thân tộc.

Nhóm Bàn môn ấy trải qua khắp châu quận rồi đi lần đến kinh thành Sāvatthī, dừng lại nghỉ ở giữa khoảng đường kinh thành và Tịnh xá Jetavana. Nhóm Bàn môn thấy đại chúng trong thành Sāvatthī vào buổi chiều tay cầm hương hoa cùng thuốc trị bịnh đi đến Tịnh xá cúng dường và nghe Pháp, đã hỏi thăm rằng:

- Các vị đi đâu thế?

- Chúng tôi đến Tịnh xá nghe Pháp nơi Đức Thế Tôn.

- Các ngươi đến đó có lợi ích chi, chẳng có ai bằng vị Bà la môn của chúng tôi cả. Đó là Vaṅgīsa, vị ấy gõ vào sọ người chết có thể biết được sanh thú của người đó. Các người hãy tìm biết sanh thú của thân tộc mình đi.

- Vị Bà la môn Vaṅgīsa của các ông làm thế nào có thể so sánh với Đức Thế Tôn chứ.

- Nầy các người, không ai bằng vị Bàn môn Vaṅgīsa của chúng tôi đâu.

Hai nhóm tranh luận cùng nhau, sau cùng đồng ý với nhau rằng:

- Chúng ta hãy đến Tịnh xá thử xem Đức Thế Tôn và Vaṅgīsa, ai tối thắng hơn.

Từ nơi Tịnh xá, với Phật Trí Đức Thế Tôn biết được duyên lành của Vaṅgīsa. Ngài cho người mang vào Tịnh xá 5 cái sọ người, trong đó gồm bốn sọ còn tái sanh và một sọ của vị Thánh Lậu Tận.

Ngài cho sắp thứ tự sanh thú từ địa ngục, bàng sanh, nhân loại, chư thiên và dứt luân hồi. Khi Vaṅgīsa đến, Ngài phán hỏi rằng:

- Nầy Vaṅgīsa, được biết rằng ngươi gõ nhẹ vào sọ người chết thì biết được sanh thú của người ấy phải chăng?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Vậy người này tái sanh về đâu?

- Vào địa ngục, bạch Thế Tôn.

Tiếp theo Bà la môn Vaṅgīsa đều đáp được sọ của người đang tái sanh vào bàng sanh, vào nhân giới, vào thiên giới. Nhưng khi chạm vào sọ của Bậc Thánh Vô Lậu thì y không tìm thấy sanh y của vị ấy. Bây giờ, Đức Thế Tôn phán hỏi rằng:

- Nầy Vaṅgīsa! Ngươi có biết sanh y của người nầy chăng?

- Bạch ThếTôn! Con không biết. Ngài có biết chăng?

- Nầy Vaṅgīsa ta biết.

- Ngài biết bằng cách nào?

- Ta biết bằng bí thuật.

- Bạch Thế Tôn! Xin Ngài hãy dạy bí thuật ấy cho con.

- Ta không thể dạy cho người chưa xuất gia được.

Vaṅgīsa nghĩ thầm rằng: *"Khi ta học được chú thuật nầy rồi, ta sẽ làm người tối thắng trên cõi Diêm Phù nầy"*. Y liền nói với nhóm Bàn môn rằng:

- Các vị hãy đợi tôi đôi ba ngày, khi tôi học thành môn chú thuật nầy rồi, chúng ta sẽ ra đi thôi.

Vaṅgīsa xuất gia với Đức Thế Tôn, Bậc Đạo Sư dạy về 32 thể trược quán tưởng, Ngài quán rằng:

- Người hãy trì tụng chú thuật nầy đi.

Trong khi Vaṅgīsa đang trì tụng, quán tưởng thì nhóm Bàn môn đi đến hỏi rằng:

- Ông đã học bí thuật xong chưa?

- Các người hãy chờ đợi thêm đôi ba ngày nữa, tôi đang học đây.

Chỉ vài ngày sau, Tỳ khưu Vaṅgīsa chứng đắc quả vị Lậu Tận, trở thành Thánh A La Hán. Khi nhóm Bàn môn ấy đến hỏi thì Ngài trả lời rằng:

- Nầy các chiến hữu! Giờ đây tôi chẳng còn việc gì mà phải đi nữa.

Chư Tỳ khưu nghe được lời nầy, trình lên Đức Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Tỳ khưu Vaṅgīsa nói không thật, tuyên bố mình là vị Thánh A La Hán.

- Nầy các Tỳ khưu! Các ngươi chớ nên nói như thế, con Như Lai đã thấu triệt sự sanh diệt rồi.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Ai hiểu rõ hoàn toàn. Sanh tử các chúng sanh. Không nhiễm khéo vượt qua. Sáng suốt chân giác ngộ. Ta gọi Bà-la- môn".

"Với ai loài trời người. Cùng với Càn thát bà. Không biết chỗ thọ sanh. Lậu tận bậc La hán. Ta gọi Bà-la-môn".

☸

<u>CHÚ GIẢI:</u>

Yo vedi...: là người biết rõ sự sanh diệt của chúng sanh thông suốt.

Câu nói: "không nhiễm" nghĩa là không dính mắc.

"Khéo vượt qua" là khéo thực hành.

"Người sáng suốt" là biết rõ Tứ Diệu Đế, người ấy Như lai gọi là Bà la môn.

Yassa...: là người nào mà chư thiên... không biết chỗ thọ sanh. "Đã đoạn tận lậu hoặc" nghĩa là đã chấm dứt lậu hoặc.

"Đã thoát ly phiền não" nghĩa là đã tách rời khỏi các phiền não. Người ấy Như Lai gọi là Bà la môn.

Dứt kệ ngôn nhiều chúng sanh chứng đạt Thánh Quả...

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Rờ đầu người chết, biết thật rằng,
Địa ngục, nhân thiên giới, súc sanh,
Tưởng chẳng ai bằng Oăng Ghi Xá,
Thông về tử lộ của nhân sanh,
Vào so tài với Đức Bổn Sư,
Chẳng thấu đường về cõi vô dư,
Chịu phép xuất gia tìm mật chú,
Đắc La Hán Quả, rõ chân như.
Phật dạy: Hiểu nguồn gốc tử sanh,
An tường Tứ đế, chứng vô sanh,
Không còn luyến ái nơi trần tục,
Đó chính Bà la môn xứng danh,
Hoặc người mà cảnh giới tái sanh,
Chư thiên, nhân loại chẳng ai rành,
Người không phiền não, thành vô lậu,
Đó cũng Bà la môn xứng danh.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO VAṄGĪSA

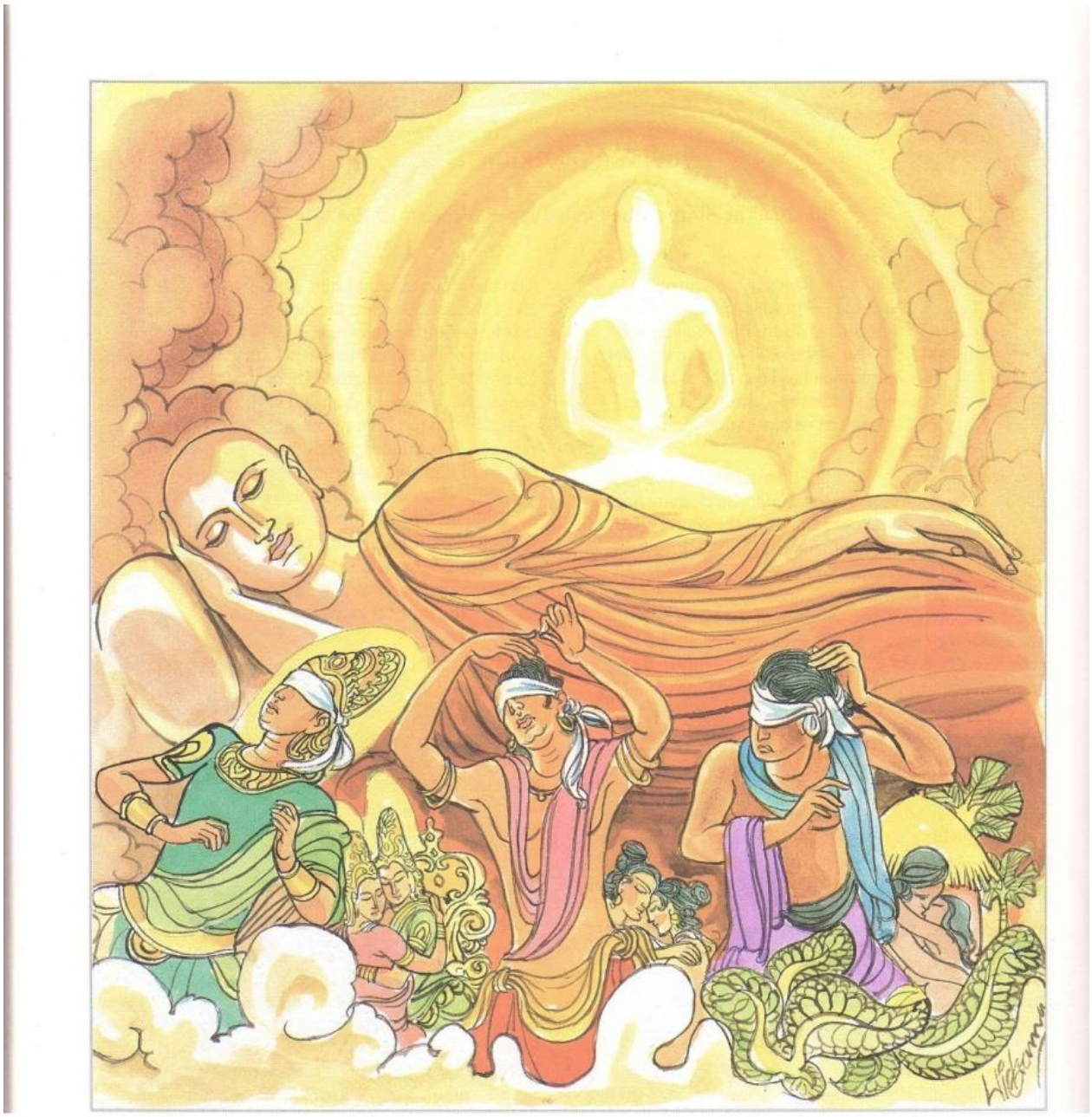

420. Trời người, Càn thát bà. Không nhận ra số kiếp. Bậc La hán lậu diệt. Ta gọi Bà la môn.

XXVI.38- TRƯỞNG LÃO NI DHAMMADINNĀ

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 421)

"Yassa pure ca pacchā ca	***"Ai quá hiện vị lai***
Majjhe ca natthi kiñcanaṃ	***Không một sở hữu gì***
Akiñcanaṃ anādānaṃ	***Không sỡ hữu không nắm***
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ".	***Ta gọi Bà-la-môn".***

Đức Thế Tôn trú tại Veḷuvana, đề cập đến Trưởng lão ni Dhammadinnā, Ngài thuyết lên Pháp thoại nầy.

Tương truyền rằng: Một ngày nọ, nàng Dhammadinnā còn tại gia cư sĩ, chồng nàng là cận sự nam Visākha. Vị ấy nghe được Pháp từ Đức Thế Tôn, chứng đạt quả A Na Hàm, có sự suy nghĩ rằng:

"Giờ đây, ta nên giao tài sản nầy đến cho Dhammadinnā mới phải".

Trước đây, khi Visākha đi đâu về, nhìn thấy nàng Dhammadinnā nơi cửa sổ thường mỉm cười với nàng, nhưng hôm ấy Visākha không màng nhìn nàng Dhammadinnā như lệ thường, mà đi thẳng vào phòng để nghỉ. Nàng Dhammadinnā suy nghĩ rằng: *"Chắc có chuyện gì đây? Ta hãy tạm gác qua, rồi sẽ hỏi chàng sau, khi đến giờ chàng thọ thực".*

Nàng Dhammadinnā chuẩn bị vật thực thượng vị cho chồng. Những ngày trước, cận sự nam Visākha thường bảo rằng:

- *"Hãy đến đây, chúng ta hãy cùng nhau dùng cơm".* Nhưng hôm nay, Visākha vẫn yên lặng dùng vật thực một mình. Nàng Dhammadinnā suy nghĩ rằng: *"Chắc chồng ta đã giận ta do một lý do nào đây?".* Rồi khi thọ thực xong, Visākha gọi nàng đến nói rằng:

- Nầy Dhammadinnā, tất cả gia sản trong nhà nầy, nàng hãy giữ lấy tất cả đi.

Nàng Dhammadinnā suy nghĩ rằng:

- Lẽ thường, người giận hờn người khác thì không thể giao tài sản cho người ấy đâu. Vậy chẳng hay do nhân duyên gì thế?

Nàng bèn hỏi chồng rằng: *"Còn anh thì sao?"*.

- Riêng ta giờ đây không còn mong muốn chi nữa.

Cận sự nam Visākha cho vợ biết rằng: Vì mình được nghe Pháp của Đức Thế Tôn, nhận chân được pháp Bất Tử rồi, không còn tha thiết chi với chuyện gia đình nữa, không còn mong mỏi dục lạc nữa.

- Vậy thì ai sẽ là người nhận lãnh bãi nước bọt mà anh đã nhổ ra chứ? Nếu anh cho phép, em xin được xuất gia trong Giáo Pháp của Đức Thế Tôn.

- Lành thay! Lành thay, nầy nàng.

Cận sự nam Visākha đưa Dhammadinnā đến trú xứ Tỳ khưu ni, tổ chức đại thí cúng dường đến chư Tỳ khưu rồi ông tổ chức lễ xuất gia cho nàng Dhammadinnā thật trọng thể. Khi nàng Thọ Cụ Túc giới, có tên là Trưởng lão Ni Dhammadinnā.

Muốn được thanh tịnh nơi thanh vắng để hành Sa môn Pháp, nàng Dhammadinnā cùng với chư Tỳ khưu ni đi đến thôn trang để trú. Nàng tinh cần hành đạo, chẳng bao lâu chứng đắc được A La Hán Quả cùng với Tuệ phân tích. Nàng trở về kinh thành Rājagaha với ý niệm rằng:

- Giờ đây thân tộc sẽ nương vào ta mà tạo phước thiện tốt đẹp cho mình.

Cận sự nam Visākha biết nàng Dhammadinnā trở về, ông có sự suy nghĩ rằng: *"Vì cớ nào Trưởng lão ni nay trở về nhỉ?"*.

Visākha đi đến trú xứ của chư Tỳ khưu ni, sau khi đảnh lễ chư Tỳ khưu ni rồi, đảnh lễ Dhammadinnā xong, cận sự nam Visākha suy nghĩ: *"Nếu ta hỏi: Thưa Tôn Ni! Tôn ni có còn ái luyến chi chăng? Thì thật không phải lẽ. Vậy ta sẽ đặt những câu hỏi để hỏi vị ấy và thăm dò sự tu tập của vị ấy"* .

Thế là, cận sự nam Visākha hỏi những câu hỏi liên quan đến Dự Lưu Quả. Nàng Dhammadinnā trả lời thông suốt, tiếp đến cận sự nam Visākha đặt những câu hỏi cao hơn. Và Trưởng lão ni Dhammadinnā đã trả lời thông suốt những câu hỏi ấy. Cuối cùng cận sự nam Visākha đã đặt một câu hỏi ngoài đề. Bấy giờ Trưởng lão ni Dhammadinnā dạy rằng:

- Nầy cận sự nam! Câu hỏi đã đi quá xa. Nếu muốn, Hiền giả hãy đến bạch trình lên Đức Thế Tôn về vấn đề nầy.

Cận sự nam Visākha đảnh lễ Trưởng lão ni Dhammadinnā, từ giã ra về, ông đi đến bạch trình lên Đức Thế Tôn cuộc đối đáp Đạo Pháp giữa mình và nàng Dhammadinnā ở Veḷuvana. Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nầy Visākha! Dhammadinnā, con gái Như Lai đã giải đáp đúng theo chân Pháp tất cả. Nếu ngươi hỏi Như Lai, Như Lai cũng chỉ trả lời như con gái của Như Lai mà thôi.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Ai quá hiện vị lai. Không một sở hữu gì. Không sở hữu không nắm. Ta gọi Bà-la-môn".

☸

<u>CHÚ GIẢI:</u>

Pure: là các uẩn thuộc về quá khứ.

Pacchā: là các uẩn thuộc về vị lai.

Majjhe: là các uẩn thuộc về hiện tại.

Natthi kiñcanaṃ...: nghĩa là người không còn sầu muộn, tức là sự chấp thủ trong ba loại ái.

"KHÔNG CHẤP THỦ" nghĩa là không nắm giữ cái chi cả. Người như thế, Như Lai gọi là Bà la môn.

Dứt Pháp thoại, nhiều người chứng đạt Thánh Sản...

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Chồng muốn xuất gia, chưa kịp đi,
Vợ đã sang ý, tự phân ly,
Tu thành La Hán, về quê cũ,
Để độ thân bằng có giới quy,
Ông Visākha đến thăm bà,
Bốn đạo Niết Bàn thử hỏi qua,
Bà giải, nhưng chưa phân tối hậu,
Khuyên ông nên hỏi Đức Phật Đà,
Phật khen: Pháp Thí có tài hay,
Ngũ trần ba đời chẳng đắm say,
Người chẳng chút gì mê chấp ấy,
Quả thật Bà la môn đức tài.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO NI DHAMMADINNĀ

☸

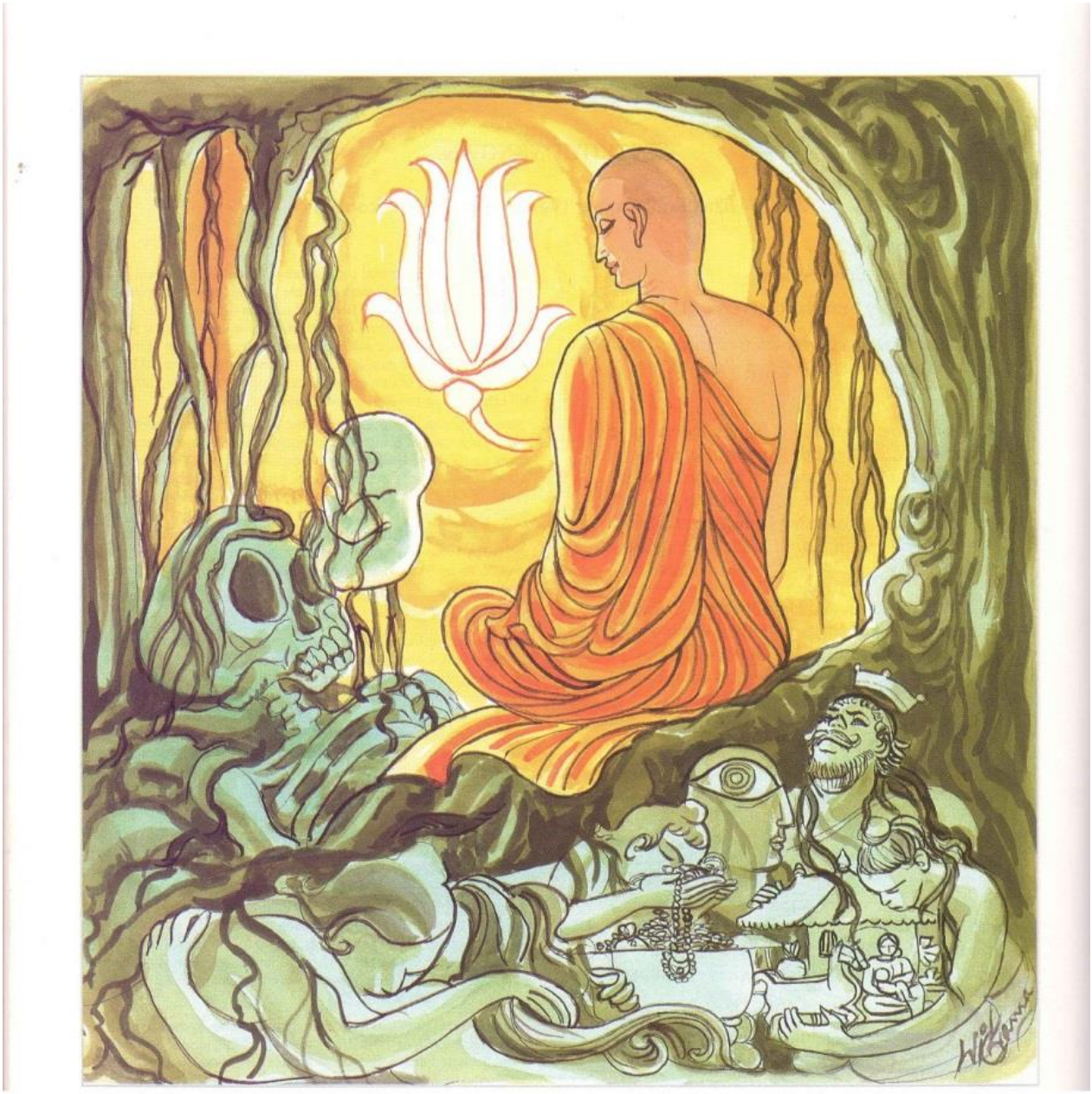

421. Ai quá-hiện-vị lai. Ngũ uẩn không bám trụ. Không cưu mang, chấp thủ. Ta gọi Bà la môn.

XXVI.39- TRƯỞNG LÃO ANGULIMĀLA

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 422)

"Usabhaṃ pavaraṃ viraṃ	***"Bậc trâu chúa thù thắng***
Mahesiṃ vijitāvinaṃ	***Bậc anh hùng đại sĩ***
Anejaṃ nhātakaṃ buddhaṃ	***Bậc chiến thắng không nhiễm***
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ".	***Bậc tẩy sạch giác ngộ***
	Ta gọi Bà-la-môn".

Kệ ngôn nầy Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Trưởng lão Angulimāla.

Chuyện nầy được giảng rộng trong kệ ngôn *"Na ve kadariyā..."* (PC. 177). Bấy giờ, chư Tỳ khưu ngồi lại giảng đường, bàn luận với nhau rằng:

- Nầy Hiền giả Angulimāla! Hiền giả thấy con tượng hung hăng cầm lọng đứng che sau lưng mình. Hiền giả có sợ chăng?

- Thưa chư Hiền, tôi không có sợ con tượng hung dữ ấy.

Chư Tỳ khưu cho rằng Trưởng Lão Angulimāla khoe Pháp Thượng nhân, nói lên lời không thật. Nên đem câu chuyện ấy bạch trình lên Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Hiền giả Angulimāla nói lời không đúng sự thật, tự cho mình có pháp Thượng nhân.

- Nầy các Tỳ khưu! Angulimāla, con của Như Lai hằng không còn sợ hãi nữa, vì rằng: Chư Tỳ khưu Vô Lậu dũng mãnh như thế nào, con Như Lai là một trong những người dũng mãnh ấy. Angulimāla đã dứt khỏi sự sợ hãi rồi.

Đức Thế Tôn nhân đó thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Bậc trâu chúa thù thắng. Bậc anh hùng đại sĩ. Bậc chiến thắng không nhiễm. Bậc tẩy sạch giác ngộ. Ta gọi Bà-la-môn.

☸

CHÚ GIẢI:

Nên hiểu ý nghĩa của kệ ngôn nầy như sau:

Người hùng dũng ví như Ngưu Vương không bao giờ biết sợ, không bao giờ run sợ.

THÙ THẮNG nghĩa là cao thượng.

CƯỜNG MẠNH nghĩa là can đảm.

NGƯỜI TÂM CẦU ĐẠI ÂN ĐỨC nghĩa là mưu cầu, mong tìm ân đức lớn như Giới uẩn, Định uẩn, Tuệ uẩn...

NGƯỜI CHIẾN THẮNG HOÀN TOÀN là tự mình đã chiến thắng tất cả loại ra (phiền não ma, pháp hành ma và ngũ uẩn ma).

NGƯỜI ĐÃ TẨY SẠCH là đã rửa sạch phiền não.

NGƯỜI ĐÃ GIÁC NGỘ là đã thấu triệt cả TỨ ĐẾ. Người ấy Như Lai gọi là Bà la môn.

Dứt Pháp thoại, nhiều người chứng đắc quả Thánh như Dự Lưu.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Tướng cướp lừng danh khi đã tu,
Sợ chi voi dữ đứng cầm dù?
Lời Sư Vô Não tuy chân thật,
Tăng chúng còn phàm chẳng tiếp thu,
Phật dạy: Là trâu chúa anh hùng,
Sang như đại sĩ ở thiên cung,
Luôn luôn giác tỉnh, không phiền não,
Ta gọi Bà la môn chính tông.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO ANGULIMĀLA

ꕥ☸ꕥ

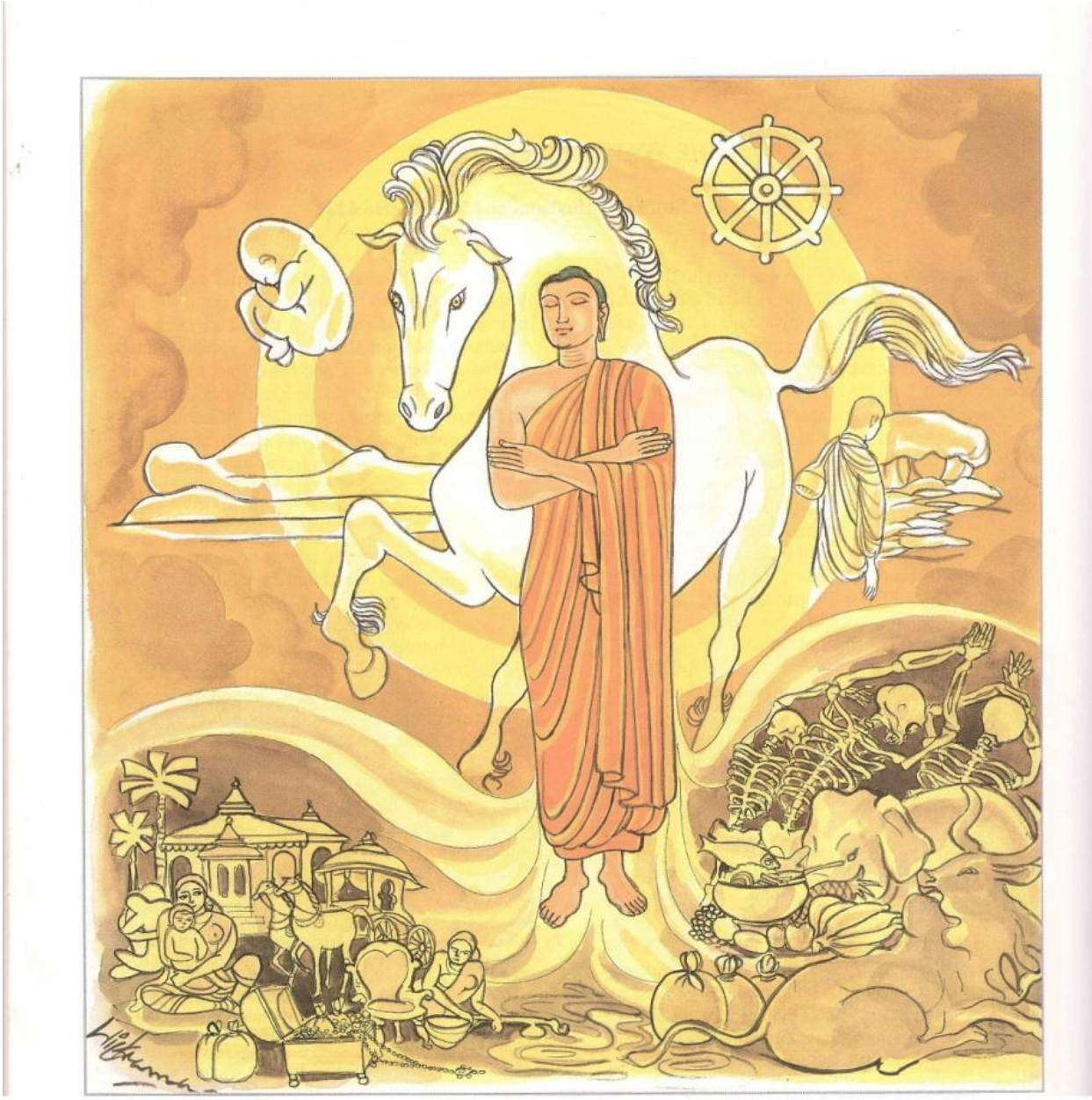

422. Bậc cao thượng, vô úy. Bậc anh hùng, đại sĩ. Bậc điều phục, vô tham. Bậc thanh tẩy, giác trí. Tất cả các bậc ấy. Ta gọi Bà la môn.

XXVI.40- BÀ LA MÔN DEVAHITA

☸

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 423)

"Pubbenivāsaṃ yo vedī	***"Ai biết được đời trước***
Saggāpāyañ ca passati	***Thấy thiên giới đạo xứ***
Atho jātikkhayaṃ patto	***Đạt được sanh đoạn diệt***
Abhiññā vosito muni	***Thắng trí tự viên thành***
Sabbavositavosānaṃ	***Bậc Mâu Ni Đại Sĩ***
Tam ahaṃ brūmi Brāhmaṇaṃ".	***Viên mãn mọi thành tựu***
	Ta gọi Bà La Môn".

Kệ ngôn nầy Đức Đạo Sư thuyết ra khi ngự tại Jetavana, đề cập đến câu hỏi của Bà la môn Devahita.

Tương truyền rằng: Có lần Đức Thế Tôn bị chứng bịnh cảm gió, Ngài phán dạy Trưởng lão Upavāna đến nhà Bà la môn Devahita xin nước nóng cho Ngài. Vị Trưởng lão đến nhà Bà la môn Devahita trình bày bịnh chứng của Đức Đạo Sư, rồi xin nước nóng mang về.

Bà la môn Devahita nghe vậy, khởi tâm hoan hỷ rằng:

- Đấng Chánh Đẳng Giác bảo Trưởng lão Upavāna đến nhà của ta để xin nước nóng. Thật là lợi đắc cho ta thay.

Y bảo gia nhân gánh nước nóng cùng với mía dâng lên Trưởng lão Upavāna.

Trưởng lão bảo nhóm gia nhân mang những thứ ấy về Tịnh xá Jetavana, thỉnh Đức Thế Tôn tắm, xong rồi Ngài pha nước mía với nước nóng dâng lên Đức Thế Tôn.

Khi dùng xong nước mía ấy, bịnh của Đức Thế Tôn dứt khỏi, Bà la môn Devahita suy nghĩ rằng:

- Giờ đây, ta nên cúng dường đến ai? Cúng dường đến vị nào có quả phước nhiều? Ta nên bạch hỏi Đức Đạo sư.

Bà la môn Devahita đi đến Tịnh xá, đảnh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, bạch hỏi rằng:

- Người nên cúng dường đến ai? Vật cúng dường đến người nào có quả phước nhiều? Sự cúng dường như thế nào sẽ được kết quả tốt đẹp?

- Nầy Bà la môn! Vật cúng dường mà người cúng dường đến Bà la môn như thế nầy mới có nhiều quả phước cao thượng.

Rồi Ngài thuyết giảng về tư cách thành tựu Bà la môn đến Bà la môn Devahita.

Tiếp theo Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Ai biết được đời trước. Thấy thiên giới đạo xứ. Đạt được sanh đoạn diệt. Thắng trí tự viên thành. Bậc Mâu Ni Đại Sĩ. Viên mãn mọi thành tựu. Ta gọi Bà La Môn".

☸

CHÚ GIẢI:

Nên hiểu ý nghĩa của kệ ngôn nầy như sau:

Người biết rõ các uẩn đời trước, thấy được 26 cõi Trời và bốn cõi đạo xứ bằng Thiên Nhãn và chứng đạt Vô Lậu quả, tức là đạt được sanh diệt tận. Thắng trí được viên thành tức là bằng cách thông suốt những pháp cần thông suốt, đoạn trừ những pháp cần đoạn trừ, chứng ngộ những pháp cần chứng ngộ tức là đắc chứng được Níp Bàn, tu chứng những pháp cần tu chứng.

Câu nói: *"Bậc Đại Sĩ Mâu Ni"* là người đã chứng đạt trạng thái của người giác ngộ bằng trí tuệ là nhân chấm dứt tất cả phiền não tức là A La Hán đạo tuệ.

Câu nói: *"Viên mãn mọi thành tựu"* nghĩa là đã hoàn thành Phạm hạnh, chấm dứt mọi phiền não do nhờ A La Hán đạo tuệ. Người ấy Như Lai gọi là Bà la môn.

Dứt Pháp thoại, nhiều người thành đạt Thánh Quả. Bà la môn Devahita phát tâm tịnh tín, quy y Tam Bảo, tự tuyên bố mình là người cận sự nam trọn đời.

☸

Dịch Giả Cẩn Đề

Phật xin nước nóng của Bàn môn,
Tiện dịp thấy quen, hỏi Thế Tôn,
Dâng cúng hàng nào nhiều phước lớn?
Hạng nào đáng được kính sùng hơn?
Phật dạy: Ai thông kiếp trước mình,
Thiên đường, địa ngục, thảy phân minh,
Tục sinh đã diệt, tâm toàn thiện,
Ta gọi Bà la môn chính danh!...

DỨT TÍCH BÀ LA MÔN DEVAHITA

☸

DỨT PHẨM BÀ LA MÔN – TAṆHĀ VAGGA
DỨT PHẨM 26

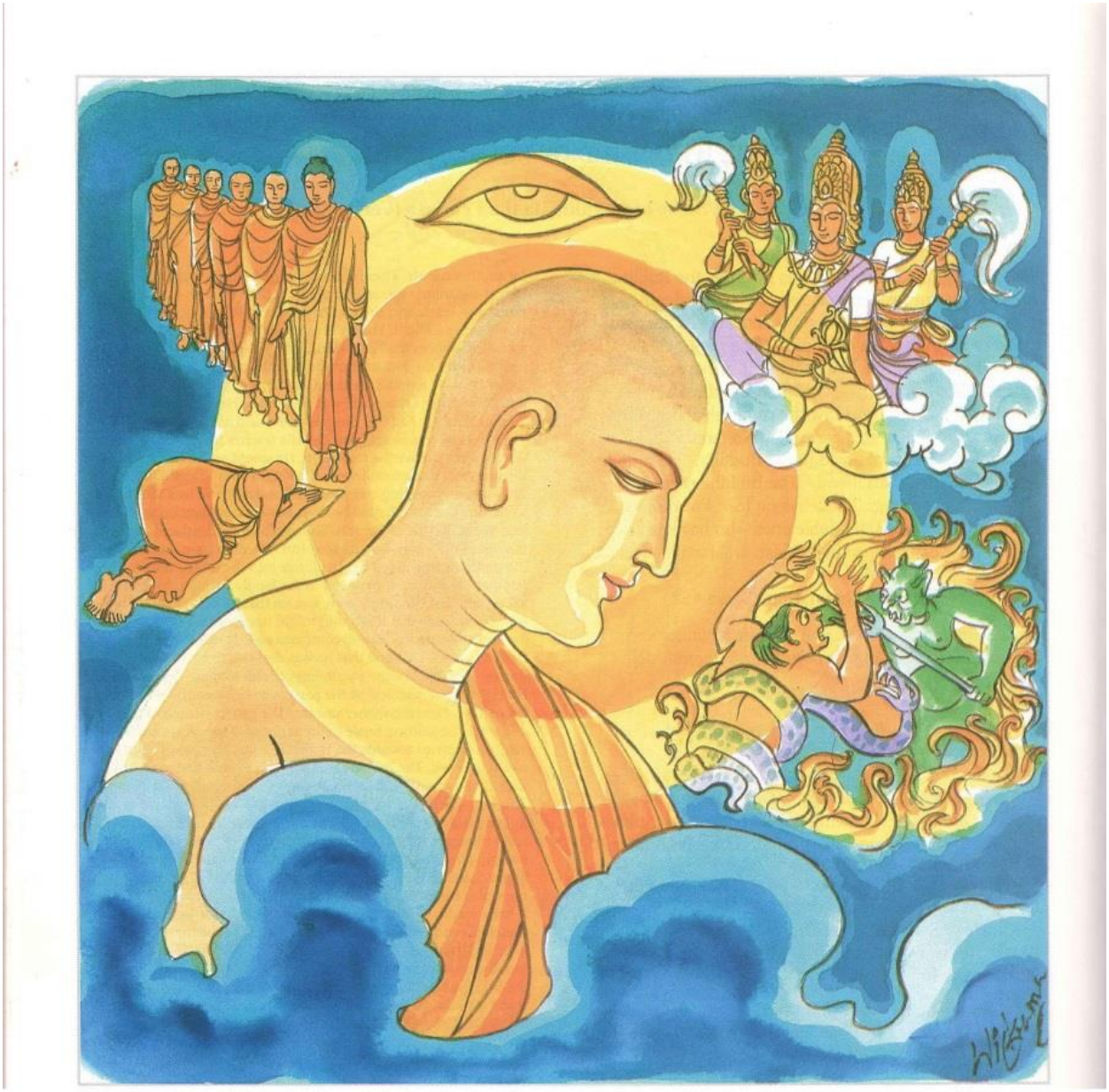

423. Ai biết được đời trước. Thấy thiên giới đạo xứ. Đạt được sanh đoạn diệt. Thắng trí tự viên thành. Bậc Mâu Ni Đại Sĩ. Viên mãn mọi thành tựu. Ta gọi Bà La Môn